

# HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 - 2023)  
KHỞI NGUỒN VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

(TÀI LIỆU PHỤC VỤ TẠI HỘI THẢO)

HÀ NỘI, NGÀY 27 THÁNG 02 NĂM 2023

dương, gây dựng một nền văn hóa xã hội ở khắp Đông-dương.

Ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa mới Việt-nam trong giai đoạn này;

a) Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa V. N. phát triển độc lập).

b) Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phần lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

c) Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thẳng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, triết trung, lập dị, thần bí, duy tâm v. v.. Nhưng đồng thời cũng phải khoa học hóa (qua trình của học Tô-rốt-kit.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 - NỀN TẢNG LÝ LUẬN VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN HÙNG\*

Cách đây 80 năm, vào tháng 2/1943, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*<sup>1</sup>, một văn kiện quan trọng do Tổng Bí thư Trường Chinh chấp bút soạn thảo. Ra đời trong bối cảnh của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Đề cương là cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta về văn hóa, xác lập văn hóa là một trong ba mặt trận (chính trị, kinh tế, văn hóa). Thời điểm và bối cảnh ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã cho thấy tư duy, tầm nhìn và sự quan tâm sâu sắc của Đảng ta trong phát triển văn hóa. Từ điểm khởi nguồn này, trải qua tiến trình lịch sử với rất nhiều biến động, việc phát triển các giá trị mang tính cương lĩnh của Đề cương vẫn giữ nguyên sức sống và có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Vì vậy, ngày hôm nay, tại Hội thảo quan trọng này, chúng ta sẽ cùng nhìn lại và khẳng định nền tảng lý luận, giá trị, nguyên tắc cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, từ đó tìm ra những định hướng, giải pháp góp phần khơi dậy khát vọng cống hiến, tạo động lực chấn hưng văn hóa, phát triển toàn diện con người Việt Nam trong bối cảnh mới nhằm hiện thực hóa Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, triển khai có hiệu quả Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc

---

\* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1. Trong một số trường hợp chúng tôi gọi tắt là Đề cương.

năm 2021 và cụ thể hóa lộ trình triển khai Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

### 1. Giá trị lý luận của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”

Ngay trong phần mở đầu, với việc xác định rõ phạm vi và nội hàm của văn hóa bao gồm ba thành tố cơ bản là *tư tưởng, học thuật và nghệ thuật*, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* thể hiện tư duy mạch lạc và sự tiến bộ vượt thời đại trong bối cảnh xã hội Việt Nam vào thập niên 40 của thế kỷ XX. Không dừng lại ở đó, trên cơ sở vận dụng phương pháp luận mácxít, *Đề cương* còn khẳng định tính tất yếu của mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố cơ bản của văn hóa cũng như giữa văn hóa với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trong khi các hoạt động về tư tưởng, học thuật và nghệ thuật thẩm thấu, bổ sung, chi phối lẫn nhau để tạo nên tổng thể nền văn hóa dân tộc thì toàn bộ nền văn hóa đó cũng chính là một “mặt trận”, có mối quan hệ ngang hàng, hữu cơ, mật thiết với mặt trận kinh tế và chính trị.

Luận điểm “văn hóa là một mặt trận” được coi là tuyên ngôn của Đảng về sứ mệnh và vị thế của văn hóa, đồng thời cũng thể hiện tầm nhìn và cách tiếp cận tổng thể của Đảng ta đối với việc giải quyết các yêu cầu và mục tiêu lớn của đất nước. Trong bối cảnh lịch sử đương thời, luận điểm này là cơ sở quan trọng để tập hợp, phát huy sức mạnh quần chúng và giới trí thức, kiến tạo nền tảng và nguồn sức mạnh tinh thần cùng với các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, góp phần phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Từ nhận thức căn bản này, đối với yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước theo mô hình xã hội chủ nghĩa, *Đề cương* khẳng định mặt trận văn hóa sẽ tiếp tục phát huy vai trò then chốt của mình thông qua cuộc cách mạng văn hóa với ba nguyên tắc vận động căn bản, gồm: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Ngoài mối quan hệ khăng khít, hữu cơ với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, nền văn hóa mới mà *Đề cương* xác lập còn thể hiện giá trị lý luận cấp tiến khi đặt con người ở vị trí trung tâm. Vị thế của con người trước hết nằm ở vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác văn hóa, văn nghệ. Quan trọng hơn nữa, con người, hay nói chính xác hơn là quần chúng nhân dân,

chính là chủ thể của văn hóa, là lực lượng sáng tạo, trao truyền, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa. Nền văn hóa mới mà Đảng ta hướng tới chính là *nền văn hóa thuộc về nhân dân và do nhân dân xây dựng, phát triển vì cuộc sống lành mạnh, phong phú của nhân dân.*

Tiếp đó, từ góc nhìn của chủ nghĩa Mác, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* coi văn hóa như một lĩnh vực không ngừng biến đổi, với sự nối tiếp liên tục từ quá khứ, đến hiện tại và tương lai. Văn hóa hình thành và phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của con người. Văn hóa bám rễ vào cội nguồn lịch sử và không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để bồi đắp và làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc. Các giá trị văn hóa, ngay cả giá trị truyền thống cũng không tồn tại một cách bất biến mà không ngừng được bổ sung và tái định hình để phù hợp với cuộc sống đang diễn ra. Việc lựa chọn các giá trị phù hợp để kế thừa dựa trên tinh thần khách quan và tư duy phê phán là một yêu cầu quan trọng đối với phát triển văn hóa. Thái độ khoa học, tiến bộ này của *Đề cương* cung cấp cho chúng ta một nền tảng lý luận quan trọng về động năng và tính kế thừa của văn hóa.

Với những tư tưởng, quan điểm ngắn gọn, súc tích trên đây, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* “xứng đáng là một văn kiện đặt nền móng, mở đường cho việc xây dựng lý luận văn hóa cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup>. Ba năm sau ngày *Đề cương* ra đời, từ điểm tựa lý luận của văn kiện này, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất khai mạc vào ngày 24/11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh hơn nữa vai trò định hướng, dẫn dắt của văn hóa đối với sự phát triển của đất nước, dân tộc thông qua lời khẳng định: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Kể từ thời điểm này cho đến năm 1975, đường lối văn hóa kháng chiến - kiến quốc dần hình thành và hoàn thiện dựa trên nền tảng căn bản mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã đề ra.

Trong công cuộc xây dựng đất nước sau ngày giải phóng, đặc biệt kể từ khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới, nhận thức của Đảng về vai trò,

---

1. Phạm Quang Nghị: “Đề cương văn hóa Việt Nam và công cuộc xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, in trong kỷ yếu Hội thảo *60 năm Đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003)*, Viện Văn hóa - Thông tin, 2004, tr.43.

vị thế của văn hóa cũng như các mục tiêu phát triển văn hóa cụ thể đã có những chuyển biến rõ rệt trước yêu cầu và đòi hỏi của tình hình mới. Tuy vậy, các nguyên lý và định hướng căn bản trong chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa vẫn thể hiện sự kiên định với nền tảng lý luận và tinh thần của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (năm 1991), Đảng ta đã xác định, nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; là một trong sáu đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tiếp đó, quan điểm “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội” được nhấn mạnh trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về các văn kiện trình Đại hội VIII của Đảng (năm 1996).

Năm 1998, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* được thông qua như một bản chiến lược về phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với việc đề ra 5 quan điểm chỉ đạo và 10 nhiệm vụ cụ thể, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII là sự kế thừa sâu sắc những quan điểm của Đảng trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và phát triển những giá trị lý luận này lên một tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước. Cụ thể, so với *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã có quan niệm rộng hơn, toàn diện hơn, bao quát hơn về văn hóa, về văn hóa và phát triển, về di sản văn hóa, về bản sắc, đặc trưng văn hóa Việt Nam, về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...

Tại Đại hội lần thứ IX, Đảng ta nhấn mạnh: “xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”. Quan điểm này được làm sâu sắc hơn trong Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng, đặc biệt là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011).

Trên cơ sở tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân

tộc, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước*. Nghị quyết khẳng định mục tiêu “xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam”. Năm 2020, Bộ Chính trị đã ra Kết luận số 76-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, trong đó nhấn mạnh: “xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế, đây vẫn là một trong những vấn đề cơ bản của đất nước giai đoạn mới. Muốn phát triển bền vững đất nước, không chỉ văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị và xã hội, mà phải xây dựng và phát triển văn hóa, con người - tạo sức mạnh nội sinh cho sự phát triển bền vững.

Như vậy, trải qua 80 năm, các luận điểm của Đề cương xác định về vai trò, sứ mệnh của văn hóa như nguồn lực nội sinh cho phát triển; sự gắn kết của văn hóa với kinh tế, chính trị, xã hội; ý nghĩa trung tâm của con người trong phát triển văn hóa; và các nguyên tắc vận động của văn hóa đã được chứng minh là những giá trị nền tảng cốt lõi, định hình đường lối và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trước những biến động không ngừng của bối cảnh lịch sử và các yêu cầu phát triển mới liên tục xuất hiện, các luận điểm của Đề cương vẫn còn nguyên giá trị, sức ảnh hưởng của mình và tiếp tục được vận dụng, kế thừa, bổ sung và hoàn thiện trong hệ thống các văn kiện của Đảng về văn hóa. Quá trình chuyển dịch từ ba nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học của nền văn hóa cách mạng cho đến các giá trị tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam trong giai đoạn phát triển đất nước và hội nhập quốc tế cho thấy vị thế và tầm ảnh hưởng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* như một cương lĩnh khởi nguồn cho việc xác

lập và hoàn thiện tư duy lý luận về phát triển văn hóa, phát triển con người ở Việt Nam.

## **2. Giá trị thực tiễn của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong phát triển văn hóa, xây dựng con người**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* không chỉ có giá trị về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa lớn lao trong việc chỉ đạo hoạt động văn hóa - xã hội ở nước ta. Việc vận dụng và phát huy tinh thần, luận điểm, nguyên tắc về phát triển văn hóa được đặt ra trong Đề cương với ý nghĩa như một cương lĩnh về văn hóa của Đảng đã thực sự mang lại nhiều chuyển dịch và kết quả quan trọng trong sự nghiệp phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong suốt tám thập niên qua.

*- Mối quan hệ giữa các chủ thể văn hóa từng bước được điều chỉnh theo hướng hài hòa, lành mạnh giúp phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và chủ thể sáng tạo của nhân dân*

Ngay từ khi ra đời, với việc đặt con người ở vị trí trung tâm của phát triển văn hóa, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là cơ sở quan trọng để tập hợp, phát huy sức mạnh quần chúng và giới trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng để cống hiến sức mình cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Qua tổng kết lý luận và tình hình thực tiễn, mối quan hệ giữa các chủ thể văn hóa ở nước ta từng bước được điều chỉnh theo hướng hài hòa và lành mạnh hơn thông qua việc sử dụng hợp lý các công cụ quản lý hiện đại và đổi mới cơ chế, phương thức quản lý.

Với vai trò là người lãnh đạo sự nghiệp văn hóa, Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, kết luận nhằm thể chế hóa các quan điểm, tạo lập nền tảng và định hướng cho việc xây dựng khuôn khổ chính sách văn hóa ở Việt Nam. Trong khi đó, Nhà nước từ vị trí là người chỉ huy đã chuyển sang vai trò của nhà quản lý và bảo trợ. Các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cũng thực hiện việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc thống nhất về hành chính quốc gia và đề cao tính tự chủ của địa phương trên nền tảng lợi thế so sánh, năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, các cơ chế và phương tiện để thúc đẩy và hỗ trợ sự tham gia của nghệ sĩ, các

nhà quản lý văn hóa và người dân nói chung vào các đối thoại chính sách đã được xây dựng và phát triển.

Từ sự chuyển dịch mang tính cấu trúc này, vai trò của hệ thống chính sách, pháp luật được đề cao ở nước ta. Các văn bản pháp luật với vai trò là công cụ điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể trong từng lĩnh vực cụ thể của khu vực văn hóa được chú trọng xây dựng và hoàn thiện. Trong lĩnh vực văn hóa, hiện Việt Nam đã có 5 luật (Luật điện ảnh, Luật di sản văn hóa, Luật quảng cáo, Luật sở hữu trí tuệ, Luật thư viện), 50 nghị định, 14 quyết định của Thủ tướng Chính phủ và trên 100 thông tư, thông tư liên tịch được điều chỉnh trực tiếp<sup>1</sup>. Các đạo luật này đã từng bước tạo ra một khuôn khổ pháp lý tương đối nhất quán và hợp lý, tạo lập môi trường vận hành thuận lợi cho các hoạt động văn hóa. Đặc biệt, các văn bản hiện hành đã góp phần thể chế hóa và cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo đảm quyền sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng, tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa của người dân.

*- Phẩm chất, năng lực của con người Việt Nam được phát huy, hướng tới phát triển con người toàn diện*

Mỗi cá nhân công dân Việt Nam, dù ở vị trí lãnh đạo, quản lý, thực hành sáng tạo hay công chúng, đều là nhân tố có sức ảnh hưởng đến quá trình phát triển văn hóa. Phát triển con người và phát triển văn hóa là hai mục tiêu gắn kết, không tách rời nhau. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Nền tảng tinh thần của Đề cương trong nhiều thập kỷ đã được bổ sung và phát triển qua các văn kiện sau này của Đảng, một số chuẩn mực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam, bao gồm cả các giá trị truyền thống (yêu nước, nhân ái, đoàn kết...) và các giá trị hiện đại (năng lực sáng tạo, tôn trọng pháp luật...), đã từng bước được thể chế hóa, đưa vào các văn bản pháp luật, quy ước, hương ước làng, xã, quy chế, quy tắc, nội quy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, các chương trình nghiên cứu, v.v. được mở rộng nhằm nhận

---

1. Xem Lê Thanh Liêm: *Đánh giá về pháp luật cho phát triển văn hóa*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hà Nội, 2022.



diện, tuyên truyền và nâng cao nhận thức của xã hội về hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực của con người Việt Nam.

Công tác nghiên cứu, giáo dục, đào tạo được chú trọng, trong đó kết hợp giữa dạy chữ, dạy kỹ năng, giáo dục nghệ thuật, năng lực cảm thụ thẩm mỹ với rèn luyện thể chất, góp phần nâng cao trí tuệ, cải thiện tầm vóc con người Việt Nam. Ngoài hệ thống giáo dục chính quy, hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở cũng được đầu tư như một phương thức để nâng cao trình độ thẩm mỹ, phát triển kỹ năng và tri thức cho người dân ở nhiều lứa tuổi khác nhau. Đặc biệt, hệ thống thiết chế văn hóa được Nhà nước chú trọng đầu tư ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã góp phần không nhỏ vào việc thu hẹp khoảng cách trong hưởng thụ văn hóa giữa các bộ phận cư dân, giúp bảo đảm nguyên tắc công bằng, dân chủ hóa trong phát triển văn hóa.

Môi trường văn hóa được cải thiện, đặc biệt là tại các thiết chế văn hóa, các đơn vị, tổ chức văn hóa. Kết quả này đóng góp không nhỏ vào việc phát huy năng lực của chủ thể văn hóa và nâng cao chất lượng của sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Hơn thế nữa, việc xây dựng môi trường văn hóa được quan tâm một cách thực chất và có chiều sâu đã và đang tạo ra diện mạo mới cho đời sống văn hóa cơ sở, kiến tạo các quan hệ hợp tác lành mạnh, phát huy năng lực sáng tạo và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân.

*- Văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy hiệu quả, đi cùng với việc đẩy mạnh giao lưu, hội nhập văn hóa quốc tế*

Việt Nam lưu giữ hệ thống di sản văn hóa và tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. Vận dụng các nguyên tắc của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong suốt những thập niên qua, việc kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống của văn hóa Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực. Cơ chế xử lý hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế đã từng bước được xác lập và vận hành trên thực tế. Nhiều di sản văn hóa của Việt Nam được ghi danh vào danh mục quốc gia, quốc tế như một cách ghi nhận và bảo tồn các giá trị lịch sử, giáo dục và sự đặc sắc về nghệ thuật. Bên cạnh đó, di sản văn hóa đã và đang trở thành một yếu tố cốt lõi của quá trình chuyển hóa nguồn lực mềm văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa thông qua

xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch và là mấu chốt quan trọng tạo nên sức hấp dẫn của điểm đến du lịch.

Trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, vai trò của cộng đồng chủ thể được phát huy. Nhà nước tham gia vào quá trình này với tư cách là người bảo trợ và tạo điều kiện thông qua việc ban hành các cơ chế ưu đãi, khuyến khích và đãi ngộ đối với các cá nhân và cộng đồng liên quan.

Đi cùng với việc bảo tồn văn hóa truyền thống, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại là một xu thế tất yếu, đặc biệt được đẩy mạnh trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Trong thời gian qua, từ việc đóng cửa với thế giới, Việt Nam đã có sự chuyển dịch tích cực sau khi ban hành chủ trương đổi mới. Chúng ta đã chủ động mở cửa hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng hóa các hình thức văn hóa đối ngoại, mở cửa thị trường văn hóa cho các doanh nghiệp nước ngoài.... Trong suốt quá trình này, nhiều giá trị văn hóa của các nước trong khu vực và trên thế giới đã từng bước du nhập vào Việt Nam, được người dân đón nhận và trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống xã hội. Bên cạnh đó, thông qua vai trò của các tổ chức quốc tế, đội ngũ cán bộ văn hóa, giới thực hành và các nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam đã có cơ hội tham gia các hoạt động trao đổi văn hóa, nâng cao năng lực và hiểu biết về văn hóa các nước, từ đó rút ra các bài học để áp dụng trong nước.

Ở chiều hướng ngược lại, nhiều hoạt động nhằm giới thiệu và quảng bá văn hóa Việt Nam, nâng cao thương hiệu và vị thế của quốc gia trên trường quốc tế cũng được thực hiện (Tuần lễ văn hóa Việt Nam, Ngày văn hóa Việt Nam và các sự kiện khác). Việc khai thác các giá trị văn hóa truyền thống để phát triển các sản phẩm văn hóa phục vụ xuất khẩu cũng được đẩy mạnh như một cách thức để gia tăng giá trị kinh tế của văn hóa và quảng bá hình ảnh của đất nước.

*- Việc gắn kết văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội có chuyển dịch tích cực về nhận thức và hành động*

Việc hiện thực hóa quan điểm của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* về mặt trận văn hóa tồn tại trong mối quan hệ biện chứng với mặt trận chính trị và kinh tế luôn được Đảng ta chú trọng. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đã

khẳng định: “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế”. Xây dựng văn hóa trong kinh tế là một bước tiến cả trong tư duy lý luận của Đảng cũng như trong triển khai tổ chức thực hiện ở nước ta, nhằm tạo sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa văn hóa và kinh tế; có giá trị thiết thực và ý nghĩa lâu dài thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển bền vững trong những năm tới.

Từ nhận thức này, các hành động cụ thể đã được thực hiện nhằm khai thác tiềm năng kinh tế của văn hóa, phát huy tối đa vai trò và đóng góp của lĩnh vực này. Minh chứng điển hình cho nỗ lực này chính là việc ban hành Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 vào năm 2016. Chiến lược đã đánh dấu một bước tiến mới trong việc kiến tạo môi trường thể chế thuận lợi cho các ngành công nghiệp văn hóa khai thác và chuyển hóa các nguồn tài nguyên văn hóa thành các sản phẩm và dịch vụ có sức hấp dẫn. Các bộ, ngành, đặc biệt là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đã tích cực triển khai công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý, khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

Những thay đổi tích cực về thể chế chính sách, đặc biệt là các chính sách kinh tế trong văn hóa và khuyến khích sự tham gia của các thành phần sở hữu, sự đầu tư nguồn vốn trong và ngoài nước vào các ngành công nghiệp văn hóa đã thúc đẩy thị trường công nghiệp văn hóa Việt Nam có những bước tiến mới, mang lại những đóng góp nhất định vào tăng trưởng GDP của cả nước. Theo thống kê, so với mức GDP chiếm 2,68% năm 2015, các ngành công nghiệp văn hóa của Việt Nam ước đạt 3,61% GDP cả nước năm 2018<sup>1</sup>. Sự thay đổi này cho thấy, các ngành công nghiệp văn hóa bước

---

1. Tham khảo Nguyễn Thị Thu Phương (Chủ biên): *Định vị các ngành công nghiệp văn hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.

đầu phát huy hiệu quả tài nguyên văn hóa và chuyển hóa thành sức mạnh mềm văn hóa, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Nhìn chung, trong suốt tám thập niên qua, dưới ánh sáng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, quá trình phát triển văn hóa và con người Việt Nam đã có những bước tiến tích cực và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Vai trò của văn hóa như một nguồn sức mạnh nội sinh cho sự phát triển toàn diện của kinh tế - xã hội đất nước từng bước được hiện thực hóa. Văn hóa có đóng góp như một lĩnh vực độc lập và như một thành tố nằm xuyên suốt trong các lĩnh vực khác. Các nỗ lực của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong việc đổi mới thể chế, chính sách, phương thức quản lý đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong mối quan hệ giữa các chủ thể, từ đó giúp phát huy năng lực và phẩm chất của con người Việt Nam, nâng cao hiệu quả các hoạt động văn hóa và phát huy được các giá trị văn hóa. Đây là phương hướng phát triển tương ứng với khuôn khổ và mô hình phổ biến trên phạm vi quốc tế hiện nay, cũng phù hợp với bối cảnh cụ thể của Việt Nam.

Tuy nhiên, xuyên suốt quá trình phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, một số hạn chế trong vận dụng giá trị và nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa vẫn đang tồn tại khiến cho các quan điểm xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp chưa được triển khai mạnh mẽ, chưa thực sự thấm sâu trong các tầng lớp nhân dân. Việc quán triệt và thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng về phát triển văn hóa và con người có lúc, có nơi chưa đạt yêu cầu đề ra và còn thiếu khoa học, đồng bộ. Cơ chế phối hợp giữa các ban, ngành, cơ quan các cấp, giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân chưa chặt chẽ. Sự tham gia của các chủ thể cấp cơ sở, đặc biệt là những người chịu tác động trực tiếp của hệ thống thể chế, chính sách, còn mang tính hình thức. Môi trường văn hóa có lúc, có nơi chưa lành mạnh, có mặt xuống cấp. Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế còn chưa được quan tâm đúng mức. Cơ chế chính sách còn nhiều bất cập, chưa cải thiện hiệu quả tình trạng bất bình đẳng giữa khu vực công lập và tư nhân trong việc tiếp cận nguồn hỗ trợ từ Nhà nước.

### **3. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - động lực phát triển văn hóa, xây dựng con người theo hướng bền vững**

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng không chỉ khẳng định cần phải “đúc kết, xây dựng hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam” mà còn nhấn mạnh khẩn trương “nghiên cứu xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam thời kỳ mới”<sup>1</sup>. Trước những thời cơ, thách thức và yêu cầu của sự nghiệp phát triển đất nước, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (2021) nhấn mạnh: “Phải tiếp tục xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “động lực phát triển”, và “soi đường cho quốc dân đi”. Trước những vấn đề đặt ra từ thực tế, nhằm hiện thực hóa đường lối của Đảng, Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, và tiếp tục đi sâu tạo đột phá về thể chế, chính sách trong quá trình triển khai Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, việc kế thừa, phát huy các giá trị, nguyên tắc của Đề cương về văn hóa trong phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo hướng bền vững là vô cùng quan trọng và thiết thực. Để vận dụng khách quan, phát huy hiệu quả giá trị và nguyên tắc Đề cương trong bối cảnh mới, chúng ta cần phải xác định xây dựng môi trường văn hóa là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi nhằm từng bước hình thành nên hệ sinh thái có khả năng nuôi dưỡng, thúc đẩy sự sáng tạo, đồng thời tăng cường năng lực kết nối, lan tỏa, định hình những giá trị tốt đẹp của văn hóa, con người Việt Nam. Việc mở cửa hoàn toàn du lịch vào tháng 3/2022, gắn du lịch với văn hóa, với tiến bộ khoa học công nghệ và phát triển vùng, địa phương cũng cho thấy sự bứt phá của Việt Nam với vai trò là một trong những quốc gia tiên phong triển khai các chương trình phục hồi sau đại dịch Covid-19 vì mục tiêu phát triển bền vững. Những kết quả đạt được trong thời gian qua đã trở thành minh chứng sống động cho việc khẳng định phát triển văn hóa khi có sự phối hợp, liên kết đồng bộ và được triển khai một cách khoa học sẽ phát

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.143.

huy tối đa vai trò của nhân dân với tư cách là chủ thể của sáng tạo và phát triển văn hóa. Tiếp đó, hàng loạt sự kiện văn hóa, thể thao quy mô lớn cũng được tổ chức, thu hút đông đảo sự tham gia của người dân trong nước và du khách quốc tế, cũng đã góp phần tạo ra giá trị về kinh tế và nâng cao vị thế thương hiệu quốc gia. Điểm lại một số ví dụ trên đây trong Hội thảo kỷ niệm 80 năm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* như là điểm khởi đầu và động lực mới cho sự phát triển khiến cho mỗi chúng ta càng thêm trân trọng vai trò của Đề cương và những nỗ lực của những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa trong việc vận dụng linh hoạt các giá trị, nguyên tắc của Đề cương trong việc khơi dậy khát vọng cống hiến của toàn thể nhân dân cho phát triển văn hóa trong sự phát triển chung của toàn dân tộc, nhất là trong các giai đoạn khó khăn với những diễn biến khó lường vừa qua.

Vượt lên trên tất cả những khó khăn, thách thức, tư tưởng xây dựng nền văn hóa mới vì dân tộc, đại chúng với một thái độ khách quan, đúng đắn, khoa học của Đề cương đã luôn tạo sức hút, sức thuyết phục và khả năng quy tụ mạnh mẽ tri thức, tâm huyết khát vọng cống hiến của toàn thể nhân dân Việt Nam trong bất kỳ giai đoạn nào của lịch sử dân tộc. Vì bản chất cốt lõi của văn hóa chính là “một mặt trận”, là “ngọn đuốc soi đường cho quốc dân đi”, là “sức mạnh nội sinh”, là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và cũng là động lực để thúc đẩy sự phát triển của đất nước” như *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, cùng các văn kiện của Đảng đã khẳng định.

Trong giai đoạn hiện nay, vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng này của văn hóa chỉ có thể phát huy hiệu quả khi đầu tư cho văn hóa phải thực sự được chú trọng thông qua việc triển khai các chiến lược, chương trình với lộ trình phù hợp. Đây chính là kết quả nhận thức có được từ việc kế thừa, phát huy một cách khoa học nền tảng, giá trị mang ý nghĩa khởi nguồn của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Từ khởi nguồn này, trong các năm tiếp theo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ tiếp tục các nỗ lực nhằm khẳng định vị thế của cơ quan chuyên trách về văn hóa và tạo ra những chuyển biến tích cực trong toàn ngành. Đặc biệt, toàn ngành sẽ tập trung vào việc “biến tư duy thành hành động” trong tiến trình hiện thực hóa các giá trị, nguyên tắc của Đề cương trong xây dựng môi trường văn hóa nhằm đẩy mạnh và lan tỏa rộng

rãi ở khắp các cấp, các vùng, miền trên cả nước. Việc xây dựng môi trường văn hóa được quan tâm một cách thực chất, khoa học và có chiều sâu hơn sẽ tạo ra diện mạo mới cho đời sống văn hóa của toàn dân, kiến tạo các quan hệ hợp tác lành mạnh, phát huy năng lực sáng tạo và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của đông đảo quần chúng nhân dân.

Gắn bó chặt chẽ với mục tiêu xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh chính là việc điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể có liên quan trong các môi trường này. Phát triển văn hóa ở Việt Nam vẫn luôn được khẳng định là sự nghiệp của toàn dân. Chính vì vậy, việc tạo điều kiện cho mọi tầng lớp nhân dân có thể hiện thực hóa vai trò của mình trong sự nghiệp này là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của ngành văn hóa. Từ việc tham gia vào quá trình sáng tạo cho tới việc tiếp cận và hưởng thụ các sản phẩm văn hóa, mỗi người dân đều có thể đóng góp vào sự phát triển chung của lĩnh vực văn hóa, giúp nâng cao giá trị và phát huy hiệu quả các nguồn lực hiện có. Những đóng góp và vai trò của người dân đối với việc phát triển văn hóa được thể chế hóa như một nội dung của quyền văn hóa đã được khẳng định trong Hiến pháp. Việc phát huy quyền văn hóa và thúc đẩy phát triển văn hóa như một sự nghiệp của toàn dân sẽ giúp tăng cường quá trình đa dạng hóa các giá trị và biểu đạt văn hóa, từ đó phát huy tốt hơn khả năng đóng góp về kinh tế và xã hội của văn hóa. Đây là xu hướng chung trên thế giới và được thể chế hóa thông qua các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia phê chuẩn.

Cuối cùng, một lần nữa khẳng định lại rằng, phát triển văn hóa theo quan điểm mà Đảng ta đã đề ra luôn hướng tới sự toàn diện và hài hòa, trong đó nhân tố con người nắm giữ vị trí then chốt. Văn hóa giữ vai trò điều tiết xã hội bằng hệ thống giá trị, chuẩn mực văn hóa của cộng đồng, văn hóa giữ vai trò định hướng sự phát triển của xã hội bằng mục đích nhân văn của mình và cột mốc văn hóa trong tâm trí con người luôn là cột mốc vững chắc nhất. Với hàm nghĩa này, phát triển văn hóa chính là phát triển con người, một quá trình phát triển lâu dài và hướng tới tương lai. Tuy nhiên, tầm quan trọng của phát triển văn hóa lại đòi hỏi sự đầu tư tương xứng của Nhà nước và sự đóng góp tích cực của các thành phần xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng và đầy thách thức của Việt Nam.

Chính vì vậy, trong thời gian tới, chúng ta cần phải nỗ lực vận dụng các nguyên tắc của Đề cương nhằm khơi thông, tối ưu hóa các nguồn lực cho phát triển văn hóa, xây dựng toàn diện con người Việt Nam thông qua hệ thống các giải pháp cải thiện khung khổ thể chế, hoàn thiện chính sách hiện hành, bao gồm:

- Hoàn thiện Luật đầu tư, Luật đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), bổ sung lĩnh vực văn hóa vào nhóm ngành nghề ưu đãi đầu tư, vào nhóm lĩnh vực được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng bổ sung các khoản chi tài trợ cho văn hóa, thể thao được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế;

- Có chính sách phù hợp tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công, nhằm phát huy, sử dụng có hiệu quả tài sản kết cấu hạ tầng, thiết chế văn hóa, tài sản đặc thù của văn hóa.

- Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa<sup>1</sup> nhằm chấn hưng văn hóa.

- Hoàn thiện hệ thống chính sách, điều chỉnh xây dựng Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó đặt trọng tâm nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập của thị trường văn hóa.

- Xây dựng Bộ chỉ số quốc gia về phát triển văn hóa.

- Hoàn thiện các chính sách văn hóa đối ngoại có khả năng phát huy tính chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hóa nhằm tạo sự lan tỏa mạnh mẽ của giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới.

- Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ, chú trọng phát triển công cụ đo lường, giám sát việc hoạch định, triển khai chính sách và hiệu quả đầu tư. Đồng thời, tiếp tục phát triển hệ thống thông tin, dữ liệu văn hóa và tăng cường chia sẻ thông tin phối hợp liên ngành, liên khu vực, liên chủ thể.

---

1. Tham khảo đề xuất của Vụ Kế hoạch, Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



Bước sang năm 2023, tròn 80 năm ra đời *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, với niềm tin vững chắc từ những thành quả đã đạt được trong quá trình kế thừa, vận dụng các giá trị, nguyên tắc cốt lõi của Đề cương, cùng những hy vọng mới, tôi tin rằng, chúng ta sẽ tiếp tục kiên định trên con đường tháo gỡ khó khăn, khắc phục tồn tại, tận dụng cơ hội, tìm kiếm giải pháp tập trung nguồn lực đầu tư chuyên sâu và có trọng điểm cho văn hóa. Vì trên hết, đầu tư cho văn hóa một cách khoa học, hợp lý, chính là đầu tư cho sự phát triển, đầu tư cho tương lai hội nhập mang tính bền vững hơn của đất nước. Đó cũng chính là nền tảng tiên quyết góp phần hình thành một nền văn hóa mới có khả năng tạo động lực khơi dậy khát vọng cống hiến của toàn dân cho sự nghiệp chấn hưng văn hóa và chuyển hóa hiệu quả nguồn tài nguyên văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trên bản đồ sức mạnh mềm thế giới.

PHẦN THỨ NHẤT

---

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN  
CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA  
VIỆT NAM”

---



## ĐỊNH HƯỚNG “DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG, KHOA HỌC” VÀ VIỆC PHÁT HUY NGUỒN LỰC NỘI SINH CỦA VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

PGS.TS. TRẦN THỊ AN\*

Nhìn lại thời điểm cách đây 80 năm, khó có thể đánh giá hết giá trị của việc người dân Việt Nam trong màn đêm nô lệ lại được tiếp cận với một luồng ánh sáng có sức mạnh soi rọi màn đêm, đó là một Cương lĩnh đầu tiên về văn hóa của Đảng Cộng sản Đông Dương: bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*.

Tên gọi của văn bản (“Đề cương”) đã thể hiện sự súc tích, cô đọng của cách thể hiện, nhưng nhờ sự cô đọng đó mà những nội dung cốt lõi của nó đã thể hiện định hướng phát triển văn hóa có ý nghĩa xuyên thời gian. Một trong số các nội dung cốt lõi đó, chúng tôi muốn đề cập đến việc xác định tính chất, định hướng phát triển văn hóa, được thể hiện dưới tên gọi là “các nguyên tắc vận động”. Nội dung này được bản Đề cương viết như sau: Ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn này: a) Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập). b) Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng). c) Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

### **1. Tinh đại chúng như một lời tập hợp quần chúng**

Văn hóa như cách quan niệm hiện nay là toàn bộ sáng tạo của con người trong quá trình sống của mình. UNESCO đã định nghĩa văn hóa như sau:

---

\* Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Văn hóa phản ánh và thể hiện một cách tổng quát, sống động mọi mặt của cuộc sống (của mỗi cá nhân và các cộng đồng) đã diễn ra trong quá khứ, cũng như đang diễn ra trong hiện tại, qua hàng bao thế kỷ, nó đã cấu thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống, thẩm mỹ và lối sống mà dựa trên đó, từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình. Điều này đồng nghĩa với việc văn hóa là toàn bộ sáng tạo (vật chất, tinh thần) và là sản phẩm của toàn dân, của các cộng đồng chứ không phải chỉ là những sản phẩm được đánh giá là “có giá trị”, dù cho đánh giá đó được thực hiện bởi một nhóm người hoặc dư luận rộng rãi.

Khái niệm văn hóa, trong quá trình nhận thức chung của xã hội và nhận thức của giới nghiên cứu đã có một thời gian dài được đồng nhất với những gì được coi là “giá trị, tiến bộ, tinh túy”, và điều này gần như được hiểu là sản phẩm của tầng lớp trên. Trong khi đó, người dân lao động hàng nghìn năm thực hành văn hóa một cách hồn nhiên theo cảm xúc, niềm tin và nhu cầu của mình, và họ không nghĩ rằng, họ đã đóng vai trò to lớn trong việc trao truyền và bảo lưu những giá trị quý báu của cộng đồng, quốc gia, dân tộc. Trong bối cảnh một đất nước nô lệ, các quyền cơ bản của người dân bị tước đoạt, thì việc nhận thức về quyền văn hóa dường như là một việc quá xa vời. Chính trong bối cảnh đó, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời. Đó thực sự là một ngọn đèn pha soi rọi vào màn đêm tăm tối của việc nhận chân giá trị của mình với tư cách là một chủ thể văn hóa và nhận chân giá trị của nền văn hóa mà họ thuộc về, họ đang thực hành, đang trao truyền và đang gìn giữ. Với ý nghĩa này, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là một thông điệp mới mẻ và mạnh mẽ nhằm thức tỉnh nhận thức của mỗi người Việt Nam về tài sản văn hóa mà họ đang nắm giữ, qua đó để nhận thức về vị thế của mình. Hơn thế, bản Đề cương có giá trị giúp cố kết cộng đồng, kêu gọi tinh thần đoàn kết của những người không chỉ là “máu đỏ da vàng” mà còn là toàn thể đồng bào về truyền thống văn hóa được kiến tạo và trao truyền từ hàng nghìn năm lịch sử.

Bên cạnh nguyên tắc “đại chúng hóa” hướng tới toàn thể người dân Việt Nam, Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (2/1943) đã chú ý tới một lực lượng hoạt động chuyên nghiệp, xác định lực lượng nòng cốt, đó là: “Đảng cần phải phái cán bộ chuyên môn vào hoạt động về văn hóa,

đang gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa phát xít thụt lùi. Ở những đô thị văn hóa như Hà Nội, Sài Gòn, Huế, v.v. phải gây ra những tổ chức văn hóa cứu quốc và phải dùng những hình thức công khai hay bán công khai để đoàn kết các nhà văn hóa và trí thức...”<sup>1</sup>. Chính vì thế, ngay sau khi công bố bản Đề cương về văn hóa vào tháng 2/1943 thì hai tháng sau, Hội Văn hóa cứu quốc được thành lập (4/1943). Điều này cho thấy sự ứng phó sáng suốt của Đảng trong việc nhanh chóng thành lập một diễn đàn nhằm tập hợp rộng rãi các lực lượng quần chúng, tuyên truyền về đường lối cách mạng Việt Nam và chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Với quan điểm đúng đắn về việc “văn hóa khi đã xâm nhập vào đại chúng thì cũng tác động như một sức mạnh vật chất”, Hội Văn hóa cứu quốc đã nhanh chóng có các hoạt động diễn thuyết về các nội dung “kiến thiết một nền văn hóa mới với mục đích phụng sự độc lập tự do và hạnh phúc của dân tộc”, các bài viết về bản Đề cương văn hóa trên tờ báo của Hội nhằm lan tỏa sâu rộng các nội dung của bản Đề cương<sup>2</sup>. Sự tham gia của các văn nghệ sĩ như Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài... đã tạo nên một cầu nối hữu hiệu giữa chủ trương của Đảng với đông đảo đại chúng, vừa chứng tỏ tính đúng đắn của bản Đề cương, vừa phát huy hiệu quả nhất chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới của Đảng.

Nhận định về nguyên tắc này, Bùi Hoài Sơn viết: “Nguyên tắc đại chúng hóa trong phát triển văn hóa có lẽ là một trong những điểm nhấn quan trọng. Đại chúng ở đây được hiểu là văn hóa được hình thành bởi đa số nhân dân, dành cho đa số nhân dân, vì lợi ích đa số nhân dân. Thực ra, nguyên tắc này không mới trong dòng chảy lịch sử tư tưởng phát triển của đất nước, khác

---

1. Nguyễn Bá Dương: “Đề cương về văn hóa Việt Nam - cội nguồn của đường lối đúng, cương lĩnh của chính sách hay”, Báo Điện tử của Đảng Cộng sản Việt Nam, số ra ngày 20/2/2013, nguồn: <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/de-cuong-van-hoa-viet-nam--coi-nguon-cua-duong-loi-dung-cuong-linh-cua-chinh-sach-hay-171481.html>.

2. Xem Ngọc Chính: “Kỷ niệm 70 năm thành lập Hội Văn hóa cứu quốc (4/1943- 4/2013) - Nơi đặt nền móng xây dựng nền văn hóa cách mạng”, Cổng thông tin Bảo tàng Lịch sử quốc gia, 2013, Nguồn: <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3097/14144/ky-niem-70-nam-thanh-lap-hoi-van-hoa-cuu-quoc-4-1943-4-2013-noi-djat-nen-mong-xay-dung-nen-van-hoa-cach-mang.html>.

chăng là nguyên tắc này được nhấn mạnh, cô gọn để trở thành một kiểu triết lý phát triển”<sup>1</sup>.

## 2. Tinh dân tộc như một lời hiệu triệu tinh thần yêu nước

Từ tinh thần của lời kêu gọi đoàn kết, trong bối cảnh người dân đang sống trong một đất nước nô lệ, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* thực sự là lời hiệu triệu tinh thần yêu nước. Về nguyên tắc này, Đề cương viết: “Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập)”<sup>2</sup>.

Như đã nói, văn hóa không phải là cái gì đó thật mơ hồ mà là toàn bộ đời sống hàng ngày của mỗi cộng đồng. Tinh thần yêu nước cũng không phải là cái gì đó cao siêu mà là sự gắn bó một cách thiết tha với vận mệnh dân tộc của mỗi cá nhân. Như vậy, khi thực hành văn hóa, mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng đã thể hiện trong đó tình yêu quê hương đất nước, sự gắn kết với truyền thống và sự gắn bó với những hiện thể của truyền thống trong hiện tại. Phát biểu về cùng một nội dung trong một bối cảnh tương tự của một đất nước sống dưới ách ngoại xâm, độc giả trên thế giới luôn nhớ đến một thiên tùy bút nổi tiếng của nhà văn Nga Ilya Erenburg (1891-1965). Bản tùy bút này có tên là “Lòng yêu nước” được đăng vào ngày 26/6/1942 - thời điểm mà cuộc chiến tranh vệ quốc của nhân dân Liên Xô đang diễn ra hết sức khốc liệt. Ông viết: “Lòng yêu nước ban đầu là yêu những vật tầm thường nhất: yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh... Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Volga, con sông Volga đi ra biển. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc” (Bản dịch của Thép Mới).

Trở lại bối cảnh ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, có thể nói, trong bối cảnh nước mất nhà tan, người dân nô lệ tưởng khó mà có tâm trạng nào để nghĩ đến hoặc bày tỏ tình yêu đất nước, nhưng với các nội dung của

---

1. Bùi Hoài Sơn: “Đề cương văn hóa Việt Nam - nền móng xây dựng nền văn hóa mới Dân tộc - Khoa học - Đại chúng”. Nguồn: <https://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/Lists/News&ItemID=72611>.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.23-24.

bản Đề cương, tình yêu đất nước không phải là cái gì xa xôi mà hóa ra rất gần, dân tộc không còn là cái gì đó cao vòi vọi mà là rất thực. “Dân tộc hóa”, theo tinh thần của Đề cương là “chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”<sup>1</sup>; xây dựng nền văn hóa mới chính là kiếm tìm con đường độc lập, tự do, hay nói cách khác, để làm được cách mạng giành độc lập cho dân tộc, mọi người dân phải đứng trong cùng một mặt trận văn hóa.

### **3. Tính khoa học như một định hướng lựa chọn của phát triển văn hóa**

Nguyên tắc vận động thứ ba được đề cập đến trong Đề cương là nguyên tắc khoa học hóa. Bản Đề cương viết: “Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ)”<sup>2</sup>. Với bối cảnh tháng 2/1943, nông dân Việt Nam hầu hết là thất học, tầng lớp trí thức thì phân hóa và hoang mang, chủ trương “khoa học hóa” liệu có phải là một chủ trương quá khó hiểu đối với tất cả những người tiếp nhận?

Đi sâu phân tích, có thể nói, ở nguyên tắc này, quan điểm của Đề cương về văn hóa là những gì gắn với khoa học và tiến bộ. Cần phân tích các khía cạnh của quan điểm này. Hiểu theo nghĩa thông thường, văn hóa gắn chặt với đời sống con người, không nên đánh giá văn hóa bằng tiêu chí thể hiện trình độ cao/thấp, tốt/xấu, tiên tiến/lạc hậu. Tuy nhiên, nếu văn hóa là sáng tạo của con người trong quá trình thích ứng với tự nhiên thì ngược lại, con người lại chính là một sản phẩm của văn hóa theo nghĩa: văn hóa đã mang lại phần “người” cho “con người”, là tư duy, nhận thức, là phẩm chất nhân văn, làm cho cuộc sống trở nên phong phú, tốt đẹp hơn. Hội nghị Văn hóa toàn quốc (năm 2021), Lê Hồng Lý cũng đã nói đến điều này: “Khi phần “người” (văn hóa) lớn, mạnh lên thì phần “con” (phản văn hóa) sẽ bị giảm, mất đi”<sup>3</sup>. Với nghĩa này, bất cứ một chiến lược phát triển văn hóa đúng đắn nào cũng sẽ phải hướng đến sự phát triển con người, phát triển cộng đồng, phát triển đất nước. Và vì vậy, cần

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.23-24.

3. Lê Hồng Lý: “Tìm hiểu động lực và sức mạnh nội sinh của văn hóa trong sự phát triển của đất nước hiện nay”, Kỷ yếu Hội nghị Văn hóa toàn quốc, Hà Nội, 24/11/2021, tr.30.



hiểu từ “tiến bộ” chính ở nghĩa này. Nó không mang nghĩa đánh giá sự cao/thấp của văn hóa mà nó chính là mục tiêu nhân văn tiến bộ của phát triển văn hóa. Chọn mục tiêu nhân văn với nghĩa là sự tiến bộ của nhân loại, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* coi đó là cách tiếp cận khoa học nhất. Vì thế, khái niệm “Khoa học hóa” ở đây cần được hiểu là sự lựa chọn đường lối phát triển sao cho có thể trao cho người dân các cơ hội phát triển để đời sống của họ được tiến bộ nhanh nhất, sao cho có thể tìm ra được con đường phát triển đất nước một cách bền vững nhất.

Nhìn vào bản chất của văn hóa thì, suy cho cùng, văn hóa của mỗi cá nhân/cộng đồng/quốc gia chính là sự lựa chọn của cá nhân/cộng đồng/quốc gia đó. Sự lựa chọn thái độ, ứng xử của cá nhân, cộng đồng, quốc gia trong việc thích ứng với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội sẽ quyết định sự lựa chọn cách kiến tạo nên khí quyển văn hóa cho từng cộng đồng, quốc gia đó. Khí quyển văn hóa đó sẽ xác định mục tiêu của sự phát triển và tạo nên động lực cho phát triển. Từ khía cạnh này, “nguyên tắc khoa học hóa” của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã tạo nên móng cho việc định hình quan điểm “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước” từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, tới Hội nghị Trung ương 9 khóa XI, tới văn kiện Đại hội Đảng các khóa và Hội nghị Văn hóa toàn quốc được tổ chức năm 2021.

#### **4. Khởi gợi nguồn lực nội sinh từ mạch nguồn văn hóa dân tộc: giá trị đương đại của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

Với ba nguyên tắc vận động trên, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã xác định một cách rõ ràng các định hướng phát triển văn hóa. Cùng với các nội dung khác, ba nguyên tắc này đã xây dựng nền tảng cho việc xác định quan điểm coi văn hóa là một nguồn lực nội sinh phát triển bền vững đất nước.

Ngay sau sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, dù đất nước còn bộn bề muôn vàn khó khăn với một Chính phủ non trẻ, lại phải chống chọi với thù trong giặc ngoài, nhưng có thể nói, sự nghiệp phát triển văn hóa luôn nhận được sự quan tâm lớn lao.

#### **4.1. Bảo tồn kho tàng di sản của dân tộc**

Một trong những văn bản sớm nhất của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về văn hóa là Sắc lệnh số 65/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 23/11/1945 về bảo tồn cổ tích.

Thông qua Sắc lệnh này (và các hoạt động tham quan các di tích, tham dự các hoạt động văn hóa chuyên nghiệp và quần chúng khác của Chủ tịch Hồ Chí Minh), có thể thấy, tính dân tộc của các di sản văn hóa luôn là mối quan tâm đau đầu của Chính phủ và người đứng đầu Chính phủ Việt Nam ngay từ khi mới được thành lập và trong suốt quá trình lịch sử. Cũng trong Sắc lệnh này, Chính phủ đã thể hiện quan điểm tôn trọng tính kế thừa, tính trao truyền, tính tiếp tục của di sản văn hóa - điều mà sự tiếp nối các thể chế chính trị ít khi làm được. Hơn thế nữa, Sắc lệnh số 65/SL còn thể hiện một thái độ trân trọng đối với toàn bộ di sản văn hóa của quá khứ, chấp nhận và tôn trọng tính đa dạng văn hóa bằng việc khẳng định vai trò quan trọng của nó đối với lịch sử dân tộc. Điều thứ 4 của Sắc lệnh viết: Cấm phá hủy những đình chùa, đền, miếu hoặc những nơi thờ tự khác, những cung điện, thành, quách cùng lăng mộ chưa được bảo tồn. Cấm phá hủy những bi ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng, giấy má, sách vở có tính cách tôn giáo hay không, nhưng có ích cho lịch sử mà chưa được bảo tồn. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử Việt Nam, có thể thấy quan điểm bảo tồn tổng thể, bảo tồn nguyên vẹn di sản văn hóa dân tộc một cách không phán xét với mục đích hiểu về lịch sử dân tộc, nhận chân các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc là một quan điểm đề cao tính dân tộc của văn hóa. Quan điểm này được hình thành từ sự tiếp nối mạch nguồn của nguyên tắc “dân tộc” có từ trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

#### **4.2. Vai trò của văn hóa: Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi**

Trong bài nói chuyện tại *Hội nghị Văn hóa toàn quốc* lần thứ nhất (11/1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những lời diễn giải thấm thía về vai trò của văn hóa và trọng trách của người làm công tác quản lý văn hóa: “Phải làm thế nào cho văn hóa vào sâu trong tâm lý quốc dân... Đối với xã hội, văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam, từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc

của mình nên được hưởng”. Từ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc rút thành một kết luận ngắn gọn, cô đúc: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”.

Tiếp đó, trong Thư gửi Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai (1948), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hóa gánh một phần rất quan trọng... Nhiệm vụ của văn hóa chẳng những để cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến kiến quốc của quốc dân, mà cũng phải nêu rõ những thành tích kháng chiến kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới. Các nhà văn hóa ta phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ mà còn để lưu truyền cái lịch sử oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho hậu thế. Với lời căn dặn này, vai trò của văn hóa đối với việc tạo sức mạnh cho cuộc kháng chiến, lưu giữ các giá trị lịch sử văn hóa của dân tộc, việc quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới... đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ.

Tiếp theo, trong Thư gửi các họa sĩ nhân Triển lãm hội họa (1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thêm một lần nhắc nhở trọng trách của văn nghệ sĩ trong sự nghiệp văn hóa. Người viết: Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Có thể nói, tiếp tục những định hướng quan trọng từ Đề cương về văn hóa năm 1943, các bài phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa đã đặt nền móng quan trọng cho việc xây dựng các chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam.

### ***4.3. Văn hóa với tư cách là một trụ cột của phát triển đất nước***

Chúng ta đều biết rằng, trong các hội nghị thượng đỉnh về phát triển bền vững, văn hóa không được xác định là một trụ cột, tuy nhiên, vai trò của văn hóa trong phát triển luôn được nhấn mạnh ở các tổ chức quốc tế, đặc biệt là UNESCO. Với việc phát động *Thập niên thế giới phát triển văn hóa* (1988-1997), UNESCO đã xác quyết rằng: “Hễ nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hóa thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối nghiêm trọng về cả mặt kinh tế lẫn văn hóa, và tiềm năng sáng tạo của các nước ấy sẽ bị suy yếu đi rất nhiều. Một sự phát triển chân chính đòi hỏi phải sử dụng một cách tối ưu nhân lực và

vật lực của mỗi cộng đồng. Vì vậy, phân tích đến cùng, các trọng tâm, các động lực và các mục đích của phát triển phải được tìm trong văn hóa. Nhưng đó là điều cho đến nay vẫn thiếu. Từ nay trở đi văn hóa cần coi mình là một nguồn cổ xúy trực tiếp cho phát triển và ngược lại phát triển cần thừa nhận văn hóa giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội”<sup>1</sup>. Với những quan điểm mạnh mẽ này, UNESCO đã mở đường cho việc coi văn hóa là trụ cột thứ tư trong phát triển bền vững<sup>2</sup>.

Ở Việt Nam, vai trò của văn hóa cho phát triển đã được nhận thức một cách khá sớm. Năm 1992, Việt Nam tham gia ký cam kết thực hiện *Chương trình nghị sự 21 về phát triển bền vững*, nhưng trước đó một năm, từ năm 1991, Văn kiện Đại hội VII của Đảng đã xác định: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường”. Cũng trong thập niên đó, vào năm 1998, Đảng đã có một nghị quyết riêng về văn hóa - Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Nghị quyết này lần đầu tiên xác định vai trò của văn hóa đối với phát triển đất nước: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Sau 15 năm thực hiện, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước, đến năm 2014, Đảng đã tiếp tục có một nghị quyết mới (Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Từ đây, vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững đã chính thức được khẳng định.

#### ***4.4. Văn hóa với tư cách là một nguồn lực nội sinh phát triển đất nước***

Sự khẳng định vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững đã tạo tiền đề cho việc khẳng định văn hóa với tư cách là một nguồn lực nội sinh phát

---

1. *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa*, Bộ Văn hóa - Thông tin và Thể thao xuất bản, Hà Nội, 1992, tr.23.

2. Xem Keith Nurse: *Culture as the Fourth Pillar of Sustainable Development*, Document prepared for Commonwealth Secretariat, Malborough House, Pall Mall, London, UK (in the International Meeting for Small Island Developing States (SIDS), 2006.

triển đất nước. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI tại Đại hội XII đã xác định phương hướng của nhiệm vụ *Xây dựng, phát triển văn hóa, con người* là: “Các cấp, các ngành phải nhận thức đầy đủ và thực hiện có kết quả mục tiêu: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội; là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”<sup>1</sup>. Quan điểm này được tiếp tục khẳng định trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng và đặc biệt, trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc được tổ chức năm 2021.

Văn hóa vốn là một lĩnh vực khó định lượng, vậy “nguồn lực nội sinh của văn hóa” có thể nhận diện và định lượng không? Câu trả lời là: Có! Nguồn lực đặc biệt này có thể nhận diện ở khía cạnh “vốn văn hóa” - một trong 5 loại nguồn vốn phát triển đất nước (vốn tài nguyên, vốn hạ tầng, vốn xã hội, vốn con người, vốn văn hóa). Với tính chất là một loại vốn (“là một giá trị lâu dài, cái được nhân lên và không tàn lụi”<sup>2</sup>, là giá trị được chưng cất từ đời sống xã hội loài người mà con người tạo ra, tham gia và tận hưởng, có thể luân chuyển thành các loại vốn khác trong phát triển<sup>3</sup>), vốn văn hóa được nhận diện từ góc độ vật thể và phi vật thể là những nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế, tạo dựng và kết nối vốn xã hội, bồi đắp vốn con người cho phát triển đất nước. Không phải là các sản phẩm có được do hội nhập, vốn văn hóa được kiến tạo, bảo vệ và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bởi chính con người Việt Nam; tính nội sinh của nguồn lực này đã thể hiện sự vô tận của nó, tính bản sắc của nguồn lực này đã thể hiện sức mạnh vô biên của nó.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.216.

2. Hernando De Soto: *Bí ẩn của vốn - Vì sao chủ nghĩa tư bản thành công ở phương Tây và thất bại ở mọi nơi khác*, Nguyễn Quang A dịch, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.45.

3. Xem Trần Hữu Dũng: “Vốn xã hội và kinh tế”, Tạp chí *Thời đại*, số 8, tháng 7/2003, tr.82-102.

Từ các nền tảng nguồn lực nội sinh đó, trong phát biểu khai mạc Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (11/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng sau khi nhắc đến câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”, đã nhấn mạnh ý của quan điểm văn hóa gắn với sự tồn vong của dân tộc: “Văn hóa còn thì dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất”. Các tham luận của Hội nghị này cũng đã bàn nhiều đến động lực và sức mạnh nội sinh của văn hóa ở các khía cạnh xây dựng hệ giá trị văn hóa Việt Nam và xây dựng con người Việt Nam. Tiếp nối các nội dung của Hội nghị Văn hóa toàn quốc (năm 2021), các vấn đề về xây dựng “Hệ giá trị” đã được nghiên cứu sâu hơn trong Hội thảo “*Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới*” (11/2022). Phát biểu trước khi Hội thảo diễn ra, ông Nguyễn Trọng Nghĩa đã nhấn mạnh: hệ giá trị quốc gia là nền tảng, sức mạnh nội sinh mang tính quyết định để dân tộc trường tồn và phát triển<sup>1</sup>.

Như vậy, nhìn xuyên dòng thời gian 80 năm, các định hướng được trình bày một cách hết sức vắn tắt về ba nguyên tắc: dân tộc, đại chúng, khoa học trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* từ năm 1943 đã được phát triển một cách liên mạch qua thời gian, trở thành những thông điệp mạnh mẽ về nhận diện nguồn lực nội sinh cho phát triển văn hóa hôm nay.

\*

\*      \*

Được khởi soạn từ cách đây 80 năm, trong hoàn cảnh bí mật, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* lựa chọn cách viết ngắn gọn và sơ giản nhất có thể. Mặc dù 40 năm sau khi văn bản quan trọng này được soạn thảo, tác giả của nó, đồng chí Trường Chinh cho rằng: “Đề cương về văn hóa Việt Nam không dài, có nhiều hạn chế vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề về cách mạng văn hóa Việt Nam”<sup>2</sup>, nhưng với tất

1. Xem <https://tuyengiao.vn/nhip-cau-tuyen-giao/ban-tuyen-giao-tw/he-gia-tri-quoc-gia-la-suc-manh-noi-sinh-de-dan-toc-phat-trien-142121>.

2. *Bốn mươi năm Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985. Dẫn theo Phạm Mai Hùng: “Bối cảnh ra đời và ý nghĩa của Đề cương về văn hóa năm 1943”, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 4, 2003, tr.6-9.

cả sự cô đọng, súc tích, có thể nói, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã vạch ra được những đường hướng chiến lược quan trọng cho phát triển văn hóa Việt Nam. Ba nguyên tắc vận động: “dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa” chính là những nội dung quan trọng đặt nền móng cho các văn kiện quan trọng về văn hóa của Đảng và các chiến lược phát triển văn hóa của Chính phủ trong 80 năm qua.

Tiếp nối các khái niệm nền tảng được đề xuất trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, sự khai triển các chiến lược văn hóa và thực thi các chính sách văn hóa trong 80 năm qua đã làm sâu hơn nội hàm của tính dân tộc, tính khoa học và tính đại chúng của nền văn hóa Việt Nam. Quan điểm về vai trò của văn hóa “là nền tảng tinh thần xã hội, là mục tiêu, là động lực của sự phát triển bền vững đất nước” và quan điểm về việc “coi văn hóa là một nguồn lực nội sinh phát triển đất nước” ở các văn kiện và các văn bản chính sách chính là sự tiếp nối từ ngọn nguồn được khởi soạn trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cách đây 80 năm.

Nhận diện dòng chảy chưa bao giờ đứt đoạn từ các khái niệm “dân tộc - đại chúng - khoa học” tới quan điểm “văn hóa như một nguồn lực nội sinh phát triển bền vững đất nước” cũng chính là khẳng định sức sống của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong bối cảnh đương đại. Dường như có một sự tương đồng giữa tính chất của thời điểm biên soạn Đề cương và bối cảnh hiện nay: Đất nước đang đứng trước những vận hội mới; vận hội đó đang một lần nữa yêu cầu nhận chân vai trò của văn hóa và đòi hỏi các nhà quản lý văn hóa thực hiện những trọng trách quan trọng của mình đối với sự phát triển của đất nước. Trước các làn sóng toàn cầu hóa đang diễn ra sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới, trước áp lực mạnh mẽ của kinh tế thị trường, trước những tác động của những biến đổi mau lẹ thế giới đến sự phát triển đất nước, việc kiên định dựa trên ba trụ cột “dân tộc - đại chúng - khoa học” trong kiến tạo nguồn lực nội sinh và bản sắc văn hóa dân tộc nhằm mưu cầu hạnh phúc cho người dân luôn là một vấn đề có ý nghĩa thời sự.

## MỘT SỔ VẤN ĐỀ TÍNH DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG, KHOA HỌC CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

TS. NGUYỄN THỊ MAI ANH\*

Một trong những điểm nổi bật của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là đề cập một cách toàn diện và sâu sắc các khía cạnh văn hóa và các đặc thù văn hóa dân tộc Việt Nam. Tinh thần của bản Đề cương là văn hóa phải kế thừa những kinh nghiệm của văn hóa xưa và tiếp thu có chọn lọc những yếu tố văn hóa mới phù hợp để xây dựng nền văn hóa mới. 80 năm nhìn lại, ba nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học được Đề cương nhấn mạnh đã trở thành các nguyên tắc cơ bản, vừa là cơ sở nền tảng, vừa là mục tiêu đạt tới đối với mọi sự kế thừa và tiếp thu. Đây cũng là một trong những nội dung cốt lõi làm nên giá trị trường tồn của Đề cương.

Tiếp cận văn hóa ở cả khía cạnh văn hóa tinh thần và văn hóa vật chất; đặc biệt ở cả giá trị văn hóa và phần văn hóa có thể thấy những giá trị văn hóa được *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đề cập đến đều mang tính phổ biến, phổ quát, và thể hiện sâu sắc, toàn diện bản chất, đặc trưng của văn hóa Việt Nam.

Với vị trí địa chính trị, địa kinh tế, lịch sử phát triển Việt Nam gắn với những thời kỳ có sự giao lưu, tiếp biến văn hóa với rất nhiều quốc gia ở các châu lục trên thế giới. Với đặc thù là quốc gia đa dân tộc (có 54 dân tộc), văn hóa Việt Nam được khái quát là có sự đa dạng trong thống nhất. Văn hóa của 54 dân tộc đã tạo nên sự giàu có của văn hóa Việt Nam, tạo nên bản sắc văn hóa vô cùng đa dạng, tạo nên những giá trị văn hóa vô cùng độc đáo, trở thành những dấu ấn đậm nét của từng vùng, miền, tộc người.

---

\* Vụ trưởng, Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội, Tạp chí Cộng sản.



Lịch sử phát triển qua các thời kỳ của văn hóa cho thấy, sự tiếp biến văn hóa luôn gắn với những biến đổi xã hội. Quá trình phát triển xã hội vừa chịu tác động của văn hóa, vừa tác động trở lại, làm biến đổi văn hóa, thông qua sự hòa nhập giữa văn hóa các thành phần, tầng lớp trong xã hội. Thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, tác động mặt trái của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã khiến ranh giới giữa văn hóa và phản văn hóa có lúc đối kháng quyết liệt, có lúc bị trộn lẫn; tuy nhiên, xét về khía cạnh xã hội, bối cảnh này cũng giúp phân định rõ, cho thấy đâu là những giá trị văn hóa tốt đẹp cần gìn giữ phát huy, đâu là những phản văn hóa cần điều chỉnh, thậm chí loại bỏ.

Trên cơ sở khái quát một số nội dung, khía cạnh cơ bản về phát triển văn hóa trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được Đảng ta kế thừa, tiếp tục trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước, lãnh đạo nhân dân trong hơn 80 năm qua (Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946; Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai năm 1948; Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng năm 2021); trên cơ sở bối cảnh thực tiễn đất nước sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, khi nền văn hóa Việt Nam đang đứng trước những thách thức to lớn đến từ bên trong nội bộ đất nước (khi chúng ta thực hiện công cuộc đổi mới, mở cửa, thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,...) và những thách thức đến từ bên ngoài (toàn cầu hóa, sự phát triển kinh tế tri thức, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư,...), chúng tôi đi sâu vào ba nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học, phân tích theo hướng ba nguyên tắc này đã trở thành nền tảng quan trọng, vừa là cơ sở nền tảng, vừa là mục tiêu đạt tới đối với mọi sự kế thừa và tiếp thu, góp phần vào những định hướng cơ bản cho một nền văn hóa mới trong bối cảnh mới.

*Thứ nhất, vấn đề văn hóa và dân tộc.*

Đề cương đề cập: “Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch, thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập)”.

Luận điểm này được kế thừa ngay từ khi mới thành lập nước. Năm 1946, chỉ một năm sau khi nước ta giành được độc lập, Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất đã được tổ chức. Mặc dù đất nước đang trong thời kỳ khó khăn nhưng đứng trước yêu cầu về xây dựng một nền văn hóa mới vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Hội nghị vẫn được tổ chức. Trong bài phát biểu khai mạc,

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Phải tiếp thu những kinh nghiệm của văn hóa xưa và nay để xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam với ba tính chất: Dân tộc, khoa học, đại chúng”. Ở thời điểm đó, nội dung cơ bản, mang đậm giá trị cốt lõi, bản chất của văn hóa trong vấn đề dân tộc được đúc kết trong ý nghĩa “lấy hạnh phúc của đồng bào... làm nội dung phản ánh” - đây cũng là nội dung được xác định từ Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (năm 1946) và lần thứ hai (năm 1948). Đây chính là sự kế tục đường lối văn hóa của Đảng đã được đề ra từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Luận điểm này tiếp tục được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về lĩnh vực văn hóa: “Văn hóa nói lên bản sắc của một dân tộc. Dân tộc còn thì văn hóa còn, văn hóa mất thì dân tộc mất”. Trong bất kỳ giai đoạn nào, những yếu kém, khuyết điểm về văn hóa tất yếu sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến đời sống xã hội, đến một mức độ nào đó, có thể gây hậu quả nguy hại đối với quá trình phát triển của cả đất nước. Rõ ràng, vừa trực tiếp, vừa gián tiếp, văn hóa luôn ảnh hưởng sâu sắc đến đất nước - dân tộc. Hệ quan điểm này nhất quán với tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa và dân tộc.

Năm 1998, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về “xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” khẳng định một cách trực diện mối quan hệ giữa văn hóa với dân tộc, chỉ rõ nhiệm vụ “xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, trong đó, *tiên tiến* là tiếp thu có chọn lọc những thành tựu, tinh hoa văn hóa của thế giới, *đậm đà bản sắc dân tộc* là kế thừa, phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Từ đó đến nay, các quan điểm cơ bản về xây dựng nền văn hóa tiếp tục khẳng định với các nhiệm vụ: xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng tinh thần” liên tục được kế thừa và bổ sung, phát triển với định hướng văn hóa là “động lực và nguồn lực cho phát triển”.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và khi công nghệ thông tin - truyền thông, mạng internet, mạng xã hội tạo ra những môi trường văn hóa không biên giới, tạo ra những sắc thái văn hóa đa dạng, đa chiều, đa tầng..., nguyên tắc này càng đặc biệt được coi trọng. “Xâm lăng văn hóa” là câu chuyện được nhắc lại với sự quan tâm sâu sắc của nhiều quốc gia từ khi công nghệ

thông tin với những thành tựu to lớn về internet đem lại những cơ hội cho giao lưu văn hóa giữa các quốc gia - dân tộc; đồng thời, cũng tạo ra những nguy cơ “xâm lăng văn hóa” của các quốc gia phát triển đối với các quốc gia đang phát triển thông qua sự hỗ trợ của mạng internet, mạng xã hội,... Xu thế về một xã hội thông tin, về phát triển các ứng dụng trên nền tảng internet là không thể tránh khỏi, do đó, các quốc gia chỉ có phương cách duy nhất là xây dựng một “vành đai” văn hóa để bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, độc đáo, tiếp thu có chọn lọc các tinh hoa văn hóa từ các nền văn hóa khác thông qua từng cá nhân chủ thể cho đến cộng đồng. “Vành đai” văn hóa này hàm ý cả ý nghĩa tinh thần và vật chất. Về tinh thần, đó là phải xây dựng được một môi trường văn hóa lành mạnh, tạo ra một thế hệ các chủ thể biết yêu và có ý thức gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; có tri thức đủ để phân biệt được các giá trị văn hóa không phù hợp; có trách nhiệm với cộng đồng trong đấu tranh với phản văn hóa,... Về vật chất, đó là phải xây dựng được một hệ thống thiết chế văn hóa đầy đủ, hợp lý, hoạt động hiệu quả từ trung ương đến cơ sở, trong đó bao hàm cả việc trang bị một nền tảng kỹ thuật công nghệ hiện đại, một kỹ năng sử dụng công nghệ thành thạo để vừa biết tiếp nhận vừa biết phản bác, đấu tranh... Đây là “vành đai” hiệu quả nhất mang tính chủ động để bảo vệ một cách bền vững văn hóa truyền thống dân tộc và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại trong mọi bối cảnh, tình huống, “chống mọi ảnh hưởng nô dịch, thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”.

*Thứ hai, vấn đề văn hóa và đại chúng.*

Đề cương đề cập: “Đại chúng hóa là (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đại chúng hoặc xa đông đảo quần chúng)”.

Bối cảnh giao lưu, tiếp biến, thậm chí là xung đột giữa các nền văn hóa hiện nay đã và đang tạo ra những tình thế buộc chúng ta phải lựa chọn con đường phát triển văn hóa một cách rõ nét để định hướng cho văn hóa phát triển. Toàn cầu hóa khiến các quốc gia gần lại nhau hơn cả về các yếu tố văn hóa, với những sự đan cài, xen lẫn; kinh tế tri thức thúc đẩy khoa học - công nghệ phát triển; mạng xã hội xóa nhòa ranh giới địa lý, ranh giới giữa các nền văn hóa trên không gian mạng cũng có lúc, có vấn đề không còn tồn tại khác biệt. Nền văn hóa Việt Nam vốn mang bản chất của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa với tính nhân dân rộng khắp và tính dân tộc sâu sắc, đã và đang tiếp

thu những xu hướng văn hóa đa dạng từ các nền văn hóa khác trên thế giới; bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc đã và đang đứng trước những thách thức của các xu hướng mới trong thời kỳ hiện đại... Xét về bản chất, nền văn hóa mang tính đại chúng là nền văn hóa đậm tính nhân văn, nhằm phục vụ quảng đại nhân dân, “chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đại chúng hoặc xa đông đảo quần chúng”... Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, yêu cầu về đại chúng hóa trong bối cảnh hiện nay không còn bó hẹp trong phạm vi một đất nước, một quốc gia, một dân tộc, mà phải ở tầm thế giới, hàm nghĩa “nhân dân” còn mang tính nhân loại. Đây là một trong những đặc điểm mới của nguyên tắc đại chúng trong thời kỳ hiện đại. Và một nền văn hóa được nhiều quốc gia - dân tộc tiếp thu và phát triển là nền văn hóa tinh hoa (tất nhiên ở đây cần phân biệt rõ giữa tiếp thu, phát triển với phổ biến và lan tràn).

Đề cương nêu: Đại chúng hóa là “chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đại chúng hoặc xa đông đảo quần chúng”. Quan điểm này trở thành một căn cứ quan trọng, làm rõ hơn ý nghĩa về mối quan hệ giữa văn hóa và con người, trong đó, với vai trò chủ thể văn hóa, con người vừa là đối tượng, vừa là mục đích và trở thành trung tâm phát triển văn hóa. Như vậy, từ nhận thức về vai trò chủ thể của văn hóa, từ nhận thức văn hóa phải phục vụ con người, vì sự phát triển con người và phát triển con người toàn diện chính là nền tảng vững chắc, là kế sách lâu bền để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, ngày 9/6/2014, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tiếp đó, ngày 4/6/2020, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Kết luận số 76-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Có thể thấy, chủ trương gắn phát triển văn hóa với phát triển con người, nhằm mục tiêu phục vụ con người theo tinh thần bản Đề cương đã trở thành chủ trương xuyên suốt từ nhiều năm qua. Trong hai nhiệm kỳ gần đây, đặc biệt là nhiệm kỳ Đại hội XIII, việc xây dựng văn hóa, con người được đặc biệt coi trọng.

Trong tác phẩm *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

tiếp tục khẳng định: “Phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng...”. Như vậy, nguyên tắc đại chúng hóa trong bối cảnh hiện nay được nhấn mạnh, mở rộng và đánh giá, nhìn nhận ở một tầm vóc mới.

*Thứ ba, vấn đề văn hóa và khoa học.*

Đề cương đề cập: “Khoa học hóa (chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ)”.

Văn hóa là quá trình đấu tranh với cái xấu để hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ, và một nền văn hóa chân chính, lành mạnh luôn bao hàm các giá trị tốt đẹp. Văn hóa luôn mang tính khoa học từ trong quá trình phát triển, nếu “thuận thiên”, nếu bao hàm các giá trị tốt đẹp thì văn hóa phát triển, nếu bao hàm nhiều yếu tố phản văn hóa, tức là phản khoa học (không đúng bản chất, quy luật tồn tại của văn hóa) thì văn hóa có nguy cơ mai một, thậm chí tiêu vong. Chính vì vậy, bảo đảm tính khoa học, “chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ” là một phần tất yếu trong quá trình tồn tại và phát triển của văn hóa.

Tính khoa học trong văn hóa còn thể hiện ở sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Nhìn nhận từ khía cạnh học thuật và xét trên thực tiễn, văn hóa không tách rời với các lĩnh vực khác, từ chính trị, kinh tế, xã hội, con người... Kế tục đường lối phát triển văn hóa được đề ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, kế thừa quan điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh: Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị; quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng nên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc); “mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã khẳng định: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”. Trong thời gian gần đây, Đảng, Nhà nước ta đã thường xuyên nhấn mạnh việc phát triển văn hóa, coi văn hóa là một trong các trụ cột phát triển. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 cũng khẳng định: “Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội”. Trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (ngày 24/11/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tiếp tục nhấn mạnh: “Từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (2/9/1945) đến nay, nền văn hóa của nước ta luôn gắn kết máu thịt với lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, với vận mệnh của dân tộc”.

Nền văn hóa khoa học bao hàm toàn diện các mặt, các lĩnh vực văn hóa. Nhiều nhà nghiên cứu thống nhất quan điểm văn hóa tinh thần gồm các tư tưởng, giá trị tinh thần, những lý luận mà con người sáng tạo ra trong quá trình sinh sống; văn hóa tinh thần được tạo ra để phục vụ cho các hoạt động tinh thần như ứng xử, kỹ năng, tri thức, giá trị khoa học nghệ thuật với những nguyên tắc, tiêu chí có tác động chi phối các hoạt động của con người. Văn hóa vật chất là các sản phẩm vật thể, đồ dùng, dụng cụ do con người làm ra dùng để chỉ năng lực sáng tạo của con người. Soi chiếu nhận thức này vào thực tiễn thời kỳ kinh tế tri thức và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay, có thể thấy: văn hóa không chỉ bao gồm các giá trị tinh thần, mà văn hóa còn được hiểu như một lĩnh vực kinh tế, một ngành kinh tế mang lại lợi nhuận cao, mang đến những lợi ích vật chất rất cụ thể. Các chủ thể văn hóa hiện nay được xác định rõ không chỉ là văn nghệ sĩ, các nhà quản lý văn hóa mà còn là các doanh nhân, nhà quản lý nói chung, là tất cả các chủ thể có mối quan hệ với nhau trong xã hội ở mọi lĩnh vực, là các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức,... Và tính chất văn hóa cũng không chỉ nằm trong phạm vi các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, giải trí mà nằm trong tất cả các hoạt động xã hội, các quan hệ xã hội.

Xét theo ba đặc trưng cơ bản của văn hóa là: tính lịch sử, tính giá trị, tính hệ thống (tính lịch sử khiến văn hóa trở thành một phần không thể tách rời trong quá trình phát triển của các lĩnh vực đời sống xã hội. Tính giá trị khiến văn hóa trở thành một phần thước đo giá trị các hoạt động trong đời sống xã hội. Tính hệ thống khiến văn hóa luôn có mối liên hệ với các lĩnh vực khác, luôn hiện diện trong mọi hoạt động của đời sống xã hội), có thể thấy, văn hóa luôn có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, luôn nằm trong tổng hòa các mối quan hệ xã hội, hơn thế, văn hóa còn mang ý nghĩa vừa là nền tảng, vừa dẫn dắt, định hướng sự phát triển. Khi văn hóa được đề cao, môi trường văn hóa lành mạnh thì xã hội ổn định, phát triển và ngược lại. Chính vì vậy, làm

rõ tính khoa học, mối quan hệ của văn hóa trong từng thời kỳ, từ đó có đối sách văn hóa phù hợp để thúc đẩy phát triển là quan trọng và cần thiết.

Lý luận về văn hóa cũng chỉ rõ mối quan hệ giữa văn hóa và con người, văn hóa được hình thành thông qua từng hành vi của cá nhân con người, khái quát thành thói quen, quan niệm trong cộng đồng. “Văn hóa được xem là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử” và ngược lại văn hóa có tác động trở lại, định hướng hành vi, nhận thức của con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cho rằng: xây dựng nền văn hóa mang tính khoa học, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, phải xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Một nền văn hóa mang tính khoa học là nền văn hóa tiến bộ, hướng vào phục vụ mục tiêu phát triển đất nước, con người; là sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, là sự kế tục những giá trị nội sinh của nền văn hóa truyền thống đồng thời có xác lập giá trị mới. Do đó, yêu cầu phân biệt được các giá trị văn hóa và phản văn hóa, yêu cầu định hướng cho sự phát triển đúng đắn, phù hợp văn hóa Việt Nam trong thế giới đa dạng, đầy phức tạp và khó lường này vừa là yêu cầu tất yếu, vừa phù hợp với quy luật phát triển, bảo đảm tính khoa học.

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước, đặc biệt là Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã rất coi trọng, đề cao văn hóa, xác định trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay *phải lấy văn hóa là cái gốc, là nền tảng để thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ*. Đây là thể hiện sinh động, phù hợp tính khoa học của văn hóa trong bối cảnh mới. Muốn đất nước độc lập, tự cường, tự chủ thì trước tiên phải có một nền văn hóa độc lập, phát triển mạnh mẽ, một nền văn hóa không chỉ tạo nên một nền tảng tinh thần vững chắc mà còn là động lực, nguồn lực tạo ra các giá trị vật chất, tạo ra lợi ích kinh tế lớn để đất nước phát triển với tâm thế tự chủ, với sức mạnh từ chính nội lực bên trong.

## SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HÓA TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 ĐẾN HỘI NGHỊ VĂN HÓA TOÀN QUỐC THÁNG 11/2021

GS.TS. HOÀNG CHÍ BẢO\*

### 1. Giá trị và ý nghĩa của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - 80 năm nhìn lại

Tháng 2/1943, cách đây vừa đúng 80 năm, giữa lúc tình thế và thời cơ cách mạng giải phóng dân tộc đang dần chín muồi, phong trào cách mạng và khí thế đấu tranh của quần chúng đang dâng cao, nhất là có sự cổ vũ và thúc đẩy của Hội nghị Trung ương 8, tháng 5/1941 - Hội nghị quyết định chuyển hướng chiến lược đặt giải phóng dân tộc lên hàng đầu do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì, Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) được thành lập để quy tụ sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc vào nhiệm vụ cứu quốc, đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng đã trực tiếp khởi thảo bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Văn kiện lịch sử này mang tâm vóc một *Cương lĩnh của Đảng về văn hóa*. Đó là văn hóa của thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc, đặt nền tảng xây dựng nền văn hóa mới dân chủ và cách mạng, đồng thời rọi sáng về xu thế và triển vọng của nền văn hóa tương lai xã hội chủ nghĩa sau này.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* được thảo luận và thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại một địa điểm An toàn khu của cách mạng - làng Võng La, huyện Đông Anh, nay thuộc ngoại thành Hà Nội, từ

---

\* Chuyên gia cao cấp, nguyên Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương.



ngày 25/2 đến ngày 28/2/1943<sup>1</sup>. Trong không khí sục sôi của cách mạng, giữa dòng sự kiện và những diễn biến phức tạp của tình hình, Đảng ta và đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đã sớm nhận thấy vai trò và tác động của văn hóa, đã định hướng sự phát triển bước ngoặt của cách mạng *bằng văn hóa*. Đó là tư tưởng lớn thuộc về tầm nhìn chiến lược. Tác dụng của Đề cương văn hóa được chứng thực từ thực tiễn và thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, của xây dựng chính thể cộng hòa, của đường lối và phương châm vừa kháng chiến vừa kiến quốc cũng như qua các chặng đường lịch sử sau này trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với sức mạnh nội sinh của văn hóa, của lòng yêu nước, sức sáng tạo, dũng cảm, hy sinh của con người Việt Nam và toàn thể dân tộc Việt Nam. Luận điểm thiên tài của Hồ Chí Minh: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” mãi mãi còn giá trị khi khẳng định văn hóa là mục tiêu, động lực của phát triển. Con người là chủ thể sáng tạo văn hóa và sáng tạo lịch sử. Trong bảng giá trị văn hóa (chân - thiện - mỹ), *con người là giá trị cao nhất - giá trị của mọi giá trị. Sự phát triển và hoàn thiện nhân cách con người có thể xem đó là chiến thắng lớn nhất của văn hóa*.

Khi xác định ba đặc tính cơ bản của văn hóa Việt Nam: dân tộc - đại chúng - khoa học, từ đó xác lập ba nguyên tắc cốt lõi xây dựng nền văn hóa Việt Nam - một nền văn hóa mới do cách mạng sinh thành: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa thì tất cả những giá trị và định hướng đó đều xuất phát và quy tụ vào chủ thể văn hóa, từ cá nhân tới cộng đồng dân tộc. Đó là con người Việt Nam, nhân dân và dân tộc Việt Nam.

Để nhận rõ giá trị và ý nghĩa của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cần phải nói đến những cống hiến xuất sắc của Tổng Bí thư Trường Chinh trên tư cách một lãnh tụ của Đảng, đồng thời là một nhà văn hóa lớn, người học trò xuất sắc của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Từ phương diện con người và nhân cách văn hóa, dấu ấn của Trường Chinh rất nổi bật trong hành trình tư tưởng lý luận của Đảng ta về văn hóa và lãnh đạo xây dựng nền văn hóa mới của Đảng và của dân tộc. Có một mối quan hệ rất cảm động, lại cũng có những nét tương đồng giữa Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với

---

1. Đức Vương: *Tổng Bí thư Trường Chinh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.206-218.

Đặng Xuân Khu - Trường Chinh ở những sự kiện lịch sử bước ngoặt, ở những đồng cảm sâu sắc về văn hóa nghệ thuật, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa trí tuệ và bản lĩnh của người chiến sĩ cách mạng với tâm hồn và phong cách của nhà thơ, nhà văn hóa lớn.

Tám mươi năm nhìn lại nguồn sáng và sức lan tỏa lâu bền của bản Đề cương văn hóa cũng là 80 năm nhìn lại cuộc đời và sự nghiệp của Trường Chinh cùng những cống hiến to lớn của ông với Đảng, với dân tộc của chính tác giả văn kiện nổi tiếng này:

*Trước hết*, trong ký ức của lịch sử, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 của Đảng, tháng 5/1941, ở đầu nguồn Pác Bó do chính Trường Chinh dự thảo, được Nguyễn Ái Quốc tán thành, đánh giá cao. Người chỉ đề nghị một điều, viết ngắn lại và cô đọng lại. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là sự vận dụng và cụ thể hóa sâu sắc thêm những tư tưởng của Nghị quyết Trung ương 8 về văn hóa. Đây cũng là sự vận dụng và cụ thể hóa tư tưởng về văn hóa của Hồ Chí Minh, do Hồ Chí Minh khởi xướng.

Nghị quyết Trung ương 8 trong khi giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đã đề cập tới vấn đề dân tộc và văn hóa của mỗi dân tộc: Các dân tộc sống trên cõi Đông Dương sẽ tùy theo ý muốn, tổ chức thành Liên bang Cộng hòa Dân chủ hay đứng riêng thành một dân tộc quốc gia theo ý muốn. Và, văn hóa của mỗi dân tộc sẽ được tự do phát triển, tồn tại, tiếng mẹ đẻ của các dân tộc sẽ được tự do phát triển, tồn tại và bảo đảm. Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và tôn trọng... Quan điểm khoa học và chính trị sáng suốt đó là sự thấm nhuần tư tưởng của V.I. Lênin về quyền tự quyết dân tộc và bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện trong đặc tính dân tộc - đại chúng - khoa học của nền văn hóa dân tộc mà cách mạng sẽ xây dựng và phát triển.

Cũng như vậy, các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa trong xây dựng nền văn hóa mới đã làm sáng tỏ mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, giữa Tổ quốc với nhân dân, khẳng định vai trò nhân dân như chủ thể sáng tạo văn hóa, cảm thụ và tiêu dùng các giá trị văn hóa của chính mình tạo ra, văn hóa phải đi vào cuộc sống của đại đa số quần chúng nhân dân, phải làm thỏa mãn lợi ích và quyền, chủ quyền của người dân, xét về văn hóa, văn hóa vật chất cũng như văn hóa tinh thần.

Để nhân dân trong từng quốc gia - dân tộc có thể sở hữu được văn hóa, phải làm cho người dân có độc lập, tự do về chính trị, tức là phải giành được

độc lập, người dân là người chủ, xóa bỏ địa vị, thân phận nô lệ, đồng thời phải được trang bị về *học vấn* làm tiền đề nhận thức cho sự hiểu biết và sáng tạo văn hóa.

Đại chúng hóa phải dựa trên cơ sở của khoa học hóa và lấy hồn cốt và cốt cách, sinh khí và bản sắc từ dân tộc hóa với truyền thống dân tộc, bản sắc văn hóa dân tộc để khẳng định  *tinh thần dân tộc, ý thức và bản lĩnh dân tộc*, thể hiện về trí tuệ và phẩm giá dân tộc, tự do chứ không làm nô lệ, như sau này Hồ Chí Minh nói “chết tự do còn hơn sống nô lệ”. Con người sáng tạo ra văn hóa, đến lượt nó, văn hóa đào luyện và hoàn thiện nhân cách, phẩm giá con người. Trong dòng sông văn hóa ấy mà con người sống - hoạt động sáng tạo như một sự lựa chọn giá trị, con người Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại họ đã *chọn dòng trong chứ không chọn dòng đục*. Tinh thần dân tộc và tâm hồn dân tộc chân chính ấy chói sáng ở lòng yêu nước, ở chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân văn có từ trong truyền thống hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam, đó là sức sống bất diệt, là hằng số của dân tộc và văn hóa dân tộc Việt Nam.

Đạo đức là cốt lõi của văn hóa. Lòng vị tha, nhân ái, khoan dung trong phẩm chất, đặc tính con người Việt Nam làm cho  *tính dân tộc* và *khuyñh hướng dân tộc hóa* của văn hóa Việt Nam là tốt đẹp và tích cực, nó xa lạ, không có một chút gì chung với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, cực đoan, vị kỷ. Khoan dung, bao dung, độ lượng của con người Việt Nam vừa là đạo đức vừa là chính trị và hợp lại thành ra *văn hóa* - một nền văn hóa *dân chủ* như một đặc tính, một nền văn hóa *bao dung* (biết chấp nhận, biết chia sẻ, biết đồng cảm, rộng lượng) như một giá trị và một thế ứng xử.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam như một thiết kế từ tư tưởng lý luận văn hóa, vừa truyền thống vừa hiện đại*. Nó giải thích vì sao, qua 80 năm, độ lùi của thời gian càng xa, giá trị, ý nghĩa và sức sống của nó càng tỏa sáng. Nó vẫn còn mãi trong hành trình xây dựng, kiến tạo văn hóa mới, con người mới trong thời đại mới ở Việt Nam - thời đại Hồ Chí Minh<sup>1</sup> - thời đại của độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, của giải phóng dân tộc vì độc lập, tự do để phát triển dân tộc với hệ giá trị độc lập - tự do - hạnh phúc mà suốt đời

---

1. Đảng ta chính thức đề cập tới “Thời đại Hồ Chí Minh” trong Điều văn truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 9/9/1969. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.630.

Hồ Chí Minh theo đuổi. Ngày nay, đó là định hướng xã hội chủ nghĩa để định hình chủ nghĩa xã hội, là khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc để dân tộc cường thịnh, trường tồn như Đảng ta nói rõ trong văn kiện Đại hội XIII<sup>1</sup>. Muốn thực hiện khát vọng phát triển, phải nuôi dưỡng và phát huy  *tinh thần cống hiến, khát vọng cống hiến*<sup>2</sup> của mỗi con người Việt Nam với lực đẩy “Tổ quốc trên hết, dân tộc trên hết” - rất hệ trọng và rất thiêng liêng. Bằng cách nào sâu xa nhất để nuôi dưỡng tinh thần và khát vọng cống hiến đó để biến khát vọng phát triển thành hiện thực sinh động, sống động của phát triển, làm cho đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn? Trả lời cho câu hỏi ấy, chỉ có thể là khai thác, tận dụng *sức mạnh nội sinh, nguồn lực nội sinh từ văn hóa, từ con người Việt Nam*. Đó cũng là ý nghĩa hiện thời và tương lai của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*.

*Thứ hai*, nét tương đồng, sự đồng điệu về tư tưởng và tâm hồn giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập Đảng với Tổng Bí thư Trường Chinh là ở đâu?

Sau khi viết và xuất bản *Lịch sử nước ta* bằng thơ vào cuối năm 1941 với một dự báo thiên tài: “Năm 1945 Việt Nam độc lập”, Nguyễn Ái Quốc lên đường đi Trung Quốc để liên hệ với cách mạng và lực lượng quốc tế, ngày 21/8/1942, Người chính thức lấy tên mới là Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian đó, Đặng Xuân Khu viết bài “Cải cách”, đăng trên Báo *Cờ giải phóng* số 1 nhằm làm rõ khuynh hướng cải lương phải tránh và khẳng định con đường cách mạng “đến nơi” (chữ dùng của Nguyễn Ái Quốc trong *Đường Cách mệnh*, 1927) do Đảng lãnh đạo và phải giành cho được độc lập. Đó là ngày 10/10/1942, lần đầu tiên, Đặng Xuân Khu đặt tên mới cho mình là “Trường Chinh” - cái tên đã đi vào lịch sử Đảng và cho đến tận cuối đời của ông.

Hồ Chí Minh trực tiếp soạn thảo *Cương lĩnh* đầu tiên của Đảng, trực tiếp viết *Lời kêu gọi* quốc dân đồng bào đoàn kết, tập hợp dưới cờ Việt Minh, “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Người còn soạn Chương trình hành động của Việt Minh, Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam, Lời kêu gọi khởi nghĩa, giành

---

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.34, 47.

chính quyền... đến *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và biết bao văn kiện, lời kêu gọi, thư từ, thơ ca... truyền cảm hứng, mãnh liệt tới toàn dân, toàn Đảng, toàn quân.

Trường Chinh trực tiếp soạn thảo chỉ thị lịch sử trong giờ phút khẩn trương của vận mệnh dân tộc *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, ngày 9/3/1945.

Trong lao tù của chế độ Tưởng Giới Thạch, Hồ Chí Minh với nghị lực phi thường, vượt qua hoàn cảnh tăm tối bị đọa đày, đã viết *Ngục trung nhật ký*, gồm 133 bài thơ bằng chữ Hán. Đó là một chặng đường đặc biệt trong cuộc đời và tiểu sử của Người. Và với “tâm hồn lộng gió thời đại”, Người có cả một tuyên ngôn về thơ, về nghệ thuật:

“*Nay ở trong thơ nên có thép  
Nhà thơ cũng phải biết xung phong*”<sup>1</sup>.

Người còn trù tính xây dựng chiến lược văn hóa trên cơ sở một quan niệm toàn diện về văn hóa: xây dựng tâm lý, lý tưởng, tinh thần độc lập tự cường; xây dựng luận lý, biết hy sinh, làm lợi cho quần chúng; xây dựng xã hội, một sự nghiệp có quan hệ tới phúc lợi xã hội; xây dựng chính trị dân quyền và xây dựng kinh tế<sup>2</sup>.

Trường Chinh với bài thơ nổi tiếng *Là thi sĩ* đã đi tiên phong trong đấu tranh tư tưởng, khẳng định “nghệ thuật vị nhân sinh” và đưa ra một tuyên ngôn nghệ thuật của nhà thơ cộng sản. *Là thi sĩ* với bút danh “Sóng Hồng”, sáng tác vào mùa hè năm 1942, chính là phản ánh tuyên ngôn nghệ thuật của ông, là nguồn cảm hứng nghệ thuật chính trị - một khúc dạo đầu cho Đề cương văn hóa, tháng 2/1943.

Cũng cần nói thêm rằng, trong cuộc đời của mình, trước những tình huống và hoàn cảnh bước ngoặt, Trường Chinh là người được Hồ Chí Minh trực tiếp đề nghị đảm nhiệm chức vụ Tổng Bí thư để hoàn thiện cơ quan lãnh đạo tối cao của Đảng tại Hội nghị Trung ương 8, tháng 5/1941. Cho nên, khi viết *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Trường Chinh đã ở cương vị Tổng Bí thư, trực tiếp phát ngôn quan điểm của Đảng về văn hóa và xây dựng nền văn hóa nước Việt Nam mới.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.451.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.458.

Những điều trình bày trên đây cốt để nói dấu ấn của Hồ Chí Minh và của Trường Chinh trong kiến tạo lý luận văn hóa, văn học nghệ thuật của Đảng ta trong một thời kỳ lịch sử đặc biệt.

Như đã nói, con người là giá trị cao nhất và kết tinh các giá trị trong bảng giá trị văn hóa. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đề cập đến những tư tưởng lớn ở tầm chiến lược về *xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam*. Trong nghiên cứu, tìm tòi để nhận ra diện mạo những hệ giá trị nền tảng đó, không thể không nói đến những nhân cách văn hóa như Hồ Chí Minh và Trường Chinh và *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cũng như 5 điểm lớn trong xây dựng văn hóa Việt Nam mà Hồ Chí Minh viết ở cuối tập thơ *Nhật ký trong tù*.

Thời điểm của sự ra đời hai văn kiện vô giá này là tương đồng, Hồ Chí Minh trong lao tù ở Quảng Tây và Trường Chinh đang lãnh đạo Trung ương ở trong nước, trong hoạt động bí mật giữa những ngày bão táp.

## **2. Tư tưởng và triết lý Hồ Chí Minh về văn hóa - một khái lược qua những luận đề tiêu biểu của Người**

Ngoài quan niệm về văn hóa và trù tính 5 điểm lớn xây dựng nền văn hóa Việt Nam như đã nêu trong *Nhật ký trong tù*, Hồ Chí Minh còn xác định *mối quan hệ* giữa văn hóa với kinh tế và chính trị bằng một luận đề tiêu biểu: Văn hóa không ở bên ngoài mà ở trong kinh tế và chính trị, nghĩa là tác động biện chứng và thúc đẩy lẫn nhau giữa các lĩnh vực cơ bản này của đời sống xã hội. Người còn nhấn mạnh, đời sống có bốn mặt ngang nhau, không được tách rời và xem nhẹ một mặt nào: kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Chỉ dẫn này có ý nghĩa quan trọng và thiết thực trong hoạch định chính sách để xây dựng và quản lý xã hội. Tuy không đề cập tới môi trường, nhưng trên thực tế, Người rất quan tâm và chú trọng tới môi trường tự nhiên sinh thái cũng như môi trường xã hội - nhân văn trong phát triển xã hội, phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa (từ phát động Tết trồng cây, bảo vệ rừng, giữ gìn vệ sinh, phát huy các giá trị thuần phong, mỹ tục, đặc biệt về đạo đức, từ truyền thống đạo đức dân tộc đến đạo đức trong Đảng...).

Hồ Chí Minh gợi mở một tư tưởng lớn: phải làm cho chính trị thấm sâu vào đời sống dân gian. Không chỉ tuyên truyền chính trị, chủ trương, đường lối, chính sách làm cho dân giác ngộ và dân tin tưởng, mà còn phải ra sức thực

hành chính trị dân chủ, gây dựng chính thể dân chủ cộng hòa, ngày nay là Nhà nước pháp quyền. Muốn vậy, phải làm cho văn hóa, nhất là đạo đức cần, kiệm, liêm, chính của cán bộ, đảng viên và nhân dân thấm sâu vào trong hoạt động, đời sống, lối sống của mọi người, trước hết là trong Đảng, chính quyền, đoàn thể, ngày nay chúng ta gọi chung là hệ thống chính trị. Người có hai luận điểm rất quan trọng: “Chính trị là đoàn kết và thanh khiết, thanh khiết từ nhỏ đến lớn”, “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”. Đó chính là sự *thấm nhuần* văn hóa, sự thấm thấu văn hóa vào trong chính trị cũng như trong kinh tế và xã hội.

Ngày nay trong nhiều văn kiện, Đảng ta nhấn mạnh phải đầu tư cho văn hóa tương xứng với tầm vóc của nó, ngang với đầu tư cho kinh tế; đồng thời, *phải đưa văn hóa vào trong chính trị*, trong Nhà nước và hệ thống chính trị.

Đó là sự nhận thức và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong xây dựng văn hóa chính trị, nhất là văn hóa trong Đảng, trong xây dựng Đảng về văn hóa.

Hồ Chí Minh căn dặn chúng ta: “Gương mẫu là cách lãnh đạo tốt nhất”, “Một tấm gương sống còn quý hơn hàng trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Ngày nay, Đảng ta nhấn mạnh trách nhiệm nêu gương, nhất là gương đạo đức liêm chính của người đứng đầu, nêu cao tinh thần trách nhiệm, thực hành tốt dân chủ và dân vận, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng với dân, giữ gìn và củng cố bền chặt *niềm tin* của nhân dân với Đảng, với chế độ. Đó là một tài sản lớn, *tài sản văn hóa*, tạo ra tiềm năng và động lực cho sự phát triển đất nước, con người và dân tộc Việt Nam, đó cũng là giá trị và sức sống của Văn hóa Việt Nam hiện đại trong đổi mới, hội nhập theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Là một nhà văn hóa lớn với tầm nhìn chiến lược, trong nhiều tác phẩm ở các thời kỳ quan trọng khác nhau, *cảm quan văn hóa* của Hồ Chí Minh luôn nổi bật. Trước khi Đảng ra đời, Người đã viết *Đường Cách mệnh* (1927). Khi Đảng đã cầm quyền, là chủ thể lãnh đạo và cầm quyền, Người viết hàng loạt tác phẩm mà tác phẩm nào cũng có sức nặng của văn hóa. Ngay cả *thư từ*, *thơ ca* và *trả lời phỏng vấn* của các nhà báo ở trong nước và ngoài nước - những hình thức đặc biệt về thể loại văn hóa của Người cũng thể hiện rất đậm nét nhận thức và ứng xử văn hóa của Người. Từ *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* đến *Quốc lệnh* (1946-1947), từ *Sửa đổi lối làm việc*, bút danh X.Y.Z

(năm 1947), *Đời sống mới*, bút danh Tân Sinh (năm 1947), *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* (năm 1948), *Dân vận* (năm 1949), *Thường thức chính trị* (năm 1953), *Cần kiệm liêm chính* (năm 1958), cho đến các bài nói với văn nghệ sĩ, báo giới, trí thức trong suốt hai cuộc kháng chiến... đặc biệt là những tác phẩm cuối đời, kết tinh ở *Di chúc* (năm 1969)... Hồ Chí Minh đã dày công giáo dục toàn Đảng, toàn dân về đạo đức, về văn hóa. Người đã tận dụng mọi khả năng, sức ảnh hưởng của văn hóa vào công việc lãnh đạo, quản lý. *Đó cũng là nơi thể hiện lý luận thực tiễn của Người và của Đảng ta về văn hóa.* Cho nên, nghiên cứu sự phát triển, nhận thức lý luận của Đảng về văn hóa không thể tách rời tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cũng như *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, *Chủ nghĩa Mác và xây dựng văn hóa Việt Nam* năm 1948 của Tổng Bí thư Trường Chinh. Quan điểm của Đảng về văn hóa qua các văn kiện, nghị quyết *thời kỳ đổi mới*, nhất là trong văn kiện Đại hội XIII (năm 2021) và tại Hội nghị toàn quốc của Đảng kỷ niệm 75 năm Hồ Chí Minh phát biểu về văn hóa trước khi diễn ra toàn quốc kháng chiến (1946-2021) là những minh chứng điển hình.

Ngày 24/11/1946, tại Nhà hát Lớn Hà Nội, trong không khí khẩn trương kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đại hội văn hóa cứu quốc khai mạc, Hồ Chí Minh đã phát biểu về văn hóa và rọi sáng con đường xây dựng nền văn hóa mới ở nước ta, còn mãi *giá trị khai sáng và thúc đẩy hành động* cho toàn dân tộc: Nền văn hóa mới của Việt Nam phải lấy *hạnh phúc* của dân tộc, của nhân dân ta làm cơ sở. Nền văn hóa mới phải có thể tiếp thu mọi cái hay, cái tốt của mọi nền văn hóa khác trên thế giới; nền văn hóa mới phải có sức mạnh chống lại những thói phù hoa xa xỉ, chống quan liêu và tham nhũng...

Người kêu gọi các nhà văn hóa hãy đặc biệt quan tâm tới các thiếu niên và nhi đồng, những người chủ tương lai của xã hội.

Người đã truyền đi một thông điệp: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Tư tưởng coi văn hóa là mục tiêu, động lực của sự phát triển đã được Hồ Chí Minh nêu rõ, là nền tảng tư tưởng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mà Đảng ta nói sau này.

Văn hóa gắn liền với *đổi mới, phát triển* và *sáng tạo* thông qua *hội nhập*. Chính Hồ Chí Minh đã nhạy cảm về vấn đề này từ rất sớm, cho ta tầm nhìn và phương pháp hành động.



### **3. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong đổi mới và hội nhập quốc tế - Những nhận thức mới của Đảng ta**

Tư tưởng về văn hóa trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đặc biệt trong tư tưởng và di sản Hồ Chí Minh được Đảng ta vận dụng và phát triển sáng tạo trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, trong đó có gần 40 năm đổi mới. Có thể tóm tắt và khái quát những nhận thức mới đó như thế nào, hơn nữa trong thời kỳ đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, thực hiện khát vọng phát triển đất nước như hiện nay, cần phải làm gì để phát huy sức mạnh nội sinh của văn hóa, lấy đó làm động lực mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển.

Có thể nói, trong những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử mà Đảng và nhân dân ta đạt được có thành tựu quan trọng về văn hóa, về con người. Trên lĩnh vực này, Đảng ta có những nhận thức lý luận mới như thế nào?

*Trước hết*, đó là xác định tính chất, bản chất của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa tiên tiến, *nội dung xã hội chủ nghĩa*, thể hiện tinh thần thời đại, mang *hình thức dân tộc*, giữ gìn và phát huy truyền thống với các giá trị tinh hoa, các giá trị văn hóa trong truyền thống lịch sử kết hợp với các giá trị tinh hoa của thời đại, của thế giới. Tính dân tộc đồng thời thể hiện tính giai cấp (giai cấp công nhân Việt Nam) và tính nhân loại. Các thuộc tính văn hóa: dân tộc - đại chúng - khoa học tiếp tục được thể hiện trong nội dung, hình thức văn hóa Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đảng đã ra nghị quyết quan trọng về xây dựng văn hóa và con người Việt Nam với các đặc trưng: dân tộc - nhân văn - dân chủ và khoa học. Các đặc trưng này của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nhấn vào giá trị nổi bật của dân tộc Việt Nam là *lòng yêu nước*, là *đoàn kết - dân chủ - đồng thuận để phát triển*, là tinh thần nhân đạo, nhân văn chủ nghĩa được thể hiện trong xây dựng phẩm chất, nhân cách con người Việt Nam xứng tầm với chủ thể xây dựng và phát triển văn hóa. Các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học của nền văn hóa Việt Nam chính là định hướng không chỉ xây dựng văn hóa mà còn là xây dựng, phát triển con người và hoàn thiện nhân cách. Tại Đại hội XIII, Đảng ta xác định phải ra sức xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam dựa trên nền tảng hệ giá trị gia đình, cái tế bào của xã hội này *phải lành mạnh* để xã hội, quốc gia - dân tộc, cộng đồng và từng gia đình, từng người phát triển bền vững. Nhận thức này thực sự là một bước tiến và ở

tâm chiến lược. Khẳng định văn hóa là sức mạnh nội sinh của dân tộc, văn hóa là nền tảng tinh thần của dân tộc, của xã hội cho thấy vai trò và sức mạnh của văn hóa, lại đặt vấn đề xây dựng con người toàn diện, đột phá nguồn nhân lực chất lượng cao, cả thể lực, trí lực và tâm lực... đó chính là làm sáng tỏ tiềm năng, tiềm lực và thực lực của Việt Nam trong phát triển, gắn liền mật thiết với văn hóa, với hội nhập.

Lại có một luận điểm của Hồ Chí Minh mà chúng ta kế thừa, vận dụng và phát triển: *Chính trị*, nghĩ rộng cũng là văn hóa, và văn hóa nghĩ sâu cũng là chính trị, tất yếu phải xây dựng *văn hóa chính trị*. Bản thân Bác là hiện thân mẫu mực của văn hóa chính trị, *ứng xử chính trị bằng sự tinh tế của văn hóa*, có tác dụng nêu gương thực hành cho tất cả chúng ta, nhất là trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức...

*Thứ hai*, để xây dựng văn hóa và con người Việt Nam, Hồ Chí Minh và Đảng ta đặc biệt chú trọng tới *nền tảng tư tưởng* (ý thức hệ tiên tiến của thời đại), *tới các phẩm chất* trí tuệ, nhân cách mà *đạo đức là gốc* của nhân cách, *cán bộ là cái gốc của mọi công việc*, *tới phát huy giá trị tinh hoa của dân tộc* (yêu nước, đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình) tới xu thế phát triển, nên phải nuôi dưỡng, phát huy nhân tài, *năng lực sáng tạo, khắc phục những hạn chế, yếu kém của con người Việt Nam do những hạn chế của lịch sử để lại*. Trong điều kiện đảng cầm quyền, Đảng thực trong sạch để thực vững mạnh là vô cùng quan trọng và có tính quyết định. Do đó, phải gắn liền xây dựng với chỉnh đốn Đảng, phải xây dựng Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ và đã đến lúc phải tập trung xây dựng Đảng về văn hóa, đẩy mạnh giáo dục đạo đức, phẩm giá, lương tâm, danh dự trong Đảng, nhất là trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo<sup>1</sup>.

*Thứ ba*, nhận thức rõ tính tất yếu của toàn cầu hóa, của hội nhập, Đảng ta đã chủ động, tích cực hội nhập để phát triển, từ *hội nhập kinh tế quốc tế* đến *hội nhập quốc tế*, nghĩa là *hội nhập văn hóa*, mở rộng nhân quan văn hóa: Thống nhất trong đa dạng, thống nhất bao hàm những khác biệt, đề cao và bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, *áp dụng tiếp biến văn hóa* để phát triển, thông qua tiếp xúc - giao lưu - đối thoại văn hóa.

1. Xem Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.157-177.

*Thứ tư*, một vấn đề thiết thực, cốt yếu là *giữ gìn bản sắc dân tộc và bản sắc văn hóa dân tộc* trong bối cảnh hội nhập, xử lý mối quan hệ giữa thời cơ và thách thức trong phát triển, thông qua hội nhập, do đó, trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/2021, Đảng ta nêu ra một thông điệp: Văn hóa còn thì dân tộc còn. Đó là quan điểm về định hướng phát triển văn hóa của Đảng ta trong đổi mới và hội nhập.

Có thể nói, từ thực tiễn đổi mới gần 40 năm qua, Đảng ta đã không ngừng tìm tòi, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, đặc biệt là *lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Trong hệ thống lý luận nền tảng đó có lý luận về văn hóa, dựa trên quan điểm, phương pháp mácxít, từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và *Chủ nghĩa Mác với vấn đề văn hóa Việt Nam* của Tổng Bí thư Trường Chinh và tầm tư tưởng chiến lược của Hồ Chí Minh về văn hóa.

*Thứ năm*, trong sự phát triển lý luận về văn hóa của Đảng ta, từ yêu cầu đổi mới và hội nhập, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, tư duy lý luận của Đảng về văn hóa còn đề cập tới *xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; tìm tòi các giải pháp đột phá để chấn hưng đạo đức dân tộc; khắc phục bằng được sự suy thoái, xuống cấp về đạo đức trong Đảng và trong xã hội; xây dựng và phát triển ngành công nghiệp văn hóa, gắn văn hóa với kinh tế, đổi mới phương thức đầu tư và phân bổ nguồn lực để văn hóa phát triển tương xứng với kinh tế và chính trị, cải cách thể chế phát triển*, trong đó có thể chế văn hóa... liên quan trực tiếp đến các lĩnh vực báo chí, xuất bản, truyền thông, bảo tồn, phát huy di sản, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là những định hướng và giải pháp quan trọng để xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Với tư duy chiến lược về phát triển, Đảng ta đã chỉ đạo xây dựng *hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam* dựa trên cơ sở *hệ giá trị gia đình Việt Nam* từ truyền thống đến hiện đại. Đó thực sự là những bước tiến lớn về lý luận văn hóa của Đảng đang tiếp tục phát triển và hoàn thiện.

## NGUYÊN TẮC DÂN TỘC HÓA, QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ THÀNH TỰU

GS.TS. NGUYỄN CHÍ BÈN\*

**Đ**ược công bố từ năm 1943, đến nay *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã có tuổi đời tròn 80 năm. Trong ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa Việt Nam, nguyên tắc *Dân tộc hóa* được đặt ra đầu tiên. Tám mươi năm qua, nguyên tắc này đã được đổi mới và trong thực tiễn nền văn hóa Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, nhìn từ phương diện dân tộc. Bài viết này đề cập nguyên tắc dân tộc hóa, quá trình đổi mới tư duy về nguyên tắc dân tộc hóa và thành tựu của văn hóa Việt Nam từ góc tiếp cận tính dân tộc.

### **1. Nguyên tắc dân tộc hóa trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

Mười ba năm sau ngày thành lập, năm 1943, Đảng ta đứng trước những bộn bề của công việc cấp bách, to lớn của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho dân tộc, nhưng vẫn quan tâm đến công tác văn hóa, văn nghệ. Đảng đã có một chủ trương đúng đắn là giao cho đồng chí Trường Chinh (1907-1988), Tổng Bí thư của Đảng khi ấy khởi thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, và thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (1943). Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* gồm 5 phần:

Phần I: Cách đặt vấn đề.

Phần II: Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam.

Phần III: Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật, Pháp.

---

\* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần IV: Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam.

Phần V: Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít ở Việt Nam.

Trong mục 4 của phần IV, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ghi rõ:

“Ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn này.

a) Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập)”<sup>1</sup>.

Sau các phần “Đặt vấn đề”, giới thiệu khái quát về “Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam”, những “Nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp”, Đề cương dành phần IV để bàn về vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam, trong đó mục 5 của phần này nhấn mạnh đến tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam, đó là “một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tâm dân chủ về nội dung”<sup>2</sup>. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cũng nêu lên ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam, đó là: Dân tộc hóa, Đại chúng hóa, Khoa học hóa. Ba nguyên tắc đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới. Dân tộc hóa là làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có lòng tự hào, dũng cảm đứng lên nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam. Sau này, đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng nhấn mạnh: Đề cương văn hóa nêu lên những nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam, phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đây là cuộc cách mạng có nhiệm vụ đánh đổ bọn đế quốc, giải phóng dân tộc, xóa bỏ chế độ phong kiến, giành quyền làm chủ cho nhân dân lao động. Trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, *Dân tộc hóa* là nguyên tắc được đặt ở vị trí đầu tiên. Bởi nguyên tắc này khiến cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, và chủ thể sáng tạo văn hóa là quần chúng nhân dân, nhất là các tầng lớp trí thức ý thức được cả hai tư cách: tư cách người công dân và tư cách người trí thức -

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.23-24, 25-26.

nhà khoa học và nghệ sĩ, đang đứng trước một thời cuộc đem trước của cách mạng. Ở cả hai tư cách, quần chúng nhân dân, cũng như người trí thức chỉ có thể chọn một con đường - con đường hướng về cách mạng và tham gia cách mạng để cứu nước, trong đó có bản thân mình và nghề nghiệp của mình.

Trong tiếng Việt, từ dân tộc được xác định là một cộng đồng dân tộc (nation), bao gồm nhiều thành phần tộc người. Tên gọi tộc người theo thuật ngữ quốc tế sử dụng là ethnies. So với ethnographie, tên gọi ethnies xuất hiện muộn (cuối thế kỷ XIX), do nhà Dân tộc học người Pháp Vacher de Lapouge đưa ra trong cuốn sách *Les selections sociales* (xuất bản tại Paris năm 1896), lúc đầu ethnies dùng để chỉ các nhóm tộc người (unité ethnique), sang thế kỷ XX thuật ngữ ethnies được công nhận rộng rãi trong ngành dân tộc học khắp các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Vấn đề đặt ra là hiểu cho đúng khái niệm dân tộc hóa. Vào thời điểm lịch sử năm 1943, khái niệm dân tộc còn đang là một khái niệm mới, là một từ Hán Việt nhưng bộ *Từ nguyên*, bộ *Từ Hải* của Trung Quốc không có từ dân tộc. Năm 1899, Lương Khải Siêu (1873-1929), một nhà cách mạng Trung Quốc, trong bài viết của ông mới dùng từ dân tộc. Và các nhà dân tộc học mácxít đánh giá cao và sử dụng tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc* của J. Staline (1878-1953). Tác phẩm này được viết cuối năm 1912, đầu năm 1913, công bố trên Tạp chí *Giáo dục* ở Nga, số 3, 4, 5, năm 1913, rồi mới được in thành sách năm 1914. J. Staline cho rằng, dân tộc là một cộng đồng người ổn định, thành lập trong quá trình lịch sử, dựa trên cơ sở cộng đồng về tiếng nói, về lãnh thổ, về sinh hoạt kinh tế và về cấu tạo tâm lý biểu hiện trong cộng đồng về văn hóa. Ở nước ta, năm 1955, Nhà xuất bản Sự thật mới công bố tập sách này. Tuy nhiên, trước năm 1945, Đảng ta đã khẳng định nguyên tắc thứ nhất của cuộc vận động văn hóa Việt Nam là dân tộc hóa. Từ thực tiễn, Đảng ta đã xác định nguyên tắc *Dân tộc hóa* và khẳng định đây là nguyên tắc số 1 của cuộc vận động văn hóa Việt Nam mới, chưa hẳn khi ấy các nhà lãnh đạo của Đảng ta đã tiếp nhận cuốn sách này của J. Staline, mà đã xác định văn hóa Việt Nam phải vận động theo nguyên tắc này. Phải chăng, đây là sáng tạo lý luận hết sức mới mẻ của Đảng ta trong lãnh đạo sự nghiệp văn hóa từ thực tiễn Việt Nam!

## 2. Đổi mới tư duy về nguyên tắc dân tộc hóa

Khi lãnh đạo dân tộc ta đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, giữa bộn bề công việc của những ngày đầu lãnh đạo đất nước, Đảng ta rất quan tâm thực hiện Đề cương văn hóa đã công bố năm 1943.

Về mặt tổ chức, Đảng ta xây dựng tổ chức để thực tiễn hóa tư tưởng của Đề cương văn hóa năm 1943. Ngày 24/11/1946, Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất khai mạc tại Nhà hát Lớn Thành phố Hà Nội. Hội nghị dự định làm việc trong 3 ngày, nhưng do tình hình chiến sự căng thẳng tại Hải Phòng và đang có nguy cơ bùng nổ sớm ở Hà Nội, nên Hội nghị đã bế mạc ngay sau 1 ngày làm việc khẩn trương. Hơn 200 nhà hoạt động văn hóa tiêu biểu trong cả nước về tham dự Hội nghị. Trong Diễn văn khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nền văn hóa mới của Việt Nam phải lấy hạnh phúc của nhân dân, của dân tộc làm cơ sở, phải học lấy những điều tốt đẹp của văn hóa nước ngoài, tạo ra nền văn hóa Việt Nam, sao cho văn hóa mới phải sửa đổi cho được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ, phải làm sao cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập”<sup>1</sup>. Cũng trong diễn văn khai mạc này, Người khẳng định: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”<sup>2</sup>. Tại Hội nghị, trong Báo cáo của Ủy ban vận động văn hóa toàn quốc đã nêu bật những thành tích đạt được, đồng thời kêu gọi tăng cường đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau và đề ra nhiệm vụ của văn hóa Việt Nam trong tình hình mới. Hội nghị bầu Ủy ban Văn hóa toàn quốc gồm 15 ủy viên chính thức và 5 ủy viên dự khuyết. Thành công to lớn của Hội nghị đã đặt cơ sở quan trọng cho nền văn hóa mới Việt Nam về phương diện tổ chức. Vẫn trong những năm tháng đầy gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai, họp từ ngày 16 đến ngày 20/7/1948 tại Việt Bắc. Trong thư gửi các đại biểu tham dự Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hóa gánh một phần rất quan trọng. Từ ngày chính quyền dân chủ thành lập đến nay, các nhà văn hóa ta đã cố gắng và đã có thành tích. Song từ nay trở đi

---

1. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.3, tr.321.

2. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, 1997, tr.11.

chúng ta cần phải xây đắp một nền văn hóa kháng chiến kiến quốc của toàn dân”<sup>1</sup>. Ngày 18/7/1948, thay mặt Đảng ta, đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư đã trình bày báo cáo “*Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*”. Báo cáo đã hệ thống hóa, cụ thể hóa và phát triển các quan điểm, nguyên tắc, phương châm của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng, có giá trị như là Cương lĩnh văn hóa của Đảng thời kỳ kháng chiến, kiến quốc. Báo cáo nêu 6 nhiệm vụ chủ yếu của văn hóa: 1- Xác định mối quan hệ giữa văn hóa và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hóa cứu quốc; 2- Xây dựng nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng, mà khẩu hiệu thiết thực lúc này là dân tộc, dân chủ; 3- Tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học, trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ; 4- Giáo dục lại nhân dân, cổ động thực hành đời sống mới; 5- Phát triển cái hay trong văn hóa dân tộc, đồng thời bài trừ cái xấu xa, hủ bại, ngăn ngừa sức thâm nhập của tàn dư văn hóa thực dân, phản động, học cái hay, cái tốt của văn hóa thế giới; 6- Hình thành đội ngũ trí thức mới đóng góp tích cực cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc và cho cách mạng Việt Nam. Ba ngày sau Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai là Hội nghị Văn nghệ toàn quốc được tổ chức từ ngày 23 đến ngày 25/7/1948. Hơn 80 văn nghệ sĩ đại biểu cho các ngành văn học, sân khấu, âm nhạc, kiến trúc, mỹ thuật từ các nẻo đường kháng chiến đã về dự Hội nghị. Tại sự kiện quan trọng này, Hội Văn nghệ Việt Nam được thành lập, là sự tiếp nối tốt đẹp Hội Văn hóa cứu quốc được thành lập năm 1943. Từ năm 1950 trở đi, mô hình xây dựng văn hóa kháng chiến có sự điều chỉnh, hình thức “hội nghị văn hóa toàn quốc” không còn được sử dụng, nhưng đường lối, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của văn hóa, văn nghệ tiếp tục được bổ sung, phát triển trong các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*. Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy”<sup>2</sup>. Người khẳng định rõ vai trò xung kích của văn hóa trong sứ mệnh giải phóng dân tộc. Văn hóa cùng với các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự... phải tạo thành những mặt trận có sức mạnh to lớn trong cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc: “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác,

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa, Sđd*, tr.18.



không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”<sup>1</sup>. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, miền Bắc hòa bình thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chi viện cho miền Nam đấu tranh thống nhất đất nước. Tháng 9/1960, Đại hội III của Đảng được tiến hành, nêu rõ đường lối xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc. Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng xác định văn hóa, tư tưởng là một cuộc cách mạng, tiến hành đồng thời gắn bó chặt chẽ với cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học kỹ thuật. Đường lối tiến hành cuộc cách mạng văn hóa, tư tưởng, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa mang đặc trưng dân tộc, khoa học, đại chúng tiếp tục được phát triển, bổ sung trong những năm đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày 30/4/1975, dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, đất nước thống nhất. Tháng 12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp xác định xây dựng con người mới, xây dựng nền văn hóa mới, tiến hành đấu tranh chống tư tưởng và sản phẩm văn hóa phản động, độc hại. Tháng 3/1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp, chỉ rõ nền văn hóa mới mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc, thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng, Nhà nước ta trần trở tìm con đường đổi mới đất nước, trước hết là đổi mới tư duy về kinh tế. Năm 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng khẳng định rõ quan điểm này. Từ đổi mới tư duy về kinh tế, chính trị, Đảng ta xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn để đổi mới văn hóa. Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị khóa VI khẳng định: Nền văn hóa mới Việt Nam xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin là một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc... Cần kết hợp hài hòa và nâng cao tinh hoa văn hóa đặc sắc của các dân tộc anh em trên đất nước ta... Trong giai đoạn từ năm 1986 đến năm 1994, lĩnh vực văn hóa, văn nghệ được Đảng quan tâm sâu sắc hơn. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII của Đảng (6/1991) đã xác định nền văn hóa

1. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Sđd, tr.13.

*mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, là một trong sáu đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Như vậy, nhận thức về xây dựng, phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu phấn đấu, vừa là một nhiệm vụ trọng yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được khẳng định rõ hơn. Quan điểm xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc tiếp tục được bổ sung, phát triển đầy đủ và phong phú hơn trong các văn kiện của Đảng. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa VII “*Về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt*”, lần đầu đưa khái niệm: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>. Nghị quyết khẳng định: “Nền văn hóa mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>2</sup>. Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII đã ra Nghị quyết “*Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” khẳng định: “Phương hướng chung của sự nghiệp văn hóa nước ta là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...”<sup>3</sup>. Và trong 5 quan điểm chỉ đạo có 2 quan điểm liên quan đến vấn đề dân tộc: “2. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 3. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam”<sup>4</sup>. Do đó, văn kiện này không chỉ là một văn kiện mang tính đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, mà còn thể hiện tư duy lý luận văn hóa một cách toàn diện và sâu sắc trong giai đoạn cách mạng mới. Bởi Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII đã bổ sung và phát triển toàn diện, sâu sắc đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam phù hợp với thực tiễn đất nước trong giai đoạn mới, phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại từ quan niệm về văn hóa, vị thế, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển; từ quan điểm chỉ đạo đến mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cơ bản để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

---

1, 2, 3, 4. *Về lãnh đạo, quản lý văn học nghệ thuật trong công cuộc đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.47, 50, 61, 62.

Tiếp tục khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, Đại hội IX của Đảng (4/2001) yêu cầu: “Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*, *“Xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hóa”*..., làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam... Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân”<sup>1</sup>. Để thúc đẩy sự phát triển của văn học, nghệ thuật, Bộ Chính trị khóa IX đã ra Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008, về *“Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”*. Nghị quyết chỉ rõ: Tiếp tục đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng của văn học, nghệ thuật về đề tài, nội dung, loại hình, phương pháp sáng tác, sự tìm tòi, thử nghiệm, nâng cao chất lượng toàn diện nền văn học, nghệ thuật nước nhà. Đại hội X của Đảng (4/2006) khẳng định: *Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội*. Tinh thần cơ bản của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII tiếp tục được khẳng định trong Văn kiện Đại hội X và XI của Đảng. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Trong định hướng phát triển, Đảng ta khẳng định: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.999.

phát triển là nhiệm vụ quan trọng. Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa của đất nước ta đã có chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, trước những biến đổi nhanh chóng, đa dạng, phức tạp của đời sống trong nền kinh tế thị trường và bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, hoạt động văn hóa cũng bộc lộ không ít bất cập, hạn chế, yếu kém: phương thức lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước chậm được đổi mới; chúng ta chưa lường hết tính phức tạp và những tác động của mặt trái kinh tế thị trường đối với đời sống văn hóa. Tuy xác định “văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội” nhưng trên thực tế, trong suy nghĩ, hành động, không ít tổ chức, cá nhân còn quá thiên lệch về kinh tế, coi nhẹ văn hóa. Văn hóa vô hình trung bị thu hẹp phạm vi và bị “hành chính hóa”, không còn là một phạm trù tổng thể các giá trị vật chất, tinh thần. Xuất phát từ thực tiễn đất nước sau gần 30 năm đổi mới và phát triển, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước*” đã cho thấy sự phát triển tư duy lý luận của Đảng, sự sáng tạo của Đảng trong nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa, đặc biệt là yếu tố con người, trong xác định phương hướng, động lực và đặc thù của hoạt động xây dựng và phát triển văn hóa, con người; cho thấy hệ thống quan điểm sau đã kế thừa được các quan điểm cơ bản của Đảng về văn hóa ở các thời kỳ trước đó, đồng thời đã tiếp thu những tinh hoa lý luận về văn hóa, văn nghệ của thế giới theo tinh thần đổi mới của Đảng. Các Đại hội XII, XIII của Đảng tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối, quan điểm của Đảng ta về phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng xác định: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học... *Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện* phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”<sup>1</sup>. Cuối nhiệm kỳ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.126-127.

khóa XII, Bộ Chính trị đã ra Kết luận số 76-KL/TW, ngày 4/6/2020 về *Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, trong đó đã xác định các nội dung, định hướng lớn: Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Kết luận số 76-KL/TW tiếp tục được khẳng định, nâng cao trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên”<sup>1</sup>.

Nhân dịp kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2021), đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng có bài viết quan trọng và sâu sắc: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. Trong bài viết, đồng chí khẳng định: “Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.143.

xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao”<sup>1</sup>.

Như vậy, từ nhận thức văn hóa bao gồm: tư tưởng, học thuật, nghệ thuật trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến việc mở rộng nội hàm văn hóa bao gồm: tư tưởng, đạo đức, lối sống, khoa học, giáo dục - đào tạo, thông tin đại chúng, văn học - nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI; từ nền văn hóa mới với các tính chất: dân tộc, khoa học, đại chúng; dân tộc là hình thức, tân dân chủ là nội dung (1943) đến xác định nền văn hóa của ta “có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc, đã phát triển lên bước mới khi khẳng định nền văn hóa của ta mang tính dân tộc, hiện đại, nhân văn (Hiến pháp năm 1992), xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, năm 1998), xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại (Hiến pháp năm 2013). Từ quan niệm “phải hoàn thành cách mạng văn hóa thì mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội” (1943), cách mạng tư tưởng - văn hóa là động lực (Đại hội IV) đến “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội” (Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII). Từ ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa (1943) đến tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội; kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước. Tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Nhìn lại các văn kiện của Đảng về vấn đề tính dân tộc của nền văn hóa từ năm 1943 đến nay để thấy những tìm tòi, sáng tạo lý luận về văn hóa của Đảng gắn liền với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng

---

1. Xem Tạp chí *Cộng sản*, số 966, tháng 5/2021, tr.5-7.

và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Các quan điểm lý luận văn hóa thời kỳ đổi mới cần được nhận thức đầy đủ, nâng cao sức tỏa sáng để tiếp tục “soi đường cho quốc dân đi”, làm nền tảng tinh thần vững chắc cho đổi mới và phát triển.

### **3. Thành tựu của quá trình thực hiện nguyên tắc dân tộc hóa - một số phác thảo**

Như đã phân tích ở trên, từ ba nguyên tắc vận động của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam mới mà Đảng ta công bố năm 1943, tư duy lý luận văn hóa của Đảng ta luôn đổi mới. Vì thế, trong thực tiễn, thành tựu rõ ràng và vĩ đại. Có thể thấy thành tựu ở các phương diện. Phạm vi bài viết như chúng tôi xác định chỉ xin đề cập thành tựu của quá trình thực hiện nguyên tắc dân tộc hóa.

Nguyên tắc dân tộc hóa ra đời được hai năm thì dân tộc Việt Nam đã giành được chính quyền để xây dựng nền văn hóa của dân tộc. 78 năm trôi qua, dù cả dân tộc phải thực hiện cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc ở phía Nam, phía Bắc và ở Biển Đông, chúng ta vẫn đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa dân tộc. Nói cách khác, nguyên tắc dân tộc hóa trở thành nguyên tắc xây dựng nền văn hóa dân tộc. Có hai giai đoạn: thứ nhất là khi Đảng ta còn hoạt động bí mật, chưa là lực lượng lãnh đạo quốc gia từ năm 1943 đến tháng 8/1945; thứ hai là từ tháng 8/1945 đến nay, là chủ thể lãnh đạo toàn diện đất nước có nhiệm vụ xây dựng và quản lý nền văn hóa Việt Nam. Trong giai đoạn thứ hai này, có thể phân chia thành ba giai đoạn: từ năm 1945 đến năm 1975; từ năm 1975 đến năm 1986 và từ năm 1986 đến nay. Có thể thấy thành tựu thực thi nguyên tắc dân tộc hóa ở nhiều cấp độ, nhiều phương diện. Trước hết nền văn hóa của Việt Nam đã được khẳng định là nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, văn hóa của 54 tộc người tạo thành sự thống nhất trong đa dạng về văn hóa.

Về văn bản pháp quy, các luật, pháp lệnh trong lĩnh vực văn hóa đều thể hiện sự đổi mới tư duy về nguyên tắc dân tộc hóa.

Về phương diện tổ chức, chúng ta đã xây dựng một hệ thống các hội nghề nghiệp từ Trung ương đến địa phương. Nếu trước năm 1945, chúng ta có Hội Văn hóa cứu quốc hoạt động bí mật thì nay có cả một đội ngũ hùng hậu các hội chuyên ngành ở các thành tố của văn hóa, nghệ thuật. Chỉ riêng Hội Văn

học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố, với số lượng hội viên đông đảo và hoạt động có chất lượng là bằng chứng chứng tỏ nguyên tắc dân tộc hóa được thực hiện một cách rõ ràng có kết quả to lớn.

Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, việc quảng bá di sản văn hóa các dân tộc thiểu số được chú trọng và đạt kết quả to lớn. Các di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số như công chiêng Tây Nguyên, xòe thái, then của người Tày, Nùng đã được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, gồm Bàu Trúc của người Chăm được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp, Khu di tích Mỹ Sơn của người Chăm được UNESCO vinh danh là Di sản thế giới.

\*

\* \*

Nguyên tắc dân tộc hóa mà Đảng ta đề ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay đã có lịch sử 80 năm. Rõ ràng, từ lý luận đến thực tiễn, nguyên tắc dân tộc hóa đã được Đảng ta quán triệt và đổi mới, thực hiện trọn vẹn, sâu sắc. Kết quả thực hiện trong đời sống văn hóa chứng tỏ nguyên tắc này được quán triệt và đổi mới liên tục, tiếp cận sự đổi mới của tư duy nhân loại về văn hóa và vấn đề dân tộc của văn hóa. Thành tựu xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc khẳng định sức sống của nguyên tắc này.



## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” TỪ LÝ LUẬN ĐẾN NHỮNG GIÁ TRỊ THỰC TIỄN

ThS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG\*

### 1. Dẫn luận

Đề cương văn hóa được ra đời vào thời kỳ khó khăn nhất của phong trào cách mạng Việt Nam. Vào những năm 1940 của thế kỷ XX, người dân đang chịu sự áp bức bóc lột của phát xít Nhật và thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào cách mạng Việt Nam không ngừng phát triển và đi vào chiều sâu. Ngày 19/5/1941, Mặt trận Việt Minh (Việt Nam Độc lập Đồng minh) ra đời theo quyết định của Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Từ đây cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc đã mở rộng sang các lĩnh vực khác, trong đó có lĩnh vực văn hóa nhằm hình thành một phong trào văn hóa tiến bộ, những tổ chức văn hóa cứu quốc thu hút mọi tầng lớp nhân dân và các nhà văn hóa, trí thức trong xã hội.

Để thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương thông qua Đề cương về văn hóa Việt Nam do đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư Đảng trực tiếp soạn thảo. Đây là một văn kiện được ví như tuyên ngôn đầu tiên của Đảng về văn hóa, có ý nghĩa khai sáng và mở đường cho sự nghiệp phát triển văn hóa nghệ thuật của nước ta sau này.

Trải qua thời kỳ lịch sử cách mạng kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ đổi mới đã khẳng định giá trị to lớn của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Hội thảo khoa học quốc gia “80

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

năm Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943-2023) - Cội nguồn và động lực phát triển” là dịp để chúng ta nhận thức rõ hơn những giá trị lý luận và thực tiễn của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Đồng thời, cũng là dịp để chúng ta xác định rõ về nhiệm vụ, chiến lược lâu dài trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nhằm hướng tới thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021) của Đảng.

## **2. Vai trò của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa**

Đất nước ta đã trải qua biết bao biến cố lịch sử cùng với những thắng lợi to lớn của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây là quãng thời gian đủ dài để khẳng định những giá trị lịch sử, cũng như ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Ở những nét chung nhất, Đề cương văn hóa đã đề cập đến cách đặt vấn đề về văn hóa, lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam, nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp, vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam, nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít ở Việt Nam.

Đề cương văn hóa đã nêu ra những vấn đề cụ thể đối với người cộng sản Đông Dương cần phải có trong lĩnh vực văn hóa, đó là: Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận kinh tế, chính trị, văn hóa mà ở đó người cộng sản phải hoạt động; không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa; có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả. Trong thời gian này, Đề cương văn hóa còn nêu ra ba nguyên tắc hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, đó là: 1- Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập). 2- Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng). 3- Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

Những nguyên tắc cơ bản của Đề cương văn hóa chỉ ra (dân tộc - đại chúng - khoa học) là nội dung cốt lõi của mục tiêu xây dựng “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã được khẳng định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Đại hội lần thứ VII của Đảng (1991), đã xác định rõ vai trò vô cùng quan trọng của văn hóa trong

đời sống xã hội, đó là: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển kinh tế - xã hội”. Qua những văn kiện của Đại hội Đảng sau này cho tới Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII có ghi: “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>1</sup> đã chứng minh rõ quan điểm nhất quán về lĩnh vực văn hóa và những nguyên tắc cơ bản này luôn được bổ sung, phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tiễn phát triển của đất nước. Chúng ta luôn thấy rõ quan điểm về bản sắc dân tộc trên lĩnh vực văn hóa qua các thời kỳ luôn là nguyên tắc, bất di bất dịch của Đảng, trong khi quan điểm về tiên tiến được hiểu rộng hơn, đó là nền văn hóa mới mang tính chất đại chúng (là văn hóa của dân, do dân và vì dân).

Yếu tố (dân tộc - đại chúng - khoa học) về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật trong Đề cương văn hóa được nhất quán trong các nhiệm vụ của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI, đó là: 1- Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc. Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng; khuyến khích các hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, hướng thiện, nhân đạo, nhân văn. 2- Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước, trở thành cầu nối quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam. 3- Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa. Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa. Nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội. Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ chủ yếu;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, t.57, tr.246.

nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, góp phần xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam.

Có thể khẳng định rằng quan điểm (dân tộc - đại chúng - khoa học) của Đề cương văn hóa được vận dụng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đã làm chuyển biến tích cực nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Nhiều giá trị mới về văn hóa, chuẩn mực đạo đức được khẳng định và nhân rộng. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được bảo tồn và phát huy. Sản phẩm văn hóa nghệ thuật ngày càng phong phú, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh mẽ. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật đã phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo và phục dựng; các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân được quan tâm. Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển văn hóa và đem lại cho văn hóa một diện mạo mới đàng hoàng hơn, hiện đại hơn, sôi động hơn. Đối tượng được hưởng lợi đầu tiên chính là những người lao động, họ đã được tiếp cận dễ dàng hơn với các sản phẩm văn hóa, được trực tiếp tham gia vào đời sống văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú. Có thể nhận thấy, Nhà nước đã đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực xây dựng tổ chức bộ máy quản lý văn hóa, xây dựng hành lang pháp lý cho các hoạt động văn hóa, cũng như đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

### **3. Vận dụng sáng tạo Đề cương văn hóa vào mục tiêu gìn giữ và phát huy văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời đã tròn 80 năm, là khoảng thời gian để chúng ta tiến hành đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI. Bên cạnh những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hóa nghệ thuật, thông tin đại chúng, xây dựng thể chế văn hóa và giao lưu văn hóa với nước ngoài, thì môi trường văn hóa còn thiếu lành mạnh, trái với thuần phong mỹ tục; còn thiếu những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật; hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa còn hạn chế.

Tình trạng nhập khẩu thiếu chọn lọc các sản phẩm văn hóa đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân; xu hướng lai căng, xa rời cội nguồn văn hóa dân tộc ở một bộ phận lớp trẻ chưa được ngăn chặn một cách hữu hiệu. Hệ thống thông tin đại chúng phát triển thiếu khoa học, gây lãng phí nguồn lực; còn nhiều điểm trắng văn hóa ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt ở vùng các dân tộc thiểu số. Không ít địa phương còn quan niệm coi văn hóa là “cái đuôi” của kinh tế, văn hóa là lĩnh vực “tiêu tốn” của cải, không làm ra của cải vật chất và là gánh nặng của kinh tế nên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư tài chính cho hoạt động văn hóa đã bị xem nhẹ. Nguyên nhân kể trên đã được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng: “Văn hóa chưa được các cấp, các ngành nhận thức một cách sâu sắc và chưa được quan tâm một cách đầy đủ tương xứng với kinh tế và chính trị; chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước”.

Đứng trước thời cơ và thách thức trong quá trình hội nhập và phát triển của đất nước, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra quan điểm chỉ đạo, trong đó có lĩnh vực văn hóa. Đó là: “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững”. Để phát triển lĩnh vực văn hóa và con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030, cần vận dụng sáng tạo những quan điểm, lý luận của Đề cương văn hóa vào thực tiễn, mà trong đó yếu tố (dân tộc - đại chúng - khoa học) luôn được nhất quán để đưa ra phương hướng

phát triển sự nghiệp văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.  
Đó là:

### *3.1. Quan điểm dân tộc trong bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cùng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu thì *quan điểm dân tộc* trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống luôn được đặt ra mang tính cấp thiết, nhằm chống lại sự ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai trái với thuần phong, mỹ tục và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế và đổi mới tư duy, nhận thức về vai trò vô cùng quan trọng của văn hóa trên mọi lĩnh vực xã hội sẽ ngày càng sâu sắc, được thể hiện bằng những chính sách, những việc làm cụ thể. Văn hóa sẽ ngày càng phát huy vai trò của mình vừa là mục tiêu, vừa là động lực, là nền tảng tinh thần phát triển kinh tế - xã hội. Đất nước chỉ có thể phát triển bền vững khi tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với gìn giữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nhận thức này càng thấm sâu vào các suy nghĩ, hành động của những người hoạch định chính sách và toàn thể cộng đồng sẽ đem lại diện mạo mới cho sự nghiệp phát triển văn hóa nước nhà.

Sự tham gia ngày càng tích cực của người dân vào quá trình sáng tạo và hưởng thụ văn hóa sẽ tạo nhiều cơ hội bình đẳng trong quá trình tiếp cận, cũng như gìn giữ hiệu quả những giá trị văn hóa truyền thống. Đây là biểu hiện tất yếu của tiến trình dân chủ hóa đất nước mà Đảng và Nhà nước ta đang triển khai rộng khắp. Văn hóa ngày càng trở thành một sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, đó chính là hướng đi đúng đắn mang lại sinh khí mới cho văn hóa. Trong tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, nền văn hóa dân tộc sẽ không tránh khỏi những thử thách ngặt nghèo. Vì vậy gìn giữ bản sắc dân tộc là nhiệm vụ cấp thiết gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bởi vì đánh mất bản sắc dân tộc là mất hết. Quá trình giao lưu hợp tác quốc tế về văn hóa với các nước trên thế giới nếu được định hướng đúng đắn, sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho sự nghiệp phát triển văn hóa dân tộc. Tuy nhiên chúng ta cũng phải biết loại bỏ những bất cập để tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại và biến nó thành nguồn lực phát triển đất nước, gìn giữ và phát triển nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức của

các cấp ủy Đảng, chính quyền và cộng đồng về vị trí, vai trò của văn hóa dân tộc trong đời sống. Các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với lĩnh vực văn hóa, đặt văn hóa vào vị trí trung tâm trong quá trình xây dựng kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

### *3.2. Quan điểm khoa học trong quản lý nhà nước đối với văn hóa*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức, sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”<sup>1</sup>. Không nằm ngoài quy luật khách quan, các hoạt động của con người từ kinh tế, chính trị, văn hóa phải chịu sự tác động quản lý của tổ chức, hoặc cơ quan chuyên môn nằm trong hệ thống quản lý nhà nước. Bởi vậy quan điểm khoa học trong quản lý nhà nước nhằm chống lại những tiêu cực, phản tiến bộ trong các hoạt động văn hóa. Tuy nhiên để làm được việc trên đòi hỏi chủ thể quản lý nhà nước phải có trình độ và phương pháp quản lý khoa học. Trong tiến trình hội nhập toàn diện với thế giới thì văn hóa dân tộc là nhân tố quan trọng ngăn chặn sự xâm lược về văn hóa, nhưng đồng thời cũng chịu sự ảnh hưởng từ bên ngoài nếu công tác quản lý nhà nước bị xem nhẹ. Vì vậy, ở cương vị dẫn dắt toàn xã hội, nhà nước cần sử dụng mọi công cụ từ giáo dục đến truyền thông đại chúng để tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về tầm quan trọng của giao lưu văn hóa và đa dạng văn hóa trong sự phát triển chung của xã hội.

Nhà nước cần thương thảo về giao lưu văn hóa và đa dạng văn hóa với các nước trên thế giới. Việc tham gia thảo luận quốc tế nhằm tìm kiếm sự đồng thuận các quy tắc, tiêu chuẩn, thông lệ ở cấp độ quốc gia và cấp độ quốc tế về đa dạng văn hóa là một yêu cầu khá cấp bách. Trong lĩnh vực văn hóa, công tác quản lý nhà nước cần kiên trì nguyên tắc bảo hộ đối với các sản phẩm công nghiệp văn hóa. Bởi sản phẩm văn hóa mang những giá trị đặc trưng của các dân tộc thiểu số. Nếu chỉ coi sản phẩm văn hóa là một hàng hóa thuần túy, bắt nó phải tuân thủ hoàn toàn quy luật thị trường thì vô hình chung sẽ dẫn tới sự độc tôn của các sản phẩm văn hóa các nước có nền công nghiệp văn hóa

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

hùng mạnh; điều này gần như đồng nghĩa với sự triệt tiêu các sản phẩm văn hóa của các nền công nghiệp văn hóa non trẻ, cũng có nghĩa là triệt tiêu đáng kể sự đa dạng văn hóa các dân tộc.

Nhà nước cần đóng vai trò định hướng phát triển các hoạt động văn hóa truyền thống, đồng thời cần phải phân biệt những gì cần gìn giữ, phát huy và những gì đã lạc hậu cần loại bỏ dần trong đời sống. Tuy nhiên điều này cần được tiến hành một cách thận trọng trên cơ sở điều tra, nghiên cứu dư luận xã hội và tham khảo ý kiến đóng góp của các chuyên gia nhằm tránh sự nóng vội, khiên cưỡng. Bên cạnh đó, cần tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực văn hóa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật dành cho văn hóa, bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa cần phải khoa học, sáng tạo để văn hóa thực sự trở thành sự nghiệp của toàn dân và người dân thực sự trở thành chủ thể sáng tạo văn hóa, đồng thời là khách thể hưởng thụ các thành tựu của văn hóa đem lại. Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và sự bùng nổ công nghệ thông tin; từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn của nước ta.

### *3.3. Quan điểm đại chúng trong xây dựng môi trường văn hóa*

Quan điểm về đại chúng trong xây dựng môi trường văn hóa là nhằm chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa quần chúng. Mục tiêu của đại chúng hóa trong môi trường văn hóa là hướng đến yếu tố con người, bởi con người là chủ thể của văn hóa. Muốn có môi trường văn hóa lành mạnh trước hết cần có một môi trường xã hội lành mạnh hướng đến công bằng, văn minh, dân chủ. Vì vậy cần thực hiện nghiêm túc quy chế xác lập các thiết chế dân chủ ở cơ sở, đi đôi với hoàn thiện hệ thống chính trị từ trung ương xuống địa phương; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và giải quyết triệt để tệ nạn quan liêu, tham nhũng, làm giảm sút lòng tin của nhân dân. Môi trường văn hóa lành mạnh còn gắn liền với hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật nhằm giảm thiểu sự tác động của các sản phẩm văn hóa độc hại thấm sâu vào mọi đời sống xã hội. Chúng ta không thể



nói đến văn hóa khi sống trong một môi trường ô nhiễm độc hại, do đó vấn đề giáo dục người dân có ý thức giữ gìn trật tự, vệ sinh công cộng đến việc thi hành những quy định bảo vệ môi trường là việc làm cấp thiết. Môi trường văn hóa còn gắn liền với môi trường công sở, cộng đồng, khu dân cư nên cần đẩy mạnh phong trào xây dựng văn hóa nơi công sở, các khu dân cư văn hóa để trở thành những điểm sáng văn hóa và phong trào này cần đi vào thực chất, tránh hình thức, phô trương. Bên cạnh đó cần hoàn thiện và phát triển lành mạnh các thiết chế văn hóa cơ sở, khuyến khích các hình thức sinh hoạt văn hóa theo hướng phát huy tính chủ động, tính tự quản của cộng đồng có sự hướng dẫn nghiệp vụ của các cơ quan chức năng, như vậy mới có thể đẩy lùi những hiện tượng không lành mạnh trong sinh hoạt văn hóa cơ sở, đặc biệt là đối tượng thanh thiếu niên, lứa tuổi dễ rơi vào sa ngã, chàm bầy. Môi trường gia đình trong xây dựng môi trường văn hóa là yếu tố đặc biệt quan trọng bởi cùng với nhà trường và xã hội, gia đình có tác dụng quyết định tới việc nuôi dưỡng và hình thành nên nhân cách của mỗi con người. Vì vậy cần nâng cao vai trò của người phụ nữ trong việc nuôi dạy con cái về những giá trị đạo đức, giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Cuối cùng là vấn đề nguồn lực dành cho xây dựng môi trường văn hóa. Nếu nói đến nguồn lực dành cho văn hóa thì trước hết đó là nguồn lực con người, nguồn nhân lực cán bộ. Văn hóa tuy hiện diện ở mọi lĩnh vực đời sống xã hội, nhưng điều này không làm mất đi tính đặc thù của hoạt động văn hóa. Vì vậy phải quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ văn hóa ở bậc đại học và sau đại học. Nguồn lực là sức mạnh của tổ chức và nếu được sắp xếp trong bộ máy hợp lý sẽ hạn chế được tình trạng chồng chéo và nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý hoạt động văn hóa. Nguồn lực dành cho xây dựng môi trường văn hóa nằm trong cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, đơn vị liên quan. Nếu thiếu sự phối hợp đồng bộ này thì sức mạnh của nguồn lực dành cho phát triển môi trường văn hóa sẽ bị hạn chế. Văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, vì vậy tạo nguồn lực để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh phải thực thi một cách hữu hiệu hệ thống các chính sách xã hội hóa các hoạt động văn hóa, nhằm huy động tối đa nhân lực, vật lực trong cộng đồng để xây dựng một nền văn hóa đại chúng (của dân, do dân và vì dân). Ở đây Nhà nước chỉ đóng vai trò định hướng về chính sách và tạo hành lang pháp lý điều chỉnh các hoạt động

văn hóa, đầu tư có trọng điểm vào lĩnh vực then chốt, bên cạnh việc huy động các nguồn lực từ cộng đồng tham gia đầu tư phát triển môi trường văn hóa. Cần có cơ chế cụ thể cho phép các tập thể, cá nhân ở trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh văn hóa, vào việc phát triển ngành công nghiệp văn hóa mà trong đó Nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Đồng thời chú trọng thực thi Luật bảo hộ bản quyền tác giả, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bảo đảm quyền hợp pháp và bình đẳng trong môi trường văn hóa.

\*

\*   \*

Từ khi ra đời đến nay, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã và đang khẳng định mạnh mẽ vai trò lịch sử to lớn của mình trước vận mệnh của dân tộc. Đây là dịp để chúng ta thấy được những giá trị soi đường, tác dụng định hướng của Đề cương văn hóa. Qua đó nhận thức đúng hơn nghĩa vụ và trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong giai đoạn mới. Chúng ta đang đứng trước những thời cơ và vận hội lớn, song cũng phải đối mặt với những khó khăn, thách thức của toàn cầu hóa và nền kinh tế thị trường đặt ra cần phải giải quyết.

Nhà nước cần có chính sách cụ thể giúp văn nghệ sĩ sáng tạo những tác phẩm tốt và coi trọng phổ biến các tác phẩm có giá trị. Chú trọng công tác đào tạo đội ngũ văn nghệ sĩ trẻ và chăm lo bồi dưỡng các nhân tài văn hóa. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật cần phải hướng tới công chúng, tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình sáng tạo và hưởng thụ văn hóa. Có chính sách xây dựng thị trường văn hóa giàu tính tư tưởng, nhân văn và có sức đề kháng trước những sản phẩm văn hóa độc hại. Làm tốt công tác phê bình và tổng kết thực tiễn để hoàn thiện hơn nữa tư duy lý luận xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀ HỆ NGUYÊN TẮC VẬN ĐỘNG, XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA Ở NƯỚC TA

ThS. PHẠM VŨ DŨNG\*

Đến nay, đã tròn 80 năm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, đi vào thực tiễn cách mạng và phát huy tác dụng rộng lớn, sâu sắc trong đời sống văn hóa của dân tộc. Những quan điểm, luận chứng, ý kiến được nêu lên trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* với khá nhiều nội dung bao quát, trong đó có nhiều vấn đề, đến nay, vẫn còn giữ nguyên giá trị cũng như tính thời sự của nó, chẳng hạn: phạm vi của vấn đề văn hóa bao gồm cả tư tưởng học thuật và nghệ thuật; quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; quan niệm của người cộng sản về vấn đề văn hóa; tính chất xã hội chủ nghĩa của nền văn hóa; nguyên tắc vận động văn hóa; nhiệm vụ của các nhà hoạt động văn hóa..., góp phần giúp chúng ta nhận dạng và thúc đẩy việc xây dựng, phát triển văn hóa theo hướng bền vững; gia tăng sức mạnh hội nhập của văn hóa Việt Nam với văn hóa nhân loại.

1. Nhìn sơ quát hành trình lý luận và thực tiễn văn hóa văn nghệ cách mạng, có thể thấy, trong suốt chặng đường dài đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đề ra nhiều quan điểm, đường lối, chủ trương, giải pháp đúng đắn và cụ thể về văn hóa, tạo động lực to lớn cho cả dân tộc vừa kháng chiến kiến quốc, vừa xây dựng đời sống văn hóa phong phú, đa dạng. Ngay từ những năm 1930 của thế kỷ XX, trong

---

\* Thường trực Hội đồng biên tập Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.

*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương* (1930), Đảng ta đã sớm đề ra những định hướng và nhiệm vụ quan trọng về xây dựng văn hóa trong đời sống thực tiễn như mở trường học, làm báo, vận động đọc sách báo cách mạng... để thức tỉnh lòng yêu nước, mở mang dân trí, bồi dưỡng nhân tài và xây dựng xã hội. Đến *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943), hệ nguyên tắc vận động và thực hành văn hóa (gồm ba nội hàm *dân tộc, đại chúng, khoa học*) đã được chú trọng, khẳng định như là một phương châm xây dựng, phát triển văn hóa và bản thân văn hóa được nâng tầm như một mặt trận trong ba mặt trận kinh tế, chính trị, văn hóa. Năm 1948, về mặt lý luận, tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, với việc đề ra những nội dung về quan hệ văn hóa và xã hội, về lập trường văn hóa mácxít, văn hóa dân tộc, văn hóa dân chủ mới, mặt trận văn hóa thống nhất, về một số vấn đề cụ thể trong lý luận, phê bình văn học nghệ thuật..., đã khẳng định một cách toàn diện quan điểm văn hóa mácxít nhằm xây dựng nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam gồm cả ba tính chất dân tộc, đại chúng, khoa học; về mặt thực tiễn, tác phẩm *Đời sống mới* của Tân Sinh (Hồ Chí Minh) đã đề cao và kêu gọi thực hành xây dựng đời sống văn hóa mới, nếp sống mới trong quảng đại quần chúng nhân dân... Sau đó, trong từng thời kỳ, các quan điểm về việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, *trong đó có cách mạng tư tưởng văn hóa*; phát triển nền văn hóa mang *nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc*; xây dựng văn hóa, *nền tảng tinh thần của xã hội*; xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam *tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*; văn hóa là *một trong ba chân kiềng quan trọng của phát triển kinh tế - xã hội*; xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần *dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học*... đã được Đảng ta đề xướng, triển khai và ngày càng có ý nghĩa động lực cho sự phát triển đời sống xã hội. Như vậy, có thể thấy, cả trên bình diện lý luận lẫn thực tiễn, cả trong đường lối của Đảng lẫn trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, vấn đề xây dựng thể chế văn hóa, hoàn thiện chính sách văn hóa, phát triển văn hóa, con người theo hướng bền vững ngày càng được quan tâm đặc biệt, ngày càng được đánh giá cao hơn trong vai trò là mục tiêu, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước trước đây và trong giai đoạn hội nhập toàn diện hiện nay.

2. Trong hành trình lý luận và thực tiễn văn hóa văn nghệ cách mạng ấy, nổi lên vai trò cương lĩnh, dẫn dắt, nền tảng của văn kiện *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Có thể nói, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thực sự trang bị một vũ khí tư tưởng sắc bén cho các chiến sĩ trên mặt trận văn hóa; đã đặt nền móng cho việc hình thành đường lối phát triển văn hóa ở nước ta. Ba nguyên tắc vận động văn hóa trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có thể được coi là động lực và định hướng cho việc xây dựng, phát triển nền văn hóa mới ở Việt Nam từ đó đến nay. Trên cơ sở khẳng định phạm vi khái niệm văn hóa; tính chất, mục tiêu và nhiệm vụ của cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta trong bối cảnh thực tiễn lịch sử, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã đề ra *hệ nguyên tắc vận động văn hóa* gồm ba nguyên tắc lớn, cốt lõi, cơ bản nhằm bảo đảm cho sự thắng lợi của cách mạng văn hóa ở nước ta. Đó là *dân tộc hóa* (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); *khoa học hóa* (chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ); *đại chúng hóa* (chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng). Khi cuộc cách mạng giành độc lập dân tộc đang trở thành vấn đề cấp thiết số một thì nguyên tắc dân tộc hóa là “chống mọi ảnh hưởng nô dịch, thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”, là đưa văn hóa trở về với đại chúng, là vì đại chúng, phục vụ đại chúng chứ không thể vì một đối tượng nào khác. Đây thực sự là một sự thay đổi tận gốc, là cuộc cách mạng chứ không phải là một xu hướng cải cách mang tính cải lương. Nêu phương châm dân tộc hóa lên đầu tiên, gắn nó với cuộc cách mạng giành độc lập cho đất nước như là nhiệm vụ hàng đầu của văn hóa chính là đưa văn hóa áp sát đời sống, làm cho nó hữu ích, thiết thực với quảng đại quần chúng. Khoa học hóa văn hóa giai đoạn này chính là đánh đổ mọi nhận thức sai lầm về con đường phát triển của xã hội “chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”, mà thực chất là chống lại tư tưởng Đại Đông Á của Nhật và tư tưởng nô dịch và những quan niệm duy tâm, siêu hình đang đè nặng lên đời sống tinh thần của nhân dân. Đại chúng hóa là “chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đại chúng

hoặc xa đông đảo quần chúng”<sup>1</sup>. Có thể khẳng định đây là hệ nguyên tắc hết sức quan trọng trong quá trình vận động văn hóa, tạo cơ sở, động lực cho hoạt động văn hóa, khiến hình thành và phát triển đời sống văn hóa mới ở nước ta khi đó và những năm sau này. Một điều cần nhấn mạnh, sở dĩ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* tách riêng và nhấn mạnh từng nguyên tắc là bởi nhu cầu khẳng định tầm quan trọng của từng nguyên tắc trong tổng thể chung của một hệ nguyên tắc nhất quán. Thực chất, cả trong lý luận và thực tiễn, ba nguyên tắc này thống nhất hữu cơ, gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động và chi phối lẫn nhau. Nếu chỉ nhấn mạnh dân tộc hóa, tức làm cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập, mà coi nhẹ tính khoa học, tính đại chúng thì rất dễ dẫn tới bảo thủ, lạc hậu, cực đoan, khó hòa nhập được với quốc tế. Nhưng nếu chỉ chú ý tới khoa học hóa, bỏ quên tính dân tộc, tính đại chúng thì nền văn hóa sẽ đánh mất cá tính, phong vị, bản sắc dân tộc, trở nên xa lạ với nhân dân... Về mối quan hệ thống nhất và tác động lẫn nhau giữa ba nguyên tắc vận động văn hóa, đồng chí Trường Chinh, từ những năm 1980 của thế kỷ XX cũng đã có những phân tích khá sáng rõ: “Một nền văn hóa dân tộc mà không có tính khoa học và nhân dân thì rất có thể vì quyền lợi ích kỷ và hẹp hòi của dân tộc mình mà đi ngược lại bước đường tiến hóa của lịch sử, cố níu kéo những cái cổ truyền đã lỗi thời của dân tộc mình mà không đặc biệt chú ý đến những nguyện vọng tha thiết của công nông là số đông người cần cù và yêu nước nhất trong dân tộc. Văn hóa có tính nhân dân mà không có tính dân tộc và khoa học thì sẽ trở nên hẹp hòi, chỉ nhìn thấy lợi ích công nông mà không chú ý lợi ích chung cả dân tộc, hoặc theo đuôi quần chúng”<sup>2</sup>. Do vậy, việc thực hành ba nguyên tắc vận động văn hóa càng nhuần nhuyễn, thống nhất, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử bao nhiêu thì hiệu quả vận động văn hóa, hiệu quả xây dựng đời sống văn hóa mới càng to lớn và thiết thực bấy nhiêu.

---

1. Xem Phạm Quang Long: *Đề cương về văn hóa Việt Nam 1943: Ý nghĩa khai phóng của một cuộc cách mạng văn hóa*, baovanhoa.vn, 08/02/2023.

2. Trường Chinh: *Về văn học nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1986, tr.361.

3. Như vậy, những quan điểm được thể hiện qua hệ nguyên tắc trên, có thể thấy rằng ngay từ rất sớm, Đảng ta đã định hướng rất đúng đắn đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa ở nước ta. *Đó là nền văn hóa dân tộc; nền văn hóa khoa học, tiến bộ; nền văn hóa của quảng đại quần chúng nhân dân.* Những nội dung này, qua từng chặng đường cách mạng, từng bước được vận dụng, kế thừa, bổ sung, phát triển phù hợp với thực tiễn cách mạng, thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa, con người. Có thể khẳng định rằng, sự bổ sung, phát triển ấy vẫn cơ bản dựa trên sự kế thừa những cốt lõi, hạt nhân, bản chất vấn đề văn hóa đã được khẳng định trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. “Nếu coi Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 như là cương lĩnh thứ nhất của Đảng về văn hóa thì Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước như những cương lĩnh mới về văn hóa của Đảng thì không thể không nhận thấy những tiếp nối, phát triển nhiều luận điểm quan trọng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Mặc dù đã trải qua chặng đường 80 năm, dù thực tế đã thay đổi và nội dung, tính chất, nhiệm vụ, phương thức tổ chức, xây dựng một nền văn hóa mới của văn hóa Việt Nam thời hội nhập đã khác nhưng những định hướng cơ bản về tư tưởng, nội dung và những nguyên tắc của nền văn hóa mới vẫn còn mang ý nghĩa lớn với chúng ta”<sup>1</sup>. Trong 80 năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, nền văn hóa mới Việt Nam đã đạt được những thành tựu không nhỏ. Văn hóa ngày càng in đậm, thấm sâu vào từng thiết chế xã hội, từng cộng đồng, gia đình, cá nhân, tạo nên một đời sống văn hóa cao đẹp, lành mạnh. Sự phát triển đó chắc chắn có phần mở hướng, tác động và đóng góp không nhỏ của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Đặc biệt ba nguyên tắc, mà sự gắn quyện, thống nhất của nó được coi như phương châm hoạt động văn hóa, *dân tộc - khoa học - đại chúng* đã được thực tiễn hóa thành những nội dung hoạt động văn hóa đa dạng, hình thành một mặt trận văn hóa rộng lớn và tiếp tục được mở rộng trong quá trình phát triển văn hóa phục vụ sự

---

1. Phạm Quang Long: *Đề cương về văn hóa Việt Nam 1943: Ý nghĩa khai phóng của một cuộc cách mạng văn hóa*, baovanhoa.vn, 08/02/2023.

ng nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng đất nước hiện nay. Có thể coi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là một văn kiện lớn; hệ nguyên tắc dân tộc - khoa học - đại chúng trong xây dựng, phát triển văn hóa là quan điểm văn hóa lớn của Đảng, đặt nền móng và mở đường cho những bước phát triển mới của nền văn hóa Việt Nam những năm sau này. Sự thống nhất biện chứng giữa ba nguyên tắc được đề ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là phương châm định hướng cho mọi hoạt động văn hóa, là điều kiện để thực hiện thắng lợi cuộc vận động văn hóa, cuộc cách mạng văn hóa không chỉ trong giai đoạn lịch sử khi đó mà còn cả trong những bước chuyển của văn hóa, đời sống văn hóa sau này. Phương châm ấy ngày càng được phân tích, đánh giá, kế thừa, phát triển phù hợp với từng giai đoạn cách mạng mới, tạo nên những hiệu quả và thành tựu mới.

4. Như vậy, từ hệ nguyên tắc, đồng thời cũng là phương châm dân tộc, đại chúng, khoa học trong vận động và thực hành văn hóa, qua mô hình xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và hình thức dân tộc; nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc đến định hình đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam... là một quá trình kế thừa, phát triển biện chứng, khẳng định tính đúng đắn của đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng trong 80 năm qua. Trong những vấn đề này, cần nhấn mạnh đến Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (Nghị quyết số 03) *về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (Nghị quyết số 33) *về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Nội dung của hai nghị quyết này thực sự thể hiện tầm cao mới về nhận thức đối với các vấn đề văn hóa và về phương pháp lãnh đạo văn hóa trong bối cảnh mới. Ngoài việc nhận thức rộng về khái niệm văn hóa, hai Nghị quyết này đã đề ra quan điểm lớn để xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong tình hình mới; tiếp tục khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội, đồng thời nhấn mạnh việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam thống nhất, toàn dân với hai đặc trưng cơ bản: tiên tiến, và đậm đà bản sắc dân tộc. Không gì khác hơn, nền văn hóa tiên tiến phải gắn với nền văn hóa giàu bản sắc dân tộc,



phải có cái độc đáo, cái riêng, cái bản thể truyền thống, tâm hồn, tính cách, lối sống, phong tục... của người dân Việt Nam, những biểu hiện văn hóa có nguồn gốc lâu đời sâu xa, bền vững trong truyền thống lịch sử và đời sống văn hóa dân tộc... Như vậy, có thể tìm thấy trong các đặc trưng *tiên tiến* và *đậm đà bản sắc dân tộc* của văn hóa hiện nay những yếu tố *dân tộc, đại chúng, khoa học* đã được *Đề cương về văn hóa Việt Nam* thể hiện như là những nguyên tắc sống còn của sự vận động văn hóa. Có điều, những yếu tố đó đã được mở rộng hơn, nâng cao thêm, được nhìn nhận dưới những chất lượng mới phù hợp với sự phát triển của dân tộc và nhân loại trong bối cảnh mới. Và, cũng có thể thấy rằng, những nội dung được khởi thảo vắn tắt trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, trong đó có ba nguyên tắc dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa, đã tạo nên một dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển và hoàn thiện đường lối văn hóa của Đảng, thúc đẩy sự vận động và phát triển của nền văn hóa, đời sống văn hóa xã hội nước ta theo hướng bền vững.

5. Trong bối cảnh đời sống của nhân dân ta vô cùng ngọt ngào dưới ách thống trị của Nhật - Pháp; giới trí thức nước nhà lâm vào khủng hoảng và bế tắc, sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* thực sự có ý nghĩa, vai trò và giá trị lịch sử quan trọng, có sức mạnh thức tỉnh, tập hợp, đoàn kết giới trí thức và toàn dân vào sự nghiệp văn hóa cứu quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng văn hóa. Với phương châm vận động văn hóa theo nguyên tắc dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thể hiện rõ quan điểm của Đảng về thực hành cách mạng văn hóa; về mối quan hệ giữa cách mạng văn hóa và cách mạng xã hội, cách mạng chính trị; về đặc trưng của nền văn hóa cũng như đời sống văn hóa ở nước ta trong bối cảnh đó... Những quan điểm và nội dung đề cập trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đến nay vẫn còn ý nghĩa thời sự, mặc dù, trong bối cảnh hiện nay, nhiều nội hàm, nhiều vấn đề được chúng ta quan niệm và hiểu khác hơn nhiều. Chẳng hạn, phạm vi của văn hóa hiện nay được hiểu với nội hàm rộng lớn, không khuôn hẹp trong ba lĩnh vực được đề cập trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là tư tưởng, học thuật, nghệ thuật. Hay nội dung của ba nguyên tắc dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa, đã liên tục được nhận

thức sâu rộng hơn, bổ sung những yếu tố mới để hình thành quan điểm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó đáng chú ý là phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa* đang phát triển rộng khắp, có chất lượng trên cả nước. Dù thế, một lần nữa, cần khẳng định *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã đặt ra rất nhiều vấn đề lớn, bao quát, mang tính chiến lược, có tác dụng tạo tiền đề và điều kiện cho những bước chuyển văn hóa những giai đoạn sau. Từ hệ nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa trong vận động và thực hành văn hóa đến những chuyển biến về chất trong nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam mỗi giai đoạn là cả một quá trình kế thừa, phát huy, bổ sung, nâng cao những quan điểm, đường lối xuyên suốt của Đảng về văn hóa văn nghệ. Trong từng giai đoạn, những hạt nhân đúng đắn, hợp lý được kế thừa và phát triển; những yếu tố, nội dung còn hạn hẹp hay không còn thích hợp được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp điều kiện mới. Tư tưởng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, với những nội dung quan trọng, trong đó có hệ nguyên tắc, đồng thời là phương châm vận động cách mạng văn hóa: dân tộc - khoa học - đại chúng, đã phản ánh và đáp ứng những đòi hỏi mới của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa cách mạng trong thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc. Nó cũng gọi ra những vấn đề quan trọng, tạo tiền đề cho việc xây dựng, phát triển nền văn hóa trong những thời kỳ mới theo hướng bền vững. Trong đó, sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là hết sức quan trọng.

**6.** Dưới tác động to lớn của cương lĩnh văn hóa *Đề cương về văn hóa Việt Nam*; của hệ nguyên tắc vận động cách mạng được nhấn mạnh trong nội dung *Đề cương về văn hóa Việt Nam*; của đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng qua từng giai đoạn, được kế thừa, phát triển từ sự khai mở của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, sự nghiệp văn hóa nước nhà đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực hoạt động văn hóa nghệ thuật, tạo nên một xã hội dân trí cao với những con người có văn hóa; một đời sống văn hóa xã hội đa dạng, lành mạnh, cao đẹp, trong đó toàn dân cùng đoàn kết để thực hành văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã đặt một mốc son trong việc khởi động, định hướng sự phát triển của văn hóa và đời sống văn hóa dân tộc cũng như trong toàn bộ tiến trình cách mạng

Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hiện tại và tương lai, có thể một vài nội dung được phác họa trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã không còn phù hợp với bối cảnh mới. Song, hàng loạt những vấn đề thể hiện quan điểm của Đảng lúc đó về văn hóa, trong đó có vấn đề về hệ nguyên tắc xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam với tính chất dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa, vẫn có sức sống mãnh liệt. Quan điểm này đã được khẳng định, kế thừa, bổ sung, hình thành đường lối văn hóa của Đảng trong thời kỳ mới: xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo đảm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Và, chính sự kế thừa và phát triển này cho phép khẳng định rằng *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, cũng như không ít vấn đề, nội dung được phác thảo trong đó, đến nay vẫn còn nguyên vẹn tính chất động lực và ý nghĩa thời sự trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo hướng bền vững.

## SỰ KHAI PHÁ MỞ ĐƯỜNG CHO QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LÝ LUẬN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

GS.TS. ĐINH XUÂN DŨNG\*

Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930), nhân dân ta đã phải sống hơn nửa thế kỷ dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “Từ ngày bị đế quốc Pháp xâm chiếm, nước ta là một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác. Trong mấy mươi năm khi chưa có Đảng, tình hình đen tối như không có đường ra”<sup>1</sup>. Mất độc lập, tự do là mất tất cả. Lúc đó, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ thiêng liêng, cấp bách nhất, là vấn đề sống còn của cả dân tộc. Trước sự đòi hỏi gay gắt đó của lịch sử, các phong trào yêu nước chống Pháp lúc bấy giờ, dù theo khuynh hướng, lập trường nào - hệ tư tưởng phong kiến, nông dân, tiểu tư sản hay tư sản,... đều tập trung tất cả cho các cuộc *vận động chính trị* hay *đấu tranh vũ trang*. Từ năm 1930, sau khi được thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng triển khai hoạt động của mình theo hướng đó - vận động chính trị, tiến lên vận động chuẩn bị đấu tranh vũ trang, tức là “làm cách mạng chính trị” như *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã khẳng định. Song, có một điểm khác căn bản với các phong trào cách mạng và yêu nước khác, không chỉ ở mặt ý thức hệ, mà ở chỗ, ngay khi tập trung cho việc vận động chính trị và chuẩn bị đấu tranh vũ trang để giải phóng dân tộc, vào thời điểm cao trào và nóng bỏng nhất (năm 1943), Đảng Cộng sản Việt Nam đã rất tỉnh táo và bản lĩnh, dành trí

---

\* Hội đồng Lý luận phê bình Văn học nghệ thuật Trung ương.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.401.

tuệ, tâm huyết chuẩn bị đường hướng cho việc tiến hành một sự nghiệp lớn: *Đấu tranh xây dựng “một nền văn hóa mới”*. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời vào năm 1943 là sự thể hiện đầy sức thuyết phục về *tâm nhìn, bản lĩnh* và sự *niệt huyết* đó của những người cộng sản Việt Nam. Ở đây không phải chỉ là việc sử dụng *phương thức* hoạt động văn hóa để thực hiện mục tiêu vận động chính trị (như các chí sĩ yêu nước lúc đó thường làm) mà là sự chuẩn bị lý luận, cương lĩnh cho sự ra đời một *nền văn hóa mới* sau khi cách mạng chính trị thành công, là sự vận động văn hóa như là một *mặt trận*, một *sức mạnh đặc biệt* góp phần cho sự phát triển của cách mạng chính trị. Ba luận điểm làm rõ “thái độ của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với văn hóa” được trình bày ngắn gọn, cô đúc trong Đề cương, có giá trị khai phá mở đường, khẳng định tính nguyên tắc và trách nhiệm của Đảng đối với sự nghiệp văn hóa:

a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động.

b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa.

c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả<sup>1</sup>.

Phải chăng, các phong trào cách mạng và yêu nước khác, vào thời điểm đó, dù thể hiện đến tận cùng khát vọng giải phóng dân tộc, nhưng đều rơi vào thất bại, vì bế tắc về đường lối cứu nước, trong đó có nguyên nhân vì không kết hợp được sức mạnh của hai cuộc vận động lớn: *vận động chính trị* và *vận động văn hóa*. Từ sự nhìn nhận thực tiễn lịch sử đó, rõ ràng là Đề cương không chỉ nói về văn hóa hoặc chỉ có giá trị đối với lĩnh vực văn hóa cụ thể, mà còn góp phần tạo nên cội nguồn, động lực cho sức mạnh tổng hợp của cách mạng để dẫn tới thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám 1945. Nếu từ tầm nhìn đó, có thể thấy rằng, mặc dù sau 80 năm nhìn lại, trong Đề cương có một số nhận định, đánh giá cụ thể chưa chính xác, cần điều chỉnh, bổ sung, nhưng giá trị lớn của Đề cương vừa có ý nghĩa lịch sử mang tính bước ngoặt của giai

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12-13.

đoạn 1943-1945 đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta, vừa có tầm nhìn như là sự khai phá mở đường, đặt nền móng vững chắc và đúng đắn cho toàn bộ quá trình tìm tòi, xây dựng hệ thống quan điểm cơ bản của Đảng về văn hóa.

Không chỉ có giá trị gắn với yêu cầu của thời kỳ 1943-1945, mà Đề cương còn hàm chứa một nội dung rất sâu sắc, đó chính là những dự báo sáng suốt về tương lai của văn hóa Việt Nam. Vào thời điểm năm 1943, khi đất nước đang đứng trước những biến cố lớn, khó lường do Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra khốc liệt, cuộc vận động cách mạng đang hết sức khẩn trương, Đề cương đã nêu lên hai “ức thuyết”: *một là*, “nền văn hóa phát xít (văn hóa trung cổ và nô dịch hóa) thắng thì văn hóa Việt Nam nghèo nàn, thấp kém”<sup>1</sup>, và *hai là*, “văn hóa Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>2</sup>. Từ hai “ức thuyết” đó, Đề cương dự báo: “Căn cứ vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội hiện nay, cách mạng dân tộc Việt Nam nhất quyết sẽ làm cho ức thuyết thứ hai trở nên sự thực”<sup>3</sup>. Đến nay, ức thuyết trên đã trở thành hiện thực trong gần 80 năm qua. Song, đặt ức thuyết đó vào thời điểm chúng ta đang “tay trắng” thì phải thấy rằng, đó là một dự báo tài tình, là kết quả của sự linh cảm, của niềm tin và đồng thời của sự phân tích khoa học thực trạng và sự vận động của lịch sử.

Dự báo thứ hai còn có ý nghĩa chiến lược sâu sắc hơn, đó là sự khẳng định một quy luật có tính phổ quát của toàn bộ sự nghiệp cách mạng: “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”<sup>4</sup>. Năm 1945, chúng ta đã giành được độc lập dân tộc. Năm 1975, chúng ta đã giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Năm 1991, khi các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, chúng ta đã đứng vững. Cuối thế kỷ XX, chúng ta đã thoát khỏi tình trạng một nước nghèo nàn, kém phát triển và bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Như vậy, có nghĩa là, về mặt chính trị và kinh tế, chúng ta đã giành được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử, song trên thực tiễn, đến nay, còn rất nhiều vấn đề lớn lao và

---

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sdd, tr.19, 19-20, 20, 21.

hệ trọng trong bản thân sự phát triển của đất nước đang đặt ra gay gắt, trong đó, vấn đề văn hóa với ý nghĩa là toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội, là sự xây đắp và nuôi dưỡng nhân cách con người, là cuộc đấu tranh bền bỉ chống cái xấu, cái ác, cái thấp hèn, sự tha hóa,... đã và đang nổi lên như một thách thức dai dẳng nhất, và phía trước, chưa có lời giải đáp thỏa đáng, có sức thuyết phục đối với những thách thức đó. Điều khẳng định trong Đề cương cách đây 80 năm “phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội” chính là việc phát hiện một quy luật sâu sắc trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Hay nói cách khác, đừng ai ảo tưởng rằng, làm xong cách mạng chính trị hay chỉ tập trung cho phát triển kinh tế đã là bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước. Công cuộc cải tạo xã hội sau khi cách mạng chính trị thành công và trong khi đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế đòi hỏi một tư duy sâu sắc hơn nhiều, đó là, chỉ có thể hoàn thành triệt để công cuộc cải tạo đó bằng cách phải hoàn thành đồng thời cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 gọi là “ba mặt trận”. Toàn bộ nội dung cơ bản của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đều xuất phát từ luận điểm gốc trên đây, mà triết lý của nó là phép biện chứng trong xử lý quan hệ giữa ba mặt trận đó. Lơi lỏng mặt trận nào hay chỉ nhấn mạnh mặt trận này, coi nhẹ mặt trận kia đều rơi vào tình trạng bất lợi cho sự phát triển, nếu không muốn nói là có thể dẫn tới xung đột, khủng hoảng xã hội. Có thể nhận thấy rằng, sau 80 năm Đề cương ra đời, tuy có một số nhận định cụ thể đã bộc lộ hạn chế lịch sử của nó, nhưng luận điểm về tính tất yếu tiến hành cuộc vận động văn hóa, xây dựng nền văn hóa mới vẫn giữ nguyên giá trị với ý nghĩa là một quy luật, một đòi hỏi mang tính khách quan và tính thời sự của nó. Cần lưu ý rằng, không phải tất cả những vấn đề đa dạng, phong phú và phức tạp của đời sống văn hóa Việt Nam trong tiến trình vận động, biến đổi của nó đều được đề cập trong Đề cương, và nhìn từ quan điểm hôm nay, không phải tất cả những nhận định cụ thể đều chuẩn xác, song mục tiêu chủ yếu của Đề cương là khẳng định những *quan điểm gốc về chính trị, đặt nền tảng tư tưởng cơ bản* để chuẩn bị cho việc tiến hành một sự nghiệp khó khăn và tế nhị: cải tạo nền văn hóa cũ và xây dựng nền văn hóa mới. Vì vậy, đường lối, quan điểm văn hóa, văn nghệ của Đảng từ sau Đề cương, mặc dù đã phát triển

ở trình độ mới, phong phú và hoàn thiện hơn nhiều, nhưng vẫn kiên định giữ vững luận điểm cốt lõi trên.

\*  
\*   \*   \*

Nếu coi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là sự khai phá mở đường cho quá trình xây dựng quan điểm, lý luận về văn hóa ở Việt Nam, thì trong 80 năm qua, nhiều luận điểm của Đề cương đã được điều chỉnh, bổ sung, làm phong phú hơn, trong đó, luận điểm cơ bản “văn hóa mới Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung”<sup>1</sup> được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần và vươn tới sự hoàn chỉnh trong những năm gần đây.

Năm 1943, nội dung này được thể hiện theo hướng diễn đạt của cặp phạm trù nội dung và hình thức. Về nội dung, yêu cầu rất mới, đó là “tân dân chủ”, tức là phải vượt qua văn hóa phong kiến, văn hóa nô dịch để trở thành nền văn hóa dân chủ mới - một trào lưu đang phát triển mạnh mẽ của văn hóa thế giới giai đoạn lịch sử đó. Đồng thời, do ảnh hưởng của quan niệm Xôviết về văn hóa đa dân tộc của Liên Xô thời kỳ đó, Đề cương coi tính dân tộc của văn hóa thuộc phạm trù hình thức: “tính chất dân tộc về hình thức”. Cách hiểu đó ít nhiều chưa thể hiện được chiều sâu của tính dân tộc của văn hóa, không chỉ là những biểu hiện hình thức mà còn thấm sâu vào toàn bộ nội dung của văn hóa. Trong một thời kỳ khá dài, khái niệm “hình thức dân tộc” còn đơn giản, phiến diện, có tác dụng chi phối sự lãnh đạo văn hóa.

Mười bảy năm sau, tại Đại hội lần thứ III của Đảng (1960), luận điểm trên đã được điều chỉnh và phát triển thành “phát triển nền văn nghệ mới với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc”<sup>2</sup> để làm rõ hơn đặc trưng tổng quát của nền văn hóa khi chúng ta xác định con đường phát triển của đất nước theo mục tiêu và lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Khái niệm “nội dung xã hội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.25-26.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr.930.



chủ nghĩa” được thay thế cho “tân dân chủ về nội dung” là sự khẳng định mục tiêu và lý tưởng mới, cao hơn giai đoạn trước của nền văn hóa khi chế độ mới đã được thiết lập. Đặc biệt, thuật ngữ “dân tộc về hình thức” đã được thay thế bằng “tính chất dân tộc”, có nghĩa là, ở đó, tính dân tộc của văn hóa đã bao hàm cả nội dung và hình thức. Đó là sự điều chỉnh quan trọng và cần thiết trong quan điểm về văn hóa.

Hai mươi bảy năm sau, năm 1987, trong Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị (khóa VI), cả hai vế trên, một lần nữa, lại được điều chỉnh cơ bản: “Xây dựng... Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>1</sup>. Cụm từ “nội dung xã hội chủ nghĩa” được thay thế bằng sự khái quát rộng hơn, chỉ mục tiêu và tính chất chung của toàn bộ nền văn hóa. Như vậy, khái niệm trước đây được sử dụng trong nhiều năm, “nội dung xã hội chủ nghĩa”, ít nhiều hạn hẹp đã được điều chỉnh. Đồng thời, nhận thức sâu hơn đặc tính, thuộc tính dân tộc của một nền văn hóa, cụm từ “tính chất dân tộc” được chuyển thành “đậm đà bản sắc dân tộc” nhằm tô đậm, khắc sâu hơn yêu cầu về tính dân tộc của văn hóa Việt Nam đương đại.

Sau Nghị quyết số 05-NQ/TW của Bộ Chính trị bốn năm, vào năm 1991, trong “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, một lần nữa, luận điểm trên có sự đổi mới rất quan trọng. Cụm từ “văn hóa xã hội chủ nghĩa” trong Nghị quyết số 05-NQ/TW đã được thay thế bằng “văn hóa tiên tiến” và giữ lại cụm từ “đậm đà bản sắc dân tộc”. Có người cho rằng, ở đây có một bước lùi về hệ tư tưởng khi bỏ đi khái niệm “xã hội chủ nghĩa” để thay thế bằng khái niệm “tiên tiến”. Thực ra, một thời gian dài, chúng ta đã quy chiếu toàn bộ nền văn hóa theo yêu cầu “nội dung xã hội chủ nghĩa”, mà không chú ý đúng mức đến tính phong phú, đa dạng, phẩm chất nhân văn, dân chủ, tiến bộ của một nền văn hóa. Làm nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa của chúng ta là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời với nền văn hóa đó, cùng với những tác phẩm mà “nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”<sup>2</sup>, còn có những giá trị dân chủ, nhân

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.48, tr.480.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55-56.

văn, tiến bộ, khoa học của văn hóa dân tộc và của văn hóa thế giới. Mặt khác, sản phẩm văn hóa là vô cùng đa dạng, tạo nên vẻ đẹp, sự giàu có về tinh thần của một dân tộc, không thể soi chiếu tất cả các sản phẩm đó theo chuẩn mực hệ ý thức, mà phải lấy thước đo là *tính tiên tiến, tiến bộ* của nó. Như vậy, tất cả các cụm từ “tân dân chủ”, “nội dung xã hội chủ nghĩa”, “văn hóa xã hội chủ nghĩa”, “hình thức dân tộc”, “tính chất dân tộc”, sau gần 50 năm, đã được thay thế bằng luận điểm mới “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Đến Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998), và các nghị quyết sau đó đến gần đây nhất, luận điểm này đã được làm rõ nội hàm của nó. Có thể khẳng định rằng, quá trình tìm tòi trên gắn liền với sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về văn hóa và là kết quả của sự tổng kết thực tiễn một cách khoa học, nghiêm túc, sáng tạo. Đó vừa là sự kế thừa khoa học, vừa là sự phủ định biện chứng từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến các văn kiện tiếp theo. Song, rõ ràng là nền móng vững chắc, sự khai phá mở đường đã bắt đầu đúng đắn từ bản *Đề cương lịch sử* này. Trong vị trí lịch sử của nó, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 hoàn toàn có giá trị như là một Cương lĩnh đầu tiên, là chiến lược đầu tiên về văn hóa của chúng ta.

## NHẬN DIỆN NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943

ThS. NGUYỄN VĂN DƯƠNG\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam<sup>1</sup> ra đời năm 1943 (sau đây gọi tắt là Đề cương). Trong 80 năm qua, Đề cương vẫn là văn kiện lịch sử có giá trị như một Tuyên ngôn - Cương lĩnh quan trọng đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam về vị trí của nền văn hóa và phát triển nền Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng dân tộc do Đảng lãnh đạo.

Tiếp tục nghiên cứu các giá trị cốt lõi của Đề cương là cần thiết, tất yếu. Kết quả nghiên cứu góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 21/11/2021) về xây dựng văn hóa, con người tạo sức mạnh nội sinh phát triển bền vững đất nước. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được trao đổi một số nội dung sau đây.

*Một là, tầm nhìn về cách đặt vấn đề của Đề cương về văn hóa Việt Nam*

Những năm 40 của thế kỷ trước, khi Nhật nhảy vào Đông Dương thì cuộc cách mạng chống thực dân Pháp của người Việt Nam gắn với chống chủ nghĩa phát xít. Trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, với thủ đoạn thâm độc, các chính sách văn hóa của Pháp, Nhật không chỉ đã gây ảo tưởng đối với người Việt Nam về “vai trò cứu tinh” từ văn minh, văn hóa của họ, mà còn gieo rắc tâm lý tự ti về nền văn hóa dân tộc. Thực tế đó cũng đồng nghĩa với hiện tượng hoang mang trong nhận thức, tư tưởng và đặc biệt trong cả việc nhận diện kẻ thù của lực lượng cách mạng lúc bấy giờ. Trước tình hình đó, Đảng đã tổ chức Hội nghị

---

\* Phó Giám đốc Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316-321.

Thường vụ Trung ương (họp từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943). Một trong những nội dung quan trọng được xác định của Hội nghị, đó phải đưa ra được định hướng có tính cách mạng về văn hóa dân tộc. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 do đồng chí Trường Chinh soạn thảo đã được thông qua và ra đời trong bối cảnh này.

Nội dung của Đề cương được tiếp cận gồm: 1. Về lý luận, phạm vi văn hóa được quan niệm bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật; 2. Mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế chính trị, vị trí của cuộc cách mạng văn hóa trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng lãnh đạo; 3. Đảng lãnh đạo mặt trận văn hóa, phát triển nền văn hóa dân tộc là tất yếu. Các giá trị cụ thể từ cách tiếp cận trên:

- Định hướng về lý luận của Đề cương: Văn hóa phải được nhận thức như một hệ thống: “Văn hóa phải bao hàm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật”. Tuy còn phiến diện, nhưng định hướng này đã mở đầu cho sự phát triển hoàn chỉnh hơn trong quan niệm về các lĩnh vực văn hóa được đưa ra trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998). Đặc biệt là trong bối cảnh lúc bấy giờ, Đề cương đã xác định tư tưởng là lĩnh vực cốt lõi của văn hóa và coi chính trị, kinh tế và văn hóa là các lĩnh vực rất cơ bản của đời sống văn hóa xã hội, mà Đảng cần tập trung lãnh đạo để bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Cũng vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, văn hóa là một trong bốn lĩnh vực quan trọng để phát triển đất nước. Người nói: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa”<sup>1</sup>. Người đã chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác: Văn hóa không thể đứng ngoài “mà phải ở trong kinh tế và chính trị” và ngược lại kinh tế, chính trị cũng nằm “trong văn hóa”. Đồng thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, kinh tế là nền tảng vật chất, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; kinh tế và văn hóa cuối cùng đều phục vụ nhiệm vụ chính trị là xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, đạo đức, văn minh.

- Nhận thức về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị phải dựa trên quan điểm mácxít. Đó là xét cho cùng, văn hóa là sự phản ánh hiện thực của xã hội, và chính chế độ kinh tế của một xã hội quyết định toàn bộ sự phát

1. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1997, tr.11.

triển văn hóa của xã hội đó. Nhận thức mối quan hệ này theo quan điểm duy vật biện chứng của Đề cương có ý nghĩa nền tảng để Đảng ta phát triển quan điểm “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội...”, có vai trò định hướng, điều tiết, là động lực của sự phát triển.

- Đề cương khẳng định Đảng lãnh đạo toàn diện cuộc cách mạng dân tộc, lãnh đạo cách mạng văn hóa là tất yếu (văn hóa là một trong ba mặt trận kinh tế, chính trị, văn hóa). Mặt trận có nghĩa không chỉ để tập hợp lực lượng cách mạng, mà còn là cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Đảng Cộng sản phải lãnh đạo mặt trận tư tưởng - văn hóa thì mới gây được ảnh hưởng dư luận, mới tuyên truyền sâu rộng được quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng. Có thể thấy ngay từ cách đặt vấn đề, giá trị của Đề cương đã mang tầm triết luận của cuộc cách mạng tư tưởng - văn hóa.

*Hai là, quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng văn hóa Việt Nam. Cụ thể:*

- Cách mạng văn hóa Việt Nam có vị trí hết sức quan trọng trong cuộc cách mạng dân tộc do Đảng lãnh đạo. Văn hóa không chỉ là một trong ba mặt trận cơ bản của cuộc cách mạng dân tộc mà Đảng phải nắm quyền lãnh đạo, Đề cương còn chỉ ra: *“Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”*. Cuộc cách mạng văn hóa - tư tưởng có vai trò làm thay đổi nhận thức, tư tưởng - với ý nghĩa “dọn đường” cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Cách mạng văn hóa là một bộ phận khăng khít, có ý nghĩa nền tảng tư tưởng để cuộc cách chính trị có thể thành công. Tuy nhiên Đề cương cũng khẳng định rằng *“Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công”*, khi cách mạng chính trị thành công rồi, vẫn phải tiếp tục làm cách mạng văn hóa, vì như vậy cách mạng dân tộc mới thành công triệt để. Cách mạng văn hóa Việt Nam phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng mới có điều kiện để phát triển, mới “đưa văn hóa Việt Nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc hoàn toàn”.

- Văn hóa Việt Nam có tiền đồ như thế nào và làm thế nào để vận động phát triển? Tiền đồ của văn hóa Việt Nam trước hết phải được nhận thức xuất phát từ quan niệm về lịch sử và tính chất của nền văn hóa dân tộc. Đề cương đã chỉ ra các giai đoạn trong lịch sử văn hóa Việt Nam và tính chất của văn hóa Việt Nam hiện tại, đó là nền văn hóa “về hình thức là thuộc địa, về nội dung là tiên tư bản”. Trong quan điểm này, văn hóa được nhìn nhận trong

quá trình vận động, biến đổi, mang tính khách quan. Theo Đề cương, nền văn hóa Việt Nam trong bối cảnh lúc bấy giờ đang đứng trước thời cơ và thách thức mới. Một mặt, văn hóa dân tộc đang chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của tính chất phong kiến, nô dịch, nhưng mặt khác sự tác động của văn hóa tân dân chủ và những giá trị văn hóa bên ngoài sẽ là cơ sở để văn hóa Việt Nam phát triển mới.

Không dừng lại ở đó, Đề cương đã chỉ ra sự vận động của văn hóa Việt Nam “phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng mới có điều kiện phát triển”. Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi sẽ “cởi mở xiềng xích”, cơ sở để phát triển nền văn hóa dân tộc. Lúc đó nền văn hóa Việt Nam không thể nghèo nàn thấp kém, mà phát triển tới “trình độ dân chủ và có tính dân tộc hoàn toàn độc lập, có thể “đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”.

- Cuộc vận động của văn hóa Việt Nam dựa trên những nguyên tắc nào? Tiếp cận theo quan điểm mácxít, Đề cương đưa ra “Ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn này”, đó là: dân tộc hóa - đại chúng hóa - khoa học hóa. Nội dung các nguyên tắc được giải thích: “Dân tộc hóa” là trong quá trình xây dựng nền văn hóa phải “chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa” để phát triển nền văn hóa Việt Nam độc lập. “Đại chúng hóa” là “chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phần lại đồng đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng”. “Khoa học hóa” là “chống lại tất cả những cái gì là cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”.

Sau khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, các nguyên tắc này trong quan điểm của Đảng đã có bước phát triển mới. Năm 1948, trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* (do đồng chí Trường Chinh soạn thảo), một lần nữa khẳng định sự phát triển nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam, phải gồm đủ các tính chất *dân tộc, khoa học và đại chúng*. Về nguyên tắc “dân tộc hóa”: văn hóa dân tộc được quan niệm không chỉ có một khuynh hướng. Hoặc phát triển nền văn hóa dân tộc theo quan điểm mácxít là xây dựng nền văn hóa vì dân tộc, vì nhân dân, bênh vực và đề cao quyền lợi của nhân dân, chống thực dân xâm lược và bọn Việt gian phản nước, hại nòi. Phát triển nền văn hóa dân tộc trên cơ sở kế thừa những tinh hoa của dân tộc, đồng thời “*sẵn sàng tiếp thu những cái hay, cái đẹp, cái tiến bộ của văn hóa nước ngoài..., không bài ngoại, vị chúng*”. Về nguyên tắc “khoa học hóa”, văn hóa dân chủ mới Việt Nam là văn hóa tôn trọng tự do, tín ngưỡng, nhưng cũng phản đối

mê tín, dị đoan, hủ tục, chống tư tưởng duy tâm, thần bí... Nguyên tắc “đại chúng hóa”, là văn hóa mới phải phục vụ nhân dân, phục vụ xã hội. Sáng tạo giá trị của văn hóa mới phải xuất phát từ cuộc sống của quần chúng, phải nhằm giác ngộ nâng cao nhận thức của quần chúng... Quan điểm của Đảng cũng khẳng định rằng ba nguyên tắc - tính chất của xây dựng văn hóa mới Việt Nam đồng thời tồn tại, có quan hệ khăng khít không thể tách rời nhau.

Ba nguyên tắc “dân tộc, khoa học, đại chúng” trong Đề cương tuy được giải thích một cách ngắn gọn, nhưng mang tính cương lĩnh, định hướng quan trọng. Định hướng đó đã xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, có ý nghĩa thiết thực và hành động vì mục đích yêu nước phải góp phần cứu nước, giải phóng dân tộc khỏi áp bức, nô lệ.

*Ba là*, chỉ ra những nhiệm vụ cần làm trước mắt của cách mạng văn hóa Việt Nam.

- Mục đích trước mắt của cách mạng văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ là gì? là đấu tranh “Chống lại văn hóa phát xít phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉnh dân” và “phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương”. Vì sao, vì văn hóa Việt Nam đang đứng trước những nguy cơ do chính sách văn hóa của Pháp, Nhật đưa lại. Đó là Nhật, Pháp đàn áp, mua chuộc, hăm dọa các nhà văn hóa cách mạng dân chủ chống phát xít, các nhà văn có tài; kiểm duyệt các tài liệu văn hóa cách mạng, ra tài liệu, tổ chức tuyên truyền về văn minh, văn hóa và chủ nghĩa Đại Đông Á, tuyên truyền chủ nghĩa đầu hàng, chủ nghĩa ái quốc mù quáng và hẹp hòi; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá phản văn hóa, ngu dân... Trước tác động của thủ đoạn phát xít trong chính sách văn hóa Pháp, Nhật, văn hóa dân tộc đang đứng trước nguy cơ bị “trói buộc văn hóa và giết chết văn hóa Việt Nam”. Nguy hại hơn, thủ đoạn phát xít trong chính sách văn hóa còn gây ra quan niệm về “sự cứu tinh” từ vai trò của văn minh, văn hóa thực dân, phát xít, rằng có thể đưa đến văn minh tiến bộ cho các giống nòi Đại Đông Á.

Trước nguy cơ đó, nhiệm vụ cách mạng văn hóa Việt Nam trước hết là phải đấu tranh về tư tưởng, học thuyết. Đề cương xác định đây là nhiệm vụ quan trọng đầu tiên của cách mạng văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ. Cụ thể là đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, học thuyết một mặt nhằm “đánh tan những quan điểm sai lầm của triết học Âu, Á” đang có ảnh hưởng tiêu cực ở nước ta lúc bấy giờ; mặt khác, “làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

thắng”. Quan điểm của Đảng thể hiện nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của văn hóa - là vấn đề xuyên suốt, nhiệm vụ trọng tâm trong suốt hơn 90 năm Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc.

Cùng với nhiệm vụ đấu tranh về học thuyết, tư tưởng, nhiệm vụ đấu tranh trong lĩnh vực văn nghệ. Văn học, nghệ thuật trong Đề cương được nhận thức là một trong những lĩnh vực quan trọng của văn hóa. Lúc bấy giờ cuộc đấu tranh ở lĩnh vực này được tập trung vào các trường phái văn nghệ. Sau này trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, vấn đề được phân tích rõ hơn: “kiên quyết tẩy trừ những khuynh hướng sai lầm trong văn nghệ, những bệnh vốn có của văn hóa nước nhà hoặc lây truyền bởi văn hóa đòi trụ của thực dân... Ví dụ: chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa trù dập, chủ nghĩa thoát ly, chủ nghĩa trung lập, chủ nghĩa duy mỹ...”. Trong thư gửi Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai (tháng 7/1948), Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy” (Báo *Cứu quốc*, số 1986, ngày 5-1-1952), cho thấy văn hóa nghệ thuật có vai trò to lớn và trách nhiệm của đội ngũ văn nghệ sĩ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Đối với nhiệm vụ đấu tranh về tiếng nói, chữ viết, Đề cương nêu rõ: phải thống nhất về chữ viết trên cơ sở cải cách chữ quốc ngữ và làm giàu thêm tiếng nói trong văn hóa ngôn ngữ dân tộc. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cách mạng văn hóa Việt Nam, đặt nền móng cho nhiệm vụ “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”. Trong đó, phát triển vốn chữ, viết đúng phép tắc và giữ gìn bản sắc, phong cách tinh hoa của tiếng Việt, được coi là nhiệm vụ trọng tâm của xây dựng và bảo vệ biểu tượng của một quốc gia trong quá trình phát triển.

*Bốn là*, định hướng về cách thức, phương pháp vận động của văn hóa Việt Nam:

Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, Đề cương chỉ ra cách vận động của văn hóa Việt Nam, thứ nhất: “Lợi dụng tất cả khả năng công khai và bán công khai để: Tuyên truyền và xuất bản, tổ chức các nhà văn, tranh đấu giành quyền thực tại cho các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, chống nạn mù chữ...”. Trong cuộc cách mạng văn hóa - tư tưởng, tuyên truyền là một phương pháp quan trọng, hiệu quả. Quan điểm về cách thức, phương pháp vận động của văn hóa Việt Nam có sự thống nhất. Ba nguyên tắc vận động của nền văn hóa Việt



Nam (dân tộc, khoa học, đại chúng) là nền tảng, cơ sở của phương pháp vận động. Thứ hai, cách thức vận động của văn hóa Việt Nam còn phải chú ý “Phối hợp mật thiết phương pháp bí mật và công khai thống nhất mọi hoạt động văn hóa tiến bộ dưới quyền lãnh đạo của Đảng vô sản mácxít”. Trong bối cảnh lúc bấy giờ, phương pháp tuyên truyền vận động của cách mạng văn hóa Việt Nam đặt những vấn đề rất cơ bản, đó là việc xuất bản và nội dung, việc tổ chức đội ngũ văn hóa, văn nghệ, việc chống nạn mù chữ... Cách thức vận động phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

\*

\* \*

Sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là dấu mốc quan trọng trong quan điểm của Đảng ta về vai trò của văn hóa và cuộc cách mạng văn hóa. Đề cương không chỉ góp phần thức tỉnh, làm thay đổi nhận thức cả lý luận và thực tiễn, mà còn vạch ra nhiệm vụ, cách thức của vận động văn hóa Việt Nam, tập hợp lực lượng cách mạng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Những định hướng quan trọng mang tầm triết luận về lý luận và thực tiễn của nền văn hóa dân tộc có ý nghĩa là cuộc cách mạng tư tưởng - văn hóa, góp phần giải quyết thực tiễn Việt Nam đêm trước của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trong tám mươi năm qua, sau *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đảng ta đã xây dựng, ban hành một số Nghị quyết có ý nghĩa là cương lĩnh văn hóa quan trọng. Quan điểm của Đảng về văn hóa, vai trò của xây dựng nền văn hóa Việt Nam đã ngày càng được bổ sung, phát triển mới cả về tư duy lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn giữ nguyên giá trị của một cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng. Những giá trị cốt lõi của Đề cương không chỉ góp phần giải quyết thực tiễn cách mạng dân tộc trong bối cảnh lịch sử, mà còn đặt nền móng cho sự phát triển nền văn hóa Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng dân tộc, xây dựng phát triển đất nước và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

## TÍNH DÂN TỘC CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM

PGS.TS. ĐẶNG QUANG ĐỊNH\*

Văn hóa là sức mạnh nội sinh, là nền tảng tinh thần quyết định sự tồn vong của mỗi dân tộc. Xét một cách khái quát, văn hóa được hiểu là tổng thể những giá trị tinh thần và vật chất, phản ánh những đặc trưng tiêu biểu nhất, biểu hiện sức sống, sức sáng tạo của dân tộc. Do vậy, việc củng cố, tăng cường, phát huy những giá trị đặc trưng của văn hóa là cơ sở cho sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi dân tộc. Trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Nói đến văn hóa là nói đến những gì là tinh hoa, tinh túy nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, nhân tình, tiến bộ (một con người có văn hóa, một gia đình có văn hóa, một dân tộc có văn hóa; lối sống văn hóa, nếp sống văn hóa, cách ứng xử có văn hóa,...)”<sup>1</sup>. Ý thức được tầm quan trọng của văn hóa, ngay từ năm 1943, khi nước nhà chưa giành được độc lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra quan niệm mới về văn hóa (do đồng chí Trường Chinh khởi thảo) trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời là một sự kiện chính trị quan trọng, tạo nền tảng ban đầu cho sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa mới, được coi là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã góp phần thức tỉnh, tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân

---

\* Viện trưởng Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.158-159.

tham gia vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xóa bỏ sự nô dịch về văn hóa của chủ nghĩa thực dân, góp phần xây dựng nền văn hóa mới, con người mới.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* xác định ba tính chất cơ bản của nền văn hóa mới là: dân tộc, khoa học, đại chúng. Năm 1948, trong Báo cáo trình bày tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai, và năm 1951, tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng đồng chí Trường Chinh tiếp tục khẳng định: “Văn hóa dân chủ mới Việt Nam phải gồm đủ ba tính chất: dân tộc, khoa học và đại chúng”<sup>1</sup>; “Văn hóa dân chủ nhân dân của ta có ba tính chất: dân tộc, khoa học và đại chúng”<sup>2</sup>. Trong ba tính chất nêu trên, theo chúng tôi, tính dân tộc là đặc trưng quan trọng nhất. Nó chính là hồn cốt của nền văn hóa Việt Nam.

Suốt thời kỳ chịu ách đô hộ của thực dân rồi phát xít, văn hóa Việt Nam đã bị tiêm nhiễm những yếu tố tiêu cực. Chúng ra sức truyền bá thứ văn hóa nô dịch, ngu dân, lối sống an phận và sự sùng bái văn hóa ngoại quốc vào Việt Nam. Do đó, tính dân tộc của nền văn hóa mới phải chống lại tất cả những yếu tố lai căng, mất gốc, làm sống dậy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, khí phách anh hùng, những phẩm chất cao quý của dân tộc đã được xây đắp nên trong suốt mấy ngàn năm lịch sử. Văn hóa phải trực tiếp tham gia vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, gây dựng nền độc lập, tự chủ của dân tộc.

Tính chất dân tộc của nền văn hóa mới ban đầu phải chống lại “mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”<sup>3</sup>. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tính dân tộc của nền văn hóa cũng được xác định là nội dung quan trọng. Người đặc biệt nhấn mạnh đến lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, yêu thương gắn bó, bất khuất, ý chí độc lập, tự cường, giàu lòng khoan dung, nhân ái của dân tộc. Trong các bài nói, bài viết và bằng những việc làm hằng ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dạy

---

1. Trường Chinh: *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974, tr.67.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr.109.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr.319.

chúng ta phải biết trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp đó của dân tộc. Những giá trị, những nét tinh hoa của dân tộc không chỉ được thể hiện ở nội dung, cốt cách mà hình thức biểu hiện cũng phải thật độc đáo, mang tính dân tộc.

Tính dân tộc của nền văn hóa được thể hiện thông qua hệ giá trị văn hóa quý báu của mỗi dân tộc. Hệ giá trị văn hóa của mỗi dân tộc là tổng thể những giá trị tinh thần và vật chất, thể hiện trí tuệ, tình cảm, lối sống, cốt cách, sức sáng tạo được hình thành, được truyền lại, tiếp nối và được phát huy qua các thế hệ, các thời kỳ lịch sử, được vật chất hóa thông qua hoạt động của con người, của cộng đồng dân tộc ấy. Đối với dân tộc Việt Nam, hệ giá trị đó là: “Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống...”<sup>1</sup>.

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, hệ giá trị văn hóa ấy, nhất là lòng yêu nước, đã phát huy mạnh mẽ lòng tự tôn, tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, tạo nên sức mạnh quật khởi để dân tộc Việt Nam chiến thắng giặc ngoại xâm, bảo vệ giang sơn bờ cõi, xây dựng và phát triển đất nước.

Yêu nước là truyền thống nổi bật trong hệ giá trị của dân tộc Việt Nam. Truyền thống ấy là mẫu số chung, là nguồn lực nội sinh của cộng đồng dân tộc. Lòng yêu nước của người Việt Nam không chỉ là tư tưởng, tình cảm mà đã trở thành triết lý, là chủ nghĩa yêu nước, là ý chí, khí phách, quyết tâm và hành động của mỗi con người.

Nhận định về truyền thống yêu nước của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”<sup>2</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.56.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.38.

Lòng yêu nước của người Việt Nam được thể hiện ở lòng yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; yêu từng tấc đất, núi sông, yêu thiết tha quê hương, làng xóm, yêu con người, yêu văn hóa, phong tục tập quán, lối sống tốt đẹp trọn nghĩa vẹn tình.

*... Ôi đất nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy*

*Những cuộc đời đã hóa núi sông ta...*

Nguyễn Khoa Điềm

Lịch sử dân tộc Việt Nam là thiên anh hùng ca về tinh thần quật khởi, ý chí quật cường bất khuất, xả thân trong các cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch họa, chống lại sự đô hộ, đồng hóa, âm mưu xâm lược của ngoại bang, đưa dân tộc Việt Nam vượt qua muôn vàn thử thách, sóng gió để đi đến những thắng lợi vinh quang, cũng như tinh thần quyết tâm mạnh mẽ xây dựng đất nước hùng cường trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.

Nhà thơ Chế Lan Viên đã viết:

*... Ôi! Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt*

*Như mẹ cha ta, như vợ, như chồng*

*Ôi! Tổ quốc! nếu cần, ta chết*

*Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông!...*

Lòng yêu nước ấy, tinh thần ấy không chỉ được thể hiện trong suốt chiều dài lịch sử, qua những chiến công vĩ đại, mà còn được thể hiện sâu sắc chính ngay trong cuộc sống thường ngày, bởi những con người bình dị nhất. Mỗi người Việt Nam luôn thể hiện tinh thần ấy, ý chí ấy trong quá trình lao động sản xuất, chiến đấu để góp phần cống hiến cho đất nước, cho Tổ quốc của mình.

Cùng với lòng yêu nước thì *tinh thần đoàn kết* cũng là truyền thống nổi bật của dân tộc Việt Nam. Tinh thần đoàn kết trở thành giá trị vững bền, là “chất keo” kết dính tự nhiên, là mạch nguồn của sức mạnh Việt Nam. Mỗi người Việt Nam từ lịch sử đến hiện tại đều mang trong mình giá trị tinh thần ấy.

Trong dòng chảy của lịch sử dân tộc, tư tưởng thuận hòa, đoàn kết, sự hòa đồng là tư tưởng chủ đạo, chi phối. Nó mạnh hơn tư tưởng kỳ thị, phân biệt đối xử. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đoàn kết làm nên sức mạnh và là

cội nguồn của mọi thành công. “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”<sup>1</sup>.

*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết*

*Thành công, thành công, đại thành công*

Trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, tinh thần đoàn kết đã tạo nên một sức mạnh vô địch và bất diệt, nó nhấn chìm mọi bè lũ bán nước và cướp nước. Tinh thần đoàn kết ấy còn được thể hiện ở sự đùm bọc, sẻ chia, yêu thương, cảm thông với những người gặp khó khăn, hoạn nạn.

Những giá trị cốt lõi của tính dân tộc trong nền văn hóa đã làm nên một Việt Nam hùng cường, bất khuất với hàng ngàn năm lịch sử. Câu thơ nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giai đoạn lịch sử hào hùng chống quân Mông - Nguyên thế kỷ XIII của dân tộc sẽ tiếp tục lan tỏa, bồi đắp khát vọng, ý chí mãnh liệt của mỗi con người Việt Nam về một đất nước hùng cường, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hòa bình và phát triển xứng tầm với quốc tế.

*Mênh mông một dải Bạch Đằng,*

*Nghìn thu soi rạng giống dòng quang vinh!<sup>2</sup>*

Những chuẩn mực, giá trị của nền văn hóa cách mạng đã soi đường cho quốc dân đi. Năm 1943, Hồ Chí Minh đã phác thảo một nền văn hóa mới với năm điểm:

“1- Xây dựng tâm lý: lý cách, tinh thần độc lập tự cường.

2- Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

3- Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

4- Xây dựng chính trị: dân quyền.

5- Xây dựng kinh tế”<sup>3</sup>.

Tinh thần ấy đã trở thành dòng chủ đạo cho nền văn hóa cách mạng Việt Nam - nền văn hóa vì lợi ích của cả dân tộc, nền văn hóa đại chúng, nền văn hóa khoa học, nhân văn, nhân đạo, vì nhân dân, vì con người.

Ngày nay, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, chúng ta tăng cường, củng cố tính dân tộc của nền văn hóa để không mất bản sắc,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.177.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.261, 458.

không bị “hòa tan”. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc đến “cốt cách dân tộc”. Đó là sự tổng hòa tính đặc sắc của ngôn ngữ, phong tục, tập quán, truyền thống, tâm lý, tình cảm, biểu tượng, là bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, nền văn hóa Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa phải là nền văn hóa gắn tính dân tộc với tính quốc tế, gắn lợi ích quốc gia dân tộc với lợi ích quốc tế, xây dựng mối quan hệ tin cậy, cởi mở, hướng tới tương lai. Ngay từ năm 1924, mặc dù nhấn mạnh vai trò của chủ nghĩa dân tộc trong cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa phương Đông, Hồ Chí Minh cũng không đặt các dân tộc ấy trong tính biệt lập với sự nghiệp cách mạng thế giới. Trên cơ sở sự biến đổi của chủ nghĩa thực dân và sự biến đổi nhanh chóng của tình hình cách mạng thế giới, Hồ Chí Minh cũng đã có sự phân tích sâu sắc về chủ nghĩa thực dân và khả năng làm cách mạng ở các nước thuộc địa có nền kinh tế chậm phát triển. Người cho rằng, ngày nay chủ nghĩa tư bản là một con đĩa hai vôi, một vôi bám vào chính quốc và một vôi bám vào thuộc địa. Nếu người ta muốn giết nó, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi của nó. Do vậy, phải gắn cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản, gắn giải phóng dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng thống nhất với tinh thần xây dựng nền văn hóa cách mạng mới làm cơ sở cho việc định hướng các quan điểm chính trị tiến bộ. Quan điểm của Đảng về văn hóa ngày càng đầy đủ và sâu sắc. Đảng ta xác định, văn hóa của dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh tiềm tàng và bản lĩnh của dân tộc ta; văn hóa là mục tiêu, động lực của sự phát triển nhanh và bền vững. Mọi sự phát triển phải lấy văn hóa làm cơ sở, hướng đến sự phát triển những giá trị cao quý, giá trị bản chất của con người, để xây dựng một xã hội ngày một tiến bộ, phù hợp với bản chất nhân văn, nhân đạo của chế độ ta. Trên tinh thần đó, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.33.

Việc mở rộng quan hệ quốc tế không chỉ mở rộng sự ảnh hưởng, lan tỏa của văn hóa dân tộc Việt Nam mà còn góp phần củng cố vững chắc sự độc lập của nền văn hóa trong tính đa dạng. Việt Nam cần khơi dậy mạnh mẽ các giá trị trong tầng sâu văn hóa của mình, kết hợp với tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu, nâng tầm những giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời qua đó lọc bỏ những yếu tố lỗi thời, những truyền thống lạc hậu, “những kẻ địch to”, cản trở sự tiến bộ, phát triển của quốc gia, dân tộc.

Có thể nói, những tư tưởng cơ bản trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc mà Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu, cũng hướng tới tinh thần ấy. Đó là:

*Một là*, khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc; phát huy cao độ những giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người Việt Nam.

*Hai là*, xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại.

*Ba là*, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hóa mới<sup>1</sup>.

Trong các yếu tố tạo cơ sở, nền tảng cho sự phát triển như vốn, tài nguyên, khoa học - công nghệ và văn hóa thì văn hóa - con người có vai trò đặc biệt. Về bản chất, văn hóa là những hoạt động sáng tạo của con người hướng tới những giá trị nhân văn, nhân bản, là khát vọng hướng tới cái chân, thiện, mỹ nhằm hoàn thiện con người, hoàn thiện xã hội. Nói tới văn hóa là nói tới con người, do vậy, phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển chính là phát huy những năng lực, bản chất của con người. Con người với trí tuệ và tiềm năng sáng tạo đặc biệt có khả năng lựa chọn và tiếp thu một cách chọn lọc những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần phục vụ cho sự phát triển. Con người với

---

1. Xem Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Sđd, tr.170-171.



khả năng của mình biết kết hợp các các nguồn lực khác để tạo ra sự thay đổi to lớn cho sự phát triển xã hội. Con người cũng là nguồn lực vô tận, càng được khai thác đúng cách lại càng trở nên giàu có. Khi trí tuệ, tinh thần của con người được phát huy, được vật chất hóa thì nó sẽ thúc đẩy sự phát triển vô cùng mạnh mẽ.

Trong quá trình hội nhập quốc tế, con người Việt Nam có khả năng tiếp thu và vận dụng sáng tạo những thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ tiên tiến trên thế giới vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phù hợp với điều kiện, nền văn hóa, con người Việt Nam. Đó là nguồn lực to lớn thúc đẩy sự nghiệp phát triển đất nước. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nước ta khi nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất cho sự phát triển còn hạn hẹp, trong khi nguồn lực con người lại vô cùng phong phú, đất nước đang ở thời kỳ dân số vàng, nếu biết phát huy sẽ là nguồn sức mạnh to lớn thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ.

Khi xác định văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển thì văn hóa được đặt trên một bình diện cao hơn, toàn diện hơn, bao quát và sâu sắc hơn ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ văn hóa chính trị đến văn hóa trong lao động sản xuất, văn hóa môi trường, v.v.. Đó cũng là điểm mới và là điểm mấu chốt trong Báo cáo chính trị của Đảng tại Đại hội XIII về văn hóa, đổi mới và phát triển. Nói cách khác, đường lối, chiến lược của Đảng thể hiện văn hóa chính trị phát triển ở trình độ cao, mang đậm tinh thần nhân văn cách mạng, trong đó hạt nhân cốt lõi là vấn đề giải phóng, phát triển con người, đó cũng là triết lý đúng đắn về sự phát triển bền vững của dân tộc, của Đảng.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRƯỜNG TỒN CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 CỦA ĐẢNG

PGS.TS. PHẠM DUY ĐỨC\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên) vào tháng 2/1943. Đây là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại, xác định chiến lược xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhìn lại 80 năm xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc, những giá trị cơ bản và cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn luôn luôn là những định hướng có ý nghĩa chiến lược, được kế thừa, phát huy và phát triển trong hoạt động thực tiễn, là cội nguồn và động lực để khơi dậy các giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh hiện nay, nhìn lại những giá trị cơ bản và cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 sẽ giúp chúng ta nhận thức sâu sắc và toàn diện hơn về ý nghĩa, vai trò của Đề cương, rút ra những bài học kinh nghiệm để tiếp tục giữ gìn, phát huy giá trị của Đề cương trong xây dựng văn hóa, phát triển con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

---

\* Nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

## 1. Giá trị lý luận của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”

### 1.1. Lựa chọn đúng và trúng những vấn đề cơ bản và bức thiết nhất trên lĩnh vực văn hóa để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo

Trong bối cảnh đất nước đang chịu sự đàn áp, bóc lột của thực dân Pháp, phát xít Nhật và nhà nước phong kiến lệ thuộc, đời sống văn hóa xã hội rơi vào khủng hoảng, bế tắc, nhiễu loạn, phức tạp với nhiều trường phái, triết thuyết khác nhau, Đảng ta đã xác định vấn đề văn hóa là vấn đề hết sức quan trọng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, gắn liền với ba lĩnh vực: tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Đây là ba lĩnh vực cơ bản và then chốt nhất của văn hóa.

Lĩnh vực tư tưởng là lĩnh vực liên quan trực tiếp đến cuộc đấu tranh chính trị, xác định lý tưởng, mục tiêu, nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân mà Đảng ta đã và đang tiến hành tuyên truyền, phổ biến, giác ngộ cách mạng cho các tầng lớp nhân dân. Tư tưởng có tác động sâu sắc và toàn diện đối với các hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật, giáo dục, báo chí... Sự thống nhất về tư tưởng sẽ tạo nên sự thống nhất về tổ chức, thống nhất về ý chí và hành động, khơi dậy khát vọng giải phóng dân tộc của các tầng lớp nhân dân. Việc lựa chọn lĩnh vực tư tưởng để lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn xây dựng văn hóa là Đảng ta đã xác định đúng và trúng vấn đề cơ bản và cấp bách đặt ra trong bối cảnh lịch sử - xã hội lúc đó.

Lĩnh vực thứ hai mà Đảng ta xác định là lĩnh vực học thuật (hay rộng hơn là khoa học). Trong bối cảnh đất nước bị chìm đắm trong cuộc tranh giành ảnh hưởng của các thế lực ngoại xâm với các trào lưu, triết thuyết gây hoang mang, dao động trong xã hội, nhất là đối với tầng lớp trí thức đương thời, việc đấu tranh để tuyên truyền, phổ biến, khẳng định vai trò của triết học mácxít, khẳng định giá trị khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đấu tranh phê phán, phản bác lại các trào lưu tư tưởng, học thuật phản khoa học của chủ nghĩa duy tâm và tâm lý mê tín dị đoan trong xã hội, đưa các giá trị khoa học, các thành tựu khoa học chân chính vào trong đời sống xã hội để thức tỉnh nhân dân là một yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp thiết.

Lĩnh vực thứ ba mà Đảng ta lựa chọn là lĩnh vực nghệ thuật. Văn học, nghệ thuật đóng một vai trò quan trọng đặc biệt trong việc tuyên truyền chính

trị, quảng bá đường lối, chính sách của Đảng tới các tầng lớp quần chúng nhân dân, khơi dậy truyền thống đoàn kết, yêu nước, chống xâm lược, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước.

Trong hoàn cảnh lịch sử của những năm 40 thế kỷ XX, đời sống văn học, nghệ thuật dân tộc bị bế tắc, trong bối cảnh hỗn loạn về tranh chấp ảnh hưởng của các thế lực ngoại xâm. Việc Đảng ta lựa chọn lĩnh vực văn học, nghệ thuật để lãnh đạo, chỉ đạo là rất cần thiết, đáp ứng nhu cầu của thực tiễn và tạo điều kiện để văn học, nghệ thuật và đội ngũ trí thức văn nghệ sĩ phát huy vai trò tích cực trong việc định hướng, tuyên truyền, vận động cách mạng, cổ vũ, động viên nhân dân tham gia tích cực vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Như vậy, sự lựa chọn ba lĩnh vực cơ bản của văn hóa là tư tưởng, học thuật và nghệ thuật để lãnh đạo và chỉ đạo là sự lựa chọn rất đúng và rất trúng những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp thiết được đặt ra.

Các lĩnh vực này không phải là những thành tố biệt lập và có mối quan hệ biện chứng với nhau, hỗ trợ, thúc đẩy nhau để nâng cao trình độ văn hóa chung của xã hội, gắn kết văn hóa với mục tiêu chính trị nhằm khơi dậy và phát huy vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại giải phóng dân tộc và đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển chế độ xã hội mới, chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa.

1.2. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã xác định đúng đắn mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế và chính trị. Xuất phát từ lý thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác, Đề cương đã khẳng định nền tảng kinh tế của một chế độ xã hội quy định sự phát triển văn hóa của chế độ xã hội đó. Từ đó, Đề cương nêu lên ba quan điểm của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn hóa: “a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12-13.

Đề cương văn hóa đã khẳng định một tư tưởng chiến lược quan trọng: Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận ở đó người cộng sản phải hoạt động để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận này. Ba mặt trận này có mối quan hệ biện chứng, gắn bó chặt chẽ với nhau. Cách mạng văn hóa không thể tách rời cách mạng chính trị và kinh tế. Trong thời điểm nước sôi, lửa bỏng của hoàn cảnh lịch sử lúc đó, cách mạng chính trị phải được ưu tiên giành thắng lợi trước, nhằm mục tiêu đánh đổ phát xít Nhật, thực dân Pháp và nhà nước phong kiến, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân, từ đó tạo điều kiện cho kinh tế và văn hóa phát triển. Tuy nhiên, không thể chờ cách mạng chính trị thắng lợi hoàn toàn mới phát triển văn hóa mà văn hóa phải tham gia trực tiếp vào việc cổ vũ, tuyên truyền, động viên nhân dân tham gia tích cực vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành lại chính quyền về tay nhân dân. Văn hóa phải trở thành một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của toàn thể dân tộc. Giá trị lý luận về việc xử lý hài hòa và đúng mức về mối quan hệ giữa văn hóa, kinh tế và chính trị luôn luôn là những bài học kinh nghiệm vô giá để Đảng ta vận dụng trong quá trình lãnh đạo cách mạng 80 năm qua.

1.3. Đề cương văn hóa năm 1943 đã xác định rõ quan điểm của Đảng về cách mạng văn hóa Việt Nam:

“a) Phải làm cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội.

b) Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

c) Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công. Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bây giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng văn hóa triệt để mai sau”<sup>1</sup>.

Cách mạng văn hóa là một bộ phận quan trọng của cuộc cách mạng xã hội, gắn liền với cuộc cách mạng chính trị. Cách mạng chính trị thành công là tiền đề để thực hiện thành công cách mạng văn hóa. Vì vậy, cách mạng văn hóa phải gắn liền với cách mạng chính trị, đấu tranh đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến, giành độc lập dân tộc và quyền làm chủ về tay nhân dân.

---

1. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia: *50 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.14-15.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Dân tộc bị nô lệ thì văn hóa cũng mất tự do. Văn hóa muốn tự do thì phải tham gia vào đấu tranh giành độc lập dân tộc. Vì vậy, Đề cương đã nhấn mạnh đến tính tất yếu của cách mạng văn hóa và vai trò của cách mạng văn hóa đối với nhiệm vụ đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Đồng thời, Đề cương đã khẳng định một nguyên tắc cơ bản là cách mạng văn hóa muốn thành công thì phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đảng lãnh đạo văn hóa vừa là điều kiện tiên quyết, vừa là động lực để phát huy sức mạnh con người và giá trị văn hóa Việt Nam trong cuộc kháng chiến kiến quốc. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa đã được vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam thông qua bản Đề cương này. Đảng lãnh đạo văn hóa nhằm bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và tổ chức, khơi dậy tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng đất nước. Vai trò lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa được khẳng định trong Đề cương này cũng đồng nghĩa với việc xác định trách nhiệm và sứ mệnh lịch sử của Đảng đối với vấn đề xây dựng đường lối, phương hướng, nhiệm vụ phát triển văn hóa dân tộc trong mỗi giai đoạn cách mạng cụ thể.

Vì tính chất của nền văn hóa cách mạng, Đề cương đã xác định là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Nền văn hóa này dựa trên cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, phấn đấu vì độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân. Đây là những mục tiêu lớn cần phấn đấu liên tục và bền bỉ để hiện thực hóa mục tiêu này trong thực tiễn cách mạng.

Giá trị lý luận nổi bật của Đề cương là Đảng ta đã nêu lên ba nguyên tắc của vận động xây dựng văn hóa Việt Nam trong giai đoạn này. Đó là: Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng); Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Ba nguyên tắc, hay ba phương châm vận động văn hóa này, đã đáp ứng đúng nhu cầu bức thiết của thực tiễn làm cơ sở để Đảng lãnh đạo, tổ chức và huy động các lực lượng văn hóa, đội ngũ trí thức văn nghệ sĩ và các

tầng lớp nhân dân, khơi dậy khát vọng giải phóng dân tộc, đập tan chế độ phát xít, thực dân, phong kiến, giành độc lập, tự do cho dân tộc. Theo đồng chí Trường Chinh: “Ba nguyên tắc trên đây là ba cái khâu của một sợi dây chuyền. Nó có tính cách liên hoàn. Không thể hoàn thành nhiệm vụ vận động văn hóa mới Việt Nam mà bỏ sót một nguyên tắc nào trong ba nguyên tắc ấy. Cũng không thể chỉ theo một nguyên tắc nọ mà đồng thời chống lại những nguyên tắc kia. Không nhận thức rõ điều đó thì nhất định không làm tròn được nhiệm vụ xây dựng văn hóa mới cho dân tộc, mà có khi mắc bẫy văn hóa của đế quốc hoặc bị chúng lợi dụng”<sup>1</sup>.

Trong bài phát biểu tại Lễ kỷ niệm 40 năm Đề cương văn hóa, đồng chí Trường Chinh đã giải thích cụ thể về lý do và mục đích của việc đề ra các nguyên tắc này. Vì sao phải dân tộc hóa? Theo đồng chí Trường Chinh, gần 100 năm thống trị, thực dân Pháp đã du nhập vào Việt Nam những nhân tố tiêu cực, phản động của văn hóa tư sản và đế quốc. Chúng đề cao sự giàu mạnh của thực dân, ca tụng chính sách thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, gieo rắc vào đầu óc người Việt Nam tinh thần nô lệ, lệ thuộc, sùng bái văn hóa Pháp, chạy theo cuộc sống hưởng lạc, đồi trụy, xa rời và miệt thị truyền thống văn hóa dân tộc, nảy sinh tâm lý tự ti dân tộc, giảm sút tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh giành độc lập dân tộc. Mục đích của nguyên tắc “dân tộc hóa là làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có đầy lòng tự hào, dũng cảm đứng lên tiếp nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng Tổ quốc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam”<sup>2</sup>.

Về vấn đề đại chúng hóa, đồng chí Trường Chinh nêu rõ: Hoàn cảnh nước ta lúc đó là một nước thuộc địa còn nhiều tàn tích phong kiến, hầu hết nhân dân mù chữ. Văn học, âm nhạc, hội họa và nhiều thể loại văn hóa khác không phục vụ nhân dân lao động, mà chủ yếu phục vụ cho giai cấp thống trị. Đa số nhân dân lao động bị gạt ra khỏi đời sống văn hóa. Vì vậy, nền văn hóa mới phải là nền văn hóa của nhân dân, phục vụ nhân dân, phải làm cho mọi người dân biết đọc, biết viết, hiểu biết về văn hóa dân tộc của mình và tham gia vào

---

1. Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1985, t.1, tr.30.

2. Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1986, t.2, tr.360.

sáng tạo, chiếm lĩnh và thụ hưởng các giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại tạo ra. Đây chính là sự vận dụng sáng tạo nguyên lý về tính nhân dân của nền văn hóa cách mạng mà V.I. Lênin đã nêu ra. V.I. Lênin đã khẳng định văn hóa là thành tựu sáng tạo của nhân dân. Nhân dân có quyền được hưởng các giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại tạo ra. Nhiệm vụ của cuộc cách mạng văn hóa là nâng cao trình độ của nhân dân, giải phóng nhân dân khỏi sự dốt nát, thất học, mê tín dị đoan, tạo điều kiện để quảng đại quần chúng nhân dân có thể tiếp nhận, thụ hưởng và sáng tạo ra các giá trị văn hóa mới đáp ứng với yêu cầu phát triển của thời đại.

Tư tưởng nhân văn và cách mạng của Đề cương văn hóa để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của lịch sử, tạo động lực để thức tỉnh dân trí và phát huy vai trò của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa mới, khắc phục sự ngưng trệ, rối loạn và mất định hướng hiện thời.

Về nguyên tắc khoa học, theo đồng chí Trường Chinh, nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, trì trệ lâu ngày dưới chế độ phong kiến, chịu ảnh hưởng nặng nề của hệ tư tưởng phong kiến, thực dân. Những quan điểm duy tâm, thần bí, siêu hình của văn hóa phong kiến, thực dân tồn tại dai dẳng, chi phối tâm lý và hành động của nhân dân. Tính chất bảo thủ, lạc hậu in đậm trong nhiều phong tục, tập quán. Thực dân Pháp không những không xóa bỏ tàn tích văn hóa phong kiến mà còn lợi dụng nó để thực hành chính sách ngu dân. Vì vậy, “khoa học hóa là tạo điều kiện cho nền văn hóa dân chủ mới nhanh chóng thoát khỏi sự kiềm hãm ấy, nhằm phát triển mọi mặt trên cơ sở khoa học. Nó lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi suy nghĩ và hành động. Nó gạt ra khỏi đầu óc mọi người các loại thành kiến, hủ bại, mê tín dị đoan”<sup>1</sup>.

Như vậy, ba nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học chính là cội nguồn để khơi dậy truyền thống yêu nước, tinh thần tự tôn, khát vọng độc lập dân tộc của đội ngũ trí thức và quảng đại quần chúng nhân dân, đưa những tư tưởng khoa học, tiến bộ vào trong đời sống văn hóa xã hội, tạo động lực tinh thần mạnh mẽ hướng vào mục tiêu giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ xã hội mới tốt đẹp hơn.

1. Trường Chinh: *Về văn học và nghệ thuật*, Sđd, t.2, tr.360.



## 2. Giá trị thực tiễn của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”

Đánh giá về bản Đề cương văn hóa, GS. Nguyễn Đức Bình, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng đã nhận xét rất xác đáng là: “Đó là đỉnh cao trí tuệ đương thời, là nhận thức sắc bén về tình hình, là dự báo khoa học về tương lai, là sức mạnh tinh thần to lớn mà đất nước đang cần”<sup>1</sup>.

Có thể nói: *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là sự tổng kết quá trình lãnh đạo cách mạng qua 12 năm (1930-1943) của Đảng, đồng thời đây là Tuyên ngôn có ý nghĩa chiến lược của Đảng về xây dựng nền văn hóa cách mạng, vừa có ý nghĩa lịch sử, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam đương thời, vừa có ý nghĩa vượt thời đại, làm kim chỉ nam cho quá trình lãnh đạo văn hóa của Đảng không chỉ trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ mà cả trong thời kỳ xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay. Đề cương văn hóa ra đời đánh dấu một bước đột phá chiến lược trong sự lãnh đạo văn hóa của Đảng, khẳng định vai trò và tính tất yếu khách quan của sự lãnh đạo văn hóa của Đảng, trọng tâm trước hết tập trung ở ba lĩnh vực cơ bản, có tác động sâu sắc tới toàn xã hội là lĩnh vực tư tưởng, học thuật và khoa học. Trên cơ sở đó, Đảng đã đẩy mạnh công tác tổ chức về cán bộ, từng bước có kế hoạch triển khai các hoạt động văn hóa sâu rộng trong đội ngũ trí thức văn nghệ sĩ và các tầng lớp nhân dân, phát huy vai trò của các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giáo dục trong việc tuyên truyền, giáo dục và vận động phong trào cách mạng. Đề cương văn hóa ra đời năm 1943 không chỉ “chim báo bão” mà là ngọn cờ để tập hợp đội ngũ trí thức văn nghệ sĩ, các lực lượng, các “binh chủng” văn hóa và các tầng lớp nhân dân, tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, tình cảm, làm cơ sở cho sự thống nhất về tổ chức và hành động, chuẩn bị cho cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, mở ra một kỷ nguyên mới cho toàn thể dân tộc, giành lại chính quyền về tay nhân dân và khai sinh ra nhà nước kiểu mới, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á. Giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam đã được khơi dậy, trở thành động lực tinh thần to lớn của toàn dân tộc để “đánh cho Mỹ cút, đánh cho

---

1. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia: *50 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.30.

ngụy nhào”, thống nhất đất nước, đưa cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Kế thừa và phát triển những giá trị lý luận và thực tiễn của Đề cương văn hóa, trong thời kỳ đổi mới vừa qua, Đảng ta không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo trên lĩnh vực văn hóa, đề cao vai trò, vị trí của văn hóa trong phát triển bền vững đất nước, khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, là động lực, nguồn lực nội sinh quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những quan điểm chỉ đạo quá trình xây dựng văn hóa, con người ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn. Mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, văn hóa và kinh tế ngày càng được nhận thức đầy đủ và cụ thể hơn. Văn hóa không chỉ có chức năng bảo vệ, giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc, “Văn hóa còn thì dân tộc còn”, mà văn hóa còn là động lực, nguồn lực để làm giàu, phát triển kinh tế - xã hội, trở thành “sức mạnh mềm” trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những nguyên tắc cơ bản mà Đề cương văn hóa nêu ra từ 80 năm trước đây tiếp tục được Đảng ta kế thừa, bổ sung và phát triển trong quá trình khẳng định đặc trưng cơ bản của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ chín khóa XI (2014) đã xác định quan điểm xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, trong đó khẳng định:

“1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

2. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”<sup>1</sup>.

Phải chăng các đặc trưng này chính là sự phát triển nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học mà Đề cương văn hóa năm 1943 đã nêu ra? Nguyên tắc đại chúng của nền văn hóa được cụ thể hóa, gắn liền với đặc trưng nhân văn và dân chủ, đặt con người vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.48.

mở rộng cơ hội bình đẳng, dân chủ cho mọi người tiếp cận các cơ hội của sự phát triển.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn chú trọng xử lý linh hoạt và hài hòa mối quan hệ giữa chính trị, kinh tế và văn hóa. Trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, Đảng ta đã ưu tiên cho mục tiêu chính trị, tất cả vì sự nghiệp giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Mọi hoạt động kinh tế và văn hóa đều nhằm phục vụ cho mục tiêu này. Sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế trở thành nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao mức sống của nhân dân, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tạo tiền đề để củng cố hệ thống chính trị và phát triển văn hóa. Khi đất nước đã vượt qua ngưỡng thu nhập thấp để bước vào giai đoạn phát triển mới, Đảng ta nhấn mạnh đến vấn đề xử lý hài hòa, đồng bộ ba lĩnh vực này: “Phải đặt văn hóa ngang hàng với chính trị, kinh tế và xã hội”. Khắc phục quan điểm “duy kinh tế”, chạy theo tăng trưởng mà coi nhẹ vai trò của văn hóa. Trong lĩnh vực xây dựng văn hóa, cần đặt trọng tâm là xây dựng con người, xây dựng nhân cách, phẩm chất đạo đức, trí tuệ, tài năng và thể lực con người. Xây dựng cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước của mọi người dân Việt Nam. Phát huy tối đa nhân tố con người, con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Kiên quyết đấu tranh chống tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển bền vững đất nước.

Đảng ta đã xác định bốn trụ cột để bảo đảm sự phát triển bền vững đất nước là kinh tế, xã hội, môi trường và văn hóa. Đồng thời, Đảng ta đã đúc kết phương châm hành động để phát triển đất nước bền vững hiện nay là: Phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định mục tiêu cụ thể không chỉ trong nhiệm kỳ khóa XIII mà hướng tới những dấu mốc phát triển quan trọng của đất nước trong những thập niên sắp tới, phấn đấu đến

năm 2045 trở thành nước phát triển thu nhập cao<sup>1</sup>. Để thực hiện những mục tiêu to lớn này, Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh một trong những trọng tâm cần thực hiện thật tốt là: “*Khơi dậy tinh thần và ý chí, quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”<sup>2</sup>.

Như vậy, có thể nhận thấy tinh thần của Đề cương văn hóa luôn luôn đồng hành và phát triển, là cội nguồn, là động lực để phát triển sự nghiệp văn hóa của dân tộc, phát huy vai trò to lớn, không thể thay thế của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, vấn đề tiếp tục khẳng định nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học của nền văn hóa Việt Nam vẫn là những vấn đề cốt lõi, trọng tâm để phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiếp cận những nguyên tắc cơ bản của Đề cương văn hóa trên tinh thần của thời kỳ đổi mới, chúng ta cần bổ sung, phát triển những nội dung mới về những nguyên tắc (hay đặc trưng) này phù hợp với thực tiễn đổi mới đất nước. Trong đó, đặc biệt tập trung vào triển khai có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và bài phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Kết luận của Ban Tuyên giáo Trung ương về nghiên cứu xây dựng và thực hiện các hệ giá trị quốc gia tại Hội thảo quốc gia về hệ giá trị và Kết luận của Chủ tịch Quốc hội trong Hội thảo quốc gia về hoàn thiện thể chế, chính sách và nguồn lực cho sự nghiệp văn hóa năm 2022 vừa qua. Đây là những hoạt động thiết thực để tiếp nối tinh thần đột phá về văn hóa mà Đề cương văn hóa đã truyền lửa cho sự phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.36.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.46.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 - CỘI NGUỒN VÀ ĐỘNG LỰC NHẬN THỨC VỀ VĂN HÓA Ở VIỆT NAM 80 NĂM QUA

PGS.TS. LÊ QUÝ ĐỨC\*

**V.I.** Lênin cho rằng nhận thức là một quá trình, là sự phản ánh thế giới khách quan bởi con người. Quá trình đó mãi mãi và không ngừng tiến gần đến khách thể... Quá trình đó thực hiện được nhờ hoạt động thực tiễn, đồng thời chỉ trong hoạt động thực tiễn, con người mới kiểm tra được mức độ đúng đắn của các kết quả nhận thức của mình. Các kết quả ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định bao giờ cũng là một sự phản ánh gần đúng về sự vật. “Con người không thể nắm bắt được bằng phản ánh bằng miêu tả toàn bộ thế giới một cách đầy đủ, “tính chỉnh thể trực tiếp” của nó, con người chỉ có thể đi gần đến nó, bằng cách tạo ra những triu tượng, những khái niệm, những quy luật, một bức tranh khoa học về thế giới, v.v.”<sup>1</sup>. Điều đó hoàn toàn đúng với quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa nói chung và về văn hóa Việt Nam trong 80 năm qua, từ Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943) đến *Diễn văn tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ngày 24/11/2021.

Bài viết này nhằm phân tích quá trình đó, khẳng định *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là “cội nguồn và động lực phát triển” của *nhận thức về văn hóa* của Đảng Cộng sản Việt Nam trong 80 năm qua.

---

\* Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1982, tr.336-337.

**Từ yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam thời kỳ tiền khởi nghĩa (trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945), bản “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đã chỉ ra cội nguồn nhận thức về văn hóa:**

Trong Diễn văn văn nhân dịp kỷ niệm 40 ngày ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (ngày 27/12/1983), Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày rõ hoàn cảnh ra đời của bản *Đề cương*: “Nhiệm vụ cấp bách được đặt ra lúc đó là làm thế nào huy động được mọi lực lượng để cứu nước, giải phóng dân tộc. Muốn thế phải đoàn kết toàn dân, đoàn kết tất cả những người ta có thể đoàn kết, tranh thủ tất cả những người ta có thể tranh thủ. *Mặt trận Việt Minh* đã ra đời trong hoàn cảnh đó để thực hiện *chính sách đại đoàn kết của Đảng*. Từ công nhân, nông dân, trí thức, tiểu tư sản đến tư sản dân tộc, tất cả đứng dưới ngọn cờ cứu nước của Đảng và của Mặt trận Việt Minh để đánh đổ Nhật, Pháp.

Trí thức Việt Nam không chịu nhục mất nước. Họ khao khát tự do. Với *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đảng chỉ cho họ thấy đâu là lối thoát. Muốn giải phóng *trí thức*, phải giải phóng toàn thể dân tộc khỏi ách phát xít Nhật, Pháp giành lại độc lập, tự do. Và giải phóng dân tộc là giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển một cách tự chủ, theo hướng tiến bộ. Với *Đề cương văn hóa*, Đảng vạch ra nhiệm vụ của giới trí thức nước nhà là tham gia cách mạng dân tộc dân chủ, đặc biệt là tham gia cách mạng văn hóa dân tộc dân chủ, một bộ phận cấu thành của cách mạng dân tộc dân chủ (cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế, cách mạng văn hóa) xây dựng nền văn hóa mới của nước ta”<sup>1</sup>.

Qua đó thấy rằng từ thực tiễn cách mạng chính trị giành lại độc lập của dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức về “văn hóa” và “vai trò của văn hóa”, “vai trò của đội ngũ trí thức” đối với vận mệnh dân tộc to lớn như thế nào?

Từ góc độ chính trị Đảng nhận thức về văn hóa: “Phạm vi vấn đề văn hóa: Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật”<sup>2</sup>, đó là những lĩnh vực của văn hóa gắn trực tiếp với chính trị. Đảng Cộng sản Việt Nam nhìn nhận chủ thể sáng tạo văn hóa là đội ngũ trí thức văn nghệ sĩ “trí thức Việt Nam ta không

1. 2. *Đề cương về văn hóa Việt Nam chặng đường 60 năm*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.47-48, 15.

chịu nhục mất nước. Họ khao khát tự do. Với *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đảng chỉ cho họ đâu là lối thoát. Muốn giải phóng trí thức, phải giải phóng toàn dân tộc..”. Tức là Đảng nhận rõ vai trò của văn hóa” Văn hóa luôn luôn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội. Nhận rõ tầm quan trọng đặc biệt ấy, Đảng chủ trương đoàn kết đội ngũ những người hoạt động văn hóa và giúp đỡ họ tiến bộ, trở thành người chiến sĩ tự giác trên trận địa cách mạng”<sup>1</sup>.

Như vậy, cội nguồn của việc nhận thức về văn hóa, trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam là từ thực tiễn của đời sống chính trị xã hội, xem “văn hóa” như là một bộ phận của đời sống xã hội, gắn trực tiếp với cuộc cách mạng chính trị. Văn hóa có vai trò quan trọng đặc biệt “thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội”. Cách nhìn đó mang tính tiến bộ và nhân văn hơn quan niệm của giai cấp phong kiến trong xã hội quân chủ ở nước ta, khi họ “đề cao” văn hóa “văn dĩ tử đạo”, “văn dĩ quán đạo”, “văn dĩ minh đạo” hay “thi ngôn chí”... Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng tiến bộ và nhân văn hơn quan điểm của giai cấp tư bản, đặc biệt là các nhà cai trị thực dân của chế độ thuộc địa ở nước ta lúc đó. Ngoài mặt họ chủ trương văn hóa phi chính trị, tách rời chính trị, văn hóa độc lập với chính trị, song bên trong (thực thi chính trị) họ đã “nô dịch” văn hóa nước ta và đàn áp các nhà văn hóa (trí thức, văn nghệ sĩ) yêu nước. Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương làm cách mạng dân tộc, dân chủ nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng cho văn hóa dân tộc; giải phóng cho các tầng lớp xã hội, trong đó có văn nghệ sĩ trí thức là một sự nghiệp mang tinh thần văn hóa, nhân văn. Song chủ trương đó không chỉ mang tính nhân văn mà còn mang tính thần cách mạng, tiến bộ hay (nhân văn cách mạng) khi Đảng kêu gọi văn nghệ sĩ, trí thức đứng vào hàng ngũ của nhân dân (mặt trận Việt Minh) tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc “lấy sức ta mà giải phóng cho ta”. Cho nên, “Đảng chủ trương đoàn kết đội ngũ những người hoạt động văn hóa và giúp đỡ họ tiến bộ, trở thành những chiến sĩ tự giác trên mặt trận cách mạng”, những người chiến sĩ của nhân dân, của dân tộc.

---

1. *Đề cương về văn hóa Việt Nam chặng đường 60 năm*, Sđd, tr.54.

### **Từ các luận điểm của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* chỉ ra động lực phát triển của nhận thức về văn hóa**

Cũng trong Diển văn nhân kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (ngày 27/12/1983), đồng chí Trường Chinh cho rằng: “*Đề cương về văn hóa Việt Nam* không dài, có nhiều hạn chế vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam. Ví dụ: cách mạng tư tưởng đề ra còn sơ sài, vấn đề xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa được đề cập tới. Nhưng *Đề cương văn hóa* đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup>.

Tuy vậy, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã đưa ra không chỉ hai mà nhiều “ức thuyết” về văn hóa nói chung, về văn hóa Việt Nam và cách mạng văn hóa ở Việt Nam nói riêng, về vai trò của văn hóa đối với “cuộc cải tạo xã hội” sau cách mạng dân tộc dân chủ. Đó chính là động lực thúc đẩy nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam và của các nhà trí thức, cần phải nghiên cứu để nâng cao nhận thức về văn hóa và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội sau khi thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đây và đặc biệt từ Đổi mới đến nay. Dưới đây xin dẫn lại các vấn đề mà đồng chí Trường Chinh cho rằng cần phải nghiên cứu về văn hóa và cách mạng văn hóa (cách ngày nay 80 năm) vẫn còn “những thiếu sót cần phải *ra sức khắc phục, để vững bước tiến lên*”:

“1. Quan niệm của những người cộng sản về vấn đề cách mạng văn hóa:

a. Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành cách mạng xã hội.

b. Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

c. Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công (cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị. Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bây giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để sau này).

---

1. *Đề cương về văn hóa Việt Nam chặng đường 60 năm*, Sđd, tr.54.



2. Nền văn hóa mà cuộc cách mạng văn hóa Đông Dương phải thực hiện sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa (...)”<sup>1</sup>.

Động lực của nhận thức “nhờ hoạt động thực tiễn (thực tiễn thúc đẩy nhận thức của con người) và “chỉ trong hoạt động thực tiễn, con người mới kiểm tra được mức độ đúng đắn của các kết quả nhận thức của mình”. *Đề cương văn hóa* (năm 1943) là sự mở đầu cho cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta 80 năm qua, như đồng chí Trường Chinh đã nói: “Chặng đường vận động cách mạng văn hóa Việt Nam vừa qua (tức từ thực tiễn cách mạng văn hóa\_N.V), nhận rõ những thành tựu to lớn đạt được trong lĩnh vực văn hóa, đồng thời cũng *thấy được thiếu sót cần phải ra sức khắc phục*”. Điều đó có nghĩa là những *ức thuyết* về “cách mạng văn hóa”, về “văn hóa xã hội chủ nghĩa”, về “vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng văn hóa”, về mối quan hệ giữa cách mạng chính trị với cách mạng văn hóa”, đặc biệt vai trò của cách mạng văn hóa đối việc cải tạo xã hội “phải hoàn thành cuộc cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội” trong *Đề cương văn hóa* đã được thực hành và thực tiễn của đời sống văn hóa dân tộc kiểm nghiệm tính đúng đắn của nó và cả những “thiếu sót cần phải khắc phục”. Những *thiếu sót cần phải khắc phục*” theo chúng tôi chính là động lực thúc đẩy sự phát triển của nhận thức của con người, nhất là những người Cộng sản - những người cách mạng, không chỉ giải thích thế giới mà còn cải tạo thế giới (trong đó có văn hóa). Chẳng hạn, quan điểm “Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị: *nền tảng kinh tế* của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc)”<sup>2</sup> mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943) nêu ra, nếu so với quan điểm của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII: “Văn hóa là *nền tảng tinh thần của xã hội*, vừa là *mục tiêu*, vừa *động lực* thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội” thì thấy rằng quan điểm của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* 1943 là “*ức thuyết*” đã được thực tiễn kiểm nghiệm có những “hạn chế” cần được nhận thức lại đúng đắn hơn.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.319, 316.

Do sự hạn hẹp của góc nhìn đối với văn hóa và hoàn cảnh khách quan, chúng ta chưa có điều kiện nhận thức đầy đủ về văn hóa, về vai trò của văn hóa và cả về nội dung rộng lớn *xây dựng nền văn hóa dân tộc* như Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm<sup>1</sup>:

- Về văn hóa và ý nghĩa của văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, tôn giáo, văn hóa, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những yêu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”<sup>2</sup>.

- Về xây dựng nền văn hóa dân tộc: “Năm điểm lớn xây dựng nền văn hóa dân tộc:

1. Xây dựng tâm lý: lý cách, tinh thần độc lập tự cường (tức là tư tưởng\_N.V).

2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng (tức đạo đức tốt đẹp\_N.V).

3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

4. Xây dựng chính trị: dân quyền.

5. Xây dựng kinh tế”<sup>3</sup>

Đến Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (7/1998) chúng ta mới đưa tư tưởng này của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào Văn kiện chính thức về văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam.

### **Diễn ngôn về tính chất của nền văn hóa 80 năm qua từ bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam***

Về tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam qua các giai đoạn cách mạng vừa qua, nếu so sánh diễn ngôn của các văn kiện Đảng về văn hóa thì thấy

---

1. Cũng vào năm 1943 trong cuốn sách *Nhật ký trong tù* (thơ) ở phần ghi chép lãnh tụ Hồ Chí Minh đã có quan niệm đúng đắn và khá đầy đủ về văn hóa và xây dựng nền văn hóa dân tộc, tiếc rằng đến tháng 7/1944 Người về nước.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.3, tr.431.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.3, tr.431.

rằng tính chất của nền văn hóa Việt Nam ở các giai đoạn ấy cơ bản đều có nguồn gốc (cội nguồn) từ ba nguyên tắc (hay ba tính chất)<sup>1</sup> về xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam được đề ra từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Đó là ba nguyên tắc: Dân tộc, Khoa học và Đại chúng đã được giải thích rõ trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 như sau:

“Ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa của nước Việt Nam giai đoạn này:

a. Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).

b. Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa rời quần chúng).

c. Khoa học hóa (chống lại tất cả cái gì làm cho văn hóa trái với khoa học, phản tiến bộ)”.

Trong diễn văn kỷ niệm 40 năm ngày ra đời *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh đã dành một phần nói về “Tác động và ảnh hưởng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong 40 năm qua”. Đồng chí đã điểm lại quá trình phát triển các luận điểm về ba tính chất của nền văn hóa Việt Nam trong *Đề cương...*, qua các giai đoạn lịch sử của cách mạng được ghi nhận tại các văn kiện của các kỳ *Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất* (11/1946), *Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai* (7/1948), *Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất* (5/1951), *Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai* (2/1957), *Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba* (11/1962), *Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ tư* (1/1968)...

Kết luận vấn đề trên đồng chí khẳng định: “Bốn mươi năm qua, bản *Đề cương văn hóa* đã đi vào cuộc sống, góp phần tạo ra những chuyển biến cách mạng sâu sắc trên đất nước ta. Một nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, với sức sống mãnh liệt, đang củng cố những đổi mới trong tư tưởng, tình cảm, trí tuệ và đạo đức của nhân dân ta ngày nay”. Nghĩa là ba tính chất của nền văn hóa mới trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã được khẳng định trong đời sống xã hội Việt Nam. Vấn đề tính chất của nền văn hóa Việt Nam

---

1. Trong *Đề cương* gọi là ba nguyên tắc, còn trong *Diễn văn kỷ niệm 40 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam* thì vừa gọi là ba nguyên tắc, vừa gọi là ba “tính chất” và có khi lại gọi là ba “khâu” đó cũng là một cách diễn ngôn.

giai đoạn mới, theo đồng chí: “những người làm công tác trên mặt trận lý luận, tư tưởng và văn hóa cần phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, nắm vững nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, thấm suốt đường lối, chính sách của Đảng, thâm nhập thực tế và tổng kết kinh nghiệm... Nghiên cứu lại *Đề cương văn hóa* và theo dõi tác động tích cực của nó trong 40 năm qua, ta càng thấy rõ *tính cách mạng, tính khoa học* và *tính nhất quán* của đường lối văn hóa của Đảng”.

Như vậy, với diễn ngôn về “tính nhất quán của đường lối văn hóa của Đảng” ba tính chất của nền văn hóa Việt Nam trong Đề cương năm 1943 cần được tiếp tục khẳng định, làm mới và phát triển phù hợp với yêu cầu của cách mạng, của sự nghiệp đổi mới và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Điềm lại quan điểm của Đảng về tính chất của nền văn hóa Việt Nam trong các văn kiện về văn hóa và xây dựng phát triển văn hóa nước nhà chúng ta thấy rõ điều đó:

Văn kiện Hội nghị Trung ương bốn, khóa VII (năm 1991), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nền văn hóa Việt Nam: “Dân tộc, Hiện đại, Nhân văn”. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 cũng ghi nhận các tính chất trên.

Văn kiện Hội nghị Trung ương năm, khóa VIII (năm 1998), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam *tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2001 (sửa đổi) đã khẳng định hai tính chất cơ bản này.

Văn kiện Hội nghị Trung ương chín, khóa XI (năm 2014) tức Nghị quyết Trung ương số 33, Đảng Cộng sản Việt Nam Chủ trương xây dựng và phát triển “nền văn hóa Việt Nam *tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*... với các đặc trưng: Dân tộc, Nhân văn, Dân chủ và Khoa học”.

Tóm lại diễn ngôn của Đảng Cộng sản Việt Nam về tính chất của nền văn hóa Việt Nam (trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ hay xã hội chủ nghĩa) đều xuất phát từ các quan điểm của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 hay, các quan điểm đó là cơ sở (cội nguồn) của sự phát triển các tính chất mà nền văn hóa Việt Nam trong các giai đoạn tiếp theo (dù diễn ngôn có thể ít nhiều khác nhau).

Nhận thức về vai trò “cội nguồn và động lực phát triển” của *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943 đối với sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta nói chung và với quá trình nhận thức về văn hóa, về xây dựng nền văn hóa mới

nước nhà trước đây, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng: “Nhận thức sâu sắc được vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của văn hóa trong sự phát triển của đất nước ta, dân tộc ta, cho nên ngay từ trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930, Đảng ta đã đề cập đến vấn đề phải phát triển văn hóa của dân tộc; và năm 1943, khi nước nhà còn chưa giành được độc lập, Đảng ta đã đề ra “Đề cương về văn hóa Việt Nam”, trong đó chỉ rõ “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (chính trị, kinh tế, văn hóa)”, và chủ trương phát triển văn hóa theo ba hướng: dân tộc - khoa học - đại chúng. Những quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong văn kiện quan trọng này đã tạo ra một luồng sinh khí mới để tập hợp đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, tập hợp nhân dân phát huy vai trò của văn hóa, thống nhất về nhận thức, tư tưởng và tổ chức, khơi dậy khát vọng của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, chuẩn bị tinh thần và lực lượng cho Cách mạng Tháng Tám thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, năm 1945”.

Ngày nay bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển văn hóa, con người Việt Nam vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh nâng cao và phát triển nhận thức về văn hóa, về vai trò, tính chất của nền văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới theo tinh thần của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng năm 1943 đã đặt ra: “Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn coi trọng vai trò của văn hóa và hết sức quan tâm đến công tác xây dựng văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng toàn diện, đầy đủ và sâu sắc hơn. Đảng ta xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta. Nói sâu sắc, ngắn gọn như Bác Hồ là: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”! Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội”.

## TỪ NGUYÊN TẮC DÂN TỘC, KHOA HỌC VÀ ĐẠI CHÚNG ĐẾN KHẨU HIỆU “VĂN HÓA HÓA KHÁNG CHIẾN, KHÁNG CHIẾN HÓA VĂN HÓA” CỦA ĐẢNG

PGS.TS. NGUYỄN MẠNH HÀ\*

**T**ại Hội nghị thành lập Đảng (2/1930), trong Cương lĩnh chính trị, Đảng đề ra hai nhiệm vụ chiến lược là làm “Tư sản dân quyền cách mạng” (tức cách mạng giải phóng dân tộc) và “Thổ địa cách mạng” (tức cách mạng ruộng đất, đem lại quyền lợi dân chủ cho người dân)” để tiến tới xã hội cộng sản, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hai nhiệm vụ này cùng tiến hành, có quan hệ gắn bó, bổ sung cho nhau. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, nhận thấy cơ hội giành độc lập đã xuất hiện, Đảng chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, tập trung ưu tiên nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tạm gác thực hiện khẩu hiệu ruộng đất.

### **1. Lý do Đảng soạn thảo bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943**

*Thứ nhất*, Đảng quan niệm văn hóa có phạm vi rất rộng, bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật; mặt trận văn hóa là một trong nhiều mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự...) mà người cộng sản phải tham gia hoạt động; có hiểu biết về văn hóa thì mới lãnh đạo được phong trào văn hóa, mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới hiệu quả.

---

\* Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

*Thứ hai*, do Việt Nam đang bị thực dân Pháp, phát xít Nhật câu kết với nhau thống trị bằng các thủ đoạn như: tổ chức ra các cơ quan, tổ chức văn hóa phục vụ sự nô dịch của chúng; đàn áp các nhà văn hóa cách mạng; kiểm duyệt gắt gao các ấn phẩm văn hóa; du nhập, truyền bá văn hóa ngoại lai, thực dụng của phương Tây; áp đặt nền văn hóa, giáo dục ngu dân... Những chính sách đó đang làm cho văn hóa dân tộc có nguy cơ bị xóa bỏ, phủ nhận.

*Thứ ba*, Đảng nhận thức rất rõ và sâu sắc rằng Việt Nam là một quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, mang đậm bản sắc dân tộc, sự tồn tại của dân tộc trước các cuộc xâm lược của ngoại bang đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt của nền văn hóa và tính cố kết, ứng xử cộng đồng, truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc. Đây chính là cội nguồn của tinh thần dân tộc và chiều sâu của nền văn hóa Việt Nam mà các thế hệ cha ông đã dựng xây, bồi đắp, là nguyên nhân sâu xa và cơ sở vững vàng để chiến thắng kẻ thù mà Đảng cần phải nắm lấy và phát huy trong lãnh đạo cuộc vận động giải phóng dân tộc..

## **2. Quan điểm, nguyên tắc và tính chất văn hóa cách mạng Việt Nam trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam”**

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5/1941) nhấn mạnh: sau khi giành được độc lập dân tộc “Văn hóa của mỗi dân tộc sẽ được tự do phát triển tồn tại... và được bảo đảm”<sup>1</sup>. Trong khi lãnh đạo toàn dân xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa đứng chân vững chắc, rộng lớn, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến, về lĩnh vực văn hóa, Đảng xác định quan điểm, văn hóa là một mặt trận quan trọng, cần phải đề ra chủ trương, đường lối rõ ràng, cụ thể để tập hợp, phát huy sức mạnh của văn hóa vào sự nghiệp cách mạng. Cách mạng văn hóa Việt Nam phải dựa vào cách mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện phát triển vì đó sẽ là cơ sở đưa văn hóa Việt Nam tới trình độ dân chủ, có tính chất dân tộc hoàn toàn độc lập, xây dựng nên một nền văn hóa mới. Một nội dung hoàn toàn mới trong quan điểm của Đảng là lần đầu tiên Đảng khẳng định: Nền văn hóa mà cuộc cách mạng văn hóa Việt Nam phải thực hiện sau khi giành được độc lập sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.113.

Từ những quan điểm cơ bản đó, trong khi đang tiến hành đấu tranh giành độc lập dân tộc, Đảng xác định nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng văn hóa cách mạng theo ba nguyên tắc: dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa để làm cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); đại chúng hóa (chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa lạ, xa rời quần chúng); Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Để thực hiện thắng lợi ba nguyên tắc đó, cần phải tập trung chống lại những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm... đồng thời chống lại văn hóa cực đoan của nhóm tởrốtkit. Tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam do Đảng lãnh đạo là một nền văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung, sẽ là nền văn hóa cách mạng nhất và tiến bộ nhất lúc này. Để có thể xây dựng nền văn hóa cách mạng, bản Đề cương đã nêu lên các nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít để chống lại văn hóa thực dân, phát xít, phong kiến mang tính chất nô dịch, ngu dân, lừa bịp như đấu tranh về học thuyết, tư tưởng, giành phần thắng cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; đấu tranh với các trường phái văn hóa phi mácxít, bảo vệ xu hướng văn hóa hiện thực xã hội chủ nghĩa; đấu tranh về tiếng nói, chữ viết... tận dụng tất cả khả năng, phương pháp đấu tranh bí mật và công khai để tuyên truyền, xuất bản các ấn phẩm văn hóa nhằm phát huy văn hóa dân chủ mới ở Việt Nam.

### **3. Nhiệm vụ của văn hóa Việt Nam trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc**

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, nền độc lập của dân tộc mới giành được lại bị xâm phạm bởi cuộc tái xâm lược của thực dân Pháp. Tình thế cách mạng Việt Nam lúc này, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, đang phải đương đầu và giải quyết các khó khăn to lớn về chính trị, kinh tế, xã hội, đối ngoại và sự chống phá quyết liệt của thù trong, giặc ngoài để bảo vệ thành quả cách mạng. Ngày 25/11/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc, xác định rõ hai nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam lúc này là kháng chiến chống xâm lược ở miền Nam và kiến quốc (xây dựng chế độ mới về mọi mặt, hoàn thiện thể chế nhà nước dân chủ nhân dân) ở miền Bắc, chuẩn bị thực lực để đối phó với nguy cơ chiến tranh lan rộng ra cả nước.



Cùng với công cuộc kiến quốc, tìm mọi cách đẩy lùi nguy cơ chiến tranh lan rộng, Đảng luôn quan tâm đến sự nghiệp văn hóa giáo dục, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng của nhà nước dân chủ nhân dân. Ngày 16/11/1946, Tổng Bí thư Trường Chinh viết thư gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về nhiệm vụ của văn hóa Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng nước, chuẩn bị cho Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất sẽ tổ chức ngày 24/11/1946. Trong thư, đồng chí Trường Chinh thẳng thắn nêu lên những thiếu sót trong chương trình nghị sự của Hội nghị như: các báo cáo và thuyết trình thì cao xa, ít thiết thực; thiếu một bản thuyết trình về nhiệm vụ văn hóa trong công cuộc cứu quốc và kiến quốc; thiếu một bản báo cáo về công cuộc vận động đời sống mới; không có một chương trình hành động của văn hóa Việt Nam trong giai đoạn trước mắt.

Sau khi nêu rõ thực trạng của công tác chuẩn bị Hội nghị Văn hóa toàn quốc, Tổng Bí thư đã báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh dàn bài của bản thuyết trình tại hội nghị, trong đó nêu lên mối quan hệ giữa văn hóa và cách mạng giải phóng dân tộc; nhấn mạnh thái độ của các nhà văn hóa Việt Nam lúc này là cần phải tích cực tham gia mặt trận dân tộc, giành thống nhất và độc lập cho Tổ quốc, phải đem hết năng lực ra cứu nước và xây dựng đất nước. Lập trường của các nhà văn hóa Việt Nam phải là dân tộc và dân chủ, có nghĩa là yêu nước và tiến bộ. Tuy nhiên, ba nguyên tắc, đồng thời cũng là ba khẩu hiệu căn bản của văn hóa Việt Nam trong giai đoạn này vẫn là: dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa. Đây là ba mục tiêu rộng lớn của văn hóa Việt Nam, còn vào thời điểm khi mà tình hình căng thẳng đang leo thang ở miền Bắc, chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp có thể nổ ra thì tất cả các nhà văn hóa Việt Nam, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, cần phải đứng trên lập trường chung là dân tộc và dân chủ để phụng sự Tổ quốc.

Đồng chí Trường Chinh xác định nhiệm vụ cụ thể của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh lúc đó là: 1- Động viên tinh thần đoàn kết và yêu nước, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp giải phóng dân tộc; 2- Phát triển những cái hay, cái đẹp trong văn hóa cổ truyền của dân tộc, đồng thời bài trừ những cái xấu, lạc hậu, hủ bại; 3- Ngăn ngừa sự xâm nhập và tấn công của văn hóa phản động, văn hóa thực dân, đồng thời học những cái hay, cái tốt của văn hóa thế giới; 4- Kiến thiết một nền văn hóa mới cho Việt Nam với các

nội dung chủ yếu là giáo dục nhân dân; gây đời sống mới; phát triển tư tưởng khoa học và học thuật tiến bộ; phát triển văn nghệ đại chúng.

Để thực hiện được các nhiệm vụ đó, Đảng cần phải lãnh đạo, động viên và thống nhất mọi lực lượng văn hóa Việt Nam, tập hợp thành mặt trận thống nhất văn hóa trên nền tảng dân tộc và dân chủ. Mặt trận văn hóa Việt Nam phải trở thành một bộ phận khăng khít của Mặt trận dân tộc thống nhất giành độc lập, vì văn hóa không thể biệt lập với chính trị. Đây là quan điểm, chủ trương của Đảng về văn hóa cách mạng được Tổng Bí thư nêu lên tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (24/11/1946).

Tuy nhiên, chỉ chưa đầy một tháng sau, Đảng Cộng sản Đông Dương đã buộc phải phát động toàn quốc đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), nhấn mạnh: “Chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta phải nhân nhượng nhưng chúng ta càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa. Không! Chúng ta phải đứng lên”. Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa thể hiện nguyện vọng muốn được sống trong hòa bình vừa thể hiện ý chí quyết tâm chiến đấu của cả một dân tộc vì độc lập, tự do.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng đã sớm đề ra đường lối kháng chiến “Toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính”, huy động sức mạnh của toàn dân, sức mạnh tổng hợp của tất cả các mặt đấu tranh, trong đó có văn hóa. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra chủ trương, đồng thời cũng là khẩu hiệu hành động: “Kháng chiến hóa văn hóa” và “Văn hóa hóa kháng chiến”. Chủ trương nêu trên nhấn mạnh văn hóa là một mặt trận quan trọng góp phần vào cuộc kháng chiến toàn diện về quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, tư tưởng để đánh thắng kẻ thù. Để thực hiện kháng chiến hóa văn hóa, cần phải tập trung xây dựng nền văn hóa kháng chiến, làm cho mọi người dân yêu nước, đặc biệt là những người làm công tác văn hóa cách mạng hiểu được mục tiêu, ý nghĩa của cuộc kháng chiến, thông suốt được tư tưởng, kháng chiến vừa để bảo vệ nền độc lập đồng thời bảo vệ và phát huy nền văn hóa dân tộc kể cả trong hoàn cảnh chiến tranh; để có thể huy động toàn dân tham gia kháng chiến. Để thực hiện văn hóa hóa kháng chiến, cần phải huy động và phát huy tính tích cực, lợi thế của văn hóa vào cuộc kháng chiến; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục làm cho mỗi người dân

thêm hiểu biết và tự hào về tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái, truyền thống lịch sử chống ngoại xâm, truyền thống văn hóa sâu sắc của dân tộc, biến văn hóa thành thứ vũ khí lợi hại về tinh thần, tư tưởng trong cuộc chiến đấu. Mỗi người làm công tác văn hóa phải là một chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, văn nghệ, giáo dục, nghệ thuật. Những kiến thức, các tác phẩm thơ ca, nhạc, họa, văn xuôi, kịch nói... của họ đã góp phần quan trọng cổ vũ, động viên tinh thần kháng chiến, vun đắp, củng cố lòng tin cho mỗi người dân, mỗi chiến sĩ đang chiến đấu ngoài mặt trận về tính chính nghĩa của cuộc chiến đấu, vào thắng lợi cuối cùng.

Chủ trương kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến là một chủ trương đúng đắn, rất đặc biệt, mang lại hiệu quả cao. Đại đa số nhân dân có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc và một bộ phận đông đảo các nhà văn hóa, giáo dục, các văn nghệ sĩ đã nghe theo tiếng gọi của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không quản ngại gian khổ, hy sinh, hăm hở, hăng hái tham gia kháng chiến, đem hết sức lực và tài năng của mình vào cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc để bảo vệ nền độc lập, tự do, đồng thời cũng là bảo vệ, bảo tồn và phát huy nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc - một nhân tố không thể thiếu góp phần làm nên chiến thắng.

#### **4. Ý nghĩa lịch sử của bản Đề cương về văn hóa Việt Nam**

Bản Đề cương về văn hóa Việt Nam với ba nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học được ban hành khi Đảng đang lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc với nhiều gian khổ, hy sinh tổn thất, mang rất nhiều ý nghĩa. *Một là*, thể hiện sự lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng nhất định giành được thắng lợi. Nhiều người đặt câu hỏi vì sao trong khi đang tập trung lãnh đạo nhiệm vụ giành độc lập dân tộc, Đảng lại đưa ra bản Đề cương văn hóa? Thực tiễn đã cho thấy tầm nhìn xa, trông rộng của Đảng khi nhận thức rõ sự cần thiết phải kết hợp các lĩnh vực đấu tranh để tạo nên sức mạnh tổng hợp mới có thể giành được thắng lợi, không chỉ trong đấu tranh giành độc lập mà còn trong tiến hành kháng chiến chống xâm lược, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau này. Đảng đã nhận thấy vị trí, vai trò cực kỳ quan trọng và sức mạnh của văn hóa, đó là chỗ dựa về tư tưởng, tinh thần cho mỗi người dân, nhất là những người làm văn hóa, nghệ thuật, đi theo Đảng làm cách mạng. *Hai là*, Đảng đã đúc kết, khái quát bản sắc, truyền thống văn hóa của

Việt Nam thành các nguyên tắc vừa mang tính phổ quát của nhân loại nhưng vừa thể hiện rõ nét riêng của văn hóa dân tộc. *Ba là*, đó là một nền văn hóa đậm đà bản sắc (dân tộc), mang tính phổ cập, phổ biến (đại chúng) và luôn tìm cách đấu tranh loại bỏ những cái cũ, cái lạc hậu, bảo thủ, phản động, luôn hướng đến cái mới, dân chủ, tiến bộ, dễ học, dễ nắm bắt và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, đó chính là một nền văn hóa có tính (khoa học) cao.

Ba nguyên tắc này, cùng với nhiệm vụ dân tộc, dân chủ và chủ trương, khẩu hiệu kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến đã được từng bước quán triệt, thực hiện trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945), thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1954), cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1975) và thắng lợi của sự nghiệp đổi mới (từ 1986 đến nay), đưa đất nước tiến lên theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 KHƠI NGUỒN SÁNG TẠO CHO NỀN VĂN HÓA, VĂN NGHỆ NHÂN DÂN TRONG THỜI ĐẠI MỚI

TS. NGUYỄN ĐỨC HẠNH\*

1. Bản thân sự ra đời và phát triển nền văn hóa, văn nghệ mới ở Việt Nam gắn liền với đặc điểm của thời đại cách mạng dân chủ nhân dân và sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ xã hội mới. Ở đây chúng ta chứng kiến sự lớn mạnh của phong trào quần chúng nhân dân trong mọi cuộc vận động xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp vô sản. Yêu cầu xây dựng nền văn hóa, văn nghệ mới phù hợp với lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân là một yêu cầu thực tế bức thiết. Việc xác lập vai trò lãnh đạo của Đảng đối với quá trình xây dựng nền văn hóa, văn nghệ mới gắn với những cuộc đấu tranh cách mạng có chiều hướng tiến bộ lịch sử đã tạo điều kiện cho nền văn hóa, văn nghệ mới phát triển hợp quy luật.

Năm 1943, trên cơ sở những tư tưởng mácxít về văn hóa, Đảng ta đã công bố văn kiện *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, trình bày những luận điểm lý luận khoa học đầu tiên về văn hóa, khai mở nhận thức về văn hóa cho cán bộ cách mạng và quần chúng nhân dân, qua đó động viên đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức, các nhà hoạt động văn hóa đi theo cách mạng, cổ vũ cho sự nghiệp cách mạng nước ta đi đến thắng lợi. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh khởi thảo và công bố năm 1943 được coi là bản tuyên ngôn, là cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa, có vai trò đặt nền tảng cho nhận thức và phương châm hoạt động văn hóa, văn nghệ của

---

\* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

toàn Đảng, toàn dân. Đây cũng là văn kiện có ý nghĩa định hướng thu hút đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức, cán bộ hoạt động văn hóa nhằm gây dựng và thúc đẩy phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa, cứu quốc, nhằm chống lại ảnh hưởng văn hóa của giặc ngoại xâm cũng như sự lạc hậu, phản tiến bộ của những tàn dư văn hóa phong kiến bảo thủ,...

Quan điểm lý luận văn hóa của Đảng đã được nêu trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*: “a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới hiệu quả”<sup>1</sup>.

Các yêu cầu cơ bản trong xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời đại mới tập trung vào ba nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa được nêu trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 thực chất là những phương diện khác nhau của cùng một quan điểm phát triển tiến bộ. Trong thời đại cách mạng dân chủ nhân dân, những nội dung tư tưởng tiến bộ và nhu cầu tinh thần lành mạnh nhất của dân tộc đều xuất phát từ cuộc đấu tranh của đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Những xu hướng tiến bộ và cách mạng của nhân dân là đại diện cho sự tiến bộ của dân tộc. Đồng thời những gì năng động, tích cực nhất của dân tộc đều thuộc về nhân dân. Cũng như thế những tư tưởng được coi là khoa học không thể đi ngược lại với lợi ích của dân tộc và của đông đảo quần chúng lao động, những gì phù hợp với quyền lợi của nhân dân và dân tộc đều là những tư tưởng cách mạng tiến bộ.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã nhấn mạnh vai trò lãnh đạo đặc biệt quan trọng của Đảng trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng cuộc sống mới cho nhân dân. Chỉ có Đảng Cộng sản mới hướng cuộc vận động cách mạng văn hóa Việt Nam vào con đường đúng đắn và góp phần đắc lực vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng của toàn dân tộc trên mọi phương diện. Vai trò, sứ mệnh lịch sử của văn nghệ sĩ, trí thức và các nhà hoạt động văn hóa Việt Nam là vừa chủ động xây dựng nền văn hóa mới của dân tộc

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12-13.

trong thời đại cách mạng dân chủ nhân dân, vừa phải tích cực tham gia đấu tranh giành độc lập, tự do cho đất nước.

Giáo sư Hoàng Trinh nhận xét: “Đề cương văn hóa với nhiệm vụ đã được xác định với ba phương châm cơ bản, cũng chứa đựng một tiềm năng nghệ nghĩa tiên tiến xem văn hóa là vũ khí đấu tranh và xem phát triển lúc này là đấu tranh cho tiến bộ xã hội và cho sự nghiệp giải phóng dân tộc”<sup>1</sup>.

**2.** Những phương châm cơ bản do *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đặt nền tảng đã được cụ thể hóa trong quá trình từng bước xây dựng nền văn hóa, văn nghệ nhân dân. Có thể tìm thấy hệ thống quan điểm đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng được thể hiện một cách thống nhất thông qua các văn kiện của Đảng, các ý kiến, thư từ, bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của các đồng chí lãnh đạo thay mặt Đảng như Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Tố Hữu... về những vấn đề có liên quan đến văn hóa, văn nghệ phù hợp với những mục tiêu cụ thể trong từng giai đoạn cách mạng. Trong Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*. Anh chị em là *chiến sĩ trên mặt trận ấy*”. Đồng thời Người cũng xác định nhiệm vụ cụ thể cho văn hóa, nghệ thuật là “phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh”<sup>2</sup>. Trong thực chất việc đề ra nhiệm vụ cho văn hóa, văn nghệ trên cơ sở những mục tiêu nhiệm vụ của cách mạng đã gắn bó toàn bộ quá trình phát triển của nó với sự nghiệp cách mạng và kháng chiến của dân tộc. Cũng qua đó vấn đề lập trường tư tưởng và quan niệm về nghệ thuật được đặt ra theo các tiêu chí gắn với lợi ích của nhân dân và của cách mạng.

Ở đây vấn đề phát triển sự nghiệp văn hóa, văn nghệ và con đường cách mạng dân chủ nhân dân, đấu tranh giải phóng dân tộc có một mối liên hệ khăng khít. “Rõ ràng là dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải tham gia cách mạng”<sup>3</sup>. Và đối với văn nghệ sĩ “con đường phục vụ nhân dân chính là con đường giải phóng cho bản thân mình

1. Hoàng Trinh: “Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 của Đảng và tinh thần nhân văn xã hội chủ nghĩa của văn hóa ngày nay”, Tạp chí *Văn học*, số 6, 1993, tr.1.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.246.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.13, tr.504.

và cho nghệ thuật”<sup>1</sup>. Ngay từ đầu, đông đảo văn nghệ sĩ, trí thức có tinh thần yêu nước, tiến bộ được Đảng tập hợp trong *Hội Văn hóa cứu quốc* một mặt đã tích cực tham gia trực tiếp vào cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của toàn dân, mặt khác đã đóng vai trò nòng cốt trong việc xây dựng nền văn hóa, văn nghệ mới. Theo yêu cầu của cuộc kháng chiến, đội ngũ văn nghệ sĩ phải trở thành những người lính xung kích trên mặt trận tư tưởng văn hóa, có tài năng văn nghệ, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng và tích cực tham gia cuộc kháng chiến, đấu tranh bảo vệ sự nghiệp cách mạng của toàn dân. Quá trình đi theo Đảng, hòa mình vào đời sống của nhân dân và cách mạng đã có ý nghĩa quyết định đến nhận thức tư tưởng và hành động của các văn nghệ sĩ, trí thức tiến bộ. Để đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng ta xác định quan điểm “kháng chiến hóa văn hóa và văn hóa hóa kháng chiến”. Tức là phải xây dựng và phát huy tính chiến đấu của nền văn hóa, văn nghệ cách mạng, đồng thời phải khẳng định giá trị văn hóa, tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến của toàn dân ta. Tự nguyện trở thành một bộ phận của nhân dân chiến đấu, các văn nghệ sĩ, trí thức đã trở thành những chiến sĩ văn hóa thực thụ, dùng vũ khí văn hóa, văn nghệ đấu tranh cho độc lập tự do dân tộc, cho những lý tưởng cao đẹp của nhân dân. Đó là hình mẫu văn nghệ sĩ, nhà hoạt động văn hóa kiểu mới.

Bước ngoặt lịch sử vĩ đại từ Cách mạng Tháng Tám và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam qua hai cuộc kháng chiến trở thành một sức sống hiện thực. Trong bản chất, nền văn hóa, văn nghệ mới cũng chính là một lực lượng tinh thần được khơi dậy từ cuộc cách mạng nhân dân. Toàn bộ quá trình lãnh đạo của Đảng đối với nền văn hóa, văn nghệ mới xét cho cùng nằm trong quy luật vận động của thời đại. Ở đó, mọi lực lượng thuộc về nhân dân đều trở thành sức mạnh lịch sử tự giác. Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng được định hướng từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã khơi nguồn sáng tạo cho nền văn hóa, văn nghệ nhân dân trong thời đại mới. Đây cũng là một nội dung thẩm mỹ khiến cho chính bản thân người nghệ sĩ cũng cảm thấy hạnh phúc, tự hào: “Cảm ơn Đảng cho ta dòng sữa. Bốn nghìn năm

---

1. *Về công tác văn nghệ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1962, tr.66.



chan chứa ân tình” (Tố Hữu). Hay có thể nói như lời nhà văn Xôviết vĩ đại M. Sôlôkhốp: “Chúng ta chỉ viết theo chỉ thị của trái tim chúng ta: Nhưng trái tim chúng ta thuộc về Tổ quốc, về nhân dân, về đảng của chúng ta mà chúng ta đem hết sức lực ra phục vụ”. Hiển nhiên là cái đích cuối cùng của văn hóa, của văn chương, nghệ thuật nằm trong cái đích cuối cùng của lý tưởng nhân dân: “ở đây không còn là “văn học” là “nghệ thuật” chữ nghĩa nữa, ở đây chính là trái tim, trái tim đang nhỏ máu và hát ca. Không thể ở ngoài nhân dân, không thể đứng ngoài mảnh đất này mà hiểu được điều đó, hiểu được sức mạnh tinh thần của văn học cách mạng”<sup>1</sup>.

Sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và con người là những mục tiêu mang bản chất nhân văn, dân chủ của cuộc cách mạng nhân dân do giai cấp vô sản lãnh đạo. Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng được xác lập nền tảng từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã có ý nghĩa tích cực thể hiện nhất quán những mục tiêu nhân văn đó: “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”<sup>2</sup>. Trong thực tế, thời đại cách mạng dân chủ nhân dân và cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc là thời đại có ý nghĩa sáng tạo ra những giá trị mới trên cơ sở phát huy những giá trị nhân văn tốt đẹp nhất của truyền thống dân tộc, hướng tới những giá trị phổ quát của nhân loại tiến bộ. “Nền văn hóa cách mạng đã tôn trọng và bảo vệ toàn bộ di sản văn hóa truyền thống của dân tộc, tạo cho vốn quý đó có thêm một sức sống mới, vẻ đẹp mới trong thời đại cách mạng”<sup>3</sup>. Trong điều kiện đó sự phát triển của nền văn hóa, văn nghệ cách mạng vừa là đòi hỏi có tính quy luật nội tại bắt nguồn từ truyền thống, đồng thời đáp ứng nhu cầu diễn đạt những nguyện vọng bức thiết nhất của nhân dân và chuyển hóa thành sức mạnh trong cuộc đấu tranh chống lại những kẻ thù xâm lược hung hãn nhất: “Cả cha ông ta, cả bao nhiêu thế hệ, cả một dân tộc với quá khứ, với văn hóa của nó, với lịch sử vẻ vang vô cùng của nó, tất cả những truyền thống đó đều đứng lên cùng với những

---

1. Giang Nam: “Văn học cách mạng miền Nam - một hiện tượng độc đáo”, *Việt Nam nửa thế kỷ văn học*, Nxb. Hội nhà văn, 1997, tr.86.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, *Sdd*, tr.21.

3. Hà Minh Đức: *Đi tìm chân lý nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000, tr.139.

người bằng da bằng thịt để chống Mỹ, cứu nước”<sup>1</sup>. Yêu cầu đầu tiên đối với văn hóa, văn nghệ là hướng về đông đảo quần chúng cách mạng đồng thời phải bắt rễ sâu xa trong quần chúng. Đây thực chất là xác định những nội dung và đối tượng công chúng của văn chương, của nghệ thuật trong một nền văn hóa, văn nghệ hoàn toàn mới.

Phẩm chất tính nhân dân của nền văn hóa, văn nghệ mới được cụ thể hóa bằng việc nó trực tiếp tham gia vào sự nghiệp cách mạng của toàn dân. Nó không chỉ đáp ứng đời sống tinh thần của đông đảo quần chúng nhân dân. Nó còn phải tham gia tuyên truyền, vận động chính trị, khơi sâu tình cảm yêu nước, tinh thần đoàn kết, quyết tâm đánh giặc của nhân dân. Một mặt nền văn hóa, văn nghệ mới cần phải được trang bị bằng tư tưởng nhân dân như một phẩm chất cốt lõi, mặt khác nó cũng nâng cao dần trình độ tư tưởng và nhu cầu thẩm mỹ của đông đảo quần chúng. Tư tưởng nhân dân không phải chỉ có nghĩa là những quan điểm có tính chất cách mạng và tiến bộ về vai trò và sứ mệnh của nhân dân trong lịch sử mà còn bao hàm cả ý nghĩa là những tư tưởng mang bản chất nhân dân, kết tinh từ truyền thống đấu tranh và lao động, phản ánh những nguyện vọng chân chính của nhân dân và bao giờ cũng có tính chất tiến bộ. Như vậy, tư tưởng nhân dân với tư cách là ý thức hệ có tính thời đại, ở những mức độ nhất định không phải và không trùng với trình độ tư tưởng của quần chúng nhân dân nói chung.

Chúng ta nhớ lại rằng trong bài báo *Tổ chức Đảng và văn học Đảng*, Lênin đã nhấn mạnh tư tưởng và cũng là yêu cầu đối với nền văn học mới của thời đại cách mạng vô sản là phải hướng về đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động. Bởi vì “họ là tinh hoa, sức mạnh, tương lai của đất nước”<sup>2</sup>. Như vậy, Lênin yêu cầu một nền văn học lấy lý tưởng phục vụ nhân dân làm mục đích, nó xa lạ với những mưu toan ích kỷ, hẹp hòi của các giai cấp thống trị, bóc lột. Hiểu được nhân dân, hiểu được khát vọng của nhân dân trong quá khứ, trong hiện tại và ước mơ vươn tới của nhân dân, đó là một trong những

1. Phạm Văn Đồng: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1973, tr.121.

2. V.I. Lênin: *Bàn về văn hóa văn học*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1977, tr.79.

yêu cầu đầu tiên được đặt ra khi xây dựng nền văn hóa, văn nghệ nhân dân. Chỉ khi nào xuất phát với tư cách là một thành phần thuộc về nhân dân, các nhà hoạt động văn hóa, các văn nghệ sĩ mới có đầy đủ năng lực và ý chí thực hiện điều đó.

3. Ba phương châm lớn dân tộc, khoa học, đại chúng được nêu trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 thực chất là những phương diện khác nhau của cùng một yêu cầu phát triển, các phương diện này đều có ý nghĩa khẳng định, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau. Lý luận cách mạng chỉ ra rằng “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Như vậy có nghĩa là sự nghiệp văn hóa, văn nghệ cách mạng về cơ bản cũng sẽ phải là sự nghiệp của quần chúng, là sự tham gia ngày càng đông đảo của quần chúng lao động với một ý thức tự giác ngày càng cao, với một tinh thần dân chủ ngày càng rộng rãi. Thực tiễn cho thấy trên cái nền rộng rãi ấy những cá nhân xuất sắc mang ý nghĩa, tâm hồn và tài năng của nhân dân lao động đã xuất hiện và nắm quyền chủ động xây dựng nền nghệ thuật và văn học mới. Điều này cũng từng được Lênin khẳng định: “Nghệ thuật thuộc về nhân dân. Nghệ thuật phải bắt rễ sâu xa trong lòng đông đảo quần chúng lao động. Nó phải được quần chúng đó hiểu và yêu thích. Nó phải tập hợp được tình cảm tư tưởng, ý chí của quần chúng đó, nâng họ lên. Nó phải thức tỉnh những nghệ sĩ trong quần chúng và phát triển các nghệ sĩ đó”<sup>1</sup>. Tin tưởng ở khả năng sáng tạo của quần chúng là một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Nó là cơ sở để động viên khích lệ phong trào văn hóa, văn nghệ có tính quần chúng rộng rãi, phát huy năng lực nghệ thuật truyền thống của nhân dân, giải phóng những năng lực sáng tạo mới. Hơn nữa đó là một tiền đề xây dựng nền văn hóa, văn nghệ được thực hiện bởi nhân dân và trở lại phục vụ nhân dân, làm cho nhân dân “chẳng những nắm được vận mệnh của mình về vật chất mà còn nắm cả vận mệnh của mình về trí tuệ tâm hồn”<sup>2</sup>.

Nhân dân không chỉ là công chúng mà còn là đối tượng phản ánh chủ yếu của nền văn nghệ mới. Trong thời đại cách mạng dân chủ nhân dân, khi những cuộc đấu tranh quyết liệt nhất đã gắn kết mọi người lao động thành

---

1. V.I. Lênin: *Bàn về văn hóa văn học*, Sđd, tr.464.

2. *Nâng cao chất lượng sáng tác*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr.64.

một khối thống nhất với một mục tiêu lý tưởng chung thì tiếng nói tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của mỗi người là sự phản ánh tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của cả cộng đồng. Việc giải quyết những vấn đề thiết thân của mỗi cuộc đời và số phận con người nằm trong tương quan với việc giải quyết những vấn đề của toàn thể cộng đồng. Chính ở đây những nhu cầu văn nghệ mới sẽ nảy sinh và cùng với nó là việc xuất hiện những khả năng sáng tạo hoàn toàn mới mẻ. Điều này cũng có nghĩa là quan niệm nghệ thuật mới sẽ chi phối sự phát triển văn học, nghệ thuật. Cơ sở của nó là môi trường thẩm mỹ mới gắn liền với hiện thực đời sống. Gắn bó và phản ánh hiện thực đời sống chẳng những được coi như sứ mệnh của nền văn hóa, văn nghệ nhân dân mà còn đặt nền văn hóa, văn nghệ ấy vào môi trường năng động đầy sức sáng tạo. Đây là một trong những vấn đề trung tâm của ý thức nghệ thuật mới, “Xưa thơ chỉ hay than mà ít hỏi. Đảng dạy ta. Thơ phải trả lời” (Chế Lan Viên). Đó là một yêu cầu được xác thực trong đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng: “Nền văn nghệ ta là nền văn nghệ của nhân dân lao động. Văn nghệ sĩ chúng ta phải là người nói lên cuộc đời và tâm trạng của công nông, trả lời được những vấn đề của cuộc sống cách mạng đặt ra”<sup>1</sup>. Những vấn đề cấp thiết mà cuộc sống đặt ra cho văn chương, cho nghệ thuật trong mỗi thời kỳ lịch sử xét cho cùng không nằm ngoài quyền lợi cao nhất của dân tộc, của nhân dân.

Những nguyên tắc cơ bản do *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đặt nền móng từ năm 1943 đã liên tục được kế thừa, mở rộng làm sâu sắc thêm trong các giai đoạn khác nhau của quá trình Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* (1998) Đảng ta tiếp tục gắn nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người với nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng ta nêu rõ: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà

---

1. Tố Hữu: *Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta, với thời đại ta*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1973, tr.331.

bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ;...”, đồng thời khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền văn hóa, văn nghệ nhân dân đã có những khám phá mới về Tổ quốc, về dân tộc và thời đại. Hiện thực cuộc sống cách mạng trải qua các giai đoạn cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội chính là một môi trường thẩm mỹ có chiều sâu lịch sử. Nó khơi dậy và huy động những truyền thống cao đẹp nhất của tư tưởng nhân dân trong sự vận động của xã hội và con người hiện đại. Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng chỉ rõ mối quan hệ giữa sáng tạo văn nghệ và hiện thực đời sống: “Nói cho cùng thì sự nghiệp mà nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đang làm và sẽ làm, là công hiến rất to lớn, rất vĩ đại, rất cơ bản vào sự nghiệp văn học, nghệ thuật”<sup>1</sup>. Nội dung chủ yếu và đề tài trung tâm của nền văn hóa, văn nghệ mới là sự nghiệp đấu tranh và xây dựng của nhân dân. Điều này xuất phát từ quan điểm coi nhân dân là những người sáng tạo chân chính của lịch sử, đặc biệt ở vào thời đại mà nhân dân là những người làm chủ tự giác. Việc bám sát phản ánh hiện thực đời sống không mâu thuẫn với yêu cầu tiếp nối những mạch nguồn truyền thống dân tộc. Hơn nữa còn có thể nhìn thấy sức sống bền vững của truyền thống ấy trong thời đại mới. Ở đây đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng cũng xác định rõ là phải “làm cho văn nghệ mới của ta không cắt đứt với truyền thống dân tộc, mà trái lại tiếp tục và phát triển những truyền thống ấy trong những điều kiện mới của nước nhà”<sup>2</sup>. Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng được xác lập nên tảng từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* chẳng những đã có ý nghĩa quyết định xây dựng nên văn hóa, văn nghệ nhân dân theo hướng cách mạng, hiện đại mà còn mở ra những khả năng phát huy một cách tích cực di sản tinh thần truyền thống của dân tộc. Thực ra đó cũng là hai phương diện của yêu cầu phát triển đối với nền văn hóa, văn nghệ nhân dân. Việc đánh giá đúng vai trò của nhân dân trong mọi tiến trình lịch sử về căn bản đã làm

---

1. Phạm Văn Đồng: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*, *Sdd*, tr.123.

2. *Về công tác văn nghệ*, *Sdd*, tr.90.

sống dậy những giá trị do nhân dân sáng tạo trong quá khứ. Đây là biểu hiện cao của tinh thần dân chủ, tiến bộ và cách mạng, đồng thời cũng là bài học sâu sắc có giá trị thực tiễn, lâu dài đối với sự phát triển của nền văn hóa, văn nghệ nói chung.

4. Cách đây 80 năm, những nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng đã nhận ra và ý thức sâu sắc yêu cầu cấp bách về xây dựng một nền văn hóa dân tộc - khoa học - đại chúng. Đây là yêu cầu được đặt ra từ thực tiễn cách mạng, không chỉ để trực tiếp phục vụ cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành lại độc lập, tự do mà còn khẳng định dân tộc ta cần phải hướng tới những giá trị mang tính phổ quát của nhân loại như tất cả các dân tộc khác trên thế giới. Từ rất sớm những nhà lãnh đạo của Đảng ta đã nhận thấy rằng nhân dân ta cần phải giành được, phải xây dựng cho bằng được nền văn hóa, văn nghệ dân chủ mới theo những tiêu chí thời đại cho dù cả dân tộc sẽ phải trải qua những chặng đường chiến đấu gian khổ, hy sinh lâu dài từ một xuất phát điểm rất thấp.

Ngày hôm nay, đất nước ta đã giành được độc lập, thống nhất, non sông liền một dải, nhân dân ta có được cuộc sống tự do và hoàn toàn làm chủ công cuộc xây dựng đất nước. Những định hướng nền tảng do *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được khai mở từ cách đây 80 năm đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Tuy nhiên, không phải không có lý khi có ý kiến cho rằng, điều đó cũng có nghĩa là dù trải qua những chặng đường gian khổ, cả đất nước đã phấn đấu hy sinh không ngừng và đạt được rất nhiều kỳ tích trong lịch sử hiện đại, nhưng chúng ta vẫn cảm nhận rất rõ rằng con đường do *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đặt nền móng trên những mức độ, phương diện nhất định so với ước vọng chung của cả dân tộc vẫn chưa thật sự hoàn thành về đích. Một khẩu hiệu sẽ không còn cần thiết khi sứ mệnh của nó đã hoàn thành, giống như không ai giương cao khẩu hiệu đánh đuổi giặc ngoại xâm khi sự nghiệp giải phóng dân tộc đã hoàn thành. Trong khi đó, yêu cầu xây dựng một nền văn hóa dân tộc - khoa học - đại chúng dường như đòi hỏi chúng ta hôm nay không những vẫn phải tiếp tục mà thậm chí có khi còn bức thiết hơn khi đứng trước rất nhiều câu hỏi: Ngày hôm nay chúng ta đã đạt đến trạng thái văn hóa dân tộc như thế nào? Nền văn hóa Việt Nam ngày nay đã hấp thụ và bao hàm những giá trị khoa học thời đại ra sao? Tính chất

đại chúng của nền văn hóa Việt Nam như hôm nay có phải thật sự đã là điều chúng ta mong muốn?... Như là một sứ mệnh, một yêu cầu phát triển tất yếu của dân tộc, chúng ta cần phải phấn đấu để không chỉ cho một hành trình về đích mà còn phải bắt đầu nghĩ đến những chân trời rộng lớn hơn.

Thời đại thông tin bùng nổ, công nghệ 4.0 phát triển, máy móc có thể giúp cho con người làm được những khối lượng công việc khổng lồ nhưng vẫn không thể thay thế con người trong tư duy sáng tạo, làm chủ cuộc sống, kiếm tìm và thụ hưởng hạnh phúc. Rồi sẽ có rất nhiều việc mà máy móc, trí tuệ nhân tạo có thể thay thế cho con người, trong đó có cả việc minh họa các khẩu hiệu. Việc của con người là cần phải nghĩ xem đến lúc nào thì chúng ta sẽ kết thúc những khẩu hiệu đang có, nghĩa là phải hoàn thành căn bản quá trình vận động xã hội theo những giá trị nền tảng hiện thời để bước sang tư duy về một nền tảng mới hơn. Lúc đó chúng ta lại sẽ cần đến những khẩu hiệu mới, cao hơn, giúp nâng cấp trạng thái đời sống và nâng cao phẩm chất con người trong một thế giới hoàn thiện hơn, tinh hoa hơn.

## GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943

PGS.TS. VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU\*

### 1. Hoàn cảnh ra đời và nội dung “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943

Đề cương văn hóa Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo, được Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương thông qua năm 1943. Bản Đề cương được ra đời trong một bối cảnh lịch sử hết sức đặc biệt.

Trên thế giới, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), những cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra làm gia tăng các mâu thuẫn trong lòng các nước tư bản. Chủ nghĩa phát xít hình thành và phát triển. Năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra ở châu Âu và lan rộng ra nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới. Lợi dụng sự thất thế của nhiều đế quốc có thuộc địa ở châu Á như Anh, Pháp, Hà Lan, phát xít Nhật nhanh chóng cướp lấy các thuộc địa, xâm chiếm nhiều nước trong khu vực châu Á, trong đó có Việt Nam. Thực dân Pháp đầu hàng và ký với phát xít Nhật hiệp ước, mà theo đó nước Việt Nam trở thành thuộc địa của cả Pháp và Nhật.

Dưới sự áp bức, bóc lột nặng nề của thực dân Pháp và phát xít Nhật, nền kinh tế đất nước suy sụp, đời sống của nhân dân lao động lầm than, mâu thuẫn giữa các giai tầng trong xã hội gia tăng, mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức, tư sản dân tộc với thực dân Pháp và phát xít Nhật trở nên gay gắt. Thực dân Pháp và phát xít Nhật đều thực thi chính sách hòng nô dịch dân tộc Việt Nam về phương diện văn hóa. Nếu như

---

\* Viện trưởng Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.



thực dân Pháp ra sức ru ngủ dân ta bằng những khẩu hiệu, những phong trào như “Pháp - Việt đê huê”, “Pháp - Việt phục hưng”, vừa phục hồi những quan điểm đạo đức cổ hủ, lạc hậu, vừa reo rắc lối sống văn hóa đồi bại, vừa tấn công vào chủ nghĩa Mác chân chính... thì phát xít Nhật lại ra sức tuyên truyền về chủ nghĩa Đại Đông Á, triển khai chương trình văn hóa Nhật - Việt, tuyên truyền cho tính ưu việt của văn hóa Phù Tang. Bối cảnh quốc tế và trong nước diễn biến phức tạp cộng với sự hạn chế của thế giới quan, nhiều trí thức, văn nghệ sĩ lúc bấy giờ rơi vào tình trạng hoang mang, do dự, thậm chí là bế tắc.

Trong hoàn cảnh ấy, độc lập dân tộc và tự do dân tộc trở thành khát vọng cháy bỏng của mỗi người Việt Nam chân chính. Để tập hợp lực lượng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, Đảng cần phải tìm mọi cách để thức tỉnh quần chúng nhân dân, các giai tầng trong xã hội, hướng họ vào con đường cách mạng do Đảng lãnh đạo. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ra đời trước những yêu cầu cấp thiết đó.

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 gồm 5 phần: Phần I: Cách đặt vấn đề; Phần II: Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; Phần III: Nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phátxít Nhật - Pháp; Phần IV: Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam và Phần V: Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam.

Đề cương được trình bày một cách ngắn gọn, súc tích nhưng vẫn bảo đảm được tính hệ thống, tính toàn diện; đề cập cả những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng tư tưởng và văn hóa Việt Nam, nổi bật là những nội dung sau:

*Một là, Đề cương xác định phạm vi của lĩnh vực văn hóa, “bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật”.* Mặc dù ba lĩnh vực này chưa phải là toàn bộ các yếu tố cấu thành nền văn hóa dân tộc, nhưng đây đều là những lĩnh vực trọng yếu của văn hóa, nơi đang diễn cuộc đấu tranh gay gắt giữa tiến bộ và lạc hậu, giữa nhân văn và suy đồi, giữa giá trị và phản giá trị,... Đây cũng là những lĩnh vực hoạt động của giới trí thức, văn nghệ sĩ - một lực lượng xã hội quan trọng. Đề cương khẳng định vị trí, vai trò của văn hóa trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đề cương nêu rõ thái độ của người cộng sản trên lĩnh vực văn hóa: “a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người

cộng sản phải hoạt động”. b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>1</sup>.

*Hai là, Đề cương đã khái quát ngắn gọn về tính chất của văn hóa Việt Nam theo diễn trình lịch sử.* Đề cương phân tích những nguy cơ mà văn hóa Việt Nam đang phải đối mặt dưới tác động của các chính sách văn hóa phản động của phát xít Pháp - Nhật. Từ tiền đề của quá khứ và hiện tại, Đề cương đã dự báo hai kịch bản có thể xảy ra với văn hóa Việt Nam, nếu văn hóa phát xít thắng thì văn hóa Việt Nam sẽ trở nên nghèo nàn; ngược lại, nếu cách mạng dân chủ thắng lợi thì văn hóa được giải phóng, văn hóa Việt Nam sẽ phát triển, hội nhập với văn hóa dân chủ trên thế giới.

*Ba là, Đề cương khẳng định quan điểm của Đảng về cách mạng văn hóa.*

Để tiền đồ nước Việt Nam độc lập, tự do, dân chủ thành hiện thực, phải tiến hành cách mạng văn hóa; chỉ khi nào cách mạng văn hóa hoàn thành thì mới cải tạo được xã hội; “Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo”<sup>2</sup>. Đề cương khẳng định chủ thể lãnh đạo cách mạng văn hóa đi đến thành công là Đảng Cộng sản. Mọi hoạt động văn hóa tiến bộ phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Mục tiêu của cách mạng văn hóa là xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Điểm nhấn hết sức quan trọng trong Đề cương chính là ba nguyên tắc vận động của nền văn hóa mới, đó là: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”. Trong đó, “dân tộc hóa” là “chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”<sup>3</sup>. “Đại chúng hóa” là “chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng”<sup>4</sup>. “Khoa học hóa” là “chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”<sup>5</sup>. Đề cương khẳng định: “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trốn của bọn tởrốtkit”<sup>6</sup>.

---

1, 2, 3, 4, 5, 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr. 316, 318, 319, 319, 319, 319.

Ba nguyên tắc này là sự trả lời đúng đắn cho những câu hỏi lớn mà thời đại đã đặt ra đối với sự phát triển nền văn hóa dân tộc. Giữa các nguyên tắc này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau, góp phần khắc phục được những nhược điểm, hạn chế của nền văn hóa dân tộc. Ba nguyên tắc này cũng chính là những yêu cầu khách quan của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Việc quán triệt ba nguyên tắc này trong thực tiễn cách mạng văn hóa đã góp phần định hướng, tập hợp, dẫn dắt đội ngũ trí thức tham gia cách mạng, là một trong những nhân tố quan trọng góp phần làm nên thành công của Cách mạng Tháng Tám 1945, tạo cơ sở lý luận cho sự nghiệp xây dựng nền văn hóa kháng chiến - kiến quốc trong những năm tiếp theo<sup>1</sup>.

*Bốn là, Đề cương nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, phương thức tiến hành xây dựng nền văn hóa mới. Để có thể xây dựng một nền văn hóa dân chủ mới, huy động sức mạnh văn hóa nhằm hiện thực hóa khát vọng “độc lập, tự do, hạnh phúc”, các nhà văn hóa mácxít phải không ngừng tranh đấu trên mặt trận tư tưởng, nghệ thuật, tiếng nói, chữ viết: “thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói”, “cải cách chữ quốc ngữ”,... làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng thế<sup>2</sup>, bảo vệ và làm giàu ngôn ngữ dân tộc.*

Về phương thức vận động của nền văn hóa mới, Đề cương chỉ rõ cần kết hợp một cách linh hoạt giữa hình thức hoạt động công khai, bán công khai và bí mật. Một số hoạt động cần phải được triển khai đó là tuyên truyền và xuất bản, tổ chức đấu tranh giành quyền lợi cho các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, chống nạn mù chữ...

Có thể khẳng định *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là văn kiện có tính mở đường, đặt nền móng cho việc xây dựng lý luận văn hóa cách mạng ở Việt Nam. Nhờ có hệ thống lý luận dẫn đường mà cách mạng văn hóa Việt Nam đã thu được những thắng lợi quan trọng, hình thành một nền văn hóa của quảng đại quần chúng nhân dân lao động, văn hóa phát huy được sức mạnh của mình, “soi đường cho quốc dân đi”.

---

1. Xem Phong Lê: “Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 - bài học 70 năm”, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 10-2013, tr.31-36.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.320.

## 2. Giá trị lý luận và thực tiễn của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 trong xây dựng nền văn hóa dân tộc

*Thứ nhất, Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 ra đời trước hết để đáp ứng yêu cầu cấp thiết của hoàn cảnh lịch sử.*

Yêu cầu cấp thiết của lịch sử lúc bấy giờ là làm thế nào để huy động được mọi lực lượng trong xã hội tham gia cứu nước, giải phóng dân tộc, từ công nhân, nông dân, trí thức, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và kể cả tiểu địa chủ....; cần tập hợp họ dưới ngọn cờ cứu nước của Đảng, của Mặt trận Việt Minh để đánh đổ Nhật, Pháp. Trong bối cảnh xã hội đầy những rối ren, nhiễu loạn do các chính sách nô dịch văn hóa của thực dân Pháp, phát xít Nhật gây ra; trong nỗi do dự, hoang mang vì mất phương hướng của giới trí thức, của tầng lớp thanh niên..., *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, với tính chất khoa học và tiến bộ, dân tộc và nhân văn,... đã trở thành vũ khí tư tưởng sắc bén. Đề cương là tiếng nói đanh thép, vạch trần và kiên quyết chống lại chính sách văn hóa phản động của thực dân, phát xít. Với các giai tầng trong xã hội, đặc biệt là đội ngũ trí thức, Đề cương đã trở thành ngọn hải đăng dẫn lối cho nhiều người đang loay hoay tìm đường. Với cách mạng Việt Nam, Đề cương đã góp phần cô lập kẻ thù, tập hợp lực lượng yêu nước và tiến bộ, đoàn kết để cứu nước, cứu nòi. Đồng chí Trường Chinh đã khẳng định: “Đề cương văn hóa thể hiện tinh thần cách mạng triệt để của Đảng Cộng sản Đông Dương và của giai cấp công nhân Việt Nam. Đề cương phục vụ đắc lực cho chính sách mặt trận dân tộc thống nhất, chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập trung lực lượng yêu nước và tiến bộ, cô lập kẻ thù để đánh đổ chúng, nhằm đạt mục đích của cách mạng”<sup>1</sup>.

*Thứ hai, đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa dân tộc, Đề cương vừa có ý nghĩa thời sự, vừa có ý nghĩa thời đại.*

Đề cương đã “bắt mạch” đúng, chỉ ra một cách ngắn gọn nhưng xác đáng những “căn bệnh” của văn hóa dân tộc lúc bấy giờ. Đó là tư tưởng sùng ngoại, đầu óc tự ti dân tộc dẫn đến thái độ miệt thị văn hóa dân tộc; đó là những phong tục tập quán, nếp sống, nếp nghĩ bảo thủ, lạc hậu, trì trệ; đó là đời sống văn hóa nghèo nàn của quần chúng nhân dân lao động... Từ thực tế ấy,

1. *Bốn mươi năm Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.19.

Đề cương đã xác định mục tiêu phát triển của văn hóa Việt Nam là phải tiến hành cách mạng văn hóa để xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Và “dân tộc hóa”, “khoa học hóa”, “đại chúng hóa” là ba nguyên tắc lớn của cách mạng văn hóa. Cách mạng văn hóa phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng. Điều này đã thức tỉnh đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ đương thời. Để thoát khỏi thân phận tù túng của một người dân mất nước, để giải phóng tiềm năng sáng tạo của mỗi nghệ sĩ chân chính không có cách nào khác là phải tự nguyện đứng trong đội ngũ của những người cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Ba nguyên tắc này của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được quán triệt trong thực tiễn xây dựng nền văn hóa mới và còn nguyên giá trị đến ngày nay. “Điều quan trọng của Đề cương văn hóa là đã nêu khá sớm phương hướng chung của cách mạng văn hóa Việt Nam, vị trí của văn hóa trong cách mạng Việt Nam nói chung. Đề cương còn đề ra cho giới trí thức văn nghệ sĩ Việt Nam ngoài nhiệm vụ chung với toàn dân là giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do, còn có sứ mệnh thiêng liêng là giải phóng văn hóa và xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam”<sup>1</sup>.

*Thứ ba, Đề cương là cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa, khởi nguồn cho hệ thống quan điểm lý luận của Đảng về vị trí, vai trò của văn hóa trong phát triển đất nước, về sự tất yếu phải tiến hành cách mạng tư tưởng văn hóa, về mục tiêu, nguyên tắc và nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa dân tộc trong giai đoạn cách mạng mới.*

Về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển đất nước, Đề cương đã khẳng định mối quan hệ mật thiết của văn hóa với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội là kinh tế và chính trị. “Nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia”<sup>2</sup>. Với tư cách là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, văn hóa gắn bó và chịu sự quy định của cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, văn hóa có khả năng thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội. Chính vì vậy, “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động”<sup>3</sup>. Để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, phải chú ý đến mối quan hệ giữa cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa.

1. *Bốn mươi năm Đề cương về văn hóa Việt Nam, Sđd, tr.19.*

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.316, 316.*

Từ rất sớm, Đề cương đã khẳng định được mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với kinh tế và chính trị, giữa cách mạng văn hóa với cách mạng kinh tế, cách mạng chính trị, giữa cách mạng văn hóa với cách mạng dân tộc, phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội.

Một đóng góp quan trọng về phương diện lý luận của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là đã chỉ ra được ba nguyên tắc vận động của nền văn hóa mới: “dân tộc hóa”, “khoa học hóa” và “đại chúng hóa”. Ba nguyên tắc này không chỉ phản ánh những tính chất của một nền văn hóa mới (tính dân tộc, tính khoa học và tính đại chúng) mà còn hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đây là cuộc cách mạng có nhiệm vụ đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc, xóa bỏ chế độ phong kiến, giành quyền làm chủ cho nhân dân lao động. Ba nguyên tắc này đã được kế thừa, phát triển trong hệ thống quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa trong Đại hội II, Đại hội III và những giai đoạn tiếp theo. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã thể hiện sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề phức tạp do quá trình cách mạng đặt ra, nhất là ở mỗi bước ngoặt lịch sử.

Tám thập kỷ đã trôi qua kể từ khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được khởi thảo và thông qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nền văn hóa dân tộc đã có những bước chuyển biến quan trọng. Bản sắc văn hóa dân tộc được gìn giữ và lan tỏa, đời sống văn hóa của nhân dân được nâng cao, các hình thức sinh hoạt văn hóa, các sản phẩm văn hóa ngày càng đa dạng, giao lưu văn hóa quốc tế được mở rộng... Sự phát triển của nền văn hóa dân tộc đã khẳng định tính tư tưởng, tính khoa học và tính thực tiễn cao trong đường lối lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa. Tâm nhìn, tính đúng đắn của quan điểm xây dựng nền văn hóa dân chủ mới, tiến tới là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa thể hiện trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* không chỉ phát huy được sức mạnh văn hóa, con người Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, dựng xây đất nước mà còn khởi nguồn cho việc hình thành, phát triển và hoàn thiện hệ thống quan điểm lý luận của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong suốt quá trình Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

## NHỮNG GIÁ TRỊ NỔI BẬT CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 - CƯƠNG LĨNH ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HÓA, ĐỊNH HƯỚNG VÀ SOI ĐƯỜNG CHO NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PGS.TS. NGUYỄN CHÍ HIẾU\*

**T**rong bối cảnh thực dân, phát xít lợi dụng mọi chiêu bài, thủ đoạn thâm độc để ru ngủ người dân An Nam bằng rượu cồn và thuốc phiện; ra sức thực hiện chính sách ngu dân, “nhồi sọ”, truyền bá tư tưởng phản động, gieo rắc sự hoài nghi, bi quan về tiền đồ của đất nước, tương lai của dân tộc; cổ vũ chủ nghĩa “Đại Đông Á” lừa bịp; mua chuộc và hăm dọa các nhà văn hóa, một số văn sĩ, trí thức đã “bẻ cong ngòi bút” hoặc tự thu mình, tâm lý đầy hoang mang, dao động. Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (2/1943) đã xác định phải kịp thời có đường lối lãnh đạo xây dựng nền tảng văn hóa Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Trong bối cảnh bức thiết ấy, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời là một sự kiện chính trị quan trọng. Sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có ý nghĩa to lớn, là ngọn đuốc soi đường và định hướng về tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động văn hóa cho toàn Đảng, toàn dân trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, tạo nên tảng ban đầu cho việc xây dựng một nền văn hóa mới. Đề cương được coi là bản tuyên ngôn, cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa, có ý nghĩa lịch sử sâu sắc và giá trị to lớn về nhiều mặt đối với việc *định hình, định hướng tư duy lý luận của Đảng về*

---

\* Tạp chí Cộng sản.

văn hóa nói riêng và đối với tiến trình cách mạng Việt Nam trong suốt 80 năm qua nói chung.

### Những giá trị nổi bật của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943

Cần phải đặt bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 trong bối cảnh lịch sử - cụ thể đất nước ta lúc bấy giờ, mới thấy hết tính chất soi đường, định hướng cho sự phát triển nền văn hóa mới. Cho dù chỉ mới là những phác thảo ban đầu, đúng như tên gọi, có tính chất là đề cương, nên không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế nhất định. Tuy nhiên, trải qua 80 năm, kể từ khi bản Đề cương này ra đời, nhìn lại toàn bộ tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam, chúng ta thấy, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn có những giá trị mang tính nền tảng, định hướng, soi đường quan trọng sau đây:

*Thứ nhất*, đứng vững trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác, Đề cương luận giải rõ “mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc”<sup>1</sup>. Nhận định này là rất đúng đắn và mang tính nguyên tắc, định hướng cho toàn bộ sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam về sau.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, mỗi một xã hội đều có cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của nó, đây là hai mặt của đời sống xã hội và được hình thành một cách khách quan, gắn liền với những điều kiện lịch sử xã hội cụ thể. Không như các quan niệm duy tâm giải thích sự vận động của các quan hệ kinh tế bằng những nguyên nhân thuộc về ý thức, tư tưởng hay thuộc về vai trò của nhà nước và pháp quyền, trong Lời tựa tác phẩm *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị*, C. Mác đã khẳng định: “không thể lấy bản thân những quan hệ pháp quyền cũng như những hình thái nhà nước, hay lấy cái gọi là sự phát triển chung của tinh thần của con người, để giải thích những quan hệ và hình thái đó, mà trái lại, phải thấy

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316.



rằng những quan hệ và hình thái đó bắt nguồn từ những điều kiện sinh hoạt vật chất...”<sup>1</sup>.

Trong mỗi quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng thì cơ sở hạ tầng giữ vai trò quyết định đối với kiến trúc thượng tầng. Vai trò quyết định đó được thể hiện:

- Cơ sở hạ tầng quyết định nội dung và tính chất của kiến trúc thượng tầng, nội dung và tính chất của kiến trúc thượng tầng là sự phản ánh đối với cơ sở hạ tầng. Các mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế, xét đến cùng, nó sẽ quyết định các mâu thuẫn trong lĩnh vực chính trị - tư tưởng. Tất cả các yếu tố của kiến trúc thượng tầng như nhà nước, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật, v.v. đều trực tiếp hay gián tiếp phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng và do cơ sở hạ tầng quy định.

- Cơ sở hạ tầng thay đổi thì sớm hay muộn kiến trúc thượng tầng cũng phải thay đổi theo. C. Mác viết: “Cơ sở kinh tế thay đổi thì toàn bộ cái kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng”<sup>2</sup>.

- Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng không chỉ biểu hiện trong giai đoạn chuyển đổi từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác, mà còn diễn ra ngay trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Khi có sự biến đổi căn bản trong cơ sở hạ tầng thì cũng sẽ dẫn đến sự biến đổi căn bản trong kiến trúc thượng tầng.

Tuy cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, kiến trúc thượng tầng phù hợp với cơ sở hạ tầng, nhưng đó không phải là sự phù hợp một cách giản đơn, thụ động, rập khuôn, máy móc. Toàn bộ kiến trúc thượng tầng, cũng như các yếu tố cấu thành nó đều có tính độc lập tương đối trong quá trình vận động phát triển và tác động một cách mạnh mẽ trở lại đối với cơ sở hạ tầng. Chính nhờ thấm nhuần những quan điểm lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác nói chung và chủ nghĩa duy vật lịch sử nói riêng mà *Đề cương* mới xác định được đúng mục tiêu, phương hướng phát triển cho nền văn hóa Việt Nam từ đó trở về sau.

*Thứ hai*, Đề cương xác định rõ, văn hóa là một mặt trận và Đảng phải là người lãnh đạo phong trào văn hóa thì mới hoàn thành được sự nghiệp xây

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr.14.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.13, tr.15.

dựng nên văn hóa mới. Quan điểm, tinh thần này của Đề cương đã được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh thấm nhuần, mang tính định hướng sâu sắc. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn yêu cầu cần quán triệt văn hóa là một mặt trận và phát huy tính chiến đấu của những chiến sĩ văn hóa, những người làm công tác văn hóa, nghệ thuật trong bảo vệ, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Trong Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa đăng trên báo *Cứu quốc*, số ra ngày 5/1/1952, Người viết: “Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”<sup>1</sup>. Theo Bác, đã là chiến sĩ thì phải biết “xung phong”, dám “xung phong” - đó là sứ mệnh, là trách nhiệm không thể thoái thác của những người làm văn hóa, nghệ thuật. Đồng thời, thấm nhuần tinh thần biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người lưu ý: “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”<sup>2</sup>. Đó chính là ý nghĩa và bản chất của mặt trận văn hóa và chiến sĩ văn hóa. Nghĩa là: “Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có *nhiệm vụ* nhất định, tức là phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh”<sup>3</sup>. Và để làm tròn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật còn phải có “lập trường vững, tư tưởng đúng”; nói tóm lại là, phải luôn đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

*Thứ ba*, Đề cương đã sớm nhận rõ vị trí, vai trò đặc biệt của văn hóa đối với sự phát triển xã hội, thể hiện rõ qua nhận định: “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”<sup>4</sup>. Sau này, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”; nhấn mạnh vai trò định hướng, dẫn dắt của văn hóa đối với sự phát triển của cách mạng và của cả dân tộc, đây là quan điểm chỉ đạo, thể hiện tầm cao trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người nhiều lần yêu cầu, phải làm cho văn hóa bồi đắp những tình cảm tốt đẹp như lòng yêu nước, tình yêu thương con người, yêu chân, thiện, mỹ; yêu tính trung thực, chân thành, thủy chung, ghét những thói hư tật xấu, những sa đọa biến chất, căm thù mọi thứ “giặc nội xâm”...

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.246.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr.318.

Bản thân “Cách đặt vấn đề” của Đề cương đã cho thấy tầm quan trọng của tư tưởng, học thuật và nghệ thuật đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc; với vận mệnh nước nhà và công cuộc vun đắp nền văn hóa mới phong phú, giàu bản sắc. Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc cần phải gắn liền, đi đôi với việc đồng thời triệt để tẩy trừ mọi di hại thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc, tôn trọng phong tục tập quán, văn hóa các dân tộc ít người. Trước khi thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam vốn là một quốc gia phong kiến độc lập, kinh tế chậm phát triển, văn hóa lạc hậu. Khi thực dân Pháp xâm lược với thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, thâm độc nhân danh “khai hóa văn minh” chúng đã thực hiện những chính sách cực kỳ phi văn hóa, như chính sách ngu dân, chia để trị, đầu độc nhân dân ta, nhất là thanh niên bằng rượu cồn và thuốc phiện... làm cho đời sống vật chất của nhân dân ta vốn đã đói nghèo càng đói nghèo, đời sống tinh thần vốn lạc hậu ngày càng tăm tối, dốt nát.

*Thứ tư*, theo Đề cương, để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta thì phải nắm vững ba nguyên tắc vận động, đó là: “Dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”. Ba nguyên tắc này đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới của Đảng và Nhà nước ta. Ở đây, ý nghĩa to lớn của Đề cương chính là xác định rõ ba phương châm, mà về thực chất là ba tính chất là gắn với truyền thống dân tộc, thuộc về nhân dân và thấm nhuần tinh thần khoa học như ba trụ cột cơ bản, bảo đảm cho văn hóa Việt Nam phát triển mạnh mẽ và bền vững, đúng hướng.

Sau này, trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ II của Đảng (2/1951), khi xác định đường lối phát triển cho nền văn hóa mới Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nêu rõ và nhấn mạnh những nguyên tắc ấy: “Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”<sup>1</sup>.

Người nhấn mạnh vấn đề có tính nguyên tắc, khẳng định bản sắc dân tộc của các giá trị văn hóa được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7. tr.40.

và giữ nước của nhân dân ta và những giá trị này cần được vận dụng, phát huy mạnh mẽ trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc nói chung và trong xây dựng phát triển nền văn hóa mới nói riêng. Yếu tố dân tộc làm nên bản sắc của nền văn hóa; vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, gốc của văn hóa mới là dân tộc.

Khẳng định tư tưởng của Đề cương, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao các giá trị văn hóa truyền thống. Theo Người, một nền văn hóa cách mạng có sức sống không được xa rời, mà phải gắn bó mật thiết với vận mệnh lịch sử của dân tộc, tình cảm dân tộc, các phong tục tập quán của dân tộc... - đó là những nhân tố cơ bản chi phối mạnh mẽ tính dân tộc của văn hóa. Trong Diễn văn khai mạc Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 1946 mang ý nghĩa lịch sử, Người đã nhấn mạnh và căn dặn, cần phải trau dồi cho văn hóa Việt Nam thật có tinh thần thuần túy Việt Nam, phải lột cho hết tinh thần dân tộc.

*Thứ năm*, Đề cương chỉ rõ, để đặt nền móng và định hướng xây dựng một nền văn hóa cách mạng mới, cần kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn giữa hai nhiệm vụ “xây” và “chống”. Bản thân ba nguyên tắc lớn trong cuộc vận động xây dựng nền văn hóa Việt Nam cũng đã thể hiện rõ, ngay từ đầu, tinh thần đó: “dân tộc hóa” (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập), “đại chúng hóa” (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng) và “khoa học hóa” (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Đề cương nhấn mạnh nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít là phải chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái bộ, nô dịch, ngu dân, phỉnh dân; phát huy văn hóa tân dân chủ, kiên quyết đấu tranh về học thuyết, tư tưởng, đấu tranh về tông phái văn nghệ, tiến hành cải cách chữ quốc ngữ..., xây dựng “Văn hóa mới Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung”<sup>1</sup>.

*Thứ sáu*, Đề cương đã soi sáng, dẫn đường, “thức tỉnh” và tập hợp những văn nghệ sĩ, người hoạt động văn hóa và nhân dân đi theo con đường cách mạng của Đảng, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thành công. Nhiều văn nghệ sĩ nổi tiếng đã tự giác đi đến với

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.320.

cách mạng và trở thành lực lượng chủ chốt để tham gia xây dựng nền văn hóa mới, và chính *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 trở thành tài liệu đầu tiên, quan trọng và duy nhất, có tác dụng tập hợp lực lượng những con người có trí tuệ sẵn sàng dấn thân theo tiếng gọi của lương tri, cùng sinh hoạt trong mặt trận Văn hóa cứu quốc. Chính việc xác định rõ lập trường tư tưởng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho quá trình vận động, phát triển của đất nước cũng như mục tiêu hướng đến là độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội, sẽ góp phần chống lại văn hóa phát xít phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉn dân. Phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 hầu hết các trí thức, văn nghệ sĩ đã giác ngộ con đường phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân và coi đó là mục tiêu phấn đấu cao cả của sự nghiệp và cho cả cuộc đời mình. Đúng như đánh giá của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài phát biểu chỉ đạo Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021: “Những quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong Văn kiện quan trọng này đã tạo ra một luồng sinh khí mới để tập hợp đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, tập hợp nhân dân phát huy vai trò của văn hóa, thống nhất về nhận thức, tư tưởng và tổ chức, khơi dậy khát vọng của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, chuẩn bị tinh thần và lực lượng cho Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, năm 1945”<sup>1</sup>.

### **Tiếp tục kế thừa, bổ sung và phát triển những giá trị mang tính định hướng, soi đường của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong bối cảnh mới**

Trong thời kỳ đổi mới, những giá trị mang tính định hướng sâu sắc của *Đề cương về văn hóa* năm 1943 đã được Đảng ta kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo; nhờ đó, lý luận về văn hóa Việt Nam đã có những bước phát triển mới về chất, góp phần đưa đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Cương lĩnh năm 2011 nhấn mạnh: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng,

---

1. Nguyễn Phú Trọng: “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 979 (12/2021), tr.4.

thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”<sup>1</sup>. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI tiếp tục khẳng định mục tiêu “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>2</sup>.

Kế thừa quan điểm đó, Đại hội lần thứ XII của Đảng cũng xác định: “Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần”<sup>3</sup>.

Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, vấn đề xây dựng, phát triển văn hóa, con người được xác định là một trong các định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”<sup>4</sup>. Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam được xác định vừa là nhiệm vụ trọng tâm, vừa là khâu đột phá có ý nghĩa chiến lược để đẩy mạnh quá trình phát triển nhanh và bền vững đất nước trong thời gian tới.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.75-76.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.46-47.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.17.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

Văn hóa được xây dựng và bồi đắp nên trong suốt chiều dài lịch sử, nó làm nên nền tảng tinh thần của một xã hội, giữ vai trò quan trọng vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Thực tiễn cho thấy, văn hóa là một nguồn lực tinh thần nội sinh có sức mạnh to lớn. Lịch sử đã minh chứng rõ ràng, trong những chiến thắng vẻ vang của dân tộc Việt Nam giữa thế kỷ XX có phần không nhỏ là chiến thắng của sức mạnh văn hóa tiềm tàng được hun đúc qua bề dày truyền thống của một dân tộc yêu tự do, đấu tranh kiên cường vì chính nghĩa trước những âm mưu của các thế lực xâm lược phi nghĩa. Văn hóa còn đóng vai trò quan trọng trong việc soi đường cho sự phát triển, tiến bộ của xã hội, của mỗi quốc gia, dân tộc trong hành trình xây dựng và phát triển trong thế kỷ XXI.

Trong bối cảnh hiện nay, sức mạnh kinh tế không còn là yếu tố mạnh nhất chi phối quyền lực quốc gia, mà “quyền lực mềm” quốc gia gắn với sức mạnh văn hóa ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của mỗi đất nước. Thực tế cũng đã cho thấy, chỉ khi quốc gia - dân tộc phát triển dựa trên nền tảng bản sắc văn hóa truyền thống có tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại thì mới bảo đảm các yếu tố cho phát triển bền vững. Nếu đánh mất bản sắc văn hóa hoặc chỉ dựa trên những trào lưu văn hóa du nhập, vay mượn hoặc sùng bái văn hóa ngoại lai thì một dân tộc thậm chí có thể sẽ biến mất, chứ chưa nói tới sự phát triển bền vững. Thành phần cơ bản tạo nên hệ thống phát triển bền vững là phát triển bền vững về mặt kinh tế, chính trị, xã hội và phát triển bền vững về mặt môi trường. Song, muốn phát triển thực sự bền vững thì không thể bỏ qua yếu tố văn hóa; chính vì vậy, từ nhiều năm trước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: Văn hóa là nền tảng tinh thần, là mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hiện nay, văn hóa ngày càng được xem là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, có mối gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội; hơn nữa, văn hóa còn được xác định là sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Những năm gần đây, trong bối cảnh thế giới hội nhập nhanh, sự giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các quốc gia - dân tộc diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Việt Nam cũng như các quốc gia khác, sẽ không có nước nào lại từ bỏ các giá trị văn hóa đã được dân tộc mình tích lũy, lưu giữ

lại trong quá khứ của dân tộc. Các giá trị, di sản văn hóa truyền thống trong quá khứ vẫn là hành trang, điểm tựa quan trọng cả trong hiện tại và trong hành trình đi đến tương lai. Tuy nhiên, thực tế cũng chứng tỏ một điều rằng, không một quốc gia nào chỉ cần và có thể dựa vào quá khứ hay giá trị truyền thống để tồn tại và phát triển. Các giá trị văn hóa truyền thống cần được gìn giữ, chưng cất, gạn lọc và phải phát huy, thăng hoa trong tương lai với tư cách là điểm tựa tinh thần cho văn hóa và con người Việt Nam đương đại. Theo nghĩa ấy, văn hóa phải trở thành sức mạnh nội sinh và động lực quan trọng cho tinh thần sáng tạo, đổi mới, tạo nguồn lực bảo đảm cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

\*

\* \*

Trong hơn 35 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung và về văn hóa nói riêng đã có bước tiến mới, luôn có sự kế thừa và phát triển những giá trị có vai trò định hướng và định hình nội dung, tính chất, hướng đi của một nền văn hóa mới. 80 năm qua, lịch sử cách mạng Việt Nam đã trải qua thời các kỳ phát triển khác nhau, có cả lúc thăng trầm, nhưng những tư tưởng của bản Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 vẫn là ngọn đuốc soi đường, còn vẹn nguyên giá trị thời sự, mang tính định hướng to lớn, sâu sắc đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong giai đoạn phát triển mới.



## MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VỚI KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ NHÌN TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943

ThS. LƯƠNG QUỲNH HOA\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 ra đời trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, có vai trò quan trọng đối với sự thành công của cách mạng, kháng chiến, đặt nền móng cho sự khai phóng của nền văn hóa, văn nghệ mới mang đậm dấu ấn dân tộc, đại chúng và khoa học.

Với khoảng 1.500 chữ, nhưng Đề cương đã đề cập đến nhiều vấn đề quan trọng như phạm vi, tính chất, nguyên tắc vận động của nền văn hóa, sứ mệnh của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức, đặc biệt là đã nhấn mạnh và giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với kinh tế và chính trị.

### 1. Mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế

Mở đầu Đề cương là phần “Đặt vấn đề”, đề cập đến nhiều vấn đề quan trọng mang tính lý luận, nhằm giải pháp những khúc mắc trong nhận thức, tư tưởng của con người về văn hóa nhằm tạo sự thống nhất, đồng thuận. Theo Đề cương, “mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động”<sup>1</sup>. Như vậy, cùng với kinh tế, chính trị, văn hóa là một lĩnh vực đặc biệt quan trọng, là một “mặt trận”, một thành tố không thể tách rời, tham gia tích cực vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc, xây dựng đời sống mới.

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2022, tr.12.

Nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa văn hóa, nghệ thuật với kinh tế, chính trị, trong *Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa* năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”<sup>1</sup>. Văn hóa không thể đứng ngoài, không thể tách mình ra khỏi đời sống xã hội, mà phải ở trong kinh tế và chính trị. *Văn hóa phải ở trong kinh tế và chính trị* là một tư tưởng, quan điểm sâu sắc, tiến bộ, thể hiện tư duy sắc bén của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm nhấn mạnh đến vai trò đặc biệt của văn hóa, nghệ thuật. Văn hóa phải thấm thấu, hòa quyện, hiện diện trong kinh tế và chính trị, là điểm tựa, sức mạnh tinh thần, là động lực, mục tiêu của các hoạt động đó.

Đề cập mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, Đề cương khẳng định: “Nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc)”<sup>2</sup>. Đây là quan điểm có sự vận dụng sáng tạo phép duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác, xem xét văn hóa và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội dựa theo hình thái kinh tế - xã hội.

Sáng tạo văn hóa gồm những sáng tạo vật chất và tinh thần nhưng sáng tạo về tinh thần giữ vai trò chủ đạo. Bàn về nội hàm khái niệm văn hóa, trong mục đọc sách của tập *Nhật ký trong tù*, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”<sup>3</sup>. Đồng thời, Người lưu ý năm điểm lớn khi xây dựng nền văn hóa dân tộc, đó là: 1- Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường. 2- Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng. 3- Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội. 4- Xây dựng chính trị: dân quyền. 5- Xây dựng kinh tế.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.246.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, *Sdd*, tr.11.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sdd*, t.3, tr.458.

Tuy nhiên, khi bàn về mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, Người cho rằng văn hóa thuộc về thượng tầng kiến trúc, chịu sự chi phối, tác động của hạ tầng cơ sở là điều kiện kinh tế, xã hội của thể chế, chế độ chi phối. Lý giải về mối quan hệ này, Người cho rằng: “Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng; những cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và đủ điều kiện phát triển được”<sup>1</sup>. Phát biểu tại Hội nghị đại biểu những người tích cực trong phong trào văn hóa quần chúng, Người nhấn mạnh: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa... Tục ngữ ta có câu: Có thực mới vực được đạo; vì thế, kinh tế phải đi trước. Nhưng phát triển để làm gì? Phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta”<sup>2</sup>.

Trước lúc “đi xa”, trong bản *Di chúc* để lại cho toàn Đảng, toàn dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”<sup>3</sup>.

Như vậy, tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa được xem là những nhiệm vụ trọng tâm, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển đất nước, góp phần trực tiếp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Mặc dù chịu sự chi phối, tác động sâu sắc của nền tảng kinh tế, cơ sở hạ tầng, nhưng văn hóa là một lĩnh vực đặc biệt, có quy luật vận động, có đời sống riêng, tác động trở lại đối với kinh tế, cơ sở hạ tầng. Văn hóa bao gồm những hoạt động sáng tạo, kết tinh ở hệ thống các giá trị, kiến tạo bản sắc của nền văn hóa. Nếu các sáng tạo đó mang tính vượt trước, mở đường với các giá trị tiến bộ, tích cực, nhân văn sẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Nhấn mạnh đến vai trò của văn hóa, con người trong quá trình kiến thiết, xây dựng nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, khi “trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ... cũng là một việc cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”<sup>4</sup>. Trả lời câu hỏi của phóng viên báo *Nhân đạo* (L'Humanité)

1, 2. Hồ Chí Minh: *Về công tác văn hóa, văn nghệ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.70, 75.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.458-459.

về nhân tố nào sẽ biến nước Việt Nam lạc hậu thành một nước tiên tiến, Người khẳng định: “Có lẽ cần phải để lên hàng đầu những cố gắng của chúng tôi nhằm phát triển văn hóa. Chủ nghĩa thực dân đã kìm hãm nhân dân chúng tôi trong vòng ngu muội để chúng dễ áp bức. Nên văn hóa nảy nở hiện thời là điều kiện cho nhân dân chúng tôi tiến bộ”<sup>1</sup>. Phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946, Người khẳng định: Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi.

Ở chiều ngược lại, nếu văn hóa chứa đựng trong mình những tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, văn hóa bị thực dân, đế quốc thống trị, chi phối bằng những âm mưu, thủ đoạn thâm độc thì nó sẽ kìm hãm, làm chậm nhịp phát triển của nền kinh tế, cản trở đời sống xã hội, trói buộc con người. Vì thế Đề cương đề ra nhiệm vụ cần kíp trong tình thế lúc bấy giờ, đó là phải chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉnh dân. Phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương... làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng.

Nhấn mạnh và giải quyết thấu đáo mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với kinh tế, hạ tầng cơ sở, xã hội, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* khẳng định tính tất yếu của mối quan hệ qua lại, bổ sung, tác động lẫn nhau giữa kinh tế với văn hóa, đồng thời khẳng định quan điểm duy vật biện chứng, phản bác lại các quan điểm, tư tưởng muốn tách văn hóa ra khỏi đời sống xã hội. Văn hóa có mối liên hệ mật thiết với hiện thực cuộc sống, nó được nảy sinh từ thực tiễn, do đó văn hóa phải gắn chặt với đời sống xã hội.

Quan điểm văn hóa, văn nghệ phải gắn liền với hiện thực cuộc sống còn góp phần soi sáng, mở đường, dẫn thông tư tưởng cho một số văn nghệ sĩ, trí thức đang ở ngã ba đường của sự lựa chọn. Trong bóng đêm nô lệ, mang thân phận của người dân mất nước, dưới nhiều tầng áp bức, bóc lột, cai trị của thực dân, phát xít và phong kiến tay sai, một số văn nghệ sĩ bi quan, chán nản thực tại, chạy trốn trong tháp ngà nghệ thuật với những sáng tạo bao trùm là nỗi buồn, sự cô đơn, chán chường, bi quan, bế tắc.

Dưới ánh sáng của Đề cương, nhiều văn nghệ sĩ đã thức tỉnh, tìm được con đường, hướng đi đến với cách mạng, kháng chiến; gắn bó mật thiết với Đảng, với nhân dân. Khi tìm được lý tưởng cách mạng, được đứng dưới ngọn

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.190-191.

cờ vẻ vang của Đảng, nhiều văn nghệ sĩ không giấu nổi niềm vui sướng, tự hào khi từ “thung lũng đau thương” ra “cánh đồng vui”, từ “chân trời của một người” đến “chân trời của tất cả” (Chế Lan Viên). Khi được giác ngộ lý tưởng của Đảng, khi “mặt trời chân lý chói qua tim”, họ tự nguyện dấn thân, hòa mình với nhân dân, đất nước:

“Tôi đã là con của vạn nhà  
Là em của vạn kiếp phôi pha  
Là anh của vạn đầu em nhỏ  
Không áo cơm, cù bất cù bơ...”

(Tố Hữu)

“Tôi cùng xương thịt với nhân dân tôi  
Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu  
Tôi sống với muôn người chiến đấu  
Của triệu người yêu dấu gian lao”

(Xuân Diệu)

Khẳng định mối quan hệ, tác động qua lại này, Đề cương còn nhấn mạnh đến vai trò của văn hóa trong việc tạo động lực tinh thần, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, mang lại cho cuộc sống những điều tốt đẹp, nhất là trong bối cảnh ngọt ngào của đất nước trong đêm trước của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Văn hóa cần phải phát huy vai trò “soi đường”, dẫn dắt dân tộc, nhân dân trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ nền độc lập, tự do.

## 2. Mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị

Văn hóa có liên hệ với chính trị mật thiết, là bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng của Đảng. Nếu lĩnh vực kinh tế bảo đảm quá trình sản xuất, lưu thông, gia tăng sức mạnh, tiềm lực kinh tế quốc gia, nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân, văn hóa đảm đương kiến tạo nền tảng tinh thần của xã hội, thì chính trị có sứ mệnh định hướng sự phát triển, dẫn dắt, tập hợp quần chúng thông qua chủ trương, đường lối, quyết sách nhằm thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Văn hóa là một lĩnh vực của đời sống xã hội, chịu sự chi phối, tác động của thể chế, đường lối chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo toàn diện.

Sự lãnh đạo của Đảng nhằm chỉ ra xu hướng vận động, mục tiêu hướng đến cũng như bảo đảm những điều kiện thuận lợi nhất cho văn hóa phát triển.

Bàn về mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị, cụ thể là mối quan hệ giữa Đảng với văn hóa, Đề cương khẳng định: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động... Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>1</sup>.

Như vậy, công tác văn hóa, văn nghệ là một nhiệm vụ quan trọng của Đảng, là một lĩnh vực trọng yếu mà người cộng sản phải làm tốt công tác lãnh đạo, định hướng để thông qua đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức, qua những tác phẩm văn hóa, văn nghệ sinh động, hấp dẫn sẽ góp phần lan tỏa chủ trương, đường lối của Đảng đến quần chúng, củng cố niềm tin và khơi dậy tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

Sức mạnh và vai trò của văn hóa là rất to lớn, tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm, đạo đức, hình thành nên nhân cách những con người mới. Đảng lãnh đạo văn hóa nhằm tạo ra đời sống văn hóa tinh thần phong phú, lành mạnh cho nhân dân. Đồng thời, trong bối cảnh cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, văn hóa đóng vai trò là một “mặt trận”, mà ngòi bút, trang giấy của người nghệ sĩ là những vũ khí sắc bén để lên án, tố cáo tội ác chiến tranh, âm mưu xâm lược của thực dân, đế quốc, cũng như cổ vũ tinh thần, sức mạnh đại đoàn kết trong nhân dân. Đảng lãnh đạo văn hóa nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò, sứ mệnh của văn hóa đối với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đồng thời, thông qua lãnh đạo công tác văn hóa, văn nghệ nhằm phát huy sức ảnh hưởng của Đảng trong nhân dân, củng cố niềm tin và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bàn về mối quan hệ giữa cách mạng văn hóa với cách mạng chính trị, Đề cương nhấn mạnh: “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công”<sup>2</sup>. Đối với nền văn hóa mới Việt Nam - một nền văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung sẽ

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, *Sđd*, tr.12-13, 21.

phát triển dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, do Đảng lãnh đạo. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo mang tính tất yếu khách quan nhằm định hướng cho sự vận động, phát triển của nền văn hóa mới theo các nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học.

Trong bối cảnh xuất hiện nhiều học thuyết, chủ nghĩa với không ít quan điểm, tư tưởng mơ hồ, sai lầm do chính sách ngu dân của thực dân Pháp, thuyết Đại Đông Á mà phát xít Nhật gieo rắc thì sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin đã lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc đấu tranh, bảo vệ nền độc lập, tự do.

Sự lãnh đạo của Đảng tạo sự thống nhất trong nhận thức, hành động, chỉ ra con đường, tương lai đi tới của nền văn hóa mới - nền văn hóa thấm đẫm tinh thần dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học. Đóng góp tích cực vào công cuộc kháng chiến kiến quốc, hình thành nhân cách những con người mới - con người xã hội chủ nghĩa để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Ở chiều cạnh tác động ngược lại giữa văn hóa với chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Văn hóa có liên lạc với chính trị rất mật thiết. Phải làm thế nào cho văn hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, được lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do. Đồng thời, văn hóa phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích mình”<sup>1</sup>. Khi văn hóa hòa quyện trong hoạt động chính trị sẽ góp phần tạo ra môi trường làm việc nhân văn với những giá trị tiến bộ. Nó lan tỏa, tôn vinh cái đẹp, cái thiện, cái có ích; đồng thời ngăn chặn, đẩy lùi cái xấu, cái ác, giúp cá nhân và tổ chức không ngừng hoàn thiện mình để đáp ứng tốt những yêu cầu, đòi hỏi mà thực tiễn đặt ra.

### **3. Quá trình bổ sung, phát triển quan điểm về mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị trong văn kiện của Đảng thời kỳ đổi mới**

Kể từ khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, đến nay tròn 80 năm. Tám thập kỷ qua, đất nước trải qua bao biến cố, với những cuộc đấu tranh

---

1. Báo *Cứu quốc*, ngày 25/11/1946.

anh dũng để bảo vệ và gìn giữ nền độc lập, tự do, thống nhất đất nước, mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trên cơ sở kế thừa, bổ sung những quan điểm, định hướng chỉ đạo từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, trong đó quan điểm về mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với kinh tế và chính trị vẫn vẹn nguyên giá trị và tính thời sự. Tuy nhiên, để thích ứng với bối cảnh, tình hình mới, nhất là quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và những yêu cầu đặt ra từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng đã có những bổ sung và làm sâu sắc thêm mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế và chính trị.

### ***Về mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế***

Bàn về mối quan hệ, tác động qua lại giữa văn hóa với kinh tế, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) *về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* đã đề ra một trong những nhiệm vụ cấp bách để thúc đẩy văn hóa phát triển, đó là cần phải thực hiện *chính sách kinh tế trong văn hóa và chính sách văn hóa trong kinh tế*. Cụ thể:

*Chính sách kinh tế trong văn hóa* nhằm gắn văn hóa với các hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng kinh tế, tài chính hỗ trợ cho phát triển văn hóa; đồng thời, bảo đảm yêu cầu chính trị, tư tưởng của hoạt động văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Trong đó, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như:

- Thực hiện cơ chế mở rộng hoạt động kinh doanh dịch vụ (hoạt động thể thao, dịch vụ văn hóa...), tạo nguồn thu hỗ trợ cho hoạt động sự nghiệp của các đơn vị văn hóa, nghệ thuật.

- Cải tiến chế độ tài trợ, đặt hàng đối với điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, báo chí, xuất bản; thuế đối với báo chí; trợ giá cho một số báo chí, văn hóa phẩm đưa ra nước ngoài nhằm mục đích tuyên truyền đối ngoại và sách báo đưa lên miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

- Quy định cụ thể chế độ cho các doanh nghiệp đặc thù của ngành văn hóa thông tin (hãng phim, rạp chiếu bóng, hiệu sách, khu vui chơi giải trí, nhà xuất bản, trung tâm triển lãm, tu bổ di tích...) được hưởng mức thuế ưu đãi trong hoạt động kinh doanh (thuế đất, thuế vốn khấu hao cơ bản).



- Cho phép các thành phần kinh tế, kể cả tư nhân trong nước và nước ngoài, thực hiện một số hình thức liên doanh, liên kết với một số cơ sở hoạt động văn hóa theo quy định của pháp luật, nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng, đổi mới công nghệ và tham gia tổ chức một số hoạt động văn hóa có nội dung lành mạnh, bổ ích.

*Chính sách văn hóa trong kinh tế* bảo đảm cho văn hóa thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế, đồng thời thúc đẩy các hoạt động kinh tế tạo điều kiện hơn cho sự nghiệp phát triển văn hóa.

Việc xây dựng các mục tiêu, giải pháp kinh tế phải gắn với các mục tiêu, giải pháp văn hóa, chăm lo con người, nêu cao đạo đức trong sản xuất kinh doanh. Xây dựng văn minh thương nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa kinh doanh. Chú ý tính thẩm mỹ, bản sắc dân tộc và tính hiện đại của kiến trúc trong xây dựng các khu dân cư, khu công nghiệp... Trong quy hoạch xây dựng các công trình lớn phải tính đến một số thiết chế văn hóa cần thiết nhất như: Thư viện, nhà thông tin, khu giải trí, bảo đảm cảnh quan môi trường cho các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh. Thực hiện chính sách miễn, giảm phần chịu thuế cho các khoản đầu tư, đóng góp của các doanh nghiệp vào sự nghiệp văn hóa<sup>1</sup>.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Đảng ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước tiếp tục đề ra một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng, phát triển văn hóa thời kỳ mới là phải: “Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, t.57, tr.317-318.

nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế”<sup>1</sup>.

Việc thực hiện chính sách kinh tế trong văn hóa còn nhằm mục tiêu khơi dậy và phát huy nguồn lực nội sinh, sức mạnh mềm của văn hóa đối với quá trình phát triển bền vững đất nước. Để thích ứng với xu thế phát triển văn hóa của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới, Đảng ta chủ trương đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa. Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Đồng thời, thực hiện tốt chính sách văn hóa trong kinh tế nhằm khắc phục những mặt trái của kinh tế thị trường, bảo đảm sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp với những giá trị nhân văn, nhân bản luôn được kiến tạo, chia sẻ và lan tỏa đến cộng đồng.

### ***Về mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị***

Đây là mối quan hệ lớn, mang tính tất yếu, nhưng việc nhận thức đầy đủ, sâu sắc về mối quan hệ này vẫn còn nhiều hạn chế trong một bộ phận văn nghệ sĩ, trí thức và người dân. Nhấn mạnh và làm sâu sắc hơn mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với chính trị, nghị quyết của Đảng về văn hóa đề ra nhiệm vụ phải xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các cơ quan đảng, đoàn thể; khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đưa văn hóa thấm thấu vào trong các hoạt động chính trị, trong tinh thần, trách nhiệm, thái độ, cung cách ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành công vụ, nghị quyết của Đảng đề ra nhiệm vụ: “Phải xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước... Phải đặt mạnh việc giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Văn hóa đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.53-54.

trong cán bộ, viên chức nhà nước, trong từng đảng viên, hội viên, ở các bậc cha mẹ, các thầy, cô giáo”<sup>1</sup>.

Nghị quyết Hội Trung ương 9 khóa XI (2014) tiếp tục nhấn mạnh: “Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên”<sup>2</sup>.

Xây dựng văn hóa trong chính trị nhằm khẳng định hình ảnh, vị thế của Đảng; củng cố niềm tin yêu và mối quan hệ gắn bó khăng khít giữa Đảng, chế độ với nhân dân.

Xây dựng văn hóa trong chính trị nhằm gia tăng vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác văn hóa, văn nghệ. Phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng, để chấn hưng và phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam, cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước nhằm bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong xây dựng, phát triển văn hóa từ trung ương đến cơ sở... Phải quán triệt nghiêm túc quan điểm “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”<sup>3</sup>.

Xây dựng văn hóa chính trị, một mặt khẳng định vai trò, sứ mệnh tiên phong của Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “động lực phát triển”, và “soi đường cho quốc dân đi”. Đồng thời, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận sự lãnh đạo của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.57, tr.322-323.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Sđd*, tr.53.

3. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.172.

Đảng trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ; đòi tách văn hóa, văn nghệ ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng.

Có thể khẳng định rằng, mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị là mối quan hệ tất yếu mang tính khách quan, giữa các lĩnh vực luôn có sự thâm thấu, hòa quyện, bổ sung và tác động qua lại lẫn nhau. Tuy nhiên, mỗi một lĩnh vực lại có đặc trưng, tính chất, quy luật vận động riêng. Nhận diện đúng bản chất của những mối quan hệ này góp phần khẳng định vai trò, vị trí to lớn của văn hóa đối với tiến trình vận động, phát triển của lịch sử, với sự phát triển kinh tế - xã hội và sự ổn định, trong sạch, vững mạnh của thể chế chính trị. Ngược lại, kinh tế và chính trị cũng là những yếu tố nền tảng, định hướng, tạo xung lực mới để văn hóa ngày càng phát triển, bảo đảm cho quá trình phát triển nhanh và bền vững đất nước trong bối cảnh hiện nay.

**“ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943:  
Ý NGHĨA VÀ THỰC TIỄN LÝ LUẬN  
VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRONG MỐI QUAN HỆ  
VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

ThS. BÙI THỊ HOA\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 là một văn kiện mang tính lịch sử quan trọng thể hiện ý chí quyết tâm thực hiện cuộc cách mạng văn hóa của Đảng, hướng tới xây dựng một nền văn hóa tiến bộ, tiệm cận được giá trị dân chủ. Sự ra đời của Đề cương khẳng định tầm nhìn chiến lược của Đảng đối với sự phát triển của đất nước ngay từ khi đất nước còn chưa thống nhất. Ở góc nhìn giá trị và thực tiễn, bản Đề cương năm 1943 không chỉ là một đường hướng, một cuộc vận động làm cách mạng văn hóa ở thời điểm lịch sử ra đời đó, mà đi vào từng nội dung Đề cương còn là những vấn đề, những khái niệm, luận cứ mang tính thời sự mở, đều có thể vận dụng mở rộng gắn với từng giai đoạn mới của đất nước bằng những cơ sở lý luận mới phù hợp với thực tiễn. Chẳng hạn như đề cương xác định: mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động (đây cũng là 3 trụ cột phát triển, ổn định đất nước), hay 3 nguyên tắc xây dựng nền văn hóa: dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa... đều là những khái niệm, vấn đề mang tầm thời đại, đòi hỏi tính lý luận phải đặt phát triển văn hóa trong những mối quan hệ đó. Ý nghĩa thực tiễn của Đề cương là gọi mới những vấn đề và áp dụng một cách sáng tạo phù hợp với nhận thức, bối cảnh xã hội mới. Bởi Đề cương nêu bật được trọng tâm cốt lõi của văn hóa ở cả 3 tính chất khoa học, dân

---

\* Phân viện Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

tộc và đại chúng, lấy chủ thể văn hóa là người dân và văn hóa phát triển phải là văn hóa sống - cho - vì cuộc sống hạnh phúc, ổn định của người dân và vận mệnh dân tộc.

Trong sự hiểu biết nhất định, từ mối quan hệ 3 trụ cột kinh tế - văn hóa - chính trị, người viết chỉ thử vận dụng: từ cách đặt vấn đề phát triển văn hóa và phát triển kinh tế từ Đề cương 1943 đến gợi một số lý luận, phát triển từ mối quan hệ này trong bối cảnh mới hôm nay.

### **1. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” ra đời là sản phẩm văn hóa cách mạng mang tầm định hướng trong một bối cảnh lịch sử đặc thù**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo trong hoàn cảnh tình hình thế giới, Đông Dương cũng như trong nước rất căng thẳng: khủng hoảng kinh tế thế giới; ở Ba Lan, Phần Lan, Áo, Nam Tư, Tây Ban Nha, Mỹ, Pháp, Anh... chủ nghĩa phát xít hình thành và phát triển. Đồng thời nền chuyên chính phát xít bộc lộ sự độc tài, tàn bạo, điên cuồng xúc tiến chuẩn bị Chiến tranh thế giới thứ II để chia lại thị trường và tiêu diệt Liên Xô - thành tựu của cuộc cách mạng vô sản thế giới. Chủ nghĩa phát xít trở thành kẻ thù của nhân loại. Tình hình cấp bách đặt ra nhiệm vụ của giai cấp công nhân quốc tế thống nhất hành động ở từng nước, thiết lập mặt trận nhân dân rộng rãi. Ở Đông Dương, chế độ phát xít cũng ra đời, thẳng tay đàn áp các phong trào cách mạng, giải tán các tổ chức quần chúng và tấn công Đảng Cộng sản. Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, lợi dụng sự thất thủ đầu hàng của các đế quốc có thuộc địa ở châu Á như Anh, Pháp, Hà Lan, phát xít Nhật nhanh chóng cướp lấy thuộc địa, nô dịch nhiều dân tộc ở thuộc địa này. Sau khi Pháp thất thủ, đầu hàng phát xít Đức thì 22/9/1940 Nhật Bản cho quân vượt biên giới Việt - Trung đánh vào Lạng Sơn; thực dân Pháp đầu hàng, ký với Nhật mà theo đó nước Việt Nam trở thành thuộc địa của cả Pháp và Nhật. Đời sống người dân Việt lâm than, đói khổ dưới chính sách cai trị hà khắc, bóc lột kinh tế nặng nề... Đặc biệt các trí thức, nhân sĩ giai đoạn này bị hạn chế, bị bắt lôi kéo phải phục vụ theo tư tưởng văn hóa, phục vụ thống trị kiểu phát xít: đế quốc Nhật tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á, thực hiện tuyên truyền “tính ưu Việt của văn hóa Phù Tang” nhằm đánh lạc hướng người dân Việt khỏi con đường cứu quốc Đảng, rồi cổ

súy mê tín dị đoan<sup>1</sup>... Trong nước, được sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào cách mạng nước ta không ngừng phát triển. Mặt trận Việt Minh ra đời theo quyết định của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Pắc Bó (năm 1941) dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh nhằm tập hợp mọi lực lượng, đoàn kết toàn dân để thực hiện cấp bách nhiệm vụ giành lại tự do cho đất nước. Phong trào văn hóa tiến bộ được gây dựng ở khắp nơi tập hợp những trí thức, nhà văn hóa, nhà văn... và Hội Văn hóa cứu quốc được thành lập. Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp soạn ra *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, đặt cột mốc lịch sử thể hiện quan điểm của Đảng về vấn đề văn hóa và phát triển văn hóa.

Đề cương được xem như một văn kiện chính trị đầu tiên thể hiện quan điểm của Đảng về văn hóa, mang ý nghĩa lịch sử, đánh dấu một cuộc cách mạng văn hóa, mang nội dung định hướng văn hóa. Do vậy, khi đánh giá giá trị của Đề cương cần đặt trong quan điểm “lịch sử đặc thù” - đề cương ra đời trong một bối cảnh lịch sử cụ thể, để thấy đóng góp của Đề cương. Đồng thời cần đặt trong bối cảnh tổng thể phát triển văn hóa từ năm 1943 - nay gắn liền với những thay đổi, định hướng đổi mới cả về nhận thức, chiến lược trong phát triển mọi mặt kinh tế, xã hội và hội nhập văn hóa... để thấy được Đề cương 1943 (trong một giai đoạn còn hạn chế về lý luận) nên nhiều quan điểm cần được bổ sung, đánh giá lại (Ví dụ như: tranh đấu về học thuyết, tư tưởng... làm cho thuyết duy vật biện chứng và lịch sử phải thắng; hay tranh đấu tông phái... làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng) hay làm rõ tính đại chúng hóa. Vì vậy, từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến những văn kiện của Đảng sau này cho tới Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” là cơ sở lý luận về phát triển văn hóa, đánh giá đầy đủ các giá trị văn hóa, làm cho văn hóa sống động vào cuộc sống, chủ động hội nhập văn hóa thế giới... đã mở rộng và đưa quan điểm phát triển văn hóa trong nội dung Đề cương 1943 tiệm cận với thời kỳ hội nhập, kỷ nguyên số. Về cơ bản, quan điểm về văn hóa trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII

---

1. Phạm Mai Hùng: “Bối cảnh ra đời và ý nghĩa văn hóa Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943”, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 4 (2003), tr.6-7.

vẫn là nhất quán với Đề cương 1943 trên nguyên tắc kế thừa, bổ sung và phát triển đáp ứng phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Đề cương nhằm định hướng mà dựa vào đó để bổ sung những điểm khuyết, tiếp tục sáng tạo và hành động cho phù hợp với thực tiễn xã hội.

## **2. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 đặt ra nhiệm vụ lâu dài đối với phát triển văn hóa trong mối quan hệ với phát triển kinh tế**

Trong “Cách đặt vấn đề” của Đề cương 1943 đưa ra ba khía cạnh khi bàn về văn hóa cách mạng: 1- *Phạm vi vấn đề*: văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Khái niệm văn hóa trong Đề cương được hiểu ở tầm nhìn văn hóa rộng gồm tất cả những hoạt động sống của con người. Đây là quan điểm nhìn văn hóa ở khía cạnh tổng thể; 2- Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị, đây cũng là ba trụ cột của một nền văn hóa, phát triển đất nước. Đề cương nêu rõ: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc); 3- Thái độ Đảng Cộng sản Đông Dương đối với văn hóa. Cách đặt vấn đề này thể hiện quan điểm của Đảng và triển khai thành các nội dung cụ thể cho đề cương. Từ đó khẳng định vai trò của Đảng trong lãnh đạo, văn hóa phải mang tính Đảng và cách mạng văn hóa cũng chính là cách mạng xây dựng Đảng. “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”, văn hóa phải làm thay đổi đời sống tinh thần của dân tộc.

Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị, đây cũng là trụ cột của một nền văn hóa. Đề cương nêu rõ: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựa trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc). Song, đến những giai đoạn sau mối quan hệ này đã không còn cái nhìn một chiều, đơn giản chỉ thấy cơ sở kinh tế kiểu nhận thức “kinh tế quyết định luận”, mà qua các kỳ Đại hội và đặc biệt tinh thần đổi mới nhận thức được thể hiện trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về văn hóa. Mối quan hệ này đã được làm rõ ở tính biện chứng: Văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế, xã hội. Nói cách khác, sự phát triển xã hội chính là sự phát triển văn hóa và kinh tế tạo ra được những tiền đề để phát triển văn hóa. Từ mối quan hệ này đặt ra thực tiễn cần làm rõ cơ sở lý luận:



### ***Mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế***

Làm rõ hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa. Đây là mối quan hệ biện chứng chứ không phải quan hệ một chiều, phản ánh sự phát triển bền vững của đất nước.

Phát triển văn hóa với tăng trưởng kinh tế.

Định hướng giá trị cốt lõi phát triển kinh tế, văn hóa đảm bảo bền vững. Văn hóa được coi là sức mạnh mềm. Đầu tư cho văn hóa có nghĩa là đầu tư cho con người. Do vậy đòi hỏi xây dựng một môi trường văn hóa giàu bản sắc và giá trị hội nhập

- Chủ thể sáng tạo và thụ hưởng, trách nhiệm cũng cần được làm rõ trong mối quan hệ này.

Làm rõ vấn đề lý luận này, cần lưu ý trong mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển kinh tế được rút ra từ việc đánh giá cách thức mà những đặc điểm văn hóa khác nhau thúc đẩy hoặc là cản trở sự phát triển kinh tế. Bởi tất cả các nền văn hóa khác nhau có những đặc trưng, đặc thù khiến chúng trở nên độc đáo và khác biệt so với các nền văn hóa khác nhưng đồng thời đôi khi những đặc điểm văn hóa này mang lại lợi ích kinh tế nhưng ở một thời điểm khác có thể lại là trở ngại cho sự phát triển kinh tế. Vì văn hóa còn là một tổng thể xã hội mang trong nó cả một hệ giá trị, tầng nhận thức, gồm cả phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo, tư tưởng...

Hiện nay quá trình hội nhập giữa các nền văn hóa diễn ra mạnh mẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Sự hiểu biết và gia tăng hàm lượng văn hóa trong các quan hệ quốc tế thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa các nền văn hóa. Do vậy, trong tương lai gắn với hội nhập văn hóa 4.0, văn hóa và kinh tế - mối quan hệ này cần được phân tích và làm rõ hơn, giúp quá trình hội nhập bền vững, làm cho văn hóa được gia tăng hàm lượng biểu đạt.

***Văn hóa - bản thân văn hóa đã là một giá trị kinh tế mang lại lợi ích và phát triển cộng đồng, xã hội trong bối cảnh hội nhập văn hóa 4.0.***

Theo báo cáo thì ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam đã đóng góp doanh thu khoảng 8,081 tỷ USD, tương đương 3,61% tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Trước dịch, sự phát triển nổi trội của 1 số ngành nghề đã cho thấy sự tăng trưởng của các ngành thuộc công nghiệp văn hóa, trong đó Điện ảnh: năm 2019 tổng doanh thu đạt trên 4,1 nghìn tỷ đồng; Du lịch văn hóa: năm 2019, tổng thu từ khách du lịch đạt 720.000 tỷ đồng, Quảng cáo: năm 2019,

tổng doanh thu quảng cáo trên các phương tiện là 65.408 tỷ đồng. Đây là một thành quả dù còn khiêm tốn song cũng đáng ghi nhận khi văn hóa tưởng chừng chỉ là giá trị vô hình thì đã mang lại những giá trị hữu hình cho sự phát triển kinh tế, xã hội, tạo được giá trị gia tăng sáng tạo và việc làm, đóng góp vào kinh tế địa phương, nâng cao được giá trị bền vững cho cộng đồng. Văn hóa đã trở thành đòn bẩy, chất liệu cho những sáng tạo và sự tiếp xúc giữa nhà sản xuất sáng tạo, nghệ sĩ, công chúng và các công ty, đối tác kinh doanh làm tăng thêm tính năng động và sức mạnh tổng hợp. Và kinh tế tác động trực tiếp từ việc làm và tạo ra các giá trị cho ngành công nghiệp văn hóa.

Phát triển văn hóa và phát triển kinh tế, với một vài gợi mở để thấy tính định hướng ban đầu của Đề cương văn hóa 1943 đến hiện thực hóa làm rõ những vấn đề lý luận trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội hội nhập và toàn cầu hóa thì những định hướng này đã được tiếp nối và bổ sung trong những cương lĩnh mới về văn hóa của Đảng qua các kỳ đại hội và trở thành quan điểm chỉ đạo và cụ thể trong thực tiễn phát triển văn hóa của đất nước.

Tóm lại, qua 80 năm bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã chính thức trở thành như một điển ngôn văn hóa chính trị gắn liền với tinh thần dân tộc, cách mạng văn hóa, thể hiện tầm nhìn của Đảng trong sự nghiệp lãnh đạo giải phóng dân tộc, được thể hiện cốt lõi với những vấn đề nền tảng của văn hóa và phát triển văn hóa ngay trong Đề cương. Đề cương đã đặt nền móng, đã đưa ra những vấn đề, những nguyên tắc, cả những giải pháp mà từ đó người làm văn hóa, ngành văn hóa xác định rõ những nhiệm vụ lâu dài, chú ý phát huy sáng tạo sức mạnh mềm của văn hóa.

Gắn với thực tiễn, phát triển văn hóa phải hướng tới phát triển bền vững: trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Vì vậy, văn hóa trong mối quan hệ với các vấn đề xã hội, văn hóa với bảo vệ môi trường cũng cần được làm rõ, phân tích... tạo sự liên tục kế thừa và phát triển *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, ứng dụng biện chứng, khoa học vào thực tiễn cuộc sống. Từ Đề cương 1943 đến Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, đến Chiến lược phát triển Công nghiệp văn hóa Việt Nam và các chương trình phát triển văn hóa gắn với bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, phát triển văn hóa... sẽ là những mốc lịch sử đánh dấu từng giai đoạn phát triển văn hóa của Việt Nam luôn được bổ khuyết, làm mới ở một tầm nhìn mới.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 - NHỮNG GIÁ TRỊ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN

ThS. HOÀNG THỊ THU HOÀI\*

### 1. Vài nét về “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng soạn thảo và được công bố năm 1943 trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai đang lan rộng và ngày càng ác liệt.

Ở Việt Nam thời kỳ này, tình hình kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa - xã hội rất phức tạp, mâu thuẫn giai cấp và dân tộc ngày càng sâu sắc. Nhân dân ta nói chung, trí thức, văn nghệ sĩ, học sinh, sinh viên yêu nước nói riêng đã đứng lên đấu tranh chống lại phát xít Nhật và thực dân Pháp, đòi lại quyền tự do, độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, Nhật và Pháp đã cấu kết với bè lũ tay sai, dùng các thủ đoạn dã man, tàn ác, kể cả thủ đoạn “trói buộc văn hóa và giết chết văn hóa Việt Nam” để thực hiện mưu đồ xâm lược của chúng. Trong bối cảnh ấy, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định triệu tập Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943 để bàn biện pháp đối phó với tình hình, quyết tâm đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước, tiến tới chặn đứng và đập tan âm mưu, thủ đoạn xâm lược của phát xít Nhật và thực dân Pháp. Đảng ta nhận định, trong lúc này, Đảng cần phải có các tổ chức và đội ngũ cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, văn nghệ để gây dựng và thúc đẩy phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc nhằm chống lại văn hóa phong kiến bảo thủ, lạc hậu... Vì vậy, tại Hội nghị Thường vụ Trung ương, Đảng ta khẳng định rõ đối với vấn đề văn hóa

---

\* Phân viện Học viện Hành chính quốc gia tại thành phố Huế.

và được ghi trong Đề cương văn hóa công bố năm 1943, Đề cương ra đời đáp ứng yêu cầu đó của lịch sử.

Tuy ngắn gọn, súc tích nhưng bản Đề cương đã thể hiện rõ các quan điểm, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc cần hướng đến, như sau:

*Thứ nhất*, xác định rõ nội dung, phạm vi, vị trí, vai trò của văn hóa trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đề cương nêu rõ: văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật; quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động, không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. Đồng thời, có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả.

*Thứ hai*, cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng lãnh đạo. Trên cơ sở chỉ rõ tính chất văn hóa Việt Nam trong quá khứ và hiện tại (1943), chỉ rõ những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách thống trị của Nhật - Pháp; những thủ đoạn của Nhật - Pháp trói buộc và giết chết văn hóa Việt Nam; dự kiến về tiền đồ văn hóa Việt Nam. Đề cương khẳng định cách mạng nhất định thắng lợi, văn hóa Việt Nam sẽ cởi được xiềng xích, đuổi kịp văn hóa mới, tiến bộ trên thế giới. Muốn vậy, phải làm cách mạng về văn hóa, “cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo”.

*Thứ ba*, để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta phải nắm vững “ba nguyên tắc vận động”, đó là: Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Ba nguyên tắc đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới.

Đảng ta cũng khẳng định: “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm...”. Có thể thấy, ba nguyên tắc trên là sự trả lời đúng đắn và kịp thời cho các nhu cầu cấp thiết nổi lên trong một thời điểm trọng đại của lịch sử. Dân tộc, đại chúng, khoa học đã trở thành khẩu hiệu, tính chất, đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam - một nền văn hóa thấm đẫm tinh thần dân tộc, giàu bản sắc do nhân dân sáng tạo với khát vọng không ngừng vươn đến chân - thiện - mỹ, hướng đến tiến bộ, văn minh.

*Thứ tư*, để đặt nền móng và định hướng xây dựng một nền văn hóa cách mạng mới, cần kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn hai nhiệm vụ “xây” và “chống”. Đề cương nhấn mạnh nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít là phải chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái bộ, nô dịch, ngu dân, phỉn dân; phát huy văn hóa dân chủ, cải cách chữ quốc ngữ...

## **2. Giá trị khoa học**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* sở dĩ có sức lan tỏa mạnh mẽ và giá trị bền vững, bởi bản thân nội dung và cấu trúc của nó được tạo dựng và hoàn chỉnh với một phương pháp tiếp cận thực sự khoa học.

Dù là một văn kiện nhỏ, với dung lượng chỉ khoảng 1.500 từ, nhưng Đề cương lại là một công trình khoa học thực sự, lần đầu tiên trình bày văn hóa Việt Nam và những vấn đề có liên quan như một hệ thống cấu trúc với một phương pháp tiếp cận nhất quán. Khác với tính chất phiến diện, một chiều thường thấy trong các công trình nghiên cứu trước đó, Đề cương văn hóa đã trình bày văn hóa như một hệ thống bao gồm nhiều mặt, nhiều yếu tố, nhiều quá trình khác nhau, nhưng có liên quan chặt chẽ với nhau: giữa tư tưởng, học thuật và nghệ thuật; giữa văn hóa, kinh tế và chính trị; giữa các nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học; giữa lịch sử, nguy cơ và triển vọng,... Đề cương văn hóa đã đặt các mặt, các yếu tố, các quá trình trên đây trong mối quan hệ qua lại tất yếu với nhau, qua đó, làm nổi bật hệ thống các quy luật đã và đang chi phối sự vận động và phát triển của văn hóa Việt Nam.

Với luận điểm “... nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia”, Đề cương đã thực sự đem lại một bước tiến mới về chất so với các phương pháp tiếp cận đương thời về văn hóa Việt Nam. Ở đó, với tư cách là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, văn hóa phải phản ánh hiện thực và do cơ sở kinh tế quyết định. Đây chính là một nội dung căn bản của một trong những quy luật cơ bản nhất của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Với phương pháp tiếp cận này, Đề cương đã trình bày và cắt nghĩa khá chính xác theo lập trường mácxít những vấn đề cốt lõi nhất của văn hóa Việt Nam đương đại: từ lịch sử có tính giai đoạn đến tính chất của từng giai đoạn lịch sử trong tiến trình phát triển văn hóa Việt Nam; từ những nguy cơ hiện hữu đến những nguyên tắc vận động của nó; từ tiền đề đến mục đích trước mắt cũng như những việc cần kíp của những nhà văn hóa,...

Không dừng lại ở đó, Đề cương vạch ra lộ trình của cuộc vận động văn hóa Việt Nam với những hình thức, bước đi và mục tiêu phù hợp với điều kiện lịch sử. Theo đó, mặc dù khẳng định: “Nền văn hóa mà cuộc cách mạng văn hóa Đông Dương phải thực hiện sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa”, nhưng trên cơ sở phân tích điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội lúc bấy giờ, Đề cương văn hóa đã xác định tính chất của nền văn hóa mới mà Đảng ta chủ trương “chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa Xôviết”. Đây là một nhận định rất đúng đắn, cho phép ngăn ngừa ngay từ đầu những biểu hiện chủ quan, duy ý chí mang tính chất “tả khuynh”. Cũng theo lôgic ấy, dựa chắc vào nguyên tắc lấy hiện thực lịch sử làm tiền đề, Đề cương văn hóa đã xác định *dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa* là ba nguyên tắc vận động cho cuộc vận động văn hóa Việt Nam đương đại. Khẳng định phải dân tộc hóa vì văn hóa Việt Nam khi đó dưới ách áp bức của phátxít, thực dân đã và đang bị nô dịch và chia rẽ nặng nề. Đó là một nền văn hóa thiếu hẳn tinh thần độc lập, tự do và thống nhất dân tộc. Đặt nguyên tắc khoa học hóa lên vị trí ưu tiên vì một nền văn hóa muốn thực sự mang tính cách mạng, trước hết nó phải có một nền tảng khoa học chắc chắn làm tiền đề. Trong khi đó, ở một nước nông nghiệp lạc hậu thì chủ nghĩa kinh nghiệm thường lấn át tri thức khoa học và khoa học trong một nước bị đô hộ thì khó mà được ưu tiên phát triển. Đại chúng hóa là một nguyên tắc của vận động văn hóa vì quần chúng là cội nguồn của sức mạnh, là chủ thể đích thực của mọi giá trị văn hóa. Nhưng trên thực tế lúc đó, văn hóa lại đang trở thành, hoặc là thứ xa xỉ mà quần chúng không thể với tới, hoặc là những sản phẩm độc hại, phản giá trị mà quần chúng không thể thụ hưởng.

Có thể nói, ba nguyên tắc nêu trên là cơ bản nhất, không thể tách rời nhau, phản ánh đúng nhất thực trạng và nhu cầu bức thiết của cuộc vận động văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ. Đồng thời, đây cũng là ba khẩu hiệu hành động, kêu gọi đội ngũ trí thức tập hợp lực lượng, xây dựng một nền văn hóa mới cho tương lai của dân tộc.

### 3. Giá trị thực tiễn

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, tư tưởng của Đề cương mới thực sự được triển khai trong đời sống. Từ những ngày đầu kháng chiến, khi đất nước đang phải trải qua muôn vàn khó khăn và thử thách trong

tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn chỉ cho nhân dân biết trước mắt không chỉ có một thứ giặc, mà là ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Cả ba thứ giặc đều nguy hiểm như nhau, và chiến thắng ba thứ giặc đều vinh dự như nhau. Tư tưởng đó càng khẳng định quan điểm của những người cộng sản đối với lĩnh vực văn hóa: Văn hóa không tách rời sự nghiệp cách mạng. Quán triệt tư tưởng của Đề cương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra khẩu hiệu “Kháng chiến hóa văn hóa và văn hóa hóa kháng chiến”. Văn hóa được coi như một mặt trận, một động lực và mục tiêu của cuộc kháng chiến. Văn hóa trở thành nội dung đồng hành của sự nghiệp kháng chiến. Sự nghiệp xây dựng văn hóa mới theo phương châm *dân tộc, đại chúng, khoa học* đã tạo tiền lực cho sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc và mỗi bước thắng lợi của kháng chiến lại tạo tiền đề cho sự phát triển văn hóa. Kết quả là qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa nghệ thuật nói riêng đã “xúng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn hóa nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay” (Nghị quyết Đại hội IV của Đảng Cộng sản Việt Nam).

Thực tiễn cách mạng Việt Nam những năm qua đã chỉ ra rằng, cái gốc của đường lối văn hóa chính là *Đề cương về văn hóa Việt Nam*; và từ cái gốc rễ “nguồn cội” ấy, “cây” văn hóa ở nước ta ngày càng phát triển, thu được nhiều thắng lợi.

Thực tế đã chứng minh, ba nguyên tắc vận động của văn hóa Việt Nam: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” được nêu ra trong Đề cương văn hóa Việt Nam đã có tác dụng to lớn biến nền văn hóa Việt Nam từ một nền văn hóa chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa phong kiến, thực dân, nô dịch trở thành nền văn hóa độc lập, tự chủ, vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc sau này.

Kể từ khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời đến nay, hoạt động của các tổ chức văn hóa, văn nghệ của Đảng, nhất là hoạt động sáng tạo của các nhà báo, nhà văn, nghệ sĩ ngày càng phong phú. Họ luôn bám sát nhiệm vụ của cách mạng, phản ánh sắc sảo, sinh động đời sống thực tiễn đấu tranh cách mạng; kịp thời động viên, cổ vũ phong trào toàn dân thi đua tăng gia sản xuất, giết giặc lập công, xây dựng đời sống văn hóa mới. Giương cao ngọn cờ cách mạng, tấm mình trong thực tiễn, trực tiếp cầm bút và cầm súng chiến đấu, sử dụng sáng tạo phương pháp sáng tác xã hội chủ nghĩa, các văn nghệ sĩ

nước ta thật sự đã trở thành những chiến sĩ xung kích trên mặt trận văn hóa, tư tưởng; đã góp phần to lớn vào việc đưa ánh sáng văn hóa của Đảng đến với đồng bào, chiến sĩ, củng cố niềm tin chiến thắng cho họ. Qua đó, thổi luồng không khí cách mạng vào đời sống xã hội Việt Nam; đưa công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đạt những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị ra đời, khắc họa sinh động hình tượng “Bộ đội Cụ Hồ”, phản ánh sát thực chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh; có tác dụng tuyên truyền, giáo dục to lớn... Nhờ đó, đường lối văn hóa của Đảng ngày càng sáng rõ, các tổ chức văn hóa ở nước ta ngày càng được củng cố, phát huy tốt hơn vai trò, tác dụng. Lý luận văn hóa Việt Nam ngày càng phong phú và sắc nét. Văn hóa đã và đang có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Với đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang ra sức xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; làm cho văn hóa thật sự là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân.

Trước đây cũng như hiện nay, ở nước ta, văn hóa luôn luôn là một mặt trận, văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Chăm lo xây dựng, phát triển văn hóa, văn nghệ là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội và nó là sự nghiệp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức, các văn nghệ sĩ giữ vai trò nòng cốt.

Hiện nay, Đảng, Nhà nước, các ban, bộ ngành, địa phương, các tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội đã và đang quan tâm xây dựng mới, bổ sung, hoàn thiện nhiều văn bản nhằm điều chỉnh và tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động văn hóa phát triển, phù hợp với tình hình mới. Các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến địa phương cũng được kiện toàn, củng cố và tăng cường. Nhiều công trình văn hóa mới được xây dựng và đang hoạt động có hiệu quả. Đời sống văn hóa ở cơ sở có bước phát triển, thu hút đông đảo cán bộ, chiến sĩ và quần chúng nhân dân tham gia sáng tạo, hưởng thụ và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống cách mạng; đồng thời, tích cực đấu tranh ngăn chặn,



đẩy lùi các tệ nạn, xóa bỏ các sản phẩm văn hóa có nội dung xấu độc, mê tín dị đoan, không để nó thấm thấu, lan truyền vào đời sống cộng đồng, dân cư. Việc chấn hưng nền văn hóa dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là những minh chứng khẳng định sức sống bền vững của đường lối văn hóa đã được Đảng ta vạch ra từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

Cho đến hôm nay, không ai có thể phủ nhận giá trị lịch sử to lớn cũng như vai trò tiên phong mở đường, đặt nền móng lý luận cho công cuộc xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Tinh thần chung của bản Đề cương vẫn là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt các văn kiện sau này của Đảng ta về văn hóa, văn nghệ, góp phần định hướng và soi đường cho sự vận động, phát triển nền văn hóa Việt Nam lên những tầm cao mới.

## DÂN TỘC HÓA VĂN HÓA: NHỮNG NGUYÊN TẮC KẾ THỪA GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VÀ TIẾP THU TINH HOA VĂN HÓA

TS. NGUYỄN THỊ HOÀN\*

**D**ân tộc hóa là một trong ba nguyên tắc căn bản được *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 nêu ra nhằm hướng tới xây dựng nền văn hóa mới. Ra đời trong bối cảnh lịch sử dân tộc bị cai trị, thực dân Pháp trong quá trình đô hộ đã không ngừng cố xúi cho tư tưởng thân Pháp và ngăn cản các tư tưởng tiến bộ vào Việt Nam, tuyên truyền chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Cùng thời điểm đó, phát xít Nhật ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á với tinh thần người Nhật đảm nhận sứ mệnh “cứu tinh” giống da vàng, nguyên tắc dân tộc hóa thể hiện rõ tinh thần yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh không khoan nhượng với tư tưởng độc hại đang tìm cách xâm lấn dân tộc Việt, văn hóa Việt. Theo tinh thần của nguyên tắc dân tộc hóa, văn hóa Việt Nam cần phải phát triển độc lập, chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, thoát khỏi sự phụ thuộc của văn hóa phát xít. Trong đó, chủ nghĩa yêu nước và lòng tự tôn dân tộc được *Đề cương* xác định là con đường chính để thực hiện nguyên tắc dân tộc hóa. Với tinh thần đó, nguyên tắc dân tộc hóa trong *Đề cương* văn hóa năm 1943 có ý nghĩa rất lớn trong giai đoạn lịch sử của dân tộc và góp phần “soi sáng” một số vấn đề thực tiễn của văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, các dân tộc trên thế giới đều đứng trước giải quyết về bài toán bản sắc dân tộc, trong đó có các vấn đề liên quan tới các giá trị truyền thống. Mặc dù có nhiều ý kiến khác nhau, song trên

---

\* Phó Trưởng Khoa Cơ bản, Trường Đại học Trưng Vương.

bình diện chung, có thể thấy, xu hướng bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống hình thành bản sắc riêng của dân tộc vẫn được xem là xu hướng chủ đạo. Tại một số quốc gia có nền kinh tế phát triển của châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ... các giá trị truyền thống dân tộc được chú trọng quan tâm sớm. Trên thực tế, sự phát triển của nhiều quốc gia trong hội nhập chỉ ra bài học kinh nghiệm rằng: sẽ là sai lầm nếu quốc gia nào chỉ chú trọng phát triển kinh tế mà “bỏ rơi” hoặc “đánh mất” nền văn hóa dân tộc, trong đó có bộ phận cốt lõi là các giá trị truyền thống. Hay nói cách khác, bằng cách “không lãng quên truyền thống, khai thác các giá trị nhân bản của truyền thống, làm cho các giá trị hiện đại ăn nhập hoặc không mâu thuẫn với các giá trị truyền thống... đó là con đường tự nhiên và tất yếu mà các xã hội, dù muốn hay không, dù nhận thức được hay chưa nhận thức được, cũng đều phải thực hiện để đạt tới sự phát triển bền vững”.

Ở nước ta, các giá trị truyền thống của dân tộc như: Tinh thần yêu nước, tinh thần cố kết cộng đồng, lòng khoan dung, tinh thần hiếu học, cần cù siêng năng, lạc quan, yêu lao động... là những giá trị tiêu biểu của hệ giá trị con người Việt Nam giai đoạn đổi mới và hội nhập quốc tế. Nhấn mạnh vai trò của các giá trị truyền thống trong giai đoạn mới, Đảng ta đã khẳng định: “Đi vào nền kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, song phải luôn coi trọng những giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc, quyết không tự đánh mất mình, trở thành cái bóng mờ hoặc bản sao chép của người khác” và “phải đặc biệt quan tâm giữ gìn và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc; kế thừa và phát triển truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc”. Vì những lẽ đó, có thể thấy, hiện nay việc kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc có ý nghĩa không chỉ trên phương diện lý luận mà cả trong hoạt động thực tiễn. Ngày nay, hội nhập quốc tế với những tác động đa chiều và diễn biến ngày càng sôi động, những nguy cơ mai một. Điều này không phải không có cơ sở, nhất là hiện nay, sự xâm nhập của các luồng văn hóa ngoại lai, sự xuất hiện lối sống, cách sống mới không phù hợp với các giá trị truyền thống của dân tộc đang ngày càng gia tăng. Trên cơ sở kế thừa tinh thần dân tộc hóa trong Đề cương năm hóa năm 1943 và thực tiễn của bối cảnh thời đại, để định hướng giá trị nhằm kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống một cách hiệu quả cần chú ý một số nguyên tắc cơ bản như sau:

*Thứ nhất*, kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống hiện nay gắn với quá trình gìn giữ những “hạt nhân” của giá trị truyền thống và đổi mới các giá trị truyền thống theo yêu cầu của thời đại. Nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra rằng, quá trình vận động phát triển của mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan liên tục diễn ra những lần phủ định kế tiếp nhau, song giữa cái cũ và cái mới bao giờ cũng có mối liên hệ tác động qua lại và chuyển hóa lẫn nhau, trong đó cái cũ, sự vật cũ không mất đi hoàn toàn mà nó được giữ lại những yếu tố hợp lý, tích cực làm nền tảng cho sự ra đời của cái mới, cái tiến bộ. Đối với hệ giá trị truyền thống của người Việt, như đã nói, cho tới nay có rất nhiều giá trị phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước giai đoạn đổi mới và hội nhập. Hiện nay có rất nhiều giá trị độc đáo, đặc sắc cần phải được giữ gìn, bảo tồn như lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta, tinh thần đoàn kết, ý chí tự cường dân tộc, lòng nhân ái, đức tính cần cù, hiếu học... Trong quá trình xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam hiện nay, kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống quý báu của dân tộc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi lẽ, đây là những giá trị đã được chọn lọc, phù hợp với đặc điểm, tính cách con người Việt Nam. Việc kế thừa có chọn lọc những giá trị quý báu đó sẽ tạo ra những tiên đề, điều kiện để hoàn thiện hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam trong giai đoạn mới.

*Thứ hai*, để đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống của dân tộc cần gắn với việc mở rộng các nội hàm các giá trị truyền thống để phù hợp với thực tiễn. Chẳng hạn, tinh thần yêu nước trong thời kỳ hội nhập có phạm vi và mức độ rộng hơn trước kia và mang màu sắc hiện đại hơn, đó không chỉ là tình cảm của con người với quê hương, đất nước mình mà còn thể hiện lòng quyết tâm bảo vệ chủ quyền dân tộc, ở ý thức giữ gìn bản sắc truyền thống trước làn sóng xâm nhập của các văn hóa bên ngoài trong hội nhập, ở thái độ học tập nâng cao trình độ, áp dụng các thành tựu khoa học tiên tiến của nhân loại vào thực tiễn... Hay đối với giá trị cần cù, siêng năng trong giai đoạn hội nhập hiện nay không chỉ bao hàm thái độ chịu thương chịu khó lao động trên những tư liệu sẵn có mà còn phải đi liền với sự sáng tạo trên cơ sở việc nâng cao trình độ, tay nghề của người lao động nhằm tạo ra năng suất, hiệu quả trong công việc...

*Thứ ba*, kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc trong thời kỳ hội nhập quốc tế cần tránh những khuynh hướng sai lầm trong nhận thức và thực tiễn, tiêu biểu nhất là hai khuynh hướng phủ định sạch trơn và khuynh hướng bảo thủ. Về thực chất, khuynh hướng phủ định sạch trơn là phủ nhận vai trò của các giá trị truyền thống đối với hiện thực, cổ xúy cho hành động xóa bỏ toàn bộ cái cũ xây dựng cái mới. Hậu quả của khuynh hướng này dẫn đến nguy cơ lạc hậu và chủ nghĩa dân tộc cực đoan trong xu thế hội nhập quốc tế. Bởi lẽ, cũng giống như bất kỳ yếu tố nào của ý thức xã hội, các giá trị không phải là bất biến, mỗi khi tồn tại xã hội thay đổi thì bản thân các giá trị truyền thống dù ổn định tới mấy cũng cần phải thay đổi để phù hợp với yêu cầu của điều kiện thực tiễn. Không chỉ có vậy, các yếu tố truyền thống nói chung trong bối cảnh hội nhập bên cạnh những yếu tố tích cực và những yếu tố tiêu cực, có những giá trị phù hợp, có những giá trị đã lỗi thời, lạc hậu. Do đó, phủ nhận sạch trơn hay bảo thủ các giá trị truyền thống đều dẫn tới sai lầm đối với xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế. Sinh thời, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng các giá trị truyền thống, trong tác phẩm Hội nhà năm 1985 có trích dẫn lời của Người về điều này rằng: Những người cộng sản chúng ta rất quý trọng cổ điển. Có nhiều dòng suối tiến bộ chảy từ ngọn nguồn cổ điển đó. Càng thấm nhuần Chủ nghĩa Mác - Lênin, càng phải coi trọng những truyền thống tốt đẹp của cha ông. Hồ Chủ tịch không quên nhấn mạnh lưu ý về các giá trị truyền thống trong đời sống với, Người cho rằng: “Đời sống mới không phải cái gì cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ... Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm...”.

Việt Nam được biết đến là một quốc gia giàu truyền thống văn hóa. Nền văn hóa Việt Nam, trong tương quan so sánh với dân tộc khác, là nền văn hóa mở, không cứng nhắc trong quá trình giao lưu, tiếp biến. Con người Việt Nam từ xưa tới nay luôn được bạn bè quốc tế ca ngợi bởi sự thân thiện, hiếu khách, không có tư tưởng kỳ thị các dân tộc khác, không có thái độ cực đoan trong giao lưu, tiếp biến văn hóa với các dân tộc khác. Người Việt Nam đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu rằng con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam không sợ các giá trị ngoại lai, mà sợ nhất là sự áp đặt các giá trị, sự đảo lộn

hệ giá trị, đồng nhất hóa các giá trị. Nhấn mạnh tính tất yếu của sự giao lưu, tiếp biến văn hóa đối với nền văn hóa Việt Nam, sinh thời Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Văn hóa Việt Nam là ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại”. Và Người đã nhắc nhở các nhà văn hóa Việt Nam: “Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt, ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và nay, trau dồi cho văn hóa Việt Nam có tinh thần thuần túy Việt Nam, để hợp với tinh thần dân chủ”.

Ngày nay, trong xu thế hội nhập quốc tế, mở rộng giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa các quốc gia, dân tộc với nhau là một vấn đề có tính quy luật của mọi nền văn hóa, đồng thời cũng là một trong những động lực cơ bản thúc đẩy sự phát triển văn hóa của mỗi dân tộc. Qua mỗi lần giao lưu, tiếp biến văn hóa với các dân tộc khác, nền văn hóa của dân tộc có cơ hội truyền bá ra bên ngoài, được tiếp xúc nhiều hơn với các nền văn hóa khác để làm phong phú thêm truyền thống văn hóa của dân tộc. Bản chất nền văn hóa Việt Nam theo tinh thần của văn kiện Đảng là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thụ tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Vì vậy, xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay không thể không tiếp thu những tinh hoa, văn hóa nhân loại. Hiện nay, trước sự gia tăng của tình trạng gia tăng mức độ xuống cấp giá trị đạo đức từ khi thực hiện kinh tế thị trường, hiện đại hóa xã hội và tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng trên nhiều lĩnh vực xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân bắt nguồn từ những ảnh hưởng của các luồng văn hóa từ bên ngoài không được kiểm soát chặt chẽ. Trên cơ sở kế thừa tinh thần của Đề cương về nguyên tắc dân tộc, việc tiếp thu những tinh hoa, văn hóa nhân loại đối với xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam là điều tất yếu không thể tránh khỏi song cũng cần phải dựa trên một số nguyên tắc phương pháp luận nhất định.

Mỗi tinh hoa văn hóa của nhân loại luôn gắn với tồn tại xã hội nhất định, do đó, sẽ là sai lầm nếu áp dụng nguyên xi các giá trị của nhân loại nếu không có sự chọn lọc và cải biến. Trên thực tế, đã có một số quốc gia dân tộc rơi vào tình trạng “mất bản sắc dân tộc”, bị “hòa tan” bản sắc văn hóa dân tộc trong

hội nhập khi tiếp thu “trọn vẹn” các tinh hoa văn hóa của dân tộc khác. Đồng thời, cũng không ít quốc gia phải nhận được sự “trả giá đau đớn” khi lựa chọn không đúng đắn những tinh hoa, văn hóa nhân loại khi hội nhập. Hệ quả của những lựa chọn chưa phù hợp các giá trị tiến bộ của nhân loại thường gây ra những tổn thất và hệ lụy rất lớn cho sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc, đặc biệt là những vấn đề liên quan tới hệ giá trị con người. Ở các quốc gia đang phát triển như nước ta, sự tính toán, cân nhắc một cách khoa học với các giá trị tiến bộ của nhân loại trong quá trình hội nhập là rất quan trọng. Bởi lẽ, từ thế kỷ XX đến nay tình hình chính trị quốc tế đã thay đổi nhiều, các quan hệ quốc tế ngày càng phức tạp hơn. Để tránh các hiện tượng du nhập thiếu cân nhắc hoặc chưa phù hợp các giá trị bên ngoài cần có những chính sách hợp lý của Nhà nước với các nghiên cứu về con người, về hệ giá trị con người và các giá trị tiến bộ của nhân loại. Thêm nữa, trong bối cảnh hội nhập, khi tiếp thu các tinh hoa văn hóa của nhân loại vào điều kiện của nước ta cần tiếp thu, ứng dụng có hiệu quả phương châm “tư duy toàn cầu hành động địa phương”. Do đó, việc tiếp thu các tinh hoa, văn hóa nhân loại đòi hỏi sự nghiên cứu và lựa chọn nghiêm túc. Chúng tôi cho rằng, các giá trị tiến bộ của nhân loại hiện nay như: Tôn trọng, trung thực, trách nhiệm, bình đẳng, dân chủ, sáng tạo, hòa bình, đó còn là những quy tắc ứng xử văn minh, lối sống lành mạnh, tinh thần nhân văn nhân ái, thái độ tôn trọng pháp kỷ cương pháp luật, ý thức bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên... Đây là những giá trị tiến bộ hiện nay hầu hết quốc gia lựa chọn.

Thứ nữa, khi tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại trong xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam giai đoạn hội nhập quốc tế cần tránh các xung đột với các giá trị truyền thống của dân tộc. Các giá trị truyền thống được hình thành gắn với lịch sử lâu dài của dân tộc, nó được xem là nền tảng tinh thần của dân tộc. Ở những thời điểm chuyển giao hay thời điểm có tính chất bước ngoặt về lịch sử khi có sự xuất hiện của các giá trị mới dễ dẫn tới những đụng độ nhất định với các giá trị truyền thống. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế đang diễn ra như một xu thế tất yếu hiện nay, quá trình giao thoa, va chạm các giá trị là điều khó tránh khỏi, đây cũng là cơ hội để nền văn hóa dân tộc có cơ hội thẩm định, thử nghiệm và lựa chọn các tinh hoa văn hóa của các dân tộc. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại

đối với xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam hiện nay cần tránh các xung đột với các giá trị truyền thống dân tộc. Bởi lẽ, đối với con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam, các giá trị truyền thống luôn đóng vai trò quan trọng, khi xảy ra những xung đột giá trị, dễ dẫn tới những khủng hoảng giá trị, rối loạn xã hội. Về điều này, có ý kiến cho rằng: “Sự xung đột giữa các giá trị cũ sắp bị loại bỏ hoặc loại bỏ từng phần với các giá trị mới khiến cho xã hội mất định hướng giá trị; các hành vi, hoạt động của những con người, bộ phận dân cư khác nhau sẽ được đánh giá khác nhau. Tình hình đó dẫn đến thậm chí sự xung đột trong định hướng, đánh giá và niềm tin, tạo nên sự rối loạn của xã hội. Những thang bậc đúng sai, tốt xấu, có lợi, có hại,... đối với cộng đồng, cá nhân, có thể bị đảo lộn; xã hội hoặc bộ phận dân cư nào đó, trong những trường hợp cụ thể, có thể bị mất phương hướng”. Từ những bài học về thực tiễn cho thấy để giảm thiểu các xung đột giá trị trong việc tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại với các giá trị truyền thống của dân tộc cần sự giám sát, quản lý chặt chẽ của các cơ quan liên quan, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa.

Hiện nay, kết hợp hài hòa giữa các giá trị truyền thống với tinh hoa văn hóa nhân loại đang trở thành phương án được nhiều quốc gia lựa chọn trong bối cảnh hội nhập, Nhật Bản là một ví dụ khá điển hình. Cũng giống như nhiều quốc gia ở châu Á, nền văn hóa Nhật Bản tiếp xúc khá sớm với văn hóa phương Tây. Trong qua trình giao thoa, những xung đột và khủng hoảng giá trị đã từng là vấn đề nan giải ở không ít các quốc gia. Hiện nay, chủ trương “Đạo lý Nhật Bản + Kỹ thuật phương Tây” của Nhật Bản được xem là một trong những giải pháp được nhiều nhà nghiên cứu luận bàn trong bối cảnh hội nhập. Ở Việt Nam, ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc và chỉ ra sự gắn bó mật thiết giữa dân tộc và quốc tế. Đó là sự gắn bó biện chứng giữa yếu tố chủ quan (dân tộc) và yếu tố khách quan (quốc tế). Khẳng định việc kế thừa các giá trị văn hóa của nhân loại để làm phong phú, đa dạng văn hóa dân tộc, nhưng Hồ Chí Minh cũng phê phán, chống lại “cách mượn” không phải lối, chối bỏ đi các giá trị vốn có của dân tộc, hay là sự tiếp thu xô bồ mọi thứ của thiên hạ, đồng thời cho rằng cần tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tốt, cái đẹp để làm giàu thêm cho văn hóa dân tộc. Đây thực sự là “Việt Nam hóa” những cái từ ngoài đến, biến chúng thành những cái bên trong, tự nhiên như những yếu tố nội sinh của văn hóa Việt Nam.



Trong quá trình hội nhập, quá trình tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại cũng cần gắn liền với việc chia sẻ các giá trị tốt đẹp của dân tộc. Nhận mạnh tầm quan trọng của việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại song Hồ Chí Minh cũng không quên căn dặn những người làm công tác văn hóa về sự cần thiết chia sẻ các giá trị trong quá trình giao lưu, tiếp biến. Đây chính là sự vận dụng phép biện chứng của “nhận và cho”, “vay và trả” trong tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa các nền văn hóa. Trở lại những nghiên cứu theo tinh thần nguyên tắc dân tộc hóa của Đề cương văn hóa năm 1943 một lần nữa cho thấy những giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc về các vấn đề văn hóa dân tộc hiện nay, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến phát huy giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại trong bối cảnh hội nhập.

## TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” ĐẾN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA MỚI VIỆT NAM

PGS.TS. LÊ THỊ BÍCH HỒNG\*

### I

Từ ngày 25 - 28/2/1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên)<sup>1</sup>. Dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Trường Chinh, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh khởi thảo đã được đưa ra bàn thảo tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương. Sau 13 năm công bố đường lối cách mạng Việt Nam trong Cương lĩnh chính trị (1930), bản Đề cương văn hóa - văn kiện văn hóa đầu tiên ra đời đã xác định quyền lãnh đạo văn hóa của Đảng; khẳng định mặt trận văn hóa phải do Đảng lãnh đạo. Sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực văn hóa là vấn đề có tính nguyên tắc và đó là cuộc cách mạng lâu dài, bền bỉ.

Bản Đề cương ra đời trong thời điểm bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai đang lan rộng; dân tộc ta chịu ách nô lệ một cổ hai tròng; phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo bị đàn áp, khủng bố;... Dù trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, nhưng Đảng ta vẫn bình tĩnh, sáng suốt ban hành Đề cương văn hóa với mục đích là chống lại chính sách văn hóa phản động của thực dân Pháp, phát xít Nhật và tay sai của chúng, chống lại trào lưu lãng mạn có khuynh hướng cải lương, bi quan, bế tắc...

Toàn văn bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đăng trên Tạp chí *Tiên phong*

---

\* Nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Văn hóa - Văn nghệ, Ban Tuyên giáo Trung ương.

1. Nay là Đông Anh, Hà Nội.

số 1 đã thu tóm những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam<sup>1</sup>. Bản Đề cương ra đời đã “bồi đắp sự thiếu thốn trong chương trình hành động của Đảng giai đoạn trước”<sup>2</sup>; đặc biệt đã trang bị những lý luận căn bản cho cán bộ hoạt động văn hóa - tư tưởng; đặt nền móng lý luận căn bản và định hướng lâu dài cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam. Đây là văn kiện chính thức đầu tiên, tương đối hoàn chỉnh của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ; đã phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hóa dưới ách Pháp - Nhật, vạch ra đường lối văn hóa cách mạng và những nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hóa dân tộc, nhân dân. Đề cương chính là cuốn cẩm nang có tác dụng soi đường, giúp văn hóa Việt Nam vượt qua thời kỳ đen tối, hướng tới một tương lai rạng rỡ.

Nhận thức đúng đắn của Đảng được thể hiện ngay trong phần đầu về mối quan hệ vững chắc như “kiềng ba chân” giữa văn hóa với chính trị, kinh tế. Đề cương xác định: a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản hoạt động; b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa; c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả<sup>3</sup>.

Đề cương văn hóa đề cập đến các nội dung:

*Thứ nhất*, Đề cương nêu rõ quan niệm văn hóa của Đảng mới chỉ là nhận thức bước đầu: Phạm vi văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng bao hàm nhiều thành tố trong đó có tư tưởng, học thuật và nghệ thuật là quan trọng. Trong khi khoa học nghiên cứu về văn hóa xuất hiện ở nước ta tương đối muộn, thì bản Đề cương văn hóa xuất hiện năm 1943 cho thấy “quan niệm về văn hóa mới mẻ, khoa học, phản ánh nhận thức đúng đắn chức năng văn hóa của những người mácxít” và việc đưa ra quan niệm về văn hóa như vậy

---

1. Xem Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1986, t.2, tr.355-356.

2. Theo Đặng Thai Mai.

3. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia: *50 năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.14-15.

chính là sự “vượt lên trước tư duy của thời đại ở Việt Nam”<sup>1</sup>. Vì thế, Đề cương văn hóa được coi là cách mạng nhất và tiến bộ nhất ở Đông Dương trong thời điểm đó.

Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam là phần quan trọng nhất của Đề cương:

a) Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được công cuộc cải tạo xã hội;

b) Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo;

c) Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công. Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bấy giờ chỉ là dọn đường cho cách mạng triệt để mai sau<sup>2</sup>.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cách mạng lúc đó, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng văn hóa; sự nghiệp văn hóa phải hình thành và phát triển, phải trở thành động lực của cuộc cách mạng. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc. Trong bối cảnh đó, lúc bấy giờ, Đảng thừa nhận những cải cách văn hóa lúc này chỉ mang ý nghĩa dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để sau này. Đó chính là tư duy tôn trọng sự phát triển khách quan, không gò bó cứng nhắc theo kiểu rập khuôn máy móc, kìm hãm sự phát triển. Đảng khẳng định cuộc cách mạng văn hóa là một cuộc cách mạng lâu dài, bền bỉ, bởi công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới không phải một sớm, một chiều là có thể hoàn thành. Tính chất nền văn hóa xây dựng là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa cũng là mục tiêu mà Đảng đề ra<sup>3</sup>.

*Thứ hai*, Đề cương nêu tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam: Văn hóa mới Việt Nam do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo chủ trương chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa Xôviết. Văn hóa mới Việt Nam

1. Bộ Văn hóa - Thông tin: *60 năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2004, tr.41.

2. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia: *50 năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, *Sđd*, tr.11.

3. Xem Phạm Duy Đức: *Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay*, Nxb. Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội, 2010.

là một nền văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tâm dân chủ về nội dung...

*Thứ ba*, Đề cương đề cập mối quan hệ giữa văn hóa Việt Nam và cách mạng dân tộc giải phóng. Đảng khẳng định hai cuộc cách mạng này gắn bó mật thiết với nhau, trong đó cách mạng văn hóa phải dựa vào cách mạng giải phóng mới có điều kiện phát triển, cách mạng dân tộc giải phóng sẽ làm cho văn hóa Việt Nam có tính dân chủ và tính dân tộc chân chính, tiến bộ.

*Thứ tư*, Đề cương đề ra ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam ở nước ta giai đoạn này, đó là: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”. Theo đó, phương châm “dân tộc hóa” là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập; “đại chúng hóa” là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng và “khoa học hóa” là chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ.

Sau khi nêu ba nguyên tắc, Đề cương lưu ý “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trốn của bọn tởrốtkit”<sup>1</sup>. Ba nguyên tắc trên có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Đó là nền văn hóa mang đậm tính dân tộc, tính nhân dân và tính khoa học. Điều đó đã được đồng chí Trường Chinh thể hiện trong diễn văn kỷ niệm 40 năm ra đời *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (27/12/1983):

Một nền văn hóa dân tộc mà không có tính khoa học và tính nhân dân thì có thể vì quyền lợi ích kỷ và hẹp hòi của dân tộc mình mà đi ngược lại bước tiến hóa của lịch sử, cố níu lấy những cái cổ truyền đã lỗi thời của dân tộc mình mà không đặc biệt chú ý đến nguyện vọng thiết tha của công, nông là đa số người cần cù và yêu nước nhất trong dân tộc.

Văn hóa có tính khoa học mà không mang tính dân tộc và tính nhân dân thì rất có thể phục vụ khoa học của kẻ địch, đem lợi ích của mình phục vụ

---

1. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia: *50 năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, *Sđd*, tr.15-16.

bọn thống trị, phản lại quyền lợi của nhân dân, phản lại độc lập dân tộc và hòa bình trên thế giới.

Văn hóa có tính nhân dân mà không có tính dân tộc và tính khoa học thì sẽ trở nên hẹp hòi, chỉ nhìn thấy lợi ích của công, nông mà không chú ý đến lợi ích của dân tộc để kháng chiến thắng lợi; hoặc theo đuôi quần chúng, không làm cho họ ngày càng giác ngộ thêm về chính trị, hiểu biết thêm về khoa học, kỹ thuật để vận dụng vào sản xuất, chiến đấu và đời sống hằng ngày<sup>1</sup>.

Nói về tính dân tộc, Đặng Thai Mai cho biết: Tính dân tộc chưa được chú trọng đúng mức mấy năm trước, từ nay đã được nêu lên hàng đầu...

Tiếp theo “dân tộc hóa” là “đại chúng hóa”. Tổng Bí thư Trường Chinh chỉ rõ, nước ta lúc đó là một nước thuộc địa còn nhiều tàn tích phong kiến, hầu hết nhân dân mù chữ. Văn học, hội họa, âm nhạc và nhiều thể loại văn học khác không phục vụ nhân dân lao động, mà chủ yếu phục vụ giai cấp thống trị. Đa số nhân dân lao động bị gạt ra ngoài đời sống văn hóa. Vì thế, văn hóa mới phải là văn hóa của nhân dân, phục vụ nhân dân, phải làm cho mọi người biết đọc, biết viết, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo văn hóa, dẫn đến chiếm lĩnh các giá trị tinh thần mà dân tộc và nhân loại tạo ra.

Nguyên tắc “khoa học hóa” theo đồng chí Trường Chinh, nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, trì trệ lâu ngày dưới chế độ phong kiến, chịu ảnh hưởng nặng nề của hệ tư tưởng phong kiến. Những quan điểm duy tâm, thần bí siêu hình của văn hóa phong kiến, thực dân tồn tại dai dẳng, chi phối tâm lý và hành động của nhân dân. Tính chất bảo thủ còn in đậm trong nhiều phong tục, tập quán. Trong khi đó thực dân Pháp chẳng những không xóa bỏ tàn tích văn hóa phong kiến mà còn lợi dụng để thực hiện chính sách ngu dân của chúng<sup>2</sup>. Vì thế, “khoa học hóa là tạo điều kiện cho nền văn hóa dân chủ mới nhanh chóng thoát khỏi sự kìm hãm ấy, nhằm phát triển mọi mặt trên cơ sở khoa học. Nó lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam

1. Xem *Bốn mươi năm Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.

2. Xem Phạm Duy Đức: *Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay*, *Sđđ*, tr.53-54.

hướng dẫn mọi suy nghĩ và hành động. Nó gạt khỏi đầu óc mọi người các loại thành kiến hủ bại, mê tín, dị đoan”<sup>1</sup>.

Đề cương khẳng định tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam là văn hóa có tính dân tộc về hình thức, tính dân chủ về nội dung. Chính vì thế, nó cách mạng nhất và tiến bộ nhất ở Đông Dương giai đoạn này.

Đề cương văn hóa đã vạch ra phương hướng đấu tranh đúng đắn chống thực dân, phát xít, xây dựng đường lối văn hóa mới của Đảng, tập hợp các nhà văn hóa, trí thức để tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc.

*Thứ năm*, Đề cương đề cập đến những nhiệm vụ cấp bách của các nhà văn hóa mácxít:

Mục đích trước mắt của văn hóa Việt Nam là chống lại văn hóa phát xít, phong kiến thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân, phỉnh dân, phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương.

Công việc phải làm là: Cuộc đấu tranh chống những xu hướng, quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á có ít nhiều tai hại ở nước ta nhằm bảo vệ cho học thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Đề cương khẳng định: Ảnh hưởng của văn hóa phát xít làm cho tính chất phong kiến, nô dịch trong văn hóa Việt Nam mạnh lên, nhưng đồng thời chịu ảnh hưởng của văn hóa tân dân chủ, xu trào văn hóa mới của Việt Nam đang cố vượt hết mọi trở lực để nảy nở.

Đề cương cũng đề cập vấn đề tranh đấu về tiếng nói, chữ viết, đấu tranh chống các trường phái văn hóa phản động, nô dịch; tuyên truyền và xuất bản sách báo của Đảng, của các nhà văn hóa tiến bộ, chống nạn mù chữ...

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 với sứ mệnh lịch sử đặc biệt như một ngọn cờ tập hợp đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trí thức tham gia cách mạng, hướng đến cuộc đấu tranh giành độc lập, dân tộc. Từ khi ra đời, Đề cương đã thu hút được đông đảo trí tuệ của dân tộc trong và ngoài nước. Hội Văn hóa Cứu quốc ra đời và cơ quan ngôn luận của Hội là Tạp chí *Tiên phong* số 1 ra tháng 7/1944. Thời gian này, Đảng ta đề ra nhiệm vụ vận động tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên vào hàng ngũ cách mạng. Năm 1944, Đảng ta giúp một số trí thức yêu nước, tiến bộ thành lập Đảng Dân chủ

1. Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật*, *Sđd*, t.2, tr.360.

Việt Nam. Cơ quan ngôn luận của Đảng Dân chủ là tờ *Độc lập*<sup>1</sup>. Đồng chí Trường Chinh đã khẳng định sức mạnh tập hợp đó: “Trí thức Việt Nam không chịu nhục mất nước. Họ khao khát tự do. Với *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đảng chỉ cho họ đâu là lối thoát. Muốn giải phóng trí thức, giải phóng toàn thể dân tộc... Và giải phóng dân tộc là giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển một cách tự chủ, theo hướng tiến bộ... Đề cương về văn hóa Việt Nam đã vạch rõ con đường cách mạng để giải phóng trí tuệ và văn hóa trong sự nghiệp giải phóng chung của dân tộc”<sup>2</sup>. Tư tưởng Tổ quốc trên hết, “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi” của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là ngọn cờ đã tập hợp mọi giai tầng xã hội, thành phần giai cấp đi theo cách mạng, kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, nhân dân. Nói như GS. Trần Quốc Vượng: Thế hệ những người như cha ông còn rất xa lạ với đấu tranh giai cấp, lý tưởng cộng sản... Nhưng nghe và tin theo Bác Hồ, theo ngọn cờ yêu nước, đấu tranh để giành độc lập dân tộc mà nhập thế, trở thành những con người được giác ngộ lý tưởng xã hội theo quan niệm cộng sản<sup>3</sup>.

Đề cương văn hóa là kết quả của quá trình chuẩn bị công phu, khoa học, nghiêm túc, là kết tinh trí tuệ, kinh nghiệm tập thể của những nhà lý luận mácxít Việt Nam trong quá trình vận động văn hóa. Theo đánh giá của GS. Nguyễn Đức Bình (nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng): Đề cương văn hóa là đỉnh cao trí tuệ đương thời, là nhận thức sắc bén về tình hình, là dự báo khoa học về tương lai, là sức mạnh to lớn mà đất nước đang cần.

## II

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* như tên gọi mới là dạng đề cương, phác thảo một số luận điểm, luận cứ hoạt động của Đảng Cộng sản khi còn non trẻ

1. Xem *Lịch sử 80 năm ngành Tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam 1930-2010*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.46.

2. Trường Chinh: *Diễn văn đọc tại Lễ kỷ niệm lần thứ 40 ngày Đề cương văn hóa ra đời (1943-1983)*.

3. Xem Trần Quốc Vượng: *Theo dòng lịch sử*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1996.



trong điều kiện hoạt động bí mật. Nội dung Đề cương mới dừng lại ở những định hướng lớn, những nguyên tắc mang tính chất nền tảng, mới nêu ra những nguyên tắc hoạt động lớn mà chưa có điều kiện đi sâu vào những nội dung cụ thể, những quan hệ phức tạp trong một cương lĩnh văn hóa mới<sup>1</sup>. Vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam. Dù ở dạng sơ lược, nhưng Đề cương văn hóa đã có vai trò rất lớn, định hướng xuyên suốt hoạt động trên mặt trận văn hóa, văn nghệ của Đảng và có ý nghĩa rất lớn đối với việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam.

Kể từ khi ra đời đến nay tròn 80 năm, từ thực tiễn đường lối văn hóa, văn nghệ Việt Nam cho thấy tinh thần bản Đề cương vẫn hiện hữu trong các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị, kết luận chỉ đạo của Đảng; là kim chỉ nam cho dân tộc ta trên mặt trận văn hóa, văn nghệ; là ngọn đuốc soi sáng mãi cho những người làm công tác văn hóa, văn nghệ trong giai đoạn mới của cách mạng. Đề cương văn hóa ra đời, văn hóa, văn nghệ được đặt vào đúng quỹ đạo và từ đó đến nay bản Đề cương vẫn là ngọn đuốc soi sáng mãi cho những người làm công tác văn hóa, văn nghệ trong giai đoạn mới của cách mạng<sup>2</sup>.

Đề cương đã xác định những định hướng mới về nhận thức, hành động thực tiễn cho nền văn hóa của Đảng. Tinh thần bản Đề cương với giá trị cốt lõi (dù còn sơ khai), nhưng luôn được phát triển, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn đất nước ở từng giai đoạn lịch sử. Có thể thấy các văn kiện định hướng quan trọng của Đảng sau này được soi sáng từ Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943. Trên nền tảng ban đầu, tác giả soạn thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam* lại tiếp tục phát triển, bổ sung, mở rộng trong định hướng chỉ đạo về văn hóa trong các văn kiện, như: “Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam” (9/1944), “Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam” (1948), “Phấn đấu cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội” (1957)...

---

1. Xem Phạm Quang Long: “Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943: Ngọn cờ tập hợp trí thức tham gia cách mạng”. <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/de-cuong-van-hoa-viet-nam-nam-1943-ngon-co-tap-hop-tri-thuc-tham-gia-cach-mang-143386>.

2. Xem Trường Chinh: *Về văn hóa - văn nghệ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2006, tr.15.

Trong “Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam” (đăng báo Tiên phong số 2, ngày 1/12/1944), đồng chí Trường Chinh đã chỉ ra ba căn bệnh của văn hóa dân tộc: 1- Nước ta là một thuộc địa dưới quyền thống trị của đế quốc Pháp; văn hóa Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng tai hại làm cho nó bị nô dịch và chia rẽ, phát triển không đều; thiếu hẳn tinh thần độc lập, tự do và dân tộc thống nhất... “lại lấy việc Âu hóa hay Nhật hóa làm vinh”, “văn học, hội họa, âm nhạc... có xu hướng Pháp hóa, hay Nhật hóa đến nỗi có khi mất cả bản sắc văn hóa dân tộc”... 2- Nước ta là một nước nông nghiệp... Không mấy ai để ý khoa học... óc khoa học của đồng bào ta vì thế rất mỏng manh, kém cỏi. Trình độ khoa học kém cỏi đó ảnh hưởng không tốt đến các ngành văn học, nghệ thuật”... 3- Một nước còn nhiều tàn tích phong kiến lại là thuộc địa như nước ta, quyền kinh tế, chính trị... Ở nước ta, bệnh mù chữ không kém nạn đói<sup>1</sup>...

Đề cương văn hóa đã nêu vấn đề “tranh đấu về tông phái văn nghệ”, phê phán những hạn chế của chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng... “làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng”<sup>2</sup>, nhưng chưa nêu được vấn đề hiện thực xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Phải sau Đề cương văn hóa năm 1943, luận điểm này mới được đồng chí Trường Chinh trình bày tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 1948, Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II (1957), Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ III (1962), Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ IV (1968). Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (1948), Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày bản báo cáo “Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam”. Tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II, ông đã đọc báo cáo “Phấn đấu cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội”. Tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ III, đồng chí đã phát biểu bản báo cáo “Tăng cường tính Đảng, đi sâu vào cuộc sống mới để phục vụ cách mạng tốt hơn nữa”. Tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ IV, đồng chí Trường Chinh nêu quan điểm đường lối văn nghệ của Đảng. Kế thừa ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa”, tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II (1957), lần III (1962), đồng chí Trường Chinh

---

1, 2. Trường Chinh: *Về văn hóa - văn nghệ*, Sđd, tr.62-63, 31.

đã đưa ra yêu cầu “Muốn xây dựng nền văn nghệ chủ nghĩa xã hội, phải có những văn nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa”.

Kể từ khi ra đời cho đến nay, tinh thần bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn nguyên giá trị, vẫn giữ tính nhất quán về đường hướng phát triển, nguyên tắc chỉ đạo, có sức lan tỏa, định hướng, lãnh đạo, chỉ đạo nền văn hóa Việt Nam. Đề cương văn hóa năm 1943 đã thực sự mở đường cho đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng; tiếp tục kế thừa, phát triển, bổ sung trong những văn kiện của Đảng.

Là cương lĩnh về văn hóa đầu tiên của Đảng, bản Đề cương là ánh sáng soi đường, đảm nhận sứ mệnh lịch sử quan trọng đối với việc xây dựng, sự phát triển văn hóa Việt Nam, càng có ý nghĩa hơn trong công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Ba nguyên tắc trong Đề cương: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” đã được bổ sung, điều chỉnh ở giai đoạn sau và có ý nghĩa lớn trong chỉ đạo, xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc. Năm 1944, đồng chí Trường Chinh đã chỉ ra, văn hóa Việt Nam - hay nói cho đúng văn hóa hợp pháp Việt Nam hiện nay mang 3 nhược điểm, ba căn bệnh lớn: phản dân tộc, phản khoa học, phản đại chúng. Vì thế, “phải kíp lập một mặt trận chống ba căn bệnh của văn hóa Việt Nam hiện tại. Cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam lúc này phải theo ba nguyên tắc, ba khẩu hiệu: Dân tộc hóa, Khoa học hóa, Đại chúng hóa. Phàm cái gì chống lại tinh thần dân tộc độc lập và thống nhất, phải thẳng cánh đập tan... phải kiên quyết bài trừ... phải nhất luận phê phán”<sup>1</sup>...

Sau khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, Trung ương Đảng đã triệu tập một số văn nghệ sĩ dự Hội nghị thảo luận ba nguyên tắc: dân tộc, đại chúng, khoa học và thành lập Hội Văn hóa cứu quốc. Ngày 11/6/1945, một số văn nghệ sĩ phụ trách Hội Văn hóa cứu quốc đã họp bàn việc thực hiện Đề cương văn hóa của Đảng, xuất bản báo Tiên tuyến (sau này là tạp chí Tiên phong). Trong kế hoạch làm việc, Hội chủ trương ủng hộ phong trào cứu quốc và chống lại những xu hướng phản động; sửa soạn kiến thiết nền tân văn hóa và sau khi cách mạng thành công. Hội nghị định hướng những công việc cần làm ngay: sưu tầm, phổ biến những sách, báo nghiên cứu

1. Trường Chinh: *Về văn hóa - văn nghệ*, Sđd, tr.70-71.

về chủ nghĩa Mác; xây dựng nội dung báo *Tiên tuyến* gồm 4 mục, trong đó có mục Đề cương văn hóa.

Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng giai đoạn 1930-1945 đỉnh cao là *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 thể hiện sự trưởng thành của Đảng về tư tưởng, lý luận, tổ chức. Xuyên suốt trong đường lối văn hóa của Đảng giai đoạn này là mục tiêu và nhiệm vụ đấu tranh chống văn hóa nô dịch, phản động, xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng.

Đề cương văn hóa đã thể hiện nhận thức sắc bén về tình hình, là dự báo khoa học về tương lai, là kết tinh đỉnh cao trí tuệ của Đảng. “Đề cương văn hóa đã trở thành một nguồn lực cách mạng mới, với nghĩa là nó không phải chỉ là lý trí, là đường lối, chủ trương chung, mà còn là tình cảm, là hành động thực tiễn, là mối dây liên kết giữa Đảng với dân tộc (đặc biệt là giới văn hóa, văn nghệ), là nét gạch nối giữa hiện tại với quá khứ và với cả tương lai”<sup>1</sup>.

Có thể nói, lịch sử văn hóa Việt Nam chính thức mở ra những trang mới từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” về cơ bản là sự phát triển trên cơ sở ba nguyên tắc: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” của Đề cương văn hóa năm 1943. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, ba nguyên tắc trên luôn được vận dụng trong thực tế và thực sự đã trở thành những phương châm cơ bản cho một cuộc cách mạng văn hóa. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã nêu lên mục tiêu và những nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” đặt ra mục tiêu: “Tập trung mọi nguồn lực xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhân cách con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về chân, thiện, mỹ của các tầng lớp nhân dân; phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, xây dựng

---

1. Huỳnh Quốc Thắng: “Đề cương văn hóa năm 1943: Giá trị lịch sử và ý nghĩa đối với tương lai là dân tộc”, VHO, ngày 13/2/2023.

và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>. Sau 15 năm, Đảng ta tổng kết Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII; ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, tiếp tục nhấn mạnh tính chất của nền văn hóa thể hiện trong quan điểm chỉ đạo: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học...”<sup>2</sup>. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc...”<sup>3</sup>.

Đại hội VII của Đảng (6/1991) đã đề ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1990-2000) khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Việc khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, đánh dấu một bước tiến mới về đổi mới nhận thức và tư duy lý luận của Đảng. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII tiếp tục khẳng định: “*Tư tưởng, đạo đức và lối sống* là những lĩnh vực then chốt của văn hóa”<sup>4</sup>.

Nghị quyết số 23-NQ/TW khóa X đã xác định “Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam”<sup>5</sup>; chú trọng “Xây dựng, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ Việt Nam một cách toàn diện cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.67, tr.652.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.48.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.330.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.57, tr.294.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.67, tr.653.

loại hình, có các thể hệ nối tiếp nhau vững chắc, có tình yêu Tổ quốc nồng nàn, gắn bó sâu sắc với nhân dân, với sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo”<sup>1</sup>.

Ngay từ đầu Đề cương, Đảng đã xác định cách mạng văn hóa có vai trò quan trọng không tách rời cách mạng kinh tế và cách mạng chính trị. Ở mỗi thời kỳ lịch sử, Đảng luôn vận dụng linh hoạt, khéo léo. Thời điểm Đề cương ra đời, Đảng ưu tiên trước cách mạng chính trị để tạo tiền đề cho kinh tế và văn hóa phát triển. Văn hóa với tư cách là vũ khí tuyên truyền lợi hại sắc bén đã góp sức mình trong công cuộc cách mạng của dân tộc<sup>2</sup>. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đã xác định 5 quan điểm chỉ đạo, trong đó quan điểm 1 ngoài thừa kế từ Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước” đã phát triển thêm một ý quan trọng từ tinh thần của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”.

Phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021 triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về lĩnh vực văn hóa, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của văn hóa: Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn... Văn hóa là một phạm trù rất rộng... Đến nay, trên thế giới có tới gần 200 định nghĩa khác nhau về văn hóa. Nhưng chung quy có thể hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Nghĩa rộng: thì văn hóa là trình độ phát triển về tinh thần và vật chất của nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định (thời kỳ đồ đá, thời kỳ đồ đồng,... văn hóa Đông Sơn, văn hóa lúa nước,...). Nghĩa hẹp: thì văn hóa là những hoạt động tinh thần của một xã hội, gồm có những lĩnh vực: giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật, đạo đức (lối sống, cách cư xử, ứng xử giữa người với người,...)<sup>3</sup>.

\*

\* \*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.67, tr.653.

2. Giáo trình của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Nxb. Lý luận Chính trị, tr.100.

3. Xem Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.157-177.

Sự ra đời của Đề cương văn hóa đã đáp ứng được đòi hỏi của lịch sử, của thực tiễn cách mạng do Đảng lãnh đạo. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 chính là cái gốc của đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng; là một văn kiện đã đặt nền móng, mở đường cho việc xây dựng lý luận văn hóa cách mạng ở Việt Nam; là ngọn cờ tập hợp đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ nước nhà hăng hái tham gia, phụng sự sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. 80 năm qua, Đảng ta đã có nhiều văn kiện chỉ đạo lĩnh vực văn hóa, văn nghệ phù hợp với từng thời kỳ lịch sử; nhưng Đề cương văn hóa vẫn giữ nguyên giá trị lý luận và thực tiễn; định hướng lâu dài cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam và mang tầm vóc cương lĩnh của Đảng.

**PHÁT HUY GIÁ TRỊ  
CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”  
TRONG ĐẤU TRANH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG  
CỦA ĐẢNG, PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI,  
THÙ ĐỊCH TRÊN LĨNH VỰC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ**

PGS.TS. ĐOÀN MINH HUẤN\*

Những tư tưởng văn hóa lớn thường ra đời vào bối cảnh chuyển tiếp mang tính cách mạng, có ý nghĩa đột phá, giải phóng văn hóa, nghệ thuật khỏi sự cầm tù của các tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, khai sáng cái mới, tạo tiền đề ý thức - tư tưởng cho cách mạng xã hội. Mở đường cho cái mới, cái tiến bộ ra đời và phát triển, đòi hỏi tư tưởng - lý luận văn hóa phải thể hiện tinh thần đấu tranh với cái ác, cái xấu, cái lạc hậu, thoái bộ. Ra đời trong bối cảnh cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc nước ta chuyển biến nhanh chóng, *Đề cương về văn hóa Việt Nam*<sup>1</sup> (sau đây gọi tắt là Đề cương) không chỉ mang ý nghĩa kiến tạo xây dựng nền văn hóa cách mạng, mà còn hiện thân cho tinh thần đấu tranh chống lại chính sách văn hóa thực dân, phát xít, chống lại các tư tưởng phản động hoặc những luận thuyết, trào lưu văn nghệ không có lợi cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc lúc bấy giờ.

Đề cương ra đời vào năm 1943 - khi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đang chuyển sang giai đoạn chuẩn bị trực tiếp cho đấu tranh giành chính quyền. Thực dân Pháp và phát xít Nhật đều ra sức lôi kéo, ru ngủ trí thức,

---

\* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

1. Được thông qua tại Hội nghị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng vào tháng 2/1943, họp tại Võng La, Đông Anh, Phúc Yên.



văn nghệ sĩ, thực hiện các chính sách đầu độc về tư tưởng, hủy hoại nền văn hóa dân tộc với cường độ chống phá lớn hơn và thủ đoạn xảo quyệt hơn, mưu toan làm suy yếu sức mạnh cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Trước chính sách của Pháp, Nhật, trí thức, thanh niên nói chung và văn nghệ sĩ nói riêng phân hóa: một bộ phận lớn lừng chừng, thờ ơ với thời cuộc, vùi đầu vào “tháp ngà nghệ thuật”, lảng tránh trách nhiệm xã hội của người cầm bút; một số bị cuốn vào các tổ chức và hoạt động do Pháp, Nhật lập ra, quên đi nhiệm vụ cứu nước, thậm chí có người còn cam tâm làm bồi bút, tay sai; một bộ phận không nhỏ có tinh thần yêu nước, chống Pháp - Nhật, có cảm tình với Việt Minh. Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng tháng 2/1943 chỉ rõ: “Văn hóa hết sức bị kìm hãm, bất cứ cái gì có ý nghĩa tuyên truyền và giải trí công chúng đều bị kiểm duyệt. Các nhà văn cấp tiến bị hạ ngục hay đe dọa. Nhưng một nhóm văn sĩ liếm gót giày, lĩnh phụ cấp ra sách báo, bợ đỡ Nhật - Pháp và ca ngợi tục lệ phong kiến giạt lùi”<sup>1</sup>. Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương: “Vận động văn hóa - Đảng cần phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa đặng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa phát xít thụt lùi. Ở những đô thị văn hóa như Hà Nội, Sài Gòn, Huế, v.v. phải gây ra những tổ chức văn hóa cứu quốc và phải dùng những hình thức công khai hay bán công khai đặng đoàn kết các nhà văn hóa và trí thức (ví dụ có thể tổ chức những nhóm “văn hóa tiên phong”, “nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác”, “nhóm nghiên cứu lịch sử Việt Nam”), v.v.”<sup>2</sup>.

Được rọi sáng bởi tinh thần đó, cuộc đấu tranh trên địa hạt tư tưởng, văn hóa trở thành một mặt trận nóng bỏng, có quan hệ trực tiếp đến toàn bộ sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Kiến tạo nền văn hóa mới và đấu tranh với các chính sách văn hóa thực dân, phản động trở thành hai mặt của cuộc cách mạng văn hóa, có quan hệ thúc đẩy nhau. Không thể kiến tạo nền văn hóa mới nếu không bắt đầu bằng đấu tranh, bóc trần chính sách văn hóa phản động của thực dân, phát xít đang tiêm nhiễm, cổ xúy các tư tưởng lạc hậu, dị đoan, đầu độc tinh thần nhân dân ta. Đấu tranh với các tư tưởng, chính sách

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.283, 301.

sách văn hóa thực dân, bóc trần bản chất phản động và tính nguy hiểm, độc hại của nó trở thành nhiệm vụ cấp bách trong cuộc cách mạng văn hóa. Vì vậy, ngay từ lý do ra đời, nội dung của Đề cương đã toát lên tinh thần chiến đấu mạnh mẽ với các tư tưởng, chính sách văn hóa phản động của thực dân Pháp, phát xít Nhật và phong kiến tay sai.

**1. Đề cương đã bóc trần bản chất phản động trong chính sách văn hóa của thực dân Pháp và phát xít Nhật, nguy cơ hủy hoại nền văn hóa dân tộc, đầu độc nhân dân, ru ngủ trí thức, văn nghệ sĩ, mưu toan làm cho họ quên đi trách nhiệm xã hội của người cầm bút trong sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Đề cương minh định nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” trong cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận văn hóa**

Trong bối cảnh phong trào giải phóng dân tộc lên cao, cả Pháp và Nhật càng lo sợ thì càng tìm cách đối phó, gia tăng mức độ sử dụng các công cụ tư tưởng, văn hóa mưu toan đánh lạc hướng dư luận, ru ngủ nhân dân, phân hóa, lôi kéo trí thức văn nghệ sĩ còn lừng chừng, hoang mang, bế tắc trước thời cuộc. Cường độ sử dụng công cụ tư tưởng, văn hóa được Đề cương vạch rõ ở cả đàn áp, cấm đoán các nhà tư tưởng, văn hóa tiến bộ và thành lập các cơ sở truyền bá văn hóa phẩm, thể thao, tổ chức triển lãm, diễn thuyết, ca kịch, chiếu bóng, trao đổi du học sinh...

Nếu trong chế độ thuộc địa truyền bá tư tưởng phản động là chủ trương nhất quán, xuyên suốt thì trong điều kiện chính quyền thực dân bị phát xít hóa càng lộ rõ tính phản động tột cùng. Việc nhồi sọ tư tưởng “Đại Đông Á” của phát xít Nhật hay cổ xúy các tư tưởng thần bí, hoài nghi, gieo rắc nỗi bi quan trong nhân dân của thực dân Pháp không khác gì đưa “thuốc độc tinh thần” vào đầu óc con người. Tính nguy hiểm của Nhật là lợi dụng tâm lý căm ghét, tinh thần chống Pháp của nhân dân ta mà đưa ra thuyết “anh cả da vàng”, tuyên truyền “chủ nghĩa Đại Đông Á”, làm cho không ít người ngộ nhận tưởng Nhật là “cứu tinh” cho người da vàng và văn hóa Nhật Bản đang “chiếu rọi những tia sáng văn minh tiến bộ cho các giống nòi Đại Đông Á”<sup>1</sup>.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.318.*

Đề cương vạch rõ thực dân Pháp và phát xít Nhật không từ một mưu mô, thủ đoạn nào, như trấn áp, khủng bố, bắt bớ, giam cầm, hăm dọa, mua chuộc các nhà tư tưởng, văn nghệ sĩ tiến bộ, phân hóa lực lượng dân tộc; kiểm duyệt chặt chẽ mọi văn hóa phẩm; nâng đỡ, cấu kết với nhiều tổ chức tôn giáo để tuyên truyền cho các tư tưởng duy tâm thần bí gắn với dung dưỡng các hủ tục, tiếp tục cầm tù nhân dân ta trong vòng tăm tối, lạc hậu; làm ra vẻ sẵn sàng, quan tâm kiểu mị dân bằng cách cho lập trường cao đẳng thể dục, tổ chức các “phong trào thể thao”, các hoạt động hướng đạo sinh... làm cho người dân quên đi thân phận nô lệ, mất nước. Nhập khẩu các văn hóa phẩm cổ xúy cho tư tưởng lãng mạn, yếm thế,... để tuyên truyền trong thanh niên, thúc đẩy tư tưởng hoài nghi, làm cho người dân rơi vào bế tắc, bi quan, suy sụp tinh thần, không thấy lối thoát, triệt tiêu nhuệ khí dân tộc.

Đề cương sau khi nêu nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” đều giải nghĩa nội dung đấu tranh với mọi biểu hiện phản dân tộc, phản đại chúng và phản khoa học. Chữ “hóa” có nội dung rộng hơn, bao hàm cả “xây” và “chống”, nhưng việc giải nghĩa cho các nhiệm vụ “chống” có ý nghĩa như chỉ ra công việc cấp bách lúc bấy giờ của văn hóa, nghệ thuật. Chỉ có chống lại các chính sách văn hóa phản động của Pháp, Nhật - những kẻ vừa thống trị về chính trị, vừa áp bức về xã hội, vừa nô dịch về văn hóa - thì mới xóa bỏ được lực cản lớn nhất, cơ bản nhất để mở đường cho cách mạng văn hóa, làm cho nền văn hóa mới nảy nở và phát triển.

“Dân tộc hóa” là trực tiếp hướng vào “chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”<sup>1</sup>. Điều này được Đề cương nêu rõ khi xác định mục đích của chúng ta là “chống lại văn hóa phát xít phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉnh dân. Phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương”<sup>2</sup>. Đây là vấn đề nóng bỏng, cấp bách, nằm trong tổng thể công cuộc cứu nước, giải phóng dân tộc, trong đó có xóa bỏ văn hóa nô dịch, phá tan mọi xiềng xích tư tưởng, văn hóa của thực dân, phát xít. Nếu chữ “hóa” thông thường để chỉ quá trình chuyển hóa, biến đổi

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.23-24, 26-27.

một sự vật từ thuộc tính này thành thuộc tính khác, thì “dân tộc hóa” là một sự nghiệp lớn lao, phức tạp hơn nhiều, làm cách mạng văn hóa thay cái cũ bằng cái mới trước hết thông qua cách mạng xã hội lật đổ chế độ thực dân, khôi phục nền độc dân tộc. Vì vậy, “dân tộc hóa” của Đề cương bao hàm tính chiến đấu quyết liệt trên địa hạt tư tưởng, văn hóa để phi thực dân hóa, loại bỏ các yếu tố thoái bộ, khằng định và phát triển nền văn hóa mang bản sắc dân tộc. Đối tượng đấu tranh không chỉ các tư tưởng thực dân, phát xít, mà ngay kể cả các tư tưởng triết học, văn học, nghệ thuật theo xu hướng hoài nghi, bi quan, yếm thế đang bị chế độ thực dân lợi dụng ru ngủ nhân dân, có hại cho cứu nước, cũng cần phải đấu tranh kiên quyết. Nói cách khác, trọng tâm của “dân tộc hóa” về mặt văn hóa lúc này chính là làm thất bại mọi tư tưởng, chính sách văn hóa phản động của thực dân, phát xít đang đầu độc nhân dân ta, gây hại cho sự nghiệp giải phóng dân tộc trước mắt và để lại nhiều hệ lụy lâu dài.

“Đại chúng hóa” là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc lừa phỉnh, mị dân, xảo trá, không xuất phát từ nhu cầu văn hóa của nhân dân, có hại cho đất nước. Đây là nguyên tắc bao hàm cả tính chất “xây” và “chống” trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Xét về mặt “chống”, đó là lật tẩy, đấu tranh không khoan nhượng với mọi tư tưởng, mọi thủ đoạn đầu độc tinh thần nhân dân ta, những hoạt động lố bịch núp bóng văn hóa, thể dục, thể thao để lừa phỉnh, ru ngủ nhân dân. Đại chúng hóa được biểu hiện ở thúc đẩy các hoạt động văn hóa thật sự của quần chúng, có sức hấp dẫn, lôi cuốn quần chúng tham gia với tư cách là chủ thể sáng tạo văn hóa và thụ hưởng văn hóa. Trong chế độ cai trị hà khắc của thực dân, sử dụng các tổ chức quần chúng để thúc đẩy các hoạt động văn hóa hợp pháp, nửa hợp pháp có tác dụng rất lớn cho giáo dục, tập hợp nhân dân, bao gồm cả đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ. Chỉ có những tổ chức thật sự mang tính quần chúng sâu sắc thì mới đem lại giá trị tích cực cho quần chúng. Hội Truyền bá quốc ngữ là một tổ chức văn hóa mang tính quần chúng sâu sắc, giúp nhân dân ta từng bước làm chủ tiếng nói, chữ viết dân tộc, vừa nâng cao dân trí, dân khí, vừa khằng định cốt cách dân tộc.

“Khoa học hóa” là chống lại những gì làm cho văn hóa trái với khoa học, phản tiến bộ, hướng tới văn minh. Phải đặt trong bối cảnh thực dân Pháp, phát xít Nhật và chính quyền tay sai lợi dụng các tư tưởng thần bí, duy tâm, dị đoan để ru ngủ nhân dân thì văn hóa với chức năng khai sáng phải tự xác định nhiệm vụ đấu tranh chống lại các tư tưởng lạc hậu, làm cho văn hóa thật sự hướng tới giá trị chân - thiện - mỹ. Đề cương kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm... Nhiệm vụ phải làm lúc này là đấu tranh về học thuyết, tư tưởng, đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á có ít nhiều ảnh hưởng tai hại ở nước ta, làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng thế; tranh đấu tông phái văn nghệ như chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng,... làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng thế. Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết, như thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói, ấn định mẹo văn (nguyên tắc, cấu trúc ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ - tác giả chú) của văn hóa, cải cách chữ quốc ngữ.

## **2. Đề cương khẳng định Đảng phải nắm lấy, giữ vững vai trò lãnh đạo trên mặt trận văn hóa, nghệ thuật; sử dụng đa dạng, linh hoạt phương thức đấu tranh trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ**

Ngay từ “Cách đặt vấn đề” của Đề cương đã nêu rõ thái độ của Đảng ta đối với mặt trận văn hóa - một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) - mà người cộng sản phải hoạt động. Đảng không chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa; có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới có ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới hiệu quả. Qua cách trình bày của Đề cương cho thấy, Đảng sử dụng rất nhiều phương thức lãnh đạo văn hóa như lãnh đạo thông qua công tác tư tưởng, lãnh đạo thông qua tổ chức, lãnh đạo bằng cá nhân đảng viên, lãnh đạo bằng tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, bảo vệ lợi ích thiết thực cho trí thức, văn nghệ sĩ... Có cả những hình thức đấu tranh trực diện và những hình thức đấu tranh gián tiếp thông qua phong trào quần chúng hợp pháp, nửa hợp pháp.

Đấu tranh trên địa hạt tư tưởng, văn hóa là lĩnh vực rất phức tạp, kẻ thù sử dụng muôn vàn mưu mô tinh vi, xảo quyệt, nếu thiếu cơ sở phương pháp

luận đúng đắn thì vũ khí tư tưởng, văn hóa không phát huy được tác dụng. Đề cương khẳng định, trong đấu tranh với các học thuyết, tư tưởng, tông phái văn nghệ phải dựa vào chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Chỉ trên nền tảng tư tưởng - lý luận văn hóa, văn nghệ mácxít mới bóc trần được bản chất các thủ đoạn của Pháp, Nhật; xử lý mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị phù hợp với thực tiễn công cuộc cứu nước, giải phóng dân tộc; giải quyết hợp lý những công việc cần kíp trước mắt và nhiệm vụ cách mạng văn hóa sau khi giành được độc lập dân tộc; đánh giá đúng đắn các mặt giá trị và phản giá trị, chức năng và phản chức năng của các sản phẩm văn hóa được truyền bá, ảnh hưởng lúc bấy giờ. Trong một bối cảnh mà nhiều nhà văn hóa, văn nghệ sĩ mất phương hướng, như dòng văn học hiện thực phê phán suy giảm tính chiến đấu, suy yếu năng lực phê phán, thậm chí đi vào những vấn đề thân phận cá nhân con người, trong khi vấn đề lớn là cứu nước, giải phóng dân tộc; văn học lãng mạn sau thời kỳ phát triển mạnh mẽ đã rơi vào khủng hoảng, bế tắc, thậm chí xuất hiện các mầm mống bệnh hoạn, có hại cho cách mạng, cho nhân dân... thì quan điểm phương pháp luận mácxít giúp cho không ít nhà văn hóa, văn nghệ sĩ lấy lại tinh thần, phản tỉnh trước thời cuộc, xác định đúng trách nhiệm xã hội của người cầm bút. Dựa trên nền tảng tư tưởng - lý luận của Đề cương mà tác phẩm *Văn học khái lược* của Đặng Thai Mai ra đời một năm sau đó đã phân tích, lý giải nhiều vấn đề văn học theo quan điểm mácxít có hệ thống<sup>1</sup>, góp phần giúp không ít nhà văn định hình lại tâm thế, nhận rõ trách nhiệm trước dân tộc, trước xã hội, khắc phục các biểu hiện bi quan, hoài nghi, mất phương hướng trước đó.

Đề cương chủ trương sử dụng đa dạng phương pháp tổ chức, vận động, tập hợp lực lượng đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Phương thức đấu tranh trên trận địa tư tưởng, văn hóa, văn nghệ được Đề cương chỉ rõ là: lợi dụng tất cả khả năng công khai và bán công khai để tuyên truyền, xuất bản, tổ chức các nhà văn, tranh đấu giành lại quyền lợi thực tại cho các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ...; phối hợp phương pháp bí mật và công khai thống nhất

---

1. Xem Phạm Quang Long: “Vị trí và vai trò của văn hóa trong thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945”, ngày 30/8/2018, <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/vi-tri-va-vai-tro-cua-van-hoa-trong-thang-loi-cua-cach-mang-thang-tam-nam-1945.html>.

mọi hoạt động văn hóa tiến bộ dưới quyền lãnh đạo của đảng vô sản mácxít<sup>1</sup>. Thành công nổi bật sau khi Đề cương ra đời là thành lập Hội Văn hóa cứu quốc tập hợp được đông đảo các nhà văn hóa, văn nghệ sĩ có uy tín làm nòng cốt cho phong trào văn hóa, văn nghệ. Thông qua Hội, Đảng ta đã tập hợp, giáo dục, vận động, định hướng cho văn nghệ sĩ hướng văn hóa, văn nghệ phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ cứu nước, giải phóng dân tộc. Khi dư địa cho đấu tranh công khai không còn như những năm 1936-1939, Đảng chủ trương sử dụng các hình thức đấu tranh phù hợp, đặc biệt là thúc đẩy hoạt động của Hội Truyền bá quốc ngữ và lợi dụng các tổ chức đoàn thể do Pháp, Nhật lập ra để gây ảnh hưởng, tuyên truyền tinh thần yêu nước, giác ngộ, giúp họ hiểu rõ Việt Minh, thúc đẩy các hoạt động có lợi cho cách mạng, hạn chế những tác hại trước thủ đoạn chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa của Pháp, Nhật.

### **3. Giá trị lý luận và thực tiễn của Đề cương tiếp tục rọi sáng công cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong giai đoạn hiện nay**

Đề cương được xem như cương lĩnh văn hóa soi đường, dẫn lối, thúc đẩy mặt trận văn hóa trong sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới sau ngày giành độc lập, thống nhất. Nhìn từ cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay, Đề cương vẫn thổi hơi nóng mang tính thời sự:

- Đề cương ra đời từ yêu cầu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trong một thời đoạn đặc biệt khó khăn với nhiều thử thách cam go, tự nó mang đầy khí phách, bản lĩnh và tinh thần chiến đấu. Tinh thần của Đề cương cho thấy, còn mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc thì đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, văn hóa luôn là vũ khí phê phán trọng yếu mà Đảng phải nắm lấy, sử dụng để bảo vệ chân lý, lẽ phải, bảo vệ lợi ích của giai cấp và dân tộc, đấu tranh với cái xấu, cái ác, cái thoái bộ, cổ vũ và thúc đẩy giá trị chân - thiện - mỹ, mở đường cho cách mạng xã hội. Tư tưởng chỉ đạo phàm những gì phản dân tộc, phản nhân dân, phản khoa học đều phải chống lại, kiên quyết

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.320-321.

đấu tranh vẫn còn nguyên giá trị cho hôm nay và mai sau. Cách thức xây dựng nền văn hóa mới phải bắt đầu từ chống lại cái phản động, thoái bộ, gán cách mạng văn hóa với cách mạng xã hội vẫn tiếp tục rọi sáng công tác tư tưởng, văn hóa. Điều này cũng đòi hỏi công cuộc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc phải đặt nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng, văn hóa đúng tâm của nó, nhất là trong thời đại số xuất hiện không ít văn hóa phẩm ngoại lai không phù hợp cho xây dựng, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, thậm chí có cả nguy cơ xâm lăng văn hóa, đe dọa lợi ích quốc gia - dân tộc. Không chỉ đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, phản động mới cần đến vũ khí tư tưởng, văn hóa, mà kể cả muốn có hợp tác, hội nhập văn hóa hiệu quả cũng cần phải có định hướng tư tưởng - lý luận văn hóa đúng đắn, sáng suốt. Thiếu những tác phẩm văn học, nghệ thuật xứng tầm sự nghiệp đổi mới, trong nhiều trường hợp không hẳn do thiếu nguồn lực đầu tư, mà quan trọng hơn là tư tưởng - lý luận văn hóa, văn nghệ chưa đủ năng lực định hướng, dẫn dắt. Từ tinh thần của Đề cương cho thấy, muốn phát triển nền văn hóa dân tộc thì phải bắt đầu từ nâng tầm công tác tư tưởng - lý luận văn hóa, văn nghệ, làm cho nó đủ sức định hướng, dẫn dắt, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước thời kỳ mới.

- Giá trị lý luận và thực tiễn của Đề cương cho thấy, nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng - lý luận văn hóa, văn nghệ luôn đặt ra ở mọi thời kỳ, nhưng tùy từng bối cảnh và mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng cụ thể mà lựa chọn nội dung đấu tranh phù hợp. Chủ nghĩa đế quốc văn hóa vẫn tồn tại dưới nhiều hình thức đa dạng, tinh vi, được truyền bá qua các học thuyết chính trị - an ninh, qua sức mạnh mềm, qua du học, qua xuất - nhập khẩu văn hóa phẩm, qua các nền tảng số xuyên biên giới... Các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị không từ một thủ đoạn nào mưu toan phủ nhận thành tựu của nền văn nghệ cách mạng, xuyên tạc đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, cố xúi cho cái gọi là “văn nghệ độc lập với chính trị”, ra sức kích động, lôi kéo trí thức, văn nghệ sĩ qua không gian mạng. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” ban hành kịp thời đã có tác dụng định hướng tư tưởng - lý luận, tập hợp lực lượng, tổ chức các phương thức đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung



và tư tưởng văn hóa, văn nghệ nói riêng. Chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, văn nghệ rất phức tạp; có hoạt động công khai chống phá trắng trợn; có hoạt động xuyên tạc, chống phá tinh vi núp bóng các hình tượng văn học, nghệ thuật; có hoạt động chống phá từ bên trong, hoặc từ bên ngoài; có hoạt động cấu kết, phối hợp trong - ngoài... Không ít người cầm bút lừng chừng, ngả nghiêng, dao động; có người đã từng tham gia cách mạng chuyển sang “trở cờ”, “sám hối”, phủ nhận cả những “đứa con tinh thần” của mình trước đây. Từ tinh thần của Đề cương cho thấy, muốn đấu tranh có hiệu quả thì phải nhận diện đúng các biểu hiện chống phá, cơ hội, suy thoái tư tưởng chính trị hoặc hành vi có nguy hại đến tư tưởng, văn hóa, trên cơ sở đó mới xác định đúng phương pháp đấu tranh từng đối tượng. Không gian mạng đang trở thành mặt trận chính của cuộc đấu tranh tư tưởng, văn hóa, văn nghệ mà chúng ta phải nắm lấy, giữ vững tính chủ động và tổ chức lực lượng đấu tranh một cách kiên quyết, đồng bộ thông qua cả đấu tranh chính trị, tư tưởng, kinh tế, pháp lý, hành chính...

- Phương thức lãnh đạo của Đảng có vai trò đặc biệt quan trọng bảo đảm thành công của công cuộc đấu tranh trên địa hạt tư tưởng, văn hóa. Đề cương ra đời xác định các phương pháp, hình thức, cách thức lãnh đạo đa dạng, linh hoạt của Đảng, phù hợp lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, trở thành nhân tố quyết định nhất bảo đảm thành công của cuộc đấu tranh. Đấu tranh tư tưởng trước hết cần đến vũ khí tư tưởng - lý luận sắc bén đủ sức bóc trần cơ sở kinh tế, chính trị, nguồn gốc tâm lý, xã hội của mọi luận thuyết đang chi phối đến tư tưởng người cầm bút như Đề cương đã chỉ rõ; cần đến các tác phẩm lý luận văn hóa, văn nghệ xứng tầm, đủ sức định hướng, dẫn dắt xây dựng nền văn hóa, văn nghệ nước nhà thời kỳ mới. Tiếp tục xây dựng, đổi mới các hình thức tổ chức với tư cách là môi trường hoạt động của chủ thể sáng tạo văn hóa, nghệ thuật - cả đối với tầng lớp tinh hoa và quảng đại quần chúng - thông qua đó tập hợp lực lượng đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa, văn nghệ (như trường hợp Hội Văn hóa cứu quốc và Hội Truyền bá quốc ngữ trước đây). Trong giai đoạn hiện nay, đó chính là các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của văn nghệ sĩ, viện nghiên cứu của trí thức, “think tank” của các chuyên gia, rồi các định chế truyền thông, xuất bản, diễn đàn, kể cả các nhóm hoạt động... tác chiến trực tiếp trên không gian mạng. Gắn với xây dựng thiết chế - tổ chức là chăm lo

phát triển đội ngũ nòng cốt trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, nhất là trí thức, văn nghệ sĩ, chuyên gia, nhà khoa học với bản lĩnh chính trị vững vàng, sắc bén về lý luận, dày dặn thực tiễn, có uy tín quy tụ lực lượng trí thức. Tinh thần của Đề cương dạy chúng ta không vơ đũa cả nắm, phân biệt rõ tư tưởng văn hóa phản động với những tư tưởng ảnh hưởng đến hoạt động sáng tác của văn nghệ sĩ mà không có lợi cho nhiệm vụ cách mạng trong những giai đoạn cụ thể; bọn bồi bút, bám gót ngoại bang và những người lừng chừng, hoài nghi, dao động, ngả nghiêng; những người thể hiện “trách nhiệm xã hội” của trí thức bằng phản biện với những kẻ mượn danh “phản biện” để chống phá... Nhiệm vụ của cuộc đấu tranh trên địa hạt tư tưởng - lý luận văn hóa, văn nghệ là đập tan mọi chính sách, thủ đoạn thực dân về văn hóa, cô lập bọn phản động, phần tử cơ hội nhưng giáo dục, cảm hóa, lôi kéo những người lừng chừng đứng về phía đất nước, nhân dân, vì chân lý, lẽ phải. Nhờ chỉ dẫn của Đề cương mà Đảng đã giáo dục, lôi cuốn không ít nhà văn hóa, văn nghệ sĩ trước đó ần dật, nương náu trong “tháp ngà nghệ thuật” từng bước thay đổi lập trường, tham gia sự nghiệp cứu nước, thể hiện trách nhiệm xã hội của người cầm bút, có nhiều đóng góp quan trọng cho dân tộc và nhân dân.

## QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HÓA - NHÌN TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NHỮNG GIÁ TRỊ SOI ĐƯỜNG

TS. DƯƠNG MINH HUỆ\*

Hơn 90 năm ra đời, lãnh đạo cách mạng đạt được những thành tựu vĩ đại, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước hoàn thiện tư duy lý luận trên những lĩnh vực quan trọng, trong đó tư duy lý luận của Đảng về văn hóa, đặc biệt là tác phẩm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo, đặt nền móng nhận thức sâu sắc, sáng tạo, khoa học, cách mạng, nhân văn cho đường lối văn hóa phát triển và hội nhập của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

### **1. Tư tưởng văn hóa cứu quốc, giải phóng dân tộc, góp phần kháng chiến thắng lợi, thống nhất đất nước (1943-1975)**

Với những kiến thức sẵn có và những trải nghiệm thực tiễn trong quá trình bôn ba tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sớm đưa ra khái niệm văn hóa, quan điểm xây dựng nền văn hóa dân tộc: “Vi lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của

---

\* Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

sự sinh tồn”<sup>1</sup>. Trên cơ sở vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm của Hồ Chí Minh, năm 1943, Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam* với tư tưởng “Tổ quốc trên hết”, trở thành ngọn cờ tập hợp lực lượng, khơi dậy khát vọng yêu nước vì độc lập của mỗi người dân. Tác phẩm ra đời trong bối cảnh đất nước đang chịu cảnh nô lệ, lầm than, bị thực dân đế quốc đô hộ và địa chủ phong kiến bóc lột, do đó, tư tưởng soi đường của Đề cương chính là việc nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít, tác động lẫn nhau giữa cách mạng văn hóa Việt Nam và cách mạng dân tộc giải phóng, cách mạng văn hóa chỉ có thể thực hiện được khi cách mạng dân tộc giải phóng thành công, khi dân tộc hoàn toàn độc lập: “Cách mạng văn hóa ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng mới có điều kiện phát triển”<sup>2</sup> và “Cách mạng dân tộc giải phóng Việt Nam chỉ có thể trong trường hợp may mắn nhất đưa văn hóa Việt Nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc hoàn toàn độc lập dựng nên một nền văn hóa mới”<sup>3</sup>. Đây là lần đầu tiên kể từ khi Đảng ra đời (năm 1930) đã đưa ra một bản Đề cương văn hóa có giá trị như Cương lĩnh văn hóa xác định nội dung, tính chất, tổ chức, định hướng phát triển cách mạng văn hóa gắn với cách mạng giải phóng dân tộc và tương lai của nền văn hóa ấy “sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>4</sup>. Tiếp nối tư tưởng đó, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công chưa được bao lâu thì thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta lần nữa, ngày 16/11/1946, Tổng Bí thư Trường Chinh viết thư gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh về “Nhiệm vụ văn hóa Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng nước”, nêu rõ nhiệm vụ của văn hóa cách mạng lúc này là “phải kích thích tinh thần khởi nghĩa, làm sôi nổi nhiệt huyết cách mạng của nhân dân, thôi thúc nhân dân nổi dậy tất cả giành lấy chủ quyền; kháng chiến giữ vững chủ quyền ấy”<sup>5</sup>. Với tinh thần ấy, các nhà văn hóa Việt Nam “phải tích cực tham gia mặt trận dân tộc, giành thống nhất và độc lập cho Tổ quốc. Phải đem hết năng lực ra cứu nước và xây dựng nước”<sup>6</sup> và “Mặt trận văn hóa Việt Nam phải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.319, 319, 318.

5, 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.144, 144-145.

là một bộ phận khăng khít của *mặt trận dân tộc thống nhất giành độc lập* (văn hóa không thể biệt lập với chính trị)”<sup>1</sup>, đồng thời khẳng định các nhà văn hóa Việt Nam, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, phải đứng trên lập trường chung là dân tộc và dân chủ mà phụng sự Tổ quốc.

Đường lối văn hóa kháng chiến dần hình thành và được thể hiện rõ trong bức thư về “Nhiệm vụ văn hóa Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng nước hiện nay” của Tổng Bí thư Trường Chinh gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 16/11/1946. Trong bối cảnh công việc của Nhà nước chống lại giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất khai mạc ngày 24/11/1946 tại Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội. Khẳng định về mục tiêu của văn hóa dân tộc, diễn văn khai mạc tại Hội nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Nền văn hóa mới của Việt Nam phải lấy hạnh phúc của nhân dân, của dân tộc làm cơ sở, phải học lấy những điều tốt đẹp của văn hóa nước ngoài, tạo ra nền văn hóa Việt Nam, sao cho văn hóa mới phải sửa đổi cho được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ, phải làm sao cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập”<sup>2</sup> và “Lấy văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Tiếp tục khẳng định mục tiêu ấy của văn hóa, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai (từ ngày 16 đến 20/7/1948) tại Phú Thọ, trong thư gửi các đại biểu tham dự Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

“Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hóa gánh một phần rất quan trọng... Nhiệm vụ của văn hóa chẳng những để cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến kiến quốc của quốc dân mà cũng phải nêu rõ những thành tích kháng chiến kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới. Các nhà văn hóa ta phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ, mà còn để lưu truyền cái lịch sử oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho hậu thế”<sup>3</sup>. Tại Hội nghị, Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày báo cáo “Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam” chỉ rõ lập trường văn hóa cách mạng trên thế giới và của nước ta là: “Về xã hội, lấy giai cấp công nhân làm gốc. Về chính trị, lấy độc lập dân tộc, dân chủ nhân

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.8, tr.146.

2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.3, tr.321.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.577.

dân và chủ nghĩa xã hội làm gốc. Về tư tưởng, lấy học thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm gốc. Về sáng tác văn nghệ, lấy chủ nghĩa xã hội hiện thực làm gốc”<sup>1</sup>. Đồng thời, Tổng Bí thư cũng nêu lên tính chất và nhiệm vụ của văn hóa mới Việt Nam: “Mục đích của những người làm văn hóa chúng ta là thắng địch, giữ nước, làm cho dân mạnh, dân tiến, dân tin, dân vui, là chống văn hóa ngu dốt, ngu dân của thực dân Pháp, khắc phục những tư tưởng phong kiến, lạc hậu trong văn hóa nước nhà, là xây dựng một nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam và góp phần văn hóa Việt Nam vào kho tàng văn hóa thế giới”<sup>2</sup>. Báo cáo “Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam” được thông qua tại Hội nghị được coi là một tác phẩm lý luận về đường lối, phương châm văn hóa của Đảng, đặt nền tảng cho mặt trận thống nhất văn hóa Việt Nam và xác định nhiệm vụ chân chính của những người làm công tác văn hóa trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc<sup>3</sup>.

Tháng 2/1951, tiếp nối tinh thần văn hóa kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, báo cáo “Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội” do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng khẳng định phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân trong mặt trận văn hóa, phải làm cho các nhà văn hóa Việt Nam hoàn toàn thừa nhận và thực hành quan điểm: “Về *lập trường*, lấy nhân dân và trước hết là công, nông, binh làm gốc. Về *thái độ*, lấy chủ nghĩa ái quốc chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế làm gốc. Về *chủ nghĩa chính trị*, lấy chủ nghĩa dân chủ nhân dân Việt Nam và chủ nghĩa xã hội khoa học làm gốc. Về *tư tưởng*, lấy học thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm gốc... Về *tác phong*, lấy tập thể lao động và phê bình, tự phê bình làm gốc”<sup>4</sup>.

Đến tháng 9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng tiếp tục khẳng định: “Mục tiêu của cuộc cách mạng văn hóa và kỹ thuật là *làm cho nhân dân lao động đông đảo có trình độ văn hóa vững vàng, nắm được những*

1, 2. Trường Chinh: *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974, tr.31, 75.

3. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.3, tr.294.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.12, tr.139.

*hiểu biết cần thiết về khoa học và kỹ thuật, và vận dụng được những hiểu biết đó vào công cuộc cải biến bộ mặt lạc hậu của văn hóa và kỹ thuật nước ta, xây dựng một nền văn hóa, khoa học và kỹ thuật hiện đại*<sup>1</sup>. Về công tác văn hóa, văn nghệ, Đảng khẳng định: “*Văn nghệ giữ một vị trí quan trọng trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật... phải xây dựng một nền văn nghệ mới có tính chất dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa phong phú. Văn nghệ phải có tính đảng và tính nhân dân rõ rệt, phải thật sự đi vào cuộc sống và gắn chặt với cuộc sống muôn màu muôn vẻ của nhân dân lao động đang đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và thống nhất Tổ quốc*”<sup>2</sup>.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ IV (1968) xác định những quan điểm thống nhất về đường lối văn học, nghệ thuật: Văn nghệ là vũ khí sắc bén của giai cấp công nhân, của Đảng trong cuộc đấu tranh để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra; văn nghệ ta phải thực sự là nền văn nghệ của nhân dân; văn nghệ ta phải có tính dân tộc, văn nghệ ta là văn nghệ của nhiều dân tộc ở ta; Văn nghệ phản ánh hiện thực khách quan một cách cao đẹp, góp phần cải tạo hiện thực đó theo một lý tưởng nhất định; mục đích của văn nghệ ta là giáo dục con người mới; tiếp thu có phê phán những tinh hoa văn nghệ dân tộc và những thành tựu tốt đẹp của văn nghệ thế giới xưa và nay; nắm vững phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa để sáng tác và phê bình; với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, chúng ta xây dựng một nền văn hóa, văn nghệ cao đẹp nhất của loài người<sup>3</sup>.

Với đường lối văn hóa cách mạng đúng đắn, sáng tạo, kể từ khi Đề cương văn hóa của Đảng ra đời đã phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc vùng dậy đứng lên Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thành công, đến kháng chiến chống thực dân Pháp 9 năm ác liệt (1945-1954), ở đâu có kháng chiến, ở đó có văn hóa, những “chiến sĩ trên mặt trận văn hóa” đã tổ chức công tác tuyên truyền thành một nghệ thuật, đồng thời biết cách đưa nghệ thuật vào công tác tuyên truyền, phục vụ nhiệm vụ chính trị, “kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”. Trong giai đoạn (1954-1975), nhiệm vụ của văn hóa

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.550, 555.

3. Xem Dẫn theo PGS.TS. Trần Thái Học: *Quan điểm văn hóa, văn nghệ của đồng chí Trường Chinh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.14.

tập trung vào đề tài Tổ quốc và nhân dân anh hùng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đường lối văn hóa, văn nghệ đúng đắn của Đảng giai đoạn này đã được khẳng định bằng những thành tựu rực rỡ của nền văn học, nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa với cảm hứng ca ngợi công cuộc dựng xây cuộc sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

## **2. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vì hạnh phúc của nhân dân và phẩm giá của con người (1986 đến nay)**

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng, Nhà nước từng bước trấn trở, khảo nghiệm tìm đường đổi mới đất nước, trước hết là đổi mới tư duy về kinh tế. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (năm 1986) khẳng định đổi mới tư duy về kinh tế, chính trị, xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn để đổi mới văn hóa. Báo cáo chính trị của Đại hội nêu rõ: “Không hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người. Văn học, nghệ thuật phải không ngừng nâng cao tính Đảng và tính nhân dân, gắn bó với hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, nắm bắt nhạy bén hiện thực đang diễn biến phức tạp, sớm phát hiện và biểu dương cái mới, tạo nên những điển hình sống động, khẳng định những mầm non đang nảy sinh trong cuộc sống, mạnh dạn phê phán những mặt tiêu cực cản trở sự đổi mới của xã hội”<sup>1</sup>. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991) xác định nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là một trong sáu đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Quan điểm xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc tiếp tục được bổ sung, phát triển đầy đủ và phong phú hơn trong các văn kiện của Đảng.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (tháng 1/1993) “Về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt”,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.47, tr.812.*



lần đầu đưa khái niệm: “Văn hóa là *một động lực* thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là *một mục tiêu* trong xây dựng xã hội mới”<sup>1</sup>. Nghị quyết khẳng định: “Trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, cùng với việc xây dựng và phát triển nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa phải xây dựng và phát triển một nền *văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”<sup>2</sup>. Đồng thời, Nghị quyết cũng nêu rõ sự nghiệp văn hóa, văn nghệ là bộ phận không thể tách rời của sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng, mọi biểu hiện hoặc mưu toan đối lập hay tách rời mối quan hệ giữa văn hóa, văn nghệ với đường lối chính trị và sự lãnh đạo của Đảng, đi chệch mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đều phải được kiên quyết phê phán, bác bỏ.

Trước thực trạng xã hội đang có những tác động tiêu cực đến văn hóa và sự phát triển bền vững của đất nước, đòi hỏi phải có sự đánh giá thấu đáo về văn hóa, có chủ trương phát huy thành tựu, ngăn chặn kịp thời những biểu hiện tiêu cực trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tháng 7/1998, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ban hành nghị quyết chuyên đề về “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, cho thấy chuyển biến hết sức mạnh mẽ trong nhận thức của Đảng về tầm quan trọng của văn hóa bên cạnh vấn đề phát triển kinh tế và xây dựng Đảng. Nghị quyết nêu lên năm quan điểm chỉ đạo văn hóa: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó có đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã bổ sung và phát triển toàn diện, sâu sắc đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam phù hợp với thực tiễn đất nước trong giai đoạn mới, phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại từ quan niệm về văn hóa, vị thế, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển; từ quan điểm chỉ đạo đến mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cơ bản để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.52, tr.407, 407-408.

Tiếp tục khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, Đại hội IX của Đảng (4/2001), yêu cầu về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc phải “hướng mọi hoạt động văn hóa vào việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội”<sup>1</sup>. Đại hội lần thứ X của Đảng (4/2006) khẳng định tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tinh thần cơ bản của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII tiếp tục được khẳng định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X và XI của Đảng, đặc biệt, được nhấn mạnh trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011): Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trong định hướng phát triển, Đảng khẳng định xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

Tháng 6/2014, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước” đã cho thấy, sự phát triển về tư duy lý luận của Đảng, sự sáng tạo của Đảng trong nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa, đặc biệt là yếu tố con người, trong xác định phương hướng, động lực và đặc thù của hoạt động xây dựng, phát triển văn hóa, con người; cho thấy hệ thống quan điểm sau đã kế thừa được các quan điểm cơ bản của Đảng về văn hóa ở các thời kỳ trước đó, đồng thời đã tiếp thu những tinh hoa lý luận về văn hóa, văn nghệ của thế giới theo tinh thần đổi mới của Đảng. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng xác định xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân -

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.60, tr.143.

thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học... Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Cuối nhiệm kỳ khóa XII, Bộ Chính trị đã ra Kết luận số 76-KL/TW, ngày 4/6/2020, về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, trong đó đã xác định các nội dung, định hướng lớn: Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên”<sup>1</sup>.

Với tinh thần đó, cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh về phát triển văn hóa, con người, xuất phát từ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phân tích, chỉ ra quá trình phát triển, hoàn thiện nhận thức của Đảng về văn hóa và con người, trong đó, văn hóa được coi là một trong bốn trụ cột chính sách, là nền tảng tinh thần, đồng thời cũng là nguồn lực nội sinh, động lực phát triển kinh tế - xã hội và “trọng tâm xây dựng và phát triển văn hóa là xây dựng con người có nhân cách và xây dựng môi

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.143.

trường văn hóa lành mạnh”<sup>1</sup>. Việc nhận thức rõ và đầy đủ về vai trò, tính chất và mục đích của phát triển văn hóa là điều kiện để Đảng đưa ra những chủ trương, nhiệm vụ hợp lý, có hiệu quả về phát triển văn hóa, xây dựng con người đối với các khu vực, các lứa tuổi, các tầng lớp dân cư. Bàn về văn hóa trong mối quan hệ với kinh tế nói riêng và với các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, tính nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”<sup>2</sup>. Như vậy, văn hóa không chỉ được khẳng định là một trong bốn trụ cột chính sách quyết định của Đảng về xây dựng, phát triển đất nước, mà còn là sự bảo đảm cho định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế, thể hiện tính nhân văn, ưu việt của chế độ với mục đích hướng tới con người, vì hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người.

\*

\*   \*   \*

Tác phẩm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời đã mang lại luồng gió mới cho văn hóa Việt Nam với sự khai phóng về tư tưởng văn hóa cứu quốc, trở thành ngọn cờ tập hợp lực lượng, khơi dậy khát vọng yêu nước, giành độc lập cho dân tộc của toàn thể nhân dân Việt Nam. Những giá trị nền tảng mang tính cương lĩnh ấy của Đề cương tạo ra sự phát triển nhận thức lý luận vượt bậc của Đảng về văn hóa, phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc trong khởi nghĩa Tháng Tám 1945 thành công, kháng chiến thắng lợi, thống nhất đất nước. Tiếp nối mạch nguồn văn hóa cách mạng đó, trong hơn 35 năm đổi mới, đường lối văn hóa của Đảng ngày càng hoàn thiện, toàn diện và sâu sắc, khơi dậy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu mới, phong phú, đa dạng của đất nước.

---

1, 2. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.165.

## TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” ĐẾN XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

ThS. VĂN THỊ THANH HƯƠNG\*

TS. VĂN THỊ THANH MAI\*\*

Nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền và ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chú trọng xây dựng và phát triển văn hóa - coi đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng, kịp thời theo những định hướng lớn để xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam theo đúng tinh thần của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*.

### **Cương lĩnh văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh soạn thảo và được công bố tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng, họp từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943 tại Võng La (Đông Anh, Phúc Yên). Đây là một trong những hội nghị quan trọng của Đảng để đề ra những chủ trương cụ thể, sát hợp với diễn biến mới của thời cuộc, nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng trong nước phát triển, mà một trong những nội dung được Hội nghị quan tâm chính là về văn hóa.

---

\* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

\*\* Ban Tuyên giáo Trung ương.

Trải qua một chặng đường hoạt động từ khi ra đời năm 1930 cho đến năm 1943, bên cạnh việc tập trung xây dựng lực lượng để thực hiện nhiệm vụ chính trị, thì trên lĩnh vực văn hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng Cộng sản Đông Dương) cũng đã có những cuộc bút chiến về duy tâm hay duy vật, về nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh... Song, đấu tranh trên mặt trận văn hóa chưa được đặt ngang hàng với các mặt trận đấu tranh khác như chính trị và kinh tế. Vì vậy, khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời và khẳng định rằng: “a. Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. b. Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. c. Có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>1</sup>, thì cũng có nghĩa là Đảng đã thực sự đưa văn hóa trở thành một mặt trận.

Trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, từ việc phân tích một cách ngắn gọn, nhưng súc tích về lịch sử và tính chất của văn hóa Việt Nam, nhất là nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách thống trị của Nhật - Pháp, Đảng đã chỉ ra ba nguyên tắc cơ bản là dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa trong xây dựng văn hóa Việt Nam. Theo đó, ba nguyên tắc được giải thích: *Dân tộc hóa* là (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập)<sup>2</sup>. *Đại chúng hóa* là (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phần lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng)<sup>3</sup>. *Khoa học hóa* là (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ)<sup>4</sup>. Đồng thời, *Đề cương* cũng đã đặt và phân tích mối quan hệ giữa văn hóa, kinh tế và chính trị; coi mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa); xác định rõ “không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa”...

Có thể nói, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là văn kiện có ý nghĩa lịch sử quan trọng, không chỉ đơn giản, ngắn gọn, cô đọng, dễ hiểu và dễ nhớ mà còn khái quát về con đường, phương pháp xây dựng nền văn hóa mới - nền văn hóa của dân tộc, vì dân tộc, phục vụ dân tộc trên tinh thần chống lại cái tính

---

1, 2, 3, 4. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316, 319.

chất phong kiến, nô dịch và cả những trở lực như “xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trốn của bọn tởrốtkit”<sup>1</sup>, để cổ xúy cho tiến bộ, cho tính khoa học; đồng thời, cổ vũ, khích lệ quần chúng nhân dân tham gia vào tiến trình xây dựng nền văn hóa và thụ hưởng các giá trị văn hóa.

Tuy nhiên, Đề cương cũng còn một số hạn chế như coi văn hóa chỉ bao gồm “tư tưởng, học thuật, nghệ thuật”<sup>2</sup>; mới đề cao vai trò của kinh tế mà chưa chỉ ra sự tác động ngược lại của thành tố văn hóa đối với kinh tế và chính trị, như “nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc)”<sup>3</sup> hay tính triệt để của cách mạng văn hóa như “phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”<sup>4</sup> và “những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bấy giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau”<sup>5</sup>...

Có thể thấy rằng, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* chính là Cương lĩnh văn hóa khái quát của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong bối cảnh cụ thể khi đó, Đề cương không chỉ thể hiện tầm nhìn, định hướng có tính chiến lược của Đảng về xây dựng, phát triển văn hóa gắn với các lĩnh vực quan trọng khác của đời sống xã hội, mà còn trở thành ngọn cờ để tập hợp những người có tư tưởng tiến bộ trong mặt trận văn hóa cứu quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng; làm cho “tinh thần cứu quốc” của văn hóa, sức mạnh nội sinh của văn hóa ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống nhân dân, tạo thành một lực lượng hùng hậu trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do.

Ngay sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, giữa bọn bề khó khăn, thử thách, Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã tập trung giải quyết những nhiệm vụ cấp bách, trong đó chú trọng từng bước xây dựng nền văn hóa mới theo *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Đó chính là nền văn hóa không chỉ có nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là củng cố nền độc lập của Việt Nam và xây dựng cho đất nước “một nền văn hóa mới”, vì “văn hóa với chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau. Có chính trị mới có văn hóa. Xưa kia, chính trị bị đàn áp, nền văn hóa của ta vì thế

---

1, 2, 3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sdd*, t.7, tr.319, 316, 316, 319, 319.

không nảy sinh được. Nay nước ta đã độc lập, tinh thần được giải phóng, cần phải có một nền văn hóa hợp với khoa học và hợp với nguyện vọng của dân”<sup>1</sup>, mà còn cần phải có tính cách khoa học, tính đại chúng thì mới thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại. Đó chính là nền văn hóa phải góp phần thúc đẩy cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, gầy dựng đời sống mới; trong đó, văn nghệ sĩ phải nỗ lực góp sức, vì “trước khi đi đến sự kiến thiết nước nhà, chúng ta còn phải qua một thời kỳ đấu tranh cực kỳ khổ sở. Giới văn hóa cũng phải cùng các giới đồng bào đi qua chặng đường ấy. Mong rằng anh em văn hóa đã cố gắng, xin cố gắng mãi lên!”<sup>2</sup>.

Nền văn hóa mới ấy cũng được thể hiện rõ trong bức thư *Về nhiệm vụ văn hóa Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng nước* mà đồng chí Trường Chinh gửi cho Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 16/11/1946. Cụ thể, nền văn hóa mới ấy không chỉ nêu rõ khẩu hiệu căn bản là “dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hoá” như *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã nêu, mà còn xác định rõ nhiệm vụ của tất cả các nhà văn hóa Việt Nam, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo là phải tích cực tham gia mặt trận dân tộc, giành thống nhất và độc lập cho Tổ quốc; phải đem hết năng lực ra cứu nước và xây dựng nước, nhất là phải đứng trên lập trường chung là dân tộc và dân chủ mà phụng sự Tổ quốc. Vì thế, nhiệm vụ cụ thể của nền văn hóa mới ấy là không chỉ phát triển những cái hay, cái đẹp trong văn hóa cổ truyền của dân tộc; đồng thời, bài trừ những cái xấu xa hủ bại, ngăn ngừa sức thâm nhập và tấn công của văn hóa phản động, văn hóa thực dân; là học những cái hay, cái tốt của văn hóa thế giới, nhất là văn hóa Tàu, Pháp, mà còn phải giáo dục nhân dân, gầy dựng đời sống mới, phát triển tư tưởng khoa học và học thuật tiến bộ, phát triển văn nghệ đại chúng... Đồng thời, còn phải góp phần phát triển tinh thần đoàn kết và yêu nước của dân tộc, nhân nguồn sức mạnh của dân tộc trên hành trình đấu tranh cho độc lập, tự do...

Đặc biệt, trên tinh thần “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”<sup>3</sup>, việc gầy dựng “nền văn hóa mới của Việt Nam phải lấy hạnh phúc của nhân dân, của dân tộc làm cơ sở, phải học lấy những điều tốt đẹp của văn hóa nước ngoài,

1, 3. *Hồ Chí Minh về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1997, tr.10, 11.

2. *Báo Cứu quốc*, số 61, ngày 8/10/1945.



tạo ra nền văn hóa Việt Nam, sao cho văn hóa mới phải sửa đổi cho được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ, phải làm sao cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập”<sup>1</sup>, để mỗi người dân Việt Nam, “từ già đến trẻ, cả nam lẫn nữ, ai cũng đều hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mà mình đáng được hưởng” đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức ngày 24/11/1946.

### **Xây dựng nền văn hóa mới theo “Đề cương về văn hóa Việt Nam”**

Những định hướng trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và nhất là trên tinh thần “vừa kháng chiến vừa kiến quốc”; “kiến quốc để kháng chiến”, “kháng chiến phải kiến quốc” không chỉ được thể hiện rõ trong chủ trương, đường lối của Đảng và hoạt động văn hóa của Chính phủ thời kỳ này, mà còn đều hướng vào việc phục vụ nhiệm vụ trung tâm, cần kíp, bức thiết là bảo vệ thành quả của Cách mạng Tháng Tám, là phụng sự Tổ quốc, nhân dân.

Có thể thấy trong một khoảng thời gian không dài (từ ngày 2/9/1945 đến toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946), trước những thách thức to lớn, đe dọa sự tồn vong của nền dân chủ cộng hòa, Đảng (dù ngày 25/11/1945 đã rút vào hoạt động bí mật), trên cơ sở *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943) và tinh thần của Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (1946), Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã vừa kịp thời đề ra chủ trương, chính sách phù hợp, vừa triển khai những giải pháp, biện pháp đúng đắn để xây dựng đất nước một cách toàn diện, trên mọi lĩnh vực, trong đó có xây dựng và phát triển nền văn hóa mới. Đó là thực hiện bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ; là sáp nhập Trường Viễn đông Bác cổ, nhà bảo tàng, thư viện và các học viện vào Bộ Quốc gia Giáo dục; quy định nhân dân được tự do tín ngưỡng, tôn trọng đền, chùa, lăng tẩm, nhà thờ và tất cả những nơi có tính chất tôn giáo; đổi tên các đường phố, các công viên bằng cách đặt tên các anh hùng hào kiệt đã từng chiến đấu cho nền độc lập và nền dân chủ cộng hòa, tên các danh nhân lịch sử, tên các địa phương có chiến tích lịch sử; là quy định Đông phương Bác cổ Học viện có nhiệm vụ bảo tồn tất cả cổ tích trong toàn cõi

---

1. *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.3, tr.321.

Việt Nam, cấm hủy hoại đình, chùa, đền, miếu, các cổ vật, thành, quách, lăng, mộ, chiếu, sắc, văn bằng, v.v. có ích cho lịch sử; là thành lập Ban Trung ương vận động đời sống mới và triển khai xây dựng đời sống mới thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, góp phần từng bước đẩy lùi các tệ nạn cũ ra khỏi đời sống xã hội...

Đặc biệt, việc cho phép xuất bản báo chí, trong đó có các báo Cờ giải phóng, Sự thật, Cứu quốc, Tiên phong, Lao động, Quyết chiến... cũng như thành lập Đài Phát thanh quốc gia - Đài Tiếng nói Việt Nam/công cụ tuyên truyền giáo dục đặc lực, hiệu quả của Đảng và Chính phủ đã góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài; không chỉ tập trung tuyên truyền và đấu tranh cho nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách mạng, chuẩn bị Tổng tuyển cử đầu tiên để bầu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, để thành lập Chính phủ chính thức và thông qua Hiến pháp năm 1946, mà còn góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chuẩn bị bước vào cuộc trường chinh chống thực dân Pháp và kiến quốc trong điều kiện đất nước có chiến tranh.

Những quyết sách đó không chỉ thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh mà trên thực tế, những biện pháp, giải pháp được thực thi của Chính phủ đã góp phần cổ vũ, tập hợp và động viên các tầng lớp nhân dân, nhất là giới văn nghệ sĩ sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đồng thời, cũng nhờ những động thái quyết liệt, kịp thời của Chính phủ mà hoạt động của các cơ quan văn hóa, báo chí, xuất bản... thời kỳ này đã đặt cơ sở vững chắc cho sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam ở những giai đoạn tiếp theo; đồng thời, góp phần nâng tầm con người Việt Nam, đất nước Việt Nam trên hành trình đấu tranh bảo vệ nền độc lập, xây dựng và phát triển đất nước.

Tiếp đó, trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp diễn ra ngày càng gay go, ác liệt, Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai được tổ chức ngày 16/7/1948 tại xã Đào Giã, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Tại Hội nghị này, Tổng Bí thư Trường Chinh đã đọc báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*. Đây là một văn bản rất quan trọng có tính Cương lĩnh được kế thừa và phát triển từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng. Trước khi Hội nghị khai mạc, ngày 15/7/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư chúc mừng và nhấn mạnh: “Chúng ta phải xây đắp một nền văn

hóa kháng chiến, kiến quốc của toàn dân... Các nhà văn hóa ta phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ, mà còn để lưu truyền cái lịch sử oanh liệt kháng chiến, kiến quốc cho hậu thế”<sup>1</sup>. Trong những năm sau đó, việc triển khai thực hiện đường lối, nhiệm vụ, phương châm công tác văn hóa; việc tập trung các hoạt động văn hóa, văn nghệ kháng chiến theo đúng tinh thần của Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai và của Hội nghị Cán bộ văn hóa lần thứ nhất (2/1949) đã không chỉ làm cho khẩu hiệu “kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành hiện thực trong những năm kháng chiến, mà còn góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam mới.

Thực tế, việc triển khai xây dựng và phát triển nền văn hóa mới theo *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943), Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (1946) và Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai (1948); trong Nghị quyết Đại hội II (1951) và Đại hội III (1960) trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã không chỉ làm cho hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin hiện diện trong đời sống văn hóa, tạo ra một xã hội dân chủ của những người dân làm chủ đất nước, tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình; làm cho mỗi văn nghệ sĩ trở thành một người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa - tư tưởng, mà còn góp phần hình thành, phát triển một đời sống mới, một lối sống mới xã hội chủ nghĩa; một phong trào văn nghệ của quần chúng phát triển mạnh mẽ; một nền văn học - nghệ thuật, báo chí, xuất bản... của cách mạng ngày càng lớn mạnh.

Cùng với đó, từ ba nguyên tắc “dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa” trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng - văn hóa được triển khai cũng đã làm cho thế giới quan Mác - Lênin và những quan điểm, chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa không chỉ giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, mà còn kế thừa và phát huy được những yếu tố truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc anh em trong một nước Việt Nam thống nhất mà đa dạng. Cũng vì thế, có thể khẳng định rằng, trong điều kiện phải tập trung cho nhiệm vụ

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.577.

kháng chiến và chiến tranh ngày càng lan rộng, nhưng nền văn hóa Việt Nam mới vẫn được gây dựng và ngày càng phát triển. Nền văn hóa đó không chỉ tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ, góp phần đưa sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc trong những năm 1945-1954 và sự nghiệp vừa đấu tranh giải phóng miền Nam vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong những năm 1954-1975 đi đến thắng lợi, mà còn làm cho những tinh hoa văn hóa truyền thống của dân tộc, ý chí độc lập, tự cường và tinh thần yêu nước, đấu tranh vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi người dân Việt Nam hiển hiện trong thực tiễn được phản ánh sinh động trong các sáng tác văn học, nghệ thuật, báo chí...

Sau này, trong bối cảnh cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, nhất là trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, tiến trình xây dựng nền văn hóa mới - nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc càng được chú trọng, để văn hóa thực sự là sức mạnh nội sinh của sự phát triển. Trên thực tế, cùng với những tư tưởng, định hướng, nội dung được ghi rõ trong ba văn kiện đã nêu và trong văn kiện các kỳ đại hội của Đảng, thì các nghị quyết chuyên đề về văn hóa cũng được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Đó là Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị khóa VI về “*Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới*” thể hiện những quan điểm đổi mới có nguyên tắc của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, có tác dụng thúc đẩy hoạt động sáng tạo nghệ thuật; Nghị quyết số 04-NQ/HNTW ngày 14/1/1993 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về “*Một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt*” đã khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Văn học, nghệ thuật là bộ phận trọng yếu của nền văn hóa dân tộc, thể hiện khát vọng của nhân dân về chân - thiện - mỹ” và “Nền văn hóa mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; nhất là Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về “*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” đã chỉ rõ: “1- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực

thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; 2- Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 3- Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; 4- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; 5- Văn hóa là một mặt trận; xây dựng, phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng”...

Đặc biệt, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991* và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng đều khẳng định yêu cầu xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, “thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”<sup>1</sup> là một trong những đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam kiên định xây dựng.

Đó cũng chính là “xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học; là để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” đúng như Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*” đã nêu. Và đó cũng chính là “phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”<sup>2</sup> để nhằm “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.19.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế (...) nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam”<sup>1</sup> theo đúng tinh thần Đại hội XIII của Đảng.

Có thể khẳng định rằng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 dù ngắn gọn và khái quát, nhưng thể hiện rõ tính chất một cương lĩnh văn hóa cách mạng; không chỉ định hướng về đường đi, cách thức xây dựng nền văn hóa Việt Nam mới mà còn tạo cơ sở, nền tảng cũng như mở đường cho nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc từng bước phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng và thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sdd*, t.II, tr.336.

## GIÁ TRỊ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943\*

PGS.TS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG\*\*

**K**ể từ khi ra đời đến nay (1943-2023), *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn giữ nguyên giá trị là bản tuyên ngôn, là cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa và mối quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trong tám thập niên qua, nhiều định hướng quan trọng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, trong đó có quan điểm về vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế, đã được Đảng ta tiếp tục kế thừa, bổ sung phát triển trong giai đoạn đổi mới đất nước.

### **1. Nội dung giá trị quan điểm văn hóa trong phát triển kinh tế của “Đề cương văn hóa Việt Nam” năm 1943**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của đất nước những năm 40 của thế kỷ XX vô cùng rối ren. Đó là lúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đang đi gần tới kết thúc, Nhật Bản xâm chiếm Đông Dương, thiết lập chế độ phátxít ở đây. Cách mạng Việt Nam lúc này không những đứng trước một tình thế vô cùng căng thẳng “ngàn cân treo sợi tóc”, mà còn gặp phải những thủ đoạn của phátxít hòng trói buộc văn hóa, thậm chí giết chết tiền đồ của nền văn hóa Việt Nam.

---

\* Bài viết được bổ sung, phát triển từ nghiên cứu của tác giả “Quan điểm của Đảng về văn hóa trong phát triển kinh tế từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 (Tạp chí *Cộng sản*, 2019).

\*\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Cuộc cách mạng dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đang bước vào thời kỳ tiền khởi nghĩa là một tất yếu chính trị. Tuy nhiên, trong bối cảnh lúc bấy giờ, trước hết rất cần phải có một sự thay đổi cơ bản có tính lý luận về tư tưởng - văn hóa theo quan điểm mácxít. Đề cương văn hóa ra đời đáp ứng cơ bản yêu cầu đó của lịch sử: từ cách đặt vấn đề, đến những nội dung cụ thể về tính chất nền văn hóa Việt Nam hiện tại, nguy cơ và tiền đề, mối quan hệ và vai trò của cách mạng văn hóa, nguyên tắc và những nhiệm vụ... Trong các giá trị của Đề cương, có quan điểm về mối quan hệ của văn hóa trong phát triển kinh tế. Nội dung giá trị của quan điểm này được thể hiện ở các phương diện sau đây:

*Thứ nhất*, khẳng định vị trí của văn hóa trong mối quan hệ với kinh tế và chính trị trong sự nghiệp cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Trước hết, thể hiện ở cách đặt vấn đề của Đề cương văn hóa: 1- Văn hóa phải được nhận thức bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật; 2- Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; 3- Thái độ của Đảng đối với vấn đề văn hóa.

Văn hóa phải được quan niệm bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật. Văn hóa phải được nhận thức như một hệ thống, trong đó giữa tư tưởng, học thuật và nghệ thuật; giữa văn hóa, kinh tế và chính trị; giữa các nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học... có mối quan hệ qua lại tất yếu với nhau, chi phối sự vận động và phát triển nền văn hóa Việt Nam và sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

*Thứ hai*, chỉ ra bản chất mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế. Đề cương văn hóa khẳng định rằng, nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội đó (cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng). Trong mối quan hệ này, với tư cách là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, xét cho cùng thì văn hóa phản ánh hiện thực và do cơ sở kinh tế quyết định.

Trong mối quan hệ đó, văn hóa được nhận thức không những là cái phản ánh kinh tế, chịu sự quyết định của kinh tế, mà còn tác động quan trọng đến phát triển của chính trị, kinh tế, xã hội. Đây chính là một trong những nội dung quan trọng, quy luật cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.



*Thứ ba*, khẳng định thái độ của Đảng đối với vấn đề văn hóa trong cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo. Điều này thể hiện ở quan điểm: a- Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) mà ở đó người cộng sản phải hoạt động; b- Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa; c- Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả.

Sự lãnh đạo của Đảng ở cả ba mặt trận là tất yếu, và Đảng ta khẳng định, trong bối cảnh bấy giờ cuộc cách mạng văn hóa phải đi trước một bước. Đề cương văn hóa đã chỉ ra những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam, như tính chất và lịch sử, những nguy cơ trước mắt của văn hóa Việt Nam; vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam, mục đích trước mắt và những công việc phải làm... Phải làm cách mạng văn hóa thì mới tạo cơ sở cho việc hoàn thành được cải tạo xã hội. Cuộc cải cách văn hóa có ý nghĩa dọn đường, là nền tảng nhận thức lý luận tư tưởng - văn hóa cho cách mạng về chính trị và kinh tế. Tuy nhiên, Đề cương văn hóa cũng khẳng định rằng, cách mạng văn hóa chỉ có thể hoàn thành khi cách mạng kinh tế và chính trị thành công. Sự phát triển của cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế là cơ sở để hoàn thành cách mạng văn hóa.

Trong bối cảnh lịch sử bấy giờ, Đề cương văn hóa ra đời có ý nghĩa là một cuộc cách mạng tư tưởng - văn hóa theo quan điểm mácxít. Giá trị lý luận và thực tiễn của Đề cương văn hóa là cơ sở quan trọng để tập hợp, phát huy sức mạnh quần chúng và giới trí thức trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Trong các giá trị đó, quan điểm về mối quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, văn hóa trong phát triển kinh tế là điểm đặc biệt.

## **2. Quan điểm văn hóa trong phát triển kinh tế của Đảng thời kỳ đổi mới**

Từ những nét phác thảo của Đề cương văn hóa, quan điểm của Đảng đã có những bước phát triển mới trong nhận thức lý luận và thực tiễn về phát triển văn hóa và kinh tế trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Một là*, phát triển nhận thức lý luận về mối quan hệ giữa chính sách kinh tế và chính sách văn hóa, xã hội.

Trước hết là phải khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách phát triển văn hóa, xã hội. Đảng khẳng định, trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách văn hóa, xã hội, nhưng phát triển văn hóa, xã hội

cũng chính nhằm phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội<sup>1</sup>. Quan điểm của Đảng đã chỉ rõ phải có sự “kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân. coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề quan trọng để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế”<sup>2</sup>.

Hai là, phát triển nhận thức lý luận về sự thống nhất giữa phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội và con người.

Lần đầu tiên trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa VII, ngày 14/1/1993 “Về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt”, Đảng ta đã khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội”<sup>3</sup>. So với nội dung được nêu trong Đề cương thì quan điểm của Đảng từ Nghị quyết này đã đưa ra những nội hàm cơ bản nhất về vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế, phát triển xã hội.

Đặc biệt đến Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, Đảng đã khẳng định sự thống nhất giữa phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội và con người: Mục tiêu của các lĩnh vực văn hóa - xã hội là nhằm chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng... Tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội<sup>4</sup>. Mối quan hệ giữa phát triển văn hóa, xã hội và con người được khẳng định: chúng ta phải “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nền tảng tinh thần của dân tộc ta, coi đó vừa là mục tiêu, vừa

1. Xem Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX): Về văn hóa, xã hội, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.18-19.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.73.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, lưu hành nội bộ, tháng 2/1993, tr.51.

4. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, lưu hành nội bộ, tháng 11/1994, tr.45-46.

là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội... quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam cũng chính là quá trình thực hiện chiến lược con người, xây dựng và phát huy nguồn lực con người...”<sup>1</sup>. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển văn hóa là cơ sở để phát triển, hoàn thiện nhân cách con người với những phẩm chất cụ thể. Phát triển con người với tư cách là chủ thể của phát triển văn hóa và kinh tế.

*Ba là*, quan điểm về bảo đảm gắn kết giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa là điều kiện quyết định sự phát triển.

Định hướng về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa được xác định: “Bảo đảm sự gắn kết giữa *nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội*; tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước”<sup>2</sup>. Mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội và con người được nhận thức: “Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội”<sup>3</sup>.

Cùng với quan điểm làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (1998) lần đầu tiên khẳng định vai trò của văn hóa: “*Văn hóa là sức mạnh nội sinh quan trọng nhất của sự phát triển*”. Bước phát triển mới này là định hướng cơ bản cho phát triển văn hóa để phát triển bền vững đất nước, nếu không văn hóa sẽ chỉ là giải trí, hoặc không phát triển văn hóa đúng sẽ rơi vào khủng hoảng xã hội.

Về vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế, có sự phát triển mới trong nhận thức lý luận và thực tiễn. Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.10-11.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.390.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.106.

Bộ Chính trị về *tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*, đã khẳng định: “Các phương tiện, phương thức sản xuất, trình diễn, sử dụng, truyền bá sản phẩm văn học, nghệ thuật phát triển khá mạnh đã đưa được nhiều tác phẩm đến với công chúng, góp phần đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhân dân. *Đã hình thành một thị trường hàng hóa và dịch vụ các sản phẩm văn học, nghệ thuật ở trong nước*; đưa các sản phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng ra nước ngoài, góp phần khẳng định nước ta là địa chỉ giao lưu văn hóa quốc tế trong thời kỳ mới”<sup>1</sup>. Đây chính là định hướng quan trọng để xây dựng quan điểm về phát triển ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam những năm tiếp theo. Trong quá trình đó, “Phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển”<sup>2</sup>.

So với những nội dung được đề ra trong Đề cương đến Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, quan điểm này đã phát triển ở một tầm cao mới: phát triển văn hóa và con người hướng đến mục tiêu chung: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>3</sup>.

*Bốn là, bổ sung nhận thức lý luận về mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người để phát triển bền vững đất nước.* Xây dựng văn hóa trong lĩnh vực chính trị và kinh tế được Đảng ta xác định là những nội dung cơ bản của nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ mới<sup>4</sup>. Đó là:

---

1. “Nghị quyết của Bộ Chính trị về Phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, Thông tin Văn hóa và Phát triển, số 17, 2008.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.40.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.46-47.

4. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Sđd*, tr.53.

- Về văn hóa trong chính trị, phải chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh..., đồng thời thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ... xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân. Con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Về văn hóa trong kinh tế, phải thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa. Phát triển ngành công nghiệp văn hóa mới có thể đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị văn hóa đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa.

- Bảo đảm “gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội”. Quan điểm này phải trở thành tư tưởng chỉ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển, phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cùng với sự đầu tư của Nhà nước và sự tham gia của người dân<sup>1</sup>.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế, đây vẫn là một trong những vấn đề cơ bản của đất nước giai đoạn mới. Muốn phát triển bền vững đất nước, không chỉ văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị và xã hội, mà phải xây dựng và phát triển văn hóa, con người - tạo sức mạnh nội sinh của sự phát triển bền vững. Không chạy theo sức ép tăng trưởng kinh tế mà coi thường, hạ thấp vai trò, vị trí của phát triển văn hóa và con người.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.124.

### **3. Một số định hướng bổ sung, phát triển nhận thức lý luận về văn hóa trong phát triển kinh tế**

Thực tế cho thấy trong nhận thức lý luận về văn hóa trong phát triển kinh tế, phát triển xã hội, con người thời kỳ đổi mới, chúng ta chưa lường hết, chưa bao quát hết phạm vi ngày càng rộng lớn, đa dạng, phức tạp của văn hóa, của phát triển văn hóa trong cơ chế kinh tế thị trường. Trong một số định hướng về văn hóa và phát triển còn bộc lộ ít nhiều lúng túng, mang tính giải quyết “ứng phó tình thế” trước một số biến động, biến chuyển mới, các vấn đề văn hóa, xã hội nảy sinh trong đời sống. Việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển văn hóa và phát triển kinh tế, với vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý phát triển xã hội chưa được nhận thức và giải quyết có hiệu quả. Trên thực tế đạo đức xã hội có một số mặt xuống cấp trầm trọng; tác động tiêu cực của văn hóa phẩm độc hại đến việc hình thành nhân cách thanh, thiếu niên; tình trạng người dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả văn hóa, xã hội của đổi mới.

Đối với những vấn đề mới đặt ra cho phát triển văn hóa trong cơ chế thị trường, như phát triển và quản lý công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa phẩm, xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong giai đoạn mới hiện nay... về lý luận, chúng ta chủ yếu mới dừng lại ở định hướng cơ bản, mang tính phác thảo, chung chung. Vì vậy, tư duy lý luận về phát triển văn hóa, xã hội, con người, phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế có biểu hiện chưa theo kịp, chưa phù hợp, chưa chủ động đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế của đất nước.

Một số nghiên cứu cho rằng, đối với những vấn đề mới trên, trong nhận thức lý luận của chúng ta chưa có lý giải thật sự khoa học, mang tính thuyết phục. Ví dụ, các luận giải trong định hướng về chức năng điều tiết, về phát huy “sức mạnh mềm” của văn hóa; văn hóa và phát triển; văn hóa trong chính trị và kinh tế; khai thác sức mạnh nội sinh của văn hóa trong phát triển bền vững; những vấn đề văn hóa trong điều kiện bùng nổ thông tin;

văn hóa nhân cách, đạo đức, lối sống. Phát triển văn hóa dân tộc đang diễn ra trong bối cảnh mới, với những thời cơ và thách thức mới, cần có những định hướng mới về phát triển văn hóa và kinh tế trong giai đoạn đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện.

Định hướng phát triển nhận thức lý luận về văn hóa trong phát triển kinh tế hiện nay, cần chú ý:

1- Phát triển tư duy lý luận về văn hóa trong phát triển kinh tế phải giải quyết mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế - xã hội với phát triển con người. Phát triển kinh tế phải bảo đảm gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.

2- Phát triển tư duy lý luận về văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội cần chú trọng mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị: chú trọng xây dựng văn hóa trong Đảng, thể hiện nhân cách, trình độ và năng lực lãnh đạo, văn hóa tổ chức. Liên quan đến văn hóa trong chính trị theo nghĩa rộng là văn hóa dân chủ, quyền văn hóa.

3- Phát triển tư duy lý luận về văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội hướng đến mục đích xây dựng con người Việt Nam với tư cách là chủ thể sáng tạo, nhất là văn hóa trong thanh, thiếu niên. Xây dựng và phát triển các giá trị văn hóa gia đình, làm nền tảng đầu tiên, quan trọng cho sự phát triển con người một cách toàn diện.

4- Phát triển tư duy lý luận về văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội cần quan tâm phát triển các giá trị văn hóa đô thị và văn hóa làng, xã nông thôn trong quá trình phát triển, nhất là trong giai đoạn chúng ta đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới.

5- Phát triển tư duy lý luận về định hướng phát triển các lĩnh vực văn hóa: phát triển giáo dục - đào tạo, liên quan đến nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển văn học - nghệ thuật đáp ứng nhu cầu lành mạnh của nhân dân; phát triển thông tin đại chúng đi đôi với quản lý tốt; phát triển ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa.

6- Thực hiện chiến lược phát triển ngành công nghiệp văn hóa. Bởi đây là ngành có khả năng hội tụ được sức mạnh của kinh tế và văn hóa. Phát triển công nghiệp văn hóa là thời cơ để Việt Nam hội nhập quốc tế, chủ động tham

gia phát triển kinh tế tri thức gắn với khoa học - công nghệ hiện đại, phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế, thực hiện chính sách kinh tế trong văn hóa hiện nay.

7- Định hướng nhìn từ phương diện chính sách là vấn đề cần được ưu tiên đặc biệt, để khắc phục sự mất cân đối, không đồng bộ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, gây cản trở cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Trước hết, phải đổi mới về nhận thức, thể chế, thay đổi quan niệm về xây dựng các giải pháp; nhất là tập trung thực hiện các giải pháp mạnh để giải quyết những vấn đề đang bức xúc: cải cách nền giáo dục để đáp ứng nguồn nhân lực cho phát triển; xác lập mục tiêu văn hóa gắn với mục tiêu kinh tế trong đổi mới; văn hóa trong cải cách nền hành chính, văn hóa đạo đức, lối sống (nhất là chống tham nhũng); làm cho văn hóa thấm sâu vào từng lĩnh vực của đời sống xã hội, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động (nhất là vùng khu công nghiệp và nông thôn, miền núi); văn hóa trong an sinh của đời sống và giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc đang đặt ra; bảo lĩnh trong kế thừa giá trị văn hóa truyền thống và tiếp thu các giá trị tinh hoa văn hóa của thời đại...

Trong quá trình xây dựng và thực hiện các giải pháp phát triển văn hóa, phải chú ý nhiều hơn đến những lĩnh vực văn hóa, những hình thức văn hóa trực tiếp tác động đến kinh tế, để khắc phục sự chưa đồng bộ của phát triển, như văn hóa giáo dục, văn hóa khoa học - công nghệ, văn hóa kinh doanh, văn hóa pháp lý, văn hóa hành chính, văn hóa đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao thông, văn hóa môi trường...

\*

\*     \*

Sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã thực sự đem lại một bước tiến mới có giá trị triết luận trong quan điểm của Đảng ta so với các phương pháp tiếp cận đương thời về vị trí, tiền đề của nền văn hóa dân tộc. Thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhất là thành tựu của công cuộc đổi mới trong hơn 35 năm qua đã minh chứng rằng, những quan điểm của Đảng trong *Đề cương văn hóa* vẫn là những giá trị nền tảng cốt lõi, cội nguồn và động lực phát triển.



Trong bối cảnh hiện nay, cần tiếp tục bổ sung, phát triển các giá trị của Đề cương văn hóa để phát triển nền văn hóa dân tộc là đòi hỏi khách quan. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng không chỉ khẳng định phải “đúc kết, xây dựng hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam” mà còn nhấn mạnh khẩn trương “nghiên cứu xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam thời kỳ mới”<sup>1</sup>. Trước những thời cơ, thách thức và yêu cầu của sự nghiệp phát triển đất nước, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Phải tiếp tục xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “động lực phát triển”, và “soi đường cho quốc dân đi”.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.143.

## KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943

ThS. ĐẶNG THU HƯỜNG\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 là văn kiện Đảng quan trọng đối với sự phát triển văn hóa của đất nước. Đây là văn kiện đầu tiên Đảng ta trình bày rõ ràng những quan điểm cơ bản của mình về văn hóa, về vị trí của văn hóa trong tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc, về sự tất yếu phải tiến hành cách mạng tư tưởng - văn hóa. Đến nay các giá trị cốt lõi đó vẫn được giữ nguyên và khẳng định sức sống của một văn kiện mang tầm vóc cương lĩnh trong sự kế thừa, phát huy tác dụng đối với công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam.

### 1. Những giá trị cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ngắn gọn, súc tích nhưng vẫn bảo đảm hệ thống các quan niệm, phạm trù, các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc; được trình bày làm 5 phần: Phần I: Cách đặt vấn đề; Phần II: Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; Phần III: Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; Phần IV: Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam; Phần V: Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là của những nhà văn hóa mácxít Việt Nam. Đề cương văn hóa chứa đựng những giá trị cốt lõi, xứng tầm là tuyên ngôn, là cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa có thể đúc kết như sau:

---

\* Khoa Văn hóa và Phát triển - Học viện Chính trị khu vực I.

*Thứ nhất*, Đề cương đã đặt nền tảng lý luận cho sự phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam, góp phần thống nhất nhận thức, tư tưởng, định hướng học thuật trong lĩnh vực văn hóa, xác định đường lối cho văn hóa, văn nghệ; xác lập những vấn đề căn cốt về quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng; chức năng của văn hóa, nghệ thuật đối với bối cảnh lịch sử cụ thể; nguyên tắc và cách thức đấu tranh cho một nền văn hóa độc lập, tự chủ, khoa học, đại chúng,... Do vậy, dù chỉ là bản đề cương nhưng Đề cương văn hóa (1943) vừa có ý nghĩa thời sự, cấp bách, đáp ứng nhu cầu cách mạng thời điểm đó, vừa là kim chỉ nam định hướng cho tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam.

*Thứ hai*, bản Đề cương khẳng định vai trò lãnh đạo không thể thay thế của Đảng Cộng sản (lúc này là Đảng Cộng sản Đông Dương) đối với công cuộc giải phóng dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới: “*Cách mạng văn hóa ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện phát triển*”<sup>1</sup>; “*Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo*”<sup>2</sup>. Bối cảnh đó ở Việt Nam có sự tồn tại song song của nhiều đảng khác nhau như: Đảng Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng..., nhưng không đủ sức tập hợp toàn dân và lãnh đạo cách mạng. Nhiều chí sĩ yêu nước kiệt xuất đã tìm mọi con đường khác nhau để giải phóng dân tộc và phát triển văn hóa như Phan Đình Phùng với phong trào Cần Vương; Hoàng Hoa Thám với khởi nghĩa Yên Thế; Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng với phong trào Duy Tân,... nhưng đều thất bại. Thành công rực rỡ của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã chứng minh Đảng Cộng sản Việt Nam mới có thể đảm đương được sứ mệnh dẫn dắt toàn thể dân tộc trong các giai đoạn cách mạng tiếp theo.

*Thứ ba*, Đề cương đã đưa ra dự báo chính xác, tầm nhìn vượt thời gian khi khẳng định tiền đồ, tương lai của văn hóa Việt Nam: “*Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới*”<sup>3</sup>. Điều này được chứng minh khi trang sử vàng chói lọi của lịch sử Việt Nam mở ra sau chiến thắng của Cách mạng Tháng Tám, đồng thời mở ra một nhà nước độc lập

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.

và tương lai về nền văn hóa Việt Nam thực sự được thăng hoa, xác lập những giá trị của mình.

*Thứ tư*, Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 có sức lôi cuốn, quy tụ, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giới trí thức, văn nghệ sĩ tích cực tham gia cách mạng với vai trò là những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, từ đó khởi tạo và xây dựng nền văn hóa mới.

*Thứ năm*, Đề cương đã xác lập rất chuẩn xác ba nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa Việt Nam là dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Đây là những giá trị thực tiễn hết sức quan trọng, đặc biệt là đối với lĩnh vực văn hóa. Trong sự phát triển về tư duy lý luận của Đảng trong lĩnh vực văn hóa, các nguyên tắc này được coi như “kim chỉ nam” cho nền văn hóa độc lập, tự cường, vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* tròn 80 năm ra đời, đã thực sự đem lại một bước tiến mới về chất so với phương pháp tiếp cận đương thời về văn hóa dân tộc. Thực tiễn cách mạng Việt Nam, với những thành tựu của công cuộc đổi mới trong hơn 36 năm qua đã minh chứng rằng, những quan điểm của Đề cương vẫn còn giá trị định hướng cho phát triển văn hóa không chỉ đến ngày nay mà còn nhiều năm về sau.

## **2. Kế thừa và phát huy những giá trị cốt lõi của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã thể hiện một nhãn quan chiến lược văn hóa sâu sắc, sự sắc bén về tư duy lý luận, khả năng đúc kết thực tiễn và dự báo tương lai chính xác, tạo nên sức sống trường tồn của những giá trị cốt lõi nêu trên. Trong tiến trình phát triển của đất nước, Đảng đã kế thừa và phát huy những giá trị đó một cách tối ưu. Sự kế thừa và phát huy những giá trị cốt lõi của Đề cương được tập trung trong một số nội dung sau:

*Một là*, hiện nay Đảng luôn chú trọng việc định hướng phát triển văn hóa, xác định vị trí, vai trò của văn hóa trong công cuộc xây dựng và phát triển của đất nước.

Trên tinh thần đó, Đại hội lần thứ XI năm 2011 của Đảng khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của văn hóa, coi văn hóa là một trong ba bộ phận (kinh tế, xây dựng Đảng, văn hóa) trụ cột cho sự phát triển bền vững của đất nước và chủ trương phát triển văn hóa sâu, rộng, đồng bộ với phát triển kinh tế -

xã hội. Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước khẳng định: “*Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội*”<sup>1</sup>. Nhận thức sâu sắc về mối quan hệ giữa văn hóa, kinh tế, chính trị đánh dấu sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về vai trò của văn hóa trong thời kỳ đổi mới. Đại hội XII năm 2016 của Đảng tiếp tục nhất quán đường lối xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước với mục tiêu: “*Làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*”<sup>2</sup>. Trong đó, xây dựng nền văn hóa, con người Việt Nam phát triển toàn diện là một trong những mục tiêu của chiến lược phát triển.

Năm 2021 diễn ra Đại hội XIII của Đảng, đây là cột mốc quan trọng. Với chủ trương gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, Đảng chú trọng khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “*Gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy nhân tố con người, lấy nhân dân làm trung tâm; phát huy vai trò của văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển*”<sup>3</sup>. Như vậy, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa còn là sức mạnh nội sinh phát triển bền vững đất nước, đóng vai trò là “hệ điều tiết” trong sự vận động mọi mặt của đời sống.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.48.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.216.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.99.

Như vậy, kế thừa và phát huy từ giá trị cốt lõi của Đề cương về văn hóa Việt Nam, Đảng luôn xác vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp đổi mới, đưa ra định hướng phát triển văn hóa, nhấn mạnh vai trò của văn hóa ảnh hưởng không nhỏ đến sự tồn vong và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhất quán tư duy văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu và động lực phát triển bền vững đất nước.

*Hai là*, đối với lĩnh vực văn hóa và sự phát triển của đất nước, việc xác lập ba nguyên tắc: *dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa* trong Đề cương văn hóa là một đóng góp vô cùng to lớn cho sự phát triển của dân tộc. Các nguyên tắc này được Đảng kế thừa và phát triển một cách triệt để trong các quan điểm chỉ đạo và trong thực tiễn hành động.

Nguyên tắc *dân tộc hóa* theo tinh thần của Đề cương là nhằm chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập, nghĩa là xây dựng một nền văn hóa độc lập, tự cường, mang đậm bản sắc dân tộc, bảo vệ và phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc, di sản văn hóa của cha ông, chống lại sự lai căng, đua đòi, dập khuôn văn hóa phương Tây, đồng thời chống chia rẽ, phân tán để tập hợp, thống nhất các lực lượng văn hóa trong cả nước. Hiện nay, đây vẫn là nguyên tắc vô cùng quan thiết với văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hiện tại với chủ trương xây dựng nền văn hóa “đậm đà bản sắc dân tộc”. Khi thế giới hội nhập ở mức độ cao thì nguy cơ về việc tiếp biến văn hóa quá đà, hay đồng hóa, thậm chí việc “xâm lăng” văn hóa có thể xảy ra bất cứ lúc nào thì việc đề cao nguyên tắc dân tộc (nghĩa là văn hóa dân tộc) sẽ là thành trì vững chắc để bảo vệ và phát triển văn hóa, phát triển đất nước; đồng thời còn “thu nạp”, “thâu hóa” tinh hoa văn hóa nhân loại làm giàu thêm cho văn hóa dân tộc. Điều này được thể hiện rõ trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII vì “*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” cho thấy, dân tộc hóa phải dựa vào bản sắc văn hóa dân tộc. Bản sắc dân tộc được kết tinh trong ý thức dân tộc, tâm hồn dân tộc, tính cách dân tộc, di sản văn hóa dân tộc... Bản sắc dân tộc sẽ bảo đảm sự trường tồn của dân tộc, tạo nên sức mạnh nội sinh để đứng vững trong cơn lốc toàn cầu hóa, tạo sức đề kháng và đối trọng chống lại sự xâm lăng văn hóa.

Với nguyên tắc *khoa học hóa*, Đề cương nhấn mạnh sự phát triển văn hóa theo chiều hướng khoa học, tiến bộ, loại bỏ những gì làm cho văn hóa phản khoa học, phản tiến bộ. Cụ thể là lấy khoa học làm điểm tựa đấu tranh chống

lại mọi hình thức lạc hậu, thần bí, phản khoa học, cản trở sự phát triển của văn hóa. Khoa học hóa cũng là đặt mọi vấn đề của văn hóa trên cơ sở khoa học, đề cao tư tưởng, học thuật, phát triển các ngành khoa học. Cao hơn nữa là dùng khoa học làm vũ khí đấu tranh, phản bác những quan điểm, nhận thức, nhận định sai trái về văn hóa.

*Đại chúng hóa* theo tinh thần của Đề cương là chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa rời quần chúng. Đây cũng là một nguyên tắc vô cùng mới và tiến bộ, lần đầu tiên quần chúng nhân dân lao động được xác định vừa là đối tượng, vừa là chủ thể của văn hóa. Nguyên tắc này góp phần trả lời cho câu hỏi “nghệ thuật vì nghệ thuật” hay “nghệ thuật vì nhân sinh” trong bối cảnh đó và khẳng định rằng văn hóa, nghệ thuật phải được phục vụ, hướng tới quần chúng là quảng đại quần chúng, là nhân dân. Đến nay, Đảng ta không chỉ kế thừa mà còn phát huy lên một tầm cao mới: đại chúng hóa không chỉ phát triển văn hóa đại chúng mà khẳng định vai trò chủ thể sáng tạo và vận động phát triển văn hóa thuộc về đông đảo quần chúng nhân dân. Nền văn hóa Việt Nam chỉ có thể “đậm đà bản sắc dân tộc” khi nó được nuôi dưỡng trong môi trường đại quần chúng, những tinh hoa văn hóa đã được tích lũy từ truyền thống dân tộc, từ suối nguồn của văn học dân gian. Đại chúng hóa văn hóa giúp nâng cao trình độ dân trí, vì vậy việc chú trọng phát triển văn hóa tinh hoa, văn hóa bác học cũng là một yêu cầu cấp thiết như Đảng ta đã nhận định trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI: “*Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng*”.

Cho đến hôm nay, không ai có thể phủ nhận giá trị lịch sử to lớn của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, đặc biệt là vai trò tiên phong mở đường, đặt nền móng lý luận cho công cuộc xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam. Tinh thần chung của bản Đề cương vẫn là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt các văn kiện sau này của Đảng ta về văn hóa, văn nghệ, góp phần định hướng và dẫn đạo nền văn hóa Việt Nam vươn tới những tầm cao mới.

\*

\*      \*

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ra đời trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể và khẳng định được sự cần thiết, tất yếu, thể hiện tầm nhìn chiến lược

của Đảng về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Những giá trị cốt lõi của Đề cương về nguyên tắc Đảng lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo văn hóa; tính chất “dân tộc”, “khoa học”, “đại chúng” của văn hóa Việt Nam thể hiện quan điểm tiến bộ về văn hóa của Đảng; việc kế thừa và phát huy các giá trị đó đã được thể hiện qua những quan điểm, chủ trương của Đảng trong suốt 80 năm qua. Để tiếp tục phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời gian tới, các giá trị đó cần được tiếp tục “gạn đục khơi trong”, kế thừa và phát huy. Đó chính là một trong những yếu tố sẽ góp phần đưa văn hóa Việt Nam sánh vai với các nền văn hóa, văn minh tiến bộ trên thế giới.



## KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943

GS.TS. TỪ THỊ LOAN\*

Cách đây 80 năm, vào tháng 2/1943, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo đã được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên)<sup>1</sup>. Bản Đề cương đã đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của cách mạng Việt Nam khi đó, đặt nền móng căn bản về lý luận và thực tiễn, đồng thời định hướng lâu dài cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam. Trải qua 80 năm triển khai và kiểm nghiệm trong thực tế, ngày nay chúng ta có điều kiện nhìn lại để khẳng định những giá trị trường tồn của bản Đề cương, đồng thời có những bổ sung, mở rộng, phát triển phù hợp hơn với bối cảnh mới.

Bản Đề cương ra đời trong tình thế nước sôi lửa bỏng của cuộc cách mạng sinh tử giải phóng dân tộc. Đề cương đã trình bày một cách hệ thống các khái niệm, phạm trù, quan điểm chỉ đạo, mục đích, nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa Việt Nam, những nhiệm vụ cần kíp để thực hiện các mục tiêu đề ra. Các nội dung cơ bản nêu trong 5 phần của Đề cương<sup>2</sup> nhìn chung đều có tính

---

\* Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Nay là Đông Anh, Hà Nội.

2. “Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943”, in trong *Văn hóa Việt Nam một chặng đường*, Nxb. Văn hóa - Thông tin và Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, Hà Nội, 1994. Đề cương gồm 5 phần:

Phần I: Cách đặt vấn đề.

Phần II: Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam.

Phần III: Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp.

Phần IV: Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam.

Phần V: Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít ở Việt Nam.

khái quát rộng, nắm bắt sâu tình hình lý luận và thực tiễn văn hóa Việt Nam khi đó.

Trong suốt 80 năm qua, Đảng ta luôn quán triệt tinh thần chính của bản Đề cương, đồng thời có sự điều chỉnh, bổ sung, vận dụng sáng tạo phù hợp với tình hình thực tiễn của từng giai đoạn cách mạng. Bản thân Đề cương cũng không có tham vọng làm một thứ “bảo bối” bất di bất dịch, thể hiện qua các diễn đạt như: ba nguyên tắc vận động “trong giai đoạn này”, hai “ức thuyết” về tiền đề văn hóa Việt Nam, những phương pháp cải cách “đề ra bấy giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau”, Đề cương về văn hóa Việt Nam “năm 1943”, v.v..

### **1. Những giá trị cốt lõi của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

Đề cương đã thể hiện một tầm nhìn xa, tư duy lý luận sắc bén, sự đúc kết từ thực tiễn sâu sát của một đảng non trẻ mới có 12 năm kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng. Tuy nhiên cho đến nay, nhiều luận điểm, nguyên tắc, đúc kết của bản Đề cương vẫn giữ nguyên giá trị, vẫn có thể kế thừa, phát huy tác dụng trong công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam.

*Trước hết*, bản Đề cương đã đặt nền móng lý luận căn bản cho nhiều vấn đề văn hóa Việt Nam, từ đó góp phần thống nhất nhận thức, tư tưởng, định hướng học thuật cho những người làm văn hóa, nghệ thuật. Đó trước hết là những vấn đề căn cốt như: quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng; chức năng của văn hóa, nghệ thuật (nghệ thuật vị nhân sinh); sự ưu thắng của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; nguyên tắc và cách thức đấu tranh cho một nền văn hóa độc lập, tự chủ, khoa học, đại chúng, tiến bộ,...

Có thể nói, bản Đề cương mang đầy đủ ý nghĩa của một *Cương lĩnh về văn hóa*, bổ sung cho *Cương lĩnh chính trị* của Đảng (Cương lĩnh đầu tiên của Đảng năm 1930) phục vụ đắc lực cho cuộc cách mạng “phản đế, phản phong” của dân tộc. Bản Đề cương đã góp phần thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng, đặt nền móng cho đường lối văn hóa, văn nghệ sau này, làm kim chỉ nam trong xây dựng nền văn hóa mới, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cho các chặng đường cách mạng tiếp theo.

*Thứ hai*, bản Đề cương đã khẳng định vai trò không thể thay thế của Đảng Cộng sản (khi đó là Đảng Cộng sản Đông Dương) đối với công cuộc giải phóng dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới: “Cách mạng văn hóa ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện phát triển”<sup>1</sup>. “Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo”<sup>2</sup>.

Tại thời điểm đó cũng có một loạt chính đảng hoạt động..., nhưng đều không đủ sức tập hợp toàn dân và lãnh đạo cách mạng. Nhiều chí sĩ yêu nước kiệt xuất đã tìm mọi con đường khác nhau để giải phóng dân tộc và phát triển văn hóa như Phan Đình Phùng với phong trào Cần Vương; Hoàng Hoa Thám với khởi nghĩa Yên Thế; Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng với phong trào Duy Tân,... nhưng đều thất bại<sup>3</sup>. Chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới có thể đảm đương được sứ mệnh này, đã thực hiện thành công Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và dẫn dắt toàn thể dân tộc trong các giai đoạn cách mạng tiếp theo.

*Thứ ba*, Đề cương đã thể hiện khả năng dự báo chính xác, tầm nhìn vượt thời gian khi khẳng định tiên đề, tương lai của văn hóa Việt Nam là: “Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>4</sup>. Điều đó sau này đã trở thành hiện thực, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã khai sinh ra một nhà nước độc lập và nền văn hóa Việt Nam thực sự được tự do và cất cánh.

*Thứ tư*, với những nội dung, quan điểm, vấn đề quan thiết như vậy, bản Đề cương đã có sức lôi cuốn, quy tụ, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giới trí thức, văn nghệ sĩ tích cực tham gia cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới. Nhiều hồi ký, phát biểu, suy ngẫm của giới văn nghệ sĩ đều cho thấy sự hấp dẫn, sức thuyết phục của bản Đề cương đã giúp họ khai mở nhận thức, khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc...

---

1, 2, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.21, 22, 19-20.

3. Từ Thị Loan: “Quan điểm cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo và ba nguyên tắc lớn trong Đề cương văn hóa Việt Nam”, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *70 năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Hà Nội, ngày 18/9/2013.

*Thứ năm*, Đề cương có giá trị thực tiễn quan trọng ở chỗ đã xác lập rất đúng đắn ba nguyên tắc cơ bản của cuộc vận động văn hóa Việt Nam là: *Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa*. Bên cạnh đó, bản Đề cương còn chỉ rõ các nhiệm vụ, cách thức, giải pháp để đạt được các mục tiêu đó. Thực tế đã chứng minh, ba nguyên tắc trên có tác dụng to lớn biến nền văn hóa Việt Nam từ một nền văn hóa chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa phong kiến, thực dân, nô dịch trở thành một nền văn hóa độc lập, tự cường, vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc.

Có thể nói, ba nguyên tắc *dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa* vừa có tính thời sự, vừa có ý nghĩa lâu dài, trở thành những định hướng lớn cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam trong nhiều giai đoạn cách mạng về sau. Trong khuôn khổ có hạn của bài viết, tác giả xin tập trung làm rõ những giá trị cốt lõi của ba nguyên tắc trên, đồng thời chỉ ra sự vận dụng, điều chỉnh, bổ sung, phát triển của Đảng ta qua các thời kỳ cũng như trong bối cảnh hiện nay.

## **2. Kế thừa và phát triển ba nguyên tắc lớn của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

### *2.1. Nguyên tắc “dân tộc hóa”*

*Dân tộc hóa* theo tinh thần của Đề cương là nhằm “chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”<sup>1</sup>. Cụ thể hơn, đó chính là chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái hóa, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉ dân.

Tại thời điểm đó, nguyên tắc *dân tộc hóa* với cách hiểu như vậy là hoàn toàn đúng đắn và xác đáng. Khát khao có một nền văn hóa độc lập đã tồn tại trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, trước hết là trong nỗ lực chống lại âm mưu đồng hóa của phong kiến phương Bắc. Trải qua hơn một nghìn năm Bắc thuộc, văn hóa Việt Nam không tránh khỏi chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Nhận xét về vấn đề này, Tổng Bí thư Trường Chinh từng viết: “Ông cha ta, hàng chục thế kỷ học Tàu, viết Tàu, nghĩ theo cách Tàu; pháp luật mô phỏng Tàu; học triết học Tàu, theo lễ giáo Tàu, về tín ngưỡng theo cả Tàu và Ấn; khoa học độc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.23-24.

lập không tiến; nghệ thuật âm nhạc kém phát triển; lối ăn mặc ở hủ lậu, bảo thủ, thiếu khoa học”<sup>1</sup>.

Dưới thời Pháp thuộc, thực dân Pháp chủ trương thực hiện chính sách văn hóa nô dịch, coi rẻ văn hóa bản xứ, cho nước Pháp là “Mẫu quốc” giúp “khai hóa văn minh” cho dân tộc An Nam ngu muội, tăm tối. Chúng gieo rắc trong giới trí thức Tây học tư tưởng phục Pháp, sùng Pháp, đồng thời kìm hãm dân chúng trong vòng ngu tối để dễ bề cai trị. Một mặt, thực dân Pháp ra sức đàn áp các nhà văn hóa cách mạng, dân chủ, chống phát xít, kiểm soát ngặt nghèo các tài liệu văn hóa có tư tưởng mới. Mặt khác, chúng tiến hành chính sách nhồi sọ, mua chuộc các văn nghệ sĩ có tài, ru ngủ thanh niên bằng các phong trào “vui vẻ, trẻ trung”, các cuộc thi thể thao, sắc đẹp, khuyến khích ăn chơi thời thượng, đẩy thế hệ trẻ vào con đường truy lạc bằng thuốc phiện, rượu cồn. Chưa bao giờ ở Việt Nam các tiệm hút, nhà thổ, sàn khiêu vũ mọc lên nhan nhản như thời đó. Văn học, nghệ thuật chìm đắm trong xu hướng hưởng lạc, đồi trụy bên cạnh các thể loại kiếm hiệp, trinh thám rẻ tiền...

Về phía phát xít Nhật, chúng tiến hành chính sách tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á, coi người Nhật là cứu tinh của giống da vàng, đề cao văn hóa Nhật Bản “chiếu rọi những tia sáng văn minh, tiến bộ cho giống nòi Đại Đông Á”... Tự trung, tất cả đều là thái độ đề cao văn hóa ngoại lai, hạ thấp văn hóa Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, nguyên tắc *dân tộc hóa* là cực kỳ cần thiết và đúng đắn để hướng tới xây dựng một nền văn hóa độc lập, tự chủ. Dân tộc hóa trước hết là đấu tranh về tiếng nói, chữ viết, thống nhất làm giàu tiếng nói dân tộc, “ấn định mọo văn ta”, cải cách chữ Quốc ngữ. Dân tộc hóa còn là kiên quyết bảo vệ, giữ gìn tinh hoa văn hóa dân tộc, di sản văn hóa của cha ông. Dân tộc hóa cũng là chống lại những lai căng, đua đòi, bắt chước văn hóa phương Tây. Dân tộc hóa sẽ góp phần chống chia rẽ, phân tán để tập hợp, thống nhất các lực lượng văn hóa trong cả nước...

---

1. Trường Chinh: *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, dẫn theo Nguyễn Thành Vinh: “Nghiên cứu bản sắc văn hóa dân tộc, hướng tiếp cận từ Đề cương văn hóa Việt Nam”, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học 70 năm Đề cương văn hóa Việt Nam, Tài liệu Hội thảo khoa học, Hà Nội, ngày 18/9/2013.

Tại thời điểm đó, nguyên tắc *dân tộc hóa* đã có tác dụng thức tỉnh, uốn nắn các quan điểm lệch lạc của giới văn nghệ sĩ và các tổ chức văn hóa như nhóm Tri Tân, Thanh Nghị, Xuân Thu nhã tập. Nhóm Tri Tân theo khuynh hướng bảo thủ, nệ cổ, nên sa vào chủ nghĩa dân tộc ích kỷ, thủ cựu, gàn dở. Nhóm Thanh Nghị tuy có tư tưởng dân tộc, nhưng lại mang tính chất cải lương tư sản. Nhóm Xuân Thu nhã tập xa rời quần chúng, thoát ly thực tế, trốn vào “tháp ngà”, “nghệ thuật tắc tị”...

Từ khi đất nước giành được độc lập, trong suốt những năm kháng chiến bảo vệ Tổ quốc cũng như hòa bình xây dựng đất nước, nguyên tắc *dân tộc hóa* đã góp phần tập hợp, đoàn kết giới trí thức, văn nghệ sĩ cũng như quảng đại quần chúng xây dựng một nền văn hóa mới mang đậm bản sắc dân tộc, chống lại mọi ảnh hưởng, tàn dư của văn hóa phong kiến, tư sản, nô dịch, tạo nên diện mạo mới cho văn hóa Việt Nam. Đã có biết bao tác phẩm văn học, nghệ thuật, nghiên cứu, phê bình, báo chí, xuất bản giàu bản sắc dân tộc được sáng tạo. Văn hóa truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng thể hiện đậm nét và có sức lan tỏa ra thế giới.

Cho đến nay, có thể nói, nguyên tắc *dân tộc hóa* vẫn giữ nguyên giá trị và phát huy tác dụng đối với việc xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, nội hàm của nó cần được hiểu rộng và sâu hơn, đa chiều và đa nghĩa hơn, cụ thể như sau:

*Một là*, bên cạnh việc đề cao dân tộc hóa với ý nghĩa “chống mọi sự nô dịch, đồng hóa của văn hóa bên ngoài”, hiện nay dân tộc hóa còn cần phải hiểu là nền văn hóa có khả năng tiếp thu, “Việt hóa” những ảnh hưởng tốt đẹp của văn hóa bên ngoài, bồi bổ, làm giàu và nâng tầm cho văn hóa dân tộc. Đây chính là quá trình tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, biến các giá trị đó thành “của mình”, qua lăng kính dân tộc mình, có chọn lọc và kiểm nghiệm. Như vậy, khái niệm này không chỉ “chống” các ảnh hưởng xấu từ bên ngoài, mà còn phải “thu nạp”, “thâu hóa” những ảnh hưởng tốt đẹp, học tập và nâng cao vị thế văn hóa Việt Nam. Sự điều chỉnh, bổ sung này đã được Đảng ta thể hiện rất rõ trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII - bản Cương lĩnh thứ hai về văn hóa - trong quan điểm “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và được làm sâu sắc, đầy đủ hơn trong các văn kiện tiếp theo về văn hóa, văn nghệ.

*Hai là*, dân tộc hóa với ý nghĩa “chống văn hóa phong kiến thoái hóa” không có nghĩa là phủ định sạch trơn, đoạn tuyệt hoàn toàn với quá khứ. Những năm đầu trong quá trình xây dựng nền văn hóa mới, do chủ quan, nóng vội và thiếu kinh nghiệm, chúng ta cũng đã có một số thái độ quá khích, dẫn tới những ứng xử cực đoan với văn hóa cổ truyền, phá bỏ đình chùa, cấm đoán lễ hội, chụp mũ các thực hành tôn giáo, tín ngưỡng là mê tín dị đoan, xử lý oan sai các văn nghệ sĩ, trí thức... Sau này, Đảng ta đã kịp thời điều chỉnh, khắc phục các biểu hiện thái quá, coi trọng văn hóa truyền thống với tất cả sự đa dạng và đặc thù của nó. Hiện nay, di sản văn hóa đã trở thành nguồn tài nguyên nhân văn to lớn để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố sức mạnh nội sinh của đất nước.

*Ba là*, dân tộc hóa không có nghĩa là độc tôn văn hóa, chỉ đề cao văn hóa của mình, cách nghĩ cách cảm của dân tộc mình, sa vào chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Vào thời điểm những năm 40 của thế kỷ XX, trong bối cảnh phải cương quyết đấu tranh với các tông phái văn nghệ có nguy cơ làm sao nhãng quần chúng khỏi cuộc chiến sinh tử trước mắt, bản Đề cương phải đề ra các biện pháp tự vệ bằng cuộc đấu tranh triệt để “chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng, v.v. làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng”<sup>1</sup>. Tuy nhiên, khi mục đích tối cao đã đạt được, Đảng ta đã cởi mở, tạo điều kiện để mọi trường phái văn học, nghệ thuật tự do phát triển. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, văn hóa Việt Nam ngày càng phát triển phong phú, đa dạng, tiếp cận được với tất cả các trào lưu, khuynh hướng, trường phái văn hóa, văn học, nghệ thuật của thế giới.

*Bốn là*, dân tộc hóa phải có chỗ dựa vững chắc là bản sắc văn hóa dân tộc. Bản sắc dân tộc được kết tinh trong ý thức dân tộc, tâm hồn dân tộc, tính cách dân tộc, tâm lý dân tộc, di sản văn hóa của dân tộc... Bản sắc dân tộc tạo nên cốt cách, tinh hoa, “quốc hồn, quốc túy” cho văn hóa Việt Nam, bảo đảm sự trường tồn của dân tộc. Bản sắc văn hóa cũng góp phần tạo dựng bản lĩnh, nội lực, giúp chúng ta “hòa nhập mà không hòa tan”, đứng vững trong cơn lốc toàn cầu hóa. Bản sắc văn hóa tạo sức đề kháng, trở thành

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.28.

đối trọng để chống lại sự xâm lăng văn hóa, bá quyền văn hóa trong hội nhập quốc tế hiện nay.

*Năm là*, dân tộc hóa trong bối cảnh hiện nay phải đi đôi với quốc tế hóa, tức là mang các giá trị văn hóa dân tộc quảng bá ra thế giới, thâm nhập vào các nền văn hóa khác. Khi văn hóa dân tộc đã phát triển ở trình độ cao, phát triển đến mức đủ sức chinh phục, cuốn hút các cộng đồng khác, thì văn hóa dân tộc đã mang tính quốc tế mạnh mẽ. Văn hóa càng có bản sắc dân tộc ở trình độ cao thì càng được quốc tế hóa tương ứng. Ngược lại, càng được quốc tế hóa mạnh mẽ, thì càng làm giàu cho văn hóa nước nhà, củng cố bản sắc dân tộc. Bài học Hallyu của Hàn Quốc là một ví dụ. Có như vậy, chúng ta mới không chỉ “nhận” mà còn “cho”, có những đóng góp nhất định vào bức tranh chung của văn hóa nhân loại. Hiện nay múa rối nước, xiếc tre, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, áo dài, phở, nem... của Việt Nam đang ngày càng chinh phục thế giới. Chúng ta cần thúc đẩy để quá trình này trở nên đa dạng và rộng rãi hơn, bao gồm cả những sản phẩm đương đại như đưa phim Việt, nghệ thuật biểu diễn Việt, mỹ thuật Việt thâm nhập sâu rộng hơn vào thị trường quốc tế.

## 2.2. Nguyên tắc “đại chúng hóa”

Đại chúng hóa theo tinh thần của Đề cương là nhằm “chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng”<sup>1</sup>. Đại chúng ở đây được hiểu là quảng đại quần chúng, quần chúng nhân dân.

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam khi đó, đây là một nguyên tắc rất mới và tiến bộ. Lần đầu tiên trong lịch sử văn hóa dân tộc, quần chúng nhân dân lao động được xác định vừa là đối tượng, vừa là chủ thể của văn hóa. Trước đó, nền giáo dục phong kiến khoa cử Nho học khiến cho văn hóa Việt Nam mang tính đẳng cấp rõ rệt, chủ yếu là dành cho số ít những người có đặc quyền, đặc lợi trong xã hội. Trong thời kỳ Tây học cũng chỉ những người thuộc tầng lớp trên mới có điều kiện tiếp thu học vấn và sáng tạo văn hóa. Đánh giá về văn hóa Việt Nam giai đoạn này, Tổng Bí thư Trường Chinh từng viết: Người ta viết, vẽ, đàn, hát, múa, xây, nặn cốt để cho bọn quyền

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.24.



quý thưởng thức đã chú! Mà cũng chỉ bọn họ mới đủ tiền tài và trí tuệ thưởng thức những sản phẩm văn hóa “cao quý” trong chế độ này. Hơn nữa, người ta viết, vẽ, đàn, hát, múa, xây, nặn để ru ngủ quần chúng làm cho quần chúng tin theo bọn quyền quý, hoặc mê tín ở họa phúc, mong đợi ở Trời, Phật... Nên văn hóa Việt Nam hiện nay hết sức xa đại chúng<sup>1</sup>.

Tính chất xa đại chúng, phản đại chúng còn thể hiện ở những xu hướng “nghệ thuật vị nghệ thuật”, nghệ thuật tư sản, siêu thực, lập dị, nghệ thuật tháp ngà, xa rời đời sống, coi khinh người lao động. Nhận xét về văn học, nghệ thuật thời kỳ này, Giáo sư Phan Ngọc đã phải phát biểu: “Giới nghệ sĩ đương thời là nơi tập trung của tư tưởng yêu tự do cá nhân đến mức ích kỷ, hoài nghi, duy mỹ, tìm khoái cảm, tự phụ tự đắc, nghệ thuật vị nghệ thuật”<sup>2</sup>.

Chính vì vậy, nguyên tắc *đại chúng hóa* đã góp phần đưa văn hóa Việt Nam xích gần hơn với quảng đại quần chúng, biến văn hóa nghệ thuật không còn là sở hữu của một thiểu số nào đó, mà trở thành tài sản chung của toàn dân. Sau Cách mạng Tháng Tám, các phong trào “bình dân học vụ”, “chống giặc đói”, truyền bá chữ Quốc ngữ đã góp phần nâng cao dân trí, đưa Việt Nam từ một nước có hơn 90% dân số mù chữ, chữ viết kém phát triển trở thành một nước có nền văn hóa mới, tiến bộ với những thành tựu chưa từng có trong lịch sử.

Trong diễn trình cách mạng, nguyên tắc *đại chúng hóa* cũng luôn được Đảng ta không ngừng hoàn thiện, điều chỉnh, bổ sung. Ngay từ năm 1957, trong thư gửi Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II, đồng chí Trường Chinh thay mặt Trung ương Đảng cũng đã giải thích rõ hơn: “Văn nghệ có tính *dân tộc, khoa học, đại chúng*, hay nói một cách khác, có tính chất *dân tộc, hiện thực, nhân dân*”<sup>3</sup>.

Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, quần chúng nhân dân, nhất là công - nông - binh đã trở thành đối tượng chính của sự phản ánh và thưởng thức văn hóa, nghệ thuật. Sau này, *đại chúng hóa* được phát triển

1. Xem Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.1.

2. Phan Ngọc: *Thử xét văn hóa - văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 2000, tr.206.

3. Hà Xuân Trường: “Đề cương về văn hóa Việt Nam 1943 - Nhìn từ hôm nay”, in trong *50 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.92.

thành  *tinh thần dân chủ*  trong văn hóa Việt Nam, khi người dân được trao toàn quyền sáng tạo và hưởng thụ văn hóa. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Trong bối cảnh hiện nay, nguyên tắc đại chúng hóa và tính chất dân chủ của nền văn hóa vẫn giữ nguyên giá trị cốt lõi. Tuy nhiên, để tương thích với những điều kiện lịch sử mới, nguyên tắc này cần được bổ sung, phát triển và vận dụng linh hoạt hơn. Cụ thể là:

*Một là*, đại chúng hóa không đơn giản chỉ là phát triển văn hóa đại chúng (mass culture) mà ở đây khẳng định vai trò chủ thể sáng tạo và vận động phát triển văn hóa thuộc về đông đảo các tầng lớp nhân dân. Đây là một chân lý vĩnh hằng, vì văn hóa bao giờ cũng là sản phẩm sáng tạo của cả một dân tộc. Mặt khác, nền văn hóa Việt Nam chỉ có thể “đậm đà bản sắc dân tộc” khi nó được nuôi dưỡng trong bầu “khí quyển” của văn hóa toàn dân, nhất là văn hóa dân gian, văn hóa các tộc người.

*Hai là*, đại chúng hóa là nhằm xóa bỏ mọi bất bình đẳng về trình độ, điều kiện hưởng thụ, sự chênh lệch văn hóa giữa các tầng lớp, bộ phận dân cư, dân tộc, vùng miền trong cả nước. Vấn đề này luôn được Đảng ta khẳng định nhất quán trong các văn kiện của các kỳ đại hội Đảng và nỗ lực hiện thực hóa trong thực tiễn. Hiện nay, với sự phổ cập của giáo dục và văn hóa, trình độ dân trí của nhân dân đã được cải thiện. Do vậy, việc đại chúng hóa trong phát triển văn hóa phải bao gồm hai mặt: *phổ cập* và *nâng cao*. Phổ cập văn hóa vào đại chúng để nâng cao trình độ của đại chúng.

*Ba là*, trong nền văn hóa dành cho toàn dân, bên cạnh việc phát triển văn hóa đại chúng nhằm bảo đảm quyền văn hóa cho số đông, cần chú trọng vun đắp, bồi dưỡng, phát triển văn hóa tinh hoa, văn hóa bác học, văn hóa đỉnh cao. Văn hóa tinh hoa là văn hóa của thành phần ưu tú trong xã hội, những người đúc kết được tinh hoa của đại chúng, đại biểu cho trí tuệ của đại chúng, những cánh chim đầu đàn mở đường cho đại chúng. Tuy chiếm số ít, nhưng đây mới là bộ phận tạo nên những bước ngoặt về tư tưởng, học thuật, khoa học... Giới trí thức tinh hoa bị suy thoái thì dân tộc rất dễ bị diệt vong về mặt tinh thần, đất nước khó có thể có những đột phá trên con đường phát triển.

*Bốn là*, từ cái nhìn hệ thống, nguyên tắc đại chúng hóa hiện nay phải đặt trong tổng thể các mối quan hệ hữu cơ liên quan. Về cơ bản, chủ thể và khách thể chính của văn hóa Việt Nam vẫn là nhân dân, nhưng phải có sự kết nối

và phân định chức năng bảo đảm sự phát triển đồng bộ của tổng thể. Về vấn đề này, Đảng ta đã xác định rất rõ trong Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI: “Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng”<sup>1</sup>.

### 2.3. Nguyên tắc “khoa học hóa”

Khoa học hóa theo tinh thần của Đề cương là nhằm “chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”<sup>2</sup>. Cụ thể hơn, khoa học hóa là đấu tranh chống lại mọi hình thức lạc hậu, thần bí, phản khoa học cản trở sự phát triển của văn hóa, đề cao những giá trị văn hóa mới, tiến bộ, góp phần làm cho văn hóa ngày càng phát triển theo hướng đi lên. Khoa học hóa còn là đặt mọi vấn đề của văn hóa trên cơ sở khoa học, đề cao tư tưởng, học thuật, phát triển các ngành khoa học. Khoa học trở thành nền tảng của nhận thức và hành động để phê phán những di hại quá khứ, đấu tranh với những luận thuyết phản động để định hướng phát triển văn hóa.

Tại thời điểm những năm đó, đây là một nguyên tắc cực kỳ cần thiết và chuẩn xác. Đất nước ta trong suốt thời kỳ phong kiến là một nước nông nghiệp lạc hậu, trì trệ. Lối học hành khoa cử thiên về văn chương, hành sáo, không quan tâm đến khoa học thực nghiệm. Trình độ hiểu biết về khoa học của nhân dân rất hạn chế, chủ yếu thiên về duy tâm, thần bí, mê tín dị đoan. Nguyên tắc *khoa học hóa* khi ấy đã góp phần đấu tranh về nhận thức, đả phá những quan niệm, học thuyết sai lạc, trang bị cho giới trí thức, văn nghệ sĩ nền tảng lý luận chống lại văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, quá trốn, phong kiến phục cổ, cải lương tư sản..., và bảo vệ sự đúng đắn của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam sau này, Đảng ta luôn có sự vận dụng linh hoạt và bổ sung, phát triển nguyên tắc khoa học hóa. Tính chất khoa học được phát triển thành tính chất tiên tiến của nền văn hóa với hàm nghĩa là một nền văn hóa phát triển dựa trên thế giới quan

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.49.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.24.

khoa học và hệ tư tưởng tiên tiến của nhân loại. Tiên tiến còn hàm nghĩa là văn minh, hiện đại, tiến bộ... Cho đến nay, nguyên tắc khoa học hóa vẫn giữ nguyên một số giá trị hạt nhân, tuy nhiên, cũng như hai nguyên tắc trên, để phù hợp với điều kiện và bối cảnh mới, nguyên tắc này cần được mở rộng và làm sâu thêm:

*Một là*, ngày nay, bên cạnh việc đẩy mạnh khoa học hóa nhằm chống lại những gì trái khoa học, phản tiến bộ, sàng lọc những “đôi phong bại tục” cổ hủ, lạc hậu, chúng ta cũng cần “gạn đục khơi trong”, phát huy những thuần phong mỹ tục, tìm về “cổ học tinh hoa”, khai thác những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống, y dược học cổ truyền, tri thức bản địa... phục vụ đời sống đương đại, tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo, niềm tin tâm linh của người dân.

*Hai là*, bên cạnh đó, mặc dù ngày nay khoa học, kỹ thuật đã phát triển vượt bậc, trình độ dân trí được nâng lên, đời sống nhân dân được cải thiện, song những biểu hiện mê tín dị đoan, các hủ tục cũ vẫn có cơ hội trở dậy và đang có phần lan rộng. Bên cạnh đó cũng xuất hiện những hình thức mê tín dị đoan mới, những tà giáo, “tôn giáo lạ”, những tư tưởng, học thuyết phản động... Vì vậy, chúng ta vẫn phải tiếp tục đấu tranh chính đốn, phản bác bằng những hình thức đa dạng và kiên quyết.

*Ba là*, khoa học hóa hiện nay phải dựa trên cái nhìn khách quan, cởi mở, đa chiều. Dưới góc nhìn khoa học, các trường phái triết học là những phương thức thấu hiểu và lĩnh hội khác nhau về thế giới và con người. Mỗi trường phái dù ít hay nhiều đều có những ưu, nhược điểm nhất định. Ngày nay từ triết học Khổng, Mạnh vẫn có thể rút ra những bài học quý báu, các học thuyết của Bergson, Kant, Nietzsche đều có những phương diện tích cực. Ngoài ra, còn biết bao lý thuyết, tri thức mới mẻ của nhân loại chúng ta cần học hỏi, tìm hiểu để bổ sung, hoàn thiện nhận thức bên cạnh chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử... Trong thời đại mà trí tuệ loài người có những tiến bộ phi thường, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền văn hóa Việt Nam sẽ không thể phát triển nếu không nhanh chóng tiếp thu những tư tưởng mới, thành tựu mới của khoa học - công nghệ thế giới.

*Bốn là*, khoa học hóa hiện nay còn là việc tạo dựng một môi trường nghiên cứu thực sự tự do, dân chủ, cởi mở, là nơi làm khoa học theo đúng nghĩa, chứ không phải nơi làm công tác tư tưởng, làm chính trị. Phải làm thế nào để công

tác nghiên cứu khoa học trở thành cơ sở cho hoạt động chính trị, phục vụ hiệu quả cho chính trị, giúp *làm chính trị một cách khoa học*, hay nói cách khác là *khoa học hóa chính trị*, chứ không phải *chính trị hóa khoa học* (khoa học đi sau, phụ họa, minh họa cho chính trị...). Cần tiếp thu khách quan, đa chiều các trường phái triết học, quan điểm học thuật, coi trọng trí tuệ khai phóng, tránh rơi vào tình trạng độc tôn, giáo điều...

\*

\* \*

Cho đến hôm nay, không ai có thể phủ nhận giá trị lịch sử to lớn của bản Đề cương cũng như vai trò tiên phong mở đường, đặt nền móng lý luận cho công cuộc phát triển văn hóa Việt Nam. Tinh thần chung của Đề cương vẫn là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt các văn kiện sau này của Đảng về văn hóa, văn nghệ, góp phần định hướng và dẫn đạo nền văn hóa Việt Nam cất cánh lên những tầm cao mới.

Từ cái nhìn hôm nay, có thể thấy trong Đề cương còn có một số hạn chế nhất định, thậm chí là cực đoan. Tuy nhiên, trong bối cảnh nước sôi lửa bỏng, “độc lập hay là chết” khi đó rất cần có một thái độ *cách mạng triệt để*, không khoan nhượng nhằm huy động tổng lực sức mạnh của toàn dân tộc vào cuộc chiến cam go cuối cùng. Bên cạnh đó, vì mới ở dạng “đề cương”, nên chủ yếu ở đây là các luận điểm, chưa có điều kiện diễn giải, phân tích sâu. Đề cương cũng được viết trong thời kỳ nền lý luận mácxít còn non trẻ, tài liệu trong vòng bí mật, còn thiếu thốn, do vậy một số đánh giá, nhận định có thể chưa được đầy đủ, khách quan. Sau này, cùng với sự phát triển ngày càng đi lên và khơi sâu của nhận thức và tư duy khoa học, nhiều nội dung của Đề cương đã được Đảng ta nhận thức lại, điều chỉnh và mở rộng.

Thời gian ngày càng trôi qua, tình hình đất nước và thế giới ngày càng biến đổi, đòi hỏi chúng ta phải biết phát triển và vận dụng Đề cương một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm tình hình mới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam xứng đáng với lịch sử hào hùng và tâm vóc vĩ đại của dân tộc.

**VÀI SUY NGHĨ VỀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA TÁC PHẨM  
“ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”  
ĐỐI VỚI LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM  
THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH**

LÊ PHẠM HOÀNG LONG\*  
CHÂU THỊ THÙY TRANG\*\*

**1. Vài nét về tác phẩm “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
và bối cảnh ở Việt Nam đương thời**

Tác phẩm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được soạn thảo vào năm 1943 bởi đồng chí Trường Chinh, khi ấy là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương<sup>1</sup>. Tháng 2/1943, Đảng Cộng sản Đông Dương ban hành “Đề cương về văn hóa Việt Nam (Đề cương)” và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh, Phúc Yên). Trong đó, tác phẩm được chia thành năm phần, gồm: (1) Cách đặt vấn đề; (2) Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; (3) Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; (4) Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam; (5) Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam.

Ở tác phẩm, mỗi một vấn đề lại được trình bày những nội dung rất cơ bản và các nội dung đó gắn quyện với nhau để chỉ ra rằng ở Việt Nam tất yếu phải tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa. Đặc biệt, cuộc cách mạng đó

---

\* Khoa Lịch sử, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

\*\* Trường Trung học phổ thông Vĩnh Bình, tỉnh Tiền Giang.

1. Khi đó, Đảng Cộng sản Việt Nam sử dụng tên gọi là Đảng Cộng sản Đông Dương (từ năm 1930 đến năm 1951).

phải do Đảng Cộng sản Đông Dương đứng ra lãnh đạo. Đây là một văn kiện hết sức xúc tích, hết sức ngắn gọn, tất cả chỉ khoảng 1.500 chữ. Nhưng khi đặt nó trong bối cảnh lịch sử, bối cảnh xã hội, bối cảnh phong trào cách mạng và bối cảnh văn hóa - nghệ thuật Việt Nam lúc đó, bản “*Đề cương về văn hóa Việt Nam*” vẫn có ý nghĩa về nhiều mặt, nhất là nó đã tạo dựng một nền tảng cơ bản vững chắc để từ đó Đảng phát triển các lý luận về định hướng xây dựng nền văn hóa của nước nhà.

Quay trở lại bối cảnh khi đó, ngày 1/9/1939, Đức tấn công Ba Lan, Anh - Pháp tuyên chiến với Đức, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Nhằm củng cố khối liên minh phát xít, được ký kết tại Berlin. Bản hiệp ước quy định về việc phân chia thế giới, Đức - Italia thôn tính châu Âu, Nhật Bản thôn tính vùng Viễn Đông. Tháng 9/1940, Nhật kéo quân vào Đông Dương. Chúng vượt biên giới Việt - Trung đánh vào Lạng Sơn, đồng thời cho 6.000 quân theo đường biển đổ bộ lên Đồ Sơn (Hải Phòng). Thực dân Pháp đầu hàng phải ký với Nhật hiệp ước mà theo đó Đông Dương trở thành thuộc địa của cả Pháp và Nhật. Để phục vụ cho nhu cầu của chiến tranh, Nhật Bản đã tăng cường bắt lính để bổ sung cho quân đội phát xít ở Đông Dương và các chiến trường. Chúng cướp bóc lúa gạo, không trả lương, tăng giờ làm, sa thải thợ thuyền, tăng thuế, ban hành các thuế mới và các loại công trái, v.v..

Về văn hóa, nhiều xu hướng khác nhau đang chi phối đời sống tinh thần của dân tộc. Một bộ phận người làm tưởng học thuyết Đại Đông Á của Nhật khi cho rằng đây chính là cơ hội để văn hóa nước nhà có cơ hội phục hưng, được “trở về” với nguồn gốc Á Đông sau một thời gian dài bị nô dịch bởi thực dân Pháp. Lúc này thuyết Đại Đông Á không phải không mê hoặc không ít người. Những tư tưởng triết học của phương tây được giới thiệu ở Việt Nam lúc này (Descartes, Kant, Nietzsche, Gergson, v.v.) cũng đang có nguy cơ gây lạc đường cho nhiều trí thức chán ghét những tư tưởng cũ nhưng chưa tìm ra được hướng đi mới cho đời mình, vẫn còn những trí thức loay hoay trong xu hướng nệ cổ, xu hướng cực đoan trong học thuật. Nhiều trí thức yêu nước lúc này đang gặp những lúng túng, bế tắc. Trong đời sống văn chương, sự khủng hoảng, bế tắc của các trường văn học công khai đã bộc lộ rõ. Văn học lãng mạn về cơ bản đã đi hết đoạn đường rực rỡ nhất của nó, đã bắt đầu bộc lộ những lối đi khác trước nhưng thân bí và bế tắc hơn. Văn học hiện thực không còn đáng vẻ lực lưỡng và đi vào những vấn đề trực diện như giai đoạn trước.

Chiến tranh, khủng hoảng xã hội đã làm cho văn học đánh mất dần đi những giá trị tích cực vốn có của nó. Tất cả những điều này có nguy cơ ảnh hưởng đến việc “nhận đường” cho một giai đoạn quan trọng của thời kỳ chuẩn bị cách mạng xã hội nếu không có một phương hướng mới được vạch ra về vấn đề văn hóa của nước nhà.

## **2. Vài suy nghĩ về những giá trị nội dung cốt lõi của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đối với lịch sử và văn hóa Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh**

Có thể nói ngay rằng, tác phẩm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được xem như một bản cương lĩnh sớm nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề văn hóa của nước nhà trong thời đại Hồ Chí Minh. Những nội dung cốt lõi của nó đã thể hiện tầm nhìn chiến lược, sự phân tích sắc sảo, biện chứng và khoa học dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin của đồng chí Trường Chinh nói riêng và tập thể lãnh đạo của Đảng nói chung.

Trước tiên, xét về bố cục, tác phẩm đã được trình bày theo một trình tự logic, đúng với cấu trúc thường sử dụng trong các công trình nghiên cứu khoa học, bao gồm: mở - thân - kết. Với phần mở đầu, tác phẩm đã đặt ra một số vấn đề cần phải được làm rõ như: phạm vi vấn đề; quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; thái độ của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn hóa. Trong phần “thân”, tác phẩm đã được phân chia thành ba phần: (1) Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; (2) Nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; (3) Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam. Ở phần “kết”, tác phẩm đã đưa ra Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam<sup>1</sup>. Có thể thấy, đây là một tác phẩm mang tính khoa học khi đã có đặt ra vấn đề, trình bày những vấn đề cần được giải quyết và đưa ra các biện pháp nhằm tháo gỡ những vấn đề đã được trình bày.

Đi sâu vào các phần nội dung cốt lõi của tác phẩm, người đọc có thể thấy được một cách toàn diện những vấn đề đã được nêu song lại cực kỳ ngắn gọn và súc tích. Ở đây, đồng chí Trường Chinh đã sử dụng cách trình bày dưới

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316-321.



dạng “gạch đầu dòng” nhằm rút gọn và giản đơn nhưng vẫn bảo đảm đầy đủ những quan điểm và ý kiến, tạo cho người đọc cảm giác dễ đọc và nhanh chóng nắm bắt được vấn đề. Trong phần “Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam”, tác phẩm đã nêu ra những giai đoạn trong lịch sử văn hóa Việt Nam, gồm: (1) Thời kỳ Quang Trung trở về trước; (2) Thời kỳ từ Quang Trung đến khi đế quốc Pháp xâm chiếm; (3) Thời kỳ từ Pháp sang xâm chiếm đến nay. Đồng thời, tác phẩm cũng xác định rõ tính chất văn hóa Việt Nam hiện tại là gì, đồng thời chiến tranh và xu trào văn hóa hiện nay sẽ là như thế nào. Nhóm tác giả cho rằng, tác phẩm đã có sự tìm hiểu và khái lược lại tính chất của nền văn hóa Việt Nam xuyên suốt từ cổ chí kim. Mặc dù nhóm tác giả không rõ lý do vì sao tác phẩm sử dụng cách phân kỳ các giai đoạn lịch sử văn hóa nước nhà như trên nhưng tác phẩm vẫn đã thể hiện rõ nét chính kiến của mình về vấn đề phân kỳ tính chất văn hóa Việt Nam.

Ở phần “Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp”, tác phẩm đã miêu tả những thủ đoạn phát xít của hai thế lực thực dân, đế quốc là Pháp và Nhật nhằm trói buộc và giết chết văn hóa Việt Nam. Điều này đã phản ánh sự nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn sâu sắc trong một thời gian dài của tác giả - đồng chí Trường Chinh. Vì chỉ khi trực tiếp tham gia sâu rộng vào các hoạt động văn hóa - xã hội trước đây, người viết mới có thể nắm bắt được thực tiễn và viết ra một cách khách quan và chính xác. Và với kinh nghiệm nhiều năm tham gia các hoạt động của Đảng trong lĩnh vực văn hóa ở Bắc Kỳ trước đó, những lời phân tích trong tác phẩm do đồng chí Trường Chinh soạn thảo rõ ràng có cơ sở và có “trọng lượng”. Ngoài ra, đồng chí Trường Chinh cũng nêu ra tiền đề văn hóa Việt Nam theo hai ức thuyết (phát xít hoặc cách mạng dân chủ giải phóng), đồng thời xác định rõ cách mạng dân tộc Việt Nam “nhất quyết sẽ làm cho ức thuyết thứ hai trở nên sự thực”<sup>1</sup>. Qua đây, nhóm tác giả thấy rằng Đảng đã nhận thấy, đánh giá kỹ lưỡng và định hướng đúng đắn con đường phát triển của văn hóa Việt Nam phải được đặt dưới sự hỗ trợ của cuộc cách mạng dân chủ giải phóng mới có thể đưa văn hóa của dân tộc ta trở nên tiến bộ và văn minh hơn.

Đặc biệt, phần “Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam” được xem là phần quan trọng nhất trong toàn bộ các nội dung của tác phẩm. Tác phẩm đã chỉ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.318.*

ra quan niệm của người cộng sản về vấn đề cách mạng văn hóa, đồng thời định hướng rõ ràng về mặt chiến lược cho công tác văn hóa, như: (1) phải hoàn thành cách mạng văn hóa; (2) phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo; (3) cách mạng văn hóa có thể hoàn thành sau khi cách mạng chính trị thành công; (4) những phương pháp cải cách hiện tại chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau. Sau đó, tác phẩm cũng chỉ ra rằng nền văn hóa của nước nhà sau này sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa; cách mạng văn hóa nước nhà phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng cũng như cách mạng dân tộc giải phóng chỉ có thể trong trường hợp may mắn nhất đưa văn hóa Việt Nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc hoàn toàn độc lập; phải gây dựng một nền văn hóa xã hội ở khắp Đông Dương; tính chất của nền văn hóa mới của Việt Nam chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa Xôviết và văn hóa mới Việt Nam có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung. Như vậy, Đảng ta đã vạch rõ và phân tích kỹ lưỡng hướng phát triển và dự kiến điểm phát triển của văn hóa Việt Nam trong thời gian tiếp theo. Đảng cũng lấy xuất phát điểm của nền văn hóa hiện tại, không lý tưởng hóa quá mức để đánh giá một cách khoa học.

Đặc biệt nhất, chính là ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn đó. Đến tận ngày nay, đây vẫn là ba nguyên tắc bất di bất dịch được sử dụng trong các chính sách văn hóa của Đảng. Cụ thể, ba nguyên tắc bao gồm<sup>1</sup>:

+ Dân tộc hóa, nghĩa là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho nước Việt Nam phát triển độc lập.

+ Đại chúng hóa, nghĩa là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng.

+ Khoa học hóa, nghĩa là chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ.

Đảng ta cũng đã khẳng định rằng: “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm... Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trớn của bọn tồ-rốt-kít”. Có thể thấy, ba nguyên tắc trên là sự trả lời đúng đắn và kịp thời cho các nhu cầu cấp thiết nổi lên trong một thời điểm

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.319.

trọng đại của lịch sử. Do khả năng định hướng, tập hợp, đưa tất cả đội ngũ trí thức tham gia cách mạng nên nó đã góp phần quan trọng làm nên thành công của Cách mạng Tháng Tám 1945, tạo cơ sở lý luận cho sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa kháng chiến - kiến quốc trong những năm tiếp theo<sup>1</sup>. Ngoài ra, tư tưởng cứu quốc với khẩu hiệu “Tổ quốc trên hết” trở thành ngọn cờ tập hợp lực lượng, khơi dậy ở mỗi người, mỗi cộng đồng, đảng phái, tôn giáo lòng yêu nước và khát vọng độc lập. Tinh thần cứu quốc của văn hóa trở thành mệnh lệnh của cuộc sống, được nhận thức sâu sắc ở cả tầm lãnh đạo lẫn trong nhận thức, tình cảm và hành động của mỗi cá nhân. Trong đó, chính nhờ vào ba nguyên tắc nêu trên, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vào năm 1943 đã trở thành tài liệu đầu tiên, quan trọng và duy nhất, có tác dụng tập hợp lực lượng rất lớn những người có tư tưởng tiến bộ bấy giờ trong mặt trận Văn hóa cứu quốc. Theo hồi ức của các nhà hoạt động văn hóa Cứu quốc thì nhờ có những hoạt động hiệu quả này mà trong Quốc dân đại hội Tân Trào, đại biểu của Văn hóa cứu quốc đã có vị trí quan trọng và trong thời gian trước, trong, sau cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tinh thần cứu quốc của văn hóa đã có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống nhân dân, tập hợp thành một lực lượng hùng hậu ủng hộ cách mạng<sup>2</sup>. Có thể khẳng định, tác phẩm là văn kiện đặt nền móng, mở đường cho việc xây dựng lý luận văn hóa cách mạng ở Việt Nam, là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ giới trí thức, văn nghệ sĩ nước nhà hăng hái tham gia sự nghiệp cách mạng do Đảng ta lãnh đạo<sup>3</sup>.

Trong phần cuối cùng, “Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam”, tác phẩm đã liệt kê một cách cơ bản mục đích trước mắt, công việc phải làm và cách vận động. Các công việc được trình bày dưới dạng gạch đầu dòng nên người đọc rất dễ nắm bắt những điều cần phải làm khi ấy. Nhóm tác giả cho rằng, mặc dù chính đồng chí Trường Chinh đã thừa nhận sau 40 năm khi ra đời, tác phẩm “không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ

---

1. Phong Lê: “Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 - bài học 70 năm”, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 10, tr.31-36.

2. Xem Phạm Quang Long: “Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943: Ngọn cờ tập hợp trí thức tham gia cách mạng”, trang web Tạp chí *Tuyên giáo*, đăng ngày 15/02/2023.

3. Xem Trần Đăng Khoa: “78 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam - Sức sống của một văn kiện mang tầm vóc cương lĩnh”, trang web Trường Đại học An ninh nhân dân.

điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam...”<sup>1</sup>, nhưng nó đã gián tiếp định hình một nền tảng cốt lõi nhất để chỉ đạo về sau về công tác văn hóa của Đảng. Cũng như, sự ngắn gọn của tác phẩm đã phù hợp với trình độ nhận thức chung của đại bộ phận cán bộ và nhân dân khi đó. Điều này vô tình trùng khớp với chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước đó khi soạn thảo báo chí tuyên truyền rằng: “Báo của các chú văn hay, chữ nhiều nhưng khó đọc, và có đọc được cũng không mấy ai hiểu”<sup>2</sup>.

\*  
\* \*

Tác phẩm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời năm 1943, được đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo. Tháng 2 cùng năm, Đảng Cộng sản Đông Dương ban hành bản Đề cương này và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh, Phúc Yên). Trong đó, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là một trong những tác phẩm đầu tiên và căn bản nhất của Đảng ta về vấn đề văn hóa. Tác phẩm cũng thể hiện tầm nhìn chiến lược và sự quan tâm sâu sắc của Đảng về văn hóa nước nhà. Trước tình cảnh tăm tối của nền văn hóa “sau mấy mươi năm giờ nô lệ”<sup>3</sup>, tác phẩm như một nguồn sáng mới định hướng cho nền văn hóa và giới văn nghệ sĩ trí thức đi đến thời kỳ xây dựng nền văn hóa mới của Việt Nam.

Trong bài phát biểu tại lễ kỷ niệm 40 năm ra đời *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh cho rằng: “Văn hóa là một vấn đề rất rộng lớn... Đề cương đi thẳng vào vấn đề văn hóa. Đó là lĩnh vực phản ánh toàn bộ đời sống xã hội vào ý thức của con người, thể hiện phong phú trên các mặt: tư tưởng, học thuật và nghệ thuật”<sup>4</sup>. Tác phẩm đã được trình bày theo một bố cục khoa học “mở - thân - kết” và đưa ra định hướng kèm giải pháp thực tế, phù hợp đối với sự phát triển của văn hóa Việt Nam trong thời đại tiếp theo. Ba nguyên tắc “dân tộc hóa - khoa học hóa - đại chúng hóa” trong tác phẩm đã trở thành nền tảng căn bản bậc nhất để Đảng tiếp tục bổ sung, nâng cao và

1, 4. Nhiều tác giả: *Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.5, 12.

2. Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2018.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4. tr.34.

hoàn thiện lý luận về con đường phát triển văn hóa nước nhà. Tám thập niên kể từ sau khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2021) tiếp tục nhấn mạnh định hướng phát triển con người toàn diện và xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, con người đóng vai trò chủ thể, đồng thời là mục đích của việc phát triển văn hóa<sup>1</sup>. Đây rõ ràng là minh chứng cụ thể nhất cho vai trò và vị thế to lớn của tác phẩm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đối với hậu thế. Hiện nay, nền văn hóa của nước nhà vẫn tiếp tục có những bước tiến xa, vững vàng và mạnh mẽ về phía trước nhằm đưa đất nước Việt Nam trong tương lai trở nên hùng cường và thịnh vượng

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

## 80 NĂM “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA, NHỮNG VẤN ĐỀ TIẾP TỤC

PGS.TS. PHẠM QUANG LONG\*

### 1. Đặt vấn đề

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 do đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng khởi thảo, ra đời trong hoàn cảnh Đảng vẫn còn hoạt động bí mật vận động cách mạng giải phóng dân tộc. Lúc đó ở Việt Nam, xã hội thực dân nửa phong kiến đang suy thoái trầm trọng, Chiến tranh thế giới thứ hai đang làm cho đất nước kiệt quệ, tình hình chính trị, xã hội đang có nhiều diễn biến phức tạp nhưng cũng đặt ra những thời cơ cho cuộc cách mạng xã hội. Trên lĩnh vực văn hóa, nhiều xu hướng khác nhau đang chi phối đời sống tinh thần của dân tộc. Nhiều người lầm tưởng về học thuyết Đại Đông Á của Nhật khi cho rằng đây chính là một cơ hội để văn hóa Việt Nam phục hưng, do được hưởng lợi từ quan niệm “đồng chủng đồng văn” của người Nhật, được “trở về” với nguồn gốc Á Đông sau một thời gian dài bị nô dịch bởi người Pháp. Những tư tưởng triết học của phương Tây được giới thiệu ở Việt Nam lúc này như triết học Đêcác, Bécson, Căng, Nitsơ cũng đang có nguy cơ gây lạc đường cho nhiều trí thức chán ghét những tư tưởng cũ nhưng chưa tìm ra được hướng đi mới cho đời mình. Xu hướng nệ cổ, xu hướng cực đoan trong học thuật, những bế tắc của văn chương... (chủ nghĩa lãng mạn đã đi vào bế tắc, chủ nghĩa hiện thực đã đi hết thời kỳ phản kháng mạnh mẽ nhất thuộc về bản chất của nó và dần lộ ra những dấu hiệu không còn tính chiến đấu như giai đoạn những năm 1930, trừ trường hợp của Nam Cao đã rẽ sang một hướng khác), tạo ra một không khí ngột ngạt, bế tắc trong đời sống. Tất cả những

---

\* Nguyên Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Hà Nội.

điều này có nguy cơ ảnh hưởng đến việc “định hướng” cho một giai đoạn quan trọng của thời kỳ chuẩn bị cách mạng xã hội. Trong “đêm trước của cuộc cách mạng”, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* mà chúng ta hay gọi là Đề cương văn hóa 1943 ra đời là một sự cần thiết nhằm hướng sự phát triển của văn hóa Việt Nam vào những mục tiêu mới, chuẩn bị cho một phong trào cứu quốc ở Việt Nam. Ý nghĩa cứu quốc, phục hưng văn hóa dân tộc bắt nguồn từ ngay cách đặt vấn đề của Đảng.

Với Đề cương văn hóa 1943, lần đầu tiên Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra một cương lĩnh văn hóa mà ở đó nội dung, tính chất, tổ chức, định hướng phát triển của cách mạng văn hóa trong và sau cách mạng giải phóng dân tộc và định hướng phát triển của nền văn hóa ấy theo xu hướng hoàn toàn mới. Trong thực tiễn, tinh thần của Đề cương có tác dụng định hướng và lãnh đạo văn hóa Việt Nam cho đến ngày hôm nay.

Như tên gọi của văn bản, đây chỉ là một đề cương các hoạt động chính của một đảng chính trị trong điều kiện hoạt động bí mật, nên văn bản mới chỉ dừng lại ở những định hướng lớn, những nguyên tắc mang tính chất nền tảng, nhiều vấn đề cũng mới chỉ được nêu ra mà chưa có điều kiện đi vào những nội dung cụ thể, những quan hệ phức tạp trong một cương lĩnh văn hóa đầy đủ. Sau khi cách mạng thành công, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai, đồng chí Trường Chinh đã đọc báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* nhằm quán triệt và làm rõ hơn nhiều vấn đề mà trước đó bản Đề cương chưa có điều kiện bàn kỹ. Hơn nữa, về mặt chính thống, Nhà nước Dân chủ Nhân dân đã được thiết lập, Đảng đang lãnh đạo cuộc kháng chiến và đặt nền móng cho sự nghiệp kiến quốc theo mô hình Xôviết. Ở văn bản này, Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày kỹ hơn, giải thích rõ thêm nhiều nội dung của Đề cương và tinh thần nhất quán của quan điểm ấy hết sức rõ ràng và trên thực tế, những gợi mở, đề xuất đầu tiên này đã được triển khai, vận dụng trong suốt chiều dài vận động của văn hóa Việt Nam từ đó đến nay. Sự nhất quán của quan điểm chỉ đạo ở trong những văn bản này là điều dễ nhận thấy và những nguyên tắc về một nền văn hóa thuộc về tương lai, tầm nhìn và sự minh triết của nó đã đặt nền tảng cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam suốt chiều dài phát triển của sự nghiệp cách mạng là sự thực lịch sử không thể phủ nhận. Nhưng ở đây cần phải ghi nhận một điều: Đề cương mới chỉ là những phác thảo mang tính định hướng cho việc xây dựng một nền văn hóa

mới (dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa), sau này dù được giải thích rõ hơn, được chỉ đạo cụ thể hơn thì trước sau nó vẫn chỉ là định hướng, là “nguyên tắc lớn” của cuộc vận động văn hóa, là sự chỉ đạo chứ không phải là toàn bộ các quan hệ, giá trị, vấn đề của nền văn hóa. Hai trụ cột quan trọng nhất của văn hóa mới là đời sống văn hóa và con người - với tư cách là chủ thể sáng tạo ra nền văn hóa và hệ giá trị của nó, cũng mới chỉ được vạch ra trong những phác thảo, thậm chí có vấn đề chưa được đặt ra một cách đầy đủ mà trong nhiều khía cạnh, nó mới chỉ được đặt ra do yêu cầu thực tiễn, mang tính sách lược, vừa tầm. Sau 80 năm nhìn lại Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 đòi hỏi phải nhìn nhận vấn đề theo quan điểm lịch sử mà không giáo điều là vì vậy.

## **2. Tính chất định hướng, tính chất thực tiễn của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

Nhiều nhà nghiên cứu đã nói về tính chất cứu quốc, vai trò phục hưng văn hóa dân tộc của Đề cương từ khi nó mới ra đời. Vấn đề này không mới nhưng cũng cần nhắc lại tính thực tiễn các quan điểm về văn hóa của Đảng. Tính hành động, kịp thời đáp ứng được những yêu cầu của thực tiễn luôn là những điểm nổi bật trong các chiến lược, sách lược cách mạng. Nói như vậy không hề làm giảm đi tính chất khoa học và lý luận của đường lối, mà về thực chất nếu không nhận thức đúng quan điểm này thì rất dễ vướng vào các quan điểm giáo điều, bám vào câu chữ hoặc rơi vào sự lệch lạc khác là đơn giản hóa những điều Đề cương đã nêu ra. Với tư cách là một bản đề cương, lại được vạch ra vào đêm trước của cuộc cách mạng xã hội nên những đường hướng mà Đề cương vạch ra chỉ mang tính định hướng, xác lập những nguyên tắc hành động chứ bản thân những tư tưởng ấy chưa phải và không thể là những nguyên lý hoặc những quy luật của văn hóa. Đây không phải là những suy diễn thiếu cơ sở mà căn cứ vào cách giải thích khái niệm sẽ nhận thấy đó là một sự thực. Bản Đề cương bao gồm nhiều nội dung lớn, sau mỗi vấn đề lại được chia ra thành những nội dung nhỏ hơn nhưng có khả năng bao quát nhiều lĩnh vực, nhiều nội dung, trong đó có cả những giả thuyết của văn hóa Việt Nam trong tương lai, tính chất của nền văn hóa ấy và những phương thức lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực văn hóa. Cũng trong văn bản này, lần đầu tiên Đảng đặt vấn đề về văn hóa trong cách mạng dân tộc dân chủ, đánh giá (sơ lược) lịch sử văn hóa Việt Nam, những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới



ách đô hộ của ngoại bang, vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam, những nguyên tắc vận động văn hóa mới, tính chất của nền văn hóa mới, những phương thức vận động văn hóa mới trong cuộc cách mạng sắp diễn ra và sau khi đã thành công, v.v., nghĩa là lần đầu tiên Đảng nêu ra một đề cương vận động, một cương lĩnh (có thể nói như thế) về một nền văn hóa phải có, sẽ có sau khi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ hoàn thành và tiếp đó là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, như là một bước tiếp theo tất yếu phải có của cuộc cách mạng xã hội. Đề cương nói về một cuộc cách mạng văn hóa trong tương lai, hoàn toàn khác trước đây cũng như hiện tại từ một cách nhìn hoàn toàn mới, mang tinh thần cách mạng chứ không phải là những cải cách, điều chỉnh. Lần đầu tiên vấn đề văn hóa được xem xét trong mối liên hệ với các lĩnh vực kinh tế, xã hội khác, như một hoạt động tinh thần mang tính xã hội có ý thức cao hơn, gắn bó chặt chẽ với cơ sở xã hội, chịu sự lãnh đạo thống nhất của thể chế, có nhiệm vụ, mục đích chung vì cộng đồng, có tổ chức thống nhất như một bộ phận không tách rời khỏi cơ sở xã hội. Cùng thời với Đề cương cũng có những nghiên cứu khác về văn hóa nhưng thường được xem xét trong cấu trúc nội tại của nó gắn với sự vận động của lịch sử nhưng chưa gắn chặt chẽ với những vấn đề của hệ tư tưởng và chưa đặt ra những nhiệm vụ như ở văn bản này...

a) Trong phần *Cách đặt vấn đề*, Đề cương đã xác định “ba phạm vi tư tưởng, học thuật, nghệ thuật” là ba lĩnh vực của văn hóa Việt Nam, mà ở đó, người cộng sản phải nắm lấy, coi đó là một nhiệm vụ của mỗi cá nhân và tổ chức đảng. Rõ ràng ở đây, vấn đề tư tưởng, học thuật và đời sống văn học được đưa lên hàng đầu bởi những năm tháng ấy, tình hình tư tưởng và học thuật Việt Nam đang có nhiều vấn đề cần phải giải quyết để phục vụ cho cuộc cách mạng xã hội mà lúc đó Đảng Cộng sản đã khởi xướng được hơn 10 năm. Những “cuộc tập dượt” 1930-1931, 1936-1939, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đã nổ ra, và ở Việt Nam, do sự bùng nổ thông tin, do những chính sách văn hóa của Pháp - Nhật đang làm cho văn hóa Việt Nam ngày càng xa rời cái gốc dân tộc và có nguy cơ lún sâu vào quỹ đạo của văn hóa nô dịch đế quốc, thực dân, mà Đề cương đã phải đặt vấn đề tư tưởng, học thuật và nghệ thuật như ba phạm vi quan trọng nhất, nổi lên hàng đầu trong cuộc đấu tranh mà người cộng sản phải nắm lấy và thực hiện. Rõ ràng ở đây, khái niệm văn hóa mới chỉ được sử dụng theo nghĩa hẹp và cũng chưa đạt tới cách hiểu về văn hóa của Hồ Chí Minh được nêu ra trong cùng thời

gian ấy từ trong những ghi chép của Người trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch<sup>1</sup>. Ba lĩnh vực mà Đề cương nêu ra, hiển nhiên đã coi trọng vấn đề tư tưởng, thái độ xã hội của những người làm văn hóa (thực chất là xác định chỗ đứng, thái độ của người hoạt động văn hóa, suy rộng ra là cả một nền văn hóa cần xây dựng trong tương lai) cũng như tầm quan trọng của nó trong cuộc cách mạng xã hội. Nói như thế không phải là suy diễn một cách võ đoán ra ngoài văn bản mà đến khi có điều kiện, trong *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* cũng như trong các văn bản sau này Trường Chinh - người dự thảo Đề cương, người lãnh đạo cao nhất hoặc thay mặt Đảng nói rõ hơn, trực tiếp và cụ thể hơn quan điểm này. Nếu chỉ giới hạn văn hóa trong ba phạm vi trên là đã “bỏ quên”, “không tính đến” nhiều phương diện khác của văn hóa như ngày nay chúng ta hiểu và như bản chất của nó vẫn thế nhưng chưa nhận thức đầy đủ mà thôi. Đồng thời, lại cũng cần phải nhận thức về tính chất trực tiếp, ưu tiên của Đề cương lúc này là dành cho những vấn đề tư tưởng - một biểu hiện khác của cuộc đấu tranh chính trị - đang được thể hiện trực tiếp, gay gắt trên lĩnh vực học thuật, nghệ thuật. Mục tiêu chính trị hàng đầu của Đảng lúc này là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, đánh đổ đế quốc, phong kiến, giành chính quyền. Trong Đề cương, vì vậy, chưa có điều kiện (có lẽ cả do mục tiêu chưa đặt ra và cả nhận thức chưa đầy đủ về các lĩnh vực khác nhau và đánh giá hết vai trò, ý nghĩa của văn hóa) để nói về văn hóa với tất cả các lĩnh vực và nội dung vốn có của nó. Điều này cũng là lẽ tự nhiên, bởi như phương châm cách mạng của Đảng có vấn đề nêu ra những nội dung thích hợp, những mục tiêu cách mạng “vừa tầm” để cuộc đấu tranh nhanh chóng giành được thắng lợi. Ngay cả C. Mác hay V.I. Lênin khi bàn về những vấn đề của văn học, nghệ thuật, cũng thường từ chính trị học, triết học và các ông khi khai thác một ví dụ, một nội dung nào đó của

---

1. Trong những ghi chép của Nguyễn Ái Quốc năm 1943 về văn hóa, có đoạn: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” (Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458).

nghệ thuật cũng không mấy khi chú ý đến *toàn bộ* nội hàm của khái niệm mà *chủ yếu* khai thác những gì cần và có lợi cho mục đích của mình. Do đó, khi nghiên cứu di sản của các nhà kinh điển về văn học, nghệ thuật cũng nên lưu ý khía cạnh hoàn cảnh cụ thể của lịch sử và hoàn cảnh văn bản để tránh những suy diễn, quy kết, cố tình hiểu sai ý định của họ. Với Đề cương cũng như vậy, bởi ngay ở mục 2 có viết: “Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị” cũng khẳng định nền văn hóa mới phải được xây dựng trên “nền tảng kinh tế” và “chế độ kinh tế” và cuộc “cách mạng văn hóa” là một nhiệm vụ song song với cuộc “cách mạng chính trị”, bởi “có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả” và văn hóa được coi như là một trong ba “mặt trận” phải do Đảng lãnh đạo. Rõ ràng trong luận điểm này, Đảng đã coi văn hóa như một phương tiện, một công cụ của cuộc đấu tranh chính trị. Nó mang tính trực tiếp, nó là công cụ chuyển tải những tư tưởng cách mạng đến với quần chúng. Quan điểm này kéo văn hóa đến gần đời sống hơn, nhưng mặt khác nó cũng tiềm ẩn những nguy cơ làm cho việc nhận thức nội dung, vai trò, vị trí và những đặc trưng của văn hóa chỉ còn khuôn lại trong phạm vi những gì có lợi cho mục tiêu của Đảng, làm đơn giản hóa những đặc thù của văn hóa. Ở đây cần chú ý một quan điểm quan trọng của Đề cương, đó là coi văn hóa như một hình thái ý thức xã hội, được xây dựng trên nền tảng của một thượng tầng kiến trúc tương ứng với nó. Quan điểm này là một bước tiến mang tính định hướng rất lớn, nó giúp cho việc nhìn nhận những vấn đề của văn hóa trong mối quan hệ với đời sống xã hội nhiều mặt rõ hơn, nhưng xét về sự tác động qua lại giữa văn hóa với đời sống, dường như mới chỉ thấy nhấn mạnh đến những tác động một chiều, giản đơn, chưa nhận thấy tính đa diện và đa dạng của mối quan hệ này. Luận điểm này, trong những giai đoạn sau của cuộc cách mạng xã hội, trong quá trình tổ chức và triển khai những nhiệm vụ của một nền văn hóa mới đã bộc lộ tính chất đơn giản và giáo điều của lý thuyết hình thái ý thức xã hội vốn chỉ nhìn từ góc độ chính trị, từ tính chất của một chế độ xã hội trong khi sự tương tác giữa các yếu tố ấy, đặc biệt là vấn đề con người và đời sống tinh thần vốn phức tạp và phong phú hơn nhiều những khuôn mẫu, mô hình.

Một nội dung khác, rất quan trọng cần được nhận thức và đánh giá đúng mức là vấn đề “học thuật, nghệ thuật”. Có người sẽ đặt vấn đề: Tại sao nội hàm

của khái niệm văn hóa bao gồm nhiều nội dung khác nữa như di sản văn hóa, hệ giá trị văn hóa, đời sống văn hóa, con người và những quan hệ của nó... cũng rất cần thiết trong giai đoạn lịch sử này, nhưng Đề cương lại chỉ nhấn mạnh ba lĩnh vực “tư tưởng, học thuật và nghệ thuật” và coi đó như một “mặt trận” người cộng sản cần hoạt động và nắm lấy quyền lãnh đạo? Qua hồi ức của những người trong cuộc, đối chiếu với tình hình thực tiễn của đời sống học thuật và nghệ thuật (chủ yếu là văn học) bấy giờ, có thể thấy Đề cương chỉ nêu ra những vấn đề cấp thiết nhất, đặc biệt về tư tưởng và ở những lĩnh vực có thể tác động trực tiếp tới tình hình xã hội nhằm tập trung toàn bộ sức lực cho mục tiêu sắp tới của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Bởi vậy ba lĩnh vực nói trên, nơi thể hiện rõ nhất, tập trung nhất tư tưởng chính thống của chế độ xã hội bấy giờ - cơ sở sẽ đẻ ra nền văn hóa tương ứng với nó, là nền văn hóa nô dịch. Mục tiêu đầu tiên quan trọng nhất là đánh đổ thể chế ấy, nên Đề cương cũng phải tập trung cho nó và “gác lại” những lĩnh vực khác cũng là điều có thể hiểu được. Đồng chí Trần Quốc Hương viết trong hồi ký về sự ra đời của Đề cương đã chứng minh thêm cho lập luận này: “Vấn đề văn hóa mới của dân tộc... Đảng ta đã quan tâm từ lâu rồi. Trong *Luận cương* do đồng chí Trần Phú khởi thảo, vấn đề này đã được đặt ra. Trong thời kỳ cách mạng Mặt trận Dân chủ, có điều kiện tương đối thuận lợi, Đảng ta đã dành chỗ trên sách báo công khai của mình phổ biến những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa, văn nghệ, giới thiệu các nhà văn cách mạng hoặc tiến bộ trên thế giới và trong nước, đề xướng một nền văn nghệ mới, đấu tranh chống những khuynh hướng văn nghệ lạc hậu đương thời. Nhưng phải đến Hội nghị Trung ương lần thứ tám năm 1941, cuộc vận động văn hóa này mới được Trung ương bàn luận và giải quyết toàn diện cả về đường lối và tổ chức. Do đó, mới có bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và Hội Văn hóa Cứu quốc”<sup>1</sup>. Riêng về văn học và những vấn đề học thuật trên sách báo công khai những năm này cũng đã bộc lộ sự đi xuống, những nhầm lẫn, bế tắc, chịu ảnh hưởng của những quan điểm không lành mạnh của tư tưởng siêu hình, duy tâm, nệ cổ, “mượn màu duy vật”, có thể gây hại cho đời sống văn học, nên ở *Đề cương*, vấn đề này nêu ra như một nguy cơ phải đấu tranh, loại bỏ.

1. *Một chặng đường văn hóa*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội, 1984, tr.45.

b) Về vấn đề phân kỳ và xác định tính chất của văn hóa Việt Nam, Đề cương khẳng định có 3 giai đoạn rõ rệt: Giai đoạn thứ nhất là “từ thời Quang Trung trở về trước”, “văn hóa Việt Nam có tính chất nửa phong kiến nửa nô lệ, phụ thuộc vào văn hóa Tàu”. Giai đoạn thứ hai tính “từ Quang Trung cho đến khi thực dân Pháp xâm chiếm” là “văn hóa phong kiến có xu hướng tiểu tư sản”. Giai đoạn thứ ba là thời kỳ “từ khi thực dân Pháp xâm chiếm cho đến nay” văn hóa Việt Nam mang tính chất “nửa phong kiến, nửa tư bản và hoàn toàn có tính cách thuộc địa” (có chú thêm cần “phân biệt mấy giai đoạn trong thời kỳ này”). Về cách phân kỳ và xác định tính chất của mỗi thời kỳ của văn hóa Việt Nam, trên những nét lớn không phải là không có căn cứ, nhưng về mặt học thuật rõ ràng là có sự đơn giản, điểm xuất phát mới chỉ căn cứ, vào quan điểm chính trị mà chưa chú ý toàn diện tới văn hóa như một đối tượng nghiên cứu đa diện và có quy luật vận động riêng. Đề cương căn cứ vào nền tảng kinh tế - xã hội và chế độ kinh tế xây dựng cùng với những hệ thống thiết chế tinh thần của nó để xác định tính chất nền văn hóa. Cũng có thể do đây chỉ là bản đề cương nên tác giả không có điều kiện giải thích rõ hơn luận điểm của mình, nhưng rõ ràng tính chất đơn giản, chỉ mới nhìn thấy những mạch, dòng chính thống, mà chưa thấy được những dòng chảy ngầm, chưa thấy “những yếu tố dân chủ và chủ nghĩa xã hội”, hay chưa thấy “dòng văn hóa thuộc về nhân dân” như cách nói của V.I. Lênin về văn hóa ở những thời kỳ trước cuộc cách mạng dân tộc dân chủ cũng như cách nhìn nhận vấn đề vẫn có phần đơn giản, như gán tính chất văn hóa Việt Nam với những kiểu tổ chức xã hội, với thể chế chính trị mà chưa nhìn nhận những giai đoạn phát triển của văn hóa theo những quy luật nội tại của nó. Vấn đề ở đây là: Đề cương phân kỳ văn hóa và xác định tính chất của văn hóa chủ yếu dựa trên cơ sở tổ chức xã hội về mặt chính trị và nền kinh tế được tổ chức trên nền tảng chính trị của xã hội ấy. Dấu ấn của mỗi thời kỳ lịch sử tương ứng với mỗi triều đại chưa được nói đến như văn hóa Lý - Trần, Lê, Nguyễn, v.v.. Đánh giá về tính chất của văn hóa Việt Nam hiện tại, chỉ ra những âm mưu về văn hóa của chính quyền cai trị và thực dân Pháp, phát xít Nhật và nêu những giả thuyết về tương lai của văn hóa Việt Nam, Đề cương hoàn toàn xuất phát từ góc độ chính trị của vấn đề. Những kết luận như “văn hóa Việt Nam hiện nay về hình thức là thuộc địa, về nội dung

là tiên tư bản” chưa chặt chẽ về mặt lập luận, nhưng cũng là điều có thể hiểu được. Đây là những kết luận căn cứ trên những tiêu chí chính trị - xã hội của một thời đại, trên những biểu hiện bề nổi của văn hóa Việt Nam, bởi văn hóa hợp pháp, thứ văn hóa được bảo trợ và khuyến khích đúng là đã mang những biểu hiện như vậy. Song mặt khác, những dòng chìm, những mạch ngầm của văn hóa dân tộc mang ý nghĩa tích cực cũng chưa được ghi nhận. Sau này, trong *Mấy nguyên tắc lớn* đồng chí Trường Chinh nói rõ hơn vì sao lúc đó, Đề cương chưa thể nói rộng hơn, sâu hơn về những mặt này nhưng lại phải công khai, trực tiếp khẳng định tính chất của văn hóa Việt Nam, vạch trần những hậu quả tai hại của chính sách văn hóa nô dịch của Pháp - Nhật, kêu gọi thành lập mặt trận văn hóa chống lại xu hướng này: “Dưới quyền thống trị của đế quốc Pháp, văn hóa Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng tai hại là do nó bị nô dịch và chia rẽ, phát triển không đều; thiếu hẳn tinh thần độc lập, tự do và dân tộc thống nhất”, “có xu hướng Pháp hóa hay Nhật hóa đến nỗi có khi mất cả bản sắc tốt đẹp của dân tộc”<sup>1</sup>. Những chính sách văn hóa công khai của Pháp - Nhật, dù ở góc độ nào cũng chỉ gây hại cho văn hóa dân tộc. Trong luận điểm này, do tính chất và hoàn cảnh lịch sử bấy giờ, khó có thể tìm thấy một thái độ nào khác ngoài sự phủ định quyết liệt. Hồi ký của một số nhà hoạt động văn hóa thời kỳ đó đã kể lại rằng chính sách văn hóa của Pháp - Nhật lúc bấy giờ, nhất là tuyên truyền văn hóa ngu dân, chủ nghĩa đầu hàng và chủ nghĩa ái quốc mù quáng, thuyết Đại Đông Á... không phải là không tạo ra những lầm lạc bởi sự ngộ nhận trong đội ngũ những nhà văn hoạt động xã hội. Quan điểm của Đề cương hết sức rõ ràng đã có ảnh hưởng không nhỏ tới nhận thức của một số người, nhất là “thuyết văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”. Do những điều kiện còn phải hoạt động bí mật mà bản Đề cương chưa thể nói rõ hơn nhiều nội dung cụ thể của văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới, nhưng những cơ sở mang tính quyết định về nền văn hóa mới được xây dựng trên một cơ sở kinh tế, một phương thức xã hội được tổ chức theo những nguyên tắc mới đã được xác lập. Nói như Giáo sư Đặng Thai Mai thì

---

1. *Một chặng đường văn hóa*, *Sđd*, tr.22.

dựa trên nền tảng này mà *Văn học khái luận* của ông đã phân tích, lý giải, giới thiệu nhiều vấn đề của văn học theo tinh thần mácxít này. Bản chất xã hội của văn học, rộng hơn là của văn hóa được chỉ ra từ nguồn gốc, từ những quan hệ máu thịt của nó với đời sống và vai trò, vị trí quan trọng của nó tham gia vào công cuộc cải tạo xã hội. Nó hoàn toàn không phải là thứ tháp ngà của nghệ sĩ, muốn thoát ly thực tế, chỉ để theo đuổi những ước vọng cá nhân như nhiều người đã ngộ nhận do sự bế tắc về sự nhận đường. Một điều đáng chú ý nữa là trong hoàn cảnh xã hội như thế (trong nước là ách đô hộ của Pháp - Nhật, tình hình quốc tế là chiến tranh thế giới đang diễn ra), nhưng Đề cương đã nói đến “những ảnh hưởng của văn hóa tân dân chủ, xu trào văn hóa mới của Việt Nam đang cố vượt qua hết mọi trở lực để nảy nở (văn nghệ bất hợp pháp)”. Quan điểm biện chứng hướng đến tương lai mang tính dự cảm sáng suốt của Đề cương đã được chính lịch sử chứng minh nên sức hấp dẫn bởi cách đặt vấn đề mới mẻ, căn cứ trên những điều kiện chính trị, xã hội cụ thể là cơ sở cho những phân tích đầy sức thuyết phục của tác giả.

c) Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam: Phần này nêu ra 5 nội dung lớn, mang ý nghĩa quan trọng về một cuộc cách mạng văn hóa sẽ diễn ra trong tương lai. Đó là thái độ của Đảng đối với cuộc cách mạng tinh thần. Đề cương khẳng định: cuộc cách mạng văn hóa rất cần cho một cuộc cách mạng xã hội, nó sẽ xảy ra khi cuộc cách mạng xã hội nổ ra và tất yếu phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo, những phương thức tổ chức của nền văn hóa mới bây giờ chỉ là “dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau”. Lần đầu tiên và cũng mang tính hệ thống hơn cả, Đảng khẳng định trên “mặt trận” văn hóa, không phải và không thể làm một cuộc “cải cách văn hóa” mà phải là một cuộc “cách mạng” và cũng cần tận gốc, triệt để như cuộc cách mạng xã hội. Sau này, trong *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh trình bày rõ hơn, đầy đủ hơn vấn đề kế thừa di sản văn hóa dân tộc, đánh giá di sản văn hóa dân tộc và mục tiêu cụ thể cũng như nội dung của một nền văn hóa mới mang tính chất dân chủ và xã hội chủ nghĩa. Văn bản khẳng định tầm quan trọng của cách mạng văn hóa ở chỗ nó làm nhiệm vụ “cải tạo xã hội”, góp phần xây dựng một xã hội mới, theo những nguyên tắc tổ chức và tính chất mới nên nó phải là “văn hóa xã hội chủ nghĩa”, chỉ có “dựa vào cách mạng dân tộc

giải phóng mới có điều kiện phát triển” và chỉ có như vậy, văn hóa Việt Nam mới có thể “tối trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc hoàn toàn độc lập dựng nên một nền văn hóa mới”. Quan niệm này, về mặt văn hóa, hoàn toàn mang quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tuy không nói ra bằng lời nhưng thấm đẫm tinh thần về mô hình và mối quan hệ của một hình thái kinh tế - xã hội của Mác. Khi xem xét các quan hệ kinh tế - xã hội và xác định tính chất của mô hình kinh tế - xã hội và những hình thái ý thức xã hội được xây dựng trên cơ sở của các quan hệ kinh tế - xã hội, Mác đã khẳng định tuy có những biểu hiện không hoàn toàn giống nhau ở nơi này hay nơi kia, nhưng trên những nét lớn nhất, những đặc điểm dễ nhận thấy nhất thì nhân loại đã và sẽ trải qua 5 hình thái tổ chức kinh tế - xã hội là nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Và ở mỗi hình thái kinh tế - xã hội ấy lại nảy sinh ra những hình thái tư tưởng thuộc kiến trúc thượng tầng (mà văn hóa là một trong những hình thái ý thức ấy) tương ứng với nó. Do vậy tính chất “dân chủ” hay “xã hội chủ nghĩa” của văn hóa mới mà Đề cương nói đến ở đây chính là mô hình văn hóa hoàn toàn mới theo xu hướng mácxít, tính chất của nền văn hóa ấy được xác định trên cơ sở tổ chức kinh tế - xã hội mới, nói cụ thể hơn là thuộc một chế độ xã hội được tổ chức sau khi cuộc cách mạng dân chủ nhân dân hoàn thành, bắt tay vào xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa theo mô hình Liên bang Xôviết.

Đề cương cũng nêu ra ba phương châm lớn (văn bản gọi là ba nguyên tắc) của cuộc “vận động văn hóa mới Việt Nam trong giai đoạn này” là *dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa*, ở mỗi mục đều có giải thích rõ nội dung cơ bản của phương châm đó là gì. Dân tộc hóa là “chống mọi ảnh hưởng nô dịch, thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”; đại chúng hóa là “chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đại chúng hoặc xa đông đảo quần chúng”; khoa học hóa là “chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”. Ba nguyên tắc lớn này phải thắng trong cuộc đấu tranh chống lại “những xu hướng bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.”; đồng thời cũng chống cả “xu hướng văn hóa quá trốn của bọn tởrốtkit”. Rõ ràng, ba nội dung, ba phương châm, ba nguyên tắc này đã vạch ra những đường hướng cơ bản cho một nền văn hóa mới ở mục tiêu phải đạt đến, tính chất phải có và cả những nội dung



cơ bản của nó mà mục đích chính trị là tham gia trực tiếp vào một cuộc cách mạng xã hội đang chuẩn bị đến thời kỳ cao trào. Lúc này vấn đề lựa chọn chỗ đứng, lập trường và thái độ được đưa lên hàng đầu. Đề cương đặt vấn đề ba phương châm, thực chất là ba tính chất, là gắn với truyền thống dân tộc, thuộc về nhân dân và thấm nhuần tinh thần khoa học như ba trụ cột cơ bản, bảo đảm cho văn hóa Việt Nam phát triển. Sau này, khi đã giành được chính quyền, Đảng đã nói rõ hơn thái độ của mình trong lĩnh vực văn hóa là phải gắn bó chặt chẽ với đời sống dân tộc, với truyền thống di sản của ông cha, gắn bó với đời sống nhân dân, phục vụ nhân dân và tất cả thái độ tiếp cận từng vấn đề, cả trong tiếp nhận di sản, trong nghiên cứu khoa học hay sáng tạo thì tư tưởng vì dân tộc, đại chúng với một thái độ khách quan, đúng đắn của một nhà quan khoa học vẫn là những nguyên tắc quan trọng nhất. Hướng về đại chúng, dân tộc là hướng đến đất nước, nhân dân, đó là mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội mà Đảng đang kêu gọi. Tính chất cứu quốc của Đề cương bộc lộ rất rõ ở những nguyên tắc này. Nếu chỉ nhìn nhận văn bản như là sự chuẩn bị trong đêm trước của cuộc cách mạng xã hội đã thấy tính chất thực tiễn và khoa học của cách tiếp cận vấn đề mà nếu nhìn lại lịch 80 năm ra đời và tác động đến đời sống của những quan điểm văn hóa này mới thấy hết tầm nhìn xa trông rộng của những tư tưởng lớn về văn hóa. Và ở đây tính khai phóng của Đề cương cũng cần được nhận thức một cách đầy đủ. Đó là tinh thần cốt lõi của văn bản quan trọng này.

Không phải là một văn bản nghiên cứu mà là một đề cương cho một cuộc vận động, đề cương hành động mà cái đích của nó là một cuộc cách mạng văn hóa trên cơ sở gắn với một cuộc cách mạng xã hội, không nhắm vào mục tiêu “cải cách văn hóa” mà là “cách mạng văn hóa”, Đề cương đã nêu ra những “nhiệm vụ cần kíp” của những nhà văn hóa mácxít trong thực tiễn là bằng mọi cách “chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái hóa, nô dịch, văn hóa ngu dân và văn hóa phỉn dân” để “phát huy văn hóa dân chủ”, trong đó “tranh đấu về học thuật, tư tưởng” (các trường phái triết học sai lầm “có ảnh hưởng tai hại” như triết học Khổng, Mạnh, chủ nghĩa duy tâm của Đêcắc, Bécson, Căng, Nitsơ v.v. và phải khẳng định được vai trò của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; đấu tranh về “tông phái văn nghệ”, làm cho “xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng”, về tiếng nói,

chữ viết, phối hợp trên các lĩnh vực bí mật và công khai, tuyên truyền, xuất bản, tổ chức các nhà văn, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, v.v.. Tính chất trực diện, cách thức vận động và những nội dung được nêu ra rất cụ thể. Như đã trình bày ở phần đầu, do quan niệm mà các lĩnh vực tư tưởng, học thuật, sáng tác văn nghệ được Đề cương nêu lên hàng đầu. Ở phần cuối này, những lĩnh vực ấy cũng được nhắc lại, trong đó nêu yêu cầu đấu tranh về trường phái, xu hướng (trong văn bản gọi là tông phái) phải được đặt lên hàng đầu, phải giải quyết từ cơ sở tư tưởng, cơ sở triết học làm nền tảng cho những học thuyết, trường phái ấy. Mục tiêu chính trị được đặt lên hàng đầu nên trong những nội dung được đề cập đến ở đây những vấn đề ấy cũng được đặt ở vị trí trọng yếu nhất. Trong đời sống văn chương bấy giờ, sự khủng hoảng, bế tắc của các trường phái văn học công khai đã bộc lộ rõ và nói như Nguyễn Tuân sau này là “nguy cơ của cả một nền văn học” đã bày ra trước mắt. Chiến tranh, khủng hoảng xã hội đã làm cho văn học đánh mất dần đi những giá trị tích cực vốn có của nó nên Đề cương đặt vấn đề đấu tranh với những quan điểm duy tâm, siêu hình, những xu hướng thần bí, bế tắc trong văn chương, đấu tranh về tông phái văn nghệ là hoàn toàn căn cứ vào tình hình thực tiễn của đời sống văn học - một phương tiện có tác động khá trực tiếp đến đời sống tinh thần của xã hội.

### **3. Đề cương, sau 80 năm, những điều cần tiếp tục bổ sung và phát triển**

Là cương lĩnh đầu tiên của Đảng về lĩnh vực văn hóa, có thể nói rằng những định hướng lớn về một nền văn hóa cần có, phải có trong tương lai, khi mà cuộc cách mạng dân tộc dân chủ chưa thành công, đã được hình thành trên những phương hướng, nội dung quan trọng nhất. Nhìn nhận nền văn hóa ấy phải được xây dựng trên cơ sở của một hình thái kinh tế - xã hội mới, do Đảng lãnh đạo, phải trở thành một “mặt trận” mà người cộng sản phải nắm lấy, lãnh đạo và bắt nó phục vụ cho cuộc cách mạng xã hội là một bước tiến về nhận thức của Đảng về văn hóa. Trong hoàn cảnh bấy giờ, đưa ra được những vấn đề này, biến nó thành tư tưởng để vận động cho một nền văn hóa mới, chưa có hoặc chính xác hơn mới chỉ là những mầm, những nụ, nhưng đã chứng tỏ sức sống của nó là một sáng tạo của Đảng, bởi chỉ có nêu ra được những

hướng đi như thế mới có khả năng tập hợp được lực lượng và Đề cương trở thành tài liệu đầu tiên, quan trọng và duy nhất, có tác dụng tập hợp lực lượng rất lớn những người có tư tưởng tiến bộ bấy giờ trong mặt trận văn hóa cứu quốc. Cần phải nhìn thấy *tính chất cứu quốc* của đề cương văn hóa mới này, nhận thức được tính chất tiên phong, mở đường của nó cho các văn nghệ sĩ gắn cuộc đời cầm bút của mình với dân tộc, nhân dân mới thấy hết được tầm nhìn mang tính chiến lược của Đảng không chỉ đối với cuộc cách mạng xã hội trước mắt mà còn là sự chuẩn bị cho việc xây dựng một nền tảng tinh thần mới cho xã hội tương lai. Không nên bó hẹp trong những câu chữ mà cần nhìn nhận những xu thế mới với tinh thần cởi mở và sáng tạo vì những định hướng suy cho cùng cũng chỉ là xác định những đường hướng cơ bản chứ không phải là những nguyên lý cứng nhắc, gò bó, vì như thế là trái với tinh thần biện chứng, với quan điểm tiếp cận vấn đề của chính văn bản này.

Coi văn hóa là một mặt trận và sức sống của nó chỉ có thể được khẳng định trong những thử thách của đời sống, Đề cương đã hơn một lần nhấn mạnh đến sự cần thiết, tính chất “cách mạng”, “mới” của nền văn hóa đi liền với cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Và chỉ có hoàn thành cuộc cách mạng này thì cách mạng xã hội mới được coi như thành công. Trong những năm tháng ấy, đánh giá về vai trò to lớn và sự cần thiết của văn hóa với đời sống xã hội là một bước tiến lớn về nhận thức của Đảng đối với văn hóa dân tộc.

Những phương châm dân tộc, khoa học và đại chúng, cho đến tận bây giờ vẫn chứng tỏ tính chất đúng đắn của chúng trong đời sống. Trải qua bao thăng trầm, biến động, con đường trở về với nhân dân, dân tộc, gắn bó máu thịt với cuộc sống của nhân dân mới là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho văn hóa dân tộc phát triển.

Sau 80 năm nhìn lại, không thể không nhận thấy những khiếm khuyết của Đề cương, như trong việc xác định phạm vi đối tượng, lĩnh vực văn hóa, những nét đặc thù của khái niệm cũng như trong đánh giá di sản, xác định tính chất hoặc phân kỳ lịch sử hình thành và phát triển của văn hóa dân tộc, v.v.. Điều ấy hoàn toàn có thể hiểu được bởi trong những điều kiện hoạt động bất hợp pháp, thiếu thốn tư liệu, mặt bằng lý luận còn thấp, tính chất của văn bản,... đã không cho phép tác giả đi sâu vào những vấn đề chuyên môn cụ thể. Mặt khác, cũng phải nhận thấy đây là một bản đề cương, một

chương trình, kế hoạch hành động mang tính chất cương lĩnh của một tổ chức chính trị ở một lĩnh vực vốn rộng về phạm vi, phong phú về nội dung, khó có quan điểm thống nhất ngay cả với những nhà chuyên môn, phức tạp về cách tiếp cận và quan điểm đánh giá... thì những nét lớn nhất của Đề cương, cho đến nay vẫn giữ được tính đúng đắn về mặt khoa học và tính thực tiễn. Đó là một thành công, một đóng góp của Đảng đối với văn hóa dân tộc. Lướt qua những giai đoạn phát triển, đổi thay trong 80 năm qua, nhìn lại những quan điểm lớn nhất của Đảng về văn hóa mới thấy hết những minh triết của cách tiếp cận vấn đề, tính thực tiễn và khoa học của những luận điểm. Bao trùm lên tất cả là tính chất cách mạng, thái độ nhất quán và những nguyên tắc của Đảng về một nền văn hóa mới, được định hướng ngay từ khi nó chưa được xác lập, chưa thật rõ hình hài nhưng những cái mới của nó đã hé lộ, sức sống của nó ngay từ những buổi đầu tiên đã được khẳng định. Tinh thần khai phóng, phục hưng văn hóa dân tộc này sau tháng 8/1945 được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra trong luận điểm “văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Và thực tế của đất nước từ đó đến nay đã luôn chứng minh chân lý ấy.

Nếu coi Đề cương như là Cương lĩnh thứ nhất của Đảng về văn hóa thì Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước* như những cương lĩnh mới về văn hóa của Đảng, vì những tư tưởng ấy vừa tiếp nối, vừa phát triển nhiều luận điểm quan trọng của Đề cương văn hóa 1943. Đồng thời, cũng không thể không ghi nhận những điều chỉnh, bổ sung cả về lý luận và thực tiễn của những văn kiện này. Chẳng hạn, trong việc đánh giá và tiếp nhận di sản, Đảng đã đề xuất nhiều luận điểm mới bổ sung cho Đề cương để phù hợp với yêu cầu mới. Hay như quan điểm về *đại chúng* và *đại chúng hóa* cũng được xem xét biện chứng hơn. Một trong những khiếm khuyết của quan điểm chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiều phong trào văn hóa suốt mấy chục năm qua theo phương châm này là chưa đánh giá đúng mức vị trí và vai trò của tinh hoa văn hóa và giới tinh hoa cũng như vai trò của văn hóa đại chúng. Khi giải quyết quan hệ này, có lúc, có nơi đã bị rơi vào góc nhìn đơn giản hóa các mối

quan hệ hoặc đánh giá nhiều vấn đề thực tiễn theo quan điểm số đông chứ không phải từ góc nhìn khoa học. Gần đây xu hướng chạy theo thỏa mãn nhu cầu giải trí của đại chúng, đến phong trào bê nổi mà ít chú ý đến tính chuyên nghiệp hay những giá trị bền vững đã gây ra những tác hại cho văn hóa dân tộc đã được chỉ ra và đang được điều chỉnh. Xu hướng cào bằng, hành chính hóa hoặc xây dựng những mô hình văn hóa ở các vùng miền khác nhau theo một tiêu chí giống nhau đã làm ảnh hưởng đến sự đa dạng và bản sắc văn hóa của các vùng miền... cũng cần được khắc phục. Vấn đề quan trọng nhất trong xây dựng và phát triển văn hóa bền vững là vấn đề con người cũng phải được xem xét đa chiều hơn, gần với bản thể hơn. Mấy chục năm nay chúng ta đề cao con người chính trị, con người đạo đức, con người nghĩa vụ, mà chưa chú ý đúng mức đến con người bản thể, con người tự nhiên là một nhận thức chưa đầy đủ về con người. Mà một khi nhận thức chưa đúng về đối tượng sẽ khó có thể hoạch định những chính sách cho phù hợp. Cũng như vậy, vấn đề dung hợp, cộng sinh, đa bản sắc của văn hóa vùng miền cũng chưa được luận giải một cách đầy đủ. Bởi vậy, cho đến ngày nay vẫn cần luận giải thêm và có những điều chỉnh khi xử lý bản thân những vấn đề *dân tộc, khoa học, đại chúng, con người* và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội khác trong quá trình mở cửa, hội nhập và toàn cầu hóa. Văn hóa vừa mở đường để một quốc gia vững vàng bước vào quá trình toàn cầu hóa, vừa là hồn cốt của một dân tộc, quốc gia bảo đảm cho quá trình ấy thành công. Trong công cuộc nhịp bước cùng thời đại có vai trò rất lớn của văn hóa.

**NGUYÊN TẮC  
DÂN TỘC HÓA, ĐẠI CHÚNG HÓA VÀ KHOA HỌC HÓA  
TRONG “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HOÁ VIỆT NAM”:  
TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI**

GS.TS. LÊ HỒNG LÝ\*

**Từ sự ra đời lịch sử của Đề cương văn hóa trong kháng chiến...**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo năm 1943 trong bối cảnh cuộc đấu tranh của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng chống phát xít Nhật và thực dân Pháp đang ở giai đoạn đấu tranh khốc liệt. Một mặt, chính sách ngu dân để cai trị của thực dân Pháp đã kéo dài gần một thế kỷ muốn dân ta quên lãng những giá trị văn hóa của dân tộc. Mặt khác, các chủ trương của đế quốc nhằm ru ngủ những trí thức, văn nghệ sĩ, muốn đưa họ sa đà vào lối sống vật chất và sự lãng mạn tinh thần, bi quan, bế tắc chôn vùi vào làn khói thuốc phiện, cô đầu..., mà quên đi sự mất nước trong tay kẻ xâm lược, sự nô dịch của thực dân, đế quốc. Làm họ quên đi truyền thống văn hóa và lịch sử dân tộc, mất phương hướng, chỉ biết đến nước mẹ Pháp đem văn minh đến khai phá cho người Việt, còn mọi thứ của dân tộc là lạc hậu, cổ hủ, dã man, không văn minh... Rồi một nước Nhật đế quốc với tham vọng Đại Đông Á, thuần chủng da vàng... thống lĩnh thế giới.

Chính vì thế, “năm 1943, Đảng ta đưa ra bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được thông qua trong Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên)

---

\* Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

vào tháng 2/1943 nhằm thức tỉnh dân tộc và vạch đường hướng cho cuộc cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đề cương văn hóa đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang của mình là ngọn đuốc soi đường, là kim chỉ nam cho một lớp trí thức, văn nghệ sĩ còn đang bế tắc, phân vân trước thời cuộc, thức tỉnh niềm tự hào dân tộc và giá trị dân tộc, vùng lên để lấy lại nhân phẩm của mình, bảo vệ văn hóa dân tộc vì sự phát triển của quốc gia, làm cho cuộc kháng chiến của đất nước mang tính chính nghĩa và đầy đủ ý nghĩa nhân văn. Nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh là kháng chiến hóa văn hóa và văn hóa hóa kháng chiến. Văn hóa được coi như một mặt trận, một động lực và mục tiêu của cuộc kháng chiến. Sang cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đề cương văn hóa từ lý luận đến thực tiễn đã đồng hành cùng sự nghiệp kháng chiến của dân tộc, thúc đẩy toàn thể nhân dân lao vào cuộc trường chinh chống đế quốc Mỹ. Nó thúc đẩy tinh thần mỗi con người Việt Nam để “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, huy động tất cả vật chất, tinh thần, lịch sử của dân tộc, đem “bốn mươi thế kỷ cùng ra trận” làm nên một đại thắng mùa Xuân năm 1975, thống nhất đất nước đến hôm nay. Tạo nên một sự nghiệp xây dựng văn hóa mới theo phương châm dân tộc, đại chúng, khoa học đã tạo tiềm lực cho sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc và mỗi bước thắng lợi của kháng chiến lại tạo tiền đề cho sự phát triển văn hóa”<sup>1</sup>.

Trong bối cảnh muôn vàn khó khăn, thiếu thốn về các nguồn tư liệu về lý luận, điều kiện học tập, tham khảo trong việc nghiên cứu, lại đang ở trong tình trạng cấp bách của việc giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu, số phận dân tộc trong lúc ngàn cân treo sợi tóc, độc lập tự do là nhu cầu quan trọng nhất trong khi ấy, mà Đảng lại đưa ra được những vấn đề dân tộc, đại chúng và khoa học. Những nguyên tắc mà cho đến hôm nay giá trị về tầm nhìn và tính thời sự của Đề cương càng được khẳng định một cách mạnh mẽ. Mặc dù, giai đoạn này, tính chính trị của những nguyên tắc đã nêu được quan tâm coi trọng nhiều hơn, do bối cảnh lịch sử khi đó vì mục đích giành chính quyền, giải phóng dân tộc. Đúng như nhận xét của đồng chí Trường Chinh trong dịp kỷ niệm 40 năm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời (1943-1983):

---

1. Xem Đỗ Kim Cương: Từ “Đề cương văn hóa 1943” đến văn hóa, văn nghệ thời kỳ đổi mới và hội nhập, Tạp chí *Tuyên giáo*, ngày 8/11/2021.

Vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của Việt Nam”<sup>1</sup>. Vì thế, ba nguyên tắc trong Đề cương lúc này chủ yếu hướng đến:

- Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hoá Việt Nam phát triển độc lập).

- Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

- Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

Song, từ những nguyên tắc đó, càng về sau này, trong quá trình phát triển của đất nước và thực hiện những chủ trương, đường lối của Đảng, cho thấy thực sự Đề cương văn hóa là một tầm nhìn xa trông rộng về văn hóa Việt Nam mà đến hôm nay vẫn còn nguyên những giá trị của nó. Từ rất sớm, Đề cương đã khẳng định vai trò và vị trí của nó trong đường lối chính trị của một đảng cầm quyền xuất phát từ thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc. Đồng thời, nó cũng chỉ ra tầm nhìn xa và tính bền vững đối với giai đoạn lịch sử sau này của đất nước, làm cho giá trị của Đề cương tồn tại bền bỉ và có ý nghĩa thực tiễn đối với đất nước.

### **Đến sự tồn tại bền vững của ba nguyên tắc trong Đề cương văn hóa trong tình hình mới**

Giá trị cốt lõi của Đề cương thể hiện ở ba nguyên tắc bất di bất dịch: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa là kim chỉ nam cho đường lối văn hóa, văn nghệ của nước ta cho đến ngày nay, khi chúng ta đang bước vào công cuộc phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Để thấy rõ điều này, chúng ta hãy xem xét các nguyên tắc đó của Đề cương trong quá trình phát triển của đất nước, đặc biệt từ quan điểm của Đảng về văn hóa ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh hơn trong bối cảnh mới. Điều đó thể hiện ở trong các nghị quyết của Đảng trong suốt thời gian qua, điển hình là Nghị quyết

1. Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.3, tr.509.



Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII của Đảng về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Theo chúng tôi, đây là Nghị quyết bản lề của giai đoạn phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước. Tiếp sau đó là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI của Đảng về *xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Nghị quyết đánh giá văn hóa thực sự là sức mạnh nội sinh, là động lực quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Từ nhận thức về văn hóa thông qua các nghị quyết trên đây của Đảng, chúng ta thử đặt các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa của Đề cương văn hóa ở thời hiện tại trong bối cảnh hội nhập với quan điểm văn hóa quốc tế mà cụ thể nhất là qua nội dung các công ước về văn hóa của UNESCO. Đó là ba công ước cơ bản: Công ước 1972 về việc bảo vệ di sản văn hóa và tự nhiên của thế giới; Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và Công ước 2005 về bảo vệ và phát huy sự đa dạng các biểu đạt văn hóa. Thông qua những công ước này, chúng ta có thể thấy các nguyên tắc của Đề cương văn hóa được thể hiện như thế nào trong bối cảnh mới.

*Nguyên tắc dân tộc hóa* hiện nay của chúng ta thể hiện ở việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc chung sống trên mảnh đất Việt Nam. Cùng với những vấn đề chính trị của dân tộc như quyền tự quyết, vai trò, vị trí bình đẳng giữa các dân tộc trên thế giới, thì văn hóa dân tộc được đặt lên hàng đầu đối với tổ chức quốc tế này. Nếu như chúng ta đề cao việc bảo vệ, khai thác văn hóa dân tộc trong sự nghiệp cách mạng của đất nước, trong đó là việc giữ gìn, phát huy và đưa văn hóa dân tộc vào sự phát triển kinh tế - xã hội trong mọi giai đoạn lịch sử, thì vấn đề này càng thấy rõ ràng khi bước vào hội nhập quốc tế trong những năm đổi mới, khi tham gia vào các công ước của quốc tế, vai trò của dân tộc càng được mở rộng và coi trọng.

Theo công ước năm 1972 xét rằng: các công ước, khuyến nghị và quyết định quốc tế hiện có đối với các tài sản văn hóa và tự nhiên chứng minh tầm quan trọng đối với tất cả các dân tộc trên thế giới, của việc bảo tồn các tài sản độc nhất và không thể thay thế được, mặc dù chúng thuộc về dân tộc nào. Xét

rằng: một số tài sản của di sản văn hóa và tự nhiên có một ý nghĩa đặc biệt cần thiết phải bảo tồn như là một yếu tố của di sản thế giới của toàn thể nhân loại (Công ước 1972).

Còn Công ước 2003 thì xét đến tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể như là động lực chính của đa dạng văn hóa và là một bảo đảm cho sự phát triển bền vững, như đã được nhấn mạnh tại Khuyến nghị của UNESCO về Bảo vệ văn hóa truyền thống và dân gian năm 1989, trong Tuyên bố toàn cầu của UNESCO về Đa dạng văn hóa năm 2001, và trong Tuyên bố Istanbul được Hội nghị bàn tròn các Bộ trưởng Văn hóa lần thứ ba thông qua năm 2002. Cộng đồng quốc tế đã ý thức về nguyện vọng và mối quan tâm chung của nhân loại về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Ghi nhận rằng các cộng đồng, đặc biệt là các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân bản địa đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc tạo ra, bảo vệ, duy trì và tái sinh di sản văn hóa phi vật thể, từ đó làm giàu thêm sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Xét đến vai trò tối quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể là yếu tố đưa nhân loại xích lại gần nhau hơn và bảo đảm sự giao lưu và hiểu biết lẫn nhau giữa mọi người (Công ước 2003).

Như vậy, từ khởi đầu xuất phát của Đề cương, nguyên tắc dân tộc chủ yếu hướng tới việc “chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập” thì ngày nay, vấn đề này đã được mở rộng để đưa đất nước ta hội nhập quốc tế với một tư cách hoàn toàn khác, với vị thế vững vàng, to lớn. Tham gia các công ước này là dịp chúng ta khẳng định được nguyên tắc dân tộc từ Đề cương văn hóa đề ra, đồng thời cũng là sự cập nhật với xu thế chung của thế giới về coi trọng vai trò của văn hóa trong tình hình mới. Vì thế, không những chúng ta có rất nhiều di sản văn hóa dân tộc được thế giới vinh danh, thu hút sự quan tâm của thế giới, góp phần vào di sản của nhân loại. Từ đó thu hút sự đầu tư của các công ty du lịch trên thế giới, quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam... Còn về mặt tổ chức, chúng ta đã tham gia đắc lực vào các hoạt động quốc tế liên quan đến vấn đề này như Hội đồng nhân quyền của Liên hợp quốc, các hội đồng chuyên môn của UNESCO như: Năm 2021 được bầu là thành viên Hội đồng chấp hành UNESCO nhiệm kỳ 2021-2025 với số phiếu cao nhất; năm 2022 được bầu là thành viên Ủy ban liên Chính phủ Công ước 2003 nhiệm kỳ 2022-2026...

Gần đây nhất, ngày 10/2/2023, Việt Nam được tin nhiệm bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Ủy ban, đại diện cho khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Công ước về bảo vệ và phát huy sự đa dạng các biểu đạt văn hóa (Công ước 2005) của UNESCO... Những kết quả này đã chứng tỏ những đóng góp rất tích cực của chúng ta được cộng đồng quốc tế ghi nhận trong thời gian qua. Cùng lúc đó, số lượng các di sản thiên nhiên thế giới và di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại và các di sản cần được bảo vệ khẩn cấp mà UNESCO ghi nhận của nước ta là những minh chứng hùng hồn về sự hội nhập quốc tế của Việt Nam và mở rộng tâm của nguyên tắc dân tộc từ Đề cương văn hóa.

*Nguyên tắc khoa học hóa* nếu trước đây chỉ là “chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ” thì trong bối cảnh mới đã được mở rộng nâng cao lên ở một mức độ khác. Ngày nay, mỗi một hiện tượng hay một di sản văn hóa dù là vật thể hay phi vật thể đều được nghiên cứu một cách chi tiết, khoa học theo bài bản và những chuẩn mực quốc tế yêu cầu. Những người thực hiện nguyên tắc này đều là các chuyên gia, nhà nghiên cứu được đào tạo bài bản và thực hiện những quy trình nghiên cứu theo quy chuẩn nghiêm ngặt, còn những người quản lý, ngoài việc được đào tạo chuyên môn là những người hiểu biết, nắm bắt được tình hình thực tiễn. Nguyên tắc khoa học hóa ngày nay được thực hiện theo quy trình nghiên cứu theo các quy định quốc tế, một quy trình mà như Công ước 2003 đã ghi rõ trong mục bảo vệ di sản phi vật thể bao gồm việc nhận diện, tư liệu hóa, nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ, phát huy, củng cố, chuyển giao, đặc biệt là thông qua hình thức giáo dục chính thức hoặc phi chính thức cũng như việc phục hồi các phương diện khác nhau của loại hình di sản này. Trên cơ sở nguyên tắc khoa học hóa theo tiêu chuẩn quốc tế khi nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam, chúng ta đã có Luật Di sản văn hóa được Quốc hội thông qua năm 2001 và sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đây là đạo luật chủ đạo, cập nhật những công ước quốc tế cũng như tình hình thực tế ở Việt Nam về việc bảo vệ di sản văn hóa dân tộc, thể hiện sự tôn trọng các công ước quốc tế của Việt Nam; đồng thời cũng là sự nhìn nhận một cách khoa học nền văn hóa dân tộc trong bối cảnh mới. Ở đạo luật này, những vấn đề xác định giá trị, quy định nghiên cứu, bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa của đất nước đã được làm rõ và trở thành tính pháp quy cho việc nghiên cứu khoa học đối với tất cả các di sản văn hóa ở Việt Nam.

Thực tế từ khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập năm 1945, việc trước tiên mà Nhà nước non trẻ này làm theo nguyên tắc khoa học đối với văn hóa là những quy định, chỉ thị về giữ gìn và bảo vệ tất cả những di sản văn hóa của cha ông để lại, nhằm tránh sự thất thoát, hư hỏng, mất mát. Sau hoà bình lập lại, công cuộc nghiên cứu khoa học đã được tiến hành thông qua những cơ quan quản lý và nghiên cứu về văn hóa được thành lập ở trung ương và địa phương. Trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bên cạnh những văn nghệ sĩ với những sáng tác của mình phục vụ đắc lực cho cuộc trường chinh của dân tộc, thì những cơ quan nghiên cứu ở các viện, các trường đại học, đã làm được không ít những công trình sưu tầm, nghiên cứu và phổ biến văn hóa truyền thống Việt Nam ở trong nước và quốc tế. Những công trình nghiên cứu văn hóa thời kỳ này một mặt khẳng định những truyền thống lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; mặt khác chứng minh hùng hồn sự toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất đất nước, giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc để huy động sức mạnh tổng lực vì sự nghiệp giải phóng dân tộc khỏi ách ngoại xâm.

Nguyên tắc khoa học hóa của Đề cương càng được thể hiện rõ trong giai đoạn từ đổi mới đến nay. Hàng loạt những dự án điều tra, sưu tầm, nghiên cứu các di sản văn hóa được thực hiện từ năm 1986 đến nay là những minh chứng thuyết phục nhất cho nguyên tắc này. Đó là những dự án khai quật khảo cổ học lớn như Hoàng thành, Óc Eo..., những chương trình mục tiêu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, những Dự án, chương trình nghiên cứu do các trường đại học, viện nghiên cứu thực hiện thời gian qua đã góp phần tìm hiểu, lưu giữ, phổ biến các giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người anh em sinh sống trên dải đất hình chữ S. Điều đáng chú ý là các hoạt động này được tiến hành rộng khắp trên toàn bộ không gian của cả nước, ở tất cả các dân tộc và trong tất cả các loại hình văn hóa khác nhau, mà không có sự thiên vị cho bất kể một dân tộc hay một loại hình văn hóa nào. Từ đây cho thấy tính khoa học và tính toàn diện của việc nghiên cứu văn hóa Việt Nam.

*Nguyên tắc đại chúng hóa* nếu khi Đề cương ra đời là: chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phần lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng, thì ngày nay nguyên tắc này đã được nhìn nhận đa chiều hơn, sâu sắc hơn rất nhiều. *Trước hết*, đó là sự tôn trọng nền văn hóa

đa sắc tộc của các cộng đồng cư dân sinh sống trên đất nước Việt Nam, bất kể là thiểu số hay đa số. *Thứ hai*, đó là sự tôn trọng tính đa dạng của mỗi nền văn hóa tộc người, tôn trọng sự đa dạng các biểu đạt của mỗi nền văn hóa đó. Đúng như Công ước 2005 đã khẳng định, đa dạng văn hóa là một đặc tính của nhân loại; nhận thức rằng đa dạng văn hóa là di sản chung của nhân loại, cần được tôn vinh và bảo vệ vì lợi ích của tất cả mọi người; ý thức rằng đa dạng văn hóa tạo nên một thế giới phong phú và đa dạng, gia tăng các lựa chọn, nuôi dưỡng khả năng và giá trị của con người, và vì vậy, đa dạng văn hóa là một động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững cho các cộng đồng, các dân tộc và các quốc gia (Công ước 2005). *Thứ ba*, sự tôn trọng tính chủ thể của mỗi nền văn hóa ấy, dù tộc người đó là ít người hay đông người. Không có sự áp đặt văn hóa của tộc người này lên trên tộc người khác, không có sự cao thấp về văn hóa, mà chỉ là những sự khác nhau, đa dạng, không còn việc “làm cho đồng bào miền núi tiến kịp đồng bào miền xuôi” về văn hóa như một thời gian còn có suy nghĩ ấu trĩ..., mà là sự bình đẳng và khai thác triệt để những truyền thống văn hóa của tất cả các tộc người vì một nước Việt Nam phồn thịnh và phát triển “xứng vai với các cường quốc năm châu”, đó mới là mục đích cao cả của nguyên tắc này. Hơn thế, sự tôn trọng văn hóa tộc người và tạo sự chủ động làm chủ vận mệnh của họ về văn hóa mới thực sự là cách làm cho họ biết trân quý và phát huy các giá trị của nó cho sự phát triển của đất nước. Thực tế thời gian gần đây việc người dân làm du lịch homestay ở các địa phương đã chứng minh điều đó, họ đã có điều kiện để phô diễn toàn bộ những giá trị văn hóa của mình cho du khách, khai thác những giá trị văn hóa ấy phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội và đời sống tinh thần của mình. Đại chúng ở đây không phải là dung tục hóa, đồng nhất hóa các hiện tượng văn hóa và phổ cập nó cào bằng ở mọi nơi, mà là sự khai thác những sắc thái riêng của từng cộng đồng, từng nhóm người khác nhau tạo nên bản sắc của họ, bản sắc đó góp phần vào vườn hoa đầy hương sắc của văn hóa quốc gia. Đó mới là nguyên tắc đại chúng hóa đáng phải làm nhất. Từ những giá trị văn hóa dân tộc được nghiên cứu một cách khoa học, áp dụng vào thực tiễn để các chủ thể văn hóa tự quyết và tự xử lý những giá trị đó phục vụ cho bản thân mình thông qua những thực hành sinh hoạt hằng ngày của họ trong cuộc sống, tạo thành máu thịt họ thì những giá trị văn hóa đó mới được duy trì bền vững, trường tồn và

được phát huy hết tiềm năng của nó. Bởi vì, nó xuất phát từ đại chúng và vì đại chúng mà nó tồn tại và phát triển, thiết nghĩ đó là nguyên tắc đại chúng được tồn tại sinh động nhất. Những lễ hội dân gian, những sinh hoạt nghệ thuật trình diễn, những thực hành tín ngưỡng, nghề thủ công, ẩm thực, tri thức dân gian và tất cả mọi truyền thống dân gian đó được tồn tại và phục vụ người dân, đó là nguyên tắc đại chúng cao nhất mà Đề cương văn hóa đặt ra cho chúng ta hôm nay.

\*  
\*   \*   \*

Những phân tích trên đây cho thấy dù đã qua nhiều thời gian nhưng giá trị cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn giữ được nguyên giá trị, luôn mang tính thời sự và tầm nhìn của nó. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa và sự biến đổi mạnh mẽ của môi trường, biến đổi khí hậu thì những giá trị văn hóa dân tộc, tính đa dạng và nhìn nhận vai trò chủ thể của người dân trên toàn thế giới càng ngày càng được coi trọng. Tri thức bản địa, văn hóa tộc người càng được coi trọng và cần được nghiên cứu một cách khoa học để khai thác hết tiềm năng đó cho sự phát triển bền vững của thế giới. Tất cả những thứ một thời được coi là man di, mọi rợ, lạc hậu, mê tín cần được các nhà nghiên cứu xem xét một cách khoa học để phục vụ cuộc sống. Vấn đề trở về với tri thức dân tộc, hoà mình với thiên nhiên, gần gũi nương theo thiên nhiên đang là việc được các nước từ văn minh đến “lạc hậu” nhìn nhận lại một cách nghiêm túc. Con người từ chỗ tìm cách chế ngự, bóc lột, phá hoại đến kiệt quệ môi trường tự nhiên để có được cuộc sống sung túc cho mình, ngày nay đã có cái nhìn khác bằng cách khai thác những tri thức văn hóa của mỗi tộc người một cách khoa học, đặt cuộc sống, vị trí của người dân lên trên hết, sống chậm lại cùng với tự nhiên để có một cuộc sống an bình, thanh thản. Đó chính là sự phát triển hay tiếp nối hoặc vận dụng phương châm dân tộc, đại chúng và khoa học mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã chỉ ra từ 80 năm về trước.

Nhìn từ góc độ văn hóa, vấn đề dân tộc của chúng ta càng ngày càng được Đảng và Nhà nước chú trọng hơn bao giờ hết. Văn hóa dân tộc được coi trọng trong mọi vấn đề quốc sách của đất nước. Từ chỗ nhìn nhận các vấn đề chủ yếu trên nền tảng kinh nghiệm, đến nay tất cả các vấn đề dân tộc được xem

xét một cách khoa học, bài bản bằng những cơ quan nghiên cứu, những đề tài, dự án, những ứng dụng thử nghiệm thực tế để tìm ra phương án tốt nhất. Tuy chưa phải thành công tất cả, song quy trình và ý thức nghiên cứu khoa học trong các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa đã được chú trọng một cách nghiêm túc. Vấn đề đại chúng ở đây là việc nhìn nhận một cách khoa học vai trò chủ thể của người dân trong xã hội đương đại. Những chủ trương, đường lối, chính sách đưa ra được xem xét tính phù hợp, đáp ứng hay không cuộc sống của người dân, mà không còn là sự áp đặt hay vô cảm do không được xem xét, nghiên cứu một cách khoa học. Việc coi người dân là chủ thể đích thực của sự phát triển, lấy chất lượng cuộc sống của họ làm thước đo cho tất cả những hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội chính là tầm nhìn cao nhất của nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa trong đường lối của Đảng hiện nay từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam*.

# NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC - ĐẠI CHÚNG - KHOA HỌC” TRONG “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ TRONG THỜI ĐẠI HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ NGỌC MINH\*

## 1. Đặt vấn đề

Trước những yêu cầu và đòi hỏi của hoàn cảnh cách mạng và thực tiễn lịch sử Việt Nam, Tổng Bí thư Trường Chinh đã thay mặt cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng soạn thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Sự ra đời của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 giống như ngọn đuốc soi đường cho đông đảo tầng lớp trí thức nhìn thấy con đường cải trời tư tưởng của mình và tham gia vào cơn lốc cách mạng của dân tộc đang phát triển mạnh mẽ. Một trong những giá trị nổi bật là đã đề ra được ba nguyên tắc cơ bản, ba tính chất cơ bản của nền văn hóa mới: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Tròn 80 năm đã đi qua, bối cảnh trong nước và quốc tế đã có sự thay đổi nhưng ba nguyên tắc “dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa” của Đề cương thì vẫn nguyên giá trị.

## 2. Nội dung ba nguyên tắc

“Dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa” là ba nguyên tắc vận động để xây dựng nền văn hóa mới, được đề cương văn hóa nêu ra tại mục 4, phần “Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam”<sup>1</sup>.

---

\* Bảo tàng tỉnh Bình Dương.

1. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Văn kiện Đảng 1930-1945*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, t.III, tr.318-320.



Trước hết là nguyên tắc dân tộc hóa. Đề cương đã chỉ rõ tính chất của văn hóa Việt Nam hiện tại là thuộc địa nô dịch. Từ khi thực dân Pháp tiến hành công cuộc khai phá thuộc địa ở Đông Dương, chính quyền thuộc địa đã cố sức cho tư tưởng thân Pháp, vong bản, ngăn cản những tư tưởng tiến bộ, không cho phép truyền bá vào Việt Nam, tuyên truyền tư tưởng đầu hàng, chủ nghĩa yêu nước hẹp hòi, mù quáng. Còn phát xít Nhật thì tuyên truyền tư tưởng “Đại Đông Á”, gây nên một quan điểm sai lầm y lại vào Nhật... Từ sự phân tích trên Đề cương khẳng định, những thủ đoạn lừa bịp đó sẽ giết chết văn hóa Việt Nam. Vì vậy, nhất định phải chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập, thoát khỏi sự phụ thuộc vào văn hóa thực dân, phát xít, đề cao lòng yêu nước và tự hào dân tộc.

Tiếp theo là nguyên tắc đại chúng hóa. Với mục đích thống trị nhân dân ta, chính quyền thực dân phát xít chỉ phát triển văn hóa, giáo dục nhỏ giọt ở một bộ phận tầng lớp trên của xã hội để phục vụ cho chính sách khai thác của chúng. Còn lại đông đảo quần chúng nhân dân vẫn bị kìm toả trong vòng bán cùng hóa và ngu dân hóa. Vì vậy, nhiều văn nghệ sĩ tầng lớp trên thời kỳ này chủ yếu sáng tác với nội dung xu nịnh thực dân, phát xít, hoài cổ, rời xa thực tế... Những điều này hoàn toàn xa lạ với đông đảo tầng lớp nhân dân nghèo khổ trong xã hội. Vì vậy phải chống lại những chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại, hoặc xa rời quần chúng nhân dân.

Về nguyên tắc khoa học hóa, cũng xuất phát từ chính sách văn hóa phản động của chủ nghĩa thực dân phát xít, những tệ nạn xã hội, thói hư tật xấu được chúng dung dưỡng, như: cờ bạc, rượu chè, nghiện hút, mại dâm... Các hủ tục như ma chay, nạn bói toán, mê tín dị đoan ngày càng nặng nề, dẫn đến hậu quả dân ta mù chữ, thất học. Trong khi đó một nền văn hóa tiến bộ cần phải có nền tảng khoa học thật vững chắc, như chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng phát biểu: “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Chính vì vậy cần phải chống lại những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ, có như vậy mới có thể vực dậy sức mạnh của dân tộc.

Có thể khẳng định *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời đã đáp ứng tình thế cấp bách của lịch sử dân tộc, huy động lực lượng cho cuộc cách mạng có ý nghĩa sống còn của dân tộc. Ba nguyên tắc được nêu ra trong bản Đề cương chính là 3 khẩu hiệu hành động, thức tỉnh và soi đường cho đội ngũ trí thức, tập hợp họ dưới ngọn cờ của Đảng, của mặt trận Việt Minh, đã giúp họ thoát

khởi cơn hoang mang khủng hoảng, tìm thấy con đường phụng sự dân tộc, tham gia Hội Văn hóa cứu quốc, “*dùng ngòi bút làm đòn xoay chế độ/mỗi vần thơ bom đạn phá cường quyền*”. Sự dấn thân của đông đảo văn nghệ sĩ vào thực tiễn cuộc sống của quần chúng và cuộc chiến đấu của dân tộc đã cho ra đời nhiều tác phẩm văn hóa bất hủ, có sức hiệu triệu đông đảo quần chúng vùng lên, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc<sup>1</sup>.

Như vậy, ba nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa được nêu trong Đề cương rõ ràng là sự trả lời đúng đắn và kịp thời cho các nhu cầu cấp thiết nổi lên trong một thời điểm trọng đại của lịch sử. Và do khả năng đón đợi, tập hợp và đưa tất cả đội ngũ trí thức vào cách mạng, nó đã góp phần quan trọng vào thành công của Cách mạng Tháng Tám 1945. Đồng thời góp phần tạo cơ sở lý luận cho sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa kháng chiến - kiến quốc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cũng như trong cuộc trường chinh chống Mỹ sau này.

### 3. Những giá trị của ba nguyên tắc đối với thời đại hiện nay

Từ sau bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, tư duy lý luận của Đảng về văn hóa ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh hơn, nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước... Văn hóa thực sự là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là kết quả của tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong thế kỷ XXI, chúng ta vẫn tiếp tục tìm thấy điểm tựa ở Đề cương là tinh thần coi trọng văn hóa, để hướng tới một thời kỳ phát triển mới - xem văn hóa không chỉ là động lực mà còn là mục tiêu của sự phát triển.

---

1. Xem Chủ Thị Thu Hà: *Suy ngẫm về ba nguyên tắc “dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa” của Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 và sự vận dụng trong bối cảnh hiện nay*, Thư viện số Đại học Văn hóa Hà Nội.

Trong nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* xác định nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng. Tính thống nhất và tính đa dạng phản ánh sâu sắc mối quan hệ giữa bản sắc văn hóa dân tộc (quốc gia) Việt Nam và sắc thái văn hóa các dân tộc (tộc người), văn hóa địa phương. Bản sắc văn hóa kết tinh ở hệ giá trị văn hóa dân tộc (quốc gia), thấm sâu vào mọi hoạt động vật chất, tinh thần, phong tục, tập quán, sinh hoạt cá nhân, mang diện mạo, trí tuệ, tâm hồn, phong cách của các dân tộc hay cộng đồng quốc gia - dân tộc và được tiếp nối, phát huy, phát triển trong các thời kỳ lịch sử. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho thấy, người Kinh ở nước ta chiếm đa số (chiếm 85,3% dân số cả nước); 53 dân tộc còn lại có 14,123 triệu người (chiếm 14,7% dân số cả nước). Đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú và sinh sống thành cộng đồng, chủ yếu ở miền núi cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa với nhiều sắc thái văn hóa phong phú, đa dạng. Các dân tộc trên lãnh thổ nước ta dù tiếng nói, phong tục, tập quán khác nhau, nhưng đều là những bộ phận của cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam, cùng chung lưng đấu cật, đoàn kết đấu tranh chống thiên tai, địch họa để dựng nước và giữ nước. Trên cơ sở “mẫu số chung” đó, những sắc thái văn hóa riêng biệt của từng dân tộc được định hình, phát triển và bổ sung cho nhau, tạo nên tính thống nhất trong đa dạng của nền văn hóa Việt Nam<sup>1</sup>.

Sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, Đại hội XI của Đảng (năm 2011) đã tổng kết, đánh giá những kết quả to lớn đạt được cùng với những hạn chế, khó khăn và những vấn đề còn tiếp tục phải giải quyết. Từ những bài học kinh nghiệm được rút ra trong quá trình tổng kết thực tiễn ấy, Đảng ta đã có nhiều nhận thức mới về mặt lý luận làm cơ sở cho việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh của Đảng - Cương lĩnh năm 2011. Đối với lĩnh vực văn hóa, từ quan điểm nhất quán về một “nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ”, Cương lĩnh năm 2011 và Nghị quyết số 33-NQ/TW,

---

1. Xem Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ Đổi mới*, Đại hội VI, VII, VIII, IX, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2019.

ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết số 33-NQ/TW), đã tiếp tục làm sâu sắc hơn nội dung, tính chất, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa, cũng như mối quan hệ giữa văn hóa với con người và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội<sup>1</sup>.

Quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thời gian qua trên cả nước đã đạt được những kết quả nhất định. Có thể nói đây là sự tiếp nối và phát triển nguyên tắc xây dựng văn hóa dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa được đề ra trong Đề cương văn hóa Việt Nam trong bối cảnh mới. Giá trị dân tộc được đề cao, khi nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát triển. Theo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tính đến hết năm 2018, Việt Nam có gần 3.500 di tích được xếp hạng quốc gia, 107 di tích quốc gia đặc biệt, 12 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Hơn 3 triệu di vật, cổ vật có giá trị đang được bảo quản, trưng bày tại hệ thống 166 bảo tàng; gần 8.000 lễ hội được lưu truyền gắn với nhiều phong tục, tập quán, nghệ thuật trình diễn, làng nghề thủ công, văn hóa ẩm thực, trang phục..., trong đó có nhiều phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng nhằm bảo đảm tính đa dạng, phong phú về sắc thái văn hóa của các vùng, miền trên cả nước. Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế ngày càng được coi trọng và phát huy hiệu quả, tích cực. Công nghiệp văn hóa và thị trường văn hóa có bước khởi sắc. Các loại hình, các sản phẩm và dịch vụ văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng yêu cầu mới, nhiều mặt của xã hội. Xây dựng con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Nhiều tấm gương sáng trong phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây

---

1. Xem Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI: *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, cập nhật ngày 9/6/2014.

dựng đời sống văn hóa” đã được biểu dương, lan tỏa các giá trị văn hóa tốt đẹp trong đời sống xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa nói riêng, xây dựng và phát triển đất nước nói chung. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường, thể chế văn hóa từng bước hoàn thiện. Đội ngũ làm công tác văn hóa, văn nghệ có bước phát triển. Việc đấu tranh, phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây hại đến văn hóa, lối sống được chú trọng; qua đó vai trò điều tiết của văn hóa tiếp tục được phát huy. Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế có bước phát triển mới, góp phần quảng bá các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới, đồng thời thúc đẩy quá trình giao lưu văn hóa, tiếp thu tinh hoa và các giá trị tiến bộ của văn hóa nhân loại để bồi đắp và xây dựng nền văn hóa Việt Nam<sup>1</sup>.

Trong bài viết quan trọng “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: *“Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao... Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới”*<sup>2</sup>.

Như vậy, nhiệm vụ xây dựng con người văn hóa của Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế chính là xây dựng những giá trị, chuẩn mực con người Việt Nam phù hợp và gắn với giữ gìn, phát huy hệ giá trị văn

---

1. Xem Đinh Giang: “Giá trị văn hóa với xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực thực hiện khát vọng phát triển đất nước”, Tạp chí *Cộng sản*, cập nhật ngày 29/8/2022.

2. Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản*, số 966, tháng 5/2021, tr.9.

hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại, như yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Những giá trị ấy được nuôi dưỡng bởi văn hóa gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: Ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; được bồi đắp, phát triển bởi nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với hệ giá trị: Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học; trên nền tảng của hệ giá trị quốc gia và cũng là mục tiêu phấn đấu cao cả của dân tộc ta: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc<sup>1</sup>. Thông qua bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, có thể thấy rõ những giá trị văn hóa Việt Nam đã và đang xây dựng, củng cố là những giá trị tiến bộ, nhân văn, kết hợp truyền thống với hiện đại và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần hướng tới một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Như vậy, trong bối cảnh mới, Đảng đã không ngừng đổi mới tư duy nhằm hoàn thiện hệ thống lý luận về xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc; khơi dậy và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa truyền thống và sức mạnh con người Việt Nam để hiện thực hóa khát vọng xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

Kế thừa những thành tựu của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cách đây 80 năm, Đảng đã từng bước áp dụng và hoàn thiện ba nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa để vận dụng vào thực tiễn phát triển văn hóa hiện nay.

\*

\* \*

Tóm lại, ra đời trong bối cảnh cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đi vào giai đoạn cam go, kẻ thù tăng cường đàn áp, tuyên truyền mị dân, nhân dân chịu nhiều tầng áp bức, bóc lột, Đảng phải lui về hoạt động bí mật, Đề cương không thể đề cập đến mọi lĩnh vực, mọi vấn đề của văn hóa. Dù mới chỉ sơ lược, nhưng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã đề cập được những vấn đề cơ

---

1. Xem Nguyễn Phú Trọng: “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Tạp chí *Cộng sản*, số 979, tháng 12/2021, tr.11.

bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện đó của cách mạng Việt Nam, trong đó tiêu biểu nhất là 3 nguyên tắc để xây dựng nền văn hóa mới.

Kế thừa những nguyên tắc về xây dựng, phát triển nền văn hóa mới Việt Nam được đề cập trong Đề cương, 80 năm qua, Đảng ta đã không ngừng bổ sung, phát triển nhiều quan điểm mới, làm sâu sắc thêm nội hàm, phạm vi các lĩnh vực thuộc văn hóa cũng như vai trò của văn hóa trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

TS. ĐẶNG THỊ MINH\*

### 1. Giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* là một văn kiện lịch sử vô giá, có ý nghĩa thời sự và giá trị thực tiễn cao, đặc biệt đối với cách mạng, kháng chiến thời bấy giờ. Đề cương đã phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hóa dưới ách phát xít Nhật và thực dân Pháp, vạch rõ tính chất phản động trong chính sách văn hóa ngu dân của thực dân Pháp; chỉ ra con đường vận động, phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam. Đề cương không chỉ sử dụng phương thức hoạt động văn hóa để thực hiện mục tiêu vận động chính trị, đã làm “thức tỉnh những trí thức, những văn nghệ sĩ đang bị quan, dao động, mất phương hướng thấy được lối thoát, muốn mình được giải phóng trước hết phải tự nguyện dấn thân vào con đường giải phóng dân tộc và chính họ phải là lực lượng xung kích tham gia vào mặt trận văn hóa - tư tưởng”<sup>1</sup> mà còn là sự chuẩn bị lý luận cho sự ra đời một nền văn hóa mới sau khi cách mạng thành công. Với chủ trương xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam với các đặc trưng: Dân tộc, đại chúng, khoa học, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* kịp thời đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cách mạng, trở thành ngọn cờ tập hợp, cổ vũ nhân dân ta, nhất là trí thức, văn nghệ sĩ hăng hái tham gia cách mạng.

---

\* Học viện Hành chính quốc gia, Bộ Nội vụ.

1. Phạm Mai Hùng: “Bối cảnh ra đời và ý nghĩa của Đề cương văn hóa năm 1943”, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 4/2003.



*Đề cương về văn hóa Việt Nam* có giá trị to lớn đối với cách mạng Việt Nam trong những năm qua, vừa phát huy vai trò quan trọng của văn hóa, vừa khơi dậy khát vọng của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do xây dựng và phát triển đất nước. Đề cương không chỉ viết về văn hóa hoặc chỉ có giá trị đối với lĩnh vực văn hóa cụ thể mà còn góp phần tạo nên cội nguồn, động lực cho sức mạnh tổng hợp của cách mạng, góp phần quan trọng làm nên thắng lợi vẻ vang của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, của chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” năm 1954 và đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vừa có ý nghĩa lịch sử mang tính bước ngoặt của giai đoạn 1943-1945 đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta, vừa có tầm nhìn như là sự khai phá mở đường, đặt nền móng vững chắc và đúng đắn cho toàn bộ quá trình tìm tòi, xây dựng hệ thống quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng về văn hóa. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có tác dụng định hướng cả về hướng đi, cách thức xây dựng và hoạt động nên có tác dụng lâu dài với cách mạng Việt Nam. Nhận thức sâu sắc ý nghĩa đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, kiên định và không ngừng phát triển chủ trương, đường lối xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Những phương châm dân tộc, đại chúng và khoa học cho đến tận bây giờ vẫn chứng tỏ tính chất đúng đắn trong đời sống xã hội.

## **2. Thực tiễn vận dụng, phát huy giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” và các nghị quyết về văn hóa trong tiến trình phát triển**

Việc vận dụng, phát huy giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong thực tiễn, kế thừa và phát triển tư duy lý luận về văn hóa, chăm lo phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử đã được thể hiện trong tư tưởng chỉ đạo ở nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng; được Nhà nước cụ thể hóa trong xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về văn hóa và triển khai trong các hoạt động văn hóa của toàn xã hội. Nghị quyết

Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, với trọng tâm là xây dựng tư tưởng, đạo đức và lối sống là một bước phát triển cao dựa trên nền móng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Nghị quyết đã khẳng định, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần xã hội. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, con người phát triển toàn diện<sup>1</sup>. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục xác định: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học...”<sup>2</sup>. Đảng ta luôn khẳng định con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Từ đòi hỏi của thực tiễn phát triển đất nước trong bối cảnh mới, Đại hội XIII của Đảng đã tiếp tục phát triển lý luận về văn hóa, nâng tầm quan điểm chỉ đạo khi khẳng định vai trò, vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam trong mối quan hệ thống nhất, biện chứng, tạo nên tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ thúc đẩy đất nước phát triển nhanh, bền vững: “Phát triển con người toàn

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, 2014, tr.48.

diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”<sup>1</sup>.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước về xây dựng và phát triển nền văn hóa mới; các cấp, các ngành đã kế thừa, phát huy giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, luôn bảo đảm được 3 nguyên tắc đó là dân tộc, đại chúng, khoa học và đã đạt được nhiều thành quả tích cực trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong bối cảnh mới: Phát triển văn hóa ngày càng gắn bó hơn với xây dựng con người Việt Nam, từng bước trở thành một trong những nguồn lực quan trọng của sự nghiệp phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế. Chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa từng bước được nâng cao; xây dựng môi trường văn hóa được chú trọng, nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của từng vùng, miền được kế thừa. Nhiều di sản văn hóa được bảo tồn, phát huy.

Hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa ngày càng được tăng cường, các cơ quan quản lý nhà nước đã chú trọng thể chế hóa, tạo hành lang pháp lý thúc đẩy văn hóa phát triển, đến nay hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa nói chung và các lĩnh vực cụ thể của văn hóa nói riêng ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thực tiễn. Hệ thống thiết chế văn hóa được đầu tư và từng bước chuyển đổi cơ chế, đổi mới về phương thức hoạt động. Thị trường văn hóa bước đầu được hình thành. Hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại ngày càng chủ động hơn. Việt Nam đã phê chuẩn, tham gia và nội luật hóa hầu hết các công ước quốc tế về quyền con người, trong đó có các quyền về văn hóa, thúc đẩy, bảo vệ các quyền đó phù hợp các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu, hợp tác, quảng bá văn hóa, giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam ra thế giới. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh mẽ. Nhiều phong trào, hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực; phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém trong việc vận dụng, phát huy giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. *Thứ nhất*, trong nhận thức về vai trò, vị trí của văn hóa trong xây dựng, phát triển đất nước cũng như mối quan hệ giữa xây dựng văn hóa với phát triển con người có nơi, có lúc chưa đầy đủ và sâu sắc. Việc triển khai đường lối xây dựng văn hóa của Đảng trong Cương lĩnh và các nghị quyết đại hội Đảng chưa thật đồng bộ và toàn diện. *Thứ hai*, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội tuy đã có nhiều tiến bộ, song vẫn còn diễn biến phức tạp, có mặt xuống cấp đáng lo ngại. Tệ nạn xã hội, tội phạm còn phức tạp, tồn tại nhiều hiện tượng trái với thuần phong, mỹ tục, làm cho môi trường văn hóa chưa thực sự lành mạnh. Việc xây dựng và xác định hệ giá trị chuẩn mực văn hóa, con người Việt Nam còn chậm, kéo theo sự lúng túng, không thống nhất trong xây dựng các quy định, chuẩn mực văn hóa trong chính trị, kinh tế, trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị. *Thứ ba*, việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa chưa theo kịp yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn, hiệu quả chưa cao. Tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán, văn hóa đặc trưng của một số dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một dần. Chưa giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong quản lý văn hóa. Còn ít những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chưa thực hiện tốt chức năng hướng dẫn, điều chỉnh và đồng hành với thực tiễn sáng tác. *Thứ tư*, một số chủ trương, quan điểm nêu trong Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” chậm được thể chế; chưa có những chiến lược, giải pháp đồng bộ để phát triển và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế về văn hóa. Hệ thống thiết chế văn hóa chậm chuyển đổi sang phương thức tự chủ, xã hội hóa. Việc chỉ đạo phát triển công nghiệp văn hóa còn chậm.

Các đặc trưng cơ bản của nền văn hóa là “dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học” cùng quan điểm xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp chưa được quán triệt thường xuyên; có dấu hiệu bị buông lỏng trong cả ba môi trường: Gia đình, nhà trường và xã hội<sup>1</sup>. Hưởng thụ văn hóa giữa đô thị với nông thôn, giữa đồng bằng, trung du với khu vực vùng sâu, vùng xa còn chênh lệch. *Thứ năm*, hệ thống thông tin đại chúng phát triển nhanh nhưng chưa hợp lý; còn có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích trong một số cơ quan, đơn vị; công tác quản lý các phương tiện truyền thông mới chưa chặt chẽ, nhiều thông tin tiêu cực, sai trái trên mạng và các kênh truyền thông xã hội gây nhiễu loạn nhận thức và bức xúc cho người dân. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, các truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên đây chủ yếu là do một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm và nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người đối với phát triển bền vững đất nước. Vị trí, vai trò của văn hóa chưa thực sự được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội, dẫn đến lãnh đạo, chỉ đạo chưa quyết liệt. Việc cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của Đảng còn chậm, thiếu đồng bộ và trong một số trường hợp thiếu khả thi. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm được đổi mới, có lúc, có nơi bị xem nhẹ, thậm chí buông lỏng, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng và còn dàn trải. Chưa nắm bắt kịp thời những vấn đề mới về văn hóa để đầu tư đúng hướng và có hiệu quả. Chưa quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Việc thực hiện nêu gương của cán bộ, đảng viên ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hình thức, chưa tạo được sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa có mặt còn bất

---

1. Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

cập, chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn. Chưa phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp, sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ của các chủ thể văn hóa, khích lệ, động viên tích cực xã hội của nhân dân, nhất là đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức trong tổ chức thực hiện nghị quyết. Công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để hình thành cơ sở lý luận, đúc kết hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam còn chậm, lúng túng, bị động. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng và còn dàn trải. Chưa nắm bắt kịp thời những vấn đề mới về văn hóa để đầu tư đúng hướng và có hiệu quả.

### **3. Một số giải pháp nhằm phát huy giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 trong bối cảnh mới**

Trong bối cảnh hiện nay có nhiều yếu tố tác động tới quá trình xây dựng và phát triển văn hóa như sự phát triển của kinh tế thị trường, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế... Để xây dựng và phát triển nền văn hóa mới ở Việt Nam, phát huy các giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* chúng ta cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa, về giá trị của Đề cương, tăng cường tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, cụ thể như sau:

*Một là*, tăng cường tuyên truyền sâu rộng tới các cấp, các ngành, các nhà khoa học, giới thực hành văn hóa nghệ thuật và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa lịch sử, ý nghĩa thời đại, những giá trị cốt lõi về lý luận và thực tiễn, tầm ảnh hưởng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*; tiếp tục quán triệt sâu sắc, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là các quan điểm được nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam. Xác định rõ văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước, văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị.

*Hai là*, thường xuyên tổ chức các cuộc vận động tìm hiểu về giá trị văn hóa dân tộc, tổ chức những việc làm thiết thực hướng về cội nguồn, về

truyền thống cách mạng và kháng chiến, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, quý trọng các danh nhân văn hóa, đền ơn đáp nghĩa những người có công, giúp đỡ những người khó khăn, thực hiện xóa đói giảm nghèo... để giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam. Làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống mới của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa mới của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hóa đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân. Đây cũng chính là “nền văn hóa xã hội chủ nghĩa”, “cách mạng nhất và tiến bộ nhất” mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã định hướng.

*Ba là*, đối với công tác quản lý nhà nước, cần sớm khắc phục tình trạng chậm trễ chế hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành luật pháp và các chính sách cụ thể, khả thi về phát triển văn hóa, xây dựng con người. Chú trọng hoàn thiện thể chế, chính sách về văn hóa; sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, chú ý đến tính đặc thù của hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Tăng cường các nguồn lực tài chính, nâng mức đầu tư một cách hợp lý từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời thực hiện tốt chính sách xã hội hóa, để khơi thông các nguồn lực xã hội, sự đóng góp của cộng đồng các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia phát triển văn hóa.

*Bốn là*, đẩy mạnh kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý văn hóa từ Trung ương đến cơ sở. Xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ văn hóa phù hợp, có trình độ chuyên môn cao, năng lực, phẩm chất bảo đảm ở tất cả các cấp. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ, những tài năng nghệ thuật của đất nước; tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ văn nghệ sĩ hoạt động, phát huy khả năng sáng tạo nghệ thuật, xây dựng các tác phẩm có chất lượng cao. Trong quá trình đa dạng hóa các hoạt động văn hóa, Nhà nước cần chú trọng đầu tư vào dòng chủ lưu của văn hóa cách mạng để làm nòng cốt và dẫn dắt, truyền cảm hứng chủ đạo trong việc bồi dưỡng tư tưởng, tâm hồn, tình cảm trong sáng, lành mạnh, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội. Chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị tích cực về

thuần phong, mỹ tục của gia đình và xã hội; nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết; trọng tình nghĩa, trọng công lý và đạo lý xã hội.

Năm là, đẩy mạnh nghiên cứu, xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Hệ giá trị văn hóa gồm các thành tố: Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học, đây chính là những giá trị cơ bản được kế thừa từ nội dung cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, tạo nên một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thấm đẫm tính nhân văn, nền văn hóa truyền thống nhưng hiện đại, kết tinh những giá trị của khoa học. Hệ giá trị quốc gia: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc là những giá trị cốt lõi, phản ánh khát vọng, mong cầu, mục tiêu chung của cả quốc gia. Những giá trị được kết tinh từ quá khứ, phát huy vai trò trong hiện tại và có định hướng tới tương lai, làm nền tảng để điều tiết, dẫn đạo sự phát triển của đất nước. Hệ giá trị này là nền tảng để phát triển xã hội, để cổ vũ, dẫn dắt, khơi dậy khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong các tầng lớp nhân dân.

Như vậy, trải qua 80 năm kể từ khi ra đời, bối cảnh tình hình và điều kiện cụ thể ở nước ta đã có nhiều đổi thay nhưng những nội dung cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, luận điểm về tính tất yếu tiến hành cuộc vận động văn hóa, xây dựng nền văn hóa mới vẫn giữ nguyên giá trị với ý nghĩa là một quy luật, một đòi hỏi mang tính khách quan và tính thời sự, tiếp tục soi đường cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển. Chúng ta cần tiếp tục vận dụng, duy trì và phát huy các giá trị đó để xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam ngày càng đậm đà bản sắc và giàu đẹp hơn.



## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 CƯƠNG LĨNH CHIẾN LƯỢC VĂN HÓA ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG TA

PGS.TS. LÂM BÁ NAM\*  
PGS.TS. LÂM MINH CHÂU\*\*

Tám mươi năm đã qua kể từ khi Đảng ta ban hành *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đây là lần đầu tiên Đảng ta đưa ra quan điểm, nhận thức về văn hóa Việt Nam dưới dạng một đề cương nhưng trên thực tế, có thể coi đây là cương lĩnh đầu tiên về văn hóa có ý nghĩa lịch sử. Trên cơ sở đó, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta từng bước nâng cao, điều chỉnh, hoàn thiện đường lối và chiến lược phát triển văn hóa, xác định vai trò đặc biệt của văn hóa trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Trong bài viết này, chúng tôi xin làm sáng tỏ thêm về vị trí đặc biệt của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trên các khía cạnh tầm nhìn chiến lược, các nguyên tắc xây dựng nền văn hóa và việc vận dụng, kế thừa, xây dựng phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước.

### 1. Tầm nhìn chiến lược về văn hóa

Trước hết phải đặt *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong bối cảnh của thời kỳ tiền khởi nghĩa. Nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập đến bối cảnh Việt Nam và thế giới đã tác động tới đời sống và văn hóa Việt Nam. Từ Chiến tranh thế giới thứ hai đến chế độ áp bức của Nhật và Pháp ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành

---

\*, \*\* Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trung ương tháng 5/1941 đã chỉ ra rằng: Nhiệm vụ cấp bách là làm thế nào để huy động mọi lực lượng để cứu nước, giải phóng dân tộc. Mặt trận Việt Minh ra đời đã đáp ứng yêu cầu đó. Tiếp theo đó Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương đầu năm 1943 đã chủ trương xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa đặng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa phátxít thụt lùi. Vì thế không thể không có chủ trương, chính sách của Đảng về văn hóa trước yêu cầu và nhiệm vụ mới của cách mạng.

Trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã chỉ ra các giai đoạn của văn hóa Việt Nam bao gồm thời phong kiến và thời thuộc địa (mang tính tương đối) và khẳng định tính bất cập của nó trước yêu cầu của thời kỳ mới. Đề cương viết: “Chiến tranh và xu trào văn hóa hiện nay: ảnh hưởng của văn hóa phát xít làm cho tính chất phong kiến, nô dịch trong văn hóa Việt Nam mạnh lên, nhưng đồng thời chịu ảnh hưởng của văn hóa tân dân chủ, xu trào văn hóa mới của Việt Nam đang cố vượt hết mọi trở lực để nảy nở (văn nghệ bất hợp pháp)”<sup>1</sup>. Đề cương cũng chỉ ra các nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách thống trị của phát xít Nhật và đế quốc Pháp. Điều này càng được thể hiện rõ trong Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945. Trong bản tuyên ngôn bất hủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã danh thếp tố cáo tội ác của phát xít nhật và đế quốc Pháp đối với nhân dân ta trong 80 năm lầm than dưới ách nô lệ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa<sup>2</sup>. Trong bối cảnh đó, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã huy động toàn dân trong cao trào giải phóng dân tộc mang sức ta mà tự giải phóng cho ta. Để đáp ứng nhu cầu đó, bản Đề cương nhận định: “Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>3</sup>.

Đây là lần đầu tiên Đảng ta bàn về văn hóa, xác định phạm vi vấn đề (tư tưởng, học thuật, nghệ thuật); quan hệ văn hóa và kinh tế, chính trị, coi văn hóa là một trong ba mặt trận hay ba trụ cột, là nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động của Đảng, vì “*có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả*”<sup>4</sup>.

1, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.317, 318, 316.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1-3.

Trên cơ sở đó, bản Đề cương xác định, mối quan hệ giữa cách mạng văn hóa và cách mạng giải phóng dân tộc nói riêng và cách mạng Việt Nam nói chung, nhất là trong bối cảnh của cao trào giải phóng dân tộc lúc bấy giờ. Đề cương cũng đề cập đến mối quan hệ này sau khi cách mạng thành công (trong văn bản ghi là cách mạng chính trị). Đề cương khẳng định quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị. “Cách mạng văn hóa ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng mới có điều kiện phát triển”<sup>1</sup>. Do vậy, trong cải tạo xã hội cần kết hợp đồng bộ giữa 3 lĩnh vực kinh tế, chính trị với văn hóa; thực hành cách mạng trên lĩnh vực văn hóa không tách rời cuộc cách mạng trên lĩnh vực chính trị và kinh tế.

Đề cương văn hóa chỉ rõ, cách mạng chính trị phải giành thắng lợi trước rồi cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa mới có điều kiện thực hiện thắng lợi, đồng thời vấn đề cách mạng văn hóa được thực hiện thành công mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội.

Đây là những quan điểm rất cốt lõi khi nhận thức về văn hóa. Cần phải thấy, Đảng ta quan niệm ngay từ đầu về nội hàm rộng của văn hóa, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng hàng đầu của tư tưởng - nội dung mang tính chi phối và quyết định sự phát triển của sự nghiệp cách mạng. Lần đầu tiên, Đảng ta xác định, văn hóa là bộ phận hợp thành của toàn bộ sự nghiệp cách mạng với ba trụ cột căn bản (kinh tế, chính trị, văn hóa) do Đảng lãnh đạo. Đây vừa là nguyên tắc, là phương châm hành động và là cách thức vận động đồng đảo quần chúng nhân dân tham gia vào sự nghiệp cách mạng. Nói cách khác, tư tưởng của Đảng chỉ có thể đi vào cuộc sống và định hướng dư luận thông qua con đường văn hóa vì chính văn hóa mới tạo nên sức mạnh của Đảng khi lãnh đạo đồng đảo quần chúng nhân dân dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng.

## **2. Dân tộc hóa và sức mạnh nội sinh của văn hóa**

Khi nói về Đề cương văn hóa, các nhà nghiên cứu đánh giá rất cao các nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”. Đã có không ít các công trình nghiên cứu làm rõ các nguyên tắc này. Ở đây chúng tôi xin làm rõ thêm khía cạnh liên quan đến tính dân tộc của nền văn hóa.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.319.

Trong mấy thập kỷ gần đây, vấn đề tính dân tộc trong văn hóa đã được thảo luận khá rộng rãi. Liên quan đến vấn đề này có hai vấn đề mang tính cốt lõi, đó là: tính dân tộc và bản sắc - Thực tế phát triển của mọi dân tộc mà Việt Nam không là ngoại lệ, đó là sự phát triển mang tính nội tại, đóng vai trò quan trọng hàng đầu, là căn cốt của nền văn hóa. Khi nhấn mạnh đến tính dân tộc chính là thừa nhận tính đa dạng văn hóa.

Bản Đề cương đưa ra khái niệm dân tộc hóa chính là thừa nhận sự dung hợp, giao thoa văn hóa. Cụ thể hơn giao thoa văn hóa đặt trên nền tảng sức mạnh nội sinh của văn hóa dân tộc. Mặc dù trong Đề cương chủ yếu đề cập đến văn hóa quốc gia nhưng trong điều kiện lúc bấy giờ sự phân biệt các khái niệm dân tộc/tộc người chưa được bàn thảo và khái niệm này có thể được hiểu ở cả hai khái niệm này chúng tôi đã có dịp bàn về mối quan hệ này khi đề cập đến đa dạng trong thống nhất - sức mạnh nội sinh của văn hóa Việt Nam<sup>1</sup>.

Văn hóa Việt Nam thống nhất trên cơ tầng văn hóa Đông Nam Á, đó là điều không thể phủ nhận. Tuy tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam còn là sản phẩm và là kết quả của quá trình dựng nước và giữ nước của các thế hệ người Việt Nam từ đa số đến các dân tộc thiểu số, khởi nguồn từ thời kỳ dựng nước, trải qua hàng thiên niên kỷ cho đến hôm nay, trở thành sức mạnh nội sinh của văn hóa cộng đồng dân tộc quốc gia.

Nước ta là một nước văn hiến lâu đời. Đó là điều đã được khẳng định. Chính trên nền tảng đó trải qua hàng ngàn năm lịch sử dân tộc ta đã vượt qua phong ba bão táp, vũng vàng bên bờ Thái Bình Dương, mà không một kẻ thù nào có thể khuất phục nổi. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của dân tộc ta gắn liền với việc sáng tạo, bảo lưu văn hóa dân tộc, bồi đắp các giá trị văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia, được hun đúc và tiếp nối từ thế hệ này đến thế hệ khác, trở thành tài sản vô giá trong quá khứ cũng như trong hiện tại và tương lai. Khi xem xét nội lực của văn hóa tộc người cần phải xem xét hoàn cảnh lịch sử, địa lý của dân tộc đó trong tiến trình

---

1. Xem Lâm Bá Nam: *Nghiên cứu tộc người ở Việt Nam - Văn hóa và Phát triển*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2020.

lịch sử để thấy rằng các giá trị đó được hình thành qua nhiều thế hệ nối tiếp nhau, có tính bền vững cao nhưng nó cũng luôn vận động trong quá trình phát triển của mỗi cộng đồng dân tộc và chịu sự tác động của các yếu tố chính trị, xã hội.

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, dân tộc ta đã phải trải qua rất nhiều biến động trong quá trình dựng nước và giữ nước. Dựng nước đi đôi với giữ nước đã trở thành một đặc điểm xuyên suốt trong lịch sử dân tộc. Có thể nêu lên một số đặc điểm chính của cộng đồng dân tộc Việt Nam là:

- Nền văn minh dân tộc được hình thành và định hình sớm đã tạo nên bản sắc văn hóa, tính cách dân tộc và được nuôi dưỡng phát triển qua hàng nghìn năm. Từ hàng nghìn năm trước trên lãnh thổ Việt Nam đã hình thành những trung tâm văn minh và nhà nước đầu tiên. Đó là văn hóa Đông Sơn ở phía bắc với nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ở miền Bắc, văn hóa Sa Huỳnh với nhà nước Chăm Pa (ban đầu gọi là Lâm Ấp) ở miền Trung và văn hóa Óc Eo với nhà nước Phù Nam ở miền Nam.

- Lịch sử Việt Nam gắn liền với lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm từ trên 2.000 năm trước. Đó là lịch sử vinh quang và oanh liệt nhưng cũng có không ít đau thương mất mát.

- Lịch sử Việt Nam là lịch sử xây dựng giang sơn của một dân tộc bên bờ Biển Đông từ vùng núi và thung lũng vươn ra chinh phục vùng đồng bằng châu thổ và biển cả với nền nông nghiệp thâm canh bền vững.

- Lịch sử Việt Nam là lịch sử của cộng đồng 54 dân tộc cùng kề vai sát cánh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Mặc dù quá trình sinh tồn của các tộc người không đồng nhất với nhau nhưng do cùng chung vận mệnh lịch sử nên sự đoàn kết gắn bó trong cộng đồng dân tộc đã trở thành một truyền thống quý báu, làm nên tính đa dạng và thống nhất của văn hóa Việt Nam. Người Việt Nam đã tổng kết: *Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*. Cái giàn đó chính là Tổ quốc Việt Nam.

- Đó cũng là quá trình tiếp biến văn hóa và giao thoa văn hóa trên nền tảng văn hóa dân tộc, từng bước làm giàu có thêm nền văn hóa dân tộc, đóng góp vào kho tàng văn hóa quốc gia và nhân loại. Quá trình giao thoa này diễn ra từ thời cổ trung đại và đặc biệt diễn ra trong thời cận hiện đại, nhất là trong quá trình hội nhập hiện nay.

Liên quan đến tính dân tộc hay dân tộc hóa là bản sắc. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã khẳng định: Văn hóa dân tộc với ý nghĩa sâu xa nhất và tốt đẹp nhất chính là cốt lõi của bản lĩnh và bản sắc dân tộc từ xa xưa cho đến nay, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử dân tộc, làm nên sức sống mãnh liệt, giúp cộng đồng dân tộc Việt Nam không ngừng phát triển và lớn mạnh. Trong bản Đề cương tuy chưa đề cập đến bản sắc một cách rõ ràng nhưng đã chỉ ra các yếu tố làm nên bản sắc như vấn đề tiếng nói và chữ viết, vấn đề văn phạm (mẹo văn ta), chống nạn mù chữ, thực hành tôn dân chủ về nội dung... trong bối cảnh lúc bấy giờ.

Lịch sử đã chỉ ra rằng, toàn cầu hóa không chỉ là thách thức đối với các quốc gia, dân tộc và tộc người trên phương diện chính trị, kinh tế mà cả trên lĩnh vực văn hóa, thể hiện qua ngôn ngữ, âm nhạc, truyền hình, ẩm thực và trang phục... Dưới tác động của văn hóa phương Tây, nhiều khái niệm mới đã xuất hiện như chủ nghĩa đa nguyên văn hóa, chủ nghĩa liên văn hóa, xuyên văn hóa, cho thấy những vấn đề đặt ra với việc bảo tồn các giá trị và bản sắc văn hóa dân tộc. Trong bối cảnh đó, nếu một quốc gia không đủ sức đề kháng trước ảnh hưởng của văn hóa ngoại sinh, thì các hệ giá trị và đặc biệt là bản sắc văn hóa dân tộc có nguy cơ bị xói mòn, phân rã hoặc thậm chí là đồng hóa. Nói theo Nguyễn Hồng Phong, văn hóa là bộ gen xã hội của mọi dân tộc, do vậy một dân tộc mất văn hóa cũng đồng nghĩa với việc dân tộc đó bị diệt vong với tư cách dân tộc hay quốc gia. Ý nghĩa lịch sử của Đề cương về văn hóa Việt Nam theo nguyên tắc “dân tộc hóa” chính là khẳng định hướng phát triển mang tính bền vững của văn hóa Việt Nam. Chỉ có thể thực hiện “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” khi dân tộc hóa văn hóa.

### **3. Kế thừa, phát triển trên cơ sở các giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là văn kiện đặt nền móng vững chắc cho việc xây dựng lý luận văn hóa ở Việt Nam, là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ giới trí thức, văn nghệ sĩ nước nhà hăng hái tham gia sự nghiệp cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, đồng chí Trường Chinh đánh giá: “*Đề cương về văn hóa Việt Nam*

không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của Việt Nam”<sup>1</sup>. Đề cương không chỉ có giá trị trong chỉ đạo hoạt động văn hóa - xã hội mà còn có ý nghĩa đối với việc xây dựng, hoàn thiện lý luận về nền văn hóa Việt Nam sau này.

Trong bối cảnh và điều kiện cụ thể như đánh giá của Tổng Bí thư Trường Chinh chính là tự nhận thức mang tính lịch sử. Có thể thấy cho đến thời điểm đó (1943) chưa có các công trình nghiên cứu mang tính lý luận về văn hóa ở Việt Nam. Ngoại trừ công trình *Việt Nam văn hóa sử cương* của Đào Duy Anh (*Văn hóa Tùng thư*, xuất bản 1938) nhưng chỉ mang tính khái luận về văn hóa truyền thống. Vì thế Đề cương chưa có điều kiện nghiên cứu các giai đoạn phát triển của văn hóa Việt Nam, các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam và mối quan hệ của nó trong sự tiếp nối giữa truyền thống và hiện đại. Trong bối cảnh lúc bấy giờ, bản Đề cương cũng chưa có điều kiện nhận diện các trào lưu tư tưởng, văn hóa phương Tây du nhập, tác động đến đời sống của xã hội Việt Nam và một số vấn đề khác. Tuy nhiên những vấn đề cốt lõi của bản Đề cương vẫn có sức sống mãnh liệt trong tiến trình phát triển, được kiểm nghiệm trong thực tế và tiếp tục được nghiên cứu, vận dụng trong đường lối, chính sách văn hóa của Đảng và Nhà nước ta về văn hóa.

Xuất phát từ Nghị quyết Trung ương lần thứ tám và bản Đề cương, tháng 4/1943, Hội Văn hóa cứu quốc được thành lập, quy tụ các văn nghệ sĩ, trí thức hòa chung vào con đường lớn của dân tộc dưới ngọn cờ độc lập tự do. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khi chính quyền về tay nhân dân, việc xây dựng và phát triển văn hóa từng bước được triển khai và nâng tầm về mặt lý luận. Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, với nhận thức “văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”, Đảng ta tiếp tục bổ sung và nâng cao nhận thức về lý luận văn hóa và vai trò của văn hóa.

---

1. Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.3, tr.559.

Tại Hội nghị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 10 (khóa III) vào cuối năm 1964, trên cơ sở xem xét và bổ sung đường lối của Đại hội Đảng lần thứ III (1960), Trung ương chủ trương triển khai ba cuộc cách mạng là: Cách mạng quan hệ sản xuất; Cách mạng kỹ thuật; Cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt.

Đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Có thể coi đây là cương lĩnh thứ hai của Đảng ta về văn hóa. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã bổ sung phạm vi, nội hàm của văn hóa, bao gồm tư tưởng, đạo đức, lối sống; di sản văn hóa; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn học, nghệ thuật; thông tin đại chúng; giao lưu văn hóa với thế giới; thể chế và thiết chế văn hóa. Tính dân tộc hay dân tộc hóa từ Đề cương được cụ thể hóa thành bản sắc văn hóa dân tộc.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

Nghị quyết đã nhấn mạnh đến vai trò đặc biệt quan trọng của chủ thể sáng tạo, xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc là nhân tố con người, trước yêu cầu hội nhập quốc tế và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: “Văn hóa (...) có thể hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Nghĩa rộng: thì văn hóa là trình độ phát triển về tinh thần và vật chất của nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định... Nghĩa hẹp: thì văn hóa là những hoạt động tinh thần của một xã hội, gồm có những lĩnh vực: giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật, đạo đức... Văn hóa cũng bao gồm cả văn hóa vật thể (các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, di sản văn hóa, những sản phẩm văn hóa: Kim tự tháp, đình, chùa, miếu thờ,...) và phi vật thể (ca dao, dân ca, hò vè, lễ hội; các phong tục, tập quán của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền, mỗi dân tộc, mỗi địa phương...). Nhưng dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì khi đã nói



đến văn hóa là nói đến những gì là tinh hoa, tinh túy nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, nhân tình, tiến bộ”<sup>1</sup>.

Có thể thấy, những luận điểm tư tưởng, quan điểm mang tính định hướng có tính chiến lược của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng ta đã đặt nền tảng cho việc xây dựng và từng bước hoàn thiện đường lối văn hóa của Đảng, đưa văn hóa trở thành bộ đỡ trong chiến lược phát triển đất nước và khát vọng Việt Nam hùng cường. Những quan điểm cốt lõi của bản Đề cương tiếp tục được thực hiện trong thực tiễn và khơi nguồn về lý luận trong việc xây dựng văn hóa và con người Việt Nam hiện nay và tương lai.

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.157-177.

## NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PGS. TS. NGUYỄN THU NGHĨA\*

Việt Nam đã và đang đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên mọi lĩnh vực: kinh tế phát triển; hệ thống chính trị được củng cố; an ninh - quốc phòng được tăng cường; môi trường văn hóa - xã hội có nhiều thay đổi; đời sống nhân dân được nâng lên cả về vật chất và tinh thần; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Song song với tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa mới được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, đường lối tăng trưởng kinh tế luôn gắn chặt với đường lối phát triển văn hóa đã tạo ra những thay đổi theo chiều hướng tích cực. Để có được những thành công như vậy không thể không kể đến vai trò của Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943. Tuy ngắn gọn, chỉ trong vài trang giấy, với hơn 1.000 từ nhưng có ý nghĩa vô cùng to lớn, là văn kiện định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa ở Việt Nam.

Trải qua 80 năm, từ năm 1943 đến nay, đã có nhiều nghị quyết chính sách, về văn hóa ra đời nhưng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là những nguyên tắc đầu tiên, cơ bản, nền tảng và vẫn vẹn nguyên giá trị. Những điều được đề cập đến trong Đề cương đến nay vẫn tiếp tục được bổ sung chứ không hề thay đổi. Ba nguyên tắc dân tộc hóa - đại chúng hóa - khoa học hóa được đề cập trong Đề cương như sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình phát triển văn hóa của

---

\* Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Việt Nam và cho đến bây giờ vẫn khẳng định tính đúng đắn, khoa học và chính xác. Có thể khái quát một số giá trị cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* như sau:

*Thứ nhất*, Đề cương đã xác định đúng đắn về phạm vi và nội dung của văn hóa: “Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật” cũng như xác định được nhiệm vụ và quyền lãnh đạo cách mạng văn hóa thuộc về Đảng ta một cách công khai, rõ ràng: Cách mạng văn hóa phải do Đảng lãnh đạo. Đồng thời, khẳng định nền văn hóa phải phục vụ nhân dân, là kết quả hoạt động sáng tạo của nhân dân: “Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng)<sup>1</sup>. Văn hóa Việt Nam 80 năm qua đã chứng minh cho quan điểm trên là hoàn toàn đúng đắn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, văn hóa Việt Nam đã vận động theo những định hướng gắn văn hóa với chính trị, kinh tế và văn hóa nằm trong chính trị và kinh tế, bảo vệ phẩm giá dân tộc, xây dựng một xã hội mới giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Văn hóa dưới sự định hướng của Đảng đã khẳng định những giá trị chân - thiện - mỹ, dân tộc - dân chủ - nhân văn - khoa học.

*Thứ hai*, Đề cương đã cảnh báo về các nguy cơ của văn hóa Việt Nam lúc đó và còn có ý nghĩa cho đến hiện tại. Nếu thời kỳ Đề cương văn hóa ra đời, chúng ta chỉ có kẻ thù trực tiếp và dễ nhận thấy là phát xít Nhật và thực dân Pháp thì hiện nay chúng ta có nhiều thế lực thù địch núp dưới nhiều chiêu bài tinh vi và xảo quyệt hơn rất nhiều. Thời điểm đó, chúng thực hiện các âm mưu lôi kéo các trí thức, các văn nghệ sĩ, sử dụng nhiều hình thức công khai để tuyên truyền cho văn hóa của chúng, như: triển lãm, xuất bản báo chí, tuyên truyền, biểu diễn văn nghệ, tổ chức các chuyến tham quan và hoạt động nghệ thuật ra chính quốc để tuyên truyền cho cái mà chúng gọi là tính ưu việt, để mọi người nhầm tưởng chỉ có văn hóa đó là văn minh, tiến bộ đồng thời khuyến khích các hoạt động mê tín, dị đoan và nhiều hủ tục của Việt Nam. Điều đó đã dẫn đến “Tư tưởng sùng ngoại này dẫn tới đầu óc tự ti dân tộc và miệt thị văn hóa dân tộc. Một số người đã không biết đến truyền thống yêu nước, khí phách anh hùng, tính lao động cần cù, sáng tạo, phẩm

---

1. Bộ Văn hóa Thông tin: *Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 - Những giá trị tư tưởng - văn hóa*, Viện Văn hóa Thông tin và Văn phòng Bộ, Hà Nội, 2003, tr.15.

chất cao quý của dân tộc ta suốt mấy nghìn năm lịch sử<sup>1</sup>. Hiện nay, chúng ta đã cởi mở hơn trong việc nhìn nhận, đánh giá trong quá trình tiếp biến văn hóa nhân loại cũng như nhận thức sâu hơn về vấn đề kết hợp giữa giá trị văn hóa dân tộc và giá trị văn hóa nhân loại để làm giàu thêm cho văn hóa Việt Nam nhưng những nguy cơ làm ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam, ảnh hưởng đến việc giữ gìn và phát huy các bản sắc văn hóa còn rất nhiều. Có nhiều vấn đề văn hóa đang được đặt ra trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, cần đi sâu phân tích những diễn biến phức tạp của tình hình trong nước và thế giới cũng như nhận thức được đâu đang là thời cơ và đâu là thách thức đối với phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trước sự phát triển nhanh chóng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chúng ta đứng trước yêu cầu cấp thiết là phải bảo vệ nền văn hóa dân tộc, đặc biệt là bảo vệ các giá trị truyền thống đang có nguy cơ bị mai một trước làn sóng toàn cầu hóa.

*Thứ ba*, Đề cương nhận thức sâu sắc về mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, văn hóa với chính trị: “Nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội”<sup>2</sup>. Với tính chất lịch sử - cụ thể, Đề cương lúc đó xác định: “Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công (cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị. Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bấy giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau)”<sup>3</sup>. Trong mối quan hệ giữa cơ sở kinh tế và nền tảng văn hóa xét đến cùng thì kinh tế giữ vai trò quyết định. Tuy nhiên, không thể xem kinh tế có trước văn hóa có sau hay ưu tiên phát triển kinh tế trước rồi mới phát triển văn hóa. Để phát triển bền vững thì phải đặt tăng trưởng kinh tế trong mối quan hệ với phát triển văn hóa cũng như cả bốn lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cần phải được coi trọng ngang nhau. Chính nhờ nhận thức đúng đắn này từ Đề cương văn hóa đã làm biến đổi sâu sắc mọi mặt của đời sống xã hội, kinh tế không ngừng phát triển, đời sống văn hóa của người dân được nâng lên, lĩnh vực văn học, nghệ thuật được quan tâm đầu tư phát triển. Đặc biệt đến Đại hội XI, Đảng

---

1, 2, 3. Trường Chinh: *Đề cương về văn hóa Việt Nam 1943 - Những giá trị tư tưởng - văn hóa*, tr.32, 15, 17-18.

ta đã có nhận thức mới về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa: “Làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”.

*Thứ tư*, Đề cương định hướng cho các hoạt động văn hóa theo các nguyên tắc văn hóa Việt Nam mới là: dân tộc hóa - đại chúng hóa - khoa học hóa. Đề cương cũng khẳng định: “Văn hóa Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tâm dân chủ về nội dung”<sup>1</sup>. Đây là hai vấn đề căn cốt đặt nền móng cho cách mạng tư tưởng và văn hóa cũng như đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng ta. Dù trong quá khứ hay hiện tại, tính chất dân tộc của văn hóa là một giá trị luôn vận động, đổi mới không ngừng trên cơ sở loại bỏ những yếu tố bảo thủ, lỗi thời và tiêu cực, tiếp thu và phát huy những yếu tố tiến bộ và tích cực, đồng thời tạo lập các giá trị mới, hiện đại để đáp ứng với yêu cầu phát triển của thời đại. Tính chất dân tộc không đồng nhất với cái đã có, cái cũ, cái thuộc quá khứ mà được hiểu là vừa bao hàm các giá trị do dân tộc mình sáng tạo ra trong suốt quá trình lịch sử từ quá khứ đến hiện tại, vừa bao hàm các giá trị tinh hoa của văn hóa nhân loại được dân tộc tiếp nhận một cách sáng tạo, biến nó thành nội lực bên trong để xây dựng và bảo vệ đất nước. Bảo vệ và phát huy giá trị dân tộc trong giai đoạn hiện nay chính là bảo vệ và phát huy truyền thống yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, tính gắn kết cộng đồng; bảo vệ và phát huy các tài sản văn hóa vật thể và phi vật thể, các giá trị tinh hoa của văn hóa dân tộc, xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh. Bên cạnh đó, cũng cần khẳng định ý chí và bản lĩnh của con người Việt Nam hiện đại trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nhấn mạnh đến đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; tế nhị trong cư xử, giản dị trong lối sống của con người Việt Nam.

Nội dung dân chủ của nền văn hóa Việt Nam chính là khai thác động lực dân chủ trong nhân dân, tạo điều kiện để phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân và cộng đồng, đề cao trách nhiệm của công dân trước Tổ quốc, dân tộc và thời đại. Nội dung dân chủ của nền văn hóa thống nhất với việc đề cao ý thức công dân, đề cao trật tự kỷ cương xã hội và thống nhất giữa quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trước pháp luật. Đồng thời nâng cao ý thức chính trị, đạo đức xã hội và trình độ dân trí, tạo điều kiện để nhân dân

---

1. *Đề cương về văn hóa Việt Nam 1943 - Những giá trị tư tưởng - văn hóa*, tr.19.

tham gia xây dựng bộ máy nhà nước, chống lãng phí, tham nhũng, quan liêu và các tiêu cực khác trong bộ máy nhà nước và ngoài xã hội. Phát huy dân chủ phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, chống tư tưởng tự do vô chính phủ, tự do vô kỷ luật.

Về nguyên tắc khoa học, nền văn hóa mà Việt Nam mong muốn xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, phản ánh trình độ phát triển cao mang tính hiện đại, cập nhật những thành tựu văn hóa chung của khu vực và cộng đồng quốc tế. Bên cạnh hệ tư tưởng tiên tiến là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các thành tố khác của nền văn hóa Việt Nam cũng phải được hiện đại hóa. Giá trị khoa học của nền văn hóa còn thể hiện ở sự nghiệp đổi mới của dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Nền văn hóa khẳng định cái đúng, cái tốt, cái đẹp, phủ nhận cái xấu, cái ác, cái giả; góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện và tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh cho quá trình phát triển bền vững của đất nước.

*Thứ năm*, Đề cương không chỉ dừng lại ở những luận điểm về văn hóa và cách mạng văn hóa mà còn đưa ra một chương trình hành động cụ thể về văn hóa, đó là: “1. Tuyên truyền và xuất bản; 2. Tổ chức các nhà văn; 3. Tranh đấu giành quyền lợi thực tại cho các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, v.v.; 4. Chống nạn mù chữ, v.v.”<sup>1</sup>.

Chính nhờ những chương trình hành động cụ thể này mà thời kỳ đó đã hình thành một nền văn hóa yêu nước, cách mạng cùng với đội ngũ trí thức trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, có nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật đỉnh cao, gắn chặt với hiện thực các cuộc cách mạng đấu tranh chống đế quốc xâm lược của dân tộc. Lời khẳng định: “Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>2</sup> đã trở thành hiện thực.

Sau hơn 40 năm kể từ ngày *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) đã mở ra một con đường phát triển chưa từng có: con đường xây dựng xã hội mới theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thay đổi cục diện phát triển

1, 2. *Đề cương về văn hóa Việt Nam 1943 - Những giá trị tư tưởng - văn hóa*, tr.20, 17.

chung của đất nước cũng mở ra một cục diện mới cho sự phát triển văn hóa Việt Nam, phù hợp với sự đổi mới toàn diện đất nước theo con đường phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặc dù, cục diện này chưa làm thay đổi cơ bản các quan hệ văn hóa cho phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà mới chỉ lưu ý đến chất lượng những hoạt động văn hóa cụ thể như quản lý văn hóa, thiết chế văn hóa hay xã hội hóa một số hoạt động văn hóa.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), Đảng ta đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Trên lĩnh vực văn hóa, Đảng ta khẳng định việc xây dựng “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>1</sup> nhưng sau đó vẫn sử dụng khái niệm *nền văn hóa mới* Việt Nam với nội dung bao trùm là *nhân đạo, dân chủ, tiến bộ* và mục tiêu của nền văn hóa này là “tạo ra một *đời sống tinh thần* cao đẹp, phong phú và đa dạng”<sup>2</sup>.

Năm 1998, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII khẳng định, văn hóa Việt Nam hôm nay là thành quả kế thừa văn hóa của toàn bộ lịch sử dân tộc trước đây và đang vận động trong cơ chế thị trường, mô thức phát triển của nó là *tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nghị quyết đã khắc họa rõ nét hình ảnh nền văn hóa Việt Nam hiện tại và trong tương lai. Đó là nền văn hóa có vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, gắn với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, gắn với những vấn đề nảy sinh trong bối cảnh toàn cầu hóa và nền kinh tế thị trường. Các quan điểm lớn về văn hóa được đề cập trong Nghị quyết, như: nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là *nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng; văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, trong mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy - đều được tiếp

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.138.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Sđd*, tr.144.

nổi trong suốt quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo đặc biệt là từ những ý tưởng đầu tiên của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã thể hiện sự phát triển cả nhận thức và tư duy lý luận về văn hóa, lãnh đạo văn hóa của Đảng ta. Đó cũng chính là kết tinh của sự kế thừa và phát triển truyền thống văn hóa của dân tộc ta, lý tưởng văn hóa của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, về phương pháp lãnh đạo văn hóa, quản lý văn hóa; là sản phẩm từ tổng kết lý luận và thực tiễn trong quá trình gần 70 năm lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo văn hóa của Đảng ta.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII được xem là bản Đề cương văn hóa Việt Nam thứ hai sau *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, đánh dấu một bước phát triển mới trong nhận thức của Đảng ta và nhân dân ta về văn hóa và văn học, nghệ thuật.

Từ Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đến nay, các quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam theo mục tiêu tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc tiếp tục được khẳng định. Từ thực tiễn đời sống văn hóa của đất nước những năm qua, đặc biệt là trong xu thế hội nhập, có sự tác động nhiều chiều của quá trình toàn cầu hóa, của nền kinh tế thị trường..., Đảng ta đã xác định cần phải phát triển văn hóa Việt Nam toàn diện và cụ thể hóa trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhằm tiếp tục xây dựng văn hóa thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội.

Từ năm 1943 đến nay, tình hình trong nước và tình hình thế giới có rất nhiều thay đổi, tại mỗi kỳ đại hội Đảng ta đều điều chỉnh đường lối phát triển văn hóa cho phù hợp với tình hình mới. Đảng ta đã mở rộng, tiếp tục nghiên cứu và phát triển những tư tưởng cơ bản của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* bằng những văn kiện có tầm chiến lược xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, phát triển văn hóa Việt Nam có rất nhiều vấn đề phải bàn: văn hóa giáo dục, văn hóa chính trị, văn hóa dân chủ, văn hóa tôn giáo, văn hóa lễ hội, văn hóa du lịch, văn hóa giao thông, văn hóa các dân tộc thiểu số, văn hóa doanh nghiệp, bảo tồn văn hóa,... Tại các kỳ họp của Quốc hội, trên các phương tiện thông tin đại chúng, các vấn đề văn hóa này đã trở thành vấn đề nóng của xã hội. Những mặt trái của nền kinh tế thị trường đã có ảnh hưởng



tiêu cực đến một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm thay đổi các quan điểm của họ về giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, ảnh hưởng không tốt đến lối sống, nếp sống của họ. Sự sa sút về phẩm chất, đạo đức ở một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân thể hiện ở xu hướng chạy theo những giá trị vật chất đơn thuần, có tư tưởng sùng ngoại, văn hóa ngoại lai, từ đó coi thường những thuần phong mỹ tục, hoặc lãng quên các giá trị truyền thống của dân tộc. Do đó, cần tìm hiểu nội lực thực sự của văn hóa Việt Nam hôm nay trong dòng chảy chung của văn hóa nhân loại và trong dòng chảy văn hóa Việt Nam. Cần phải có những văn bản mang tính chiến đấu rõ ràng, thái độ phê phán quyết liệt được thể hiện mạnh mẽ trong từng câu chữ như Đề cương văn hóa để thực sự soi đường cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam hôm nay và tương lai.

## TU TƯỞNG “DÂN TỘC - KHOA HỌC - ĐẠI CHÚNG” NHỮNG GIÁ TRỊ LÝ LUẬN TRONG CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VĂN HÓA CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS.TS. LÂM NHÂN\*

Tháng 2/1943, Đảng Cộng sản Đông Dương - chính Đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc của nước ta đã đề ra văn bản lịch sử “Đề cương về văn hóa Việt Nam”. Đây là bản tuyên ngôn mácxít đầu tiên về cách mạng văn hóa, đề cương đã vũ trang cho toàn Đảng, toàn dân và những người làm công tác văn hóa một cương lĩnh cách mạng dân chủ mới, là động lực thúc đẩy cách mạng toàn dân đoàn kết đấu tranh giải phóng đất nước và bảo vệ, phát huy phát triển nền văn hóa của dân tộc.

### 1. Bối cảnh xuất hiện của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943

Bối cảnh xã hội hiện tại ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* thời điểm đất nước ta đang ở vào giai đoạn cực kỳ khó khăn và phức tạp. Nhân dân ta đang phải sống trong hoàn cảnh áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và phát xít Nhật, cuộc sống người lao động ngày càng lầm than cơ cực. Bên cạnh đó chúng áp dụng chính sách văn hóa nô dịch làm cho giới trí thức, văn nghệ sĩ quên đi nỗi nhục mất nước. Khuynh hướng đấu tranh yêu nước của giới văn nghệ sĩ dần dần di vào chiều hướng cải lương chủ nghĩa, không triệt để đôi khi góp phần có lợi cho chính sách cai trị của Pháp - Nhật.

Để chống lại những chính sách văn hóa phản động này, năm 1943 Đảng ta đã đề ra *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Bản đề cương ngắn gọn, xúc tích

---

\* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

gồm có 5 phần có quan hệ mật thiết, hữu cơ với nhau; là cương lĩnh chiến đấu thể hiện sâu sắc tính Đảng. Đề cương xác định vai trò của văn hóa trong đấu tranh cách mạng và trong sự nghiệp giải phóng dân tộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những quan điểm của Đảng về văn hóa có giá trị vô cùng to lớn trong việc cải tạo, xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc. Những quan điểm này đóng vai trò như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình vận động và phát triển nền văn hóa Việt Nam từ năm 1943 đến nay.

## **2. Ba nguyên tắc vận động văn hóa của “Đề cương về văn hóa Việt Nam**

Đề cương văn hóa khẳng định văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế - chính trị - văn hóa), ở mặt trận này người cộng sản phải hoạt động; để xây dựng thành công mặt trận văn hóa thì người chiến sĩ cộng sản phải nắm vững ba nguyên tắc vận động văn hóa của đề cương đề ra:

- Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).
- Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).
- Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa rời đông đảo quần chúng).

Ba nguyên tắc vận động văn hóa của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau một cách hữu cơ, chi phối lẫn nhau và không thể tách rời nhau. Đây là những nguyên tắc hết sức quan trọng trong quá trình vận động phát triển nền văn hóa Việt Nam; là cơ sở, tiền đề cho các chính sách hoạt động văn hóa của Đảng ta từ năm 1943 đến nay. Quá trình vận động và phát triển của văn hóa Việt Nam, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được xem như là cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Năm 1998, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” là một bước phát triển mới kế thừa nguyên tắc của Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943. Đặc biệt, năm 2014, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI “*Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*” đã khẳng định sự vận động của 3 nguyên tắc dân tộc, khoa học và đại chúng là sợi dây xuyên suốt bắt nguồn từ Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943.

Mối quan hệ hữu cơ của 3 nguyên tắc vận động văn hóa được Tổng Bí thư Trường Chinh khẳng định: “Một nền văn hóa dân tộc mà không có tính khoa học và tính nhân dân thì rất có thể vì quyền lợi ích kỷ và hẹp hòi của dân tộc mà đi ngược lại bước đường tiến hóa của lịch sử,... Văn hóa có tính khoa học mà không mang tính dân tộc và tính nhân dân thì rất có thể phục vụ khoa học cho kẻ địch... Văn hóa có tính nhân dân mà không tính dân tộc và tính khoa học thì sẽ trở nên hẹp hòi chỉ nhìn thấy lợi ích của công nông mà không chú ý đến lợi ích của dân tộc để kháng chiến thắng lợi...”<sup>1</sup>. Luận điểm này đã khẳng định rõ hơn về vai trò của ba nguyên tắc vận động văn hóa trong quá trình phát triển nền văn hóa mới, trong. Quá trình vận động phát triển nền văn hóa Việt Nam đó là sự kết hợp hài hòa cả 3 nguyên tắc vận động văn hóa trên. Tùy theo từng thời điểm lịch sử để áp dụng sao cho phù hợp như vậy mới đúng theo đường lối phát triển văn hóa mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã đề ra.

### **3. Tính chất mở đường với vai trò là kim chỉ nam của 3 nguyên tắc vận động văn hóa đối với các lĩnh vực văn hóa và việc xây dựng văn hóa con người Việt Nam hiện nay**

#### *- Về lĩnh vực văn hóa nghệ thuật*

Lĩnh vực này chiếm vị trí quan trọng và rộng lớn trên mặt trận văn hóa. Trong thời kỳ kinh tế thị trường hiện nay lĩnh vực này đang diễn ra hết sức phức tạp, khó quản lý và đầy những biến động, thử thách, cam go. Nhưng những tư tưởng chủ đạo từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được Đảng ta vận dụng tài tình khéo léo qua các kỳ đại hội đã ngày càng hoàn thiện hơn. Trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hoạt động văn hóa nghệ thuật vừa mang tính đại chúng tính nhân văn vừa khoa học, tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc,... Đó chính là sự kế thừa và phát huy cho phù hợp với tình hình mới từ 3 nguyên tắc vận động văn hóa đã được đề ra cách đây hơn nửa thế kỷ.

Qua các kỳ đại hội, Đảng ta luôn đề cập đến vấn đề văn hóa, đặt ra mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng văn hóa con người Việt Nam đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững

1. *Bốn mươi năm Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.15.

đất nước. Thực hiện mục tiêu này, lĩnh vực hoạt động văn hóa nghệ thuật phải “phát huy được truyền thống văn hóa dân gian kết hợp với giao lưu tiếp thu vốn văn hóa nhân loại”, “đảm bảo dân chủ, tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hóa, đề cao trách nhiệm của các nhà văn hóa văn nghệ trước công chúng, dân tộc và thời đại, coi giới văn nghệ sĩ là những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa...”<sup>1</sup>. Văn nghệ sĩ cần có trách nhiệm trong việc chuyển tải các giá trị văn hóa của dân tộc vào các sản phẩm nghệ thuật. Hàm lượng giá trị văn hóa truyền thống mang bản sắc văn hóa Việt Nam chứa đựng trong các sản phẩm nghệ thuật sẽ là những loại thuốc đề kháng để chống lại những thứ phản văn hóa, đi ngược lại với quá trình phát triển của nền văn hóa nước nhà.

Hoạt động văn hóa nghệ thuật phải có tinh thần đổi mới, phát triển văn hóa. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực và nguồn lực nội sinh quan trọng cho phát triển bền vững đất nước; văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trong xây dựng văn hóa phải lấy xây dựng, phát triển con người có nhân cách, đạo đức, có lối sống tốt đẹp làm trọng tâm; xây dựng môi trường văn hóa (gia đình, cộng đồng và xã hội) lành mạnh làm cốt lõi<sup>2</sup>. Như vậy các yếu tố (dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa) qua các dẫn chứng trên đã cho phép chúng ta nhận định rằng lĩnh vực hoạt động văn hóa ngày nay đã kế thừa, tiếp biến những tư tưởng chủ đạo của 3 nguyên tắc vận động văn hóa mà Đề cương văn hóa năm 1943 đã đề ra.

- Về lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa dân tộc

Đề cương về văn hóa Việt Nam đã khẳng định “Truyền thống văn hóa dân tộc là cái gốc để xây dựng và phát triển nền văn hóa mới. Phải bảo tồn để tránh sự đồng hóa, mất gốc văn hóa do đó phải “chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”<sup>3</sup>. Sự vận dụng, tài tình sắc bén những ý tưởng của Đề cương về văn hóa năm 1943 trong suốt

1. *Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1995, tr.36.

2. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/phot-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-be-mac-hoi-nghi-lan-thu-9-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-591>, truy cập ngày 18/2/2023.

3. *Bốn mươi năm Đề cương Văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.19.

quá trình vận động và phát triển nền văn hóa Việt Nam cho đến ngày nay, các chính sách bảo tồn các di sản văn hóa của Đảng ta luôn luôn đi đôi với phát huy, phát triển các di sản văn hóa của dân tộc; chống lại các quan điểm biệt lập văn hóa, những tư tưởng bảo thủ dân tộc hẹp hòi... Phải ngày càng phát triển những di sản văn hóa ấy lên một tầm cao mới góp phần làm phong phú thêm kho tàng văn hóa của nhân loại. “Bảo tồn phải đi đôi với giao lưu tiếp thu tinh hoa văn hóa của các dân tộc trên thế giới làm ngày càng phong phú thêm cho kho tàng văn hóa của nước nhà” Ở đây chúng ta thấy rằng 3 nguyên tắc dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa được vận dụng và phát triển ngày càng hoàn thiện hơn trong tiến trình toàn cầu hóa. Và đó cũng là những vấn đề lý luận mấu chốt trong việc xây dựng chiến lược phát triển văn hóa con người Việt Nam hiện nay.

Tính chất “đại chúng hóa” của Đề cương về văn hóa năm 1943 đề ra với tiêu chí cụ thể là mọi chủ trương hành động trong hoạt động văn hóa không được phản lại đông đảo quần chúng nhân dân hoặc xa rời quần chúng. Hiện nay nguyên tắc vận động văn hóa này được vận dụng và phát triển ngày càng cao hơn, tạo cho quần chúng nhân dân có ý thức gìn giữ di sản văn hóa dân tộc. Quần chúng vừa có quyền lợi vừa phải có trách nhiệm nghĩa vụ trong việc bảo tồn phát triển vốn di sản văn hóa của dân tộc. Luật di sản văn hóa có ghi: “Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản văn hóa của nhân loại, việc bảo tồn di sản văn hóa nhằm mục đích phát huy giá trị văn hóa của toàn xã hội; góp phần sáng tạo những giá trị văn hóa mới, làm giàu kho tàng di sản văn hóa Việt Nam và mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế”. Luật cũng nêu rõ: “ Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các hội về văn hóa, nghệ thuật, khoa học và công nghệ tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tài trợ và đóng góp cho việc bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc...”<sup>1</sup> và tính chất đại chúng hóa còn được thể hiện ở nhiều điều quy định trong Luật di sản văn hóa ở nước ta. Chúng ta có thể nhận định rằng nguyên tắc vận động đại chúng hóa của Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 đã và đang được vận dụng phát huy dần lên tính chất xã hội hóa các hoạt động văn hóa

---

1. *Luật Di sản văn hóa năm 2001* (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.6.

của Đảng và nhà nước ta mà cụ thể là trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy, phát triển các di sản văn hóa dân tộc.

Qua một số cứ liệu về sự phát triển văn hóa Việt Nam từ khi bản đề cương ra đời và những dẫn chứng những văn bản về quản lý các hoạt động văn hóa nêu trên của Đảng ta trong thời kỳ hiện nay, chúng ta có thể khẳng định rằng: Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới. Trong đó ba nguyên tắc vận động “dân tộc - khoa học - đại chúng” thể hiện sự sáng suốt của Đảng ta, đáp ứng được yêu cầu thực tế của đất nước ta trong cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và xây dựng nền văn hóa cách mạng. Đồng thời 3 nguyên tắc vận động văn hóa này chứa đựng đầy đủ những yếu tố quan trọng, là cơ sở định hướng cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thời đại mới mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã đề ra: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc” và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước”, văn hóa phải được đặt ngang hàng kinh tế, chính trị xã hội. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng đã khẳng định: “Đứng trước những thời cơ và thách thức mới, yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng nước ta là phải tiếp tục xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; “văn hóa còn thì dân tộc còn”, “văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần”, “động lực phát triển”, và “soi đường cho quốc dân đi”; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện thành công mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI<sup>1</sup>.

*- Về lĩnh vực xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam*

Trong Văn kiện Đại hội XIII và bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 đã định hướng rất rõ việc xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.13.

mục con người Việt Nam thời đại mới. Xây dựng những hệ giá trị này cũng chính là góp phần phát huy sức mạnh của văn hóa, giá trị của con người trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây cũng chính là khát vọng và đích đến của dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Đó là những giá trị truyền thống đã được xác định kết hợp với những giá trị mới hình thành trong quá trình phát triển đất nước, trong quá trình đổi mới và hội nhập: *yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo*. Những hệ giá trị này là sự kế thừa và phát triển tư tưởng dân tộc - khoa học và đại chúng của Đề cương văn hóa năm 1943. Hội nhập quốc tế, con người Việt Nam cần nêu cao tinh thần kỷ luật. Sự tuân thủ nghiêm túc về các nguyên tắc trong công việc, trong cuộc sống, nghiêm khắc với bản thân,... là cần thiết hơn bao giờ hết. Con người có tính kỷ luật, nêu cao tinh thần kỷ luật mới có thể hòa nhập vào cuộc sống công nghiệp hiện đại. Trung thực là đức tính cao quý, quan trọng được đúc kết và lưu truyền hàng ngàn năm trước từ cha ông chúng ta. Trung thực quan trọng hơn cả tài năng. Đây là phẩm chất quan trọng của mỗi cá nhân trong xây dựng một cuộc sống lành mạnh, tích cực. Đức tính trung thực giúp mỗi cá nhân có được tình yêu thương, sự tôn trọng từ mọi người xung quanh. Nhìn một cách tổng thể, những hệ giá trị chuẩn mực của mỗi con người trong thời đại mới đều cần có các đức tính trên. Những chuẩn mực này xuất phát từ nền tảng truyền thống và những giá trị mới phù hợp với bối cảnh mới sẽ giúp mỗi cá nhân con người Việt Nam có định hướng đúng đắn trong môi trường hội nhập quốc tế hiện nay.

Việt Nam có 54 dân tộc, mỗi dân tộc có những đặc thù riêng, bản sắc văn hóa đa dạng, độc đáo, tạo nên một bức tranh văn hóa đa sắc màu của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Mỗi vùng, miền với điều kiện địa lý tự nhiên khác nhau nên cùng là một cộng đồng nhưng sinh sống ở các vùng khác nhau sẽ có sự khác biệt. Nhìn một cách tổng thể, đặc trưng của văn hóa các dân tộc ở Việt Nam là sự thống nhất trong đa dạng. Chính vì vậy, tư tưởng dân tộc trong Đề cương năm 1943 là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc ở Việt Nam. Ngoài sự đa dạng dân tộc với 54 tộc người, Việt Nam còn đa dạng về tôn giáo và văn hóa. Hiện tại với 16 tôn giáo và 43 tổ chức ở Việt Nam được Nhà nước công nhận, còn vô vàn các hình thức



tín ngưỡng dân gian khác nhau. Điểm đặc biệt ở đây là tuy có đủ các tôn giáo và tín ngưỡng khác nhau nhưng không hề có mâu thuẫn, xung đột tôn giáo. Bất cứ ai cũng có thể đến thăm viếng nhà thờ, vào chùa, hội quán, đình, miếu,... Điểm đặc biệt này không phải nơi nào trên thế giới cũng có được. Có lẽ chính là nhờ tư tưởng dân tộc, chủ trương đoàn kết, tôn trọng giá trị văn hóa các dân tộc ở Việt Nam như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt. Chỉ có sự *tôn trọng* lẫn nhau, *sự hòa đồng, đoàn kết* của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam mới mang lại những giá trị tốt đẹp như vậy

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 trở thành tài liệu đầu tiên, quan trọng và duy nhất, có tác dụng tập hợp lực lượng rất lớn những người có tư tưởng tiến bộ bấy giờ trong mặt trận văn hóa cứu quốc. Ngày nay, đất nước thanh bình nhưng sự xâm lăng về văn hóa lại vô cùng khó lường, đôi khi còn nguy hiểm hơn cả giặc ngoại xâm. Tư tưởng đại chúng trong phát triển về tinh thần tự lực, tự cường được xem như những giá trị chung cho quốc gia, dân tộc. Tự lực thường gắn với góc độ cá nhân, làm việc gì cũng tự bằng sức mình, với sức lực, khả năng của bản thân, không nhờ cậy ai. Tự lực được dùng trong cụm “tự lực cánh sinh”, có nghĩa là dựa vào sức lực của mình để tự giải quyết những vấn đề khó khăn về đời sống, kinh tế... Tự cường giúp cho tinh thần dân tộc lớn mạnh. Tự cường thường được dùng với nghĩa dành cho tổ chức, dân tộc, đất nước, chẳng hạn “ý thức tự cường dân tộc”... Tự lực và tự cường thường gắn với các yếu tố “tự chủ” (với nghĩa tự quyết định mọi công việc của mình, không để ai chi phối), “tự do” (với nghĩa là trạng thái của một dân tộc, một xã hội và các thành viên trong đó không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong các hoạt động xã hội - chính trị, đồng thời không bị lực lượng ngoại xâm chiếm đóng), “tự quyết” (với nghĩa một dân tộc tự mình định đoạt những công việc thuộc về vận mệnh của mình, như thành lập nhà nước, chọn mô hình phát triển)<sup>1</sup>... Ý chí tự lập tự cường sẽ ngày càng có giá trị về lập trường chính trị và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Nhìn lại 80 năm *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, chúng ta có thể nhận thấy Đề cương văn hóa không chỉ là cương lĩnh lãnh đạo văn hóa để định hướng và hành động mà còn được xem như là di sản văn hóa của dân tộc, cần

---

1. <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/phan-huy-bai-hoc-tu-luc-tu-cuong-trong-xay-dung-dat-nuoc-hien-nay-1491882417>

phải bảo tồn và phát triển nó trong bối cảnh hiện tại. Những giá trị cốt lõi cần gìn giữ, bên cạnh đó cần cập nhật các giá trị mới, phù hợp với thời đại.

Chặng đường phát triển của văn hóa Việt Nam 80 năm qua từ khi bản Đề cương năm 1943 ra đời (1943-2023), chúng ta nhận thấy được những thành tựu phát triển về văn hóa xã hội của đất nước. Các di sản văn hóa được bảo tồn và phát huy, được sự công nhận của cộng đồng quốc tế. Đề cương văn hóa thực sự đã đi vào cuộc sống và trở thành quen thuộc của mỗi cá nhân trong xã hội. Những quan điểm và nội dung được đề cập trong bản đề cương từ hơn nửa thế kỷ trước đến nay vẫn còn mang tính thời. Là cơ sở, nền tảng cho các nghị quyết về phát triển văn hóa như Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII; Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI. Hiện nay, trong bối cảnh giao lưu và hội nhập quốc tế, một số quan điểm trong Đề cương văn hóa năm 1943 đã được điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với thời kỳ mới. Tuy nhiên, tư tưởng thông suốt về dân tộc - khoa học - đại chúng của Đề cương văn hóa năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị. Là cơ sở, nền tảng để phát triển văn hóa con người Việt Nam, đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” - KHỞI NGUỒN NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG VĂN HÓA CHO CÁC VĂN KIỆN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ThS. PHẠM THỊ NHUNG\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo như một dấu mốc quan trọng trong lịch sử phát triển văn hóa Việt Nam. Đề cương ra đời đã xác định ba định hướng lớn: *dân tộc - đại chúng - khoa học*. Nội dung Đề cương văn hóa nhấn mạnh: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (chính trị, kinh tế, văn hóa)”<sup>1</sup>. Đây là căn cứ xác định vị trí quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển của đất nước.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời đã xác định rõ nền tư tưởng văn hóa mới cho Việt Nam, để từ đó, tính kế thừa các giá trị của nền tư tưởng văn hóa được thể hiện xuyên suốt trong các văn kiện lịch sử. Với mỗi thời kỳ, thời điểm, vai trò, tư tưởng văn hóa đều được nhấn mạnh nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam dân tộc, đại chúng, khoa học.

**Từ sau khi Đề cương văn hóa ra đời đến năm 1985: Tinh dân tộc - đại chúng - khoa học và vai trò “soi đường cho quốc dân đi”**

Sau khi bản Đề cương ra đời, những điểm tựa lý luận của Đề cương đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất diễn ra ở Thủ đô Hà Nội vào ngày 24/11/1946, chỉ rõ vai trò định hướng, dẫn dắt của văn hóa đối với sự phát triển của đất nước, dân tộc thông qua lời khẳng

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2022, tr.12.

định “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Trong giai đoạn này, đường lối văn hóa kháng chiến được dần hình thành, xác định mối quan hệ giữa văn hóa và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hóa cứu quốc; xây dựng nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng mà khẩu hiệu thiết thực lúc đó là dân tộc, dân chủ (nghĩa là yêu nước và tiến bộ); tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ; giáo dục lại nhân dân, cổ động thực hành đời sống mới; phát triển cái hay trong văn hóa dân tộc; bài trừ cái xấu xa hủ bại, ngăn ngừa sức thâm nhập của văn hóa thực dân, phản động; đồng thời học cái hay, cái tốt của văn hóa thế giới; hình thành đội ngũ trí thức mới, đóng góp tích cực cho công cuộc kháng chiến kiến quốc.

Báo cáo bổ sung tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III do đồng chí Nguyễn Duy Trinh trình bày, ngày 7/9/1960 xác định “chú trọng song song phát triển kinh tế và văn hóa, làm cho kinh tế và văn hóa cùng thúc đẩy nhau phát triển”... “Về văn hóa, cần tiếp tục đấu tranh chống những tàn tích lạc hậu của văn hóa cũ, có kế hoạch đẩy mạnh xây dựng nền văn hóa mới, làm cho đời sống văn hóa của miền Bắc ngày càng lành mạnh và có nội dung phong phú”.

Tại Đại hội IV (1976) và Đại hội V (1982), Đảng ta xác định đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội và xây dựng nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa, tính chất dân tộc, tính đảng và tính nhân dân. Tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 24/02/1981 của Ban Bí thư khóa V về những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng ghi rõ: “Nền văn hóa, nghệ thuật của ta thể hiện thống nhất tính dân tộc, tính đảng, tính giai cấp và tính nhân dân. Đó là đặc trưng cơ bản của nền văn hóa, nghệ thuật xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>.

## **2. Giai đoạn từ năm 1986 đến nay: Đổi mới thể chế, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

Thực tiễn phát triển văn hóa 10 năm sau ngày đất nước thống nhất cho thấy, Việt Nam cần phải tìm một lựa chọn phù hợp để đưa đất nước thoát

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t.42, tr.102.

khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước phát triển toàn diện và tích cực hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh đó, vào năm 1986, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã lựa chọn tiến hành công cuộc đổi mới, chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền tảng tư tưởng văn hóa tiếp tục được nhấn mạnh qua Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng: “Không có hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học nghệ thuật trong việc xây dựng tính cách lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người”. Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị khóa VI tiếp tục khẳng định “Nền văn hóa mới Việt Nam xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin là một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>1</sup>.

*Cương lĩnh năm 1991* xác định “Xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội... có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>2</sup>. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII về “Một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt” (1993) coi “Nhiệm vụ trung tâm của văn hóa, văn nghệ nước ta góp phần xây dựng con người Việt Nam về trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, có nhân cách tốt đẹp, có bản lĩnh vững vàng ngang tầm sự nghiệp đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh”<sup>3</sup>.

Trên tinh thần coi “Tự do sáng tác là điều kiện sống còn để tạo nên giá trị đích thực trong văn hóa, văn nghệ”<sup>4</sup> tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996), Đảng ta đưa ra chủ trương xã hội hóa hoạt động văn hóa: “Giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hóa, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt”<sup>5</sup>; “Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng xã hội hóa các hoạt động văn hóa - thông tin”. Chủ trương xã hội hóa hoạt động văn hóa là quyết sách đúng đắn của Đảng ta góp phần giải phóng năng lực sáng tạo văn hóa trong

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.48, tr.475.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.134.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.52, tr.515.

4. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.114.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.48, tr.484.

các tầng lớp nhân dân, động viên toàn Đảng, toàn dân chủ động, tích cực tham gia vào quá trình sáng tạo và hưởng thụ văn hóa.

Để có cơ sở pháp lý thúc đẩy thực hành dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, ngày 18/2/1998, Bộ Chính trị khóa VIII ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Ngoài ra, Đảng ta còn rất chú trọng cơ chế thi đua khen thưởng, cổ vũ, động viên kịp thời những cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến, tích cực đóng góp cho sự nghiệp văn hóa, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày 3/6/1998, Bộ Chính trị khóa VIII ban hành Chỉ thị số 35-CT/TW về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới. Đảng ta đề ra giải pháp: “Phát động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, huy động mọi lực lượng nhân dân và cả hệ thống chính trị từ trên xuống, từ trong Đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể ra ngoài xã hội tích cực tham gia phong trào”; “Trọng dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân trên cơ sở cống hiến cho đất nước”. Ngày 16/7/1998, tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã xác định: “1- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; 2- Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 3- Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; 4- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng”<sup>1</sup>.

Việc văn hóa chuyển đổi sau các lĩnh vực khác trong quá trình đổi mới, cũng như những bất cập trong quá trình thực hiện cơ chế tự chủ đã khiến cho sự phát triển nội tại và năng lực sáng tạo văn hóa bị chững lại và khó bắt kịp với tình hình chung của đất nước. Vì thế, để thích ứng với công cuộc đổi mới, mở cửa, đáp ứng các yêu cầu nội tại của sự phát triển văn hóa trong tình hình mới, Việt Nam cần phải đổi mới thể chế văn hóa. Trên tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, xem xét vấn đề khách quan, khoa học, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) nhấn mạnh việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.57.

đã có quan niệm rộng hơn, toàn diện hơn, bao quát hơn về văn hóa và phát triển, về di sản văn hóa, về bản sắc, đặc trưng văn hóa Việt Nam, về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Để thực hiện nhiệm vụ cơ bản “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>1</sup>, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII xác định cần: “*Củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa*”<sup>2</sup>. Nghị quyết cũng nêu lên bốn giải pháp lớn xây dựng và phát triển văn hóa là: 1- Mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; 2- Xây dựng, ban hành luật pháp và các chính sách văn hóa; 3- Tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hóa; 4- Nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa. Có thể khẳng định, Nghị quyết Trung ương 5 đã nhanh chóng đi vào đời sống và nhận được sự đón nhận nồng nhiệt của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Những quan điểm, tư tưởng của Nghị quyết đã được quán triệt và triển khai sâu rộng, không chỉ đối với các nhà hoạt động văn hóa, các nhà lãnh đạo, quản lý mà còn đối với đông đảo các tầng lớp nhân dân. Với văn kiện lịch sử này, *Đảng Cộng sản Việt Nam vạch ra mục tiêu, giải pháp nhằm phá bỏ định kiến, nhìn nhận sức sáng tạo, các nguồn tài nguyên văn hóa và sự tham gia tích cực của xã hội chính là động lực phát huy sức mạnh nội sinh văn hóa.*

Bên cạnh đó, các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước còn *tạo điều kiện cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội.* Năm 1998, Đảng ta đề ra phương hướng xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc: “*làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội*”. Từ đó đến nay phương hướng trên đã được

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Sđd, tr.82, 68.*

quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện trong toàn hệ thống chính trị và xã hội. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đề ra yêu cầu: “Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân”<sup>1</sup>. Trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, những năm gần đây, Đảng ta rất quan tâm đến xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Việt Nam phải là một đất nước hòa bình, ổn định chính trị, hấp dẫn đầu tư, con người thân thiện, mến khách.

Điểm mới trong quan điểm của Đảng ta ở thời điểm này là khẳng định nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam của văn hóa: “Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện... văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách”.

Ngày 24/1/2003, Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX ra Chỉ thị số 18-CT/TW tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) về công tác văn học nghệ thuật trong tình hình mới.

Tháng 7/2004, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) đã kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII). Hội nghị đã ra kết luận khẳng định: “Bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng chính phủ Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định đảm bảo cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước”<sup>2</sup>.

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới đã chỉ ra rằng: “Tập trung mọi nguồn lực xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhân cách con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về chân, thiện, mỹ của các tầng lớp nhân dân; phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.208.

2. *Các văn kiện của Đảng từ 2001 - nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.242.



vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI tiếp tục khẳng định: “Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người”<sup>1</sup>. Xây dựng văn hóa trong kinh tế là một nhiệm vụ mới nêu ra trong Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI: “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế”<sup>2</sup>. Xây dựng văn hóa trong kinh tế là một bước tiến cả trong tư duy lý luận của Đảng cũng như trong triển khai tổ chức thực hiện ở nước ta, nhằm tạo sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa văn hóa và kinh tế; có giá trị thiết thực và ý nghĩa lâu dài thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển bền vững trong những năm tới.

Đặc biệt quan trọng là sự ra đời của Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 9/6/2014 về xây dựng, phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Mục tiêu của Nghị quyết là: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Để thực hiện được mục tiêu này, Nghị quyết đã xác định cần phải xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với thị trường văn hóa, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, thông qua triển khai bốn giải pháp: 1- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa; 2- Nâng cao hiệu lực,

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sđd, tr.53-54.

hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa; 3- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa; 4- Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa.

Kế thừa những nhận thức sâu sắc tài nguyên văn hóa là nguồn vốn quý giá phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kinh tế du lịch, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Văn bản này đã xác định trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, của toàn xã hội trong phát triển du lịch bền vững, đưa ngành này trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vừa phát huy các di sản văn hóa và giá trị truyền thống tốt đẹp, vừa bảo vệ môi trường thiên nhiên, bảo đảm sự hài hòa cả xã hội, việc làm, an ninh và quốc phòng.

Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước cho thấy những quan điểm cốt lõi góp phần phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

Nhận thức về vị trí, vai trò của xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam nói chung và văn hóa dân tộc nói riêng trong thời kỳ đổi mới đã được bổ sung, phát triển và ngày càng hoàn thiện, toàn diện và sâu sắc, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, một lần nữa việc xây dựng, giữ gìn, chấn hưng nền văn hóa dân tộc được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh qua 6 nhiệm vụ và 4 giải pháp cụ thể: *Một là*, khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc; *Hai là*, xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; *Ba là*, phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa; *Bốn là*, phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thụ hưởng văn hóa là nhân dân, *Năm là*, chú trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hóa, về đạo đức; kiên quyết đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực; *Sáu là*, xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số và 4 giải pháp gồm: 1- Tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo

của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa; 2- Xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới; 3- Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; 4- Chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội... để “tiếp tục xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “động lực phát triển” và “soi đường cho quốc dân đi”.

Có thể thấy, từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được Tổng Bí thư Trường Chinh chấp bút chính là khởi nguồn cho nền tảng tư tưởng văn hóa Việt Nam trong suốt 8 thập kỷ qua. Điều đó được khẳng định trong các văn kiện, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta. Đây cũng chính là căn cứ quan trọng để Đại hội XII, và Đại hội XIII của Đảng đề ra nhiệm vụ xây dựng văn hóa chính trị, văn hóa kinh tế, phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 NỀN TẢNG LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM

NGUYỄN MINH NHỰT\*

1. Những năm đầu thập niên 40 của thế kỷ XX, đất nước ta đang trong tình cảnh đau thương, đen tối; nhân dân ta phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”, thống khổ dưới ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Yêu cầu, nhiệm vụ cấp bách, mang tính sống còn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng là huy động rộng rãi mọi lực lượng trong xã hội, mở rộng khối đoàn kết toàn dân để cứu nước, cứu nòi. Chịu ảnh hưởng của những chính sách bảo thủ, nô dịch, phản động, mị dân của thực dân, phát xít và phong kiến, nền văn hóa Việt Nam giai đoạn này lâm vào khủng hoảng, suy thoái. Lực lượng trí thức, văn nghệ sĩ bị phân hóa sâu sắc, trong đó những người yêu nước, nặng lòng với dân tộc rơi vào tình trạng mất phương hướng, bi quan, bế tắc trong nhận thức và hành động. Trong bối cảnh đó, thực hiện chủ trương đã được thống nhất tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941 tại Pác Bó (Cao Bằng), Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng họp từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943, tại Võng La, Đông Anh, Phúc Yên (nay thuộc Hà Nội) để bàn việc mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất và xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang đã thông qua bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo.

Bản Đề cương bao quát 5 vấn đề lớn: 1- Cách đặt vấn đề; 2- Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; 3- Nguyên cơ của văn hóa dưới ách phát xít Nhật - Pháp;

---

\* Vụ trưởng Vụ Văn hóa - Văn nghệ, Ban Tuyên giáo Trung ương.

4- Vấn đề cách mạng và văn hóa Việt Nam; 5- Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam. Với dung lượng hết sức ngắn gọn, cô đọng và súc tích, Đề cương đã nhận thức sắc bén tình hình, dự báo khoa học về tương lai; đồng thời trình bày hệ thống, rõ ràng những quan điểm cơ bản của Đảng về văn hóa, về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của văn hóa trong tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc, vạch ra đường hướng xây dựng nền văn hóa mới trên cơ sở thấm nhuần ba nguyên tắc: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn, sự ra đời của Đề cương đã trở thành ngọn cờ tập hợp, cổ vũ nhân dân ta, nhất là trí thức, văn nghệ sĩ hăng hái tham gia cách mạng, đóng góp quan trọng làm nên thắng lợi lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945; sau đó là chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” năm 1954 và đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Bước vào giai đoạn hòa bình, độc lập, thống nhất, nhất là từ đổi mới đến nay, qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991 (được bổ sung, phát triển năm 2011), qua nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng và các nghị quyết chuyên đề về văn hóa, văn học, nghệ thuật<sup>1</sup>, tư duy lý luận của Đảng về văn hóa không ngừng được bổ sung, phát triển và ngày càng hoàn thiện. Nhìn lại quá trình lịch sử 80 năm qua, có thể khẳng định, những quan điểm cốt lõi của Đề cương đã trở thành ngọn cờ tập hợp lực lượng, kiến tạo những thành tựu to lớn và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh, là nền tảng lý luận của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước.

**2.** Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức,

---

1. Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị khóa VI về “Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới”; Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII “Về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt”; Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”;...

pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”<sup>1</sup>. Ở khái niệm này, văn hóa có mối quan hệ hai chiều, quan hệ hữu cơ chặt chẽ, không thể tách rời với con người. Nói đến văn hóa, thực chất là nói đến con người và ngược lại. Con người là chủ thể sáng tạo văn hóa; đồng thời, văn hóa là môi trường sản sinh ra những phẩm chất của con người, có tác động đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người. Đó là cơ sở, tiền đề để Đảng ta ngày càng nhận thức đầy đủ hơn về mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa và con người trong quá trình phát triển.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* xem phạm vi của văn hóa bao gồm “tư tưởng”, “học thuật” và “nghệ thuật”; đồng thời khẳng định mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động; cách mạng văn hóa muốn thành công phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Kế thừa tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phát triển quan điểm của Đề cương, trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, Đảng ta đã cụ thể hóa và ngày càng nhận thức sâu sắc, toàn diện hơn về phạm vi của văn hóa. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã khái quát: “Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thụ tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc”<sup>2</sup>. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI nhấn mạnh: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng con người để thúc đẩy phát triển văn hóa. Con người là chủ thể sáng tạo, truyền bá, thụ hưởng văn hóa, là trung tâm của chiến lược phát triển. Xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp là trọng tâm, cốt lõi của phát

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.40.

triển văn hóa; mọi hoạt động văn hóa đều phải hướng tới xây dựng, phát triển con người. Đồng thời, Đảng ta cũng khẳng định rõ hơn vị trí, vai trò của văn hóa, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong thời kỳ mới: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”<sup>1</sup>. Văn hóa được xác định là một trong bốn trụ cột chính sách của Đảng và Nhà nước, gắn bó chặt chẽ với nhau trong mối quan hệ biện chứng, trong đó: phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần, động lực phát triển của xã hội; quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Từ đó, Đảng ta đặt ra nhiệm vụ tập trung xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc. Như vậy, phát triển tư tưởng của Đề cương về vị trí, vai trò của văn hóa trong mối quan hệ với chính trị và kinh tế, Đảng ta đã đề ra những quan điểm mới, phù hợp với đòi hỏi của tình hình thực tiễn. Về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa, Đảng nhất quán tư tưởng của Đề cương, đồng thời có sự bổ sung, phát triển, đánh giá đúng vai trò của các chủ thể khác: “Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng”<sup>2</sup>.

**3.** Trên cơ sở phân tích lịch sử, tính chất và những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật, Pháp, chỉ rõ tiền đề của nền văn hóa dân tộc, Đề cương đã trình bày những nội dung cốt lõi về vấn đề cách mạng văn hóa ở nước ta, trong đó đề ra ba nguyên tắc vận động của văn hóa: “a) Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập). b) Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng). c) Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học,

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.48, 49.

phản tiến bộ”<sup>1</sup>. Sau khi Đề cương ra đời, ngày 23/9/1944, Tổng Bí thư Trường Chinh đã có bài viết quan trọng “Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam lúc này”, đăng trên Tạp chí *Tiên phong*, số 2, ra ngày 1/12/1945, trong đó chỉ rõ căn nguyên dẫn đến “ba nhược điểm”, “ba căn bệnh” lớn của văn hóa Việt Nam lúc đó là: “phản dân tộc, phản đại chúng, phản khoa học”; giải thích rõ về ba nguyên tắc vận động: Phàm cái gì chống lại tinh thần dân tộc độc lập và thống nhất, phải thẳng cánh đập tan. Phàm cái gì trái khoa học, phản tiến bộ phải kiên quyết bài trừ. Phàm cái gì phản đại chúng, xa đại chúng, phải nhất luận phê phán. Bài viết cũng khẳng định, làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa ba nguyên tắc: Ba nguyên tắc trên đây là ba cái khâu của sợi dây chuyền. Nó có tính cách liên hoàn. Không thể hoàn thành nhiệm vụ vận động văn hóa mới Việt Nam nếu ta bỏ sót một nguyên tắc nào trong ba nguyên tắc ấy. Cũng không thể chỉ theo một nọ mà đồng thời chống lại các nguyên tắc kia. Không nhận rõ điều đó thì nhất định không làm tròn được nhiệm vụ xây dựng văn hóa mới cho dân tộc, mà có khi mắc bẫy văn hóa của đế quốc hoặc bị chúng lợi dụng.

Kế thừa và phát triển ba nguyên tắc quan trọng đã nêu trong Đề cương, Đảng xác định nội dung xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế là: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”<sup>2</sup>. Vận dụng nguyên tắc “dân tộc hóa”, Đảng đề ra nhiệm vụ huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy di sản văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc; xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; tích cực, chủ động mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa, tăng cường giới thiệu những giá trị đặc sắc về văn hóa, con người Việt Nam ra thế giới. Trong quá trình đó, Đảng chú trọng nội dung

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.23-24.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Sđd*, tr.48.



nâng cao “sức đề kháng” của nền văn hóa, đấu tranh, phê phán những xu hướng lệch lạc, vọng ngoại, bảo vệ bản sắc, bảo vệ tiếng nói, chữ viết của dân tộc trong quá trình giao lưu và hội nhập quốc tế. Vận dụng nguyên tắc “khoa học hóa”, Đảng khẳng định phát triển nền văn hóa tiên tiến với các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên tinh thần khoa học, phù hợp với quy luật vận động, phát triển của thời đại mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tập trung triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới. Đảng cũng đồng thời khẳng định, trên tinh thần khoa học, cần tăng cường đấu tranh, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người và tập trung các giải pháp khắc phục những hạn chế của con người Việt Nam. Vận dụng nguyên tắc “đại chúng hóa”, Đảng ta khẳng định: “Bảo đảm quyền hưởng thụ, tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật của mỗi người dân và cộng đồng”<sup>1</sup>; đồng thời tập trung hoàn thiện các thiết chế văn hóa, từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, giữa các giai tầng xã hội, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa. Mặt khác, tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ của nhân dân, nhất là thanh, thiếu niên. Ở đây, quan điểm phát triển văn hóa phục vụ nhân dân luôn được đặt trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, không tách rời với nhiệm vụ nâng cao dân trí, hướng quần chúng đến những giá trị nhân văn, tiến bộ.

**4. Đề cương ra đời đáp ứng yêu cầu động viên, tập hợp đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trong khối đoàn kết với liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân.** Trong thời kỳ mới, Đại hội XIII của Đảng xác định lộ trình, mục tiêu xây dựng và phát triển nước ta như sau: đến năm 2025, là nước đang phát triển

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.263-264.

có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kế thừa và phát triển những quan điểm, bài học kinh nghiệm được đúc kết từ Đề cương, văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề ra những quan điểm, chủ trương toàn diện, sâu sắc về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đây là lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội Đảng, Đảng ta đề cập một cách toàn diện và sâu sắc đến lĩnh vực văn hóa, từ chủ đề Đại hội đến các quan điểm, mục tiêu, định hướng lớn, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược. Theo đó, vấn đề phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là cốt lõi của quan điểm thứ ba trong số năm quan điểm chỉ đạo, khẳng định gắn kết nhân tố văn hóa và nhân tố con người, nhằm khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, xem đây là nguồn sức mạnh nội sinh, động lực trung tâm cho phát triển bền vững đất nước. Quan điểm chỉ đạo này được cụ thể hóa thành định hướng thứ tư trong tổng thể 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực quan trọng nhất của đất nước”<sup>1</sup>. Đây là bước phát triển mới về tư duy lý luận của Đảng về mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ giữa văn hóa và con người, đặt con người ở vị trí trung tâm, vừa là chủ thể, vừa là mục đích của quá trình phát triển văn hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đồng thời, Đại hội XIII tiếp tục

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.II, tr.330.

khẳng định nhất quán những phương hướng căn bản về phát triển văn hóa con người Việt Nam được đề ra trong Văn kiện Đại hội XII, trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI, đồng thời bổ sung một số nội dung mới quan trọng. Đây là những đột phá nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thực tiễn xây dựng, phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam trong thời gian qua, nhất là giải quyết những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của lĩnh vực quan trọng này. Khẳng định quyết tâm hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, Đảng xác định nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn cách mạng mới là tập trung chấn hưng và phát triển mạnh mẽ nền văn hóa dân tộc, huy động sự tham gia, cống hiến tâm huyết, trí tuệ, tài năng của đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ. Trong bài phát biểu chỉ đạo Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, những quan điểm, chủ trương quan trọng của Đảng được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh một cách hệ thống. Trên cơ sở đó, Tổng Bí thư đã khẳng định sáu nhóm nhiệm vụ và bốn nhóm giải pháp lớn, sâu sắc và toàn diện nhằm chấn hưng, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Một trong những nhiệm vụ trung tâm được Đảng nhấn mạnh là: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”<sup>1</sup>. Đây là vấn đề mới, trong đó lần đầu tiên Đảng ta đặt vấn đề nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, đồng thời nhấn mạnh hơn nữa vị trí, vai trò của việc xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam. Bốn hệ giá trị cốt lõi này có mối quan hệ gắn bó hữu cơ, chặt chẽ với nhau. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ ra những thành tố căn bản của các hệ giá trị này, bao gồm hệ giá trị quốc gia: hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc; hệ giá trị văn hóa: dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học; hệ giá trị con người: yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo; hệ giá trị gia đình: ấm no, hạnh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.143.

phúc, tiến bộ, văn minh. Đây là nhiệm vụ, đồng thời là giải pháp có ý nghĩa nền tảng, rất quan trọng trong xây dựng, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong thời kỳ mới.

5. Trên cơ sở kế thừa, phát huy, phát triển những nội dung, quan điểm cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và thành tựu của công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, nhiều vấn đề căn cốt về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước đã được Đảng ta xác định rõ. Bên cạnh đó, có những vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu, đúc kết và làm rõ. Đó là cụ thể hóa hơn nữa nội dung “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; làm rõ nội hàm của từng giá trị và mối quan hệ giữa các giá trị trong việc xây dựng và triển khai thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới; nhận thức cụ thể, sâu sắc hơn nữa mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị, nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong kinh tế, văn hóa trong chính trị; về phát triển thị trường các sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật...

Lịch sử cách mạng Việt Nam 80 năm qua đã chứng minh một cách thuyết phục rằng, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là sự kết tinh trí tuệ, bản lĩnh, tầm nhìn xa trông rộng, tư duy lý luận sắc bén của Đảng, đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống văn hóa hiện đại nước ta. Đây là, văn kiện có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, vừa đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi có tính thời sự, vừa mang tầm thời đại, đóng vai trò là một cương lĩnh, chiến lược của Đảng về văn hóa, là cội nguồn, nền móng vững chắc để Đảng ta từng bước phát triển, hoàn thiện hệ thống lý luận về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Những chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam vừa nhất quán, kiên định, vừa từng bước bổ sung, phát triển các nội dung, quan điểm đã được đề cập trong Đề cương và ngày càng hoàn thiện, sâu sắc hơn, góp phần quan trọng trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng. Trong diễn văn nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của Đề cương, Đồng chí Trường Chinh đã khẳng định: “Đề cương về văn hóa Việt Nam không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh hoạt động

bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam. [...]. Nhưng Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup>. Thực tế đã chứng minh, một số nội dung, luận điểm của Đề cương đã được thực tiễn phủ nhận biện chứng, được bổ sung, điều chỉnh và làm rõ. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể thì những tinh thần cơ bản, cốt lõi, tính chiến đấu và những bài học quan trọng của văn kiện vẫn còn nguyên giá trị hiện thực trong giai đoạn hiện nay. Kỷ niệm 80 năm ra đời Đề cương là dịp quan trọng để Đảng tiếp tục nghiên cứu, kế thừa những luận điểm khoa học, soi chiếu vào thực tiễn hôm nay để tiếp tục bổ sung, phát triển và hoàn thiện tư duy lý luận; nâng cao hơn nữa nhận thức và hiệu quả hành động để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong thời kỳ mới.

---

1. Trường Chinh: “Diễn văn nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của Đề cương về cách mạng văn hóa Việt Nam”, in trong sách: *Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr.12.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀ SỰ NGHIỆP CỦA NHÀ VĂN HÓA TRƯỜNG CHINH

PGS.TS. PHẠM LAN OANH\*

**Đ**ồng chí Trường Chinh (9/2/1907 - 30/9/1988) tên thật là Đặng Xuân Khu, có bí danh là Anh Nhân, bút danh là Cây Xoan, T.t (Tin tức), Q.N, Qua Ninh, Sóng Hồng, T.Tr.. Quê quán tại làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Quá trình hoạt động cách mạng 63 năm của đồng chí Trường Chinh được tóm lược theo lý lịch của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước<sup>1</sup>.

---

\* Phó Viện trưởng, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Năm 1925, tham gia cuộc vận động đòi đế quốc Pháp ân xá cho nhà yêu nước Phan Bội Châu.

Năm 1926, là một trong những người lãnh đạo cuộc bãi khóa để truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh ở Nam Định.

Năm 1927, gia nhập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Năm 1929, tham gia cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương ở Bắc Kỳ.

Năm 1930, được chỉ định vào Ban Tuyên truyền cổ động Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm đó, đồng chí bị đế quốc bắt và kết án 12 năm tù cấm cố, đày đi Sơn La. Cuối năm 1936, được trả lại tự do.

Từ cuối năm 1936 đến năm 1939, là Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ và đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Ủy ban Mặt trận Dân chủ Bắc Kỳ.

Năm 1940, là chủ bút báo *Giải phóng*, cơ quan của Xứ ủy Bắc Kỳ. Tại Hội nghị lần thứ 7 Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, được cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Năm 1941, tại Hội nghị lần thứ 8 Trung ương Đảng, được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, Trưởng Ban Tuyên huấn kiêm chủ bút báo *Cờ Giải phóng* và Tạp chí *Cộng sản*, cơ quan Trung ương của Đảng, Trưởng ban Công vận Trung ương.

Tháng 8/1945, được Hội nghị toàn quốc của Đảng cử phụ trách Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Trường Chinh là tác giả của nhiều công trình mang tính nghiên cứu lý luận, thơ ca, bài báo chính luận, đặc biệt, đồng chí là người soạn thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong vai trò là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1943.

### **Xung quanh nội dung “Đề cương về văn hóa Việt Nam”**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* là văn kiện mang tính cương lĩnh đầu tiên về văn hóa của Đảng do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943 tại xã Võng La, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên, nay thuộc huyện Đông Anh, Thủ đô Hà Nội.

Nội dung Đề cương bàn về những chủ trương mang tính lý luận và thực tiễn đặt ra một cách cấp bách của cách mạng trong bối cảnh đất nước đang

Năm 1951, tại Đại hội lần thứ II của Đảng, được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương, là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (ở Đại hội này, Đảng Cộng sản Đông Dương được đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam) đến tháng 10/1956.

Năm 1958, làm Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học nhà nước.

Năm 1960, tại Đại hội lần thứ III của Đảng, được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách công tác Quốc hội và công tác tư tưởng của Đảng.

Năm 1976, tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (ở Đại hội này, Đảng Lao động Việt Nam được đổi tên là Đảng Cộng sản Việt Nam). Đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách Trưởng ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương và Trưởng ban Lý luận của Trung ương.

Năm 1976, được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến pháp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đại biểu Quốc hội các khóa II, III, IV, V, VI, VII. Từ khóa II đến khóa VI, đồng chí làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Năm 1981, được Quốc hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Năm 1982, tại Đại hội lần thứ V của Đảng, được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và là Ủy viên Bộ Chính trị.

Tháng 7/1986, tại Hội nghị đặc biệt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, được bầu lại làm Tổng Bí thư.

Tháng 12/1986, tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Trưởng ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế, kiêm Trưởng Tiểu ban soạn thảo Cương lĩnh của Đảng.

Đồng chí từ trần ngày 30/9/1988 tại Hà Nội.

cam go trong vòng nô lệ và đô hộ của phong kiến, thực dân với chính sách cai trị hà khắc trong thời gian dài một cổ hai tròng.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* là văn bản có dung lượng chỉ khiêm tốn 1.465 từ, chia 5 phần. Cách đặt vấn đề của Đề cương ngắn gọn, bao quát và cụ thể, đánh giá đúng tình hình đất nước, đề cập thẳng vào lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam, những nguy cơ tai hại do thực dân Pháp và phát xít Nhật áp đặt lên nền văn hóa Việt Nam, nêu trực tiếp vấn đề của cách mạng văn hóa Việt Nam trong thời điểm đó là gì; nền văn hóa ấy gắn bó với cuộc cách mạng ở Đông Dương ra sao; nền văn hóa mới đó vận động theo nguyên tắc nào và có tính chất gì? Sau cùng, công việc cực kỳ quan trọng đặt ra là những nhà hoạt động văn hóa ở Đông Dương và Việt Nam phải làm để văn hóa tiến bộ xã hội chủ nghĩa trở thành hiện thực trên bán đảo Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng.

Phần IV của Đề cương đề cập đến ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa: *Dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa*, và được cụ thể hóa bằng ba công việc phải làm: a) Tranh đấu về học thuyết, tư tưởng...; làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng; b) Tranh đấu về tông phái văn nghệ... làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng; c) Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết: thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói; ấn định mẹo văn ta; cải cách chữ quốc ngữ, v.v...

Để hiện thực hóa nội dung đã nêu, Đề cương ghi rõ cách vận động phải kết hợp công khai và bán công khai, phương pháp bí mật và công khai thống nhất mọi hoạt động văn hóa tiến bộ dưới quyền lãnh đạo của đảng vô sản mácxít nhằm: tuyên truyền và xuất bản; tổ chức các nhà văn; tranh đấu giành quyền lợi thực tại cho các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ; chống nạn mù chữ...<sup>1</sup>.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo đã trở thành kim chỉ nam cho các tổ chức và hoạt động văn hóa, văn nghệ, trực tiếp đưa các giá trị văn hóa nói chung đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.27-28.



nước và xây dựng đất nước. Từ đó, một nước Việt Nam mới, một nền văn hóa mới, tiến bộ đã hình thành và đồng hành cùng dân tộc tới ngày nay.

Kỷ niệm 80 năm ngày ra đời *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, nhìn lại và khẳng định những giá trị cốt lõi, soi đường, tác dụng định hướng vĩ mô và những công việc cụ thể đã được triển khai những năm qua là rất cần thiết, thể hiện sự đúng đắn, sáng suốt của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi lựa chọn xây dựng xã hội mới với nền văn hóa mới ở Việt Nam là sự nghiệp cách mạng của toàn dân, vì hạnh phúc, lợi ích của người dân. Cùng với đó, chân dung tác giả *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là nhà văn hóa Trường Chinh cũng đồng thời tiếp tục được khẳng định qua những giá trị lý luận và thực tiễn của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*.

### **Tổng Bí thư Trường Chinh - nhà văn hóa lớn**

Đồng chí Trường Chinh sinh ra và lớn lên trong gia đình Nho học truyền thống. Ông nội là Đặng Xuân Bảng (1828-1910), đỗ Tiến sĩ khoa thi năm Bính Thìn (năm 1856). Bố đẻ là Đặng Xuân Viện (1880-1958), có nhiều sách viết về văn hóa, lịch sử, địa lý, triết học... Bản thân đồng chí Trường Chinh là người thông minh sáng dạ, luôn có tư tưởng tiến bộ trên nền tảng giáo dục Nho học của gia đình. Trải qua hoạt động thực tiễn học, thi, tham gia cách mạng, chịu tù đày và chịu trách nhiệm gánh vác nhiều trọng trách trong Đảng và Chính phủ, đồng chí Trường Chinh ba lần giữ cương vị Tổng Bí thư, đã từng gánh trách nhiệm Tổng biên tập cơ quan báo chí (*Báo Cờ Giải phóng*, Nhà xuất bản Sự thật, *Báo Nhân dân*, Tạp chí *Tiên phong*, Tạp chí *Cộng sản*), là nhà lý luận, nhà thơ,... và trên hết, đồng chí là nhà lãnh đạo có tầm văn hóa lớn. Cuộc đời hoạt động cách mạng, những tác phẩm đồng chí để lại, trong đó, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là văn bản mang tính pháp lý cao nhất của Đảng trong thời gian hoạt động công khai nửa bí mật, trước khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được tiếp tục tuân thủ, bổ sung và hoàn thiện theo lộ trình cách mạng diễn ra ở Việt Nam. Đồng thời, qua đó, trong tư cách là Tổng Bí thư, chịu trách nhiệm trước toàn Đảng, toàn dân, những tác phẩm, những bài viết của đồng chí Trường Chinh thể hiện nhận thức cá nhân và nhận thức của Đảng về nền văn hóa mới ngày càng rõ nét.

Bằng lao động sáng tạo không ngừng, đồng chí Trường Chinh - với nhiều bút danh - đã để lại nhiều bài viết mang tính lý luận, chính luận, có cả những bài báo, bài thơ đề cập tới những chủ đề đa dạng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự, ngoại giao,... Với tinh thần *Dùng ngòi bút làm đòn xoay chế độ/Mỗi vần thơ bom đạn phá cường quyền*, của thi phẩm *Là thi sĩ* sáng tác vào mùa hè năm 1942, tinh thần của một người cách mạng rất yêu văn hóa và có năng khiếu về nghệ thuật đã trải lòng những vần thơ như những lời đầu tiên gắn với *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, được soạn thảo và thông qua tháng 2/1943.

Những nội dung bổ sung tiếp nối tinh thần *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được Tổng Bí thư Trường Chinh thể hiện trong *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới ở Việt Nam lúc này*<sup>1</sup> gồm: *Thứ nhất*, những nội dung khẳng định: Những điều tai hại làm cho văn hóa Việt Nam *thiếu tính chất dân tộc thống nhất* vì bị đô hộ và nô dịch văn hóa theo Tàu, theo Tây (Pháp) và Nhật khiến phong trào “lai hóa” tràn vào ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật cũng như phong tục và tư tưởng. *Thứ hai*, do bị o ép và xuất phát từ quốc gia nông nghiệp nên *không mấy ai để ý đến khoa học*. *Thứ ba*, văn hóa đại chúng/tức là văn hóa hợp pháp (và cả văn hóa bất hợp pháp) tại thời điểm đó mang ba nhược điểm/căn bệnh lớn là *phản dân tộc, phản khoa học, phản đại chúng*. Do đó, cuộc vận động văn hóa mới ở Việt Nam cần phải:

Dân tộc hóa - phàm cái gì chống lại tinh thần dân tộc độc lập và thống nhất, phải thẳng cánh đập tan.

Khoa học hóa - phàm cái gì trái khoa học, phản tiến bộ, phải kiên quyết bài trừ.

Đại chúng hóa - phàm cái gì phản đại chúng, xa đại chúng, phải nhất luận phê phán<sup>2</sup>.

1. Xem Nhiều tác giả: *Đề cương về văn hóa Việt Nam, chặng đường 60 năm*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.22-28.

2. Trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ghi:

“- Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).

- Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

- Khoa học hóa (chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

Ba nguyên tắc này phải thực hiện liên hoàn, “cũng không thể chỉ theo một nọ mà đồng thời chống lại những nguyên tắc kia. Không nhận rõ điều này thì nhất định không làm tròn được nhiệm vụ xây dựng văn hóa mới cho dân tộc, có khi mắc bẫy văn hóa của đế quốc hoặc bị chúng lợi dụng”<sup>1</sup>. Như thế, chỉ thời gian ngắn sau khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời ở dạng đề cương sơ lược, việc cụ thể hóa, làm rõ nét hơn *mấy nguyên tắc lớn...* bằng bài viết cụ thể này đã là minh chứng đánh dấu việc Đảng đặt vấn đề và thực sự bắt tay vào *sự nghiệp cách mạng văn hóa* - văn hóa thực sự là *mặt trận* và để thực hiện *dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa* thành công “những người hoạt động văn hóa tiên phong, trung thành, nhẫn nại, tích cực và khôn khéo. Họ phải lấy sức mạnh trong đại chúng, lấy tinh thần trong dân tộc và tư duy duy vật biện chứng là kim chỉ nam. Những nhà văn ấy phải đấu tranh trên tất cả các mặt trận văn hóa, nghệ thuật, ngôn ngữ, phong tục, tín ngưỡng, v.v.. Hành động của họ phải bao quát cả đấu tranh hợp pháp và đấu tranh bất hợp pháp”<sup>2</sup>.

Đến tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* được trình bày tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai, tháng 7/1948, tính chất và nhiệm vụ văn hóa dân chủ mới Việt Nam được đồng chí Trường Chinh tiếp tục nhấn mạnh, làm rõ ràng, khúc chiết tính chất *văn hóa có tính chất dân tộc, đại chúng và khoa học* bằng những minh chứng, ví dụ cụ thể. Đồng chí khẳng định thái độ đúng đắn và bí quyết thành công để các chiến sĩ trên mặt trận văn hóa thực hiện được ba phương châm vận động văn hóa mới là: “1) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với kháng chiến, không thỏa hiệp với tư tưởng và văn hóa phản động; không trung lập, không giữ thái độ bàng quan. 2) Ra sức nghiên cứu khoa học, kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất, chiến đấu và đời sống con người; lấy học thuyết Mác - Lênin làm kim chỉ nam cho hành động; biết và làm đi đôi, lý luận và thực tiễn kết hợp. 3) Một lòng một dạ phục vụ nhân dân; gần gũi quần chúng công nông binh, cảm thông với quần chúng, học hỏi nhân dân, nhưng giáo dục và dìu dắt nhân dân”<sup>3</sup>. Báo cáo của đồng chí Trường Chinh cũng phân tích rõ lợi ích

---

1, 2, 3. Trường Chinh: “Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới ở Việt Nam lúc này”, trong Nhiều tác giả: *Đề cương về văn hóa Việt Nam, chặng đường 60 năm*, Sdd, tr.2, 28, 38.

và hạn chế của việc tham gia mặt trận văn hóa thống nhất trong Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược.

Như vậy, trong khoảng thời gian không dài, chỉ từ năm 1941 đến năm 1948, thông qua cương vị Tổng Bí thư, đồng chí Trường Chinh đã có những “cơ hội vàng” để đưa ra nội dung *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và làm rõ nét, sâu sắc, cụ thể hơn nội dung của đề cương sơ lược đó với giới trí thức và quần chúng nhân dân, các đảng viên Đảng Cộng sản, các văn nghệ sĩ... một cách trực tiếp và gián tiếp. Nhờ đó, tinh thần của Đề cương được thấm sâu vào trí óc, gia tăng lý luận và bổ trợ thực tiễn hoạt động của cách mạng dân tộc dân chủ nói chung, cách mạng văn hóa nói riêng trong thập kỷ 40 của thế kỷ XX, trong cả giai đoạn trước và sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 khi thành lập nước Việt Nam mới.

Chỉ bấy nhiêu thôi, chân dung nhà văn hóa Trường Chinh, với những nội dung ngày càng cụ thể, chính xác thỏa đáng, lôgic đã đến với xã hội và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

Từ những bài viết đầy tính lý luận, nội dung *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thấm sâu vào đời sống và thực sự là động lực để đẩy nhanh công cuộc kháng chiến kiến quốc, đập tan ách đô hộ của lực lượng ngoại bang.

*Diễn văn nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh trong vai trò là Ủy viên Bộ Chính trị đã đọc diễn văn ngày 27/12/1983 đề cập tới *Hoàn cảnh ra đời; nội dung cơ bản của Đề cương*. Như vậy, đây tiếp tục là lần chính thức *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được thêm cơ hội làm rõ ràng, cụ thể, với những nội dung mở rộng và chi tiết hóa về nền văn hóa với *tính khoa học, tính dân tộc và tính nhân dân* được trình bày, lý giải từ chính người soạn thảo ra nó. Thông qua báo cáo, nội dung của Đề cương càng chứng tỏ là sức mạnh của “vũ khí tư tưởng sắc bén của các chiến sĩ Việt Nam trên mặt trận văn hóa”<sup>1</sup> do Đảng lãnh đạo và hoạt động của các đoàn thể. Như thế, căn cứ vào những lý lẽ đã trình bày một cách thuyết phục, đồng chí Trường Chinh khẳng định: “Căn cứ vào nội dung của Đề cương thì phải gọi nó là *Đề cương về cách mạng tư*

---

1. Trường Chinh: “Diễn văn nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của Đề cương về văn hóa Việt Nam”, trong Nhiều tác giả: *Đề cương về văn hóa Việt Nam, chặng đường 60 năm*, Sđd, tr.54.

tưởng và văn hóa Việt Nam”<sup>1</sup>. Về tác dụng cơ bản của Đề cương trong 40 năm, đồng chí Trường Chinh nhấn mạnh vai trò đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh với những “cống hiến của Người về cách mạng tư tưởng và văn hóa” trong tư cách là nhà hoạt động chính trị lỗi lạc, người thầy và lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, đồng thời là nhà văn, nhà thơ, nhà báo, mà cuộc đời gắn chặt với sự nghiệp cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới nói chung<sup>2</sup>.

Với nhận định về Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu, chúng ta thấy sự tương đồng rất lớn giữa chân dung nhà văn hóa Trường Chinh và danh nhân văn hóa thế giới Hồ Chí Minh. Soi vào những tâm tư được gửi gắm trong thời gian lao tù với quan niệm về văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1942, tại phần cuối sổ chép những bài thơ *Nhật ký trong tù* (tài liệu chữ Hán - *Ngục trung nhật ký*), trong *Mục đọc sách*, chúng ta sẽ thấy nội dung văn hóa mới của Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 và việc tiếp tục triển khai cụ thể Đề cương ở những giai đoạn sau rất gần gũi với điều Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Ý nghĩa của văn hóa: Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn.

Năm điểm lớn xây dựng nền văn hóa dân tộc:

1. Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.
2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.
3. Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.
4. Xây dựng chính trị: dân quyền.
5. Xây dựng kinh tế”<sup>3</sup>.

---

1, 2. Trường Chinh: “Diễn văn nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của Đề cương về văn hóa Việt Nam”, trong Nhiều tác giả: *Đề cương về văn hóa Việt Nam, chặng đường 60 năm*, Sdd, tr.62, 63.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.3, tr.431.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập nội dung *xây dựng nền văn hóa dân tộc* gồm 5 điểm lớn như trên trong thời gian *ở tù*, trước thời điểm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời gần một năm. Trước đó, cuối năm 1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công bố tác phẩm *Lịch sử nước ta*<sup>1</sup> với một dự báo thiên tài: “Năm 1945 Việt Nam độc lập”.

Ở đây, sự tương đồng trong thể hiện quan điểm về cách mạng, về văn hóa, về ý nghĩa của tương lai dân tộc, về tấm lòng lo cho dân, lo cho nước và đề cao quần chúng nhân dân - lực lượng chiếm đại đa số trong xã hội bị nô lệ bởi phong kiến và thực dân. Những quan điểm về giải phóng dân tộc để người dân được hưởng thành quả tự do - độc lập - xây dựng một xã hội mới với đời sống mới đã được thông suốt và lôgic trong nhận thức cũng như phương châm hành động và hành động thực tiễn của Đảng Cộng sản trong 80 năm qua.

Có thể khẳng định rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập và rèn luyện Đảng đã đào tạo ra những người đồng chí, những người học trò xuất sắc cùng tổ chức lãnh đạo toàn dân tiến hành những bước đi ngoặt mục để đưa Việt Nam từ một dân tộc lạc hậu, tăm tối, bị phụ thuộc, biết đồng lòng đứng lên làm cách mạng, xây dựng một nền văn hóa mới của người dân ở một quốc gia độc lập<sup>2</sup>. Trải qua mỗi giai đoạn cách mạng, mỗi quyết sách liên quan đến lĩnh vực tư tưởng, văn hóa lại tiếp tục được tôi luyện, rà soát. Có lẽ, đó chính là lý do mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* với tác dụng thức tỉnh và thu hút mọi tầng lớp nhân dân vào con đường cách mạng văn hóa có sức hấp dẫn to lớn, được tổ chức kỷ niệm long trọng vào các dịp 40, 50, 60, 70, 75 năm và năm 2023 là 80 năm ngày Đề cương ra đời.

---

1. Tác phẩm *Lịch sử nước ta* của Chủ tịch Hồ Chí Minh với 208 câu thơ lục bát tóm tắt một cách cô đọng lịch sử dân tộc từ ngày tổ tiên dựng nước đến trước ngày khởi nghĩa Tháng Tám. Sáng 1/12/2022, tại Hà Nội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Bảo tàng Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học nhân dịp kỷ niệm 80 năm tác phẩm *Lịch sử nước ta* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Việt Minh Tuyên truyền Bộ Xuất bản ấn hành lần đầu tiên vào tháng 2/1942.

2. Ngay sau khi ông tái bầu Tổng Bí thư, báo *Cứu quốc* ngày 23/3/1951 của Liên Việt đã đăng bài giới thiệu, đánh giá: “Người ta có thể nói, Hồ Chủ tịch là linh hồn của cách mạng và kháng chiến, thì ông Trường Chinh là bàn tay điều khiển, chỉ huy”.

Trong dịp kỷ niệm 40 năm ngày ra đời Đề cương, đồng chí Trường Chinh kết luận: “Cuộc sống không đứng yên một chỗ. Cần phát triển Đề cương văn hóa theo hướng đúng trong điều kiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta (...) đòi hỏi chúng ta xiết chặt hàng ngũ, phát huy những ưu điểm, khắc phục những lệch lạc, sai lầm trong nhận thức<sup>1</sup>, phấn đấu trở thành người chiến sĩ kiên cường trên mặt trận tư tưởng, văn hóa”<sup>2</sup> là tâm huyết được đồng chí Trường Chinh gửi gắm. Và thực tế, trong vai trò là Tổng Bí thư lần thứ ba, đồng chí đã là vị Tổng Bí thư của công cuộc đổi mới đưa ra tại Đại hội VI năm 1986. “Cống hiến đặc biệt của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh là đặt nền móng cho công cuộc đổi mới. Năm 1986, với cương vị Tổng Bí thư, đồng chí đã đề ra chủ trương đổi mới”<sup>3</sup>.

\*

\*   \*   \*

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là văn kiện quan trọng chính thức đề cập tới nội hàm văn hóa mới, gắn với chế độ xã hội mới ở một quốc gia chưa được hình thành, chưa có Tuyên ngôn độc lập.

---

1. Về nội dung này, bản thân đồng chí Trường Chinh là tấm gương điển hình khi tự giác *xin từ chức* với những bất cập sai lầm của lãnh đạo và thực thi chính sách. Tại Hội nghị Trung ương 10 khóa II mở rộng (25/8 - 5/10/1956) về vấn đề sửa sai cải cách ruộng đất, ông từ chức Tổng Bí thư. Sau đó, ông đứng đầu Ban chỉ đạo công tác sửa sai, cho đến năm 1958. Ông phê phán việc khoán hộ sản phẩm của Kim Ngọc và sau này ông nhận mình đã sai lầm vì nhận thức không bắt kịp thực tế và nghe thông tin báo cáo không chính xác. Năm 1986, ông phân công Nguyễn Văn Linh viết Báo cáo chính trị và sau đó chủ động từ chức, nhường chỗ cho Nguyễn Văn Linh ở Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI. Hiện nay, văn hóa từ chức đang được Đảng quan tâm như một công việc tất yếu trong tổ chức đảng.

2. Trường Chinh: “Diễn văn nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của Đề cương về văn hóa Việt Nam”, trong Nhiều tác giả: *Đề cương về văn hóa Việt Nam, chặng đường 60 năm*, *Sđd*, tr.76.

3. Hòa Mạc: “Đồng chí Trường Chinh, tấm gương chiến sĩ cộng sản kiên cường, suốt đời phấn đấu vì lý tưởng cao đẹp của dân tộc và thời đại“, Tạp chí *Cộng sản*, ngày 29/9/2008. [https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/9031/view\\_content?\\_contentpublisher\\_WAR\\_viettelcmsportlet\\_urlTitle=dong-chi-truong-chinh%2C-tam-guong-chien-si-cong-san-kien-cuong%2C-suot-doi-phan-dau-vi-ly-tuong-cao-dep-cua-dan-toc-va-thoi-dai](https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/9031/view_content?_contentpublisher_WAR_viettelcmsportlet_urlTitle=dong-chi-truong-chinh%2C-tam-guong-chien-si-cong-san-kien-cuong%2C-suot-doi-phan-dau-vi-ly-tuong-cao-dep-cua-dan-toc-va-thoi-dai).

Nói về sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, chúng ta đều biết, những nội dung cốt lõi của bản Đề cương đó đã được đồng chí Trường Chinh ngẫm ngợi lâu dài và sau nhiều lần trao đổi, xin ý kiến của đồng chí Nguyễn Ái Quốc và theo quyết định của Đảng trong thời gian hoạt động bí mật đầu năm 1941, thời điểm đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước sau bao năm bôn ba hải ngoại tìm đường giải phóng dân tộc.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thể hiện sự nhất quán cao độ giữa đường lối của Đảng với tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác lập nền tảng lý luận cách mạng, đồng chí “Trần Phú và các đồng chí Tổng Bí thư (Trường Chinh - PLO chú) tiếp tục phát triển tư tưởng của một đảng hoàn chỉnh, hoàn thiện lý luận cách mạng nước ta. Cách mạng Việt Nam và lý luận của cuộc cách mạng ấy là một điển hình, một hình mẫu của cách mạng thuộc địa trong thế kỷ XX”<sup>1</sup>.

Những đóng góp to lớn của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh thông qua cuộc đời 63 năm hoạt động cách mạng và cụ thể qua tác phẩm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được ghi nhận, đánh giá cao trong suốt 80 năm qua. Những tư tưởng cốt lõi tạo nên giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được kế thừa và đến nay vẫn giữ nguyên tinh thần của cuộc *cách mạng văn hóa* trong thời kỳ mới của thế kỷ XXI dưới sự lãnh đạo của Đảng. Kế thừa và phát triển, bổ sung, nâng cấp để phù hợp với bối cảnh mà không xa rời mục đích, lý tưởng của bản Đề cương năm 1943, của ước mong/ham muốn tột bậc của Lãnh tụ thiên tài, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới Hồ Chí Minh khi còn sinh thời hướng về *hạnh phúc của nhân dân* chính là đang đi đúng con đường mà Đảng và Bác Hồ đã chọn cho dân tộc Việt Nam.

---

1. Hoàng Tùng: “Nhà lý luận lớn của cách mạng nước ta”, trong Nhiều tác giả: *Nhà văn hóa Trường Chinh 1907-1988*, Viện Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr.19.



## NHỮNG GIÁ TRỊ MANG TÂM THỜI ĐẠI CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943

TS. NGUYỄN HUY PHÒNG\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 là một văn kiện lịch sử vô giá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cách mạng, kháng chiến, chỉ ra con đường vận động, phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam. Với tính chất là một bản “đề cương” ngắn gọn, ra đời trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trải qua 80 năm những tư tưởng, quan điểm thể hiện trong Đề cương vẫn vẹn nguyên giá trị và tính thời sự sâu sắc.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh là người trực tiếp nghiên cứu, soạn thảo và trình bày trước Hội nghị Thường vụ Trung ương vào tháng 2/1943. Đề cương được viết trong bối cảnh đặc biệt của cách mạng khi đất nước chìm trong bóng đêm nô lệ, dưới sự cai trị thâm độc, tàn bạo của thực dân, phát xít, Đảng phải lui về hoạt động bí mật, đại đa số người dân mù chữ. Vì thế Đề cương được viết một cách ngắn gọn, giản dị, cô đọng, súc tích, bàn về những vấn đề cơ bản của cách mạng tư tưởng văn hóa.

Phát biểu tại lễ kỷ niệm 40 năm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (27/12/1983), đồng chí Trường Chinh nhấn mạnh: “*Đề cương về văn hóa Việt Nam* không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam. Ví dụ: cách mạng tư tưởng đề ra còn quá sơ sài, vấn đề xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa được đề cập tới... Nhưng Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup>.

Với khoảng 1.500 chữ, được trình bày theo kết cấu 5 phần: Cách đặt vấn đề; Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; Nguyên cơ của văn hóa dưới ách phátxít Nhật, Pháp; Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam; Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã đề cập đến những vấn đề cơ bản, then chốt, định hướng và mở ra con đường phát triển mới của nền văn hóa dân tộc dưới ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối lãnh đạo của Đảng.

### 1. Về vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng của văn hóa

Trước khi bàn về vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, Đề cương xác định phạm vi, nội hàm của văn hóa, bao gồm ba thành tố cơ bản là: Tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Đến nay cả ba thành tố mà Đề cương nêu ra đều là những yếu tố mang tính hạt nhân, có mối quan hệ gắn bó, chi phối, bổ sung và thẩm thấu lẫn nhau, cấu thành nên văn hóa dân tộc.

Trong ba yếu tố đó, yếu tố tư tưởng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, liên quan đến thế giới quan, đến nhận thức, tình cảm, thái độ, cách ứng xử của con người trước những vấn đề của tự nhiên, xã hội. Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (1998) về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* tiếp tục khẳng định: “Tư tưởng, đạo đức và lối sống là những lĩnh vực then chốt của văn hóa”<sup>2</sup>. Về nội hàm của vấn đề tư tưởng cũng như những thành tựu đạt được trong lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống, Nghị quyết của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: “Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được vận dụng và phát triển sáng tạo ngày càng tỏ rõ giá trị vững bền làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, nhân tố hàng đầu bảo đảm cho đời sống tinh thần xã hội phát triển đúng hướng. Ý thức phấn đấu cho độc lập dân tộc

1. *Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.12.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, t.57, tr.294.

và chủ nghĩa xã hội, tinh thần trách nhiệm và năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước. Nhiều nét mới trong giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức từng bước hình thành. Tính năng động và tính tích cực công dân được phát huy, sở trường và năng lực cá nhân được khuyến khích. Không khí dân chủ trong xã hội tăng lên. Thế hệ trẻ tiếp thụ nhanh những kiến thức mới và có ý chí vươn lên lập thân, lập nghiệp, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những việc làm thiết thực hướng về cội nguồn, về cách mạng và kháng chiến, về các anh hùng dân tộc, quý trọng các danh nhân văn hóa, đền ơn đáp nghĩa những người có công, giúp đỡ những người hoạn nạn... trở thành phong trào quần chúng. Tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng được tôn trọng”<sup>1</sup>.

Cùng với “tư tưởng”, “học thuật” là yếu tố nền tảng, quyết định đến chất lượng, nội dung của nền văn hóa. Học thuật liên quan trực tiếp đến trình độ học vấn, đến tri thức khoa học, sự hiểu biết và ý thức làm chủ của con người. Những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác từng khẳng định: “Căn cứ vào mức độ tự nhiên được con người biến thành bản chất người, tức là mức độ tự nhiên được con người khai thác, cải tạo thì có thể xem xét được trình độ văn hóa chung của con người”<sup>2</sup>. Học vấn là điều kiện cần để con người mở những cánh cửa vào tương lai, thể hiện khát vọng, tinh thần không ngừng học tập, nâng cao tri thức, trình độ và năng lực chuyên môn, từ đó có nhiều sáng tạo, phát minh mới, làm phong phú nền văn hóa dân tộc.

Nếu “học thuật” liên quan trực tiếp đến công tác giáo dục, đào tạo, đến việc trao truyền tri thức, bồi dưỡng thế hệ trẻ, nâng cao dân trí, thì “nghệ thuật” là một biểu hiện sinh động, phong phú của đời sống văn hóa, thể hiện những khát vọng của con người về chân, thiện, mỹ. Nghệ thuật thuộc phạm trù của cái đẹp, là thuộc tính thuộc về con người, đúng như C. Mác từng nói: “Súc vật chỉ nhào nặn vật chất theo thước đo và nhu cầu giống loài của nó, còn con người thì có thể áp dụng thước đo thích dụng cho mọi đối tượng, do đó con người cũng nhào nặn vật chất theo quy luật của cái đẹp”<sup>3</sup>.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.57, tr.294-295.

2. Dẫn theo Phạm Duy Đức (Chủ biên): *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.28.

3. C. Mác: *Bản thảo kinh tế - triết học 1844*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1962, tr.93-94.

Nghệ thuật là những sáng tạo, những rung động, cảm xúc của cá nhân trước tự nhiên, xã hội, từ đó sáng tạo ra những tác phẩm có ý nghĩa, phục vụ nhu cầu đời sống tinh thần phong phú, đa dạng của con người. Những sáng tạo về nghệ thuật rất phong phú, thể hiện ở nhiều loại hình, như văn học, kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh. Trải qua thời gian và những sáng tạo không ngừng nghỉ của các thế hệ người dân Việt Nam đã kết tinh thành những giá trị độc đáo, tạo thành bản sắc văn hóa dân tộc. Sức mạnh của những tác phẩm nghệ thuật có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục, hình thành nhân cách, lối sống tốt đẹp cho con người.

Khi đề cập đến vai trò của văn học, nghệ thuật, Đảng nhấn mạnh: “Không có hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người”<sup>1</sup>. Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về *Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới* tiếp tục khẳng định quan điểm: “Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam”<sup>2</sup>.

Như vậy, ngay những dòng mở đầu, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã xác định rõ phạm vi, nội hàm của văn hóa bao gồm 3 lĩnh vực/bộ phận trọng yếu là: Tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Vì thế, khi xây dựng, vun đắp nền văn hóa mới cần phải chú trọng, đề cao ba lĩnh vực đặc biệt quan trọng này, đồng thời thấy được mối quan hệ biện chứng, thẩm thấu lẫn nhau của tư tưởng, học thuật và nghệ thuật - những yếu tố liên quan mật thiết đến bình diện sáng tạo về mặt tinh thần của con người dựa trên những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của hiện thực đời sống xã hội.

Nhấn mạnh vào vai trò, vị trí của văn hóa trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, *Đề cương* khẳng định: “Mặt trận văn hóa là một trong ba

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.47, tr.464.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.57, tr.294-295.

mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. Có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>1</sup>.

Luận điểm *Văn hóa là một mặt trận* là một tư tưởng đúng đắn, mang tính thời đại, khẳng định vai trò to lớn của văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Cùng với các mặt trận kinh tế, chính trị, ngoại giao, quân sự, an ninh - quốc phòng thì mặt trận văn hóa cũng có ý nghĩa quan trọng, góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng, kháng chiến. Với tính chất là mặt trận không tiếng súng nhưng bằng ngòi bút, trang giấy và sức sáng tạo dồi dào của văn nghệ sĩ, trí thức đã góp phần đánh bại dã tâm xâm lược của kẻ thù, cổ vũ, ngợi ca tinh thần kháng chiến, kiến quốc của nhân dân.

Luận điểm này còn góp phần khắc phục những biểu hiện dao động, hoài nghi, những băn khoăn, trăn trở của một số văn nghệ sĩ, trí thức trong quá trình “tìm đường” đến với cách mạng, gắn bó mật thiết với vận mệnh quốc gia, dân tộc. Văn học, nghệ thuật hướng đến phụng sự Tổ quốc, ngợi ca nhân dân, bảo vệ lẽ phải, chính nghĩa, sự công bằng, đồng thời lên án, tố cáo tội ác của thực dân, đế quốc. Trong nhiều bức thư gửi anh em văn nghệ sĩ, trí thức, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt nhấn mạnh đến tính chiến đấu, tinh thần “thép” trong các sáng tác của các nghệ sĩ. Trong thư *Gửi anh em văn hóa và trí thức Nam Bộ* (25/5/1947), Người khẳng định: “Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà, mà anh em văn hóa và trí thức phải làm cũng như là những chiến sĩ anh dũng trong công cuộc kháng chiến để tranh lại quyền thống nhất và độc lập cho Tổ quốc”<sup>2</sup>.

Trong *Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa* năm 1951, Người tiếp tục nhấn mạnh: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ nhất định, tức là: phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh. Để làm tròn nhiệm vụ,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.316.

2. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa văn nghệ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.7.

chiến sĩ nghệ thuật cần có lập trường vững, tư tưởng đúng. Nói tóm tắt là phải đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết”<sup>1</sup>.

Sau này Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) tiếp tục khẳng định quan điểm: “Văn hóa là một mặt trận; xây dựng, phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng”<sup>2</sup> nhằm định hướng quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ mới.

Nhấn mạnh đến tính “mặt trận” của văn hóa để thấy rằng văn hóa là một bộ phận khăng khít, có liên hệ mật thiết với cách mạng, đồng thời nhằm cổ vũ, tập hợp lực lượng, nhất là đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức còn có những dao động, băn khoăn khi đang ở ngã ba đường của sự lựa chọn. *Văn hóa là một mặt trận* không phải là hạ thấp vai trò, tính sáng tạo của văn hóa, mà đó là sứ mệnh, là trách nhiệm và nghĩa vụ thiêng liêng của người cầm bút trước những vấn đề lớn lao của Tổ quốc, dân tộc. Trong bài báo *Tổ chức của Đảng và văn học Đảng* viết năm 1905, V.I. Lênin từng khẳng định: “Sự nghiệp văn học phải thành một bộ phận trong sự nghiệp của toàn thể giai cấp vô sản, phải thành *một cái bánh xe nhỏ và một cái đinh ốc* trong một bộ máy dân chủ - xã hội vĩ đại, thống nhất, do toàn đội tiên phong giác ngộ của toàn bộ giai cấp công nhân điều khiển. Sự nghiệp văn học phải trở thành một bộ phận khăng khít của công tác có tổ chức, có kế hoạch, thống nhất, của Đảng dân chủ - xã hội”<sup>3</sup>. Cũng theo Lênin, mọi sự so sánh đều khập khiễng, tuy nhiên văn học, nghệ thuật không thể tách rời chính trị, đó là một bộ phận quan trọng của tổ chức đảng. Nhấn mạnh đến đặc trưng, tính chất của văn học, nghệ thuật, Lênin viết: “Sự nghiệp văn học ít thích hợp nhất đối với một sự cào bằng máy móc, đối với sự san bằng, đối với việc số đông thống trị số ít. Đương nhiên, trong sự nghiệp đó tuyệt đối phải bảo đảm phạm vi hết sức rộng rãi cho sáng kiến cá nhân, cho khuynh hướng cá nhân, cho tư tưởng và sức tưởng tượng, cho hình thức và nội dung”<sup>4</sup>.

1. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa văn nghệ*, *Sđd*, tr.19.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.57, tr.306.

3, 4. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.12, tr.123, 124.

Nhằm góp phần lý giải về mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* khẳng định: “Nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội”<sup>1</sup>, tức là hạ tầng cơ sở quyết định kiến trúc thượng tầng. Văn hóa bao gồm cả những giá trị vật chất và tinh thần, tuy nhiên khi nói đến văn hóa người ta thường nhấn mạnh đến khía cạnh tinh thần. Vì thế, văn hóa là một hình thái ý thức xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng và luôn chịu sự chi phối, tác động của cơ sở hạ tầng, điều kiện kinh tế, chính trị quyết định. Tuy nhiên, văn hóa cũng có quy luật vận động, có đời sống riêng mà các loại hình ý thức xã hội khác không có được. Cho nên văn hóa không thể thoát ly, đứng ngoài cuộc sống. “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”<sup>2</sup>.

Nhận thức rõ về vị trí của văn hóa, Đề cương xác định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác văn hóa, văn nghệ. Đảng cần phải làm tốt công tác văn hóa, bên cạnh nhiệm vụ làm cách mạng chính trị còn phải làm cách mạng văn hóa, loại bỏ những tư tưởng lạc hậu, bảo thủ, phản giá trị, phản tiến bộ để xây dựng đời sống mới, văn hóa mới. Đồng thời, Đảng phải lãnh đạo được phong trào văn hóa nhằm gây tầm ảnh hưởng; đưa chủ trương, đường lối, quyết sách của Đảng đi vào đời sống của nhân dân.

Đảng lãnh đạo phong trào văn hóa, văn nghệ là vấn đề mang tính tất yếu chính trị nhằm bảo đảm tính định hướng trong sáng tác, tập hợp lực lượng, huy động sức sáng tạo trong mọi tầng lớp nhân dân để thực hiện mục tiêu, sứ mệnh cao cả là giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, mang lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đảng lãnh đạo văn hóa là vấn đề mang tính nguyên tắc, nhằm bảo đảm tốt quyền lợi, trách nhiệm, cũng như mang lại những cảm hứng dồi dào để người nghệ sĩ viết nên những tác phẩm lớn, có ý nghĩa và mang tầm thời đại.

Thực tiễn cách mạng và những thành tựu trong công cuộc đổi mới đã minh chứng sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định đến đường hướng phát triển cũng như đến mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.316.

2. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa văn nghệ*, Sdd, tr.20.

Về cơ chế trong xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc, các nghị quyết của Đảng đều nhất quán khẳng định quan điểm: “Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng”<sup>1</sup>.

## 2. Về tính chất, nguyên tắc vận động của nền văn hóa mới Việt Nam

Sau các phần “Đặt vấn đề”, giới thiệu khái quát về “Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam”, những “Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật, Pháp”, bản *Đề cương* dành phần IV để bàn về vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam, trong đó nhấn mạnh đến tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam, đó là “một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung”<sup>2</sup>. *Đề cương* cũng nêu lên ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam, đó là:

- Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).
- Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).
- Khoa học hóa (chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

Ba nguyên tắc đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới. Giải thích cụ thể về nội hàm ba nguyên tắc “Dân tộc hóa, Đại chúng hóa và Khoa học hóa”, tại lễ kỷ niệm 40 năm *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh nhấn mạnh:

Về nguyên tắc *Dân tộc hóa*. Gần 100 năm thống trị Việt Nam, thực dân Pháp du nhập vào nước ta những nhân tố tiêu cực của văn hóa tư sản và đế quốc Pháp. Chúng ca tụng sự giàu mạnh, ca tụng chính sách thuộc địa của giai cấp tư sản, gieo rắc vào đầu óc người trí thức Việt Nam tinh thần phục Pháp. Vì sùng bái văn hóa Pháp, nhiều trí thức đã vào làng Tây, nói tiếng Tây, bắt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.49.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.320.



chức một cách lơ lửng từ cách ăn diện đến cuộc sống hưởng lạc, đòi trụ của Pháp. Tư tưởng sùng ngoại dẫn tới tự ti, miệt thị văn hóa dân tộc. Một số người không còn biết đến truyền thống yêu nước, khí phách anh hùng, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, phẩm chất cao quý của dân tộc trong suốt quá trình lịch sử. Dân tộc hóa là làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có lòng tự hào, dũng cảm đứng lên nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam.

*Khoa học hóa.* Việt Nam là nước nông nghiệp, bị trì trệ lâu ngày dưới chế độ phong kiến. Những quan điểm duy tâm, thần bí, siêu hình của văn hóa phong kiến, thực dân chi phối lớn đến suy nghĩ, hành động của nhiều tầng lớp nhân dân. Tính chất lạc hậu, bảo thủ còn biểu hiện nặng nề trong phong tục tập quán, trong nếp sống hàng ngày của con người. Thực dân Pháp không những xóa bỏ văn hóa phong kiến mà còn duy trì, khôi phục và phát triển, biến nó thành phương tiện thực hiện chính sách ngu dân. Khoa học hóa là tạo điều kiện cho nền văn hóa dân chủ mới nhanh chóng thoát khỏi sự kìm hãm ấy, nhằm phát triển về mọi mặt trên cơ sở khoa học, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi suy nghĩ, hành động. Nó gạt ra khỏi đầu óc con người những loại thành kiến, hủ bại, mê tín dị đoan.

*Đại chúng hóa.* Ở một nước thuộc địa còn nhiều tàn tích phong kiến, đông đảo nhân dân, nhất là công nhân, nông dân bị mù chữ, không có điều kiện để tiếp thụ tinh thần văn hóa của dân tộc và nhân loại. Văn hóa, âm nhạc, hội họa... và các thể loại văn hóa khác không phục vụ nhân dân mà chỉ cốt phục vụ cho giai cấp thống trị. Nói chung quần chúng lao động bị gạt ra ngoài đời sống văn hóa. Văn hóa mới phải là văn hóa của nhân dân, phục vụ nhân dân, làm cho mọi người biết đọc, biết viết, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo nghệ thuật và dần dần chiếm lĩnh các giá trị tinh thần mà dân tộc và loài người tạo ra.

Ba nguyên tắc ngắn gọn, súc tích, vừa đề cập đến hiện trạng nền văn hóa dân tộc, vừa chỉ ra đường hướng xây dựng, phát triển nền văn hóa mới, đó là nền văn hóa được xây dựng từ nền tảng vững bền là sức sáng tạo bên bỉ của nhân dân; đó là nền văn hóa thuộc về nhân dân, do nhân dân là chủ thể sáng tạo, trao truyền và gìn giữ, phát huy. Nền văn hóa đó phải bám rễ vào cội nguồn lịch sử; không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để

bồi đắp và làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng phong phú, giàu đẹp.

Dân tộc, khoa học, đại chúng - những thuật ngữ đã trở thành khẩu hiệu, mệnh lệnh trong suy nghĩ, hành động của mỗi người dân Việt Nam trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, thực hiện công cuộc đổi mới và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dân tộc, khoa học, đại chúng đã trở thành tính chất, đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam - một nền văn hóa thấm đẫm tinh thần dân tộc, giàu bản sắc do nhân dân sáng tạo với khát vọng không ngừng vươn đến cái đẹp, cái hữu ích, cái tiến bộ, văn minh.

Kế thừa, bổ sung và phát triển những quan điểm của Đề cương về tính chất, nguyên tắc vận động của nền văn hóa mới, các nghị quyết của Đảng đều khẳng định: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Có thể khẳng định rằng, ra đời trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, khi đất nước còn chìm trong bóng đêm nô lệ, dưới ách thống trị của thực dân, phát xít, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã vạch ra con đường phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam, tập hợp được đông đảo văn nghệ sĩ, trí thức đi theo tiếng gọi của Đảng, Tổ quốc, đem hết sức mình phụng sự, cống hiến cho đất nước, nhân dân. Những tư tưởng, quan điểm ngắn gọn, súc tích được trình bày trong Đề cương đã góp phần giải quyết tốt những vấn đề về tư tưởng, tạo sự thống nhất trong nhận thức, hành động; khuyến khích, cổ vũ nhân dân, nhất là đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức không ngừng sáng tạo ra nhiều tác phẩm có giá trị, ý nghĩa, kiến tạo nền tảng, sức mạnh tinh thần để cùng với các “mặt trận” khác làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (1945), giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1975), mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ra đời cách đây gần một thế kỷ nhưng những quan điểm, nguyên tắc, chủ trương đúng đắn, kịp thời của Đảng về văn hóa, văn nghệ đến nay vẫn vẹn nguyên giá trị và tinh thần thời đại sâu sắc, thể hiện tư duy, tầm nhìn và khát vọng của toàn Đảng, toàn dân nỗ lực, quyết tâm đổi mới, sáng tạo, cống hiến để vun đắp nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, giàu bản sắc, tạo sức mạnh, nguồn lực nội sinh để xây dựng nước Việt Nam phồn vinh và hạnh phúc.

## QUAN HỆ GIỮA DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG VÀ KHOA HỌC TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA BỀN VỮNG

GS.TS. TRẦN VĂN PHÒNG\*

Chúng ta đều rõ ngay từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, Đảng ta đã đề ra ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam. Đó là dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Muốn cho ba nguyên tắc này thắng lợi phải kịch liệt chống xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trớn của bọn tởtkít<sup>1</sup>. Nghĩa là muốn cho văn hóa Việt Nam phát triển bền vững chúng ta phải quán triệt tốt trên thực tế các nguyên tắc: dân tộc, đại chúng và khoa học. Ba nguyên tắc này cũng chính là ba thuộc tính của nền văn hóa Việt Nam mà *Đề cương văn hóa* năm 1943 đề cập.

Một nền văn hóa của dân tộc bao giờ cũng phải mang tinh thần dân tộc, cốt cách dân tộc, đặc trưng cho dân tộc. Văn hóa được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Theo nghĩa rộng, văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra trong hoạt động thực tiễn lịch sử - xã hội. Trong đó, con người - chủ thể sáng tạo văn hóa luôn cụ thể; sống, hoạt động và thuộc về một cộng đồng quốc gia, dân tộc cụ thể, trong những thời đại lịch sử cụ thể. Do đó, văn hóa luôn mang dấu ấn, đặc trưng dân tộc đậm nét, mặc dù nó có những giá trị nhân loại và giai cấp. Hơn nữa, văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, với đúng nghĩa luôn thể hiện tầm cao và chiều

---

\* Nguyên Viện trưởng Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.319.

sâu về trình độ phát triển tinh thần của một dân tộc, là sự kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất của một dân tộc. Trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ngày 24/11/2021, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Văn hóa là hồn cốt của Dân tộc, nói lên bản sắc của Dân tộc. Văn hóa còn thì Dân tộc còn,...”<sup>1</sup>. Nghĩa là văn hóa là cái khung cốt lõi, cái căn cốt của dân tộc, nếu cái khung cốt lõi, căn cốt này không còn thì dân tộc cũng không còn. Tính dân tộc của nền văn hóa còn thể hiện ở chỗ nền văn hóa dân tộc luôn chống lại văn hóa ngoại lai, nô dịch, áp đặt, biệt lập, tự ti. Nền văn hóa dân tộc là nền văn hóa độc lập, có cội nguồn sâu xa từ trong lòng dân tộc, có cơ sở, sức sống từ chính tinh hoa dân tộc nhưng biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nên văn hóa luôn tràn đầy sức sống. Chính vì vậy mà hơn một nghìn năm Bắc thuộc, văn hóa Việt Nam vẫn giữ được bản sắc dân tộc, không bị đồng hóa. Dân tộc Việt Nam là dân tộc có hàng nghìn năm lịch sử, trải qua nhiều thăng trầm, biến cố nhưng đã tạo ra những giá trị văn hóa dân tộc độc đáo như tinh thần yêu nước, đoàn kết, tính cố kết cộng đồng, tinh thần tương thân, tương ái, yêu lao động, cần cù, ham học, vị tha, v.v.. Những giá trị này đã được đúc kết, xây dựng và phản ánh trong nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc. Đảng ta “*Bản sắc dân tộc* bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo”<sup>2</sup>.

Một nền văn hóa đại chúng là nền văn hóa gần gũi nhân dân, phục vụ nhân dân, không xa lạ với nhân dân, không đối lập với nhân dân. Đây là đặc

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.157.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.57, tr.304-305.

trung và cũng là yêu cầu, nguyên tắc rất quan trọng của nền văn hóa Việt Nam. Tính đại chúng còn thể hiện ở chỗ: chính quảng đại quần chúng nhân dân là người sáng tạo nên văn hóa dân tộc; chính họ cũng là nguồn cảm hứng của văn hóa dân tộc; quần chúng nhân dân cũng là người hưởng thụ văn hóa dân tộc, là người giữ gìn, lưu truyền, làm giàu các giá trị văn hóa dân tộc. Nhờ vậy mà văn hóa dân tộc mới trường tồn và luôn được bổ sung, phát triển, làm giàu thêm. Chính vì vậy mà trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (24/11/1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Số phận dân ta là ở trong tay dân ta. Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”<sup>1</sup>. Nghĩa là quần chúng nhân dân là người tự quyết định vận mệnh của mình cũng như quyết định vận mệnh nền văn hóa dân tộc mình. Nền văn hóa dân tộc chân chính phải là nền văn hóa phục vụ nhân dân, vì nhân dân, gắn bó với nhân dân, soi đường cho nhân dân đi.

Một nền văn hóa khoa học phải là nền văn hóa phản ánh được quy luật khách quan của cái chân, thiện, mỹ, cái tiến bộ, ủng hộ cái mới hợp quy luật phát triển vì sự nghiệp giải phóng con người và cho con người. Nền văn hóa khoa học phải là nền văn hóa tiên tiến, tiến bộ, hiện đại chống lại những gì là cũ kỹ, bảo thủ, lạc hậu, trì trệ, chống bóc lột, áp bức, nô dịch con người. Đó là nền văn hóa giải phóng con người. Tiên tiến của nền văn hóa được Đảng ta hiểu là “yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện trong các phương tiện truyền tải nội dung”<sup>2</sup>.

Phát triển văn hóa bền vững ở Việt Nam là quá trình chủ động, tích cực, sáng tạo của toàn quân, toàn dân, toàn thể 54 cộng đồng tộc người anh em, cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước với các chương trình, kế hoạch giữ gìn, bảo tồn, phát huy, phát triển các giá trị văn hóa dân tộc; chuyển hóa các giá trị văn hóa dân tộc thành nguồn lực, động lực cho phát triển chính văn hóa và phát triển đất nước.

---

1. Hồ Chí Minh: *Về công tác văn hóa văn nghệ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.64.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.57, tr.304.

Phát triển nền văn hóa dân tộc bền vững về cơ bản phải là nền văn hóa dân tộc, đại chúng và khoa học. Bởi lẽ, ba thuộc tính này là hồn cốt, mục tiêu và động lực cho phát triển văn hóa. Trong đó, dân tộc là hồn cốt, đại chúng (phục vụ nhân dân) là mục tiêu và khoa học là động lực thúc đẩy phát triển văn hóa bền vững. Giữa ba thuộc tính này có mối quan hệ biện chứng nội tại với nhau trong phát triển văn hóa bền vững. Điều này thể hiện:

*Một là*, tính dân tộc của văn hóa đòi hỏi tính đại chúng, nghĩa là phát triển nền văn hóa bền vững phải khởi nguồn từ những giá trị văn hóa của quảng đại quần chúng nhân dân, của tất cả các giai tầng, các tộc người của dân tộc. Nền văn hóa dân tộc không thể là nền văn hóa của riêng ai, của riêng một giai cấp nào mà tiêu biểu cho cả dân tộc. Chính vì vậy, nền văn hóa của giai cấp thống trị áp bức, bóc lột thì không thể đại diện cho văn hóa của cả dân tộc được. Nền văn hóa mà không đại diện cho dân tộc nhất định sẽ bị thay thế bằng nền văn hóa khác đại diện, tiêu biểu cho cả dân tộc. Trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, Đảng ta đã xác định “Các giai đoạn trong lịch sử văn hóa Việt Nam:

a) Thời kỳ Quang Trung trở về trước: văn hóa Việt Nam có tính chất nửa phong kiến, nửa nô lệ, phụ thuộc vào văn hóa Trung Quốc.

b) Thời kỳ từ Quang Trung đến khi đế quốc Pháp xâm chiếm, văn hóa phong kiến có xu hướng tiểu tư sản.

c) Thời kỳ từ Pháp sang xâm chiếm đến nay: văn hóa nửa phong kiến, nửa tư sản và hoàn toàn có tính cách thuộc địa<sup>1</sup>. Còn văn hóa mới Việt Nam vươn tới là văn hóa dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung. Cho nên văn hóa này tiến bộ và cách mạng<sup>2</sup>. Vì văn hóa mới này đại diện cho không chỉ cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động mà cho cả dân tộc Việt Nam.

*Hai là*, chúng ta đều rõ nền văn hóa dân tộc nhưng không khoa học sẽ không thể là nền văn hóa đại diện cho tiến bộ, nhân văn được, chỉ có thể đại diện cho bảo thủ, trì trệ, lạc hậu hoặc là nền văn hóa đại diện cho chủ nghĩa dân tộc tự ti hoặc là chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Không phải ngẫu nhiên mà trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đảng ta đã phê phán chính sách văn hóa của Nhật khi ấy, vì thực hiện:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.7, tr.316-317.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.7, tr.320.

“- Tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á.

- Gây ra một quan niệm cho người Nhật là cứu tinh của giống da vàng và văn hóa Nhật Bản chiếu rọi những tia sáng văn minh tiến bộ cho các giống nòi Đại Đông Á, v.v..

- Tìm hết cách phô trương và giới thiệu văn hóa Nhật Bản (triển lãm, diễn thuyết, đặt phòng du lịch, viện văn hóa, trao đổi du học sinh, mời nghệ sĩ Đông Dương sang thăm nước Nhật, mở báo chí tuyên truyền, tổ chức ca kịch, chiếu bóng...).

- Đàn áp các nhà văn chống Nhật và mua chuộc các nhà văn có tài”<sup>1</sup>. Đồng thời Đảng ta cũng phê phán văn hóa phát xít (văn hóa trung cổ và nô dịch hóa)<sup>2</sup>. Cả hai kiểu văn hóa này rõ ràng là có thể có tính dân tộc nhưng không có tính khoa học. Sớm muộn hai kiểu văn hóa này sẽ bị tàn lụi. Do vậy, tính dân tộc chân chính của văn hóa đòi hỏi tính khoa học nếu không tính dân tộc sẽ bị biến dạng thành dân tộc hẹp hòi hoặc dân tộc cực đoan. Như vậy thì không thể phát triển văn hóa bền vững được.

*Ba là*, nền văn hóa đại chúng là nền văn hóa đại diện cho quảng đại quần chúng nhân dân, các tộc người trong quốc gia, dân tộc; phục vụ đông đảo nhân dân. Nền văn hóa này là của nhân dân, vì nhân dân và cho nhân dân. Một nền văn hóa như vậy mới đại diện được cho cả dân tộc, quốc gia, nghĩa là mới là văn hóa dân tộc. Nền văn hóa đại chúng nhưng không khoa học thì cùng không thể đại diện cho quốc gia, dân tộc được, vì văn hóa dân tộc khác với văn hóa đám đông - cổ súy cho những thị hiếu văn hóa tầm thường. Khi ta nói văn hóa có tính đại chúng thì không phải là văn hóa đám đông. Tính đại chúng ở chỗ văn hóa phục vụ quảng đại quần chúng nhân dân, gắn bó với quần chúng nhân dân, dựa vào nhân dân để phát triển. Nền văn hóa như vậy nhất định sẽ có cơ sở, nền tảng phát triển bền vững.

*Bốn là*, nền văn hóa khoa học đòi hỏi và bao gồm trong nó nền văn hóa dân tộc và văn hóa đại chúng vì không có nền văn hóa chung chung, trừu tượng không gắn với một quốc gia, dân tộc nào và không phục vụ ai. Nền văn hóa khoa học là nền văn hóa đại biểu cho cả dân tộc và phục vụ lợi ích của toàn thể nhân dân, phù hợp với quy luật phát triển tiến bộ của nhân loại.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.7, tr.318.*

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.7, tr.318.*

Tính khoa học của văn hóa đòi hỏi phải đấu tranh chống lại tất cả những gì trái với khoa học, phản khoa học, phản tiến bộ; phải truyền bá tư tưởng, văn hóa tiến bộ.

Chính vì những yêu cầu phát triển nền văn hóa Việt Nam dân tộc, đại chúng, khoa học mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, đã nêu 5 quan điểm chỉ đạo: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; Nền văn hóa chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng”<sup>1</sup>. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng ta chủ trương: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện mới, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ”<sup>2</sup>. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (2014) về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, đã đề ra quan điểm: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”<sup>3</sup>. Đại hội XIII tiếp tục đề ra nhiệm vụ “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”<sup>4</sup>.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.57, tr.303-306.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.75.

3. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (dangcongsan.vn), ngày 11/6/2014.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.



Để phát triển văn hóa Việt Nam bền vững cần quán triệt tốt quan hệ biện chứng giữa ba thuộc tính dân tộc, đại chúng và khoa học. Muốn vậy cần thực hiện một số biện pháp cụ thể sau:

*Thứ nhất*, quán triệt quan hệ biện chứng thống nhất hữu cơ giữa ba thuộc tính dân tộc, đại chúng, khoa học của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Như trên đã trình bày, ba thuộc tính dân tộc, đại chúng, khoa học của nền văn hóa Việt Nam thống nhất biện chứng hữu cơ với nhau. Mỗi thuộc tính đều đòi hỏi và bao gồm hai thuộc tính kia và ngược lại. Thiếu một trong ba thuộc tính thì nền văn hóa không những không phát triển mà còn có nguy cơ trở thành văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, tự ti, phát xít, dân tộc hẹp hòi, v.v.. Nếu thực hiện tốt điều này thì cũng sẽ làm cho nền văn hóa đó trở nên dân chủ. Nghĩa là phát huy dân chủ của quảng đại quần chúng nhân dân cho phát triển văn hóa. Tất nhiên, dân chủ của nền văn hóa thống nhất với việc đề cao ý thức cá nhân, ý thức trách nhiệm xã hội và ý thức trách nhiệm công dân của mỗi người, trách nhiệm đề cao trật tự, kỷ cương xã hội và thống nhất giữa nghĩa vụ và quyền lợi, trách nhiệm của công dân trước pháp luật trong sáng tạo và hưởng thụ văn hóa.

*Thứ hai*, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội XIII về tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình<sup>1</sup>. Bởi lẽ, bản sắc dân tộc của văn hóa chính là hệ giá trị văn hóa. Nhưng hệ giá trị văn hóa không tách rời hệ giá trị con người, hệ giá trị gia đình và hệ giá trị quốc gia. Đồng thời với việc thực hiện những giải pháp đột phá ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, tiêu cực xã hội cần “Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam”<sup>2</sup>. Bởi lẽ, bảo vệ và phát huy hiệu quả các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam chính là tăng cường, củng cố tính dân tộc trong phát triển văn hóa bền vững. Để tăng cường, củng cố tính đại chúng, phục vụ nhân dân, cần có cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể để “cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Phát huy ý thức tự giác của toàn dân xây dựng và

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.143, 143.

thực hiện các chế tài, quy định, quy ước xã hội, bảo đảm công bằng về cơ hội và thụ hưởng văn hóa”<sup>1</sup>. Khắc phục sự chênh lệch về trình độ và đời sống văn hóa giữa các vùng, miền, giai tầng xã hội.

*Thứ ba*, tăng cường, củng cố tính khoa học của văn hóa dân tộc bằng cách phê phán, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan; xây dựng các chuẩn mực văn hóa lãnh đạo, quản lý; xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh; vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới<sup>2</sup>. Đồng thời “Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đồng thời chủ động nâng cao sức đề kháng của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên đối với các văn hóa phẩm ngoại lai độc hại; từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới”<sup>3</sup>. Trong quá trình kế thừa tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại cần thực hiện chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ. Thí dụ: Ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam.

Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Thí dụ: Đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi.

Cái gì cũ mà *tốt*, thì phải phát triển thêm. Thí dụ: Ta phải tương thân, tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước.

Cái gì *mới* mà hay, thì ta phải làm. Thí dụ: Ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp”<sup>4</sup>.

*Thứ tư*, “Tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa”<sup>5</sup>. Trong lãnh đạo văn hóa, một mặt tôn trọng tự do sáng tạo thực sự của văn nghệ sĩ, của quần chúng nhân dân, mặt khác đề cao trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân, đạo đức cá nhân của họ, gắn với đạo đức xã hội, kỷ cương xã hội, tạo ra sự đồng thuận trong phát triển văn hóa bền vững. Nhà nước tăng cường đầu tư, khai thác, phát huy tối đa các nguồn lực văn hóa gắn với đổi mới phương thức quản lý, kiểm tra, giám sát bảo đảm hiệu quả đầu tư.

1, 2, 3, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.144, 144-145, 147, 146.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.94-95.

Đổi mới các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở. Đổi mới công tác đào tạo, xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu về văn hóa. Lãnh đạo, quản lý về văn hóa cũng phải bằng và thông qua văn hóa giao tiếp, văn hóa ứng xử, văn hóa chia sẻ, văn hóa khoan dung, văn hóa tin tưởng, v.v. không nên chỉ bằng mệnh lệnh hành chính, cứng nhắc. Chỉ trên cơ sở đó mới định hướng và quản lý được sự phát triển văn hóa bền vững.

*Thứ năm*, phát huy vai trò tích cực của quảng đại quần chúng nhân dân trong củng cố, tăng cường tính dân tộc, đại chúng, khoa học để phát triển văn hóa bền vững. Văn hóa của bất kỳ dân tộc nào muốn được phát triển bền vững đều phải xuất phát từ nhân dân, dựa vào nhân dân. Bản thân đội ngũ văn nghệ sĩ - những người sáng tạo văn học, nghệ thuật - cũng là nhân dân. Nhân dân còn là đông đảo các văn nghệ sĩ không chuyên nghiệp, là thính giả, độc giả, là khách tham quan các bảo tàng văn hóa, nghệ thuật, v.v.. - là những người tạo nên chất liệu cho sáng tạo văn hóa và hưởng thụ văn hóa dân tộc. Do vậy, để phát triển văn hóa bền vững với những thuộc tính dân tộc, đại chúng, khoa học thì không thể không phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo của nhân dân. Do vậy, phải tìm mọi cách lôi cuốn nhân dân vào củng cố, tăng cường tính dân tộc, đại chúng, khoa học để phát triển văn hóa bền vững.

Trên đây là năm biện pháp chủ yếu nhằm quán triệt sự thống nhất hữu cơ giữa tính dân tộc, đại chúng, khoa học để phát triển văn hóa Việt Nam bền vững. Các giải pháp này phải được tổ chức, thực hiện đồng bộ trên thực tế thì mới mang lại hiệu quả thiết thực. Qua đây cũng cho thấy, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, đã trải qua 80 năm nhưng linh hồn sống của Đề cương vẫn giữ nguyên giá trị lý luận và thực tiễn. Để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc không thể không kế thừa những giá trị của Đề cương văn hóa này, trong đó có các thuộc tính dân tộc, đại chúng, khoa học.

## VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM NHÌN TỪ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG

TS. LÊ THỊ PHƯƠNG\*

### 1. Quan điểm của Đảng về văn hóa và phát triển bền vững

Cho đến nay, trên thế giới cũng như ở Việt Nam, khái niệm văn hóa vẫn được hiểu từ nhiều khía cạnh, nhiều góc độ khác nhau, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người. Nhiều khái niệm về văn hóa đã được đưa ra. Chẳng hạn, theo E.B. Taylor (1871), “văn hóa hay văn minh, theo nghĩa rộng về tộc người học, nói chung gồm có tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, tập quán và một số năng lực và thói quen khác được con người chiếm lĩnh với tư cách là một thành viên của xã hội”. F. Mayor trong chương trình *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa* đã phát biểu “Văn hóa là tổng thể sống động các hoạt động và sáng tạo trong quá khứ và trong hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên một hệ thống các giá trị, các truyền thống và thị hiếu - những yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc”<sup>1</sup>. Ở Việt Nam, năm 1943, Hồ Chí Minh cũng đưa ra quan niệm: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa, văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu

---

\* Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

1. theo tài liệu của Ủy ban Quốc gia thập kỷ thế giới phát triển văn hóa.

đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” (tr.458). Một cách bao quát, văn hóa có thể được hiểu từ nhiều khía cạnh, nó có thể như là một hệ giá trị phổ biến, phổ quát của nhân loại; hoặc như một hoạt động cho sự phát triển, sự sáng tạo; hay văn hóa cũng có thể được xem như một hệ thống tiêu chí đánh giá, điều chỉnh hành vi, cách ứng xử, đạo đức của con người.

Sự phát triển của khoa học công nghệ đã đưa đến những biến đổi mạnh mẽ về mọi mặt trong đời sống của con người, từ kinh tế, xã hội đến môi trường song cũng gây ra nhiều bất ổn khó lường, vấn đề phát triển bền vững trở thành mục tiêu hướng đến của nhiều quốc gia trên thế giới. Ban đầu, thuật ngữ này tập trung chủ yếu vào lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường<sup>1</sup>. Theo đó, phát triển bền vững là “sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...” (WCED, 1987). Nói cách khác, phát triển bền vững phải bảo đảm một nền kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ. Để đạt được điều này, tất cả các thành phần kinh tế - xã hội, nhà cầm quyền, các tổ chức xã hội... phải bắt tay nhau thực hiện nhằm mục đích dung hòa ba lĩnh vực chính: kinh tế - xã hội - môi trường. Tuy nhiên, sau khi UNESCO phát động *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa 1988-1997* thì văn hóa được nhìn nhận như một động lực để phát triển. Nhận thức được vai trò quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển, trong những năm gần đây, văn hóa đã được quan tâm và đưa ra thảo luận ở nhiều diễn đàn, từ phạm vi quốc gia đến quốc tế, trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, phát triển không chỉ còn được nhìn nhận thuần túy ở khía cạnh kinh tế mà còn bao gồm cả sự công bằng xã hội và giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người. Phát triển không còn được hiểu là sự thay đổi tuyến tính theo một nấc thang mang tính phổ quát và đồng nhất, mà là các mô hình phát triển đa dạng, ở các xã hội khác nhau với các truyền thống khác nhau, gắn kết và

---

1. Thuật ngữ này được đưa ra lần đầu tiên vào năm 1980 bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế - IUCN, được nhấn mạnh hơn trong Báo cáo *Our Common Future* của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới - WCED (nay là Ủy ban Brundtland) (1987) và được hoàn chỉnh hơn qua các hội nghị của Liên hợp quốc như Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992 Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hòa Nam Phi) năm 2002.

phù hợp với bối cảnh lịch sử, văn hóa và xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc. Do đó, đến năm 2015, trong 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 mà UNESCO đưa ra để thay thế cho *Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ*, văn hóa được coi là một trong bốn trụ cột phát triển bền vững, bên cạnh các trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

Đối với Việt Nam, phát triển bền vững vừa là yêu cầu, vừa là mục tiêu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình phát triển, văn hóa luôn có vị trí và vai trò nhất định. Ngay từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng đã xác định văn hóa giữ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong cách mạng, kháng chiến và phát triển kinh tế - xã hội. Trong bản *Đề cương văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được thông qua trong Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên) vào tháng 2/1943, văn hóa được coi là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) có mối quan hệ mật thiết với nhau. Cách mạng không chỉ được thực hiện trên mặt trận kinh tế, chính trị mà còn được tiến hành trên mặt trận văn hóa. Trên tinh thần đó, năm 1946, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra luận điểm: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Luận điểm này cho thấy phạm vi rộng lớn, tầm ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa đối với tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trở thành nguyên tắc quan trọng, có ý nghĩa cơ bản, lâu dài và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình phát triển văn hóa Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp nối tinh thần của *Đề cương văn hóa Việt Nam 1943* cũng như luận điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (1998) đã đưa ra 5 quan điểm chỉ đạo cơ bản đối với việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Trong đó, quan điểm đầu tiên được Nghị quyết xác định “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”. Các kỳ Đại hội IX, X, XI, XII và XIII sau này, cùng với các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa cũng luôn là vấn đề được chú ý trong các chương trình phát triển bền vững: “Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng

cuộc sống”. Có thể thấy, trong quan điểm của Đảng, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là những điều kiện quan trọng để có sự phát triển bền vững.

## **2. Vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững nhìn từ quan điểm của Đảng**

### ***Văn hóa là nền tảng tinh thần***

Nền tảng tinh thần có thể được hiểu là “toàn bộ các giá trị sáng tạo thể hiện thế giới quan, nhân sinh quan, phương thức sống và hoạt động, tính nhân văn của con người, hợp thành nền tảng tinh thần để bảo đảm cho một xã hội phát triển hài hòa cân đối, bền vững”. Cụ thể hơn, đó là hệ tư tưởng, tình cảm, niềm tin, khát vọng của con người, các quan niệm đạo lý, pháp lý đạt chuẩn mực chân, thiện, mỹ... thể hiện qua hệ thống di sản văn hóa với các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc. Vai trò nền tảng tinh thần của xã hội của văn hóa chính là sức mạnh của hệ thống giá trị của văn hóa Việt Nam từ trong quá khứ đến hiện tại. Các giá trị này được thấm nhuần trong mỗi cá nhân và trong cả cộng đồng, được truyền lại tiếp nối và phát huy qua các thế hệ, được vật chất hóa và khẳng định vững chắc trong cấu trúc xã hội của từng dân tộc, chi phối hàng ngày đến cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của mọi thành viên xã hội bằng môi trường xã hội - văn hóa.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, trong Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị trung ương 9 khóa XI (2014), một trong những mục tiêu quan trọng mà Đảng nhấn mạnh là: “xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Nghị quyết Đại hội XIII (2021) của Đảng tiếp tục xác lập vị trí của văn hóa là một trong ba bộ phận hợp thành sự phát triển bền vững, toàn diện của đất nước “Chiến lược phát triển tổng thể của đất nước ta là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm

quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”. Do vậy, phát triển bền vững phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, con người phát triển toàn diện. Coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, nghĩa là đề cao, coi trọng nguồn lực văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

***Văn hóa là mục tiêu của phát triển bền vững***

Theo Tổng Giám đốc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), trong mọi xã hội ngày nay, bất luận ở trình độ kinh tế hoặc xu hướng chính trị và kinh tế nào, văn hóa và phát triển là hai mặt gắn liền với nhau; nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế tách rời môi trường văn hóa thì nhất định sẽ xảy ra mất cân đối nghiêm trọng, cả kinh tế, văn hóa và tiềm năng sáng tạo của nước ấy sẽ bị suy yếu... Phát triển cần thừa nhận văn hóa giữ vị trí trung tâm và vai trò điều tiết xã hội (dẫn theo Đinh Xuân Dũng, 2019). Có thể nói, kể từ *Đề cương văn hóa năm 1943* cho đến nay, văn hóa luôn được khẳng định một trong những mục tiêu của quá trình phát triển. Ba nguyên tắc dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa với những nội hàm cụ thể được đề ra từ bản đề cương đã được vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp với bối cảnh lịch sử - xã hội của đất nước ở mỗi thời kỳ lịch sử. “Nếu như văn hóa kháng chiến là sự kết tinh của tinh thần yêu nước nồng nàn, quyết tâm giải phóng dân tộc, diệt giặc ngoại xâm, diệt giặc đói, giặc dốt, thì trong thời bình, hội nhập quốc tế, đó lại là khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, văn hóa làm nên sức mạnh mềm, bản lĩnh và sự tự tin Việt Nam”.

Sau khi đất nước giành được độc lập, dù đặt trọng tâm vào khôi phục, phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhưng văn hóa vẫn là mục tiêu hướng đến của mỗi giai đoạn phát triển. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 1991-2000 xác định: Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII cũng nhấn mạnh: “Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững”. Tinh thần đó được tiếp tục qua các kỳ đại hội Đảng sau này.



Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Nghị quyết đã khẳng định: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”. Đến Đại hội XII, Đảng nhất quán đường lối xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước với mục tiêu: “Làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nếu cho rằng văn hóa là tất cả những sản phẩm do con người tạo ra thì việc xây dựng một xã hội “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” cũng chính là thực hiện mục tiêu phát triển văn hóa. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 xác định: tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội đồng thời xem con người là mục tiêu và là động lực chính của sự phát triển. Nói đến văn hóa là mục tiêu của sự phát triển kinh tế - xã hội cũng có nghĩa là toàn bộ sự phát triển kinh tế - xã hội phải hướng tới sự phát triển con người, phát triển xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Phải đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển, là mục tiêu của sự phát triển.

### ***Văn hóa là động lực của sự phát triển bền vững***

Việt Nam có nguồn lực văn hóa đa dạng và phong phú với những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trải dài trên khắp cả nước. Trong đó, nhiều di sản đã được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa đại diện của nhân loại. Đây là nguồn lực có giá trị to lớn, có thể khai thác để phát triển kinh tế cũng như hội nhập quốc tế. Xuyên suốt từ Đại hội VIII (1998) cho đến Đại hội XIII (2021), văn hóa luôn được xác định một cách nhất quán là “động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước” (Văn kiện Đại hội Đảng XIII). Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI nhấn mạnh, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Đại hội XII của Đảng cũng nhấn mạnh quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh hun đúc nên phẩm chất, cốt cách con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước;

khẳng định cần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đại hội XIII đã nhấn mạnh những quan điểm chỉ đạo cốt lõi và xuyên suốt khi phát triển văn hóa nhằm mục đích: “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc... và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hóa, con người Việt Nam... Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”. Như vậy, phát triển văn hóa là thúc đẩy sức mạnh nội sinh, đưa văn hóa vào trung tâm của quá trình phát triển phù hợp với bối cảnh mới, văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội...

Trong nguồn lực văn hóa, yếu tố con người được đặc biệt quan tâm và thực tế từ nhiều quốc gia trên thế giới cho thấy, đầu tư cho văn hóa, cho phát triển, chính là đầu tư cho con người. Trong bối cảnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang có nhiều đột phá, tác động sâu rộng, đa chiều trên phạm vi toàn cầu, phát triển bền vững đang trở thành xu thế chung trên toàn thế giới, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2021-2030 đã nhấn mạnh đến vấn đề phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam theo quan điểm: Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững.

\*

\* \*

Quá trình thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua đã cho thấy, Đảng và Nhà nước luôn dành sự quan tâm nhất định đối với phát triển văn hóa. Mặc dù vậy, cho đến nay, văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thực sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Điều này đã được Đại

hội XIII thắng thắn chỉ ra. Từ đó, Đại hội đề ra định hướng: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”. Trên cơ sở đó, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trên cương vị người đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam, thay mặt nhân dân đã thể hiện quan điểm đối với việc phát triển văn hóa đồng thời cho thấy vai trò, tầm ảnh hưởng của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước trong những năm sắp tới: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường”. Có thể nói, từ các nguyên tắc “dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa” mà *Đề cương văn hóa 1943* vạch ra, mỗi giai đoạn, quan điểm của Đảng về vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững lại được cụ thể hóa, ngày càng trở nên toàn diện hơn, sâu sắc hơn, gắn liền với thực tế phát triển của đất nước.

**BỐI CẢNH RA ĐỜI, NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI  
VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ, THỜI ĐẠI  
CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” -  
VĂN KIỆN MANG TÂM VÓC CƯƠNG LĨNH ĐẦU TIÊN  
CỦA ĐẢNG TA VỀ VĂN HÓA**

PGS. TS. ĐÀO DUY QUÁT\*

**Đ**ầu những năm 1940 của thế kỷ XX, “thời cuộc phát triển, tình hình thế giới và Đông Dương biến chuyển mau lẹ khác thường... Trước tình thế nghiêm trọng... Đáng lẽ lúc này một cuộc Đảng Đại hội hay một cuộc toàn thể Trung ương hội nghị phải họp để quyết định những vấn đề mới”<sup>1</sup>. Những quyết định này “sẽ có ảnh hưởng rất lớn đối với cuộc vận động cách mạng dân tộc giải phóng Đông Dương”<sup>2</sup>. Do nhiều khó khăn trở ngại chưa thể vượt qua, nhất là trong hoàn cảnh phát xít Nhật và thực dân Pháp điên cuồng đàn áp, khủng bố các lực lượng cách mạng, nhưng tình thế không thể trì hoãn, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã tiến hành Hội nghị tại Vĩng La, một địa điểm An toàn khu của Trung ương (nay là xã Vĩng La, huyện Đông Anh, Hà Nội, từ ngày 25 đến ngày 28/2/1945) để “Nhận xét tình hình mới” và ra “nghị quyết những điều cần thiết,... công việc phải làm ngay đặng mau hoàn thành nhiệm vụ dân tộc giải phóng”<sup>3</sup>. Tại hội nghị lịch sử này, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo được thông qua.

---

\* Nguyên Phó Trưởng Ban Thường trực, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.272, 272, 272-273.

Đảng ta công bố bản Đề cương văn hóa trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai diễn biến rất mau lẹ và quyết liệt. Từ ngày 22/6/1941, khi phát xít Đức mở cuộc tấn công Liên Xô, cuộc chiến tranh này đã thay đổi tính chất: “*Nó không còn là đế quốc chủ nghĩa chiến tranh nữa, mà là chiến tranh phát xít xâm lược và chống phát xít xâm lược*. Thế giới đã rõ ràng chia làm hai mặt trận: 1- Mặt trận phát xít xâm lược gồm các đế quốc, phát xít Đức - Ý - Nhật, các chính phủ thuộc địa tay sai của Đức - Ý - Nhật, v.v.. 2- Mặt trận dân chủ chống phát xít xâm lược gồm có các nước dân chủ (hay gọi là dân chủ) Liên Xô - Trung Quốc - Anh - Mỹ và nói chung các giai cấp bị bóc lột và các dân tộc bị áp bức trên thế giới”<sup>1</sup>. Sau chiến thắng oanh liệt ở Mátxcơva tháng 12/1941, cuộc phản công mùa đông năm 1942 của Liên Xô thắng lợi, với nhiều chiến thắng oanh liệt. Cuộc phản công mùa thu và mùa đông năm 1942 của Trung Quốc có kết quả quan trọng. Cùng với các chiến thắng của Anh - Mỹ và sự tan rã của phát xít Pháp ở Bắc Phi. Năm 1943, Liên Xô bắt đầu cuộc tổng phản công đánh đuổi lực lượng phát xít ra khỏi đất nước. Ngày 1/1/1942 tại Washington, 26 nước trong đó có Liên Xô - Mỹ - Anh ký tuyên bố Liên hợp quốc, đánh dấu sự hình thành mặt trận Đồng minh thống nhất chống phát xít. Ngày 26/5/1942 và Ngày 11/7/1942, Liên Xô đã ký kết Hiệp ước giữa Liên Xô và Anh với giữa Liên Xô với Mỹ về việc Liên minh chống phát xít Đức cùng tay sai, và năm 1943 mặt trận thứ hai sẽ phải mở. Phe dân chủ sẽ thừa thắng phản công phát xít Nhật ở Viễn Đông. Năm 1943 sẽ bùng nổ nhiều cuộc cách mạng của nhân dân ở các nước tư bản và thuộc địa.

Ở Việt Nam, Chính phủ Pháp thực hiện chính sách đầu hàng phát xít Nhật để duy trì ách thống trị thực dân của mình. Còn phát xít Nhật lợi dụng chính sách đầu hàng của Đờcu để thực hiện âm mưu biến Việt Nam thành một nước bán thuộc địa của Nhật, do đó chúng đẩy mạnh chính sách xâm lấn Việt Nam về mọi phương diện quân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa đồng thời dùng Việt Nam làm căn cứ đánh Trung Quốc và Ấn Độ. Trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa, thực dân Pháp và phát xít Nhật tung vào Việt Nam các loại triết thuyết thù địch như: Chủ nghĩa phục cổ, tuyên truyền

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.274.*

văn hóa Trung cổ, văn hóa ngu dân, chủ nghĩa hư vô tởtkít, chủ nghĩa Đại Đông Á, thuyết “âu hóa”, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa đầu hàng. Phát xít Nhật, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp các nhà văn hóa cách mạng, dân chủ, mặt khác chúng ra sức mua chuộc, lôi kéo một số trí thức văn nghệ sĩ vào các tổ chức văn hóa trá hình để làm công cụ truyền bá văn hóa phát xít, thực dân và điên cuồng tìm kẹp chống phá trào lưu văn hóa tân dân chủ. Về mặt kinh tế - xã hội, nhân dân Việt Nam rên siết dưới ách áp bức, bóc lột tàn bạo của thực dân, phát xít, phong kiến. Văn hóa Việt Nam lúc này đang bị chế độ phát xít thực dân tìm kẹp, nhiều nhà văn hóa, văn nghệ sĩ đứng trước sự bế tắc, mất phương hướng. Do các tầng lớp nhân dân ta ngày càng đồng tình ủng hộ đường lối, chủ trương đánh đuổi phát xít, thực dân giành độc lập dân tộc của Đảng, phong trào cách mạng ở nước ta sau Nghị quyết Trung ương 8 (5/1941) đến năm 1943 đã có bước phát triển mạnh mẽ: Cuộc đấu tranh chính trị, kinh tế diễn ra trên cả ba miền; đáng chú ý nhất cuộc vũ trang tranh đấu chống Nhật - Pháp của Đội quân du kích Bắc Sơn, Đình Cả từ tháng 8/1941 đến tháng 8/1942. Trong thời kỳ này cũng đã “có nhiều cuộc tranh đấu vũ trang có tính cách du kích và khởi nghĩa”<sup>1</sup>. Từ tình hình trên, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đi tới nhận định: “Đứng trước làn sóng cách mạng thế giới ngày một dâng cao và cuộc phản công của Liên Xô và phe dân chủ ngày một thắng lợi; đứng trước nhân dân Đông Dương cực khổ và ngày một cách mạng hóa; công việc sửa soạn chiến đấu lật đổ quyền thống trị của phát xít Nhật - Pháp là rất cần”<sup>2</sup>. Ban Thường vụ Trung ương chỉ rõ: “Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5/1941) đã xác định: “Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại”. Nhưng xét kỹ đến nay Đảng ta chưa làm được một phần nhỏ của nhiệm vụ ấy”<sup>3</sup>. Ban Thường vụ Trung ương chủ trương: “toàn bộ công tác của Đảng ta lúc này phải nhằm vào chỗ chuẩn bị khởi nghĩa, để một khi cơ hội đến kịp thời đưa quần chúng nhân dân ra chiến đấu”<sup>3</sup>. Tại hội nghị lịch sử này, Ban Thường vụ Trung ương đã quyết định năm vấn đề mới, cấp bách trong đó chỉ thị cho toàn Đảng phải kiên

---

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.290, 297, 298, 298.

quyết hành động thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp trong kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa của Trung ương. Trong nhiệm vụ giải pháp về vận động sâu rộng nhằm động viên mọi giai tầng xã hội tham gia cuộc tổng khởi nghĩa, Ban Thường vụ Trung ương đã quyết định một chủ trương lớn: tiến hành cuộc vận động văn hóa. Đảng cần phải phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, đặng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc, chống văn hóa phát xít. Do đó, tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương này, Đảng ta đã thông qua *Đề cương về văn hóa Việt Nam!*

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh đã đọc một bài diễn văn quan trọng đề cập tới những nội dung cơ bản, những giá trị cốt lõi của văn kiện lịch sử này: *Đề cương về văn hóa Việt Nam* không dài, có nhiều hạn chế vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu sắc các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam. Nhưng Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam<sup>1</sup>.

Trên cơ sở phương pháp luận mácxít, gắn chặt với phân tích sâu sắc thực tiễn, nhất là thực trạng của nền văn hóa Việt Nam dưới ách thống trị, kìm kẹp, nô dịch của phát xít Nhật - Pháp, Đề cương đã trình bày những thành tố chủ yếu của nội hàm văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật (khoa học), nghệ thuật (văn học, nghệ thuật) cùng mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố này. Trong ba thành tố chủ yếu trên, thành tố tư tưởng có ý nghĩa quan trọng hàng đầu của văn hóa. Tư tưởng liên quan trực tiếp đến thế giới quan, nhân sinh quan, đến nhận thức, tình cảm, đến cách ứng xử của con người đối với xã hội, đối với tự nhiên, đối với bản thân. Tư tưởng, đạo đức, lối sống là những lĩnh vực then chốt của văn hóa. Còn thành tố học thuật (khoa học) là yếu tố nền tảng, quyết định đến tính chất, chất lượng của nền văn hóa. Học thuật liên quan trực tiếp đến tri thức khoa học, đến học vấn, đến sự hiểu biết, là điều kiện để con người khám phá và cải tạo thế giới. Do đó, học thuật khoa học liên quan trực tiếp đến hoạt động giáo dục, đào tạo, đến trao truyền tri thức, bồi dưỡng nâng cao dân trí... Vì

---

1. Xem *Bốn mươi năm Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.

vậy Học thuật, khoa học đòi hỏi mọi người nêu cao tinh thần không ngừng học tập, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, nâng cao tri thức, năng lực hoạt động thực tiễn. Còn thành tố nghệ thuật (văn học, nghệ thuật) là lĩnh vực rất quan trọng và tinh tế của văn hóa, nó thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người. Văn học có vai trò quan trọng không gì có thể thay thế trong việc giáo dục, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, nhân cách, lối sống tốt đẹp cho con người.

Đề cập đến vị trí và vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, Đề cương khẳng định: “a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới có ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>1</sup>. Trước khi trình bày các quan điểm của Đảng về cách mạng văn hóa, Đề cương đã đưa ra hai ức thuyết (giả thuyết) về tiền đồ văn hóa Việt Nam: “Nền văn hóa phát xít (văn hóa trung cổ và nô dịch hóa) thắng thì văn hóa dân tộc Việt Nam nghèo nàn và thấp kém. Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cải mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>2</sup>. Và Đề cương khẳng định: “Cách mạng dân tộc Việt Nam nhất quyết sẽ làm cho ức thuyết thứ hai trở nên thực sự”<sup>3</sup>. Tiếp theo, Đề cương đã trình bày các quan điểm của Đảng ta về vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam. Trước hết, Đề cương trình bày tính tất yếu, điều kiện tiền đề tiến hành thành công cách mạng văn hóa: a) “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. b) Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. c) Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công (cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị). Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bấy giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau”<sup>4</sup>. Về mục tiêu của cách mạng văn hóa là văn hóa xã hội chủ nghĩa. Về mối quan hệ giữa cách mạng văn hóa Việt Nam và cách mạng dân tộc giải phóng, Đề

---

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12-13, 19-20, 20, 21-24.



cương nhấn mạnh: Cách mạng văn hóa ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng mới có điều kiện phát triển. Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam chỉ có thể trong trường hợp may mắn nhất là đưa văn hóa Việt Nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc hoàn toàn độc lập, dựng nên một nền văn hóa mới. Phải tiến lên thực hiện cách mạng xã hội ở Đông Dương, gây dựng một nền văn hóa xã hội ở khắp Đông Dương. Đề cương cũng làm rõ mục tiêu trước mắt của cuộc vận động văn hóa ở Việt Nam là xây dựng nền văn hóa mới, tuy chưa phải là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Nền văn hóa mới của Việt Nam có tính chất dân tộc và dân chủ mới và trong giai đoạn này nó là cách mạng và tiến bộ nhất ở Đông Dương.

Đề cương đã xác định 3 nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa ở Việt Nam thời kỳ này là:

- Dân tộc hóa: Chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập.

- Đại chúng hóa: Chống lại mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng.

- Khoa học hóa: Chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ.

Tính thuyết phục và chiến đấu cao của các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức hành động của Đề cương văn hóa đã thức tỉnh những trí thức, văn nghệ sĩ đang bi quan, dao động, mất phương hướng nay thấy được: muốn giải phóng mình thì phải tự nguyện dẫn thân vào con đường giải phóng dân tộc, trí thức, văn nghệ sĩ phải là chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng - văn hóa trong cách mạng giải phóng dân tộc. Văn kiện lịch sử này thực sự đã trở thành ngọn cờ tập hợp, tổ chức và cổ vũ hành động đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ cả nước vào cuộc chiến đấu phá vỡ xiềng xích của văn hóa phát xít, thực dân, phát huy mạnh mẽ sức mạnh văn hóa tinh thần của toàn dân tộc cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Cương lĩnh là văn kiện cơ bản xác định mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa... trong thời kỳ lịch sử nhất định của một chính đảng, một nhà nước hoặc một tổ chức chính trị xã hội, một phong trào cách mạng. Cương lĩnh là ngọn cờ tập hợp lực lượng để thực hiện đường lối mục tiêu đề ra. Cương lĩnh đúng đắn phản ánh tiến trình khách quan của

cuộc vận động, phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của quần chúng, thúc đẩy cuộc vận động phát triển thắng lợi. Từ quan niệm chung trên đây, đối chiếu với những nội dung được trình bày trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943* cùng sức mạnh văn hóa tinh thần được tạo ra trong cuộc vận động văn hóa từ tháng 2/1943 đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Có thể khẳng định rằng: *Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943* là cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta về văn hóa.

80 năm qua, những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo - những giá trị cốt lõi của *Đề cương văn hóa* vẫn giữ nguyên giá trị, soi đường, định hướng cho tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, trong tình cảnh tập trung chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, chúng ta đã tổ chức thành công Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (11/1946) và Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai (7/1948). Hai sự kiện lịch sử này có ý nghĩa như Hội nghị Diên Hồng về văn hóa, khẳng định tầm nhìn thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta về vị trí, vai trò của văn hóa, về đường lối xây dựng “một nền văn hóa kháng chiến kiến quốc của toàn dân” và “nền văn hóa mới của nước nhà lấy hạnh phúc của đồng bào, của dân tộc làm cơ sở”, để “đem văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập tự cường và tự chủ”. “Xây dựng nền văn hóa mới phải làm thế nào cho văn hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, được lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do. Đồng thời văn hóa phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích mình”. “Văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam từ già đến trẻ, cả đàn ông lẫn đàn bà ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình là biết hưởng hạnh phúc của mình nên được hưởng, số phận của dân tộc ta ở trong tay ta, văn hóa phải soi đường quốc dân đi”<sup>1</sup>. Và “Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hóa gánh một phần rất quan trọng... các nhà văn hóa cần được tổ chức chặt chẽ đi sâu vào quần

---

1. Tất cả các đoạn trong ngoặc kép đều trích trong bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (*Báo Cứu quốc*, ngày 25/11/1946).

chúng. Nhiệm vụ của văn hóa chẳng những để cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến kiến quốc của quốc dân... mà còn để lưu truyền cái lịch sử oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho hậu thế”. “Đang có phong trào Thi đua ái quốc của toàn dân, tôi mong rằng Hội nghị sẽ có một chương trình Thi đua ái quốc về mặt trận văn hóa”<sup>1</sup>.

Sau hội nghị văn hóa, với phương châm hành động “Văn hóa hóa kháng chiến”, “Kháng chiến hóa văn hóa”, “Xây dựng đời sống mới”, văn hóa Việt Nam đã thực sự là động lực tinh thần để huy động tất cả mọi nguồn lực cho cuộc kháng chiến, góp phần quan trọng làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng năm châu, chấn động địa cầu.

Từ năm 1954, cả nước ta thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giành thống nhất nước nhà. Đảng ta thường xuyên quan tâm lãnh đạo xây dựng và phát triển nền văn hóa mới, con người mới. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960), Đảng ta xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, quan điểm chỉ đạo tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, thiết thực phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đảng coi trọng lãnh đạo phát triển nền văn nghệ, báo chí, xuất bản, truyền thanh, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, nâng cao tính tư tưởng, tính chiến đấu, tính quần chúng trong các lĩnh vực đó; đồng thời Đảng đặc biệt quan tâm lãnh đạo công tác văn hóa quần chúng, xây dựng các hoạt động và các thiết chế văn hóa ở cơ sở. Sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa từ năm 1960 đến năm 1975 đã phát huy sức mạnh tổng hợp của các binh chủng, các lực lượng làm văn hóa của toàn dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược vừa kiến quốc vừa kháng chiến, giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với đại thắng mùa Xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 1986, Đảng ta đã khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đồng bộ và toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị đến

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.577.

văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại. Đường lối đổi mới của Đảng trong lĩnh vực văn hóa kết tinh trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Kế thừa và phát triển sáng tạo các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, trong đường lối xây dựng nền văn hóa kháng chiến kiến quốc của toàn dân, trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, nhận thức đúng đắn quy luật vận động của các thành tố văn hóa trong thời kỳ phát triển mới của dân tộc, Đảng ta khẳng định: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với hai tính chất chủ yếu: Tiên tiến và dân tộc. Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung. Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc. Lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống. Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo. Về mục tiêu, xác định xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc nhân văn dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Từ định hướng mục tiêu, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đã xác định 5 quan điểm chỉ đạo: 1- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị,

xã hội. 2- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. 3- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc tính cơ bản yêu nước, nhân ái, nghĩa tình trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. 4- Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. 5- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Đường lối phát triển văn hóa của Đảng trong thời kỳ mới đã xác định 6 nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa và con người đó là:

- 1- Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.
- 2- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.
- 3- Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế.
- 4- Nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động văn hóa.
- 5- Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng hoàn thiện thị trường văn hóa.
- 6- Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa.

Đường lối phát triển văn hóa của Đảng đã xác định hệ thống đồng bộ các giải pháp về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa. Nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa. Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta xác định mục tiêu đưa đất nước ta trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI. Yêu cầu khách quan của sự nghiệp đổi mới đồng bộ và toàn diện đất nước ta là phải tiếp tục xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “động lực, sức mạnh nội sinh phát triển bền vững” và “soi đường cho quốc dân đi”, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước

phồn vinh, thịnh vượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để tận dụng thời cơ vận hội, vượt qua mọi khó khăn thách thức để đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI. Do đó phát triển văn hóa là một trong những vấn đề trọng tâm, là một nội dung nổi bật trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội XIII, vấn đề phát triển văn hóa được đề cập một cách toàn diện và sâu sắc vấn đề quan điểm, mục tiêu, định hướng lớn, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược. Báo cáo chính trị đã nhấn mạnh một trong những quan điểm chỉ đạo cốt lõi và xuyên suốt là: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hóa, con người Việt Nam... Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”<sup>1</sup>.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về lĩnh vực văn hóa, kế thừa và phát huy sáng tạo phương thức lãnh đạo văn hóa của Đảng, Đảng ta đã tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc (2021) với 600 đại biểu là cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa của các lực lượng ở các lĩnh vực của đời sống văn hóa cùng các đại biểu tiêu biểu cho đội ngũ trí thức các nhà văn hóa, văn nghệ sĩ của cả nước. Trong diễn văn khai mạc Hội nghị lịch sử này, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định quyết tâm chính trị của toàn Đảng, toàn dân: Để tiếp tục xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển nền văn hóa của dân tộc, chúng ta cần tập trung thực hiện thật tốt 6 nhiệm vụ trọng tâm:

- Khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước..., phát huy cao độ những giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người Việt Nam.

- Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.I, tr.34.

Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị quốc gia dân tộc kết hợp nhuần nhuyễn với giá trị truyền thống và giá trị thời đại.

- Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, đời sống văn hóa.

- Phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thụ hưởng văn hóa là nhân dân. Đề cao phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ của những người làm công tác văn hóa.

- Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị và văn hóa, về đạo đức, kiên quyết đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực để Đảng ta và hệ thống chính trị của nước ta thực sự là đạo đức, là văn minh, tiêu biểu cho lương tri và phẩm giá của con người Việt Nam.

- Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi và điều tiết sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Để chấn hưng và phát triển nền văn hóa, xây dựng con người theo phương hướng nói trên trong thời gian tới chúng ta cần tập trung thực hiện một cách quyết liệt và có hiệu quả 4 giải pháp sau:

- Tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển xây dựng con người trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển Việt Nam trong thời kỳ mới.

- Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng miền, đồng bào các dân tộc kết hợp với tiếp thu văn hóa thời đại.

- Chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội. Phát huy những giá trị tích cực về thuần phong mỹ tục của gia đình và xã hội... Kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống tham ô, tham nhũng, tiêu cực, chống sự suy thoái về tư tưởng đạo đức và lối sống.

Để chấn hưng và phát triển nền văn hóa và con người Việt Nam trong thời kỳ mới theo đúng tư tưởng chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Tiên hô, hậu ủng”, “Nhất hô, bá ứng”, “Trên dưới đồng lòng”, “Dọc ngang thông suốt” thì chúng ta phải đổi mới mạnh mẽ hơn nữa phương thức

lãnh đạo: Công tác tư tưởng phải gắn bó chặt chẽ với công tác tổ chức, cán bộ, với cơ chế chính sách trong thực hiện chương trình quốc gia có mục tiêu chấn hưng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đến năm 2045.

Từ mô hình thành công về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trong nhiệm kỳ XII và XIII, xin kiến nghị Trung ương Đảng thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về chấn hưng và phát triển nền văn hóa và con người Việt Nam đến năm 2045. Trung ương cử một đồng chí lãnh đạo chủ chốt làm Trưởng ban. Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực. Đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành của Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận có liên quan đến sự nghiệp chấn hưng văn hóa Việt Nam sẽ tham gia Ban Chỉ đạo này.



## 80 NĂM “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” - NHỮNG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

ThS. LÊ THỊ HỒNG QUYÊN\*

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”- nhấn mạnh vai trò dẫn dắt, định hướng, soi đường của văn hóa đối với sự phát triển của một quốc gia, dân tộc. Văn hóa, theo ý nghĩa rộng nhất là những gì tốt đẹp thuộc về con người, đã và đang ngày càng trở thành một phạm trù căn bản, gắn liền với mọi mặt của đời sống con người. Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo đất nước, đã luôn khẳng định vai trò và tầm quan trọng của văn hóa trong phát triển. Điều này được cụ thể hóa bằng nhiều chủ trương, đường lối của Đảng qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, trong đó, “Đề cương về văn hóa Việt Nam” là một “văn kiện” tiêu biểu và mang tính “cương lĩnh”. 80 năm qua, Đề cương vẫn để lại những bài học lịch sử to lớn, những giá trị lý luận và thực tiễn đóng góp vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

### **“Đề cương về văn hóa Việt Nam” với lịch sử hình thành và phát triển đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam**

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu một mốc son quan trọng trong lịch sử dân tộc, xác lập sự hình thành đường lối văn hóa của Đảng - Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đây, trên cơ sở thực tiễn và yêu cầu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng đã xác định chủ trương, đường lối văn hóa phù hợp qua từng thời kỳ lịch sử.

---

\* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* là văn kiện quan trọng đầu tiên về văn hóa của Đảng Cộng sản Đông Dương, do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương tháng 2/1943. Bản đề cương đã nêu lên những nội dung cơ bản về văn hóa Việt Nam mà cho đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị:

*Thứ nhất*, Đề cương nêu rõ quan điểm của Đảng: a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động; b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa; c) Có lãnh đạo phong trào văn hóa, Đảng mới có ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>1</sup>.

*Thứ hai*, Đề cương xác định phạm vi văn hóa bao gồm những lĩnh vực: tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Nghĩa là, văn hóa phải được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm nhiều thành tố. Quan niệm được đưa ra cách đây 80 năm nhưng đến ngày nay vẫn mang tính thời sự, thể hiện cách nhìn tiến bộ của Đảng đối với những vấn đề phức tạp trên mặt trận văn hóa.

*Thứ ba*, Đề cương nêu vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam, trong đó khẳng định: “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội; Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo; Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công”<sup>2</sup>. Có thể thấy, Đề cương tập trung phân tích mối quan hệ giữa cách mạng chính trị và cách mạng văn hóa, nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng văn hóa nhằm mục đích thực hiện nền văn hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vạch rõ nhiệm vụ của các nhà văn hóa Việt Nam là chống văn hóa phát xít, phong kiến lạc hậu, nô dịch, ngu dân, mị dân.

*Thứ tư*, Đề cương nêu lên tính chất của nền văn hóa mà chúng ta đang xây dựng là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa - đây cũng là mục tiêu toàn Đảng, toàn dân cần phấn đấu.

*Thứ năm*, Đề cương chủ trương xây dựng nền *văn hóa dân chủ* với ba tính chất cơ bản, cũng là ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam: *dân tộc hóa* (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); *đại chúng hóa* (chống mọi chủ trương

---

1, 2. PGS.TS. Phạm Duy Đức (Chủ biên): *Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2010, tr.49, 51.

hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng) và *khoa học hóa* (chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Ba nguyên tắc này có mối quan hệ qua lại chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau nhằm chống lại ba căn bệnh trầm trọng của văn hóa lúc bấy giờ, mặt khác chúng định hướng cho việc tạo dựng những đặc trưng bản chất của văn hóa Việt Nam: vừa có tính dân tộc vừa có tính nhân dân vừa có tính khoa học.

Đề cương văn hóa đã phát huy giá trị và tinh thần của một văn kiện mang tầm vóc “cương lĩnh”, trở thành “kim chỉ nam” cho hoạt động văn hóa qua nhiều thời kỳ lịch sử.

Năm 1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nền văn hóa có nội dung xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.

Năm 1987, ngay sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI xác định đường lối đổi mới, trong Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu rõ chủ trương xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm 1991, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định cần xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm 1998, tại Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, lần đầu tiên Đảng ra Nghị quyết riêng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm 2014, trong Nghị quyết số 33-NQ/TW, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu rõ: xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Năm 2021, Đảng tiếp tục khẳng định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

Như vậy, trong suốt chiều dài của lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Đề cương văn hóa vừa mang tính kế thừa vừa mang tính nhất quán những chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa. Văn kiện này vì vậy thực sự trở thành cẩm nang có tác dụng soi đường, tích lũy tinh hoa văn hóa qua hàng ngàn năm lịch sử. Trải qua 80 năm, tinh thần của Đề cương vẫn còn nguyên giá trị, phù hợp với thực tiễn và nguyện vọng thiết tha của quần chúng nhân dân; thể hiện sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa; đề cập được nhiều vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam định hướng cho hoạt động văn hóa và những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Đề cương văn hóa vì vậy được xem là “Cương lĩnh văn hóa” của Đảng Cộng sản Việt Nam.

### ***Đề cương về văn hóa Việt Nam* - tiền đề lý luận và thực tiễn về vai trò của văn hóa và phát triển**

Có thể nói, từ sau khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, qua các kỳ đại hội, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đề cập và nhấn mạnh đến vai trò của văn hóa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xin nhắc lại một quan điểm quan trọng trong Đề cương: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), ở đó người cộng sản phải hoạt động”<sup>1</sup>. Quan điểm này đề cao vai trò của mặt trận văn hóa bên cạnh mặt trận kinh tế và chính trị. Cho đến nay, ý nghĩa về lý luận và thực tiễn của quan điểm này vẫn còn nguyên giá trị.

Trong bối cảnh hiện nay, sự vận hành của nền kinh tế thị trường một mặt mang lại những yếu tố tích cực nhưng mặt khác cũng xuất hiện những xu hướng cực đoan như kinh doanh chạy theo lợi nhuận bất chấp đạo lý và nhân phẩm, phá hủy di tích và cảnh quan văn hóa, tàn phá môi trường thiên nhiên, đề cao lợi ích vật chất, xem nhẹ những giá trị tinh thần... Những mặt trái đó của nền kinh tế thị trường đã buộc Đảng và Nhà nước nhìn nhận lại định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta, từ đó Đảng chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo phúc lợi cho toàn dân; bảo đảm sự cân bằng giữa phát triển

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2022, tr.12.

vật chất và phát triển tinh thần, bảo đảm sự duy trì và phát triển những giá trị truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại; trong đó yếu tố văn hóa luôn được quan tâm đặc biệt. Nếu kinh tế là nền tảng vật chất thì văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, được biểu hiện qua những giá trị truyền thống, bản sắc dân tộc.

Theo định hướng đó, văn hóa phải thực sự trở thành động lực và mục tiêu của sự phát triển, bảo đảm cho sự phát triển song song của văn hóa và kinh tế trong đó nguồn lực con người là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. “Phát triển văn hóa không có nghĩa là thay đổi văn hóa theo kinh tế... Phát triển văn hóa trước hết có thể là duy trì những giá trị còn nhiều sức sống nhưng lại có nguy cơ mất đi”<sup>1</sup>. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc* là sự cụ thể hóa quan điểm trên của Đảng và Nhà nước về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển: “Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế”<sup>2</sup>. Đây cũng là sự kế thừa từ Đề cương văn hóa 1943 và cũng là cơ sở để hình thành các chủ trương, chính sách về văn hóa trong thời kỳ mới.

Không dừng lại ở việc nhấn mạnh tầm quan trọng và vai trò của văn hóa đối với quá trình đổi mới đất nước, Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 khóa IX về công tác văn hóa (2003) còn xác lập vị trí của văn hóa, tạo nên một kết cấu chặt chẽ và đồng bộ giữa nhiệm vụ kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với xây dựng văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, tạo thế chân vạc vững chắc cho quá trình phát triển đất nước. Xây dựng và phát triển văn hóa cũng có nghĩa là xây dựng và phát triển nền tảng tinh thần của xã hội. Vì vậy, thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh sẽ không có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Vai trò của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội được thể hiện ở hai khía cạnh cơ bản: *Thứ nhất*,

---

1. GS.TS. Đỗ Huy: *Văn hóa Việt Nam trên con đường giải phóng, đổi mới, hội nhập và phát triển*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2013, tr.88.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55.

văn hóa tham gia vào quá trình sáng tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần cho con người; *Thứ hai*, văn hóa đóng vai trò định hướng, điều tiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội, hướng đến một nền kinh tế lành mạnh, hài hòa giữa lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần, tạo nên tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững. Kinh tế tri thức gắn liền với năng lực và trình độ của chủ thể sáng tạo văn hóa phải là những yếu tố trung tâm của sự phát triển. Thực tế ở nhiều quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... hiện nay cho thấy vai trò của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế đã gần như không còn bàn cãi. Một trong những nguyên nhân tạo nên những thành công đó chính là ở sự đầu tư cho văn hóa, giáo dục, công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo trong đó ưu tiên hàng đầu là yếu tố con người.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI tiếp tục nhấn mạnh: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”<sup>1</sup>. Phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh một lần nữa quan điểm này, cho thấy sự kiên định, tính nhất quán của chủ trương, đường lối về vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững đất nước.

Tóm lại, để văn hóa đóng góp tích cực vào sự phát triển, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương xây dựng nền văn hóa mang tính kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc đồng thời tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại. Muốn như vậy, trong hệ thống các chính sách kinh tế - xã hội, chính sách văn hóa nhằm phát huy năng lực tinh thần của con người phải được xem là một trong những chính sách quan trọng hàng đầu. Từ quan điểm nhân văn, phát triển xã hội không xem kinh tế là cứu cánh. Xét đến cùng, kinh tế là nhân tố quyết định phát triển xã hội nhưng chủ thể phát triển kinh tế lại là con người xã hội, là cá nhân và cộng đồng. Phát triển kinh tế để phát triển văn hóa vì mục tiêu phục vụ con người và phát triển toàn diện con người, hoàn thiện nhân cách của mỗi người trong sự thống nhất hài hòa giữa giá trị vật chất và tinh thần, giữa cá nhân và cộng đồng. Nâng cao chất lượng nguồn lực con người, tài nguyên của mọi

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.48.

tài nguyên, nguồn lực của mọi nguồn lực, đó là giải pháp, chiến lược sâu xa để phát triển kinh tế - xã hội. Đó cũng chính là câu trả lời cho bài toán văn hóa và phát triển ở nước ta hiện nay.

\*  
\*   \*   \*

Nhìn lại một cách tổng quát, quá trình lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa suốt hơn 90 năm qua, có thể thấy sự hình thành và phát triển đường lối văn hóa của Đảng là một quá trình phấn đấu liên tục trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa. Trong quá trình đó, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được xem là một cột mốc, một dấu son quan trọng gắn liền nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ văn hóa trong một thời kỳ lịch sử đầy rối ren và biến động. Từ tiền đề lý luận của Đề cương, những chủ trương, đường lối về văn hóa và phát triển của Đảng luôn được kế thừa, bổ sung và tạo ra những giá trị to lớn trong đời sống thực tiễn. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vì vậy là “đỉnh cao trí tuệ đương thời, là nhận thức sắc bén về tình hình, là dự báo khoa học về tương lai, là sức mạnh tinh thần to lớn mà đất nước đang cần”<sup>1</sup>, hướng văn hóa Việt Nam đi trên con đường hội nhập và phát triển.

---

1. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia: *50 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.20.

## PHÁT HUY GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA TÔN GIÁO THEO TINH THẦN “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HIỆN NAY

TS. NGUYỄN NGỌC QUỲNH\*  
TS. NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG\*\*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm tôn giáo vừa là bộ phận cấu thành của văn hóa vừa là di sản văn hóa của nhân loại. Điều này đã được Người phát biểu rõ: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”<sup>1</sup>. Cùng với định nghĩa về văn hóa là sự tổng hợp về mục đích mà các tôn giáo luôn hướng tới của Người: “Mục tiêu cao cả của Phật Thích Ca và Chúa Giê su đều giống nhau: Thích ca và Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng”<sup>2</sup>. Như vậy, hệ giá trị văn hóa truyền thống sẽ là cơ sở để các tôn giáo lựa chọn, bổ sung đưa vào trong giáo lý, giáo luật của mình để trở thành những giá trị văn hóa tôn giáo.

---

\* Ban Tôn giáo, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

\*\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

2. Viện Nghiên cứu Tôn giáo: *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.239.



Hệ giá trị văn hóa hay nói cụ thể là hệ giá trị tôn giáo hiện nay còn được đánh giá là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội. Mặc khác, theo hướng nghiên cứu giá trị văn hóa thì sự tương tác giữa giá trị đạo đức và giá trị văn hóa được hình thành trong cộng đồng, xã hội, chúng có mối liên hệ biện chứng với nhau, cùng nhau điều chỉnh, điều hòa hành vi của con người ngày một lương thiện và hài hòa trong mọi ứng xử giữa con người với con người và con người với thiên nhiên.

Hệ giá trị của tôn giáo, xét từ góc độ thực thể tôn giáo, có nhiều phương diện khác nhau như giá trị chân lý, giá trị luân lý và đạo đức của thực thể tôn giáo, giá trị thẩm mỹ của thực thể tôn giáo, giá trị ý thức hệ của thực thể tôn giáo, giá trị nhân từ của tôn giáo, giá trị truyền thống của thực thể tôn giáo, trong đó, giá trị mang tính tập thể trong định hướng các nguyên lý sống, chuẩn mực sống và phong cách sống (lối sống) là *giá trị luân lý và đạo đức của thực thể tôn giáo*. Mỗi một giá trị đều có những tiêu chí đánh giá của nó. Với *Tiêu chí tôn giáo (tự có/nó)*: đó là niềm tin tôn giáo, hay niềm tin vào chân lý tối hậu ở mỗi tôn giáo; nghi lễ (thực hành luật, nghi lễ và các hành vi thực hành khác); tính cộng đồng tôn giáo (nội bộ tôn giáo, cộng đồng tôn giáo và quan hệ xã hội, quan hệ kinh tế với người ngoài tôn giáo)... Với tiêu chí *luân lý và đạo đức*: đó là những tương đồng và khác biệt giữa chuẩn mực đạo đức của tôn giáo với chuẩn mực đạo đức xã hội; giữa về chuẩn mực đạo đức của người có niềm tin tôn giáo và người không có niềm tin tôn giáo; giáo dục đạo đức tôn giáo có gì ưu trội so với giáo dục đạo đức xã hội thông thường hay ngược lại... hay *Tiêu chí về lối sống, nếp sống*: đó là sự giống và khác nhau trong nếp sống và tập quán của tín đồ tôn giáo và tín đồ không tôn giáo; hay trong đời sống hôn nhân tôn giáo với xã hội hiện đại...<sup>1</sup>. Có thể nói, giá trị tôn giáo được thể hiện qua chính việc duy trì niềm tin tôn giáo (hoạt động truyền giáo, thực hành nghi lễ, thực hiện tình thương). Các giá trị đó ảnh hưởng, tác động đến đời sống xã hội bằng nhiều hình thức khác nhau.

Tôn giáo và đạo đức đều là những hình thái ý thức xã hội, chúng có mối liên hệ biện chứng, tác động qua lại. Tác giả Nguyễn Tài Thư khi tìm hiểu

---

1. Xem Viện Nghiên cứu Tôn giáo: “Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay”, Đề tài cấp Nhà nước, TS. Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ nhiệm), Tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội, 2015, tr.35-48.

về mối quan hệ giữa tôn giáo và đạo đức cũng như ảnh hưởng của nó đối với cộng đồng dân cư đều cho rằng luân lý, đạo đức tôn giáo góp phần vào việc ổn định trật tự xã hội, duy trì truyền thống luân lý của dân tộc: “... ngoài những giá trị đặc thù bảo vệ niềm tin tôn giáo thiêng liêng còn đề cập đến những chuẩn mực đạo đức mang tính nhân loại như: sống hiếu thảo với cha mẹ, trung thực, nhân ái, hướng tới cái thiện, tránh xa điều ác... Hơn nữa, ở các tôn giáo những quy định, quy phạm, những lời răn dạy, cấm đoán ngoài sự chế ước bởi những hình phạt nhất định, nó còn được chế ước bởi một đức tin vô hình giữa hy vọng và sợ hãi. Điều này phần nào giải thích được một thực tế rằng những vùng có đông đồng bào theo tôn giáo thì các tệ nạn xã hội như trộm cắp, cờ bạc, đánh chửi nhau... giảm so với các vùng khác. Nét đặc thù riêng này của tôn giáo ngăn chặn các hành vi xấu xa, góp phần ổn định đời sống xã hội”<sup>1</sup>.

Với tư cách là một bộ phận của ý thức hệ, tôn giáo đã đem lại cho cá nhân, gia đình, cộng đồng xã hội, quốc gia qua biểu hiện về cách ứng xử, lối sống, phong tục tập quán hàm chứa trong các yếu tố văn hóa vật chất cũng như văn hóa tinh thần. Điểm mạnh trong đạo đức tôn giáo đó là có nhiều điều phù hợp với đạo đức của con người, như Nghị quyết 24-NQ/TW (gọi tắt là Nghị quyết 24)<sup>2</sup> đã khẳng định. Thông qua đó, tín đồ các tôn giáo tiếp nhận những tinh hoa đạo đức tôn giáo và thể hiện trong niềm tin và thực hành niềm tin tôn giáo, đặc biệt, nó chi phối, điều chỉnh hành vi của con người trong các ứng xử của con người với cộng đồng, góp phần làm cho xã hội ngày một văn minh<sup>3</sup>. Ngược lại, đạo đức cũng ảnh hưởng đến các giáo lý, giáo luật, kinh sách của các tôn giáo. Những chuẩn mực đạo đức có thể ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp tới hành vi, hành động, lối sống, phong tục của cá nhân, gia đình,

1. Nguyễn Tài Thư (Chủ biên): *Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.104.

2. Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị về *Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới* có đoạn viết: “Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”.

3. Nguyễn Thị Thùy Duyên, Hồ Thanh Tiến: “Mối quan hệ giữa tôn giáo và đạo đức” in trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn: *Đạo đức tôn giáo và thực tiễn giảng dạy đạo đức tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020, tr.25.

cộng đồng, quốc gia nào đó, nhằm thay đổi những chuẩn mực đạo đức tôn giáo phù hợp với mỗi tộc người, quốc gia mà tôn giáo đó truyền đến.

Như vậy, có thể khẳng định rằng đạo đức và tôn giáo có mối liên hệ biện chứng, đạo đức tôn giáo dựa vào đạo đức xã hội để điều chỉnh trong giáo lý, giáo luật, kinh sách cho phù hợp với văn hóa truyền thống của vùng đất nơi tôn giáo truyền đến, nhằm cảm hóa, điều chỉnh hành vi con người sống lương thiện hơn, nhân ái hơn, hoàn thiện nhân cách con người hướng đến chân - thiện - mỹ. Do đó, để tìm hiểu những điểm tương đồng của đạo đức tôn giáo với *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (gọi tắt là *Đề cương*), bài viết sẽ tìm hiểu về giá trị đạo đức của một số tôn giáo, từ đó đối sánh với những giá trị cơ bản của *Đề cương*, xét xem những giá trị đó cần phát huy như thế nào trong sự phát triển văn hóa bền vững ở Việt Nam hiện nay.

## **1. Giá trị đạo đức của một số tôn giáo và đối chiếu với “Đề cương về văn hóa Việt Nam”**

### ***1.1. Giá trị đạo đức của tôn giáo***

Trong các giá trị của tôn giáo, *giá trị luân lý và đạo đức* có thể xem là giá trị có ảnh hưởng sát thực nhất trong việc xây dựng định hình các giá trị văn hóa truyền thống, bởi *giá trị luân lý và đạo đức* là giá trị mang tính tập thể trong định hướng các nguyên lý sống, chuẩn mực sống và phong cách sống (lối sống). Giá trị mang tính tập thể là một trong ba nguyên tắc cơ bản khi xây dựng *Đề cương* đó là “dân tộc hóa”, “khoa học hóa” và “đại chúng hóa”.

Trong xã hội hiện nay, Phật giáo có ảnh hưởng to lớn đến đạo đức, lối sống con người Việt Nam. Đạo đức Phật giáo khuyên nhủ con người hãy thực hiện đức thiện, tu dưỡng đạo đức với mục đích khuyên nhủ chúng sinh chuyển mê lầm thành giác ngộ, chuyển ác thành thiện, chuyển đau khổ thành an lạc mà Đức Phật đã vạch ra con đường tu tập cho chúng sinh. Giá trị luân lý và đạo đức của Phật giáo được thể hiện trong các kinh sách như *Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh*, Đức Phật khuyên con người hãy làm mười điều thiện và mười điều thiện này nằm trong ba nghiệp (thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp), đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị đối với đạo đức cá nhân con người cũng như trong mối quan hệ con người với con người và con người với xã hội. Một nguyên

tắc để xây dựng nếp sống hòa hợp giữa cá nhân và cá nhân, giữa cá nhân và xã hội có thể tìm thấy trong tư tưởng “Lục hòa”. Với sáu nguyên tắc trong bất kỳ môi trường nào, xã hội nào, gia đình nào cũng cần cân bằng và giữ gìn, ví dụ: *Với gia đình, anh em bất hòa, thì cốt nhục chia ly và vợ chồng bất hòa, gia đình không yên, con cái khổ cực. Làng xóm bất hòa, sẽ sinh ra cãi vã, kiện cáo, cuộc sống không thuận. Quốc gia bất hòa sẽ tạo cơ hội cho giặc ngoại xâm lấn chiếm, làm cho dân chúng lâm than, khổ sở. Nhân loại bất hòa, chiến tranh xảy ra, dân chúng điêu đứng, suy tàn.* Như vậy, có thể thấy đạo đức Phật giáo như là một cách xác lập mối liên hệ giữa đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân với cộng đồng. Bên cạnh đó, trong kinh *Lẽ sáu phương*, Phật giáo đã dùng sáu phương trời là: Đông, Nam, Tây, Bắc, Hạ phương, Thượng phương, để chỉ rõ sáu quan hệ và bốn phận của con người trong ứng xử ở gia đình và ngoài xã hội, cần có sự gương mẫu, kính trên, nhường dưới, bằng hữu hài hòa, trong ấm, ngoài êm, từ đó xây dựng nền tảng cho một xã hội yên bình, an vui. Đây là hệ giá trị, chuẩn mực đạo đức mà Phật giáo đã đề ra không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo, mà còn thể hiện các mối quan hệ thuần túy về đạo đức con người trần thế và “những chuẩn mực đạo đức này vẫn luôn có ý nghĩa trong đời sống đạo đức của mọi xã hội, trong đó có xã hội của chúng ta ngày nay”<sup>1</sup>. Những tư tưởng về đạo đức con người theo quan niệm Phật giáo cho tới hiện nay vẫn cần gìn giữ và phát huy. Các “giá trị của Phật giáo có thể được hiểu là những nguyên tắc nắm bắt bản chất của thế giới tự nhiên và con người mà tín đồ, cộng đồng Phật giáo và xã hội thế tục tôn trọng, thừa nhận, tin tưởng và gìn giữ một cách bền lâu nhất; chúng phản ánh tính mục đích và tính ưu tiên trong mỗi hành động và cách ứng xử của tín đồ Phật giáo. Các giá trị của Phật giáo còn có khả năng ảnh hưởng đến cộng đồng và xã hội nói chung”<sup>2</sup>.

Công giáo và đạo Tin Lành có quan niệm rất chặt chẽ về giá trị luân lý và đạo đức. Với *Công giáo*, “*luân lý* là hệ thống những quy tắc làm chuẩn mực,

1. Nguyễn Hữu Vui: “Tôn giáo và Đạo đức”, in trong *Những vấn đề tôn giáo hiện nay*, Nxb. Hà Nội, 1994, tr.155.

2. Hoàng Văn Chung (Chủ biên): *Giá trị và chức năng cơ bản của Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2019, tr.37.

giúp con người - cá nhân hay xã hội - sống đạo làm người...<sup>1</sup>. Theo đó, trong quan niệm của Công giáo, luân lý gồm những quy tắc và cách sống, những quy tắc đó giúp con người biết tự điều chỉnh, cân nhắc thái độ, hành vi để sống đúng với nhân phẩm của mình. Ngoài ra, nỗ lực sống luân lý của người Kitô hữu không phải là nỗ lực ở tầm mức con người, nhắm tới những kết quả trong thế giới con người, mà còn vươn tới tầm mức Thiên Chúa, nhắm tới những kết quả trong thế giới Thiên Chúa. Đi kèm với luân lý là đạo đức mà Giáo hội Công giáo cũng rất coi trọng. Đạo đức học là những nghiên cứu về cách ứng xử của con người theo lý trí tự nhiên. Đạo đức học liên quan và là nền tảng cho nhiều phạm vi khác nhau, như: giáo dục, y tế, xã hội, kinh tế, chính trị, sinh học, môi trường, v.v<sup>2</sup>. Như vậy, giá trị luân lý và đạo đức của Công giáo có những điểm trùng nhau, nó đều là những chuẩn mực để đưa ra những phán quyết hành động của con người dựa trên các tiêu chí tốt - xấu, thiện - ác... Tuy nhiên, cũng có điểm khác biệt giữa hai vấn đề này. Luân lý được thể hiện chiều sâu của tâm hồn con người thông qua các chuẩn mực được quy định bởi niềm tin vào Thiên Chúa. Đạo đức được thể hiện ở những hành vi, ứng xử bởi ý chí của bản thân mà đôi khi không liên quan đến cái thiêng của họ đang tin nhận. Tuy nhiên, để đạt được những giá trị trên, Công giáo còn định ra các giá trị mang tính chuẩn mực cho đời sống và hành động của các tín đồ. Với người Công giáo, mười điều răn là “giao ước được Thiên Chúa ký kết với dân Ngài”, trong mười điều răn này chỉ có hai điều căn cốt nhất được coi như giá trị luân lý và đạo đức là: *Mến Chúa - yêu người*. Đó là việc ứng xử giữa con người với đấng Thiên và con người với con người<sup>3</sup>. Với *đạo Tin Lành*, giá trị đạo đức được thể hiện trong Kinh Thánh với ba luận điểm: *Chúa Trời, kinh thánh và ân điển*, tác giả Mã Phúc Thanh Tươi đã nhấn mạnh: “Đạo đức Tin Lành nhấn mạnh đến nguồn gốc đạo đức xuất phát từ bản thể của đức Chúa Trời, bản chất là phản ánh ý chí của đấng tối cao trong sự tạo dựng và cứu rỗi nhân loại. Yếu tố cơ bản của đạo đức được đức Chúa Trời cung cấp qua kinh thánh, qua thế giới tự nhiên và lịch sử con người. Tất cả mọi người đều ý thức

1, 2. Hội đồng Giám mục Việt Nam: *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2011, tr.216, 103.

3. Xem Viện Nghiên cứu Tôn giáo: “Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay”, *Tlđđ*, tr.96-99.

sự thúc bách từ trong lòng về điều thiện mà mình phải làm và nhận thức mình là “nhân vô thập toàn” không thể làm trọn các chuẩn mực”<sup>1</sup>. Đạo đức Tin Lành không những nhắc nhở con người có ý thức về trách nhiệm của mình với Chúa Trời, với tha nhân, với bản thân và với môi sinh vũ trụ, mà còn phải chú tâm đến những thể thức hành động, phải nêu ra được những quy phạm, tiêu chuẩn hành động để con người có thể tổ chức và hình thành cuộc sống của mình<sup>2</sup>. Xét cho cùng, đạo đức luân lý của đạo Tin Lành là nền đạo đức luân lý được xây dựng trên nền tảng kinh Thánh, là hệ thống các quy tắc dựa trên Thánh kinh thần học nhằm điều chỉnh hành vi, hành động của tín đồ, hướng họ có ý thức và trách nhiệm cho bản thân và cộng đồng. Dựa trên ba nguyên lý cơ bản của cải cách chỉ có “*Chúa Trời, kinh thánh và ân điển*”, đạo đức Tin Lành quy định lối sống của một tín đồ trong mối liên hệ trách nhiệm với đấng tối cao, đối xử nhân ái với đồng loại và bảo vệ môi trường tự nhiên<sup>3</sup>.

*Các tôn giáo nội sinh*<sup>4</sup> cũng có những quan niệm về giá trị luân lý và đạo đức. Từ Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đến Phật giáo Hòa Hảo hay Phật giáo Hiếu Nghĩa tà Lợn đều đưa ra con đường giải thoát đó là học Phật, tu nhân, vì đây là con đường phù hợp với tín đồ (cư sĩ tại gia). Phải nhận thức được việc *tu thân* trước rồi mới *học Phật*, theo đó, muốn *tu nhân* thì phải *tu thân*. Đây là quan điểm của các bậc thánh hiền từ xưa theo quan niệm của Nho giáo. Tu thân là bước đầu tiên của con người để đi đến quả vị của Tiên, Thánh, Bồ tát và chư Phật. Sách *Đại học Thánh kinh* có viết<sup>5</sup>: “Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản. Kỳ bản loạn nhi mạng trị giả phủ hĩ, kì sở hậu giả bác, nhi kì sở bác giả hậu, vị chi hữu dã! thử vị tri bản, thử vị tri chi chí dã”. Nghĩa là: “Từ bậc Tử cho đến thứ dân đều phải lấy sự hàm dưỡng và rèn luyện bản thân (tu thân) làm gốc. Cái gốc của nó lộn xộn,

1. Mã Phúc Thanh Tươi: “Vài nét tương đồng trong đạo đức Tin Lành và đạo đức truyền thống”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12, 2011, tr.53-59.

2. Lưu Hồng Khanh: “Đạo đức học Cơ Đốc/Kitô”, Thần học viện Tin Lành Việt Nam, Frankfurt, 2003, tr.10-17.

3. Xem Viện Nghiên cứu Tôn giáo: *Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay*, Tlđđ, tr.125.

4. Đó là những tôn giáo xuất hiện và ra đời tại Nam bộ vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

5. <http://www.cohanvan.com/nho-dhao/Tu-thu/dhai-hoc/thanh-kinh>, truy cập ngày 14/4/2021.

rối ren (loạn) thì không thể nào lo liệu, sắp xếp (trị) được ở cái ngọn vậy. Cái chỗ quan trọng thì coi nhẹ mà cái chỗ không quan trọng thì lại xem trọng thì chưa từng có vậy. Thế mới gọi là biết cái gốc, thế mới gọi là đạt đến sự hiểu biết vậy”. Đức Bổn sư đã nói: “Muốn tu theo đạo Thánh Hiền. Đặng làm quân tử phải chuyên trau mình”, nghĩa là khi đạt được đến bậc quân tử thì mới mong gần Thánh Hiền, gần với Phật, tiên, đó là bốn phận tu nhân trong xã hội thời đó. Tu nhân cũng chính là thực hành Tứ ân - Hiếu nghĩa. Thực hành Tứ ân tức là đã hoàn thành xong sứ mạng Hiếu nghĩa<sup>1</sup>. Gọi là Tứ ân, tức phải phải trả bốn cái ơn lớn: Ân Tổ quốc; Ân cha mẹ sinh dưỡng; Ân Tam bảo chỉ cho ta con đường giải thoát; Ân đồng bào. Như vậy, có thể thấy giá trị đạo đức và lối sống mà các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ đề cao cũng là những giá trị đạo đức và lối sống tốt đẹp của văn hóa truyền thống dân tộc, trong đó, phẩm chất hàng đầu là ân đền ơn Tổ quốc, đồng bào, rồi mới đến đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, hiếu kính cha mẹ. Việc coi trọng lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân được các tôn giáo này coi trọng và trở thành giá trị cốt lõi trong phương thức tu hành, phương châm hành đạo của các tôn giáo với mong muốn đưa con người đến với con đường giải thoát một cách dung dị, đời thường. Với đạo Cao Đài hay Minh sư đạo, Minh lý đạo cũng có tư tưởng gần nhau đó là theo tư tưởng tam giáo và con đường giải thoát là tu nhân với tinh thần từ bi, nhân nghĩa, công bằng.

*Tín ngưỡng/tín ngưỡng truyền thống/tín ngưỡng dân gian* có những quan niệm về giá trị luân lý và đạo đức được thể hiện qua việc thờ phụng tổ tiên theo hai nghĩa: tổ tiên theo nghĩa rộng là những người có công với đất nước, với làng xã... và nghĩa hẹp đó là tổ tiên của dòng họ, của gia đình. Việc thờ phụng tế lễ trao truyền qua các thế hệ người Việt từ xưa cho đến nay thực tế cũng chính là sự giáo dục con người với cách ứng xử về tình người, về lòng biết ơn với tổ tiên. Tư duy “uống nước nhớ nguồn” vì thế đã trở thành lẽ sống, thành thước đo đạo lý làm người, là giá trị văn hóa truyền thống của người dân Việt Nam. Đây là cách ứng xử mang quy phạm đạo đức trong tôn giáo truyền thống ở Việt Nam (tất cả nhu cầu của cuộc sống như: làm ăn, dựng vợ

---

1. Xem Nguyễn Văn Sâm: *Tín ngưỡng Việt Nam cận đại và hiện đại*, Đại học văn khoa Sài Gòn, 1975, tr.54-57.

gả chồng hay cầu con, cầu của, cầu mạnh khỏe... đều được bày tỏ trước hương án tổ tiên)<sup>1</sup>.

### **1.2. Giá trị đạo đức tôn giáo qua đối chiếu với “Đề cương về văn hóa Việt Nam”**

Cách đây 80 năm, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943) được ra đời sở dĩ có sức lan tỏa mạnh mẽ và giá trị bền vững bởi các nội dung và cấu trúc đã được tạo dựng và hoàn chỉnh với một phương pháp tiếp cận thực sự khoa học. Với ba nguyên tắc: Dân tộc, khoa học và đại chúng, các giá trị của Đề cương có sức sống từ trong lịch sử đến nay. Ngay trong Đề cương đã thể hiện tính đa dạng trong sự thống nhất. Trước kia, ba nguyên tắc trong Đề cương thể hiện tinh thần cuộc vận động xây dựng nền văn hóa Việt Nam: “dân tộc hóa” (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập), “đại chúng hóa” (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng) “khoa học hóa” (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Ngày nay, với ba nguyên tắc thống nhất biện chứng không thể tách rời, lại được thể hiện phong phú và đa dạng hơn trong xã hội hiện đại. Theo tác giả Từ Thị Loan khi phân tích ba nguyên tắc trong thời đại mới cần có cái nhìn mở rộng hơn, theo đó, tính dân tộc được hiểu rộng hơn về việc gìn giữ, phát huy những giá trị cổ truyền, làm cho văn hóa phát triển độc lập và nhất là trong giai đoạn hội nhập là để chống lại sự vay mượn, lai căng và xói mòn bản sắc văn hóa, đồng thời, trong quá trình tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại sẽ biến các giá trị đó thành những giá trị văn hóa của mình theo bản sắc của mình với “quốc hồn, quốc túy”<sup>2</sup>.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản

1. Viện Nghiên cứu Tôn giáo: “*Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay*”, *Tlđđ*, tr.131-133.

2. Xem Từ Thị Loan: “Đề cương Văn hóa Việt Nam, 60 năm nhìn lại”, đăng trong: Bộ Văn hóa Thông tin: *60 năm Đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003)*, Kỷ yếu hội thảo, Nxb. Viện Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2004, tr.261-263.



của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nên văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao. Chúng ta xác định: Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí để phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là tiêu chí của tiến bộ, văn minh”<sup>1</sup>.

Có thể thấy, từ Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cho đến Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, các nghị quyết đều kế thừa, bổ sung và phát triển những quan điểm của Đề cương về tính chất, nguyên tắc vận động của nền văn hóa mới, nhằm xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Đặc biệt, tại Nghị quyết Trung ương 9, khóa XI (2014) đã xác định mục tiêu chung: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>2</sup>, trong đó, mục tiêu

---

1. Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản*, số 966, tháng 5/2021, tr.7.

2. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-quyet-33-NQ-TW-2014-xay-dung-phan-trien-van-hoa-con-nguoi-Viet-Nam-237544.aspx>, truy cập ngày 8/2/2023.

cụ thể đầu tiên là: “Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước”<sup>1</sup>.

Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tại Đại hội XIII, Nghị quyết Đại hội đã khẳng định: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên”<sup>2</sup>. Như vậy, trong thời đại mới, những nhận thức của Đảng về phát triển chuẩn mực văn hóa là tập trung xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người, đây là những vấn đề trực tiếp của giá trị đạo đức mà mỗi con người Việt Nam cần gìn giữ và phát huy truyền thống từ xưa. Đặc biệt, với những người có tôn giáo thì vấn đề gìn giữ, phát huy giá trị đạo đức của tôn giáo mình theo cuộc sống rất hữu hiệu, bởi tôn giáo nào cũng hướng con người đến chân - thiện - mỹ và chính niềm tin tôn giáo, niềm tin vào những chuẩn mực giá trị đạo đức của tôn giáo đã làm thay đổi bản tính con người, làm họ tự điều chỉnh lại những hành vi của họ trong mọi mối quan hệ, ứng xử với cộng đồng xung quanh.

Đã có nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, là văn bản đầu tiên của Đảng thể hiện tính đột phá trong cách nhìn nhận vấn đề tôn giáo ở Việt Nam, bởi Nghị quyết khẳng định: Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Như vậy, Đảng ta đã khẳng định những giá trị đạo đức tôn giáo có thể phát huy trong xây dựng đất nước thời kỳ đổi

1. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-quyet-33-NQ-TW-2014-xay-dung-phat-trien-van-hoa-con-nguoi-Viet-Nam-237544.aspx>, truy cập ngày 8/2/2023.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.143.

mới. Sau này, hàng loạt các chỉ thị, nghị quyết hay cả Cương lĩnh phát triển đất nước từ năm 1991 đến nay đều cụ thể hóa các quan điểm của Nghị quyết số 24. Nghị quyết số 24 có giá trị về mặt lý luận cũng như thực tiễn cao và đây được coi là bước ngoặt, “bước đột phá” trong quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo<sup>1</sup>. Hiện nay, văn bản pháp luật cao nhất đó là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo cũng đã tạo hành lang pháp lý để mỗi một tôn giáo đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ càng phát huy những giá trị đạo đức của tôn giáo mình, góp phần vào công cuộc xây dựng hệ giá trị văn hóa Việt Nam đáp ứng với những tiêu chí của quốc tế nhưng vẫn gìn giữ được bản sắc Việt Nam. Đặc biệt, trên tinh thần nguyên tắc của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, kế thừa và phát triển những nguyên tắc đó trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay được thể hiện trong Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI, đã chỉ rõ xây dựng nền văn hóa Việt Nam theo tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Theo tác giả Đào Duy Quát, khi nghiên cứu văn hóa cần tiếp cận từ hệ giá trị, bởi khi coi văn hóa là trình độ phát triển các quan hệ nhân tính của xã hội, của mỗi con người, nó sẽ được cộng đồng khẳng định thành một hệ giá trị mà chuẩn mực cơ bản là: chân, thiện, mỹ. Bởi cốt lõi của hệ giá trị là hệ tư tưởng vì nó kết dính, định hướng các chuẩn mực giá trị và các cộng đồng văn hóa. Đặc biệt, tính lan tỏa của văn hóa được biểu hiện trong các giá trị cơ bản, các động cơ, niềm tin, ứng xử của con người trong mọi hoạt động, mọi lĩnh vực cuộc sống. Theo cách tiếp cận này thì không những coi văn hóa là mục tiêu, là động lực phát triển mà còn là hệ điều chỉnh cho sự phát triển bền vững của mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng và quốc gia<sup>2</sup>. Rõ ràng, văn hóa đã trở thành nguồn lực nội sinh, là động lực phát triển bền vững cho sự phát triển xã hội Việt Nam.

Cũng theo tác giả Từ Thị Loan khi nghiên cứu về giá trị Đề cương văn hóa trong tình hình mới đã đưa ra sự kế thừa, chọn lọc và phát triển của các

---

1. Nguyễn Hồng Dương: *Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015, tr.182.

2. Đào Duy Quát: “Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943) - Cương lĩnh đầu tiên về văn hóa của Đảng ta”, Tạp chí *Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật*, tr.3-6. Bài viết đăng trên trang BTC.120606.PDF (cantholib.org.vn), ngày truy cập 6/2/2023.

giá trị văn hóa, trong đó giá trị nhân văn thể hiện bản chất của giá trị đạo đức tôn giáo: “... *giá trị nhân văn* thể hiện ở nền văn hóa yêu thương con người, nhân ái, bao dung, lấy con người làm gốc. *Nhân văn* có nội hàm rộng hơn *bác ái* của phương Tây, còn có ý nghĩa tôn trọng nhân phẩm, đề cao nhân quyền, tôn trọng quyền con người. Văn hóa Việt Nam từ xưa đến nay là nền văn hóa trọng tình cảm, thương yêu con người, đề cao tình yêu thương đồng loại... Tuy nhiên, hiện nay giá trị này đang bị đe dọa trước lối sống vị kỷ, vô cảm trong cơ chế kinh tế thị trường. Vì những mục tiêu vụ lợi người ta có thể xâm hại, chà đạp, vùi dập nhân phẩm của nhau. Do vậy, rất cần khôi phục và củng cố sự tử tế, lòng nhân ái, nghĩa tình vốn sẵn có trong văn hóa Việt Nam. Nhân văn cũng là một giá trị mà Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đề ra đối với văn hóa Việt Nam”<sup>1</sup>. Như vậy, giá trị đạo đức của tôn giáo được soi rọi trong giá trị nhân văn của Đề cương, thể hiện ý nghĩa rộng hơn giá trị đạo đức của tôn giáo, tuy nhiên, giá trị đạo đức của tôn giáo có sự ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến những người theo tôn giáo trong ứng xử, trong đời sống văn hóa của mỗi người.

## **2. Giá trị đạo đức của tôn giáo trong gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thống Việt Nam hiện nay**

Tổng Bí thư Trường Chinh từng đề cập: văn hóa có tính chất khoa học. Nó tôn trọng tự do tín ngưỡng, nhưng phản đối mê tín..., như vậy, Tổng Bí thư Trường Chinh đã coi tôn giáo là một bộ phận của văn hóa. Từ những nhận thức đổi mới, sáng tạo, cho đến những nghị quyết tỏ rõ quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng ngày một sáng rõ hơn và khẳng định tôn giáo là một thực thể văn hóa, một loại văn hóa vô hình mà cần thiết cho con người và tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, nhiều giá trị của tôn giáo phù hợp với giá trị xây dựng đất nước<sup>2</sup>.

1. Từ Thị Loan: “Xây dựng hệ giá trị văn hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển”, <https://tuyengiao.phuyen.gov.vn/van-hoa-van-nghe/xay-dung-he-gia-tri-van-hoa-viet-nam-dap-ung-yeu-cau-phat-trien-4427.html>, ngày 2/11/2022, truy cập ngày 8/2/2023.

2. Xem Đặng Nghiêm Vạn: “Nhân dịp 60 năm đề cương về văn hóa Việt Nam định hướng về công tác tôn giáo”, in trong Bộ Văn hóa Thông tin: *Đề cương văn hóa Việt Nam 1943, những giá trị tư tưởng - văn hóa*, Nxb. Viện văn hóa Thông tin và Văn phòng bộ, 2003, tr.306-308.

Tại Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia... Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực xã hội, môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, du lịch và các lĩnh vực khác”<sup>1</sup>. Như vậy, với quan điểm và tầm chiến lược phát triển văn hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, chú trọng việc xây dựng văn hóa mới, con người mới, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững theo phương châm mà Đảng đã đề ra là “hòa nhập chứ không hòa tan”.

Trước hết, Việt Nam là một nước đa dân tộc, đa tôn giáo, nên vấn đề đoàn kết tôn giáo lại càng cần phải thực hiện. Nói đến đoàn kết tôn giáo, chúng ta không thể không nhắc đến tư tưởng về đoàn kết tôn giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bởi tư tưởng về đoàn kết tôn giáo đó luôn là kim chỉ nam trong hành động của Đảng và Nhà nước ta. Cơ sở nòng cốt của tư tưởng đoàn kết tôn giáo đó là tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Muốn có tự do tín ngưỡng, tôn giáo thì phải đoàn kết tôn giáo, bởi Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đoàn kết tôn giáo là bộ phận quan trọng trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc, góp phần phát huy sức mạnh toàn dân trong công cuộc kháng chiến, giành độc lập cho nước nhà. Trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam, điều thứ 8, đề cập: Tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. Thế là rõ ràng, đúng dân chủ. Người Việt Nam bất kỳ lương hay giáo, theo đạo Thiên Chúa hay đạo Phật, Cao Đài hay Hòa Hảo, mọi người đều có thể tán thành và ủng hộ chính sách ấy<sup>2</sup>. Do đó, đoàn kết tôn giáo trước hết là phải đoàn kết giữa những người có đạo và không đạo; tiếp đó là phải đoàn kết giữa những người có đạo khác nhau và đoàn kết những người trong cùng một đạo, dù bất luận thế nào cũng không được phân biệt đối xử không công bằng, Người đã chỉ rõ: Công giáo hay không Công giáo, Phật giáo hay không Phật giáo đều phải nên nỗ lực đấu tranh cho nền độc lập của nước nhà. Nhiệm vụ của toàn thể chúng ta là phải giữ vững

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.164.

2. Xem Viện Nghiên cứu Tôn giáo: *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.239.

nền độc lập. Trong Công giáo có câu “Tam vị nhất thể”, nhà Phật có câu “Vạn chúng nhất linh” nên chúng ta phải hy sinh cho nhân loại và chúng sinh<sup>1</sup>.

Trên nền tảng tư tưởng đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc và chủ nghĩa yêu nước của Hồ Chí Minh, các tôn giáo ở Việt Nam đã phát huy tinh thần đó trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm và trong cuộc sống hiện đại ngày nay. Với Phật giáo trên nguyên tắc xây dựng nếp sống hòa hợp với tư tưởng “Lục hòa” hay “Lễ sáu phương”, đều là hệ giá trị, chuẩn mực đạo đức mà Phật giáo đã đề ra không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo, mà còn thể hiện các mối quan hệ thuận túy về đạo đức con người trần thế, cần có sự gương mẫu, kính trên, nhường dưới, bằng hữu hài hòa, trong ấm, ngoài êm, từ đó xây dựng nền tảng cho một xã hội yên bình, an vui. Với phương châm hành động “Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội”, Phật giáo đã thực hiện được tinh thần đoàn kết từ chức sắc, tín đồ đến người dân cùng chung tay góp sức cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Với Công giáo, mười điều răn là “giao ước được Thiên Chúa ký kết với dân Ngài”, mười điều răn này tóm lại chỉ có hai điều này mà căn cốt nhất được coi như giá trị luân lý và đạo đức là: “Mến chúa - yêu người” cũng đã đóng góp nhân lực, vật lực cho sự nghiệp Cách mạng với phương châm “Kính Chúa, yêu nước” gắn với “Phụng sự Thiên Chúa, phụng sự Tổ quốc”. Nhất là sau năm 1945, đã xuất hiện một số tổ chức của giới Công giáo như: Việt Nam Công giáo cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh; Liên đoàn Công giáo Việt Nam; Việt Nam Công giáo Cứu quốc, Ủy ban Liên lạc những người Công giáo Liên khu III (1950); Liên đoàn Công giáo Nam Bộ, Hội Công giáo Kháng chiến Nam Bộ,... những tổ chức này là tiền thân của Ủy ban đoàn kết Công giáo Việt Nam hiện nay<sup>2</sup>. Với các tôn giáo nội sinh ra đời trong bối cảnh đất nước còn loạn lạc, vùng Nam Bộ trong thời kỳ đầu còn nhiều thiếu thốn, chủ yếu mang tính tự phát, do đó, ở vùng Nam Bộ trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã xuất hiện nhiều sĩ phu yêu nước gương cao ngọn cờ đấu tranh, đòi độc lập, tự do, họ đã chiêu mộ người dân, lập ấp, chữa

1. Xem Huy Thông (sưu tầm): *Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào Công giáo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.36.

2. Chu Văn Tuấn: “Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền về truyền thống lịch sử, tinh thần yêu nước, bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam; về những giá trị của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội”, Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ cấp bộ, 2021, tr.214-217.

bệnh cho dân nghèo, hỗ trợ nhau trong cuộc sống cả vật chất lẫn tinh thần. Trên tinh thần Tứ ân (gốc của Phật giáo) cùng với giáo lý của Nho giáo (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín hay trung, hiếu, tiết, nghĩa) đã giảng dạy đạo lý làm người cho dân thâu trên nền giáo lý tôn giáo. Sau này trên nền tảng văn hóa Nam Bộ với sự dung hòa đó, các tôn giáo: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ an Hiếu nghĩa, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo... đã lần lượt ra đời được gọi là tôn giáo nội sinh, “dòng tôn giáo này, tạo thành chất keo dính cho sự tổng hợp những nguồn tư tưởng khác nhau, chính là đạo lý làm người truyền thống của người Việt... gọi là dòng tôn giáo đạo lý Nam Bộ”<sup>1</sup>.

Trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, tài năng, trí tuệ, nhân phẩm con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”<sup>2</sup>. Quá trình hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức lối sống của mỗi con người được xây dựng trên cơ sở tiếp nhận kiến thức từ gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội, trong đó, gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên và suốt cuộc đời, định hình nhân cách của mỗi con người. Gia đình chính là môi trường văn hóa đầu tiên mà ở đó mỗi cá nhân từ khi chào đời và suốt quá trình trưởng thành liên tục được tiếp xúc với các chuẩn mực đạo đức từ cha mẹ, ông bà và những người thân. Chính lối sống đề cao trách nhiệm, nghĩa tình, đức hy sinh, tính bản thiện, sự quan tâm tới mọi người và nhân cách cao thượng của ông bà, mẹ cha có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành và phát triển nhân cách của con trẻ. Bổn phận của con cái là tôn kính cha mẹ (lòng hiếu thảo) dựa trên sự biết ơn đối với những người sinh thành, nuôi dưỡng mình nên người. Lòng hiếu thảo được

1. Đặng Thế Đại: *Tín ngưỡng nội sinh Việt Nam qua cái nhìn Văn hóa học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2018, tr.134.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.II, tr.330.

bày tỏ qua sự vâng lời chân thành, phải tuân giữ mọi điều cha mẹ dạy, phải có trách nhiệm đối với cha mẹ... Lòng hiếu thảo còn thể hiện anh chị em trong gia đình ăn ở chan hòa, khiêm tốn, hiền từ, nhẫn nại, lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau.

Cho dù là gia đình truyền thống hay hiện đại, gia đình theo tôn giáo hay không theo tôn giáo, việc xây dựng, gìn giữ giá trị truyền thống cơ bản vẫn là quan trọng, đó là *đạo Hiếu* (uống nước nhớ nguồn) hay thờ cúng tổ tiên là giá trị văn hóa truyền thống căn bản trong gia đình Việt Nam. Việc tôn kính, tưởng nhớ tổ tiên, dòng tộc, biết ơn những người có công - một đạo lý văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, hiện nay cũng được các tôn giáo giáo dục, duy trì và phát huy. Tác giả Minh Ngọc cho biết: Tại các gia đình đô thị hiện nay, việc thờ cúng tổ tiên cũng có nhiều biến đổi. Yếu tố dòng trưởng, con trai trưởng vẫn được đề cao nhưng không còn là chủ thể duy nhất của thờ cúng tổ tiên. Thờ cúng tổ tiên được thực hiện một cách công bằng đối với các thành viên nam trong gia đình. Người phụ nữ đã thể hiện được vai trò của mình trong thờ cúng tổ tiên, tuy nhiên, về cơ bản phụ nữ chưa trở thành chủ thể của thờ cúng tổ tiên<sup>1</sup>. Với Công giáo, trong Mười điều răn, giới răn thứ tư là thảo kính cha mẹ, đây là mối dây liên kết gia đình giữa ông bà, cha mẹ và con cháu. Người mẹ trong gia đình thường là chủ động tỏ lòng biết ơn với các bậc sinh thành còn sống hay đã khuất, bằng quà cáp, thăm viếng hay giỗ kỵ. Vì Cha mẹ là đại diện Thiên Chúa. Các ngài sinh ra con cái, dẫn nhập con cháu vào liên kết gia đình và cộng đoàn. Với Phật giáo, lễ Vu lan báo hiếu ngày nay không còn đơn thuần mang ý nghĩa tôn giáo mà trở thành một “lễ hội của nhân dân Việt Nam” (lễ rằm tháng Bảy - xá tội vong nhân) trong việc hiếu kính cha mẹ, thờ phụng tổ tiên ông bà và cầu siêu cho các vong linh. Theo nhà Phật, việc lễ bái, niệm Phật, cúng dường, bố thí, làm phúc... đều là những việc cần làm để tạo ra công đức để chuyển nghiệp xấu thành nghiệp thiện cho bản thân và gia đình mà trong *Kinh Địa Tạng* chép: “Nếu một người đã chết mà trên thế gian đã có người làm phúc, bố thí, cúng dường thì người chết sẽ được

---

1. Xem Viện Nghiên cứu Tôn giáo: “Thực trạng về hoạt động tín ngưỡng - tôn giáo trong gia đình và những tác động của hoạt động tín ngưỡng - tôn giáo đến gia đình Việt Nam hiện nay”, Kỷ yếu hội thảo khoa học thuộc đề tài *Hoạt động tín ngưỡng - tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay*, Quảng Nam, 2017, tr.6-14.



hưởng một phần bảy (bảy)”<sup>1</sup>. Việc giáo dục đạo đức trong gia đình là quan trọng nhất đối với trẻ nhỏ, nhất là việc dạy bảo con cháu thực hiện các nghi lễ tôn giáo thường xuyên mới tạo được nếp sống, từ đó tạo giá trị cơ bản về đạo đức trong văn hóa gia đình, xã hội. Số liệu điều tra cho thấy sự lựa chọn giáo dục về niềm tin đạo đức ở gia đình không tôn giáo là 82,2% và gia đình tôn giáo là 87,7%, cao hơn so với các lựa chọn khác như dạy cách giải quyết một cách ôn hòa hay đấng Thiêng (là đối tượng Thiêng mà các tôn giáo tôn thờ như Đức Phật, Chúa Giêsu hay Thần, Thánh, Ông Trời...)”<sup>2</sup> sẽ báo trước... Điều đó sẽ cho thấy việc giáo dục niềm tin đạo đức sẽ dần hình thành các giá trị đạo đức cơ bản của mỗi thành viên trong gia đình. Khảo sát của Viện Nghiên cứu Tôn giáo cho thấy các gia đình rất chú trọng giáo dục con cháu về tôn giáo của gia đình cho chỉ số với 63,5% là gia đình không tôn giáo; với 86,5% là gia đình Phật giáo; với 95,8% là gia đình Công giáo<sup>3</sup>.

Giá trị đạo đức tôn giáo còn thể hiện thông qua các hoạt động từ thiện xã hội, lĩnh vực y tế, giáo dục cũng là một cách thể hiện đạo đức con người tôn giáo, phát huy tinh thần sống “tốt đời, đẹp đạo” và truyền thống đoàn kết, nhân ái của dân tộc Việt Nam, những năm qua, các hoạt động từ thiện nhân đạo ngày càng được các tôn giáo chú trọng và dần trở thành một phong trào mang tính xã hội rộng lớn. Hoạt động từ thiện nhân đạo của các tôn giáo đã mang lại hiệu quả thiết thực góp phần chăm lo các hộ nghèo, những đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, qua đó góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Các cơ sở chữa bệnh của các tôn giáo đã và đang góp phần làm dịu đi những nỗi đau cho người bệnh. Đặc biệt, với Công giáo là các nữ tu luôn âm thầm phục vụ nơi bệnh viện - đã góp phần đỡ nâng người bệnh phần hồn lẫn phần xác, để họ cảm thấy cuộc sống vẫn được sẻ chia khi bản thân ốm đau bệnh tật. Với Phật giáo, hoạt động: “Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội” trên cơ sở những triết lý cơ bản trong đó Tứ vô lượng tâm và Hạnh bố thí đã luôn “hướng về đời

---

1. Xem Chu Văn Tuấn: “Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền về truyền thống lịch sử, tinh thần yêu nước, bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam; về những giá trị của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội”, *Sdd*, tr.232.

2, 3. Xem Viện Nghiên cứu Tôn giáo: “Báo cáo kết quả xử lý dữ liệu khảo sát đề tài Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay”, Đề tài độc lập cấp Bộ, TS. Nguyễn Quốc Tuấn (chủ nhiệm), Lưu hành nội bộ, 2018.

sống xã hội, làm cho ý nghĩa đích thực của đạo Phật được thể hiện trong những công trình xây dựng quốc độ, mang lại hạnh phúc trong đời sống con người về vật chất lẫn tinh thần...”<sup>1</sup>. Các tôn giáo nội sinh với phương châm “học Phật-Tu thân”, tại gia cư sĩ đã thể hiện lòng nhân ái, tình yêu thương con người, yêu thiên nhiên, đã luôn đồng hành cùng dân tộc trong mọi cuộc chiến với các vấn đề xã hội như nạn dịch Covid, thảm họa thiên tai, xóa đói giảm nghèo, bệnh tật ốm đau. Đặc biệt với Hòa Hảo là việc hỗ trợ xe cứu thương, với đạo Cao Đài là cứu trợ, chữa bệnh, hay Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam tiêu biểu là các phòng thuốc Nam cứu người... Với tinh thần từ bi, bác ái, cứu khổ của các tôn giáo đã thể hiện truyền thống văn hóa thương yêu, đùm bọc, đoàn kết, nhân ái của người Việt Nam trong lịch sử cũng như hiện tại.

Xét cho cùng, tôn giáo nào cũng đề cập đến đạo đức con người, đều hướng con người tới khát vọng hạnh phúc, dù rằng theo quan niệm của các tôn giáo có sự khác nhau. Tôn giáo có vai trò trong việc giữ gìn, lưu truyền và phát huy các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống Việt Nam, bởi tôn giáo nào cũng đều khuyên răn con người hướng thiện, hướng đến cái tốt đẹp, hướng đến đạo lý làm người, có trách nhiệm với bản thân và gia đình, biết sống vì cộng đồng. Các hoạt động hướng đích xã hội, hoạt động từ thiện nhân đạo của các tổ chức tôn giáo góp phần an sinh xã hội, giúp cho xã hội ổn định hơn, phát triển hơn. Các tôn giáo ngày nay đã trở thành một nguồn lực xã hội không thể thiếu, thu hút được đông đảo người dân tham gia, tạo ra một không gian tâm linh, góp phần xây dựng bầu không khí đạo đức, chung tay cùng nhà nước tham gia vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, từ thiện nhân đạo, góp phần xoa dịu những nỗi đau về thể xác cũng như tinh thần.

\*

\*     \*

Trước hết, chúng ta cần nhìn nhận rằng, giá trị đạo đức của tôn giáo đã xuất hiện trong các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam. Đó là những giá trị chuẩn mực thể hiện trong các phong tục, tập quán gia đình,

---

1. Xem Giáo hội Phật giáo Việt Nam: *Kỷ yếu Hội nghị Đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam lần thứ nhất*, ngày 4-7/11/1981, tr.37, 38.

trong đời sống, sinh hoạt văn hóa vật chất và tinh thần của các thành viên trong gia đình thông qua các hoạt động cụ thể trong cuộc sống như ăn, mặc, đi lại, ứng xử, sinh đẻ, chăm sóc trẻ em, người già, thực hiện các nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo, cách thờ cúng tổ tiên, các vị thần linh... thể hiện rõ đạo lý làm người của một thành viên trong gia đình, dòng họ, làng xã, quốc gia với những ứng xử có tính nhân văn, tình người với môi trường xung quanh. Giáo lý, giáo luật và các hoạt động tôn giáo có tác động đến việc dạy dỗ, giáo dục con cái và tạo dựng giá trị văn hóa Việt Nam hiện nay được thể hiện rõ ràng qua việc giáo dục niềm tin đạo đức tôn giáo từ gia đình ra xã hội. Thông qua việc thực hành các hoạt động tôn giáo tại gia đình và tại cộng đồng cùng nhau, tạo sự gắn kết các thành viên trong gia đình, làm gương cho con cháu nói theo, nhất là con trẻ - thế hệ tương lai của đất nước. Những giá trị đạo đức của Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành hay các tôn giáo nội sinh... đã thấm sâu trong tâm thức mỗi người dân Việt Nam cho dù họ ở bất kỳ nơi nào, họ là tín đồ của bất kỳ tôn giáo nào. Tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau được thể hiện qua công tác từ thiện, nhân đạo của từng cá nhân, gia đình, cộng đồng đã tạo ra tình đoàn kết, hữu nghị, gắn bó keo sơn trong cộng đồng xã hội. Tinh thần vì Đạo pháp, vì dân tộc của Phật giáo Việt Nam, tinh thần kính Chúa - yêu người, hay thực hành Tứ ân... cho đến nay luôn được các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ gìn giữ, phát huy và ứng dụng trong cuộc sống ngày hôm nay.

Trải qua các quá trình phát triển và đổi mới, quan điểm của Đảng đã có nhiều khởi sắc đối với công tác tôn giáo, để rồi có một văn bản pháp lý cao nhất đó là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ra đời (2016), đã tạo ra hành lang pháp lý vững chắc cho các tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng hoạt động đúng pháp luật, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước. Đặc biệt, từ Chỉ thị số 18-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII, đã bổ sung thuật ngữ “các nguồn lực của các tôn giáo” và đặt mục tiêu trong công tác tôn giáo là “đoàn kết tôn giáo trong mục tiêu chung đại đoàn kết toàn dân tộc”, bên cạnh đó cần kế thừa, phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Để phát huy có hiệu quả các nguồn lực của các tôn giáo, chúng ta cần có sự đánh giá khách quan những tác động của tôn giáo đối với xã hội (cả tích cực và tiêu cực) trong thời gian qua.

Trong xã hội hiện đại, dưới tác động của kinh tế thị trường, nhiều giá trị đạo đức truyền thống cũng như văn hóa gia đình đã có những biến đổi. Việc giáo dục đạo đức truyền thống có phần bị coi nhẹ, ý thức trách nhiệm với cộng đồng ít được đề cao, lối sống buông thả đã dần ăn vào tâm thức giới trẻ, từ đó việc quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình đã giảm dần dẫn đến tính cố kết trong gia đình, dòng họ lỏng lẻo. Do vậy, việc phát huy giá trị đạo đức của tôn giáo trong xây dựng, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam theo tinh thần *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong giai đoạn hiện nay là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị. Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam có ảnh hưởng sâu sắc trong sự hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng, đây là một trong những nhiệm vụ cần quyết tâm cao với những giải pháp đồng bộ, trách nhiệm của các cấp, ngành liên quan, nhất là công tác tôn giáo, do đó, cần tuyên truyền sâu, rộng, vận động trong toàn xã hội từ Trung ương đến cơ sở, để các giá trị đạo đức tôn giáo cũng như giá trị văn hóa truyền thống được lan tỏa trên, mọi vùng miền của Tổ quốc, góp phần phát huy, phát triển văn hóa tôn giáo phù hợp với sự phát triển xã hội hiện đại.

## VỀ NGUYÊN TẮC ĐẢNG LÃNH ĐẠO VĂN HÓA TRONG “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943

ThS. MAI THỊ SOA\*

**Đ**ảng lãnh đạo văn hóa, văn nghệ là vấn đề mang tính tất yếu khách quan nhằm bảo đảm môi trường thật sự tự do, dân chủ, lành mạnh trong sáng tạo, thực hành và thụ hưởng văn hóa của nhân dân. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển có không ít quan điểm sai lầm, phiến diện đòi phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực đặc biệt quan trọng này.

Ngay từ năm 1943, trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* - Cương lĩnh đầu tiên về văn hóa, Đảng ta đã đề ra nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện nền văn hóa dân tộc. Đến nay nguyên tắc này vẫn vẹn nguyên giá trị, là một nhân tố quan trọng bảo đảm cho sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

### **1. Vấn đề Đảng lãnh đạo văn hóa qua sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam***

Năm 1943, giữa muôn trùng khó khăn, thử thách, Đảng đã đề ra nhiều quyết sách quan trọng nhằm huy động mọi lực lượng, tầng lớp, mọi lĩnh vực, ngành nghề cùng dốc sức mình, tham gia tích cực vào công cuộc đấu tranh, giải phóng dân tộc, thoát khỏi ách đô hộ của thực dân, phát xít. Một trong những quyết sách quan trọng được Đảng ban hành là *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Bản đề cương do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được thông

---

\* Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương, họp từ ngày 25 đến 28/2 tại Vũng La, Đông Anh, Phúc Yên.

Nhận định về những chính sách thâm độc của thực dân và phát xít nhằm đầu độc, ru ngủ, triệt tiêu tinh thần yêu nước của người dân An Nam, Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định:

*Về chính sách của Nhật:* “Giặc Nhật ra sách báo, tổ chức những phong trào thông tin và du lịch khắp Đông Dương để tuyên truyền chủ nghĩa “Đại Á” và thuyết “Lập khu thịnh vượng chung”. Chúng đặt ra những câu sấm truyền và lợi dụng tôn giáo để mê hoặc và tổ chức đồng bào ta. Nhưng thực ra “khu thịnh vượng chung” là nơi đế quốc chủ nghĩa Nhật tự do ăn cướp và “nền trật tự mới” của phát xít Nhật là chế độ đánh giết và hiếp dâm.

*Về chính sách của Pháp:* Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương đánh giá: “Phát xít Pháp bóc lột, khủng bố, lừa phỉnh dân ta ngày một tệ. Lợi dụng khẩu hiệu “Pháp - Việt phục hưng”, giặc Pháp vơ vét một cách tàn nhẫn để cung đốn cho Nhật - Đức và bọn Pêtanh để phòng bị phải cuốn gói bước đi. Theo Đơcu (Decoux) tuyên bố, năm nay dân ta phải chịu thêm ít nhất 35 triệu bạc thuế nữa. Nhiều thuế mới đã đặt (như thuế nóc nhà ngói ở thôn quê, thuế sửa sang đường phố ở thành thị) hoặc đương dự định (như thuế trâu bò và cây có quả).

Càng bóc lột thẳng cánh, giặc Pháp càng khủng bố dã man, khủng bố để được tự do bóc lột và để giữ vững hậu phương cho Nhật. Chính sách khủng bố của Pháp hiện nay đặc biệt tàn nhẫn và quỷ quyệt vì nó học thủ đoạn phá cách mạng của cả bọn quốc xã và bọn quân phiệt Nhật... Chính sách càn làng, đốt nhà, bắn người vô tội vạ lại diễn ra tại Lạng Sơn, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Gia Định... Bọn mật thám đi bắt bớ, tra tấn ngay tại chỗ. Khủng bố bao giờ cũng đi đôi với lừa phỉnh. Đáng chú ý nhất là giặc Pháp tuyên truyền chủ nghĩa phản quốc của Pêtanh, ra sức gây phong trào thanh niên và thể dục để lôi kéo thanh niên và phát xít hóa thanh niên, tuyển trong thanh niên những cán bộ xung phong phá cách mạng... Sửa đổi chương trình học, mở các bộ thông tin, tuyên truyền và báo chí để ra sách báo, tranh ảnh, tổ chức diễn thuyết, chiếu bóng làm mê hoặc quần chúng, mật thiết liên lạc với bọn cố đạo để tổ chức nhồi sọ, trình thám nhân dân.

Văn hóa hết sức bị kìm hãm, bất cứ cái có ý nghĩa tuyên truyền và giải trí công chúng đều bị kiểm duyệt. Các nhà văn cấp tiến bị hạ ngục hay đe dọa. Nhưng một nhóm văn sĩ liếm gót giày, lĩnh phụ cấp ra sách báo, bợ đỡ Nhật - Pháp và ca ngợi tục lệ phong kiến giật lùì”<sup>1</sup>.

Dưới chính sách cai trị thâm độc, tàn bạo của thực dân, phát xít, đời sống nhân dân vô cùng khổ cực. Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương nêu rõ: “Sống trong hoàn cảnh chính trị, kinh tế như trên, nhân dân Đông Dương cực khổ... Anh em thanh niên bị thất học, thất nghiệp nhiều và bị phát xít Nhật, Pháp căm dỗ làm những việc hại nước... Các giới trí thức văn hóa không có việc làm, bị thiếu thốn, hắt hủi, bó buộc và căm dỗ một cách đê tiện.

Tóm lại lúc này toàn thể dân tộc từ giàu đến nghèo cảm thấy phải sống trong một bầu không khí ngột thở, tinh thần dân tộc bị hắt hủi và đời sống ngày một nguy khốn thêm”<sup>2</sup>.

Trong bối cảnh, tình hình cấp bách đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương đề ra nhiều chủ trương quan trọng, ra sức vận động các giai tầng, đoàn thể, các giới trong xã hội tích cực tham gia vào các mặt trận cứu quốc để khởi nghĩa giành chính quyền, tranh đấu cho nền độc lập, tự do. Nghị quyết đề ra nhiệm vụ cần phải tiến hành cuộc vận động về văn hóa. Cụ thể là “Đảng cần phải phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, đặng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa phát xít thụt lùi. Ở những đô thị văn hóa như Hà Nội, Sài Gòn, Huế... phải gây ra những tổ chức văn hóa cứu quốc và phải dùng những hình thức công khai hay bán công khai đặng đoàn kết các nhà văn hóa và trí thức”<sup>3</sup>.

Với sự nhảy bèn về chính trị, nhận định đúng tình hình đời sống văn hóa - xã hội lúc bấy giờ, Đảng ta chủ trương vận động văn nghệ sĩ, trí thức cần ý thức sâu sắc về trách nhiệm, sứ mệnh cao cả của mình, phải tập hợp dưới ngọn cờ Đảng, đi theo lý tưởng cách mạng, gắn bó mật thiết với nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, chuẩn bị những điều kiện tốt nhất để tiến hành tổng khởi nghĩa, giành chính quyền.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời trong bối cảnh đặc biệt, cho thấy sự quan tâm và tầm nhìn của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa; đánh giá cao vai trò

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.282-283, 285-286, 300.

quan trọng của văn hóa trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Việc ban hành “Chương lĩnh đầu tiên về văn hóa” còn góp phần khắc phục những bất cập, mâu thuẫn, thiếu thống nhất trong nhận thức, hành động của một bộ phận văn nghệ sĩ, trí thức; định hướng và mở ra con đường, tương lai phía trước mà đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức cần phải dấn thân, thực thi sứ mệnh lớn lao, cao cả: “Soi đường cho quốc dân đi”.

Ra đời trong bối cảnh Đảng phải lui về hoạt động bí mật; thực dân và phát xít khủng bố dã man, kiểm duyệt sách báo ngặt nghèo, Đề cương không có nhiều điều kiện để bàn thảo, đề cập đến tất cả các lĩnh vực cụ thể của văn hóa mà chỉ tập trung vào những vấn đề cơ bản, then chốt, liên quan mật thiết với nhiệm vụ chính trị, cách mạng, kháng chiến, đấu tranh giải phóng dân tộc. Đề cương có kết cấu năm phần: *Cách đặt vấn đề; Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; Nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam; Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam.*

Tại phần *Đặt vấn đề*, Đề cương lý giải và làm rõ những vấn đề mang tính lý luận về nội hàm, phạm vi của văn hóa, đặc biệt là làm rõ mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị.

Mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị, cụ thể là mối quan hệ, tác động biện chứng giữa Đảng, những người cộng sản với văn hóa, với đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức. Đây là mối quan hệ biện chứng, khách quan, liên quan đến vai trò, sứ mệnh của Đảng trong lãnh đạo toàn diện các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực văn hóa.

Lý giải mối quan hệ này từ quan điểm của triết học duy vật lịch sử, những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848) đã khẳng định: “Lịch sử tư tưởng chứng minh cái gì, nếu không phải là chứng minh rằng sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sản xuất vật chất? Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị”<sup>1</sup>. Văn hóa cũng như nhiều lĩnh vực khác đều nảy nở, bắt nguồn và chịu sự chi phối của hiện thực đời sống, cơ sở hạ tầng; đồng thời chịu tác động của thể chế, chế độ chính trị.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t.4, tr.625.



Nhấn mạnh vào mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị, cụ thể là vấn đề Đảng lãnh đạo văn hóa, Đề cương nhấn mạnh:

“Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động... Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>1</sup>.

Luận điểm này nhấn mạnh đến vai trò của Đảng, trách nhiệm của những người cộng sản đối với vấn đề văn hóa. Đảng yêu cầu những người cộng sản, người làm cách mạng phải ý thức sâu sắc về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa. Đó là một mặt trận quan trọng, liên quan mật thiết đến nền tảng tư tưởng, đến công tác tuyên truyền, vận động của Đảng. Đặc biệt những sáng tạo của người nghệ sĩ là những “vũ khí sắc bén” trong việc lên án, tố cáo tội ác chiến tranh; vạch trần âm mưu, thủ đoạn thâm độc của thực dân, đế quốc; cổ vũ tinh thần, sức mạnh đoàn kết trong nhân dân.

Đảng lãnh đạo văn hóa và phải lãnh đạo thật tốt lĩnh vực đặc biệt nhạy cảm, tinh tế này nhằm khơi dậy và phát huy tinh thần sáng tạo, cống hiến của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức. Bằng tài năng, nghệ thuật phản ánh hiện thực cuộc sống, con người một cách sinh động, những tác phẩm văn hóa, văn nghệ sẽ tác động lớn đến nhận thức, tư tưởng, hành động của quần chúng nhân dân. Phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: *Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi*. Luận điểm này, một mặt khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa, mặt khác là sự kỳ vọng của Người vào đội ngũ văn nghệ sĩ - những chiến sĩ tiên phong trên trận địa tư tưởng, văn hóa, viết lên những tác phẩm lớn, có ý nghĩa để định hướng tư tưởng, tình cảm của quần chúng, nhân lên những giá trị tốt đẹp trong đời sống cộng đồng.

Nhận thức rõ về thực cảnh nền văn hóa dân tộc hiện tại, dưới chính sách cai trị của thực dân, phát xít đã biến nền văn hóa dân tộc “về hình thức là thuộc địa, về nhân dân là tiên tư bản”. Đề cương chỉ ra tiền đề văn hóa Việt Nam với hai “ức thuyết” (hai khả năng, hai giả thuyết, hai con đường tương lai của văn hóa Việt Nam). Một là, nếu “văn hóa phát xít (văn hóa trung cổ và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.316.*

nô dịch hóa) thắng thì văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ nghèo nàn và thấp kém”. Hai là: “Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>1</sup>.

Theo Đề cương, căn cứ vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội hiện nay, cách mạng dân tộc Việt Nam nhất quyết sẽ làm cho ức thuyết thứ hai trở nên sự thực.

Để xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, Đảng yêu cầu cần kiên trì thực hiện và đảm bảo các nguyên tắc vận động, đó là *Dân tộc*, *Khoa học* và *Đại chúng*. Đồng thời phải giữ vững nguyên tắc: “Văn hóa mới Việt Nam do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo”<sup>2</sup>.

Trong điều kiện ngặt nghèo của tình thế đất nước, sự ngột ngột của đời sống tư tưởng - văn hóa vào đêm trước cách mạng, sự ra đời, lãnh đạo của Đảng với những chủ trương, quyết sách kịp thời trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đem lại nguồn ánh sáng mới, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng, kháng chiến mà thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một minh chứng hùng hồn.

Sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng - nhân tố quan trọng góp phần tạo sự chuyển biến tích cực đối với sự vận động, phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam.

## **2. Đảng lãnh đạo văn hóa trong tình hình mới và những vấn đề đặt ra**

Đảng lãnh đạo văn hóa là vấn đề mang tính nguyên tắc, thuộc về bản chất, sứ mệnh của Đảng. Trong suốt quá trình lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự lãnh đạo của Đảng luôn là nhân tố quan trọng quyết định đến sự thành công của cách mạng và công cuộc đổi mới.

Trong quá trình xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, Đảng không ngừng đổi mới tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn, có những điều chỉnh kịp

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sổđ*, t.7, tr.318, 319.

thời về quan điểm chỉ đạo bằng việc ban hành những quyết sách mới, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và đáp ứng những vấn đề mới nảy sinh từ đời sống văn hóa, văn nghệ.

Đảng lãnh đạo văn hóa, văn nghệ nhằm định hướng quá trình phát triển của nền văn hóa dân tộc; lãnh đạo Nhà nước và các cơ quan bộ, ngành xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, bảo đảm điều kiện về nguồn nhân lực, vật lực; bảo đảm môi trường thật sự tự do, dân chủ, lành mạnh, thúc đẩy văn hóa phát triển.

Trong thời kỳ đổi mới, nhấn mạnh đến vai trò của các chủ thể trong xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc, Đảng khẳng định: “Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng”<sup>1</sup>.

Dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, sự nỗ lực và tinh thần sáng tạo của nhân dân, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã có chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào sự thành công của công cuộc đổi mới. Đánh giá về những kết quả đạt được, Đảng khẳng định: “Tư duy lý luận về văn hóa có bước phát triển; nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và toàn dân được nâng lên. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh mẽ. Nhiều phong trào, hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực; phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng... Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng được mở rộng, góp phần đáng kể vào việc xây dựng các thiết chế văn hóa. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo; nhiều phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường, thể chế văn hóa từng bước được hoàn thiện. Đội ngũ làm công tác văn hóa, văn nghệ có bước trưởng thành;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.49.

quyền tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ được tôn trọng. Giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc”<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, kết quả đạt được, Đảng ta cũng chỉ ra những bất cập, hạn chế trong lĩnh vực văn hóa. Nhận định về thực trạng này, Đảng ta chỉ rõ: “So với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng. Còn ít những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có một số tác phẩm chạy theo thị hiếu tầm thường, chất lượng thấp, thậm chí có hại. Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chưa theo kịp thực tiễn sáng tác. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa hiệu quả chưa cao, nguy cơ mai một chưa được ngăn chặn. Hệ thống thông tin đại chúng phát triển thiếu quy hoạch khoa học, gây lãng phí nguồn lực và quản lý không theo kịp sự phát triển. Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích. Cơ chế, chính sách về kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, về huy động, quản lý các nguồn lực cho văn hóa chưa cụ thể, rõ ràng. Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động văn hóa còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp. Công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn nhiều hạn chế, bất cập. Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ”<sup>2</sup>.

Để phát huy những thành quả đạt được, khắc phục những bất cập, hạn chế; gìn giữ, phát triển và chấn hưng nền văn hóa dân tộc, khơi dậy mạnh mẽ giá trị văn hóa và sức mạnh của con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Tlđđ*, tr.43-44, 44-46.

triển bền vững đất nước, một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng mà Đảng đề ra và yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị quyết tâm thực hiện, đó là phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa, với những nhiệm vụ cụ thể như:

- Các cấp ủy, tổ chức đảng cần xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm để văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn; khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo.

- Phải coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, mà nội dung quan trọng là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Văn hóa, đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, trong từng đảng viên, hội viên. Sự gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên là yêu cầu quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng<sup>1</sup>.

Phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (11/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tiếp tục nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách để chấn hưng và phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam, *trước hết là tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa...* Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước nhằm bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong xây dựng, phát triển văn hóa từ Trung ương đến cơ sở. Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải nhận thức sâu sắc và quán triệt đầy đủ các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về văn hóa và trên cơ sở đó xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện, huy động tối đa các nguồn lực để phát triển văn hóa... Phải quán

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Tlđđ*, tr.58-59.

triệt nghiêm túc quan điểm “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”<sup>1</sup>.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường, bên cạnh những điều kiện thuận lợi là những khó khăn, thách thức. Chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, phát triển văn hóa là thống nhất. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện, một số cán bộ lãnh đạo, quản lý lại có sự can thiệp thô bạo, vận dụng một cách máy móc, hành chính hóa hoạt động sáng tạo, gây ra những hệ lụy không đáng có.

Trong xu thế phát triển mạnh mẽ của internet, mạng xã hội, bên cạnh những mặt tích cực là những vấn đề nhức nhối đang đặt ra trong công tác tư tưởng, quản lý hoạt động, sáng tạo, thực hành và tiêu dùng các sản phẩm văn hóa của công chúng trên không gian mạng. Hiện nay, bên cạnh những tư tưởng tích cực, tiến bộ, là những luồng tư tưởng phản động; những âm mưu, thủ đoạn của thế lực thù địch muốn lợi dụng văn hóa, văn nghệ để chống phá Đảng, Nhà nước; xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc; hủy hoại và đầu độc tâm hồn con người. Một số tư tưởng, quan điểm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa, văn nghệ; đòi tách văn hóa, văn nghệ ra khỏi đời sống chính trị.

Những vấn đề mới, phức tạp nảy sinh từ tình hình thực tiễn, đòi hỏi quá trình không ngừng đổi mới tư duy lý luận và năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, trong đó có lĩnh vực văn hóa, văn nghệ.

Để xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “động lực phát triển”, và “soi đường cho quốc dân đi”, việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa là nhân tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định, nhằm phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện thành công mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra.

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.172.

## NGUYÊN TẮC DÂN TỘC HÓA CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

PGS.TS. BÙI HOÀI SƠN\*

**D**ân tộc hóa là một trong ba nguyên tắc (dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa) xây dựng văn hóa được xác định trong vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Đây là nguyên tắc đầu tiên và quan trọng trong việc hình thành nên một nền văn hóa độc lập, tạo điều kiện cho tự cường dân tộc, giải phóng đất nước. Sau 80 năm, nguyên tắc này vẫn còn nguyên giá trị, và sự vận động của nguyên tắc dân tộc hóa có thêm những nội dung mới, tạo điều kiện phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước.

### 1. Dân tộc hóa để giải phóng dân tộc

Trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, nguyên tắc dân tộc hóa được hiểu là “chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”<sup>1</sup>. Văn hóa trong Đề cương bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Đặt trong bối cảnh năm 1943, tức là khi đất nước ta còn đang chịu ách nô lệ, đô hộ của ngoại xâm thì mục tiêu quan trọng nhất của toàn dân tộc là giành được độc lập, tự do cho Tổ quốc. Trước đó, Phan Châu Trinh đã nhận ra sức mạnh và cả những điểm yếu của đất nước nói chung (gồm cả văn hóa) trong thời kỳ này. Chính vì thế, ông chủ trương xây

---

\* Ủy viên Thường trực Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.319.

dựng một đất nước phát triển trên cơ sở “khai dân trí - chấn dân khí - hậu dân sinh”, ở đó, mở mang nhận thức, tri thức của nhân dân; chấn hưng ý chí, tinh thần, khí phách của nhân dân; đồng thời làm cho đời sống của nhân dân được ấm no, hùng hậu, chính là cách xây dựng và bảo vệ đất nước. Một nhân sĩ trí thức quan trọng khác là Phan Bội Châu cũng nhấn mạnh: “1) Độc lập dân tộc là mục đích tối cao, duy nhất. 2) Tất cả những cách thức, thủ đoạn, đường lối, chiến lược, lực lượng nào có khả năng thúc đẩy thực hiện được mục đích độc lập dân tộc đều được hoan nghênh. 3) Lợi ích dân tộc, thể diện dân tộc là trên hết”<sup>1</sup>. Từ đó, chúng ta thấy rằng, huy động mọi nguồn lực cho mục tiêu giành độc lập, tự do cho dân tộc, với khẩu hiệu “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” chính là mục đích của các phong trào yêu nước, đặc biệt là của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trên thực tế, văn hóa đã tạo nên sức mạnh thực sự cho dân tộc ta khi chúng ta sử dụng văn hóa để tạo nên sự thống nhất trong nhận thức về lòng yêu nước. Ngay những ngày tháng đầu tiên khi đất nước độc lập, một trong những hoạt động sớm nhất là thành lập các hội văn hóa cứu quốc ở các tỉnh. Ngày 16/11/1946, trong thư của đồng chí Trường Chinh gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhiệm vụ văn hóa Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng nước, xác định văn hóa và cách mạng giải phóng dân tộc như sau: “1. *Trước cuộc cách mạng*, văn hóa cách mạng đóng một vai trò khá quan trọng là tuyên truyền giác ngộ, cổ động nhân dân khởi nghĩa giành độc lập; 2. *Trong cuộc cách mạng*, văn hóa cách mạng phải kích thích tinh thần khởi nghĩa, làm sôi nổi nhiệt huyết cách mạng của nhân dân, thôi thúc nhân dân nổi dậy tất cả giành lấy chủ quyền; kháng chiến giữ vững chủ quyền ấy. 3. *Sau cuộc cách mạng*, văn hóa cách mạng phải động viên mọi lực văn hóa của dân tộc, hăng hái tham gia kiến quốc; gây đời sống mới, gột rửa những tư tưởng, tập quán hủ bại, giáo dục nhân dân, làm cho dân tộc có một nền văn hóa tiến bộ”<sup>2</sup>. Đặc biệt, một trong những nhiệm vụ cụ thể của văn hóa Việt Nam trong giai đoạn này là: “Phát triển tinh thần đoàn kết và yêu nước của dân tộc; củng

---

1. Lê Thị Lan: *Chủ nghĩa dân tộc của Phan Bội Châu dưới nhãn quan triết học*, Tạp chí *Triết học*, số 11 (186), 2006, tr.35.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.11.



cố đức tin của dân tộc ở sự nghiệp dân tộc giải phóng”<sup>1</sup>. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu khẩu hiệu *Tổ quốc trên hết* như một cách để huy động nhân dân, lấy lợi ích của Tổ quốc để liên kết mọi người.

Như vậy, dân tộc hóa chính là cách chúng ta huy động tình yêu nước thông qua nhận thức về những giá trị chung, nguồn gốc tổ tiên chung của dân tộc, từ đó hình thành nên sức mạnh của tình đoàn kết. Đất nước ta trải qua nhiều cuộc chiến tranh. Kết quả, chúng ta đều chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Vũ khí lớn nhất của chúng ta không phải là khí tài quân sự hiện đại mà chính là lòng yêu nước, tinh thần dân tộc. Mọi người đều thuộc và hiểu nội dung của những bài *Nam quốc sơn hà*, *Hịch tướng sĩ*, hay *Bình Ngô đại cáo*, các câu ca dao, tục ngữ về lòng yêu nước, những câu chuyện gắn bó con người với đất nước như về Hùng Vương, Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Quang Trung...

Không phải ngẫu nhiên, năm 1954, trước khi về Thủ đô, Bác Hồ đến thăm Đền Hùng và để lại câu nói truyền cảm hứng và niềm tin cho toàn dân tộc: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Những bài hát ca ngợi quê hương, đất nước, ca ngợi lãnh tụ chính là một kết quả tất yếu của tư tưởng dân tộc hóa. Những bài hát với lời ca như “đường ra trận mùa này đẹp lắm”, “ta tự hào đi lên ôi Việt Nam”, “Đảng đã cho ta cả mùa xuân của cuộc đời. Đảng truyền cho ta một niềm tin ở tương lai”... đã là niềm cảm hứng cho bao thế hệ thanh niên tình nguyện, vui vẻ ra trận; Những bài hát về chủ tịch Hồ Chí Minh như “Hồ Chí Minh đẹp nhất tên người”, “Người là niềm tin tất thắng”... đến nay vẫn là nguồn cổ vũ, động viên mọi người về tấm gương đạo đức, luôn đem lại biết bao xúc động trong lòng nhân dân cả nước. Đây chính là sức mạnh tinh thần quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và giải phóng đất nước về sau này để văn hóa trở thành cột mốc chủ quyền của đất nước.

Đặt trong mối quan hệ với hai nguyên tắc còn lại là đại chúng hóa và khoa học hóa, chúng ta càng thấy rõ hơn ý nghĩa của nguyên tắc dân tộc hóa. Một dân tộc mạnh phải dựa trên sức mạnh của quần chúng, còn một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Quan tâm đến quần chúng nhân dân, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dựa trên sự phát triển của khoa học, giáo dục sẽ giúp dân tộc ta

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.145.

vững vàng và tự tin hơn trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

## 2. Dân tộc hóa để xác định chủ quyền quốc gia về văn hóa

Các quốc gia có quyền chủ quyền về văn hóa. Cùng với chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền lãnh hải, chủ quyền văn hóa cũng là một quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Đề cao văn hóa dân tộc chính là cách chúng ta xác định chủ quyền quốc gia về văn hóa, cũng như đưa văn hóa trở thành sức mạnh để gìn giữ chủ quyền ấy, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Tôi mong chúng ta đem văn hóa lãnh đạo quốc gia để thực hiện độc lập, tự cường và sáng tạo”<sup>1</sup>.

Trong Đề cương, Đảng ta đã xác định ba công việc phải làm (tranh đấu về học thuyết, tư tưởng để làm cho học thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng; tranh đấu về tông phái văn nghệ để làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng; tranh đấu về tiếng nói, chữ viết), trong đó, tiếng nói và chữ viết được xem như một sự khẳng định văn hóa rõ ràng nhất. Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện để giao tiếp, là công cụ để tư duy mà nó còn được xem là “linh hồn của dân tộc”. Sinh thời, khi nói về ngôn ngữ tiếng Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập: “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp”<sup>2</sup>. Việc bảo vệ ngôn ngữ tiếng Việt cũng là bảo vệ văn hóa đất nước, thể hiện nguyên tắc dân tộc hóa trong xây dựng văn hóa Việt Nam.

Ở một cách tiếp cận văn hóa rộng hơn, trải qua 80 năm, nguyên tắc dân tộc hóa vẫn còn nguyên giá trị và được bổ sung thêm những nội dung mới, phù hợp hơn với hoàn cảnh phát triển đất nước. Năm 2005, Tổ chức Giáo dục Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ra Công ước về bảo vệ và phát huy các biểu đạt đa dạng của văn hóa như một cách để toàn nhân loại trân trọng những giá trị văn hóa khác nhau của các dân tộc khác nhau.

1. “Vì tình thế, Hội nghị Văn hóa toàn quốc đã bế mạc sau một ngày thảo luận”, *Báo Cứu quốc*, ngày 25/11/1946, tr.4.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.13, tr.465.

Chính việc tôn trọng các biểu đạt đa dạng văn hóa giúp chúng ta hiểu nhau hơn, giúp gìn giữ hòa bình của thế giới, làm giàu có hơn kho tàng văn hóa, tri thức của nhân loại. Văn hóa là chủ quyền quốc gia, hay như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021: “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn, dân tộc còn”.

Đất nước hòa bình, văn hóa mang sứ mệnh mới trong việc xây dựng tổ quốc độc lập, tự do, hạnh phúc. Từ cách tiếp cận của Đề cương là: “Văn hóa mới Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tâm dân chủ về nội dung”<sup>1</sup>, các quan điểm chỉ đạo của Đảng về văn hóa được thể hiện rõ trong các nghị quyết, tập trung nhấn mạnh vào việc xây dựng một nền văn hóa mới, ở đó, văn hóa là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực, đồng thời là hệ điều tiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Bước vào thời kỳ đổi mới, trước những cơ hội và thách thức từ quá trình hội nhập quốc tế, nền kinh tế thị trường vừa giúp đất nước ta có thêm điều kiện tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, vừa đe dọa giá trị văn hóa dân tộc, vì thế, năm 1998, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Năm 2008, Đảng ta ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới, trong đó nhấn mạnh mục tiêu: “Xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhân cách con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng về chân, thiện, mỹ của các tầng lớp nhân dân; phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”<sup>2</sup>. Đây là sự lựa chọn sáng suốt trong việc kiên trì bảo vệ những giá trị văn hóa dân tộc, hội nhập mà không hòa tan, xác định bảo vệ văn hóa cũng là bảo vệ chủ quyền quốc gia, đồng thời chủ động lựa chọn những giá trị tinh hoa của văn hóa thế giới, làm giàu có hơn cho văn hóa của đất nước, thể hiện tư tưởng đổi mới trong phát triển văn hóa.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.320.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.67, tr.652.

Đánh giá về những nỗ lực phát triển văn hóa, Phạm Duy Đức nhấn mạnh: “Trong thời kỳ vừa qua, các hoạt động văn hóa, nhất là lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, lĩnh vực văn học, nghệ thuật, lĩnh vực thông tin đại chúng đã có nhiều thành tựu trong việc khẳng định, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, sáng tạo các tác phẩm nghệ thuật và các sản phẩm truyền thông để tuyên truyền, cổ vũ, khơi dậy khát vọng về một Việt Nam hùng cường, hạnh phúc”<sup>1</sup>. Rõ ràng, những sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, từ những sinh hoạt lễ hội tới những bài hát, bộ phim, bức tranh, vở kịch không chỉ tôn vinh những giá trị, hình ảnh đẹp về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam, mà còn giúp chúng ta có thêm niềm tự hào, tự tin và bản lĩnh văn hóa để khẳng định mình trong quá trình hội nhập quốc tế, ở đó, bất cứ một quốc gia nào không khẳng định được bản sắc và giá trị văn hóa của mình, sẽ dễ bị hòa tan, bị xâm lăng văn hóa.

### 3. Dân tộc hóa để tạo sức mạnh nội sinh cho dân tộc

Sức mạnh nội sinh bắt nguồn từ những giá trị văn hóa dân tộc, được đúc kết, chưng cất qua hàng nghìn năm lịch sử, trở thành tài sản quan trọng của dân tộc ta. Để hình thành nên sức mạnh nội sinh, đó là cả một quá trình đấu tranh, lựa chọn, gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa đó. Lấy lợi ích dân tộc làm trung tâm, đất nước ta đã tạo ra nhiều kỳ tích. Trong Đề cương, Đảng ta đã nhấn mạnh: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động”<sup>2</sup>. Trong bối cảnh hiện nay, phát triển văn hóa cần phải tạo tác động lan tỏa sang các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực chính trị, kinh tế. Chủ trương phát triển các ngành công nghiệp văn hóa chính là một trong những nhiệm vụ đột phá, thực hiện theo đúng xu thế và hoàn cảnh đất nước. Các ngành công nghiệp văn hóa, dựa vào tài năng sáng tạo, nguồn lực văn hóa, công nghệ và kỹ năng

1. Phạm Duy Đức: “Một số giải pháp thực hiện nhiệm vụ khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước”, in trong *Kỷ yếu Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, tổ chức ngày 24/11/2021 tại Hà Nội, tr.101.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.316.

kinh doanh để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, không chỉ đưa những giá trị văn hóa vào các sản phẩm kinh tế để tạo ra lợi thế cạnh tranh, lợi ích vật chất<sup>1</sup>, mà còn mang đến những hình ảnh đẹp, kể những câu chuyện hấp dẫn về đất nước, văn hóa, con người Việt Nam, qua đó giúp chúng ta hình thành nên sức mạnh mềm, sức mạnh nội sinh của dân tộc.

Để khẳng định sức mạnh nội sinh của dân tộc, chúng ta cần lưu tâm đến những định hướng của Đề cương, ở đó, “muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v”<sup>2</sup>. Rõ ràng, chúng ta đang ở trong một bối cảnh xã hội rất phức tạp. Những tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, của các phương tiện truyền thông mới với internet và mạng xã hội, đã khiến sự phát triển văn hóa đang gặp những khó khăn hơn bao giờ hết. Nguyên tắc phát triển văn hóa cần tránh bảo thủ để lựa chọn được tinh hoa văn hóa thế giới, tránh lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm để hình thành nên một môi trường tích cực, văn minh, thuận lợi cho sự phát triển đất nước.

Ví dụ như quá trình hội nhập quốc tế tạo ra rất nhiều điều kiện thuận lợi cho các quốc gia trong phát triển kinh tế - xã hội. Giờ đây, thế giới đã thực sự phẳng và trở thành một ngôi làng toàn cầu khiến cho chúng ta có thể cập nhật thông tin, kiến thức nhanh hơn, nhiều hơn. Chúng ta đã cùng đồng thời tận hưởng, cập nhật, không bị lạc hậu trong sinh hoạt văn hóa nghệ thuật với mọi người dân trên thế giới. Điều đó chứng minh quá trình hội nhập sâu rộng của đất nước ta vào đời sống thế giới trên mọi lĩnh vực, trong đó có văn hóa nghệ thuật. Như thế, đời sống văn hóa nghệ thuật cũng trở nên phong phú hơn, đáp ứng nhu cầu thưởng thức ngày càng đa dạng và phong phú của nhân dân trong nước. Tuy nhiên, rõ ràng chúng ta đang gặp phải những vấn đề nhất định trong quá trình hội nhập đó, đặc biệt là việc chúng ta tiếp thu văn hóa nghệ thuật nước ngoài quá nhiều, chưa thực sự chọn lọc, trong khi đó, việc giới thiệu văn hóa nghệ thuật của Việt Nam ra thế giới còn hết sức hạn chế.

---

1. Năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa văn hóa Việt Nam đạt 2.954.771.516 đôla Mỹ (theo COMTRADE).

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.319.*

Tức là chúng ta đang thua trên chính sân nhà của mình trong “cuộc đua” chiến lược “quảng bá sức mạnh mềm văn hóa”. Điều này dẫn đến nguy cơ bị xâm lăng văn hóa khi người dân, đặc biệt là giới trẻ say mê với những bộ phim, câu chuyện, bài hát, thời trang hay các phong cách sống của nước ngoài, mà quên đi những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Đây là xu thế hết sức đáng báo động khi chúng ta biết điều này không chỉ dẫn đến việc xao nhãng văn hóa dân tộc, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội, như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021: “Văn hóa còn thì dân tộc còn”, chính việc thất thế trong mặt trận văn hóa nghệ thuật sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển chung của đất nước, trong nỗ lực xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc mà chúng ta đang theo đuổi. Đây cũng chính là một trong những lý do quan trọng để chúng ta có thêm quyết tâm xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa tạo nên sức mạnh tổng hợp cho đất nước, tạo nên bản lĩnh, sự tự tin cho cả dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế.

\*

\*   \*

Đánh giá về tầm quan trọng của Đề cương, Nguyễn Khoa Điềm nhấn mạnh: “Đảng đã coi xây dựng văn hóa dân tộc là một bộ phận của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời nói lên tầm vóc chính trị tư tưởng sâu sắc của một chính đảng của giai cấp công nhân, đánh dấu bước phát triển mới của văn hóa nước nhà. Vì vậy, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* mang đầy đủ ý nghĩa của một bản cương lĩnh về văn hóa, bổ sung cho cương lĩnh chính trị của Đảng (...) Giá trị lý luận của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là ở chỗ, lần đầu tiên, chúng ta công bố quan niệm của mình về văn hóa theo quan điểm mácxít, văn hóa được xác định là một trong ba mặt trận (cùng với mặt trận chính trị và kinh tế) trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tạo nên bước ngoặt trong nhận thức về vai trò và sứ mệnh của văn hóa đối với đời sống xã hội”<sup>1</sup>.

---

1. Nguyễn Khoa Điềm: “Kế thừa và phát triển những giá trị lý luận của Đề cương văn hóa lên một tầm cao mới”, in trong *60 năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Bộ Văn hóa - Thông tin, 2004, tr.14-15.

Văn hóa là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu vừa là động lực, là hệ điều tiết của sự phát triển xã hội là những quan điểm cơ bản cho sự phát triển văn hóa ngày nay đã bắt nguồn từ những tư tưởng đầu tiên của Đảng về phát triển nền văn hóa Việt Nam dân tộc, khoa học, đại chúng này. Trải qua thời gian, cùng với những chặng đường phát triển từ mục tiêu giành lại độc lập cho dân tộc, xây dựng đất nước, và hội nhập quốc tế, nguyên tắc dân tộc hóa đã giúp định hướng đất nước trong việc giải phóng dân tộc, xác định chủ quyền quốc gia, tạo sức mạnh nội sinh cho dân tộc. Ngày nay, chúng ta rất cần bổ sung những thông điệp, nội dung mới cho nguyên tắc dân tộc hóa, để từ đó hình thành nên sức mạnh nội sinh, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam từ nguyên tắc quan trọng này.

## KHẢ NĂNG VẬN DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 TRONG BÙ LẤP KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU VĂN HÓA GIAI ĐOẠN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

PGS.TS. NGUYỄN HỮU SƠN\*

1. Nhằm xác định đúng mức mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước với phát triển văn hóa, văn học nghệ thuật hiện nay, tôi cho rằng chúng ta cần quan tâm trở lại “bản lai diện mục” lịch sử văn học dân tộc giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX cũng như bài học cách thức ứng xử, tiếp nhận giai đoạn văn học này suốt từ năm 1945 đến nay để phân biệt rõ tương quan giữa các đặc điểm và giá trị văn học. Trải qua ngót nửa thế kỷ “gió dập sóng dồi”, những giá trị Chân - Thiện - Mỹ đích thực của nền văn học dưới thời thực dân nửa phong kiến giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX cuối cùng rồi cũng từng bước được khẳng định, khôi phục, tái hòa nhập trong dòng chảy văn hóa dân tộc và hiện đại<sup>1</sup>...

2. Tiếp nối các loại báo chí nghiên về khảo cứu văn hóa văn nghệ ở chặng đường đầu thế kỷ như *Đông Dương tạp chí* (1913-1919), *Nam phong tạp chí* (1917-1934), vào chặng cuối thời thực dân và đêm trước của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã xuất hiện thêm hai cơ quan ngôn luận học thuật đặc biệt

---

\* Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Xem Nguyễn Hữu Sơn: “Vấn đề nghiên cứu, tiếp thu, “bù lấp” những khoảng trống lý luận văn học, nghệ thuật giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX”, Hội thảo Khoa học quốc gia “*Nhìn lại 15 năm thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa V) “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”*” do Hội đồng Lý luận phê bình văn học nghệ thuật Trung ương tổ chức tại Tam Chúc (Hà Nam), ngày 19/12/2022, 9 trang.



quan trọng là “nhóm *Tri tân*” với nòng cốt là cơ quan ngôn luận *Thanh nghị* (1941-1945), *Tri tân tạp chí* (1941-1945), trong đó có thể thấy rõ cả hai tạp chí trong ba năm sau (1943-1945) đều chuyển động, chịu ảnh hưởng của *Đề cương văn hóa Việt Nam* (1943).

2.1. Đã qua hơn bảy mươi năm kể từ ngày nhóm tạp chí *Thanh nghị* ra mắt bạn đọc (1941) nhưng số phận tờ tạp chí và những vấn đề tư tưởng của nhóm *Thanh nghị* trong bối cảnh lịch sử - văn hóa - văn nghệ nửa đầu thập kỷ 40 của thế kỷ XX vẫn chưa phải đã được đánh giá đầy đủ, đúng mới. Kể từ khi công cuộc đổi mới (1986) do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và khởi xướng thì nhiều vấn đề của quá khứ - trong đó có vấn đề tư tưởng văn nghệ của nhóm *Thanh nghị* mới được soát xét, thẩm định, đánh giá trở lại.

Muốn đánh giá đúng đắn những vấn đề tư tưởng văn nghệ của nhóm *Thanh nghị*, trước hết cần đặt tờ tạp chí này trong chính bối cảnh đời sống văn nghệ dân tộc nửa đầu thập kỷ 40 và trong tiến trình phát triển chung của đời sống chính trị, tinh thần xã hội giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX. Khả năng xét đoán này cần được đặt trong những định hướng lớn của Đảng để thấy rõ hơn tính lịch sử cụ thể, kể cả những giới hạn nhận thức cũng như yêu cầu cần đặt trong tương quan những vấn đề chung của đất nước, dân tộc.

Trong bài *Máy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam lúc này* được viết vào ngày 13/9/1944 và hơn một năm sau mới chính thức đăng trên báo *Tiên phong*, trên cương vị Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng chí Trường Chinh (1907-1988) nhận xét: “Những nhà văn trong nhóm Thanh Nghị (tư sản dân tộc) thực hành ba khẩu hiệu trên kia không được đầy đủ, vì họ không nhận rõ được thời bệnh của văn hóa Việt Nam, cũng không thể đóng vai trò lãnh đạo văn hóa mới, và nhất định nguồn văn của họ sẽ cạn, nếu họ không tự sớm hợp tác với văn hóa vô sản để chống chủ nghĩa phát xít... Đáng lẽ phải tập trung mọi lực lượng văn hóa Việt Nam thành một mặt trận văn hóa đặng chống lại văn hóa ngu dân, văn hóa thoái hóa và trung cổ của bọn phát xít, chống thủ đoạn xâm lấn nguy hiểm của văn hóa Nhật, thì họ lại chia rẽ mặt trận văn hóa của dân tộc ta và bởi thế họ đã vô tình hay cố ý làm lợi cho lũ giặc nước. Thật thế, tại sao họ lại chia ngọn lửa đấu tranh văn hóa vào các người văn hóa dân tộc (*Tri Tân*, *Thanh Nghị*), trong khi quyền lợi sinh tử của dân tộc bắt

phải liên minh thân thiện với các người văn hóa ấy đang chia ngọn lửa đấu tranh văn hóa vào phát xít Nhật - Pháp?”<sup>1</sup>.

Kể từ thời đổi mới (1986), hàng loạt các vấn đề về văn nghệ đầu thế kỷ XX đã được đánh giá trở lại một cách khách quan, công bằng hơn. Trong công trình *Lý luận, phê bình và đời sống văn chương*, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Thiện đã nhắc đến Đinh Gia Trinh (1915-1974) như một yếu nhân của nhóm *Thanh nghị*: “Đồng thời hăng hái hoạt động báo chí, tham gia nhóm *Thanh nghị*, là một trong những cây bút chủ lực trên tờ tạp chí của nhóm. Từ số đầu tiên (1941) đến số cuối cùng (1945) trên tạp chí *Thanh nghị*, ông đã cho đăng ngót 100 bài, gồm: các tiểu luận, phê bình, khảo cứu, tùy bút... về các vấn đề xã hội, tư tưởng, đặc biệt là về văn chương nghệ thuật”<sup>2</sup>... Để có thể hiểu đúng tư tưởng văn nghệ của nhóm *Thanh nghị* thì trước hết cần nắm bắt đầy đủ diện mạo của tạp chí cũng như đội ngũ tác giả chủ yếu xoay quanh tạp chí này. Dựa theo *Thanh nghị - Hồi ký* của Vũ Đình Hòe<sup>3</sup> (chủ nhiệm tờ tạp chí). Trên tinh thần Dân tộc - Đại chúng - Khoa học của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943), nhóm tạp chí *Thanh nghị* đã đặt ra nhiều vấn đề tư tưởng văn hóa mà đến nay chúng ta cần soát xét, đánh giá lại một cách chuẩn mực, hợp lý hơn.

2.2. Khi thực hiện công trình sưu tập và giới thiệu *Tạp chí Tri tân (1941-1945) - Phê bình văn học*<sup>4</sup>, chúng tôi đã đặc biệt nhấn mạnh đến vị thế các công trình khảo cứu mang đậm âm hưởng tôn vinh lịch sử và văn hóa dân tộc. Tương tự cách làm của hầu hết các tạp chí đương thời, *Tri tân* cũng thuộc loại tạp chí văn hóa có tính chất tổng hợp, đăng hàng loạt bài hô hào “người mình” chú ý đến khoa học, kỹ nghệ, phê phán lối học từ chương và sự say mê lối “văn nhược”. Việc hô hào này chắc chắn có sơ sở từ không khí xã hội đương thời, do

1. Trường Chinh: *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động tân văn hóa mới Việt Nam lúc này*. *Tiên phong*, số 2, ra ngày 1/12/1945. In trong *Tuyển tập văn học*, tập I, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997, tr.57-59.

2. Nguyễn Ngọc Thiện: *Đinh Gia Trinh (1915-1974)*, trong sách *Lý luận, phê bình và đời sống văn chương*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005, tr.395-396.

3. Vũ Đình Hòe: *Thanh nghị - Hồi ký*, in lần hai, có sửa chữa, bổ sung, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000, 766 trang.

4. Trịnh Bá Đình - Nguyễn Hữu Sơn (Sưu tập, giới thiệu): *Tạp chí Tri tân (1941-1945) - Phê bình văn học*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 1999, 618 trang.

ảnh hưởng của chiến tranh thế giới lần thứ hai (khởi đầu từ năm 1939) và chính nhu cầu mở rộng kiến văn, nhu cầu hiện đại hóa và phát triển trong thời buổi giao lưu và hội nhập Đông - Tây (chủ yếu từ nước Pháp) đã vào độ chín, cho đến chặng đường cuối là ảnh hưởng trực diện của *Đề cương văn hóa Việt Nam* (1943).

Việc nhìn nhận về tư tưởng văn nghệ của nhóm *Tri Tân* nửa đầu thập niên 40 thế kỷ XX cần được nhìn nhận, soát xét trên cơ sở tính lịch sử cụ thể và tính khách quan, khoa học của toàn bộ quá trình tiếp nhận của học giới và độc giả trong suốt hai phần ba thế kỷ vừa qua. Một trong những người sớm đánh giá lại giá trị của nhóm *Tri Tân* (1941-1945) đối với nền văn hóa đương thời cũng như toàn bộ tiến trình lịch sử đời sống văn hóa dân tộc tiếp tục là đồng chí Trường Chinh trong bài viết *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam lúc này*: “Các nhà văn trong nhóm “Tri Tân” (trí thức phong kiến) thiên trọng về khẩu hiệu dân tộc hóa, nhưng lại nệ cổ và không đếm xỉa đến hai khẩu hiệu khoa học và đại chúng hóa, nên đã bị công kích là thủ cựu, là gàn (...). Cái chiêu bài “tân văn hóa” của nhà Hàn Thuyên ở đó một số tờ rớt kít đang hoành hành, chẳng đáng ngờ lắm sao?”<sup>1</sup>.

Việc hiểu cho đúng luận điểm của đồng chí Trường Chinh cũng như tư tưởng văn nghệ và toàn bộ thành tựu của nhóm *Tri Tân* nhất thiết cần phải đặt trong tính lịch sử cụ thể và tiến trình phát triển chung của nền văn nghệ cách mạng, lịch sử dân tộc những năm đầu thập niên 40 của thế kỷ XIX. Quán chiếu tinh thần đổi mới, giới nghiên cứu đã từng bước tiếp cận, khai thác trở lại các nguồn tư liệu nhằm dựng lại chân dung, diện mạo “bản lai diện mục” tạp chí *Tri Tân*, từ đó xác định rõ hơn những đóng góp và hạn chế về tư tưởng văn nghệ của nhóm *Tri Tân*...

Trong công trình thư mục học Mục lục phân tích tạp chí *Tri Tân* 1941-1945, Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên nhấn mạnh ý nghĩa của tạp chí đặt trong tương quan các công trình khảo cứu đương thời trước thực tế đời sống xã hội: “Có những tổ chức chính trị nhưng có những hoạt động văn hóa, văn học dọn đường cho cuộc cách mạng rất gàn... Chúng tôi gọi thời điểm này là

---

1. Trường Chinh: *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động tân văn hóa mới Việt Nam lúc này*, *Tiên phong*, số 2, ra ngày 1/12/1945, tr.4.

Thời tiền cách mạng”<sup>1</sup>... Đồng thuận với ý kiến trên GS. sử học Đinh Xuân Lâm đã khách quan nhận xét: “Và điều quan trọng hơn là bao trùm lên nội dung toàn bộ các bài của tạp chí, đó là một tình cảm tự hào về truyền thống đấu tranh yêu nước, chống xâm lược; về truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc; về thiên nhiên tươi đẹp và anh hùng của Tổ quốc”<sup>2</sup>... Điều này cho thấy sự gián cách tương đối với thế sự, không chạy theo tính thời sự nhất thời và tinh thần “nệ cổ” hóa ra lại là một trong những điểm khả thủ quan trọng làm nên giá trị văn hóa lâu bền... Tiếp theo là công trình *Tạp chí Tri Tân 1941-1945: Phê bình văn học* thực hiện tuyển chọn các tiểu luận nghiên cứu cơ bản nhất liên quan đến cả văn hóa - văn học truyền thống và đương đại, trong đó nhấn mạnh vai trò sáu nhà khảo cứu, phê bình văn học chủ chốt (Lê Thanh, Kiều Thanh Quế, Hoa Bằng, Nguyễn Văn Tố, Hoàng Thiếu Sơn, Phạm Mạnh Phan)... Từ đây, diện mạo tư tưởng văn nghệ trên tạp chí *Tri Tân* được khẳng định mạnh mẽ hơn và được giới nghiên cứu hoan hỷ đón nhận... Rồi trong năm 2000 xuất hiện liên tiếp hai công trình sưu tập quan trọng. Thứ nhất, sách *Tạp chí Tri Tân 1941-1946: Các bài viết về lịch sử và văn hóa Việt Nam*<sup>3</sup>. Thứ hai, công trình sưu tập, giới thiệu *Tạp chí Tri Tân 1941-1945: Truyện và ký*<sup>4</sup>. Tiếp theo, nhân 80 năm tra đời công trình tuyển soạn *Tinh hoa du ký trên Tri Tân Tạp chí 1941-1942*<sup>5</sup> góp phần khôi phục và khẳng định phần sáng tác của tạp chí.

Mặc dầu về khách quan, tạp chí *Tri Tân* đã góp phần không nhỏ vào việc gây dựng lại tinh thần phụ hưng dân tộc, chuẩn bị về tinh thần, tư tưởng cho thế hệ thanh niên sẽ tham gia cách mạng và chiến tranh vệ quốc nhưng sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính tạp chí *Tri Tân* lại tỏ

---

1. Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên: *Mục lục phân tích Tạp chí Tri tân 1941-1945*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 1998, tr.6.

2. Đinh Xuân Lâm: *Lời giới thiệu*, trong sách *Mục lục phân tích tạp chí Tri tân 1941-1945*, *Sđd*, tr.3.

3. Nguyễn Quang Ân, Phạm Đình Nhân, Phạm Hồng Toàn (Sưu tầm và tuyển chọn): *Tạp chí Tri tân 1941-1946: Các bài viết về lịch sử và văn hóa Việt Nam*, Trung tâm Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 2000, 592 trang.

4. Xem Lại Nguyên Ân và Nguyễn Hữu Sơn (Sưu tầm và biên soạn): *Tạp chí Tri Tân 1941-1945: Truyện và ký*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2000, 884 trang.

5. Xin xem Nhiều tác giả: *Tinh hoa du ký trên Tri Tân Tạp chí 1941-1942* (Nguyễn Hữu Sơn - Trần Bá Dung sưu tập, giới thiệu), Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 396 trang.

ra không thích hợp trong đời sống văn hóa những năm đầu dưới chính thể mới. Tạp chí tự nguyện đình bản vào cuối năm 1945. Hầu hết những người chủ trương hoặc cộng tác với *Tri tân* đều hăng hái tham gia các hoạt động kháng chiến kiến quốc...

**3.** Có thể xác định thực tế diện mạo lịch sử văn hóa và những nhận định trên đây là cơ sở quan trọng để chúng ta cùng vận dụng, xem xét, trao đổi, đánh giá về hiện trạng, yêu cầu, nhiệm vụ nghiên cứu, tiếp thu, “bù lấp” những khoảng trống lý luận văn học, nghệ thuật giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX. Qua thời gian, nhiều dòng văn và thể tài văn học trước đây bị cấm đoán (văn học lãng mạn, Thơ mới, 1932-1945...) đã từng bước được BÙ LẤP, khôi phục, phục hồi trở lại.

Như thông lệ, việc triển khai các hoạt động ngay sau Đại hội Đảng luôn có ý nghĩa to lớn và đã được triển khai, cụ thể hóa bằng Hội nghị Văn hóa toàn quốc vào ngày 24/11/2021 như một sự tiếp nối của tinh thần.

Tôi thuộc nhóm các nhà chuyên môn, vừa làm nghiên cứu (Viện Văn học), nhà văn (Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam và Hà Nội) và nhà báo (Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*), thế tất cần quan tâm, nhấn mạnh những vấn đề cụ thể của đời sống văn hóa, văn học, văn chương. Từ sự trải nghiệm, đúc kết bài học kinh nghiệm và những quan sát thực tế, tôi nhấn mạnh ba vấn đề thời sự liên quan đến nội dung nghiên cứu, tiếp thu, “bù lấp” những khoảng trống nghiên cứu văn hóa - văn học sử thuộc giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX trong vận hội thế kỷ XXI.

Tiếp tục phát huy sức mạnh *Đề cương văn hóa Việt Nam* (1943) và tinh thần Đổi mới, dám nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, mở đường cho mọi tài năng phát triển để có được “những tác phẩm lớn xứng đáng với nhân dân ta, thời đại ta”. Đổi mới là thay đổi, vận động, chấn chỉnh và phát triển. Hầu hết các bản nhạc vàng, nhạc bolero đã tái hiện trong nhiều chương trình văn nghệ, hội nhập vào gia tài âm nhạc dân tộc... Chúng ta nhận ra những hạn chế của tư duy văn học giai đoạn kháng chiến nhưng không dẫn đến phủ nhận cực đoan; chúng ta thực sự cầu thị đánh giá, tiếp nhận lại di sản văn nghệ quá khứ nhưng có điều kiện, có thời gian, quá trình; chúng ta chủ động mở rộng tiếp thu các giá trị tinh thần từ bên ngoài nhưng không làm mất bản sắc dân tộc. Theo tôi, bên cạnh việc khai thác, phát huy các giá trị bản sắc truyền thống ngàn năm dân tộc cần đặc biệt chú ý di sản văn hóa,

văn nghệ giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX (vai trò chữ Quốc ngữ, xu thế hiện đại hóa và hội nhập Đông - Tây)... Khắc phục hoàn cảnh “bất bình thường” của thời kỳ chiến tranh, đất nước qua phân hai miền và nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc, đến nay chúng ta đã hội đủ điều kiện, bản lĩnh chính trị và học thuật để khai thông, tiếp nhận trở lại di sản hóa, văn nghệ thời cận hiện đại. Dưới ánh sáng Đổi mới, trong những năm gần đây, một số hiện tượng tác giả, tác phẩm, trào lưu văn nghệ từng bị phê phán, đánh giá nặng nề đã được khôi phục và xuất bản, từng bước sửa sai, hòa giải với quá khứ, bù đắp những khoảng trống văn hóa sử, trả lại sự công bằng và góp phần làm giàu kho tàng văn hóa thời cận hiện đại. Như ông cha ta thường nói, “Có bột mới gột nên hồ”. Công việc này trước hết đặt cược vào nhiệm vụ sưu tập văn bản hiện đang tản mát khắp trong Nam ngoài Bắc, trong và ngoài nước, thư viện công và tư gia. Cần nói thêm rằng loại di sản văn hóa, văn nghệ này đang ngày một lâm tình thế “tuyệt chủng”, nguy cơ “một đi không trở lại”. Rất tiếc công việc nặng nề này còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa trở thành chủ trương, đường lối, định hướng, chính sách chuẩn mực, sâu rộng của Đảng và Nhà nước, chí ít cũng có ý nghĩa thời sự, cấp bách, chiến lược trong khoảng mười, hai mươi năm tới. Đồng thời, bên cạnh quy chế dân chủ, cần đặc biệt tăng cường sự lãnh đạo kịp thời, sâu sát của tổ chức Đảng với công tác văn hóa, văn nghệ. Chẳng hạn, trên quan điểm lịch sử và hệ thống tư liệu, cần khôi phục, ghi nhận đúng mức đóng góp của các tác giả xa và gần từng bị đánh giá thiên lệch (Phạm Quỳnh<sup>1</sup>, Phan Khôi<sup>2</sup>, Trương Tửu<sup>3</sup>, v.v.); nhiều tổ chức văn đoàn, tạp chí từng bị phê phán nặng nề, cực đoan, một chiều (*Nam phong Tạp chí, Thanh nghị, Tri tân Tạp chí, v.v.*)<sup>4</sup>...

1. Phạm Quỳnh: *Lược giải văn học và triết học* (Trịnh Bá Đĩnh sưu tập và giới thiệu), Nxb. Văn hóa - Thông tin và Trung tâm Ngôn ngữ, văn hóa Đông Tây, Hà Nội, 2003, tr.572.

2. Xem Phan Khôi (2003-2019): *Tác phẩm đăng báo*, 12 tập, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Văn hóa, ngôn ngữ Đông - Tây, 8000 trang.

3. Trương Tửu: *Trương Tửu - Tuyển tập nghiên cứu văn hóa* (Nguyễn Hữu Sơn sưu tầm, biên soạn, giới thiệu), Nxb. Văn học, Hà Nội, 2013, tr.1272.

4. Nguyễn Hữu Sơn: “Kỳ vọng nguồn sáng Hội nghị Văn hóa toàn quốc: Các nhà hoạt động văn hóa, văn nghệ sĩ nêu cao tinh thần trách nhiệm, nói thẳng nói thật”, *Điện tử Tổ quốc* (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), <https://bvhttdl.gov.vn> › ky-vong-nguon-sang-hoi-nghi-... 6/11/2021.

\*

\* \*

Nhìn lại lịch sử đời sống lý luận văn học, nghệ thuật giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX dưới ánh sáng *Đề cương văn hóa Việt Nam* (1943) có thể thấy rõ quá trình phát triển gắn kết trên cả hai phương diện đặc điểm và giá trị mới mẻ. Đặc điểm của văn hóa có nhiều nhưng giá trị chung, phổ quát bao giờ cũng là sự kết hợp hài hòa giữa các phẩm chất Chân - Thiện - Mỹ và được cụ thể hóa bằng các tiêu chí Dân tộc - Đại chúng - Khoa học. Tuy nhiên, bản thân các khái niệm này cũng vừa có những giá trị trường tồn vừa in dấu ấn đặc điểm của từng phong cách tác giả, tác phẩm, nội dung, hình thức, thể loại, giai đoạn và thời đại văn học cụ thể... Trên cơ sở điểm tựa của không khí dân chủ và thước đo giá trị Chân - Thiện - Mỹ, chắc chắn di sản giá trị lý luận văn học, nghệ thuật của ông cha nói chung (giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX nói riêng) sẽ tiếp tục được khai thác, xuất bản, phát huy và hòa mạng di sản tinh thần dân tộc trong thời đại giao lưu, hội nhập trên toàn thế giới hôm nay.

**ĐƯỜNG LỐI VĂN HÓA CỦA ĐẢNG  
TRONG “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 -  
NGỌN CỜ TẬP HỢP VĂN NGHỆ SĨ, TRÍ THỨC  
YÊU NƯỚC, GÓP PHẦN ĐƯA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM  
ĐẾN THÀNH CÔNG**

TS. TRẦN THỊ MAI THANH\*  
TS. NGUYỄN THỊ HUỆ

Năm 1943, trước những biến động của tình hình thế giới và trong nước, đặc biệt là sự phân hóa sâu sắc trong các giai tầng xã hội Việt Nam, trong đó có văn nghệ sĩ, trí thức yêu nước, tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám (1941) Đảng ta chủ trương cần thành lập Mặt trận Việt Minh, nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, trong đó chú trọng lôi kéo, tập hợp đông đảo văn nghệ sĩ, trí thức tham gia cách mạng, chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đáp ứng sứ mệnh lịch sử cấp bách này, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã ra đời. Đường lối văn hóa của Đảng thể hiện trong Đề cương đã có tác dụng soi đường, định hướng và trở thành ngọn cờ tập hợp đông đảo văn nghệ sĩ, trí thức yêu nước tham gia cách mạng, góp phần đưa Cách mạng Tháng Tám đến thắng lợi.

**1. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” ra đời là một yêu cầu tất yếu khách quan của lịch sử**

Ngày 1/9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, ngày càng lan rộng, Nhật xâm lược Đông Dương, Pháp nhanh chóng đầu hàng và dâng Đông Dương cho Nhật. Phát xít Nhật trở thành kẻ thù thống trị cao nhất tại Đông Dương.

---

\* Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.



Tình hình kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa - xã hội rất phức tạp, đặc biệt là về văn hóa. Phát xít Nhật tuyên truyền thuyết “Đại Đông Á” với luận điệu đui người da trắng về châu Âu và trả lại đất cho người da vàng. Với thuyết Đại Đông Á, phát xít Nhật đã làm cho một số trí thức không thấy bản chất tàn bạo của chủ nghĩa phát xít và tin rằng người Nhật sẽ giúp đỡ các dân tộc da vàng thoát khỏi ách thuộc địa của các nước phương Tây. Chính sách văn hóa của phát xít Nhật còn nguy hại ở chỗ là dùng bất cứ hình thức nào, phương diện nào, miễn là đánh lạc hướng người dân Việt Nam khỏi con đường cứu nước do Đảng và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo.

Dưới ách thống trị của Pháp và Nhật, các dân tộc Đông Dương rơi vào tình trạng “một cổ hai tròng”, mâu thuẫn dân tộc ngày càng sâu sắc. Đấu tranh giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, có ý nghĩa sống còn. Vấn đề huy động lực lượng cho một cuộc cách mạng làm thay đổi vận mệnh dân tộc trở nên bức thiết hơn bao giờ hết.

Nhưng để thức tỉnh được quần chúng, định hướng được nguồn lực, quy tụ được sức mạnh, đối tượng phù hợp nhất cho bước mở đầu này, không thể là ai khác ngoài tầng lớp trí thức đương thời. Tuy nhiên, trong bối cảnh lịch sử phức tạp này, bản thân tầng lớp trí thức, như thực tế lịch sử cho thấy, là lực lượng đang bị chia rẽ bởi những khuynh hướng văn hóa - tư tưởng khác nhau. Một bộ phận trí thức, một mặt quay sang bài Pháp, chê bai và miệt thị văn hóa phương Tây, mặt khác lại tỏ rõ lòng tin mù quáng, ca ngợi thuyết “đồng văn, đồng chủng”; tuyên truyền chính sách “Đại Đông Á” của Nhật. Một số trí thức còn cam tâm làm tay sai cho Nhật, lún sâu vào con đường phản nước, hại dân. Bên cạnh đó, một bộ phận trí thức khác lại tỏ rõ lòng trung thành, tung hô khẩu hiệu “Pháp - Việt phục hưng”, hết lòng ca ngợi công lao “khai hóa văn minh” của Pháp. Có những nhà khoa học âm thầm nghiên cứu, coi bản thân mình không dính dáng tới chính trị và thời cuộc, họ không nhận ra tiền đồ của đất nước và trách nhiệm của mình đối với dân tộc.

Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Thường vụ của Trung ương Đảng họp từ ngày 25 đến 28/2/1943 tại Võng La (Đông Anh, Phúc Yên) đã chính thức công bố *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo.

## 2. Đường lối văn hóa của Đảng trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943

Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương lần thứ tám là một trong những hội nghị hết sức quan trọng của Đảng nhằm đề ra những chủ trương cụ thể, sát hợp với diễn biến mới của thời cuộc, đẩy mạnh phong trào cách mạng phát triển. Một trong những nội dung mà Hội nghị hết sức quan tâm là vấn đề văn hóa bởi khi đó văn hóa Việt Nam đang lâm vào tình trạng hỗn loạn, nhiều khuynh hướng tư tưởng tiêu cực xuất hiện và một bầu không khí ảm đạm bao trùm lên đời sống văn hóa Việt Nam. Cho ra đời *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vào thời điểm hết sức đặc biệt khi thời cơ giải phóng dân tộc đang đến gần, Đảng đã thực sự đưa văn hóa trở thành một mặt trận. Đề cương viết: “a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>1</sup>.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã phân tích một cách súc tích và đầy đủ về chính sách văn hóa của cả Pháp và Nhật; đồng thời, cảnh báo những tác hại của chính sách văn hóa ấy đối với nền văn hóa Việt Nam. Đề cương nhấn mạnh đến yêu cầu làm cách mạng văn hóa và tính triệt để của cách mạng văn hóa: “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”<sup>2</sup>. Điểm sáng nổi bật của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là chỉ ra ba nguyên tắc văn hóa, đó là: Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Đề cương giải thích về ba nguyên tắc ấy như sau:

a) Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập). b) Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng). c) Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ)”<sup>3</sup>.

Đơn giản, ngắn gọn, cô đọng, dễ hiểu và dễ nhớ - đó là tất cả những gì có thể khái quát về con đường, phương pháp xây dựng nền văn hóa mới - một nền văn hóa hướng về dân tộc, vì dân tộc và phục vụ dân tộc trên tinh thần

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12-13, 21, 23-24.

chống lại cái lạc hậu, cái lỗi thời, cố sùỵ cho cái tiến bộ, cho tính khoa học gắn với việc cố vũ, khích lệ quảng đại quần chúng nhân dân tham gia vào tiến trình văn hóa và thụ hưởng các giá trị văn hóa một cách lành mạnh.

Như vậy, ba nguyên tắc xây dựng nền văn hóa Việt Nam nêu trên có mối quan hệ mật thiết không tách rời, phản ánh đúng nhất thực trạng và nhu cầu bức thiết của cuộc vận động văn hóa Việt Nam đương đại. Đồng thời đây cũng là khẩu hiệu hành động, kêu gọi đội ngũ trí thức tập hợp lực lượng, xây dựng một nền văn hóa mới cho tương lai của dân tộc.

Trong phần cuối của Đề cương, Đảng đề ra nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa Việt Nam là: phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, lạc hậu, thần bí, duy tâm: “a) Tranh đấu về học thuyết, tư tưởng (đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á, có ít nhiều ảnh hưởng tai hại ở ta: triết học Khổng, Mạnh, Đêcác (Descartes), Bécông (Bergson), Căng (Kant), Nítơ (Niesche), v.v. ; làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng. b) Tranh đấu về tông phái văn nghệ (chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng, v.v.) làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng”<sup>1</sup>.

Tóm lại, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã chỉ rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn tàn ác của phát xít Nhật và thực dân Pháp trong việc đàn áp và bức tử nền văn hóa nước ta. Trên cơ sở đó, cảnh báo nguy cơ có thể bị diệt vong đối với một dân tộc có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, có độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ dưới ách thống trị của Pháp - Nhật. Bởi vậy, nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của các nhà văn hóa cách mạng ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng lúc bấy giờ là phải đập tan mọi âm mưu, chính sách thâm độc về văn hóa của Pháp, Nhật và bè lũ tay sai, giành độc lập cho Tổ quốc và bảo vệ cho được các giá trị truyền thống văn hóa dân tộc, phẩm giá, nhân cách con người Việt Nam. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trở thành bản cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng, đồng thời là bản tuyên ngôn đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương về vấn đề văn hóa, đã thể hiện rất cơ bản đường lối xây dựng nền văn hóa Việt Nam và những giá trị lịch sử văn hóa trường tồn của dân tộc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.27-28.

### 3. Văn nghệ sĩ, trí thức yêu nước góp phần đưa Cách mạng Tháng Tám đến thành công

Đường lối văn hóa được thể hiện trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã định hướng về tư tưởng, nhận thức, phương châm, nguyên tắc hoạt động văn hóa, văn nghệ cho toàn Đảng, toàn dân vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam. Đặc biệt, Đề cương đã lôi kéo, thuyết phục và tập hợp đông đảo văn nghệ sĩ, trí thức, nhà hoạt động văn hóa yêu nước Việt Nam vào Hội Văn hóa cứu quốc, một thành viên của Mặt trận Việt Minh nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giành và giữ chính quyền cách mạng. Vì vậy, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng nhấn mạnh: “Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công (cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị. Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bây giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau”<sup>1</sup>.

Đường lối văn hóa của Đảng trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được đông đảo các nhà văn hóa, các văn nghệ sĩ, trí thức yêu nước tin tưởng, nhiệt tình ủng hộ. Đặc biệt, tháng 4/1943, Hội Văn hóa cứu quốc được thành lập, hoạt động bên cạnh các tổ chức cứu quốc khác của Mặt trận Việt Minh. Ngay sau khi thành lập, Hội đã xây dựng các nguyên tắc hướng dẫn sự sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, đề xuất những nhiệm vụ trước mắt và lâu dài cho các nhà văn hóa Việt Nam, trong đó hai nhiệm vụ chính là: gạt bỏ những tiêu cực văn hóa phong kiến lạc hậu trong văn hóa Việt Nam, tuy nhiên loại bỏ không phải là xóa sạch những yếu tố văn hóa Việt Nam mà là phát huy những yếu tố văn hóa truyền thống tích cực, sử dụng vào mục đích giữ nước, chỉ loại bỏ những yếu tố tiêu cực. Đánh đổ sự kìm kẹp và đầu độc về văn hóa của thực dân Pháp, nhưng cũng phải biết thu nhận những yếu tố tiến bộ, trong đó cụ thể trước mắt là đấu tranh xóa bỏ chính sách văn hóa phản động, soi sáng các tầng lớp trí thức, văn nhân, nghệ sĩ và quần chúng nhân dân; bắt tay vào xây dựng nền văn hóa mới phục vụ cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Hội Văn hóa cứu quốc đã tập hợp và xây dựng một lực lượng hùng hậu văn nghệ sĩ, trí thức đi theo cách mạng và tổ chức nhiều cuộc vận động xây dựng nền văn hóa mới - văn hóa cách mạng. Trên sách, báo, các phương tiện

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.21-22.

thông tin đại chúng của Đảng lúc bấy giờ đều nhất quán khẳng định giá trị tư tưởng, quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh” của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, quyết tâm thực hiện và đưa vào đời sống quan điểm, tư tưởng, mục tiêu và ba nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” của nền văn hóa Việt Nam mà Đảng Cộng sản Đông Dương đã chỉ ra. Đồng thời, làm cho nền văn hóa mới xâm nhập ngày càng sâu rộng vào quần chúng nhân dân và phong trào cách mạng đang phát triển sâu rộng.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời đã giải phóng được tâm trạng chung của cả một thế hệ đi tìm đường. Nhà thơ Nguyễn Đình Thi viết: “Năm 1943 khi anh Vũ Quốc Uy đến tìm tôi để giới thiệu với anh Lê Quang Đạo... Anh Lê Quang Đạo đã gặp tôi để nói về bản Đề cương văn hóa của Đảng và tổ chức Văn hóa cứu quốc... Bản Đề cương đã cho ta thấy vận mệnh và tương lai của văn hóa dân tộc gắn liền với vận mệnh của dân tộc ta trong một số cuộc đấu tranh cách mạng để giải phóng dân tộc. Giữa những ngày đen tối dưới sự thống trị của bọn phátxít Pháp - Nhật, tôi đã thấy rằng lẽ phải là ở phía cách mạng và cũng như nhiều anh em trong Hội Văn hóa cứu quốc, tôi tin chắc chắn là cách mạng sắp đến”<sup>1</sup>.

Ở thời điểm đó, các nhà thơ như Xuân Diệu, Huy Cận cũng đang băn khoăn tìm một con đường sống. Khi trực tiếp tìm hiểu *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, họ đã tham gia Hội Văn hóa cứu quốc và đã nhanh chóng ý hợp tâm đầu trong tâm nguyện đấu tranh để bảo vệ nền văn hóa dân tộc.

Có thể khẳng định rằng: *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng đã đáp ứng đúng tâm tư, nguyện vọng của giới trí thức, văn nghệ sĩ lúc bấy giờ, nhằm thực hiện một mệnh lệnh chiến đấu chung nhất: Vận mệnh của văn hóa gắn liền với vận mệnh của dân tộc. Muốn cứu văn hóa dân tộc trước tiên phải tham gia giải phóng dân tộc. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thể hiện sức sống mãnh liệt. Đó là sức sống của tư tưởng cách mạng. Vừa mới ra đời, chỉ trong một thời gian ngắn, một tổ chức văn hóa cách mạng đầu tiên của Đảng đã thu hút đông đảo những tên tuổi sáng giá lúc bấy giờ: Ở Hải Phòng là Văn Cao, Nguyên Hồng, Đỗ Nhuận, Lưu Văn Lợi, Hoàng Quý, Nguyễn Công Mỹ; ở Hà Nội là Đặng Thai Mai, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng,

---

1. Hữu Thịnh: “Từ Hội Văn hóa cứu quốc đầu tiên ấy”, <http://Baomoi.com.vn>, ngày 21/9/2013.

Nam Cao, Học Phi, Như Phong, Nguyễn Đình Thi, Kim Lân, Nguyễn Đỗ Cung, Trần Văn Cẩn, Xuân Diệu, Huy Cận, Trần Huyền Trân...

Hội Văn hóa cứu quốc là một tổ chức hoạt động rất chặt chẽ. Cơ quan ngôn luận của Hội là báo *Tiền Phong*. Phương châm của Hội là lợi dụng triệt để các kẽ hở trong mạng lưới kiểm duyệt của địch để tuyên truyền cho cách mạng. Dưới ánh sáng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, các văn nghệ sĩ, trí thức cho ra đời hàng loạt tác phẩm: Nguyễn Huy Tưởng viết *Vũ Như Tô* - một tác phẩm quan trọng nhất của đời ông và cũng là một trong những kịch bản sân khấu xuất sắc nhất của chính kịch hiện đại. Nam Cao viết *Sống mòn*, Nguyên Hồng viết truyện ngắn *Cuộc sống*, *Miếng bánh*, Thâm Tâm viết *Tống biệt hành*... Đi theo, dẫn thân trong bão táp cách mạng, chuẩn bị tổng khởi nghĩa; trực tiếp cầm bút và cầm súng chiến đấu, các văn nghệ sĩ, trí thức đương thời thật sự đã trở thành những dũng sĩ xung kích trên mặt trận văn hóa, tư tưởng, lý luận của Đảng. Họ đã góp phần to lớn vào việc đưa ánh sáng của Đảng đến với đồng bào, chiến sĩ, củng cố niềm tin chiến thắng cho họ. Đồng thời, thổi luồng không khí cách mạng vào đời sống xã hội Việt Nam. Mặt khác, những cơ hội trải nghiệm thực tiễn quý báu của cuộc đấu tranh giành chính quyền cũng góp phần để các nhà văn thai nghén ra những tác phẩm sử thi tầm cỡ về cuộc Cách mạng Tháng Tám - một trong ba sự kiện vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đó là các tác phẩm *Tranh tối tranh sáng* và *Hồn canh hồn cừ* của Nguyễn Công Hoan; *Mười năm* của Tô Hoài và *Vỡ bờ* của Nguyễn Đình Thi.

Tóm lại, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã trở thành ngọn cờ tập hợp văn nghệ sĩ, trí thức, các nhà văn hóa đi theo tiếng gọi của Đảng, góp phần quan trọng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

\*

\* \*

Hiện nay, Việt Nam đang đứng trước những thời cơ, thách thức, khó khăn mà toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đặt ra cần phải giải quyết. Vì vậy, để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa, văn nghệ cách mạng; coi sự nghiệp phát triển văn hóa, văn nghệ là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

## 80 NĂM “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”: TÍNH BỀN VỮNG VÀ SỐNG ĐỘNG CỦA MỘT TRIẾT LÝ VĂN HÓA

TS. LÊ THỊ MINH THẢO\*

**Đ**ề cương văn hóa Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh, Phúc Yên), văn kiện được xem như cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa và vẫn còn nguyên giá trị lịch sử, thực tiễn sau 80 năm ra đời. Đề cương văn hóa đã đem lại một luồng gió mới cho văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ cũng như định hướng cho sự phát triển nền văn hóa sau này:

### **1. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - một dấu son của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đường lối cách mạng giải phóng dân tộc**

Bản đề cương về văn hóa Việt Nam gồm năm phần:

Phần I: “Cách đặt vấn đề”

Phần II: “Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam”

Phần III: “Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật, Pháp”

Phần IV: “Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam” và

Phần V: “Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là của những nhà văn hóa mácxít Việt Nam”.

Những quan điểm cơ bản của cả năm phần có sức thuyết phục sâu sắc và là ngọn cờ tập hợp đông đảo trí thức vào cuộc vận động văn hóa, vào cuộc cách mạng giải phóng tư tưởng văn hóa, nâng cao dân trí của dân tộc. Có thể nói, Đề cương văn hóa Việt Nam là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công

---

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

tác, văn hóa, văn nghệ, phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hóa dưới ách Pháp - Nhật, vạch ra đường lối văn hóa cách mạng và những nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hóa dân tộc, nhân dân. Lần đầu tiên Đảng Cộng sản đưa ra một Cương lĩnh dù đúng như tên gọi đây là một bản đề cương phác thảo trong điều kiện một Đảng chính trị đang hoạt động bí mật nên mới chỉ dừng lại ở những định hướng lớn, mang tính chất nền tảng cho nền văn hóa cách mạng Việt Nam. Nhưng những nội dung, tính chất, tổ chức, nhiệm vụ của văn hóa Việt Nam trong và sau cách mạng giải phóng dân tộc theo xu hướng hoàn toàn mới.

Tinh thần cứu quốc của Cương lĩnh văn hóa đầy tính thuyết phục và chiến đấu đã trở thành ngọn cờ tập hợp, cổ vũ, động viên mọi tầng lớp nhân dân, nhất là trí thức, văn nghệ sĩ cũng như người dân đương thời về lòng yêu nước và khát vọng chiến đấu cho một nền độc lập nước nhà, cho sự nghiệp phá vỡ xiềng xích văn hóa phản cách mạng, bảo vệ văn hóa dân tộc, đồng thời chung tay xây dựng một nền văn hóa mới khi mà cách mạng dân chủ, dân chủ lúc bấy giờ chưa thành công.

Đề cương xuất hiện trong hoàn cảnh trước thềm cuộc Cách mạng Tháng Tám, giống như sợi chỉ đỏ định hướng để mọi hoạt động không bị chệch hướng và bồi đắp thêm văn hóa nước nhà. Với tư tưởng biện chứng, đề cương xác định, xây dựng văn hóa trên cơ sở nền tảng kinh tế xã hội, chế độ kinh tế của xã hội ấy quyết định toàn bộ nền văn hóa. Nhưng văn hóa không phải ảnh hưởng thụ động, mà có mối quan hệ với kinh tế, chính trị, là một trong ba mặt trận mà ở đó người cộng sản phải hành động. Đảng nhấn mạnh, cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng lãnh đạo trên cơ sở chỉ rõ tính chất văn hóa Việt Nam trong quá khứ và hiện tại (1943). Đề cương xác định nền văn hóa mới của Việt Nam có hai tính chất dân tộc và dân chủ, khẳng định lúc bấy giờ nó là cách mạng và tiến bộ.

Như vậy, trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, khi nước nhà chìm đắm trong bóng đêm nô lệ, đời sống văn hóa ngột ngạt dưới chính sách hà khắc, thâm độc của thực dân, phát xít, nhưng với ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền thống văn hóa lịch sử lâu đời của dân tộc, thực tiễn đời sống cách mạng trong cuộc đấu tranh cách mạng dân tộc, dân chủ, đề cương văn hóa Việt Nam với tư duy đầy minh triết, tiếp cận vấn đề thực tiễn và khoa học đã “soi đường cho quốc dân đi”.



Đảng đã nhận thức rõ yêu cầu cấp bách xây dựng nền văn hóa mới cùng hướng tới mục tiêu là độc lập dân tộc và cao hơn thế nữa là xây dựng nền văn hóa do con người và vì con người. Chính tư tưởng khoa học và cách mạng đó đã lôi cuốn được đông đảo nhân dân tham gia góp phần thắng lợi cách mạng dân tộc tháng 8/1945 và tạo cơ sở lý luận cho nền văn hóa kháng chiến kiến quốc sau này và là định hướng đúng đắn cho cách mạng văn hóa Việt Nam hôm nay, xây dựng nền văn hóa mới do con người và vì con người.

## **2. Ba nguyên tắc của nền văn hóa Việt Nam mới: giá trị của một triết lý văn hóa hôm qua và hôm nay**

80 năm qua, lịch sử cách mạng Việt Nam đã trải qua những giai đoạn khác nhau, nhưng định hướng của đề cương văn hóa Việt Nam dù được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn cụ thể nhưng nó vẫn giữ được tính chất phương pháp luận trong cách mạng văn hóa Việt Nam. Tinh thần khai phóng ấy được kế thừa, phát triển cho văn hóa Việt Nam sau này. Ba nguyên tắc bao trùm nền văn hóa mới: *dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa*. Do tính chất cứu quốc của của bản Đề cương như một chương trình, cương lĩnh hành động của Đảng nên ba nguyên tắc này được giải thích ngắn gọn, súc tích, là những định hướng chứ chưa phải là nội dung cụ thể của nền văn hóa mới. Do đó không thể giáo điều trong việc đánh giá Đề cương văn hóa Việt Nam phải dựa trên quan điểm lịch sử cụ thể của yêu cầu thực tiễn cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Năm 1981 nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 Đề cương văn hóa Việt Nam ra đời, Tổng Bí thư Trường Chinh chỉ rõ: “Đề cương văn hóa Việt Nam không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup>.

*Dân tộc hóa* chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Trong bản đề cương đã nhấn mạnh những thủ đoạn phát xít trói buộc văn hóa và giết chết văn hóa Việt Nam. Chính sách văn hóa Pháp: Đàn áp các nhà văn hóa cách mạng dân tộc chống phát xít;

---

1. *Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.

nhồi sọ văn hóa ngu dân, mua chuộc và hăm dọa các nhà văn hóa,... Chính sách văn hóa Nhật: tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á, gây ra một quan niệm cho người Nhật là cứu tinh của giống da vàng và văn hóa Nhật Bản chiếu rọi những tia sáng văn minh tiến bộ cho các giống nòi Đại Đông Á.

*Đại chúng hóa* là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng, con người phải là trung tâm, là chủ thể của các hoạt động văn hóa. Nên văn hóa Việt Nam mới hướng mọi sáng tạo nghệ thuật và hoạt động văn hóa đưa sát với đời sống thường ngày và phục vụ quảng đại quần chúng. Văn hóa không còn là đặc quyền, đặc lợi của số ít người mà là tài sản chung của nhân dân, dân tộc, góp phần vào văn hóa của nhân loại. Có như vậy, vũ khí sắc bén của văn hóa mới có thể trở thành mặt trận chống thù trong, giặc ngoài. Đại chúng hóa cũng được Đảng ta không ngừng bổ sung và hoàn thiện. Đại chúng hóa là nhân dân, một nền văn hóa có tính chất dân chủ, nhân dân sáng tạo và thụ hưởng, nền văn hóa của dân, do dân và vì dân.

*Khoa học hóa* là chống lại tất cả những cái làm cho văn hóa trái với khoa học phản tiến bộ, biết bảo tồn, chất lọc những nét đẹp truyền thống dân tộc, đồng thời phải chống những cái cũ kĩ, lạc hậu, dị đoan. Đây là nguyên tắc cực kỳ cần thiết và chính xác, góp phần phê phán những tư tưởng, học thuyết không có lợi cho cách mạng, chiết trung, cải lương, bi quan,... bảo vệ sự đúng đắn của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Hiện nay, tính chất khoa học được phát triển thành tính chất tiên tiến của nền văn hóa, chỉ sự tiến bộ dựa trên thế giới quan khoa học và hệ tư tưởng tiên tiến.

Trong ba phương châm, vấn đề dân tộc hóa được đưa lên đầu tiên, đó là nhiệm vụ hàng đầu của văn hóa, biến văn hóa dân tộc trở thành sức mạnh nội sinh to lớn để chống văn hóa “xâm lăng” từ bên ngoài cũng như tư tưởng ấu trĩ, lạc hậu từ bên trong. Nền văn hóa Việt Nam được dân tộc hóa sẽ tạo nên sức mạnh tinh thần nhằm chấn hưng dân tộc, chống tư tưởng tự ti dân tộc, không ngừng phát huy chủ nghĩa yêu nước, khí phách tự lực tự cường của dân tộc xuyên suốt dọc chiều dài hơn 2000 năm của lịch sử dựng nước và giữ nước.

Có thể nói ba nguyên tắc trên thấm đẫm tinh thần cứu quốc, hành động là sự trả lời đúng đắn và kịp thời các nhu cầu cấp thiết nổi lên trong một thời điểm lịch sử trọng đại của dân tộc. Tinh thần ấy xuyên suốt những năm tháng kháng chiến vệ quốc vĩ đại của dân tộc, chống Pháp và chống Mỹ, thời kỳ xây

dựng đất nước và hội nhập. Nó được kế thừa, bổ sung phù hợp với từng giai đoạn lịch sử nhưng đường hướng thì nhất quán cho đến bây giờ. Những định hướng cơ bản đó hợp thành cơ sở để xây dựng quá trình đổi mới văn hóa, làm cho văn hóa Việt Nam ngày càng hiện đại, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, mang đậm triết lý sống của dân tộc Việt Nam, yêu nước thương nòi, nhân nghĩa, thủy chung,... Thực tế đã chứng minh, ba nguyên tắc nêu trên của Đề cương văn hóa nêu trên có tác dụng to lớn biến nền văn hóa Việt Nam từ một nền văn hóa chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa thực dân, phong kiến, nô dịch trở thành nền văn hóa độc lập, tự chủ, vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc văn hóa sau này.

### **3. Tính bền vững và sống động của Đề cương văn hóa 1943 - Nhìn từ văn hóa Việt Nam hôm nay**

Văn hóa với tư cách là một hệ thống giá trị được hình thành thông qua hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm văn hóa hoặc vật chất hoặc tinh thần của cộng đồng. Được lựa chọn và thanh lọc qua nhiều thế hệ nối tiếp nhau tạo nên tính thống nhất của toàn xã hội. Văn hóa là nhân tố quan trọng có tác dụng định hướng hành vi cá nhân và làm nền tảng cho xã hội tồn tại và phát triển. Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 được ví như bản đầu tiên của Đảng về văn hóa, có ý nghĩa khai sáng và mở đường cho văn hóa Việt Nam phát triển.

Ngày hôm qua, từ việc xác định: phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cải tạo xã hội, cách mạng văn hóa Việt Nam phải dựa vào cách mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện phát triển, “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, “văn hóa không ở bên ngoài mà ở trong kinh tế và chính trị”,... “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” tới việc khẳng định văn hóa nghệ thuật là một mặt trận”, anh chị em văn nghệ sĩ là những chiến sĩ mặt trận đố” tiếp đến là phong trào “hát cho đồng bào tôi nghe” “Tiếng hát át tiếng bom” đã hiệu triệu hàng triệu trái tim tự nguyện “là người tôi sẽ chết cho quê hương”. Đã hình thành nên một nền văn hóa cách mạng đáng tự hào, trở thành tấm gương tiêu biểu cho cuộc đấu tranh cách mạng toàn thế giới

Ngày hôm nay, đất nước trên đà phát triển của công cuộc đổi mới và hội nhập, những định hướng đề cương văn hóa Việt Nam đã mang nội hàm và sức sống mới. 80 năm nhiều tư tưởng của Đề cương văn hóa Việt Nam (1943) đã được Đảng ta kế thừa, bổ sung và phát triển đặc biệt là Nghị quyết

Trung ương 5 khóa VIII, các quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết chứa đựng nhiều giá trị nhân văn và khoa học đề cập đến văn hóa là những bổ sung, cụ thể của đường hướng được vạch ra từ “đêm trước” của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, là điểm mở đầu cho nền văn hóa mới. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng một nền văn hóa tư tưởng, đậm đà bản sắc dân tộc chính là sự kế thừa gần gũi nhất của đề cương, khi mà tiên tiến thể hiện ở nguyên tắc khoa học, đậm đà bản sắc dân tộc thể hiện ở tính nguyên tắc dân tộc trong Đề cương.

Xây dựng và phát triển kinh tế nhằm mục tiêu văn hóa vì xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực cho sự phát triển kinh tế. Tinh thần của Đề cương văn hóa lại được trở lại trong bối cảnh lịch sử mới. Kết luận Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (2004) đã xác lập vị trí văn hóa là một trong ba bộ phận hợp thành sự phát triển bền vững, toàn diện của đất nước: “Bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng chính đốn Đảng là chen chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước”<sup>1</sup>.

Các giá trị dân tộc, dân chủ, khoa học và nhân văn được có mối quan hệ biện chứng lẫn nhau trở thành đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam trở thành nguồn lực chấn hưng dân tộc, hiện thực hóa khát vọng phồn vinh, hùng cường của dân tộc: “Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hóa, con người Việt Nam; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.63, tr.390.

là quan trọng nhất”<sup>1</sup>. Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW (năm 2014) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” trong đó nhấn mạnh mối quan hệ giữa xây dựng, phát triển văn hóa, xây dựng con người là vị trí trung tâm của phát triển văn hóa, từng bước trở thành một trong những nguồn lực của sự nghiệp phát triển bền vững và hội nhập quốc tế,... Nếu như mọi giá trị văn hóa được thấm sâu vào toàn bộ đời sống con người, thấm thấu vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội thì đó chính là nguồn sức mạnh đặc biệt thúc đẩy sự phát triển bền vững đất nước. GS.TS. Hoàng Chí Bảo nhận định: “Mọi thành quả của đổi mới đều thể hiện giá trị văn hóa và văn hóa thực sự là nhân tố nội sinh của phát triển, là động lực sâu xa của phát triển. Mọi giá trị văn hóa đều quy tụ về giá trị con người, giá trị cao nhất, giá trị của giá trị”<sup>2</sup>.

Văn hóa Việt Nam hiện nay, ở tất cả các dạng hoạt động và với tất cả các loại hình của nó, đều có những thay đổi tích cực. Văn hóa truyền thống được coi trọng, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được đánh giá theo chuẩn quốc tế, nhiều di sản văn hóa Việt Nam được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Các hoạt động văn hóa được hiện đại hóa, giao lưu tiếp biến văn hóa được mở rộng, văn hóa ứng xử, văn hóa nội sinh gần gũi hơn với khu vực và thế giới. Đời sống văn hóa của nhân dân được nâng lên cả về số lượng và chất lượng. Ở khía cạnh loại hình thuộc lĩnh vực hoạt động văn hóa, Việt Nam cũng thu hẹp dần khoảng cách với các quốc gia phát triển như văn hóa thời trang, văn hóa du lịch,... Bằng cách thức độc đáo của “sức mạnh mềm” văn hóa đã ngày càng góp phần làm sâu sắc thêm ý thức dân tộc - quốc gia, khẳng định giá trị thiêng liêng của dân tộc: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Văn hóa thể hiện trình độ phát triển của con người, của xã hội là cái đóng vai trò thiết yếu không thể thiếu trong sự phát triển của con người, làm cho con người phát triển toàn diện, trở nên phong phú hơn về trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, mang lại cho con người nhân cách cao đẹp, giúp con người thực hiện

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.34.

2. Lời nói đầu trong Hội thảo “Văn hóa Việt Nam với sự phát triển đất nước”, Nxb. Lao động - xã hội, 2019.

được khát vọng ngàn đời của mình về chân, thiện, mỹ. Theo đó văn hóa là yếu tố nội sinh - yếu tố làm chất lượng con người ngày càng hoàn thiện, khả năng hoạt động sáng tạo của con người ngày một nâng cao, phương thức ứng xử giữa người với người ngày càng cao đẹp<sup>1</sup>. Sức mạnh nội sinh văn hóa của cá nhân, của cộng đồng người, của cả dân tộc sẽ là lăng kính để tiếp nhận ngoại sinh có chọn lọc, tích cực, phát triển chứ không phải là lấn át nội sinh. Kết hợp truyền thống với hiện đại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là phương thức, là con đường để các giá trị văn hóa mang sức mạnh nội sinh vào trong phát triển, hiện đại hóa đất nước. Tính thời sự của đề cương vẫn luôn khẳng định giá trị trong hơi thở của cuộc sống hôm nay, tính dân tộc của văn hóa luôn được khẳng định, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tạo nên một bản lĩnh văn hóa mạnh để phát triển thông qua hội nhập, không rơi vào tình trạng phải nhạt những giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc mình.

Trở lại với Đề cương văn hóa Việt Nam, đây là Văn kiện đầu tiên có tính chất vạch thời đại, đặt nền móng lý luận cho công cuộc xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam. Đề cương trình bày rõ những quan điểm cơ bản về văn hóa, về vai trò của văn hóa trong cách mạng giải phóng dân tộc, và sự tất yếu cách mạng văn hóa do Đảng lãnh đạo và định hướng nội dung xây dựng nền văn hóa trên cơ sở ba nguyên tắc: dân tộc, đại chúng và khoa học. Tám thập kỷ trôi qua nhưng định hướng chung của Đề cương vẫn là tinh thần xuyên suốt các Văn kiện của Đảng sau này về văn hóa, góp phần dẫn dắt nền văn hóa Việt Nam trên một tầm cao mới vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

---

1. Xem Đặng Hữu Toàn: “Phát triển văn hóa - Nguồn lực nội sinh cho phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay”, in trong *Văn hóa với động lực của sự nghiệp đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr.307.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 - NGỌN ĐUỐC LÝ LUẬN CÁCH MẠNG SOI ĐƯỜNG CHO DÂN TỘC

PGS.TS. NGUYỄN TOÀN THẮNG\*

### “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - khởi nguồn lý luận về cách mạng văn hóa của Đảng

Vào những năm 40 của thế kỷ XX, trong bối cảnh đất nước lâm than nô lệ dưới ách thống trị tàn bạo của đế quốc Pháp, phát xít Nhật và bọn phong kiến tay sai, nền văn hóa Việt Nam bị biến đổi, lai căng, suy đồi bởi chính sách nô dịch văn hóa thâm hiểm của những kẻ xâm lăng. Không ít trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà văn hóa và công chúng ở thành thị tại thời điểm đã rơi vào tình trạng tinh thần hoang mang, dao động và lạc lối về tư tưởng: người thì vùi mình vào những thói quen hưởng thụ, ăn chơi xa xỉ, trụy lạc nhà thổ, nhà xăm và một số tệ nạn xã hội cổ hủ như mê tín dị đoan, nghiện rượu cồn, thuốc phiện; kẻ thì bế tắc, bi quan, trốn tránh cuộc đời, chui vào “tháp ngà” nghệ thuật để tiêu khiển theo lối tư duy “nghệ thuật vị nghệ thuật” duy mỹ cực đoan và chủ nghĩa cá nhân đầy ảo tưởng, ảo giác. Đa số người dân trên phạm vi cả nước đều không biết chữ và lạc hậu về nhận thức tư tưởng, nguyên do là bởi chính sách ngu dân, nô dịch văn hóa của thực dân, phát xít và bọn phong kiến bán nước.

Để dễ bề cai trị, thẳng tay áp bức bóc lột, ngăn cản nhân dân ta đoàn kết, chế độ thuộc địa đã chia nước ta thành ba kỳ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Thảm họa khôn lường của dân tộc là nhân dân khắp nơi đều bị

---

\* Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

“bần cùng hóa”, “lưu manh hóa”, thoái hóa, u mê, lạc hậu, không nhận thấy được hết bộ mặt độc ác, nham hiểm của kẻ thù ngoại bang và bọn bán nước cầu vinh.

Trong bối cảnh nước sôi lửa bỏng, vận mệnh của dân tộc bị đe dọa, Đảng ta đã gương cao ngọn đuốc lý luận cách mạng sáng ngời để giác ngộ đông đảo quần chúng nhân dân, các nhà văn hóa, trí thức văn nghệ sĩ: ngọn đuốc rực rỡ ánh sáng cách mạng đó chính là *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

Vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã thể hiện rõ quan điểm lý luận khoa học mácxít về văn hóa và các vấn đề cách mạng văn hóa.

Lần đầu tiên Đảng ta đã cắt nghĩa rất khái quát và có chiều sâu lý luận và dễ hiểu về văn hóa: “Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật”. Văn hóa được hiểu là một lĩnh vực thượng tầng kiến trúc liên quan chặt chẽ với hạ tầng cơ sở. Từ hệ thống điểm nhìn này, có thể nhận thức sâu sắc về cơ cấu của một nền văn hóa và tìm ra những vấn đề mang tính quy luật: văn hóa luôn luôn vận động và phát triển trong quan hệ biện chứng với kinh tế và chính trị. Có thể nói, đây chính là quan điểm lý luận rất mới có sức thu hút, hấp dẫn trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà văn hóa lúc bấy giờ. Và cho đến ngày nay, quan điểm này vẫn còn nguyên giá trị thời sự: văn hóa luôn phát triển trong mối quan hệ chặt chẽ với kinh tế - cơ sở hạ tầng của xã hội.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* chính là cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa, tuyên ngôn chính thức của Đảng về văn hóa trên diễn đàn tư tưởng của dân tộc, thể hiện lý tưởng cách mạng chân chính của Đảng khát vọng xây dựng, phát triển một nền văn hóa cách mạng mới cho dân tộc ta theo ba nguyên tắc của cuộc vận động lớn là “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”.

Tư tưởng về văn hóa của Đảng trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được những người cộng sản kiên trung, những chiến sĩ cách mạng âm thầm hoạt động bí mật tuyên truyền trong nhân dân, đặc biệt là tuyên truyền giác ngộ đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, những người yêu nước, yêu dân tộc để tập hợp họ lại trong *Hội Văn hóa cứu quốc* thành lập tháng 4/1943 (tức là sau khi bản Đề cương ra đời khoảng hai tháng). Ngọn đuốc lý luận cách mạng văn hóa của Đảng đã soi sáng tâm hồn, trí tuệ nhận thức



của tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà văn hóa lúc bấy giờ quyết tâm đi theo Đảng, bắt đầu làm nên những sáng tác mới theo tinh thần cách mạng, hiệu triệu quảng đại quần chúng đẩy mạnh cao trào chống Pháp, kháng Nhật, phản đế, phản phong, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc.

## **2. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - bản cáo trạng về tội ác của giặc ngoại xâm và phong kiến tay sai âm mưu “trói buộc” và “giết chết văn hóa Việt Nam”**

Trong suốt 80 năm xâm lược nước ta, thực dân Pháp và sau này là phát xít Nhật luôn luôn tìm cách thực hiện âm mưu làm suy yếu văn hóa dân tộc ta, hủy diệt nòi giống dân ta, hòng đặt ách cai trị lâu dài ở Việt Nam. Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã trực tiếp vạch trần các thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, nêu rõ việc Pháp và Nhật đã dùng thủ đoạn, âm mưu “trói buộc văn hóa và giết chết văn hóa Việt Nam”.

Trước hết là thực dân Pháp đã thi hành các chính sách văn hóa có lợi cho chúng với mục đích “... đàn áp các nhà văn hóa cách mạng dân chủ chống phát xít; ra tài liệu tổ chức các cơ quan và các đoàn thể văn hóa để nhồi sọ; kiểm duyệt rất ngặt những tài liệu văn hóa; mua chuộc và hăm dọa các nhà văn hóa; mật thiết liên lạc với tôn giáo để truyền bá văn hóa trung cổ, văn hóa ngu dân, - tuyên truyền chủ nghĩa đầu hàng và chủ nghĩa ái quốc mù quáng và hẹp hòi (*chauvinisme*). Làm ra vẻ sẵn sàng đến trí dục, thể dục và đức dục cho dân”. Trong những năm 40 của thế kỷ XX, phát xít Nhật đã vào Đông Dương, tìm mọi cách “hất cẳng” Pháp, ra vẻ “đồng cảm” với người da vàng, “tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á”, phô trương và giới thiệu rộng rãi về văn hóa Nhật Bản, nhưng bên trong chúng vẫn ngấm ngấm “đàn áp các nhà văn chống Nhật và mua chuộc các nhà văn có tài” để tìm cách hủy hoại văn hóa của dân tộc ta. Với cách lập luận ngán ngạn, danh thếp, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã tố cáo âm mưu, thủ đoạn thâm độc của các thế lực ngoại xâm, giác ngộ quần chúng nhân dân nhận rõ bộ mặt giả dối của chúng, từ đó thức tỉnh, đi theo ngọn cờ của Đảng, tham gia cách mạng, đấu tranh lật đổ chế độ thuộc địa, giành chính quyền về tay nhân dân, bảo vệ sự sinh tồn và phát triển của nền văn hóa dân tộc.

### **3. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - khát vọng xây dựng nền văn hóa cách mạng của dân tộc**

Trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đảng ta xác định rõ mục tiêu lâu dài của cách mạng văn hóa và những đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam ngay từ thời điểm Đảng đang hoạt động bí mật. Đề cương chỉ rõ: “Nền văn hóa mà cuộc cách mạng văn hóa Đông Dương phải thực hiện sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa”. Và để đạt được mục tiêu đó, cần phải gấp rút thực hiện “ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn này:

a) Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).

b) Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

c) Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trốn của bọn “tờ rách rách”.

Trong hành trình cách mạng Việt Nam, ba nguyên tắc trên vẫn còn nguyên giá trị lý luận sâu sắc, tuy nhiên nội hàm của “Dân tộc hóa”, “Khoa học hóa” và “Đại chúng hóa” cũng đã được Đảng ta phát triển, bổ sung nhiều luận điểm mới cho phù hợp với từng thời kỳ lịch sử của cách mạng để xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ đổi mới, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta với tinh thần “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã quyết tâm xây dựng “nền văn hóa Việt Nam tiên tiến” (bao hàm những gì tiến bộ nhất - một cách diễn đạt khái quát về đặc trưng “khoa học”) và nền văn hóa đó “đậm đà bản sắc dân tộc”, thể hiện vẻ đẹp của tinh thần dân tộc Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh: yêu thiên nhiên đất nước, yêu con người, yêu chủ nghĩa xã hội, cần cù, lao động sáng tạo, trọng nghĩa tình, đạo lý, tinh thần nhân văn, nhân đạo cao cả, tinh thần quốc tế trong sáng, tinh thần khoan dung văn hóa... Đó cũng chính là những đặc trưng cụ thể của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

#### **4. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - bản thiết kế khoa học về cách mạng văn hóa của dân tộc với tầm nhìn chiến lược**

Từ góc nhìn lý luận sâu sắc, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã nêu ra sự cần thiết cấp bách của nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng văn hóa và cách mạng chính trị của Đảng ta: “... Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa; ... Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả...”. Đây là mối quan hệ biện chứng, chặt chẽ của cách mạng văn hóa và cách mạng chính trị: “Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công (cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị. Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bấy giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau)”. Và như vậy: “a) Cách mạng văn hóa ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng mới có điều kiện phát triển; b) Cách mạng dân tộc giải phóng Việt Nam chỉ có thể trong trường hợp may mắn nhất đưa văn hóa Việt Nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc hoàn toàn độc lập dựng nên một nền văn hóa mới”.

Thực tế cho thấy, đây chính là con đường chiến lược của tiến trình cách mạng Việt Nam đã diễn ra vô cùng sôi động gần một thế kỷ qua dưới sự lãnh đạo của Đảng. Khi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, đất nước ta thống nhất - tức là cách mạng chính trị đã thành công, thì đó chính là điều kiện quan trọng để chúng ta tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền văn hóa xã hội chủ nghĩa (tức là tiến tới hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội), xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hóa, con người sẽ là sức mạnh nội sinh để phát triển nhanh và bền vững đất nước.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã khẳng định vai trò lãnh đạo cực kỳ quan trọng của Đảng đối với cách mạng văn hóa, coi đây là điều kiện tiên quyết, tất yếu để cách mạng nước ta đi đến thắng lợi: “Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo”. Theo đó, để thể hiện vai trò lãnh đạo tiên phong của mình, trước hết, Đảng ta xác định quan điểm lý luận hết sức mới mẻ lúc bấy giờ: “Văn hóa là một mặt trận”.

Vào thời điểm năm 1943, quan điểm “văn hóa là một mặt trận” có tính thời sự nóng bỏng và cực kỳ mới lạ với không ít các nhà văn hóa, trí thức, văn

nghệ sĩ đang bị “ru ngủ” bởi chính sách nô dịch văn hóa của thực dân, phát xít. Lúc bấy giờ, nhiều văn nghệ sĩ, trí thức coi văn hóa, văn nghệ chỉ là “thú tiêu khiển”, nhàn tản, viển vông, phải “ru với gió, mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây”, xa lánh cuộc đời, chui vào “tháp ngà” nghệ thuật để qua tháng, qua ngày, mê mải đi theo các quan điểm “duy mỹ” cực đoan và hậu quả là ngày càng lạc lối buồn thảm với “cái tôi nghệ sĩ” cô đơn, buồn bã, đứng ngoài cuộc đấu tranh của nhân dân chống chủ nghĩa thực dân, phát xít và phong kiến phản động.

Với mục đích cảnh tỉnh, giác ngộ văn nghệ sĩ, trí thức, các nhà văn hóa và giác ngộ đông đảo quần chúng nhân dân, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là tuyên ngôn về cách mạng chính trị và cách mạng văn hóa của Đảng, xác lập vị thế đặc biệt của “mặt trận văn hóa” trong cuộc đấu tranh của cách mạng Việt Nam chống đế quốc, phát xít, thực dân và phong kiến tay sai, giải phóng dân tộc, đem lại tự do cho nhân dân.

Quan điểm “văn hóa là một mặt trận” đã làm bừng tỉnh về mặt nhận thức đối với mọi đảng viên cũng như tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà văn hóa và quảng đại quần chúng nhân dân ở nước ta lúc đó: “a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động”. Mục đích trước mắt của cách mạng văn hóa Việt Nam ngay lúc đó là phải “chống lại văn hóa phát xít phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉnh dân”.

Về sau, thực tiễn cách mạng nước ta đã chứng minh hùng hồn về sự đúng đắn của quan điểm “văn hóa là một mặt trận”. Văn hóa, văn nghệ cách mạng nước ta đã trở thành một “binh chủng” đặc biệt, sức mạnh của tinh thần vô song của dân tộc ta trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, trong các cuộc đấu tranh xóa bỏ hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, lối sống phản khoa học, kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí cùng với sự tha hóa, suy thoái, biến chất về tư tưởng đạo đức lối sống của con người để sự nghiệp cách mạng nước ta hoàn thành công cuộc “cải tạo xã hội” như Đề cương đã từng đề cập tới vấn đề này.

“Nhiệm vụ cần kíp” của các chiến sĩ văn hóa mácxít ở thời điểm năm 1943 đã được Đề cương xác định là “công việc phải làm” và nêu rõ có ba nhiệm vụ quan trọng là: “Tranh đấu về học thuyết, tư tưởng”; “Tranh đấu về tông phái văn nghệ”; “Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết”. Đây là ba lĩnh

vực cơ bản của cuộc đấu tranh trên “mặt trận văn hóa” lúc bấy giờ để làm thất bại mọi âm mưu hủy hoại văn hóa Việt Nam của giặc ngoại xâm và phong kiến tay sai.

Cụ thể như sau: trong lĩnh vực “Tranh đấu về học thuyết, tư tưởng” thì phải “làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng”; “Tranh đấu về tông phái văn nghệ” thì phải “làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng”; “Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết” thì phải: “1. Thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói; 2. Ấn định mẹo văn ta; 3. Cải cách chữ quốc ngữ, v.v.”. Ngày nay, Đảng, Nhà nước và đông đảo quần chúng nhân dân vẫn ngưỡng mộ, tin cậy và coi trọng sứ mệnh thiêng liêng, trách nhiệm xã hội cao cả của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, các chiến sĩ văn hóa trong cuộc đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, cái thấp hèn, lạc hậu, phản tiến bộ... để xây dựng, kiến tạo đời sống văn hóa, chấn hưng, phát triển văn hóa dân tộc trên những tầm cao mới, thiết thực góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* khẳng định tầm quan trọng đặc biệt của cách mạng văn hóa trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng: “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”, từ đó đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi hoàn toàn. Mục tiêu lâu dài của cách mạng là giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt hơn hẳn chế độ cũ, tức là phải kiên quyết thực hiện “cuộc cải tạo xã hội”, loại bỏ những gì cũ kỹ lạc hậu, hướng tới xây dựng một chế độ xã hội mới tốt đẹp hơn. Ngày nay, sự phát triển văn hóa, con người nước ta chính là sự thay đổi căn bản trong công cuộc “cải tạo xã hội”.

Trong điều kiện cả nước hòa bình thống nhất (đã hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc) cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, bước vào thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng, cần phải kiên quyết đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội, chống tham nhũng, lãng phí, kiên quyết ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có chức có quyền, chống lại sự “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đang có nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ. Đó chính là công cuộc “cải tạo xã hội” mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã từng đề cập cách đây 80 năm và cũng là yêu cầu của cuộc cách mạng văn hóa hết sức cấp bách trong sự nghiệp cách mạng nước ta.

Ngày nay, chúng ta cần phải thường xuyên quán triệt thực hiện quan điểm “văn hóa là một mặt trận” trong tiến trình cách mạng Việt Nam, để phát huy mạnh mẽ vai trò của các chiến sĩ văn hóa trên mặt trận tư tưởng, kiên quyết đấu tranh loại bỏ những gì “cũ kỹ hư hỏng để tạo ra những cái mới mẻ tốt tươi” như Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn trong bản *Di chúc* thiêng liêng. Bên cạnh việc phê phán cái xấu, cái tiêu cực, cần phải tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và lan tỏa vẻ đẹp giá trị văn hóa, chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay, để thực hiện “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, phấn đấu hoàn thành công cuộc “cải tạo xã hội” theo tinh thần *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trên những tầm cao mới.

\*  
\*   \*   \*

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* với tầm vóc của một văn kiện lịch sử đã thể hiện những tuyên ngôn lý luận quan trọng của Đảng về văn hóa và cách mạng văn hóa ra đời cách đây đã 80 năm, nhưng cho đến nay vẫn còn nguyên những giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, thậm chí vẫn mang tính thời sự cập nhật trong tình hình hiện nay ở nước ta. Đây chính là nền tảng lý luận cơ bản về cách mạng văn hóa để ngày nay Đảng ta tiếp tục kế thừa, vận dụng và phát triển quan điểm, đường lối xây dựng, chấn hưng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam - sức mạnh nội sinh của dân tộc trong hành trình đổi mới, hướng tới sự phát triển nhanh và bền vững đất nước, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng một nước Việt Nam thịnh vượng và hùng cường, đem hạnh phúc đến cho nhân dân.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” DƯỚI GÓC NHÌN VĂN HÓA HỌC

GS.TSKH. TRẦN NGỌC THÊM\*

### I- ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA CỦA MỘT DÂN TỘC YÊU CHUỘNG VĂN HÓA

1. Trong đời sống của một xã hội, bên cạnh kinh tế (cơ sở hạ tầng) thì văn hóa và chính trị (kiến trúc thượng tầng) đóng một vai trò hết sức quan trọng. Những tư tưởng và hoạt động văn hóa thường hay đi trước để dọn đường và/hoặc đi sau để hoàn tất các cuộc cách mạng xã hội.

Ở Pháp, những tư tưởng văn hóa mới của Voltaire, Montesquieu, Rousseau, Diderot đã chuẩn bị mảnh đất cho cách mạng Pháp năm 1789 thành công, nhưng đó mới là những tư tưởng cá nhân. Ở Trung Quốc, cuộc vận động Ngũ Tứ (4/5/1919) đã dọn đường cho cách mạng Trung Hoa giương cao ngọn cờ dân chủ, nhưng chất “văn hóa” mà người ta thường nhắc tới của cuộc vận động này chỉ là ở chỗ nó khởi đầu từ giới sinh viên, còn nội dung vẫn là sự phản kháng nhà cầm quyền nói chung. Bài nói chuyện của Mao Trạch Đông ở cuộc tọa đàm văn nghệ Diên An năm 1942 là tiếng nói của lãnh tụ nhưng nó giới hạn ở việc trình bày quan điểm văn nghệ phục vụ công nông nhằm mục đích chỉnh phong chứ chưa phải là một đề cương văn hóa.

Như vậy là có lẽ chưa ở đâu mà trước khi cách mạng thành công, đã có một văn kiện đề cương về văn hóa được công bố rõ ràng như ở Việt Nam.

2. Sự xuất hiện của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong tiến trình cách mạng của Việt Nam hoàn toàn không mang tính ngẫu nhiên, nó là một tất yếu lịch sử. Có thể thấy có ba lý do:

---

\* Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

a) Dân tộc Việt Nam với truyền thống mấy nghìn năm của mình coi trọng các giá trị văn hóa không chỉ theo nghĩa rộng mà còn cả những giá trị văn hóa theo nghĩa hẹp - văn hóa tinh hoa, văn hóa nghệ thuật; coi trọng các giá trị tinh thần hơn vật chất, coi trọng nội dung hơn hình thức, coi trọng đức hơn tài... Đưa ra Đề cương về văn hóa chính là Đảng đã đáp ứng nguyện vọng cháy bỏng này của nhân dân. Hồi ký của những người trong cuộc về những ngày tháng này cho thấy ở khắp những nơi nào có Đề cương đến, mọi người đều say sưa “vùi đầu vào đọc ngay”, “chép lại”, rồi “bàn bạc, truyền tay”... Nếu dân chúng không có nhu cầu và nguyện vọng thiết tha thì dù một đề cương hay mười đề cương đưa ra cũng sẽ bị rơi vào quên lãng.

b) Chính là nhắm vào những nhu cầu văn hóa của nhân dân mà trong thời kỳ này có cả rừng sách báo, tạp chí... cùng các trào lưu văn hóa, nghệ thuật được bung ra. Thực dân Pháp khuyến khích các xu hướng lãng mạn, “vui vẻ, trẻ trung” trong đời sống văn học, nghệ thuật; cho xuất bản các sách khiêu dâm, kiếm hiệp, thần bí...; cho mở nhiều tiệm hút, tiệm nháy; tổ chức các nha thông tin, tuyên truyền; ủng hộ các phong trào phục cổ, tôn sùng các tục lệ cũ; đề xướng các phong trào thể dục rầm rộ... Phát xít Nhật thì lập ra Viện văn hóa Nhật, tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á... Bởi vậy mà trong bài *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam* lúc này viết năm 1944, Tổng Bí thư Trường Chinh đã nhận định rằng, văn hóa Việt Nam hiện nay - hay nói cho đúng, văn hóa hợp pháp Việt Nam hiện nay - mang ba nhược điểm, ba căn bệnh lớn: phản dân tộc, phản khoa học, phản đại chúng<sup>1</sup>. Đưa ra Đề cương về văn hóa chính là Đảng đã trực tiếp tuyên chiến với phản văn hóa nói chung và văn hóa ru ngủ quần chúng của thực dân Pháp và phát xít Nhật nói riêng.

c) Dân chúng có nhu cầu về văn hóa, văn hóa thực dân và phát xít cần phải được đánh đổ, nhưng nếu Đảng Cộng sản Đông Dương không có những lãnh tụ am hiểu về văn hóa, có tầm nhìn chiến lược về văn hóa thì cũng không thể có được *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Lại cũng chính là vì dân tộc Việt Nam với truyền thống mấy nghìn năm đã luôn đề cao văn hóa, nên trong lịch sử, các nhà quân sự thiên tài như Lý Thường Kiệt, Lê Lợi, Nguyễn Trãi,

1. Xem Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1985, t.I, tr.29.



Nguyễn Huệ... đều đồng thời là những người uyên thâm về văn hóa. Trong thời hiện đại thì Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... cũng đều là những nhà văn hóa. Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa kiệt xuất trên nhiều lĩnh vực, còn Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... cho dù tham gia lãnh đạo về quân sự hay chính trị, cũng đều có sáng tác văn hóa, quan tâm đến các vấn đề lý luận văn hóa (sử học, văn học, ngôn ngữ học, Việt Nam học...). Trong đó Trường Chinh, trên cương vị Tổng Bí thư Đảng những năm 40 thế kỷ XX, là người có đóng góp trực tiếp nhất cho việc hình thành *Đề cương về văn hóa Việt Nam*.

3. Theo hồi ký của Học Phi, “anh Trường Chinh rất quan tâm đến văn hóa, văn nghệ ngay từ hồi Mặt trận bình dân”<sup>1</sup>. Theo Trần Độ thì “từ năm 1941 trở đi, anh Trường Chinh càng chú ý thường xuyên theo dõi và nghiên cứu tình hình các sách báo xuất bản và văn hóa nói chung”<sup>2</sup>; anh đọc “cuốn sách tiếng Pháp dày cộp nói về nghệ thuật và văn học của Mác và Ăngghen do Jăng Frêvin xếp đặt và đề tựa”<sup>3</sup>. Hồi ký này còn cho biết: “Theo anh Trường Chinh kể lại thì anh suy nghĩ từ lâu về bản Đề cương văn hóa này... Năm 1941, tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám họp ở hang Pác Bó, gặp Bác, anh Trường Chinh báo cáo tình hình hoạt động văn hóa. Bác có nhận xét và chỉ thị nhiều ý kiến”. Đầu năm 1943, “tại nhà cụ Bạch ở làng Võng La - ... huyện Đông Anh, tỉnh Vĩnh Phú, các anh Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt đã bàn bạc rất nhiều... Sau đó anh Trường Chinh căn cứ vào ý kiến hội nghị đã bàn bạc để khởi thảo Đề cương tại làng Phú Gia - bây giờ thuộc xã Phú Thượng - ngoại thành Hà Nội”<sup>4</sup>.

## II- TÍNH KHOA HỌC VÀ TÍNH CÁCH MẠNG CỦA ĐỀ CƯƠNG

Đọc Đề cương, ta thấy nổi lên hai đặc điểm rõ nhất là tính khoa học và tính cách mạng.

1. Tính khoa học thể hiện trước hết ở bố cục: Đề cương gồm 5 phần có quan hệ với nhau rất chặt chẽ và sắp xếp rất khoa học.

---

1, 2, 3, 4. *Một chặng đường văn hóa - Tập hồi ức và tư liệu về Đề cương văn hóa của Đảng và đời sống tư tưởng văn nghệ 1943-1948*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội, 1985, tr.136, 98, 97, 98-99.

<b>Các phần</b>	<b>Các mục</b>
Cách đặt vấn đề	Khái niệm văn hóa Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế và chính trị Thái độ của Đảng đối với vấn đề văn hóa
Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam	Các giai đoạn trong lịch sử văn hóa Việt Nam Tính chất văn hóa Việt Nam hiện tại
Nguyên cơ văn hóa Việt Nam dưới ách Nhật - Pháp	Những thủ đoạn mà phát xít trối buộc và giết chết văn hóa Việt Nam Hai ức thuyết về tiền đồ văn hóa Việt Nam
Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam	Quan niệm của người cộng sản về vấn đề cách mạng văn hóa Mục tiêu của cách mạng văn hóa Đông Dương Quan hệ giữa cách mạng văn hóa Việt Nam và cách mạng dân tộc giải phóng Ba nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam trong giai đoạn này Tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam
Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương...	Mục đích trước mắt Công việc phải làm Cách vận động văn hóa

Khởi đầu từ “Cách đặt vấn đề” (A) với 3 nội dung (định nghĩa đối tượng, xác định các mối quan hệ của đối tượng và thái độ của chủ thể đối với đối tượng), Đề cương chuyển sang trình bày về lịch sử vấn đề (B) và hiện trạng của vấn đề (C) từ đó đi tới khả năng giải quyết vấn đề (D) và cuối cùng là các việc phải làm để giải quyết vấn đề (E).

Tính khoa học của Đề cương thể hiện ở cách lập luận chặt chẽ theo lối cấu trúc móc xích, giàu sức thuyết phục. Ví dụ: c) Đảng tiên phong phải lãnh đạo văn hóa tiên phong; d) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả. Hoặc: a) Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội; b) Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo; c) Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công...

Tính khoa học của Đề cương cũng thể hiện ở việc đưa ra hai kịch bản (hai ức thuyết) về tiền đồ của văn hóa Việt Nam: “Nền văn hóa phát xít (văn hóa Trung cổ và nô dịch hóa) thắng thì văn hóa dân tộc Việt Nam nghèo nàn, thấp kém. Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>1</sup>.

Tính khoa học của Đề cương còn thể hiện ở cách diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng, dứt khoát: “Thái độ Đảng Cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn hóa: a-... b-... c-... d-...”, “Quan niệm của người cộng sản về vấn đề cách mạng văn hóa: a-... b-... c-...”; ở cố gắng phân biệt rành mạch các cặp phạm trù đối lập: “Văn hóa Việt Nam hiện nay về hình thức là thuộc địa, về nội dung là tiền tư bản”<sup>2</sup>; “Văn hóa mới Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung”<sup>3</sup>.

**2.** Tính cách mạng của Đề cương thể hiện ở thái độ dứt khoát, sử dụng những từ ngữ có nghĩa rất rõ ràng: “*Phải hoàn thành...*”, “*Chống mọi ảnh hưởng... / mọi chủ trương...*”, “*Chống lại tất cả những cái gì...*”, “*Phải kịch liệt chống...*”, “*Tranh đấu về học thuyết, tư tưởng (đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á... làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng)*”, “*Tranh đấu về tông phái văn nghệ (...) làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng*”...

**3.** Chính là nhờ tính khoa học và tính cách mạng này mà Đề cương có được sức truyền cảm và sức thu hút lớn, làm cho những người đương thời khi cầm lấy Đề cương đều phải “đọc luôn một mạch”, đọc xong rồi thì “như thấy có lửa cháy bừng bừng trong người”...

### III- GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA ĐỀ CƯƠNG

**1.** Đề cương đề cập đến văn hóa, thực chất là đưa ra cương lĩnh về “cách mạng văn hóa” như một bộ phận của cách mạng xã hội (phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội) bên cạnh cách mạng chính trị (cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công (cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị...)). Không

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.19-20, 14-15, 25-26.

phải ngẫu nhiên mà trong Đề cương, cụm từ “cách mạng văn hóa” được nhắc lại tới bảy lần. Có trường hợp cụm từ “cách mạng văn hóa” còn xuất hiện ngay ở tên gọi của Đề cương. Hồi ký của Vũ Quốc Uy cho biết: “Một buổi tối vào khoảng cuối thu năm 1943, anh Lê Quang Đạo đưa cho tôi một phong bì dán kín... Tôi khóa chặt cửa, hồi hộp mở phong bì, và thấy tám trang giấy kẻ ô, đặc sít chữ viết nhỏ... Trên trang đầu đề rõ ràng mấy chữ: “*Đề cương về cách mạng văn hóa Việt Nam*”<sup>1</sup>.

Do Đề cương có nhiệm vụ lịch sử cụ thể như vậy, cho nên xem xét Đề cương cũng phải đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể ấy.

Khi nêu ra ba nguyên tắc “dân tộc - đại chúng - khoa học”, Đề cương viết rất rõ rằng đó là “Ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn này”. Những đặc điểm của văn hóa (hợp pháp) của Việt Nam giai đoạn này đã được Trường Chinh nói rất rõ trong bài “Mấy nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam” viết ngày 23/9/1944: đó là thứ văn hóa vừa lối lạng, lai căng, *thiếu tính dân tộc*; vừa duy tâm, thần bí, kém cõi, bị giáo dục theo kiểu nhồi sọ, *thiếu óc khoa học*; lại vừa chỉ hướng vào tầng lớp quyền quý, *xa rời quần chúng*<sup>2</sup>. Bởi vậy mà ba nguyên tắc *dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa* là hoàn toàn thích hợp với tình hình lúc bấy giờ. Nguyễn Khánh Toàn (với bút danh Hồng Lĩnh) bảo vệ ba nguyên tắc này vào năm 1946 với bài viết “Văn học Việt Nam còn nên dựa vào ba nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học nữa không?” cũng hoàn toàn hợp lý vì sau khi cách mạng vừa mới thành công, tình hình văn hóa chưa được cải thiện gì hơn.

Nhưng đến ngày nay thì đã khác. Văn hóa những năm 1940 mắc căn bệnh “phản đại chúng”, còn ngày nay đã trở thành văn hóa của nhân dân, vì vậy đã mang tính *đại chúng* rồi. Óc khoa học của dân ta cũng không đến nỗi kém cõi, vì vậy nguyên tắc khoa học cần được thay bằng yêu cầu hiện đại, tiên tiến. Không phải ngẫu nhiên mà Điều 30 của *Hiến pháp* năm 1992 nói đến một nền văn hóa Việt Nam “dân tộc, hiện đại, nhân văn”. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (7/1998) nói đến “một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản

1. *Một chặng đường văn hóa - Tập hồi ức và tư liệu về Đề cương văn hóa của Đảng và đời sống tư tưởng văn nghệ 1943-1948, Sđd, tr.50.*

2. Xem Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật, Sđd, t.I, tr.26-31.*

sắc dân tộc” càng chính xác hơn nữa, vì văn hóa từ trong bản chất đã mang tính nhân văn rồi.

**2.** Cũng phải xem xét đúng như nó đã được trình bày trong Đề cương là chủ trương “tranh đấu về học thuyết, tư tưởng (đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á có ít nhiều ảnh hưởng tai hại ở ta: triết học Khổng, Mạnh, Đêcátơ (Descartes), Bécson (Bergson), Căng (Kant), Nítzơ (Nietzsche), v.v., làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng)”. Hiển nhiên là Khổng, Mạnh, Descartes, Kant... đều là những triết gia lớn mà nhiều điều trong tư tưởng của các ông đã được Ph. Ăngghen và sau này là Hồ Chí Minh ca ngợi. Nhưng nếu ta đọc kỹ thì sẽ thấy trong Đề cương, chủ trương “đánh tan những quan niệm sai lầm” nằm trong mục E.II là những “Công việc phải làm” nhằm phục vụ cho “Mục “ (E.I) là “Chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉ dân”. Có mục đích trước mắt ấy là vì tình hình cụ thể lúc bấy giờ thực dân Pháp đang khuyến khích phong trào trở về với tư tưởng Khổng - Mạnh của Trần Trọng Kim, phong trào sùng bái truyện Kiều của Phạm Quỳnh, phong trào chạy theo các tư tưởng bảo thủ, tư tưởng cổ điển và lãng mạn phương Tây của Nguyễn Văn Vĩnh... nhằm đề cao đạo đức phong kiến, đánh lạc hướng trí thức, thanh niên, gián tiếp chống lại các tư tưởng dân chủ và cách mạng. Không phải ngẫu nhiên mà trước đó không lâu, cụ Ngô Đức Kế vừa ở Côn Đảo về đã lập tức lên án phong trào sùng bái truyện Kiều là thủ đoạn mê hoặc thanh niên, Phan Khôi đã mở cuộc bút chiến với Trần Trọng Kim về học thuyết Khổng - Mạnh...

Việc đề cao một chiều, nói rằng từ đó đến nay toàn bộ Đề cương vẫn “giữ nguyên giá trị”, cũng như việc phê phán, coi chủ trương tranh đấu với những quan niệm của triết học Khổng, Mạnh, Descartes, Kant... là “tả khuynh, quá đà” đều là những biểu hiện của việc chưa hiểu đúng chân giá trị lịch sử của Đề cương.

**3.** Từ Đề cương, khái niệm “văn hóa” đã trải qua một quá trình đi đến hoàn chỉnh. Đề cương viết: “Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật” và là một trong ba thành tố, bên cạnh kinh tế và chính trị. Chữ *cả* ở đây có thể hiểu theo hai cách: *cả* là đại từ với nghĩa “hết thảy” (cả nước) và *cả* là trợ từ với nghĩa là bao gồm bổ sung (ngoài A còn cả B). Nếu hiểu theo cách thứ hai thì không rõ phần còn lại của văn hóa có những gì, còn nếu hiểu theo

cách thứ nhất thì nội dung của văn hóa lại bị thu hẹp quá. Quan niệm hẹp này có vẻ như được xác nhận khi ta đọc thấy trong bài “Mấy nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam” của Trường Chinh viết năm 1944 có câu: “Những nhà văn ấy phải đấu tranh trên tất cả các mặt trận văn hóa, nghệ thuật, ngôn ngữ, phong tục, tín ngưỡng, v.v.”<sup>1</sup>. Ở đây, văn hóa được dùng với nghĩa còn hẹp hơn nữa, khi nó đứng cạnh không chỉ *phong tục, tín ngưỡng* mà cả *nghệ thuật, ngôn ngữ* là những thành tố mà trong Đề cương đã được bao gồm vào văn hóa.

Đến báo cáo của Trường Chinh tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai (7/1948) nhan đề *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, nội dung của khái niệm văn hóa mới trở nên phong phú hơn. Lúc này, ông viết: Văn hóa là một vấn đề rất lớn *bao gồm cả văn học, nghệ thuật, khoa học, triết học, phong tục, tôn giáo...* và chú thích: Đây là nói văn hóa theo nghĩa hẹp, nghĩa thông thường. Nói rộng ra, văn hóa *gồm cả văn hóa tinh thần và văn hóa vật chất*. Cách hiểu này đã hoàn toàn phù hợp với các quan niệm khoa học về văn hóa.

4. Khi đưa ra chủ trương “tranh đấu về tông phái văn nghệ (chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng, v.v. làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng)”, Đề cương tuy không tránh khỏi quan niệm chung bấy giờ coi phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa là độc tôn, song cũng chính ở chỗ này, Trường Chinh đã có cái nhìn khá sáng suốt khi trong *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, ông lưu ý rằng “thái độ của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là thái độ *khách quan*” và giải thích rằng có những sự thật không có lợi cho ta, ví dụ một trận ta thua chẳng hạn, vẫn hoàn toàn có thể đưa vào tác phẩm, chỉ có điều là nên tả sao cho người xem nhận thấy các chiến sĩ của ta anh dũng hy sinh như thế nào, vì sao ta thua, và trong cái thua ấy, đâu là phần ta thắng... Đây là một gợi ý rất chí lý. Ngoài việc coi chủ nghĩa hiện thực là độc tôn, nếu các văn nghệ sĩ ta không quá dễ dãi với mình, mà bỏ công sức tìm tòi theo hướng Trường Chinh đã gợi ý thì vẫn có thể thu được những sáng tác hiện thực chủ nghĩa có giá trị, chứ không đến nỗi cho ra những sáng tác theo kiểu minh họa, tô hồng...

---

1. Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật*, Sđd, t.I, tr.32.

## TỪ NHỮNG NGUYÊN TẮC LỚN CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 NGHĨ VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ VĂN HÓA MỚI CỦA THỜI ĐẠI

PGS.TS. ĐỖ THỊ THANH THỦY\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 là một văn kiện lịch sử, có tác dụng mở đường, khơi nguồn cho những định hướng chính sách đúng đắn về văn hóa Việt Nam. Ba nguyên tắc của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đưa ra về *dân tộc, đại chúng, khoa học* là những nguyên tắc căn bản hàm chứa những nội dung có giá trị lịch sử và thời đại. Trải qua tám thập kỷ từ khi Đề cương văn hóa ra đời cho đến nay, ba nguyên tắc này vẫn hàm chứa những giá trị cốt lõi nhất định, là nền móng để chúng ta tiếp tục củng cố, cập nhật, soi chiếu vào những vấn đề văn hóa mới của thời đại.

### **1. Nguyên tắc dân tộc trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” với vấn đề bảo vệ sự đa dạng văn hóa của nhân loại**

Trong thời điểm những năm đầu thập niên 40 của thế kỷ XX khi vận mệnh dân tộc đang đứng trước nhiều chông gai, thử thách, dưới ách thống trị, đàn áp của thực dân Pháp, phát xít Nhật cùng chính sách ngu dân, nô dịch hóa vô cùng thâm độc và tàn bạo của chúng, Đảng vẫn đang trong thời kỳ hoạt động bí mật, nhưng bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã ra đời và thể hiện trí tuệ sáng suốt, nhạy bén của Đảng khi nhận thức vai trò và sức mạnh của “dân tộc hóa” như một nguyên tắc tiên quyết của văn hóa Việt Nam<sup>1</sup>.

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Xem Trần Đức Hiếu: “Đồng chí Trường Chinh với bản Đề cương về văn hóa Việt Nam”, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 2/2012, tr.59-64.

Khi mặt trận văn hóa, tư tưởng đang diễn biến phức tạp, vận mệnh dân tộc ở tình thế cam go “ngàn cân treo sợi tóc”, nguyên tắc dân tộc hóa của Đảng như một lời hiệu triệu thức tỉnh người dân Việt Nam và những người hoạt động văn nghệ ưu tú của nước ta về những giá trị độc đáo, tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc, góp phần định hướng và tập hợp họ, bởi hơn bao giờ hết, tính dân tộc của văn hóa chính là cội nguồn của sức mạnh tự cường, là nguồn lực nội sinh đoàn kết toàn dân. Đặc biệt hơn nữa, bản Đề cương cũng thể hiện nhận thức sáng suốt, linh hoạt của Đảng về tính dân tộc trong mối quan hệ với tính hiện đại và tiên tiến trong văn hóa, với nhận định: “Văn hóa mới Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tâm dân chủ về nội dung”. Luận điểm này sau đó đã được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện trong các nghị quyết tiếp theo của Đảng, với nguyên tắc nhất quán trong khẳng định nền văn hóa mà Việt Nam xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn, tiếp thu những thành tựu và tinh hoa văn hóa của nhân loại nhưng vẫn kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam<sup>1</sup>.

Nguyên tắc dân tộc là một nguyên tắc không chỉ có giá trị lịch sử mà còn mang giá trị thời đại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa như một xu thế khách quan, tất yếu, vừa mở ra những cơ hội và tạo động lực cho quá trình hiện đại hóa văn hóa dân tộc, vừa đặt ra những nguy cơ về sự “xâm lăng”, đồng nhất văn hóa, nhận thức về tầm quan trọng của việc giữ gìn tính dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa lại càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết, bởi đây chính là cội nguồn bảo đảm cho sự đa dạng văn hóa của nhân loại như một giá trị phổ quát. Trong Hội nghị bàn tròn cấp cao do Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) và Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) đồng tổ chức vào ngày 3/9/2002 tại Johannesburg về “Đa dạng văn hóa và đa dạng sinh học cho sự phát triển bền vững” đã nhấn mạnh: Đa dạng văn hóa và đa dạng sinh học đều có ý nghĩa quan trọng như nhau, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của loài người.

---

1. Xem Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.92-93.



Sự đa dạng trong con người và sự đa dạng trong tự nhiên là không thể tách rời. “Khoan dung và tôn trọng lẫn nhau đối với sự khác biệt về văn hóa là điều kiện không thể thiếu để tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc trên thế giới và công nhận nhân loại chung của chúng ta”. Đa dạng văn hóa là tài sản chung của các dân tộc và hành tinh của chúng ta vì sự thịnh vượng cho các thế hệ hiện tại và tương lai, là chìa khóa để bảo đảm khả năng phục hồi trong cả hệ thống xã hội và sinh thái.

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc trong Công ước UNESCO 2005 về “Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa” thêm một lần nữa đã nhấn mạnh điều này. Trong văn kiện này, UNESCO chú ý đến hàng hóa, dịch vụ và hoạt động văn hóa như là phương tiện của bản sắc, giá trị và ý nghĩa: “Nhận thức rằng đa dạng văn hóa là di sản chung của nhân loại, cần được tôn vinh và bảo vệ vì lợi ích của tất cả mọi người,... đa dạng văn hóa là một động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững cho các cộng đồng, các dân tộc và các quốc gia,... và sự đa dạng này được thể hiện ở tính độc đáo và đa nguyên về bản sắc và các biểu đạt văn hóa của các dân tộc và các xã hội hình thành nên nhân loại” (Phần mở đầu của Công ước 2005) và: “Đa dạng văn hóa là một tài sản phong phú cho các cá nhân và các xã hội. Việc bảo vệ, phát huy và duy trì đa dạng văn hóa là một yêu cầu thiết yếu đối với sự phát triển bền vững vì lợi ích của các thế hệ hôm nay và mai sau (mục 6, Điều 2, Phần I: Các mục tiêu và nguyên tắc chỉ đạo).

Chủ đề của UNESCO về đa dạng văn hóa đã bắt đầu khi Hội thảo thế giới về Chính sách Văn hóa tại thành phố Mexico vào năm 1982, đã tuyên bố rằng mỗi nền văn hóa đại diện cho một hệ thống giá trị độc đáo và không thể thay thế và là phương tiện hiệu quả nhất để thể hiện sự hiện diện của mình trên thế giới. Theo nghĩa này, Tuyên bố Mexico về Chính sách Văn hóa cũng nhận xét rằng bản sắc văn hóa và đa dạng văn hóa là không thể tách rời và việc thừa nhận sự hiện diện của nhiều bản sắc văn hóa ở bất cứ nơi nào có nhiều truyền thống cùng tồn tại sẽ tạo nên bản chất của tính đa nguyên về văn hóa. Vào năm 1982, “sự đa dạng” vẫn chưa trở thành một chủ đề rõ ràng mà mới được đưa vào trong các tuyên bố liên quan, ví dụ như về phát triển, dân chủ và bản sắc văn hóa. Vào năm 1996, Báo cáo “Sự đa dạng sáng tạo của chúng ta” lần đầu tiên xác định rõ ràng về đa dạng văn hóa và

đặt nó trong bối cảnh của chính sách văn hóa quốc tế, như một phản hồi chống lại sự đồng nhất hóa do toàn cầu hóa gây ra, được đưa ra trong bối cảnh thập kỷ phát triển văn hóa của Liên hợp quốc (1988-1997). Hội nghị Stockholm về văn hóa và phát triển của UNESCO năm 1998 tiếp tục tạo tiền đề cho sự nhấn mạnh về chủ đề này, đề xuất cách hiểu về “sự đa dạng” giúp tăng cường mối liên kết giữa các vấn đề đa dạng và phát triển, giữa văn hóa và chất lượng kinh tế xã hội của các quốc gia và cộng đồng<sup>1</sup>.

Trong Tuyên bố Toàn cầu về Đa dạng văn hóa được thông qua tại Kỳ họp thứ 31 của Đại hội đồng của UNESCO PARIS, ngày 2/11/2001 cũng đã nhấn mạnh đa dạng văn hóa chính là “di sản chung của nhân loại”, “cần thiết cho loài người cũng như là sự đa dạng sinh học cần thiết cho tự nhiên” bảo đảm sự tồn tại của nhân loại. Tuyên bố khẳng định rằng tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hóa, sự khoan dung, đối thoại và hợp tác, trong bầu không khí tin cậy và hiểu biết lẫn nhau là một trong những bảo đảm tốt nhất cho hòa bình và an ninh quốc tế. Tại Điều 1 về: “Đa dạng văn hóa: di sản chung của nhân loại” đã nêu rõ: “Văn hóa có nhiều hình thức đa dạng theo thời gian và không gian. Sự đa dạng này được thể hiện trong tính độc đáo và đa dạng của bản sắc của các nhóm và các xã hội tạo nên loài người. Là một nguồn trao đổi, đổi mới và sáng tạo, đa dạng văn hóa cần thiết cho loài người cũng như đa dạng sinh học là cần thiết cho tự nhiên. Theo nghĩa này, nó là di sản chung của nhân loại và cần được công nhận và khẳng định vì lợi ích của hiện tại và tương lai các thế hệ”.

Như vậy có thể nói, từ nguyên tắc dân tộc hóa trong văn hóa, một yếu tố cốt lõi tạo ra bản sắc văn hóa dân tộc, cũng là nguồn gốc của đa dạng văn hóa trong tiến trình phát triển lịch sử của nhân loại đã được Đảng nhận thức từ rất sớm. Tính dân tộc đó như Đảng ta đã chỉ rõ, không phải là bất biến, mà luôn được chất lọc, chùng cất, tích lũy trong quá trình đối thoại, giao lưu và tiếp biến với văn hóa nhân loại, góp phần đào thải những yếu tố bảo thủ, lạc hậu, giúp văn hóa Việt Nam “hoà nhập nhưng không hoà tan”, vừa giữ được bản lĩnh, bản sắc dân tộc, vừa có khả năng thích nghi, tái sáng tạo để phù hợp với yêu cầu

---

1. Xem Globalisation, Culture and Development The UNESCO Convention on Cultural Diversity, Christiaan De Beukelaer, Miikka Pyykkönen và J.P Singh, 2015.

của thời đại trong xu thế toàn cầu. Khái niệm dân tộc hóa khi được mở rộng thành khái niệm đa dạng văn hóa, trong mối tương quan với những vấn đề khác như đa dạng sinh học và phát triển bền vững - thể hiện giá trị khởi nguyên cốt lõi của nguyên tắc dân tộc hóa và cũng đặt ra yêu cầu mở rộng nguyên tắc này trong dòng chảy phát triển của lịch sử loài người cũng như của quốc gia - dân tộc, thể hiện tính biện chứng và tư duy đa chiều để đáp ứng với những vấn đề mới trong bối cảnh hiện nay.

## **2. Nguyên tắc đại chúng và những vấn đề đặt ra của thời đại về nâng cao khả năng tiếp cận và sáng tạo của nhân dân, bảo đảm văn hóa như một loại hàng hóa công**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* khẳng định nguyên tắc đại chúng như một trong ba nguyên tắc vận động của văn hóa Việt Nam. Đại chúng hóa là “chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng”. Điều này được diễn giải một cách cụ thể như sau: “Nói cách khác, văn hóa phải hướng về nhân dân, phục vụ nhu cầu và lợi ích của đông đảo nhân dân, từng bước giúp cho nhân dân thực sự trở thành người chủ của văn hóa. Dưới chế độ thực dân phong kiến, văn hóa - nghệ thuật là món ăn tinh thần sang trọng chỉ dành riêng cho một thiểu số “ăn trên ngồi trốc”. Đó là một trong những bất công của xã hội cũ. Giai cấp thống trị thực hiện chính sách “ngu dân nhi trị” nên hơn 90% nhân dân ta còn trong tình trạng mù chữ, thất học, không có điều kiện hưởng thụ văn hóa. Để trả văn hóa về cho nhân dân, Đề cương ra khẩu hiệu “chống nạn mù chữ”... Để thực hiện “đại chúng hóa” đòi hỏi các nhà văn hóa phải rời “tháp ngà” của mình, đi vào cuộc sống lao động và đấu tranh của nhân dân mới có thể phản ánh được cuộc đời, số phận, những lo âu, khát vọng, tình yêu của họ - những chủ đề và nhân vật chính của nền văn hóa mới”<sup>1</sup>.

Tính đại chúng là một nguyên tắc thứ ba của văn hóa trong thời điểm lịch sử khi người dân còn trong cảnh lầm than, qua đó làm tròn sứ mệnh cứu nước và xây dựng nền văn hóa mới của nhân dân, phục vụ nhân dân, chứ không

---

1. Trần Đức Hiếu: “Đồng chí Trường Chinh với bản Đề cương về văn hóa Việt Nam”, *Tlđđ*, tr.62-63.

còn là của riêng thiếu số hưởng thụ: “Văn hóa được xác định là văn hóa của nhân dân, vì nhân dân. Văn hóa có gần gũi quần chúng, phục vụ đông đảo quần chúng thì mới thực hiện được sứ mệnh lịch sử là tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân đoàn kết đứng lên đánh Pháp đuổi Nhật, giải phóng dân tộc, giải phóng văn hóa”.

Những nguyên tắc tiên tiến này của Đảng trong bối cảnh thời đại ngày nay vẫn còn mang những giá trị cập nhật phù hợp với những vấn đề của văn hóa và phát triển bền vững. Nhìn ra thế giới, mối quan hệ rõ ràng giữa văn hóa và phát triển đã chính thức được bắt đầu từ Hội thảo thế giới về Chính sách Văn hóa tại thành phố Mexico vào năm 1982, được gọi là Mondiacult 82. Hội nghị có sự tham dự của 960 đại biểu đến từ 126 quốc gia trong tổng số 158 quốc gia thành viên của UNESCO vào thời điểm đó. Tuyên bố Mexico yêu cầu rằng bất kỳ chương trình phát triển nào cũng cần phải tính đến các cấu trúc văn hóa xã hội để có thể thành công (Điều 16) và mọi sự phát triển vốn chỉ nhấn mạnh đến tiến bộ kinh tế hoặc công nghệ hoàn toàn không phải là tiến bộ (Điều 11), cụ thể như sau: “Văn hóa là mặt cơ bản của quá trình phát triển và góp phần củng cố độc lập, chủ quyền và bản sắc của các quốc gia. Tăng trưởng thường được hình thành theo định lượng mà không tính đến khía cạnh định tính cần thiết của nó, đó là sự thỏa mãn các nguyện vọng văn hóa và tinh thần của con người. Mục tiêu của sự phát triển chân chính là sự hạnh phúc và hoàn thiện liên tục của mỗi cá nhân”.

Đặc biệt, trải qua bốn thập kỷ văn hóa và phát triển, gần đây nhất, tại Hội thảo thế giới về Chính sách Văn hóa năm 2022, việc đề cao một chương trình nghị sự lấy con người làm trung tâm cho các chính sách văn hóa và vấn đề cần xem văn hóa như một lợi ích công cộng toàn cầu lại tiếp tục được nhấn mạnh hơn bao giờ hết. Đồng thuận với điều này, trong Báo cáo toàn cầu của UNESCO được xuất bản bốn năm một lần về: “Tái định hình các chính sách cho sự sáng tạo” (Re|Shaping Policies for Creativity)<sup>1</sup>, được công bố trong phiên họp thứ 15 của Ủy ban liên Chính phủ về bảo vệ và thúc đẩy sự đa dạng của các biểu hiện văn hóa vào năm 2022, đã nhấn mạnh việc cần thiết phải

---

1. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000380475>.

coi văn hóa như là hàng hóa công cộng toàn cầu, qua đó thúc đẩy các hệ sinh thái sáng tạo đóng góp cho một thế giới bền vững đến năm 2030 và xa hơn nữa như khuyến nghị chính sách quan trọng. Điều này là hết sức cần thiết trong bối cảnh tăng trưởng tiêu dùng văn hóa đang được thúc đẩy nhanh chóng, dưới tác động của các ngành công nghiệp truyền thông có tính toàn cầu hóa và việc định vị lại văn hóa như một kinh tế tiêu dùng tư nhân. Theo UNESCO, trong bối cảnh toàn cầu đương đại với nhiều biến động và bất ổn: “được đánh dấu bằng các cuộc khủng hoảng đa chiều, kéo dài - liên quan đặc biệt đến những hậu quả nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học, xung đột vũ trang, hiểm họa thiên nhiên, đô thị hóa không kiểm soát, mô hình phát triển không bền vững, cũng như sự xói mòn xã hội dân chủ - đặc biệt dẫn đến sự gia tăng nghèo đói, bất bình đẳng trong việc thực hiện các quyền và sự chia rẽ ngày càng tăng trong việc tiếp cận các công nghệ kỹ thuật số (UNESCO 2022) thì việc “kêu gọi, hơn bao giờ hết, tái đầu tư vào vai trò chuyển đổi của văn hóa trong các chính sách công, để thực hiện đầy đủ các quyền cơ bản của con người” là vô cùng quan trọng và cần được đánh dấu như một bước ngoặt lịch sử trong phản ứng toàn cầu của nhân loại đối với vị thế, vai trò của văn hóa. Nhiều học giả cũng cho rằng, cần xác định văn hóa có ý nghĩa nhiều hơn chỉ là sự tăng trưởng kinh tế, vốn được định lượng hóa và hướng tới lợi nhuận, mà văn hóa còn phải là sự tổng hòa của sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng (well-being), là tình bằng hữu, qua đó góp phần khẳng định vai trò của nhà nước cam kết mạnh mẽ về hạnh phúc và chất lượng sống của người dân<sup>1</sup>.

Như vậy, từ nguyên tắc đại chúng hóa của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 với những vấn đề đang đặt ra của thời đại về nâng cao khả năng tiếp cận và sáng tạo của nhân dân, bảo đảm văn hóa như một loại hàng

---

1. Justin, O'Connor, Đại học Nam Ôxtrâyliya (University of South Australia): “Góc nhìn toàn cảnh: Xây dựng lại một cách tốt hơn hay là bước ngoặt lịch sử? Các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo và phát triển bền vững trong thập kỷ tới”, trong Hội thảo “Đánh giá 5 năm thực hiện chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa 2016-2021” do Viện Văn học nghệ thuật quốc gia Việt Nam phối hợp với Văn phòng UNESCO tại Việt Nam, UN-Habitat, Sở Văn hóa thông tin Hà Nội và Bảo tàng Hà Nội tổ chức ngày 12/9/2022 tại Hà Nội.

hóa công, bảo đảm tính gắn kết và bao hàm của văn hóa vẫn là một dòng chảy tiếp nối, liên tục, có tính cập nhật, bức thiết trong thời đại ngày nay. Văn hóa vẫn cần được coi là một phần của các dịch vụ công cơ bản, được Nhà nước bảo đảm cung cấp cùng với các dịch vụ cơ bản khác như kết cấu hạ tầng vật chất, y tế, giáo dục, dịch vụ xã hội, hành chính công, v.v. cho quảng đại quần chúng nhân dân. Đây là quan điểm vẫn được nhiều tổ chức quốc tế và quốc gia nhấn mạnh. Qua đó, nhằm bảo đảm quyền tiếp cận cao nhất của người dân đến văn hóa, từ đó để văn hóa đáp ứng được nhu cầu của xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đóng góp vào tiến bộ và công bằng xã hội hơn là chỉ chú trọng đến lợi nhuận, tăng trưởng kinh tế, cũng như việc sáng tạo và hưởng thụ văn hóa không thể chỉ là đặc quyền của một vài tầng lớp có quyền lực và ưu trội trong xã hội. Đây là một sứ mệnh cao cả của thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa cũng như của các quốc gia tiến bộ trên thế giới.

### **3. Nguyên tắc khoa học hóa trong văn hóa và những yêu cầu mới về sự phát triển**

Khoa học công nghệ đóng vai trò hết sức quan trọng trong quản lý và phát triển. Trong bối cảnh trước đây, Đảng ta đã nhận thức được vai trò của khoa học với phát triển văn hóa. Ngày nay, chúng ta càng nhận thức rằng phải xây dựng được kinh tế tri thức thì tăng trưởng kinh tế mới tốt và bền vững được. Trong bối cảnh kinh tế thế giới đã dịch chuyển từ sản xuất công nghiệp sang sản xuất dựa trên sự sáng tạo và tri thức, cùng với sự thay đổi như vũ bão của khoa học công nghệ và môi trường số hóa, rất nhiều của cải được tạo ra từ kinh tế tri thức mà kinh tế kinh tế số là một phần trong đó. Bên cạnh vốn, tài nguyên môi trường thì người lao động khi có trình độ trí tuệ sẽ tạo ra nhiều của cải vật chất một cách thông minh hơn, tiết kiệm tài nguyên hơn và bền vững hơn. Gần đây nhất, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là một thay đổi mang tính cách mạng về khoa học và công nghệ đang diễn ra trên thế giới, dựa trên ba trụ cột chính là: kỹ thuật số; công nghệ sinh học và vật lý. Trong đó, công nghệ thông tin được sử dụng là nòng cốt cho sự phát triển. Internet kết nối vạn vật (IoT), Dữ liệu lớn (Bigdata), trí tuệ nhân tạo, công nghệ 3D, robot, sự chia sẻ thông tin dữ liệu và liên thông các hệ thống thông tin đang

tạo ra những mối quan hệ xã hội và các tương tác mới chưa từng có trong quá khứ, đòi hỏi sự điều chỉnh, cập nhật của thể chế chính sách văn hóa với thực tế phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở Việt Nam. Triển vọng và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với các hoạt động văn hóa đang đặt ra nhiều vấn đề “nóng” mang lại nhiều lợi ích cho người sử dụng, trong đó phải kể đến hiệu quả trong khai thác và quản lý tài nguyên văn hóa gắn với phát triển bền vững.

Trên tinh thần một cương lĩnh đầu tiên về văn hóa của Đảng, nội hàm của khái niệm “khoa học hoá” trong đề cương dù mới chỉ được phác thảo ở mức sơ khai, nhưng đã phác thảo những ý cơ bản nhất để từ đó trong các cương lĩnh tiếp theo, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nhận thức đúng đắn được vai trò quan trọng của việc thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp đổi mới và tham gia giải quyết các vấn đề lớn của xã hội, để đưa đất nước ta phát triển nhanh, bền vững hơn, vì một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc<sup>1</sup>.

\*

\* \*

Với những giá trị lịch sử bền vững, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là một điểm xuất phát cho những tranh luận và hành động cần thiết. Ba nguyên tắc của Đề cương đã được chứng minh là những nguyên tắc căn cốt có tính ứng dụng trong công tác hoạch định chính sách văn hóa của Việt Nam trong các bối cảnh khác nhau. Đề cương đã truyền cảm hứng và gợi mở cho các thế hệ hôm nay và mai sau về những vấn đề cần thiết phải bổ sung trong kế thừa và phát triển, về việc ứng dụng linh hoạt các phương châm then chốt của Đề cương vào những vấn đề mới trong tiến trình lịch sử văn hóa của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu và áp lực của những vấn đề mới, đương đại từ thực tiễn ngày càng gia tăng, trong đó có nhiều thách thức chung của mỗi quốc gia và toàn nhân loại như: nguy cơ cạn kiệt về tài nguyên, nguy cơ

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.127-134 và tr.340.

bất bình đẳng xã hội, những hiểm họa do biến đổi khí hậu gây ra như thiên tai, dịch bệnh, suy giảm đa dạng sinh học; nguy cơ phai nhạt bản sắc văn hóa và những áp lực cần tiếp tục đổi mới, sáng tạo trong bối cảnh khoa học công nghệ đang phát triển mạnh mẽ. Bối cảnh thay đổi và những thách thức này đòi hỏi các nhà quản lý, các nhà khoa học và các nhà thực hành trên mọi lĩnh vực cần soi rọi lại những nguyên tắc của Đề cương, cùng với một tầm nhìn và kiến thức sâu rộng, toàn diện và hệ thống hơn về những vấn đề của thời đại, từ đó để có thể bổ sung, thích ứng kịp thời, vượt qua và dẫn dắt quá trình phát triển văn hóa Việt Nam một cách sáng tạo và linh hoạt, đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững đất nước.



## VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC DÂN TỘC HÓA TRONG “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 VÀO XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI VĂN HÓA, VĂN NGHỆ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PGS.TS. NGUYỄN HỮU THỨC\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được Đảng ta công bố vào năm 1943. Đề cương ra đời trong bối cảnh Đảng ta chưa giành được chính quyền, đất nước chưa được độc lập, dân ta bị hai tròng áp bức của thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Những năm 1940-1943, tình hình tư tưởng ở nước ta diễn biến phức tạp. Thực dân Pháp và phát xít Nhật tăng cường khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng và những người yêu nước. Thực dân Pháp gia tăng áp đặt tư tưởng tư sản, văn hóa phương Tây vào xã hội Việt Nam; phát xít Nhật truyền bá thuyết “Đại Đông Á” đề cao sức mạnh của Nhật và văn hóa Nhật. Chính quyền phong kiến tiếp tục truyền bá Nho giáo, “duy trì” các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, duy tâm thần bí trong các tầng lớp nhân dân. Đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ bế tắc mất hướng, suy giảm niềm tin vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và tiền đồ phát triển của văn hóa Việt Nam.

Trong bối cảnh loạn lạc, nhiễu nhương đó, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời đã kịp thời thức tỉnh trí thức, văn nghệ sĩ, mở ra con đường cứu nước, tiền đồ tươi sáng của văn hóa nước nhà.

Tổng Bí thư Trường Chinh đã tiếp thu những luận điểm cơ bản về văn hóa nêu trong học thuyết Mác - Lênin để khởi thảo Đề cương văn hóa, được đánh giá là Cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng. Trong nhiều quan điểm

---

\* Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

về phát triển văn hóa nêu ra trong Đề cương, có một luận điểm mới, được coi là cốt lõi của Đề cương là đề ra ba nguyên tắc vận động của văn hóa Việt Nam.

“a) Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).

b) Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

c) Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học phản tiến bộ)”<sup>1</sup>.

Nguyên tắc dân tộc hóa được đặt ở vị trí đầu tiên. Nguyên tắc này là sự tổng kết sự phát triển của văn hóa Việt Nam trong lịch sử giữ nước hàng ngàn năm của dân tộc.

Bảo vệ độc lập dân tộc và bảo vệ văn hóa dân tộc phát triển độc lập là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người dân Việt. Do vậy, nguyên tắc dân tộc hóa là xu hướng vận động của văn hóa Việt Nam đã hình thành từ trong lịch sử, là khát vọng của toàn thể nhân dân, toàn thể các dân tộc Việt Nam, đặt cơ sở lý luận để xây dựng đường lối văn hóa của Đảng trong mỗi giai đoạn lịch sử.

Nguyên tắc dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến văn hóa Việt Nam phát triển độc lập) là một luận điểm lớn vừa có tính thời sự, đáp ứng khát vọng của các tầng lớp nhân dân, của các dân tộc trên đất nước Việt Nam quyết tâm đấu tranh giành cho được độc lập dân tộc, thoát khỏi sự thống trị, áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Nguyên tắc trên còn thể hiện tầm nhìn chiến lược trong xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam, đó là phải nhanh chóng thoát khỏi mọi ảnh hưởng của thứ văn hóa nô dịch, lệ thuộc, là cơ sở để văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Phát triển độc lập nghĩa là phát triển những thứ văn hóa của đất nước Việt Nam, không bị lai căng, áp đặt. Đó là thứ văn hóa thể hiện được tâm hồn, cốt cách của dân tộc, do nhân dân ta sáng tạo ra trong diễn trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, kết tinh thành bản sắc văn hóa của dân tộc.

Nguyên tắc dân tộc hóa là định hướng đúng đắn, tiếp tục được Đảng ta vận dụng đưa vào Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ II (1951).

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.23-24.

Trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng ta là: “Xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”<sup>1</sup>.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960), xác định: “*Phát triển nền văn nghệ mới* với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc. Nắm vững phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, phấn đấu để có thêm nhiều tác phẩm phản ánh chân thật cuộc sống mới, con người mới, góp phần giáo dục và động viên nhân dân đấu tranh cho cách mạng xã hội chủ nghĩa và cho sự nghiệp thống nhất nước nhà”<sup>2</sup>. Đây là kim chỉ nam cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tạo sự đoàn kết thống nhất tư tưởng, động viên văn nghệ sĩ nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà; xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam trong suốt thời kỳ chống thực dân Pháp và đánh đuổi đế quốc Mỹ, đặt cơ sở lý luận cho việc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa.

Năm 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI khởi xướng đường lối đổi mới đất nước của Đảng. Sau 10 năm, năm 1996, Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đề ra nhiệm vụ: Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xác định: “Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc... Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm gìn giữ và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc... Khai thác và phát triển mọi sắc thái và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr.36.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.930.

giá trị văn hóa, nghệ thuật của các dân tộc trên đất nước ta; tạo ra sự thống nhất trong tính đa dạng và phong phú của nền văn hóa Việt Nam”<sup>1</sup>.

Năm 1998, Đảng ta ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nêu 5 quan điểm chỉ đạo, 10 nhiệm vụ và 4 giải pháp lớn. Trong 5 quan điểm có 2 quan điểm liên quan đến văn hóa dân tộc: “Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; “Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam”<sup>2</sup>. Trong 10 nhiệm vụ có 2 nhiệm vụ liên quan đến bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa dân tộc: Nhiệm vụ: “Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa” và nhiệm vụ “Bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số”<sup>3</sup>.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001-2005 trình bày tại Đại hội IX của Đảng nêu định hướng phát triển văn hóa: “Phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể làm nền tảng cho sự giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng, giữa các vùng cả nước và giao lưu văn hóa với bên ngoài”<sup>4</sup>.

Kết luận Hội nghị Trung ương 10 khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đề ra mục tiêu:

“b) Trong quá trình mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế và giao lưu văn hóa, cùng với việc tập trung xây dựng những giá trị mới của văn hóa Việt Nam đương đại, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc và tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, bắt kịp sự phát triển của thời đại.

c) Vừa phát huy mạnh mẽ tính đa dạng, bản sắc độc đáo của văn hóa các dân tộc anh em, làm phong phú nền văn hóa chung của cả nước, vừa kiên trì củng cố và nâng cao tính *thống nhất trong đa dạng của văn hóa Việt Nam*,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.110-111.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55-57, 63-65.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.296.

đấu tranh chống các khuynh hướng lợi dụng văn hóa để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc”<sup>1</sup>.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đề ra nhiệm vụ: “Tăng đầu tư của Nhà nước, đồng thời tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, vừa kế thừa, phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội”<sup>2</sup>.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, Đảng ta chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và ban hành Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết đề ra 5 quan điểm chỉ đạo, trong đó có quan điểm: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”<sup>3</sup>.

Một điểm mới nêu trong quan điểm trên là Đảng ta đã xác định 4 đặc trưng của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó đặc trưng dân tộc ở vị trí đầu tiên.

Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI nêu mục tiêu: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>4</sup>. Nghị quyết đề ra nhiệm vụ: “Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc”<sup>5</sup>.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.63, tr.390-391.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.40.

3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.48, 46-47, 49.

“Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Phục hồi và bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam.

Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; khắc phục tình trạng lạm dụng tiếng nước ngoài. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng”<sup>1</sup>.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã nêu quan điểm chỉ đạo: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”<sup>2</sup>.

Cho tới nay, nguyên tắc dân tộc hóa trong Đề cương văn hóa năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo trong tổ chức thực hiện xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, cho dù điều kiện, hoàn cảnh có nhiều thay đổi so với thời điểm Đề cương ra đời. Hiện tại, dân tộc ta và nền văn hóa nước ta đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức. Đó là nguy cơ về sự can thiệp của các nước lớn, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực phản động, chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa. Tình hình bất ổn, khó lường về tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông. Tận dụng ưu thế của công nghệ thông tin, nhiều nước phương Tây thực hiện chiến lược đế quốc thông tin, hàng ngày truyền bá thông tin xấu độc vào nước ta nhằm phá hoại sự nghiệp cách mạng, tác động chuyển hóa tư tưởng của cán bộ, đảng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Sđd*, tr.54.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.110.

viên và nhân dân, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đảng viên, nhân dân, làm suy giảm niềm tin của các tầng lớp xã hội vào chế độ. Giới trẻ xuất hiện tư tưởng tự ti dân tộc, sùng bái, học đòi theo văn hóa phương Tây, làm nhạt nhòa bản sắc văn hóa dân tộc, cổ súy cho lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa. Những vấn đề nêu trên đang đặt ra cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải cảnh giác, nêu cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, giải phóng mọi tiềm năng của con người, khích lệ sáng tạo, huy động mọi nguồn lực cho xây dựng văn hóa dân tộc phát triển độc lập, đấu tranh loại trừ ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai, thực hiện sự căn dặn của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tổ chức tại Hà Nội, ngày 24/11/2021: “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn”.

Tóm lại, nguyên tắc dân tộc hóa nêu trong Đề cương văn hóa 1943 có tính khách quan, phù hợp với xu hướng vận động của văn hóa Việt Nam đã được Đảng ta nhận thức sâu sắc và vận dụng vào xây dựng đường lối văn hóa của Đảng trong mỗi giai đoạn lịch sử nhằm nâng cao nhận thức của toàn Đảng, toàn dân về vai trò, vị trí và tính chất dân tộc của văn hóa Việt Nam, tạo ra các phong trào quần chúng bảo vệ và phát huy bản sắc, giá trị văn hóa dân tộc, mở ra điều kiện và môi trường khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập, thoát khỏi sự nô dịch của văn hóa ngoại lai, kết thành sức mạnh nội sinh của dân tộc đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm cho văn hóa nước nhà phát triển bền vững.

## NHỮNG GIÁ TRỊ CƠ BẢN CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG HOẠCH ĐỊNH ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VĂN HÓA, PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PGS.TS. NGUYỄN DANH TIÊN\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam là văn kiện đầu tiên của Đảng về văn hóa, giải quyết những vấn đề cơ bản về tư tưởng, học thuật và các vấn đề về mục tiêu, nhiệm vụ của nền văn hóa đất nước. Đề cương là một văn kiện lịch sử quan trọng, thể hiện ý chí, nguyện vọng của dân tộc Việt Nam trong quá trình xây dựng một nền văn hóa mới, tiến bộ, nhân văn và dân chủ. 80 năm đã qua, song *Đề cương về văn hóa Việt Nam* còn nguyên giá trị, vẫn là ngọn đốc “soi đường cho quốc dân” đi đến thắng lợi; đồng thời, thể hiện tư duy, tầm nhìn chiến lược của Đảng về xây dựng và phát huy sức mạnh của nền văn hóa và con người Việt Nam đấu tranh giành độc lập, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước; tạo động lực để toàn Đảng, toàn dân nỗ lực, quyết tâm đổi mới, sáng tạo, phát huy sức mạnh của nền văn hóa và con người Việt Nam - nguồn lực nội sinh của dân tộc nhằm xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

### 1. Những giá trị cơ bản của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 trình bày một cách ngắn gọn, súc tích hệ thống các quan niệm, phạm trù, các quan điểm chỉ đạo, tính chất,

---

\* Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.



mục tiêu, phương châm, nguyên tắc xây dựng nền văn hóa dân tộc. Nội dung của Đề cương kết tinh những giá trị lý luận về văn hóa của Đảng, thể hiện ở những điểm sau:

*Một là*, xác định rõ nội dung, phạm vi, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của văn hóa trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đề cương nêu rõ nội hàm của văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật<sup>1</sup>. Đề cương khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc:

a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động.

b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa.

c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả<sup>2</sup>.

*Hai là*, trên cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận biện chứng duy vật, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã luận giải sâu sắc tình hình tư tưởng, văn hóa, xã hội Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX, chỉ ra những tác động tiêu cực của Chiến tranh thế giới thứ hai cũng như tội ác của phát xít Nhật và thực dân Pháp và bè lũ tay sai, bán nước. Đề cương cũng chỉ rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn dã man, tàn ác của phát xít Nhật và thực dân Pháp trong việc trói buộc và bức tử nền văn hóa dân tộc. Qua đó, cảnh báo nguy cơ văn hóa Việt Nam có thể diệt vong và bị đồng hóa bởi văn hóa thực dân, phát xít. Đề cương chỉ rõ, nhiệm vụ cần kíp của Đảng là phải đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn thâm độc của thực dân và bè lũ tay sai, cứu nước, giành độc lập, bảo vệ các giá trị văn hóa dân tộc, phẩm giá, nhân cách con người Việt Nam. Đề cương khẳng định, cách mạng nhất định thắng lợi, văn hóa Việt Nam sẽ cởi bỏ được xiềng xích, đuổi kịp văn hóa mới, tiến bộ trên thế giới. Muốn vậy, phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội<sup>3</sup> và cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo<sup>4</sup>.

---

1, 3, 4. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316, 318, 318.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12-13.

*Ba là*, để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta, phải nắm vững ba nguyên tắc vận động là: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Trong đó, *dân tộc hóa* là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, giúp nền văn hóa Việt Nam dân tộc phát triển độc lập. Tính dân tộc của văn hóa là sự khẳng định tinh thần, ý chí độc lập, tự cường của dân tộc trong lĩnh vực văn hóa. Đó là truyền thống yêu nước, cần cù, dũng cảm, đoàn kết, thương người... những điểm tốt đẹp nhất trong tâm hồn và tính cách người Việt Nam được hun đúc từ hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. *Đại chúng hóa* là chống mọi hành động làm cho văn hóa phản lại hoặc xa rời đông đảo quần chúng, con người phải là trung tâm, là chủ thể của các hoạt động văn hóa. Trong bối cảnh lúc bấy giờ, để đoàn kết, tạo ra sức mạnh to lớn của nhân dân, văn hóa đóng vai trò then chốt. Khi khơi dậy và phát huy được tinh thần yêu nước trong các tầng lớp nhân dân thì độc lập dân tộc trở thành một điều tất yếu. Vì thế, văn hóa yêu nước được tạo ra bởi quần chúng nhân dân, nuôi dưỡng bởi quần chúng nhân dân. Do vậy, chăm sóc, xây dựng văn hóa cho nhân dân trở thành nhiệm vụ xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. *Khoa học hóa* là chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ; bảo tồn, chất lọc những nét đẹp truyền thống dân tộc; đồng thời, chống lại những cũ kỹ, lạc hậu, mê tín dị đoan. Trong thời kỳ phong kiến và thực dân, nhiều phong tục tập quán lạc hậu, không phù hợp đã kéo lùi sự phát triển của lịch sử dân tộc. Vì vậy, việc thay đổi nhận thức, thói quen, lối sống sẽ tạo ra nguồn lực giải phóng dân tộc, phát triển đất nước.

Ba nguyên tắc trên vừa đề cập đến hiện trạng nền văn hóa dân tộc, vừa chỉ ra phương hướng xây dựng, phát triển nền văn hóa mới. Đó là nền văn hóa được xây dựng từ sức sáng tạo bên bờ của nhân dân; thuộc về nhân dân, do nhân dân là chủ thể sáng tạo, trao truyền và gìn giữ, phát huy. Các nguyên tắc đó có quan hệ hữu cơ với nhau. Tuy nhiên, “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trớn của bọn tởtkít”<sup>1</sup>. Các nguyên tắc trên đã đáp ứng kịp thời các nhu cầu cấp thiết của lịch sử. Nền văn hóa đó

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.319.

phải bám rễ vào cội nguồn lịch sử; không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để bồi đắp và làm giàu đẹp, phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc; từ đó, định hướng, tập hợp, đưa đội ngũ trí thức tham gia vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Đề cập đến tính chất của nền văn hóa mới do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, Đề cương nhấn mạnh: Đó chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa Xô viết mà là “một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tâm dân chủ về nội dung”<sup>1</sup>.

Bốn là, để đặt nền móng và định hướng xây dựng một nền văn hóa mới, Đảng chủ trương tiến hành tổng hợp các biện pháp công khai và bí mật, với nhiều hình thức khác nhau; đồng thời kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn hai nhiệm vụ “xây” và “chống”. Đề cương nhấn mạnh, nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít là phải chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, nô dịch, ngu dân, lừa phỉnh nhân dân; phát huy văn hóa dân chủ thông qua việc tranh đấu bảo vệ chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tranh đấu về tông phái văn nghệ, chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng...; tranh đấu về tiếng nói, chữ viết, thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói, xác định phong cách văn hóa Việt Nam, cải cách chữ quốc ngữ...

Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 là văn kiện đặt nền móng, mở đường cho việc phát triển tư duy lý luận văn hóa cách mạng ở Việt Nam, là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ giới trí thức, văn nghệ sĩ nước nhà hăng hái tham gia sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Cùng với những giá trị lý luận, Đề cương về văn hóa Việt Nam có giá trị thực tiễn sâu sắc. Đề cương có tác dụng soi đường, chỉ lối và định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động văn hóa, văn nghệ cho toàn Đảng, toàn dân và cuộc đấu tranh cách mạng ở Việt Nam; có sức lôi cuốn, thuyết phục và tập hợp đông đảo những người hoạt động văn hóa yêu nước Việt Nam vào Hội Văn hóa cứu quốc - một thành viên của Mặt trận Việt Minh; khai sinh và phát triển nên “văn hóa xã hội chủ nghĩa” ở nước ta.

Những quan điểm, định hướng về xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam mà Đề cương về văn hóa Việt Nam nêu ra đã khơi dậy ý thức

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.320.

tự tôn, tự hào dân tộc và tinh thần yêu nước được đúc kết từ hàng nghìn năm lịch sử và trách nhiệm của mỗi người dân Việt Nam đối với sứ mệnh giải phóng dân tộc. Nhờ vậy, đã quy tụ và nhân lên sức mạnh toàn dân tộc đứng lên “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”, giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, tự do. Phát huy sức mạnh văn hóa và con người Việt Nam, bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai, năm 1948, Tổng Bí thư Trường Chinh công bố tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, với nội dung cơ bản là: xây dựng “nền văn hóa mới Việt Nam phải theo ba nguyên tắc dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa”<sup>1</sup>.

Trên cơ sở chiến lược văn hóa đó, “văn hóa - văn nghệ là một mặt trận”, “văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy”. Khẩu hiệu hành động là: *kháng chiến hóa văn hóa và văn hóa hóa kháng chiến*. Thực hiện phương châm đó, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, với quyết tâm “...thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” và tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, sau 30 năm trường kỳ kháng chiến, dân tộc Việt Nam đã lần lượt đánh bại các chiến lược quân sự của kẻ thù, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc không chỉ là thắng lợi của đường lối chính trị, quân sự đúng đắn mà còn là *thắng lợi của chủ nghĩa yêu nước và những giá trị tinh thần cao đẹp của con người Việt Nam, văn hóa Việt Nam*. Nhờ đường lối văn hóa, văn nghệ đúng đắn, sáng tạo của Đảng mà qua hai cuộc kháng chiến, dân tộc Việt Nam đã xây dựng được một nền văn hóa cung cấp đủ năng lượng tinh thần cho hàng triệu người dân Việt Nam trở thành những chiến sĩ xả thân vì lý tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Trên nền văn hóa ấy, văn học - nghệ thuật nước ta “xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc và phong kiến”.

---

1. Trường Chinh: *Về văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1985, tr.30.

## 2. Vận dụng những giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong hoạch định đường lối xây dựng văn hóa và phát triển con người Việt Nam thời kỳ đổi mới

Kế thừa và phát triển những giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là thời kỳ đổi mới, Đảng không ngừng bổ sung, phát triển tư duy lý luận và đường lối văn hóa, nhằm đưa văn hóa phục vụ trực tiếp công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh mới. Sự bổ sung, phát triển tư duy lý luận và đường lối văn hóa được thể hiện ở những điểm sau:

*Thứ nhất, khẳng định vị trí, tầm quan trọng của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.*

Trên cơ sở quan niệm “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”<sup>1</sup>, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Đảng ta xác định: cách mạng tư tưởng - văn hóa là động lực. Tiếp đó, Nghị quyết số 05/NQ-TW, ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị *Về đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới*, khẳng định: “Văn hóa là bộ phận trọng yếu của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa là một động lực lượng mạnh mẽ đồng thời là một mục tiêu lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”<sup>2</sup>. Đây là nghị quyết chuyên đề đầu tiên bàn về văn hóa trong thời kỳ đổi mới, thể hiện sự đổi mới trong nhận thức của Đảng về vị trí, tầm quan trọng của văn hóa đối với sự nghiệp đổi mới đất nước.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (1993) ra Nghị quyết số 04-NQ/TW *Về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt* nhấn mạnh: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội,... một động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội<sup>3</sup>. Tiếp đó, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII nhấn mạnh: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển kinh tế - xã hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, *Sđd*, tr.21.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.48, tr.479.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, lưu hành nội bộ, tháng 2/1993, tr.12-13.

Sau gần 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI ra Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước*. Hội nghị xác định: Xây dựng nền văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong bối cảnh mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “Lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững”<sup>1</sup>. Để xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, cần tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam. Nhân dịp kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2021), trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Chúng ta coi *văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội* là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”<sup>2</sup>.

*Thứ hai, mở rộng nội hàm văn hóa và xác định tính chất, phương hướng phát triển nền văn hóa dân tộc trong bối cảnh mới.*

Từ quan niệm, văn hóa bao gồm: tư tưởng, học thuật, nghệ thuật của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, trong quá trình bổ sung, phát triển đường lối văn hóa, Đảng ta mở rộng nội hàm văn hóa, bao gồm: tư tưởng, đạo đức, lối sống, khoa học, giáo dục - đào tạo, thông tin đại chúng, văn học - nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng... Từ chỗ xác định nền văn hóa mới với các tính chất: dân tộc, đại chúng, khoa học; dân tộc về hình thức, tân dân chủ là

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.216.

2. Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản*, số 966, tháng 5/2021, tr.5-7.

nội dung, đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (1982), Đảng ta xác định nền văn hóa “có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc”. Trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Đảng ta chỉ rõ: Tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao<sup>1</sup>.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006), với phương châm đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng chủ trương: “Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội”<sup>2</sup>. Bước vào năm đầu tiên của thập kỷ thứ hai, thế kỷ XXI, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011) chủ trương: “... xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, vừa kế thừa, phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội”<sup>3</sup>. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI nhấn mạnh: *Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội*. Tiếp đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học...”<sup>4</sup>.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.69, tr.429-452.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.106.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.40.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.126.

Trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, *kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người.*

Ngày 4/6/2020, Bộ Chính trị ra Kết luận số 76-KL/TW về *Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, trong đó, xác định rõ các nội dung, định hướng lớn: Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Thứ ba, khẳng định mối quan hệ hữu cơ giữa xây dựng văn hóa và phát triển con người Việt Nam - nguồn lực nội sinh (sức mạnh mềm của dân tộc) để xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.*

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng với những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, mặt trái của cơ chế thị trường đã tác động tiêu cực khiến cho các bậc thang giá trị bị đảo lộn và bản sắc dân tộc ngày càng mai một. Trước tình hình đó, để chấn hưng văn hóa dân tộc, từ ngày 6 đến ngày 16/7/1998, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII tiến hành Hội nghị lần thứ năm, ra Nghị quyết về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Nghị quyết là văn kiện mang tính cương lĩnh của Đảng về văn hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đặc biệt, đây là lần đầu tiên, một nghị quyết chuyên đề về văn hóa của Đảng chú trọng đến xây dựng



con người Việt Nam, với năm đức tính<sup>1</sup> nhằm đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhằm nâng cao chất lượng xây dựng văn hóa và phát triển con người Việt Nam, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2014) thảo luận và ra Nghị quyết *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Hội nghị xác định mục tiêu chung là: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Nghị quyết thể hiện sự phát triển tư duy lý luận của Đảng trong nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa, đặc biệt là yếu tố con người.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: “*Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện* phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”<sup>2</sup>. Đại hội nêu ra bảy nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu xây dựng và phát triển văn hóa, trong đó nhấn mạnh: Đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là từng bước xây dựng các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân. Tạo

---

1. Năm đức tính của con người Việt Nam: 1- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. 2- Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung. 3- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. 4- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội. 5- Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.126-127.

chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật; làm cho mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc; khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người; ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

Tiếp đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cho rằng, để xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, cần tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam. Đại hội yêu cầu: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên”<sup>1</sup>.

Đề cập đến tầm quan trọng của việc xây dựng và hình thành nhân cách con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “*Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới... là tiêu chí để phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là tiêu chí của tiến bộ, văn minh*”<sup>2</sup>.

\*

\* \*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.143,

2. Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản*, số 966, tháng 5/2021, tr.5-7.

Trải qua các thời kỳ lịch sử, Đảng ta không ngừng tìm tòi, sáng tạo lý luận về văn hóa gắn liền với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, những giá trị tốt đẹp và sức mạnh của nền văn hóa, con người Việt Nam cần được nhận thức đầy đủ, để văn hóa thực sự làm nền tảng tinh thần của xã hội, trở thành sức mạnh nội sinh của dân tộc. 80 năm trôi qua, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, tiếp tục “soi đường cho quốc dân đi” để thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng và phát triển một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc...

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 - GIÁ TRỊ KHÔNG THỂ XÓA NHÒA

ThS. NGUYỄN ĐỨC TIẾN\*

Nhìn lại tiến trình phát triển của lịch sử cách mạng Việt Nam xét về khía cạnh văn hóa, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã vạch rõ tính chất phản động trong chính sách văn hóa ngu dân của thực dân Pháp, nêu lên nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa trong xây dựng nền văn hóa mới. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã vũ trang những lý luận căn bản cho cán bộ hoạt động văn hóa - tư tưởng. Đề cương xác định văn hóa là một trong ba mặt trận cách mạng (chính trị, kinh tế và văn hóa). Đề cương nêu rõ nguy cơ của nền văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật, Pháp; phân tích mối quan hệ giữa cách mạng chính trị và cách mạng văn hóa; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng văn hóa. Tiếp cận dưới góc độ của triết học văn hóa, tác giả phân tích sự phát triển của văn hóa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cho đến hiện nay, để thấy được sự tiếp biến, phát triển của văn hóa gắn liền với tính dân tộc mang lại sự trường tồn cho Việt Nam về văn hóa. Đây là giá trị cốt lõi mà không một thế lực thù địch, phản động, cơ hội xét lại nào có thể phủ bác và xuyên tạc.

### 1. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” gắn liền với giá trị thời đại, truyền thống con người Việt Nam

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã vạch ra phương hướng đấu tranh đúng đắn chống thực dân, phát xít, xây dựng đường lối văn hóa mới của Đảng, tập hợp các nhà văn hóa, trí thức để tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đây là văn

---

\* Học viện Phòng không - Không quân.

kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ, phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hóa dưới ách Pháp - Nhật, vạch ra đường lối văn hóa cách mạng và những nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hóa dân tộc, nhân dân. Cách mạng Việt Nam lúc này không những đứng trước tình thế vô cùng gay go, căng thẳng mà còn phải đương đầu với những thủ đoạn thâm độc của phát xít Nhật, Pháp hòng trói buộc văn hóa, thậm chí giết chết tiền đồ của nền văn hóa dân tộc ta. Một bộ phận tầng lớp trí thức “đêm trước cách mạng” tỏ ra chán nản, bi quan, thờ ơ với thời cuộc, một số khác hoang mang, mất phương hướng, thiếu ngọn đèn dẫn lối về tư tưởng. Cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo bước vào thời kỳ tiền khởi nghĩa là một tất yếu chính trị. Tuy nhiên, trong bối cảnh lúc bấy giờ, trước hết cần phải có một sự thay đổi mang tính đột phá, định hướng về tư tưởng văn hóa. Đề cương ra đời đáp ứng yêu cầu đó của lịch sử. Ngay trong nội dung của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã khẳng định rất rõ để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta phải nắm vững “ba nguyên tắc vận động”, đó là: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Trong đó, dân tộc hóa là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Đại chúng hóa là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng, con người phải là trung tâm, là chủ thể của các hoạt động văn hóa. Khoa học hóa là chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ, biết bảo tồn, chất lọc những nét đẹp truyền thống dân tộc, đồng thời phải chống những cái cũ kỹ, lạc hậu, dị đoan. Đảng ta cũng khẳng định: “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm... Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trốn của bọn tởrốtkit”<sup>1</sup>. Có thể thấy, ba nguyên tắc trên là sự trả lời đúng đắn và kịp thời cho các nhu cầu cấp thiết nổi lên trong một thời điểm trọng đại của lịch sử. Và do khả năng định hướng, tập hợp, đưa tất cả đội ngũ trí thức tham gia cách mạng, nó đã góp phần quan trọng làm nên thành công của Cách mạng Tháng Tám 1945, tạo cơ sở lý luận cho sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa kháng chiến - kiến quốc trong những năm tiếp theo.

---

1. Phong Lê: “Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 - Bài học 70 năm”, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 10, 2013, tr.31-36.

Trong 80 năm qua, nhiều định hướng quan trọng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được Đảng ta kế thừa, bổ sung, phát triển, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) là văn kiện tiêu biểu nhất. Nghị quyết này thể hiện bước chuyển quan trọng về tư duy lý luận và năng lực đúc kết thực tiễn xây dựng, phát triển văn hóa nước nhà của Đảng những năm đầu đổi mới; chứa đựng nhiều giá trị nhân văn và khoa học. Các quan điểm chỉ đạo phát triển văn hóa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Nghị quyết lần đầu tiên khái quát, hệ thống hóa bao gồm: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, trong đó, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Văn hóa là một mặt trận; xây dựng, phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Nghị quyết chỉ rõ: “Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế. Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương...”<sup>1</sup>.

Có thể khẳng định, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là văn kiện đặt nền móng, mở đường cho việc xây dựng lý luận văn hóa cách mạng ở Việt Nam, là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ giới trí thức, văn nghệ sĩ nước nhà hăng hái tham gia sự nghiệp cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Năm 1981, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, đồng chí Trường Chinh đánh giá: *Đề cương về văn hóa Việt Nam* không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55.

Việt Nam. Đề cương không chỉ có giá trị trong chỉ đạo hoạt động văn hóa - xã hội mà còn có ý nghĩa đối với việc xây dựng, hoàn thiện lý luận về nền văn hóa Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh định hướng phát triển con người toàn diện và xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>1</sup>, để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, con người đóng vai trò chủ thể, đồng thời là mục đích của việc phát triển văn hóa. Đây vừa là kết quả của quá trình tiếp thu, đúc kết tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm hoạt động lãnh đạo trên mặt trận văn hóa của Đảng từ khi ra đời, đặc biệt là từ quá trình thực hiện *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943; vừa là sự nhận thức nhạy bén về tình hình thực tiễn, là những dự báo khoa học về mục tiêu, tính chất, nguyên tắc, nhiệm vụ văn hóa trong thời kỳ mới của một dân tộc có nền văn hóa “sâu rễ bền gốc”, tích lũy, chứa đựng nhiều giá trị tinh hoa qua hàng nghìn năm lịch sử.

## 2. Đề cương văn hóa gắn liền với tiến trình phát triển của dân tộc

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 phác thảo hoạt động của một đảng chính trị trong điều kiện hoạt động bí mật, nên văn bản mới chỉ dừng lại ở những định hướng lớn, những nguyên tắc mang tính chất nền tảng. Tuy nhiên, trên thực tế, 80 năm qua, trải qua những giai đoạn khác nhau của đất nước thì những đường hướng ấy vẫn giữ được tính nhất quán về đường hướng phát triển, nguyên tắc chỉ đạo. Đó là tầm nhìn về văn hóa của Đảng với 3 phương châm mang tính nguyên tắc bao trùm của một nền văn hóa mới: dân tộc, đại chúng, khoa học. Trong đó, tính dân tộc luôn là yếu tố mang tính trội theo tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam. Khi cuộc cách mạng giành độc lập dân tộc là vấn đề cấp thiết số một thì nguyên tắc “Dân tộc” chính là “chống mọi ảnh hưởng nô dịch, thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”<sup>2</sup>. Nêu phương châm “dân tộc” lên đầu tiên, gắn với cuộc cách mạng giành

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.23-24.

độc lập cho đất nước như là nhiệm vụ hàng đầu của văn hóa chính là đưa văn hóa đến với đời sống, gần gũi, gắn bó, thiết thực với quảng đại quần chúng.

Câu nói của Hồ Chí Minh: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”<sup>1</sup> một lần nữa khẳng định nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, kế thừa những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc đồng thời tiếp thu có chọn lọc những thành tựu, tinh hoa văn hóa của thế giới, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao. Ngày nay, tính dân tộc thể hiện ở việc phải xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại.

Trong quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta đang đứng trước những thời cơ, vận hội lớn, song cũng đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức mà toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đặt ra. Với đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang ra sức xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; làm cho văn hóa thật sự là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân. Hiện nay, Đảng, Nhà nước, các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội đã và đang quan tâm xây dựng mới, bổ sung, hoàn thiện nhiều văn bản nhằm điều chỉnh và tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ phát triển, phù hợp với tình hình mới. Các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến địa phương cũng được kiện toàn, củng cố và tăng cường. Nhiều công trình văn hóa mới được xây dựng và đang hoạt động có hiệu quả. Đời sống văn hóa, văn nghệ ở cơ sở có bước phát triển, thu hút đông đảo cán bộ, chiến sĩ và quần chúng nhân dân tham gia sáng tạo, hưởng thụ và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, cách mạng; đồng thời, tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn, xóa bỏ các sản phẩm văn hóa có nội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.



dung xấu độc, mê tín dị đoan, không để nó thâm thấu, lan truyền vào đời sống cộng đồng, dân cư. Việc chấn hưng nền văn hóa dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là những minh chứng khẳng định sức sống bền vững của đường lối văn hóa, văn nghệ đã được Đảng ta vạch ra từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Mặt khác, phải tiếp tục sáng tạo, bồi đắp, bổ sung những giá trị văn hóa mới, trên cơ sở mở rộng hợp tác, giao lưu văn hóa với các nước; tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tinh hoa văn hóa, nghệ thuật nước ngoài để bổ sung, làm giàu thêm bản sắc, tâm hồn, cốt cách, nhân cách người Việt Nam.

### 3. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - Sức sống không thể xóa nhòa

Do tính chất cứu quốc của bản Đề cương như một chương trình, cương lĩnh hành động của Đảng nên 3 nguyên tắc ấy được giải thích rất ngắn gọn. “Dân tộc hóa” của nền văn hóa mới là chống lại những ảnh hưởng của văn hóa nô dịch và văn hóa thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam không thể phát triển độc lập. Nó chống lại tất cả các xu hướng văn hóa không vì dân tộc Việt Nam. “Đại chúng hóa” là chống lại những xu hướng tư tưởng, những thứ văn hóa mị dân khiến cho văn hóa Việt Nam phản lại quyền lợi của đông đảo đại chúng, xa lánh đại chúng. “Khoa học hóa” là chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa thiếu tính khoa học và phản tiến bộ.

Tuy nhiên, hiện nay có một số kẻ cơ hội chính trị, xét lại lịch sử, một số người hay bắt bẻ câu chữ, tự cho mình là người không giáo điều phê phán người khác không có quan điểm lịch sử trong khi chính họ lại là những người bất chấp thực tế, mang sẵn định kiến, chỉ dựa vào câu chữ mà tách những tư tưởng ấy ra khỏi hoàn cảnh, cố tình hiểu sai đường hướng mà Đề cương vạch ra khi căn cứ vào những ý kiến cụ thể trong những tình huống cụ thể, hay đem những lý giải của một thời kỳ, một ý kiến, luận điểm nào đó được đưa ra rồi gán cho nó những điều ở ngoài nó, khái quát thành các luận điểm mang tính khái quát nhưng lại thiếu chính xác về mặt khoa học nhằm “kết tội” đường hướng văn hóa do Đảng khởi xướng và lãnh đạo là chính trị hóa văn hóa, áp đặt, sai lầm, thậm chí đòi phải từ bỏ nguyên tắc này hay nguyên tắc khác. Họ không nhìn thấy được tiến trình lịch sử phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. Cho đến nay, qua nhiều văn bản, nghị quyết, cương lĩnh, Đảng ta vừa bổ sung các nội dung mới cho những khái niệm này, vừa điều chỉnh những điều

chưa hợp lý của các thời kỳ lịch sử trước đó. Đây là một sự vận động bình thường của đời sống.

Không phải ngẫu nhiên mà tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (24/11/1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát định hướng của văn hóa mới bằng một luận điểm rất sâu sắc là: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Sau đó là văn hóa kháng chiến, kiến quốc, văn hóa tham gia vào đời sống mới, sửa chữa thói hư tật xấu cho cán bộ, chống tham nhũng, làm cho dân tộc Việt Nam đoàn kết, tự cường bằng cách nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí. Không phải đến bây giờ Đảng mới nói đến những bất cập của Đề cương hay những luận giải về Đề cương trong “Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam” như một số người hay phê phán. Tính sơ lược trong cách phân kỳ văn hóa, xác định tính chất văn hóa ở từng giai đoạn lịch sử hay cách luận giải về “nội dung tân dân chủ” và “hình thức dân tộc” cũng là dễ hiểu vì hoàn cảnh công bố văn bản và trình độ lý luận về những vấn đề chuyên môn ở thời điểm ấy chưa vượt ra khỏi hạn chế của hoàn cảnh. Cuộc sống biến chuyển nhanh, những đúc kết, nghiên cứu, khái quát cũng cần có thời gian. Bản chất của văn hóa là tinh thần cộng sinh, kế thừa và phát triển, luôn có yếu tố tự bảo vệ để bảo tồn những gì là của mình nhưng cũng luôn cởi mở tiếp nhận các yếu tố từ bên ngoài, bản địa hóa nó, biến nó thành nội lực của chính mình để làm phong phú thêm cho chính nó. Tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin là một cách như vậy hay mở cửa, hội nhập quốc tế, nhịp bước cùng thời đại như chủ trương của Đảng ta hiện nay là từng bước thực hiện tinh thần ấy. Hòa nhập, nhịp bước cùng thời đại không có nghĩa là bỏ lại những gì của riêng mình để chạy theo người khác mà cần đóng góp vào trào lưu chung bằng những thứ của riêng mình, là tinh hoa của mình.

Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn về văn hóa và tiến trình phát triển văn hóa gắn liền với sự phát triển của dân tộc đã chỉ ra rằng đi đến tận cùng của cái dân tộc sẽ bắt gặp cái chung của nhân loại, hay nói chính xác hơn là trong chiều sâu của mỗi nền văn hóa của các dân tộc cũng chứa đựng phần chung của con người. Một nền văn hóa lấy dân tộc, nhân dân, đất nước làm điểm tựa sẽ bảo đảm cho đất nước phát triển bền vững, sẽ như liều kháng sinh văn hóa giúp cho dân tộc ấy, đất nước ấy đủ sức đề kháng trước những xu hướng không lành mạnh, có hại trong quá trình hội nhập.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chính là sự kế thừa gần gũi nhất của Đề cương, khi mà tiên tiến thể hiện nguyên tắc khoa học, đậm đà bản sắc dân tộc, bổ sung giá trị cho nguyên tắc dân tộc trong Đề cương. Tiên tiến là yêu nước, là tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung. Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân, gia đình, làng xã, Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống. Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo. Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là văn kiện Đảng quan trọng đối với sự phát triển văn hóa của đất nước. Ngay từ những năm vừa mới ra đời, Đảng ta đã nhận ra tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển chung của dân tộc, và Đề cương ra đời đã minh chứng cho tầm nhìn chiến lược đó. Xuyên suốt tiến trình lịch sử, 3 nguyên tắc phát triển văn hóa trong Đề cương đã chứng minh được tính đúng đắn, đồng thời định hướng cho sự phát triển văn hóa. Trong bối cảnh hiện nay, khi đạo đức xã hội gặp nhiều vấn đề, nhiều hiện tượng văn hóa phiến phức, mê tín dị đoan phát triển trở lại, những tư tưởng sáng suốt của Đề cương một lần nữa cho thấy tính đúng đắn trong chủ trương của Đảng. Từ 3 nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa, giờ đây, văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực và là hệ điều tiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

## GIÁ TRỊ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ TRONG TIỀN TRÌNH LỊCH SỬ CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943

PGS.TS. TRẦN TRÍ TRẮC\*

**B**ước vào thế kỷ XX, Việt Nam tồn tại và vận hành theo xu thế tiếp biến văn hóa với phương Tây và Pháp. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất và nối tiếp Chiến tranh thế giới thứ hai, xã hội Việt Nam bị oằn mình trong ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, đã nổ ra liên tiếp những cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống Pháp, Nhật, chống áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến rất mạnh mẽ. Thời kỳ này, xã hội Việt Nam xuất hiện nhiều trào lưu văn hóa - tư tưởng: Nhóm *Đông Kinh Nghĩa Thục* của các nhà nho; nhóm *Đông Dương tạp chí* của trí thức theo Pháp; nhóm *Nam Phong tạp chí* theo mẫu phương Tây; nhóm *Yêu nước kiểu mới* và nhóm theo khuynh hướng độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo...

Thời điểm năm 1943, bối cảnh chính trị thế giới và Việt Nam hết sức phức tạp, rối ren. Pháp và Nhật đã tung vào Việt Nam nhiều triết thuyết phản động (chủ nghĩa phục cổ, chủ nghĩa Tơrốttxkít, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa đầu hàng, chủ nghĩa ái quốc mù quáng và ngu dân cùng những xu hướng văn hóa bảo thủ chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí...). Văn hóa tư tưởng Việt Nam hầu như bế tắc, mất phương hướng. Nhiều trí thức, văn nghệ sĩ lúng túng trong việc “nhận đường” của mình...

Đứng trước tình hình văn hóa - tư tưởng Việt Nam như vậy, Đảng Cộng sản tiến hành Hội nghị Thường vụ Trung ương (1943) và đưa ra nhận định:

---

\* Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam.

Đảng cần phải có cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa để tạo ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa phát xít thực lù... và thông qua *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943<sup>1</sup> do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo. Đề cương là sự vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác trên cơ sở nhận thức sâu sắc về lịch sử dân tộc, về hiện thực phức tạp văn hóa - tư tưởng xã hội đương thời và yêu cầu cấp thiết của cách mạng dân tộc giải phóng dân tộc.

Đề cương về văn hóa Việt Nam được soạn thảo ngắn gọn với 5 nội dung cơ bản: Cách đặt vấn đề; Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; Nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam; Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam.

Thông qua 5 nội dung trên chúng ta nhận thấy:

- Văn hóa là một trong ba mặt trận (chính trị, kinh tế, văn hóa) và người cộng sản phải lãnh đạo nó.

- Lịch sử văn hóa Việt Nam có 3 giai đoạn chính: Quang Trung trở về trước (nửa phong kiến, nửa nô lệ, phụ thuộc vào văn hóa Trung Quốc); từ Quang Trung đến Pháp xâm chiếm (văn hóa phong kiến có xu hướng tư bản); từ Pháp xâm chiếm đến nay (nửa phong kiến, nửa tư bản và có tính thuộc địa).

- Cách mạng văn hóa Việt Nam muốn hoàn thành thì phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo và phải hoàn thành cách mạng văn hóa thì mới hoàn thành được cải tạo xã hội. Khi nào cách mạng chính trị thành công thì cách mạng văn hóa mới có thể hoàn thành để hướng tới văn hóa xã hội chủ nghĩa.

- Văn hóa Việt Nam thời kỳ này phải có 3 nguyên tắc vận hành là dân tộc hóa (chống văn hóa nô dịch), đại chúng hóa (chống xa rời nhân dân), khoa học hóa (chống những gì trái với văn hóa tiến bộ).

- Văn hóa Việt Nam là văn hóa có tinh thần dân tộc về hình thức và dân chủ về nội dung.

- Văn hóa Đông Dương phải thực hiện sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa.

---

1. Văn bản nghiên cứu từ Tạp chí *Tiến phong* I (tái bản), ngày 10/11/1945, tr.18-21.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, như đồng chí Trường Chinh sau này có phát biểu: “*Đề cương về văn hóa Việt Nam* không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu sắc các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam”<sup>1</sup> và như chúng ta nhận thấy, ở *Đề cương về văn hóa Việt Nam* chưa vạch rõ được mối ảnh hưởng từ văn hóa đối với kinh tế; chưa chỉ ra được sự tương tác giữa các hình thái ý thức xã hội, nhất là sự tác động của văn hóa đối với tinh thần xã hội, v.v..

Mặc dù còn hạn chế, như đồng chí Trường Chinh đã nói, nhưng chúng ta vẫn thấy *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 có nhiều giá trị đặc biệt:

- *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là bản “tuyên ngôn”, là cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa Việt Nam. Nó đã tạo ra một bước ngoặt mang tinh thần đột phá của lịch sử văn hóa Việt Nam mà trong truyền thống chưa từng có. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã giữ vai trò định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động văn hóa cách mạng.

- Văn hóa, qua *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, lần đầu tiên đã được xác định mở rộng bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật và những vấn đề cơ bản khác của toàn bộ đời sống tinh thần xã hội, làm cho đời sống văn hóa xã hội phát triển phong phú đa dạng.

- *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có giá trị khoa học của phương pháp luận mácxít, gắn với phân tích sâu sắc thực tiễn lịch sử, nên hệ thống các quan niệm, phạm trù, quan điểm, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của sự phát triển văn hóa Việt Nam rất rõ ràng, chuẩn xác, như quan điểm “Văn hóa phải được Đảng lãnh đạo”.

- *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã đề cập được nhiều phạm vi cơ bản của văn hóa trong điều kiện trước năm 1945, đã thành ngọn cờ tập hợp đông đảo các tầng lớp trí thức “nhận đường” và “dấn thân” vào cuộc vận động cách mạng; đã đánh tan các học thuyết tư tưởng sai lầm của chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng... làm cho chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng lợi, tạo ra xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa được hình thành, đẩy lùi các hệ tư tưởng dân chủ tư sản,

---

1. Phương Lưu: “Di sản lý luận về văn nghệ Trường Chinh”, Tạp chí *Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương*, số 54, tháng 2/2017, tr.6.

phong kiến phương Đông, mácxít giả hiệu cùng các tư tưởng duy tâm, thần bí, định mệnh, siêu hình, trụy lạc, yếu thế đương thời. Nhờ đó, một đội ngũ văn nghệ mới - cách mạng xuất hiện như Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nam Cao, Học Phi, Như Phong, Trần Bảng, Trần Huyền Trân, Lộng Chương, Lưu Hữu Phước, Đỗ Nhuận, Tố Hữu, Tô Ngọc Vân, v.v. cùng với một phong trào văn hóa quần chúng rộng lớn. Những sáng tạo của họ đã thay đổi lớn với tinh thần vượt lên chính mình trong hành trình nhập cuộc từ “chân trời của một người đến với chân trời của muôn người”, từ “thung lũng đau thương của cá nhân đến cánh đồng vui tươi” (ý thơ của Chế Lan Viên).

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, trong tiến trình lịch sử 80 năm qua, luôn luôn trở thành nền tảng, cơ sở cho những định hướng lớn của Đảng trong các văn bản, chỉ thị, nghị quyết... qua các thời kỳ cách mạng. Chứng minh cho nhận định này, ta thấy trước hết, là vào tháng 11/1946, Bác đã nói: “Nền văn hóa mới của nước nhà lấy hạnh phúc của đồng bào, của dân tộc làm cơ sở, lấy cái tốt đẹp của cả phương Đông lẫn phương Tây để tạo ra nền văn hóa thuần túy Việt Nam; văn hóa phải liên lạc mật thiết với chính trị làm cho nhân dân ai cũng có lý tưởng độc lập, tự do và văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi...”<sup>1</sup>.

Đặc biệt trong thư gửi các họa sĩ năm 1951, Bác cũng nêu rõ: “Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*, anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy”, “văn hóa nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị. Chính trị, kinh tế, văn hóa phải coi là quan trọng ngang nhau”...<sup>2</sup>.

Tiếp theo, thông qua những tác phẩm của đồng chí Trường Chinh: *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa văn nghệ* (1948); *Phấn đấu cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú dưới ngọn cờ yêu nước và chủ nghĩa xã hội* (1957); *Tăng cường tính Đảng đi sâu vào cuộc sống mới để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng tốt hơn nữa* (1962); *Văn nghệ phải góp phần giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến tới đất nước thống nhất* (1968); *Về cách mạng tư tưởng và văn hóa* (1983)... ta thấy đều bắt nguồn và gắn liền từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Về công tác văn hóa văn nghệ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.72, 70.

Đặc biệt, nghiên cứu các văn kiện Đại hội Đảng các khóa, nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về đồng chí Trường Chinh,... ta thấy hầu hết đều thống nhất với định hướng ở *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Nhưng đồng thời, qua thực tiễn của cách mạng ở mỗi thời kỳ mà nội dung từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được Đảng phát triển ngày càng sâu sắc, hoàn thiện. Như từ văn hóa bao gồm tư tưởng, học thuật, nghệ thuật ở *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943) đến văn hóa bao gồm tư tưởng, đạo đức, lối sống, khoa học, tín ngưỡng, tôn giáo...; từ nền văn hóa mới - dân tộc, khoa học, đại chúng (1943) thành nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, có tính Đảng và tính nhân dân sâu sắc (1982), đến nền văn hóa mang tính dân tộc, hiện đại, nhân văn<sup>1</sup> (1992). Hoặc từ quan niệm “phải hoàn thành cách mạng văn hóa thì mới hoàn thành được cải tạo xã hội (1943) đến “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”<sup>2</sup> (1998). Từ ba nguyên tắc vận động: *Dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa* (1943) đến “phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”<sup>3</sup>, v.v..

Từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 theo tiến trình lịch sử 80 năm qua, những định hướng về văn hóa của Đảng trong các đại hội đã thể hiện sự phát triển tư duy lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn lịch sử cách mạng ở Việt Nam, làm cho nhận thức

---

1. Hiến pháp năm 1992.

2. Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55, 54-55.



về vị trí, vai trò của văn hóa ngày càng sáng rõ, phát triển, hợp quy luật và hiệu quả cao. Đó là văn hóa từ con người, vì con người, bằng con người theo hệ thống quan điểm của Đảng từ năm 1943 và được kế thừa, phát triển, đổi mới trong các văn kiện đại hội một cách phù hợp với thực tiễn cách mạng ở Việt Nam.

Cùng với tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ngày càng được khẳng định là “tuyên ngôn”, “cương lĩnh” và mang giá trị “soi đường cho quốc dân đi” của nền văn hóa mới - cách mạng, đột phá ở Việt Nam theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 và đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam - là chân lý. Nó đang đòi hỏi những cán bộ lãnh đạo của Đảng, của tổ chức quản lý văn hóa trong suy nghĩ, hành động phải coi trọng nó như kinh tế, chính trị và đừng biến văn hóa thành phương tiện “hành chính hóa” của mình!

## Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ TÂM ẢNH HƯỞNG CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” - 80 NĂM NHÌN LẠI

PGS.TS. PHẠM NGỌC TRUNG\*

Phong trào đấu tranh dân chủ (1936-1939) phát triển ở một số quốc gia trên thế giới đã tập hợp được quần chúng và tạo ra làn sóng đấu tranh chống đế quốc ngày càng lan rộng. Cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, phản đế, phản phong ở nước ta chuyển sang một giai đoạn mới và thời cơ cách mạng ngày càng đến gần đã thúc đẩy tinh thần, khí thế cách mạng trong nhân dân. Nhưng cũng trong giai đoạn này, xuất hiện những khó khăn mới do sự tăng cường hoạt động chống phá của các thế lực phản động, thù địch ở cả bên trong và bên ngoài.

Tháng 2/1943, Hội nghị Ban Thường vụ của Trung ương Đảng đã được triệu tập để nhìn nhận, đánh giá tình hình trong nước và tình hình thế giới, đồng thời có sự chỉ đạo kịp thời cho phong trào cách mạng nước ta trong tình hình mới. Trong Hội nghị quan trọng này, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thông qua. Trải qua 80 năm tồn tại, bản Đề cương văn hóa đã trở thành một văn kiện lịch sử, có ý nghĩa sâu sắc và có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong mọi hoạt động của Đảng và các phong trào đấu tranh cách mạng của dân tộc. Một khoảng thời gian 80 năm tồn tại của Đề cương văn hóa đã đủ độ dài để chúng ta có thể nhìn nhận, suy nghĩ và đánh giá khách quan về vị trí, ý nghĩa lịch sử của văn kiện quan trọng này trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, xây dựng một nền văn hóa mới, góp phần giành chính quyền, thiết lập đất nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, có

---

\* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

tâm ảnh hưởng ngày càng sâu rộng trong phạm vi khu vực Đông Nam Á và thế giới.

### 1. Bối cảnh lịch sử khi bản Đề cương văn hóa ra đời

Ở giai đoạn này, tình hình thế giới đã và đang có những biến chuyển phức tạp khó lường. Năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, phát xít Đức tấn công Ba Lan, Pháp. Năm 1940, quân Pháp thất bại thảm hại ở chiến trường châu Âu, phát xít Đức đã chiếm đóng một vùng quan trọng của nước Pháp. Từ đó thế và lực của Pháp bị suy yếu trên mọi phương diện và trên các chiến trường châu Âu, châu Á. Chớp lấy thời cơ thuận lợi đó, quân đội phát xít Nhật mở cuộc hành quân nhanh chóng như vũ bão tiến vào Đông Dương, buộc toàn quyền Đờcu của Pháp đầu hàng.

Mặc dù vậy, quân phát xít Nhật cũng gặp nhiều khó khăn trong những cuộc viễn chinh xa đất nước của mình. Giới cầm quyền của phát xít Nhật đã nhanh chóng thỏa hiệp, bắt tay với đế quốc Pháp để tiến hành áp bức, bóc lột người dân nước ta một cách tàn bạo hơn, nhằm lấy chiến tranh nuôi chiến tranh phục vụ cho nhu cầu hàng ngày to lớn của Chiến tranh thế giới thứ hai mà Nhật là một trong những quốc gia phát động. Thâm độc hơn nữa, bọn Nhật, Pháp cùng nhau tìm mọi cách mua chuộc, lôi kéo, ép buộc tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam, xúi giục và tổ chức họ vào những hoạt động phản lại Tổ quốc, phản lại dân tộc Việt Nam, ngợi ca chế độ cai trị, áp bức của chúng hòng duy trì sự thống trị, đô hộ lâu dài của các thế lực đế quốc, phát xít trên đất nước ta.

Nha Thông tin tuyên truyền được thực dân Pháp thành lập đã không ngừng công khai truyền bá chủ nghĩa đầu hàng của Petanh, đề cao khẩu hiệu Pháp - Việt đũa huề, ngợi ca và gieo rắc ảo tưởng trong tương lai Pháp - Việt phục hưng. Bọn Pháp tăng cường hoạt động lòng bất, trấn áp các chiến sĩ cách mạng và những người dân có cảm tình ủng hộ cách mạng, đồng thời chúng còn dựng nên bọn Tờốtkit, thành lập nhà xuất bản Hàn Thuyên, thông qua sách *Tân văn hóa* và Tạp chí *Văn mới nghị luận* để công khai xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, xuyên tạc lịch sử chân chính của dân tộc Việt Nam; chúng còn công khai vu khống Đảng ta là dân tộc chủ nghĩa tư sản, là cải lương... Trong khi Đảng ta đang vận động quần chúng, tập trung lực lượng đại đoàn kết toàn dân đấu tranh giải phóng dân tộc, cứu nước nhà

khởi họa xâm lăng của các thế lực đế quốc và phát xít. Bọn Torótkít đã giả danh mácxít, tuyên truyền và vận dụng một thứ chủ nghĩa duy vật máy móc, thô sơ, phản khoa học vô cùng nguy hại cho phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của chúng ta.

Hòa cùng những âm mưu nham hiểm của thực dân Pháp tuyên truyền cho công cuộc khai hóa văn minh ở Việt Nam, phát xít Nhật đã lợi dụng văn hóa, lợi dụng sự tương đồng về hình thức bên ngoài để tuyên truyền cho học thuyết Đại Đông Á mà hạt nhân của học thuyết phản động đó dựa trên yếu tố đồng văn, đồng chủng, máu đỏ, da vàng để che đậy âm mưu xâm lược nước ta, nhằm lôi kéo tầng lớp trí thức đang băn khoăn, dao động, chưa xác định được phương hướng trong cuộc sống và sáng tác văn hóa nghệ thuật, để lừa bịp dân ta và tranh giành ảnh hưởng với Pháp ở Việt Nam. Bọn phát xít Nhật nhanh chóng thành lập viện Văn hóa Nhật - Việt, tuyển chọn hàng loạt những người thân Nhật đưa sang Nhật đào tạo, nhồi nhét những quan điểm, cách nhìn phản động. Đồng thời tổ chức nhiều đoàn tham quan và trình diễn nghệ thuật Nhật - Việt, xuất bản báo chí bằng tiếng Nhật, triển lãm, diễn thuyết, biểu diễn ca nhạc... để tuyên truyền và tâng bốc tính “ưu trội” và nét “tinh hoa” của văn hóa Phù tang. Làm mê hoặc một số những văn nghệ sĩ, trí thức trẻ đến mức suy tôn, ca ngợi, sùng kính tinh thần võ sĩ đạo của Nhật, bắt chước một cách mù quáng một cách cạo trọc đầu, đi ủng da cao cổ, học đòi nhau nói tiếng Nhật, lãng quên văn hóa dân tộc Việt Nam. Từ những việc truyền bá văn hóa Nhật, phát xít Nhật đã lôi kéo được một số thanh niên nước ta làm tay sai cho chúng, dần dần theo chúng đi sâu vào các hoạt động phản cách mạng, chống lại tổ chức, chống lại nhân dân.

Chính sách văn hóa của Nhật - Pháp ở giai đoạn này là cực kỳ thâm độc, chúng dùng đủ mọi phương tiện, hình thức hòng đánh lạc hướng và ru ngủ nhân dân Việt Nam. Đối tượng chính mà chúng nhằm vào là tầng lớp thanh niên, trí thức, văn nghệ sĩ, đưa họ đi chệch khỏi con đường chính nghĩa cứu nước, giải phóng dân tộc.

Xã hội Việt Nam lúc đó đã diễn ra sự phân hóa, chia rẽ sâu sắc trong các tầng lớp trí thức và tầng lớp thanh niên. Một số trí thức và thanh niên tiến bộ đã đến với cách mạng, tiếp thu lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh truyền bá và họ đã tự nguyện dấn thân tham gia tích cực vào hoạt động cách mạng. Một số trí thức do nguồn gốc

xuất thân từ tầng lớp phong kiến, tư sản và do chạy theo lợi quyền, cơm áo cá nhân, ích kỷ nên đã trở thành tay sai cho các thế lực ngoại bang.

Phần lớn trí thức còn lại không muốn trở thành tay sai cho bọn Nhật, Pháp nhưng do hạn chế về nhận thức tư tưởng nên đã lâm vào tình trạng hoang mang, do dự, hoài nghi, bi quan, tuyệt vọng, bế tắc. Họ tìm cách lẩn trốn thực tại phũ phàng, đau thương đang diễn ra khắp nơi trên đất nước, từ thành thị đến nông thôn. Có nhóm người vùi đầu vào sách Tứ thư, Ngũ kinh để tìm chỗ dựa tinh thần trong các học thuyết của Khổng - Mạnh, Lão - Trang. Có người tìm an ủi ở các tư tưởng triết học cổ điển của các nhà triết học Platôn, Aristot, Đêcátơ... Có người đắm mình trong ánh hào quang hư ảo, viễn vông của tôn giáo; một số trí thức, văn nghệ sĩ đã sáng tác nghệ thuật theo các trường phái lãng mạn, siêu thực đầy bí ẩn, cao siêu... Tất cả những nhóm người kể trên, dù đi theo khuynh hướng nào cũng đều thể hiện sự bế tắc, cùng quẫn của xã hội nhà chủ nhân của những tư tưởng đó không có khả năng nhận ra được vai trò của mỗi con người trước họa xâm lăng đang hiện hữu, họ cũng không phân biệt được đúng, sai và không có khả năng nhận ra được tương lai, tiền đồ của đất nước, của dân tộc.

Năm 1943 là năm mà Đảng Cộng sản Đông Dương đã trải qua 13 năm hoạt động kiên cường, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, tổ chức Đảng đã được hình thành ở hầu hết các vùng đô thị, nông thôn, miền núi... số lượng đảng viên ngày càng đông đảo và uy tín của Đảng ngày càng phát triển ở các tầng lớp dân chúng. Điều đặc biệt là từ năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc kính yêu đã trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam sau 30 năm bôn ba khắp năm châu tìm đường cứu nước. Khi đó, vào năm 1943, mặc dù uy tín của Đảng ngày càng sâu rộng nhưng chúng ta chưa giành được chính quyền từ tay bọn đế quốc, phong kiến. Do vậy, Đảng ta phải tìm ra cách thức để giác ngộ, thức tỉnh mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ và tập hợp họ lại trong một đội ngũ, hướng họ vào con đường đấu tranh cách mạng vẻ vang của dân tộc.

## **2. Ý nghĩa cách mạng và tầm ảnh hưởng của bản “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

Đề cương văn hóa năm 1943 của Đảng là một công trình khoa học dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để phân tích tình hình thực

tế ở Việt Nam và trên thế giới. Đề cương văn hóa đã phát hiện ra quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam một cách chính xác ngay trong giai đoạn lịch sử đó và cả tầm nhìn lâu dài về sau trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở những bối cảnh lịch sử có những biến đổi. Đề cương văn hóa còn là một cương lĩnh chính trị của Đảng, có tính chiến đấu cao, nhấn mạnh đến vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự vận động, phát triển của xã hội, đồng thời phân tích một cách sâu sắc, thuyết phục mối quan hệ giữa cách mạng văn hóa và cách mạng chính trị, giành chính quyền về tay nhân dân.

Bản Đề cương văn hóa đã đặt nền móng cho sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới và định hướng chiến lược cho văn hóa Việt Nam vững bước phát triển trong một thời gian dài, phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng. Trong Đề cương văn hóa xác định cách mạng văn hóa là một bộ phận của cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới có thể hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội; phải thực hiện quyền làm chủ của nhân dân về văn hóa mới xây dựng được nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa.

Đề cương văn hóa đã nêu ra quan điểm cơ bản về cách mạng văn hóa, chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa. Trong đó, cách mạng chính trị phải đi trước, mở đường cho hai cuộc cách mạng kinh tế và văn hóa phát triển. Đồng thời các cuộc cách mạng về kinh tế và văn hóa có tác dụng hỗ trợ, củng cố và khẳng định những thành tựu của cuộc cách mạng chính trị đã đạt được.

Trong cương lĩnh này, Đảng ta đã xác định một cách rõ ràng mối quan hệ khăng khít giữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc với nhiệm vụ giải phóng tư tưởng, văn hóa và mở đường cho văn hóa Việt Nam phát triển một cách tự chủ, tiến bộ.

Đề cương văn hóa đã khẳng định: Để cho cuộc cách mạng văn hóa thành công, góp phần vào công cuộc cải tạo xã hội, đưa cách mạng Việt Nam đi lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, phải đặt cách mạng văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng, bởi vì chỉ có Đảng mới đại diện cho giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, bảo đảm cho sự thắng lợi cuối cùng của cách mạng giải phóng dân tộc. Điều đó đã được thực tế 80 năm qua chứng minh rằng: cách mạng văn hóa gắn liền với cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong Đề cương này còn xác định văn hóa là một mặt trận đấu tranh giai cấp quyết liệt, muốn cho cách mạng văn hóa thắng lợi phải tiến hành đồng thời cách mạng văn hóa với cách mạng kinh tế và chính trị. Trong cuộc đấu tranh giai cấp đó, trí thức văn nghệ sĩ phải không ngừng nâng cao lập trường giai cấp, nâng cao ý thức giác ngộ cách mạng, có trình độ chuyên môn học thuật cao, phát hiện và kiên quyết đấu tranh chống lại các trào lưu tư tưởng, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, các học thuyết phản động, phản khoa học, các âm mưu thủ đoạn chống phá cách mạng do bọn Pháp - Nhật đề ra, nhằm bảo vệ sự đúng đắn của đường lối cách mạng Việt Nam, bảo vệ sự trong sáng của nền văn hóa dân tộc Việt Nam.

Ba nguyên tắc vận động của cuộc cách mạng văn hóa mới Việt Nam được phân tích và khẳng định trong bản Đề cương văn hóa là: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”. Ba nguyên tắc này có quan hệ khăng khít với nhau và có giá trị định hướng, soi đường cho sự phát triển lâu dài của văn hóa Việt Nam.

Nguyên tắc “dân tộc hóa” đã hướng mọi hoạt động của giới trí thức, văn nghệ sĩ và toàn dân vào việc bảo tồn, xây dựng một nền văn hóa độc lập, với những bản sắc độc đáo của một dân tộc có truyền thống văn hóa lâu đời ở phương Đông. Trong cuộc cách mạng này, chúng ta cần phải kiên quyết vạch trần và đấu tranh chống lại những tư tưởng sùng ngoại, tư tưởng lai căng, coi thường nền văn hóa dân tộc dưới mọi màu sắc.

Nguyên tắc “đại chúng hóa” đã hướng trí thức, văn nghệ sĩ và mọi tầng lớp nhân dân vào những hoạt động có ích, phục vụ nhân dân lao động. Bởi vì đó là lực lượng cách mạng đông đảo và đó cũng chính là những người làm nên lịch sử, góp phần tạo nên những tác phẩm văn học nghệ thuật bất hủ. Chỉ khi nào cách mạng văn hóa hướng tới quần chúng nhân dân để phản ánh, phục vụ và thực hiện trọn vẹn quyền làm chủ của nhân dân lao động về văn hóa thì nền văn hóa xã hội chủ nghĩa mới được khẳng định và trở thành hiện thực.

Nguyên tắc “khoa học hóa” khẳng định hướng đi đúng đắn, hợp quy luật phát triển văn hóa của văn hóa Việt Nam, giúp cho văn hóa Việt Nam nhanh chóng thoát ra khỏi tình trạng lạc hậu, mê tín; đấu tranh thắng lợi với các trào lưu văn hóa phản động, văn hóa phong kiến và văn hóa thực dân mới. Nguyên tắc này đã mở đường cho văn hóa Việt Nam phát triển một cách tự chủ, tiến bộ, đúng hướng. Vừa có tính dân tộc, vừa có tính quốc tế, tính nhân

loại và hiện đại để đưa văn hóa Việt Nam phát triển lên tầm cao mới, hội nhập với nền văn hóa khu vực và thế giới mà vẫn giữ vững được bản sắc riêng của văn hóa dân tộc Việt Nam.

\*

\* \*

Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 là cương lĩnh chính trị, là ngọn đuốc soi đường cho cách mạng Việt nam về văn hóa. Trên cơ sở phản ánh đúng thực tiễn xã hội lúc đó, dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin mà Đề cương văn hóa đã chỉ ra những nguyên tắc khoa học và cách mạng nên đã tạo ra sức mạnh tinh thần to lớn trong nhân dân. Từ đó tác động, ảnh hưởng tích cực đến việc tập hợp được đông đảo các tầng lớp dân chúng ủng hộ, đi theo cách mạng, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần tạo nên sức mạnh của văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam, góp phần vào sự thành công rực rỡ của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tinh thần khoa học và tính chiến đấu của Đề cương văn hóa tiếp tục được duy trì và tỏa sáng, có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến trí thức, văn nghệ sĩ và toàn dân ta, ngay cả trong xã hội hiện nay với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.



## VỀ CÁC NGUYÊN TẮC VẬN ĐỘNG VĂN HÓA TRONG “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”

TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG\*

1. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời cách đây 80 năm. Đây được coi như tuyên ngôn đầu tiên của Đảng ta trong lĩnh vực văn hóa, bởi trước đó, dù ít nhiều thể hiện quan điểm về văn hóa, vai trò của văn hóa, song chưa có một văn bản chính thức nào của Đảng ta đề cập một cách hệ thống các vấn đề liên quan đến văn hóa, nền văn hóa Việt Nam từ lịch sử đến hiện tại và tương lai. Đồng thời, từ khi ra đời đến nay, những tư tưởng của Đảng về văn hóa Việt Nam thể hiện trong Đề cương là định hướng quan trọng cho sự phát triển nền văn hóa Việt Nam sau này.

Với tư cách là bản đề cương, Đề cương văn hóa được trình bày ngắn gọn, khoảng hơn 1.400 từ, bao gồm 5 phần, đó là cách đặt vấn đề, lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam, nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp, vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam, nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam. Dù ngắn gọn, nhưng Đề cương đã trình bày một cách hệ thống cách hiểu về văn hóa, quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; thái độ của Đảng Cộng sản Đông Dương (tên gọi Đảng ta lúc đó) đối với vấn đề văn hóa, đó là mặt trận văn hóa - một trong ba mặt trận mà ở đó người cộng sản phải hoạt động, có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả. Đề cương chỉ rõ các giai đoạn trong lịch sử văn hóa Việt Nam, tính chất của văn hóa Việt Nam hiện tại; rằng phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành

---

\* Vụ Khoa học xã hội, nhân văn và tự nhiên, Bộ Khoa học và Công nghệ.

được cuộc cải tạo xã hội, cách mạng muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công...<sup>1</sup>. Trên cơ sở đó, Đề cương đã chỉ ra ba nguyên tắc vận động văn hóa nước Việt Nam giai đoạn này: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa.

Có thể thấy, việc đề xuất ba nguyên tắc vận động văn hóa trong thời gian này có giá trị quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người ở nước ta thời kỳ đó và có giá trị hiện thời trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

*Thứ nhất*, kể từ khi xâm lược nước ta năm 1858, đồng thời với việc khai thác thuộc địa, bóc lột nhân dân ta với những “sưu cao, thuế nặng”, khiến đời sống của nhân dân lầm than, thực dân Pháp và sau này là phát xít Nhật đã thực hiện chính sách ngu dân với đồng bào ta cho dễ bề cai trị. Rất ít người Việt Nam được đến trường, biết chữ; đời sống kinh tế khốn khó và đời sống tinh thần thì lại càng là điều xa xỉ. Các thiết chế văn hóa, nhà hát, câu lạc bộ, khu vui chơi... chỉ để dành cho tầng lớp cai trị. Với thực dân Pháp, một mặt, chúng đàn áp các nhà văn hóa cách mạng dân chủ chống phát xít; mặt khác, chúng mua chuộc, hăm dọa các nhà văn hóa, truyền bá văn hóa trung cổ, văn hóa ngu dân... Với phát xít Nhật, chúng tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á, gây ra một quan niệm cho rằng người Nhật là cứu tinh của giống da vàng và văn hóa Nhật Bản chiếu rọi những tia sáng văn minh, tiến bộ cho các giống nòi Đại Đông Á, phô trương và giới thiệu văn hóa Nhật Bản, đàn áp các nhà văn chống Nhật...<sup>2</sup>.

*Thứ hai*, thời điểm năm 1943, Việt Nam là thuộc địa nửa phong kiến. Với chính sách cai trị của thực dân Pháp, Việt Nam là quốc gia có nền sản xuất lạc hậu, phương thức sản xuất chậm phát triển, khoa học - kỹ thuật hầu như chưa được cơ giới hóa, chưa bắt kịp được với trình độ khoa học - kỹ thuật trên thế giới thời kỳ đó. Việc đa số người dân không được đến trường cùng với chính sách ngu dân của thực dân Pháp dẫn đến lối sống của đa số nhân dân còn

---

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316-318, 317-318.

ảnh hưởng bởi phong tục, tập quán lạc hậu; một số người dân vẫn còn tin vào ma quỷ, bùa chú<sup>1</sup>...

*Thứ ba*, kể từ khi bị xâm lược, các phong trào và các cuộc khởi nghĩa đấu tranh chống thực dân Pháp, giải phóng đất nước nổ ra khắp nơi trên đất nước ta, như phong trào Cần vương, phong trào Đông du, phong trào Duy tân, Đông Kinh nghĩa thực, các cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám... Các phong trào và các cuộc khởi nghĩa này được thực hiện bởi các phương thức khác nhau, như khởi nghĩa vũ trang, vận động văn hóa (cử người đi nước ngoài học, mở trường dạy học,...) đều thất bại. Nguyên nhân thì có nhiều, song một trong những nguyên nhân thất bại của các phong trào đó là chưa thấy được mối liên hệ chặt chẽ giữa văn hóa và chính trị, cách mạng văn hóa với cách mạng chính trị trong hoạt động.

Trong bối cảnh này, việc đề ra ba nguyên tắc vận động văn hóa Việt Nam: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa đã chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập, chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa quần chúng, chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ<sup>2</sup>; đồng thời, làm cho văn hóa Việt Nam thấm vào lối sống của mỗi người, làm cho mỗi người dân tự hào về nền văn hóa dân tộc, tăng thêm sức mạnh để mỗi người dân đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, xây dựng và phát triển đất nước, nền văn hóa mới Việt Nam; làm cho nền văn hóa phát triển trên cơ sở khoa học, xóa bỏ những tập tục lạc hậu, tiếp thu và xây dựng đời sống văn hóa mới; làm cho mỗi người đều được đến trường, được hưởng đời sống văn hóa tinh thần, tiếp cận được nhiều giá trị văn hóa của thế giới.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các nguyên tắc vận động dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa góp phần không nhỏ trong việc tập hợp quần chúng nhân dân, các tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ, đấu tranh giành độc lập, tự do cho đất nước trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đã khẳng định

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.23 (Tác phẩm: “Bản án chế độ thực dân Pháp” của Nguyễn Ái Quốc).

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.319.

vai trò quan trọng của Đảng ta trong lãnh đạo, chỉ đạo tập hợp lực lượng, đấu tranh cách mạng, khẳng định nhân quan của Đảng khi gắn cách mạng chính trị với cách mạng văn hóa, vai trò của cách mạng văn hóa nói chung, vai trò của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* nói riêng trong tập hợp lực lượng, thu hút quần chúng. Nó cũng cho thấy, sự thất bại của các phong trào yêu nước và các cuộc khởi nghĩa trước đó không chỉ không có một hệ tư tưởng tiên tiến lãnh đạo, chỉ đạo - hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa cách mạng chính trị và cách mạng văn hóa. Làm cách mạng chính trị mà không được đông đảo quần chúng nhân dân - những người sáng tạo ra lịch sử - ủng hộ thì khó thành công. Cách mạng chính trị cũng khó thành công nếu tư tưởng về cuộc cách mạng chưa được thông suốt trong lực lượng thực hiện...

Không chỉ có vai trò trong cách mạng giải phóng dân tộc, sau khi đất nước độc lập năm 1945, ba nguyên tắc vận động văn hóa đóng góp cho việc nâng cao dân trí, xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu; nhiều tác phẩm âm nhạc, văn học, mỹ thuật ra đời, phục vụ cho nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân. Văn hóa đã thâm nhập vào các hoạt động lao động, sản xuất, chiến đấu, thành các phong trào văn hóa như văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa, phong trào bình dân học vụ... Theo đó, trong một năm, từ tháng 8/1945 đến tháng 8/1946, phong trào bình dân học vụ đã dạy cho hơn 2,5 triệu người biết chữ, phát triển được gần 96.000 giáo viên, mở được gần 75.000 lớp học<sup>1</sup>. Trong thời gian này, nhiều nhà khoa học, nhà văn hóa, văn nghệ sĩ..., cả trong nước lẫn từ nước ngoài về, theo tiếng gọi của Tổ quốc, đã đóng góp không nhỏ cho việc xây dựng và bảo vệ đất nước, như Nam Cao, Trần Đại Nghĩa, Lương Định Của, Đặng Văn Ngữ, Nguyễn Như Kon Tum...

Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với ba nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa, văn hóa Việt Nam đã góp phần quan trọng trong đấu tranh giải phóng dân tộc; đồng thời, góp phần quan trọng trong xây dựng đất nước trong thời gian trước, trong và sau năm 1945.

---

1. Dẫn theo Khánh Văn: “Bình dân học vụ, bài học làm cách mạng giáo dục hiệu quả mà không tốn kém”, Báo *Giáo dục điện tử*, cập nhật ngày 8/9/2017, <https://giaoduc.net.vn/binh-dan-hoc-vu-bai-hoc-lam-cach-mang-giao-duc-hieu-qua-ma-khong-ton-kem-post179534.gd>.

2. Được viết cách đây 80 năm, Đề cương không thể tránh được những giới hạn của lịch sử và nội hàm của ba nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa được đề ra trong Đề cương cũng như vậy. Nhưng tinh thần từ ba nguyên tắc vận động văn hóa thể hiện trong Đề cương, cũng như những thành công trong thực hiện Đề cương trong đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, cho đến nay vẫn còn có giá trị trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Có thể thấy, kể từ khi thực hiện đường lối đổi mới năm 1986 đến nay, văn hóa Việt Nam có sự phát triển mạnh mẽ. Nhận thức về văn hóa và vai trò của văn hóa của các tầng lớp nhân dân ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn. Các sản phẩm văn hóa cũng ngày càng nhiều, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhân dân. Các thiết chế văn hóa được chú trọng xây dựng trên khắp cả nước, đáp ứng nhu cầu học tập, giải trí của nhân dân. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn, phát huy. Đồng thời, tinh hoa văn hóa thế giới cũng được tiếp thu. Việc phê phán, đấu tranh, đẩy lùi cái xấu, cái lạc hậu, các quan điểm, hành vi gây hại đến văn hóa được chú trọng<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, bên cạnh những khía cạnh tích cực, nền văn hóa Việt Nam vẫn có những khía cạnh tiêu cực.

*Một là*, văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị. Các sản phẩm văn hóa nhiều, nhưng chưa có nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có tầm vóc, có tác dụng tích cực đến đời sống xã hội.

*Hai là*, vấn đề bất công bằng trong hưởng thụ văn hóa. Thiết chế văn hóa dù được xây dựng nhiều, nhưng chưa đạt so với chỉ tiêu. Theo đó, tính đến hết tháng 8/2022, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý có 66 thiết chế văn hóa cấp tỉnh (trung tâm văn hóa, trung tâm văn hóa, nghệ thuật, trung tâm văn hóa - điện ảnh, trung tâm thông tin - triển lãm...); 674/704 quận, huyện có trung tâm văn hóa - thể thao hoặc nhà văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 96%; 8.217/10.599 xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa - thể thao, đạt tỷ lệ 76,8%, trong đó có 5.625/8.158 đạt chuẩn (tỷ lệ 68,9%); 77.380/98.455 làng, thôn, bản, ấp... có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.64-65.

khoảng 77%, trong đó có 44.836/77.380 đạt chuẩn (tỷ lệ 58%)<sup>1</sup>. Đồng thời, sự phân bố các thiết chế văn hóa chưa đồng đều. Khu vực thành thị, vùng đồng bằng thì số lượng các thiết chế văn hóa nhiều hơn so với khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Số lượng sách, báo được xuất bản nhiều, nhưng sách khoa học, sách nghiên cứu, sách dành cho trẻ em còn thiếu. Khả năng tiếp cận sách, báo đối với trẻ em khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa còn hạn chế. Tất cả những điều này dẫn đến sự công bằng trong hưởng thụ văn hóa giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các khu vực khác nhau trong cả nước.

*Ba là*, vấn đề phục cổ và đề cao yếu tố văn hóa nước ngoài. Có thể thấy, do tác động của toàn cầu hóa, không chỉ những cái hay, cái đẹp trong văn hóa được tiếp thu, mà cả những cái xấu, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục cũng được tiếp nhận. Một bộ phận nhân dân có tâm lý sùng ngoại, cho rằng cái gì của nước ngoài cũng là tốt, là đẹp. Một bộ phận khác thì lại có xu hướng phục cổ, mê tín dị đoan... Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII của Đảng đã nhận xét: “Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ... đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp... Nạn mê tín dị đoan khá phổ biến. Nhiều hủ tục cũ và mới lan tràn, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội... Nhiều biểu hiện tiêu cực trong lĩnh vực *giáo dục, đào tạo* làm cho xã hội lo lắng như sự suy thoái đạo lý trong quan hệ thầy - trò, bè bạn, môi trường sư phạm xuống cấp; lối sống thiếu lý tưởng, hoài bão, ăn chơi, nghiện ma túy... ở một bộ phận học sinh, sinh viên; việc coi nhẹ giáo dục đạo đức, thẩm mỹ và các bộ môn chính trị, khoa học xã hội và nhân văn”<sup>2</sup>.

Trong bối cảnh này, vận dụng nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, trong chừng mực nhất định, sẽ giải quyết được các vấn đề trên. *Một là*, vận dụng nguyên tắc khoa học

1. “Duy trì và bảo đảm hiệu quả thiết chế văn hóa cơ sở”, Trang Thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ngày 20/10/2022, <https://bvhttdl.gov.vn/duy-tri-va-bao-dam-hieu-qua-thiet-che-van-hoa-co-so-20221019104020957.htm>.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.46-47.

hóa để có sự đánh giá đúng đắn, chính xác những vấn đề văn hóa Việt Nam, trên cơ sở đặc điểm dân tộc, sự phát triển đất nước, chúng ta sẽ quyết định kế thừa yếu tố nào trong văn hóa truyền thống, tiếp thu văn hóa nào trong văn hóa nhân loại, loại bỏ những yếu tố lạc hậu nào trong văn hóa truyền thống, yếu tố ngoại lai nào không phù hợp để nền văn hóa phát triển đúng hướng. *Hai là*, nguyên tắc đại chúng hóa được vận dụng sẽ làm cho mọi người dân đều được quan tâm, chú trọng trong các hoạt động sản xuất, phân phối, tiêu dùng sản phẩm văn hóa. Các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, khi sáng tạo các tác phẩm văn học nghệ thuật lấy lợi ích văn hóa của quần chúng nhân dân làm mục tiêu sáng tạo; xa rời mục tiêu này, sản phẩm này cần phải xem lại. Nguyên tắc này cũng giúp thu hẹp sự bất bình đẳng trong hưởng thụ văn hóa, làm cho mọi người dân đều được tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ văn hóa một cách công bằng, bình đẳng giữa các vùng miền, khu vực trong cả nước, giữa các loại hình sản phẩm văn hóa. Nguyên tắc này cũng cho thấy, mọi người dân đều có quyền sáng tạo và hưởng thụ văn hóa. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, nguyên tắc đại chúng hóa không chỉ là sự “phổ cập” cho số đông, mà là nâng tầm của cái phổ cập lên cái tinh hoa. *Ba là*, nguyên tắc dân tộc hóa được vận dụng cho phép văn hóa Việt Nam giữ được bản sắc văn hóa trong quá trình hội nhập, toàn cầu hóa, tránh được sự lai căng, mất gốc, hội nhập nhưng không hòa tan. Xa rời nguyên tắc này trong phát triển văn hóa dẫn đến hiện tượng sùng ngoại, lai căng, mất gốc, dễ bị “xâm lăng văn hóa”, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, an toàn văn hóa quốc gia, bởi: “Văn hóa là *hồn cốt* của dân tộc, nói lên *bản sắc* của dân tộc. *Văn hóa còn thì dân tộc còn*”<sup>1</sup>. Đánh mất bản sắc văn hóa thì có nghĩa là đánh mất vai trò nội sinh, động lực tinh thần quan trọng trong phát triển đất nước. Tuy nhiên, nguyên tắc này cũng xa lạ với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, lắp ghép văn hóa bên ngoài vào nước mình mà không chú ý đến đặc điểm quốc gia, dân tộc.

Ở đây, cần phải thấy rằng, nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa có mối quan hệ biện chứng với nhau. Một nền văn hóa có tính dân tộc mà không có tính khoa học và đại chúng thì nền văn hóa sẽ mang tính dân tộc

---

1. Nguyễn Phú Trọng: “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Tạp chí *Cộng sản*, số 979 (tháng 12/2021), tr.3.

hẹp hòi, lạc hậu nhanh chóng. Nhưng một nền văn hóa chỉ có tính khoa học và đại chúng mà không có tính dân tộc thì sẽ trở nên lai căng, mất gốc và một nền văn hóa có tính đại chúng mà không có tính dân tộc, khoa học thì sẽ trở nên mất phương hướng, hỗn loạn, không có định hướng phát triển.

Như vậy, trong xây dựng nền văn hóa ở nước ta hiện nay, có thể nội hàm cũng như tên ba nguyên tắc này không còn được giữ nguyên, song tinh thần của ba nguyên tắc này thể hiện trong Đề cương vẫn được kế thừa, phát huy và phát triển. Đó là cần xây dựng một nền văn hóa mang bản sắc riêng của Việt Nam, một nền văn hóa vì con người, dành cho mọi người trên nền tảng của cái đúng, cái tốt, cái đẹp. Điều đó cho thấy sức sống mãnh liệt, giá trị bền vững của ba nguyên tắc vận động văn hóa nói riêng và *Đề cương về văn hóa Việt Nam* nói chung trong tiến trình phát triển văn hóa Việt Nam nhằm xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.



## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943: “DÂN TỘC HÓA” VỚI VAI TRÒ KIẾN TẠO CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

TS. VŨ ANH TÚ\*

Năm 1943 được đánh dấu là một mốc son lịch sử của ngành văn hóa Việt Nam với sự ra đời của văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ, đó là bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (từ đây gọi tắt là Đề cương) do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (25-28/2/1943). Tuy ngắn gọn, súc tích nhưng với phương pháp tiếp cận khoa học, bản Đề cương đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam và bao trùm đầy đủ hệ thống các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc “trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup> với những luận điểm nổi bật: *Một là*, xác định rõ nội dung, phạm vi, vị trí, vai trò của văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) của cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. *Hai là*, cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng lãnh đạo. *Ba là*, để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta phải nắm vững ba nguyên tắc vận động, đó là: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”. *Bốn là*, để đặt nền móng và định hướng xây dựng một nền văn hóa cách mạng mới, bên cạnh việc cần phải chống lại những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm thì cần triệt để phát huy văn hóa dân chủ<sup>2</sup>.

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Trường Chinh: “Bài phát biểu trong lễ kỷ niệm lần thứ 40 Đề cương về văn hóa Việt Nam”, in trong *Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.

2. Xem “Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943”, in trong *50 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Hà Nội, 1995.

Với chủ trương đúng đắn trong xây dựng đường lối văn hóa mới để tiến hành cách mạng văn hóa, có thể khẳng định Đề cương về văn hóa năm 1943 là văn kiện đặt nền móng, mở đường cho việc xây dựng lý luận văn hóa cách mạng ở Việt Nam, tạo cơ sở lý luận cho sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa sau này. Trong suốt 80 năm qua, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, nhiều luận điểm quan trọng của Đề cương đã được Đảng ta kế thừa, bổ sung, phát triển để củng cố và hoàn thiện lý luận về nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần xây dựng các giá trị văn hóa Việt Nam hướng tới phát triển bền vững đất nước.

Trong khuôn khổ của bài tham luận trong Hội thảo kỷ niệm 80 năm ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943-2023)*, chúng tôi đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu về nguyên tắc *Dân tộc hóa*, một trong ba nguyên tắc cơ bản của bản Đề cương với vai trò kiến tạo nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và các giá trị văn hóa Việt Nam đương đại, nền tảng cho phát triển bền vững đất nước.

### **Nguyên tắc “dân tộc hóa” trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời trong bối cảnh đầu những năm 40 của thế kỷ XX, vào lúc tình thế cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản đang hết sức cam go. Trên thế giới, Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra, Nhật xâm chiếm Đông Dương, chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức; ở Việt Nam tình thế đất nước vô cùng nguy cấp, căng thẳng khi phải đương đầu với những thủ đoạn thâm độc của phát xít Nhật, thực dân Pháp và khuynh hướng cải lương, bi quan, bế tắc của trào lưu lãng mạn trong nước lúc bấy giờ. Sự ra đời của bản Đề cương như một ngọn đuốc soi rọi cho con đường cách mạng văn hóa dân tộc, chỉ rõ được mối quan hệ giữa cách mạng chính trị và cách mạng văn hóa, chỉ lối và định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động văn hóa, văn nghệ cho toàn Đảng, toàn dân và cuộc đấu tranh cách mạng ở Việt Nam thời điểm ấy. Đề cương văn hóa chủ trương xây dựng văn hóa mới Việt Nam (bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật) với việc xác định rõ 3 nguyên tắc (mà sau này vẫn được nhiều người gọi là phương châm, hoặc tính chất): “dân tộc hóa”,

“đại chúng hóa” và “khoa học hóa”, nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta; trong đó, “dân tộc hóa” là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. “Đại chúng hóa” là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng. “Khoa học hóa” là chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Ba nguyên tắc trên là những định hướng đúng đắn và kịp thời cho các nhu cầu cấp thiết nổi lên trong một thời điểm trọng đại của lịch sử khi đặt yêu cầu đặt nền móng xây dựng một nền văn hóa cách mạng mới trên cơ sở của một hình thái kinh tế - xã hội mới, độc lập và tự chủ; coi con người phải là trung tâm, là chủ thể của các hoạt động văn hóa và biết bảo tồn, chắt lọc những nét đẹp truyền thống dân tộc, chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái bộ, nô dịch, ngu dân cũng như những cái cũ kĩ, lạc hậu, dị đoan...

Có thể nói, khi cuộc cách mạng giành độc lập dân tộc đang trở thành vấn đề cấp thiết số một thì việc xác định mục tiêu chống mọi ảnh hưởng nô dịch của các yếu tố văn hóa ngoại lai, thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập trở thành một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu. Ở vào thời điểm những năm 40 của thế kỷ XX khi mà vận mệnh đất nước đang lâm nguy, nền văn hóa đất nước đang mất phương hướng, dân chúng đang lâm than rên xiết trước sự áp bức, bóc lột của phát xít Nhật, thực dân Pháp và giới trí thức đang bị lung lay trước sự “khai hóa văn minh” của phương Tây thì nguyên tắc “dân tộc hóa” với hàm ý văn hóa dân tộc cần phát triển độc lập, vừa tìm mọi cách để chống lại ảnh hưởng nô dịch, vừa khuyến khích dân chúng kế thừa và khẳng định những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc là một nguyên tắc tích cực, tiến bộ và có ý nghĩa lớn lao, góp phần đưa văn hóa trở về với đại chúng. Đây thực sự là một sự thay đổi tận gốc, là cuộc cách mạng nhằm hướng đến một đất nước có chủ quyền và có một nền văn hóa tự thân, độc lập với một bản lĩnh vững vàng chứ không phải là một xu hướng cải cách mang tính cải lương. Thực chất với việc nêu “Dân tộc hóa” là nguyên tắc đầu tiên, gắn nó với cuộc cách mạng giành độc lập cho đất nước, Đề cương đã coi đó như là nhiệm vụ hàng đầu của văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ, mở đường cho việc đưa văn hóa tiến sát với đời sống người dân, làm cho nó hữu ích, thiết thực với quảng đại quần chúng, trở thành nền văn

hóa cho những người con dân đất Việt - nền văn hóa của nhân dân, vì nhân dân và phục vụ nhân dân.

Trên thực tế, các giá trị dân tộc được hình thành, tồn tại và phát triển trong một thời gian dài, liên tục được bổ sung đổi mới trong từng thời kỳ lịch sử, phù hợp với điều kiện và sự phát triển tương ứng của các hình thái xã hội. Nếu như văn hóa được nhìn nhận là sự biểu thị những giá trị của một xã hội, thì tính dân tộc được hiểu là sự biểu thị của những giá trị đặc trưng, được hình thành từ những đặc thù của điều kiện lịch sử, địa lý và thiên nhiên sinh tồn đã sản sinh nền văn hóa ấy. Bởi thế, khi nói đến tính dân tộc là nói đến những gì thuộc về bản chất. Chính vì vậy, khi đặt những viên gạch đầu tiên cho nền văn hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với việc xác định nền văn hóa mới Việt Nam là nền văn hóa “có tính dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung”<sup>1</sup>, Đề cương đã cho thấy sự đúng đắn và hoàn toàn phù hợp với quy luật vận động và phát triển của văn hóa. “Dân tộc hóa” trong Đề cương đã thể hiện tư tưởng lớn của Đảng về văn hóa Việt Nam trong giai đoạn lịch sử ấy. Dân tộc hóa, đó là đề cao tinh thần dân tộc, giữ gìn, phát huy và tôn vinh những giá trị truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc. Dân tộc hóa, đó là làm cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập, không phụ thuộc và thậm chí mang ý nghĩa chống lại mọi sự nô dịch và đồng hóa của văn hóa nước ngoài. Dân tộc hóa, đó là sự chủ động tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, biến cái hay, cái đẹp của nhân loại thành cái hay, cái đẹp của dân tộc, đất nước mình.

Có thể nói, ở thời điểm ra đời tuy mới chỉ là một bản phác thảo những nội dung chính, mang tính định hướng về các vấn đề như mục tiêu cứu quốc, tập hợp lực lượng để giành độc lập dân tộc, làm cách mạng xã hội rồi mới làm cách mạng văn hóa,... nhưng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* không chỉ nêu ra những yêu cầu vừa tầm, phù hợp và có hiệu quả rất lớn trên mặt trận văn hóa, tư tưởng ở thời điểm ấy mà nó đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh cứu quốc và góp phần phục hưng dân tộc. Kể cả trong giai đoạn nhiều năm sau đó, tinh thần khai phóng với ba nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học ấy vẫn còn nguyên giá trị, góp phần đặt nền tảng cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam

---

1. “Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943”, in trong *50 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam, Tlđđ*, tr.11.

từ bấy đến nay cũng như kiến tạo nên các giá trị văn hóa đương đại trong thời đại mới.

**“Dân tộc hóa” với vai trò kiến tạo các giá trị văn hóa Việt Nam đương đại, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

Kể từ khi ra đời cho đến nay, trong lịch sử suốt 80 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng, những tư tưởng mang tâm thời đại của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 tiếp tục được phát triển, mở rộng trong những văn kiện quan trọng của Đảng về văn hóa Việt Nam sau này qua nghị quyết của các kỳ đại hội, nghị quyết chuyên ngành về văn hóa, văn học, nghệ thuật,... nhờ đó đã đem lại được những thành quả đáng tự hào của văn hóa Việt Nam hiện nay. Cùng với sức sống mãnh liệt của các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, “dân tộc hóa” giờ đây đã không còn là một trong 3 nguyên tắc được nêu trong Đề cương mà đã ăn sâu, bén rễ và trở thành một phần máu thịt của văn hóa Việt Nam.

Nhất quán với giá trị tư tưởng, quan điểm, đường lối phát triển văn hóa dân tộc của Đề cương nhưng để phù hợp hơn với điều kiện của từng giai đoạn lịch sử cũng như vai trò rộng lớn, bao quát của văn hóa, Đảng đã mở rộng cách nhìn, xác định các nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học, trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới - nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Trong đó, đặc biệt “dân tộc hóa” được coi như một nguyên tắc bất biến trong sứ mệnh lãnh đạo cuộc cách mạng văn hóa, góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững đất nước. Trong từng giai đoạn lãnh đạo đất nước thực hiện yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, kháng chiến thành công; xây dựng đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và thống nhất đất nước; cách mạng xã hội chủ nghĩa; xây dựng kinh tế trong thời kì quá độ; phấn đấu “tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân”... tính chất của “dân tộc hóa” đã vượt qua cách hiểu gắn với yêu cầu cụ thể của một giai đoạn lịch sử cụ thể của bản Đề cương năm 1943, mà được đặt trong toàn bộ tiến trình lịch sử của đời sống xã hội và con người Việt Nam. Nguyên tắc “dân tộc hóa” của Đề cương lúc này trở thành một thành tựu lý luận nền tảng, rất quan trọng, giúp mở ra những cách nhìn sâu hơn, toàn diện hơn, khoa học hơn về vị trí, vai trò của đặc trưng văn hóa và các giá trị truyền thống trong sự nghiệp phát triển nền

văn hóa dân tộc với tinh thần “xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc”<sup>1</sup>. Vì thế, có thể thấy rằng, nguyên tắc “dân tộc hóa” được xác lập trong Đề cương không chỉ có giá trị trong chỉ đạo hoạt động của ngành văn hóa Việt Nam những năm đầu giành độc lập dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới, mà còn có những đóng góp thực sự lớn lao cho cách mạng Việt Nam, góp phần vào xây dựng và củng cố đất nước kể từ khi thống nhất đất nước đến trước đổi mới (1986), và thậm chí hơn thế, nó còn có ý nghĩa đối với việc xây dựng, hoàn thiện lý luận về nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong hành trình khẳng định tên tuổi của Việt Nam trên trường quốc tế.

Kể từ sau đổi mới (1986), Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều đặc điểm khác biệt. Đảng đã nhận thức được phải tiến hành công cuộc đổi mới sâu sắc, toàn diện từ tư duy, nhận thức; thể chế phát triển, đến tổ chức, bộ máy và con người thực hiện, trong đó văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, có vai trò dẫn dắt, điều chỉnh, soi đường cho dân tộc, đất nước đi đến mục tiêu xác định. Trong toàn bộ quá trình đó, những tư tưởng chủ yếu được nêu trong Đề cương tiếp tục được quán triệt và càng ngày được nhấn mạnh hơn, xuyên suốt trong những năm tiếp theo. Điều này được thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng qua các kỳ đại hội, đặc biệt là trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Đây là một nghị quyết chuyên đề, có tầm quan trọng đặc biệt, thể hiện tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược, năng lực sáng tạo, quan điểm hiện đại của Đảng trong thời kỳ đổi mới với tư cách một Đảng lãnh đạo và cầm quyền. Văn kiện mang tính cương lĩnh của Đảng về văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước này đã chỉ rõ năm quan điểm chỉ đạo cơ bản trong quá trình xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa nước ta là: 1- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; 2- Nền văn hóa mà chúng ta đang xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 3- Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất, đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981.

4- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; 5- Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng<sup>1</sup>. Có thể nói năm quan điểm chỉ đạo này là một chỉnh thể thống nhất, trong đó lại một lần nữa, chúng ta thấy “dân tộc” trở thành một trong các giá trị để phát triển văn hóa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Với sự tiếp nối, phát triển luận điểm quan trọng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 về “dân tộc hóa”, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đánh dấu bước tiến quan trọng trong tư duy lý luận, đưa “tính dân tộc” lên một tầm cao mới trong quá trình xây dựng, hoàn thiện lý luận về văn hóa của Đảng, định hướng phát triển văn hóa trong điều kiện đất nước đổi mới, hội nhập quốc tế. Với việc khẳng định quyết tâm xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng đã nhấn mạnh đến giá trị phổ quát, bao trùm của văn hóa Việt Nam, đó là *đặc thù quốc gia - dân tộc*. Dân tộc ở đây là những gì thuộc về bản sắc, đặc trưng, truyền thống quốc gia; dân tộc ở đây cũng mang hàm ý là cái mà quốc gia cần vươn tới, cần đạt được, là mục đích, mục tiêu cao nhất, là khát vọng của Đảng, nhân dân và cả quốc gia.

Như vậy có thể khẳng định, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã thể hiện rõ quan điểm phát triển văn hóa của Đảng, trong đó, tính tiên tiến và bản sắc dân tộc được hòa quyện, gắn bó hữu cơ trong các yếu tố cấu thành của nền văn hóa: bảo đảm tính kế thừa và phát triển, vừa giữ gìn các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời bảo đảm tính mở, tiếp thu tinh hoa của văn hóa nhân loại. Cũng trong Nghị quyết này, nội hàm của tính tiên tiến và bản sắc văn hóa cũng được xác định rõ, phù hợp với mục tiêu, đặc điểm, truyền thống của đất nước trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội. Theo đó, tiên tiến trong văn hóa trước hết là nền văn hóa yêu nước và tiến bộ, một xã hội dân chủ, văn minh tất cả vì con người, vì tự do, hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người được đặt trên cơ sở của hệ tư tưởng chính trị với lý tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Còn bản sắc văn hóa dân tộc, là các giá trị đặc trưng, tiêu biểu phản ánh diện mạo, cốt cách,

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

bản chất riêng của nền văn hóa, là dấu hiệu cơ bản để phân biệt nền văn hóa của dân tộc này với dân tộc khác được hình thành trong mối liên hệ thường xuyên với điều kiện kinh tế, môi trường tự nhiên, thể chế chính trị... trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Bản sắc văn hóa được thể hiện rõ trong truyền thống dân tộc, là các giá trị văn hóa tiêu biểu được trao truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác, được khai thác và phát huy, tiếp tục bồi đắp, tạo nên dòng chảy văn hóa của dân tộc từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” chính là củng cố, làm đậm nét và khẳng định cái đã định hình trong quá khứ và phát triển trong thực tiễn (đậm đà bản sắc dân tộc), đồng thời là những giá trị định hướng cho một nền văn hóa thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, tiến bộ, văn minh, trở thành mục tiêu chung của quốc gia, dân tộc phấn đấu vươn tới, đạt tới (nền văn hóa tiên tiến).

Trong giai đoạn phát triển đất nước từ đầu thế kỷ XXI cho đến nay, chúng ta tiếp tục thực hiện công cuộc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc bằng các nhiệm vụ cụ thể trong giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu những thành tựu và tinh hoa văn hóa nhân loại, hoàn thiện hệ thống giá trị văn hóa Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế... Đặc biệt, nhằm hướng đến tiếp tục phát triển cả chiều sâu, chiều rộng, cũng như không ngừng nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong Cương lĩnh năm 2011, Đảng đã xác định văn hóa trong quan hệ khăng khít với tất cả các thành tố và lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội và của sự phát triển đất nước được kết tinh thành những tính chất: *tiên tiến, dân tộc, nhân văn, dân chủ, tiến bộ*<sup>1</sup>. Đây chính là 5 giá trị cốt lõi của nền văn hóa dân tộc mà Đảng ta quyết tâm chỉ đạo thực hiện vào giai đoạn này. Hay trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, và tiếp theo đó là Văn kiện Đại hội XII (2016), Đảng lại một lần nữa khẳng định nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mà chúng ta xây dựng,

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.75-76.



với bốn đặc trưng có thể hiểu chính là 4 giá trị cốt lõi tạo thành hệ giá trị quốc gia - dân tộc là: *Dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học*. Tư duy lý luận mới của Đảng về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong các văn kiện này một lần nữa làm rõ đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là *dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học*; khẳng định vai trò và các nhiệm vụ có tính toàn diện, sâu sắc, kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại trong xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam phát triển toàn diện.

Trải qua 2 năm 2020-2021 đầy khó khăn, trong bối cảnh đất nước cũng như toàn thế giới đang gánh chịu những tổn thất nặng nề do đại dịch Covid-19 gây ra, với sự nhận thức nhạy bén về tình hình thực tiễn, những dự báo khoa học về tương lai của đất nước và trên hết là khát vọng vực dậy nền kinh tế, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, Đại hội XIII của Đảng đã đề ra mục tiêu, tính chất, nguyên tắc, nhiệm vụ của Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo. Trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp của một dân tộc có nền văn hóa “sâu rễ bền gốc”, tích lũy, chứa đựng nhiều giá trị tinh hoa qua hàng nghìn năm lịch sử nhưng đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới. Trong Nghị quyết này, Đảng ta chỉ rõ: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, tính nhân văn, dân chủ và khoa học; làm cho văn hóa phải thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng, bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh; làm rõ đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học...<sup>1</sup>. Tư duy lý luận mới của Đảng về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong Đại hội XIII đã thể hiện rõ bản lĩnh văn hóa và sự nhạy cảm trước những vấn đề mới nảy sinh trong đời sống văn hóa và xã hội, và cũng là một bước phát triển mới trong quan điểm của Đảng về vai trò và các nhiệm vụ có tính toàn diện, sâu sắc về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, về mối quan hệ giữa

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.145-146.

văn hóa và phát triển, về vai trò to lớn của văn hóa trong phát triển bền vững của đất nước. Đặc biệt, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh sự cần thiết trong việc “xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” bởi “Văn hóa là hồn cốt của Dân tộc, nói lên bản sắc của Dân tộc. Văn hóa còn thì Dân tộc còn...”<sup>1</sup> và coi đó như phương châm chỉ đạo để xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam với các giá trị cốt lõi: Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học trong thời đại mới nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Như vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước và phát triển văn hóa dân tộc, Đảng đã thể hiện rõ năng lực tư duy lý luận và tổng kết thực tiễn trong lãnh đạo sự nghiệp phát triển văn hóa nước nhà. Trong đó nhờ kế thừa triệt để và nhất quán 3 nguyên tắc của Đề cương về văn hóa năm 1943, đặc biệt là “dân tộc hóa”, cùng với sự nỗ lực đổi mới tư duy, bám sát thực tiễn của đất nước và dân tộc, Đảng đã chỉ đạo sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới ở nước ta có tính chiến lược lâu dài của toàn Đảng và toàn dân trong xây dựng và phát triển đất nước, tạo lập những giá trị văn hóa Việt Nam đương đại trở thành những giá trị cốt lõi, những hàng số giúp tạo dựng nên bản sắc dân tộc Việt Nam, đó là:

- Giá trị quốc gia luôn gắn liền với mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát huy cao độ tinh thần dân chủ dựa trên Hiến pháp và pháp luật; đẩy mạnh các giá trị hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc; tôn vinh lý tưởng độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và vị thế đất nước trên tất cả các mặt kinh tế, văn hóa, chính trị;

- Giá trị xã hội được tạo lập trên cơ sở xây dựng một đời sống văn hóa tốt đẹp và tạo lập môi trường xã hội lành mạnh, đề cao tinh thần tự do sáng tạo, giải phóng mọi năng lực sáng tạo của xã hội; và cởi mở, hướng đến sự thống nhất trong đa dạng, làm cho văn hóa thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống, góp phần bảo đảm sự ổn định và lành mạnh xã hội; trang bị những

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.157.

tư tưởng đổi mới phù hợp với bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng hệ giá trị văn hóa trên quan điểm kết hợp hài hòa giữa các giá trị truyền thống và hiện đại, củng cố nội lực văn hóa bằng việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, hướng vào mục tiêu phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, hiện đại trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế;

- Xây dựng giá trị con người trên cơ sở bồi dưỡng lòng yêu nước, ý thức và lòng tự hào dân tộc gắn liền với cội rễ dân tộc, đức hy sinh, lòng dũng cảm; khuyến khích, động viên kích thích ý thức tự hoàn thiện của mỗi cá nhân thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống như ứng xử, giao tiếp, nghiên cứu, học tập, làm việc... phát huy tinh thần tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung nhưng vẫn đẩy mạnh tính tự do cá nhân, tính tự quản và năng lực làm chủ trong đời sống văn hóa; kiên trì đấu tranh chống nguy cơ xói mòn các giá trị văn hóa truyền thống làm suy thoái đạo đức, lối sống của dân tộc..., góp phần tạo chuyển biến rõ rệt về bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trí tuệ người Việt Nam đáp ứng phát triển bền vững đất nước.

\*

\* \*

Mặc dù đã trải qua chặng đường 80 năm, dù thực tế đã thay đổi và nội dung, tính chất, nhiệm vụ, phương thức tổ chức, xây dựng một nền văn hóa mới của văn hóa Việt Nam thời hội nhập đã khác nhưng những định hướng cơ bản về tư tưởng, nội dung và những nguyên tắc của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn còn mang ý nghĩa lớn đối với chúng ta. 80 năm đã trôi qua kể từ ngày Đề cương ra đời, đất nước đã trải qua những đổi thay với những dấu mốc phát triển quan trọng nhưng nhìn lại những quan điểm lớn nhất của Đảng về văn hóa mới thấy hết những minh triết của cách tiếp cận vấn đề, tính thực tiễn và khoa học của những luận điểm được nêu ra trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Và cũng chính những tư tưởng mang tính cải cách ấy, những định hướng đúng đắn ấy đã bám rễ vào đời sống và góp phần kiến tạo nên những giá trị văn hóa Việt Nam đương đại, xây dựng nên văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của ngày hôm nay.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 DƯỚI GÓC ĐỘ LIÊN VĂN HÓA

PGS.TS. NGUYỄN THANH TÚ\*  
ThS. TRỊNH THỊ HẰNG\*\*

Cách đây 80 năm bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương tháng 2/1943. Đề cương đã được nhiều nhà nghiên cứu tập trung làm rõ trên nhiều khía cạnh. Thông qua việc nghiên cứu cách tiếp cận liên văn hóa hiện đại, với những nội dung như tính dân tộc, tính đại chúng, tính khoa học đã được thể hiện trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* bài viết khẳng định giá trị lịch sử, tính vượt trước của Đề cương.

### I- LIÊN VĂN HÓA - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG

Cả thế giới đang bước vào kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, khoa học, y tế,... Là thời của vi điện tử, của kết nối vạn vật, của người máy... con người đứng trước cơ hội được thụ hưởng những thành quả của nền văn minh mới mẻ nhưng cũng phải đối mặt với những thử thách ghê gớm: nạn thất nghiệp, ô nhiễm môi sinh, dịch bệnh... Trước sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế ngày càng lớn, con người càng phải cần đến nhau hơn, để đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ, san sẻ. Do vậy nghiên cứu liên văn hóa được đặt ra như là một nhu cầu tự thân. Đó cũng là một quy luật phát triển của văn hóa nói chung luôn có sự kế thừa, tiếp nối, phát triển và nâng cao.

---

\* Tạp chí Văn nghệ Quân đội.

\*\* Trường Đại học Đại Nam.

Không chỉ là sự tiếp xúc, liên văn hóa chủ yếu là sự xuyên thắm, tương tác, đối thoại lẫn nhau giữa các nền văn hóa, chú ý tới sự phân tích, chọn lựa, hiệu quả giao tiếp, tiếp thu những tri thức mới tạo ra các giá trị văn hóa mới. Về điểm này thì điển cố mà văn chương trung đại hay dùng là một liên văn hóa. Đây không phải là câu chuyện “nệ cổ” hay “sùng ngoại” như từng hiểu một cách cực đoan, hẹp hòi mà là kết quả của một sự giao thoa văn hóa. Vì giao tiếp làm nên văn hóa, cũng đồng thời văn hóa làm nên giao tiếp, do vậy thuật ngữ liên văn hóa (intercultural) thực chất là giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication). Bước vào thời đại toàn cầu hóa, liên văn hóa được mở rộng, khái quát thành trào lưu triết học liên văn hóa (The intercultural philosophy) hướng đến những điểm tương đồng trên nền tảng những khác biệt văn hóa. Là một xu hướng tất yếu, liên văn hóa không chỉ là nhận thức đời sống từ cái nhìn dân tộc, mà đa chiều hơn, hướng đến những giá trị phổ quát, nhân loại, hay được gọi là mẫu số chung của văn hóa toàn cầu.

## II- BA NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC HÓA”, “ĐẠI CHÚNG HÓA”, “KHOA HỌC HÓA” CHÍNH LÀ BA TRỤ CỘT CỦA LIÊN VĂN HÓA

Nhìn một cách chung nhất, liên văn hóa được hình dung như một cây xanh cắm sâu chùm rễ khỏe khoắn vào các mảnh đất truyền thống dân tộc và nhân loại rồi vươn cao lá cành quang hợp ánh sáng tư tưởng của thời đại, nhờ vậy những trái cây tác phẩm của nhà văn hóa đã kết tinh trong nó những giá trị tinh hoa để tỏa ra hương vị tư tưởng đặc sắc. Quá trình ấy chính là liên văn hóa được biểu hiện cụ thể trong từng tác phẩm. Mức độ liên văn hóa đậm nhạt, giàu có, phong phú... khác nhau tùy thuộc vào cái tôi chủ thể nhà văn hóa. Có thể khái quát những điều ấy tương ứng với 3 nguyên tắc: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã đề cập. Cũng có thể hiểu liên văn hóa như cấu trúc một tòa lâu đài có nền móng vững chắc là văn hóa dân tộc (*dân tộc hóa*), cái thân lâu là tư tưởng, tâm hồn, trí tuệ được trở nhiều cửa sổ ngôn ngữ để đón các luồng gió văn hóa bốn phương (*khoa học hóa*), có nhiều cửa chính đón độc giả (*đại chúng hóa*) từ khắp nơi ghé thăm, chiêm ngưỡng, học tập...

### 1. Dân tộc hóa quyết định bản sắc văn hóa

Văn hóa là quá trình kiến tạo mã và giải mã, trong đó biểu tượng là một mã cơ bản, do vậy có một định nghĩa coi văn hóa là sự tập hợp hệ thống các biểu tượng. Tự thân biểu tượng luôn mang một chiều sâu văn hóa, theo thời gian nó được bồi đắp, tích lũy thêm các lớp mã ý nghĩa mới. Là hạt giống của cây văn hóa cổ xưa gieo vào mảnh đất đương đại, nảy mầm, lớn lên cho hoa quả ý nghĩa mới, biểu tượng luôn mang tính truyền thống. Giải mã biểu tượng là một cách tìm về truyền thống. Không am hiểu sâu sắc “mẫu gốc” và hoàn cảnh lịch sử văn hóa, không tri giác tường tận mảnh đất đương đại, không thể tạo ra biểu tượng mới. Thiếu vốn cổ không thể tạo mã và giải được mã. Bác Hồ dạy: “Những người cộng sản chúng ta phải rất quý trọng cổ điển. Có nhiều dòng suối tiến bộ chảy ra từ ngọn núi cổ điển đó. Càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, càng phải coi trọng những truyền thống tốt đẹp của cha ông”<sup>1</sup>. Đây là lý luận - một lý luận mang kinh điển nhưng được mềm mại hóa thành hình tượng: Phải xây dựng một nền văn hóa tiến bộ, hiện đại bắt nguồn từ truyền thống, dựa vào truyền thống. Cũng chính Bác Hồ từng căn dặn các văn nghệ sĩ: “Làm công tác văn nghệ mà không tìm hiểu sâu vốn của dân tộc thì không làm được đâu”<sup>2</sup>.

Như vậy chỉ có văn hóa truyền thống dân tộc mới tạo ra bản sắc, mà trong thời buổi toàn cầu hóa hôm nay bản sắc được coi như là sứ giả trung thành, tin cậy nhất trong việc gắn kết và gắn nối với văn hóa toàn cầu. Về thực chất và trên thực tế văn hóa truyền thống góp phần chủ yếu trong việc làm giàu có cho gia tài văn hóa quốc gia.

Thêm vào đó, với bất kỳ dân tộc nào, trong thời đại mở cửa hội nhập đều phải đối mặt với sự xâm lăng văn hóa. Như một quy luật, chỉ có sức mạnh văn hóa nội sinh mới có thể tạo ra một sức đề kháng đủ mạnh để chống lại sự xâm lăng này. Văn hóa bản địa càng mạnh sẽ biến hại thành lợi, sẽ đồng hóa ngược lại văn hóa ngoại sinh, biến nó thành cái của mình.

1. Trần Dương: *Bác Hồ như chúng tôi đã biết*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2009, tr.166.

2. Lữ Huy Nguyên (sưu tầm, biên soạn): *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995, tr.83.

## 2. “Đại chúng hóa” - Tinh nhân dân vừa là thuộc tính vừa là phẩm chất của văn hóa

Ở bất kỳ thời nào thì quần chúng nhân dân cũng vừa là chủ thể sáng tạo vừa là đối tượng thẩm mỹ, cũng đồng thời là chủ thể tiếp nhận. Vấn đề có ý nghĩa quyết định là quan điểm tư tưởng và thái độ phản ánh của người nghệ sĩ sáng tạo có vì nhân dân, tôn trọng nhân dân hay không. Một tác phẩm có tính nhân dân luôn căn cứ từ hai phương diện cơ bản là nội dung (phản ánh cuộc sống của nhân dân, tâm tư, tình cảm, ước nguyện, quyền lợi... của nhân dân), và hình thức (phù hợp với thị hiếu của dân, được nhân dân ưa thích, trong sáng, giản dị, dễ hiểu...). Kho tàng văn hóa dân gian, những tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao của văn học viết đều có tính nhân dân sâu sắc, trở thành tài sản tinh thần, là vốn quý, là tâm hồn, tình cảm của mỗi dân tộc.

Hiện thực là nguồn gốc của nhận thức. Là một hình thái ý thức nên văn nghệ càng phải cắm sâu vào mảnh đất hiện thực để hút lấy chất dinh dưỡng cuộc đời. Cái đẹp nằm trong cuộc sống, là bản thân cuộc sống. Người nghệ sĩ phải đi tìm cái đẹp trong cuộc sống để khám phá, sáng tạo. Thoát ly hiện thực, nghệ thuật nhất định khô héo. Chỉ có từ đời sống, bắt nguồn từ đời sống mới có thể nảy nở những tài năng. Không có cách nào khác muốn rèn luyện tài năng thì người nghệ sĩ phải trở về cái gốc của nghệ thuật là đời sống nhân dân muôn màu, muôn vẻ. Để phát hiện những năng khiếu, điều kiện cần có của tài năng cũng phải tìm từ đời sống. Trong lịch sử văn hóa nhân loại chưa có thiên tài nghệ thuật nào không được gieo hạt, nảy mầm, bắt rễ, lớn lên, trưởng thành từ cái nôi đời sống. Các cây đại thụ văn chương thế giới, trước khi có những trước tác đồ sộ, họ cũng đều là những người lăn lộn với cuộc đời. Rất tiếc ở ngày hôm nay, tính nhân dân ở ta đang bị coi nhẹ. Một số giáo trình lý luận văn học, văn hóa gần đây dành số trang nhiều hơn giới thiệu về lý thuyết nước ngoài nhưng xa lạ với văn hóa Việt. Nhiều luận án, luận văn không tha thiết với đề tài cách mạng, kháng chiến, truyền thống mà hướng về “thời thượng” với hậu hiện đại, tính dục, đồ võ, bi kịch... Nếu không kịp thời điều chỉnh, có thể đẩy sáng tác ngày một xa hơn với cuộc sống, với nhân dân, cách mạng.

### 3. “Khoa học hóa - chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”

Triết học liên văn hóa thời hội nhập đề cao vấn đề lựa chọn (văn hóa là lựa chọn), trong đó lựa chọn hướng đi mang tính quyết định. Xin khẳng định hai điểm tựa vững chắc của văn hóa là chủ nghĩa Mác và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ cái nhìn “liên văn hóa” hiện đại, thế giới hôm nay càng thấy ở chủ nghĩa Mác một tầm cỡ tư tưởng lớn của nhân loại. Như một thấu kính hội tụ khổng lồ tụ kết tinh những ánh sáng tinh hoa trước đó của thế giới, chủ nghĩa Mác trở thành mặt trời tư tưởng vĩ đại của nhân loại soi đường cho các dân tộc đi lên hạnh phúc. Hiện nay trước tác của Mác được giới nghiên cứu phương Tây rất quan tâm, có hàng triệu độc giả chào đón, nghiên cứu, tìm hiểu. Ở thời điểm nhân loại bước vào cuộc hội nhập toàn cầu mạnh mẽ và sâu rộng, người ta càng thấy bộ *Tư bản* phát ra những ánh sáng khoa học mới mẻ, đi trước thời đại gợi dẫn những quy luật, không chỉ về kinh tế, mà còn về chính trị, văn hóa, xã hội...

Cuộc Hội thảo khoa học Quốc tế về Hồ Chí Minh gần đây nhất có tên “Hồ Chí Minh và Ấn Độ” (*Ho Chi Minh and India*) ngày 14/5/2022 tại Kolkata<sup>1</sup>. Trước đó tại Mỹ, tháng 10/2019 là Hội thảo Hồ Chí Minh toàn cầu (*Global Ho Chi Minh*) được tổ chức tại thành phố New York. Các hội thảo đều khẳng định ở Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là sự hội tụ tuyệt đẹp ba luồng văn hóa: văn hóa yêu nước Việt Nam; văn hóa hòa bình, bình đẳng, bác ái của nhân loại tiến bộ và văn hóa giải phóng con người của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng và những giá trị văn hóa cao đẹp của Người đang được cả nhân loại đón nhận.

Vì là những tư tưởng khoa học nhất, tiến bộ nhất nên chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường thì văn hóa hôm nay mới phát triển mạnh mẽ, mới có thể “chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”<sup>2</sup>.

1. Ủy ban Đoàn kết Ấn Độ - Việt Nam phát trực tiếp trên kênh Youtube 10h sáng, Ấn Độ, 11h30 giờ Việt Nam, ngày 14/5/2022.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.24.



### III- VỐN CỔ DÂN TỘC - ĐIỂM TỰA CHO PHÁT TRIỂN

Từ góc nhìn liên văn hóa xin chứng minh trong văn hóa Việt có những tác phẩm lớn mang đậm bản sắc dân tộc sánh ngang với thế giới. Đó là tài sản văn hóa vô giá cần được giữ gìn, phát huy.

Quan niệm coi trọng con người đã tạo ra ở văn hóa Việt những bài học đạo lý làm người, thương yêu con người, căm ghét cái ác, tinh thần hướng thiện được kết tinh rồi tỏa sáng ở những hình tượng nghệ thuật thẩm mỹ đặc sắc. Không ngẫu nhiên Chủ Đồng Tử được phong là “Tứ bất tử” (bốn vị thánh không chết). Truyền thuyết này trước hết là sự minh họa sinh động, cụ thể rất mực cảm động và chân thực cho chữ “Hiếu”. Trước khi chết người cha dặn con cứ táng trần cho bố còn khố giữ lại để con mặc. Người con không nỡ vậy. Đây không chỉ là chữ “Hiếu” mà còn là phong tục tang ma ngày xưa với quan niệm “trần sao âm vậy” và “nghĩa tử là nghĩa tận”, dành cho người đi xa mãi mãi những điều kính trọng, mến thương, nhung nhớ. Muốn cha xuống âm phủ còn có cái khố che thân, Đồng Tử đã không chỉ tròn chữ “Hiếu” mà còn tròn với phong tục, tập quán. Không chỉ làm tròn trách nhiệm người con mà tròn cả trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ một công dân! Truyện là sự giao thoa các tư tưởng triết học lớn Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo. Sau này nhờ phép thuật mà Chủ Đồng Tử có binh hùng tướng mạnh nhưng vẫn không chống lại quân của Vua Hùng (tức bố vợ) vì chàng muốn giữ tròn chữ “Hiếu”!

Truyện còn là bài ca ca ngợi tình yêu hôn nhân tự do như là một mối tình đẹp nhất, chung thủy, bình đẳng và cực kỳ dân chủ. Một truyện cổ về tình yêu hay hiếm hoi không chỉ ở nước ta mà còn so với cả thế giới. Đồng Tử là chàng trai nghèo nhất, nghèo đến mức không thể nghèo hơn thế mà được Tiên Dung là công chúa, con gái Vua Hùng cành vàng lá ngọc, cao sang, quý phái, vương giả chấp nhận lấy làm chồng. Tiên Dung đã vượt quyền cha mẹ để nghe theo tiếng gọi trái tim mình. Nàng vượt qua bao tén điều, quy tắc, nguyên tắc thành văn và bất thành văn của một triều đình. Nàng đích thực là một “nghịch tử”: con vua mà lấy chồng không hề tương xứng, không hề “môn đăng hộ đối”. Nàng phải vượt qua bao thành kiến và định kiến là lấy chồng “hoang” (Đồng Tử đích thực là kẻ “hoang”, tứ cố vô thân, không nghề nghiệp, không quần không áo, lại sống chui rúc ở bãi lau bờ sậy...). Không có một sức mạnh nhân văn cao cả, một tình thương lớn lao với những con người

dưới đáy không thể sáng tạo ra được những chi tiết, hình tượng đầy nghịch cảnh mà tuyệt vời, trong sáng như vậy. Truyện đã cách xa hàng ngàn năm, mà ở ngày hôm nay, chỉ một cô gái bình thường thôi, có gia cảnh bình thường, nghề nghiệp, nhan sắc, học vấn bình thường, liệu có ai “dũng cảm” dám lấy chồng có thân phận như Chủ Đồng Tử? Thế nên, không ngẫu nhiên dân gian thờ không chỉ một Đồng Tử mà còn thờ cả Tiên Dung!

Nơi Quan Thế Âm Bồ Tát sinh ra (Ấn Độ cổ đại) thì hầu hết là đàn ông nhưng sang Việt Nam thì đều trở thành Phật Bà. Điều này có thể hiểu bản sắc “thiên tính nữ” đã tạo ra độ khúc xạ để thay đổi cho phù hợp. Vở chèo cổ “Quan Âm Thị Kính” tỏa sáng vào bầu trời văn hóa Việt Nam đã hàng mấy thế kỷ, làm mê đắm, thốn thức hàng triệu trái tim bao thế hệ bởi được thu nhận những ý nghĩa nhân văn tận thiện, tận mỹ. Bởi được xây cất bằng vật liệu tư tưởng về con người của văn hóa dân gian, văn hóa Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo nên đa dạng, nhiều vẻ về cấu trúc hình tượng. Bởi được khúc xạ và tích hợp từ nhiều nguồn mỹ học nên đa nghĩa và phát ra những ánh sáng văn hóa lạ, độc đáo.

Là sự hợp lưu ánh sáng từ quan niệm lành mạnh, khỏe khoắn, táo bạo của dân gian; quan niệm từ bi, hỷ xả của đạo Phật; từ cái nền nếp khắt khe của Nho giáo, tác phẩm đã tạo ra những hình tượng mang tính ám ảnh. Tại sao Thị Kính tốt, hiền lành cam chịu như thế mà bị oan, mà oan thảm, oan hai, ba lần? Hạt nhân hợp lý ở đâu? Cái ý bật thoát ra thật sâu sắc: Trong cái xã hội đầy tai ương, đầy mâu thuẫn, phi lý như thế thì người tốt, cái tốt không tồn tại được. Mà muốn cho cái tốt, người tốt tồn tại thì phải thay đổi cả cái xã hội ấy. Đó là việc không thể. Dân gian biết rõ thế. Mà người tốt, cái tốt thì rất cần được bênh vực, nên dân gian đã làm một cuộc hoán vị thân phận mà đổi ngôi cho họ. Đó cũng là một cách trốn tránh cái phi lý ở đời. Cuối cùng nhân vật được đổi thành kiếp Phật. Đây vừa là quan niệm nhà Phật “Đời là bể khổ!” nhưng cũng là quan niệm “hóa kiếp” nhân ái của tín ngưỡng tình thương trong dân gian. Đời người khổ quá nên “hóa kiếp” cho nhân vật được sống sung sướng hơn. Quan niệm con người ta phải có chữ “Nhẫn” làm đầu và “ở hiền gặp lành” trong văn hóa Việt đã gặp gỡ tinh thần “cứu độ” Phật giáo để cùng đưa Thị Kính hóa thân thành Quan Âm trong vòng hào quang thánh thiện của tình người.

Thị Kính rất tiêu biểu cho chữ “Nhân” mà ngày nay rất cần phải có!

Nhìn từ lý thuyết đối thoại văn hóa hiện đại sẽ thấy Thị Kính chủ yếu đối thoại với chính mình, với phận mình, còn Thị Mầu đối thoại với cả xã hội, với cả kiếp người! Nhưng không có Thị Kính thì không có Thị Mầu! Dân gian đã mượn bối cảnh, quan niệm nhà Phật để mạnh mẽ vượt qua mọi ràng buộc cấm đoán mà phát biểu quan niệm khỏe khoắn về cái chất trần gian ở đời. Đậm đà một tinh thần nhân văn, khát khao một tinh thần dân chủ, cháy bỏng một khát vọng yêu và được yêu, sâu sắc một tinh thần nữ quyền, vở chèo là một viên ngọc văn hóa tỏa sáng vào cả tương lai, góp phần làm rạng rỡ thêm bản sắc Việt. Nhưng tại sao cả làng của Thị Kính, Thị Mầu chỉ biết ra “ăn khoán” chứ không cần biết đến lẽ phải: Lời tố cáo có đúng không!? Các “quan”, dù là quan “ăn tiên chỉ” cũng chỉ cần nhìn thấy “cái bụng chứa” của Thị Mầu, không cần “điều tra”, đã coi Thị Kính là “tác giả”!? Trời đất ơi? Vì con người ta vô cảm trước tai họa của con người!

Có phải im lặng là tốt không? Câu hỏi ấy nhức nhối với cả hôm nay!

Trên sân khấu tuồng cổ ông cha ta để lại một viên ngọc vô giá - Tuồng “Trương Ngáo” mang đậm cảm quan dân gian về Phật giáo gần gũi, đời thường, bình đẳng với con người. Hành trình của Trương Ngáo đến Tây phương đòi nợ Phật hay là hành trình của con người kiếm tìm sự thật? Đó là những triết lý lớn chỉ có ở những tác phẩm lớn. Vở tuồng rất ít nhân vật, nhân vật chính chiếm gần trọn không gian, thời gian tác phẩm. Kết cấu tình tiết, cảnh vật, hình ảnh của vở tuồng đi theo bước hành trình của nhân vật chính. Ý nghĩa cơ bản của tác phẩm bật ra là, điều quan trọng nhất là người ta phải có đủ ý chí, trí tuệ và niềm tin mới có thể tìm được chân lý của đời mình. Cái lõi thấm sâu bên trong của vở tuồng là những khao khát nhân văn thánh thiện luôn muốn cựa quậy, muốn bung phá, muốn vươn lên thế giới của cái đẹp, cái hạnh phúc!

Để tạo ra một cuộc đối thoại cần phải có bốn yếu tố cơ bản: hiểu biết, bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt, biết lắng nghe. Ngáo đang dần có đủ những cơ sở ấy. Khi có đủ trí tuệ và niềm tin, Ngáo lên đường. Gặp Phật, Ngáo không quỳ lạy, tức Ngáo muốn bình đẳng với Phật. Ngáo tôn kính Phật nên không xin xỏ. Lắng nghe Phật nhưng Ngáo làm theo ý mình. Còn Phật lúc đầu bật cười vì sự ngược đời mà cho rằng “họ Trương mắc chứng điên cuồng” nhưng lắng nghe và thấu hiểu lại thấy Ngáo “vốn nhà gã có lòng

thành kính”. Phật Tổ đã nhận Ngáo làm “đệ tử” tức Phật đã *thấu hiểu* để *thấu cảm* về Ngáo. Thì ra để *thấu hiểu* và *thấu cảm* về nhau là cả một quá trình. Không có đối thoại các bên sẽ không bao giờ có sự kết nối, giao lưu, hòa nhập. Ý nghĩa của vở tuồng gắn ý nghĩa triết lý nhân sinh với triết lý tôn giáo (Phật giáo) nhằm mục đích đề cao ý nghĩa con người (thấu hiểu bản thể) và cuộc sống đời thường (thấu cảm nhân tâm).

Tạm dẫn chứng như trên cũng đủ rút ra kết luận cây nhân cách người có tươi tốt là nhờ được trồng vào mảnh đất truyền thống để hút chất dinh dưỡng văn hóa đạo lý và vươn cao cành lá quang hợp ánh sáng lý tưởng của thời đại. Đạo đức xã hội hôm nay đang xuống cấp nghiêm trọng, phải chăng có lý do là chưa được như vậy?

#### IV- LÀM GÌ ĐỂ “DÂN TỘC HÓA”, “ĐẠI CHÚNG HÓA”, “KHOA HỌC HÓA” TỐT HƠN?

##### 1. Tự thân vấn đề trình bày đã bật ra các giải pháp chung

Bên cạnh việc tiếp thu lý luận văn nghệ nước ngoài, cơ bản hơn cần có chiến lược nghiên cứu tiếp thu, kế thừa, phát triển lý luận văn nghệ của cha ông. Xin nhắc lại lời Bác Hồ, sáng suốt, sâu sắc, tinh tế vô cùng: “Muốn thấy hết cái hay, cái đẹp của nghệ thuật dân tộc ta, thì phải đừng bị trói buộc bởi những tiêu chuẩn này nọ của nghệ thuật phương Tây... phải dựa trên tiêu chuẩn của ta. Tiêu chuẩn ấy là gì? Đó là nền mỹ học ẩn chứa trong thực tiễn truyền thống nghệ thuật dân gian, dân tộc”<sup>1</sup>. Lý thuyết nước ngoài bao giờ cũng có độ vênh lệch, chưa nói đến có sự áp đặt, khiên cưỡng. Mỹ học của cả một nền văn học dân gian rồi văn học cổ trung đại là cả một kho vàng tư tưởng, theo phong tục và tư duy truyền thống của nước “thi ca chi bang” (đất nước của thơ) nên còn chìm ẩn trong các sáng tác văn chương. Phải bỏ công sức, phải học chữ Hán - Nôm, suy ngẫm, tìm tòi chất vàng ấy còn đang ẩn sâu trong các hình tượng thẩm mỹ. Có cả một nền mỹ học mà cha ông ta, theo con đường liên văn hóa đã học tập, tiếp thu, kế thừa, kết tinh, phát triển và nâng cao một cách tuyệt vời còn đang nằm trong nhiều trước tác. Truyền thống lý luận của ta ít khi hiển ngôn mà thường thể hiện dưới dạng tác phẩm, ở thời

1. Mịch Quang: *Khơi nguồn mỹ học dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.8, 9.

hiện đại cũng nhiều, như một câu thơ của Phạm Tiến Duật: “Cây cúc đắng quên lòng mình đang đắng/Trở hoa vàng dọc suối để ong bay”. Đó là quan niệm về chủ thể: nghệ sĩ phải quên mình, làm mới mình để sáng tạo cái đẹp. Tác phẩm nghệ thuật phải có chức năng làm đẹp và nuôi dưỡng sự sống...

Bác Hồ nói: “Phải mở rộng kiến thức của mình về văn hóa thế giới,... nhưng đồng thời lại phải tránh nguy cơ trở thành những kẻ bắt chước. Văn hóa của các dân tộc khác cần phải nghiên cứu toàn diện, chỉ trong trường hợp đó mới có thể tiếp thu được nhiều hơn cho văn hóa của chính mình”<sup>1</sup>. Ở đây toát lên mấy vấn đề lý luận: Cần tiếp thu đa dạng các nền văn hóa khác nhau, nhưng là tiếp thu cái tiến bộ; phải chủ động, không bắt chước, biết tiếp thu cái gì là đặc sắc mà mình còn thiếu. Muốn thế phải nghiên cứu nền văn hóa mình cần tiếp thu một cách toàn diện, hệ thống. Cần thấm thía hơn lời dạy của Người về tính chỉnh thể của văn hóa, phải nắm bắt cái chỉnh thể tìm ra cái đặc sắc cá thể để tiếp nhận.

## 2. Với người nghệ sĩ - chủ thể sáng tạo văn hóa

Cụ Nguyễn Du viết: “Ngổn ngang trăm mối bên lòng/Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình” (*Truyện Kiều*). Không “ngổn ngang trăm mối” không thể có “câu tuyệt diệu”. Người nghệ sĩ phải “đau đớn lòng” (rung động) trước “những điều trông thấy” (trải nghiệm) mới có thể làm người khác “đau đớn” được! Chàng Trương Chi phải “thậm xấu” tức phải sống trong bi kịch mới có thể có tiếng sáo hay. Gặp bi kịch tiếng sáo càng có hồn hơn... Thế nên đề nghị Nhà nước, bên cạnh sự tôn trọng sự tự do sáng tạo cần đặc biệt quan tâm việc bồi dưỡng tư tưởng chính trị, quan điểm, lập trường cho văn nghệ sĩ. Văn học nghệ thuật là vấn đề tư tưởng. Lá cành của cây xanh nhà văn phải luôn quang hợp ánh sáng lý tưởng cách mạng, nếu không cây sẽ bị héo và quả sẽ sùi ọp. Tình cảm đúng đắn nhất, chân lý nhất là tự do sáng tạo vì mục đích vì nước vì dân, vì chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc, dân chủ, giàu mạnh. Tư tưởng sẽ chuyển hóa để rồi trở thành máu thịt tác phẩm. Để có tư tưởng phải là quá

---

1. Nhiều tác giả: *Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ, văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2011, t.3, tr.56.

trình lâu dài từ *thấu hiểu* (nhận thức) sâu sắc cuộc sống đến *thấu cảm* (đồng điệu, hòa nhập) vào hình tượng, *cộng cảm* (tiếp nhận, chia sẻ, lan tỏa) với cõi nhân sinh để có một mẫu số văn hóa chung mới có thể *truyền cảm* một cách sâu xa (nghệ thuật) tới đối tượng tiếp nhận.

Nghệ thuật là câu chuyện hình tượng. Để người khác bị ám ảnh, người sáng tạo ra hình tượng phải bị ám ảnh trước. Có nhà văn nói rất đúng: Muốn ướp được người mình phải mặn trước. Phải mặn về lý tưởng, say mê, nồng nàn. Phải mặn về cảm xúc, trí tuệ, vốn sống... Các tổ chức hội nên tổ chức các chuyến đi sâu, dài ngày vào thực tế, người nghệ sĩ sẽ được hiểu kỹ hơn một mảng đời sống, sẽ có những vui buồn thật sự, cảm thông và chia sẻ với người lao động. Được sống, hít thở, đập cùng nhịp đập trái tim của cuộc sống, người nghệ sĩ mới có thể kiến trúc mô hình và xây dựng tác phẩm từ mô hình và chất liệu ngoài cuộc sống, gắn liền với đời sống, vì đời sống.

\*

\*   \*

Từ sự phân tích, luận giải về cách tiếp cận liên văn hóa, đối chiếu với ba nguyên tắc xây dựng nền văn hóa mới: dân tộc, đại chúng, khoa học của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, có thể nói quan điểm về văn hóa của Đảng đã vượt trước thời đại, đặt nền tảng cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

# GIÁ TRỊ CỦA TÁC PHẨM “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. NGUYỄN VĂN TUÂN\*

ThS. NGUYỄN CÔNG TÂY\*\*

## 1. Giá trị của tác phẩm “Đề cương về văn hóa Việt Nam”

Dân tộc nào gìn giữ được bản sắc của mình thì dân tộc đó mãi mãi trường tồn. Luận điểm này đã được minh chứng trong thực tiễn quá hình phát triển của loài người ở mọi quốc gia, lãnh thổ, mọi chủng tộc, màu da. Và khi nhắc đến bản sắc dân tộc, chắc chắn phải đề cập tới văn hóa. Đối với nước ta, nền văn hóa Việt Nam chính là kết tinh quá trình lao động của các dân tộc trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước, thể hiện trình độ, nghệ thuật ứng xử với tự nhiên, xã hội và sự chủ động hội nhập vào dòng chảy văn minh nhân loại. Đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam chính là đặc điểm nổi bật, thuộc tính riêng của nền văn hóa khi ta đặt nó so sánh với các nền văn hóa khác trong khu vực và quốc tế<sup>1</sup>. Xuyên suốt chiều dài lịch sử, trải qua hàng ngàn năm văn hiến, văn hóa Việt Nam được coi là sức mạnh nền tảng xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình dựng nước và giữ nước.

---

\* Chi nhánh Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật tại Thành phố Hồ Chí Minh.

\*\* Trung tâm Thông tin và Nghiên cứu khoa học, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

1. PGS.TS. Nguyễn Hữu Thúc: “Những đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam”, Tạp chí Văn hóa và Phát triển điện tử, <https://vanhoavaphattrien.vn/nhung-dac-trung-cua-nen-van-hoa-viet-nam-a7008.html>.

Giai đoạn những năm 1940 đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đất nước ta rơi vào tình cảnh hết sức ngặt nghèo ở trên mọi khía cạnh, từ kinh tế, chính trị cho đến văn hóa - xã hội. Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó, dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó, dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói”<sup>1</sup>. Nền văn hóa Việt Nam khi đó có thể coi là vô hồn, hỗn loạn, bị pha tạp, trộn lẫn với sự nhiễu nhương của chính bối cảnh thời đại bấy giờ và các chính sách văn hóa của Pháp - Nhật. Trước tình hình đó, đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng đã khởi thảo, xây dựng tác phẩm “*Đề cương về văn hóa Việt Nam*”. Mục đích trước hết của tác phẩm này chính là sợi chỉ đỏ gắn kết, dẫn thông về mặt tư tưởng lý luận và thực tiễn văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ: “Văn hóa mới Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung. Chính vì thế nó cách mạng nhất và tiến bộ nhất ở Đông Dương trong giai đoạn này”<sup>2</sup>. Có thể nói, “*Đề cương về văn hóa Việt Nam*” là cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta về lĩnh vực văn hóa, nghĩa là những tư tưởng lớn, đường hướng cơ bản phải mang ý nghĩa khái quát cao, khoa học và có khả năng tập hợp lực lượng, thu hút mọi tầng lớp xã hội<sup>3</sup>. Tác phẩm này cũng mang ý nghĩa là hành động của Đảng ta trên mặt trận văn hóa, là lời hiệu triệu của Đảng đối với những người cộng sản, phải khơi thông về tư duy tiến tới cách mạng văn hóa Việt Nam.

Đúng với tên gọi là một ấn phẩm dưới dạng đề cương, tác phẩm này được bố cục hết sức rõ ràng, logic về các mục, luận điểm, luận cứ. Dung lượng tác phẩm không dài mà ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, dễ thực hiện. 5 nội dung của tác phẩm “*Đề cương về văn hóa Việt Nam*” lần lượt là: Cách đặt vấn đề;

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.320.

3. Theo Phạm Quang Long: Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943: Ngọn cờ tập hợp trí thức tham gia cách mạng, Tạp chí *Tuyên giáo điện tử*, <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/de-cuong-van-hoa-viet-nam-nam-1943-ngon-co-tap-hop-tri-thuc-tham-gia-cach-mang-143386>.



Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; Nguỵ cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam; Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam.

Một số khẳng định quan trọng được đồng chí Trường Chinh nêu trong tác phẩm này hiện vẫn còn nguyên giá trị, như: Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động<sup>1</sup>; Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội<sup>2</sup>; Phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm<sup>3</sup>...

## 2. Vai trò của hoạt động xuất bản được đề cập trong tác phẩm

Tác phẩm đã khẳng định, vào thời điểm những năm 40 của thế kỷ trước, khi nước ta trong tình cảnh hai tầng xiềng xích, văn hóa Việt Nam mơ hồ, hỗn loạn, bị nghiền nát bởi những chính sách của Nhật - Pháp, những người cộng sản khi đó phải: (i) Chống lại văn hóa phátxít, phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉn dân. Phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương; (ii) Tranh đấu về học thuyết, tư tưởng; tranh đấu về tông phái văn nghệ; tranh đấu về tiếng nói, chữ viết. Các cách vận động chủ yếu gồm: Lợi dụng tất cả khả năng công khai và bán công khai để: Tuyên truyền và xuất bản; Tổ chức các nhà văn; Tranh đấu giành quyền lợi thực tại cho các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ...; Chống nạn mù chữ...<sup>4</sup>.

Như vậy, lúc bấy giờ, Đảng ta đã khẳng định xuất bản là một trong những phương thức quan trọng để làm cách mạng văn hóa. Vậy nguyên nhân nào khiến ngành xuất bản có vai trò quan trọng như vậy? Có thể điểm ra một số lý do sau:

(i) Sách, báo, dù là bất kỳ thời điểm nào, cũng là ấn phẩm giữ vai trò cung cấp thông tin, tuyên truyền rất quan trọng. Giới nhà văn, nghệ sĩ tiếp cận văn hóa trước hết là qua chính những gì họ đọc được, nghe được. Do vậy, cách mạng phải nắm lấy sức mạnh của “bút chiến”, lấy “bút chiến” để đấu tranh trên mặt trận văn hóa.

---

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.7, tr.316, 318, 319, 320-321.

(ii) Khác với những thông tin truyền miệng, hoặc được in ấn một cách thiếu kiểm duyệt, sách, báo xuất bản thường được tiến hành theo quy trình chặt chẽ, bởi những người có chuyên môn. Vào thời điểm đó, các xuất bản phẩm của Đảng ta chính là là tiếng nói chính thống của những người cộng sản. Do vậy, người dân có thể hoàn toàn tin tưởng khi tiếp nhận tri thức và thực hiện theo những chỉ dẫn trong các sách, báo đó.

(iii) Sách, báo được xuất bản có khả năng lưu giữ cao, do vậy, người cộng sản khi hoạt động bí mật có thể mang theo, chuyển đến tay quân chúng. Đối với giới nhà văn, nghệ sĩ, các ấn phẩm được xuất bản sẽ được họ lưu giữ cẩn thận, vừa làm tài liệu học tập, vừa là cẩm nang để khơi thông hệ tư tưởng và thế giới quan về một nền văn hóa mới - văn hóa xã hội chủ nghĩa.

### **3. Những đóng góp của xuất bản Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc**

Trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam, nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò quan trọng của hoạt động xuất bản, Đảng ta luôn xác định xuất bản là một lĩnh vực hoạt động tư tưởng sắc bén của Đảng, Nhà nước, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Xuất bản Việt Nam đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi của công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Đánh giá về đóng góp của hoạt động xuất bản, trong thư chúc mừng 70 năm ngành truyền thống ngành Xuất bản, In và Phát hành, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã viết: “Trong suốt 70 năm qua, các thế hệ cán bộ, viên chức, người lao động làm công tác xuất bản, in và phát hành sách đã luôn luôn đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hóa - tư tưởng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

*- Trong giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước*

Trong bối cảnh cả dân tộc dồn toàn lực để tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, hoạt động xuất bản đã góp phần tuyên truyền đường lối kháng chiến của Đảng, xây dựng nền văn hóa mới dân tộc, khoa học, đại chúng và đánh đổ nền văn hóa nô dịch, ngu dân của chủ nghĩa thực dân.

Ngay sau khi thành lập Đảng, hàng loạt xuất bản phẩm được ra đời như: *Ngày Quốc tế đỏ mừng Một tháng Tám, Lịch sử nước ta, Vượt ngục, Tự chỉ trích, Các quyền tự do dân chủ của nhân dân Đông Dương...* góp phần tuyên truyền, cổ vũ tinh thần kháng chiến chống Pháp của cả dân tộc<sup>1</sup>.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), vượt qua nhiều khó khăn, hàng trăm đầu sách với hàng triệu bản in đã được xuất bản, trong đó có nhiều tác phẩm, ấn phẩm rất quan trọng như: *Văn kiện Đại hội Đảng Lao động lần thứ II, Sửa đổi lối làm việc, Máy vấn đề cốt yếu về chính quyền dân chủ nhân dân, Thi đua ái quốc và chủ nghĩa anh hùng mới, Khắc phục khó khăn, trừ bỏ khuyết điểm, giành thắng lợi mới...*, cùng nhiều sách, báo tài liệu quan trọng tuyên truyền, giới thiệu về chủ nghĩa Mác - Lênin, về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, các sách giới thiệu về Liên Xô, về các nước xã hội chủ nghĩa anh em...

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (21/7/1954). Trong giai đoạn 1954-1975, nhân dân ta phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam. Trong giai đoạn này, hoạt động xuất bản đã góp phần động viên, cổ vũ tinh thần những người đang trực tiếp cầm súng tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ - ngụy ở miền Nam và cả những người đang lao động sản xuất để góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến ở miền Bắc. Các tập sách tiêu biểu được phát hành rộng rãi lúc đó như *Sống như anh, Bất khuất, Những lá thư từ tuyến đầu Tổ quốc, Người mẹ cầm súng, Đất nước đứng lên...* đã làm xúc động hàng triệu trái tim người Việt, thúc đẩy tinh thần hăng hái tham gia kháng chiến của nhân dân ta. Tại miền Bắc, theo sáng kiến của Bác Hồ, loại sách “Người tốt việc tốt” được xuất bản đã kịp thời biểu dương những gương sáng trên nhiều lĩnh vực, có tác dụng động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân tự giác đóng góp sức mình cho kháng chiến<sup>2</sup>.

---

1. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật - Ban Tuyên giáo Trung ương - Bộ Thông tin và Truyền thông - Hội xuất bản Việt Nam: *Xuất bản Việt Nam - 70 năm xây dựng và phát triển (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.9.

2. <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/nhung-dong-gop-quan-trong-cua-hoat-dong-xuat-ban-in-va-phat-hanh-sach-viet-nam-1491899932>.

Với những kết quả đạt được, hoạt động xuất bản đã đóng góp xứng đáng vào thắng lợi chung với tư cách là một bộ phận quan trọng của cuộc cách mạng, là công cụ tư tưởng sắc bén của Đảng trong cuộc kháng chiến trường kỳ, thống nhất đất nước, giành độc lập, tự do cho dân tộc.

- *Trong giai đoạn tiến hành công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay*

Sau ngày đất nước thống nhất, tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, hoạt động xuất bản tiếp tục thể hiện vai trò nòng cốt trong việc cung cấp tri thức, đổi mới tư duy lý luận, tuyên truyền sâu rộng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, động viên, trang bị kiến thức cho cán bộ, nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, mở rộng đối ngoại, tích cực hội nhập quốc tế, khẳng định vai trò, vị thế và uy tín của đất nước trong khu vực và trên thế giới. Khẳng định đóng góp của hoạt động xuất bản, Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư viết: “xuất bản là một lĩnh vực hoạt động tư tưởng sắc bén của Đảng, Nhà nước và nhân dân, là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, có nhiệm vụ tích lũy và truyền bá các giá trị tinh thần, góp phần nâng cao dân trí, phát triển văn hóa, xây dựng nền tảng tư tưởng, thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và khoa học của xã hội; xây dựng đạo đức, lối sống và phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam; góp phần đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành xã hội học tập. Hoạt động xuất bản phải chăm lo bảo vệ, khẳng định và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời mở rộng giao lưu văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và đấu tranh không khoan nhượng với các quan điểm sai trái, lạc hậu”<sup>1</sup>.

Đặc biệt, trong bối cảnh các thế lực thù địch đang dùng mọi thủ đoạn để chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta như hiện nay, thì hoạt động xuất bản càng góp phần quan trọng trong việc tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Trong thời gian qua, nhiều tựa sách tiêu biểu về chủ đề trên đã được xuất bản như: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đoàn kết, vững tin*

1. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư “Về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản”.

đưa đất nước bước vào giai đoạn mới; Toàn Đảng, toàn dân chung sức, đồng lòng xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc; Vững bước trên con đường đổi mới; Đấu tranh chống các quan điểm, luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về chính trị trong Đảng; Các bài viết bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới...

#### 4. Thực trạng và giải pháp nhằm phát triển hoạt động xuất bản trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ

##### a) Thực trạng

##### - Thành tựu

Trong những năm qua, hoạt động xuất bản sách ở nước ta về cơ bản đã thực hiện thắng lợi những mục tiêu đề ra, đã xuất bản nhiều đầu sách, phong phú về thể loại, hấp dẫn về nội dung và hình thức. Năm 2022, số bản sách xuất bản được lên đến 598,9 triệu bản, đưa mức bình quân số bản sách/người/năm lần đầu tiên lên mức 6,1 bản<sup>1</sup>. Một số nhà xuất bản đã đổi mới phương thức hoạt động theo hướng linh hoạt, năng động và hiệu quả. Công nghệ xuất bản cũng đang được đổi mới, từng bước được trang bị theo hướng hiện đại. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ xuất bản ngày càng được nâng lên.

#### Kết quả hoạt động xuất bản Việt Nam giai đoạn 2011-2022

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Cuốn	28.761	29.028	28.232	29.569	30.375	34.278	32.651	33.001	42.770	40.893	39.672	38.029
Nghìn bản	320.088	335.684	297.985	393.328	393.627	363.068	345.511	429.824	471.012	434.766	462.230	598.938.423
Doanh thu (Nghìn tỷ đồng)	2.695,8	2.157,1	1.915,7	2.038,2	2.143,9	2.201,4	2.892,6	2.506,4	2.775,2	2.665,9	2.996,7	3.994

##### - Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu, hoạt động xuất bản vẫn còn một số hạn chế. Còn để lọt những cuốn sách có quan điểm sai trái, có nội dung không lành

1. <https://daibieunhandan.vn/van-hoa-van-nghe/binh-quan-sach-tai-viet-nam-len-muc-6-1-ban-nguoi-i316462/>, truy cập ngày 18/02/2023.

manh, gây ảnh hưởng không tốt đến một bộ phận độc giả. Một số nhà xuất bản chạy theo lợi nhuận nên chưa chú trọng đến chất lượng xuất bản phẩm; tình trạng “bán giấy phép”, không kiểm soát chặt chẽ nội dung diễn ra ngày càng tràn lan. Tình trạng “sách lậu, sách lược” vẫn chưa được khắc phục. Trình độ cán bộ xuất bản dù có nhiều tiến bộ nhưng vẫn chưa theo kịp với sự phát triển ngày càng cao của cơ chế thị trường và của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mà biểu hiện là khả năng thích ứng chậm với công nghệ mới và trong hạch toán kinh doanh. Nhiều nhà xuất bản chậm đổi mới phương thức hoạt động, dẫn đến trì trệ, kém hiệu quả. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của các nhà sản xuất còn nhiều hạn chế, gây khó khăn trong ứng dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động.

#### *b) Giải pháp*

##### *- Chuyển đổi mô hình*

Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản đã xác định: “Xây dựng các mô hình và cơ cấu mới phù hợp với sự phát triển của công nghiệp xuất bản hiện đại: thí điểm xây dựng các tập đoàn xuất bản, tổ hợp xuất bản - báo chí, nghiên cứu hoàn chỉnh mô hình doanh nghiệp làm nhiệm vụ xuất bản”. Tuy nhiên, gần 20 năm trôi qua, mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của nhiều nhà xuất bản về cơ bản không có gì khác so với trước đây. Trong khi đó, các nước trên thế giới đã sớm chuyển đổi mô hình xuất bản và thực tế đã đem lại hiệu quả. Ở Mỹ, ngay từ năm 2010, 15 công ty và tập đoàn truyền thông hàng đầu đã nắm giữ một nửa thị phần xuất bản. Hay ở Trung Quốc, đã tổ chức ngành xuất bản thành 55 tổ hợp và thành lập 4 tập đoàn xuất bản và 6 tập đoàn phát hành xuất bản phẩm với doanh thu từ 120 triệu đến 1,2 tỷ USD. Những tập đoàn này giữ vai trò là “đầu tàu” của toàn ngành xuất bản Trung Quốc.

Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, do nhiều yếu tố nên việc hình thành các tập đoàn xuất bản chưa thể tiến hành trong ngày một ngày hai. Muốn tiếp tục phát triển, trước mắt các nhà xuất bản cần tiến hành đổi mới mô hình hoạt động nội tại của mình. Căn cứ vào thực tế, có thể chuyển đổi mô hình hoạt động của các nhà xuất bản theo hướng chuyên môn hóa, cụ thể là tách thành hai mảng chuyên biệt là biên tập và phát hành, đồng thời có những điều chỉnh phù hợp đối với từng mảng.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, quy trình xuất bản*

Thế kỷ XXI - thế kỷ của công nghệ thông tin, của trí tuệ nhân tạo (AI), nhiều phần mềm quản lý nhân sự đã ra đời như: digiiHR, SV-HRIS, Perfect HRM 2012, HR-MANAGER, SSOFT LUCKY HRM, FAST HRM online, LOTUS PRO, Robinet... Với việc ứng dụng các phần mềm quản lý này, việc quản lý nhân sự trở nên đơn giản, dễ dàng hơn rất nhiều. Các quy trình chấm công, nghỉ phép, xin đi công tác... hay việc phổ biến các thông báo của cơ quan chỉ bằng một vài thao tác đơn giản. Đầu năm 2022, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã đưa vào vận hành phần mềm quản lý Robinet. Có thể nói đây là một trong số “hiếm hoi” các nhà xuất bản sử dụng phần mềm trong quản lý nhân sự.

Hiện nay, nhiều nhà xuất bản vẫn chưa áp dụng khoa học công nghệ vào quy trình xuất bản. Việc xây dựng và đưa vào vận hành phần mềm quản lý xuất bản thì sẽ tiết kiệm được thời gian, chi phí và dễ dàng nắm được tiến độ của từng bản thảo. Biên tập viên sau khi biên tập xong có thể không cần nộp duyệt bản thảo bằng bản giấy mà chỉ cần nộp bản mềm; các khâu đọc kiểm tra, ký duyệt cũng được tiến hành trên hệ thống. Trong hoạt động biên tập, cần đẩy mạnh việc ứng dụng các công cụ hỗ trợ như phần mềm phát hiện đạo văn, phần mềm kiểm tra lỗi chính tả... để hỗ trợ cho biên tập viên trong khâu biên tập, đọc morat. Từ đó, sẽ cải thiện được tốc độ biên tập, đồng thời biên tập viên có thời gian để tập trung xử lý các vấn đề liên quan đến tính chính xác, khoa học và tính chính trị của bản thảo.

- *Phát triển xuất bản phẩm điện tử*

Theo thống kê cho thấy, số lượng người dùng điện thoại thông minh trên thế giới hiện nay là 6,648 tỷ người, tương đương 83,72% dân số thế giới. Còn ở Việt Nam, dân số Việt Nam là gần 96 triệu người, trong đó có 61,37 triệu người sử dụng điện thoại thông minh, chiếm khoảng 64% dân số, đứng top 10 thế giới về lượng người sử dụng điện thoại thông minh<sup>1</sup>. Cũng theo số liệu thống kê, năm 2021, trung bình người Việt Nam dành hơn 5 giờ mỗi ngày để sử dụng điện thoại thông minh. Có thể nói, đây là “mảnh đất màu mỡ”, là điều kiện rất thuận lợi cho xuất bản điện tử phát triển.

---

1. <https://danviet.vn/bat-ngo-thu-hang-luong-nguoi-su-dung-smartphone-o-viet-nam-2022042120003727.htm>.

Xuất bản phẩm điện tử (ebook, audio book) có những ưu thế mà sách giấy không có. Mỗi điện thoại thông minh có thể trở thành một “thư viện bỏ túi”, chứa được hàng ngàn cuốn sách. Sử dụng sách điện tử, người dùng có thể đọc sách bất cứ thời gian nào, có thể điều chỉnh phông chữ lớn nhỏ tùy thích... Theo dự báo của các chuyên gia và các đơn vị chuyên về xuất bản, phát hành, xuất bản phẩm điện tử sẽ là tác nhân chính tạo nên sự thay đổi lớn trong ngành xuất bản, phát hành trong tương lai vì thời gian xuất bản phẩm điện tử đi từ người viết đến với công chúng sẽ được rút ngắn tối đa; hệ thống phát hành trực tuyến trên mạng, các nhà xuất bản có thể trực tiếp bán hàng cho tất cả các khách hàng trên thế giới mà không phải mất thời gian, phí vận chuyển sách; do có nhiều tính năng hấp dẫn như âm thanh, hình ảnh và tính tương tác cao, sách điện tử đã thu hút được một bộ phận lớn thanh thiếu niên tham gia vào việc đọc, thúc đẩy văn hóa đọc phát triển; sự phát triển nhanh chóng của công nghệ điện tử, kỹ thuật số qua các thiết bị cá nhân...

*- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực*

Với việc ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào hoạt động xuất bản đòi hỏi năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác xuất bản phải không ngừng được nâng lên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ngoài kiến thức chuyên môn sâu, đòi hỏi đội ngũ cán bộ xuất bản phải có tính năng động, sáng tạo, có năng lực ngoại ngữ, tin học và thậm chí cả những kiến thức khoa học công nghệ cần thiết để có thể tiếp cận và ứng dụng những công nghệ mới trong hoạt động quản lý và chuyên môn, phù hợp với phương thức xuất bản mới, sử dụng kênh truyền thông đa phương tiện, công nghệ quản lý, quản trị mới...

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực xuất bản, đòi hỏi các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực làm công tác xuất bản phải nghiên cứu, xây dựng và đổi mới chương trình đào tạo, gắn lý luận với thực tiễn; phát triển đội ngũ giảng viên theo hướng chuẩn hoá; tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường với các đơn vị làm công tác xuất. Về phía các nhà xuất bản, cần tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tạo điều kiện cho cán bộ xuất bản học tập nâng cao trình độ. Đối với bản thân cán bộ xuất bản, cần chủ động, tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động xuất bản.



- *Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.*

Nhà nước cần xây dựng chính sách phù hợp và đồng bộ để tiếp tục cụ thể hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Hệ thống các văn bản pháp luật về xuất bản cần được xây dựng hoàn thiện trên cơ sở thực tiễn hoạt động và xu hướng phát triển của xuất bản trong nước trong sự vận động khách quan của ngành công nghiệp xuất bản thế giới. Do vậy, hệ thống pháp luật về xuất bản trong nước vừa bảo đảm tính đặc thù song phải phù hợp với pháp luật quốc tế; tạo cơ sở pháp lý và môi trường hoạt động ổn định cho sự nghiệp xuất bản phát triển đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, xây dựng đạo đức, lối sống và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân<sup>1</sup>.

---

1. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật - Ban Tuyên giáo Trung ương - Bộ Thông tin và Truyền thông - Hội xuất bản Việt Nam: *Xuất bản Việt Nam - 70 năm xây dựng và phát triển (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Sđd, tr.421.

## GIÁ TRỊ CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” - TUYÊN NGÔN VĂN HÓA ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG SAU 80 NĂM NHÌN LẠI

PGS.TS.GVCC. TRẦN THỊ MINH TUYẾT \*

Từ truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc và thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Đông Dương (tức Đảng Cộng sản Việt Nam) sớm nhận thức rõ tầm quan trọng của mặt trận văn hóa trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Vào tháng 2/1943, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên)<sup>1</sup> đã thông qua *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo. Đây chính là Cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng về chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam. Kết tinh trí tuệ, tầm nhìn, trách nhiệm của Đảng đối với dân tộc, sau 80 năm, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn tỏ rõ sức sống và vẹn nguyên giá trị lịch sử, giá trị đương đại. Việc nhận thức đúng các giá trị trong văn kiện này không chỉ giúp chúng ta hiểu sâu thêm về lịch sử vinh quang của Đảng mà còn gợi mở phương hướng chấn hưng văn hóa Việt Nam.

### 1. Giá trị lịch sử

Đối với một đảng chính trị, hoạch định đường lối là “khâu” trọng yếu nhất và đường lối chỉ có giá trị khi giải quyết được yêu cầu cấp bách của thực tiễn. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời trong một tình thế căng thẳng, rối ren. Lúc này, Chiến tranh thế giới lần thứ hai đang diễn ra khốc liệt và lực lượng đế quốc càng ra sức thi hành các chính

---

\* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

1. Nay là Đông Anh, Hà Nội.

sách phản động. Ở Đông Dương, từ tháng 9/1940, nhân dân rơi vào tình cảnh “một cổ hai tròng”. Thực dân Pháp và phát xít Nhật không chỉ bóc lột tàn tệ dân ta mà còn mưu toan giết chết một nền văn hóa lâu đời. Trong tình cảnh nguy khốn đó, độc lập dân tộc nói chung và độc lập về văn hóa nói riêng đã trở thành vấn đề “sống còn” của dân tộc. Lãnh sự mệnh đưa cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, trong tình thế “nước sôi lửa bỏng”, Đảng Cộng sản Đông Dương cần đưa ra một cương lĩnh văn hóa để vạch rõ âm mưu, thủ đoạn nô dịch văn hóa của thực dân Pháp, của phát xít Nhật, thức tỉnh đội ngũ trí thức, qua đó thức tỉnh đông đảo quần chúng nhân dân và tập hợp họ dưới ngọn cờ cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. *Đề cương về văn hóa Việt Nam*<sup>1</sup> năm 1943 ra đời là để đáp ứng các yêu cầu khẩn thiết đó.

Với gần 1.500 từ, được kết cấu thành 5 phần, Đề cương trình bày một cách súc tích hệ thống các quan niệm, phạm trù, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của một nền văn hóa dân tộc cần hướng đến và nhiệm vụ của các nhà văn hóa mácxít trên mặt trận văn hóa, tư tưởng. Là kết quả của tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm hoạt động lãnh đạo trên mặt trận văn hóa từ khi Đảng ta ra đời, Đề cương kết tinh các giá trị lịch sử to lớn.

*Thứ nhất, Đề cương chính là cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng.*

Trước khi Đề cương ra đời, Chính cương vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và Luận cương Chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương do Trần Phú soạn thảo đã đề cập đến một số khía cạnh của văn hóa nhưng phải đến Đề cương, nhận thức về văn hóa của Đảng mới được công khai một cách toàn diện và mang tính chiến lược.

Với phương pháp luận duy vật biện chứng, Đề cương đã luận giải rõ ràng phạm trù văn hóa, mối quan hệ giữa văn hóa, kinh tế và chính trị; giữa lịch sử văn hóa, nguy cơ hiện hữu và triển vọng phát triển của văn hóa dân tộc; mối quan hệ giữa cách mạng văn hóa và cách mạng giải phóng dân tộc... Đề cương cũng xác định rõ mục tiêu, nguyên tắc, tính chất, cách thức vận động của nền văn hóa mới cần xây dựng và nhiệm vụ của các nhà hoạt động văn hóa.

---

1. Từ đây, gọi tắt là Đề cương.

Trước sự thống trị của “văn hóa nửa phong kiến, nửa tư sản và hoàn toàn có tính cách thuộc địa”<sup>1</sup>, trước “những thủ đoạn phát xít trời buộc và giết chết văn hóa Việt Nam”<sup>2</sup> của thực dân Pháp và phát xít Nhật, Đề cương là ngọn đuốc soi đường và định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động văn hóa cho toàn Đảng, toàn dân trong công cuộc đấu tranh giành độc lập để tiến tới xây dựng chế độ mới, nền văn hóa mới ở Việt Nam. Trong điều kiện hoạt động bí mật, Đề cương chỉ dừng lại ở những định hướng lớn, những nguyên tắc mang tính nền tảng; nhiều vấn đề chưa có điều kiện đi sâu. Dù vậy, Đề cương đã thể hiện rõ quan điểm của Đảng về mặt trận văn hóa với tư tưởng chủ đạo là phải giải phóng văn hóa Việt Nam khỏi xiềng xích của văn hóa trung cổ và nô dịch. Những quan điểm mang tính khoa học và cách mạng đó đã trang bị cho các tổ chức đảng, các cán bộ hoạt động văn hóa, tư tưởng những lý luận mácxít cơ bản. Sự nghiệp giải phóng dân tộc mà Đảng đang vận động, lãnh đạo đã được tiếp thêm sức mạnh từ mặt trận văn hóa.

*Thứ hai, Đề cương đã xác định lộ trình, định hướng phát triển cho nền văn hóa mới ở Việt Nam.*

Hồ Chí Minh viết trong *Đường Cách mệnh*: “Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”<sup>3</sup>, tức phứt bỏ cái cũ kỹ, phản động để thiết lập cái mới tiến bộ hơn. Kế thừa tinh thần đó, Đề cương khẳng định, ở Việt Nam phải tiến hành cách mạng văn hóa chứ không dừng lại ở mức độ cải cách bởi chỉ như thế “mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”. Cách mạng văn hóa như mọi cuộc cách mạng khác, muốn thành công phải có định hướng rõ ràng. Đề cương xác định như sau: 1- Về chủ thể “phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo”; 2- Về thời gian: “Cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị”; 3- Về điều kiện: “Cách mạng văn hóa ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng”; 4- Về mục tiêu lâu dài: “Nền văn hóa mà cuộc cách mạng văn hóa ở Đông Dương phải thực hiện sẽ là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa”; 5- Về tính chất: Trong giai đoạn trước mắt, “văn hóa mới Việt Nam là một thứ văn hóa có tính dân tộc về hình thức và tâm dân chủ về nội dung.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7. tr.317, 317.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.284.

Chính vì thế nó cách mạng nhất và tiến bộ nhất Đông Dương trong giai đoạn này” cho dù “chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa Xô viết”. Đặc biệt, “Đề cương chỉ rõ ba nguyên tắc vận động của văn hóa Việt Nam là: “Dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”. Trong đó, “dân tộc hóa” là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. “Đại chúng hóa” là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa cách với đông đảo quần chúng bởi họ chính là động lực và mục tiêu của cách mạng. “Khoa học hóa” là chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ, đồng thời phải chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, duy tâm... Đề cương đặt “Dân tộc hóa” làm nguyên tắc hàng đầu là hoàn toàn đúng đắn bởi mất độc lập về chính trị thì cũng mất độc lập về văn hóa. “Đại chúng hóa” là nguyên tắc thứ hai vì quần chúng là cội nguồn sức mạnh của cách mạng, là chủ thể sáng tạo và thụ hưởng văn hóa; văn hóa đích thực không thể là thứ xa xỉ quần chúng không thể với tới mà phải thực sự dành cho họ, phục vụ họ và nâng dần họ tới các giá trị văn hóa. “Khoa học hóa” là nguyên tắc không thể thiếu vì một nền văn hóa tiên tiến, cách mạng phải được xây dựng trên nền tảng khoa học chắc chắn. Nguyên tắc “khoa học hóa” đặc biệt cần thiết ở Việt Nam vì khoa học ở đây không có điều kiện phát triển do sự “lên ngôi” của chủ nghĩa kinh nghiệm và chính sách ngu dân của những kẻ thực dân. Ba nguyên tắc trên phản ánh đúng nhu cầu bức thiết của cuộc vận động văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ và trở thành nguyên tắc để xây dựng một nền văn hóa mới của dân tộc trong tương lai. Tiến hành cách mạng văn hóa là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân nhưng các nhà hoạt động văn hóa phải đóng vai trò trung tâm. Vì thế, Đề cương đã xác định rõ những nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Việt Nam.

Bằng việc xác định một cách rõ ràng, súc tích lộ trình, cách thức vận động, công việc phải làm, Đề cương đã trở thành “ngọn hải đăng” cho công cuộc xây dựng nền văn hóa mới mang tính lâu dài ở Việt Nam.

*Thứ ba, Đề cương đã tập hợp được đông đảo trí thức, các nhà hoạt động văn hóa vào sự nghiệp cứu quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, trí thức đóng vai trò quan trọng bởi họ đại diện cho trí tuệ dân tộc. Thực tế cho thấy, “sĩ phu ngoảnh mặt”

không chỉ là một dấu hiệu sụp đổ của chính thể mà còn là tác nhân bất thành của cuộc cách mạng. Sự cần thiết phải quy tụ đội ngũ các nhà văn hóa Việt Nam còn xuất phát từ thực trạng bị chia rẽ và mất phương hướng của phần lớn trí thức thời đó.

Ngay khi Pháp - Nhật tạm thời cấu kết với nhau để đàn áp cách mạng, bóc lột nhân dân Đông Dương thì giữa chúng vẫn tồn tại mâu thuẫn và mưu toan lôi kéo lực lượng riêng để “hất cẳng” nhau khi có cơ hội. Vì thế, nếu thực dân Pháp ca ngợi văn hóa Pháp, tung hô khẩu hiệu “Pháp - Việt phục hưng”, ca ngợi công lao “khai sáng” của “nước mẹ” Pháp thì phát xít Nhật tuyên truyền tinh thần “võ sĩ đạo” của văn hóa Nhật, đề cao thuyết “Đại Đông Á” với vị thế dẫn đường của “người anh cả” Nhật Bản. Bị tác động bởi các khuynh hướng văn hóa, tư tưởng khác nhau, trong đội ngũ các nhà hoạt động văn hóa thời đó tồn tại sự chia rẽ nhất định. Một số trí thức cực đoan phản động, dưới sự hậu thuẫn của Pháp, đã chuyển sang công khai chống lại Đảng Cộng sản Đông Dương, phủ nhận và bôi nhọ lịch sử dân tộc. Một bộ phận trí thức tỏ ra “thúc thời” quay ra “bài Pháp”, coi nước Nhật là “cứu tinh” của các dân tộc da vàng. Bộ phận lớn trí thức không theo Pháp cũng chẳng theo Nhật nhưng lại rơi vào tình trạng mất phương hướng, “bất đắc chí”. Do sự bi quan, hoài nghi trước thời cuộc, họ trở nên “sống mòn”, trốn vào “tháp ngà nghệ thuật”, theo đuổi chủ nghĩa hư vô... Trong hoàn cảnh đó, Đề cương - một văn kiện cứu nước, một “bản hịch” văn hóa đã thức dậy trong những người trí thức chân chính tinh thần dân tộc và giúp họ hiểu rằng, muốn cứu văn hóa dân tộc, trước tiên phải tham gia giải phóng dân tộc. Đề cương đã giúp đội ngũ trí thức “sáng mắt, sáng lòng”, tin tưởng đi theo cách mạng. Hội Văn hóa cứu quốc - thành viên của Mặt trận Việt Minh, được thành lập tháng 4/1943, đã đóng vai trò tập hợp văn nghệ sĩ, trí thức tham gia cách mạng. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và các cuộc kháng chiến vĩ đại sau này không chỉ là thắng lợi của đường lối chính trị, quân sự đúng đắn mà còn là thắng lợi của đường lối văn hóa, của sức mạnh văn hóa Việt Nam.

*Thứ tư, Đề cương thể hiện sự nhất quán cao độ giữa đường lối của Đảng với tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa.*

Lãnh tụ Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng và là “linh hồn” của Đảng. Ở thời điểm bản Đề cương do Tổng Bí thư Trường Chinh - người cộng sự

đắc lực, người học trò xuất sắc của Hồ Chí Minh soạn thảo, được thông qua và Hội Văn hóa cứu quốc ra đời. Năm 1943, Người đã đưa ra khái niệm về văn hóa và 5 định hướng lớn để xây dựng nền văn hóa dân tộc Người xác định: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn. Năm điểm lớn xây dựng nền văn hóa dân tộc.

1- Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

2- Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

3- Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

4- Xây dựng chính trị: dân quyền.

5- Xây dựng kinh tế”<sup>1</sup>.

Đây là một định nghĩa ngắn gọn, súc tích, mang tính chất thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa, thể hiện sâu sắc tư tưởng của người về văn hóa.

Cho dù cách diễn đạt khác nhau nhưng giữa Đề cương và tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa có sự thống nhất cao độ, đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa, thể hiện sâu sắc tư tưởng của Người về văn hóa xung quanh các vấn đề then chốt như: Quan hệ chặt chẽ giữa văn hóa với kinh tế và chính trị, văn hóa phải phục vụ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và phục vụ quần chúng; nền văn hóa mới ở Việt Nam có đặc tính dân tộc, đại chúng và khoa học; văn hóa là một mặt trận, các nhà hoạt động văn hóa có trách nhiệm “phò chính, trừ tà”; phải chống sự nô dịch về văn hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc... Sự thống nhất về tư tưởng giữa lãnh tụ của Đảng và Trung ương Đảng, giữa các lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng thể hiện rằng: Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng và đường lối của Đảng chính là sự cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh trong từng giai đoạn lịch sử.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

Điều đó góp phần củng cố nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng và làm gia tăng sức mạnh của Đảng.

Trong điều kiện hoạt động bí mật, thiếu thốn tư liệu nghiên cứu và khó khăn trong công tác tuyên truyền, Đề cương là cương lĩnh văn hóa cô đọng nhất; nhiều vấn đề chỉ ở mức độ gợi mở. Dù vậy, nó đã xác định các vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam theo lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin để hướng đạo cho hoạt động thực tế và góp phần tạo ra sức mạnh tổng hợp của cách mạng. Nhờ đó, văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa, nghệ thuật nói riêng đã “xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay”<sup>1</sup>. Đó là một thành công, một đóng góp không thể phủ nhận của Đề cương đối với cách mạng nói chung và văn hóa dân tộc nói riêng.

## 2. Giá trị đương đại

Không chỉ soi rọi nền văn hóa cách mạng trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sau 80 năm đầy biến động, giá trị đương đại của Đề cương vẫn hiển hiện trên một số phương diện.

*Một là, Đề cương là nền tảng lý luận để Đảng xây dựng, hoàn thiện đường lối văn hóa Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.*

Thực tiễn hơn 35 năm đổi mới, cách mạng Việt Nam đã chứng minh rằng: Từ “cái gốc” là *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, “cây” lý luận về văn hóa của Đảng ngày càng phát triển. Đại hội VI (1986) mở ra sự nghiệp đổi mới toàn diện nhưng trước hết phải đổi mới tư duy, trong đó có tư duy về văn hóa. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội VII (6/1991) đã xác định; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong sáu đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Sự thay đổi trong cách diễn đạt và nhận thức về đặc tính của nền văn hóa Việt Nam hoàn toàn hợp lý. Thời đại mới đòi hỏi ở nền văn hóa đặc tính tiên tiến. Tính tiên tiến được thể hiện trong sự kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhưng tiếp thu những giá trị mới văn hóa nhân loại để không bị tụt hậu hay rơi vào dạng thức giáo điều. Tính tiên tiến còn được thể hiện trong việc xây dựng một nền văn hóa mang

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.37, tr.569.



tính khoa học: Khoa học trong tư duy, trong nếp sống, trong việc đưa khoa học thâm nhập sâu vào sản xuất và mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tiên tiến còn là hướng về nhân dân, phục vụ nhân dân khi trình độ dân trí ngày càng cao. Mặt khác, văn hóa muốn phát triển, tất yếu phải “cắm rễ sâu” vào đời sống dân tộc, giữ gìn và phát huy các giá trị của nó. Vì thế, cái gọi là “đậm đà bản sắc dân tộc” chính là sự “nâng cấp” nguyên tắc “dân tộc hóa” để tạo nên “thẻ căn cước” quốc gia Việt Nam trong tiến trình hội nhập, chống lại nguy cơ đồng hóa từ các nền văn hóa khác.

Ý thức ngày càng sâu sắc về tầm quan trọng của văn hóa, trong thời kỳ đổi mới, Đảng đã thông qua một số nghị quyết chuyên đề về văn hóa. Năm 1998, Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Nghị quyết đã đưa ra năm quan điểm chỉ đạo cơ bản: 1- Văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; 2- Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 3- Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; 4- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; 5- Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII là một bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển, hoàn thiện lý luận về văn hóa của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nếu so sánh giữa Đề cương năm 1943 và Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, có thể nhận rõ phần “bất biến” (do Đảng lãnh đạo, văn hóa là một mặt trận) và phần kế thừa, phát triển tư tưởng của Đề cương trong tình hình mới (mở rộng nội hàm, vai trò của văn hóa và sự đổi mới tính chất nền văn hóa...).

Từ thực trạng phát triển văn hóa sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước”. Nghị quyết đã bổ sung một số quan điểm quan trọng về văn hóa: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân

cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa; xây dựng nền văn hóa Việt Nam thấm nhuần tinh thần dân tộc, tính nhân văn, dân chủ và khoa học. Đảng xác định rõ: Trong xây dựng văn hóa, cần chăm lo xây dựng con người văn hóa, con người toàn diện với các đặc tính cơ bản là yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo bởi con người là chủ thể của văn hóa. Muốn vậy, phải xây dựng môi trường văn hóa đồng bộ từ gia đình, nhà trường và xã hội. Cũng cần phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. Những quan điểm mới trong Nghị quyết đã thể hiện sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về văn hóa trên nền tảng vững chắc là *Đề cương về văn hóa Việt Nam*.

Cuối nhiệm kỳ khóa XII, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 76-KL/TW, ngày 4/6/2020 về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, trong đó khẳng định: Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa chính là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh “nội sinh” quan trọng nên đầu tư cho văn hóa chính là đầu tư cho sự phát triển bền vững.

Do nhiều nguyên nhân, thực tế đời sống văn hóa vẫn có độ “vênh” với chủ trương của Đảng. Với tinh thần khoa học, Đại hội XIII thừa nhận: “Văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần”<sup>1</sup>. Hạn chế không chỉ có vậy. Đó còn là sự lúng túng, chậm trễ trong công tác lãnh đạo, quản lý văn hóa; sự thiếu vắng các tác phẩm văn hóa “xứng tầm”, sự chênh lệch về thụ hưởng văn hóa giữa các vùng miền; sự chưa bảo đảm cả về số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ văn hóa; sự chậm trễ trong việc quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới... Từ hạn chế và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước, Đại hội XIII chủ trương “tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.84.

giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”<sup>1</sup>. Kế thừa quan điểm trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, rằng “có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>2</sup>, Nghị quyết Đại hội XIII khẳng định quyết tâm “tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa”<sup>3</sup>.

Phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh phải “chú trọng mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, văn hóa và kinh tế; xây dựng văn hóa trong Đảng và trong hệ thống chính trị; xây dựng văn hóa công chức, văn hóa công vụ, đặc biệt là đạo đức công vụ, chú trọng sự nêu gương của cán bộ, đảng viên”<sup>4</sup>.

Mỗi nghị quyết đều là bước phát triển mới trong nhận thức của Đảng về văn hóa nên sau hơn 35 năm đổi mới, đường lối xây dựng và phát triển văn hóa của Đảng ngày càng hoàn thiện. Dù vậy, vẫn tồn tại một “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt giữa *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về văn hóa, tiêu biểu nhất là các quan điểm: Văn hóa là một mặt trận; Đảng phải lãnh đạo mặt trận văn hóa; phải phát huy sức mạnh của văn hóa trong chính trị - kinh tế và phải chống lại sự nô dịch về văn hóa... Rõ ràng là, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn là nền tảng lý luận để Đảng ta kế thừa, vận dụng và phát triển khi xây dựng chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

*Hai là, Đề cương tiếp tục gợi mở phương hướng chấn hưng văn hóa Việt Nam để phục vụ mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.*

Thực tế cho thấy, việc chấn hưng một nền văn hóa thường khó khăn và lâu dài hơn so với việc tạo ra bước phát triển trong kinh tế. Đại hội XIII lần đầu tiên sử dụng cụm từ “phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam”<sup>5</sup> bởi có nội lực văn hóa đủ mạnh thì mới có thể phát triển bền vững và đủ tự

1, 3, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.143, 146, 145.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.316.

4. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.165.

tin để hội nhập với bên ngoài. Ra đời cách đây tròn 80 năm, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* gợi mở, “hiển kê” cho chiến lược chấn hưng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Trước hết, cần nâng cao nhận thức của toàn hệ thống chính trị về tầm quan trọng của văn hóa đối với tiến trình phát triển đất nước.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng đúc kết: “Nói một cách hình tượng, đổi mới phải bắt nguồn và bắt rễ từ mảnh đất của văn hóa, truyền thống văn hóa dân tộc, sự nghiệp đổi mới bao quát mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội đến chính trị và hệ thống chính trị của nước ta... Với tầm nhìn bao quát, phải thấy văn hóa là đổi mới, đổi mới là văn hóa”<sup>1</sup>. Sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta ngày càng đi vào chiều sâu và ngày càng đặt ra nhiều thách thức. Để biến “nguy” thành “cơ”, biến “áp lực” thành “động lực”, tất yếu phải dựa trên sức mạnh văn hóa. Một sản phẩm văn hóa dù không giải thoát con người khỏi sự đói khát, bệnh tật theo “nghĩa đen” nhưng lại tạo nên sức mạnh nội sinh để con người vượt qua tất cả trở ngại với tư cách là một con người. Ngày nay, trên thế giới, văn hóa không chỉ định hình bản sắc riêng của từng quốc gia - dân tộc mà đã trở thành lợi thế so sánh, cạnh tranh, là “vốn đối ứng” quan trọng cho sự hợp tác quốc tế. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã chứng minh chân lý: Chính thể nào, ở đâu và vào lúc nào, nếu muốn thành công thì đều phải bắt đầu từ văn hóa. Do đó, phải xác định rõ, phát triển văn hóa là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân; đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người để hướng tới sự phát triển bền vững và tạo ra “kháng thể văn hóa” giúp dân tộc ta “hội nhập mà không hòa tan”.

Tiếp đó, tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa. Văn hóa là một mặt trận mà những người cộng sản phải thể hiện vai trò lãnh đạo của mình. Đây là một nguyên tắc bất di bất dịch; bất cứ ai muốn thoát ly khỏi sự lãnh đạo ấy, bất cứ ai muốn đặt văn học, nghệ thuật ra khỏi chính trị, đều là siêu hình, đi ngược lại lợi ích của Đảng và dân tộc. Tuy nhiên, thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi Đảng phải lãnh đạo bằng các giá trị văn hóa, tức là bằng trí tuệ sáng suốt, tinh thần dân chủ, năng lực đối thoại văn hóa và khả năng thuyết phục quần chúng chứ không được phép chủ quan, duy ý chí hay

1. Phạm Văn Đồng: *Văn hóa và đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.6.

“độc tôn chân lý”. Muốn thế, phải xây dựng văn hóa lãnh đạo, văn hóa cầm quyền, văn hóa quản lý, văn hóa nêu gương để văn hóa Đảng trở thành sự tiêu biểu và kết tinh những gì ưu tú nhất của văn hóa dân tộc. Lúc này, Đảng lãnh đạo văn hóa không chỉ bằng trách nhiệm đề ra đường lối, chủ trương phát triển văn hóa đúng đắn, bằng việc kiểm tra công tác quản lý văn hóa trên thực tế mà quan trọng hơn, phải bằng phương pháp nêu gương, thực hành “văn hóa tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí”<sup>1</sup>. Xây dựng Đảng về văn hóa là tạo ra sự phát triển, sự trưởng thành thật sự của Đảng như một chủ thể văn hóa, chủ thể các giá trị chân - thiện - mỹ. Chỉ như thế và khi đó, quyền lãnh đạo, cầm quyền của Đảng mới bền vững.

Hơn bao giờ hết, cần đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng. Văn hóa, dù theo nghĩa hẹp là các giá trị tinh thần thì nội hàm của nó cũng rất rộng và tư tưởng là một bộ phận căn cốt. Vì thế, bản Đề cương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đều khẳng định: Văn hóa là một trong ba mặt trận, ở đó diễn ra cuộc đấu tranh kịch liệt về tư tưởng. Trong bài “Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam lúc này”, Tổng Bí thư Trường Chinh viết: “Phàm cái gì chống lại tinh thần độc lập dân tộc và thống nhất, phải thẳng cánh đập tan. Phàm cái gì trái khoa học, phản tiến bộ, phải kiên quyết bài trừ. Phàm cái gì phản đại chúng, xa đại chúng, phải nhất luận phê phán”<sup>2</sup>. Do đó, muốn văn hóa Việt Nam phát triển, tất yếu phải chống lại tư tưởng thù địch, âm mưu nô dịch văn hóa Việt Nam, phê phán kịp thời những biểu hiện của tự do quá trớn trong lý luận, phê bình và sáng tác văn học, nghệ thuật. “Phò chính, trừ tà” là chức năng cao quý của văn hóa nói chung, văn học nghệ thuật nói riêng. Đảng nỗ lực tạo dựng môi trường dân chủ trong sáng tạo văn hóa nhưng cơ quan lãnh đạo, quản lý văn hóa và các nhà hoạt động văn hóa đều cần ý thức sâu sắc về trách nhiệm của người trí thức trong việc bảo vệ văn hóa dân tộc, bảo vệ đường lối của Đảng về văn hóa, đấu tranh với các tư tưởng xuyên tạc, thù địch và với những gì phản văn hóa đang diễn ra trong đời sống đất nước.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.194.

2. Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1986, t.1, tr.30.

Trong tiến trình hội nhập quốc tế, tất yếu Việt Nam phải tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại nhưng đó là sự tiếp thu trên tinh thần chọn lọc. Kế thừa truyền thống khoan dung văn hóa của dân tộc, Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam”<sup>1</sup>. Trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Tổng Bí thư Trường Chinh đã khẳng định: “Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được củng cố xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>2</sup>. Do sự “giao thoa” văn hóa ngày nay diễn ra rất mạnh nên ta phải ý thức rõ, cái gì là bản sắc văn hóa dân tộc để giữ gìn, cái gì là giá trị chung nhân loại để tiếp thu và đâu là yếu tố hợp lý trong các trào lưu tư tưởng đương đại để làm giàu cho văn hóa dân tộc mà vẫn không “đánh mất mình”. Khi tiến trình toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, mỗi dân tộc cần giữ cho được bản sắc của mình; cần phải là chính mình. Đó là điều không dễ dàng nhưng nếu hòa nhập mà bị “hòa tan” tức là mất nước.

Muốn chấn hưng văn hóa, Đảng phải không ngừng hoàn thiện đường lối phát triển văn hóa. Hồ Chí Minh từng đúc kết: “Chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi”<sup>3</sup>. Khi thực tế dân tộc và thế giới đang diễn ra rất nhanh, tất yếu Đảng phải thường xuyên xem xét, điều chỉnh đường lối của mình, nếu không muốn bị thực tế “vượt qua”. Kế thừa tinh thần “phản tư” khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, vào năm 1983 - thời điểm tròn 40 năm ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh đánh giá: Đề cương về văn hóa Việt Nam không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng Đề cương về văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam<sup>4</sup>. Tinh thần “phản tư” của đồng chí Trường Chinh để lại cho Đảng bài học về sự cần thiết phải đánh giá khách quan đường lối phát triển văn hóa. Một đường lối đúng phải là

1. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, 1997, tr.350.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.318.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.636.

4. Xem Trường Chinh: *Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.

đường lối có tính khả thi và ngay khi hoạch định đường lối thì khả năng thực hiện nó phải được tính đến. Vì thế, việc quy kết tính khả dụng của đường lối cho công tác tổ chức thực hiện có lẽ không hoàn toàn thuyết phục. Câu hỏi đặt ra là: Vì sao đường lối văn hóa của Đảng chưa đi vào thực tế đầy đủ như mong muốn? Phải chăng, ở một mức độ nào đó, có những chủ trương chính sách bị lạc hậu, chưa theo kịp thực tiễn đời sống văn hóa của đất nước? Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh đạo đúng là “phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng”<sup>1</sup> nhưng khi thực tiễn biến đổi quá nhanh thì cái đúng của ngày hôm qua chưa chắc đã đúng với ngày nay. Thiết tưởng, đã đến lúc xem xét việc ban hành một nghị quyết chuyên đề về chấn hưng văn hóa.

\*

\* \*

Đến nay, dù đã ở thập kỷ thứ 3 của thế kỷ XXI, chúng ta vẫn tìm thấy trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* những nguyên tắc, lập trường và sự gợi mở để chuyển hóa “áp lực” chấn hưng văn hóa thành “động lực” phát triển văn hóa nhằm đưa dân tộc tiến tới sự phồn vinh, hạnh phúc.

Lịch sử dù biến động đến đâu, vẫn luôn khẳng định sức mạnh vĩ đại của văn hóa, của con người. Ra đời trong “đêm trước” của cách mạng nhưng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã phản ánh tầm nhìn của Đảng về một lĩnh vực rất nhạy cảm là văn hóa. Đóng vai trò tạo dựng tiền đề cho việc quy tụ đội ngũ trí thức vào công cuộc giải phóng dân tộc và vạch ra một quỹ đạo vận động cho văn hóa Việt Nam, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* thực sự là một văn kiện vô giá của Đảng, thể hiện rõ trách nhiệm, năng lực lãnh đạo của Đảng trước dân tộc. Với những giá trị lịch sử và đương đại to lớn, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* góp phần làm nên “pho lịch sử bằng vàng” đáng tự hào của Đảng Cộng sản Việt Nam.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.325.

**TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG TA  
VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN  
NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM  
TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943**

PGS.TS. NGUYỄN HỒNG VINH\*

**T**ròn 80 năm, bản Đề cương văn hóa được công bố rộng rãi vào đầu năm 1943 trong bối cảnh Đảng ta chưa giành được chính quyền. Các nhà nghiên cứu văn hóa ở trong nước và nước ngoài đều coi sự xuất hiện của bản Đề cương này là một hiện tượng đặc biệt, hiếm có đối với một đảng chưa cầm quyền, mà đã có tầm nhìn chiến lược về một lĩnh vực tinh thần không kém phần quan trọng đối với chính trị và kinh tế. Điều đó phản ánh sự nhạy bén chính trị và tầm nhìn chiến lược của Đảng ta, trước bước ngoặt quan trọng của lịch sử dân tộc. Sự phối hợp của các thế lực ngoại xâm không chỉ là việc ra sức tìm cách vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động đến tận xương tủy, mà đi theo đó là hàng loạt những thủ đoạn với dã tâm làm hủy hoại tinh thần của nhân dân ta, xóa bỏ các truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, để chúng dễ bề ru ngủ, triệt tiêu ý thức phản kháng của nhân dân; trong khi đó, chúng ra sức đề cao văn hóa ngoại bang. Vì vậy, bản Đề cương là sự cảnh báo cần thiết và kịp thời đối với toàn dân tộc, bóc trần mối nguy hại của chính sách văn hóa phản động, như tuyên truyền, giới thiệu, phô trương văn hóa của thực dân và phát xít, đề cao chủ nghĩa Đại Đông Á, mua chuộc nhà văn có tài, hăm dọa các nhà văn tiến bộ có tư tưởng cách mạng; xuất bản hàng loạt tài liệu nhồi sọ, thực hiện chính sách kiểm duyệt ngặt nghèo, tuyên truyền chủ nghĩa ái quốc mù quáng...

---

\* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Tổng Biên tập Báo Nhân Dân.



Trước hàng loạt nguy cơ đó, bản Đề cương chỉ rõ, muốn hoàn thành cách mạng chính trị, Đảng ta phải đồng thời lãnh đạo cách mạng văn hóa; cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có thể thực hiện thành công khi Đảng nắm lấy ngọn cờ văn hóa. Nhiệm vụ cần kíp của những người cách mạng, nhất là những nhà văn hóa mácxít là phải đề cao tinh thần chống phát xít, thực dân, phong kiến câu kết nô dịch tinh thần, thực hiện chính sách ngu dân. Muốn vậy phải xây dựng văn hóa tân dân chủ, đấu tranh với những loại triết học Âu - Á tập trung đề cao vai trò giai cấp thống trị; phải đẩy mạnh tuyên truyền làm cho thuyết duy vật biện chứng và thuyết duy vật lịch sử chiến thắng. Về văn nghệ, cần đề cao xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và làm giàu tiếng nói và chữ viết dân tộc... Tất cả các hoạt động đó đều dựa trên ba nguyên tắc: dân tộc, đại chúng, khoa học. Đảng cũng nhấn mạnh, mặt trận chính trị và mặt trận văn hóa có vị trí quan trọng như nhau. Có thể nói, những luận điểm cơ bản nêu trong Đề cương đã được thực thi khẩn trương ngay sau khi Đảng ta giành được chính quyền vào tháng 8/1945. Sau ngày Tuyên ngôn độc lập một ngày, ngày 3/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, thông qua 6 nhiệm vụ cấp bách, trong đó có 3 nhiệm vụ liên quan văn hóa - đó là diệt giặc dốt; xóa bỏ tệ nạn thuốc phiện và thực hiện chính sách lương - giáo đoàn kết. Tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta vừa được 10 tháng, thì ngày 24/11/1946, Bác Hồ đích thân chủ trì Hội nghị Văn hóa toàn quốc, khẳng định lại những luận điểm trong Đề cương văn hóa và chỉ rõ những việc cần làm trước mắt với phương châm: “kháng chiến hóa văn hóa” và “văn hóa hóa kháng chiến”. Tháng 7/1947, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai, Tổng Bí thư Trường Chinh lại trình bày bản báo cáo quan trọng “*Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*”, chỉ rõ tính chất và nhiệm vụ văn hóa dân chủ mới ở Việt Nam; sự cần thiết phải xây dựng “mặt trận văn hóa thống nhất trong mặt trận dân tộc thống nhất”. Ngày 27/12/1983, tại Lễ kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời Đề cương văn hóa, sau khi phân tích nội dung, ý nghĩa lịch sử bản Đề cương, đồng chí Trường Chinh khẳng định: “Căn cứ nội dung Đề cương, thì phải gọi đó là “*Đề cương về cách mạng tư tưởng và văn hóa Việt Nam*” mới thật chính xác. Điểm lại khái quát những thành tựu hoạt động văn hóa của cả nước, đồng chí khẳng định: “Bốn mươi năm

qua, bản Đề cương văn hóa đã đi vào cuộc sống, tạo ra những chuyển biến sâu sắc trên đất nước ta. Một nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa với sức sống mãnh liệt đang củng cố những đổi mới trong tư tưởng, tình cảm, trí tuệ và đạo đức của nhân dân ta ngày nay”. Năm 1947, nhân cuộc Triển lãm mỹ thuật toàn quốc tại Chiến khu Việt Bắc, Bác gửi thư căn dặn: Văn nghệ cũng là một mặt trận, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Sau này nói chuyện với các nhà báo, Bác lại khẳng định: Báo chí cũng là mặt trận; trang giấy và cây bút là vũ khí sắc bén.

Tròn 80 năm qua, những tư tưởng chỉ đạo cơ bản nêu trong Đề cương văn hóa năm 1943, vẫn giữ nguyên giá trị thời sự. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã điểm lại những quan điểm chỉ đạo cùng những thành tựu về phát triển văn hóa Việt Nam từ ngày lập Đảng đến nay. Chúng ta càng nhìn nhận rõ hơn tầm nhìn chiến lược của Đảng ta về văn hóa qua một số mốc lịch sử quan trọng. Sau Đại hội VI của Đảng vào năm 1986, chúng ta triển khai Cương lĩnh đổi mới đất nước được 12 năm, thì Đảng ta đề ra Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” với năm nguyên tắc cơ bản, trong đó đáng chú ý nguyên tắc thứ năm là: Xây dựng văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ đóng vai trò quan trọng. Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII nêu trên, Đảng ta tiến hành tổng kết và ban hành Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI vào ngày 9/6/2014 với tên gọi: “*Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”. Trong Nghị quyết này, Đảng ta bổ sung, hoàn chỉnh năm quan điểm quan trọng ghi trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII. Theo tôi, giá trị căn cốt của Nghị quyết này thể hiện cụ thể ở năm quan điểm được trình bày khoa học, mang tính tổng kết lý luận - thực tiễn cao, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các nhiệm vụ và giải pháp, phù hợp tình hình thực tiễn đất nước ta khi công cuộc đổi mới, hội nhập đi vào chiều sâu:

1- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

2- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

3- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

4- Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

5- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Điểm mới của Nghị quyết số 33 là Đảng ta đã nhấn mạnh nhiệm vụ “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện” với những nội dung rất cụ thể: Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

Để có những con người đáp ứng yêu cầu trên đây, nghị quyết nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, trong đó: Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Xây

dựng mỗi trường học phải thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ. Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội...

Có thể nói rằng, về thực chất, chúng ta đã cụ thể hóa, bổ sung và phát triển một số luận điểm cơ bản trong Đề cương văn hóa và các nghị quyết sau đó, nhằm đáp ứng thực tiễn tình hình đất nước trong quá trình hội nhập và phát triển trước những đặc điểm và yêu cầu mới. 93 năm qua, dưới ánh sáng dẫn đường của những cương lĩnh và nghị quyết của Đảng nêu trên, nền văn hóa Việt Nam đã huy động được sức mạnh toàn dân tộc, góp sức khơi thông tư tưởng và nhận thức nhiệm vụ chính trị của đất nước trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể, phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, ý chí quật cường, tinh thần dũng cảm vượt lên mọi hy sinh gian khó, tạo nên thắng lợi vang dội của các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Chúng ta không bao giờ quên khí thế hùng hực các phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, cả nước chung một ý chí: “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào!”. Từ nhận thức sâu sắc mục tiêu thiêng liêng đó, xuất hiện các phong trào “Ba sẵn sàng” của thanh niên, “Ba đảm đang” của phụ nữ, “Ba quyết tâm” của trí thức... Thực tiễn lao động và chiến đấu, đã làm nảy sinh những phương châm hành động lôi cuốn các tầng lớp, giai tầng xã hội: “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”; “Tiếng hát át tiếng bom”... ở miền Bắc; “Ba mũi giáp công”; “Bám thắt lưng địch mà đánh”... ở miền Nam. Từ trong gian nan và mất mát, vẫn vang lên những bài ca lay động lòng người, cổ vũ hào khí của dân tộc ta chung lòng hợp sức, sát cánh cùng nhau giành và giữ từng tấc đất thiêng của tổ tiên để lại. Sức mạnh của văn hóa, văn học, nghệ thuật và các phẩm chất cao đẹp của đội quân làm công tác văn hóa - tư tưởng được tỏa sáng. Không ít bài ca vang cùng năm tháng đã át cả tiếng đạn bom, thật sự là vũ khí tinh thần sắc bén, góp sức làm nên những kỳ tích trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào ngày 30/4/1975.

Bước vào thời bình, công tác văn hóa tiếp tục có những đóng góp tích cực. Nhận thức về văn hóa ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn; các sản phẩm văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú. Văn hóa trong chính trị và kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực. Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập có bước phát triển mới. Nhiều tấm gương sáng trong phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã được lan tỏa, góp sức thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, cùng với những thành tựu đó, vẫn tồn tại những hạn chế, yếu kém nổi bật chậm được khắc phục, như nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò, vị trí quan trọng của văn hóa còn mờ nhạt, chưa được quan tâm đầy đủ, tương xứng với kinh tế và chính trị. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn nặng về chức năng giải trí. Phát triển các lĩnh vực văn hóa chưa đồng bộ, thiếu những tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Sự chênh lệch về văn hóa giữa các vùng miền còn lớn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa còn lúng túng, chậm trễ, bất cập. Chất lượng đội ngũ trực tiếp làm văn hóa còn thiếu và yếu. Việc tiếp nhận các thành tựu văn hóa trên thế giới thiếu chọn lọc, có hiện tượng bắt chước, lai căng...

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong phần nói về văn hóa, đã chỉ rõ những nguyên nhân hạn chế, bất cập nêu trên; từ đó nhấn mạnh một trong những quan điểm chỉ đạo cốt lõi và xuyên suốt là: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của nền văn hóa và con người Việt Nam..., kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; Phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”. Đảng ta đồng thời chỉ rõ, trung tâm xây dựng và phát triển văn hóa là xây dựng con người có nhân cách và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, chú trọng mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, văn hóa và kinh tế. Nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ đóng vai trò quan trọng.

Nhằm triển khai mạnh mẽ vào cuộc sống những quan điểm đó để phát huy thành tựu và khắc phục nhanh những hạn chế, thiếu sót nêu trên, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

đã gọi mở một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu. Đó là việc tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước về văn hóa. Khắc phục tư tưởng “duy kinh tế”, chỉ tập trung cho kinh tế, mà ít quan tâm đến văn hóa. Sớm khắc phục tình trạng chậm thể chế hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành pháp luật và các chính sách cụ thể, khả thi. Nâng mức đầu tư một cách hợp lý từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời khơi thông các nguồn lực xã hội... Hết sức coi trọng nhiệm vụ xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ mới. Đổi mới chính sách đãi ngộ, sử dụng, đồng thời tôn vinh tài năng và cống hiến của đội ngũ văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa... Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại. Coi trọng việc xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục của gia đình và xã hội. Kiên trì đấu tranh chống tham ô, tham nhũng, tiêu cực, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Cần tập trung sức nghiên cứu xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới...

Thực hiện thật tốt những ý kiến chỉ đạo trên đây của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, là thật sự làm cho “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi” - như lời Bác Hồ năm 1946, bảo đảm sự trường tồn của văn hóa song hành cùng sự trường tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam. Đó cũng chính là những biểu hiện cụ thể mà chúng ta đã và đang tiếp tục kế thừa, bổ sung, phát triển những quan điểm cốt lõi trong bản Đề cương văn hóa năm 1943, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước ta trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vươn tới mục tiêu cao đẹp: tới năm 2045 xây dựng nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, sánh vai với các nước tiên tiến trên thế giới.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 ĐẶT NỀN MÓNG, MỞ RA THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI CHO NỀN VĂN HÓA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

ThS. VŨ THỊ KIM YẾN\*  
TS. ĐẶNG THỊ MINH PHƯƠNG\*\*

Ra đời trong hoàn cảnh dân tộc ta, nhân dân ta đang sống nghèo khổ, ngột ngạt một cổ hai tròng, trong tình hình nhiễu loạn và phức tạp của nhiều trường phái và triết thuyết khác nhau..., *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 chỉ hơn 1.000 chữ, với nội dung ngắn gọn, súc tích, với tính khoa học và cách mạng... đã trở thành một vũ khí tư tưởng sắc bén trên mặt trận văn hóa. Bản Đề cương do đồng chí Trường Chinh, trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng soạn thảo, đã được coi như một tuyên ngôn chính thức đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa, đặt nền móng cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam theo hướng hiện đại sau này.

### 1. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Tuyên ngôn về một nền văn hóa mới

Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, nền văn hóa Việt Nam tuy đã đạt được những giá trị to lớn, nhất là về truyền thống yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, song là một nền văn hóa thiếu hụt truyền thống khoa học, đặc biệt là khoa học tự nhiên. Tư duy lý luận, các khái niệm khoa học, phương pháp khoa học chưa được coi trọng trong nền văn hóa truyền thống. Bên cạnh đó, văn hóa Trung Hoa và hệ tư tưởng Nho - Phật - Lão ảnh hưởng rất mạnh trong văn hóa

---

\* Khu Di tích Phủ Chủ tịch.

\*\* Đại học Văn hóa Hà Nội.

truyền thống Việt Nam. Các tư tưởng này vừa chi phối thiết chế văn hóa lao động, văn hóa giao tiếp và các quan hệ khác, vừa ảnh hưởng lớn đến nhân cách làm người, đặc biệt là nhân cách kẻ sĩ.

Cùng với mức độ và quy mô của công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp là các thành tựu khoa học kỹ thuật, văn học, nghệ thuật từ phương Tây thông qua sách báo đã ồ ạt tràn vào nước ta. Tầng lớp trí thức được đào tạo trong nền giáo dục Tây học là những người trực tiếp chịu ảnh hưởng và đã tiếp thu làn sóng văn hóa, văn minh mới đó. Giai đoạn này có thể thấy đã diễn ra sự giao thoa, đan xen và tồn tại đồng thời giữa những yếu tố văn hóa truyền thống và văn hóa phương Tây, văn hóa nô dịch của các nhà tư bản thực dân và cuộc đấu tranh vì văn hóa mới đang nảy sinh trong lòng xã hội thuộc địa Việt Nam.

“Bất mạch” đúng những “căn bệnh” của văn hóa Việt Nam dưới chế độ thực dân thuộc địa, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 kêu gọi xây dựng nền văn hóa mới, phát triển nền văn hóa dân tộc. Khác với tính chất phiến diện, một chiều thường thấy trong các công trình nghiên cứu trước đó, bản Đề cương đã trình bày văn hóa như một hệ thống bao gồm nhiều mặt, nhiều yếu tố, nhiều quá trình khác nhau, nhưng có liên quan chặt chẽ với nhau: giữa tư tưởng, học thuật và nghệ thuật; giữa văn hóa, kinh tế và chính trị; giữa các nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học; giữa lịch sử, nguy cơ và triển vọng... Đề cương đã đặt các mặt, các yếu tố, các quá trình trên đây trong mối quan hệ qua lại tất yếu với nhau, qua đó, làm nổi bật hệ thống các quy luật đã và đang chi phối sự vận động và phát triển của văn hóa Việt Nam.

Nội dung chính của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* gồm 5 phần ngắn gọn, cụ thể hóa quan điểm văn hóa của Đảng; sự gắn bó vai trò văn hóa với ý nghĩa cuộc cách mạng giải phóng; đặt ra mục đích, nguyên tắc, quan hệ của cuộc cách mạng văn hóa với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam; đề ra nhiệm vụ cấp bách của người chiến sĩ văn hóa mácxít như là một trong những điều kiện tiên quyết bảo đảm sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Phần I của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trình bày phạm vi vấn đề văn hóa (bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật); quan hệ giữa văn hóa và kinh tế chính trị (hạ tầng cơ sở quyết định kiến trúc thượng tầng); thái độ Đảng Cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn hóa (mặt trận văn hóa là một



trong ba mặt trận: kinh tế, chính trị, văn hóa; không chỉ làm cách mạng chính trị mà còn làm cách mạng văn hóa; lãnh đạo được phong trào văn hóa mới ảnh hưởng được dư luận và tuyên truyền có hiệu quả). Đáng chú ý ở phần I này, với luận điểm “... nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia”<sup>1</sup>, Đề cương đã thực sự đem lại một bước tiến mới về chất so với các phương pháp tiếp cận đương thời về văn hóa Việt Nam. Với tư cách là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, văn hóa phải phản ánh hiện thực và do cơ sở kinh tế quyết định. Đây chính là một nội dung căn bản của một trong những quy luật cơ bản nhất của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Với phương pháp tiếp cận này, ở các phần tiếp sau, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã trình bày và cắt nghĩa khá chính xác theo lập trường mácxít những vấn đề cốt lõi nhất của văn hóa Việt Nam đương đại: từ lịch sử có tính giai đoạn đến tính chất của từng giai đoạn lịch sử trong tiến trình phát triển văn hóa Việt Nam; từ những nguy cơ hiện hữu đến những nguyên tắc vận động của nó; từ tiền đề đến mục đích trước mắt cũng như những việc cần kíp của những nhà văn hóa,...

Phần II đề cập đến các giai đoạn lịch sử văn hóa Việt Nam (thời trước Quang Trung: văn hóa Việt Nam nửa phong kiến, nửa nô lệ, phụ thuộc văn hóa Trung Quốc; thời Quang Trung đến khi Pháp xâm chiếm: văn hóa phong kiến xu hướng tiểu tư sản; thời Pháp thuộc: văn hóa nửa phong kiến, nửa tư sản, thuộc địa); tính chất văn hóa Việt Nam là hình thức: thuộc địa, nội dung: tiểu tư sản song đang nảy nở văn hóa tân dân chủ và trào lưu văn hóa mới).

Phần III trình bày những nguy cơ đối với văn hóa Việt Nam... nêu rõ những thủ đoạn của thực dân, phát xít trói buộc và giết chết văn hóa Việt Nam (chính sách văn hóa của Pháp: đàn áp, mua chuộc, hăm dọa các nhà văn hóa cách mạng, ra tài liệu nhồi sọ, kiểm duyệt ngặt nghèo, liên lạc với tôn giáo để ngu dân, tuyên truyền chủ nghĩa ái quốc mù quáng, hẹp hòi...; chính sách văn hóa của Nhật: tuyên truyền, giới thiệu, phô trương văn hóa Nhật và chủ nghĩa Đại Đông Á, đàn áp nhà văn chống Nhật, mua chuộc nhà văn có tài,...) và tiền đề văn hóa Việt Nam (khẳng định sự thắng thế của văn hóa Việt Nam trước văn hóa phát xít: “Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.11.

giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>1</sup>.

Phần IV với tiêu đề “Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam” thể hiện quan niệm của người cộng sản về cách mạng văn hóa (hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành cải tạo xã hội, muốn vậy phải hoàn thành cách mạng chính trị và Đảng phải lãnh đạo cách mạng văn hóa); tính chất cách mạng văn hóa (văn hóa xã hội chủ nghĩa); quan hệ cách mạng văn hóa và cách mạng dân tộc giải phóng (cách mạng văn hóa phải dựa vào cách mạng giải phóng mới phát triển được); và ba nguyên tắc vận động văn hóa (dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa); tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam (tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung). Ở phần này, đáng chú ý là với sức mạnh của công cụ nhận thức khoa học, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã tiến xa hơn khi vạch ra lộ trình của cuộc vận động văn hóa Việt Nam với những hình thức, bước đi và mục tiêu phù hợp với điều kiện lịch sử. Theo đó, mặc dù khẳng định “Nền văn hóa mà cuộc cách mạng văn hóa Đông Dương phải thực hiện sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa”<sup>2</sup>, nhưng trên cơ sở phân tích điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội lúc bấy giờ, Đề cương đã xác định tính chất của nền văn hóa mới mà Đảng ta chủ trương “chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa Xôviết (như văn hóa Liên Xô chẳng hạn)”<sup>3</sup>. Đây là một nhận định rất đúng đắn, cho phép ngăn ngừa ngay từ đầu những biểu hiện chủ quan, duy ý chí mang tính chất “tả khuynh”.

Phần V chỉ ra nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là của những nhà văn hóa mácxít Việt Nam. Đó là: Chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉnh dân, phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương; tranh đấu về học thuyết, tư tưởng, đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á có ít nhiều ảnh hưởng tai hại ở ta, v.v.; làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng; tranh đấu về tông phái văn nghệ làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng; tranh đấu về tiếng nói, chữ viết: Thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói; ấn định mọo văn ta; cải cách chữ quốc ngữ, v.v..

Đề cương cũng làm rõ mục tiêu trước mắt của cuộc vận động văn hóa ở Việt Nam là xây dựng nền văn hóa mới tuy chưa phải là văn hóa xã hội chủ

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, *Sđd*, tr.19-20, 22, 25.

nghĩa. Đề cương đã xác định nền văn hóa mới của Việt Nam có hai tính chất dân tộc và dân chủ mới và khẳng định trong giai đoạn này, nó là cách mạng và tiến bộ nhất ở Đông Dương.

Đề cương đã xác định ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa ở Việt Nam thời kỳ này là: dân tộc hóa, chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập; đại chúng hóa, chống lại mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phần lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng; khoa học hóa, chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ.

Khẳng định phải dân tộc hóa vì văn hóa Việt Nam khi đó dưới ách áp bức của phát xít, thực dân đã và đang bị nô dịch và chia rẽ nặng nề. Đó là một nền văn hóa thiếu hẳn tinh thần độc lập, tự do và thống nhất dân tộc. Đặt nguyên tắc khoa học hóa lên vị trí ưu tiên vì một nền văn hóa muốn thực sự mang tính cách mạng, trước hết nó phải có một nền tảng khoa học chắc chắn làm tiền đề. Trong khi đó, ở một nước nông nghiệp lạc hậu thì chủ nghĩa kinh nghiệm thường lấn át tri thức khoa học và khoa học trong một nước bị đô hộ thì khó mà được ưu tiên phát triển. Đại chúng hóa là một nguyên tắc của vận động văn hóa vì quần chúng là cội nguồn của sức mạnh, là chủ thể đích thực của mọi giá trị văn hóa. Nhưng trên thực tế lúc đó, văn hóa lại đang trở thành, hoặc là thứ xa xỉ mà quần chúng không thể với tới, hoặc là những sản phẩm độc hại, phản giá trị mà quần chúng không thể thụ hưởng. Có thể nói, ba nguyên tắc nêu trên là cơ bản nhất, không thể tách rời nhau, phản ánh đúng nhất thực trạng và nhu cầu bức thiết của cuộc vận động văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ. Đồng thời, đây cũng là ba khẩu hiệu hành động, kêu gọi đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ tập hợp lực lượng, xây dựng một nền văn hóa mới cho tương lai của dân tộc.

Điều đặc sắc nhất của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là ở chỗ, mặc dù là công trình về văn hóa nhưng lại không chủ yếu bàn về văn hóa nói chung, không quá chú trọng đến các vấn đề về học thuật hay câu từ mà tư tưởng xuyên suốt là vấn đề về văn hóa giải phóng và giải phóng văn hóa Việt Nam khỏi xiềng xích của văn hóa trung cổ và nô dịch. Đặt trong bối cảnh ra đời của tác phẩm, khi thực dân Pháp đã thực thi những chính sách cực kỳ thâm độc và nguy hại, chúng dùng bất cứ hình thức, bất cứ phương tiện nào để đánh lạc hướng người dân Việt Nam ra khỏi con đường cứu nước của Đảng,

của Mặt trận Việt Minh; phát xít Nhật thì lợi dụng văn hóa với nhiều hình thức, phương tiện, tuyên truyền cho thuyết Đại Đông Á của chúng, với chiêu bài “đồng chủng, đồng văn” chúng dễ dàng đánh lừa nhiều người dân, nhiều trí thức, văn nghệ sĩ, việc Đảng ta cho công bố *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã góp phần vạch rõ âm mưu, thủ đoạn nô dịch văn hóa của thực dân Pháp, phát xít Nhật, vạch rõ bản chất phản động, hèn nhát của lũ tay sai hòng “bán nước, cầu vinh”. Đề cương đã thẳng thắn lột mặt nạ lũ giặc xâm lược và tay sai với những luận điệu mỉa dân dối trá. Từ đó, Đề cương đã góp phần để những ai còn mơ hồ, ảo tưởng nhận thức đúng bản chất vấn đề. Lúc này, cũng là lúc Đảng ta xây dựng được cơ sở trong một số trí thức, văn nghệ sĩ, trong các tổ chức hướng đạo sinh, truyền bá quốc ngữ... Trong năm 1943, Hội Văn hóa cứu quốc được thành lập và từng bước phát triển, trở thành tổ chức trung tâm tập hợp văn nghệ sĩ, trí thức tham gia cách mạng.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đầy tính thuyết phục và tính chiến đấu đã trở thành ngọn cờ tập hợp, cổ vũ, động viên giới trí thức, khoa học, văn học, nghệ thuật Việt Nam đương thời vào cuộc chiến đấu quyết liệt cho sự toàn thắng của cách mạng dân tộc dân chủ, cho sự nghiệp phá vỡ xiềng xích của văn hóa phát xít thực dân, bảo vệ truyền thống văn hóa dân tộc, xây dựng nền văn hóa mới của Việt Nam.

## **2. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” là ngọn đuốc soi đường tiến lên xây dựng nền văn hóa mới**

Là một văn kiện lịch sử mang tính cương lĩnh về văn hóa, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 như một bó đuốc soi đường dẫn dắt các đảng viên, các chiến sĩ văn hóa cùng với toàn dân chuẩn bị xây dựng một nền văn hóa mới của một nhà nước dân chủ mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Tác dụng thức tỉnh và thu hút của bản Đề cương là ở toàn bộ nội dung của nó, nhưng nổi bật nhất là ba nguyên tắc: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa. Những luận điểm cơ bản đó phù hợp với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là kết quả vận dụng sáng tạo quan điểm, tư tưởng của Mác - Lênin, Hồ Chí Minh để định hướng cho cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa khi cách mạng giải phóng dân tộc đang trong thời kỳ quyết liệt.

Kể từ sau Cách mạng Tháng Tám, nghĩa là sau khi cách mạng chính trị đã thành công, tư tưởng của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã dần dần

được triển khai trong cuộc sống. Một cuộc cách mạng văn hóa, theo đúng ý nghĩa chân chính của nó, với ý thức sâu sắc về vai trò của văn hóa và với sự lãnh đạo sáng suốt của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã được tiến hành từng bước, từ việc chống giặc đói, phát triển bình dân học vụ, gây phong trào đòi sống mới, “sửa đổi lối làm việc”, phát động thi đua ái quốc, xây dựng văn nghệ nhân dân... để từ đó mà đi sâu dần vào những yêu cầu cụ thể cho sự sáng tạo và chất lượng của văn học - nghệ thuật.

Sau lễ Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong bộn bề công việc của chính quyền non trẻ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ lâm thời lập tức đặt ra vấn đề phải sớm xây dựng được nền văn hóa mới với những yêu cầu: “Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính dân tộc, đại chúng và khoa học”<sup>1</sup>. Ngày 3/9/1945, trong phiên họp đầu tiên, Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua *Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* bao gồm sáu vấn đề: 1. Giải quyết nạn đói bằng cách “phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất”; 2. Giải quyết nạn sốt bằng cách “mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ”; 3. Phải có một hiến pháp dân chủ và “tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu”; 4. Phải giáo dục nhân dân trừ bỏ những thói xấu bằng cách “mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: CÂN, KIÊM, LIÊM, CHÍNHH”; 5. Đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế: thuế thân, thuế chợ, thuế đò và “tuyệt đối cấm hút thuốc phiện”; 6. Đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và Lương - Giáo đoàn kết<sup>2</sup>. Như vậy là, cả 5/6 vấn đề đều thuộc về văn hóa, sau kinh tế (chống đói). Tiếp sau đó, ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký 3 sắc lệnh quan trọng về giáo dục là sắc lệnh về việc thành lập Nha Bình dân học vụ, sắc lệnh quy định mọi làng phải có lớp học bình dân và sắc lệnh cưỡng bức học chữ quốc ngữ không mất tiền. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ”... Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.40.

2. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.3, tr.10-11.

biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo, người ăn người làm không biết thì chủ nhà bảo”<sup>1</sup>, một phong trào thanh toán nạn mù chữ đã dâng cao trong cả nước. Nhờ đó, chỉ một năm sau Cách mạng tháng Tám, đã có 2,5 triệu người dân biết đọc, biết viết.

Từ những ngày đầu kháng chiến, khi đất nước đang phải trải qua muôn vàn khó khăn và thử thách trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn chỉ cho nhân dân biết trước mắt không chỉ có một thứ giặc, mà là ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Cả ba thứ giặc đều nguy hiểm như nhau và chiến thắng ba thứ giặc đều vinh dự như nhau. Tư tưởng đó càng khẳng định quan điểm của những người cộng sản đối với lĩnh vực văn hóa: Văn hóa không tách rời sự nghiệp cách mạng. Quán triệt tư tưởng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra khẩu hiệu “Kháng chiến hóa văn hóa và văn hóa hóa kháng chiến”. Đây là một phương châm cách mạng tuyệt vời về văn hóa. Một mặt, con người và cả cộng đồng phải nhận thức rõ văn hóa, văn nghệ là một mặt trận và mỗi công dân kháng chiến phải là một chiến sĩ trên mặt trận ấy. Mặt khác, bên cạnh tư cách chiến sĩ, mỗi người còn phải tham gia kháng chiến, tức là chiến đấu với tư cách người làm văn hóa - người nghệ sĩ. Nói “văn hóa hóa kháng chiến” là phải làm cho công cuộc chiến đấu trở nên văn hóa - tức là phải có khoa học và nghệ thuật trong tiến hành sự nghiệp kháng chiến, đưa văn hóa vào tất cả mọi hoạt động kháng chiến. Kháng chiến bằng sức mạnh tinh thần là như vậy.

Hướng con người tới tầm cao văn hóa của một đất nước độc lập và tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, tháng 1/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào xây dựng đời sống mới với ba nội dung: xây dựng nền đạo đức mới, xây dựng lối sống mới và xây dựng nếp sống mới. Với tinh thần và quyết tâm “mỗi người đều tốt, thì thành làng tốt, nước mạnh... mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường”<sup>2</sup>, cuộc cách mạng văn hóa, xây dựng nền văn hóa mới do Người khởi xướng và lãnh đạo được tiến hành với hàng loạt các chủ trương và biện pháp, từ cuộc vận động diệt giặc dốt thông qua các phong trào thanh toán nạn mù chữ, phong trào Bình dân học vụ đến các cuộc vận động Đời sống mới, Sửa đổi lối làm việc, từ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.40.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.117.

yêu cầu phát triển nền giáo dục và y tế quốc dân đến từng bước gây dựng phong trào văn nghệ nhân dân...

Nền văn hóa mới mà Đảng ta chủ trương xây dựng là một nền văn hóa luôn hướng con người tới chân, thiện, mỹ, tới hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc, tới tình hữu ái giữa người với người. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, cùng với đường lối, quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng, củng cố quốc phòng - an ninh; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, Đảng, Nhà nước Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác xây dựng văn hóa, con người Việt Nam. Nhiều định hướng quan trọng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã được Đảng ta kế thừa, bổ sung, phát triển, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII là văn kiện tiêu biểu nhất. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện lý luận về văn hóa của Đảng, định hướng phát triển văn hóa trong điều kiện đất nước đổi mới, hội nhập quốc tế. Sự phát triển toàn diện ấy được thể hiện ở các điểm chủ yếu sau đây: từ nhận thức văn hóa, bao gồm tư tưởng, học thuật, nghệ thuật (Đề cương văn hóa) đến văn hóa bao gồm: tư tưởng, đạo đức, lối sống, khoa học, giáo dục - đào tạo, truyền thông đại chúng, văn học - nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng...; từ nền văn hóa mới: dân tộc, đại chúng, khoa học; dân tộc là hình thức, tân dân chủ là nội dung đến xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; từ quan niệm “phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội” đến cách mạng tư tưởng - văn hóa là động lực, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội... Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng diễn ra vào đầu năm 2021, Đảng ta tiếp tục xác định phải: “Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”<sup>1</sup>. Đây vừa là kết quả của quá trình tiếp thu, đúc kết tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm hoạt động lãnh đạo trên

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.116.

mặt trận văn hóa của Đảng, đặc biệt là từ quá trình thực hiện bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943; vừa là sự nhận thức nhạy bén về tình hình thực tiễn, là những dự báo khoa học về mục tiêu, tính chất, nguyên tắc, nhiệm vụ văn hóa trong thời kỳ mới của một dân tộc có nền văn hóa lâu đời, tích lũy, chứa đựng nhiều giá trị tinh hoa qua hàng nghìn năm lịch sử.

\*

\* \*

Mục tiêu của cách mạng Việt Nam trước hết là tiến tới chủ nghĩa xã hội. Chế độ xã hội của văn hóa dẫn ta tới việc phải xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là mục tiêu mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã nêu và nhất quán trong đường lối văn hóa của Đảng ta qua các thời kỳ. Hiện nay, sự phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế đặt ra mục tiêu xây dựng văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, dân chủ, khoa học và nhân văn; đồng thời, xây dựng văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Để có được sự phát triển đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới, việc triển khai tuyên truyền sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, trong đó có tư tưởng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 trong toàn Đảng, toàn xã hội là việc làm lâu dài và cấp thiết.



## GIÁ TRỊ CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 - TIẾP CẬN TỪ THỰC TIỄN LÂM ĐỒNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Cách đây 80 năm, Đảng ta đưa ra bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương họp tại Phúc Yên tháng 2/1943. Đây là văn kiện được coi là cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa, không chỉ nhằm chống lại chính sách văn hóa phản động của Pháp - Nhật và tay sai, chống lại trào lưu lãng mạn, có khuynh hướng nửa vời, tiêu cực, mà còn đề cập toàn diện và sâu sắc đến những vấn đề có tính nguyên tắc, phương châm, phương hướng xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Đề cương văn hóa chủ trương xây dựng văn hóa mới Việt Nam (bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật), từ khả năng biến thành hiện thực: Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới. Trong Đề cương văn hóa xác định rõ ba nguyên tắc: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”, nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta trước đây cũng như yêu cầu của sự nghiệp đổi mới hiện nay, quyết tâm xây dựng nền văn hóa mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đề cương văn hóa chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập.

Tỉnh Lâm Đồng thuộc khu vực Tây Nguyên, diện tích tự nhiên là 9.783,34 km<sup>2</sup>, có 12 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: 10 huyện và 2 thành phố, với 142 đơn vị hành chính cấp xã (111 xã, 18 phường và 13 thị trấn); 1.376 thôn, tổ dân phố. Dân số toàn tỉnh là 1.296.906 người (tính đến ngày

1/4/2019 theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019); có 47 dân tộc cùng sinh sống đan xen, với nhiều tôn giáo khác nhau, có tinh thần đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển, đã tạo nên một cộng đồng đa dạng trong văn hóa cũng như phong tục tập quán; tỷ lệ dân cư thành thị là 39,18%, cư dân nông thôn là 60,82%; tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 25,72% (*dân tộc gốc Tây Nguyên chiếm 17%*); tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm 66,7% trong cơ cấu lao động của tỉnh.

Xác định văn hóa là mục tiêu của sự phát triển, thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền đã quan tâm chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đồng bộ và có hiệu quả; công tác tuyên truyền, phổ biến rộng khắp từ tỉnh đến cơ sở tạo được nhiều chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và tầng lớp nhân dân; công tác chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa luôn kịp thời, chính xác, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - chính trị - xã hội của tỉnh, tạo điều kiện cho nhân dân, cơ quan, ban ngành và toàn thể xã hội có cơ hội tham gia các hoạt động, góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn toàn tỉnh.

Công tác sưu tầm, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh chuyển biến mạnh mẽ. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo ngành văn hóa, thể thao và du lịch triển khai có hiệu quả chương trình hành động quốc gia về bảo tồn các di sản văn hóa tiêu biểu, thông qua các hoạt động như: sưu tầm, bảo quản, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giá trị văn hóa của nhân dân các dân tộc, nâng cao lòng tự hào về các giá trị văn hóa; khuyến khích sử dụng các làn điệu dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc; các loại hình văn hóa dân gian trong các hội thi, hội diễn,... qua đó các giá trị văn hóa từng bước được khôi phục, bảo tồn và phát huy.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm đầu tư, nâng cấp và sử dụng hiệu quả, góp phần phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, tham gia sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân. Hiện nay, toàn tỉnh có 5 thiết chế văn hóa cấp tỉnh do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý gồm: Trung tâm Văn hóa nghệ thuật, Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng, Thư viện, Bảo tàng và Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao; 1 Nhà văn hóa lao động tỉnh do Tổng Liên

đoàn Lao động Việt Nam đầu tư xây dựng và 1 Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi; có 12 trung tâm văn hóa, thông tin và thể thao của 12 huyện, thành phố; có 4 bảo tàng ngoài công lập; 139/142 thiết chế văn hóa xã, phường, thị trấn, đạt tỷ lệ 97,88% với quỹ đất xây dựng trên 53.000m<sup>2</sup>; 1.321/1.376 thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng, đạt tỷ lệ 96%; trên 1.143 sân tập thể thao, 11 thư viện huyện, 28 thư viện xã và trên 500 tủ sách nông thôn với gần 500 nghìn đầu sách; 788 đội văn nghệ quần chúng, trong đó có 239 đội công chiêng phục vụ nhân dân tại khu dân cư và khách du lịch.

Nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa được nâng cao về số lượng và chất lượng. Đến nay, toàn tỉnh có 285.218/315.065 hộ gia đình đạt danh hiệu “gia đình văn hóa”, đạt tỷ lệ 90,5%; 1.309/1.376 thôn, tổ dân phố được công nhận, công nhận lại danh hiệu văn hóa, đạt tỷ lệ 95%; 107/111 xã được công nhận và công nhận lại danh hiệu “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, đạt tỷ lệ 96,4%; 27/31 phường, thị trấn đạt “phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”, đạt tỷ lệ 88%; 527/1.557 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ 98,0%. Các giá trị tốt đẹp về truyền thống gia đình Việt Nam được phát huy; mục tiêu xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và mối quan hệ nhân ái, tình làng nghĩa xóm được quan tâm. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh cơ bản phát huy được các yếu tố tích cực, mang đậm bản sắc văn hóa của nhân dân các dân tộc tỉnh nhà; thực hiện cơ bản nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; hoạt động lễ hội được tổ chức đúng quy định, an toàn, tiết kiệm, phát huy được các giá trị đạo đức văn hóa truyền thống của vùng miền và văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc thiểu số tại địa phương.

Để phát huy những kết quả đạt được trong thời gian qua, khắc phục những hạn chế theo tinh thần Nghị quyết số 33/NQ-TU ngày 9/6/2014 tại Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI) về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, chúng ta cần triển khai và tiếp tục triển khai đồng bộ một số giải pháp sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, đoàn thể các cấp trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa nói chung và

các nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2025; bám sát Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam với những nét đặc trưng riêng, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán của các dân tộc tại địa phương. Tập trung triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam phải đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam được xây dựng xuất phát từ tầm nhìn và mong muốn chủ quan của chủ thể lãnh đạo và quản lý đất nước để góp phần định hướng và định hình cho hoạt động thực tiễn của nhân dân. Các giá trị này đồng thời phải đáp ứng được nhu cầu khách quan của xã hội, được tuyệt đại đa số nhân dân đồng tình và thực hiện.

3. Xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam hiện nay phải chú ý tới vấn đề bảo vệ bản sắc dân tộc kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong quá trình toàn cầu hóa về văn hóa diễn ra mạnh mẽ hiện nay, vấn đề giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng. Giá trị văn hóa truyền thống phải đáp ứng vai trò như một bộ kênh sàng lọc và tiếp nhận các giá trị văn hóa ngoại nhập, khắc phục xu hướng thụ động, tiêu cực trong tiếp nhận giá trị văn hóa. Cần khai thác và kế thừa các giá trị tích cực và tiến bộ trong văn hóa truyền thống của dân tộc, đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước và truyền thống nhân đạo trong lịch sử, đồng thời tiếp thu các giá trị mới tiến bộ của thế giới, như tinh thần dân chủ, pháp quyền, khoa học, v.v..

4. Nâng cao nhận thức và ý thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trong phát triển văn hóa, bồi dưỡng con người thông qua việc đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục văn hóa, nhất là đạo đức lối sống trong gia đình Việt Nam. Đẩy mạnh, lồng ghép việc tuyên truyền, giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống để cộng đồng các dân tộc anh em sinh sống trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là thế hệ trẻ hiểu biết sâu sắc và có ý thức tự hào về những

giá trị văn hóa của dân tộc mình, từ đó chính họ sẽ có hành động cụ thể, chủ động để giữ gìn và phát huy trong đời sống xã hội.

5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao nhằm ổn định và duy trì môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, con người Lâm Đồng “hiền hòa, thanh lịch, mến khách”, góp phần xây dựng thành công hình ảnh du lịch Lâm Đồng “văn minh - thân thiện - an toàn”. Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, đào tạo nguồn lực, trước tiên là củng cố bộ máy cơ quan nhà nước các cấp đủ mạnh để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ. Có chính sách phát triển về văn hóa tương ứng với phát triển kinh tế, đầu tư về nguồn lực con người, nguồn lực tài chính nhằm hoàn thiện các thể chế, thiết chế văn hóa phục vụ xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Quan tâm khuyến khích các văn nghệ sĩ lao động sáng tạo để có nhiều tác phẩm, công trình có chất lượng tốt, có tiếng vang và tầm ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội. Đồng thời, tiếp tục sáng tạo, bồi đắp, bổ sung những giá trị văn hóa mới, trên cơ sở mở rộng hợp tác, giao lưu văn hóa với các nước; tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tinh hoa văn hóa, nghệ thuật nước ngoài để bổ sung, làm giàu có bản sắc, tâm hồn, cốt cách, nhân cách người Việt Nam hiện đại. Tuy nhiên, những nhận định, đánh giá, các giá trị văn hóa phổ quát cần tạo được sự đồng thuận của nhân dân, phù hợp với mục tiêu phấn đấu được ghi trong Cương lĩnh và Hiến pháp của Đảng và Nhà nước, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ hành động.

## BÁO CÁO THAM LUẬN TẠI HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA “80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943-2023) - KHỞI NGUỒN VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

### I- NHÌN LẠI VÀ KHẲNG ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM

Cách đây 80 năm, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã ra đời, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của cách mạng Việt Nam khi đó, đồng thời đặt nền móng lý luận căn bản và định hướng lâu dài cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam. Qua 80 năm triển khai và kiểm nghiệm trong thực tiễn, ngày nay chúng ta có điều kiện nhìn lại để khẳng định những giá trị trường tồn của bản Đề cương, đồng thời có những điều chỉnh, bổ sung, phát triển để phù hợp hơn với bối cảnh mới. Bản Đề cương thể hiện tầm nhìn xa, tư duy lý luận sắc bén, khả năng đúc kết thực tiễn của một Đảng non trẻ mới có hơn 12 năm lãnh đạo cách mạng. Cho đến nay, nhiều luận điểm, nguyên tắc, chủ trương của Đề cương vẫn giữ nguyên giá trị, có thể kế thừa, phát huy tác dụng trong công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam.

- *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là một văn kiện lịch sử vô giá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cách mạng, kháng chiến, chỉ ra con đường vận động, phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam. Với tính chất là một bản Đề cương ngắn gọn, ra đời trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trải qua 80 năm nhưng những tư tưởng, quan điểm thể hiện trong Đề cương vẫn vẹn nguyên giá trị và tính thời sự sâu sắc.

Trước khi bàn về vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, Đề cương xác định phạm vi, nội hàm của văn hóa, bao gồm ba thành tố cơ bản là: Tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Đến nay, cả ba thành tố mà Đề cương nêu ra đều là những yếu tố mang tính hạt nhân, có mối quan hệ, gắn bó, chi phối, bổ sung và thẩm thấu lẫn nhau, cấu thành nền văn hóa dân tộc.

Trong ba yếu tố đó, yếu tố tư tưởng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, liên quan đến thế giới quan, đến nhận thức, tình cảm, thái độ, cách ứng xử của con người trước những vấn đề của tự nhiên, xã hội. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” tiếp tục khẳng định: Tư tưởng, đạo đức và lối sống là những lĩnh vực then chốt của văn hóa. Về nội hàm của vấn đề tư tưởng, đạo đức, lối sống, Nghị quyết của Đảng nhấn mạnh, đó là: Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được vận dụng và phát triển sáng tạo, trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng, bảo đảm cho đời sống tinh thần xã hội phát triển đúng hướng.

Văn hóa là một mặt trận là một tư tưởng mang tính thời đại, khẳng định vai trò to lớn của văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Cùng với các mặt trận kinh tế, chính trị, ngoại giao, quân sự, an ninh - quốc phòng thì mặt trận văn hóa cũng có ý nghĩa quan trọng, góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng, kháng chiến. Đây là mặt trận không tiếng súng nhưng bằng ngòi bút, trang giấy và sức sáng tạo dồi dào của văn nghệ sĩ, trí thức đã góp phần đánh bại âm mưu, dã tâm xâm lược của kẻ thù, cổ vũ ngời ca tinh thần kháng chiến, kiến quốc của nhân dân.

Văn hóa bao gồm cả những giá trị vật chất và tinh thần, tuy nhiên khi nói đến văn hóa người ta thường nhấn mạnh đến khía cạnh tinh thần. Vì thế, văn hóa là một hình thái ý thức xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng và luôn chịu sự chi phối, tác động của cơ sở hạ tầng, điều kiện kinh tế, chính trị quyết định. Tuy nhiên văn hóa cũng có quy luật vận động, có đời sống riêng mà các loại hình ý thức xã hội khác không có được. Văn hóa không thể thoát ly, đứng ngoài cuộc sống. “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị.

## II- DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG, KHOA HỌC: ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, xu thế hòa bình, ổn định, độc lập, hợp tác để phát triển là xu thế chung. Trong đó, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ và sâu rộng trên toàn thế giới. Đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa, quá trình “toàn cầu hóa” diễn ra sôi động với sự hỗ trợ đắc lực của các phương tiện truyền thông đại chúng và sự bùng nổ của các ngành công nghiệp sáng tạo. Văn hóa ngày càng được coi trọng, gắn văn hóa với phát triển, coi văn hóa là động lực, là nhân tố tạo điều kiện cho phát triển bền vững. Quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam tươi đẹp, an toàn, với nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, người dân thân thiện, yêu chuộng hòa bình và mến khách thông qua các sự kiện đối ngoại lớn tổ chức tại Việt Nam, các chuyến thăm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến từ các quốc gia hợp tác ngoại giao, các sự kiện giao lưu văn hóa quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa Việt Nam với các nước trên thế giới phát triển bền vững hơn,...

Khả năng vận dụng các nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” của Đề cương vào thực tiễn phát triển văn hóa Việt Nam theo hướng phát triển bền vững; thực tế đã chứng minh, ba nguyên tắc nêu trên đã có tác dụng to lớn biến nền văn hóa Việt Nam từ một nền văn hóa chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa phong kiến, thực dân, nô dịch trở thành nền văn hóa độc lập, tự chủ, vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc như hiện nay.

- “Dân tộc hóa”: Theo tinh thần của Đề cương là nhằm chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Vì vậy, nguyên tắc “dân tộc hóa” đã góp phần xây dựng một nền văn hóa độc lập, tự cường, mang đậm bản sắc dân tộc, thúc đẩy cuộc đấu tranh về tiếng nói, chữ viết, thống nhất làm giàu tiếng nói dân tộc, “ấn định mẹo văn ta”, cải cách chữ Quốc ngữ, bảo vệ và phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc, di sản văn hóa của cha ông, chống lại sự lai căng, đua đòi, dập khuôn văn hóa phương Tây đồng thời chống chia rẽ, phân tán để tập hợp, thống nhất các lực lượng văn hóa trong cả nước. Nguyên tắc “dân tộc hóa” cũng kịp thời thức tỉnh, uốn nắn những quan điểm lệch lạc của giới văn nghệ sĩ và các tổ chức văn hóa...



Trong bối cảnh hiện nay, nguyên tắc “dân tộc hóa” vẫn được Đảng ta kế thừa và phát huy, đồng thời có sự mở rộng và phát triển.

+ “Đại chúng hóa”: theo tinh thần của Đề cương là chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa rời quần chúng. Đây cũng là một nguyên tắc vô cùng mới và tiến bộ. Lần đầu tiên trong lịch sử văn hóa dân tộc, quần chúng nhân dân lao động được xác định vừa là đối tượng, vừa là chủ thể của văn hóa. Trong nền giáo dục phong kiến khoa cử Nho giáo trước đây cũng như Tây học sau này, chỉ có một bộ phận thiểu số trong xã hội có điều kiện tiếp thu học vấn và sáng tạo văn hóa. Tính chất phản đại chúng cũng thể hiện ở xu hướng “nghệ thuật vị nghệ thuật”, nghệ thuật tư sản, siêu thực, lập dị, tháp ngà, xa rời cuộc sống, coi rẻ người lao động.

Vì thế, nguyên tắc “đại chúng hóa” đã góp phần đưa văn hóa Việt Nam xích gần hơn với quảng đại quần chúng, văn hóa nghệ thuật không còn là đặc quyền, đặc lợi của một số ít, mà trở thành tài sản chung của toàn dân. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Nam từ một nước có hơn 90% dân số mù chữ, chữ viết kém phát triển đã trở thành một nước có nền văn hóa mới, tiến bộ với những thành tựu chưa từng có trong lịch sử.

Trong diễn trình cách mạng, nguyên tắc “đại chúng hóa” cũng luôn được Đảng ta không ngừng hoàn thiện, điều chỉnh, bổ sung. Đại chúng ở đây chính là nhân dân, là quảng đại quần chúng. Đại chúng còn là tính chất dân chủ của nền văn hóa, khi người dân được trao toàn quyền sáng tạo và hưởng thụ văn hóa. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa của dân, do dân và vì dân.

Trong bối cảnh hiện nay, nguyên tắc “đại chúng hóa” vẫn giữ nguyên giá trị, tuy nhiên, để tương thích với bối cảnh mới, Đảng ta cũng có sự bổ sung, mở rộng, phát triển thêm.

- “Khoa học hóa”: Là chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Cụ thể hơn, “khoa học hóa” là đấu tranh chống lại mọi hình thức lạc hậu, thần bí, phản khoa học, cản trở sự phát triển của văn hóa. “Khoa học hóa” cũng là đặt mọi vấn đề của văn hóa trên cơ sở khoa học, đề cao tư tưởng, học thuật, phát triển các ngành khoa học.

Đây là nguyên tắc cực kỳ cần thiết và chính xác, góp phần đấu tranh về nhận thức và tư tưởng, đả phá những học thuyết sai trái, trang bị cho giới trí thức, văn nghệ sĩ công cụ lý luận chống lại văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, quá trớn, phong kiến phục cổ, cải lương tư sản..., bảo vệ sự đúng đắn của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam sau này, Đảng ta luôn có sự vận dụng linh hoạt và bổ sung, phát triển nguyên tắc này. Tính chất khoa học được phát triển thành tính chất tiên tiến của nền văn hóa, chỉ sự phát triển dựa trên thế giới quan khoa học và hệ tư tưởng tiên tiến. Tiên tiến còn hàm nghĩa văn minh, hiện đại, tiến bộ...

Cho đến nay, nguyên tắc “khoa học hóa” vẫn giữ nguyên giá trị hạt nhân của mình, tuy nhiên, để phù hợp với điều kiện mới, nguyên tắc này cần được mở rộng và làm sâu thêm.

Cho đến hôm nay, không ai có thể phủ nhận giá trị lịch sử to lớn của bản Đề cương cũng như vai trò tiên phong mở đường, đặt nền móng lý luận cho công cuộc xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam. Tinh thần chung của bản Đề cương vẫn là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt các văn kiện sau này của Đảng ta về văn hóa, văn nghệ, góp phần định hướng và dẫn đạo nền văn hóa Việt Nam cất cánh lên những tầm cao mới theo hướng phát triển và bền vững.

### III- ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, KIẾN TOÀN THỂ CHẾ NHẪM TẠO ĐỘNG LỰC, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA ĐỀ CƯƠNG VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VĂN HÓA THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

Trước hết, đẩy nhanh quá trình thể chế hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành luật pháp và chính sách cụ thể, khả thi về phát triển văn hóa như sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục thực hiện nội dung *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

*Thứ hai*, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, tập trung cụ thể hóa chủ trương, quan điểm của Đảng thành chương trình, đề án cụ thể, sát thực tiễn. Không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý đối với sự nghiệp phát triển văn hóa, xác định và thực hiện sáng tạo, có hiệu quả những chiến lược và giải pháp lãnh đạo, quản lý phù hợp với từng nhóm đối tượng, lĩnh vực và địa bàn, vùng, miền cụ thể. Triển khai xây dựng và thực hiện văn hóa số, gắn với công cuộc chuyển đổi số quốc gia.

*Thứ ba*, phát huy toàn diện và đầy đủ các nguồn lực văn hóa, bao gồm nguồn nhân lực con người và nguồn lực tài chính, nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn từ quá trình xã hội hóa, sự đóng góp của cộng đồng các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cùng tham gia phát triển văn hóa.

*Thứ tư*, về công tác giáo dục con người Việt Nam thời kỳ mới, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội của các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên... nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam”<sup>1</sup>; đồng thời, chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, tư duy sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số và các giá trị cốt lõi; gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam.

*Thứ năm*, về giá trị văn hóa trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Để phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người trong các lĩnh vực đời sống xã hội, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội và thực dụng. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh”<sup>2</sup>. Theo đó, coi trọng xây dựng và làm lan tỏa các giá trị văn hóa cả trong chính trị và kinh tế, nhất là trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư để văn hóa thực sự thấm sâu, tạo động lực thúc đẩy kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội phát triển bền vững. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, công chức và đảng viên ở các cơ quan, đơn vị trong ứng xử, giao tiếp và giải quyết các mối quan hệ bằng các giá trị văn hóa từ lời nói, cách thức giao tiếp đến hành động, việc làm, cả trong nhận thức, đạo đức, lối sống dân chủ, tôn trọng nhân dân, thái độ trách nhiệm và tình thương yêu đồng chí, đồng đội; qua đó thúc đẩy việc xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh - đây là nội dung rất cơ bản để xây dựng văn hóa trong chính trị.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.143, 144.

PHẦN THỨ HAI

---

VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM -  
NỀN TẢNG TINH THẦN,  
ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC  
TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

---



## PHẨM TÍNH DÂN TỘC VÀ TINH THẦN KHAI PHÓNG CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” - NHÌN TỪ XU HƯỚNG HỘI NHẬP TRONG THỜI KỲ TOÀN CẦU HÓA

PGS.TS. TRẦN HOÀI ANH\*

**K**hông phải ngẫu nhiên, khi nói đến vai trò của văn hóa đối với sự tồn sinh của đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác quyết: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Bởi, một vấn đề có tính tất yếu, không ai có thể phủ nhận: căn tính để xác quyết sự tồn sinh của một dân tộc là văn hóa. Bảo tồn và phát triển “dòng sinh mệnh văn hóa” dân tộc, vì thế là một trong những căn tố để bảo vệ sự tồn vong của đất nước. Song, để có cái nhìn thấu triệt và biện chứng về vấn đề này không phải là điều đơn giản. Thế nên, trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, ở phần đặt vấn đề, đồng chí Trường Chinh đã khẳng định: “a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa; b) Không phải làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa; c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”. Tư tưởng chủ đạo này đã trở thành định hướng chi phối cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa của Đảng trong suốt 80 năm qua ở các bình diện như: định hướng sự phát triển và xây dựng nền văn hóa cách mạng; định hướng hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ và vai trò lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa, văn nghệ. Vì vậy, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được xem là

---

\* Giảng viên cao cấp, Khoa Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

“Tuyên ngôn văn hóa” của Đảng Cộng sản Việt Nam, là kim chỉ nam cho đường lối văn hóa văn nghệ, cho đến nay những nguyên lý trong đề cương vẫn còn nguyên giá trị. Vì thế, khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, đồng chí Phạm Văn Đồng, trong Văn hóa và đổi mới, đặt ra một vấn đề hết sức cấp thiết về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới, theo ông: Văn hóa và đổi mới là một đề tài có tính thời sự nóng hổi (...) Nó mở ra những chân trời mới cho sự suy nghĩ và nghiên cứu, và từ đó cho sự vận dụng và thực hiện trong cuộc sống. Với tầm nhìn bao quát, phải thấy văn hóa là đổi mới, đổi mới là văn hóa, như vậy hai là một và một thành hai. Điều đó chứng tỏ trong nhận thức của Phạm Văn Đồng, văn hóa và đổi mới là một quá trình vận động và phát triển mang tính cách mạng và biện chứng, chi phối toàn bộ đời sống xã hội, cần phải “nhận thức và vận dụng một cách thích hợp và có hiệu quả các quy luật của xã hội, con người cũng như của thế giới tự nhiên”. Đây cũng là sự tiếp nối những nguyên lý đã được đề ra ở Đề cương văn hóa của Trường Chinh được Phạm Văn Đồng vận dụng một cách sáng tạo trong *Văn hóa và đổi mới*, góp phần thức nhận trong nhân dân về phẩm tính dân tộc và tinh thần khai phóng của Đề cương văn hóa mà Trường Chinh đã xác lập. Bởi, trong *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam* Trường Chinh viết: “Một nước mà nền kinh tế đã phụ thuộc vào người và mất hết chủ quyền chính trị thì khỏi sao văn hóa nhiễm tính chất nô dịch và phụ thuộc”.

Trong thời kỳ hội nhập và phát triển của xu hướng toàn cầu hóa, một trong những vấn đề đặt ra của việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đó là làm thế nào xây dựng ý thức về dân tộc mà yêu cầu chính yếu là gìn giữ cho được “dòng sinh mệnh văn hóa”, thể hiện qua việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, các truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc đã tích tụ hàng ngàn năm làm nên nhân cách văn hóa của con người Việt Nam, nhất là việc chăm bồi những giá trị truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Để làm được điều này, một vấn đề không thể không quan tâm đó là việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc trên cả hai bình diện: văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Bởi, chỉ có trên cái nền văn hóa truyền thống, chúng ta mới xây dựng được môi trường văn hóa lành mạnh. Đây cũng là những bình diện biểu hiện nguyên tắc “dân tộc hóa” với những yêu cầu cơ bản là “chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập” mà Trường Chinh đã nêu

trong Đề cương văn hóa. Bởi, truyền thống dân tộc bao giờ cũng là chỗ dựa vững chắc, là bệ phóng để hướng đến tương lai, hướng đến những giá trị hiện đại. Trong *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* ông cho rằng: Văn hóa dân chủ mới Việt Nam tiêu biểu cho tinh hoa của dân tộc. Song đồng thời nó sẵn sàng tiếp thụ những cái hay, cái đẹp, cái tiến bộ của văn hóa nước ngoài. Nó không bài ngoại và vị chủng. Nó phản đối những cái lai căng, mất gốc, phản đối ăn sống nuốt tươi văn hóa của người, học người như vẹt hoặc lắp văn hóa của người vào hoàn cảnh nước mình như máy, không đếm xỉa đến đặc điểm và điều kiện đặc biệt của nước mình và dân tộc mình. Thế nên phẩm tính dân tộc của Đề cương đã được Trường Chinh đề ra như một nguyên tắc bất biến trong nền văn hóa cách mạng, chi phối đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng trong hành trình 80 năm qua. Đó là: Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã xác định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) “về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Không những thế, trong các nghị quyết quan trọng mang tính đột phá của Đảng trong đường lối văn hóa văn nghệ đều xem phẩm tính dân tộc như một căn tố của thời kỳ phát triển và hội nhập. Bởi, theo Phạm Văn Đồng, “nhìn tổng quát di sản văn hóa mà ông cha ta để lại cho đến ngày nay, thì thấy con người Việt Nam ta từ xa xưa là con người đẹp, có cuộc sống đẹp và tâm hồn đẹp”. Những cái đẹp ấy được biểu hiện trong văn học nghệ thuật, phong tục tập quán và kết tinh thành một hệ giá trị làm nên một thành trì vững chắc để bảo tồn nền văn hóa dân tộc. Nói những điều này để thấy rằng vấn đề tinh thần dân tộc có ý nghĩa đối với sự tồn sinh của đất nước như thế nào, nhất là trong thời kỳ hội nhập của xu hướng toàn cầu hóa. Bởi, theo Phạm Việt Tuyên, khi luận về vai trò của trí thức Việt Nam đối với việc giữ gìn tính dân tộc trong nền văn hóa đã cho rằng: “Trí thức Việt Nam cần phải ý thức nhu cầu duy trì phong tục thuần túy và phát triển văn hóa dân tộc (...) Muốn được như vậy cần phải học hỏi các phong tục thuần túy Việt Nam, cần phải xét lại các truyền thống dân tộc, để hãnh diện về những điểm có thể coi là dân



tộc tính, là quốc hồn quốc túy...”. Có thể nói, cánh cửa của toàn cầu hóa đang mở cho đất nước nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng là những thử thách trong việc bảo tồn và gìn giữ những giá trị văn hóa dân tộc.

Cùng với phẩm tính dân tộc, một phương diện khác của Đề cương văn hóa mà Trường Chinh đặt ra, đó là tinh thần khai phóng được thể hiện trong nguyên lý “khoa học hóa” và “đại chúng hóa” mà trong *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* ở phần xác định “tính chất và nhiệm vụ văn hóa dân chủ mới Việt Nam”, ông xem như một nguyên lý cốt tử trong việc xây dựng nền văn hóa dân tộc bên cạnh nguyên tắc “dân tộc hóa”. Có thể nói tinh thần khai phóng của Đề cương văn hóa đã được Trường Chinh định hướng khi ông tường giải về nguyên tắc “khoa học hóa”, nghĩa là “chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Và để làm rõ hơn tinh thần khai phóng trong nguyên tắc “khoa học hóa” của Đề cương văn hóa, Trường Chinh đã chỉ ra, đó là: “Chống tính chất lạc hậu, hủ bại phong kiến còn lại rất nhiều trong văn hóa Việt Nam cũ. Văn hóa dân chủ mới Việt Nam phải có tính chất khoa học. Nó tôn trọng tự do tín ngưỡng nhưng phản đối mê tín dị đoan; chống tư tưởng duy tâm thần bí, chống tất cả những lễ thói lỗi thói, luộm thuộm không hợp lý hoặc phản tiến bộ (...) đem khoa học thường thức và những hiểu biết... phổ biến trong nhân dân”. Thế nên, bên cạnh nguyên tắc “dân tộc hóa” và “khoa học hóa”, tinh thần khai phóng của Đề cương văn hóa còn thể hiện ở nguyên tắc “đại chúng hóa”, mà định hướng cơ bản của nguyên tắc này là “chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng”. Không những thế, tinh thần khai phóng còn được Trường Chinh cụ thể hóa trong Đề cương văn hóa ở việc “tranh đấu về tiếng nói, chữ viết với các yêu cầu: 1- Thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói; 2- Ấn định mẹo văn ta; 3- Cải cách chữ quốc ngữ, v.v.” và nêu ra cách vận động qua các phương diện “a) Lợi dụng tất cả khả năng công khai và bán công khai để: 1- Tuyên truyền và xuất bản (...) 4- Chống nạn mù chữ...”. Trong hoàn cảnh, đất nước trước Cách mạng Tháng Tám với hơn 90% người dân mù chữ, trong đó có những người lính khi tham gia kháng chiến vẫn chưa biết chữ thì việc yêu cầu “chống nạn mù chữ” hay tranh đấu về tiếng nói, chữ viết với các yêu cầu đã nêu trên là những điểm sáng của sự khai minh, một yếu tố quan trọng của tinh thần khai phóng mà *Đề cương văn hóa* đã đề ra.

Thật vậy, nền văn hóa mang tinh thần khai phóng là một nền văn hóa đề cao tinh thần khoa học, nâng cao sự hiểu biết của cộng đồng theo hướng đại chúng hóa, phát huy tinh thần dân chủ và tiếp thu tinh hoa từ các nền văn hóa trên thế giới. Đây không chỉ đơn thuần là yêu cầu mà còn là sứ mệnh thiêng liêng của nền văn hóa nước nhà trong thời kỳ hiện đại. Bởi, trong *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, Trường Chinh đã chỉ rõ: Văn hóa dân chủ mới Việt Nam phải là văn hóa đại chúng. Nó phục vụ nhân dân, phục vụ rất đông người. Nó chống lại quan điểm cho rằng văn hóa là siêu phàm, càng cao quý, càng khó càng hay. Nó chủ trương văn hóa phải đi sát quần chúng để dìu dắt và giáo dục quần chúng, nâng cao trình độ quần chúng, phát hiện và bồi dưỡng những tài năng trong quần chúng. Và đây chẳng phải là tinh thần khai phóng của một nền văn hóa đó sao? Và trong một “thế giới phẳng” như hiện nay, vấn đề xây dựng một nền văn hóa mang phẩm tính dân tộc và tinh thần khai phóng là điều không thể không nghĩ đến. Bởi, chính những biến đổi của thế giới đang đặt ra cho nền văn hóa nước nhà những thách thức và những vận hội mới. Vấn đề là chúng ta chuẩn bị đón nhận những thách thức và vận hội ấy như thế nào. Đây là một câu hỏi không hề đơn giản mà những định hướng trong Đề cương văn hóa Việt Nam, là chỗ dựa cho chúng ta trong việc xây dựng nền văn hóa nước nhà trong thời kỳ hội nhập và phát triển của xu hướng toàn cầu hóa. Bởi vì, “văn hóa là sự thể hiện một cách rõ rệt bản chất sâu xa của con người và cộng đồng con người. Nó là cội nguồn của sức mạnh và tài năng làm nên chiến thắng”. Và phẩm tính dân tộc và tinh thần khai phóng của Đề cương văn hóa thể hiện qua ba nguyên tắc “dân tộc hóa”, “khoa học hóa” và “đại chúng hóa” một lần được Trường Chinh luận giải trong: *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam lúc này*: “Ba nguyên tắc trên đây là ba cái khâu của sợi dây chuyền. Nó có tính cách liên hoàn. Không thể hoàn thành nhiệm vụ vận động văn hóa mới Việt Nam nếu ta bỏ sót một nguyên tắc nào trong ba nguyên tắc ấy. Cũng không thể chỉ theo một nguyên tắc nọ mà đồng thời chống lại những nguyên tắc kia. Không nhận rõ điều đó thì nhất định không làm tròn được nhiệm vụ xây dựng văn hóa mới cho dân tộc”. Đây cũng là chiếc chìa khóa để giải mã phẩm tính dân tộc và tinh thần khai phóng trong Đề cương văn hóa.

\*

\* \*

Trong diễn văn nhân kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, (27/12/1983), Trường Chinh đã minh giải: “*Đề cương về văn hóa Việt Nam* không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu sắc vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam. Ví dụ: cách mạng tư tưởng đề ra còn sơ sài, vấn đề con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa được đề cập tới. Nhưng đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”. Nhìn lại giá trị của Đề cương văn hóa trước yêu cầu của thực tiễn cách mạng và đất nước, với quan điểm lịch sử cụ thể của phép biện chứng, Trường Chinh cũng tự mình nhận ra những hạn chế mang tính tất yếu của Đề cương văn hóa. Và trong quan điểm cách mạng của mình, ông hoàn toàn chống lại tư tưởng giáo điều, rập khuôn máy móc và đề cao tinh thần “hiểu biết, khám phá và sáng tạo”. Nói một cách khái quát, đó là tinh thần khai phóng trên cơ sở giữ gìn tính dân tộc. Có thể nói, đây cũng là một trong những nguyên tắc cơ bản có tính cách mạng mà Trường Chinh muốn thức nhận chúng ta khi luận bàn về phẩm tính dân tộc và tinh thần khai phóng của Đề cương văn hóa Việt Nam.

Có thể nói, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong việc thức nhận cho chúng ta “những suy nghĩ mới, những luận điểm mới, một vùng trời mới” về phẩm tính dân tộc và tinh thần khai phóng của Đề cương văn hóa. Và đây là một hệ giá trị cần trân quý, giữ gìn, cần khám phá và sáng tạo để góp phần làm phong phú nền văn hóa Việt Nam trong xu thế hội nhập và phát triển của thời kỳ toàn cầu hóa. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là văn hóa hướng đến tương lai, là một hằng số giá trị trong “dòng sinh mệnh văn hóa” của dân tộc, đã thức nhận cho chúng ta hiểu rõ về phẩm tính dân tộc và tinh thần khai phóng của nền văn hóa đất nước nhìn từ xu hướng hội nhập trong thời kỳ toàn cầu hóa để mỗi người dân nước Việt ý thức hơn về vai trò, trách nhiệm của mình trong việc xây dựng “nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

## CHIỀU KÍCH VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỪ LÝ THUYẾT ĐẾN THỰC TIỄN

ThS. CAO NGUYỄN NGỌC ANH\*  
TS. ĐẶNG THỊ KIỀU OANH\*\*

**T**huật ngữ “phát triển bền vững” đã trở thành diễn ngôn phổ biến tại nhiều quốc gia kể từ khi được đề cập trong tuyên bố của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc. Phát triển bền vững với nguyên tắc cơ bản đạt đến sự phát triển cân bằng giữa các khía cạnh kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường đã trở thành mục tiêu hướng tới của nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam.

Mặc dù có nhiều khác biệt trong cách diễn giải sự phát triển bền vững, nhưng nhìn chung người ta thừa nhận rằng nó liên quan đến sự dung hòa các trụ cột về môi trường, văn hóa - xã hội và kinh tế. Bài viết này, chúng tôi phác thảo các khái niệm về phát triển bền vững và tập trung phân tích chiều kích văn hóa trong phát triển bền vững, từ đó xem xét việc áp dụng các diễn ngôn về phát triển bền vững vào đời sống thực tiễn tại Việt Nam. Thông qua chương trình phát triển bền vững AGENDA-21 tại Việt Nam, trong đó đề cập đến quá trình tích hợp văn hóa trong phát triển, chúng tôi lập luận rằng, phát triển bền vững về văn hóa là một khái niệm có cả lý thuyết và tiềm năng áp dụng chính sách thực tiễn.

---

\*, \*\* Khoa Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

### Cơ sở lý luận

#### Khái niệm “Phát triển bền vững”

Vào những năm 1960, 1970 “phát triển” được hiểu gắn liền với tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh hiện đại hóa đòi hỏi xã hội phải đầu tư về kỹ thuật, đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, tăng cường sử dụng thị trường để phân phối hàng hóa và dịch vụ kinh tế. Quan điểm này đối mặt với sự phê bình của các nhà hoạt động trong lĩnh vực môi trường bởi mô hình phát triển đề cao khía cạnh kinh tế của phương Tây. Hệ quả của mô hình này dẫn đến thất nghiệp hoặc gia tăng tỷ lệ thất nghiệp ở các nước thứ ba, sự suy thoái của môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến sức khỏe con người; mất đa dạng sinh học trong các hệ thống nông nghiệp làm tăng tính dễ bị tổn thương của các cộng đồng địa phương, đặc biệt là đối với việc cung cấp thực phẩm, dẫn đến tình trạng bất ổn xã hội có thể làm suy yếu các thể chế chính trị và xã hội (Gowdy, 1999).

Xuất phát từ nhu cầu của xã hội đòi hỏi phải giải quyết các vấn đề cấp bách về môi trường, xã hội thuật ngữ “phát triển bền vững” (sustainable development) được phổ biến rộng rãi vào năm 1987 trong Báo cáo “Tương lai của chúng ta” (Our Common Future), Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED - World Commission on Environment and Development) nay là Ủy ban Brudtland của Liên hợp quốc. Theo đó, “phát triển bền vững” là “sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến sự sinh tồn của các thế hệ sau”<sup>1</sup>. Định nghĩa này đã trở thành khẩu hiệu cho tất cả các chương trình phát triển ở các nước đang phát triển và là vấn đề chủ chốt ở các diễn đàn thế giới trong những năm gần đây. Tiếp đó, năm 1992, Hội nghị thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc được tổ chức ở Rio de Janeiro đề ra Chương trình nghị sự toàn cầu cho thế kỷ XXI, đã xác nhận lại khái niệm này và nêu lên vấn đề cấp bách trong việc đẩy mạnh sự hòa hợp kinh tế, phát triển xã hội cùng với bảo vệ môi trường. Như vậy, phát triển bền vững là cách thức tổ chức xã hội để nó có thể tồn tại lâu dài. Điều này có nghĩa là phải tính đến cả những yêu cầu cấp bách hiện tại và tương lai,

---

1. Hoàng Cầm, Phạm Quỳnh Phương: *Diễn ngôn chính sách và sự biến đổi văn hóa, sinh kế tộc người*, Viện ISSE, Hà Nội, 2012.

chẳng hạn như bảo tồn môi trường và tài nguyên thiên nhiên hoặc công bằng xã hội và kinh tế.

Khi mối quan tâm đến sự phát triển bền vững ngày càng tăng, các nhà nghiên cứu ngày càng quan tâm đến vai trò của văn hóa như một khía cạnh riêng biệt và bổ sung của khía cạnh xã hội. Mối quan tâm đến văn hóa này kết hợp với sự thừa nhận ngày càng tăng “nhu cầu” khác nhau giữa các nhóm người khác nhau. Nhu cầu giờ đây được hiểu là được đáp ứng không chỉ về mặt xã hội mà còn về mặt văn hóa. Văn hóa được coi là “chất keo kết dính tất cả các mối quan tâm khác” (Ratna, Rana và Piracha 2007)<sup>1</sup>.

Có thể nói, hiện nay “phát triển bền vững” đã trở thành mục tiêu hướng đến của các quốc gia nhằm đạt đến sự phát triển cân bằng các khía cạnh “kinh tế tăng trưởng bền vững, xã hội thịnh vượng, công bằng, ổn định, văn hóa đa dạng và môi trường được trong lành, tài nguyên được duy trì bền vững” (Tuyên bố đa dạng văn hóa của Unesco 2001).

#### Quan điểm về văn hóa và phát triển bền vững

Phát triển bền vững và văn hóa đã được đề cập trong nhiều văn bản chính sách và công ước quốc tế như Công ước Đa dạng sinh học (1992); tuyên bố “Sự đa dạng sáng tạo của chúng ta” của Ủy ban Văn hóa và Phát triển Thế giới (1995), báo cáo từ Thập kỷ Phát triển Văn hóa của UNESCO (1988-1997), Chương trình nghị sự về Văn hóa châu Âu (EAC 2007) đề cập đến mối liên hệ giữa đa dạng sinh học và văn hóa. Văn hóa được xem là công cụ trong việc thúc đẩy tiến bộ kinh tế và một khía cạnh quan trọng của sự phát triển bền vững.

Tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững, các nhà nghiên cứu, kêu gọi đưa văn hóa vào mô hình phát triển bền vững. Dựa trên Tuyên bố chung về Đa dạng văn hóa (2001) và Công ước của UNESCO về “Đa dạng Biểu đạt văn hóa” (2005), văn hóa là một khía cạnh quan trọng của phát triển bền vững. Cách tiếp cận mới này giải quyết mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển bền vững thông qua hai phương diện: *thứ nhất*, phát triển bản thân lĩnh vực văn hóa (tức là di sản, sáng tạo, công nghiệp văn hóa, nghề thủ công,

---

1. David Throsby: Culturally sustainable development: theoretical concept or practical policy instrument?, *International Journal of Cultural Policy*, 23:2, 133-147 DOI: 10.1080/00038628.2015.1032210, 2017.

du lịch văn hóa); *thứ hai*, bảo đảm văn hóa có vị trí quan trọng trong các chính sách của các quốc gia, đặc biệt là những chính sách liên quan đến giáo dục, kinh tế, khoa học, truyền thông, môi trường, gắn kết xã hội và hợp tác quốc tế. Thế giới không chỉ đối mặt với những thách thức về kinh tế, xã hội hay môi trường. Sáng tạo, tri thức, sự đa dạng là cơ sở cho đối thoại vì hòa bình và tiến bộ bởi lẽ nó gắn liền với sự phát triển và tự do của con người (Tuyên bố Toàn cầu về Đa dạng Văn hóa của UNESCO, 2001)<sup>1</sup>.

Trong những năm gần đây, tính bền vững văn hóa trong phát triển đã trở thành diễn ngôn phổ biến tại các quốc gia. Throsby (2010, 195; 2012b, 356) cho rằng phát triển bền vững về văn hóa bao gồm các nội dung sau đây<sup>2</sup>:

- *Sự phát triển hiện tại phải bảo đảm sự công bằng giữa các thế hệ*: phát triển phải có tầm nhìn dài hạn và không làm phương hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trong việc tiếp cận các nguồn tài nguyên văn hóa và đáp ứng nhu cầu văn hóa của họ; điều này đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt đối với việc bảo vệ và nâng cao giá trị vật thể và phi vật thể của một quốc gia. Phát triển phải mang lại sự công bằng trong tiếp cận sản xuất văn hóa, tham gia và hưởng thụ cho tất cả các thành viên của cộng đồng trên cơ sở công bằng và không phân biệt đối xử; đặc biệt, phải quan tâm đến những thành phần nghèo nhất trong xã hội để bảo đảm rằng sự phát triển phù hợp với mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

- *Tôn trọng sự phát triển đa dạng*: cũng như sự phát triển bền vững về môi trường đòi hỏi phải bảo vệ của đa dạng sinh học, do đó cũng nên tính đến giá trị của sự đa dạng văn hóa đối với các quá trình của sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa.

- *Phát triển đi kèm với phòng ngừa rủi ro*: khi đối mặt với các quyết định có hậu quả không thể đảo ngược như phá hủy di sản văn hóa hoặc làm mất đi

---

1. Xem Peter Naibei: Culture and Sustainable development, DOI:10.13140/2.1.2692.9928 ([https://www.researchgate.net/publication/266377976\\_CULTURE\\_AND\\_SUSTAINABLE\\_DEVELOPMENT](https://www.researchgate.net/publication/266377976_CULTURE_AND_SUSTAINABLE_DEVELOPMENT), truy cập ngày 18/2/2023), 2014.

2. Xem David Throsby: Culturally sustainable development: theoretical concept or practical policy instrument?, International Journal of Cultural Policy, 23:2, 133-147 DOI: 10.1080/00038628.2015.1032210, 2017.

các tập quán văn hóa có giá trị, cần phải có quan điểm không thích rủi ro được nhận làm con nuôi.

- *Tăng cường mối liên kết tương hỗ giữa kinh tế, văn hóa và xã hội trong quá trình phát triển*: quá trình phát triển bền vững không nên xem các hệ thống kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường trong sự tác biệt mà cần có một cách tiếp cận tổng thể, tức là tiếp cận thừa nhận tính liên kết với nhau, đặc biệt giữa phát triển kinh tế và văn hóa.

Như vậy chiều kích văn hóa trong phát triển bền vững tạo ra cầu nối vững chắc với ba khía cạnh phát triển còn lại và tương thích với từng khía cạnh đó. Việc thừa nhận và thúc đẩy sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa theo cách tiếp cận dựa trên quyền con người có thể tạo điều kiện thuận lợi cho đối thoại liên văn hóa, ngăn ngừa xung đột và bảo vệ quyền của các nhóm yếu thế trong và giữa các quốc gia, từ đó tạo điều kiện tối ưu để đạt được các mục tiêu phát triển. Hiểu theo cách này, văn hóa làm cho sự phát triển trở nên bền vững hơn.

### **Quan điểm về phát triển văn hóa bền vững tại Việt Nam hiện nay**

Theo xu hướng chung của khu vực và thế giới, vào năm 2004, Việt Nam đã xây dựng cho mình một chương trình phát triển bền vững mang tên AGENDA-21, trong đó xác định rõ mục tiêu phát triển nhằm “đạt được sự đầy đủ về vật chất; sự giàu có về văn hóa và tinh thần; sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội; sự hài hoà giữa con người và tự nhiên; phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà được ba mặt là phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường”<sup>1</sup>.

Cùng với thời gian, hệ thống tiêu chí phát triển bền vững ở Việt Nam dần được hoàn thiện. Điều đặc biệt, dù ở giai đoạn nào thì mục tiêu phát triển bền vững đều dựa trên bốn nguyên tắc, bao gồm: 1- Đảm bảo sự phát triển công bằng giữa các thế hệ; 2- Tôn trọng sự đa dạng; 3- Phát triển đi đôi với nguyên tắc phòng ngừa; 4- Đề cao mối quan hệ tương hỗ giữa kinh tế - xã hội - văn hóa trong phát triển.

---

1. Thu, N. M.: *Nghiên cứu thống kê đánh giá phát triển bền vững ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, [http://elb.lic.neu.edu.vn/bitstream/DL\\_123456789/7022/1/TT.LATS.1092.PDF](http://elb.lic.neu.edu.vn/bitstream/DL_123456789/7022/1/TT.LATS.1092.PDF), ngày truy cập 19/2/2023, 2013.



***Nguyên tắc 1 - Sự phát triển hiện tại phải bảo đảm sự công bằng giữa các thế hệ***

Tư tưởng cốt lõi của nguyên tắc đầu tiên chính là sự phát triển các tài nguyên văn hóa phải có tầm nhìn và chiến lược dài hạn, để bảo đảm không làm phương hại đến khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên văn hóa của các thế hệ tương lai. Điều này đòi hỏi, các cơ quan, các ban, ngành, thậm chí là người dân phải quan tâm đặc biệt đối với công tác bảo tồn tài nguyên văn hóa.

Từ tình hình thực tế nguồn tài nguyên văn hóa ở Việt Nam có thể thấy, nhờ những đặc điểm địa - văn hóa đặc trưng điển hình, trong quá trình phát triển, cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã sáng tạo, tích lũy, bảo tồn và trao truyền cho các thế hệ sau nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Tuy nhiên, cũng như các nguồn lực tài nguyên khác, tài nguyên văn hóa không phải là nguồn tài nguyên vô tận. Do đó, nếu không bảo tồn thì bản thân nó sẽ bị cạn kiệt, thậm chí là biến mất. Đơn cử như trường hợp các di sản văn hóa, vốn được coi là nguồn tài nguyên văn hóa “quý hiếm”, bởi số lượng của chúng có hạn (do khó có thể tái tạo, hay sản xuất hàng loạt). Do đó, nếu khai thác không bền vững loại tài nguyên này thì sẽ dẫn đến nguy cơ thất truyền.

Do gắn liền với đời sống văn hóa - xã hội của con người ở một giai đoạn lịch sử nhất định, nên di sản văn hóa còn được coi là “ADN văn hóa” mà mỗi thế hệ phải có trách nhiệm bảo tồn và truyền lại cho các thế hệ sau. Trên thực tế, một xã hội không thể tồn tại và phát triển nếu không dựa trên nền tảng các giá trị văn hóa được hình thành và trao truyền từ những thế hệ đi trước. Tuy nhiên, một hiện thực là nhiều giá trị văn hóa đang có nguy cơ biến mất trong đời sống đương đại. Thế hệ trẻ ngày nay thậm chí còn không biết đến những giá trị văn hóa, vốn từng tồn tại như một phần cốt lõi cuộc sống của những thế hệ đi trước. Chính vì thế việc định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam phải bắt đầu từ việc phát triển bền vững tài nguyên văn hóa, trong đó có tài nguyên di sản văn hóa.

Phát triển bền vững tài nguyên văn hóa không chỉ bảo đảm sự công bằng giữa các thế hệ mà còn là sự công bằng (trong thực hành và hưởng thụ các giá trị văn hóa) giữa các thành viên cộng đồng trên nguyên tắc “*công bằng, dân chủ, văn minh*”. Đặc biệt, phải quan tâm đến những thành phần khó khăn, để

ai cũng được tự do sáng tạo và thụ hưởng các giá trị văn hóa; ai cũng được tôn trọng, cũng được bảo vệ và không ai bị bỏ lại phía sau của sự phát triển.

Ở Việt Nam, ngoài việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình xây dựng nông thôn mới, hay Chương trình 135... nhằm bảo đảm sự bình đẳng giữa các công dân và sự đồng thuận của xã hội vì mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh*”, các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách còn chú ý đến tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển các tri thức bản địa, tài nguyên bản địa, trong đó có tài nguyên văn hóa bản địa của cộng đồng nông thôn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP cũng nêu rõ mục tiêu: Xây dựng, tổ chức cuộc sống của dân cư nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, giữ gìn bản sắc văn hóa và môi trường sinh thái<sup>1</sup>. Có thể nói, đây chính là xu hướng phát triển nhân văn và bền vững, vì nó không chỉ tôn trọng sự khác biệt về đặc trưng tự nhiên, cũng như văn hóa tộc người mà còn là cơ sở để xây dựng “thương hiệu” cho quốc gia nói chung và cho một địa phương nói riêng<sup>2</sup>.

Phát triển bền vững tài nguyên văn hóa không chỉ là làm tốt công tác bảo tồn di sản văn hóa tộc người mà còn nhằm tăng cường khả năng khai thác nguồn lực văn hóa để phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đơn cử như hoạt động du lịch văn hóa ở các khu vực dân tộc thiểu số hiện đang gia tăng đã thúc đẩy nền kinh tế địa phương, thậm chí trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương. Việc thực hiện thành công phát triển bền vững không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần chống âm mưu diễn biến hòa bình, chia rẽ dân tộc dưới vỏ bọc nhân quyền của các thế lực thù địch.

Việc phát triển bền vững tài nguyên văn hóa không chỉ là việc nâng cao đời sống văn hóa vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện để họ có thể thoát khỏi tình

---

1. Xem Dũng, B. Q., Kiên, N. T., Yến, B. H., & Hậu, P. T. H (2015): *Chương trình xây dựng nông thôn mới: một cái nhìn từ lịch sử chính sách*, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, 6(91), 16-25.

2. Nguyễn Thị Hậu: *Tài nguyên bản địa và di sản văn hóa*, in trong *Mỗi ngày ta sống*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr.283.

trạng đói nghèo mà phải bảo đảm quyền công dân cho họ. Theo đó, việc phát triển bền vững phải gắn với việc xây dựng một xã hội văn hóa cao trong đó mọi người (không phân biệt giàu - nghèo; gái - trai; tôn giáo - tín ngưỡng) đều có quyền phát triển toàn diện về mọi mặt (trí - đức - thể - mỹ); đặc biệt là phải có khả năng thể hiện quyền làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ chính mình. Đây là nhiệm vụ vừa mang tính cấp bách trước mắt, lại vừa mang tính chiến lược lâu dài.

### ***Nguyên tắc 2 - Tôn trọng sự phát triển đa dạng***

Giống như sự phát triển bền vững về tài nguyên môi trường đòi hỏi phải đi đôi với việc bảo tồn sự đa dạng hóa sinh học, việc phát triển tài nguyên văn hóa cũng phải tính đến sự đa dạng văn hóa. Trước tiên cần khẳng định, giống như các nguồn lực khác, nguồn lực văn hóa luôn luôn vận động và biến đổi. Trải qua tiến trình lịch sử, qua quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa, tài nguyên văn hóa giống như các lớp trầm tích, bên cạnh những lớp giá trị mang tính chất cốt lõi truyền thống, nó còn có những lớp văn hóa mang dấu ấn thời đại mới.

Cấu trúc nền văn hóa Việt Nam vốn dĩ đa dạng, ngoài những giá trị văn hóa nội sinh mang tính cơ tầng thuộc về bản sắc, nó còn bao hàm những giá trị văn hóa ngoại sinh mang tính thượng tầng được hình thành do quá trình tiếp xúc với các nền văn hóa bên ngoài trong suốt tiến trình lịch sử, chẳng hạn như các lớp văn hóa được hình thành do quá trình giao lưu với các nền văn hóa ngoài (Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây...).

Những giá trị cơ bản của nền văn hóa truyền thống Việt Nam đã được nâng lên một tầm cao mới, nhất là dưới sự ảnh hưởng của các phong trào xã hội rộng lớn ở thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI như: phong trào dân chủ, phong trào xã hội chủ nghĩa với sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và rất nhiều cuộc giao tiếp văn hóa với nhân loại đã góp phần hình thành nên hệ giá trị mới trong nền văn hóa truyền thống ở Việt Nam. Đặc biệt, việc phát triển các mô thức văn hóa gắn với Đề cương văn hóa (1943) đã đánh dấu sự chuyển biến của nền văn hóa Việt Nam theo hướng: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Từ đây, một giá trị nhân cách văn hóa mới mà trước kia chưa xuất hiện trong bảng giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam

đã hình thành. Điển hình có thể kể đến là ý thức tập thể, ý thức làm chủ là các giá trị văn hóa dân tộc và tinh thần gìn giữ bản sắc dân tộc song song với việc tiếp thu các giá trị văn hóa, tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Phát triển bền vững tài nguyên văn hóa, không chỉ hướng về cội nguồn, hướng về giá trị truyền thống mà còn là sự cách tân, cải biến các giá trị ấy sao cho phù hợp với sự biến đổi của điều kiện kinh tế - xã hội. Đặc biệt, phải tôn trọng tính đa dạng văn hóa, tính bản địa (tài nguyên, tri thức, văn hóa, nhân văn), nhất là chống nô dịch về văn hóa.

Việt Nam là một đất nước có nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Nhằm bảo tồn tính đa dạng của văn hóa tộc người, văn hóa vùng/miền, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chính sách nhằm bảo tồn văn hóa tộc người trên tinh thần bình đẳng, đoàn kết, tiến bộ, trong đó phải kể đến mô thức xây dựng “nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” mà đặc trưng cơ bản là tinh thần dân tộc - hiện đại - nhân văn.

Có thể thấy, nền văn hóa Việt Nam đã được hiện đại hóa trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng vẫn đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển. Theo đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân - cộng đồng, dân tộc - quốc tế được thiết lập đã thu hút sự tham gia của toàn dân vào quá trình xã hội hóa hoạt động văn hóa. Chẳng hạn, ở Việt Nam cộng đồng có ý thức cao trong việc bảo tồn di sản văn hóa. Theo đó, công tác “xã hội hóa” về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tại nhiều di tích đình, đền, chùa miếu, lễ hội dân gian, tôn giáo tín ngưỡng được thực hành khá tốt, thậm chí một số hoạt động văn hóa của cộng đồng đã trở thành “thương hiệu” của địa phương.

Như vậy, tài nguyên văn hóa bản địa tập trung trong hệ thống di tích lịch sử văn hóa của cộng đồng, tồn tại và lưu truyền cùng với cộng đồng dân cư bản địa trong suốt tiến trình lịch sử. Do đó, cộng đồng chính là chủ thể xây dựng, gìn giữ, bảo tồn và phát triển hệ thống di sản văn hóa. Chính vì vậy, việc phát triển bền vững tài nguyên văn hóa phải gắn với phát triển cộng đồng trên tinh thần “tôn trọng sự khác biệt”, đồng thời cũng phải cân bằng, hài hòa các giá trị văn hóa truyền thống (cái cũ) với các giá trị hiện đại (cái mới).

### ***Nguyên tắc 3 - Phát triển đi kèm với phòng ngừa rủi ro***

Nền văn hóa Việt Nam đã mở rộng giao lưu quốc tế với các quốc gia trên mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực văn hóa. Tuy nhiên, một thách thức không nhỏ đối với Việt Nam khi tham gia vào quá trình hội nhập này chính là sẽ phải đối mặt với các quyết định mang tính rủi ro như: làm sao hòa nhập nhưng không hòa tan; tiên tiến nhưng phải giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Khi nói đến tài nguyên văn hóa chúng ta hay chú trọng đến thế mạnh tiềm năng văn hóa, xem đó là mục tiêu để khai thác phát triển. Tuy nhiên, tiềm năng phát triển này luôn đi kèm với nguy cơ rủi ro nếu không có chính sách quản lý hiệu quả. Tài nguyên văn hóa được biết đến nhiều nhất là hệ thống di sản văn hóa cộng đồng. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, các di sản văn hóa truyền thống chịu tác động của quá trình này ở những mức độ khác nhau. Theo đó, có cái có sức đề kháng cao, nên dù hòa nhập vẫn không hòa tan; nhưng ngược lại có cái lại đang đứng trước nguy cơ biến mất. Đơn cử như các sản phẩm dân gian được chế tác thủ công không có sức cạnh tranh với các sản phẩm sản xuất công nghiệp. Do không có sức hút đối với thế hệ hiện tại dẫn đến kỹ thuật truyền thống có lịch sử lâu năm đang đứng trước nguy cơ bị thất truyền. Có thể lấy ví dụ về nghề làm đường thốt nốt truyền thống của người Khmer ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang làm minh chứng. Trước đây nghề làm đường thốt nốt khá phát triển, nhưng hiện nay do sức ép cạnh tranh gay gắt của các sản phẩm đường công nghiệp giá rẻ dẫn đến sản phẩm đường thốt nốt thủ công bị thu hẹp, nhiều người trẻ đã bỏ nghề và chuyển sang sinh kế khác (như buôn bán, làm thuê, làm công nhân trong các khu công nghiệp...) Như vậy, từ góc độ kinh tế, xã hội có thể lý giải được nguyên nhân cho việc dần biến mất của các nghề thủ công truyền thống, cũng như các kỹ thuật thủ công dân gian.

Tương tự, ngôn ngữ văn tự, vốn được coi là linh hồn của văn hóa tộc người cũng đang đứng trước bị biến đổi, thậm chí ngôn ngữ của một số dân tộc thiểu số đang đứng trước nguy cơ tiêu vong do sự phổ cập rộng rãi của các ngôn ngữ khác, thậm chí là sự chủ động rũ bỏ nhiều thứ thuộc về tộc mình, trong đó có ngôn ngữ tộc người của một số dân tộc cũng khiến ngôn ngữ văn hóa dân tộc tiêu vong hoặc đứt đoạn.

Kinh tế thị trường dẫn tới sự lan truyền của văn hóa tiêu dùng, khiến cho hoàn cảnh cư trú, phương thức tiêu dùng sinh hoạt ở nhiều cộng đồng có sự thay đổi rất lớn. Điều này dẫn đến sự biến đổi về mô thức văn hóa, cũng như nhu cầu hưởng thụ văn hóa. Chẳng hạn, môi trường diễn xướng của các loại hình nghệ thuật dân gian thay đổi. Biểu hiện cụ thể là những nghệ nhân đang dần già đi, trong khi đó lớp trẻ lại thoát ly cộng đồng (để đi học, đi làm). Họ với nhiều lý do khác nhau như: không có điều kiện thực hành, không có thời gian, thậm chí là không thích, không muốn giữ các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống khiến cho các loại hình nghệ thuật này đang đứng trước nguy cơ thất truyền. Ngoài ra, do ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa phương Tây, nhiều người trẻ có tâm lý “sính ngoại”, “sùng ngoại” dẫn đến việc họ dần quên đi ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giữ gìn văn hóa dân tộc.

Việc tăng cường trao đổi giữa các nền văn hóa, việc phát triển kinh tế du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa, một mặt giúp cộng đồng địa phương hiểu biết thêm về di sản văn hóa của mình để từ đó có ý thức bảo tồn, nhất là đối với những giá trị văn hóa đang có nguy cơ bị thất truyền, nhưng mặt khác du lịch khi thâm nhập vào cộng đồng lại dẫn đến nguy cơ thương mại hóa và làm tổn thương đến những giá trị văn hóa bản địa thuần túy.

#### ***Nguyên tắc 4 - Tăng cường mối liên kết tương hỗ giữa kinh tế, văn hóa và xã hội trong quá trình phát triển***

Tài nguyên văn hóa luôn vận động, phát triển gắn liền với sự biến đổi về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng. Vì thế, trong phát triển văn hóa không nên xem các hệ thống kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường trong sự cách ly mà cần phải tiếp cận một các hệ thống; nói cách khác là phải thừa nhận tính liên kết và mối quan hệ tương hỗ của ba yếu tố này.

Cũng như tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hóa là một nguồn lực được con người khai thác nhằm phục vụ cho nhu cầu của đời sống kinh tế - xã hội. Tài nguyên văn hóa đóng góp một giá trị kinh tế nhất định cho nền kinh tế quốc dân, nhất là khi tài nguyên văn hóa được sáng tạo và chú trọng đầu tư nó sẽ mang lại những lợi ích kinh tế to lớn. Do đó, không cộng đồng nào là không lấy tài nguyên văn hóa này để phục vụ cho mục tiêu phát triển của mình.

Ở Việt Nam, mỗi dân tộc, mỗi vùng miền đều sở hữu những tài nguyên văn hóa riêng biệt phản ánh truyền thống địa phương độc đáo như: di sản văn hóa, nghệ thuật kiến trúc, cảnh quan đô thị hoặc địa danh... Những lớp trầm tích lịch sử - văn hóa này chính là nguồn lực để phát triển ngành kinh tế di sản và du lịch văn hóa mang giá trị kinh tế cao, đồng thời cũng có thể tạo ra “thương hiệu” cho quốc gia, dân tộc, vùng miền.

Một đất nước giàu có về tài nguyên văn hóa bản địa như Việt Nam, ngoài việc phát triển du lịch văn hóa, thì những loại hình văn hóa khi được ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ cũng có thể trở thành những sản phẩm công nghiệp văn hóa có giá trị kinh tế cao như điện ảnh, sân khấu, nhiếp ảnh, hội họa, thời trang... Chẳng hạn, việc khai thác phong tục truyền thống, các hình thức sinh hoạt, âm nhạc, vũ đạo... chế tác thành phim điện ảnh, truyền hình; việc xuất bản nhiều tác phẩm có đề tài văn hóa; hay sản phẩm công nghiệp văn hóa được lấy chất liệu từ đặc thù về các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, cũng như các bảo tàng và nhà trưng bày ngành nghề chuyên môn ở các địa phương.

Cần nhận thức rằng, văn hóa cũng là sức sản xuất. Do đó, khai thác tài nguyên văn hóa bền vững sẽ mang lại lợi ích kinh tế cao, không chỉ cho công ty/doanh nghiệp mà còn cho cả cộng đồng sống tại các khu di sản hoặc xung quanh khu di sản. Những năm gần đây, nhiều vùng dân tộc thiểu số của Việt Nam đã thu hút được rất nhiều khách tham quan du lịch theo dạng tham quan trải nghiệm, du lịch cộng đồng như khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên. Hình thức “xã hội hóa” các hoạt động văn hóa cũng được coi là phương thức mang lại hiệu quả kinh tế, văn hóa, xã hội cao, khi nó thu hút sự quan tâm tham gia của cộng đồng vào các hoạt động văn hóa chung. Việc phát triển kinh tế di sản, kinh tế du lịch văn hóa địa phương không chỉ giúp người dân địa phương có thêm thu nhập mà còn giúp họ hiểu biết thêm về văn hóa địa phương mình, từ đó khiến họ ủng hộ, thậm chí đầu tư vào hạng mục bảo tồn, phát triển, quảng bá “thương hiệu” văn hóa địa phương.

Văn hóa và kinh tế có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Theo đó, nếu kinh tế phát triển tốt có thể đem lại sự bảo đảm vật chất cho công tác phát triển văn hóa và văn hóa phát triển tốt đồng thời cũng có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế. Cả hai phương diện này đều quan trọng, vì thế phát triển kinh

tế và phát triển văn hóa đều phải tiến hành một cách hài hòa, nhất là trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, văn hóa càng phải thấm thấu sâu hơn vào kinh tế. Văn hóa phải thực sự trở thành bản chất nội tại của nền kinh tế, là yếu tố tủy thân của nền kinh tế. Tương tự, phát triển kinh tế cũng phải gắn với văn hóa phải vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

\*

\* \*

Văn hóa là mục tiêu, động lực của phát triển. Văn hóa phản ánh quá trình phát triển lịch sử tộc người, đồng thời biểu hiện sự kết tinh trí tuệ của tộc người. Với một đất nước đa tộc người như Việt Nam, để đạt được mục tiêu phát triển bền vững thì yếu tố văn hóa cần được đặt trong mối quan hệ tương hỗ với kinh tế, xã hội, môi trường.

Chiều kích văn hóa được thể hiện trong nhiều khía cạnh đặc biệt là vấn đề bảo tồn di sản văn hóa bởi lẽ điều này không chỉ làm phong phú kho tàng văn hóa tộc người mà còn là sự cống hiến quan trọng đối với sự phát triển của kinh tế, xã hội. Đặc biệt, trong nền kinh tế thị trường, vấn đề cốt lõi là làm sao tạo ra được nhiều những sản phẩm văn hóa đặc sắc chứa đựng trong đó hàm lượng văn hóa và trí tuệ cao đóng vai trò quan trọng. Nó không chỉ đem lại nguồn thu lớn cho nền kinh tế quốc dân, giải quyết công ăn việc làm, nâng cao an sinh xã hội mà còn góp phần quảng bá văn hóa dân tộc.

Trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay, nền văn hóa Việt Nam phải xây dựng được một hệ thống phát triển bền vững, trên cơ sở của sự hài hòa giữa yếu tố nội sinh - ngoại sinh, cũng như yếu tố kinh tế - văn hóa - xã hội. Trên thực tế, việc bảo tồn cái gì và tiếp thu cái gì trong quá trình giao lưu để “hòa đồng” mà không “hòa tan” là một việc không hề đơn giản, nhưng nó vẫn có thể định hướng. Trên cơ sở nền tảng quan điểm này, chúng tôi xin đề xuất một số gợi ý:

*Thứ nhất*, cần tận dụng tối đa ưu thế sinh thái tự nhiên và tài nguyên văn hóa tộc người, tìm kiếm điểm giao nhau giữa bảo tồn văn hóa tộc người với phát triển kinh tế và an sinh xã hội, nhằm đạt sự dung hòa giữa kinh tế - văn hóa - xã hội.



*Thứ hai*, cân bằng các giá trị cũ và giá trị mới; giữa yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại trong quá trình phát triển. Đặc biệt, đem tài nguyên văn hóa dân tộc tiếp cận thị trường, biến văn hóa dân tộc thành nguồn tài sản, đồng thời biến nó thành điểm tựa của kinh tế văn hóa.

*Thứ ba*, đề cao vai trò của cộng đồng trong việc sáng tạo, bảo tồn, phát huy và trao truyền các giá trị văn hóa. Đây cũng là một phần không thể thiếu của công cuộc phát triển bền vững tài nguyên văn hóa.

*Thứ tư*, đẩy mạnh công tác nghiên cứu văn hóa dân tộc, thúc đẩy tiến trình lập pháp của bảo tồn văn hóa dân tộc, thông qua: tăng cường việc đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

*Thứ năm*, xã hội hóa hoạt động phát triển văn hóa, thông qua: vận động các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, ủng hộ cho các dự án về di sản văn hóa; có chính sách ưu đãi cho các tổ chức đã tích cực tài trợ cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; mở rộng hình thức lưu danh đối với các tập thể, cá nhân đã tham gia ủng hộ các hoạt động bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa...

*Thứ sáu*, bồi dưỡng ý thức về giá trị văn hóa dân tộc, đẩy mạnh tuyên truyền bảo tồn văn hóa dân tộc, đưa những kiến thức về văn hóa các tộc người vào trong chương trình giáo dục, thúc đẩy công tác điều tra chỉnh lý văn hóa dân gian dân tộc.

*Thứ bảy*, tăng cường mở rộng quan hệ trao đổi, hợp tác khoa học với các tổ chức quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, qua đó, tranh thủ sự hỗ trợ về khoa học và tài chính.

*Thứ tám*, tăng cường việc phối, kết hợp để tạo sự thống nhất, đồng bộ, liên ngành trong việc xây dựng các quy hoạch phát triển nhằm thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

## VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC TỈNH NINH THUẬN TRÊN NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC HÓA”, “ĐẠI CHÚNG HÓA”, “KHOA HỌC HÓA” CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”

PGS.TS. PHAN QUỐC ANH\*

**N**guyên tắc “dân tộc hóa” nhưng phải “khoa học hóa” và kết hợp nhuần nhuyễn với nguyên tắc “đại chúng hóa” của Đề cương văn hóa năm 1943 đều chứa đựng nội hàm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. 80 năm qua, các ngành, các cấp địa phương đã thực hiện theo các nguyên tắc của Đề cương văn hóa năm 1943, trong đó có tỉnh Ninh Thuận. Bài viết này xin được nêu lên vấn đề bảo tồn và phát triển bền vững văn hóa các dân tộc tỉnh Ninh Thuận trên các nguyên tắc của Đề cương văn hóa năm 1943.

### **1. Khái quát về văn hóa các dân tộc tỉnh Ninh Thuận**

Ninh Thuận là tỉnh nhỏ, có diện tích tự nhiên 3.358 km<sup>2</sup>, dân số 181.788 hộ/722.689 khẩu; có 6 huyện và 1 thành phố. Giai đoạn 2021-2025, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh có 28 xã; trong đó có 15 xã khu vực III, 1 xã khu vực II, 12 xã khu vực I. Toàn tỉnh có 32 dân tộc thiểu số, với 38.431 hộ/170.566 khẩu, chiếm 23%; dân tộc Raglai 17.762 hộ/76.295 khẩu, chiếm 10,6%; dân tộc Chăm 19.239 hộ/85.343 khẩu, chiếm 11%; dân tộc Hoa 974

---

\* Nguyên Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận.

hộ/3.759 khẩu, chiếm 0,53% dân số toàn tỉnh; các dân tộc thiểu số khác 728 hộ/3.828 khẩu, chiếm 0,53% dân số toàn tỉnh<sup>1</sup>.

Tuy là một tỉnh nhỏ, còn nhiều khó khăn về kinh tế nhưng Ninh Thuận lại là vùng văn hóa đặc thù. Những nét đặc thù đó thể hiện trong sắc thái văn hóa các dân tộc Kinh, Chăm, Raglai.

### 1.1. Khái quát văn hóa các dân tộc ở Ninh Thuận

#### a) *Khái quát về văn hóa người Việt ở Ninh Thuận*

Vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, lớp cư dân người Việt mới vào vùng Phan Rang để sinh cơ lập nghiệp. Theo các tư liệu sử, những cư dân Việt đầu tiên vào đến vùng đất Panduranga này vào thời kỳ sau khi Chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1678) mở đất đến sông Phan Rang. Vùng An Phước (Ninh Phước ngày nay) là vùng có cư dân Việt đến sớm nhất. Lớp người Việt vào Ninh Thuận - Bình Thuận trước nhất là những người nông dân nghèo khổ chạy nạn từ vùng Bắc Trung Bộ là Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình phiêu bạt vào, lớp người Việt vào sau (cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII) đa phần là cư dân Nam, Ngãi, Bình, Phú, do hai thế lực phong kiến Trịnh - Nguyễn phân tranh chạy loạn theo đường bộ tị nạn tiến vào khai khẩn đất hoang, tìm chốn an cư, lập nên những làng, xã đầu tiên ở Ninh Thuận. Sang thế kỷ XVIII, với chính sách chiêu dân để khai khẩn đất hoang, mở rộng bờ cõi của nhà Nguyễn, hàng loạt đợt di dân rầm rộ với quy mô lớn đã đưa người Việt vào Nam Trung Bộ nói chung và vào Ninh Thuận nói riêng để lập nên làng, xã, trong đó có cả cư dân ngư nghiệp. Đặc biệt, vào nửa cuối thế kỷ XIX, cộng đồng người Việt vào với Ninh Thuận với số lượng lớn. Người Việt trong quá trình khai hoang mở đất, hành trang mang theo không thể thiếu là phong tục tập quán, tín ngưỡng nơi quê cha đất tổ.

Bên cạnh cộng đồng dân cư theo các tôn giáo như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài, người Việt ở Ninh Thuận đa số duy trì tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ cá Ông, và tín ngưỡng thờ các vị thần trong nhà như Táo Quân, ông Địa, ông Thần Tài, thờ cúng cô hồn, cúng đất. Nhìn chung đời sống tâm linh của người Việt Ninh Thuận phong phú, gồm nhiều loại hình, bao

---

1. Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận: “Báo cáo Kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023”.

gồm cả tôn giáo thế giới lẫn tôn giáo bản địa và các loại hình tín ngưỡng dân gian sơ khai.

Một trong những lễ hội tiêu biểu của người Việt ở Ninh Thuận là lễ hội cầu ngư. Lễ cầu ngư được tổ chức hằng năm ở các làng biển: Mỹ Tân, Khánh Hội, Hải Chủ, Sơn Hải, Cà Ná nhằm tế thần Nam Hải và cầu đi biển được mùa. Lễ hội này gắn với tín ngưỡng thờ cá Ông của ngư dân, được tổ chức rất trang trọng gồm nhiều nghi thức như rước Ông dưới biển, cúng tế giao cảm với “Thần” bằng văn tế, vật tế, hương quả, hát múa bả trạo hầu Thần cá Ông thiêng liêng. Ngoài ra, ở Ninh Thuận còn có các lễ hội tưởng nhớ các vị “tiên hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ”; các vị tổ cư ngành nghề, bậc thánh nhân... Những lễ hội này được tổ chức ở đình làng, mỗi thôn, xóm.

Người Việt di cư đến vùng đất Ninh Thuận mang theo kho tàng văn học dân gian phong phú từ truyện cổ, ca dao, dân ca, tục ngữ, thành ngữ của kho tàng văn học dân gian Việt Nam nói chung và miền Trung nói riêng. Người Việt ở Ninh Thuận còn lưu truyền nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống như hát bội, hát múa bả trạo. Hát bả trạo là loại hình diễn xướng dân gian diễn ra trong lễ cầu ngư của ngư dân vùng biển Ninh Thuận. Các vùng ngư dân ven biển ở Ninh Thuận vẫn duy trì được các hoạt động trò chơi dân gian, các hình thức đua ghe, đua thuyền thúng trong các dịp lễ hội. Ninh Thuận cùng 21 tỉnh thành phía nam vinh dự được đón bằng công nhận di sản văn hóa phi vật thể nhân loại về đờn ca tài tử.

Người Việt Ninh Thuận còn duy trì được các nghề thủ công truyền thống như: nhóm nghề chế biến (làm bánh tráng, làm nước mắm, làm mắm, làm muối, hấp cá, làm bánh hỏi, làm chả lụa), nghề thủ công và mỹ nghệ (nghề làm chiếu, nghề làm võng, nghề đan vá lưới, nghề mộc, đan lát, thợ may, chằm nón, làm đũa, làm chổi, làm gạch, dệt chiếu lá, làm dây thừng, đan thúng rổ, làm lò đất), nghề khai thác và chế tác (thợ hồ, thợ rèn, điêu khắc, đi biển).

#### *b) Khái quát về văn hóa của người Chăm*

Người Chăm thuộc nhóm ngôn ngữ Malayo - Polinesien cùng với các dân tộc Raglai, Churu, Giarai và Êđê ở Việt Nam. Người Chăm hiện nay có dân số xếp thứ 14 trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Theo kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019, người Chăm ở Việt Nam có 161.729 người. Trong

đó, ở Bình Định: 5.336 người; Phú Yên: 19.945 người; Ninh Thuận: 67.274 người; Bình Thuận: 34.690 người; Tây Ninh: 3.250 người; Đồng Nai: 3.887 người; An Giang: 14.209 người; Thành phố Hồ Chí Minh: 7.819 người; Bình Dương: 837 người; Bình Phước: 568 người<sup>1</sup>. Ngoài người Chăm H'roi ở Bình Định và Phú Yên, một số tài liệu nghiên cứu trước đây gọi vùng người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận là “Đông Chăm”, gọi người Chăm ở An Giang là “Tây Chăm”.

Như vậy, người Chăm ở Ninh Thuận có dân số chiếm hơn 40% trên tổng số người Chăm ở Việt Nam. Cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận đang là chủ nhân lưu giữ những kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể có truyền thống lâu đời, phong phú, đa dạng nhất trong cộng đồng người Chăm ở Việt Nam. Người Chăm ở Ninh Thuận theo hai tôn giáo chính là Bàlamôn giáo và Hồi giáo Bani. Hiện nay có 42.500 theo Bàlamôn giáo (người Chăm thuộc Ahier), 29.800 người theo Hồi giáo Bani (người Chăm thuộc Awal). Cộng đồng người Chăm theo Hồi giáo Islam có 2.800 người, theo Tin Lành khoảng 400 người, theo Công giáo khoảng 500 người. Khác với đa số các dân tộc thiểu số khác, người Chăm ở Ninh Thuận cư trú ở đồng bằng, sống bằng nghề nông, trồng lúa nước, hoa màu, cây ăn trái, chăn nuôi bò, dê, cừu. Dệt thổ cẩm và làm gốm thủ công là hai làng nghề lâu đời, nổi tiếng của người Chăm ở Ninh Thuận.

Văn hóa vật thể của người Chăm thể hiện ở kho tàng di sản đền tháp. Ba quần thể tháp Chăm Po Klong Garai, Po Ramé, Hòa Lai đều đã được công nhận di tích lịch sử văn hóa quốc gia, trong đó 2 di tích đã được xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt vào năm 2021.

Văn hóa phi vật thể của người Chăm ở Ninh Thuận chồng xếp trên mình nhiều lớp văn hóa: lớp bản địa nằm trong cơ tầng văn hóa Đông Nam Á, tiếp biến các lớp văn hóa tôn giáo khác nhau có nguồn gốc Ấn Độ cổ đại, giao lưu tiếp biến văn hóa Trung Hoa, văn hóa người Việt, Khmer và các dân tộc thiểu số ở miền Trung - Tây Nguyên. Nhờ đó, văn hóa, văn nghệ dân gian của người Chăm ở Ninh Thuận rất đặc sắc, phong phú, đa dạng, thể hiện trong nghệ

---

1. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2020.

thuật văn chương, âm nhạc, múa. Nghệ thuật kiến trúc đền tháp, phù điêu Chăm Pa là một trong ba nền kiến trúc điêu khắc phát triển rực rỡ ở Đông Nam Á là Khmer, Java và Chăm Pa<sup>1</sup>.

Người Chăm có kho tàng lễ hội nông nghiệp, lễ hội tôn giáo, nghi lễ vòng đời đồ sộ với trên 100 lễ nghi, lễ hội quanh năm. Lễ hội Kate của người Chăm Bàlamôn đã được công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Lễ hội Ramưval của người Chăm Bàni, hệ thống lễ hội Rija như Rija Nugar, lễ hội Rija Pruang, Rija Haray, Rija Yawd và hàng trăm nghi lễ khác đang là môi trường tốt để bảo tồn văn hóa truyền thống Chăm.

*c) Khái quát về văn hóa dân tộc Raglai*

Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở của Cục Thống kê Ninh Thuận năm 2019, người Raglai ở Việt Nam hiện có 122.245 người, cư trú ở các tỉnh Nam Trung Bộ (Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Thuận và Lâm Đồng), trong đó, Ninh Thuận có số dân là 58.911 người. Người Raglai mang đầy đủ những yếu tố văn hóa truyền thống của các dân tộc trong nhóm ngữ hệ Malayo - Polinesien ở Việt Nam. Địa bàn rừng núi, nơi người Raglai sinh sống chính là vùng kháng chiến (Khu VI) của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ ở địa bàn cực Nam Trung Bộ.

Dân tộc Raglai cư trú ở vùng đệm tiếp giáp với tộc người Êđê ở phía bắc; tộc người Churu ở phía tây; tộc người Cơho ở phía tây nam; và tộc người Chăm ở phía đông. Do đó, nền văn hóa của tộc người Raglai chịu sự tác động bởi quá trình đan xen văn hóa với các tộc người Êđê, Churu, Cơho, Chăm và người Việt. Mặc dù vậy, tộc người Raglai vẫn lưu giữ được những sắc thái văn hóa truyền thống riêng có của tộc người mình.

Văn hóa Raglai gần gũi với văn hóa các dân tộc nằm trong nhóm ngôn ngữ Malayo - Polinesien và gần với các dân tộc Tây Nguyên. Do không tiếp nhận tôn giáo nào nên tín ngưỡng của người Raglai mang đậm nét bản địa với tín ngưỡng đa thần. Kho tàng văn hóa quý giá nhất của người Raglai là các

---

1. Phan Quốc Anh: *Giáo trình văn hóa Chăm*, Nxb. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.

pho sử thi đồ sộ<sup>1</sup>, có ngôn ngữ riêng và hệ thống lễ hội nông nghiệp<sup>2</sup>, nghi lễ vòng đời phong phú<sup>3</sup>, chứa đựng quan niệm về vũ trụ, nhân sinh của một dân tộc có một bề dày lịch sử văn hóa bản địa.

## **2. Thực trạng công tác bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc trong phát triển bền vững tỉnh Ninh Thuận**

### 2.1. Một số thành tựu trong công tác bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc ở tỉnh Ninh Thuận

Trong suốt quá trình lịch sử thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, dưới ánh sáng của Đề cương văn hóa năm 1943 về “tính dân tộc” của văn hóa, Ninh Thuận đã triển khai thực hiện các công việc về thống kê, lập hồ sơ di sản văn hóa. Đến cuối năm 2022, tỉnh Ninh Thuận có 239 di tích được đưa vào danh mục kiểm kê; 65 di sản văn hóa đã được lập hồ sơ xếp hạng ở các cấp<sup>4</sup>. Trong 2 năm 2021 và 2022, Ninh Thuận liên tục đón tin vui. Ngày 15/9/2021, UNESCO chính thức công nhận Vườn Quốc gia Núi Chúa là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Ngày 29/11/2022, Nghệ thuật làm gốm Bàu Trúc của người Chăm, vừa chính thức được Ủy ban Liên chính phủ Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể lần thứ 17 của UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp. Ngoài ra, Ninh Thuận có 2 di tích quốc gia đặc biệt (tháp Hòa Lai và tháp Po Klong Garai), 18 di sản cấp quốc gia (trong đó 12 di tích cấp quốc gia, 1 danh lam thắng cảnh cấp quốc gia và 5 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật

---

1. Từ năm 2005 đến năm 2008, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã cùng với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận sưu tầm được 15 sử thi trong vùng đồng bào Raglai Ninh Thuận và Khánh Hòa. Hội đồng đã thẩm định được 7 pho sử thi, trong đó đã biên dịch, xuất bản 1 sử thi.

2. Trong các lễ hội nông nghiệp của người Raglai, đáng chú ý là hệ thống lễ hội Ăn đầu lúa và Mừng lúa mới. Đây là lễ hội chuyển mùa, trùng thời điểm với các lễ hội chuyển mùa các dân tộc Đông Nam Á như lễ Rija Nugar của người Chăm, lễ hội Bunpimay của Lào, lễ Chol Chnam Thmay của người Khmer, lễ Sông Kran của Thái Lan.

3. Trong hệ thống nghi lễ vòng đời của người Raglai, đáng chú ý là lễ bỏ mả, có nhiều nét tương đồng và dị biệt với lễ bỏ mả các dân tộc Tây Nguyên.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận: “Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị”, ngày 22/6/2022.

thể quốc gia); có 46 di tích, di sản văn hóa được xếp hạng cấp tỉnh. Ninh Thuận là nơi các đền tháp Chăm vẫn gần như còn nguyên vẹn gồm: Quần thể tháp Hòa Lai (cuối thế kỷ thứ VIII), tháp Pô Klong Garai (thế kỷ XIII - XIV) và tháp Po Ramé (thế kỷ XVI - XVII). Đây là những đền tháp Chăm có nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc độc đáo thuộc vào loại đẹp nhất của các đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay. Gắn với các di tích, hằng năm, trên địa bàn tỉnh có nhiều lễ hội được tổ chức như: Lễ hội cầu ngư của ngư dân người Việt vùng biển, lễ bỏ mả của người Raglai, lễ hội Kate của người Chăm theo đạo Bàlamôn. Có thể nhận thấy, di sản văn hóa Ninh Thuận là tiềm năng, thế mạnh của Ninh Thuận trong việc xây dựng điểm đến du lịch.

2.2. Một số hạn chế trong công tác bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc trong phát triển bền vững tỉnh Ninh Thuận

Bên cạnh những thành tựu là cơ bản, vẫn còn nhiều hạn chế trong công tác bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc trong phát triển bền vững tỉnh Ninh Thuận.

*Thứ nhất*, một số giá trị, đặc trưng tiêu biểu của văn hóa các dân tộc tỉnh Ninh Thuận chưa được phát huy đúng với tiềm năng, nhiều loại hình văn hóa truyền thống đang đối diện với nguy cơ mai một. Nhiều lễ hội truyền thống đang được “đơn giản” hóa. Niềm tin “tín ngưỡng” của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ đang diễn ra quá trình biến đổi mạnh mẽ.

*Thứ hai*, với nhiều nguyên nhân, trong đó có nguồn lực tài chính, việc đầu tư cho phát triển văn hóa còn hạn chế cả về nguồn lực kinh phí và kết cấu hạ tầng các thiết chế. Hệ thống các thiết chế văn hóa trên địa bàn từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở chưa đáp ứng được nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của người dân. Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa từ tỉnh đến cơ sở còn cầm chừng, xuất hiện hiện tượng hành chính hóa, thực hiện theo sự vụ, chưa có chiến lược, tầm nhìn, định hướng phát triển lâu dài và từng giai đoạn.

*Thứ ba*, hoạt động văn hóa cơ sở vẫn còn mang tính phong trào, hình thức, chạy theo thành tích, thiếu sáng tạo, chưa chú trọng việc nghiên cứu tổ chức các hoạt động văn hóa đến tính phù hợp với phong tục, tập quán của từng địa phương, dân tộc. Chưa theo kịp sự biến đổi nhu cầu sáng tạo và thưởng thức văn hóa của người dân, nhất là lớp trẻ.



*Thứ tư*, việc huy động các nguồn lực trong xã hội tham gia xây dựng, phát triển văn hóa còn hạn chế. Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng gặp nhiều khó khăn. Văn hóa phát triển chưa tương xứng với những giá trị nội tại của nó, đồng thời cũng chưa tương xứng với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Nguyên nhân của những hạn chế phần nào do nguồn lực đầu tư tài chính cho văn hóa còn nhiều khó khăn. Ninh Thuận tuy là tỉnh còn nhiều khó khăn, nhưng 5 năm trở lại đây đang là địa phương có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, đặc biệt là năng lượng tái tạo, chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Tốc độ phát triển kinh tế nhanh ít nhiều có ảnh hưởng đến yếu tố “bền vững” của văn hóa trong phát triển.

### **3. Một số giải pháp, đề xuất, kiến nghị**

Trong các văn kiện của Tỉnh ủy Ninh Thuận đều đã đề ra các giải pháp thực hiện theo định hướng các nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Tỉnh ủy Ninh Thuận về xây dựng và phát triển văn hóa trong việc thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 của Chính phủ<sup>1</sup>. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ nhấn mạnh vào một số giải pháp để khắc phục những hạn chế có tính chất riêng đối với Ninh Thuận.

3.1. Giải pháp nâng cao nhận thức về vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững

*Một là, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên:* Trong thực tế, nhận thức của một số cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ chủ chốt vẫn coi trọng các chỉ tiêu kinh tế hơn, vì đây là những thành tích có tính chất định lượng đánh giá mức tăng trưởng GDP của tỉnh. Vì vậy, trước hết trong đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp cần quán triệt sâu kỹ tinh thần chỉ đạo của Trung ương về xây dựng, phát triển văn hóa, trong đó cần nhận thức đầy đủ và đúng đắn vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững; nhận thức đầy đủ về mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa, văn hóa phải được đặt ngang với kinh tế, chính trị, xã hội; đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển bền vững.

---

1. Quyết định số 1909/QĐ-TTg, ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030”.

*Hai là, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân.* Từ nhận thức của cán bộ, đảng viên, các ngành chức năng về tuyên truyền cần thông qua các phương thức tuyên truyền cho người dân hiểu và thực hiện các chủ trương, chính sách về văn hóa, hướng dẫn quần chúng nhân dân tham gia tích cực xây dựng đời sống văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương mình, dân tộc mình.

*Ba là, đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện có hiệu quả* Chương trình hành động của Tỉnh ủy và kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” bằng việc lồng ghép, xây dựng các chương trình, tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, văn hóa trọng đại của đất nước gắn với bản sắc văn hóa dân tộc.

### 3.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Đầu tư ngân sách cho phát triển văn hóa. Bên cạnh việc thực hiện đầu tư phát triển văn hóa theo cơ chế chung của cả nước, riêng đối với Ninh Thuận do điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, còn thiếu nhiều thiết chế văn hóa cơ bản, cần chú trọng đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa hiện nay còn khá thiếu như nhà hát, trung tâm văn hóa tỉnh, một số huyện và đặc biệt là thiết chế văn hóa cấp xã theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường kinh phí nghiên cứu khoa học văn hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm và Bảo tàng tỉnh. Nghiên cứu phát triển công nghiệp văn hóa và chuyển đổi số trong các hoạt động văn hóa.

Cần có cơ sở pháp lý với cơ chế tài chính rõ ràng, thuận lợi trong công tác xã hội hóa, tăng cường hoạt động có thu đối với các đơn vị sự nghiệp văn hóa công lập.

### 3.3. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp có chuyên môn, chuyên ngành quản lý văn hóa. Tránh tình trạng cán bộ quản lý không đúng chuyên ngành.

Có cơ chế ưu đãi đặc thù để khuyến khích thế hệ trẻ theo học các lớp đào tạo về các loại hình nghệ thuật truyền thống để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc.

Có chính sách thu hút nhân tài, đãi ngộ đối với đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ. Do điều kiện vị trí địa lý và hoàn cảnh kinh tế - xã hội của tỉnh, việc huy động, đào tạo, sử dụng và giữ chân đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ của Ninh Thuận gặp nhiều khó khăn hơn các địa phương khác. Vì vậy, một trong những giải pháp quan trọng là Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh cần có các chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài là đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ. Có chế độ ưu đãi đào tạo, đào tạo lại đối với cán bộ, diễn viên Đoàn Ca múa dân tộc tỉnh Ninh Thuận và con em đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh có năng khiếu trong lĩnh vực hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

Có chính sách, chế độ thích đáng đối với nghệ nhân dân gian, những cá nhân và gia đình có công giữ gìn tài sản văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác truyền dạy nghệ thuật dân gian, dân tộc cho thế hệ trẻ.

3.4. Giải pháp gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa

Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 555/QĐ-UBND, ngày 3/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc “Phê duyệt Đề án phát triển du lịch Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

Gắn các đề án, dự án phát triển du lịch với các di sản văn hóa đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới làng nghề gốm Bàu Trúc, khu dự trữ sinh quyển thế giới Vườn Quốc gia Núi Chúa, các di tích quốc gia đặc biệt như các cụm tháp Chăm Po Klong Giarai, tháp Hòa Lai. Kêu gọi các thành phần kinh tế xây dựng các làng nghề, các lễ hội dân gian, các di sản văn hóa dân tộc Chăm, Raglai thành các điểm đến du lịch và sản phẩm du lịch. Tiếp tục lập hồ sơ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đệ trình Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích quốc gia, quốc gia đặc biệt và đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, quốc tế.

3.5. Một số đề xuất, kiến nghị

Đề nghị Trung ương có cơ chế chính sách đầu tư kinh phí mạnh hơn, nhiều hơn cho sự nghiệp văn hóa. Cần thống nhất toàn quốc về mô hình mẫu xây dựng các thiết chế văn hóa cơ bản đồng bộ trong cả nước như nhà hát, trung tâm văn hóa, thư viện, bảo tàng ở cấp tỉnh và các thiết chế văn hóa cấp huyện, xã.

Cần thống nhất những văn bản pháp quy thống nhất về cán bộ hoạt động trong lĩnh vực quản lý văn hóa toàn quốc. Tránh tình trạng cán bộ quản lý không đúng chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực văn hóa.

Ninh Thuận là tỉnh đầu tiên tổ chức Liên hoan Làng biển Việt Nam lần thứ nhất (2011) với sự tham gia của các địa phương có biển nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa dân gian biển, đảo rất thành công. Tuy nhiên đến nay chưa tỉnh nào đăng cai tổ chức lần thứ hai. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Liên hoan Làng biển Việt Nam định kỳ 3 hoặc 5 năm một lần luân phiên 28 tỉnh, thành có biển ở Việt Nam.

\*  
\* \*

Nguyên tắc “dân tộc hóa” của Đề cương văn hóa năm 1943 chứa đựng nội hàm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam. Ninh Thuận là tỉnh nhỏ, còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội nhưng trong những năm qua đã đạt những thành tựu nhất định trong nhiệm vụ bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc ở địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, còn không ít những hạn chế. Kỷ niệm 80 năm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là dịp để các cấp, các ngành, các địa phương - trong đó có Ninh Thuận - nhìn nhận, đánh giá lại việc tổ chức xây dựng sự nghiệp văn hóa và đề ra những phương hướng, giải pháp để tiếp tục sự nghiệp văn hóa trong phát triển bền vững ở tỉnh Ninh Thuận.

## XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HỆ GIÁ TRỊ GIA ĐÌNH VIỆT NAM: YÊU CẦU VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TS. TRẦN TUYẾT ÁNH\*

### 1. Đặt vấn đề

Dân tộc Việt Nam vượt qua bao khó khăn, thử thách trong quá trình dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước độc lập, tự do và hạnh phúc. Gia đình Việt Nam đã xây dựng, gìn giữ và phát triển một hệ giá trị tốt đẹp về tình yêu thương, sự hiếu thuận, hòa hợp, tôn trọng, cần cù, sáng tạo, duy trì được sự gắn kết các thành viên dựa trên nền tảng tình cảm, sự thủy chung, đức hy sinh và tinh thần trách nhiệm. Các giá trị của gia đình được kết tinh và trao truyền trong đời sống nhân dân, được thừa nhận bởi pháp luật và các kế ước xã hội. Các bài ca dao, tục ngữ nói về đạo hiếu, tình nghĩa vợ chồng, anh chị em, về đức hy sinh cùng với các hương ước, quy tắc ứng xử của làng xã chính là hệ thống bảo lưu các giá trị của gia đình, cộng đồng<sup>1</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta rất quan tâm đến gia đình, xây dựng gia đình và giá trị gia đình trong xã hội mới, coi gia đình là thành tố quan trọng của sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII cũng xác định: “Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực

---

\* Vụ trưởng Vụ Gia đình.

1. Bộ Quốc triều hình luật (hay còn gọi là Luật Hồng Đức) tại điều thứ 2 ghi rõ bất hiếu là một trong “thập ác”. Bộ Luật có hai chương là Hôn nhân và Di sản. Ngoài ra, Bộ Luật này cũng pháp điển hóa nhiều các giá trị khác về thừa kế, tặng cho, di chúc, bình đẳng giới, ứng xử trong gia đình...

con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”. Ngày 24/6/2021, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới”. Chỉ thị nêu rõ: “Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc cho các thành viên trong gia đình. Xây dựng gia đình hạnh phúc chính là tạo nền tảng để xây dựng xã hội hạnh phúc, là vấn đề hết sức hệ trọng của dân tộc ta. Công tác xây dựng gia đình vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước”.

Để thực hiện được mục tiêu nói trên thì một trong những điều kiện tiên quyết là phải xác lập được hệ giá trị gia đình Việt Nam trong bối cảnh phát triển của đất nước hiện nay. Từ quá khứ đến hiện tại, hệ giá trị gia đình Việt Nam đã có nhiều biến đổi sâu sắc. Sự biến đổi này quyết định đến diện mạo và vai trò của gia đình Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử.

## **2. Quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về hệ giá trị gia đình**

Năm 1945, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời mở ra một chương mới trong lịch sử của dân tộc. Trong Hiến pháp lần đầu tiên năm 1946, tại Điều thứ 9 đã khẳng định: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” và Điều thứ 14 ghi rõ: “Những người công dân già cả hoặc tàn tật không làm được việc thì được giúp đỡ. Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dưỡn”. Đây là những quan điểm rất tiến bộ nhằm xác lập các giá trị về quan hệ gia đình, nam nữ bình đẳng, nghĩa vụ của các thành viên gia đình.

Tại Hội nghị thảo luận về Dự thảo Luật Hôn nhân và Gia đình tháng 10/1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh “*quan tâm đến gia đình là đúng, vì nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt hơn, hạt nhân của xã hội là gia đình*”.

Hiến pháp năm 1959 tiếp tục khẳng định các giá trị cốt lõi của gia đình. Cùng thời gian đó, Quốc hội thông qua Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là một dấu mốc quan trọng xác lập những nguyên tắc cơ bản để bảo vệ, xây dựng gia đình Việt Nam tiến bộ và hạnh phúc. Các giá trị về hôn nhân tự nguyện, hạnh phúc, dân chủ trong gia đình được đề cao, xóa bỏ hôn nhân đa thê, hôn

nhân sắp đặt và thiết lập một hệ giá trị mới về hôn nhân và gia đình, sự bình đẳng vợ chồng, hôn nhân dựa trên tình yêu và một vợ, một chồng.

*“Điều 1: Nhà nước bảo đảm việc thực hiện đầy đủ chế độ hôn nhân tự do và tiến bộ, một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và con cái, nhằm xây dựng những gia đình hạnh phúc, dân chủ và hòa thuận, trong đó mọi người đoàn kết yêu thương nhau, giúp đỡ nhau tiến bộ”.*

Bên cạnh đó các Điều 12, 13, 17, 18 của Luật cũng cụ thể hóa vai trò, trách nhiệm của các môi quan hệ trong gia đình, đặc biệt là trách nhiệm yêu thương, đùm bọc, san sẻ giữa vợ chồng, cha mẹ con cái. Năm 1962, Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) phát động phong trào xây dựng Gia đình văn hóa với tiêu chí xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc. Những tiêu chí này cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị và được duy trì, tiếp nối trong nhiều văn bản, chính sách của ngành.

Đại hội VI của Đảng năm 1986 đánh dấu một thời kỳ phát triển mới của đất nước. Những cải cách về thể chế, kinh tế, văn hóa và xã hội đã đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia năng động nhất trong khu vực và đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Kể từ Đại hội VI, gia đình được xác định là một trong các thành tố bảo đảm cho thành công của công cuộc cải cách, phát triển đất nước. Văn kiện Đại hội VI khẳng định: *“Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng, chính sách và có biện pháp tổ chức thực hiện về xây dựng gia đình văn hóa mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình. Nâng cao trình độ tự giác xây dựng những quan hệ tình cảm, đạo đức trong từng gia đình, bảo đảm sinh đẻ có kế hoạch và nuôi dạy con ngoan, tổ chức tốt cuộc sống vật chất, văn hóa của gia đình”.*

Trước đó, Hiến pháp năm 1980 tiếp tục khẳng định các giá trị gia đình, đặc biệt đề cao các yếu tố tự nguyện, tiến bộ, bình đẳng, trách nhiệm của các thành viên gia đình. Điều 64 Hiến pháp năm 1980 ghi rõ: *“Gia đình là tế bào của xã hội. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng. Cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dạy con cái thành những công dân có ích cho xã hội. Con cái có nghĩa vụ kính trọng và chăm sóc cha mẹ. Nhà nước và xã hội không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con”.*

Dựa trên nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp năm 1980, Luật Hôn nhân và gia đình sửa đổi năm 1986 đã tiếp tục khẳng định các giá trị của gia đình về tuổi kết hôn hợp pháp với nam và nữ (Điều 5), hôn nhân tự nguyện (Điều 6), bình đẳng trong quan hệ vợ chồng (Điều 10), chung thủy, yêu thương (Điều 11), chăm sóc con cái (Điều 19), nghĩa vụ và quyền của con cái (Điều 21, 23) cũng như truyền thống đạo hiếu (Điều 27).

Tiếp nối tư tưởng đổi mới từ Đại hội lần VI, Đại hội VII (tháng 6/1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Cương lĩnh năm 1991 đã chỉ rõ mối quan hệ mật thiết giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong việc giáo dục, hình thành nhân cách con người. Trong đó, “*gia đình là tế bào xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách*”. Cương lĩnh cũng chỉ ra những định hướng chính sách của Nhà nước với gia đình là “*phải chú ý tới xây dựng gia đình no ấm, hòa thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người*”. Có thể nói, Cương lĩnh năm 1991 đã hàm chứa những giá trị cốt lõi của gia đình hạnh phúc và “no ấm, hòa thuận, tiến bộ”.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) năm 1998 về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã xác định, phải: “*Gìn giữ và phát huy đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Nêu cao vai trò gương mẫu của các bậc cha mẹ. Coi trọng xây dựng gia đình văn hóa. Xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội.*”.. Có thể thấy, Đảng ta đã xác định gia đình là nơi lưu truyền những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, là thành trì vững chắc ngăn chặn những tệ nạn, những nọc độc văn hóa xâm nhập vào nước ta. Ông bà, cha mẹ chính là tấm gương để các con cháu noi theo. Xây dựng văn hóa trong gia đình, ứng xử văn hóa của từng thành viên trong gia đình là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Hội nhập sâu rộng và nền kinh tế thị trường và quốc tế, đất nước đã đạt được nhiều thành tựu trên các phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội. Mặt khác, gia đình Việt Nam cũng phải đối diện với nhiều tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và sự biến đổi xã hội. Trong đó, sự xuống cấp của một số mối quan hệ ứng xử văn hóa trong gia đình, đạo đức gia đình, đạo đức xã hội ngày càng trở nên nghiêm trọng.



Trong bối cảnh đó, Đại hội IX của Đảng (năm 2001) tiếp tục nhấn mạnh đến vai trò của gia đình đối với sự phát kinh tế xã hội, sự hình thành nhân cách, lối sống của mỗi người: “Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội”. Như vậy, trước yêu cầu cấp thiết của thực tiễn, bên cạnh những chính sách là điều kiện để xây dựng gia đình hạnh phúc thì Đảng đã khẳng định chính mỗi gia đình phải là chủ thể quan trọng nhất, gia đình không chỉ là tế bào của xã hội mà phải là tế bào lành mạnh, là tổ ấm thực sự của mỗi người.

Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/2/2005 của Ban Bí thư về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một bước tiến quan trọng trong quan điểm của Đảng. Lần đầu tiên Ban Bí thư ra một Chỉ thị chuyên về gia đình, đề cập đến tất cả khía cạnh: thực trạng, mục tiêu, giải pháp của xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Chỉ thị nêu rõ cần “nâng cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội”. Tại Thông báo số 26-TB/TW ngày 9/5/2011 về việc sơ kết Chỉ thị số 49-CT/TW, Ban Bí thư đã khẳng định “xây dựng gia đình là vấn đề lớn, hết sức hệ trọng của dân tộc và của cả thời đại”.

Sau khi Chỉ thị số 49-CT/TW được ban hành, các chính sách, pháp luật về gia đình cũng được bổ sung và cụ thể hóa nhiều giá trị gia đình quan trọng. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã pháp điển hóa đầy đủ hơn các nguyên tắc cơ bản của hôn nhân và gia đình. Luật Bình đẳng giới (2006) quy định nguyên tắc bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Luật Trẻ em (2016) cũng cụ thể hóa trách nhiệm của nhà nước, cơ quan, tổ chức và gia đình trong bảo đảm các quyền của trẻ em, bảo vệ giá trị con cái của gia đình.

Ngày 24/6/2021, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới”. Chỉ thị nêu rõ: “Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc cho các thành viên trong gia đình. Xây dựng gia đình hạnh phúc chính là tạo nền tảng để xây dựng xã hội hạnh phúc, là vấn đề hết sức hệ trọng của dân tộc ta. Công

tác xây dựng gia đình vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước”.

Nhìn lại lịch sử phát triển cho thấy, từ sau đổi mới, trong Nghị quyết của Đại hội lần thứ VI, VII và VIII đều khẳng định: “Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng tiến bộ và hạnh phúc, làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người”. Bước sang thế kỷ XXI, trước tình hình văn hóa ứng xử, giá trị đạo đức trong gia đình và ngoài xã hội có nhiều biểu hiện xuống cấp, lệch lạc, Đảng yêu cầu phải “nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội”.

Sau gần 30 năm đổi mới, quan điểm của Đảng về gia đình có những thay đổi quan trọng. Tại Đại hội XI, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng xác định: “Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội”. Trong Văn kiện Đại hội XII, Đảng xác định: “Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình; phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”. Quan điểm của Đảng về gia đình nhấn mạnh hơn đến chức năng và vai trò của gia đình, đặc biệt là giáo dục đạo đức, lối sống, kiểm soát, duy trì các chuẩn mực xã hội và là thành tố quan trọng của nền kinh tế.

Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư ban hành, kế thừa những quan điểm của Chỉ thị 49-CT/TW ngày 21/2/2005 cùng với các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước luôn khẳng định sự ổn định của gia đình chính là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Gia đình có vai trò quan trọng không chỉ đối với sự phát triển của mỗi cá nhân mà cả trong việc thực hiện các chức năng xã hội, giữ gìn và chuyển giao các giá trị văn hóa dân tộc. Đầu tư cho gia đình là đầu tư cho phát triển bền vững. Tuy nhiên, các văn bản về gia đình và công tác gia đình chưa thực sự nhấn mạnh đến vai trò then chốt của hệ giá trị gia đình. Đây là một trong những nguyên nhân của tình trạng khủng hoảng giá trị gia đình ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam hiện nay.

### 3. Kết luận và khuyến nghị

Trong vài thập niên qua, bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam và thế giới có tốc độ chuyển đổi nhanh khiến gia đình Việt nam đứng trước những thách thức và thay đổi chưa từng có. Chung sống không kết hôn, hôn nhân xuyên biên giới, môi giới hôn nhân, mang thai hộ, làm mẹ đơn thân, quan hệ đồng giới, gia đình đa văn hóa xuất hiện nhiều hơn. Sự phân hóa của gia đình Việt Nam không chỉ diễn ra trên điều kiện kinh tế, mức sống, chi tiêu mà còn ở cả hệ giá trị, chuẩn mực, lối sống, thành các nhóm, các tầng lớp với những năng lực, nhu cầu hết sức khác nhau.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế mang đến nhiều điều kiện thuận lợi để các gia đình Việt Nam tiếp cận tài chính, kiến thức, giá trị, chuẩn mực ứng xử, kỹ năng tổ chức đời sống đa dạng, phong phú. Các dịch vụ xã hội phát triển giúp ích cho gia đình thực thi các chức năng, vai trò đối với các thành viên và xã hội, thậm chí còn thay thế chúng. Mặt khác, như đã nêu ở trên, việc thực hiện các chức năng cơ bản của gia đình lại trở nên hết sức khó khăn, mong manh và có những thay đổi theo hướng tiêu cực. Trong khi đó, những vấn đề mới nảy sinh lại chưa được quan tâm đúng mức và có chính sách phù hợp.

Sự khủng hoảng chức năng, giá trị của gia đình có mối quan hệ nhân quả với những vấn đề xã hội. Giá trị đạo đức, ứng xử trong gia đình không được duy trì, rèn giũa, mối quan hệ giữa các thành viên lỏng lẻo là nhân tố dẫn đến những hành vi ứng xử lệch lạc, vi phạm pháp luật cả chính bên trong gia đình và ngoài xã hội. Những vấn đề này nếu không được xử lý kịp thời sẽ dẫn đến những hệ lụy xã hội khôn lường, nhất là sự đứt gãy về mặt giá trị, đạo đức và văn hóa truyền thống. Gia đình không thực hiện tốt các chức năng của mình sẽ khiến xã hội mất ổn định, làm mất đi động lực phát triển của đất nước.

Đầu tư cho công tác xây dựng gia đình là đầu tư cho phát triển bền vững, những giá trị như: giáo dục, đạo đức, ứng xử văn hóa gia đình, tình cảm yêu thương, chăm sóc, chia sẻ đùm bọc, động viên, khích lệ từ gia đình để giúp con người vượt qua những trở ngại, những thăng trầm của cuộc sống, là một thành tố bảo đảm cho sự gắn kết xã hội, bảo đảm cho dòng chảy phát triển bền vững của đất nước trước những thách thức, rủi ro và cũng là yếu tố đầu vào quan trọng để triển khai chính sách, thụ hưởng chính sách.

Xây dựng và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam là nền tảng vững chắc để xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người trong tình hình mới, là động lực, là mục tiêu để xây dựng quốc gia phồn thịnh, hạnh phúc như Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh<sup>1</sup>. Xây dựng gia đình Việt Nam thực sự là tổ ấm hạnh phúc của mỗi người, đó cũng chính là cơ sở để thực hiện khát vọng phát triển đất nước hùng cường và đa dạng bản sắc văn hóa dân tộc với những con người Việt Nam có tầm vóc thể lực, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức, hội tụ trí tuệ, tài năng, đưa nước ta hội nhập và giữ vững vị thế trên trường quốc tế. Vì vậy, việc nghiên cứu, rà soát, đánh giá thực trạng giá trị gia đình Việt Nam để xây dựng hệ giá trị gia đình trong tình hình mới hiện nay là rất cần thiết, cấp bách. Bên cạnh đó, về mặt chính sách cũng cần triển khai nhiều mô hình, đề án, chương trình nhằm xây dựng và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong bối cảnh phát triển mới của đất nước là một vấn đề hết sức hệ trọng.

---

1. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

## MỘT SỐ YÊU CẦU PHÁT TRIỂN VĂN HÓA THEO HƯỚNG BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG

**V**ăn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng để phát triển đất nước. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hoà với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta. Trong bối cảnh đất nước hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, phát triển văn hóa theo hướng bền vững đang đặt ra những yêu cầu mới đối với các cấp, các ngành và toàn thể dân tộc.

Văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử. Văn hóa “là sợi dây có khả năng nối liền nhân dân các nước và các dân tộc. Những tinh hoa văn hóa của một dân tộc đều là tài sản chung của nhân loại và ngược lại, những đỉnh cao của văn hóa loài người là những của báu không dành cho riêng ai”<sup>1</sup>. Trong bối cảnh thế giới hiện nay, phát triển văn hóa theo hướng bền vững đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện có tính đến cả việc bảo tồn di sản văn hóa lâu dài và những yêu cầu đang thay đổi nhanh chóng của khu vực và thế giới.

Phát triển văn hóa luôn giữ một vị trí quan trọng trong đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chủ trương của Đảng

---

1. Dẫn theo Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.47. (*Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh* (trích tham luận của các đại biểu quốc tế), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr.20-37).

gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã trở thành tư tưởng chủ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển. Sự đầu tư, quản lý của Nhà nước, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của nhân dân là những nhân tố quyết định tạo ra những chuyển biến của sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người trong những năm gần đây.

1. Bản Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 do đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh, Phúc Yên). Bản Đề cương ra đời trong hoàn cảnh Đảng vẫn còn hoạt động bí mật, đang lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Đề cương nêu rõ: Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật; mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động; không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả<sup>1</sup>... Bản Đề cương đề cập đến những tư tưởng lớn, đường hướng cơ bản, mang ý nghĩa khái quát cao, khoa học và có khả năng tập hợp lực lượng, thu hút mọi tầng lớp trong xã hội. Điểm mới nhất của nền văn hóa được xác định là phải được xây dựng trên cơ sở của một hình thái kinh tế - xã hội mới do Đảng lãnh đạo, phải trở thành một “mặt trận” mà người cộng sản phải nắm lấy, lãnh đạo và bắt nó phục vụ cho cuộc cách mạng xã hội là một bước tiến về nhận thức của Đảng về văn hóa. Nền văn hóa mới “phải thực hiện sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa” - cuộc cách mạng mà bản Đề cương hướng đến không phải dành cho một số người, một tầng lớp nào mà của toàn dân, cho toàn dân và phải do toàn thể nhân dân cùng tham gia. Bản Đề cương nêu ra ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam là dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Thực chất là ba tính chất: văn hóa gắn với truyền thống dân tộc, thuộc về nhân dân và thấm nhuần tinh thần khoa học như ba trụ cột cơ bản, bảo đảm cho văn

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.11-13.

hóa Việt Nam phát triển. Những phương châm này, cho đến nay vẫn chứng tỏ tính chất đúng đắn trong đời sống. Vì vậy, bản Đề cương có tác dụng định hướng cả về hướng đi, cách thức xây dựng và hoạt động, nên có tác dụng lâu dài với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Nhìn chung, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được coi là cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam về lĩnh vực văn hóa, là một văn kiện lịch sử vô giá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, không những chỉ ra con đường vận động, phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam mà còn tiếp tục “soi đường cho quốc dân đi”<sup>1</sup> trong công cuộc xây dựng và phát triển một nước Việt Nam “hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”<sup>2</sup> và vì “hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng vào năm 2045”<sup>3</sup>.

2. Kể từ khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được công bố, trên lĩnh vực văn hóa đến nay đất nước đã có những thành tựu, kết quả quan trọng. Từ ba nguyên tắc lớn: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa trong Đề cương văn hóa để phát triển nền văn hóa truyền thống lên một tầm cao mới, đến nay: dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, nhân dân ta kế thừa, phát triển và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, không ngừng sáng tạo những giá trị văn hóa mới thấm đẫm tinh thần yêu nước với lý tưởng xã hội chủ nghĩa và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, đưa đất nước vững bước trong xu thế phát triển của nhân loại tiến bộ. Đó là sức mạnh của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trải qua quá trình nhận thức sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn của Đảng trong lĩnh vực văn hóa, được thể hiện qua những văn kiện cụ thể, tiêu biểu:

*Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất* khai mạc tại Nhà hát thành phố Hà Nội, ngày 24/11/1946. Hơn 200 nhà hoạt động văn hóa đại diện cho phong trào văn hóa toàn quốc và đại diện Chính phủ, Ủy ban Thường trực Quốc hội

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.614.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.9.

đã đến dự. Hội nghị đã bầu ra Ủy ban Văn hóa toàn quốc gồm 15 ủy viên chính thức và 5 ủy viên dự khuyết<sup>1</sup>.

*Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai* được tổ chức tại Phú Thọ, từ ngày 16 đến ngày 20/7/1948. Mục tiêu của Hội nghị là vạch ra đường lối, nhiệm vụ và phương châm công tác văn hóa; đoàn kết những nhà hoạt động văn hóa thành một mặt trận nhằm động viên các hoạt động văn hóa, văn nghệ kháng chiến, góp phần xây dựng nền văn hóa ở Việt Nam. Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai đánh dấu một bước tiến quan trọng của phong trào văn hóa nước ta. Báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh trình bày tại Hội nghị của Đảng đã xác định rõ đường lối, phương châm văn hóa của Đảng đặt nền tảng cho mặt trận thống nhất văn hóa Việt Nam, đồng thời xác định nhiệm vụ chân chính của những người làm công tác văn hóa trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc<sup>2</sup>.

*Hội nghị Văn hóa toàn quốc* - triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng diễn ra vào sáng 24/11/2021, tại phòng họp Diên Hồng, Tòa nhà Quốc hội (Hà Nội). Hội nghị được tổ chức theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến từ điểm cầu Trung ương (tại Nhà Quốc hội) đến 63 tỉnh thành và mở rộng đến các xã, phường, thị trấn. Tại Hội nghị, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài phát biểu “*Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, gửi đi thông điệp cả về đối nội và đối ngoại, khẳng định vai trò, vị trí của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần này nhằm đánh giá việc triển khai đường lối, chủ trương, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ thời gian qua; kết quả xây dựng văn hóa, con người Việt Nam sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác văn hóa, văn nghệ trong giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến năm 2045. Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021 có một ý nghĩa rất quan trọng, là diễn đàn để lắng nghe và là dịp cổ vũ, động viên các các nhà văn hóa, trí thức, văn

---

1, 2. Xem Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2009, t.3, tr.176.



nghệ sĩ tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong ý chí, hành động; liên kết các lực lượng làm công tác văn hóa, văn nghệ trong và ngoài nước, tạo thành một mặt trận đồng lòng, dốc sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại, triển khai thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Bước vào thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã tiến hành đổi mới đồng bộ và toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Riêng về lĩnh vực văn hóa, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết, quyết định, chỉ thị rất quan trọng để tập trung xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu đã đạt được về lĩnh vực văn hóa những năm đầu thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã ban hành *Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt*, và đặc biệt là Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) *về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Đây là những nghị quyết có ý nghĩa chiến lược về phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991 và *Cương lĩnh* (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã xác định, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng. *Cương lĩnh* (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu rõ: “*Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển*”.

Tiếp đó là Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI năm 2014 *về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Trong Nghị quyết này, Đảng ta tiếp tục khẳng định những quan điểm, nhiệm vụ mà

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã nêu; đồng thời, bổ sung, nhấn mạnh một số vấn đề mới, khẳng định mục tiêu, vai trò, nhiệm vụ của văn hóa.

Tiếp tục triển khai những nhiệm vụ phát triển nền văn hóa Việt Nam Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành: Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (năm 2021), Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh: phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần và định hướng: Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về lĩnh vực văn hóa, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh những kết quả đạt được: Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn coi trọng vai trò của văn hóa và hết sức quan tâm đến công tác xây dựng văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng toàn diện, đầy đủ và sâu sắc hơn; những thành tựu nổi bật cần khẳng định là nhận thức về văn hóa ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn trên các lĩnh vực, các loại hình; các sản phẩm văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng yêu cầu mới, nhiều mặt của xã hội. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát triển. Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả, tích cực. Công nghiệp văn hóa và thị trường văn hóa có bước khởi sắc. Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế có bước phát triển mới. Xây dựng con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc đấu tranh, phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây tác hại đến văn hóa, lối sống được chú trọng. Nhiều tấm gương sáng trong phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã được biểu dương, lan tỏa vào đời sống xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa nói riêng, xây dựng và phát triển đất nước nói chung.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta cũng cần nhìn thẳng vào những hạn chế, bất cập: văn hóa chưa được các cấp, các ngành nhận thức một cách sâu sắc và chưa được quan tâm một cách đầy đủ tương xứng với kinh tế và chính trị; chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước; vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng nặng về chức năng giải trí. Phát triển các lĩnh vực văn hóa chưa đồng bộ, còn phiến diện, nặng về hình thức, chưa đi vào chiều sâu, thực chất. Thiếu những tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật lớn, tầm cỡ, phản ánh được tầm vóc của sự nghiệp đổi mới, có tác dụng tích cực đối với việc xây dựng đất nước, xây dựng con người; môi trường văn hóa vẫn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực. Sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền còn lớn. Đời sống văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo còn không ít khó khăn; nhiều di sản văn hóa quý báu của dân tộc có nguy cơ bị xuống cấp, mai một, thậm chí bị tiêu vong; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa còn lúng túng, chậm trễ, nhất là trong việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa. Đầu tư cho văn hóa chưa đúng mức, còn dàn trải, hiệu quả chưa cao... Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ mới.

Những yếu kém, bất cập nêu trên chậm được giải quyết mặc dù đã được nhắc đi, nhắc lại trong nhiều văn kiện, nghị quyết của Đảng. Sự yếu kém, khuyết điểm này đã gây hệ lụy, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, đến xây dựng con người và môi trường văn hóa của chúng ta.

**3. Đứng trước sự tác động của quá trình toàn cầu hóa, cạnh tranh quốc tế và cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cũng sẽ diễn ra quyết liệt, phức tạp hơn. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số, xã hội số, văn hóa số... vừa đem lại những cơ hội, vừa tạo ra thách thức mới trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, đặc biệt những ngày gần đây vấn đề công nghệ ChatGPT<sup>1</sup> - chatbot trí tuệ nhân tạo có mặt tại Việt Nam đang**

---

1. ChatGPT là ứng dụng AI phát triển từ mô hình GPT-3.5 của công ty OpenAI - công ty khởi nghiệp về trí tuệ nhân tạo có trụ sở tại San Francisco, Hoa Kỳ, do Samuel H. Altman sáng lập.

tạo ra nhiều ý kiến tranh luận, trong tương lai có khả năng sẽ tác động nhiều đến sự phát triển của xã hội, trong đó có cả văn hóa. Đồng thời, chúng ta cũng đang đứng trước những thách thức của an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống, nhất là sự biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, lũ lụt,... ngày càng xảy ra dày hơn và nghiêm trọng hơn, và đặc biệt là dịch bệnh, vì thế cần phải có những biện pháp đối phó, thích ứng và sống cùng đại dịch Covid-19, vừa bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh phát triển kinh tế, chính trị, thì phát triển văn hóa là một trong những vấn đề trọng tâm, một nội dung nổi bật trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Trong các văn kiện đại hội Đảng, đây là lần đầu tiên Đảng ta đề cập một cách toàn diện và sâu sắc đến lĩnh vực văn hóa, từ chủ đề Đại hội đến các quan điểm, mục tiêu, định hướng lớn, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược. Văn kiện Đại hội XIII đã nhấn mạnh: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số...”<sup>1</sup>; “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị về nền văn hóa, con người Việt Nam... Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”<sup>2</sup>.

Trong bối cảnh hiện nay, vấn đề xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới cần có tư duy đột phá. Đó là tư duy mới về mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với tăng trưởng kinh tế; phát triển văn hóa với phát triển con người, phát triển giáo dục, phát triển nguồn nhân lực; giữa phát triển văn hóa, con người với phát triển kinh tế - xã hội - môi trường... Do đó, trong bối cảnh mới để phát triển văn hóa theo hướng bền vững cần thực hiện một số yêu cầu sau:

*Thứ nhất*, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, cách thức quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng,

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.202, 34.

phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước nhằm bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong xây dựng, phát triển văn hóa từ trung ương đến cơ sở. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng hài hòa, vừa bảo đảm để văn hóa phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn; khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa bằng cách xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, nghệ thuật, quyền tác giả và các quyền khác phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam. Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa, các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

*Thứ hai*, cần phải phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xây dựng được môi trường văn hóa lành mạnh, đời sống tinh thần phong phú, hài hòa các mối quan hệ giữa người với người, giữa con người với môi trường văn hóa và thiên nhiên. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hóa mới. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh gắn liền với đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu, cái ác, phi văn hóa, phản văn hóa; bảo vệ những giá trị chân - thiện - mỹ. Chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực văn hóa. Nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa vui tươi, lành mạnh, hạnh phúc; khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền của đất nước. Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khẩn trương phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh.

*Thứ ba*, phải xây dựng con người Việt Nam toàn diện, có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần tự cường dân tộc, gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có tinh thần làm chủ, có ý chí vượt qua khó khăn, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, trung thực, nhân ái, tình nghĩa, tôn trọng pháp luật, vươn tới các giá trị chân - thiện - mỹ; chăm chỉ lao động, luôn chịu khó, tìm tòi cải tiến, sáng tạo nâng cao năng suất lao động... phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thụ hưởng văn hóa là nhân dân; tôn trọng và bảo vệ sự biểu đạt đa dạng của văn hóa, của người dân, các dân tộc, các vùng, miền; phát triển các phong trào văn hóa sâu rộng, thực chất; cải thiện điều kiện, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, bảo đảm sự công bằng...

Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với việc giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo.

*Thứ tư*, cần phải xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới. Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; trọng dụng người có tài, có đức. Đổi mới chính sách đãi ngộ, sử dụng đối với đội ngũ văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa.

*Thứ năm*, cần thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá có thể giúp bảo đảm rằng các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về văn hóa đang hướng tới việc bảo tồn và phát huy văn hóa, đồng thời đạt được các kết quả mong muốn. Tăng cường công tác thanh tra văn hóa, gắn với trách nhiệm cá nhân và tổ chức khi để xảy ra sai phạm.

*Thứ sáu*, để phát triển văn hóa theo hướng bền vững cần có đủ nguồn lực và kinh phí. Chú trọng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa, tăng cường đầu tư để đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để nâng cao khả năng dự báo và định hướng phát triển văn hóa, con người. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền

thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Như vậy, kể từ khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được công bố đến nay, nhận thức về nền văn hóa của Việt Nam trong chiến lược xây dựng và phát triển đất nước của Đảng ta ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, việc quan tâm chú trọng phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy xã hội phát triển bền vững, đồng thời nâng cao hình ảnh, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nền văn hóa Việt Nam phát triển theo hướng bền vững cần phải thực hiện một số yêu cầu như trên là cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Đó là nền tảng cho một nền văn hóa vừa có thể bảo tồn di sản, vừa đáp ứng yêu cầu thay đổi của một thế giới đang đổi thay nhanh chóng.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

BAN THƯỜNG TRỰC  
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Tháng 2/1943, tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng, trong vấn đề “chuẩn bị khởi nghĩa”, Đảng đã nêu rõ tầm quan trọng của công tác vận động văn hóa: “Đảng cần phải phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, dặng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa phát xít”<sup>1</sup>. Trên tinh thần đó, Đảng đã đưa ra bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo. Bản Đề cương đã khẳng định tầm quan trọng của cách mạng văn hóa trong mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng văn hóa và cách mạng chính trị: “a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>2</sup>.

Đề cương nêu rõ nhiệm vụ của các nhà văn hóa yêu nước Việt Nam là chống lại các trào lưu văn hóa phi vô sản, xây dựng nền văn hóa dân chủ mới dựa trên ba nguyên tắc là:

“a) Dân tộc hóa (chống lại mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.301.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12-13.



b) Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

c) Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ)<sup>1</sup>.

Ba nguyên tắc mà bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* nêu ra ngắn gọn, súc tích, vừa đề cập đến hiện trạng nền văn hóa dân tộc, vừa chỉ ra đường hướng xây dựng, phát triển nền văn hóa mới. Đó là nền văn hóa được xây dựng từ sức sáng tạo bền bỉ của nhân dân; nền văn hóa thuộc về nhân dân, do nhân dân là chủ thể sáng tạo, trao truyền và gìn giữ, phát huy. Nền văn hóa đó phải bám rễ vào cội nguồn lịch sử, không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để bồi đắp và làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng phong phú, giàu đẹp... Ba nguyên tắc đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam.

Trong gần 80 năm qua, nhiều định hướng quan trọng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được Đảng ta kế thừa, bổ sung, phát triển, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII là văn kiện tiêu biểu nhất. Nghị quyết đã khẳng định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, trong đó, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Văn hóa là một mặt trận; xây dựng, phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Tại Đại hội XIII năm 2021, Đảng ta tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh định hướng phát triển nền văn hóa Việt Nam là: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”<sup>2</sup>. Với quan điểm con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển, lấy

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, *Sđd*, tr.23-24.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

giá trị văn hóa, con người Việt Nam làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững, Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”<sup>1</sup>.

Trong nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện nay, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh yêu cầu: “Chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục của gia đình và xã hội; nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết; trọng tình nghĩa, trọng công lý và đạo lý xã hội”<sup>2</sup>.

Trên tinh thần coi việc xây dựng con người Việt Nam mới phát triển toàn diện, gắn kết cộng đồng và hướng về cơ sở, Đảng ta coi việc xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, xây dựng nông thôn mới có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn cũng như xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong việc xây dựng nền văn hóa mới, con người Việt Nam mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đóng vai trò rất quan trọng. Đại hội Đảng lần thứ XIII đã nêu rõ: “Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, vận động nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội”<sup>3</sup>.

Trong những năm qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần lượt phát động và triển khai các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và hiện nay là “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Thực hiện đường lối của Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, vận động nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư”,

---

1, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.110, 172.

2. Nguyễn Phú Trọng: *Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Báo Nhân Dân, ngày 25/11/2021, tr.2-3.

“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” đã đem lại hiệu quả thiết thực trên nhiều mặt của đời sống xã hội, thể hiện tính đúng đắn trong chủ trương của Đảng, được đông đảo các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng và tham gia tích cực. Cuộc vận động đã được các cấp chính quyền, ban ngành, đoàn thể quan tâm hưởng ứng và thường xuyên phối hợp với Mặt trận Tổ quốc đã tạo nên sự thống nhất giữa ý Đảng, lòng dân, tạo nên sự đồng thuận trong xã hội, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Thực hiện chủ trương của Đảng về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; hưởng ứng phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” của Chính phủ phát động; kế thừa và phát huy kết quả 20 năm thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” (1995-2015) và 15 năm cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” (2000-2015), Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phát động, triển khai cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Được sự quan tâm lãnh đạo kịp thời của Đảng, phối hợp của Chính phủ và cấp ủy, chính quyền các địa phương, cuộc vận động nhanh chóng được tổ chức triển khai sâu rộng đến cơ sở. Với phương châm lấy sức dân để chăm lo cho đời sống nhân dân, Ủy ban Mặt trận các cấp đã chủ trì hiệp thương, phối hợp với các tổ chức thành viên vận động nhân dân huy động nguồn lực, hiến đất, hiến công xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, chấp hành pháp luật, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, xây dựng các cộng đồng dân cư văn minh và hạnh phúc.

Ngày 7/10/2016, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chính phủ đã ký kết Nghị quyết liên tịch số 88/NQLT/CP-ĐCTUBTWMTTQVN về “Phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Ngày 15/12/2016, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 10-CT/TW “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh””.

Điểm nổi bật là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên ở nhiều địa phương tập trung chỉ đạo điểm và phát triển rộng khắp các mô hình nhân dân tự quản, xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, gia đình kiểu mẫu; tích cực lồng ghép tuyên truyền, vận động bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm,

tệ nạn xã hội, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... trong các nội dung của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia phát triển các mô hình hợp tác xã kiểu mới, một số tổ chức thành viên triển khai hỗ trợ vốn, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho đoàn viên, hội viên tham gia hợp tác xã kiểu mới. Các tổ chức thành viên là những tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức các phong trào, cuộc vận động, chương trình, hoạt động cụ thể hóa các nội dung cuộc vận động. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đẩy mạnh phong trào thi đua phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới. Hội Nông dân Việt Nam tổ chức phong trào “Nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”, phong trào “5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc” và “4 đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Hội Cựu chiến binh Việt Nam tổ chức phong trào “Cựu chiến binh gương mẫu”, phong trào “Cựu chiến binh hiến kế, hiến công xây dựng nông thôn mới”, “Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi”... Thông qua các phong trào đã động viên, khuyến khích các hội viên, đoàn viên tham gia hiến đất, góp sức, góp của trong xây dựng nông thôn mới; đồng thời, xây dựng được nhiều mô hình tự quản là các tổ, nhóm, câu lạc bộ trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, an ninh - trật tự, an toàn giao thông, hòa giải, bảo vệ môi trường...; xây dựng các mô hình, sản xuất, kinh tế, các trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp... động viên tinh thần vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng trong nhân dân, qua đó bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới, văn minh, hiện đại hơn.

Mặt trận và các tổ chức thành viên đã tích cực vận động nhân dân tham gia thực hiện tiêu chí về môi trường, một tiêu chí khó đạt được của hầu hết các địa phương trong xây dựng nông thôn mới. Bằng các mô hình, Mặt trận đã hướng dẫn nhân dân thực hiện các nội dung cụ thể: phân loại rác tại nguồn, thu gom rác thải đúng quy định, tham gia các hoạt động phát quang đường

làng, ngõ xóm, trồng hoa ven đường... góp phần làm cho môi trường sống nông thôn ngày càng trong sạch, cảnh quan nông thôn ngày càng khởi sắc.

Giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn cũng là nội dung được Mặt trận và các tổ chức thành viên luôn quan tâm. Mặt trận đã thường xuyên tuyên truyền các quy định pháp luật cho nhân dân, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; thông qua tổ hòa giải cơ sở, Mặt trận và các tổ chức thành viên đã hỗ trợ nhân dân giải quyết các bất hòa trong cộng đồng, xây dựng khu dân cư hòa thuận, đoàn kết...

Cùng với việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện cuộc vận động, Mặt trận các cấp đã hướng dẫn nhân dân tham gia giám sát, phát huy vai trò của ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc giám sát các nội dung, dự án đầu tư xây dựng nông nghiệp, nông thôn. Các hoạt động giám sát trong nông nghiệp, nông thôn nổi bật như: giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; giám sát bảo vệ môi trường; xây dựng kết cấu hạ tầng; giám sát nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới, nhất là nguồn lực do nhân dân đóng góp và Nhà nước đầu tư; giám sát về việc chấp hành quy định của pháp luật về quản lý kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; việc thực hiện chính sách hỗ trợ giá, giống, vốn, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp; giám sát xây dựng các công trình dân sinh; bồi thường, đền bù giải phóng mặt bằng; chính sách hỗ trợ, ưu đãi nông dân phát triển sản xuất, hỗ trợ nông dân nghèo; xây dựng và quản lý quỹ hỗ trợ nông dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thường xuyên nắm bắt, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri tại kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp, chủ động đăng ký với cấp ủy, phối hợp với chính quyền và các ngành chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát theo chuyên đề. Thông qua việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia giám sát trong xây dựng nông thôn mới như thực hiện các công trình phúc lợi, nhất là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; có cơ chế hỗ trợ và huy động nhân dân tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng, dồn điền đổi thửa... Ngoài ra, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tích cực tuyên truyền cho cán bộ, bà con nông dân nâng cao ý thức trách nhiệm tham gia giám sát thường xuyên, kịp thời phát hiện những sai phạm, bất cập với cấp có thẩm quyền và các cơ quan chức năng về những vấn đề liên quan đến nông nghiệp, nông thôn.

Về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành Hướng dẫn số 122/HD-MTTW-BTT ngày 29/1/2019 (thay thế Hướng dẫn số 78/HD-MTTW-BTT, ngày 24/4/2017) về nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện, cấp xã; xây dựng phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân. Việc đánh giá sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới là một trong những kênh thông tin quan trọng để giúp cho cấp ủy, chính quyền và các ngành chức năng đánh giá, kiểm chứng đối với kết quả xây dựng nông thôn mới ở từng địa phương, cơ sở. Việc tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới cơ bản bước đầu đã thể hiện được ý chí, nguyện vọng và sự tham gia, giám sát của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Báo cáo tổng hợp ý kiến người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp là một trong những căn cứ quan trọng, cần thiết để hội đồng thẩm định nông thôn mới các cấp xem xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới của xã, huyện.

Tại các địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành đã tổ chức vận động, hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình; xây dựng nông thôn mới thông qua các mô hình như: “Khu dân cư thực hiện hài hòa xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường”, “Khu dân cư bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu”, “Mỗi khu dân cư hỗ trợ một hộ nghèo sản xuất kinh doanh thoát nghèo bền vững”, “Khu dân cư đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững”, “Khu dân cư kiểu mẫu”, “Thôn kiểu mẫu nông thôn mới”, “Nông thôn mới, ánh sáng văn minh”, “Thấp sáng đường quê”, “Khu dân cư thân thiện với môi trường”...

Điểm nổi bật trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đó là Mặt trận Tổ quốc các cấp tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia hiến đất, hiến công để xây dựng giao thông nông thôn và các công trình dân sinh ở nông thôn; bước đầu thực hiện có hiệu quả công tác giám sát xã hội xây dựng nông thôn mới, nhất là giám sát thông qua đánh giá sự hài lòng của

người dân về xây dựng nông thôn mới, giám sát các nguồn lực xây dựng nông thôn... đã phát huy tinh thần dân chủ trong xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao chất lượng, bảo đảm tính bền vững trong xây dựng nông thôn mới. Riêng trong nhiệm kỳ 2014-2019, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã vận động nhân dân tự nguyện đóng góp hàng nghìn tỷ đồng, hiến trên 15 triệu m<sup>2</sup> đất để xây dựng đường giao thông và các công trình dân sinh; cả nước đã có trên 17,8 triệu hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, trên 57,7 nghìn khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng đô thị văn minh, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tích cực vận động nhân dân tham gia xây dựng đô thị văn minh thông qua các hoạt động như: xây dựng đời sống văn hóa ở khu vực đô thị, xây dựng khu dân cư, tuyến đường, tuyến phố văn hóa; xây dựng các mô hình tự quản về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường; xây dựng nếp sống văn hóa trong kinh doanh, ứng xử, không lấn chiếm lòng đường, vỉa hè trong hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện việc quy hoạch và chỉnh trang đô thị... Nhiều địa phương đã triển khai thực hiện tốt nội dung này. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội đã phát động phong trào “Năm văn minh đô thị” được triển khai đến từng địa bàn, khu dân cư trong thành phố với các nội dung, tiêu chí cụ thể. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng thực hiện tốt công tác chỉnh trang, quy hoạch đô thị; xây dựng các tuyến đường văn minh, sạch đẹp theo hình thức: chính quyền thực hiện hỗ trợ xi măng, gạch lát vỉa hè, Mặt trận Tổ quốc các cấp tham gia vận động nhân dân đóng góp vật tư, tiền công, hiến đất để cải tạo, mở rộng, chỉnh trang đường, ngõ đô thị... Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành khác đã triển khai Đề án xây dựng văn hóa, văn minh đô thị với mục tiêu phấn đấu các xã, phường không có quảng cáo rác, các hộ gia đình bảo đảm vệ sinh môi trường, tuyến phố đạt chuẩn tuyến phố văn minh...

Các kết quả trên đã minh chứng sự đồng thuận và đồng lòng của nhân dân trong thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới; đồng thời, thể hiện sự hưởng ứng tích cực của nhân dân đối với các phong trào, các cuộc vận động do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phát động. Như vậy, có thể khẳng định cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đã được triển

khai đồng bộ với nhiều mô hình, sáng kiến của Mặt trận góp phần thiết thực hoàn thành và nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở nhiều địa phương; góp phần hình thành phong trào thi đua xây dựng đô thị văn minh, hiện đại. Thông qua cuộc vận động đã phát huy mạnh mẽ sức mạnh nội sinh của toàn dân và sự chung sức của cả hệ thống chính trị thông qua sự vào cuộc trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và người dân.

Vấn đề “nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết; trọng tình nghĩa, trọng công lý và đạo lý xã hội” được thể hiện ở Chương trình vận động chăm lo, giúp đỡ người nghèo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Phương thức vận động, giúp đỡ có nhiều đổi mới, trong đó Mặt trận vừa vận động các nguồn lực vào Quỹ “Vì người nghèo” các cấp, vừa hướng dẫn, kết nối để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm trực tiếp triển khai hỗ trợ người nghèo và các địa phương; chủ trì hiệp thương để mỗi đoàn thể chính trị - xã hội nhận giúp đỡ các hộ gia đình vươn lên thoát nghèo bền vững theo địa chỉ cụ thể. Hưởng ứng phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” do Thủ tướng Chính phủ phát động, hàng năm Mặt trận chủ trì phát động tháng cao điểm “Vì người nghèo” và phối hợp tổ chức chương trình truyền hình, phát thanh trực tiếp “Cả nước chung tay vì người nghèo”, qua đó kêu gọi, khơi dậy những tấm lòng nhân ái, nhiều nghĩa cử cao đẹp chung tay giúp đỡ người nghèo.

Thông qua thực hiện Quỹ “Vì người nghèo” và công tác an sinh xã hội, riêng trong 10 năm (2009-2019), Quỹ “Vì người nghèo” 4 cấp đã vận động được 12.933 tỷ đồng; vận động an sinh xã hội được 41.828 tỷ đồng; xây dựng, sửa chữa được 818.066 nhà đại đoàn kết, tạo thêm nguồn lực giúp cho nhiều hộ nghèo thoát nghèo, có nhà ở, ổn định cuộc sống. Công tác cứu trợ được Mặt trận Tổ quốc các cấp quan tâm thực hiện kịp thời. Hàng năm, khi thiên tai bão lũ xảy ra, đối với những đợt thiên tai nghiêm trọng gây thiệt hại nặng nề về người và của ở các địa phương, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra lời kêu gọi vận động ủng hộ; kịp thời đi thăm hỏi, động viên, cứu trợ trực tiếp đến địa phương và nhân dân vùng bị thiệt hại, giúp họ ổn định cuộc sống. Trong 10 năm, Ban Cứu trợ các cấp đã vận động phân bổ hàng nghìn tỷ đồng giúp đỡ các địa phương và người dân bị thiên tai



(riêng Quỹ cứu trợ Trung ương vận động tiếp nhận được 240,748 tỷ đồng, phân bổ 185,948 tỷ đồng đến các địa phương bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra).

Các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc đã có nhiều chương trình hoạt động, kêu gọi, vận động xã hội chăm lo, giúp đỡ đoàn viên, hội viên, như: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức chuỗi hoạt động “Xuân đoàn kết - Tết biên cương”; thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, phụ nữ nghèo; tặng học bổng cho học sinh nghèo vượt khó... Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức chương trình “Tết Sum vầy - Mừng Xuân, ơn Đảng” gắn với chương trình “Ngày hội công nhân - Phiên chợ nghĩa tình, trao tặng Nhà “Mái ấm Công đoàn”. Hội Cựu Thanh niên xung phong Việt Nam tổ chức Ngày hội gói bánh tết tặng hộ nghèo, nuôi “Heo đất, heo nhựa” xây dựng quỹ nghĩa tình đồng đội. Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam vận động ủng hộ hàng triệu lượt người khuyết tật, trẻ mồ côi, bệnh nhân nghèo và các đối tượng khó khăn, yếu thế; xây dựng và sửa chữa hàng nghìn ngôi nhà tình thương. Hội Nhà báo Việt Nam trao tặng nhà tình nghĩa, tiền và hiện vật hàng chục tỷ đồng cho các gia đình bị khó khăn và ảnh hưởng thiên tai, bão lũ; trao tặng quà thân nhân, gia đình các nhà báo liệt sĩ, thương binh. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tổ chức phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam”, tổ chức hàng trăm Phiên chợ Nhân đạo tại hầu hết các tỉnh, thành phố; xây dựng hàng nghìn Nhà Chữ thập đỏ, công trình nhân đạo với tổng giá trị hàng trăm tỷ đồng cho các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, gặp rủi ro, hoạn nạn. Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam vận động các doanh nghiệp, các cá nhân ủng hộ; xây dựng các dự án hỗ trợ nạn nhân một cách bền vững. Hội Cựu chiến binh Việt Nam vận động xây dựng hàng nghìn Nhà nghĩa tình đồng đội, Nhà tình nghĩa cho các hội viên có hoàn cảnh khó khăn,...

Hàng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên thường xuyên tổ chức thăm hỏi, chăm lo các gia đình chính sách, nhất là vào các dịp kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ. Ủy ban Mặt trận đã chủ trì vận động “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”; các tổ chức thành viên có nhiều hoạt động thiết thực trợ giúp thương binh, gia đình liệt sĩ, cựu thanh niên xung phong và người có công với cách mạng; tổ chức các chương trình tri ân các anh hùng liệt sĩ, hoạt động về nguồn, giúp đỡ đồng đội...

Đánh giá về vấn đề này, trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Xây dựng con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc đấu tranh, phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây tác hại đến văn hóa, lối sống được chú trọng. Nhiều tấm gương sáng trong phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã được biểu dương, lan tỏa vào đời sống xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa nói riêng, xây dựng và phát triển đất nước nói chung”<sup>1</sup>.

Như vậy, 80 năm đã trôi qua, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, tiếp tục “soi đường cho quốc dân đi” trong công cuộc xây dựng và phát triển một nước Việt Nam “hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh”.

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Tlđđ, tr.2-3.

## THỂ HỆ TRẺ THAM GIA BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC DỰA TRÊN GIÁ TRỊ CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN  
THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam ra đời vào tháng 2/1943 đã vạch ra nhiệm vụ trước mắt của các nhà văn hóa yêu nước Việt Nam là phải chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, lạc hậu, nô dịch, văn hóa ngu dân; xây dựng nền văn hóa dân chủ mới với ba tính chất “dân tộc - đại chúng - khoa học”; đề cương văn hóa nêu ra phương hướng chung của cách mạng văn hóa Việt Nam, vị trí của văn hóa Việt Nam, vị trí của văn hóa trong cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, làm cho thanh niên, sinh viên và giới trí thức, các văn nghệ sĩ thấy được ngoài sứ mệnh giải phóng dân tộc, còn là sứ mệnh giải phóng văn hóa và xây dựng nền văn hóa Việt Nam mới. Những luận điểm đầy tính thuyết phục trong Đề cương đã có sức mạnh thúc tỉnh và tập hợp rộng lớn giới trí thức Việt Nam vào sự nghiệp cứu quốc dưới ngọn cờ của Đảng. Đảng chỉ cho họ đâu là lối thoát, muốn giải phóng trí thức, phải giải phóng dân tộc; giải phóng dân tộc là giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển một cách tự chủ theo hướng tiến bộ. Đề cương văn hóa là ngọn đuốc soi đường trong quá trình hoạt động văn hóa, văn nghệ; khơi dậy và hun đúc lòng yêu nước, truyền thống văn hóa dân tộc, tạo thành sức mạnh nội sinh to lớn thúc giục mọi tầng lớp nhân dân, nhất là các thế hệ thanh niên Việt Nam luôn vững niềm tin sắt son với con đường cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta làm nên những chiến công vĩ đại trong công cuộc

đấu tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước trước kia, cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế ngày nay.

### **1. Phát huy giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc, lòng yêu nước, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ trong thời gian qua**

Có thể nói từ sau Đề cương văn hóa năm 1943; Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị về “Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới”. Văn hóa - văn nghệ trong cơ chế thị trường; *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991; đến Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về văn hóa là những văn kiện chuyên đề văn hóa đầu tiên của Đảng, đặt ra chiến lược phát triển văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đảng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần, động lực và mục tiêu của sự phát triển, đó là tất cả vì mục con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên; đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự lực, tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân, gia đình, làng xã, Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống.

Trong giai đoạn mới, để tiếp tục phát huy những giá trị của Đề cương văn hóa, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ quan trọng là xây dựng lớp thanh niên giàu lòng yêu nước, có ý thức công dân, biết xử lý hài hòa lợi ích của bản thân trong lợi ích chung của tập thể, cộng đồng; có lý tưởng cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có tri thức, chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng lao động giỏi; có văn hóa và sống tình nghĩa; có sức khỏe thể chất và tinh thần lành mạnh; giàu nhiệt huyết sáng tạo và tinh thần tình nguyện. Người thanh niên của thời kỳ mới phải vừa biết giữ gìn, bảo tồn và phát triển văn hóa tốt đẹp của dân tộc, vừa biết làm giàu văn hóa dân tộc bằng những giá trị, những tinh hoa văn hóa nhân loại, là hiện thân tiêu biểu của các giá trị văn hóa Việt Nam. Để thực hiện được mục tiêu đó, thời gian qua, các cấp bộ đoàn đã triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp và đem lại những hiệu quả tích cực.

*Thứ nhất*, tăng cường giáo dục thanh niên ý thức trân trọng các giá trị văn hóa dân tộc. Các cấp bộ đoàn đã định hướng xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới, nền tảng là những giá trị, đạo đức, phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam với những giá trị cốt lõi “*Tâm trong - Trí sáng - Hoài bão lớn*”<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, tổ chức Đoàn đã chú trọng nâng cao lòng tự hào dân tộc thông qua các hoạt động giáo dục truyền thống, nhất là nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử quan trọng của quê hương, đất nước. Trong thời gian qua, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã đổi mới phương thức tuyên truyền, giáo dục truyền thống; xây dựng các ấn phẩm hiện đại, ngắn gọn, thu hút để giới thiệu về các ngày lễ, các sự kiện lớn; tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu truyền thống dân tộc, danh nhân văn hóa, các bậc tiền bối cách mạng với hình thức mới mẻ, hấp dẫn<sup>2</sup>; hàng loạt các ấn phẩm truyền thông hiện đại video đồ họa, megastory, infographic... tái hiện lại các chiến thắng vĩ đại của dân tộc; những dấu mốc lịch sử quan trọng của đất nước, địa phương; các tấm gương anh hùng dân tộc, tấm gương tiêu biểu được ra đời, lan tỏa trong đời sống đoàn viên thanh niên; những đợt sinh hoạt chính trị quan trọng, nối tiếp nhau hay chuỗi hoạt động về nguồn, thăm quan các di tích lịch sử, địa chỉ đỏ ngày càng hấp dẫn thanh niên, thu hút đông đảo cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi hưởng ứng.

*Thứ hai*, tổ chức để thanh niên tham gia bảo tồn các di sản văn hóa, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc thông qua các hoạt động tham gia tu sửa, tôn tạo, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh tại địa phương; chỉnh trang khuôn viên các tượng đài, nghĩa trang, tháp nén tri ân các anh hùng liệt sĩ. Các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản thiên nhiên được UNESCO vinh danh là di sản thế giới, các công trình, sản phẩm...

---

1. Cuộc vận động “Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới” với ba tiêu chí nền tảng “Tâm trong - Trí sáng - Hoài bão lớn” và 12 tiêu chí cụ thể: (1) Có lý tưởng cách mạng; (2) Bản lĩnh vững vàng; (3) Giàu lòng yêu nước; (4) Đạo đức trong sáng; (5) Lối sống văn hóa; (6) Tuân thủ pháp luật; (7) Tiên phong hành động; (8) Sáng tạo không ngừng; (9) Học tập liên tục; (10) Có sức khỏe tốt; (11) Kỹ năng phù hợp; (12) Khát vọng vươn lên.

2. Như các cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến: Tìm hiểu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; cuộc thi “Ánh sáng soi đường” tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; cuộc thi tìm hiểu lịch sử “Tự hào Việt Nam” và “Em yêu Tổ quốc Việt Nam”; tìm hiểu truyền thống Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Các cuộc thi tương tác trực tuyến về Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Các cuộc thi sáng tác sản phẩm truyền thông kỷ niệm 60 năm ngày mở đường Hồ Chí Minh trên biển...

được xếp hạng di tích lịch sử, di tích văn hóa các cấp đều được tổ chức Đoàn, Hội, Đội tham gia bảo tồn, gìn giữ và phát huy một cách tích cực thông qua các đội, nhóm, câu lạc bộ văn hóa dân gian, nghệ thuật cổ truyền, võ cổ truyền... trong và ngoài nhà trường<sup>1</sup>; huy động các nguồn lực xã hội hóa tham gia đầu tư vào hoạt động bảo tồn, giữ gìn cảnh quan môi trường các di tích lịch sử, cách mạng, di sản văn hóa...

*Thư ba*, đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá các di sản văn hóa, di tích lịch sử, cách mạng của quê hương, đất nước thông qua các hoạt động về nguồn, hành trình đến với địa chỉ đỏ; vận động thanh thiếu nhi hát quốc ca tại các địa chỉ đỏ; đăng tải các video clip giới thiệu về danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, cách mạng, di sản văn hóa... của địa phương bằng tiếng Việt và tiếng Anh; thành lập các câu lạc bộ, đội hình tình nguyện hướng dẫn du lịch, giới thiệu danh lam, danh thắng, di sản văn hóa truyền thống của địa phương<sup>2</sup>; tận dụng ưu thế của không gian mạng trong giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ và các phong trào của đoàn, ngày càng nhiều những ca sĩ, họa sĩ, nhiếp ảnh gia, nhà làm phim là cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi được phát hiện thông qua các trang mạng xã hội, tự công bố và khẳng định mình trên không gian mạng; ứng dụng truyền thông số trong các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội truyền thống; đưa âm nhạc dân gian dân tộc đến gần với thanh thiếu nhi qua các MV ca nhạc; hay số hóa các địa điểm di tích giúp thanh niên được tiếp cận dễ dàng hơn về nguồn gốc, ý nghĩa lịch sử của các địa danh, địa chỉ đỏ.

---

1. Yên Bái: Mô hình “Giờ ra chơi với các làn điệu dân tộc, điệu nhảy tập thể trong trường học” tại các trường học tỉnh Yên Bái; Phú Thọ: gần 90% liên đội Trường Tiểu học ở thành phố Việt Trì đưa hát Xoan vào giảng dạy và 1 buổi ngoại khóa giao lưu với các nghệ nhân hát Xoan; Bắc Ninh: dạy hát dân ca Quan họ Bắc Ninh trong các Liên đội và cấp trung học phổ thông; Thừa Thiên Huế: đưa bộ môn múa cung đình vào chương trình cho học sinh khối 4 và 5 học tập; Hà Tĩnh: tổ chức nhiều buổi ngoại khóa hướng dẫn các em tìm hiểu về lịch sử, ý nghĩa của dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh, mời các nghệ nhân về biểu diễn và truyền dạy.

2. Hà Nội: Thành lập câu lạc bộ Văn hóa trẻ, Nét đẹp Tràng An, Tôi yêu Hà Nội, đội hình tình nguyện “Hỗ trợ Du lịch Thăng Long - Hà Nội” gồm 300 thành viên; Đồng Tháp: Thành lập câu lạc bộ Nhiếp ảnh trẻ tỉnh Đồng Tháp, câu lạc bộ Trải nghiệm huyện Cao Lãnh, duy trì hiệu quả các mô hình đoàn thanh niên tham gia thực hiện Đề án Phát triển du lịch của tỉnh; Bến Tre: chiến dịch “Bến Tre trong tôi” với các hoạt động như: lập ngân hàng ý tưởng, sáng kiến Bến Tre năm 2045, viết về gương Người Bến Tre trong cuộc sống, giới thiệu về các địa điểm di tích, lịch sử, văn hóa, truyền thống của Bến Tre...

*Thứ tư*, quan tâm chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cho các đối tượng thanh niên, đặc biệt là thanh niên nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, thanh niên công nhân trong các khu chế xuất, khu công nghiệp; tích cực phối hợp cùng ngành văn hóa xóa các “điểm trắng” văn hóa ở các địa bàn khó khăn. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, các chương trình hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, phát triển kinh tế, chăm lo thanh, thiếu niên nghèo, đối tượng chính sách, người cao tuổi neo đơn... được tổ chức thường xuyên, liên tục. Nhiều hoạt động thể thao, văn hóa đã thực sự trở thành ngày hội của tuổi trẻ, như: Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Ngày hội “Thiếu nhi vui, khỏe”... Qua đó, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống văn hóa tinh thần cho thanh, thiếu niên.

## **2. Tuổi trẻ tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi giá trị văn hóa thành sức mạnh nội sinh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa**

Tiếp thu tinh thần Đề cương văn hóa trong thời kỳ mới, để văn hóa thực sự là động lực của sự phát triển, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm đầu tư mạnh mẽ vào văn hóa, góp phần đưa văn hóa thực sự trở thành “sức mạnh mềm” cho sự phát triển của đất nước. Từ năm 2016, khi Chính phủ ban hành một chiến lược toàn diện về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, đặc biệt là những tư tưởng chỉ đạo trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng: Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của thế giới, chúng ta đã từng bước định hình công nghiệp văn hóa với 12 ngành chủ chốt: Quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công, mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa và đã có những thành quả nhất định. Từ đó, chúng ta đã và đang phát triển được rất nhiều sản phẩm văn hóa mang lại giá trị cao, đặc biệt là trên các nền tảng số, rất nhiều trong số đó là của những bạn trẻ.

Ngày càng nhiều sản phẩm văn hóa “made in Việt Nam” đang được phát triển mạnh mẽ trên nhiều nền tảng, nhất là công nghệ số, tạo dựng được niềm

tin, sự quan tâm của cộng đồng xã hội. Tiêu biểu như: Các sản phẩm điện ảnh, phim truyền hình, phim ngắn, nhiều bộ phim truyền hình ăn khách, phù hợp với thuần phong, mỹ tục, lối sống của người Việt đã xuất hiện ngày càng nhiều hơn, chiếm lĩnh “giờ vàng” vốn trước đây thuộc về các tác phẩm điện ảnh nước ngoài và đã nhận được sự hưởng ứng của khán giả. Trên mạng xã hội ngày càng xuất hiện nhiều sản phẩm dạng phim ngắn, serie phim ngắn, phim sitcom do các bạn trẻ sản xuất với những tình huống thú vị, mang lại những bài học ý nghĩa trong cuộc sống. Những sản phẩm phim đồ họa 3D, 4D, phim hoạt hình giới thiệu về các triều đại lịch sử của dân tộc; về các phong tục, tập quán, lễ hội Việt Nam; các video trải nghiệm văn hóa, phong tục tập quán, ẩm thực<sup>1</sup>. Những người trẻ Việt với thế mạnh về ngoại ngữ, khả năng nắm bắt thông tin nhanh nhạy, đã chọn cách lập các kênh truyền thông trên Youtube, Tiktok, Facebook, Instagram... nhằm xây dựng nội dung quảng bá văn hóa, đất nước, con người Việt Nam đến bạn bè quốc tế<sup>2</sup>.

Từ sở thích, đam mê tìm hiểu văn hóa truyền thống, ngày càng có nhiều thanh niên tham gia vào việc phục dựng, sáng tạo những giá trị văn hóa từ di sản của cha ông để lại; tạo ra không ít dự án, sản phẩm thu hút sự quan tâm của dư luận trong nước và quốc tế; từ đó, góp phần lan tỏa sự quan tâm, niềm yêu mến của cộng đồng đối với vẻ đẹp của nghệ thuật dân tộc<sup>3</sup>. Thông qua đó, không chỉ góp phần quảng bá những giá trị văn hóa của Việt Nam trên trường thế giới, mà còn tạo nên những giá trị kinh tế to lớn từ những sản phẩm văn hóa. Tận dụng những công cụ có sẵn trên các nền tảng mạng xã hội, nhiều

---

1. Có thể kể đến như Youtuber Quang Linh Vlog, chàng trai trẻ đã lan tỏa những giá trị văn hóa con người Việt Nam tại châu Phi; TikToker Phạm Thị Thủy Tiên, người kể chuyện lịch sử qua từng nét vẽ; Nhóm Vietnam Centre đưa cuốn sách ảnh trang phục thời Lê sơ - “Dệt nên triều đại” vào các thư viện của Đại học Quốc gia Úc; Đinh Võ Hoài Phương với trang Vlog về du lịch và ẩm thực khoai lang, Challenge me - Hãy thách thức tôi, Chan La Cà...

2. Đó là các dự án của nhóm Chèo 48h - Tôi chèo về quê hương. Kênh Youtube của Nguyễn Khánh Vương Anh giới thiệu về ẩm thực Việt. Sunny Vietnam giới thiệu nhiều clip về văn hóa - du lịch đặc sắc.

3. Tiêu biểu như: “Trường ca kịch viện” - một dự án “Ca kịch” do một nhóm học sinh đến từ các trường trung học phổ thông thực hiện từ năm 2019 với nhiều hoạt động bài bản, với mong muốn quảng bá, đưa nghệ thuật truyền thống đến gần với công chúng, nhất là các bạn trẻ. Dự án phục dựng lại trang phục cổ, đồ trang sức, nội thất truyền thống từ doanh nghiệp trẻ Ý Vân Hiên.



bạn trẻ đã xây dựng và thành công với việc quảng bá nhiều sản phẩm văn hóa truyền thống của địa phương trên không gian mạng<sup>1</sup>. Ngày càng xuất hiện nhiều tấm gương thanh niên Việt Nam dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ để cải tiến đặc sản địa phương, cũng như khởi nghiệp từ văn hóa, du lịch trên chính quê hương mình<sup>2</sup> ...

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã tổ chức nhiều hoạt động tạo môi trường cho thanh niên tham gia vào quá trình chuyển đổi giá trị văn hóa thành sức mạnh nội sinh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa, như tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo thanh niên khởi nghiệp; thúc đẩy và tạo môi trường để thanh niên khởi nghiệp, nhất là trong lĩnh vực văn hóa; tổ chức Diễn đàn truyền hình “Bức tranh văn hóa Việt Nam trên các nền tảng công nghệ số” và “Định vị Việt Nam trên bản đồ thế giới với các sản phẩm văn hóa xuyên quốc gia”; Hội thảo “Không gian mạng và sứ mệnh bảo vệ biên cương văn hóa tư tưởng của tuổi trẻ”; các hoạt động thông tin, tuyên truyền đối ngoại để quảng bá, giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam, tổ chức thanh niên của Việt Nam tới bạn bè quốc tế; xây dựng chuyên mục tiếng Anh trên cổng thông tin của Trung ương Đoàn; phối hợp tổ chức các lễ hội văn hóa, ngày Việt Nam ở nước ngoài...

Bên cạnh đó, tổ chức của Đoàn, thanh niên đã rất tích cực trong tham gia đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc, sai trái, lên án tin giả, tin xấu độc; chia sẻ thông tin chính thống; viết bài, bình luận phản bác và tham gia báo cáo sai phạm để loại bỏ khỏi mạng xã hội các thông tin thiếu chính xác, tiêu cực. Các cơ quan báo chí của Đoàn duy trì hiệu quả chuyên mục “Chống tin giả”, “Thời luận”, “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”. Các cấp bộ đoàn xây dựng và duy trì các trang cộng đồng trên mạng xã hội để định hướng và cung cấp thông tin chính thống, phản bác thông tin xấu độc. Những hoạt động của Đoàn và thanh niên đã thể hiện tinh thần tích cực, trách nhiệm và tham gia có hiệu quả

---

1. Như Đặng Văn Hậu khởi nghiệp thành công với Tò he Việt, Lê Mạnh Cường sáng lập KEIG Studio và game “Thần tích”, Đoàn Nhật Quang với “Việt sử giai thoại”...

2. Như: Dự án khởi nghiệp du lịch C2T; Mô hình du lịch homestay, du lịch sông nước, du lịch sinh thái; Dự án “Trồng rau hữu cơ gắn với phát triển du lịch có trách nhiệm” của tỉnh Hà Giang (Giải nhất Cuộc thi dự án khởi nghiệp sáng tạo thanh niên nông thôn năm 2018); Dự án “Bột rau sấy lạnh” của Nguyễn Ngọc Hương (Giải nhất Cuộc thi dự án khởi nghiệp sáng tạo thanh niên nông thôn năm 2019).

thực hiện chủ trương lan toả thông tin tích cực, đẩy lùi thông tin tiêu cực trên không gian mạng, phòng chống âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch thông qua văn hóa. Các cấp bộ đoàn đã phát động và tổ chức hiệu quả cuộc vận động “Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp” trên mạng xã hội. Mỗi năm, có hơn 5 triệu tin tốt, chuyện đẹp được lan toả rộng rãi, góp phần thực hiện chủ trương đưa thông tin tích cực trở thành luồng thông tin chủ đạo trên mạng xã hội, “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, “lấy thông tin tích cực đẩy lùi thông tin tiêu cực”.

### **3. Một số giải pháp nâng cao tính tích cực của tuổi trẻ Việt Nam trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc cho thế hệ trẻ**

Bản Đề cương văn hóa đầy tính thuyết phục và tính chiến đấu đã trở thành ngọn cờ tập hợp cổ vũ, động viên giới trí thức, khoa học, văn hóa nghệ thuật Việt Nam đương thời, phá vỡ xiềng xích của văn hóa phát xít, thực dân, bảo vệ văn hóa truyền thống văn hóa dân tộc, xây dựng nền văn hóa mới của Việt Nam. Trong bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/2021 đã nêu rõ: “... tiếp nhận tinh hoa văn hóa nhân loại còn hạn chế; chưa coi trọng đúng mức và có biện pháp tích cực để giữ gìn, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp, đặc sắc của dân tộc; nhiều khi bắt chước nước ngoài một cách nhố nhăng, phản cảm, không có chọn lọc”. Trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là sự phát triển của công nghệ số, nền văn hóa Việt Nam đang hội nhập, giao thoa ngày càng sâu rộng với nền văn hóa thế giới, nhiều vấn đề mới về tình hình thanh niên cần được quan tâm nghiên cứu, đồng thời công tác giáo dục, xây dựng chính sách phát triển thanh niên cần được nghiên cứu để đổi mới cả về nội dung lẫn phương thức nhằm tạo những chuyển biến mới trong công tác thanh niên, góp phần xây dựng một thế hệ thanh niên có đủ bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, sức sáng tạo, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc. Chính vì vậy, để tiếp tục phát huy vai trò của mình trong công tác phát triển văn hóa trong giai đoạn mới trên cơ sở kế thừa giá trị của Đề cương văn hóa, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xác định tiếp tục triển khai các giải pháp thực hiện tinh thần Hội nghị Văn hóa toàn quốc và kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị, trong đó, Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XII

xác định cần tham gia có hiệu quả trong công cuộc gìn giữ, phát huy và chấn hưng văn hóa trong giai đoạn mới. Trong đó, tổ chức Đoàn xác định tập trung thực hiện một số nội dung sau:

*Một là*, chú ý tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác học tập giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cộng sản của đội ngũ cán bộ Đoàn, đoàn viên. Cán bộ Đoàn, đoàn viên phải luôn thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa. Tích cực nghiên cứu, tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống vẻ vang của Đảng, các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Nhận thức đúng đắn giá trị của học tập, nghiên cứu thanh niên sẽ đủ trình độ, kiến thức, sự trải nghiệm cần thiết để tham gia vào các hoạt động văn hóa, đồng thời hiểu rõ hơn giá trị độc lập, tự do của đất nước hôm nay, về lý tưởng độc lập dân tộc, gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ, nhân dân ta đã lựa chọn.

*Hai là*, tiếp tục kiên trì đổi mới, coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, học tập, nghiên cứu và vận dụng chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng vào thực tiễn; sáng tạo và thực chất trong việc tổ chức cho cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức Đoàn - Hội - Đội, nâng cao chất lượng hiệu quả của phong trào hành động cách mạng của thanh niên, mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên, kiên trì thực hiện mục tiêu xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Thanh niên tham gia tích cực các phong trào, các chương trình hành động cách mạng sẽ góp phần quan trọng trong cải tạo, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Xây dựng thanh niên Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại bao gồm tám giá trị/nội dung cốt lõi: “Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo”. Vừa phát huy những đức tính tốt đẹp của văn hóa con người Việt Nam trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước, vừa khắc phục những hạn chế, ảnh hưởng tiêu cực của toàn cầu hóa về văn hóa.

*Ba là*, các hoạt động của tổ chức Đoàn tập trung hướng vào xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tập trung trọng điểm, nhân rộng, hướng đến những việc làm cụ thể, thiết thực. Tạo không gian, điều kiện học tập, rèn luyện, giải trí để thanh niên phát triển trí tuệ và tâm hồn, xây dựng tình yêu

quê hương, đất nước nguồn cội. Trang bị kiến thức, kỹ năng, tạo điều kiện để thanh niên xung kích đi đầu trong thực hiện chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; là những người đầu tiên, tích cực nhất trong hội nhập sâu rộng với thế giới. Cần tiếp tục nêu cao tinh thần tình nguyện, chia sẻ cùng cộng đồng, chăm lo cho thiếu nhi; xung phong đến với những vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đến với những người nghèo, người yếu thế. Ngoài ra cần chú trọng đến xây dựng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, tấm gương tiêu biểu, điển hình tiên tiến trong mọi hoạt động để tạo ra sức lan tỏa rộng khắp trong xã hội. Đặc biệt, thanh niên cần đi tiên phong đi đầu và làm nòng cốt trong xây dựng các mối quan hệ xã hội tốt đẹp giữa người với người, giữa cá nhân với cộng đồng.

*Bốn là*, phát huy vai trò của thanh niên trọng hoạt động nghiên cứu khoa học, tiếp nhận, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ, góp phần xây dựng đất nước, xã hội tốt đẹp hơn. Đây là yêu cầu cần thiết đặt ra cho thanh niên hiện nay trước sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, internet, mạng xã hội đang mở rộng trong thời gian hiện nay. Các cấp bộ Đoàn, duy trì và triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp” trên môi trường mạng với phương châm “lấy cái đẹp, dẹp cái xấu”, “lấy thông tin tích cực, đẩy lùi thông tin tiêu cực”; vận động văn nghệ sĩ, đặc biệt là văn nghệ sĩ trẻ, người nổi tiếng, có uy tín trong cuộc sống và trên cộng đồng mạng sản xuất các sản phẩm truyền thông, những tác phẩm nghệ thuật giàu tính nhân văn, có tác dụng giáo dục đăng tải trên môi trường mạng.

*Năm là*, tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, “lợi ích nhóm”. Phát huy hơn nữa vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước. Đoàn Thanh niên phải tạo được môi trường bình đẳng, trong sáng, nghĩa tình để cán bộ, đoàn viên, thanh niên rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tác phong công tác, chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Đoàn viên phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam” trong tình hình mới.

Sáu là, vận động thanh niên Việt Nam trong và ngoài nước, đặc biệt là trí thức trẻ đề xuất ý tưởng, sáng kiến về văn hóa. Tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo trong các lĩnh vực văn hóa, liên hoan, hội diễn, giao lưu văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, hướng vào đề tài cán bộ, đoàn viên, thanh niên. Tiếp tục gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc như kịch nói, tuồng, chèo... thông qua việc nghiên cứu, phục dựng, tái hiện trên sân khấu những tấm gương anh hùng dân tộc, tấm gương tiêu biểu thanh niên như: Lý Tự Trọng, Lê Văn Tám, Kim Đồng, Nguyễn Bá Ngọc...

#### 4. Một số kiến nghị, đề xuất đối với Đảng, Nhà nước

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả tinh thần *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, tạo môi trường để tổ chức Đoàn tham gia hiệu quả trong sứ mệnh chấn hưng văn hóa trong kỷ nguyên số, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trân trọng đề nghị Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và xin kiến nghị một số nội dung sau:

*Một là*, Đảng và Nhà nước cần có các chính sách tạo cơ hội cho thiếu niên được hưởng thụ công bằng trong giáo dục, chú trọng tới thiếu niên dân tộc thiểu số, nông thôn, trẻ em khuyết tật. Nhà nước cần dành ngân sách thỏa đáng cho công tác phát hiện, bồi dưỡng tài năng trẻ, chính sách khuyến khích đầu tư vào các hoạt động vui chơi giải trí ở những công trình trọng điểm, chính sách ưu tiên bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc trong hoạt động vui chơi giải trí và quản lý chặt chẽ nội dung thông tin trên mạng internet, quản lý ấn phẩm, báo chí, truyện, tranh ảnh, phim, đĩa dành cho thanh, thiếu nhi.

*Hai là*, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục quan tâm, chỉ đạo nâng cao nhận thức cho các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân về tầm quan trọng của việc định hướng giá trị cho cán bộ, đoàn viên, thanh, thiếu nhi làm chuyển biến nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo dục thanh thiếu niên cho các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ đảng viên và toàn thể nhân dân.

*Ba là*, Đảng và Nhà nước cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tạo mọi điều kiện phương tiện tốt nhất của xã hội cho việc chăm sóc, giáo dục, định hướng giá trị cho cán bộ, đoàn viên, thanh, thiếu nhi. Việc định hướng giá trị cho cán bộ, đoàn viên, thanh, thiếu nhi không phải chỉ thông qua sách vở hay những lời lẽ suông mà còn cần phải thông qua các hình thức, các phương pháp hoạt động vui chơi giải trí đa dạng. Vì vậy, cần thiết phải có sự đầu tư

xứng đáng cho việc xây dựng hệ thống cơ sở vật chất liên hoàn để phục vụ cho nhu cầu giáo dục định hướng giá trị văn hóa cho đoàn viên, thanh, thiếu nhi ở các địa phương đặc biệt là tuyến huyện, xã, các đơn vị vùng sâu vùng xa, thanh niên công nhân.

Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc, hình ảnh, bản lĩnh của một quốc gia trên đường hội nhập với thế giới. Bản thân mỗi thanh niên cần hiểu rõ việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc cũng chính là bảo vệ cương lĩnh, đường lối của Đảng, bảo vệ hệ thống chính trị và giữ vững an ninh tư tưởng, biên cương văn hóa. Trên hết, bản thân mỗi thanh niên chúng ta hãy sống đúng chuẩn mực đạo đức của con người, trau dồi, học hỏi những bài học trong cuộc sống về sự công bằng, bác ái với những người xung quanh và phải có quyết tâm thay đổi chính bản thân, học hỏi những tấm gương của những người đạo đức trong xã hội hiện tại, để góp phần hình thành thế hệ thanh niên thời đại mới, đưa văn hóa con người Việt Nam vươn tầm thế giới, thực hiện khát vọng xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

**TỪ TƯ TƯỞNG CỨU QUỐC  
CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”  
ĐẾN NỘI HÀM VĂN HÓA PHỤC VỤ MỤC TIÊU  
VÌ “LỢI ÍCH QUỐC GIA - DÂN TỘC”  
TRONG ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH  
ĐỐI NGOẠI HIỆN NAY**

TS. BÙI NGUYỄN BẢO\*

**K**hi nước nhà chưa độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định cách mạng Việt Nam nằm trong phạm trù cách mạng vô sản thế giới nhưng trong điều kiện là một nước thuộc địa (mất quyền dân tộc). Người coi cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc “vì tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi” và “ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác”. Trong đó, nhận thức bảo vệ và xây dựng nền văn hóa là góp phần quan trọng cho công cuộc cứu nước - kiến quốc trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đã góp phần khơi nguồn, định hướng cho việc coi trọng phát huy sức mạnh văn hóa, thúc đẩy vai trò của ngoại giao văn hóa khi xác định mục tiêu vì “lợi ích quốc gia - dân tộc” của hoạt động đối ngoại hiện nay.

**1. Tư tưởng cứu quốc - kiến quốc và “Tổ quốc trên hết” trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

Ra đời khi nước nhà chưa giành được độc lập, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cho thấy đường lối lãnh đạo cách mạng mang tính toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp nhân dân nhận thức cứu nước lúc này không chỉ có

---

\* Cộng tác viên, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

vũ trang giành chính quyền mà còn phải chuẩn bị cho sự trường tồn của dân tộc thông qua việc chấn hưng, đổi mới văn hóa dựa trên các nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học. Văn kiện này đã cổ vũ lòng yêu nước, khát vọng độc lập, hiệu triệu đông đảo mọi tầng lớp nhân dân không phân biệt đảng phái, tôn giáo, thành phần, trình độ, nhất là đội ngũ văn nghệ sĩ xác định tâm thế và tích cực đứng vào dòng chảy của việc giữ gìn bản sắc văn hiến ngàn năm và kiến tạo nên những giá trị mới. Dù có những sự khác biệt thì mẫu số chung để hiệp đồng người Việt Nam ở thời điểm đó cũng như hiện nay chính là văn hóa dân tộc.

Tinh thần cứu nước - kiến quốc bằng văn hóa của Đề cương là sự nhất quán với tư tưởng “Tổ quốc trên hết” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nêu ra từ năm 1926<sup>1</sup> cũng như quan điểm “Dân tộc trên hết”, “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” mà Người nêu ra sau này. Đây là ngọn cờ tập hợp được rất nhiều những người thuộc các xu hướng xã hội khác đi theo cách mạng, kháng chiến, đem hết sức lực, trí tuệ ra phụng sự Tổ quốc. Tư tưởng này của Đề cương cũng được đánh giá có giá trị tiên phong, phản ánh tầm nhìn mang tính chiến lược của Đảng không chỉ đối với cuộc cách mạng xã hội trước mắt mà còn là những chuẩn bị cho việc xây dựng một nền tảng tinh thần mới cho xã hội tương lai<sup>2</sup>.

Nói cách khác, xét cả về mặt thời điểm (1943), tư tưởng và nội dung, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thể hiện sức thu hút mạnh mẽ trong đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào một giai đoạn hết sức quan trọng của sự nghiệp cách mạng khi tình hình trong nước và thế giới đang mở ra những thời cơ quan trọng. Ngay khi còn trong tình cảnh thuộc địa thì Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh và Đảng đã tuyên ngôn chấn hưng văn hóa có giá trị sống còn đối với dân tộc. Điều này góp phần định hướng quan trọng cho quá trình hình thành nhận thức mới đến hoàn thiện

---

1. Ngày 18/9/1926, bài viết “Người cách mạng mẫu mực” đăng trên tờ “Thanh niên” số 61 với bút danh Lý Thụy, Bác khẳng định người cách mạng kiểu mẫu phải “phải vị tha và không ích kỷ, phải tuân thủ theo phương châm “TỔ QUỐC TRÊN HẾT” ở mọi nơi và mọi lúc...”.

2. Xem Phạm Quang Long: “Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943: Ngọn cờ tập hợp trí thức tham gia cách mạng”, *Tuyên giáo điện tử*, <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/de-cuong-van-hoa-viet-nam-nam-1943-ngon-co-tap-hop-tri-thuc-tham-gia-cach-mang-143386>, truy cập 16/2/2023.



nội dung mới về mục tiêu “lợi ích quốc gia - dân tộc” trong mọi lĩnh vực nói chung và đối ngoại nói riêng của Đảng ta sau này.

## **2. Vị trí của văn hóa trong mục tiêu vì “lợi ích quốc gia - dân tộc” của hoạt động đối ngoại hiện nay**

Dù lợi ích quốc gia - dân tộc đã luôn là nền tảng cho cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời nhưng phải đến sau Đại hội VII (1991), nội hàm của nguyên tắc và mục tiêu này mới từng bước được minh định và đến giai đoạn 2011-2021, Đảng đã hoàn thiện tư duy cụ thể và cơ bản về lợi ích quốc gia - dân tộc trong đường lối đối ngoại, đồng thời đây cũng là nguyên tắc chỉ đạo các mặt hoạt động của đất nước, trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay. Đại hội XI (2011) của Đảng đã xác định, mục tiêu của đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ mới là “vì lợi ích quốc gia, dân tộc” và “vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”. Đại hội XII (2016) đề cập đến “lợi ích quốc gia - dân tộc tối cao” là mục tiêu, nguyên tắc của tất cả mọi mặt chứ không riêng đối ngoại. Đại hội XIII (2021) tiếp tục khẳng định “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc”, tức là đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trước hết và trên hết; đồng thời, chỉ ra nguyên tắc chung là phải luôn nỗ lực đạt được lợi ích quốc gia - dân tộc tới mức cao nhất có thể “trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”, cùng phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Vậy lợi ích đó là lợi ích gì, cái gì là tối cao? Chủ nghĩa hiện thực trong quan hệ quốc tế chỉ rõ mục tiêu của các quốc gia là tìm cách nâng cao quyền lực nhằm tự bảo đảm an ninh và sự tồn tại của mình trong hệ thống thông qua việc cố gắng giành được càng nhiều nguồn lực càng tốt. Điều này dẫn tới việc các quốc gia luôn ở trong thế cạnh tranh và đối đầu lẫn nhau (trong nhiều trường hợp dưới hình thức chiến tranh, xung đột vũ trang) nhằm theo đuổi lợi ích dưới dạng quyền lực. Ở Việt Nam cũng như nhiều nước, các khái niệm “lợi ích quốc gia”, “lợi ích dân tộc” hay “lợi ích quốc gia - dân tộc” thường được xác định là có chung nội hàm và được sử dụng thay thế lẫn nhau. Theo nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang: “Lợi ích quốc gia - dân tộc của chúng ta là cụ thể: Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc;

chế độ xã hội chủ nghĩa, sự giàu mạnh, hùng cường của đất nước, ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân”<sup>1</sup>. Như vậy ở đây có thể thấy, nội dung “tối cao” trong lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam bao gồm: (1) Độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, (2) Chế độ xã hội chủ nghĩa, (3) Sự giàu mạnh, hùng cường của đất nước, (4) Đời sống nhân dân ấm no, tự do, hạnh phúc. Giá trị tối cao trong lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam chính là các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. Quyền dân tộc cơ bản là những quyền cơ bản nhất, đồng thời cũng là cơ sở tối thiểu để bảo đảm cho một dân tộc tồn tại và phát triển bình thường, là cơ sở để dân tộc đó thực hiện các quyền khác của mình. Hiện nay, lợi ích quốc gia - dân tộc cao nhất là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho phát triển đất nước; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và *nền văn hóa dân tộc*. Đại hội XIII bổ sung bảo đảm an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xã hội trật tự, kỷ cương cũng là những lợi ích quan trọng<sup>2</sup>. Theo Đại sứ Đặng Đình Quý, lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam trong đối ngoại có thể bao gồm hai nhóm: Nhóm lợi ích tiên quyết và nhóm lợi ích mở rộng. *Nhóm các lợi ích tiên quyết* là điều kiện để dân tộc ta tiếp tục tồn tại ở mức không kém hơn (chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; Hòa bình với bên ngoài, ổn định, trật tự ở bên trong; Bảo đảm cuộc sống an toàn cho nhân dân, vệ sinh an toàn thực phẩm được bảo đảm, môi trường không bị xuống cấp; Bảo đảm an ninh kinh tế; Giữ gìn bản sắc dân tộc). *Nhóm các lợi ích mở rộng* là các điều kiện để không ngừng nâng cao chất lượng sống của nhân dân và sức mạnh tổng hợp quốc gia. (Nâng cao khả năng giữ vững chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn

---

1. Trương Tấn Sang: “Vì nền độc lập tự do của đất nước, vì sự toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, xứng đáng với sự tin cậy và ủy thác của nhân dân”, *Nhân dân điện tử*, 2014. <http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/tin-tuc-su-kien/item/24084002-vi-nen-doc-lap-tu-do-cua-dat-nuoc-vi-su-toan-ven-lanh-tho-thieng-lieng-cua-to-quo-xung-dang-voi-su-tin-cay-va-uy-thac-cua-nhan-dan.html>, truy cập ngày 15/2/2022.

2. Xem Bùi Thanh Sơn: “Đường lối đối ngoại Đại hội Đảng XIII kế thừa, phát triển và hoàn thiện đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/duong-loi-doi-ngoai-dai-hoi-dang-xiii-ke-thua-phat-trien-va-hoan-thien-duong-loi-doi-ngoai-thoi-ky-doi-moi-598434.html>, truy cập ngày 10/2/2022.

lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia; Không ngừng nâng cao chất lượng sống của nhân dân; mở rộng không gian phát triển (thị trường, khả năng tiếp cận tri thức của nhân loại, công nghệ, vốn, vị trí ngày càng thuận lợi trong phân công lao động khu vực và thế giới); Phát huy bản sắc dân tộc Việt Nam; Có vị thế ngày càng lớn trên trường quốc tế<sup>1</sup>. Các nội hàm thuộc lợi ích sống còn không thể thỏa hiệp. Nếu một trong những lợi ích đó bị đe dọa thì sự tồn tại của quốc gia bị thách thức.

Qua một số cách giải thích trên, dù nội hàm “lợi ích quốc gia - dân tộc” được tiếp cận thế nào thì phát huy, bảo vệ văn hóa dân tộc vẫn giữ một tỷ trọng lớn trong mục tiêu này khi triển khai hoạt động đối ngoại. Bên cạnh đó, nội hàm này không chỉ là một bộ phận cấu thành mà còn tác động đến các yếu tố khác trong mục tiêu vì lợi ích quốc gia - dân tộc. Phải có nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc nhưng mang độ mở cao mới có thể góp phần: (1) bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; (2) thúc đẩy sự phát triển, thịnh vượng của đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; (3) hội nhập quốc tế sâu rộng, gia tăng vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

### **3. Đẩy mạnh ngoại giao văn hóa để bảo vệ “lợi ích quốc gia - dân tộc”**

#### **3.1. Nhận thức đúng mối quan hệ giữa sức mạnh vật chất và phi vật chất**

Ngày nay, trật tự thế giới không chỉ được quyết định bởi sức mạnh vật chất và chủ yếu nằm trong tay các cường quốc. Do sự gia tăng tác động của các yếu tố phi vật chất đến đời sống quốc tế, các nước vừa và nhỏ như Việt Nam ngoài việc tham gia và chấp nhận luật chơi hoàn toàn có thể tác động thay đổi thứ bậc trong trật tự thế giới để bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của mình. Trong bối cảnh đó, từ chỗ hội nhập, thích nghi để tránh bị tổn thương, Việt Nam có thể phát huy nội lực của mình để tham gia kiến tạo, điều phối luật chơi, trong đó phải bảo vệ văn hóa và khai thác sức mạnh của văn hóa. Nếu sự cải thiện sức mạnh tổng hợp để nâng cao quyền lực quốc gia là công cụ để đánh giá kết quả đổi mới, mở cửa thì quá trình hội

---

1. Xem Đặng Đình Quý: “Bàn thêm về lợi ích quốc gia dân tộc trong hoạt động đối ngoại Việt Nam giai đoạn mới”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 1 (80), 2010, tr.115.

nhập quốc tế của Việt Nam đến nay đã trải qua hai giai đoạn chồng lấn. Giai đoạn đầu, chúng ta tập trung tháo băng quan hệ, mở rộng đối tác, tập trung phục vụ phát triển kinh tế song hành củng cố nền quốc phòng, tức là chú trọng đến các yếu tố vật chất - quan điểm mà chủ nghĩa hiện thực cho rằng là nền tảng để tạo ra thứ bậc và lợi ích quốc gia trong trật tự thế giới. Đến nửa sau thập niên đầu thế kỷ XXI, Việt Nam quan tâm nhiều hơn đến việc lan tỏa các giá trị văn hóa để phục vụ hội nhập, khởi đầu là Chiến lược Ngoại giao văn hóa năm 2009 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Giai đoạn này, chúng ta chỉ mới muốn thế giới “hiểu” Việt Nam hơn, nhận thức đúng về Việt Nam hơn thông qua các công cụ như thông tin đối ngoại, ngoại giao văn hóa nhằm tìm kiếm sự thuận lợi cho quá trình phát triển và hội nhập. Theo cách tư duy đó, những năm gần đây, các học giả nói đến việc xây dựng sức mạnh mềm của Việt Nam chủ yếu phục vụ cho mục đích lan tỏa ảnh hưởng của đất nước không phải thông qua sức mạnh quân sự hay tăng trưởng kinh tế. Đây là một kiến nghị có cơ sở xét về lộ trình phát triển của đất nước từ nay cho đến giữa thế kỷ XXI. Hơn nữa, việc phát huy các giá trị văn hóa để nâng tầm ảnh hưởng cũng là kinh nghiệm của nhiều cường quốc bậc trung hoặc các nước tiến bộ đã từng đi qua hành trình phát triển giống Việt Nam, điển hình là Hàn Quốc, Singapore... Tuy nhiên, trong một thế giới liên tục đổi thay, liệu sức mạnh “mềm” có thật sự “mềm” hơn sức mạnh cứng? Sự tiếp cận thông minh, chú trọng đa phương và phát huy tính dân chủ trong quan hệ quốc tế của Mỹ dưới thời Tổng thống Obama tuy được đón nhận hơn so với lối áp đặt đơn phương thời Tổng thống Bush nhưng cũng đối mặt với nghi ngờ về sự xâm lăng tư tưởng, văn hóa và mục đích chính trị. Học viện Khổng Tử của Trung Quốc tuy được mở rộng về số lượng nhưng không phải không tạo ra sự chống đối từ công luận các nước. Làn sóng Hàn Quốc tuy đã giúp nâng cao vị thế của đất nước này, phục vụ ngược trở lại cho vật chất (kinh tế và uy tín) nhưng cũng đụng độ với chủ nghĩa dân tộc ở các quốc gia.

Trong bối cảnh quốc tế hiện tại, rõ ràng không nên cho rằng sức mạnh vật chất là giải pháp duy nhất giúp đất nước kiến tạo tính thứ bậc mới trong trật tự thế giới như chủ nghĩa hiện thực gợi ý. Nhưng cũng không nên quan niệm mơ hồ rằng sức mạnh mềm sẽ hoàn toàn khiến công chúng thế giới “mềm” và

thân thiện với chúng ta. Về *vật chất*, việc tập trung phát triển kinh tế, bảo vệ tài nguyên, nâng cao năng lực quốc phòng - tóm lại là gia tăng các yếu tố vật chất phải là ưu tiên then chốt. Sức mạnh mềm không thể được phát huy nếu không có nguồn lực vật chất và bảo đảm chủ quyền đất nước. Nguồn lực vật chất chỉ có thể tạo ra từ việc phát triển kinh tế, đưa nền kinh tế Việt Nam mở hơn, tham gia sâu hơn với chuỗi cung ứng toàn cầu, dù sẽ phải đối mặt với những thách thức chung khi xảy ra khủng hoảng. Về *sức mạnh phi vật chất*, Việt Nam có thể phát huy tối đa những nguồn lực sức mạnh mềm như Joseph Nye đề cập là: văn hóa, hệ giá trị chính trị và sức hấp dẫn của các chính sách đối nội, đối ngoại. Trong điều kiện của Việt Nam, sức mạnh mềm ngoài lòng yêu nước để cổ vũ đoàn kết xây dựng đất nước còn là khả năng bảo vệ Tổ quốc từ xa thông qua các biện pháp phi quân sự, trọng tâm là văn hóa. Việt Nam cần lan tỏa sức mạnh phi bạo lực thông qua thông điệp trong các chiến lược ngoại giao công chúng, ngoại giao nhân dân, ngoại giao văn hóa... để nâng cao uy tín, sức hấp dẫn, thu hút khách du lịch, du học sinh, người nhập cư, sự tiên phong trong công nghệ và cách mạng công nghiệp 4.0. Người Việt Nam đến châu Phi không mang theo ý đồ khai thác tài nguyên hay tạo ra bất nọ. Dấu ấn viễn thông và nông nghiệp của Việt Nam ở một số quốc gia kém phát triển hơn không được tạo ra thông điệp về nguy cơ xâm lăng kinh tế và văn hóa.

### 3.2. Đẩy mạnh ngoại giao văn hóa

Là một trong ba lĩnh vực tạo nên nền ngoại giao toàn diện, ngoại giao văn hóa Việt Nam là biểu hiện cụ thể của phát huy sức mạnh văn hóa phục vụ mục tiêu vì lợi ích quốc gia - dân tộc trong hoạt động đối ngoại. Trong thời gian tới, cần tiếp tục quan tâm đẩy mạnh chuyển hóa văn hóa thành sức mạnh thông qua ngoại giao với một số định hướng sau:

Về *mặt nội dung và hình thức*, bên cạnh tiếp tục nỗ lực xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để làm nội dung cho việc thực hiện ngoại giao văn hóa thì cũng cần chú ý không thể chuyển tải một cách máy móc, nguyên sơ những giá trị đó cho công chúng mà phải tính đến chiều hướng phát triển hiện đại của văn hóa thế giới, bản sắc văn hóa của nước đối tác, nhu cầu hưởng thụ của người xem, người nghe<sup>1</sup>. Cần chuẩn hóa các sự kiện

---

1. “Khi tôi đang làm Đại sứ tại Hàn Quốc, có một đoàn Việt Nam dự Liên hoan sân

như Tuần/Ngày/Liên hoan phim Việt Nam ở nước ngoài về quy mô, thời gian, mục đích, nội dung. Quảng bá hình ảnh danh nhân văn hóa Việt Nam và rải đều việc tổ chức ngày Việt Nam tại các địa phương của các nước. Cần phải đẩy mạnh hơn nữa những hoạt động giao lưu văn hóa đa dạng, ở cấp độ cao về mọi mặt như xuất bản, dịch thuật, văn học, nghệ thuật truyền thống, sân khấu, tăng cường hợp tác sản xuất chung những bộ phim, đẩy mạnh quảng bá văn hóa giữa Việt Nam và nước đối tác...<sup>1</sup>.

Về cơ chế, nguồn lực, với tinh thần “Tổ quốc trên hết”, cần kết hợp thế mạnh và nỗ lực của các ngành, địa phương, thành phần kinh tế thành sức mạnh tổng hợp trong việc triển khai ngoại giao văn hóa. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương nhằm phân định rõ chức năng, nhiệm vụ. Cụ thể: Bộ Ngoại giao có nhiệm vụ tìm hiểu, nghiên cứu và kiến nghị tổ chức các hoạt động văn hóa của Việt Nam ra nước ngoài một cách có hiệu quả và thiết thực, có trọng điểm và phù hợp với đối tượng trên địa bàn, tiếp thu tinh hoa của nước đối tác vào Việt Nam; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện các hoạt động ngoại giao văn hóa, các chương trình đón các đoàn văn hóa, nghệ thuật của đối tác vào Việt Nam và giới thiệu các di sản, danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hóa Việt Nam với bạn bè nước đối tác; Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng chủ trương cung cấp thông tin cho báo chí và cộng đồng người Việt Nam; Các hội hữu nghị, tổ chức đoàn thể chính trị xã hội gắn các hoạt động ngoại giao văn hóa trong quá trình triển khai các hoạt động ngoại giao nhân dân.

---

khẩu quốc tế, vở kịch rất hay nhưng tôi thấy đó không phải vở kịch của Việt Nam. Về chủ đề tư tưởng, vở kịch nói về tham nhũng, lừa đảo, giống hệt vở Lôi Vũ của Trung Quốc, xây dựng hình ảnh người Việt Nam quá xấu xí. Điều đó có thể đúng, nhưng diễn ở Việt Nam hợp lý hơn, Việt Nam không thiếu những điều hay tốt đẹp để giới thiệu cho các bạn. Công chúng Hàn Quốc khi tiếp cận những nội dung như vậy sẽ bị ấn tượng một cách bóp méo về văn hóa Việt Nam. Vở kịch có thể hay, có thể đã đoạt giải trong nước do phản ánh các vấn đề xã hội Việt Nam nhưng không phải là sự lựa chọn phù hợp khi mang đi quảng bá” (Nguyên Đại sứ Việt Nam tại Hàn Quốc Trần Trọng Toàn trả lời phỏng vấn tác giả tham luận).

1. Ví dụ như khi Việt Nam và Hàn Quốc phối hợp vận động bầu chọn Vịnh Hạ Long và Đảo Jeju trở thành kỳ quan thiên nhiên thế giới mới (2011) hoặc khi Hàn Quốc chọn Việt Nam là một trong bốn nước tổ chức quảng bá cho ASIAD Incheon 2014.

Cùng với đó cần đa dạng hóa các chủ thể, khách thể và phương thức làm công tác ngoại giao văn hóa. Không chỉ các cơ quan nhà nước mà cả các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp tư nhân, các cá nhân người Việt Nam ở trong và ngoài nước đều có thể tham gia. Bên cạnh đó, các nhà doanh nghiệp, các khách du lịch nước bạn vào thăm Việt Nam là những đối tượng ta cần quan tâm. Do vậy khi nói đến ngoại giao văn hóa thì không chỉ nhằm tới các hoạt động ở bên ngoài lãnh thổ mà cần chú trọng cả các hoạt động ở trong nước phục vụ người nước ngoài tại Việt Nam tương đương như các hoạt động phục vụ cộng đồng người Việt ở nước ngoài - một lực lượng cần được chú trọng huy động trong việc chuyển tải bản sắc văn hóa Việt Nam.

Đối với những nước phát triển, chi phí tổ chức các hoạt động ngoại giao văn hóa không phải thấp. Vì vậy, Việt Nam cần đầu tư thích đáng từ nhiều nguồn, tiến hành có trọng tâm trọng điểm về nội dung, hình thức, địa bàn, đối tượng, chú trọng tính hiệu quả, thiết thực. Khác với kinh tế có thể “thu hồi vốn ngay”, văn hóa là lĩnh vực chỉ có thể thu hồi vốn dưới dạng vô hình, do đó phải chấp nhận sự đầu tư tốn kém, lâu dài, kiên trì theo kiểu “mưa dầm thấm sâu”, nhất thiết không nên nóng vội, làm theo “phong trào”. Bên cạnh nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cần “xã hội hóa” hoạt động này cả trong nước và ngoài nước để đáp ứng được đòi hỏi. Mặt khác, với nguồn lực hạn hẹp nhất thiết cần tiến hành một cách có trọng tâm, trọng điểm cả về nội dung lẫn hình thức và đối tượng, đồng thời hết sức chú trọng tính hiệu quả, thiết thực, tránh phô trương, hình thức.

Về *nhân lực*, song song với việc đa dạng hóa lực lượng làm ngoại giao văn hóa thì cần tập trung đào tạo đội ngũ nhân sự làm ngoại giao văn hóa chuyên nghiệp bao gồm: nhà quản lý, người hoạch định chính sách và người sản xuất sản phẩm văn hóa (đạo diễn, diễn viên, ca sĩ, nghệ nhân...) làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm, cầu thị và hiệu quả. Ngoài Pháp và Lào đã có Trung tâm văn hóa, khi chưa xây dựng được Trung tâm văn hóa Việt Nam thì đội ngũ tùy viên văn hóa, cán bộ ngoại giao tại đại sứ quán và cán bộ chuyên trách văn hóa đối ngoại tại Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch phải được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đúng mức. Đây là yêu cầu và nhiệm vụ hết sức cần thiết hiện nay để triển khai hiệu quả chính sách ngoại giao văn hóa của Đảng và Nhà nước ta. Đây là những cán bộ mà ngoài các yêu cầu về phẩm chất chính trị, tư tưởng và đạo đức, lối sống còn phải là những người có hiểu biết chuyên

sâu về ngành ngoại giao, am tường ngoại ngữ và nhất là có những hiểu biết chuyên sâu về văn hóa nước sở tại.

\*

\* \*

Tư tưởng đề cao giải quyết vấn đề dân tộc bên cạnh vấn đề giai cấp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực tiễn đất nước qua các giai đoạn cách mạng khác nhau là nền tảng hình thành tư duy về “lợi ích quốc gia - dân tộc” trong nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm đường lối, chính sách đối ngoại. Trong các lợi ích đó, bảo vệ và phát huy nền văn hóa dân tộc từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã phát triển thành một trụ cột của ngoại giao, góp phần bảo đảm những thành tố còn lại trong lợi ích quốc gia - dân tộc mà hoạt động đối ngoại hướng đến hiện nay. Thực tế, không chỉ Việt Nam, đối với nhiều quốc gia trên thế giới, văn hóa đã trở thành một bộ phận không thể thiếu nằm trong tập hợp các lợi ích của quốc gia - dân tộc. Văn hóa không chỉ là điều kiện, là phương tiện, mà quan trọng hơn cả nó còn là mục tiêu nằm trong danh sách, bảng kê các lợi ích phải đạt được. Đó cũng là cơ sở về mặt nhận thức để tiếp tục thúc đẩy lĩnh vực ngoại giao văn hóa của Việt Nam, góp phần bảo vệ “lợi ích quốc gia - dân tộc” trong hoạt động đối ngoại.



## NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẶC SẮC CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 VÀ THỰC TIỄN SỰ NGHIỆP BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM

GS.TS. TRƯƠNG QUỐC BÌNH\*

### **1. Đề cương về văn hóa Việt Nam” - văn kiện chính thức đầu tiên của đảng về công tác văn hóa**

Cách đây đúng 80 năm, Đảng ta công bố bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên) vào tháng 2/1943.

Theo *Lịch sử 80 năm ngành tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2010)*, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ, phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hóa dưới ách Pháp - Nhật, vạch ra đường lối văn hóa cách mạng và những nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hóa dân tộc, nhân dân.

Mặc dù Đảng Cộng sản Việt Nam mới thành lập năm 1930, nhưng đã sớm nhận thức đúng vai trò và sức mạnh của văn hóa; sự trung thành và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa vào thực tiễn cách mạng Việt Nam thông qua những nội dung cơ bản xác định trong bản *Đề cương*.

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, nguyên Phó Cục trưởng Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

Đề cương thể hiện các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc, như sau:

*Thứ nhất*, xác định rõ nội dung, phạm vi, vị trí, vai trò của văn hóa trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đề cương nêu rõ: văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật; quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), ở đó người cộng sản phải hoạt động, không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa. Đồng thời, có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả.

*Thứ hai*, cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng lãnh đạo. Trên cơ sở chỉ rõ tính chất văn hóa Việt Nam trong quá khứ và hiện tại (1943), chỉ rõ những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách thống trị của Nhật - Pháp; những thủ đoạn của Nhật - Pháp trói buộc và giết chết văn hóa Việt Nam; dự kiến về tiền đồ văn hóa Việt Nam, Đề cương khẳng định cách mạng nhất định thắng lợi, văn hóa Việt Nam sẽ cởi được xiềng xích, đuổi kịp văn hóa mới, tiến bộ trên thế giới. Muốn vậy, phải làm cách mạng về văn hóa, “cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo”.

*Thứ ba*, để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta phải nắm vững “ba nguyên tắc vận động”, đó là: Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Ba nguyên tắc đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới.

*Dân tộc hóa* là làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có lòng tự hào, dũng cảm đứng lên nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam.

*Đại chúng hóa* là văn hóa của nhân dân, phục vụ nhân dân, làm cho mọi người biết đọc, biết viết, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo nghệ thuật, dần dần chiếm lĩnh các giá trị tinh thần mà dân tộc, loài người tạo ra.

*Khoa học hóa* là tạo điều kiện cho nền văn hóa dân chủ mới nhanh chóng thoát khỏi sự kìm hãm ấy, nhằm phát triển về mọi mặt trên cơ sở khoa học, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi suy nghĩ,

hành động; gạt ra khỏi đầu óc con người những thành kiến, hủ bại, mê tín dị đoan...

## **2. Vai trò quan yếu của di sản văn hóa được Đảng xác định trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam”**

Ra đời trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, khi nước nhà còn chìm trong bóng đêm nô lệ, nhân dân chịu nhiều tầng áp bức, bóc lột, Đảng phải hoạt động bí mật, Đề cương không thể đề cập đến mọi lĩnh vực, mọi vấn đề của văn hóa, nhưng Đề cương đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin của cách mạng Việt Nam. Trong đó, vấn đề bảo tồn di sản văn hóa dân tộc đã được Đảng xác định cụ thể: Đề cương đề ra những nhiệm vụ cần kíp cần phải được tiến hành ngay lúc bấy giờ, đó là: Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết; thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói; ấn định mẹo văn ta; cải cách chữ quốc ngữ; tuyên truyền và xuất bản; chống nạn mù chữ.

Tiếng nói, chữ viết chính là những di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu nhất, quan trọng nhất, ngưng đọng và thể hiện sinh động bản sắc văn hóa dân tộc, đại diện cho kho tàng di sản văn hóa phong phú và đa dạng của quốc gia dân tộc. Những nội dung này đã được xác định cụ thể tại những điều khoản mở đầu có tính định nghĩa về di sản văn hóa tại Chương I của *Luật Di sản văn hóa Việt Nam*.

Kế thừa những quan điểm, định hướng về xây dựng, phát triển nền văn hóa mới Việt Nam được đề cập trong Đề cương, 80 năm qua, Đảng ta đã không ngừng bổ sung, phát triển nhiều quan điểm mới, làm sâu sắc thêm nội hàm, phạm vi các lĩnh vực thuộc văn hóa cũng như vai trò của văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Về phạm vi, nội hàm của văn hóa, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, bổ sung thêm các lĩnh vực như: Tư tưởng, đạo đức, lối sống; di sản văn hóa; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn học, nghệ thuật; thông tin đại chúng; giao lưu văn hóa với thế giới; thể chế và thiết chế văn hóa.

## **3. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bảo tồn di sản văn hóa**

Là hiện thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu, vận dụng sáng tạo những lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực

tiền Việt Nam, trở thành những nguyên tắc định hướng cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa cách mạng Việt Nam nói chung và kho tàng di sản văn hóa dân tộc nói riêng.

Từ sự khẳng định: “Nước Việt Nam thành lập đã hơn hai nghìn năm. Việt Nam là một dân tộc có chung một lịch sử, một thú tiếng, một nền kinh tế và văn hóa. Dân tộc Việt Nam đã cùng nhau đoàn kết nhất trí trong lao động xây dựng và trong chiến đấu chống ngoại xâm...”<sup>1</sup> với tư cách là kiến trúc sư của nền văn hóa “dân tộc - khoa học - đại chúng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra những quan điểm, định hướng và nhiệm vụ hết sức cơ bản về bảo vệ và phát huy truyền thống dân tộc đó là: “Phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ trên thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, đại chúng và khoa học...”<sup>2</sup>.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, di sản văn hóa được coi là một bộ phận quan yếu của truyền thống dân tộc và bản sắc dân tộc, vấn đề bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa có tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp giáo dục về truyền thống, góp phần tạo dựng những tiền đề cơ bản cho sự phát triển.

Chính vì thế, ngay sau khi nước Việt Nam mới vừa được thành lập, còn đang phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, thử thách về các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, với tư cách là Chủ tịch Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành Sắc lệnh số 65/SL ngày 23/11/1945 về vấn đề bảo tồn, bảo tàng của nước Việt Nam mới. Sắc lệnh nêu rõ: Nghiêm cấm việc phá hoại đình, chùa, đền, miếu hoặc những nơi thờ tự khác như: cung điện, thành quách, cùng lăng mộ chưa được bảo tồn, cấm phá hủy những bia ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng giấy má, sách vở có tính cách tôn giáo nhưng có ích cho lịch sử, mà chưa được bảo tồn. Sắc lệnh đã thể hiện tầm nhìn chiến lược, quan điểm, định hướng hết sức đúng đắn đối với sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa dân tộc. Sắc lệnh số 65/SL là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên của Nhà nước Việt Nam mới về bảo tồn di sản văn hóa dân tộc.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989, t.8, tr.52.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, t.6, tr.39.

Sắc lệnh này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước ta đối với sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc. Sắc lệnh khẳng định vai trò không thể phủ nhận của công tác bảo tồn di sản văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với việc xác định “bảo tồn cổ tích là việc rất cần thiết cho công cuộc kiến thiết nước Việt Nam”.

Theo chúng tôi, nội dung cơ bản của Sắc lệnh số 65/SL là sự cụ thể hóa bản *Tuyên ngôn độc lập* trong lĩnh vực bảo tồn các di sản văn hóa của nước Việt Nam mới, tiếp nối Đề cương văn hóa của Đảng, thể hiện tầm nhìn chiến lược và những định hướng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đối với việc bảo tồn các di sản văn hóa dân tộc mà cho đến nay những tinh thần đó vẫn còn nguyên giá trị.

#### **4. Những thành tựu của công cuộc bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa dân tộc**

Kế thừa những quan điểm, định hướng về xây dựng, phát triển nền văn hóa mới Việt Nam được đề cập trong Đề cương, 80 năm qua, Đảng ta đã không ngừng bổ sung, phát triển nhiều quan điểm mới, làm sâu sắc thêm nội hàm, phạm vi các lĩnh vực thuộc văn hóa cũng như vai trò của văn hóa, trong đó có sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa dân tộc trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Ngay trong những giai đoạn đầu của công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 11/1946, dự Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”, nhiệm vụ to lớn của văn hóa mà Đảng ta luôn định hướng trong đường lối chiến lược của mình.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa lại tiếp tục thực hiện với việc ban hành những văn bản pháp lý quan trọng từ những định hướng chiến lược cơ bản mà Đề cương văn hóa đã xác định.

Năm 1957, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 519/TTg ngày 29/10/1957 quy định thể lệ về bảo tồn cổ tích. Sau khi đất nước thống nhất, ngày 4/4/1984, Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Pháp lệnh số 14-LCT/HĐNN về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.

Bước vào thời kỳ đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế, năm 2001, Quốc hội đã thông qua *Luật Di sản văn hóa*, đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình ban hành hệ thống pháp luật về di sản văn hóa. Từ đó đến nay, nhiều văn bản hướng dẫn thi hành *Luật di sản văn hóa* đã được Quốc hội, Chính phủ và Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch ban hành nhằm cụ thể hóa những vấn đề còn vướng mắc, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Sau 8 năm thực hiện, *Luật Di sản văn hóa* được sửa đổi, bổ sung vào năm 2009, đồng thời 6 nghị định của Chính phủ (trong đó có 2 nghị định được thay thế bằng nghị định mới) và 7 thông tư, quy chế, quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trong đó có 1 Thông tư được thay thế mới) được ban hành.

Được sự quan tâm của Đảng, nhận thức về giá trị văn hóa nói chung và bảo tồn di sản văn hóa nói riêng trong cộng đồng, các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương ngày càng được nâng cao.

Những năm qua, mặc dù phải đương đầu với những khó khăn không nhỏ về kinh tế - xã hội, nhưng Đảng và Nhà nước ta vẫn dành cho sự nghiệp bảo tồn di tích những sự quan tâm không nhỏ. Từ các thập kỷ 80 và 90 của thế kỷ XX, *Chương trình mục tiêu chống xuống cấp và tôn tạo di tích* đã góp phần quan trọng trong việc cứu vãn hàng nghìn công trình di tích khỏi sự đổ nát; đã sưu tầm, tư liệu hóa nhiều di sản văn hóa phi vật thể có giá trị. Về cơ bản, các di tích quan trọng cấp quốc gia đã thoát khỏi tình trạng xuống cấp, được bảo vệ và phát huy giá trị, đạt hiệu quả cao như Khu di tích lịch sử đền Hùng, Khu phố cổ Hội An, Khu di tích Mỹ Sơn, Quần thể di tích cố đô Huế, Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Khu di tích danh thắng Yên Tử, Vịnh Hạ Long, Dinh Độc Lập, các khu di tích Nhà tù Côn Đảo, Phú Quốc...

Từ sau khi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gia nhập UNESCO đến nay, công tác bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa và thiên nhiên đã, đang và vẫn là một trong những mối quan tâm hàng đầu trong những hoạt động phối hợp giữa Chính phủ Việt Nam và UNESCO.

Bên cạnh những nỗ lực tự thân ở trong nước, sự ủng hộ, giúp đỡ có hiệu quả của cộng đồng quốc tế, mà UNESCO là đại diện, đã góp phần đưa các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa của Việt Nam lên những tầm cao mới.

Cho đến nay, trong số hàng chục nghìn di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh ở Việt Nam, đã có gần 200 di tích được xếp loại Quốc gia đặc biệt, gần 4.000 di tích xếp loại Di tích quốc gia và hơn 6.000 di tích cấp tỉnh. Trong số này, đã có 8 di sản vật thể tại Việt Nam đã được UNESCO ghi danh là Di sản thế giới. Đó là: Khu di tích cố đô Huế (1993), Khu thắng cảnh Hạ Long (1994, 2000), Khu thánh địa Mỹ Sơn (1999), Khu phố cổ Hội An (1999), Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (2003), Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long (2010), Thành nhà Hồ (2012) và Khu danh thắng Tràng An (2014). Và, trong tương lai một số di sản văn hóa và thiên nhiên khác sẽ tiếp tục được lập hồ sơ để đề nghị ghi danh. Đồng thời, đã có 15 di sản được UNESCO đưa vào *Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và di sản phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp*. Bên cạnh đó, có hàng trăm di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc được đưa vào *Danh mục di sản phi vật thể quốc gia*, đã và đang được nghiên cứu bảo vệ và phát huy giá trị<sup>1</sup>.

Đáng chú ý là, kho tàng các di sản văn hóa phong phú và đa dạng này lại phân bố tập trung thành những cụm ở đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, ở miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, ở dọc theo vùng ven biển, trên trục lộ xuyên Việt gần các đô thị lớn, các cửa khẩu quốc tế quan trọng, tạo những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc hình thành và tổ chức khai thác các trung tâm du lịch của Việt Nam. Chính vì thế, từ nhiều năm trở lại đây, các di sản văn hóa Việt Nam nói chung - bao gồm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể - đã và đang trở thành một trong những tài nguyên du lịch quan trọng, được chú ý khai thác phục vụ sự phát triển đất nước, góp phần xứng đáng vai trò “vừa là động lực vừa là mục tiêu của sự phát triển”.

Rõ ràng là những thành tựu của sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa dân tộc trong những thập kỷ qua đã và đang thể hiện trong thực tế những nỗ lực to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong việc vận dụng những tư tưởng và quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta về văn hóa nói chung, bảo tồn di sản văn hóa nói riêng, được xác định từ Đề cương văn hóa 1943 - văn kiện đầu tiên của Đảng về văn hóa.

---

1. Theo thống kê của Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

Việt Nam có không ít di sản văn hóa và thiên nhiên tiêu biểu của Việt Nam được UNESCO vinh danh là Di sản thế giới là những thành tựu có ý nghĩa hết sức quan trọng bởi các di sản này không chỉ chứng minh những giá trị vô giá của truyền thống văn hiến Việt Nam, của những giá trị toàn cầu nổi bật hàm chứa trong các di sản văn hóa và thiên nhiên Việt Nam, mà còn góp phần quan trọng trong việc tôn vinh vị thế của quốc gia dân tộc trên phạm vi quốc tế dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Những thành tựu bước đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng những bối cảnh mới trong thời kỳ hội nhập ở nước ta hiện nay đã và đang tạo ra những điều kiện thuận lợi cùng những thách thức mới, xác định những trách nhiệm nặng nề hơn của sự nghiệp bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa ở nước ta hiện nay. Đó là: Những thành tựu đạt được trong quá trình đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã và đang tạo ra những cơ sở quan yếu và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về đời sống nói chung và nhu cầu hưởng thụ văn hóa nói riêng của các tầng lớp nhân dân.

Quá trình hội nhập kinh tế, văn hóa của Việt Nam với thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa là một quá trình thẩm định, thử thách truyền thống và những giá trị văn hóa. Đời sống xã hội, tâm lý sống thay đổi, con người và thế giới bước vào kỷ nguyên của truyền thông, công nghệ cao, xã hội tiêu thụ và kỹ trị, phải đối mặt với những vấn đề lớn phức tạp có tính toàn cầu như: bạo lực, khủng bố, môi sinh, sắc tộc, giới tính, ty nạn, thân phận cá nhân...

Phục vụ trực tiếp con người, góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện vốn là nhiệm vụ và mục tiêu cao nhất của các hoạt động văn hóa nói chung và bảo tồn di sản văn hóa nói riêng. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, xét đến cùng thì, nguồn lực quý báu nhất, có vai trò quan trọng nhất là nguồn lực con người Việt Nam; là sức mạnh nội sinh của chính bản thân dân tộc Việt Nam. Vì vậy, các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa càng có vai trò quan trọng nhằm góp phần nâng cao nhận thức và lòng tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc... đối với từng con người Việt Nam, góp phần thực sự tạo nên nguồn lực con người Việt Nam.

Trải qua 80 năm kể từ khi ra đời, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng ta vẫn còn nguyên giá trị lý luận và tính thời đại sâu sắc, tiếp tục soi đường cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển.



Để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam nói chung và kho tàng di sản văn hóa Việt Nam nói riêng, chúng ta cần phải thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa, đặc biệt là quan điểm Đại hội XIII của Đảng về xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam. Đồng thời, nghiêm túc thực hiện những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ ba, ngày 24/11/2021, nhằm góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nguồn lực nội sinh để phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh và hạnh phúc.

## TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 ĐẾN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CÁN BỘ VĂN HÓA NGHỆ THUẬT TRONG THỜI KỲ MỚI

TS. HOÀNG THỊ BÌNH\*

### 1. Tư tưởng “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 về công tác cán bộ

Năm 1943, cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng đang chuẩn bị tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Trong bối cảnh đất nước còn khó khăn, tình hình chính trị, văn hóa diễn ra rất phức tạp. Nền văn hóa nước nhà đang chịu sự “nô dịch” của văn hóa ngoại xâm nên “Mặt trận văn hóa vẫn còn lộn xộn”. Công cuộc kháng chiến cứu quốc còn nhiều gian nan, nhưng Đảng ta đã sớm nhận thức được vị trí, vai trò to lớn của nền văn hóa nước nhà và nhiệm vụ quan trọng của lực lượng cán bộ văn hóa cần phải đảm đương để hoàn thành cách mạng văn hóa đương thời. Nhận thấy vai trò to lớn của văn hóa, văn nghệ trong cuộc cách mạng, ngày 25/2/1943, Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng công bố *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo. Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ. Là những phác thảo ban đầu hết sức vắn tắt, nhưng Đảng ta đã xác định được những nội dung quan trọng về vị trí, vai trò của nền văn hóa cách mạng. Đề cương đã phản ánh và đáp ứng kịp thời những yêu cầu bức thiết đang đặt ra của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa cách mạng, đã xác định những vấn đề quan trọng, tạo tiền đề cho việc xây dựng nền

---

\* Phó Viện trưởng Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

văn hóa mới trong những thời kỳ mới, trong đó, việc đào tạo nguồn lực cán bộ văn hóa nghệ thuật để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng văn hóa là rất quan trọng.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được trình bày rất cô đọng, vắn tắt, nhưng đã xác định được vai trò và nhiệm vụ cụ thể của những nhà văn hóa mácxít cần phải thực hiện ngay trong cuộc cách mạng văn hóa. Đề cương nêu rõ “phải kịch liệt chống lại những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm..., văn hóa mới Việt Nam do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam: Chống lại văn hóa mácxít phong kiến... ngu dân và phỉnh dân. Phát huy văn hóa tân chủ Đông Dương... Phối hợp mật thiết phương pháp bí mật và công khai, thống nhất mọi hoạt động văn hóa tiến bộ dưới quyền lãnh đạo của đảng vô sản”<sup>1</sup>. Để hoàn thành cuộc cách mạng văn hóa Việt Nam, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 những nhiệm vụ rất “cần kíp”, rất “cụ thể” cho những nhà văn hóa mácxít, họ được sử dụng các phương pháp hoạt động bí mật và công khai nhưng phải bảo đảm nguyên tắc “mọi hoạt động văn hóa tiến bộ” phải được đặt dưới quyền lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng (khi đó là Đảng Cộng sản Đông Dương - nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là sự khởi đầu đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, là vũ khí tư tưởng sắc bén của những nhà văn hóa mácxít trước cách mạng và của các “chiến sĩ” trên mặt trận văn hóa Việt Nam hôm nay. Nhiệm vụ của cán bộ văn hóa mácxít theo tư tưởng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là: Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa. Phải chống lại văn hóa mácxít phong kiến. Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết, chống nạn mù chữ, xây dựng văn hóa tiến bộ. Tranh đấu giành quyền lợi thực tại... để xu hướng văn hóa xã hội chủ nghĩa thắng. Cán bộ văn hóa hoạt động tích cực nhưng phải tuyệt đối trung thành với sự lãnh đạo của Đảng.

---

1. *Đề cương về văn hóa Việt Nam - chặng đường 60 năm*, Sđd, tr.19-21.

## 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về đào tạo nguồn lực cán bộ văn hóa nghệ thuật trong xây dựng và phát triển văn hóa

Trong suốt cả quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn quan tâm chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa, sớm đưa ra định hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam phải được đặt ngang tầm với những nhiệm vụ quan trọng nhất của đất nước. Ngày 24/11/1946, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, Người đã nêu rõ: “*Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi, văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ*”. Tư tưởng này đã trở thành một nguyên tắc rất cơ bản, xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ ra mối quan hệ hài hòa giữa phát triển kinh tế và xây dựng, phát triển nền văn hóa nước nhà, đó là kinh tế chính là cơ sở, điều kiện cho sự hình thành và phát triển văn hóa: “*Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Phải phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta*”<sup>1</sup>. Chính vì vậy, “*phải xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc... để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng*”<sup>2</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của cán bộ. Trong cuốn sách *Sửa đổi lối làm việc* khi nói chung về cán bộ, Bác nói: “*Có cán bộ tốt, việc gì cũng xong. Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý nhất định... Vì vậy, cán bộ là gốc của mọi công việc*”<sup>3</sup>. Về cán bộ văn hóa, Bác rất quan tâm đến việc đào tạo cán bộ văn hóa nghệ thuật. Ngày 15/7/1948, trong thư gửi Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai, một lần nữa Bác tiếp tục nhấn mạnh vị trí, vai trò của văn hóa và căn dặn cán bộ văn hóa: “*Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hóa gánh một phần rất quan trọng. Chúng ta phải xây đắp một nền văn hóa*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.59.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.173.

3. Hồ Chí Minh: *Về đạo đức cách mạng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.49.

kháng chiến kiến quốc của toàn dân. Muốn đi đến kết quả đó, tôi thiết tưởng các nhà văn hóa ta cần tổ chức chặt chẽ và đi sâu vào quần chúng”<sup>1</sup>. Để xây dựng và phát triển nền văn hóa cách mạng xã hội chủ nghĩa mang tính dân tộc, khoa học và đại chúng, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định nguồn lực con người là nhân tố quan trọng, bởi vậy, Người đã luôn luôn dành nhiều tình cảm, dày công chăm lo, giáo dục, động viên, cổ vũ, đề cao vị trí của cán bộ văn hóa nghệ thuật. Năm 1952, trong bối cảnh cả nước đang khẩn trương thực hiện đường lối kháng chiến “toàn dân, toàn diện” chống chiến tranh xâm lược, trong bức thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa, Bác viết: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy... có nhiệm vụ nhất định, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh. Để làm trọn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật cần có lập trường vững vàng, tư tưởng đúng; phải đặt lợi ích của kháng chiến của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết”<sup>2</sup>.

Kế thừa tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh và nội dung *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, từ thời điểm công bố *Đề cương* cho đến nay, Đảng ta vận dụng triệt để những nội dung tư tưởng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 để xây dựng nền văn hóa nước nhà, đó là: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), ở đó, người cộng sản phải hoạt động. Đảng tiên phong phải lãnh đạo văn hóa tiên phong”; “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công (cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị)”<sup>3</sup> và nền văn hóa nước ta phải xây dựng là nền văn hóa “xã hội chủ nghĩa”. Sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa cách mạng Việt Nam dưới sự định hướng, lãnh đạo, soi đường dẫn dắt của Đảng đã bước vào một tiến trình chuyển biến mạnh mẽ trong cả tư duy lý luận và hoạt động trong đời sống thực tiễn, Đảng ta xác định nền văn hóa chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.464.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.368-369.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.318.

dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Văn hóa không chỉ được đặt ngang tầm với kinh tế, chính trị mà văn hóa còn là mục tiêu, động lực của sự phát triển. Với định hướng quan trọng của Đảng, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa được thể hiện cả thế và lực trong điều kiện hoạt động văn hóa nghệ thuật rất thuận lợi để *văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.*

Để xây dựng nền văn hóa cách mạng trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, việc đào tạo nguồn lực cán bộ văn hóa nghệ thuật đảm đương sứ mệnh ấy được Đảng ta luôn chăm lo chú trọng. Với mục tiêu chung là xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh, không quan liêu, tham nhũng, lãng phí; có tư duy đổi mới, sáng tạo, có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ mới. Định hướng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ được Đảng ta xác định trong toàn bộ hệ thống các văn kiện đại hội Đảng toàn quốc qua các nhiệm kỳ đại hội. Đặc biệt từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, tư duy lý luận của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến được Đảng ta quan tâm chú trọng. Trong Văn kiện Đại hội IX của Đảng (4/2001), Đảng ta xác định trách nhiệm của các văn nghệ sĩ: “Văn nghệ sĩ nêu cao trách nhiệm trước nhân dân, trước Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng giáo dục, xây dựng con người. Văn nghệ sĩ cổ vũ cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên; phê phán thói hư tật xấu, lên án cái ác, cái thấp hèn. Tiếp tục đấu tranh chống các khuynh hướng sáng tác trái với đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của văn nghệ sĩ, nhất là những người cao tuổi; đãi ngộ thỏa đáng với văn nghệ sĩ tài năng. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo thế hệ văn nghệ sĩ trẻ. Làm tốt chức năng tuyên truyền thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến, phê phán các hiện tượng

tiêu cực, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái; coi trọng nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính chiến đấu”<sup>1</sup>. Văn nghệ sĩ phải sáng tạo nghệ thuật, để thông qua tác phẩm của mình làm tốt chức năng tuyên truyền thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đồng thời, phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội để tôn vinh, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú.

Văn kiện Đại hội X (4/2006) và Văn kiện Đại hội XI của Đảng (1/2011) xác định “xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cụ thể về tư tưởng chính trị, trình độ năng lực, phẩm chất đạo đức, lối sống của đảng viên đáp ứng yêu cầu giai đoạn cách mạng mới; phát huy tính tiên phong gương mẫu, chủ động, sáng tạo của đội ngũ đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác cán bộ...”<sup>2</sup>.

Văn kiện Đại hội XII của Đảng (1/2016), đề ra nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa. Coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở; Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ, công chức. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức; tăng tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, cấp ủy là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ. Đổi mới bầu cử trong Đảng, phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ,... để lựa chọn những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm giữ các vị trí lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu. Tập trung xây dựng đội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.115-116.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.260-262.

ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Có cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (1/2021), Đại hội xác định: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Hoàn thiện thể chế, quy định về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí, cơ chế đánh giá cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết”<sup>1</sup>.

Cùng với định hướng về công tác cán bộ, trong hệ thống các văn kiện đại hội Đảng toàn quốc, Đảng ta đã ban hành các nghị quyết chuyên biệt về xây dựng và phát triển văn hóa. Sau *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng ta đã tiếp tục ban hành hai nghị quyết chuyên đề về văn hóa: Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI, trong nội dung hai nghị quyết đặc biệt quan trọng này, vấn đề đào tạo đội ngũ cán bộ văn hóa nghệ thuật được Đảng ta đặc biệt quan tâm, chú trọng, có định hướng rõ ràng, cụ thể. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (7/1998) về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* xác định: “Củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan lãnh đạo, quản lý, tham mưu, các đoàn thể, các tổ chức nghề nghiệp của hoạt động văn hóa từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm hoạt động hiệu quả. Nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp. Sử dụng và bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ hiện có. Xây dựng quy hoạch và thực hiện chương trình đào tạo lớp cán bộ mới (cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, chuyên gia) đủ phẩm chất và năng lực đảm đương công việc trong những năm tới. Củng cố, kiện toàn các khoa, trường đào tạo cán bộ văn hóa, nghệ thuật, thông tin, báo chí, các viện nghiên cứu cả về tổ chức, đội ngũ giảng viên, chương trình, giáo trình. Tăng thêm điều kiện và phương tiện kỹ thuật

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.187.



giảng dạy, học tập. Tổ chức tốt đào tạo trên đại học... Xây dựng và thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ văn hóa”<sup>1</sup>.

Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (5/2014) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đặt ra yêu cầu và nhiệm vụ: “Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa. Coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở. Quan tâm xây dựng các trường văn hóa, nghệ thuật, tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng và quy mô đào tạo. Hình thành một số cơ sở đào tạo đại học, trên đại học trọng điểm, đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế. Tiếp tục gửi sinh viên, cán bộ đi đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật, thể thao ở các nước phát triển. Xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trong các dân tộc thiểu số, có chính sách khuyến khích họ trở về công tác tại địa phương. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giảng dạy các chuyên ngành văn hóa. Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; trọng dụng người có tài, có đức. Điều chỉnh chế độ tiền lương, trợ cấp đối với những người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật đặc thù”<sup>2</sup>.

Năm 2021, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (24/11/2021), trong bài phát biểu chỉ đạo Hội nghị với nhan đề “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Tổng Bí thư đặt ra nhiệm vụ: “Đứng trước những thời cơ và thách thức mới, yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng nước ta là phải tiếp tục xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “động lực phát triển” và “soi đường cho quốc dân đi”; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng”<sup>3</sup>.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.78-79.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.60-61.

3. Nguyễn Phú Trọng: “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, *Báo Nhân Dân*, số 24136, ngày 25/11/2021, tr.2.

Để thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ này, Tổng Bí thư nhấn mạnh cần phải “xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới; sớm khắc phục tình trạng chắp vá, tùy tiện trong bố trí cán bộ làm công tác văn hóa, ở cả Trung ương và địa phương”<sup>2</sup>.

Như vậy từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay, vị trí, vai trò của văn hóa luôn luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đặt ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội. Nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng toàn diện, đầy đủ và sâu sắc hơn. Đặc biệt, ngày nay văn hóa không chỉ là “động lực phát triển” mà quan trọng hơn “văn hóa là động lực phát triển bền vững đất nước”, trong đó “đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng”. Để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”, cần phải xây dựng được một nguồn lực cán bộ văn hóa nghệ thuật có năng lực, trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức, có tâm, có tầm, có trí và đủ lực để đảm đương và hoàn thành nhiệm vụ quan trọng này.

### **3. Thực trạng cán bộ văn hóa nghệ thuật trong công tác xây dựng, phát triển văn hóa**

Xác định nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật có vai trò quan trọng trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, sáng tạo hoạt động văn hóa nghệ thuật, là nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển văn hóa, nhằm xây dựng, giữ vững nền tảng tinh thần của xã hội, phát huy bản sắc dân tộc trong công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Hệ thống các cơ sở đào tạo cán bộ văn hóa nghệ thuật của cả nước đã được đầu tư, củng cố ngày càng hoàn thiện chuẩn cơ bản. Các trường đào tạo bậc đại học, cao đẳng văn hóa nghệ thuật đã đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu dạy và học trong điều kiện khoa học công nghệ ngày càng phát triển. Nội dung chương trình đào tạo các bậc học ngày càng được chuẩn hóa, hoàn thiện và nâng cao. Khung chương trình đào tạo về văn hóa nghệ thuật thường xuyên được cập nhật kiến thức mới, biên soạn, bổ sung, hoàn thiện kiến thức chuyên môn, chất lượng đào tạo cũng ngày càng được nâng cao. Bên cạnh chương trình đào tạo cơ bản, ngành còn thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên

sâu về nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ, chính trị... để nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo hoạt động của ngành cho cán bộ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu hoạt động thực tiễn trong thời kỳ mới. Xác định nguồn nhân lực của toàn ngành đóng vai trò là vị trí tiên phong trong sáng tạo hoạt động văn hóa nghệ thuật, nhằm giữ vững nền tảng tinh thần của xã hội, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đào tạo nguồn nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch nói chung, đào tạo nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nói riêng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã triển khai xây dựng và thực hiện nhiều đề án, chiến lược, quy hoạch nhằm phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác trong thời kỳ mới. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành một số đề án đào tạo, bồi dưỡng tài năng và nguồn nhân lực văn hóa, nghệ thuật, thể thao. Trong đó, gồm có một số đề án tiêu biểu được ban hành trong thời gian gần đây, cụ thể là: *Đề án “Xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo các trường văn hóa, nghệ thuật”; Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật giai đoạn 2010-2020”; Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển tài năng trẻ lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật”; Đề án “Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035”; Đề án “Đào tạo tài năng văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa nghệ thuật ở nước ngoài đến năm 2030...”*<sup>1</sup>.

Song song với việc thực hiện các đề án, chiến lược, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, công tác quy hoạch, nâng cấp mạng lưới các trường văn hóa nghệ thuật được chú trọng, một số trường đã được nâng cấp từ trung cấp lên bậc cao đẳng hoặc đại học, các trường sơ cấp lên trung cấp. Hiện cả nước có 54 cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật chuyên nghiệp ở các trình độ khác nhau:

---

1. Dẫn theo Ban Tuyên giáo Trung ương: *Báo cáo Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc; xây dựng, phát triển văn hóa sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước; các định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 tại Hà Nội.

trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học. Tính đến năm 2020, riêng Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch quản lý có 29 cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật (gồm có 2 viện nghiên cứu (có đào tạo tiến sĩ), 13 trường đại học/học viện; 13 trường cao đẳng/cao đẳng nghề; 2 trường trung cấp và 1 trường cán bộ quản lý văn hóa, thể thao và du lịch. Số lượng cán bộ, giáo viên, giảng viên các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ là 3.417 người (trong số đó: cán bộ quản lý có 734 người, giảng viên 1.793 người, giáo viên 177 người, đối tượng khác là 965 người. Số lượng tuyển sinh là 11.191 học viên, sinh viên)<sup>1</sup>. Thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, lại được cập nhật kiến thức thường xuyên, về cơ bản đội ngũ cán bộ văn hóa nghệ thuật từ trung ương đến địa phương đã bảo đảm hoàn thiện trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác. Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ văn hóa nghệ thuật được quan tâm chú trọng đã tạo đà nâng cấp về quy mô đào tạo, phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo, tăng số lượng và nâng cao chất lượng; trình độ đào tạo các bậc học ngày càng được củng cố, nâng lên rõ rệt. Đồng thời, công tác đào tạo cũng đã có tầm nhìn bao quát chung, dự đoán được nhu cầu cán bộ cần cung cấp để cân đối nguồn đào tạo, dựa trên cơ sở đó để xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo, bố trí bảo đảm duy trì hoạt động của toàn ngành văn hóa nghệ thuật; trong đó, đặc biệt chú trọng đối với các nhóm ngành nghề đặc thù cần thiết do yêu cầu về năng khiếu, thẩm mỹ nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển dụng cán bộ của các cơ quan từ cấp trung ương đến các địa phương, đáp ứng yêu cầu gắn kết giữa nhiệm vụ đào tạo với hoạt động thực tiễn của ngành. Việc đào tạo nguồn nhân lực cán bộ có trình độ sau đại học đã được một số cơ sở đào tạo chú trọng thực hiện tuyển dụng, đào tạo thường xuyên.

Trên thực tế hoạt động văn hóa nghệ thuật, hầu hết đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn, có tâm, có năng lực và nhiệt huyết để quản lý và tổ chức, hướng dẫn hoạt động văn hóa nghệ thuật. Thông qua chương trình đào tạo, về cơ bản đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hoạt động

---

1. Dẫn theo Ban Tuyên giáo Trung ương: *Báo cáo Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc; xây dựng, phát triển văn hóa sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước; các định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 tại Hà Nội.

văn hóa nghệ thuật các cấp; cán bộ chuyên môn nghiệp vụ đều có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kiến thức, kỹ năng hoạt động, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại, nâng cao ý thức tự tôn dân tộc, thể hiện ý chí và khát vọng xây dựng, phát triển văn hóa ngang tầm với sự phát triển toàn diện của đất nước. Đại đa số cán bộ đã qua đào tạo lại được rèn luyện, trải nghiệm qua hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, vốn đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung hoạt động, nên rất giàu vốn sống thực tiễn, tâm huyết, yêu nghề, giàu lòng yêu nước, sẵn sàng cống hiến, tận tâm phục vụ. Bởi vậy, trước những biến cố của đời sống xã hội, lực lượng cán bộ văn hóa nghệ thuật vẫn kiên định với mục tiêu xây dựng và giữ gìn nền văn hóa nghệ thuật nước nhà giàu bản sắc dân tộc, nhân văn và tiến bộ, luôn luôn giữ vững đạo đức, phẩm chất cách mạng, có lối sống lành mạnh, giản dị, vì nhân dân tận tụy phục vụ, vì đất nước sẵn sàng tận tâm cống hiến.

Các thế hệ cán bộ văn hóa nghệ thuật đã biết kế thừa, trao truyền kinh nghiệm, đoàn kết dìu dắt nhau cùng tiến bộ. Những thế hệ cán bộ, các nhà khoa học có bề dày thâm niên công tác, giàu vốn sống thực tiễn và kinh nghiệm nghề nghiệp, vẫn luôn sáng tạo, gương mẫu đóng góp cho ngành nhiều thành tựu, nhiều sản phẩm văn hóa nghệ thuật có giá trị. Bên cạnh đó, chúng ta đang có một thế hệ cán bộ trẻ đã được đào tạo kiến thức cơ bản, nay được bồi dưỡng bổ sung kiến thức về năng lực lãnh đạo, quản lý, trình độ chuyên môn và trang bị kiến thức về tin học, ngoại ngữ... được cập nhật kiến thức về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nên họ rất năng động, tự tin, dám nghĩ, dám làm, hoàn thành trọng trách được giao, nhiều cán bộ trẻ được bổ nhiệm giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt cấp vụ, cục và tương đương trở lên.

Song bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận đó, công tác đào tạo cán bộ còn bộc lộ một số điểm hạn chế, bất cập, cụ thể là:

- Công tác quy hoạch cán bộ cũng như đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực cán bộ văn hóa nghệ thuật, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp thời gian qua, tuy được quan tâm, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa trong thực tiễn. Quy hoạch nguồn cán bộ để có định hướng đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn lâu dài còn chậm, chưa đáp ứng với xu thế phát triển văn hóa hiện nay, chưa khuyến khích được đội ngũ kế cận

có tư duy quản lý và năng lực chuyên môn hoạt động hiệu quả, tương xứng với nhiệm vụ được giao.

- Văn hóa nghệ thuật là một ngành đa lĩnh vực mang tính đặc thù cao, nhạy cảm, chứa đựng cả những yếu tố vật thể và phi vật thể, nghệ thuật, thẩm mỹ... nên việc quản lý gặp rất nhiều khó khăn, trong khi đó trình độ và năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ văn hóa nghệ thuật ở cơ sở chưa đồng đều, tư duy quản lý và năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn còn nhiều bất cập, còn lúng túng trong giải quyết những hiện tượng văn hóa mới, những sản phẩm văn hóa nghệ thuật phát sinh thiếu tính thẩm mỹ, chưa đáp ứng được yêu cầu của công chúng.

- Chưa có chế độ đặc thù thỏa đáng để tạo nguồn cán bộ văn hóa nghệ thuật, thu hút tài năng đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới; chưa có những tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao phản ánh tiến trình đổi mới toàn diện của đất nước, đồng thời chưa có tính định hướng, dẫn dắt, cổ vũ nhân dân. Hiện nay đang có tình trạng hẫng hụt lực lượng cán bộ, nhất là cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ có kinh nghiệm chuyên sâu và đội ngũ chuyên gia văn hóa nghệ thuật vốn có bề dày kinh nghiệm thực tiễn và tư duy sáng tác.

- Về chất lượng của cán bộ văn hóa nghệ thuật cũng đang đặt ra những đòi hỏi cần phải giải quyết: Chưa xây dựng được một nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ đầu đàn, đội ngũ cán bộ hoạt động văn hóa nghệ thuật có trình độ chuyên môn cao. Do thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao nên công tác quản lý và hoạt động văn hóa nghệ thuật còn chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Tính năng động, chủ động, sáng tạo của một bộ phận công chức, viên chức văn hóa nghệ thuật còn hạn chế, trình độ năng lực thực tiễn và phương pháp công tác chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn, đặc biệt là cán bộ hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành về nghệ thuật...

Những bất cập trên đây xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

- Về chủ quan:

*Thứ nhất*, những mặt trái trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh bùng nổ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư dẫn đến những luồng văn hóa bên ngoài thâm nhập, tác động, chi phối một cách mạnh mẽ đến nền văn hóa trong nước, làm xuất hiện những tư

tưởng phức tạp biểu hiện trong đời sống xã hội, gây khó khăn đối với công tác quản lý cũng như tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật.

*Thứ hai*, mức đầu tư ngân sách cho văn hóa còn thấp. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ làm công tác văn hóa nghệ thuật còn nhiều bất hợp lý. Quản lý và tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật là một công việc rất phức tạp, nhạy cảm, đòi hỏi cả về kiến thức, kỹ năng lẫn tâm huyết, tình cảm, trí tuệ, tinh thần trách nhiệm, thì một số cán bộ trong lĩnh vực này (nhất là cán bộ cấp cơ sở) còn nhiều hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, còn nhiều lúng túng trong hoạt động, chưa đáp ứng yêu cầu công tác. Mặt khác, nhiều cán bộ văn hóa khi đã thạo nghề và quen việc lại biến động do điều động, luân chuyển.

*Thứ ba*, chương trình đào tạo còn bất cập so với tốc độ phát triển văn hóa và yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn, đó là: hoạt động văn hóa đang biến đổi mạnh trong cơ chế thị trường gây lúng túng cho công tác quản lý và tổ chức thực hiện, trong khi đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo đúng chuyên ngành văn hóa chưa đồng bộ; các chương trình bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chưa thực chất, chưa hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa trong nền kinh tế thị trường; chất lượng, chương trình đào tạo tại các trường văn hóa nghệ thuật cũng còn nhiều bất cập trong cơ chế thị trường tự chủ đào tạo.

*Thứ tư*, công tác đào tạo tuyển sinh đầu vào một số ngành văn hóa nghệ thuật chưa ổn định, còn thiếu đầu vào do các ngành học văn hóa nghệ thuật mang đặc thù chuyên môn riêng khác biệt, đào tạo và học những ngành này khá nhọc nhằn lại tốn kém, đòi hỏi người học phải có năng khiếu và đam mê thực sự, nhưng ngược lại khi tốt nghiệp đầu ra lại không bảo đảm, tuổi nghề hoạt động nghệ thuật thấp, lương và thu nhập không bảo đảm cuộc sống nên không hấp dẫn người học, khiến các cơ sở đào tạo luôn hụt hẫng về chỉ tiêu tuyển sinh và đào tạo.

- *Về khách quan*: Nhận thức của toàn xã hội và một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa toàn diện và thấu đáo về vị trí, vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững, còn xem nhẹ văn hóa nên đôi khi còn coi cán bộ văn hóa chỉ thạo chuyên về “cờ, đèn, kèn, trống...”. Do đó, thiếu quan tâm trong công tác đào tạo và tạo cơ chế, chính sách hỗ trợ, mặc dù cán bộ văn hóa phải đảm đương nhiều việc, dẫn đến không ít cán bộ chưa toàn tâm toàn ý phục vụ cho

nhiệm vụ hoạt động chuyên môn. Vì vậy, việc đào tạo, củng cố, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ văn hóa nghệ thuật đang là vấn đề cấp bách ở nhiều địa phương trong cả nước. Để “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”, công tác đào tạo cán bộ văn hóa nghệ thuật cần phải được thực hiện bằng những giải pháp rất căn cơ, vừa cụ thể, vừa thiết thực.

#### **4. Nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn lực cán bộ văn hóa nghệ thuật đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ mới**

Để thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” trong thời kỳ mới, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đã định hướng: Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa. Phải coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa. Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa. Coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở. Quan tâm xây dựng các trường văn hóa, nghệ thuật, tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng và quy mô đào tạo. Hình thành một số cơ sở đào tạo đại học, trên đại học trọng điểm, đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên giảng dạy các chuyên ngành văn hóa. Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; trọng dụng người có tài. Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa. Chú trọng “xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới; đặc biệt chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ trí thức văn nghệ sĩ làm công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật. Đội ngũ này có vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp văn hóa nói riêng và trong sự nghiệp cách mạng nói chung”<sup>1</sup>. Với tính chất đặc thù của hoạt động văn hóa nghệ thuật,

---

1. Nguyễn Phú Trọng: “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Báo *Nhân Dân*, số 24136, ngày 25/11/2021, tr.2.



“công tác lãnh đạo và quản lý văn hóa không chỉ đòi hỏi có phẩm chất chính trị mà còn phải có trình độ chuyên môn, am hiểu đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, có tầm nhìn sâu rộng, có khả năng vận động và thuyết phục các tầng lớp nhân dân tham gia vào công cuộc xây dựng và phát triển văn hóa; sớm khắc phục tình trạng chắp vá, tùy tiện trong bố trí cán bộ làm công tác văn hóa, ở cả trung ương và địa phương”<sup>1</sup>. Để đạt được yêu cầu, nhiệm vụ này, cần thực hiện một số giải pháp sau:

*Một là, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp về vị trí, vai trò của nguồn lực cán bộ văn hóa nghệ thuật.* Coi “cán bộ là gốc của mọi công việc, công việc thành hay bại đều do cán bộ”, cán bộ có “vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp văn hóa nói riêng và trong sự nghiệp cách mạng nói chung”. Trên cơ sở đó, xác định được yêu cầu và nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa nghệ thuật các cấp để đảm đương được nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Khẩn trương kịp thời thể chế hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành luật pháp và các chính sách cụ thể, khả thi về xây dựng và phát triển nguồn lực cán bộ văn hóa nghệ thuật các cấp tương xứng với sự nghiệp phát triển văn hóa.

*Hai là, chú trọng không ngừng nâng cao chất lượng nguồn lực cán bộ văn hóa nghệ thuật các cấp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa.* Từ cấp trung ương đến địa phương tiến hành rà soát lại toàn bộ đội ngũ cán bộ văn hóa nghệ thuật các cấp, chủ động dự báo nhu cầu cần sử dụng cán bộ để đào tạo, chuẩn hóa cán bộ. Xây dựng quy hoạch, đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo tiêu chí chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm. Coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở. Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế. Kịp thời trang bị bổ sung những kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng quản lý điều hành, về công nghiệp văn hóa, chuyển đổi số trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từng bước tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ để đáp ứng với yêu cầu quá trình phát triển văn hóa. Công tác đào tạo phải gắn liền với

---

1. Nguyễn Phú Trọng: “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Báo *Nhân Dân*, số 24136, ngày 25/11/2021, tr.2.

nhu cầu sử dụng cán bộ, tạo cơ chế chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành và các địa phương trong cả nước.

*Ba là, xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động văn hóa, nghệ thuật.* Đổi mới chính sách đãi ngộ, sử dụng hợp lý đối với đội ngũ văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa, đặc biệt là cán bộ văn hóa cơ sở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Có kế hoạch chăm sóc, bồi dưỡng tài năng văn hóa, những hạt nhân văn hóa cơ sở; đồng thời, có chế độ đãi ngộ hợp lý để sử dụng đội ngũ cán bộ được lâu dài. Thực hiện chính sách hỗ trợ và khuyến khích cán bộ có trình độ cao, sinh viên tốt nghiệp đại học chuyên ngành văn hóa nghệ thuật, khoa học xã hội và nhân văn về công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Khắc phục triệt để tình trạng chắp vá, tùy tiện trong bố trí cán bộ làm công tác văn hóa ở cả trung ương và địa phương. Tôn vinh tài năng và cống hiến của họ cho sự phát triển văn hóa nước nhà.

*Bốn là, sử dụng hợp lý nguồn lực cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành.* Với tính chất đặc thù riêng là cán bộ văn hóa nghệ thuật phải có năng khiếu thẩm mỹ, có kinh nghiệm nghề nghiệp, có vốn sống, am hiểu văn hóa nghệ thuật, điều này đồng nghĩa với việc cán bộ cần phải có kiến thức cơ bản, có thời gian công tác để nắm bắt và có kinh nghiệm trau dồi kỹ năng chuyên môn trong hoạt động thực tiễn. Do đó, việc tuyển dụng, bố trí nguồn cán bộ sau đào tạo phải phù hợp với chuyên môn để phát huy năng lực và sở trường. Chú trọng giải quyết hài hòa mâu thuẫn giữa nguồn cung và cầu, đặc biệt tránh tình trạng sinh viên được đào tạo cơ bản, đúng chuyên ngành văn hóa nghệ thuật lại bị thất nghiệp khi ra trường, trong khi đó nguồn cán bộ văn hóa nghệ thuật lại luôn bị hụt hẫng, bất cập về trình độ chuyên môn, không phát huy được năng khiếu nghệ thuật và sở trường văn hóa vốn có để phục vụ, cống hiến.

*Năm là, giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ văn hóa, nghệ thuật đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ công tác trong tình hình hiện nay.* Cán bộ văn hóa nghệ thuật các cấp phải thường xuyên chủ động cập nhật thông tin, nắm bắt kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động văn hóa nghệ thuật; phải kiên định trung thành với Đảng, có hiểu biết sâu sắc và nhạy cảm những nhiệm vụ chính trị của Đảng, của đất nước. Để làm trọn nhiệm vụ cao quý của mình, yêu cầu mỗi

cán bộ văn hóa nghệ thuật phải không ngừng tự phấn đấu, rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống văn hóa, có ý thức cầu thị tiến bộ, trau dồi kỹ năng nghề nghiệp, khiêm tốn học hỏi nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, nâng cao kiến thức quản lý nhà nước và phương pháp tổ chức hoạt động thực tiễn để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác trong tình hình mới. Mỗi cán bộ văn hóa cũng đồng thời là nhà sư phạm - người làm công tác giáo dục ngoài nhà trường biết sử dụng các phương tiện văn hóa nghệ thuật để chuyển tải những nội dung nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước tới quần chúng nhân dân ở cơ sở.

Kế thừa tư tưởng nội dung *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, phát triển tư duy lý luận của Đảng để vận dụng xây dựng nền văn hóa cách mạng trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, là động lực, mục tiêu của sự phát triển, văn hóa được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội, xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa trong thời kỳ mới là nhiệm vụ quan trọng trước mắt và lâu dài, chính vì vậy, công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lực cán bộ văn hóa nghệ thuật trong bối cảnh hiện nay phải được đặt ra là một nhiệm vụ quan trọng, rất cần thiết và cấp thiết. “Có cán bộ tốt, việc gì cũng xong. Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”. Một khi phát huy tốt vai trò, phẩm chất đạo đức và năng lực trình độ chuyên môn, năng khiếu nghệ thuật, sở trường văn hóa... của đội ngũ cán bộ văn hóa nghệ thuật sẽ luôn luôn góp phần đắc lực trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong hiện tại và tương lai. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là định hướng quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa nghệ thuật có phẩm chất cách mạng, có tư duy đổi mới đột phá, có năng lực trình độ chuyên môn, có năng khiếu nghệ thuật, dám nghĩ, dám làm để hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

## TÍNH TẤT YẾU CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ VĂN HÓA VỚI SỰ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

ThS. NGUYỄN TRUNG BÌNH\*

### **1. Tầm quan trọng của văn hóa với sự phát triển kinh tế, xã hội và con người**

Lịch sử nhân loại đã chứng minh văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực, vừa là công cụ của lịch sử sinh tồn và phát triển của quốc gia, dân tộc. Kinh nghiệm phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều quốc gia đã chỉ ra rằng nếu quốc gia nào trong sự phát triển của mình mà tách rời sự phát triển kinh tế ra khỏi môi trường văn hóa thì nhất định sẽ bị mất cân đối nghiêm trọng cả về mặt kinh tế lẫn văn hóa và nền văn hóa đó cũng sẽ bị mai một, suy yếu dần. Do đó, trong thời đại ngày nay, bên cạnh việc cùng nhau hợp tác phát triển kinh tế, tất cả các quốc gia trên thế giới đều đã và đang nỗ lực không ngừng tìm cách hội nhập, trao đổi, hợp tác nhằm tìm ra những giải pháp phát triển văn hóa, làm động lực cho sự phát triển kinh tế, xã hội và con người.

Nhưng làm thế nào để phát triển nền văn hóa? Trong quá trình phát triển ở bất kỳ quốc gia, dân tộc nào, văn hóa bao giờ cũng được phát triển từ nhiều yếu tố khác nhau: từ điều kiện tự nhiên, đặc điểm con người, truyền thống dân tộc, nhất là các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ,... Trong đó, giao lưu, hội nhập giữa các nền văn hóa là một cách thức quan trọng để xây dựng và phát triển nền văn hóa.

---

\* Trung tâm Dữ liệu Di sản Văn hóa, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

Cũng như quy luật phát triển xã hội nói chung, văn hóa không thể đứng tách biệt; nếu đứng tách khỏi cộng đồng văn hóa loài người, văn hóa dân tộc sẽ ngày một nghèo nàn. Quy luật vận động và phát triển của văn hóa là thâm nhập vào các nền văn hóa khác, tiếp nhận, học hỏi, bổ sung, làm phong phú cho văn hóa riêng của dân tộc, đồng thời làm phong phú thêm các nền văn hóa khác. Bởi vì văn hóa là tinh hoa của dân tộc nên các nền văn hóa hội nhập, trao đổi với nhau có nghĩa là nền văn hóa của dân tộc này tiếp thu tinh hoa của các dân tộc khác. Đó là một trong những phương thức tối ưu của quá trình mỗi nền văn hóa dân tộc tự làm giàu có cho chính mình, phát triển chính mình.

Hội nhập văn hóa có vai trò quan trọng như vậy trong sự phát triển văn hóa nhưng trong một thời gian dài trước đây, việc triển khai vấn đề này ở nước ta còn chưa đúng mức, làm hạn chế rất nhiều đến quá trình phát triển nền văn hóa nước nhà. Trong thời gian gần đây, với chủ trương đẩy mạnh hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập văn hóa, lĩnh vực văn hóa của xã hội ta có nhiều khởi sắc. Nội dung và phương thức hội nhập quốc tế về văn hóa đã có nhiều đổi mới và thực tế, nhiều khía cạnh của văn hóa Việt Nam được khám phá, vị trí và vai trò của văn hóa Việt Nam được khẳng định và tác động mạnh tới sự phát triển của nhiều lĩnh vực khác trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội.

## **2. Vai trò của hội nhập văn hóa đối với sự phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

Trong lịch sử nhân loại, mỗi thời kỳ khác nhau sẽ có phương hướng phát triển văn hóa khác nhau. Trong bối cảnh thế giới hiện nay, đa số các quốc gia đều có định hướng phát triển nền văn hóa dân tộc theo hướng tiên tiến và đậm đà bản sắc.

Với quan niệm: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định nền văn hóa chúng ta xây dựng và phát triển trong giai đoạn hiện nay là nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991), Đảng ta đã xác định nền văn hóa mà chúng ta phấn đấu xây dựng là nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đặc biệt là tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Đảng ta đã

có Nghị quyết riêng “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Các kỳ Đại hội Đảng IX, X, XI, XII, XIII Đảng ta tiếp tục đánh giá các kết quả đã đạt được và đưa ra những phương hướng chiến lược nhằm tiếp tục phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay.

Nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền văn hóa vừa tiếp nhận, cải biến, sáng tạo các giá trị văn hóa của nhân loại, vừa giữ gìn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc. Như vậy, có sự thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau giữa tính tiên tiến và tính đậm đà bản sắc dân tộc trong nền văn hóa mới ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Đảng ta xác định đặc trưng cơ bản của nền văn hóa tiên tiến trước hết là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa các cá nhân và cộng đồng xã hội.

Nền văn hóa tiên tiến là nền văn hóa luôn tiếp nhận, cập nhật những giá trị tiến bộ và khoa học của khu vực và nhân loại để làm tiên tiến hóa, hiện đại hóa, phát triển trình độ và tăng cường địa vị, uy tín của mình trên thế giới. Tính chất tiên tiến hóa, hiện đại hóa của nền văn hóa được biểu hiện rõ ràng trong mọi hoạt động sống của nhân dân.

Với những nội dung chủ yếu nói trên, nền văn hóa tiên tiến làm cho xã hội ngày càng lành mạnh, phong phú, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao, hình thành một môi trường văn hóa - xã hội có đủ phẩm chất, năng lực phát triển kinh tế, chính trị, xã hội... của toàn xã hội.

Bản sắc văn hóa dân tộc là kết quả sự tổng hợp của nhiều yếu tố như điều kiện địa lý cũng như sự phát triển trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của một dân tộc. Đồng thời bản sắc văn hóa dân tộc cũng là sản phẩm của mối quan hệ biện chứng của tinh hoa văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

Tại Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Đảng ta đã khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng

các dân tộc Việt Nam được vun đắp lên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước: lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống...

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI tiếp tục nhấn mạnh đường lối phát triển văn hóa nước ta hiện nay là xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Đặc biệt trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đặc biệt nhấn mạnh “phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế”<sup>1</sup>.

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, nguy cơ lớn nhất đối với các nền văn hóa là mất bản sắc văn hóa dân tộc. Cho nên, các quốc gia, một mặt, đẩy mạnh quá trình hội nhập văn hóa khu vực và thế giới, đẩy mạnh phát triển nền văn hóa theo hướng tiên tiến; mặt khác, đặc biệt quan tâm, giữ gìn và phát triển bản sắc dân tộc.

Theo những quan điểm ở trên, để có một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thì bản thân nền văn hóa đó phải hội nhập với văn hóa các nước trong khu vực và trên thế giới, từ đó học hỏi, tiếp thu, tiếp biến một cách có chọn lọc, có sáng tạo các tinh hoa văn hóa của nhân loại để làm giàu thêm nền văn hóa dân tộc mình.

Hội nhập văn hóa có vai trò to lớn đối với sự phát triển nền văn hóa theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được thể hiện ở các nội dung như sau:

*Thứ nhất*, hội nhập văn hóa góp phần tăng cường trao đổi, học hỏi, tiếp nhận các giá trị văn hóa mới giữa các nền văn hóa trên thế giới với nhau.

Thực tế đã cho thấy không phải đến thế kỷ XX mới xuất hiện hội nhập văn hóa mà trong lịch sử phát triển của các nền văn hóa đã từng xuất hiện tiền đề, mầm mống của hội nhập văn hóa. Đó là giữa các quốc gia trên thế giới

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.336.

đã có những hoạt động giao lưu, trao đổi trên một số lĩnh vực của đời sống văn hóa nhưng do sự giao lưu này còn thiếu đường lối, chính sách, hệ thống pháp luật định hướng, còn mang tính chất tự phát, nhỏ lẻ, phụ thuộc vào điều kiện địa lý, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của từng quốc gia nên còn hạn chế.

Hiện nay, hội nhập quốc tế về văn hóa trở thành một xu thế phát triển tất yếu, có tác động ngày càng sâu rộng và mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực, mọi quốc gia, làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt của thế giới. Quá trình hội nhập văn hóa hiện nay đã có sự định hướng rõ ràng theo những quy định, nguyên tắc, chuẩn mực chung, thống nhất của các quốc gia trên thế giới. Do đó quá trình hội nhập văn hóa đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, thúc đẩy sự phát triển của các quốc gia, dân tộc.

Trong hội nhập văn hóa, trên cơ sở các dân tộc có quan hệ hợp tác bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt của nhau, quá trình tiếp nhận, trao đổi các giá trị văn hóa giữa các nền văn hóa khác nhau không phải là thụ động nữa mà đó là quá trình chủ động, tích cực, sáng tạo, chất lọc, biến đổi những giá trị bên ngoài cho phù hợp, thích nghi với văn hóa bản địa, nhằm phát triển văn hóa bản địa. Những thành tựu trong mọi lĩnh vực của đời sống: kinh tế, chính trị, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn học, nghệ thuật, kiến trúc,... đã được các quốc gia, dân tộc tiếp nhận và cải biến trên cơ sở trình độ, điều kiện phát triển của dân tộc mình.

Ví dụ mối liên hệ giữa hội nhập về kinh tế và hội nhập về khoa học - công nghệ trong sự phát triển của các quốc gia. Các thành tựu khoa học - công nghệ có tác động thúc đẩy nền kinh tế, sản xuất vật chất phát triển và ngược lại, kinh tế phát triển sẽ tạo điều kiện cho khoa học - công nghệ đạt được những thành tựu mới.

*Thứ hai*, hội nhập văn hóa góp phần làm cho mỗi nền văn hóa dân tộc ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, phát triển theo hướng tiến bộ, nhân văn, nhân đạo vì con người.

Trong đời sống văn hóa, mỗi quốc gia, dân tộc có truyền thống văn hóa với những giá trị văn hóa riêng, đặc sắc, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa của dân tộc đó. Khi các nền văn hóa có liên hệ với nhau sẽ có sự trao đổi, tiếp thu các giá trị văn hóa của nhau. Trong quá trình hội nhập hiện nay, các quốc gia phương Đông đã và đang có xu hướng tiếp nhận những giá trị đạo đức mới từ



các nước phương Tây như: tư tưởng hòa bình, hòa hợp, bình đẳng, công lý, nhân quyền, dân chủ, dân quyền, tư tưởng nhân văn, nhân đạo, vẻ đẹp tâm hồn,... Trong sự phát triển các quốc gia, một số giá trị, phẩm chất cá nhân có xu hướng được coi trọng và ngày càng đề cao như: tự lập, tự trọng, năng động, sáng tạo, tự do, ý chí vượt qua khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

Ở các nước phương Tây, trong sự tiếp thu nền văn hóa phương Đông, để phát triển toàn diện, họ có thể tiếp cận với lối sống thân thiện, hòa đồng, gần gũi với tự nhiên; với tư duy linh hoạt, thái độ ứng xử mềm dẻo trong quan hệ giữa con người với con người.

Kinh nghiệm phát triển văn hóa ở các nước đã chỉ ra rằng, tại một số nước có nền công nghiệp phát triển, nhịp độ cuộc sống rất khẩn trương, con người tiếp xúc ngày càng nhiều với máy móc, kỹ thuật, vì vậy, sự giao lưu, tiếp xúc giữa người với người ngày càng ít đi. Điều đó tạo nên sự phát triển không hài hòa, cân đối giữa lý trí với tình cảm, cảm xúc. Chính trong bối cảnh đó con người thường cảm thấy một sự trống vắng trong tâm hồn. Rõ ràng, một dân tộc cũng như một con người cần phải biết mình từ đâu tới và mình sẽ đi về đâu, tức phải hiểu rõ về cội nguồn dân tộc, về những giá trị văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc.

*Thứ ba*, qua hội nhập văn hóa, các quốc gia thực sự có điều kiện để trao đổi kinh nghiệm, hợp tác để giải quyết các vấn đề xã hội mang tính toàn cầu nhằm mục đích vì sự phát triển con người, vì sự tiến bộ của nhân loại. Xét về mặt văn hóa, chính là quá trình hình thành những giá trị văn hóa mới ở các quốc gia.

Những giá trị văn hóa tiên tiến, hiện đại chính là các giá trị văn hóa phục vụ con người, vì con người, mang tính nhân văn sâu sắc. Nhờ hội nhập văn hóa mà vấn đề con người và phát triển con người ngày càng được đề cao, toàn nhân loại chung tay giải quyết các vấn đề liên quan đến sự tồn tại và phát triển của con người, không phân biệt chủng tộc, màu da, không phân biệt điều kiện kinh tế - xã hội... Vì vậy, mọi hoạt động văn hóa đều vì mục tiêu cao cả nhất là phục vụ con người, vì lợi ích của mọi thành viên trong xã hội.

Hiện nay, các quốc gia trên thế giới đang nỗ lực cùng nhau giải quyết các vấn đề xã hội mang tính toàn cầu. Đó là các vấn đề về xung đột, chiến tranh

quy mô lớn; thiên tai: lũ lụt, động đất, sóng thần, hỏa hoạn...; ô nhiễm môi trường, dịch bệnh (HIV/AIDS, dịch SARS, dịch Ebola, đại dịch Covid-19, virus Zika...)... đã và đang đe dọa tính mạng hàng triệu người dân và làm thiệt hại kinh tế nặng nề nhiều quốc gia trên thế giới; vấn đề an sinh xã hội (giải quyết nhà ở, việc làm, dịch vụ y tế, chăm sóc người già, trẻ em...); vấn đề đảm bảo an ninh và trật tự an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội (mại dâm, nghiện ma túy, trộm cắp, tội phạm thanh thiếu niên)... Đây là các vấn đề cấp bách trong xã hội đang rất được sự quan tâm, chú ý của nhân dân các nước trên thế giới và các quốc gia trên thế giới đã và đang bắt tay hợp tác thông qua quá trình hội nhập quốc tế để giải quyết các vấn đề này.

Bên cạnh đó, hiện nay, chủ nghĩa khủng bố quốc tế, việc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, sự lan rộng của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự không khoan dung về sắc tộc và tôn giáo đang trở thành những mối đe dọa cấp thiết đối với cộng đồng quốc tế trong công cuộc xây dựng một thế giới hòa hợp và hòa bình. Để giải quyết được những vấn đề mang tính toàn cầu như vậy, phải có sự giao lưu, hội nhập giữa các nền văn hóa trên thế giới với nhau; các quốc gia, dân tộc phải có sự trao đổi, liên kết, hợp tác với nhau trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau thì mới có thể cùng nhau tìm ra những giải pháp tối ưu nhằm đem lại lợi ích cho tất cả mọi người.

Xã hội càng văn minh và hiện đại, thì văn hóa càng đòi hỏi phải có những giá trị về lòng nhân ái, tinh thần chia sẻ cộng đồng, quan tâm đến cuộc sống của mọi người xung quanh, nhất là những người gặp hoàn cảnh hoạn nạn, khó khăn, đồng thời phải có ý chí vươn lên cống hiến thật nhiều cho xã hội.

*Thứ tư*, hội nhập văn hóa không chỉ tạo cơ hội cho các nền văn hóa dân tộc tiếp cận với tinh hoa văn hóa thế giới mà còn thể hiện tinh thần phê phán các phản giá trị của thế giới hiện đại, hướng văn hóa phù hợp với điều kiện phát triển của dân tộc, phù hợp với bản sắc văn hóa của các dân tộc.

Trong quá trình hội nhập văn hóa, những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc được nâng lên một chất mới, vừa tiếp thu những giá trị tiến bộ mới vừa đậm đà hơn, sâu sắc hơn. Lòng yêu nước, lòng nhân ái, ý thức đoàn kết cộng đồng, tự do, bình đẳng, khoan dung, quan niệm về giá trị chân - thiện - mỹ... là những giá trị chung của toàn nhân loại, tồn tại trong văn hóa ở tất cả quốc gia, dân tộc. Những giá trị này không phụ thuộc vào bất cứ giai đoạn cụ thể nào của sự phát triển lịch sử, hay truyền thống xã hội

của một dân tộc cụ thể nào mà chúng tích hợp trong truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc.

Có thể nói, những giá trị văn hóa truyền thống của mỗi nền văn hóa dân tộc như là nền tảng văn hóa bền vững trong lịch sử, thì qua hội nhập văn hóa, chúng đã được bổ sung, đổi mới, hoàn thiện đầy đủ hơn cho phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện mới, đặc biệt, chúng được bổ sung thêm những giá trị mới do tiếp biến được các giá trị của các nền văn hóa khác. Chính điều đó đã định hướng cho việc xây dựng và phát triển các giá trị văn hóa mới để giúp cho mỗi cá nhân và toàn xã hội tự định hướng, tự điều chỉnh suy nghĩ, thái độ, hành vi, văn hóa của mình để cùng nhau xây dựng một lối sống văn hóa mới ngày càng tốt đẹp hơn.

Ngoài ra, trong hội nhập văn hóa, thông qua hội nhập văn hóa, nền văn hóa của các dân tộc sẽ có điều kiện học hỏi thêm kinh nghiệm về cách thức xây dựng và phát triển mô hình văn hóa mới theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng như phương pháp tổ chức khoa học để phát triển nền văn hóa mới đó.

Trong sự phát triển của nền văn hóa, giữa các yếu tố của một nền văn hóa luôn có sự tác động qua lại lẫn nhau, giữa các nền văn hóa cũng luôn có sự liên hệ, học hỏi, tiếp thu lẫn nhau. Cho nên sự vận động, biến đổi của các thành tố trong văn hóa cũng như sự giao lưu, hội nhập của các nền văn hóa là điều kiện đặc biệt thuận lợi tạo nên sự phát triển của nền văn hóa dân tộc nói riêng và sự phát triển của nền văn hóa nhân loại nói chung.

\*

\* \*

Văn hóa là tất cả những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra, tồn tại và biểu hiện trong tất cả các lĩnh vực trong đời sống của con người: kinh tế, chính trị, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn học, nghệ thuật. Cho nên, hội nhập văn hóa không chỉ có nghĩa là hội nhập trong lĩnh vực văn hóa mà là hội nhập trong tất cả các lĩnh vực của đời sống.

Do đó, có thể nói rằng, hội nhập văn hóa là một cách thức ưu việt để phát triển nền văn hóa hiện nay vì nó phù hợp với điều kiện, bối cảnh lịch sử - xã hội của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là trong thời kỳ hội nhập quốc tế đang ngày càng sâu rộng như hiện nay.

Trong sự phát triển nền văn hóa dân tộc, những giá trị văn hóa tiêu biểu của một dân tộc không thể chỉ thuần nhất bao gồm những giá trị văn hóa bản địa. Khi điều kiện sản xuất, sinh hoạt của con người thay đổi thì những tinh hoa văn hóa của dân tộc cũng sẽ có sự vận động, chuyển mình, thay đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện mới, bởi văn hóa là sản phẩm do con người sáng tạo ra trong hoạt động thực tiễn của mình. Đồng thời trong quá trình hội nhập văn hóa, các tinh hoa văn hóa cũng có sự tác động qua lại lẫn nhau, tạo tiền đề cho nhau cùng tồn tại và phát triển.

Tóm lại, để phát triển nhanh, bất kỳ một nền văn hóa nào cũng tồn tại trong sự liên hệ, giao lưu, trao đổi với các nền văn hóa khác. Trong sự liên hệ đó, các nền văn hóa vừa học hỏi, tiếp thu tinh hoa của nhau vừa tạo điều kiện cho các nền văn hóa khác có cơ hội học hỏi cái hay, cái đẹp trong nền văn hóa của mình. Từ quan hệ biện chứng đó, các nền văn hóa không ngừng vận động và phát triển. Còn nếu một nền văn hóa khép kín, tách rời với nền văn hóa chung của cộng đồng, của các dân tộc khác thì sớm muộn nó cũng sẽ bị lụi tàn. Không hội nhập văn hóa, các giá trị tiên tiến sẽ dần dần bị lạc hậu, các giá trị bản sắc sẽ dần bị cô lập. Điều đó đồng nghĩa với sự tụt hậu, nếu không nói là sự tiêu vong của nền văn hóa. Khi đó, sự tồn tại và phát triển của cả dân tộc cũng rơi vào thế lâm nguy.

## TỪ ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA NĂM 1943, NGHĨ VỀ TÍNH KHOA HỌC CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS. TS. ĐINH THỊ VÂN CHI\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo và được công bố năm 1943, được ví như tuyên ngôn đầu tiên của Đảng về văn hóa và có ý nghĩa mở đường, định hướng cho văn hóa Việt Nam phát triển. Trong bản đề cương này, bên cạnh những vấn đề quan trọng khác, những nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam được nêu rõ là cần có tính dân tộc, tính khoa học và tính đại chúng. Ba phương châm này, qua thời gian kiểm chứng, cho đến nay vẫn còn giữ được giá trị và tính thời sự.

Nói riêng về “Tính khoa học”, thì tính khoa học của văn hóa bao gồm cả hai mặt: nội dung và hình thức. *Nội dung khoa học của văn hóa* là “chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”.

*Hình thức khoa học của văn hóa* được hiểu ở hai khía cạnh:

- Một là, văn hóa được thể hiện bằng những phương thức có tính chất khoa học - công nghệ;
- Hai là, việc sử dụng khoa học - công nghệ để sáng tạo các tác phẩm văn hóa. Hai khía cạnh này hiện nay ngày càng được thể hiện rõ nét.

### **1. Phương thức thể hiện văn hóa nhờ khoa học - công nghệ hiện đại**

Thông thường, khi nói đến thưởng thức văn hóa, chúng ta nghĩ ngay tới những nhà hát, rạp chiếu phim, thư viện, phòng triển lãm... và những chuyến du lịch. Nhưng hiện nay, với sự tiến bộ vượt bậc của khoa học - công nghệ hiện đại, cách thức thưởng thức văn hóa đã biến đổi rất nhiều. Nhờ công nghệ mà

---

\* Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam.

các tác phẩm văn hóa đến được với công chúng bằng những cách rất tiện lợi và hiệu quả.

Những công nghệ thường được ứng dụng để thể hiện văn hóa hiện nay là:

### ***1.1. Ứng dụng kỹ thuật số***

Từ khi xuất hiện, kỹ thuật số đã tác động mạnh mẽ và làm biến đổi quá trình thưởng thức văn hóa. Một thí dụ đơn giản minh chứng cho điều này nằm trong lĩnh vực văn hóa đọc: Nếu trước đây độc giả chỉ có thể đọc tác phẩm văn học qua các bản in truyền thống, thì hiện nay họ có thể thưởng thức tác phẩm qua *sách điện tử* (ebook), sách nói (audio book); còn nhà văn thì có thể tự công bố tác phẩm của mình trên mạng xã hội, và độc giả có thể kết nối dễ dàng với nhà văn mà mình ưa thích.

Trong thời gian giãn cách xã hội vì đại dịch Covid-19, chương trình “Sách trao tay, học ngày giãn cách” đã mang hàng ngàn cuốn sách in, hàng trăm cuốn sách điện tử (ebook) và sách nói (audio book) đến cho người dân Thành phố Hồ Chí Minh đang bị phong tỏa. Thậm chí, trong giai đoạn dịch bệnh căng thẳng, loại sách kỹ thuật số này đã trở thành “chiếc phao cứu sinh” cho ngành xuất bản, cho độc giả, và là phương tiện gắn kết con người.

Thực ra, từ những năm 1930 của thế kỷ XX, sách nói đã ra đời tại Mỹ, nhưng chưa thịnh hành. Gần đây, khi công nghệ số phát triển làm biến đổi văn hóa đọc, sách điện tử có cơ hội quay trở lại và ngày càng được đón nhận nhiều hơn, nhất là trong dịp giãn cách xã hội.

Nhờ có sách điện tử, độc giả có thể tiếp nhận nội dung thông tin ở bất cứ đâu (ở nhà, trên xe buýt, ngoài sân bay...), vào bất cứ lúc nào (đang làm việc nhà, đi bộ, tập thể dục...), mà không cần phải đến thư viện hoặc ngồi trước bàn như với sách giấy.

Việc chuyển đổi hình thức đọc từ offline sang online trở thành yêu cầu tất yếu để thích nghi với thời cuộc và xu hướng biến đổi phương thức thưởng thức văn hóa. Ở Việt Nam, chỉ riêng Trạm Đọc của Alpha Book đã tiếp cận được gần 2.000.000 người dùng sách điện tử qua Facebook, 300.000 người dùng qua các website và các mạng xã hội khác (YouTube và Instagram...). Thậm chí hiện nay độc giả có thể thuê sách online, thay cho việc phải đến tận thư viện hoặc tiệm sách để thuê/mượn sách như trước đây.

Xu hướng biến đổi phương thức đọc sách này hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển xã hội, lại tỏ rõ sự ưu việt, khi mà các loại sách điện tử chẳng những thực hiện tốt chức năng cung cấp thông tin, mà còn có chi phí rẻ, lại thuận tiện hơn sách giấy.

Với các bộ môn nghệ thuật biểu diễn thì sự ra đời của *nhà hát online* là một dấu mốc đánh dấu bước tiến trong sự biến đổi phương thức thể hiện tác phẩm (đối với nghệ sĩ) và thưởng thức nghệ thuật (đối với công chúng).

Những chương trình nghệ thuật đầu tiên của kế hoạch nhà hát online do Cục nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) chỉ đạo các nhà hát xây dựng và biểu diễn phục vụ khán giả. Việc phát trực tuyến các chương trình nghệ thuật trong điều kiện dịch bệnh đã tạo cơ hội cho các nghệ sĩ được biểu diễn, còn khán giả, dù không đến rạp, vẫn có thể được thưởng thức những tác phẩm nghệ thuật. Có thể kể: chương trình nghệ thuật đặc biệt “Những ngôi sao bất tử” của Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc được tường thuật trên kênh VTV2 Đài Truyền hình Việt Nam; chương trình nghệ thuật trực tuyến “Tổ quốc trong tim” do Cục Nghệ thuật biểu diễn chủ trì, Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam thực hiện đã diễn ra tại 5 điểm cầu: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Bình Thuận và Paris (Pháp). Và nhiều chương trình khác được các ca sĩ Mỹ Linh, Thanh Lam, Cẩm Vân, Đức Tuấn... thực hiện theo hình thức không có khán giả trực tiếp, chỉ phát trên các nền tảng kỹ thuật số như YouTube, Fanpage và truyền hình. Ngoài ra, chuỗi chương trình Music Home xuất hiện khá đều đặn cũng mang tới cho khán giả truyền hình và cư dân mạng xã hội những “bữa tiệc” âm nhạc thú vị ngay tại nhà.

“Việc xây dựng nhà hát trực tuyến trên mạng xã hội và truyền hình không chỉ là giải pháp tình thế khi sân khấu trực tiếp đóng băng, mà là xu thế phát triển của nghệ thuật biểu diễn trong thời đại hiện nay” và “Nhà hát truyền hình, nhà hát online sẽ không loại trừ nhà hát truyền thống. Hai hình thức này sẽ tồn tại song song, phục vụ đồng thời cả hai đối tượng: Khán giả trực tiếp đến sân khấu và khán giả qua các phương tiện thông tin truyền thông”<sup>1</sup>.

---

1. Phương Lan. Nhà hát online: Xu thế phát triển tất yếu của nghệ thuật biểu diễn. Báo Tin tức Online, ngày 29/7/2021, <https://baotintuc.vn/van-hoa/nha-hat-online-xu-the-phat-trien-tat-yeu-cua-nghe-thuat-bieu-dien-20210729092054306.htm>.

Không chỉ có những đổi thay căn bản trong thưởng thức văn hóa của công chúng, mà văn hóa khi kết hợp với kỹ thuật số đã mang tới sự biến đổi sâu sắc cả trong *phương thức công bố tác phẩm của các tác giả*. Hiện nay, các tác giả có thể công bố tác phẩm của mình mà không cần tới báo chí, truyền hình hay nhà hát, bằng cách đăng tải trực tuyến trên các nền tảng số hóa, nhất là các mạng xã hội như YouTube, Facebook, Tik Tok, Instagram. Nhiều nghệ sĩ và nhân vật nổi tiếng của ngành giải trí có thể tạo được thu nhập cao từ việc công bố tác phẩm của mình trên các nền tảng số này. Ví dụ, năm 2021, Forbes công bố danh sách của 10 YouTube có thu nhập cao nhất, thì quán quân là một nhân vật 23 tuổi, thu nhập 54 triệu USD từ những video có tổng cộng 10 tỉ lượt xem; Người thứ hai thu nhập 45 triệu USD, còn người thứ ba - 38 triệu USD<sup>1</sup>. Còn tại Việt Nam, theo công bố của mới đây từ Google, tài khoản Độ Mixi đang dẫn đầu top 10 nhà sáng tạo YouTube tại Việt Nam, với 4,45 triệu người theo dõi, có thu nhập 3,35-53 tỷ đồng/năm. Xếp thứ 2 là kênh Trấn Thành Town, thu nhập ước đạt từ 1,6-25,3 tỷ đồng/năm. Còn kênh Hậu Hoàng với loạt video nhạc chế được đánh giá có thể mang về thu nhập tương đương 1,44-23 tỷ đồng/năm...<sup>2</sup>.

### **1.2. Ứng dụng công nghệ 3D**

*Sân khấu 3D* là cụm từ dần trở nên phổ biến ở thị trường tổ chức sự kiện và nghệ thuật biểu diễn tại Việt Nam. Hầu như các sự kiện lớn và hoành tráng đều sử dụng loại sân khấu này. Hiểu một cách đơn giản, sân khấu 3D là sự pha trộn giữa hình ảnh thật và hình ảnh ảo, kết hợp một số cảnh thật với không gian xung quanh bằng công nghệ trình chiếu hình ảnh, ánh sáng dựa trên kỹ thuật số, tạo nên hiệu ứng lung linh, biến chuyển nhịp nhàng theo giai điệu, giúp chương trình có thể biến đổi sắc màu, thu hút và ảo diệu... Sự ứng dụng công nghệ này làm thay đổi gần như hoàn toàn cách dàn dựng, bài

---

1. Forbes công bố danh sách của 10 YouTube có thu nhập cao nhất năm 2021, với ba cái tên dẫn đầu là MrBeast, Jake Logan và Markiplier. Trang tin điện tử Forbes Việt Nam, <https://forbes.vn/nhung-youtuber-co-thu-nhap-cao-nhat-nam-2021>.

2. Ai là youtube kiếm tiền nhiều nhất ở Việt Nam. VietnamNet, ngày 29/01/2021. <https://vietnamnet.vn/ai-la-youtuber-kiem-tien-nhieu-nhat-o-viet-nam-709228.html>.



trí sân khấu trước đây, hiện thực hóa được những ý tưởng nghệ thuật táo bạo và mang đến cho công chúng cảm nhận mới mẻ. Nó vừa giúp các nhà thiết kế tiết kiệm thời gian, vừa mang lại hiệu quả biểu diễn cao, khiến khán giả chìm đắm trong một khung cảnh như thật nhờ những hiệu ứng hình ảnh, ánh sáng phát ra chỉ từ một chiếc máy chiếu.

Nếu như khoảng 30 năm trước, hầu hết khung cảnh trên sân khấu đều được dựng một cách thủ công bằng bìa hoặc xốp, thì với công nghệ trình chiếu 3D hiện nay, các thiết kế sân khấu và đạo cụ được tạo ra quá dễ dàng. Cùng với đó, việc sử dụng màn hình LED khổ lớn, kỹ thuật trình chiếu âm thanh, ánh sáng số đã mang lại hiệu ứng ấn tượng cho các buổi biểu diễn. Cộng thêm sự diễn xuất của diễn viên ăn khớp với những tình huống xuất hiện trên màn hình, tạo ra sự hấp dẫn và ấn tượng cao. Ví dụ, chương trình Ionah show Hanoi sử dụng công nghệ âm thanh, ánh sáng hiện đại, đã mang lại hiệu quả thẩm mỹ khá sâu đậm cho khán giả bằng những biểu cảm của diễn viên ở mỗi trường đoạn, phối hợp nhuần nhuyễn, ăn ý với cảnh thiết kế điện tử. Hoặc gần đây, vở kịch múa Mỹ của Đoàn ca múa nhạc Việt Bắc với trang trí giàu tính ước lệ, nhưng tạo ấn tượng bằng việc khai thác những chi tiết mang tính biểu tượng cao, phối hợp với màn hình LED, kết hợp ánh sáng, âm nhạc và các động tác múa điêu luyện khiến mỗi cảnh diễn như bức tranh sống động, tràn đầy cảm xúc.

Chính vì vậy, những năm gần đây, sân khấu 3D trở thành sự lựa chọn ưu tiên của rất nhiều đơn vị tổ chức sự kiện, hội nghị. Nhiều nhà hát cải lương phía Bắc, dù chưa có thiết kế sân khấu 3D, nhưng cũng đã chú trọng việc kết hợp hình ảnh, ánh sáng phụ trợ cho nghệ sĩ trong quá trình biểu diễn, từng bước đáp ứng nhu cầu nghe - nhìn đa dạng của công chúng. Tiêu biểu có thể kể đến những vở được đầu tư lớn như Hùng đông, Mai Hắc Đế,... của Nhà hát Cải lương Việt Nam. Nhờ ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới mà vở diễn thể hiện được những cảnh diễn mà trước đây phải đẩy vào hậu trường bởi không đủ không gian để diễn tả trên sân khấu chính. Nhà hát Cải lương Hà Nội cũng từng thực hiện thành công dự án không làm ngắt quãng thời gian cảm thụ của khán giả khi thay cảnh, bằng cách để diễn viên thể hiện vở diễn liền mạch với sự hỗ trợ của màn hình LED như một phong sân khấu động.

## 2. Sáng tạo nghệ thuật bằng công nghệ hiện đại

Trước đây, khi nhắc đến các tác phẩm nghệ thuật, chúng ta đều nghĩ đến những người nghệ sĩ tài hoa, vừa có kiến thức vừa có năng khiếu nghệ thuật xuất chúng. Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, quá trình sáng tạo nghệ thuật đã nhận được sự hỗ trợ đắc lực và hiệu quả, tạo được những tác phẩm ấn tượng và độc đáo, mà nhiều khi tác giả không hẳn đã là các nghệ sĩ tài hoa.

Một số công nghệ thường được ứng dụng trong sáng tạo nghệ thuật hiện đại là:

### 2.1. Ứng dụng công nghệ 3D

Không chỉ được ứng dụng trong thiết kế sân khấu như nêu trên, công nghệ 3D còn được ứng dụng rộng rãi trong nhiều bộ môn nghệ thuật khác:

*Phim 3D* hiện nay đã quá quen thuộc với khán giả. Với loại phim này, khi đeo kính thực tế ảo xem hình ảnh (ví dụ) môi trường biển, người dùng có thể thấy mình đang đứng trên một bãi biển với hàng dừa trải dài tít tắp, đổ bóng xuống nền cát trắng mịn; thấy mặt biển gợn sóng cùng những cánh chim hải âu chao lượn và lao vút xuống mặt nước. Nếu như trước đây, chiếu phim nổi phải chạy hai máy chiếu thì hiện nay chỉ cần một máy chiếu kỹ thuật số với phiên bản 3D. Không chỉ là phim ngắn như trước đây, ngày nay, không chỉ phim truyện, mà nhiều phim tài liệu trên thế giới cũng được sản xuất theo công nghệ 3D.

Tại Việt Nam, mấy năm gần đây, sinh viên Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội cũng đã có cơ hội làm quen với máy quay 3D và được các nhà làm phim nước ngoài giới thiệu cách thức làm phim này. Nhưng giới làm phim - những người đang trực tiếp tác nghiệp trên phim trường - lại chưa quan tâm tới công nghệ mới này, do điều kiện của Việt Nam hiện nay không đáp ứng được công nghệ phim 3D. Ngay đến việc ứng dụng kỹ xảo 3D trong các phim 2D cũng là bài toán nan giải đối với những người làm phim vì thiếu kinh phí.

*Nghệ thuật vẽ tranh 3D* mới mẻ và ấn tượng, thực ra đã xuất hiện từ thế kỷ XV, gắn với tên tuổi hai họa sĩ người Italia là Andrea Mantegna và Melozzo

da Forli, khi họ vẽ những bức tranh gây hiệu ứng ảo giác về không gian trên trần nhà. Thể loại tranh này còn được gọi với cái tên Trick Art (Nghệ thuật đánh lừa) hay Trick of the eye (Đánh lừa thị giác). Hiện nay, tranh 3D thịnh hành tại khắp các quốc gia trên thế giới, không chỉ bởi ưu thế nghệ thuật vượt trội, mà còn vì những cảm xúc mới lạ mà nó tạo ra. Những đề tài mà tranh 3D chọn luôn gắn với sự tưởng tượng phong phú, tính phiêu lưu mạo hiểm, thế giới viễn tưởng, những nhân vật hoạt hình... nên luôn tạo ra sự hào hứng và được đón chờ, nhất là với giới trẻ.

Tại Việt Nam, rất nhiều phòng tranh/bảo tàng nghệ thuật 3D đang là điểm thu hút khách. Ví dụ, Artinus 3D Art Gallery là bảo tàng mỹ thuật vật thể 3 chiều và 3D painting xuất hiện đầu tiên tại Việt Nam, nơi khách tham quan được đắm chìm vào thế giới ảo giác như hội họa, lập thể, nội thất... với các cung bậc cảm xúc đa dạng: lúc bất ngờ, lúc sợ hãi, lúc kinh ngạc... không thua kém các bảo tàng tranh 3D nổi tiếng trên thế giới. Ở Hà Nội thì 3D Art Town là nơi quy tụ hơn 50 bức tranh 3D khổng lồ được thực hiện bởi sự hợp tác và sáng tạo của các nghệ sĩ Bỉ và Việt Nam, tạo nên một thế giới tuyệt đẹp cho các bạn trẻ cũng như các gia đình đến vui chơi giải trí và có chụp những bức ảnh selfie ấn tượng khi đi xuyên tường, tương tác cùng những con vật ngộ nghĩnh, đối mặt với quái vật khổng lồ, hay đặt chân đến những vùng đất bị lãng quên... Ngoài ra còn rất nhiều bảo tàng tranh 3D tại các tỉnh/thành phố khác.

*Công nghệ in 3D* hiện nay đang được ứng dụng vào rất nhiều lĩnh vực. Đây là quá trình tạo ra một vật thể vật lý bằng việc in từng lớp vật liệu xếp chồng lên nhau theo mẫu từ bản thiết kế 3D. Vật liệu sử dụng cho công nghệ này bao gồm nhiều loại như chất dẻo, nhôm, thép không gỉ, gốm, thậm chí cả các hợp kim titan tiến. Máy in 3D cho phép in từ đồ chơi đơn giản đến những tòa nhà hay những vật thể đồ sộ, tinh vi mà không cần đến những thiết bị quá phức tạp.

Ứng dụng trong nghệ thuật điêu khắc, công nghệ in 3D không chỉ giúp người dùng tiết kiệm thời gian và chi phí sản xuất, mà còn nâng cao chất lượng sản phẩm, vì nó giúp cho những bức hình trở nên tinh tế, sống động. Ví dụ, in 3D mô hình tượng nghệ thuật ngày càng phổ biến, và lần đầu tiên trong lịch sử, công nghệ này được ứng dụng để tạo ra mô hình bán thân của tổng thống Mỹ Barack Obama với những chi tiết có độ chính xác cao. Có thể nói, công

nghệ in 3D cho phép các nghệ sĩ in ra những tác phẩm nghệ thuật độc đáo, kỳ vĩ và rất phức tạp trong tạo hình, kết cấu; giúp họ có thêm không gian để phát huy trí tưởng tượng, hiện thực hóa những cái vô hình, sáng tạo ra những tác phẩm mới lạ. Thậm chí những bản vẽ 2D cũng có thể chuyển thành hình ảnh 3D bằng việc kết hợp giữa những kỹ năng tự in ấn 3D và mô hình hóa kỹ thuật số, cùng với những ý tưởng sáng tạo. Đây là tiền đề giúp tạo ra những vật thể vật lý bằng chính những khái niệm mà trước đây chỉ giới hạn trong phạm vi thiết kế phẳng.

Trong *ngành thời trang*, các công ty và nhà thiết kế thời trang đã bắt đầu khám phá in 3D trong vài năm qua, điển hình là Adidas và Iris van Herpen. Còn nhà thiết kế Zac Posen đã làm kinh ngạc thế giới với trang phục couture in 3D tuyệt đẹp của mình tại Met Gala năm 2019. Trước đó, Triển lãm Manus x Machina tại Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, New York năm 2016 đã giới thiệu một vài kiệt tác như các bộ suit của Chanel được in bằng kỹ thuật 3D, và chỉ ra sự khác biệt giữa hàng may mặc thủ công và hàng may mặc kỹ thuật mới này. Nhiều người đã xem đây là bước ngoặt, mở ra giải pháp cho các ngành công nghiệp dệt may vốn dĩ đang đối mặt với những vấn đề liên quan đến môi trường. Hơn thế, in 3D có độ linh hoạt cao trong sản xuất, vì nó cho phép cập nhật mẫu rất nhanh, chỉ bằng cách thay đổi những thông số trên file thiết kế điện tử; Công nghệ này còn giúp tránh rủi ro tồn đọng hàng, vốn là điều khó tránh khỏi nếu sử dụng phương thức sản xuất truyền thống. Tuy nhiên, việc áp dụng công nghệ này ở quy mô đại trà vẫn là một sự thách thức, bởi lẽ nó đòi hỏi khá nhiều kỹ thuật tân tiến và phức tạp.

## ***2.2. Ứng dụng công nghệ thực tế ảo***

Ngày càng nhiều các hoạt động văn hóa, giải trí, du lịch... được tổ chức với sự ứng dụng công nghệ thực tế ảo/thực tế ảo tăng cường, mang đến những trải nghiệm thưởng thức mới mẻ cho công chúng.

Những năm gần đây, lễ hội ánh sáng *Countdown Lights* tại phố đi bộ Nguyễn Huệ đã trở thành sự kiện đón năm mới không thể thiếu của người dân Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2021, vì dịch bệnh nên lễ hội thay đổi hình thức tổ chức, *Virtual Countdown Lights* với một diện mạo mới khi kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống với công nghệ thực tế ảo mở rộng (XR - Extended Reality), thu hút hơn 900.000 lượt xem trực tuyến đêm 31/12/2021

và khoảng 2,5 triệu lượt tương tác trên các nền tảng số. Năm 2022, lễ hội *Virtual Countdown Lights* là phiên bản nâng cấp của XR, đưa khán giả khám phá “vũ trụ ảo” với 3 sân khấu, mở ra xu hướng “metaverse concert” (Lễ hội “vượt khỏi vũ trụ”) tại Việt Nam.

Những buổi hòa nhạc giờ đây không chỉ diễn ra tại các nhà hát mà hoàn toàn có thể được thực hiện nhờ công nghệ thực tế ảo. Ví như *Buổi hòa nhạc ảo* trên Roblox (nền tảng trò chơi trực tuyến) của rapper (nghệ sĩ đọc rap) Lil Nas X thu hút 33 triệu lượt xem; Concert Online BTS ứng dụng công nghệ AR/XR (năm 2020) thu hút gần 1 triệu người xem từ 191 quốc gia, vùng lãnh thổ và 2,7 triệu người xem cùng lúc (trực tuyến năm 2021), mang về thu nhập hàng chục triệu USD.

Không chỉ với nghệ thuật nghe nhìn, mà cả những hoạt động cần sự gặp mặt và tương tác trực tiếp, giờ đây cũng có thể được tổ chức trên không gian ảo: *Ngày hội văn hóa đọc* diễn ra từ ngày 27/12/2021, do Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, lần đầu tiên được thực hiện bằng công nghệ thực tế ảo tại Việt Nam. Theo đó, chỉ cần quét mã QR, bất kỳ ai ở đâu và lúc nào cũng có thể tham gia, tiếp cận dễ dàng những nội dung, tài liệu quý, khám phá nhiều không gian văn hóa... cũng như trải nghiệm những tiện ích thú vị trên nền tảng thực tế ảo. Theo ban tổ chức, sự kết hợp giữa thực tế và không gian ảo đã giúp kết nối hiệu quả những người yêu sách, người ham thích đọc, cũng như lan tỏa văn hóa đọc đến mọi người.

Cùng với đó, *triển lãm thực tế ảo (VR)* đang là một xu hướng được ứng dụng mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực, trong đó có nghệ thuật, với ngày càng nhiều tính năng đa dạng, sinh động nhằm chinh phục khán giả nhiều lứa tuổi. Hiện đã có rất nhiều triển lãm tranh kết hợp công nghệ thực tế ảo đã diễn ra trong thời gian gần đây tại Việt Nam: Triển lãm 0 thiết yếu được khởi xướng bởi họa sĩ Phan Thanh Nam và nhóm Việt Sử kiêu hùng. Trên nền tảng hợp mặt thực tế ảo Seensio (do một đơn vị tại Việt Nam phát triển) là không gian sự kiện dưới định dạng 3D với 3 khu vực, trưng bày khoảng 80 bức tranh. Nền tảng số này cho phép người tham dự tạo nhân vật 3D đại diện của mình, tương tự hình ảnh đời thực từ dung mạo đến phong cách. Giống như các trò chơi điện tử nhập vai, người tham dự có thể tự do di chuyển để xem tranh, mời bạn bè tham gia, trò chuyện tương tác với nhau và với tác giả các bức tranh. Hình thức này giúp khơi gợi hứng thú của người xem và

tạo điều kiện cho bạn bè, người thân có thể “gặp nhau” theo một cách mới mẻ, thú vị trong thế giới ảo.

Hoặc triển lãm Xon Xao tại Thành phố Hồ Chí Minh là triển lãm thiết kế đồ họa kết hợp công nghệ thực tế ảo tăng cường, giúp khách tham quan không chỉ thưởng thức tranh ở dạng tĩnh mà còn cảm nhận được sự chuyển động và tương tác cùng tác phẩm khi quét điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng đã cài ứng dụng XonXao; Ngoài ra còn có triển lãm Lời thiên thu gọi giới thiệu 32 bức tranh về nhạc sĩ Trịnh Công Sơn qua nét vẽ của họa sĩ Lê Sa Long... Và còn nhiều triển lãm khác sử dụng công nghệ thực tế ảo tương tự.

*Trong hội họa, công nghệ thực tế ảo được mô tả với hình tượng “Họa sĩ vừa đeo kính VR vừa vẽ tranh”.* Đây là cụm từ miêu tả họa sĩ người Mỹ Gabriel Gault thể hiện tài năng hội họa của mình trong metaverse (vũ trụ ảo). Thông qua các video vẽ trong vũ trụ ảo của anh trên TikTok, người xem thấy người họa sĩ tài ba này sử dụng kính thực tế ảo Oculus của Meta để truy nhập vào metaverse và vẽ trong đó bằng hai thiết bị điều khiển cầm ở hai tay. Anh đã vẽ hàng chục tác phẩm nghệ thuật, từ chân dung nhân vật nổi tiếng đến các bức họa graffiti.

Không chỉ vậy, công nghệ thực tế ảo cũng không còn lạ với các hoạt động của *ngành du lịch*. Những năm gần đây, tại Việt Nam, xu hướng này cũng mạnh mẽ xuất hiện, đặc biệt sau thời gian cách ly xã hội bởi đại dịch Covid-19, nó càng thể hiện tiềm năng phát triển trong tương lai. Du lịch thực tế ảo có thể được hiểu đơn giản rằng: khi di tích, thắng cảnh đã được số hóa trên môi trường 3D, người dùng chỉ cần đeo kính thực tế ảo và tai nghe, dù đang ở Hà Nội vẫn có thể len lỏi giữa bãi đá cổ Đồng Văn, leo lên cột cờ Lũng Cú, hay thưởng ngoạn những nhũ đá huyền ảo trong động Phong Nha. Thậm chí, du khách có thể tương tác gần như thực tế với thắng cảnh.

Hiện tại, du lịch thực tế ảo đã bước đầu được ứng dụng, ví dụ như Triển lãm thực tế ảo du lịch An Giang và Ngày hội du lịch trực tuyến Thành phố Hồ Chí Minh vừa qua. Các triển lãm du lịch này cho phép khách tham quan ghé thăm các gian hàng, mua sắm... trực tuyến từ xa thông qua công nghệ VR360. Hay như không gian ảo Tết Nguyên đán đã phục dựng các giá trị tết truyền thống trên nền tảng thực tế ảo, giúp những người ở xa quê được thấy lại không khí ngày tết cổ truyền và gặp gỡ người thân của mình trong thế giới ảo với những cảm xúc chân thực.

Xu hướng sáng tạo thực tế ảo này đang dần trở thành không gian số thiết yếu cho các sự kiện văn hóa, du lịch với những ưu điểm: khả năng tiếp cận số đông người dùng trên toàn thế giới mà không bị giới hạn về không gian và thời gian; tiết kiệm chi phí, xây dựng một lần và trải nghiệm mãi mãi; khả năng bảo tồn các giá trị văn hóa, nghệ thuật khi các nội dung được chuyển đổi số và lưu trữ đám mây.

### ***2.3. Sáng tạo bằng công nghệ AI (trí tuệ nhân tạo)***

Vượt trên cả những sáng tạo nghệ thuật bằng trí tuệ của con người, ngày nay, sự kết hợp nghệ thuật và công nghệ đã đạt tới bước phát triển đỉnh cao - sáng tạo bằng trí tuệ không phải của con người, mà là trí tuệ nhân tạo (AI: Artificial Intelligence).

Trên thực tế, AI đã được ứng dụng vào hội họa từ khá lâu, tuy nhiên, chỉ mới đây nó mới dần trở thành xu thế được người dùng khắp nơi trên thế giới biết đến và trải nghiệm. Một phần xuất phát từ cuộc tranh cãi nảy lửa khi một bức vẽ bằng AI đoạt giải cao nhất trong một cuộc thi nghệ thuật. Đến nay, tranh vẽ bằng AI đã trở thành một xu hướng phổ biến trong cộng đồng người dùng internet, đặc biệt là giới trẻ, và cho ra những tác phẩm ấn tượng không thua gì đôi tay tài hoa của các họa sĩ.

Xu hướng này đang dần tạo nên một nghệ thuật mới - nghệ thuật AI. Đây là hình thức sáng tạo hình ảnh dựa trên các miêu tả (càng chi tiết càng tốt) từ người sử dụng. Ví dụ, khi người sử dụng miêu tả tỉ mỉ về một bức tranh anh ta muốn có, AI sẽ xử lý các thông tin được đặt ra và vẽ nên hình ảnh đó trong vài giây. Kết quả đôi khi sẽ khiến người dùng phải bất ngờ vì nó còn hơn cả mong đợi. Những thuật toán AI cho thấy khả năng đáng kinh ngạc nằm ngoài sức tưởng tượng của con người.

Đáp ứng xu hướng đó, những bộ công cụ vẽ tranh AI như DALL-E 2, Midjourney và Stable Diffusion đang bùng nổ trên Internet và trở nên phổ biến một cách nhanh chóng. Ví dụ, DALL-E 2 có hơn 1,5 triệu người dùng, tạo ra hơn hai triệu hình ảnh mỗi ngày, trong khi máy chủ Discord chính thức của Midjourney có hơn 3 triệu thành viên. Không ít họa sĩ, nhà thiết kế đã sử dụng trí tuệ nhân tạo để thiết kế đồ họa hoặc tạo ra sản phẩm “nháp”, giúp họ tiết kiệm được một khoảng thời gian và công sức đáng kể trong công việc. Nhà điêu khắc người Mỹ Benjamin Von Wong thậm chí đánh giá DALL-E là

“món quà trời cho”. Tuy vậy, sự bùng nổ của công nghệ này đã gây ra một cơn “địa chấn” trong giới sáng tạo, đặc biệt là với nhà thiết kế đồ họa và họa sĩ tự do, khi họ lo sợ rằng AI sẽ thay thế các họa sĩ.

\*

\* \*

Có thể thấy, hiện nay văn hóa hoàn toàn không tách rời, mà gắn bó chặt chẽ, kết hợp nhuần nhuyễn và hài hòa với khoa học - công nghệ, tạo nên một bước tiến mới với những thành tựu rất đáng ghi nhận, cùng những tác phẩm ấn tượng, vượt xa cả trí tưởng tượng.

Điều này là minh chứng rõ nét và hùng hồn về ý nghĩa và giá trị vượt thời gian của Đề cương về văn hóa năm 1943, khi Đề cương định hướng rằng tính khoa học là một tiêu chí của sự phát triển văn hóa Việt Nam.



## GIÁ TRỊ CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” TRONG CÔNG TÁC VĂN HÓA ĐỐI NGOẠI, PHÁT HUY SỨC MẠNH MỀM QUỐC GIA

TS. NGUYỄN PHƯƠNG HÒA\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 - Cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa là một văn kiện có giá trị lịch sử, đề ra thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, phương pháp luận duy vật biện chứng, trở thành ngọn đuốc soi đường, thức tỉnh, khơi dậy tinh thần yêu nước, quy tụ, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giới trí thức, văn nghệ sĩ, những người hoạt động văn hóa yêu nước Việt Nam, đóng góp vào quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam mới và thành công của cách mạng Việt Nam. Đề cương đã đặt nền móng về lý luận cho nhiều vấn đề quan trọng của văn hóa Việt Nam như: chức năng, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của xã hội, quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị,... Sau 80 năm lịch sử, nhiều nội dung, quan điểm, nguyên tắc của Đề cương văn hóa Việt Nam, đặc biệt là ba nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa Việt Nam là “*dân tộc hóa*”, “*đại chúng hóa*” và “*khoa học hóa*” vẫn còn nguyên giá trị, trở thành “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt các văn kiện của Đảng về văn hóa, nghệ thuật, định hướng xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam “*tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”, đáp ứng các yêu cầu phát triển đất nước bền vững. Những nguyên tắc này hết sức ý nghĩa trong công tác văn hóa đối ngoại của Việt Nam, phát huy sức mạnh mềm quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa.

---

\* Cục trưởng Cục Hợp tác quốc tế.

### **1. Dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa - phát huy sức mạnh mềm văn hóa dân tộc trong tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế**

Trong thế giới toàn cầu hóa, việc mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế là một yêu cầu và xu thế tất yếu để phát triển. Trong quá trình đó, vai trò của văn hóa ngày càng được coi trọng. Thông qua văn hóa, việc thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ được thực hiện nhằm đạt mục tiêu đối nội và đối ngoại cụ thể, trước hết là các lợi ích cơ bản của quốc gia là phát triển, củng cố an ninh, mở rộng ảnh hưởng và nâng cao vị thế quốc tế, khẳng định sức mạnh mềm quốc gia trên trường quốc tế. Vì lẽ đó, văn hóa trở thành một bộ phận cấu thành không thể thiếu, nếu không nói là tiên phong, tạo niềm tin, thiết lập và mở rộng quan hệ. Trong nhiều trường hợp, văn hóa có thể đi trước tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ chính trị và quan hệ kinh tế, thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực khác của mỗi quốc gia.

Trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế, hơn bao giờ hết, cần thấm nhuần nguyên tắc *dân tộc hóa*. Những nét truyền thống, đặc sắc của nền văn hóa nghệ thuật dân tộc là các yếu tố dệt nên bản sắc, là điều khiến cho mỗi con người biết mình là ai, đến từ đâu, gắn kết và thuộc về cộng đồng nào. Bản sắc dân tộc chính là căn cước của nền văn hóa quốc gia, thấm đẫm trong nội dung và hình thức thể hiện, xác lập một vị thế riêng không bị trộn lẫn, hòa tan trong thế giới phẳng toàn cầu. Làm nên "*bản sắc dân tộc*" Việt Nam đó chính là "những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước"<sup>1</sup>. Tinh thần của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đặt nhiệm vụ xây dựng một nền văn hóa phát triển độc lập, chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa. Tư tưởng ấy vẫn còn giá trị đến ngày nay. Trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế, đặc biệt với tốc độ phát triển như vũ bão của công nghệ số và internet, những nguy cơ xâm nhập ngoại lai của văn hóa phẩm có nội dung không lành mạnh, xâm lăng văn hóa từ các nền công nghiệp phát triển ngày càng hiện hữu. Chỉ khi một cơ thể khỏe mạnh mới có sức đề kháng với virus từ bên ngoài. Để phát triển nền văn hóa dân tộc cần

---

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy tự do sáng tạo, nuôi dưỡng tài năng. Nhà nước cần hoàn thiện thể chế, tăng cường đầu tư cho văn hóa, có các chế độ đãi ngộ cho văn nghệ sĩ, bảo vệ bản quyền, đẩy mạnh giáo dục nghệ thuật trong thế hệ trẻ, từng bước xây dựng khán giả và đội ngũ sáng tạo trong tương lai.

*Đại chúng hóa* là xây dựng một nền văn hóa vì nhân dân, của nhân dân, để tất cả mọi tầng lớp nhân dân có thể tham gia hưởng thụ và sáng tạo nghệ thuật, góp phần hình thành nên các giá trị văn hóa mới. Văn hóa nghệ thuật không phải chỉ thuộc về tầng lớp tinh hoa, trí thức, mà phải gần gũi với đông đảo quần chúng, phục vụ quần chúng. Đây là tư tưởng hết sức tiến bộ, đi trước thời đại mà bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã đề ra, xuất phát từ nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác “nghệ thuật vì nhân sinh”. Chính sách văn hóa của Pháp tại thuộc địa là truyền bá văn hóa ngu dân, đàn áp các nhà văn hóa cách mạng dân chủ chống phát xít, đồng thời sử dụng những thủ đoạn mị dân, tuyên truyền chủ nghĩa đầu hàng, chủ nghĩa ái quốc hẹp hòi... Phải đến thập niên 60 của thế kỷ XX, Pháp - nơi nơi được coi là cha đẻ của chính sách văn hóa công và là nước đầu tiên thể chế hóa, thành lập Bộ Văn hóa (1959) đã tiến hành quá trình “dân chủ hóa văn hóa”. Tuy nhiên, tiến trình này được cho là vẫn mang quan điểm thực dân khi đem “văn hóa” đến với quần chúng theo cách tạo điều kiện cho đại chúng được tiếp cận với văn hóa của tầng lớp tinh hoa. “Đại chúng hóa” hay “dân chủ văn hóa” phải được hiểu là quyền văn hóa của người dân được tham gia vào đời sống văn hóa. Đây cũng là giá trị được khẳng định tại *Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền* của Liên hợp quốc năm 1948: “Ai cũng có quyền tự do tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, thưởng ngoạn nghệ thuật, được hưởng các tiến bộ khoa học và lợi ích của những tiến bộ ấy”. Ngày nay, những giá trị phổ quát này tiếp tục được Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định “Mọi người có quyền... sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó” (Điều 40); “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa” (Điều 41).

*Khoa học hóa* theo *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ, chống lại những xu hướng lập dị, thần bí, duy tâm, mê tín, dị đoan... Nguyên tắc này tiếp tục

được Đảng cụ thể hóa ở tính “tiên tiến” của nền văn hóa cách mạng Việt Nam được đưa ra tại Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII: “Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung”. Ngày nay, với sự phát triển của khoa học công nghệ, nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, hiện đại cần ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng 4.0 vào quy trình sáng tạo, sản xuất, phân phối, trưng bày và hưởng thụ để tránh nguy cơ tụt hậu, đánh mất thị trường trong nước vào tay các nhà cung cấp sản phẩm dịch vụ văn hóa nước ngoài. Không những làm chủ thị trường nội địa, các nghệ sĩ, các nhà sáng tạo, sản xuất của Việt Nam cần tận dụng cơ hội tiếp cận thị trường các nước trên thế giới mà các nền tảng số đưa lại. Chuyển đổi số, văn hóa số sẽ trở thành những công cụ quan trọng góp phần phát triển văn hóa dân tộc trong thời đại số, khai thác giá trị kinh tế của văn hóa thông qua việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa tại Việt Nam, đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước, đồng thời lan tỏa sức mạnh mềm quốc gia trên trường quốc tế, làm cho người dân trên thế giới biết đến Việt Nam, yêu mến Việt Nam, ủng hộ các quyết định của Việt Nam và lựa chọn hàng hóa, dịch vụ, du lịch đến Việt Nam.

Thông qua văn hóa, những thông tin, hình ảnh, giá trị tiêu biểu, tích cực về đất nước, con người, bề dày lịch sử, truyền thống của quốc gia sẽ được lan tỏa, phổ biến, tạo được cảm xúc tốt đẹp, lòng tin đối với cộng đồng quốc tế. Văn hóa góp phần quan trọng tạo nên tính đặc trưng, khác biệt, ấn tượng, tạo sự thu hút, hấp dẫn, tính cạnh tranh, sức thuyết phục đối với thương hiệu quốc gia, tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng của Việt Nam, khẳng định vị thế, uy tín quốc gia trên trường quốc tế.

## **2. Các định hướng nhằm đẩy mạnh triển khai công tác văn hóa đối ngoại trong thời gian tới**

Trong những năm tới, tình hình khu vực và thế giới có nhiều thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức đan xen, đặt ra nhiều yêu cầu mới cao hơn, phức tạp hơn. Mặc dù các xung đột vũ trang và thách thức an ninh phi truyền

thống diễn biến khó lường, hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển nhanh, mang tính đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu.

Sau hơn 35 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện. Đời sống nhân dân được cải thiện cả về vật chất và tinh thần. *“Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”*<sup>1</sup>.

Văn hóa đối ngoại được thực hiện bởi mọi tầng lớp xã hội, trong đó Nhà nước đóng vai trò chỉ đạo, định hướng, hỗ trợ về cơ chế, chính sách và xây dựng thông điệp hình ảnh quốc gia nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, biến văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh quan trọng, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín trên trường quốc tế, bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Trong những năm qua, hoạt động văn hóa đối ngoại của Việt Nam cơ bản bám sát, phục vụ tốt chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, góp phần phát huy sức mạnh đối ngoại toàn diện của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác văn hóa đối ngoại của Việt Nam, thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, bền vững, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đóng góp quan trọng vào việc nâng cao vị thế, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, cần tập trung thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 10/9/2021 về việc đẩy mạnh triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam với các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

---

1. Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhân kỷ niệm 89 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2019), <https://vnexpress.net/tong-bi-thu-dat-nuoc-chua-bao-gio-co-duoc-co-do-nhu-ngay-nay-3877029.html>.

- *Thứ nhất*, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về văn hóa, đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, thể chế, chính sách phát triển ngành văn hóa theo hướng giải phóng sức sáng tạo, để “*văn hóa, sáng tạo trở thành động lực của sự phát triển bền vững*”; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa nói chung, văn hóa đối ngoại nói riêng, theo đó, “*văn hóa đối ngoại là một bộ phận quan trọng đặc biệt của nền văn hóa quốc gia, là sức mạnh mềm của dân tộc*”, có vai trò tích cực trong việc nâng cao vị thế của đất nước, con người và văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc hội nhập quốc tế của đất nước.

- *Thứ hai*, nâng mức đầu tư một cách hợp lý từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời khơi thông các nguồn lực xã hội, nguồn lực trong nước và nước ngoài cho phát triển văn hóa, tập trung phát triển “sức mạnh mềm” của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời gian tới, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa, hiệu quả cao hơn nữa, ghi dấu mốc mới trên con đường chấn hưng, phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới.

- *Thứ ba*, về tăng cường quảng bá hình ảnh quốc gia:

+ Chủ động hợp tác và quảng bá các giá trị văn hóa của Việt Nam ra thế giới, phát huy sức mạnh mềm văn hóa, góp phần quan trọng vào sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế, tạo dựng môi trường hoà bình, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo đảm sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường sự hiện diện của Việt Nam tại các sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch quốc tế quy mô, uy tín. Tham gia vào các sự kiện văn hóa lớn toàn cầu như EXPO, các Biennale nghệ thuật, Liên hoan phim quốc tế như Cannes, Berlin, Venice, Oscar..., các giải thể thao quốc tế uy tín...

+ Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc; hỗ trợ các địa phương có chung đường biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia tổ chức các chương trình giao lưu quảng bá, giới thiệu văn hóa địa phương với các nước bạn.

+ Xây dựng một số trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, trong đó ưu tiên các địa bàn trọng điểm: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Hoa Kỳ... Chú trọng truyền bá văn hóa Việt Nam, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, các chủ thể văn hóa Việt Nam và người nước ngoài ở Việt Nam. Phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước, trở thành cầu nối quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam.

+ Phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO ghi danh, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam. Đẩy mạnh triển khai Đề án tham gia mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO.

+ Chủ động tham gia, thể hiện vai trò tích cực tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế về văn hóa, cử người làm việc và ứng cử tại các cơ quan chuyên môn của các tổ chức này. Hình thành đội ngũ tham tán văn hóa, tùy viên văn hóa tại các cơ quan đại diện ngoại giao để làm tốt công tác ngoại giao văn hóa.

- *Thứ tư*, để công tác văn hóa đối ngoại đạt hiệu quả, cần có các chính sách, biện pháp nhằm phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa độc đáo; hình thành cơ chế phối hợp tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa; hình thành các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước, đạt tiêu chuẩn của các nước phát triển và tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ văn hóa toàn cầu.

- *Thứ năm*, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số: Thúc đẩy phát triển văn hóa số, chú trọng ứng dụng khoa học, công nghệ, thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0 vào việc quảng bá và tổ chức các hoạt động văn hóa đối ngoại để bắt kịp với xu thế phát triển của thế giới, minh chứng cho sự “tiên tiến”, tính “khoa học” của nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

- *Thứ sáu*, đẩy mạnh hợp tác đào tạo nhân lực quản lý, sáng tạo và sản xuất trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật tại nước ngoài, tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học về chính sách văn hóa, nghệ thuật với các tổ chức nghiên cứu khoa học nước ngoài; đẩy mạnh công bố quốc tế các công trình khoa học về văn hóa, nghệ thuật.

- *Thứ bảy*, về hợp tác liên ngành:

+ Công tác văn hóa đối ngoại cần sự đồng hành chặt chẽ của hệ thống các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài, sự ủng hộ của Bộ Ngoại giao cũng như sự song hành của công tác thông tin đối ngoại, với sự vào cuộc mạnh mẽ của các cơ quan truyền thông báo chí để lan tỏa những giá trị tốt đẹp của nền văn hóa Việt Nam ra thế giới. Trong hành trình quảng bá hình ảnh quốc gia, mỗi người trong chúng ta, các đại sứ, các cán bộ ngoại giao, từng người Việt Nam ở trong và ngoài nước đều là Đại sứ văn hóa của Việt Nam, đem nụ cười thân thiện, mến khách, lòng nhân ái, truyền thống nhân văn, nghĩa tình, gửi gắm đến bạn bè quốc tế thông điệp về một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, lấy con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và là mục tiêu của sự phát triển.

+ Các cơ quan, bộ, ngành, địa phương cần tập trung triển khai Chỉ thị số 25-CT/TTg ngày 10/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai Chiến lược Văn hóa Đối ngoại của Việt Nam, xây dựng các thương hiệu, sản phẩm văn hóa đối ngoại đặc sắc, là thế mạnh; bố trí nguồn lực để thực hiện kế hoạch quảng bá tại nước ngoài trên cơ sở cơ chế điều phối chung, vai trò nhạc trưởng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc triển khai công tác văn hóa đối ngoại từ Trung ương đến địa phương, nhằm huy động và sử dụng hiệu quả sức mạnh của các địa phương, doanh nghiệp trong công tác quảng bá hình ảnh quốc gia ở nước ngoài. Các bộ, ngành, địa phương dành quan tâm, hưởng ứng cử đoàn tham gia các sự kiện Tuần Văn hóa - Du lịch, Lễ hội Việt Nam tại nước ngoài, liên hoan văn hóa nghệ thuật quốc tế... đồng thời, tạo điều kiện đón các đoàn nghệ sĩ quốc tế đến biểu diễn, các đoàn làm phim nước ngoài, các đoàn báo chí truyền thông quốc tế đến tác nghiệp tại địa phương.

\*

\*       \*

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Phải làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi chủ trương, chính sách phát triển của Đảng, Nhà nước trên mọi lĩnh vực (chính trị, kinh tế, xã hội và bản thân chính sách văn hóa), qua đó,



khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc; phát huy cao độ những giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người Việt Nam, tạo nguồn lực nội sinh và động lực đột phá để thực hiện thành công mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025, 2030, tầm nhìn 2045 mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Trong sự nghiệp đó, với thế và lực mới, Việt Nam cần đẩy mạnh công tác văn hóa đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, bám sát các nguyên tắc Dân tộc - Đại chúng - Khoa học để phát huy sức mạnh mềm văn hóa, chinh phục thế giới bằng sự hấp dẫn của nền văn hóa Việt Nam đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc, đổi mới sáng tạo với các sản phẩm, dịch vụ văn hóa mới, đóng góp vào việc giải quyết những thách thức chung của toàn cầu và dệt nên bức tranh đa màu rực rỡ của các nền văn hóa thế giới như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn: *“phát triển hết cái hay, cái đẹp của dân tộc, tức là ta cũng đi tới chỗ nhân loại”, “Văn hóa thế giới sẽ phải chú ý đến văn hóa của mình, và văn hóa của mình sẽ chiếm được một địa vị ngang với các nền văn hóa thế giới”*<sup>1</sup>.

---

1. Hoài Thanh: *Có một nền văn hóa Việt Nam*, Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam, Hà Nội, 1946, tr.25. (Dẫn theo Phạm Lan Oanh: *Ý nghĩa và giá trị của Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 524, tr.3-8.

VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC DÂN TỘC HÓA,  
 ĐẠI CHÚNG HÓA, KHOA HỌC HÓA CỦA  
 “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943  
 VÀO VIỆC XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA  
 QUA QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN  
 PHONG TRÀO “TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG  
 ĐỜI SỐNG VĂN HÓA”

CỤC VĂN HÓA CƠ SỞ  
 BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 với nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa là định hướng cho mọi hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật. 80 năm qua, trải qua những giai đoạn khác nhau của lịch sử dân tộc, ba nguyên tắc ấy luôn được điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn cụ thể.

Tại thời điểm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, dân tộc hóa gắn liền với cuộc cách mạng giành độc lập cho đất nước; đại chúng hóa là làm cho văn hóa gần gũi với đông đảo quần chúng; khoa học hóa là đánh đổ mọi nhận thức sai lệch, làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Việc hiện thực hóa các nguyên tắc cũng theo dòng chảy lịch sử của dân tộc mà có sự điều chỉnh, bổ sung.

Năm 1947, để chuẩn bị cho những tư tưởng lớn về xây dựng nền văn hóa dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm “Đời sống mới” nhằm hướng dẫn cán bộ và nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa mới. Người đã chỉ ra bản chất của việc xây dựng đời sống mới chính là việc ứng xử một cách hài hòa, hợp lý mối quan hệ giữa cái cũ và cái mới, truyền thống và hiện đại như một

quy luật kế thừa văn hóa: “Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà *xấu*, thì phải bỏ... Cái gì cũ mà không *xấu*, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm... Cái gì *mới* mà *hay*, thì ta phải làm”<sup>1</sup>.

Kế thừa những thành tựu, kinh nghiệm, kết quả đạt được của phong trào “Đời sống mới”, vào những năm 1960, sáu gia đình ở thôn Ngọc Tỉnh, xã Ngọc Long (Hưng Yên) đã tự nguyện giao ước thi đua với nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Hạt giống 6 gia đình này gieo mầm nhanh chóng lan tỏa và Ngọc Long trở thành nơi khởi nguồn của phong trào xây dựng gia đình văn hóa trong cả nước. Đến năm 1990, làng Trang Liệt (Bắc Ninh) và làng Đông Cao (Thanh Hóa), dân làng cùng nhau thảo luận xây dựng Quy ước làng văn hóa và cùng nhau thực hiện. Năm 1992, Bộ Văn hóa, Thông tin và Thể thao tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả và công nhận việc xây dựng làng văn hóa là hợp lòng dân và nhân rộng mô hình ra cả nước, mở đầu cho cuộc vận động xây dựng làng văn hóa.

Về chủ trương đường lối của Đảng, từ bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 và trong suốt quá trình lãnh đạo, chỉ đạo đất nước, Đảng ta luôn quan tâm chăm lo đến phát triển văn hóa. Văn kiện Đại hội V của Đảng (1981) có nêu một nhiệm vụ cách mạng tư tưởng và văn hóa là đưa văn hóa thâm nhập vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân. Đặc biệt chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, bảo đảm nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường, mỗi đơn vị lực lượng vũ trang, mỗi cơ quan, trường học, bệnh viện, cửa hàng, mỗi xã, phường, ấp đều có đời sống văn hóa. Năm 1998, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, đã phát động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Ngày 21/4/2000, tại tỉnh Quảng Nam, đã tổ chức Lễ ra mắt và phát động triển khai Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trong cả nước. Đến Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, vấn đề xây dựng môi trường văn hóa được khẳng định sâu sắc và toàn diện hơn. Nghị quyết nhấn mạnh mục đích và quan điểm: Xây dựng môi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.112.

trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách... Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế<sup>1</sup>. Về nội dung xây dựng môi trường văn hóa: Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái. Đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội<sup>2</sup>. Cũng trong Nghị quyết này, Đảng ta đã xác định một số nhiệm vụ mới là xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và hoàn thiện thị trường văn hóa. Tiếp đó, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

Để phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ: “Có cơ chế, chính sách, giải pháp để xây dựng môi trường văn hóa thật sự trong sạch, lành mạnh, cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của nhân dân”<sup>3</sup>. Trong đó, vấn đề “xây dựng môi trường và đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, hội nhập quốc tế” được xác định là một trong ba đột phá chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030.

Đặc biệt, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhiều lần nhấn mạnh “văn hóa còn là dân tộc còn” và đề ra 6 nhiệm vụ và 4 nhóm giải pháp và quan điểm “Văn hóa phải được đặt

---

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.47-49, 51.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.144.

ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội” nhằm xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển văn hóa dân tộc.

Ngay từ đầu năm 2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phát động chủ đề công tác năm “Năm xây dựng môi trường văn hóa cơ sở và công tác tổ chức cán bộ”. Có thể nói, “xây dựng môi trường văn hóa” là vấn đề được toàn ngành văn hóa hết sức quan tâm, tập trung chỉ đạo xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo đảm mọi thành viên của cộng đồng được phát triển các năng lực sáng tạo. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố bồi đắp giá trị chân - thiện - mỹ. Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền, thông qua việc đổi mới tổ chức các hoạt động văn hóa cơ sở, cải thiện chất lượng hoạt động biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, nâng cao chất lượng hoạt động thể thao quần chúng, góp phần phát huy nhân tố con người; tăng cường, bảo vệ sức khỏe cá nhân, cộng đồng và xã hội; thu hút mọi tầng lớp nhân dân, tạo nên sự gắn kết hướng đến mục tiêu xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh... Đó chính là những nội hàm của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm sâu sắc hơn nội dung của phong trào qua các thời kỳ.

Có thể nói, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” là sợi dây đan kết các phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Đảng, Nhà nước luôn nhất quán quan điểm chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện và nâng cao chất lượng các phong trào: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và gắn với các phong trào khác: “Gắn kết và phát huy vai trò của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” với phát triển văn hóa nông thôn; xây dựng nông thôn mới; xây dựng nếp sống văn minh đô thị; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa việc xây dựng các thiết chế văn hóa và hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở; thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội trong giai đoạn mới”<sup>1</sup>. Quán triệt tinh thần đó, ngành văn hóa đã luôn nỗ lực để

---

1. Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 16/9/2011 “Phê duyệt chương trình thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020”.

nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa cơ sở, đây luôn là nhiệm vụ trọng tâm của ngành, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện hiệu quả ở các cấp Trung ương và địa phương. Đến nay, phong trào đã triển khai thực hiện trên phạm vi toàn quốc được 23 năm, đã thấm sâu vào mọi tầng lớp xã hội. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của người dân, đã huy động sức người, sức của, phát huy sức mạnh toàn dân tộc vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội chung của các địa phương.

Các gia đình văn hóa là hạt nhân nòng cốt, tích cực, gương mẫu chấp hành quy ước, hương ước cộng đồng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường, thực hiện nếp sống văn minh nơi công cộng... Các gia đình văn hóa tiêu biểu, điển hình, mẫu mực là những gia đình lao động sản xuất, làm kinh tế giỏi, chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tương thân tương ái ở cộng đồng dân cư... nhiều gia đình văn hóa có thành tích xuất sắc trong công tác, lao động và học tập đã được biểu dương khen thưởng kịp thời qua các năm.

Chất lượng các làng, bản văn hóa ngày càng được nâng cao, góp phần tích cực và quan trọng trong việc xây dựng nông thôn mới, cũng như phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh. Tại các làng, thôn, bản văn hóa, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân đã được cải thiện đáng kể, mức sống của nhân dân được nâng cao, an ninh trật tự được bảo đảm, tình làng nghĩa xóm được thắt chặt, môi trường cảnh quan sạch đẹp.

Các tiêu chí xây dựng bản, tổ dân phố văn hóa được nhân dân đón nhận và cụ thể hóa trong quy ước, hương ước của địa phương. Phong trào đã và đang đem lại những chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng: hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố, các tổ chức chi bộ, chính quyền, đoàn thể hoạt động có hiệu quả; kỷ cương phép nước được giữ vững, dân chủ được mở rộng, tình làng nghĩa xóm được vun đắp, tệ nạn xã hội dần được đẩy lùi.

Thực hiện xây dựng phong trào chính là góp phần xây dựng môi trường văn hóa, vấn đề này được các cấp ủy đảng, chính quyền vào cuộc quyết liệt với nhiều cơ chế, chính sách mới được ban hành, huy động được sự tham gia, hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo nhân dân, nhờ đó môi trường văn hóa ở

mỗi khu phố, làng bản, thôn ấp hay trong không gian của mỗi gia đình, nhà trường, cơ quan, đơn vị có những chuyển biến tích cực.

Các phong trào thi đua xây dựng môi trường văn hóa được triển khai rộng khắp trên cả nước, đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung. Nhiều phong trào như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; “Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Thi đua thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang”; “Phong trào xây dựng làng văn hóa, khu phố, ấp văn hóa, gia đình văn hóa”... đã tạo những chuyển biến tích cực trong các cơ quan, đơn vị, trường học, công ty, xí nghiệp, khu dân cư,...

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã thực sự trở thành cuộc vận động văn hóa lớn, nhận được sự hưởng ứng và tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân, là sợi dây gắn kết các phong trào thi đua, các cuộc vận động trên toàn quốc. Những thành quả từ các phong trào này đã góp phần kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc, huy động sức mạnh của cộng đồng, đoàn kết trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, xây dựng cơ quan, đơn vị, trường học, khu dân cư thành những môi trường văn minh, hiện đại.

Trong thực tế triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, nhiều bộ, ngành, địa phương đã có những cách làm hay, thiết thực, hiệu quả. Phong trào xây dựng văn hóa công sở, văn hóa công vụ cũng đã được các cơ quan nhà nước triển khai, góp phần tích cực vào công cuộc cải cách hành chính, nâng cao tính kỷ cương, minh bạch, trách nhiệm của nền hành chính công vụ cũng như đạo đức công vụ của mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Trong các công ty, xí nghiệp, môi trường lao động, sản xuất, môi trường kinh doanh cũng được quan tâm cải thiện. Việc thực hiện xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, phát huy trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, vì sự phát triển doanh nghiệp hiệu quả, bền vững.

Xét theo không gian, từ đô thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, mặc dù hiệu quả triển khai xây dựng môi trường văn hóa của các địa phương không hoàn toàn đồng nhất nhưng không thể phủ nhận rằng các phong trào

xây dựng gia đình văn hóa, cơ quan, đơn vị, trường học văn hóa, khu dân cư văn hóa,... đã làm thay đổi từ những yếu tố bên ngoài như diện mạo cảnh quan, hệ thống thiết chế văn hóa đến các hoạt động văn hóa, các giá trị ngầm ẩn bên trong. Tiêu biểu là phong trào xây dựng nông thôn mới. Chương trình xây dựng nông thôn mới không chỉ làm thay đổi diện mạo, cảnh quan văn hóa làng quê mà chất lượng đời sống văn hóa của người dân cũng được cải thiện, nâng cao với những cơ hội, điều kiện về giáo dục, y tế, vui chơi, giải trí ngày càng được đáp ứng đầy đủ, người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, tệ nạn xã hội sẽ được kiểm soát, đẩy lùi, hướng con người đến những giá trị tốt đẹp của chân, thiện, mỹ.

Về nhiều làng quê hiện nay, không gian, cảnh quan văn hóa có nhiều đổi khác, đan xen với những nét đẹp văn hóa truyền thống (hình ảnh của ngôi đình, ngôi chùa cổ kính, lũy tre, cây đa, con đê đầu làng thân thuộc...) là khung cảnh của những khu phố mới khang trang, hiện đại với nhịp phát triển kinh tế nhanh, tạo không khí phấn khởi, vui tươi - động lực lớn để con người không ngừng nỗ lực, cố gắng phấn đấu, góp phần làm cho làng quê ngày càng trù phú, văn minh.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì công tác xây dựng môi trường văn hóa thời gian qua cũng bộc lộ những bất cập, hạn chế. Đánh giá về thực trạng này, Đảng ta chỉ rõ: Môi trường văn hóa, xã hội tiếp tục bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực. Chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền còn lớn; đời sống văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

Thời gian qua, một số cơ quan đơn vị, doanh nghiệp, do buông lỏng quản lý, thực thi pháp luật chưa nghiêm dẫn đến tình trạng không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý vi phạm kỷ cương phép nước, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, sa vào tham nhũng, chà đạp lên những giá trị, lợi ích quốc gia dân tộc, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường văn hóa, làm suy giảm niềm tin giữa nhân dân với Đảng, chính quyền; đã thi hành kỷ luật nhiều tổ chức đảng và đảng viên, trong đó có các cán bộ cao cấp thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Hiện tượng ô nhiễm môi trường văn hóa không chỉ diễn ra ở các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp mà ngay cả một số không gian văn hóa vốn được



coi là nơi nuôi dưỡng cho những giá trị tốt đẹp cũng có những dấu hiệu rạn vỡ. Trong gia đình, do mâu thuẫn lợi ích cũng đã dẫn đến xung đột “tan cửa, nát nhà”. Những mối quan hệ rường cột như cha - con, anh - em, chồng - vợ cũng bị đồng tiền hoặc các tệ nạn xã hội làm cho lung lay. Sự xung đột giữa các thế hệ tuy không quá gay gắt như một số quốc gia khác trên thế giới nhưng cũng ẩn chứa những sóng ngầm mà nếu không sớm tìm biện pháp hóa giải thì sẽ dẫn đến nguy cơ va chạm. Sự phát triển của công nghệ, truyền thông đã làm thay đổi các hình thức liên kết xã hội truyền thống. Nhiều người rơi vào tình trạng cô đơn ngay trong chính ngôi nhà của mình.

Môi trường học đường cũng xuất hiện nhiều tiêu cực đáng lo ngại. Văn hóa ứng xử giáo viên - học sinh, giáo viên - phụ huynh, học sinh - học sinh có dấu hiệu lệch chuẩn. Nạn bạo lực học đường, hiện tượng chạy điểm, chạy trường,... không những ảnh hưởng đến uy tín của ngành giáo dục, mà nguy hại hơn là ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, đến nhân cách và niềm tin của thế hệ tương lai đất nước.

Môi trường văn hóa ở nhiều nơi bị “ô nhiễm” xuất phát từ nhiều nhân tố chủ quan và khách quan, nhất là những tác động của bối cảnh, tình hình phức tạp trong và ngoài nước, mặt trái của nền kinh tế thị trường, giao lưu hội nhập quốc tế; việc ban hành quy định, hướng dẫn về xây dựng môi trường văn hóa nói chung chưa đồng bộ, công tác kiểm tra, giám sát chưa nghiêm. Ngoài ra, một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến phát triển văn hóa nói chung, xây dựng môi trường văn hóa nói riêng. Chính vì thế, các phong trào, chương trình, kế hoạch hoạt động văn hóa diễn ra còn mang tính hình thức, thời vụ. Các nguồn lực đầu tư cho văn hóa chưa tương xứng với vị thế của văn hóa.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong phát triển đất nước, coi đó là “nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”<sup>1</sup>. Để phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, cần phải tập trung nâng cao chất lượng xây dựng môi trường văn hóa.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.47.

*Thứ nhất*, làm tốt công tác vận động, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân, đặc biệt là nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu về vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường văn hóa. Khi đánh giá đúng mức tầm quan trọng của xây dựng môi trường văn hóa trong phát triển, hoàn thiện nhân cách con người cũng như trong thúc đẩy sự phát triển các lĩnh vực khác của đời sống xã hội thì sẽ có những ứng xử, hành động phù hợp. Bên cạnh đó, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên ban chỉ đạo; khơi dậy trách nhiệm cộng đồng, tinh thần đoàn kết nhằm nhân rộng, lan tỏa trong đời sống xã hội những giá trị tốt đẹp, đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội.

*Thứ hai*, cần tiếp tục đẩy mạnh thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng môi trường văn hóa. Quan điểm của Đảng về phát triển văn hóa nói chung, về xây dựng môi trường văn hóa nói riêng đã được phát triển, bổ sung, ngày càng toàn diện và sâu sắc. Tuy nhiên, để quan điểm, đường lối, chủ trương đó đi vào cuộc sống cần có sự thể chế hóa thành hệ thống luật pháp, chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động cụ thể. Thậm chí, mỗi bộ, ngành, địa phương cũng cần chủ động trong xây dựng các kế hoạch để triển khai cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện cụ thể của bộ, ngành, địa phương. Đồng thời, cũng cần ban hành chế tài đủ mạnh để răn đe, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, đi ngược lại những giá trị cộng đồng, làm “ô nhiễm” môi trường văn hóa. Có biện pháp kiểm soát, ngăn chặn và đẩy lùi những thông tin xấu độc, những xuất bản phẩm kém giá trị, tuyên truyền những tư tưởng thù hận, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, nhất là những thông tin bịa đặt, xuyên tạc trên internet và mạng xã hội.

*Thứ ba*, cùng với quá trình đẩy mạnh thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng là phải tổ chức thực hiện bảo đảm tính khoa học, tính liên thông, tính hiệu quả. Việc xây dựng môi trường văn hóa phải là công việc của tất cả các bộ, ngành, địa phương chứ không chỉ là công việc của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan tham mưu cho Chính phủ những kế hoạch tổng thể, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện; còn mỗi bộ, ngành, địa phương trên cơ sở đặc thù của mình xây dựng những kế hoạch cụ thể. Tuy nhiên, cũng phải có sự thống nhất giữa các bộ, ngành trong việc xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách cũng như sự phân công trách

nhệm rõ ràng trong quá trình “cộng đồng trách nhiệm” xây dựng môi trường văn hóa. Nếu không có sự phân công trách nhiệm rõ ràng thì dễ dẫn đến tình trạng chông chéo hoặc buông lỏng quản lý.

*Thứ tư*, tiếp tục triển khai có hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động có ý nghĩa như: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; phong trào “Chung tay xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Thực hành nếp sống văn minh trong cưới, việc tang, lễ hội”; “Xây dựng làng bản, khu phố, gia đình văn hóa”... Biểu dương, khen thưởng kịp thời những tấm gương tiêu biểu, những cơ quan, đoàn thể có cách làm hay, sáng tạo, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng môi trường văn hóa để lan tỏa những giá trị tốt đẹp, đồng thời đẩy lùi cái xấu xa, thấp hèn. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền. Điều đó cho thấy, sức ảnh hưởng, lan tỏa của những tấm gương sáng về tinh thần, trách nhiệm với cộng đồng trong việc giữ gìn môi trường văn hóa có ý nghĩa quan trọng, truyền đi những thông điệp nhân văn để khuyến khích, động viên mọi người tích cực học tập, làm theo.

*Thứ năm*, cần có chính sách khuyến khích sự tham gia của người dân trong xây dựng môi trường văn hóa. Người dân có quyền tiếp cận thông tin, tham gia vào các khâu của chu trình chính sách văn hóa, từ góp ý cho xây dựng chính sách đến phản hồi chính sách. Xây dựng môi trường văn hóa chỉ thành công khi đông đảo người dân tự nguyện tham gia. Muốn vậy, cần cho người dân hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình khi tham gia xây dựng môi trường văn hóa. Để thúc đẩy sự tham gia của người dân, cần sự vào cuộc của các cơ quan truyền thông, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng cũng như sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

*Thứ sáu*, để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, việc quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng, thiết chế văn hóa đầy đủ, đồng bộ có ý nghĩa quan trọng. Các công trình văn hóa, các khu vui chơi giải trí, nhà văn hóa cộng đồng, sân vận động, khu liên hiệp thể thao, thư viện, câu lạc bộ nghệ thuật, công viên, trung tâm sinh hoạt cộng đồng,... nếu được quan tâm, đầu tư xây dựng một cách đồng bộ, hiện đại ở các xã, phường, thị trấn với những hoạt động, phong trào văn hóa, văn nghệ được tổ chức định kỳ, thường xuyên sẽ mang lại những điều kiện thuận lợi để người dân thực hành, sáng tạo và thụ hưởng những sản

phẩm văn hóa, từ đó nâng cao năng lực, trình độ nhận thức, tạo đời sống văn hóa tinh thần phong phú với không khí hồ hởi, vui tươi để con người hăng say trong lao động, sản xuất, góp phần dựng xây quê hương, đất nước, đẹp giàu.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú với những giá trị nhân văn, tiến bộ là nhiệm vụ trọng yếu để phát triển văn hóa dân tộc hiện nay. Việc xây dựng môi trường văn hóa sẽ góp phần tạo ra những con người mới có nhân cách, đạo đức, tri thức, năng lực và bản lĩnh, đồng thời khắc phục và đẩy lùi cái xấu, cái ác ra khỏi đời sống xã hội. Môi trường văn hóa lành mạnh là động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và củng cố an ninh - quốc phòng. Để khắc phục những hạn chế, phát huy những thành tựu đã đạt được, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đồng bộ như tinh thần Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đòi hỏi phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chung tay của các bộ, ngành, địa phương, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân.

## ĐỂ VĂN HÓA TRỞ THÀNH ĐỘNG LỰC CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PGS.TS. NGUYỄN VĂN DÂN\*

### 1. Văn hóa với phát triển

Với quan niệm coi phát triển là một công cuộc biến đổi tổng thể, toàn diện, theo hướng tiến bộ, bao gồm nhiều nhân tố khác nhau, trong đó văn hóa giữ vai trò chủ đạo, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã có nhiều khuyến cáo với những nước nào chỉ chú ý đến phát triển kinh tế mà bỏ qua văn hóa. Khi phát động “Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa”, UNESCO đã khẳng định: “Văn hóa và phát triển là hai mặt gắn liền với nhau”, và “phát triển cần thừa nhận văn hóa giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội”<sup>1</sup>. Đó là quan điểm coi văn hóa là *công cụ* để phát triển xã hội. Về cơ bản, đây là một quan niệm đúng. Nó cũng có thể tương đương với quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng văn hóa là động lực của sự phát triển: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”.

Tuy nhiên cần phân biệt “động lực” với “nguyên nhân”. Bởi vì, do không phân biệt được động lực với nguyên nhân, cho nên hiện đang có luồng ý kiến khá phổ biến cho rằng văn hóa là cái giải thích cho mọi trình độ phát triển xã hội; rằng chỉ cần dựa vào văn hóa, thậm chí còn là văn hóa truyền thống, là có thể phát triển vượt bậc. Đây là một quan niệm rất sai lầm và đã bị Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) phê phán nghiêm khắc. UNDP đã gọi quan niệm đó là quyết định luận văn hóa. Đây là quan niệm của một số người như Max Weber (Đức), Samuel Huntington (Hoa Kỳ)... Năm 1901, nhà xã

---

\* Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Tuyên bố của Tổng Giám đốc UNESCO Federico Mayor, 1988. Trích theo Hoàng Trinh: *Vấn đề văn hóa và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.5.

hội học Weber đã cho xuất bản cuốn sách *Đạo đức học Tin Lành và tinh thần chủ nghĩa tư bản*. Trên cơ sở quan sát và phân tích sự thành công của những nước tư bản theo đạo Tin Lành như Anh, Đức... ở giai đoạn cuối thế kỷ XIX, Weber cho rằng văn hóa, và đặc biệt là đạo Tin Lành, là yếu tố quyết định đối với sự phát triển kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Trong cuốn sách *Culture Matters (Văn hóa là quan trọng)* của Lawrence Harrison và Samuel Huntington (2000), hai tác giả đã phân tích tình hình hai nước Ghana và Hàn Quốc để cho rằng, với xuất phát điểm giống nhau từ đầu những năm 1960, hai nước đã đi đến chỗ có hai trình độ phát triển khác nhau: Hàn Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ 14 trên thế giới, còn Ghana vẫn là một nước chậm phát triển. Và hai ông quy nguyên nhân thành công của kinh tế Hàn Quốc và cả nguyên nhân thất bại của kinh tế Ghana cho văn hóa.

UNDP đã phê phán hai quan điểm trên đây với minh chứng cho thấy rằng: Quan điểm của Weber chỉ là một quan điểm kinh nghiệm chủ nghĩa máy móc. Nếu như kinh nghiệm thế kỷ XIX cho thấy hai nước tư bản Anh và Đức phát triển mạnh, thì thực tế thế kỷ XX lại cho ta những ví dụ về sự phát triển cao của những nước Thiên Chúa giáo như Pháp, Italia và một loạt các nước ngoài đạo Tin Lành khác. Còn về quan điểm của Huntington thì UNDP cho rằng sự thành công của Hàn Quốc phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố ngoài văn hóa, như sự hợp tác kinh tế chặt chẽ giữa Hàn Quốc với Nhật Bản và Hoa Kỳ, cùng những cải cách rất quả quyết về chính sách công của Hàn Quốc.

Ngoài ra còn xuất hiện một đợt sóng mới của quyết định luận văn hóa, nó quy trách nhiệm về những sự thất bại của kinh tế và của toàn cầu hóa cho những nhược điểm cố hữu trong văn hóa, đặc biệt ở châu Phi. Theo UNDP: “Đây là những ý tưởng nguy hiểm có thể dẫn đến những kết luận cực đoan về chính sách. Bởi vì, nếu có một nền văn hóa trong một xã hội bị coi là không thích hợp với tăng trưởng kinh tế và với dân chủ, thì người ta sẽ dễ dàng cho rằng chúng sẽ phải bị trấn áp hoặc bị đồng hoá. Nói một cách khái quát hơn, nếu sự thoái bộ của châu Phi có thể bị đổ lỗi cho văn hóa, thì người ta còn quan tâm đến các chính sách chính trị và kinh tế hoặc đến việc viện trợ của nước ngoài làm gì?”<sup>1</sup>.

---

1. UNDP: *Human Development Report 2004: Cultural liberty in today's diverse world* (Báo cáo phát triển con người 2004 của UNDP: Tự do văn hóa trong thế giới đa dạng ngày nay), <http://hdr.undp.org/reports/global/2004>, Chapter 2, p.38.

UNDP còn phê phán một cách rất xác đáng rằng, không thể quy nguyên nhân thành công trong phát triển của Nhật Bản cho “văn hóa truyền thống” như nhiều người quan niệm, khi mà quan hệ tương tác với phương Tây công nghiệp hóa vào giữa thế kỷ XIX đã đưa đến sự hưng thịnh thời Minh Trị của đất nước này. Quan niệm quyết định luận văn hóa lấy Nhật Bản làm ví dụ cũng là một quan niệm rất phổ biến ở Việt Nam<sup>1</sup> mà từ năm 1997 chúng tôi cũng đã có dịp phản chứng<sup>2</sup>. Theo UNDP: “Quyết định luận văn hóa tỏ ra là một lý thuyết tụt hậu một bước so với thực tế”<sup>3</sup>; rằng “quan điểm coi văn hóa châu Phi là cái làm cho nó thất bại trong phát triển là một sai lầm. Châu Phi có nhiều khó khăn chung của nó nằm ngoài văn hóa, và nó cũng có nhiều yếu tố chung nằm ngoài văn hóa có thể thích hợp cho cuộc đấu tranh vì sự phát triển của nó”<sup>4</sup>.

Như vậy, có lẽ ta nên hiểu vai trò động lực của văn hóa như là một tiềm năng thúc đẩy sáng tạo, chứ không phải như một cây gậy vịn năng quyết định mọi lĩnh vực phát triển của xã hội. Trong tinh thần này, UNESCO cho rằng đa dạng văn hóa “là một trong những nguồn lực của sự phát triển, được hiểu không chỉ về mặt tăng trưởng kinh tế, mà còn như là phương tiện để đạt tới một sự tồn tại về mặt trí tuệ, tình cảm, đạo đức và tinh thần một cách thỏa đáng”<sup>5</sup>. Ở đây, UNESCO chỉ coi văn hóa là “một trong những nguồn lực của sự phát triển”, chứ không phải văn hóa là cái có thể giải thích được cho mọi sự phát triển, hay nói cách khác, văn hóa không phải là cái quyết định đối với

1. Chẳng hạn tác giả Đỗ Văn Khang đã viết: “Có những dân tộc chưa mạnh về kinh tế, nhưng văn hóa của họ có bản lĩnh, bản sắc riêng. Nhờ đó, họ có thể vượt qua những phong ba, bão táp mà dần dần đưa nền kinh tế của họ lên đỉnh cao. Nhật Bản đã cho chúng ta một kinh nghiệm quý”, nguồn: “Nền văn nghệ trên đường đi tới”, Báo *Nhân dân chủ nhật*, số 14, ngày 4/4/1993. Ngoài ra, có không ít các nhà khoa học ở nước ta cũng đã phát biểu tương tự như vậy trên báo chí và trong sách vở.

2. Xem Nguyễn Văn Dân: “Vì một nền văn hóa động lực đích thực của công cuộc phát triển”, *Văn nghệ*, số 20, 1997.

3. UNDP: *Human Development Report 2004*, *Ibid*, Chapter 1, p.19.

4. UNDP: *Human Development Report 2004*, *Ibid*, Chapter 2, p.39.

5. UNESCO: *Déclaration universelle de l'UNESCO sur la diversité culturelle* (“Tuyên ngôn thế giới của UNESCO về đa dạng văn hóa”), (Adoptée par la 31e session de la Conférence générale de l'UNESCO, Paris, 2/11/2001), UNESCO, 2002, printed in France. [www.unesco.org/culture](http://www.unesco.org/culture), p.6.

sự phát triển. Yếu tố quyết định phát triển vẫn phải là con người và xã hội hiện tại, là các chính sách phát triển đúng đắn, là những yếu tố liên quan trực tiếp đến hiện tại và tương lai. Trong tinh thần này, văn hóa hay bản sắc văn hóa, nếu muốn trở thành động lực của sự phát triển, thì phải gắn rất chặt với hiện tại và tương lai. Điều này khác xa với quan điểm võ đoán của một số người cho rằng chỉ cần dựa vào bản sắc văn hóa truyền thống là có thể phát triển vượt bậc được. “Báo cáo phát triển con người” của UNDP đã khuyến cáo rằng, “việc bảo vệ truyền thống bằng mọi giá sẽ kéo lùi sự phát triển con người”; rằng “việc bảo vệ truyền thống bằng cách đóng cửa không tiếp nhận mọi ý tưởng và những sự đổi mới từ bên ngoài thì sẽ không chỉ làm giảm những khả năng lựa chọn văn hóa, mà còn làm giảm những khả năng lựa chọn về xã hội và kinh tế của người dân bản xứ”<sup>1</sup>.

Quan điểm trên đây cũng có thể được coi là phù hợp với quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII của Đảng đã khẳng định: “Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ”<sup>2</sup>.

Điều nói trên có nghĩa là không phải mọi yếu tố văn hóa đều có ý nghĩa tiến bộ như nhau, thậm chí còn có những hiện tượng văn hóa phản tiến bộ. Tại sao lại như vậy? Theo tôi, con người cũng có lúc sai lầm. Lịch sử cho thấy rằng con người đôi khi “để” ra những thành quả văn hóa rất tai hại. Ví dụ như tập quán đốt rẫy làm nương - một tập quán mang tính chất phá hủy môi trường sinh thái. Tập quán ma chay không hợp vệ sinh làm tổn hại đến sức khỏe con người. Tập quán mê tín dị đoan làm ảnh hưởng đến lòng tự tin cá nhân, hay như việc sáng tạo và sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt, sáng tạo ra những quan niệm phản tiến bộ như quan niệm “nhiều con nhiều của”...

Chúng ta nói văn hóa là động lực cho sự phát triển, nhưng động lực văn hóa *không chỉ giới hạn ở bản sắc văn hóa dân tộc*. Ở Việt Nam, có nhiều người

---

1. Xem UNDP: *Human Development Report 2004*, *Ibid*, Chapter 5, pp.88-89.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.56-57.



nói rất nhiều đến mệnh đề “văn hóa là mục tiêu và động lực của sự phát triển”, nhưng lại chú ý quá mức đến “bản sắc văn hóa dân tộc”. Chính vì vậy mà có những ý kiến rất võ đoán, như ý kiến đề cao mô hình Nhật Bản.

Đồng thời, *động lực văn hóa cũng không chỉ giới hạn ở văn hóa trong nước*. Ta hay nói: Phải kết hợp yếu tố nội sinh với yếu tố ngoại sinh, nhưng phải coi nội sinh là yếu tố quyết định. Về cơ bản có thể coi đây là một chân lý ở cấp khái quát. Song không phải lúc nào chúng ta cũng phân biệt được rạch ròi nội sinh với ngoại sinh và không phải lúc nào nội sinh cũng quyết định. Những vấn đề (ngoại sinh) nhiều khi giữ một vai trò rất quan trọng và mang tính quyết định. Học giả người Pháp Philippe Moreau Defarges đã nhận xét rằng, nhìn chung ngày nay mọi vấn đề chính trị đều được giải quyết ở bình diện quốc tế. Lịch sử đã cung cấp cho chúng ta vô số ví dụ về việc bất cứ nước nào cũng có thể dựa vào các nguồn văn hóa trong và ngoài nước để phát triển. Đế quốc La Mã đã dựa rất nhiều vào các giá trị văn hóa Hy Lạp; châu Âu và cả thế giới thời trung đại phải tiếp thu văn hóa Ả Rập; châu Âu thời Phục hưng tiếp thu văn hóa cổ điển Hy - La; thế giới thời cận đại lại tiếp thu thành tựu văn hóa Cách mạng Pháp (như tư tưởng về nhân quyền và dân quyền, như thành tựu về hệ đo lường...); v.v.. Chỉ có điều, việc kế thừa và phát huy văn hóa nước ngoài phải được tiến hành theo quan điểm giá trị học. Người ta chỉ có thể tiếp thu những giá trị văn hóa tiến bộ chứ không tiếp thu một cách mù quáng, không phân biệt. Có nhà khoa học đã phát biểu rất xác đáng rằng: “Giá trị của văn hóa không có sự khác biệt về lịch sử và dân tộc, mà chúng chỉ được chia thành giá trị văn hóa tiên tiến hay lạc hậu, lành mạnh hay thối nát, tích cực hay tiêu cực”<sup>1</sup>.

Tác giả câu nói trên muốn nói rằng, chúng ta không được phân biệt đối xử giữa các nền văn hóa của các dân tộc và của các thời đại, mà chỉ đánh giá văn hóa căn cứ vào việc đó là văn hóa tiến bộ hay phản tiến bộ. Chúng ta chỉ được phép áp dụng quan điểm giá trị học khi phải tiếp thu văn hóa để phục vụ cho lợi ích và cho sự phát triển của dân tộc và của nhân loại. Theo tinh

---

1. Shi Bingjun, Ma Zhaoqi (Sử Bính Quân, Mã Triệu Kỳ): “Xây dựng nền văn hóa tiến bộ của Trung Quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa”, trích trong *Wen hua yan jiu* (“Nghiên cứu văn hóa”), 2004, No.11, tr.53-57. Bản tiếng Việt của Viện Thông tin Khoa học xã hội, do Nguyễn Thu Hiền dịch.

thần này ta có thể nói, hiện tượng tiếp thu thành tựu văn hóa giữa các nước với nhau để phát triển, *đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa*, là một hiện tượng phổ biến. Cho nên, nếu như ngày nay có ai cho rằng “trong lịch sử văn hóa nhân loại, không có một dân tộc nào tồn tại và phát triển nhờ dựa vào văn hóa của nước ngoài”<sup>1</sup>, thì đó là một quan điểm vô cùng sai lầm.

## **2. Ý nghĩa của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 và yêu cầu về kiện toàn thể chế văn hóa**

Với *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có ý thức rất sớm về vai trò của văn hóa đối với phát triển con người và đất nước. Ngay sau đó, đến Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Với ba nguyên tắc soi đường của văn hóa chính là: dân tộc, đại chúng, khoa học, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 cũng chính là ngọn đuốc soi đường cho sự phát triển con người và đất nước Việt Nam. Có thể nói, quan điểm của Đảng về văn hóa ngay từ đầu đã phù hợp với quan điểm của thế giới về vai trò động lực của văn hóa. Từ đây ta cũng có thể rút ra một quan niệm về bản chất của văn hóa: Văn hóa chính là lối sống của con người.

Văn hóa có tính khoa học là văn hóa bao gồm cả các hoạt động khoa học, kể cả các hoạt động sáng tác và biểu diễn văn hóa, nghệ thuật một cách khoa học, để phục vụ cho phát triển con người và xã hội. Văn hóa có tính dân tộc là văn hóa mang bản sắc của một quốc gia - dân tộc; bản sắc dân tộc chính là cái làm nên cái riêng của một dân tộc trong bức tranh văn hóa đa dạng của thế giới, là cái khẳng định danh tính của một dân tộc trong ngôi nhà chung của nhân loại. Văn hóa có tính đại chúng là một nền văn hóa của toàn thể cộng đồng các dân tộc trong một quốc gia, không phải là đặc quyền, đặc lợi của riêng một tầng lớp xã hội nào. Đây là quan niệm khoa học về văn hóa, và *Đề cương văn hóa* có thể được coi là một công trình văn hóa học xuất hiện trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam giành được chính quyền.

80 năm qua, trên cơ sở của *Đề cương văn hóa* và với sự chỉ đạo của đường lối, chính sách văn hóa qua các thời kỳ, trên sự kế thừa văn hóa truyền thống

---

1. Hoàng Trinh: *Vấn đề văn hóa và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.45.

và tiếp thu văn hóa thế giới, một nền văn hóa Việt Nam mới đã hình thành và phát triển với những nguyên tắc tiên tiến của thời đại và duy trì bản sắc dân tộc. Chúng ta đã bảo tồn và phát huy được những giá trị văn hóa truyền thống, đóng góp cho quỹ di sản văn hóa của thế giới; đã tiếp thu các giá trị văn hóa tiên tiến của thế giới để điều chỉnh và xây dựng một nền văn hóa mới phù hợp với nền văn minh hiện đại của nhân loại. Chúng ta đã có ý thức xây dựng một nền văn hóa nhân văn hướng tới cái tốt đẹp của con người; có một nền văn học, nghệ thuật theo kịp với sự phát triển văn minh của thế giới; có một nền văn hóa hòa bình; có một ý thức về dân số; có một ý thức về văn hóa môi trường... Những cái đó thể hiện Việt Nam đang phát triển văn hóa dân tộc với sự hội nhập văn hóa trong một thế giới toàn cầu hóa.

Tuy nhiên, phải nói thật là chúng ta vẫn còn có những hiện tượng văn hóa lộn xộn, chưa đạt chuẩn mực văn minh. Nói đến văn hóa là nói đến “lối sống”; còn văn minh là “trình độ sống”. Sở dĩ có sự lộn xộn này là vì những người làm và quản lý văn hóa chưa tuân thủ cái nguyên tắc “khoa học” của Đề cương mà buông lỏng nguyên tắc “đại chúng”, từ đó dẫn đến buông lỏng các chế tài văn hóa.

Hiện tượng lộn xộn đập vào mắt vào tai trước hết là hiện tượng lai căng kệch cỡm tiếng nước ngoài trên báo đài, trên biển hiệu, danh xưng, và trên các sản phẩm văn hóa. Hầu như bây giờ tên gọi của các cửa hàng, khách sạn, công ty, khu đô thị, khu nghỉ dưỡng; của nhiều cơ quan, tổ chức nhà nước... đều ghi bằng tiếng Anh (một số ghi tiếng Pháp); thậm chí của cả một số chương trình truyền hình. Có cửa hàng, cửa hiệu, khu đô thị còn ghi một thứ tiếng bồi chẳng phải Anh cũng chẳng phải Pháp. Có những người (kể cả trí thức) sống ngay trong khu đô thị mang tên nước ngoài mà không biết đọc tên địa chỉ của mình như thế nào; còn những người khác thì đọc mỗi người một kiểu. Có khu nghỉ dưỡng ghi tên bằng tiếng Pháp nhưng khách hàng lại đọc theo kiểu tiếng Anh, và có người lại đọc luôn theo kiểu tiếng Việt, làm cho người nghe không hình dung được là nó ở đâu. Có cửa hàng thì ghi nửa Anh nửa Việt (“Nail & Mi”). Trong khi đó truyền thông vẫn luôn kêu gọi phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt! Trên thực tế, Chính phủ đã có quy định tên tiếng nước ngoài phải ghi chữ nhỏ hơn và nằm dưới tên tiếng Việt. Nhưng tại sao hiện tượng trên không bị chế tài?

Báo chí, phim ảnh và cả tên tác phẩm văn học bây giờ cũng đẽm tiếng nước ngoài vô tội vạ...

Trong nghệ thuật vẫn còn nhiều sáng tác nhạt nhẽo, hời hợt, dễ dãi, đặc biệt là điện ảnh. Vẫn còn có những bộ phim truyền hình mua bản quyền kịch bản của nước ngoài để nhái lại, thậm chí có cả hiện tượng nhái kịch bản đơn thuần chứ không cần mua. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng cho rằng “Lâu nay thiếu kịch bản điện ảnh, không phải là do không có đề tài, mà là thiếu người viết đủ tài”<sup>1</sup>. Và một tác giả khác đã kết luận trong bài báo của mình: “Trong khi xã hội đang nỗ lực chống lại hàng nhái, thì giới điện ảnh lại công khai làm phim... nhái. Hàng nhái nhân danh giá rẻ, còn phim nhái nhân danh điều gì? Cái thiệt hại của người tiêu dùng trước hàng nhái chỉ là tiền bạc, còn người hâm mộ thiệt hại trước phim nhái cả niềm tin dành cho nghệ thuật thứ bảy nước nhà!”<sup>2</sup>.

Việc tiếp thu văn hóa nước ngoài còn diễn ra xô bồ, thiếu chọn lọc, tập trung quá nhiều vào mảng văn hóa đại chúng, dẫn đến hiện tượng lai căng phản cảm. Các cuộc thi hoa hậu thì diễn ra đến mức được gọi là “loạn”<sup>3</sup>. Có thể nói, ta đang “học tập” văn hóa nước ngoài thì ít mà “bắt chước” thì nhiều.

Chương trình truyền hình của ta vẫn còn nghèo nàn, thiếu hấp dẫn; ít có những chương trình có chất lượng văn hóa và có ý nghĩa phát triển tinh thần. Trong khi đó đang có hiện tượng lấn át của các chương trình trò chơi, trò diễn văn hóa nhạt nhẽo, đôi khi nhảm nhí, dung tục<sup>4</sup>; sự nhảm nhí thể hiện ở cả điệu bộ lẫn diễn ngôn của người chơi và ban giám khảo.

Hiện tượng quảng cáo trên truyền hình đang trở thành một vấn nạn. Lợi nhuận đã làm cho truyền hình nhận quảng cáo một cách tùy tiện. Dù có sự tham gia của các nghệ sĩ, nhưng một số quảng cáo không có văn hóa, nghệ thuật, mà chỉ là những màn diễn rất nhảm nhí, phản cảm. Các nghệ sĩ quảng cáo không biết chất lượng sản phẩm nhưng vẫn diễn như thật, điều này dẫn

---

1. Hoài Hương: “Phim “nhái”, kịch bản “mượn”: Thiếu đức hay thiếu tài?”, hanoimoi.com.vn, ngày 13/3/2021.

2. Tuy Hòa: “Phim nhái nguy hiểm hơn hàng nhái”, Báo *Công an nhân dân điện tử*, cand.com.vn, ngày 1/6/2017.

3. Đức Thắng: ““Loạn” hoa hậu năm 2022: 30 cuộc thi, ồn ào sai phạm tổ chức, mua bán giải”, vietnamnet.vn, ngày 31/12/2022.

4. Ong Thùy Dương: “Trần lan show giải trí dung tục, phản cảm”, Tienphong.vn, ngày 4/2/2023.

đến cảm giác về sự đối trá. Chương trình phim truyện truyền hình đã biến thành chương trình “quảng cáo kèm phim”, khiến cho quảng cáo trở thành một lý do để nhiều người quay lưng lại với phim truyền hình.

“Đạo đức kinh doanh” cũng là một đặc điểm của văn hóa. Tác giả Hoa Kỳ Snyder đã phân tích tình hình thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa và rút ra “năm xu hướng lớn làm thay đổi thế giới”, trong đó có “xu hướng về tính minh bạch trong giao dịch”. Xu hướng này là xu hướng thể hiện thái độ đạo đức của công cuộc phát triển bền vững. Nó liên quan trực tiếp đến vấn đề tiêu chuẩn hóa kế toán quốc tế và vấn đề chống tham nhũng toàn cầu. Snyder cho rằng tính minh bạch toàn diện sẽ rất cần thiết cho sự an toàn và bền vững của một nền kinh tế toàn cầu hiện đại và nó cần phải trở thành một đạo luật quốc tế<sup>1</sup>. Vì thế, các nhà khoa học đang hô hào phải giáo dục đạo đức kinh doanh cho giới doanh nghiệp. Nếu không có đạo đức kinh doanh, mọi nỗ lực phát triển của xã hội sẽ trở nên vô nghĩa. Tuy nhiên, việc giáo dục đạo đức kinh doanh phải gắn liền với giáo dục đạo đức xã hội nói chung, vì tham nhũng bao giờ cũng có hai đối tượng liên minh: liên minh giữa giới doanh nghiệp với giới quản lý. Ở nước ta, những vụ tham nhũng khủng như “chuyến bay giải cứu” và “Việt Á” mới đây đã cho thấy “đạo đức kinh doanh” của những người quản lý và doanh nhân đã đến mức báo động đỏ.

Đặc biệt, hiện tượng được gọi là “văn hóa tâm linh” đang phát triển ồ ạt hiện nay. Chùa mới (tính cả chùa xây lại) mọc lên với quy mô và tốc độ kinh ngạc; số lượng đền, chùa lớn hơn rất nhiều so với số lượng bệnh viện, nhiều hơn số trường trung học cơ sở và phổ thông. Đi tu đang biến thành một nghề kinh doanh; đi lễ thì trở thành một nhiệm vụ thường xuyên của mọi người. Theo nguyên tắc tôn giáo truyền thống, chùa và nhà thờ là nơi thực hành tín ngưỡng công cộng, được mở cửa tự do cho mọi người dân. Nhà thờ ở các nước phương Tây vẫn giữ nguyên tắc đó: cửa vào không thu vé, không có hòm công đức. Trong khi đó ở nước ta, chùa nào cũng có hòm công đức bày khắp nơi, có nhiều bàn ghi công đức, có các dịch vụ thu tiền khác; thậm chí có những chùa còn có bảng giá vé cho các dịch vụ, từ vé vào cửa đến các loại vé khác... Nhiều chùa còn tính lỗ lãi với người đi lễ. Văn hóa tâm linh bị biến tướng

---

1. David Pearce Snyder: “Five meta-trends changing the world” (“Năm xu hướng lớn làm thay đổi thế giới”), *The Futurist*, July-August, 2004, pp.22-26.

thành kinh doanh thân thánh, góp phần khuyến khích mê tín dị đoan trong toàn xã hội. Đó là chưa nói đến việc xây chùa quy mô lớn đang hủy hoại môi trường và làm mất cân bằng sinh thái, đi ngược lại nguyên tắc phát triển bền vững của thế giới.

Những vấn đề trên đòi hỏi Nhà nước cần phải chấn chỉnh lại thể chế văn hóa, phải có những quy định rõ ràng và chế tài nghiêm ngặt: Quy định về sử dụng ngôn ngữ, danh xưng, về nghệ thuật quảng cáo, về nhập khẩu văn hóa, về tính minh bạch trong giao dịch, về thực hành tín ngưỡng (không được kinh doanh chùa, không được phá thiên nhiên để xây chùa mới), về mê tín dị đoan, và đặc biệt là quy định về trình độ chuyên môn và phong cách ứng xử của những người làm văn hóa (làm văn hóa phải có thái độ khoa học nghiêm túc, không phải là cợt nhả mua vui)..., làm sao cho văn hóa của chúng ta có tính “đại chúng” nhưng vẫn “khoa học”, hội nhập nhưng vẫn “dân tộc”, thực sự trở thành động lực của phát triển bền vững.

# BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT MÚA TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT THEO QUAN ĐIỂM “KHOA HỌC” CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 TỪ KHÍA CẠNH LÝ THUYẾT

ThS. HUỖNH HỒNG ĐIỂM\*

## 1. Mở đầu

Múa là một trong những loại hình nghệ thuật biểu diễn có lịch sử xuất hiện lâu đời nhất so với nhiều loại hình nghệ thuật khác trên thế giới. Đây là loại hình nghệ thuật phản ánh các hiện tượng của cuộc sống con người, qua hình thức đặc biệt là những động tác, hình dáng, điệu bộ, chuyển động trên các tuyến, đội hình và tiết tấu, giai điệu của âm nhạc, chuyển động trong không gian và thời gian<sup>1</sup>. Trong quá trình phát triển hàng nghìn năm, qua bao thăng trầm gắn liền với vòng xoay chuyển biến của lịch sử nhân loại, nghệ thuật múa cũng phân hóa thành nhiều thể loại khác nhau, trong đó có múa truyền thống của các dân tộc. Đây là sản phẩm văn hóa của mỗi cộng đồng người, thể hiện bản sắc văn hóa của cộng đồng người đó ở từng quốc gia, khu vực.

Việt Nam có 54 dân tộc, trải dài từ Bắc đến Nam, từ vùng nông thôn đến thành thị, từ đồng bằng đến miền núi. Dù ở đâu, những tộc người này cũng ra sức lao động, sáng tạo nên những giá trị văn hóa giàu bản sắc,

---

\* Trường Múa Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Xem Lê Ngọc Canh: *Đại cương nghệ thuật múa*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2002, tr.16.

trong đó có nghệ thuật múa truyền thống của người Việt. Loại hình nghệ thuật biểu diễn này của người Việt không chỉ là phương tiện để vui chơi giải trí thuần túy, mà còn là một phương thức thể hiện những quan niệm của con người về đời sống thực tại; là một cách để chuyển tải những tâm tư, nguyện vọng của cá nhân, cộng đồng. Vì lẽ đó, khi phân tích những giá trị của nghệ thuật múa truyền thống của người Việt, chúng ta sẽ nhận diện được thế giới quan, nhân sinh quan của họ ở những thời điểm, giai đoạn lịch sử xã hội cụ thể. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nghệ thuật múa truyền thống của người Việt có thêm nhiều cơ hội để phát huy giá trị vượt ra khỏi phạm vi lãnh thổ, hòa chung với các nền văn hóa lớn trên thế giới thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa. Tuy nhiên, cùng với những cơ hội đó là những thách thức trong việc bảo tồn, phát huy những giá trị của loại hình nghệ thuật này như: hiện tượng biến tướng, lai căng trong việc dàn dựng, biểu diễn; nhiều giá trị đang rơi vào tình trạng dần bị mai một do chịu sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường; đội ngũ sáng tạo (sáng tác, dàn dựng, biểu diễn...) ngày càng thưa thớt; sự thờ ơ của giới trẻ đối với di sản văn hóa truyền thống... Trước thực tế đó, nội dung bài viết góp phần xây dựng cơ sở lý luận cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa truyền thống của người Việt theo định hướng “khoa học hóa” mà Đảng ta đã nói đến trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cách đây 80 năm.

## **2. Quan điểm lý thuyết về “chủ thể, bản sắc và tính sắc tộc”**

Những nội dung của quan điểm lý thuyết này được Chris Barker phân tích, tổng hợp trong cuốn *Nghiên cứu văn hóa: Lý thuyết và thực hành*, xuất bản năm 2011. Dưới đây là một số luận điểm mà có thể cho rằng làm cơ sở lý luận cho công tác bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa truyền thống của người Việt. Cụ thể:

### *a) Tính chủ thể và bản sắc*

Chris Barker cho rằng: “Khám phá bản sắc nghĩa là tìm hiểu: chúng ta nhìn nhận bản thân như thế nào và những người khác nhìn thấy chúng ta như thế nào? Bản sắc là những kiến tạo hoàn toàn mang tính xã hội và không thể tồn tại bên ngoài những thể hiện văn hóa. Chúng là kết quả của quá



trình thích ứng văn hóa”<sup>1</sup>. Như vậy, để tiến hành các hoạt động bảo tồn và phát huy, chúng ta cần xác định rõ những “bản sắc” của nghệ thuật múa truyền thống của người Việt. Đồng thời, mọi thông điệp bảo tồn được gửi đến công chúng và các bên liên quan phải bảo đảm rằng họ nhận diện chính xác những “bản sắc” đó. Tức là thông qua nghệ thuật múa truyền thống, cộng đồng người Việt đã biết nhận diện chính mình và giúp công chúng không lẫn lộn giữa “bản sắc” được thể hiện qua nghệ thuật múa truyền thống của các cộng đồng khác nhau. Điều này cần được xem là kết quả cốt lõi của công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nói chung, các giá trị văn hóa phi vật thể nói riêng.

Cũng theo Chris Barker, khi thực thi các hoạt động bảo tồn, phát huy, cần phải đặt nghệ thuật múa truyền thống của người Việt trong những biểu đạt văn hóa cụ thể, môi trường xã hội thực tế. Hay nói cách khác, công tác bảo tồn, phát huy này không thể và không nên chỉ đóng khung trong các bảo tàng, các cơ sở dữ liệu được số hóa. Ở khía cạnh khác, trong những giới hạn cho phép, người làm công tác bảo tồn, phát huy cần chấp nhận sự thay đổi trong sáng tạo nghệ thuật múa truyền thống của người Việt là kết quả của “quá trình thích ứng văn hóa”. Chính sự thích ứng giúp cho nghệ thuật múa truyền thống của người Việt tiếp tục tồn tại và phát triển bền vững.

Chris Barker cho rằng: “Bản sắc xã hội: những mong đợi và ý kiến của người khác về chúng ta... Bản sắc là bản chất mà có thể được biểu đạt thông qua những ký hiệu về thị hiếu, niềm tin, thái độ và phong cách sống”<sup>2</sup>. Với quan điểm này, những bên liên quan đến công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa truyền thống của người Việt cần nhận diện được “những mong đợi” của xã hội trong việc bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa; phải sẵn sàng tiếp nhận ý kiến của những người khác về kết quả này như là một cách phản biện xã hội. Hơn nữa, khi muốn nói đến việc bảo tồn, phát huy những bản sắc của các tác phẩm nghệ thuật múa, tức là chúng ta cần bảo tồn, phát huy những “ký hiệu về thị hiếu, niềm tin, thái độ và phong cách sống” tích cực và tốt đẹp của con người được người nghệ sĩ múa, biên đạo chuyển tải thông qua từng động tác hình thể để cấu trúc thành một tác phẩm hoàn chỉnh.

---

1, 2. Chris Barker: *Nghiên cứu văn hóa: Lý thuyết và thực hành*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2011, tr.298.

Tuy nhiên, “bản sắc vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội”<sup>1</sup>. Hay nói như Weeks, “bản sắc là sự giống nhau và điểm khác biệt, về những cái mang tính cá nhân và những cái mang tính xã hội, về việc bạn có gì chung với một số người và điều gì khiến bạn khác những người khác”<sup>2</sup>. Đặt quan điểm lý luận này trong mối tương quan với công tác bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa truyền thống của người Việt theo hướng tôn trọng những giá trị giàu bản sắc, chúng ta cần lưu tâm thật nhiều đến việc phát huy tối đa những sáng tạo nghệ thuật mang bản sắc cá nhân của lực lượng sáng tạo nên các tác phẩm múa để tạo ra sự khác biệt cho từng tác phẩm. Điều đó tạo nên sự “cá tính” của từng nghệ sĩ trong các tác phẩm múa. Chính “cá tính” đó tạo nên bản sắc riêng - nét riêng của từng tác phẩm múa truyền thống của người Việt. Tính xã hội của tác phẩm được biểu đạt thông qua những thông điệp - giá trị nhân văn chung mà người nghệ sĩ muốn chuyển tải đến công chúng. Do tính cá nhân và tính xã hội của bản sắc không thể tách rời nhau, do đó, trong công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa truyền thống của người Việt, cần phải lưu tâm đến cả hai yếu tố này để bảo đảm tính toàn vẹn của một tác phẩm nghệ thuật múa.

Ở một khía cạnh khác, Chris Barker viết: “Tốt nhất nên hiểu bản sắc không phải như một thực thể cố định mà như một mô tả diễn ngôn tình cảm về bản thân chúng ta và thay đổi”<sup>3</sup>. Bởi bản sắc “như một mô tả diễn ngôn tình cảm” nên khi bàn luận, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy bản sắc của nghệ thuật múa truyền thống của người Việt, chúng ta cần chấp nhận tính “dị bản” của nó. Đồng thời, chúng ta cũng phải đặt những giá trị có tính bản sắc của các tác phẩm nghệ thuật múa truyền thống trong trạng thái vận động và phát triển. Điều đó có nghĩa người làm công tác bảo tồn cần chấp nhận những thay đổi (ở giới hạn cho phép) trong sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ múa truyền thống của người Việt. Sự chấp nhận đó là “không gian” để nghệ thuật múa truyền thống của người Việt thuận lợi hơn trong việc tiếp nhận những giá trị văn hóa, những hơi thở xã hội đương đại để nó mãi sống động, sinh động.

“Chúng ta cần phải nghĩ về bản sắc như cái luôn chuyển động chứ không phải chúng tồn tại như những cái tuyệt đối của tự nhiên hay văn hóa”<sup>4</sup>.

---

1, 2, 3, 4. Chris Barker: *Nghiên cứu văn hóa: Lý thuyết và thực hành*, Sdd, tr.298, 302, 299, 301.

Như vậy, trong công tác bảo tồn, phát huy những “bản sắc” trong các tác phẩm múa truyền thống của người Việt, chúng ta cần xác lập quan điểm tư duy “động”, và cần được đặt sao tương thích với bối cảnh văn hóa - xã hội. Điều đó giúp cho các tác phẩm múa vừa đậm chất “bản sắc” của truyền thống, nhưng cũng vô cùng sống động của hơi thở thời đại - cuộc sống đương đại.

#### *b) Tính sắc tộc*

Theo Chris Barker, tính sắc tộc là khái niệm tập trung vào việc chia sẻ những chuẩn mực, giá trị, niềm tin, biểu tượng và thực hành văn hóa. Nó được hình thành qua cách chúng ta nói về bản sắc của nhóm và đồng nhất với những ký hiệu và biểu tượng cấu thành nên tính sắc tộc. Tính sắc tộc có biểu thị quan hệ liên quan đến những phạm trù của sự đồng nhất hóa và việc quy về mặt xã hội. Do đó, điều chúng ta nghĩ về bản sắc của mình phụ thuộc vào cái mà chúng ta nghĩ mình không phải là như vậy<sup>1</sup>. Như vậy, khi làm công tác bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa truyền thống của người Việt, chúng ta rất cần nhận diện được những biểu đạt có “tính sắc tộc” thông qua ngôn ngữ múa ở các khía cạnh như chuẩn mực về động tác, giá trị nghệ thuật, ý nghĩa của những biểu tượng văn hóa được thể hiện qua từng động tác múa. Tức là chúng ta cần phân biệt rõ đâu là những “bản sắc” khác biệt trong ngôn ngữ múa truyền thống của người Việt so với ngôn ngữ múa của các tộc người khác. Mặt khác, trong quá trình sáng tạo theo hướng cải tiến, phát triển để bảo tồn nghệ thuật múa truyền thống của người Việt, người tham gia sáng tạo cần gắn giá trị của những sáng tạo đó với đời sống xã hội đương đại. Có như vậy, những giá trị nghệ thuật múa truyền thống của người Việt mới được bảo tồn, phát huy đúng hướng “vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc”.

Đồng quan điểm, Hall cho rằng: “Thuật ngữ tính sắc tộc thừa nhận vị trí của lịch sử, ngôn ngữ và văn hóa trong việc xây dựng tính chủ quan và bản sắc, cũng như thực tế rằng mọi diễn ngôn đều được đặt, chỉnh vị trí, và mọi tri thức đều mang tính bối cảnh”<sup>2</sup>. Như vậy, việc bảo tồn, phát huy và phát triển “tính sắc tộc” được biểu hiện qua ngôn ngữ múa truyền thống của người Việt cũng chính là phương thức gián tiếp xây dựng, củng cố vị trí về lịch sử -

---

1. Xem Chris Barker: *Nghiên cứu văn hóa: Lý thuyết và thực hành*, Sđd, tr.345.

2. Chris Barker: *Nghiên cứu văn hóa: Lý thuyết và thực hành*, Sđd, tr.346.

văn hóa của cộng đồng người Việt trong mối tương quan với các cộng đồng khác ở vùng đất này. Điều đó giúp cho chúng ta bảo tồn được sự đa dạng “những mảng màu văn hóa” của nhiều tộc người. Với vai trò là cộng đồng đa số, người Việt đã cùng với những tộc người khác cùng xây dựng, phát triển những bản sắc văn hóa một cách đa dạng cho thành phố mang tên Bác.

Một vấn đề đặt ra khi khái niệm về “tính sắc tộc” được thừa nhận và phổ biến rộng rãi trên thế giới, thì những quyền lực và thuyết phân biệt chủng tộc có thể bị loại bỏ. Bởi bản chất của cơ sở lý thuyết về “tính sắc tộc” là đề xuất rằng hình thái xã hội hoạt động với các nhóm đa nguyên và bình đẳng chứ không phải những nhóm bị phân biệt chủng tộc theo tôn ti trật tự. Sự xuất hiện và phát triển của quan niệm về “tính sắc tộc” đã góp phần làm lệch sự chú ý của xã hội khỏi thuyết phân biệt chủng tộc, và hướng tới những đặc tính văn hóa của các nhóm thiểu số bị phân biệt chủng tộc<sup>1</sup>. Áp dụng quan điểm này trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị của nghệ thuật múa truyền thống của người Việt, có thể nhấn mạnh rằng mọi giá trị văn hóa nói chung, nghệ thuật múa truyền thống nói riêng của các cộng đồng tộc người dù đa số hay thiểu số đều có ý nghĩa, vị trí như nhau trong lòng xã hội đương đại; có vai trò như nhau trong kho tàng văn hóa chung của nhân dân. Vì lẽ đó, việc tập trung các nguồn lực cho công tác bảo tồn, phát huy các giá trị nghệ thuật múa người Việt không hoàn toàn đồng nghĩa các giá trị di sản văn hóa của các cộng đồng tộc người khác được xem là thứ yếu.

Với góc nhìn mở, tư duy “động”, Pieterse nhấn mạnh rằng cần thiết phải phân biệt giữa nền “văn hóa” bị “trói buộc” - bị gắn vào địa điểm với nền “văn hóa” như một “quá trình học hỏi liên địa phương”. Theo ông, những nền văn hóa hướng nội đang lùi dần về phía sau trong khi những nền văn hóa liên địa phương đa dạng tiến lên hàng đầu<sup>2</sup>. Mở rộng quan điểm lý luận này chúng ta cũng có thể hiểu rằng các di sản văn hóa của Việt Nam, trong đó có nghệ thuật múa truyền thống của người Việt để có thể “tiến lên hàng đầu”, nó cần được “mở” theo “hướng ra bên ngoài” để tiếp nhận các tinh hoa văn hóa của thế giới. Với quan điểm này, trong công tác bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa truyền thống của người Việt, thiết nghĩ, những người sáng tạo nghệ thuật, các nhà quản lý văn hóa cần chủ động, chọn lựa tiếp nhận, tích hợp những giá trị

---

1, 2. Xem Chris Barker: *Nghiên cứu văn hóa: Lý thuyết và thực hành*, Sđd, tr.347, 353.

văn hóa của các cộng đồng khác vào tác phẩm múa. Tuy nhiên, việc này cần được thực hiện trên cơ sở khoa học có sự tham gia của những người am hiểu tường tận những giá trị văn hóa truyền thống của nghệ thuật múa, những người đủ năng lực để chọn lựa những giá trị mới phù hợp với cái truyền thống. Việc đó bảo đảm rằng các tác phẩm múa mới được “trình làng” nhưng không đánh mất những nền tảng cốt lõi của cái truyền thống.

### 3. Những quan điểm lý thuyết về quản lý di sản

Các quan điểm lý thuyết về quản lý di sản văn hóa được G.J. Ashworth thể hiện trong cuốn *Elements of Planning and Managing Heritage Sites*, xuất bản năm 1997, được Bùi Hoài Sơn biên soạn và công bố năm 2008. Theo Ashworth, trong công tác quản lý di sản văn hóa, hoạt động bảo tồn di sản văn hóa bao gồm các quan điểm cơ bản sau: bảo tồn nguyên trạng, bảo tồn trên quan điểm kế thừa và quản lý di sản văn hóa. Những quan điểm này ra đời phát triển trong một chuỗi thời gian cụ thể như sau:

Quan điểm Tây Âu	Bảo tồn nguyên trạng	Bảo tồn trên quan điểm kế thừa	Quản lý di sản
1850			
1960			
1980			

Nguồn: Bùi Hoài Sơn: “Di sản (quản lý)” in trong Bùi Quang Thắng: *30 thuật ngữ nghiên cứu văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008, tr.82.

#### - Quan điểm bảo tồn nguyên trạng

Theo G. J. Ashworth, quan điểm bảo tồn nguyên trạng được phát triển đầu tiên từ những năm 1850 ở Tây Âu. Quan điểm này dường như đóng vai trò chủ đạo đối với các cách thức quản lý di sản ở các nước Tây Âu trong suốt một thời gian dài.

Những người theo quan điểm bảo tồn nguyên trạng cho rằng những sản phẩm của quá khứ nên được bảo tồn nguyên vẹn như nó vốn có để tránh tình trạng thế hệ hiện tại làm méo mó, biến dạng di sản. Mỗi di sản chứa đựng những giá trị văn hóa - xã hội nhất định mà không phải lúc nào thế hệ hiện

tại cũng có thể hiểu biết một cách cụ thể để có thể phát huy những giá trị ấy một cách thích hợp. Không những thế, những tác động của ngày hôm nay sẽ tạo nên những lớp văn hóa khác không trùng nghĩa với lớp văn hóa mà thế hệ trước chuyển giao cho thế hệ sau, vì thế, có thể làm cho các thế hệ sau nữa không thể truy nguyên được những giá trị của di sản đang tồn tại. Khi chúng ta chưa có đủ thông tin, trình độ hiểu biết để có thể lý giải giá trị của các di sản văn hóa một cách đúng nhất với nguyên gốc vốn có, thì giải pháp tối ưu nhất là nên giữ nguyên trạng những di sản này để khi có điều kiện, các thế hệ tiếp nối có thể xử lý, giải thích và tìm cách kế thừa, phát huy di sản một cách tốt hơn.

Những đặc điểm chính của quan điểm bảo tồn nguyên trạng được lý giải như sau: *Về mục đích*: nguyên tắc là đơn giản, dễ hiểu và là một đòi hỏi về mặt đạo đức; mục đích tối thượng là bảo tồn toàn bộ những gì có thể bảo tồn được. *Về nguồn lực*: Các nguồn di sản là căn cứ bất di bất dịch: các địa điểm di tích có một căn cứ lịch sử nhất định của nó; các sản phẩm được xác định và tạo ra trên cơ sở nguồn gốc của di sản. *Về tiêu chí lựa chọn di sản*: Tiêu chí lựa chọn phụ thuộc vào bản chất của di sản (có ý nghĩa về lịch sử, vẻ đẹp kiến trúc,...). Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn có thể quyết định một cách khách quan thông qua sự đồng thuận tập thể. Tính chân thực của di sản là yếu tố quyết định tối cao của giá trị. *Về các sản phẩm thuyết minh cho di sản*: Các địa điểm/đồ tạo tác được bảo tồn có một thị trường và một ý nghĩa toàn cầu, ổn định và đơn nghĩa. *Về chiến lược bảo tồn*: Có sự mâu thuẫn cố hữu giữa bảo tồn và phát triển. Những tác động của sự bảo tồn phản lại chức năng sẽ sinh ra những vấn đề phát sinh thứ cấp. Tăng việc sử dụng các sản phẩm được bảo tồn trong giai đoạn hiện thời phải phù hợp với công việc quản lý và nếu cần thiết phải giới hạn nhu cầu<sup>1</sup>.

Như vậy, quan điểm bảo tồn nguyên trạng chỉ phù hợp với những di sản văn hóa thiên về vật chất (các địa điểm/đồ tạo tác). Tuy nhiên, trong công tác quản lý di sản văn hóa, chúng ta có thể mở rộng đối tượng cần được bảo tồn theo quan điểm này ở những khía cạnh, mức độ nhất định nào đó đối với các

---

1. Xem Bùi Hoài Sơn: “Di sản (quản lý)” in trong Bùi Quang Thắng: *30 thuật ngữ nghiên cứu văn hóa, Sđd*, tr.79-81.

loại hình di sản văn hóa phi vật thể như nghệ thuật múa truyền thống của người Việt. Bởi chính đặc tính dễ “dao động”, “phi vật thể” của các loại hình nghệ thuật truyền thống như múa đã tạo ra những rủi ro đáng lo ngại về mức độ biến đổi các giá trị truyền thống - cốt lõi một cách mau lẹ. Trong bối cảnh đó, việc chọn lựa các giá trị, khía cạnh phù hợp của nghệ thuật múa để áp dụng quan điểm bảo tồn nguyên trạng là rất cần thiết. Mặt khác, dù nghệ thuật múa được xem là loại hình di sản văn hóa phi vật thể, nhưng để những giá trị này “tỏa sáng” thì cần những yếu tố vật thể như con người, đạo cụ, trang phục, hóa trang,... Do đó, chúng ta có thể bảo tồn nguyên trạng những yếu tố vật thể này thông qua số hóa dữ liệu như chụp hình, quay phim, vẽ động tác, văn bản hóa,...

*- Quan điểm bảo tồn trên cơ sở kế thừa*

Theo G.J. Ashworth, đến khoảng những năm 1960, trong lĩnh vực quản lý di sản văn hóa xuất hiện và phổ biến quan điểm bảo tồn di sản trên cơ sở kế thừa những giá trị độc đáo của di sản. Những nhà khoa học theo quan điểm này cho rằng dựa trên cơ sở mỗi di sản cần thực hiện nhiệm vụ lịch sử của mình ở một thời gian và không gian nhất định. Khi đó, di sản văn hóa ấy cần phát huy những giá trị nào phù hợp với bối cảnh đương đại, và những giá trị nào không còn phù hợp với bối cảnh mới thì cần phải loại bỏ. Những đặc điểm cơ bản của quan điểm này là: không chỉ những đồ tạo tác hay những tòa nhà mà cả các bộ sưu tập và các di sản khác cũng được bảo tồn dựa vào kế thừa. Các tiêu chí lựa chọn không phụ thuộc vào bản chất bên trong của di sản mà còn phụ thuộc vào những yếu tố bên ngoài - tức bối cảnh văn hóa - xã hội mà di sản đó đang “sống”. Bảo tồn trên quan điểm kế thừa quan tâm không chỉ đến hình thức mà còn quan tâm đến cả các chức năng của di sản<sup>1</sup>.

Nếu đặt công tác bảo tồn, phát huy những giá trị của nghệ thuật múa truyền thống của người Việt đối thoại với quan điểm bảo tồn kế thừa của G. J. Ashworth, chúng ta cần thừa nhận rằng không phải giá trị nào của các loại hình di sản văn hóa - trong đó có nghệ thuật múa cũng cần phải được bảo tồn nguyên trạng. Bởi nếu như vậy rất dễ tạo ra sự mâu thuẫn, xung đột, “không

---

1. Xem Bùi Hoài Sơn: “Di sản (quản lý)” in trong Bùi Quang Thắng: *30 thuật ngữ nghiên cứu văn hóa, Sđd*, tr.81-82.

hợp thời” của các giá trị đó với đời sống xã hội văn hóa - xã hội mà những di sản văn hóa đó đang “sống”. Các nhà khoa học, nhà quản lý cần phải xác định những giá trị nào của nghệ thuật múa truyền thống cần phải được bảo tồn nguyên trạng, những giá trị nào cần bảo tồn trên quan điểm kế thừa. Quan điểm bảo tồn này hoàn toàn phù hợp với những luận điểm khoa học cho rằng các di sản văn hóa dù là vật thể hay phi vật thể thì cũng không phải là những chủ thể “tĩnh” cố hữu mà nó có sức sống riêng. Tức là những giá trị của di sản văn hóa thực tế luôn có sự vận động và thay đổi ở những mức độ nhất định, nhiều khía cạnh khác nhau để nó không “lạc lõng” với môi trường tồn tại của nó. Quan điểm bảo tồn này hoàn toàn có thể phù hợp đối với nghệ thuật múa truyền thống của người Việt với tư cách là những di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc.

- *Quản lý di sản*

Hiện nay, trên thế giới, trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy di sản, các nhà khoa học, nhà quản lý đã phát triển quan điểm quản lý di sản văn hóa. Đây được xem là một sự phát triển mới về mặt lý luận đối với hệ thống lý thuyết bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Với quan điểm này, chúng ta có thể tránh được những tranh luận không có điểm dừng của việc bảo tồn nguyên trạng hay bảo tồn trên cơ sở kế thừa di sản văn hóa.

Quan điểm quản lý di sản được G.J. Ashworth cụ thể ở những khía cạnh: *Về mục đích bảo tồn di sản*: Chúng ta có nhiều mục đích có thể xảy ra và những mục đích này có thể trái ngược nhau. Di sản là sự lựa chọn có thể theo hoặc không theo ở các khía cạnh lịch sử, ký ức hoặc báu vật nên không có mục đích nào được xem là hoàn toàn đúng. *Về nguồn lực bảo tồn di sản*: Nhu cầu tạo ra nguồn lực. Do vậy, các nguồn lực không có giới hạn. Các điểm di sản có một cơ sở nguồn lực thay đổi. Nguồn lực được tạo ra bởi nhu cầu của thị trường sản phẩm. *Về tiêu chí lựa chọn di sản để bảo tồn*: Phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài; được xác định bởi thị trường. Độ chân thực của di sản nằm trong trải nghiệm và vì vậy không thể xác định một cách khách quan được. *Về các sản phẩm thuyết minh cho di sản*: Các di sản mang tính đa nghĩa, nhiều mục đích và không ổn định qua thời gian. *Về chiến lược*: Di sản là một chức năng và vì vậy là một lựa chọn cho phát triển, chính vì thế không có một sự mâu thuẫn cố hữu giữa bảo tồn và phát triển. Kế hoạch bảo tồn di sản không thể tách rời khỏi các chiến lược phát



triển khác. Việc tăng cầu đối với sản phẩm (di sản) phù hợp với việc tăng cung sản phẩm<sup>1</sup>.

Như vậy, quan điểm quản lý di sản mới đã thoát ra khỏi tư duy quản lý di sản trực tiếp, tránh những câu hỏi liên quan đến bảo tồn nguyên vẹn hay bảo tồn dựa trên cơ sở phát huy. Tuy nhiên, không phải các quan điểm về sau hoàn chỉnh và thay thế hoàn toàn quan điểm trước. Việc áp dụng quan điểm nào cũng cần phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, từ hoàn cảnh bảo tồn khách quan đến bản thân đối tượng cần được bảo tồn.

Ứng dụng quan điểm quản lý di sản vào công tác bảo tồn, phát huy những giá trị của nghệ thuật múa truyền thống của người Việt, vấn đề chúng ta cần quan tâm không đơn thuần chỉ là việc tìm những biện pháp để bảo tồn nguyên vẹn những giá trị gốc, mà chúng ta còn cần xem xét đúng mức đến các yếu tố của đời sống đương đại mà di sản đó đang tồn tại như nhu cầu, thị hiếu của công chúng, của thị trường văn hóa nghệ thuật; chính sách và hành lang pháp lý của Nhà nước; sự giới hạn của các nguồn lực, mức độ tương tác - đối thoại với các nền văn hóa của quốc tế;... Trên cơ sở những xem xét thấu đáo đó, chúng ta cần có những biện pháp bảo tồn, phát huy những giá trị của nghệ thuật múa truyền thống của người Việt một cách thích hợp nhất.

Một vấn đề khác cũng cần lưu tâm khi ứng dụng quan điểm quản lý di sản văn hóa mà G.J. Ashworth nhắc đến là chúng ta cần nhận diện và thừa nhận mối tương quan giữa công tác bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản văn hóa như nghệ thuật múa truyền thống của người Việt với bối cảnh chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội. Việc này sẽ giúp cho các nhà khoa học, nhà quản lý có thể đưa ra những giải pháp toàn diện và có tính chất bền vững hơn để phục vụ công tác bảo tồn và phát huy các giá trị của nghệ thuật múa truyền thống của người Việt. Ở một khía cạnh khác, việc nhận thức đầy đủ những chiều kích tương quan về chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa của dân tộc nói chung, nghệ thuật múa của người Việt nói riêng còn giúp các chủ thể chịu trách nhiệm trực tiếp công tác này, cũng như các bên liên quan có thể tránh được những rủi ro nghiêm trọng, cũng như kịp thời đề xuất các phương án dự phòng nhằm hạn

---

1. Xem Bùi Hoài Sơn: “Di sản (quản lý)” in trong Bùi Quang Thắng: *30 thuật ngữ nghiên cứu văn hóa, Sđd*, tr.82-85.

chế những thiệt hại ở mức thấp nhất khi rủi ro xảy ra trong quá trình bảo tồn, phát huy những giá trị của di sản đó.

\*

\* \*

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã có “tuổi đời” tròn 80 năm. Trong suốt gần một thế kỷ đó, dù văn kiện này chưa đầy 1.400 chữ nhưng đã trở thành một trong những kim chỉ nam quan trọng nhất cho quá trình lãnh, chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về văn hóa sau ngày đất nước giành được độc lập, dân tộc thoát khỏi ách nô lệ.

Dù 80 năm qua, thực tế Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra nhiều quan điểm lãnh, chỉ đạo công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển nền văn hóa của dân tộc đáp ứng cho mục tiêu xây dựng đất nước nói chung trong từng thời điểm, giai đoạn lịch sử khác nhau. Nhưng quan điểm xây dựng và phát triển nền văn hóa quốc gia theo định hướng “dân tộc, đại chúng, khoa học”, trong đó, quan điểm “khoa học hóa” - chống lại những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ của Đảng có ý nghĩa lý luận đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của dân tộc. Trong giới hạn của bài viết, các quan điểm được đưa ra có tính chất lý thuyết như chủ thể, bản sắc và tính sắc tộc; quản lý di sản trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa truyền thống của người Việt. Góc độ tiếp cận này như là một cơ sở lý luận góp phần hiện thực hóa quan điểm “khoa học hóa” trong bối cảnh văn hóa - xã hội ở thế kỷ XXI mà Đảng ta đã nêu ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

## VĂN HÓA VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG KỶ NGUYÊN KỸ THUẬT SỐ

GS.TS. PHẠM TẮT DONG\*

### I- TÍNH HIỆN ĐẠI CỦA VĂN HÓA

Năm 1952, hai nhà “Nhân loại học” Alfred Kroeber và Clyde Kluckhohn đã thống kê được 164 định nghĩa về văn hóa từ các công trình nghiên cứu khoa học nổi tiếng. Từ thời điểm đó đến nay đã hơn 70 năm phát triển, xã hội đã bỏ lại đằng sau nền văn minh nông nghiệp và nền văn minh công nghiệp để tiến vào nền văn minh công nghệ. Giờ đây, xã hội thông minh đang hình thành và phát triển, nền sản xuất đã có những thay đổi về nguyên lý, lối sống trong kỷ nguyên số đã đặt ra những cách ứng xử của con người với thế giới xung quanh - thế giới hiện thực và thế giới hiện thực ảo - mà trong xã hội cũ không đặt ra. Qua 2/3 thế kỷ ấy, có biết bao những hiểu biết mới về văn hóa, từ đó có thêm những định nghĩa mới, bổ sung để chúng ta có thể đi vào tầng sâu về bản chất của khái niệm văn hóa.

Khái niệm văn hóa có lịch sử phát triển cổ xưa như lịch sử phát triển của ý thức. Trên bậc thang tiến hóa của muôn loài có một cái hố ngăn cách về sự phát triển của con người và toàn bộ những sinh vật còn lại trong thế giới tự nhiên. Ở bên bờ này của cái hố đó là những con người, bắt đầu từ những người thông minh “homo sapiens” (người tinh khôn) cho đến người hiện đại của thế kỷ XXI hiện nay. Từ đó, trên bậc thang tiến hóa của mình, con người không thay đổi về cơ cấu sinh lý giải phẫu để thích nghi với thế giới bên ngoài đang từng ngày từng giờ thay đổi, mà họ tạo ra những “thế giới đồ vật” gồm những giá trị vật chất và tinh thần. Cái “thế giới đồ vật” ấy là văn hóa.

---

\* Hội Khuyến học Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh giúp chúng ta hiểu rõ hơn về khái niệm này:

*“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”<sup>1</sup>.*

Lao động là hoạt động của con người làm ra các sản phẩm vật chất và tinh thần, tạo ra cho xung quanh một thế giới đồ vật mà muôn loài còn lại không có khả năng làm ra. Dù là lao động chân tay hay lao động trí tuệ, thực chất của việc làm ra các đồ vật chính là quá trình chuyển “*sức mạnh bản chất con người*” (năng lực) vào đồ vật. Khi chúng ta học tập hoặc được đào tạo để sử dụng được những đồ vật do người khác sáng tạo ra, điều đó có nghĩa là chúng ta đã lấy ra từ sản phẩm đó sức mạnh bản chất ấy để thành sức mạnh của chính mình.

Con người với văn hóa của mình thay đổi, cải tạo thế giới bên ngoài, bắt thế giới đó phù hợp với những đặc điểm tâm lý và thể chất của mình. Có văn hóa là có năng lực thích nghi. Viện sĩ người Mỹ (1840-1910), giáo sư Đại học Yale Albert Galloway Keller đã có quan niệm thú vị về vấn đề này: “*Văn hóa là tổng thể những thích nghi của con người với các điều kiện sinh sống của họ*”.

Thế giới đồ vật xung quanh ta càng nhiều, càng hiện đại, càng đa dạng thì đó là dấu hiệu của nền văn hóa phát triển và hiện đại. Chúng ta so sánh trình độ văn hóa của dân tộc này với dân tộc khác, quốc gia này với quốc gia kia thường căn cứ vào những trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất, vào những phương tiện giao thông, vào hệ thống nhà máy, đường xe lửa, các nhà hàng ăn uống, các sản phẩm tiêu dùng. Cho nên, để hiểu chính xác văn hóa là gì, định nghĩa của Pitirim Alexandrovich Sorokin (1889-1968), người Mỹ gốc Nga là một căn cứ. Ông viết: “*Với nghĩa rộng nhất, văn hóa chỉ tổng thể những gì được tạo ra, hay được cải biến bởi hoạt động có ý thức hoặc vô ý thức của hai hay nhiều cá nhân tương tác với nhau và tác động đến lối ứng xử của nhau*”.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

Văn hóa là của con người, do con người sáng tạo ra và vì lợi ích của con người. Song, văn hóa của một cộng đồng, một quốc gia lại sáng tạo ra con người của nơi đó.

Thuật ngữ “Văn hóa” bắt nguồn từ chữ La tinh “Cultus” với nghĩa là gieo trồng. “Cultus Agri” là gieo trồng trên đất đai, “Cultus Animi” là gieo trồng tinh thần. Giáo dục là một hoạt động “cultus animi”. Thomas Hobbes (1588-1679), nhà triết học người Anh, viết rằng, lao động dành cho đất đai để có nguồn sống; lao động dành cho tinh thần để có những con người cho tương lai. Còn tôi nghĩ rằng, gieo trồng trong xã hội sẽ tạo nên văn hóa ứng xử giữa con người trong xã hội, tạo nên tinh thần chung sống cùng nhau, tạo nên một thế giới hòa bình, phát triển bền vững.

Như trên đã nói, bên bờ của cái hố ngăn cách trình độ tiến hóa, người tinh khôn sống theo văn hóa của mình. Mọi hành vi, hành động, suy nghĩ của con người đều được kiểm soát bởi ý thức. Ở bên bờ đối diện là thế giới động vật - những sinh linh đó dù có trình độ trí khôn nào đó cũng chỉ sống bằng những bản năng. Để thích nghi với hoàn cảnh, chúng không thể sáng tạo ra “thế giới đồ vật”, và phương thức thích nghi duy nhất là thay đổi cơ thể mình cho phù hợp với hoàn cảnh. Chúng chưa bao giờ có được một biểu hiện của một đời sống văn hóa, do đó, chúng chưa bao giờ có năng lực tách ra khỏi ngoại giới. Năng lực đó là ý thức. Về điều này, nhà Tâm lý học người Nga X.L. Rubinstein viết rằng: *“Ý thức là tri thức về điều ngoài ta, về khách thể đối diện với chủ thể nhận thức. Ý thức chỉ sinh ra từ con người, vì con người là một chủ thể tự tách mình ra khỏi ngoại giới, và tách ngoại giới ra khỏi mình như là một khách thể, một sự vật”*. Định nghĩa này không dễ gì đọc một lần là hiểu và cũng có thể đọc một số lần vẫn chưa thật hiểu, nhưng chắc là, ai cũng thấy có một quan hệ bắc cầu: văn hóa → ý thức → tri thức.

Tri thức là những kiến thức, thông tin, những kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi. “Tri” và “Thức” trong tiếng Việt đều là biết. Đứng trước một sự vật, một hiện tượng mà nói được “nó” là cái gì thì đó mới là hiểu. Còn khi nói được nó có nguồn gốc từ đâu, nó tồn tại theo cơ chế nào, tạo ra nó bằng phương thức nào thì mới gọi là biết. Biết tạo ra văn hóa, tức là tạo ra sự vật, đạo đức, lối sống, thói quen... Cả thế giới này đều sinh thành từ tri thức. Xã hội càng tiến lên, nhân loại càng văn minh, thế giới càng đổi mới, xét đến cùng là nhờ tri thức, nhờ văn hóa. Tri thức thời đại công

nghệ số, kỹ thuật số đang tăng lên theo cấp số nhân. Vì thế, văn hóa luôn đổi mới, luôn vận động và tính hiện đại của văn hóa nói lên sự tồn tại bền vững của nhân loại.

## II- NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA XÃ HỘI HIỆN ĐẠI PHẢI TÍNH ĐẾN ĐỂ BẢO ĐẢM TÍNH HIỆN ĐẠI CỦA VĂN HÓA

### 1. Một biến đổi vĩ đại mang tính cách mạng giáo dục trên toàn cầu: Sự phát triển xã hội học tập

Nếu như văn hóa được hiểu là những gì được tạo ra, được cải biến, được đổi mới và sáng tạo do năng lực của con người thì vấn đề đặt ra rất nghiêm túc là cái gì đã tạo ra cho con người năng lực đó? Câu trả lời là tri thức (Knowledge).

Trong xã hội hiện đại, những người được coi là có hiểu biết, người có văn hóa đều khẳng định rằng, thế giới của chúng ta sinh thành từ tri thức. Từ ngàn năm về trước, những người có học cũng khẳng định điều này. Nhà triết học cổ đại người Hy Lạp, ông Socrates (470-399 TCN) cũng nói như chúng ta hiện nay: *“Mọi tri thức liên quan đến bản chất và cuộc sống con người đều đáng được sở hữu và cần phải tích lũy”*. Socrates còn cho rằng, đạo đức con người, đức hạnh của con người cũng từ tri thức. *“Điều tốt đẹp duy nhất là tri thức. Điều xấu xa duy nhất là sự thờ ơ”*.

Từ cuối thế kỷ XX đến nay, nhân loại đang từng bước phát triển nền kinh tế tri thức. Nếu như nền kinh tế công nghiệp cần tới hơn 400 năm để thay thế nền kinh tế nông nghiệp thì nền kinh tế công nghiệp sẽ bị nhường chỗ cho nền kinh tế tri thức chỉ trong một thời gian chưa quá nửa thế kỷ. Sự thay thế nhanh chóng và vĩ đại này cũng nhờ vào tri thức. Chỉ có điều là, *những tri thức hiện đại hôm nay đã được sản sinh ra theo tốc độ hàm số mũ*. Gia tốc phát triển (Acceleration) của tri thức hiện đại được tạo ra bởi xã hội học tập (The Learning Society). Giờ đây, quốc gia nào không tham gia vào xu thế phát triển xã hội học tập đều đang trong tình trạng tụt hậu ngày càng nhanh so với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của thế giới đương đại.

Xã hội học tập được xây dựng với những yêu cầu cơ bản sau đây:

*Một là*, phải hình thành một hệ thống giáo dục mở - một hệ thống giáo dục mà tại mọi cấp học, ngành học đều không có bất cứ rào cản nào đối với cơ hội học tập của con người. Giáo dục mở là điều kiện quyết định tạo ra chất

lượng cao cho nguồn nhân lực và nhân lực tại chỗ nhờ vào phương thức giáo dục thường xuyên, đào tạo liên tục, học tập suốt đời.

Trước đây, thế giới đề cao khẩu hiệu “Giáo dục cho mọi người” (Education for All). Ngày nay, khẩu hiệu đó được thay bằng khẩu hiệu “*Học tập suốt đời cho mọi người*” (Lifelong learning for All).

Chỉ có hệ thống giáo dục bảo đảm cho công dân học tập suốt đời mới thực hiện được ý tưởng “đại chúng hóa giáo dục đại học”, mà mục đích sâu xa là đào tạo cho xã hội những lao động tri thức (Knowledge workers, knowledge labourer).

Lao động tri thức gồm những cán bộ, công chức, viên chức, công nhân kỹ thuật và nông dân trong xã hội tri thức, là mô hình đào tạo mà nền giáo dục mở hướng tới. Nói cho cùng, đó là những con người được tri thức hóa (intellectualized people) là người có văn hóa (Cultured people).

*Hai là*, xã hội học tập thực hiện việc học tập suốt đời cho mọi công dân, nghĩa là, bất cứ ai, không kể tuổi tác, giới tính, tôn giáo, nghề nghiệp, trình độ học vấn, địa vị xã hội... đều có quyền lợi cũng như có nghĩa vụ học tập, sao cho không có cá nhân nào bị loại trừ khỏi những dịch vụ học tập.

Ngày nay, UNESCO kêu gọi các quốc gia xây dựng xã hội học tập, trong đó việc học tập của từng thành viên phải bảo đảm những yêu cầu sau:

- Con người thực hiện vòng giáo dục ban đầu (Initial education) và sau đó tham gia thường xuyên vào vòng giáo dục tiếp tục (Continuing education) để làm giàu tri thức từ bậc giáo dục phổ thông đến đại học.

- Các quốc gia đều phải tôn trọng và thực hiện việc đưa giáo dục - học tập vào tận gia đình và trong mọi cộng đồng dân cư.

- Sử dụng công nghệ giáo dục hiện đại để mọi người có thể học ở trường lớp, ở nhà, tại nơi làm việc, học mọi lúc mọi người, học kịp thời những điều cần học vì công việc và vì sự phát triển của mỗi người.

- Bảo đảm chất lượng và hiệu quả học tập, thông qua học tập để phát huy tận lực những năng lực tiềm ẩn, chưa có cơ hội bộc lộ.

- Xây dựng văn hóa học tập suốt đời.

## **2. Mô hình con người có văn hóa trong kinh tế tri thức**

Ta thường nói, công dân là thành viên của xã hội, gia đình là tế bào của xã hội, do đó, trong xây dựng xã hội học tập, xây dựng mô hình công dân học

tập chính là tạo ra những thành viên phù hợp với đặc trưng của xã hội lấy học tập suốt đời như cứu cánh của việc đào tạo.

Công dân học tập là người dân thực hiện nghĩa vụ học tập suốt đời theo những quy định của Nhà nước. Việc học tập suốt đời bao gồm những giai đoạn học tập nối tiếp nhau, ta gọi là những chu kỳ học tập. Mỗi chu kỳ được chia thành 2 hành trình:

Hành trình thứ nhất: Hướng tới tri thức (The journey to get knowledge).

Hành trình thứ hai: Kiến tạo tri thức (The journey for creating knowledge).

Hai hành trình nối tiếp nhau, bắt đầu từ việc tìm kiếm thông tin và tri thức, sau đó là xử lý những gì đã tiếp cận và lĩnh hội để sáng tạo ra tri thức mới dưới hình thức một khái niệm (concept) hay ý tưởng mới (idea), góp thêm cho kho tàng tri thức của nhân loại một sáng kiến (initiative) hay một phát minh mới (invention)...

Cuộc đời học tập suốt đời là hành trình đi cùng tri thức (The journey being with knowledge). Khi hành trình ấy kết thúc vì lý do bất khả kháng nào đó thì nó sẽ được thực hiện do một cá nhân khác, trong thời gian khác và không gian khác.

Tổng kết những hành trình đi tìm tri thức để tiến hành cách mạng và xây dựng đất nước, Hồ Chí Minh rút ra một triết lý giáo dục “Học không bao giờ cùng”. Trong giai đoạn 2021-2023, nhân dân ta đang bắt tay vào việc thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 3/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về “Xây dựng mô hình công dân học tập, lấy tấm gương “học không bao giờ cùng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam của hành trình suốt đời tìm kiếm tri thức, xây dựng xã hội văn hóa và văn minh.

### **3. Xây dựng các tổ chức học tập, hình thành văn hóa học tập trong các tập thể lao động**

Trước hết, cần làm rõ khái niệm “tổ chức” mà tác giả sử dụng trong bài viết này.

Tổ chức là thuật ngữ dùng để chỉ một tập hợp người cùng làm một việc vì những mục đích chung trong một hình thái cơ cấu ổn định. Nói cụ thể hơn, một cơ sở sản xuất, một trường học, bệnh viện, một đơn vị công tác trong một



doanh nghiệp, một học viện hay một đơn vị quân đội, một cơ quan hành chính, v.v. đều được coi là một tổ chức.

Dùng một lát cắt dọc theo thuật ngữ này, ta thấy tổ chức có những đặc trưng sau:

- Mọi tổ chức đều mang tính mục đích rõ ràng. Tổ chức là công cụ để thực hiện mục đích.

- Trong tổ chức, mọi người cùng làm một công việc với một mục đích chung.

- Mọi tổ chức trong một hệ thống đều chia sẻ mục tiêu lớn của hệ thống.

- Mọi tổ chức đều mang tính mở. Trong sự tương tác với các đối tượng khác nhau, tổ chức luôn cần đến tính mở và sự thích ứng linh hoạt.

- Mọi tổ chức đều có sự quản lý theo một cơ chế hoạt động nhất định.

Tất cả những cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong tổ chức đều phải học suốt đời vì công việc của tổ chức, do đó, phải đưa việc học vào tổ chức còn gọi là thực hiện việc học trong tổ chức (Organizational learning), do đó, tổ chức là một cái nôi nuôi dưỡng những con người học tập suốt đời. Một tổ chức không đưa được việc học đến từng thành viên thì chắc chắn năng lực cạnh tranh, năng suất lao động, chất lượng nhân lực, trình độ sử dụng công nghệ hiện đại, uy tín của thương hiệu... sẽ có vấn đề phải xem lại. Không ít tổ chức kinh doanh và dịch vụ bị phá sản là do không thực hiện được việc học tập thường xuyên trong đơn vị mình.

Nói một cách khái quát, không học tập thì tổ chức sẽ không thể có văn hóa lao động, văn hóa kinh doanh, văn hóa nghề nghiệp, v.v. và đương nhiên, tổ chức mất đi đối tác, thương hiệu, thị phần làm ăn.

Trước đây, để tạo ra môi trường học tập trong tổ chức, người ta hình thành nên một phương thức để mọi thành viên thực hiện. Đó là lấy huấn luyện để tạo ra sự phát triển (Training - Development). Nhưng dần dần, những người lãnh đạo tổ chức nhận ra rằng, phương thức đó đã làm mất đi tính tích cực, chủ động của từng thành viên, do đó, họ yêu cầu mỗi cá nhân trong đơn vị công tác phải có kế hoạch học tập gắn với kế hoạch tự học, từ đó, xây dựng nên phương thức “Học tập - phát triển” (Learning - Development).

Ở Việt Nam, theo Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021-2030”, những tổ chức đạt được yêu cầu học tập theo quy định của Nhà nước sẽ được nhận danh hiệu **“Đơn vị học tập”**.

### 3. Quốc gia chuyển đổi số và sự hình thành mô hình “Công dân số”

Khi thực hiện chuyển đổi số trong quốc gia, kết quả đầu tiên là chúng ta có chính phủ số, nền kinh tế số và một xã hội số. Toàn bộ những hoạt động xã hội từ lao động sản xuất, thương mại, dịch vụ, giao thông, logistics, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí sẽ được thực hiện trong không gian mạng (Cyberspace).

Hiện nay, không gian mạng đã phát triển mạnh mẽ dưới sự tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xã hội thông minh hình thành khi không gian mạng mở rộng.

Tham gia hoạt động trong không gian mạng là những trải nghiệm xã hội, trong đó các cá nhân có thể tương tác, trao đổi ý kiến, chia sẻ thông tin, cung cấp các hỗ trợ xã hội, tranh luận và đánh giá những hiện tượng, những sự kiện liên quan đến đạo đức, chính trị, luật pháp, kinh tế, kinh doanh, chiến tranh và những xung đột có vũ trang, chiến tranh lạnh, ngoại giao và quan hệ quốc tế, những va chạm chính kiến và những cuộc đối đầu văn hóa, v.v..

Để sống, hoạt động trong không gian mạng, chúng ta cần chú ý tới những đặc điểm sau của không gian mạng:

- Không gian mạng mở rộng phạm vi ra toàn cầu, một sự kiện ở địa phương xảy ra, không chỉ một vùng, mà chỉ trong giây lát cả nước biết đến, thế giới cũng biết đến. Thông tin trong xã hội hiện thực - ảo sẽ truyền lan cực kỳ mau lẹ so với xã hội hiện thực.

- Những thông tin bổ ích, những thành quả của khoa học và kỹ thuật, những nét văn hóa mới và lối sống mới... được chia sẻ đến tất cả những ai có điều kiện truy cập mạng.

Cùng với mặt tích cực đó, trong không gian mạng cũng xảy ra những hiện tượng, những sự kiện có hại, nguy hiểm như ăn cắp thông tin, khủng bố tâm lý trên mạng, hoạt động gián điệp, chiếm đoạt tài sản, tuyên truyền xuyên tạc để hạ uy tín của chính quyền, kích động tâm lý chiến tranh, gây thù hận giữa các dân tộc, gây nhiễu thông tin, tung tin xấu...

- Không ít người đã thiếu hiểu biết về an ninh mạng, về lối ứng xử có văn hóa trên mạng nên đã vô tình để bọn xấu lợi dụng. Trong khi đó, một số không ít người lại không biết tôn trọng người khác trên mạng, đã khích bác, đả kích, bôi nhọ nhân cách người khác qua các mạng xã hội.

Vì vậy, vấn đề về Luật an ninh mạng và xây dựng các quy định hành vi văn hóa mạng là vô cùng cần thiết, có tính bức thiết. Từ đây, một nhiệm vụ đặt ra trong giáo dục là xây dựng mô hình “Công dân số” (Digital Citizen).

Về thực chất, Công dân số là công dân học tập. Trong điều kiện triển khai chủ trương chuyển đổi số quốc gia, mọi công dân học tập đều phải được trang bị những kỹ năng số để sống, học tập, lao động thích hợp với môi trường số.

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, nhiều cuộc Hội thảo khoa học bàn về những kỹ năng số (Digital Skills) cần hình thành ở những công dân số. Nhìn chung, nhiều nhà khoa học và giáo dục thường đề xuất những kỹ năng dưới đây:

- Kỹ năng truy cập số (Digital access).
- Kỹ năng thương mại số (Digital Commerce).
- Kỹ năng truyền thông số (Digital communication).
- Kỹ năng sử dụng kiến thức số (Digital Literacy).
- Kỹ năng thực hiện nghi thức số (Digital Etiquette).
- Kỹ năng thực hiện luật lệ số (Digital Law).
- Kỹ năng thực hiện quyền và trách nhiệm số (Digital Rights & Responsibilities).
- Kỹ năng bảo vệ sức khỏe thể chất và tâm lý số (Digital Health & Wellness).
- Kỹ năng tuân thủ an ninh số (Digital Security).

Việc xác định những kỹ năng số cho công dân số còn đang được nghiên cứu bởi việc này phải chờ đợi những quy định của Nhà nước về những hành vi văn hóa mạng và những luật định về bảo vệ những giá trị trên các mạng xã hội.

#### **4. Công dân toàn cầu trong xu thế phát triển của quá trình toàn cầu hóa**

Dòng chảy toàn cầu hóa mang theo rất nhiều giá trị khác nhau từ quốc gia này tới quốc gia khác, tạo nên một thế giới dần dần có độ phẳng hơn trước. Trong các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ, khoa học, giáo dục... nhiều giá trị đã thẩm thấu qua biên giới quốc gia, làm cho các quốc gia dần dần có những nét giống nhau trong ẩm thực, thời trang, vui chơi, giải trí, học hành...

Từ lâu, nhà tương lai học John Naisbitt đã thốt lên rằng, “Từ Toronto đến Bắc Kinh, các cô gái đều mặc quần bò như nhau”. Đâu đâu cũng thấy người ta nhai singum Cool air. Các cửa hàng McDonald’s mọc khắp các quốc gia. Giới trẻ đổ xô vào các cửa hàng KFC để tìm ăn món gà rán truyền thống Original Recipe... Nhưng có một hiện tượng đặc biệt, mà có lẽ là từ sự hình thành các công ty đa quốc gia, người ta thấy xuất hiện mẫu người “công dân toàn cầu”.

Công dân toàn cầu được hiểu là những người sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, có thể có một hoặc nhiều quốc tịch, và do đó, họ mang trong nhân cách của mình nhiều màu sắc văn hóa ngoài những nét văn hóa bản địa - nơi chính sinh ra họ mà họ gọi là quê hương.

Công dân toàn cầu là người đi ra thế giới mà không bị các rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và việc làm. Họ tôn trọng văn hóa của dân tộc khác, chấp nhận luật pháp của quốc gia khác và chung sống với người khác về văn hóa, tập tục, thói quen là một phẩm chất cần thiết với họ.

Một số nhà nghiên cứu về mô hình “công dân toàn cầu” đưa ra kết luận rằng, để có được những con người loại hình này thì phải giúp họ đạt 3 tiêu chí sau:

- Tri thức toàn cầu (Global Knowledge): Những tri thức mới nhất về khoa học và công nghệ cần cho việc áp dụng vào những công việc trong những quốc gia khác nhau, những hiểu biết về văn hóa, về con người - nơi mà họ sẽ đến làm việc...

- Kỹ năng toàn cầu (Global skills): Những kỹ năng cứng, kỹ năng mềm cần có để thích nghi với môi trường làm việc quốc tế, những kỹ năng sống để chung sống trong môi trường đa văn hóa...

- Cơ hội việc làm toàn cầu (Global employments): Mục tiêu chính của việc đào tạo công dân toàn cầu là hình thành ở con người năng lực tìm kiếm việc làm, tham gia lao động - nghề nghiệp ở nước ngoài. Vì thế, phải trang bị cho họ những năng lực cốt lõi, những kỹ năng cơ bản, những phẩm chất mong muốn để có điều kiện nắm lấy những cơ hội được tuyển chọn, được chấp nhận làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học của các quốc gia mà họ đến.

Theo thời gian, số người trở thành công dân toàn cầu sẽ ngày càng đông đảo hơn.

Hiện nay, tính đến hết năm 2022, những người thuộc thế hệ Y (Thế hệ thiên niên kỷ: Millennials Generation) chiếm khoảng 37% dân số Việt Nam. Thế hệ này gồm những người từ 28 tuổi đến 42 tuổi. Lực lượng lao động hiện nay (lực lượng lao động tại chỗ) sung sức nhất vào thời điểm này hoàn toàn thuộc thế hệ Y.

Đây là thế hệ đầu tiên được tiếp xúc với kỹ thuật của thời đại thông tin. Nhờ đó, họ tiếp xúc với những ứng dụng kỹ thuật số không gặp khó khăn. Đa số trong họ đã làm quen với các mạng xã hội, với các forum hay các blog.

Thế hệ Y được học hành tốt hơn, bài bản hơn so với thế hệ đàn anh (Thế hệ X). Họ đang bị cuốn vào cuộc vận động phấn đấu trở thành công dân học tập. Số lượng người thuộc thế hệ Y có điều kiện trở thành công dân toàn cầu chưa nhiều.

Thế hệ đàn em của Y là thế hệ Z, bao gồm những người sinh ra trong khoảng thời gian 1997-2012. Đây là thế hệ người đang ở độ tuổi 11 - 26 tuổi, đang học từ cấp phổ thông cơ sở đến đại học; một số mới ra trường, tham gia vào hệ thống nghề nghiệp với thâm niên còn rất thấp.

Thế hệ Z được gọi bằng nhiều tên khác nhau như Gen Tech (Generation Technology - Thế hệ công nghệ), Gen Net (Generation Network - Thế hệ mạng). Đây là thế hệ kỹ thuật số ở Việt Nam, vì khi họ ra đời đã có sự du nhập của Internet (1995), sau đó là Facebook (2004), Youtube (2005), Iphone (2007), v.v..

Thế hệ Z có sự vượt trội so với thế hệ Y và X về năng lực học ngoại ngữ và những kỹ năng sử dụng các thiết bị thông tin thông minh, sự giao tiếp rộng rãi trên mạng, sự thích ứng nhanh chóng với thế giới hiện thực - ảo.

Thế hệ Z đang trải nghiệm thế giới VUCA (dùng để mô tả về thế giới “đa cực” được xác lập khi có 4 điều kiện: biến động (Volatility), bất định (Uncertainty), phức tạp (Complexity) và mơ hồ (Ambiguity), nhất là trải nghiệm qua những biến động và đầy bất thường của đại dịch Covid-19 và cuộc chiến Nga - Ucraina. Sự trải nghiệm đó sẽ làm tăng những năng lực và những phẩm chất cần thiết để thế hệ Z thích ứng tốt với kỷ nguyên số như hợp tác (Collaboration), giao tiếp (Communication), tư duy phản biện (Critical thinking), học tập suốt đời (Lifelong learning)...

Thế hệ trẻ nhất trên thế giới hiện nay là thế hệ Alpha. Thế hệ này gồm những trẻ em bắt đầu được sinh ra từ năm 2013 và đứa trẻ cuối cùng của thế hệ Alpha sẽ ra đời vào năm 2027.

Thế hệ Alpha được đặt bằng nhiều cái tên nghe rất thú vị: Thế hệ kính (Glass Generation), thế hệ màn hình (Screenager Generation), Thế hệ Internet (iGeneration).

Jean Twenge - giáo sư Trường đại học San Diego (Mỹ) mô tả thế hệ Alpha như sau: “Mọi mặt cuộc sống của iGen với điện thoại thông minh: học bài, chơi game, kết bạn, trò chuyện, đọc sách... đều dựa trên phương tiện thông minh”.

Mark McClindle nhà nghiên cứu xã hội người Úc thì ví máy tính bảng là cô bảo mẫu của lũ trẻ Alpha. Học và chơi dựa chính vào màn hình. Thế giới vật lý không hấp dẫn bọn trẻ Alpha bằng thế giới hiện thực ảo.

Sự bùng nổ của công nghệ sẽ làm cho con người Alpha thành thế hệ có năng lực kết nối toàn cầu. Các em sẽ học tập, du lịch, làm việc giữa các quốc gia mà không gặp rào cản nào về ngôn ngữ và văn hóa. Thế hệ Alpha sẽ định nghĩa lại khái niệm “việc làm”, thay đổi mô hình trường học và mô hình giáo dục, làm mờ ranh giới địa lý, làm giảm đi sự cách biệt văn hóa bản địa với văn hóa toàn cầu. Họ sẽ kết nối với nhau trong ngôi nhà toàn cầu.

\*

\* \*

Nền văn hóa với tính dân tộc, khoa học, đại chúng có giá trị hết sức cơ bản cho sự phát triển của xã hội. Nền văn hóa đó đã nói lên rằng, nó là cội nguồn sức mạnh của dân tộc ta, của đất nước ta, là động lực phát triển đưa quốc gia của chúng ta đi vào hiện đại.

Để đi vào xã hội tri thức, và tiếp theo là xã hội thông minh, chúng ta cần bổ sung nhiều giá trị mới để hoàn chỉnh nền văn hóa trong những điều kiện mới. Đó là văn hóa học tập suốt đời, văn hóa mạng, lối sống của công dân toàn cầu, đạo đức nghề nghiệp trong hệ thống công nghiệp thông minh, v.v..

Điều kiện hàng đầu để Việt Nam hội nhập hiệu quả vào thế giới hiện đại, sánh vai với các quốc gia hùng mạnh, chung sống hòa bình với tất cả các dân tộc trong một ngôi nhà toàn cầu chính là nền văn hóa hiện đại mà chúng ta cần xây dựng, vun đắp.

**NAM ĐỊNH ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG  
MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA LÀNH MẠNH, GÓP PHẦN  
THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,  
KHẲNG ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN  
HÓA VIỆT NAM” TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ**

TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG\*

Nam Định, quê hương phát tích của Vương triều Trần với hào khí Đông A ba lần chiến thắng giặc Mông - Nguyên rạng danh đất nước, là nơi sản sinh và hun đúc nên nhiều bậc hiền tài, những chiến sĩ cách mạng tiên bối, những nhà lãnh đạo cách mạng xuất sắc của Đảng, tiêu biểu là đồng chí Trường Chinh - Người có đóng góp to lớn đối với công tác văn hóa, văn nghệ của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng con người ở nước ta. Từ trong quá trình vận động tiến hành Cách mạng Tháng Tám, đồng chí Trường Chinh đã sớm đặt cơ sở lý luận cho việc xây dựng một nền văn hóa mới Việt Nam theo phương châm “dân tộc, đại chúng, khoa học” thể hiện trong bản dự thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được Ban Thường vụ Trung ương Đảng thông qua tháng 2/1943. Có thể nói, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và sau đó là các tác phẩm *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam lúc này*, *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam...* cùng hàng loạt tác phẩm và các bài viết khác của đồng chí đã tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh những quan điểm đúng đắn, sắc bén và sáng tạo của Đảng ta trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào văn hóa và nghệ thuật Việt Nam. Đây được coi là những tác phẩm đặt cơ sở lý luận cho đường

---

\* Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định.

lối xây dựng nền văn hóa, văn nghệ cách mạng của Việt Nam. Và đến hôm nay, 80 năm đã trôi qua nhưng những tư tưởng của bản *Đề cương* vẫn còn nguyên giá trị, góp phần định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

Hội thảo khoa học “80 năm *Đề cương* về văn hóa Việt Nam (1943-2023) - Cội nguồn và động lực phát triển” được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức là một cơ hội to lớn để chúng ta nhận diện, làm rõ các giá trị cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, nhìn lại quá trình vận dụng, phát huy giá trị của *Đề cương* trong quá trình phát triển của đất nước, nhất là đối với những người trực tiếp làm công tác văn hóa, thể thao và du lịch. Thời gian tổ chức hội thảo là những ngày cuối tháng 2/2023, là một thời điểm rất ý nghĩa bởi đó là dấu mốc *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được thông qua, ban hành và cũng là tháng sinh của người khởi thảo ra bản *Đề cương* đó (9/2/1907). Và nhân dịp kỷ niệm 116 năm Ngày sinh của đồng chí Trường Chinh, tỉnh Nam Định đã tập trung tuyên truyền, ôn lại về tiểu sử và quá trình đóng góp to lớn của đồng chí trong hoạt động cách mạng, trong đó nhấn mạnh về giá trị của bản *Đề cương* trong tiến trình lịch sử 80 năm hình thành.

Về hoàn cảnh ra đời và ý nghĩa lịch sử của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, có thể nói, văn kiện ra đời trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội rối ren của đất nước, cách mạng Việt Nam đang đứng trước tình thế vô cùng gay go, căng thẳng và đang phải tập trung cho cách mạng giải phóng dân tộc đã khẳng định vị trí rất đặc biệt của văn hóa đã được Đảng xác định ngay từ ban đầu khi lãnh đạo phong trào cách mạng cũng như tiếp tục dẫn dắt đất nước phát triển trong quá trình đổi mới và hội nhập. Đảng luôn quan tâm đến văn hóa và *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời chính là ngọn đuốc soi đường, định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động văn hóa cho toàn Đảng, toàn dân.

Về nội dung, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được trình bày theo cấu trúc 5 phần:

Phần I: Cách đặt vấn đề;

Phần II: Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam;

Phần III: Nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật, Pháp;

Phần IV: Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam;



Phần V: Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam.

Tuy ngắn gọn, súc tích nhưng bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thể hiện rõ các quan điểm, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc cần hướng đến. Đề cương khẳng định: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa”<sup>1</sup>. Dựa trên quan điểm mácxít, Đề cương nêu ba nguyên tắc lớn trong cuộc vận động xây dựng nền văn hóa Việt Nam, đó là dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa với sự thống nhất biện chứng không thể tách rời, phản ánh đúng thực trạng và nhu cầu bức thiết của cuộc vận động văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ.

Từ sau bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và những lần tổng kết đánh giá của Đảng, nhất là tại hội nghị kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (27/12/1983), Đảng ta nhận thấy: *Đề cương về văn hóa Việt Nam* không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam. Ví dụ: cách mạng tư tưởng đề ra còn quá sơ sài, vấn đề xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa được đề cập tới... nhưng Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam, tư duy lý luận của Đảng về văn hóa ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh hơn. Cụ thể như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (1998) bổ sung thêm các lĩnh vực như: tư tưởng, đạo đức, lối sống; di sản văn hóa; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn học, nghệ thuật; thông tin đại chúng; giao lưu văn hóa với thế giới; thể chế và thiết chế văn hóa; đồng thời xác định vai trò, vị trí của văn hóa, nêu rõ những nhiệm vụ của văn hóa như phải giữ gìn nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới và khẳng định sự nghiệp văn hóa là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và Cương lĩnh (bổ sung,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12.

phát triển năm 2011) nêu rõ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” khẳng định: Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam; Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014) đã nhấn mạnh đến vai trò đặc biệt quan trọng của chủ thể sáng tạo, xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc là nhân tố con người với 6 nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ mới; Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và gần đây nhất là những phát biểu trọng tâm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021 đã nhấn mạnh: “Tiếp tục xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là nền “tảng tinh thần”, “động lực phát triển” và “soi đường cho quốc dân đi”; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc”<sup>1</sup>. Có thể nói, tất cả những hội nghị, những văn kiện, nghị quyết của Đảng về văn hóa đều xuyên suốt một điều đó là “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi” và bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị theo dòng chảy của lịch sử.

Quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng nói chung và về văn hóa nói riêng, trong sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương những năm qua, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nam Định luôn chú trọng xây dựng và phát triển

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.174.

văn hóa tương xứng trong mối tương quan với chính trị và kinh tế. Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 9/6/2016 của Tỉnh ủy “Về xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định” và Kết luận số 75-KL/TU ngày 14/12/2021 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU được ban hành đã khẳng định sự quan tâm, trách nhiệm của tỉnh Nam Định đến việc phát triển văn hóa ngày càng gắn bó hơn với xây dựng con người, đưa văn hóa từng bước trở thành một trong những nguồn lực quan trọng của sự nghiệp phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong những năm qua cùng với việc phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hóa - xã hội của tỉnh đã được quan tâm phát triển mạnh mẽ và đạt được những kết quả quan trọng.

Công tác tư tưởng, tuyên truyền và giáo dục ngày càng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo với nhiều hình thức phong phú, đa dạng nhằm đạt hiệu quả cao nhất, điển hình như: cổ động trực quan, truyền thanh cơ sở, triển lãm, trưng bày, chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật, các hoạt động học tập suốt đời trong bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa, câu lạc bộ... Từ đó, khơi dậy, bồi đắp, giáo dục tinh thần yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam, thôi thúc hành động tự giác, hướng tới mục tiêu, lý tưởng cách mạng, đoàn kết, quyết tâm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hơn với bản thân, với gia đình, xã hội và trách nhiệm với Tổ quốc, với nhân dân. Công tác tuyên truyền về đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo, biên giới, bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia được các ngành, các cấp trong tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả trong những năm qua.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa được đặc biệt quan tâm, góp phần quảng bá hình ảnh về văn hóa, con người tỉnh Nam Định nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung đến với nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế. Hiện nay, tỉnh Nam Định có 1.350 di tích lịch sử - văn hóa trong danh mục kiểm kê, trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt, 87 di tích cấp quốc gia, 319 di tích cấp tỉnh; có 9 di sản văn hóa phi vật thể được ghi vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, 1 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt”. Đồng thời, việc bảo vệ, tu bổ, tôn tạo các di tích... đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn

hóa trên địa bàn tỉnh; nhiều chương trình, chuyên mục, phim tài liệu giới thiệu về Nam Định đến với đông đảo nhân dân, du khách trong và ngoài nước, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của tỉnh Nam Định nói riêng và của đất nước Việt Nam trên trường quốc tế nói chung được quan tâm đầu tư.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện, là yếu tố quan trọng góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh từ cơ sở. Ngay từ năm 1943, khi xây dựng *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đảng ta đã xác định một trong những nội dung của nền văn hóa mới đó là cần phải “xây dựng nếp sống mới, kiên quyết đấu tranh nhằm xóa bỏ những hủ tục của xã hội...”. Nhằm thực hiện hiệu quả phong trào, hàng năm, ban chỉ đạo các cấp trong tỉnh thường xuyên tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đưa các nội dung của hương ước, quy ước vào việc thực hiện xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, góp phần giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Tại các thôn, xóm, việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước đã góp phần quan trọng trong việc phát huy truyền thống, tập quán tốt đẹp của cộng đồng dân cư, bài trừ các hủ tục lạc hậu trong việc cưới, việc tang, tổ chức lễ hội, vệ sinh môi trường ở địa phương, góp phần xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh trật tự, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh...

Là một trong những địa phương dẫn đầu trong xây dựng nông thôn mới, tỉnh Nam Định luôn ưu tiên quỹ đất và đầu tư cơ sở vật chất xây dựng các thiết chế văn hóa cấp xã, cấp thôn và dành không gian vui chơi, giải trí phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Hệ thống bảo tàng, nhà truyền thống, thư viện đã phát huy hiệu quả trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương, nâng cao dân trí. 100% xã, phường, thị trấn đều có nhà văn hóa, 100% làng, thôn, xóm có nơi sinh hoạt văn hóa và luôn là nơi gắn kết các thành viên trong cộng đồng dân cư, tăng tình đoàn kết xóm làng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Các phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, thể dục - thể thao được quan tâm, tạo điều kiện để người dân tham gia sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa. Toàn tỉnh có gần 900 đội văn nghệ quần chúng, hơn 60 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ duy

trì hoạt động thường xuyên, đã thu hút hơn 3.000 lượt hội viên tham gia với hơn 700 buổi hoạt động hằng năm; số câu lạc bộ thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh đến nay khoảng 1.720 câu lạc bộ. Qua đó góp phần mạnh mẽ trong công cuộc “đưa văn hóa vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân”.

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” và đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, hoạt động văn học, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển, đáp ứng ngày càng tốt hơn định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng và nhu cầu của nhân dân, giữ gìn và phát huy nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp. Tỉnh đã chỉ đạo, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Nam Định, quan tâm việc định hướng tư tưởng, động viên, khuyến khích các văn nghệ sĩ tích cực sáng tác các tác phẩm có chất lượng, tạo sức lan tỏa trong xã hội. Đặc biệt, tỉnh Nam Định có một giải thưởng riêng về lĩnh vực văn học, nghệ thuật dành cho đội ngũ văn nghệ sĩ là Giải thưởng văn học nghệ thuật Lương Thế Vinh tỉnh Nam Định với định kỳ 5 năm tổ chức một lần.

Hoạt động thông tin đối ngoại của tỉnh tiếp tục được chú trọng triển khai bằng nhiều hình thức đa dạng, hiệu quả. Trong những năm qua, với việc chủ động đăng cai tổ chức nhiều sự kiện quốc gia, quốc tế, linh hoạt trong việc lựa chọn các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch trong chuỗi các hoạt động chào mừng, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nam Định đã để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp với hình ảnh mảnh đất, con người Nam Định thân thiện, đoàn kết và mến khách. Ngoài ra, thông qua hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Nam Định, quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa giữa nhân dân Nam Định với nhân dân các nước, các tổ chức phi chính phủ và các cá nhân ở nước ngoài cũng đạt nhiều kết quả thiết thực.

Tập trung làm tốt công tác hướng dẫn các cấp, các ngành, các đoàn thể xã hội tổ chức triển khai thực hiện thống nhất, hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, góp phần nâng cao nhận thức của nhân dân về vị trí, vai trò, tác dụng của tập luyện thể dục - thể thao trong việc nâng cao sức khỏe, thể lực, giáo dục đạo đức, ý chí, nhân cách, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, góp phần mạnh mẽ trong việc xây dựng con người mới, con người có tư tưởng đúng và

tình cảm đẹp, có trí tuệ và tài năng phát triển, có đạo đức và phẩm chất trong sáng, con người phát triển toàn diện.

Có thể nói, những thành tựu về xây dựng môi trường văn hóa đã tạo nên sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển theo hướng bền vững. Từ một tỉnh thuần nông, đến nay, công nghiệp và dịch vụ đã chiếm tỷ trọng trên 80% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Việc xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số được tập trung chỉ đạo quyết liệt. An sinh xã hội được bảo đảm; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được nâng cao. Từ đó, nêu cao những giá trị tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại đi cùng với bài trừ những yếu tố phản văn hóa, góp phần quan trọng vào xây dựng sức mạnh tổng hợp của đất nước. Tuy nhiên, có thể thấy, xã hội hiện đại ngày nay vẫn còn tồn tại không ít những tệ nạn, những hủ tục, lạc hậu trong nếp sống của người dân, những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống... mà nguyên nhân chính là từ yếu tố con người. Do đó, trong thời gian tới, tỉnh Nam Định tiếp tục thực hiện hiệu quả việc xây dựng, phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo sức mạnh tổng hợp cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc với một số giải pháp trọng tâm như sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt tới đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, gắn với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đề ra và phấn đấu đến năm 2030, Nam Định là tỉnh phát triển khá của cả nước.

*Thứ hai*, phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị trong xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, có ý thức tôn trọng pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương. Chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc, nâng cao

trách nhiệm thực thi công vụ; đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, công chức, viên chức gắn với thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về tăng cường xây dựng chính đốn Đảng, các kết luận của Hội nghị Trung ương khóa XIII.

*Thứ ba*, chú trọng xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh gắn liền với đấu tranh với cái xấu, cái ác, phi văn hóa, phản văn hóa, nhất là đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ những giá trị “chân - thiện - mỹ”. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” nhằm thu hút sự hưởng ứng, tích cực tham gia của đông đảo người dân, đóng góp công sức, trí tuệ, sáng kiến, sáng tạo và nguồn lực để thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

*Thứ tư*, phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục - thể thao, nhất là thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp. Tiếp tục mở rộng, đa dạng hóa các hoạt động thể dục - thể thao quần chúng, thể dục - thể thao giải trí; tạo sự chuyển biến rõ rệt về giáo dục thể chất và thể thao trường học; góp phần chăm sóc, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ của người dân và nhu cầu giải trí của xã hội. Đổi mới và hoàn thiện hệ thống tuyển chọn, bồi dưỡng, hợp tác và đào tạo tài năng thể thao để phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp một cách cơ bản, vững chắc; đóng góp nhân lực có chất lượng cho các hoạt động thi đấu thể thao khu vực và quốc tế.

*Thứ năm*, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa; tăng cường huy động các nguồn lực để xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở và không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng, bảo đảm phù hợp với quy hoạch. Tạo điều kiện nâng cao vai trò chủ thể của người dân trong tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí.

*Thứ sáu*, xây dựng và triển khai các chương trình, đề án trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa và các di sản văn hóa phi vật thể. Đồng thời, tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá, phát triển du lịch

văn hóa, phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống nhà lưu niệm, nhà truyền thống, các tổ chức xã hội hoạt động trong lĩnh vực văn hóa; tăng cường truyền thông trên không gian mạng về các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, hình ảnh, văn hóa, con người tỉnh Nam Định thân thiện, văn minh, cởi mở, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, thúc đẩy phát triển du lịch, qua đó khẳng định Nam Định nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung là điểm đến an toàn, thân thiện, hấp dẫn.

Có thể khẳng định, 80 năm qua, dù thực tiễn có nhiều thay đổi nhưng những nội dung cốt lõi trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn là những quan điểm đúng đắn, là cơ sở cho sự vận động và phát triển nền văn hóa Việt Nam hiện nay. Kết quả đạt được của các địa phương trên cả nước nói chung và của tỉnh Nam Định nói riêng là minh chứng rõ nét nhất cho những đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta.



## GIÁ TRỊ VĂN HÓA - SỨC MẠNH MỀM BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TS. NGUYỄN TUẤN DŨNG\*

**T**rong những năm gần đây, lý luận về “sức mạnh mềm” đang nhận được sự quan tâm lớn của giới nghiên cứu học thuật, các nhà hoạch định chính sách, các chính trị gia... trên thế giới. Người ta đang coi nó là một nguồn “tài nguyên quyền lực” mới của các quốc gia và có tác động mạnh mẽ đến các quan hệ quốc tế ngày nay. Trên thực tế, đã có nhiều quốc gia nghiên cứu, vận dụng tốt lý luận này trong thực tiễn phát triển ở quốc gia mình và đạt được những thành công nhất định. Việt Nam, với hàng nghìn năm hình thành và phát triển, chúng ta có cả một truyền thống hào hùng và bề dày văn hóa lâu đời. Giá trị của nền văn hóa hàng ngàn năm lịch sử đó đã và đang góp phần tạo nên sức mạnh, làm cho tiềm lực, vị thế và uy tín của Việt Nam ngày càng tăng cao trên trường quốc tế. Văn hóa chính là nguồn sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và nguồn sức mạnh mềm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng của đất nước hiện nay.

### **Một số vấn đề chung về sức mạnh mềm, sức mạnh mềm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa**

“Sức mạnh mềm” (Soft Power) là một khái niệm mới do Giáo sư Joseph S. Nye (Hoa Kỳ) đưa ra lần đầu tiên vào năm 1990. Joseph S. Nye quan niệm: “Sức mạnh mềm là khả năng đạt những điều mong muốn bằng sức hấp dẫn

---

\* Học viện Quốc phòng.

hơn là sự ép buộc hay bằng các khoản mua chuộc, sức mạnh mềm được tạo nên từ sức hấp dẫn của một quốc gia thông qua văn hóa, các tư tưởng chính trị và các chính sách của quốc gia đó”<sup>1</sup>. Một quốc gia được coi là thành công trong việc xây dựng “sức mạnh mềm” khi dựa trên sức hấp dẫn của văn hóa, quan điểm chính trị và chính sách ngoại giao đủ sức lôi cuốn nước khác đi theo mình, không như “sức mạnh cứng” bao gồm: tiềm lực về kinh tế, quân sự, khoa học - kỹ thuật và nguồn tài nguyên mà xưa nay là những sức mạnh hữu hình chi phối các mối quan hệ quốc tế. “Sức mạnh cứng” và “sức mạnh mềm” có mối quan hệ biện chứng, tác động và có khả năng củng cố lẫn nhau. Sức mạnh cứng là “hậu phương”, là một trong những cơ sở để phát huy sức mạnh mềm. Sức mạnh mềm hấp dẫn khi chúng bắt nguồn từ thành công về vật chất, những thứ do sức mạnh cứng mang lại. Cũng theo Joseph S. Nye, khả năng kết hợp giữa “sức mạnh mềm” và “sức mạnh cứng” sẽ tạo ra “sức mạnh thông minh” (Smart power). Sức mạnh thông minh không phải là một loại quyền lực thứ ba; là sự kết hợp hay pha trộn giữa sức mạnh mềm và sức mạnh cứng. Đó là khả năng xác định bối cảnh, lợi dụng các xu hướng và sử dụng hợp lý sức mạnh cứng và sức mạnh mềm để đạt được hiệu quả cao nhất.

Quan niệm về nội hàm “sức mạnh mềm” của Joseph S. Nye đang nhận được sự quan tâm, thảo luận, phân tích của khá nhiều nhà khoa học, các chính trị gia trên thế giới; nó có thể chưa đầy đủ hoặc còn phải bàn luận thêm để làm rõ hơn những nội hàm của nó gắn với mỗi giai đoạn lịch sử hay với mỗi một quốc gia nhất định; tuy nhiên có thể thấy, trong các yếu tố cấu thành sức mạnh tổng hợp quốc gia sẽ bao gồm các nhân tố về vật chất (gọi là phần cứng), nhân tố về tinh thần (gọi là phần mềm). Trong đó, sức mạnh cứng của một quốc gia là tổng hòa các yếu tố: tài nguyên cơ bản (như diện tích đất đai, dân số, tài nguyên tự nhiên...), sức mạnh quân sự, sức mạnh kinh tế, sức mạnh khoa học - kỹ thuật... Còn sức mạnh mềm của một quốc gia là khả năng quốc gia này dùng ảnh hưởng thuyết phục chủ thể quốc gia khác làm theo ý mình thông qua sự hấp dẫn, lôi cuốn, thuyết phục. Cần thấy rằng, sức mạnh mềm là một loại sức mạnh tổng hợp, được cấu thành từ nhiều yếu tố khác nhau. Đó là sự kết tinh của: truyền thống, sự hấp dẫn của nền văn hóa; thể chế, chế độ

---

1. Joseph S. Nye Jr: *Quyền lực mềm - Ý niệm mới về thành công trong chính trị thế giới*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr.10.

chính trị, năng lực bộ máy nhà nước; sức hấp dẫn từ các chính sách kinh tế hiệu quả; lối sống, cốt cách, chất lượng nguồn lực con người; chính sách đối ngoại của chính phủ; uy tín, vị thế quốc gia trong các tổ chức quốc tế... Tuy nhiên, sức mạnh mềm không phải là một thực thể tĩnh mà là một quá trình động, trong đó các nhân tố tạo nên sức mạnh mềm bổ sung, hỗ trợ và tương tác, chuyển hóa lẫn nhau. Theo thời gian, các nhân tố của sức mạnh mềm có thể thay đổi, tiếp biến, do vậy, sức mạnh mềm tổng thể của quốc gia cũng có những biến đổi.

Từ lý luận về sức mạnh mềm đã nêu ra ở trên, đối với Việt Nam, có thể hiểu sức mạnh mềm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới chính là một bộ phận của sức mạnh bảo vệ Tổ quốc. Sức mạnh mềm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa có được là sự kết tinh của giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; từ thể chế chính trị, con đường phát triển của đất nước với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của dân, do dân, vì dân; đường lối kinh tế, chính trị, ngoại giao đúng đắn, mềm dẻo, linh hoạt; từ sự thành công vượt bậc của công cuộc đổi mới đất nước về kinh tế; lối sống, cốt cách, chất lượng nguồn lực con người Việt Nam; từ vị thế, uy tín quốc gia; môi trường đất nước hòa bình, ổn định, tính chính nghĩa trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, “thế trận lòng dân” vững chắc...

Như vậy, sức mạnh mềm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự tổng hòa của rất nhiều các nhân tố kết tinh lại, trong đó giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc là một bộ phận có ý nghĩa, vai trò quan trọng hàng đầu. Điều đó đặt ra cho chúng ta cần có phương hướng, giải pháp để phát huy, chuyển hóa các giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và sức mạnh mềm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong đó trọng tâm là phát huy, lan tỏa những giá trị truyền thống tốt đẹp, bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước như: lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Đây là những tài sản hết sức quý báu, trở thành nền tảng, hành trang để dân tộc ta tiến bước vào giai đoạn phát triển

mới của đất nước. Các giá trị này cần được thể hiện trong văn học, nghệ thuật; trong văn hóa ứng xử, giao tiếp; trong văn hóa ngoại giao..., thu hút sự quan tâm, tạo nên sức hấp dẫn đối với đông đảo bạn bè trên thế giới.

### **Phát huy, chuyển hóa các giá trị văn hóa thành sức mạnh mềm bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới**

Để phát huy, chuyển hóa các giá trị văn hóa thành sức mạnh nội sinh, sức mạnh mềm bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới cần thực hiện một số nội dung, yêu cầu sau:

*Một là*, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương và toàn xã hội về vị trí, vai trò, đóng góp của văn hóa trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trước tiên cần nhận thức sâu sắc, quán triệt và thực hiện tốt các chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực văn hóa như: Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998 của Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Quyết định số 1909/QĐ-TTg, ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030”... Thực sự coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa phải được đặt ngang hàng và phát triển hài hòa với kinh tế, chính trị, xã hội; bảo đảm yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các công nghệ mới, hiện đại và biến đổi kinh tế - xã hội, con người do tác động của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng... Quan tâm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc.

*Hai là*, khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc; phát huy cao độ những giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người Việt Nam, tạo nguồn lực nội sinh và động lực

đột phá để thực hiện thành công mục tiêu phát triển đất nước. Chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục của gia đình và xã hội; nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết; trọng tình nghĩa, trọng công lý và đạo lý xã hội. Xây dựng các quy tắc ứng xử văn minh trong các cơ quan công quyền, trong cộng đồng, nhất là trong không gian mạng, trong giới văn nghệ sĩ... Kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống tham ô, tham nhũng, tiêu cực; chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, nguồn gốc của mọi sự tham nhũng, tiêu cực, hư hỏng ngay trong các ngành văn hóa, các cơ quan làm công tác văn hóa. Chú trọng thực hiện quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên; thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 các khóa XI, XII và đặc biệt là các kết luận, quyết định của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII của Đảng mới đây về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

*Ba là*, xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển toàn diện. Từng bước hình thành các giá trị chuẩn mực góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, thích ứng với những tác động của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng..., nâng cao sức mạnh nội sinh nhằm khắc phục những hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái đạo đức xã hội. Chăm lo xây dựng con người Việt Nam thời kỳ mới với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: “yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo” được xác định trong Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030. Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ nghệ thuật cho nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ thông qua các chương trình giáo dục trong nhà trường, các hoạt động xã hội và trên các phương tiện truyền thông. Bảo đảm quyền tiếp cận, hưởng thụ, tham gia và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và cộng đồng thông qua các trung tâm văn hóa nghệ thuật cùng với các thiết chế văn hóa khác như bảo tàng, thư viện...

*Bốn là*, đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, chủ động hợp tác và quảng bá các giá trị văn hóa của Việt Nam ra thế giới, phát huy sức mạnh mềm văn hóa,

tạo dựng môi trường hoà bình, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo đảm sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Về vấn đề này Đảng ta xác định: “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, xây dựng Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa quốc tế. Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đồng thời chủ động nâng cao sức đề kháng của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên đối với các văn hóa phẩm ngoại lai độc hại; từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới”<sup>1</sup>. Mục tiêu của công tác ngoại giao văn hóa là sử dụng công cụ văn hóa trong ngoại giao nhằm đưa quan hệ Việt Nam với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động nguồn lực bên ngoài, biến điều kiện thuận lợi, vị thế đất nước thành nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời dùng các biện pháp ngoại giao để tôn vinh các giá trị, vẻ đẹp của văn hóa Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, qua đó khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, tăng cường sức mạnh mềm, nâng cao vị thế đất nước.

Theo đó, chúng ta cần chủ động quảng bá các giá trị văn hóa, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra với thế giới; trong đó chú trọng việc lan tỏa hình ảnh Việt Nam là một đất nước văn minh, an toàn, tươi đẹp; văn hóa độc đáo, giàu truyền thống; phát triển năng động; con người thân thiện, mến khách; điểm đến đáng tin cậy để sinh sống, học tập, du lịch, đầu tư. Tăng cường giới thiệu con người Việt Nam thông qua hình ảnh các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, cá nhân tiêu biểu như: danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi, đại thi hào Nguyễn Du, nhà giáo Chu Văn An... và đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, cần tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, đóng góp vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; đồng thời bảo vệ các giá trị nền tảng tư tưởng của Đảng, thành quả của đất nước.

Gắn kết ngoại giao văn hóa với ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế nhằm phục vụ các mục tiêu hòa bình, an ninh, phát triển đất nước và nâng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr.147.

cao vị thế, uy tín quốc gia. Tiếp tục tăng cường sự hiện diện của Việt Nam tại các sự kiện văn hóa quốc tế có uy tín; tích cực tham gia chủ động, trách nhiệm tại các tổ chức, diễn đàn văn hóa cấp khu vực và thế giới như: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu (ASEM), Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn Hợp tác Đông Á - Mỹ Latinh (FEALAC), Tổ chức Quốc tế Pháp ngữ (OIF), các tổ chức phi Chính phủ về văn hóa... Tăng cường hỗ trợ đồng bào Việt Nam ở nước ngoài trong việc giữ gìn tiếng Việt, phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; thúc đẩy đưa tiếng Việt vào chương trình giảng dạy ở các cơ sở giáo dục tại địa bàn có đông người Việt Nam sinh sống; nghiên cứu lựa chọn Ngày tôn vinh tiếng Việt hàng năm để khuyến khích, cổ vũ đồng bào, nhất là thế hệ trẻ học tập và giữ gìn tiếng Việt.

*Năm là, xây dựng môi trường văn hóa trong sạch, lành mạnh để hình thành nên những quan hệ văn hóa lành mạnh. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh là tạo điều kiện để những giá trị văn hóa tốt đẹp được nảy nở, phát huy; làm cho văn hóa Việt Nam có khả năng “đề kháng” với những tác động phản văn hóa từ bên ngoài, giữ vững những giá trị và bản sắc bên trong. Chú trọng phát triển văn hóa đặc trưng trong từng lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội: giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, báo chí và truyền thông, tôn giáo và tín ngưỡng... Xây dựng quy chế, nội quy, Bộ tiêu chí về môi trường văn hóa trong: gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, tổ chức xã hội..., nhằm hình thành các chuẩn mực về văn hóa đạo đức, hành vi ứng xử. Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các quy tắc ứng xử văn hóa, văn minh trên môi trường mạng xã hội. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong xây dựng đời sống văn hóa, đẩy mạnh hơn nữa việc hạn chế, từng bước xoá bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu. Xây dựng nếp sống văn hóa, tiến bộ, văn minh đô thị và nông thôn, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội; chấn chỉnh kịp thời việc lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá tư tưởng duy tâm thần bí, thực hành mê tín dị đoan, gây mất an ninh xã hội. Phản bác kịp thời, hiệu quả các luận điệu sai trái, xuyên tạc, tuyên truyền không đúng sự thật về các lãnh tụ, danh nhân, lịch sử, văn hóa,*

đường lối chính sách, đất nước, con người Việt Nam. Đấy là hạn chế, ảnh hưởng của những sản phẩm văn hóa không lành mạnh từ bên ngoài xâm nhập vào Việt Nam.

\*

\*      \*

Trong suốt hàng ngàn năm lịch sử, là một quốc gia thường xuyên phải đối mặt với nhiều thử thách khốc liệt về thiên tai, địch họa, người Việt Nam đã sớm nhận ra tầm quan trọng của việc vận dụng sức mạnh mềm bảo vệ Tổ quốc để gia tăng sức mạnh quốc gia, chiến thắng kẻ thù xâm lược. Trong bối cảnh đất nước hiện nay, chúng ta đang đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, và tham gia tích cực, chủ động vào hội nhập quốc tế nhằm tranh thủ cơ hội nhằm phát triển đất nước, tạo thế đan cài lợi ích để giữ vững được độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Nhưng cùng với những cơ hội là không ít thách thức đặt ra đối với chúng ta. Theo đó, việc phát huy sức mạnh mềm từ các giá trị của nền văn hóa chính là phương thức để gia tăng sức mạnh mềm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Đồng thời, nó được xem như một trong những biện pháp hữu hiệu để gia tăng “thương hiệu”, sức mạnh tổng hợp quốc gia, cũng như khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa “từ sớm, từ xa”, giữ nước từ khi nước chưa nguy.



**“ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” -  
NỀN MÓNG CHO CÔNG TÁC BẢO TỒN  
VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở NƯỚC TA  
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

ThS. PHAN MẠNH DƯƠNG\*

ThS. NGUYỄN THỊ HẢO\*\*

**D**i sản văn hóa là những bằng chứng quan trọng, minh chứng về lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của mỗi dân tộc. Nó giúp cộng đồng nhận thức về cội nguồn dân tộc, truyền thống lịch sử và bản sắc văn hóa quốc gia. Lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc ta trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam không chỉ là bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc mà còn gắn liền với việc bảo vệ nền độc lập của quốc gia.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời đến nay đã tròn 80 năm. Mặc dù ở dạng đề cương nhưng nó đã có vai trò rất lớn, định hướng xuyên suốt hoạt động trên mặt trận tư tưởng văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng. Từ năm 1943, Đảng đã nhận thức rõ văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Đề cương văn hóa ra đời trở thành một vũ khí tư tưởng sắc bén trên mặt trận văn hóa chống lại những âm mưu và những khuynh hướng văn hóa sai lầm để giành độc lập dân tộc và tiến lên xây dựng một nền văn hóa mới Việt Nam. Kỷ niệm 80 năm ngày ra đời Đề cương văn hóa là dịp để ôn lại và nhìn rõ hơn những giá trị soi đường, tác dụng định hướng của Đề cương, phấn đấu thực hiện thắng lợi chiến lược xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam xã hội chủ nghĩa

---

\*, \*\* Nghiên cứu viên, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mà gốc rễ đã có từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng, Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc. Di sản văn hóa đã được Đảng xác định là “tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa”<sup>1</sup>. Đại hội IX của Đảng (2001) chủ trương “chú trọng gìn giữ, phát triển các di sản văn hóa phi vật thể, tôn tạo và quản lý tốt các di sản văn hóa vật thể, các di tích lịch sử”<sup>2</sup>. Từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII tháng 7/1998 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI tháng 6/2014 được xem là những văn kiện quan trọng của Đảng về phát triển văn hóa Việt Nam. Các văn kiện này đã cụ thể hóa ba nguyên tắc phát triển văn hóa Việt Nam của *Đề cương*. Từ ba nguyên tắc “dân tộc hóa”, “khoa học hóa”, “đại chúng hóa”, giờ đây, văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng đã trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực và là hệ điều tiết cho sự phát triển kinh tế xã hội.

### **1. Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 đến nay**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 với ba nội dung, ba nguyên tắc là “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”, không chỉ nhằm đấu tranh trực diện chống lại văn hóa phản động của thực dân Pháp áp đặt lên nước ta thời kỳ đó, mà còn phản ánh được quy luật vận động và phát triển tất yếu của văn hóa. Với quan điểm đó, Đảng đã nắm bắt được quy luật hoạt động của văn hóa và những nhân tố cơ bản tác động sâu sắc đến đời sống tinh thần của xã hội.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.63.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.208.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* là văn kiện đầu tiên mà Đảng ta công bố quan niệm về văn hóa gồm: tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Điều này cho thấy tư duy về lý luận về văn hóa của Đảng ta đã vượt lên tư duy về văn hóa của thời đại, đạt đến độ khoa học và đúng đắn. Bài học lớn trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới theo tinh thần của Đề cương văn hóa là: Trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù thuận lợi hay khó khăn, dù hòa bình hay chiến tranh, văn hóa luôn là một mặt trận, ở đó những người cộng sản phải có mặt, phải phát huy vai trò lãnh đạo của mình. Văn hóa phải cắm rễ sâu vào truyền thống dân tộc, khai thác và phát huy tốt nhất các giá trị của truyền thống dân tộc, phải gắn với đời sống thực tiễn của nhân dân, cảm thông với tâm hồn quần chúng, là người bạn đường đáng tin cậy của quần chúng, đồng thời giúp quần chúng vượt qua những ràng buộc vô lý của quá khứ, soi rọi ánh sáng của tư duy khoa học để quần chúng tự đổi mới mình.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng, bên cạnh nhiều vấn đề khác hết sức quan trọng, đã đề ra ba nguyên tắc vận động văn hóa: “*dân tộc hóa*”, “*đại chúng hóa*”, “*khoa học hóa*”. Có thể nói, về bản chất, đây là những nguyên tắc xuyên suốt trong cả chặng đường xây dựng nền văn hóa mới ở nước ta. Tuy nhiên, trong từng thời kỳ, từng bối cảnh, quá trình nghiên cứu văn hóa nghệ thuật một cách vừa sâu sắc, vừa cụ thể, đã tác động trực tiếp đến những biến đổi uyển chuyển, linh hoạt trong lãnh đạo văn hóa của Đảng và thực hành văn hóa của nhân dân. Xuất phát từ các nguyên tắc *dân tộc, đại chúng, khoa học*, trong quá trình cách mạng trước đây và xây dựng đất nước hiện nay Đảng ta luôn nhất quán vận dụng xuyên suốt để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta xác định đúng đắn những quan điểm, tư tưởng, nội dung, định hướng cơ bản để văn hóa Việt Nam có phương hướng hoạt động đúng đắn, góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng tiến lên đấu tranh thắng lợi giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Từ Đề cương văn hóa năm 1943 cho đến Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, quan điểm của Đảng luôn quan tâm đến vấn đề bảo tồn và giữ gìn các giá trị di sản văn hóa dân tộc, luôn tạo điều kiện để khơi dậy mọi tiềm năng văn hóa như một tiềm lực nội sinh mạnh mẽ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Trên cơ sở nghiên cứu toàn diện, Đảng ta đã đề ra

những phương châm, những mô hình xây dựng văn hóa khác, phù hợp với từng giai đoạn phát triển cách mạng và phát triển văn hóa.

Hiện nay, nguyên tắc “dân tộc hóa” vẫn được coi là một trong những nguyên tắc mang ý nghĩa sống còn đối với văn hóa Việt Nam nói chung và di sản văn hóa nói riêng. Nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và là thời đại của khoa học công nghệ, thông tin 4.0. Trong bối cảnh đó điều duy nhất làm nên bản sắc văn hóa của một dân tộc chính là tính dân tộc của di sản văn hóa. Nguyên tắc dân tộc hóa cũng chính là một trong những cơ sở cho Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Nghị quyết cũng đã nêu rõ vai trò của di sản văn hóa và khẳng định nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa trong bối cảnh mới ở Việt Nam. Nghị quyết chỉ rõ “di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng việc bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”<sup>1</sup>.

Nguyên tắc “đại chúng hóa” đã tiếp tục được phát triển ở một tầm cao mới thể hiện trong phương hướng Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đó là: “Làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”<sup>2</sup>. Đảng ta luôn xác định việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa trong đời sống hiện nay là một yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, khi kinh tế - xã hội phát triển sẽ cung cấp những yếu tố cần thiết để bảo vệ, tôn tạo các di sản văn hóa truyền thống. Đó là đỉnh cao của sự kết hợp mới mang tính thời đại của nguyên tắc “đại chúng hóa” mà Đề cương về văn hóa năm 1943 đã chỉ ra. Nghị

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Sđd, tr.63, 54-55.

quyết Trung ương 5 khóa VIII có vai trò, vị trí, ý nghĩa như một cương lĩnh văn hóa của Đảng trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bước vào thế kỷ XXI đầy biến động và thách thức đã đặt ra cho Việt Nam nhiều cơ hội và thách thức. Phát huy cơ hội, khắc phục tình hình khó khăn, thách thức, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục kiên định những quan điểm cơ bản về xây dựng và phát triển văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011) đề ra đường lối phát triển văn hóa trong tình hình mới trong đó xác định: Xã hội chúng ta xây dựng có một đặc trưng là có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đại hội nhấn mạnh, công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa nhằm: Hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, về bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hóa văn nghệ, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc..., bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa với phát triển du lịch<sup>1</sup>.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã chỉ ra phải: “Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch”<sup>2</sup>. Trong đó nhấn mạnh việc bảo tồn di sản văn hóa là trách nhiệm của toàn dân, đồng thời xác định vai trò quản lý, đầu tư của nhà nước đối với việc điều tra, sưu tầm, bảo quản, biên soạn, phổ biến các sản phẩm văn hóa truyền thống của dân tộc. Mặt khác, cần có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.224-225.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.54.

Hội nghị cũng nêu ra những kết quả đã thực hiện được sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đó là sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã có chuyển biến tích cực, đạt kết quả quan trọng. Tư duy lý luận về văn hóa có bước phát triển, nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và nhân dân được nâng lên. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo; công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường, thể chế văn hóa từng bước được cải thiện. Đội ngũ công chức, viên chức làm công tác văn hóa từng bước được phát triển. Nghị quyết cũng đã chỉ rõ những hạn chế, so với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng... Việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa hiệu quả chưa cao, nguy cơ mai một chưa được ngăn chặn... Quản lý văn hóa không theo kịp sự phát triển; chưa có cơ chế chính sách tốt về văn hóa, di sản văn hóa trong kinh tế và kinh tế trong văn hóa, huy động các nguồn lực cho văn hóa, di sản văn hóa chưa lớn; công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ quản lý văn hóa các cấp, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn nhiều hạn chế. Đồng thời Nghị quyết cũng đã xác định những nguyên nhân của hạn chế, yếu kém do nhiều cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ đến lĩnh vực này, lãnh đạo, chỉ đạo chưa thật quyết liệt. Việc cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng còn chậm, thiếu đồng bộ và trong một số trường hợp thiếu khả thi. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm đổi mới, có lúc, có nơi bị xem nhẹ, thậm chí buông lỏng, kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Đầu tư cho văn hóa, di sản văn hóa chưa tương xứng và phân tán, dàn trải; chưa nắm bắt kịp thời những vấn đề mới về văn hóa để đầu tư đúng hướng và có hiệu quả. Chưa quan tâm, coi trọng đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động quản lý di sản văn hóa<sup>1</sup>.

Hiện nay, trước những thách thức đặt ra của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, càng phải chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc vì sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã nhấn mạnh quan điểm “xây dựng và phát

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sđd, tr.46.

triển văn hóa là sự nghiệp toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức có vai trò quan trọng”<sup>1</sup>. Nghị quyết cũng đã nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm là: Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế, gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Phát huy các di sản thế giới được UNESCO công nhận góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Để bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam thì cần thực hiện tốt các nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra, đó là: Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Đảng, nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong phát triển đất nước với quan điểm “tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và phát triển đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trọng tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”<sup>2</sup>. Trong đó nhiệm vụ trọng tâm là phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã nêu quan điểm chỉ đạo: “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hóa; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”<sup>3</sup>. Đồng thời, Đại hội XIII của Đảng cũng xác định một trong các đột phá để thực hiện Chiến lược phát triển tổng thể của Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030 là “tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam”<sup>4</sup>. Đây là quan điểm chỉ đạo rất cơ bản cần

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Sđd*, tr.49.

2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII**, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.110, 34, 115-116, 220.

được triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt trong nhiệm vụ của các ngành, các cấp.

Quán triệt những tư tưởng định hướng, mở đường của Đề cương về văn hóa Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay cũng chính là thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng về văn hóa, các lĩnh vực hoạt động trên mặt trận văn hóa tư tưởng nói chung và di sản văn hóa nói riêng đã ngày càng được bổ sung, hoàn thiện và đi vào nền nếp. Luật Di sản văn hóa cùng các nghị quyết, nghị định, thông tư hướng dẫn trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa được ban hành. Các văn bản đó là cơ sở pháp lý để các cơ quan làm công tác quản lý di sản văn hóa triển khai thực hiện các nhiệm vụ được tốt hơn.

Trải qua hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước, vô vàn giá trị di sản văn hóa được hình thành và phát huy, mang đến lợi ích và thay đổi không nhỏ cho xã hội. Di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa vật thể (lâu đài, thành quách, đình, chùa, miếu, phủ, di sản thiên nhiên, bảo vật, cổ vật...) và di sản văn hóa phi vật thể (lễ hội, nghệ thuật, ngữ văn dân gian, tri thức, kỹ năng, phong tục, tập quán, tín ngưỡng...), là những giá trị văn hóa - vốn văn hóa đặc sắc, tiêu biểu cho lịch sử xây dựng và phát triển của quốc gia, dân tộc. Tiếp cận từ góc độ kinh tế học, các di sản văn hóa không chỉ mang giá trị văn hóa, mà còn mang giá trị kinh tế, có khả năng tạo ra lợi nhuận và sinh kế cho cộng đồng. Do đó, bảo tồn một cách bền vững và hiệu quả góp phần gia tăng giá trị của di sản văn hóa. Câu hỏi được đặt ra là chúng ta đã bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa như thế nào trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang không ngừng tác động đến sự phát triển của văn hóa nói chung và việc bảo tồn các giá trị di sản văn hóa truyền thống dân tộc ở Việt Nam nói riêng. Đó là những câu hỏi, những thách thức đã và đang đặt ra cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch hiện nay. Đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, nguyện vọng của nhân dân, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cùng với các nghị quyết của Đảng đã đi vào đời sống, tạo ra sự chuyển biến nhận thức của xã hội về vai trò của văn hóa. Văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng mang đầy đủ ý nghĩa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.



## **2. Kế thừa Đề cương văn hóa trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay**

Trong quá trình toàn cầu hóa và giao lưu văn hóa, di sản văn hóa luôn giữ vai trò như màng lọc có tác dụng để ngăn chặn những hạt sạn, ngọn gió độc làm vẩn đục bản sắc văn hóa dân tộc. Nếu coi di sản văn hóa là phẩm chất, là sức mạnh tiềm tàng của một dân tộc, là yếu tố thúc đẩy và phát triển của nền kinh tế, xã hội đất nước, thì việc giữ gìn và phát huy nó là trọng yếu với việc nâng cao trình độ dân trí, nâng cao nhận thức xã hội cho toàn dân. Bởi, văn hóa dân tộc với tư cách là một bộ phận của văn hóa thế giới trên nền tảng bản sắc riêng có, đồng thời phải mang trên mình các sắc thái khác của bức tranh văn hóa thế giới. Nền văn hóa mới phải mang hai đặc trưng cơ bản là dân tộc và thời đại, bởi đa dạng văn hóa là di sản chung của nhân loại.

Từ thực tiễn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, của Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, dưới góc nhìn của những người làm công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa Việt Nam, chúng tôi thấy rằng: Trong những năm qua công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam đã được Đảng ta chú trọng giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển kinh tế, xã hội. Điều đó được thể hiện trong việc chỉ đạo xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trước tiên phải làm cho các di sản đó sống động trong đời sống xã hội, khơi dậy tình cảm và ý chí của người dân đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước ngày càng văn minh, giàu mạnh, biến các giá trị đó trở thành sản phẩm trực tiếp để phát triển kinh tế như: phát triển du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch di sản văn hóa, du lịch làng nghề,... tạo ra những loại sản phẩm mới hấp dẫn người tiêu dùng. Bởi, bảo vệ và phát triển như hai hoạt động có tính tương hỗ để di sản văn hóa trở thành mục tiêu và động lực cho phát triển. Nhờ đó, khai thác giá trị di sản văn hóa có hiệu quả về mặt kinh tế sẽ tạo ra nguồn lợi vật chất để tăng cường khả năng đầu tư trở lại nhằm bảo vệ di sản văn hóa được tốt hơn.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc trong những năm qua được xây dựng thành các chương trình, dự án và tổ chức thực hiện có kết quả. Những thành tựu nổi bật trong xây dựng và phát triển văn hóa

Việt Nam đã được Đảng, Nhà nước quan tâm đúng mức trong đường lối và các chính sách kinh tế, xã hội; vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, của nhân dân, của đội ngũ trí thức đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa và di sản văn hóa được đề cao. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, từng vùng, miền được kế thừa và phát huy, nhất là trong điều kiện hội nhập, giao lưu văn hóa với thế giới. Nhiều di sản văn hóa được bảo tồn, tôn tạo; xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng mở rộng; nhiều bộ môn nghệ thuật truyền thống được quan tâm đầu tư giữ gìn đã giúp cho đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện.

Theo số liệu tổng hợp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2022, kết quả kiểm kê trên cả nước hiện có trên 4 vạn di tích, trong số đó có 8 di sản văn hóa và thiên nhiên tiêu biểu đã được UNESCO đưa vào Danh mục Di sản văn hóa thế giới theo Công ước UNESCO năm 1972 về Bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; 119 di tích được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, 3.551 di tích quốc gia và gần 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố; 215 hiện vật, nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hệ thống bảo tàng tiếp tục được mở rộng với tổng số 185 bảo tàng (gồm 128 bảo tàng công lập và 57 bảo tàng ngoài công lập). Việt Nam đã có 8 khu bảo tồn thiên nhiên được UNESCO đưa vào danh sách các khu dự trữ sinh quyển của thế giới. Hơn 70.000 di sản văn hóa phi vật thể của 63 tỉnh, thành phố được kiểm kê, 396 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 14 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh. Hiện có 1.390 nghệ nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân và Nghệ nhân Ưu tú (77 Nghệ nhân Nhân dân, 1.313 Nghệ nhân Ưu tú). Ngoài ra, có gần 8.000 lễ hội được lưu truyền gắn với nhiều phong tục, tập quán, nghệ thuật trình diễn, làng nghề thủ công, văn hóa ẩm thực, trang phục trên khắp mọi miền đất nước.

Di sản văn hóa đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư tu bổ, tôn tạo gắn với khai thác phát triển du lịch, mang lại nguồn thu lớn phát triển kinh tế các địa phương. Năm 2018, vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) đón 4,1 triệu khách, trong đó có 2,82 triệu khách quốc tế, doanh thu đạt 1.184 tỷ đồng; Tràng An (Ninh Bình) đón 6,25 triệu khách, trong đó có 700 nghìn khách quốc tế, doanh thu đạt 665,8 tỷ đồng; cố đô Huế (Thừa Thiên - Huế)

đón 3,5 triệu khách, trong đó có 2,3 triệu khách quốc tế, doanh thu đạt 375 tỷ đồng; Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) đón 1,6 triệu khách, doanh thu 46 tỷ đồng<sup>1</sup>.

Năm 2019, riêng 8 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam đã đón khoảng 21.336.148 khách, trong đó có 10.650.114 khách quốc tế, doanh thu từ bán vé tham quan và phí dịch vụ trực tiếp đạt 3.123 tỷ đồng. Những bảo tàng rất đông khách tham quan (như Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng điêu khắc Chăm Đà Nẵng, Bảo tàng cổ vật cung đình Huế...); những di sản văn hóa phi vật thể thu hút số lượng lớn người tham dự và trải nghiệm (như nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, hội Gióng, dân ca Quan họ Bắc Ninh, đờn ca tài tử...) đã mang lại lợi ích kinh tế rõ rệt<sup>2</sup>. Ngoài việc mang lại nguồn thu lớn, hoạt động đầu tư tu bổ, tôn tạo gắn với khai thác phát triển du lịch còn tác động rất lớn đến an sinh xã hội tại các địa phương, giải quyết đáng kể công ăn, việc làm cho hàng vạn lao động, nâng cao đời sống của cộng đồng. Ở nhiều địa phương, di sản văn hóa đã góp phần lớn trong việc dịch chuyển và thay đổi cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang dịch vụ. Trong những năm qua Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng và ban hành nhiều nghị định, thông tư, các văn bản chỉ đạo về việc thực hiện bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa, trong đó chú trọng công tác kiểm kê, tu bổ, tôn tạo di tích, rà soát điều chỉnh khoanh vùng, tổ chức quản lý... triển khai thực hiện thường xuyên, hàng năm có hiệu quả.

Với nhiệm vụ chung của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam là đơn vị được giao nhiệm vụ chính thực hiện hoạt động

---

1. Xem Nguyễn Thanh Hiền: “Cơ chế, chính sách tài chính đối với công tác bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam”, [https://vst.mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/r/m/ncvtd/ncvtd\\_chitiet?dID=198515&dDocName=MOFUCM187896&\\_adf.ctrl-state=194fmxkfi1\\_4&\\_afLoop=176944214915150977#%40%3FdID%3D198515%26\\_afLoop%3D17694421491515097%26dDocName%3DMOFUCM187896%26\\_adf.ctrl-state%3Dn4s75xgjb\\_4](https://vst.mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/r/m/ncvtd/ncvtd_chitiet?dID=198515&dDocName=MOFUCM187896&_adf.ctrl-state=194fmxkfi1_4&_afLoop=176944214915150977#%40%3FdID%3D198515%26_afLoop%3D17694421491515097%26dDocName%3DMOFUCM187896%26_adf.ctrl-state%3Dn4s75xgjb_4), 2020.

2. Xem Đỗ Văn Trụ: “Vai trò của Di sản văn hóa trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/vai-tro-cua-di-san-van-hoa-trong-xay-dung-nen-van-hoa-viet-nam-tien-tien-dam-da-ban-sac-dan-toc-625691.html>, 2022.

“Sưu tầm, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Việt Nam” trong *Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa*, nay chuyển sang *Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa*. Qua hơn 20 năm thực hiện chương trình, Viện đã thực hiện được hơn 407 dự án sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Hiện nay, Ngân hàng dữ liệu là nơi lưu giữ sản phẩm của toàn bộ Chương trình “Sưu tầm, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Việt Nam” do các sở văn hóa, thể thao và du lịch trong cả nước tiến hành với tổng số là 834 dự án. Các dữ liệu phim và ảnh báo cáo khoa học đã được số hóa trong ngân hàng và được khai thác nhằm phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Việt Nam.

Đề cương văn hóa cùng các nghị quyết của Đảng đã khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị. Mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế, chính trị và văn hóa ngày càng chiếm vị trí đặc biệt trong đường lối xây dựng và phát triển bền vững đất nước. Thực tiễn đã chứng minh nếu phát triển bằng mọi giá, hy sinh các giá trị di sản văn hóa để phát triển kinh tế thì sẽ phải trả giá lớn về văn hóa, đó là sự suy thoái về đạo đức, phân hóa giàu - nghèo, mâu thuẫn xung đột, mất ổn định xã hội, từ đó kéo theo hệ lụy chậm phát triển kinh tế và cuối cùng là sự phá sản của các kế hoạch phát triển, kinh tế đất nước rơi vào tình trạng suy thoái. Từ đó suy rộng ra văn hóa nói chung, di sản văn hóa nói riêng là bộ phận hữu cơ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế và văn hóa là những yếu tố có mối liên hệ mật thiết, phụ thuộc và tác động tương hỗ, bổ sung lẫn nhau, do đó việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phải vì mục tiêu phát triển và gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

Dưới một góc độ khác về vấn đề phát triển văn hóa thì bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là mối quan hệ biện chứng tương hỗ nhau nhằm để phát triển văn hóa. Nhìn một cách tổng quát, phát triển kinh tế chính là tạo tiền đề vật chất cho sự phát triển văn hóa, tạo điều kiện để con người tham gia vào quá trình lao động, sáng tạo và thụ hưởng các giá trị văn hóa. Suy cho cùng phát triển kinh tế, xã hội và phát triển văn hóa, trong đó có bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là nâng cao chất lượng cuộc sống, đem lại hạnh phúc thực sự cho con người. Hoạt động bảo tồn, phát huy giá

trị di sản văn hóa và phát triển kinh tế, xã hội không phải là hai mặt đối lập mà là một thể thống nhất, đều hướng tới mục tiêu chung là vì sự phát triển bền vững.

Trong những năm qua, tình hình trong nước và quốc tế có nhiều biến chuyển, đã trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa, trong đó thể hiện rõ tiềm năng và thách thức đối với việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Trong thế giới toàn cầu hóa hiện nay, với xu thế chủ đạo là hòa bình, hợp tác cùng phát triển, văn hóa ngày càng giữ vai trò quan trọng, là động lực của sự phát triển bền vững. Tất cả những tiềm năng, lợi thế cùng với những khó khăn nêu trên đã được thể hiện trong nhiều văn kiện của Đảng, được tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đó chính là một trong những căn cứ quan trọng để Đảng và Chính phủ đề ra chủ trương, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản phù hợp với thực tiễn hiện nay.

Phát huy sức mạnh tổng hợp là quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam, nhằm động viên, quy tụ, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, các nhân tố kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa dân tộc Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Một trong những nguyên nhân tạo nên những thành công chính là Đảng đã phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc, kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo ra sức mạnh tổng hợp để chiến thắng ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

\*

\* \*

Có thể thấy bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đã thực sự trở thành một bộ phận quan trọng của nền văn hóa. Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa chắc chắn sẽ có tác động ngày càng tích cực đến việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Di sản văn hóa được bảo tồn và phát triển phù hợp với nền kinh tế năng động hiện nay, bởi: 1- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là một nhu

cầu thực tiễn lịch sử; 2- Di sản văn hóa được thực hành và bảo tồn tốt có tác động làm chuyển biến về lượng và chất của việc xây dựng đời sống văn hóa hiện nay; 3- Việc kế thừa, bảo tồn, tiếp thu, phát huy giá trị di sản văn hóa trong xây dựng nền văn hóa mới chỉ có thể làm tốt khi có sự chỉ đạo, nghiên cứu, phân tích, chọn lựa đúng đắn các yếu tố tích cực, loại bỏ những yếu tố tiêu cực. Văn hóa đã thực sự trở thành động lực, nền tảng tinh thần của xã hội trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã đặt nền móng cho những phương châm vận động văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng đó là: dân tộc, đại chúng, khoa học. Cho đến nay, nhiều luận điểm, nguyên tắc, chủ trương của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn giữ nguyên giá trị, có vai trò mở đường, đặt nền móng cho những quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa, là cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hình thành và phát triển nền văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

## VẬN DỤNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA TRONG SÁNG TÁC, XÂY DỰNG NGHỆ THUẬT CÔNG CỘNG

PGS.TS. NGUYỄN VĂN DƯƠNG\*

**T**rong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai, cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đứng trước nhiều thời cơ, thách thức; dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng, Tổng Bí thư Trường Chinh, người khởi thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong đó đề cập một cách toàn diện ba nguyên tắc vận động của văn hóa Việt Nam: dân tộc, đại chúng và khoa học. Ba nguyên tắc đó có giá trị trường tồn xuyên suốt trong lịch sử đấu tranh giành độc lập, bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam,

Thực tiễn cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử cho thấy trên cơ sở các nguyên lý cốt lõi của Đề cương văn hóa 1943, Đảng ta đã bổ sung, phát triển, cụ thể hóa các vấn đề trọng tâm ở Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI, v.v..

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước và đổi mới hiện nay, Đảng ta xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, vừa kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, khẳng định được tầm vóc, trình độ, bản lĩnh và bản sắc của văn hóa Việt Nam trong giao lưu và hợp tác quốc tế.

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

Thời đại ngày nay, các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã và đang hướng đến xây dựng và phát triển đất nước với các hệ giá trị chính trị, kinh tế,... và nhất là hệ giá trị văn hóa. Hệ giá trị này được hun đúc từ truyền thống dân tộc kết hợp tinh hoa văn hóa nhân loại tạo nên nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Một đất nước phát triển văn minh, hiện đại với sự phát triển hạ tầng kỹ thuật, kinh tế và khoa học công nghệ, trong đó không thể không có sự đóng góp to lớn của mặt trận văn hóa, nghệ thuật. Nghệ thuật công cộng cũng nằm trong số chung đó; chính vì vậy, việc vận dụng những nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 trong sáng tạo, xây dựng và phát triển nghệ thuật công cộng sẽ góp phần cho sự phát triển kinh tế, tạo nên một sức mạnh mềm, một năng lượng tái tạo cho sự phát triển xã hội.

## **2. Vận dụng tính dân tộc, đại chúng, khoa học, trong sáng tạo, xây dựng nghệ thuật công cộng ở Việt Nam**

Đất nước Việt Nam trải dài theo hình chữ S với vùng biển, đảo tươi đẹp, phong phú và sự đa dạng của nền văn hóa với bản sắc văn hóa của hơn 54 dân tộc anh em, hội tụ trong khối đoàn kết dân tộc, đã và đang phát triển nhanh, đồng bộ, trên mọi miền của Tổ quốc. Các tỉnh, thành phố, các trung tâm đô thị là những đô thị hội tụ đủ cội nguồn văn hóa truyền thống và hiện đại, phát triển tạo thành sự dung hợp văn hóa đa dạng, phong phú. Những đô thị này, dần đang xây dựng trở thành đô thị thông minh kiểu mẫu, là nơi thu hút dân nhập cư của nhiều tỉnh, thành trong cả nước. Sự hòa trộn của các thói quen sinh hoạt, các tập tục của nhiều vùng miền dẫn đến một sự đa dạng về văn hóa ứng xử trong đời sống của người dân đô thị hiện thời. Các yếu tố đa dạng, đa chiều, đan xen và tương phản trong lối sống luôn hiển hiện trong đời sống hàng ngày của thành phố, tạo nên sự đa sắc màu, sự đa nguyên trong bản sắc văn hóa của vùng, miền.

Ở các đô thị, nghệ thuật công cộng có thể biểu thị được đặc trưng văn hóa bản địa, vùng miền hay không, điều này phụ thuộc không ít vào việc không gian của nó được quy hoạch như thế nào để tác giả có thể đưa ra nội dung, hình thức cho phù hợp. Hà Nội là một đô thị điển hình của sự dung hợp các không gian văn hóa truyền thống và hiện đại, sự kết nối, liên kết các không gian cổ, không gian hiện đại tạo nên một đặc trưng văn hóa Hà Nội, với chiều



dài lịch sử hơn 1.000 năm, là vùng đất ngàn năm văn hiến, việc giải quyết không gian cho nghệ thuật công cộng ở đây sẽ khó hơn những đô thị mới vì trong những thành phố cổ luôn có nhiều tầng văn hóa chồng chéo nhau. Vì vậy trong quá trình bảo tồn, sáng tạo, xây dựng, Hà Nội luôn luôn nhất quán và vận dụng tính truyền thống/dân tộc, đại chúng, khoa học/vì dân vì sự phát triển bền vững. Dự án xây dựng nhà Quốc hội là một ví dụ. Khi bắt đầu dự án, các nhà chuyên môn đã vất vả khi tìm giải pháp về không gian, cảnh quan, hình thức lẫn diện tích sử dụng. Khó khăn hơn nữa là khi xem xét đến phần móng của tòa nhà, đã vấp phải vấn đề buộc có sự lựa chọn giữa sự toàn vẹn của di tích Hoàng thành Thăng Long và tòa nhà Quốc hội mới. Ở vấn đề cải tạo không gian cũ này, mỗi nơi người ta lại đặt mục đích khác nhau trong việc lựa chọn bảo tồn văn hóa truyền thống hoặc lợi ích của xây dựng mới. Trong quá trình xây dựng đã tạo một không gian đồng bộ giữa chức năng chính trị và văn hóa; một bảo tàng khảo cổ học đặc sắc dưới lòng đất trong tòa nhà. Tổng thể không gian bảo tàng dưới lòng đất vừa thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc với sử dụng khoa học kỹ thuật hiện đại trong thiết kế, trong trưng bày, tạo nên một ấn tượng, một giá trị độc đáo. Công trình Nhà hát Âu Cơ là một điển hình của sự phát huy tinh hoa nghệ thuật truyền thống kết hợp hiện đại, công nghệ tiên tiến, đó hình ảnh về Hà Nội, về con thuyền được cách điệu, tạo điểm nhấn hài hòa, mang tính thẩm mỹ, hơn nữa trong trang trí nội, ngoại thất công trình kết hợp các hoa văn trang trí trống đồng Đông Sơn.

Vận dụng nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học của Đề cương văn hóa 1943 trong việc bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật công cộng, trong đó di sản kiến trúc đô thị, được Nhà nước và xã hội đặc biệt quan tâm theo hướng chuyên nghiệp hóa. Vấn đề bản sắc, tính dân tộc cần phát huy kết hợp khoa học hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, nhu cầu của nhân dân theo nguyên tắc “nhà nước của dân, do dân và vì dân”.

Bản sắc văn hóa là yếu tố cốt lõi tạo nên sự thành công, là điểm nhấn, đó cũng có thể trở thành một động lực lớn cho phát triển của thành phố tương lai. Phát huy bản sắc văn hóa/tính dân tộc, tính đại chúng, tính khoa học nhằm hướng đến mục tiêu làm cho cuộc sống của người dân tốt đẹp hơn. Nghệ thuật công cộng Việt Nam hình thành và phát triển trong xu thế chung, xu thế giao lưu, tiếp nhận văn hóa Đông - Tây. Chúng ta tiếp nhận tinh hoa văn hóa, nghệ thuật, tinh hoa khoa học công nghệ trong sáng tác và xây dựng

nghệ thuật công cộng nhằm hướng tới sự phát triển văn minh, bền vững, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, tạo không gian đáng sống cho cư dân đô thị.

Ở Việt Nam, chủ đề “Bác Hồ” được thể hiện, được đặt ở nhiều địa điểm, như: Tượng Bác Hồ và Bác Tôn đặt tại công viên Thống Nhất (Hà Nội), tượng Bác ở phố đi bộ Nguyễn Huệ (Thành phố Hồ Chí Minh)... Hình tượng Bác Hồ, vị lãnh tụ của cách mạng Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới đã khắc sâu trong tâm khảm người Việt và trên toàn thế giới; Tượng đài Quang Trung ở sau gò Đống Đa, tác giả là điêu khắc Vương Học Báo, hình tượng vua Quang Trung cầm đốc kiếm oai nghiêm khi bước vào Thăng Long, được đặt bên cạnh đền Đống Đa, thể hiện tinh thần thượng võ, tinh thần độc lập dân tộc; Tượng đài Lenin ở vườn hoa Lenin, đường Điện Biên Phủ trên con đường dẫn tới Quảng trường Ba Đình, nơi đặt Đài tưởng niệm Bác Sơn và Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, chùa Một Cột... xác định những dấu ấn văn hóa, nghệ thuật của thủ đô.

Mối quan hệ giữa nghệ sĩ - tác phẩm - công chúng xác định sự thành công của tác phẩm nghệ thuật. Cái đẹp, cái anh hùng, cái cao cả là dòng chảy của cảm xúc và khát vọng cộng đồng, tạo nên sức mạnh mềm của văn hóa, nghệ thuật trong cuộc sống hiện đại.

Bên cạnh sáng tạo, xây dựng, chúng ta cũng cần phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống như quần thể kiến trúc kinh thành Huế, Thánh địa Mỹ Sơn (Đà Nẵng), Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hoàng thành Thăng Long, chùa Một Cột (Hà Nội)... tạo nên không gian sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật đương đại, là điểm đến của du khách, tạo nên giá trị kinh tế, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước.

Kế thừa và phát huy tính dân tộc, đại chúng, khoa học trong sáng tạo, xây dựng nghệ thuật công cộng tạo nên bản sắc riêng, đòi hỏi người nghệ sĩ phải cố gắng phát huy trí sáng tạo và vận dụng các nguyên lý của Đề cương văn hóa 1943 một cách sáng tạo, tránh tình trạng “bình cũ rượu mới”.

“Con đường gốm sứ” của họa sĩ Nguyễn Thu Thủy, tác giả sử dụng lối diễn tả hình tượng theo thể thức liên hoàn nhất quán được thấy ở hầu hết các trường đoạn của bức tranh. Ở trường đoạn A3, với chủ đề hoa văn các dân tộc Việt Nam, tác giả đã sử dụng hình thức liên kết này với hoa văn nối tiếp nhau có quy luật, tạo một nhịp điệu nhẹ nhàng phù hợp với thói quen thẩm mỹ của người Việt. Điều này khiến tác phẩm trở nên gần gũi và thân thuộc hơn với

người dân. Ở các phân đoạn từ gắm cầu Long Biên đến cửa khẩu An Dương Vương, hình thức kết nối những mô típ không đồng dạng thể hiện rất rõ bởi sự đan xen nối tiếp nhau của các hình ảnh hoa đào, kiến trúc kiểu Pháp, hoa sen, nhà cao tầng, cùng các hình ảnh biểu trưng được đắp khối nổi như: chùa Một Cột, cầu Long Biên, khu phố cổ Hà Nội... Tuy nhiên, sự kết hợp đan xen của những mô típ này chưa thực sự làm nổi bật bản chất đối lập của các mô típ. Ở chạm khắc đình làng, việc ghép nối các hình tượng, hoạt cảnh luôn được thực hiện theo nguyên lý đối xứng hài hòa của các cặp đối lập, tương phản (âm - dương); thì ở đây lại là các mô típ có hình thái đối lập nhau về bản chất, hoặc nội dung trái ngược nhau (chẳng hạn như kết hợp giữa kiến trúc kiểu Pháp - một biểu thị cho văn hóa phương Tây - với hoa sen - một biểu thị của văn hóa phương Đông). Vì vậy, những hình ảnh được thể hiện trong các phân đoạn tranh nói trên cũng khó có thể diễn đạt một cách trọn vẹn nội dung, chủ đề mà nó muốn hướng tới. Mặc dù vậy, trên một phương diện nào đó, việc ứng dụng các nguyên tắc tạo hình truyền thống này đã mang ý nghĩa như là một sự khởi đầu cho hướng phát triển vốn đang bị bế tắc của nghệ thuật công cộng Hà Nội trong tương lai.

Đất nước Việt Nam đang trên con đường phát triển và hội nhập toàn cầu. Việc áp dụng thành tựu khoa học công nghệ, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sáng tạo, xây dựng văn hóa nghệ thuật là cần thiết, dần thay thế cho cái cũ, cái phi thẩm mỹ, cái khô cứng, vô cảm. Công nghệ tiên tiến càng ngày càng phát triển, người nghệ sĩ sáng tạo, xây dựng nghệ thuật công cộng càng phải nhanh nhạy nắm bắt, để văn hóa nói chung, nghệ thuật công cộng nói riêng phát triển phù hợp với sự phát triển xã hội, mang tinh thần của thời đại.

Hiện nay, nghệ thuật kiến trúc công cộng hiện đại hướng tới công năng sử dụng với trang thiết bị, kỹ thuật và công nghệ hiện đại, tiên tiến, kế thừa, tiếp nối truyền thống, đi vào ổn định về ngôn ngữ với các công trình bảo tàng, đài tưởng niệm. Bên cạnh đó, xuất hiện xu hướng kiến trúc địa phương, kiến trúc cộng đồng, kiến trúc sử dụng nguyên vật liệu truyền thống, kiến trúc xanh, công trình xanh... đã để lại dấu ấn, được xã hội ghi nhận. Đặc biệt, kiến trúc xanh đã có những kết quả ban đầu đáng khích lệ, được cộng đồng trong nước và bạn bè quốc tế ghi nhận và có những tác giả đoạt giải kiến trúc quốc tế như Kiến trúc sư Hoàng Thúc Hào, Kiến trúc sư Võ Trọng Nghĩa..

Trên thế giới, kiến trúc công cộng, điêu khắc công cộng đã được phát triển khá mạnh sau hai dự án tiên phong được thực hiện ở Mỹ và ở Đức vào năm 1982. Đó là dự án *Wheatfield - A confrontation* (Cánh đồng lúa mì - một sự đối đầu) của Agnes Denes và dự án *7.000 oaks* (Bảy nghìn cây sồi) của Joseph Beuys. Ở dự án *7.000 oaks*, Beuys với sự giúp đỡ của các tình nguyện viên đã tiến hành trồng 7.000 cây sồi ở thành phố Kassel - Cộng hòa Liên bang Đức. Dưới mỗi gốc cây sồi, ông đặt một tảng đá. Sự tương phản giữa một cái cây xanh liên tục phát triển với một tảng đá nằm im bất động không chỉ đã làm thay đổi cách nhìn nhận truyền thống về nghệ thuật, mà nó còn làm thay đổi cả nhận thức của con người về mỹ thuật đô thị, thay đổi sự phụ thuộc của con người trong tiếp cận, giáo dục hệ sinh thái.

Ở Việt Nam, hầu hết các đô thị đều có sông ngòi chạy qua, do vậy hoàn toàn có thể phát triển nghệ thuật điêu khắc xã hội theo mô hình như của Beuys tại các vành đai xanh dọc sông Nhuệ, sông Hàn, sông Sài Gòn... và các vùng đệm nối các khu đô thị mới, còn có thể triển khai các dự án nghệ thuật công cộng trên và dưới gầm các con đường mới của thành phố.

Lịch sử hình thành và phát triển đô thị ở Việt Nam nói chung, nghệ thuật công cộng Việt Nam nói riêng theo phân kỳ lịch sử hội tụ các tinh hoa di sản văn hóa Đông - Tây, những di sản nghệ thuật - kiến trúc đã để lại những bản sắc, những đặc trưng văn hóa, nghệ thuật Việt. Sáng tạo, xây dựng, phát huy nghệ thuật công cộng bằng cách khai thác kế thừa tinh hoa văn hóa nghệ thuật truyền thống và tiếp cận, khai thác kế thừa tinh hoa văn hóa nghệ thuật nhân loại với khoa học công nghệ tiên tiến sẽ giúp cho nghệ thuật công cộng trở thành biểu tượng, đại diện hình ảnh cho một đô thị.

\*

\* \*

Như vậy, việc vận dụng ba nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học của Đề cương văn hóa 1943 là kim chỉ nam soi rọi cho sáng tạo, xây dựng nghệ thuật công cộng Việt Nam nói riêng, văn hóa, nghệ thuật Việt Nam nói chung; nhằm xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc tộc, đưa văn hóa ngang tầm với chính trị, kinh tế theo đường lối, chủ trương của Đảng, nhằm xây dựng đất nước phồn vinh, hùng cường, sánh vai cùng năm châu.

## NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC BẢO TỒN, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG GIAO LƯU, HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

ThS. DƯƠNG ÁNH ĐÀO\*

### 1. Những giá trị của văn hóa dân tộc Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

Trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta có hơn 10 thế kỷ đấu tranh bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ. Điều này đã tạo nên sự đặc thù trong giao lưu, tiếp xúc văn hóa của dân tộc.

Trải qua tiến trình lịch sử, Đảng ta đã đúc kết những tinh hoa văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam là: lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống. Trong nhiều năm qua, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc ở những quy mô khác nhau. Hàng loạt di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng đã được công nhận, tu bổ, tôn tạo, rất nhiều di vật, cổ vật đã được bảo vệ... các lễ hội truyền thống như lễ hội đâm trâu, mừng lúa mới của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao Quảng Nam, hoặc lễ cầu ngư, rước cộ, lễ cầu Ông... của người Kinh được giữ gìn, phát triển. Liên hoan nghệ thuật dân tộc như ví giao duyên của đồng bào huyện Minh Hóa, liên hoan nghệ thuật cồng chiêng, liên hoan nghệ thuật múa Tung tung da dá của người dân tộc Cờu, nhạc cụ dân tộc thiểu số trong

---

\* Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa.

gia tài văn hóa của người Vân Kiều như kèn A man, kèn Pi, đàn Tin Tùng, đàn Plựa, Sui và các loại trống to, trống dài, trống nhỏ... trước nguy cơ mai một thất truyền của đồng bào các dân tộc, hoặc trò chơi Lô tô, bài Chòi... của người Kinh được tổ chức, khôi phục; những phong tục, nếp sống, lối sống đẹp đã và đang hình thành trong cộng đồng làng, bản của đồng bào các dân tộc vùng cao và ở cả thành thị... đã được phục hồi và phát triển. Phong trào toàn dân bảo vệ và phát triển văn hóa đã tạo môi trường lành mạnh, thuận lợi cho công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản văn hóa cũng như nền văn hóa dân tộc. Những thành tựu này thật sự lớn và đã khẳng định tính đúng đắn trong đường lối phát triển văn hóa của Đảng ta cũng như sức mạnh của Nhà nước, của toàn dân trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa để xây dựng nền văn hóa mới.

Tuy nhiên, thực tiễn đời sống văn hóa cho thấy, trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc cũng nổi lên một số hiện tượng đáng quan tâm, gây bức xúc trong xã hội. Đó là tình trạng xâm hại, phá hoại di tích, lấy cắp cổ vật và đồ thờ tự trong đền, chùa; hiện tượng mê tín, dị đoan ngày càng gia tăng; lễ hội truyền thống bị mai một, còn nhiều lộn xộn; việc tổ chức cưới xin, tang lễ còn nhiều hủ tục; lối sống thực dụng gia tăng, đạo đức suy thoái ở một số bộ phận cán bộ, nhân dân... Hiện trạng này khiến cho môi trường văn hóa - xã hội nói chung, môi trường bảo tồn di sản văn hóa nói riêng kém lành mạnh, thiếu tính bền vững, mặc dù toàn xã hội và ngành văn hóa thông tin đã có nhiều giải pháp ngăn chặn, can thiệp (như xóa bỏ tệ chùa giả, động giả ở chùa Hương, chấn chỉnh hoạt động lễ hội, khuyến khích cưới xin theo đời sống mới, các tập tục lạc hậu đối với đồng bào các dân tộc vùng cao, miền núi, đẩy mạnh chống tệ nạn mại dâm, ngăn ngừa các hoạt động karaoke trái chiều, thu hồi các cổ vật bị đánh cắp, mua bán trái phép...).

Quá trình tiếp biến văn hóa đã làm xuất hiện quan niệm, lối sống và nhiều yếu tố văn hóa lai căng không lành mạnh trong các dân tộc thiểu số, đặc biệt là ở giới trẻ. Cùng với việc quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong quá trình hội nhập thì vấn đề kiến tạo sự gắn kết chặt chẽ việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số với các chương trình, đề án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi cũng cần được đặt ra... Song rõ ràng đây vẫn là những vấn đề thách thức

đang đặt ra cho toàn xã hội trong việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

## **2. Những vấn đề đặt ra đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong giai đoạn hiện nay**

### ***Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế***

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức, về mặt văn hóa, thách thức lớn nhất chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đặt ra nhiệm vụ vừa cấp bách trước mắt, vừa lâu dài trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa chính là bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy sức mạnh nội sinh của văn hóa. Tiếp thu tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác chính là để làm giàu có thêm nền văn hóa nước nhà. Ngày nay, các quốc gia ngày càng coi trọng giao lưu, hợp tác văn hóa không chỉ thuần túy vì mục đích phát triển văn hóa, mà thông qua sức mạnh mềm văn hóa để mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa giao lưu, hội nhập với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc sẽ mở đường cho văn hóa phát triển, tạo cơ sở cho sự phát triển kinh tế bền vững.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế thúc đẩy mạnh mẽ giao lưu văn hóa giữa các dân tộc. Hiện nay, quá trình tiếp xúc, trao đổi, lựa chọn, tiếp nhận và chuyển hóa các giá trị văn hóa khác nhau dẫn đến sự biến đổi văn hóa các dân tộc cả về mặt tích cực và tiêu cực. Về phương diện tích cực, giao lưu văn hóa góp phần thúc đẩy quan hệ trao đổi văn hóa, tăng cường sự hiểu biết, học hỏi lẫn nhau, từ đó nảy sinh những nhu cầu mới thúc đẩy mỗi nền văn hóa phát triển, thúc đẩy hội nhập quốc tế văn hóa. Về mặt tiêu cực, giao lưu văn hóa có thể làm mờ đi những giá trị văn hóa truyền thống, hoặc nếu không quan tâm đến yếu tố nội sinh (bản sắc dân tộc) có thể tiếp thu cả những giá trị văn hóa lạc hậu, không phù hợp với sự tiến bộ của thời đại và truyền thống dân tộc.

Một thách thức khác mà chúng ta đang phải đối diện đó là, phần lớn giới trẻ Việt Nam hiện nay thích khám phá, trải nghiệm những giá trị mới du nhập từ bên ngoài thông qua quá trình hội nhập mà thờ ơ với những giá trị

văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, không quan tâm đến di sản văn hóa của ông cha để lại. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, lợi dụng di sản văn hóa và các giá trị văn hóa truyền thống nhằm tạo ra những diễn biến phức tạp trên lĩnh vực tư tưởng, tôn giáo, văn hóa, đạo đức, lối sống trong đời sống văn hóa dân tộc.

### ***Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa***

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm cho xã hội nước ta biến đổi sâu sắc và toàn diện. Quá trình đô thị hóa nhanh chóng làm cho kết cấu dân cư có bước thay đổi lớn. Từ sự thay đổi này dẫn đến những thay đổi về nếp sống, lối sống, tập tục... đòi hỏi phải có tư duy, chính sách phát triển phù hợp, vừa đáp ứng những yêu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân, đồng thời phải có những cơ chế, chính sách cụ thể nhằm giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp vốn có của quê hương và di sản văn hóa trong quá trình đô thị hóa.

Quá trình đô thị hóa làm cho nông thôn và thành thị xích lại gần nhau, cũng như sự giao thoa lối sống, nếp sống mới. Vấn đề “phố hóa nông thôn” được đặt ra: Làm thế nào để vừa xây dựng được nếp sống văn minh đô thị trong quá trình “đô thị hóa nông thôn” nhưng vẫn giữ gìn và phát huy được các giá trị tốt đẹp của những di sản văn hóa làng, xã.

Ngoài ra, mặt trái của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm cho một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể bị mai một, đặc biệt ở một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể, các nghệ nhân cao tuổi ngày một già yếu, trong khi chưa có người kế cận. Đây đang là một thách thức lớn đặt ra cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

### ***Sự biến đổi giá trị trong xã hội***

Bước vào thời kỳ đổi mới, đặc biệt từ khi nước ta đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, sự chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp tiểu nông sang xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Trong bối cảnh ấy, hệ giá trị văn hóa Việt Nam tất nhiên cũng chịu tác động mạnh mẽ và đòi hỏi phải chuyển đổi. Quá trình chuyển đổi hệ giá trị văn hóa đã và đang diễn ra theo các hình thức như sau:

- Một số giá trị truyền thống tiếp tục được bảo tồn nhưng có thể có sự thay đổi về nội dung hoặc hình thức thể hiện.



- Mất dần đi các giá trị truyền thống lỗi thời, không còn phù hợp với xã hội hiện tại.

- Sự hình thành các giá trị mới, dù mới manh nha nhưng sẽ trở thành các giá trị chủ đạo, như: dân chủ, nhân quyền, hội nhập, giá trị số (chính phủ số, môi trường số, văn hóa số, kinh tế số...).

Nội dung biến đổi giá trị văn hóa dân tộc về mặt tích cực<sup>1</sup> đó là, các giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc Việt Nam (như lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống vẫn giữ được tính ổn định và là giá trị chủ đạo trong xã hội. Về mặt tiêu cực, đó là tình trạng xuống cấp về đạo đức, tư tưởng, tình trạng tham nhũng, các tệ nạn xã hội, lối sống đề cao giá trị vật chất...

### **3. Giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc hiện nay**

#### ***Giải pháp về nhận thức***

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức tôn trọng, trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Đây không chỉ là nhiệm vụ của ngành văn hóa mà là của các ngành, các cấp và toàn xã hội, trong đó cơ quan văn hóa và giáo dục giữ vai trò chủ đạo.

Một thách thức lớn nhất hiện nay là, giới trẻ dường như ít quan tâm đến vốn di sản văn hóa dân tộc, mà thích tìm tòi, trải nghiệm các trào lưu giải trí hiện đại, các xu thế văn hóa mới, cho nên thiếu say mê để theo học các khóa đào tạo kỹ năng về di sản văn hóa, các lớp truyền dạy về di sản văn hóa phi vật thể. Để lan tỏa, phổ biến các giá trị tốt đẹp trong kho tàng di sản văn hóa dân tộc, trước hết cần thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục trong nhà trường, cần đổi mới nội dung và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục truyền thống. Ví dụ, tổ chức các cuộc thi, những buổi dã ngoại về nguồn tìm hiểu về giá trị di sản văn hóa; xuất bản các ấn phẩm văn hóa về di sản văn hóa phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ của giới trẻ; tổ chức các cuộc thi, trò

---

1. Trần Ngọc Thêm: *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr.302.

chơi dân gian, biểu diễn văn hóa dân gian, trình diễn nghề truyền thống và những sự kiện liên quan đến di sản văn hóa địa phương...

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật di sản văn hóa, các cuộc thi tìm hiểu về Luật di sản văn hóa trên các phương tiện thông tin đại chúng kết hợp với việc tổ chức lớp tập huấn, nâng cao nhận thức trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở các cấp, các địa phương trong cả nước bằng nhiều hình thức khác nhau.

### ***Giải pháp về đổi mới cơ chế, chính sách quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc***

Thực tiễn công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở nước ta trong thời gian qua đã xảy ra một số vấn đề vướng mắc đến nay vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng. Chẳng hạn, như vấn đề quản lý hoạt động xã hội hóa trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản, việc tôn tạo, tu bổ, phục dựng di sản văn hóa, thậm chí cả việc một số cá nhân vi phạm quy chế quản lý cũng như pháp luật của Nhà nước về bảo vệ và phát huy giá trị di sản nhưng đến nay vẫn chưa có một chế tài xử lý phù hợp, bảo đảm tính răn đe.

- Để đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp với thực tiễn của thời kỳ mới, cần tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực bảo vệ và quản lý di sản văn hóa, như tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật di sản văn hóa và xây dựng các văn bản pháp luật khác như:

+ Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa thống nhất trong toàn quốc (tránh chồng chéo, mỗi địa phương một kiểu như hiện nay<sup>1</sup>), trong đó quy định cụ thể về tên gọi, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy; cơ chế phối hợp quản lý di sản văn hóa trong phạm vi địa phương giữa đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản văn hóa và các tổ chức, cá nhân liên quan; cơ chế tài chính trong việc trích lại phần trăm từ nguồn thu bán vé của các di sản văn hóa cho việc quản lý, bảo vệ, cho các hoạt động tuyên truyền, quảng bá và công tác bảo tồn di sản văn hóa.

---

1. Hiện nay, mô hình các ban quản lý di tích ở các địa phương rất đa dạng, bao gồm nhiều thành phần do người dân bầu ra để bảo vệ, quản lý di sản. Ví dụ có nơi là những người đại diện trong hội người cao tuổi, có nơi lại là đại diện thôn, xóm... nhưng có điểm chung là phần lớn không có kiến thức và không được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về di sản văn hóa.

+ Xây dựng, bổ sung chính sách xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; chính sách ưu đãi, miễn, giảm thuế cho các doanh nghiệp có đóng góp trực tiếp cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; điều chỉnh chính sách đãi ngộ đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú nhằm tạo điều kiện nhiều hơn nữa để nghệ nhân trao truyền kỹ năng, bí quyết; tặng thưởng cho những cá nhân, tập thể có những đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc (hiến tặng cổ vật, tài trợ cho các chương trình nghiên cứu, tuyên truyền, quảng bá về di sản văn hóa, kể cả những cá nhân, doanh nghiệp có thành tích cao trong việc phát huy giá trị di sản văn hóa)...

- Di sản văn hóa vốn thuộc về cộng đồng, do vậy bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phải hướng tới cộng đồng. Trong quá trình triển khai các hoạt động này, cần chú trọng nâng cao nhận thức và sự hiểu biết về giá trị di sản văn hóa cho cộng đồng sở tại, để mỗi người dân thực sự trở thành những nhân tố tích cực, tham gia có trách nhiệm vào các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Chính cộng đồng dân cư tại chỗ là người trực tiếp bảo vệ, thực hành cũng như phát hiện sự xuống cấp, những hành vi xâm hại di sản văn hóa. Bởi vậy, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đặc biệt là cơ quan quản lý di sản văn hóa cần thường xuyên tổ chức các buổi làm việc với nhân dân để lắng nghe ý kiến của người dân về những vấn đề mới phát sinh, những bất cập đang diễn ra trong quá trình bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị di sản.

- Phối hợp với ngành du lịch và công nghiệp văn hóa thực hiện hiệu quả việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Trước hết, ngành văn hóa cần tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích ngành du lịch, công nghiệp văn hóa khai thác các giá trị di sản văn hóa thành các sản phẩm kinh doanh, trên cơ sở bảo vệ sự tồn tại bền vững của các loại hình di sản văn hóa. Để thực hiện được việc này, cần tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích đối thoại giữa những người quản lý di sản và các chuyên gia di sản với những nhà quản lý, kinh doanh sản phẩm công nghiệp văn hóa và kinh doanh du lịch.

Thực tiễn cho thấy, sự gắn kết hài hòa giữa công nghiệp văn hóa - du lịch - di sản văn hóa sẽ tạo điều kiện để hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đạt hiệu quả tích cực và ngược lại. Qua các sản phẩm công nghiệp

văn hóa và hoạt động du lịch văn hóa, du khách có thể tiếp cận và trải nghiệm những giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc, mỗi vùng miền, từ đó hình thành ý thức tích cực trong việc bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa của cộng đồng. Tổ chức Hội đồng di tích và di sản quốc tế (ICOMOS) đã đưa ra 6 nguyên tắc về phát triển du lịch văn hóa nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển du lịch và bảo tồn di sản văn hóa<sup>1</sup>.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và phát huy tính tích cực của hệ thống thông tin đại chúng, mạng xã hội trong công tác tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa tốt đẹp của đất nước và con người Việt Nam. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền chính là góp phần lan tỏa các giá trị tốt đẹp, đồng thời chống lại sự xâm nhập của các thứ phản văn hóa, phản giá trị, phản tiến bộ.

#### ***Giải pháp về tổ chức bộ máy và đào tạo nguồn nhân lực làm công tác di sản văn hóa***

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành di sản văn hóa từ Trung ương đến cơ sở. Hiện nay, đội ngũ cán bộ làm công tác di sản văn hóa, đặc biệt ở cơ sở vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chuyên môn (phần lớn người quản lý di sản do làng xã bầu ra hoặc là chủ sở hữu di sản không được đào tạo chuyên môn về lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản) cần được đào tạo thường xuyên, hướng đến tính chuyên nghiệp.

Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cần phải làm thường xuyên. Cán bộ làm công tác di sản cần am hiểu hoặc có kiến thức

---

1. Tại kỳ họp Đại hội đồng lần thứ 12 tổ chức ở Mexico năm 1999, ICOMOS đưa ra 6 nguyên tắc về du lịch văn hóa là: 1- Tạo ra những cơ hội quản lý tốt và có trách nhiệm cho các thành viên của cộng đồng, chủ nhà và du khách tham gia để họ thấy được và hiểu được trực tiếp giá trị di sản và văn hóa của cộng đồng đó; 2- Mối quan hệ giữa các địa điểm di sản và du lịch là có tính động và có thể có giá trị xung đột nhau. Do vậy, cần quản lý mối quan hệ đó một cách bền vững cho thế hệ hôm nay vì các thế hệ mai sau; 3- Lên kế hoạch bảo vệ di sản và du lịch cho các địa điểm di sản phải bảo đảm cho du khách có thể cảm nhận được và tận hưởng được các giá trị của di sản văn hóa đem lại; 4- Các cộng đồng sở tại và dân chúng bản địa phải được tham gia vào việc lập kế hoạch bảo vệ di sản và du lịch; 5- Hoạt động du lịch và bảo vệ di sản phải có lợi cho cộng đồng; 6- Các chương trình xúc tiến du lịch phải bảo vệ và phát huy các đặc trưng của di sản văn hóa. Xét trên điều kiện thực tế nước ta.

phông nền về lịch sử, văn hóa, mỹ thuật, dân tộc học, xây dựng, kinh tế và cả khảo cổ, Hán - Nôm. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra hết sức mạnh mẽ và Chính phủ đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số thì người làm công tác di sản cần phải thông thạo ngoại ngữ, biết ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tra cứu dữ liệu số về di sản, quản lý và khai thác di sản văn hóa bằng dữ liệu 3D.

***Giải pháp về áp dụng mô hình hợp tác công - tư trong quản lý bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa***

Mô hình hợp tác công - tư trong quản lý bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm tận dụng nguồn lực tài chính và quản lý từ các thành phần kinh tế, các cộng đồng dân cư tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong khi vẫn đảm bảo lợi ích cho người dân.

Theo nhà nghiên cứu Đặng Văn Bài, Phó Chủ tịch Hội Di sản Việt Nam, có 3 đối tác quan trọng nhất trong mô hình hợp tác công - tư đó là: 1- Đối tác công là hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa đồng bộ và có trách nhiệm từ Trung ương đến địa phương; 2- Đối tác là các doanh nghiệp mạnh (nhà nước và tư nhân) có chiến lược phát triển bền vững, lâu dài và một cộng đồng cư dân địa phương tự giác, nhiệt tâm ủng hộ; 3- Đối tác trung gian là các nhà khoa học có tâm và có tầm làm chức năng tư vấn, kết nối hai đối tác công - tư.

Mô hình hợp tác công - tư trong lĩnh vực di sản văn hóa được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng và chứng minh tính hiệu quả, lợi ích của mô hình này. Tháp Eiffel của Pháp, Angkor Wat của Campuchia là những di sản nổi tiếng cũng đang vận hành theo mô hình này. Hiện nay ở Việt Nam, quần thể danh thắng Tràng An là một trong những di sản được vận hành theo mô hình hợp tác công - tư và bước đầu cho thấy có hiệu quả. Mô hình này đã mang lại lợi ích cho cả Nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

Rõ ràng, hợp tác công - tư trong quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa sẽ tạo ra những sản phẩm và dịch vụ du lịch ngày càng chất lượng hơn, tạo nền móng cho hoạt động du lịch phát triển bền vững. Chính vì vậy, mô hình hợp tác công - tư trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững, vừa bảo đảm lợi ích kinh tế - xã hội, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ tài nguyên và môi trường, vừa góp phần phát triển bền vững đất nước.

***Giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa***

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên các lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, hợp tác về bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa, các hoạt động trưng bày giới thiệu di sản văn hóa...

Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, chúng ta có thể tiếp cận được những quan điểm mới, những cách làm hay của các nước trong việc xử lý các vấn đề chung của thế giới về di sản văn hóa, đồng thời tranh thủ ý tưởng của UNESCO và các quốc gia tiên bộ trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ lợi ích chính đáng của Việt Nam trên trường quốc tế, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

\*

\* \*

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu động lực và nguồn lực nội sinh quan trọng của phát triển bền vững đất nước. Nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng với các đặc trưng tiêu biểu là dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Trong xây dựng văn hóa phải lấy việc chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp làm cốt lõi, trọng tâm với các đặc tính cơ bản là: trung thực, trí tuệ, nhân văn, tự chủ, sáng tạo. Đảng ta đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của xây dựng môi trường văn hóa, trong đó nổi bật lên vai trò của gia đình và cộng đồng, văn hóa chính trị và văn hóa trong kinh tế. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, đội ngũ trí thức có vai trò quan trọng, là sự nghiệp lâu dài cần được tiến hành tích cực sáng tạo và kiên trì.

Để tận dụng được những thuận lợi, vượt qua những thử thách của bối cảnh, vấn đề đặt ra là phải có được những định hướng và giải pháp, nhằm thích ứng với xu thế toàn cầu hóa văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại thế giới, trên cơ sở bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội bền vững.

## TÍNH KẾ THỪA CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀ MỘT SỐ YÊU CẦU ĐẶT RA

ThS. NGUYỄN HUY ĐIỂM\*  
ThS. NGUYỄN THỊ THÙY GIANG\*\*

**B**ản chất của văn hóa là tinh thần cộng sinh, kế thừa và phát triển, luôn có yếu tố tự bảo vệ để bảo tồn những gì là của mình đồng thời cởi mở tiếp nhận các yếu tố từ bên ngoài, bản địa hóa, biến nó thành nội lực để làm phong phú thêm cho chính mình. Sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có thể được coi là bản tuyên ngôn, là cương lĩnh của Đảng về văn hóa trước Cách mạng Tháng Tám mà ảnh hưởng của nó còn tác động sâu rộng đến mãi sau này. Bởi thế, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, đồng chí Trường Chinh từng đánh giá: “Đề cương về văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup>. Đề cương không chỉ có giá trị trong chỉ đạo hoạt động văn hóa - xã hội mà còn có ý nghĩa đối với việc xây dựng, hoàn thiện lý luận về nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong cách tiếp cận của mình, tác giả chủ yếu tập trung vào phương diện tính kế thừa của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, qua đó xác định một số yêu cầu cơ bản cần quán triệt và thực hiện.

Tính kế thừa trong các giá trị mới của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* không phải hoàn toàn tách rời giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc,

---

\*, \*\* Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

1. *Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.

tinh hoa của nhân loại, càng không phải do ý muốn chủ quan của một vài cá nhân áp đặt, mà nó được hình thành trong sự kế thừa biện chứng, trong sự tiếp nối hợp logic. Ngoài ra, trong việc kế thừa, Đề cương đã phát huy được yếu tố tích cực của cái cũ trong quá trình xây dựng và phát triển cái mới, trong đó, bản thân những yếu tố tích cực đã được cải biến, chuyển hóa để phù hợp với điều kiện tồn tại của cái mới. Theo đó, tính kế thừa thể hiện trên một số phương diện cơ bản sau:

*Thứ nhất, kế thừa giá trị tích cực của truyền thống văn hóa dân tộc.*

Những giá trị tích cực của truyền thống văn hóa dân tộc chính là tiền đề, là nền tảng cho quá trình xây dựng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* bởi sự hình thành của Đề cương không phải từ hư vô, trên mảnh đất trống, mà là kết quả phát triển hợp quy luật từ những giá trị tích cực của truyền thống văn hóa dân tộc; là kết quả của sự đấu tranh và kế thừa tất cả những yếu tố tích cực của truyền thống văn hóa dân tộc. Bởi, gốc của văn hóa là dân tộc, xây dựng văn hóa mới không phải là đoạn tuyệt với truyền thống tốt đẹp của cha ông để lại mà phải biết kế thừa, phát huy những giá trị đích thực của nó để phục vụ cho yêu cầu của sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Trải qua mấy nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã xây dựng nên bản sắc văn hóa với những giá trị đặc sắc, độc đáo, mang sắc thái riêng của dân tộc Việt Nam. Đó là những giá trị tiêu biểu mang tính ổn định, lâu dài và là điểm tựa để Việt Nam phát triển đi lên. Những giá trị đó là “lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống”<sup>1</sup>. Hệ giá trị văn hóa dân tộc truyền thống được Đảng ta kế thừa và phát huy triệt để, góp phần trực tiếp nâng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* lên một tầm cao mới, chất lượng mới. Trong hệ các giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc có rất nhiều giá trị độc đáo, đặc sắc đã được cô đọng trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Đi liền với việc kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc chính là việc kiên quyết phủ định những truyền thống lạc hậu, phản tiến bộ. Thực tế cho thấy,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.56.



có giai đoạn ở nước ta đã tồn tại quan điểm phủ định sạch trơn trong cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhiều giá trị văn hóa truyền thống, nhiều phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc đã bị coi là “đồi phong, bại tục” cần phải xóa bỏ. Hậu quả của quan niệm này là nhiều di tích lịch sử, văn hóa bị tàn phá nặng nề hoặc bị lãng quên, nhiều phong tục, tập quán tốt đẹp không được gìn giữ, bảo tồn, dần dần bị mai một... Khuynh hướng bảo thủ thực chất là khuynh hướng đề cao, tuyệt đối hóa truyền thống văn hóa dân tộc, coi truyền thống văn hóa dân tộc là cái bất biến, không thể thay đổi được, vì vậy kế thừa nguyên xi, không cần phải bổ sung, sửa đổi và phát triển. Từ đó dẫn đến “đóng cửa”, từ chối hoặc hạ thấp việc tiếp thu các giá trị văn hóa bên ngoài. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to; nó ngấm ngấm ngăn trở cách mạng tiến bộ”<sup>1</sup>.

*Thứ hai, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.*

Khi bàn về công tác văn hóa, văn nghệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở các nhà văn hóa Việt Nam: Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt, ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và nay, trau dồi cho văn hóa Việt Nam có tinh thần thuần túy Việt Nam, để hợp với tinh thần dân chủ. Với quan niệm này, Người đã thể hiện tầm minh triết trong nhận thức tư duy khi đã nắm được bản chất của quy luật giao lưu, tiếp biến văn hóa. Các nền văn hóa, văn minh trên thế giới không tĩnh tại, thuần phác cổ xưa mà luôn vận động, va chạm, tiếp xúc với các nền văn hóa, văn minh khác. Sự phát triển một nền văn hóa gắn liền với sự tiếp xúc, thích ứng và phù hợp, sự linh hoạt, sáng tạo nghiêm túc để biến cái ngoại sinh thành cái nội sinh.

Nhận thức sâu sắc quy luật của văn hóa, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* không chỉ là sự kết tinh của giá trị nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mà còn là sự đón nhận và tiếp thu những giá trị văn hóa của nhân loại. Đó là sự lựa chọn, kế thừa và đổi mới vận dụng và phát triển, không phải kế thừa một cách tùy tiện, ô ạt mà theo phương thức “Gạn đục khơi trong”, hình thành lối sống mới, tư tưởng mới, cách nhìn mới. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại nhưng phải luôn coi trọng những giá trị truyền thống của dân tộc, không tự đánh mất mình, trở thành bóng mờ hay bản sao chép

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.605.

người khác. Bản chất văn hóa dân tộc không được tách rời, càng không thể đối lập với tính tiên tiến của văn hóa nhân loại. Một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc sẽ hội nhập vào sức sống của nền văn hóa thế giới, góp phần tạo nên bức tranh văn hóa đầy màu sắc của nhân loại.

Tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại không chỉ là quá trình học hỏi, thu nhận những điều hay, tiến bộ để cải biến, nâng tầm những giá trị văn hóa Việt Nam mà đây còn là cơ hội để mở rộng sự ảnh hưởng của những giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới. “Nếu một dân tộc hóa mà phát triển tới cực điểm thì tức là tới chỗ thế giới hóa đó, vì lúc bấy giờ văn hóa thế giới sẽ phải chú ý tới văn hóa của mình và văn hóa của mình sẽ chiếm được một địa vị ngang hàng với nền văn hóa thế giới. Mình đã hưởng cái hay của người thì mình cũng phải có cái hay cho người ta hưởng. Mình đừng chịu vay mà không trả”<sup>1</sup>.

Theo quan niệm của Hồ Chí Minh, sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc bao giờ cũng diễn ra theo hai chiều “cho” và “nhận”. “Cho” có nghĩa là góp vào kho tàng văn hóa nhân loại những giá trị đỉnh cao của dân tộc mình. “Nhận” có thể dẫn tới một trong hai hệ quả: được hoặc mất. Sẽ là được nếu có ý thức chọn lọc những tinh hoa để góp phần làm giàu vốn văn hóa của dân tộc. Sẽ là mất nếu du nhập bừa bãi văn hóa bên ngoài, không qua sàng lọc. Do đó, trong Đề cương đã thể hiện rõ sự giao lưu văn hóa, kế thừa có chọn lọc những cái hay, cái đẹp của văn hóa bên ngoài để đưa vào, cải biến thành văn hóa của dân tộc mình. Sự tiếp thu văn hóa nhân loại không phải là một sự sao chép, học đòi, lai căng mà là một quá trình bổ sung và sáng tạo không ngừng.

*Thứ ba, ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin.*

Trong lý luận của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng rất coi trọng vấn đề về văn hóa: “Sách nhân dân có sứ mệnh phải làm cho nông dân vui khi họ mệt mỏi sau khi làm việc nặng nề trở về buổi chiều tối, giúp họ giải trí, làm cho họ tươi tỉnh, bắt họ quên lao động nặng nhọc của họ, biến cánh đồng sỏi đá của họ thành vườn cây quả thơm tho; nó có sứ mệnh biến xưởng của người thợ thủ công và căn buồng sát mái thảm hại của anh thợ học việc kiệt sức thành thế giới thi ca, thành cung điện vàng”<sup>2</sup>. Trên cơ sở những luận điểm trên,

1. Hoài Thanh: *Có một nền văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hội Văn hóa cứu quốc, 1946, tr.25.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.41, tr.23.

V.I. Lênin đã tiếp thu, vận dụng và phát triển phù hợp hoàn cảnh cách mạng và yêu cầu xây dựng nền văn học, nghệ thuật của giai cấp vô sản. Trong bài *Tổ chức của Đảng và văn học có tính Đảng* (1905), V.I. Lênin đặc biệt khẳng định vai trò quan trọng của văn nghệ trong công cuộc xây dựng nền văn hóa vô sản. Ông nhấn mạnh: Văn học phải trở thành “một bánh xe nhỏ và một cái đinh ốc” trong một máy dân chủ xã hội vĩ đại, thống nhất<sup>1</sup>. Như vậy, C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin trong những hoàn cảnh lịch sử khác nhau của quá trình cách mạng vô sản đã có những tư tưởng đúng đắn, khoa học về những bình diện cốt lõi của lý luận văn hóa, có tác động định hướng sự phát triển của văn hóa. Thấu triệt tinh thần đó, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo những quan điểm, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, coi đó là nguyên tắc rường cột cho sự phát triển, hiện đại hóa nền văn hóa Việt Nam, gắn với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của toàn dân tộc. Bởi thế, văn hóa là lĩnh vực được Đảng ta đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo từ khi thành lập đến nay. Trong giai đoạn 1930-1945, trong điều kiện hoạt động bí mật, Đảng tập trung trực tiếp vào công tác giáo dục, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, phổ biến các quan điểm của Đảng trong tổ chức cơ sở đảng và trong đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, tổ chức và động viên họ sáng tạo tác phẩm góp phần cổ vũ, động viên nhân dân tích cực tham gia cuộc đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, Đảng sử dụng văn hóa như một loại vũ khí đặc biệt để chống lại mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, đấu tranh chống lại các trào lưu mỹ học và triết học phản động. Nhìn chung, thời kỳ này, lĩnh vực văn hóa cách mạng đã đạt được những bước tiến quan trọng. Dấu mốc lịch sử in đậm dấu ấn soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin là sự ra đời của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, cho đến nay bản Đề cương vẫn còn có ý nghĩa sâu sắc, giữ vững được những giá trị lịch sử riêng.

Để *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có sức lan tỏa, trường tồn, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cần nhận thức và quán triệt sâu sắc một số yêu cầu cơ bản sau:

*Một là*, xác định rõ chủ thể của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là quần chúng nhân dân - chủ nhân sáng tạo ra mọi giá trị

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.12, tr.123.

vật chất và tinh thần cho dân tộc và cả nhân loại, đồng thời là chủ thể sáng tạo ra nền văn hóa dân tộc. Kế thừa và tiếp nối truyền thống cha ông về tinh thần “thân dân, trọng dân, yêu dân” và sức mạnh “chở thuyền, lật thuyền” của nhân dân. Bởi ngay trong bản Đề cương, Trung ương Đảng nhấn mạnh đến tính chất của nền văn hóa mới mà toàn thể nhân dân Việt Nam hướng đến xây dựng, đó là nền văn hóa thấm đẫm tinh thần dân tộc, hướng về quảng đại quần chúng nhân dân, do nhân dân xây dựng và vì cuộc sống lành mạnh, phong phú của nhân dân, đó chính là tinh thần dân tộc hóa, đại chúng hóa. Do đó, mọi sáng tạo văn hóa, tinh thần không gắn liền với quần chúng nhân dân thì cũng sẽ mất tính mục đích và giá trị văn hóa ấy không có ý nghĩa trong thực tiễn.

*Hai là*, kế thừa phải gắn với quá trình xây dựng xã hội mới, nền văn hóa mới và con người mới. Văn hóa hình thành và phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của con người và xã hội loài người, là toàn bộ giá trị vật chất và tinh thần con người tạo ra nhằm đáp ứng nhu cầu trong quá trình sinh sống. Trong quá trình đó, văn hóa cũng tác động trở lại, góp phần định hình bản sắc của mỗi dân tộc, nhân cách của mỗi con người. Mặt khác, các giá trị truyền thống không có nghĩa là bất biến, trái lại, nó không ngừng được bổ sung cho phù hợp với cuộc sống đang diễn ra. Bởi vì, trong kế thừa văn hóa, cái mới luôn được sản sinh trên nền tảng cũ. Cái cũ là tiền đề cho sự ra đời và phát triển của cái mới. Điều này cũng có nghĩa là không có truyền thống thì không có hiện tại và tương lai. Đất nước không thể phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nếu không có nền tảng truyền thống. Thêm giá trị mới các yếu tố truyền thống sẽ được phát huy một cách hiệu quả.

*Ba là*, hình thành thái độ đúng đắn, tiến bộ, khoa học trong kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc. Theo đó, cần tránh thái độ bảo thủ, hoài cổ, khư khư ôm lấy những gì thuộc về quá khứ, ngại thay đổi, không muốn thay đổi. Đồng thời, cần tránh quan điểm chiết trung, không có đủ trình độ để phân biệt, nhận thức đâu là giá trị tích cực, đâu là điểm lạc hậu, lỗi thời của truyền thống văn hóa dân tộc. Việc tiếp tục kế thừa và phát huy những yếu tố tiêu cực sẽ làm cản trở sự phát triển của nền văn hóa dân tộc.

*Bốn là*, hình thành tư duy phê phán trong tính kế thừa, tức là kế thừa trên cơ sở phê phán, kế thừa có chọn lọc. Theo đó, phải biết gạt bỏ những truyền thống, tư duy lỗi thời, cản trở sự tiến bộ, sự phát triển của văn hóa

dân tộc. Điều này phụ thuộc vào ý chí chủ quan của chủ thể thực hiện sự phê phán, nếu họ có quan điểm trái với quan điểm của xu hướng tiến bộ xã hội thì họ có thể thực hiện sự phê phán không khách quan. Điều này không những không bảo đảm tính kế thừa đúng đắn mà còn cản trở sự phát triển của quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam. Do đó, phê phán trong tính kế thừa phải được thực hiện trên tinh thần khách quan, trung thực. Đồng thời, chống thái độ bảo thủ, thái độ hư vô. Bối, bảo tồn truyền thống văn hóa là việc cần làm nhưng không phải bảo thủ, không nên quá đề cao văn hóa dân tộc truyền thống mà coi nhẹ và không chịu tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, tự khép kín vào những giá trị đã lỗi thời, làm cho nền văn hóa trở nên nghèo nàn. Điều này sẽ kéo theo sự kìm hãm và làm chậm sự phát triển. Trong lịch sử, triều đình phong kiến Việt Nam nhà Nguyễn đã có lúc sai lầm khi “bế quan tỏa cảng”, đánh mất đi cơ hội phát triển đất nước.

Ra đời cách đây gần một thế kỷ nhưng những quan điểm, nguyên tắc, chủ trương đúng đắn, kịp thời của Đảng trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đến nay vẫn vẹn nguyên giá trị và tinh thần thời đại sâu sắc, thể hiện tư duy, tầm nhìn và khát vọng của toàn Đảng, toàn dân nỗ lực, quyết tâm, đổi mới, sáng tạo, cống hiến để vun đắp nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, giàu bản sắc, tạo sức mạnh, nguồn lực nội sinh để xây dựng nước Việt Nam phồn vinh và hạnh phúc.

## TÍNH DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG VÀ KHOA HỌC CỦA SÁCH LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ THEO ĐỊNH HƯỚNG CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”

ThS. NGUYỄN HÀ GIANG\*

ThS. NGUYỄN PHƯƠNG THÙY\*\*

### 1. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - Định hướng giá trị của sách lý luận chính trị

Tháng 2/1943, Đảng ta ban hành *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh, Phúc Yên)<sup>1</sup>. Văn kiện ra đời trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước những năm 40 thế kỷ XX rất rối ren; đặc biệt là đời sống văn hóa Việt Nam đang lâm vào tình trạng hỗn loạn, lai căng, chịu ảnh hưởng nặng nề của văn hóa thực dân, phát xít. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hóa dưới ách áp bức của Pháp - Nhật, vạch ra đường lối văn hóa cách mạng và những nhiệm vụ nhằm xây dựng nền văn hóa dân tộc, nhân dân. Đề cương về văn hóa ra đời đã đặt một mốc son quan trọng cho việc khởi động, định hướng sự phát triển của văn hóa Việt Nam, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình vận động, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam qua chiều dài lịch sử của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

---

\*, \*\* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

1. Nay là Đông Anh, Hà Nội.

Giá trị nổi bật của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là nêu lên ba nguyên tắc vận động xây dựng văn hóa Việt Nam trong giai đoạn này. Ba nguyên tắc soi đường để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta là: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”.

- Theo *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, “dân tộc hóa” là “chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”<sup>1</sup>. Lý do của việc nêu ra nguyên tắc này xuất phát từ thực trạng văn hóa nước nhà khi đó. Nền văn hóa Việt Nam vốn dĩ đã chịu những tác động nặng nề của hơn 1.000 năm Bắc thuộc, như Tổng Bí thư Trường Chinh từng viết trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*: Ông cha ta, hàng chục thế kỷ học Tàu, viết Tàu, nghĩ theo cách Tàu; pháp luật mô phỏng Tàu; triết học học Tàu, theo lễ giáo Tàu, về tín ngưỡng theo cả Tàu và Ấn; khoa học độc lập không tiến; nghệ thuật âm nhạc kém phát triển; lối ăn mặc ở hủ lậu, bảỉ thủ, thiếu khoa học. Sau hơn 1.000 năm Bắc thuộc là gần 100 năm thống trị của thực dân, đế quốc. Thực dân Pháp đã du nhập vào Việt Nam những nhân tố tiêu cực, phản động của văn hóa tư sản và đế quốc. Chúng đề cao sự giàu mạnh của thực dân, ca tụng chính sách thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, gieo rắc vào đầu óc người Việt Nam tinh thần nô lệ, lệ thuộc, tâm lý tự ti dân tộc, sùng bái văn hóa Pháp, từ đó chạy theo lối sống hưởng lạc, đồi trụy. Phát xít Nhật thì tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á, đề cao văn hóa Nhật Bản, coi người Nhật là cứu tinh của giống da vàng. Thực hiện tất cả những thủ đoạn “trói buộc văn hóa và giết chết văn hóa Việt Nam” ấy, thực dân, phát xít nhằm triệt tiêu tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta để thực hiện mưu đồ xâm lược của chúng, nguy hại hơn là làm thui chột nòi giống ta. Vì vậy, mục đích của dân tộc hóa của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là “làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có đầy lòng tự hào, dũng cảm đứng lên tiếp nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng Tổ quốc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam”<sup>2</sup>.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.23-24.

2. Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1986, t.2, tr.360.

Từ những định hướng của bản Đề cương, có thể hiểu tính dân tộc của nền văn hóa là bản sắc quốc gia - dân tộc; là yếu tố định hình nét riêng, khẳng định đặc trưng của dân tộc trong ngôi nhà chung của nhân loại. Dân tộc hóa nền văn hóa tức là xây dựng một nền văn hóa độc lập, tự chủ, bảo vệ, giữ gìn tinh hoa văn hóa dân tộc, chống lại những lai căng, đua đòi, bắt chước văn hóa ngoại lai.

Cơ sở của “dân tộc hóa” văn hóa chính là bản sắc văn hóa dân tộc. Bản sắc dân tộc tạo nên cốt cách, tinh hoa văn hóa Việt Nam. Bản sắc dân tộc hiện diện trong ý thức dân tộc, tâm hồn dân tộc, tính cách dân tộc, tâm lý dân tộc, di sản văn hóa dân tộc...

Nguyên tắc “dân tộc hóa” văn hóa đòi hỏi thái độ không được phủ nhận quá khứ mà có sự kế thừa, tiếp nối truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của cha ông. Phải coi di sản văn hóa là nguồn tài nguyên nhân văn, là hành trang cho chúng ta phát triển kinh tế - xã hội, củng cố sức mạnh quốc gia trong một thế giới đa dạng, phức tạp. “Dân tộc hóa” cũng bao hàm cả việc quảng bá giá trị văn hóa dân tộc ra thế giới, để thế giới biết đến dân tộc Việt Nam, được tiếp cận, có cơ hội tìm hiểu để cảm nhận và từ đó trân trọng những giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam, góp phần giúp Việt Nam hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế quốc gia.

Trong thời đại ngày nay, tính chất dân tộc và yêu cầu của dân tộc hóa văn hóa cần được hiểu theo nghĩa rộng hơn, phù hợp với bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội của thời đại. Đó là nền văn hóa phải có tính chất tiếp thu, hội nhập; là sự tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, chuyển hóa thành giá trị của dân tộc để quay trở lại phục vụ dân tộc mà cụ thể hơn là nhận lấy cái hay, cái đẹp ở bên ngoài để bồi bổ cho văn hóa của mình thông qua các sáng tạo nghệ thuật. Nhưng đó cũng là quá trình tiếp thu văn hóa nhân loại có chọn lọc, không diễn ra một cách thụ động, máy móc, giáo điều mà phải luôn có sự trao đổi, sàng lọc cần thiết, có sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo và phù hợp với thực tiễn lịch sử và xã hội cụ thể của quốc gia, dân tộc mình.

- Văn hóa đại chúng được hiểu là tổng thể các ý tưởng, quan điểm, thái độ, hành vi lan truyền, hình ảnh và các hiện tượng khác, nằm trong xu thế phổ biến, chủ đạo của một nền văn hóa. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* nêu



“đại chúng hóa” là “chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng”<sup>1</sup>.

Sở dĩ Đề cương văn hóa nêu ra nguyên tắc này là vì trong bối cảnh xã hội Việt Nam khi đó, nền văn hóa Việt Nam mang tính đẳng cấp rõ rệt. Nền giáo dục khoa cử Nho học dành cho số ít người có đặc quyền, đặc lợi trong xã hội. Thời kỳ Pháp thuộc thì việc giáo dục chỉ nhằm đào tạo số ít những công chức phục vụ cho bộ máy cai trị của thực dân Pháp còn lại đa số dân chúng là thất học, mù chữ, mê muội trong những hủ tục lạc hậu. Vì vậy, mục đích của “đại chúng hóa” văn hóa là nâng cao trình độ của nhân dân, giải phóng nhân dân khỏi sự dốt nát, thất học, mê tín, tạo điều kiện cho nhân dân có điều kiện tiếp nhận, thụ hưởng và sáng tạo ra các giá trị văn hóa.

“Đại chúng hóa” văn hóa dựa trên cơ sở là tính nhân dân của nền văn hóa. Điều này được lý giải bởi nhân dân chính là chủ thể sáng tạo nên văn hóa, bởi vậy họ có quyền thụ hưởng các giá trị văn hóa.

“Đại chúng hóa” ngày nay được hiểu là xóa bỏ mọi sự bất bình đẳng về trình độ, điều kiện hưởng thụ, sự chênh lệch văn hóa giữa các tầng lớp, bộ phận dân cư, dân tộc, vùng miền trong cả nước. Đại chúng hóa cũng bao hàm cả nghĩa phổ cập và nâng cao. Phổ cập văn hóa cho toàn thể dân chúng và ngày càng nâng cao trình độ văn hóa của quần chúng về cả ba khía cạnh tiếp thu, thụ hưởng và sáng tạo.

- Theo *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, “khoa học hóa” nền văn hóa là “chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”<sup>2</sup>, biết bảo tồn, chắt lọc những nét đẹp truyền thống dân tộc, đồng thời phải chống những cái cũ kỹ, lạc hậu, dị đoan.

Sở dĩ Đề cương đưa ra nguyên tắc này bởi vì khi đó nước ta là nước nông nghiệp lạc hậu, lại bị chế độ nô dịch của các thế lực ngoại bang phong kiến và thực dân nên tính chất bảo thủ, lạc hậu, mê muội in đậm trong nhiều phong tục, tập quán, lễ thói. “Khoa học hóa là tạo điều kiện cho nền văn hóa dân chủ mới nhanh chóng thoát khỏi sự kìm hãm ấy, nhằm phát triển mọi mặt trên cơ sở khoa học. Nó lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.24, 24.

suy nghĩ và hành động. Nó gạt ra khỏi đầu óc mọi người các loại thành kiến, hủ bại, mê tín dị đoan”<sup>1</sup>.

Văn hóa có tính khoa học nghĩa là văn hóa bao hàm trong đó hoạt động khoa học hay nói cách khác là mọi hoạt động sáng tác, biểu diễn văn hóa đều phải có tính khoa học, phục vụ cho sự phát triển của con người và xã hội. Khoa học hóa văn hóa ngày nay cần đưa đến một tư duy khoa học cho mọi tầng lớp nhân dân, giúp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, bài trừ hủ tục lạc hậu, đấu tranh với tư tưởng bảo thủ, trì trệ.

Đề cương văn hóa nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa ba nguyên tắc: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”: “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắm, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm...”<sup>2</sup> và khẳng định: “Văn hóa mới Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung”<sup>3</sup>. Như vậy, khi đưa ra ba nguyên tắc nêu trên thực chất là Đảng muốn nhấn mạnh tính chất của văn hóa là gắn với truyền thống dân tộc, thuộc về nhân dân và thấm nhuần tinh thần khoa học, khẳng định đó là ba trụ cột cơ bản, bảo đảm cho văn hóa Việt Nam phát triển. Đây là những định hướng của Đảng về hướng đi, cách thức xây dựng và hoạt động văn hóa, thể hiện rõ các quan điểm, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc cần hướng đến nên có tác dụng lâu dài với cách mạng Việt Nam. Từ sau bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, tư duy lý luận của Đảng về văn hóa ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh, nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Kế thừa những định hướng đúng đắn, sáng suốt trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, qua mỗi thời kỳ cách mạng, theo yêu cầu của chỉ đạo thực tiễn,

---

1. Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật*, *Sđd*, t.2, tr.360.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.24-25, 25-26.

đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng ngày càng sáng tỏ, hoàn chỉnh, lý luận văn hóa, văn nghệ Việt Nam ngày càng phong phú và sắc bén. Những thành tựu trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, khoa học, ngoại giao, an ninh - quốc phòng... của đất nước trong những chặng đường đã qua là những minh chứng thuyết phục rằng văn hóa thực sự là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là kết quả của tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Những phương châm dân tộc, đại chúng, khoa học trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cho đến ngày nay vẫn chứng tỏ tính chất đúng đắn trong đời sống văn hóa đất nước. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, việc tiếp tục khẳng định ba nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa” của nền văn hóa Việt Nam luôn là vấn đề cốt lõi, trọng tâm để phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Bản văn hóa là một khái niệm khá rộng, bao gồm tất cả những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra, nên từ góc nhìn văn hóa, có thể soi chiếu vào từng khía cạnh, hoạt động, sản phẩm... văn hóa. Một trong những hình thức kết tinh, lưu giữ, trao truyền giá trị văn hóa mà chúng tôi muốn đề cập đến trong bài viết này là sách. Sách nói chung và sách lý luận chính trị nói riêng chính là sản phẩm văn hóa tinh thần, trong sách chứa đựng kho tàng tri thức dạy cho chúng ta cách sống, cách làm người, hướng tới những giá trị nhân văn. Là một sản phẩm văn hóa, do đó sách lý luận chính trị cũng phải chứa đựng đặc trưng của nền văn hóa, đó là tính dân tộc, tính đại chúng và tính khoa học. Điều này có thể nhận biết rất rõ qua nội dung từng cuốn sách, những vấn đề mà nội dung của cuốn sách thể hiện và những giá trị mà cuốn sách mang lại.

Nhiệm vụ của sách lý luận chính trị là cung cấp cho người đọc hệ thống tri thức về lĩnh vực chính trị - bộ phận quan trọng trong kho tàng lý luận của nhân loại, kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn chính trị của nhiều thế hệ, mang dấu ấn của lịch sử, có sự kế thừa và phát triển. Nói

cụ thể hơn, sách lý luận chính trị có nhiệm vụ trực tiếp góp phần bảo vệ, truyền bá, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, qua đó góp phần xây dựng, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng; giáo dục, nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; xây dựng con người mới, nếp sống mới; đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

*Tính chất dân tộc* của sách lý luận chính trị thể hiện ở việc sách lý luận chính trị phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Sách lý luận chính trị phổ biến, giới thiệu tri thức thuộc lĩnh vực lý luận chính trị qua đó góp phần nâng cao dân trí, xây dựng nền tảng văn hóa tinh thần của con người Việt Nam, đồng thời thông qua các xuất bản phẩm mà giới thiệu với thế giới các giá trị văn hóa truyền thống người Việt, các thành tựu phát triển của Việt Nam. Xuất bản sách lý luận chính trị là một hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa, tư tưởng thông qua việc sản xuất, phổ biến những xuất bản phẩm lý luận chính trị đến nhiều người. Hoạt động này có mục đích: Phổ biến, giới thiệu tri thức thuộc các lĩnh vực lý luận chính trị nói riêng, các lĩnh vực khác của đời sống xã hội nói chung, giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, xây dựng đạo đức và lối sống tốt đẹp của người Việt Nam, khơi dậy lòng yêu nước và sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc, mở rộng giao lưu văn hóa với các nước, phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành vi làm tổn hại lợi ích quốc gia, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong thời kỳ hội nhập, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế ngày nay, tính dân tộc của sách lý luận chính trị thể hiện ở việc sách và các xuất bản phẩm góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau các dân tộc, các quốc gia, tạo ra môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển. Thông qua các xuất bản phẩm các giá trị văn hóa truyền thống, đất nước và con người Việt Nam, các thành tựu phát triển... được giới thiệu với thế giới và ngược lại. Ngày nay với những thành tựu mới trong xuất bản, việc tăng cường hiểu biết lẫn nhau ngày càng thuận lợi. Thực tế phát triển cho thấy, một quốc gia muốn

phát triển bền vững cần có môi trường hòa bình và để có môi trường hòa bình, thuận lợi cho sự phát triển của quốc gia mình thì cần tham gia tạo ra môi trường hòa bình chung cho phát triển. Cùng với các phương tiện thông tin khác, chính các xuất bản phẩm sẽ góp phần gia tăng sự hiểu biết lẫn nhau, tạo ra môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển giữa các quốc gia, dân tộc.

Đối với bình diện quốc tế, sách lý luận chính trị đã góp phần tuyên truyền, quảng bá văn hóa Việt Nam, văn hóa các dân tộc Việt Nam và thế giới tới nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế nhằm lưu giữ, bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc Việt Nam và hội nhập văn hóa, nghệ thuật thế giới. Đối với bình diện trong nước, sách lý luận chính trị cũng làm nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, cổ động đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và chính sách dân tộc nói riêng đối với đồng bào dân tộc thiểu số; phổ biến kiến thức chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật... phục vụ mục tiêu nâng cao dân trí, phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

*Tính chất đại chúng* của sách lý luận chính trị thể hiện ở việc sách lý luận chính trị truyền tải những tri thức khoa học cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, vì vậy, đối tượng phục vụ của sách lý luận chính trị là toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, sách lý luận chính trị là tài liệu học tập, nghiên cứu quan trọng, góp phần nâng cao trình độ nhận thức lý luận chính trị. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, sách lý luận chính trị là tài liệu tham khảo, là “cẩm nang” hướng dẫn bổ ích, giúp họ nghiên cứu, học tập và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời góp phần nâng cao trình độ, kỹ năng lãnh đạo, quản lý. Đối với lực lượng thanh niên, sách lý luận chính trị góp phần giúp hình thành thế giới quan, phương pháp nhận thức khoa học, hình thành tính tích cực chính trị cho thanh niên, tạo ra sự thống nhất tư tưởng trong tổ chức đoàn thanh niên, sự đồng thuận xã hội, cổ vũ tinh thần sáng tạo cách mạng của lực lượng thanh niên thực hiện thắng lợi mục tiêu, lý tưởng của

Đảng. Bằng việc cung cấp những kiến thức về lý luận chính trị, sách lý luận chính trị giúp giác ngộ lý tưởng cách mạng, nâng cao nhận thức chính trị, thống nhất ý chí và hành động của thanh niên. Đối với quần chúng nhân dân, sách lý luận chính trị tuyên truyền, phổ biến, giải thích làm sáng tỏ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước từ đó giúp đường lối, chính sách thâm nhập sâu rộng vào quần chúng, nâng cao tri thức chính trị của đông đảo nhân dân. Với sự đa dạng, phong phú về chủng loại, phục vụ cho nhiều nhóm độc giả khác nhau, sách lý luận chính trị trở thành nguồn tri thức giúp nâng cao nhận thức chính trị của đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Thực tiễn phong phú và những thành tựu đạt được trong hơn 35 năm đổi mới đã chứng minh sự đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhờ có nền tảng vững chắc này cùng đội ngũ cán bộ, đảng viên có trình độ lý luận vững vàng, có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt và hơn cả là sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc cũng như sự đồng thuận trong xã hội mà quá trình đổi mới đất nước ta không đi chệch hướng, đạt được nhiều thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

Tính đại chúng của sách lý luận chính trị đặt ra yêu cầu phát triển văn hóa đọc, hướng việc đọc sách lý luận chính trị trở thành một thói quen không thể thiếu, một nét đẹp văn hóa trong cuộc sống của cá nhân, gia đình, cộng đồng; là làm cho việc đọc sách trở thành một nhu cầu thiết yếu, trở thành nền nếp của gia phong, dòng tộc và ở phạm vi lớn hơn là trở thành chuẩn mực văn hóa quốc gia.

Tuy nhiên, phần lớn sách lý luận chính trị, pháp luật là sách học thuật, nghiên cứu góp phần làm cho thế giới quan chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội; phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, do nội dung truyền tải này mà sách lý luận chính trị thường có đặc điểm là khô khan, khó hiểu, do đó ít tính hấp dẫn đối với người đọc nói chung mà nếu không phải là những bạn đọc thực sự quan tâm, thật sự có nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu. Để đọc hiểu sách lý luận chính trị, pháp luật cần có nền tảng kiến thức nhất định về lịch sử, chính trị, kinh tế, triết học, pháp luật...

chính điều này đã phần nào giới hạn đối tượng phục vụ của sách lý luận chính trị.

Một thực tế khác ảnh hưởng đến việc phát triển tính đại chúng của sách lý luận chính trị cũng có nguyên nhân từ đặc trưng nội dung truyền tải lẫn đối tượng bạn đọc phục vụ là sách lý luận chính trị chiếm ít thị phần hơn so với các loại sách đại chúng phổ cập văn hóa hoặc có tính chất giải trí trong thị trường sách. Loại sách và hình thức sách lý luận chính trị, pháp luật hiện nay chưa phong phú, chưa đa dạng, thiếu tính hấp dẫn. Hình thức sách lý luận, chính trị, pháp luật thường theo đặc tính là phải trang trọng, chuẩn mực, kinh điển, nên không bắt mắt, khó cuốn hút về khía cạnh thẩm mỹ. Kỹ thuật in còn thấp, sách in không đẹp, nhanh cũ, hỏng. Sách lý luận chính trị, pháp luật thường dày và nhiều chữ, thiết kế trình bày đơn điệu khiến cuốn sách vốn đã nặng về kiến thức lại không tạo điều kiện cho bạn đọc dễ tiếp thu. Giá sách vẫn cao so với điều kiện kinh tế của người dân, do đó chưa khuyến khích được nhu cầu mua sách lý luận chính trị, pháp luật của đông đảo bạn đọc.

Một thực tế khác nữa là chất lượng chính trị, khoa học, tính thực tiễn, tính chiến đấu, tính thuyết phục và hấp dẫn của sách lý luận chính trị còn hạn chế, chưa có nhiều đầu sách hay, có giá trị cao về lý luận và thực tiễn. Việc thiếu các đề tài hay, có giá trị là do chưa có sự đầu tư thích đáng về thời gian, nhân lực, tài chính, cơ chế nhuận bút, cơ chế phát hành... nên chưa thu hút được các tác giả tham gia viết sách.

Sách lý luận chính trị, pháp luật thường không được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội hoặc sách điện tử mặc dù đây chính là những kênh thông tin mà trong thời đại công nghệ 4.0 người dân tìm đến để kiểm tìm thông tin nhiều nhất. Với các phương tiện thông tin hiện đại, sự kiện, thông tin lý luận chính trị rất nhanh chóng đến được với người dân, nhưng đó chưa phải là tri thức, đặt ra yêu cầu cần phải có sách lý luận chính trị, pháp luật chính thống được số hóa, mở ra cơ hội tiếp cận sách lý luận chính trị trên máy tính bảng, máy tính, điện thoại.

*Tính chất khoa học* của sách lý luận chính trị thể hiện ở việc các tri thức được đề cập trong sách lý luận chính trị bao gồm tất cả các cấp độ: từ những vấn đề lý luận trừu tượng đến những thông tin, tri thức chính trị cụ thể; quan

điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các kinh nghiệm, kỹ năng hoạt động (công nghệ chính trị). Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, sách lý luận chính trị góp phần tạo sự thống nhất về nhận thức, quan điểm chính trị trong cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận trong xã hội, tạo cơ sở, tiền đề cho việc tổ chức thực hiện đường lối, nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ.

Tính khoa học của sách lý luận chính trị thể hiện ở sự mô tả các sự kiện chính trị, vấn đề lý luận một cách khách quan cùng với những nguyên nhân của nó, phản ánh chân thực hiện thực mà không “tô hồng” hay “bôi đen”. Mục tiêu giáo dục lý luận chính trị của sách lý luận chính trị chỉ có thể thực hiện được khi sách lý luận chính trị bảo đảm tính đảng, tính khoa học.

Tính khoa học của sách lý luận chính trị còn thể hiện ở chỗ các hoạt động xuất bản sách lý luận chính trị chính là con đường ngắn nhất, hiệu quả nhất góp phần truyền bá, phổ biến tri thức, nâng cao trình độ dân trí. Sử dụng phương thức tuyên truyền, phổ biến tri thức lý luận chính trị qua sách giúp nâng cao trình độ nhận thức hay mặt bằng văn hóa chung của một cộng đồng hay nhóm dân cư ở một phạm vi nhất định, tăng khả năng nhận thức về thế giới, về tự do dân chủ, hiểu biết về quyền công dân, quyền con người, nâng cao mức độ quan tâm của người dân trước các vấn đề xã hội.

Sách lý luận chính trị cung cấp thông tin, làm rõ bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, góp phần tuyên truyền, giáo dục để mọi cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân nhận thức đầy đủ, ngày càng sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời vận dụng, phát triển sáng tạo, làm cho lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự là nền tảng tư tưởng vững chắc của Đảng, giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần toàn xã hội. Bên cạnh đó, sách lý luận chính trị cũng giúp người đọc nhận rõ bản chất của chủ nghĩa tư bản. Các tác phẩm sách lý luận chính trị làm rõ hạn chế khách quan, sự bất công trên con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa tư bản chỉ là một giai đoạn trên con đường phát triển đi lên văn minh hiện đại của xã hội loài người.

Thông tin từ sách lý luận chính trị là cơ sở dữ liệu quan trọng cho các hoạt động sáng tạo của mỗi công dân trên các vị trí, công việc của chính mình. Việc



đọc sách làm trí tuệ con người sâu sắc hơn và sáng rõ hơn và vì vậy họ làm việc sáng tạo hơn, có trách nhiệm với bản thân và xã hội. Chính Lênin cũng đã từng nói: Không có sách thì không có tri thức, không có tri thức thì không có chủ nghĩa cộng sản.

Trên con đường đổi mới và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nền văn hóa nước nhà phải có những sự đổi mới để thích ứng với những biến đổi mạnh mẽ của đời sống kinh tế, chính trị trong nước và thế giới trong khi vừa phải bảo đảm kế thừa, lưu giữ những yếu tố truyền thống tốt đẹp để xứng tầm với dân tộc và thời đại. Nền văn hóa nói chung và sách lý luận chính trị nói riêng không chỉ bao hàm ba tính chất được đề cập đến trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 mà còn phải tiêm cận thêm nhiều tính chất mới, trong đó nổi bật là tính chất nhân văn và dân chủ.

*Tính chất nhân văn* của nền văn hóa vốn dĩ bắt nguồn từ những truyền thống tốt đẹp được hun đúc trong quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Giá trị nhân văn đề cao tình nghĩa, nhân ái, yêu thương con người, tôn trọng nhân phẩm, đặc trưng cho văn hóa Việt Nam vốn trọng tình cảm, thương yêu con người, đề cao tình nghĩa. Nói đến tính nhân văn của sách lý luận chính trị, trước tiên phải nói đến sự cần thiết của loại sách này đối với xã hội và mỗi cá nhân. Bởi vì sống trong một xã hội chính trị, con người phải có những hiểu biết về lĩnh vực chính trị, để trở thành những con người có trình độ lý luận chính trị, có ý thức chủ động, tự giác và sáng tạo; con người phải có tri thức về lý luận chính trị để xây dựng nên thể chế, thiết chế nhằm quản lý xã hội, đem lại lợi ích cho cộng đồng và dân tộc; con người phải hiểu về chính trị để có cơ sở, phương pháp giải quyết những vấn đề quan hệ quốc tế... Bên cạnh đó, là các vấn đề lý luận, chính trị luôn gắn chặt với thực tiễn cuộc sống phong phú, đa dạng và sinh động, đồng hành cùng đời sống kinh tế, xã hội đất nước, thế giới và cũng phản ánh thực tiễn đời sống. Sách lý luận chính trị thông qua việc giải đáp nhiều vấn đề quan trọng về lý luận chính trị, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, về thành tựu và kinh nghiệm công cuộc đổi mới, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa đã thể hiện nhất quán quan điểm

tất cả vì mục đích giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người; tôn trọng nhân phẩm, đề cao nhân quyền, tôn trọng quyền con người; hướng đến khảng định và đề cao giá trị con người, xây dựng con người mới, nếp sống mới.

*Tính chất dân chủ* được hiểu là dân chủ xã hội chủ nghĩa, gắn liền với kỷ luật, kỷ cương, quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Cốt lõi của dân chủ xã hội chủ nghĩa là khảng định quyền lực của nhân dân, là giải quyết mối quan hệ giữa quyền và lợi ích, quyền và nghĩa vụ, lợi ích và trách nhiệm. Ở khía cạnh văn hóa, giá trị dân chủ là một giá trị tiến bộ của thời đại, đề cao các quyền tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do sáng tạo văn hóa, mọi công dân đều bình đẳng và được tôn trọng. Người dân vừa là chủ thể, vừa là khách thể của văn hóa, vừa là người sáng tạo, vừa là người hưởng thụ các giá trị văn hóa. Tính chất dân chủ của sách lý luận chính trị thể hiện ở việc Đảng coi trọng việc phát huy, thực hành dân chủ, tự do sáng tạo trong nghiên cứu, sáng tạo, phổ biến và thực hành lý luận chính trị. Bởi vì lý luận chính trị là lý luận khoa học nên chỉ có thể tồn tại, phát triển trong môi trường dân chủ; dân chủ là động lực phát triển của lý luận khoa học, là không khí của nhà khoa học. Không có dân chủ thì không có sáng tạo, không có đột phá để tìm tòi cái mới trong nghiên cứu, sáng tạo, phổ biến lý luận chính trị, lý luận chính trị sẽ trở nên cằn cỗi, xơ cứng, thiếu sức sống. Tuy nhiên, trong nhận thức về phát huy dân chủ trong nghiên cứu, sáng tạo, tuyên truyền lý luận chính trị, Đảng ta quan niệm một cách biện chứng, toàn diện. Dân chủ phải đi liền với kỷ cương, kỷ luật, gắn với trách nhiệm của chủ thể nghiên cứu, sáng tạo, tuyên truyền, thực hành lý luận chính trị trước Đảng, trước dân tộc. Tự do tư tưởng trong nghiên cứu, khám phá sáng tạo trong lý luận, đồng thời phải giữ nghiêm kỷ cương trong việc tuyên truyền, phổ biến kết quả nghiên cứu. Nghiên cứu lý luận không có vùng cấm nhưng việc tuyên truyền, phổ biến, xuất bản sách lý luận chính trị phải theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Đây cũng chính là những nội dung được quán triệt trong các văn kiện của Đảng, từ sau *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Năm 1998, Nghị quyết số 03-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII xác định: Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống

nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta nêu rõ: “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”<sup>1</sup>. Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (2014) chỉ rõ: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam với các đặc trưng: dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Phù hợp với sự phát triển trong nhận thức và lý luận của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, sách lý luận chính trị hiện nay cũng cần được đổi mới phù hợp với các nguyên tắc dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII cũng nhấn mạnh một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 đó là: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”<sup>2</sup>.

## **2. Tiếp tục phát huy tính dân tộc, đại chúng và khoa học của sách lý luận chính trị trong giai đoạn mới**

Kỷ niệm 80 năm ngày ra đời *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là dịp để chúng ta thêm khẳng định và thấm nhuần những giá trị soi đường, tác dụng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.75-76.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

định hướng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam nói chung, đối với nâng cao tính chất dân tộc, đại chúng và khoa học của sách lý luận chính trị nói riêng, đồng thời mở rộng về nội hàm các nguyên tắc ấy phù hợp với đời sống kinh tế - chính trị - văn hóa - khoa học ngày nay.

Phương châm nâng cao chất lượng, hiệu quả xuất bản sách lý luận chính trị bảo đảm định hướng dân tộc, đại chúng, khoa học theo tinh thần *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là:

- Quan tâm tới yêu cầu nâng cao chất lượng xuất bản sách lý luận chính trị mà mấu chốt là chất lượng các công trình, các tác phẩm đưa vào xuất bản. Bảo đảm chất lượng sách lý luận chính trị đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị cũng như sự mong đợi của công chúng độc giả; sách lý luận chính trị có sức thuyết phục, phản ánh khách quan, đúng đắn những đòi hỏi của thực tiễn đổi mới để phát triển của xã hội, trong đó có yêu cầu đổi mới chính trị, đổi mới hệ thống chính trị, cải cách hành chính và cải cách tư pháp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày một mạnh mẽ.

- Sách lý luận chính trị phải đảm nhiệm được vai trò là công cụ sắc bén, một trong những phương thức hữu hiệu thúc đẩy chính trị phát triển theo hướng khoa học hóa, dân chủ hóa và hiện đại hóa. Đời sống chính trị trong Đảng và nước ta hiện nay, nhất là công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền, đột phá vào thể chế để vượt qua điểm nghẽn của phát triển đòi hỏi sách lý luận chính trị phải đóng được vai trò của một công cụ sắc bén, một trong những phương thức hữu hiệu thúc đẩy chính trị phát triển theo hướng khoa học hóa, dân chủ hóa và hiện đại hóa.

- Xu hướng phát triển tiến tới xã hội công nghiệp hiện đại, định hình thể chế pháp quyền - dân chủ để giải quyết vấn nạn tham nhũng đòi hỏi sách lý luận chính trị phải mang một diện mạo khởi sắc mới, chất lượng sách phải đáp ứng các đối tượng, cũng như từng bước ngang tầm với trình độ lý luận chính trị của quốc tế, khu vực và thế giới trên những vấn đề chung toàn cầu hóa, mở cửa và hội nhập.

Một số giải pháp nâng cao tính chất dân tộc, đại chúng và khoa học của sách lý luận chính trị trong giai đoạn hiện nay như sau:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của sách lý luận chính trị trong việc tuyên truyền, giáo dục chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự nghiệp đổi mới đất nước; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch.

- Xác định nghiên cứu, học tập sách lý luận chính trị là nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ, đảng viên, là một trong những hoạt động chính trong sinh hoạt định kỳ của tổ chức cơ sở đảng. Khuyến khích phát triển phong trào đọc, nghiên cứu, học tập sách, trong đó có sách lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm giáo dục, nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới; đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- Nâng cao chất lượng chính trị, khoa học, tính thực tiễn, tính chiến đấu của sách lý luận chính trị, đáp ứng yêu cầu của công tác tư tưởng trong tình hình mới. Tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng sách lý luận chính trị, bảo đảm đa dạng về hình thức, phong phú về thể loại, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

- Đổi mới công tác biên soạn, biên tập, hoạt động xuất bản, in, phát hành sách lý luận chính trị phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chuyển đổi loại hình hoạt động của nhà xuất bản phù hợp với thực tế, đúng với chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và quy định pháp luật. Có chính sách ưu tiên, ưu đãi nhằm thu hút đội ngũ cộng tác viên là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý có kinh nghiệm... tham gia viết, biên soạn, biên dịch sách lý luận chính trị.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra việc khai thác, sử dụng sách lý luận chính trị trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xuất bản sách phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh - quốc phòng, thông tin đối ngoại; sách nghiên cứu, tuyên truyền về biển, đảo; sách cho người Việt Nam ở nước ngoài; sách phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo... Quy định trách nhiệm các thư viện mua sách lý luận chính trị.

- Nghiên cứu, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật; có cơ chế, chính sách đặc thù, khuyến khích, ưu tiên và bảo đảm các điều kiện thuận

lợi cho hoạt động xuất bản, phát hành sách lý luận chính trị. Duy trì chính sách đặt hàng xuất bản phẩm, hỗ trợ giá bán sách lý luận chính trị, cấp phát sách lý luận chính trị thiết yếu cho cơ sở. Đầu tư hợp lý cho ngành xuất bản tham gia triển lãm, hội chợ sách quốc tế ở trong và ngoài nước; cấp kinh phí dịch những cuốn sách, bộ sách có giá trị ra tiếng nước ngoài để phục vụ công tác thông tin đối ngoại.

- Thực hiện xã hội hóa, liên kết giữa nhà xuất bản với các tổ chức kể cả các tổ chức nước ngoài được phép hoạt động ở Việt Nam... trong hoạt động in và phát hành sách lý luận chính trị theo đúng quy định của pháp luật.

- Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin cho các nhà xuất bản, cơ sở phát hành sách lý luận chính trị. Đa dạng hóa các thể loại sách và phương thức xuất bản, phát hành sách lý luận chính trị, đặc biệt là xuất bản sách điện tử và phát hành sách trên mạng internet. Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu sách lý luận chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet và đội ngũ tuyên truyền các cấp. Mở rộng giao lưu hợp tác, trao đổi xuất bản phẩm, kinh nghiệm với các nhà xuất bản nước ngoài. Triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về sách lý luận chính trị thống nhất trong cả nước; cung cấp dịch vụ khai thác nội dung thông tin sách lý luận chính trị trên internet.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác biên soạn, biên tập, xuất bản, phát hành, cán bộ lãnh đạo, quản lý xuất bản sách lý luận chính trị có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn cao. Đổi mới, hiện đại hóa chương trình đào tạo, trong đó đặc biệt chú trọng đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ biên tập, xuất bản; có chính sách tuyển chọn, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ làm công tác biên tập, xuất bản, phát hành sách lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

\*

\* \*

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* là một văn kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cách mạng, kháng chiến, chỉ ra con đường vận động, phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam. Những tư tưởng, quan điểm mang tính

định hướng được đề cập trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn là những tư tưởng nền tảng, soi đường cho sự vận động, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nói chung, cho việc đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản sách lý luận chính trị trong bối cảnh hiện nay nói riêng. Nắm vững và vận dụng sáng tạo các định hướng của Đề cương trong lĩnh vực xuất bản sách lý luận chính trị là cơ sở để chúng ta xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan khoa học, cách mạng cho cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng nhân dân, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác tư tưởng, lý luận, tuyên truyền của Đảng.

## ĐỂ GIỮ GÌN BẢN SẮC VÀ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA TIÊN TIÊN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

ThS. ĐẶNG HOÀNG GIANG\*

### 1. Quan điểm phát triển văn hóa dân tộc nhìn từ Đề cương văn hóa năm 1943

Năm 1943, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời đã trở thành cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta về văn hóa. Bản đề cương ra đời trong bối cảnh đất nước chưa được giải phóng, thực dân Pháp thực hiện chính sách đầu hàng phát xít Nhật để duy trì ách thống trị của mình. Phát xít Nhật âm mưu biến Việt Nam thành bán thuộc địa của chúng, do đó Nhật đẩy mạnh chính sách xâm lấn Việt Nam về mọi phương diện quân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa. Chúng vừa phục hồi những quan điểm đạo đức cổ hủ và giả dối của giai cấp địa chủ phong kiến, vừa tuyên truyền lối sống dân ô, đồi trụy của giai cấp tư sản. Chúng khuyến khích các hoạt động mê tín, dị đoan, hủ tục, du nhập các trào lưu văn hóa phản động... Văn hóa Việt Nam lúc này đứng trước sự bế tắc, mất phương hướng. Vì vậy Ban thường vụ Trung ương Đảng đã họp bàn về công tác chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Sau đó Tổng Bí thư Trường Chinh đã soạn thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Bản Đề cương đã trình bày những nội dung cơ bản của văn hóa trên các mặt tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Đề cương khẳng định văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội. Văn hóa là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, luôn gắn liền với cơ sở hạ tầng và phục vụ đắc lực cho cơ sở đó. Đề cương cũng đã nêu quan điểm cơ bản về cách mạng văn hóa,

---

\* Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội.



chỉ ra mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa. Ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa ở nước ta là: dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa. Dân tộc hóa là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Đại chúng hóa là chống lại mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng. Khoa học hóa là chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Như vậy có thể thấy, Đảng ta đã xác định xây dựng một nền văn hóa phục vụ cho đại chúng, hướng đến đại chúng. Nền văn hóa ấy phải mang bản sắc riêng của dân tộc và phải tiến bộ, khoa học. Đề cương văn hóa ra đời đã kịp thời đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cách mạng, cổ vũ nhân dân ta, nhất là trí thức, văn nghệ sĩ hăng hái tham gia cách mạng, phát huy vai trò của văn hóa, khơi dậy khát vọng của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do.

## **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn. Theo đó, những người làm công tác văn hóa, văn nghệ phải nắm vững lịch sử để hiểu truyền thống dân tộc; cán bộ văn hóa phải hiểu được quần chúng nhân dân, vì nhân dân chính là chất liệu cho những sáng tạo của họ. Đặc biệt, Người cho rằng văn hóa truyền thống vừa có những điểm tích cực vừa có tiêu cực. Xây dựng nền văn hóa mới mang tính dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là nền văn hóa đóng kín, thu mình trong phạm vi dân tộc mà văn hóa phải đặt trong mối quan hệ, giao lưu với văn hóa các nước khác trên thế giới, “phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới”. Xây dựng nền văn hóa dân tộc phải trên cơ sở học tập, tiếp thu một cách sáng tạo, chứ không phải bắt chước nước khác, phải chiếm lĩnh tầm cao của tinh hoa nhân loại và vươn tới cao hơn, bằng

chính thành tựu của mình, cốt cách dân tộc mình và đóng góp vào sự phong phú của kho tàng văn hóa nhân loại.

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng một nền văn hóa mang tính khoa học và phải xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa, trong xã hội đó mọi người sống yêu thương nhau, ứng xử có văn hóa, mọi người được sống cuộc sống ấm no. Để xây dựng nền văn hóa mang tính khoa học, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa thì phải xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền văn hóa mới mang tính khoa học phải là sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, là sự kế tục những giá trị nội sinh của nền văn hóa truyền thống, đồng thời có xác lập giá trị mới: Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ... Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm... Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm.

### **3. Nâng cao ý thức dân tộc trong giữ gìn và xây dựng nền văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế**

Hội nhập quốc tế là xu hướng tất yếu của nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Đại hội X, Đảng ta đã xác định Việt Nam cần phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế không chỉ riêng trong lĩnh vực kinh tế mà mở rộng ra tất cả các lĩnh vực khác, kể cả chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh... Trong đó, hội nhập văn hóa là hệ quả tất yếu đang diễn ra. Việc hội nhập văn hóa quốc tế một mặt mang lại những cơ hội cho chúng ta tiếp cận những giá trị văn hóa tiến bộ của nhân loại, nhưng mặt khác cũng làm cho văn hóa dân tộc gặp nhiều thách thức trong vấn đề giữ gìn bản sắc. Đảng ta đã xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vì vậy việc phát triển và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế cần được quan tâm sâu sắc. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là “giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và chúng ta “hội nhập nhưng không hòa tan”. Vấn đề đặt ra là phải làm thế nào để vừa phát triển, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và sự bùng nổ của công nghệ thông tin như hiện nay.

Văn hóa là sản phẩm do con người sáng tạo ra trong quá trình tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Bản sắc văn hóa chính là những nét văn hóa riêng biệt mà dựa vào đó chúng ta

phân biệt được sự khác nhau giữa các dân tộc. Hội nhập văn hóa quốc tế giúp các nền văn hóa xích lại gần nhau để làm cho các nền văn hóa đó trở lên phong phú hơn. Nhiều thành tựu văn hóa được cộng đồng này sáng tạo ra có thể phổ biến rộng ra toàn thế giới. Tuy nhiên, mặt trái của nó là hiện tượng xóa nhòa bản sắc văn hóa riêng của mỗi quốc gia. Việc hội nhập quốc tế là tất yếu sẽ diễn ra ở nhiều quốc gia không riêng gì Việt Nam. Nền văn hóa của chúng ta không thể “bế quan tỏa cảng” nếu không muốn bị lạc hậu so với thời đại. Song, hội nhập như thế nào để không bị hòa tan là một điều thật khó, bởi ranh giới giữa “nhập” với “tan” thật mong manh. Khi giao lưu văn hóa quốc tế, chúng ta phải đối mặt với nhiều cạm bẫy bởi không phải yếu tố văn hóa ngoại lai nào cũng lành mạnh. Vì vậy, để không bị các làn sóng ngoại lai hủy hoại thì cần phải tăng cường sức mạnh và bản lĩnh cho nền văn hóa dân tộc.

Văn hóa là sản phẩm do con người sáng tạo ra, nên muốn bản sắc văn hóa không bị mai một, cần phải giáo dục ý thức, trách nhiệm của mỗi người dân về việc giữ gìn bản sắc văn hóa của cộng đồng mình. Một khi ý thức giữ gìn của cộng đồng đó được đề cao thì không một yếu tố nào có thể thủ tiêu được bản sắc của nền văn hóa đó. Nói một cách rộng hơn, đó là việc chúng ta cần tăng cường nhận thức của người dân về ý thức cộng đồng người Việt. Điều này đã được chứng minh trong lịch sử phát triển văn hóa Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc. Trong suốt hơn 1.000 năm các triều đại phong kiến phương Bắc thay nhau cai trị nước ta, chúng luôn thực hiện chính sách đồng hóa văn hóa nhằm đồng hóa dân tộc. Trên mảnh đất nước ta bấy giờ cùng một lúc diễn ra hai quá trình vận động, đó là quá trình Hán hóa và chống Hán hóa. Với ý thức về cộng đồng người Việt và chủ quyền đất nước luôn được đề cao mà quá trình chống Hán hóa đã thành công. Hiện nay, nền văn hóa Việt Nam đang có cuộc tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau trên mọi phương diện với mức độ mạnh mẽ. Quá trình tiếp xúc lần này diễn ra một cách hòa bình và liên tục. Sự tiếp xúc giữa nền văn hóa nước ta với các nền văn hóa khác đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ trên mọi lĩnh vực qua nhiều kênh khác nhau như: truyền hình, internet, giao lưu trực tiếp... Tuy nhiên, lần hội nhập văn hóa này là chúng ta tiếp xúc với những sản phẩm văn hóa của xã hội tư bản, trong khi đó chủ nghĩa dân tộc mà Việt Nam xem là ưu việt là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa

xã hội, hội nhập quốc tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, hệ quả của quá trình tiếp xúc này vừa tích cực, vừa tiêu cực. Nếu chúng ta biết lựa chọn những yếu tố văn hóa tốt đẹp thì sẽ làm giàu thêm cho văn hóa dân tộc. Và ngược lại, nếu hấp thu không chọn lọc sẽ khiến cho môi trường văn hóa của mình ngày càng bị vẩn đục bởi những yếu tố văn hóa tiêu cực, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt. Chúng ta đã nói nhiều đến việc tiếp thu có chọn lọc những yếu tố văn hóa ngoại lai hay chủ động hội nhập để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc... nhưng cái quan trọng nhất ở đây đó là việc giáo dục, tuyên truyền đầy đủ để người dân có tình yêu, thái độ tôn trọng và ý thức giữ gìn văn hóa của quốc gia mình trước khi tiếp nhận nền văn hóa của một quốc gia khác. Có thể nói, đây chính là liều vắc xin phòng ngừa để bản sắc văn hóa Việt không bị mai một trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Thế nhưng, hiện nay việc tuyên truyền và giáo dục ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của chúng ta chưa thực sự mạnh mẽ. Hệ thống giáo dục trong nhà trường, gia đình và xã hội thường chú trọng vào việc truyền bá kiến thức chuyên môn để học sinh có thể vượt qua được các kỳ thi bắt buộc. Các hoạt động gắn liền với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc chưa được quan tâm đúng mức. Đơn giản như lễ chào cờ và hát Quốc ca ở các trường học, các hội thảo, hội nghị chưa được quan tâm hoặc chưa thực sự trang nghiêm. Việc phát các băng, đĩa ghi âm lời các ca sĩ trong buổi lễ chào cờ là điều minh chứng. Đặc biệt, đối với môn học lịch sử, trong suốt nhiều năm liền đã trở thành chủ đề thu hút sự quan tâm của cộng đồng sau mỗi kỳ thi khi mà số lượng học sinh đạt điểm 0 môn học này ngày càng tăng. Thậm chí, có những cán bộ của ngành giáo dục nước nhà đã có ý định đưa môn học này vào danh sách các môn học tự chọn, cắt giảm thời lượng môn học với quan điểm “không học sử đâu có nghĩa là không yêu nước”. Nếu như lòng tự tôn và tự hào dân tộc bị xem nhẹ ngay trong giáo dục thì đó là một sự thất bại trong việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm bản sắc dân tộc. Do vậy, cần phải có sự kết hợp hài hòa giữa truyền thụ những kiến thức chuyên môn với giáo dục ý thức về quốc gia dân tộc. Có thể xây dựng các chương trình hoạt động ngoại khóa giúp học sinh, sinh viên nhận thức được những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Hoạt động giáo dục ý thức dân tộc không chỉ thực hiện ở các trường học mà phải thực hiện mọi lúc, mọi nơi.

Hoạt động truyền bá thông tin của các phương tiện truyền thông về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc còn yếu. Đặc biệt là các trang báo mạng thông tin ở các mục văn hóa thường đăng tải các tin về đời tư, những phát ngôn gây sốc của những người nổi tiếng để kích thích sự tò mò, hấp dẫn người đọc. Việc đăng tải quá nhiều những thông tin này vô hình chung đã làm lu mờ các giá trị văn hóa đích thực. Đối với các chương trình giải trí trên truyền hình thì ngày càng bị lấn át bởi các bộ phim nước ngoài, ca nhạc nước ngoài, trò chơi theo bản quyền nước ngoài... Có thể thấy rằng, các làn sóng văn hóa ngoại du nhập vào Việt Nam chủ yếu diễn ra mạnh mẽ là nhờ sự góp sức của truyền thông. Như chúng ta đã biết, truyền thông chính là một công cụ hữu hiệu để tuyên truyền giáo dục ý thức của thế hệ trẻ trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Để tăng cường các thông tin, các cuộc thi, các chương trình tuyên truyền về những giá trị văn hóa của dân tộc, truyền thông cần phải là đầu tàu trong nhiệm vụ giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Ngoài ra, truyền thông cũng cần phải làm nhiệm vụ sàng lọc các thông tin sao cho phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, thuần phong mỹ tục của người Việt và giảm thiểu những tác động tiêu cực đến nhận thức của thế hệ trẻ.

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập văn hóa thế giới là nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia. Việc tăng cường các hoạt động giáo dục, tuyên truyền về ý thức và trách nhiệm dân tộc sẽ là vắc xin tăng đề kháng tốt nhất cho văn hóa Việt Nam hội nhập với văn hóa thế giới với phương châm phát triển văn hóa dân tộc, nhưng không hòa tan.

**“ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943  
VÀ SỰ KẾ THỪA TÍNH ĐÚNG ĐẮN  
TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA  
VÀ CÁC NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN MANG TÍNH  
DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG VÀ KHOA HỌC  
TRONG MỸ THUẬT ỨNG DỤNG HIỆN NAY**

TS. NGÔ THỊ HỒNG GIANG\*

**T**háng 2/1943, tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên) bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo đã được thông qua. Có thể nói, sự ra đời của bản Đề cương này tại thời điểm lịch sử đó đã định hướng chiến lược cho sự phát triển văn hóa lâu dài của dân tộc Việt Nam.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã chỉ rõ hai nội dung trọng yếu: Một là, xác định vai trò của văn hóa - văn hóa là một trong ba mặt trận cách mạng (chính trị, kinh tế và văn hoá). Hai là, Đề cương thể hiện rõ các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc vận động của nền văn hóa là dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Tại thời điểm năm 1943, trong bối cảnh đang bị nô dịch bởi chính sách văn hóa phản động của phát xít Pháp - Nhật và tay sai của chúng, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vạch rõ con đường phát triển của văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở xác định, việc cần kíp ngay lúc đó là thống nhất nhận thức, tư tưởng định hướng học thuật cho văn sĩ, tri thức xây dựng phong trào văn hóa cứu quốc, nhằm đập tan chính sách ngu dân, âm mưu đồng hóa văn hóa của thực dân Pháp và tập hợp mọi tầng lớp nhân dân

---

\* Trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp.

đi theo cách mạng. Đề cương cũng nêu lên nguyên tắc xây dựng nền văn hóa mới là dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Đề cương văn hóa không chỉ có giá trị to lớn trong chỉ đạo hoạt động văn hóa xã hội nói chung, định hướng và trang bị những lý luận căn bản cho cán bộ hoạt động văn hóa - tư tưởng mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với việc xây dựng, định hướng tính dân tộc và phát triển văn hóa bền vững trong tương lai.

Có thể nói, các nội dung giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị và tính thực tế trong đường hướng phát triển bền vững văn hóa Việt Nam và là định hướng cho phát triển bền vững mỹ thuật ứng dụng hiện nay.

### **1. Tính đúng đắn của “Đề cương văn hóa Việt Nam” năm 1943 ở việc xác định vai trò của văn hóa trong các sách lược xây dựng và phát triển đất nước từ năm 1943 đến nay**

Văn hóa là một khái niệm mang nội hàm rộng với nhiều cách hiểu khác nhau, nó là một lĩnh vực vô cùng phong phú và rộng lớn “bao gồm tất cả những gì không phải là thiên nhiên mà có liên quan đến con người trong suốt quá trình tồn tại và phát triển, quá trình con người làm nên lịch sử... cốt lõi của sức sống dân tộc là văn hóa”<sup>1</sup>. Nội dung trước nhất tại Đề cương văn hóa năm 1943 đã xác định văn hóa là một trong ba mặt trận cách mạng (chính trị, kinh tế và văn hoá). Quả thực, trong tiến trình phát triển của đất nước, vai trò của văn hóa đã được thực tế khẳng định và được thể hiện qua các văn bản, sách lược cụ thể của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (11/1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra luận điểm: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Luận điểm này cho thấy phạm vi rộng lớn, tầm ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa đối với tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; trở thành nguyên tắc quan trọng, có ý nghĩa cơ bản, lâu dài và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình phát triển văn hóa Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

---

1. Dẫn theo Trần Quốc Vượng (Chủ biên): *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2018, tr.20-21.

Trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (1998), Đảng ta đã xác định: Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế, đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế. Sau Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về văn hóa, Đảng ta đã bổ sung những quan điểm lý luận mới về văn hóa trong kinh tế, trong đó Đảng ta đã xác định: Bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước. Như vậy, quan điểm các mặt trận kinh tế, văn hóa và chính trị luôn song hành, gắn kết và giúp nhau phát triển đã được kế thừa trọn vẹn từ chiến lược phát triển văn hóa năm 1943. Tại Đại hội XI, Đảng đã tiếp tục khẳng định: Phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước về chính sách phát triển thể hiện rõ tính ưu việt của chế độ ta. Có thể nói, đây là luận điểm cốt lõi phản ánh tính chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI của Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã xác định vấn đề văn hóa, con người phải gắn liền với yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Văn kiện Đại hội XII của Đảng (2016) tiếp tục khẳng định: Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh hơn nữa vai trò động lực của văn hóa trong phát triển kinh tế: Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Xây dựng, phát huy yếu tố văn hóa để thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế; và phát triển toàn diện, đồng



bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh; vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế<sup>1</sup>.

Qua sự kế thừa và khẳng định liên tục vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước cho thấy giá trị lịch sử và tư tưởng đi đầu của Đề cương về văn hóa năm 1943 có ý nghĩa to lớn đối với đất nước từ khi ra đời cho đến nay.

Trong bối cảnh phát triển đất nước và hội nhập kinh tế trên toàn thế giới hiện nay, Việt Nam không nằm ngoài quy luật và sự phát triển mạnh mẽ của làn sóng toàn cầu hóa. Hiện nay, dựa trên sự phát triển thực tế của mọi lĩnh vực xã hội, trên cơ sở nhận thức về một sức mạnh mang tên sức mạnh mềm: “Quyền lực mềm là kết quả lý tưởng có được thông qua sức hấp dẫn của văn hóa và ý thức hệ chứ không phải sức mạnh cưỡng chế của một quốc gia, có thể làm cho một người khác tin phục đi theo mình, hoặc tuân theo các tiêu chuẩn hành vi hay chế độ do mình định ra để hành xử theo ý tưởng của mình. Quyền lực mềm dựa vào sức thuyết phục của thông tin ở mức độ rất lớn”<sup>2</sup>. Xác định vai trò của sức mạnh mềm hay quyền lực mềm là một trong những nhận thức mang tính quốc tế không chỉ ở Việt Nam hiện nay, trong đó tính chất cốt lõi của quyền lực mềm chính là tính hấp dẫn trong sự khác biệt về văn hóa của mỗi đất nước, mỗi cộng đồng. Điều này càng cho thấy vai trò quan trọng, cốt lõi của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

## **2. Tính đúng đắn trong xác định chiến lược vận động, phát triển văn hóa theo các nguyên tắc: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa và việc kế thừa các nguyên tắc này trong hoạt động mỹ thuật ứng dụng**

*Ngay khi ra đời, bản Đề cương thể hiện các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc tại thời điểm đó là:*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

2. “Soft Power” được Giáo sư người Mỹ là Joseph Samuel Ney, Jr. (nguyên Hiệu trưởng Trường John F. Kennedy thuộc Đại học Harvard, Hoa Kỳ), đưa ra lần đầu tiên trong cuốn sách: *Bound to Lead: The Changing Nature of American Power (1990)*.

Để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta phải nắm vững “ba nguyên tắc vận động”, đó là: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Ba nguyên tắc đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới. Trong đó, dân tộc hóa là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có lòng tự hào, dũng cảm đứng lên nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam. Khoa học hóa là tạo điều kiện cho nền văn hóa dân chủ mới nhanh chóng thoát khỏi sự kìm hãm của nền văn hóa thực dân, phong kiến, sự chèn ép của Pháp, Nhật, nhằm phát triển về mọi mặt trên cơ sở khoa học. Tinh thần khoa học ấy lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi suy nghĩ, hành động; chống lại tất cả những cái cũ kỹ, lạc hậu, mê tín dị đoan. Và đại chúng hóa là văn hóa của nhân dân, phục vụ nhân dân, làm cho mọi người biết đọc, biết viết, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo nghệ thuật và dần dần chiếm lĩnh các giá trị tinh thần mà dân tộc và loài người tạo ra. Đồng thời, chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phẫn lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng.

Trên con đường phát triển của lịch sử, các lĩnh vực văn hóa đều đã thấm nhuần những nguyên tắc vận động này của văn hóa và liên tục kế thừa cho đến ngày nay, trong đó có lĩnh vực sáng tạo mỹ thuật ứng dụng.

“Mỹ thuật ứng dụng” hay “Mỹ thuật công nghiệp” hay “Tạo dáng công nghiệp” đều được bắt nguồn từ “Design”, là một thuật ngữ quốc tế vào Việt Nam từ những năm 70 của thế kỷ XX. Mỹ thuật ứng dụng là một lĩnh vực hoạt động sáng tạo mỹ thuật, đưa các sản phẩm mỹ thuật vào cuộc sống thường ngày. Trong khi các sản phẩm mỹ thuật truyền thống hầu như chỉ có tác dụng thẩm mỹ và trang trí thì tác phẩm mỹ thuật ứng dụng là sự kết hợp của tính thẩm mỹ và tính ứng dụng. Có thể nói, mỹ thuật ứng dụng là một lĩnh vực rộng lớn, một ngành nghề đang thu hút sự quan tâm của nhiều tầng lớp nhân dân. Hiện nay, mọi đồ dùng, vật dụng xung quanh ta đều thấy sự gia công của các nhà thiết kế mỹ thuật ứng dụng, hầu hết các sản phẩm tiêu dùng đều có yếu tố thiết kế mỹ thuật. Mỹ thuật ứng dụng đang tác động vào mọi mặt của đời sống xã hội.

Mỹ thuật ứng dụng bao gồm các thiết kế đồ họa, thiết kế đa phương tiện, thiết kế trang trí nội thất, thiết kế đồ chơi, thời trang, phụ kiện, đồ thủ công mỹ nghệ và nhiều đồ dùng vật dụng thường ngày; thiết kế các sản phẩm trên các chất liệu như sơn mài, gốm sứ, mây tre, vàng, bạc, đồng, gỗ, kim loại, vải... và các chất liệu tổng hợp, hiện đại khác.

Trong thời kỳ hội nhập, việc phát triển mỹ thuật ứng dụng góp phần to lớn vào sự phát triển công nghiệp văn hóa nước nhà. Các sản phẩm mỹ thuật ứng dụng được sáng tạo, sản xuất hàng loạt từ cách thức thủ công đến sử dụng các công nghệ, máy móc hiện đại gắn với quy trình trao đổi kinh tế thương mại từ những doanh nghiệp nhỏ đến những công ty làm ăn lớn... Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam tầm nhìn đến năm 2030 cũng đã xác định: Mỹ thuật ứng dụng là một phần của công nghiệp văn hóa đất nước và cần phát triển mỹ thuật công nghiệp, mỹ thuật ứng dụng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế thị trường<sup>1</sup>.

Sự ra đời, phát triển các lĩnh vực hoạt động mỹ thuật ứng dụng luôn lấy tôn chỉ đại chúng, khoa học làm nền tảng để phát triển. Điều này xuất phát từ bản chất việc sáng tạo các sản phẩm mỹ thuật là phục vụ đại đa số quần chúng nhân dân, nên yếu tố đại chúng là yếu tố luôn được các nhà thiết kế quan tâm. Các nhà thiết kế luôn tìm hiểu và định hướng công việc của mình theo nguyên tắc “văn hóa của nhân dân, phục vụ nhân dân” để sáng tạo ra những đồ dùng, vật dụng mang tính thẩm mỹ, truyền tính thẩm mỹ đến đại đa số người dân. Có thể nói, mang mỹ thuật ứng dụng vào cuộc sống của đại đa số nhân dân là sứ mệnh của mỹ thuật ứng dụng từ khi ngành nghề này phát triển cho đến hiện nay. Với công nghệ, máy móc hiện đại ngày nay, các đồ thiết kế mỹ thuật ứng dụng thường được sản xuất hàng loạt chứ không thủ công đơn chiếc như trước, nên đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của đông đảo quần chúng. Mỹ thuật ứng dụng gắn liền với tiêu dùng và sản xuất, trong đó tính ứng dụng phụ thuộc vào mức độ phổ biến của sản phẩm, làm sao để các sản phẩm tiêu dùng mang tính thẩm mỹ cao đến với đại đa số quần chúng, đó có thể nói là một nguyên

---

1. An Nhi: “Mỹ thuật ứng dụng thúc đẩy công nghiệp văn hóa”, <http://www.hanoimoi.com.vn/ban-in/Van-hoa/930817/my-thuat-ung-dung-thuc-day-cong-nghiep-van-hoa>.

tác vận động của mỹ thuật ứng dụng hướng đến trong sự phát triển của mình từ trước tới nay.

Nói tới mỹ thuật ứng dụng cũng không thể không nhắc tới tính khoa học, nhất là trong giai đoạn toàn cầu hóa hiện nay. Mỹ thuật ứng dụng và các sản phẩm của nó không có chỗ cho sự lạc hậu, cũ kỹ. Mỹ thuật ứng dụng là sự kết hợp tinh vi của kỹ thuật - kinh tế và nghệ thuật. Trong đó, yếu tố kỹ thuật có mối quan hệ mật thiết với khoa học công nghệ. Mỹ thuật ứng dụng luôn đòi hỏi các nhà thiết kế phải bắt kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ, đáp ứng tính cạnh tranh trong trao đổi thương mại, phát triển kinh tế trên cơ sở các mặt hàng tiêu dùng phải đáp ứng chất lượng về công năng, hiện đại về mẫu mã và giá cả cạnh tranh.

Trong số các nguyên tắc kế thừa trên thì nguyên tắc dân tộc luôn được mỹ thuật ứng dụng đề cao, nhất là trong giai đoạn kinh tế hội nhập và toàn cầu hóa văn hóa hiện nay. Bên cạnh vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hàng hóa thì mỹ thuật ứng dụng còn góp phần to lớn trong việc tạo dựng nền văn hóa thẩm mỹ và nhận thức xã hội, tạo dựng bản sắc thương hiệu mang tính dân tộc. Trong giai đoạn hội nhập hiện nay, trên cơ sở xác định vai trò, nhiệm vụ của văn hóa nói chung, mỹ thuật ứng dụng là một lĩnh vực trực tiếp tham gia vào tiến trình hội nhập văn hóa mà không bị hòa tan bởi chính các sản phẩm mang tính truyền thống được sản xuất hàng loạt. Mỹ thuật ứng dụng cũng đang trong tiến trình từng bước khẳng định vai trò của mình trong việc thể hiện cả trình độ kỹ thuật, trình độ tư tưởng văn hóa, ý thức thẩm mỹ để từ đó có sức cạnh tranh về kinh tế và khẳng định về màu sắc văn hóa của mình.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời cách đây đã tròn 80 năm nhưng những tư tưởng, chiến lược phát triển văn hóa của đất nước được chỉ ra trong Đề cương vẫn còn nguyên giá trị và được vận dụng, kế thừa liên tục trong mọi lĩnh vực văn hóa. Bản Đề cương có ý nghĩa lịch sử dẫn đường, soi chiếu cho những người làm văn hóa. Những văn nghệ sĩ trực tiếp và gián tiếp tạo ra các sản phẩm văn hóa có một định hướng rõ ràng trong con đường phát triển của bản thân và chi phối, ảnh hưởng, dẫn đường cho cộng đồng trên cơ sở thống nhất nhận thức về một nền văn hóa có vai trò là động lực, sức mạnh mềm, góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển bền vững.

Với mỹ thuật ứng dụng, là một lĩnh vực hoạt động có nhiệm vụ đưa nghệ thuật đến quần chúng thông qua các sản phẩm trong cuộc sống thường ngày. Ngày nay, từ quần áo, nhà ở, đến đồ trang trí của cá nhân đến các biểu trưng, nhãn hiệu, thương hiệu của các doanh nghiệp hay tổ chức trong nước và tập đoàn thế giới đều do các nhà thiết kế mỹ thuật ứng dụng sáng tạo nên. Trong thời buổi hội nhập văn hóa và cạnh tranh kinh tế toàn cầu, các lĩnh vực văn hóa nói chung và mỹ thuật ứng dụng nói riêng đều tìm cho mình con đường, chiến lược phát triển mang tính chất bền vững và có sắc thái riêng. Mỹ thuật ứng dụng đã thấy được điểm soi sáng qua các chính sách phát triển văn hóa được vạch ra từ các chính sách, nghị quyết của Đảng, mà cốt lõi là từ Đề cương văn hóa năm 1943. Đó là sự phát triển dựa trên các nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học trên nền tảng văn hóa dân tộc song hành cùng kinh tế và chính trị, văn hóa là động lực thúc đẩy phát triển kinh

**NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC HÓA”, “ĐẠI CHÚNG HÓA”,  
“KHOA HỌC HÓA” TRONG “ĐỀ CƯƠNG  
VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 VÀ  
SỰ VẬN DỤNG TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ  
PHÁT TRIỂN VĂN HÓA HIỆN NAY**

TS. VŨ MẠNH HÀ\*

**T**háng 2/1943, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo đã được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh, Phúc Yên, nay thuộc Hà Nội). Đề cương ra đời được đánh giá như ngọn đuốc soi đường, định hướng tư tưởng, nhận thức cho toàn dân ta trong cuộc đấu tranh với nền văn hóa thuộc địa, tiến lên xây dựng chế độ mới, nền văn hóa mới. Một trong những giá trị nổi bật của Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 là đề ra ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam, đó là: Dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa. 80 năm đã trôi qua, bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều thay đổi, nhưng nội dung cốt lõi của Đề cương vẫn còn nguyên giá trị. Thực tế đã chứng minh, trên cơ sở cốt lõi của tính chất “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những vận dụng phù hợp trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam.

1. Vào thời điểm những năm 40 của thế kỷ XX, Chiến tranh thế giới thứ hai đang lan rộng và ngày càng ác liệt. Ở Việt Nam, thực dân Pháp đầu hàng phát xít Nhật để duy trì ách thống trị thực dân của mình. Còn phát xít Nhật không ngừng đẩy mạnh chính sách xâm lược Việt Nam trên mọi phương diện

---

\* Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh.

quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, thực dân Pháp và phát xít Nhật đưa vào Việt Nam nhiều chủ thuyết phản cách mạng như: Chủ nghĩa phục cổ, chủ nghĩa Đại Đông Á, thuyết Âu hóa, chủ nghĩa đầu hàng... Về kinh tế, xã hội, nhân dân Việt Nam rên siết dưới ách bóc lột, áp bức tàn bạo của thực dân, phát xít và phong kiến. Văn hóa Việt Nam lúc này đứng trước sự bế tắc, mất phương hướng. Phong trào cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đang đứng trước những thách thức và vận hội mới. Trên cơ sở phân tích sâu sắc bối cảnh trong và ngoài nước, Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng từ ngày 25 đến 28/2/1943 để bàn biện pháp đối phó với tình hình, quyết tâm đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước, tiến tới chặn đứng và đập tan âm mưu, thủ đoạn xâm lược của phát xít Nhật và thực dân Pháp... Sau Hội nghị lịch sử này, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã được thông qua.

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được trình bày ngắn gọn trong năm phần: Cách đặt vấn đề; Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam; Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là của những nhà văn hóa mácxít Việt Nam.

Trên cơ sở phương pháp luận mácxít gắn liền với việc phân tích sâu sắc thực tiễn văn hóa Việt Nam, *Đề cương* đã trình bày những nội hàm chủ yếu của văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật (khoa học) và nghệ thuật (văn học, nghệ thuật). *Đề cương* xác định văn hóa là một trong ba mặt trận (chính trị, kinh tế, văn hóa) mà ở đó người cộng sản phải hoạt động, phải lãnh đạo cách mạng chính trị và cách mạng văn hóa. *Đề cương* cũng vạch rõ tính chất phản động trong chính sách văn hóa ngu dân của thực dân Pháp và phát xít Nhật, đồng thời nêu bật những quan điểm tư tưởng chỉ đạo cách mạng văn hóa ở Việt Nam. Đó là, phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội; cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo, cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công; mục tiêu trước mắt của cuộc vận động văn hóa ở Việt Nam là xây dựng nền văn hóa mới, “tuy chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa” mà “là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung”. Đặc biệt, *Đề cương* về

văn hóa đã xác định “ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam” giai đoạn này là:

“a. Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).

b. Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

c. Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ)<sup>1</sup>. Ba nguyên tắc này được coi như kim chỉ nam định hướng sáng tác (về chủ đề, chất liệu, nội dung, phương pháp...) cho các văn nghệ sĩ thời kỳ đó.

Có thể nói, trong tình thế cấp bách của lịch sử, sự ra đời của *Đề cương về Văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã có ý nghĩa rất lớn trong việc thức tỉnh tầng lớp trí thức, qua đó thức tỉnh quần chúng, quy tụ sức mạnh của dân tộc để chuẩn bị tối đa lực lượng cho một cuộc cách mạng có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh đất nước. Đây có thể coi như Tuyên ngôn của Đảng về một nền văn hóa mang tính dân tộc, đại chúng và khoa học, giải phóng nền văn hóa Việt Nam khỏi xiềng xích nô lệ. Dưới ánh sáng soi đường của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, các tầng lớp trí thức yêu nước của dân tộc nô nức tham gia Hội Văn hóa Cứu quốc, hết lòng phụng sự cho Đảng, cho Tổ quốc.

**2. Đề cương về văn hóa Việt Nam** năm 1943 ra đời trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, khi nước nhà còn chìm trong bóng đêm nô lệ, nhân dân chịu nhiều tầng áp bức, bóc lột, Đảng Cộng sản Việt Nam đang lui về hoạt động bí mật, vì vậy, Đề cương không thể đề cập đến mọi lĩnh vực, mọi vấn đề của văn hóa. Tổng Bí thư Trường Chinh đã từng chỉ rõ: “Đề cương văn hóa Việt Nam không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng Đề cương văn hóa Việt Nam đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”<sup>2</sup>.

---

1, 2. *Đề cương về văn hóa Việt Nam chặng đường 60 năm*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.19, 54.



Hiện nay, bối cảnh trong nước và quốc tế đã có nhiều thay đổi. Xu hướng toàn cầu hóa cùng sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ với cuộc Cách mạng 4.0 mang đến cho nền văn hóa Việt Nam nhiều cơ hội cũng như thách thức. Tuy nhiên, với giá trị định hướng, soi đường, những nội dung cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 còn nguyên giá trị. Ba nguyên tắc, ba tính chất cơ bản của nền văn hóa Việt Nam thời điểm đó vẫn mang tính thời sự, là mục đích phấn đấu để xây dựng nền văn hóa mới hiện nay. Bởi sự giao lưu hội nhập mạnh mẽ sẽ tạo điều kiện cho các nền văn hóa khác xâm nhập vào Việt Nam, điều này sẽ dẫn đến nguy cơ mất bản sắc dân tộc nếu như chúng ta không có đủ nội lực và bộ lọc tốt. Vì thế, đề cao bản sắc văn hóa dân tộc chính là vũ khí để bảo vệ sự độc lập của nền văn hóa đất nước trước xu thế toàn cầu hóa văn hóa. Tuy nhiên, bảo vệ và đề cao truyền thống văn hóa dân tộc không có nghĩa là cố giữ những yếu tố văn hóa cổ hủ, lỗi thời làm chẹn lại sự phát triển của văn hóa dân tộc, không có nghĩa là cự tuyệt với các trào lưu văn hóa bên ngoài. Bởi thực tế lịch sử đã chứng minh, nếu chúng ta không chịu mở cửa để tiếp thu các tư tưởng văn hóa tiến bộ của thế giới, chắc chắn sẽ tụt hậu, không khẳng định được vị trí của mình trên trường quốc tế, từ đó đe dọa đến sự tồn vong của đất nước. Chính vì vậy, bên cạnh “dân tộc hóa” thì nguyên tắc “khoa học hóa” với nội dung chống lại những cái lạc hậu, phản khoa học, phản tiến bộ, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại vẫn còn nguyên giá trị. Bên cạnh đó, từ truyền thống lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc cho thấy, cái gốc của sức mạnh dân tộc là ở quần chúng nhân dân, vì thế, nếu nền văn hóa không mang tính đại chúng, không xuất phát từ đời sống nhân dân và phục vụ nhân dân thì sẽ không tập hợp được sức mạnh to lớn của nhân dân. Trong bối cảnh hiện nay, “đại chúng hóa” không chỉ đơn thuần là phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân, mà quan trọng hơn là giúp quần chúng nhân dân cảnh giác trước những luận điệu xuyên tạc, lừa bịp nhằm bôi nhọ, chống phá Đảng, Nhà nước cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Như vậy, có thể thấy, dù tình hình và điều kiện đất nước đã có rất nhiều thay đổi, song nội hàm cơ bản của tính dân tộc, khoa học và đại chúng trong việc xây dựng nền văn hóa mới vẫn không thay đổi. Đó phải là một nền văn hóa đề cao truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, phản ánh rõ khát vọng vươn lên của dân tộc;

một nền văn hóa đứng về phía nhân dân, phục vụ nhân dân, mang đậm tính nhân văn. Và nền văn hóa đó phải mang tính khoa học, phải mạnh dạn loại bỏ những yếu tố lạc hậu, phản tiến bộ để tiếp thu một cách có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

**3.** Từ khi ra đời đến nay, ba nguyên tắc cơ bản trong *Đề cương về Văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn luôn dẫn đường cho sự phát triển về văn hóa của đất nước, được minh chứng một cách cụ thể trong những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong việc xây dựng và phát triển văn hóa.

Sau khi giành được chính quyền năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhất quán khẳng định quan điểm của mình trong lĩnh vực văn hóa là phải gắn bó chặt chẽ với đời sống dân tộc, với truyền thống di sản của ông cha, gắn bó với đời sống nhân dân, phục vụ nhân dân và sự kế thừa, phát triển đó được thể hiện rõ nhất trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) của Đảng “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Theo đó, tính chất “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” được chỉ rõ: Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người... Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung. Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử... Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn với việc mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục tập quán, lễ thói cũ. Như vậy, rõ ràng nội dung của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII là sự bổ sung, phát triển giá trị cốt lõi của ba nguyên tắc mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã đề ra.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đi vào đời sống đã đưa sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam có những bước chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, sau 15 năm thực hiện, những thành tựu mà lĩnh vực văn hóa đã đạt được chưa tương xứng với lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh, đối ngoại, chưa đủ để có những tác động hiệu quả trong việc xây dựng con người và môi trường văn hóa mới. Đặc biệt, trước những diễn biến phức tạp của tình

hình thế giới cùng với sự xuống cấp nghiêm trọng về đạo đức trong một bộ phận xã hội... đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam phải có sự chỉ đạo sâu sát, trọng tâm hơn đối với lĩnh vực văn hóa. Trong bối cảnh đó, năm 2014, Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (Nghị quyết số 33) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Kế thừa tinh thần của những văn kiện trước, dựa trên giá trị cốt lõi của ba nguyên tắc tính dân tộc, tính đại chúng, tính khoa học mà *Đề cương về Văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã chỉ ra, Nghị quyết khẳng định mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam một cách toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Đồng thời khẳng định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Nghị quyết số 33 cũng phát triển quan điểm của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Đồng thời, Nghị quyết số 33 đã chỉ rõ phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa.

Đại hội XII (2016) của Đảng tiếp tục nhất quán đường lối xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước với mục tiêu: Làm sao cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trong đó, xây dựng nền văn hóa, con người Việt Nam phát triển toàn diện là một trong những mục tiêu của chiến lược phát triển. Tiếp đó, trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, Đảng xác định: Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm

tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

Những quan điểm này tiếp tục được phát triển tại Đại hội XIII (2021) của Đảng. Văn kiện Đại hội nêu rõ: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Theo tinh thần Đại hội, việc xây dựng và phát triển văn hóa trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam tập trung vào một số vấn đề cơ bản: Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; xây dựng quan hệ xã hội tích cực, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh phù hợp với điều kiện mới.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng được tổ chức tại Hà Nội, năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Văn hóa là một phạm trù rất rộng, có thể được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau với nhiều cách tiếp cận khác nhau... Nhưng chung quy có thể hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Nghĩa rộng: thì văn hóa là trình độ phát triển về tinh thần và vật chất của nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định... Nghĩa hẹp: thì văn hóa là những hoạt động tinh thần của một xã hội, gồm có những lĩnh vực: giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật, đạo đức... Văn hóa cũng bao gồm cả văn hóa vật thể (các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, di sản văn hóa, những sản phẩm văn hóa: Kim tự tháp, đình, chùa, miếu thờ,...) và phi vật thể (ca dao, dân ca, hò vè, lễ hội; các phong tục, tập quán của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền, mỗi dân tộc, mỗi địa phương...). Nhưng dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì khi đã nói đến văn hóa là nói đến những gì là tinh hoa, tinh túy nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, nhân tình, tiến bộ”<sup>1</sup>.

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.158-159.

Có thể thấy, Tuyên ngôn văn hóa đầu tiên là *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cho đến Văn kiện Đại hội XIII của Đảng là những văn kiện có ý nghĩa quan trọng, thể hiện quan điểm, chỉ đạo của Đảng về lĩnh vực văn hóa. Tùy thuộc vào bối cảnh, tình hình khách quan và thực tiễn phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã không ngừng đổi mới tư duy nhằm hoàn thiện hệ thống lý luận về xây dựng, phát triển văn hóa dân tộc, khơi dậy và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa truyền thống và sức mạnh con người Việt Nam để hiện thực hóa khát vọng xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

Trải qua 80 năm kể từ khi ra đời, ba nguyên tắc vận động của văn hóa cũng như các nội dung được đề cập trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn là những tư tưởng nền tảng, soi đường cho sự vận động, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

**KẾ THỪA CÁC NGUYÊN TẮC  
DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG, KHOA HỌC CỦA  
“ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943  
TRONG XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM  
TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC**

TRẦN THỊ THÁI HÀ\*

**1. Hoàn cảnh ra đời và nội dung cơ bản của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943**

Đầu những năm 40 của thế kỷ XX, thực dân Pháp và đế quốc Nhật câu kết với nhau, bóc lột và thống trị nhân dân Việt Nam. Dưới hai trọng áp bức bóc lột của thực dân, đế quốc và địa chủ phong kiến, nhân dân ta chịu muôn vàn đau khổ. Tất cả các tầng lớp xã hội đều điêu đứng, quyền lợi bị xâm phạm. Phong trào cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta đang đứng trước những vận hội mới. Nhằm hoàn thành những mục tiêu của cuộc đấu tranh giành độc lập, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đặt nền móng cho sự phát triển tiếp theo của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đưa đến thắng lợi của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Chính trong những năm tháng chuẩn bị về mọi mặt cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc từ sau Hội nghị Trung ương 8, trên cơ sở phân tích các mâu thuẫn trong xã hội, khả năng cách mạng của các giai tầng xã hội; xác định đúng đắn mối quan hệ giữa chính trị và văn hóa; nắm bắt cơ hội cũng như nguồn lực cách mạng để tận dụng vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc,

---

\* Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Đại học Sài Gòn.

bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (tháng 2/1943) đã ra đời.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* ngắn gọn về nội dung, gồm có 5 phần: Cách đặt vấn đề; Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; Nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam; Nhiệm vụ cần kíp của các nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam. Trên cơ sở phân tích nội hàm của văn hóa (bao gồm cả tư tưởng, nghệ thuật, học thuật), quan điểm triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa thượng tầng kiến trúc và hạ tầng cơ sở; dựa vào phương pháp lịch sử và phương pháp logic, bản *Đề cương* đã đúc rút những đặc điểm của văn hóa Việt Nam trong từng thời kỳ lịch sử. Từ đó, nêu ra những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách cai trị của Nhật - Pháp; vạch ra tính chất phản động của chính sách văn hóa mà Pháp, Nhật đang thực thi ở Việt Nam. *Đề cương* đặt ra những nhiệm vụ cấp thiết của các nhà văn hóa mácxít Đông Dương và Việt Nam trong đấu tranh chống lại văn hóa ngu dân của Pháp, Nhật; phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương. Đặc biệt, khi phân tích những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách cai trị của Nhật - Pháp, bản *Đề cương* cũng đồng thời dự đoán tương lai của cách mạng Việt Nam và phương hướng, tiền đề của văn hóa Việt Nam, đó là: “Văn hóa Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>1</sup>. Nội dung cốt lõi, có ý nghĩa cơ bản, lâu dài với sự phát triển của văn hóa đất nước trong những giai đoạn sau này của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được tập trung trình bày trong phần 4 - *Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam*. *Đề cương* xác định văn hóa là một trong ba mặt trận quan trọng: chính trị, kinh tế, văn hóa; đồng thời nêu bật quan điểm chỉ đạo cách mạng văn hóa ở Việt Nam: đó là cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công. Nền văn hóa ở Việt Nam sẽ là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.19-20.

Để xây dựng văn hóa mới của Việt Nam, bản Đề cương đặt ra 3 nguyên tắc cơ bản của cuộc vận động văn hóa Việt Nam khi đó là:

- Dân tộc hóa: Chống mọi ảnh hưởng của nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập.

- Đại chúng hóa: Chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng.

- Khoa học hóa: Chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ.

Đề cương khẳng định, “văn hóa mới của Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung. Chính vì thế nó cách mạng nhất và tiến bộ nhất ở Đông Dương trong giai đoạn này”<sup>1</sup>.

Đặt trong bối cảnh cách mạng Việt Nam những năm 40 của thế kỷ XX, có thể thấy, bản Đề cương đã hệ thống hóa một cách toàn diện, đầy đủ các quan niệm, mục tiêu, nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo của cuộc vận động văn hóa, gắn với vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Bản Đề cương đã thể hiện sự nhận thức sâu sắc về tình hình thực tiễn nước ta khi đó; đánh giá đúng vị trí, vai trò cách mạng của lĩnh vực văn hóa, văn nghệ và đội ngũ những người tham gia trong công tác học thuật, nghệ thuật, tư tưởng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. “Những quan điểm tư tưởng cơ bản nêu trong cả 5 phần của Đề cương có sức thuyết phục sâu sắc và là ngọn cờ tập hợp đông đảo tầng lớp trí thức Việt Nam vào cuộc vận động văn hóa, vào cuộc cách mạng giải phóng tư tưởng văn hóa cho mỗi người, mỗi tầng lớp và toàn dân tộc”<sup>2</sup>.

## **2. Kế thừa, phát huy ba nguyên tắc “dân tộc”, “đại chúng”, “khoa học” trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

Trong những năm tháng vận động cách mạng chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có thể coi là cương lĩnh đầu tiên về văn hóa của Đảng. Sau năm 1975 mà đặc biệt là từ khi đất nước

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, *Sđd*, tr.25-26.

2. Đào Duy Quát: “Đề cương về văn hóa Việt Nam 1943 - Cương lĩnh đầu tiên về văn hóa của Đảng ta”, *Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật*, 2013, tr.4.



ta thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, Đảng Cộng sản Việt Nam với trọng trách lớn lao tiếp tục có nhiều tư tưởng chỉ đạo, chủ trương, chính sách cụ thể về văn hóa. Ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 càng thể hiện sức sống bền bỉ khi được vận dụng và phát huy trong công cuộc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tiếp theo *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII và Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI được xem là những văn kiện quan trọng của Đảng về phát triển văn hóa Việt Nam. Các văn kiện này đã kế thừa, phát triển và cụ thể hóa 3 nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa Việt Nam mà bản *Đề cương* năm 1943 đã xác định.

Năm 1998, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ban hành Nghị quyết về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Nghị quyết ra đời trong bối cảnh Đảng Cộng sản Việt Nam chủ động đổi mới tư duy, lãnh đạo toàn dân thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có văn hóa. Có thể khẳng định, Nghị quyết đã tiếp thu tư tưởng của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 mà đặc biệt là ba nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa khi xác định:

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp toàn dân, do Đảng lãnh đạo trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

- Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55-58.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chính là sự kế thừa gần gũi nhất của *Đề cương*, khi mà tiên tiến thể hiện nguyên tắc đại chúng, khoa học; đậm đà bản sắc dân tộc bổ sung giá trị cho nguyên tắc dân tộc trong *Đề cương*.

Nghị quyết chỉ rõ: Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nền văn hóa tiên tiến phải thể hiện tinh thần nhân văn cách mạng, hướng tới con người, giải phóng con người về mặt thể xác và tinh thần, mở ra những điều kiện xã hội tốt đẹp cho con người phát triển toàn diện về nhân cách, giải phóng mọi tiềm năng sáng tạo. Nền văn hóa tiên tiến còn là nền văn hóa mang tinh thần dân chủ, bởi lẽ dân chủ là động lực cho phát triển tài năng, sự sáng tạo của quần chúng nhân dân, góp phần làm phong phú đa dạng nền văn hóa dân tộc.

Nền văn hóa tiên tiến còn bao gồm tính hiện đại. Trong đó, văn hóa phải dần tiến kịp và hòa nhập với trình độ hiện đại của thế giới, phải hướng tới cuộc cách mạng khoa học và công nghệ để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, nâng cao trình độ tư duy khoa học, duy lý trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường, giải quyết các vấn đề dân tộc đặt ra trên tầm thời đại. Nguyên tắc khoa học hóa, đại chúng hóa còn được kế thừa và ghi dấu trong nền văn hóa tiên tiến ở hình thức biểu hiện và phương tiện chuyển tải nội dung, khi sử dụng các công nghệ hiện đại, đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị cho hoạt động văn hóa giúp cho sự sáng tạo tốt hơn, truyền bá nhanh hơn, đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng cao của đông đảo quần chúng nhân dân.

Nền văn hóa tiên tiến cũng đồng thời là nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Nguyên tắc dân tộc hóa của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được kế thừa, thể hiện trong bản sắc dân tộc của nền văn hóa Việt Nam ngày nay. Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản

dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo. Để bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ. Về nội dung này, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 cũng từng chỉ rõ: “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.”<sup>1</sup>. Như vậy, nguyên tắc dân tộc hóa bản thân nó là một nguyên tắc mở khi chống lại tính bảo thủ, tính lạc hậu, duy tâm, thần bí của các xu hướng văn hóa vốn tồn tại trong xã hội. Trong bối cảnh hội nhập, mở cửa, nguyên tắc dân tộc hóa được phát triển, bổ sung và cụ thể hóa bằng sự gắn kết với văn hóa khu vực và thế giới, tiếp xúc và học hỏi có chọn lọc những cái hay, cái đẹp của nền văn hóa các dân tộc khác.

Như vậy, nguyên tắc dân tộc được bổ sung những giá trị của văn hóa nhân loại để trở thành nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc, sáng tạo nên những giá trị văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa, làm cho những giá trị ấy thấm sâu vào cuộc sống toàn xã hội và mỗi con người, trở thành tâm lý và tập quán tiến bộ, văn minh là một quá trình cách mạng đầy khó khăn, phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian. Cùng với việc giữ gìn và phát triển những di sản văn hóa của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, phải tiến hành cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục, các thói hư tật xấu, nâng cao tính chiến đấu, chống mọi mưu toan lợi dụng văn hóa để thực hiện “diễn biến hòa bình”.

Kế thừa, phát triển nguyên tắc khoa học hóa của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, trong nhiều năm qua, việc xây dựng con người Việt Nam có thế giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ; nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập trở thành nhiệm vụ xuyên suốt qua các nghị quyết của Đảng về văn hóa.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.24-25.

Quan điểm xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng một lần nữa thể hiện nguyên tắc đại chúng hóa trong phát triển văn hóa của Đảng. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII nêu rõ: “Mọi người Việt Nam phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà. Công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân, cũng là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Đội ngũ trí thức gắn bó với nhân dân giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa”<sup>1</sup>.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã thể hiện bước chuyển quan trọng về tư duy lý luận, năng lực đúc kết thực tiễn những năm đầu đổi mới, chứa đựng nhiều giá trị tư tưởng, nhân văn và khoa học. Có thể nói, nó có vai trò, ý nghĩa như một cương lĩnh văn hóa của Đảng trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở mức độ nhất định, đó còn là sự cụ thể hóa và bổ sung để thích ứng với hoàn cảnh lịch sử mới của các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa đã được soi sáng từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, tại Hội nghị Trung ương lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Trong đó, Đảng ta tiếp tục khẳng định những quan điểm, nhiệm vụ mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã nêu; đồng thời bổ sung, phát triển, làm sâu sắc hơn một số vấn đề lý luận về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Đảng nêu rõ: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Sđd, tr.57.

dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>1</sup>. “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”<sup>2</sup>. Đồng thời, Đảng cũng xác định một số nhiệm vụ mới là xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; phát triển công nghiệp văn hóa, xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một lần nữa phát triển nguyên tắc đại chúng hóa bằng quan điểm phát triển văn hóa để xây dựng con người, phát triển con người để xây dựng văn hóa. Nghị quyết ghi rõ: “Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”<sup>3</sup>. Giờ đây, nguyên tắc đại chúng đã được cụ thể hóa bởi những phẩm chất cụ thể cho con người Việt Nam.

Ngoài ra, trong nhiều văn kiện, tài liệu khác của Đảng và Nhà nước ở các góc độ khác nhau cũng thể hiện những nguyên tắc dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Điều đó chứng tỏ sức sống lâu bền của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 với sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa và nền văn hóa và phát triển đất nước.

Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, xác định rõ xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc.

Mối quan hệ khăng khít giữa xây dựng văn hóa với xây dựng con người đã được Đảng ta nhận thức ngày càng sâu sắc hơn. Đảng khẳng định: Phát

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.46-47, 48.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, *Tlđđ*, tr.48-49.

triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng con người để thúc đẩy phát triển văn hóa. Con người là chủ thể sáng tạo, truyền bá, thụ hưởng văn hóa, là trung tâm của chiến lược phát triển. Xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp là trọng tâm, cốt lõi của phát triển văn hóa; mọi hoạt động văn hóa đều phải hướng tới xây dựng, phát triển con người. Nguyên tắc *dân tộc, đại chúng và khoa học* càng được thể hiện rõ khi Đảng xác định: Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của văn hóa, con người đối với phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới. Một trong những quan điểm chỉ đạo cốt lõi và xuyên suốt là: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”<sup>1</sup>; “Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững”<sup>2</sup>. Vì vậy, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (24/11/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ: “Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo”.

Có thể nói, chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam vừa nhất quán, kiên định, vừa từng bước bổ sung,

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.34, 215-216.

phát triển và ngày càng hoàn thiện sâu sắc hơn, góp phần quan trọng trong việc Đảng lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam<sup>1</sup>.

\*

\* \*

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là văn kiện quan trọng đối với sự phát triển văn hóa của đất nước. Ngay từ sớm, Đảng ta đã nhận ra tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển chung của dân tộc và Đề cương ra đời đã minh chứng cho tầm nhìn chiến lược đó. Trải qua thời gian, ba nguyên tắc phát triển văn hóa trong Đề cương đã chứng minh được tính đúng đắn, khoa học, phù hợp với con người và xã hội Việt Nam; góp phần định hướng cho đường lối văn hóa của Đảng trong những giai đoạn sau này.

Ba nguyên tắc vận động ban đầu được đặt ra trong bản Đề cương năm 1943 là dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa đã hòa mình vào dòng chảy của lịch sử; đưa văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của xã hội; vừa là mục tiêu, vừa là động lực và là hệ điều tiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày nay. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam trở thành nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam quan tâm chỉ đạo và là mục tiêu được thể hiện trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VII, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII. Tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc là hai yếu tố, phẩm chất không thể tách rời trong nền văn hóa Việt Nam hiện đại; là sự kế thừa và biểu hiện ở dạng thức mới của các nguyên tắc đã được đề cập tới trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

---

1. <https://nhandan.vn/cac-chu-truong-duong-loi-cua-dang-ve-xay-dung-phat-trien-van-hoa-con-nguoi-viet-nam-luon-nhat-quan-post730360.html>. Truy cập ngày 17/2/2023.

## PHÁT TRIỂN CÁC NGUYÊN TẮC CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” TRONG VIỆC XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TS. LÊ THỊ VIỆT HÀ\*

**K**hông chỉ có giá trị to lớn trong chỉ đạo hoạt động văn hóa xã hội nói chung của nước ta trong thời kỳ chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền, mà sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã khẳng định giá trị qua các thời kỳ lịch sử cho tới hiện nay. *Dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa* là những nguyên tắc quan trọng của bản Đề cương và cũng là kim chỉ nam cho đường hướng phát triển văn hóa mới của dân tộc ta. Trong bối cảnh xã hội đương đại, những nguyên tắc đó được Đảng và Nhà nước ta vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh mới, đem lại hiệu quả thiết thực cho công cuộc phát triển đất nước và đã được thực tế chứng minh. Để phát triển doanh nghiệp, văn hóa doanh nghiệp đóng một phần không nhỏ trong quá trình đó. Văn hóa doanh nghiệp là bản sắc, là “sức mạnh mềm” để các doanh nghiệp phát triển bền vững, đặc biệt là trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

### **1. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943, những nội dung cơ bản**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 gồm 5 phần, thể hiện các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa mới Việt Nam, như sau:

---

\* Viện Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.



*Thứ nhất*, xác định rõ nội dung, phạm vi, vị trí, vai trò của văn hóa trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đề cương nêu rõ: văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật; quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động, không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. Đồng thời, có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả.

*Thứ hai*, cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng lãnh đạo. Trên cơ sở chỉ rõ tính chất văn hóa Việt Nam trong quá khứ và hiện tại (1943), chỉ rõ những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách thống trị của Nhật - Pháp; những thủ đoạn của Nhật - Pháp trói buộc và giết chết văn hóa Việt Nam; dự kiến về tiền đồ văn hóa Việt Nam. Đề cương khẳng định cách mạng nhất định thắng lợi, văn hóa Việt Nam sẽ cởi được xiềng xích, đuổi kịp văn hóa mới, tiến bộ trên thế giới.

*Thứ ba*, để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta phải nắm vững “ba nguyên tắc vận động”, đó là: Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Ba nguyên tắc đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới.

*Thứ tư*, để đặt nền móng và định hướng xây dựng một nền văn hóa cách mạng mới, cần kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn hai nhiệm vụ “xây” và “chống”. Đề cương nhấn mạnh nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít là phải chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái bộ, nô dịch, ngu dân, phỉnh dân; phát huy văn hóa dân chủ, cải cách chữ quốc ngữ...

## **2. Các khái niệm về văn hóa doanh nghiệp, cấu trúc của văn hóa doanh nghiệp**

Văn hóa doanh nghiệp thuộc về văn hóa tổ chức, gắn liền với tổ chức doanh nghiệp.

**Doanh nghiệp** (Corporate):

Theo Từ điển Macmillan, “doanh nghiệp” là thuật ngữ chỉ “một cộng đồng kinh doanh được đối xử như một thực thể đơn nhất vì những mục đích

quản lý hành chính”. Tùy vào số vốn, hình thức kinh doanh, các tổ chức kinh doanh sẽ được gọi là công ty hoặc doanh nghiệp. Các loại hình doanh nghiệp bao gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài.

**Văn hóa doanh nghiệp (Corporate Culture):**

Thuật ngữ “văn hóa doanh nghiệp” (Corporate Culture) được Elliott Jaquques (nhà xã hội học nghiên cứu quản trị kinh doanh người Canada) đưa ra lần đầu tiên trong cuốn sách *Thay đổi văn hóa của một nhà máy* (The Changing Culture of a Factory) năm 1950<sup>1</sup>. Những nghiên cứu về văn hóa doanh nghiệp hình thành khoảng những năm 1960-1970. Thuật ngữ “văn hóa doanh nghiệp” được nhiều nhà xã hội học, nhà quản lý sử dụng từ đầu những năm 1980 và từ cuối những năm 1980 thì trở nên phổ biến rộng rãi trong giới kinh doanh ở nhiều nơi trên thế giới. Khái niệm “văn hóa doanh nghiệp” thường được xem như đồng nghĩa với “văn hóa tổ chức” (Organizational Culture) sử dụng cho bối cảnh công ty.

Văn hóa doanh nghiệp có thể được coi là “một mô hình của các giả định cơ bản được chia sẻ mà một tổ chức đã học được khi giải quyết các vấn đề thích ứng bên ngoài và cố kết nội bộ, một mô hình đã vận hành hiệu quả, được coi là giá trị và do đó, được dạy cho các thành viên mới như cách thức đúng đắn để nhận thức, suy nghĩ và cảm nhận liên quan đến những vấn đề đó”.

D. Ravasi và M. Schultz mô tả văn hóa tổ chức như “*một tập hợp các giả định được chia sẻ hướng dẫn các hành vi*”<sup>2</sup>.

Theo E.G. Flamholtz và Y. Randle, “văn hóa công ty có thể được xem như tính cách công ty/nhân cách của công ty” (“in a very real sense, corporate culture can be thought of as a company’s personality”)<sup>3</sup>. “Bản chất của văn hóa

---

1. Jo., Hatch, Mary: *Organization theory: modern, symbolic, and postmodern perspectives*. Cunliffe, Ann L. (Third ed.). Oxford University Press, United Kingdom, 2013, p.161.

2. Ravasi, D.; Schultz, M.: “Responding to organizational identity threats: Exploring the role of organizational culture”. *Academy of Management Journal*, 2006, p.49.

3. Flamholtz, Eric G.; Randle, Yvonne (2011). *Corporate Culture: The Ultimate Strategic Asset*. Stanford Business Books. Stanford, California: Stanford University Press, p.6.

doanh nghiệp là những giá trị, niềm tin, những chuẩn mực hoặc thực hành ứng xử của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến tất cả các thành viên của nó”<sup>1</sup>.

Trong số các học giả Việt Nam, Trần Ngọc Thêm định nghĩa: “Văn hóa doanh nghiệp là hệ thống các giá trị của doanh nghiệp được sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động kinh doanh trong mối quan hệ với môi trường xã hội và tự nhiên nhằm mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp thông qua việc đem lại lợi ích cho xã hội”.

Về mối quan hệ giữa văn hóa doanh nghiệp với văn hóa kinh doanh và văn hóa doanh nhân, theo Trần Ngọc Thêm, đó là quan hệ giữa văn hóa doanh nghiệp (với tư cách văn hóa chủ thể [tập thể]) trong quan hệ với văn hóa kinh doanh (với tư cách văn hóa hoạt động) và văn hóa doanh nhân (với tư cách văn hóa chủ thể [cá nhân]).

Doanh nhân là chủ thể cốt lõi của văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh. Không có doanh nhân thì không có văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh. Chính doanh nhân mới là người tạo ra văn hóa ấy.

Văn hóa doanh nhân không chỉ biểu hiện ở tâm nhìn, phẩm chất, năng lực mà còn biểu hiện ở cả bản sắc riêng có của mỗi doanh nhân. Điều này thể hiện thông qua hoạt động kinh doanh, phương thức kinh doanh, phong cách kinh doanh và cách thức tạo ra sản phẩm của mỗi doanh nhân. Triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, chiến lược kinh doanh... là những yếu tố cơ bản tạo nên hệ thống văn hóa kinh doanh mang đậm bản sắc cá nhân đội ngũ doanh nhân (bao gồm: người sáng lập và lãnh đạo doanh nghiệp). Như vậy, doanh nhân chính là hạt nhân của văn hóa doanh nghiệp và văn hóa kinh doanh. Không có một hệ thống văn hóa kinh doanh nào có thể tồn tại mà thiếu văn hóa doanh nhân.

Văn hóa kinh doanh là môi trường để nuôi dưỡng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân. Bởi vì văn hóa kinh doanh trước hết là sản phẩm có tính giá trị, tính cộng đồng, được con người sáng tạo và tích lũy từ hoạt động thực tiễn kinh doanh, từ kết quả của mối quan hệ tương tác giữa chủ thể và khách thể kinh doanh. Trong đó, chủ thể quan trọng nhất là doanh nhân,

---

1. Flamholtz, Eric; Randle, Yvonne (2014). “13: Implications of organizational Life Cycles for Corporate Culture and Climate”. In Schneider, Benjamin; Barbera, Karen M. (eds.). *The Oxford Handbook of Organizational Climate and Culture*. Oxford Library of psychology. Oxford: Oxford University Press. p.247.

khách thể quan trọng nhất là khách hàng. Mỗi một doanh nghiệp đều có chức năng đối nội và đối ngoại. Doanh nhân - chủ thể của hoạt động kinh doanh có thể thực hiện nhiệm vụ của mình theo nhiều cách khác nhau. Nếu doanh nhân ứng xử có văn hóa, doanh nghiệp có một hệ thống văn hóa tốt đẹp thì quá trình thực hiện chức năng đối nội, đối ngoại diễn ra một cách có văn hóa, theo đúng chuẩn mực chân - thiện - mỹ của xã hội. Môi trường bên trong của doanh nghiệp như vậy có tính nhân văn cao, có điều kiện thuận lợi để phát triển văn hóa cá nhân của mọi thành viên trong doanh nghiệp. Ngược lại, nếu chủ thể kinh doanh bất chấp tất cả chỉ quan tâm đến lợi nhuận thì đây là kiểu kinh doanh vô văn hóa, khiến cho doanh nghiệp không thể phát triển bền vững, lâu dài. Môi trường bên trong của doanh nghiệp như vậy sẽ tạo điều kiện bất lợi cho sự phát triển nhân cách và văn hóa của mọi cá nhân trong doanh nghiệp.

Bốn quan niệm về cấu trúc hệ thống các thành tố của văn hóa doanh nghiệp được biết đến nhiều nhất là khung 7S McKinsey của Tom Peters and Robert Waterman, mô hình tảng băng trôi của Edward T. Hall (1976); mô hình củ hành của Gerard Hendrik [Geert]; mô hình sáu chiều kích văn hóa của Hofstede (1984 & 2010) và ba cấp độ văn hóa của Edgar H.Schein. Trong bài viết này tác giả sử dụng mô hình của Hofstede.

Qua khảo sát hơn 160.000 nhân viên IBM tại hơn 50 quốc gia thuộc ba khu vực trên thế giới, năm 1984, Hofstede đã nhận diện bốn chiều kích văn hóa (cultural dimension) phản ánh sự khác biệt trong suy nghĩ, hành động xã hội, và “phần mềm tâm trí (software of mindset)” của các quốc gia cũng như các tổ chức. Sau đó, ông và các cộng sự tiếp tục mở rộng quy mô khảo sát (hơn 100 nước, ở bốn châu lục: Á, Âu, Phi, Mỹ), đến 2010, bổ sung thêm hai chiều kích văn hóa nữa.

### **3. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp ở nước ta thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay, văn hóa doanh nghiệp là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển của doanh nghiệp. Do vậy để phát triển bền vững văn hóa doanh nghiệp hiện nay cần 5 yếu tố sau:

*Một là*, phát triển bền vững và kinh doanh bền vững: Con người ngày nay được hưởng thụ rất nhiều từ những thành quả của sự tiến bộ khoa học công

nghệ, đồng thời phải chứng kiến những thay đổi ngày càng xấu đi, có thể dự báo được của môi trường tự nhiên và xã hội do những tác động bất lợi do sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ. Các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức: vấn đề môi trường, vấn đề tạo động lực và duy trì sự nhiệt tình một cách bền bỉ, vấn đề năng suất lao động, vấn đề phát triển năng lực tổ chức... Ở cấp độ doanh nghiệp, kinh doanh bền vững và kinh doanh có trách nhiệm được đặt ra nhằm tác động vào nhận thức của nhà quản lý doanh nghiệp trong việc sản xuất ra hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ mang tính trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường tự nhiên hơn. Quá trình thiết kế và sản xuất không chỉ tập trung vào việc tạo ra những sản phẩm vật chất một cách hiệu quả và có thể mang lại lợi nhuận nhiều cho doanh nghiệp, mà hoạt động sản xuất và tiêu dùng còn cân nhắc tác động đến con người nói chung, từ góc nhìn xã hội và môi trường

*Hai là*, phát triển của doanh nghiệp trước tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Sự thay đổi về công nghệ dẫn đến sự thay đổi về mô hình tổ chức kinh doanh (mô hình kinh doanh dựa trên sự đổi mới sáng tạo) Trong hai môi trường: “môi trường kỹ thuật” (liên quan đến sự phát triển công nghệ) và “môi trường tổ chức/quản lý” (liên quan đến nguồn nhân lực và quản lý) của doanh nghiệp, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã dẫn đến những thay đổi mang tính đột phá về công nghệ sản xuất. Sự phát triển rực rỡ và nhanh hơn của môi trường kỹ thuật tạo ra công nghệ với các trang thiết bị rất sáng tạo và đổi mới, có khả năng thực hiện hiệu quả các yêu cầu, nhiệm vụ phức tạp vượt trội so với con người.

*Ba là*, phát triển doanh nghiệp trước hết dựa trên công nghệ nhưng cần hài hoà yếu tố con người và văn hóa. Ngoài yếu tố về công nghệ, chúng ta phải tiếp cận yếu tố khác đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp như: yếu tố con người, tổ chức/quản lý, yếu tố văn hóa. Các yếu tố này cần kết hợp, cân đối, hài hoà với nhau. Sự kết hợp này tạo ra năng suất vượt bậc là năng suất hợp tác.

*Bốn là*, đổi mới văn hóa doanh nghiệp: Trong kỷ nguyên số, văn hóa doanh nghiệp là một phương thức mới khai thác các công cụ quản lý, tập trung vào việc phát huy sức mạnh của nguồn nhân lực và mối liên kết. Tạo dựng môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động tự chủ, tự tin hợp tác và nhiệt

tình sáng tạo, tạo ra năng suất lao động đột phá, duy trì lợi thế của tổ chức là mục tiêu và mong muốn của người quản lý mọi tổ chức, doanh nghiệp. Yêu cầu này càng trở nên cần thiết để khai thác công nghệ số và triển khai phương thức hoạt động mới trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu trước tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*Năm là*, phát triển văn hóa số trong doanh nghiệp làm cho quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp hoàn thiện hơn. Chuyển đổi số là mô hình định hướng sự phát triển về cách sống, cách làm việc, phương thức sản xuất của cá nhân, tổ chức dựa trên các nền tảng công nghệ số. Đó là quá trình thay đổi toàn diện và tổng thể mọi mặt từ môi trường truyền thống sang môi trường số. Chuyển đổi số không chỉ giúp tăng năng suất, giảm chi phí mà còn mở ra không gian phát triển mới, tạo ra các giá trị mới ngoài các giá trị truyền thống vốn có.

\*

\* \*

Văn hóa doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt là trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Văn hóa doanh nghiệp đóng vai trò như một giải pháp, công cụ tích cực và có thể mang lại thành công cho doanh nghiệp. Trong khi tiến bộ về khoa học công nghệ mà cách mạng công nghiệp có thể mang lại tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc thúc đẩy sản xuất, năng suất lao động chỉ có thể được cải thiện khi con người biết cách hợp tác, tin cậy lẫn nhau, nhiệt tình cống hiến và có kỹ năng khai thác lợi thế công nghệ.

## NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” TRONG TIỀN TRÌNH LỊCH SỬ DÂN TỘC (1943-2023)

DƯƠNG NGỌC HẢI\*

### Đặt vấn đề

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 do đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng khởi thảo, ra đời trong hoàn cảnh Đảng vẫn còn hoạt động bí mật, là một văn kiện lịch sử quan trọng, thể hiện ý chí, nguyện vọng của cả dân tộc trong sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa tiến bộ, nhân văn và dân chủ. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời là một sự kiện chính trị quan trọng, tạo nên tảng ban đầu cho sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa mới, được coi là cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa. Đồng thời, thể hiện sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt với tầm nhìn chiến lược của Đảng đối với sự phát triển của đất nước ngay từ khi cách mạng còn chưa giành được chính quyền về tay nhân dân.

Việt Nam thời điểm này mang tính chất xã hội thực dân nửa phong kiến, thực dân Pháp và phát xít Nhật đang ra sức bóc lột nhân dân ta, Chiến tranh thế giới thứ hai đang làm cho đất nước kiệt quệ, tình hình chính trị, xã hội có nhiều diễn biến phức tạp nhưng cũng đặt ra những thời cơ cho cuộc cách mạng xã hội. Trên lĩnh vực văn hóa, nhiều xu hướng khác nhau đang chi phối đời sống tinh thần của dân tộc. Nhiều người lầm tưởng về học thuyết Đại Đông Á của Nhật khi cho rằng đây chính là một cơ hội để văn hóa Việt Nam có cơ hội phục hưng, do được hưởng lợi từ quan niệm “đồng chủng đồng văn” của người Nhật, được “trở về” với nguồn gốc Á Đông sau một thời gian dài bị nô dịch bởi

---

\* Bảo tàng tỉnh Bình Dương.

người Pháp. Điều này không phải chỉ có đến thời điểm ấy mới xuất hiện mà từ nhiều năm trước trong trí thức Việt Nam đã manh nha những ảo tưởng về mô hình nước Nhật cải cách, sánh ngang với các nước phát triển phương Tây, nước Nhật “đồng chủng, đồng văn” sẽ “giúp đỡ” Việt Nam và các nước châu Á khác “vô tư” hơn. Có thể nói, việc tìm đường, nhận đường của nhiều trí thức yêu nước lúc này đang gặp những lúng túng, bế tắc. Chiến tranh, khủng hoảng xã hội đã làm cho văn học đánh mất dần đi những giá trị tích cực vốn có của nó. Tất cả những điều này có nguy cơ ảnh hưởng đến việc “nhận đường” cho một giai đoạn quan trọng của thời kỳ chuẩn bị cách mạng xã hội.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời năm 1943, đã đem lại một không khí mới cho văn hóa Việt Nam. Sự khai phóng về tư tưởng văn hóa, đường hướng trở về với dân tộc, nhân dân và góc nhìn sự vật dưới con mắt biện chứng đã đem lại một cảm hứng mới cho những người làm văn hóa, những trí thức đang muốn thay đổi, muốn tìm đường đi mà chưa thấy lối. Sự cởi mở về khâu tập hợp lực lượng, đoàn kết toàn dân, cố kết cộng đồng trong những ngày đầu cách mạng đã làm thay đổi nhận thức xã hội. Sự tin yêu vào chủ trương cứu quốc, văn hóa soi đường cho quốc dân đi, đã khiến nhiều văn nghệ sĩ, nhân sĩ, các nhà hoạt động văn hóa từ bỏ quan niệm cũ, chấp nhận một thế giới quan và nhân sinh quan mới. Đây là cuộc nhận đường đầu tiên của đội ngũ trí thức để đến với cách mạng. Họ là những người tiên phong đi đến với cách mạng và là lực lượng chủ chốt để tham gia xây dựng nền văn hóa mới. Không phải ngẫu nhiên mà sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 hầu hết các trí thức, văn nghệ sĩ đã nhìn thấy con đường đi với nhân dân, phụng sự Tổ quốc là con đường lớn cho sự nghiệp và cuộc đời mình. Đề cương văn hóa đã góp phần thức tỉnh, tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân tham gia vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xóa bỏ sự nô dịch về văn hóa của chủ nghĩa thực dân.

### **Những nội dung chính và vai trò của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong tiến trình lịch sử dân tộc trên lĩnh vực văn hóa**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã nêu ra ba nguyên tắc mang tính bao trùm của một nền văn hóa mới là dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Ba nguyên tắc này đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới ở nước ta.



Dân tộc hóa là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có lòng tự hào, dũng cảm đứng lên nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam. Khi cuộc cách mạng giành độc lập dân tộc đang trở thành vấn đề cấp thiết số một thì nguyên tắc dân tộc hóa là “chống mọi ảnh hưởng nô dịch, thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”, là đưa văn hóa trở về với đại chúng, phục vụ đại chúng chứ không thể vì một đối tượng nào khác.

Khoa học hóa là tạo điều kiện cho nền văn hóa dân chủ mới nhanh chóng thoát khỏi sự kìm hãm ấy, nhằm phát triển về mọi mặt trên cơ sở khoa học, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi suy nghĩ, hành động; chống lại tất cả những cái cũ kỹ, lạc hậu, mê tín dị đoan. Khoa học hóa văn hóa giai đoạn này chính là đánh đổ mọi nhận thức sai lầm về con đường phát triển của xã hội “chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”, mà thực chất là chống lại tư tưởng Đại Đông Á của Nhật và tư tưởng nô dịch và những quan niệm duy tâm, siêu hình đang đè nặng lên đời sống tinh thần của nhân dân.

Đại chúng hóa là văn hóa của nhân dân, phục vụ nhân dân, làm cho mọi người biết đọc, biết viết, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo nghệ thuật và dần dần chiếm lĩnh các giá trị tinh thần mà dân tộc và loài người tạo ra; chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phẫn lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng.

Đảng ta cũng khẳng định: “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm...”. Có thể thấy, ba nguyên tắc trên là sự trả lời đúng đắn và kịp thời cho các nhu cầu cấp thiết nổi lên trong một thời điểm trọng đại của lịch sử. Dân tộc, đại chúng, khoa học đã là khẩu hiệu, trở thành tính chất, đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam - một nền văn hóa thấm đẫm tinh thần dân tộc, giàu bản sắc do nhân dân sáng tạo với khát vọng không ngừng vươn đến chân - thiện - mỹ, hướng đến tiến bộ, văn minh.

Ba nguyên tắc mà Đề cương đặt ra, thực chất là ba tính chất: gắn với truyền thống dân tộc, thuộc về nhân dân và thấm nhuần tinh thần khoa học như ba trụ cột cơ bản, bảo đảm cho văn hóa Việt Nam phát triển. Sau này, khi đã giành được chính quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhất quán khẳng

định thái độ của mình trong lĩnh vực văn hóa là phải gắn bó chặt chẽ với đời sống dân tộc, với truyền thống di sản của ông cha, gắn bó với đời sống nhân dân, phục vụ nhân dân và tất cả thái độ tiếp cận từng vấn đề, cả trong tiếp nhận di sản, trong nghiên cứu khoa học hay sáng tạo thì tư tưởng vì dân tộc, đại chúng với một thái độ khách quan, đúng đắn của một nhà quan khoa học vẫn là những nguyên tắc quan trọng nhất. Hướng về đại chúng, dân tộc là hướng đến đất nước, nhân dân, đó là mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang kêu gọi.

Những nguyên tắc, quan điểm lớn bao trùm của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã kích thích, lôi kéo rất nhiều người chưa hiểu về cách mạng, nhưng tinh thần về với dân tộc, nhân dân, chống áp bức, nô dịch đã kéo họ “tụ về dưới lá cờ nghĩa của cách mạng” là một sự thực. Xét ở phương diện này, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã nêu ra những yêu cầu vừa tầm, phù hợp, có hiệu quả rất lớn trên mặt trận văn hóa, tư tưởng. Khi cuộc kháng chiến nổ ra, Tổ quốc trên hết, mà những phương hướng hành động kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến là những hoạt động cụ thể, đã làm thay đổi hẳn đời sống tinh thần của dân tộc. Dân khí, dân trí đã đổi mới và cũng như sau này, trong cuộc trường chinh 30 năm kháng chiến thống nhất đất nước, nền văn hóa mới với ba phương châm dân tộc, đại chúng, khoa học đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh của nó: Cứu quốc và góp phần phục hưng dân tộc.

Bài học lớn nhất bao trùm và xuyên suốt từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay của Đề cương là Đảng ta đã đưa ra được một cương lĩnh về một nền văn hóa tập trung cho nhiệm vụ cứu quốc và kiến quốc, và mục tiêu ấy đã thành công. Nếu chỉ nhìn nhận văn bản như là sự chuẩn bị trong đêm trước của cuộc cách mạng xã hội, đã thấy tính chất thực tiễn và khoa học của cách tiếp cận vấn đề, mà nếu nhìn lại lịch sử 80 năm ra đời và tác động đến đời sống của những quan điểm văn hóa này mới thấy hết tầm nhìn xa trông rộng của những tư tưởng lớn về văn hóa, có tính chất khai phóng cho sáng tạo và hành động, khả năng tập hợp lực lượng, nhất là đội ngũ trí thức. Tư tưởng vì dân tộc, đại chúng với một thái độ khách quan, đúng đắn của một nhà quan khoa học luôn có sức hút, sức hấp dẫn và khả năng quy tụ trí thức tâm huyết với đất nước ở bất kỳ giai đoạn nào trong lịch sử.

Từ sau *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, tư duy lý luận của Đảng về văn hóa ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh hơn. Tiếp nối tinh thần

của Đề cương, trải qua thực tiễn các giai đoạn lịch sử, ngày 16/7/1998, Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) của Đảng đã ban hành Nghị quyết về “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Đây là văn kiện chuyên đề, sâu sắc và toàn diện về văn hóa sau Đề cương văn hóa và là Nghị quyết có ý nghĩa chiến lược về văn hóa. Nghị quyết đã trang bị cho xã hội nhiều nhận thức mới về văn hóa, đem lại sinh khí cho đời sống văn hóa cũng như bước chuyển mình cho sự nghiệp văn hóa của đất nước.

Sau khi Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII được triển khai, nhận thức về vai trò, vị trí văn hóa trong Đảng, trong toàn xã hội được nâng lên rõ rệt. Chủ trương của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa đã lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội. Những nhận thức về giá trị văn hóa và truyền thống văn hóa ngày càng được nâng cao. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa được quan tâm, coi trọng. Việc giao lưu, hội nhập văn hóa quốc tế từng bước được mở rộng đưa hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến với bạn bè thế giới. Các thể chế và thiết chế văn hóa dần được củng cố, hoàn thiện. Nguồn lực văn hóa, mà trước hết là nguồn lực con người ngày càng được phát huy, phát triển toàn diện. Nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả rất quan trọng.

Một chương trình hành động đã được triển khai theo nội dung Nghị quyết Trung ương 5 từ cấp Trung ương đến tỉnh, huyện, xã với nhiều phong trào quần chúng cụ thể sâu rộng: “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; “Xây dựng cơ quan, công sở văn minh”; “Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; “Xóa đói giảm nghèo”; “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế”... Tất cả thành một bộ phận quan trọng trong chiến lược văn hóa của đất nước.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII thể hiện tầm nhìn chiến lược và tư duy cách mạng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới với việc đánh giá cao vai trò, sứ mệnh cao cả của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - chính trị - xã hội; sự hình thành, phát triển nhân cách, trí tuệ con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng, phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Có thể nói, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa ở Đề cương văn hóa năm 1943 tiếp tục được phát triển lên một tầm cao mới, gặt hái được nhiều kết quả thiết thực.

Trên tinh thần của văn hóa, tư tưởng, đạo đức và lối sống xã hội tiếp tục được khẳng định và phát huy theo chiều hướng tích cực; bản sắc văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc trong đời sống tinh thần của nhân dân ngày càng được đề cao; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên, củng cố thêm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo và điều hành của Đảng và Nhà nước.

Tiếp theo sau Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII là Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và quan điểm Đại hội XIII của Đảng về xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, đã đưa nền văn hóa nước ta lên một bước phát triển mới. Xây dựng con người Việt Nam với các giá trị văn minh mới của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

Tư tưởng, đạo đức và lối sống con người Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, quan trọng. Các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được đề cao, kế thừa, phát triển; đồng thời, nhiều giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức mới từng bước được hình thành phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước. Tính năng động và tích cực của mỗi người dân, doanh nghiệp được phát huy, sở trường và năng lực sáng tạo cá nhân được khuyến khích. Không khí dân chủ trong xã hội ngày càng được mở rộng và phát triển. Đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây” được đề cao; các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, “hướng về cội nguồn”, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc... là những hoạt động văn hóa tốt đẹp, thấm đượm tinh thần nhân văn ngày càng nở rộ. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được phát triển và ảnh hưởng tích cực đến đời sống văn hóa cả nước. Môi trường văn hóa, các thiết chế văn hóa cơ sở, các phong trào quần chúng hoạt động văn hóa, nghệ thuật đạt nhiều tiến bộ. Gia đình văn hóa với tinh thần “ông - bà, cha - mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền” được chú trọng, đã phát huy những yếu tố tích cực, góp phần duy trì và bảo vệ gia phong truyền thống - tế bào lành mạnh của xã hội. Các hoạt động sáng tác và phổ biến văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng. Nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật có chất lượng tốt hướng vào các đề tài lịch sử, cách mạng và phản ánh sự sôi động, đa chiều, những tấm gương sáng của công cuộc đổi mới.

Giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa, nghệ thuật được mở rộng và thực sự khởi sắc. Phát huy tiềm năng và thế mạnh, lĩnh vực du lịch đóng góp ngày càng nhiều vào phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời tăng cường giao lưu văn hóa giữa người dân các vùng miền trong cả nước cũng như giới thiệu văn hóa, lịch sử Việt Nam với các du khách quốc tế. Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa được quan tâm chú trọng, ngày càng chuyên nghiệp hóa và đạt được nhiều kết quả tốt, đưa các di sản đến với thế giới.

Đánh giá về những kết quả đạt được, Đại hội XIII của Đảng đã chỉ ra: Nhận thức về văn hóa, xã hội, con người ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn. Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của đời sống xã hội. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả, thiết thực. Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc. Phát triển toàn diện con người Việt Nam từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc phê phán, đấu tranh, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây hại đến văn hóa, lối sống con người được chú trọng.

### **Kết luận**

Trải qua 80 năm kể từ khi ra đời, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị lý luận và tính thời đại sâu sắc, tiếp tục soi đường cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên con đường hội nhập và phát triển. Trong 80 năm qua (1943-2023), các quan điểm của Đảng về văn hóa cho thấy tầm chiến lược của cách tiếp cận vấn đề, tính thực tiễn và khoa học của những luận điểm được nêu ra trong Đề cương. Bao trùm lên tất cả là tính chất cách mạng, thái độ nhất quán và những nguyên tắc của Đảng về một nền văn hóa mới, được định hướng ngay từ buổi đầu tiên, đã được khẳng định và đáp ứng được những yêu cầu của cuộc cách mạng xã hội vì dân tộc, vì nhân dân. Chính vì thế mà những định hướng ấy đã bám rễ vào đời sống và chứng tỏ sự đúng đắn ngay từ những buổi đầu. Những bất cập trong chỉ đạo thực tiễn về xem nhẹ vai trò của tinh hoa văn hóa, những nhận thức chưa đúng về tính đại chúng, văn hóa quần chúng, xu hướng chiều theo nhu cầu giải trí của số đông hay bảo tồn di sản văn hóa đã từng bước được nhận thức và giải quyết.

Nếu coi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 như là cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa thì Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; và quan điểm Đại hội XIII của Đảng về xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam như những cương lĩnh mới về văn hóa của Đảng, thì không thể không nhận thấy những tiếp nối, phát triển nhiều luận điểm quan trọng của Đề cương văn hóa 1943. Mặc dù đã trải qua chặng đường 80 năm, dù thực tế đã thay đổi và nội dung, tính chất, nhiệm vụ, phương thức tổ chức, xây dựng một nền văn hóa mới của văn hóa Việt Nam thời hội nhập đã khác, nhưng những định hướng cơ bản về tư tưởng, nội dung và những nguyên tắc của nền văn hóa mới vẫn còn mang ý nghĩa lớn với chúng ta.

## VẬN DỤNG, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NHÌN TỪ CÔNG CUỘC PHỤC HƯNG ÁO DÀI - QUỐC PHỤC TẠI CỔ ĐÔ HUẾ

TS. PHAN THANH HẢI\*

### 1. Đặt vấn đề

Ra đời cách đây 80 năm, nhưng những tư tưởng trong Đề cương về văn hóa Việt Nam vẫn còn nguyên giá trị, góp phần định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế. Vấn đề bảo tồn, phát huy, sử dụng áo dài truyền thống trong xã hội đương đại được xem là một minh chứng điển hình trong việc vận dụng, phát huy giá trị của Đề cương về văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Áo dài là một di sản văn hóa đặc thù của cố đô Huế, được hình thành, phát triển, tồn tại suốt hơn 300 năm qua, gắn liền với vai trò thủ phủ của Đàng Trong, kinh đô của nước Việt Nam thống nhất, rồi cố đô cuối cùng của chế độ quân chủ. Áo dài đã góp phần quan trọng tạo nên một hình ảnh riêng, bản sắc riêng của xứ Huế. Ngày nay, gắn liền với việc bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể phong phú, đa dạng của mảnh đất cố đô, việc bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản áo dài là hết sức phù hợp, cần thiết và có ý nghĩa to lớn trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị “Về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

---

\* Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế.

## 2. Đôi nét lịch sử hình thành, phát triển và đặc điểm của áo dài Huế

Áo ngũ thân - áo dài Huế được hình thành, sáng tạo bởi cư dân Đàng Trong trong quá trình Nam tiến, chiếm lĩnh đất phương Nam và hòa nhập vào cộng đồng Đông Nam Á. Khoảng đầu thế kỷ XVII, áo ngũ thân tay chèn đã thành hình với tục danh là bộ “quần chân áo chít”, được các tầng lớp nhân dân ở Đàng Trong quen sử dụng. Để tạo ra sự khác biệt với Đàng Ngoài sau khi hai bên xảy ra xung đột và chia cắt Đàng Ngoài - Đàng Trong, lấy sông Gianh ở Quảng Bình làm giới tuyến, Đào Duy Từ đã khuyên Chúa Nguyễn Phúc Nguyên sử dụng bộ trang phục ngũ thân làm trang phục chung cho dân Đàng Trong, nhưng ý đồ này chưa được thực hiện.

Hơn 100 năm sau, vào năm 1744, sau khi xưng vương hiệu và xây dựng đô thành ở Phú Xuân (Huế), bên cạnh việc định ra triều phục, võ vương Nguyễn Phúc Khoát (vị Chúa Nguyễn đời thứ 8) đã quyết định sử dụng bộ trang phục áo ngũ thân làm thường phục (hay tiện phục) thống nhất cho cư dân Đàng Trong<sup>1</sup>. Chủ trương này đã được thực hiện nhanh chóng, vì vậy chỉ sau một thời gian ngắn, ở toàn bộ miền Nam, từ sông Gianh trở vào, các tầng lớp nhân dân đều sử dụng áo ngũ thân trong mọi hoạt động, từ lễ nghi hội hè đến vui chơi, làm việc<sup>2</sup>...

Sau khi thống nhất toàn vẹn đất nước từ Nam Quan đến mũi Cà Mau, triều Nguyễn đã đề cập đến việc thống nhất trang phục Bắc Nam, thể hiện sự thống nhất về văn hóa của một quốc gia độc lập, nhưng phải từ năm 1827 đến năm 1837, Vua Minh Mạng mới quyết liệt cho thực hiện. Vì vậy, đến giữa thế kỷ XIX, trang phục áo ngũ thân đã trở thành loại lễ phục và thường phục phổ biến trong toàn cõi Đại Nam, trở thành quốc phục của người Việt với cả hai giới, nam và nữ<sup>3</sup>.

Trong thời Nguyễn, Huế là kinh đô đất nước, và cũng xứng danh là kinh đô áo dài của Việt Nam bởi là nơi tập trung các loại hình trang phục áo dài phong phú và đẹp nhất, từ các loại triều phục, phẩm phục dành cho vua chúa, hoàng gia, quan lại quý tộc; nhưng phục dành cho võ quan, binh lính; tế phục, tang

---

1. Dẫn theo Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*, Quan Hải Tùng Thư, 1938, tr.121.

2. Trong *Phủ biên tạp lục*, soạn năm 1776, Lê Quý Đôn nhận xét rằng, cư dân Đàng Trong đều đã quen sử dụng loại trang phục này, “quên” hẳn loại trang phục ở Đàng Ngoài vốn quê hương của họ. Xem Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, bản dịch của Trần Đại Vinh, Nxb. Đà Nẵng, 2015, tr.292-293.

3. “Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục”, dẫn theo Trần Quang Đức: *Ngàn năm áo mũ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2013, tr.260.



phục và thường phục dành cho mọi tầng lớp nhân dân, nhưng nổi bật nhất vẫn là loại áo ngũ thân tay rộng (áo tấc), ngũ thân tay chèn và áo nhật bình<sup>1</sup>.

Áo ngũ thân (năm thân) hay áo dài Huế, được đánh giá là loại trang phục trang trọng, kín đáo và mang nhiều ý nghĩa rất nhân văn. Năm thân áo tượng trưng cho tứ thân phụ mẫu và bản thân người mặc. Năm chiếc khuy áo tượng trưng cho quan điểm ngũ thường trong Nho giáo, cụ thể, năm chiếc khuy đại diện cho 5 đức tính của bậc nam nhi là: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín; hay quan điểm về ngũ luân, tức 5 mối quan hệ rường cột trong xã hội: vua tôi, cha con, anh em, bạn bè, chồng vợ; thậm chí còn mang cả ý nghĩa về sự giao thoa của ngũ hành: thổ, kim, thủy, mộc, hỏa. Áo ngũ thân có hai loại, ngũ thân tay chèn được sử dụng như trang phục hằng ngày (tức thường phục/tiện phục) và ngũ thân tay rộng, được sử dụng trong nghi lễ (lễ phục). áo ngũ thân mặc kèm với quần màu trắng hoặc sáng màu và khăn vấn/đội đầu màu đen hoặc sẫm màu, hoặc các loại mào tương thích.

Áo tấc<sup>2</sup> là tên gọi phổ biến của loại áo ngũ thân tay rộng, và còn có các tên gọi khác như áo lễ, áo thụng, áo rộng... cũng như loại áo ngũ thân tay

1. Triều Nguyễn có quy định cụ thể về các loại lễ phục, triều phục, tế phục... Riêng bộ sách đồ sộ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, phần Chính biên đã dành quyển 78, phần Tục biên dành quyển 22 để quy định về mũ, áo, trang phục từ hoàng đế, hoàng hậu, hoàng tử, công chúa, thân vương đến quan lại văn võ, đó là chưa kể các quy định hay mô tả khá cụ thể, chi tiết về trang phục trong các nghi lễ, hoạt động của triều Nguyễn. Tham khảo: *Nội các triều Nguyễn - Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, và *Quốc sử quán triều Nguyễn - Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 1, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.

2. Tương truyền, tên gọi “Áo tấc” vốn bắt nguồn từ phần viền áo rộng đúng một tấc (khoảng 4cm). Phần thân áo, cũng như áo ngũ thân tay chèn, được chắp nối từ năm mảnh vải kết hợp với nhau để tạo nên hai vạt trước sau và một vạt con nằm phía trong, và với tay áo dài và thụng. Nhìn chung, về thiết kế, áo tấc có phần tay dài rộng từ 30-50cm với chiều dài ống tay tính cộng theo từ cổ tay dài ra 40-50cm, không bó nách và có hình chữ nhật; tà áo thường dài không quá gó 10cm (phần nhiều trong khoảng 7-8cm). Đây là kiểu áo may theo dáng áo viên lĩnh cổ tròn nhưng được nối thêm một dải vải đứng khoảng một tấc (4cm) ôm lấy cổ áo. Cổ áo dựng vuông và ôm khít vào cổ, và có 1 cúc ở chân cổ. Khuy áo gồm 5 chiếc bố trí hình chữ “quảng”, làm bằng các vật liệu cứng (vàng, bạc, đồng, trân châu, ngà, đá...) và thường có màu đối lập với màu sắc áo để tạo nên sự nổi bật. Ngày xưa, tùy vào điều kiện kinh tế cũng như vị thế, phẩm cấp, chức vụ của người mặc mà chất liệu vải may sẽ khác nhau. Đối với hoàng tộc, quan lại cao cấp thì chọn các loại lụa, the, sa cao cấp nhập của Trung Quốc hoặc do trong nước sản xuất, dân chúng bình thường sẽ dùng vải chất liệu vải rẻ hơn nhưng vẫn trang trọng, lịch sự. Màu sắc áo tấc khá đa dạng, có thể dùng cho nhiều dịp lễ nghi, hội hè khác nhau.

chăn, áo tấc dành cho cả hai giới nam và nữ, và cho mọi tầng lớp trong xã hội, không phân biệt đẳng cấp, sang hèn. Sự phân biệt chủ yếu chỉ thể hiện ở chất liệu, màu sắc, hoa văn trang trí và các phụ kiện kèm theo. Nhưng khác với áo ngũ thân tay chần, vốn là loại thường phục (hay tiện phục), áo tấc thường chỉ dùng trong các nghi lễ thuộc quan, hôn, tang, tế hay các dịp lễ hội lớn, ngày Tết... chứ ít khi sử dụng hàng ngày trong đời sống bình thường. áo tấc cũng đi kèm với khăn vấn (hoặc khăn đóng) đội đầu hay mũ tú tài đối với nam giới, mũ phượng, khăn vấn đối với nữ giới và mặc quần màu trắng, rộng (quần thụng).

Áo nhật bình vốn là loại triều phục dành cho bậc hậu, phi, cung tần và công chúa thời Nguyễn, nay đã trở thành loại trang phục rất phổ biến của phụ nữ Huế trong dịp hôn lễ và ngày càng được các bạn nữ trẻ yêu thích sử dụng khi đi ngoạn cảnh, check in...

Nguồn gốc của áo nhật bình là loại áo phi phong của triều Minh, được triều Nguyễn tiếp thu, cải cách thành kiểu áo phi phong đối xứng với những nét riêng, rất đặc sắc<sup>1</sup>. Áo có phần cổ thiết kế hình chữ nhật to bản, hai vạt được cố định bằng dây buộc, khi mặc vào thì phần trước ngực được ghép lại thành một hình chữ nhật nên mới có tên là áo nhật bình.

Đầu thời Nguyễn, áo nhật bình thường phối với bộ xiêm y màu trắng, đội mũ phượng tùy theo thứ bậc. Nhưng từ cuối thế kỷ XIX trở về sau, áo nhật bình được phối với quần màu trắng, đội khăn vành to bản, và hình thức này còn được bảo lưu đến ngày nay.

Áo nhật bình là một di sản quý của thời Nguyễn, ngày càng được giới trẻ yêu thích, sử dụng vào các dịp lễ trang trọng không chỉ ở Huế mà còn lan tỏa ra toàn quốc và cả ở hải ngoại, nơi có người Việt sinh sống làm ăn.

---

1. Từ năm Gia Long thứ 6 (1807), triều Nguyễn đã có quy định về trang phục áo nhật bình dành cho hậu phi, công chúa, cung tần cả về màu sắc, chất liệu, hoa văn và các phụ kiện đi kèm (kim ước, kim phượng, trâm phượng). Về màu sắc, nhật bình của hoàng hậu thường có màu vàng chính sắc, màu cam; nhật bình của công chúa có màu đỏ; cung tần nhị giai màu xích đào; cung tần tam giai màu tím; cung tần tứ giai màu tím nhạt... Các loại phụ kiện đi kèm cũng phân theo thứ bậc: Hoàng hậu thì có 2 cửu long kim ước phát, 1 cửu phượng kim ước phát và 8 trâm phượng bằng vàng; công chúa thì có 1 thất phượng kim ước phát và 12 trâm hoa; cung tần nhị giai thì có 1 chiếc ngũ phượng kim ước phát và 10 trâm hoa; cung tần tam giai thì có 1 tam phượng kim ước phát và 8 trâm hoa; cung tần tứ giai thì có 1 chiếc phượng kim ước và 8 trâm cài...

Có thể nói, các loại trang phục thời Nguyễn mà trọng tâm là áo ngũ thân, áo nhật bình đã góp phần vô cùng quan trọng để nước ta có một chế độ “y quan rục rỡ” - một chế độ trang phục văn minh, phong phú không hề thua kém các nước lớn ở phương Đông, biểu tượng cho sự thống nhất về văn hóa của một dân tộc dòng dõi con Rồng cháu Tiên.

Tuy nhiên, sau khi thực dân Pháp xâm lược và nô dịch nước ta, nhiều giá trị truyền thống đã bị biến đổi, trong đó có văn hóa trang phục. Các loại âu phục dần dần thịnh hành phổ biến, thậm chí trở thành tiêu chí về trình độ văn minh, thành những chuẩn mực trong xã hội hiện đại và đương đại, nhất là đối với trang phục nam giới. Áo dài cũng bị chi phối sâu sắc bởi điều này.

Hiện nay, áo dài nữ do liên tục được cách tân, biến đổi theo thời gian nên đã trở thành một loại trang phục có kiểu dáng, chủng loại rất phong phú, rất thịnh hành, phổ biến trong xã hội, trở thành “quốc phục” của nữ giới, thành một trong những tiêu chí quan trọng để nhận diện về phụ nữ Việt Nam. Nhưng áo dài nam thì trái lại, dần dần bị lãng quên và không được sử dụng nhiều trong đời sống, thậm chí mặc áo dài nam còn bị xem là: nhếch nhác, phong kiến, cổ hủ, đồng bóng... Nguyên nhân của việc này xuất phát từ việc áo dài nam trở thành đối tượng bị tấn công, đả kích bởi trào lưu Âu hóa; còn trên sân khấu thì luôn bị gắn với các nhân vật phản diện như lý trưởng, hương lão, thầy cúng, thầy bói, phú ông, quan tham..., Áo dài bị mang biểu tượng chính trị hơn là mang biểu tượng văn hóa, đàn ông mặc áo dài đã dần dần được mặc định là hình ảnh đại diện cho tầng lớp phong kiến, quan lại, địa chủ..., đại diện cho những thói hư, tật xấu, cho những gì cũ kỹ, cổ hủ<sup>1</sup>...

Trang phục áo dài, hình ảnh nhân vật trên sân khấu từ thập niên 1950 đến nay đã in sâu trong tâm khảm nhiều thế hệ người Việt và đã trở thành hình mẫu phổ biến được sử dụng rộng rãi, cho dù cách may, mặc của loại áo dài này không đúng, thiếu sự tinh tế.

Vào những năm 1980, người ta thấy trang phục áo dài cho liên anh quan họ đã bắt đầu thay đổi, hình ảnh của những chiếc áo dài nam giống với những nhân vật trong truyện tranh lịch sử của họa sĩ Tạ Thúc Bình, áo the bị lạm

---

1. Xem Nguyễn Đức Bình: “Di sản áo dài đàn ông Việt trong bối cảnh hiện nay và vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị áo dài Huế” in trong *Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế: Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2022, tr.25-49.

dụng rồi phổ biến, khăn quấn đầu màu đen hoặc màu đậm đã thay bằng khăn cùng màu với áo.

Bên cạnh việc đưa áo dài nam về vị trí vốn có của nó trong văn hóa áo dài của Việt Nam, cần phổ biến và khẳng định lại áo dài nam truyền thống và đúng bản chất của áo dài nam: khiêm nhường, kín đáo, phong thái đĩnh đạc, thắm mỹ tinh tế. Hiện nay, do hiểu sai về áo dài nam và nhiều nhà thiết kế cho rằng áo dài khi mặc thường bị nhăn, dúm ở nách, thân áo không phẳng, do đó họ đã đưa kỹ thuật may veston và áo sơ mi để may, vạt áo hẹp, liền vải, may bó sát người, ráp nối tay (raglan), vai độn. Vạt áo thẳng kéo dài (có loại dài như áo trường sam Trung Quốc, có loại áo tà ngắn trên đầu gối như của Ấn Độ). Đường cúc áo cũng đã bị thay đổi, nhiều mẫu thiết kế hàng cúc chạy dài từ ngực xuống, có những mẫu áo kéo khóa phía sau, có loại áo đến hơn 10 cái cúc, có loại áo cúc bằng vải bện..., phần lớn loại này kiểu dáng không còn giữ lại chút nào của áo dài truyền thống Việt, được gọi là áo dài nhưng là áo có tà dài đội lột danh hiệu áo dài cách tân.

Điều đáng mừng là trong vài năm trở lại đây, phong trào “phục hưng” áo dài truyền thống, đặc biệt là các loại cổ phục Việt, nổi bật là áo ngũ thân - áo dài Huế đang diễn ra rất mạnh mẽ ở cả ba miền, nhất là từ tháng 9/2020, khi Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế khuyến khích cán bộ, công chức mặc áo dài truyền thống trong công sở. Các phong trào nghiên cứu, tìm hiểu để “mặc đúng, mặc đẹp” áo dài truyền thống Việt cũng ngày càng sôi nổi. Trên cơ sở đó, tỉnh Thừa Thiên Huế đã giao cho Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đề án “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam”. Ngày 19/8/2021, đề cương đề án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt. Đây chính là căn cứ vững chắc để đẩy mạnh công cuộc chấn hưng, phục hồi và phát huy di sản áo dài Huế vì mục tiêu bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống và phát triển bền vững của cố đô Huế.

### **3. Vận dụng tư tưởng của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản áo dài Huế**

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo năm 1943, là văn kiện có giá trị lịch sử to lớn và sâu sắc của Đảng, được coi là tuyên ngôn của Đảng về một nền văn hóa dân tộc, đại chúng, khoa học. Đó là nền văn hóa được xây dựng từ sức sáng tạo bền bỉ của nhân dân, nền

văn hóa thuộc về nhân dân, do nhân dân là chủ thể sáng tạo, trao truyền, gìn giữ và phát huy giá trị. Nền văn hóa đó phải thực sự bám rễ vào cội nguồn lịch sử dân tộc. 80 năm trôi qua, những ý nghĩa, định hướng, nguyên tắc đặt ra trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cho đến nay vẫn nguyên vẹn giá trị và tính thời sự sâu sắc. Đặc biệt trong bối cảnh bảo tồn và phát huy giá trị di sản Huế nói chung và di sản áo dài nói riêng vì sự phát triển bền vững.

Như trên đã đề cập, việc phát huy giá trị áo dài và xây dựng thương hiệu “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam” thực ra là câu chuyện phục hưng một di sản văn hóa truyền thống, đưa di sản ấy vào cuộc sống đương đại, và để nó tỏa sáng như vốn dĩ từng. Nhưng còn hơn thế, sự tỏa sáng của “Kinh đô áo dài” không chỉ là thương hiệu về văn hóa, mà còn vì sự phát triển bền vững của chính Thừa Thiên Huế, một vùng đất rất giàu có về di sản nhưng đang còn gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển.

Phục hưng áo dài, để mỗi khi nghĩ đến Huế là người ta phải nghĩ đến xứ sở của áo dài, phải khát khao được đến Huế để nhìn ngắm, trải nghiệm mặc áo dài, may áo dài cho bản thân và làm quà tặng cho bạn bè, người thân...

Phục hưng áo dài là để phục hồi cả một hệ thống ngành nghề liên quan đến áo dài: tạo vùng nguyên liệu, dệt vải, nhuộm, thiết kế, đo may, làm các phụ kiện liên quan, quảng bá, phân phối sản phẩm..., từ đó có thể tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn người.

Phục hưng áo dài là để từng bước đào tạo, bồi đắp, nâng tầm các nghệ nhân áo dài của Huế, để Huế có một đội ngũ nghệ nhân tài hoa, nổi tiếng, góp phần quảng bá, nâng cao thương hiệu văn hóa Huế.

Và như thế, phục hưng áo dài sẽ góp phần quan trọng cho việc phát triển kinh tế - xã hội của cố đô Huế, nâng cao mức sống của người dân. Năm 2019, trước đại dịch covid-19, Thừa Thiên Huế đã đón hơn 4,85 triệu lượt khách; mục tiêu đến năm 2030 sẽ đón 7 triệu lượt khách. Nếu Huế thực sự trở thành kinh đô áo dài, để khoảng 40-50% du khách đến Huế may áo dài, thì 10 năm nữa doanh thu từ ngành này có thể đạt khoảng 2.800-3.500 tỷ đồng hàng năm (tính trung bình mỗi khách chi một triệu cho may áo dài và các phụ kiện liên quan), đó là một con số không hề nhỏ! Áo dài sẽ góp phần làm cho Huế trở

thành một xứ sở giàu có mà vẫn đài các, sang trọng; bản sắc văn hóa Huế càng trở nên đậm đà, quyến rũ.

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giao cho Sở Văn hóa và Thể thao nghiên cứu, triển khai đề án “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam” là rất phù hợp với xu thế thời đại, phù hợp với chủ trương “phát triển nhanh và bền vững, dựa trên nền tảng của di sản, văn hóa và bảo tồn bản sắc văn hóa Huế” mà Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ rõ về con đường xây dựng và phát triển của Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đề án này cũng rất phù hợp với chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 mà Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 12/11/2021 (Quyết định số 1909/QĐ-TTg), trong đó một trong năm quan điểm cơ bản là: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Việc triển khai thành công đề án sẽ là một ví dụ cụ thể, điển hình về việc đóng góp của công nghiệp văn hóa cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (áo dài vừa thuộc lĩnh vực thủ công mỹ nghệ truyền thống, vừa thuộc lĩnh vực thiết kế thời trang) mà Chính phủ phấn đấu sẽ đạt khoảng 7% GDP của quốc gia vào năm 2030<sup>1</sup>.

Để đẩy mạnh công cuộc bảo tồn, phục hưng và phát huy giá trị di sản áo dài theo tinh thần đề án “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam”, tôi xin đề xuất một số nhiệm vụ và giải pháp để triển khai cụ thể như sau:

### **3.1. Nhiệm vụ**

#### *a) Nghiên cứu, sưu tầm, xây dựng cơ sở dữ liệu áo dài Huế*

Nghiên cứu để đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao nhận thức trong cộng đồng qua việc sử dụng áo dài thường xuyên, thay đổi cách nghĩ và

---

1. Một trong những mục tiêu cụ thể của Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030: Phấn đấu giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp văn hóa, nhất là các ngành điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, quảng cáo đóng góp 7% GDP; mức tăng trưởng giá trị gia tăng hằng năm trung bình đạt 7%. Phấn đấu có từ 1 đến 3 thành phố sáng tạo thuộc mạng lưới các thành phố sáng tạo UNESCO ở các lĩnh vực thiết kế, ẩm thực, thủ công và nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống nghe nhìn, điện ảnh, văn học, âm nhạc.

sức lan tỏa trong cộng đồng lòng tự tôn dân tộc về trang phục truyền thống. Tập trung nghiên cứu, luận giải các giá trị liên quan đến áo dài nam nhằm tôn vinh, quảng bá đúng với nội hàm văn hóa lịch sử đã từng có, hồi sinh quốc phục của đàn ông Việt. Nghiên cứu xây dựng thí điểm các khu phố may áo dài và xây dựng không gian văn hóa áo dài để tạo tính chuyên nghiệp nhằm nâng tầm áo dài Việt Nam không chỉ trong con mắt khách du lịch mà còn để phát triển thị trường may áo dài. Quan tâm nghiên cứu trang phục áo dài trong các nghi lễ tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo và các tôn giáo tín ngưỡng bản địa. Áo dài hiện đang được các đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam sử dụng trong nghi lễ cũng như đời sống hàng ngày. Vì vậy, chúng ta cần nghiên cứu khảo sát để tìm ra sự giao thoa, lan tỏa văn hóa trong trang phục áo dài với cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

*b) Xây dựng các chương trình, hoạt động, video, clip và tổ chức quảng bá, truyền thông hình về áo dài Huế*

Tổ chức diễu hành qua các tuyến đường trung tâm thành phố Huế để quảng diễn áo dài cùng đội hình xích lô, quảng bá sự kiện ngày hội áo dài. Tổ chức các hoạt động quảng diễn, nhảy flashmob, sinh hoạt ngoại khóa trong trang phục áo dài truyền thống thông qua các không gian tôn vinh áo dài cộng đồng. Tỉnh Thừa Thiên Huế đã thực hiện và định kỳ tổ chức thường niên lễ hành hương về lăng mộ Chúa Nguyễn Phúc Khoát - người được xem là ông tổ của áo dài Việt Nam vào dịp húy kỵ 20/5 âm lịch. Tham gia các chương trình lễ hội liên quan đến áo dài Huế ở các địa phương trong cả nước. Xây dựng clip quảng bá áo dài truyền thống Huế, xây dựng các phim tài liệu, phim điện ảnh về áo dài.

*c) Tổ chức ngày hội áo dài Huế định kỳ hằng năm, biến ngày hội trở thành sản phẩm văn hóa đặc sắc của Huế*

Những lễ hội áo dài gắn với festival Huế và festival nghệ truyền thống Huế bắt đầu từ năm 2000 đến nay đã tôn vinh vẻ đẹp kiêu sa, đài các của áo dài phụ nữ Huế, áo dài Việt Nam. Huế tổ chức “Ngày hội áo dài” tại festival Huế theo hướng tăng cường các chương trình nghệ thuật, quảng diễn mang tính cộng đồng; đưa “Ngày hội áo dài Huế” trở thành hoạt động thường niên trong “4 mùa lễ hội”, tạo điểm nhấn tại các kỳ festival Huế và festival làng nghề truyền thống Huế.

Tổ chức nhiều hơn các ngày hội, các hội thi ảnh với trang phục chủ đạo áo dài. Đặc biệt là chỉ đạo, vận động phụ nữ các cấp hội tham gia tích cực các hoạt động áo dài tại lễ hội festival theo đề án tổ chức ngày hội áo dài Huế trong các kỳ festival do Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng.

*d) Tạo lập và quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam”*

Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp và thực hiện nhiều hoạt động việc xây dựng thương hiệu, đăng ký chứng nhận nhãn hiệu, thương hiệu “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam”.

Tạo lập nhãn hiệu chứng nhận, lôgô “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam” do Ủy ban nhân dân thành phố Huế xây dựng tổ chức nghiên cứu, biên tập, xuất bản sách, ấn phẩm về “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam”.

Tổ chức các hoạt động quảng bá, triển lãm trực tiếp và online “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam” kéo dài liên tục trong tháng với nhiều nội dung, chủ đề, góc nhìn khác nhau về áo dài Việt Nam qua từng giai đoạn, thời kỳ.

*e) Xây dựng cơ chế, chính sách, đầu tư nguồn lực cho công tác quảng bá, truyền thông và phát triển ngành may đo áo dài Huế*

Đề xuất có cơ chế theo những quy định của pháp luật hiện hành về khuyến khích đầu tư trong hoạt động văn hóa để quảng bá, truyền thông; tạo điều kiện thuận lợi để ngành may đo áo dài Huế phát triển. Có chính sách hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ về vị trí, đất đai, mặt bằng, công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng, triển khai sản phẩm dịch vụ du lịch, văn hóa, phục vụ công tác bảo tồn, quảng bá về áo dài và khẳng định thông điệp “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam”.

*f) Hình thành trung tâm trưng bày, may đo, đào tạo và trình diễn thời trang áo dài*

Nghiên cứu và phối hợp nghiên cứu với các hiệp hội làng nghề, các nhà đầu tư trong việc xây dựng không gian trưng bày áo dài truyền thống. Tổ chức không gian trưng bày áo dài, giới thiệu các bộ sưu tập áo dài truyền thống tại Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố Huế.



*g) Xây dựng hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, tiến tới xây dựng hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận áo dài Huế là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại*

Sở Văn hóa và Thể thao đã và đang tiến hành xây dựng và triển khai những công việc rất cụ thể và chi tiết về áo dài như việc thu thập các thông tin, lịch sử, quy trình, giá trị, hiện trạng, các giải pháp để hoàn thiện, hoàn thành hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, và tiến tới xây dựng hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận áo dài Huế là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

*h) Xây dựng chương trình quảng bá và các tour du lịch, sản phẩm du lịch gắn với áo dài Huế*

Xây dựng không gian bảo tàng giới thiệu, trưng bày về ẩm thực, có lịch sử, giá trị gắn liền hoặc liên quan đến áo dài và văn hóa áo dài Việt Nam. Trong không gian này sẽ được bố trí, dẫn dắt và giới thiệu sao cho làm nổi bật thương hiệu Huế - Kinh đô ẩm thực. Các tour gắn liền với các giá trị của áo dài như tour về các làng nghề may đo áo dài, lịch sử của nghề may đo, hướng dẫn may đo và hướng đến hoạt động thương mại may đo phục vụ ngay cho khách có nhu cầu. Các tour gắn liền với lịch sử của áo dài, những địa điểm của Huế nơi là cái nôi của áo dài Việt Nam. Xây dựng những giai thoại dựa trên lịch sử, những điểm đến được đầu tư tốt để thu hút du khách.

Phát động, khuyến khích và nhân rộng phong trào mặc áo dài trong các không gian lễ hội, lễ nghi truyền thống, hình thành trang phục truyền thống các ngành nghề...; khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động mặc áo dài truyền thống trong những ngày lễ hội văn hóa (do tỉnh chủ trương tổ chức), ít nhất mặc áo dài truyền thống mỗi tháng 1 lần (tùy theo quy định của ngành/lĩnh vực công tác). Phấn đấu trên 90% cán bộ, nhân viên, người lao động hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, các điểm tham quan du lịch, danh lam thắng cảnh tại Thừa Thiên Huế mặc áo dài truyền thống.

### 3.2. Một số giải pháp

*Thứ nhất*, đẩy mạnh việc hoàn thiện và triển khai đề án “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam” trong thời gian đến bởi đề án này thực hiện có hiệu quả sẽ khẳng định giá trị, vị trí của áo dài Huế trong dòng chảy văn hóa vùng đất cố đô Huế và văn hóa Việt Nam. Đồng thời, tôn vinh nét đẹp của áo dài Huế, tôn vinh những người khai sáng và phát triển áo dài trong lịch sử.

*Thứ hai*, nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản áo dài cho cộng đồng, đặc biệt là gắn liền với hai thuộc tính nổi bật: nghề may đo và tập quán sử dụng áo dài truyền thống của người Huế. Vì cộng đồng là nhân tố tích cực đóng vai trò quan trọng góp phần bảo vệ và phát huy các giá trị di sản áo dài trong đời sống đương đại. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác xã hội hóa và huy động các nguồn lực cùng tham gia vào công tác bảo vệ, gìn giữ, phát huy giá trị di sản áo dài truyền thống Huế.

*Thứ ba*, nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách đãi ngộ, tôn vinh, khen thưởng và đề nghị phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú cho các cá nhân có nhiều đóng góp xuất sắc trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản áo dài truyền thống Huế.

*Thứ tư*, chú trọng phát triển mô hình du lịch di sản gắn liền với áo dài truyền thống Huế. Sự kết hợp có hiệu quả giữa bảo vệ và phát huy giá trị di sản áo dài truyền thống Huế gắn với phát triển du lịch sẽ là một lợi thế không nhỏ cho sự nghiệp phát triển du lịch bền vững ở cố đô Huế.

*Thứ năm*, tăng cường nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước đi đôi với nguồn lực xã hội hóa để đẩy mạnh công tác bảo vệ và phát huy di sản áo dài truyền thống Huế. Đồng thời, triển khai các chương trình, hoạt động nhằm phát triển thương hiệu áo dài Huế, như: lễ hội áo dài tại các kỳ festival, các doanh nghiệp tổ chức các show diễn áo dài, triển lãm áo dài Huế... nhằm khẳng định thương hiệu áo dài đã đi vào đời sống văn hóa và trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng của Huế.

*Thứ sáu*, tập trung nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa, truyền dạy về di sản áo dài truyền thống Huế; tiếp tục đưa môn thiết kế, may đo áo dài Huế vào nội dung đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo, trường

học. Đồng thời, khuyến khích các cơ quan truyền thông thường xuyên tổ chức hoặc định kỳ phát sóng các chương trình giới thiệu quảng bá về di sản áo dài truyền thống Huế đến công chúng trong và ngoài nước.

\*

\* \*

Từ hàng thế kỷ trước, Chúa Nguyễn Phúc Khoát, Vua Minh Mạng đã biến Huế thành quê hương của áo dài, kinh đô áo dài Việt Nam, và di sản vô giá ấy đã được trao gửi cho thế hệ người Huế, người Việt Nam hôm nay. Việc bảo tồn, chấn hưng và phát huy giá trị di sản áo dài trong bối cảnh đương đại không chỉ là câu chuyện bảo tồn một di sản văn hóa mà còn là công việc rất cần thiết, phù hợp trong bối cảnh hiện nay vì mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Thừa Thiên Huế, bởi đây là một thế mạnh, một nguồn lực đặc biệt của mảnh đất cố đô. Di sản áo dài - “quốc phục Việt” có tỏa sáng, tạo nên hình ảnh đầy bản sắc của người Việt Nam trong thời đại hội nhập và biến thành nguồn lực cho sự phát triển hay không, đều phụ thuộc vào suy nghĩ và hành động của chúng ta!

Đó cũng chính là sự vận dụng sáng tạo các nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vào thực tiễn công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam nói chung và di sản Huế nói riêng theo hướng bền vững.

## TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” ĐẾN PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA QUÂN SỰ THỜI KỲ MỚI

TS. ĐỖ NGỌC HANH\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam được Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) công bố từ năm 1943, đến nay vừa tròn 80 năm. Mặc dù ở dạng đề cương, song Đề cương văn hóa có vai trò rất quan trọng, định hướng xuyên suốt mọi hoạt động trên mặt trận văn hóa. Là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa dân tộc, lẽ tất nhiên văn hóa quân sự được soi rọi bởi lý luận cơ bản trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Phát huy giá trị văn hóa quân sự thời kỳ mới dưới định hướng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là yêu cầu vừa cấp bách, vừa lâu dài.

Nhân dịp kỷ niệm 40 năm Đề cương văn hóa ra đời (1943-1983), nguyên Tổng Bí thư Trường Chinh nhấn mạnh: “vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của Việt Nam”<sup>1</sup>. Có thể nói, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ, phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hóa dưới ách Pháp - Nhật, vạch ra đường lối văn hóa cách mạng và những nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hóa dân tộc, nhân dân. Không chỉ có giá trị to lớn trong chỉ đạo hoạt động văn hóa - xã hội nói chung, sự ra đời của Đề cương văn hóa

---

\* Phụ trách Chủ nhiệm Khoa Triết học, Đại học Chính trị, Bộ Quốc phòng.

1. Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.3, tr.559.

còn có ý nghĩa rất lớn đối với việc phát huy giá trị văn hóa quân sự thời kỳ mới nói riêng.

### 1. Đề cương văn hóa định hướng giá trị văn hóa quân sự Việt Nam

Thứ nhất, Đề cương văn hóa xác định những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa Việt Nam, định hướng toàn bộ hoạt động tư tưởng và văn hóa nói chung, làm cơ sở để xây dựng giá trị văn hóa quân sự nói riêng.

Thật vậy, khi dự thảo xây dựng Đề cương văn hóa, “Đảng ta nắm vững và quán triệt sâu sắc những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử”<sup>1</sup>. Đề cương tiếp tục khẳng định mối quan hệ không tách rời giữa văn hóa và kinh tế, chính trị. Đề cương chỉ rõ: “quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng nên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc)”<sup>2</sup>. Theo đó, trong cải tạo xã hội cần kết hợp đồng bộ giữa ba lĩnh vực kinh tế, chính trị với văn hóa; thực hành cách mạng trên lĩnh vực văn hóa không tách rời cuộc cách mạng trên lĩnh vực chính trị và kinh tế. Đề cương văn hóa chỉ rõ, cách mạng chính trị phải giành thắng lợi trước rồi cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa mới có điều kiện thực hiện thắng lợi, đồng thời vấn đề cách mạng văn hóa được thực hiện thành công mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. Đó là một sự nghiệp vĩ đại, sâu sắc rất lâu dài và nhiều khó khăn, gian khổ.

Lúc đó, đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, Đảng ta đặt mục tiêu hàng đầu là lật đổ giai cấp thống trị, giành chính quyền về tay nhân dân. Đấu tranh giành độc lập dân tộc trở thành giá trị chung của cả dân tộc, điều kiện tiên quyết để nhân dân ta xây dựng nền kinh tế mới và nền văn hóa mới. Đề cương cũng nhấn mạnh, cách mạng dân tộc giải phóng Việt Nam chỉ có thể - trong trường hợp may mắn nhất - đưa văn hóa Việt Nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc, hoàn toàn độc lập, dựng nên một nền văn hóa mới, nhưng đó

---

1. Xem Phạm Văn Nhuận: “Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943: Xây dựng bản sắc văn hóa quân sự Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Cộng sản*, số 6/2013.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316.

cũng chưa phải là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, chỉ có thể đạt được trong cách mạng xã hội chủ nghĩa sau này. Văn hóa dân chủ mới là bước quá độ lên văn hóa xã hội chủ nghĩa. Đây là tư duy lý luận khoa học của Đảng được khái quát từ thực tiễn đất nước bị ách thực dân nô dịch suốt gần một thế kỷ.

Nhận thức rõ văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội, Đảng ta đề ra Đề cương văn hóa và làm cho nó trở thành một vũ khí tư tưởng sắc bén của các chiến sĩ Việt Nam trên mặt trận văn hóa. Đề cương như ngọn đuốc soi đường, chống lại những âm mưu phản văn hóa như ngu dân, mị dân và nô dịch của phát xít, thực dân, tiến lên xây dựng một nền văn hóa mới Việt Nam. Sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là một sự nghiệp vĩ đại, sáng ngời chính nghĩa. Trong sự nghiệp ấy, các lực lượng vũ trang và hoạt động quân sự là nòng cốt đưa cách mạng tiến lên. Lẽ tất nhiên, những hoạt động quân sự cách mạng chứa đựng những giá trị văn hóa quân sự đặc sắc là cơ sở trực tiếp hình thành, phát triển bản sắc văn hóa quân sự Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân cách mạng triệt để, giàu tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc, khắc họa nên nét độc đáo của văn hóa quân sự Việt Nam thời kỳ mới.

*Thứ hai, Đề cương văn hóa xác định rõ ba nguyên tắc mang tính bao trùm của một nền văn hóa mới là dân tộc hóa, đại chúng hóa, và khoa học hóa phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và là cơ sở định hình giá trị văn hóa quân sự Việt Nam.*

Đề cương văn hóa chủ trương xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật: “văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>1</sup>. Trong Đề cương văn hóa xác định rõ ba nguyên tắc: “Dân tộc hóa”, “Đại chúng hóa”, “Khoa học hóa”, nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta trước đây cũng như yêu cầu của sự nghiệp đổi mới hiện nay, quyết tâm xây dựng nền văn hóa mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Xác định cần xây dựng nền văn hóa Việt Nam mang đậm tính dân tộc, dân tộc hóa, Đề cương văn hóa chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.318.*

khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Nền văn hóa Việt Nam được dân tộc hóa nhằm chấn hưng tinh thần dân tộc, chống tư tưởng tự ti dân tộc và miệt thị văn hóa dân tộc. Đây thực sự là một sự thay đổi tận gốc, là cuộc cách mạng chứ không phải là một xu hướng cải cách mang tính cải lương. Nêu nguyên tắc dân tộc hóa lên đầu tiên, gắn nó với cuộc cách mạng giành độc lập cho đất nước như là nhiệm vụ hàng đầu của văn hóa chính là đưa văn hóa sát với đời sống, làm cho nó hữu ích, thiết thực với quảng đại quần chúng. Qua đó, không ngừng nâng cao lòng yêu nước, khí phách anh hùng, độc lập, tự chủ, dũng cảm kiên cường trong chiến đấu quyết tâm bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Đó cũng là những phẩm chất cao quý của con người Việt Nam, trở thành những giá trị cốt lõi làm nên giá trị văn hóa quân sự Việt Nam như: yêu nước, tự chủ, sẵn sàng xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Biết bao thế hệ cách mạng “lớp cha trước, lớp con sau” đã giữ vững lời thề “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” làm cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng mang đậm nét văn hóa quân sự Việt Nam.

Khoa học hóa văn hóa chính là đánh đổ mọi nhận thức sai lầm về con đường phát triển của xã hội “chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”, mà thực chất là chống lại tư tưởng Đại Đông Á của Nhật và tư tưởng nô dịch và những quan niệm duy tâm, siêu hình đang đè nặng lên đời sống tinh thần của nhân dân lúc bấy giờ. Tính khoa học hướng dẫn các hoạt động văn hóa mới Việt Nam biết kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những giá trị tốt đẹp trong các dòng văn hóa kim, cổ, đông, tây, có giá trị thúc đẩy tính tích cực của các chiến sĩ cách mạng luôn vì nước quên thân, vì dân phục vụ. Để chiến thắng những lực lượng kẻ thù hùng mạnh hơn quân đội ta gấp nhiều lần, đòi hỏi chúng ta không chỉ chiến thắng kẻ thù bằng ý chí quyết tâm, mà còn phải chiến thắng bằng chính trí thông minh, tinh thần sáng tạo độc đáo Việt Nam, biết sử dụng thành thạo, linh hoạt các loại vũ khí để tiêu diệt quân thù xâm lược với hiệu quả cao nhất, thực hiện lấy đoản chế trường, lấy yếu diệt mạnh, thực hành bám thắt lưng địch mà đánh.

Bên cạnh đó, Đề cương văn hóa còn xác định rõ nguyên tắc đại chúng hóa. Nghĩa là, chống mọi chủ trương, hành động phản văn hóa, xa rời quần chúng nhân dân. Văn hóa mới - văn hóa cách mạng hướng mọi sáng tạo nghệ thuật

và hoạt động văn hóa vào phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân, cán bộ, chiến sĩ cách mạng, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần quần chúng nhân dân, tạo sự phấn khởi, hăng hái trong thực hành các nhiệm vụ cách mạng. Quán triệt sâu sắc tư tưởng nhân văn của Đảng “nghệ thuật vị nhân sinh”, chống lại khuynh hướng tư sản hóa văn hóa “nghệ thuật vị nghệ thuật”, xa rời thực tiễn, thủ tiêu nhiệt tình đấu tranh cách mạng; kêu gọi đầu hàng, thoái chí. Đó chính là cơ sở để không ngừng nâng cao tính nhân dân trong các cuộc chiến đấu chống mọi kẻ thù xâm lược. Nét đặc sắc trong giá trị văn hóa quân sự Việt Nam là thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân cùng tham gia các hoạt động quân sự, tạo sức mạnh của bạo lực cách mạng luôn ở thế tiến công, áp đảo mọi hành động bạo lực phản cách mạng, kết hợp được sức mạnh đông đảo của nhân dân với sức mạnh của các đơn vị quân đội chính quy, trở thành đội quân bách chiến, bách thắng.

*Thứ ba, Đề cương văn hóa quán triệt tính Đảng sâu sắc nhằm định hướng đúng đắn mọi hoạt động của nền văn hóa mới Việt Nam cũng như giữ vững và phát huy giá trị văn hóa quân sự Việt Nam.*

Trên cơ sở nắm vững và vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta xác định đúng đắn những quan điểm, tư tưởng, nội dung, định hướng cơ bản để văn hóa Việt Nam có phương hướng hoạt động đúng đắn, góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng tiến lên đấu tranh thắng lợi giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Đề cương văn hóa đòi hỏi hoạt động văn hóa của nhân dân, của mỗi tổ chức và cá nhân cần quán triệt sâu sắc tính Đảng Cộng sản: “tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam: văn hóa mới Việt Nam do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo chủ trương chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa Xô viết (như văn hóa Liên Xô chẳng hạn)<sup>1</sup>. Đề cương còn nhấn mạnh: “phối hợp mật thiết phương pháp bí mật và công khai thống nhất mọi hoạt động văn hóa tiến bộ dưới quyền lãnh đạo của đảng vô sản mácxít”<sup>2</sup>.

Những định hướng cơ bản đó hợp thành cơ sở để định hướng quá trình đổi mới, làm cho văn hóa Việt Nam ngày càng hiện đại, vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời, là cơ sở giữ vững và phát huy giá trị văn hóa quân sự Việt Nam mang đậm triết lý sống của dân tộc: tự lực, tự cường đấu tranh

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.319, 321.*



giành và giữ vững chính quyền; luôn thân thiện, coi trọng hòa hiếu với các nước láng giềng, mong sao muôn đời không còn khói lửa chiến tranh; thực hiện vừa đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, vừa chiến thắng những thói hư tật xấu trong bản thân mỗi chiến sĩ cách mạng. Nhờ có văn hóa mà sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tạo nên sự gắn bó chặt chẽ văn hóa với chính trị cách mạng; làm cho hoạt động văn hóa quân sự Việt Nam in đậm dấu ấn bản sắc, giá trị văn hóa quân sự Việt Nam. Qua đó làm cho hoạt động quân sự cách mạng mang những giá trị văn hóa sâu sắc, nhân lên sức mạnh của toàn dân đánh giặc, biến mỗi làng xóm thành một pháo đài, mỗi người dân thành một dũng sĩ tiêu diệt quân xâm lược cùng bè lũ tay sai bán nước.

Hiện nay, vấn đề xây dựng văn hóa quân sự Việt Nam nói chung, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa quân sự Việt Nam nói riêng, luôn đòi hỏi mỗi tổ chức và cá nhân, mỗi cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam phải quán triệt sâu sắc nguyên tắc tính Đảng trong tư duy và hoạt động văn hóa. Nguyên tắc Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt Quân đội nhân dân Việt Nam thông qua hệ thống lãnh đạo, chỉ huy, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính ủy, chính trị viên. Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động văn hóa ở các cấp, các ngành trong quân đội. Đó là điều kiện bảo đảm vững chắc tính biện chứng giữa định hướng chính trị và hoạt động văn hóa quân sự, phát huy giá trị văn hóa quân sự Việt Nam.

## 2. Phát huy giá trị văn hóa quân sự Việt Nam thời kỳ mới

Trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Những quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong văn kiện quan trọng này (*Đề cương về văn hóa Việt Nam*) đã tạo ra một luồng sinh khí mới để tập hợp đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, tập hợp nhân dân phát huy vai trò của văn hóa, thống nhất về nhận thức, tư tưởng và tổ chức, khơi dậy khát vọng của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc...”<sup>1</sup>. Với giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, Đề cương văn hóa đã bổ sung thêm những giá trị mới trong văn hóa quân sự Việt Nam, kết tinh từ thực tiễn

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.159-160.

hoạt động huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu vì mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng, vì hạnh phúc của nhân dân. Những giá trị đó phản ánh bản chất, truyền thống vẻ vang của Quân đội ta - một quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân Việt Nam, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân.

Quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa quan điểm, đường lối văn hóa của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác văn hóa trong quân đội; được cụ thể hóa thông qua các chỉ thị, hướng dẫn thực hiện về công tác xây dựng văn hóa nói chung, xây dựng văn hóa quân sự nói riêng. Nhờ đó, các giá trị văn hóa quân sự đã góp phần phát huy nhân tố con người, là gốc rễ, nền tảng xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, giữ vững bản chất cách mạng của Quân đội nhân dân Việt Nam và định hướng dẫn dắt quá trình xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Với định hướng chiến lược của Đề cương văn hóa, để tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa quân sự, khơi dậy sức mạnh nội lực của cán bộ, chiến sĩ hướng vào hoàn thành các mục tiêu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, cần chú trọng những giải pháp cơ bản sau:

*Một là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong các hoạt động quân sự.*

Giữ vững và phát huy giá trị văn hóa quân sự Việt Nam trong thời kỳ mới cần kiên trì mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa trong xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, làm cơ sở để xây dựng Quân đội vững mạnh toàn diện. Đó là yêu cầu cơ bản để toàn quân đoàn kết xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cùng toàn Đảng, toàn dân xây dựng một nước Việt Nam: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu chính trị mà giá trị văn hóa quân sự Việt Nam cần hướng tới để thực hiện; động viên được mọi lực lượng cùng tham gia vào xây dựng Quân đội vững mạnh toàn diện; phát huy được sức mạnh toàn dân đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động phá hoại của chủ nghĩa đế quốc trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, “phi Đảng hóa”, “phi chính trị hóa quân đội”, phá hoại trận địa chính trị tư tưởng trong quân đội; thực hiện có hiệu quả các nghị quyết và chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng cục Chính trị...; khắc phục có hiệu quả các biểu hiện suy thoái về tư

tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên; chủ động chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong mỗi đảng viên, quân chủng, cán bộ, chiến sĩ trong các đơn vị. Qua đó, làm cho hoạt động quân sự của các lực lượng mang đậm nét văn hóa quân sự Việt Nam.

*Hai là, tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực tiễn về văn hóa quân sự và vận dụng những giá trị văn hóa quân sự trong xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Đây là giải pháp quan trọng nhằm cung cấp các luận cứ, luận chứng khoa học cho phát huy các giá trị văn hóa quân sự trước sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Bởi lẽ, bản thân văn hóa luôn có sự kế thừa, tiếp thu và phát triển; văn hóa quân sự Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật chung ấy. Các giá trị văn hóa quân sự được kết tinh từ lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông, được bồi đắp thêm những giá trị mới trong đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây và trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay, nhất là sự bổ sung, phát triển trong quá trình xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; sự tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Theo đó, cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về văn hóa quân sự. Tích cực bổ sung những giá trị văn hóa mới vào hệ giá trị văn hóa quân sự Việt Nam phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm sâu sắc thêm những nội dung về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, môi trường văn hóa quân sự, nghệ thuật quân sự, tinh thần, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, trên cơ sở những chuẩn mực đã được xác lập, như: “Kiên định vững vàng, động cơ trong sáng, trách nhiệm cao, hành động đẹp; đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh, thực sự cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư; có tri thức khoa học, trình độ quân sự, năng lực, phương pháp, tác phong công tác và sức khỏe tốt; dân chủ, kỷ luật tự giác, nghiêm minh; đoàn kết, tôn trọng, gắn bó máu thịt với nhân dân, có tinh thần quốc tế trong sáng”<sup>1</sup>, cần bổ sung những chuẩn mực mới của “Bộ đội Cụ Hồ” cho phù hợp.

---

1. Báo cáo chính trị của Quân ủy Trung ương nhiệm kỳ 2015-2020 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, Hà Nội, 2020, tr.26.

*Ba là, tăng cường giáo dục, tuyên truyền, lan tỏa các giá trị văn hóa quân sự trong đời sống chính trị, tinh thần ở các đơn vị cơ sở.*

Cấp ủy, chỉ huy các đơn vị cơ sở phải coi giáo dục giá trị văn hóa quân sự là một nội dung trọng tâm của công tác giáo dục chính trị; từ đó, xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chương trình giáo dục thống nhất, đồng bộ, bảo đảm cả diện rộng và chiều sâu. Trong đó, xác định rõ những giá trị văn hóa quân sự căn bản đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại để đưa vào giáo dục, rèn luyện bộ đội; nội dung phải bảo đảm tính kế thừa các giá trị văn hóa từ truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc và đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới. Nội dung giáo dục giá trị văn hóa quân sự phải được đưa vào trong chương trình đào tạo của các học viện, nhà trường quân đội; chương trình giáo dục chính trị hàng năm cho các đối tượng ở đơn vị cơ sở. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị cần tích cực đổi mới phương pháp giáo dục phù hợp với trình độ nhận thức, thị hiếu thẩm mỹ,... của cán bộ, chiến sĩ hiện nay. Đồng thời, phát huy tốt công năng của các thiết chế văn hóa chuyên nghiệp và thiết chế văn hóa cơ sở trong tuyên truyền, giáo dục các giá trị văn hóa quân sự. Cấp ủy, chỉ huy các đơn vị cần tích cực tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ tham quan các bảo tàng, nhà truyền thống, di tích lịch sử,... từ đó bồi dưỡng các giá trị văn hóa quân sự một cách trực quan, sinh động. Để đạt hiệu quả cao, cần tăng cường ứng dụng các nền tảng số, Internet trong tuyên truyền, giáo dục giá trị văn hóa quân sự cho bộ đội và nhân dân.

*Bốn là, tiếp tục đổi mới công tác văn hóa, văn nghệ trong quân đội.*

Để khắc phục sự tụt hậu về văn hóa quân sự so với sự phát triển của xã hội, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa, tinh thần của bộ đội; cấp ủy, chỉ huy các đơn vị cần tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về *Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*, gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về *Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*; Nghị quyết số 847-NQ/QUTW, ngày 28/12/2021 của Quân ủy Trung ương về *Phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới*; các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam thời kỳ mới. Trên cơ sở đó, đổi mới công tác lãnh

đạo, chỉ đạo hoạt động văn hóa, văn nghệ theo hướng khoa học, cập nhật, ngày càng hiện đại; vừa bảo đảm sự nhạy cảm cao về chính trị, bám sát các hoạt động huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, học tập, công tác,... của quân đội, vừa linh hoạt, sáng tạo, phát huy cao độ phẩm chất, năng lực sáng tạo của văn nghệ sĩ và các lực lượng thực hiện nhiệm vụ trên mặt trận văn hóa, văn nghệ hiện nay. Trong quá trình tiến hành, các cấp cần tăng cường chỉ đạo thực hiện hiệu quả Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, đặc biệt coi trọng phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với hiện đại hóa hình thức thể hiện, nâng cao tính hấp dẫn, tính thuyết phục, đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của các nhà hát, đoàn nghệ thuật, bảo tàng, thư viện, các thiết chế văn hóa cơ sở trong quân đội. Các thiết chế này cần phát huy tính năng động chủ quan, đổi mới sáng tạo trong việc tiếp cận các công nghệ mới, như: 5G, trí tuệ nhân tạo AI, các nền tảng số,... để vừa nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, vừa mang sản phẩm đó đến nhiều hơn với bộ đội và nhân dân. Cùng với đó, cần tích cực động viên, khích lệ, tập hợp các tác giả trong và ngoài quân đội tham gia sáng tạo các tác phẩm văn học, nghệ thuật về đề tài chiến tranh cách mạng cũng như mang đậm hơi thở cuộc sống, học tập, rèn luyện, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, tham gia phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và đại dịch Covid-19 của quân đội. Đồng thời, xây dựng các chính sách thu hút nhân tài trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật vào hoạt động trong quân đội; chú trọng phát hiện những cán bộ, chiến sĩ có khả năng trong hoạt động văn hóa, văn nghệ quân chúng để đào tạo, bồi dưỡng trở thành những văn nghệ sĩ quân đội chuyên nghiệp.

## NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC HÓA”, “ĐẠI CHÚNG HÓA”, “KHOA HỌC HÓA”, VỚI CHÍNH SÁCH NGÔN NGỮ CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

TS. NGUYỄN THỊ TÂM HẠNH\*

**T**rong Hội nghị Thường vụ Trung ương họp từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943 tổ chức tại thôn Vĩng La (Đông Anh, Phúc Yên)<sup>1</sup>, lần đầu tiên cố Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Ra đời trong hoàn cảnh nền văn hóa của đất nước đứng trước nguy cơ bị suy thoái, bị trói buộc và đồng hóa bởi những chính sách văn hóa có lợi cho người Pháp và người Nhật, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có ý nghĩa to lớn trong việc vạch ra những quy tắc, phương hướng và nhiệm vụ cụ thể để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam độc lập; đánh thức lòng tự hào của toàn thể đồng bào, từ đó hiệu triệu sức mạnh đoàn kết toàn dân vì sự nghiệp cứu quốc - đưa đất nước khỏi sự thống trị của các lực lượng ngoại ban.

Trong bản *Đề cương* này, ba nguyên tắc vận động văn hóa cơ bản đã được Đảng xác định là: “dân tộc hóa” (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập), “đại chúng hóa” (chống lại mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng), “khoa học hóa” (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Để thực hiện Cách mạng văn hóa, bản *đề cương* cũng đã xác định 3 nhiệm vụ “cần kíp” với mục đích trước mắt là: Chống lại văn hóa phát xít phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉn dân; phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương, gồm:

---

\* Phân viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế.

1. Nay là Đông Anh, Hà Nội.

a) Tranh đấu về học thuyết tư tưởng; b) Tranh đấu về tông phái văn nghệ và c) Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết. Trong đó, các công việc cụ thể của Tranh đấu về tiếng nói và chữ viết là: 1- Thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói; 2- Ấn định mẹo văn ta và 3- Cải cách chữ quốc ngữ<sup>1</sup>. Mặc dù được xác định là “trước mắt”, song công việc “Tranh đấu về tiếng nói và chữ viết” trên nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vạch ra có ý nghĩa thời đại, xuyên suốt trong tiến trình xây dựng, ban hành và thực thi chính sách ngôn ngữ ở nước ta.

## 1. Chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong tiến trình lịch sử

### 1.1. Thời kỳ 1930-1945

Trước khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, Đảng đã có những chủ trương, chính sách cụ thể nhằm thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói. Nghị quyết về công tác trong các dân tộc của Đại hội lần thứ nhất của Đảng, tháng 3/1935 khẳng định: “Các dân tộc (...) được dùng tiếng mẹ đẻ của mình trong sinh hoạt chính trị, kinh tế và văn hóa của mình”<sup>2</sup>, xem đó là một trong những nhiệm vụ của công tác dân tộc và đồng thời góp phần giữ gìn sự đa dạng ngôn ngữ. Năm 1938, Đảng đã phát động phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ với việc thành lập Hội truyền bá quốc ngữ /Hội học chữ quốc ngữ (5/1938) theo chủ trương của Xứ ủy Bắc Kỳ và nhanh chóng lan rộng ra ở Nam Kỳ. Với chương trình mở các lớp học miễn phí và in sách giáo khoa cho người không biết chữ, chủ yếu là công nhân và nhân dân lao động, phong trào này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao dân trí, phục vụ cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đang lên cao. Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11/1940 tiếp tục khẳng định nhiệm vụ “cưỡng bách giáo dục tới bậc sơ học, thủ tiêu nạn mù chữ, mỗi dân tộc có quyền dùng tiếng mẹ đẻ trong nền giáo dục của mình”<sup>3</sup>. Nhiệm vụ này cũng được ghi trong Cương lĩnh của Việt Nam Độc lập đồng minh hội (*Chương trình Việt Minh*, 1941): “Hủy bỏ giáo dục nô lệ, lập nền quốc dân giáo dục, cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ đẳng, cho các dân

1, 3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316-321, 70.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.73.

tộc được quyền dùng tiếng mẹ đẻ mình, phổ thông trong việc giáo dục mình”<sup>1</sup>. Các phong trào và cương lĩnh này đã sớm thể hiện tính dân tộc, đại chúng, khoa học cao, đúng như các nguyên tắc mà về sau *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vạch ra.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đánh giá thực trạng: hơn chín mươi phần trăm đồng bào chúng ta mù chữ và nhận định: một dân tộc dốt là một dân tộc yếu, Bác Hồ đã đề nghị: Mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ, giúp nhân dân học đọc, học viết tiếng nước ta theo vần quốc ngữ<sup>2</sup>. Ngay sau đó, ngày 8/9/1945, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp thay mặt Chính phủ ký Sắc lệnh số 17/SL, “đặt ra một Bình dân học vụ trong toàn cõi Việt Nam”, Sắc lệnh số 19/SL: “yêu cầu thiết lập cho nông dân và thợ thuyền những lớp học bình dân buổi tối” và sắc lệnh số 20/SL yêu cầu “Trong khi đợi lập được nên Tiểu học cưỡng bách, việc học chữ Quốc ngữ từ năm nay [1945] bắt buộc và không mất tiền cho tất cả mọi người”. Mục tiêu được đặt ra là “trong hạn sáu tháng, làng nào và đô thị nào cũng đã phải là một lớp học dạy được ít nhất là ba mươi người” (Khoản II, Sắc lệnh 19) và “hạn trong một năm, toàn thể dân chúng Việt Nam trên tám tuổi phải biết đọc và biết viết chữ quốc ngữ” (khoản II, Sắc lệnh 20). Với đối tượng là “nông dân”, “thợ thuyền” và “toàn thể dân chúng” từ làng quê đến phố thị và hướng đến việc phổ cập tiểu học bằng “tiểu học cưỡng bách”, có thể nói, “chiến dịch chống nạn mù chữ” đã cụ thể hóa tinh thần “đại chúng hóa” của đề cương văn hóa Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục. Việc xóa mù chữ cho đại đa số người bình dân lúc bấy giờ có ý nghĩa quan trọng nhằm thúc đẩy tính thống nhất dân tộc và tính cố kết xã hội, nhất là trong bối cảnh nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời.

## 1.2. Thời kỳ 1945-1954

Sau khi giành chính quyền, các chủ trương của Đảng về tiếng nói và chữ viết được thực thi thông qua chương trình, kế hoạch của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trên nguyên tắc xây dựng một nền giáo dục “duy nhất,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.151.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1-3.



đặt trên ba nguyên tắc căn bản: đại chúng hóa, dân tộc hóa, khoa học hóa, và theo tôn chỉ phụng sự lý tưởng Quốc gia và dân chủ”<sup>1</sup>, Sắc lệnh số 147/SL về Tổ chức bậc học cơ bản do Quyền Chủ tịch Chính phủ Huỳnh Thúc Kháng ký ngày 10/8/1946 ghi rõ: “Tất cả các môn học tập đều dạy bằng Việt ngữ” (Điều 6). Việc dùng Việt ngữ (tiếng Việt và chữ Quốc ngữ) làm ngôn ngữ chính thức ở cấp quốc gia của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thay thế cho Pháp ngữ và cổ văn (chữ Nôm, chữ Hán) đã thể hiện nổi bật nguyên tắc “dân tộc hóa” của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cũng như nguyên tắc xây dựng nền giáo dục mới, độc lập, theo Sắc lệnh số 146-SL (1945).

Các điều khoản về quyền và nghĩa vụ về tiếng nói, chữ viết theo nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” cũng được luật hóa thông qua các điều khoản trong Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thông qua ngày 9/11/1946: Điều thứ 15: Nền sơ học cưỡng bách và không học phí. Ở các trường sơ học địa phương, quốc dân thiểu số có quyền học bằng tiếng của mình; Điều 18: Người ứng cử phải là người có quyền bầu cử, phải ít ra là 21 tuổi và phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ; Điều thứ 66: Quốc dân thiểu số có quyền dùng tiếng nói của mình trước Tòa án<sup>2</sup>.

Trên tinh thần “Các dân tộc sống trên đất Việt Nam đều được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”, trong Nghị quyết của Đại hội lần thứ II (2/1951), bên cạnh “tiếp tục trừ nạn mù chữ, phát triển giáo dục bình dân”<sup>3</sup>, Đảng chủ trương: “Phát triển bình dân học vụ và phát triển văn nghệ dân tộc ở các vùng thiểu số, phổ biến việc Latinh hóa tiếng nói của các dân tộc chưa có chữ và bảo đảm việc dạy học bằng các thứ tiếng đó trong các trường của dân tộc thiểu số (nhất là các lớp dưới)”<sup>4</sup>. Nguyên tắc “khoa học hóa”, vận dụng các cách làm khoa học, hiệu quả trong giáo dục ngôn ngữ tiếp tục được thể hiện trong Chỉ thị của Ban Bí thư (ngày 16/8/1952) thi hành chính sách dân tộc thiểu số ở Khu Q.T với chủ trương: “Tùy từng nơi, có thể dùng văn quốc ngữ để phiên âm tiếng địa phương, coi đó như một thứ chữ mới của dân tộc thiểu số địa phương, có thể dùng để dạy bằng tiếng mẹ đẻ cho dân tộc đó. Song

1. Điều 1, Sắc lệnh số 146 về *Đặt những nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục mới*.

2. Xem *Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua ngày 9/11/1946, <https://moj.gov.vn/>.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.12, tr.139, 141.

đồng thời vẫn dạy kèm tiếng phổ thông và chữ quốc ngữ”<sup>1</sup>. Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 8/1952 về Chính sách dân tộc thiểu số viết: “Tôn trọng tiếng nói và chữ viết của các dân tộc. Dân tộc thiểu số nào có sẵn chữ viết rồi thì dùng chữ viết ấy mà dạy trong các trường của họ ở các lớp dưới (cấp I trường phổ thông). Đối với dân tộc không có chữ viết riêng thì dùng chữ quốc ngữ phiên âm tiếng địa phương để dạy học. Nhưng bất cứ ở cấp I trường phổ thông, lớp bình dân học vụ hay bổ túc bình dân, cũng cần dạy kèm tiếng phổ thông và chữ quốc ngữ”<sup>2</sup>.

Có thể thấy rằng, trong thời kỳ 1945-1954, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã luôn chú trọng đến chính sách ngôn ngữ trên ba nguyên tắc mà Đề cương văn hóa đã đề ra. Các chính sách này có ý nghĩa quan trọng góp phần tạo nên sức mạnh toàn dân, vừa thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền cách mạng vốn còn non trẻ, vừa đấu tranh chống ngoại xâm và các âm mưu chia rẽ dân tộc.

### 1.3. Thời kỳ 1954-1975

Trong thời kỳ này, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về ngôn ngữ được xây dựng trên nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học, tiếp tục được thể hiện nhất quán thông qua các bản hiến pháp, nghị quyết, nghị định,...

Điều 3 Hiến pháp năm 1960 quy định về quyền giữ gìn và phát triển sự đa dạng văn hóa tộc người, bao gồm đa dạng ngôn ngữ: Các dân tộc có quyền duy trì hoặc sửa đổi phong tục tập quán, dùng tiếng nói chữ viết, phát triển văn hóa dân tộc mình. Đồng thời, Điều 102 của bản Hiến pháp này cũng quy định về quyền bình đẳng của các ngôn ngữ: Tòa án nhân dân bảo đảm cho công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thuộc các dân tộc thiểu số có thể dùng tiếng nói và chữ viết của mình trước Tòa án.

Trước đó, ngày 29/4/1955, khi ban hành Sắc lệnh số 230-SL về việc thành lập Khu tự trị Thái - Mèo, Chủ tịch nước đã ra quy định liên quan đến ngôn ngữ và chữ viết của người Thái và người Mèo: Điều 14: Chữ Thái và chữ Quốc ngữ đều dùng trong công việc hành chính, tuyên truyền, giáo dục (trường hợp nào chữ Thái tiện thì dùng chữ Thái; trường hợp nào dùng chữ quốc ngữ tiện thì dùng chữ quốc ngữ). Đối với các dân tộc không có chữ riêng, sẽ nghiên cứu cách phiên âm tiếng nói của các dân tộc đó. Các dân tộc đều có quyền dùng

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.13, tr.242-243, 275.

tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trong mọi việc. Để đáp ứng kịp thời yêu cầu của sắc lệnh này, từ năm 1954, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền đã ký quyết định thành lập “Phòng nghiên cứu xây dựng văn tự dân tộc thiểu số” và điều động một số chuyên gia ngôn ngữ về đảm nhiệm nghiên cứu, xây dựng văn tự cho ba nhóm ngôn ngữ chính: Tày - Nùng, H’mông và nhóm cải tiến chữ Thái. Kết quả nghiên cứu của Phòng nghiên cứu xây dựng văn tự dân tộc thiểu số là cơ sở khoa học quan trọng để Chính phủ ra Nghị định số 206-CP, ngày 27/11/1961 phê chuẩn các “Quy định việc dùng chữ Tày - Nùng, chữ Thái và chữ Mèo ở các khu tự trị và ở các địa phương có đồng bào Tày, Nùng, Thái và Mèo”, công nhận: chữ Tày - Nùng, chữ Thái là chữ Mèo đều coi là chữ chính thức và được sử dụng: a) Trong việc xóa nạn mù chữ, bổ túc văn hóa cho cán bộ và nhân dân; b) Từng bước trong việc giảng dạy ở các trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp; c) Trong công văn, giấy tờ của các cơ quan nhà nước và trong các hoạt động khác, tùy theo sự cần thiết của địa phương. Cũng trên cơ sở khoa học, đánh giá hiệu quả thực tiễn giảng dạy chữ viết dân tộc thiểu số sau một thời gian ban hành, Hội đồng Chính phủ tiếp tục ra Quyết định số 153/CP ngày 20/8/1969 về việc “Xây dựng, cải tiến và sử dụng chữ viết các dân tộc thiểu số” nhằm có những điều chỉnh hợp lý.

Tại miền Nam, sau khi Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, các cương lĩnh chính trị, chương trình hành động, nghị quyết đại hội của Mặt trận đều khẳng định quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số và xây dựng chữ viết cho các dân tộc chưa có chữ viết (Bru - Vân Kiều, Cốt, Hrê, Pa Cô, Xơđăng), cải tiến chữ viết cho một số dân tộc đã có chữ viết (Bana, Êđê, Giarai...). Bên cạnh đó, còn có các chủ trương liên quan đến việc xuất bản ấn phẩm bằng tiếng dân tộc thiểu số, sử dụng tiếng dân tộc địa phương trong công tác của cán bộ.

Đối với tiếng phổ thông, trong giai đoạn này, Ủy ban Khoa học nhà nước đã có hai cuộc vận động lớn. Thứ nhất là cuộc vận động *Cải tiến chữ Quốc ngữ* (1960) trên nguyên tắc: Dựa trên cơ sở chữ Quốc ngữ hiện dùng, hết sức tránh những xáo trộn không cần thiết; cải tiến mạnh bạo nhưng hết sức thận trọng, chắc chắn; tiến hành từng bước, bước trước chuẩn bị cho bước sau; yêu cầu làm cho chữ Quốc ngữ hợp lý hơn, đồng thời giản tiện hơn và đủ vắn hơn. Thứ hai là phong trào “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” do Thủ tướng Phạm Văn Đồng phát động trên tinh thần giữ gìn vốn tiếng nói giàu đẹp của

nhân dân và vì sự độc lập dân tộc: “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt tức là góp phần chống Mỹ, cứu nước trên mặt trận văn hóa”<sup>1</sup>. Cả hai cuộc vận động này đến nay vẫn còn tiếp tục được thực hiện với những nội dung được bổ sung để phù hợp với bối cảnh mới.

#### 1.4. Thời kỳ 1975 đến nay

Trong thời kỳ này, các nghị quyết của Trung ương Đảng liên quan đến vấn đề văn hóa, giáo dục, dân tộc, ngoại giao trong thời kỳ này cũng thể hiện sự nhất quán quan điểm về chính sách về ngôn ngữ: “Tôn trọng tiếng nói, chữ viết của tất cả các dân tộc, và tất cả các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam đều phải học và dùng tiếng phổ thông và chữ Quốc ngữ là ngôn ngữ chung của cả nước, để có điều kiện mau chóng tiếp thu kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật”<sup>2</sup>; “chú ý giải quyết tốt nhu cầu của một số dân tộc về học chữ dân tộc mình xen kẽ với học chữ phổ thông”<sup>3</sup>; “bảo tồn và phát triển ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc”<sup>4</sup>; chú trọng “bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiếu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình”<sup>5</sup>; “Có chính sách đặc biệt hỗ trợ sự phát triển của ngôn ngữ, chữ viết và văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số”<sup>6</sup>. Chữ viết của người Hoa, Chăm, Khmer được chú ý nghiên cứu, bảo tồn và truyền dạy. Trong bối cảnh mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế, Đảng cũng đã kịp thời đưa ra chủ trương nhằm giữ gìn tính dân tộc của tiếng nói và chữ viết của dân tộc: “Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; khắc phục tình trạng lạm dụng tiếng nước ngoài. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết...”<sup>7</sup>;

1. Phạm Văn Đồng: “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”, Tạp chí *Học tập*, số 4, 1966.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.38, tr.486.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.49, tr.858.

4. Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, <https://tulieu.vankien.dangcongsan.vn/>.

5. Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998, Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

6. Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”.

7. Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu

“Quan tâm (...) dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho người Việt Nam ở nước ngoài. (...) có chương trình hỗ trợ tích cực việc giảng dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho cộng đồng người Việt Nam, góp phần phát huy sức mạnh của văn hóa Việt Nam, gắn bó với quê hương, đồng thời xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị với nhân dân các nước”<sup>1</sup>.

Trong giai đoạn này, “Quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết của các dân tộc” được ghi trong Hiến pháp năm 1960 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được tiếp tục ghi trong Điều 5 của Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trên tinh thần đại chúng, thống nhất trong đa dạng, Hiến pháp năm 2013 đã lần đầu khẳng định: Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. Mặc dù vậy, các văn bản quy phạm pháp luật cũng đã sớm khẳng định tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia. Cụ thể, Điều 4, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học (1991); Điều 5, Luật giáo dục (1998); Điều 7, Luật giáo dục (2005); Điều 11, Luật Giáo dục (2019) đều khẳng định việc sử dụng tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức trong nhà trường và các cơ sở giáo dục. Luật Giáo dục cũng quy định dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp cho học sinh người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp thu kiến thức khi học tập trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Đặc biệt, Luật Giáo dục (2019) và khoản 3, Điều 27, Luật Người tàn tật (2010) đã có quy định về việc nghiên cứu, cung cấp dịch vụ, phương tiện, tài liệu hỗ trợ học tập cho người khuyết tật và giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu và chữ nổi Braille. Ngoài ra, Điều 18, Luật Quảng cáo (2012) liên quan đến việc ưu tiên sử dụng tiếng Việt trong các sản phẩm quảng cáo. Chủ trương của Đảng và Hiến pháp và pháp luật của nhà nước Việt Nam về ngôn ngữ được thực thi

---

câu phát triển bền vững đất nước”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>.

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

thông qua nhiều văn bản chỉ đạo của Chính phủ và các bộ, ban, ngành, địa phương nhằm bảo đảm sự chuẩn hóa, thống nhất của tiếng phổ thông cũng như bảo vệ sự đa dạng và bình đẳng của tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số.

## 2. Tranh đấu về tiếng nói và chữ viết trong bối cảnh hiện nay

Mặc dù đã 80 năm đã trôi qua kể từ khi bản Đề cương văn hóa ra đời, song, nhiệm vụ tranh đấu về tiếng nói và chữ viết chưa bao giờ chấm dứt. Trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa, toàn cầu hóa với sự bùng nổ thông tin và công nghệ hiện nay, tiếng nói và chữ viết phổ thông (tiếng Việt) cũng như tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số đang đứng trước nhiều thách thức mới, đó là: sự biến dạng, lai tạp bởi sự du nhập của các yếu tố ngôn ngữ mới; sự mất dần các phương ngữ do giao lưu vùng miền; sự thu hẹp phạm vi sử dụng của tiếng nói các dân tộc thiểu số; sự thiếu thống nhất về chính tả; sự cải cách liên tục của các phương pháp giảng dạy tiếng Việt gây nên nhiều khó khăn, lãng phí, v.v.

Từ thực tiễn trên đây, vận dụng nguyên tắc khoa học của Đề cương văn hóa Việt Nam, nhiệm vụ đặt ra hiện nay đối với các nhà ngôn ngữ học, giáo dục học và văn hóa học là cần nghiên cứu để đưa ra những quy định chuẩn về chữ viết phổ thông cũng như chữ viết các dân tộc thiểu số nhằm đạt sự chuẩn hóa, thống nhất, tránh sự chủ quan nhất thời dẫn đến những xáo trộn không đáng có. Nghiên cứu ngôn ngữ gắn với thực tiễn của đời sống nhằm kịp thời nắm bắt các xu hướng biến đổi, các hành vi ngôn ngữ mới từ đó đưa ra những kiến nghị, khuyến khích hay điều chỉnh nhằm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt nhưng vẫn có thể thích ứng, hội nhập với thế giới.

Vận dụng nguyên tắc dân tộc của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và bảo vệ sự đa dạng ngôn ngữ tộc người chính là giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc. Đây cũng chính là “sức mạnh mềm” của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Bên cạnh các quy định chung của hiến pháp và pháp luật về sử dụng ngôn ngữ, cần có những quy định chặt chẽ và cụ thể hơn trong sử dụng tiếng phổ thông và tiếng các dân tộc. Nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc sử dụng tiếng Việt chuẩn mực; ý thức về lòng tự hào của đồng bào các dân tộc thiểu số về tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình. Cần có những chế tài cụ thể

và biện pháp ngăn ngừa đối với các hành vi ngôn ngữ lệch chuẩn, nhất là các phát ngôn làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của quốc gia. Ngoài ra, cần tăng cường các chương trình, chính sách sưu tầm, bảo tồn, truyền dạy các văn tự cổ.

Vận dụng nguyên tắc đại chúng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm cho mọi người dân Việt Nam trong và ngoài nước có cơ hội tiếp cận và sử dụng thành thạo tiếng nói và chữ viết phổ thông, nhất là cộng đồng các dân tộc thiểu số, người khuyết tật nhằm bảo đảm quyền lợi của mọi công dân và sự đoàn kết dân tộc. Đồng thời, cần bảo đảm việc sử dụng tiếng phổ thông không làm lấn lướt, khiến cho ngôn ngữ các cộng đồng dân tộc thiểu số bị mai một bằng cách xây dựng các mô hình song ngữ, đa ngữ hợp lý. Ngoài ra, ngôn ngữ trên các văn bản pháp quy của nhà nước, trên phương tiện truyền thông đại chúng cần bảo đảm tính đơn giản, dễ hiểu với đa số người dân.

\*

\* \*

Có thể nói rằng, nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”, của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn còn nguyên giá trị đối với công cuộc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Dĩ nhiên, việc vận dụng các nguyên tắc này cần có sự linh hoạt, sáng tạo trong từng lĩnh vực văn hóa và trong từng bối cảnh cụ thể của đất nước.

## VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC “ĐẠI CHÚNG HÓA” CỦA ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VÀO CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ThS. NGUYỄN THỊ HẠNH\*

**T**rong phần IV- Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam, Đề cương văn hóa của Đảng đã đề ra ba phương châm, còn gọi là ba nguyên tắc vận động của cuộc cách mạng văn hóa nước nhà, đó là: (1) *Dân tộc hóa*: chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập; (2) *Đại chúng hóa*: chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng; (3) *Khoa học hóa*: chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Ba nguyên tắc trên đều liên quan mật thiết, gắn bó hữu cơ với nhau, thống nhất, xuyên suốt trong thực hiện mục tiêu: “dân tộc độc lập, dân chủ nhân dân, văn hóa dân chủ mới” ở Việt Nam.

Về thực tiễn bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Việt Nam, sau 35 năm đổi mới đất nước đã đạt được nhiều thành tựu như: nâng cao nhận thức lý luận trong Đảng, trong quần chúng và toàn xã hội về di sản văn hóa; sự ra đời và hoàn thiện của Luật di sản văn hóa, Hiến pháp, các nghị quyết, nghị định, quyết định, thông tư... và vận dụng tốt các căn cứ pháp lý quốc tế về văn hóa nói chung, về di sản văn hóa nói riêng như: Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Tuy nhiên, sự phát triển không đồng đều về văn hóa, đặc biệt có sự chênh lệch nhận thức giữa các vùng miền, giữa các đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam, sự khác biệt giữa nông thôn và đô thị,

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.



trong nội đô các thành phố lớn cũng có nhiều bất cập về bảo tồn văn hóa truyền thống song hành với phát triển văn hóa hiện đại. Từ đó đặt ra các vấn đề trong công tác quản lý văn hóa nói chung, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa nói riêng, đặc biệt là sự đánh giá đúng vai trò chủ thể sáng tạo văn hóa, sự tham gia của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp cách mạng văn hoá Việt Nam.

## 1. Cơ sở lý luận và một số khái niệm

### **Khái niệm “di sản văn hóa”**

Văn hóa là khái niệm đa nghĩa. Tuy nhiên từ góc độ tiếp cận về quản lý, có thể dễ dàng nhận thấy hai yếu tố quan trọng khi đề cập tới lĩnh vực văn hóa, đó là: hoạt động văn hóa và giá trị văn hóa. Trong quản lý văn hóa, cách tiếp cận này giúp phân loại các vấn đề cần quản lý có tính hệ thống và từng lĩnh vực cụ thể, để đạt hiệu quả.

*Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Giá trị của di sản văn hóa nói chung không phải là bất biến và luôn cần được quan tâm, bảo vệ vì nó dễ bị thay đổi, bị tổn thương.*

*Luật di sản văn hóa, tại Điều 1 đã quy định cụ thể như sau: “Di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác”<sup>1</sup>.*

### **Khái niệm “Bảo tồn” (bảo vệ), “phát huy”**

*Thuật ngữ “bảo vệ”, “phát huy”:* Thuật ngữ bảo vệ (tiếng Anh là: safeguarding) - là thuật ngữ mà UNESCO thường dùng trong khoảng hơn một thập niên gần đây. Theo Công ước của UNESCO năm 2003<sup>2</sup> về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể thì khái niệm “bảo vệ” (safeguarding) có nghĩa rộng hơn thuật ngữ “bảo tồn” (preservation). Mục (3), Điều 2 của Công ước 2003

1. Luật số 28/2001/QH10 về Di sản văn hóa. Hà Nội, 2001. Nguồn: thuvienphapluat.vn.

2. UNESCO (2003), <http://www.unesco.org/new/fileadmin/MULTIMEDIA/FIELD/Hanoi/pdf/Convention-2003.pdf>. Tài liệu Công ước Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể. Văn phòng UNESCO tại Việt Nam xuất bản, Điều 2, mục 3.

ghi rõ: “Bảo vệ là các biện pháp có mục tiêu đảm bảo khả năng tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm việc *nhận diện, tư liệu hóa, nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ, phát huy, củng cố, chuyển giao*, đặc biệt là thông qua hình thức giáo dục chính thức hoặc phi chính thức *cũng như việc phục hồi* các phương diện khác nhau của loại hình di sản này”. Như vậy khái niệm *bảo vệ* theo quan niệm của UNESCO (safeguarding) là rộng hơn bảo tồn và đã phần nào bao gồm cả nghĩa của từ “phát huy”<sup>1</sup>. Vận dụng Công ước UNESCO 2003 trong bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam, cần thực hiện thông qua các chủ trương, chính sách cụ thể, đặc biệt là đối với việc lên chương trình, kế hoạch quản lý di sản văn hóa phi vật thể.

Khái niệm *Phát triển bền vững* lần đầu tiên xuất hiện trong *Chiến lược bảo tồn thế giới* do Hiệp hội bảo tồn thế giới là tiên thân của tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) ban hành năm 1980; Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương khả năng cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai<sup>2</sup>. Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển gồm: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Ở Việt Nam, quan điểm phát triển bền vững đã được nhận thức sớm và thể hiện trong nhiều chủ trương, nghị quyết của Đảng như: Đại hội VII, Đại hội VIII. Ngoài 3 trụ cột phát triển bền vững là *kinh tế, xã hội và môi trường*, ở Việt Nam còn trụ cột thứ tư là *văn hoá* và gần đây có thêm trụ cột thứ 5 là *an ninh - chính trị*.

Mục tiêu phát triển văn hoá trong thời gian tới cần phải đặt trong mối quan hệ với mục tiêu chung của sự phát triển đất nước. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011) đã xác định hướng phát triển văn hoá Việt Nam là: “Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ. Kế thừa và

1. Đỗ Thị Thanh Thủy: Văn hóa ven biển Nam Trung Bộ - Bảo vệ và phát huy giá trị, Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ, tr.18.

2. *Phát triển bền vững ở Việt Nam: Tiêu chí đánh giá và định hướng phát triển*. <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-tieu-chi-danh-gia-va-dinh-huo.html>.

phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá của nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao”<sup>1</sup>.

Trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020, Đảng ta đã nêu rõ định hướng phát triển văn hoá: “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hoá để văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”<sup>2</sup>.

Nội dung định hướng, chỉ đạo của Đảng trong việc xác định mục tiêu cụ thể của phát triển văn hoá: Văn hoá không chỉ làm nền tảng tinh thần, tạo lập môi trường văn hoá dựa trên hệ thống các giá trị, chuẩn mực pháp lý, đạo lý, thẩm mỹ lành mạnh, nhân văn mà còn phải phát huy chức năng kinh tế của văn hoá để văn hoá có thể trở thành mục tiêu, động lực, nguồn lực thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển bền vững. Muốn vậy, cần tiếp tục thực hiện đồng bộ, xây dựng nền văn hóa đại chúng, sự nghiệp văn hóa của toàn dân, do nhân dân, vì nhân dân, trong đó chủ thể cộng đồng, nhân dân cũng cần nâng cao trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển.

## 2. Nguyên tắc “Đại chúng hóa” trong Đề cương văn hóa 1943

Trong phần I, Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 của Đảng đã đặt ra các vấn đề then chốt đó là: “...văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật; Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; nền tảng quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (Hạ tầng cơ sở quyết định kiến trúc thượng tầng); Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận: (Kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động; Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa; Có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.76, 126.

Như vậy, *Đề cương văn hóa* đã đặt vấn đề “văn hóa” lên hàng đầu. Phạm vi vấn đề *văn hóa* phải phản ánh toàn bộ đời sống xã hội phong phú trên các mặt: tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Trong mối quan hệ với kinh tế, chính trị, văn hóa được coi là một mặt trận, ở đó trách nhiệm của người cộng sản phải hoạt động. Mặt trận văn hóa được đặt song hành với mặt trận kinh tế và mặt trận chính trị, bên cạnh làm cách mạng chính trị thì người cộng sản phải làm cách mạng văn hóa. Trong đó, nhiệm vụ của Đảng là lãnh đạo phong trào văn hóa, từ đó gây ảnh hưởng đến dư luận và phổ biến, tuyên truyền tư tưởng, đường lối của Đảng đến quần chúng nhân dân.

Trong bài nói của nguyên Tổng Bí thư Trường Chinh tại lễ kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của bản *Đề cương về cách mạng văn hóa Việt Nam 27/12/1983*, “Về *Đề cương văn hóa Việt Nam*”<sup>1</sup>, có đoạn viết: “*Hoạt động trên mặt trận văn hóa, những người cộng sản đoàn kết với đông đảo trí thức Việt Nam, cùng huy động mọi sức mạnh của văn hóa phục vụ cho những mục tiêu kinh tế, chính trị và văn hóa, mục tiêu “độc lập, tự do, hạnh phúc”*” (Trường Chinh, 1983, *Tlđđ*, tr 30). Như vậy, để làm được cách mạng văn hóa phải đoàn kết hai lực lượng nòng cốt là: những người cộng sản với đông đảo trí thức Việt Nam. Văn hóa phục vụ cho mục tiêu chung là “độc lập, tự do, hạnh phúc”.

Từ những quan điểm mục tiêu then chốt như vậy, *Đề cương văn hóa* đã nêu lên ba nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới ở Việt Nam, đáp ứng với yêu cầu khách quan của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đó là nguyên tắc: *dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa*. Ba nguyên tắc này có mục tiêu, định hướng xuyên suốt trong sự nghiệp cách mạng văn hóa, hướng đến xây dựng nền văn hóa mới, tiến bộ ở nước ta. “*Văn hóa mới phải là văn hóa của nhân dân, phục vụ cho nhân dân, làm cho mọi người biết đọc, biết viết, có học, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo nghệ thuật và dần dần chiếm lĩnh các giá trị tinh thần mà dân tộc và loài người tạo ra*” (Trường Chinh, 1983, *Tlđđ*, tr 33, 34).

Trong sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, làm cách mạng văn hóa, hướng đến xây dựng nền văn hóa mới, *Đề cương văn hóa 1943* đã trở

---

1. Bài viết tuyển chọn in trong cuốn “*Đề cương văn hóa Việt Nam 1943- những giá trị tư tưởng- văn hóa*” của Bộ Văn hóa Thông tin; do Viện Văn hóa thông tin và Văn phòng Bộ xuất bản, năm 2003, tr.23-47.

thành ngọn đuốc, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của người cộng sản. Nguyên Tổng Bí thư Trường Chinh đã nhấn mạnh: *“Ba nguyên tắc nêu ra trong Đề cương là ba khâu có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và tác động lẫn nhau. Mỗi khâu trong đó nhằm chống lại một trong ba nhược điểm, ba căn bệnh lớn của văn hóa Việt Nam đương thời: phản dân tộc, phản khoa học, phản đại chúng... Có khắc phục được những nhược điểm, những căn bệnh ấy thì mới phát triển được một nền văn hóa mới, chân chính của Việt Nam”* (Trường Chinh, 1983, *Tlđđ*, tr.34).

Trong chỉnh thể ba nguyên tắc nhất quán đó, nguyên tắc “đại chúng hoá”, nhằm thực hiện các hoạt động văn hóa quần chúng, vừa giúp nâng cao dân trí, đồng thời thực hiện quyền làm chủ của họ trong sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa. Giáo sư Tô Ngọc Thanh<sup>1</sup> cho rằng: *“Đại chúng hoá là nguyên tắc có ý nghĩa bản chất. Nó khẳng định vai trò chủ thể sáng tạo và vận động phát triển nền văn hóa dân tộc là thuộc về đông đảo quần chúng nhân dân. Đó cũng chính là tinh thần dân chủ trong văn hóa, nhằm trao cho nhân dân quyền được sáng tạo và hưởng thụ văn hóa... Như vậy, “khoa học” không đối lập với “dân tộc” và “đại chúng”. Văn hóa dân tộc... bao gồm những giá trị sáng tạo tiến bộ, chân thực, góp phần làm cho con người và dân tộc ấy phát triển theo hướng hoàn thiện ngày một cao... Cũng sẽ không thể có sự đối lập giữa “đại chúng” với “khoa học”, bởi vì mọi giá trị cổ truyền và đương truyền trong nền văn hóa dân tộc đều được sáng tạo nên bởi trí thông minh, bởi bàn tay, khối óc của nhân dân các dân tộc Việt Nam”*.

### **3. Quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng về bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong sự nghiệp cách mạng văn hóa Việt Nam**

Sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về mục tiêu, định hướng của cách mạng văn hóa Việt Nam có nhiều chuyển biến rõ rệt. Từ năm 1943, *Đề cương*

---

1. Trong bài viết “Nhìn lại quá trình nhận thức ba nguyên tắc “dân tộc hóa - đại chúng hóa - khoa học hóa” trong “Đề cương văn hoá Việt Nam” năm 1943”, in trong cuốn “Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 - những giá trị tư tưởng- văn hóa” của Bộ Văn hóa Thông tin; do Viện Văn hóa thông tin và Văn phòng Bộ xuất bản, năm 2003, tr.287, 288.

văn hóa của Đảng ra đời đã thể hiện tinh thần cách mạng triệt để của Đảng Cộng sản Đông Dương và của giai cấp công nhân Việt Nam.

Trải qua 80 năm, Đề cương văn hóa vẫn tiếp tục soi đường, chỉ lối cho các quan điểm, lý luận của Đảng. Đảng, Nhà nước đã ban hành hàng loạt các chủ trương, định hướng, luật, chính sách; trong đó gồm những văn bản có tác động sâu sắc đến quá trình giữ gìn bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa của dân tộc như: Văn kiện Đại hội VII của Đảng khẳng định: “Tiếp tục xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa Việt Nam, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại”<sup>1</sup>; Điều 30, Hiến pháp năm 1992 quy định: “Nhà nước và xã hội bảo tồn, phát triển nền văn hóa Việt Nam: dân tộc, hiện đại, nhân văn; Nhà nước thống nhất quản lý sự nghiệp văn hóa. Nghiêm cấm truyền bá tư tưởng và văn hóa phản động, đồi trụy; bài trừ mê tín, hủ tục”<sup>2</sup>. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII họp (ngày 14/01/1993), đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HNTW Về một số nhiệm vụ văn hóa văn nghệ trong những năm trước mắt. Trong sáu định hướng về công tác tư tưởng, có một định hướng lớn là phát triển văn hóa với hai nội dung cơ bản là *phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại*; Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII nhấn mạnh: “Phương hướng chung của sự nghiệp văn hóa nước ta là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”<sup>3</sup>.

Quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhất là những quan điểm được thể hiện trong Nghị quyết Trung ương năm khóa VIII (1998), Nghị quyết Trung ương chín khóa XI (2014), các kết luận, chỉ thị của Đảng liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến định hướng phát triển nền văn hóa dân tộc<sup>4</sup>;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1991, tr.83.

2. *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.24.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.54.

4. Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/Nghi-quyet-33-NQ-TW-2014-xay-dung-phat-trien-van-hoa-con-nguoi-Viet-Nam-237544.aspx>.

Tại Đại hội X, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa trong sự nghiệp phát triển văn hóa của đất nước<sup>1</sup>. Đại hội XI của Đảng không chỉ tiếp tục khẳng định phải bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống, cách mạng của dân tộc, mà còn chỉ rõ các yêu cầu cụ thể trong việc bảo tồn giá trị các di sản văn hóa, nhất là ngôn ngữ tiếng Việt và ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc<sup>2</sup>.

Tiếp theo tinh thần Đại hội X, Đại hội XI, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI của Đảng đã bổ sung và cụ thể hóa hơn nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc<sup>3</sup>. Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xác định: “*Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030*”, về văn hóa: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”<sup>4</sup>.

Trong kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021<sup>5</sup> có nêu: “Vị trí, vai trò quan trọng của văn hóa: Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn”.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.107.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.224-225.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.34.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-dang-3663>.

5. Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (2021). Theo TTXVNdientu@hanoimoi.com.vn. thứ tư ngày 24/11/2021. <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Van-hoa/1018243/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-van-hoa-toan-quoc>.

Những quan điểm, chủ trương, đường lối chỉ đạo của Đảng, Nhà nước thông qua các Văn kiện, Nghị quyết, Thông tư, Nghị định, Luật, Quyết định, đó là những cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, đường hướng quan trọng làm căn cứ, cơ sở đưa ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn, thực hiện bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống gắn với xây dựng con người mới, song hành với sự nghiệp văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

#### **4. Vận dụng quan điểm của Đảng trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Việt Nam theo hướng phát triển bền vững**

Công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa gắn liền với sự nghiệp xây dựng và phát triển đời sống văn hóa cộng đồng ở Việt Nam. Từ năm 1943 Đề Cương văn hóa ra đời, Đảng đã tập trung chỉ đạo xây dựng nhiều phong trào tiêu biểu như: “phong trào hoạt động văn hóa của quần chúng trong thời kỳ kháng chiến (từ 1945 đến 1975); xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ 1976 đến 1990); xây dựng đời sống văn hóa cộng đồng trong điều kiện cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa (từ năm 1990 đến nay)”<sup>1</sup>. Qua từng thời kỳ, thực tiễn xây dựng, phát triển đời sống văn hóa cho quần chúng ngày càng đạt được thành tựu cao hơn. Đến nay, hoạt động văn hóa quần chúng đã được mở rộng về phạm vi, quy mô, nâng cao về chất lượng, dịch vụ, hướng đến chuyên nghiệp và tiến bộ. Trong đó, có thể nhận thấy đời sống văn hóa cộng đồng được thể hiện ở hai mức độ:

*Một là*, xây dựng đời sống văn hóa ở đơn vị cơ sở với các mặt hoạt động như: thông tin cổ động có đài truyền thanh, văn nghệ quần chúng, bảo tàng, thư viện đại chúng; nhà văn hóa tại khu dân cư, sinh hoạt cộng đồng như việc cưới, việc tang và lễ hội làng, bản;

*Hai là*, xây dựng thiết chế văn hóa từ cấp xã, huyện, tỉnh, với đầy đủ các điều kiện hoạt động về: nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, thể thao, thông tin như: thư viện, sân khấu, nhà cộng đồng, sân thể thao...

---

1. Giáo sư, Tiến sĩ Hoàng Vinh: Kỷ niệm 60 năm “Đề cương văn hoá”, nghi về nguyên tắc “đại chúng” trong sự nghiệp xây dựng văn hoá của Đảng, tr.328-342; in trong cuốn “Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 - những giá trị tư tưởng - văn hóa” của Bộ Văn hóa Thông tin; do Viện Văn hóa thông tin và Văn phòng Bộ xuất bản, 2003.



Qua các hoạt động đó, đời sống văn hóa của quần chúng được nâng cao, nhận thức về vai trò của văn hóa truyền thống ngày càng hoàn thiện. Sự tham gia của quần chúng vào phong trào văn hóa sẽ được củng cố, sôi nổi.

#### *4.1. Thực tiễn hoạt động bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Việt Nam*

Di sản văn hóa nói chung là tài sản vô giá của quốc gia, dân tộc, được kết tinh từ trí tuệ, tài năng, công sức của lớp người đi trước. Bảo tồn nguyên vẹn, bảo tồn kế thừa cũng như phát huy tối đa giá trị của di sản nhằm khơi dậy hiệu quả nguồn lực về “vốn di sản văn hóa”, hướng tới mục tiêu bảo tồn, phát huy giá trị cho hệ thống di tích ở Việt Nam. Trong khuôn khổ có hạn, bài viết sẽ phân tích một số thực tiễn về phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa.

##### *a) Hoạt động của quần chúng nhân dân*

Di sản văn hóa nước ta phong phú, đa dạng và ngày càng được ghi nhận về giá trị, ý nghĩa đối với quốc gia, dân tộc, có tiếng vang đối với thế giới, nhân loại: “Hiện nay, cả nước ta có tới 166 bảo tàng, trong đó có 4 bảo tàng quốc gia với hơn 3 triệu hiện vật; 3.486 di tích được xếp hạng quốc gia, trong đó có 1.626 di tích lịch sử; 105 di tích quốc gia đặc biệt; 288 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (riêng Hà Nội có 21 lễ hội); 27 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO công nhận là “di sản văn hóa thế giới”... Đó là một tài sản vô cùng quý báu do tổ tiên, cha ông ta mấy nghìn năm để lại, không phải nơi nào cũng có được; chúng ta có trách nhiệm phải giữ gìn, trân trọng và phát huy”<sup>1</sup>.

Cộng đồng, nhân dân đã tích cực tham gia hoạt động bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, khai thác di sản văn hóa theo chiều hướng tích cực, như: tổ chức các hoạt động lễ hội, tín ngưỡng, phong tục theo đúng truyền thống; kết nối tình đoàn kết dân tộc; nâng cao tinh thần yêu nước, uống nước nhớ nguồn...

Cộng đồng, doanh nghiệp: thực hiện bảo vệ di tích, tu bổ, tôn tạo theo luật di sản; xây dựng hình ảnh thân thiện, mến khách của chính chủ nhân của di

---

1. Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (2021), *TLĐd*.

sản; Đa dạng hoá các loại hình, dịch vụ phục vụ du khách; sáng tạo, bán các sản phẩm lưu niệm, phục vụ khách tham quan tại các sự kiện hoặc tại điểm tham quan, phục vụ...

Ở nhiều địa phương, các thành viên trong Ban quản lý di tích, hội người cao tuổi... thực hiện rất tốt công tác gìn giữ, phát huy di tích. Mặc dù, đa số lực lượng tham gia bảo vệ di sản không có bằng cấp nhưng họ có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng trong thực tế.

Cộng đồng, các nhà chuyên môn, các doanh nghiệp trong lĩnh vực văn hóa - xã hội đã tham gia công tác bảo vệ, gìn giữ và phát huy di sản của cộng đồng. Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, phát triển văn hóa đã chú trọng đến nâng cao chất lượng kinh doanh gắn với vốn văn hóa truyền thống, như: kết hợp các sản phẩm âm nhạc hiện đại dựa trên nội dung, chất liệu của truyền thống; các doanh nghiệp làng nghề thúc đẩy xây dựng thương hiệu quảng bá sản phẩm làng nghề mang đậm tính nhân văn... Đó sẽ là cơ sở, căn cứ để các cấp chính quyền ra quyết định trong lĩnh vực quản lý di sản.

#### *b) Hoạt động quản lý của chính quyền*

Các cấp chính quyền đã coi trọng công tác tu bổ, tôn tạo di tích, phát huy di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế du lịch ở địa phương. Từ đó, hoạt động đầu tư, quản lý, giám sát đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Đối với chính quyền, nâng cao nhận thức về quản lý, giám sát các hoạt động tham quan, tổ chức bán vé; thu hút du khách nước ngoài; quản lý tài chính tu bổ, tôn tạo di tích; phân cấp, giám sát chặt chẽ quá trình tu bổ, tôn tạo di tích; mở rộng quảng bá văn hóa; kết nối với các vùng di sản khác.

Chú trọng hoạt động khai thác, phát huy vốn di sản văn hóa gắn với bảo vệ môi trường như: xử lý rác thải môi trường tại các điểm di tích, tham quan, có lượng khách du lịch lớn; trồng nhiều cây xanh và bảo vệ cảnh quan tại khu di tích, tại làng nghề...

Phổ biến, ứng dụng công nghệ khoa học hiện đại để phát huy trong việc mô hình hoá các sản phẩm số, dữ liệu đầy đủ, sống động như những bộ phim về lễ hội cổ truyền của Việt Nam. Cung cấp dịch vụ trải nghiệm cho du khách trải nghiệm về các thời kỳ phát triển của đất nước. Lễ hội mang niềm tin tâm linh phong phú và đa dạng của các vùng khác nhau.

*c) Một số khó khăn, thách thức:*

Nhận thức của người dân về vai trò chủ thể sáng tạo, giữ gìn, bảo vệ di sản văn hóa ở một số nơi còn mờ nhạt, chưa đồng đều. Nhiều người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường văn hóa, không gian công cộng; hay có thái độ thờ ơ, vô cảm, đứng bên ngoài di sản.

Các cấp chính quyền còn chưa nhất quán trong việc vận dụng, thể chế hoá Nghị quyết, Luật vào hoạt động bảo tồn, phát huy di sản, dẫn đến ở một số cấp địa phương quản lý di sản để xảy ra các tình trạng làm trái với Luật, quy định của pháp luật.

Nhiều địa phương không bảo đảm nguồn lực để tu bổ, tôn tạo di tích, phục hồi di sản, việc huy động nguồn xã hội hóa còn hạn chế.

*4.2. Định hướng, giải pháp vận dụng Nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc*

*a) Về bộ máy quản lý nhà nước, chính quyền:*

Nhà nước thống nhất quản lý các hiện tượng và quá trình văn hóa thông qua các luật và các công cụ quản lý khác.

Nhà nước xác định thể chế, là nhà đầu tư đối với các việc mà người dân không đủ sức làm, giám sát việc thực thi pháp luật.

Xây dựng, kiện toàn thể chế nhằm tạo động lực, phát huy giá trị của Đề cương vì mục tiêu phát triển văn hóa theo hướng bền vững.

Các cấp chính quyền, ban, ngành địa phương cần chú ý huy động nguồn lực xã hội hoá cũng như các nguồn lực để bảo tồn, đầu tư, tu bổ, chống xuống cấp cho các di tích, khôi phục, dựng lại các di sản đang mai một.

Cần thông qua các biện pháp đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức của các cấp chính quyền và người dân về bảo tồn di sản.

Chính quyền cần minh bạch tài chính, công khai thông tin trước nhân dân, tạo sự tin tưởng, đồng thuận, từ đó phát huy vai trò cộng đồng trong bảo vệ, phát huy giá trị di tích.

Nhà nước không làm thay đổi các hiện tượng và quá trình văn hóa thay cộng đồng, song nhà nước cũng không phải là một thành phần đứng bên ngoài. Nhà nước có thể tham gia như một đối tác hợp tác khi cộng đồng cần, hỗ trợ, tư vấn, hoạch định kế hoạch trên cơ sở tôn trọng quyền của cộng đồng địa phương.

*b) Về phát huy vai trò của cộng đồng:*

Giáo dục trong cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng thực hành văn hóa truyền thống của người dân.

Nâng cao năng lực tổ chức của cộng đồng dân cư nhằm khắc phục những bất cập trong quản lý hiện nay, khi các cộng đồng, các tổ chức phi quan phương thiếu những điều kiện thực hiện.

Xác lập vai trò của các tổ chức, cá nhân trong bảo tồn di sản. Họ là chủ thể văn hóa song phải thấy rõ một thực tế là năng lực vận hành của một số cộng đồng là không thể đảm nhận trọn vẹn vai trò chủ thể văn hóa. Trong bối cảnh này, cần có cái nhìn phân loại về cộng đồng, thấy được những điểm mạnh và hạn chế của họ trong một bối cảnh mới.

Nêu cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội để vận động nhân dân, cộng đồng tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Người dân không chỉ tham gia bảo vệ di sản mà còn huy động nguồn lực trong dân để phát huy giá trị của di sản văn hóa trong phát triển du lịch.

Các cộng đồng là người vận hành các hiện tượng và quá trình văn hóa. Họ có thể có những thể chế điều hành riêng, song thể chế đó không được đi ngược lại với hệ thống luật pháp theo kiểu “phép vua thua lệ làng”.

Cộng đồng, nhân dân, đối với những việc lớn, phức tạp, cần sự hỗ trợ, giúp đỡ về kiến thức, kinh nghiệm cũng như việc hướng dẫn triển khai, thực hiện các quy trình bảo tồn, phát huy theo đúng quy định của pháp luật.

Có thể nói, di sản không phải là “nhất thành bất biến” mà có những mai một, biến đổi nhất định qua từng thời kỳ. Để di sản thực sự “sống” và được bảo vệ, phát huy hiệu quả, vai trò chính thuộc về cộng đồng, nhưng cũng không thể thiếu sự hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương, cơ quan chức năng và các nhà nghiên cứu.

\*

\* \*

Tóm lại, quan điểm, định hướng mang tính nguyên tắc thống nhất là “*dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa*” được xuyên suốt từ Đề cương

văn hóa 1943, trải qua quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng đã đạt được sự chín muồi. Đảng, Nhà nước luôn kiên định với mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Quá trình đó không chỉ bao gồm sự thống nhất chính thể gồm bộ máy quản lý từ trung ương đến địa phương, mà còn là sự tham gia tích cực của cộng đồng, quần chúng nhân dân. Do vậy, sự nghiệp xây dựng và phát triển đời sống văn hóa cộng đồng, cũng như công tác bảo vệ, phát huy di sản văn hóa ở Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu và có ý nghĩa to lớn. Qua đó, cũng khẳng định được giá trị quý báu của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và quá trình phát triển lý luận của Đảng, luôn coi trọng đời sống cộng đồng nhân dân, quần chúng là lực lượng đông đảo và có đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển văn hóa nước nhà.

## NHU CẦU CẤP NHẬT, HIỆN THỰC HÓA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 NHÌN TỪ VẤN ĐỀ BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC

TS. TRẦN ĐÌNH HẰNG\*

Từ khi ra đời (1930) đến năm 1945, Đảng đã lãnh đạo toàn dân tộc tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, “đả thực bài phong” để đưa Việt Nam đến bến bờ độc lập, từ đó xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt là từ đầu năm 1943, trong bối cảnh đang tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã sớm vạch ra chiến lược văn hóa đầu tiên - *Đề cương về văn hóa Việt Nam* để làm định hướng tư tưởng, khẳng định vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc - tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng, làm nền tảng căn bản cho cuộc cách mạng phản đế, phản phong, hướng tới mục tiêu phát triển đất nước sau khi giành được chính quyền kể từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công<sup>1</sup>.

Trong bối cảnh đấu tranh cách mạng để giải quyết mục tiêu cấp thiết là độc lập dân tộc, trong tình trạng đất nước thời kỳ hậu phong kiến lại chịu ảnh hưởng ngoại xâm “một cổ hai tròng” bởi thực dân Pháp và phát xít Nhật, vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc trong Đề cương được xác định nhất quán, trở thành nền tảng định hướng tư tưởng quan trọng xuyên suốt lịch sử văn hóa Việt Nam từ đó đến nay. Ngoài nhận diện diễn trình hình thành và phát triển, những giá trị đặc trưng và những nguy cơ phải đối diện trong bối cảnh đất nước và thế giới đương thời, có thể thấy trong bối cảnh hiện nay, tinh thần

---

\* Phân Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế.

1. Xem Trường Chinh: “Đề cương về văn hóa Việt Nam”, in lại trong Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia: *50 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.11-18.

căn bản đó của Đề cương vẫn mang tính thời sự sâu sắc. Đặc biệt cần nhấn mạnh ở đây, trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, là nhu cầu cập nhật và hiện thực hóa Đề cương về văn hóa năm 1943 nhìn từ vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc, cũng sẽ giúp tái khẳng định và kịp thời bổ sung, cập nhật, làm tăng giá trị khoa học và thực tiễn của Đề cương trong bối cảnh mới của quốc gia dân tộc.

### **1. Bản sắc văn hóa dân tộc trong Đề cương về văn hóa năm 1943 của Đảng**

Trong bối cảnh đất nước bị ngoại xâm, nhu cầu khẳng định yếu tố bản sắc văn hóa dân tộc và bản lĩnh quốc gia - Tổ quốc càng được đặt ra cấp thiết đối với các nhà chính trị tư tưởng. Từ ngày thành lập, Đảng Cộng sản Đông Dương - Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn lấy đó làm nền tảng để xác định mục tiêu giải phóng dân tộc cao cả, hướng đến xây dựng đất nước độc lập, tự do, dân chủ và phồn vinh. Trong chiến lược cách mạng Việt Nam của Việt Minh từ đầu năm 1943, trong bối cảnh đất nước thời hậu phong kiến bị ách ngoại xâm thường trực bởi thực dân Pháp (xu hướng Âu hóa) và phát xít Nhật (tư tưởng Đại Đông Á), vấn đề khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân đã được Trung ương Đảng thống nhất hoạch định kế hoạch. Từ sau cuộc họp có ý nghĩa quyết định từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Trường Chinh đã soạn thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam*.

Ngay từ “Cách đặt vấn đề”, có thể thấy đây như là một giới thuyết đặc biệt quan trọng, bản Đề cương nhấn mạnh rằng phạm vi vấn đề văn hóa cần phải được hiểu bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Rõ ràng từ đây, có một luận điểm vừa mang giá trị khoa học vừa đậm tính thời sự sâu sắc, chính là định vị vấn đề văn hóa, bao gồm cả tư tưởng, tầm vóc văn hóa, di sản văn hóa và các hoạt động văn hóa. Văn hóa dưới góc độ tư tưởng và di sản, là mạch nguồn xuyên suốt chi phối mọi khía cạnh từ tư tưởng đến hoạt động trong xã hội, làm nên hồn cốt con người, vùng đất và cả xã hội, gắn liền hệ chuẩn mực giá trị phù hợp qua từng thời kỳ, bối cảnh, xuyên suốt hệ giá trị chuẩn mực đạo đức luân lý và cả pháp lý. Còn về mặt quản lý, hay trên phương diện hành chính, có thể định vị hệ thống di sản văn hóa theo những tiêu chí đặc thù để đánh giá, xếp hạng công nhận, trở lại phục vụ tốt hơn cho việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa. Đồng thời, Nhà nước cũng

phân định lĩnh vực các hoạt động văn hóa nghệ thuật để quản lý cho phù hợp, cụ thể hóa bởi các hoạt động điện ảnh, thư viện, nghệ thuật biểu diễn, nghệ thuật tạo hình, văn hóa thông tin cơ sở, bảo tàng... Từ đây, cần chú trọng hài hòa sứ mệnh cao cả mang tính xuyên suốt của văn hóa tư tưởng để chi phối, điều tiết xã hội thông qua hệ chuẩn mực giá trị được định hình, thẩm thấu qua thời gian, coi trọng đời sống văn hóa tư tưởng với việc chú trọng các hoạt động văn hóa cụ thể. Cho nên, ngành văn hóa là cơ quan quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa, cũng cần chú trọng tới đời sống văn hóa tư tưởng, tránh xu hướng cực đoan chỉ tập trung vào những hoạt động văn hóa có tính sự vụ, bề nổi, phong trào...

Từ sứ mệnh mạch nguồn văn hóa đó, vấn đề bản sắc văn hóa của quốc gia dân tộc càng được chú trọng một cách cao cả, thiêng liêng, nên bản Đề cương đã khẳng định mối quan hệ hữu cơ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị. Cho nên, Đảng Cộng sản Đông Dương xác định quan điểm đối với vấn đề văn hóa là đặc biệt quan trọng. Theo đó, mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận mà người cộng sản phải hoạt động, là kinh tế, chính trị, văn hóa; hơn nữa, không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa và có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả<sup>1</sup>.

Đặc biệt, Đề cương cũng đã khẳng định ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam trong bối cảnh đương thời là: *Dân tộc hóa* để chống lại mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, giúp cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập; *Đại chúng hóa* để chống lại mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng, hoặc xa rời đông đảo quần chúng nhân dân và *Khoa học hóa* để chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ.

Từ đây, bản Đề cương cũng khẳng định định hướng, muốn hiện thực hóa ba nguyên tắc trên thì phải kịch liệt chống lại những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bí quan, thần bí, duy tâm... nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa vọng ngoại quá trớn<sup>2</sup>.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12-13.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, *Sđd*, tr.24-25.



Rõ ràng ở đây, bản Đề cương đã khẳng định, nhấn mạnh vai trò đặc biệt của quần chúng nhân dân với tư cách là chủ thể sáng tạo và nuôi dưỡng, trao truyền văn hóa. Di sản văn hóa và truyền thống văn hóa luôn được tạo lập, gìn giữ và phát huy giá trị qua thời gian, kết tinh tổng hòa hệ giá trị khoa học, luân lý và pháp lý để đưa văn hóa Việt Nam vươn lên đi cùng thời đại. Do vậy, vấn đề bản sắc văn hóa và bản lĩnh quốc gia dân tộc trở nên đặc biệt quan trọng trong việc kiến tạo, làm nên hồn cốt Tổ quốc, nhưng cũng phải rất tinh táo để tránh xu hướng cực đoan, đó là tính bảo thủ khép kín một cách cứng nhắc đến mức không tiếp nhận những điều mới mẻ, hệ giá trị tinh hoa của nhân loại từ bên ngoài, và cả tính cởi mở, dễ dãi quá đáng theo lối “vọng ngoại” có nguy cơ làm tha hóa, biến chất, làm mất đi hệ giá trị bản sắc văn hóa độc đáo, đặc trưng của quốc gia dân tộc.

Những nội dung nêu trên càng đặc biệt ý nghĩa khi tiếp cận vấn đề bản sắc văn hóa. Chặng đường dài 80 năm, từ năm 1943 đến nay (2023), của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản càng cho thấy nhiều thông điệp mang tính dự báo của Đề cương và đồng thời, còn chỉ ra được nhu cầu cấp thiết trong việc hiện thực hóa những nội dung trọng tâm cũng như cập nhật những vấn đề mới cho phù hợp với thời đại. Trong thời đại toàn cầu hóa, thế giới phẳng hiện nay, với sự hỗ trợ đắc lực của các thành tựu khoa học công nghệ, các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc càng được đặt ra bức thiết để nhận diện, định vị rõ nét từ dấu ấn cá nhân cho đến bản sắc - bản lĩnh văn hóa mỗi một vùng miền và cả quốc gia dân tộc.

## **2. Sứ mệnh, tọa độ và cách tiếp cận vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**

Văn hóa chính là nguồn động lực giúp cho con người, cộng đồng người ở mỗi vùng đất và xứ sở, quốc gia lãnh thổ luôn tiếp thu năng lượng tích cực từ bên ngoài cộng hưởng với nội lực để luôn hoàn thiện, nâng cao chính mình, có thêm sức mạnh, thích ứng tốt với môi trường sống (điều kiện địa lý tự nhiên lẫn bối cảnh xã hội). Nhờ nguồn năng lượng đó mà quá trình *thu hút - tụ hội* mọi nguồn lực, giá trị tinh hoa từ bên ngoài rồi *lan tỏa - phát tán* ảnh hưởng đó ra xung quanh, như một dạng sức mạnh mềm đặc trưng của văn hóa.

Tác giả François Jullien khi nêu vấn đề *Không có bản sắc văn hóa* thì chính ông đã làm cho độc giả phải phản tỉnh để xem xét bản sắc văn hóa một cách đa diện, đa chiều hơn. Thông thường theo thói quen, khái niệm truyền thống và hiện đại được đặt thành cặp đối lập, nhằm nhấn mạnh xưa - nay, thậm chí có khi đến mức như loại trừ, mà quên đi tính liên tục, kế thừa hòa quyện từ bên trong. Vì vậy, với điều kiện Việt Nam, khái niệm truyền thống và di sản văn hóa truyền thống cần được nhìn nhận, xem xét trong tính kế thừa, liên tục của hệ giá trị văn hóa xuyên thời gian, trong mọi bối cảnh. Truyền thống văn hóa đã tạo nên những sắc thái biểu hiện cụ thể qua các thời kỳ, làm nên *bản sắc văn hóa* như là những lớp áo, sắc diện cụ thể. Hình thái biểu hiện của văn hóa có sức sống cội nguồn dài lâu, mãnh liệt, giúp chủ thể văn hóa chấp nhận loại bỏ điều không phù hợp, tích hợp những yếu tố mới phù hợp từ bên ngoài để làm giàu bản sắc văn hóa. Giữa hai chủ thể văn hóa, tác giả nhấn mạnh khoảng cách ở giữa và phương thức hai bên lan tỏa, thu hút ảnh hưởng lẫn nhau, nhờ vào *động năng văn hóa*. *Không có bản sắc văn hóa* là cách đặt vấn đề mới để tiếp cận lại khái niệm bản sắc văn hóa trong tính năng động của văn hóa mà không bị ám thị bởi những định kiến, khuôn mẫu cứng nhắc. Động năng của văn hóa, với cách tiếp cận đó, càng thêm ý nghĩa tham khảo thiết thực trong việc nghiên cứu bức tranh phong phú, đa dạng của văn hóa Việt Nam, văn hóa miền Trung, nhất là văn hóa Huế, đặc biệt ở khía cạnh *nguồn nuôi dưỡng văn hóa*<sup>1</sup>.

Câu chuyện bản sắc văn hóa là gì, tính cố định, bền vững của nó cũng như khả năng biến đổi theo hướng mai một tiêu cực hay thích ứng tích cực trong môi trường, bối cảnh lịch sử xã hội mới, luôn là vấn đề quan trọng, được quan tâm trong mọi xã hội, mọi quốc gia dân tộc. Điều đó càng cấp thiết với Việt Nam khi mà thói quen, nếp nghĩ về bản sắc văn hóa thường được đóng cứng trong những khuôn mẫu cố định, nhất là đối lập giữa truyền thống và hiện đại, xưa và nay, mà quên đi tính liên tục, kế thừa theo nguyên tắc loại trừ và thích ứng của các chủ thể văn hóa qua các giai đoạn lịch sử.

---

1. Xem thêm F. Julien: *Không có bản sắc văn hóa* (Trương Quang Đệ dịch), Phân viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế - Trường Đại học Ngoại ngữ Huế, Nxb. Đại học Huế, 2018.

Chính vì vậy, khái niệm truyền thống và di sản văn hóa truyền thống cần được nhìn nhận, xem xét trong tính kế thừa, liên tục của hệ giá trị văn hóa xuyên thời gian, trong mọi bối cảnh lịch sử chính trị - xã hội - văn hóa. Chính truyền thống văn hóa đã tạo nên những sắc thái biểu hiện cụ thể của văn hóa qua các thời kỳ, mà ta quen gọi là bản sắc văn hóa. Hình thái biểu hiện của văn hóa có sức sống cội nguồn dài lâu và mãnh liệt, nhờ đó mà các chủ thể văn hóa chấp nhận loại bỏ những khía cạnh tiêu cực không phù hợp và tích hợp những yếu tố mới phù hợp từ bên ngoài để làm giàu thêm cho bản sắc văn hóa của mình. Trường hợp điển hình như trang phục Việt Nam vốn chịu nhiều tác động nghiệt ngã suốt chiều dài lịch sử, ở đó nổi bật dấu ấn cải cách trang phục của Võ vương Nguyễn Phúc Khoát thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong, dấu ấn điều chỉnh thời Hoàng đế Minh Mệnh và nhất là trường hợp áo dài tân thời Cát Tường (Le Mur) trong bối cảnh hội nhập Đông - Tây đầu thế kỷ XX. Chỉ ít cho đến hiện nay thì áo dài đã chính thức trở thành lễ phục nữ giới Việt Nam cao quý và thường được đánh giá là đậm đà bản sắc dân tộc. Tương tự như vậy, bản sắc văn hóa ẩm thực Huế, trong vai trò là kinh đô của nước Đại Nam thời Nguyễn, đã hội tụ nhiều dấu ấn ẩm thực của đất phương Nam, như các món ăn chế biến từ hệ cá da trơn, cá lóc và đặc biệt là mắm tôm Gò Công, qua bàn tay biến chuyển tài hoa, cầu kỳ, tinh tế của quý bà chốn cung nội quê quán từ Nam Châu, điển hình là Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu, định hình nên tính chất cung đình sang trọng, tinh tế của mắm tôm Huế.

Do vậy mà ở đây, vấn đề then chốt cần chú ý là sức sống của văn hóa, cụ thể là nguồn nuôi dưỡng văn hóa đã tạo nên tính động của văn hóa với khả năng thích ứng qua các thời kỳ, trước mọi biến động của điều kiện chính trị xã hội, giúp kết nối và xóa nhòa mọi khoảng cách địa lý và khác biệt văn hóa trong bức tranh đa dạng văn hóa của các dân tộc ở Việt Nam. Nhờ đó, văn hóa đã tạo lập được sức sống mạnh mẽ, với tính mở đầy năng động để hoàn thiện và khoác lên nhiều lớp áo mới phù hợp với thời đại mà vẫn giữ được mạch nguồn, cái cốt lõi xuyên suốt để không đánh mất mình, không bị tha hóa trước mọi sự tác động của điều kiện bên ngoài.

Từ đó, *Không có bản sắc văn hóa*, theo cách nhìn nhận của François Jullien chính là cách đặt vấn đề mới để tiếp cận lại khái niệm bản sắc văn hóa

trong tính năng động của văn hóa mà không bị ám thị trong những định kiến, khuôn mẫu cứng nhắc. Động năng của văn hóa, với cách tiếp cận như vậy càng trở nên ý nghĩa trong việc nghiên cứu bức tranh phong phú, đa dạng của văn hóa Việt Nam, đặc biệt là từ năm 1943 đến nay, trải qua biết bao thăng trầm, biến thiên của lịch sử và văn hóa<sup>1</sup>.

Theo Lê Hữu Khóa thì trong tác phẩm này, tác giả đã tách cụm từ *bản sắc* ra khỏi *văn hóa*, xem đây là một thuật ngữ đáng nghi ngờ, vì nó sai trật ngay trong cách xây dựng ngữ pháp, nó càng sai trái qua các kết quả nghiên cứu, điều tra, điền dã về *bản sắc* và về *văn hóa*. Không có (sự) thực thì không *được đạo* trong học thuật; vậy mà cụm từ *bản sắc văn hóa* luôn được dùng trong không gian chính trị, nơi đó các lãnh đạo phương Tây dụng nó như xảo thuật để tung hỏa mù, để giật dây thao túng dân chúng, để *đánh lặn con đên* trước quần chúng. *Bản sắc* là những *dấu ấn* đã thành *dấu chàm* (tên, tuổi, giới tính, năm sinh, lý lịch...) bất biến để nên làm ra: chứng minh nhân dân, thể căn cước, sổ thông hành, giấy nhập cảnh,... nó bất di bất dịch, nó sống như một *hằng số*, trong một số phận không có biến số. *Bản sắc động* như ao nhà, ao làng, nó tồn tại với năm tháng, nhưng đừng mong vào nó để *khai phá, khai sáng, khai tri, khai trí*, để dân tộc được thăng hoa, để giống nòi đi về phía các chân trời mới, cụ thể là nó không giúp khám phá ra chính tiềm năng và tiềm lực của một thống tộc, một tập thể, một cộng đồng.

Còn *văn hóa* thì ngược lại, luôn *động* (*linh động, biến động, chuyển động*), luôn *mở cửa* để đón nhận các văn hóa khác, như tiếp nhận các kinh nghiệm tốt, các kiến thức lành, các tri thức đẹp, các sáng tạo hay, để phong phú hóa, để làm giàu cho chính *tiềm năng, khả năng, kỹ năng* của nó. Mang đầy tiềm năng, nên *văn hóa* chỉ chờ được khai thác, khai minh. *Văn hóa* trở lại quá khứ tổ tiên tốt và lành để sáng tạo lại sự nghiệp tổ tiên đẹp hơn, hay hơn ngay trong hiện tại, cũng nhờ nó biết *mở cửa* đón các văn hóa khác, để có thêm sung lực mới cho chính nội công của nó, để có thêm tầm vóc mới cho chính bản lĩnh của nó. *Văn hóa* biết *mở cửa* vừa để hít thở dưỡng khí bên ngoài, vừa để ra ngoài tìm thức ăn, thức uống mới lạ cho chính nó, nó không hề ngại khoa học,

---

1. Xem thêm Trần Đình Hằng: “Định vị bản sắc văn hóa”, trong F. Julien: *Không có bản sắc văn hóa* (Trương Quang Đệ dịch), *Sđd*.

sợ kỹ thuật, quá trình mở này ta thấy rất rõ từ lễ hội qua ẩm thực, từ trang phục qua thời trang, từ ngôn ngữ qua giáo dục trong sinh hoạt xã hội, giữa đời sống xã hội, từ cách trao truyền tới cách giáo dục các giá trị văn hóa cho các thế hệ mai sau. Nếu văn hóa mang một *giá trị tự tại*, thì nó không sợ bị *mất gốc*, nếu nó biết nó là ai: *biết mình là ai?* Và biết giá trị văn hóa của mình là gì rồi thì không sợ bị *tha hóa*<sup>1</sup>.

Trong bối cảnh hiện nay, văn hóa và quản lý nhà nước về các hoạt động của ngành văn hóa càng được chú trọng phân định để bảo đảm nguồn nuôi dưỡng động năng văn hóa như là một mạch nguồn xuyên suốt đời sống văn hóa tư tưởng cũng như các khía cạnh biểu hiện cụ thể thuộc phạm vi tham chiếu quản lý của ngành văn hóa. Tức là, văn hóa cần phải được hiểu bao gồm cả bề rộng lẫn chiều sâu một cách hài hòa, tránh tư tưởng cực đoan làm lệch cán cân quan trọng đó, sẽ gây nên nhiều hậu quả, hệ lụy lâu dài về sau, đặc biệt là trên các khía cạnh con người, môi trường và hệ thống thiết chế, thể chế (đầu tư trang thiết bị, tài chính...).

\*

\* \*

Từ năm 1943 đến nay, vượt qua bao biến thiên của lịch sử, đặc biệt là trước những tác động nghiệt ngã của thiên tai, dịch họa, văn hóa Việt Nam vẫn được bảo toàn theo nguyên tắc hội nhập, thích ứng. Điểm đáng chú ý trong giai đoạn hiện nay là chính xu hướng toàn cầu hóa, ngoài những thuận lợi khách quan, còn tiềm ẩn những mối họa khôn lường mà nếu yếu tố *gốc - bản sắc* không vững chắc, tất yếu dẫn đến xu hướng vọng ngoại, lai căng và dần dần dẫn đến nguy cơ “suy nhược” cơ thể văn hóa Việt Nam.

Văn hóa trong bối cảnh đó, từ chiều sâu tư tưởng gắn liền triết lý nhân sinh, thế giới quan, hệ chuẩn mực đạo đức luân lý - pháp lý trở thành rường cột căn bản để định hướng xã hội một cách tối ưu, để tiếp tục gạn đục khơi

---

1. Lê Hữu Khóa (2018), “Bản sắc động, văn hóa động của Françoise Julien”, trong F. Julien (2018), *Không có bản sắc văn hóa (Il n'y a pas d'identité culturelle* - Trương Quang Đệ dịch), Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế - Trường Đại học Ngoại ngữ Huế, Nxb. Đại học Huế.

trong, đủ năng lực và bản lĩnh để chế ngự những tác động tiêu cực cũng như chủ động tiếp nhận, thích ứng tốt hệ giá trị tinh hoa của nhân loại.

Những nguồn tác động ngoại lực, trên phương diện nào đó, cũng là cơ hội cần thiết để củng cố nội lực, hoàn thiện chính mình theo hướng thích ứng tối ưu, nhằm bảo toàn bản sắc văn hóa nhờ vào động năng văn hóa và những nguồn nuôi dưỡng văn hóa trong bức tranh đa dạng văn hóa các cộng đồng tộc người một cách hài hòa, phù hợp. Vì vậy, việc đầu tư các nguồn lực cho văn hóa để bảo toàn động năng văn hóa thực sự trở thành nguồn nuôi dưỡng văn hóa (môi trường, thể chế, cơ chế, thiết chế, nguồn nhân lực, tài chính...) là vấn đề chiến lược, có vai trò đặc biệt quan trọng, cần được chú trọng đầu tư hữu hiệu, hợp lý. Từ đây, càng thấy rõ nhu cầu cấp bách của việc cập nhật và hiện thực hóa vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc từ Đề cương về văn hóa năm 1943 trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa trong thế kỷ XXI.

## VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC ĐẠI CHÚNG HÓA CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀO PHÁT TRIỂN CÁC KHÔNG GIAN VĂN HÓA SÁNG TẠO TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ThS. TRẦN THỊ HIỀN\*

TS. BÙI VĂN TUẤN\*\*

Sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được đánh giá là Cương lĩnh đầu tiên về văn hóa của Đảng ta. Một trong những giá trị nổi bật của bản Đề cương là đề ra ba nguyên tắc vận động của nền văn hóa Việt Nam: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”. Ba nguyên tắc trên tạo ra sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và thực tiễn trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam. Trải qua 80 năm, bối cảnh văn hóa, kinh tế, xã hội và chính trị của đất nước và quốc tế đã có những thay đổi, nhưng những nguyên tắc của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn còn nguyên giá trị, định hướng cho sự phát triển nền văn hóa nước nhà. Những nguyên tắc của Đề cương vẫn được chúng ta kế thừa, tiếp tục bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế, tạo động lực cho xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam gắn với phát triển bền vững đất nước.

Đặc biệt, qua các kỳ Đại hội, Đảng ta luôn đặt ra vấn đề văn hóa là phải hướng đến con người và phát huy sự sáng tạo của con người, huy động mọi người dân Việt Nam tham gia xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc, đó chính là thể hiện tinh thần “đại chúng hóa” trong phát triển văn hóa giai

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

\*\* Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

đoạn mới hiện nay. Đặc biệt, khi Hà Nội được UNESCO công nhận là “Thành phố sáng tạo” năm 2019, thì sự ra đời của các không gian văn hóa sáng tạo là môi trường phổ biến, truyền bá các giá trị văn hóa, là nơi người dân có thể hưởng thụ, tham gia thực hành và sáng tạo văn hóa. Tạo động lực cho cộng đồng tham gia phát huy các giá trị văn hóa của Việt Nam và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, để hội nhập với thế giới.

Kế thừa và vận dụng nguyên tắc “đại chúng hóa” của Đề cương vào phát triển các không gian văn hóa sáng tạo của thành phố Hà Nội, chúng tôi tập trung phân tích ở hai nội dung: *Thứ nhất*, sự phát triển của các không gian văn hóa sáng tạo là để hướng tới phục vụ và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. *Thứ hai*, phát huy vai trò nhân dân là chủ thể sáng tạo, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc. Từ đó, chúng ta thấy rằng, việc phát triển văn hóa nói chung và phát triển các không gian văn hóa sáng tạo nói riêng tại thành phố Hà Nội đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của đông đảo nhân dân, tạo động lực để văn hóa Việt Nam phát triển mạnh mẽ, thể hiện được bản sắc dân tộc nhưng đồng thời gắn với xu thế phát triển của thế giới, để cho văn hóa trở thành một trong những trụ cột phát triển của đất nước.

### **1. Nguyên tắc “đại chúng hóa” của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” và vận dụng trong bối cảnh hiện nay**

Trước hết, để vận dụng nguyên tắc “đại chúng hóa” đề ra trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vào phát triển các không gian văn hóa sáng tạo tại thành phố Hà Nội, chúng ta tìm hiểu nguyên tắc “đại chúng hóa” - một trong ba nguyên tắc vận động của nền văn hóa Việt Nam được đề ra trong Đề cương:

“a) Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập);

b) Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng);

c) Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ)”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.23-24.



Nguyên tắc “đại chúng hóa” (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng), được đặt vị trí thứ hai trong ba nguyên tắc trên. Tuy nhiên, lại là nguyên tắc rất quan trọng không kém nguyên tắc thứ nhất. Bởi lẽ, lịch sử của dân tộc ta từ hàng ngàn năm nay cho thấy cái gốc sức mạnh dân tộc là ở quần chúng nhân dân. Đảng lãnh đạo mặt trận văn hóa mà không xuất phát từ đời sống nhân dân và vì dân phục vụ, nền văn hóa không mang tính đại chúng thì sẽ không hợp được sức mạnh của nhân dân để xây dựng và phát triển văn hóa. Hiện nay, bối cảnh đất nước và quốc tế đã có nhiều thay đổi, nhưng tinh thần “đại chúng hóa” trong xây dựng và phát triển nền văn hóa mới cơ bản vẫn giữ nguyên giá trị, ở đây được hiểu là văn hóa được hình thành bởi đa số nhân dân, phục vụ lợi ích của đông đảo nhân dân. Nguyên tắc “đại chúng hóa” trong vận động phát triển văn hóa Việt Nam cũng đã được cụ thể hóa tại các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII nêu: Mọi người Việt Nam phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà. Công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân, cũng là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Đội ngũ trí thức gắn bó với nhân dân giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa. Đến Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI, một lần nữa phát triển nguyên tắc “đại chúng hóa” bằng quan điểm: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: Yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Trước sự biến đổi kinh tế, xã hội hiện nay, nguyên tắc “đại chúng hóa” đã phát triển thành tinh thần dân chủ trong văn hóa Việt Nam, nghĩa là văn hóa là của quần chúng nhân dân, văn hóa phải hướng tới phục vụ, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng văn hóa của nhân dân; đồng thời, nhân dân là người sáng tạo văn hóa. Do đó, xây dựng nền văn hóa phục vụ nhân dân trở thành nhiệm vụ quan trọng và đã được các cấp chính quyền cụ thể hóa chủ trương bằng các chương trình, hành động cụ thể gắn với yêu cầu thực tế phát triển của đất nước.

## 2. Vận dụng nguyên tắc “đại chúng hóa” vào phát triển các không gian văn hóa sáng tạo tại thành phố Hà Nội

Các không gian văn hóa sáng tạo của Thủ đô là nơi tổ chức các hoạt động phục vụ lợi ích cộng đồng, nơi để đông đảo quần chúng nhân dân giao lưu, chia sẻ, tìm hiểu về lịch sử, văn hóa của dân tộc và cũng là nơi để nhiều người dân tham gia sáng tạo văn hóa. Sự phát triển của các không gian văn hóa sáng tạo cho thấy sự nuôi dưỡng và phát triển văn hóa từ chính cộng đồng, người dân được hưởng thụ và tham gia sáng tạo văn hóa, điều đó thể hiện tính đại chúng trong xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc, điều này được thể hiện cụ thể ở những phân tích dưới đây:

*Thứ nhất, sự phát triển của các không gian văn hóa sáng tạo hướng tới phục vụ và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.*

Hưởng thụ văn hóa là một nhu cầu tất yếu của con người, khi đời sống vật chất của người dân được nâng lên thì nhu cầu hưởng thụ về tinh thần ngày càng tăng. V.I. Lênin cũng đã từng khẳng định nhân dân có quyền được hưởng các giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại tạo ra. Các không gian văn hóa sáng tạo một phần là môi trường phổ biến, truyền bá các giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại, là môi trường thực hành văn hóa cho các cá nhân, tạo điều kiện nâng cao hiểu biết và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa cho nhân dân, hay nói cách khác là bảo đảm “phúc lợi văn hóa” của nhân dân. Tác giả Phạm Hồng Tung trong nghiên cứu về *Bảo đảm phúc lợi văn hóa của nhân dân trong quá trình hội nhập quốc tế và phát triển bền vững đất nước* cũng cho rằng: “Có thể coi đại chúng, cởi mở và nhân văn chính là nguyên tắc, là triết lý về phúc lợi văn hóa của dân tộc Việt Nam”<sup>1</sup>. Thời gian vừa qua, các không gian văn hóa tại Thủ đô Hà Nội phát triển với nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội, sinh hoạt văn hóa và nhiều vật phẩm văn hóa miễn phí giúp cho đông đảo người dân có cơ hội tiếp cận, trải nghiệm và

---

1. GS.TS. Phạm Hồng Tung: “Bảo đảm phúc lợi văn hóa của nhân dân trong quá trình hội nhập quốc tế và phát triển bền vững đất nước”, [https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset\\_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/bao-dam-phuc-loi-van-hoa-cua-nhan-dan-trong-qua-trinh-hoi-nhap-quoc-te-va-phat-trien-ben-vung-dat-nuoc](https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/bao-dam-phuc-loi-van-hoa-cua-nhan-dan-trong-qua-trinh-hoi-nhap-quoc-te-va-phat-trien-ben-vung-dat-nuoc), ngày 25/2/2021.

thụ hưởng văn hóa. Tiêu biểu như không gian phố đi bộ hồ Hoàn Kiếm và khu phố cổ có các điểm lưu động diễn ra các buổi trình diễn ca trù, diễn xướng châu văn, xẩm, tuồng, chèo, nhạc cụ dân tộc, tái hiện các phong tục tập quán, trò chơi dân gian trong các dịp Lễ, Tết...: Kết quả phỏng vấn một cán bộ Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội cho biết: “Không gian văn hóa hồ Hoàn Kiếm trở thành không gian sáng tạo và giao lưu văn hóa các vùng miền, ngay từ khi tổ chức không gian đi bộ hồ Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội thường xuyên duy trì 7 điểm cố định biểu diễn văn hóa nghệ thuật trong không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm. Cùng với đó, phối hợp với các tỉnh, thành phố trong nước và quốc tế tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, các sự kiện trong không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm như: Không gian văn hóa dân tộc Mông - Hà Giang, Thái - Sơn La tại Hà Nội, Quảng Bình trong lòng Hà Nội, Festival di sản và quảng bá du lịch Quảng Nam, hoạt động giới thiệu quảng bá văn hóa của tỉnh Điện Biên, tỉnh Lạng Sơn... cho phép nhiều tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động văn hóa nghệ thuật trong không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm và phụ cận như: trưng bày sản phẩm dân gian, tổ chức các trò chơi dân gian, sản phẩm làng nghề truyền thống...” (Phỏng vấn sâu, P.T.A, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội). Các hoạt động này đã thu hút đông đảo người dân thưởng thức và có những trải nghiệm rõ nét nhất về phong tục truyền thống tốt đẹp của dân tộc: “Lượng người đến các không gian văn hóa hồ Hoàn Kiếm và khu vực phố cổ rất đông, trung bình ban ngày khoảng 3.000 - 5.000 người, buổi tối khoảng 1,5 vạn đến 2 vạn người, những buổi có sự kiện lớn có trên 3 vạn người tham dự” (Phỏng vấn sâu, N.V.T, cán bộ quận Hoàn Kiếm, Hà Nội). Tại không gian Trung tâm giao lưu văn hóa phố cổ - 50 Đào Duy Từ - là nơi tổ chức các triển lãm định kỳ, kết hợp không gian đọc sách, tổ chức hội thảo, tọa đàm, giao lưu biểu diễn nghệ thuật âm nhạc truyền thống, như chèo, ca trù, nghề truyền thống của dân tộc. Các hoạt động này đã thu hút được sự tham gia của các nghệ sĩ, nghệ nhân, thợ thủ công và đông đảo tầng lớp nhân dân. Hay như Trung tâm văn hóa nghệ thuật - 22 Hàng Buồm - là nơi tổ chức các hoạt động phục vụ lợi ích cộng đồng, một số triển lãm nổi bật là “Phiêu diêu”, “Ký họa phố cổ 2021”, “Không gian ký ức 22 Hàng Buồm”.

Nhiều người dân cho rằng đây là lần đầu tiên được tiếp cận và tham gia thực hành các hoạt động văn hóa nghệ thuật tại các không gian sáng tạo: “Đây là lần đầu tiên em đến Trung tâm giao lưu văn hóa phố cổ, em được các nghệ nhân giới thiệu về làng nghề truyền thống nặn tò he của dân tộc, em cũng đã tò mò và tham gia làm thử thấy rất thú vị và hiểu biết thêm về văn hóa dân tộc” (Phỏng vấn sâu, V.V.N, sinh viên Trường Đại học Văn hóa Hà Nội). Bên cạnh đó, hàng loạt các không gian văn hóa tại các bảo tàng, di tích như: Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Bảo tàng Hà Nội, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam,... cũng là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động trưng bày triển lãm văn hóa nghệ thuật, các lễ hội, trình diễn các nghề thủ công truyền thống, ẩm thực các vùng miền... mang đến cho người dân hiểu biết rõ nét nhất về những phong tục truyền thống tốt đẹp của người Việt. Cũng tại các không gian văn hóa sáng tạo của Thủ đô, người dân được tiếp cận và hiểu biết hơn về văn hóa của các nước trên thế giới thông qua những sự kiện văn hóa quốc tế. Khi người dân tham gia các hoạt động văn hóa, hưởng thụ văn hóa tại các không gian văn hóa sáng tạo cũng xóa bỏ mọi bất bình đẳng về trình độ, điều kiện hưởng thụ, sự chênh lệch văn hóa giữa các tầng lớp, bộ phận dân cư, dân tộc... không phân biệt giàu - nghèo, trai - gái, già - trẻ, các hoạt động văn hóa đều hướng tới việc thỏa mãn nhu cầu thụ hưởng văn hóa của nhân dân, điều đó thể hiện tính “đại chúng hóa” nền văn hóa: “Đây là lần đầu tiên em được nghe hát ca trù tại khu phố đi bộ của Hà Nội, khi ra đây đi làm em mới biết đến, chứ trước kia ở quê em không biết ạ” (Phỏng vấn sâu, B.B.T, Lao động tự do”).

*Thứ hai, phát huy vai trò nhân dân là chủ thể sáng tạo, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc.*

“Đại chúng hóa” không đơn giản chỉ là phát triển văn hóa đại chúng mà ở đây khẳng định vai trò nhân dân là chủ thể sáng tạo, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Lenin đã từng khẳng định văn hóa là thành tựu sáng tạo của nhân dân. Sự vận động phát triển văn hóa trong thời đại mới đều thuộc về đông đảo các tầng lớp nhân dân. Các không gian văn hóa sáng tạo chính là nơi truyền cảm hứng cho các hoạt động sáng tạo văn hóa, vui chơi, giải trí của người dân, ở đó người dân có thể tham gia vào các hoạt động sáng

tạo văn hóa. Nhiều không gian văn hóa sáng tạo là nơi truyền cảm hứng cho cả nghệ sĩ, công chúng và người thực hành văn hóa nghệ thuật giới thiệu về các thử nghiệm sáng tạo mới, đồng thời cũng là nơi để thu hút cộng đồng tham gia vào các hoạt động sáng tạo. Đây chính là sự vận dụng sáng tạo nguyên tắc “đại chúng hóa” của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong bối cảnh mới. Ví dụ không gian văn hóa Văn Miếu - Quốc Tử Giám, năm 2021 đã tổ chức triển lãm với 30 tác phẩm thiết kế sáng tạo được trưng bày lấy cảm hứng từ những di sản văn hóa truyền thống. Có sản phẩm chất liệu tái tạo từ gốm vụn của làng nghề Bát Tràng được ghép khối, lấy các biểu tượng nổi bật trong kiến trúc của Văn Miếu - Quốc Tử Giám là hoa sen, bia rùa để tạo thành, đó là *Khứ Hồi* của tác giả Lưu Như Ngọc; bộ sưu tập kết hợp thưởng trà, sơn mài và khảm trai truyền thống là *Góc thưởng trà* của tác giả Nguyễn Xuân Lục... Nhiều tác phẩm sáng tạo của các tác giả đã khai thác dựa trên nền di sản văn hóa của dân tộc, ông Đỗ Đình Hồng - Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội cho biết: “Với thế mạnh về di sản, bên cạnh tiếp cận những lĩnh vực mới, các hoạt động thiết kế sáng tạo của Hà Nội tập trung vào khai thác những giá trị di sản. Đây là nguồn tài nguyên vô tận cho các nghệ sĩ, nghệ nhân, nhà thiết kế khai thác để tạo ra tác phẩm, sản phẩm mới. Đồng thời, việc khai thác, tạo ra những tác phẩm, sản phẩm mới lại khẳng định bản sắc văn hóa Hà Nội”<sup>1</sup>. Hay như Trung tâm văn hóa nghệ thuật - 22 Hàng Buồm - là nơi tổ chức các hoạt động phục vụ lợi ích cộng đồng. Năm 2022, nơi đây đã tổ chức Lễ hội thiết kế sáng tạo với những tác phẩm nghệ thuật trưng bày tương tác trong các không gian của Trung tâm của hơn 40 nghệ sĩ, 8 cuộc tọa đàm hội thảo chuyên đề cũng đã được tổ chức nhằm chia sẻ những thực hành của các nghệ sĩ, nhóm nghệ sĩ, nhà nghiên cứu về các vấn đề liên quan tới di sản và sáng tạo nghệ thuật<sup>2</sup>. Qua đó có thể thấy, các không gian văn hóa sáng tạo không chỉ là không gian vui chơi, thư giãn đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của cộng đồng, mà còn là

---

1. Theo Báo Nhân Dân: *Thúc đẩy thiết kế sáng tạo từ tài nguyên di sản*, <https://baosonla.org.vn/van-hoa-van-nghe-the-thao/thuc-day-thiet-ke-sang-tao-tu-tai-nguyen-di-san-5fdc9RF4R.html>, 28/11/2022.

2. Nguồn: facebook của Trung tâm văn hóa nghệ thuật - 22 Hàng Buồm.

những không gian sáng tạo của cộng đồng. Tại các không gian văn hóa sáng tạo này, vai trò chủ thể sáng tạo văn hóa của nhân dân được hình thành và phát huy, góp phần phát triển văn hóa Việt Nam.

Khi cộng đồng thụ hưởng và tham gia vào thực hành, sáng tạo văn hóa tại các không gian văn hóa sáng tạo này, giúp mọi người ý thức hơn việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Thể hiện được vai trò của quần chúng nhân dân trong việc phổ biến và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam. Những buổi trình diễn nghệ thuật ca trù, diễn xướng châu văn, xẩm, tuồng, chèo, nhạc cụ dân tộc... tại khu không gian phố đi bộ Hồ Gươm, Trung tâm giao lưu văn hóa phố cổ - 50 Đào Duy Từ, Trung tâm văn hóa nghệ thuật - 22 Hàng Buồm, Trung tâm Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu - Quốc Tử Giám... cũng là dịp để cộng đồng tìm hiểu, thêm yêu và cùng chung tay gìn giữ các di sản văn hóa của dân tộc, từ đó có trách nhiệm cao hơn về gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa của đất nước. Phỏng vấn đại diện Ban quản lý hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội cho biết: “Các hoạt động văn hóa nghệ thuật tại không gian phố đi bộ hồ Hoàn Kiếm và các vùng phụ cận không chỉ có sự tham gia của các nghệ nhân, thợ thủ công mà còn có sự hỗ trợ từ các nghệ sĩ, họa sĩ, nhà thiết kế, chung tay bảo tồn, quảng bá các giá trị di sản, phục vụ cộng đồng và gắn với đẩy mạnh phát huy truyền thống sáng tạo của người Thăng Long - Hà Nội đã được đúc kết từ hơn nghìn năm lịch sử” (Phỏng vấn sâu, Đại diện Ban quản lý hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội). Một phỏng vấn khác của một bạn trẻ khi tham gia vào sáng tạo văn hóa tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám cho biết: “Chính tại các không gian văn hóa sáng tạo này chúng em được nâng cao hiểu biết hơn về văn hóa dân tộc, bản thân được thể hiện những ý tưởng trong sáng tác của mình và được nhiều người biết đến. Em càng thấy mình cần có trách nhiệm hơn trong việc giới thiệu văn hóa Việt Nam cho nhiều người bằng chính những nỗ lực sáng tác của mình trong tương lai, để bảo tồn văn hóa dân tộc”.

Như vậy, nguyên tắc “đại chúng hóa” của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cho đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị. Sự phát triển các không gian văn hóa sáng tạo tại Thành phố Hà Nội là phục vụ lợi ích và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, phát huy vai trò sáng tạo và làm chủ văn hóa của nhân

dân, thể hiện sự kế thừa, vận dụng và bổ sung tính đại chúng trong phát triển văn hóa của Thủ đô. “Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, lĩnh vực, địa bàn văn hóa nào cũng phải quán triệt triết lý, đạo lý của dân tộc ta về văn hóa và phúc lợi văn hóa, đó là: lấy việc phụng sự nhân dân, góp phần làm cho người dân được thụ hưởng tốt nhất các giá trị văn hóa làm nguyên tắc chủ đạo”<sup>1</sup>. Do đó, trong thời gian tới, để huy động nguồn lực phát triển các không gian văn hóa sáng tạo của Thủ đô phục vụ lợi ích cộng đồng góp phần phát triển nền văn hóa mang tính đại chúng cần sự chung tay của các cấp, các ngành, từ xây dựng thể chế, chính sách đến các hoạt động cụ thể.

---

1. GS.TS. Phạm Hồng Tung: “Bảo đảm phúc lợi văn hóa của nhân dân trong quá trình hội nhập quốc tế và phát triển bền vững đất nước”, [https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset\\_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/bao-dam-phuc-loi-van-hoa-cua-nhan-dan-trong-qua-trinh-hoi-nhap-quoc-te-va-phan-trien-ben-vung-dat-nuoc](https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/bao-dam-phuc-loi-van-hoa-cua-nhan-dan-trong-qua-trinh-hoi-nhap-quoc-te-va-phan-trien-ben-vung-dat-nuoc), ngày 25/2/2021.

## DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG, KHOA HỌC - ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

NGUYỄN THỊ HIỀN\*

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, nguồn lực, động lực nội sinh to lớn của đất nước, có vai trò điều tiết sự vận động của xã hội. Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước là quan điểm xuyên suốt, nhất quán trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần quan trọng vào việc hiện thực hóa mục tiêu, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Đã 8 thập kỷ đi qua, đến nay, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị, trở thành “hòn đá tảng” cho đường lối, chính sách của Đảng suốt cả chặng đường cách mạng, đặc biệt là ba nguyên tắc của văn hóa Việt Nam mà bản đề cương đã đề cập đến: dân tộc, đại chúng và khoa học.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh chấp bút là đường hướng chỉ đạo cho một cuộc cách mạng văn hóa theo quan niệm mácxít. 80 năm đồng hành với những giai đoạn khác nhau của cuộc cách mạng giành độc lập, thống nhất Tổ quốc, xây dựng và phát triển đất nước, mặc dù ở dạng đề cương, nhưng Đề cương về văn hóa có vai trò rất lớn, định hướng xuyên suốt hoạt động trên mặt trận văn hóa.

Trong phần “Cách đặt vấn đề”, bản Đề cương đã nêu rõ thái độ Đảng Cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn hóa: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), ở đó, người cộng sản phải hoạt động và “cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương

---

\* Bảo tàng tỉnh Bình Dương.



lãnh đạo...”. Đặc biệt, Bản đề cương đã đưa ra ba nguyên tắc vận động của văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn này: *dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa*. Xác định cần xây dựng nền văn hóa Việt Nam mang đậm tính dân tộc, dân tộc hóa, Đề cương chỉ rõ cần chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập.

Bên cạnh đó, Đề cương còn xác định rõ tính đại chúng hóa - chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng, hoặc xa rời đông đảo quần chúng nhân dân. Văn hóa mới, văn hóa cách mạng hướng mọi sáng tạo nghệ thuật và hoạt động văn hóa vào phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân, cán bộ, chiến sĩ cách mạng, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần quần chúng nhân dân, tạo sự phấn khởi, hăng hái trong thực hành các nhiệm vụ cách mạng.

Tính khoa học trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam, làm cho văn hóa không ngừng được khoa học hóa, chống lại những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ cũng được xác định rõ. Tính khoa học hướng dẫn các hoạt động văn hóa mới Việt Nam biết kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những giá trị tốt đẹp trong các dòng văn hóa kim, cổ, đông, tây, có giá trị thúc đẩy tính tích cực của các chiến sĩ cách mạng luôn vì nước quên thân, vì dân phục vụ.

## **2. Nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong quá trình phát triển văn hóa Việt Nam theo hướng bền vững**

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc lại ba tính chất này. Ngày 7/9/1945, trong buổi tiếp đoàn đại biểu Ủy ban Văn hóa lâm thời Bắc Bộ, Người nói: Cái văn hóa mới này cần phải có tính cách khoa học, tính cách đại chúng thì mới thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại. Trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951), Người khẳng định phải “xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”.

### ***Dân tộc hóa***

Dân tộc hóa là nguyên tắc được đặt ở vị trí số 1 trong Đề cương. Với nguyên tắc này, sự tiếp nhận của quần chúng, trước hết là các tầng lớp trí thức sẽ có ý nghĩa như là một định hướng cho họ ở cả hai tư cách: tư cách người công dân

và tư cách người trí thức - nhà khoa học và nghệ sĩ, trước một thời cuộc đang chuyển vào đêm trước cách mạng. Ở cả hai tư cách, người trí thức chỉ có thể chọn một con đường - con đường hướng về cách mạng và tham gia cách mạng, để cứu nước, trong đó có bản thân mình và nghề nghiệp của mình.

Văn hóa có tính dân tộc vì nó được sáng tạo ra, được bảo tồn và lưu truyền trong cộng đồng dân tộc với điều kiện tự nhiên, xã hội, lịch sử đặc thù; qua quá trình phát triển, chất lọc, thử thách của thời gian, những đặc điểm dân tộc in dấu ấn vào các sáng tạo văn hóa; dần dần lắng đọng, định hình tạo thành bản sắc văn hóa dân tộc. Nó tạo nên cốt cách, bản lĩnh, sức sống của một dân tộc, từ cội nguồn đó làm nảy sinh và hoàn thiện ý thức dân tộc, ngôn ngữ, văn hóa. Các yếu tố đó đã gắn kết, quy tụ các thành viên cộng đồng, tạo nên thế và lực của dân tộc.

Tính dân tộc của nền văn hóa được Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn đạt bằng nhiều khái niệm như: đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc. Đó chính là cái tinh túy, là chiều sâu bản sắc đặc trưng riêng của văn hóa dân tộc. Tính dân tộc không chỉ thể hiện ở chỗ biết giữ gìn, kế thừa, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, mà còn phát triển những truyền thống văn hóa tốt đẹp ấy cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước. Tính dân tộc của văn hóa là sự thể hiện của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần độc lập, tự cường của dân tộc trong lĩnh vực văn hóa, nên trước hết nó phải được thể hiện ở nội dung tuyên truyền cho “lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do” và “tinh thần vì nước quên mình” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói.

Tính dân tộc của văn hóa đòi hỏi phải thể hiện được cốt cách và tâm hồn con người Việt Nam, đó là truyền thống yêu nước, cần cù, dũng cảm, đoàn kết, thương người... tóm lại là tất cả những gì cao đẹp nhất trong tâm hồn và tính cách Việt Nam đã được hun đúc trong suốt hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Tính dân tộc của văn hóa còn được thể hiện ở hình thức và phương tiện diễn đạt. Mỗi dân tộc có nếp cảm, nếp nghĩ riêng, có hình thức diễn đạt riêng đi thẳng vào lòng người, lay động sâu xa tâm hồn họ.

Tính dân tộc được thể hiện rõ nhất ở việc phản ánh khát vọng của dân tộc Việt Nam, đó là khát vọng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, khát vọng hòa bình. Đời sống tâm hồn, tình cảm, mọi mối quan hệ riêng chung của người dân Việt Nam mấy chục năm qua đều xoay quanh khát vọng ấy. Và từ khát vọng trở thành lý tưởng, hành động của cả một thế hệ. Trong thời

kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, bản sắc dân tộc và khát vọng thời đại hòa làm một tạo thành dòng chảy mãnh liệt của văn hóa Việt Nam, làm xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ say mê sáng tạo, đóng góp sức mình cho dân tộc như: Nguyễn Phan Chánh, Trần Văn Cẩn, Bùi Xuân Phái, Văn Cao, Tô Hoài, Huy Cận, Xuân Diệu, Tố Hữu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Lưu Quang Vũ...

Một thế hệ các nhà nghiên cứu, phê bình như các giáo sư: Vũ Khiêu, Phan Huy Lê, Phan Ngọc, Trần Đình Sử, Cao Xuân Hạo... đã làm cho truyền thống lịch sử, văn hóa Việt Nam thêm dồi dào sinh lực, kết tinh và hài hòa tinh hoa dân tộc qua các thời đại. Đặc biệt, từ năm 1998, khi Đảng ta ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc, việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa càng được các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn dân coi trọng. Hình ảnh con người Việt Nam yêu nước, trọng nghĩa tình, chung thủy và nhân ái ngày càng được tô đậm. Điều hiện nay nhiều người băn khoăn và cũng là trách nhiệm của Đảng, chính quyền, ngành văn hóa - thể thao và du lịch là sự phai nhạt lý tưởng, lối sống thực dụng, xa rời lịch sử truyền thống của dân tộc, lai căng, bất chước không phù hợp trong đời sống văn hóa của một bộ phận thanh niên. Đây cũng là vấn đề cấp bách trong việc gìn giữ tính dân tộc của văn hóa Việt Nam.

### ***Đại chúng hóa***

Đại chúng hóa, là nguyên tắc được đón nhận dễ dàng và có tác động sâu rộng đối với đời sống văn hóa, tinh thần nói chung và văn học - nghệ thuật nói riêng... Chính nhờ vào các kết quả của “đại chúng hóa” mà ngay sau năm 1945, nền văn học - nghệ thuật dân tộc đã tạo được một chuyển đổi nhanh chóng để sớm có một gương mặt mới, một giọng điệu mới, thậm chí đến cả một thi pháp mới trong sáng tạo và tiếp nhận thơ, văn, nhạc, họa...

Đây là vấn đề thuộc về tính nhân dân, về đối tượng phục vụ của văn hóa - nghệ thuật. Trước kia, trong xã hội cũ, văn hóa - nghệ thuật được coi là món ăn tinh thần sang trọng, chỉ dành riêng cho một thiểu số người ăn trên ngồi chốc. Đó là một trong những điều bất công của xã hội cũ. Tính đại chúng của nền văn hóa thể hiện ở chỗ nền văn hóa ấy phải phục vụ nhân dân, phù hợp nguyện vọng của nhân dân và do nhân dân xây dựng nên, đậm đà tính nhân

văn. Tính đại chúng của văn hóa đòi hỏi các nhà hoạt động văn hóa phải tăng cường liên hệ với thực tế, đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, vừa để phản ánh tâm tư, nguyện vọng và cuộc sống của nhân dân, vừa để đem ánh sáng văn hóa đến với mọi người, mọi nhà

Văn hóa là trình độ phát triển của con người, do con người làm ra, nó phải trở về phục vụ con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đấu tranh giải phóng dân tộc để đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, trong đó có văn hóa. Đó là tính nhất quán trong sự nghiệp cách mạng của Người.

Tính đại chúng của văn hóa đòi hỏi các nhà hoạt động văn hóa phải tăng cường liên hệ với thực tế, đi sâu vào cuộc sống của nhân dân vừa để tìm hiểu và phản ánh những nỗi lo âu và suy nghĩ, khát vọng và tình yêu, cuộc đời và số phận của nhân dân; vừa để đem ánh sáng văn hóa đến mọi người mọi nhà, nhất là các vùng sâu, vùng xa.

Nền văn hóa mà chúng ta đang xây dựng phải góp phần thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, bền vững. Điều cần quan tâm nhất hiện nay là công tác quản lý di tích, lễ hội, thiết chế văn hóa, dịch vụ viễn thông và internet, dịch vụ giải trí... cần được quản lý một cách khoa học, văn minh hơn. Văn hóa là các giá trị tinh thần và vật chất do nhân dân Việt Nam sáng tạo nên và trở lại phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân. Tính đại chúng của văn hóa Việt Nam vì thế thể hiện ở mục đích phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân, tạo nên tảng tinh thần cho xã hội. Các loại hình văn hóa nghệ thuật, các lễ hội, hệ thống thiết chế văn hóa, di sản văn hóa... do nhân dân dày công sáng tạo và vun đắp đã phát huy tác dụng, phục vụ đời sống nhân dân trong thời kỳ kháng chiến cũng như trong công cuộc xây dựng hiện nay. Tuy nhiên, trong thời đại phát triển vũ bão của công nghệ thông tin, nếu không có cách tiếp nhận, không có phương pháp tổ chức và tuyên truyền thì các hoạt động văn hóa sẽ rất khó lòng thu hút được đông đảo nhân dân tham gia, nhất là với giới trẻ.

### ***Khoa học hóa***

Nguyên tắc khoa học hóa là kết quả sự vận dụng chủ nghĩa Mác để phân tích lịch sử văn hóa dân tộc và thực trạng văn hóa hiện thời. Từ đó đề ra phương hướng phát triển văn hóa “tân dân chủ”...

Nói về tính khoa học của văn hóa, bản đề cương giải thích rõ ràng: chống lại tất cả những gì trái khoa học, phản tiến bộ. Nền văn hóa của chúng ta suốt

8 thập kỷ qua đã đưa đến một tư duy khoa học cho mọi tầng lớp nhân dân, giúp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, bài trừ hủ tục lạc hậu, đấu tranh với tư tưởng bảo thủ, trì trệ.

Tính khoa học của nền văn hóa thể hiện ở tính hiện đại, tiên tiến, thuận với trào lưu tiến hóa của thời đại. Đó là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội Bác Hồ đã từng nói: “có một nền văn hóa hợp với khoa học và hợp với cả nguyện vọng của nhân dân. Phải kiên quyết đấu tranh chống những gì trái với khoa học, phản tiến bộ. Những người làm văn hóa phải có trí tuệ, hiểu biết khoa học tiên tiến, phải có chiến lược xây dựng văn hóa mang tầm thời đại”

Tính khoa học của văn hóa đòi hỏi phải đấu tranh chống lại những gì trái với khoa học, phản tiến bộ; phải truyền bá tư tưởng triết học mácxít. Đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm thần bí, mê tín, dị đoan.

\*

\* \*

Như vậy, ba nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa được nêu trong Đề cương rõ ràng là sự trả lời đúng đắn và kịp thời cho các nhu cầu cấp thiết nổi lên trong một thời điểm trọng đại của lịch sử. Và do khả năng thức tỉnh, tập hợp đội ngũ trí thức vào cuộc cách mạng, nó đã góp phần quan trọng vào thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Ba tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng hợp lại thành một chỉnh thể thống nhất, ngày càng thấm sâu vào ý thức sáng tạo của các nhà hoạt động văn hóa nước ta, giúp họ sáng tạo nên những tác phẩm tiêu biểu cho nền văn hóa mới. Dù sau này, tính chất của nền văn hóa mới có sự thay đổi nhất định về cách diễn đạt, nhưng tinh thần cốt lõi của nó cũng không đi ra ngoài ba tính chất đã được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên từ những ngày đầu dựng nước.

Bước vào thế kỷ XXI, chúng ta vẫn tiếp tục tìm thấy điểm tựa ở *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là tinh thần coi trọng văn hóa, để hướng tới một thời kỳ phát triển mới - xem văn hóa không chỉ là động lực mà còn là mục tiêu của sự phát triển.

Là vùng đất có truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời với hệ thống di sản vật thể và phi vật thể phong phú và có giá trị, Bình Dương đã và đang thực hiện những dự án phát triển văn hóa tỉnh nhà. Hiện nay, tỉnh Bình Dương có hệ thống di tích lịch sử, văn hóa rất phong phú và đa dạng, với nhiều loại hình, như lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật, khảo cổ như di chỉ Cù Lao Rùa, Mỹ Lộc, Dốc Chùa (Tân Uyên), đình Phú Long (Lái Thiêu), đình Tân An, đình Phú Cường (Thủ Dầu Một), chùa Hội Khánh, chùa Châu Thới... Cả tỉnh có 3 bảo vật quốc gia “Tượng đồng vật Dốc Chùa; “Mộ chum gỗ nắp trống đồng Phú Chánh”; “Bộ dụng cụ dẹt gỗ Phú Chánh” và 3 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia được đưa vào danh mục di sản phi vật thể quốc gia là “Nghề sơn mài Tương Bình Hiệp”, “Nghề gốm Bình Dương” và “Võ Lâm Tân Khánh Bà Trà”.

Thời gian qua, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành một số chủ trương, chính sách nhằm đưa các nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với đặc điểm văn hóa và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Toàn tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT, ngày 24/7/2001 của Bộ Văn hóa - Thông tin về phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020; Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND, ngày 24/1/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa - thông tin tỉnh Bình Dương giai đoạn 2006-2010 (điều chỉnh) và định hướng đến năm 2020, Quyết định số 5979/QĐ-UBND, ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án “Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”, Chương trình hành động số 88-CTHĐ/TU, ngày 12/9/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

# HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH DI SẢN VĂN HÓA ĐỂ GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

PGS.TS. LÊ THỊ THU HIỀN\*

## I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH

Trong sự nghiệp cách mạng dân tộc, Đề cương văn hóa Việt Nam (1943) được coi như tuyên ngôn về văn hóa đầu tiên của Đảng. Theo đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, văn hóa được xác định là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) phải tiến hành cách mạng (cách mạng văn hóa) theo ba nguyên tắc vận động: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa.

Ở lĩnh vực di sản văn hóa, chỉ chưa đầy 3 tháng sau khi đất nước giành được độc lập, ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65/SL, trong đó xác định: “Việc bảo tồn cổ tích là việc rất cần trong công cuộc kiến thiết nước Việt Nam”. Năm 1957, khi đất nước mới giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29/10/1957, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 519/TTg quy định thể lệ về bảo tồn cổ tích. Sau khi đất nước thống nhất (1975), ngày 04/4/1984, Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Pháp lệnh số 14 LCT/HĐNN về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh. Bước vào thời kỳ đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế, để thể chế hóa quy định của Hiến pháp năm 1992 và tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), từ cuối năm 1998, việc soạn thảo Luật Di sản văn hóa bắt đầu được triển khai.

---

\* Cục trưởng Cục Di sản văn hóa.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua tại kỳ họp thứ 9, ngày 29/6/2001, có hiệu lực từ ngày 01/01/2002 và được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009. Với 74 điều, thể hiện trong 07 Chương, Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (sau đây gọi chung là Luật Di sản văn hóa) đã cụ thể hóa chính sách bảo tồn, phát huy các di sản văn hoá dân tộc tại Hiến pháp năm 1992, thể chế hóa định hướng xây dựng “*Chính sách bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc hướng cả vào văn hóa vật thể và phi vật thể*” theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần khẳng định rõ quan điểm: “*Di sản văn hoá là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống (bác học và dân gian), văn hoá cách mạng, bao gồm cả văn hoá vật thể và phi vật thể*”<sup>1</sup>.

Sau hơn 20 năm thực thi Luật Di sản văn hóa, các chủ trương, chính sách và phát luật về di sản văn hóa đã đi vào thực tiễn cuộc sống, đưa sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc tiến thêm một bước quan trọng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, quảng bá rộng rãi hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, kể từ khi Luật Di sản văn hóa có hiệu lực đến nay, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước tiếp tục được ban hành nhằm tăng cường định hướng cho hoạt động văn hóa và công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, như: Nghị quyết số 33-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI; Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021... Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 có bổ sung 1 điều liên quan trực tiếp đến quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa tại (Điều 41). Mặt khác, trong quá

---

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.



trình vận hành, Luật cũng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập so với yêu cầu thực tiễn, cụ thể:

*Thứ nhất*, Luật Di sản văn hóa là sự cụ thể hóa tinh thần Hiến pháp năm 1992, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về di sản văn hóa trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Kể từ thời điểm Luật được ban hành, được sửa đổi, bổ sung đến nay, Hiến pháp năm 1992 được thay thế bằng Hiến pháp năm 2013, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa nói chung, di sản văn hóa nói riêng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn (Nghị quyết số 33-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII...). Vì vậy, một số nội dung liên quan tới Hiến pháp mới, Nghị quyết mới chưa được thể chế hóa trong Luật Di sản văn hóa được xem như vấn đề hạn chế do điều kiện khách quan, cần được bổ khuyết. Cụ thể, Luật Di sản văn hóa chỉ quy định về các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để nhằm sử dụng (di sản văn hóa) vào ba mục đích:

- “1. Phát huy giá trị di sản văn hóa vì lợi ích của toàn xã hội;
2. Phát huy truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam;
3. Góp phần sáng tạo những giá trị văn hóa mới, làm giàu kho tàng di sản văn hóa Việt Nam và mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế”.

Trong khi, tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW, Kết luận số 76-KL/TW đã đưa ra những yêu cầu cao và cụ thể hơn, đó là: “*Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội*”<sup>1</sup>. Và, “*Xử lý hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững ở các địa phương, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam*”<sup>2</sup>. Và, Hiến pháp năm 2013 xác định: “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa” (Điều 41).

---

1. Nghị quyết 33-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

2. Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

*Thứ hai*, do xuất phát từ yêu cầu thực tiễn công tác quản lý di sản văn hóa, phạm vi điều chỉnh của Luật Di sản văn hóa chưa bao quát hết mọi đối tượng liên quan; một số quy định chung, quy định đặc thù (theo từng lĩnh vực) để nhận diện, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa còn thiếu hoặc tính khả thi không cao hoặc không còn phù hợp với thực tiễn.

*Thứ ba*, chính sách phân cấp quản lý di sản văn đã được quy định trong Luật nhưng thiếu quy định chi tiết để triển khai thống nhất nên hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về di sản văn hóa chưa cao.

*Thứ tư*, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đóng góp, tài trợ cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa chưa thực sự thu hút được đông đảo các lực lượng xã hội tích cực tham gia đầu tư vào công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Để thể chế hóa đầy đủ tinh thần Hiến pháp năm 2013, các quan điểm, định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước, phát huy những kết quả tích cực đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế, nhằm phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội, cần thiết phải xây dựng, ban hành Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) trên cơ sở kế thừa Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009... Việc xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) này có thể hiểu được bắt nguồn từ những lý do sau:

Trước hết, hệ thống văn bản pháp luật về di sản văn hóa còn thiếu đồng bộ, một số nội dung thiếu đồng bộ với một số luật khác, nhiều vấn đề phát sinh từ thực tiễn chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Thứ hai, mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển chưa được xử lý hài hòa. Việc bảo tồn chưa được ưu tiên và coi trọng, tại các khu di sản, việc phát triển du lịch một cách mạnh mẽ trong khi chưa có đủ cơ sở hạ tầng, chưa có những công cụ pháp lý hữu hiệu để điều chỉnh các hành vi liên quan đã làm cho di sản có nguy cơ bị ô nhiễm do quá tải, nhất là trong mùa lễ hội.

Bên cạnh đó, việc tuyên truyền, quảng bá và xây dựng các sản phẩm du lịch gắn trực tiếp với từng khu di sản, thể hiện và phát huy được nét đặc thù của địa phương ở một số khu di sản chưa đạt hiệu quả cao. Công tác truyền thông, xúc tiến du lịch và tổ chức các hoạt động dịch vụ tại một số khu di sản

còn hạn chế, thậm chí còn làm méo mó di sản, ảnh hưởng đến thương hiệu và sức thu hút khách tham quan. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia chưa bắt kịp được yêu cầu.

Cùng với đó, thì quan niệm của một số cư dân làng xã, các di tích gắn với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo (thờ Thần, Phật, Thánh và Mẫu) cũng như các lễ hội truyền thống là cần được làm mới, thật khang trang và sang trọng. Do đó, có xu hướng muốn thay thế các cấu kiện kiến trúc, thậm chí cả đồ thờ tự trong di tích hoặc hiện tượng sân khấu hóa, hiện đại hóa và quan phương hóa hoạt động lễ hội cùng các thực hành tín ngưỡng truyền thống...

Mặt khác, tư duy của cán bộ quản lý di sản văn hóa còn chậm đổi mới, vẫn còn tâm lý trông chờ, chưa thực sự mạnh mẽ, quyết đoán, bút phá để tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng được cơ chế chính sách phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Và cuối cùng, hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn là hoạt động lâu dài, trong khi đó, nhận thức của chính quyền các cấp về di sản văn hóa lại không đồng đều. Vì thế, cần thiết xây dựng chiến lược đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, nghiên cứu về di sản văn hóa phi vật thể ở các cấp. Đó chính là những lý do căn bản dẫn tới việc cần xây dựng và ban hành Luật Di sản văn hóa (sửa đổi).

## II- MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH

Việc hoàn thiện chính sách về di sản văn hóa hướng tới mục tiêu chung là thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp năm 2013 và điều ước quốc tế có liên quan để hoàn thiện hành lang pháp lý về di sản văn hóa đảm bảo yêu cầu về sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật và yêu cầu mới phát sinh trong thực tiễn. Mặt khác, là để khắc phục những bất cập của cơ chế chính sách để có hệ thống cơ chế, chính sách hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

*Bên cạnh đó*, việc hoàn thiện chính sách về di sản văn hóa cùng nhắm tới các mục tiêu rất cụ thể, đó là: (1) Hoàn thiện quy định pháp luật về di sản văn hóa để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, các lực lượng xã hội thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp liên quan tới di sản văn hóa,

tham gia tích cực vào hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, và (2) Góp phần xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu phát triển bền vững.

## 2. Một số chính sách cơ bản

Từ kết quả tổng kết thi hành Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa và yêu cầu của thực tiễn, Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) cần tập trung xây dựng và hoàn thiện các chính sách hướng tới góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, cụ thể:

*Chính sách 1: “Hoàn thiện các quy định về nguyên tắc, đối tượng, trình tự, thủ tục kiểm kê, nhận diện, ghi danh, biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở các lĩnh vực di sản văn hóa vật thể, di vật, hiện vật, cổ vật, phi vật thể, di sản tư liệu và hoạt động bảo tàng”;*

*Chính sách 2: “Nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của các cơ quan trực tiếp quản lý di sản, tăng cường nội dung, trách nhiệm, cơ chế thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước về di sản văn hóa từ Trung ương đến địa phương”;*

*Chính sách 3: “Tăng cường nội dung, cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa và thu hút, nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa”.*

### 2.1. Về Chính sách 1

Kết quả tổng kết thi hành Luật Di sản văn hóa cho thấy:

- *Quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong từng lĩnh vực (di sản văn hóa phi vật thể; di tích; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; hoạt động bảo tàng) chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Cụ thể:*

+ Luật Di sản văn hóa đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa di sản văn hóa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia. Tuy nhiên, Luật đang thiếu những quy định, chế tài cần thiết để tiến hành bãi bỏ quyết định công nhận di tích hoặc đưa ra khỏi các danh sách khi di sản văn hóa

được xác định không hoặc không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định của Luật.

+ Các di sản văn hóa được kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia, thường mang tính tiêu biểu hoặc đại diện (theo từng cấp độ, dựa trên giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học của di sản). Do đó, việc thiếu quy định bắt buộc triển khai các biện pháp bảo vệ phù hợp (như lập và triển khai kế hoạch, chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản...) ngay sau khi di sản được kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia... không tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp, nhằm ngăn chặn sớm các nguy cơ di sản bị xâm hại, hủy hoại, mặc dù giá trị của các di sản văn hóa này đã được các cơ quan nghiên cứu, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận và thẩm định.

Tác động trực tiếp, của việc thiếu những quy định nêu trên là một số di sản văn hóa sau khi được kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia, xét thấy không hoặc không còn đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí theo quy định của Luật nhưng chưa có quy định để hủy bỏ quyết định xếp hạng hoặc đưa ra khỏi các danh sách; nội dung cam kết, biện pháp, phương hướng... bảo vệ và phát huy giá trị di sản được quy định là yêu cầu bắt buộc phải có trong hồ sơ khoa học đệ trình UNESCO, hồ sơ khoa học di tích, hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể... nhưng sau khi di sản được xếp hạng, ghi danh, nội dung cam kết, biện pháp, phương hướng... bảo vệ và phát huy giá trị di sản trong hồ sơ không được triển khai cũng không có chế tài xử lý hoặc quy trách nhiệm cụ thể.

- *Luật hiện hành chưa có quy định bao quát về lĩnh vực di sản tư liệu*, trong khi nhu cầu quản lý di sản tư liệu ở Việt Nam xuất hiện sau khi chúng ta tham gia Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO từ năm 2007 - Sau 15 năm là quốc gia thành viên tham gia Chương trình, hiện Việt Nam chưa có hành lang pháp lý để bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu. Từ năm 2015, Hướng dẫn bảo vệ di sản tư liệu đã được Ủy ban Chương trình ký ức thế giới của UNESCO chuyển thành Khuyến nghị và theo định hướng đề xuất lên Công ước hoàn chỉnh trong thời gian tới. Hiện, 07 di sản tư liệu của Việt Nam

đã được UNESCO ghi danh là động lực không nhỏ thúc đẩy việc xác định giá trị, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản tư liệu ở Việt Nam.

Việc thiếu những quy định về di sản tư liệu khiến cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị loại hình di sản này gặp rất nhiều khó khăn. Hầu hết các hoạt động mới chỉ dừng lại ở mức độ lập hồ sơ đề nghị UNESCO vinh danh, các hoạt động sưu tầm, kiểm kê, nhận diện, bảo quản, phát huy giá trị... chưa có cơ chế, hành lang pháp lý để triển khai đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, bất cập trên là do di sản tư liệu là loại hình di sản mới ở Việt Nam. 07/07 di sản tư liệu của Việt Nam được UNESCO ghi danh trong giai đoạn 2009-2018 - sau khi Luật Di sản văn hóa được ban hành và sửa đổi, bổ sung, do vậy, những vấn đề liên quan đến di sản tư liệu chưa được kịp thời quy định trong Luật Di sản văn hóa.

Để khắc phục được những hạn chế này, Chính sách 1 sẽ được hoàn thiện thông qua hệ giải pháp cơ bản sau:

- Hoàn thiện các quy định nhằm tăng cường biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa: nhận diện, kiểm kê, ghi danh, xếp hạng, công nhận; lập và triển khai quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa...

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động bảo tàng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động bảo tàng.

- Quy định việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số là một biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa (bao quát các lĩnh vực), có cơ chế đảm bảo thực thi.

- Bổ sung quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu tương ứng với một loại hình di sản văn hóa trong Luật, có cơ chế đảm bảo thực thi.

## **2.2. Về Chính sách 2**

Hiện nay, việc phân cấp, phân quyền quản lý về di sản văn hóa đã được Luật hóa (Điều 74 và Điều 55) nhưng còn thiếu cơ chế, chính trách để triển khai đồng bộ, đảm bảo thực thi có hiệu quả. Cụ thể:

- Luật chưa quy định cụ thể và đầy đủ về trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

- Chưa quy định cụ thể về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong thực hiện việc quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở địa phương.

- Thiếu quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các tổ chức được giao quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hóa ở địa phương.

Ngoài ra, trong một số điều khoản khác, Luật cũng đã trực tiếp quy định trách nhiệm của: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan trong một số hoạt động cụ thể như: kiểm kê, lập hồ sơ di sản trình UNESCO đưa di sản văn hóa vào các danh sách của UNESCO, xếp hạng (di tích các cấp), đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia; quy hoạch tu bổ, tôn tạo di tích, khai quật khảo cổ, thành lập bảo tàng, xếp hạng bảo tàng...

Sau khi Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi bổ sung 2019 và Luật Tổ chức chính phủ năm 2015, sửa đổi bổ sung 2019 được ban hành, việc phân cấp quản lý nhà nước nói chung, quản lý di sản văn hóa nói riêng được điều chỉnh bởi hai luật này. Thực tiễn cũng cho thấy, hiệu quả quản lý nhà nước về phân cấp gắn liền với việc phân quyền, trong khi việc phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương phải được quy định trong luật. Vì vậy mà một số nội dung về phân cấp quản lý về di sản văn hóa rất khó triển khai trong thực tiễn.

Việc khuyết thiếu những quy định cụ thể về phân cấp quản lý di sản văn hóa đã dẫn đến hiện tượng, trong một số trường hợp, rất khó xác định và quy trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân trong quản lý nhà nước về di sản văn hóa, dẫn đến tình trạng di sản văn hóa chưa khẳng định được mạnh mẽ vị trí, vai trò, giá trị của nó trong đời sống xã hội, một số di sản văn hóa vẫn phải đối diện với nguy cơ mai một, hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa chưa được cải thiện đáng kể.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, bất cập trên là do luật đã có quy định nhưng còn thiếu quy định cụ thể triển khai.

Khắc phục những hạn chế này, Chính sách 2 cần được hoàn thiện theo hướng *sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về phân cấp, phân quyền trên cơ sở thực tiễn và quy định pháp luật liên quan để thống nhất phân cấp, đảm bảo phân quyền quản lý nhà nước về di sản văn hóa theo hướng đồng bộ, cụ*

*thể, rõ trách nhiệm, đảm bảo cơ chế thực thi hiệu quả.* Trong đó, xác định rõ nguyên tắc về phân cấp, phân quyền đảm bảo phù hợp với thực tiễn và khả năng đáp ứng của địa phương theo hướng phân định rõ trách nhiệm của các cấp trong quản lý nhà nước gắn với bảo đảm tăng cường nguồn lực, năng lực thực thi pháp luật cho các địa phương, cơ quan, tổ chức. Quán triệt định hướng, quy định Chính phủ, các cơ quan Trung ương chủ yếu tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ hoạch định chiến lược, xây dựng thể chế, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, xử lý vi phạm, tránh trực tiếp giải quyết sự vụ, công việc đã phân cấp; quy định rõ về thẩm quyền, phạm vi và nội dung phân cấp, phân quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực tiếp quản lý di sản, cụ thể: Từ việc kiểm kê di sản, lập hồ sơ khoa học di sản ở các lĩnh vực vật thể, phi vật thể và di sản tư liệu; xếp hạng di tích, bảo tàng; thành lập bảo tàng cấp tỉnh và cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; phê duyệt chủ trương đầu tư, thực hiện các dự án tu bổ, tôn tạo di tích; phê duyệt kế hoạch quản lý, quy chế bảo vệ di sản, lập đề án, dự án bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; quyết định tu bổ cấp thiết di tích; cấp phép khai quật khẩn cấp; cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật; đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích; chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật; giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia...; thẩm quyền quyết định các dự án xây dựng, trưng bày, chỉnh lý, nâng cấp bảo tàng chuyên ngành, bảo tàng cấp tỉnh...

### **2.3. Về Chính sách 3**

Hiện nay, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư chưa quy định về hình thức hợp tác công tư trong lĩnh vực văn hóa, trong đó có di sản văn hóa. Do đó rất khó huy động nguồn lực đầu tư từ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức... vào lĩnh vực di sản văn hóa.

Trong điều kiện kinh tế - xã hội nước ta hiện nay, nguồn kinh phí do nhà nước bao cấp, đầu tư cho di sản văn hóa tương đối hạn hẹp, chủ yếu dành ưu tiên để đầu tư cho *“các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt, bảo tàng quốc gia, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử cách mạng và di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu”* (Điều 59). Đối với các di sản văn hóa còn lại, nhu cầu kinh phí đầu tư cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị



cũng rất lớn, trực tiếp phụ thuộc vào nguồn huy động đóng góp của các lực lượng xã hội và các nguồn huy động, tài trợ hợp pháp khác...

Các quy định về huy động nguồn lực xã hội bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa hiện nay, hầu như mới chỉ dừng ở mức độ khuyến khích mà chưa quy định cụ thể các tổ chức cá nhân tham gia đóng góp trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa (khoản 1 Điều 9) . Hình thức khuyến khích cụ thể được Luật đưa ra là: *“Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được khen thưởng theo quy định của pháp luật”*. Theo đó, việc khen thưởng được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng, với các hình thức thiên về động viên tinh thần, mang tính chất khích lệ nên hiệu quả huy động chưa cao. Mặt khác, do tính đặc thù của từng loại hình di sản văn hóa, hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, việc huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho di tích có sức hút đối với xã hội, bởi phần lớn di tích ở nước ta gắn với tín ngưỡng, tôn giáo, việc đầu tư vào các di tích này cũng đồng nghĩa với việc người đầu tư gửi gắm niềm tin về tín ngưỡng, tôn giáo của chính họ. Ngoài ra, đối với di tích khảo cổ, di tích cách mạng, di sản văn hóa phi vật thể, hoạt động bảo tàng, việc huy động kinh phí đầu tư từ xã hội đang gặp rất nhiều khó khăn.

Tác động trực tiếp của việc thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích phù hợp để huy động nguồn lực trong xã hội dành cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa là: Do nhu cầu kinh phí cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa hằng năm là rất lớn, trong khi, nguồn đầu tư từ nhà nước lại có hạn, nguồn xã hội hóa rất khó huy động nên sức ép kinh phí dành cho di sản văn hóa đối với nhà nước ngày một gia tăng. Đó là nguyên nhân căn bản dẫn đến tình trạng thiếu kinh phí đầu tư cho di sản văn hóa kéo dài, khiến cho không ít di sản văn hóa phải đối diện với nguy cơ mai một, thậm chí phải đứng trước nguy cơ bị hủy hoại, công tác di sản văn hóa không tạo ra được nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của quốc gia. Cụ thể: So với nhu cầu thì nguồn ngân sách sự nghiệp cấp cho Dự án bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa giai đoạn 2016- 2020 còn rất hạn chế, chỉ hỗ trợ được các hạng mục di tích gốc xuống cấp nghiêm trọng, với kinh phí rất ít ỏi cho mỗi lượt di tích, bình quân xấp xỉ khoảng 500 triệu đồng/01 di tích, cơ bản chỉ là vốn môi, nhằm hỗ trợ chống xuống cấp, tu bổ một phần hạng mục gốc

của di tích (Trong 05 năm, kinh phí từ ngân sách nhà nước bố trí 245 tỷ đồng, hỗ trợ 471 lượt di tích trên địa bàn cả nước, trong tổng số 3.599 di tích quốc gia, chưa giải quyết được mục tiêu đề ra nhằm chống xuống cấp di tích, chỉ mang tính chất chống đỡ cục bộ, chưa đặt di tích ở trong tình trạng tồn tại bền vững lâu dài, nhiều di tích quốc gia chưa được tu bổ, có nguy cơ không những làm biến dạng di tích, mất đi yếu tố gốc và giá trị vốn có, nghiêm trọng hơn là nguy cơ đổ sập. Kinh phí thực hiện tu bổ di tích chủ yếu do các địa phương đối ứng và huy động từ nguồn xã hội hóa, khoảng vài nghìn tỷ đồng.

Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn kinh phí bố trí từ ngân sách nhà nước tương đối thấp, chính sách về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa chưa thu hút được đông đảo các lực lượng xã hội tích tham gia, hiệu quả huy động chưa cao.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, hệ giải pháp trong việc hoàn thiện Chính sách là sửa đổi, bổ sung quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong Luật Di sản văn hóa. Trong đó:

- Quy định rõ trách nhiệm của chủ sở hữu di sản văn hóa trong việc đầu tư cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa do chính họ sở hữu, đồng thời, xây dựng cơ chế chế phù hợp để chia sẻ lợi ích công bằng cho các đối tượng liên quan đối với nguồn thu từ di sản văn hóa khi tham gia đầu tư.

- Có chính sách phù hợp để khuyến khích, thu hút hợp tác trong bảo vệ phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Quy định nội dung các hoạt động để thu hút các nguồn lực của xã hội, huy động được sự đóng góp, tham gia của tổ chức (trong đó có Quỹ Bảo tồn di sản văn hóa), cá nhân trong công tác bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hóa, cụ thể các hoạt động: Kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng, sưu tầm, nghiên cứu, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích đã được kiểm kê, xếp hạng; thăm dò, khai quật khảo cổ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học; thăm dò, khai quật khảo cổ phục vụ dự án cải tạo, xây dựng công trình, khảo cổ học dưới nước; lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; hoạt động sưu tầm, kiểm kê, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày, giáo dục, truyền thông của bảo tàng công lập; giám định tài liệu, di vật, cổ vật phục vụ công tác quản lý và các hoạt động của bảo tàng; tổ chức hoạt động giám định tài liệu, di vật, cổ vật theo đề nghị hoặc đơn đặt hàng của cá nhân, tổ chức phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước; kiểm kê, đăng ký,

lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia; nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể; nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, số hóa, biên dịch và phát huy giá trị di sản tư liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu, bộ máy tra cứu, lập báo cáo các loại dữ liệu về di tích và bảo tồn di tích.

\*

\* \*

Trong quản lý nhà nước và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hiện nay, chính sách được xác định là “định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định”<sup>1</sup>. Việc hoàn thiện chính sách về di sản văn hóa được như được xuất trên đây, cơ bản nhằm hướng đến mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, các lực lượng xã hội thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp liên quan tới di sản văn hóa, tham gia tích cực vào hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; góp phần xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Để hiện thực hóa điều này, trong suốt quá trình xây dựng, hoàn thiện chính sách, rất cần sự chung tay góp sức của toàn Ngành Văn hóa, chính quyền các cấp, các lực lượng xã hội và toàn thể nhân dân.

---

1. Khoản 1, Điều 2, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 ĐẾN VẤN ĐỀ PHÁT HUY SỨC MẠNH MỀM CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. ĐỖ THỊ HIỆN\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khởi thảo và được công bố năm 1943 trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai đang lan rộng và ngày càng ác liệt. Ở Việt Nam, tình hình kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa - xã hội rất phức tạp, mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ngày càng sâu sắc thêm. Nhân dân Việt Nam không những chịu cảnh “một cổ hai tròng” do quân xâm lược Nhật, Pháp gây nên mà còn lâm vào tình cảnh lầm than, cơ cực. Trong bối cảnh ấy, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định triệu tập Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943 để bàn biện pháp đối phó với tình hình, quyết tâm đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước, tiến tới chặn đứng và đập tan âm mưu, thủ đoạn xâm lược của phát xít Nhật và thực dân Pháp. Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng nhận định rằng, trong lúc này cần phải có các tổ chức và đội ngũ cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, văn nghệ để gây dựng và thúc đẩy phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc, nhằm chống lại văn hóa phát xít thụt lùi, văn hóa phong kiến bảo thủ, lạc hậu... Vì vậy, tại Hội nghị Thường vụ Trung ương lần này, Đảng khẳng định rõ thái độ của mình đối với vấn đề văn hóa và được ghi rõ trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

---

\* Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong dịp kỷ niệm 40 năm Đề cương văn hóa ra đời (1943-1983), đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh nhấn mạnh: “Vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của Việt Nam”<sup>1</sup>.

Cho đến nay, Đề cương không chỉ có giá trị to lớn trong chỉ đạo hoạt động văn hóa - xã hội nói chung, sự ra đời của Đề cương văn hóa còn có ý nghĩa rất lớn đối với việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến và phát triển bền vững hiện nay. Trong bối cảnh nhiều quốc gia đã và đang coi “sức mạnh mềm” văn hóa là một nguồn lực khi phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia, Đề cương văn hóa với tư cách là văn kiện xác định những vấn đề lý luận cơ bản định hướng đúng đắn hoạt động tư tưởng và văn hóa của đất nước từ năm 1943 có những giá trị to lớn đối với việc phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

### **1. Đề cương văn hóa năm 1943 đã xác định những vấn đề lý luận cơ bản định hướng đúng đắn hoạt động tư tưởng và văn hóa**

Khi dự thảo Đề cương văn hóa, Đảng nắm vững và quán triệt sâu sắc những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, khẳng định mối quan hệ không tách rời giữa văn hóa và kinh tế, chính trị. Đề cương chỉ rõ: “Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc)”<sup>2</sup>. Do vậy, trong cải tạo xã hội cần kết hợp đồng bộ giữa ba lĩnh vực kinh tế, chính trị với văn hóa; thực hành cách mạng trên lĩnh vực văn hóa không tách rời cuộc cách mạng trên lĩnh vực chính trị và kinh tế. Đề cương văn hóa chỉ rõ, cách mạng chính trị phải giành thắng lợi trước rồi cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa mới có điều kiện thực hiện thắng lợi, đồng thời

---

1. Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.3, tr.559.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2022, tr.11.

vấn đề cách mạng văn hóa được thực hiện thành công mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. Đó là một sự nghiệp vĩ đại, sâu sắc, rất lâu dài và nhiều khó khăn, gian khổ.

Nhận rõ văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội, Đảng đề ra Đề cương văn hóa và làm cho nó trở thành một vũ khí tư tưởng sắc bén của các chiến sĩ trên mặt trận văn hóa chống lại những âm mưu của phát xít, thực dân làm ngu dân và nô dịch đánh bại những khuynh hướng văn hóa sai lầm, tác hại đến việc giành lại độc lập dân tộc và tiến lên xây dựng một nền văn hóa mới Việt Nam.

Đề cương văn hóa xác định rõ những nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam có tính dân tộc, tính đại chúng và tính khoa học phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đề cương văn hóa chủ trương xây dựng văn hóa mới Việt Nam (bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật), từ khả năng biến thành hiện thực: “Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>1</sup>. Bản Đề cương xác định rõ ba nguyên tắc: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”, nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta trước đây cũng như yêu cầu của sự nghiệp đổi mới hiện nay, quyết tâm xây dựng nền văn hóa mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đề cương văn hóa xác định cần xây dựng nền văn hóa Việt Nam mang đậm tính dân tộc, dân tộc hóa, chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Nền văn hóa Việt Nam được dân tộc hóa nhằm chấn hưng tinh thần dân tộc, chống tư tưởng tự ti dân tộc và miệt thị văn hóa dân tộc. Qua đó, không ngừng nâng cao lòng yêu nước, khí phách anh hùng, độc lập, tự chủ, dũng cảm, kiên cường trong chiến đấu, quyết tâm bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Đề cương văn hóa còn xác định rõ tính đại chúng hóa - chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng, hoặc xa rời đông đảo quần chúng nhân dân. Văn hóa mới, văn hóa cách mạng hướng mọi sáng tạo nghệ thuật và hoạt động văn hóa vào phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân, cán bộ, chiến sĩ cách mạng, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của quần chúng nhân

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.19-20.

dân, tạo sự phấn khởi, hăng hái trong thực hành các nhiệm vụ cách mạng. Tính khoa học trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam là làm cho văn hóa không ngừng được khoa học hóa, chống lại những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Tính khoa học hướng dẫn các hoạt động văn hóa mới Việt Nam biết kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những giá trị tốt đẹp, có giá trị tích cực trong các dòng văn hóa kim, cổ, đông, tây.

Những nội dung cơ bản của Đề cương văn hóa hợp thành cơ sở để định hướng quá trình đổi mới, làm cho văn hóa Việt Nam ngày càng hiện đại, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; đồng thời, đó cũng là cơ sở phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong điều kiện mới.

## **2. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Những giá trị định hướng cho vấn đề phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam hiện nay**

Nhiều quốc gia đã và đang coi “sức mạnh mềm” văn hóa là một nguồn lực khi phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia (về chính trị, kinh tế, tài nguyên thiên nhiên, con người, nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...) để nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của quốc gia. Tuy nhiên, toàn cầu hóa đang đặt văn hóa các dân tộc trước thách thức các mô típ văn hóa đang được chia sẻ chung và dần trở nên có tính toàn cầu. Điều này có thể gây phương hại tới tính sáng tạo và đa dạng văn hóa của thế giới, tạo ra sự đồng nhất nghèo nàn về văn hóa.

Việt Nam là đất nước có nền văn hóa, văn hiến lâu đời, có bề dày truyền thống hàng nghìn năm. Nền văn hóa đó có hệ giá trị, bản sắc riêng và không bị đồng hóa bởi bất kỳ kẻ thù xâm lược nào. Hệ giá trị và bản sắc đó đã tạo nên sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, bên cạnh việc phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia thì nguồn lực văn hóa đang được nhiều quốc gia coi là một “sức mạnh mềm” quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và nâng cao vị trí, vai trò trên trường quốc tế.

Như vậy, vấn đề rất cơ bản đối với một đất nước, đó là phải xác định được nền văn hóa của mình, vì có văn hóa mới có sự tồn tại. Mỗi xã hội, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đều có một nền văn hóa riêng với những đặc trưng riêng, tạo ra một thế giới rất phong phú về văn hóa. Khi lãnh đạo cách mạng, Đảng đã

rất coi trọng vấn đề văn hóa và *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ra đời chính là thể hiện chiến lược về văn hóa của Đảng. Đề cương đã nêu ra ba tính chất, nguyên tắc cực kỳ quan trọng và đúng đắn để xây dựng văn hóa Việt Nam, đó là tính dân tộc, tính đại chúng và tính khoa học.

Một nền văn hóa như Việt Nam chắc chắn phải mang tính dân tộc, tính đại chúng và tính khoa học. Hiện nay, Việt Nam bước đến thời kỳ chuyển đổi số, bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thì những nguyên tắc này cũng không thay đổi. Rõ ràng, dù ở giai đoạn nào, với nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học, Việt Nam luôn từng bước xây dựng được đất nước có bản sắc văn hóa riêng, nhưng đồng thời cũng luôn tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới và gắn kết với văn hóa của tất cả các quốc gia tiến bộ trên thế giới.

Trong bối cảnh hiện nay, sức mạnh mềm không chỉ còn là một khái niệm mà đã trở thành chiến lược phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới. Đối với các quốc gia - dân tộc, sức mạnh mềm trở thành một công cụ quan trọng trong việc thực thi chính sách đối ngoại. Nhiều dự báo cho rằng, trong thế kỷ XXI, cạnh tranh sức mạnh mềm sẽ là một trong những công cụ hữu hiệu trong quan hệ quốc tế nhằm mở rộng tầm ảnh hưởng, nâng cao vị thế quốc gia, đạt được sự ủng hộ, hợp tác của các cộng đồng, quốc gia, quốc tế.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã yêu cầu: “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới”<sup>1</sup>.

Việt Nam có vị trí địa lý thuận lợi, có đường bờ biển dài (3.200 km) tiếp giáp với Biển Đông, ở vị trí ngã tư đường giao thông hàng hải quốc tế, ở giữa hai nền văn minh lớn của thế giới là Ấn Độ và Trung Quốc; đặc biệt, Việt Nam có nền văn hóa và truyền thống lịch sử lâu đời, dân số đông, chủ yếu là lực lượng lao động trẻ năng động, cần cù, sáng tạo... Đó là những thuận lợi để Việt Nam phát huy tiềm lực “sức mạnh mềm”.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.145.



Thuật ngữ “sức mạnh mềm”, “phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam” lần đầu tiên xuất hiện trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Đại hội XIII đã khẳng định, các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, bản sắc văn hóa Việt Nam và sức mạnh con người Việt Nam đã trở thành cội rễ của sức mạnh mềm văn hóa dân tộc, là sức mạnh nội sinh, là nguồn lực và động lực to lớn của đất nước trong phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Xây dựng, phát huy yếu tố văn hóa để thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế”<sup>1</sup>. Sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam được coi là một trong những sức mạnh nội tại đặc biệt. Đại hội chỉ rõ: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”<sup>2</sup>; “Chú trọng nâng cao giá trị tư tưởng, nghệ thuật, đồng thời bảo đảm tự do, dân chủ trong sáng tạo văn học, nghệ thuật; khuyến khích những tìm tòi mới làm phong phú thêm bản sắc văn hóa Việt Nam; hạn chế các lệch lạc, các biểu hiện chạy theo thị hiếu tầm thường”<sup>3</sup>.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh trong bài nói tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ ba (24/11/2021): “Đứng trước những thời cơ và thách thức mới, yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng nước ta là phải tiếp tục xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “động lực phát triển”, và “soi đường cho quốc dân đi”; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện thành công mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI”<sup>4</sup>. Việt Nam là một đất nước có hàng nghìn năm lịch sử, trải qua không biết bao nhiêu sự biến đổi,

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t., tr.134, 143, 145.

4. Nguyễn Phú Trọng: *Bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc*, báo *Nhân Dân*, ngày 24/11/2021.

thăng trầm do thiên nhiên và con người gây ra, đã tích lũy, tạo ra và phát huy được nhiều giá trị, bản sắc văn hóa riêng của dân tộc, làm nên hồn cốt của dân tộc; đồng thời tiếp thu và góp phần đóng góp vào nền văn hóa chung của nhân loại.

Thực tế hiện nay, Việt Nam đang phát huy “sức mạnh mềm” của văn hóa trong phát quá trình hội nhập. Đó là khơi dậy truyền thống yêu nước, yêu chuộng hòa bình, tinh thần đoàn kết, khoan dung văn hóa của con người Việt Nam. Đó là những biểu hiện sinh động của tinh thần khoan dung, nhân ái, trọng tình, hướng về nhân dân. Mặt khác, người Việt sẵn sàng thấu nhận những tinh hoa văn hóa nhân loại trên cơ sở gìn giữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Việc phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được quan tâm, quảng bá, giới thiệu rộng rãi đến bạn bè thế giới nhằm thu hút khách du lịch, tạo nguồn thu từ ngành công nghiệp không khói, làm nên hình ảnh đẹp về một Việt Nam với những vẻ đẹp tiềm ẩn, con người thân thiện, mến khách. Là một đất nước được thiên nhiên ưu đãi, Việt Nam có nhiều phong cảnh và danh thắng được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên hàng đầu của nhân loại như Vịnh Hạ Long, Phong Nha - Kẻ Bàng, bãi đá cổ Sa Pa; nhiều bãi biển đẹp như Non Nước, Lăng Cô, Nha Trang...; có du lịch sinh thái sông rạch, miệt vườn Nam Bộ độc đáo... Một yếu tố khác làm nên sức mạnh mềm của văn hóa trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đó là vai trò to lớn của “ngoại giao công chúng”, “ngoại giao văn hóa”. Nhờ vào sức mạnh của truyền thông, người dân trong nước có thể biết được những biến động của tình hình thế giới để có những thay đổi, ứng phó kịp thời. Và qua truyền thông, bạn bè quốc tế sẽ hiểu và cảm nhận rõ về Việt Nam. Truyền thông với những tiếng nói đa dạng có khả năng kết nối, trao đổi thông tin nhanh nhạy, kịp thời, tạo hiệu ứng giữa các cộng đồng, làm nên sức mạnh có thể lay chuyển được những tình thế khó khăn. Ngoại giao công chúng và ngoại giao văn hóa còn được thực hiện thông qua hoạt động của các tổ chức phi chính phủ, các tập đoàn kinh tế, các hội thảo khoa học, các khóa tập huấn, các chương trình tài trợ cho du học sinh, các cuộc trao đổi, giao lưu văn hóa - nghệ thuật, các tuần lễ văn hóa, năm văn hóa - du lịch, tổ chức các sự kiện văn hóa, festival, carnival...

### 3. Một số giải pháp định hướng nhằm phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam thời đại mới

Từ nội dung của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, từ yêu cầu xây dựng một nền văn hóa có tính dân tộc, tính đại chúng và tính khoa học đến việc phát huy sức mạnh mềm của văn hóa trong bối cảnh hiện nay, tiếp nhận những văn hóa mới và những văn hóa mới ấy sẽ giúp cho văn hóa Việt Nam càng ngày càng hoàn chỉnh, định hình được rõ ràng để nền văn hóa của chúng ta thực sự phát triển bền vững với tinh thần “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Việc nghiên cứu *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 và thực hiện bảo đảm tính “dân tộc”, “đại chúng” và “khoa học” trong đời sống xã hội là một giải pháp mang tính cốt yếu để phát huy sức mạnh mềm xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện nay. Để thực hiện, cần có những giải pháp cụ thể:

*Một là*, thể chế hóa quan điểm của Đảng thành các chính sách, các kế hoạch hành động cụ thể. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng luôn khẳng định tầm quan trọng của lĩnh vực văn hóa. Văn kiện của Đảng đã nhất quán khẳng định vị trí, vai trò của văn hóa trong phát triển. Văn hóa là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, là động lực, là sức mạnh nội sinh quan trọng trong phát triển đất nước. Văn hóa là sức mạnh mềm quốc gia. Vấn đề đặt ra hiện nay là làm sao để các chủ trương, quan điểm hết sức khoa học và đúng đắn đó đi vào trong cuộc sống, mang hơi thở “đại chúng”, “dân tộc”.

*Hai là*, xác định rõ những tài nguyên nào có khả năng chuyển hóa thành sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam. Từ đó có chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, bởi đây là cội rễ của sức mạnh mềm văn hóa quốc gia. “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể. Nghiên cứu và giáo dục sâu rộng những đạo lý dân tộc tốt đẹp do cha ông để lại”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.63.

*Ba là*, tổ chức tuyên truyền, giới thiệu thường xuyên, liên tục và có hệ thống bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng các nội dung chủ yếu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta và nhân dân thế giới; làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ngày càng thâm nhập sâu rộng, bền chặt trong đời sống tinh thần của xã hội, trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế. Có thêm nhiều hình thức tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nước ngoài. Tiếp tục đẩy mạnh giới thiệu tiểu sử, sự nghiệp và trước tác của các danh nhân lịch sử, văn hóa, quân sự tiêu biểu của dân tộc ta..., làm lan tỏa, củng cố giá trị văn hóa Việt Nam trong lòng nhân dân thế giới. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại và ngoại giao văn hóa để phổ biến và lan tỏa hình ảnh đất nước, văn hóa, lịch sử, con người Việt Nam; giúp nhân dân thế giới hiểu biết, yêu mến, ủng hộ, hợp tác, giúp đỡ Việt Nam phát triển; ủng hộ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam; tăng cường mở rộng đầu tư, kinh doanh du lịch vào Việt Nam...

*Bốn là*, quan tâm phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa đương đại phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, tiến bộ để tiếp tục gia tăng thêm cơ tầng sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam và lan tỏa sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam ra thế giới. Đầu tư phát triển mạnh ngành công nghiệp văn hóa, mở rộng thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa trong nước và quốc tế. Các sản phẩm công nghiệp văn hóa quốc gia khi ra khỏi biên giới sẽ không chỉ đơn thuần là những hàng hóa văn hóa mà nó còn là biểu tượng, bản sắc, hình ảnh, thương hiệu quốc gia, thể hiện sức mạnh mềm của văn hóa quốc gia. Tiếp thu, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghệ của thế giới để phát triển ngành công nghiệp văn hóa và lan tỏa sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam. Để gia tăng sức mạnh mềm văn hóa, phải gắn kết chặt chẽ văn hóa với phát triển kinh tế; “gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, phấn đấu đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, giữ gìn tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.145-146.

\*

\* \*

Văn hóa là một lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội, có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong sự hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân, sự vững chắc của mỗi cộng đồng và rộng hơn là sự phát triển của mỗi quốc gia. Sẽ không thể có một sự phát triển nhanh và bền vững nếu không phát huy được nội lực của chính quốc gia đó. Trải qua 80 năm kể từ khi ra đời, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị lý luận và tính thời đại sâu sắc, tiếp tục soi đường cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên con đường hội nhập và phát triển. Tiếp thu và vận dụng những giá trị của Đề cương văn hóa để phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam hiện nay vừa là yêu cầu, vừa là giải pháp để thực hiện khát vọng xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

## VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG NHÀ TRƯỜNG - THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT

ThS. TRẦN TRUNG HIẾU\*

### 1. Văn hóa học đường trong sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện ngành giáo dục và đào tạo

Văn hóa học đường là một môi trường hoạt động đặc biệt của con người, mang tính xã hội và lịch sử. Tùy theo triết lý giáo dục của từng thời đại hoặc của từng quốc gia mà người ta có thể xây dựng những cấu trúc khác nhau của văn hóa học đường. Có thể nhận thấy văn hóa học đường bao gồm một tập hợp những mối quan hệ khăng khít, không thể tách rời, giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể, hoặc cá nhân với thiết chế xã hội...

Nhiều người quan niệm rằng không gian văn hóa học đường được hình thành và thiết lập ở ngay trong lớp học. Nhưng thực tế lại cho thấy: thư viện, câu lạc bộ, giờ học thể dục hoặc thậm chí những giờ nghỉ giải lao cũng là lúc rất cần thiết phải xây dựng một trật tự văn hóa học đường. Như vậy, không gian văn hóa học đường là một môi trường diễn ra quá trình tương tác giữa người thầy với học trò, hoặc giữa những người học trò với nhau ở một trường học nào đó nhằm thực hiện quá trình truyền thụ và tiếp thu kiến thức. Dù muốn hay không, từ lúc vào trường đến khi tốt nghiệp, mỗi học sinh cũng phải có sự tương tác bởi nhiều mối quan hệ cơ bản.

#### Quan hệ giữa giáo viên và học sinh

Đây là mối quan hệ quan trọng nhất trong văn hóa học đường, bởi vì thầy cô giáo là người giảng dạy, người trực tiếp truyền đạt kiến thức cho học sinh. Thông qua những buổi học, học sinh sẽ được đón nhận lượng thông tin cần thiết và bổ ích để có thể từng bước đi lên trong quá trình tự học tập.

---

\* Trường Trung học phổ thông Chuyên Phan Bội Châu, Nghệ An.

Trong quá trình giao lưu, trao đổi trên lớp học, thầy giáo không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn truyền đạt về đạo đức, về cách suy nghĩ và ứng xử để các em từng bước trưởng thành. Có thể nhận thấy, sự hình thành thế giới quan, nhân sinh quan của người trí thức được bắt đầu định hình khá rõ nét trong giai đoạn học ở trường phổ thông. Chỉ sau một vài tháng học tập trong môi trường phổ thông, các em học sinh sẽ cảm thấy bản thân mình có những bước phát triển cả về khối lượng kiến thức tiếp thu được và cả về cách nhìn nhận, đánh giá các vấn đề trong cuộc sống.

Trên lớp học, thước đo chuẩn xác nhất cho văn hóa học đường chính là những giờ giảng chất lượng cao mà biểu hiện sinh động nhất là mối quan hệ tương tác giữa thầy với trò. Trong trường hợp này là thầy có cảm hứng để trình bày bài giảng một cách khúc chiết, mạch lạc và hấp dẫn, còn học sinh tập trung lắng nghe thầy giáo giảng bài, ghi chép bài đầy đủ và có thể hiểu bài ngay trên lớp học.

Một nội dung quan trọng trong chủ trương cải cách giáo dục ở nước ta hiện nay là *lấy người học là trung tâm*. Như vậy, học sinh là người chủ động trong quá trình học tập, không ngồi nghe giảng một cách thụ động như trước kia mà phải thay đổi hoàn toàn quan niệm cũng như cách thức học tập, chất lượng học tập.

Thầy và trò phải cùng nhau xây dựng một không gian văn hóa học đường vừa thân thiện, cởi mở, vừa nghiêm túc, vui vẻ. Không gian văn hóa học đường đòi hỏi người thầy phải luôn luôn giữ đúng chuẩn mực sư phạm từ trang phục, đầu tóc đến lời nói, từ dáng điệu đi đứng đến cử chỉ diễn đạt và cách phát ngôn. Ảnh hưởng của người thầy đến các thế hệ học sinh là vô cùng đậm nét. Đạo đức, chuẩn mực, cốt cách của người thầy là nguồn sức sống vô tận truyền bá cho các em học sinh.

Văn hóa học đường hiện đại ngày nay khác với văn hóa học đường thời phong kiến. Để thiết lập trật tự trong lớp học, để tạo ra văn hóa học đường thời phong kiến thì các thầy đồ thường sử dụng nhiều hình phạt hà khắc đối với người học: phạt đứng trên bưng, phạt quỳ xuống đất hoặc quỳ trên vỏ quả mít đầy gai, thậm chí dùng thước gỗ lim đánh vào tay, vào đầu người học. Trong một số trường hợp, các thầy đồ ngày xưa còn sử dụng cách giáo dục bằng những lời chì chiết, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của sĩ tử. Trên một phương diện nào đó, cách giáo dục cổ xưa đó cũng có tác dụng nhất

định để thiết lập kỷ cương, trật tự trên lớp học, nhưng nó đã bộc lộ rất nhiều hạn chế vì như vậy không khí học đường trở nên căng thẳng, học trò sợ thầy, kính thầy nhưng không dám gần thầy và cũng có khi họ còn oán thầy vì cách giáo dục cổ hủ, lạc hậu, gây ức chế tâm lý cho cả người học và người dạy.

Ngược lại, văn hóa học đường hiện đại đòi hỏi thầy và trò phải có quan hệ gần gũi, thân thiện, cởi mở và được tôn trọng. Tính văn hóa và nhân văn được đề cao trong mối quan hệ thầy - trò. Ngày nay, để đạt được mục tiêu đào tạo có chất lượng cao trong một không gian văn hóa học đường hiện đại, đòi hỏi cả thầy và trò đều phải tự thay đổi và vươn lên cho phù hợp với thời đại. Hình ảnh một người thầy nghiêm túc, chuẩn mực thôi vẫn chưa đủ, mà bên cạnh đó đòi hỏi bài giảng của thầy phải luôn luôn đổi mới cả về phương pháp và nội dung, phải phù hợp với những yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Có như vậy, người học mới thấy hấp dẫn, gần gũi, thiết thực, dễ tiếp thu. Những giờ giảng theo cách hàn lâm, lý luận dài dòng, phi thực tế dễ làm người nghe mệt mỏi, chán nản và kém hứng thú.

Mặc khác, cách ứng xử của thầy với trò phải nghiêm túc nhưng vẫn gần gũi, chuẩn mực, độ lượng, bao dung, như vậy sẽ tạo ra niềm tin yêu, sự say mê và hứng khởi cho cả người học và người dạy.

Quan hệ giữa phụ huynh với học sinh

Thực tế cho thấy: Khi học sinh đang học ở trường phổ thông, sự phối hợp giữa gia đình với nhà trường được tiến hành thường xuyên hơn. Hằng tháng, hằng quý nhà trường dùng sổ liên lạc để thông báo cho gia đình các em học sinh về tình hình học tập và quá trình tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của các em, hoặc tổ chức những buổi nhà trường họp với phụ huynh học sinh để thông tin, trao đổi những vấn đề cần thiết xảy ra trong sinh hoạt, học tập của các em ở nơi học đường. Nhờ sự phối hợp chặt chẽ đó mà các em học sinh phổ thông được quan tâm nhiều hơn và các em cũng ít mắc phải khuyết điểm hơn. Sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình với nhà trường có tác dụng động viên, khuyến khích các em rất nhiều, đồng thời có tác dụng vừa nhắc nhở, phê bình khi các em mắc lỗi, vừa động viên, khen thưởng khi các em có thành tích.

Học sinh phổ thông là thời kỳ các em đang dần tập làm người lớn, đang đứng trước ngưỡng cửa của cuộc đời. Ở giai đoạn này, các em chưa được hoàn thiện về tâm lý và sinh lý, đồng thời lại được tiếp thu một lượng kiến thức của nhiều môn học, do đó các em thường thích thể hiện và khẳng định mình.



Nếu thầy cô và phụ huynh không trao đổi thường xuyên qua các hình thức khác nhau thì khó lòng hiểu được tình cảm, tâm lý và tính cách của các em. Như vậy là, có thể chúng ta đã không nhen nhóm được ngọn lửa nhiệt tình say mê học tập.

Gia đình học sinh và thầy cô chủ nhiệm cần phối hợp chặt chẽ để tạo thành điểm tựa vững chắc cho các em học sinh yên tâm phấn đấu học tập và rèn luyện. Chúng ta cần có thái độ dân chủ, thân thiện, cởi mở và tin tưởng vào các em, luôn luôn tôn trọng cá tính cùng những sáng tạo của học sinh, nhưng cũng rất cần sự tham gia, góp ý, tư vấn kịp thời để các em có thể tránh được những sai lầm đáng tiếc trong nhận thức, ứng xử, sinh hoạt của mình.

Nhiều gia đình vì hạn chế trình độ và điều kiện kinh tế nên đã phó mặc tất cả cho nhà trường. Thậm chí, khi con em họ mắc phải những khuyết điểm trầm trọng vì nghỉ học quá nhiều, hoặc vi phạm nội quy kỷ luật của nhà trường dẫn đến bị đuổi học thì gia đình mới biết. Mối quan hệ huyết thống và với họ hàng, quê hương vẫn là bộ phận quan trọng và cần thiết cho các em đi hết quãng đời học sinh của mình.

Trong những năm tháng đang độ tuổi mới lớn, các em có rất nhiều thay đổi về cả thể chất và tinh thần, cả lý trí và tình cảm. Đây là thời kỳ nhạy cảm nhất của cuộc đời vì trong thời gian này các em có nhiều hy vọng nhưng cũng dễ rơi vào bi quan, thất vọng. Nếu thiếu vắng sự định hướng, quan tâm kịp thời của gia đình, có thể các em sẽ từ bỏ con đường đèn sách học hành và rẽ sang một ngã khác. Cha mẹ cần phải nghiêm khắc với con em mình, nhưng đồng thời cũng phải sẵn sàng chia sẻ, động viên, bao dung để các em không cảm thấy cô đơn, nhất là khi gặp phải những khó khăn, thử thách.

Tình cảm gia đình, điểm tựa gia đình đối với học sinh tưởng chừng như không có liên quan đến chất lượng học tập, đến văn hóa học đường, nhưng thực ra đó là nguồn động lực mạnh mẽ, vô tận để các em yên tâm, phấn khởi đèn sách trong quá trình học tập.

#### Quan hệ giữa nhà trường với học sinh

Học sinh là một thành tố quan trọng để xây dựng nên các trường phổ thông và tạo lập nên văn hóa học đường. Nếu thiếu vị trí, vai trò của học sinh thì không thể có trường phổ thông và văn hóa học đường. Trong quá trình giảng dạy, học sinh là trung tâm, là đối tượng được nhà trường quan tâm, giúp đỡ.

Để tạo điều kiện cho thầy và trò có những giờ giảng dạy và học tập có chất lượng cao thì lãnh đạo của trường phải thường xuyên hoạt động trên cơ sở những quy chế, nội quy mang tính kỷ luật và đồng thời cũng phải mang theo tính sáng tạo và năng động, phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể. Tất cả nội quy, quy chế học đường cần được tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cho từng học sinh và ngay trong phòng học khi mới vào trường.

Rất nhiều quy định nhằm thiết lập văn hóa học đường cần phải được thực hiện thường xuyên, mà nếu thiếu đi những điều đó thì không gian văn hóa học đường bị xâm phạm. Ví dụ như: đến lớp phải đúng giờ, ra vào lớp phải xin phép, trong lớp phải trật tự nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trang phục phải gọn gàng sạch sẽ, không được sử dụng tài liệu khi thi... Có những vấn đề tưởng chừng rất nhỏ như việc sử dụng điện thoại di động hoặc ăn uống trong giờ giải lao, nhưng nếu không được thực hiện và duy trì một cách nghiêm túc, bằng nhiều biện pháp và mức độ khác nhau từ hình thức nhắc nhở đến khiển trách, cảnh cáo hoặc kỷ luật thì hiện tượng đó cứ lặp đi lặp lại sẽ gây ra những hiệu ứng xấu với tâm lý của đa số thầy và trò trên lớp, làm mất đi vẻ trang nghiêm cần thiết ở nơi học đường.

Nội dung của quy định, quy chế cần phải được nghiên cứu tỉ mỉ sao cho vừa bảo vệ quyền lợi được học hành, nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí của học sinh, vừa nhắc nhở, cảnh báo và điều chỉnh được hành vi ứng xử của học sinh sao cho những điều khoản trong quy chế trở nên gần gũi, cần thiết với tất cả học sinh.

Chúng ta cần hướng tới xây dựng và thực hiện văn hóa học đường vừa theo truyền thống văn hóa Việt Nam, vừa mang tính chất hiện đại giúp cho quan hệ giữa thầy cô với học sinh ngày càng gần gũi, thân thiện. Muốn được như vậy, cần thay đổi cách nhìn, cách nghĩ về quá trình giáo dục cũng như các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

## **2. Thực trạng báo động về văn hóa học đường trong những năm gần đây**

Những năm gần đây, chúng ta cũng phải đối mặt với nhiều biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức, lối sống trên bình diện xã hội nói chung, trong môi trường học đường nói riêng ở nhiều trường phổ thông. Có thể thấy, phần lớn thế hệ trẻ ngày nay có vốn kiến thức rộng, nhanh nhạy nắm bắt thông tin, có tinh

thần học hỏi và tư duy sáng tạo. Tuy nhiên, bên cạnh đó, một bộ phận học sinh vì nhiều nguyên nhân đã ứng xử một cách thiếu văn hóa, kém hiểu biết, gây ảnh hưởng đến tinh thần và môi trường văn hóa giáo dục tốt đẹp trong trường học. Hiện nay, văn hóa ứng xử học đường đang trong tình trạng đáng báo động. Có nhiều hành vi và lối ứng xử thiếu văn hóa của cả học sinh và giáo viên. Đối với học sinh, biểu hiện nói xấu người khác, đối trá, nói tục, chửi thề, cãi vã, đánh nhau giữa học sinh với học sinh diễn ra ở nhiều trường ở trong cả nước nói chung, đặc biệt là ở cuối bậc trung học cơ sở.

Thực tế cho thấy, những năm gần đây, trên cả nước diễn ra không ít vụ học sinh đánh nhau ở cả trong và ngoài trường học. Học sinh bây giờ đánh nhau không chỉ dùng chân tay mà cả cầm dao, kiếm và súng tự chế để “xử nhau” chỉ vì những lý do rất trẻ con như “nhìn đểu”, không cho chép bài, nói xấu, ghen tuông, đố kỵ nhau trên mạng xã hội hoặc đơn giản là đánh cho bõ ghét.

Một thực tế rất lạ là trước đây, học sinh đánh nhau chủ yếu ở học cấp bậc phổ thông trung học, nay chuyển sang đối tượng là học sinh cấp bậc phổ thông cơ sở, trước đây chủ yếu là nam sinh đánh nhau, ngày nay chủ yếu là nữ sinh đánh nhau và đánh theo kiểu “hội đồng”. Hẳn chúng ta còn nhớ trường hợp 2 học sinh Trường Trung học cơ sở Ba Đình (thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa) dùng dao đâm chết bạn cùng trường vì mâu thuẫn cá nhân cách đây ít năm. Không chỉ đánh nhau, nói tục, chửi thề, cãi vã, hiện tượng học trò vô lễ, không tôn trọng thầy cô, gọi thầy cô bằng những từ ngữ vô văn hóa, xé bài kiểm tra trước mặt thầy, cãi thầy khi bị la mắng... diễn ra khá phổ biến ở nhiều trường học. Nhiều nền nếp, tôn ti trật tự trong trường học bị đảo lộn. Ngày xưa trò sợ thầy, ngày nay nhiều thầy sợ trò. Giáo viên thì bạo lực với học sinh, sàm sỡ, gạ tình học sinh, gây nên sự xuống cấp nghiêm trọng của văn hóa học đường. Chúng ta đã từng chứng kiến sự việc một giáo viên của Trường Tiểu học An Đông, An Dương (Hải Phòng) bắt học sinh uống nước giặt giẻ lau bảng, khi phát hiện học sinh nói chuyện riêng trong giờ học xảy ra hồi tháng 4/2018. Hành động này đã “dậy sóng” trong dư luận xã hội. Cũng vì nói chuyện riêng trong giờ học, một cô giáo của Trường Trung học cơ sở Thọ Xuân, Đan Phượng (Hà Nội) yêu cầu 2 em học sinh đứng trên bục giảng và tát vào mặt nhau cho đến khi bạn khóc thì dừng, không chỉ vậy, cô

giáo này còn quát mắng 2 học sinh với những từ ngữ không đúng mực xảy ra hồi tháng 10/2018. Trường hợp khác là cô giáo ở Trường Trung học cơ sở Duy Ninh (tỉnh Quảng Bình) bắt cả lớp tát bạn đến mức nhập viện... Những sự việc trên đã gây bức xúc trong dư luận xã hội và làm phương hại đến văn hóa học đường, đến hình ảnh người giáo viên nhân dân. Trong khi một số giáo viên có những biểu hiện vượt quá chuẩn mực sư phạm, thì không ít phụ huynh lại “cậy quyền”, “cậy tiền” có những hành động thiếu nhân văn, xem thường thầy cô giáo như, trường hợp nhóm phụ huynh học sinh của Trường Tiểu học Bình Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An bắt một cô giáo của trường này quỳ xuống xin lỗi phụ huynh diễn ra vào tháng 3/2018. Những cái tát hay hành động bắt giáo viên quỳ gối... không chỉ làm đau một người mà còn làm “đau” lớp lớp nhà giáo, ảnh hưởng tới danh dự của ngành giáo dục và truyền thống cao quý “tôn sư trọng đạo”.

Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì trong một năm học trên toàn quốc có hơn 1.600 vụ học sinh đánh nhau, trung bình có 5 vụ/1 ngày và cứ trên 5.200 học sinh lại có 1 học sinh đánh nhau. Điều mà nhiều người thấy ngạc nhiên và lo ngại hơn là nạn bạo lực học đường lại xảy ra ở nữ giới với độ tuổi chủ yếu dao động từ 14 đến 17 tuổi.

Từ thực tế công tác giảng dạy và giáo dục học sinh ở bậc phổ thông nhiều năm qua, tôi cho rằng bạo lực học đường xuất phát từ một số nguyên nhân cơ bản sau:

*Thứ nhất*, do sự chuyển biến về tâm sinh lý của lứa tuổi dậy thì khi chưa có kiến thức và nhận thức đầy đủ trước những tác động xấu từ bên ngoài.

*Thứ hai*, ở nhiều trường phổ thông còn nặng về giảng dạy kiến thức văn hóa mà quên đi nhiệm vụ giáo dục kỹ năng sống, về những kiến thức và nhận thức các bài học về lòng nhân ái, vị tha, sự tôn trọng và trách nhiệm của bản thân với người xung quanh.

*Thứ ba*, sự thiếu quan tâm từ phía gia đình của ông bà, cha mẹ.

*Thứ tư*, những tiêu cực trong đời sống xã hội, sự bùng nổ mạnh mẽ của thông tin trong thời đại công nghệ 4.0 với internet, mạng xã hội với rất nhiều sách báo, phim ảnh, game bạo lực... Chính mạng xã hội với đủ loại thông tin không thể kiểm soát vô tình đã định hướng ngôn ngữ, sở thích và hành vi của các em theo hướng trào lưu bởi hiệu ứng đám đông.

### 3. Những quy định bất cập của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trong những năm gần đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều thông tư, văn bản mới ở bậc giáo dục phổ thông. Bên cạnh những điểm mới để đáp ứng yêu cầu mới cho công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện ngành giáo dục, một số nội dung của nhiều thông tư đã bộc lộ nhiều điểm bất cập, chưa phù hợp và gây nên sự phản ứng, phản biện nhiều chiều của dư luận xã hội, đặc biệt là ngay trong đội ngũ các nhà giáo. Liên quan đến vấn đề văn hóa học đường và công tác giáo dục đạo đức với học sinh trong các trường phổ thông chính là vài bất cập trong Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là về xử lý kỷ luật học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập.

Trong khoản 2, Điều 42 của Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT, ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học” (gọi tắt là Thông tư 12) quy định học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện có thể được khuyên răn hoặc xử lý kỷ luật theo hình thức phê bình trước lớp, trước trường; khiển trách và thông báo với gia đình; cảnh cáo ghi học bạ; buộc thôi học có thời hạn.

Tuy nhiên, theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Thông tư 32) về “Ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học” thì giáo viên không được xử lý kỷ luật học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện bằng hình thức phê bình trước lớp, trước trường. Đó là điều rất không thực tế và một trong những cội nguồn dễ tạo ra nhiều hệ lụy cho giáo viên.

Trong cuộc sống cũng như khi làm việc ở bất cứ mọi ngành nghề, lĩnh vực và công tác giáo dục đều luôn phải duy trì 2 yếu tố “pháp trị” và “đức trị”. Nêu gương, khen thưởng khi có ưu điểm, thành tích đồng thời cũng cần có phê bình, kỷ luật khi vi phạm kỷ cương, kỷ luật của nhà trường.

Học sinh trong “thời đại 4.0” ngày nay có nhiều yếu tố tác động trong quá trình học tập và cuộc sống, có nhiều thứ để vui, có nhiều trò để mê, có nhiều thứ để nghiệm. Cách ứng xử và hành xử giữa trò với thầy, giữa học sinh và giáo viên trong thời nay đã có nhiều sự thay đổi so với các thế hệ học trò chúng ta

ngày trước. Việc ngồi học trong lớp học không tập trung, nói chuyện riêng, làm việc riêng, lười học bài cũ, lười làm bài tập cùng với tác phong ăn mặc, đầu tóc, đi đứng, nói năng theo cách hồn nhiên của tuổi học trò thì việc sơ suất, thiếu sót, vi phạm nội quy, kỷ luật của nhà trường cũng là chuyện bình thường và cũng là điều dễ hiểu. Những lúc như vậy, các em rất cần sự góp ý, phê bình của thầy cô, cha mẹ để giúp các em nhận thức được đúng, sai mà sửa chữa.

Vì vậy, với góc độ là một giáo viên phổ thông, đồng thời là một phụ huynh, tôi cho rằng việc Thông tư 32 có nội dung không được xử lý kỷ luật học sinh vi phạm khuyết điểm bằng hình thức phê bình trước lớp, trước trường là rất không thực tế. Bất kỳ mỗi quốc gia, dân tộc nào, dù ở trình độ văn minh hay kém phát triển, một xã hội mà không còn sự nhắc nhở, phê bình hay xử lý kỷ luật thì đó là một xã hội không còn kỷ cương, phép nước.

Trong một gia đình, ông bà và cha mẹ chính là những người thầy đầu tiên để dạy dỗ, giáo dục con cháu từ những bài học đầu tiên trước khi đến trường. Trong các nhà trường, giáo viên chính là những người thầy cùng một lúc gánh vác 2 thiên chức: vừa dạy chữ và kiến thức văn hóa, vừa dạy ý thức, nhận thức và giáo dục nhân cách, đạo đức. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người thay mặt lãnh đạo nhà trường để quản lý lớp trong nhiều năm học và các giáo viên bộ môn sẽ cùng phối hợp với giáo viên chủ nhiệm để giảng dạy và cùng giáo dục các em trong lớp, trong trường.

Việc không được phê bình học sinh trước lớp, trước trường đã tước bỏ quyền giáo dục của giáo viên, của nhà trường và vô tình tạo cơ hội cho học sinh hành xử với giáo viên theo kiểu “dân chủ quá trớn”, tạo tiền lệ nguy hiểm cho nhiều hành vi học sinh xem thường giáo viên - một điều khó chấp nhận trong ngành giáo dục từ xưa đến nay. Và khi đối mặt với học sinh cá biệt có những biểu hiện bất ổn như vậy, nếu giáo viên thiếu đi sự tinh tế, kinh nghiệm và kỹ năng sư phạm thì chính họ lại đón nhận sự chỉ trích dữ dội từ báo chí, mạng xã hội, của các phụ huynh và nhận kỷ luật của ngành.

Là một giáo viên, tôi luôn phản đối các giáo viên mặt sát, chửi bới, đánh đập học trò khi sai phạm, nhưng tôi không đồng thuận việc không được phê bình học sinh trước lớp, trước trường. Có thể bớt đi nội dung không phê bình học sinh trước trường, nhưng phê bình trước lớp là một động thái cần thiết. Vấn đề quan trọng là cách thức, hình thức nhắc nhở như thế nào của giáo viên

để học sinh tâm phục, khẩu phục nhận ra cái sai của mình để sửa chữa và tiến bộ.

Giáo dục là một quá trình và cũng là một nghệ thuật. Nó là nghệ thuật của nghệ thuật nên sẽ không có một công thức chung cho tất cả học sinh. Có nhiều học sinh thì nhờ sự động viên kịp thời, sự tuyên dương, khen thưởng đúng lúc mà tiến bộ nhanh và sớm trưởng thành. Có những học sinh nhờ có thầy cô tận tâm, trách nhiệm và nghiêm khắc, nhờ phê bình, kỷ luật mà trưởng thành. Điều cốt lõi là mỗi thầy cô giáo phải tùy vào điều kiện, hoàn cảnh, tình cảnh cụ thể vào những đối tượng học sinh cụ thể để ứng xử cho phù hợp và linh hoạt. Chỉ có nghề giáo và những nhà giáo tâm huyết, có kinh nghiệm, kỹ năng giảng dạy và giáo dục mới làm tốt việc đó.

Giáo dục muốn hiệu quả phải là tổng của những phép cộng hài hòa của ba yếu tố: gia đình, nhà trường và xã hội. Một nền giáo dục phát triển là một nền giáo dục có kỷ cương, kỷ luật, tình thương, trách nhiệm.

#### **4. Những đề xuất, kiến nghị**

*Về phía học sinh*, cần có ý thức rèn luyện và tìm hiểu, nâng cao thái độ và trách nhiệm về hành động cũng như hậu quả của những hành động bạo lực đó. Trong lớp, cần tổ chức những nhóm bạn cùng tiến để nâng cao nhận thức và tăng cường sự trao đổi, tự khắc phục lẫn nhau trong học tập. Chấp hành tốt nội quy trường lớp, tránh xa bạo lực, nói không với bạo lực. Tích cực tham gia vào các câu lạc bộ rèn luyện kỹ năng sống và hoạt động tình nguyện mà nhà trường tổ chức nhằm tăng tính hướng thiện trong con người các em. Đối với một số học sinh cá biệt, cần có sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường để uốn nắn, điều hướng các em vào phong trào của lớp, tránh sự phân biệt đối xử.

*Về phía gia đình*, bố mẹ cần quan tâm và tạo ra một môi trường sống lành mạnh, yêu thương cho con cái. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với nhà trường và giáo viên chủ nhiệm để kịp thời cập nhật, nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của con em mình tại trường học thông qua các trang zalo (nhóm kín) của hội cha mẹ học sinh.

*Với nhà trường và các cơ quan quản lý giáo dục*, tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, chủ động trong việc trao đổi thông tin với gia đình

học sinh để có thể nắm bắt tình hình cũng như biểu hiện của học sinh. Tổ chức các hoạt động mang tính hướng thiện và định hướng nhân cách cho học sinh, giúp học sinh phát huy những đức tính tốt đẹp trong bản thân. Đội ngũ giáo viên thường xuyên quan tâm, lắng nghe, theo dõi và nắm bắt tình hình của các em học sinh trong lớp mình chủ nhiệm hoặc tham gia giảng dạy, cần chủ động nắm chắc tình hình để có biện pháp ngăn chặn kịp thời những biểu hiện của những hành vi tiêu cực và bạo lực. Nhà trường cũng cần chú trọng trong việc giảng dạy một số môn học như kỹ năng sống, giáo dục công dân, trang bị nhận thức đúng đắn cho học sinh về hành động đẹp, tăng cường tinh thần trách nhiệm cũng như ý thức đấu tranh đẩy lùi bạo lực học đường. Phối hợp với gia đình để quan tâm và hỗ trợ kịp thời những khó khăn, vướng mắc của học sinh. Giữ mối liên hệ thường xuyên với cha mẹ học sinh và cơ quan công an để xử lý nhanh kịp thời các vụ việc xảy ra.

Về phía xã hội, tổ chức tuyên truyền tác hại và cách phòng tránh bạo lực học đường đối với giáo viên và học sinh. Các cơ quan chức năng cần có những biện pháp, các chế tài hạn chế sự ảnh hưởng của văn hóa độc hại ảnh hưởng đến nhân cách của học sinh. Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ về “Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường” và Quyết định số 987/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Ban hành kế hoạch hành động phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em trong các cơ sở giáo dục giai đoạn 2020-2025”.

*Về phía Bộ Giáo dục và Đào tạo:*

*Thứ nhất*, Bộ Giáo dục và Đào tạo và lãnh đạo các địa phương cần dũng cảm để thẳng thắn nhìn nhận một thực trạng có nhiều sự bất ổn về văn hóa học đường trong nhiều trường phổ thông những năm gần đây. Thẳng thắn nhìn nhận thực trạng, chỉ ra những nguyên nhân của thực trạng đó mới có những giải pháp giáo dục phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học đường thường hay “nổi loạn”. Trách nhiệm để triển khai những giải pháp đó không chỉ của các thầy cô, của nhà trường mà là sự phối hợp nhịp nhàng và thường xuyên giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

*Thứ hai*, để các văn bản quy phạm pháp luật có tính khoa học và khả thi, trước khi ban hành, Bộ Giáo dục và Đào tạo nên có các kênh thăm dò, lấy ý



kiến tham vấn, góp ý, phản biện tới tất cả các địa phương, các chuyên gia giáo dục, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông trên toàn quốc. Tránh việc ban hành một chủ trương lớn nhưng lại áp đặt theo kiểu “trên bảo dưới phải nghe” và không nên lấy một mô hình, trình độ giáo dục của một địa phương để áp dụng cho toàn ngành trên phạm vi toàn quốc.

*Thứ ba*, trong công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện ngành giáo dục, ngành giáo dục sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Một cái mới ra đời không phải bao giờ cũng được dễ dàng đón nhận và tiếp nhận đồng thuận từ tất cả mọi người. Nhưng đổi mới không có nghĩa là phủ nhận sạch trơn cái cũ, từ bỏ tất cả cái cũ khi vẫn còn phát huy tác dụng. Chủ trương và cách làm cũ nhưng vẫn còn tác dụng, hiệu quả thì cần vận dụng một cách linh hoạt. Cái mới nhưng xa lạ, chưa phù hợp với thực tiễn hiện tại và điều kiện kinh tế xã hội thì cần thận trọng.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã có quan điểm chỉ đạo ngành giáo dục hướng tới “Học thật, thi thật, nhân tài thật”. Đó là mục tiêu và động lực để ngành giáo dục giảm áp lực, tăng động lực với đổi mới giáo dục phổ thông. Để triển khai quan điểm chỉ đạo đó, ngành giáo dục còn nhiều việc phải làm và càng phải có sự chung tay, chung sức, chung trí tuệ của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, pháp luật, giám sát việc thực hiện chính sách và pháp luật về giáo dục để xây dựng môi trường văn hóa học đường trong tình hình mới.

## NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC HÓA”, “ĐẠI CHÚNG HÓA”, “KHOA HỌC HÓA” TRONG ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NHẪM PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. TRẦN VĂN HIẾU\*

Cách đây 80 năm, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, là một tài liệu quan trọng trong lịch sử Việt Nam, là tài liệu đầu tiên đề cập đến việc xây dựng một đất nước Việt Nam độc lập dân tộc và phát triển văn hóa. Nó cũng đã góp phần xây dựng tư tưởng về văn hóa dân tộc Việt Nam và đặt nền móng cho việc phát triển và bảo vệ văn hóa Việt Nam trong thời kỳ độc lập sau này. Trong đó, các nội dung về “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” được coi là những nguyên tắc chính.

Trong bối cảnh hiện nay, các nguyên tắc chính của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* còn nguyên giá trị. Trong đó, tôn trọng đa dạng văn hóa, tăng cường sự đồng nhất trong xã hội, khuyến khích các sáng tạo, đổi mới văn hóa được cho là phù hợp nhằm phát triển văn hóa đương đại. Không dừng lại ở đó, việc ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển văn hóa là hướng đi tất yếu, đặt ra không ít cơ hội và thách thức. Vận dụng các quan điểm về “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” trong ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phát triển văn hóa như thế nào? Vì sao phải áp dụng các nguyên tắc này vào khoa học kỹ thuật? Bài viết này đưa ra một số phân tích và kiến giải nhằm thấy được sự vận động của công nghệ ảnh hưởng đến phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay.

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

### 1. Về nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”

Năm 1981 nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đã đọc một bài diễn văn quan trọng. Đề cập tới nội dung cơ bản của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh chỉ rõ: “Đề cương văn hóa Việt Nam không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup>. Chúng tôi nhận thức rằng, điều kiện lúc đó chính là bối cảnh lịch sử ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*.

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được trình bày ngắn gọn sáng tỏ trong 5 phần:

Phần I: Cách đặt vấn đề.

Phần II: Lịch sử và tính chất văn hóa Việt.

Phần III: Nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp.

Phần IV: Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam.

Phần V: Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam.

Bản Đề cương đề cập đến nhiều vấn đề, trong đó có ba khái niệm quan trọng là “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”. Các khái niệm này là các mục tiêu quan trọng trong việc xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay.

+ Dân tộc hóa: Đề cập đến việc phát triển và giữ gìn nền văn hóa truyền thống của Việt Nam. Để giữ gìn và phát triển nền văn hóa truyền thống, các tác phẩm văn học, tôn giáo, phong tục tập quán, thậm chí là ngôn ngữ Việt Nam cũng cần được bảo tồn và phát triển. Dân tộc hóa cũng đề cập đến việc khai thác và phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của Việt Nam, từ đó xây dựng và phát triển nền văn hóa đặc trưng của dân tộc. Đây là quá trình giúp các giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam được gìn giữ và phát triển, từ đó giúp

---

1. Dẫn theo Phạm Mai Hùng: “Bối cảnh ra đời và ý nghĩa của Đề cương văn hóa 1943”, tạp chí *Di sản Văn hóa*, số 4/2003.

người Việt Nam có thể tự hào với văn hóa của mình. Quá trình này cũng giúp tránh xa khỏi tình trạng mất dần văn hóa của dân tộc khi đối mặt với sự xâm lăng văn hóa của các nước khác.

+ Đại chúng hóa: Đề cập đến việc phổ biến và truyền bá các giá trị văn hóa đến toàn bộ xã hội, không chỉ dành riêng cho một số ít người. Việc truyền bá và phổ biến các giá trị văn hóa cần được thực hiện thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như sách báo, phim ảnh, nhạc hội, văn nghệ, tạo ra sự đồng thuận trong nền văn hóa và tạo ra nền tảng cho sự phát triển của văn hóa. Đây là quá trình giúp các giá trị văn hóa của dân tộc trở nên phổ biến và được chia sẻ rộng rãi với tất cả mọi người trong xã hội. Điều này giúp thúc đẩy sự tương tác và liên kết giữa các tầng lớp xã hội, góp phần xây dựng một xã hội đoàn kết, phát triển và tiến bộ hơn.

+ Khoa học hóa: Đề cập đến việc đưa các giá trị văn hóa vào một quy trình khoa học hóa, đặc biệt là trong lĩnh vực nghiên cứu và giáo dục. Để phát triển một nền văn hóa bền vững, cần phải xác định các giá trị văn hóa đó bằng phương pháp khoa học, nghiên cứu sâu về nguồn gốc, tính cách và phương thức truyền bá. Từ đó, các giá trị văn hóa có thể được phát triển, tối ưu hóa và truyền bá đến các thế hệ tiếp theo. Đây là quá trình đưa các giá trị văn hóa của dân tộc vào khoa học, giúp khai thác và phát triển những giá trị văn hóa đó theo hướng khoa học, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trong các lĩnh vực khác nhau. Điều này giúp tránh tình trạng giữ nguyên những giá trị văn hóa cổ truyền mà không đón nhận những tri thức mới và phát triển của thời đại.

Tuy còn một số hạn chế nhất định, nhưng trong bối cảnh lịch sử đầu những năm 40 của thế kỷ XX, Đề cương đã trình bày hệ thống các quan niệm, phạm trù, các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa của dân tộc Việt Nam, đây là kết quả của tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm hoạt động 12 năm lãnh đạo trên mặt trận văn hóa từ khi Đảng ta ra đời đến năm 1943. Bản Đề cương là đỉnh cao trí tuệ, là sự nhận thức sắc bén về tình hình, là những dự báo khoa học về mục tiêu, tính chất, nguyên tắc, nhiệm vụ của cuộc vận động văn hóa đương thời; là sức mạnh tinh thần vĩ đại mà cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đang cần. Những quan điểm tư tưởng cơ bản nêu trong cả năm phần của Đề cương có sức thuyết

phục sâu sắc và là ngọn cờ tập hợp đông đảo tầng lớp trí thức Việt Nam vào cuộc vận động văn hóa, vào cuộc cách mạng giải phóng tư tưởng văn hóa cho mỗi người, mỗi tầng lớp, giai cấp và toàn dân tộc<sup>1</sup>.

Bản Đề cương văn hóa đầy tính thuyết phục và tính chiến đấu đã trở thành ngọn cờ tập hợp, cổ vũ, động viên giới trí thức, khoa học, văn học, nghệ thuật Việt Nam đương thời vào cuộc chiến đấu quyết liệt cho sự toàn thắng của cách mạng dân tộc dân chủ, cho sự nghiệp phá vỡ xiềng xích của văn hóa phát xít, thực dân, bảo vệ truyền thống văn hóa dân tộc, xây dựng nền văn hóa mới của Việt Nam.

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 có ý nghĩa lớn trong việc tôn vinh và bảo vệ giá trị văn hóa Việt Nam trước sự xâm lược và thay đổi từ các nước khác, đồng thời nó cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thức tỉnh tinh thần tự hào dân tộc, khơi gợi ý thức về nhận thức văn hóa và truyền thống của Việt Nam. Nó cũng là một trong những tài liệu quan trọng đánh dấu sự bùng nổ phong trào văn hóa - giải phóng dân tộc của Việt Nam trong thế kỷ XX.

## **2. “Dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” trong ứng dụng công nghệ nhằm phát triển văn hóa Việt Nam**

Trước tiên, cần khẳng định rằng, khoa học công nghệ có vai trò và vị trí đặc biệt trong phát triển văn hóa quốc gia. Khoa học công nghệ không những quản lý, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, khoa học công nghệ còn là công cụ quảng bá, sáng tạo văn hóa, đồng thời cũng là phương tiện giáo dục, nghiên cứu, khuyến khích sự đa dạng văn hóa.

Để phát triển văn hóa Việt Nam dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ, cần có một số giải pháp sau đây để bảo đảm ba yếu tố “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”:

1- Tôn trọng và giữ gìn những giá trị truyền thống của văn hóa Việt Nam: Việc sử dụng công nghệ trong phát triển văn hóa Việt Nam cần phải tôn trọng và giữ gìn những giá trị truyền thống của văn hóa Việt Nam, nhưng cũng cần thích nghi và sáng tạo để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội hiện đại.

---

1. Xem Đào Duy Quát: “Đề cương văn hóa Việt Nam (1943) - Cương lĩnh đầu tiên về văn hóa của Đảng ta”, tạp chí *Lý luận, Phê bình Văn học, Nghệ thuật*, số 12.

- Quản lý, bảo tồn và phục hồi tài liệu văn hóa: Việc sử dụng các công nghệ như máy quét và lưu trữ điện tử giúp việc quản lý, bảo tồn và phục hồi các tài liệu văn hóa trở nên dễ dàng hơn. Nhờ đó, việc tiếp cận và nghiên cứu các tài liệu này cũng trở nên thuận tiện hơn.

- Xây dựng và quản lý các thư viện số: Việc xây dựng các thư viện số trên internet giúp cho việc chia sẻ, lưu trữ và tiếp cận các tài liệu văn hóa trở nên dễ dàng hơn. Người dùng có thể tìm kiếm, truy cập và sử dụng các tài liệu này từ bất kỳ đâu và bất kỳ khi nào.

- Sử dụng công nghệ để giúp bảo tồn và phát triển di sản văn hóa, đặc biệt là các di sản văn hóa phi vật thể. Ví dụ, các ứng dụng điện tử có thể giúp người dân tìm hiểu và khám phá các di sản văn hóa, và các trò chơi truyền thống có thể được chuyển đổi thành các ứng dụng trên điện thoại di động để giúp cho người dân dễ dàng tiếp cận.

- Áp dụng công nghệ vào việc bảo tồn và phát triển di sản văn hóa: Sử dụng các công nghệ như công nghệ 3D, AR/VR, AI để bảo tồn và phát triển các di sản văn hóa của Việt Nam, giúp đưa những giá trị văn hóa đó đến với nhiều người hơn.

2- Khuyến khích sáng tạo, đổi mới trong văn hóa: Công nghệ là công cụ hỗ trợ rất mạnh mẽ cho việc tạo ra những sản phẩm văn hóa mới, tăng tính thẩm mỹ và giá trị cho người sử dụng. Do đó, cần khuyến khích sáng tạo, đổi mới trong văn hóa để thu hút đại chúng và tạo ra các sản phẩm văn hóa phù hợp với sở thích của các thế hệ trẻ.

Bên cạnh đó, sử dụng công nghệ số để thúc đẩy sáng tạo văn hóa: Khuyến khích sáng tác và phát triển nội dung văn hóa trên các nền tảng số: Tạo điều kiện cho các cá nhân và tập thể có thể sáng tạo và phát triển nội dung văn hóa trên các nền tảng số như YouTube, TikTok, Instagram, v.v..

Gần đây, các công nghệ AI đang dành được nhiều quan tâm của xã hội, ChatGPT cũng là công cụ tiềm năng nhằm sáng tạo nghệ thuật trên môi trường không gian số. Việc khuyến khích sáng tạo, đổi mới trong văn hóa đang được thế hệ trẻ quan tâm và tận dụng.

3- Giáo dục và sử dụng công nghệ để quảng bá và phát triển văn hóa Việt Nam: Việc sử dụng các trang web, ứng dụng di động, video, hình ảnh, âm thanh và các công nghệ khác được sử dụng để giáo dục và giới thiệu văn hóa. Các ứng dụng di động giúp người dùng khám phá các di sản văn hóa và địa

điểm du lịch, trong khi các trang web và video giải trí giúp người dân hiểu rõ hơn về văn hóa của quốc gia.

Việc sử dụng các phương tiện công nghệ như mạng internet, điện thoại di động và các phương tiện truyền thông khác có thể giúp giáo dục và truyền thông văn hóa hiệu quả hơn. Chính phủ cần đầu tư vào các chương trình giáo dục và truyền thông văn hóa thông qua các phương tiện công nghệ để nâng cao nhận thức và ý thức văn hóa của người dân.

4- Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học trong văn hóa: Công nghệ cũng có thể được sử dụng để nghiên cứu và phân tích các yếu tố văn hóa. Các phương tiện công nghệ như phần mềm, ứng dụng và các công cụ khác có thể giúp cho các nhà nghiên cứu văn hóa nhanh chóng và hiệu quả hơn trong việc phân tích và hiểu được các yếu tố văn hóa. Từ đó đưa ra các báo cáo, dự báo chính xác hơn trong hoạch định các chính sách về phát triển văn hóa.

Tạo ra nền tảng văn hóa số Việt Nam: Xây dựng một nền tảng số văn hóa Việt Nam để lưu trữ và phân phối các tài liệu văn hóa, nghệ thuật và thông tin về lịch sử, truyền thống của Việt Nam, với nội dung đa dạng và phong phú. Nền tảng văn hóa số phải đáp ứng được tính dân tộc, đại chúng và khoa học phục vụ đắc lực cho hưởng thụ văn hóa đa dạng của cộng đồng.

5- Khuyến khích sự đa dạng và tích cực hóa của sản phẩm văn hóa: Đào tạo và nâng cao năng lực sáng tạo và ứng dụng công nghệ của người Việt; khuyến khích sử dụng công nghệ trong việc tạo ra và phát triển các sản phẩm văn hóa đa dạng, phong phú và phù hợp với nhu cầu đa dạng của người dân. Các sản phẩm này bao gồm các ứng dụng di động, trang web, trò chơi, phim ảnh, nhạc cụ truyền thống kết hợp với âm nhạc hiện đại, v.v.. Tạo ra một hệ sinh thái khởi nghiệp và đào tạo để giúp các cá nhân và doanh nghiệp có thể sáng tạo và áp dụng công nghệ vào việc phát triển văn hóa Việt Nam.

Đào tạo và phát triển các nhà sáng lập và nhà sản xuất nội dung văn hóa có chuyên môn cao và năng động, bảo đảm rằng họ có thể sử dụng công nghệ để sản xuất những sản phẩm chất lượng cao và có tính cạnh tranh.

Khai thác và sử dụng công nghệ để tăng cường khả năng tiếp cận của đại chúng đến với nội dung văn hóa. Ví dụ, việc cung cấp nội dung qua mạng, giúp cho các sản phẩm văn hóa được phổ biến đến đông đảo người dân ở khắp nơi. Bảo đảm rằng các sản phẩm văn hóa được phát triển bằng công nghệ đều đáp ứng các yêu cầu của dân tộc hóa, đại chúng hóa, và khoa

học hóa. Nói cách khác, chúng phải bảo tồn và giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời đáp ứng nhu cầu giải trí và giáo dục của người dân.

Như vậy, các nguyên tắc chính của bản Đề cương văn hóa trong ứng dụng khoa học công nghệ nhằm mục đích phát triển văn hóa Việt Nam bền vững và đáp ứng yêu cầu của phát triển xã hội. Điều này được thể hiện ở các lý do sau:

Tôn trọng đa dạng văn hóa: Nguyên tắc “dân tộc hóa” giúp bảo vệ và tôn trọng đa dạng văn hóa của mỗi quốc gia và dân tộc. Khi ứng dụng khoa học công nghệ, việc áp dụng nguyên tắc này sẽ giúp bảo đảm rằng các sản phẩm, dịch vụ được phát triển phù hợp với nhu cầu và truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc.

Tăng cường sự đồng nhất trong xã hội: Nguyên tắc “đại chúng hóa” giúp đưa khoa học công nghệ đến với mọi người, không chỉ giới hạn cho những người có kiến thức chuyên môn. Khi ứng dụng trong văn hóa, việc đại chúng hóa giúp tăng cường sự đồng nhất trong xã hội, giúp mọi người có cùng kiến thức và hiểu biết về các giá trị văn hóa.

Nâng cao hiệu quả sử dụng khoa học công nghệ: Nguyên tắc “khoa học hóa” giúp đưa khoa học công nghệ vào ứng dụng thực tế, giúp nâng cao hiệu quả sử dụng. Khi áp dụng trong văn hóa, việc khoa học hóa giúp tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa hiện đại, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của người dân.

Tạo sự phát triển bền vững: Việc áp dụng nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa” trong ứng dụng khoa học công nghệ là cần thiết để tạo ra sự phát triển bền vững cho văn hóa. Việc phát triển văn hóa phù hợp với bản sắc dân tộc, đáp ứng nhu cầu của người dân và sử dụng hiệu quả khoa học công nghệ sẽ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và tạo ra sự phát triển bền vững cho xã hội.



# TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” ĐẾN NHẬN THỨC VẤN ĐỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CHÍNH TRỊ VÀ VĂN NGHỆ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP

PGS.TS. CAO THỊ HỒNG\*

## 1. MỞ ĐẦU

Đề cương về văn hóa Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh thay mặt Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam soạn thảo năm 1943 đã hành trình cùng sự phát triển của đời sống văn hóa dân tộc tròn 80 năm. Giá trị của bản Đề cương được vận dụng linh hoạt vào thực tiễn, tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa nói chung và văn học nghệ thuật nói riêng. 80 năm đã đi qua, hoàn cảnh lịch sử đất nước và thế giới nhiều thay đổi nhưng tinh thần căn bản của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” còn nguyên giá trị. Từ sau năm 1986 đến nay, trong bối cảnh đất nước đổi mới toàn diện, hội nhập phát triển theo xu hướng toàn cầu hóa, việc hiểu, phát huy và vận dụng nội dung cơ bản của Đề cương như thế nào để mang lại hiệu quả trong phát triển đời sống văn hóa, văn nghệ nước nhà là những vấn đề cần được nghiên cứu thấu đáo để có thể rút ra bài học kinh nghiệm cho phù hợp với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở giai đoạn mới. Trong giới hạn của tham luận này, chúng tôi tập trung luận giải vấn đề: *Từ Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 đến nhận thức vấn đề mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ trong thời kỳ đổi mới, hội nhập*. Từ đó góp phần khẳng định, dưới ánh sáng của Đề cương văn hóa và đường lối

---

\* Ban Nhà văn nữ, Hội Nhà văn Việt Nam.

đổi mới quản lý văn hóa văn nghệ của Đảng, các nhà nghiên cứu văn học Việt Nam đã “khoa học hóa” nội hàm vấn đề *mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ* để đáp ứng nhu cầu phát triển nền văn học nghệ thuật dân tộc trước yêu cầu thời đại mới đặt ra.

## 2. NỘI DUNG

Với *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, lần đầu tiên Đảng Cộng sản Việt Nam công bố quan niệm của mình về văn hóa theo quan điểm mácxít, văn hóa được xác định là một trong ba mặt trận (cùng với mặt trận chính trị và kinh tế), sự thắng lợi của cách mạng chính trị là cơ sở bảo đảm thành công của cách mạng văn hóa. Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trở đi, mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị được quán triệt tinh thần: “Chính trị lãnh đạo văn nghệ và văn nghệ phục vụ chính trị”.

Nền văn nghệ Việt Nam thế kỷ XX là nền văn nghệ gắn bó mật thiết với đời sống chính trị của dân tộc. Xu hướng dân tộc, dân chủ mà nổi bật nhất là dân chủ vô sản hay gọi là dân chủ xã hội chủ nghĩa là trào lưu cách mạng to lớn, có sức ảnh hưởng, lôi cuốn, thu hút mạnh mẽ đối với hàng trăm dân tộc, hàng triệu người trên thế giới. Trong dòng chảy của thời đại, văn nghệ Việt Nam hiện đại đã theo sát và phản ánh tinh thần dân tộc và dân chủ theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, tham gia tích cực vào quá trình vận động chính trị của dân tộc trong suốt hành trình thế kỷ XX. Đây là một nền văn nghệ thiên về biểu hiện những tình cảm chính trị nhiệt thành.

Trong *Thư gửi anh em văn hóa và trí thức Nam Bộ* (25/5/1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính, trừ tà, và anh em văn hóa và trí thức phải làm cũng như là những chiến sĩ anh dũng trong công cuộc kháng chiến để tranh lại quyền thống nhất và độc lập cho Tổ quốc”. Quan điểm *văn nghệ gắn liền chính trị* còn được Hồ Chí Minh nhấn mạnh hơn trong *Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa 1951*: “Văn hóa văn nghệ là một mặt trận/Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”.

Cũng như các chiến sĩ khác, *chiến sĩ làm nghệ thuật* có nhiệm vụ phục vụ kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh. Để làm tròn nhiệm vụ, mỗi nghệ sĩ cần có lập trường vững, tư tưởng đúng, phải đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên

hết. Tính nhất quán trong quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản về văn hóa văn nghệ là *coi văn hóa nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, phải ở trong kinh tế và chính trị*. Đến thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, tư tưởng chỉ đạo này càng được quán triệt hơn. Văn nghệ lúc này luôn bám sát tình hình thời sự và các chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng để phản ánh hiện thực cách mạng. Trung thành tuyệt đối với lý tưởng cách mạng, bảo vệ và xây dựng đất nước được coi là phẩm chất chính trị quan trọng của văn học, và tất nhiên đây cũng là tiêu chí hàng đầu để xem xét và định giá mỗi tác phẩm nghệ thuật.

Trải qua những năm tháng kháng chiến trường kỳ, định hướng văn nghệ gắn liền với chính trị, là “công cụ” phục vụ chính trị đã giúp văn nghệ nhiệt tình nhập cuộc vào cơn lốc cách mạng của dân tộc, góp phần không nhỏ trong việc huy động sức mạnh đoàn kết toàn dân, để phục vụ xã hội, phục vụ con người. Đó là một quan điểm tiến bộ về văn nghệ của nhân loại đã có từ thời cổ xưa và đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong tình thế của cuộc sống, định hướng cách mạng nhằm vào sự nghiệp giải phóng dân tộc đòi hỏi văn nghệ cần *nghiêng hẳn* về chức năng “vũ khí” - về hệ tư tưởng, đây là biểu hiện của quy luật thống nhất giữa văn nghệ và chính trị, giữa nghệ thuật chân chính và chính trị chân chính.

Tuy nhiên, sau năm 1975 lịch sử dân tộc đã sang trang, hoàn cảnh không bình thường đối với đời sống dân tộc kết thúc, thời đại mới đặt ra cho văn nghệ nhiều vấn đề cần giải quyết. Vấn đề mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị cũng cần phải nhìn nhận lại cho phù hợp với bước đi của lịch sử. Bởi vì *văn nghệ đặt trong điều kiện chiến tranh giữ nước và văn nghệ đặt trong điều kiện xã hội thời bình có hai sắc thái hết sức khác nhau*. Hơn nữa, trong quá trình vận dụng nguyên tắc văn nghệ chịu sự quản lý của chính trị để phục vụ kháng chiến đã nảy sinh không ít những *quan điểm cực đoan, hiểu không đúng* về vấn đề này khiến cụm từ “văn học là công cụ phục vụ chính trị” gây nhiều khó khăn, cản trở sự phát triển của văn học nghệ thuật. Vì vậy thời kỳ đổi mới và hội nhập (sau năm 1986 đến nay), các nhà khoa học Việt Nam dựa trên nền tảng chỉ đường của Đề cương văn hóa, dưới ánh sáng đổi mới về đường lối văn nghệ của Đảng đã bổ sung nhiều hướng tiếp cận xung quanh mối quan hệ văn nghệ và chính trị.

Lý luận về quan hệ giữa văn nghệ và chính trị có ý nghĩa then chốt vì nếu không được nhìn nhận một cách biện chứng, khách quan, toàn diện sẽ làm

lệch lạc các nguyên lý lý luận khác. Nếu giải quyết được vấn đề một cách triệt để thì sẽ tháo gỡ được những gì còn bức xúc của đời sống văn học nghệ thuật. Chính vì vậy ngay từ ngày đầu đổi mới, vấn đề mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị đã thu hút sự quan tâm của nhiều văn nghệ sĩ, các nhà nghiên cứu và các nhà quản lý xã hội. Nhiều nhà nghiên cứu lý luận và nhiều văn nghệ sĩ thống nhất ý kiến: “Cần xác định lại cho đúng mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị cả về mặt nhận thức, quan niệm, cả về mặt tổ chức lãnh đạo và quản lý văn nghệ.

Trước hết các ý kiến tập trung *xem xét lại quan niệm đồng nhất văn nghệ và chính trị, sự chi phối thái quá của chính trị đối với văn nghệ*: “Thời gian qua xu hướng đồng nhất lại là xu hướng chủ đạo (...) Cũng vì đồng nhất như thế nên văn nghệ không đào sâu vào phương diện nhân cách, chỉ chú ý nói công đức mà quên tư đức”. Các nhà nghiên cứu cho rằng việc đồng nhất văn nghệ với chính trị đã không những làm yếu văn nghệ, mà còn làm yếu chung sự nghiệp cách mạng. Biểu hiện cụ thể là “chính trị nói gì, văn nghệ ca hát theo nấy”. Do phụ thuộc vào chính trị nên nghệ thuật luôn bị biến thành “công cụ” giải thích và tuyên truyền cho công tác vận động chính trị. Lấy lý thuyết thay cho hình tượng, lấy tiếng nói của nguyên tắc, của lý trí thay cho tiếng nói xuất phát từ tâm hồn, tình cảm, coi thường quy luật đặc thù và đặc tính vốn có của văn học nghệ thuật. Quan điểm phiến diện, sai lầm trên là cơ sở nảy sinh thái độ ứng xử thiếu công bằng, khách quan với văn học nghệ thuật, khiến văn học nghệ thuật không còn được là chính nó.

Cùng với vấn đề trên, tư duy lý luận đổi mới còn *đào sâu nhận thức về quan hệ giữa ý thức chính trị và ý thức nghệ thuật, đặc biệt phân biệt rõ bản chất đặc thù của mỗi hình thái*.

Theo triết học mácxít, văn nghệ, khoa học cũng như chính trị,... là các hình thái ý thức xã hội. Chúng có những chức năng và hình thức biểu hiện riêng biệt, có quan hệ tương tác với nhau chứ không lệ thuộc vào nhau. Song, dường như trước đổi mới điều này đã bị lãng quên, mọi giá trị nghệ thuật đều được đo bằng tư tưởng, lập trường chính trị.

Đến thời đổi mới và hội nhập, tư duy lý luận nhận thức đầy đủ hơn về quan hệ giữa văn nghệ và chính trị. Đây “là hai hình thái độc lập, tuy có quan hệ tác động qua lại chặt chẽ, nhưng giữa chúng chỉ có tính thống nhất, chứ không có tính đồng nhất, như một số người đã quan niệm”(6). Lê Ngọc Trà trong bài viết gây nhiều tranh luận với nhan đề *Văn nghệ và chính trị* đã

phân biệt hai vấn đề: a/Quan hệ giữa văn nghệ và một chế độ chính trị cụ thể; b/Quan hệ giữa văn nghệ và chính trị như hai lĩnh vực của hình thái ý thức. “Ý thức nghệ thuật không phải là sản phẩm hay nội dung đặc biệt của ý thức chính trị mà là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, phát triển song song với ý thức chính trị và các kiểu ý thức khác”.

Lê Ngọc Trà nhấn mạnh hai hình thái ý thức xã hội này *biên dạng* với nhau trong việc thực hiện vai trò đối với xã hội, ông cho rằng ý thức chính trị và ý thức văn nghệ là những người bạn *đồng hành* trên con đường nhân loại đi tìm hạnh phúc. Tiếng nói chính trị và tiếng nói nghệ thuật *bổ sung* cho nhau, làm thăng bằng đời sống tinh thần của xã hội, chúng có đặc thù tư duy khác nhau, đối tượng phản ánh khác nhau,... cần thừa nhận sự *độc lập* cho văn nghệ vì ý thức văn nghệ có nội dung riêng, là tiếng nói về số phận con người là câu chuyện về đời người.

Nhiều nhà nghiên cứu khác như Nguyễn Ngọc, Hồ Ngọc, Phong Lê, Nguyễn Đăng Mạnh,... cũng đồng quan điểm với Lê Ngọc Trà. Trong bài viết với nhan đề *Vấn đề mối quan hệ giữa văn nghệ với chính trị* tác giả Nguyễn Văn Dân cho rằng chính trị là một hình thái ý thức xã hội: “Có một vị trí rất đặc biệt (...) các lý thuyết chính trị được sinh ra là để trở thành lực lượng quản lý và cai trị xã hội”. Chính vì thế, chính trị khi biến thành quyền lực thì nó không chỉ đơn thuần là hình thái ý thức xã hội mà nó trở thành một lực lượng quản lý có chức năng điều chỉnh mọi lĩnh vực xã hội. Và cũng vì thế, vai trò chi phối của nó đối với mọi lĩnh vực xã hội, trong đó có các hình thái ý thức xã hội khác, là một điều hiển nhiên không thể tránh khỏi.

Tư duy lý luận văn nghệ đổi mới cũng khẳng định không chỉ có chính trị mới có thể tác động đến văn nghệ mà *văn nghệ cũng có những tác động nhất định đến chính trị, làm phong phú thêm cho chính trị*. Trong thực tiễn, không phải chỉ có nhà chính trị mới có ý thức chính trị mà chính trong bản thân mỗi nghệ sĩ vốn cũng mang sẵn những ý thức chính trị sâu sắc. Ý thức chính trị này được thể hiện vào sáng tác, đó là tư tưởng riêng, tư tưởng thẩm mỹ của nghệ sĩ, và như một hệ quả tất yếu, từ những tư tưởng nhân đạo lành mạnh, cởi mở sẽ sinh ra những ý thức chính trị lành mạnh, hiện thực. Các nhà nghiên cứu cũng chứng minh mọi thời đại trong lịch sử phát triển của nhân loại, khi đã có nhà nước thì văn nghệ luôn đặt dưới sự quản lý của thiết chế chính trị. Đó là một quan hệ đã có truyền thống từ thời xa xưa và kéo dài cho tới ngày nay ở bất cứ nơi nào và ở bất cứ xã hội nào.

Những phân tích trên cho thấy từ sau đổi mới (1986) đến những năm đầu của thế kỷ XXI, nhận thức về vấn đề mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị phát triển thêm một bước mới: Các nhà nghiên cứu lý luận một mặt đi sâu lý giải cụ thể sự tác động lẫn nhau của hai hình thái ý thức xã hội đồng thời mặt khác phân biệt rõ văn nghệ chỉ phụ thuộc vào chính trị, liên quan đến chính trị ở phương diện thiết chế chính trị với tư cách là nhà nước quản lý.

Ở phương diện quản lý văn nghệ, các nhà nghiên cứu cho rằng đường lối lãnh đạo văn học nghệ thuật phải dựa trên sự hiểu biết về đặc thù của văn học nghệ thuật, hiểu biết về sự sáng tạo của người nghệ sĩ, tránh quan niệm cực đoan, đi tìm văn nghệ thuần túy, hoặc xem văn nghệ chỉ là “vũ khí” phục vụ thô thiển cho chính trị. “Đối với chúng ta hiện nay, điều rất quan trọng và thiết thực là thể chế hóa sự lãnh đạo chính trị của Đảng đối với văn nghệ chứ không phải là chỉ cần dừng lại ở cách nói chung chung về “quyền lãnh đạo của chính trị đối với văn nghệ”.

Từ những ý kiến đề xuất của nhiều nhà khoa học và văn nghệ sĩ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chú trọng đổi mới nhận thức, đưa ra những quan điểm mới về lãnh đạo và quản lý văn nghệ mà tinh thần cốt yếu là phải làm sao tạo điều kiện, khuyến khích và phát huy được cao nhất tính sáng tạo của người nghệ sĩ nhằm tạo nên những giá trị mới cho nền văn học nước nhà. (Thể hiện qua Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị khóa IV; Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII năm 1988; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008).

Tự do sáng tác nằm trong quyền tự do văn hóa và tự do diễn đạt, vì thế tự do sáng tác cũng là một trong những quyền quan trọng nhất của con người. Ngay từ đầu đổi mới vấn đề này đã được quan tâm bởi lẽ tác phẩm văn nghệ là sản phẩm tinh thần đặc biệt, do sự thôi thúc bên trong của người nghệ sĩ tạo ra và là mục đích tự thân của họ, chứ không phải là một phương tiện, một công cụ có thể sử dụng bất kỳ. Do đó “nó mang đậm cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ trong điều kiện tự do sáng tác - một điều kiện cực kỳ quan trọng, không thể thiếu được của người nghệ sĩ”.

Lý luận đổi mới đã ý thức rõ *tự do chính là khởi điểm cho sáng tạo*. Tuy vậy, *không có tự do vô giới hạn*, không thể có bất cứ quyền tự do nào mà lại không thực hiện với một trách nhiệm tương xứng. Đó là chân lý mà nhân loại đã thừa nhận từ lâu. Trong tư duy triết học kinh điển mácxít, tự do và tất yếu là một cặp phạm trù biện chứng. Con người chỉ có được tự do thật sự khi hiểu

được các quy luật của tất yếu khách quan. “Đối với những người viết chân chính - đó là tự do trong giới hạn của một lẽ sống chân chính, của mục tiêu cao quý của nghệ thuật vì hạnh phúc của nhân dân, vì lẽ công bằng cho con người và tiến bộ xã hội”.

Như vậy, lý luận thời đổi mới, hội nhập đã xác định nguyên tắc: *Tự do của người nghệ sĩ phải đi cùng với tuân thủ luật pháp, tự do gắn liền với trách nhiệm của công dân với cộng đồng dân tộc. Không có tự do vượt lên luật pháp, vượt lên quyền dân chủ và quyền con người.* Và chỉ có trên nguyên tắc này vấn đề tự do dân chủ mới tránh được sự lạm dụng, đời sống văn hóa, văn nghệ mới được quản lý một cách khoa học và hợp lý. Các nhà lý luận cũng đã chứng minh và khẳng định: “Việc văn nghệ chịu sự quản lý của chính trị để phục vụ con người không có gì là vô lý, thậm chí việc đó còn góp phần phát huy hiệu quả tác động xã hội của văn nghệ”. Tuy nhiên cũng lưu ý rằng xét từ góc độ lý thuyết nói chung, bất cứ ở đâu, thời đại nào khi xã hội xuất hiện sự “cai trị” văn nghệ bằng mệnh lệnh chủ quan áp đặt, buộc các văn nghệ sĩ phục tùng chế độ chính trị tàn bạo, mất dân chủ thì việc xung đột giữa văn nghệ với chính trị là tất yếu. Văn nghệ chân chính luôn chống lại thứ chính trị thoái hóa, nhưng lại thống nhất với chính trị chân chính.

Việc lý luận đổi mới phân biệt rõ đặc thù của hai hình thái ý thức xã hội là quan điểm khoa học đúng đắn. Bởi vì chỉ có trên cơ sở như vậy lý luận mới có thể tiếp tục giải quyết nhiều câu hỏi khác đặt ra xung quanh mối quan hệ giữa văn học và chính trị, đặc biệt nhất là câu hỏi: *Trong thời đại ngày nay cần quan niệm văn nghệ phục vụ chính trị theo cách như thế nào?*

Chúng tôi đồng tình và chia sẻ với Lê Ngọc Trà khi trong bài viết *Văn nghệ và chính trị* ông đã phân biệt khác với chính trị và đạo đức, sức tác động mạnh mẽ của văn nghệ thể hiện chủ yếu không phải ở chỗ nó tuyên truyền và răn dạy, mà ở khả năng khêu gợi, đánh thức lương tri của mỗi người, kích thích quá trình tự giáo dục ở họ: “Nghệ thuật như tấm gương lớn xã hội đặt ra trước mặt, mỗi người đến tự soi mình, nhận diện, đối thoại với chính bản thân mình, tự phán xử, kiêu hãnh với những gì tốt đẹp có ở mình, ở cuộc đời, đồng thời cũng hổ thẹn vì những gì trái với lương tâm, đau đớn với tội lỗi, bất công trong xã hội”. Lê Ngọc Trà cũng như nhiều nhà khoa học khác đã đánh giá cao chức năng giáo dục con người của văn nghệ, song đó không phải là sự giáo dục theo công thức giáo điều buộc người ta phải tuân thủ mà ở đây mang

ý thức tự giác cao. Thiết nghĩ, muốn “phục vụ” được chính trị, thúc đẩy sự tiến bộ xã hội thì *trước hết văn nghệ phải ý thức được đầy đủ thiên chức của mình*. Đó không đơn thuần chỉ là chức năng tuyên truyền mà quan trọng hơn hết đối với ý nghĩa sự tồn tại của văn học nghệ thuật là thiên chức *đánh thức tâm hồn, tình cảm* của con người.

Hơn bao giờ hết, thời đại hội nhập hôm nay của dân tộc với thế giới đòi hỏi ở lý luận một sự lý giải thỏa đáng cho câu hỏi: *nằm trong sự quản lý của thiết chế chính trị, văn nghệ sẽ phục vụ cho sự phát triển của xã hội và con người như thế nào?*

Có thể thấy, để phát huy tốt chức năng xã hội của mình văn nghệ không thể sáng tác chạy theo giáo điều, rao giảng đạo đức một cách khô khan, sống sượng, cũng không thể hô hào tình yêu Tổ quốc một cách chung chung, sáo rỗng. Văn nghệ hoàn toàn không phải là một thứ “công cụ” như khẩu súng, máy bay, tàu thủy, để sử dụng nó như một thứ vũ khí vật chất vào mục đích vụ lợi của một số người, phe phái, cục bộ địa phương. Nghệ thuật là một hoạt động tinh thần có sức mạnh kỳ diệu, nhưng sức mạnh của nghệ thuật không phải là thứ sức mạnh nhờ vào quyền lực chính trị mang lại. Sức mạnh lôi cuốn thuyết phục của nghệ thuật tỏa ra từ chính tác phẩm - điểm hội tụ tài năng, trí tuệ, tâm huyết và bản lĩnh của người nghệ sĩ. Từ hơn sáu trăm năm trước, Nguyễn Trãi - danh nhân văn hóa thế giới - đã từng dùng những trang viết sắc sảo, thấu lý đạt tình để “mưu phạt tâm công” (đánh vào lòng người), và nhờ vậy ông đã để lại cho đời những áng văn chương có “sức mạnh hơn mười vạn quân” (Phan Huy Chú).

Muốn có được sức mạnh lay chuyển lòng người như vậy, nghệ thuật phải được bộc bạch tất cả những gì riêng tư nhất, khát vọng tha thiết nhất thuộc về bản thể con người, nó đánh thức tình yêu và tiềm năng sáng tạo của họ, nó khiến con người ý thức được niềm hạnh phúc và trách nhiệm lớn lao của quyền và nghĩa vụ của *Con người* theo nghĩa đúng nhất của từ này. Phải được nói lên nhiều mặt cả cái xấu và cái tốt, cao thượng và thấp hèn, cái ác và cái thiện, cái được và cái mất,... Văn học phải được đi đến tận cùng những số phận con người với những trang viết thấu đáo về đời sống và con người. “Nó chỉ làm cái việc của nó, riêng nó, riêng nó mới có thể làm được (...) giữ cho con người mãi mãi là con người, không phải là con thú vô nhân tính, mà cũng không thành ông thánh cao vời, vô duyên và cũng vô nhân tính nốt. Nó chăm lo cho con



người mãi mãi thật là người”. Văn học chân chính (cũng như chính trị tiên tiến) nằm ngoài những băng hoại do thời gian. Sự sàng lọc nghiệt ngã qua thời gian khiến những tác phẩm văn học có giá trị đích thực như những viên ngọc quý phát lộ hào quang. Đó cũng chính là những tế bào góp phần cấu tạo nên văn hóa của một dân tộc. Và câu hỏi những tác phẩm văn học như vậy “phục vụ” chính trị ở chỗ nào đồng nghĩa với lời giải đáp cho câu hỏi: *những tác phẩm ấy có giá trị làm cho cuộc sống tinh thần, tâm hồn của con người ở thời đại mà nó tỏa sáng phong phú tốt đẹp lên ra sao?*

### 3. Kết luận

“Như ngọn đuốc soi đường”, ở mỗi chặng đường lịch sử, Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 đã định hướng cho công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa mới của đất nước đạt nhiều thành tựu. Giá trị cốt lõi của Đề cương vẫn phát huy tinh thần ở thời kỳ đổi mới, hội nhập theo xu hướng toàn cầu hóa; Trên nền tảng tinh thần của Đề cương cùng các Nghị quyết Đại hội VIII, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (tháng 7/1998) *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Nghị quyết số 23-QĐ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị *Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới...* việc nhận thức vấn đề mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị được các nhà nghiên cứu lý luận văn học Việt Nam từng bước có những phát hiện, bổ sung, mở rộng nội hàm khái niệm ở nhiều phương diện, cấp độ khác nhau và đã mang lại giá trị khoa học, góp phần thúc đẩy sự phát triển của văn học nghệ thuật nói riêng và văn hóa nói chung trong thời kỳ đất nước đổi mới và hội nhập.

Quan sát thực tiễn xã hội, có thể thấy những tư tưởng mới, tiến bộ đã và đang tiếp tục được khẳng định - Đó là *tinh thần khắc phục những hạn chế trong nhận thức về vai trò của văn nghệ và chính trị, khôi phục lại quan hệ gắn bó mà đẳng lập của hai hình thái ý thức xã hội làm cho chúng phát triển trong tương quan một cách biện chứng*. Văn nghệ với chức năng có tính đặc thù nghệ thuật sẽ cùng với chính trị hướng đến mục tiêu cao đẹp: làm cho xã hội ổn định, con người trở nên người hơn, sống nhân ái, nhân văn, và hướng về những khát vọng chân chính.

**80 NĂM**  
**“ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” (1943-2023)**  
**NHÌN TỪ CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY**  
**GIÁ TRỊ VĂN HÓA**

TS. ĐÀO VĨNH HỢP\*

**1. Về bản Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943**

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được thông qua trong Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên) vào tháng 2/1943. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ<sup>1</sup>.

Nội dung bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 gồm có 5 phần: Cách đặt vấn đề; Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam; và Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mác xít Đông Dương và nhất là của những nhà văn hóa mác xít Việt Nam. Đề cương xác định: Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa). Đồng thời nêu lên ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn bấy giờ gồm: 1- Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); 2- Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng

---

\* Giảng viên Trường Đại học Sài Gòn.

1. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Lịch sử 80 năm ngành Tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2010)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.46.

hoặc xa đông đảo quần chúng) và 3- Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ)<sup>1</sup>.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam ra đời là một sự kiện chính trị quan trọng. Không chỉ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cách mạng, kháng chiến thời bấy giờ mà còn có ý nghĩa khai sáng, mở đường cho sự vận động, phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam trong các giai đoạn tiếp theo. Bản đề cương thể hiện rõ tính khoa học và tính cách mạng sâu sắc. Nội dung cốt lõi của Đề cương thể hiện sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và công cuộc đổi mới. Trong dịp kỷ niệm 40 năm Đề cương ra đời (1943-1983), đồng chí Trường Chinh nhấn mạnh: "... Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của Việt Nam"<sup>2</sup>. Công trình *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có ảnh hưởng to lớn đến cả một thời đại lịch sử<sup>3</sup>, khẳng định tầm nhìn xa trông rộng của Đảng ta về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.*

Sau bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay, tư duy lý luận của Đảng về văn hóa ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh hơn. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cũng được quan tâm thường xuyên, khẳng định những giá trị.

## **2. Công tác lưu trữ, bảo tồn, xuất bản gắn với bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943**

Năm 1943, Hội Văn hóa Cứu quốc ra đời, cơ quan ngôn luận của Hội là Tạp chí Tiên phong. Bấy giờ, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo năm 1943 đã được đăng toàn văn trên Tạp chí Tiên Phong số 1, ngày 10/11/1945, trang 8-21. Đến nay, bản gốc của Tạp chí Tiên Phong số 1 đang được lưu giữ hết sức cẩn thận tại kho quản lý hiện vật thuộc Bảo tàng Lịch sử quốc gia. Chỉ khi có trưng bày triển lãm

---

1. Nội dung "Đề cương về văn hóa Việt Nam" năm 1943. Tài liệu lưu trữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia (2022), <https://baotanglichsu.vn>, truy cập ngày 15/02/2023.

2. Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3, tr.559.

3. Phan Ngọc: "Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943) và vấn đề văn hóa trong giai đoạn hội nhập", in trong *60 năm đề cương văn hóa với văn hóa và phát triển ở Việt Nam hôm nay*, Viện Văn hóa & Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2003, tr.47.

thì hiện vật mới được mang ra khỏi nơi bảo quản chuyên dụng tránh ảnh hưởng xấu tới hiện vật<sup>1</sup>. Ngoài ra, các ảnh tư liệu có nội dung về *Đề cương về văn hóa Việt Nam* như: Bản sao đề cương, các tư liệu về việc công bố, phổ biến bản Đề cương cũng được lưu trữ hết sức cẩn trọng tại các bảo tàng, cơ quan văn hóa...

Trong 80 năm qua, nhiều tác phẩm có nội dung chính và tiêu đề viết về *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được xuất bản. Tiêu biểu có các sách: “*Một chặng đường văn hóa: tập hồi ức và tư liệu về việc tiếp nhận Đề cương văn hóa (1943) của Đảng*” (Lê Nguyên Long, 1985). Tập sách giới thiệu bản Đề cương văn hóa, bài viết của đồng chí Trường Chinh triển khai những nội dung chính của Đề cương, các hồi ức của các cán bộ hoạt động văn hóa của Đảng và một số bài viết trong khoảng 1945-1946 rút ra từ báo chí đương thời. Nhân các cột mốc 10 năm kỷ niệm ngày ra đời của Đề cương văn hóa, các sách được xuất bản: *Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam* (Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn, 1983); *50 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam* (Nxb. Khoa học xã hội, 1995); *60 năm Đề cương văn hóa với văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay* (Đỗ Thị Minh Thúy, Viện Văn hóa và Nxb. Văn hóa - Thông tin, 2003); *Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 những giá trị tư tưởng - văn hóa* (Hà Nội, Viện Văn hóa - Thông tin, 2003); *Đề cương về văn hóa Việt Nam chặng đường 60 năm* (Nguyễn Ngọc Thiện và Hồ Sĩ Vịnh biên soạn, Nxb. Chính trị quốc gia, 2004). Gần đây nhất có: *Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 - giá trị lịch sử và hiện thực* (Nguyễn Đình Minh (Chủ biên), Nxb. Quân đội Nhân dân, 2016); *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2022).

Cùng với xuất bản sách, trong 80 năm qua, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được thể hiện trên nhiều bài viết ở sách khác, báo, tạp chí,... Nhân kỷ niệm sự kiện ra đời *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, các hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm với nhiều nội dung và hình thức mới như: tổ chức triển lãm, tài liệu tuyên truyền về đề cương văn hóa, văn hóa và con người Việt Nam.

Đặc biệt hơn cả, nhân kỷ niệm 60 năm (1943-2003), bộ tem Bưu điện *Đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003)* đã được phát hành ngày 03/02/2003<sup>2</sup>.

---

1. Xem Bảo tàng Lịch sử quốc gia, <https://baotanglichsu.vn>, truy cập ngày 15/02/2023.

2. Công ty Tem Việt Nam, <https://vietnamstamp.com.vn>, truy cập ngày 15/02/2023.

Như vậy, nhờ luôn được thực hiện thường xuyên nên công tác bảo tồn *Đề cương về văn hóa Việt Nam* luôn được thực hiện tốt và phát huy giá trị xuyên suốt trong 80 năm qua.

### **3. Phát huy giá trị văn hóa và xây dựng con người Việt Nam hiện nay**

Trải qua tiến trình lịch sử, Đảng ta luôn chú trọng phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đây cũng là một trong những nội dung lớn của việc phát huy giá trị *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong 80 năm qua. Cụ thể, trong bối cảnh thời đại mới, những nội dung cốt lõi và tinh thần của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn tiếp tục được kế thừa qua các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa.

Gần đây nhất, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII là một sự kiện chính trị trọng đại của Đảng, đất nước và dân tộc ta. Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện có giá trị to lớn cả về lý luận và thực tiễn, là sự kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Tại Đại hội XIII, cùng với những nhiệm vụ như: xây dựng chính quyền Đảng, phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh, quốc phòng, đối ngoại... thì việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời đại mới cũng được Đảng ta xác định là nhiệm vụ trọng tâm.

Kế thừa quan điểm về nguồn lực văn hóa trong các văn kiện Đại hội XI, Đại hội XII, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tiếp tục xác định: Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên”. Đồng thời, Đảng ta đã khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của văn hóa: Tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa.

Nghị quyết Đại hội XIII xác định việc xây dựng văn hóa, con người là một trong những nhiệm vụ trọng tâm: Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự

trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước<sup>1</sup>. Cùng với vấn đề về con người thì “an ninh con người” là một trong những nội dung mới được Đảng ta đưa ra tại Đại hội XIII. Trong Văn kiện Đại hội XIII, thuật ngữ “an ninh con người” đã xuất hiện lần đầu tiên và được sử dụng lặp lại 11 lần. Đây chính là một nội dung mới, thể hiện nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về vai trò, vị trí, ý nghĩa quan trọng của việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, cân bằng giữa cuộc sống vật chất và tinh thần, đời sống đạo đức, văn hóa. Tư duy lý luận mới của Đảng đã kế thừa và thực hiện sáng tạo tư tưởng về xây dựng và phát triển con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời tiếp tục làm sáng tỏ hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có lộ trình và bước đi phù hợp, lấy con người là trung tâm, trên nền tảng của sự phát triển giáo dục và đào tạo<sup>2</sup>.

Mục tiêu xây dựng văn hóa, con người Việt Nam trong thời đại mới được Đảng ta chỉ rõ: Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới...<sup>3</sup>. Việc gắn chặt chẽ “hệ giá trị gia đình Việt Nam” với “hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người” là một nhận thức mới. Gia đình vốn là “tế bào của xã hội”, là môi trường giáo dục đầu tiên để hình thành, nuôi dưỡng, định hướng nhân cách con người. Vai trò của “hệ giá trị gia đình” được nhấn mạnh nhằm phát huy vai trò của gia đình trong việc xây dựng giá trị văn hóa và con người Việt Nam.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

2. Phạm Văn Linh: Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về giáo dục và đào tạo, <http://hdll.vn> (Trang tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương), truy cập ngày 6/9/2021.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.143.

Gần đây nhất, bài phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc diễn ra tại Hà Nội ngày 24/11/2021 cũng xác định vấn đề nguồn lực con người vai trò then chốt của văn hóa trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước. Tổng Bí thư đã nhấn mạnh: “Văn hóa là một phạm trù rất rộng, có thể được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau với nhiều cách tiếp cận khác nhau... Nhưng chung quy có thể hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Nghĩa rộng: thì văn hóa là trình độ phát triển về tinh thần và vật chất của nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định... Nghĩa hẹp: thì văn hóa là những hoạt động tinh thần của một xã hội, gồm có những lĩnh vực: giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật, đạo đức... Văn hóa cũng bao gồm cả văn hóa vật thể (các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, di sản văn hóa, những sản phẩm văn hóa: Kim tự tháp, đình, chùa, miếu thờ,...) và phi vật thể (ca dao, dân ca, hò vè, lễ hội; các phong tục, tập quán của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền, mỗi dân tộc, mỗi địa phương...)... Nhưng dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì khi đã nói đến văn hóa là nói đến những gì là tinh hoa, tinh túy nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, nhân tình, tiến bộ”<sup>1</sup>.

Như vậy, kết quả của quá trình đúc kết tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm hoạt động lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa, đặc biệt là việc thực hiện và phát huy những giá trị của Đề cương văn hóa đã được thể hiện cụ thể trong Văn kiện Đại hội XIII và chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về con người và văn hóa. Đây chính là sự tiếp nối của hệ thống lý luận mang tính chất toàn diện và có tính cập nhật, đáp ứng được yêu cầu bối cảnh mới của xu thế toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, nhất là trước tác động ngày càng sâu, rộng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

#### **4. Nhận định và gợi ý giải pháp**

##### **4.1. Nhận định**

Văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến phát triển văn hóa và

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.158-159.

xác định công tác văn hóa là một trong những nhiệm vụ cấp bách. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị.

Qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa nói chung và nội dung của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* luôn được quan tâm xuyên suốt. Tuy nhiên, những nội dung này đã được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Nhiều định hướng quan trọng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được Đảng ta kế thừa, bổ sung, phát triển, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới mà Đại hội XIII là tiêu biểu nhất.

Trong suốt 80 năm, dù trải qua nhiều chặng đường lịch sử khác nhau của dân tộc nhưng Đề cương vẫn được bảo tồn và phát huy giá trị. Thành tựu trong gìn giữ, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa Việt Nam những năm gần đây khẳng định tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa. Các chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa trong 80 năm qua bên cạnh việc thể hiện sự quan tâm của Đảng ta đến mặt trận văn hóa, tạo nền tảng cho sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa mới. Giá trị của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn thể hiện sức sống trong xã hội đương đại. Cho đến nay, ba nguyên lý phát triển văn hóa “Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa” được vạch ra từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã và đang được bổ sung những nội dung mới, để làm phong phú thêm những giá trị văn hóa, tạo điều kiện phát triển bền vững đất nước.

Việc vận dụng, tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện những quan điểm, chủ trương của Đảng về văn hóa trong Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 được thể hiện trong các văn kiện của Đảng qua các thời kỳ. Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII có ý nghĩa sâu sắc: Khẳng định tính kế thừa, sự nhất quán trong quan điểm của Đảng ta coi văn hóa là động lực quan trọng để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, thực hiện khát vọng phát triển đất nước trong thời gian tới.



#### 4.2. Một số gợi ý giải pháp

Trải qua 80 năm kể từ khi ra đời, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn thể hiện giá trị lý luận và tính thời đại sâu sắc, tiếp tục soi đường cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên con đường hội nhập và phát triển. Để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam, chúng ta cần phải thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa, đặc biệt là quan điểm Đại hội XIII của Đảng về xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021. Tất cả nhằm góp phần vun đắp nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, giàu bản sắc, tạo sức mạnh, nguồn lực nội sinh để xây dựng nước Việt Nam phồn vinh và hạnh phúc. Xa hơn nữa, góp phần đưa văn hóa Việt Nam sánh vai với các nền văn hóa, văn minh tiến bộ trên thế giới.

Trong bối cảnh đất nước hiện nay, những giá trị, ý nghĩa của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 càng phải được đề cao. Hướng đến mục tiêu phát triển văn hóa theo hướng bền vững, cần tiếp tục đẩy mạnh phát huy giá trị lịch sử, giá trị thực tiễn to lớn của *Đề cương*. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Đảng cần có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”<sup>1</sup>. Để *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có sức sống mới, bên cạnh việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của *Đề cương* nói riêng, sự nghiệp phát triển văn hóa nói chung, nhất thiết cần có những cập nhật mới về nội dung cho phù hợp với tình hình thực tiễn và bối cảnh xã hội đương đại. Làm sao để vừa kế thừa và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa kế thừa các quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa nhằm phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam.

Để thực hiện có hiệu quả những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về vấn đề con người và văn hóa thì công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cần được quan tâm và thực hiện đồng bộ với quyết tâm cao của nhiều đối tượng

---

1. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1999, tr.39.

liên quan. Văn kiện Đại hội XIII đã coi trọng giáo dục, đào tạo để phát triển con người và văn hóa trước bối cảnh mới của đất nước, với mục tiêu: “Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp của người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>. Thiết nghĩ, giáo dục và đào tạo cần đón đầu trong đổi mới toàn diện theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII. Mỗi cá nhân phải quán triệt các quan điểm của Đảng về sức mạnh con người Việt Nam, phát triển con người toàn diện về nhân cách, đạo đức, lối sống, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật... Đi liền với phát triển văn hóa, nguồn lực con người và căn cứ vào thực tế như tình hình đại dịch Covid-19, vấn đề an ninh con người cần được đặt lên thành nhiệm vụ chính trị hàng đầu, vì mục tiêu bảo đảm an ninh con người, an ninh xã hội mới phát triển được văn hóa và đất nước.

Nhằm tiếp tục phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời gian tới; để văn hóa thực sự vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước, là nền tảng tinh thần xã hội, góp phần đắc lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong điều kiện mới, đòi hỏi sự tham gia vào cuộc của tất cả các ngành, các cấp trong hệ thống chính trị nước ta. Cần đẩy mạnh thực hiện việc bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc, trong đó có giá trị của Đề cương; sáng tạo các giá trị văn hóa mới trên cơ sở tiếp thu những tinh hoa văn hóa thế giới; chú trọng công tác tuyên truyền, biểu dương các thành tựu văn hóa; kiên trì đấu tranh bài trừ các hủ tục, thói hư tật xấu, biểu hiện văn hóa thiếu lành mạnh...

\*

\* \*

Trải qua 80 năm từ thời điểm ra đời tới nay (1943-2023), tuy bối cảnh tình hình và điều kiện cụ thể của đất nước đã có nhiều đổi thay nhưng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.136.

những tư tưởng và nội dung cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn mang ý nghĩa và giá trị to lớn. Đây chính là cội nguồn và động lực phát triển: góp phần định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế. Từ phương diện nghiên cứu công tác bảo tồn và phát huy giá trị của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, hy vọng rằng những giá trị lý luận và thực tiễn to lớn của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* tiếp tục được phát huy trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển toàn diện con người Việt Nam trong thời đại mới.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC HIỆN NAY

TS. GIANG THỊ HUYỀN\*

### 1. Bối cảnh ra đời và ý nghĩa của bản Đề cương

Vào những năm 40 của thế kỷ XX, tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội nước ta rất rối ren và phức tạp. *Về chính trị, kinh tế - xã hội*: nhân dân ta đói khổ, lầm than trong tình cảnh một cổ hai tròng. Vì thế, vùng dậy đấu tranh, đui giặc, cứu nước trở thành vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với toàn dân tộc. *Về đời sống văn hóa - tư tưởng*: bị chia rẽ bởi sự xuất hiện nhiều trào lưu, tư tưởng đan xen: bên cạnh tư tưởng thân Pháp có tư tưởng thân Nhật; thuyết Âu hóa chen lẫn thuyết Đại Đông Á; tư tưởng tởtkít; chủ nghĩa đầu hàng và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi; các tư tưởng triết học duy tâm, định mệnh chen lẫn với các trường phái siêu hình, bí hiểm, chán chường, bi quan, “tháp ngà”... Từ thực tiễn hơn mười năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta nhận thấy cần phải phát huy vai trò to lớn của mặt trận văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Theo đó, Đảng phải nắm lấy và giương cao ngọn cờ lãnh đạo văn hóa, thúc tỉnh được tầng lớp trí thức đang bị chia rẽ, qua đó góp phần thúc tỉnh, tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân tham gia vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xóa bỏ sự nô dịch về văn hóa của chủ nghĩa thực dân. Đồng thời, tập hợp đông đảo những người hoạt động văn hóa yêu nước vào Hội Văn hóa cứu quốc - một thành viên của Mặt trận Việt Minh. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời là một sự kiện chính trị quan trọng, tạo nên tảng ban đầu

---

\* Khoa Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị Khu vực 1.

cho xây dựng nền văn hóa Việt Nam mới. Lần đầu tiên Đảng ta vận dụng một cách toàn diện và có hệ thống lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn văn hóa Việt Nam. Cũng là lần đầu tiên, Đảng ta trình bày những nhận định tổng quát về lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ; đồng thời chỉ rõ nguy cơ văn hóa Việt nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; đề ra đường lối cách mạng văn hóa và nguyên tắc xây dựng một nền văn hóa mới. Ngay sau khi ra đời, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã có sức lan tỏa mạnh mẽ bởi bản thân nội dung của nó được tạo dựng và hoàn chỉnh với một phương pháp tiếp cận thực sự khoa học và quan trọng hơn là đã đáp ứng những yêu cầu thực tiễn đặt ra. Mặc dù mới dừng ở những nét phác thảo nhưng với những nội dung được đề cập, bản Đề cương xứng đáng là một văn kiện đặt nền móng, mở đường cho xây dựng lý luận văn hóa cách mạng ở Việt Nam.

## 2. Nội dung và giá trị cơ bản của Đề cương

Với dung lượng ngắn - chỉ khoảng 1.300 từ, bản Đề cương đã trình bày, phân tích một cách ngắn gọn và sâu sắc những vấn đề văn hóa Việt Nam đặt ra lúc bấy giờ. Tuy ngắn gọn, súc tích nhưng bản Đề cương văn hóa đã thể hiện rõ các quan điểm, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc cần hướng đến.

*Thứ nhất*, về phạm vi vấn đề văn hóa được Đề cương xác định “*bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật*”. Mở rộng quan niệm về văn hóa, đặt thành tố tư tưởng lên hàng đầu, gắn tư tưởng với văn hóa thể hiện một tư duy mới mẻ và khoa học, phản ánh nhận thức đúng đắn chức năng của văn hóa theo quan điểm mácxít của Đảng ta. Bởi vì, nói đến tư tưởng là nói đến nội dung cốt lõi nhất của văn hóa, vì nó có quan hệ nhiều mặt đến đời sống tinh thần của con người: từ ý thức hệ, thế giới quan, nhân sinh quan đến tâm lý, đạo đức, lối sống. Không thấy tư tưởng gắn với văn hóa, là nội dung cốt yếu của văn hóa thì nói gì đi nữa, văn hóa cũng chỉ là phương tiện vui chơi, giải trí, không mang lại sức mạnh và cũng không gắn với phát triển. Hơn nữa, trong lúc tình hình văn hóa diễn ra phức tạp với sự xuất hiện nhiều khuynh hướng tư tưởng và học thuật khác nhau khiến cho nhiều người trong giới trí thức có cái nhìn không đúng về văn hóa nước nhà thì đặt vấn đề tư tưởng lên hàng đầu là nhận thức đúng đắn và cần thiết.

Từ chỗ xác định đúng phạm vi vấn đề văn hóa, Đề cương đã chỉ mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế và chính trị: "... nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia". Với tư cách là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, văn hóa phản ánh và chịu sự quy định của cơ sở hạ tầng. Đây chính là vấn đề cốt lõi trong quan niệm văn hóa theo lập trường mácxít. Theo đó, một xã hội xây dựng trên nền tảng của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất thì giai cấp thống trị từ, từ chỗ nắm được tư liệu sản xuất chủ yếu, đã tiến hành bóc lột về kinh tế, áp bức về chính trị và nô dịch về văn hóa. Do vậy, cuộc đấu tranh giữa nhân dân lao động với giai cấp bóc lột, thống trị bao giờ cũng diễn ra rất gay gắt trên cả ba lĩnh vực: kinh tế, chính trị và văn hóa. Trong bối cảnh đất nước đang bị nô lệ, áp bức thì vấn đề lật đổ giai cấp thống trị, giành chính quyền về tay nhân dân là nhiệm vụ đặt lên hàng đầu. Theo đó, phải hoàn thành cách mạng chính trị trước rồi mới tiến hành cách mạng văn hóa "Cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị". Không dừng lại ở đó, Đề cương còn công khai thể hiện thái độ của Đảng đối với vấn đề văn hóa: "Cách mạng văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động" và "Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo". Việc xác định văn hóa là một mặt trận mà Đảng phải quan tâm lãnh đạo là sự quán triệt Chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Quan điểm này một mặt xuất phát từ tính tất yếu khách quan trong việc nắm lấy lĩnh vực tư tưởng, văn hóa khi giai cấp thống trị lên nắm quyền lãnh đạo xã hội vừa thể hiện tính tuyệt đối và toàn diện trong lãnh đạo mọi mặt của đời sống xã hội của Đảng. Đồng thời cũng thể hiện bản lĩnh của một Đảng chân chính và cách mạng. Vì thời điểm Đảng ban hành Đề cương, chúng ta chưa còn giành được chính quyền về tay nhân dân.

Trên cơ sở phân tích lịch sử, tính chất văn hóa Việt Nam và chỉ rõ những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp, Đề cương đã xác định rõ mục tiêu cũng là tương lai của văn hóa Việt Nam: "Nền văn hóa mà cuộc cách mạng văn hóa Đông Dương phải thực hiện sẽ là *văn hóa xã hội chủ nghĩa*". Để thực hiện được mục tiêu này, Đề cương nêu những nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa Việt Nam, phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đây là cuộc cách mạng có nhiệm vụ

đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc, xóa bỏ chế độ phong kiến, giành quyền làm chủ cho nhân dân lao động. Nền văn hóa phục vụ cho cuộc cách mạng ấy phải là nền văn hóa có *tính dân tộc, tính khoa học và tính đại chúng*. Cuộc vận động văn hóa vì thế cũng phải được tiến hành theo ba nguyên tắc: *Dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa*. *Dân tộc hóa* là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Khẳng định phải *dân tộc hóa* vì văn hóa Việt Nam trải qua hàng trăm năm dưới ách áp bức của thực dân dã và đang bị nô dịch và chia rẽ nặng nề. Đó là một nền văn hóa thiếu hẳn tinh thần độc lập, tự do và thống nhất dân tộc. *Khoa học hóa* là chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Đặt nguyên tắc *khoa học hóa* lên vị trí ưu tiên vì một nền văn hóa muốn thực sự mang tính cách mạng, trước hết nó phải có một nền tảng khoa học chắc chắn làm tiền đề. Trong khi đó, ở một nước nông nghiệp lạc hậu thì chủ nghĩa kinh nghiệm thường lấn át tri thức khoa học và khoa học trong một nước bị đô hộ thì khó mà được ưu tiên phát triển. *Đại chúng hóa* là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng. Ở một nước thuộc địa còn nhiều tàn tích phong kiến lúc đó, phần lớn người dân bị mù chữ, không có điều kiện thụ hưởng, tiếp thu tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại, thậm chí người dân bị gạt khỏi đời sống văn hóa. Vì vậy, nền văn hóa mới phải là văn hóa của nhân dân, phục vụ nhân dân. Phải làm cho người dân biết đọc, biết viết, có học, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo nghệ thuật. Ba nguyên tắc trên đây là ba khâu có quan hệ chặt chẽ không thể tách rời và tác động lẫn nhau. Mỗi khâu trong đó nhằm chống lại một trong ba nhược điểm, ba căn bệnh lớn của văn hóa Việt Nam đương thời. Đồng thời, đây cũng là ba khẩu hiệu hành động, kêu gọi đội ngũ trí thức tập hợp lực lượng, xây dựng một nền văn hóa mới cho tương lai của dân tộc.

Sau khi ra đời, Đề cương nhiều lần được bổ sung, hoàn thiện cùng tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Tổng Bí thư Trường Chinh là người khởi thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đồng thời, cũng là người tiếp tục bổ sung và hoàn thiện đường lối văn hóa của Đảng cho phù hợp với yêu cầu của mỗi giai đoạn cách mạng. Đặc biệt là trong báo cáo trình bày tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai (tháng 7/1948) với tiêu đề *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, Tổng Bí thư Trường Chinh đã làm rõ hàng loạt

vấn đề mà Đề cương chưa có điều kiện trình bày hoặc trình bày một cách chưa đầy đủ, chưa thuyết phục, như: khái niệm mở rộng về văn hóa; về nội dung, tính chất, mối quan hệ giữa các nguyên tắc; về từ vựng ở Việt Nam; về nội dung và hình thức của nền văn hóa mới cũng như vấn đề kế thừa có chọn lọc các nền văn hóa khác nhau trên thế giới để làm giàu nền văn hóa Việt Nam, về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, giữa nghệ thuật và tuyên truyền... Tuy nhiên, chỉ với những luận điểm trên, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* xứng đáng là một văn kiện mang tầm vóc “cương lĩnh” của Đảng, là ngọn đuốc sáng soi đường, chỉ lối và định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động văn hóa, văn nghệ cho toàn Đảng, toàn dân và cuộc đấu tranh cách mạng ở Việt Nam.

### **3. Vận dụng và phát triển Đề cương vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc hiện nay**

Tám mươi năm đã trôi qua kể từ khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, cách mạng Việt Nam đã trải qua một chặng đường dài với những giai đoạn lịch sử khác nhau. Ở mỗi giai đoạn, gắn với mỗi nhiệm vụ chính trị, Đảng ta luôn điều chỉnh, bổ sung các quan điểm chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa để văn hóa có thể phát huy một cách hiệu quả nhất góp phần phục vụ sự nghiệp cách mạng. Trong thời kỳ đổi mới, với nhận thức về văn hóa được mở rộng và ngày càng sâu sắc, nhiều nội dung đã được Đảng ta tiếp tục quán triệt, bổ sung và phát triển trở thành những quan điểm chỉ đạo để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước hiện nay. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII “về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (1998) được coi là bản “cương lĩnh thứ hai” về văn hóa của Đảng - cương lĩnh chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Và tiếp nối là Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” (2014), coi như “cương lĩnh thứ ba về văn hóa” - bổ sung những quan điểm, đường lối, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Mà những định hướng lớn có thể kể đến:



*Về phạm vi và nội hàm của văn hóa:* đã được nhìn nhận một cách bao quát hơn, sâu hơn, có sự gắn kết chặt chẽ tới đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện: *chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp*. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của Đảng xác định: Văn hóa là toàn bộ những sáng tạo tinh thần, tạo nên nền tảng tinh thần của xã hội, văn hóa không chỉ là văn học - nghệ thuật, mà bao gồm tám lĩnh vực cơ bản: Tư tưởng, đạo đức, lối sống; môi trường văn hóa; giáo dục - đào tạo; hệ thống thông tin đại chúng; di sản văn hóa; chính sách văn hóa đối với tôn giáo, giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa thể chế, thiết chế văn hóa. Trong đó 4 lĩnh vực: tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa được xác định là những lĩnh vực quan trọng nhất. Đồng thời, Đảng ta cũng khẳng định *hệ giá trị* chính là cốt lõi của văn hóa của cộng đồng, dân tộc: “Văn hóa chính là những gì tinh hoa, tinh túy nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn, nhân ái, nhân tình, tiến bộ”. Nói cách khác, văn hóa chính là “hồn cốt” của một dân tộc

*Về vị trí, vai trò của văn hóa của văn hóa với phát triển:* Với nhận thức văn hóa ở chiều sâu như vậy, Đảng ta đã đặt văn hóa vào vị trí trung tâm, có mối quan hệ chặt chẽ với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Văn hóa trở thành “nền tảng tinh thần của xã hội”, vừa đóng vai trò dẫn dắt, định hướng các lĩnh vực của đời sống xã hội; vừa là bộ đỡ, điều tiết các mục tiêu của các lĩnh vực này. Với ý nghĩa như vậy, vai trò của văn hóa đang thực sự trở thành “sức mạnh nội sinh” của sự phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) xác định: “Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững”. Bổ sung và phát triển thêm một bước nữa, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (2014): Coi văn hóa là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm *sự phát triển bền vững* và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Theo đó, văn hóa không chỉ tác động đến kinh tế - xã hội mà tác động đến toàn bộ các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, ngoại giao... nói cách khác, văn hóa và phát triển bền vững có mối quan hệ biện chứng, không thể tách rời. Phát biểu trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc (11/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng khẳng định: “Chúng ta coi văn hóa là nền tảng

tin thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”.

*Về mục tiêu và tính chất của nền văn hóa Việt Nam:* từ tổng kết thực tiễn xây dựng văn hóa, trải qua quá trình tìm tòi không hề đơn giản, khắc phục những hạn chế, đôi khi cả những nhận thức còn ít nhiều giáo điều, máy móc, Đảng ta đã bổ sung và phát triển mục tiêu và tính chất của nền văn hóa Việt Nam. Từ nền văn hóa “dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung” được xác định trong *Đề cương* trải qua các thời kỳ được điều chỉnh thành “nội dung xã hội chủ nghĩa và hình thức dân tộc”, rồi “nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc” và hiện nay là “*nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”. Và đây cũng chính là một trong tám đặc trưng của xã hội Xã hội chủ nghĩa chúng ta đang xây dựng theo Cương lĩnh 2011 (sửa đổi, bổ sung) đã chỉ ra.

Như vậy, kể từ khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, trong suốt 80 năm lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam, đường lối văn hóa của Đảng luôn có sự nhất quán, kế thừa; đồng thời luôn bổ sung, điều chỉnh và phát triển để phù hợp với yêu cầu cách mạng của từng giai đoạn. Đây là kết quả của tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. 80 năm đã trôi qua, nhưng những tư tưởng của bản *Đề cương* vẫn còn nguyên giá trị, góp phần định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

**PHÁT HUY GIÁ TRỊ**  
**“ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”**  
**TRONG XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VĂN HÓA**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN**

TS. NGUYỄN DUY HÙNG\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 là một văn kiện lịch sử quan trọng, thể hiện ý chí nguyện vọng của cả dân tộc trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa tiến bộ, nhân văn và dân chủ. Đồng thời, thể hiện sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt với tầm nhìn chiến lược của Đảng đối với sự phát triển của đất nước ngay từ khi cách mạng còn chưa giành được chính quyền về tay nhân dân. 80 năm đã trôi qua, những tư tưởng trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn giữ nguyên giá trị lịch sử và hiện thực sâu sắc, góp phần định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

Đối với Hưng Yên, sự ra đời của Đề cương văn hóa không chỉ có giá trị to lớn trong chỉ đạo hoạt động trên mặt trận văn hóa nói chung, mà những định hướng trong “Cương lĩnh văn hóa” đầu tiên của Đảng còn có ý nghĩa “soi đường” cho tiến trình xây dựng gia đình văn hóa, phát huy giá trị văn hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nói riêng.

Dưới ánh sáng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong những năm qua, tỉnh Hưng Yên luôn quan tâm phát triển sự nghiệp văn hóa, trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở mà trọng

---

\* Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

tâm là phong trào gia đình văn hóa. Từ thập niên 60 của thế kỷ XX, hòa cùng làn sóng các phong trào thi đua trong cả nước như gió “đại phong”, sóng “duyên hải”, cờ “ba nhất”, tiếng trống “Bắc Lý”... 6 gia đình ở thôn Ngọc Tĩnh (xã Ngọc Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên) giao ước cùng nhau thực hiện xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, giữ gìn nề nếp gia phong, vệ sinh môi trường, đoàn kết phát triển kinh tế. Bối ý nghĩa thiết thực nên phong trào xây dựng gia đình theo nếp sống văn hóa mới nhanh chóng lan tỏa, nhân rộng trong toàn thôn Ngọc Tĩnh, rồi phát động cả tỉnh Hưng Yên. Năm 1962, tại Hội nghị tổng kết công tác văn hóa tại Hải phòng, Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã công nhận xã Ngọc Long là là chiếc nôi của phong trào gia đình văn hóa, đồng thời chỉ đạo phổ biến, nhân rộng điển hình tiên tiến này ra toàn miền Bắc. Năm 1982, nhân dịp kỷ niệm 20 năm xây dựng phong trào Gia đình văn hóa, nhân dân xã Ngọc Long vinh dự được Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin Nguyễn Văn Hiếu về thăm và tặng bức trống mang dòng chữ: “Ngọc Long - Quê hương gia đình văn hóa của cả nước”.

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, dòng mạch của phong trào xây dựng gia đình văn hóa vẫn bền bỉ tiếp nối trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Phát huy truyền thống quê hương, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã tích cực triển khai thực hiện phong trào xây dựng gia đình văn hóa, đẩy mạnh thực hiện công tác gia đình. Tỉnh đã ban hành các đề án, chương trình, kế hoạch nhằm chỉ đạo, thực hiện công tác quản lý nhà nước về gia đình; đưa chỉ tiêu về gia đình văn hóa là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình hành động, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội. Nhân dân Hưng Yên đã tích cực tham gia, hưởng ứng mọi hoạt động, phong trào thi đua trong công tác gia đình, chủ động triển khai nhiều các hoạt động để góp phần tạo chuyển biến trong công tác gia đình và phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

Hàng năm, Ban Chỉ đạo phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, Ban Chỉ đạo Công tác gia đình các cấp tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa, về chiến lược phát triển gia đình Việt Nam; nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về tầm quan trọng của văn hóa

gia đình, các nội dung giáo dục đời sống, đạo đức, lối sống trong gia đình, tiêu chí ứng xử trong gia đình, chương trình phòng, chống bạo lực gia đình. Nội dung tuyên truyền công tác gia đình bám sát, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn với hình thức phổ biến đa dạng, phong phú. Kết quả, trung bình hằng năm, toàn tỉnh có 95% trở lên số hộ gia đình đăng ký danh hiệu gia đình văn hóa; 97% trở lên hộ gia đình được phổ biến, tuyên truyền và cam kết thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; 98% trở lên nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được trang bị kiến thức cơ bản về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình; 100% gia đình được cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật phúc lợi xã hội dành cho các gia đình chính sách, gia đình nghèo; 99% hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo được cung cấp kiến thức, kỹ năng để phát triển kinh tế gia đình.

Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã khai thác và phát huy được giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tạo thành động lực thu hút được các gia đình thuộc nhiều thành phần hưởng ứng tham gia tích cực, từ những gia đình nông dân, công nhân, trí thức, lực lượng vũ trang đến gia đình công giáo, gia đình tiểu thương... đều đăng ký tham gia thực hiện các tiêu chí, tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa. Năm 2022, tỉnh Hưng Yên đã có 92,2% số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, 9.932 gia đình được công nhận danh hiệu “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con trung hiếu, cháu thảo hiền”, 81% số hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang. Từ trong phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã xuất hiện nhiều mô hình gia đình tiêu biểu xuất sắc, nhiều tấm gương “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con trung hiếu, cháu thảo hiền”, anh em thuận hòa, đoàn kết... mang đặc trưng nổi bật của gia đình truyền thống Việt Nam. Có những gia đình “Tam đại đồng đường”, “Tứ đại đồng đường” sống chung cùng một mái nhà nhưng luôn hòa thuận, hạnh phúc. Có gia đình rất năng động về phát triển kinh tế, nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Nhiều gia đình dù trong hoàn cảnh khó khăn nhưng các thành viên vẫn vượt khó, vươn lên làm xuất hiện các mô hình về “Gia đình phát triển bền vững”, “Gia đình nông dân sản xuất kinh doanh giỏi”. Các gia đình văn hóa là những tấm gương sáng, nhân tố điển hình, hạt nhân trong các phong trào thi đua ở địa phương cơ sở, góp phần quan trọng vào việc xây

dựng các cộng đồng dân cư ổn định về chính trị, phát triển về kinh tế - xã hội, hình thành đời sống văn hóa cơ sở lành mạnh, phong phú.

Ngày nay, trước sự tác động mạnh mẽ của mặt trái nền kinh tế thị trường, những biến đổi của đời sống xã hội, gia đình Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi từ truyền thống sang hiện đại, kéo theo nhiều giá trị bị mai một, thì ở Hưng Yên, thuần phong mỹ tục tốt đẹp trong các gia đình vẫn được gìn giữ, phát huy và gia đình Hưng Yên ít chịu ảnh hưởng tiêu cực từ mặt trái ấy. Đó chính là sức mạnh của truyền thống văn hóa gia đình được lưu truyền từ đời này sang đời khác, mang trọng trách như một “sức mạnh nội sinh” để gia đình Hưng Yên chống lại những tiêu cực, những ảnh hưởng từ bên ngoài. Trong đó, sự yêu thương và chia sẻ vẫn là giá trị truyền thống nổi bật chi phối mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Với các gia đình Hưng Yên, chuẩn mực cao nhất của hạnh phúc gia đình không phải là sự sang giàu về vật chất, mà là tình nghĩa, sự gắn bó, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Mỗi người Hưng Yên, dù có đi bốn phương trời, già hay trẻ, ở bất cứ cương vị nào đều hướng về gia đình, khát khao được yêu thương, chia sẻ. Cuộc sống dù có những thăng trầm, nhưng gia đình vẫn là một tổ ấm yêu thương, một phần thiêng liêng không thể thiếu trong cuộc đời mỗi con người, là động lực tinh thần to lớn để mỗi người nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách của cuộc sống. Dù cuộc sống hiện đại có những cám dỗ, nhưng mỗi cặp vợ chồng đều chú trọng gìn giữ sự thủy chung, tình nghĩa và hòa thuận, cùng nhau xây đắp tổ ấm hạnh phúc và tương lai. Dù xã hội có nhiều biến đổi, nhưng sự hòa thuận, gắn bó keo sơn, bền chặt giữa những người ruột thịt vẫn giữ vị trí cao trong hệ giá trị xã hội. Dù giàu có hay nghèo khó về vật chất, nhưng anh, chị, em vẫn giữ trọn tình nghĩa với nhau, sẵn sàng chia ngọt sẻ bùi, đoàn kết giúp đỡ, cùng nhau vươn lên trong cuộc sống. Rồi để xứng đáng với công lao sinh thành, dưỡng dục của ông bà, cha mẹ; con, cháu không chỉ kính trọng, yêu thương, vâng lời, phụng dưỡng cha mẹ, ông bà, mà còn luôn phấn đấu tu dưỡng bản thân, không ngừng học tập vươn lên, mang lại vinh dự, tự hào cho gia đình.

Đặc biệt, để trao truyền giá trị truyền thống và xây dựng gia đình, mỗi gia đình Hưng Yên luôn coi trọng giáo dục, coi đây là nền tảng đầu tiên, liên

tục và lâu dài tác động đến sự hình thành, phát triển nhân cách con người. Dù hiện nay “nhịp sống số” đang làm thay đổi đáng kể nhu cầu, lối sống của con người nhưng phần lớn các gia đình ở Hưng Yên vẫn dành sự quan tâm đến giáo dục gia phong, gia lễ, gia đạo. Các bậc ông bà, cha mẹ luôn răn dạy con cháu những điều hay, lẽ phải, biết giữ gìn hòa khí, yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau trong gia đình, dòng họ; gắn bó với làng xã; đoàn kết, chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Đồng thời, mỗi gia đình luôn đề cao truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, lấy sự học làm điều căn bản để thực hiện đạo lý làm người; chú trọng giáo dục đức tính cần cù, chịu khó trong lao động và ý chí khắc phục khó khăn vươn lên trong cuộc sống. Nhiều gia đình đã quan tâm thực hành văn hóa truyền thống gia đình vào dịp lễ Tết, duy trì các sinh hoạt văn hóa gia đình, làm cho các giá trị chân, thiện, mỹ từ truyền thống được trao truyền một cách tự nhiên cho thế hệ trẻ; góp phần hình thành lối sống lành mạnh, xây dựng và phát triển nhân cách con người; gìn giữ, phát huy cốt cách của con người Việt Nam, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong cuộc sống hiện đại.

Cùng với quan hệ gia đình, các gia đình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên luôn đề cao ý thức cộng đồng, chú trọng đến trách nhiệm, nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội. Mỗi gia đình luôn gắn bó chặt chẽ với làng xã, cộng đồng và đất nước. Nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi gia đình, không chỉ xoay quanh những nhu cầu và lợi ích của các thành viên trong gia đình mà còn là với làng xã và rộng hơn là dân tộc. Thời gian qua, hưởng ứng phong trào xây dựng nông thôn mới, nhiều gia đình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã hiến hàng nghìn mét vuông đất ở, ruộng, vườn; vận động người thân tích cực tham gia đóng góp ngày công lao động, góp tiền của xây dựng các công trình dân sinh, như trường học, đường giao thông, nhà văn hóa cộng đồng... Mỗi gia đình luôn coi trọng tình cảm họ hàng, dòng tộc, trọng tình nghĩa, sống chan hòa trong tình làng, nghĩa xóm, “tối lửa tắt đèn có nhau”, “bán anh em xa, mua láng giềng gần”, “lá lành đùm lá rách”... Gia đình gắn bó mật thiết với cộng đồng và Tổ quốc là nét văn hóa tốt đẹp mà đến nay vẫn luôn được các gia đình Hưng Yên chú trọng gìn giữ, vun đắp.

Đời sống xã hội ở nước ta nói chung và tỉnh Hưng Yên nói riêng đang có nhiều biến đổi sâu sắc, toàn diện trước tác động của nền kinh tế thị trường,

hội nhập quốc tế và sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ. Trước sự tác động đó, giá trị văn hóa truyền thống của một bộ phận gia đình cũng không tránh khỏi những biến đổi. Mối quan hệ giữa các thành viên trong một số gia đình đang trở nên lỏng lẻo và thiếu gắn kết. Trước tác động trái chiều của công nghệ thông tin, giao tiếp trực tiếp của những thành viên trong gia đình có chiều hướng suy giảm, dẫn đến có chiều hướng tăng hiện tượng cô đơn trong chính ngôi nhà của mình. Mối quan hệ vợ chồng có những lúc, những nơi bị biến đổi theo chiều hướng xấu; sự thủy chung, tình nghĩa, hòa thuận vợ chồng có biểu hiện suy giảm; tử lệ ly hôn có xu hướng gia tăng nhanh. Mối quan hệ giữa cha mẹ, ông bà với con cháu có biểu hiện thiếu gắn kết. Không ít người làm cha, làm mẹ không làm tròn bổn phận, trách nhiệm, không chăm lo cho thế hệ tương lai và cũng có không ít nghịch cảnh con cháu thiếu trách nhiệm với cha mẹ, ông bà, bất hiếu, bất nghĩa. Một số gia đình không chú trọng đến giáo dục, hoặc có quan tâm nhưng lúng túng cả về nội dung và phương pháp, gây ra nhiều hệ lụy, nhất là sự xuống cấp của đạo đức gia đình và xã hội. Những hiện tượng đó đang rung lên hồi chuông cảnh tỉnh đối với mỗi gia đình và toàn xã hội.

Đề cao giá trị văn hóa gia đình và xây dựng gia đình văn hóa là mục tiêu vừa có tính chiến lược, vừa có tính cấp bách trong sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phù hợp với truyền thống đạo lý của dân tộc và phù hợp với quy luật phát triển tất yếu của xã hội. Do đó, để góp phần xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam, trong thời gian tới, tỉnh Hưng Yên tập trung tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội đối với công tác bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa gia đình truyền thống, gắn liền với việc tiếp thu những giá trị văn hóa gia đình văn minh của xã hội hiện đại; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa. Trong đó, tỉnh tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đối với xây dựng văn hóa gia đình và công tác xây dựng gia đình văn hóa. Tiếp tục cụ thể hóa các chủ



trường, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam thành chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể, sát thực tiễn, yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi phát triển sự nghiệp văn hóa, con người Hưng Yên toàn diện.

*Hai là*, tăng cường tuyên truyền các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Tuyên truyền, phổ biến những giá trị đạo đức truyền thống, gia phong và văn hóa ứng xử trong gia đình và trong cộng đồng, giúp mỗi gia đình thấy được sự tiếp nối giữa truyền thống và hiện đại. Thực hiện đa dạng hóa hình thức, phương pháp tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác gia đình; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, cộng đồng và xã hội trong tuyên truyền phổ biến các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, các mô hình gia đình văn hóa. Sử dụng linh hoạt, hiệu quả các phương tiện truyền thông, thông tin hiện đại để tuyên truyền, giáo dục giá trị truyền thống của gia đình phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của từng lứa tuổi, từng đối tượng.

*Ba là*, chú trọng thực hành giáo dục gia đình, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong xây dựng nhân cách con người Hưng Yên thời kỳ mới. Tổ chức các sự kiện, hoạt động nhằm đề cao vai trò của gia đình trong nuôi dưỡng, giáo dục các thành viên, đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình. Thực hiện những giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội. Đồng thời đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt là thế hệ trẻ. Nâng cao nhận thức cho mỗi gia đình cần tăng cường giáo dục gia phong, nếp sống, lối sống tốt đẹp, văn minh cho các thành viên nhằm góp phần hình thành, phát triển nhân cách, ngăn chặn sự xuống cấp về đạo đức, lối sống; tổ chức cuộc sống gia đình có nền nếp. Tăng cường nhân rộng mô hình “Bữa cơm gia đình ấm áp yêu thương” nhằm gắn kết các thành viên gia đình, nâng cao trách nhiệm của mỗi thành viên trong xây dựng gia đình hạnh phúc. Đồng thời, chú trọng tổ chức thực hành văn hóa trong các sự kiện quan trọng, như ngày lễ, Tết,... để tạo sự gắn kết, trao truyền và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện đại.

*Bốn là*, tập trung xây dựng con người Hưng Yên phát triển toàn diện, có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên, có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước; coi trọng giáo dục lịch sử, truyền thống văn hóa của quê hương, đất nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021.

*Năm là*, tiếp tục đầu tư về kinh phí, nguồn lực cho phong trào xây dựng gia đình văn hóa kết hợp với phương châm xã hội hóa, tạo nền tảng cho sự phát triển chung của toàn xã hội. Chú trọng các biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa, tránh xu hướng chạy theo thành tích, phản ánh không thực chất phong trào và chất lượng gia đình văn hóa. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quy trình bình xét danh hiệu gia đình văn hóa. Tiếp tục xây dựng, nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu ở các lĩnh vực. Kịp thời biểu dương, tôn vinh các gia đình tiêu biểu tạo động lực nhân rộng và phát triển phong trào xây dựng gia đình văn hóa. Đẩy mạnh công tác tập huấn, bồi dưỡng, cung cấp kiến thức văn hóa gia đình và nội dung công tác xây dựng gia đình văn hóa cho cán bộ chỉ đạo hướng dẫn phong trào xây dựng gia đình văn hóa các cấp, nhằm trang bị kiến thức xây dựng gia đình văn hóa trong đời sống xã hội hiện đại để cập nhật trước yêu cầu đổi mới của thời đại và có định hướng hướng dẫn nhân dân thực hiện lâu dài.

*Sáu là*, tăng cường xây dựng đời sống văn hóa theo hướng tôn vinh giá trị truyền thống của gia đình, cộng đồng và dân tộc; đề cao xây dựng văn hóa gia đình và tiêu chí gia đình hạnh phúc. Gắn xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư với Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào cuộc sống theo chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, tránh tình trạng hình thức; xây dựng nếp sống văn hóa từ các gia đình đến khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...

Chú trọng xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, tổ dân phố văn tạo môi trường trường văn hóa lành mạnh. Tổ chức thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế hạnh phúc, Ngày Quốc tế xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, Ngày Gia đình Việt Nam với những chủ đề thiết thực. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở; khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao để phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và hưởng thụ văn hóa của cộng đồng dân cư. Tăng cường vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, khuyến khích các tổ chức xã hội tham gia xây dựng văn hóa cơ sở, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng. Thường xuyên nêu gương, khen thưởng cho những gia đình mẫu mực; đồng thời, lên án, đấu tranh với những hành vi lệch chuẩn, tạo dư luận trong cộng đồng, góp phần điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi của mỗi gia đình.

# PHÁT TRIỂN VĂN HÓA THEO HƯỚNG BỀN VỮNG - TIẾP CẬN DƯỚI GÓC ĐỘ BẢN SẮC VÀ ĐA DẠNG VĂN HÓA, TÀI SẢN TRÍ TUỆ VÀ TÀI SẢN TRÍ TUỆ ĐỊA PHƯƠNG

TS. PHẠM LAN HƯƠNG\*

## 1. Bản sắc văn hóa và đa dạng văn hóa

### 1.1. Bản sắc văn hóa

“Việc đưa khái niệm bản sắc văn hóa vào các chính sách văn hóa toàn cầu đã được đặc biệt nhấn mạnh trong Hội nghị quốc tế về lĩnh vực Chính sách văn hóa (1982), trong đó nêu rõ sự bình đẳng và chân giá trị của tất cả các nền văn hóa phải được ghi nhận, cũng như quyền lợi của mỗi cá nhân và cộng đồng trong quá trình khẳng định và gìn giữ bản sắc văn hóa phải được tất cả chúng ta cùng tôn trọng”<sup>1</sup>. Tích hợp như thế nào giữa phát triển văn hóa theo hướng bền vững và việc bảo tồn các giá trị văn hóa trong guồng quay toàn cầu hóa?

Sự ra đời của bản sắc địa phương được gắn với chuỗi các tiến trình văn hóa, kinh tế, chính trị chứ không phải tách biệt khỏi những quá trình này. Bản sắc văn hóa được nhìn nhận theo hướng mở: văn hóa có thể được sinh sôi và đổi mới, mang đến những khả năng thay đổi và tiếp nối, chứ không chỉ đơn thuần là bản sao của những dạng thức văn hóa mới hoặc cũ<sup>2</sup>. Vì vậy, cần thể

---

\* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

1. UNESCO: *Phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng trong quá trình phát triển bảo tàng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương đối với văn hóa và sự phát triển bền vững*, UNESCO, Paris, 2010, tr.2.

2. Xem Christina Kreps: “Hỗn hợp văn hóa và ý thức về bảo tàng”, Tạp chí *Citra Indonesia*, số 007/Vol II, tháng 7/1996, tr.16.

hiện sự biến đổi của tiến trình văn hóa này, chứ không đơn thuần là những yếu tố “cũ”. Nói khác đi, không chỉ giới thiệu những “truyền thống bị đóng băng theo thời gian”, mà còn giới thiệu những quá trình của sự sáng tạo và tái tạo văn hóa năng động khi những yếu tố văn hóa địa phương kết hợp với dạng thức văn hóa du nhập<sup>1</sup>.

Ví dụ, Bảo tàng - một thiết chế văn hóa, đồng thời là một điểm đến du lịch của nhiều địa phương, đã thể hiện xu thế động trong văn hóa của cộng đồng. Chẳng hạn như phần trưng bày “Chuyến đi cuối cùng” trong trưng bày “Tiếng nói châu Phi” (Voice of Africa) của Bảo tàng Nghệ thuật châu Phi (Washington DC, Hoa Kỳ). Câu chuyện trưng bày đề cập đến cuộc sống của người Ga sống dọc bờ biển Ghana. Có hình ảnh là chiếc quan tài hình máy bay và phía dưới là chú thích “Tại sao người chết được chôn trong chiếc quan tài hình máy bay? Chiếc quan tài hình máy bay này ban cho người chết toàn bộ quyền uy và thuật thần bí của chuyến viễn du. Những chiếc quan tài được chạm trổ ca tụng tài năng và công việc của người chết. Chúng nối chuyến viễn du thần linh của người chết với niềm vui của một đời đã sống. Mặc dù theo chuẩn mực thì những chiếc quan tài hình chữ nhật là tiêu chuẩn, những chiếc quan tài theo một hình xe cộ, động vật, nhà cửa và kinh thánh đang dần trở nên phổ biến trong cộng đồng người Ga”<sup>2</sup>.

“Trong thời đại ngày càng trở nên toàn cầu hóa hiện nay, các nền văn hóa truyền thống chuẩn bị như thế nào để đối mặt với những biến đổi văn hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng? Bản thân các nền văn hóa dân gian không bao giờ tĩnh tại và không thay đổi; ngược lại, văn hóa bao giờ cũng năng động và vận động không ngừng. Sự sống còn của văn hóa phụ thuộc vào việc tái sinh liên tục, sáng tạo, khả năng thích nghi, thay đổi, cải tổ và chuyển biến. Khi đó, thay đổi không phải là điều gì đó ngoại lai hay đối lập với truyền thống - sự biến dị, sáng tạo và sáng kiến, thay vào đó định ra các đặc tính của các nền văn hóa truyền thống trong khái niệm đương đại. Các giá trị hàm chứa trong một nền văn hóa cụ thể cũng là những viên gạch

---

1. Xem Christina Kreps: “Hỗn hợp văn hóa và ý thức về bảo tàng”, Tạp chí *Citra Indonesia*, số 007/Vol II, tháng 7/1996, tr.14.

2. Christine Kremmer: *Chú thích trong trưng bày bảo tàng*, Tập tài liệu lớp tập huấn Trưng bày Bảo tàng, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Hà Nội, 1999, tr.3.

xây nên ý thức bản sắc và gắn bó cội nguồn, hình thành thái độ về cuộc sống gia đình, làm việc và tiêu dùng, định hướng hành vi chính trị và khơi dậy hành động tập thể”<sup>1</sup>.

### 1.2. Công ước Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa

Bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập, bên cạnh những tác động tích cực trong việc giới thiệu bản sắc văn hóa của các dân tộc, nhiều hệ quả của thế giới phẳng đã ảnh hưởng đến các giá trị truyền thống, gia tăng tính ngoại lai đối với các hoạt động văn hóa. Trong bối cảnh đó, ngày 20/10/2005, Đại hội đồng UNESCO đã bỏ phiếu thông qua *Công ước Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa*. Sau hai năm, Công ước chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 18/3/2007.

Những điểm nhấn của Công ước như:

- Khẳng định đa dạng văn hóa là một đặc tính của nhân loại,
- Nhận thức rằng đa dạng văn hóa là di sản chung của nhân loại, cần được tôn vinh và bảo vệ vì lợi ích của tất cả mọi người,
- Ý thức rằng đa dạng văn hóa tạo nên một thế giới phong phú và đa dạng, gia tăng các lựa chọn, nuôi dưỡng khả năng và giá trị của con người, và vì vậy, đa dạng văn hóa là một động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững cho các cộng đồng, các dân tộc và các quốc gia,
- Lưu ý rằng văn hóa được thể hiện bằng những hình thức đa dạng qua thời gian và không gian, và sự đa dạng này được thể hiện ở tính độc đáo và đa nguyên về bản sắc và các biểu đạt văn hóa của các dân tộc và các xã hội hình thành nên nhân loại,
- Ghi nhận tầm quan trọng của tri thức truyền thống như một nguồn tài sản vật thể và phi vật thể, đặc biệt là hệ thống tri thức của các dân tộc bản địa, và đóng góp tích cực của nó đối với sự phát triển bền vững, cũng như sự cần thiết bảo vệ và phát triển những tri thức này một cách thích đáng,
- Ghi nhận sự cần thiết thực hiện các biện pháp để bảo vệ sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa, bao gồm cả nội dung, đặc biệt là đối với những trường hợp các biểu đạt văn hóa có nguy cơ bị tiêu vong hay hư hại nghiêm trọng,

---

1. Các Tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam: *Văn hóa và phát triển ở Việt Nam*, Hà Nội, 2003, tr.2.

- Nhấn mạnh tầm quan trọng của văn hóa đối với sự gắn kết xã hội nói chung và tiềm năng của nó đối với việc nâng cao địa vị và vai trò của phụ nữ trong xã hội nói riêng,

- Nhận thức rằng đa dạng văn hóa được tăng cường thông qua chuyển tải tự do các ý tưởng và được nuôi dưỡng bằng sự trao đổi và tương tác thường xuyên giữa các nền văn hóa,

- Công nhận rằng sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa, bao gồm cả các biểu đạt văn hóa truyền thống, là một yếu tố quan trọng cho phép các cá nhân và các dân tộc thể hiện và chia sẻ ý tưởng và giá trị của mình với những cá nhân và những dân tộc khác,

- Lưu ý về tầm quan trọng của sức sống của các nền văn hóa, kể cả đối với những người thuộc các dân tộc bản địa và thiểu số, thể hiện ở sự tự do sáng tác, phổ biến và phân phối các biểu đạt văn hóa truyền thống của họ, và việc tiếp cận chúng để hưởng thụ vì sự phát triển của chính họ,

- Nhấn mạnh vai trò thiết yếu của sự tương tác và sáng tạo văn hóa, nuôi dưỡng và đổi mới các biểu đạt văn hóa và nâng cao vai trò của những người tham gia vào sự nghiệp phát triển văn hóa vì sự tiến bộ của xã hội nói chung,

- Công nhận tầm quan trọng của quyền sở hữu trí tuệ trong việc bảo vệ những quyền liên quan đến hoạt động sáng tạo văn hóa<sup>1</sup>.

Ngoài ra, Công ước cũng đặt mục tiêu tăng cường hợp tác quốc tế, đặc biệt là hỗ trợ các nước đang phát triển thông qua các điều khoản về hợp tác phát triển, đối xử ưu đãi và cả việc hỗ trợ các dự án cụ thể với việc thiết lập quỹ quốc tế về đa dạng văn hóa. Công ước 2005 được soạn thảo và đưa vào thực thi với mục đích bảo vệ và phát huy sự đa dạng trong các biểu đạt văn hóa khi quy mô toàn cầu hóa ngày càng mở rộng. Công ước 2005 như một khung pháp lý để xây dựng các chính sách thúc đẩy quyền tự do nghệ thuật, để nuôi dưỡng bảo vệ và đấu tranh cho sự sáng tạo, điều khiến chúng ta là con người. Thúc đẩy sự đa dạng văn hóa là chìa khóa để chống lại các định kiến, rào cản ngôn ngữ và đưa cộng đồng đến gần nhau hơn<sup>2</sup>. Công ước Bảo vệ và phát huy

---

1. Xem UNESCO: *Công ước Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa*, UNESCO, Paris, 2005, tr.1-3.

2. <http://smot.bvhttdl.gov.vn/cong-uoc-2005-dong-luc-thuc-day-sang-tao-va-phat-trien-van-hoa/>, truy cập ngày 05/02/2023.

sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa còn là căn cứ thúc đẩy sự sáng tạo và phát triển văn hóa.

## 2. Phát triển tài sản trí tuệ

### 2.1. Tài sản trí tuệ

Tài sản nói chung được phân chia thành: tài sản hữu hình (Tangible Asset) và tài sản vô hình (Intangible Asset). Theo Lev Baruch (2001), tài sản vô hình là loại tài sản không thể nhìn thấy được và có khả năng mang lại lợi ích kinh tế cho tổ chức/cá nhân sở hữu nó, ví dụ bằng sáng chế, thương hiệu, chuỗi cung ứng hàng hóa/dịch vụ, văn hóa tổ chức, nguồn lực con người... Khi tài sản vô hình được bảo hộ về mặt pháp lý, ví dụ bằng sáng chế, nhãn hiệu hay quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả thì được gọi là tài sản trí tuệ (*Intellectual Assets*)<sup>1</sup>. Từ quan niệm của Lev Baruch, có thể thấy tài sản trí tuệ là loại tài sản vô hình có thể thương mại hóa trực tiếp được (ví dụ chuyển nhượng quyền sở hữu/chuyển quyền sử dụng sáng chế, nhãn hiệu, tác phẩm...), trong khi đó các loại tài sản vô hình khác như văn hóa tổ chức, nguồn lực con người thì không thể thương mại hóa trực tiếp được.

Tài sản trí tuệ được hình thành thông qua quá trình hoạt động trí tuệ của con người. Tài sản trí tuệ là một bộ phận của tài sản vô hình, khác với khả năng không thể/khó có thể tái tạo của tài sản hữu hình, tài sản trí tuệ lại có khả năng tái tạo. Tài sản trí tuệ có các đặc điểm chính sau đây:

- Là kết quả của hoạt động khoa học và công nghệ. Khoa học trong trường hợp này được hiểu theo nghĩa cả khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn. Công nghệ trong trường hợp này được hiểu là công nghệ có thể chuyển giao độc quyền (ví dụ công nghệ lên men bia) và cả công nghệ không thể chuyển giao độc quyền (ví dụ công nghệ đào tạo).

- Có khả năng tái tạo và phát triển, ví dụ khi ứng dụng định lý “*Nhiều đường thẳng song song định ra trên hai cát tuyến những đoạn thẳng tỷ lệ*” vào tam giác, Thales đã phát biểu “*Nếu một đường thẳng song song với một cạnh của tam giác và cắt hai cạnh còn lại thì nó định ra trên hai cạnh đó*

---

1. Lev Baruch: *Intangibles: Management, Measurement and Reporting*. Brookings Institution Press. Washington, D.C, 2001.



*những đoạn thẳng tương ứng tỷ lệ” và “Nếu một đường thẳng cắt hai cạnh của một tam giác và định ra trên hai cạnh này những đoạn thẳng tương ứng tỷ lệ thì đường thẳng đó song song với cạnh còn lại của tam giác”.*

- Có khả năng bị hao mòn vô hình, ví dụ James Watt đã sáng chế ra máy hơi nước, đây được coi là sáng chế vĩ đại vào thế kỷ XVIII, nó phát huy tác dụng đến gần cuối thế kỷ XX, nhưng do tiến bộ của khoa học và công nghệ, động cơ diesel và động cơ điện đã thay thế vai trò của máy hơi nước.

- Tồn tại ở dạng thông tin và có khả năng lan truyền vô tận, ví dụ một chương trình phát thanh, truyền hình được phát đi ở một quốc gia thì ngay lập tức nó có thể lan truyền đến tất cả mọi quốc gia trên thế giới.

- Dễ bị sao chép, ví dụ một tác phẩm văn học có thể bị sao chép thành nhiều bản, chất lượng thông tin của bản sao tương đương với chất lượng thông tin của bản gốc. Đây là đặc điểm đáng lưu ý, nhất là trong thời đại kỹ thuật số, qua đó cho thấy nếu không có cơ chế pháp luật hữu hiệu để bảo hộ tài sản trí tuệ thì không thể kiểm soát được tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

- Trong cùng một thời điểm, có thể có nhiều người cùng sử dụng, mà việc sử dụng của người này:

+ Không ảnh hưởng tới việc sử dụng của người khác, ví dụ nhiều người có thể cùng lúc đọc nhiều bản sao của một tác phẩm;

+ Ảnh hưởng tới việc sử dụng của người khác, ví dụ 2 chủ thể cùng sử dụng một sáng chế trên cùng thị trường thuộc lãnh thổ một quốc gia, người này mở rộng thị trường thì người còn lại bị thu hẹp thị trường;

- Có thể được định giá bằng tiền và có thể được trao đổi trên thị trường, ví dụ:

+ Có thể chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc chuyển quyền sử dụng sáng chế thông qua hợp đồng chuyển giao sáng chế;

+ Nhà xuất bản có thể nhận chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc nhận chuyển quyền sử dụng một tác phẩm văn học<sup>1</sup>;

“Tài sản trí tuệ là những sản phẩm do trí tuệ con người sáng tạo, ra thông qua các hoạt động tư duy, sáng tạo trong các lĩnh vực của đời sống

---

1. Xem Trần Văn Hải: *Bài giảng Đại cương về sở hữu trí tuệ*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.

xã hội. Đây là một loại của tài sản vô hình, không xác định được bởi đặc điểm vật chất của chính nó nhưng lại có giá trị lớn vì có khả năng sinh ra lợi nhuận<sup>1</sup>.

Tài sản trí tuệ bao gồm: tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ý tưởng; chương trình biểu diễn, bản ghi âm, chương trình phát sóng; sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, tên thương mại; bí quyết kinh doanh, công thức pha chế; giống cây trồng mới, phần mềm máy tính...

## 2.2. Tài sản trí tuệ địa phương

Khái niệm tài sản trí tuệ địa phương (local intellectual assets) hầu như chưa xuất hiện trong các nghiên cứu và không có định nghĩa hay khái niệm cụ thể cho thuật ngữ này.

Theo Từ điển Tiếng Việt, địa phương là “khu vực, trong quan hệ với vùng, khu vực khác trong nước”. Có thể thấy, từ khái niệm này, địa phương là những vùng đất nhất định nằm trong một quốc gia, có những sắc thái đặc thù riêng về kinh tế, văn hóa và xã hội. Do đó, khái niệm “địa phương” có thể được hiểu theo nghĩa rộng nhất, là những đơn vị hành chính lãnh thổ như các xã, huyện, tỉnh, thành phố nhưng cũng có thể là những vùng đất nhất định, được hình thành trong lịch sử, có ranh giới tự nhiên để phân biệt với vùng đất khác.

Các nghiên cứu về tài sản trí tuệ của mỗi khu vực, địa phương thường tiếp cận theo từng đối tượng cụ thể, như các chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận hay các di sản phi vật thể, các tri thức bản địa, tri thức truyền thống gắn với nguồn tài nguyên của địa phương đó.

Khái niệm tài sản trí tuệ địa phương với ý nghĩa nhấn mạnh tới mối liên hệ với yếu tố đặc thù của lãnh thổ, chỉ kết quả hoạt động sáng tạo của các chủ thể trong khu vực lãnh thổ đó gắn với lịch sử, tổ chức xã hội và các hoạt động cộng đồng. Trong các nghiên cứu của Việt Nam, không có thuật ngữ tương đương mà chỉ có khái niệm “các sản phẩm đặc sắc” để chỉ các sản phẩm đặc thù ở địa phương. Như vậy, tài sản trí tuệ địa phương chỉ những tài sản trí tuệ có mối liên hệ chặt chẽ với điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội và con người

---

1. Xem Phạm Đình Chương: *Khái niệm tài sản trí tuệ*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.

của vùng đất đó. Những tài sản này, vốn là tài sản chung của cả cộng đồng, đang trở thành hàng hóa quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, đồng thời trở thành và tạo nên điểm khác biệt cũng như dấu hiệu nhận biết của địa phương đó trên bình diện quốc gia và quốc tế, đặc biệt dưới góc độ phát triển du lịch.

Các sản phẩm đặc sắc của địa phương cũng có thể được quản lý tập thể dưới dạng các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận hoặc chỉ dẫn địa lý. Hai chức năng chính của các quyền sở hữu trí tuệ tập thể này là chức năng thông tin về chất lượng đặc thù của hàng hóa và dịch vụ mang nhãn, đồng thời có chức năng tổ chức. Có được các chức năng này là nhờ các quyền sở hữu trí tuệ tập thể hướng đến việc thiết lập các tiêu chuẩn, quy tắc, chuẩn mực đồng thời cả cơ chế về tài chính cho việc phát triển kinh doanh trong khu vực, cộng đồng hoặc hiệp hội các nhà sản xuất, kinh doanh. Nhờ đó, quyền Sở hữu trí tuệ được xem là tài sản cho sự phát triển bền vững.

Tóm lại, tài sản trí tuệ địa phương được hiểu là “tri thức do con người tạo ra thông qua hoạt động sáng tạo có mối liên hệ chặt chẽ với điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội và con người của một vùng đất hoặc khu vực địa lý, có khả năng ứng dụng và tạo ra giá trị từ việc sử dụng tri thức đó”. Tài sản trí tuệ địa phương bao gồm: các tên gọi gắn với địa danh, các sản phẩm đặc sắc và các tri thức truyền thống và văn hóa dân gian<sup>1</sup>.

Ví dụ, địa phương được hiểu là một khu vực địa lý hành chính như thôn, xã, huyện, tỉnh, nhưng cũng có thể chỉ một khu vực (không gắn với một địa giới hành chính nhất định) có những đặc điểm về tự nhiên, văn hóa, kinh tế, xã hội đặc trưng, ví dụ khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh có dân ca Nghệ - Tĩnh, trong đó tri thức truyền thống (tài nguyên nhân văn) là dân ca Nghệ - Tĩnh gắn với địa phương gồm tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh. Chỉ dẫn địa lý “Vinh” (tài nguyên thiên nhiên) dùng cho sản phẩm cam quả được trồng ở Nghệ An là cam Xã Đoài, cam Vân Du và cam Sông Con trồng trên địa bàn các xã Nghi Diên, Nghi Hoa (thuộc huyện Nghi Lộc), Hưng Trung (thuộc huyện

---

1. Xem Lê Thị Thu Hà, Phạm Văn Chiến: “Tác động của tài sản trí tuệ địa phương đến sự hài lòng của du khách tại Việt Nam”, Tạp chí *Kinh tế đối ngoại*, số 82 (5/2016), tr.105-118.

Hưng Nguyên), Nghĩa Bình, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Hồng, Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn (thuộc huyện Nghĩa Đàn), Minh Hợp (thuộc huyện Quỳnh Hợp) và Tân An, Tân Long, Tân Phú (thuộc huyện Tân Kỳ)<sup>1</sup>.

\*

\* \*

Tiếp cận các quan điểm về bản sắc văn hóa với vai trò của cộng đồng, Công ước 2005 của UNESCO về đa dạng các biểu đạt văn hóa là một cách hiệu quả trong việc xây dựng chiến lược phát triển văn hóa bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Nói cách khác, các vấn đề liên quan đến bản sắc văn hóa, cộng đồng và sự biến đổi, kết hợp Công ước 2005 như một bộ phóng thức đẩy sáng tạo và phát triển văn hóa, tạo nguồn tài nguyên phát triển quốc gia.

Để phát triển tài sản trí tuệ, không thể không chú trọng vấn đề sở hữu trí tuệ. Sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ ngày càng được chú trọng, bảo vệ. Quyền sở hữu trí tuệ góp phần bảo vệ và thúc đẩy phát triển sự sáng tạo và nỗ lực của con người; là động lực để sản xuất tốt hơn và hiệu quả hơn. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu, hội nhập và phát triển công nghệ, sở hữu trí tuệ càng đóng vai trò quan trọng đối với từng quốc gia.

Sở hữu trí tuệ là quyền do pháp luật thừa nhận đối với tài sản trí tuệ. Sở hữu trí tuệ bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp quyền đối với giống cây trồng. Việc đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho ngành văn hóa hiện nay có sức ảnh hưởng rất lớn cho sự phát triển kinh tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của xã hội; gia tăng tiện ích, tạo thuận lợi cho cuộc sống; tạo giá trị vật chất, lợi thế cạnh tranh và bảo vệ chủ thể sáng tạo khỏi hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Các sản phẩm như: tác phẩm viết, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh hay tác phẩm kiến trúc, nhãn hiệu... hiện nay hầu như đều được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ nhưng vẫn chưa thực sự cân bằng với các sản phẩm sáng tạo trong thực tế.

---

1. Tham khảo từ Giấy Chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00012, ngày 31/5/2007.

Hiện nay, các chủ thể sáng tạo sản phẩm trong ngành văn hóa ở Việt Nam chưa thật sự nhận thức được giá trị nguồn tài sản này. Sự thiếu quan tâm, thiếu hiểu biết của các doanh nghiệp, chủ thể văn hóa đối với sở hữu trí tuệ có thể dẫn tới tình trạng người chủ đích thực của các đối tượng sở hữu trí tuệ không thể yêu cầu xử lý các hành vi vi phạm, không được hưởng nguồn lợi của sản phẩm do mình sáng tạo ra.

Các sản phẩm sáng tạo muốn làm ra phải mất nhiều thời gian, của cải và sức lực nhưng hiện nay rất dễ bị sao chép để đưa vào khai thác nhằm mục đích sinh lợi, vi phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu trí tuệ. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được đề cập không chỉ trong các trang văn bản pháp luật quốc gia mà còn trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Điều này không chỉ gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của chủ thể sáng tạo mà còn ảnh hưởng tới người sử dụng sản phẩm, tới các quá trình đầu tư, hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội.

Chính vì vậy, chú trọng phát triển tài sản trí tuệ, tài sản trí tuệ địa phương là một trong những yếu tố góp phần phát triển văn hóa bền vững. Trên cơ sở đó, góp phần mang lại những thay đổi tích cực và sâu rộng trong việc quản lý, thực thi và tuân thủ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, giúp phát triển tài sản trí tuệ, thương mại hóa tài sản trí tuệ trong ngành văn hóa ở Việt Nam.

**TỪ NGUYÊN TẮC DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG  
TRONG ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA NĂM 1943  
ĐẾN QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG  
VĂN HÓA LÀNH MẠNH THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

PGS.TS. ĐOÀN THỊ MỸ HƯƠNG\*

**X**ây dựng văn hóa và con người Việt Nam là một trong những nội dung cốt lõi trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là, văn hóa phải được xây dựng trên tinh thần xây dựng tâm lý (tư duy) - luân lý (đạo đức) - xã hội - chính trị - kinh tế. Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập nhiều đến tính dân tộc, đại chúng thông qua những quan niệm về hình thành những phẩm chất mới của con người mới qua “chiến lược trồng người”. Trong đó, định hướng về giáo dục toàn diện (đức, trí, thể, mỹ) và sự kế thừa những giá trị truyền thống, tốt đẹp của con người Việt Nam cần được đặt lên hàng đầu. Xuất phát từ những tư tưởng cốt lõi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã ra đời, trong đó, đáng chú ý là những nguyên tắc lớn trong xây dựng nền văn hóa mới của Việt Nam: dân tộc hoá, đại chúng hoá và khoa học hoá. Trong ba nguyên tắc này, bên cạnh yêu cầu về tính khoa học, hai nguyên tắc còn lại: *dân tộc* và *đại chúng* là những vấn đề mà bài viết này quan tâm, bởi nó thể hiện được sự kế thừa, phát triển trong những văn kiện đại hội Đảng về xây dựng và phát triển bản sắc dân tộc của nền văn hóa và con người Việt Nam.

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

## 1. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 và các nguyên tắc vận động của nền văn hóa mới

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 hình thành trong bối cảnh diễn ra Chiến tranh thế giới thứ hai, là nguyên nhân của những cuộc khủng hoảng kinh tế, sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa phát xít... Trong giai đoạn này, các phong trào và hoạt động cách mạng của Đảng Cộng sản gặp nhiều khó khăn, thách thức. Ở Việt Nam, đế quốc Pháp - Nhật lợi dụng văn hóa để tuyên truyền nhằm đánh lạc hướng người dân khỏi con đường cứu nước của Đảng. Những tuyên truyền sai lệch về văn hóa đó nhắm tới những mục tiêu “kép”: phục vụ những quan điểm đạo đức cổ hủ, giả dối của giai cấp phong kiến; tuyên truyền lối sống dâm ô, đồi trụy của giai cấp tư sản; và khuyến khích mê tín dị đoan, hủ tục và du nhập các trào lưu văn hóa phản động dưới danh nghĩa của “cái mới”<sup>1</sup>. Trong bối cảnh lịch sử đó, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ra đời trong giai đoạn tiếp nối quan điểm và định hướng từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941) và Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng (tháng 2/1943). Có thể nói, trong “hoàn cảnh bí mật”, tuy còn có nhiều hạn chế, nhưng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và đáp ứng được yêu cầu tập hợp được đội ngũ trí thức để chống phát xít Nhật và thực dân Pháp.

Trong bối cảnh lịch sử lúc đó, nội dung bản Đề cương tập trung vào văn hóa (bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật) và đặt ra năm vấn đề cơ bản: 1) Cách đặt vấn đề; 2) Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; 3) Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; 4) Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam; 5) Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mác xít ở Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa ở Việt Nam. Như vậy, văn hóa đã được xác định là một trong ba “mặt trận” (văn hóa - kinh tế - chính trị) có mối quan hệ gắn kết: “nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền

---

1. Xem Kỷ yếu hội thảo khoa học: “60 năm Đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003). Bối cảnh ra đời và ý nghĩa của đề cương văn hóa năm 1943”, Viện Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, tr.195-203.

tầng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc)". Điều này đã được Đảng Cộng sản Đông Dương xác nhận thái độ đối với vấn đề văn hóa: "Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động; Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa; Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả"<sup>1</sup>.

Mặc dù bản Đề cương chỉ được thể hiện trong một vài trang viết, song đã trình bày rất cụ thể những quan điểm cơ bản về văn hóa, về vị trí của văn hóa trong tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc, về sự tất yếu phải tiến hành cách mạng tư tưởng văn hóa và định hướng nội dung xây dựng nền văn hóa. Đề cương đã nhận định lịch sử văn hóa Việt Nam đã trải qua các giai đoạn: Từ phụ thuộc vào văn hóa Tàu, đến văn hóa phong kiến có xu hướng tiên tư bản và văn hóa nửa phong kiến, nửa tư sản và hoàn toàn có tính cách thuộc địa. Tính chất văn hóa Việt Nam hiện tại (năm 1943): thuộc địa, tiểu tư sản, với xu trào: ảnh hưởng của văn hóa phát xít và văn hóa tân dân chủ (văn nghệ bất hợp pháp), xu trào văn hóa mới của Việt Nam đang cố vượt hết mọi trở lực để nảy nở. Xác định nguy cơ "trói buộc và giết chết văn hóa Việt Nam" của phát xít Nhật - Pháp thông qua các chính sách: đàn áp, nhồi sọ, kiểm duyệt, mua chuộc và hăm dọa các nhà văn hóa, truyền bá văn hóa trung cổ, ngu dân; tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á... Từ những nhận định đó, Đảng đã nêu rõ ba nguyên tắc vận động của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa.

- *Nguyên tắc dân tộc hóa*: Bắt nguồn từ phương châm chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Nguyên tắc dân tộc hóa mà Đảng ta đưa ra lần đầu tiên này vừa như một khẩu hiệu, vừa như một phương châm mà Giáo sư Đặng Thai Mai và một số nhà hoạt động văn hóa đã nhận định: *hết sức trúng đích*. Không phải ngẫu nhiên nguyên tắc đầu tiên là *dân tộc*. Bởi một điều rất hiển nhiên là nền văn

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2022, tr.12-13.



hóa nghệ thuật của dân tộc nào cũng gắn liền và chịu sự quyết định của vận mệnh dân tộc ấy. Bởi vì “dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do”. Do đó, định hướng *dân tộc* đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong những văn kiện của Đảng về văn hóa, văn nghệ<sup>1</sup>. Văn hóa phải cắm rễ sâu vào truyền thống dân tộc, khai thác và phát huy các giá trị của truyền thống dân tộc, phải gắn với đời sống thực tiễn của nhân dân, tính dân tộc không chỉ là nguyên tắc, mà còn là mục tiêu của sự phát triển văn hóa ở Việt Nam hiện nay. Tính dân tộc thể hiện ở các giá trị đặc trưng dân tộc, hình thành từ những hoạt động sáng tạo của con người, với tư cách như một dạng sản phẩm của xã hội, thông qua hình hài của những di sản văn hóa dân tộc<sup>2</sup>.

- Nguyên tắc *đại chúng hoá*: với phương châm chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng. Điều này có thể thấy rõ sự thích ứng không chỉ trong bối cảnh lịch sử năm 1943, mà còn phù hợp với bối cảnh văn hóa toàn cầu hóa và kinh tế tri thức, văn hóa không chỉ giải quyết trong phạm vi dân tộc mà còn trong quan hệ nhiều mặt trên toàn thế giới theo những xu hướng lớn hiện nay: *sự đồng nhất văn hóa, thống nhất văn hóa và xung đột văn hóa*. Việc chống lại sự thủ tiêu hệ tư tưởng; thống nhất quan điểm của Đảng và toàn dân về vấn đề cần thiết phải xây dựng con người có đạo đức, “lấy cuộc sống cộng đồng là niềm vui chứ không phải tạo ra kẻ ích kỷ chỉ biết bản thân”<sup>3</sup>. Nguyên tắc đại chúng hóa này đã khẳng định văn hóa, nghệ thuật thuộc về nhân dân, và văn hóa không xa rời nhân dân, không chống lại nhân dân. Nó xuất phát từ quần chúng, nhằm mục đích phục vụ đông đảo quần chúng, phục vụ cách mạng<sup>4</sup>.

- Nguyên tắc *khoa học hóa*: chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Theo nguyên tắc này, thực tế 80 năm thực

1. Dương Viết Á: “Về tiến trình định hướng văn hóa nghệ thuật của Đảng”, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *60 năm Đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003)*, *Sđđ*, tr.48-53.

2. Xem Phạm Bình Minh: “Tính dân tộc trong xây dựng và phát triển văn hóa. Việt Nam mới của Đề cương văn hóa 1943”, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *60 năm Đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003)*, *Sđđ*, tr.48-53, 329-335.

3. Vũ Khiêu: “Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 và những vấn đề văn hóa của thời đại ngày nay”, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *60 năm Đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003)*, *Sđđ*, tr.242-246.

4. Đặng Việt Bích: “Nguyên tắc đại chúng hóa...”, kỷ yếu hội thảo khoa học: *60 năm đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003)*, Viện Văn hóa Thông tin, 2004, tr.79-87.

hiện đề cương văn hóa Việt nam đã cho thấy: nền văn hóa Việt Nam chỉ có cơ hội phát triển sâu rộng, đầy đủ và tiến bộ, khi biết phát huy tối đa những thế mạnh của truyền thống văn hóa dân tộc, và tạo điều kiện thuận lợi để hấp thụ những tinh hoa đa chiều của văn hóa thế giới<sup>1</sup>.

Từ tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung (đề cương văn hóa 1943), cho đến nền văn hóa có tính chất công nghiệp hóa - hiện đại hóa và toàn cầu hóa trong giai đoạn hiện nay, hơn 80 năm đã trôi qua, có thể nói, các nguyên tắc nêu trên đã được bản đề cương văn hóa năm 1943 đã được diễn giải, và phân tích một cách có hệ thống và thuyết phục từ cơ sở thực tiễn và lý luận. Với tư cách là văn kiện đầu tiên và chính thức của Đảng phổ biến đường lối của lĩnh vực văn hóa (Chu Đức Tính, Phạm Thị Lai, 2004) đã và đang được kế thừa, tiếp tục triển khai trong nhiều văn bản nghị quyết về xây dựng và phát triển văn hóa từ nội dung nghị quyết của hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (năm 1998), nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 9 (năm 2004). Điều này cũng đã được đồng chí Vũ Khiêu nhận định trong tham luận đánh giá 60 năm đề cương văn hóa Việt Nam: Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 là một sự mở đầu cho quá trình hình thành và phát triển về đường lối văn hóa của Đảng và đỉnh cao của đường lối ấy là Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ 9 (Vũ Khiêu, 2004, tr.242). Với những biện pháp, nhiệm vụ, cách thức vận động văn hóa rất cụ thể và có sức thuyết phục (Từ Thị Loan, 2004), bản đề cương văn hóa Việt Nam có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn văn hóa của cách mạng Việt Nam, có sức sống lâu bền trong đời sống văn hóa dân tộc, đặt nền móng cho việc hình thành những quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa, không chỉ xác định vị trí, vai trò của văn hóa trong đời sống dân tộc mà còn xác định rõ tính chất của nền văn hóa mới và mục tiêu xây dựng nền văn hóa trong tương lai<sup>2</sup>. Thêm nữa, đề cương văn hóa 1943 còn có ý nghĩa đặc biệt đối với diễn trình văn hóa dân tộc và sẽ còn tiếp

---

1. Từ Thị Loan: *Đề cương văn hóa Việt Nam, 60 năm nhìn lại*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: 60 năm đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003). Viện Văn hóa Thông tin, 2004, tr.247-267.

2. Nguyễn Phương Lan: *Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 và việc xây dựng nền văn hóa*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: 60 năm đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003). Viện Văn hóa Thông tin, 2004, tr.247-256.

tục phát huy những giá trị lớn lao của nó trong đời sống dân tộc. trong giai đoạn hiện đại hóa đất nước. (Phạm Quang Long, 2004). Có thể nói rằng, những đường lối, chủ trương và định hướng có tính chiến lược của bản đề cương văn hóa 1943 cho đến nay vẫn có ý nghĩa lịch sử và giá trị bền vững.

Kể từ thời điểm hình thành bản đề cương văn hóa năm 1943, từng chặng đường kế thừa và phát huy những tư tưởng này luôn được nhìn nhận lại bằng những hội thảo khoa học, hội tụ bài viết của nhiều nhà nghiên cứu văn hóa qua chặng đường 40 năm (1983), 60 năm (2003). Và năm 2023, với hội thảo khoa học đánh giá 80 năm đề cương văn hóa Việt Nam hy vọng sẽ hội tụ nhiều hơn những bài viết có giá trị khoa học, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

### **3. Kế thừa, phát huy nguyên tắc dân tộc và đại chúng về xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh theo hướng phát triển bền vững của Đảng trong giai đoạn hiện nay**

Có thể nói, trong suốt 80 năm triển khai thực hiện, cho đến nay, lịch sử đã chứng minh rằng những vấn đề đặt ra trong bản Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 là khởi đầu của một chủ thể định hướng chiến lược cho văn hóa dân tộc. Trong đó, các nguyên tắc dân tộc - đại chúng có mối quan hệ rất chặt chẽ, bởi người làm công tác văn hóa - nghệ thuật chỉ có thể sáng tạo và để lại dấu ấn dân tộc trong các sản phẩm, tác phẩm văn hóa nghệ thuật trong điều kiện phục vụ đại chúng. Chính vì lẽ đó, nhà nghiên cứu Phạm Quang Long<sup>1</sup> đã cho rằng: văn hóa mới Việt Nam chỉ có thể phát triển và đậm đà bản sắc dân tộc nếu nó được đại chúng hóa.

Từ quan điểm chống mọi sự nô dịch, đồng hóa của văn hóa, giúp văn hóa Việt Nam phát triển độc lập trong phương châm của nguyên tắc thứ nhất (dân tộc hóa), ngày nay, trong các văn bản, nghị quyết của Đảng qua các kỳ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên tắc “Dân tộc hóa” đã được áp dụng và phát triển thành quá trình tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại, biến các giá trị đó thành “của mình” qua lăng kính dân tộc mình, có chọn lọc và kiểm nghiệm (Từ Thị Loan, 2004). Như vậy, “Bảo vệ bản sắc văn hóa dân

---

1. Phạm Quang Long: *Những nguyên tắc lớn về một nền văn hóa Việt Nam mới của đề cương văn hóa Việt Nam 1943*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: 60 năm đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003). Viện Văn hóa Thông tin, 2004, tr.285-328.

tộc không có nghĩa là đóng cửa, tự cô lập, trái lại phải mở rộng mối quan hệ với bên ngoài, tiếp thu cái hay, cái đẹp, cái tiến bộ của văn hóa dân tộc khác; chống lại tất cả những gì lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ” (Theo Chu Đức Tính, Phạm Thị Lai, 2004).

Quán triệt quan điểm của Đảng về văn hóa, văn nghệ về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng chí Phạm Quang Nghị (nguyên Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông Tin) đã nêu rõ ý kiến của mình trong bài phát biểu khai mạc Hội thảo khoa học “60 năm Đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003)” Trong bối cảnh đầy thách thức hiện nay, chúng ta phải phát huy hết sức có hiệu quả sức mạnh vô địch từ những giá trị văn hóa tốt đẹp của con người và dân tộc Việt Nam, tư tưởng chỉ đạo về xây dựng và phát triển Văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. chính là sự kế thừa. và phát triển tư tưởng của bản Đề cương văn hóa năm 1943<sup>1</sup>.

Kế thừa và phát triển các nguyên tắc vận động của văn hóa Việt Nam trong đề cương văn hóa năm 1943, trong đó, các nguyên tắc dân tộc và đại chúng đã được Đảng ta nêu rõ trong nội dung nhiệm vụ về xây dựng và *phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, năm 1998, tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), Nghị quyết số 03-NQ/TW, vấn đề về dân tộc và đại chúng được thể hiện khá rõ nét trong nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, liên quan đến các giá trị văn hóa sáng tạo mới, môi trường ứng xử (các quan hệ văn hóa) và trong đó, các hoạt động sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của con người cũng được đặc biệt quan tâm nhằm “đáp ứng những nhu cầu văn hóa đa dạng không ngừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân”, “thu hẹp dần khoảng cách đời sống văn hóa” và “không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở”. Đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm tầm quốc gia. Tăng cường hoạt động của các tổ chức văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp, phát triển phong trào quần chúng hoạt động văn hóa, nghệ thuật”.

---

1. Phạm Quang Nghị: Quán triệt quan điểm của Đảng ta về văn hóa - văn nghệ, về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *60 năm đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003)*, Viện Văn hóa Thông tin, 2004, tr.23-28.

Liên hệ từ hai nguyên tắc cơ bản của Đề cương văn hóa Việt Nam đến việc bảo tồn và phát huy các loại hình di sản văn hóa truyền thống và hiện đại (trên tinh thần tiếp thu có chọn lọc), tính dân tộc và đại chúng có thể đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo nghệ thuật của quần chúng, cần được phát huy dưới góc độ mới, hình thức mới phù hợp với điều kiện thực tại mà vẫn bảo tồn được *cái hồn* của văn hóa dân tộc. Tiếp nối nghị quyết số 03 nói trên, năm 2014, xây dựng môi trường văn hóa tiếp tục trở thành một trong những mục tiêu chung của Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về *Xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Đảng ta đã xác định tình hình và nguyên nhân của những thành công và hạn chế còn tồn tại sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII: “*Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng*”. Từ quan điểm coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước, văn hóa đã được chú trọng khi xác định phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị và xã hội. Ở nhiệm vụ trọng tâm thứ hai, vấn đề về nguyên tắc dân tộc và đại chúng được nhắc tới trong nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa, hướng đến tạo sự gắn bó, gần gũi với đời sống tinh thần, tạo dựng sự đồng bộ môi trường văn hóa với vai trò của gia đình, cộng đồng với sự phát triển hài hòa về văn hóa và kinh tế; các yếu tố văn hóa và con người được quan tâm, góp phần thỏa mãn được nhu cầu hiểu biết, yêu thích, hưởng thụ và sáng tạo của công chúng: “*Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách*”. Nhiệm vụ Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, “*Từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, giữa các giai tầng xã hội, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, vùng*

*sâu, vùng xa. Xây dựng, hoàn thiện đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa. Tạo điều kiện để nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng”.*

Có thể nói, trong nội dung bản Đề cương văn hóa năm 1943, định hướng về nguyên tắc *dân tộc* và *đại chúng* đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong những văn kiện của Đảng về văn hóa trong suốt diễn trình phát triển của lịch sử dân tộc. Trong bối cảnh ngày nay, sự kế thừa và phát triển tư tưởng của Đề cương trong vấn đề xây dựng một nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc, “giữ gìn và phát huy những giá trị cổ truyền”, “tôn vinh các truyền thống văn hóa quý báu của cha ông” là vấn đề luôn được Đảng ta quan tâm, trong đó, chú trọng đến những thay đổi của bối cảnh lịch sử - văn hóa - chính trị - kinh tế của thời đại để có những chiến lược và quyết sách phù hợp.

## VAI TRÒ ĐẶT NỀN MÓNG CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” CHO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

TS. VŨ THỊ HƯƠNG\*

Tám mươi năm kể từ khi ra đời bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, một văn kiện quan trọng của Đảng về văn hóa, nhiều định hướng quan trọng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, trong đó quan điểm về vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế đã đặt nền móng cho phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam hiện nay.

1. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khởi thảo và được công bố năm 1943 trong bối cảnh thế giới, Đông Dương và trong nước hết sức phức tạp, căng thẳng.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), đặc biệt từ năm 1929 trở đi, những cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra ngày càng nghiêm trọng đã đẩy những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa đế quốc lên mức sâu sắc. Giai cấp tư sản ở nhiều nước đã chuyển sang nền chuyên chính phát xít. Chủ nghĩa phát xít hình thành và phát triển.

Ở Đông Dương, chế độ phát xít cũng ra đời, thẳng tay đàn áp các phong trào cách mạng, giải tán các tổ chức quần chúng, tấn công Đảng Cộng sản. Nhân dân ta chịu cảnh “một cổ hai tròng” của phát xít Nhật và thực dân Pháp. Chúng thi nhau vơ vét, bóc lột và đàn áp nhân dân, khủng bố phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, đặc biệt chúng “trói buộc văn hóa và giết chết văn hóa Việt Nam” để thực hiện mưu đồ xâm lược của chúng. Trong bối cảnh đó,

---

\* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

một bộ phận tầng lớp trí thức tỏ ra chán nản, bi quan, thờ ơ với thời cuộc, số khác hoang mang, mất phương hướng, thiếu ngọn đèn dẫn lối về tư tưởng. Cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo bước vào thời kỳ tiền khởi nghĩa là một tất yếu chính trị. Tuy nhiên, trong bối cảnh lúc bấy giờ, trước hết cần phải có một sự thay đổi mang tính đột phá, định hướng về tư tưởng văn hóa. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời đáp ứng yêu cầu đó của lịch sử.

Từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943, tại Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên), Đảng ta thông qua và ban hành bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo.

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* gồm 5 phần<sup>1</sup>, trình bày ngắn gọn, súc tích các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa Việt Nam, nổi bật là những luận điểm sau:

*Một là*, xác định nội dung, phạm vi, vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đề cương nêu rõ: Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật; mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), ở đó người cộng sản phải hoạt động, không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa. Đồng thời, có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả.

*Hai là*, cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng lãnh đạo. Trên cơ sở chỉ rõ tính chất văn hóa Việt Nam trong quá khứ và hiện tại (1943), chỉ rõ những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; những thủ đoạn của Nhật - Pháp trói buộc và giết chết văn hóa Việt Nam; dự kiến về tiền đồ văn hóa Việt Nam, Đề cương khẳng định: Cách mạng nhất định thắng lợi, văn hóa Việt Nam sẽ cởi được xiềng xích, đuổi kịp văn hóa mới, tiến bộ trên thế giới. Muốn vậy, phải làm cách mạng về văn hóa, “cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo”<sup>2</sup>.

*Ba là*, để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta phải nắm vững “ba nguyên tắc vận động”, đó là: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316-321.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.318.



Trong đó, *dân tộc hóa* là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, xây dựng nền văn hóa Việt Nam phát triển độc lập; *đại chúng hóa* là chống mọi quan điểm làm cho văn hóa đi ngược lại đông đảo quần chúng hoặc xa rời đông đảo quần chúng, con người phải là trung tâm, là chủ thể của các hoạt động văn hóa; *khoa học hóa* là chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ, biết bảo tồn, chất lọc những nét đẹp truyền thống dân tộc, đồng thời phải chống những cái cũ kỹ, lạc hậu, dị đoan. Đảng ta khẳng định: “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trớn của bọn tởrốtkit”<sup>1</sup>. Có thể thấy, ba nguyên tắc trên đã kịp thời đáp ứng nhu cầu đặt ra trong thời điểm trọng đại của lịch sử là định hướng, tập hợp, đưa tất cả đội ngũ trí thức tham gia cách mạng, góp phần quan trọng làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tạo cơ sở lý luận cho sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa kháng chiến, kiến quốc trong những năm tiếp theo.

*Bốn là*, để đặt nền móng và định hướng xây dựng một nền văn hóa cách mạng mới, cần tiến hành tổng hợp các biện pháp công khai và bí mật, với nhiều hình thức khác nhau, đồng thời kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn hai nhiệm vụ “xây” và “chống”. Đề cương nhấn mạnh nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít là phải chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái bộ, nô dịch, ngu dân, phỉnh dân; phát huy văn hóa dân chủ thông qua việc tranh đấu bảo vệ học thuyết, tư tưởng, làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử giành chiến thắng, chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng..., làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng lợi; tranh đấu về tiếng nói, chữ viết, thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói, xác định phong cách văn Việt Nam, cải cách chữ Quốc ngữ...

Có thể khẳng định, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là văn kiện đặt nền móng, mở đường cho việc xây dựng lý luận văn hóa cách mạng ở Việt Nam, là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ giới trí thức, văn nghệ sĩ nước ta hăng hái tham gia sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

**2.** Xuất phát từ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã khẳng định mối quan hệ không tách rời

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.319.

giữa văn hóa và kinh tế, chính trị. Đề cương chỉ rõ: “Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc)”<sup>1</sup>. Do vậy, trong cải tạo xã hội cần kết hợp đồng bộ giữa ba lĩnh vực kinh tế, chính trị với văn hóa; thực hành cách mạng trên lĩnh vực văn hóa không tách rời cuộc cách mạng trên lĩnh vực chính trị và kinh tế. Bản Đề cương chỉ rõ, cách mạng chính trị phải giành thắng lợi trước rồi cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa mới có điều kiện thực hiện thắng lợi, đồng thời vấn đề cách mạng văn hóa được thực hiện thành công mới hoàn thành được công cuộc cải tạo xã hội. Đó là một sự nghiệp vĩ đại, lâu dài và nhiều khó khăn, gian khổ.

Có thể thấy, lần đầu tiên vai trò của văn hóa được khẳng định và được đặt trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với kinh tế và chính trị trong sự nghiệp cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Trong mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, thì nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế được xây dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ nền văn hóa của xã hội đó (cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng). Trong mối quan hệ này, với tư cách là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, xét cho cùng thì văn hóa phản ánh hiện thực và do cơ sở kinh tế quyết định. Mặt khác, văn hóa được nhận thức không những là cái phản ánh kinh tế, chịu sự quyết định của kinh tế, mà còn tác động quan trọng đến phát triển của chính trị, kinh tế, xã hội. Đây chính là một trong những nội dung quan trọng, quy luật cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Cùng với đó, bản Đề cương đã khẳng định quan điểm của Đảng đối với vấn đề văn hóa trong cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo, đó là coi văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) mà ở đó người cộng sản phải hoạt động; không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa và có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả. Sự lãnh đạo của Đảng ở cả ba mặt trận là tất yếu, và Đảng khẳng định, trong bối cảnh bấy giờ cuộc cách mạng văn hóa phải đi trước một bước. Bản Đề cương đã chỉ ra những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam, như tính chất và lịch sử, những

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.316.*

nguyên cơ trước mắt của văn hóa Việt Nam; vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam, mục đích trước mắt và những công việc phải làm... Phải làm cách mạng văn hóa thì mới tạo cơ sở cho việc hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. Cuộc cải cách văn hóa có ý nghĩa dọn đường, là nền tảng nhận thức lý luận tư tưởng - văn hóa cho cách mạng về chính trị và kinh tế. Tuy nhiên, bản Đề cương cũng khẳng định rằng, cách mạng văn hóa chỉ có thể hoàn thành khi cách mạng kinh tế và chính trị thành công. Sự phát triển của cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế là cơ sở để hoàn thành cách mạng văn hóa.

Trong bối cảnh lịch sử bấy giờ, nhận thức lý luận về vị trí, vai trò của văn hóa, đặc biệt là quan điểm về vai trò văn hóa trong phát triển kinh tế của bản Đề cương là cơ sở lý luận quan trọng để tập hợp, phát huy sức mạnh của quần chúng và giới trí thức trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Giá trị của quan điểm đó đã được Đảng kế thừa và phát triển trong quá trình cách mạng, đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế của đất nước.

Bước vào thời kỳ đổi mới, những nhận thức lý luận về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế ngày càng được Đảng ta nhận thức sâu sắc, toàn diện hơn. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về “*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” đã xác định: “Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế, đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế”<sup>1</sup>. Cũng trong Nghị quyết này, lần đầu tiên Đảng ta đã xác định sự cần thiết phải xây dựng chính sách kinh tế trong văn hóa và chính sách văn hóa trong kinh tế. Từ sau Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về văn hóa, Đảng ta đã bổ sung những quan điểm lý luận mới về văn hóa trong kinh tế. Nổi bật là luận điểm: Bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.57, tr.303-304.

xây dựng Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước. Sự phát triển bền vững đất nước không chỉ bao gồm ba nhân tố: kinh tế, xã hội, môi trường, mà còn bao hàm cả nhân tố văn hóa. Luận điểm này thể hiện bước phát triển mới trong tư duy lý luận về văn hóa trong kinh tế của Đảng. Đại hội lần thứ XI của Đảng đã tiếp tục khẳng định: “Phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước về chính sách phát triển thể hiện rõ tính ưu Việt của chế độ ta”<sup>1</sup>. Đây là luận điểm cốt lõi phản ánh tính chất ưu Việt của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Trước yêu cầu của tình hình mới, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*” đã xác định vấn đề văn hóa, con người phải gắn liền với yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “*Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế... Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”<sup>2</sup>. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh hơn nữa vai trò động lực của văn hóa trong phát triển kinh tế: “*Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Xây dựng, phát huy yếu tố văn hóa để thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế*”<sup>3</sup>; “*Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.40.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.128.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.134.

dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”<sup>1</sup>.

Những quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế là những vấn đề lý luận rất mới, có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn sâu rộng để bảo đảm sự hài hòa trong phát triển văn hóa và tăng trưởng kinh tế, vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Bản chất của văn hóa là sự sáng tạo, hướng tới các giá trị nhân văn, hướng tới cái đúng, cái đẹp, cái tốt để thúc đẩy tiến bộ xã hội và thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Đảng và Nhà nước ta luôn đặt ra yêu cầu: Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Công nghiệp văn hóa chính là một biểu hiện tập trung của sự gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa và kinh tế trong phát triển, mà quan điểm này được đặt nền móng từ bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cách đây tròn 80 năm.

**3.** Văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần của xã hội, không chỉ là mục tiêu của phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế không chỉ dừng lại ở vị thế của những nguồn lực tinh thần, tham gia điều tiết, định hướng, thúc đẩy phát triển kinh tế, mà văn hóa còn là động lực trực tiếp cho sự phát triển kinh tế. Thực tế đã chứng minh rằng, rất nhiều các lĩnh vực văn hóa nếu được khai thác hợp lý sẽ có khả năng đóng góp trực tiếp cho nền kinh tế quốc dân. Phát triển công nghiệp văn hóa chính là sự lựa chọn hiệu quả cho hướng phát triển này.

Ở Việt Nam, khái niệm “công nghiệp văn hóa” lần đầu tiên được ghi nhận trong Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2014). Đảng ta khẳng định: “*Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa*”<sup>2</sup> là một trong sáu nhiệm vụ quan trọng để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đây được xem là bước phát triển mới

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t.I, tr.262.*

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.11.*

trong nhận thức của Đảng trên lĩnh vực văn hóa. Sự phát triển đó là hoàn toàn phù hợp với xu thế chung của thế giới khi công nghiệp văn hóa có vị trí quan trọng trong nền kinh tế thế giới, đặc biệt là ở các nước phát triển.

Ngày 8/9/2016, Chính phủ ban hành *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030* với quan điểm: Các ngành công nghiệp văn hóa là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút tối đa nguồn lực từ các doanh nghiệp và xã hội để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Theo Chiến lược này, công nghiệp văn hóa Việt Nam bao gồm 12 lĩnh vực: 1- Quảng cáo; 2- Kiến trúc; 3- Phần mềm và các trò chơi giải trí; 4- Thủ công mỹ nghệ; 5- Thiết kế; 6- Điện ảnh; 7- Xuất bản; 8- Thời trang; 9- Nghệ thuật biểu diễn; 10- Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm; 11- Truyền hình và phát thanh; 12- Du lịch văn hóa.

Thực tế của các nước phát triển cho thấy, công nghiệp văn hóa có thể phát triển nhanh hơn các ngành công nghiệp khác vì đầu tư vật chất cho ngành công nghiệp này không lớn, chủ yếu là đầu tư chất xám và quảng bá sản phẩm nhưng lại có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế cao. Văn hóa hiện đại không chỉ là động lực tinh thần nâng đỡ trí lực của phát triển kinh tế, xã hội, mà còn là bộ phận quan trọng của hiện đại hóa kinh tế. Bản thân văn hóa có sức mạnh kinh tế, sức mạnh khoa học - kỹ thuật. Ngày nay, trên phạm vi thế giới, các công ty sản xuất những sản phẩm văn hóa như tivi, phim ảnh, xuất bản, video, trình diễn văn nghệ, mỹ thuật công nghiệp, thi đấu thể dục - thể thao, tin tức, truyền thanh, vui chơi giải trí... đã phát triển thành những tập đoàn công nghiệp khổng lồ, trở thành bộ phận trọng yếu trong kết cấu kinh tế quốc dân. Điều này đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng có những đột phá về đổi mới xây dựng văn hóa, trong đó có đột phá về xây dựng công nghiệp văn hóa. Thực tiễn đổi mới và kinh nghiệm quốc tế cho thấy, đổi mới văn hóa có thể kích thích và thúc đẩy đổi mới nhận thức, đổi mới hành vi và đổi mới tổ chức.

Cần phải nhận thức sâu sắc rằng, đối với quốc gia, văn hóa là một tài sản có ý nghĩa chiến lược trong chính sách đối ngoại, hợp tác quốc tế và củng cố bản sắc độc đáo. Công nghiệp văn hóa chính là công cụ hữu hiệu đối với tăng trưởng, đổi mới kinh tế, biến văn hóa trở thành một thành tố quan trọng của thương mại và cạnh tranh quốc tế. Phát triển công nghiệp văn hóa phải được

coi là một thành tố quan trọng của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các ngành công nghiệp văn hóa có khả năng cung cấp những cơ hội để tạo công ăn việc làm. Vì thế, phát triển công nghiệp văn hóa đúng đắn sẽ góp phần tích cực vào quá trình tái cấu trúc nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng ở Việt Nam hiện nay. Công nghiệp văn hóa sẽ khai thác tốt hơn mọi nguồn tài nguyên văn hóa phục vụ cho phát triển kinh tế. Với đặc trưng riêng có trong sáng tạo và công nghệ, công nghiệp văn hóa là hướng phát triển mà các quốc gia đều quan tâm, bởi nó có khả năng tạo ra sự đột phá trong phát triển kinh tế tri thức, kinh tế văn hóa, đưa phát triển kinh tế theo chiều sâu.

Hiện nay, xây dựng kinh tế văn hóa và công nghiệp văn hóa trên cơ sở lực lượng sản xuất văn hóa đang ngày càng chú ý khai thác thuộc tính công nghiệp và thị trường vốn có của văn hóa, ngày càng đi sâu hơn vào đời sống kinh tế - xã hội. Văn hóa đã trở thành một đối tượng lao động, đối tượng sản xuất. Thông qua khâu sản xuất, sản phẩm văn hóa đã chuyển thành sản phẩm mang tính dịch vụ văn hóa, thông qua trao đổi tiêu dùng chuyển hóa thành của cải thực sự. Như vậy, nếu từ góc độ tăng trưởng kinh tế thì bản thân lực lượng sản xuất văn hóa đã trở thành một bộ phận hợp thành của tăng trưởng kinh tế. Theo đó, lực lượng sản xuất văn hóa không còn là “sức mạnh mềm” mà đang trở thành lực lượng kinh tế có đầy đủ đặc trưng của “sức mạnh cứng”.

Đối với các địa phương, các ngành công nghiệp văn hóa có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sản phẩm công nghiệp văn hóa là cầu nối gắn kết quảng bá hình ảnh quốc gia, địa phương ra thế giới và thu hút du khách quốc tế đến với các quốc gia, địa phương thông qua du lịch. Bên cạnh đó, các ngành công nghiệp văn hóa còn tham gia vào việc tái tạo các thành phố, cải thiện cuộc sống đô thị, kỳ vọng góp phần thay đổi diện mạo các thành phố du lịch như Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Hạ Long, Hội An, Đà Lạt..., trở thành những thành phố sáng tạo mới của Việt Nam.

Tám mươi năm đã trôi qua nhưng giá trị lý luận và thực tiễn của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng vẫn tiếp tục được khẳng định, kế thừa và phát triển được thực tiễn khẳng định, thể hiện tầm nhìn sâu sắc, nhất quán của Đảng về phát triển văn hóa Việt Nam.

## DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG, KHOA HỌC - NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN ĐỂ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

PGS.TS. PHẠM THỊ THU HƯƠNG\*

1. Những năm gần đây, chúng ta nói nhiều đến *phát triển bền vững*. Đây không chỉ là xu thế mà còn là đích đến của toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Và dù còn có nhiều tranh luận dưới những góc độ khác nhau về khái niệm này, nhưng khái niệm nhận được sự đồng thuận từ nhiều nhà khoa học và quản lý, đó là: “Sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương khả năng cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”<sup>1</sup>. Một quốc gia phát triển bền vững thường được hiểu là phát triển bền vững về kinh tế, về xã hội và về môi trường, và để đi đến mục tiêu này, các lĩnh vực thuộc đời sống - xã hội, trong đó có văn hóa, đều phải đặt ra đích đến của mình. Không chỉ đóng vai trò là một tiêu chí để đánh giá sự phát triển bền vững - “đảm bảo đa dạng văn hóa” trong quá trình phát triển, yêu cầu của phát triển bền vững với văn hóa là phải để cho “mọi người dân đều được hưởng thụ văn hóa”. Bởi lẽ đó, văn hóa không thể đứng ngoài cuộc của sự phát triển chung mà cũng phải luôn phát triển và phát triển theo hướng bền vững, để không chỉ là tiêu chí đánh giá mà còn trở thành “nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực phát triển đất nước”, như Đảng ta đã xác định.

Vậy, phát triển văn hóa theo hướng bền vững là gì? Theo tinh thần của khái niệm trên, có thể hiểu phát triển văn hóa theo hướng bền vững là bảo

---

\* Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

1. Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED) của Liên hợp quốc (1987), Báo cáo “*Tương lai chung của chúng ta*”.



đảm sự cân bằng giữa bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và sáng tạo, bổ sung những giá trị văn hóa mới, phù hợp với cộng đồng dân tộc, quốc gia và thế giới ở mỗi giai đoạn phát triển.

2. Từ xưa tới nay, việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống luôn được cả người dân và chính quyền quan tâm. Dưới thời phong kiến, dù hoạt động này chưa được đặt ra và gọi tên một cách chính thức, song việc cho xây dựng các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng, việc tổ chức và cho phép tổ chức các nghi thức, nghi lễ gắn với tín ngưỡng dân gian hay sắc phong các vị thần/thánh và thờ phụng họ... cũng chính là việc gìn giữ, tạo dựng các giá trị văn hóa (mặc dù, với triều đình phong kiến, mục đích chính của những việc làm này là nhằm khẳng định vị thế, uy tín của triều đình, của nhà vua với cộng đồng làng xã, để qua đó “vói tay” quản lý người dân, để “phép vua” không thể “thua lệ làng”; còn với người dân là nhằm thoả mãn các nhu cầu tâm linh, nhu cầu văn hóa của mình và cộng đồng, cũng là để tạo sự liên kết, gắn bó thông qua giao tiếp với các cá nhân trong cộng đồng).

Từ khi ra đời, Đảng ta luôn nhất quán với chủ trương bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Trước khi giành được chính quyền, bằng *bản Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đảng ta đã đưa ra ngọn đuốc soi đường, định hướng tư tưởng, nhận thức cho toàn dân ta trong cuộc đấu tranh với nền văn hóa thuộc địa, tiến lên xây dựng chế độ mới, nền văn hóa mới, mà ở đó, chỉ với một nguyên tắc “Dân tộc hóa” đã bao chứa cả việc giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống và bổ sung những giá trị văn hóa phù hợp với tình hình mới của dân tộc, của đất nước.

Ngay sau khi giành được chính quyền, bảo tồn các di sản văn hóa của dân tộc là vấn đề được Chính phủ lâm thời quan tâm từ khá sớm. Ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65, quy định việc “bảo tồn tất cả cổ tích trong toàn cõi Việt Nam” đã nêu rõ: *Cấm phá hủy những đình chùa, đền, miếu hoặc những nơi thờ tự khác, những cung điện, thành, quách cùng lăng mộ chưa được bảo tồn. Cấm phá hủy những bi ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng, giấy má, sách vở có tính cách tôn giáo hay không, nhưng có ích cho lịch sử mà chưa được bảo tồn.* Từ đó đến nay đã có một hệ thống khá đầy đủ và toàn diện các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở, hành lang pháp lý cho việc bảo tồn; việc số lượng, loại hình di sản văn hóa được công nhận ngày càng nhiều, các di sản văn hóa vật thể được đưa vào danh mục kiểm kê, được bảo vệ, tu bổ,

phục hồi, tôn tạo, các di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh, thực hành, khôi phục... là những minh chứng thuyết phục và sống động cho kết quả và hiệu quả công tác bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Việc bảo tồn di sản văn hóa là vô cùng cần thiết, là điều kiện sống còn của nền văn hóa dân tộc, bởi nếu không giữ, chúng ta sẽ mất văn hóa, mất bản sắc dân tộc và điều đó có nghĩa là chúng ta mất dân tộc, như lời của tiền nhân được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng mượn lại để nhắc nhiều lần tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021.

Cùng với bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, việc sáng tạo, bổ sung các giá trị văn hóa mới là một nửa còn lại của công cuộc phát triển văn hóa theo hướng bền vững. Nếu bảo tồn là giữ nguyên vẹn thì ở mức độ tốt đa, cũng chỉ có thể giữ nguyên nền văn hóa đó, chưa kể đến những yếu tố khách quan có thể tác động xấu đến sự tồn tại này; trong khi đó, xã hội, nhận thức, nhu cầu của con người không ngừng thay đổi và phát triển. Khi ấy, nếu chỉ bằng những các giá trị văn hóa vốn có sẽ không thể thỏa mãn những nhu cầu, yêu cầu đó. Sự tác động này sẽ nhanh hơn, mạnh hơn trong giai đoạn hiện nay, khi chúng ta đã đang ở trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Trong xu thế ấy, việc giao lưu, trao đổi về mọi mặt giữa các quốc gia, các dân tộc - trong đó có văn hóa - là nhu cầu, đòi hỏi tất yếu.

Một vấn đề khác cần phải lưu ý, đó là văn hóa không ở trạng thái tĩnh và bất biến mà luôn vận động. Giao lưu, biến đổi mới là thuộc tính vĩnh hằng của văn hóa. Không có nền văn hóa nào trên thế giới tuyệt đối đơn lẻ, thuần khiết, không bị ảnh hưởng bởi bất cứ một nền văn hóa nào khác; vì thế, việc giữ nguyên xi các biểu hiện văn hóa hay giá trị văn hóa truyền thống là bất khả thi.

Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đem đến cho văn hóa những cơ hội và thách thức. Đó là việc được tiếp cận nhiều nền văn hóa khác nhau của thế giới nên có thể tiếp thu được những tinh hoa, giá trị văn hóa của các nền văn hóa ấy, để từ đó sáng tạo những giá trị văn hóa mới để bổ sung, làm giàu thêm nền văn hóa của mình; song bên cạnh đó, nếu không đủ bản lĩnh, nền văn hóa chủ đó sẽ bị đồng hóa và biến mất. Vì thế, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế càng sâu rộng, thì bản sắc văn hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa lại càng cần thiết nếu nền văn hóa đó không muốn bị “hòa tan”. Trên thực tế,

bất kỳ lĩnh vực nào, ngành nghề nào cũng đều có tính đặc thù, điều đó lại càng đúng với lĩnh vực văn hóa, bởi bất kỳ một hình thái kinh tế nào, một tổ chức xã hội nào, một phương thức sản xuất nào... cũng chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định (dù đó là khoảng thời gian dài hoặc ngắn), nhưng văn hóa thì không như vậy, trải qua thời gian, các giá trị văn hóa sẽ kết tinh lại để tạo ra bản sắc văn hóa, hoặc hòa quyện với các giá trị văn hóa mới ra đời để tạo thành truyền thống văn hóa... Các giá trị ấy không bao giờ mất đi mà sẽ làm dày thêm, phong phú thêm nền văn hóa của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia hay mỗi vùng miền. Văn hóa có mặt trong tất cả các lĩnh vực thuộc đời sống xã hội và có chức năng định hướng, điều chỉnh xã hội, điều chỉnh hành vi của con người. Bởi thế, nếu chúng ta có nhận thức đúng, định hướng và quản lý tốt, các giá trị văn hóa truyền thống sẽ được bảo tồn, các giá trị văn hóa mới sẽ được sáng tạo, văn hóa sẽ phát huy được vai trò của mình trong đời sống xã hội và ngược lại. Vấn đề khó khăn nhất ở chỗ là bảo tồn và phát huy cùng phải được tiến hành một cách đồng thời, tức là xử lý tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển.

**3.** Giải pháp để bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và sáng tạo các giá trị văn hóa mới, thậm chí cả những giải pháp cân bằng giữa bảo tồn và phát triển đã được nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm hay đề tài nghiên cứu đưa ra và trên thực tế, nhiều giải pháp đã được áp dụng và đem lại kết quả.

Công nghiệp văn hoá là sự sáng tạo, quá trình sản xuất và phân phối hàng hóa, dịch vụ thuộc về văn hóa. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa được nhắc đến nhiều trong thời gian qua và được xác định “là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân”. Ngày 08/9/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trên cơ sở này, nhiều ngành, nhiều địa phương đã xây dựng kế hoạch, lộ trình, đưa ra giải pháp để thực hiện mục tiêu mà Chiến lược đề ra, tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương hay ngành của mình. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa là một giải pháp phù hợp, đúng đắn nhất để vừa có thể bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, tạo nguồn lực (cả nhân lực và tài lực) để thực hiện việc bảo tồn, vừa sáng tạo ra những sản phẩm, giá trị văn hóa mới để làm phong phú hơn nền văn hóa vốn có. Trong hoạt động này, vốn văn hóa – nguyên liệu chính để xây dựng, sáng tạo nên những sản phẩm của ngành công nghiệp sẽ không

dân cạn kiệt như các loại nguyên liệu khác, mà ngược lại, nó sẽ ngày một đa dạng và phong phú hơn.

Nhưng cho dù có những sản phẩm, dịch vụ văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam, song số lượng quá ít hoặc không được lưu thông rộng rãi trên thị trường, không được phổ cập đến công chúng thì cũng không thể phát triển công nghiệp văn hóa. Vì thế, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và hoàn thiện, phát triển thị trường văn hóa là 2 công việc không thể tách rời, thậm chí phải được coi là “hai mặt của một vấn đề”, bởi với hai đặc trưng là “sáng tạo” và “công nghiệp”, các ngành công nghiệp văn hóa đóng vai trò chủ đạo để sản xuất ra các sản phẩm và dịch vụ văn hóa phục vụ nhu cầu của đại chúng, còn thị trường văn hóa là nơi diễn ra quá trình tương tác giữa bên cung và bên cầu, trong đó các sản phẩm và dịch vụ văn hóa được lưu thông và thực hiện tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường.

Cũng như các loại thị trường khác, thị trường văn hóa gồm các thành tố chính: người sản xuất, sản phẩm và người tiêu dùng, chỉ khác ở chỗ đó là người sản xuất văn hóa, sản phẩm văn hóa và người tiêu dùng văn hóa. Ngoài ra, điểm khác biệt của thị trường văn hóa còn ở chỗ nó mang tính đặc thù cao. Các sản phẩm văn hóa là loại hàng hóa đặc biệt, không thể tính toán, đo lường giá trị, hạch toán lỗ lãi như các hàng hóa thông thường khác, bởi những sản phẩm văn hóa này là sự kết tinh, sáng tạo của văn hóa dân tộc nên ngoài giá trị vật chất còn là giá trị tinh thần to lớn.

Hiện nay, ở nước ta đã hình thành một số thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa và đơn vị hoạt động có hiệu quả trên một số lĩnh vực, như thị trường sách, thị trường điện ảnh, thị trường biểu diễn nghệ thuật, thị trường tranh... nhưng còn chậm phát triển, quy mô nhỏ, mang tính tự phát, thiếu tính chuyên nghiệp. Sản phẩm văn hóa ở một số lĩnh vực còn nghèo nàn, đơn điệu, sức cạnh tranh yếu, chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của công chúng trong và ngoài nước. Thị trường sản phẩm văn hóa nội địa có dấu hiệu bị các sản phẩm văn hóa nước ngoài lấn lướt, áp đảo. Chất lượng các sản phẩm văn hóa chưa cao nên khó hội nhập với thị trường văn hóa thế giới. Việc xuất khẩu, quảng bá các sản phẩm văn hóa Việt Nam ra nước ngoài còn hạn chế. Công tác quản lý xuất, nhập khẩu văn hóa chưa chặt chẽ dẫn đến để lọt vào trong nước các sản phẩm nước ngoài chưa phù hợp với thuần phong, mỹ tục, truyền

thống văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ của dân tộc, thậm chí có nhiều sản phẩm độc hại, tác động tiêu cực đến đời sống xã hội...<sup>1</sup>.

Vì thế, để hoàn thiện và phát triển thị trường văn hóa cần phải có những đổi mới căn bản trong thể chế văn hóa và phương thức quản lý văn hóa. Ở đó, Nhà nước cần đóng vai trò định hướng, tạo cơ chế, điều chỉnh và kiểm soát, còn những khâu khác có thể huy động nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân. Làm được điều đó, chắc chắn thị trường văn hóa được rộng mở, các nguồn lực được khai thông, các tiềm năng văn hóa được phát lộ và có cơ hội phát triển.

4. Bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và sáng tạo, bổ sung giá trị văn hóa mới là giải pháp để phát triển văn hóa theo hướng bền vững nhưng nền văn hóa ấy cần có đặc trưng/tính chất gì lại là một vấn đề đặt ra cần giải quyết, để văn hóa Việt Nam có thể đứng vững và giữ được bản sắc của mình chứ không bị hòa tan trong quá trình giao lưu và hội nhập quốc tế, đó là tiếp tục giữ vững tính chất của nền văn hóa Việt Nam đã được nêu trong Đề cương văn hóa Việt Nam: dân tộc, khoa học và đại chúng.

80 năm trước - năm 1943, Tổng Bí thư Trường Chinh đã thay mặt cho Trung ương Đảng soạn thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam* - Cương lĩnh đầu tiên về văn hóa. Đây là ngọn đuốc soi đường, định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động cho nền văn hóa cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, Đề cương văn hóa đã nêu ra ba nguyên tắc cho cuộc vận động xây dựng nền văn hóa mới, đó là: *Dân tộc hóa, Đại chúng hóa và Khoa học hóa*. Ba nguyên tắc này là kim chỉ nam định hướng sáng tác cho các văn nghệ sĩ, những người làm văn hóa thời bấy giờ, để hướng tới một nền văn hóa Việt Nam dân tộc, khoa học và đại chúng. Và những nguyên tắc ấy đã tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trong quá trình xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam.

Ở thời điểm Đề cương ra đời, *Dân tộc hóa* được hiểu là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, để văn hóa Việt Nam phát triển độc lập, thoát khỏi sự phụ thuộc của văn hóa phát xít, thực dân bằng chủ nghĩa yêu nước và lòng tự tôn dân tộc; *Đại chúng hóa* là việc phải đưa văn hóa gần gũi với đời sống của quần chúng, phục vụ quần chúng, chống mọi chủ trương hành

---

1. Xem Phạm Duy Đức - Phạm Thu Giang: *Phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa ở nước ta hiện nay*, Tạp chí *Cộng sản*.

động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng; còn *Khoa học hóa* là chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ, bởi một nền văn hóa tiến bộ cần phải có nền tảng khoa học vững chắc.

Bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay so với thời điểm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời đã có rất nhiều thay đổi. Việt Nam hôm nay đã là một nước hoàn toàn độc lập, có vị thế, uy tín nhất định trên thế giới. Chúng ta đã có những bước phát triển vượt bậc về mọi mặt: kinh tế, chính trị, xã hội...và đang tham gia tích cực vào xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, với giá trị định hướng, soi đường, những nội dung cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 còn nguyên giá trị. Ba nguyên tắc, ba tính chất cơ bản của nền văn hóa Việt Nam thời điểm đó vẫn mang tính thời sự và là mục tiêu đặt ra để xây dựng, phát triển văn hóa theo hướng bền vững, dù hiện nay quan niệm về 3 tính chất ấy đã được mở rộng cho phù hợp với thực tiễn.

Nếu ở giai đoạn trước, đưa ra nguyên tắc *Dân tộc hóa* là để văn hóa Việt Nam có thể phát triển độc lập, thoát khỏi sự phụ thuộc của văn hóa phát xít, thực dân... thì ngày nay, tính dân tộc được hiểu là việc bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong dòng hợp lưu văn hóa đang chảy vô cùng mạnh mẽ. Chúng ta đều biết, một trong những vấn đề phải đối mặt của văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập là việc phải tiếp xúc, giao lưu và tiếp thu ồ ạt các nền văn hóa bên ngoài. Điều đó sẽ dẫn đến nguy cơ mất bản sắc dân tộc nếu chúng ta không có đủ nội lực văn hóa và bộ lọc tốt. Bên cạnh đó, truyền bá văn hóa cũng không nằm ngoài tham vọng xâm lăng văn hóa, đồng hóa văn hóa từ một số quốc gia trên thế giới. Tình trạng yếu kém, đứt đoạn về truyền thống văn hóa dân tộc sẽ là cơ hội tốt cho văn hóa ngoại lai xâm nhập, thao túng.

Trong bối cảnh đó, bản sắc văn hóa dân tộc chính là vũ khí để bảo vệ sự độc lập của văn hóa Việt Nam, dân tộc Việt Nam; do đó, cần tăng cường khả năng tự vệ, khả năng đề kháng của văn hóa dân tộc để bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Là những đặc trưng riêng để phân biệt nền văn hóa này với nền văn hóa khác, dân tộc này với dân tộc khác, bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị bền vững, được hình thành và vun đắp trong quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Bản sắc văn

hóa luôn luôn vận động, biến đổi phù hợp với sự phát triển của cộng đồng và nhu cầu phát triển của thời đại. Vì thế, giữ gìn bản sắc không loại trừ sự tiếp biến văn hóa mà văn hóa dân tộc phải hội lưu với văn hóa nhân loại, rồi theo dòng chảy của nó mà tiếp thu những cái “chân - thiện - mỹ” của các nền văn hóa trên thế giới để bồi đắp cho văn hóa bản địa. Giữ gìn bản sắc cũng phải trên cơ sở vừa bảo vệ, vừa không ngừng tiếp thu tinh hoa của văn hóa nhân loại để làm phong phú thêm những giá trị văn hóa truyền thống.

Bảo vệ và đề cao văn hóa dân tộc là việc làm vô cùng cần thiết nhưng không có nghĩa là cố giữ những yếu tố không còn phù hợp với sự phát triển hay đóng cửa với các giá trị văn hóa bên ngoài, với những tiến bộ của nhân loại. Chính vì vậy, nguyên tắc *khoa học hóa* ngày nay không chỉ còn là chống lại những cái lạc hậu, phản khoa học, phản tiến bộ mà còn phải tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, tiếp thu những thành tựu khoa học mới để sử dụng và ứng dụng trong hoạt động văn hóa, bởi không có một lĩnh vực nào của văn hóa hiện nay có thể đứng ngoài mà không cần đến các thành tựu khoa học, kỹ thuật và công nghệ để phát triển, từ bảo tồn di sản văn hóa đến điện ảnh, quảng cáo, nghệ thuật trình diễn, mỹ thuật...

Tương tự như vậy, *tính đại chúng* của văn hóa ngày nay được mở rộng hơn, đó là quần chúng phải là nguồn cảm hứng cho các sáng tạo văn hóa, là người sáng tạo và cũng là người thụ hưởng những sáng tạo đó. Hơn thế nữa, văn hóa không chỉ phục vụ cộng đồng các dân tộc Việt Nam mà còn phải được người dân các nước trên thế giới hiểu biết và yêu thích, thông qua các hoạt động trao đổi và giao lưu văn hóa.

\*

\* \*

Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt những giải pháp và những yêu cầu, định hướng nói trên, chắc chắn văn hóa Việt Nam sẽ phát triển theo hướng bền vững, đáp ứng được nhu cầu, yêu cầu và kỳ vọng của mọi giai tầng trong xã hội, để văn hóa Việt Nam mãi là VĂN HÓA VIỆT NAM.

## PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 VỚI VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ VĂN NGHỆ SĨ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. MAI THỊ THÙY HƯƠNG\*

Ngay tại phần “Cách đặt vấn đề”, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã khẳng định “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động”<sup>1</sup>. Đảng và Nhà nước ta cũng luôn khẳng định văn nghệ sĩ là chiến sĩ xung kích trên mặt trận văn hóa. Nghệ sĩ, nghệ nhân là những người sáng tạo, lưu truyền và gìn giữ tinh hoa văn hóa dân tộc thông qua các tác phẩm của mình. Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “tiếp tục xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” đã chỉ rõ: Tài năng văn học, nghệ thuật là vốn quý của dân tộc. Chăm lo phát hiện, bồi dưỡng, quý trọng và phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp.

Gần đây nhất, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng nêu một trong các nhiệm vụ để chấn hưng văn hóa Việt Nam, đó là “Đề cao, phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, của những người làm công tác văn hóa”<sup>2</sup>.

---

\* Phó Viện trưởng Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12.

2. Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/2021.



Có thể nói, vai trò của đội ngũ văn nghệ sĩ trên “mặt trận văn hóa” luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, đề cao. Để thực hiện tốt vai trò cả về mặt kinh tế, chính trị và xã hội của mình, đội ngũ văn nghệ sĩ cần phải phát triển cả về số lượng và chất lượng, trên cơ sở nắm vững đường lối, quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng, mà khởi nguồn từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

### **1. Ba nguyên tắc của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” với vấn đề phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ**

Trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, đồng chí Trường Chinh đã nêu ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa, đó là:

- Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).
- Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).
- Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ)<sup>1</sup>.

Suốt 80 năm qua, ba nguyên tắc này được Đảng ta vận dụng đúng đắn trong chỉ đạo mọi mặt của đời sống văn hóa, nghệ thuật, trong đó có vấn đề phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ.

Nói đến phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa nói chung, đội ngũ văn nghệ sĩ cách mạng Việt Nam nói riêng, các nhà nghiên cứu khoa học, các nhà quản lý văn hóa thường tập trung vào các nội dung: đào tạo, bồi dưỡng và tạo môi trường phát huy năng lực sáng tạo. Để đội ngũ những người làm nghệ thuật thực sự trở thành những văn nghệ sĩ - chiến sĩ cách mạng thì trong từng nội dung trên phải vận dụng đầy đủ các nguyên tắc của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cũng như các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng. Cụ thể:

- *Với công tác đào tạo, bồi dưỡng*

Cần xác định đào tạo người nghệ sĩ không chỉ có tài năng, kiến thức chuyên môn mà còn phải có đạo đức, phẩm chất chính trị vững vàng. Người

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.23-24.

nghệ sĩ phải là người có tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc. Hơn ai hết, họ phải là người nắm giữ những giá trị tinh hoa của văn hóa dân tộc, từ đó mới góp phần đưa những giá trị đó đến với công chúng thông qua các sáng tác, biểu diễn của bản thân. Người nghệ sĩ cũng cần ý thức được vai trò phụng sự dân tộc, phục vụ nhân dân của mình. Văn hóa mang tính đại chúng, các tác phẩm văn học, nghệ thuật cũng không thể tách rời quần chúng nhân dân. Nền nghệ thuật cách mạng là một nền nghệ thuật “vì nhân sinh”. Người nghệ sĩ cách mạng là người bằng tài năng của mình góp phần làm đẹp thêm cho đời, làm phong phú thêm đời sống tinh thần của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng nói “Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*. Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy. Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có *nhiệm vụ* nhất định, tức là phụng sự kháng chiến, tức là phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh”<sup>1</sup>, và Người không quên nhắc nhở: “Chiến sĩ nghệ thuật cần có lập trường vững, tư tưởng đúng... phải đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết”<sup>2</sup>.

Để có được những điều này, bên cạnh đào tạo chuyên môn cho sinh viên, các trường đại học ngành nghệ thuật cần chú trọng giáo dục các giá trị văn hóa. Bản thân người nghệ sĩ cũng phải luôn có ý thức trau dồi, học tập, nâng cao bản lĩnh chính trị, sống trong sáng, trở thành những tấm gương truyền cảm hứng về chân - thiện - mỹ cho xã hội.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, với sự tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số, áp lực đặt lên vai những người làm nghệ thuật - những công việc mang tính sáng tạo, ngày càng nặng nề, đòi hỏi họ phải nỗ lực trau dồi chuyên môn, cập nhật cái mới, cái tiến bộ. Trong những năm gần đây, có thể thấy, đội ngũ văn nghệ sĩ của chúng ta đang ngày càng khẳng định được tài năng, bản sắc, vị trí của cá nhân trong nền nghệ thuật chung của nhân loại. Công tác đào tạo, vì thế, càng phải nắm vững nguyên tắc khoa học, để ngày càng đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo.

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.246.

*- Tạo môi trường phát huy năng lực sáng tạo: ở đây cụ thể là hoàn thiện thể chế, tăng cường chế độ đãi ngộ, khen thưởng và tích cực phát huy vai trò của văn nghệ sĩ trong mọi mặt của đời sống xã hội.*

Hiện nay, nhiều ý kiến cho rằng, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật còn nhiều hạn chế, nhiều rào cản. Nhiều quy định kiểm duyệt khiến cho người nghệ sĩ không phát huy được năng lực sáng tạo của bản thân. Những hạn chế này đang từng bước được khắc phục, sửa đổi, bổ sung theo hướng tiệm cận, hội nhập với quy định chung của thế giới. Tuy nhiên, dù các quan điểm về quản lý có đổi mới và hiện đại đến đâu, các sáng tác văn học, nghệ thuật, các chương trình biểu diễn nghệ thuật được thực hiện vẫn phải bảo đảm các yếu tố dân tộc, đại chúng và khoa học. Nghĩa là các tác phẩm văn học nghệ thuật, các chương trình biểu diễn nghệ thuật phải đáp ứng quy định về thuần phong mỹ tục, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phục vụ đại bộ phận quần chúng nhân dân, mang giá trị khoa học và tiến bộ.

Các chế độ đãi ngộ, khen thưởng cho văn nghệ sĩ cũng dựa trên tinh thần đề cao những cống hiến mang tính dân tộc, đại chúng. Theo đó, các cơ quan quản lý nhà nước cần có biện pháp biểu dương, khuyến khích, khen thưởng các nghệ sĩ sáng tác và biểu diễn các tác phẩm văn học, nghệ thuật có tác dụng ca ngợi Tổ quốc, đất nước, tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc; khuyến khích các tác phẩm văn học, nghệ thuật tiếp nhận cái mới, bắt kịp xu thế của thời đại, hội nhập với văn hóa thế giới; ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng xâm nhập của văn hóa ngoại lai, các biểu hiện lệch lạc, thiếu văn hóa trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật, giáo dục; chấn chỉnh, thậm chí xử phạt nặng các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật không đạt chất lượng, phản cảm, các nghệ sĩ có hành vi, lối sống lệch chuẩn văn hóa.

Vai trò của văn nghệ sĩ phải được phát huy trong mọi mặt của đời sống xã hội. Các tác phẩm nghệ thuật không chỉ là món ăn tinh thần, mà còn góp phần giáo dục các giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống, góp phần cổ vũ, động viên, tiếp thêm sức mạnh cho quần chúng nhân dân trong học tập, lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các tác phẩm nghệ thuật cũng đóng góp giá trị về mặt kinh tế lớn. Vì vậy, đội ngũ văn nghệ sĩ phải được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia vào các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước để thể hiện những vấn đề của cuộc sống và góp phần phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra yêu cầu quan trọng bậc nhất đối với chiến sĩ văn nghệ là phải thật hòa mình với quần chúng và không được quên rằng: chỉ có nhân dân mới nuôi dưỡng cho sáng tác của nhà văn bằng những nguồn nhựa sống. Còn nếu nhà văn quên điều đó, nhân dân cũng sẽ quên anh ta.

## **2. Ý nghĩa của việc vận dụng giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” với việc phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ trong những năm qua**

### **2.1. Đội ngũ văn nghệ sĩ có định hướng và mục tiêu rõ ràng**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 có thể coi như cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa. Các quan điểm mang tính nền tảng về sự vận động và phát triển của nền văn hóa Việt Nam mới được tiếp tục kế thừa trong các văn kiện tiếp theo của Đảng về văn hóa.

Kế thừa và phát huy những quan điểm xuyên suốt của Đảng, trong nhiều năm qua, trải qua nhiều giai đoạn của đất nước, từ chiến tranh đến hòa bình, đổi mới, đội ngũ văn nghệ sĩ luôn có định hướng và mục tiêu đúng đắn trong việc góp phần xây dựng và phát triển văn hóa.

Đất nước giành độc lập sau hơn 80 năm dưới ách thống trị, đô hộ của thực dân Pháp là niềm vui, cảm hứng lớn lao của người nghệ sĩ. Tiếp nhận ánh sáng soi đường từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, đội ngũ văn nghệ sĩ đi theo cách mạng gồm những người đã nổi tiếng ở giai đoạn trước như Xuân Diệu, Huy Cận, Tô Hoài, Nam Cao, Văn Cao, Tô Ngọc Vân... và những người trưởng thành trong cách mạng như Nguyễn Đình Thi, Quang Dũng, Chính Hữu, Hoàng Vân... Cuộc cách mạng dân tộc đã mở đường cho cuộc cách mạng trong nhận thức sáng tác của các văn nghệ sĩ. Tuy sự thay đổi nhân sinh quan, tiếp nhận quan điểm, định hướng mới của Đảng từ các văn nghệ sĩ có khác nhau, song tất cả đều tình nguyện, say mê sáng tạo, dần dần ý thức được “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy...” như lời Bác Hồ căn dặn.

Trong bút ký *Nhận đường*, nhà văn Nguyễn Đình Thi đã khẳng định “Văn nghệ phụng sự chiến đấu, nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sắt lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta”.

Cũng từ đây, qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước đội ngũ văn nghệ sĩ ý thức sâu sắc vai trò, nhiệm vụ của mình trong việc góp

phần cùng toàn Đảng, toàn dân chiến đấu, giành độc lập dân tộc. Trong giai đoạn này, hàng loạt các tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao đã ra đời. Các tác phẩm không chỉ mang tính chiến đấu mà còn thể hiện tình quân dân, tình yêu quê hương đất nước tha thiết.

Trong thời kỳ đổi mới, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã khẳng định: các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương...

Đặc biệt, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Đảng ta đã nêu 5 quan điểm chính để phát triển văn hóa gồm: 1- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; 2- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học; 3- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, có lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo; 4- Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; 5- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng<sup>1</sup>.

Những quan điểm đổi mới của Đảng đã nâng cao hơn nữa vai trò của văn hóa, tạo điều kiện, môi trường để văn nghệ sĩ tăng sức sáng tạo. Trong thời kỳ hội nhập và phát triển, khi nhu cầu thưởng thức văn hóa, nghệ thuật được

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.48-49.

nâng cao, văn học, nghệ thuật có cơ hội ngày càng phát triển rực rỡ với diện mạo vô cùng phong phú, đa dạng. Trong đó, có rất nhiều các tác phẩm văn học, nghệ thuật ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước, con người Việt Nam, cổ vũ tinh thần lao động, cống hiến xây dựng đất nước được sự đón nhận nhiệt tình của công chúng. Đặc biệt, trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn ra, một lần nữa, văn nghệ sĩ lại thể hiện vai trò xung kích, chung tay cùng toàn Đảng, toàn dân chiến đấu và chiến thắng đại dịch với nhiều ca khúc âm nhạc, nhiều tác phẩm nghệ thuật... đi vào lòng người.

2.2. Văn nghệ sĩ được mở rộng thế giới quan, tiếp cận với nguồn cảm hứng từ đất nước, quê hương, con người

Trong những giai đoạn nhất định của lịch sử, quan điểm sáng tác văn học, nghệ thuật đứng giữa 2 luồng ý kiến tranh luận “nghệ thuật vì nghệ thuật” và “nghệ thuật vì nhân sinh”. Với ba nguyên tắc: dân tộc, đại chúng và khoa học được nêu rõ trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, Đảng ta đã khẳng định rõ vai trò của văn học, nghệ thuật cách mạng là phụng sự dân tộc, phụng sự nhân dân. Chính từ đây, người nghệ sĩ dần dần thay đổi thế giới quan, tìm đến những đối tượng sáng tác mới. Các tác phẩm văn học, nghệ thuật không chỉ còn phản ánh cái tôi cá nhân, cảm xúc của bản thân mà tiếp cận, tìm cảm hứng sáng tác từ đất nước, quê hương, con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng yêu cầu các văn nghệ sĩ trong sáng tạo nghệ thuật phải: “Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn những người, những việc ấy, bằng văn, bằng thơ, bằng vẽ và bằng các nghệ thuật khác, v.v.. Đó cũng là một trách nhiệm của các cán bộ *văn nghệ* góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”<sup>1</sup>.

Trong Bài nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ III, Người nhấn mạnh: “Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta, những tác phẩm *ca tụng* chân thật những người mới, việc mới chẳng những để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay, mà còn để giáo dục con cháu ta đời sau... Quần chúng mong muốn những tác

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.392.

phẩm có *nội dung* chân thật và phong phú, có *hình thức* trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì có *bổ ích*<sup>1</sup>.

Cũng chính từ định hướng quan điểm của Đảng và Bác, đời sống văn hóa, nghệ thuật ngày càng phong phú, các tác phẩm nghệ thuật ngày càng phản ánh trung thành hiện thực cuộc sống, góp tiếng nói chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### 3. Những vấn đề đặt ra với phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ trong giai đoạn hiện nay

Hiện nay, vẫn còn một bộ phận trí thức, văn nghệ sĩ chưa ý thức rõ bổn phận của mình đối với đất nước, chưa tâm huyết, chưa đầu tư nhiều thời gian cho học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ. Cá biệt có một số trí thức, văn nghệ sĩ chưa mạnh dạn, thẳng thắn, bày tỏ chính kiến, thậm chí né tránh hoặc lợi dụng danh nghĩa để đưa ra các ý kiến, quan điểm sai trái. Một số văn nghệ sĩ dễ dàng “chiều” theo thị hiếu tầm thường của một bộ phận công chúng, tìm cách quảng bá những tác phẩm chống đối chế độ, xuyên tạc nhằm hạ uy tín lãnh đạo Đảng, Nhà nước, một số lãnh tụ tiền bối...

Các chuyên gia về quản lý, đào tạo văn hóa, nghệ thuật cũng nhận định “nguồn nhân lực văn hóa, nghệ thuật vẫn phải đối diện với một số vấn đề cần giải quyết: (i) về chuyên môn: một số bộ phận nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật chưa đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng; (ii) về ngoại ngữ: năng lực ngoại ngữ còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc giao lưu, hội nhập quốc tế; (iii) năng lực sáng tạo: chưa thực sự theo kịp đổi mới sáng tạo với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới”<sup>2</sup>.

Có thể thấy, vấn đề đặt ra đối với việc phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ hiện nay là làm sao đào tạo, bồi dưỡng được những người làm nghệ thuật vừa có chuyên môn, vừa có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng, vừa có tâm huyết với nghề, vừa có tinh thần cống hiến cho Tổ quốc, cho nhân dân. Tuy nhiên, thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát huy năng lực sáng tạo của đội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.504-505.

2. PGS.TS. Đinh Công Tuấn, TS. Nguyễn Thị Anh Quyên: *Phát triển nguồn nhân lực ngành văn hóa, nghệ thuật: thực trạng và giải pháp*, Kỷ yếu Hội thảo văn hóa 2022 - Thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa.

ngũ văn nghệ sĩ hiện nay, bên cạnh những thành tích đã đạt được, vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn.

- *Công tác đào tạo*

Thực tế hiện nay, số lượng tuyển sinh hằng năm của các trường khối ngành nghệ thuật vẫn còn hạn chế và ít có biến động gia tăng. Năm 2022, theo báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tổng chỉ tiêu khối văn hóa, nghệ thuật là 6.311, tuyển được 4.294 chỉ tiêu, đạt 68%, trong đó các trường đại học ngành nghệ thuật tỷ lệ tuyển sinh vẫn thấp. Theo đại diện một số trường đại học nghệ thuật, nhiều năm nay tình trạng thí sinh dự thi vào các ngành nghệ thuật ngày càng có xu hướng giảm. Có nhiều nguyên nhân khiến học sinh không lựa chọn các khối ngành đào tạo nghệ thuật. Ngoài nguyên nhân học xong khó kiếm việc làm thì hiện nay đang có một xu hướng học sinh xem các ngành khối nghệ thuật là một kỹ năng chứ không phải là một nghề nên nhiều em tự trang bị, bồi dưỡng năng khiếu ở các cơ sở đào tạo bên ngoài nhà trường. Thực tế cho thấy, nhiều cơ sở đào tạo nghệ thuật tư nhân/dân lập lại hoạt động tốt, trong khi các trường nghệ thuật đào tạo bài bản lại vắng bóng sinh viên.

Hình thức đào tạo tại các trường còn không ít bất cập: chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp; chất lượng đào tạo chuyên môn không phù hợp với yêu cầu thực tế của đơn vị biểu diễn; lực lượng giảng viên có tài năng còn mỏng; số tiết học các môn văn hóa nhiều hơn so với học chuyên môn; dẫn đến hiện tượng không nắm vững được những kiến thức cơ bản về chuyên môn... Các chương trình giáo dục văn hóa, trau dồi phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị cho học sinh, sinh viên nói chung và học sinh, sinh viên các trường nghệ thuật nói riêng còn máy móc, sách vở, thiếu hiệu quả.

- *Chế độ, chính sách*

Sau 15 năm ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, công tác thể chế hóa chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ở một số lĩnh vực còn chậm, nhiều chính sách đã ban hành nhưng chưa đi vào cuộc sống. Trong đó, các chính sách bồi dưỡng, đãi ngộ cho đội ngũ văn nghệ sĩ chưa thật sự tạo sự chuyển biến; các chính sách về lương, phụ cấp đối với nghệ sĩ nhìn chung còn thấp, chế độ đãi ngộ, đầu tư còn hạn chế, thiếu sự động viên khuyến khích;



Mới đây nhất là sự ra đời của Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL “Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh”. Thông tư áp dụng đối với viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: 1. Nhóm chức danh đạo diễn nghệ thuật: đạo diễn sân khấu; đạo diễn điện ảnh; biên đạo múa; huấn luyện múa; sáng tác, chỉ huy âm nhạc; biên kịch; 2. Chức danh diễn viên là diễn viên hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

Thông tư đã có những đổi mới, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với đội ngũ văn nghệ sĩ. Tuy nhiên, nhìn vào thực tế, với mức lương trung bình 3.000.000 - 5.000.000 đồng/tháng, đa phần các văn nghệ sĩ không đủ kinh phí để trang trải cuộc sống. Mức lương của nhiều nghệ sĩ trẻ trong 1 tháng không bằng cásê đi diễn trong 1 buổi. Ngoài lương, theo quy định, các nghệ sĩ được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề 15% theo hệ số lương (với nhạc công) và 20% (với diễn viên); phụ cấp độc hại (hay gọi thanh sắc) là 0,3% (với diễn viên) và 0,2% (với nhạc công) nhưng các khoản này cũng là không đáng kể so với công sức lao động nghệ thuật.

Các chính sách khen thưởng, bồi dưỡng ở các địa phương, các hội nghề nghiệp còn ít, thiếu đồng bộ, chậm chuyển đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

#### **4. Một số giải pháp phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ trong giai đoạn hiện nay**

Để phát triển nguồn nhân lực ngành nghệ thuật, “Quy hoạch tổng thể phát triển nghệ thuật biểu diễn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” đã đề ra những giải pháp cơ bản, đó là: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách; đào tạo nguồn nhân lực; tăng cường huy động các nguồn lực; tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn xã hội; đẩy mạnh hợp tác quốc tế... Cụ thể, có một số nhiệm vụ quan trọng:

- Nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị đối với đội ngũ văn nghệ sĩ. Trong đó quán triệt tinh thần chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về văn hóa, mà khởi nguồn là *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 cho đến Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện các nội dung đổi mới trong Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X

“Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, nghệ thuật trong thời kỳ mới” và Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Thực hiện có hiệu quả Thông báo Kết luận số 213-TB/TW của Ban Bí thư về “Đấu tranh chống quan điểm sai trái trong văn hóa, nghệ thuật” và Chỉ thị số 46-CT/TW của Ban Bí thư về “Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, nâng cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm của văn nghệ sĩ, kêu gọi văn nghệ sĩ tích cực tham gia giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và đấu tranh chống lại các biểu hiện của văn hóa ngoại lai, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Tuyển chọn những cá nhân có năng khiếu đặc biệt (từ tuổi học sinh), có chính sách đào tạo đặc biệt để quy hoạch vào đội ngũ nghệ sĩ trong tương lai vì đào tạo các ngành nghệ thuật đòi hỏi thời gian lâu dài. Có kế hoạch đưa sinh viên có năng khiếu đi đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn tại nước ngoài để tạo nguồn nhân lực cho ngành. Đặc cách tuyển chọn nguồn nhân lực có năng khiếu đặc biệt, được đào tạo chuyên sâu ở nước ngoài, có thành tích quốc tế. Sau khi tuyển chọn, cần có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ, đặc biệt là bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức, trách nhiệm cống hiến vì dân tộc, vì nhân dân.

- Hoàn thiện chế độ, chính sách cho văn nghệ sĩ, trong đó chú trọng đền ơn đáp nghĩa đối với các thế hệ văn nghệ sĩ có nhiều cống hiến, quan tâm bồi dưỡng lớp văn nghệ sĩ trẻ.

- Có chính sách đầu tư trọng tâm, trọng điểm vào một số đơn vị nghệ thuật, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động của các đơn vị nghệ thuật. Tăng cường các nguồn hỗ trợ quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật.

- Tăng số lượng và chất lượng các giải thưởng văn học, nghệ thuật hàng năm, nhằm khuyến khích, tôn vinh và thu hút đội ngũ văn nghệ sĩ tham gia thể hiện và cống hiến tài năng cho sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật nước nhà.

Đồng chí Võ Văn Thưởng, trong bài phát biểu tại Hội nghị gặp mặt đại biểu trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ năm 2023, cũng nêu một số giải pháp để phát triển đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, đó là: “Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp tiếp tục quán triệt, nhận thức

đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Tập trung hoàn thiện hệ thống thể chế theo hướng tạo động lực để đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ phát triển năng lực bản thân, được tạo cơ hội, điều kiện cần thiết, phù hợp với điều kiện đất nước để cống hiến cho Tổ quốc. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ thỏa đáng đối với nhân tài, các nhà khoa học, văn nghệ sĩ người Việt có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và ngoài nước. Thật sự tôn trọng và có cơ chế phù hợp để nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, phản biện của chuyên gia, đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ đối với những vấn đề của đất nước”.

Có thể thấy, từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, quan điểm xuyên suốt của Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, đề cao vai trò của đội ngũ văn nghệ sĩ. Đảng cũng định hướng và chỉ rõ nhiệm vụ của văn nghệ sĩ trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Để phát huy được vai trò của mình, xây dựng đội ngũ ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng, bản thân mỗi người nghệ sĩ cần ý thức được vai trò, vị trí, trách nhiệm của bản thân trước dân tộc, trước nhân dân, nỗ lực trau dồi cả phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn, vận dụng linh hoạt, sáng tạo ba nguyên tắc: dân tộc, đại chúng và khoa học.

**NHÌN LẠI NHỮNG NGUYÊN TẮC DÂN TỘC HÓA,  
ĐẠI CHÚNG HÓA, KHOA HỌC HÓA  
CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943  
TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM  
HIỆN NAY**

ThS. BÙI LƯU PHI KHANH\*

**P**hần IV *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng đã đề ra ba nguyên tắc vận động văn hóa để thực hiện sự biến đổi văn hóa và cao hơn là cách mạng văn hóa của Việt Nam trong giai đoạn sau đó, tức là sau khi giành được chính quyền và nước Việt Nam độc lập ra đời. Đến nay, Việt Nam đã trải qua nhiều biến đổi mạnh mẽ về mọi mặt chính trị, xã hội và kinh tế so với thời điểm bản Đề cương văn hóa được viết, nhưng những nguyên tắc về vận động văn hóa nêu trong Đề cương vẫn còn những giá trị nhất định trong việc phát triển nền văn hóa dưới một hình thức mới.

Về nguyên tắc dân tộc hóa trong văn hóa

Trong Đề cương văn hóa soạn thảo lúc đó, mục tiêu của dân tộc hóa văn hóa là chống lại ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai, tạo dựng một nền văn hóa Việt Nam độc lập với ảnh hưởng văn hóa của Pháp, Nhật. Đến bây giờ một nền văn hóa Việt Nam độc lập đã được hình thành và phát triển mạnh mẽ so với thời kỳ đó với những bản sắc và đặc điểm riêng biệt, nhưng để tiếp tục phát triển văn hóa Việt Nam mạnh mẽ hơn và bền vững hơn thì việc dân tộc hóa văn hóa hiểu theo nghĩa hiện đại ngày nay vẫn cần đến, thậm chí ở một mức độ nhiều hơn do sự phát triển và hội nhập kinh tế, văn

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

hóa và xã hội giữa các quốc gia đang diễn ra ngày càng sâu sắc. Mỗi một quốc gia trên thế giới đều có một nền văn hóa của riêng mình nhưng nền văn hóa đó vẫn chịu ảnh hưởng hay phụ thuộc vào văn hóa của những quốc gia khác do nhiều yếu tố lịch sử như thực dân và hậu thực dân để lại. Những ví dụ của điều này là ảnh hưởng của văn hóa Nga đến văn hóa của nhiều nước thuộc Liên Xô cũ; ảnh hưởng của văn hóa Pháp đến những nước từng là thuộc địa của Pháp ở châu Phi, châu Á; ảnh hưởng của văn hóa Tây Ban Nha ở nhiều nước châu Mỹ; và văn hóa Việt Nam cũng đã từng chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa ở châu Á trong suốt lịch sử của mình. Dân tộc hóa văn hóa ngày nay chính là việc gìn giữ bản sắc văn hóa Việt Nam, bao gồm gìn giữ những cách thức ứng xử văn hóa và nếp sống văn hóa, bảo tồn và trùng tu những di sản văn hóa vật thể như đình, đền, chùa...; sưu tầm, gìn giữ và phát huy giá trị của những di sản văn hóa phi vật thể như âm nhạc, hội họa, lễ hội để văn hóa Việt Nam không bị hòa lẫn hay pha trộn vào những văn hóa khác trong quá trình tương tác và tiếp nhận văn hóa nước ngoài hiện nay. Thực trạng của văn hóa Việt Nam ngày nay khác rất nhiều so với những thời kỳ trước, ảnh hưởng xâm thực của văn hóa nước ngoài vào Việt Nam ngày càng lớn qua nhiều kênh và trên mọi mặt của đời sống xã hội, cả văn hóa phương Tây và văn hóa phương Đông, chẳng hạn như phim ảnh Trung Quốc, Mỹ... những làn sóng Hàn lưu trong phim ảnh, ca nhạc và thẩm mỹ<sup>1</sup>. Với sự xuất hiện của những hệ thống truyền thông mới như internet và những trang mạng xã hội như Facebook, TikTok,... càng làm cho quá trình ảnh hưởng văn hóa này diễn ra nhanh chóng và phức tạp hơn, biểu hiện nhiều nhất trong thị hiếu thẩm mỹ và gu nghệ thuật của người Việt có sự biến đổi về nhiều mặt. Văn hóa Việt Nam, vốn ít có sức đề kháng và cạnh tranh như văn hóa những quốc gia khác, dễ bị lấn át và thu hẹp ảnh hưởng ngay tại Việt Nam<sup>2</sup>. Nếu chấp nhận một khuynh hướng tự do hóa văn hóa như một số nước trên thế giới như Mỹ

---

1. Xem <https://vietnamese.korea.net/NewsFocus/HonoraryReporters/view?articleId=218512>.

2. Xem <https://nhandan.vn/bao-dong-tinh-trang-van-hoa-nuoc-ngoai-xam-nhap-tran-lan-post570574.html>.

thay vì khuynh hướng đa dạng hóa văn hóa, trong đó gìn giữ bản sắc văn hóa là một biểu hiện chính yếu và quan trọng, thì văn hóa Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực như hiện tượng lai căng văn hóa... do vậy việc dân tộc hóa văn hóa một cách hiện đại trong ba lĩnh vực văn hóa Việt Nam nêu trên là một điều cần thiết nhằm duy trì và phát triển văn hóa Việt Nam theo hướng tích cực, giàu bản sắc dân tộc bên cạnh sự tiếp thu văn hóa nước ngoài để làm tiến bộ và phong phú thêm văn hóa Việt Nam.

*Trước hết*, là việc gìn giữ những cách thức ứng xử văn hóa và nếp sống văn hóa của người Việt Nam hiện nay. Trước những làn sóng văn hóa Trung Quốc và những làn sóng Hàn lưu mạnh mẽ ở ngoài đời cũng như trên truyền hình, Internet... nhiều đặc điểm văn hóa của Việt Nam đã bị biến đổi, đặc biệt là trong những cảm nhận thẩm mỹ và gu nghệ thuật của nhiều người, đặc biệt là giới trẻ hiện nay<sup>1</sup>. Tuy vậy, nhìn tổng thể thì những cách thức ứng xử và nếp sống văn hóa truyền thống của người Việt Nam như trọng tình, trọng lão, trọng tôn ty trật tự, tôn sư trọng đạo, tôn kính cha mẹ... vẫn tồn tại và không bị ảnh hưởng nhiều bởi những yếu tố văn hóa nước ngoài đó<sup>2</sup>. Dân tộc hóa văn hóa ngày nay chính là duy trì những cách thức ứng xử và nếp sống văn hóa này cùng với việc chọn lọc và biến đổi một số cách ứng xử hay nếp sống văn hóa đã không còn phù hợp với con người Việt Nam hiện đại, để phù hợp với việc phát triển và hội nhập về kinh tế với thế giới. Đây là một vấn đề rất quan trọng, bởi vì nếu chỉ thuần túy duy trì những cách thức ứng xử và nếp sống văn hóa truyền thống cũ mà không có sự biến đổi hay thay đổi sang những yếu tố văn hóa mới thì không phù hợp với những đòi hỏi của một xã hội đang trên đường công nghiệp hóa với những giá trị văn hóa hiện đại, công nghiệp, khác với những giá trị văn hóa truyền thống, mang nhiều yếu tố nông nghiệp<sup>3</sup>. Hiện nay ở Việt Nam đang có sự xuất hiện của nhiều yếu tố văn hóa, hay

---

1. Xem <http://baodongnai.com.vn/phongsukysu/201208/lan-song-van-hoa-han-quoc-tan-cong-gioi-tre-bai-cuoi-2177409/>.

2. Xem [https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van\\_hoa\\_xa\\_hoi/-/2018/825804/gia-tri-van-hoa-voi-xay-dung-nen-van-hoa-viet-nam-tien-tien%2C-dam-da-ban-sac-dan-toc%2C-tao-dong-luc-thuc-hien-khat-vong-phat-trien-dat-nuoc.aspx](https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/825804/gia-tri-van-hoa-voi-xay-dung-nen-van-hoa-viet-nam-tien-tien%2C-dam-da-ban-sac-dan-toc%2C-tao-dong-luc-thuc-hien-khat-vong-phat-trien-dat-nuoc.aspx).

3. Xem <https://baodantoc.vn/lam-sau-sac-them-cac-he-gia-tri-viet-nam-xay-dung-chuan-muc-con-nguoi-viet-nam-bai-4-1669774438282.htm>.

đúng hơn là những giá trị văn hóa hiện đại ở nhiều cá nhân thuộc những tầng lớp khác nhau trong xã hội, và những yếu tố văn hóa này trong nhiều trường hợp mang tính bổ sung hơn là thay thế cho cá nhân cũng như chúng tồn tại song hành với những giá trị văn hóa truyền thống vốn vẫn là những giá trị chung của đa số người dân Việt Nam. Chẳng hạn, những yếu tố văn hóa trọng động bổ sung cho trọng tĩnh, trọng kiến thức bổ sung cho trọng kinh nghiệm, trọng lý bổ sung cho trọng tình, lối sống cá nhân bổ sung cho lối sống tập thể... xuất hiện ở người dân thuộc một số tầng lớp trong xã hội<sup>1</sup>, thường là tầng lớp có tri thức, thu nhập cao, ở những thành phố lớn như là tầng lớp doanh nhân, với hoạt động kinh doanh đòi hỏi phải có những giá trị văn hóa hiện đại... Đây là điều bình thường trong sự phát triển của một xã hội và là điều tích cực của sự hội nhập văn hóa quốc tế. Dẫu vậy, xã hội Việt Nam hiện nay vẫn là một xã hội mà người dân gắn với những giá trị truyền thống nhiều hơn là những giá trị hiện đại, do Việt Nam vẫn đang trong quá trình công nghiệp hóa cũng như việc duy trì tính bảo thủ của những giá trị văn hóa truyền thống<sup>2</sup>. Do đó, trong việc dân tộc hóa văn hóa hiện nay thì việc duy trì cách thức ứng xử văn hóa và nếp sống văn hóa cần được thực hiện trong một trạng thái biến đổi và đa dạng như vậy. Đó vẫn là dân tộc hóa văn hóa, nhưng không phải là dân tộc hóa một cách hạn hẹp, mà là dân tộc hóa trên cơ sở tiếp thu những yếu tố văn hóa, những giá trị văn hóa mới và để chúng cạnh tranh, bổ sung và cùng tồn tại với những giá trị văn hóa cũ. Những cách thức ứng xử và nếp sống văn hóa của người dân, do vậy vừa mang tính truyền thống vừa mang tính hiện đại và cho thấy sự đa dạng thay vì đơn điệu như trong những giai đoạn trước kia.

*Hai là, bảo tồn và trùng tu những di sản văn hóa vật thể.* Những di sản văn hóa vật thể như đình, đền, chùa... là biểu hiện cho đời sống tinh thần và vật chất của con người Việt Nam thời kỳ trước, và việc bảo tồn chúng nhằm làm

---

1. Xem [https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van\\_hoa\\_xa\\_hoi/-/2018/825804/gia-tri-van-hoa-voi-xay-dung-nen-van-hoa-viet-nam-tien-tien%2C-dam-da-ban-sac-dan-toc%2C- tao- dong-luc-thuc-hien-khat-vong-phat-trien-dat-nuoc.aspx](https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/825804/gia-tri-van-hoa-voi-xay-dung-nen-van-hoa-viet-nam-tien-tien%2C-dam-da-ban-sac-dan-toc%2C- tao- dong-luc-thuc-hien-khat-vong-phat-trien-dat-nuoc.aspx).

2. Xem <http://tranngocthem.name.vn/nghien-cuu-vhh/vhh-viet-nam/30-gia-tri-va-su-chuyen-doi-he-gia-tri-van-hoa-truyen-thong-viet-nam.html>.

cho những thế hệ sau này hiểu biết và trân trọng quá khứ của dân tộc và đất nước. Đây là một hoạt động bình thường của tất cả các nước trên thế giới. Những nhà hát, bảo tàng, triển lãm... hay những công trình xây dựng từ thời phong kiến của Việt Nam, hay trong thời Pháp thuộc, theo thời gian sẽ bị biến đổi, hư hỏng, nên cần được tu sửa và trùng tu lại, như Nhà hát Lớn Hải Phòng hay Nhà hát Lớn Hà Nội. Tôn tạo, trùng tu những di sản văn hóa như vậy là cách dân tộc hóa tốt nhất và có ý nghĩa nhất với văn hóa Việt Nam, vì khi nhìn vào chúng, người xem sẽ được nhắc nhở về văn hóa của dân tộc trong quá khứ, những gì là tiêu biểu cho đất nước mình khi so sánh với những đất nước khác. Hiện nay, quá trình trùng tu những di tích văn hóa như vậy đang được diễn ra và đạt được nhiều kết quả, chẳng hạn như việc trùng tu Nhà hát Lớn Hải Phòng vào những năm 2001-2003<sup>1</sup>, Nhà hát Lớn Hà Nội những năm 1995-1997<sup>2</sup>. Không những vậy, những di sản văn hóa vật thể cũng giúp cho người nước ngoài hiểu biết về con người và đất nước Việt Nam trong quá khứ cũng như là một nguồn tài nguyên văn hóa hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế đến Việt Nam và mang lại nguồn thu lớn cho ngành công nghiệp du lịch văn hóa của Việt Nam với mục tiêu chiếm 10 - 15% doanh thu cả ngành du lịch là 40 tỷ USD vào năm 2030<sup>3</sup>.

*Ba là*, sưu tầm, lưu giữ và phát huy giá trị của những di sản văn hóa phi vật thể. Khác với những di sản văn hóa vật thể, những di sản văn hóa phi vật thể biểu hiện đời sống tinh thần của người Việt Nam trong quá khứ nhiều hơn là đời sống vật chất, do đặc trưng của riêng nó thiên về nghệ thuật. Những di sản này có ý nghĩa quan trọng với người Việt Nam không chỉ vì chúng là hiện thân cho quá khứ đã qua của người Việt mà còn có ý nghĩa nhắc nhở và bồi đắp cho người Việt những giá trị văn hóa, đạo đức đúng đắn và đẹp đẽ nhiều hơn những giá trị do những di sản văn hóa vật thể mang lại; chúng tồn tại phần lớn dưới dạng những loại hình nghệ thuật có sức lan tỏa, thấm thấu và

---

1. Xem <https://www.ivivu.com/blog/2022/12/nha-hat-lon-hai-phong-cong-trinh-van-hoa-doc-dao-thoi-phap-thuoc/>.

2. Xem <https://ifi.vnu.edu.vn/vi/news/Du-an-so-hoa-Nha-hat-lon-Ha-Noi/Lich-su-Nha-hat-lon-Ha-Noi-521.html>.

3. Xem <https://toquoc.vn/van-hoa-la-nguon-luc-phat-trien-du-lich-2022-091415543684.htm>.



tác động đến đời sống tinh thần của con người và chúng có thể được giảng dạy ngoài xã hội hay trong trường học, như nghệ thuật quan họ, ca trù, ví dặm... Dân tộc hóa trong quá khứ chưa nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc bảo tồn loại hình di sản văn hóa này, do bối cảnh thời đại, nhưng ngày nay việc bảo tồn, lưu giữ và phát huy những giá trị di sản văn hóa phi vật thể ngày càng được coi trọng ở trên thế giới và Việt Nam.

Tuy những di sản phi vật thể không trực tiếp được nhận thấy như những di sản vật thể, và trong một xã hội hiện đại, những giá trị văn hóa phi vật thể truyền thống có xu hướng bị lấn át bởi những giá trị văn hóa nghệ thuật hiện đại, như âm nhạc, hội họa, văn chương, phim ảnh hay kịch nói hiện đại..., nhưng những giá trị văn hóa phi vật thể vẫn là những yếu tố gắn liền với đời sống vật chất và tinh thần của nhiều người dân Việt Nam. Thực tế trên thế giới và Việt Nam là những giá trị văn hóa quá khứ có xu hướng ngày càng thu hẹp lại trong xã hội hiện nay, bởi vì nhu cầu, thị hiếu và thẩm mỹ của con người nói chung, con người Việt Nam nói riêng, đã khác xưa nhiều và những giá trị này, những di sản văn hóa phi vật thể này phải đối diện với khả năng mai một hoặc biến mất hẳn khỏi đời sống xã hội mà không đơn thuần chỉ là sự thu hẹp ảnh hưởng thông thường của chúng.

Sự thu hẹp ảnh hưởng, mai một, hay biến mất di sản văn hóa phi vật thể sẽ khiến người Việt mất đi những kết nối quan trọng với quá khứ và văn hóa xa xưa của mình, nên việc sưu tầm, lưu giữ và phát huy những giá trị văn hóa phi vật thể là một việc làm cần thiết. Những hoạt động đó thể hiện sự tôn trọng văn hóa quá khứ của con người Việt Nam và chúng là biểu hiện sống động, chân thực và ý nghĩa của việc dân tộc hóa văn hóa Việt Nam trong thế kỷ XXI hiện nay. Hiện nay, công việc bảo tồn những giá trị văn hóa phi vật thể đang được Nhà nước và những cơ quan chức năng thuộc Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, cũng như những sở chuyên trách về văn hóa ở những địa phương thực hiện với sự ủng hộ và giúp đỡ của nhiều bộ, ngành khác và Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia. Những thành quả đạt được trong gần 20 năm qua (2003-2023) là khá lớn với nhiều di sản văn hóa phi vật thể Việt Nam đã được công nhận ở cấp quốc gia cũng như 15 di sản văn hóa phi vật thể cấp thế giới, như: Không gian văn hóa

của lễ hội công chiêng Tây Nguyên, ca trù, hát xoan, quan họ, ví dặm<sup>1</sup>... Dù những di sản văn hóa phi vật thể cấp thế giới này của Việt Nam chưa thật sự nhiều so với một số quốc gia khác trên thế giới, như Trung Quốc với 43 di sản văn hóa phi vật thể thuộc nhiều thể loại<sup>2</sup>, nhưng nó thể hiện nỗ lực không ngừng của Nhà nước Việt Nam và ngành văn hóa trong việc gìn giữ những di sản văn hóa quý báu này trong bối cảnh còn nhiều khó khăn về nguồn tài chính và nhân lực.

Về nguyên tắc đại chúng hóa trong phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay

Đại chúng hóa văn hóa của Đề cương văn hóa là đưa văn hóa đến với nhân dân. Điều này vẫn đúng với ngày nay, bởi vì văn hóa không tách rời nhân dân, văn hóa được tạo ra, nuôi dưỡng và phục vụ nhân dân trong đời sống nội tại của mình. Tìm cách để người dân tiếp cận được càng nhiều văn hóa luôn là một mục tiêu của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, đến mức mà khái niệm quyền văn hóa dần dần được xuất hiện và chấp nhận. Trong việc phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay, những vấn đề của đại chúng hóa văn hóa chính là tạo điều kiện để người dân tiếp cận với văn hóa nhanh nhất, tiếp cận được với nhiều loại hình văn hóa nhất, cũng như tìm cách phát triển một văn hóa mạng phong phú và đa dạng.

Trước hết, về vấn đề tiếp cận văn hóa nhanh nhất, thì đây là một nhiệm vụ đòi hỏi cả khả năng tài chính và phương tiện truyền tải văn hóa, tức là hệ thống truyền thông cũ và mới. Trong thời đại thông tin hiện nay, rất nhiều sản phẩm văn hóa là miễn phí và được truyền tải trên Internet nhanh chóng, nên việc tiếp cận những sản phẩm văn hóa của người dân, kể cả những người dân nghèo khó ở vùng sâu, vùng xa cũng được thực hiện dễ dàng hơn so với thời bản Đề cương văn hóa được soạn thảo, do phương tiện truyền thông ngày đó là phương tiện truyền thông cũ, như báo giấy, tạp chí và người dân có rất ít cơ hội tiếp cận những phương tiện truyền thông đó, vì dân trí của người dân lúc đó còn thấp và nhiều người cũng không có khả năng tài chính để chi

---

1. Xem <https://www.vietnamplus.vn/15-di-san-van-hoa-phi-vat-the-cua-viet-nam-duoc-unesco-ghi-danh/835795.vnp>.

2. Xem <http://tapchimattran.vn/the-gioi/nghe-thuat-tra-trung-quoc-tro-thanh-di-san-van-hoa-phi-vat-the-cua-nhan-loai-49495.html>.

trả, cũng như tiếp cận trực tiếp những sản phẩm văn hóa không qua phương tiện truyền thông như kịch nói, tranh ảnh ở những triển lãm. Hiện nay, những điều này đã được thay đổi tất cả và bất kỳ người dân Việt Nam nào cũng có khả năng tiếp cận những sản phẩm văn hóa một cách nhanh chóng qua truyền hình, truyền thanh và Internet. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là nhiều sản phẩm văn hóa, đặc biệt là những sản phẩm văn hóa trên Internet lại là những sản phẩm văn hóa độc hại, mang tính bạo lực, khiêu dâm... nên việc tiếp cận nhanh với những sản phẩm đó lại là mặt tiêu cực cần phải được khắc phục.

Hai là, là tạo điều kiện để người dân tiếp cận với nhiều sản phẩm văn hóa nhất, bởi vì văn hóa để phục vụ tất cả mọi người chứ không chỉ những người có thu nhập cao như trước đây. Hệ thống văn hóa cơ sở và thông tin cơ sở do Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch và Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý ở Trung ương và những sở chuyên trách về văn hóa ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cùng với những phòng văn hóa ở cấp quận, huyện đang thực hiện tốt điều này. Hệ thống thư viện và bảo tàng lớn mạnh với hơn 24.000 thư viện<sup>1</sup> và 187 bảo tàng công lập và ngoài công lập<sup>2</sup> đã cung cấp cho người dân việc tiếp cận với nhiều sản phẩm văn hóa. Những triển lãm trưng bày tranh ảnh cũng là những điểm sáng văn hóa hiện nay mà trước đây không có hay ít có trong thời thuộc địa. Hệ thống rạp chiếu phim của Nhà nước và tư nhân với 1.096 rạp<sup>3</sup> vào năm 2020, khoảng 130 nhà hát thuộc mọi loại hình nghệ thuật<sup>4</sup> của Nhà nước hay những trung tâm ca nhạc tư nhân giúp cho người dân tiếp cận được với văn hóa một cách nhiều nhất. Người dân được tiếp cận với nhiều sản phẩm văn hóa hơn ngày xưa một phần cũng vì thu nhập của họ ngày càng cao. Dẫu vậy, hiện nay việc tiếp cận văn hóa của người dân vẫn chưa thật sự được nhiều vì so với thu nhập trung bình

---

1. Xem <https://zingnews.vn/viet-nam-co-hon-24000-thu-vien-cong-cong-post1026508.html>.

2. Xem <https://nhandan.vn/khoi-day-suc-manh-van-hoa-post735301.html>.

3. Xem <https://baodautu.vn/rap-chieu-phim-dong-bang-cgv-lotte-galaxy-bhd-can-ke-nguy-co-pha-san-d144505.html>.

4. Xem <https://daibieunhandan.vn/van-hoa/Thuc-trang-hoat-dong-nghe-thuat-bieu-dien-Bai-2-Nha-hat-khong-nha-i178987/>.

của người Việt Nam là 6,7 triệu/tháng<sup>1</sup> cùng với những chi phí sinh hoạt, bao gồm những chi phí giáo dục và y tế, vận chuyển còn cao<sup>2</sup>, thì nguồn thu nhập của người dân dành cho việc hưởng thụ văn hóa còn rất thấp hoặc không có đối với nhiều người dân sống ở nông thôn hay vùng sâu, vùng xa. Dù hiện nay có nhiều sản phẩm văn hóa miễn phí như báo chí, âm nhạc hay văn chương trên Internet, nhưng có những sản phẩm văn hóa không có trên Internet và người dân phải trả tiền để có được sự tiếp cận với những sản phẩm đó như xem phim truyện nhựa ở rạp, xem kịch ở những nhà hát. Với những người có thu nhập hay lương thấp trong xã hội như nông dân, công nhân và nhất là những công chức, viên chức<sup>3</sup> thì những chi phí đó là khá cao, nên đại chúng hóa văn hóa ở Việt Nam vẫn chưa đạt được hiệu quả cao nếu so sánh với những nước phát triển khác trên thế giới như Mỹ, Pháp, Nhật Bản. Ngoài ra, ở thành thị, người dân dễ tiếp cận những sản phẩm văn hóa hơn ở nông thôn vì những rạp chiếu phim lớn, những trung tâm triển lãm tranh ảnh thường ít có ở vùng nông thôn, trong khi dân số nông thôn vẫn đang nhiều hơn thành thị.

Ba là, việc tìm cách phát triển văn hóa mạng, vì văn hóa mạng sẽ giúp người dân tiếp cận nhanh và nhiều nhất những sản phẩm văn hóa, trong đó có cả những sản phẩm văn hóa riêng có của mạng. Những trang web riêng hay blog riêng với những nội dung về văn hóa, nghệ thuật được viết thường ngày bởi những cá nhân cũng có thể được coi là những sản phẩm văn hóa có giá trị thấp, vì chúng truyền tải những giá trị văn hóa nghệ thuật của từng người viết và bất kỳ một người sử dụng Internet nào cũng có thể tiếp cận được một cách dễ dàng, một điều không có được với những phương tiện truyền thông cũ. Không những vậy, tính tương tác cao, nhanh chóng, hai chiều giữa người viết và người đọc với những âm thanh và hình ảnh động sẽ làm tăng

---

1. Xem <http://tranngocthem.name.vn/ngghien-cuu-vhh/vhh-viet-nam/30-gia-tri-va-sau-chuyen-doi-he-gia-tri-van-hoa-truyen-thong-viet-nam.html>.

2. Xem <https://giaoduc.net.vn/dich-vu-y-te-va-giao-duc-tang-gia-nhu-phi-phao-tai-sao-va-den-bao-gio-post177222.gd>.

3. Xem <https://vov.vn/chinh-tri/cong-chuc-vien-chuc-luong-thap-nhung-phai-chiu-nhieu-vong-kim-co-post978793.vov>.

giá trị văn hóa, nghệ thuật và biến những gì vốn không được coi là sản phẩm văn hóa thành những sản phẩm văn hóa phù hợp với thị hiếu của mọi người. Đây là cách đại chúng hóa văn hóa nhanh chóng, dù mang tính bình dân trong thời đại số này. Sản phẩm văn hóa, nghệ thuật không chỉ là những gì là bác học hay kinh điển như trước đây, mà còn là những gì bình thường, đơn giản mà nhiều người có thể sáng tạo ra và truyền phát nhanh chóng trong một môi trường mạng mà hàng ngày mọi người đều truy cập vì những mục tiêu công việc hay giải trí. Hiện nay, với gần 70 triệu người sử dụng Internet, với tốc độ đường truyền khá cao<sup>1</sup>, có rất nhiều sản phẩm văn hóa như vậy được tạo ra trên mạng bởi người Việt và chúng cũng đáp ứng được những nhu cầu văn hóa đơn giản, bình dân của nhiều người, nhiều tầng lớp trong xã hội mà không phải trả chi phí. Mạng xã hội như Facebook với hơn 60 triệu người<sup>2</sup> sử dụng cũng thường được nhiều người đăng tải những tác phẩm nghệ thuật đơn giản, bình dân.

Về nguyên tắc khoa học hóa trong phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay

Trong quá khứ, khoa học hóa là gạt bỏ những gì cản trở văn hóa Việt Nam tiến bộ, hay gạt bỏ những yếu tố phản động của văn hóa, thì bây giờ điều này vẫn còn đúng nhưng dưới một hình thức khác. Khoa học hóa trong việc phát triển văn hóa hiện nay là gạt bỏ những yếu tố văn hóa tiêu cực trong xã hội và áp dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật vào phát triển văn hóa dưới nhiều hình thức khác nhau.

*Trước tiên là*, việc gạt bỏ những yếu tố văn hóa tiêu cực vốn xuất hiện ngày càng nhiều do sự phát triển của kinh tế - xã hội cũng như những phương tiện truyền thông khác nhau. Nếu như ở thời điểm viết bản Đề cương chỉ có báo, tạp chí và sách, thì hiện nay với sự xuất hiện và phổ biến của truyền thanh, truyền hình, và nhất là Internet, thì những yếu tố tiêu cực trong văn hóa dễ dàng được xuất hiện và truyền phát hơn so với báo chí hay sách của ngày xa xưa, vốn chủ yếu dành cho những người có thu nhập và

---

1. Xem <https://vnexpress.net/internet-viet-nam-dang-o-dau-so-voi-the-gioi-4405005.html>.

2. <https://ictnews.vietnamnet.vn/mang-xa-hoi-viet-nam-dang-o-dau-so-voi-facebook-google-v688437.html>.

dân trí cao ở thành thị tiếp nhận. Những sản phẩm văn hóa tiêu cực hiện nay được truyền bá không chỉ qua sách hay báo chí mà trong những băng video, những kênh truyền hình nước ngoài phát qua vệ tinh hay cáp và nhanh nhất là qua Internet với số người truy cập lớn. Nếu được truyền phát qua video hay kênh truyền hình nước ngoài phát qua vệ tinh hay cáp thì những sản phẩm văn hóa tiêu cực đó vẫn được giữ nguyên bản và chỉ tiếp cận được với ít người xem hơn, do đây là những dịch vụ truyền thông bị kiểm duyệt hay phải trả tiền, thì qua mạng Internet chúng được truyền phát rất nhanh đến mọi người, bởi vì Internet là dịch vụ mà hầu hết người Việt Nam hiện nay đều sử dụng cho hoạt động thường ngày của mình với chi phí khá rẻ. Do đó, những tác động tiêu cực khi truyền phát qua Internet đến nhân cách, đạo đức và cả công việc của người sử dụng sẽ lớn hơn nhiều so với việc truyền phát qua những hệ thống truyền thông khác<sup>1</sup>. Do vậy, xóa bỏ hay hạn chế tối đa sự xuất hiện và truyền phát của những sản phẩm văn hóa tiêu cực này là việc làm cần thiết hiện nay, từ việc kiểm duyệt xuất nhập khẩu đến việc chọn lọc và kiểm duyệt những kênh truyền hình nước ngoài phát qua vệ tinh hay cáp, hoặc đặt những phần mềm kiểm duyệt trên Internet là hoạt động phải làm của những cơ quan chức năng. Hiện nay, việc kiểm duyệt và ngăn chặn này được thực hiện khá tốt với sách, báo, tạp chí hay truyền thanh, truyền hình, nhưng trên Internet điều này chưa thực sự tốt do tính linh hoạt của người sản xuất và người sử dụng cũng như tốc độ biến đổi và truyền phát những sản phẩm văn hóa tiêu cực đó trên Internet quá nhanh. Dù đây là công việc khó làm do những yếu tố liên quan đến kỹ thuật và dữ liệu thông tin lớn, nhưng trong chừng mực nào đó vẫn có thể thực hiện được và cho đến giờ kết quả thực hiện là khá tốt với nhiều thông tin xấu độc trên Facebook và Youtube đã đạt tỷ lệ gỡ bỏ là 90%<sup>2</sup>.

*Hai là*, việc áp dụng những kết quả khoa học, công nghệ, kỹ thuật hiện đại vào việc phát triển văn hóa. Những công nghệ và kỹ thuật này sẽ làm

---

1. Xem <https://vtv.vn/song-moi/canh-bao-nguy-co-tiem-an-tu-internet-va-mang-xa-hoi-voi-tre-em-20190908115015171.htm>.

2. Xem <https://abei.gov.vn/thong-tin-dien-tu/manh-tay-hon-nua-de-dep-video-xau-doc-tren-mang-xa-hoi/107513>.

sản phẩm văn hóa trở nên sinh động, hấp dẫn và hay hơn, như những kỹ xảo trong phim ảnh, hay việc trùng tu những di sản văn hóa vật thể, như đình, đền, chùa trở nên có thể thực hiện được một cách dễ dàng..., hay việc sưu tầm và lưu giữ những di sản văn hóa phi vật thể như âm nhạc, hội họa hay lễ hội sẽ hiệu quả, chuẩn xác hơn. Trong nhiều trường hợp, nếu không có công nghệ và kỹ thuật thì không thể thực hiện được những hoạt động bảo vệ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể như vậy. Ngoài ra, công nghệ và kỹ thuật còn giúp tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa mà trước đó chưa từng có như những đoạn video nhỏ, những đoạn blog nhỏ... trên Internet. Hiện nay, ở Việt Nam việc áp dụng công nghệ và kỹ thuật trong việc trùng tu và tôn tạo những di sản văn hóa vật thể như đình, đền, chùa... cũng như việc sưu tầm, lưu giữ những di sản văn hóa phi vật thể như ca trù, quan họ, ví dặm... đang được thực hiện, trong đó ngành văn hóa chịu trách nhiệm chính. Nhưng hiện nay, do kinh phí nhà nước dành cho văn hóa nói chung và những hoạt động bảo tồn văn hóa còn ít so với y tế, giáo dục, nên số công trình văn hóa hay di sản văn hóa được trùng tu bằng những công nghệ và kỹ thuật hiện đại còn ít, chẳng hạn như trùng tu chùa Cầu ở Hội An năm 2022<sup>1</sup>. Theo tính toán trong vòng 13 năm (2001-2013), Nhà nước đã chi khoảng hơn 3.100 tỷ đồng để trùng tu hơn 1.000 di tích, trung bình kinh phí trùng tu một di tích chỉ là 3,1 tỷ đồng<sup>2</sup>, một con số rất thấp so với mức chung của thế giới, đặc biệt là của những nước phát triển, trong khi nhiều di tích lại là di sản văn hóa thế giới như Hội An. Nhiều di tích cần phải tu bổ nhưng ngay cả 500 triệu đồng cũng không có được và có tỉnh với hơn 100 di tích cần phải tu bổ nhưng kinh phí nhà nước chỉ là 7 tỷ đồng từ Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa<sup>3</sup>. Với kinh phí ít ỏi như vậy thì chỉ áp dụng công nghệ và kỹ thuật ở mức vừa phải, chứ chưa nói là phức tạp vào việc tôn tạo là chắc

---

1. Xem <https://www.vietnamplus.vn/khoi-cong-trung-tu-chua-cau-bieu-tuong-cua-do-thi-co- hoi-an/838270.vnp>.

2. Xem <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/hang-nghin-ty-dong-trung-tu-ton-tao-cac- di-tich-di-san-van-hoa-200122.html>.

3. Xem <http://baovanhoa.vn/van-hoa/di-san/artmid/488/articleid/54299/nan-giai-voi-bai-toan- kinh-phi-trung-tu-di-tich>.

chấn không có. Không những vậy, việc áp dụng những công nghệ và kỹ thuật hiện đại vào việc bảo tồn văn hóa phần lớn phụ thuộc vào nước ngoài cả về nhân lực, gồm chuyên gia và kỹ sư cũng như chuyên môn, còn sự đóng góp của phía Việt Nam chủ yếu là nguồn lao động thực hiện những công việc đơn giản, chẳng hạn như hoạt động trùng tu chùa Cầu ở Hội An đang diễn ra. Hiện nay, những công nghệ và kỹ thuật cũng như những chuyên gia và kỹ sư Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa còn rất ít so với những lĩnh vực công nghệ khác, như công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm và phần cứng, công nghiệp ô tô, xe máy... do những lĩnh vực này là những lĩnh vực tạo ra của cải vật chất, trong khi bảo tồn văn hóa lại tiêu tốn của cải vật chất. Cách suy nghĩ này là chưa phù hợp và đúng đắn, bởi vì văn hóa cũng có tầm quan trọng như kinh tế không chỉ bởi vì nó tạo ra một ngành công nghiệp văn hóa mà văn hóa còn xây dựng cho cá nhân những hệ giá trị văn hóa tích cực như ý chí, bản lĩnh, nỗ lực, khát vọng... vốn là tiền đề cho thành công của một cá nhân cũng như của cả xã hội trong quá trình phát triển kinh tế mạnh mẽ, mà những quốc gia chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc như Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Hồng Kông... đã cho thấy điều đó trong hơn 6 thập kỷ qua<sup>1</sup>. Áp dụng công nghệ và kỹ thuật vào bảo tồn di sản văn hóa chính là cách khoa học hóa quan trọng, hiệu quả và có ý nghĩa nhất hiện nay.

\*

\* \*

Trên đây là ba vấn đề về dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa trong việc phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay. Ba nguyên tắc của quá khứ do bản Đề cương văn hóa năm 1943 vạch ra trong chừng mực nào đó vẫn còn có giá trị bởi vì giá trị, là những gì tồn tại tương đối bền vững theo thời gian dù nội dung cụ thể của chúng có thể thay đổi cho phù hợp với những hoàn cảnh mới. Hiện nay, xã hội Việt Nam đang trải qua một quá trình đổi mới mọi mặt

---

1. Xem <https://vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/khoa-hoc-xa-hoi-va-su-thanh-bai-cua-cac-quoc-gia-1>.



trong hơn 35 năm qua với những thành quả lớn về kinh tế của cả xã hội và cá nhân, nên sự biến đổi của văn hóa chung của xã hội hay văn hóa của từng cá nhân là điều tất yếu xảy ra. Phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay trên cơ sở ba nguyên tắc đó vẫn là điều có thể làm được trên cơ sở những nội dung mới và những nội dung mới, đó chính là xu hướng phát triển của văn hóa hiện nay không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới. Bất kỳ quốc gia nào cũng cần có một nền văn hóa của dân tộc mình mang bản sắc riêng, nhưng một nền văn hóa đó cần bình dân, đại chúng cho mọi người, đồng thời dựa vào những yếu tố khoa học, công nghệ và kỹ thuật mà đỉnh cao của nó là một ngành công nghiệp văn hóa.

## PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ VĂN MINH, HIỆN ĐẠI, NGHĨA TÌNH

PHAN NGUYỄN NHƯ KHUÊ\*

Năm 1943, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời; năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được thành lập. Như vậy có thể thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam rất quan tâm đến vấn đề xây dựng một nền văn hóa mới từ rất sớm, ngay cả khi nước nhà chưa giành được độc lập. Sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo được đánh giá là một văn kiện lịch sử như cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta về văn hóa. Điều này khẳng định tầm quan trọng của văn hóa sớm được các thế hệ lãnh đạo tiền bối của Đảng nhìn thấy và đặc biệt coi trọng, văn hóa được xác định là một mặt trận bên cạnh các mặt trận khác (chính trị - giành độc lập cho đất nước, tự do cho dân tộc; kinh tế - cải thiện và nâng cao đời sống vật chất của người dân).

Đề cương văn hóa ra đời, đã bắt đúng mạch nguồn tư tưởng, có sức mạnh hiệu triệu đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, các tầng lớp nhân dân Việt Nam; khơi dậy khát vọng tự do của dân tộc, chuẩn bị tinh thần và lực lượng cho Cách mạng Tháng Tám, năm 1945 thành công, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Những tư tưởng chủ đạo mà Đề cương về văn hóa Việt Nam nêu ra: Dân tộc, khoa học, đại chúng không chỉ là đường lối văn hóa trong bối cảnh bị chủ nghĩa thực dân, đế quốc, phát xít nô dịch mà còn là tư tưởng vạch đường cho sự phát triển của văn hóa

---

\* Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

Việt Nam sau đó, đi qua 2 cuộc kháng chiến giành độc lập tự do và thống nhất nước nhà, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược, với khẩu hiệu “*văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa*”, “*xây dựng đời sống mới*,” văn hóa Việt Nam đã thực sự trở thành động lực tinh thần để huy động tất cả mọi nguồn lực cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, góp phần quan trọng làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ “*lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*”.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”, “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do!*”; “*Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một! Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi*”, Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng giành thắng lợi hoàn toàn mùa xuân năm 1975.

Đặc biệt, trong thời kỳ “*Đổi mới*”, Đảng ta tiếp tục phát huy những thành quả đạt được, ban hành nhiều quyết sách quan trọng về văn hóa: Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII và đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII năm 1998 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp đó là Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đặt văn hóa ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; làm rõ đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học; nhấn mạnh trọng tâm của việc xây dựng văn hóa là xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp...

Tại Thành phố Sài Gòn - Gia Định, trung tâm đầu não của kẻ thù, trong những năm kháng chiến, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên tất cả các lĩnh vực: văn nghệ chiến đấu, hội họa, điện ảnh, phát thanh, báo chí cách mạng... dù trong muôn vàn khó khăn vẫn được duy trì, phát triển trong phong trào đấu tranh của học sinh sinh viên, của các phong trào đô thị, hoạt động của văn công trong lực lượng vũ trang, xây dựng đời sống mới của nhân dân các vùng giải phóng, căn cứ cách mạng... hình thành mặt trận đấu tranh tư tưởng giữa cách mạng và phản cách mạng; gây dựng và duy trì được cơ sở và thúc đẩy các phong trào yêu nước trong các giới văn nghệ, báo chí diễn ra liên

tục, đa dạng có ý nghĩa hết sức to lớn trong cuộc đấu tranh chống Mỹ - nguy tại các đô thị và cả Miền Nam, góp phần quan trọng vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Sau ngày đất nước thống nhất, đặc biệt là sau đổi mới, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh luôn quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng, xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI xác định tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về văn hóa: nâng cao hiệu quả xây dựng đời sống văn hóa; Xây dựng môi trường văn hóa; phát triển văn hóa gắn với hoàn thiện thị trường văn hóa; hội nhập quốc tế và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Thành phố đã đạt nhiều kết quả, đã giữ gìn và phát huy bản sắc nền văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp thu văn hóa các nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, thành phố đã thu hút được nhiều nguồn lực đầu tư nước ngoài cho sự nghiệp phát triển văn hóa, giới thiệu đất nước, con người Việt Nam và thành phố “Văn minh - hiện đại - nghĩa tình”. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có nhiều mô hình mới, cách làm hay được nhân rộng. Các thiết chế văn hóa cơ sở được quan tâm đầu tư. Việc thực hiện đồng bộ giữa xây dựng nếp sống văn minh - mỹ quan đô thị, chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trên địa bàn thành phố đã góp phần hoàn thiện hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người thành phố. Chú trọng xây dựng văn hóa trong tổ chức Đảng, các cơ quan, đơn vị, giáo dục chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng văn hóa trong chính trị, gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng bộ, chính quyền thành phố trong sạch, vững mạnh; từng bước ngăn chặn, đấu tranh với sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Đầu tư cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo của thành phố, góp phần tạo ra một thế hệ công dân có tri thức, văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ uy tín, cạnh tranh lành mạnh; tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình dịch vụ văn hóa phát triển, hình thành đơn vị văn hóa, doanh nghiệp văn hóa. Hoạt động văn học, nghệ thuật, hoạt động Lý luận phê bình văn học, nghệ thuật đã có bước phát triển; định hướng sáng tác để có nhiều tác phẩm mang tính hiện thực, nhân văn phản ánh sự

phát triển của thành phố và đất nước, đồng thời thực hiện tốt chính sách với văn nghệ sĩ có nhiều đóng góp cho nền văn học, nghệ thuật nước nhà.

Kịp thời hoạch định chủ trương bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa và xu thế phát triển của thời đại. Các di tích lịch sử được quan tâm đầu tư, bảo tồn; đẩy mạnh quảng bá những loại hình nghệ thuật truyền thống là di sản văn hóa phi vật thể như đờn ca tài tử, cải lương... Ban hành Chương trình hành động của Thành ủy về tăng cường quản lý hoạt động lễ hội đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa từng bước được nâng cao, xây dựng môi trường văn hóa thành phố lành mạnh, phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang có nhiều chuyển biến tích cực.

Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân duy trì thường xuyên các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, hoạt động tình nguyện, thiện nguyện, các hoạt động tương trợ khó khăn không chỉ trong phạm vi thành phố mà lan tỏa ra cả nước, sang nước bạn Lào, Campuchia. Qua đó góp phần khẳng định bản sắc, giá trị văn hóa, con người thành phố tiếp tục được phát huy, nhất là khi thành phố và đất nước gặp khó khăn, thử thách, Đảng bộ và Chính quyền cùng Nhân dân thành phố đã chung sức, đồng lòng gắn kết nhiều cuộc vận động, phong trào và chương trình hành động cách mạng như công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 vừa qua.

Từ thực tiễn và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố, trong thời gian Thành ủy xác định một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

*Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức các cấp ủy đảng về giá trị Đề cương về Văn hóa Việt Nam, tập trung phát triển văn hóa, xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, làm nền tảng cho thành phố phát triển bền vững*

Chỉ đạo các địa phương, đơn vị tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về giá trị lý luận, thực tiễn, sức sống lâu bền và quá trình kế thừa, vận dụng và phát triển những tư tưởng cốt lõi của Đề cương về Văn hóa Việt Nam xuyên suốt 80 năm qua tại Thành phố Hồ Chí Minh; qua đó nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về vị trí, vai trò quan trọng đặc biệt của văn hóa, văn nghệ, đề cao nghĩa vụ, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, đội ngũ trí thức,

văn nghệ sĩ, các tầng lớp Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu.

Xác định phát triển văn hóa và xây dựng con người là nhiệm vụ trọng tâm của các địa phương, đơn vị và cả hệ thống chính trị để từ đó đề ra mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển văn hóa và xây dựng con người gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị; phát huy năng lực, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền trong việc phát triển văn hóa, xây dựng con người phát triển toàn diện, nêu cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức tôn trọng pháp luật, xây dựng lối sống lành mạnh, nhân ái, nghĩa tình theo truyền thống văn hóa dân tộc.

*Hai là, tiếp tục tập trung phát triển toàn diện và đồng bộ về văn hóa, đời sống văn hóa, các thiết chế văn hóa, đẩy mạnh thực hiện và nâng chất Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với Cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng nếp sống và văn hóa ứng xử nơi công cộng, phát huy vai trò đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các tác phẩm có giá trị văn hóa cao về kết quả công cuộc đổi mới, phát triển của thành phố, góp phần hình thành không gian văn hóa Hồ Chí Minh.*

*Ba là, tập trung thực hiện có hiệu quả nghị quyết của đảng về văn hóa, văn nghệ tạo nguồn lực nội sinh trong xây dựng, phát triển thành phố.*

Triển khai có hiệu quả Đề án “Chiến lược phát triển ngành văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2035”; Đề án “Phát triển ngành thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2035”; Đề án “Tổ chức Lễ hội, sự kiện văn hóa và thể thao tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2020-2030”; Đề án “Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030”, thông qua đề án phát triển ngành công nghiệp văn hóa thành phố đến năm 2030.

*Bốn là, tiếp tục chú trọng xây dựng môi trường văn hóa trong các tổ chức chính trị, kinh tế*

Tiếp tục xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, trong đó chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, văn hóa

kinh doanh với ý thức tôn trọng pháp luật, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững của thành phố.

Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, kiên quyết đấu tranh ngăn ngừa tham ô, tham nhũng, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, xử lý nghiêm những sai phạm; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ tuyên truyền khơi gợi lòng yêu nước nồng nàn, tự hào dân tộc, truyền thống anh hùng cách mạng, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong các tầng lớp Nhân dân, góp phần nâng mức hưởng thụ văn hóa của người dân, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát triển thành phố phồn vinh, hạnh phúc.

*Năm là, phát huy hiệu quả hoạt động các cơ quan báo đài thành phố và Trung ương trên địa bàn thành phố*

Định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông của thành phố đẩy mạnh thông tin tuyên truyền đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội thành phố, đồng thời mở các chuyên trang, chuyên mục kịp thời tuyên truyền, quảng bá các loại hình nghệ thuật truyền thống để cổ vũ, động viên, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, khát vọng vươn lên của người dân thành phố xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh phát triển văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

## SƯU TÂM, NGHIÊN CỨU ÂM NHẠC DÂN TỘC DƯỚI ÁNH SÁNG ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA NĂM 1943 CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PGS.TS. NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM\*

Đầu thế kỷ XX, nền âm nhạc Việt Nam có những thay đổi lớn lao. Đó là việc phân hóa nền văn hóa âm nhạc Việt Nam mang tính chất hoàn toàn Á Đông thành hai dòng chảy văn hóa âm nhạc: nhạc mới (tân nhạc) và nhạc dân tộc cổ truyền (nhạc truyền thống).

Nhìn lại nền “âm nhạc dân tộc truyền thống” mà chúng ta được kế thừa từ di sản của cha ông vào đầu thế kỷ XX, sau nhiều năm Pháp thuộc, một thực tế đáng buồn đối với âm nhạc truyền thống Việt Nam là: nhạc cung đình Huế hầu như tan rã, nhạc lễ dân gian còn lại một phường bát âm ẻo lả ở miền Bắc, ca trù biến thành hát “cô đầu” Khâm Thiên, và nhiều nghệ nhân chèo, tuồng giải nghệ hàng loạt<sup>1</sup>... Vậy mà, dưới ánh sáng Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 của Đảng, việc dày công sưu tầm, nghiên cứu, bảo vệ, bồi đắp - xây dựng... âm nhạc truyền thống - dân tộc Việt Nam đã giữ gìn, bảo tồn và phát huy di sản âm nhạc cổ truyền, phát triển mạnh mẽ trong đời sống hiện nay. Điểm nổi bật của thành tựu đó là đã có 10 di sản âm nhạc hoặc liên quan âm nhạc được UNESCO ghi danh là “di sản phi vật thể đại diện nhân loại”, âm nhạc cổ truyền của 54 dân tộc Việt Nam đều được quan tâm sưu tầm, nghiên cứu; hàng nghìn bài bản, nhạc khí được thu thập, thực hành, trao truyền và đào tạo. Những thành tựu đó có bước khởi đầu từ công việc sưu

---

\* Trường Đại học Sài Gòn.

1. Xem Tô Vũ: *Sức sống của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam*, Nxb. Âm nhạc, 1996, tr.13.



tâm, nghiên cứu âm nhạc dân tộc. Điều đáng ghi nhận là từ đây, một chuyên ngành khoa học được hình thành: âm nhạc dân tộc học.

Những thành quả đó cần được tổng kết, phân tích từ định hướng “dân tộc hóa - đại chúng hóa - khoa học hóa” của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 và sau này là “bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc” của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hơn nữa, trong thời đại hiện nay, với những bước phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và xu hướng toàn cầu hóa, không chỉ phân tích, làm rõ quá trình vận dụng giá trị của Đề cương văn hóa năm 1943 trong công tác sưu tầm nghiên cứu âm nhạc dân tộc cổ truyền, chúng ta cũng cần có một đánh giá cụ thể để thấy định hướng đúng đắn của Đề cương văn hóa. Đồng thời, cũng từ đây, dưới ánh sáng của Đề cương văn hóa, xác định yêu cầu mới, nội dung mới trong xây dựng nền âm nhạc truyền thống, hướng đến sự bền vững, góp phần cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### **1. Nhận thức từ định hướng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong công tác sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc dân tộc cổ truyền**

Nghiên cứu âm nhạc Việt Nam không chỉ bắt đầu từ sau khi Đề cương văn hóa của Đảng ra đời mà đã có khá nhiều công trình được thực hiện trong lịch sử văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, những công trình này không nhiều, không hệ thống, còn tản mạn và không tập trung vào âm nhạc mà chủ yếu là những nội dung được nêu trong chính sử, đề cập đến những vấn đề của triết học, thẩm mỹ, lịch sử xã hội mà trong đó âm nhạc là chủ thể, đối tượng để đưa ra vấn đề nghiên cứu. Tài liệu nghiên cứu âm nhạc được gìn giữ đến ngày nay không nhiều, như chương “Âm nhạc” trong sách “Vũ Trung tùy bút” của Phạm Đình Hồ<sup>1</sup> tập trung khảo tả và đưa ra những nhận định về lý thuyết âm nhạc hay cách diễn - tấu lúc bấy giờ; kể cả khảo cứu chuyên sâu về nghệ thuật trình diễn (trong đó có âm nhạc) như quyển *Hí Phường Phả lục* của Lương Thế Vinh cũng chưa ai được tận mắt đọc...

Người Pháp cũng có nhiều nghiên cứu về nghệ thuật trình diễn Việt Nam nói chung và âm nhạc Việt Nam nói riêng. Nhưng với mục đích thực dân, người

---

1. Phạm Đình Hồ, Đông Châu, Nguyễn Hữu Tiến dịch và chú thích, Lâm Giang giới thiệu: *Vũ Trung tùy bút*, Nxb. Văn Học, Hà Nội, 2001.

Pháp không giải quyết trọn vẹn một vấn đề nghiên cứu âm nhạc hay thể hiện, khảo sát hoàn toàn, đầy đủ một thể loại âm nhạc nào. Những công trình được công bố chủ yếu mô tả âm nhạc trong nền văn hóa Việt Nam ở giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, như một khảo sát phong tục, tập quán văn hóa. Những tài liệu này cũng cho chúng ta một hiểu biết nhất định, hình dung về một số thể loại âm nhạc đã tồn tại trong giai đoạn lịch sử tuy chưa phải tập trung vào những vấn đề chuyên sâu của âm nhạc. Do mục đích sưu tầm, nghiên cứu và xuất phát từ những người không phải là nghiên cứu âm nhạc chuyên nghiệp nên các công trình của người Pháp chủ yếu mô tả dân tộc học.

Bên cạnh đó, có một số nghiên cứu của các học giả, nhạc sĩ Việt Nam cũng bắt đầu được công bố. Phần lớn những công trình này được viết bằng tiếng Pháp và bỏ qua rất nhiều những nội dung cốt lõi, cách ghi chép các sưu tập âm nhạc hết sức đơn sơ và rất ít những bản ghi âm. Đối với các tác giả Việt Nam lúc bấy giờ, âm nhạc châu Âu vẫn được lấy làm tiêu chuẩn để nghiên cứu âm nhạc Việt Nam.

Giai đoạn đầu của thế kỷ XX ở Việt Nam gần như vẫn chưa có khái niệm “sưu tầm”, “nghiên cứu” âm nhạc. Thế hệ các nhạc sĩ chuyên nghiệp có thể đến với công việc này được bắt đầu từ lòng yêu nước, nhiều người cho rằng văn hóa dân tộc biểu thị cho lòng yêu nước và “người anh cả” của ngành âm nhạc, Nguyễn Xuân Khoát lúc đó đã nghĩ và làm như vậy. Ông là người đi đầu trong công tác sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc dân tộc. Từ năm 1942, Nguyễn Xuân Khoát đã có những chuyên luận về âm nhạc dân tộc mà cụ thể là những nghiên cứu về Ca trù - Ả đào: “*Âm nhạc lối hát Ả đào*”, “*Tiếng hát của Đào nương*”, “*Nghệ thuật hát của Đào nương*”<sup>1</sup>.

Tiếp thu Đề cương văn hóa của Đảng, văn nghệ sĩ, các nhạc sĩ bắt đầu nghiên cứu, học tập âm nhạc dân tộc, sưu tầm di sản âm nhạc cổ truyền, hướng đến giáo dục âm nhạc dân tộc cho công chúng trẻ, chuyển hóa và đưa vào trong các tác phẩm, sáng tác của mình. Trong một bài viết, phó giáo sư, nhạc sĩ Tô Vũ, người thầy của nhiều thế hệ âm nhạc cũng như trong công tác nghiên cứu âm nhạc, tâm sự:

---

1. Xem Nguyễn Xuân Khoát: “Âm nhạc và lối hát Ả đào”, Thanh Nghị số 14, trích từ *Hợp tuyển Tài liệu nghiên cứu, lý luận, phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX*, Viện Âm nhạc, 2003, t.2, tr.123-127.

“... Bước vào ngưỡng cửa của người hoạt động âm nhạc chuyên nghiệp, ngoài chút ít lý thuyết âm nhạc phương Tây, “hồn” nhạc của chúng tôi chỉ được nuôi dưỡng bằng những bản tình ca của Joséphine Baker và nhất là của Tino Rossi, cao cấp hơn một chút là một số tiểu phẩm khí nhạc cho piano và violon của Mozart, Beethoven, Bach... Chúng tôi hoàn toàn “không biết gì” về nền âm nhạc cổ truyền dân tộc. Nhưng chỉ đến năm 1943, được soi sáng bằng Đề cương văn hóa do chính đồng chí Trường Chinh trình bày, được trao đổi với người “anh cả” Nguyễn Xuân Khoát, một người cũng xuất hiện từ Nhạc viện Viễn Đông của Pháp, về chèo cổ, và sau đó ít lâu được tiếp cận với mấy bài quan họ mà nhạc sĩ Nguyễn Đình Phúc - tác giả *Lời du tử* - đi sưu tầm từ vùng giáp ranh tạm chiếm Bắc Ninh, chúng tôi thực sự như bị “một cú sét”, nói thẳng là một cú sét ái tình cũng được. Có khác là không phải tình yêu với một thiếu nữ mới gặp nào đó, mà là với “cô nàng” âm nhạc dân tộc truyền thống muôn đời...”<sup>1</sup>.

Có lẽ, nhiều nhạc sĩ, học giả, nhà nghiên cứu đã nhận thức con đường để tham gia hoạt động âm nhạc giống như nhạc sĩ Tô Vũ. Đề cương văn hóa “dân tộc - đại chúng - khoa học” của Đảng đã dẫn dắt rất nhiều người đến với nền âm nhạc cổ truyền, khiến họ yêu âm nhạc dân tộc, có định hướng cũng như phương pháp cho hoạt động âm nhạc của mình. Cùng với nhận thức mới đó, họ đã có những cống hiến cho nền âm nhạc cổ truyền dân tộc, họ trở thành những bậc thầy của nhiều thế hệ làm công tác nghiên cứu âm nhạc dân tộc, và khai sinh một ngành khoa học âm nhạc mới ở Việt Nam - âm nhạc dân tộc học.

## **2. Những hoạt động từ định hướng của Đề cương văn hóa “dân tộc hóa - đại chúng hóa - khoa học hóa” để ra đời một ngành khoa học mới ở Việt Nam**

Khởi đầu được ghi nhận đối với hoạt động sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc dân tộc cổ truyền là năm 1950, theo Sắc lệnh số 172-SL (17/11/1950) của Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Vụ Văn học Nghệ thuật thuộc Bộ Giáo dục được thành lập, trong đó có Ban Âm nhạc. Ban Âm nhạc hoạt động ở Việt Bắc (Tuyên Quang). Trong các năm (1950-1953), Ban Âm nhạc đảm

---

1. Tô Vũ: *Sức sống của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam*, Nxb. Âm nhạc, Hà Nội, 1996, tr.13.

nhệm chức năng vừa sưu tầm nghiên cứu âm nhạc vừa đào tạo, xây dựng đội ngũ trong tình hình đất nước ta đang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chiến khu cũng hết sức khó khăn, thiếu thốn và cũng phải tham gia, phục vụ kháng chiến. Vậy mà những làn điệu chèo cổ đã được sưu tập, các vở chèo được trình diễn, nhiều công trình nghiên cứu đã được hoàn thành: *Sưu tập chèo cổ* của Tô Vũ, Xuân Tiên, Xuân Lôi; *Đại cương về âm nhạc chèo cổ* của Tô Vũ; *Cải tiến sáo trúc* của Tô Vũ, Xuân Thu, Xuân Lôi, Thanh và âm - giả thiết về sự hình thành thang 5 âm trong âm nhạc truyền thống của Tô Vũ<sup>1</sup>...

Có thể thấy, chuyển hóa từ quan điểm của Đề cương văn hóa, công việc sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc đã được thực hiện ngay từ khi đất nước còn đang trong cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc. Những hành động ban đầu đều xuất phát từ tư tưởng của Đề cương: Nghiên cứu âm nhạc là để phục vụ quần chúng, để giới thiệu cái hay, cái đẹp, cái giá trị của âm nhạc cổ truyền, để người dân tự hiểu được giá trị của âm nhạc cổ truyền mà bảo vệ, giữ gìn, phát huy, phát triển trong thời đại hiện nay<sup>2</sup>. Giá trị của âm nhạc dân tộc, sử dụng khoa học làm phương tiện - nghiên cứu, để mang đến cho nhân dân những giá trị muôn đời của cha ông. Bản chất công tác sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc được thực hiện cũng là sự chuyển hóa từ phương châm “dân tộc - đại chúng - khoa học”. Tất nhiên, sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc truyền thống còn được phát huy trong âm nhạc chuyên nghiệp, khi mà các nhạc sĩ nắm vững phương châm, biết biến những vốn di sản âm nhạc dân tộc thành những sáng tác với phương pháp khoa học, học thuật chuyên nghiệp nhằm mục đích phục vụ nhân dân, đất nước.

Triển khai tư tưởng, định hướng của Đảng, năm 1955, Ban Nghiên cứu Âm nhạc được thành lập trong Vụ Nghệ thuật, Bộ Văn hóa, đứng đầu là nhạc sĩ Lưu Hữu Phước với lớp cán bộ Lê Yên, Tú Ngọc, Nguyễn Đăng Hòe, Sơn Tùng, Tân Huyền, Hoàng Kiều, Nguyễn Văn Tý, Hồ Hiền An, Trần Kiệt Tường... Những thành tựu nghiên cứu âm nhạc lúc này phải kể đến như: *Hát xoan* của Tú Ngọc; *Hát gheo* của Nguyễn Đăng Hòe; *Hát dặm Hà Nam* của

1. Xem Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam: *Viện Âm nhạc - 65 năm xây dựng và phát triển*, Hà Nội, 2015, tr.9.

2. Xem Tô Vũ: *Sức sống của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam*, Sđd, tr.20.

Tân Huyền và Sơn Tùng; *Quan họ* của tập thể cán bộ dưới sự lãnh đạo của Lưu Hữu Phước.

Năm 1959, Ban Nghiên cứu Âm nhạc được bổ sung nhiều người<sup>1</sup>; theo kế hoạch dài hạn, cán bộ được phân công phụ trách các vùng miền. Vì vậy, chỉ trong các năm từ 1960-1964, âm nhạc dân gian của hầu hết các dân tộc đều ít nhiều được ghi âm và nhập vào khối tư liệu chung. Có thể thấy, trong một giai đoạn khó khăn về cơ sở vật chất, miền Bắc đang chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nhưng tầm nhìn chiến lược của Đảng, những người làm công tác sưu tầm, nghiên cứu đã chuyên môn hóa nội dung nghiên cứu, sưu tầm, nắm từng khu vực, địa bàn vừa thuận lợi cho công việc, tiết kiệm nhân lực, vật lực, vừa đào tạo được những chuyên gia cho việc xây dựng nền khoa học âm nhạc sau này. Tư tưởng của Đề cương “dân tộc - đại chúng - khoa học” được cụ thể hóa trong kế hoạch này, nhưng thật sự, chúng ta đã thực hiện đúng theo con đường tổ chức một ngành khoa học mới mà các nước trên thế giới đã thực hiện nhưng chưa được gọi tên ở Việt Nam, ngành “Âm nhạc dân tộc học”<sup>2</sup> (Ethnomusicology).

Trong khoảng thời gian từ năm 1954 đến 1975, chúng ta thực hiện việc xây dựng nền âm nhạc dân tộc - gọi là âm nhạc truyền thống ở miền Bắc với nhiều chuyển biến, thay đổi. Những đóng góp của nền âm nhạc này đối với hai cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân, với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nhưng, ở lĩnh vực sưu tầm và nghiên cứu, nếu bỏ ra ngoài những ảnh hưởng “tư duy về sự chính thống - chuyên nghiệp” khi những cán bộ sưu tầm, nghiên cứu tiến hành “chỉnh lý” bài bản âm nhạc dân tộc theo “cao độ chuẩn” hay “câu cú cân phương” của Lý thuyết âm nhạc phương Tây

---

1. Xem Tô Ngọc Thanh: “Sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến âm nhạc dân gian Việt Nam trong thế kỷ hai mươi”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1/2001, tr.29.

2. Theo Simha Arom & Frank Alvarez-Péreyre (2007) trong sách *Précis d’Ethnomusicologie* (CNRS Editions), khởi đầu của ngành Âm nhạc dân tộc học trên thế giới là công việc sưu tầm, tập hợp những tư liệu âm nhạc dân tộc các nước, thành lập ngân hàng dữ liệu âm nhạc, điển hình là Viện Nghiên cứu Hoa Kỳ, Viện Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Mỹ ở New York, Văn phòng hội Dân tộc học Mỹ ở Washington, Phòng Điền dã của Bảo tàng Lịch sử tự nhiên ở Chicago hoặc Viện Hàn lâm Khoa học Vienne (1899), Bảo tàng Âm thanh học của Hiệp hội Nhân chủng học (thành lập tại Paris năm 1900), Ban Dân tộc học và Âm nhạc của Đại học Moscow (1901), Những tư liệu âm thanh của Viện Nghiên cứu Tâm lý học của Đại học Berlin (1902), v.v..

về khúc thức, thì những việc thu thập và giữ gìn những tư liệu âm thanh, hình ảnh động, tĩnh về âm nhạc các dân tộc Việt Nam là việc làm hết sức đúng đắn. Đó là những hoạt động đầu tiên và chủ yếu để xây dựng một ngành khoa học nghiên cứu dựa trên âm thanh (tín hiệu vang) và thực tế đời sống xã hội. Đó cũng là cơ sở để chúng ta kế thừa và phát huy di sản âm nhạc truyền thống dân tộc dưới ánh sáng định hướng từ Đề cương văn hóa của Đảng trong xây dựng đất nước.

Ban đầu, công tác sưu tầm và nghiên cứu âm nhạc cổ truyền và âm nhạc các dân tộc được Ban Nghiên cứu Âm nhạc thuộc Vụ Âm nhạc và Múa thực hiện. Sau này, Phòng Văn nghệ quân đội, Đoàn Văn công Trung ương, Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam, Trường Âm nhạc Việt Nam, v.v. cũng có những cán bộ làm công tác sưu tầm âm nhạc. Có thể thấy, ngay từ những ngày còn đang kháng chiến chống Pháp, gian khổ, thiếu thốn trăm bề cho đến giai đoạn chống chiến tranh phá hoại miền Bắc và chi viện cho miền Nam chống Mỹ, cứu nước, đã có những tác phẩm sưu tầm dân ca, dân nhạc ở Việt Bắc, Tây Bắc, Nam Trung Bộ, Nam Bộ được in ấn. Những thành tựu bước đầu về sưu tầm nghiên cứu dân ca là rất lớn và nhiều công trình nghiên cứu cũng liên tục được công bố như: “Điệu thức Việt Nam” của Văn Cao; “Dân ca Việt Nam” của Phạm Phúc Minh; “Hò lao động” của Nguyễn Xuân Khoát và Lê Toàn Hùng; “Điệu thức Nam Bộ” của Ngô Đông Hải; “Vấn đề điệu thức trong âm nhạc dân tộc Tày” của Vĩnh Long; “Dàn công Mường” của Lê Toàn Hùng. Sau này, rất nhiều công trình sưu tầm, nghiên cứu đã đóng góp rất lớn cho ngành Âm nhạc dân tộc học Việt Nam. Ngoài rất nhiều tư liệu mà sau này trở thành “độc bản” do không còn được thực hành trong đời sống hay nhiều nghệ nhân không còn có thể diễn xướng... những công trình của thời kỳ này đã đóng góp cho ngành khoa học này về quan điểm, phương pháp nghiên cứu... điển hình như công trình: “Nhạc khí với tính dân tộc và tính hiện đại” của Tô Vũ; “Âm nhạc Thái Tây Bắc” của Tô Ngọc Thanh; “Dân ca Việt Nam” của Tú Ngọc; “Kinh nghiệm phổ thơ trong âm nhạc truyền thống” của Tô Vũ; “Sự tròn vành rõ chữ của tiếng hát dân tộc” của Vĩnh Long; “Âm nhạc Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng Tháng Tám 1945” của Tô Vũ, Nguyễn Chí Vũ, Thụy Loan... Trong sưu tầm di sản âm nhạc của tiền nhân, những bản ghi âm của giai đoạn này đã trở thành vô giá bởi rất nhiều bài bản đã không còn được diễn xướng

trong đời sống, nhiều nghệ nhân đã mãi mãi ra đi (như trường hợp Nghệ sĩ ưu tú Quách Thị Hồ và ca trù, nghệ nhân Hà Thị Cầu và hát xẩm...).

Do xác lập đối tượng nghiên cứu trong công tác sưu tầm và nghiên cứu chủ yếu là nghệ thuật dân gian, nên phần lớn các công trình sưu tầm, nghiên cứu lý luận trong giai đoạn 1945-1975 đều tập trung vào dân ca người Việt hoặc dân ca của các dân tộc thiểu số sống trên đất nước ta. Một số khác hướng về các nghệ thuật sân khấu như chèo, tuồng và cải lương. Những nghiên cứu về nghệ thuật âm nhạc bác học, nghệ thuật âm nhạc chuyên nghiệp cổ truyền như ca trù, ca Huế, nhạc tài tử Nam Bộ, nhạc lễ, nhạc cung đình Huế... chưa được chú ý sưu tầm, nghiên cứu. Đến những năm thập niên 80 của thế kỷ XX thì hướng nghiên cứu của chúng ta mở rộng hơn và đều khắp các địa phương cũng như thể loại. Đó là những tài liệu ghi âm ở Viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật tại Thành phố Hồ Chí Minh về nhạc lễ Nam Bộ, nhạc tài tử; của Viện bảo tàng Văn hóa Huế về âm nhạc cung đình, ca Huế, hầu văn Huế, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam với công chiêng các dân tộc Tây Nguyên, v.v.. Đặc biệt là hoạt động của Viện Âm nhạc thuộc Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam về các thể loại âm nhạc dân gian, dân tộc. Với phương châm “thật” và “thô”, Viện Nghiên cứu Âm nhạc đã miệt mài, chăm chỉ, nhanh chóng thu thập được hàng vạn bài hát, làn điệu và số hóa để đưa vào ngân hàng dữ liệu âm thanh, hình ảnh văn nghệ cổ truyền dân tộc bởi nguy cơ mai một âm nhạc cổ truyền là có thật trước thực tế biến đổi nhanh chóng của đời sống cũng như cơn lốc toàn cầu hóa. Ở giai đoạn từ năm 1976 đến những năm đầu của thế kỷ XXI, Viện đã thu thập và lập ngân hàng dữ liệu âm thanh, hình ảnh (tĩnh và động) đối với tất cả các di sản âm nhạc, múa, các nghệ thuật trình diễn... được thực hành trong đời sống. Cùng với Viện Âm nhạc, nhiều cơ sở nghiên cứu, giáo dục khác nhau cũng tham gia vào công tác sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc, múa hay nghệ thuật trình diễn cổ truyền mặc dù không cho đó là công việc của ngành Âm nhạc dân tộc học.

Một điểm cần lưu tâm là từ năm 1978, bộ môn Âm nhạc dân tộc học lúc đó gọi là Âm nhạc dân tộc cổ truyền<sup>1</sup> được mở tại Nhạc viện Hà Nội. Năm

---

1. Xem Tô Ngọc Thanh: “Sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến âm nhạc dân gian Việt Nam trong thế kỷ hai mươi”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, tr.29.

1993-1994, các lớp nghiệp vụ của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam bắt đầu được tổ chức hoặc theo sau các lớp tập huấn của UNESCO về phương pháp điền dã - phương pháp quan trọng và chủ yếu của ngành Âm nhạc dân tộc học, được tổ chức tại Việt Nam thì có thể nói, chúng ta đã có những hoạt động đúng hướng hơn, tiếp cận tiến bộ khoa học của thế giới. Đồng thời, dự án “Tổng điều tra cơ bản âm nhạc các dân tộc thiểu số” (1992-1996) của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam được thực hiện với quan điểm “âm nhạc là một thành tố trong các hoạt động văn hóa dân gian” đã thực sự đưa ngành Âm nhạc dân tộc học Việt Nam bước qua ranh giới của quan điểm kinh điển hóa của châu Âu đối với di sản văn hóa âm nhạc, xem âm nhạc như một loại hình độc lập, kinh điển hóa và hệ thống hóa để đưa vào đào tạo trong các “học viện” (conservatoire). Từ quan điểm này, phương pháp liên ngành được sử dụng trong công tác sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc dân gian, dân tộc. Đã xuất hiện những công bố sưu tầm âm nhạc với mối liên quan và trong tổng hòa của nghi lễ, tín ngưỡng (châu văn), hoặc trong một không gian văn hóa, xã hội rộng lớn hơn (Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên). Nhiều công trình nghiên cứu âm nhạc không chỉ bàn đến kỹ năng hay các thành tố trong âm nhạc chuyên sâu mà được đặt trong mối quan hệ với các thành tố của đời sống văn hóa - xã hội.

Cũng từ những lý thuyết, phương pháp luận, kỹ thuật nghiên cứu hay những yêu cầu học thuật của ngành Âm nhạc dân tộc học được tiếp thu từ các nước, tiếp sau những công bố ban đầu tập trung ở vài nhà nghiên cứu, cho đến nay, hàng trăm công trình chuyên khảo về âm nhạc các dân tộc Việt Nam, trong đó có rất nhiều nghiên cứu được thực hiện là luận văn, luận án hoặc công trình được thực hiện trong các học viện, trường đại học. Ngành Âm nhạc dân tộc học được chính thức công nhận như một khoa học trong các cơ sở đào tạo, bước từ các viện nghiên cứu đến các hoạt động của đời sống, từ các nghiên cứu học thuật trở thành cơ sở cho hoạt động bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, trở thành giáo trình giảng dạy, đào tạo và hiện diện trong sách giáo khoa được dạy trong các trường phổ thông và là cơ sở văn hóa cho hoạt động du lịch. Cùng với đó là đội ngũ hàng chục nhà nghiên cứu âm nhạc dân tộc chuyên nghiệp được đào tạo đầy đủ cũng như được trang bị nghiêm túc về nhận thức, quan điểm, lý thuyết cho đến phương pháp trong sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc dân tộc cổ truyền.



“Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc” của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII thực tế là cách triển khai Đề cương văn hóa ““dân tộc - đại chúng - khoa học” ở giai đoạn hiện nay, đã mở rộng cửa cho những công việc chưa làm được hoặc làm chưa đúng của công tác sưu tầm và nghiên cứu âm nhạc. Sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc dân tộc ở Việt Nam càng được quan tâm, đầu tư, với định hướng mới, được thực hành trên cơ sở ứng dụng những lý thuyết, học thuật phương Tây. Cũng chính nhờ những việc làm này mà đã có 10 di sản văn hóa phi vật thể là âm nhạc hoặc liên quan âm nhạc trên tổng số 15 di sản phi vật thể được UNESCO ghi tên vào danh sách “di sản phi vật thể đại diện nhân loại”.

### **3. Âm nhạc dân tộc với định hướng “bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc” trong đời sống hiện nay**

Với truyền thống âm nhạc lâu đời, chúng ta đã rất tự hào với kho tàng âm nhạc phong phú của hơn 54 dân tộc cùng chung sống trên dải đất Việt Nam thân yêu. Những năm gần đây, với chủ trương “bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc” của Đảng, những sưu tập âm nhạc dân tộc, những nghiên cứu về âm nhạc dân tộc đã có điều kiện phát huy, thực hành trong đời sống. Âm nhạc dân tộc cổ truyền đã có thể góp phần không nhỏ để tham gia vào đời sống xã hội hiện đại và thực hiện chức năng của nó trong đời sống của người dân. Các lễ hội cổ truyền, nghệ thuật, âm nhạc cổ truyền đã được chú ý khôi phục. Âm nhạc dân tộc đã được đưa vào đời sống như một hoạt động tinh thần để người dân tìm về văn hóa dân tộc và cội nguồn, lịch sử của cha ông. Âm nhạc dân tộc là phần không thể thiếu trong nhiều hoạt động văn hóa cũng như trở thành đề tài, tham gia trực tiếp vào nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau như phim ảnh (Ca trù với phim “Long Thành cầm giả ca”), sân khấu (Đờn ca tài tử trong vở kịch “Dạ cổ hoài lang”), mỹ thuật (các bưu thiếp, tem thư, tác phẩm tranh...), kiến trúc (quảng trường ở thành phố Bạc Liêu), v.v.. Âm nhạc dân tộc trở thành sinh hoạt thường kỳ ở nhiều nơi và là cơ hội để mọi người được thỏa mãn nhu cầu tinh thần, được giáo dục lòng yêu nước, truyền thống hào hùng dân tộc.

Âm nhạc dân tộc được sưu tầm, nghiên cứu theo định hướng “dân tộc - đại chúng - khoa học”, được bảo tồn và là cơ sở khoa học, chất liệu để phát

huy trong nền âm nhạc chuyên nghiệp. Thành công của các tác phẩm giao hưởng, thính phòng, các ca khúc... sử dụng chất liệu âm nhạc dân tộc không chỉ đối với giới học thuật mà còn được công nhận ngay trong đời sống. Gần đây, nhiều ca khúc, MV ca nhạc sử dụng chất liệu âm nhạc dân tộc cũng đang chinh phục được hàng triệu người trên thế giới. Đó là kết quả từ hoạt động sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc dân tộc. Những kết quả đó đang được ứng dụng trong đời sống âm nhạc, quảng bá ra thế giới, trở thành sản phẩm hoặc cơ sở cho du lịch, có thể góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Trong giai đoạn hiện nay, khi mạng xã hội, internet đi vào từng nhà, có sẵn trên tay mỗi người; là phương tiện phổ biến để giao tiếp, trao đổi thông tin, học tập, chia sẻ... thì việc tiếp thu văn hóa ngoại lai, sự xâm nhiễm văn hóa là hết sức dễ dàng và là chuyện có thể xảy ra từng giây, từng phút. Việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa càng trở nên quan trọng, cần kíp hơn nữa khi mỗi đứa trẻ (từ 3 tuổi) đến người lớn đều có thể nghe nhạc ngoại, hát theo nhạc ngoại và có thể bị cuốn hút vào những yếu tố ngoại lai. Như vậy, để bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thông qua âm nhạc, bằng âm nhạc sẽ vẫn luôn cần thiết. Chắc chắn, việc sưu tập, tập hợp, nghiên cứu, phổ biến vẫn là cần kíp và không thể dừng lại.

Nếu như trống đồng trở thành biểu tượng cho văn hóa Việt Nam, công chiêng là biểu tượng cho các dân tộc Tây Nguyên thì ngày nay nhiều ca khúc mới khai thác chất liệu âm nhạc dân tộc đã mang đến cho thế giới một cách nhìn khác về văn hóa Việt Nam. Hay mới đây, nhiều ca khúc cải biên, chuyển biên, làm mới (cover) ca khúc dân gian đạt hàng triệu người theo dõi trên hệ thống truyền thông hoặc tiếp thu và tiếp tục sử dụng trong các sản phẩm/loại hình nghệ thuật khác như múa, nhạc nhảy, phim ảnh... Thành quả của sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc dân tộc theo định hướng của Đảng đến nay đã bắt đầu cho thấy những trái ngọt đầu tiên...

Kết quả của hoạt động sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc cần trở thành cơ sở nội dung cho giáo dục. Những kết quả đó cũng là cơ sở cho hoạt động bảo tồn, phát huy truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc. Làm nảy nở, thăng hoa những tinh hoa vốn cổ, chúng ta sẽ đạt được những thành tựu to lớn hơn trong công cuộc xây dựng kinh tế, xã hội. Công tác bảo tồn và phát huy truyền thống

dân tộc, trong đó có âm nhạc dân tộc, sẽ tạo bản sắc văn hóa riêng, là một trong những điểm thu hút quan hệ quốc tế, không chỉ trong nghiên cứu, đào tạo, mà còn ở quan hệ ngoại giao, quan hệ kinh tế.

\*

\* \*

Với tinh thần kế thừa nền văn hóa dân tộc, Đề cương văn hóa của Đảng đã chỉ ra cho những người làm công tác âm nhạc dân tộc một hướng đi, từ đó, họ có mục tiêu rõ ràng, phương pháp khoa học và đã dẫn đến những thành tựu văn hóa - xã hội. Dễ dàng nhìn thấy thành tựu của hoạt động này đã đóng góp rất lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Thành tựu này được hình thành từ những hoạt động theo định hướng của Đảng, của Đề cương văn hóa cũng như các nghị quyết được triển khai sau này mà cụ thể là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII: “Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc” với mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Mục tiêu này đối với âm nhạc cần phải được khởi đầu bằng nhiệm vụ khôi phục và giữ gìn vốn cổ, bằng việc sưu tầm, nghiên cứu những di sản âm nhạc dân tộc. Bởi những tác động của cơ chế thị trường, của những chuyển động phức tạp của thế giới hiện đại, nhất là trong giai đoạn mở rộng giao lưu, hòa nhập, nếu không bảo tồn được vốn cổ có nghĩa là chúng ta tự đánh mất mình, tự hòa tan. Đó cũng là điều kiện tiên quyết, sống còn của văn hóa dân tộc.

## VẤN ĐỀ TẬP HỢP, ĐÀO TẠO, XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC, VĂN NGHỆ SĨ 80 NĂM QUA

LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

1. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là văn kiện khai phóng, quan trọng, cắm mốc lịch sử tư duy chiến lược sâu sắc của Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) về việc đảng vô sản phải kịp thời nắm quyền lãnh đạo văn hóa, văn nghệ, tổ chức tập hợp đội ngũ trí thức văn hóa, văn nghệ sĩ trong Mặt trận dân tộc thống nhất, đồng hành cùng sự nghiệp cách mạng, chấn hưng nền văn hóa mới của dân tộc, phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân lao động.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* quán triệt các nguyên tắc mácxít cốt lõi, làm nền tảng trong kiến tạo nền văn hóa mới do đảng vô sản lãnh đạo, nhằm bảo đảm tính dân tộc sâu sắc, tính khoa học tiên phong, tính nhân dân rộng rãi, như V.I. Lênin đã sớm chỉ ra trong bài báo nổi tiếng *Tổ chức đảng và văn học có tính đảng* (1905) như những nguyên tắc sống còn.

Trước hết là nguyên tắc tính đảng được Lênin tiếp tục phát triển tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăngghen, xem văn nghệ là một bộ phận của sự nghiệp cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo, các văn nghệ sĩ phải tự giác tham gia các tổ chức của Đảng, tự do sáng tác phục tùng sự kiểm soát của Đảng, không thể dung túng sự tùy tiện, buông lỏng, vô chính phủ, cá nhân chủ nghĩa. Văn học nghệ thuật không thể đứng ngoài sự nghiệp chung của nhân dân, của đất nước.

Mặt khác, người lãnh đạo cần thấu hiểu tính đặc thù của hoạt động văn học nghệ thuật, đó là lĩnh vực tế nhị, do cá thể thực hiện, nên cần tôn trọng sự tự do sáng tạo với cá tính nghệ thuật riêng, không áp đặt, rập khuôn, bình quân máy móc, công thức vụng về.

Nguồn nhựa sống của văn học nghệ thuật là sự gắn bó với đời sống thực tiễn sinh động, kế thừa, phát huy kinh nghiệm nghệ thuật quá khứ của dân tộc và nhân loại phục vụ cho lợi ích của đông đảo quần chúng lao động.

Tóm lại, phải xây dựng nền văn học nghệ thuật có tính đảng và tính nhân dân cao, sâu sắc, gắn bó chặt chẽ, mật thiết, hòa làm một vào sự nghiệp cách mạng vĩ đại của quần chúng do đảng vô sản lãnh đạo<sup>1</sup>.

Tuân thủ và vận dụng sáng tạo các nguyên lý mácxít - lêninnít nói trên vào hoàn cảnh thực tế của đời sống xã hội, văn hóa Việt Nam, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* tập trung nhấn mạnh các nguyên tắc cốt lõi: văn hóa là một mặt trận cách mạng (cùng với các mặt trận khác là chính trị và kinh tế), phải do đảng vô sản lãnh đạo chặt chẽ, đấu tranh chống văn hóa nô dịch, phản tiến bộ, xa đại chúng; xây dựng nền văn hóa mới tiến bộ, có tính chất dân tộc, tính nhân dân, tiến lên văn hóa xã hội chủ nghĩa; phải triển khai kịp thời cách vận động văn hóa bằng cách tuyên truyền và xuất bản, tổ chức các nhà văn, tranh đấu giành quyền lợi thực tại cho các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ,... thống nhất mọi hoạt động văn hóa tiến bộ dưới quyền lãnh đạo của đảng vô sản mácxít<sup>2</sup>.

**2.** Thực thi định hướng của Đề cương, ngay sau khi Đề cương ra đời (2/1943), trong vòng bí mật, Đảng đã tổ chức phổ biến, quán triệt tinh thần cốt lõi của Đề cương tới các văn sĩ có cảm tình với cách mạng, tổ chức Hội Văn hóa cứu quốc làm lực lượng tiên phong, nòng cốt thực thi cuộc vận động xây dựng văn hóa mới.

Suốt mấy năm cuối của thời kỳ tiền khởi nghĩa (những năm 1943-1945), Hội Văn hóa cứu quốc đã được thành lập, nhóm họp hoạt động ở các thành phố lớn, chiến khu cách mạng, tập hợp một số văn nghệ sĩ giác ngộ viết báo, in sách đấu tranh với các quan điểm văn học phản động của Nhật - Pháp, bọn tởrốtkit, tay sai, khơi gợi tinh thần yêu giống nòi và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đề cao xây dựng nền văn nghệ chân chính, kế thừa tinh hoa di sản văn hóa quá khứ, phản ánh những chuyển động của đời sống hướng tới công cuộc giải phóng, giành độc lập, tự do dưới ngọn cờ của Mặt trận Việt Minh.

---

1. Xem V.I. Lênin: *Bàn về văn học và nghệ thuật*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr.68-79.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.29-30.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước nhà độc lập, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (24/11/1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự, phát biểu những ý kiến quan trọng về việc xây dựng nền văn hóa dân chủ mới, lấy hạnh phúc của đồng bào, tự do của dân tộc làm cơ sở, văn hóa phải tích cực tham gia vào việc sửa đổi tiêu cực xã hội như tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ, hướng về độc lập, tự cường, tự chủ của đất nước cộng hòa non trẻ. Nền văn hóa ấy phải thật sự có tinh thần thuần túy Việt Nam, lột cho hết tinh thần dân tộc. Văn hóa mới nhằm mục đích xây dựng con người mới, bồi đắp lý tưởng cao đẹp vì độc lập, tự do cho quốc dân, đồng bào, giúp họ thấu hiểu nhiệm vụ cao quý cùng quyền lợi chính đáng mà mình được hưởng. Người kết luận trong mệnh đề nổi tiếng “Văn hóa phải lãnh đạo quốc dân, soi đường cho quốc dân đi”<sup>1</sup>.

Cũng sau ngày cách mạng thành công, Hội Văn hóa cứu quốc từ hoạt động bí mật ra công khai, mở rộng tổ chức tới khắp các tỉnh, thành phố, địa bàn trong cả nước. Hội phát hành Tạp chí *Tiên phong*, là cơ quan ngôn luận, rồi tiến hành Đại hội tiếp tục triển khai hoạt động theo tinh thần chỉ đạo của Đề cương.

Kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, tại Việt Bắc, Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai (7/1948) được triệu tập, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư tới Hội nghị, kêu gọi lực lượng văn hóa cần tham gia vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc lúc này, tập hợp thành một tổ chức chặt chẽ, đi sâu vào đời sống, sáng tạo những tác phẩm xứng đáng, biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc và những tấm gương oanh liệt cho hôm nay, mai sau và cho thế giới cũng biết<sup>2</sup>.

Cũng tại Hội nghị này, Tổng Bí thư Trường Chinh đã đọc báo cáo quan trọng *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* khẳng định việc quán triệt các nguyên lý của mỹ học mácxít trong xây dựng văn hóa dân chủ mới Việt Nam độc lập, tự do, phải gồm đủ ba tính chất: dân tộc, đại chúng và khoa học. Đã đến lúc xây dựng mặt trận văn hóa thống nhất, rộng rãi nằm trong mặt trận thống nhất của toàn dân tộc: “Có thể có tổ chức của các nhà văn, nhà thơ,

---

1. Hồ Chí Minh: *Về công tác văn hóa, văn nghệ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.71-72.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Về công tác văn hóa, văn nghệ*, *Sđd*, tr.17-18.

tổ chức của các nhà báo. Có thể có tổ chức của các nhạc sĩ, tổ chức của các nhà hội họa và nặn khắc, tổ chức của các nhà khoa học, kỹ thuật... Miễn sao tất cả các tổ chức đó đều xếp vào một mặt trận, quy vào một mối để có thể thống nhất hành động và chịu sự lãnh đạo của một cơ quan do mặt trận văn hóa thống nhất bầu ra”<sup>1</sup>. Mặt khác, văn hóa Việt Nam phải thực hiện giao lưu quốc tế rộng rãi, phải “tự bồi bổ cho mình bằng văn hóa xã hội chủ nghĩa và dân chủ mới của thế giới; đồng thời, phải cống hiến cho kho tàng văn hóa thế giới phần tinh túy của mình... Việc quan hệ, trao đổi, học hỏi lẫn nhau giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa tiến bộ trên thế giới là rất cần thiết... những người làm công tác văn học Việt Nam chúng ta phải cố gắng làm sao cho xứng đáng với trách nhiệm trọng đại của mình trong mặt trận văn hóa dân chủ mới của thế giới đang tiến bước”<sup>2</sup>.

Một sự kiện quan trọng: tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần này, đã thành lập Hội Văn hóa Việt Nam.

Và liền đó, trong các ngày từ 25 đến 27/7/1948, Hội nghị Văn nghệ Việt Nam toàn quốc lần đầu tiên nhóm họp, chính thức thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam (theo chủ trương của Đảng, vận động thành lập Hội từ tháng 7/1947). Hội Văn nghệ Việt Nam ra đời là một sự kiện tất yếu của đời sống văn học nghệ thuật, đáp ứng mong mỏi của giới văn nghệ sĩ và quần chúng nhân dân.

Thông đạt của Hội Văn nghệ Việt Nam về Hội nghị Văn nghệ toàn quốc đã viết: “Trong 3 ngày làm việc, Hội nghị đã xét vấn đề tổ chức giới văn nghệ Việt Nam để thỏa thuận những vấn đề căn bản cho sự sáng tác trong thời kỳ kháng chiến. Những cuộc phát biểu ý kiến dồi dào và sôi nổi đã định ra nhiệm vụ của văn nghệ sĩ trong lúc này và cũng không bỏ quên việc xây dựng những tác phẩm cần nhiều thời gian, có thể kết tinh và phản ánh được thời đại. Hội nghị đồng lòng nhận rằng: văn nghệ phải gần gũi đại chúng, lấy sinh lực của nhân dân, đồng thời phát triển những tài năng mới và nâng cao trình độ thưởng thức nghệ thuật của đại chúng”<sup>3</sup>.

---

1, 2. Trường Chinh: *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974, tr.82, 90.

3. Hội Văn nghệ Việt Nam: “Thông đạt về Hội nghị Văn nghệ toàn quốc”, *Sưu tập Văn nghệ 1948-1954, Tập I: 1948*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 1998, tr.239.

**3.** Từ đó đến nay đã tròn 75 năm. Vì vậy năm 2023 này, cũng là dịp Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam (mà tiền thân là Hội Văn nghệ Việt Nam) nhìn lại lịch sử và những chặng đường hình thành, phát triển cùng những thành tựu của giới văn học nghệ thuật Việt Nam, những đóng góp cần ghi nhận của văn học nghệ thuật Việt Nam vào việc xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc, hiện thực và nhân văn, phát huy truyền thống văn hiến của dân tộc, hội nhập quốc tế vào văn minh nhân loại bằng bản sắc độc đáo và những giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam qua mấy nghìn năm lịch sử.

Buổi đầu thành lập, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1948-1954), Hội Văn nghệ Việt Nam ra đời trong hoàn cảnh mới, để dần dần thay thế hoạt động của các tổ chức ra đời trước là Hội Văn hóa cứu quốc (1943-1947), Hội Văn hóa Việt Nam (1948-1950), đã nhận sứ mệnh tập hợp, thu hút lực lượng đông đảo văn nghệ sĩ thuộc các thành phần, thế hệ, dân tộc... khác nhau, có tinh thần nồng nàn yêu nước, tự hào về văn hóa dân tộc, không sợ khó khăn, gian khổ, hăng hái kháng chiến kiến quốc, vun đắp xây dựng nền văn nghệ mới dân chủ nhân dân.

Đồng thời, các tổ chức văn nghệ chuyên ngành ở trung ương và các chi hội văn nghệ ở các khu vực, địa phương thuộc Bắc - Trung - Nam cũng lần lượt được thành lập như: Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam, Đoàn Nhạc sĩ Việt Nam, Đoàn Sân khấu Việt Nam, Chi hội văn nghệ Liên khu Việt Bắc, Liên khu III và Hà Nội, Liên khu IV, Liên khu V, Liên khu VI, Nam Bộ, Thừa Thiên Huế...

Hội tụ xung quanh Hội Văn nghệ Việt Nam, các tổ chức văn nghệ nói trên đã tập hợp lực lượng gần gũi về nghề nghiệp, về tư duy nghệ thuật và phương thức thể hiện nghệ thuật, sáng tạo tác phẩm, là kết quả của sự đổi mới nhận thức do cách mạng đem lại hoặc do gắn bó với đời sống kháng chiến, được chăm chút đào tạo, bồi dưỡng từ kinh nghiệm nghệ thuật của các bậc đàn anh. Hai thế hệ văn nghệ sĩ: trước cách mạng và trưởng thành trong kháng chiến đã kề vai sát cánh, chung sức xây đắp nền tảng buổi đầu của văn nghệ kháng chiến, đáp ứng yêu cầu thưởng thức tác phẩm văn nghệ mới của quần chúng nhân dân, góp phần “văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa”.

Từ sau Hiệp định Giơnevơ, hòa bình được lập lại trên một nửa đất nước, miền Bắc quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cả nước kháng chiến chống Mỹ giành



thống nhất đất nước (1954-1975), “Bắc - Nam sum họp”, “văn nghệ một nhà”, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới cho đến ngày nay, tổ chức văn nghệ Việt Nam ngày càng phát triển, trưởng thành và lớn mạnh toàn diện... Các hội văn học nghệ thuật phủ kín, rộng khắp trên tất cả các tỉnh, thành, khu vực trong cả nước, ở tất cả các chuyên ngành, lĩnh vực văn học nghệ thuật, văn nghệ Việt Nam mở rộng quan hệ trao đổi, giao lưu, hợp tác với các tổ chức văn hóa, văn học nghệ thuật thuộc tất cả các quốc gia mà Việt Nam thiết lập quan hệ chính trị, kinh tế, ngoại giao.

Đến nay, sau 75 năm thành lập và phát triển theo định hướng đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng nêu ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, được bổ sung và hoàn thiện trong các văn kiện tiếp sau qua mỗi thời kỳ, mặt trận thống nhất của văn nghệ Việt Nam đã thu hút hơn 40.000 văn nghệ sĩ thuộc 5 thế hệ (từ các văn nghệ sĩ hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám, trong kháng chiến chống Pháp đến kháng chiến chống Mỹ, sau ngày đất nước thống nhất liền một dải rồi bước vào thời kỳ đổi mới mạnh mẽ), sinh hoạt và làm việc trong 10 hội văn học nghệ thuật chuyên ngành ở trung ương hoặc trong 63 hội văn học nghệ thuật các tỉnh, thành, địa phương trong cả nước từ Bắc vào Nam.

Trải qua 10 kỳ đại hội, tổ chức văn nghệ Việt Nam đã ba lần đổi tên, từ Hội Văn nghệ Việt Nam (1948-1957) đến Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam (1957-1995) rồi Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam (1995 đến nay).

Tại Đại hội lần IV (1976), Đảng ta ghi nhận: với những thành tích đã đạt được, văn nghệ cách mạng Việt Nam xứng đáng đứng vào hàng ngũ những nền văn nghệ tiên phong chống đế quốc trong thời đại ngày nay.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (ngày 24/11/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta nhiệt liệt hoan nghênh chúc mừng, biểu dương và cảm ơn những đóng góp to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn thể cán bộ, đảng viên và đặc biệt của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, của các lực lượng tham gia trên mặt trận văn hóa trong thời gian vừa qua”<sup>1</sup>.

---

1. Xem Nguyễn Phú Trọng: “Phát biểu Kết luận chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 tại Hà Nội”, *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, số 322+323 (tháng 11+12/2021), tr.11.

Tổ chức Hội Văn nghệ Việt Nam với tên gọi là Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam rồi Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam đã hai lần được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh (1987 và 2008). Hàng trăm, hàng nghìn văn nghệ sĩ đã được nhận các danh hiệu, giải thưởng cao quý: Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật cũng như nhiều danh hiệu giải thưởng khu vực, giải thưởng quốc tế danh giá khác. Qua đó, đã cho thấy những hy sinh to lớn, những nỗ lực không mệt mỏi, sự cống hiến tận tụy, tâm huyết và tài năng, sự thăng hoa, sáng tạo bền bỉ của những văn nghệ sĩ ưu tú, xứng đáng là nguyên khí quốc gia, tiêu biểu cho đội ngũ văn nghệ sĩ giàu lòng yêu nước, tự hào dân tộc, say mê nghề nghiệp, tài năng quý hiếm, tôn vinh sứ mệnh vẻ vang của văn nghệ sĩ - chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, văn nghệ.

4. Kỷ niệm 80 năm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, tiến tới kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam (nay là Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam), văn nghệ Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới, trong bối cảnh quốc tế và quốc gia biến chuyển nhanh chóng, phức tạp, đang đứng trước những đòi hỏi, thách thức mới, phải không ngừng vượt thoát và đáp ứng kỳ vọng của nhân dân và đất nước.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, nhìn lại 80 năm qua, văn nghệ Việt Nam được Đảng lãnh đạo, tổ chức, rèn luyện, đồng hành cùng dân tộc, luôn nhận rõ và sâu sắc:

*Thứ nhất*, vai trò nền tảng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cùng các văn kiện quan trọng của Đảng về đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng ở các thời kỳ tiếp sau cho đến nay đối với sự nghiệp và tiến trình phát triển từ *dòng* đến *nền* văn nghệ cách mạng Việt Nam, phong phú, toàn diện, tiên đồ tươi sáng.

Trước mắt, văn nghệ Việt Nam cần tập trung triển khai sáu nhiệm vụ trọng tâm để tiếp tục xây dựng, gìn giữ, chấn hưng và phát triển văn hóa dân tộc bởi, như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc dân tộc, văn hóa còn thì dân tộc còn”<sup>1</sup>.

---

1. Xem Nguyễn Phú Trọng: “Phát biểu Kết luận chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 tại Hà Nội”, *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, số 322+323 (tháng 11+12/2021), tr.5.

Đó là, khơi dậy lòng yêu nước, tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, xây dựng con người Việt Nam với những giá trị chuẩn mực phù hợp gắn với các giá trị gia đình, văn hóa, quốc gia - dân tộc - thời đại; phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa, hướng về chân - thiện - mỹ; phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, hưởng thụ văn hóa là nhân dân, vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ - những chiến sĩ văn hóa, niềm tự hào của đất nước, của dân tộc; góp phần xây dựng Đảng với hệ thống chính trị về văn hóa, đạo đức, kiên quyết đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển đất nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên toàn cầu...

*Thứ hai*, thực thi các giải pháp cấp bách, tiếp tục bổ sung, phát triển, vận dụng những tư tưởng cốt lõi của Đề cương, từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận về văn hóa, văn nghệ Việt Nam hiện đại trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; thúc đẩy mạnh mẽ nền văn nghệ Việt Nam nhịp bước với mục tiêu phát triển đất nước hùng cường, phồn thịnh vào các mốc 2030, 2045, sánh vai cùng bè bạn năm châu trên thế giới.

*Thứ ba*, đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, lệch lạc, thù địch, khắc phục những thiếu sót, hạn chế còn tồn tại, hội tụ quyết tâm đổi mới, chấn hưng văn hóa Việt Nam, phấn đấu có thêm nhiều tài năng lớn với khát vọng ra đời những công trình văn hóa, tác phẩm văn nghệ tâm cỡ, để đời, thuộc các loại hình, phản ánh sâu sắc hiện thực đổi mới đất nước, có ý nghĩa và hiệu quả bồi đắp nên tảng tinh thần của xã hội, bảo tồn, phát huy những giá trị đặc sắc, bền vững của văn hóa Việt Nam và tiến tới hội nhập quốc tế sâu rộng.

## PHÁT TRIỂN CÁC NGUYÊN TẮC DÂN TỘC HÓA, ĐẠI CHÚNG HÓA, KHOA HỌC HÓA CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 TRONG VIỆC XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

TS. LÊ VIỆT LIÊN\*

**N**guyên Tổng Bí thư Trường Chinh đã phát biểu: “Vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu sắc các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của Việt Nam”<sup>1</sup>. Không chỉ có giá trị to lớn trong chỉ đạo hoạt động văn hóa xã hội nói chung của nước ta trong thời kỳ đó mà sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã khẳng định giá trị qua từng thời kỳ lịch sử cho tới hiện nay. Dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa là những nguyên tắc quan trọng của bản Đề cương và cũng như là kim chỉ nam cho đường hướng phát triển văn hóa mới của dân tộc ta. Trong bối cảnh xã hội đương đại, những nguyên tắc đó được Đảng và Nhà nước ta vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh mới, đem lại hiệu quả thiết thực cho công cuộc phát triển đất nước và đã được thực tế chứng minh.

### 1. “*Đề cương về văn hóa Việt Nam*” năm 1943 - Những nội dung cơ bản

Đầu năm 1943, Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra quyết liệt. Ở Việt Nam, Nhật và Pháp đã câu kết với bè lũ tay sai, dùng các thủ đoạn để “trời

---

\* Viện Nghiên cứu Văn hóa.

1. Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.3, tr.559.

buộc văn hóa và giết chết văn hóa Việt Nam” nhằm thôn tính đất nước ta. Trong bối cảnh ấy, Đảng đã quyết định triệu tập Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943 để bàn biện pháp đối phó với tình hình, quyết tâm đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước, tiến tới chặn đứng và đập tan âm mưu, thủ đoạn xâm lược của phát xít Nhật và thực dân Pháp. Trong lúc này, Đảng cần phải có các tổ chức và đội ngũ cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, văn nghệ để gây dựng và thúc đẩy phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc nhằm chống lại văn hóa phong kiến bảo thủ, lạc hậu... Vì vậy, tại Hội nghị Thường vụ Trung ương, Đảng ta khẳng định rõ đối với vấn đề văn hóa và được ghi trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* công bố năm 1943. Sau hội nghị lịch sử này, Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Đề cương gồm năm phần: Phần I: Cách đặt vấn đề; Phần II: Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; Phần III: Nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; Phần IV: Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam và Phần V: Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là của những nhà văn hóa mácxít Việt Nam.

Đề cương thể hiện các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc, như sau:

*Thứ nhất*, xác định rõ nội dung, phạm vi, vị trí, vai trò của văn hóa trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đề cương nêu rõ: văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật; quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động, không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. Đồng thời, có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả.

*Thứ hai*, cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng lãnh đạo. Trên cơ sở chỉ rõ tính chất văn hóa Việt Nam trong quá khứ và hiện tại (1943), chỉ rõ những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách thống trị của Nhật - Pháp; những thủ đoạn của Nhật - Pháp trói buộc và giết chết văn hóa Việt Nam; dự kiến về tiền đồ văn hóa Việt Nam. Đề cương khẳng định cách mạng nhất định thắng lợi, văn hóa Việt Nam sẽ cởi được xiềng xích, đuổi kịp văn hóa mới, tiến bộ trên thế giới. Muốn vậy, phải làm cách mạng về văn hóa,

“cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo”.

*Thứ ba*, để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta phải nắm vững “ba nguyên tắc vận động”, đó là: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Ba nguyên tắc đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới.

*Thứ tư*, để đặt nền móng và định hướng xây dựng một nền văn hóa cách mạng mới, cần kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn hai nhiệm vụ “xây” và “chống”. Đề cương nhấn mạnh nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít là phải chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái bộ, nô dịch, ngu dân, phỉn dân; phát huy văn hóa dân chủ, cải cách chữ quốc ngữ...

## **2. Nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa và sự vận dụng linh hoạt trong bối cảnh đương đại**

Dân tộc hóa là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có lòng tự hào, dũng cảm đứng lên nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới ở Việt Nam.

Đại chúng hóa là văn hóa của nhân dân, phục vụ nhân dân, làm cho mọi người biết đọc, biết viết, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo nghệ thuật và dần dần chiếm lĩnh các giá trị tinh thần mà dân tộc và loài người tạo ra; chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng.

Khoa học hóa là tạo điều kiện cho nền văn hóa dân chủ mới nhanh chóng thoát khỏi sự kìm hãm ấy, nhằm phát triển về mọi mặt trên cơ sở khoa học, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi suy nghĩ, hành động; chống lại tất cả những cái cũ kỹ, lạc hậu, dị đoan.

Đảng ta cũng khẳng định: “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm...”.. Có thể thấy, ba nguyên tắc trên là sự trả lời đúng đắn và kịp thời cho các nhu cầu cấp thiết nổi lên trong một thời điểm trọng đại của lịch sử. Dân tộc, đại chúng, khoa học là khẩu hiệu, trở thành tính chất, đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam - một nền văn hóa thấm đẫm tinh thần dân

tộc, giàu bản sắc do nhân dân sáng tạo với khát vọng không ngừng vươn đến chân - thiện - mỹ, hướng đến tiến bộ, văn minh.

Bản Đề cương đã trình bày hệ thống các quan điểm, phạm trù, các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa của dân tộc Việt Nam. Đây là kết quả của tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm hoạt động 13 năm lãnh đạo trên mặt trận văn hóa từ khi Đảng ta ra đời đến năm 1943. Đây là đỉnh cao trí tuệ, là sự nhận thức về tình hình, có tính chất dự báo xuyên thế kỷ về sự vận động văn hóa trong thời kỳ đương đại. Nhìn lại chặng đường 80 năm qua, chúng ta càng thấy rõ con đường đi của văn hóa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là đúng đắn và ưu việt. Văn hóa luôn được coi là một mặt trận như Bác Hồ đã nói: “Văn hóa, văn nghệ là một mặt trận, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy”. Văn hóa luôn song hành và phục vụ chính trị, phục vụ cách mạng và luôn được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, trong 8 thập kỷ qua, văn hóa Việt Nam luôn bảo đảm được ba nguyên tắc đó là dân tộc, đại chúng, khoa học.

Tính dân tộc được thể hiện rõ nhất ở việc phản ánh khát vọng của dân tộc Việt Nam, đó là khát vọng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, khát vọng hòa bình. Đời sống tâm hồn, tình cảm, mọi mối quan hệ riêng, chung của người dân Việt Nam mấy chục năm qua đều xoay quanh khát vọng ấy. Các loại hình văn nghệ dân gian được gìn giữ và lưu truyền như chèo, tuồng, cải lương, ca trù, ví, giặm, hát then, nhã nhạc cung đình Huế, công chiêng Tây Nguyên... cùng các sinh hoạt, tập tục, lễ hội trong đời sống của người Việt hàng nghìn năm được lưu truyền, phục dựng... đã chứng tỏ sức sống lâu bền và bản sắc của văn hóa Việt Nam. Trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, bản sắc dân tộc và khát vọng thời đại hòa làm một tạo thành dòng chảy mãnh liệt của văn hóa Việt Nam, làm xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ say mê sáng tạo, đóng góp sức mình cho dân tộc như: Nguyễn Phan Chánh, Trần Văn Cẩn, Bùi Xuân Phái, Văn Cao, Tô Hoài, Huy Cận, Xuân Diệu, Tố Hữu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Lưu Quang Vũ... Đặc biệt, từ năm 1998, khi Đảng ta ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc, việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa càng được các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn dân coi trọng. Nghị quyết Trung ương 5 đã tiếp thu, bổ sung, phát triển *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, có ý nghĩa như một cương lĩnh văn hóa của Đảng trong sự nghiệp đổi mới toàn diện

đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ đổi mới, chiến lược văn hóa của Đảng ta là vẫn tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập quốc tế.

Nói về tính khoa học của văn hóa, Đề cương giải thích rõ rằng: chống lại tất cả những gì trái khoa học, phản tiến bộ. Nền văn hóa của chúng ta suốt 8 thập kỷ qua đã đưa đến một tư duy khoa học cho mọi tầng lớp nhân dân, giúp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, bài trừ hủ tục lạc hậu, đấu tranh với tư tưởng bảo thủ, trì trệ. Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 27 về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Từ chỗ 95% dân số mù chữ sau năm 1945, nhờ chủ trương diệt “giặc dốt”, chăm lo đẩy mạnh giáo dục - đào tạo, phát triển khoa học công nghệ, đến nay, cả nước có gần 30 triệu người đi học ở tất cả các cấp học, các loại hình đào tạo. Hằng năm, Việt Nam đã ghi tên mình vào danh sách các nước có học sinh giỏi quốc tế và được UNESCO đánh giá cao về các lĩnh vực giáo dục, y tế... Nền văn hóa của chúng ta phù hợp với quá trình vận động của lịch sử, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, bền vững. Khoa học hóa hiện nay thì không chỉ lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam mà chúng ta đặt trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển lớn mạnh của khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo AI, v.v..

Văn hóa là các giá trị tinh thần và vật chất do nhân dân Việt Nam sáng tạo nên và trở lại phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân. Tính đại chúng của văn hóa Việt Nam vì thế thể hiện ở mục đích phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân, tạo nên tảng tinh thần cho xã hội. Các loại hình văn hóa nghệ thuật, các lễ hội, hệ thống thiết chế văn hóa, di sản văn hóa... do nhân dân dày công sáng tạo và vun đắp đã phát huy tác dụng, phục vụ đời sống nhân dân trong thời kỳ kháng chiến cũng như trong công cuộc xây dựng hiện nay. Tuy nhiên, trong thời đại phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin, nếu không có cách tiếp nhận, không có phương pháp tổ chức và tuyên truyền thì các hoạt động văn hóa sẽ rất khó lòng thu hút được đông đảo nhân dân tham gia, nhất là với giới trẻ.

\*

\* \*



Tính dân tộc, đại chúng, khoa học của bản Đề cương văn hóa năm 1943 cho đến nay vẫn là những yếu tố căn bản trong định hướng phát triển văn hóa của Đảng ta. “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”, nhờ có định hướng ấy mà Đảng ta đã lãnh đạo đất nước vượt qua những khó khăn, thách thức của các thời kỳ lịch sử, trên con đường quá độ tiến lên xã hội chủ nghĩa, xây dựng đất nước phát triển trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa. Cho đến nay, Đảng và Nhà nước ta vẫn tiếp tục kế thừa và phát huy, phát triển những định hướng của Đề cương văn hóa năm 1943. Các hoạt động có tính chất định hướng về văn hóa trong thời gian gần đây là những minh chứng rõ rệt về sự quan tâm đặc biệt đối với văn hóa, coi văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị. Ngày 24/11/2021, tại Hà Nội đã diễn ra Hội nghị Văn hóa toàn quốc nhằm đánh giá việc triển khai đường lối, chủ trương của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ thời gian qua cũng như tổng kết quá trình xây dựng văn hóa, con người Việt Nam sau 35 năm đổi mới đất nước. Đặc biệt, Hội nghị còn đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ...; từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm phát triển văn hóa, văn nghệ giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến năm 2045 dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Ngày 29/11/2022, cũng tại Hà Nội, Hội thảo “Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới” được tổ chức nhằm tập trung làm rõ các nội dung, nội hàm và thành tố cơ bản của hệ giá trị quốc gia; hệ giá trị văn hóa; hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Hội thảo cũng xác định những yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cho cấp ủy, chính quyền các cấp, đội ngũ cán bộ, đảng viên, các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, trí thức và quần chúng nhân dân thực hiện trong việc nghiên cứu, xác định và tổ chức thực hiện các hệ giá trị, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xác định các định hướng, quan điểm, giải pháp xây dựng các hệ giá trị và từng giá trị cụ thể, để thúc đẩy sự phát triển đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

**DẤU ẤN ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA  
TRONG TƯ TƯỞNG BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG DI SẢN ĐÔ THỊ NAM BỘ  
CỦA KIẾN TRÚC SƯ HUỲNH TẤN PHÁT**

TS. PHẠM VĂN LUÂN\*

**D**ề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 là một trong những văn kiện nền tảng quan trọng của Đảng trên lĩnh vực văn hóa. Đề cương là cảm nang mở đường cho nền văn hóa cách mạng Việt Nam hình thành và phát triển, góp phần xứng đáng khẳng định vai trò của văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc. Sức lan tỏa và ánh sáng soi đường của Đề cương văn hóa năm 1943 đã để lại những dấu ấn đặc biệt trong tư tưởng bảo tồn và phát triển bền vững di sản đô thị Nam Bộ của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát. Những dấu ấn này đến nay vẫn giữ nguyên giá trị lịch sử và thực tiễn, có ý nghĩa định hướng và thúc đẩy tiến trình phát triển văn hóa nước ta nói chung và bảo tồn di sản kiến trúc đô thị ở Nam Bộ nói riêng. Tâm nhìn và tư tưởng bảo tồn và phát triển bền vững di sản kiến trúc đô thị ở Nam Bộ của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát được kết tinh và tỏa sáng từ Đề cương văn hóa không chỉ trong các kiến trúc vật chất, hình thể thấy được từ trước đến nay mà còn thổi hồn cho các công trình kiến trúc được ông thiết kế bởi một tư tưởng phát triển bền vững rất hiện đại. Điều đó làm cho người ta biết đến kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát không chỉ là một trí thức yêu nước lớn, một nhà hoạt động chính trị, ngoại giao kiệt xuất mà còn là một nhà văn hóa mà con người và sự nghiệp luôn gắn bó với vận mệnh đất nước, giành hết tâm lực đấu tranh giành độc lập tự do, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc giàu đẹp.

---

\* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

### **1. Dấu ấn “Đề cương về văn hóa Việt Nam” ở Nam Bộ - Tiếp cận từ Tuần báo Thanh niên và chủ biên - kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát**

Tinh thần yêu nước, thương dân ở Huỳnh Tấn Phát xuất phát từ truyền thống giáo dục và văn hóa của gia đình, hòa quyện trong luồng gió cách mạng, tinh thần này đã thôi thúc Huỳnh Tấn Phát sớm giác ngộ cách mạng ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, với tinh thần hiếu học, sống trong một gia đình có truyền thống trọng học hành, Huỳnh Tấn Phát đã sớm dần thân vì mục tiêu giải phóng dân tộc, bảo vệ con người, gìn giữ non sông gấm vóc từ tầm nhìn và nhân cách văn hóa của thanh niên trẻ.

Tốt nghiệp bằng Thành chung ở Mỹ Tho, Huỳnh Tấn Phát thi đậu học bổng vào trường Petrus Ký và ở nội trú tại đây. Là người vốn xuất thân trong một gia đình có truyền thống yêu nước, thương dân, được dân làng kính trọng, tôn thờ, Huỳnh Tấn Phát đã nhanh chóng tiếp cận và phát huy truyền thống gia đình trong quá trình vừa đi học, vừa khởi nghiệp và đến với cách mạng từ ánh sáng văn hóa...

Vào những năm 1930, học sinh các lớp thi Tú tài học giỏi của trường có: Phạm Quang Lễ (sau này là Giáo sư viện sĩ Trần Đại Nghĩa), Nguyễn Tấn Gi Trọng, Lâm Văn Bồn, Lê Văn Mười, Trương Cang, Dương Minh Châu, Nguyễn Văn Đức... Huỳnh Tấn Phát nằm trong nhóm học sinh giỏi này. Cũng từ năm 1930 trở về sau, sách báo cách mạng lan truyền trong nhà trường, có truyền đơn tuyên truyền về Đảng Cộng sản truyền tay nhau trong học sinh, trong đó trước Cách mạng Tháng Tám có *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Điều này làm cho ý thức cách mạng luôn nung nấu trong con người Huỳnh Tấn Phát - vốn là một học sinh xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học. Do sự lan truyền về chủ nghĩa cộng sản trong nhà trường nên có nhiều học sinh bị mật thám bắt. Huỳnh Tấn Phát và nhiều học sinh nội trú liên tục bị giám thị khám xét sách vở. Những học sinh này sau khi đậu Tú tài, một số ra Hà Nội tiếp tục học trường cao đẳng hay đại học như bác sĩ Đặng Văn Chung, Nguyễn Tấn Gi Trọng, một số sang Pháp học như Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Đạt Xương, v.v. một số tham gia cách mạng như Nguyễn Văn Trấn, Nguyễn Văn Kính, Huỳnh Văn Nghệ. Riêng Huỳnh Tấn Phát ra Hà Nội học kiến trúc ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương từ năm 1933 đến năm 1938.

Khi học tại Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, Huỳnh Tấn Phát là một sinh viên sôi nổi trong mọi hoạt động của Tổng hội sinh viên Đông Dương và Hội Ái hữu sinh viên Nam Kỳ. Điều làm nên nhân cách văn hóa ở Huỳnh Tấn Phát là thời sinh viên sôi nổi với các hoạt động cách mạng không chỉ đem đến cho ông đỉnh cao của đời đèn sách - thủ khoa ngành kiến trúc Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khóa thi 1938, mà còn đưa Huỳnh Tấn Phát đến với tư tưởng cách mạng theo khuynh hướng mácxít từ ảnh hưởng của người chú ruột - luật sư Huỳnh Văn Phương. Luật sư Huỳnh Văn Phương là một người có lòng yêu nước theo tư tưởng tiến bộ hướng về cách mạng cứu dân cứu nước. Khi học ở Pháp Luật sư Huỳnh Văn Phương bị Chính phủ Pháp trục xuất về nước, ông đã mang theo rất nhiều sách lý luận chủ nghĩa mácxít về nước. Chính những lời hướng dẫn, khuyến khích đọc, nghiên cứu sách về chủ nghĩa Mác của Luật sư Huỳnh Văn Phương mang từ Pháp về đã đưa Huỳnh Tấn Phát đến với lý tưởng cộng sản. Theo Lý Văn Sinh (Thành Hương), nguyên cán bộ Trí vận Mặt trận Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, nguyên trợ lý Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh, người được nghe Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát kể: Thời kỳ học kiến trúc tại Hà Nội, Huỳnh Tấn Phát đã có ý thức muốn chống lại sự áp bức của thực dân Pháp, muốn làm việc gì đó để bảo vệ người Việt Nam mình, nhưng chưa có hành động cụ thể.

Người sinh viên trẻ Huỳnh Tấn Phát nhận thức rõ để có được điều đó, trước tiên cần phải có cơ sở lý luận làm tiền đề, định hướng được nguồn lực, quy tụ được sức mạnh. Đối tượng phù hợp nhất cho bước mở đầu này, không thể là ai khác ngoài tầng lớp trí thức đương thời. Nhưng bản thân tầng lớp này, như thực tế lịch sử cho thấy, lại đang bị chia rẽ bởi những khuynh hướng văn hóa - tư tưởng khác nhau. Theo giáo sư, bác sĩ nhãn khoa Ngô Như Hòa, sinh viên học tại Hà Nội thời bấy giờ, trong thời gian học tại trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương Huỳnh Tấn Phát luôn bù đầu với công việc học tập nhưng vẫn làm tròn trách nhiệm do Hội Ái hữu sinh viên Nam Kỳ giao. Trong thời gian tập trung học tập chuyên ngành, có cả chuyện ông học chủ nghĩa Mác từ sách người chú của mình mang về từ Pháp. Bên cạnh đó, sống giữa lòng Hà Nội được thúc tỉnh bởi chủ nghĩa Mác đã đưa Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát tiếp cận Đề cương Văn hóa một cách rất tự nhiên. Thời kỳ học tại trường Đông Dương, Huỳnh Tấn Phát còn được tờ báo “Ngày nay” tán dương cử chỉ vì đã can thiệp dùm một anh phu xe bị phạt và bị viên cảnh sát trưởng giam ở bót.

Trở về Nam Bộ, trong quá trình vận động tiến tới tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám, sau quá trình trao đổi với những người tâm huyết, năm 1943, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát đưa ra một quyết định có tính “bước ngoặt” đóng cửa văn phòng kiến trúc sư tư nhân đầu tiên của người Việt ở Sài Gòn, gom hết tiền dành dụm được mua lại manchet tờ báo công khai Thanh niên (ra đời từ tháng 9/1941, đã qua hai đời chủ nhiệm). Số đầu tiên của tuần báo Thanh niên do kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm chủ nhiệm tạo tiếng vang lớn trong giới trí thức. Báo có 12 trang, ra ngày thứ bảy, trụ sở tòa soạn ở số 70 đường Meyer, Sài Gòn (nay là đường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tôn chỉ, mục đích của Tuần báo Thanh niên được kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát thể hiện rất minh bạch: đoàn kết người Việt khắp 3 miền, kêu gọi thanh niên người Việt chung tay gánh vác trách nhiệm giải phóng dân tộc, nhắc nhở những trang sử hào hùng chống ngoại xâm và khuyến khích xu hướng nghệ thuật phụng sự cộng đồng... Tư tưởng này được công bố ở số 1 Tuần báo Thanh niên phát hành ngày 7/8/1943: “Nước nhà còn mất, kẻ thất phu cũng có trách nhiệm. (...) Thanh niên, phần tử tráng kiện của dân tộc, cố nhiên phải lãnh trách nhiệm nặng nề hơn hết. Nhưng thiết tưởng không người thanh niên nào, đáng gọi thanh niên, mà lại thối thoát phận sự. Chúng tôi biết nhiều lòng thành thật nhiệt thành, có nhiều sự cố gắng đáng cảm phục. Nhưng... chỉ vì rời rạc nên vô công hiệu. Lẻ lo là yếu ớt. (...) Chúng tôi chủ trương báo Thanh niên vì phận sự, vì anh em, cũng vì lòng mình thiết tha mong mỗi được một nơi gặp gỡ với anh em. (...) Nơi đây, chỗ chúng ta bắt tay nhau, những lòng thành đoàn tụ, những sự cố gắng chung cùng sẽ góp sức xây dựng một cơ sở cho tình chúng ta có thể nương tựa. Trước hết, chúng tôi mong sẽ cùng tất cả anh em kết chặt một dây đoàn thể. Ta sẽ làm cho tính đồng đội của chúng ta mở mang lan rộng mãi, cho lòng ta phấn khởi, bước ta vững vàng, cho những hồn cao khiết bực nào cũng không trở lạnh lẽo và những trí yếu ớt đến đâu cũng thấy mình cũng giúp ích được vào công việc chung”...

Trong số 1 này, Tuần báo Thanh niên có bài viết “Sự hợp nhất tiếng nói ba kỳ”, đã khẳng định: “Tiếng nói là tinh thần của dân tộc. Tiếng nói có thống nhất thì dân tộc mới giữ được tinh thần đoàn kết. Có đoàn kết thì mới mạnh, có mạnh thì mới sống. Muốn hợp nhất chỉ có một cách là ai cũng như ai, coi tiếng nói Trung - Nam - Bắc đều là tiếng Việt”.

Tuần báo Thanh niên số 15, ra ngày 11/12/1943 đưa ra châm ngôn: “Quay về dĩ vãng để vững lòng xây đắp tương lai”; “Tương lai chúng ta chỉ ở trong tay chúng ta”; “Dân tộc Việt Nam một dân tộc cùng một gốc, một huyết thống từ những núi cao miền thượng du Bắc kỳ cho đến giáp giới Cao Miên”. Tuần báo Thanh niên số 34, ra ngày 7/5/1944, nêu khẩu hiệu: “Gây tình đoàn kết giữa người Việt ba kỳ”; “Khuyến khích hoạt động để chúng tỏ sức sống của người Việt”; “Phụng sự nghệ thuật nước nhà trên con đường mới”.

Với tinh thần giáo dục truyền thống yêu nước, Tuần báo Thanh niên có chuyên mục “*Trường quốc sử*” đã đăng nhiều bài nghiên cứu về Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, các đóng góp của Trưng Vương (trong cuộc khởi nghĩa chống nhà Hán của Hai Bà), của nhà Hậu Trần (trong cuộc chiến chống quân Minh xâm lược)...

Lúc đầu, báo có sự cộng tác của nhóm Tô Văn Cửa, Huỳnh Văn Nghệ, Bằng Giang..., sau có thêm Huỳnh Văn Tiểng, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Văn Nguyễn... Đặc biệt, báo có những bài viết chính luận sắc sảo của các nhà cách mạng Trần Văn Giàu, Hà Huy Giáp, Phạm Ngọc Thạch.... Với uy tín và tấm lòng của Huỳnh Tấn Phát, nhiều cây bút tên tuổi bấy giờ đã gửi bài cộng tác với Thanh niên, như Xuân Diệu, Mạnh Phú Tư, Huy Cận, Chế Lan Viên, Vũ Đình Liên, Nguyễn Hồng, Khuông Việt, Dương Tử Giang,... Và chính Tuần báo Thanh niên là nơi công bố những tác phẩm đấu tranh trực diện với chính quyền thực dân như bài hát nổi tiếng “Lên đàng” của Lưu Hữu Phước, vở kịch “Hội nghị Diên Hồng” của Mai Văn Bộ - Huỳnh Văn Tiểng...

Ngày 26/9/1944, tòa soạn báo Thanh niên (đặt tại nhà ông Võ Văn Khoa - đốc công ga Sài Gòn), bị mật thám bao vây, một số anh em bị bắt giam ở bót Catinat. Chủ nhiệm Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát trốn thoát và Tuần báo vẫn ra tiếp số 40 vào ngày 30/9/1944, đây là số cuối cùng với lời tạm biệt: “Các bạn hãy yên lòng: tạm biệt chớ không vĩnh biệt”!

Nhà nghiên cứu Bằng Giang, người từng viết cho Tuần báo Thanh niên nhận xét trong tác phẩm “Đường dây không đứt” (1993): “Thanh niên là một tuần báo có giá trị thật đặc biệt. Nó ít nói chính trị mà bài vở của nó ở các mục khác nhau hợp lại như một bản hòa tấu rất có chính trị. Nó vạch ra một hướng đi đúng theo dòng tiến hóa của lịch sử. Đối diện với hiện tại đen tối mà nó đã lên án gắt gao trong “một bản cáo trạng” sôi sục, nó phóng mắt về tương lai với một niềm tin sắt đá. Nó có ý thức đứng lên làm lịch sử và thiết tha mời gọi

đồng bào các giới đoàn kết cùng đứng lên, can đảm chấp nhận hy sinh để nối con đường lịch sử duy nhất đã bị gián đoạn”.

Có vòng đời ngắn từ tháng 9/1941 đến 9/1944, tờ Thanh niên đã trải qua ba đời chủ nhiệm, nhưng về sau, nhắc đến Tuần báo Thanh niên người ta chỉ còn nhớ đến tờ báo trong phiên bản mới của người chủ nhiệm sau cùng: Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát; Ông đã thấm nhuần và vận dụng sáng tạo Đề cương Văn hóa thể hiện qua vai trò chủ nhiệm báo Thanh Niên, dùng kênh báo chí để thúc đẩy hoạt động trong các phong trào Thanh niên Tiên Phong, truyền bá chữ Quốc ngữ, cứu tế nạn đói ở Bắc kỳ, từ đó từng bước gây dựng phong trào Thanh niên Tiên phong, để về sau trực tiếp tổ chức phong trào này và là Trưởng ban Cổ động, đưa phong trào Thanh niên Tiên trở thành một lực lượng cách mạng quan trọng của Cách mạng Tháng Tám ở Nam Bộ một năm sau đó.

Hoạt động sôi nổi của Huỳnh Tấn Phát đã góp phần thức tỉnh được tầng lớp trí thức Nam Bộ vốn đang bị chia rẽ, qua đó hiệu triệu được quần chúng nhân dân. Ánh sáng của Đề cương Văn hóa của Đảng đã soi đường, chỉ lối làm cách mạng, cứu nước cứu dân đúng đắn, khoa học và phù hợp thời thế, được chuyển tải ngắn gọn và dễ hiểu, truyền đạt tới quảng đại quần chúng qua báo Thanh niên. Chính vì vậy, qua báo Thanh niên Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát thu phục được các tầng lớp trí thức, những nhà tư sản lớn và các chức sắc tôn giáo (đặc biệt là đạo Cao Đài - Tôn giáo được xem là thuần túy dân tộc ở Việt Nam)... cùng chung trận tuyến cứu nước, cứu dân trên mặt trận văn hóa.

Có thể khẳng định, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* với sự tiếp sức của Tuần báo Thanh niên phiên bản mới do Huỳnh Tấn Phát làm chủ biên tuy trong một thời gian ngắn ngủi (trên dưới một năm) nhưng đã tạo ra sức lan tỏa mạnh mẽ về giá trị lịch sử của Đề cương Văn hóa ở Nam Bộ. Cách triển khai các chủ đề, tin bài trên báo Thanh niên, cách làm báo Thanh niên công khai của Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát đã thể hiện dấu ấn của Đề cương Văn hóa ở vùng đất mới - Nam Bộ. Với phương pháp tiếp cận thực sự khoa học, dân tộc và đại chúng, về sau tiếp nối báo Thanh niên, dấu ấn Đề cương văn hóa Việt Nam đã thể hiện một cách thuyết phục chuỗi giá trị của văn kiện độc đáo này trong từng công trình kiến trúc do Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát thực hiện: - gắn kết hài hòa giữa tư tưởng, học thuật và nghệ thuật; giữa văn hóa - kinh tế và chính trị; giữa các nguyên tắc dân tộc - đại chúng và khoa học; giữa Việt Nam và thế giới...

## 2. Dấu ấn của Đề cương Văn hóa Việt Nam từ các công trình của Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát

Sau khi Huỳnh Tấn Phát được bí mật kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 5 tháng 3 năm 1945, với những tình cảm gia đình dành cho đạo Cao Đài, là một trí thức cách mạng có uy tín, sớm tiếp cận Đề cương Văn hóa Việt Nam từ lúc đi học ở Hà Nội, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát đã vận động thành công nhà tư sản dân tộc theo đạo Cao Đài - Trương Cao Huyền ở Sài Gòn - Gia Định cho sử dụng ngôi biệt thự đang là nơi ở của gia đình, số 90 hẻm Cây Điệp, đường Richaud (nay là hẻm Cây Điệp, đường Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) làm hầm bí mật của bộ phận sinh viên trực đêm bắt tin đài phát thanh nước ngoài về chiến thắng của Đồng Minh, nhất là Hồng quân Liên Xô biên tập thành tin đăng tải Bản tin Dân chủ đoàn (lúc này Tuần báo Thanh niên không còn<sup>1</sup>) từ tháng 6 năm 1945, góp phần quan trọng đưa Cách mạng Tháng Tám bùng nổ ở Nam Bộ. Bức thư tay trưng bày tại Bảo tàng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của Phó Trưởng quản cứu trùng đài Hội Thánh Cao Đài Chiểu Minh ông Ngọc Tinh Vân năm 1988 thể hiện tình cảm với Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát: *“... tôi xin gửi đến ông một tấm ảnh mà tôi đã hân hạnh được chụp chung với ông tại Hội trường Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hậu Giang vào năm 1985. Một tấm ảnh làm cho tôi luôn luôn xúc động và tôi cũng suy nghĩ, nhớ về ông bởi vì ông là một con người đức độ vẹn toàn. Tôi nguyện học tập và noi gương theo ông để phục vụ đạo và đời tốt hơn nữa”*<sup>2</sup>.

Giác ngộ lý tưởng cách mạng, đến với Đề cương Văn hóa Việt Nam từ thời còn trên ghế nhà trường là cả một quá trình vận động tự nhiên, hợp quy luật, đi từ truyền thống giáo dục của gia đình, kiến thức, học thuật đến tình

---

1. Theo bà Bùi Thị Nga: sau tháng 8/1945, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát vẫn nung nấu ý tưởng phát hành lại tuần báo Thanh niên để có thêm vũ khí hữu hiệu chống Pháp, ông thuê căn nhà bí mật in báo. Tại đây khi bà đến thăm chồng, cả 2 đều bị địch bắt ngày 1/4/1946 - Tư liệu diên dã của tác giả tại Nhà lưu niệm kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát.

2. Bùi Thị Hoàn: *Những kỷ vật của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát tại Bảo tàng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, Báo Đại Đoàn kết, truy cập ngày 14/2/2023 tại link <http://daidoanket.vn/ky-niem-110-nam-ngay-sinh-dong-chi-huynh-tan-phat-1521913-1522023-nhung-ky-vat-cua-kien-truc-su-huynh-tan-phat-tai-bao-tang-mttq-viet-nam-5709635.html>.



cảm cách mạng và thái độ thích ứng với thời cuộc, đã khơi dậy lòng thương dân vốn có trong Huỳnh Tấn Phát. Đề cương Văn hóa Việt Nam không chỉ xây đắp nên nhân cách của một trí thức yêu nước và cách mạng chân chính ở Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát mà còn lan tỏa tạo hiệu ứng của mặt trận cách mạng văn hóa cho nhiều tầng lớp trí thức khác lúc bấy giờ. Các nhà nghiên cứu cho rằng, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát dù trải qua nhiều trọng trách trong hàng ngũ lãnh đạo cấp cao từ Chính phủ đến Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc... nhưng từ trong sâu kín tâm hồn, ông vẫn luôn canh cánh một thiên chức trời phú là: tài năng và trách nhiệm của một nhà văn hóa, nhà kiến trúc, của một con người dấn thân bằng chuyên môn, học thuật để làm cách mạng. Ông khai thác, ứng dụng nhuần nhuyễn giá trị tinh thần vượt thời đại của Đề cương Văn hóa Việt Nam thể hiện qua những kết tinh của di sản kiến trúc đô thị độc đáo để thiết kế các tòa biệt thự, nhà ở thích ứng với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu vùng Nam bộ theo hướng phát triển bền vững với giá trị cao về công năng sử dụng, về nghệ thuật kiến trúc, mang dấu ấn đặc sắc của một phong cách sáng tác vừa hiện đại, vừa đậm đà bản sắc văn hóa, nhân văn của một kiến trúc sư tài năng.

Đề cương Văn hóa Việt Nam đã có những dấu ấn trong những công trình kiến trúc thể hiện tầm nhìn, quan điểm bảo tồn phát triển bền vững di sản đô thị Nam bộ của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát; đây luôn là nỗi lo canh cánh trong sự nghiệp cách mạng và chuyên môn của ông - một kiến trúc sư tài năng lỗi lạc - “từ thời còn trai trẻ, trong tâm khảm ông đã ấp ủ hoài bão lớn và khát vọng cháy bỏng, muốn đem hết tài năng và trí tuệ để làm đẹp cuộc đời”<sup>1</sup> trong đó có ước vọng to lớn: thiết kế, xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn to đẹp hơn như Bác Hồ hằng mong muốn.

Sau năm 1954, ông được Đảng phân công ở lại nội thành Sài Gòn, tuy dấn thân trong cuộc sống cách mạng, ông vẫn miệt mài nghiên cứu, tham dự cuộc thi thiết kế nhà văn hóa đoạt giải nhì (không có giải nhất)<sup>2</sup>. Thư viện Sài Gòn (mà ông là đồng tác giả với kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiện) là một trong những công trình đẹp nhất Sài Gòn được cả giới chuyên môn, người thạo nghề

---

1. Bùi Thị Nga: *Đám cưới giữa mùa thu*, Nxb. Phụ nữ, 2003, tr.148.

2. Nguyễn Hữu Thái: *Nhớ anh nhớ mãi cách làm người* - <http://www.honvietquochoc.com.vn/bai-viet/4108-nho-anh-nho-mai-cach-lam-nguoi.aspx>, truy cập ngày 27/8/2019.

và công chúng đánh giá cao về giải pháp tổ chức không gian và hình khối chi tiết kiến trúc. Kỳ đài cao 15m ghi tên 11 vị trong Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ tại ngã tư đường Nguyễn Huệ - Lê Lợi, ông thiết kế và chỉ đạo thực hiện thần tốc trong vòng 1 đêm 24/8/1945 đã gây được ấn tượng tốt đẹp về cách mạng đối với nhân dân Nam bộ trong ngày cướp chính quyền ở Sài Gòn. Giáo sư Trần Văn Giàu - nguyên bí thư Xứ ủy Nam Kỳ, đã viết về thành tích này của ông: *“Đúng 10 giờ đêm Huỳnh Văn Tiểng và tôi đi bộ ra xem Huỳnh Tấn Phát xây đài xong chưa, thì hóa ra đúng 10 giờ đã mọc trên ngã tư Bonard Charner sừng sững, cao vọi, sáng rực một cột vuông uy nghi, giới thiệu cho đồng bào”*<sup>1</sup>.

Những năm chống Mỹ, dẫu bận trăm công ngàn việc ông cũng tranh thủ thiết kế chỉ đạo xây dựng nhiều phòng họp, hội trường, nơi ăn chốn ở phục vụ cho đại biểu về dự các hội nghị tại vùng căn cứ cách mạng ở Nam bộ. Năm 1972, ông thiết kế Thủ phủ Lộc Ninh - căn cứ Cách mạng của Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Công trình ông đã thiết kế hàng chục công trình như nhà hành chính, đài liệt sĩ, đền thờ Bác, khu giao tế, cung thiếu nhi, nhà văn hóa, nhà hát ngoài trời, hội trường, khách sạn, cửa hàng bách hóa, chợ, trường học, bệnh viện, khu thể dục thể thao, v.v.. Khi ông qua đời, bà Bùi Thị Nga phu nhân của ông đã tìm thấy trong di cảo để lại của ông hơn 60 bản vẽ do ông phác thảo, đây là những minh chứng cho thấy ông là người uyên thâm, có đầu óc thiết kế về quy hoạch đô thị và công trình với bút pháp thể hiện già dặn, thể hiện một tầm nhìn lạc quan, một khả năng sáng tạo tuyệt vời, một tư duy thông tuệ của một kiến trúc sư tài năng, một nhà văn hóa lớn đã tiếp cận và vận dụng tài tình Đề cương văn hóa Việt Nam trong cả sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp chuyên môn của mình.

Công trình này cho thấy những ý tưởng của ông về xây dựng một Thủ phủ của chính quyền cách mạng miền Nam trong giai đoạn lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với quan điểm bảo tồn và phát triển bền vững kiến trúc đô thị và chính tư tưởng kiến trúc nhân văn này đã giúp ông thành công trong công tác chuyên môn. Sau ngày thống nhất đất nước, khi tiếp tục chỉ

---

1. Phạm Văn Luân: *Tài liệu diên dã cá nhân về Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát* - 2018, tr.29.

đạo và tham gia nghiên cứu, sáng tác nhiều công trình lớn ở Hà Nội như: Cung thiếu nhi, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Nhà ga sân bay quốc tế Nội Bài, đặc biệt với vai trò là Trưởng ban chỉ đạo quy hoạch thủ đô kiêm chủ nhiệm Đồ án quy hoạch chung Hà Nội, ông còn chỉ đạo, góp ý các dự án thiết kế các đô thị như Thành phố Hồ Chí Minh, Phan Thiết, Nha Trang, Vũng Tàu - Côn Đảo, Tây Ninh, Lạng Sơn, v.v..

Tháng 3/1981 ông về thăm Bến Tre và làm việc với lãnh đạo tỉnh. Với tấm lòng của người con quê hương, bằng phong cách của một nhà chuyên môn, trước tấm bản đồ tỉnh Bến Tre ông tâm huyết trình bày ý tưởng khái quát quy hoạch phát triển thị xã Bến Tre thành một đô thị văn minh - hiện đại, không phải chỉ tầm nhìn ngắn hạn 5 - 10 năm, mà hàng trăm năm sau... Ông cho rằng không phải đô thị nào cũng như thị xã Bến Tre có sông Bến Tre, sông Hàm Luông đi qua ngay tâm. Ông Lê Chí Nhân - nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre là người trực tiếp lắng nghe, lĩnh hội ý kiến của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát trong cuộc làm việc này kể lại: “*Ông Huỳnh Tấn Phát luôn căn dặn phải lấy dòng sông Bến Tre làm trung tâm đô thị, là trục chính của thị xã Bến Tre...*”<sup>1</sup>. Đặc biệt, trong chuyến về Bến Tre tháng 3/1988, năm sau thì ông mất, đây là chuyến về thăm quê hương sau cùng của ông, Câu lạc bộ nhân sĩ trí thức tỉnh đã được vinh dự đón tiếp ông đến thăm và nói chuyện thân mật với hội viên. Ông cho rằng việc tập hợp trí thức từ bất kỳ nguồn đào tạo nào để cống hiến chất xám của mình xây dựng đất nước là hết sức quan trọng. Ông kêu gọi giới nhân sĩ trí thức Bến Tre đoàn kết xung quanh Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh cùng toàn dân tham gia xây dựng quê hương Đồng Khởi giàu đẹp thông qua công cuộc bảo tồn và gìn giữ kiến trúc, di sản đô thị nhỏ bé của mình luôn xanh tươi, bền vững và đẹp đẽ<sup>2</sup>. Với tình cảm đặc biệt dành cho quê hương, sau khi kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát qua đời, tháng 9/2004, ông đã được nhân dân Bến Tre lập đền thờ bên cạnh đình Tân Hưng, tên của ông đã được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều địa phương trong tỉnh... Tên tuổi của ông trường tồn với lịch sử “*một kiến trúc sư, một trí thức lớn sẵn*

---

1. *Địa chí Bến Tre*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.1206.

2. Xem Phạm Văn Luân: *Tài liệu điền dã tại gia đình Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát* - 2018, tr.29.

*sàng vớt bỏ mọi vinh hoa phú quý của xã hội thượng lưu, lao vào cuộc chiến đấu một mất một còn của nhân dân...”<sup>1</sup>.*

Noi gương ông, góp sức thực hiện tư tưởng được khởi phát từ Đề cương Văn hóa Việt Nam - góp phần bảo tồn và phát triển bền vững di sản đô thị Nam Bộ, những người con của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát thực hiện di nguyện của cha - muốn làm thật nhiều việc có ích cho quê hương đất nước. Gia đình ủng hộ xây dựng quỹ khuyến học Huỳnh Tấn Phát hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn ở quê nhà vươn lên trong học tập và cuộc sống, tổng số tiền quỹ khuyến học huy động từ gia đình của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát và của các tổ chức, cá nhân đã lên đến hàng tỷ đồng, với quê hương tính đến nay gia đình đã đóng góp cho địa phương 100 lượng vàng và 115.000.000đ...<sup>2</sup> Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định số 4889/QĐ-UBND ngày 29/10/2007 thành lập Quỹ học bổng Huỳnh Tấn Phát nhằm hỗ trợ sinh viên ngành Kiến trúc - Quy hoạch nghèo hiếu học và nhiều tài năng. Từ khi thành lập với số vốn ban đầu 331 triệu đồng (do gia đình cố kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát ủng hộ) nay quỹ đã phát triển lên 1 tỷ 118 triệu đồng, có 170 sinh viên được nhận học bổng với tổng số tiền gần 1 tỷ đồng<sup>2</sup>.

\*

\* \*

Nhiều nhà lãnh đạo, nhà nghiên cứu đã có đánh giá về cuộc đời, sự nghiệp của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, như cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh đã có lời cảm nhận sâu sắc về kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát: “*Huỳnh Tấn Phát luôn luôn để lại trong tôi và mọi người quen biết một tình cảm khó quên, một niềm kính phục và thương yêu, kính trọng mỗi khi có dịp nhớ tới hay ngồi cùng đàm đạo nhắc lại tên anh*”<sup>4</sup>. Nhưng từ lừng kính của giới chuyên môn, nghề kiến trúc mà tư tưởng bảo tồn và phát triển bền vững di sản đô thị Nam Bộ được khởi phát từ Đề cương văn hóa Việt Nam luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt sự nghiệp của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát. Tư tưởng đó không chỉ hiển hiện trong từng bản vẽ, mẫu thiết kế công trình cụ thể trong

---

1, 2. Xem Phạm Văn Luân: *Tài liệu điền dã tại gia đình Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát*, *Sđđ*, tr.32, 89.

di sản kiến trúc của ông để lại cho hậu thế mà ở cả trong tầm nhìn chiến lược của ông trong quy hoạch đô thị theo tinh thần Đề cương văn hóa, đặc biệt là từ nội dung và hình thức của nền văn hóa mới cũng như vấn đề kế thừa có chọn lọc các nền văn hóa khác nhau trên thế giới để làm giàu nền văn hóa Việt Nam trên lĩnh vực kiến trúc. Các công trình kiến trúc và tư tưởng bảo tồn và phát triển bền vững di sản đô thị Nam Bộ của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát đã làm sâu sắc và phong phú đường lối văn hóa của Đảng được soi sáng từ Đề cương Văn hóa Việt Nam năm 1943. Trong bối cảnh mới và mãi mãi về sau, từ các công trình có tính biểu tượng và tư tưởng bảo tồn và phát triển bền vững di sản đô thị Nam Bộ của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát đã thực sự trở thành một minh chứng hùng hồn của dấu ấn của Đề cương văn hóa Việt Nam ở Nam Bộ, qua đó khẳng định Đề cương Văn hóa Việt Nam sau 80 năm ra đời vẫn còn nguyên các giá trị lịch sử và đương đại sâu sắc, mãi mãi là ánh sáng soi đường, là cương lĩnh chỉ đạo tiến trình phát triển văn hóa Việt Nam.

# VẬN DỤNG NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀO QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TS. HÀ VĂN LUYẾN\*  
CN. HÀN ANH TUẤN\*\*

## 1. Khái quát những giá trị cốt lõi của “Đề cương văn hóa Việt Nam”

Tháng 2/1943, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên, nay là Hà Nội). Đây là văn kiện có giá trị lịch sử to lớn, sâu sắc của Đảng, được coi là tuyên ngôn của Đảng về một nền văn hóa *dân tộc, khoa học, đại chúng* và đây cũng là lần đầu tiên Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra một cương lĩnh văn hóa, mà ở đó nội dung, tính chất, tổ chức, định hướng phát triển của một cuộc cách mạng văn hóa chỉ có thể gắn với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và tương lai của nền văn hóa ấy sau khi cách mạng đã thành công<sup>1</sup>. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam lúc đó, với sự thống trị của chế độ thực dân nửa phong kiến, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là ngọn đuốc soi đường và định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động văn hóa cho toàn Đảng, toàn dân trong cuộc đấu

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

\*\* Công an huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

1. PGS.TS. Nguyễn Thế Kỷ: *Nhận thức lý luận của Đảng về văn hóa với cách mạng, với đổi mới và phát triển qua các chặng đường lịch sử cách mạng Việt Nam*, Tạp chí *Cộng sản* điện tử, [https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset\\_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nhan-thuc-ly-luan-cua-dang-ve-van-hoa-voi-cach-mang-voi-doi-moi-va-phat-trien-qua-cac-chang-duong-lich-su-cach-mang-viet-nam](https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nhan-thuc-ly-luan-cua-dang-ve-van-hoa-voi-cach-mang-voi-doi-moi-va-phat-trien-qua-cac-chang-duong-lich-su-cach-mang-viet-nam).

tranh giành độc lập tự do cho Tổ quốc, tiến lên xây dựng chế độ mới, nền văn hóa mới. Sự xuất hiện của Đề cương văn hóa đã thức tỉnh, lôi cuốn và tập hợp đông đảo nhân dân Việt Nam nói chung, giới trí thức và những người hoạt động văn hóa nói riêng tham gia vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xóa bỏ sự nô dịch về văn hóa, sự áp bức về chính trị và sự bóc lột về kinh tế của chủ nghĩa thực dân.

Với dung lượng chỉ khoảng 1.300 từ, nhưng Đề cương lại là một công trình khoa học thực sự, lần đầu tiên trình bày văn hóa Việt Nam và những vấn đề có liên quan như một hệ thống cấu trúc với một phương pháp tiếp cận nhất quán; tuy ngắn gọn, súc tích nhưng vẫn bảo đảm hệ thống các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc, với phương pháp tiếp cận khoa học. Đây là đỉnh cao trí tuệ, là sự nhận thức sắc bén về tình hình, là sức mạnh tinh thần vĩ đại mà cuộc cách mạng giải phóng đang cần.

Năm 1981, nhân dịp kỷ niệm 40 năm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, đồng chí Trường Chinh khẳng định: “Đề cương về văn hóa Việt Nam không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng Đề cương về văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup>. Bản Đề cương văn hóa không chỉ có giá trị to lớn trong điều kiện lúc đó của Việt Nam, sự ra đời của Đề cương văn hóa còn có ý nghĩa lịch sử rất lớn đối với việc xây dựng bản sắc văn hóa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Trải qua 80 năm, kể từ khi Đề cương văn hóa ra đời, cách mạng Việt Nam đã trải qua một chặng đường dài với những giai đoạn chuyển đổi theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở nghiên cứu, có thể khái quát về những giá trị cốt lõi của Đề cương văn hóa qua một số điểm sau đây:

*Một là, Đề cương về văn hóa Việt Nam* được xem là văn kiện có tính cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa; đề cập một cách toàn diện và sâu sắc những vấn đề có tính chất nền tảng về nguyên tắc, phương châm, phương hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, trong suốt 80 năm qua, những nội dung, giá trị cốt lõi của Đề cương được Đảng ta không

---

1. Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.3, tr.559.

ngừng kế thừa, vận dụng và phát triển để từng bước hoàn thiện tư duy lý luận và nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ qua các thời kỳ.

*Hai là*, Đề cương đã đặt nền móng lý luận cơ bản cho nhiều vấn đề quan trọng của văn hóa Việt Nam, góp phần thống nhất tư tưởng, nhận thức, định hướng cho những người làm văn hóa, văn nghệ, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Đồng thời, nhận rõ vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong việc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội, Đảng đề ra Đề cương văn hóa và làm cho nó trở thành một vũ khí tư tưởng sắc bén chống lại những âm mưu văn hóa ngu dân và nô dịch của phát xít, thực dân, đánh bại những khuynh hướng văn hóa sai lầm, tác hại đến việc giành lại độc lập dân tộc và tiến lên xây dựng một nền văn hóa mới Việt Nam.

*Ba là*, bản Đề cương đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với công cuộc giải phóng dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới: “Cách mạng văn hóa ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện phát triển. Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo”. Đồng thời, Đề cương đòi hỏi hoạt động văn hóa của nhân dân, của mỗi tổ chức và cá nhân cần quán triệt sâu sắc tính Đảng: “Tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam: văn hóa mới Việt Nam do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo chủ trương chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa Xôviết (như văn hóa Liên Xô chẳng hạn)”<sup>1</sup>; “phối hợp mật thiết phương pháp bí mật và công khai thống nhất mọi hoạt động văn hóa tiến bộ dưới quyền lãnh đạo của đảng vô sản mácxít”<sup>2</sup>.

*Bốn là*, Đề cương thể hiện khả năng dự báo chính xác, tầm nhìn vượt thời gian khi khẳng định tiền đồ, tương lai của văn hóa Việt Nam; tiến xa hơn khi vạch ra lộ trình của cuộc vận động văn hóa Việt Nam với những hình thức, bước đi và mục tiêu phù hợp với điều kiện lịch sử: “Văn hóa dân tộc Việt Nam

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.319, 321.



sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”<sup>1</sup>.

*Năm là*, với những nội dung, quan điểm phát triển, bản Đề cương đã có sức lôi cuốn, quy tụ, là ngọn cờ tập hợp các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giới trí thức, khoa học, văn nghệ sĩ tích cực tham gia vào cuộc chiến đấu quyết liệt cho sự toàn thắng của cách mạng dân tộc dân chủ, phá vỡ xiềng xích của văn hóa phát xít, thực dân và xây dựng, bảo vệ nền văn hóa mới cho tương lai của dân tộc Việt Nam.

*Sáu là*, Đề cương có giá trị thực tiễn quan trọng, đã xác định rất chính xác ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa của nước ta trong giai đoạn này, đó là: “dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); đại chúng hóa (chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng); khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm... Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trốn của bọn tởrốtkit”<sup>2</sup>. Đây là ba nguyên tắc cơ bản, cốt lõi nhất, không thể tách rời nhau và cũng là ba khẩu hiệu hành động, phản ánh đúng nhất thực trạng cuộc vận động văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ.

## **2. Vận dụng vào thực tiễn xây dựng văn hóa công an nhân dân trong tình hình mới**

Quán triệt sâu sắc những giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đồng thời, nhận thức một cách sâu sắc về tầm quan của văn hóa trong phát triển của quốc gia, dân tộc, sau năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những đổi mới quan trọng trong tư duy về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thể hiện và được khẳng định liên tục trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng từ năm 1987. Đặc biệt, gần đây nhất, trên cơ sở xác định chiến lược phát triển đất nước nhanh và bền vững, Văn kiện Đại hội III của Đảng xác định: “Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.319.

Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”<sup>1</sup>; “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030”<sup>2</sup>. Điều này cho thấy, phát triển văn hóa không chỉ là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội mà còn là nền tảng vững chắc, giải pháp căn cơ để đấu tranh ngăn ngừa sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và những tiêu cực trong đời sống xã hội.

Đối với lực lượng công an nhân dân, văn hóa công an nhân dân được hiểu là một bộ phận của nền văn hóa dân tộc, là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần được hình thành, phát triển, gắn liền với quá trình xây dựng, trưởng thành và phát triển của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam anh hùng.

Quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác văn hóa, Đảng ủy Công an Trung ương và Bộ Công an đã cụ thể hóa thành các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch công tác mang tính chiến lược về xây dựng văn hóa công an nhân dân, điển hình: Nghị quyết số 05-NQ/ĐUCA ngày 28/9/2021 của Đảng ủy Công an Trung ương về nâng cao chất lượng công tác văn hóa, văn nghệ đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; Chỉ thị số 14/CT-BCA ngày 11/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác văn hóa, văn nghệ công an nhân dân trong thời kỳ mới; Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước... Đồng thời, Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an đã chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác chính trị, tư tưởng; nắm và giải quyết những nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.33-34, 115-116.

cán bộ, chiến sĩ; siết chặt kỷ cương, kỷ luật, điều lệnh công an nhân dân; đẩy mạnh các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong toàn lực lượng; xây dựng và phát huy giá trị văn hóa công an nhân dân... góp phần nâng cao ý chí chiến đấu, bản lĩnh chính trị, lòng trung thành, ý thức phục vụ nhân dân, xây dựng văn hóa ứng xử, lối sống lành mạnh của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân, xây dựng hình ảnh đẹp của người cán bộ công an trong lòng nhân dân.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Bộ Công an, để thúc đẩy phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thời gian qua, công an các đơn vị, địa phương luôn chủ động xây dựng các kế hoạch công tác văn hóa, văn nghệ hằng năm. Đồng thời, cử cán bộ, chiến sĩ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ; tích cực tham gia các hội trại, các cuộc vận động sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật do Bộ Công an và tỉnh phát động như: Cuộc vận động sáng tác âm nhạc về công an nhân dân; cuộc thi ảnh đề tài “An ninh và cuộc sống”; hội thi nhiếp ảnh chủ đề Cuộc vận động “Xây dựng phong cách người Công an nhân dân bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ”...

Xây dựng môi trường văn hóa trong toàn lực lượng công an nhân dân gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã thu hút được đông đảo cán bộ, chiến sĩ tham gia, tạo được cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, xây dựng “Đơn vị văn hóa, gương mẫu chấp hành điều lệnh công an nhân dân”, tạo ấn tượng tốt, lan tỏa đến các khu dân cư. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Xây dựng phong cách người công an nhân dân bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ”; phong trào “Công an nhân dân học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy” gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Xuất hiện ngày càng nhiều tác phẩm văn học có giá trị về nội dung và nghệ thuật phục vụ đời sống văn hóa và cuộc chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Hoạt động sáng tác, quảng bá, lan tỏa hình ảnh người chiến sĩ công an nhân dân tận tụy, bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ thông qua các cuộc vận động, cuộc thi, trại

sáng tác và triển lãm các tác phẩm văn học và nghệ thuật về đề tài công an nhân dân đã thu hút nhiều văn nghệ sĩ, trí thức có uy tín ngoài lực lượng hưởng ứng và tham gia.

Bên cạnh đó, công an các đơn vị, địa phương đã đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ tại đơn vị cơ sở; xây dựng nhiều chương trình nghệ thuật, biểu diễn phục vụ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân; đặc biệt, phục vụ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Nổi bật là Đoàn Nghi lễ Công an nhân dân tổ chức biểu diễn nhiều chương trình nghệ thuật đặc sắc phục vụ nhân dân và khách quốc tế tại phố đi bộ Hồ Gươm (Thành phố Hà Nội) và phố đi bộ Nguyễn Huệ (Thành phố Hồ Chí Minh).

Hệ thống thiết chế văn hóa trong công an nhân dân và trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác văn hóa, văn nghệ được công an các đơn vị, địa phương đặc biệt quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, chiến sĩ học tập, rèn luyện, phát triển toàn diện; hệ thống bảo tàng, nhà văn hóa, phòng đọc, thư viện, tủ sách, nhà thi đấu... được đầu tư xây dựng, bảo đảm chính quy, cơ bản và có hệ thống, phát huy tốt vai trò, chức năng, hoạt động có chất lượng, hiệu quả, trở thành nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phong phú, đa dạng, hấp dẫn, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của cán bộ, chiến sĩ. Tập trung xây dựng Đề án Thư viện điện tử công an nhân dân; triển khai “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Nhân kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống lực lượng Cảnh sát nhân dân (1962-2022), Bộ Công an đã tổ chức lễ khánh thành Tượng đài “Công an nhân dân vì dân phục vụ” tại Thành phố Hà Nội, đây là công trình văn hóa mang ý nghĩa chính trị, lịch sử, giáo dục truyền thống cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, nhằm tôn vinh hình tượng cao đẹp, đóng góp của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Cảnh sát giao thông trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đội ngũ cán bộ quản lý, tham mưu về lĩnh vực văn hóa, văn nghệ từng bước trưởng thành, gắn bó, tâm huyết với nghề nghiệp. Các chi hội văn học nghệ thuật công an nhân dân (chi hội nhà văn, chi hội điện ảnh, chi hội sân khấu công an nhân dân) được củng cố, kiện toàn, phát huy tối đa khả năng của đội ngũ sáng tác, biểu diễn, tạo nhiều điều kiện thuận lợi để các văn nghệ

sĩ của ngành có nhiều sáng tác có giá trị nghệ thuật phục vụ đời sống tinh thần của cán bộ, chiến sĩ nói riêng và nhân dân nói chung. Bên cạnh đó, Bộ Công an đã tập trung chỉ đạo việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nhà hát Công an nhân dân, cơ chế vận hành của Nhà hát Hồ Gươm bảo đảm hiệu quả, chuyên nghiệp và uy tín, xứng tầm là trung tâm hưởng thụ văn hóa tinh thần của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Có thể khẳng định rằng, các hoạt động văn hóa trong công an nhân dân đã bám sát và phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của lực lượng công an nói chung và công an các đơn vị, địa phương nói riêng, các cuộc vận động, phong trào thi đua, gắn với đẩy mạnh tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc. Qua đó, góp phần tuyên truyền hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về an ninh, trật tự; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Văn hóa công an nhân dân thực sự đã trở thành “vũ khí” sắc bén của công tác tư tưởng văn hóa, góp phần đấu tranh vạch trần mọi âm mưu, hoạt động, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; phòng chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; phê phán những biểu hiện tiêu cực, bảo vệ cái đúng, cái tiến bộ, xây dựng thế trận lòng dân, mối quan hệ đoàn kết, gắn bó máu thịt giữa lực lượng công an với nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được là chủ yếu, việc xây dựng văn hóa công an nhân dân thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định. Nhận thức của một số cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ, chiến sĩ các cấp về vị trí, vai trò của văn hóa chưa đầy đủ. Hoạt động của một số thiết chế văn hóa ở cơ sở chưa phát huy hết vai trò, còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu. Chưa có nhiều công trình nghiên cứu văn hóa, tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí tương xứng với lịch sử hơn 75 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của lực lượng công an nhân dân, chưa phản ánh, lột tả hết được những hy sinh, vất vả, những chiến công thầm lặng của cán bộ, chiến sĩ trên trận tuyến bảo vệ an ninh, trật tự...

Để vận dụng và phát huy hơn nữa những giá trị trường tồn của *Đề cương văn hóa Việt Nam* vào xây dựng văn hóa công an nhân dân thời kỳ mới, đồng thời khơi dậy sức mạnh nội lực của cán bộ, chiến sĩ hướng vào hoàn thành các

mục tiêu xây dựng lực lượng “Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”<sup>1</sup>, thời gian tới, cần tập trung thực hiện có hiệu quả một số giải pháp trọng tâm sau đây:

*Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an, cấp ủy, thủ trưởng công an các đơn vị, địa phương đối với quá trình xây dựng văn hóa công an nhân dân.*

Đây là giải pháp cơ bản, quan trọng, mang tính quyết định đến chất lượng, hiệu quả của văn hóa công an nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa nói chung và văn hóa công an nhân dân nói riêng thông qua cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo, chỉ huy các cấp, là yếu tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho các hoạt động theo đúng định hướng chính trị, phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao. Thực tế cho thấy, đơn vị, địa phương nào, hoạt động văn hóa, văn nghệ được cấp ủy, thủ trưởng đơn vị quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư, tổ chức thực hiện chặt chẽ, có kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thì đơn vị, địa phương đó sẽ phát huy tốt trách nhiệm, động viên, thu hút được tinh thần sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ, đơn vị có đời sống văn hóa lành mạnh, chính trị, tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ ổn định, đơn vị vững mạnh toàn diện.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cấp ủy đảng, thủ trưởng công an các đơn vị, địa phương cần quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa quan điểm của Đảng về văn hóa để xây dựng nghị quyết, chương trình hành động, xác định rõ phương hướng, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của công tác văn hóa phù hợp với tình hình thực tế; đưa nội dung lãnh đạo nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện văn hóa công an nhân dân vào kế hoạch công tác thường xuyên của đơn vị. Nội dung, giải pháp xây dựng, hoàn thiện văn hóa của đơn vị phải cụ thể, toàn diện, có tính khả thi, phù hợp với yêu cầu công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng công an nhân dân. Phát huy tinh thần, thái độ “nêu gương” của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện. Đồng thời, kiên quyết phê phán những quan điểm sai trái, xem nhẹ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, thậm chí giao khoán cho cấp dưới đối với quá trình xây dựng văn hóa công an nhân dân.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.158.

*Hai là, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho cán bộ, chiến sĩ về văn hóa công an nhân dân và xây dựng văn hóa công an nhân dân trong tình hình mới.*

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, thủ trưởng công an các đơn vị, địa phương phải thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ những quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng thiết chế văn hóa tại đơn vị, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... Đồng thời, chú trọng tuyên truyền, nâng cao cảnh giác cho cán bộ, chiến sĩ trước âm mưu, phương thức, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật; ngăn chặn triệt để sự xâm nhập của lối sống thực dụng, các ấn phẩm văn hóa độc hại và các tệ nạn xã hội vào trong nội bộ lực lượng công an. Tăng cường tuyên truyền sâu rộng về những hoạt động của lực lượng công an nhân dân, nhất là cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng hình tượng người công an cách mạng “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ”. Lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống báo chí, phát thanh, truyền hình trong công an nhân dân hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích; mở thêm và đa dạng các nội dung, hình thức tuyên truyền trong chuyên mục về văn hóa công an nhân dân.

*Ba là, xây dựng văn hóa giao tiếp, ứng xử trong công an nhân dân gắn với thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy công an nhân dân, Cuộc vận động “Xây dựng phong cách người công an nhân dân, bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ”.*

Văn hóa ứng xử Công an nhân dân Việt Nam là văn hóa chính trị và là một bộ phận cấu thành văn hóa. Đây là hệ thống thái độ và hành vi của công an các đơn vị, địa phương và cá nhân cán bộ, chiến sĩ công an được xác định để xử lý tốt nhất các mối quan hệ với tổ chức, cá nhân trong và ngoài lực lượng công an nhân dân, với môi trường tự nhiên và với chính bản thân mình trong thi hành công vụ, trong sinh hoạt cộng đồng và các hoạt động giao tiếp khác, dựa trên các chuẩn mực xã hội về chính trị, pháp luật, đạo đức và văn hóa Việt Nam. Do vậy, công an các đơn vị, địa phương phải thường xuyên tổ chức

tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức về văn hóa ứng xử cho cán bộ, chiến sĩ công an. Căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế, tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về văn hóa, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho cán bộ, chiến sĩ, trước hết là các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ chuyên trách công tác văn hóa, văn nghệ và các lực lượng thường xuyên phải tiếp xúc, giải quyết công việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử trong công an nhân dân mang tính nhân dân sâu sắc, gắn với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, “Trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân”, công an nhân dân là “công bộc của dân”, là “người bạn của nhân dân”.

*Bốn là, chủ động nắm chắc tình hình “từ sớm, từ xa, từ cơ sở”, kịp thời đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng.*

Văn hóa là một trong ba trụ cột của đất nước, đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, đây là mặt trận nóng bỏng, quyết liệt, phức tạp giữa ta và các thế lực thù địch. Vì vậy, cấp ủy, thủ trưởng công an các cấp cần làm tốt công tác nắm tình hình, kịp thời đưa ra các biện pháp phòng ngừa phù hợp, đấu tranh triệt để với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, vi phạm pháp luật trên lĩnh vực văn hóa. Tập trung phê phán những khuynh hướng văn hóa, văn học nghệ thuật, báo chí trái với quan điểm, đường lối của Đảng, xa rời hiện thực, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc, “kiên quyết đấu tranh, loại bỏ các sản phẩm, thông tin độc hại, xuyên tạc, phản động, ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội”<sup>1</sup>. Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí, xuất bản công an nhân dân trong đấu tranh với các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch.

*Năm là, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động sáng tác, quảng bá và nghiên cứu về đề tài hình ảnh lực lượng công an nhân dân.*

Đẩy mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài cách mạng, bảo vệ an ninh, trật tự nhằm lan tỏa sâu rộng nền văn hóa an toàn, lành mạnh, hòa quyện chặt chẽ hai yếu tố văn hóa và an ninh, trật tự, góp phần

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.146.



huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Tổ chức tốt các trại sáng tác, các cuộc thi sáng tác văn học và nghệ thuật về đề tài công an nhân dân. Chú trọng nâng cao giá trị tư tưởng, nghệ thuật trong các tác phẩm, đồng thời bảo đảm tự do, dân chủ trong sáng tạo văn học và nghệ thuật; khuyến khích những tìm tòi mới làm phong phú thêm hình ảnh của lực lượng công an trong lòng nhân dân. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các chi hội văn học và nghệ thuật trong công an nhân dân nhằm tập hợp đông đảo văn nghệ sĩ trong và ngoài lực lượng tham gia; khuyến khích tự do sáng tạo, thực thi quyền tác giả. Tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, tổng kết thực tiễn về văn hóa công an nhân dân; vận dụng những giá trị của văn hóa công an nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng công an nhân dân.

*Sáu là, tập trung đầu tư, xây dựng, phát triển đời sống văn hóa lành mạnh và củng cố, tăng cường hệ thống thiết chế văn hóa trong công an nhân dân.*

Cấp ủy, thủ trưởng công an các đơn vị, địa phương phải xác định rõ vai trò quan trọng của môi trường văn hóa đối với việc rèn luyện nhân cách, phẩm chất đạo đức, lối sống, nếp sống của cán bộ, chiến sĩ. Tập trung thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở nơi đơn vị đóng quân và nơi cán bộ, chiến sĩ cư trú. Công tác thông tin, cổ động trực quan trong khuôn viên trụ sở làm việc, nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, địa điểm tiếp dân phải bám sát nhiệm vụ công tác tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; phục vụ nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa và chấp hành điều lệnh công an nhân dân của cán bộ, chiến sĩ.

Tiếp tục rà soát quy hoạch, tăng cường đầu tư củng cố, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục thể thao trong công an nhân dân. Chú trọng đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng trụ sở mới, bộ phận trực tiếp tiếp công dân và nơi sinh hoạt văn hóa của đơn vị, bảo đảm khang trang, xanh, sạch, đẹp, an toàn, chính quy, hiện đại. Ưu tiên quy hoạch, đầu tư, phát triển hệ thống thư viện, phòng đọc... ở công an các đơn vị, địa phương phục vụ đời sống tinh thần của cán bộ, chiến sĩ. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo tồn, bảo tàng phục vụ nhiệm vụ giáo dục truyền thống, lịch sử đấu tranh

cách mạng và lịch sử công an nhân dân, khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc và tự hào về bản chất cách mạng, truyền thống vẻ vang của lực lượng công an nhân dân trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

*Bây là, đổi mới cơ chế, chính sách hợp lý thúc đẩy hoạt động văn hóa, văn nghệ trong công an nhân dân.*

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng tổ chức các hội diễn, hội thi, liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp và nghệ thuật quần chúng trong toàn lực lượng. Tập trung rà soát, bổ sung, sửa đổi các văn bản quy định về hoạt động văn hóa, văn nghệ trong công an nhân dân bảo đảm đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phù hợp với tính chất, nhiệm vụ và yêu cầu xây dựng lực lượng công an nhân dân. Tập trung bồi dưỡng, giáo dục, xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa, văn nghệ sĩ trong công an nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ văn hóa trong tình hình mới. Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút, tuyển chọn các chuyên gia trên lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật, các văn nghệ sĩ, diễn viên tài năng, đội ngũ làm công tác sáng tác, biên kịch, đạo diễn, biên đạo chuyên nghiệp về công tác lâu dài trong lực lượng công an nhân dân.

**PHƯƠNG CHÂM “KHOA HỌC HÓA”  
TRONG “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 -  
GIÁ TRỊ TRONG THU HÚT ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC,  
XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ  
BẢN SẮC DÂN TỘC HIỆN NAY**

TS. NGUYỄN THỊ LUYỆN\*

Văn hóa là linh hồn của nhân loại trong quá trình tồn tại và phát triển, là hệ giá trị tư tưởng, động lực tinh thần thúc đẩy xã hội không ngừng tiến bộ, đồng thời là mục tiêu của sự phát triển kinh tế - xã hội. Xã hội càng phát triển, vai trò của văn hóa càng trở nên nổi bật. Trong bối cảnh hội nhập và kinh tế tri thức đang phát triển mạnh mẽ, việc có được nền văn hóa tiên tiến đậm nét bản sắc dân tộc hay không, và nền văn hóa ấy có thực sự thúc đẩy sự phát triển xã hội hay không sẽ liên quan đến sự tồn vong của một quốc gia, một dân tộc và một chính đảng. Trong khi đội ngũ trí thức giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế - xã hội bền vững, độc lập, tự chủ và hội nhập. Làm sao để phát huy tốt nhất vai trò của đội ngũ trí thức trong xây dựng nền văn hóa quốc gia trong điều kiện dân chủ và phát triển hiện nay để văn hóa thực sự là động lực phát triển bền vững đất nước là vấn đề cần được chú trọng, trong đó, kế thừa và tiếp tục phát triển giá trị tư tưởng trước đó là cần thiết.

Nhìn lại lịch sử cách mạng, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời năm 1943 do Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam)

---

\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

soạn thảo với nội dung hết sức khái quát nhưng Đề cương đã có vai trò to lớn, định hướng xuyên suốt hoạt động trên mặt trận văn hóa.

Trong bối cảnh đêm trước cuộc Cách mạng dân tộc dân chủ, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ra đời với ba phương châm *dân tộc hóa, đại chúng hóa* và *khoa học hóa*, thực chất là ba tính chất gắn với truyền thống dân tộc, thuộc về nhân dân và thấm nhuần tinh thần khoa học như ba trụ cột cơ bản, bảo đảm cho văn hóa Việt Nam phát triển và cách mạng thành công. Đề cương thể hiện tư tưởng lớn về văn hóa, có tính chất khai phóng cho sáng tạo và hành động, đặc biệt là khả năng tập hợp lực lượng, nhất là đội ngũ trí thức. Qua 80 năm đổi thay và phát triển, nhìn lại những quan điểm lớn nhất của Đảng về văn hóa mới thấy hết những minh triết của cách tiếp cận vấn đề, tính thực tiễn và khoa học của những luận điểm được nêu ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 với sứ mệnh lịch sử đặc biệt. Tư tưởng vì dân tộc, đại chúng với một thái độ khách quan, đúng đắn của một nhân quan khoa học luôn có sức hút, sức hấp dẫn và khả năng quy tụ trí thức tâm huyết với đất nước ở bất kỳ giai đoạn nào trong lịch sử (Phạm Quang Long, 2023).

Phát huy giá trị về nguyên tắc khoa học, tinh thần quy tụ đội ngũ trí thức từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trong quy tụ lực lượng, phát huy vai trò đội ngũ trí thức, nhà khoa học và văn nghệ sĩ trong xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc Việt Nam trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay được đặt ra để thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước trong thời kỳ mới. Đây chính là nội dung cơ bản tham luận hướng tới và làm rõ.

### **Khái lược về văn hóa và khoa học**

#### ***Xây dựng nền văn hóa Việt Nam trở thành động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước***

Văn hóa là một khái niệm rộng lớn, bao chứa các khái niệm tình cảm, tâm lý, truyền thống, tập quán, lối sống, đạo đức, khoa học, tôn giáo, nghệ thuật... Nói đến văn hóa là nói đến con người với trình độ tri thức và sự ứng xử đối với thế giới xung quanh và với chính mình. Theo UNESCO, văn hóa là tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo (của cá nhân và cộng đồng) trong quá khứ và trong hiện tại. Qua hàng thế kỷ các hoạt động sáng tạo ấy

đã cấu thành nên hệ thống các giá trị, các truyền thống và thị hiếu, thẩm mỹ và lối sống, mà dựa trên đó, từng dân tộc khẳng định bản sắc riêng của mình. Gần với quan niệm của UNESCO, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra định nghĩa về văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như vì mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” (Hồ Chí Minh, 2011, t.3, tr.58). Mỗi dân tộc có một truyền thống, một bản sắc văn hóa riêng được hình thành trong lịch sử, qua thử thách của thời gian và thực tiễn sàng lọc, thẩm thấu. Chính vì vậy, truyền thống văn hóa bám rễ, ăn sâu vào tâm khảm của các thế hệ và có tính bền vững tương đối nhưng không phải là bất biến. Bản sắc văn hóa là nét độc đáo tạo ra sức sống của một dân tộc không lẫn với dân tộc khác. Văn hóa được coi là bộ lọc để thẩm thấu bỏ đi những yếu tố bên ngoài không phù hợp với dân tộc, tiếp nhận những giá trị mới nhưng tiến bộ của nhân loại để làm giàu thêm những giá trị truyền thống (Trần Hồng Lưu, 2022, tr.43).

Việt Nam có một nền văn hóa truyền thống với sức sống mãnh liệt. Điều đó đã được kiểm chứng qua đấu tranh giành độc lập, thống nhất giang sơn và phát triển bền vững. Trong số hàng trăm quốc gia hiện có trên thế giới, không phải ngẫu nhiên Việt Nam được UNESCO công nhận là *một trong số 34 nền văn hóa có bản sắc văn hóa riêng của thế giới* (Hồ Sĩ Quý, 2005). Nhằm phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, giữ gìn bản sắc tốt đẹp của dân tộc, Đại hội XII của Đảng đã xác định: “Chủ động hợp tác và giao lưu quốc tế về văn hóa, quảng bá văn hóa Việt Nam, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện và môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội. Nâng cao hoạt động của các thể chế văn hóa. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.303). *Định hướng*

*cho giai đoạn phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030*, Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thật sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.115-116).

### ***Khoa học và mối quan hệ giữa khoa học và văn hóa***

Khoa học được hiểu là một hệ thống tri thức về tự nhiên xã hội và tư duy, về những quy luật phát triển khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy. Nó giải thích một cách đúng đắn nguồn gốc của các sự vật hiện tượng, phát hiện ra những mối liên hệ của các hiện tượng, mang lại cho con người những tri thức về quy luật khách quan của thế giới hiện thực để con người áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Được hình thành trong lịch sử, khoa học không ngừng phát triển trên cơ sở thực tiễn xã hội. Khi xem *Khoa học là hệ thống tri thức về mọi quy luật của vật chất và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy thì không thể không nhận biết về mối liên hệ biện chứng giữa khoa học và văn hóa*. Nhìn một cách tổng quát, tác dụng của văn hóa trong phát triển xã hội loài người chủ yếu biểu hiện ở bốn mặt: *một là*, ghi chép, lưu giữ, gia công và truyền nói, kế thừa tin tức; *hai là*, ảnh hưởng, ràng buộc hoạt động nhận thức và kết quả nhận thức của mọi người; *ba là*, điều hòa, kiểm soát thực tiễn xã hội và quan hệ giữa người với người; *bốn là*, vượt lên tính hạn chế của hiện thực, sáng tạo ra thế giới quan niệm và thế giới lý tưởng mới (Mai Hải Oanh, 2011). Theo đó, khoa học, đặc biệt là khoa học xã hội nhân văn là bộ phận hợp thành quan trọng của văn hóa loài người. Nếu nói về sức sản xuất thì khoa học - kỹ thuật có nhiệm vụ xây dựng văn minh vật chất xã hội chủ nghĩa, còn văn hóa tiên tiến có nhiệm vụ xây dựng văn minh tinh thần xã hội (Mai Hải Oanh, 2011).

Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, khẳng định xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, lấy đào tạo công dân có lý tưởng, có đạo đức, có văn hóa, có kỷ luật làm mục tiêu phát triển văn hóa xã hội chủ nghĩa, dân tộc, khoa học, đại chúng, hướng tới hiện đại hóa, hướng ra thế giới. Theo tinh thần ấy, văn hóa là sức mạnh quan trọng, tụ hội và khích lệ toàn dân, là tiêu chí quan trọng hợp thành sức mạnh tổng hợp đất nước. Quan điểm văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, động lực phát triển kinh tế - xã hội đã được Đảng ta nhiều lần khẳng định.

**Phương châm “khoa học hóa” nhằm thu hút lực lượng trí thức trong xây dựng nền văn hóa cách mạng - giá trị vận dụng trong quy tụ, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc**

Khi dự thảo *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đảng ta nắm vững và quán triệt sâu sắc những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, khẳng định mối quan hệ không tách rời giữa văn hóa và kinh tế, chính trị. Đề cương chỉ rõ: Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng nên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc) (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tr.316).

Với ba phương châm (nguyên tắc) lớn của cuộc “vận động văn hóa mới Việt Nam trong giai đoạn này” là *dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa*, ở mỗi mục đều có giải thích rõ nội dung cơ bản của phương châm đó là gì. Dân tộc hóa là “chống mọi ảnh hưởng nô dịch, thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”, đại chúng hóa là “chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đại chúng hoặc xa đông đảo quần chúng” và khoa học hóa là “chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”. Ba nguyên tắc lớn này phải thắng trong cuộc đấu tranh chống lại “những xu hướng bảo thủ, triết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v..” đồng thời cũng chống cả “xu hướng văn hóa quá trớn của bọn Tờrốtkit” (Phạm Quang Long, 2023).

Câu hỏi đặt ra là, vì sao cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 có sức lôi cuốn nhiều trí thức, các nhà hoạt động xã hội có xu hướng chính trị khác với Đảng Cộng sản đến với cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo như vậy?

Chỉ có thể lý giải điều này qua tư tưởng lớn mang tính khách quan, khoa học và hợp lý thể hiện trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* qua 3 phương châm cốt lõi, trong đó phương châm khoa học, khai phóng mang tính quyết định. Theo Phạm Quang Long (2023), văn hóa là phải gắn bó chặt chẽ với đời sống dân tộc, với truyền thống di sản của ông cha, gắn bó với đời sống nhân dân, phục vụ nhân dân và tất cả thái độ tiếp cận từng vấn đề, cả trong tiếp nhận di sản, trong nghiên cứu khoa học hay sáng tạo thì tư tưởng vì dân tộc, đại chúng với một thái độ khách quan, đúng đắn của một nhà khoa học vẫn là những nguyên tắc quan trọng nhất. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã đem lại một không khí mới cho văn hóa Việt Nam. Sự khai phóng về tư tưởng văn hóa, đường hướng trở về với dân tộc, nhân dân và góc nhìn sự vật dưới con mắt biện chứng đã đem lại một cảm hứng mới cho những người làm văn hóa, những trí thức đang muốn thay đổi, muốn tìm đường đi mà chưa thấy lối. Chính thế giới quan khoa học và nhân sinh quan mới đã làm cho nhiều trí thức yêu nước, nhiều văn nghệ sĩ, nhân sĩ, các nhà hoạt động văn hóa lúc này từ bỏ quan niệm cũ, tin tưởng vào chủ trương cứu quốc, văn hóa soi đường cho quốc dân đi. Theo Phạm Quang Long (2013), đây là cuộc nhận đường đầu tiên của đội ngũ trí thức để đến với Cách mạng. Từ đây đội ngũ trí thức là những người tiên phong đi đến với cách mạng và là lực lượng chủ chốt để tham gia xây dựng nền văn hóa mới. Thời kỳ này một lực lượng rất lớn những người có tư tưởng tiến bộ trong mặt trận Văn hóa cứu quốc. Không phải ngẫu nhiên mà sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 hầu hết các trí thức, văn nghệ sĩ đã nhìn thấy con đường đi với nhân dân, phụng sự Tổ quốc là con đường lớn cho sự nghiệp và cuộc đời mình. Tinh thần với niềm tin và lòng yêu nước, cùng thái độ phụng sự Tổ quốc của đội ngũ trí thức lan tỏa trong nhân dân tạo sự cộng hưởng lớn toàn xã hội tin vào đường lối cách mạng, quyết tâm làm cách mạng đi đến thành công. Điều này được minh chứng qua thực tiễn, sau khi cách mạng thành công, một sức sống mới của dân khí và dân trí Việt đã từng bước làm thay đổi bộ mặt của đất nước. Tư tưởng lớn của Đảng thể hiện qua *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 mà một trong những giá



trị cốt lõi là phương châm “khoa học hóa” không chỉ đáp ứng yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân nhân của Việt Nam trước đây mà còn đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới hiện nay, quy tụ đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với kinh tế trí thức phát triển và sự hội nhập thế giới sâu rộng, Việt Nam hướng tới sự bền vững trong sự phát triển kinh tế - xã hội. Để phát triển bền vững, nguồn lực con người, trong đó đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ nước nhà đóng vai trò rất quan trọng, có ý nghĩa then chốt đối với vận mệnh và tương lai dân tộc. “Phi trí bất hưng”<sup>1</sup> hay “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn”<sup>2</sup> đều đã được đúc kết từ các bậc tiền nhân. Ngay khi nước nhà giành độc lập, gặp vô vàn khó khăn, Bác Hồ đã đặc biệt quan tâm đến việc thu hút và trọng dụng nhân tài cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Người chỉ rõ: “Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức”<sup>3</sup>. Đội ngũ các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ chính là nguyên khí của quốc gia, là “vốn quý của dân tộc” như sinh thời Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định. Nói đến các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, trước tiên là nói đến tài năng, tâm huyết, lòng yêu nước, sự gắn bó với thời cuộc, tinh thần trách nhiệm với quốc gia, dân tộc, với nhân dân. Đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư tại Hội nghị lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong buổi gặp mặt đại biểu trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ Xuân Quý Mão 2023 tại Hà Nội ngày 16/2/2023 đã phát biểu: Để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đã đề ra, đòi hỏi toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu toàn diện; trong đó, đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ giữ vai trò tiên phong, “là lớp tiên tri, tiên giác” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định... Hiện nay, Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

---

1. Lê Quý Đôn.

2. Thân Nhân Trung.

3. Bài “Tìm người tài đức”, Bác Hồ viết năm 1948.

đã tập hợp khoảng 2,2 triệu trí thức, nhà khoa học; Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam tập hợp hơn 40 nghìn văn nghệ sĩ. Ngoài ra, còn lực lượng hùng hậu các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ đang hoạt động ở nhiều lĩnh vực, đang sinh sống, học tập và làm việc ở nước ngoài... Với lực lượng trí thức và văn nghệ sĩ hùng hậu hiện nay, họ vừa có “sức mạnh” trí tuệ đồng thời có “sức mạng” về sự lan tỏa, ảnh hưởng, nếu quy tụ được và phát huy tốt vai trò của lực lượng ưu tú này sẽ góp phần quyết định trong xây dựng nền văn hóa quốc gia phát triển.

Trong sâu thẳm tâm hồn mỗi người, đặc biệt là trí thức và văn hóa, luôn ẩn chứa tinh thần nhân văn, tình cảm sâu sắc với quê hương, đất nước và con người. Trong mọi hoàn cảnh và sự biến động, nguồn lực tinh thần này luôn bền vững. Trong đấu tranh cách mạng, tinh thần của Đảng qua *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã khơi gợi biến nguồn lực này thành niềm tin tất thắng, giới trí thức yêu nước tuyệt đối tin tưởng vào mục tiêu cách mạng, họ đã lan tỏa tinh thần này tới nhân dân tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng đến thành công. Trong xây dựng đất nước, làm sao phát huy được sức mạnh tổng hợp từ nguồn lực tinh thần với niềm tin này của giới trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ “thời đại mới” vào đường lối của Đảng, công cuộc đổi mới của đất nước. Đặc biệt trong điều kiện, khoa học phát triển như vũ bão, thông tin lan tỏa với tốc độ sóng điện tử trên phạm vi toàn cầu, dân chủ xã hội ngày càng được mở rộng, tự do học thuật ngày càng cao,... cùng với cơ chế tiền hàng từ kinh tế thị trường ngày càng tác động mạnh... đối với các tầng lớp nhân dân, trong đó có đội ngũ trí thức. Trong bối cảnh này, để quy tụ, xây dựng niềm tin, phát huy tinh thần đội ngũ trí thức phải chăng đó chính là cần tiếp tục đảm bảo và đề cao nguyên tắc khoa học cùng các nguyên tắc khác trong xây dựng nền văn hóa quốc dân. Theo đó, định hướng phát triển nền văn hóa cũng cần đảm bảo tính khoa học (kế thừa, khách quan, biện chứng), hợp lý và khả thi; quản trị văn hóa cũng cần có quy trình đảm bảo tính khoa học và nhân văn; nghiên cứu, sáng tác cần đáp ứng các tiêu chí khoa học và thực tiễn.

\*

\* \*

Với *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, Đảng ta đã đưa ra được một cương lĩnh về một nền văn hóa tập trung cho nhiệm vụ cứu quốc và mục tiêu ấy đã thành công. Gắn bó với đời sống dân tộc, với những nhiệm vụ chính trị, xã hội xuyên suốt gần một thế kỷ tồn tại, nhiệm vụ cứu quốc, kháng chiến, kiến quốc, mở đường cho những phong trào yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nền văn hóa Việt Nam từ sau 1945 đến nay đã đóng góp một phần quan trọng vào lịch sử đương đại. Tiếp tục phát huy giá trị thực tiễn và khoa học của Đề cương, thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, như mong muốn của đồng chí Võ Văn Thưởng, “các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ trong và ngoài nước tiếp tục tận tâm, tận hiến vì quốc gia, dân tộc trong vận hội mới; giữ vững cốt cách, tinh thần như tùng, như bách; không ngừng phát huy tài năng, trí tuệ, tăng cường đoàn kết, hợp tác, chú trọng đào tạo, dìu dắt thế hệ kế cận sẵn sàng gánh vác trọng trách trong tương lai..., quyết tâm lớn lao vì một nước Việt Nam cường thịnh, phồn vinh, hạnh phúc”.

## SỰ VẬN DỤNG VÀ PHÁT HUY THÀNH CÔNG NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” TRONG SÁNG TÁC HỘI HỌA Ở MIỀN BẮC GIAI ĐOẠN 1945-1975

PGS.TS. BÙI THỊ THANH MAI\*

### Những giá trị cốt lõi của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”

Văn kiện đầu tiên của Đảng về văn hóa, trong đó có văn học, nghệ thuật, đó là *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Đề cương đặt văn hóa ở vị trí hàng đầu và xác định phạm vi, nội hàm của văn hóa, bao gồm ba phương diện: tư tưởng, học thuật, nghệ thuật. Định hướng xuyên suốt của Đề cương ở “Ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn này”, đó là:

“a. Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).

b. Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

c. Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ)”<sup>1</sup>.

Đề cương văn hóa đã đúc kết những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, phản ánh đúng, kịp thời những đòi

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.23-24.

hỏi của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa cách mạng, là định hướng quan trọng cho sự ra đời của nền văn hóa, văn nghệ Việt Nam mới. Văn hóa được xác định là một trong ba mặt trận: kinh tế, chính trị, văn hóa. Cùng với làm cách mạng chính trị, còn phải làm cách mạng văn hóa; có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới định hướng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả. Đề cương nêu rõ nguy cơ của nền văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật, Pháp; phân tích mối quan hệ giữa cách mạng chính trị và cách mạng văn hóa; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng văn hóa. Tình thế đặc biệt của lịch sử và nhu cầu cấp thiết của cách mạng đã dẫn đến sự đề cao, quan tâm trước hết về nội dung, về những biểu hiện tính đảng, tính dân tộc trong nội dung các sáng tác văn hóa, nghệ thuật.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã trở thành ngọn cờ tập hợp, dẫn đường cho giới trí thức xây dựng nền văn hóa, nghệ thuật đương thời mang đậm tính dân tộc, tính chiến đấu, góp phần vào sự thắng lợi của cách mạng dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới. Đề cương xác định: nhiệm vụ cần kíp và các công việc phải làm cho những người làm công tác văn hóa và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam:

“a) Tranh đấu về học thuyết, tư tưởng (đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á, có ít nhiều ảnh hưởng tai hại ở ta: triết học Khổng, Mạnh, Đêcác (Descartes), Bécông (Bergson), Căng (Kant), Nítơ (Nietzsche), v.v.; làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng).

b) Tranh đấu về tông phái văn nghệ (chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng, v.v.) làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng)<sup>1</sup>.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã xây dựng mục tiêu là dùng văn hóa để thống nhất trong nhận thức về lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và trở thành sức mạnh cho dân tộc. Quan điểm và sự lãnh đạo của Đảng về văn hóa đã tác động, đặt dấu ấn cho một giai đoạn văn học, nghệ thuật Việt Nam. Nghệ thuật lúc này được yêu cầu trở thành tiếng nói của quần chúng, tiếng nói của thời đại và là vũ khí sắc bén của cách mạng. Trong giai đoạn kháng chiến cứu quốc, các hoạt động tuyên truyền cổ động, thông tin đại chúng, văn hóa, văn nghệ

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.27-28.

được tổ chức nhằm biểu dương và cổ vũ mạnh mẽ các điển hình cá nhân và đơn vị tiên tiến, nhân rộng phong trào “người người thi đua, nhà nhà thi đua, ta nhất định thắng, địch nhất định thua” theo huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khẩu hiệu “Kháng chiến hóa văn hóa - Văn hóa hóa kháng chiến”, cùng với khẩu hiệu “dân tộc - hiện thực - khoa học - đại chúng”, “Toàn dân kháng chiến - toàn diện kháng chiến”... góp phần hình thành một dòng nghệ thuật hội họa theo phong cách hiện thực, thể hiện tính dân tộc và tính quần chúng, hướng tới phục vụ nhiệm vụ chính trị, ca ngợi gương anh hùng cách mạng. Đối tượng phục vụ là công - nông - binh, do vậy các tác phẩm hội họa cần phải dễ hiểu, giản dị, gần gũi với quần chúng. Trong bài nói tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc miền Bắc lần thứ III năm 1962, đồng chí Trường Chinh đã nhắc các nghệ sĩ: “Nếu những điều quần chúng suy nghĩ sau khi thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật trái hẳn với chủ định của tác giả thì tác giả phải xem lại nội dung tư tưởng của tác phẩm, xem lại cách thể hiện của mình, nhất là xem lại chủ đề và lập trường tính đảng có ăn khớp với nhau không?”. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, hội họa kháng chiến có mục đích đề cao chủ nghĩa anh hùng và chiến thắng, những giá trị mang tính lạc quan, cổ vũ tinh thần cách mạng của quân và dân ta.

### **Sự vận dụng, phát huy giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong sáng tác hội họa kháng chiến ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1945-1975**

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 xác định rõ những nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam là tính dân tộc, tính khoa học và tính đại chúng, phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và là cơ sở để định hình bản sắc nền văn học, nghệ thuật mới - văn học, nghệ thuật cách mạng. Hội họa kháng chiến gắn liền với những sự kiện có ảnh hưởng căn bản và sâu rộng đến mọi mặt của đời sống chính trị, xã hội Việt Nam: Cách mạng Tháng Tám, cuộc kháng chiến chống Pháp và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hội họa Việt Nam thời kỳ này đi những bước đầu tiên để chuyển sang một giai đoạn mới với xu hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương. Đặc điểm nổi bật của hội họa giai đoạn này là chủ nghĩa yêu nước và khuynh hướng tả thực. So với giai

đoạn trước đó, giai đoạn 1945-1975 có sự chuyển biến về đối tượng và mục đích vẽ.

Cách mạng và kháng chiến giành độc lập tự do cho dân tộc là cuộc vận động lịch sử lay chuyển đến tận gốc rễ toàn bộ đời sống dân tộc, tác động và lôi cuốn các tầng lớp và thành phần xã hội cùng tham dự, phấn đấu và thực hiện. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, ngày 7/10/1945, một cuộc triển lãm văn hóa được tổ chức tại nhà Khai trí Tiến Đức ở Hà Nội để tỏ rõ thái độ ủng hộ chính quyền cách mạng của văn nghệ sĩ. Triển lãm trưng bày tư liệu, hiện vật về nền văn hóa dân tộc nói chung và một phần khá lớn tác phẩm mỹ thuật sáng tác từ thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến xem triển lãm và nhận xét: “Những bức tranh này tỏ ra các nghệ sĩ của ta lâu nay đều đã cố gắng tìm một con đường đi. Nhưng tiếc một điều là không muốn đi dưới đất mà cứ muốn vụt lên trời: chất mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sinh hoạt rất ít”<sup>1</sup>. Các họa sĩ đang sáng tác về những thiếu nữ bên hoa, ngồi trước bình phong, hay bên thềm, phong cảnh thôn quê đầy chất lãng mạn, hoặc thậm chí nếu có vẽ về đề tài lao động thì nhân vật cũng được thi vị hóa... nay góp ý của Hồ Chủ tịch đã khiến họ phải suy nghĩ về việc “vẽ cái gì” và “vẽ cho ai”.

Ngày 23/9/1945, ở miền Nam, thực dân Pháp được quân Anh che chở đã gây chiến tranh đánh chiếm Sài Gòn, trở lại xâm lược nước Việt Nam một lần nữa. Cùng lúc đó, mười tám vạn quân Tưởng Giới Thạch do Mỹ điều khiển kéo vào miền Bắc với âm mưu lật đổ Chính phủ lâm thời, biến Việt Nam thành một nước phụ thuộc vào đế quốc Mỹ. Trước âm mưu và hành động xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, ngày 25/11/1945 Trung ương Đảng đã ra chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”. Một năm sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nền độc lập tiếp tục bị đe dọa. Tổ quốc có nguy cơ bị xâm lược và chia cắt. Đêm 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc...”<sup>2</sup>. Trong khí thế cách mạng của quân dân Hà Nội, hầu

---

1. Trần Đình Thọ: “Mỹ thuật bước đầu đi vào cách mạng”, trong *Những vấn đề nghệ thuật tạo hình 1985*, Viện Nghiên cứu Mỹ thuật, Bộ Văn hóa, Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam, 1985.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.534.

hết các họa sĩ đã tự nguyện tham gia kháng chiến, đem tài năng để phục vụ cách mạng dân tộc. Nhiều họa sĩ ngày đêm đã hành quân theo bước đoàn dân công, theo các đơn vị bộ đội. Dừng chân đến đâu, họa sĩ vẽ, khắc, in và phục vụ đến đó. Người họa sĩ lúc này là chiến sĩ có mặt trên khắp nẻo đường đất nước, dùng nghệ thuật làm vũ khí để vẽ tranh tuyên truyền, vẽ tranh địch vận, in tranh, kẻ khẩu hiệu... góp phần đấu tranh chống kẻ thù chung để giành độc lập, tự do cho đất nước.

Nhận thức của người nghệ sĩ về đối tượng và mục đích của sáng tác hội họa đã có sự chuyển biến, tạo ra một lớp họa sĩ tham gia kháng chiến, trưởng thành và tự tin từ cuộc kháng chiến. *Triển lãm tranh cổ động* nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5/1946 và *Triển lãm tranh Tết* tại Hà Nội đã thu hút hầu hết họa sĩ Thủ đô với sáng tác tập trung về các đề tài mới như chống áp bức bóc lột, bài trừ mê tín dị đoan, Tổ quốc độc lập, xây dựng đất nước và bình dân học vụ. Đề tài mới yêu cầu cách biểu hiện nghệ thuật mới. Năm 1946, một cuộc triển lãm mỹ thuật lớn mang tên *Triển lãm mỹ thuật tháng Tám* do Hội Văn hóa cứu quốc tổ chức để chào mừng kỷ niệm lần thứ nhất Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công và ngày Quốc khánh 2/9. Đây là triển lãm mỹ thuật quy mô lớn đầu tiên bao gồm các tác phẩm hội họa sơn dầu, sơn mài, lụa, khắc gỗ và điêu khắc. Bên cạnh những đề tài quen thuộc như thiếu nữ, phong cảnh, tĩnh vật..., đã xuất hiện một số tác phẩm với đề tài mới, đề tài cách mạng: *Phá xiềng*, *Việt Nam được giải phóng*, *Chân dung Hồ Chủ tịch* của Tô Ngọc Vân, *Xuống đồng* của Trần Văn Cẩn, *Lúa* của Lương Xuân Nhị, *Tổng khởi nghĩa* của Nguyễn Văn Đôn, *Học chữ quốc ngữ* của Dương Bích Liên... Hình ảnh con người lao động, phần lớn là về hình ảnh nông thôn đã được một số họa sĩ thể hiện trong sáng tác của mình. Những họa sĩ trưởng thành trong cuộc kháng chiến đã phản ánh trong hội họa những đặc điểm của hoàn cảnh mới, quan niệm về đời sống và văn hóa, nghệ thuật trong điều kiện lịch sử cụ thể. Sự tham gia khá đông đảo của các họa sĩ, nhà điêu khắc nòng cốt đã tạo nên sự thành công của triển lãm. Ý nghĩa chính trị của triển lãm đó là thái độ ủng hộ và đi theo chính quyền cách mạng của văn nghệ sĩ.

Năm 1950, tại một địa điểm ở Chiến khu Việt Bắc (thôn Yên Dã, huyện Đại Từ, Thái Nguyên), khóa kháng chiến ra đời với mục đích: đào tạo cán bộ



hội họa để cung cấp cho các cơ quan đoàn thể, chủ yếu là các ty tuyên truyền các tỉnh. Điều kiện học tập khi đó đã được họa sĩ Thục Phi miêu tả lại: “không có địa điểm ổn định, không có trường sở và mọi trang bị cần thiết cho một nhà trường dạy vẽ. Vật liệu, họa phẩm có rất ít: giấy, bút chì, bút nho, bột màu... với số lượng hạn chế. Đó là tất cả những gì cần có cho học sinh dùng học tập. Sơn dầu, sơn mài, thuốc nước... chúng tôi chỉ được biết qua những bài giảng và những câu chuyện của các thầy”<sup>1</sup>. Họa phẩm thiếu thốn, lấy nội dung chính sách, nhiệm vụ chính trị làm đề tài tập luyện sáng tác, các bài học được đem phục vụ ngay công tác tuyên truyền của địa phương. Đó có thể là tổ chức vẽ chân dung, bày triển lãm, diễn kịch... hoặc có khi phục vụ bầu cử hội đồng nhân dân, vận động đóng thóc thuế. Lấy thực tế cuộc sống làm đối tượng nghiên cứu, các họa sĩ đã phản ánh chân thực cuộc sống và con người Việt Nam trong giai đoạn kháng chiến.

Nhân *Triển lãm hội họa toàn quốc* năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư thân ái hỏi thăm các họa sĩ và văn nghệ sĩ. Trong thư, Người đã kêu gọi “Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*. Anh chị em là *chiến sĩ trên mặt trận ấy*”<sup>2</sup>. Trong bối cảnh của cuộc kháng chiến, hầu hết nghệ sĩ đều tự nguyện dùng nghệ thuật để tuyên truyền. Họa sĩ Lê Lam sau này thuật lại, những buổi trưng bày tác phẩm để phục vụ tuyên truyền trong kháng chiến hết sức độc đáo. Các bức vẽ ký họa và tranh được kẹp trên dây rừng, buộc từ gốc cây này sang gốc cây kia, hoặc dán trên những tấm liếp... Những triển lãm giản dị và cơ động của thời chiến như vậy đã được chiến sĩ, dân quân và người dân nhiệt tình hưởng ứng. Trong cuốn sách *Họa sĩ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* do Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2015, họa sĩ Lê Tâm đã tả lại khung cảnh và sự náo nức của quân và dân về triển lãm hội họa thời chiến như sau: Máy bay địch vẫn hoạt động nhưng chúng chỉ thấy những cánh rừng bạt ngàn, trong khi dưới những tầng lá cây rậm rạp đó, trên những con đường ngoằn ngoèo cũng có lúc tấp nập người đi xem triển lãm hội họa, tập trung chỉ một đề tài là tiêu diệt ý đồ xâm lược của

---

1. Thục Phi: “Sin hoạt và học tập ở trường Mỹ thuật trong kháng chiến chống Pháp”, trong *Những vấn đề nghệ thuật tạo hình 1985*, Viện Nghiên cứu Mỹ thuật, Bộ Văn hóa, Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam, 1985.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.246.

chúng. Hình ảnh về triển lãm thời chiến còn được phản ánh trong ký họa, nhiếp ảnh; ví dụ như ảnh tư liệu của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam hay ký họa của họa sĩ Võ Xưởng, Lê Lam...

Hội họa kháng chiến được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, với mục tiêu trọng tâm là phục vụ các nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền, cổ vũ tinh thần chiến đấu và lao động sản xuất, phục vụ đại chúng, trước hết là tầng lớp công nông binh. Mục tiêu của Đảng phù hợp với tâm tư tình cảm của đa số những người dân Việt Nam và giới nghệ sĩ. Đặc điểm nổi bật của hội họa kháng chiến là phần lớn các tác phẩm phản ánh tinh thần lạc quan cách mạng như niềm vui của người lính khi gặp gỡ bạn bè, đồng hương, phong cảnh hùng vĩ nên thơ của đất nước trên đường hành quân, vẻ đẹp của nữ du kích và thanh niên xung phong, sự hồ hởi của những người dân trong thi đua lao động sản xuất với niềm tin vào chiến thắng của dân tộc ở miền Nam và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc... Hội họa có tác dụng không chỉ phản ánh tinh thần anh dũng và kiên quyết của quân dân ta mà còn cổ vũ phát triển, nâng cao tinh thần của quân và dân góp sức vào cuộc kháng chiến thống nhất đất nước. Đặc biệt, trong hoàn cảnh khó khăn của thời chiến, phương tiện giải trí rất hiếm hoi nên các tác phẩm hội họa kháng chiến luôn được mong đợi và yêu mến. Tranh sơn mài *Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ* của Nguyễn Sáng là một trong những bức tranh xuất sắc đạt cả về giá trị nghệ thuật và sự biểu đạt nội dung tư tưởng. Tác phẩm là tiếng nói hào hùng, đậm chất sử thi bằng ngôn ngữ của hình khối, màu sắc, đường nét về trận thắng quân sự lớn nhất trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954 của quân và dân Việt Nam. Hay như tranh sơn mài *Xôviết Nghệ - Tĩnh* (1957) của Nguyễn Đức Nùng, Nguyễn Sĩ Ngọc, Huỳnh Văn Thuận, Trần Đình Thọ, Phạm Văn Đôn, Nguyễn Văn Ty, thể hiện được tinh thần, khí thế sục sôi của phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, mang dấu ấn thời đại - dấu ấn của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong phong trào đấu tranh chống đế quốc Pháp xâm lược.

Hội họa giai đoạn này không chỉ biểu hiện cuộc sống hiện thực, sự kiến thiết đất nước sau hòa bình lập lại ở miền Bắc, mà còn ngợi ca hình tượng anh Bộ đội Cụ Hồ, tình cảm đoàn kết, gắn bó của tình quân dân. Những người lính đã trở thành một biểu tượng cho sự quả cảm chiến đấu và đức hy

sinh, họ được nhân dân yêu mến, tin cậy và nhìn nhận như những vị anh hùng của dân tộc. Những sáng tác về người chiến sĩ cách mạng chiếm một vị trí xứng đáng, một tỷ lệ lớn về số lượng và chất lượng, với nhiều tác phẩm mang tính biểu đạt cao về mặt giá trị nghệ thuật cũng như sắc thái thẩm mỹ riêng trong mỗi tác phẩm: *Giờ học tập* (1960) của Nguyễn Sáng, *Giữ lấy hòa bình* (1960) của Lê Quốc Lộc, *Qua bản cũ* (1957) của Lê Quốc Lộc, *Hành quân đêm* (1974) của Trần Đình Thọ... Hình tượng người lính cách mạng đã đem đến nhiều thành công cho các họa sĩ như tác phẩm *Giặc đốt làng tôi* của Nguyễn Sáng đã diễn tả thành công về nội tâm nhân vật, đó là sự căm phẫn của người chiến sĩ khi nghe tin giặc đốt làng của dân... Mảng đề tài này cũng là động lực mãnh mẽ cho các họa sĩ say mê sáng tác nghệ thuật. Hình tượng anh Bộ đội Cụ Hồ đã đưa tới nhiều thành công cho các họa sĩ trong giai đoạn này và cũng đã có nhiều các tác phẩm hội họa gắn liền với các họa sĩ tên tuổi của Việt Nam như Trần Văn Cẩn, Nguyễn Sáng, Nguyễn Hiêm, Trần Đình Thọ, Lê Quốc Lộc...

Chính sách cải cách nông thôn và phát triển nông nghiệp được chính phủ phát động sau năm 1954 chú trọng vào việc phục hưng tiềm năng sản xuất và phát triển nông nghiệp. Thực tế này đã được phản ánh trong những sáng tác hội họa giai đoạn này. Bức tranh *Gặt ở Việt Bắc*, kích thước 49,8 x 64,8 cm của Phan Kế An được sáng tác vào năm 1955, đúng thời điểm miền Bắc mới giải phóng được một năm. Tranh mô tả cảnh gặt lúa ở Việt Bắc của dân và quân, mang đậm chất thơ và màu sắc Việt Nam. Ở đó tính dân tộc biểu hiện qua phong cảnh núi non, cánh đồng lúa chín, cảnh quân và dân cùng nhau lao động... tất cả được người họa sĩ diễn tả lại bằng ngôn ngữ của hội họa. Bức tranh khắc họa rõ nét bối cảnh những năm sau hòa bình lập lại ở miền Bắc - khi tất cả quân và dân tập trung vào việc xây dựng đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa. Phan Kế An đã rất công phu diễn tả phong cảnh, không gian vùng Việt Bắc để từ đó lột tả khung cảnh cuộc sống theo cách nhìn gọi nhiều hơn tả. Đây là sự thành công trong thể hiện tâm lý dân tộc “Mượn cảnh tả tình”, hay “Tả cảnh ngụ tình”. Cảnh quân và dân gặt lúa ở Việt Bắc cho thấy mối quan hệ quân - dân gắn bó khăng khít. Khi đất nước hòa bình, người lính giúp dân thu hoạch lúa. Điều đó đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Yêu dân, biết dựa vào dân và cũng từ dân mà quân đội Việt Nam có sức mạnh vô song.

Ngoài những tác phẩm vừa phân tích ở trên, ta có thể kể đến những tranh lụa *Sau giờ trực chiến* (1967), *Bữa cơm mùa thắng lợi* (1960), *Tổ đàn mây* (1960)... của Nguyễn Phan Chánh, *Về nông thôn sản xuất* (1957) của Ngô Minh Cầu, *Hợp tác xã đánh cá về* (1960) của Vũ Giáng Hương... khai thác đề tài lao động sản xuất. Nghệ thuật tranh lụa của Nguyễn Phan Chánh nói trên có cách biểu hiện đặc biệt mang đậm chất Việt Nam, với những mảng màu nhuần nhị, sắc độ tinh tế thể hiện nhân vật và khung cảnh độc đáo của Việt Nam. Tranh lụa và tranh sơn mài do đặc điểm của chất liệu nên được người xem cảm nhận tính dân tộc dễ hơn so với tranh sơn dầu. Đặc biệt, tranh lụa của nhiều họa sĩ đã phát huy được thế mạnh của chất liệu: sự trong trẻo và êm dịu trong thể hiện các đề tài gắn với con người, lao động sản xuất và cuộc kháng chiến của dân tộc. Bên cạnh chủ đề về lao động sản xuất ở nông thôn, các tranh vẽ về cảnh hành quân của các chiến sĩ trong cuộc kháng chiến cũng đậm chất trữ tình lãng mạn như *Hành quân mưa* (1958) của Phan Thông, *Mưa mai trên sông Kiến* của Trần Văn Cẩn, *Hành quân đêm* (1974) của Trần Đình Thọ... Đặc điểm chung của hội họa giai đoạn này là không đi sâu vào những đề tài lớn lao, những đặc tả tâm lý sâu phức tạp, các họa sĩ Việt Nam lựa chọn vẽ cảnh hành quân trong mưa, qua bản làng, qua suối... Ở đây tâm lý trữ tình, lãng mạn được đẩy cao, chú trọng tạo nên sự đặc sắc trong hội họa kháng chiến ở miền Bắc Việt Nam. Nhiều tác phẩm hội họa được sáng tác trong giai đoạn này có vị trí quan trọng trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam, bởi trước hết nó phù hợp với tinh thần thời đại của dân tộc, gắn bó chặt chẽ với hiện thực của cuộc chiến tranh cách mạng, kháng chiến chống quân xâm lược và xây dựng đất nước.

\*

\* \*

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã được vận dụng và phát huy thành công trong sáng tác văn học, nghệ thuật cách mạng, trở thành một vũ khí tư tưởng sắc bén của các chiến sĩ Việt Nam trên mặt trận văn hóa chống lại những âm mưu văn hóa ngu dân và nô dịch của phát xít, thực dân, đánh bại những khuynh hướng văn hóa sai lầm, tác hại đến việc giành lại độc lập dân tộc và tiến lên xây dựng một nền văn hóa mới Việt Nam. Sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một sự nghiệp vĩ đại, sáng ngời chính nghĩa. Cùng với các loại hình nghệ thuật khác, hội họa đã phản ánh sinh động chủ nghĩa anh hùng cách mạng và phong trào thi đua yêu nước của nhân dân miền Bắc trong giai đoạn 1945-1975. Hội họa nhằm cổ vũ phong trào kháng chiến giải phóng dân tộc, cổ động nhân dân thi đua tăng gia sản xuất, ca ngợi tinh thần yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc, sẵn sàng hy sinh thân mình vì sự nghiệp cách mạng và những chuẩn mực đạo đức của dân tộc. Sức hấp dẫn của các tác phẩm hội họa kháng chiến biểu hiện qua những tác phẩm phản ánh chân thực cuộc sống, chứa đựng nội dung sâu sắc, giàu tính nhân văn, có tính thẩm mỹ cao về tạo hình.

80 năm qua (1943-2023), những nguyên tắc của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được Đảng ta kế thừa, vận dụng và phát triển để từng bước hoàn thiện tư duy lý luận, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Trong giai đoạn hiện nay, những giá trị cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn còn nguyên giá trị, là cội nguồn và động lực phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

# GIÁ TRỊ CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” TRONG XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

TS. TRẦN THỊ TUYẾT MAI\*

## 1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943

Năm 1943 là thời điểm đầy cam go, thử thách của Cách mạng Việt Nam, Đảng ta đang ở trong thời kỳ hoạt động bí mật, đồng thời lại trực tiếp lãnh đạo, vận động nhân dân chuẩn bị những điều kiện cần thiết, quan trọng nhất để sẵn sàng dốc sức người, sức của vào cuộc Tổng khởi nghĩa giành lấy chính quyền về tay nhân dân. Trong thời điểm nóng bỏng của lịch sử, bối cảnh đất nước và điều kiện văn hóa - xã hội đương thời đòi hỏi rất cần thiết phải có một cương lĩnh chiến lược chung về văn hóa, văn nghệ để xác định những nhiệm vụ chiến lược và những yêu cầu cụ thể của cách mạng văn hóa trong từng giai đoạn cách mạng, định hướng cho nền văn hóa cách mạng Việt Nam đi đúng hướng trước những bối cảnh cam go và khốc liệt của đất nước đang phải chống “thù trong, giặc ngoài”, đồng thời định hướng để nền văn hóa cách mạng không sa vào ảnh hưởng của chủ nghĩa văn hóa nô dịch phát xít đang xâm nhập rất mạnh vào nước ta tại thời điểm này. Mặc dù vậy, trong điều kiện hoạt động bán công khai, bí mật, Đảng ta chưa đủ điều kiện để ban hành một nghị quyết chính thống về văn hóa, để đáp ứng yêu cầu của cách mạng trước đòi hỏi thực tiễn, Đảng ta đã phác thảo và công bố *Đề cương*

---

\* Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

về văn hóa Việt Nam năm 1943. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 - Cương lĩnh đầu tiên về văn hóa của Đảng đã ra đời nhằm giải quyết những vấn đề về văn hóa đang đặt ra trước vận mệnh dân tộc.

Ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt, mặc dù còn có những hạn chế, nhưng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là một văn kiện nền móng khởi động một giai đoạn lịch sử, chỉ đường dẫn lối cho nền văn hóa Việt Nam trong từng giai đoạn cách mạng cụ thể cả trong hiện tại và tương lai. “*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là một văn kiện lịch sử quan trọng. Lần đầu tiên Đảng ta vận dụng một cách toàn diện và có hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Cũng là lần đầu tiên Đảng ta trình bày những nhận định tổng quát về lịch sử và tính chất của văn hóa Việt Nam qua các thời đại, đề ra đường lối cách mạng văn hóa và nguyên tắc xây dựng một nền văn hóa mới “Nền văn hóa mà cuộc cách mạng văn hóa Đông Dương phải thực hiện sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>.

Nhận định khái quát về bản *Đề cương*, ngày 27/12/1983 tại Lễ kỷ niệm 40 năm ra đời *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, đồng chí Trường Chinh đã nói: “*Đề cương về văn hóa Việt Nam* không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam. Ví dụ: cách mạng tư tưởng đề ra còn quá sơ sài, vấn đề xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa chưa được đề cập tới. Nhưng *Đề cương* văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”<sup>2</sup>. Suốt 80 năm qua, trong suốt hành trình của sự nghiệp đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tư duy lý luận của Đảng trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 có giá trị phát huy tích cực, tác động ảnh hưởng to lớn trong đời sống thực tiễn dân tộc, là nền tảng quan trọng để xây dựng nền văn hóa cách mạng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

---

1, 2. *Đề cương về văn hóa Việt Nam chặng đường 60 năm*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.422, 435.

## **2. Vận dụng nội dung “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 và đường lối phát triển văn hóa của Đảng trong tiến trình xây dựng nền văn hóa cách mạng Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

Ra đời trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 có ý nghĩa hết sức quan trọng, là sự vận dụng sáng tạo kết hợp những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa vào điều kiện thực tế của cách mạng Việt Nam nhằm định hướng tư tưởng, nhận thức, đề xuất phương châm hoạt động văn hóa và dẫn dắt nền văn hóa cách mạng dân tộc trước bối cảnh “thù trong, giặc ngoài”, đồng thời đã khẳng định nhất quán quan điểm, thái độ của Đảng ta (khi đó là Đảng Cộng sản Đông Dương) đối với vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam: “a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>1</sup>. Quan niệm về vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam đã được những người cộng sản thể hiện rất rõ ràng bằng một thái độ cách mạng kiên quyết, triệt để: “a) Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. b) Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. c) Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công (cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị...)”<sup>2</sup>. Nội dung Đề cương khẳng định: nền văn hóa nước ta xây dựng “sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa” do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, được thực hiện theo ba nguyên tắc nhất quán “dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa”. Cách mạng văn hóa Việt Nam và cách mạng dân tộc giải phóng “hoàn toàn độc lập dựng nên một nền văn hóa mới”; đồng thời “văn hóa mới Việt Nam” cần thể hiện được nội dung “cách mạng nhất, tiến bộ nhất ở Đông Dương trong giai đoạn này” và phát triển bền vững trong cả hiện tại và tương lai.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316, 318-319.



Trong suốt cả quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, chăm lo phát triển nền văn hóa nước nhà, Người quan niệm văn hóa có sức mạnh nội sinh “sửa xã hội cũ, xây xã hội mới; văn hóa tạo sức mạnh để chiến thắng bạo tàn”, “văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi” cho nên trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề phải chú ý đến, cần phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa... Phải phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân”<sup>1</sup>. Năm 1945, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người đã đề cập ngay đến vấn đề xây dựng “Đời sống mới”. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, trong công cuộc kiến quốc, chúng ta phải đồng thời bắt tay ngay vào công cuộc “Xây đời sống mới”. Ngày 31/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh thành lập Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc và sau đó thành lập các ủy ban ở cấp Trung ương để thực thi các nhiệm vụ kiến thiết xây dựng đất nước, trong đó có Ủy ban xây dựng Đời sống mới. Tháng 1/1946, Người phát động phong trào xây dựng Đời sống mới; ngày 3/4/1946, Người đồng thời ký Sắc lệnh số 44/SL về Lập Ban Trung ương vận động Đời sống mới và cử một số đồng chí vào Ban Trung ương vận động “Đời sống mới”. Ngày 20/3/1947, dưới bút danh Tân Sinh, Người hoàn thành và công bố tác phẩm “Đời sống mới” trên cơ sở xác định nền tảng đạo đức, xây dựng lối sống, nếp sống văn hóa cho nhân dân. Người viết “Trong lúc kháng chiến cứu quốc chúng ta phải đồng thời kiến quốc. Thực hành đời sống mới là một điều cần kíp cho công cuộc cứu quốc và kiến quốc”<sup>2</sup>. Đời sống mới trong tư tưởng của Người là “*thực hành đời sống mới là Cần, Kiệm, Liêm, Chính... càng giàu có, càng cần làm đời sống mới... Nghèo mà làm đời sống mới thì có ngày trở nên đầy đủ... Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường... Nêu cao và thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính tức là nhen lửa cho Đời sống mới... Chúng ta đồng tâm mà làm, quyết tâm mà làm thì đời sống mới nhất định*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.470.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.111.

thực hiện được. Mong toàn thể đồng bào gắng sức theo đời sống mới, xây dựng một nước Việt Nam mới phú cường”<sup>1</sup>. Phong trào xây dựng “Đời sống mới” do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng từ năm 1946 đã được Đảng ta vận dụng để phát động và xây dựng các phong trào quần chúng phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đó là các phong trào: *Xây dựng đời sống mới (1946)*, *Xây dựng gia đình văn hóa (1962)*, *Xây dựng Làng văn hóa (1991)*, *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư (1995)*, *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa (2000)*, *Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh (2018)*...

Cũng chỉ sau hơn một năm nước ta giành được độc lập, ngày 24/11/1946 tại Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo tổ chức Đại hội văn hóa toàn quốc, trong bài phát biểu quan trọng tại Đại hội, tư tưởng lý luận Hồ Chí Minh về vấn đề văn hóa Việt Nam được Người đưa ra thật cụ thể và sâu sắc: *Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi, văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ*. Chính vì vậy phải “Xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc... Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc... để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”<sup>2</sup>. Nền văn hóa cách mạng trong tư duy của Người có nhiệm vụ soi đường và dẫn dắt cho dân tộc đi trên con đường độc lập, tự cường và tự chủ.

Tháng 7/1948 Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai được tổ chức tại tỉnh Phú Thọ đã phân tích sâu sắc hơn mối quan hệ của văn hóa với xã hội dựa trên lập trường của chủ nghĩa Mác, nhằm làm cho các nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học ngày càng thâm nhập sâu vào đời sống xã hội tạo ra những thành tựu mới, sức sống mới để nền văn hóa Việt Nam tiếp tục phát triển vì nhân dân phục vụ. Trong bài viết *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh đã phát triển một cách triệt để, toàn diện và sâu sắc những luận điểm của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 trong tiến

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.112-128.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.40.

hành cách mạng văn hóa. Nhân dịp Hội nghị, trong bức thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai ngày 15/7/1948, một lần nữa Người nhấn mạnh vai trò của văn hóa và căn dặn các cán bộ văn hóa: “Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hóa gánh một phần rất quan trọng... chúng ta cần phải xây đắp một nền văn hóa kháng chiến kiến quốc của toàn dân. Muốn đi đến kết quả đó, tôi thiết tưởng, các nhà văn hóa ta cần tổ chức chặt chẽ và đi sâu vào quần chúng”<sup>1</sup>. Nguyên tắc “đại chúng hóa” được Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng triệt để trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sự nghiệp văn hóa phải đi sâu vào quần chúng.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng và cống hiến cho Tổ quốc, Người luôn luôn chăm lo, đề cao vai trò và vị trí của văn hóa. Trước khi qua đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”<sup>2</sup>.

Kế thừa tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa, phát triển tư duy lý luận có tính chất nguyên lý của Đảng từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 và sáng tạo những định hướng đổi mới theo yêu cầu của cách mạng trong mỗi giai đoạn lịch sử, Đảng ta đã đưa vị trí của văn hóa lên một tầm cao mới, bởi vậy dưới sự lãnh đạo của Đảng cách mạng văn hóa luôn luôn phải hoàn thành sứ mệnh lịch sử trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và trong công cuộc đổi mới đất nước, đạt được những thành tựu lớn trong các thời kỳ mới. Phát triển, hoàn chỉnh các luận điểm cơ bản của Đề cương, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) xác định *xây dựng con người mới, xây dựng nền văn hóa mới*, tiến hành đấu tranh chống tư tưởng và sản phẩm văn hóa phản động, độc hại. Nghị quyết Đại hội IV nêu rõ “Nền văn hóa mới là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc. Đó là nền văn hóa có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc”<sup>3</sup>. Nghị quyết Đại hội V đã quán triệt quan điểm này vì nêu

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.577.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.37, tr.996.

đầy đủ, sâu sắc nội hàm khái niệm “*Con người mới xã hội chủ nghĩa*” và phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm văn hóa*”. Đại hội VI của Đảng (1986) khẳng định: “Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật; xây dựng một nền văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>1</sup>.

Trong giai đoạn đất nước bước vào thời kỳ tiến hành công cuộc đổi mới, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (4/1993) về văn hóa, văn nghệ đã khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội”<sup>2</sup>. Nghị quyết đã đề ra các tư tưởng chỉ đạo để nền văn hóa phát triển theo các định hướng cơ bản: Văn hóa, văn nghệ phải phục vụ lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sáng tạo và hoạt động văn hóa; phát triển nền văn hóa dân tộc đi liền với mở rộng giao lưu văn hóa với nước ngoài; nâng cao tính chiến đấu của các hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật; văn hóa, văn nghệ là sự nghiệp của xã hội. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư (khóa VII) cũng xác định “Nhiệm vụ trung tâm của văn hóa, văn nghệ nước ta là góp phần xây dựng con người Việt Nam về trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, có nhân cách tốt đẹp, có bản lĩnh vững vàng ngang tầm sự nghiệp đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh”<sup>3</sup>. Đây là nhận thức nâng cao chất lượng về văn hóa, trước sau Đảng ta vẫn lấy con người làm mục tiêu phục vụ, làm vốn quý nhất của sự phát triển “Muốn có chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa”. Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười khẳng định tôn chỉ của nền văn hóa cách mạng Việt Nam “Cùng với việc phấn đấu đạt được những mục tiêu nói trên, cần tích cực chuẩn bị điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ nền văn hóa Việt Nam vào cuối thập kỷ 1990, bước vào thế kỷ XXI. Nền văn hóa mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hóa tiên

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.558.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.52, tr.513.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.53.

tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>1</sup>. Tư duy lý luận mới của Nghị quyết Hội nghị Trung ương IV (khóa VII) “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội”<sup>2</sup> là định hướng đúng đắn của Đảng ta phù hợp với quy luật phát triển của nước ta cùng với nhiệm vụ xây dựng con người mới, “xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” là sự vận dụng linh hoạt, kế thừa lôgic biện chứng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã trở thành động lực quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, lĩnh vực văn hóa được Đảng ta quan tâm chú trọng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Năm 1998, Đảng ta ban hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (tháng 6/1998) *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* là nghị quyết chuyên đề đầu tiên, toàn diện của Trung ương Đảng về văn hóa được coi như Cương lĩnh văn hóa lần thứ hai của Đảng ta. Nghị quyết không những đã đúc kết và hoàn chỉnh được các quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng ta về việc tiếp tục xây dựng và phát triển nền văn hóa cách mạng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mà còn đề ra các nhiệm vụ cơ bản quan trọng nhất của Đảng về văn hóa trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết xác định 5 quan điểm chỉ đạo cơ bản để lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa nước ta theo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội

---

1. *Đề cương về văn hóa Việt Nam chặng đường 60 năm*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.343, 351.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Sđd, tr.51.

ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng<sup>1</sup>. Để văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Nghị quyết xác định 10 nhiệm vụ cụ thể và 4 nhóm giải pháp lớn cần được tiến hành ngay để xây dựng và phát triển văn hóa, trong đó nhóm giải pháp số 1 có ý nghĩa then chốt là “*Mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”. Đây chính là tiền đề cơ sở quan trọng để năm 2000, Chính phủ phát động phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa* trên phạm vi toàn quốc. Hơn 20 năm qua, phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa thuận ý Đảng, hợp lòng dân đã trở thành một phong trào quần chúng rộng lớn lan tỏa trên phạm vi cả nước, đạt được nhiều thành tựu trong công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Thông qua phong trào, văn hóa từng bước thấm sâu vào từng con người, từng gia đình, từng cộng đồng dân cư, làng (thôn, ấp, bản) và tỏa rộng ra cả nước. Trình độ văn hóa, lối sống, nếp sống văn hóa của từng người, của cộng đồng cả nước chuyển biến theo hướng tích cực. Phong trào có sức lan tỏa và có sự hưởng ứng một cách tự nguyện không chỉ của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, của các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, mà còn là của từng người dân. Phong trào đang thực sự đi vào cuộc sống và trở thành cuộc vận động về văn hóa của quần chúng rộng lớn chưa từng có. Kết quả phong trào đạt được đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; thúc đẩy kinh tế phát triển; giữ gìn an ninh, trật tự xã hội; ổn định chính trị, xóa đói, giảm nghèo; làm lành mạnh môi trường văn hóa, nâng cao dân trí cho mọi người; giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, làm cho chất lượng cuộc sống của nhân dân ta từng bước được nâng cao, góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội và các hiện tượng tiêu cực. Trong hơn 20 năm thực hiện phong trào, Ban Chỉ đạo Trung ương đã tiến hành tổng kết 3 giai đoạn thực hiện phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa* (5 năm thực hiện - năm 2005, 10 năm thực hiện - năm 2010 và 18 năm thực hiện - năm 2018). Hội nghị toàn quốc tổng kết 18 năm thực hiện phong trào

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Sđd*, tr.55-58.

(giai đoạn 2000-2018) đã ghi nhận một số kết quả đạt được, từ phong trào đã xuất hiện nhiều nhân tố mới, những gương sáng trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong mọi tầng lớp nhân dân, mọi lứa tuổi đáng khích lệ<sup>1</sup>.

Năm 2004, Đảng ta tiến hành Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) (7/2004) tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) *Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* nhằm xác định nhiệm vụ trọng tâm xây dựng, phát triển nền văn hóa; đồng thời đề ra những giải pháp mới để tạo bước phát triển đồng bộ giữa văn hóa và kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo. Những nội dung quan trọng về xây dựng và phát triển văn hóa một lần nữa lại tiếp tục được Đảng ta khẳng định và phát triển sâu sắc hơn với những quan điểm nhất quán, xuyên suốt mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải quán triệt và thực hiện là: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội vừa là mục tiêu, vừa là động lực

---

1. Một số kết quả đạt được trong 18 năm thực hiện phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa (2000-2018)*: Năm 2018, cả nước đã có 2.691 “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” (đạt 32%); số làng (bản, buôn, ấp...) văn hóa/tổng số làng (bản, buôn, ấp...) cả nước (năm 2014 là 58.381/110.140; năm 2018 là 75.720/106.355). Số gia đình văn hóa/tổng số gia đình cả nước (năm 2014 là 15.865.654/21.123.234; năm 2018 là 20.060.544/23.085.070). Phong trào “Xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” đã được các cấp công đoàn triển khai thực hiện và trở thành phong trào sâu rộng, thiết thực thu hút trên 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tham gia, kết quả hàng năm có 95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Tính đến năm 2018, cả nước có 99.073 quy ước của thôn, làng, ấp, bản, cụm dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Có 5.268.756/5.508.539 số đám cưới theo nếp sống văn minh; số đám tang thực hiện theo nếp sống văn minh 2.622.327/2.817.832 tổng số đám tang; 230.684 đám tang đã thực hiện việc hỏa táng. Đến năm 2018, qua 18 năm thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” (2000-2018), đã có nhiều mô hình tiêu biểu, cách làm hiệu quả được phổ biến, nghiên cứu, học tập, nhân rộng. Qua các giai đoạn sơ, tổng kết phong trào đã có trên 1.200.000 gương “người tốt, việc tốt”; 19.064069/22.236778 gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa”; 69.024/106.382 hiện được công nhận làng, thôn, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa; 84.785/114.972 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa. Đã có 1.200 000 “Gương người tốt, việc tốt” được suy tôn ở các cấp, trong đó cấp tỉnh trên 249.000 người, cấp huyện 712.000 người. Nhiều cá nhân, tập thể đã có thành tích xuất sắc được Đảng, Nhà nước, Chính phủ khen thưởng động viên kịp thời. Nguồn: Ban Tuyên giáo Trung ương”: *Báo cáo Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc; xây dựng, phát triển văn hóa sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước; các định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021.*

thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng<sup>1</sup>. Đây chính là định hướng kịp thời, đúng đắn của Đảng, kim chỉ nam để xây dựng và phát triển văn hóa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm 2011, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Đảng ta đã xác định, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng. *Cương lĩnh* nêu rõ: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”<sup>2</sup>.

Năm 2014, trên cơ sở tổng kết đánh giá kết quả 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Đảng ta tiếp tục ban hành Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Nội dung Nghị quyết này nhấn mạnh hơn vai trò, vị trí quan trọng của văn hóa trong công cuộc phát triển đất nước trước xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng hơn và toàn diện hơn. Nghị quyết đề ra mục tiêu “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân

---

1. Xem Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu Kết luận lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.50-52.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.75-76.



chủ, công bằng, văn minh”<sup>1</sup>. Nghị quyết nhấn mạnh 5 quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người: *Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc trưng cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng*<sup>2</sup>. Một lần nữa Nghị quyết nhấn mạnh, khẳng định vị trí, vai trò to lớn của văn hóa trong thời kỳ đổi mới, văn hóa phải được đặt ngang hàng với chính trị, kinh tế và xã hội, đây thực sự là một bước phát triển mạnh mẽ hơn trong tư duy lý luận của Đảng về văn hóa. Để thực hiện các mục tiêu đề ra, Nghị quyết xác định 6 nhóm nhiệm vụ và bốn giải pháp cơ bản để thực hiện xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Sau 6 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI), ngày 4/6/2020 Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 76-KL/TW *Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW (Nghị quyết Trung ương 9) của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Nội dung Kết luận số 76-KL/TW đặt ra một số nhiệm vụ cơ bản thực hiện: “Xác định rõ xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng,

---

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.46-47, 48-49.

văn minh. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tập trung xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người Việt Nam có thể giới quan khoa học, có nhân cách, lối sống đẹp với các đặc tính cơ bản “yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”. Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, gìn giữ, ứng xử đúng đắn với môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh việc “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Chú trọng yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và truyền bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Mở rộng giao lưu, hợp tác văn hóa với các nước; đa dạng hóa các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu”.

Từ Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng đã phát triển và làm rõ hơn những mục tiêu cụ thể về phát triển văn hóa, coi văn hóa không chỉ là động lực mà còn là mục tiêu của sự phát triển. Văn kiện Đại hội IX của Đảng (9/2001) tiếp tục khẳng định “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội. Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng, nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội, văn hóa trở thành thành nhân tố thúc đẩy con người hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tự lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”<sup>1</sup>. Các quan điểm cơ bản này thể hiện sự kế thừa, vận

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.114.

dụng và tiếp tục hoàn thiện các nguyên tắc vận động phát triển nền văn hóa cách mạng mà nội dung *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã xác định.

Tiếp tục phát triển quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế, văn hóa, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (1/2021) về xây dựng và phát huy văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, Đảng ta xác định: quá trình phát triển đất nước phải gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Trong đó, Đảng ta coi trọng phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh của con người “Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát triển toàn diện đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh; vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”<sup>1</sup>. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đặt ra các nhiệm vụ trọng tâm “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới; ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội; bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam. Bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ; Xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Có cơ chế, chính sách, giải pháp để xây dựng môi trường văn hóa thật sự trong sạch, lành mạnh, cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của nhân dân; khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và đời sống văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội. Thực hiện các chuẩn mực văn hóa gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và văn minh”<sup>2</sup>.

Trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.46, 47.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sdd, tr.143-144.

nhấn mạnh “Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại. Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới”<sup>1</sup>.

Ngày 24/11/2021, Đảng ta tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai tại Hà Nội. Tại Hội nghị, Ban Tuyên giáo Trung ương đã Báo cáo Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc; xây dựng, phát triển văn hóa sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước; các định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Với tinh thần tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trong giai đoạn mới là quán triệt đầy đủ nhận thức, triển khai đồng bộ, sâu rộng trong thực tiễn cả 5 quan điểm chỉ đạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Hội nghị đề ra mục tiêu: Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, dân chủ, khoa học và nhân văn. Xây dựng văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, văn minh. Đảng ta một lần nữa xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc,

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, bài viết đăng trên báo *Nhân Dân*, thứ hai, ngày 17/5/2021, tr.2.

thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng, dân tộc, dân chủ, khoa học và nhân văn. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc trưng cơ bản: yêu nước, đoàn kết, dũng cảm, tài trí, cần cù, nhân ái, nghĩa tình, hòa hiếu, khoan dung. Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa. Xây dựng văn hóa từ trong Đảng, cơ quan nhà nước và cả hệ thống chính trị. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng”<sup>1</sup>.

Trong 80 năm qua, Đảng ta kiên trì vận dụng nội dung *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vào điều kiện, hoàn cảnh của đất nước để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, đạt nhiều thành tựu quan trọng. Tư duy lý luận về văn hóa được Đảng ta vận dụng, phát triển từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã phát huy tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành từ trong hệ thống chính trị và toàn dân được nâng lên. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực đạo đức mới được hình thành. Nhiều phong trào hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực; phát huy được truyền thống gia đình, dòng họ, cộng đồng... Xã hội hóa ngày càng được mở rộng, góp phần đáng kể vào việc xây dựng các thiết chế văn hóa. Nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được phát huy... Ý thức giữ gìn di sản văn hóa và bản sắc dân tộc ngày càng được khơi dậy trong các tầng lớp xã hội... Từng sắc thái văn hóa của mỗi dân tộc trong cộng đồng 54 dân tộc anh em được trân trọng, khai thác, phát huy và làm cho nền văn hóa Việt Nam ngày càng phong phú, đa dạng nhưng vẫn giữ tính thống nhất. Nhân dân thấy

---

1. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Báo cáo Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc; xây dựng, phát triển văn hóa sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước; các định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, trình bày tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021.

được lợi ích văn hóa đối với sự phát triển đời sống kinh tế - xã hội thông qua phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và xác định phong trào là một cuộc vận động bền bỉ, lâu dài là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Việc xây dựng môi trường văn hóa có bước chuyển biến quan trọng. Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có chuyển biến, nhất là đối với vùng nông thôn. Sự tiến bộ trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo Chỉ thị số 27/CT-TW (1998) của Bộ Chính trị khóa VIII và Chỉ thị số 41/CT/TW (2015) của Ban Bí thư khóa XI<sup>1</sup> đã tạo cho môi trường văn hóa - xã hội thêm lành mạnh, văn minh. Những thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa tốt đẹp dân tộc đang được đề cao. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường với phương châm kết hợp giữa “xây” và “chống”. Hệ thống văn bản pháp luật về văn hóa dần dần được hoàn thiện với nhiều dự án luật và văn bản pháp quy quan trọng được xây dựng và ban hành. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa có bước phát triển mới về nhận thức, được quan tâm đặc biệt và thu được những kết quả to lớn. Công tác bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam được quan tâm hơn. Những giá trị văn hóa độc đáo của các dân tộc thiểu số được phát hiện, khai thác và phát huy đã làm giàu cho kho tàng văn hóa Việt Nam thêm phong phú, đặc sắc, tạo cho nền văn hóa thống nhất của nước ta ngày thêm đa dạng. Việc củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế được tiến hành thường xuyên. Nhiều công trình văn hóa trọng điểm và các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nhân dân đóng góp thực hiện thông qua phương thức xã hội hóa. Nhiệm vụ mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế được duy trì thực hiện. Hợp tác, giao lưu văn hóa và thông tin đối ngoại được đẩy mạnh toàn diện, mở rộng ở nhiều địa bàn, từng bước phát triển mới ở tất cả các châu lục với các hình thức đa dạng, giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Các hoạt động giao lưu văn hóa, thông tin đối ngoại đa chiều, đa dạng tại nhiều nước nhằm giới thiệu quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam với bạn bè thế giới được tăng cường và có hiệu quả. Mục tiêu *Xây dựng nền văn hóa và con người*

---

1. Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/1/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) “Về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội”; Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 5/2/2015 của Ban Bí thư (khóa XI) “Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội”.

*Việt Nam phát triển toàn diện... Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững*” đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trên các lĩnh vực hoạt động văn hóa nghệ thuật<sup>1</sup>.

1. Một số kết quả về xây dựng và phát triển văn hóa:

*Kết quả về xây dựng hệ thống thiết chế và hoạt động văn hóa ở cơ sở:* Hiện nay trên toàn quốc có 69 thiết chế văn hóa cấp tỉnh, 647/713 quận, huyện có trung tâm văn hóa - thể thao hoặc nhà văn hóa huyện; 6.997/11.162 xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa - thể thao đạt tỷ lệ 64,3% (trong đó 48% cấp xã, phường, thị trấn hiện đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); 73.748/106.382 (đạt 69,4%) nhà văn hóa - khu thể thao thôn. Việc xây dựng và tổ chức các hoạt động tại nhà văn hóa thôn, làng, bản đã trở thành phong trào rộng khắp trên phạm vi toàn quốc, có hơn 22.000 thiết chế văn hóa truyền thống như đình, đền chùa... Nhà văn hóa và các thiết chế văn hóa, thể thao thuộc các bộ, ngành, đoàn thể gồm có: 30 nhà văn hóa lao động cấp tỉnh, 29 nhà văn hóa lao động cấp huyện; 74 nhà văn hóa cấp tỉnh, 148 nhà văn hóa cấp huyện. Hiện cả nước có 3.257 thư viện cấp xã, hơn 16.000 thư viện/tủ sách công cộng cơ sở, trên 60 thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.

*Lĩnh vực di sản văn hóa:* Về di sản văn hóa vật thể: cả nước hiện có hơn 40 nghìn di tích đã được kiểm kê, trong đó có 3.560 di tích được xếp hạng cấp quốc gia (119 di tích cấp quốc gia đặc biệt); 215 bảo vật quốc gia; 364 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, gần 10.000 di tích xếp hạng cấp tỉnh, thành phố. Di sản văn hóa phi vật thể, có 62.283 di sản của 63 tỉnh/thành phố được kiểm kê với 301 di sản được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (trong đó có 145/288 di sản của các dân tộc thiểu số - chiếm hơn 50% tổng số di sản); 5 di sản thuộc loại hình tiếng nói, chữ viết; 7 di sản thuộc loại hình tri thức dân gian được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 4 di sản thuộc loại hình nghệ thuật dân gian, 69 di sản thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian, 66 di sản thuộc loại hình tập quán xã hội và tín ngưỡng, 30 di sản thuộc loại hình nghệ thuật công truyền thống được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Hệ thống bảo tàng: 156 bảo tàng (124 bảo tàng công lập và 32 bảo tàng ngoài công lập), lưu giữ và trưng bày trên 3 triệu tài liệu, hiện vật; 118 hiện vật và nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia. Đến nay, đã có 90/124 bảo tàng công lập được xếp hạng. Những di sản văn hóa này không chỉ là kết quả của quá trình sáng tạo và gìn giữ của các cộng đồng, dân tộc để hình thành nên bản sắc văn hóa mà còn là sản phẩm cốt lõi góp phần thúc đẩy kinh tế du lịch phát triển. Nguồn: Dẫn theo Ban Tuyên giáo Trung ương: *Báo cáo Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc; xây dựng, phát triển văn hóa sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước; các định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Hà Nội; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Di sản Văn hóa): *Báo cáo tổng kết công tác di sản văn hóa năm 2020* (Báo cáo số 883/BC-DSVH ngày 15/12/2020).

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tổ chức tại Hà Nội ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài phát biểu chỉ đạo quan trọng. Nhận định về vai trò của văn hóa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng chí viết “Nhìn lại những thành tựu trên lĩnh vực xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là trong 35 năm đổi mới gần đây, chúng ta có quyền tự hào về những đóng góp to lớn của nền văn hóa vào sự nghiệp cứu quốc và kiến quốc. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong 35 năm đổi mới vừa qua đã tạo nên thế và lực mới, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế; niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Nguyên lý Đảng ta đã xác định “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội” thực sự phát huy trong tiến trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiến hành công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực tiễn đã chứng minh văn hóa không chỉ là “động lực phát triển” mà quan trọng hơn “văn hóa là động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa thực sự là động lực thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển trong xu thế hội nhập. Bối cảnh *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ra đời khi nước ta còn là một nước thuộc địa, nước phong kiến, đến nay qua quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong xu thế hội nhập và phát triển, nền kinh tế nước ta phát triển nhanh, mạnh: Năm 2022, theo Bảng xếp hạng những quốc gia hùng mạnh nhất thế giới do US News & World Report công bố, đánh giá khách quan mức độ ảnh hưởng của các quốc gia, chính sách đối ngoại cũng như sức mạnh chính trị, kinh tế và quân sự của nước đó trên khắp thế giới: *Việt Nam xếp thứ 30 với GDP đạt 363 tỷ USD, dân số vượt 98,2 triệu dân*<sup>1</sup>. Theo dự báo mới nhất

---

1. Nguồn: *Việt Nam xếp thứ 30 trong nhóm quốc gia hùng mạnh nhất thế giới*-  
<https://nhandan.vn/viet-nam-xep-thu-30-trong-nhom-quoc-gia-hung-manh-nhat-the-gioi-post732935.html>.



của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) năm 2022: GDP (PPP) của Việt Nam đứng thứ 3 ASEAN, thứ 10 châu Á và thứ 24 trên thế giới. Về quan hệ đối ngoại quốc tế, đến tháng 1/2023: Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao chính thức với toàn bộ 35 quốc gia châu Mỹ và 192 quốc gia trên thế giới (bao gồm 190/193 nước thành viên Liên hợp quốc), qua đó tiếp tục thể hiện chính sách đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, coi trọng phát triển quan hệ với các nước trên thế giới và vùng lãnh thổ<sup>1</sup>.

\*

\* \*

1. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là một văn kiện lịch sử quan trọng, Cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng ra đời trong hoàn cảnh lịch sử có ý nghĩa to lớn trong tiến trình xây dựng nền văn hóa cách mạng Việt Nam. Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tế của Việt Nam, Đảng ta đã đề ra đường lối cách mạng văn hóa và nguyên tắc xây dựng một nền văn hóa mới với định hướng “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), ở đó, người cộng sản phải hoạt động. Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Nền văn hóa nước ta xây dựng “sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa” do Đảng Cộng sản lãnh đạo, được thực hiện theo ba nguyên tắc nhất quán “Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa”. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vừa thể hiện những tư duy lý luận và kinh nghiệm thực tế mà Đảng ta đã thu được trong hoạt động văn hóa từ ngày Đảng ra đời, đồng thời lại dự báo được tương lai của nền văn hóa dân tộc, về cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa. Đề cương đã đánh dấu một bước tiến rất to lớn của Đảng ta trong tư duy, nhận thức các vấn đề về văn hóa và phát triển cách mạng văn hóa, nhấn mạnh vào tầm quan trọng của cuộc vận động văn hóa đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta.

2. Suốt 80 năm qua, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã phát huy sức mạnh, có ảnh hưởng to lớn trong đời sống thực tiễn của cách mạng.

---

1. Nguồn: *Báo Thế giới và Việt Nam*-<https://baochinhphu.vn/viet-nam-thiet-lap-quan-he-ngoai-giao-voi-trinidad-tobago-102230202092830298.htm>.

Những quan điểm quan trọng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã tạo ra một diện mạo mới cho nền văn hóa Việt Nam. Trong mỗi chặng đường phát triển của cách mạng nước ta, Đảng ta lại bổ sung hoàn thiện những quan điểm, định hướng từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 phù hợp với từng giai đoạn lịch sử, đồng thời tạo điều kiện để nền văn hóa Việt Nam phát triển. Các nguyên tắc cơ bản mà Đề cương đã nêu về vai trò lãnh đạo văn hóa của Đảng, về hệ tư tưởng Mác - Lênin, về con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... là nhất quán và không thay đổi. Tám mươi năm qua, lịch sử đã tiến những bước không nhỏ, diện mạo đất nước có thể xem như đổi thay toàn diện nhưng tôn chỉ của một nền văn hóa vẫn hoàn toàn phù hợp và không thay đổi dù trong bối cảnh đất nước không còn chiến tranh. Điều đó khẳng định tính thực tế, tính hiện đại và cả khả năng dự báo của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943<sup>1</sup> từ những ngày cách mạng Việt Nam còn khó khăn, Đảng còn hoạt động bán công khai.

3. Định hướng phát triển văn hóa và những thành tựu đạt được trong 80 năm qua đã chứng minh các luận điểm quan trọng trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 rất có giá trị về lý luận, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam. Thành tựu đạt được trong quá trình phát triển của nền văn hóa Việt Nam là kết quả vận dụng hệ thống lý luận cách mạng theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử, từ công cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc đến giai đoạn đất nước hòa bình, đổi mới, tích cực tiến hành công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt là từ khi tiến hành đổi mới, tầm nhìn của chúng ta ngày càng cao hơn, tư duy ngày càng rộng và sâu sắc hơn. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã nêu lên nguyên tắc đại chúng hóa trong cuộc vận động cách mạng văn hóa là nhằm sự phát huy năng lực sáng tạo của nhân dân, đưa văn hóa phục vụ nhân dân và vì nhân dân. Kế thừa và phát triển *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, Đảng ta đã đưa nền văn hóa dân tộc lên một tầm cao mới, mang tính chất của dân, do dân và vì dân. Chính vì vậy, những nguyên tắc hoạt động dân tộc,

---

1. *Đề cương về văn hóa Việt Nam chặng đường 60 năm*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.352.

đại chúng, khoa học vừa mang tính khoa học trong nội dung khái niệm, vừa có tính thực tiễn sâu sắc<sup>1</sup>.

4. Từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay, thông qua hệ thống văn kiện trong các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc và hai nghị quyết chuyên biệt về phát triển văn hóa: Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Ý nghĩa của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 không những phản ánh bước tiến của cách mạng trong một thời kỳ lịch sử sôi động mà còn phản ánh trình độ nhận thức của Đảng ta, nhân dân ta về cách mạng văn hóa: Đảng ta luôn luôn giữ vững tôn chỉ coi bản sắc dân tộc của mỗi nền văn hóa là giá trị tinh thần cơ bản để phát triển các giá trị khác. Vai trò và vị trí của văn hóa luôn luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đặt ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa phục vụ đắc lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa vì phát triển và phát triển vì văn hóa, đặc biệt ngày nay văn hóa không chỉ là “động lực phát triển” mà quan trọng hơn “văn hóa là động lực phát triển bền vững đất nước”, trong đó đội ngũ trí thức “những người cộng sản” giữ vai trò quan trọng và “phải hoạt động”. Với định hướng quan trọng của Đảng, trong 80 năm qua, sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã đạt được những thành tựu quan trọng và có tiến bộ rõ rệt. Nghị quyết đã làm chuyển biến và nâng cao thêm nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí của văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Ngành văn hóa, nghệ thuật đã có những đóng góp tích cực trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, duy trì phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được phát triển sâu rộng, góp phần đẩy mạnh hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Bởi vậy việc tiếp tục quán triệt những giá trị lý luận và thực tiễn, tư tưởng và văn hóa của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 và các văn kiện của Đảng vào các hoạt động xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước hiện nay là nhiệm vụ rất quan trọng, vô cùng cần thiết.

---

1. *Đề cương về văn hóa Việt Nam chặng đường 60 năm*, Sdd, tr.220.

5. Kỷ niệm 80 năm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ra đời và hành trình cùng với nền văn hóa dân tộc, chúng ta càng nhận thức sâu sắc rõ *Đề cương* đã luôn luôn có tác dụng thúc đẩy những bước tiến của cách mạng Việt Nam, của văn hóa Việt Nam trước những biến chuyển mạnh mẽ của tình hình thế giới và sự nghiệp đổi mới của đất nước ta. Với nhận thức văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, một động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, thể hiện tầm cao và chiều sâu về trình độ phát triển của một dân tộc, là kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất trong quan hệ giữa người với người, giữa con người với xã hội và với thiên nhiên, nhất định những tư tưởng nền tảng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 với ba nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa tiếp tục được vận dụng triệt để, phát huy trong công cuộc phát triển đất nước, phát triển hoàn thiện con người Việt Nam, văn hóa, văn minh Việt Nam. Đã 80 năm trôi qua nhưng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị là bó đuốc soi đường cho chúng ta đi, là kim chỉ nam cho chúng ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chủ trương xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của chúng ta hôm nay là kế thừa và phát huy phương châm “dân tộc, đại chúng, khoa học” của *Đề cương* đã đi vào thực tiễn cách mạng và phát huy tác dụng rộng lớn, sâu sắc trong đời sống văn hóa của dân tộc. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã song hành cùng với cách mạng Việt Nam trong công cuộc xây dựng nền văn hóa cách mạng, *Đề cương* thực sự trở thành vũ khí tư tưởng sắc bén của các chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, nghệ thuật, đã đặt nền móng cho việc hình thành và phát triển đường lối văn hóa ở nước ta trong quá khứ, hiện tại và cả trong tương lai.

## VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” TRONG XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VÀ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

NGÔ TỰ NAM\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng vào tháng 2/1943. Bản Đề cương là một văn kiện quan trọng, có thể coi như là bản cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta về lĩnh vực văn hóa.

Một trong những giá trị nổi bật của *Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943* là đề ra ba nguyên tắc cơ bản của nền văn hóa, đó là: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”.

80 năm qua, kể từ khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, Đảng và Nhà nước ta đã kiên định, vận dụng sáng tạo ba nguyên tắc nêu trên vào thực tiễn, tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa cách mạng Việt Nam.

80 năm qua, cách mạng Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn, từ đấu tranh giành độc lập, đến đấu tranh thống nhất nước nhà, xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới, ở bất cứ giai đoạn nào của cách mạng, 3 nguyên tắc được nêu trong Đề cương văn hóa cũng được Đảng ta vận dụng sáng tạo vào tình hình thực tiễn. Có thể khẳng định trong tình hình hiện nay 3 nguyên tắc vẫn còn nguyên giá trị.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà

---

\* Nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội.

bản sắc dân tộc” và Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã kế thừa và phát triển nhiều luận điểm quan trọng của Đề cương văn hóa.

Để tăng cường đổi mới công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, ngày 24/5/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW về *Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*. Đây là văn kiện đầu tiên của Đảng chuyên sâu về công tác pháp luật.

Nghị quyết nêu một số định hướng về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong giai đoạn tiếp theo, trong đó nêu rõ: Trong giai đoạn 2021-2026, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, với chi phí tuân thủ thấp, có sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế, lấy quyền và lợi ích hợp pháp của người dân là trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh.

Ngày 14/10/2021, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 19-KL/TW “Kết luận của Bộ Chính trị về định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV”. Đây là lần đầu tiên Bộ Chính trị có kết luận về định hướng chương trình xây dựng pháp luật cho một nhiệm kỳ Quốc hội, trong đó lưu ý: “Việc xây dựng, ban hành luật phải thận trọng, chắc chắn, làm tốt từng khâu, đặt yêu cầu cao về chất lượng, không chạy theo số lượng, phải bám sát và kịp thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Những vấn đề cấp bách, đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh, có sự thống nhất cao thì mới xây dựng, ban hành luật; những vấn đề tuy cấp bách, cần thiết, nhưng là vấn đề mới, chưa đạt đồng thuận cao thì có thể quy định thực hiện thí điểm. Trước mắt, chưa triển khai xây dựng những dự án luật có nội dung phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau, cần có thêm thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng”; “Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước;

thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Khắc phục ngay tình trạng văn bản luật thiếu tính ổn định, “luật khung, luật ống”, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Đồng thời, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là người đứng đầu trong xây dựng pháp luật; chống tiêu cực ngay trong công tác xây dựng pháp luật, không bị chi phối, tác động bởi các hành vi không lành mạnh của bất cứ tổ chức, cá nhân nào, không để xảy ra tình trạng lồng ghép “lợi ích nhóm”, lợi ích cục bộ của cơ quan quản lý nhà nước trong văn bản pháp luật”.

Như vậy, có thể thấy các văn kiện của Đảng khi nêu về công tác xây dựng chính sách, pháp luật đều có đề cập một cách cụ thể, sâu sắc với yêu cầu cao nội hàm các nguyên tắc: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa.

Kể từ ngày thành lập nước, thông qua việc xây dựng và ban hành các bản hiến pháp, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, có thể thấy nhận thức về văn hóa, về vai trò của văn hóa ngày càng thể hiện rõ nét thông qua các quy định được nêu trong các bản hiến pháp và hệ thống cơ chế chính sách, pháp luật về văn hóa nói chung và các lĩnh vực cụ thể về văn hóa nói riêng ngày càng được hoàn thiện đáp ứng yêu cầu của cách mạng, của sự nghiệp đổi mới, yêu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Về hoạt động lập pháp, qua 14 khóa Quốc hội, hiện nay là khóa XV chúng ta đã xây dựng được hơn 230 Bộ luật, Luật để điều chỉnh mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội trong đó có một số đạo luật trong lĩnh vực văn hóa điều chỉnh các lĩnh vực:

- *Chính sách pháp luật về di sản văn hóa*: Năm 2001, Quốc hội đã ban hành Luật di sản văn hóa. Năm 2009, Quốc hội khóa XII đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa. Cùng với hệ thống luật còn có các văn bản dưới luật do Chính phủ ban hành, các chương trình, đề án, chiến lược cụ thể để xây dựng, bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa - nguồn tài nguyên vô giá góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam với thế giới.

- *Chính sách pháp luật về nghệ thuật*: Quốc hội đã ban hành các đạo luật về bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan đến tác giả, tác phẩm như Luật Sở hữu trí tuệ, mới đây Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Điện ảnh (sửa đổi). Để cụ thể hóa các quy định của luật, Chính phủ, các bộ,

ngành cũng đã ban hành nhiều nghị định, chỉ thị, thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện luật.

- *Chính sách pháp luật về du lịch và văn hóa tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo*: Quốc hội khóa XIV đã ban hành Luật du lịch. Chính phủ cũng đã ban hành nhiều chính sách cụ thể để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII đã đề ra.

Cùng với hoạt động du lịch, các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo cũng được quan tâm, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành đã ban hành luật, ban hành nhiều chính sách cụ thể bảo đảm cho các hoạt động diễn ra thuận lợi, an toàn, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc. Năm 2016, Quốc hội đã ban hành Luật Tín ngưỡng tôn giáo, Chính phủ đã ban hành nhiều nghị định, chỉ thị, nghị quyết để triển khai thực hiện.

- *Chính sách, pháp luật về báo chí, xuất bản, quảng cáo, thư viện, thể dục, thể thao*: Có thể nói đây là lĩnh vực cần có sự phối hợp của nhiều ngành. Về công tác xây dựng pháp luật để điều chỉnh hoạt động trong các lĩnh vực này Quốc hội đã ban hành nhiều đạo luật như: Luật báo chí; Luật xuất bản; Luật thể dục, thể thao; Luật quảng cáo; Luật thư viện; Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020; Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025; Nghị định quy định xử phạt hành chính trong các hoạt động văn hóa; Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, quảng cáo. Có thể nói, nhận thức về văn hóa, nhận thức về tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển đất nước, đối với việc xây dựng nhân cách con người, hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật về văn hóa nói chung và pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực cụ thể về văn hóa đang ngày càng được quan tâm xây dựng và hoàn thiện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, về lĩnh vực văn hóa chúng ta thấy các quy định hiện hành của pháp luật chưa ngang tầm với những đòi hỏi cấp bách và lâu dài của cuộc sống, với sự nghiệp đổi mới toàn diện của đất nước, trong đó có mục tiêu “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” mà Đảng đề ra.



Nhận định, đánh giá về tình hình này, văn kiện của Đảng đã chỉ rõ:

- “Việc xây dựng *thể chế văn hóa* còn chậm và nhiều thiếu sót. Chính sách xã hội hóa các hoạt động văn hóa chậm được ban hành. Bộ máy tổ chức ngành văn hóa chưa được sắp xếp hợp lý để phát huy cao hơn hiệu lực lãnh đạo và quản lý”.

- “Các văn bản pháp luật về văn hóa còn thiếu đồng bộ; việc thể chế hóa các nghị quyết, quan điểm của Đảng còn chậm, tổ chức thực hiện còn yếu nên nhiều quy phạm pháp luật về văn hóa chưa thực sự đi vào cuộc sống, một số lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật chưa có luật để quản lý. Nhiều chính sách đối với văn nghệ sĩ đã lạc hậu nhưng chậm được sửa đổi.

- Một số chủ trương, quan điểm về văn hóa chậm được thể chế; việc chỉ đạo phát triển công nghiệp văn hóa còn chậm; nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa trong một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội và một bộ phận nhân dân chưa đầy đủ, sâu sắc”.

Như vậy, vấn đề đặt ra cho hoạt động xây dựng chính sách pháp luật cho phát triển văn hóa là:

Cần sớm khắc phục tình trạng chậm thể chế hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành luật pháp và các chính sách cụ thể; có kế hoạch, biện pháp cụ thể xây dựng chính sách, pháp luật để kịp thời điều chỉnh những vấn đề (trong đó có những vấn đề cấp bách) mà văn hóa đặt ra hiện nay.

Ba nguyên tắc của Đề cương văn hóa là những định hướng đúng đắn cho công tác xây dựng chính sách, pháp luật và phát triển nguồn lực cho phát triển văn hóa. Trong tình hình mới, yêu cầu đặt ra là chúng ta vận dụng, phát triển 3 nguyên tắc nêu trong Đề cương văn hóa như thế nào vào việc xây dựng chính sách, pháp luật và nguồn lực cho phát triển văn hóa để đáp ứng yêu cầu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trên cơ sở nắm vững và vận dụng sáng tạo 3 nguyên tắc, cơ quan có trách nhiệm chủ trì, phối hợp trong xây dựng chính sách, pháp luật về văn hóa phải xác định đúng đắn những quan điểm, tư tưởng, nội dung, định hướng trong khi xây dựng chính sách, pháp luật về văn hóa, góp phần tích cực vào việc xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng được thể hiện đậm nét trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đối với lĩnh vực văn hóa, khi xây dựng chính sách, pháp luật cũng phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu đề ra trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể là:

1- Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật.

2- Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản quy phạm pháp luật, nhất là văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực văn hóa phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu.

3- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 9: “Văn bản quy phạm pháp luật *có thể* được dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài...”. Tiếp thu nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” cần xem xét để quy định theo hướng: “Văn bản quy phạm pháp luật *phải được* dịch ra tiếng dân tộc...” (không nên quy định “*có thể*”).

4- Nguyên tắc “khoa học hóa” đặt ra yêu cầu xây dựng chính sách, pháp luật về văn hóa phải kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của văn hóa Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Một số yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể:

*Thứ nhất*, yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng pháp luật là phải bảo đảm tạo hành lang pháp lý để tổ chức và triển khai mọi hoạt động văn hóa trong khuôn khổ pháp luật. Xây dựng một hệ thống pháp luật phải phát huy được giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, ở đó các quy phạm pháp luật phải cổ động, hỗ trợ, tạo điều kiện để phát huy năng lực sáng tạo, đồng thời tạo điều kiện hội nhập vào thị trường văn hóa quốc tế.

Tập trung nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phương thức quản lý văn hóa trong quá trình Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với các nước trên thế giới; cần có đột phá mới trong tư duy xây dựng cơ chế, chính sách để cơ chế, chính sách có khả năng kiến tạo; chú trọng một số giải pháp cụ thể như chính sách miễn giảm thuế; các biện

pháp tăng cường việc bảo hộ quyền tác giả, tác phẩm; xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa.

*Thứ hai*, tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển văn hóa, chú trọng đến các yêu cầu: khơi dậy, khuyến khích năng lực sáng tạo của nhân dân; xây dựng cơ chế, chính sách để có thể thu hút nhân tài hoạt động trong lĩnh vực văn hóa;

+ Khẩn trương xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin chuyên ngành về văn hóa; xây dựng và hoàn thiện cơ chế đầu tư cho công nghiệp văn hóa.

+ Xây dựng các đạo luật phải bảo đảm yêu cầu giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo tồn và phát huy, phát triển các giá trị văn hóa.

+ Thị trường văn hóa bước đầu được hình thành với nhiều vấn đề từ thực tiễn cuộc sống đặt ra như việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, mặc dù chúng ta đã ban hành Luật Sở hữu trí tuệ; việc ngăn chặn văn hóa phẩm độc hại; việc cạnh tranh với các sản phẩm công nghiệp văn hóa của nước ngoài. Tăng cường bảo hộ quyền tác giả, phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với việc xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa; nâng cao hiệu quả việc thi hành Luật Sở hữu trí tuệ.

*Thứ ba*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lối sống tuân thủ pháp luật.

*Thứ tư*, xây dựng pháp luật có những chế tài xử lý đủ mạnh, đủ sức răn đe đối với những hành vi xâm hại văn hóa dân tộc; ngăn chặn, đẩy lùi những sản phẩm phi văn hóa trên các trang mạng xã hội; đấu tranh loại trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, các hành vi tiêu cực, cơ hội, vi phạm pháp luật, truyền bá tư tưởng sai trái, lối sống thực dụng, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến xây dựng và phát triển văn hóa.

*Thứ năm*, rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách khuyến khích hoạt động sáng tạo, thu hút đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, tạo thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Trong các chính sách, pháp luật được ban hành cần có các quy định cụ thể để có thể phát huy tối đa các nguồn lực từ Nhà nước và xã hội, từ trong nước và nước ngoài để phát triển văn hóa.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, ngày 24/11/2021; Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 “Kết luận của Bộ Chính trị về định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV”, trên cơ sở tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo 3 nguyên tắc: “dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa”, được nêu trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, chúng ta tin tưởng công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật sẽ góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

## XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG VỤ DƯỚI ÁNH SÁNG CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”

ThS. VŨ VĂN NĂM\*

### 1. Sức sống trường tồn, ý nghĩa và giá trị lớn lao của bản “Đề cương về văn hóa Việt Nam”

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là một văn kiện lịch sử vô giá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cách mạng, kháng chiến, chỉ ra con đường vận động, phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam. Ra đời trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trải qua 80 năm nhưng những tư tưởng, quan điểm thể hiện trong Đề cương vẫn vẹn nguyên giá trị và tính thời sự sâu sắc. Kế tục *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, các chỉ thị, nghị quyết về văn hóa của Đảng qua các thời kỳ đều đã chỉ ra những phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp có tính chiến lược, lâu dài để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản*

---

\* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”<sup>1</sup>. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII nêu rõ, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần xã hội. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, con người phát triển toàn diện. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (24/11/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã một lần nữa nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần phải thực hiện thật tốt là: “Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị, chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Những giá trị ấy được nuôi dưỡng bởi văn hóa gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: Ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; được bồi đắp, phát triển bởi nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với hệ giá trị: Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học; trên nền tảng của hệ giá trị quốc gia và cũng là mục tiêu phấn đấu cao cả của dân tộc ta: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc”.

Dưới ánh sáng đường lối của Đảng, kế thừa và phát triển những thành quả văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc, trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng với những thành tựu trong

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

lĩnh vực kinh tế, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn trên lĩnh vực văn hóa. Tư tưởng, đạo đức và lối sống của các tầng lớp nhân dân có những chuyển biến quan trọng. Niềm tin vào tương lai của đất nước, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được củng cố và nâng lên. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được khôi phục, đề cao và phát huy. Tính năng động và tích cực của công dân có được môi trường thuận lợi để phát triển, sở trường và năng lực cá nhân được khuyến khích. Bầu không khí cởi mở, dân chủ trong xã hội ta đã trở thành nguồn cảm hứng và động lực thúc đẩy văn nghệ sĩ nước ta sáng tạo được nhiều công trình, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật có giá trị. Những việc làm thiết thực hướng về cội nguồn, về truyền thống cách mạng và kháng chiến, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, quý trọng các danh nhân văn hóa, đền ơn đáp nghĩa những người có công, giúp đỡ những người khó khăn, thực hiện xóa đói giảm nghèo... đã được các ngành, các cấp quan tâm và đang trở thành phong trào sâu rộng của quần chúng, thể hiện một cách sinh động truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, sự nghiệp xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng gặp những thách thức to lớn. Trong các nghị quyết, Đảng ta đều nhấn mạnh nội dung: Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng xã hội. Văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều quan trọng là phải làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống mới của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa mới của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hóa đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân, đặc biệt là trong thực thi công vụ của cán bộ. Để đạt được mục tiêu đó, chúng ta cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa; coi phát triển sự nghiệp văn hóa là trách nhiệm của toàn Đảng,

toàn dân; coi đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người và cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Xây dựng và phát triển văn hóa chính là phát huy nguồn lực con người - nguồn nội lực lớn nhất và quyết định của đất nước để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Quán triệt quan điểm xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp, các ngành, các đoàn thể đều phải quan tâm xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động và đáp ứng nhu cầu văn hóa cho ngành, lĩnh vực và địa phương; gắn phát triển kinh tế với văn hóa. Thực hiện việc định hướng thị hiếu hưởng thụ văn hóa lành mạnh cho quần chúng nhân dân, đặc biệt là cho lớp trẻ; làm cho mọi người có nhận thức đúng đắn về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người; khắc phục thái độ xem nhẹ vai trò văn hóa và các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Các hoạt động tuyên truyền giáo dục phải gắn với quản lý xã hội, quản lý các hoạt động văn hóa bằng pháp luật, phát huy sức mạnh dư luận xã hội, gắn với các phong trào hành động của quần chúng, để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam.

## **2. Giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” với xây dựng các giá trị cốt lõi của nền công vụ**

Hiện nay, việc xây dựng những giá trị cốt lõi của nền công vụ ngày càng đóng vai trò quan trọng, cấp thiết. Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Việt Nam đang tích cực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, Việt Nam cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi tình hình thế giới, khu vực và trong nước vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, như Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” đã nhận định: Các mối đe dọa truyền thống, phi truyền thống và biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt. Ở trong nước, bên cạnh những mặt tích cực thì sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức; bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn còn hiện hữu, có mặt gay gắt hơn; tình



hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn những nhân tố dễ gây mất ổn định. Sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động ngày càng tinh vi, nguy hiểm, phức tạp hơn trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập, với sự bùng nổ của hệ thống thông tin truyền thông toàn cầu và chiến tranh trên không gian mạng... Do đó, xây dựng những giá trị cốt lõi của nền công vụ đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ và yêu cầu phát triển đất nước là nhiệm vụ quan trọng nhưng cũng rất khó khăn. Giá trị cốt lõi được thiết lập sẽ hỗ trợ tầm nhìn quốc gia, định hình những chuẩn mực văn hóa tiêu biểu, điển hình mang bản sắc quốc gia.

Chúng ta đều biết, hoạt động thực thi công vụ có tính chất đặc thù được bảo đảm bởi quyền lực công, ngân sách nhà nước, mang tính chất phi lợi nhuận để phục vụ nhân dân, xã hội. Hành vi và hiệu quả thực thi công vụ của cán bộ, công chức liên quan mật thiết đến niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, sự ổn định và vững mạnh của hệ thống chính quyền. Nếu không có những giá trị cốt lõi định hướng, làm chuẩn mực ứng xử, sẽ dẫn đến hiện tượng cán bộ, công chức lạm quyền, sử dụng quyền lực sai mục đích hoặc ỷ lại, dựa dẫm, đối phó, quan liêu trong thực thi công vụ.

Thực tế cho thấy, mặc dù đại đa số đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống gương mẫu; có ý thức tổ chức kỷ luật, tu dưỡng, rèn luyện; trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao nhưng vẫn tồn tại một bộ phận cán bộ, công chức có biểu hiện phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Do đó, cần có những giá trị cốt lõi để định hình nhận thức, tư duy và hành vi của đội ngũ cán bộ, công chức. Những giá trị cốt lõi giúp định hướng, định hình và làm nền tảng để xây dựng văn hóa và đạo đức công vụ. Xây dựng những giá trị cốt lõi của nền công vụ là vấn đề khó, phức tạp, cần sự nghiên cứu nghiêm túc trên cơ sở cân nhắc nhiều yếu tố khác nhau. Hơn lúc nào hết, chúng ta phải nhìn lại những giá trị nội dung được nêu ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Đặc biệt, với ba nguyên tắc: “dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa” đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là

quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới và với bối cảnh hiện nay, văn hóa công vụ cũng không thể rời xa được ba nguyên tắc nói trên.

*Một là*, giá trị cốt lõi của nền công vụ cần đúc kết, kế thừa và phát huy hệ giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã xác định những vấn đề về xây dựng con người Việt Nam với nhân cách, phẩm chất, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Đó chính là hệ giá trị điển hình, cơ bản của người Việt Nam đã được vun đắp, giữ gìn và phát huy qua nhiều thế hệ nên cần được kế thừa trong việc xây dựng giá trị cốt lõi của nền công vụ.

*Hai là*, xây dựng giá trị cốt lõi của nền công vụ cần dựa trên chủ trương, đường lối của Đảng. Mục đích của Đảng là phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bảo đảm tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc ở Việt Nam. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

*Ba là*, xây dựng những giá trị cốt lõi của nền công vụ cần kế thừa và phát huy giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần, tài sản trí tuệ vô giá của Đảng và dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể ở nước ta, đồng thời kế thừa và phát triển tinh hoa giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

*Bốn là*, xây dựng giá trị cốt lõi của nền công vụ Việt Nam cần tham khảo kinh nghiệm quốc tế để học hỏi, kế thừa những giá trị chung, điển hình và vận dụng phù hợp với bối cảnh văn hóa, thể chế chính trị ở Việt Nam. Mỗi quốc gia công nhận, quy định và đề cao những giá trị khác nhau. Ví dụ, hệ thống giá trị cốt lõi trong nền công vụ phục vụ của Singapore đề

cao vai trò của 3 giá trị: 1- Liêm chính (trung thực, minh bạch bộ máy, quy trình và nguồn lực); 2- Phục vụ (dịch vụ chuyên nghiệp, thân thiện, chu đáo); 3- Sự tuyệt hảo (liên tục cải tiến và nỗ lực vượt qua các giới hạn)...

Kế thừa các giá trị của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* để xây dựng nền công vụ hiện đại, chuyên nghiệp, cần tập trung vào các giá trị cơ bản, cốt lõi của nền công vụ, cụ thể là:

1- Thượng tôn pháp luật: Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng đã đề cập đến việc xây dựng “Nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân và vì dân”. Năm 2001, khi sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, lần đầu tiên thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” được hiến định, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để hiện thực hóa việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cán bộ, công chức cần thượng tôn pháp luật để được dân tin tưởng, tôn trọng, ủng hộ. Biểu hiện của việc thượng tôn pháp luật là tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền; bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu quả, có sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng quyền lực công, nguồn lực công.

2- Trách nhiệm: Người có trách nhiệm là người hiểu rõ vai trò, bổn phận, nghĩa vụ của mình trước Đảng, Nhà nước, nhân dân, tổ chức và đơn vị công tác. Họ sẵn sàng, tự giác, chủ động nhận trách nhiệm và nỗ lực cao nhất để đạt được mục tiêu trong điều kiện nguồn lực có hạn và môi trường biến đổi. Đồng thời, họ cũng sẵn sàng chịu trách nhiệm, xin lỗi và nỗ lực khắc phục hậu quả nếu phát ngôn, hành động, việc làm không đúng như quy định hoặc cam kết.

3- Liêm chính: Đó là sự trung thực, trong sạch, ngay thẳng trong thực thi công vụ; phân biệt những vấn đề phù hợp, không phù hợp trong thực thi công vụ, dũng cảm đấu tranh với những điều sai trái và bảo vệ những điều đúng đắn, phù hợp; không tham lam địa vị, tiền tài; không sử dụng công cụ, cách thức lừa dối, bịa đặt, gian lận hoặc lợi dụng uy tín của tập thể để đạt được mục tiêu, lợi thế hay lợi ích cho cá nhân. Người có sự liêm chính không chỉ biết giữ gìn sự liêm chính của bản thân, mà còn sẵn sàng lên tiếng, đấu tranh bảo vệ sự liêm chính của tổ chức và nền công vụ.

4- Minh bạch: Đó là sự rõ ràng, tường minh và sẵn sàng giải trình trước Đảng, Nhà nước, nhân dân, cơ quan và người có thẩm quyền. Cán bộ, công chức có sự minh bạch sẵn sàng, chủ động thực thi công vụ công khai, cụ thể, không giấu giếm, che đậy, khuất tất; sẵn sàng phối hợp và tạo điều kiện để thanh tra, kiểm tra, giám sát. Sự minh bạch luôn đi liền với bảo đảm trách nhiệm báo cáo, giải trình. Trách nhiệm giải trình không chỉ là trách nhiệm báo cáo đối với cơ quan quản lý, thanh tra, kiểm tra, với lãnh đạo; tuân thủ các quy định, đó còn là trách nhiệm giải trình trước nhân dân. Đồng thời, đó còn là khả năng giải thích, biện minh, bảo vệ cho những quyết định và hành động của tập thể và cá nhân, cũng như vấn đề chịu hậu quả từ những quyết định và hành động đó.

5- Phụng sự: Mục tiêu thực thi công vụ gắn với bản chất của Nhà nước Việt Nam “của dân, do dân, vì dân” với mục đích bảo vệ chế độ; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích của nhân dân, của cơ quan, tổ chức; bảo vệ trật tự pháp luật; không vì lợi ích cá nhân và không vì mục tiêu lợi nhuận. Người thực thi công vụ phải hết lòng phụng sự, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, đặt lợi ích của Nhà nước, xã hội và công dân lên trước hết. Biểu hiện sự phụng sự là tuyệt đối trung thành và hết lòng phục vụ Đảng, Nhà nước, nhân dân, tổ chức. Mỗi cán bộ, công chức thực sự là công bộc của dân, gần dân, sâu sát lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; chủ động, sáng tạo trong phục vụ nhân dân để mang lại người dân những trải nghiệm tích cực nhất; không được hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà, khó khăn cho nhân dân.

\*

\* \*

“Dân tộc, khoa học, đại chúng” - những thuật ngữ đã trở thành khẩu hiệu, mệnh lệnh trong suy nghĩ, hành động của mỗi người dân Việt Nam trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, thực hiện công cuộc đổi mới và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công bộc của dân. Dân tộc, khoa học, đại chúng đã trở thành tính chất, đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam - một nền văn hóa thấm đẫm tinh thần dân tộc, giàu bản

sắc do nhân dân sáng tạo với khát vọng không ngừng vươn đến cái đẹp, cái ích, cái tiến bộ, văn minh. Kế thừa, bổ sung và phát triển những giá trị *dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học* sẽ giúp cho đội ngũ cán bộ công bộc của dân sẽ không ngừng được bồi đắp thêm những nền tảng vững chắc trong sự nghiệp phục vụ nhân dân.

Ra đời cách đây 80 năm nhưng những quan điểm, nguyên tắc, chủ trương đúng đắn, kịp thời của Đảng về văn hóa, văn nghệ đến nay vẫn vẹn nguyên giá trị và tinh thần thời đại sâu sắc, thể hiện tư duy, tầm nhìn và khát vọng của toàn Đảng, toàn dân nỗ lực, quyết tâm, đổi mới, sáng tạo, cống hiến để vun đắp nên văn hóa Việt Nam tiên tiến, giàu bản sắc, tạo sức mạnh, nguồn lực nội sinh để xây dựng nước Việt Nam phồn vinh và hạnh phúc.

## TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” ĐẾN XÂY DỰNG BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY

ThS. VŨ THỊ VIỆT ANGA\*

1. Đề cương văn hóa là tên thường gọi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) thông qua từ tháng 2/1943, đến nay vừa tròn 80 năm. Mặc dù ở dạng Đề cương nhưng văn kiện này có vai trò rất lớn, định hướng xuyên suốt hoạt động trên mặt trận văn hóa của Đảng trong quá trình phát triển tới ngày nay.

Trong dịp kỷ niệm 40 năm Đề cương văn hóa ra đời (1943-1983), đồng chí Trường Chinh nhấn mạnh: “Vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... nhưng Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của Việt Nam”<sup>1</sup>. Không chỉ có giá trị to lớn trong chỉ đạo hoạt động văn hóa xã hội nói chung, sự ra đời của Đề cương văn hóa còn có ý nghĩa rất lớn trong việc xây dựng bản sắc văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

### ***Cơ sở xây dựng***

Đề cương văn hóa xác định những vấn đề lý luận cơ bản định hướng đúng đắn hoạt động tư tưởng và văn hóa nói chung, làm cơ sở để xây dựng bản sắc văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa nói riêng.

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.3, tr.559.

Khi dự thảo Đề cương văn hóa, Đảng ta nắm vững và quán triệt sâu sắc những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin, thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, khẳng định mối quan hệ không tách rời giữa văn hóa và kinh tế, chính trị. Đề cương chỉ rõ: quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựa trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc). Do vậy, trong cải tạo xã hội cần kết hợp đồng bộ giữa 3 lĩnh vực là kinh tế, chính trị với văn hóa, thực hành cách mạng trên lĩnh vực văn hóa không tách rời cuộc cách mạng trên lĩnh vực chính trị và kinh tế. Đề cương văn hóa chỉ rõ, cách mạng chính trị phải giành thắng lợi trước rồi cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa mới được thực hiện thành công, mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội.

80 năm sau ngày Đảng đề ra *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và làm cho nó trở thành một vũ khí tư tưởng sắc bén, Việt Nam đã có nhiều bước tiến mới, hoà nhập với thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra trên mọi lĩnh vực. Trước đây, văn hóa của chúng ta khép kín mang tính “cát cứ”, nhưng bước vào kỷ nguyên toàn cầu hoá, “tính mở” của văn hóa được phát huy tối đa do sự mở rộng quy mô sản xuất và giao thương quốc tế. Toàn cầu hóa mở rộng đến đâu thì tính chất và cấu trúc văn hóa của mỗi quốc gia sẽ có những biến đổi đến đó. Trong nhận thức của Đảng ta, văn hóa phải đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị. Đảng xác định *văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội*. Đây là nhận thức chính xác về vai trò của văn hóa trong tổng thể đời sống xã hội, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế tri thức hiện nay.

Nhiều người đã lo ngại, liệu toàn cầu hóa văn hóa sẽ ảnh hưởng đến văn hóa của chúng ta như thế nào? Liệu có hiện tượng bất bình đẳng trong quá trình giao lưu văn hóa không? Đã có nhiều lo ngại về sự áp đặt, bá quyền văn hóa của các nước lớn sẽ làm biến mất tính độc đáo của nền văn hóa truyền thống Việt Nam. Trên thực tế, sự cạnh tranh văn hóa, tranh giành ảnh hưởng giữa các nền văn hóa là điều có thật. Tuy nhiên, đó không phải là toàn bộ vấn đề, bởi lẽ toàn cầu hóa văn hóa là một quá trình mở cửa và hàm chứa nhiều xung đột, mâu thuẫn. Các xung đột, mâu thuẫn này không chỉ xuất hiện trong

sự va chạm của các nền văn hóa mà xuất hiện ngay trong quá trình biến đổi và thích ứng tự thân của mỗi nền văn hóa. Về tổng thể, trong kỷ nguyên toàn cầu hoá, mỗi quốc gia vừa được thừa hưởng thành tựu văn hóa nhân loại, đồng thời vừa phải gánh chịu những áp lực, hệ lụy mà toàn cầu hóa mang lại.

*Thứ nhất*, toàn cầu hóa văn hóa không phải là câu chuyện “cá lớn nuốt cá bé” hay đồng hóa văn hóa như nhiều người đã lo lắng. Bản chất của toàn cầu hóa văn hóa là tạo ra một cơ chế giao lưu mở, thực hiện đối thoại văn hóa và chấp nhận đa dạng văn hóa. Điều này càng rõ nét hơn khi hiện tượng di dân toàn cầu ngày càng lớn do sự mở rộng các chuỗi sản xuất, cung ứng thị trường và du lịch... Các nền văn hóa thông qua giao lưu bình đẳng sẽ cùng nhau xác nhận một số giá trị văn hóa cơ bản chung cho xã hội loài người. Dù muốn hay không, các nền văn hóa đều phải cộng sinh tồn tại. Vì thế, toàn cầu hóa văn hóa cũng là cơ hội để các nền văn hóa tìm ra những định hướng giá trị chung cho nhân loại trên nền tảng tinh thần nhân văn hiện đại. Lịch sử phát triển của nhân loại từ trước đến nay luôn chứng kiến sự tác động lẫn nhau của các nền văn hóa. Văn hóa toàn cầu hóa vì thế vừa có mặt thống nhất, vừa có sự đa dạng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa văn hóa, văn hóa của các dân tộc, các khu vực sẽ từ bỏ trạng thái tự phong bế để giao lưu với văn hóa thế giới. Thông qua giao lưu mà kích thích phát triển, tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh của văn hóa thế giới, đồng thời giao lưu văn hóa như một hình thức làm cho văn hóa dân tộc ngày càng phong phú và hoàn thiện.

*Thứ hai*, toàn cầu hóa văn hóa không phải chỉ là sự khuất phục của nền văn hóa này trước sức mạnh của nền văn hóa khác hay sự suy vong và biến mất của những thực thể văn hóa nhỏ. Trong thực tiễn, văn hóa thế giới đã từng diễn ra tình trạng bất bình đẳng văn hóa ở những mức độ khác nhau và cũng đã có những thời điểm, toàn cầu hóa mang xu hướng phương Tây hóa, Mỹ hóa. Tuy nhiên, không vì thế mà các quốc gia đang phát triển, hoặc các cộng đồng yếu thế tìm mọi cách để đóng cửa văn hóa. Vấn đề đặt ra là phải coi toàn cầu hóa như một cơ hội phát triển trên cơ sở đối thoại, học tập lẫn nhau để từng bước giải quyết các xung đột văn hóa, để vừa làm giàu cho văn hóa bản địa, vừa đóng góp cho văn hóa nhân loại. Vì thế, tiến trình toàn cầu hóa văn hóa cần đến sự chủ động của các nền văn hóa trong giao lưu và phát triển.



*Thứ ba*, và là quan trọng nhất, toàn cầu hóa không phải là sự cắt rời triệt để các giá trị văn hóa đã được thiết lập trong lịch sử. Ngược lại, nó vừa kế thừa, vừa biết phủ định để phát triển. Văn hóa nhân loại đã đi qua ba hệ hình văn hóa lớn: tiền hiện đại (truyền thống), hiện đại và hậu hiện đại. Nếu như văn hóa hiện đại phủ định một phần văn hóa truyền thống để xác lập hệ giá trị của nó thì ngày nay, chủ nghĩa hậu hiện đại vừa phê phán văn hóa kinh nghiệm (truyền thống) vừa phê phán văn hóa lý tính (hiện đại). Chủ nghĩa hậu hiện đại đặc biệt coi trọng đa nguyên văn hóa, và giải phóng con người khỏi những ràng buộc lý tính cứng nhắc. Đó là thái độ khước từ các quy phạm cũ để đạt tới tự do về tư tưởng và nhân vị trong môi trường dân chủ và sự liên thông của mạng lưới văn hóa đại chúng toàn cầu. Cần nhìn nhận sự ra đời của chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại như là logic phát triển của văn hóa để có những ứng xử thích hợp, từ đó một mặt tìm hiểu và tôn trọng nó; mặt khác tránh xa những ứng xử cực đoan để không dẫn tới tình trạng hỗn loạn, thậm chí là phá huỷ văn hóa, đặc biệt là văn hóa truyền thống.

### ***Định hình bản sắc***

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 xác định rõ những nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam có *tính dân tộc, tính khoa học* và *tính đại chúng*, phù hợp với thời đại mới và là cơ sở để định hình bản sắc văn hóa Việt Nam trong thời kỳ toàn cầu hóa hiện nay.

Đề cương văn hóa chủ trương xây dựng văn hóa mới Việt Nam (bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật) từ khả năng biến thành hiện thực: Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới. Trong *Đề cương văn hóa* xác định rõ 3 nguyên tắc: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta trước đây cũng như yêu cầu của sự nghiệp đổi mới hiện nay, quyết tâm xây dựng nền văn hóa mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Toàn cầu hóa và giao lưu văn hóa quốc tế đặt Việt Nam trước những thách thức và những cơ hội phát triển mới. Việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng mang

đến những thay đổi sâu sắc về văn hóa. Quá trình này đòi hỏi phải thay đổi mô hình quản lý và phương thức vận hành kinh tế, đồng thời để thực hiện thành công quá trình này cần phải có lực văn hóa mới giàu tính khai phóng nâng đỡ. Muốn thế, cần tận dụng mọi cơ hội, chủ động, tích cực giao lưu, đối thoại văn hóa và kết hợp hài hòa cả nhân tố nội sinh và ngoại sinh để tạo nên những bước phát triển văn hóa mang tính bền vững.

Có thể thấy, thực tiễn văn hóa Việt Nam có tính đặc thù, sự xung đột, mâu thuẫn giữa văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại rõ nét. Vì sống trong văn minh nông nghiệp lâu đời nên thời kỳ hiện đại, người Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, trong khi quá trình hiện đại hóa của Việt Nam đang diễn ra thì thế giới đã bước sang giai đoạn hậu hiện đại và kinh tế tri thức. Những ảnh hưởng của tư tưởng, lối sống hậu hiện đại đến Việt Nam theo lát cắt văn hóa đồng đại đã khiến cho văn hóa Việt Nam cùng lúc tồn tại ba tầng văn hóa: Văn hóa, văn minh nông nghiệp; Văn hóa, văn minh công nghiệp và Văn hóa, văn minh hậu công nghiệp. Điều đó dẫn đến hiện tượng phân tán và khác biệt quan điểm giá trị. Trước hết là sự khác biệt đến từ thế hệ, sau đó là sự khác biệt do sự quy định của trình độ văn hóa, giới tính, sự chi phối của địa văn hóa, sự khác biệt trong định hướng giá trị. Điều đó dẫn tới tính đa dạng trong nền văn hóa đương đại. Các thế hệ lớn tuổi và đã trải qua chiến tranh và chứng kiến những năm tháng đất nước khó khăn có xu hướng quay về văn hóa truyền thống và bảo lưu các giá trị văn hóa cổ truyền, khó thích ứng với văn hóa hiện đại. Những chủ thể văn hóa chịu ảnh hưởng của tư tưởng hiện đại và văn hóa lý tính lại có xu hướng đề cao văn minh công nghiệp và đề cao vị thế của chủ thể hiện đại trong xã hội công nghiệp. Lớp trẻ lại đặc biệt nhạy cảm với văn hóa hậu hiện đại. Họ vừa có xu hướng xa lánh văn hóa truyền thống, vừa phê phán văn hóa lý tính và đề cao sự nổi loạn cá nhân, chạy theo những giá trị của văn hóa tiêu dùng. Dù chưa hội đủ cơ sở cho sự xuất hiện của văn hóa hậu hiện đại như các nước phát triển nhưng tâm thái văn hóa hậu hiện đại đã từng bước xâm nhập vào văn hóa Việt Nam qua văn hóa đại chúng, văn nghệ bình dân, văn hóa ăn nhanh và truyền thông đa phương tiện. Đây có thể coi là bước “đi trước” về ảnh hưởng văn hóa dưới tác động của toàn cầu hóa văn hóa.

Bên cạnh đó, ở Việt Nam hiện nay còn xuất hiện sự phục hưng của các giá trị văn hóa truyền thống. Phục hưng văn hóa chính là việc phát huy những giá trị tốt đẹp nhất của văn hóa dân tộc, trong đó nổi bật nhất là chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo. Sự phục hưng của văn hóa truyền thống với người Việt Nam có ba hậu thuẫn lịch sử. Thứ nhất, Việt Nam có truyền thống yêu nước và chống ngoại xâm lâu đời. Người Việt sẵn sàng hy sinh tất cả để bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc. Thứ hai, người Việt Nam coi trọng văn hóa cộng đồng, ai cũng gắn liền với hương thổ, bản quán gốc rễ. Thứ ba, người Việt Nam nhân ái, coi trọng tình nghĩa. Đây vừa là di sản của văn minh nông nghiệp hàng nghìn năm kết thành căn tính và tố chất người Việt, vừa là ưu thế để văn hóa Việt không bị đồng hóa dù đã trải qua nghìn năm Bắc thuộc.

**2.** Sau *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định mục tiêu phát triển của Việt Nam là “Đến năm 2025: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”<sup>1</sup>. Kinh tế quyết định văn hóa, văn hóa vừa có tính độc lập, vừa có tính kế thừa và có tính vượt trước so với kinh tế, vì vậy có thể thấy trong xây dựng mô hình văn hóa Việt Nam, để tương thích với sự phát triển tổng thể của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa văn hóa, chúng ta cần tiếp thu những giá trị mới của văn hóa toàn cầu, đồng thời phát huy những nhân tố tích cực của văn hóa truyền thống, khắc phục những mâu thuẫn trong nền văn hóa hiện nay.

Về cơ bản, mô hình văn hóa đó là:

*Thứ nhất*, mô hình văn hóa lý tính khoa học.

Kinh tế thị trường hiện đại, toàn cầu hóa kinh tế, kinh tế tri thức yêu cầu các chủ thể tham gia phải hiện đại hóa về các mặt hoạt động và vận hành xã hội như kinh doanh, quản lý, sản xuất, phục vụ... đều phải dựa vào tư duy khoa học, quyết sách lý tính, lấy thông tin chuẩn xác làm cơ sở hoạt động để giành lấy hiệu suất và lợi nhuận lớn nhất. Nội hàm văn hóa này cần được chú trọng bởi nó thúc đẩy tinh thần kỷ luật, tác phong công nghiệp, thái độ làm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.36.

việc chuyên nghiệp, văn hóa công sở... Đây là những yếu tố mà văn hóa truyền thống còn yếu, bởi gắn liền với văn minh nông nghiệp.

*Thứ hai*, mô hình văn hóa có tính chủ thể, tính sáng tạo.

Kinh tế thị trường hiện đại và toàn cầu hóa kinh tế khác với kinh tế tự nhiên khi nó yêu cầu tính chủ thể và tính sáng tạo cao của con người, mỗi người phải luôn luôn vượt lên quan niệm và thành quả đã có, không ngừng đổi mới. Tính chủ thể và tính sáng tạo đòi hỏi tinh thần dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Nó giúp cá nhân vượt qua thói quen ỷ lại, dựa dẫm vào cộng đồng, tạo nên bản sắc riêng.

*Thứ ba*, mô hình văn hóa pháp trị.

Kinh tế thị trường và toàn cầu hóa kinh tế yêu cầu mọi hoạt động của xã hội và mọi hoạt động giao lưu của con người đều phải tuân theo quỹ đạo pháp chế. Trong vận hành xã hội và giao lưu giữa người - người tạo nên một mô hình giao lưu bình đẳng, dân chủ, thượng tôn pháp luật.

TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943  
ĐẾN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 9 KHÓA XI  
“VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA,  
CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC” -  
MỘT GÓC NHÌN LỊCH ĐẠI

TS. NGUYỄN HỒ PHONG\*  
ThS. ĐOÀN ĐÌNH LÂM\*\*

**Đ**ề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI là hai văn kiện quan trọng của Đảng được ban hành ở hai thời điểm lịch sử khác nhau, phản ánh sự phát triển tư duy của Đảng về vai trò, vị trí của văn hóa. Bài viết cũng tập trung phản ánh sự phát triển đó thông qua nội dung của Đề cương văn hóa và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI.

**1. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Ngọn đuốc soi đường cho nền văn hóa cách mạng của dân tộc ở thế kỷ XX**

Khi cho rằng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là ngọn đuốc soi đường cho nền văn hóa cách mạng của dân tộc ở thế kỷ XX, tức là muốn khẳng định sứ mệnh của văn kiện này đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, vai trò của Đảng ta đối với lĩnh vực văn hóa là đặc biệt quan trọng vào giai đoạn lịch sử đất nước lúc bấy giờ. Nhận định này được minh chứng qua nhiều khía cạnh nội dung khác nhau của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* như sau:

---

\* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

\*\* Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch).

Về phạm vi của văn hóa, Đảng xác định bao gồm tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Với phạm vi này, Đảng ta đã gần như “ôm trọn” những vấn đề cốt lõi nhất, có thể tác động mạnh mẽ nhất vào sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Trong đó, chúng tôi đặc biệt lưu tâm đến phạm vi “tư tưởng” mà Đảng xác lập trong Đề cương. Bởi khi soi xét bối cảnh lịch sử bấy giờ sẽ thấy, tư tưởng chính trị theo đường lối cách mạng vô sản, do giai cấp vô sản làm trụ cột dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản sẽ là yếu tố then chốt, có tính chất quyết định cho sự thành bại chung của cách mạng giải phóng dân tộc.

Về quan điểm chung, lần đầu tiên Đảng ta đã khẳng định vai trò của văn hóa, sự cần thiết của cách mạng văn hóa và quan điểm của Đảng ta trong việc lãnh đạo văn hóa. Đảng ta khẳng định: Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận cách mạng (kinh tế, chính trị, văn hóa); không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa; có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả<sup>1</sup>. Như vậy, từ rất sớm, Đảng ta đã thấy được vai trò then chốt, không thể thiếu của văn hóa đối với sự thắng lợi chung của cách mạng dân tộc ở khía cạnh chính trị, kinh tế và giữ gìn, bảo vệ chế độ mà Đảng ta ra sức xây dựng, bồi đắp. Quan điểm này của Đảng sau 80 năm vẫn còn nguyên giá trị và ý nghĩa thời sự của nó.

Riêng đối với sự nghiệp cách mạng văn hóa, Đảng ta thể hiện một cách cụ thể rằng: Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng ta lãnh đạo. Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công. Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bây giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau<sup>2</sup>. Những điều đó một lần nữa khẳng định vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng của văn hóa đối với những thành tựu chung của đất nước. Bởi theo Đảng, những thành tựu của cách mạng văn hóa làm tiền đề cho thành công của quá trình cải tạo xã hội; tính chất “lãnh đạo toàn diện” của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc và mối quan hệ hữu cơ, biện chứng của sự nghiệp cách mạng văn hóa và cách mạng chính trị.

---

1, 2. Phạm Duy Đức: *Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Viện Văn hóa và phát triển (Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh), Hà Nội, 2013, tr.25.

Một hệ giá trị đặc biệt khác của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là Đảng đã xác định quỹ đạo của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam trong giai đoạn mới với ba nguyên tắc: “Dân tộc hóa”, “Đại chúng hóa” và “Khoa học hóa”. Cụ thể, những nguyên tắc này được diễn giải như sau:

*Dân tộc hóa*: Đảng xác định “Dân tộc hóa” văn hóa là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Việc đưa nguyên tắc này lên trên hết đã thể hiện mong muốn đến cháy bỏng của Đảng ta trong sự nghiệp lãnh đạo dân tộc Việt Nam đấu tranh giành độc lập dân tộc về mặt văn hóa. Đảng cũng cho thấy quan điểm rằng giành độc lập về văn hóa cho dân tộc là cấp bách, vì dân tộc ta đã phải trải qua gần 100 năm chịu cảnh nô lệ - bị thống trị không chỉ về chính trị, mà còn về văn hóa của các thế lực ngoại bang, mà lúc này thực dân Pháp là điển hình. Ở một khía cạnh khác, việc độc lập về văn hóa chính là nền tảng, là động lực góp phần tạo nên sức mạnh toàn dân để tiến tới giành độc lập về chính trị, giải phóng dân tộc. Đồng chí Trường Chinh đã nhấn mạnh: “Dân tộc hóa làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có đầy lòng tự hào, dũng cảm đứng lên nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng Tổ quốc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam”<sup>1</sup>. Quan điểm đó hoàn toàn đúng xét ở cả khía cạnh thực tiễn, hay khía cạnh lý luận - chính trị.

*Đại chúng hóa*: Theo quan điểm của Đảng, “Đại chúng hóa” văn hóa là chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phần lại đông đảo quần chúng hoặc xa rời đông đảo quần chúng. Thật ra, từ năm 1931, trong nhiều hoạt động, lĩnh vực văn hóa, Đảng ta đã đề cập đến nguyên tắc này như: Trong các báo phải đem những vấn đề chính trị phổ thông, những khẩu hiệu chính trị mà liên kết với sự sinh hoạt hằng ngày của thợ thuyền... Trong các báo và sách, phải dùng ngôn ngữ cho thật dễ hiểu thì việc cổ động, tuyên truyền mới có kết quả tốt. Đối tượng phục vụ chủ yếu của công tác tư tưởng - văn hóa chính là quần chúng lao động. Vì vậy, để họ hiểu và làm đúng, đòi hỏi phải phù hợp cả về nội dung và hình thức, không hạ thấp yêu cầu, nhưng tính chất đại chúng phải đặt lên hàng đầu<sup>2</sup>. Như vậy, theo Đảng, việc “Đại chúng hóa”

1. Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1986, tr.359.

2. Phạm Duy Đức: *Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd*, tr.9.

văn hóa chính là cách thức để Đảng gần dân hơn, để dân hiểu Đảng hơn và để dân hiểu dân hơn. Đó là điều kiện để hình thành chất “keo” gắn kết tình đoàn kết dân tộc, để tạo ra sự phù hợp giữa “ý Đảng lòng dân”, từ đó tạo ra động lực to lớn mang lại thắng lợi chính trị cuối cùng cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo, dẫn dắt của Đảng.

*Khoa học hóa*: Nguyên tắc này nhấn mạnh đến thái độ, tinh thần của Đảng lãnh đạo nhân dân để chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Nguyên tắc này nhằm hướng đến giải quyết một thực tế rằng dân tộc Việt Nam khi ấy đại đa số là nghèo nàn, lạc hậu, mù chữ, chịu ảnh hưởng nặng nề bởi hệ tư tưởng phong kiến, quan điểm duy tâm, thần bí, mê tín dị đoan, và còn nhiều biểu hiện của tính “chưa khoa học” trong đời sống văn hóa - xã hội. Đó chính là trở lực to lớn ngăn chặn dân tộc Việt Nam có thể phát huy hết sức mạnh nội tại, khai thác triệt để truyền thống đấu tranh chống giặc cứu nước để giành độc lập dân tộc. Do đó, nguyên tắc “Khoa học hóa” văn hóa của Đảng có tác dụng “khơi thông” sức mạnh và mọi nguồn lực chân chính, đạo lý, nhân văn và hiện đại của một dân tộc đã tồn tại và phát triển hàng nghìn năm lịch sử. Và như một sự tất yếu, khi những sức mạnh này được khơi thông, thì chiến thắng vĩ đại cuối cùng sẽ đến. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là minh chứng sinh động cho điều đó.

Nhưng Đảng cũng lưu ý rằng muốn những nguyên tắc trên đây đạt được những kết quả to lớn, góp phần thiết thực vào thành tựu chung cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, chúng ta phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm... Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trớn. Hơn nữa, chúng ta cũng cần nhận diện rõ mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau giữa các nguyên tắc này. Một mặt, nó chống lại ba căn bệnh trầm trọng của văn hóa lúc bấy giờ là phản dân tộc, phản đại chúng, phản khoa học. Mặt khác, nó cũng định hướng cho việc tạo dựng những đặc trưng bản chất của văn hóa Việt Nam sau này: vừa có tính dân tộc vừa có tính nhân dân, vừa có tính khoa học<sup>1</sup>.

---

1. Xem Phạm Duy Đức: *Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Sđd, tr.27-31.



## **2. Nghị quyết 33 - sự tiếp nối và nâng lên tầm cao mới về tư tưởng của Đảng đối với sự nghiệp lãnh đạo phát triển nền văn hóa của dân tộc**

Năm 2014, Đảng ra Nghị quyết số 33-NQ/TW về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Nghị quyết 33 ra đời trong bối cảnh nền văn hóa đất nước mà theo như Đảng đánh giá: sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, nền văn hóa nước nhà đã đạt được nhiều thành tựu lớn như: Tư duy lý luận về văn hóa có bước phát triển; nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và toàn dân được nâng lên. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh mẽ. Nhiều phong trào, hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực; phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng... Bên cạnh đó, Đảng cũng chỉ ra những hạn chế còn tồn tại cần phải khắc phục đối với nền văn hóa dân tộc như những thành tựu lĩnh vực văn hóa chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng. Còn ít những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có một số tác phẩm chạy theo thị hiếu tầm thường, chất lượng thấp, thậm chí có hại... Trước thực tiễn đó, chúng ta có thể khẳng định rằng, Nghị quyết 33 có giá trị chính trị mang tính thời đại, có ý nghĩa thực tiễn to lớn.

Điều rất đáng lưu tâm là khi so sánh Nghị quyết 33 với *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, chúng ta sẽ thấy sự thay đổi rất đáng kể và tích cực của Đảng trong quan điểm lãnh đạo, định hướng phát triển nền văn hóa của dân tộc. Cụ thể:

*Về mục tiêu chung, Đảng xác định:* Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Đảng cũng nêu rõ 5 quan điểm:* 1- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. 2- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. 3- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. 4- Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. 5- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

*Đảng cũng xác định 5 nhiệm vụ phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong giai đoạn mới là:* 1- Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. 2- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. 3- Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. 4- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. 5- Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa.

Từ mục tiêu, quan điểm và những nhiệm vụ trọng tâm trong định hướng phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong thời đại mới của Đảng được phản ánh qua Nghị quyết 33 đã có sự kế thừa, tiếp nối và phát triển lên một tầm cao mới, hợp thời đại những tư tưởng cốt lõi đã được Đảng nêu ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943. Trong đó, việc Đảng ta gắn chặt giữa phát triển văn hóa với phát triển con người Việt Nam là hoàn toàn phù hợp, có tính chất biện chứng, bởi con người chính là chủ thể sinh ra văn hóa, quyết định bản chất và tính chất của những giá trị văn hóa. Rõ ràng, một dân tộc lạc hậu về tư duy, mù chữ, mê tín dị đoan, lối sống thiếu lành mạnh;

nghèo nàn về kinh tế, khủng hoảng về tư tưởng chính trị thì rất khó - nếu không muốn nói là không thể tạo nên những giá trị văn hóa lớn cùng với thời đại, sánh với năm châu. Những điều này chẳng phải là những điều cốt lõi mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng đã nhấn mạnh sao?

Mặt khác, xét từ nhiều khía cạnh, Nghị quyết 33 nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới của việc xây dựng và phát triển đất nước toàn diện, bền vững, cũng như sự phát triển tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đồng thời, đó cũng là minh chứng hùng hồn, sinh động và đầy thuyết phục về sự sáng suốt, kịp thời điều chỉnh chủ trương, định hướng phát triển văn hóa trước những thay đổi mau lẹ, sâu sắc, toàn diện của đời sống chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước. Nhận định này sẽ thuyết phục hơn khi chúng ta đặt sự thay đổi về quan điểm này của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa trong mối tương quan với xu hướng quốc tế hóa, toàn cầu hóa đang trở thành một điều kiện tất yếu để phát triển bền vững và toàn diện của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

### **3. Một số vấn đề đặt ra cho sự phát triển văn hóa của dân tộc trong tương lai dưới sự lãnh đạo của Đảng**

Sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước nói chung, văn hóa dân tộc nói riêng, dù ở hoàn cảnh nào, giai đoạn lịch sử nào và dù có được sự thành công lớn đến đâu, thì đều luôn tồn tại những vấn đề, nguy cơ có thể hủy hoại, làm xói mòn các giá trị và những thành tựu đã đạt được. Bởi lẽ, các thế lực thù địch luôn chờ cơ hội để chống phá nhằm đạt được những mục tiêu chính trị của chúng. Mặt khác, ở chính môi trường nội sinh của đất nước, dân tộc ta cũng luôn thường trực nguy cơ “tự diễn biến, tự chuyển hóa” về tư tưởng chính trị, quan điểm và lối sống. Tất cả sự tác động từ môi trường bên ngoài và bên trong đó luôn đặt ra những thử thách không hề nhỏ cho sự nghiệp lãnh đạo của Đảng về mọi mặt của đất nước, trong đó có lĩnh vực văn hóa. Đó không còn là dự báo, giả thuyết, mà thực tiễn đã từng, đang từng và sẽ tiếp tục diễn ra. Do đó, chúng tôi xin gợi mở một số vấn đề đặt ra cho sự phát triển văn hóa của dân tộc trong tương lai dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam như sau:

*Thứ nhất*, Đảng ta đã đặt ra rất nhiều mục tiêu và giải pháp xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc theo hướng hiện đại, văn minh, hội nhập quốc

tế nhưng giàu bản sắc dân tộc. Những mục tiêu và giải pháp này đúng với nhu cầu của thực tiễn, phù hợp với tâm vóc phát triển chung của đất nước trong tương lai. Tuy nhiên, vấn đề là quá trình thực thi các giải pháp còn nhiều lúng túng, chưa đồng bộ của các cơ quan quản lý, đơn vị sự nghiệp và nhiều chủ thể liên quan khác. Một thực tế khác nữa là mức độ đầu tư các nguồn lực để đạt được những mục tiêu phát triển văn hóa mà Đảng đã đưa ra còn khá thấp so với mức đầu tư cho nhiều lĩnh vực khác. Điều đó đã làm cho trong thực tiễn, vị trí của lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng, ngang bằng với lĩnh vực kinh tế mà Đảng đặt ra.

*Thứ hai*, hiện nay, đời sống kinh tế, trình độ dân trí, tư tưởng chính trị của đại bộ phận người dân có nhiều bước cải thiện đáng kể so với trước. Tuy nhiên, thảng thốt mà đánh giá thì sự cải thiện đó chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển chung của đất nước một cách bền vững, lâu dài. Vẫn còn tồn tại quá nhiều hạn chế về thu nhập, lối sống, giáo dục đào tạo, biến động tư tưởng chính trị của một bộ phận người dân, trong đó có cả những người là đảng viên. Chính những thực tế đó khiến cho chúng ta chưa đạt được kết quả tương xứng với kỳ vọng trong việc phát triển đất nước, trong đó có lĩnh vực văn hóa.

*Thứ ba*, các thế lực phản động đi ngược lại với lợi ích và sự phát triển chung của dân tộc ta trong và ngoài nước vẫn và sẽ không bao giờ từ bỏ các mục đích, mục tiêu phá hoại, trong đó, lĩnh vực văn hóa là một trong những mục tiêu mà họ sẽ ưu tiên chống phá, hủy hoại. Bởi tính chất của văn hóa là nhiều biểu đạt mang tính vô hình, khó nắm bắt, khó nhận diện, nhận biết. Quá trình phá hoại trên lĩnh vực văn hóa của các thế lực chống phá sẽ diễn ra thầm lặng mà nếu dân tộc, Đảng và Nhà nước không có sự tinh tường, nhạy bén, sát sao thực tiễn thì rất khó để phát hiện và kịp thời ngăn chặn. Mặt khác, với sự đặc thù của đời sống văn hóa, một khi văn hóa dân tộc bị hủy hoại, thay đổi theo chiều hướng tiêu cực, thì sức “công phá” của nó là rất lớn, đủ khả năng để đe dọa đến sự tồn vong của cả một chế độ, thể chế chính trị, và lớn hơn là cả một dân tộc.

*Thứ tư*, quốc tế hóa - hội nhập quốc tế là xu hướng, điều kiện tất yếu để mang đến những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước nói chung, lĩnh vực văn hóa nói riêng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhưng cũng chính xu hướng này đã làm cho nhiều giá trị văn hóa không phù hợp với bản sắc, giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc du nhập vào đời sống văn hóa

tinh thần của người dân. Trong khi đó, năng lực quản lý, kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền về lĩnh vực văn hóa từ Trung ương đến địa phương cơ sở còn hạn chế. Mặt khác, với sự phát triển không ngừng nghỉ và dễ dàng vượt qua mọi giới hạn của khoa học công nghệ, thông tin đại chúng hiện đại đã làm cho công tác kiểm soát, quản lý đời sống văn hóa của Đảng và Nhà nước ta càng trở nên khó khăn hơn bao giờ hết. Thực tiễn đó đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta cần thật sự đầu tư nhiều nguồn lực về con người, tài chính, cơ sở vật chất lớn hơn; cần có những chính sách, chủ trương phù hợp và kịp thời hơn để nâng cao “sức đề kháng” nội tại của nền văn hóa của dân tộc.

\*

\*   \*

Qua phân tích *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 và Nghị quyết 33 đã cho thấy, dù *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 và Nghị quyết 33 của Đảng ra đời trong những hoàn cảnh và gánh vác những sứ mệnh lịch sử khác nhau, nhưng điểm chung là đã cho thấy sự sáng suốt, nhạy bén nắm bắt tình hình của thời cuộc, nhận diện một cách tường minh vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp cách mạng chung của cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhờ đó, dù nền văn hóa dân tộc thực tế vẫn còn nhiều điều hạn chế cần giải quyết, nhưng chúng ta không thể phủ nhận những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển nền văn hóa của nước nhà. Những thành tựu đó đã góp phần khẳng định vai trò, ý nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự phát triển và trường tồn chung của dân tộc. Chúng ta tin rằng đó chính là nền tảng, cơ sở chính trị to lớn cho những thành công tiếp theo của đất nước.

## DÂN TỘC HÓA, ĐẠI CHÚNG HÓA, KHOA HỌC HÓA VÀ NGUYÊN TẮC TỐI ƯU HÓA CÁC NGUỒN LỰC TRONG PHÁT HUY SỨC MẠNH MỀM VĂN HÓA VIỆT NAM

PGS.TS. NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG\*

Việt Nam là một quốc gia có lịch sử lâu đời với nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Trước khi bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*<sup>1</sup> ra đời vào năm 1943, nước ta chưa có một văn bản nào bao quát một cách chính xác về con đường phát triển nền văn hóa nước nhà. Vì vậy, Đề cương tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng và có tính khái quát cao đã trở thành nền tảng lý luận vững chắc để sự nghiệp phát triển văn hóa mới của nước ta đi theo một định hướng xuyên suốt với những nguyên tắc: đại chúng hóa, dân tộc hóa, khoa học hóa. Điều này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh đất nước lúc bấy giờ, khi đội ngũ văn nghệ sĩ, những người làm văn hóa đang đối mặt với nhiều bế tắc. Từ khi ra đời cho đến nay, Đề cương vẫn giữ nguyên giá trị để những người làm văn hóa có thể nhận thức rõ con đường mình đang đi, lý tưởng mình đang theo, hành động mình cần làm với phương pháp cụ thể, nguyên tắc mạch lạc trên hành trình xây dựng nền văn hóa mới vừa thể hiện tinh thần, bản sắc dân tộc, vừa thể hiện được tính khoa học, tiên tiến, đồng thời bảo đảm nhu cầu về sáng tạo, hưởng thụ, khơi dậy động lực tinh thần, giá trị của văn hóa Việt Nam. Chính vì vậy, trong khuôn khổ hội thảo này, chúng tôi lựa chọn tiếp cận các nguyên tắc của Đề cương nhằm tìm ra các gợi mở về khả năng gia tăng sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

---

\* Viện trưởng Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Trong một số trường hợp, chúng tôi gọi tắt là Đề cương.

## 1. Cội nguồn văn hóa và những lợi thế hiện hữu

*Là quốc gia có bề dày lịch sử và văn hóa truyền thống hàng ngàn năm, trong lịch sử phát triển của mình, các triều đại phong kiến Việt Nam đã sớm có ý thức tạo lập và phát huy sức mạnh nội sinh văn hóa. Việt Nam đã luôn đối mặt và chiến thắng những kẻ thù xâm lược có tiềm lực quân sự, kinh tế (sức mạnh cứng) lớn gấp nhiều lần. Năm 2007, khi trả lời phỏng vấn báo chí Việt Nam, J. Nye đã từng nhận định, Việt Nam có tiềm năng về sức mạnh mềm, khi chúng ta có một câu chuyện hấp dẫn trong lịch sử đấu tranh giành độc lập và một nền văn hóa có sức lôi cuốn các nước phương Tây. Có thể thấy, lịch sử lâu đời và những vẻ đẹp của văn hóa Việt Nam là nguồn cội quan trọng tạo nên sức mạnh văn hóa Việt Nam.*

*Sự đa dạng của cách biểu đạt văn hóa cũng là một đặc điểm giàu sức hấp dẫn của nền văn hóa Việt Nam, hình thành từ đặc trưng nông nghiệp trồng lúa nước với tính gắn kết cộng đồng cao của 54 dân tộc, trải qua quá trình lịch sử lâu dài đối phó với thiên nhiên cũng như kiên cường chống các thế lực thù địch, ngoại xâm và không ngừng giao lưu, tiếp biến, hội nhập văn hóa Á - Âu. Nền văn hóa Việt Nam, do vậy là một nền văn hóa đa dạng từ nguồn cội ban đầu. Điều này thúc đẩy sự phát triển yếu tố nội sinh của dân tộc, đồng thời tạo nên sức mạnh đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc anh em trong quá trình bảo vệ Tổ quốc. Nó cũng tạo ra sức hấp dẫn, sự lôi cuốn, khả năng thuyết phục của văn hóa Việt Nam<sup>1</sup>.*

*Với bề dày hơn 4.000 năm lịch sử, Việt Nam lưu giữ hệ thống di sản văn hóa và tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. Đây cũng chính là tiềm năng sẵn có để Việt Nam đa dạng hóa các sản phẩm, loại hình du lịch văn hóa, qua đó phát huy sức hấp dẫn, thu hút về sức mạnh mềm văn hóa.*

*Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, văn hóa Việt Nam vượt lên những thách thức bằng sự cởi mở, khoan dung, sẵn sàng thâm hóa cái hay, cái đẹp của văn hóa nhân loại để nâng cao và làm giàu cho văn hóa dân tộc (tiếp biến tư tưởng, học thuật, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, chữ viết từ văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ, Chăm-pa, phương Tây... một cách sáng tạo trên nền tảng của văn*

---

1. Tham khảo Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Cao Đức (Chủ biên): *Sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

hóa bản địa). Chúng ta cũng luôn tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại để nâng tầm, hoàn thiện văn hóa Việt Nam, tiếp nhận những giá trị phổ quát của nhân loại mà không cực đoan, chia rẽ. Đây là những nhân tố tích cực tạo tiền đề để chúng ta dễ dàng hòa nhập vào dòng chảy chung của văn hóa thế giới và được quốc tế công nhận.

*Là đất nước trải qua nhiều đau thương trong các cuộc chiến tranh liên miên, trong đó có cả những cường quốc số một thế giới. Nhân dân các nước biết đến và nể trọng chúng ta vì sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa giải phóng dân tộc qua những giá trị cốt lõi: yêu nước, anh hùng, quả cảm, quật cường, đồng thời luôn hòa hiếu, chuộng hòa bình, nhân ái, vị tha.* Truyền thống nhân nghĩa “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn/Lấy chí nhân để thay cường bạo” của Nguyễn Trãi trước đây và tinh thần hòa hiếu, khoan dung của chúng ta hiện nay đang giúp ngoại giao Việt Nam xóa bỏ hận thù, san lấp khoảng cách với các nước, kể cả các cựu thù. Thái độ thân thiện, mến khách của người Việt Nam cũng luôn được bạn bè quốc tế đánh giá cao. Đó là những giá trị tốt đẹp và bền vững, mà nếu chúng ta biết quảng bá và phát huy đúng cách, sẽ có khả năng lan tỏa và sức thuyết phục, chiếm được thiện cảm, tình yêu mến của cộng đồng thế giới, sự đồng thuận trong quan hệ quốc tế<sup>1</sup>.

Đồng thời, *con người Việt Nam có tài năng sáng tạo và năng lực thích ứng cao, mức độ hội nhập công nghệ thông tin tốt.* Tài năng sáng tạo của các thế hệ tiên nhân đã được thể hiện rất rõ qua những thành tựu văn hóa vật thể và phi vật thể để lại cho chúng ta. Ngày nay, Việt Nam là đất nước có dân số trẻ, tăng trưởng nhanh, các thế hệ mới có chỉ số thông minh cao, hiếu học, năng động, có năng lực sáng tạo tốt. Ngày càng xuất hiện nhiều tài năng trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Con người Việt Nam vốn được tôi luyện qua bao biến thiên của lịch sử, nên có khả năng thích ứng cao, giao lưu, tiếp biến văn hóa tốt và đặc biệt rất nhanh nhạy trong kết nối toàn cầu. Việt Nam đang có những cải thiện vượt bậc về cơ sở hạ tầng thông tin - truyền thông. Mức độ sử dụng internet, số hóa ở Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng. Theo số liệu thống kê của *We are social Singapore*, Việt Nam đứng vị trí thứ 16 trong top

---

1. Xem TS. Nghiêm Thu Nga: “Thử lý giải sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam từ văn hóa chính trị”, in trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Hà Nội, 2018, tr.151-155.



20 quốc gia có số lượng người sử dụng internet nhiều nhất tại châu Á. Tỷ lệ người sử dụng internet theo thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2019 đạt 68,7%, trong khi đó trung bình của thế giới là 51,4<sup>1</sup>. Đây là những tiền đề quan trọng về cơ sở khoa học công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu và truyền thông sức mạnh mềm văn hóa.

Qua những phân tích bước đầu trên đây có thể thấy, cội nguồn văn hóa và bối cảnh đương đại đã cho thấy, Việt Nam sở hữu không ít lợi thế, cơ hội và điều kiện thuận lợi để có thể gia tăng sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam. Nhưng khó khăn gì đang hiện hữu khiến chúng ta chưa tìm ra được động lực có khả năng phát huy hiệu quả sức mạnh mềm văn hóa. Đây cũng là câu hỏi thôi thúc chúng tôi tiếp tục đi tìm lời giải đáp và bước đầu tìm thấy sự gợi mở từ các nguyên tắc được *Đề cương về văn hóa Việt Nam* xác lập cách đây 8 thập kỷ.

## **2. Dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa - nguyên tắc tạo động lực phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam**

Việc nhìn lại 80 năm đi vào đời sống thực tiễn của bản Đề cương đã giúp chúng tôi nhận ra, Việt Nam có hơn 4.000 năm lịch sử với nền văn hóa đa dạng phong phú về tài nguyên và rất nhiều giá trị văn hóa được hun đúc, lan tỏa. Nhưng phải đến năm 1943, lần đầu tiên tầm nhìn, tư duy phát triển văn hóa của đất nước mới được xác lập thành cương lĩnh với rất nhiều giá trị, trong đó có *dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa là ba nguyên tắc xuyên suốt* góp phần tạo nên sự chuyển động về nhận thức, hành động trong hoạt động văn hóa của đất nước trong nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau. Đây chính là động lực để chúng tôi tiếp cận các nguyên tắc của bản Đề cương như một điểm “khởi nguồn” nhằm tìm ra các khả năng phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam.

Các căn cứ được sử dụng để lý giải vấn đề đặt ra chính là chúng ta đã có một bề dày lịch sử phát triển văn hóa hàng nghìn năm nhưng phải đến năm 1943, sự ra đời của Đề cương với cách đặt vấn đề sáng rõ mới tạo ra một xung lực mới góp phần giúp đội ngũ những người làm văn hóa, văn nghệ sĩ, trí thức,

---

1. <https://ictvietnam.vn/viet-nam-trong-top-20-nuoc-co-so-nguoi-su-dung-internet-cao-nhat-the-gioi-29931.html>.

nắm được nguyên tắc cơ bản để triển khai hoạt động văn hóa. Đồng thời, dựa vào những nguyên tắc đó để xây dựng một nền văn hóa mới (Tân dân chủ) có khả năng đáp ứng được nhu cầu của toàn thể cộng đồng (đại chúng) với tinh thần khách quan, khoa học và hội nhập với thế giới. Điều này xác nhận một thực tế, Đề cương đã thể hiện rõ con đường phát triển của văn hóa Việt Nam với những nguyên tắc và mục tiêu xuyên suốt hướng tới một nền văn hóa mới đậm đà bản sắc dân tộc, tiên tiến và hội nhập. Với nội hàm này, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã bao chứa những giá trị và điểm tựa vững vàng cho một khởi đầu mới của sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam. Nói cách khác, trong bối cảnh hiện nay, việc kế thừa, vận dụng các nguyên tắc của Đề cương như một động lực của các giải pháp phát huy sức mạnh mềm văn hóa cần được xác định hướng tới sự hội tụ tinh hoa, khát vọng, trí tuệ của toàn dân tộc để đưa văn hóa trở thành trụ cột thực sự của sự phát triển toàn diện, bền vững. Chính vì vậy, chúng ta phải vận dụng các nguyên tắc của Đề cương trên tinh thần bám sát thực tiễn phát triển của đất nước, tạo động lực cho sự phát triển văn hóa, con người Việt Nam gắn với phát triển bền vững đất nước. Trên cơ sở đó, từng bước khẳng định vai trò trụ cột phát triển của văn hóa, biến văn hóa thực sự trở thành “ngọn đuốc soi đường cho quốc dân đi”, trở thành niềm tự hào, sự thuyết phục đầy bản sắc của Việt Nam với thế giới.

Trong bối cảnh văn hóa năm 1943, Đề cương đã tạo nên một sức sống mới, động lực mới để những người làm về văn hóa, sáng tạo về văn hóa trở thành những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa. Chúng ta cũng biết, Tổng Bí thư Trường Chinh là một nhà lãnh đạo góp phần tạo ra những sự thay đổi rất lớn của đất nước trong lĩnh vực văn hóa, đồng thời còn là tác giả khởi xướng công cuộc đổi mới của Việt Nam vào năm 1986. Đây chính là gợi mở quan trọng cho việc vận dụng tư duy đổi mới trong kế thừa các nguyên tắc của Đề cương về văn hóa vào mục tiêu phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam.

Câu hỏi tiếp theo đặt ra từ hướng tiếp cận này là: Phải vận dụng các nguyên tắc này như thế nào để có thể chuyển hóa được những tài nguyên văn hóa vốn vô cùng dồi dào của Việt Nam (tài nguyên văn hóa vật thể và phi vật thể), tạo môi trường khơi dậy sức mạnh sáng tạo của các chủ thể văn hóa và phát huy được khả năng kết nối, hội nhập, lan tỏa một cách thuyết phục bản sắc văn hóa, vẻ đẹp đất nước, con người Việt Nam ra thế giới. 80 năm trước, Tổng Bí thư Trường Chinh đã coi văn hóa là một trong ba mặt trận, thì ngày

nay, văn hóa phải trở thành một trong những trụ cột của phát triển bền vững. Trong bối cảnh hiện nay, sau Đại hội XIII của Đảng, đặc biệt sau Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Hội thảo Văn hóa năm 2022... văn hóa được Đảng, Nhà nước ta quan tâm hơn, mặt khác, nhận thức đã có sự tập trung vào những giải pháp cũng mang tính cụ thể hơn. Để văn hóa trở thành trụ cột phát triển bền vững, chúng ta phải có nguyên tắc để triển khai, có căn cứ lý luận, có giá trị thực tiễn để kế thừa, phát huy, và mục tiêu hướng tới trong tương lai phải phù hợp với yêu cầu thời đại. Nếu như trước đây chúng ta phải đối mặt với giặc ngoại xâm, giặc đói, giặc dốt..., thì ngày nay chúng ta cũng phải đối diện với rất nhiều thách thức như đại dịch, sự mất cân bằng về tài nguyên môi trường, về các vấn đề xã hội... Nếu biết dựa vào văn hóa, tìm ra động lực, chúng ta sẽ khơi dậy được những giá trị rất quý báu của con người Việt Nam: yêu nước, vì cộng đồng, thân thiện, sáng tạo... Để khơi dậy những điều đó, chúng ta phải tạo được môi trường thể chế đủ sức dung dưỡng, đủ sức khích lệ, đủ sức sáng tạo, tạo nên những tác phẩm, sản phẩm văn hóa, dịch vụ văn hóa, đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ văn hóa của con người Việt Nam. Mặt khác nó phải thể hiện được bản sắc văn hóa dân tộc, định vị được sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế<sup>1</sup>.

Chỉ với số lượng chữ rất ngắn gọn, nhưng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã chỉ ra được những thuận lợi, thách thức và xác lập các nguyên tắc mẫu mực để có thể xây dựng được nền văn hóa mới chứa đựng sức mạnh và khát vọng hướng tới sự phát triển bền vững. Để văn hóa trở thành một trụ cột quan trọng của sự phát triển, một trong những ngành kinh tế mũi nhọn có khả năng tạo ra những giá trị, sự phát triển mang tính bền vững của Việt Nam, chúng tôi cho rằng cần nhìn nhận sức sống của Đề cương về văn hóa và vận dụng ba nguyên tắc cơ bản theo tinh thần thời đại để thấy cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng luôn có vai trò vô cùng quan trọng, có khả năng tạo động lực cho những giải pháp đột phá.

Với cách lập luận như vậy, chúng tôi cho rằng, trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đã có những phát triển rất mạnh mẽ về mặt kinh tế, chính trị, xã hội nhưng tại những thời điểm nhất định, văn hóa chưa được đầu tư đúng

---

1. Xem Nguyễn Thị Thu Phương (Chủ biên): *Định vị các ngành công nghiệp văn hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.

mức, ngay cả khi đã được đầu tư hơn, việc vận dụng thiếu khoa học, thiếu tính bao quát, thiếu bám sát các mục tiêu, nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa đã khiến cho phát triển văn hóa chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu hưởng thụ tinh thần của đông đảo người dân, chưa phát huy hết được vai trò và sức mạnh của văn hóa dân tộc. Việc vận dụng các nguyên tắc của Đề cương về văn hóa vì thế cần phải tạo ra xung lực để văn hóa Việt Nam thật sự phát triển mạnh mẽ, phát huy được những thế mạnh một cách khoa học, thể hiện được các giá trị bản sắc của Việt Nam nhưng đồng thời gắn phát triển văn hóa vào xu thế đổi mới, hội nhập của chúng ta đặc biệt trong bối cảnh công nghệ 4.0 như hiện nay.

Nói cách khác, sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam chỉ phát huy được khi chúng ta định vị trong quá trình hội nhập với thế giới bằng tư duy khoa học, sáng tạo, khát vọng chấn hưng dân tộc, định vị bản sắc và kết nối cộng đồng người dân Việt Nam bằng những giá trị đầy thuyết phục trên phạm vi toàn cầu. Nghĩa là, chúng ta cần nhìn nhận các giá trị ở ba nguyên tắc của Đề cương về văn hóa và sự vận dụng bằng chính sự cống hiến, trách nhiệm, tư duy logic của chúng ta trong phát triển văn hóa. Đã đến lúc văn hóa phải thực sự trở thành một trụ cột phát triển của Việt Nam. Sức sống của Đề cương vào thời điểm hiện nay sẽ tạo nên sự khởi đầu đột phá về văn hóa. Nói cách khác, chúng ta đã chứng kiến sức mạnh của Đề cương trong việc tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ của văn hóa vào thời điểm ra đời, cũng như trong những giai đoạn tiếp theo của công cuộc bảo vệ, dựng xây đất nước. Vì vậy, trong bối cảnh hiện nay, phải tiếp tục tạo ra được sự bứt phá mạnh mẽ trong phát triển văn hóa với tư cách là một trụ cột của sự phát triển, là sức mạnh mềm văn hóa trong cấu trúc sức mạnh tổng thể quốc gia. Muốn làm được điều này cần có một giải pháp tổng thể của toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội Việt Nam. Một ví dụ được đưa ra để làm rõ hơn gợi mở này là muốn phát huy được các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa Việt Nam cần phải vận dụng được một cách khoa học hệ thống các giải pháp đầu tư cho văn hóa để văn hóa có thể đáp ứng được yêu cầu của đông đảo quần chúng. Việt Nam cần có sự đầu tư về mặt kinh phí, chủ động giải pháp hợp tác công tư hoặc chúng ta phải có sự nhận thức việc chuyển hóa tài nguyên văn hóa thành sức mạnh mềm của Việt Nam là một câu chuyện thực tế, gắn với việc hoàn thiện các chính sách mang tính liên ngành. Chúng ta cũng cần huy động toàn bộ nguồn lực của xã hội. Điều quan trọng nhất là

chúng ta phải biến văn hóa thành “ngọn đuốc soi đường cho quốc dân đi”, trở thành một niềm tự hào, sức mạnh bản sắc, sự thuyết phục của Việt Nam với thế giới bằng những giá trị, sản phẩm dịch vụ văn hóa từ chính sự sáng tạo của con người Việt Nam.

80 năm trước, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã xác lập được nền tảng lý luận, đưa ra được những nguyên tắc xuyên suốt trong phát triển một nền văn hóa mới. Từ điểm tựa lý luận và nguyên tắc hành động này, chúng tôi cho rằng, muốn phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trước hết phải đi đến nhận thức:

- Cần tiếp tục tư duy phải coi văn hóa là một mặt trận, một trụ cột với cấp độ ưu tiên đầu tư cho văn hóa như đầu tư cho một mặt trận, một trụ cột mang tính bền vững.

- Cần triển khai một số giải pháp đặc thù cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch để đầu tư cho văn hóa cũng được quan tâm như đầu tư cho giáo dục, y tế, giao thông vận tải.

- Các giải pháp liên quan tới hợp tác công tư phải được cụ thể hóa để khơi dậy, khích lệ, khơi thông các nguồn lực từ các thành phần tư nhân cũng như Nhà nước, tạo thành cơ chế chuyển động mạnh mẽ sức sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ văn hóa Việt Nam ở cả thị trường trong nước cũng như quốc tế.

\*

\* \*

Muốn phát huy sức mạnh mềm văn hóa trong mối quan hệ với sức mạnh tổng hợp quốc gia đã đến lúc chúng ta cần xác định đây không chỉ là vấn đề của ngành văn hóa, mà còn là mục tiêu chung của toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội của Việt Nam trên cơ sở triển khai đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... Những hoạt động triển khai sau này, đặc biệt là trong đời sống văn hóa cộng đồng phải mang tính khoa học, phải bắt kịp với xu thế của thế giới nhưng vẫn phải giữ được bản sắc của Việt Nam, định vị được chuỗi kết nối các giá trị sức mạnh mềm văn hóa quốc gia. Nhìn theo nội hàm của học thuyết sức mạnh mềm văn hóa, đó là, sức hấp dẫn, sức lôi cuốn, sức thuyết phục của quốc gia này với quốc gia khác trong quan hệ quốc tế, trong quá trình cạnh tranh về các sản phẩm công nghiệp văn hóa,

trong các hoạt động về ngoại giao văn hóa, chính sách đối ngoại văn hóa, trong cách hấp dẫn du khách quốc tế, hình ảnh của quốc gia trên phương tiện truyền thông. Nghĩa là chúng ta phải có mục tiêu rõ ràng, chính sách phát triển cụ thể và khoa học để biến văn hóa thực sự trở thành sức mạnh xác lập vị thế, năng lực cạnh tranh quốc gia trên bản đồ quyền lực quốc tế. Để hiện thực hóa lộ trình phát huy sức mạnh mềm văn hóa trong giai đoạn hiện nay, trước hết cần nhanh chóng triển khai các giải pháp cụ thể sau: 1) Hoàn thiện Luật đầu tư, Luật PPP, bổ sung lĩnh vực văn hóa vào nhóm ngành nghề ưu đãi đầu tư, vào nhóm lĩnh vực được áp dụng đầu tư theo phương thức PPP; 2) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng bổ sung các khoản chi tài trợ cho văn hóa, thể thao được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế; 3) Có chính sách phù hợp tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công, nhằm phát huy, sử dụng có hiệu quả tài sản kết cấu hạ tầng, thiết chế văn hóa, tài sản đặc thù của văn hóa; 4) Tiếp tục triển khai chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa<sup>1</sup> nhằm chấn hưng văn hóa; 5) Hoàn thiện hệ thống chính sách, điều chỉnh xây dựng Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; 6) Xây dựng Bộ chỉ số quốc gia về phát triển văn hóa; 7) Hoàn thiện các chính sách văn hóa đối ngoại có khả năng phát huy tính chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hóa nhằm tạo sự lan tỏa mạnh mẽ của giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới; 8) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ, chú trọng phát triển công cụ đo lường, giám sát việc hoạch định, triển khai chính sách và hiệu quả đầu tư. Đồng thời, tiếp tục phát triển hệ thống thông tin, dữ liệu văn hóa và tăng cường chia sẻ thông tin phối hợp liên ngành, liên khu vực, liên chủ thể. Vì đây chính là những giải pháp có khả năng bảo đảm được yêu cầu về phát triển một nền văn hóa mới mang tính dân tộc, đại chúng và khoa học và mở đường cho những bước tiến xa và vững vàng hơn của sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trên bản đồ sức mạnh mềm văn hóa thế giới. Nói cách khác, đây chính là con đường khơi thông và tối ưu hóa các nguồn lực thành sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam.

---

1. Tham khảo đề xuất của Vụ Kế hoạch, Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

## VẬN DỤNG BA NGUYÊN TẮC CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀO CÔNG TÁC THÔNG TIN, THƯ VIỆN

(từ thực tiễn thư viện, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam)

TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG\*

ThS. PHẠM THỊ DUNG\*\*

### 1. Ba nguyên tắc trong Đề cương văn hóa năm 1943 đối với công tác thư viện

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là một văn kiện lịch sử có giá trị đặc biệt quan trọng, đặt nền móng cho sự vận động và phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam, trong đó có công tác thư viện. Dưới ánh sáng bản Đề cương văn hóa, các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa của đề cương đã từng bước được vận dụng vào thực tiễn công tác thư viện một cách khoa học, sáng tạo trong suốt 80 năm qua.

Về nguyên tắc dân tộc hóa, ngay sau khi giành được chính quyền, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra Sắc lệnh số 18/SL, ngày 31/1/1946 đặt thể lệ lưu chiếu văn hóa phẩm trong nước Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký. Việc lưu chiếu văn hóa phẩm được thực hiện trong Điều 1 của Sắc lệnh bao gồm: Tác phẩm ấn loát: sách, báo, tạp chí, tranh ảnh in ấn họa, khắc họa, thiệp thư có in ảnh, địa đồ, v.v.; tác phẩm về âm nhạc: bản đàn, bản hát...); những bức ảnh chụp; phim chiếu bóng; đĩa hát. Điều đó thể hiện rõ việc coi trọng của Đảng đối với kho tàng sách vở của dân tộc.

---

\*, \*\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

Sắc lệnh số 18/SL đã chỉ rõ, tàng trữ văn hóa phẩm là một việc làm cần thiết cho quốc gia về phương diện văn hóa. Lưu trữ văn hóa phẩm đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo tồn tư liệu của dân tộc, vì các xuất bản phẩm là kết tinh những tinh hoa về trí tuệ của đất nước và của nhân loại. Nó là phương tiện truyền lại cho thế hệ sau những tri thức được loài người tích lũy từ các thế hệ trước để phát huy, kế thừa, phát triển trong những thế hệ sau. Cũng nhờ có chế độ lưu trữ, Thư viện quốc gia Việt Nam đã có một hệ thống thông tin về các ấn phẩm phong phú, đa dạng. Trên cơ sở tin học hóa, Thư viện quốc gia hiện nay đã xây dựng được gần 900.000 biểu ghi cơ sở dữ liệu thư mục bao gồm các loại hình: sách, báo - tạp chí, luận án tiến sĩ, bản đồ, ấn phẩm âm nhạc... gồm nhiều thứ tiếng, đây là những tài liệu do các nhà xuất bản, nhà sách nộp lưu chiểu theo Luật Xuất bản và các tài liệu qua các nguồn mua, trao đổi, biếu tặng...

Công tác lưu trữ vừa bảo tồn văn hóa dân tộc vừa phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, học tập, tham khảo của mọi tầng lớp nhân dân. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn di sản văn hóa dân tộc, Đảng và Nhà nước còn chú trọng đến sưu tầm, gìn giữ và khai thác vốn cổ của dân tộc.

Trong những di sản do tổ tiên ta để lại, các sách và tài liệu ghi bằng chữ Hán, chữ Nôm là một kho tư liệu rất quý cho việc tìm hiểu lịch sử về các mặt của dân tộc Việt Nam, từ đó mà khai thác và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của đất nước.

Để tăng cường công tác thu thập, bảo quản, giám định và khai thác các sách và tài liệu chữ Hán, chữ Nôm, Quyết định số 311/CP ngày 8/9/1979 của Hội đồng Chính phủ về công tác sưu tầm, thu thập, bảo quản và khai thác các tư liệu chữ Hán, chữ Nôm. Thời gian này Viện Hán Nôm được thành lập năm 1979, bước đầu thu thập và giữ gìn các sách và tài liệu chữ Hán, chữ Nôm trong cả nước tổ chức khai thác, dịch thuật, xuất bản phục vụ... Hiện nay, tại Thư viện quốc gia Việt Nam, Bộ sưu tập sách Hán Nôm của Thư viện cũng là kho sách quý, cổ về chữ Nôm lớn tại Việt Nam về nhiều lĩnh vực: địa lý, lịch sử, văn hóa, giáo dục, y học, văn học nghệ thuật... phản ánh diễn tiến lịch sử và những thay đổi về mọi lĩnh vực của Việt Nam qua từng thời kỳ.

Đặc biệt, nhằm vận dụng nguyên tắc đại chúng hóa, Đảng và Nhà nước còn luôn hướng mọi hoạt động văn hóa tới đại đa số quần chúng. Chỉ thị



số 08-CT/TW ngày 12/4/1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác văn hóa văn nghệ trong giai đoạn cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội đã nhấn mạnh: Phải đặc biệt chú trọng xây dựng thói quen đọc sách báo và phát triển hệ thống thư viện và phòng đọc sách báo từ các đô thị đến nông thôn, miền núi, từng bước tiêu chuẩn hóa các cơ sở đó để nhân dân được sinh hoạt văn hóa nhiều hơn, tốt hơn.

Tính đến hết năm 2019, mạng lưới thư viện cả nước bao gồm Thư viện quốc gia Việt Nam, hơn 24.000 thư viện cộng đồng và phòng đọc cơ sở, 178 thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, hơn 27.000 thư viện trường học, khoảng 400 thư viện đại học, cao đẳng, hơn 100 thư viện chuyên ngành<sup>1</sup>.

Ngày 9/1/2013, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 89/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”, trong đó nêu rõ quan điểm: Mọi người dân có trách nhiệm học tập thường xuyên, học tập suốt đời, tranh thủ mọi cơ hội học tập trong và ngoài nhà trường. Với tinh thần trên, ngày 24/2/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 284/QĐ-TTg về việc chọn ngày 21/4 hằng năm là ngày Sách Việt Nam nhằm khuyến khích và thể hiện sự tôn trọng phát triển văn hóa đọc trong toàn xã hội. Tiếp đến, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15/3/2017 phê duyệt đề án Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Điều đó cho thấy nhận thức của Đảng và Nhà nước về vai trò quan trọng của thư viện trong việc thúc đẩy giáo dục, lưu giữ, cũng như truyền bá các giá trị văn hóa.

Ngoài ra, Đảng và Nhà nước cũng luôn chú trọng xây dựng công tác thư viện theo hướng khoa học hóa. Từ những năm 1970, Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 178-CP ngày 16/9/1970 về công tác thư viện, trong đó nêu rõ phương hướng phát triển sự nghiệp thư viện; tổ chức hệ thống thư viện; và đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý và cán bộ nghiệp vụ thư viện...

Ngày 17/3/1971, Bộ Văn hóa đã ban hành Thông tư số 30-VH/TT-1971 nhằm hướng dẫn thi hành Quyết định 178-CP về công tác thư viện, trong đó nêu rõ: Thư viện là một cơ quan văn hóa, giáo dục của Đảng và Nhà nước. Nó là một công cụ trọng yếu ngoài nhà trường để giáo dục tư tưởng,

---

1. Xem Vũ Dương Thúy Nga: “Giải pháp đẩy mạnh phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng”, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, số 430, 2020, tr.49.

chính trị, nâng cao trình độ, kiến thức của nhân dân lao động về mọi mặt, động viên quần chúng thực hiện tốt các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm cho đời sống tinh thần, tình cảm của quần chúng ngày thêm phong phú.

Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa VIII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, trong kết luận của Hội nghị đã đề ra phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ đến năm 2005 và năm 2010: “Tổ chức hệ thống thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, các thư viện điện tử theo hướng hiện đại. Mở rộng mạng thông tin để đưa tri thức khoa học đến với mọi người...”<sup>1</sup>. Đặc biệt, năm 2019, Luật Thư viện đã ra đời, trong đó quy định rõ các nguyên tắc hoạt động thư viện gồm: lấy người sử dụng thư viện làm trung tâm; tạo lập môi trường thân thiện, bình đẳng; bảo đảm quyền tiếp cận và sử dụng thư viện của tổ chức, cá nhân; thường xuyên đổi mới sáng tạo về quy trình, sản phẩm, dịch vụ thư viện trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến.

Những năm gần đây, việc ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động thư viện đã được đẩy mạnh. Ngày 6/5/2020, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ra Quyết định số 1227/QĐ-BVHTTDL về việc ban hành Kế hoạch xây dựng Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động thư viện ở Việt Nam” với mục tiêu là thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động thư viện. Các thư viện thực hiện liên thông, phát triển và đổi mới sản phẩm dịch vụ thông tin thư viện, tích cực truyền bá tri thức, giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại, có khả năng đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập, giải trí của người sử dụng thư viện...

Như vậy, đường lối nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lĩnh vực thư viện từ trước đến nay là: Nhà nước cùng với nhân dân đầu tư xây dựng và phát triển mạng lưới thư viện hiện đại, rộng khắp từ trung ương đến cơ sở, trong khắp các ngành, các tổ chức, nhằm làm cho việc đọc sách, báo - công cụ giác ngộ cách mạng cho quần chúng và là phương tiện để đạt tới những thành công trong sản xuất và chiến đấu - từ trung ương đến cơ sở đáp ứng nhu cầu đọc sách báo của mọi tầng lớp nhân dân, để việc đọc sách trở thành

---

1. Báo Nhân Dân, ngày 22/8/2022, tr.6.

một thói quen của mọi người dân, từ đó các giá trị văn hóa của nhân loại và của dân tộc được phổ biến và tiếp thu<sup>1</sup>.

## **2. Vận dụng ba nguyên tắc của Đề cương văn hóa năm 1943 vào thực tiễn công tác thư viện của Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam**

Thư viện - Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam (VICAS) là một thư viện chuyên ngành. Do quá trình tách, đổi tên Viện, đến năm 1998 Thư viện mới được thành lập, vì vậy vốn tài liệu tại thư viện có khoảng 13.000 tài liệu, bao gồm các loại: sách, báo, tạp chí, tài liệu nội bộ: luận án tiến sĩ, báo cáo đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp viện, cấp bộ, báo cáo đề tài/dự án bảo tồn văn hóa phi vật thể Việt Nam.

Nhằm vận dụng một cách sáng tạo nguyên tắc dân tộc hóa vào công tác thư viện, việc sưu tầm, bảo tồn văn hóa dân tộc được thư viện hết sức quan tâm. Hiện tại, Thư viện và Trung tâm Dữ liệu di sản văn hóa của Viện hiện đang lưu trữ một hệ thống tư liệu về di sản văn hóa phi vật thể của 54 dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam với hàng nghìn dự án sưu tầm, bảo tồn về các hình thức diễn xướng, tín ngưỡng và lễ hội dân gian, nghề thủ công truyền thống, phong tục tập quán... của các dân tộc được thực hiện trên toàn lãnh thổ Việt Nam ở thể loại băng hình, phim tư liệu, báo cáo khoa học, album ảnh... Trong đó, phần báo cáo khoa học được lưu trữ tại thư viện VICAS; phần hình ảnh động, phim, ảnh được lưu trữ theo tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật để bảo đảm an toàn dữ liệu tại Trung tâm Dữ liệu di sản văn hóa.

Hưởng ứng chương trình số hóa di sản, Viện đã và đang số hóa các dự án sưu tầm, bảo tồn văn hóa phi vật thể Việt Nam đã được thực hiện từ năm 1997. Việc số hóa các loại hình di sản này nhằm thuận tiện trong việc lưu giữ, phục vụ nghiên cứu và quảng bá, phổ biến những giá trị của di sản văn hóa thành hệ thống Data Bank của Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam - nơi tổng hợp đầy đủ và đa dạng các giá trị di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa của dân tộc.

---

1. Xem Nguyễn Thị Việt Bắc, Lê Văn Việt: “Các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác thư viện”, Tạp chí *Thư viện Việt Nam*, số 6 (26), 2010, tr.11.

Là một thư viện chuyên ngành, Thư viện VICAS hiện lưu trữ, quản lý thông tin, tư liệu chủ yếu về lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật, phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, tham khảo cho người dùng tin (gồm cán bộ, công chức, viên chức, nghiên cứu sinh, học viên cao học, học sinh, sinh viên, người lao động...) trong và ngoài Viện. Thư viện VICAS hiện đang phục vụ tại chỗ miễn phí với tất cả người dùng tin từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trong giờ hành chính.

Ngoài phục vụ tại chỗ, Thư viện VICAS còn phục vụ bạn đọc từ xa nhằm phục vụ quảng đại quần chúng và người dùng tin. Bên cạnh đó, chúng tôi còn tham gia công tác tư liệu cho việc xây dựng các hồ sơ trình UNESCO như Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, Vùng văn hóa quan họ Bắc Ninh; Hội gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc; Dân ca ví giặm Nghệ Tĩnh; Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Bắc Bộ; Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ... Về cơ bản, công tác phục vụ đã đáp ứng nhu cầu của người dùng tin. Thư viện đã làm tốt vai trò là cầu nối để đại chúng - người dùng tin tiếp cận với nguồn tư liệu di sản văn hóa của dân tộc.

Đặc biệt, bằng việc vận dụng nguyên tắc khoa học hóa, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thư viện của VICAS đang ngày càng được đẩy mạnh. Cùng với xu hướng toàn cầu hóa và hiện đại hóa, trong phạm vi lĩnh vực hoạt động thư viện, internet đã, đang ngày càng thâm nhập sâu vào hoạt động thông tin, thư viện, trở thành công cụ không thể thiếu đối với công tác này. Việc đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin, sự gia tăng các nguồn tài liệu, thông tin số, đã giúp cho thư viện khai thác tối đa các nguồn thông tin để phục vụ và đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của người dùng tin.

Hiện Thư viện VICAS đang sử dụng phần mềm mã nguồn mở KOHA với hơn 70.000 biểu ghi thư mục thuộc cơ sở dữ liệu sách và bài trích tạp chí. Tuy nhiên, số lượng biểu ghi này mới chỉ là biểu ghi thư mục, người dùng tin có thể tra cứu được nguồn chứ chưa có điều kiện để tiếp xúc với toàn văn của tài liệu mình mong muốn. Muốn tham khảo nguồn tài liệu, người dùng tin phải đến trực tiếp phòng đọc tại thư viện mượn đọc tại chỗ hoặc qua hình thức phục vụ từ xa theo yêu cầu.

Việc chuyển đổi từ thư viện truyền thống sang thư viện điện tử là xu hướng chung của các thư viện, nhằm mục đích nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu của người dùng tin trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

Nắm bắt được xu thế đó, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã ra Quyết định số 1421/QĐ-BVHTTDL ngày 21/6/2022 về việc phê duyệt chủ trương “Xây dựng và triển khai thực hiện phần mềm thư viện điện tử của Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam”. Theo kế hoạch, khoảng giữa năm 2023, phần mềm thư viện điện tử sẽ bắt đầu được đưa vào triển khai, đó chính là yếu tố quan trọng tác động tới sự phát triển của Thư viện VICAS nhằm xử lý, thu thập, lưu trữ những tài liệu dưới dạng số, giúp người dùng có thể tra cứu những nội dung cần thiết một cách nhanh chóng.

Để thư viện điện tử có thể xây dựng, vận hành đạt hiệu quả, cần phải bảo đảm được các điều kiện như: Cơ chế quản lý thích hợp; cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại; không gian thư viện phù hợp; nguồn thông tin điện tử có chất lượng; đội ngũ người làm công tác thư viện có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có kiến thức về công nghệ thông tin. Trước mắt, Thư viện VICAS sẽ chuyển đổi toàn bộ tư liệu nội sinh (luận án được bảo vệ tại VICAS, đề tài cấp bộ, cấp viện, đề tài bảo tồn văn hóa phi vật thể) để tạo lập và phát triển nguồn thông tin tài liệu số phục vụ nhu cầu ngày càng cao của người dùng tin.

\*

\* \*

Có thể nói, những nguyên tắc trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị, không chỉ góp phần định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế mà còn góp phần định hướng cho hoạt động thư viện trong suốt 80 năm qua, trong đó có Thư viện của Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam. Từ ba nguyên tắc: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa, Thư viện VICAS đã có sự vận dụng sáng suốt và khoa học nhằm quản lý, sưu tầm và lưu trữ các nguồn tư liệu văn hóa quý báu của dân tộc, phục vụ rộng rãi bạn đọc (bao gồm cả phục vụ tại chỗ và phục vụ từ xa), đồng thời tạo lập và phát triển nguồn thông tin tài liệu số phục vụ nhu cầu ngày càng cao của người dùng tin.

## QUÁN TRIỆT, VẬN DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC DÂN TỘC HÓA, ĐẠI CHÚNG HÓA, KHOA HỌC HÓA CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀO THỰC TIỄN PHÁT HUY, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA QUÂN SỰ VIỆT NAM THỜI KỲ MỚI

Trung tướng TRỊNH VĂN QUYẾT\*

Văn hóa là “hồn cốt” của dân tộc, “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, “Văn hóa còn thì dân tộc còn. Văn hóa mất thì dân tộc mất”, cho thấy, văn hóa là một lĩnh vực giữ vị trí đặc biệt và có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Để xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới, làm rõ những vấn đề của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, nhất là các nguyên tắc: Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng, làm cơ sở để quán triệt, vận dụng vào thực tiễn của việc giữ gìn, phát huy, phát triển văn hóa quân sự Việt Nam trong giai đoạn mới.

### **1. Quán triệt, vận dụng các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa vào thực tiễn phát triển văn hóa quân sự Việt Nam trong gần 80 năm qua**

Vào những thập niên đầu của thế kỷ XX, thực dân, phát xít lợi dụng mọi chiêu bài, thủ đoạn thâm độc để ru ngủ người dân An Nam bằng rượu cồn và thuốc phiện; chúng ra sức thực hiện chính sách ngu dân, “nhồi sọ”, truyền bá tư tưởng phản động, gieo rắc sự hoài nghi, bi quan, hắc ám về tiền đồ, tương

---

\* Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

lai của dân tộc; cổ vũ chủ nghĩa “Đại Đông Á”; mua chuộc và hăm dọa các nhà văn hóa,... gây ra bầu không khí ngột ngạt, không lối thoát, bần khoản về “nhận đường, tìm đường” đến với cách mạng, đến với kháng chiến. Trong bối cảnh “văn hóa nửa phong kiến, nửa tư sản và hoàn toàn có tính cách thuộc địa” thống trị đó, Đề cương về văn hóa ra đời, đề cập đến phạm vi, tính chất, nội hàm của văn hóa, đặc biệt đã đề ra ba nguyên tắc vận động để xây dựng nền văn hóa mới, đó là: Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Những thành tố và những nguyên tắc này đều có mối quan hệ biện chứng, thẩm thấu và bổ sung lẫn nhau để tạo nên một nền văn hóa mà tư tưởng thẩm thấu thấm đẫm tinh thần dân tộc; mang tính khoa học và nhân văn sâu sắc, chống lại những gì phản tiến bộ, những cái lạc hậu, bảo thủ, đồng thời không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, phản ánh tâm tư, tình cảm và những mong ước, khát vọng của nhân dân.

Có thể khẳng định, lịch sử dân tộc Việt Nam gắn liền với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc; và do đó, văn hóa quân sự Việt Nam gắn chặt với văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được xem là một văn kiện lịch sử quan trọng, “Cương lĩnh đầu tiên về văn hóa”, thể hiện ý chí, nguyện vọng của cả dân tộc trong sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa tiến bộ, nhân văn và dân chủ; là ngọn đuốc sáng thần kỳ, có tác dụng soi đường, chỉ lối và định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động văn hóa, văn nghệ nói chung và phát huy, phát triển văn hóa quân sự Việt Nam nói riêng.

Gần 80 năm qua, nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đặc biệt là tầm quan trọng và tính cấp thiết đối với việc quán triệt, vận dụng các nguyên tắc xây dựng nền văn hóa mới trong từng giai đoạn của cách mạng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn quân nghiên cứu, quán triệt, vận dụng đúng đắn, sáng tạo về những vấn đề cốt lõi, những nguyên tắc cơ bản của Đề cương vào thực tiễn phát huy, phát triển văn hóa quân sự Việt Nam.

Từ khi ra đời và trong suốt quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam, các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa luôn được thẩm thấu vào văn hóa quân sự, hòa quyện với chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu, lý tưởng chiến đấu của quân đội, tạo thành đội quân cách mạng, “Đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất”,

“Đội quân từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ”, mang đậm bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc, đúng như lời Bác Hồ khen tặng: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>. Đây là nét văn hóa quân sự độc đáo của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” “quần nâu áo vải”, “Anh Vệ quốc quân”, “Anh Giải phóng quân”... đã trở thành nét văn hóa đặc sắc chỉ có ở Việt Nam và chỉ có ở Quân đội nhân dân Việt Nam. Với lòng trung thành vô hạn, tinh thần chiến đấu dũng cảm, không ngại hy sinh, không quản gian khổ... tính nhân dân trong “Bộ đội Cụ Hồ” đã được ghi nhận, “đi dân nhớ, ở dân thương”, thật chặt “tình quân dân như cá với nước” và trở thành biểu tượng cao đẹp, niềm tự hào, niềm tin trong lòng nhân dân Việt Nam và luôn được nhân dân yêu thương, chở che, đùm bọc.

Trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống xâm lược của dân tộc ta, thực dân, đế quốc có tiềm lực quân sự to lớn hơn ta gấp nhiều lần, các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa lại được vận dụng sáng tạo, trở thành “sức mạnh mềm”, “sức mạnh vô địch” trong nhiệm vụ chiến đấu giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kế thừa văn hóa, truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, văn hóa quân sự Việt Nam được thể hiện rõ nét về phương thức tác chiến mang tính điển hình: “Chiến tranh nhân dân”, “Chiến tranh toàn dân, toàn diện”, với cách đánh: “Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh”; “lấy vũ khí thô sơ chống lại vũ khí hiện đại”, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Người trước súng sau” làm nội dung chủ đạo, nét độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam, nhằm phát huy trí tuệ, ý chí, sức mạnh của toàn dân, cũng như khả năng động viên cả nước đánh giặc với lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Nhờ đó, Quân đội nhân dân Việt Nam đã trở thành đội quân anh hùng, bách chiến bách thắng, lập được những chiến công “kinh thiên động địa”, viết nên bản hùng ca Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”; “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, làm nên khúc tráng ca khải hoàn Đại thắng mùa Xuân năm 1975, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2000, t.11, tr.350.



Đặc biệt, trong thời kỳ đổi mới đất nước, quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa quan điểm, đường lối của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác văn hóa trong quân đội. Các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa của văn hóa Việt Nam một lần nữa được vận dụng sáng tạo, nâng lên một tầm cao mới, phù hợp với xu hướng quốc tế và sự vận động của cách mạng trong giai đoạn mới. 10 lời thề danh dự của quân nhân, 12 điều kỷ luật của quân đội là sự vận dụng cụ thể từ các nguyên tắc trên. Cùng với toàn Đảng, toàn dân, quân đội đã thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua như: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”; cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong các đơn vị quân đội gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”...

Toàn quân đã xuất hiện nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo, phong trào thiết thực, hiệu quả, góp phần xây dựng, củng cố mối quan hệ đoàn kết, gắn bó quân - dân như các phong trào: “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”; “Quân đội chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; “Dân vận khéo”; các chương trình, mô hình: “Mỗi cuộc diễn tập là một công trình xây dựng nông thôn mới”; “Nâng bước em đến trường”; “Con nuôi đồn biên phòng”; “Hải quân Việt Nam làm điểm tựa cho ngư dân vươn khơi, bám biển”; “Cảnh sát biển đồng hành cùng ngư dân”; “Trái tim cho em”; “Nụ cười cho em”; “Xuân biên cương - Tết hải đảo”; “Phụ nữ quân đội đồng hành cùng phụ nữ biên cương”... đã hỗ trợ đắc lực nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, xã hội, đào tạo nghề, nâng cao chất lượng công tác giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, các chính sách an sinh xã hội, giúp nhân dân phát triển sản xuất, góp phần đẩy nhanh hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và giảm nghèo bền vững, đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội... góp phần củng cố “thế trận lòng dân”, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh đó, còn có các phong trào thi đua không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt công tác và chấp hành Điều lệnh quân đội, được xây

dựng như những giá trị văn hóa cao nhất hướng mọi quân nhân tới “chân - thiện - mỹ”, vươn tới cái đẹp, có lối sống trong sạch, lành mạnh như: phong trào “Xây dựng nền nếp chính quy”; “Ngành hậu cần quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”; “Quản lý, khai thác vũ khí, trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông”; “Cán bộ, chiến sĩ quân đội thi đua thực hiện văn hóa công sở, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”,... Các tổ chức quần chúng đã phát huy tốt vai trò trong hoạt động văn hóa ở cơ sở như phong trào: “Thanh niên sống đẹp”; “Chi đoàn văn hóa mới”; “Chi đoàn không có cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm pháp luật, kỷ luật”; “Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp”; “Đẹp người, đẹp doanh trại, đẹp tình quân dân”... của Đoàn Thanh niên; “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, “ Gia đình quân nhân tiêu biểu”, “Khu tập thể quân nhân văn minh, kiểu mẫu”, “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương”,... của Phụ nữ quân đội; “Luyện tay nghề, thi thợ giỏi”, “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “An toàn lao động, an toàn giao thông, không vi phạm kỷ luật”... của Công đoàn Quốc phòng cùng với các hoạt động khác như: sinh hoạt chính trị, diễn đàn, tọa đàm, tuyên truyền viên trẻ, sinh nhật tập thể,... tạo nên môi trường văn hóa phong phú, đa dạng, giàu tính giáo dục, góp phần xây dựng nhân cách, phẩm chất chính trị cho cán bộ, chiến sĩ. Từng cơ quan, đơn vị và cán bộ, chiến sĩ trong toàn quân luôn phát huy tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo, mỗi quân nhân là một chiến sĩ văn hóa, mỗi gia đình quân nhân là một gia đình văn hóa, khu tập thể quân nhân trở thành khu tập thể văn hóa, các đơn vị quân đội thực sự là điểm sáng văn hóa trên địa bàn đóng quân, cùng toàn dân thực hiện tốt và lan tỏa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Các phong trào trên là kết quả của sự quán triệt, vận dụng nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa vào thực tiễn phát huy, phát triển văn hóa quân sự Việt Nam trong suốt gần 80 năm qua.

## **2. Tiếp tục giữ vững, phát huy, phát triển văn hóa quân sự Việt Nam trong giai đoạn mới**

Trong những năm tới, tình hình thế giới và khu vực dự báo tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó đoán định. Các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước, quân đội. Sự tác động, ảnh hưởng của cuộc

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế tri thức, kinh tế số và các thách thức an ninh phi truyền thống, an ninh mạng, thiên tai, dịch bệnh, tội phạm... luôn đan xen, ngày càng diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định... Tình hình đó đặt ra yêu cầu mới đối với việc tiếp tục vận dụng các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa vào thực tiễn giữ gìn, phát huy, phát triển văn hóa quân sự Việt Nam trong giai đoạn mới.

Từ đặc điểm, tình hình trên và tiếp tục vận dụng, cụ thể hóa các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã xác định bốn quan điểm phát triển văn hóa quân sự Việt Nam đến năm 2030 (tại Kế hoạch số 1349/KH-CT của Tổng cục Chính trị đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt ngày 18/8/2022 về thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trong Quân đội nhân dân Việt Nam): 1- Phát triển văn hóa trong quân đội đặt dưới sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương, quản lý của Bộ Quốc phòng, thường xuyên, trực tiếp là Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; xây dựng văn hóa quân sự trở thành một bộ phận quan trọng của nền văn hóa dân tộc; vừa là mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh, nền tảng tinh thần trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong toàn quân; góp phần xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện, trước hết là vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Văn hóa phải được coi trọng, nuôi dưỡng; phát triển hài hòa giữa văn hóa và chính trị, quân sự, văn hóa trong Đảng và hệ thống tổ chức cơ quan, đơn vị. 2- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách quân nhân và phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” để phát triển văn hóa quân sự; trọng tâm là xây dựng quân nhân cách mạng có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, lối sống tốt đẹp; tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. 3- Chủ động hợp tác quốc tế để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và quảng bá các giá trị văn hóa quân sự ra thế giới; phát huy sức mạnh mềm văn hóa quân sự để nâng cao vị thế của Quân đội nhân dân Việt Nam trên trường quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và phát triển, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. 4- Phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng văn hóa quân sự, nòng cốt là cán bộ, đảng viên, quần chúng trong quân đội; đội ngũ cán bộ văn hóa và văn nghệ sĩ quân đội giữ vai trò quan trọng; cán bộ, chiến sĩ vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là đối tượng thụ hưởng.

Để thực hiện tốt các quan điểm trên, phát triển văn hóa quân sự Việt Nam trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện tốt các biện pháp sau:

*Một là, tăng cường giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ về vai trò của văn hóa trong xây dựng quân đội, phát triển đất nước.*

Tiếp tục quán triệt, thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Đại hội XI của Đảng bộ quân đội. Tập trung giáo dục, quán triệt, cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, trọng tâm là Kết luận số 76/KL/TW, ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021; Quyết định số 1909/QĐ-TTg, ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030. Đa dạng hóa, đổi mới và nâng cao hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về văn hóa, đạo đức, lối sống trong toàn quân, đặc biệt đối với thế hệ thanh niên quân đội và sĩ quan trẻ.

*Hai là, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nguồn lực trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật.*

Triển khai thực hiện “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trong Quân đội nhân dân Việt Nam” toàn diện, thống nhất, hiệu quả. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ, nhất là đội ngũ văn nghệ sĩ quân đội có bản lĩnh chính trị vững vàng, chuyên môn giỏi, trách nhiệm, tâm huyết với sự nghiệp văn hóa, văn nghệ của Đảng, quân đội; tiên phong trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; xây dựng chế độ, chính sách sử dụng và ưu đãi đặc thù đối với đội ngũ làm công tác văn hóa; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ cho hoạt động văn hóa, chú trọng vùng sâu, vùng xa, địa bàn khó khăn, đơn vị thực hiện nhiệm vụ đặc thù. Đổi mới phương thức quản lý, phương pháp, tác phong công tác của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên văn hóa, văn học, nghệ thuật, văn nghệ sĩ trong quân đội gắn với việc xã hội hóa, đa dạng hóa các loại hình đào tạo và hoàn chỉnh hệ thống quy trình, chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của quân đội thời kỳ mới.

*Ba là, xây dựng, phát triển văn hóa con người trong quân đội toàn diện, gắn với tiêu chuẩn con người mới xã hội chủ nghĩa và phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”.*

Tiếp tục đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới”. Tập trung tuyên truyền giáo dục các hệ giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thông qua chuyên trang diễn đàn, kiến thức văn hóa quân sự. Bổ sung, hoàn thiện chương trình giáo dục, rèn luyện nâng cao trình độ; lễ tiết tác phong quân nhân; ý thức tự giác chấp hành điều lệnh, điều lệ, quy định, kỷ luật quân đội, pháp luật nhà nước. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình số 584/CTr-BQP, ngày 2/3/2022 của Bộ Quốc phòng về phát triển thanh niên quân đội giai đoạn 2021-2030. Phấn đấu 100% quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng và người lao động trong quân đội rèn luyện, hoàn thiện nhân cách theo 5 đặc trưng cơ bản của phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” và khắc phục 10 biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân được xác định tại Nghị quyết số 847-NQ/QUTW, ngày 28/12/2021 của Quân ủy Trung ương, gắn với “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc”; có bản lĩnh chính trị vững vàng, chuyên môn giỏi, trách nhiệm, tiên phong trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

*Bốn là, đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa trong quân đội gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.*

Tiếp tục phát huy, làm đẹp thêm phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua về văn hóa; đẩy mạnh phong trào “Cán bộ, chiến sĩ quân đội thi đua thực hiện văn hóa công sở, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ””. Phát huy vai trò làm chủ của quân nhân, viên chức, người lao động trong xây dựng đời sống văn hóa của cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, người chủ trì trong xây dựng môi trường văn hóa. Chú trọng phát triển văn hóa đặc trưng từng lĩnh vực cụ thể của hoạt động quân sự, quốc phòng; đặc biệt, chú trọng xây dựng văn hóa trong chỉ huy, quan hệ đồng chí, đồng đội, giao tiếp, ứng xử... Thực hiện hiệu

quả “Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”; tổ chức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam đúng quy chế. Khai thác, phát huy tốt công năng của các thiết chế văn hóa; khuyến khích đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa quân đội có quy mô, giá trị văn hóa nghệ thuật cao. Tăng cường giáo dục, nâng cao năng lực cảm thụ nghệ thuật; bảo đảm quyền tiếp cận, hưởng thụ, tham gia và sáng tạo văn hóa trong toàn quân. Chủ động, kịp thời đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi tiêu cực gây tác hại đến văn hóa, lối sống; không để các sản phẩm phản văn hóa thấm lậu vào cơ quan, đơn vị; khen thưởng và xử phạt nghiêm minh.

*Nâng cao chất lượng, hiệu quả, đổi mới, đa dạng nội dung, hình thức tổ chức hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật; củng cố, nâng cấp, xây mới và phát huy hiệu quả giá trị công trình văn hóa - lịch sử quân sự.*

Xây dựng, phát triển sâu, rộng hoạt động văn nghệ quần chúng, chú trọng vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đơn vị thực hiện nhiệm vụ đặc thù; định kỳ tổ chức các hoạt động giao lưu, biểu diễn, liên hoan, hội diễn, hội thi theo quy định. Đẩy mạnh chất lượng các hoạt động trọng điểm về văn hóa, văn học, nghệ thuật; chú trọng hoạt động sáng tác, quảng bá tác phẩm đề tài về lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng, gắn với tuyên truyền và tạo sức lan tỏa rộng khắp trong toàn quân và xã hội. Tạo điều kiện cho đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tạo các tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc lịch sử dân tộc, truyền thống quân đội, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và công cuộc đổi mới đất nước. Chủ động ngăn chặn, xử lý các hoạt động sáng tác, truyền bá tác phẩm văn học, nghệ thuật có tác động tiêu cực tới đời sống xã hội và quân đội. Tăng cường phát triển tài năng trẻ trong quân đội; ưu tiên đối tượng dân tộc thiểu số, phụ nữ, bảo đảm quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Tiếp tục triển khai và hoàn thành các dự án, các công trình chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng, của dân tộc và quân đội; nâng cao chất lượng công tác bảo tàng, nhà (phòng) truyền thống; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động trưng bày, nghiên cứu, kiểm kê, phân loại, bảo quản hiện vật. Phối hợp hiệu quả với chính quyền địa phương trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa - lịch sử quân sự.

*Sáu là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác, giao lưu, đối ngoại quốc phòng về văn hóa; phát huy hiệu quả các nguồn lực trong đầu tư, phát triển văn hóa.*

Tích cực, chủ động nghiên cứu, trao đổi với các nước để tìm hiểu nhu cầu và đề xuất đưa văn hóa, nghệ thuật quân đội trở thành một trong những nội dung hợp tác quốc phòng với các đối tác phù hợp; nghiên cứu, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp trưng bày triển lãm; thực hiện các đợt trưng bày, triển lãm chào mừng các sự kiện liên quan tới đối ngoại quốc phòng giữa Việt Nam, Quân đội nhân dân Việt Nam và các nước được phối hợp chặt chẽ và bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điện ảnh giữa Quân đội nhân dân Việt Nam với quân đội một số nước; xây dựng các chương trình văn hóa, nghệ thuật mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam, truyền thống quân đội; tổ chức giao lưu biên giới. Mở rộng hợp tác đào tạo, thực hiện đa dạng, có chiều sâu các nội dung, hình thức văn hóa, nghệ thuật trong đối ngoại quốc phòng. Phát huy vai trò của tùy viên quốc phòng Việt Nam tại nước ngoài; cán bộ, quân nhân tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; cán bộ, lưu học sinh quân sự tại nước ngoài... để triển khai các chương trình, nội dung, hoạt động quảng bá văn hóa, đất nước, con người Việt Nam, văn hóa quân sự Việt Nam tới bạn bè quốc tế.

Phát huy hiệu quả các nguồn lực trong đầu tư, phát triển lĩnh vực văn hóa; ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng các thiết chế văn hóa, quảng bá văn hóa phù hợp với quy định của pháp luật; bảo đảm sử dụng vốn đầu tư hiệu quả. Tích cực, chủ động hợp tác, huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho lĩnh vực văn hóa của quân đội; phối hợp với các ban, bộ, ngành, tổ chức đoàn thể, hội nghề nghiệp trong tổ chức các hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật. Quan tâm đầu tư, khuyến khích, nâng cao năng lực nghiên cứu và phát huy thành tựu khoa học, công nghệ gắn với chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động văn hóa; khen thưởng, biểu dương kịp thời những mô hình hay, điển hình tiên tiến, tấm gương tiêu biểu trong xây dựng và phát triển văn hóa.

\*

\* \*

Trải qua 80 năm kể từ khi ra đời, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn còn nguyên giá trị lý luận và tính thời đại sâu sắc, tiếp tục soi đường cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa nói chung và xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam nói riêng. Để giữ vững, phát huy, phát triển văn hóa quân sự Việt Nam trong giai đoạn mới, chúng ta cần phải thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa, nghiên cứu, quán triệt, vận dụng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới, xây dựng văn hóa quân sự Việt Nam nói riêng và vun đắp nền văn hóa Việt Nam nói chung tiên tiến, giàu bản sắc, tạo sức mạnh, nguồn lực nội sinh để xây dựng nước Việt Nam phồn vinh và hạnh phúc.



## TIẾP TỤC XÂY DỰNG VĂN HÓA THEO HƯỚNG “DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG, KHOA HỌC” ĐÁP ỨNG MỤC TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG VÀ HẠNH PHÚC CỦA NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển con người và xã hội loài người, là nhân tố đóng vai trò cơ sở và định hướng cho sự phát triển bền vững của xã hội. Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của văn hóa và thường xuyên quan tâm lãnh đạo, phát huy sức mạnh của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

Trước khi ngành văn hóa thông tin ra đời (1945), năm 1943, Đảng ta đã công bố *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, khẳng định văn hóa là một trong ba mặt trận cách mạng cần tập hợp các nhà văn hóa, văn nghệ, trí thức yêu nước, chống lại văn hóa phát xít và phong kiến lạc hậu, xây dựng nền văn hóa cách mạng theo phương châm: dân tộc, đại chúng, khoa học.

Tính dân tộc được thể hiện rõ nhất ở việc phản ánh khát vọng của dân tộc Việt Nam, đó là khát vọng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, khát vọng hòa bình. Phát huy tính khoa học của văn hóa, bản *Đề cương* giải thích rõ ràng: chống lại tất cả những gì trái khoa học, phản tiến bộ. Tính đại chúng của văn hóa Việt Nam vì thế thể hiện ở mục đích phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân, tạo nên tảng tinh thần cho xã hội. Các loại hình văn hóa nghệ thuật, các lễ hội, hệ thống thiết chế văn hóa, di sản văn hóa... do nhân dân dày công sáng tạo và vun đắp đã phát huy tác dụng, phục vụ đời sống nhân dân trong thời kỳ kháng chiến cũng như trong công cuộc xây dựng hiện nay.

Trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, vận mệnh đất nước đầy thử thách gian nguy, Đảng ta với khẩu hiệu “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”, văn hóa cơ sở lúc này là cùng cả nước chung lòng thực hiện các phong trào: “Xây dựng đời sống mới”, “Tiếng hát át tiếng bom”, “Tiếng loa hòa tiếng súng”, “Hát cho đồng bào tôi nghe”... Năm 1975, khi đất nước được thống nhất, Đảng lãnh đạo vận động toàn quân, toàn dân ngăn chặn văn hóa độc hại, khơi dậy nền văn hóa dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới. Bước vào những năm đổi mới đất nước, Đảng ta đã chủ trương từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* ra đời có ý nghĩa chiến lược, chỉ đạo quá trình xây dựng và phát triển văn hóa ở nước ta. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước* đã bổ sung, phát triển và làm sâu sắc, phong phú hơn kho tàng lý luận văn hóa, đường lối văn hóa của Đảng, đồng thời mở đường cho thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh đến việc tiếp tục xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển nền văn hóa của dân tộc, đã đưa ra sáu nhiệm vụ trọng tâm xoay quanh giá trị cốt lõi trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* với phương châm dân tộc, đại chúng và khoa học. Một trong những quan điểm chỉ đạo cốt lõi và xuyên suốt là: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nền văn hóa và con người Việt Nam... kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”.

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam đã và đang có những mục tiêu, nhiệm vụ mang tính đột phá để đưa tỉnh phát triển trở thành trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Hiện nay, trong quá trình lãnh đạo phát triển, Đảng bộ rất coi trọng, ưu tiên đến nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân, trong đó văn hóa không thể tách

rời, đóng vai trò là nền tảng, động lực, sức mạnh nội sinh để thực hiện tốt nhiệm vụ đó.

### **Những kết quả nổi bật về xây dựng văn hóa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

*Công tác quản lý nhà nước được tăng cường* trong đó trọng tâm là việc ban hành nhiều đề án, chương trình mang tính định hướng. Đề án phát triển văn hóa đọc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được ban hành mong muốn xây dựng và phát triển thói quen, nhu cầu, kỹ năng và phong trào đọc sách trong mọi tầng lớp nhân dân, nâng cao dân trí, phát triển tư duy, khả năng sáng tạo, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn, hình thành lối sống lành mạnh cho mọi người. Đề án bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với các hoạt động bảo tồn, giữ gìn loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống gắn bó với đời sống tinh thần của người dân Nam Bộ nói chung và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nói riêng. Chương trình Bảo tồn và Phát huy bên vững giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021-2025; kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2030, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 cũng đã được ban hành tạo cơ sở quan trọng để thực hiện xây dựng môi trường lành mạnh từ gia đình đến xã hội, từ tổ chức đến cộng đồng ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội và các biểu hiện tiêu cực của văn hóa hiện nay.

*Nhu cầu thưởng thức các dịch vụ văn hóa, nghệ thuật, thông tin, thể dục - thể thao của người dân ngày càng được đáp ứng tốt hơn.* Tuyến tỉnh đã có Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh, Nhà văn hóa Thanh niên, Nhà văn hóa Thiếu nhi, Thư viện tỉnh và Trung tâm văn hóa thể thao của Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovetro. Tuyến huyện, có 8/8 huyện, thị xã, thành phố được đầu tư hoàn thiện trung tâm văn hóa, thể thao và thư viện huyện. Mặt khác, nói đến xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân phải kể đến vai trò, vị trí của thiết chế văn hóa, thể thao tại các xã, phường, thị trấn đó là trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng. Hiện nay, toàn tỉnh có 75/82 xã, phường, thị trấn và 3/10 khu dân cư (huyện Côn Đảo) đã có trụ sở thiết chế.

*Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh.* Hiện nay, toàn tỉnh có 48 di tích xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh trong đó có 29 di tích cấp quốc gia, 1 di tích quốc gia đặc biệt Côn Đảo, 18 di tích cấp tỉnh, ngoài ra còn nhiều công trình kiến trúc cổ dân gian truyền thống. Các công trình di tích văn hóa, lịch sử được quan tâm trùng tu tôn tạo vừa nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, đồng thời tạo điểm đến thu hút du khách góp phần phát triển du lịch tỉnh. Điển hình như di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Côn Đảo; Di tích cách mạng Căn cứ Núi Dinh; Căn cứ Minh Đạm; Trận địa Pháo cổ - Hàm thủy lôi Núi Lớn; Địa đạo Long Phước; Khu lưu niệm Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Võ Thị Sáu; Di tích Bạch Dinh; Di tích Nhà Lớn Long Sơn; Đình thần Thắng Tam; Dinh Cô Long Hải... Vừa qua, lễ giỗ bà Hoàng Phi Yến tại huyện Côn Đảo, Lễ hội Nghinh ông Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, lễ hội Dinh Cô Long Hải, huyện Long Điền được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

*Xây dựng môi trường văn hóa ngày càng lành mạnh. Nhân dân tham gia thực hiện phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.* Các hộ gia đình biết chăm lo làm kinh tế, nhiều hộ đã phấn đấu vượt khó thoát nghèo, làm giàu chính đáng; sản xuất, kinh doanh giỏi, nêu cao ý thức cộng đồng, tình làng nghĩa xóm, tinh thần đoàn kết tương thân tương ái, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hằng năm tỷ lệ đạt chuẩn gia đình văn hóa trên 90%, phong trào xây dựng “thôn, ấp, khu phố văn hóa” “Xã văn hóa nông thôn mới”; “Phường, thị trấn văn minh đô thị” đã khơi dậy, phát huy vai trò tự quản và ý thức chủ động, tích cực của cộng đồng, phát huy nguồn lực trong cộng đồng dân cư, phát triển kinh tế; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật ngày càng được củng cố, nâng cao. Nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội có chuyển biến tích cực. Khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, địa phương được nâng lên.

Nhà hát tỉnh từng bước được đổi mới, dàn dựng những chương trình mang tính nghệ thuật cao đáp ứng được nhu cầu của các tầng lớp nhân dân. Hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng được duy trì, tổ chức thường xuyên hằng năm. Tham gia và đạt thành tích cao trong các hội thi, hội diễn, liên hoan cấp khu vực và toàn quốc. Xây dựng các câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật, phối hợp

tổ chức hoạt động phục vụ nhân dân. Hoạt động giao lưu, giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa của tỉnh ra nước ngoài như Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước Đông Nam Á được quan tâm.

Hoạt động thư viện tỉnh từng bước đa dạng hình thức đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới như đọc tại chỗ, cho mượn sách về nhà; luân chuyển sách xuống cơ sở; đưa sách phục vụ trong các trường học, cụm dân cư; đọc sách qua thư viện số... Thực hiện công tác quảng bá hoạt động thư viện, giới thiệu sách trên phương tiện truyền thông đại chúng và nhiều hình thức phù hợp khác. Ngày 11/7/2020, bảo tàng chính thức mở cửa đón khách tham quan đã góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch thu hút du khách tham quan, tăng thêm thu nhập và cơ hội việc làm cho lao động tại địa phương, đóng góp cho sự phát triển du lịch tỉnh.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; một số nơi nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền về phát triển văn hóa chưa sâu sắc, đầu tư nguồn lực cho văn hóa còn hạn chế. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tuy đạt được một số kết quả nhất định, song vẫn còn một số địa phương, đơn vị chưa quan tâm đúng mức; Ban chỉ đạo các cấp hoạt động chưa mang lại hiệu quả cao; một số nơi còn mang tính hình thức, chưa tạo được mô hình các điểm sáng văn hóa. Một số hiện tượng mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội, vi phạm luật giao thông vẫn còn tiếp diễn, ý thức về bảo vệ môi trường của một bộ phận nhân dân còn hạn chế, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống cộng đồng,... Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực văn hóa còn hạn chế, tại một số địa phương thiết chế văn hóa xuống cấp, chưa đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của người dân; đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa còn thiếu, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhất là ở cơ sở. Các chế độ ưu đãi cho văn nghệ sĩ còn thấp, chưa tương xứng với sức lao động sáng tạo văn học, nghệ thuật của văn nghệ sĩ; hiệu quả đầu tư cho văn học, nghệ thuật chưa cao; ngân sách nhà nước đầu tư cho văn học, nghệ thuật còn hạn chế.

Trước tình hình thế giới và khu vực thời gian qua có những chuyển biến lớn: bùng nổ mạng xã hội và vấn đề an ninh mạng; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; toàn cầu hóa và thách thức với bản sắc văn hóa dân tộc... Bùng nổ mạng xã hội diễn ra với tốc độ nhanh chưa từng có, tạo ra hoạt động truyền

thông mà mỗi người đều có thể tham gia, tạo thách thức đối với các phương thức truyền thông truyền thống (báo in, báo hình, báo nói,...). Toàn cầu hóa văn hóa được tiếp sức bởi mạng xã hội tác động tích cực và tiêu cực đối với đời sống văn hóa - xã hội đất nước. Để tiếp tục xây dựng văn hóa theo phương châm dân tộc, đại chúng, khoa học có hiệu quả trong thời gian tới, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên cần thực hiện tốt những giải pháp sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước trên lĩnh vực văn hóa để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh.

Nhận thức đúng đắn về vai trò của văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế của từng địa phương. Quán triệt chủ trương của Đảng về văn hóa, đưa văn hóa phát triển ngang tầm với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. “Khắc phục tư tưởng chỉ tập trung cho kinh tế mà ít quan tâm đến văn hóa”. Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của người dân đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã ban hành là cơ sở quan trọng để cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm thực hiện xây dựng văn hóa, con người gắn với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức xã hội và người dân về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của tỉnh, từ đó khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc; phát huy cao độ những giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người dân cho sự phát triển của tỉnh.

*Thứ hai*, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới. Xây dựng chính sách đãi ngộ thích hợp cho cán bộ văn hóa các cấp. Trong quy hoạch cán bộ của tỉnh cần chú ý đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa từ tỉnh đến cơ sở đủ số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Có chính sách thu hút người có

trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa, sinh viên về công tác tại địa phương. Chú trọng các chính sách khen thưởng, biểu dương, tôn vinh những cán bộ làm công tác văn hóa...

*Thứ ba*, quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh và kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại để các giá trị văn hóa có sức sống bền vững. Tập trung sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa vật thể và phi vật thể của tỉnh để các giá trị văn hóa trở thành “sức mạnh mềm” góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa, coi trọng và tổ chức thực hiện các chương trình về bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp. Huy động xã hội hóa từ sự đóng góp của người dân trong việc trùng tu di tích một cách hợp lý. Có chính sách đầu tư thỏa đáng, trong đó tạo cơ chế để nhân dân tự đầu tư, khôi phục ngành nghề, phục hồi văn hóa truyền thống dưới sự kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước. Tổ chức tốt các lễ hội dân gian, lễ hội văn hóa, thể thao, tại các địa phương nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân và phục vụ phát triển du lịch tại địa phương. Phát huy các di sản văn hóa phi vật thể bằng các kế hoạch thực hiện cụ thể, hiệu quả thiết thực.

*Thứ tư*, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục của gia đình và xã hội; nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết. Từ đó phát huy tính khoa học trong văn hóa, xây dựng văn hóa con người tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: văn minh, thân thiện, nghĩa tình, có sức khỏe, tri thức, kỷ luật, có ý thức trách nhiệm của công dân và xã hội; đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

*Thứ năm*, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” với việc tập trung công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng nội dung và hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực thực hiện các nội dung xây dựng gia đình văn hóa; thôn, ấp, khu phố văn hóa; xã văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị. Trong Dự thảo Nghị quyết về nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của người dân có đề cập đến vấn đề xây dựng tiêu chí mới về các danh hiệu văn hóa. Đây cũng là nhiệm vụ là cần thiết, cần được triển khai thực hiện gắn với trách nhiệm và

quyền lợi của người dân để nhân dân quan tâm thực hiện, tránh việc thực hiện các danh hiệu văn hóa mang tính hình thức và kém hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam, Chương trình hành động phòng, chống bạo lực gia đình Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021-2025 nhằm phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

Nhìn lại việc xây dựng và phát triển văn hóa trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong đó có sự đồng hành tích cực của ngành văn hóa và thể thao. Thành tựu đạt được trên lĩnh vực văn hóa góp phần tích cực cho sự phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VẬN NGUYÊN GIÁ TRỊ VÀ TÍNH THỜI SỰ SÂU SẮC

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH THANH HÓA

### 1. Nhìn lại và khẳng định giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là một văn kiện lịch sử vô giá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cách mạng, kháng chiến, chỉ ra con đường vận động, phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam. Với tính chất là một bản “đề cương” ngắn gọn, ra đời trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trải qua 80 năm nhưng những tư tưởng, quan điểm thể hiện trong Đề cương vẫn vận nguyên giá trị và tính thời sự sâu sắc.

Đề cương xác định phạm vi, nội hàm của văn hóa, bao gồm ba thành tố cơ bản là: tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Đến nay, cả ba thành tố mà Đề cương nêu ra đều là những yếu tố mang tính hạt nhân, có mối quan hệ, gắn bó, chi phối, bổ sung và thẩm thấu lẫn nhau, cấu thành nền văn hóa dân tộc.

Trong ba yếu tố đó, yếu tố tư tưởng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, liên quan đến thế giới quan, đến nhận thức, tình cảm, thái độ, cách ứng xử của con người trước những vấn đề của tự nhiên, xã hội. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” tiếp tục khẳng định: “*Tư tưởng, đạo đức và lối sống* là những lĩnh vực then chốt của văn hóa”<sup>1</sup>. Về nội hàm của vấn đề tư tưởng, đạo đức, lối sống, Nghị quyết của Đảng nhấn mạnh, đó là: Chủ nghĩa Mác - Lênin

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, t.57, tr.294.

và tư tưởng Hồ Chí Minh được vận dụng và phát triển sáng tạo, trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng, bảo đảm cho đời sống tinh thần xã hội phát triển đúng hướng. Đó là ý thức phấn đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tinh thần trách nhiệm và năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ, đảng viên; là những giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức tốt đẹp; tính năng động và tính tích cực công dân; là tinh thần, ý chí vươn lên lập thân, lập nghiệp, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của thế hệ trẻ; là tâm thức hướng về cội nguồn, về cách mạng và kháng chiến, quý trọng các danh nhân văn hóa, đền ơn đáp nghĩa những người có công, giúp đỡ những người hoạn nạn...

Cùng với “tư tưởng”, “học thuật” là yếu tố nền tảng, quyết định đến chất lượng, nội dung của nền văn hóa. Học thuật liên quan trực tiếp đến trình độ học vấn, đến tri thức khoa học, sự hiểu biết và ý thức làm chủ của con người, là điều kiện cần để con người mở những cánh cửa vào tương lai, thể hiện khát vọng, tinh thần không ngừng học tập, nâng cao tri thức, trình độ và năng lực chuyên môn, từ đó có nhiều sáng tạo, phát minh mới, làm phong phú nền văn hóa dân tộc.

Nếu “học thuật” liên quan trực tiếp đến công tác giáo dục, đào tạo, đến việc trao truyền tri thức, bồi dưỡng thế hệ trẻ, nâng cao dân trí, thì “nghệ thuật” là một biểu hiện sinh động, phong phú của đời sống văn hóa, thể hiện những khát vọng của con người về chân, thiện, mỹ. Những sáng tạo về nghệ thuật rất phong phú, thể hiện ở nhiều loại hình. Trải qua thời gian và những sáng tạo không ngừng nghỉ của các thế hệ người dân Việt Nam đã kết tinh thành những giá trị độc đáo, tạo thành bản sắc văn hóa dân tộc. Sức mạnh của những tác phẩm nghệ thuật có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục, hình thành nhân cách, lối sống tốt đẹp cho con người.

Đề cập đến vai trò của văn học, nghệ thuật, Văn kiện của Đảng nhấn mạnh: “Không có hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người”<sup>1</sup>. Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” tiếp tục khẳng định quan điểm: “Văn học, nghệ thuật

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.47, tr.464.

là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người”<sup>1</sup>.

Nhấn mạnh vào vai trò, vị trí của văn hóa trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Đề cương khẳng định: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. Có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>2</sup>.

Luận điểm *Văn hóa là một mặt trận* là một tư tưởng mang tính thời đại, khẳng định vai trò to lớn của văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Cùng với các mặt trận kinh tế, chính trị, ngoại giao, quân sự, an ninh - quốc phòng thì mặt trận văn hóa cũng có ý nghĩa quan trọng, góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng, kháng chiến. Đây là mặt trận không tiếng súng nhưng bằng ngòi bút, trang giấy và sức sáng tạo dồi dào của văn nghệ sĩ, trí thức đã góp phần đánh bại âm mưu, dã tâm xâm lược của kẻ thù, cổ vũ ngợi ca tinh thần kháng chiến, kiến quốc của nhân dân.

Luận điểm này còn góp phần khắc phục những biểu hiện dao động, hoài nghi, những băn khoăn, trăn trở của một số văn nghệ sĩ, trí thức trong quá trình “tìm đường” đến với cách mạng, gắn bó mật thiết với vận mệnh quốc gia, dân tộc. Văn học, nghệ thuật phải phụng sự Tổ quốc, ngợi ca nhân dân, bảo vệ lẽ phải, chính nghĩa, sự công bằng, đồng thời lên án, tố cáo tội ác của thực dân, đế quốc. Trong nhiều bức thư gửi anh em văn nghệ sĩ, trí thức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến tính chiến đấu, tinh thần “thép” trong những sáng tạo nghệ thuật. Trong thư *Gửi anh em văn hóa và trí thức Nam Bộ* (ngày 25/5/1947), Người khẳng định: “Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà, mà anh em văn hóa và trí thức phải làm cũng như là những chiến sĩ anh dũng trong công cuộc kháng chiến để tranh lại quyền thống nhất và độc lập cho Tổ quốc”<sup>3</sup>. Trong *Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa năm 1951*, Người tiếp tục nhấn mạnh: “Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*. Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.67, tr.653.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.316.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.157.

trận ấy. Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có *nhiệm vụ* nhất định, tức là phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh”<sup>1</sup>. Văn hóa là một mặt trận không phải là hạ thấp vai trò, tính sáng tạo của văn hóa mà đó là sứ mệnh, là trách nhiệm và nghĩa vụ thiêng liêng của người cầm bút trước những vấn đề lớn lao của Tổ quốc, dân tộc. Trong bài báo *Tổ chức của Đảng và văn học Đảng* viết năm 1905, V.I. Lênin từng khẳng định: “Sự nghiệp văn học phải thành một bộ phận trong sự nghiệp của toàn thể giai cấp vô sản, phải thành *một cái bánh xe nhỏ và một cái định ốc* trong một bộ máy dân chủ - xã hội vĩ đại, thống nhất, do toàn đội tiên phong giác ngộ của toàn bộ giai cấp công nhân điều khiển. Sự nghiệp văn học phải trở thành một bộ phận khăng khít của công tác có tổ chức, có kế hoạch, thống nhất, của Đảng dân chủ - xã hội”<sup>2</sup>.

Nhằm góp phần lý giải về mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị, Đề cương khẳng định: “nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội”<sup>3</sup>, tức là hạ tầng cơ sở quyết định kiến trúc thượng tầng. Văn hóa bao gồm cả những giá trị vật chất và tinh thần, tuy nhiên khi nói đến văn hóa người ta thường nhấn mạnh đến khía cạnh tinh thần. Vì thế, văn hóa là một hình thái ý thức xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng và luôn chịu sự chi phối, tác động của cơ sở hạ tầng, điều kiện kinh tế, chính trị quyết định. Tuy nhiên văn hóa cũng có quy luật vận động, có đời sống riêng mà các loại hình ý thức xã hội khác không có được. Văn hóa không thể thoát ly, đứng ngoài cuộc sống. “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”<sup>4</sup>.

Nhận thức rõ về vị trí của văn hóa, Đề cương xác định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác văn hóa, văn nghệ. Đảng cần phải làm tốt công tác văn hóa, bên cạnh nhiệm vụ làm cách mạng chính trị còn phải làm cách mạng văn hóa, loại bỏ những tư tưởng lạc hậu, bảo thủ, phản giá trị, phản tiến bộ để xây dựng đời sống mới, văn hóa mới. Đồng thời, Đảng phải lãnh đạo được phong

1, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.246, 246.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.12, tr.123-124.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.316.

trào văn hóa nhằm gây tầm ảnh hưởng; đưa chủ trương, đường lối, quyết sách của Đảng đi vào đời sống của nhân dân.

Đảng lãnh đạo phong trào văn hóa, văn nghệ là vấn đề mang tính tất yếu chính trị nhằm bảo đảm tính định hướng trong sáng tác, tập hợp lực lượng, huy động sức sáng tạo trong mọi tầng lớp nhân dân để thực hiện mục tiêu, sứ mệnh cao cả là giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, mang lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đảng lãnh đạo văn hóa là vấn đề mang tính nguyên tắc, nhằm bảo đảm tốt quyền lợi, trách nhiệm cũng như mang lại những cảm hứng dồi dào để người nghệ sĩ viết lên những tác phẩm lớn, có ý nghĩa và mang tầm thời đại.

Thực tiễn cách mạng và những thành tựu trong công cuộc đổi mới đã minh chứng sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định đến đường hướng phát triển của cách mạng kháng chiến, đến mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Về cơ chế trong xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc, các nghị quyết của Đảng đều nhất quán khẳng định quan điểm: “Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng”<sup>1</sup>.

Ra đời cách đây gần một thế kỷ nhưng những quan điểm, nguyên tắc, chủ trương đúng đắn, kịp thời của Đảng về văn hóa, văn nghệ đến nay vẫn vẹn nguyên giá trị và tinh thần thời đại sâu sắc, thể hiện tư duy, tầm nhìn và khát vọng của toàn Đảng, toàn dân nỗ lực, quyết tâm, đổi mới, sáng tạo, cống hiến để vun đắp nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, giàu bản sắc, tạo sức mạnh, nguồn lực nội sinh để xây dựng nước Việt Nam phồn vinh và hạnh phúc<sup>2</sup>.

## **2. Dân tộc, đại chúng, khoa học: động lực phát triển văn hóa theo hướng bền vững**

Ở Việt Nam, phát triển văn hóa luôn giữ một vị trí quan trọng trong đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chủ trương

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.49.

2. Tham khảo bài viết của TS. Nguyễn Huy Phòng - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

của Đảng gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã trở thành tư tưởng chủ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cùng với sự đầu tư của Nhà nước, sự tham gia của nhân dân là những nhân tố quyết định tạo ra những chuyển biến của sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người những năm qua.

Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”<sup>1</sup>. Đây là những định hướng quan trọng cho thấy vai trò và tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Cùng với chủ trương, định hướng đó, những thành tựu của đất nước đã đạt được trong sự nghiệp đổi mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung cũng như quá trình xây dựng, phát triển nền văn hóa nói riêng là những tiền đề thuận lợi để văn hóa tiếp tục phát triển trong những năm tới.

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau về văn hóa, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững, dù theo cách tiếp cận nào thì vai trò của văn hóa cũng hết sức quan trọng. Vì vậy, nhận thức và ứng xử đúng đối với văn hóa, xác định rõ những vấn đề về văn hóa đang đặt ra hiện nay là “chìa khóa” tạo lập một xã hội phát triển bền vững. Một số vấn đề cần phải kể đến là: Những tác động, ảnh hưởng của tiến trình hội nhập quốc tế; những biến đổi trong nhận thức về hệ giá trị quốc gia - dân tộc, hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam; sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa.

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống văn hóa lâu đời. Dòng chảy văn hóa ấy qua bao nhiêu biến thiên của lịch sử ngày càng mạnh mẽ và thấm đẫm,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.116.

trở thành bản sắc riêng của dân tộc. Ngay từ những ngày tháng còn non trẻ, Đảng ta rất coi trọng phát triển văn hóa. Đã 8 thập kỷ đi qua, đến nay, bản Đề cương văn hóa năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị, trở thành “hòn đá tảng” cho đường lối, chính sách của Đảng suốt cả chặng đường cách mạng, đặc biệt là ba nguyên tắc của văn hóa Việt Nam mà bản Đề cương đã đề cập đến: dân tộc, đại chúng và khoa học.

Trong phần “Cách đặt vấn đề”, bản Đề cương đã nêu rõ thái độ Đảng Cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn hóa: Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), ở đó người cộng sản phải hoạt động<sup>1</sup> và cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo...<sup>2</sup>. Đặc biệt, bản Đề cương đã đưa ra ba nguyên tắc vận động của văn hóa Việt Nam trong giai đoạn này: dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng); khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

Nhìn lại chặng đường 80 năm qua, chúng ta càng thấy rõ con đường đi của văn hóa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là đúng đắn và ưu việt. Văn hóa luôn được coi là một mặt trận như Bác Hồ đã nói: “Văn hóa, văn nghệ là một mặt trận, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy”. Văn hóa luôn song hành và phục vụ chính trị, phục vụ cách mạng và luôn được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, sau 80 năm, văn hóa Việt Nam luôn bảo đảm được ba nguyên tắc đó là dân tộc, đại chúng và khoa học.

Tính dân tộc được thể hiện rõ nhất ở việc phản ánh khát vọng của dân tộc Việt Nam, đó là khát vọng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, khát vọng hòa bình. Đời sống tâm hồn, tình cảm, mọi mối quan hệ riêng, chung của người dân Việt Nam mấy chục năm qua đều xoay quanh khát vọng ấy. Và từ khát vọng trở thành lý tưởng, hành động của cả một thế hệ. Tiếng Việt trong sáng, đa thanh, đa ngữ cảnh được làm giàu và phong phú bởi thể thơ lục bát, ca dao, văn xuôi Việt Nam thời kỳ hiện đại “Ôi Tiếng Việt như đất cày, như lụa. Óng tre ngà và mềm mại như tơ” (Lưu Quang Vũ). Các loại

---

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12-13.

hình văn nghệ dân gian được gìn giữ và lưu truyền như chèo, tuồng, cải lương, ca trù, ví, giặm, hát then, nhã nhạc cung đình Huế, công chiêng Tây Nguyên... cùng các sinh hoạt, tập tục, lễ hội trong đời sống của người Việt hàng nghìn năm được lưu truyền, phục dựng... đã chứng tỏ sức sống lâu bền và bản sắc của văn hóa Việt Nam.

Trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, bản sắc dân tộc và khát vọng thời đại hòa làm một tạo thành dòng chảy mãnh liệt của văn hóa Việt Nam, làm xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ say mê sáng tạo, đóng góp sức mình cho dân tộc như: Nguyễn Phan Chánh, Trần Văn Cẩn, Bùi Xuân Phái, Văn Cao, Tô Hoài, Huy Cận, Xuân Diệu, Tố Hữu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Lưu Quang Vũ...

Một thế hệ các nhà nghiên cứu, phê bình như các giáo sư: Vũ Khiêu, Phan Huy Lê, Phan Ngọc, Trần Đình Sử, Cao Xuân Hạo... đã làm cho truyền thống lịch sử, văn hóa Việt Nam thêm dồi dào sinh lực, kết tinh và hài hòa tinh hoa dân tộc qua các thời đại. Đặc biệt, từ năm 1998, khi Đảng ta ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc, việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa càng được các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn dân coi trọng. Hình ảnh con người Việt Nam yêu nước, trọng nghĩa tình, chung thủy và nhân ái ngày càng được tô đậm. Điều hiện nay nhiều người băn khoăn và cũng là trách nhiệm của Đảng, chính quyền, ngành văn hóa - thể thao và du lịch là sự phai nhạt lý tưởng, lối sống thực dụng, xa rời lịch sử truyền thống của dân tộc, lai căng, bất chước không phù hợp trong đời sống văn hóa của một bộ phận thanh niên. Đây cũng là vấn đề cấp bách trong việc gìn giữ tính dân tộc của văn hóa Việt Nam.

Nói về tính khoa học của văn hóa, bản Đề cương giải thích rõ ràng: chống lại tất cả những gì trái khoa học, phản tiến bộ. Nền văn hóa của chúng ta suốt 8 thập kỷ qua đã đưa đến một tư duy khoa học cho mọi tầng lớp nhân dân, giúp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, bài trừ hủ tục lạc hậu, đấu tranh với tư tưởng bảo thủ, trì trệ. Ngày 12/1/1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 27-CT/TW Về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Từ chỗ 95% dân số mù chữ, sau năm 1945, nhờ chủ trương diệt “giặc dốt”,



chăm lo đẩy mạnh giáo dục - đào tạo, phát triển khoa học công nghệ, đến nay, theo thống kê năm học 2020-2021, cả nước có hơn 5 triệu trẻ mầm non, hơn 8,8 triệu học sinh tiểu học, hơn 5,9 triệu học sinh trung học cơ sở, hơn 2,7 triệu học sinh trung học phổ thông; tổng số phòng học là 593.808 phòng (tăng 3.504 phòng so với năm học trước), trong đó phòng học kiên cố chiếm 70,5%. Riêng bậc trung học phổ thông, cả nước có 2.543 trường (tăng 144 trường), 59.686 lớp; trong số này có 45,33% số trường đạt chuẩn quốc gia và 40,22% số trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục; có 135.875 giáo viên, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn là 99,78% (tăng 2,8% so với năm học trước)<sup>1</sup>.

Hàng năm, Việt Nam đã ghi tên mình vào danh sách các nước có học sinh giỏi quốc tế và được UNESCO đánh giá cao về các lĩnh vực giáo dục, y tế, xóa đói, giảm nghèo. Nền văn hóa của chúng ta phù hợp với quá trình vận động của lịch sử, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, bền vững. Điều cần quan tâm nhất hiện nay là công tác quản lý di tích, lễ hội, thiết chế văn hóa, dịch vụ viễn thông và internet, dịch vụ giải trí... cần được quản lý một cách khoa học, văn minh hơn.

Văn hóa là các giá trị tinh thần và vật chất do nhân dân Việt Nam sáng tạo nên và trở lại phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân. Tính đại chúng của văn hóa Việt Nam vì thế thể hiện ở mục đích phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân, tạo nên tầng tinh thần cho xã hội. Các loại hình văn hóa nghệ thuật, các lễ hội, hệ thống thiết chế văn hóa, di sản văn hóa... do nhân dân dày công sáng tạo và vun đắp đã phát huy tác dụng, phục vụ đời sống nhân dân trong thời kỳ kháng chiến cũng như trong công cuộc xây dựng hiện nay. Tuy nhiên, trong thời đại phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin, nếu không có cách tiếp nhận, không có phương pháp tổ chức và tuyên truyền thì các hoạt động văn hóa sẽ rất khó lòng thu hút được đông đảo nhân dân tham gia, nhất là với giới trẻ.

Để giải quyết những vấn đề đặt ra ở trên, khắc phục những mặt hạn chế, phát huy những nhân tố tích cực, tạo ra môi trường, điều kiện thuận lợi cho văn hóa phát triển, trở thành động lực và sức mạnh nội sinh quan trọng trong

---

1. Xem Nguyễn Trần: “Những thành tựu nổi bật của giáo dục Việt Nam”, trang tin điện tử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

quá trình phát triển đất nước, thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

*Thứ nhất, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy.*

Nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy trên lĩnh vực văn hóa, trước hết, cần phải thực hiện nghiêm túc các giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; định hướng, đường lối của Đảng đã đề ra trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, trong đó, tập trung tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của văn hóa, con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao nhận thức về vai trò của văn hóa trong phát triển.

Thường xuyên bồi dưỡng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý khoa học, bảo đảm định hướng chính trị.

Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, vai trò của Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương và địa phương trong việc tập hợp, tổ chức và động viên sự sáng tạo của nhân dân, của đội ngũ văn nghệ sĩ. Khuyến khích các tài năng trẻ, có hình thức tôn vinh xứng đáng các văn nghệ sĩ có công lao đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa.

*Thứ hai, nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước.*

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế; sự bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thấy rõ những tác động của kinh tế thị trường đến hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, từ đó hoạch định những chính sách hợp lý. Việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa; từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền văn hóa và các quyền liên quan vừa phù hợp với thực tiễn Việt Nam, vừa tiếp cận các chuẩn mực quốc tế phù hợp với đặc trưng văn hóa, con người Việt Nam. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển văn hóa dựa

trên nhu cầu của nhân dân, điều kiện thực tiễn và chiến lược phát triển tổng thể của đất nước, cũng như từng địa phương. Thực thi chính sách kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa; có chính sách văn hóa đặc thù đối với các dân tộc thiểu số...

Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa, thực thi chính sách trọng dụng nhân tài, đãi ngộ cán bộ phù hợp. Điều chỉnh chế độ tiền lương, trợ cấp đối với những người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật đặc thù.

Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giảng dạy các chuyên ngành văn hóa. Xây dựng các trường văn hóa, nghệ thuật trọng điểm đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Gửi sinh viên, cán bộ chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật, thể thao đi đào tạo ở các nước phát triển. Chú trọng xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ là người dân tộc thiểu số, có chính sách khuyến khích họ trở về công tác tại địa phương.

Tăng đầu tư cho lĩnh vực văn hóa tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế. Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch nguồn đầu tư của Nhà nước. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và một số loại hình nghệ thuật truyền thống cần bảo tồn, phát huy. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người. Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về đất sử dụng, tín dụng, thuế và phí đối với các cơ sở đào tạo và thiết chế văn hóa do khu vực tư nhân đầu tư, đặc biệt là ở vùng còn khó khăn. Khuyến khích hình thành các quỹ đào tạo, khuyến học, phát triển nhân tài, quảng bá văn học, nghệ thuật, phát triển điện ảnh, hỗ trợ xuất bản...

**GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, KIẾN TOÀN THỂ CHẾ  
NHẪM TẠO ĐỘNG LỰC, PHÁT HUY GIÁ TRỊ  
CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”  
VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VĂN HÓA  
THEO HƯỚNG BỀN VỮNG**

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Năm 1943, để chống lại chính sách văn hóa phản động của thực dân Pháp, phát xít Nhật và tay sai của chúng, chống lại trào lưu lãng mạn có khuynh hướng cải lương, bi quan, bế tắc..., Đảng ta đưa ra bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được thông qua trong Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên).

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* chỉ rõ tính chất phản động trong chính sách văn hóa ngu dân của thực dân Pháp, nêu lên nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa trong xây dựng nền văn hóa mới. Đề cương văn hóa đã vũ trang những lý luận căn bản cho cán bộ hoạt động văn hóa - tư tưởng; xác định văn hóa là một trong ba mặt trận cách mạng (chính trị, kinh tế và văn hóa); nêu rõ nguyên cơ của nền văn hóa Việt Nam dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, phát xít Nhật; phân tích mối quan hệ giữa cách mạng chính trị và cách mạng văn hóa; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng văn hóa.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã chỉ ra phương hướng đấu tranh đúng đắn chống thực dân, phát xít, xây dựng đường lối văn hóa mới của Đảng, tập hợp các nhà văn hóa, trí thức để tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đây là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ,

phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hóa dưới ách đô hộ của Pháp - Nhật, vạch ra đường lối văn hóa cách mạng và những nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hóa dân tộc, nhân dân. Năm 1943, Hội Văn hóa cứu quốc ra đời, cơ quan ngôn luận của Hội là Tạp chí *Tiên phong* số 1 ra tháng 7/1944. Thời gian này, Đảng ta đề ra nhiệm vụ vận động tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên vào hàng ngũ cách mạng. Năm 1944, Đảng ta giúp một số trí thức yêu nước, tiến bộ thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam. Cơ quan ngôn luận của Đảng Dân chủ là tờ *Độc lập*.

Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Từ thuở là Thăng Long đến nay, Thủ đô Hà Nội luôn là trung tâm văn hóa của đất nước. Năm 2020, Thủ đô Hà Nội tròn 1.010 tuổi, được thế giới biết đến là “Thủ đô Anh hùng”, “Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người”, “Thành phố vì hòa bình”, “Thành phố sáng tạo”, nơi diễn ra nhiều sự kiện quốc tế quan trọng... Với bề dày truyền thống ngàn năm văn hiến, anh hùng, hòa bình, hữu nghị và sáng tạo, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội luôn nhận thức sâu sắc trọng trách trong xây dựng và phát huy sức mạnh văn hóa quốc gia trong tiến trình hội nhập, phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Trong 80 thực hiện Đề cương văn hóa, 35 năm đổi mới, Đảng bộ thành phố Hà Nội đã liên tục có sự đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, là thành phố đi đầu cả nước trong việc cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo của Trung ương về phát triển văn hóa, xây dựng con người. Đến nay, nhiệm kỳ 2020-2025 là kỳ đại hội thứ tám sau đổi mới (từ Đại hội X đến Đại hội XVII), Đảng bộ thành phố đã luôn quán triệt sâu sắc và vận dụng linh hoạt, sáng tạo những quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa, xây dựng con người phù hợp với điều kiện Thủ đô. Nhận thức về vị trí của văn hóa trong xã hội được phát triển qua từng giai đoạn.

Giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới, khi cả nước chuyển đổi cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ X nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm: “Đẩy mạnh phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất của nhân dân, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới”. Việc xác định văn hóa là nguồn lực nội sinh của sự phát triển chưa được định hình rõ nét, do chúng ta chưa ý thức hết được việc chăm lo đời sống tinh thần sẽ góp phần khơi dậy và nhân lên mọi

tiềm năng sáng tạo của con người, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội... Nhận thức về sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa Thủ đô tiếp tục được nâng lên qua Đại hội XI, XII, nhất là năm 1998, khi Thành ủy Hà Nội ban hành Chương trình hành động số 13 nhằm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, cụ thể: Phấn đấu xây dựng, phát triển văn hóa Hà Nội trở thành một bộ phận tiêu biểu của văn hóa Việt Nam, đưa văn hóa thấm thấu vào mọi lĩnh vực, mọi hoạt động, mọi thành viên của cộng đồng dân cư, lấy văn hóa là mục tiêu và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đã đem lại nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển Thủ đô. Qua các kỳ đại hội XIII, XIV, XV, đặc biệt là các đại hội XVI, XVII, Đảng bộ thành phố Hà Nội tiếp tục khẳng định nhận thức về phát triển văn hóa, xây dựng con người Hà Nội được nâng lên, xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá của nhiệm kỳ.

Điểm nhấn của nhiệm kỳ Đại hội XVI là khi lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Quy hoạch văn hóa Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Thành ủy Hà Nội đã xác định quan điểm: “Phát triển văn hóa Thủ đô được đặt lên hàng đầu..., làm cho văn hóa thấm sâu vào mỗi người, mỗi đơn vị, mỗi công trình, trong quan hệ giao tiếp, tạo nên sức mạnh, sự gắn kết và độ bền vững của quá trình phát triển kinh tế - xã hội”; “vừa chăm lo bảo tồn phát huy các di sản văn hóa, vừa chú trọng sáng tạo các giá trị văn hóa mới”; “gắn liền với xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người Thủ đô, vừa thanh lịch, văn minh vừa năng động, sáng tạo..., coi văn hóa là thước đo đánh giá hệ giá trị về đạo đức, nhân cách của công dân Thủ đô”; “Phát triển văn hóa là sự nghiệp lâu dài của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng..., trong đó người làm công tác văn hóa, văn nghệ sĩ...đóng vai trò quan trọng”; “gắn với xây dựng những giá trị văn hóa mới trong cộng đồng, biến văn hóa thành sức mạnh nội sinh, tạo động lực cho phát triển bền vững”.

Đại hội lần thứ XVII nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm: “Chú trọng phát triển văn hóa Hà Nội trên cơ sở phát huy truyền thống ngàn năm văn hiến và anh hùng; thành phố vì hòa bình, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện với những giá trị nhân văn và tinh thần yêu nước sâu sắc, tôn trọng pháp luật; giàu lòng tự hào dân tộc, ý chí, khát vọng phát triển; coi đây là sức mạnh nội sinh, động lực tinh thần to lớn để phát triển Thủ đô” và xác định khâu đột phá:

“Đưa văn hóa và con người Hà Nội thực sự trở thành giá trị tinh thần to lớn, nguồn lực quan trọng quyết định phát triển bền vững Thủ đô”.

Cụ thể hóa các quan điểm mới về phát triển văn hóa, con người Việt Nam được đặt ra tại Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 5/5/2022 của Bộ Chính trị “Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; bám sát tình hình thực tiễn của Thủ đô, thành phố Hà Nội tập trung triển khai toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp vừa bảo đảm tính trước mắt, vừa có tính căn cơ, lâu dài trên tinh thần đổi mới sáng tạo, có tính đột phá, với những nhóm nội dung trọng tâm sau:

*Một là*, điều kiện tiên quyết là phải nâng cao nhận thức về văn hóa và nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người Việt Nam của toàn xã hội, trước hết là của cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, tổ chức nhà nước của thành phố, bởi lẽ nhân tố lãnh đạo, quản lý là một nhân tố quyết định thắng lợi. Các cán bộ, đảng viên, các tổ chức lãnh đạo, quản lý xã hội có nhận thức đúng và sâu sắc mới có ý thức đầy đủ về nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, nhất là những tinh thần mới của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người của Thủ đô trong thời kỳ mới.

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là sự nghiệp lâu dài, đòi hỏi phải kiên trì, bền bỉ, nhất quán phương châm “xây” đi đôi với “chống”, lấy “xây” làm chính, con người vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là mục tiêu và trung tâm trong chính sách phát triển bền vững Thủ đô. Trong quá trình phát triển phải biết phát huy sức mạnh nội sinh của Thủ đô, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm tiếp thu tinh hoa nhân loại, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế trong sự nghiệp phát triển văn hóa, con người Hà Nội. Duy trì, phát triển hiệu quả mối quan hệ hợp tác quốc tế hiện nay của thành phố ngày càng thiết thực, hiệu quả; đồng thời tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại, ngoại giao văn hóa, giao lưu hợp tác với các thành phố, thủ đô các nước, các thành phố là thành viên Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO... và là thành viên tích cực trong liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước.

*Hai là*, rà soát, bổ sung điều chỉnh phù hợp Quy hoạch chiến lược phát triển văn hóa Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong điều chỉnh

tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng Quy hoạch thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; các quy hoạch phân khu nội đô lịch sử, quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, sông Đuống, các quy hoạch phân khu đô thị vệ tinh; khớp nối đồng bộ quy hoạch nông thôn và khu vực đô thị... Đặc biệt, phải gắn với mục tiêu hiện thực hóa xây dựng “Thành phố sáng tạo” và phát triển Thủ đô với tầm nhìn đến năm 2045 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XVII của Đảng bộ thành phố Hà Nội.

*Ba là*, ưu tiên và tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, xây dựng và phát triển những giá trị văn hóa mới, bảo đảm phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thủ đô ngàn năm văn hiến, anh hùng, “Thành phố vì hòa bình”, “Thành phố sáng tạo”; phát triển hài hòa giữa văn hóa và kinh tế. Trong đó, tập trung xây dựng, triển khai hiệu quả thiết thực “Chương trình mục tiêu thành phố về bảo tồn, tôn tạo di tích trên địa bàn, nhất là di tích lịch sử, cách mạng”; các dự án, công trình văn hóa trọng điểm như: Hoàng thành Thăng Long, Đền thờ Ngô Quyền, Thành Cổ Loa; các công trình văn hóa mới tiêu biểu, có không gian cảnh quan đặc sắc, mang đặc trưng của Thủ đô; nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách khai thác hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở một cách phù hợp... gắn với đẩy mạnh phát triển du lịch văn hóa, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh mang bản sắc riêng của Thủ đô ngàn năm văn hiến; bảo đảm sự phát triển đồng đều, thu hẹp khoảng cách về thụ hưởng văn hóa tinh thần giữa các vùng, địa phương trên địa bàn thành phố.

Đặc biệt, tích cực, kiên trì, sáng tạo, với quyết tâm chính trị cao trong triển khai thực hiện Nghị quyết “Về phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Đây là một trong hai nghị quyết chuyên đề quan trọng của Thành ủy (khóa XVII); trong thực hiện đúng lộ trình cam kết quốc tế khi Hà Nội trở thành “Thành phố sáng tạo” của UNESCO gắn với đẩy mạnh phát huy truyền thống sáng tạo của người Thăng Long - Hà Nội được đúc kết từ hơn nghìn năm lịch sử, đồng thời thúc đẩy phát triển giá trị văn hóa mới trong thời đại Hồ Chí Minh ở mỗi cấp, ngành, địa phương, mỗi gia đình, người dân Thủ đô và toàn xã hội, nhất là thế hệ trẻ - nòng cốt là lực lượng thanh niên nhằm phục vụ thiết thực công cuộc đổi mới Thủ đô, đất nước.



*Bốn là*, tập trung xây dựng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển văn hóa, nhất là các ngành công nghiệp văn hóa, thiết kế sáng tạo. Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người làm công tác văn hóa từ thành phố tới cơ sở. Nghiên cứu chiến lược, tập trung đầu tư phát triển văn học, nghệ thuật Thủ đô, sáng tạo những tác phẩm có giá trị cao, tạo dấu ấn về tư tưởng và nghệ thuật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội Liên hiệp Văn học, nghệ thuật và các hội thành viên, của Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Hà Nội để có những đóng góp thực chất từ lực lượng đông đảo văn nghệ sĩ, trí thức Thủ đô. Tiếp tục chăm lo phát triển phong trào văn hóa, nghệ thuật quần chúng. Có chính sách đãi ngộ phù hợp đối với nghệ nhân dân gian, văn nghệ sĩ... và khuyến khích trao truyền, sáng tạo các giá trị văn hóa mới.

Có cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút, khai thác, sử dụng hiệu quả tối đa nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa Thủ đô. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ chính sách cho doanh nghiệp để khai thông mọi nguồn lực phục vụ phát triển. Đồng thời, Thành phố sẽ triển khai việc xây dựng mạng lưới “Sáng kiến Hà Nội” để tập hợp, phát huy tâm huyết, trí tuệ của đội ngũ nhân sỹ, văn nghệ sĩ, trí thức, doanh nhân, v.v.. có tình yêu, tâm huyết với sự nghiệp xây dựng và phát triển bền vững Hà Nội ở trong nước cũng như quốc tế.

*Năm là*, tăng cường xây dựng văn hóa trong chính trị, coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các quy định của Đảng về nêu gương và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XIII. Chú trọng xây dựng văn hóa lãnh đạo, văn hóa quản lý, làm cho văn hóa đạo đức, lối sống lành mạnh thể hiện trước hết và thật sáng tỏ trong mọi tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thành phố; đấu tranh tích cực, có hiệu quả khắc phục các hiện tượng cá nhân chủ nghĩa, tiêu cực về tư tưởng, đạo đức, lối sống; chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, thấm nhuần lời Bác Hồ căn dặn Đảng bộ Hà Nội: “Đảng bộ Hà Nội phải phấn đấu trở thành Đảng bộ gương mẫu; cán bộ, đảng viên phải tận tụy, chăm lo phục vụ lợi ích của nhân dân; phải thường xuyên tự phê bình, phê bình, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, gột rửa tư tưởng “làm quan phát tài”...”.

Đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, đơn vị, trước hết là nhận thức, thái độ, trách nhiệm, tình thương yêu đồng chí, đồng nghiệp, nhân dân... nhằm xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Sáu là, tiếp tục kiên trì mục tiêu xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện cả về phẩm chất, đạo đức, cả về trí tuệ, năng lực, thể lực và trình độ thẩm mỹ; phát triển nhân cách; hướng tới xây dựng chuẩn mực đáp ứng yêu cầu trở thành công dân toàn cầu trong thời kỳ hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay. Thấu suốt quan điểm xây dựng con người trong sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo để đáp ứng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, như: tập trung phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học; chú trọng giáo dục phẩm chất, nhân cách, văn hóa, lịch sử Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội đi đôi với đào tạo năng lực nhận thức, tư duy đổi mới, sáng tạo cho người học, xây dựng “thế hệ trẻ sáng tạo”. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội... Tập trung nghiên cứu, xây dựng và phát triển “hệ sinh thái học tập sáng tạo” ở các cấp học, bậc học đáp ứng yêu cầu mục tiêu đổi mới sáng tạo và chiến lược phát triển bền vững của thành phố. Tăng cường phối hợp hiệu quả trong giáo dục đại học gắn với cơ chế, chính sách phù hợp để tận dụng thế mạnh của các cơ sở đào tạo đại học trên địa bàn Thủ đô trong cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho Hà Nội và cả nước.

Thúc đẩy giáo dục di sản, giáo dục sáng tạo, giáo dục nếp sống, lối sống xanh trong hệ thống giáo dục và cả cộng đồng, hình thành hệ giá trị văn hóa mới - văn hóa sáng tạo phù hợp với xu thế thời đại gắn với phát huy những giá trị nhân văn sâu sắc của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Tập trung xây dựng người Hà Nội vững về chính trị, tư tưởng, có tinh thần tự hào dân tộc, tâm huyết, trách nhiệm với đất nước, với Thủ đô; có tình yêu Hà Nội, tinh thần đoàn kết, thân ái, nhân văn vì cộng đồng, năng động, sáng tạo, gương mẫu về đạo đức, lối sống, có khát vọng đổi mới sáng tạo, ý chí vươn lên của mỗi người dân Thủ đô; phát huy được tinh thần, hào khí và khát vọng “Thăng Long”, sứ mệnh của Hà Nội - sứ mệnh sáng tạo để kiến tạo vì một Thủ đô bình yên, tươi đẹp, một Thủ đô văn hóa, Thủ đô sáng tạo, là thành phố kết nối toàn cầu. Tọa dấu ấn văn hóa người Hà Nội thực sự tiêu biểu cho văn hóa của dân tộc.

*Bảy là*, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại 4.0 trong phát triển văn hóa, giáo dục, du lịch, nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin, truyền thông, mạng xã hội. Tăng cường tuyên truyền thông tin tích cực, lan tỏa hơn nữa giá trị văn hóa, sức mạnh con người Hà Nội; đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái và các sản phẩm văn hóa độc hại; thông tin đối ngoại trên các phương tiện truyền thông mới, thông qua mạng di động, mạng xã hội, internet, quảng bá hình ảnh thành phố, xây dựng niềm tin, tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, tinh thần tự hào dân tộc, thực hiện khát vọng về dân tộc Việt Nam hùng cường, Thủ đô vững mạnh, phồn vinh và hạnh phúc.

*Tám là*, với vị trí và vai trò là Thủ đô, thành phố Hà Nội tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm được đúc kết và phát huy trong nhiều nhiệm kỳ, đó là tư duy, nhận thức rõ vấn đề có tính bao trùm, chi phối, quyết định, bảo đảm cho thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người Hà Nội, phát huy tốt truyền thống lịch sử, văn hóa Thăng Long - Hà Nội, xây dựng thành công Thủ đô văn minh, hiện đại trong giai đoạn cách mạng mới là giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề gốc rễ, cực kỳ quan trọng, vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là cốt lõi của nền văn hóa tiên tiến mà chúng ta xây dựng. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa cũng có nghĩa là bảo đảm và giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay các thế lực thù địch ngày càng gia tăng thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” đối với nước ta, mà Thủ đô Hà Nội luôn là trọng điểm chống phá. Từ góc nhìn văn hóa, con người cho thấy mối quan hệ biện chứng trong nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng là vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay, góp phần quan trọng trong việc “tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị (khóa XII) và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Do đó, Hà Nội sẽ tập trung chỉ đạo chặt chẽ mặt trận văn hóa, bảo đảm đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, thành quả cách mạng của dân tộc Việt Nam, quyết tâm xây dựng đất nước và Thủ đô phát triển nhanh và bền vững, ổn định, hòa bình, phồn vinh và hạnh phúc.

Một trong những điểm mới về văn hóa ở Thủ đô là từ năm 2017 đến nay, thành phố Hà Nội đã triển khai Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan của thành phố và Quy tắc ứng xử nơi công cộng, khẳng định văn hóa ứng xử phản chiếu chiều sâu văn hóa tinh thần của con người Hà Nội, thể hiện chất văn hóa Thăng Long - Hà Nội. Việc ban hành những quy tắc với mục tiêu là điều chỉnh các hành vi lệch chuẩn, để văn hóa công sở, văn hóa nơi công cộng trở thành một nét đẹp của người Hà Nội, để Thủ đô trở thành nơi đáng sống, đáng làm việc và cống hiến.

Việc triển khai Quy tắc ứng xử nơi công cộng diễn ra sinh động nhất ở khu dân cư. Người dân có ý thức hơn trong việc làm đẹp các không gian sống của mình và cộng đồng; nhiều “tuyến đường nở hoa”, vườn hoa, tiểu cảnh được cải tạo từ những điểm đổ rác sai quy định, hình thành ở cả khu vực nội thành và ngoại thành. Những nét đẹp trong ứng xử tại công viên, vườn hoa, rạp chiếu phim, thư viện, nhà hát, cơ sở tôn giáo... xuất hiện ngày một nhiều hơn. Hành động xả rác, nói tục, hút thuốc... ở nơi công cộng giảm dần. Môi trường xã hội ngày một nhân văn hơn, an toàn hơn, hấp dẫn hơn với bạn bè trong nước, quốc tế. Cùng với thực hiện Quy tắc ứng xử cho cán bộ, công chức, chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Hà Nội được cải thiện, nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Hà Nội thân thiện, an toàn, môi trường nhân văn đã làm tăng sức hút của Thủ đô đối với bạn bè trong nước và quốc tế. Văn hóa ứng xử đã và đang trở thành một nguồn lực quan trọng, góp phần tạo nên sức hấp dẫn, sức cạnh tranh của Hà Nội.

Những thách thức chưa từng có tiền lệ trong đại dịch Covid-19, là một “phép thử”, là một lần “kiểm chứng” sức sống và sự tốt đẹp trong văn hóa ứng xử Hà Nội. Có những thời điểm, Hà Nội là địa bàn có nhiều ổ dịch, nguy cơ lây nhiễm Covid-19 cao nhất nước, nhưng Hà Nội đã vững vàng vượt qua đại dịch không chỉ một lần, nhất là những áp lực, thách thức rất lớn trong nỗ lực phòng, chống, kiểm soát, thích ứng linh hoạt với làn sóng đại dịch lần thứ tư. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, tinh thần đoàn kết, vì cộng đồng, lòng yêu nước, tình yêu Hà Nội, bản lĩnh, trí tuệ, trách nhiệm, những giá trị nhân văn sâu sắc của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô đã được phát huy hiệu quả rõ rệt, đúng như đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội Đinh Tiến Dũng đã nhấn mạnh “hơn lúc nào hết, bây giờ là lúc cán bộ, đảng viên, quân và dân Hà Nội nêu cao ý chí quyết tâm, trách nhiệm nêu gương và

phải làm tất cả để kiểm soát, đẩy lùi dịch Covid-19”. Điều đó thể hiện ở chủ trương, hành động, những chính sách đặc thù của thành phố; những nỗ lực không ngừng nghỉ chăm lo cho sự an toàn, tính mạng cho người dân; là sự tâm huyết, trách nhiệm, hy sinh thầm lặng của các lực lượng tuyến đầu chống dịch; những hành động tương thân tương ái, nghĩa cử cao đẹp ở các tầng lớp nhân dân, từ các bậc phụ lão đến những em bé được lan tỏa rộng khắp trong cộng đồng...

Không chỉ vậy, với tinh thần “Hà Nội vì cả nước, Hà Nội cùng cả nước”, trong các đợt dịch gần hai năm qua, Hà Nội luôn sẵn sàng, chủ động hỗ trợ các tỉnh, thành phố bạn gặp khó khăn cả bằng nhân lực và kinh phí, trang thiết bị y tế... cho công tác phòng chống dịch. Đặc biệt, mặc dù thành phố Hà Nội đang tập trung mọi nguồn lực cho công tác phòng chống dịch bệnh nhưng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội với tinh thần quốc tế ấm áp, nghĩa tình đã dành tặng nhân dân Thủ đô La Habana (Cuba), nhân dân Lào những món quà ý nghĩa trong bối cảnh đại dịch Covid-19, tình đoàn kết, tình hữu nghị vĩ đại giữa Việt Nam với hai nước Cuba và Lào tiếp tục được bồi đắp, nhân lên, nhất là sự quan tâm, chia sẻ trong những lúc khó khăn như hiện nay. Có thể thấy, trong thời khắc khó khăn của công cuộc chống dịch, những phẩm chất tốt đẹp của người Hà Nội lại tỏa sáng. Và điều đó góp phần tô điểm thêm cho nét đẹp văn hóa Hà Nội, góp phần tạo nên sức mạnh mềm của Thủ đô. Như vậy, văn hóa ứng xử thật sự trở thành nguồn lực nội sinh to lớn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, cũng thẳng thắn nhìn nhận, chỉ ra hạn chế, đó là: Công tác bảo tồn, khai thác, phát huy vai trò của văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập, phát triển chưa tương xứng với các tiềm năng, thế mạnh, vai trò, vị thế Thủ đô. Hệ thống thiết chế văn hóa cả ở cấp thành phố và cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ; hiệu quả sử dụng chưa cao. Xã hội hóa và huy động, sử dụng nguồn lực xã hội trong lĩnh vực văn hóa còn bất cập. Lĩnh vực văn học, nghệ thuật chưa huy động được hết tiềm năng sáng tạo và tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ, chưa có nhiều tác phẩm xuất sắc. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác văn hóa chưa được chú trọng đúng mức. Phát triển công nghiệp văn hóa, quảng bá văn hóa và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh chưa đạt kết quả như mong muốn. Văn hóa ứng xử của người dân trong gia đình và nơi công cộng chuyển biến chưa đồng đều, chưa bền vững,...

Những năm sắp tới, đồng thời với sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân Hà Nội, sự nghiệp phát triển Thủ đô luôn gắn liền với sự đồng lòng, chung sức của cả nước. Với tinh thần “Hà Nội vì cả nước, Hà Nội cùng cả nước”, Hà Nội mong muốn tiếp tục nhận được nhiều hơn nữa sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ; sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành Trung ương, các địa phương, bạn bè trong và ngoài nước với việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Đặc biệt là thông qua việc sửa đổi, bổ sung Luật thủ đô gắn với điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thủ đô sẽ tạo thể chế, môi trường thuận lợi để Hà Nội phát huy hiệu quả các nguồn lực, tạo bước phát triển đột phá trong giai đoạn mới, để Hà Nội hòa nhịp cùng cả nước, chung tay hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

**“MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHẪM  
TẠO ĐỘNG LỰC, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA ĐỀ CƯƠNG  
VĂN HÓA VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VĂN HÓA  
THEO HƯỚNG BỀN VỮNG”**

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TỈNH QUẢNG NGÃI

**B**ản Đề cương văn hóa ra đời trong hoàn cảnh dân tộc ta đang phải chịu các tầng áp bức của: đế quốc Pháp, phát xít Nhật và phong kiến; trong sự phức tạp của các triết thuyết thù địch, thuyết “Đại Đông Á” chen lấn với thuyết “Âu hóa”, tư tưởng Torôtkít, chủ nghĩa đầu hàng và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, các trường phái bí hiểm, trụy lạc, “tháp ngà”, v.v.. Đề cương văn hóa như một bản tuyên ngôn mácxít về cách mạng văn hóa đầy tính chiến đấu và đầy sức thuyết phục, như ngọn cờ huy động, tập hợp giới tri thức khoa học, văn học nghệ thuật vào cuộc chiến đấu quyết liệt cho sự thắng lợi của cách mạng dân tộc, dân chủ, cho sự nghiệp bảo vệ nền văn hóa dân tộc. Khẳng định Đảng phải nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo văn hóa để phục vụ đắc lực cho cuộc đấu tranh chính trị đang ở giai đoạn cực kỳ gay gắt. Đề cương đã chỉ rõ: Văn hóa, nghệ thuật là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa của đời sống xã hội), 3 nguyên tắc quan trọng trong toàn bộ cuộc vận động xây dựng nền văn hóa cách mạng là: *dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa*.

Văn hóa Việt Nam thời đó chưa phải là “văn hóa xã hội chủ nghĩa” mà chỉ là “một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung”. Đề cương đã chỉ ra tính chất lịch sử của thời kỳ đó, song vẫn cho thấy những nguyên tắc: “*dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa*” đã trở thành định hướng cơ bản trong đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng ta suốt từ ngày

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, và nhất là từ năm 1954 đến nay. Tinh thần của những nguyên tắc ấy được thể hiện trong hầu hết các nghị quyết của các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, cho dù mỗi Đại hội có dùng những câu chữ khác nhau, phản ánh quá trình nhận thức rõ hơn, sâu hơn và phù hợp với từng thời kỳ phát triển của cách mạng. Nhờ đó, nền văn hóa Việt Nam trong 80 năm qua đã có những bước phát triển chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Điều đó càng khẳng định rằng, ba nguyên tắc đặt ra trong Đề cương đã ngày càng trở thành hiện thực và hoàn thiện hơn (từ một thực trạng “văn hóa nửa phong kiến, nửa tư sản và hoàn toàn thuộc địa, chúng ta đã có một nền văn hóa của một dân tộc anh hùng, kiên trì, bền bỉ đấu tranh giành độc lập và đã trở thành một quốc gia độc lập, có vị trí trên thế giới. Có truyền thống văn hóa hàng nghìn năm đã được tiếp nối và phát triển. Từ một thực trạng văn hóa “nô dịch” mà mục đích là “nhồi sọ” và ngu dân, ngày nay chúng ta đã có một nền văn hóa do dân và vì dân).

Bên cạnh những đóng góp to lớn nói trên, bản Đề cương cũng khó tránh những hạn chế nhất định, chỉ trong mấy trang ngắn gọn, Đề cương không thể đi sâu vào mọi vấn đề của văn hóa, càng không thể đòi hỏi Đề cương đề cập đến những vấn đề đang đặt ra cho chúng ta hôm nay, cho tương lai sau này. Chính vì vậy, trải qua từng giai đoạn phát triển đất nước, Đảng ta đã không ngừng đặt ra những yêu cầu đối với sự nghiệp phát triển văn hóa theo chiều hướng bền vững.

Ngay khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” và Người đã phát động phong trào “Đời sống mới”. Trong giai đoạn đấu tranh chống Mỹ cứu nước, lĩnh vực văn hóa xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn hóa chống đế quốc, thực dân trong thời đại mới. Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, đặc biệt là khi thực hiện đường lối đổi mới, trong đó có lĩnh vực văn hóa, năm 1998, Đảng ta ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Tiếp đó, năm 2014, Đảng tiếp tục ban hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” thì sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực.



Tại Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đã đề ra quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp cơ bản cho việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đó là: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”. Đại hội XIII của Đảng xác định lộ trình với các mục tiêu cụ thể: Đến năm 2025, là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Đây chính là khát vọng và tầm nhìn của Đảng và nhân dân Việt Nam trong thời đại mới. Để thực hiện được khát vọng và tầm nhìn ấy, Đại hội XIII của Đảng xác định: “*Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*”<sup>(4)</sup>. Vì vậy, cần khơi dậy động lực tinh thần to lớn, vô song của dân tộc, con người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc; khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa, tài năng, trí tuệ, phẩm chất đạo đức, sức mạnh của con người Việt Nam là trung tâm, là mục tiêu, là nguồn lực nội sinh, là động lực quan trọng nhất để đạt tới các mục tiêu của phát triển đất nước thời kỳ mới.

Nhận thức được vai trò, ý nghĩa quan trọng của văn hóa và tiếp thu cốt lõi của bản Đề cương văn hóa, tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI và các chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác văn hóa trong những năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp và nhân dân trong tỉnh Quảng Ngãi đã ý thức trách nhiệm về việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã sớm ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19/10/2016 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững và ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, cơ chế chính sách để triển khai thực hiện.

Sau khi Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững được ban hành, lĩnh vực văn hóa của tỉnh nhà trở thành một trong những nhiệm vụ được ưu tiên chú trọng. Nhiều đề án, cơ chế, chính sách quan trọng và nhiệm vụ trọng tâm trong lĩnh vực văn hóa được ban hành để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu ra tại Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước được tỉnh quan tâm. Trong đó tập trung:

*Một là, xây dựng con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện.*

Chú trọng đẩy mạnh xây dựng, phát triển toàn diện con người Quảng Ngãi về đức, trí, thể, mỹ đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững thông qua các hoạt động tuyên truyền bằng những hình thức đa dạng, gắn với việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, giáo dục về văn hóa, con người để xây dựng con người Quảng Ngãi có thể giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ, đồng thời thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ lồng ghép việc tuyên truyền giáo dục nhằm ôn lại truyền thống cách mạng, lịch sử hào hùng của dân tộc, địa phương giáo dục cán bộ và nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ về lòng tự hào dân tộc.

Phát huy vai trò của văn học - nghệ thuật phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi thông qua việc ban hành các cơ chế, chính sách quy định nội dung và mức chi Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Phạm Văn Đồng, tạo điều kiện thuận lợi để các chi hội chuyên ngành Hội Văn học - Nghệ thuật ngày càng tự chủ trong hoạt động, sinh hoạt; đổi mới phương thức hoạt động của các chi hội chuyên ngành, huy động các nguồn lực xã hội, có sự hỗ trợ của Nhà nước để tổ chức các hoạt động đạt hiệu quả, thiết thực. Chú trọng bồi dưỡng, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ trong các Hội chuyên ngành một cách toàn diện cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu, có sự kế tiếp vững chắc. Tạo điều kiện hỗ trợ hội viên Hội văn học nghệ thuật tham gia sáng tác, sáng tạo quảng bá tác phẩm văn học nghệ thuật, báo chí chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và đã đạt được một số thành tích đáng khích lệ.

Chăm lo phát triển sức khỏe toàn dân, xây dựng và phát triển con người Quảng Ngãi có tầm vóc, thể lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thông qua tổ chức các giải thể thao thành tích cao và thể thao quần chúng. Hàng năm, số người luyện tập thể thao đạt 38,06%, gia đình tập luyện thể dục thể thao đạt 26,02%..

*Hai là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.*

Chú trọng đẩy mạnh các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, hoạt động từ thiện, nhân đạo trong các cơ quan, đơn vị; các đoàn viên công đoàn tổ chức các hoạt động gây quỹ, tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhân các dịp Tết, lễ... Triển khai và thực hiện giáo dục kỹ năng sống được lồng ghép trong hoạt động giáo dục của nhà trường cũng như phối hợp cùng gia đình, cộng đồng đã tạo được tâm lý cho trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp và sinh hoạt hằng ngày; đẩy mạnh tuyên truyền phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; nâng cao công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở các cơ sở giáo dục; tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng bạo lực học đường và vi phạm pháp luật ở các cơ sở giáo dục.

Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng; khuyến khích các hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, quê hương, hướng thiện, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ, “tốt đời, đẹp đạo”.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng được tăng cường tổ chức, với hình thức phong phú, thiết thực và phù hợp với điều kiện của địa phương; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ kết hợp với công tác “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”, từ thiện, nhân đạo, từng bước thu hẹp khoảng cách về thu nhập và thụ hưởng văn hóa trên địa bàn tỉnh.

*Ba là, xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế*

Tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành; chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện tốt việc sáp nhập các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, bảo đảm hoạt động hiệu lực hiệu quả. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và thực hiện Chỉ thị số 05-CT/BCT về đẩy mạnh học tập và làm

theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ.

*Bốn là, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa*

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di tích được các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh quan tâm và bước đầu có những kết quả đáng khích lệ. Một số di tích lịch sử văn hóa được trùng tu, tôn tạo và phát huy được hiệu quả, công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa vật thể được tăng cường, nhận thức của cán bộ và nhân dân về quyền và trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ và trùng tu, tôn tạo được nâng cao và đang dần phát huy hiệu quả. Đến nay, toàn tỉnh Quảng Ngãi có 2 di tích được công nhận di tích quốc gia đặc biệt (đó là Di tích lịch sử Địa điểm về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Di tích văn hóa Sa Huỳnh); 31 di tích quốc gia, 158 di tích được công nhận di tích cấp tỉnh; 62 di tích có Quyết định bảo vệ, 6 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và 1 di sản văn hóa phi vật thể nhân loại (đó là nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể nhân loại); 3 bảo vật quốc gia.

Chỉ đạo các cơ quan đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao. Toàn tỉnh Quảng Ngãi có 13 Trung tâm văn hóa - thể thao cấp huyện. Đối với thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, có 122/173 xã, phường, thị trấn đã xây dựng được nhà văn hóa (chiếm tỷ lệ 70,5%), có 902/954 thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ trên 94,5%.

Hàng năm số lượng bổ sung sách cho hoạt động thư viện đều tăng, với cơ cấu số lượng sách hợp lý, trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Số lượng báo, tạp chí in hàng năm đều thực hiện bổ sung kịp thời, đa dạng từ nhiều nguồn báo, tạp chí của các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân địa phương, nhất là bạn đọc người cao tuổi trên địa bàn tỉnh.

*Năm là, phát triển công nghiệp văn hóa và thị trường dịch vụ, sản phẩm văn hóa*

Chỉ đạo các cấp chính quyền địa phương thường xuyên khảo sát, đánh giá hiện trạng di tích lịch sử, trùng tu, tôn tạo di tích, thực hiện tốt việc quản lý, giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan di tích trên địa bàn tỉnh để khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế về di tích lịch sử để thu hút khách

tham quan. Lượng khách đến tham quan tại các điểm di tích, điểm du lịch ngày càng tăng.

Tiếp tục duy trì và phát huy giá trị các lễ hội của cư dân vùng đồng bằng, ven biển, hải đảo và các loại hình diễn xướng dân gian. Các lễ hội ở miền núi cũng tổ chức thường xuyên, mỗi năm thu hút hàng chục nghìn lượt người tham dự. Các loại hình văn hóa phi vật thể ở miền núi cũng được chú trọng. Lễ Khao lễ thế lính Hoàng Sa được tổ chức tại Lý Sơn hàng chục năm qua đã trở thành nghi lễ tiêu biểu của cả nước.

Hàng năm, tham gia các sự kiện giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch lớn trong nước để giới thiệu, quảng bá hình ảnh mảnh đất, con người Quảng Ngãi, quảng bá về du lịch tỉnh đến với du khách trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp du lịch của tỉnh chào bán các sản phẩm, dịch vụ.

Mở rộng liên kết, hợp tác phát triển với các tỉnh, các nước trong khu vực. Thời gian qua, tỉnh đã tích cực kêu gọi, xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; đồng thời đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư các dự án trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

*Sáu là, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại*

Đến nay, công tác ngoại giao văn hóa đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, thực hiện 5 tập phim “Một vẻ đẹp kỳ diệu” phát sóng trên Đài Truyền hình Việt Nam nhằm giới thiệu văn hóa, con người, các tiềm năng, thế mạnh về kinh tế, lịch sử, du lịch của tỉnh đến các nước trong khu vực, trên thế giới và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Các hoạt động giao lưu văn hóa, quan hệ hữu nghị với các địa phương của nước ngoài cũng được tăng cường, nhất là hoạt động giao lưu hè với các đoàn học sinh, sinh viên quốc tế, thanh niên kiều bào, chương trình homestay cho sinh viên Lào đang theo học tại tỉnh.

Hoạt động tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Quảng Ngãi ra bên ngoài trên các phương tiện thông tin đại chúng, một số tập gấp, catalogue về du lịch, văn hóa và một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, triển lãm khác. Đồng thời, thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa các hoạt động thông tin đối ngoại nhằm từng bước hình thành các mối quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa

với các nước trong khu vực và trên thế giới. Chú trọng biên soạn các ấn phẩm thông tin đối ngoại; đồng thời quản bá hình ảnh, văn hóa phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại.

Công tác tuyên truyền quảng bá về văn hóa Quảng Ngãi đã được quan tâm, chú trọng với hình thức tuyên truyền, quảng bá khá đa dạng, phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và Trung ương, fanpage, youtube, phim, video clip, ấn phẩm và mang lại hiệu quả rõ rệt.

Dưới sự định hướng của các nghị quyết văn hóa của Đảng đi vào cuộc sống, đã góp phần ảnh hưởng tích cực đến đời sống văn hóa, kinh tế - xã hội của nhân dân trong nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng. Những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra hằng năm. Việc xây dựng và phát triển văn hóa ngày càng gắn bó chặt chẽ hơn với xây dựng con người Quảng Ngãi trách nhiệm, năng động, sáng tạo, tuân thủ pháp luật, có tinh thần hợp tác cao, khoan dung, thân thiện..., khắc phục từng bước hiệu quả tính khắc khe, hẹp hòi, cố chấp, cứng nhắc, thụ động. Cơ chế, chính sách đãi ngộ, trọng dụng nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật được quan tâm; hoạt động văn học - nghệ thuật tiếp tục phát huy được vai trò nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm, xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp. Tầm vóc, thể lực con người Quảng Ngãi và dân trí được nâng lên. Hoạt động văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú về hình thức biểu đạt, chất lượng, hiệu quả từng bước được nâng lên; môi trường văn hóa lành mạnh được chú trọng xây dựng; nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp và nhiều di sản văn hóa của dân tộc, của cộng đồng dân cư trong tỉnh được bảo tồn, kế thừa và phát huy. Đời sống văn hóa của nhân dân không ngừng được cải thiện. Những phong tục, tập quán lạc hậu cơ bản được đẩy lùi. Nếp sống văn hóa, văn minh, “mình vì mọi người, mọi người vì mình” trong việc cưới, việc tang, lễ hội, trong sinh hoạt cộng đồng gắn với bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; tinh thần đoàn kết, dân chủ, không ích kỷ, hẹp hòi, khát khao cống hiến, sáng tạo vì cộng đồng và đức tính tự trọng, tự chủ, có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội trong cộng đồng ngày càng được định hình rõ nét.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện đường lối, chủ trương, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác văn hóa còn nhiều hạn chế, yếu

kém. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh chưa quan tâm đúng mức, chưa quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; chưa thực sự xem phát triển văn hóa, xây dựng con người Quảng Ngãi là một trong những nguồn lực quan trọng của sự phát triển bền vững. Phát triển văn hóa, xã hội chưa đồng bộ với phát triển kinh tế. Trong kế hoạch, chiến lược phát triển của một số địa phương, cơ quan, đơn vị nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện chưa được đặt ở vị trí trung tâm. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho văn hóa còn thấp; việc huy động các nguồn vốn đầu tư cho văn hóa còn hạn chế. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn thiếu, yếu, không đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Một số di tích lịch sử, văn hóa xuống cấp, chưa được trùng tu, sửa chữa, nâng cấp. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại; môi trường văn hóa còn một số mặt thiếu lành mạnh; chưa ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, tội phạm; mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong xây dựng con người toàn diện chưa được quán triệt thường xuyên, có dấu hiệu bị buông lỏng. Các sản phẩm, dịch vụ văn hóa chất lượng cao còn ít, tính đặc trưng không cao; các sản phẩm và dịch vụ văn hóa độc hại có biểu hiện gia tăng. Tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật còn ít; hoạt động văn hóa, nghệ thuật chưa thực sự phát huy mạnh mẽ vai trò căn cốt là bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm con người, nhất là đối với thế hệ trẻ. Thực hiện quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, sinh hoạt cộng đồng ở một số nơi chưa nghiêm. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đạt hiệu quả chưa cao. Tiếng nói, phong tục, tập quán, văn hóa đặc trưng của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một. Khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng chậm được rút ngắn. Chưa giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong quản lý văn hóa. Thực hiện phương thức tự chủ, xã hội hóa trong xây dựng và vận hành hệ thống thiết chế văn hóa; trong tổ chức hoạt động và các sự kiện văn hóa; trong xây dựng và phát triển sản phẩm văn hóa, dịch vụ văn hóa có mặt còn lúng túng.

Thực hiện Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa theo hướng bền vững sau:

*Thứ nhất*, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân về vị trí, vai trò của con người trong sự nghiệp đổi mới và phát triển bền vững đất nước. Cổ vũ tinh thần “Yêu nước, đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, nghị lực, thân thiện, cần cù, sáng tạo”, hướng tới chuẩn mực con người văn minh, hiện đại, trí tuệ, bản lĩnh, tự tin, tự trọng, đột phá, dám nghĩ, dám làm, có ý chí khát vọng vươn lên mạnh mẽ. Phát huy tối đa nhân tố con người, là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu sự phát triển của tỉnh.

*Thứ hai*, đổi mới công tác tư tưởng, giáo dục lý luận chính trị, khắc phục giáo điều, máy móc, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, tôn trọng đối thoại, phản biện xã hội, tăng tính thuyết phục từ kết quả đổi mới đất nước, tạo sự nhất trí trong Đảng, đồng thuận xã hội về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng thế giới quan khoa học.

*Thứ ba*, tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các chính sách, tạo cơ sở pháp lý giải phóng mọi tiềm năng xã hội, chăm lo, phát triển con người. Đổi mới cơ chế và phương pháp giáo dục nhân cách, tư tưởng, lý luận chính trị, đạo đức cách mạng phù hợp với từng đối tượng, từng cấp học. Sớm xây dựng, ban hành các chuẩn mực giá trị văn hóa, con người Việt Nam nói chung và từng địa phương nói riêng thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước; tôn vinh, nhân rộng các giá trị tốt đẹp, nhân văn. Thay đổi mạnh mẽ tư duy, nhận thức, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại, cam chịu; có ý chí, nghị lực, khát vọng vươn lên mạnh mẽ chiến thắng đói nghèo, lạc hậu.

*Thứ tư*, phổ cập rộng rãi các tác phẩm văn học, nghệ thuật, các chương trình giáo dục văn hóa, nghệ thuật truyền thống và hiện đại nhằm nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm nhân văn, tạo bản lĩnh và sức đề kháng giúp người dân chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, bảo vệ truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

*Thứ năm*, phát huy vai trò, trách nhiệm của mỗi người, mỗi chủ thể văn hóa, phối hợp và có giải pháp đồng bộ đấu tranh loại trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, có nội dung trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu



đến xây dựng con người. Mở rộng giao lưu, hợp tác văn hóa với các vùng, miền trong nước và quốc tế, với các quốc gia, vùng lãnh thổ có quan hệ kết nghĩa, hợp tác trên các lĩnh vực với tỉnh, đặc biệt là với các tỉnh của nước láng giềng. Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế đầu tư trí tuệ, nguồn lực, tham gia phát triển văn hóa, quảng bá hình ảnh, con người Việt Nam.

Đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, các khuynh hướng sáng tác phản tiến bộ, phản nhân văn, tha hóa con người trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật. Chủ động phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ cán bộ, đảng viên và nhân dân. Phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, người lớn tuổi, người có uy tín trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, xã hội, vai trò xung kích, tình nguyện của thế hệ trẻ. Triển khai sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước, biểu dương, tôn vinh gương điển hình tiên tiến với phương châm “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”. Đẩy mạnh đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái thấp hèn, lạc hậu, hành vi sai trái, tiêu cực làm tha hóa con người.

*Thứ sáu*, xây dựng và phát triển hệ thống y tế từng bước hiện đại và đồng bộ theo hướng công bằng, hiệu quả. Bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam gắn với Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học, lực lượng vũ trang. Chú trọng đầu tư phát triển các môn thể thao mũi nhọn phù hợp với đặc điểm thể chất của con người theo từng điều kiện kinh tế của địa phương.

*Thứ bảy*, nâng cao năng lực tự học, tự bồi dưỡng, đổi mới và mở rộng các hoạt động hướng đến giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn hóa cho các tầng lớp nhân dân.

## PHÁT TRIỂN VĂN HÓA SƠN LA, CON NGƯỜI SƠN LA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SỞ VĂN HÓA,  
THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH SƠN LA

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam ra đời năm 1943 đã đem lại một không khí mới cho văn hóa Việt Nam. Sự khai phóng về tư tưởng văn hóa, đường hướng trở về với dân tộc, nhân dân và góc nhìn sự vật dưới con mắt biện chứng đã đem lại một cảm hứng mới cho những người làm văn hóa, những trí thức đang muốn thay đổi, muốn tìm đường đi mà chưa thấy lối. Sự cởi mở về khâu tập hợp lực lượng, đoàn kết toàn dân, cố kết cộng đồng trong những ngày đầu cách mạng đã làm thay đổi nhận thức xã hội. Sự tin yêu vào chủ trương cứu quốc, văn hóa soi đường cho quốc dân đi, đã khiến nhiều văn nghệ sĩ, nhân sĩ, các nhà hoạt động văn hóa từ bỏ quan niệm cũ, chấp nhận một thế giới quan và nhân sinh quan mới. Đây là cuộc nhận đường đầu tiên của đội ngũ trí thức để đến với cách mạng. Họ là những người tiên phong đi đến với cách mạng và là lực lượng chủ chốt để tham gia xây dựng nền văn hóa mới. Không phải ngẫu nhiên mà sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 hầu hết các trí thức, văn nghệ sĩ đã nhìn thấy con đường đi với nhân dân, phụng sự Tổ quốc là con đường lớn cho sự nghiệp và cuộc đời mình. Trải qua những giai đoạn phát triển, đổi thay của 80 năm qua, nhìn lại những quan điểm lớn nhất của Đảng về văn hóa mới thấy hết những minh triết của cách tiếp cận vấn đề, tính thực tiễn và khoa học của những luận điểm được nêu ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 với sứ mệnh lịch sử đặc biệt. Tư tưởng vì dân tộc, đại chúng với một thái độ khách quan, đúng đắn của một nhãn quan khoa học luôn có sức hút, sức hấp dẫn và khả năng quy tụ trí thức tâm huyết với đất nước ở bất kỳ giai đoạn nào trong lịch sử.

Từ những giá trị lịch sử của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, trong suốt quá trình cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn nhìn nhận đúng đắn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa, con người đối với sự phát triển của đất nước, đặc biệt tại Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Đảng ta xác định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”.

Sơn La là tỉnh miền núi, nằm ở phía Tây Bắc của Tổ quốc, diện tích tự nhiên trên 14.109km<sup>2</sup>; có trên 274km đường biên giới giáp với tỉnh Hòa Bình và Luông Pha Bang, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; dân số trên 1,3 triệu người, với 12 dân tộc cùng sinh sống (Thái 53,5%; Kinh 16,56%; Mông 15,92%; Mường 6,96%; Xinh Mun 1,97%; Dao 1,67%; Khơ Mú 1,37%; Kháng 0,79%; La Ha 0,78%; Lào 0,33%; Tày 0,05%; Hoa 0,004%; dân tộc khác 0,09%). Tỉnh có 11 huyện, 01 thành phố; 204 xã, phường, thị trấn với 2.303 bản, tiểu khu, tổ dân phố. Sơn La vừa là giao điểm của nhiều nét văn hóa đặc sắc, vừa là một trong các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng chiến lược, quan trọng của vùng Tây Bắc Việt Nam. Nói đến Sơn La là nói đến một vùng văn hóa đa dạng, phong phú và đậm đà bản sắc dân tộc, bởi mảnh đất này là nơi hội tụ sinh sống từ lâu đời của 12 dân tộc anh em, mỗi dân tộc đều có một kho tàng di sản văn hóa mang sắc thái riêng và hết sức quý giá đã tạo nên cho Sơn La những giá trị văn hóa độc đáo, phong phú của các dân tộc.

Trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và đặc biệt là chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, công tác xây dựng và phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Sơn La luôn được quan tâm, chú trọng. Đảng bộ tỉnh luôn xác định rõ vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng, phát triển văn hóa con người Sơn La và đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để lãnh đạo,

chỉ đạo, thực hiện công tác văn hóa như: 1- Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định phương hướng, mục tiêu phát triển: “Tiếp tục khơi dậy, phát huy ý chí, khát vọng vươn lên của nhân dân..., gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”; “... Kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; khai thác và phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế, nhất là điều kiện tự nhiên, bản sắc văn hóa, con người Sơn La;... phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trong tỉnh...”. 2- Tỉnh đã ban hành Đề án xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn La giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 (Kết luận số 335-KL/TU ngày 26/7/2021), nhằm cụ thể hóa các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp và thực hiện có hiệu quả, chất lượng việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn La giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 theo chỉ đạo của Trung ương và Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. 3- Ban hành các cơ chế, chính sách phát triển văn hóa như: Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung và mức hỗ trợ đối với văn nghệ sĩ trên địa bàn tỉnh Sơn La có tác phẩm đạt giải thưởng cấp khu vực, quốc gia và quốc tế; Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 và Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định hỗ trợ mức chi đối với hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch (trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa với phát triển du lịch)...

Việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn La trong những năm qua đã và đang đạt được nhiều thành tựu, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống xã hội; nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa được nâng lên, hình thành nhiều

phong trào văn hóa, thu hút đông đảo quần chúng tham gia, góp phần vào việc giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy kinh tế phát triển, cụ thể:

**1. Việc xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa; xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, hội nhập gắn với giữ gìn, phát huy giá trị thuần phong, mỹ tục và các hệ giá trị: quốc gia, văn hóa, gia đình, con người Việt Nam được quan tâm, chú trọng:** Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được mở rộng và đi vào chiều sâu, với những tiêu chí cụ thể mang lại hiệu quả thiết thực (năm 2022, toàn tỉnh có 72,2% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa; 57,5% bản, tổ, tiểu khu đạt tiêu chuẩn bản, tổ, tiểu khu văn hóa; 98% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn cơ quan, đơn vị văn hóa). Công tác gia đình trên địa bàn tỉnh đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận: nhận thức về vai trò; vị trí, trách nhiệm của gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình từng bước được nâng lên, tình trạng bạo lực gia đình giảm qua từng năm; triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung cam kết “5 có, 5 không” trong đồng bào dân tộc Mông (5 có: Có đổi mới tập quán sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thâm canh tăng vụ, làm ra nhiều hàng hóa để dùng và bán; Có tinh thần đoàn kết giữa các dòng họ, các dân tộc và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; Có nếp sống văn hóa mới trong việc cưới, việc tang ma, lễ hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc Mông; Có ý thức xây dựng Bản mới phát triển toàn diện, ấm no, hạnh phúc, bảo đảm an ninh trật tự; Có nhiều người hiếu học, biết chữ, chăm làm, công tác tốt. 5 không: Không du canh du cư, phá rừng làm nương, vượt biên trái phép và làm việc xấu; Không truyền đạo trái phép và trái với phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc; Không để người chết nhiều ngày, không để ngoài áo quan và mổ nhiều trâu, bò; Không tái trồng cây thuốc phiện, buôn bán, vận chuyển, sử dụng các chất ma túy; không tảo hôn, thách cưới khi lấy vợ, gả chồng, sinh nhiều con)...

**2. Công tác bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, di sản, di tích lịch sử - văn hóa; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại** đã đạt được nhiều kết quả tích cực, giá trị văn hóa được duy trì, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong cộng đồng các dân tộc gắn với việc quảng bá, phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2022, toàn tỉnh hiện

có 63/96 di tích đã được xếp hạng các cấp (trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt, 15 di tích quốc gia, 46 di tích cấp tỉnh); 12 di sản văn hóa phi vật thể được công nhận cấp quốc gia; có 35 nghệ nhân ưu tú và 2 nghệ nhân nhân dân trên các lĩnh vực bảo tồn di sản; đặc biệt, tỉnh Sơn La đã phối hợp với Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Cục Di sản và các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái trình UNESCO ghi danh Nghệ thuật Xòe Thái là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào ngày 15/12/2021 và tổ chức các hoạt động vinh danh Nghệ thuật Xòe Thái trên địa bàn tỉnh và tham gia hoạt động vinh danh tại tỉnh Yên Bái; triển khai kế hoạch phối hợp với 6 tỉnh (Thanh Hóa; Hòa Bình, Ninh Bình, thành phố Hà Nội, Đắk Lắk, Phú Thọ) xây dựng hồ sơ bảo tồn di sản Mo Mường trình UNESCO ghi danh di sản văn hóa phi vật thể bảo vệ khẩn cấp (dự kiến trình trong năm 2023).

**3. Việc xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa, xây dựng con người Sơn La thời kỳ đổi mới, hội nhập tiếp tục đạt được nhiều kết quả tốt đẹp:** Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển hoạt động văn hóa như: Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2030; Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La; xây dựng hồ sơ khoa học quốc gia về di sản văn hóa Mo Mường đệ trình UNESCO ghi danh trong danh sách Di sản văn hóa phi vật thể bảo vệ khẩn cấp... Trong năm 2022, tỉnh đã tổ chức thành công nhiều hoạt động kỷ niệm các ngày Lễ lớn trong năm như: Kỷ niệm 110 năm ngày sinh của đồng chí Tô Hiệu; chuẩn bị tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 60 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (5/9/1962 - 5/9/2022); 45 năm Ký kết hiệp ước hữu nghị, hợp tác Việt Nam - Lào (18/7/1977 - 18/7/2022) và đón nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt Khu di tích lịch sử cách mạng Việt Nam - Lào; kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng Sơn La (22/11/1952 - 22/11/2022); Hội diễn Nghệ thuật quần chúng tỉnh Sơn La lần thứ 20 tại thành phố Sơn La; Liên hoan nghệ thuật Xòe Thái... Hoạt động hợp tác quốc tế về văn hóa, thể thao và du lịch được tổ chức sôi nổi, góp phần làm cho hoạt động này trở thành một trong những kênh quan trọng trong công tác đối ngoại của tỉnh. Các hoạt động văn hóa, đối ngoại nhằm giới thiệu hình ảnh đất nước, con người, văn hóa nghệ thuật các dân tộc Sơn La ra thế giới, đồng thời tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân

tộc để bắt kịp xu thế của thời đại. Đón nhận giải thưởng du lịch “Điểm đến thiên nhiên khu vực hàng đầu châu Á” và “Điểm đến thiên nhiên khu vực hàng đầu thế giới” năm 2022 đối với Khu du lịch quốc gia Mộc Châu; tổ chức sự kiện du lịch Sắc Màu Sơn La - Tây Bắc lần thứ II tại thành phố Hà Nội; tổ chức thành công sự kiện văn hóa - du lịch “Bản tình ca Sơn La - Luông Pha Bông” tại tỉnh Luông Pha Bông nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào nhân dịp Kỷ niệm 60 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (5/9/1962 - 5/9/2022); 45 năm Ký kết Hiệp ước Hữu nghị, hợp tác Việt Nam - Lào (18/7/1977 - 18/7/2022).

**4. Phát huy có hiệu quả vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể hưởng thụ văn hóa của nhân dân; tôn trọng, bảo vệ sự đa dạng văn hóa của các dân tộc, vùng, miền; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân:** Tổ chức Giải báo chí về xây dựng Đảng (Búa liềm vàng), tuyên truyền, vận động hưởng ứng giải báo chí “Vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc”; Cuộc vận động sáng tác tác phẩm văn học, nghệ thuật về chủ đề “Khu căn cứ cách mạng Lao Khô - Biểu tượng quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam, Lào”. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo, các hoạt động lễ hội đầu năm như: Lễ hội Đua thuyền truyền thống của người Thái, Lễ hội Hoa Ban, Lễ Mừng cơm mới, Ngày hội văn hóa các dân tộc, Tết độc lập 2/9... phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị hoạt động văn hóa trên địa bàn tỉnh: 1 Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh; 12 Trung tâm Truyền thông - Văn hóa cấp huyện, thành phố; 196 Nhà văn hóa, kiêm hội trường, kiêm Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã, phường; 2.139 Nhà văn hóa bản, tổ, tiểu khu dân cư gần 3.300 đội văn nghệ bản, tiểu khu, tổ dân phố.

**5. Chú trọng xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa; đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng và phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ:** Thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý đối với các chức danh lãnh đạo quản lý ngành văn hóa; thực hiện rà soát, sắp xếp lại đội ngũ công chức, viên chức phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn và vị trí việc làm; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện kiện cho công chức, viên chức, đặc biệt là cán bộ trẻ được tham gia các lớp bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp, các lớp nâng cao trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ, chính trị, quản

lý nhà nước, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của đơn vị và vị trí việc làm của công chức, viên chức. Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành văn hóa, thể thao và du lịch; đồng thời tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, đôn đốc công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, thực hiện văn hóa công vụ, đạo đức nghề nghiệp, nội quy, quy chế làm việc... của cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh phát động các phong trào thi đua, nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến kinh nghiệm trong công chức, viên chức để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong công việc đồng thời phát huy có hiệu quả trí tuệ của đội ngũ trí thức đóng góp vào lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

#### **6. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về văn hóa; xây dựng, hoàn thiện thể chế; đầu tư các nguồn lực cho văn hóa**

Tập trung triển khai thực hiện Đề án xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn La, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2030”... Chú trọng ban hành các cơ chế, chính sách và đầu tư nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (riêng năm 2022 đã đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch là 119,442 triệu đồng (tăng 10,12% so với năm 2021)); thực hiện tốt việc huy động xã hội hóa trong đầu tư xây dựng, tu bổ các công trình văn hóa như: công trình Tượng đài Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Tây Bắc; Khu Di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi; Khu di tích lịch sử kháng chiến chống Pháp (rừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp); Khu di tích lịch sử đèo Phạ Đìn... Tập trung tham mưu triển khai thực hiện dự án số 6 trong Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 theo Nghị quyết của Quốc hội và kế hoạch của tỉnh.

**7. Tập trung xây dựng môi trường văn hóa số:** Quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính, trọng tâm là xây dựng chính quyền điện tử, quan tâm đầu tư bố trí nguồn kinh phí để xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh; tổ chức tập huấn bồi dưỡng về công nghệ thông tin giúp cho cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức... tiếp cận



thông tin nhanh, hiệu quả. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên internet và mạng xã hội, trên website, facebook, fanpage... do các đơn vị tạo lập và quản lý. Tăng cường triển khai xây dựng chính quyền điện tử để từng bước nâng cao chất lượng công việc, giảm thời gian, không gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục hành chính. Triển khai hệ thống thông tin đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong công tác tuyên truyền, quảng bá, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, tiếp nhận thông tin nhanh chóng, chính xác và tìm kiếm cơ hội hợp tác về kinh tế - xã hội. Tập trung tuyên truyền quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số; các nội dung cơ bản về chuyển đổi số, tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu, tác động và sự cần thiết của chuyển đổi số, chính quyền số, công nghệ số đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001-2015.

Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, tỉnh Sơn La nhận thấy còn có những tồn tại, hạn chế như: 1- Nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp văn hóa, các thiết chế văn hóa, hạ tầng du lịch còn hạn chế. Công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa trên địa bàn tỉnh có tiến bộ bước đầu nhưng chưa rộng khắp; việc thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển công nghiệp văn hóa còn hạn chế; các sản phẩm văn hóa phục vụ cho du lịch, dịch vụ chưa phong phú, đa dạng. 2- Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn; cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ; tình hình trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, đặc biệt là tệ nạn xã hội. 3- Hoạt động văn học - nghệ thuật của tỉnh có bước phát triển mới nhưng chưa đồng bộ. Mặc dù đã có nhiều giải thưởng nhưng văn học, nghệ thuật vẫn chưa có những tác phẩm, công trình ngang tầm với lịch sử và hiện thực cuộc sống của tỉnh. Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chưa theo kịp thực tiễn, tính định hướng, chiến đấu chưa cao. Đội ngũ lý luận, phê bình vừa thiếu, vừa bị hụt hẫng thế hệ kế cận.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, để thực hiện tốt mục tiêu phát triển văn hóa, con người Sơn La đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, tỉnh Sơn La xin được đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp cơ bản như sau:

*Một là*, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Hai là*, chủ động, linh hoạt, năng động, sáng tạo, tích cực trang thủ thành tựu của cách mạng công nghiệp hóa và khoa học công nghệ 4.0; sự phát triển của kinh tế số để bảo tồn, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, giàu bản sắc của các dân tộc. Chú trọng triển khai các chương trình bảo tồn, phục dựng lễ hội dân gian truyền thống; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, di sản đại diện của nhân loại... Tiếp tục đổi mới phương thức, chất lượng hoạt động của Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh, các chi hội chuyên ngành và các đơn vị văn hóa, văn nghệ quần chúng theo hướng chuyên nghiệp;

*Ba là*, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế, du lịch bền vững ở các địa phương. Chú trọng triển khai các chương trình bảo tồn, phục dựng lễ hội dân gian truyền thống; các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, di sản đại diện của nhân loại...

*Bốn là*, tập trung nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực hoạt động văn hóa; sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển văn hóa, con người phù hợp, tương xứng với đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh huy động xã hội hóa trong lĩnh vực phát triển văn hóa. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao về văn hóa, văn nghệ của tỉnh. Tăng cường giáo dục thẩm mỹ, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng xã hội cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Xây dựng lối sống tuân thủ pháp luật, tôn trọng đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, “tương thân tương ái”.

*Năm là*, khắc phục, giảm thiểu những phong tục, tập quán văn hóa lạc hậu, không phù hợp xu thế phát triển hội nhập quốc tế, đặc biệt là tư tưởng thụ động, trông chờ, ỷ lại, bảo thủ, khép kín, ngại thay đổi, thiếu ý chí khát vọng vươn lên của một bộ phận nhân dân.

*Sáu là*, coi trọng nâng cao chất lượng xây dựng con người có phẩm chất, tư cách, tri thức, kỹ năng toàn diện, năng động, thích nghi được với xu hướng phát triển nhanh chóng của xã hội, từng bước đáp ứng yêu cầu của “công dân quốc gia”, “công dân toàn cầu”.

Nhìn lại và khẳng định giá trị của Đề cương về văn hóa Việt Nam để nhận diện và làm rõ các giá trị cốt lõi của Đề cương, trên cơ sở đó tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về

tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Để tiếp tục kế thừa những kết quả đã đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn La qua những chặng đường lịch sử, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh Sơn La, ngành văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Sơn La kính mong tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo của các bộ, ban ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, sự phối hợp của các sở, ban ngành, cấp ủy, chính quyền các địa phương trong tỉnh, sự đồng thuận, đồng hành của các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh và mục tiêu phát triển văn hóa, con người Sơn La đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

**BÀI THAM LUẬN**  
**HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA “80 NĂM**  
**ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943-2023)**  
**KHỞI NGUỒN VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN”**

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TỈNH TRÀ VINH

Cách đây 80 năm năm 1943 trong tình thế nước sôi lửa bỏng của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo đã ra đời. Đề cương được ví như Cương lĩnh đầu tiên về văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các Văn kiện của Đảng về văn hóa, văn nghệ, góp phần định hướng công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam.

Năm 1943, dưới ách thống trị của thực dân Pháp, phát xít Nhật, 90% người dân mù chữ, đời sống tinh thần xã hội ngột ngạt, nhiều trí thức Việt Nam có phần hoang mang, bế tắc, Đảng ta xác định việc cần kíp ngay lúc này là thống nhất nhận thức, tư tưởng học thuật cho văn sĩ, trí thức, xây dựng phong trào *Văn hóa cứu quốc* nhằm đập tan chính sách ngu dân, âm mưu đồng hóa văn hóa của thực dân Pháp và tập hợp mọi tầng lớp nhân dân đi theo cách mạng. Ngay từ khi chưa giành được chính quyền, Đảng ta đã sớm khẳng định vai trò của văn hóa trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, coi đây là một trong ba mặt trận cùng với chính trị, kinh tế, văn nghệ sĩ cũng là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Bản Đề cương đã nêu ra ba nguyên tắc của văn hóa mới Việt Nam là dân tộc, khoa học và đại chúng, trong đó nguyên tắc dân tộc được đặt lên hàng đầu. Qua 80 năm, quan điểm của Đảng về văn hóa Việt Nam ta được nêu

trong Đề cương đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn và vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, nhiều định hướng quan trọng được kế thừa, bổ sung, phát triển trong giai đoạn hiện nay.

Đến Đại hội lần thứ XIII, Đảng đã quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong 5 năm (2021-2025); xác định phương hướng, mục tiêu của đất nước đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Một trong những điểm nhấn rất quan trọng của Đại hội XIII của Đảng là xác định các quan điểm, chủ trương mới, toàn diện và sâu sắc về phát triển văn hóa, con người Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước ta cường thịnh, phồn vinh, hạnh phúc.

## **2. Phát triển văn hóa theo hướng bền vững**

### **2.1. Sự phát triển văn hóa thời kỳ kháng chiến cứu quốc**

Năm 1943, trong phần cuối của bản thảo cuốn *Nhật ký trong tù*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”. Với nhận định này, có thể thấy văn hóa được xem như là thượng tầng kiến trúc, là toàn bộ những sáng tạo vật chất và sáng tạo tinh thần của con người, là sự sáng tạo của ngôn ngữ, đạo đức, lối sống, giáo dục, khoa học, pháp luật, tôn giáo, văn học, nghệ thuật...

Từ những ngày đầu cách mạng nước ta, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* soạn thảo tháng 2/1943, đã xác định ba nguyên tắc vận động của văn hóa ở Việt Nam, chỉ rõ các quan điểm, đường lối, chỉ đạo của Đảng ta qua các thời kỳ.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/1946, Bác Hồ chỉ rõ: “*Văn hóa phải hướng dẫn quốc dân thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ*”, “*Văn hóa soi đường cho quốc dân đi*”. Quan điểm này nhấn mạnh vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Tiếp nối tư tưởng, quan điểm của Người, nền văn hóa Việt Nam đã chuyển biến mạnh mẽ, có những đóng góp tích cực, quan trọng vào công cuộc phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

## **2.2. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, IV, VI, VII về văn hóa**

Đại hội văn hóa toàn quốc lần thứ 2 (tháng 7/1948) được xem là dấu mốc lịch sử trong công cuộc đổi mới về văn hóa, và tiếp tục được kế thừa trong đường lối của Đảng tại Đại hội III, Đại hội IV, Đại hội VI.

Đại hội VI diễn ra trong bối cảnh đất nước từ chế độ tập trung bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần và cũng mở đầu cho công cuộc đổi mới đất nước. Tháng 6/1991, Đại hội VII tiếp tục chủ trương đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để đưa đất nước đi vào thế ổn định và phát triển. Trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những diễn biến phức tạp ở các nước xã hội chủ nghĩa, nước ta phải đương đầu với khủng hoảng kinh tế - xã hội và tác động từ tình hình chính trị quốc tế. Nhưng thành tựu của gần 5 năm đổi mới đã giúp nước ta vượt qua khó khăn, đứng vững và tiếp tục tiến lên.

## **2.3. Phát triển văn hóa, con người Việt Nam giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa**

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 7/1998) đã nhanh chóng đi vào đời sống và nhận được sự đón nhận nồng nhiệt của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Những quan điểm, tư tưởng của Nghị quyết đã được quán triệt và triển khai sâu rộng, không chỉ đối với các nhà hoạt động văn hóa, các nhà lãnh đạo, quản lý mà còn đối với đông đảo các tầng lớp nhân dân. Nghị quyết đã đề cập đúng và trúng những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa, về văn hóa và phát triển, về văn hóa Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*” đã nêu rõ yêu cầu phải tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trên tinh thần vừa kế thừa, phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội...

Trong hơn hai thập niên qua, kết quả thực hiện Nghị quyết đã tạo cho nền văn hóa Việt Nam có được nhiều giá trị, diện mạo và sắc thái văn hóa mới, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học, đại chúng. Việc xây dựng con người, xây dựng môi trường văn hóa, phát triển giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ, phát triển văn học nghệ thuật, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, chính sách văn hóa đối với tôn giáo, giao lưu văn hóa với nước ngoài, xây dựng và hoàn thiện thể chế và thiết chế văn hóa... đều có nhiều thành tựu hết sức to lớn. Việc đào tạo nguồn nhân lực văn hóa được chú trọng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã khơi dậy được nhiều giá trị nhân văn trong cộng đồng, được mọi tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội chuyển biến tích cực; nhiều giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được bảo tồn,... Hệ thống thể chế và thiết chế văn hóa được tăng cường xây dựng và hoàn thiện. Các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc và của từng vùng, miền được kế thừa; di sản văn hóa của các dân tộc được bảo tồn, tôn tạo. Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng được mở rộng. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động và đóng góp nguồn lực cho phát triển văn hóa ngày càng nhiều hơn. Văn học, nghệ thuật có bước phát triển mới.

### **3. Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong giai đoạn mới**

Đại hội XIII của Đảng (tháng 1/2021) đã chỉ ra nhiệm vụ trọng tâm là: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế”. Đây là những quan điểm, nội dung quan trọng, có tính thế thừa và có nhiều điểm mới về phát triển văn hóa.

Đảng, Nhà nước ta ban hành những chính sách phát triển văn hóa đúng đắn, thực hiện theo từng giai đoạn phát triển của đất nước như về Luật Di sản Văn hóa; các chỉ thị, nghị định của Chính phủ về quản lý và tổ chức lễ hội; các chương trình mục tiêu phát triển văn hóa; quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, tạo cơ sở pháp lý và

điều kiện thuận lợi cho bảo tồn, phát triển văn hóa của cả nói chung và tỉnh Trà Vinh nói riêng.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 tại Hà Nội, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài phát biểu chỉ đạo, trong đó nêu rõ: Nền văn hóa chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội; kế thừa những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc đồng thời tiếp thu có chọn lọc những thành tựu, tinh hoa văn hóa thế giới, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao.

#### **4. Vận dụng các nguyên tắc của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 vào thực tiễn phát triển văn hóa theo hướng bền vững**

##### **4.1. Dân tộc hóa**

Trong bối cảnh giao lưu và hội nhập quốc tế hiện nay, nguyên tắc “dân tộc hóa” vẫn còn nguyên giá trị cho hoạt động thực tiễn. Việc tiếp thu các nền văn hóa các quốc gia trên thế giới mặc dù có tầm quan trọng để xây dựng đất nước nhưng cần phải tiếp nhận một cách đúng đắn phù hợp truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam, tránh trường hợp bị đồng hóa bởi đó là điều kiện tốt nhất cho văn hóa ngoại lai xâm nhập. Vì vậy với xu thế toàn cầu hóa cần giáo dục về tinh thần và ý chí dân tộc. Như vậy, để phát triển văn hóa theo hướng bền vững, các ngành, các cấp phối hợp ngành văn hóa để tiếp tục thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn liền với cốt lõi lý tưởng độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

##### **4.2. Đại chúng hóa**

Văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại đều xuất phát từ nhu cầu của quần chúng nhân dân, và do quần chúng tạo ra, được đúc kết qua quá trình lịch sử. Do đó nhiệm vụ quan trọng là phải đưa văn hóa gần gũi và phục vụ nhân dân ở từng lĩnh vực, môi trường, loại hình văn hóa (hoạt động lễ hội,



nghệ thuật, văn học, kiến trúc, tâm linh,...). Song song đó, “Đại chúng hóa” cũng là chủ trương chống những hành động làm cho văn hóa phản lại quảng đại quần chúng, làm cho nhân dân xa rời, thiếu tính giáo dục chân thiện mỹ. “đại chúng hóa” thể hiện tính hưởng thụ của nhân dân trên lĩnh vực văn hóa, vừa là nguồn cảm hứng cho các hoạt động phong trào văn hóa ở từng địa phương, tạo nguồn cảm hứng sáng tạo văn hóa mới. Phải làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa mới của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hóa đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân.

### ***4.3. Khoa học hóa***

Vấn đề bảo vệ và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc không đồng nhất những văn hóa cổ hủ, kém phát triển, đã lỗi thời, hoặc gây ảnh hưởng đến xu thế phát triển chung của thời đại, hạn chế trong giao lưu các loại hình văn hóa nghệ thuật với các nước thì sẽ chậm tiến bộ. Do đó “khoa học hóa” là một nguyên tắc cần được đưa vào tiêu chí lớn để khai thác cho lĩnh vực hoạt động văn hóa, để làm cho văn hóa biến đổi, phát triển cho kịp thời đại.

Như vậy “khoa học hóa” vừa chống lại những yếu tố văn hóa lạc hậu, phản khoa học, phản tiến bộ và được thay thế bằng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

## **5. Giải pháp xây dựng kiện toàn thể chế nhằm tạo động lực, phát triển giá trị của Đề cương vì mục tiêu phát triển văn hóa theo hướng bền vững**

### ***5.1. Các giải pháp về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần khắc phục tình trạng xuống cấp về đạo đức xã hội***

Một là, trong công tác tổ chức sinh hoạt Đảng, tiếp tục nâng cao chất lượng các buổi sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy, quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, từng bước góp phần xây dựng, hoàn thiện và thực hiện đúng theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tập trung phát huy tính dân chủ trong cơ quan, đơn vị thực

hiện tốt phương châm Đại hội XIII của Đảng “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển”.

*Hai là*, vận dụng tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát triển con người toàn diện và phát huy quyền làm chủ tập thể trong cơ quan. Tư tưởng về phát triển con người toàn diện có ý nghĩa hết sức to lớn, đòi hỏi phải đạt những yêu cầu mới để thực hiện nhiệm vụ từng giai đoạn theo mục tiêu chung của các ngành, các cấp, cơ quan đơn vị trước những diễn biến đa dạng, phức tạp của thế giới, trước những cơ hội thách thức trong việc phát triển kinh tế - văn hóa xã hội.

*Ba là*, thực hành dân chủ trong sinh hoạt chi bộ Đảng đi liền với việc nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong Đảng, đồng thời vận động đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức tích cực tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đó là cách tốt nhất để ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức trong Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt di nguyện của chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”*.

*Bốn là*, xây dựng con người trong giai đoạn hiện nay cùng ra sức kiên trì đấu tranh chống thoái hóa, biến chất và từng bước hình thành, phát triển một con người có đức tính cơ bản. Tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức: hoạt động nghệ thuật, báo chí; tổ chức các hoạt động lễ hội truyền thống, hội thao nâng cao thể chất, vui chơi giải trí đến tầng lớp nhân dân các địa phương, nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, có lối sống lành mạnh, chăm chỉ lao động theo cơ chế lao động định hướng xã hội chủ nghĩa, thường xuyên rèn luyện học tập nâng cao sự hiểu biết, xây dựng nếp sống gia đình văn hóa.

*Triển khai đến các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương về chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.*

Tập trung tuyên truyền, triển khai để các ngành, các cấp và toàn xã hội thấm nhuần nội dung bài phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhân dịp kỷ niệm 76 năm ngày diễn ra Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946.

Bên cạnh đó toàn ngành tập trung thực hiện một cách quyết liệt và có hiệu quả một số giải pháp:

*Trước hết là*, tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa để đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng... Trong công tác quản lý nhà nước, cần sớm khắc phục tình trạng chậm trễ chế độ hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành luật pháp và các chính sách cụ thể, khả thi về phát triển văn hóa, xây dựng con người. Đẩy mạnh công tác sắp xếp lại tổ chức bộ máy quản lý văn hóa từ Trung ương đến cơ sở.

*Hai là*, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới; sớm khắc phục tình trạng chấp vá, tùy tiện trong bố trí cán bộ làm công tác văn hóa, ở cả Trung ương và địa phương...

*Ba là*, quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại. Phát triển “sức mạnh mềm” của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời gian tới.

*Bốn là*, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục của gia đình và xã hội; nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết; trọng tình nghĩa, trọng công lý và đạo lý xã hội. Xây dựng các quy tắc ứng xử văn minh trong các cơ quan công quyền, trong cộng đồng, nhất là trong không gian mạng, trong giới văn nghệ sĩ... Kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống tham ô, tham nhũng, tiêu cực; chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, nguồn gốc của mọi sự tham nhũng, tiêu cực, hư hỏng ngay trong các ngành văn hóa, các cơ quan làm công tác văn hóa. Chú trọng thực hiện quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII và đặc biệt là các Kết luận, Quyết định của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII của Đảng mới đây về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

### ***5.2. Ban hành chính sách đặc thù, thu hút đầu tư cho hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi***

Thực hiện Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2002-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025; Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

Tiếp tục định hướng nội dung thực hiện theo Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2020. Tỉnh Trà Vinh tiếp tục thực hiện các đề án, bao gồm 6 đề án có nội dung liên quan đến việc bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Trà Vinh, tập trung chủ yếu là văn hóa dân tộc Khmer và dân tộc Hoa.

*Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của tỉnh Trà Vinh.*

+ Định hướng phát triển văn hóa gắn liền với du lịch

Thực hiện theo Quyết định 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh phối hợp với các cơ quan ban, ngành để triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển du lịch năm 2023 và những năm tiếp theo, tăng cường bảo vệ và phát huy di sản văn hóa cùng với cả nước nói chung và tỉnh Trà Vinh nói riêng.

Tiếp tục quy hoạch đầu tư hoàn thiện làng Văn hóa - Du lịch Khmer tỉnh Trà Vinh kết nối với điểm di tích khảo cổ Bờ Lũy - chùa Lò Gạch, bởi địa điểm này nằm cạnh nhiều di tích lịch sử văn hóa rất nổi tiếng như: chùa Âm, Ao Bà Om, Bảo tàng Văn hóa Dân tộc Khmer để phát triển du lịch đến tham quan, trải nghiệm văn hóa; tập trung xây dựng các sản phẩm đặc thù của địa phương, tạo điểm nhấn trong thu hút khách du lịch. Lập hồ sơ di tích Thắng cảnh Ao Bà Om là di tích cấp quốc gia phát triển nâng thành di tích đặc biệt từ giai đoạn năm 2030 đến năm 2045.

Xây dựng thành phố Trà Vinh thành đô thị xanh, đô thị du lịch; thị xã Duyên Hải thành đô thị du lịch biển và huyện Cầu Kè thành trung tâm du

lich sinh thái, du lịch tâm linh gắn với Lễ hội Vu Lan và du lịch cộng đồng tạo bước đột phá phát triển du lịch trong giai đoạn 2021-2030.

Thực hiện tốt Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, trên lĩnh vực ngành quản lý, trong đó ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tập trung chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa vùng đồng bào dân tộc; tu bổ, bảo tồn, phát huy các công trình di tích lịch sử, văn hóa, các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với phát triển du lịch; nâng tầm hoạt động phong trào các đội văn nghệ không chuyên; triển khai thực hiện các chính sách đối với các nghệ nhân nhân dân, nghệ sĩ ưu tú và thế hệ kế thừa, tiếp nối về loại hình văn hóa vật thể, phi vật thể dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; Tiếp tục củng cố và phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao truyền thống; Nâng cao chất lượng hoạt động Bảo tàng.

#### + Về thiết chế văn hóa cơ sở

Trà Vinh là tỉnh có điểm xuất phát thấp hơn so với các tỉnh khác, điều kiện cơ sở vật chất và các thiết chế văn hóa còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa - xã hội của tỉnh. Để xây dựng tốt các thiết chế văn hóa cơ sở cho những năm tiếp theo, ngành văn hóa sẽ thực hiện tốt việc sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đã được phân bổ để đầu tư các phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho việc khai thác có hiệu quả các hoạt động của hệ thống nhà văn hóa; đồng thời tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao vui chơi giải trí lành mạnh với hình thức và nội dung ngày càng đa dạng, phong phú, nhất là đầu tư cơ sở vật chất xây dựng huyện điểm văn hóa (huyện Trà Cú) và các xã, ấp đặc biệt khó khăn. Song song đó, đẩy mạnh công tác xã hội hóa nhằm thu hút mọi nguồn lực để đầu tư cho văn hóa.

\*

\* \*

Trong suốt chiều dài lịch sử, qua hai thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, dưới ánh sáng soi đường của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, sự nghiệp văn hóa đã phát triển, góp phần đem lại thành công và thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến trường kỳ của đất nước.

Bước sang giai đoạn xây dựng và bảo vệ xã hội chủ nghĩa, cũng từ nội dung của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đảng ta đã vận dụng, ban hành cụ thể các chính sách, chỉ thị, nghị quyết; điểm nổi bật là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đến Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014. Đây là những văn kiện tạo bước ngoặt quan trọng trong xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Như vậy, 25 năm qua kể từ Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) ra đời, theo điều kiện và tình hình thực tế, tỉnh Trà Vinh đã đạt được nhiều thành tựu nhất định trong việc giữ gìn bản sắc dân tộc trên cơ sở kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Từng bước tạo được những nét đặc sắc riêng, tích cực góp phần nâng cao giá trị hoạt động văn hóa các địa phương trong cả nước và xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng theo yêu cầu phát triển bền vững.

Trong xu thế hội nhập và phát triển đất nước hiện nay, tỉnh Trà Vinh đồng hành cùng với các tỉnh, thành phố tiếp tục đẩy mạnh triển khai, thực hiện nhiệm vụ đã được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ đạo tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021. Các ngành, các cấp từ tỉnh đến cơ sở quán triệt toàn diện, đầy đủ các nội dung đã được người đứng đầu Đảng ta chỉ ra, vận dụng linh hoạt trong mọi tình huống, tăng cường hơn nữa công tác chăm lo, bồi dưỡng, phát triển về văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về mọi mặt.

## VĂN HÓA, CON NGƯỜI VĨNH PHÚC TRONG TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH VĨNH PHÚC

### I- “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀ CÁC QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HÓA

Văn hóa từ ngàn đời xưa đã được ông cha ta đặc biệt coi trọng. Trong suốt chiều dài dựng nước và giữ nước của dân tộc, văn hóa luôn được đặt lên vị trí hàng đầu, ngay cả khi vận nước lâm nguy, dân tộc ta vẫn lấy “đại nghĩa”, “chí nhân” để làm kim chỉ nam cho đường lối giải phóng dân tộc:

*“Đem đại nghĩa để thắng hung tàn  
Lấy chí nhân để thay cường bạo”*

Nhận thức rõ văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội, để chống lại chính sách văn hóa phản động của đế quốc Pháp, phát xít Nhật và tay sai của chúng, chống lại trào lưu lãng mạn có khuynh hướng cải lương, bi quan, bế tắc của giới văn nghệ sĩ Việt Nam,... năm 1943, Đảng ta đề ra bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên) vào tháng 2/1943.

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vạch rõ tính chất phản động trong chính sách văn hóa ngu dân của thực dân Pháp, nêu lên nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa trong xây dựng nền văn hóa mới. Đề cương văn hóa đã vũ trang những lý luận căn bản cho cán bộ hoạt động văn hóa - tư tưởng. Đề cương xác định văn hóa là một trong ba mặt trận cách mạng (chính trị, kinh tế và văn hóa). Đề cương nêu rõ nguy cơ của nền văn hóa Việt Nam

dưới ách phát xít Nhật, Pháp; phân tích mối quan hệ giữa cách mạng chính trị và cách mạng văn hóa; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng văn hóa.

Đề cương văn hóa đã vạch ra phương hướng đấu tranh đùng đắn chống thực dân, phát xít, xây dựng đường lối văn hóa mới của Đảng, tập hợp các nhà văn hóa, trí thức để tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đề cương văn hóa Việt Nam là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ, phân tích đùng đắn tình hình đời sống văn hóa dưới ách Pháp - Nhật, vạch ra đường lối văn hóa cách mạng và những nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hóa dân tộc, nhân dân.

Bước sang những năm 1945-1946, khi nước Việt Nam non trẻ mới tuyên bố độc lập, trước tình thế “thù trong, giặc ngoài”, nước nhà nguy nan “ngàn cân treo sợi tóc”, dù bộn bề công việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (24/11/1946), nhằm huy động, tập hợp tất cả các lực lượng văn nghệ sĩ vào cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Trong diễn văn khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu nhiệm vụ của văn hóa mới là phải lấy hạnh phúc của đồng bào, sự nghiệp đấu tranh của dân tộc làm nội dung phản ánh, đồng thời phải tiếp thu những kinh nghiệm của văn hóa xưa và nay để xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam với ba tính chất: dân tộc, đại chúng, khoa học. Người nêu rõ vị trí, ảnh hưởng của văn hóa nghệ thuật trong việc giáo dục thế hệ trẻ, xây dựng con người Việt Nam yêu nước, độc lập, tự cường, tự chủ. Cũng tại Hội nghị này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm rất quan trọng về vị trí, vai trò của văn hóa thời điểm đó: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”.

Theo sát cùng hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, văn hóa, văn học nghệ thuật cũng đạt được những thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Đại hội VI của Đảng (12/1986) quyết định đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Và cũng chính từ đó, Đảng không chỉ đổi mới tư duy trong kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại mà trong văn hóa cũng có sự đổi mới. Quan điểm lớn bao trùm nhận thức mới của Đảng về văn hóa thể hiện trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội VII khi xác định một trong 6 đặc trưng chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng là: “Có nền văn hóa tiên tiến,



đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>1</sup>. Tiếp đó, Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (7/1998) đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, cho thấy sự chuyển biến hết sức mạnh mẽ trong nhận thức của Đảng về tầm quan trọng của văn hóa bên cạnh vấn đề phát triển kinh tế và xây dựng Đảng.

Nghị quyết Đại hội XI của Đảng (1/2011) khẳng định: “Tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”<sup>2</sup>.

Ngày 9/6/2014, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI ngày 9/6/2014 (Nghị quyết số 33-NQ/TW) về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” xác định mục tiêu tổng quát nhằm: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>3</sup>. Có thể nói đây là Nghị quyết chuyên đề về văn hóa rất quan trọng để các cấp ủy, chính quyền đề ra các chương trình, kế hoạch phát triển văn hóa trong giai đoạn mới.

Tiếp theo, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định một trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 là: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.429.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.63.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.34.

người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”<sup>1</sup>.

Trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khái quát lại quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của văn hóa: “Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao”<sup>2</sup>.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* cùng những quan điểm chỉ đạo của Đảng về văn hóa, phát triển văn hóa - con người Việt Nam, nhất là trong 35 năm đổi mới toàn diện đất nước, không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn là cơ sở để các cơ quan nhà nước ban hành và từng bước hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa, về quản lý di sản văn hóa, về phát triển văn hóa nghệ thuật, có tác dụng to lớn trong việc xây dựng nhân cách, phẩm chất con người Việt Nam.

## II- VĂN HÓA, CON NGƯỜI VĨNH PHÚC TRONG TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM

Vĩnh Phúc là vùng đất cổ, có bề dày văn hóa và nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nằm trọn trong

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.330.

2. Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Báo *Nhân Dân*, số 23945, ngày 17/5/2021, tr.2.

vành đai cổ xứ Đoài - vùng chuyển tiếp địa hình miền núi - trung du Tây Bắc xuống miền đồng bằng châu thổ Bắc Bộ. Bởi đặc điểm đó nên Vĩnh Phúc có đủ cả 3 vùng cảnh quan - sinh thái rõ rệt: Miền núi, trung du và đồng bằng.

Kiến tạo nên hình thế đó là danh sơn Tam Đảo cùng hai dòng chủ lưu sông Hồng và sông Lô. Núi Tam Đảo làm chủ cốt phía bắc - đông bắc tỉnh, sông Hồng và sông Lô bao bọc trọn phía nam - tây nam. Dãy núi Tam Đảo có thế sơn mạch hùng vĩ, vừa là một vùng thiên nhiên nguyên thủy phong phú, vừa là một vùng văn hóa - lịch sử độc đáo, đồng thời là tiềm năng to lớn của Vĩnh Phúc về du lịch với khu du lịch Tam Đảo 1, Tam Đảo 2, khu di tích - danh thắng Tây Thiên... Cùng với đó là các ngọn núi: Đinh Sơn, Lịch Sơn, Sáng Sơn, Hình Nhân, Thanh Tước... cùng những gò đồi nối tiếp xen lẫn với Đầm Vạc, Vực Xanh, Đầm Dung... tiếp nối dòng chảy của các con sông nội tỉnh: sông Đáy, sông Cà Lồ, sông Phan. Núi cao, sông dài, đầm hồ tụ thủy, gò đồi thoải thoải điểm tuyết bình nguyên, tất cả tạo nên cảnh trí “sơn thủy hữu tình” vùng quê Vĩnh Phúc phía tây bắc trung tâm đồng bằng Bắc Bộ.

Xưa nay những vùng đất được xem là “sơn kỳ thủy tú” thường sinh ra nhiều bậc hiền tài. Vĩnh Phúc là một trong những vùng đất như thế. Hơn 100 danh nhân qua các đời thống kê qua sử sách có những đặc điểm nổi trội:

Danh nhân Vĩnh Phúc có từ hàng đế vương đến danh thần, danh tướng, danh nho. Hàng đế vương có Hai Bà Trưng, Lý Bí, Lý Phật Tử, danh tướng có Nguyễn Văn Nuông, Trần Nguyên Hãn, danh nho tiêu biểu có Triệu Thái, Đỗ Khắc Chung, Nguyễn Duy Thì, Đỗ Nhuận, Phí Văn Thuật... Lãnh tụ phong trào nông dân khởi nghĩa có Nguyễn Danh Phương (Quận Hẻo), lãnh tụ phong trào yêu nước có Đội Cấn (Trịnh Văn Cấn), Nguyễn Thái Học. Thời kỳ hiện đại có anh hùng liệt sĩ chống Mỹ Nguyễn Việt Xuân, cố Bí thư Tỉnh ủy Kim Ngọc - người khởi xướng phong trào “Khoán hộ” miền Bắc những năm 60 - 70 thế kỷ XX.

Danh nho Vĩnh Phúc xuất hiện xuyên suốt chiều dài lịch sử từ thời phong kiến tự chủ đến năm 1919, năm tổ chức khoa thi chữ Hán cuối cùng. Nền khoa bảng Vĩnh Phúc khởi đầu ngay từ thời nhà Lý là triều đại mở khoa thi tiến sĩ đầu tiên (Phạm Công Bình - Tiến sĩ khai khoa Vĩnh Phúc) cho đến khoa thi thời Nguyễn 1899 (Phó bảng Phan Duy Bách). Có nhiều “làng tiến sĩ” như: làng Quan Tử (12 tiến sĩ), làng Lý Hải (8 tiến sĩ), làng Thượng Trưng (5 tiến sĩ), làng Thanh Lãng (5 tiến sĩ), làng Tú Trưng (5 tiến sĩ)...

Tính xuyên suốt thời đại của danh nhân Vĩnh Phúc cũng đồng thời phản ánh tầm cỡ quốc gia của nhân vật, trong lịch sử, vùng đất và con người Vĩnh Phúc luôn có mặt trong dòng chủ lưu đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc: Buổi bình minh lịch sử đã có cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (trên vùng đất thuộc Vĩnh Phúc và Hà Nội ngày nay), mở đầu cho truyền thống chống ngoại xâm hào hùng của dân tộc Việt. Hai Bà Trưng cũng là một trong những nữ vương đầu tiên trong lịch sử thế giới. Danh tướng Trần Nguyên Hãn là bậc “khai quốc nguyên huân” triều Hậu Lê. Các phong trào yêu nước ở tầm quốc gia đầu thế kỷ XX có cuộc binh biến Thái Nguyên Trịnh Văn Cấn năm 1914, khởi nghĩa Yên Bái của Nguyễn Thái Học - lãnh tụ Việt Nam Quốc dân Đảng năm 1930. Hàng danh nho có Đỗ Nhuận, làm đến chức vị Phó Tao đàn nguyên súy đời Lê Thánh Tông thịnh trị; Lương quốc Trạng nguyên Triệu Thái đỗ tiến sĩ cả hai nước Trung Quốc và Việt Nam. Tứ nguyên Phí Văn Thuật, người đỗ đầu cả 4 kỳ thi: thi Hương, thi Hội, thi Đình, thi Ứng chế...

Vĩnh Phúc còn là nơi phát tích của người Việt cổ, tỉnh Vĩnh Phúc thuộc địa bàn cư trú đầu tiên trong tiến trình văn minh người Việt cổ từ thời tiền - sơ sử, văn hóa Phùng Nguyên giai đoạn mở đầu của nền văn minh nông nghiệp lúa nước, định cư nông nghiệp với các cộng đồng dân cư ổn định. Theo những kết quả nghiên cứu đã được khẳng định, tại 44 điểm di chỉ khảo cổ học trên đất Vĩnh Phúc cho thấy. Từ cách đây khoảng 2.700 năm đến 3.500 năm, người Việt cổ đã tiến dần xuống khai phá vùng đất đồng bằng phù sa sông Hồng, trong đó có địa bàn Vĩnh Phúc. Với công cụ đá tinh xảo và công cụ đồng, họ đã định cư trên các gò đồi, doi đất cao gần sông, ven hồ, đầm mà dấu vết để lại là những khu cư trú, mộ táng nổi tiếng như Đôn Nhân ở Lập Thạch, Nghĩa Lập, Lũng Hòa, Ma Cả ở Vĩnh Tường, Đồng Đậu, Đình Xá, Gò Gai ở Yên Lạc, Gò Ngành ở Bình Xuyên, Thành Dền ở Mê Linh”<sup>1</sup>... Những dấu tích đó có tính liên tục từ giai đoạn Phùng Nguyên đến Đồng Đậu, Gò Mun, Đông Sơn chuẩn bị cho sự hình thành nhà nước ở giai đoạn tiền Hùng Vương, tiếp sau đó là sự ra đời của nhà nước Văn Lang các vua Hùng mà Vĩnh Phúc nằm trong địa vực bộ gốc Văn Lang thuở đó.

---

1. Nay thuộc Hà Nội.

Với những tài liệu ghi chép trong sử sách, đất và người Vĩnh Phúc luôn có mặt trong dòng chảy lớn lịch sử dân tộc từ thời Hùng Vương dựng nước đến các thời kỳ giữ nước về sau. Địa bàn Vĩnh Phúc liền kề đất đế đô từ kinh đô Văn Lang thời các vua Hùng, thành Cổ Loa thời An Dương Vương, đến kinh đô Thăng Long (nay là Hà Nội). Từ bao đời là một trong “Tứ trấn phen giậu” của kinh thành Thăng Long. Người Vĩnh Phúc luôn có mặt trong các giai đoạn hưng vong của lịch sử dân tộc.

Vĩnh Phúc còn là miền đất đậm đặc giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của “vùng văn hóa giữa”. Thuộc vùng địa - văn hóa chuyển tiếp, văn hóa dân gian Vĩnh Phúc vừa đậm đà nét cổ sơ nguyên thủy của vùng văn hóa Hùng Vương, vừa có sắc thái văn hiến phức hợp của vùng văn hóa Kinh Bắc - Thăng Long. Hơn 1.000 làng cổ Vĩnh Phúc còn lưu giữ kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú về di tích lịch sử - văn hóa, truyền thuyết, ca dao, tục ngữ, hò vè, trò diễn, điêu khắc - mỹ thuật, ẩm thực dân gian, văn hóa dân tộc ít người: Dao, Cao Lan, Sán Diu... Đây cũng là “*Đất trăm nghề*” xứ Đoài xưa với những làng nghề có tiếng: Mộc Bích Chu - Thanh Lãng, rèn Lý Nhân, gốm Hương Canh - Định Trung - Hiến Lễ, rần Sơn Tang, làng công thương kẻ Giang, kẻ Gốm... Toàn tỉnh Vĩnh Phúc có 1.306 di tích - danh thắng, tiêu biểu có danh sơn Tam Đảo “*Linh khí núi sông đất Việt*”, Tây Thiên “*Cõi trời Tây đệ nhất danh lam*”. Di chỉ Đồng Đậu “*Chu Khẩu Điểm của Việt Nam*” nơi phát tích của người Việt cổ. Tháp Bình Sơn, đình Hương Canh, đình Thổ Tang, đền đá Phú Đa - những công trình kiến trúc - mỹ thuật dân gian đặc sắc, rất tiêu biểu cho giá trị kiến trúc - mỹ thuật Lý - Trần và thời Lê (Hậu Lê) khu vực Tây Bắc xứ Đoài cổ còn được bảo tồn khá nguyên vẹn đến nay. Đặc biệt, Vĩnh Phúc là vùng đất đậm đà tín ngưỡng thờ Mẫu nguyên thủy, đồng thời là nơi phát tích của Phật giáo Việt Nam khởi đầu ở Tây Thiên - Tam Đảo.

Những giá trị lịch sử - văn hóa kể trên là tiềm năng to lớn, cơ sở truyền thống, giá trị tài nguyên nhân văn vô cùng phong phú cho phát triển sự nghiệp Văn hóa Vĩnh Phúc thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh, Vĩnh Phúc đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt khá (cao hơn mức chung của cả nước); cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, việc làm chuyển dịch mạnh theo hướng

công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, là tỉnh có chất lượng giáo dục ổn định và nằm trong top đầu của cả nước nhiều năm; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, nâng cao; quốc phòng - an ninh không ngừng được củng cố và giữ vững, tạo tiền đề về cơ sở vật chất và đầu tư cho phát triển văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được củng cố, tăng cường, việc tiếp tục thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, mừng thọ, kỷ niệm ngày truyền thống, không uống rượu, bia trong ngày làm việc và không hút thuốc lá nơi công sở có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn và phát huy, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” hình thành trên diện rộng được chú trọng nâng cao về hiệu quả hoạt động, dần đi vào chiều sâu, chất lượng. Đây là những điều kiện thuận lợi để Vĩnh Phúc tiếp tục triển khai các chủ trương, đường lối, chính sách về phát triển văn hóa, đưa văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, góp phần xây dựng con người Vĩnh Phúc hướng đến các giá trị chân - thiện - mỹ, năng động, hiện đại có trình độ, đáp ứng được yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

Giai đoạn vừa qua, đặc biệt từ năm 2015- 2020, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, Đề án, Kế hoạch của Trung ương về phát triển văn hóa, giáo dục, du lịch - dịch vụ; trong đó có những chương trình hành động để triển khai thực hiện các Nghị quyết lớn của Đảng như: Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 25/8/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 31/8/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”.

Để xây dựng con người Vĩnh Phúc có đầy đủ phẩm chất, nhân cách đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định rõ: “Phát triển văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững. Xây dựng và phát triển văn hóa gắn với xây dựng

con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Xây dựng môi trường văn hóa văn minh, lành mạnh”.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 tiếp tục khẳng định: “Xây dựng, phát huy các giá trị văn hóa, để văn hóa thực sự trở thành nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, ngày 12/12/2022, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Vĩnh Phúc đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, theo đó nghị quyết đã đề ra mục tiêu tổng quát về xây dựng văn hóa, con người Vĩnh Phúc giai đoạn tới, đó là: 1- Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Vĩnh Phúc phát triển toàn diện, gắn kết hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị văn hóa hiện đại; hướng đến chân, thiện, mỹ tạo vị thế, hình ảnh đẹp về đất và người Vĩnh Phúc; 2- Coi trọng văn hóa cơ sở, xây dựng nếp sống văn minh, bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; 3- Xây dựng con người Vĩnh Phúc có những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam, đồng thời phát huy các đặc điểm nổi trội: Tiên phong, sáng tạo, khát vọng, đổi mới.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo ban hành Quyết định số 2680/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng mô hình “Làng văn hóa kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”, theo đó, tỉnh Vĩnh Phúc lựa chọn 28 thôn, tổ dân phố để xây dựng làng văn hóa kiểu mẫu, mỗi làng sẽ là một mô hình cộng đồng với đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao, đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú, môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp, thúc đẩy phát triển kinh tế, phát triển du lịch, dịch vụ, góp phần nâng cao đời sống kinh tế của người dân địa phương.

Sau nhiều năm quyết liệt chỉ đạo triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về phát triển văn hóa, có thể khẳng định đã có sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, tư duy về phát triển văn hóa trong các cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh Vĩnh Phúc; thấy được tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam nói chung, con người Vĩnh Phúc nói riêng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.

Các cấp ủy đảng, chính quyền đã chủ động đổi mới phương thức lãnh đạo, nêu cao vai trò, trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo trên lĩnh vực văn hóa, góp phần tích cực trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trên cơ sở kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của quê hương, xây dựng và hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, nêu cao tinh thần trách nhiệm của cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội nhằm đạt mục tiêu xây dựng con người ngày càng phát triển toàn diện, hướng tới chân - thiện - mỹ. Việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động được đẩy mạnh thực hiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương.

Trên cơ sở đánh giá kết quả đã đạt được cũng như những tồn tại hạn chế, tỉnh Vĩnh Phúc đặt ra mục tiêu trong thời gian tới là tập trung xây dựng văn hóa con người Vĩnh Phúc trong thời kỳ mới có nhân cách, có lối sống tốt đẹp với các phẩm chất cơ bản sau: “Tiên phong, Sáng tạo, Khát vọng, Đổi mới”.

Đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của sự nghiệp phát triển văn hóa, là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong tỉnh, trong đó tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

1. Xây dựng con người Vĩnh Phúc phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững: Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xây dựng con người Vĩnh Phúc hướng đến chân - thiện - mỹ; phát huy sức sáng tạo, ý chí, hun đúc khát vọng phát triển của mỗi người dân, trong đó mang đậm nét đặc trưng con người Vĩnh Phúc: Tiên phong, sáng tạo, khát vọng, đổi mới. Xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Vĩnh Phúc thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2. Xây dựng môi trường văn hóa, nếp sống văn hóa, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc: Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển văn hóa, con người phù hợp, sát đúng với thực tiễn, không trái với các quy định của Trung ương; nhất là cơ chế, chính sách ưu đãi về đất, tín dụng, thuế và phí đối với các cơ sở đào tạo, xây dựng các thiết chế văn hóa. Bổ sung hoàn thiện các chính sách đặc thù trong thu hút, đãi ngộ, đào tạo nguồn nhân lực. Tăng cường quản lý, ngăn chặn có hiệu quả sự xâm



nhập các sản phẩm văn hóa độc hại, trái thuần phong mỹ tục. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, hiện đại.

3. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương. Đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa: Tập trung đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất đi đôi với nâng cao hiệu quả, công năng sử dụng các thiết chế văn hóa, tạo điểm nhấn về không gian đô thị, trước mắt hoàn thiện đưa vào khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa đã phê duyệt chủ trương đầu tư; Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, hỗ trợ kinh phí cho hệ thống nhà văn hóa cơ sở; chú trọng xây dựng nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng, các loại hình văn hóa, văn nghệ dân gian mang đậm sắc thái văn hóa của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh, nhằm bảo tồn, phát huy giá trị gắn với phát triển du lịch cộng đồng và kinh tế địa phương.

5. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa: Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích tạo điều kiện để các công ty, doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng khoa học, kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật để sáng tạo, nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa.

6. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, đẩy mạnh triển khai chiến lược văn hóa đối ngoại và ngoại giao văn hóa. Lồng ghép các chương trình xúc tiến đầu tư với chiến lược quảng bá, giới thiệu các giá trị lịch sử, văn hóa của vùng đất - con người Vĩnh Phúc.

7. Tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội để xây dựng, phát triển văn hóa, con người Vĩnh Phúc đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

8. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Với nỗ lực và quyết tâm chính trị cao, cùng với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội thảo lần này sẽ là điểm mốc quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của văn hóa nước nhà, sau 80 năm ra đời Đề cương văn hóa, với kỳ vọng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, mang bản sắc dân tộc, góp phần đưa đất nước phát triển mạnh mẽ và bền vững với trí tuệ, bản lĩnh và bản sắc Việt Nam trong cuộc hội nhập toàn cầu nhiều cơ hội và thách thức. Văn hóa Vĩnh Phúc luôn đồng hành cùng dòng chảy văn hóa dân tộc, phát triển văn hóa phải được coi là mục tiêu, động lực để xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc giàu mạnh, phồn vinh.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG KINH TẾ DI SẢN

TS. TRẦN HỮU SƠN\*

**T**rong 80 năm qua, Đề cương văn hóa vẫn luôn soi sáng những chặng đường xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam. Đặc biệt, ba nguyên tắc: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” vẫn còn nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng đường lối văn hóa Việt Nam. Hiện nay, với nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế di sản, ta càng nhận thức rõ hơn về vai trò và ảnh hưởng của ba nguyên tắc đối với kinh tế di sản. Bài viết này trình bày nổi bật khái niệm kinh tế di sản là gì? Ba nguyên tắc của Đề cương văn hóa soi rọi vấn đề phát triển của kinh tế di sản ra sao? Các loại hình kinh tế di sản? Đặc điểm kinh tế di sản và những định hướng giải pháp phát triển kinh tế di sản.

### I- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ KHÁI NIỆM CỦA KINH TẾ DI SẢN

Kinh tế di sản mới được hình thành ở Việt Nam trong những năm gần đây. Hiện nay, có một số tác giả nghiên cứu kinh tế học về di sản (Hà Hữu Nga, 2017; Nguyễn Công Thành, 2019; Bùi Minh Hòa, 2021; Phạm Quỳnh Phương, 2022...), các tác giả phân tích rất kỹ về các yếu tố *giá trị* và *vốn văn hóa* chi phối kinh tế di sản, phương pháp tính giá trị của kinh tế di sản. Tuy nhiên, các tác giả chưa phân tích sâu về khái niệm của kinh tế di sản, về các loại hình kinh tế di sản, cũng như các giải pháp phát triển kinh tế di sản. Bản báo cáo này sẽ khắc phục những khoảng trống đó. Kinh tế di sản dựa vào giá

---

\* Viện nghiên cứu Ứng dụng Văn hóa và Du lịch.

trị của di sản. Do đó, muốn tìm hiểu kinh tế di sản là gì thì cần xác định hai yếu tố kinh tế là gì và di sản là gì.

*Kinh tế là tổng hòa các mối quan hệ tương tác lẫn nhau của con người và xã hội liên quan trực tiếp đến sản xuất, trao đổi, phân phối, tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ<sup>1</sup>. Còn di sản văn hóa là “sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác”<sup>2</sup>. Như vậy, kinh tế di sản là loại hình kinh tế dựa vào giá trị các di sản văn hóa.*

Nghiên cứu kinh tế di sản xác định kinh tế di sản là một ngành khoa học, như một lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng thực nghiệm riêng biệt trong kinh tế học. Quá trình nghiên cứu này được các nhà kinh tế học tiến hành từ đầu của những năm 1990 của thế kỷ XX. Ba lĩnh vực nghiên cứu quan trọng được nhấn mạnh: lý thuyết và ứng dụng phân tích kinh tế cho các vấn đề di sản; phương pháp đánh giá và sự phù hợp của chúng để đánh giá giá trị văn hóa; tác động kinh tế của chính sách di sản. Khi Viện bảo tồn Getty tổ chức một hội thảo về các giá trị trong bảo tồn di sản ở Los Angeles vào tháng 12/1998, lĩnh vực kinh tế học di sản với tư cách là một chuyên ngành dễ nhận biết trong lĩnh vực kinh tế văn hóa đã được thiết lập vững chắc chỉ mới được gần một thập niên. Sự quan tâm lẻ tẻ đến các vấn đề di sản giữa các nhà kinh tế học đã xuất hiện được vài năm, nhưng bài báo của Alan Peacock gửi cho Học viện Anh năm 1994 lần đầu tiên thu hút sự chú ý rộng rãi với các câu hỏi đặt ra liệu kinh tế học hình thức có được áp dụng cho quá trình ra quyết định về di sản hay không. Trong những năm ngay sau bài báo của Peacock, ngày càng có nhiều nhà kinh tế quan tâm đến tính kinh tế của di sản dẫn đến sự xuất hiện của hai tuyển tập bài viết được xuất bản vào cuối những năm 1990 (Schuster, de Moncheaux, and Riley 1997; Hutter and Rizzo 1997, Mason, Randall, ed. 1999). Các công trình này đã giúp các nhà kinh tế đóng góp hợp lý vào các cuộc thảo luận về di sản văn hóa mà không cho rằng các giá trị tài chính mới là điều quan trọng. Kể từ đó, tài liệu về kinh tế học di sản đã được bổ sung thêm một số tuyển tập mới (Navrud &

---

1. Bùi Tuấn An: “Kinh tế là gì? Các loại mô hình kinh tế ở Việt Nam”, <http://luatminhkhue.vn>, 2022.

2. Luật Di sản văn hóa năm 2013, ngày 23/7/2013.

Ready, 2002; Rizzo & Towes, 2002; Teutonico & Matero, 2003; Licciardi & Amirtahmasebi, 2012; Rizzo & Mignosa, 2013), và càng ngày có nhiều bài báo và nghiên cứu chuyên khảo về nhiều vấn đề về lĩnh vực này.

Kinh tế di sản ở Việt Nam mới được tiến hành nghiên cứu trong những năm gần đây. Năm 2017, Hà Hữu Nga đã có bài viết “Kinh tế học di sản”. Tác giả đưa ra khái niệm kinh tế học di sản, định giá lợi ích của kinh tế học di sản, nhận thức về chi phí của di sản, lồng ghép phân tích chi phí lợi ích của di sản với việc ra quyết định<sup>1</sup>. Tác giả Nguyễn Công Thành vào năm 2020 đã có bài đăng với tiêu đề “Ước lượng giá trị kinh tế di sản văn hóa trong tiến trình phát triển đô thị bền vững”<sup>2</sup>. Năm 2021-2023, Sở Văn hóa Nghệ An thực hiện đề tài “Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển kinh tế di sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An”. Tháng 8/2021, Bùi Minh Hào có bài “Nhận thức về kinh tế di sản và việc phát triển kinh tế di sản ở Nghệ An hiện nay”<sup>3</sup>. Năm 2021, Khoa Các khoa học liên ngành có đề tài nghiên cứu “Lượng giá trị di sản văn hóa vật thể, lý thuyết và nghiên cứu thực tế tại phố cổ Hội An” do TS. Bùi Đại Dũng làm chủ nhiệm<sup>4</sup>. Cuối năm 2021, tỉnh Nghệ An tổ chức Hội thảo khoa học “Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn liền với phát triển kinh tế di sản tỉnh Nghệ An”. Trong hội thảo, bên cạnh báo cáo đề dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, các tác giả: Hà Hữu Nga, Lê Nguyên Phương, Đỗ Thị Nụ, Bùi Mạnh Hào cũng đã trình bày các tham luận về kinh tế di sản. Năm 2022, Phạm Quỳnh Phương có bài nghiên cứu về kinh tế học di sản. Tác giả đề cập đến ba vấn đề: đầu tiên là “*kinh tế học di sản, vốn văn hóa và vốn tự nhiên của di sản*”; thứ hai là “*lượng di sản văn hóa: giá trị và đo lường*”; cuối cùng là việc “*định giá di sản, thách thức giữa bảo tồn và phát triển*”<sup>5</sup>.

---

1. Xem Hà Hữu Nga: “Kinh tế học di sản”, <http://kattigara-echo.blogspot.com/>, 2017.

2. Nguyễn Công Thành: “Ước lượng giá trị kinh tế di sản văn hóa trong tiến trình phát triển đô thị bền vững”, <https://khoamoitruongdothi.neu.edu.vn/vi/cong-trinh-nckh/uoc-luong-gia-tri-kinh-te-di-san-van-hoa-trong-tien-trinh-phat-trien-do-thi-ben-vung>.

3. Bùi Minh Hào: “Nhận thức về kinh tế di sản và việc phát triển kinh tế di sản ở Nghệ An hiện nay”, tạp chí *Khoa học - Công nghệ Nghệ An*, số 8, 2021, tr.34.

4. Bùi Đại Dũng: “Lượng giá trị di sản văn hóa vật thể, lý thuyết & nghiên cứu thực tế tại phố cổ Hội An”, <http://vnu.edu.vn>, 2021.

5. Phạm Quỳnh Phương: “Kinh tế học di sản: vốn văn hóa, định giá di sản và những thách thức”, Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2022.

Như vậy, các nhà nghiên cứu Việt Nam bước đầu đã nghiên cứu về kinh tế học di sản, họ đã phân tích các yếu tố hình thành nên kinh tế học di sản cũng như các giá trị di sản, vốn văn hóa, thước đo giá trị... của kinh tế học di sản. Đây là những nghiên cứu có giá trị đặt nền móng trong ngành kinh tế học di sản ở Việt Nam. Khoa Các khoa học liên ngành trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã đi tiên phong xây dựng môn học kinh tế học di sản do TS. Bùi Đại Dũng giảng dạy. Việc nghiên cứu và giảng dạy này cũng góp phần phổ biến các kiến thức bước đầu về kinh tế học di sản. Tuy nhiên các tác giả Việt Nam mới chú trọng về dịch thuật các tài liệu nước ngoài phổ biến chứ ít xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để lý giải. Vì vậy, khái niệm về kinh tế di sản chưa được bàn thảo sâu. Mặt khác, các ngành thuộc kinh tế di sản ở Việt Nam là những ngành gì (hay loại hình gì)? Các đặc điểm của kinh tế di sản ra sao? Từ đặc điểm đó, vận dụng vào thực tiễn như thế nào? Đây là những khoảng trống ít được các tác giả đề cập.

## II- BA NGUYÊN TẮC VĂN HÓA ĐÃ TẠO RA BƯỚC PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ TRONG KINH TẾ DI SẢN HIỆN NAY

Đề cương văn hóa năm 1943 đề cao vai trò của ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa: 1- *Dân tộc hóa* (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); 2- *Đại chúng hóa* (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng); 3- *Khoa học hóa* (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Trong bối cảnh lịch sử Việt Nam đang bị thực dân Pháp và phát xít Nhật đô hộ thì các nguyên tắc chủ yếu đề cập đến những vấn đề cần “chống” để xây dựng văn hóa nhưng hiện nay, trong quá trình xây dựng nền văn hóa mới thì vấn đề “xây dựng” càng được đề cao. Bối cảnh thay đổi, nhiều vấn đề trong Đề cương đề cập tới cũng phải thay đổi. Nhưng riêng ba nguyên tắc văn hóa luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các thời kỳ lịch sử. Ngày nay, ba nguyên tắc này càng chiếu sáng những vấn đề trong thực tiễn. Kinh tế di sản muốn phát triển cần phải thấm nhuần ba nguyên tắc văn hóa (ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa).

Nguyên tắc thứ nhất, “dân tộc hóa” - chính là mục tiêu và động lực để xây dựng nền kinh tế di sản. Toàn bộ di sản của một đất nước, một địa phương đều gắn liền với chủ nhân là một cộng đồng dân tộc cụ thể. Do đó, nguyên tắc dân tộc chi phối toàn bộ kinh tế di sản. Tính dân tộc không những xác định chủ nhân của di sản mà còn là đặc trưng của di sản, nhờ có tính dân tộc nên hàm lượng giá trị văn hóa trong kinh tế di sản được tỏa sáng. Sự đa dạng các tộc người cũng tạo ra sự đa dạng văn hóa, đa dạng kinh tế di sản ở Việt Nam.

Nguyên tắc “đại chúng hóa” cũng phản ánh đặc trưng của kinh tế di sản. Nền kinh tế di sản bắt nguồn từ cộng đồng của các tộc người, các địa phương. Người dân là chủ nhân của văn hóa. Vì thế, kinh tế di sản văn hóa cũng mang tính “đại chúng hóa”. Tính “đại chúng hóa” không chỉ xác lập chủ nhân, đặc trưng của kinh tế di sản mà còn xác lập thuộc tính của kinh tế di sản, giúp cho kinh tế di sản có thể thâm nhập được nhiều thị trường khác nhau, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.

Nguyên tắc “khoa học hóa” là tiêu chí và cũng là thước đo sự phát triển của kinh tế di sản. Kinh tế di sản muốn chinh phục được đông đảo người tiêu dùng phải có giá trị khoa học. Giá trị khoa học luôn là tiêu chí để kinh tế di sản tái sáng tạo, không ngừng phát triển. Tính khoa học trong kinh tế di sản là hàm lượng của “vốn văn hóa” chứa đựng trong mỗi sản phẩm. Nhờ có hàm lượng đó, các sản phẩm mới đáp ứng được yêu cầu hiện tại và tương lai của người tiêu dùng. Nhờ có nguyên tắc “khoa học hóa”, kinh tế di sản sẽ nở rộ nhiều thành tựu, được quản lý hiệu quả và có những bước phát triển mạnh (nhất là khi đã áp dụng các thành tựu khoa học mới trong sản xuất, phân phối với tiêu dùng).

### III- CÁC LOẠI HÌNH KINH TẾ DI SẢN

Kinh tế di sản là một ngành kinh tế mới, trong ngành kinh tế này có nhiều loại hình khác nhau như: du lịch di sản, các sản phẩm nông nghiệp OCOP, ngành công nghiệp văn hóa “ăn theo” biểu tượng và giá trị của di sản, ẩm thực truyền thống, nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống... Các loại hình thuộc kinh tế di sản đều có đặc điểm chung là bắt nguồn từ di sản, là các loại hình kinh tế dựa vào giá trị của các di sản văn hóa.

## 1. Du lịch di sản

Du lịch di sản bao gồm việc tham quan các địa điểm có nhiều di sản (cả vật thể và phi vật thể). Du lịch di sản cũng thường dựa vào các yếu tố đã sinh ra, được bồi đắp và đang tồn tại của di sản văn hóa. Như vậy, có thể định nghĩa ngắn gọn: *Du lịch di sản là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở khai thác các giá trị di sản văn hóa, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.*

Các loại hình du lịch di sản ở Việt Nam chủ yếu như sau:

- *Du lịch tâm linh (du lịch tín ngưỡng)* là loại hình du lịch di sản phổ biến thu hút được đông đảo du khách. Du lịch tâm linh thực chất là loại hình du lịch văn hóa, lấy yếu tố văn hóa tâm linh nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh của con người. Như vậy, du lịch tâm linh là loại hình du lịch dựa vào việc gửi gắm niềm tin nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu của con người thông qua những lễ nghi, đáp ứng nguyện vọng của cá nhân và cộng đồng.

- *Du lịch cội nguồn* là loại hình du lịch di sản đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, giáo dục truyền thống lịch sử dựng nước và giữ nước. Đó là các cuộc về nguồn lên căn cứ địa Việt Bắc, căn cứ miền Đông Nam Bộ, hoặc các loại hình du lịch “thăm chiến trường xưa” hoặc du lịch hoài niệm về các chiến trường xưa đang thịnh hành, phát triển mạnh trong những năm gần đây.

- *Du lịch trải nghiệm văn hóa*: Hiện nay, cuộc sống đang biến đổi mạnh mẽ, nhiều nước phát triển đã vượt qua thời kỳ công nghiệp, chuyển sang hậu công nghiệp. Các nước đang phát triển cũng đã vượt qua giai đoạn kinh tế nông nghiệp, chuyển sang kinh tế công nghiệp. Vì vậy, nhu cầu khám phá về nền văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp đang trở thành một nhu cầu của lớp trẻ và cư dân đương đại. Các du khách quốc tế muốn đến các nước đang phát triển để được trải nghiệm nền văn hóa nông nghiệp. Các du khách ở đô thị cũng muốn trở về thôn quê nhằm khám phá kỹ thuật canh tác, tri thức bản địa. Vì thế, xu hướng du lịch trải nghiệm đang trở thành một xu hướng quan trọng chi phối các hoạt động du lịch. Các phương thức canh tác ở miền núi như làm ruộng bậc thang, “chọc lỗ tra hạt”, các ngành nghề thủ công như chạm khắc bạc của người Mông, người Dao, dệt thổ cẩm của người Tày, người Thái, người Mường, nghề làm gốm của người Chăm, tri thức dân gian trong ứng xử với rừng của người Hà Nhì,... đang là những xu hướng du lịch mới.



- Du lịch di sản còn bao gồm các loại hình đi tham quan các bảo tàng, các di tích cổ, các địa điểm khai quật khảo cổ...

Như vậy, du lịch di sản bao gồm nhiều loại hình khác nhau nhưng đều liên quan đến di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Du lịch di sản không chỉ có chức năng khám phá, nâng cao hiểu biết mà còn giáo dục truyền thống của quê hương, đất nước với du khách. Chức năng này đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành lòng yêu nước, kính trọng truyền thống của cha ông.

## 2. Sản xuất OCOP

Nước ta đang triển khai chương trình mỗi xã phường có một sản phẩm gọi là OCOP. Đây là tên viết tắt của cụm từ “One Commune One Product” được hiểu là “Mỗi xã một sản phẩm”. Trọng tâm của chương trình OCOP là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị, do các thành phần kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, hộ sản xuất) và kinh tế tập thể thực hiện. Các sản phẩm này đều là sản phẩm truyền thống được kết tinh từ vốn văn hóa của cộng đồng và người dân ở các vùng. Qua hàng nghìn năm lịch sử, cộng đồng cư dân ở các vùng khác nhau đã dựa vào điều kiện tự nhiên sáng tạo ra tri thức dân gian (tri thức bản địa, tri thức tộc người). Các tri thức này chính là các di sản văn hóa được chọn lọc và trao truyền cho nhiều thế hệ. Do đó các sản phẩm đều chứa đựng giá trị của di sản văn hóa phi vật thể. Nhờ có di sản này, nhờ có vốn văn hóa của cộng đồng nên các sản phẩm OCOP đều trở thành đặc sản, thậm chí, trở thành một nguồn lực phát triển ở các bản làng nông thôn.

Như vậy, các sản phẩm OCOP kết tinh tinh hoa của di sản cộng đồng. Quá trình sản xuất sản phẩm OCOP cũng chính là quá trình sản xuất kinh tế di sản, chương trình sản xuất OCOP là chương trình kinh tế di sản.

## 3. Các sản phẩm mang theo giá trị biểu tượng của di tích, di sản

Một đặc điểm nổi trội của di sản, di tích là tính biểu tượng, tượng trưng rất cao<sup>1</sup>. Các di tích ở Hội An, Hà Nội (ví dụ như: Hồ Gươm, Văn Miếu,

---

1. Bùi Minh Hào: “Nhận thức về kinh tế di sản và việc phát triển kinh tế di sản ở Nghệ An hiện nay”, *Đặc san Khoa học - Công nghệ Nghệ An*, số 8, 2021, tr.34.

Hoàng Thành...) đều trở thành các biểu tượng xuất hiện trên truyền thông đi vào một số sản phẩm như trò chơi điện tử, các đồ lưu niệm (áo, mũ, túi, bút, sổ...). Đây là một đặc điểm về con đường phát huy giá trị di sản trong hàng hóa. Tính biểu tượng của di sản càng được quảng bá, càng hàm chứa giá trị nổi tiếng thì biểu tượng đó càng trở thành đắt giá. Tuy nhiên, không có hiện tượng bán biểu tượng như hàng hóa thông thường mà biểu tượng đó phải được kết tinh trong các loại hàng hóa khác nhằm nâng cao lợi nhuận. Chiếc mũ có chữ “Hội An” hoặc các đồ vật có logo của Văn Miếu - Quốc Tử Giám thì giá trị hàng hóa đó cao gấp nhiều lần giá trị thật. Vì thế các điểm tham quan di tích, điểm trải nghiệm, thưởng thức các giá trị di sản phi vật thể đều có các quầy hàng bán các sản phẩm mang tính biểu tượng của di tích. Các di tích văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể đã tạo ra một ngành sản xuất mới - ngành sản xuất đồ lưu niệm, quà tặng mang tính biểu tượng của di sản. Di tích càng nổi tiếng thì giá trị kinh tế của các sản phẩm mang tính biểu tượng càng lớn.

Bên cạnh các loại hình kinh tế di sản chủ yếu trình bày ở trên, còn nhiều loại hình sản phẩm kinh tế di sản như các ngành nghề thủ công mỹ nghệ, các sản phẩm lương thực thực phẩm, các ẩm thực gắn liền với di sản phi vật thể nổi tiếng ở trong nước (ví dụ như phở Việt Nam, bánh đa Việt Nam, nước mắm Phú Quốc, trà Thái Nguyên...). Các sản phẩm có nguồn gốc khác nhau nhưng đều chung một đặc điểm là mang giá trị di sản. Nhờ có di sản nên các sản phẩm này trở thành những mặt hàng nổi tiếng, có giá trị kinh tế cao.

#### IV- ĐẶC ĐIỂM CỦA KINH TẾ DI SẢN

Kinh tế di sản là ngành kinh tế có nhiều tính đặc thù. Vì vậy cần coi trọng tính đặc thù tác động đến thực tiễn, từ đó xây dựng các chính sách, giải pháp phù hợp.

##### 1. Kinh tế di sản có nhiều loại giá trị khác nhau

Giá trị kinh tế của di sản có hai loại hình giá trị phổ biến là giá trị sử dụng và giá trị phi sử dụng. Giá trị sử dụng bao gồm ba nhánh nhỏ là *giá trị sử dụng trực tiếp*, *gián tiếp* và *giá trị lựa chọn*; giá trị phi sử dụng bao gồm *giá trị để lại* và *giá trị tồn tại*. Theo TS. Nguyễn Công Thành “Giá trị sử dụng

là lợi ích (độ thỏa dụng) thu được từ hành động hưởng thụ các giá trị di sản (thẩm mỹ, biểu tượng, lịch sử,...). Giá trị sử dụng có thể là giá trị sử dụng trực tiếp (ví dụ như đi du lịch giải trí tại di sản văn hóa; học tập và nghiên cứu tại di sản; lựa chọn sinh sống gần di sản), hoặc giá trị sử dụng gián tiếp (như kinh doanh phục vụ khách du lịch đến khu vực di sản; sản xuất các sản phẩm mang hình ảnh đặc trưng của di sản). Giá trị lựa chọn cũng được xem là giá trị sử dụng, phản ánh nhu cầu của những người mong muốn bảo tồn di sản nhằm phục vụ hành động hưởng thụ các giá trị sử dụng trực tiếp và gián tiếp của những người đó trong tương lai<sup>1</sup>. Cũng theo ông “Giá trị phi sử dụng phản ánh nhu cầu của những người mặc dù không hề có hành động hưởng thụ các giá trị của di sản ở hiện tại cũng như trong tương lai, nhưng vẫn mong muốn bảo tồn di sản văn hóa. Giá trị phi sử dụng bao gồm giá trị để lại và giá trị tồn tại. Giá trị để lại (lưu truyền) phản ánh sự hài lòng khi biết rằng các thế hệ tương lai có thể hưởng thụ các giá trị của di sản văn hóa. Giá trị tồn tại liên quan đến sự hài lòng khi biết rằng di sản tiếp tục tồn tại nhằm đảm bảo giá trị của toàn bộ hệ thống lịch sử và văn hóa”<sup>2</sup>.

Trong thực tiễn, giá trị phi sử dụng nhiều khi đem lại lợi ích kinh tế lớn hơn gấp nhiều lần so với giá trị sử dụng. Một chiếc túi thổ cẩm của người Mông ở Sapa chỉ giá trị sử dụng từ 15.000 đến 20.000 đồng nhưng khi người Mông thêu tay ở một làng nghề cụ thể thì giá trị đã nâng lên gấp đôi từ 50.000 tới vài trăm nghìn đồng.

Tương tự như vậy, các mặt hàng OCOP có thêm giá trị văn hóa (tính biểu tượng, tính thẩm mỹ, giá trị lịch sử, kết tinh tri thức dân gian...) có thể tăng lên vài chục lần so với giá trị sử dụng. Vì vậy, trong kinh tế di sản, phải coi trọng cả giá trị sử dụng và giá trị phi sử dụng.

## **2. Vai trò của các bên tham gia kinh tế di sản rất chặt chẽ**

Bất cứ một sản phẩm của kinh tế di sản nào cũng đều có sự đóng góp công sức, phối hợp quản lý và sản xuất. Một sản phẩm du lịch “ruộng bậc thang”

---

1, 2. Nguyễn Công Thành: “Ước lượng giá trị kinh tế di sản trong tiến trình phát triển”, <https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/uoc-luong-gia-tri-kinh-te-di-san-van-hoa-trong-tien-trinh-phat-trien-d10243.html>, 2019.

của Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái muốn trở thành hàng hóa có nhiều du khách đến tham quan, chiêm ngưỡng thì phải có sự kết hợp quản lý, định hướng, quy hoạch của chính quyền địa phương. Đồng thời, quy trình canh tác ruộng bậc thang có kết tinh trí thức dân gian của cộng đồng người Mông được trao truyền qua nhiều thế hệ. Mặt khác, có sự tham gia của các doanh nghiệp đưa khách đến Mù Cang Chải tham quan, đồng thời, cũng có sự tư vấn, nghiên cứu của các nhà khoa học nhằm làm giàu giá trị của sản phẩm; ngoài ra, sản phẩm “ruộng bậc thang” còn được quảng bá trên hệ thống thông tin đại chúng, mạng xã hội...

Một sản phẩm OCOP của bất cứ xã nào mang tính truyền thống cũng đều có sự tham gia của nhiều bên. Vì vậy, cần xây dựng mối quan hệ hài hòa lợi ích trong phát triển kinh tế di sản.

### **3. Kinh tế di sản dễ xảy ra vi phạm bản quyền quyền sở hữu trí tuệ**

Các di sản đều là thành tựu, giá trị của một cộng đồng, một địa phương, một quốc gia hoặc của toàn nhân loại. Giá trị đó lại được kết tinh qua nhiều đời, nhiều thế hệ. Tính lịch sử càng cao thì di sản càng có giá trị. Nhưng trong thực tiễn, quyền sở hữu của giá trị luôn luôn bị vi phạm. Di sản đó được Nhà nước đầu tư, bảo tồn, phục chế thì cuối cùng lại trở thành di sản của Nhà nước chứ không phải di sản của dòng họ, của cộng đồng người dân (trường hợp một số di tích của dòng họ Vương - Hà Giang, dòng họ Hoàng - Lào Cai...). Trong lĩnh vực phi vật thể, hiện tượng này trở thành phổ biến. Hiện nay, các hội xuân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số đang diễn ra khắp nơi, chính quyền địa phương có hỗ trợ một phần kinh phí để quảng bá, thu hút khách du lịch nhưng các lễ hội đều có băng rôn, sân khấu ghi rõ “Ủy ban nhân dân xã X, xã Y - Lễ hội xuống đồng, Lễ hội Gầu Tào,...”. Thậm chí có nhiều nơi, chính quyền thôn còn đứng ra thu lệ phí tham quan của du khách. Nhiều trường hợp ở các vùng du lịch, di sản thuộc cộng đồng địa phương nhưng doanh nghiệp đầu tư một số sản phẩm và bán vé còn người dân chỉ để hưởng lợi rất ít. Điển hình như làng du lịch Cát Cát của người Mông ở thị trấn Sapa, mỗi năm doanh nghiệp thu hàng chục tỷ đồng nhưng chỉ chi cho người dân trong làng một vài trăm triệu trong khi đó cảnh quan thôn bản Mông, nghề thủ công của người Mông, sinh hoạt văn hóa của người Mông

trong thôn. Họ là chủ nhân của điểm du lịch nhưng lại trở thành người làm thuê chịu sự bóc lột của doanh nghiệp. Hiện tượng này càng phổ biến ở các mặt hàng OCOP. Mỗi mặt hàng trở thành hàng hóa trao đổi trên thị trường đều kết tinh tinh hoa của cả cộng đồng, của dân tộc, gọi là vốn văn hóa nhưng khi doanh nghiệp làm thương hiệu và sản xuất bán hàng loạt trên thị trường thì cộng đồng mất quyền sở hữu di sản.

## V- QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ DI SẢN THEO TINH THẦN CỦA ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA NĂM 1943

### 1. Quan điểm phát triển bền vững của kinh tế di sản

Kinh tế di sản phải xác định phát triển bền vững là định hướng lâu dài, xuyên suốt. Kinh tế di sản phát triển bền vững cần phải dựa theo 4 trụ cột: văn hóa - môi trường - xã hội - kinh tế:

- Bảo tồn di sản văn hóa: Phải xác định bảo tồn di sản là nguyên tắc hàng đầu, không hy sinh di sản để phát triển kinh tế bằng mọi giá, trong đó phải chú trọng “tích hợp một cách cẩn thận kinh tế vào văn hóa địa phương chứ không phải tích hợp văn hóa vào kinh tế”<sup>1</sup>. Đặc biệt chú ý đến vòng đời, “tuổi thọ” của điểm và khu du lịch, chống sự quá tải trong việc đón khách.

- Bảo vệ môi trường: Cần xây dựng một chiến lược sử dụng tốt nhất các tài nguyên môi trường, xác định môi trường tự nhiên và cảnh quan sinh thái là điều kiện tiên quyết trong phát triển kinh tế di sản tương lai.

- Về xã hội: Cần giải quyết mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích của các bên tham gia hoạt động kinh tế di sản, trong đó phải đề cao vai trò chủ nhân của cộng đồng địa phương trong hưởng lợi kinh tế di sản. Mặt khác, kinh tế di sản bền vững cũng phải chú ý vấn đề giới, vấn đề tỷ lệ thất nghiệp theo mùa, xóa bỏ các tệ nạn chèo kéo khách.

- Về kinh tế: Bảo đảm sự hoạt động kinh tế di sản tồn tại lâu dài, trong đó không khuyến khích toàn bộ người dân chuyển sang làm kinh tế du lịch, mà cần định hướng cộng đồng cư dân địa phương vừa thực hành kinh tế truyền

---

1. Đặng Thị Phương Anh - Bùi Thị Thu Vân: *Phát triển du lịch bền vững*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, tr.36.

thống vừa tham gia kinh doanh du lịch. Lợi nhuận của kinh tế di sản cần phải được phân bổ một cách công bằng, ổn định, đóng góp cho việc xóa đói giảm nghèo ở địa phương, cân bằng giữa sự phát triển kinh tế truyền thống và phát triển du lịch.

## 2. Giải pháp phát triển kinh tế di sản

*2.1. Về ban hành các thể chế, hoạch định chính sách quản lý:* Trước mắt, cần bổ sung và sửa đổi Luật Di sản văn hóa, Luật Du lịch, trong đó bổ sung các điều, khoản về vai trò của cộng đồng với bảo tồn di sản, vai trò và quyền lợi của cộng đồng trong phát triển kinh tế di sản. Nêu rõ các điều, khoản về sự hài hòa giữa bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch, đặc biệt chú trọng vấn đề quyền sở hữu của di sản...

*2.2. Xây dựng chính sách linh hoạt, hiệu quả về trùng tu, tôn tạo di tích, về bảo tồn di sản:* Chủ động phân cấp quản lý di tích cho chính quyền và cộng đồng cư dân địa phương phù hợp với thực tiễn. Mặt khác, xây dựng chính sách về xã hội hóa và trùng tu, tôn tạo di tích, trong đó quy định về quyền lợi và trách nhiệm của người đóng góp vốn trùng tu, tôn tạo, quyền lợi và trách nhiệm của chính quyền địa phương quản lý di tích.

*2.3. Xây dựng “Quỹ trùng tu, tôn tạo di sản”:* Trong đó quy định rõ nguồn thu từ kinh tế di sản đóng góp, các nguồn thu do doanh nghiệp, nhà hảo tâm ủng hộ cho “Quỹ trùng tu, tôn tạo di sản”. Xây dựng các quy định về quản lý Quỹ mang tính chất minh bạch, công khai, khoa học và hiệu quả.

*2.4. Tăng cường nghiên cứu kinh tế di sản và quy hoạch kinh tế di sản:* Kinh tế di sản là một ngành kinh tế mới. Kinh tế di sản sẽ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế. Kinh tế di sản cũng là động lực quan trọng để xây dựng và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc. Vì vậy, cần phải chú trọng nghiên cứu khoa học về kinh tế di sản. Trước hết là cần nhận diện các loại hình kinh tế trong ngành kinh tế di sản. Từ đó, phân tích đặc trưng, đặc điểm cũng như giá trị của kinh tế di sản, xử lý các mâu thuẫn phát sinh khi phát triển kinh tế di sản ở cơ sở. Mặt khác, cũng cần phải tiến hành quy hoạch các loại hình trong ngành kinh tế di sản. Xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, phát triển kinh tế di sản theo ba nguyên tắc: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”.

\*

\* \*

Kinh tế di sản là một ngành kinh tế còn non trẻ. Các nhà khoa học trên thế giới mới đề cập đến kinh tế di sản vào thập kỷ 90 của thế kỷ XX, còn các nhà khoa học Việt Nam mới nghiên cứu trong một vài năm gần đây. Cần vận dụng ba nguyên tắc văn hóa: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” nhằm tìm hiểu đặc điểm, cơ chế cũng như quan điểm và giải pháp phát triển của kinh tế di sản ở Việt Nam, từ đó, hy vọng kinh tế di sản Việt Nam sẽ được nhiều nhà khoa học coi trọng, góp phần tạo động lực cho văn hóa Việt Nam phát triển.

## ÂM NHẠC MỚI VIỆT NAM: DÂN TỘC - KHOA HỌC - ĐẠI CHÚNG

PGS.TS. KIỀU TRUNG SƠN\*

**T**ừ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, quy chiếu một cách tổng quan vào âm nhạc mới Việt Nam, có thể nhận thấy rõ các tiêu chí: dân tộc - đại chúng - khoa học được phản ánh trong đó như một bức tranh sinh động, cả về hình thức lẫn tư tưởng nghệ thuật.

Âm nhạc mới (còn gọi là “tân nhạc”) và âm nhạc cổ truyền (còn gọi là “cổ nhạc”) là hai bộ phận quan trọng hợp thành nền âm nhạc Việt Nam. Bài viết này chỉ đề cập đến bộ phận âm nhạc mới Việt Nam, bởi lịch sử hình thành và phát triển của nó gắn liền với lịch sử văn hóa Việt Nam thế kỷ XX.

Nếu như *Dân tộc* hàm nghĩa gắn với Tổ quốc (quốc gia, dân tộc), với lòng yêu nước, ý thức độc lập dân tộc; *Đại chúng* hàm nghĩa là phổ biến, gần gũi, dễ tiếp nhận với mọi tầng lớp nhân dân; *Khoa học* hàm nghĩa là đúng quy luật, là phương pháp, phù hợp quy luật phát triển của sự việc, sự vật; thì âm nhạc mới Việt Nam bao chứa đầy đủ tính chất của các tiêu chí này trong suốt lịch sử hình thành và phát triển của nó.

### **Bối cảnh của Đề cương văn hóa năm 1943 và tiêu chí dân tộc - đại chúng - khoa học**

Từ năm 1930, thời điểm Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, đến thời điểm Đề cương về văn hóa Việt Nam ra đời, tình hình thế giới và tình hình trong nước hết sức phức tạp. Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra khốc liệt. Năm 1940, phát xít Nhật lật đổ quyền cai trị của Pháp ở Đông Dương,

---

\* Viện Nghiên cứu văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.



khống chế triều đình nhà Nguyễn, chiếm đoạt tài nguyên, khủng bố những người cộng sản, bắt người Việt Nam phục dịch cho chúng. Nông dân Việt Nam, tầng lớp đông đảo nhất bị bần cùng hóa; tầng lớp trí thức tiểu tư sản bị quan, bế tắc, trước bối cảnh đất nước bị giày xéo, giằng xé với sự bất lực hoàn toàn của triều đình Huế; Đảng Cộng sản, bộ phận ưu tú của giai cấp công nhân, thành phần cơ bản nhất có đủ ý chí nghị lực và nền tảng tư tưởng lãnh đạo dân tộc Việt Nam, lúc đó phải hoạt động bí mật. Trong hoàn cảnh đầy khó khăn, nguy hiểm rình rập nhưng Đảng vẫn có thể nhìn trước được (tiên đoán) tình hình, diễn tiến của lịch sử và định hướng trước cho nền văn hóa tương lai của đất nước với các tiêu chí: dân tộc - đại chúng - khoa học.

Tiêu chí *dân tộc*, được ghi nhận như một tất yếu lịch sử. Thời điểm đó, độc lập dân tộc là đòi hỏi bức thiết, đầu tiên mà Đảng Cộng sản nhận thức sâu sắc trong cương lĩnh chính trị của mình. Đó cũng là khẩu hiệu tập hợp toàn thể các giai tầng trong xã hội, huy động sức mạnh toàn dân lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, xóa bỏ chế độ quân chủ bù nhìn. Mặt trận Việt Minh ra đời (19/5/1941) để đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn cách mạng. Việt Minh cần có đội ngũ cán bộ văn hóa tuyên truyền tư tưởng cách mạng, cần có một cương lĩnh, tiêu chí nhất quán làm kim chỉ nam cho hoạt động tuyên truyền văn hóa mới cho mọi tầng lớp nhân dân, thống nhất ý chí, cùng Đảng Cộng sản và Việt Minh hoàn thành sứ mệnh lịch sử, lập ra một Nhà nước Việt Nam mới.

Sau năm 1945, tuy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời song đất nước lại bước vào cuộc chiến tranh giải phóng 30 năm (1945-1975). Một lần nữa độc lập dân tộc lại gặp thách thức, tiêu chí *dân tộc* một lần nữa khẳng định vai trò của nó trong sự nghiệp thống nhất dân tộc, thống nhất đất nước. Chiến thắng 30/4/1975 giải phóng đất nước, thống nhất toàn dân tộc, Tổ quốc non sông thu về một mối. Ngay ở hiện tại, tiêu chí *dân tộc* trong văn hóa Việt Nam vẫn nguyên vẹn tính thời sự, bởi đâu đó vẫn còn những dư chấn của nỗi đau chiến tranh, chia rẽ dân tộc, một vấn đề mà các thế hệ người Việt Nam hiện tại và tương lai cần giải quyết, thực sự hòa giải, hòa hợp dân tộc.

Trong cương lĩnh văn hóa 1943, tinh thần của tiêu chí *dân tộc* dựa trên nền tảng ý chí thống nhất dân tộc, giải phóng đất nước. Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, tiêu chí *dân tộc* không chỉ thể hiện qua sự tôn trọng, tiếp nối

văn hóa truyền thống, sáng tạo văn hóa dựa trên nền tảng bản sắc văn hóa 54 dân tộc, mà còn tiếp tục thể hiện tinh thần yêu Tổ quốc, yêu dân tộc, tự hào là người Việt Nam. Về khía cạnh nào đó, tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc cũng là một bản sắc văn hóa của người Việt. Bản sắc này được hình thành và hun đúc, kết tinh qua hàng ngàn năm lịch sử chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc của người Việt Nam.

Tiêu chí *khoa học*, đặt ra trong bối cảnh đất nước nghèo nàn tăm tối, hơn 90% người dân không biết chữ<sup>1</sup>, có vẻ như hơi quá so với thực tiễn. Tuy nhiên, nhìn rộng ra, khoa học không chỉ có ở lĩnh vực tự nhiên, mà còn trong lĩnh vực xã hội, nhân văn; khoa học có nghĩa là phù hợp với thực tiễn, với quy luật tư duy, quy luật phát triển xã hội. Như thế, bối cảnh “mù chữ” không phải là điều kiện phủ nhận tính khoa học trong phát triển văn hóa. Cho dù trong bối cảnh năm 1943 tăm tối, khó khăn như đã nêu, nhưng với tinh thần dân tộc, hiểu về lịch sử văn hóa dân tộc và với niềm tin chiến thắng, Đảng ta đề ra tiêu chí *khoa học* trong Đề cương. Thực tiễn lịch sử đã cho thấy, tiêu chí này hoàn toàn khả thi.

Tiêu chí *đại chúng* luôn mang tính thời sự và gắn với sự phát triển văn hóa ở bất kỳ một giai đoạn lịch sử nào của đất nước. Văn hóa của một đất nước hình thành, tồn tại và phát triển là kết quả sáng tạo, thụ hưởng và dung dưỡng của toàn dân tộc. Tính đại chúng có thể coi như một quy luật tồn tại và phát triển văn hóa. Từng có cuộc tranh luận trên diễn đàn văn học nghệ thuật vào khoảng giữa thế kỷ XX: “nghệ thuật vị nghệ thuật” hay “nghệ thuật vị nhân sinh”, nhưng chỉ vài chục năm sau, không thấy nhắc đến nữa. Cuộc tranh luận đầy tính triết lý đó nhanh chóng rơi vào quên lãng, có lẽ bởi câu trả lời quá rõ và dễ hiểu. Văn hóa nghệ thuật nếu không “vị nhân sinh” thì không có lý do tồn tại; mà suy ngẫm sâu hơn, không “vị nhân sinh” thì chẳng thể nào hình thành văn hóa. Con người sáng tạo văn hóa vì con người. Bởi vậy, một nền văn hóa phát triển mạnh mẽ cần đảm bảo tiêu chí *đại chúng*. Văn hóa đại chúng là văn hóa mà bất cứ ai (thành phần dân tộc, thành phần xã hội, lứa tuổi, giới tính...) cũng có thể hưởng thụ, tham gia, sáng tạo. Người

---

1. Theo một số tư liệu lịch sử và tư liệu báo chí viết về phong trào Bình dân học vụ năm 1945, 95% người Việt Nam mù chữ, trong tổng số dân thời điểm đó ước đoán khoảng trên dưới 20 triệu.

dân/đại chúng luôn cảm nhận mình là một phần của nền văn hóa đó, tiếp nhận và sống trong văn hóa đó một cách tự nhiên, không cảm thấy xa lạ, gượng ép.

### **Dân tộc - đại chúng - khoa học trong âm nhạc mới Việt Nam**

Âm nhạc mới Việt Nam, hình thành và phát triển nhờ tiếp thu lý thuyết âm nhạc phương Tây. Thời điểm ra đời âm nhạc mới được một số nhà nghiên cứu lịch sử âm nhạc Việt Nam tính từ năm 30 của thế kỷ XX, với sự ra đời ca khúc “Cùng nhau đi hồng binh” của Đinh Nhu. Không loại trừ khả năng hình thức ca khúc nhạc mới ở Việt Nam có thể đã xuất hiện trước năm 1930, tuy nhiên ca khúc này được tính là đầu tiên bởi sức lan tỏa mạnh mẽ của nó. Tác giả ca khúc, Đinh Nhu, là một chiến sĩ cách mạng bị bắt, tù đầy ở Hỏa Lò, sáng tác ca khúc lấy cảm hứng từ phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. Ngay sau khi ra đời, ca khúc lan truyền mạnh mẽ từ trong các nhà tù thực dân đến toàn thể quần chúng cách mạng nhờ giai điệu hành khúc ngắn gọn, dễ nhớ, lời ca thúc giục, giản dị, cuốn hút. Nhiều ý kiến trong các tư liệu nhất trí “Cùng nhau đi hồng binh” là ca khúc tân nhạc đầu tiên, nhưng thời điểm chính thức ra đời của nền tân nhạc Việt Nam không phải năm 1930 mà là năm 1938, gắn với sự kiện nhạc sĩ Nguyễn Văn Tuyên tổ chức chương trình biểu diễn tuyên truyền ca khúc mới Việt Nam ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam và sự kiện một ca khúc nhạc mới đầu tiên (bài “Bình minh” của nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát) được in trên báo *Ngày nay*.

Trước Đề cương văn hóa năm 1943, sự ra đời và định hình nền âm nhạc mới hoàn toàn tự phát. Do tính tự phát, trong giai đoạn này âm nhạc mới cố gắng thử sức, khám phá mọi khuynh hướng sáng tạo. Sau *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, âm nhạc mới chính thức có sự định hướng rõ ràng với ba tiêu chí cụ thể: dân tộc - đại chúng - khoa học; gắn liền với sự nghiệp giải phóng, bảo vệ và xây dựng đất nước. Ngay sau thời điểm Đề cương văn hóa ra đời, những bài hành khúc hùng tráng như “Lên đàng” (1944) của Lưu Hữu Phước, “Tiến quân ca” (1944) của Văn Cao, “Đoàn Vệ quốc quân” (1945) của Phan Huỳnh Điểu, ngay lập tức hiện thực hóa tinh thần của Đề cương, khởi đầu cho dòng nhạc cách mạng, dòng nhạc chính thống của nước Việt Nam hiện đại.

Âm nhạc là sự sáng tạo và biểu diễn các hình thức nghệ thuật được kết cấu tinh tế từ hệ thống âm thanh nhất định. Mỗi hình thức/thực thể âm nhạc

được gọi là một tác phẩm âm nhạc. Mỗi tác phẩm âm nhạc chứa đựng kết quả của quá trình chắt lọc, dồn nén, nung nấu những cảm xúc và tư tưởng của con người; khi được vang lên/được biểu diễn trọn vẹn, nó trực tiếp tác động đến tinh thần của người nghe một cách mãnh liệt và có sức lan tỏa nhanh chóng, rộng lớn.

Cảm xúc là trạng thái tâm lý, phản ứng tự nhiên/bản năng của con người trước yếu tố bên ngoài. Cảm xúc như những hạt giống có sẵn, tiềm ẩn trong miền ý thức, khi gặp điều kiện, bối cảnh nào đó trong thực tế đời sống, trong con người sẽ nảy sinh một loại cảm xúc tương ứng. Các nhà tâm lý học đã tìm ra, đặt tên và phân loại cảm xúc tích cực: vui vẻ, hạnh phúc, tự hào, hài lòng...; cảm xúc tiêu cực: tức giận, khinh bỉ, xấu hổ, chán nản, buồn bã...

Tư tưởng gắn với lý trí con người, trở thành quan điểm định hướng hành vi của con người. Tư tưởng hình thành qua trải nghiệm, đúc kết từ thực tiễn cuộc sống. Lịch sử loài người gắn liền với những hệ tư tưởng lớn: Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Phật giáo, Khổng giáo, tư tưởng tư sản, tư tưởng cộng sản. Những tư tưởng lớn chi phối sự đấu tranh, phát triển của thế giới loài người. Tư tưởng khác với cảm xúc, không có sẵn trong miền ý thức mà được hình thành qua quá trình tích lũy tri thức. Tư tưởng trong ý thức của con người, giúp con người tự chủ bản thân, kiểm soát cảm xúc, định hướng cuộc đời. Tư tưởng có mối liên hệ khó tách biệt với cảm xúc, dễ bị chi phối bởi cảm xúc, nhiều khi cảm xúc là xuất phát điểm của tư tưởng, thôi thúc tư tưởng quyết tâm thực hiện hành động.

Bởi thế, nếu âm nhạc chứa đựng những cảm xúc và tư tưởng tích cực, nó thực sự là một phương tiện hữu hiệu để động viên, khích lệ, chuyển tải năng lượng tích cực cho con người; ngược lại, nếu âm nhạc chứa đựng cảm xúc, tư tưởng tiêu cực, nó có thể khiến người ta trở nên yếu đuối, buông trôi mọi sự, tiêu phí năng lượng sống. Rõ ràng sự định hướng theo những tiêu chí tích cực giúp cho âm nhạc khẳng định ý nghĩa lớn lao của nó đối với cuộc sống, lan tỏa tác dụng tích cực đối với tinh thần của con người.

Lịch sử âm nhạc mới Việt Nam gắn liền với lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc. Từ năm 1945 đến hết kháng chiến chống thực dân Pháp, về lĩnh vực sáng tác, nền âm nhạc mới chủ yếu mới có tác phẩm thanh nhạc (ca khúc) chưa có tác phẩm khí nhạc. Các nhà hoạt động âm nhạc thời kỳ này thành danh hầu hết do tự học. Về lĩnh vực nghiên cứu lý luận âm nhạc, ngay

trong kháng chiến chống Pháp, nền móng đầu tiên đã được khai trương. Tháng 11/1950, Ban Âm nhạc, Vụ Văn học Nghệ thuật trực thuộc Bộ Giáo dục được thành lập. Trưởng ban là nhạc sĩ Văn Cao, với nhiệm vụ sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc dân tộc. Các công trình sưu tầm nghiên cứu đáng ghi nhận đầu tiên là của nhạc sĩ Tô Vũ (thời điểm đó, ông mới 27 tuổi), và đồng nghiệp gồm: Công trình sưu tầm, ghi âm khoảng 100 làn điệu chèo của Tô Vũ, Xuân Tiên, Xuân Lô; Cải tiến sáo trúc của Tô Vũ, Xuân Thu, Xuân Lô; đặc biệt là 2 công trình *Đại cương về âm nhạc chèo* và *Thanh và âm - Giả thiết về sự hình thành thang 5 âm trong âm nhạc truyền thống* của Tô Vũ hoàn thành khoảng năm 1952-1953. Tiếp theo, năm 1956, cơ sở đào tạo âm nhạc đầu tiên, Trường Âm nhạc Việt Nam được Nhà nước thành lập (nay là Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam), khẳng định quyết tâm “khoa học hóa” nền âm nhạc. Đây cũng là sự kiện ghi nhận tiêu chí “khoa học” trong Đề cương văn hóa năm 1943 được tiến thêm một bước hiện thực hóa quan trọng; đồng thời cũng là sự kiện đặt nền móng đầu tiên cho sự phát triển chính quy, toàn diện trên các lĩnh vực đào tạo, sáng tác, biểu diễn và lý luận âm nhạc mới Việt Nam. Từ cái nôi âm nhạc này, ở lĩnh vực đào tạo và lý luận, nghiên cứu âm nhạc, nhiều nhà sư phạm, nhà lý luận, nhà nghiên cứu âm nhạc đã ghi dấu ấn trong lịch sử âm nhạc Việt Nam, như Ca Lê Thuần, Nguyễn Xuân Khoát, Thái Thị Liên, Vũ Tuấn Đức, Tô Vũ, Nguyễn Văn Thương, Trọng Bằng, Nguyễn Xinh, Xuân Khải, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thụy Loan...; Ở lĩnh vực biểu diễn, về thanh nhạc xuất hiện những tên tuổi như Quốc Hương, Kiều Hưng, Trần Hiếu, Trung Kiên, Lê Dung, Thu Hiền... và rất nhiều tên tuổi khác; về khí nhạc như Hoàng Dương, Bùi Gia Tường, Tạ Bôn, Thanh Tâm, Thao Giang, Mai Phương, Đặng Thái Sơn...; Ở lĩnh vực sáng tác ca khúc, nhiều nhạc sĩ nổi tiếng với các “ca khúc đi cùng năm tháng” như Văn Ký, Huy Du, Chu Minh, Vĩnh Cát, Phạm Tuyên, Hoàng Vân, Phan Huỳnh Điểu, Huy Thục, Nguyễn Tài Tuệ, Hoàng Hiệp,... và nhiều tác giả nổi tiếng khác; Ở lĩnh vực sáng tác khí nhạc, những học viên ưu tú được cử đi tu nghiệp ở nước ngoài (các nước xã hội chủ nghĩa), đã cho ra đời những tác phẩm đầu tiên: Huy Du với tác phẩm “Miền Nam quê hương ta ơi!” (1959) viết cho violon và piano; Nguyễn Văn Thương với tác phẩm “Nhớ về Nam” (1960) viết cho độc tấu sáo trúc; Ca Lê Thuần với tác phẩm “Quê hương tôi trong máu lửa” (1963) viết cho piano; Hoàng Việt với tác phẩm “Quê hương” (1964), tác phẩm

giao hưởng lớn 4 chương đầu tiên của nền nhạc mới Việt Nam,... và còn nhiều tác phẩm của các tác giả khác. Những tác phẩm khí nhạc mang ý nghĩa khởi đầu kể trên cho đến nay vẫn được biểu diễn, âm điệu hào hùng vang lên gợi những cảm xúc tự hào, bồi hồi, những ký ức lịch sử, thân thương gần gũi; chỉ riêng tên của các tác phẩm đó thôi cũng phần nào thể hiện tư tưởng dân tộc - đại chúng - khoa học trong giai đoạn lịch sử cách mạng đó. Trong lĩnh vực sáng tác, bên cạnh các thành tựu về ca khúc và khí nhạc thuần túy, âm nhạc mới Việt Nam còn ghi nhận những vở nhạc kịch (opera) đầu tiên: “Cô Sao” (1965) của Đỗ Nhuận, “Bên bờ Krôngpa” (1968) của Nhật Lai; nhạc múa, nhạc phim của nhiều tác giả khác.

Như thế, ngay sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, kiên định với phương châm của Đề cương văn hóa năm 1943, âm nhạc mới Việt Nam đã ghi dấu ấn lịch sử bằng những thành tựu rực rỡ, trên tất cả các phương diện, lĩnh vực với nhiều thể loại, hình thức, phong cách âm nhạc phong phú, với số lượng đồ sộ những công trình sưu tầm, nghiên cứu, giáo trình giảng dạy, những tác phẩm thanh nhạc, khí nhạc, nhạc kịch, nhạc múa, nhạc sân khấu, nhạc phim... đi cùng năm tháng. Có thể khẳng định rằng, cho đến nay, đại bộ phận âm nhạc mới Việt Nam, trong bản chất của mình, vẫn hàm chứa một cách tự nhiên các tiêu chí dân tộc - đại chúng - khoa học. Ngay từ động cơ sáng tạo của nhạc sĩ đã xuất phát từ cảm xúc sâu đậm đối với con người, quê hương, văn hóa Việt, dẫn đến lựa chọn những chất liệu âm nhạc mang màu sắc dân tộc (tính dân tộc). Trên cơ sở đó, để tạo nên tác phẩm, nhạc sĩ lựa chọn hình thức thể hiện và những kỹ năng cùng thủ pháp sáng tạo phù hợp, tinh tế (tính khoa học). Tác phẩm hoàn thành được đông đảo công chúng đón nhận, yêu thích; luôn được biểu diễn, tái tạo ở nhiều thời điểm, hoàn cảnh khác nhau trong tiến trình phát triển của đất nước (tính đại chúng).

Xây dựng một nền văn hóa mới, con người mới Việt Nam phát triển toàn diện cần đến một “công cụ” hữu hiệu, đó là âm nhạc. Nhìn lại lịch sử, không thể phủ nhận rằng, âm nhạc mới Việt Nam, với bản chất như đã nêu và thế mạnh đặc trưng nghệ thuật, đã đóng góp lớn lao vào công cuộc giải phóng, thống nhất đất nước. Giờ đây âm nhạc mới tiếp tục đồng hành cùng sự phát triển văn hóa Việt Nam, góp phần xây dựng đất nước hướng tới tương lai bền vững. Sự phát triển mạnh mẽ, tích cực của âm nhạc mới Việt Nam, dù nhìn từ góc độ xã hội hay góc độ nghệ thuật đều có thể nhận thấy mối liên hệ mật

thiết tới ba tiêu chí dân tộc - đại chúng - khoa học. Từ góc độ xã hội, có thể hiểu nền âm nhạc mới Việt Nam bám sát các tiêu chí trên vì sự đòi hỏi của thực tiễn lịch sử, những tư tưởng, khuynh hướng chính trị của đất nước. Từ góc độ nghệ thuật, có thể hiểu, đó là yêu cầu tất yếu nội tại mà nghệ thuật âm nhạc cần có để xây dựng một nền âm nhạc bác học phát triển.

\*

\* \*

Đề cương văn hóa năm 1943 là cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa, xác định văn hóa là một mặt trận (trong ba mặt trận: chính trị, kinh tế, văn hóa) có ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng Việt Nam. Làm cách mạng chính trị, dành độc lập dân tộc, xây dựng chế độ mới; cách mạng kinh tế đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo, cải thiện đời sống vật chất cho nhân dân, đồng thời phải làm cách mạng văn hóa, giúp con người Việt Nam thoát khỏi tư tưởng nô dịch, phụ thuộc, tự ti bi quan, cá nhân bế tắc, xa rời hiện thực, trong bối cảnh đất nước thuộc địa nửa phong kiến nửa đầu thế kỷ XX. Muốn làm cách mạng văn hóa tất yếu phải có cương lĩnh chỉ ra con đường đúng đắn, quan điểm định hướng về văn hóa và phát triển văn hóa Việt Nam. Sự ra đời của Đề cương về văn hóa là một tất yếu lịch sử, do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo, được Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương thông qua vào tháng 2/1943.

Quan điểm dân tộc - đại chúng - khoa học, ba tiêu chí cụ thể định hướng văn hóa Việt Nam, đã vượt qua bối cảnh Việt Nam trước năm 1945; qua các cuộc chiến tranh ác liệt đến thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay, đã 80 năm vẫn nguyên vẹn giá trị và tính thời sự. Cho dù về sau, quan điểm của Đảng ta định hướng xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam có sự điều chỉnh thành “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, thì tư tưởng cơ bản của dân tộc - đại chúng - khoa học trong cương lĩnh văn hóa đầu tiên hầu như không có sự khác biệt. “Tiên tiến” đã bao hàm “khoa học”; còn “đậm đà bản sắc dân tộc” cũng bao hàm và nhấn mạnh thêm tính “dân tộc” và tính “đại chúng”.

Đây đó từng có những ý kiến đánh giá, coi âm nhạc mới Việt Nam như công cụ cổ động cho chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa cộng sản. Cách đánh giá

này chứa đựng định kiến chính trị, chỉ nhìn thấy một khía cạnh nhỏ, chưa sát với thực chất và phạm vi ảnh hưởng lớn lao của âm nhạc mới Việt Nam. Giá trị nghệ thuật đích thực của một tác phẩm âm nhạc mới Việt Nam, suy cho cùng, có thể đánh giá dựa trên cơ sở ba tiêu chí nêu trên. Những tác phẩm âm nhạc “đi cùng năm tháng”, những công trình ghi dấu ấn trong lịch sử âm nhạc dân tộc mà hầu hết người Việt Nam biết đến, đều thấm đẫm tinh thần ba tiêu chí cốt lõi đó. Bởi thế, cho đến nay, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 với dân tộc - đại chúng - khoa học còn nguyên giá trị cốt lõi, vẫn là động lực, là tiêu chí phấn đấu của nhiều thế hệ những người hoạt động âm nhạc hiện tại và tương lai.



## TỪ ÁNH SÁNG CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

TS. NGUYỄN THANH SƠN\*

**T**raï qua các thời kỳ lịch sử của Đảng, văn hóa có khi là mặt trận, là lĩnh vực, là sự nghiệp, tuy nhiên bao giờ văn hóa cũng đứng vị trí hàng đầu. Trong hệ thống văn kiện của Đảng, các văn kiện về văn hóa thường được ban hành sớm, kết tinh trí tuệ, tinh thần của dân tộc và thời đại. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời năm 1943 khi đất nước còn chưa giành được độc lập, là văn kiện chính thức đầu tiên, là kim chỉ nam, đặt nền móng, mở đường cho việc xây dựng cơ sở lý luận về văn hóa, văn nghệ của Đảng ta.

### **1. Tinh thần các đặc trưng “dân tộc”, “đại chúng”, “khoa học” xuyên suốt các văn kiện của Đảng và việc thể chế hóa ba nguyên tắc của văn hóa Việt Nam trong chính sách, pháp luật**

Sau khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời, tùy tình hình thực tiễn, Đảng ta đã ban hành nhiều văn kiện có tính chuyên biệt về văn hóa. Trong đó, từ quan điểm, mục tiêu đến nhiệm vụ, giải pháp đều toát lên tinh thần ba nguyên tắc: dân tộc, đại chúng, khoa học của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Trong các văn kiện của Đảng tại các kỳ đại hội, văn kiện về xây dựng Đảng, phát triển khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, xây dựng đội ngũ trí thức, hoàn thiện thể chế, nông nghiệp, nông dân, nông thôn... và *Cương lĩnh xây*

---

\* Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* thì nội dung về văn hóa và nội hàm của nó được ghi nhận ngày càng đậm nét, thấm, ngấm trong mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội.

Những nội dung văn kiện trên đã được các cơ quan của Nhà nước thể chế hóa kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn, góp phần vào công cuộc kháng chiến, thống nhất đất nước, xây dựng Tổ quốc, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Bước đầu có thể phân chia việc thể chế hóa các văn kiện của Đảng về văn hóa qua bốn thời kỳ, như sau:

- Thời kỳ từ 1945-1954 (*Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến*). Chỉ sau hơn hai tháng nước nhà giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65/SL ngày 23/11/1945. Đây là Sắc lệnh đầu tiên của Nhà nước ta đặt nền móng cho sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa dân tộc. Đến ngày 15/3/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục ký Sắc lệnh số 147/SL thành lập quốc doanh chiếu bóng và chụp ảnh Việt Nam đánh dấu sự ra đời của ngành điện ảnh và ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm. Thời kỳ này, tinh thần của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, thứ hai chỉ rõ đường hướng phát triển văn hóa với ba nguyên tắc vận động: dân tộc, đại chúng, khoa học, với khẩu hiệu “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”. Những chủ trương này dễ gần, dễ hiểu và trên thực tế đã nhanh chóng bắt nhịp, dẫn hướng đời sống văn hóa, phù hợp với bối cảnh, được thể chế hóa theo cách rất riêng của thời cuộc. Công tác tư tưởng văn hóa, với sự ra đời của Hội Văn nghệ Việt Nam, một thế hệ các nhà văn, nhạc sĩ, họa sĩ... ra mặt trận với những tác phẩm làm nức lòng cả nước. Qua cuộc kháng chiến anh hùng của dân tộc đã hình thành một đội ngũ cán bộ văn hóa, thông tin, đội ngũ văn nghệ sĩ cách mạng. Những “Chiến sĩ trên mặt trận văn hóa” đã tổ chức công tác tuyên truyền thành một nghệ thuật, đồng thời lại đưa nghệ thuật vào công tác tuyên truyền.

- Thời kỳ 1954-1975 (*Tiếng hát át tiếng bom - Tiếng loa hòa tiếng súng*). Dấu mốc cho việc thể chế hóa chủ trương của Đảng là ngày 29/10/1957, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 519-TTg quy định thể lệ về bảo tồn cổ tích. Để đưa công tác văn hóa tiến thêm một bước mới, ngày 21/10/1958 Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 109-CT/TW xác định vị trí, chức

năng công tác văn hóa trong đời sống xã hội, trách nhiệm của các cấp ủy đảng đối với công tác văn hóa. Ngày 3/1/1961, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 08-CT/TW về công tác văn hóa trong quần chúng, được thể chế hóa bằng các văn bản của Chính phủ (số 242 ngày 13/6/1961 về công tác văn hóa trong công nhân, số 45 ngày 9/4/1962 về công tác văn hóa ở nông thôn) đã xác định rõ việc đưa văn hóa đến quần chúng và hướng dẫn quần chúng hoạt động văn hóa. Năm 1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên vấn đề: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần có con người xã hội chủ nghĩa” mọi hoạt động thông tin, văn hóa đều nhằm mục đích xây dựng con người. Tiếp theo đó, công tác đào tạo cán bộ văn hóa, nghệ thuật được coi là công tác trung tâm, hàng trăm cán bộ văn hóa đã được đưa đi học tập dài hạn tại các nước xã hội chủ nghĩa, hình thành đội ngũ cán bộ nòng cốt xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa nghệ thuật. Trong hoàn cảnh chiến tranh phá hoại, ngày 28/7/1965, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 104-CT/TW chỉ rõ: “các tổ chức văn hóa nhà nước phải hướng về cơ sở mà phục vụ, phát huy tác dụng hướng dẫn, bồi dưỡng hoạt động văn hóa của quần chúng ở khắp các địa phương...”. Tiếp đó, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 111-CP ngày 13/7/1967 yêu cầu “các cấp, các ngành, các đoàn thể cần chú trọng hơn nữa đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ chuyên nghiệp, kiện toàn tổ chức ngành văn hóa từ dưới lên trên, tăng cường cơ sở, vật chất kỹ thuật”. Việc thể chế hóa chủ trương của Đảng về văn hóa đã được triển khai đối với từng lĩnh vực, đối tượng cụ thể, qua các phong trào thiết thực, phù hợp với thời cuộc đã góp phần hình thành nét văn hóa riêng trong thời chiến, kích thích sáng tạo văn học nghệ thuật từ thực tế cuộc sống lao động, sản xuất, chiến đấu. Tiêu biểu là Phong trào “Tiếng hát át tiếng bom”.

- Thời kỳ 1976-1985 (Bắc Nam một nước - văn hóa một nhà). Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng nhấn mạnh: “Phải đưa văn hóa thâm nhập cuộc sống hàng ngày của nhân dân ở cơ sở, phải đảm bảo mỗi nhà máy, công trường, nông trường, cơ quan, trường học... đều có đời sống văn hóa”. Để thể chế hóa chủ trương này, các chính sách, kế hoạch được các cấp ban hành để tập trung xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa - thông tin cấp huyện, cấp xã, các phong trào văn hóa quần chúng tiếp tục được mở rộng và nâng cao.

- Thời kỳ 1986 đến nay (*Đổi mới, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng và phát triển văn hóa,*

*con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*). Trong tác phẩm *Văn hóa và Đổi mới*, cố vấn Phạm Văn Đồng đã nhận định: Đổi mới là xu thế tất yếu của cuộc sống, là một quy luật với những diễn biến mà chúng ta chưa lường hết được. Mọi người Việt Nam và cộng đồng dân tộc Việt Nam hãy vũ trang cho mình nhận thức và ý thức về văn hóa và đổi mới, văn hóa là đổi mới và đổi mới là văn hóa. Trước yêu cầu, bối cảnh của thời kỳ đổi mới, không chỉ dừng ở Chỉ thị, Kết luận của Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HNTW ngày 14/1/1993 về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt. Đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Nghị quyết đánh dấu bước phát triển hoàn thiện lý luận về văn hóa của Đảng, là cơ sở quan trọng hàng đầu, khởi nguồn của hệ thống các chính sách pháp luật về văn hóa, hình thành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các hoạt động chính trên lĩnh vực văn hóa tương đối đồng bộ và có giá trị pháp lý cao, tạo một hành lang pháp lý để ngành văn hóa hoạt động một cách thuận lợi. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về văn hóa đã được kịp thời bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới (đối với các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, điện ảnh, sở hữu trí tuệ...): Pháp lệnh thư viện (năm 2000), Luật di sản văn hóa (năm 2001), Pháp lệnh quảng cáo (năm 2001), Luật xuất bản (năm 2004), Luật sở hữu trí tuệ (năm 2005), Luật điện ảnh (năm 2006), cùng hệ thống các nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, hệ thống pháp luật về văn hóa ngày càng được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ, giải thưởng trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội,...

Ngày 16/6/2008, Bộ Chính trị (khóa X) ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW về *Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*. Đây tiếp tục là dấu mốc đối với sự phát triển của văn học, nghệ thuật của nước nhà. Việc thể chế hóa Nghị quyết số 23-NQ/TW được tập trung triển khai góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và chính sách của ngành văn hóa, đã tác động sâu rộng đến đời sống của nhân dân, tích cực bảo vệ các quyền và nghĩa vụ của nhân dân; đồng thời tạo điều kiện

cho nhân dân - những chủ thể của văn hóa tham gia tích cực vào hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn học, nghệ thuật.

Trước bối cảnh, yêu cầu mới, trên cơ sở tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, ngày 9/6/2014 Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI thông qua Nghị quyết số 33-NQ/TW về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Trong giải pháp về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa Nghị quyết đã chỉ rõ: “Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam. Điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với tính đặc thù của văn hóa, nghệ thuật. Bổ sung chính sách kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa; có chính sách văn hóa đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều chính sách về văn hóa đã được tiếp tục thể chế hóa qua các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới như: Luật sở hữu trí tuệ (sửa đổi, bổ sung năm 2022), Luật thư viện (năm 2019), Luật điện ảnh (năm 2022), Luật phòng, chống bạo lực gia đình (năm 2022)...

Qua bốn chặng đường về quản lý văn hóa của nước nhà từ khi có *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, cho thấy các chủ trương, chính sách của Đảng ra đời kịp thời, bắt kịp và dẫn hướng cuộc sống, văn hóa đã được thể chế hóa, triển khai một cách sáng tạo, phù hợp, thích nghi thời thế và thực sự ngấm, đi vào đời sống xã hội. Việc đưa các văn kiện của Đảng về văn hóa vào cuộc sống có thể thông qua thể chế hóa, qua các phong trào, cuộc vận động, hay chương trình, đề án..., tùy theo nội dung và điều kiện thực tiễn. Do đó, đặt ra vấn đề nhận diện, phân loại các nội dung của văn kiện về văn hóa để xác định nội dung gì nhất định phải thể chế hóa, nội dung gì kết hợp giữa thể chế và các chương trình, đề án, cuộc vận động, phong trào...

Những chủ trương, đường lối của Đảng sát cuộc sống, rõ mục tiêu cụ thể, đối tượng cụ thể, dễ nhớ, dễ hiểu, được thể chế hóa kịp thời thiết thực đã mang lại sức sống cho các văn kiện. Mỗi chủ trương, chính sách đều có nhiệm vụ lịch sử của nó. Sự điều chỉnh kịp thời của các chính sách, vận dụng linh hoạt thực tế, trong đó yếu tố con người là then chốt, văn nghệ sĩ đóng vai trò tiên phong, cơ sở luôn là trọng tâm, mục tiêu của các chính sách về văn hóa.

Dù mỗi thời kỳ, chặng đường lịch sử đặt ra yêu cầu lãnh đạo đường lối văn hóa và việc thể chế hóa có khác nhau, nhưng xuyên suốt quá trình đó tư tưởng và những giá trị cốt lõi, nhất là ba nguyên tắc vận động của văn hóa trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (dân tộc, đại chúng, khoa học) luôn dẫn hướng, chi phối những chính sách cụ thể.

## **2. Yêu cầu, bối cảnh, xu hướng phát triển văn hóa theo hướng bền vững gắn với ba nguyên tắc vận động đặt ra nhiệm vụ cho việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách văn hóa**

Các quốc gia trên thế giới đều có chính sách văn hóa chính thức hay không chính thức của Chính phủ, song họ đều coi đó là một bộ phận trong chính sách công. Các chính sách xây dựng con người nằm trong nội dung của chiến lược và chính sách phát triển giáo dục, một phần trong chính sách giáo dục văn hóa nghệ thuật, chính sách phát triển khoa học và công nghệ, thể dục thể thao và một số chính sách có liên quan khác. Mục tiêu thiên niên kỷ, các Công ước của UNESCO... đều khẳng định vai trò của văn hóa trong phát triển, xây dựng một xã hội lấy con người làm mục tiêu phát triển, thay vì chạy theo các chỉ số tăng trưởng thuần túy.

Toàn cầu hóa về văn hóa là một xu thế khách quan cần được các nước nhận thức và có chính sách phát triển phù hợp. Các quốc gia ngày càng đề cao bản sắc văn hóa dân tộc, coi trọng việc giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa, đấu tranh chống khuynh hướng đồng hóa về văn hóa; đồng thời gắn vấn đề bản sắc với quá trình chọn lọc tiếp thu các giá trị tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Văn hóa trở thành một sức mạnh, nền tảng tinh thần, là tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội. Xu hướng coi trọng văn hóa và gắn văn hóa với phát triển, coi văn hóa là nhân tố bảo đảm cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững ngày càng được các quốc gia quan tâm. Quá trình toàn cầu hóa về kinh tế có nguy cơ dẫn đến xung đột với việc bảo tồn bản sắc và đa dạng văn hóa trên phạm vi toàn thế giới, đồng thời cũng xuất hiện khả năng gắn chặt quá trình phát triển kinh tế với quá trình phát triển văn hóa. Kinh tế không thể phát triển bền vững nếu không đặt rõ vấn đề văn hóa trong mỗi hoạt động kinh tế. Như lời tuyên bố của Tổng Giám đốc Tổ chức Giáo dục,

Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) mở đầu Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa (1988) đã nhấn mạnh luận điểm mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị: “Kinh nghiệm của hai thập kỷ vừa qua cho thấy trong mọi xã hội ngày nay, bất luận ở trình độ phát triển kinh tế nào, hoặc xu hướng chính trị và kinh tế nào, văn hóa và phát triển là hai mặt gắn liền với nhau... Nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hóa, thì nhất định sẽ xảy ra mất cân đối nghiêm trọng về cả kinh tế lẫn văn hóa và tiềm năng sáng tạo của nước ấy sẽ bị suy yếu rất nhiều”<sup>1</sup>.

Sự phát triển mạnh mẽ và sâu sắc của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, vừa tạo ra thời cơ phát triển nhanh, vừa tạo ra những thách thức đối với nước ta và các nước trong quá trình hiện đại hóa đất nước. Cùng với xu thế này là sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ tin học, của truyền thông, tạo ra phương thức kết nối xã hội mới, các phương tiện biểu đạt mới trong một kỷ nguyên số. Công nghệ thông tin và truyền thông trở thành những phương tiện sản xuất, phân phối văn hóa, bên cạnh các phương tiện sản xuất và phân phối văn hóa có tính truyền thống khác, thâm nhập sâu vào đời sống xã hội, trở thành một phần không thể thiếu của xã hội hiện đại. Truyền thông là cơ sở để hình thành phương thức mới liên kết xã hội trong môi trường mạng đang đặt ra những vấn đề mới trong công tác quản lý văn hóa.

Quản lý văn hóa bằng luật pháp là một nội dung quan trọng của các nước khi xây dựng nhà nước pháp quyền, với các công cụ quản lý cụ thể. Định hướng cơ bản để phát triển các công cụ này là xây dựng nhà nước pháp quyền và xã hội công dân, trong đó khái niệm cơ bản là Quyền văn hóa và Trách nhiệm của nhà nước xây dựng một xã hội phát triển cân bằng và hài hòa. Phát triển các công cụ chính sách đầy đủ sẽ là điều kiện để phát triển các hoạt động văn hóa, để con người có thể sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, bao gồm ba loại công cụ chủ yếu là các luật và chính sách phát triển; thuế; chính sách và cơ chế đầu tư của Nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội.

Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 khẳng định mọi người đều có quyền sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó;

---

1. Tham khảo Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam: *Mấy vấn đề văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa. Đồng thời, Hiến pháp năm 2013 quy định trách nhiệm của Nhà nước, xã hội là chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phát triển văn học nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân; tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới* xác định nhiệm vụ giải pháp: Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân... Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII ngày 24/11/2021, để tiếp tục xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển nền văn hóa của dân tộc, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đề nghị: “cần sớm khắc phục tình trạng chậm thể chế hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành luật pháp và các chính sách cụ thể, khả thi về phát triển văn hóa, xây dựng con người”.

Yêu cầu về hoàn thiện thể chế, chính sách về văn hóa được các văn kiện của Đảng chỉ ra, được Hiến pháp ghi nhận và là nhu cầu tự thân của văn hóa trong bối cảnh phát triển bền vững. Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, minh bạch và tính ổn định của hệ thống pháp luật chuyên ngành, tương thích với hệ thống chung, đã đặt ra những yêu cầu ngày càng cao hơn cho công tác xây dựng thể chế, chính sách pháp luật về văn hóa, gắn với ba nguyên tắc vận động của văn hóa:

- Dân tộc đang trở thành vấn đề của thời đại trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt việc thể chế hóa chính sách, pháp luật của các quốc gia vừa nhân lên sức mạnh văn hóa của



quốc gia mình, vừa tuân thủ các “luật chơi” mang tính quốc tế qua các cam kết quốc tế tham gia và xu hướng toàn cầu hóa, trong đó có văn hóa mà dường như không thể đảo ngược được. Toàn cầu hóa, giao lưu và hợp tác quốc tế tác động đến việc thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách về văn hóa cần đặt trong mối quan hệ tương quan với pháp luật, thông lệ quốc tế, phù hợp với những nguyên tắc ứng xử chung, có thể nằm ngoài biên giới của quốc gia.

- Đại chúng vừa là mục tiêu, yêu cầu là nhiệm vụ của nhiều chính sách, trong đó các chính sách văn hóa là sự thể hiện tiêu biểu tính đại chúng. Nghệ thuật có cao siêu đến mấy, hàn lâm thế nào chẳng nữa, suy cho cùng mục tiêu cũng phục vụ người dân, đại chúng. Các quyền về văn hóa gắn với những quyền cơ bản của con người chỉ được tôn trọng, ghi nhận, thực thi một cách phù hợp nhất qua hệ thống các chính sách, pháp luật. Việc thể chế hóa nếu chung chung, thiếu cụ thể, cũng mang tính đường hướng sẽ làm thiếu tác dụng thực tế của chủ trương, đường lối đến văn hóa, đến các chủ thể văn hóa. Do đặc thù của văn hóa, tính trừu tượng, chung chung, khó đo đếm, thậm chí “nhạy cảm”, ẩn chứa trong tâm hồn, tình cảm, được “bộc lộ” với vô vàn phương thức, nên việc thể chế hóa, áp dụng các quy định cụ thể, cứng nhắc có những điểm chưa phù hợp, hoặc rất khó thể chế hóa. Đây là điểm khác biệt, cũng là vấn đề khó trong thể chế hóa văn hóa so với các ngành, lĩnh vực khác, do đó việc thể chế hóa và vận dụng trong quản lý văn hóa cần có độ mềm dẻo, co giãn nhất định.

- Khoa học ngày càng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với xây dựng và thực thi các chính sách, pháp luật về văn hóa. Không chỉ là những mong muốn, ý chí chủ quan của nhà quản lý, mà các chính sách, pháp luật cần tôn trọng các quy luật tự nhiên, đúc rút từ những vấn đề của thực tiễn sinh động. Đối tượng của thể chế hóa văn hóa vừa rất rộng, nhưng cũng vô cùng đặc thù là điểm khó khăn cho công tác thể chế hóa. Rộng do phạm vi, lĩnh vực, cách hiểu về văn hóa tới mọi góc ngách của cuộc sống, đến từng nhà, từng người; đặc thù do đội ngũ sáng tạo và thể hiện văn hóa rất đặc biệt, không phụ thuộc vào lứa tuổi, giới tính, dân tộc, mang đặc thù riêng, nhạy cảm, nhất là đội ngũ văn nghệ sĩ, với đặc tính hết mình, cống hiến, có cá tính. Nên việc xây dựng các chính sách, pháp luật về văn hóa vừa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, vừa phải dựa trên cơ sở lý luận. Trong đó tập trung đánh giá tác động chính sách cần tăng cường tính dự báo, phân tích, đánh giá có số liệu dựa trên các cơ sở

khoa học là yêu cầu đặt ra ngày càng cao đối với việc xây dựng chính sách, pháp luật về văn hóa.

Toàn cầu hóa về văn hóa là xu thế khách quan, bối cảnh thế giới luôn biến động, nhưng văn hóa ngày càng thể hiện vị thế của mình, gắn văn hóa với phát triển, văn hóa với kinh tế bảo đảm cho sự phát triển bền vững. Các quốc gia ngày càng đề cao bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời cũng bị cuốn theo các cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại đặt ra những môi trường mới cho sáng tạo, thực hành và cả quản lý văn hóa.

Quản lý văn hóa bằng pháp luật, trong đó phát triển các công cụ chính sách đầy đủ bảo đảm sự sáng tạo và hưởng thụ văn hóa đã được ghi nhận trong Hiến pháp và các văn kiện của Đảng. Vận dụng sáng tạo ba nguyên tắc vận động của văn hóa: dân tộc, đại chúng, khoa học đặt ra những yêu cầu ngày càng cao hơn trong xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách, pháp luật về văn hóa.

### **3. Chính sách, pháp luật phát triển văn hóa với ba nguyên tắc vận động tạo động lực phát triển văn hóa theo hướng bền vững**

#### ***Về dân tộc hóa***

Trong hoạch định, xây dựng chính sách, pháp luật, nhất là chính sách, pháp luật về văn hóa thì yếu tố dân tộc chiếm vị trí hàng đầu. Điều này đặt ra cho việc xây dựng chính sách, pháp luật phải đề cao tinh thần dân tộc, tự lực, tự cường về văn hóa dân tộc, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời khơi dậy khát vọng sáng tạo, sức mạnh mềm của quốc gia. Với văn hóa ngày càng nổi lên xu hướng kiến tạo các chính sách so với xây dựng pháp luật và luôn đặt ra yêu cầu dung hòa, kết hợp giữa chính sách, pháp luật về văn hóa. Để khẳng định vị thế, nguyên tắc dân tộc trong chính sách, pháp luật về văn hóa thì chính sách thúc đẩy sáng tạo, sáng tạo và sáng tạo chiếm vai trò then chốt, trong đó lực lượng sáng tạo là yếu tố cơ bản.

Tính đặc thù của văn học nghệ thuật đó là lực lượng sáng tác không thể củng cố, hình thành một sớm, một chiều, bên cạnh diện rộng, cần tập trung phát hiện và bồi dưỡng nhân tài. Đó là sức sáng tạo, tác phẩm đỉnh cao không hoàn toàn ra đời từ các phong trào phát động, nó ra đời từ sức bật, môi trường dung dưỡng,... mang đậm dấu ấn cá nhân. Do đó, cần tiếp tục giải phóng mạnh mẽ năng lực và tiềm năng sáng tạo của mọi người, phát huy cao độ tính sáng

tạo của trí thức, văn nghệ sĩ; đào tạo tài năng văn hóa, nghệ thuật; tạo cơ chế, chính sách và cơ sở vật chất để có nhiều sản phẩm văn hóa, nghệ thuật chất lượng cao xứng tầm với dân tộc, thời đại và đồng thời thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa.

Để góp phần thể chế hóa nguyên tắc dân tộc trong xây dựng chính sách pháp luật về văn hóa, thời gian tới Nhà nước cần luật hóa các lĩnh vực chủ yếu của văn hóa. Theo đó, cần tập trung hoàn thiện chính sách, pháp luật về di sản văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa, hỗ trợ sáng tạo, nguồn lực cho phát triển văn hóa và một số chính sách triển khai Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu sau:

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách, pháp luật về di sản văn hóa, trọng tâm là dự án Luật di sản văn hóa (sửa đổi). Vừa qua, Chính phủ đã thông qua lập đề nghị. Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang dự thảo Luật di sản văn hóa (sửa đổi) với ba nhóm chính sách: hoàn thiện các quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; hoàn thiện các quy định về thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa phù hợp với thực tiễn; hoàn thiện các quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Tiếp theo là hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết và đồng thời rà soát, hoàn thiện kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp luật liên quan.

- Thúc đẩy nghiên cứu chính sách, pháp luật về công nghiệp văn hóa. Theo đó cần xây dựng “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, các chính sách phát triển công nghiệp văn hóa phải tập trung vào việc giải phóng sức sản xuất văn hóa, tăng cường năng lực cạnh tranh, gia tăng sức ảnh hưởng quốc tế của văn hóa. Cần chú trọng triển khai các chính sách công nghiệp văn hóa thiết thực như: chính sách thị trường văn hóa; chính sách truyền thông; chính sách đầu tư văn hóa công cộng; chính sách bảo hộ bản quyền tác giả; chính sách đối với đơn vị sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật; chính sách gắn phát triển kinh tế - xã hội với phát triển văn hóa... Tiến tới, nghiên cứu xây dựng văn bản tầm Nghị định về phát triển công nghiệp văn hóa.

- Rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng các chính sách pháp luật về hỗ trợ sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực, chế độ sử dụng, đãi ngộ tài năng văn hóa nghệ thuật. Theo đó, cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản (nếu

có): Chương trình hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật, báo chí ở Trung ương và các hội văn học nghệ thuật địa phương; hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở các hội nhà báo địa phương giai đoạn 2021-2025 (ban hành theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 8/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án “Đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (ban hành theo Quyết định số 1341/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa nghệ thuật ở nước ngoài đến năm 2030 (ban hành theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 19/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ); Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 5/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; Nghị định số 110/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Xây dựng Nghị định quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” (thay thế Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”); Nghị định quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học nghệ thuật (thay thế Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học nghệ thuật); Nghị định quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” đối với 7 loại hình văn hóa phi vật thể (thay thế Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể). Sớm ban hành Nghị định quy định về đào tạo các ngành, nghề chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật, Nghị định về một số chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động làm việc trong các đơn vị sự nghiệp nghệ thuật công lập và Nghị định về hoạt động văn học. Nghiên cứu xây dựng Luật điều chỉnh về nghệ thuật biểu diễn.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về thuế, xây dựng chính sách về quỹ góp phần hỗ trợ sáng tạo, thúc đẩy phát triển văn hóa, khơi

nguồn lực cho văn hóa, nhất là nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa. Theo đó, cần có cơ chế, chế độ hỗ trợ đặc thù về chính sách thuế, phí đối với văn hóa: rà soát Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP) theo hướng đưa lĩnh vực văn hóa trở thành ngành, nghề được ưu đãi đầu tư; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng bổ sung khoản chi tài trợ cho văn hóa được hạch toán vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; chính sách khuyến khích các tổ chức và cá nhân trong xã hội đầu tư cho văn hóa, hiến tặng thông qua các quỹ văn hóa nghệ thuật, rà soát sửa đổi, bổ sung Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, hoặc nghiên cứu xây dựng Nghị định về tổ chức, hoạt động của quỹ bảo tồn, phát huy di sản văn hóa (trên cơ sở tham khảo và rút kinh nghiệm mô hình Quỹ bảo tồn di sản Huế theo Nghị định số 84/2022/NĐ-CP), nghiên cứu xây dựng Nghị định về quỹ hỗ trợ sáng tạo văn học nghệ thuật. Hướng tới nghiên cứu xây dựng Luật tài trợ, hiến tặng về văn hóa và xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa.

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về văn hóa đối ngoại, đẩy mạnh thực hiện chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2030 theo Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 30/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xây dựng Chiến lược phát triển văn hóa đối ngoại đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; rà soát sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ quy định về việc thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam. Hướng tới nghiên cứu xây dựng Nghị định về tổ chức, hoạt động của cơ sở văn hóa của Việt Nam ở nước ngoài.

### ***Về đại chúng hóa***

Chính sách, pháp luật có phần bắt nguồn từ cuộc sống, từ thực tiễn đòi hỏi, từ cơ sở, từ người dân và việc thực thi pháp luật là thước đo sự đúng đắn của các chính sách. Do đó, trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy

phạm pháp luật, việc đánh giá tác động chính sách và lấy ý kiến, trong đó có ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản là cần thiết. Mặt khác, quyền được hưởng thụ văn hóa được Hiến pháp ghi nhận, do đó việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa quyền này còn thể hiện yếu tố đại chúng trong pháp luật về văn hóa. Do đặc thù về văn hóa, nhất là những chuẩn mực đối với đời sống tinh thần, tình cảm của con người, có nội dung được điều chỉnh bằng quy phạm pháp luật, có nội dung được điều chỉnh bằng quy phạm đạo đức, quy phạm xã hội. Vì vậy, khi xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa rất cần nghiên cứu, đánh giá nội dung quy định với tương quan các quy phạm về xã hội, đạo đức, tính đến yếu tố dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán, dư luận xã hội, tính cộng đồng, tính vùng miền... điều đó cũng thể hiện tính đại chúng trong xây dựng chính sách pháp luật về văn hóa.

Để góp phần thể chế hóa nguyên tắc đại chúng trong xây dựng chính sách pháp luật về văn hóa, trong thời gian tới Nhà nước cần rà soát, tăng cường mối quan hệ tương hỗ trong xây dựng, thực thi pháp luật bám sát thực tiễn có tính tương quan với các quy phạm xã hội, quy phạm đạo đức. Theo đó, cần tập trung hoàn thiện chính sách, pháp luật về quyền hưởng thụ văn hóa của người dân, môi trường văn hóa, với các nội dung chủ yếu sau:

- Rà soát, sửa đổi bổ sung các chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa như Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa; chính sách bảo tồn tiếng nói, chữ viết, các chính sách về văn hóa đối với những đối tượng đặc thù như Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/1/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; đẩy mạnh triển khai dự án số 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp nâng cao hưởng thụ và hoạt động văn hóa của nhân dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Nghiên cứu rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các chính sách, pháp luật về môi trường văn hóa, như: rà soát xử lý Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6/11/2009 của Chính phủ, xây dựng Nghị định quy định chi tiết về khung

tiêu chuẩn, quy trình xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa, thôn, tổ dân phố văn hóa, xã, phường, thị trấn tiêu biểu để quy định chi tiết Luật thi đua, khen thưởng, kế thừa các nội dung còn phù hợp tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”; xây dựng Nghị định quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp tại Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, việc lễ hội; xây dựng Nghị định về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước văn hóa của cộng đồng dân cư trên cơ sở kế thừa các nội dung còn phù hợp tại Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 8/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; sơ kết, đánh giá việc thực hiện Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội, Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh. Triển khai có hiệu quả Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Nghiên cứu xây dựng chính sách, pháp luật về hoạt động văn hóa trên môi trường mạng.

### ***Về khoa học hóa***

Chính sách, pháp luật về văn hóa phải tôn trọng quy luật tự nhiên, xã hội, nền tảng lý luận, thích ứng thực tế trong quản lý phát triển văn hóa, con người, soi rọi đối với những vấn đề lớn, có tính căn cốt hoặc những vấn đề mới; chú trọng yếu tố dự báo, đánh giá tác động, hiệu quả. Việc hoạch định chính sách, pháp luật cần nương vào quy luật để tác động, điều chỉnh phù hợp thị trường văn hóa. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trước hết phải tôn trọng đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời phải có công cụ điều tiết và chính sách phân phối để bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội, đặc biệt trong xây dựng văn hóa, phát triển con người.

Nhận thức rõ thị trường văn hóa là cầu nối đưa sáng tạo văn hóa đến người tiếp nhận, thụ hưởng. Thị trường này, một mặt vận động theo những quy luật của nền kinh tế như quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, mặt khác lại bị chi phối bởi các yếu tố phi kinh tế như thị hiếu, thói quen. Đây là thị trường đặc thù, với sản phẩm văn hóa là hàng hóa (loại hàng hóa đặc biệt,

chứa đựng tư tưởng, thẩm mỹ... nhiều khi không đo đếm được đơn thuần bởi các công cụ kinh tế). Xây dựng chính sách, pháp luật gắn với kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đặc biệt trong công việc đánh giá tác động chính sách lớn tác động lớn đến xã hội. Chính sách, pháp luật cần đặt trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong không gian số: xã hội số, kinh tế số, công dân số.

Để góp phần thể chế hóa nguyên tắc khoa học trong xây dựng chính sách, pháp luật về văn hóa, trong thời gian tới Nhà nước cần tăng cường số hóa các tài sản văn hóa, hỗ trợ sáng tạo trên môi trường số và chính sách quản lý văn hóa trên môi trường số, với các nội dung chủ yếu sau: sớm xây dựng “Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045”; “Chương trình xây dựng dữ liệu lớn (big data) về văn hóa, nghệ thuật và di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2030”; “Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn các tác phẩm văn hóa nghệ thuật trên môi trường mạng xã hội, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030”; “Đề án Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật”; tiếp tục triển khai “Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030” theo Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 2/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Trước yêu cầu phát triển văn hóa theo hướng bền vững thì việc xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách, pháp luật ngày càng đóng vai trò quan trọng. Sự kết hợp hài hòa, tương hỗ giữa chính sách, pháp luật và vận dụng linh hoạt, sáng tạo ba nguyên tắc vận động của văn hóa: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa không chỉ góp phần sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hiện hành, khơi thông các “điểm nghẽn” cản trở sự phát triển văn hóa, mà còn giúp định hướng, xây dựng hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về văn hóa trong bối cảnh mới. Trong đó, trọng tâm xây dựng các luật, chính sách phát triển; công vụ về thuế, chính sách hỗ trợ và chính sách cơ chế đầu tư của Nhà nước huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa.

\*

\* \*

80 năm là quãng thời gian đủ dài để đo đếm tính phù hợp của lý luận, đủ dài để thấm, ngấm lý luận vào cuộc sống. 80 năm qua đất nước ta đã có nhiều



thay đổi vượt bậc, nhiều văn kiện của Đảng về văn hóa trong từng giai đoạn lịch sử đã định hướng văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhưng tinh thần và những nội dung cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn còn nguyên giá trị.

Tinh thần của ba nguyên tắc vận động: dân tộc, đại chúng, khoa học còn hiện hữu trong các văn kiện của Đảng về văn hóa và được thể chế hóa bằng các chính sách, pháp luật. Phải chăng đó không chỉ là đúc rút một cách sâu sắc lý luận từ thực tiễn sinh động mà nó còn là những nguyên tắc mang tính quy luật khách quan của văn hóa, xã hội. Để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; tiếp tục nắm vững và xử lý tốt quan hệ lớn giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo đã được chỉ ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng việc hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển về văn hóa là nhiệm vụ hàng đầu.

Xác định trúng, đúng, kế thừa, bổ sung và phát triển nội hàm ba nguyên tắc vận động của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh mới là hết sức cần thiết. Việc vận dụng sáng tạo ba nguyên tắc này trong thể chế hóa các chính sách của Đảng về văn hóa vừa là thời cơ, vừa là yêu cầu, nhiệm vụ của các cấp, ngành, đặc biệt là ngành văn hóa trong thời gian tới, để ánh sáng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* tiếp tục soi đường cho việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật tạo động lực phát triển văn hóa theo hướng bền vững.

# TỪ NGUYÊN TẮC DÂN TỘC HÓA TRONG “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 ĐẾN SỰ NGHIỆP BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA CỦA CỘNG ĐỒNG QUỐC GIA ĐA DÂN TỘC

GS.TS. BÙI QUANG THANH\*

## 1. Bối cảnh ra đời “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943

Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 do đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng khởi thảo, ra đời đáp ứng nhu cầu đa dạng, phức tạp và những bức xúc của một xã hội Việt Nam đã và đang trực diện với bối cảnh lịch sử đặc biệt của thời đại. Trên bình diện quốc tế, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ tháng 9/1939. Nhà nước Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết non trẻ đã phải đương đầu với thế lực hùng mạnh của chủ nghĩa phát xít mang danh liên minh Đức - Ý - Nhật. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã và đang hình thành sâu rộng, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực tư tưởng, chính trị, kinh tế và văn hóa các nước cộng hòa của Liên Xô và các nước đang tìm đường đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới - trong đó có Việt Nam, đã phải nhường bước cho công cuộc vệ quốc của quê hương Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Chiến lược phát triển văn hóa đã hình thành ở Liên Xô với hạt nhân cốt lõi mang tính định hướng là *Luận cương chính trị* cùng những phát biểu về đường lối văn hóa của V.I. Lênin và những bài viết về khái niệm dân tộc cũng như khai thác giá trị văn hóa dân tộc, tộc người của I.V. Stalin. Nhiều tài liệu về lý luận cách mạng, về văn học, nghệ thuật từ cái nôi văn hóa

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

xã hội chủ nghĩa này đã được chuyển dịch sang chiến khu cách mạng Việt Bắc, trở thành tài liệu tham khảo, học tập về chủ nghĩa Mác - Lênin và các vấn đề lý luận văn hóa cho các nhà cách mạng Việt Nam. Ở trong nước, cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã từng trải qua lịch sử một nghìn năm Bắc thuộc, chịu sự tác động về nhiều mặt của văn hóa Hán, được nuôi dưỡng ngót chục thế kỷ trong môi trường văn hóa của các triều đại quân chủ phong kiến thuộc quốc gia độc lập có chủ quyền, chiến thắng mọi cuộc ngoại xâm, lại kế tiếp ngót trăm năm chịu sự cai trị, áp bức của thực dân Pháp, năm 1940 lại chịu thêm ách thống trị của phát xít Nhật. Chế độ phát xít - thực dân Nhật - Pháp đã và đang gây ra những áp bức về kinh tế, chính trị, văn hóa dẫn đến những thực trạng mang tính thảm họa cho cộng đồng dân tộc. Văn chương, báo chí Pháp du nhập vào Việt Nam hàng loạt những chủ nghĩa, tư tưởng thông qua những trường phái triết học như R. Descarte, I. Kant, F. Nietzsche, H. Gergson, đã và đang có nguy cơ gây sự ảo tưởng, dễ dẫn đến lầm lối, lạc đường cho nhiều trí thức vốn đang có tâm tư chán ghét những tư tưởng cũ nhưng lại bế tắc trong lý tưởng, “bản khoản đi kiếm lễ yêu đời” hoặc đang vướng mắc, quanh quẩn trong xu hướng nệ cổ, cực đoan bảo thủ trong sáng tạo nghệ thuật. Trên lĩnh vực đời sống kinh tế, thực dân Pháp đưa Việt Nam vào con đường kiệt quệ, làm tăng nguy cơ đói khát, dẫn đến cái chết của hơn hai triệu người Việt năm 1945. Trên lĩnh vực văn hóa, đầu những năm 40 của thế kỷ trước, nhiều xu hướng khác nhau được du nhập và càng ngày càng có xu hướng chi phối đời sống tinh thần của dân tộc. Đã có không ít chí sĩ tuy giàu lòng yêu nước nhưng lại sớm ngộ nhận lầm tưởng học thuyết Đại Đông Á của Nhật Bản là tư tưởng “đồng chủng đồng văn”, có thể coi là cơ hội để vận dụng phục hưng văn hóa Việt Nam, trở về với nguồn gốc Á Đông sau ngót một thế kỷ bị chìm trong nô dịch của chế độ thực dân Pháp. Trong bối cảnh chung đó, Đảng Cộng sản Đông Dương vẫn đang hoạt động bí mật và đang âm thầm mạnh mẽ làm công tác vận động cách mạng. Hội nghị Trung ương lần thứ bảy của Đảng (tháng 11/1940) đã sớm nắm bắt tình hình trong nước và quốc tế, xác định mục tiêu/chủ trương kiên định với việc tập hợp lực lượng dân tộc để thực hiện phản đế, giành độc lập dân tộc, với chủ trương lập Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Từ bối cảnh lịch sử trong nước và quốc tế như vậy, Bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 do đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng khởi thảo ra đời đã như một luồng không khí mới cho văn hóa Việt Nam. Cô đọng, sáng rõ trong khuôn khổ khoảng 1.500 chữ, bản Đề cương thông qua những chỉ dẫn về cách đặt vấn đề trong phạm vi cách mạng văn hóa, đi đến định hướng và chất lọc những phân kỳ lịch sử để nhận diện thực trạng văn hóa Việt Nam từ quá khứ đến đương thời, trong đó tập trung làm sáng rõ những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp. Từ cách nhìn biện chứng và lịch sử theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, bản Đề cương đã nêu lên những đánh giá, nhận định về tiền đề văn hóa Việt Nam làm căn cứ cho đề xuất những vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam, xác định những nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam. Kế thừa những quan điểm và kinh nghiệm làm cách mạng văn hóa từ đất nước của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, với trí tuệ thiên tài am hiểu thực tiễn và nắm vững đường lối cách mạng của Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đã chỉ ra được những nhiệm vụ vừa đáp ứng tính bức thiết của xã hội đương thời, trở thành văn kiện có tính chất sách lược nhằm xây dựng, củng cố lực lượng cách mạng trên mặt trận văn hóa trong sự nghiệp giải phóng dân tộc; vừa mang tính chiến lược của thời đại, trong đó xây dựng được một cách súc tích ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn này là dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa, trở thành những rường cột mang ý nghĩa lý luận cơ bản và lâu dài trên hành trình nhận thức, lý luận về văn hóa của Đảng. Từ sự đặt nền móng của ba nguyên tắc vận động văn hóa này, các thế hệ văn nghệ sĩ và đội ngũ làm công tác văn hóa Việt Nam đã như được tiếp nhận sự khai phóng về tư tưởng văn hóa, về định hướng cho con đường trở về với dân tộc, với nhân dân. Đó cũng là bước gỡ rối vĩ đại dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng chỉ đạo của Đảng đối với bộ phận không nhỏ của đội ngũ trí thức và người làm văn hóa đang bế tắc trước sự phức tạp, rối ren của thời cuộc và đời sống, bế tắc cả về mặt vật chất lẫn tinh thần của xã hội Việt Nam đương thời. Đây cũng chính là nền tảng tư tưởng và chỉ dẫn phương pháp tiến hành cuộc cách mạng văn hóa ngay sau khi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc năm 1945 thành công. Chính vì thế, nhờ vào sự

cởi mở về chủ trương đoàn kết toàn dân, khai thác giá trị của cố kết cộng đồng từ văn hóa làng bản trong truyền thống, ngay từ những ngày đầu cách mạng, hầu hết các trí thức, văn nghệ sĩ đã nhận ra con đường tất yếu phải gắn bó với nhân dân, Tổ quốc, đi cùng nhân dân là con đường chân chính duy nhất cho sự nghiệp và cuộc đời mình. Cũng từ ba nguyên tắc vận động văn hóa mang tính thời đại này, sự nghiệp cách mạng của Đảng ta đã từng bước dẫn lối mở đường cho những thành tựu của phát triển xã hội qua các chặng đường lịch sử văn hóa dân tộc nói chung và sự nghiệp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa của các dân tộc, tộc người nói riêng trong điều kiện vận động và phát triển của đời sống cộng đồng các dân tộc.

## **2. Nguyên tắc “dân tộc hóa” góp phần đặt nền tảng cho quan điểm về văn hóa dân tộc và sự nghiệp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc**

Đề cập đến những vấn đề cơ bản của cách mạng văn hóa Việt Nam, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã chỉ ra những vấn đề lý luận mang tính chiến lược. Đó là cuộc cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo; cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị và phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành cuộc cải tạo xã hội. Và như vậy, muốn thực hiện và hoàn thành các nguyên tắc đại chúng hóa và khoa học hóa, trước hết phải nhận diện và tiến hành quá trình dân tộc hóa, thúc đẩy cuộc cách mạng văn hóa hướng đến mục tiêu chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập sau khi đã hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực tế cho thấy, không phải ngẫu nhiên mà chỉ sau có hai tháng kể từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh đầu tiên về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa và tôn trọng di sản văn hóa từng dân tộc, làm cơ sở để kế thừa truyền thống, xây dựng nền văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa từng dân tộc trong nền văn hóa chung đa dạng của cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam. Và cũng trong giai đoạn vừa giành chính quyền được chưa lâu, đất nước còn đang bộn bề công việc của một nhà nước cách mạng non trẻ, đương đầu với nguy cơ thù trong giặc ngoài, chiến tranh

rình rập, Đảng ta vẫn quyết định tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc vào ngày 24/11/1946. Trong diễn văn khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Nền văn hóa mới của Việt Nam phải lấy hạnh phúc của nhân dân, của dân tộc làm cơ sở, phải học lấy những điều tốt đẹp của văn hóa nước ngoài, tạo ra nền văn hóa Việt Nam, sao cho văn hóa mới phải sửa đổi cho được tham nhũng, lừa dối, phù hoa, xa xỉ, phải làm sao cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập... Lấy văn hóa soi đường cho quốc dân đi!”. Và gần hai năm sau, Đảng ta dưới sự lãnh đạo của Bác, lại đứng ra tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai vào tháng 7/1948. Tại Hội nghị này, Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày báo cáo: “Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam”. Từ văn kiện lịch sử về văn hóa này, lần đầu tiên các quan điểm, nguyên tắc, phương châm của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã được chính người soạn thảo nó trực tiếp hệ thống hóa, cụ thể hóa và chỉ ra những phát triển vào thực tiễn xây dựng đường lối, chính sách và thực hiện cuộc cách mạng văn hóa của Đảng, trở thành văn kiện có giá trị như một cương lĩnh văn hóa của Đảng trong thời kỳ kháng chiến, trong đó nhấn mạnh việc xây dựng nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, đại chúng, khoa học mà khẩu hiệu thiết thực lúc này là dân tộc, dân chủ; đồng thời phát triển cái hay trong văn hóa dân tộc, bài trừ cái xấu xa hủ bại, ngăn ngừa sự thâm nhập của tàn dư văn hóa thực dân, phản động, học cái hay, cái tốt của văn hóa thế giới.

Thực tế cách mạng 80 năm qua đã cho thấy rằng, các nguyên tắc về xây dựng nền văn hóa mới của Việt Nam có tính chất như ba phương châm chiến lược đã luôn luôn được Đảng ta thống nhất quán triệt, thực hiện một cách linh hoạt qua các giai đoạn, hoàn cảnh lịch sử nhất định. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đảng ta luôn vận dụng ba nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa với tư cách “là ba khâu của một sợi dây chuyên. Nó có tính cách liên hoàn” - như ý của đồng chí Trường Chinh, để gắn bó chặt chẽ với quan điểm về dân tộc và đời sống dân tộc, thắt chặt mối quan hệ không thể tách rời với truyền thống di sản của mỗi dân tộc, tộc người, lấy phương châm phục vụ nhân dân, gắn bó với đời sống nhân dân các dân tộc, đặc biệt là các dân tộc ít người ở khu vực miền núi, thông qua văn hóa ứng xử và tiếp cận từng vấn đề, cả trong tiếp nhận di sản, trong nghiên cứu khoa học và mọi sáng tạo của

người dân trong phát triển xã hội. Đó cũng chính là mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội mà Đảng ta không ngừng hướng tới.

Như vậy là, khi tạm thời tách riêng nguyên tắc “dân tộc hóa” để nhận diện, chúng ta đã và đang tiếp cận quan điểm về sự hiện tồn của quá trình hình thành nền văn hóa dân tộc và sự hun đúc nên bản lĩnh văn hóa dân tộc trong quá khứ, hiện tại và tương lai, thông qua sự hiện diện của hệ thống các di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể do các thế hệ của dân tộc sáng tạo, trao truyền và bảo vệ gìn giữ cho các thế hệ hậu sinh. Dân tộc hóa nền văn hóa dân tộc trước hết là quá trình sáng tạo của các thế hệ thông qua ứng xử với môi trường sinh thái, môi trường xã hội và môi trường nhân văn để hun đúc nên nền văn hóa của dân tộc mình. Các dân tộc khác nhau trong một cộng đồng quốc gia đa dân tộc sáng tạo nên nền văn hóa của tộc người, dân tộc mình theo cách cảm, cách nghĩ, theo thế giới quan và nhân sinh quan cũng như tâm lý tộc người để có được sự phong phú, đa dạng của văn hóa dân tộc trong một không gian chung của quốc gia, Tổ quốc. Đó là sự hiện tồn của những nền văn hóa bản địa, mang bản sắc dân tộc, hòa nhập với cộng đồng các dân tộc để cùng tồn tại và phát triển. Nhìn vào thực tế lịch sử, vấn đề dân tộc hóa văn hóa của các dân tộc Việt Nam lại càng cấp thiết bởi lẽ không có yếu tố dân tộc văn hóa Việt Nam không đủ sức tồn tại, kháng cự với sự đồng hóa của văn hóa Trung Hoa một hay văn hóa phương Tây và văn hóa Pháp, từ đó trở thành một nền văn hóa Việt Nam độc lập, tự cường, mang đậm bản sắc dân tộc, đủ sức thúc đẩy cuộc đấu tranh về tiếng nói, chữ viết, thống nhất làm giàu tiếng nói dân tộc, chống lại văn hóa phát xít phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉnh dân (như bản Đề cương văn hóa đã chỉ rõ). Chính vì thế, tại Đại hội VII (6/1991), Đảng ta đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xác định: Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cũng từ nguyên tắc dân tộc hóa cho nền văn hóa mới, ý nghĩa lý luận của phương châm được xác định này là hướng các dân tộc trong cộng đồng quốc gia đa dân tộc xây dựng cho mình một nền văn hóa mang bản sắc riêng, thông qua hệ thống các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, đủ sức tồn tại bền vững cùng các dân tộc khác trong tiến trình hội nhập và phát triển. Cũng từ đây, nguyên tắc dân tộc hóa còn mang ý nghĩa chi phối quá trình tiếp thu các tinh hoa văn hóa thế giới, đồng thời, cũng chỉ ra thực

tế cần quan tâm là “phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trốn của bọn tởrốtkit”<sup>1</sup>.

### **3. Vấn đề bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc dưới ánh sáng của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

Ngay sau khi bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 được ban hành, cả dân tộc ta đã phải gác lại công tác hoạt động văn hóa trước mắt để dồn sức chuẩn bị cho lực lượng tuyên truyền giải phóng quân, thành lập mặt trận thống nhất toàn dân, sẵn sàng chớp thời cơ để đi đến tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám long trời lở đất, thiết lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mặc dù mới tiếp nhận thành quả cách mạng, xây dựng Nhà nước dân chủ Việt Nam giữa bao bộn bề công việc, đất nước gặp muôn vàn khó khăn với giặc dốt, giặc đói, giặc ngoại xâm, Hồ Chủ tịch vẫn đã sớm quan tâm đến nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc trên phạm vi cả nước, bảo đảm thực thi một trong những nguyên tắc mang tính sách lược và có ý nghĩa chiến lược dân tộc hóa như trong bản Đề cương văn hóa đã được Trung ương Đảng thông qua năm 1943. Công cuộc bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hóa đã được người đứng đầu quốc gia độc lập cụ thể hóa bằng việc ban hành Sắc lệnh số 65/SL ngày 23/11/1945, hơn 2 tháng sau khi nước nhà giành được độc lập. Đây là sắc lệnh đầu tiên của Nhà nước ta đặt nền móng cho sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, trong đó có những nội dung rất cụ thể: Cấm phá hủy những đình chùa, đền, miếu hoặc những nơi thờ tự khác, những cung điện, thành, quách cùng lăng mộ chưa được bảo tồn. Cấm phá hủy những bi ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng giấy má, sách vở có tính cách tôn giáo hay không, nhưng có ích cho lịch sử chưa được bảo tồn. Sắc lệnh số 65/SL với nội dung ngắn gọn nhưng súc tích, phản ánh tư tưởng, quan điểm của Hồ Chủ tịch về vấn đề bảo tồn di sản văn hóa và đây cũng chính là những tư tưởng, quan điểm cơ bản, sâu sắc của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề thực thi nguyên tắc *dân tộc hóa* trong cuộc cách mạng văn hóa thời kỳ trũng nước của Nhà nước cách mạng. Cũng từ đây, tư tưởng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25.



Hồ Chí Minh và của Đảng ta về văn hóa nói chung và bảo vệ phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc nói riêng đã liên tục được thể hiện qua các diễn văn, thông tư, nghị quyết của Hội nghị Văn hóa toàn quốc (năm 1946 và năm 1948) và các kỳ Đại hội Đảng trong vòng 80 năm qua. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung và phát triển năm 2011), Đảng ta đã khẳng định: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Quan điểm chỉ đạo đó của Đảng đã luôn là định hướng thường trực cho quá trình đảm nhiệm sứ mệnh bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam. Điều đó lại càng được lĩnh hội và đặt ra cấp thiết trong điều kiện phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Nhìn một cách hệ thống và bao quát thực trạng phát triển xã hội, khi Việt Nam đã và đang tiến hành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, những năm gần đây, cho dù đã đạt được những thành tựu nhất định và đang đứng trước thời cơ mới, hứa hẹn mang lại nhiều năng lượng cho sự phát triển và hội nhập, nhưng cũng đã và đang lộ rõ không ít nguy cơ đối với “vận mệnh” của sự hiện tồn di sản văn hóa nói riêng và đời sống xã hội nói chung.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã gắn liền với sự xuất hiện của hàng trăm đô thị, thị tứ, tạo ra các khu vực phi nông nghiệp ngày càng nhiều. Thực tế đó cùng với sự phát triển của khoa học - công nghệ trở thành nguyên nhân dẫn đến nguy cơ biến đổi văn hóa sâu sắc ở hầu khắp các địa phương. Sự xâm lấn không gian văn hóa - nơi tồn tại các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đã và đang hiện hữu. Hàng loạt di tích lịch sử văn hóa bị xóa bỏ hoặc thu hẹp về không gian, biến thái về thực hành di sản, nhường chỗ cho phát triển doanh nghiệp và dịch vụ kinh tế. Thực trạng đó cũng đồng thời tác động xấu đến quá trình bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống vốn đã được sáng tạo, bảo vệ và trao truyền từ lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Các chuẩn mực về lối sống, nhân cách, đạo đức của một bộ phận lớn trong cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ đã bị phá vỡ hoặc biến cải, góp phần ảnh

hưởng xấu đến sự cố kết cộng đồng cũng như môi trường sinh hoạt xã hội - nhân văn.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ với những phương tiện khoa học truyền thông hiện đại, thế hệ trẻ tại hầu khắp các làng quê đã và đang có cơ hội tiếp nhận tri thức khoa học tiên tiến, nâng cao trình độ, ứng dụng vào thực tiễn và đáp ứng nhu cầu thụ hưởng vật chất, tinh thần của cá nhân. Tuy nhiên, mặt trái của thực trạng xã hội này là một bộ phận lớn trong giới trẻ có tâm lý xa rời nguồn di sản quý báu của ông cha, lãnh đạm hoặc không quan tâm đến kho tàng di sản văn hóa của chính quê hương mình; tâm trí và niềm hứng khởi, say mê dành chỗ cho các nhu cầu tiếp nhận văn hóa hiện đại, đặc biệt là các nguồn văn hóa ngoại sinh mới được trực tiếp du nhập hoặc thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Hàng loạt các hình thức sinh hoạt văn nghệ truyền thống, các trò chơi dân gian, các nghi lễ cùng nguồn tri thức dân gian bản địa đã bị giới trẻ xao nhãng, không quan tâm thực hành hoặc tiếp nhận. Sự gắn bó giữa giới trẻ với các phương tiện công nghệ hiện đại đã lấn át mối quan tâm đến sinh hoạt văn hóa cộng đồng, quan hệ và giao lưu với cộng đồng, tạo cơ sở cho sự trỗi dậy của thói ích kỷ, cá nhân và thói quen vô cảm với xã hội. Sự phát triển công nghiệp và hiện đại hóa lực lượng sản xuất của hiện tại và dự báo sự lan tỏa của cuộc cách mạng công nghiệp mới với những phương tiện tự động hóa, lập trình sản xuất,... sẽ dẫn đến nguy cơ đánh mất hàng nghìn làng nghề thủ công, nơi cung cấp nguồn hàng đáp ứng nhu cầu xã hội hàng trăm năm qua ở các địa phương. Với sự phát triển trong lĩnh vực dệt may, cho đến thời điểm hiện tại, nhiều dân tộc thiểu số đã và đang mất dần trang phục dân tộc mình, sản phẩm vốn được tự cung, tự cấp trong nội tại tộc người, góp phần tác động xấu đến quá trình bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc trong cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam, ảnh hưởng không ít đến nhu cầu phát triển du lịch cộng đồng ở nhiều địa phương trên phạm vi cả nước.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bước đầu tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tập trung vào các yếu tố và điều kiện phát triển kinh tế, lấy phát triển khoa học - công nghệ làm then chốt. Với lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là môi trường hoạt động văn hóa và bảo vệ di sản văn hóa tộc người, dường như đã và đang được đẩy vào môi trường “xã hội hóa”, khoán cho cộng đồng “tự thân vận động” để duy trì và bảo vệ sức

sống của di sản. Nhiều dân tộc thiểu số ở vùng núi phía Bắc đã và đang đứng trước nguy cơ bị mai một hoặc biến mất của di tích tín ngưỡng, nhà truyền thống, tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình. Sự biến đổi văn hóa trong đó có sự xâm lấn và đồng hóa về mặt văn hóa đang diễn ra một cách sâu rộng. Với điều kiện kinh tế eo hẹp, thậm chí nghèo nàn, cộng đồng không ít tộc người không đủ điều kiện kinh tế để tôn tạo di tích, mở các lớp dạy chữ, dạy tiếng dân tộc mình. Các thế hệ trẻ mới sinh ra từ đầu thế kỷ XXI trở lại đây phần nhiều thông thạo tiếng phổ thông và một bộ phận không nhỏ rất ít hoặc không giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ của dân tộc mình, từ đó xa rời với truyền thống văn hóa tộc người, dẫn đến những nguy cơ xuất hiện các hành vi đi ngược với giá trị văn hóa truyền thống cũng như tiếp nhận những tiêu cực trong xã hội đương đại.

Đứng trước thực trạng được nhận diện sơ bộ trên đây, gắn với sứ mệnh hội nhập to lớn trong bối cảnh lịch sử toàn cầu, kho tàng di sản văn hóa các dân tộc ở Việt Nam luôn trở thành một trong những yếu tố quan trọng của giao lưu văn hóa và kết tụ thành sức mạnh mềm để góp phần thúc đẩy quá trình phát triển văn hóa Việt Nam. Cũng nhờ đó, thông qua giao lưu và hợp tác văn hóa mà Việt Nam tiếp thu, nắm bắt được những thành tựu văn minh, những tinh hoa văn hóa của nhân loại để hướng tới mục tiêu “phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc”, trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác, bình đẳng và cùng có lợi, tự chủ, tự quyết, phù hợp với lợi ích và luật pháp quốc tế. Chính vì thế, khi nhắc lại sự hiện tồn của các hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam, trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc tổ chức tại Hà Nội tháng 11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: Việt Nam là một đất nước có hàng nghìn năm lịch sử, trải qua không biết bao nhiêu sự biến đổi, thăng trầm do thiên nhiên và con người gây ra, đã tích lũy, tạo ra và phát huy được nhiều giá trị, bản sắc văn hóa riêng của dân tộc, làm nên hồn cốt của dân tộc; đồng thời tiếp thu và góp phần đóng góp vào nền văn hóa chung của nhân loại; và yêu cầu mọi người muốn hướng đến một dân tộc xứng danh có văn hóa thì cần phải chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục; nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết; trọng tình nghĩa, trọng công lý và đạo lý xã hội, đồng thời

quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại; xây dựng, kiến tạo và phát triển “sức mạnh mềm” văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia muôn đời bền vững. Từ nhận diện thực trạng và xem xét tiến trình vận động của văn hóa Việt Nam những năm qua, có thể thấy rằng, các nguyên tắc về sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới nói chung và nguyên tắc dân tộc hóa đối với sự nghiệp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc được nêu ra từ bản Đề cương văn hóa năm 1943 nói riêng vẫn còn nguyên giá trị. Chúng ta tin tưởng rằng, với hành trình luôn nhạy bén, thống nhất và sâu sắc của Đảng ta trong nhận thức lý luận văn hóa, chúng ta nhất định sẽ hoàn thành được sứ mệnh cao cả: Xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

## VẬN DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC DÂN TỘC HÓA, ĐẠI CHÚNG HÓA VÀ KHOA HỌC HÓA VÀO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VĂN HÓA VIỆT NAM

TS. NGUYỄN ĐỨC THẮNG\*

Sau 80 năm, trải qua muôn vàn biến động trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương tháng 2/1943 thực sự vẫn còn nguyên tính thời sự và vẹn nguyên giá trị, nó thể hiện tầm nhìn, chiến lược và xác lập nền tảng vững vàng cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam, đúng với điều mà Bác Hồ đã từng nói: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”<sup>1</sup>.

Phát biểu tại lễ kỷ niệm 40 năm ra đời *Đề cương*, Tổng Bí thư Trường Chinh nhấn mạnh: “Văn hóa là một vấn đề rất rộng lớn... *Đề cương* đi thẳng vào vấn đề văn hóa. Đó là lĩnh vực phản ánh toàn bộ đời sống xã hội vào ý thức của con người, thể hiện phong phú trên các mặt: tư tưởng, học thuật và nghệ thuật”. Như vậy, tư tưởng, học thuật, nghệ thuật là ba thành tố cơ bản, thuộc về văn hóa được lựa chọn để nhấn mạnh, bàn thảo trong *Đề cương*, đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi của tình hình cấp bách lúc bấy giờ. Cũng theo Tổng Bí thư, căn cứ vào nội dung của *Đề cương* thì phải gọi là *Đề cương về cách mạng tư tưởng và văn hóa Việt Nam* mới thật chính xác<sup>2</sup>.

Có thể nói, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được coi là văn kiện có tính cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa, đề cập toàn diện, sâu sắc, có tính hệ thống, khoa học những vấn đề cốt lõi, có tính chất nền tảng tạo phương

---

\* Đại học Công nghệ Đông Á

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

2. “Về nội hàm văn hóa trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*”, Tạp chí *Đảng Cộng sản*.

hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong suốt 80 năm qua, những nội dung, giá trị cốt lõi của Đề cương được Đảng ta không ngừng kế thừa, vận dụng và phát triển để từng bước hoàn thiện tư duy lý luận và nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn trong lĩnh vực văn hóa. Trong khuôn khổ Hội thảo và bài viết này, tác giả sẽ đề cập theo góc nhìn của một nhà nghiên cứu văn hóa về phạm trù nguyên tắc phát triển văn hóa (dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa), vai trò của việc vận dụng các nguyên tắc đó vào phát triển bền vững văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới.

### 1. Khái quát về các nguyên tắc phát triển văn hóa

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã nhấn mạnh đến 3 thành tố đặc biệt quan trọng của văn hóa là: Tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Đảng cũng đã đề ra 3 nguyên tắc vận động để xây dựng nền văn hóa mới, đó là: Dân tộc, khoa học và đại chúng. Những thành tố và những nguyên tắc này đều có mối quan hệ biện chứng, thâm thấu và bổ sung lẫn nhau để tạo nên một nền văn hóa mà tư tưởng thấm đẫm tinh thần dân tộc; tư tưởng phải lấy tính dân tộc làm trọng, học thuật phải mang tính khoa học, chống lại những gì phản tiến bộ, những cái lạc hậu, bảo thủ, đồng thời không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Nghệ thuật phải thấm đẫm tinh thần nhân dân (đại chúng), nghệ thuật thuộc về nhân dân, phản ánh tâm tư, tình cảm và những mong ước, khát vọng của nhân dân.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ra đời trong bối cảnh đất nước chưa giành được độc lập, vẫn chịu ách đô hộ của thực dân Pháp, phát xít Nhật. Thực dân, phát xít lợi dụng mọi chiêu bài, thủ đoạn thâm độc để ru ngủ người dân An Nam bằng rượu cồn và thuốc phiện; chúng ra sức thực hiện chính sách ngu dân, “nhồi sọ”, truyền bá tư tưởng phản động, reo rắc sự hoài nghi, bi quan, hắc ám về tiền đồ, tương lai dân tộc<sup>1</sup>. Do đó, trong bối cảnh ấy, một trong những mục tiêu căn bản của việc ban hành Đề cương là dùng văn hóa để trở thành sức mạnh cho dân tộc, tạo sức mạnh và sinh khí, góp phần quan trọng đối với sự phát triển văn hóa của đất nước cho đến ngày hôm nay. Sau 8 thập kỷ, cả 3 nguyên tắc phát triển văn hóa trong Đề cương đã chứng minh

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.59.

được tính đúng đắn, tính nền tảng, tính định hướng cho sự phát triển văn hóa xuyên suốt nhiều thời kỳ.

Cả 3 nguyên tắc đó là đường dẫn, là kim chỉ nam để Đảng ta hành động, triển khai. Cũng từ các nguyên tắc nền tảng đó đã góp phần tạo nên sức mạnh nội sinh dân tộc, sức mạnh của một quốc gia độc lập, chủ quyền và luôn biết tôn trọng, gìn giữ, đặt văn hóa ở vị trí hàng đầu, “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”.

### ***Nguyên tắc dân tộc hóa***

Văn hóa vừa là nền tảng tinh thần, nhưng cũng vừa là sức mạnh nội sinh để đưa dân tộc ta vượt qua mọi gian lao, thách thức. Lịch sử dân tộc đã chứng minh sự trường tồn vĩ đại của khí chất, văn hóa người Việt Nam. Trong mọi hoàn cảnh, mọi thời kỳ, khí chất và văn hóa nội sinh ấy vẫn luôn đứng vững, đồng hành cùng dân tộc. Thực tế cho thấy, văn hóa đã tạo nên sức mạnh thực sự cho dân tộc ta để tạo nên sự thống nhất trong nhận thức về lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết. Chúng ta đều chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, không chỉ chiến thắng trên mặt trận quân sự, ngoại giao, chính trị mà sâu thẳm trong đó là chúng ta đã chiến thắng trong việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị, cốt cách, phẩm chất văn hóa Việt Nam nói chung và niềm tự tôn dân tộc trong mỗi người con đất Việt nói riêng. Trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, chúng ta vẫn đứng vững, không bị đồng hóa, đó chính là phẩm chất văn hóa đặc biệt quan trọng mà không phải dân tộc nào cũng có, không phải dân tộc nào cũng làm được. Có dân tộc nào trên thế giới này bị đô hộ hơn 1.000 mà vẫn giữ được ngôn ngữ, văn hóa, tâm hồn và tính cách, đó chỉ có thể là dân tộc Việt. Và điều đó đã nói lên rằng, vũ khí lớn nhất của chúng ta không phải là khí tài quân sự hiện đại mà chính là lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết. Sức mạnh từ lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết vô cùng to lớn, nó đã giúp dân tộc Việt Nam vượt qua mọi trở ngại trong hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Đúng như câu nói bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1954 tại Đền Hùng: “*Các vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*”<sup>1</sup>, câu nói ấy đã thể hiện rõ nét nhất sức mạnh tinh thần quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và giải phóng đất nước về sau này để văn hóa trở thành “cột mốc chủ quyền” của đất nước.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.59.

### ***Nguyên tắc khoa học hóa***

Trong bất cứ lĩnh vực nào, nguyên tắc khoa học hóa cũng luôn quan trọng, tạo nên những giá trị, chuẩn mực. Với sự phát triển của văn hóa Việt Nam, nguyên tắc này càng thể hiện tầm quan trọng. Gắn liền với các thành tố nội hàm văn hóa là tư tưởng, học thuật và nghệ thuật, nguyên tắc khoa học hóa càng thể hiện vai trò. Nếu làm tư tưởng, học thuật và nghệ thuật có tính khoa học, chống lại những gì phản khoa học, tư tưởng không tiến bộ, lạc hậu, cổ hủ, thì sẽ đem lại sự phát triển văn hóa bền vững.

Theo PGS.TS. Bùi Hoài Sơn, văn hóa, ở một phương diện nào đó, chính là thói quen của con người, từ đó hình thành nên phong tục tập quán, truyền thống của một dân tộc. Khi đất nước ta chìm đắm trong thời kỳ phong kiến và thực dân, nhiều phong tục tập quán lạc hậu, không phù hợp đã kéo lùi sự phát triển của lịch sử dân tộc. Nhiều tệ nạn xã hội được chỉ ra trong các tác phẩm của Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố... cho thấy, chỉ bằng cách thay đổi những hủ tục lạc hậu, không phù hợp của văn hóa thì mới giúp đất nước phát triển. Tư tưởng căn bản của Đề cương là mong muốn thay đổi phong hóa của dân tộc: Từ việc thay đổi nhận thức, thói quen, lối sống sẽ tạo ra nguồn lực giải phóng dân tộc, phát triển đất nước. Rõ ràng, từ tư tưởng khoa học hóa, kể từ khi giành được độc lập, văn hóa của đất nước nhìn chung đã hướng đến những giá trị văn minh, từng bước loại bỏ yếu tố lạc hậu, góp phần hình thành một nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa.

### ***Nguyên tắc đại chúng hóa***

Đại chúng ở đây được hiểu là văn hóa được hình thành bởi đa số nhân dân, dành cho đa số nhân dân, vì lợi ích của đa số nhân dân. Nguyên tắc này phản ánh đầy đủ nhất cả trên ba thành tố tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Toàn thể nhân dân cần đồng lòng, đoàn kết hướng theo hệ tư tưởng đã được Đảng lựa chọn làm định hướng, đó là tư tưởng của chủ nghĩa xã hội, tư tưởng của Hồ Chí Minh. Để có thể đoàn kết, tạo ra sức mạnh từ nhân dân, văn hóa là yếu tố then chốt. Khi chúng ta xây dựng được văn hóa yêu nước cho nhân dân, độc lập dân tộc trở thành một điều tất yếu. Nghệ thuật cũng để phục vụ toàn thể nhân dân, dành cho nhân dân. Thực ra, nguyên tắc này không mới trong dòng chảy lịch sử tư tưởng phát triển của đất nước, khác chăng là



nguyên tắc này được nhấn mạnh, cô gọn để trở thành một kiểu triết lý phát triển. Đây chính là yếu tố thể hiện rõ nhất các luận điểm mà ông cha ta đã từng đề cập trong mọi giai đoạn lịch sử: “lấy dân làm gốc”; “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”, hay “chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”.

## **2. Vận dụng các nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học vào phát triển bền vững văn hóa Việt Nam**

Sau 80 năm, Việt Nam đã hội nhập sâu rộng trên mọi mặt chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng. Quá trình tiếp biến văn hóa qua các lĩnh vực cũng muôn hình muôn vẻ. Nhưng với sự đúng đắn của việc vận dụng tốt các thành tố, các nguyên tắc trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đến ngày nay văn hóa Việt Nam vẫn đang phát triển, hội nhập và đứng vững trong mọi hoàn cảnh. Kế thừa những quan điểm, định hướng về xây dựng, phát triển nền văn hóa mới Việt Nam được đề cập trong Đề cương, 80 năm qua, Đảng ta đã không ngừng bổ sung, phát triển nhiều quan điểm mới, làm sâu sắc thêm nội hàm, phạm vi các lĩnh vực thuộc văn hóa cũng như vai trò của văn hóa trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng đã kịp thời bổ sung thêm các lĩnh vực, các thành tố như: Tư tưởng, đạo đức, lối sống; di sản văn hóa; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn học, nghệ thuật; thông tin đại chúng; giao lưu văn hóa với thế giới; thể chế và thiết chế văn hóa để lấp đầy những khoảng trống nhất định mà ba thành tố tư tưởng, học thuật và nghệ thuật có thể chưa hàm chứa đủ đầy, đồng thời giúp diễn giải rõ hơn các phạm trù để dễ triển khai thực hiện. Sau 15 năm thực hiện, năm 2014, Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước ra đời tạo một cột mốc mới trong quá trình vận dụng các nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học vào phát triển bền vững văn hóa Việt Nam. Nghị quyết đã nhấn mạnh đến vai trò đặc biệt quan trọng của chủ thể sáng tạo, xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc là nhân tố con người: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con

người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo<sup>1</sup>.

Bên cạnh ba thành tố, ba nguyên tắc thì phạm trù phát triển văn hóa cũng hướng đến ba trụ cột để phát triển nhân cách con người và phát triển toàn diện từng cá nhân trong xã hội: văn hóa đạo đức, văn hóa trí tuệ (tri thức), văn hóa thẩm mỹ. Khi đạo đức xã hội gặp nhiều vấn đề, nhiều hiện tượng văn hóa lệch lạc, lai căng, môi trường văn hóa ngày càng phức tạp, dễ bị tác động bởi những yếu tố phi văn hóa thì việc chúng ta dành tâm sức để văn hóa đạo đức, văn hóa trí thức, văn hóa thẩm mỹ được nuôi dưỡng, hình thành và phát triển trong mỗi con người là rất quan trọng. Do đó, nối kết ba trụ cột nêu trên với ba thành tố trong văn hóa cùng ba nguyên tắc dân tộc hóa - khoa học hóa - đại chúng hóa mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã nêu, chúng ta thấy sự liên hệ mật thiết, tính đúng đắn cho mọi thời kỳ. Dù ở thời đại nào, văn hóa đều phải là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Một đất nước với gần 100 triệu dân, nếu ai cũng nhận thức được giá trị của việc trau dồi văn hóa đạo đức, văn hóa trí tuệ (tri thức), văn hóa thẩm mỹ thì ắt hẳn quốc gia đó sẽ rất mạnh mẽ và thịnh vượng. Người Việt Nam ta luôn nồng nàn yêu nước, có tinh thần bảo vệ và xây dựng đất nước từ hàng nghìn năm qua, có truyền thống hiếu học ngàn đời, kết hợp với những điều cần trau dồi ở trên ắt hẳn sẽ tạo nên một sức mạnh nội sinh vô cùng to lớn.

Phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Văn hóa là một phạm trù rất rộng, có thể được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau với nhiều cách tiếp cận khác nhau... Nhưng chung quy có thể hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Nghĩa rộng: thì văn hóa là trình độ phát triển về tinh thần và vật chất của nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định... Nghĩa hẹp: thì văn hóa là những hoạt động tinh thần của một xã hội, gồm có những lĩnh vực: giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật, đạo đức... Văn hóa cũng bao gồm cả văn hóa vật thể (các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, di sản văn hóa, những sản

---

1. Xem Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.158-159.

phẩm văn hóa: kim tự tháp, đình, chùa, miếu thờ,...) và phi vật thể (ca dao, dân ca, hò vè, lễ hội; các phong tục, tập quán của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền, mỗi dân tộc, mỗi địa phương...). Nhưng dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì khi đã nói đến văn hóa là nói đến những gì là tinh hoa, tinh túy nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, nhân tình, tiến bộ”<sup>1</sup>.

Lịch sử đã chứng minh, nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, chân lý ấy không bao giờ thay đổi. Việt Nam là một đất nước nhiều dân tộc, đa tôn giáo, nhiều tín ngưỡng, nhiều hệ giá trị, nhiều đặc trưng văn hóa vùng miền, nhiều sắc thái văn hóa khác nhau... Nhưng tựu trung vẫn là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Việt Nam là một đất nước thống nhất về lãnh thổ, thống nhất về Tổ quốc. Nền văn hóa Việt Nam mang những bản sắc dân tộc đặc trưng: Yêu nước, tự cường, đoàn kết, ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, trọng đạo lý, trọng tình nghĩa, cần cù, sáng tạo, ứng xử tinh tế và giản dị. Nguyên tắc dân tộc, đại chúng lúc này rất quan trọng. 54 dân tộc, 3 vùng miền trải dài từ Bắc xuống Nam, nhưng dân tộc Việt Nam vẫn đoàn kết, một lòng, giữ được bản sắc và cốt cách văn hóa Việt.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 33-NQ/TN cũng đã đề ra 6 nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới, đó là: Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó chính là kết quả của quá trình vận dụng đầy đủ, linh hoạt các nguyên tắc để hoàn thiện các trọng tâm xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Đến nay, sau nhiều năm triển khai, nội dung của Nghị quyết đã đi vào đời sống nhân dân, thể hiện trên mọi mặt của đời sống xã hội. Kết quả đó thể hiện qua giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Trong đó, một trong những mục tiêu là giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả

---

1. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, *Sđd*, tr.158-159.

năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

Xét một cách tổng thể, để phát triển văn hóa Việt Nam bền vững, để duy trì và phát huy được tinh thần đậm đà bản sắc dân tộc thì chúng ta vẫn còn rất nhiều việc phải làm. Mạng xã hội vô cùng phức tạp, khó lường; tình hình thế giới bất ổn trên nhiều khía cạnh với sự phức tạp ngày càng tăng; các thế lực thù địch không ngừng thực hiện diễn biến hòa bình, tuyên truyền luận điệu chống phá, phản động, xuyên tạc và dùng chính chiêu bài hệ tư tưởng, dân tộc để thực hiện âm mưu đen tối. Do đó, sau 80 năm, để loại trừ từng bước các vấn đề phức tạp nêu trên, để *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 có sức sống mới trong bối cảnh ngày hôm nay, chúng ta cần cập nhật những nội dung mới, phù hợp với bối cảnh xã hội đương đại. Với nguyên tắc dân tộc hóa thì bên cạnh việc giữ gìn và phát triển những di sản văn hóa quý báu của dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa thế giới, sáng tạo, vun đắp nên những giá trị mới, phải tiến hành kiên trì cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục, các thói hư tật xấu, nâng cao tính chiến đấu, chống mọi mưu toan lợi dụng văn hóa để thực hiện “diễn biến hòa bình”. Với nguyên tắc khoa học hóa, chúng ta cần hướng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, khoa học, công nghệ vào việc xây dựng con người có thế giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ; nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Với nguyên tắc đại chúng hóa thì chúng ta cần hướng tới một xã hội có một nền văn hóa đại chúng, đa dạng, hội nhập, sẵn sàng giao thoa nhưng vẫn giữ gìn được bản sắc, cốt cách văn hóa Việt, đặc biệt quan tâm đến thế hệ trẻ, tương lai của đất nước.

## GIÁ TRỊ THỰC TIỄN CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

TS. TRẦN THỊ MINH THU\*

1. Đầu thế kỷ XX, sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10/1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương) được thành lập cho đến trước khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ra đời, văn nghệ nước ta đã hình thành hai bộ phận và phân hóa thành nhiều xu hướng. *Bộ phận công khai* là văn nghệ hợp pháp tồn tại trong vòng kiểm duyệt của chính quyền thực dân phong kiến, có tính dân tộc và tư tưởng lành mạnh nhưng không có ý thức cách mạng và tinh thần chống đối trực tiếp với chính quyền thực dân. Bộ phận này cũng phân hóa thành hai xu hướng: *xu hướng lãng mạn*, nội dung thể hiện cái Tôi trữ tình với những khát vọng và ước mơ; *xu hướng hiện thực*, nội dung phản ánh hiện thực xã hội thông qua những hình tượng điển hình. Còn *bộ phận không công khai* là văn nghệ cách mạng, phải lưu hành bí mật, nội dung đấu tranh chống thực dân và tay sai; thể hiện nguyện vọng của dân tộc là độc lập tự do; hình tượng trung tâm là người chiến sĩ. Bên cạnh đó, xã hội Việt Nam xuất hiện các phong trào “Vui vẻ trẻ trung”, “Thơ mới”, “Tự lực văn đoàn”... cùng các quan niệm mới về âm nhạc, hội họa... đã dẫn đến hai hiện tượng mâu thuẫn nhau trong đời sống văn nghệ: hiện tượng muốn đổi mới theo các trào lưu phương Tây và hiện tượng bảo thủ. Đến những năm 1936-1939, trong phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương, Hải Triều và nhiều đảng viên cộng sản khác đã tiến hành hai cuộc tranh luận lớn làm lành mạnh hóa nền văn nghệ: về triết học duy vật và duy tâm; về nghệ thuật vị nhân sinh hay nghệ

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

thuật vị nghệ thuật. Từ năm 1940, thực dân Pháp và phát xít Nhật không ngừng tung ra các khẩu hiệu để vừa ngăn ngừa ảnh hưởng của nhau, vừa ngăn chặn việc tuyên truyền cổ vũ tinh thần yêu nước của Việt Minh. Các trí thức Việt Nam có sự phân hóa sâu sắc về tư tưởng: đề cao dân tộc theo hướng hoài cổ (nhóm Tri Tân); tán dương chủ nghĩa bảo hoàng, đề cao Nho giáo (nhóm Phạm Quỳnh); đề cao văn hóa dân tộc theo con đường cải lương tư sản (nhóm Thanh Nghị); đề cao chủ nghĩa duy vật mácxít nhưng giải thích thô thiển... Tất cả những biểu hiện trên đã tạo cho văn nghệ Việt Nam ở thời điểm này có một bối cảnh đầy mâu thuẫn, rối ren, hỗn loạn, phức tạp, tạo cơ hội cho những người vốn bi quan càng tiến sâu vào con đường “tháp ngà”, thoát tục hoặc khiến những người đứng trước “ngã ba đường của lịch sử” phải lựa chọn cho mình một hướng đi, một lẽ sống.

Trước tình hình nói trên, tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp cuối tháng 2/1943, Đảng đã đưa ra chủ trương cần phải có cán bộ chuyên trách về văn hóa để tạo ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc. Chủ trương đó là cơ sở của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 - bản Tuyên ngôn đầu tiên của Đảng về văn hóa, văn nghệ.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 mang ý nghĩa lớn lao khi vạch rõ tính chất phản động trong chính sách văn hóa ngu dân, phát xít của Pháp - Nhật và nêu lên tầm quan trọng của cách mạng văn hóa trong đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng: a) “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận: (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động; b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa; c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>1</sup>. Đề cương đã đưa ra ba nguyên tắc vận động cách mạng trên mặt trận văn hóa, văn nghệ: Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng); Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Mối quan hệ giữa ba nguyên tắc này, được đồng chí Trường Chinh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316.

chỉ rõ: “Một nền văn hóa dân tộc mà không có tính khoa học và nhân dân thì rất có thể vì quyền lợi ích kỷ và hẹp hòi của dân tộc mình mà đi ngược lại bước đường tiến hóa của lịch sử, cố níu kéo những cái cổ truyền đã lỗi thời của dân tộc mình mà không đặc biệt chú ý đến những nguyện vọng tha thiết của công nông là số đông người cần cù và yêu nước nhất trong dân tộc. Văn hóa có tính nhân dân mà không có tính dân tộc và khoa học thì sẽ trở nên hẹp hòi, chỉ nhìn thấy lợi ích công nông mà không chú ý lợi ích chung cả dân tộc, hoặc theo đuôi quần chúng”<sup>1</sup>.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 khi mới ra đời, trên thực tế, vẫn chưa thực sự được đông đảo văn nghệ sĩ nắm bắt và thực hiện ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Tại chiến khu Việt Bắc, năm 1949, đã diễn ra Hội nghị tranh luận về “văn nghệ bộ đội” với các vấn đề như: quân đội có cần văn nghệ không, bộ đội có phải là đối tượng chú ý nhất của văn nghệ không, phê bình văn nghệ của bộ đội thế nào cho đúng...; năm 1950, tiếp tục diễn ra Hội nghị tranh luận về sân khấu, trong đó đặt vấn đề nên bảo vệ hay “vứt bỏ” tuồng, chèo, cải lương..., trong đó có ý kiến cho rằng tuồng, chèo, cải lương là sản phẩm của giai cấp thống trị phong kiến, giai cấp tư sản Việt Nam mới lên, cần phải loại bỏ, nhưng đa số ý kiến lại kiên quyết bảo vệ tuồng, chèo, cải lương vì cho đó là sản phẩm của văn hóa dân tộc, cần được gìn giữ và phục vụ cách mạng. Những cuộc tranh luận trên đã tạo nên những băn khoăn, hoang mang, dư luận thiếu đồng nhất trong đội ngũ văn nghệ sĩ. Đến năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho các họa sĩ nhân triển lãm hội họa, đã nêu rõ ý kiến của Người đối với văn nghệ: “Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*. Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy... chiến sĩ nghệ thuật có *nhiệm vụ* nhất định, tức là phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh... cần có lập trường vững, tư tưởng đúng”<sup>2</sup>; cần thấu hiểu, liên hệ và đi sâu vào đời sống nhân dân. Từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến năm 1951, gắn với “tuyên ngôn” của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “sứ mệnh cách mạng” của văn nghệ sĩ, mới thực sự là dấu mốc đánh dấu sự chuyển biến rõ nét trong văn nghệ, tạo nên những giá trị thực tiễn lớn lao, mang tính lịch sử.

1. Trường Chinh: *Về văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1986, t.3, tr.361.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, t.7, tr.246.

**2. Đề cương về văn hóa Việt Nam** năm 1943 là “kim chỉ nam” cho văn nghệ sĩ, trong quá trình “tìm đường”, đã có được nhận thức mới để đi đến “lột xác” (chữ dùng của nhà văn Nguyễn Tuân) phục vụ kháng chiến.

Sở dĩ nói như vậy, bởi lẽ thời kỳ này thế hệ văn nghệ sĩ đi theo cách mạng, lao mình vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chia làm hai lớp người: lớp thứ nhất là những văn nghệ sĩ nổi tiếng từ trước năm 1945 (như: Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Tuân, Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Văn Cao, Đoàn Chuấn, Lê Thương, Nguyễn Văn Tý, Thế Lữ, Nguyễn Công Hoan, Thanh Tịnh, Phan Khôi, Đoàn Phú Tứ, Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn, Văn Chung, Sĩ Tiến, Nguyễn Đình Nghi, Vi Huyền Đắc, Lộng Chương...); lớp thứ hai, những người còn trẻ, tỏa sáng về tài năng khi được sống và sáng tác phục vụ nhân dân (như: Nguyễn Đình Thi, Quang Dũng, Chính Hữu, Đỗ Nhuận, Hoàng Vân, Trần Hoàn, Lê Lam, Ngô Mạnh Lân, Trịnh Thiệp, Ngô Tôn Đệ, Trần Đông Lương, Học Phi, Tất Đạt...). Trong đó, thế hệ thứ nhất phải trải qua quá trình “nhận đường” gian lao, lúng túng không biết sáng tạo thế nào, khiến cho thời gian đầu bắt nhịp sáng tác khá chậm. Bởi lẽ họ vốn quen với việc sáng tác tự do theo đuổi cách tân nghệ thuật là chính và phục vụ chủ yếu cho lớp người thành thị, ngợi ca cái Tôi cá nhân, quan tâm đến những số phận cá nhân và những quan hệ riêng tư; nay lại chuyển sang phục vụ đông đảo quần chúng, với phong cách nghệ thuật hướng về đại chúng, từ bỏ cái Tôi để hướng về tập thể. Thậm chí, nhiều văn nghệ sĩ vẫn chưa thay đổi nhận thức triệt để, có những sáng tác chệch khỏi định hướng văn nghệ kháng chiến.

Sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và sau đó là cuộc kháng chiến toàn quốc đã có ảnh hưởng lớn đến tâm tư, tình cảm của mỗi nghệ sĩ. Hiện thực cách mạng cùng với nội dung định hướng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 và đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng đã khiến họ hiểu rằng: không thể viết và sống như trước. Đại đa số các văn nghệ sĩ đã theo tinh thần của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, tán thành việc sáng tác văn nghệ phải gắn bó chặt chẽ với đại chúng và văn nghệ sĩ cần tìm hiểu đời sống quần chúng công - nông - binh mới mong sáng tác được những tác phẩm phản ánh sinh động hiện thực cuộc kháng chiến lúc bấy giờ. Trong bút ký “Nhận đường”, nhà văn Nguyễn Đình Thi đã xác định rõ: “Văn nghệ phụng sự chiến đấu, nhưng chính kháng chiến đem đến



cho văn nghệ một sức sống mới, sắt lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta”<sup>1</sup>. Nhà văn Nguyễn Tuân nhận định: “Văn nghệ sĩ chuyên nghiệp không thể rời cán bút, cây đàn của mình được. Họ vào bộ đội chỉ là để tự tạo và huấn luyện cán bộ mới bằng hình thức văn nghệ. Nếu không, họ chỉ là những người dăn dỗi, ích kỷ, có thể nói là tự tử một cách đẹp đẽ để một mình vinh quang”<sup>2</sup>. Chính quá trình “lột xác” - thay đổi lập trường, quan điểm sáng tác của các nghệ sĩ thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp dù không dễ dàng, nhưng với lòng yêu nước nhiệt thành, muốn đem tài năng nghệ thuật phục vụ đất nước, các văn nghệ sĩ đã “ba cùng” với quân và dân để bắt đầu có những sáng tác có chất lượng nghệ thuật cao.

**3. Đề cương về văn hóa Việt Nam** năm 1943 đi cùng với đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng đã góp phần quan trọng thay đổi vị thế của người nghệ sĩ trong xã hội.

Xã hội phong kiến xưa xếp “sĩ - nông - công - thương” thuộc “tứ dân” - bốn tầng lớp chính, còn nghệ sĩ không được xếp vào loại nào cả và bị coi là “xướng ca vô loài”. Trai gái bá vai bá cổ nhau ca hát được coi là “thối dâm tục xấu” (Ngô Sĩ Liên: *Đại Việt sử ký toàn thư*). Năm 1462, Vua Lê Thánh Tông quy định: “Nhà phường chèo con hát và những kẻ phản nghịch, ngụy quan, có tiếng xấu, bản thân và con cháu đều không được đi thi, nếu mang sách hay mượn người làm hộ, thì trị tội theo luật”<sup>3</sup>.

Đến thời Pháp thuộc, các nghệ sĩ làm thuê cho các gánh hát và lấy nghề diễn làm nghề chính để kiếm kế sinh nhai. Họ vừa phải chịu sự coi khinh của xã hội với thân phận “con hát”, vừa bị chủ bầu gánh áp bức, bóc lột, vừa chịu sự kiểm duyệt của chính quyền thực dân, không có ai hay luật pháp nào bảo vệ cho họ.

Rõ ràng, thân phận người nghệ sĩ Việt Nam thời phong kiến và Pháp thuộc đầy tăm tối, tủ nhục, bất công, phi lý... dai dẳng suốt chiều dài lịch sử.

---

1. Hà Minh Đức: “Nguyễn Đình Thi - Chim phượng bay từ núi”, <https://vanthohac.trieuchau.blogspot.com>.

2. Ngô Đồng: “Những tranh luận giữa hai lớp nhà văn kháng chiến”, <https://cand.com.vn>.

3. Dẫn theo Nguyễn Dư: “Vì sao nghệ ca sĩ bị xã hội phong kiến khinh miệt “xướng ca vô loài”?”, <https://baophapluat.vn>.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 ra đời đi cùng với đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng đã mở ra một bước ngoặt mới trong cuộc đời của những người nghệ sĩ: họ đã trở thành người của cách mạng, phục vụ cách mạng và hướng theo cách mạng; từ những “kẻ xướng ca vô loài” trở thành những người nghệ sĩ - chiến sĩ.

Nhờ có cách mạng, các nghệ sĩ được biết đọc, biết viết và dần dần từ bỏ những thói hư tật xấu vốn tồn tại trong chế độ cũ. Nhờ có cách mạng, các nghệ sĩ không còn bị coi là người làm thuê, bị bóc lột, đối xử bất công, mà trở thành những người thực sự làm chủ; không còn bị kỳ thị, coi thường, khinh rẻ là “xướng ca vô loài”, mà được quý trọng, yêu mến và không ít người trong số họ đã trở thành đảng viên - đồng chí, được mang các danh hiệu cao quý: Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú...

Nhờ có cách mạng, các nghệ sĩ được quy tụ thống nhất dưới sự quản lý, bao cấp của Nhà nước. Nhà nước cách mạng đã thành lập các đội, đoàn, nhà hát; tập hợp các nghệ sĩ hoạt động trong các đơn vị nghệ thuật đó; xếp họ vào biên chế với mức lương nhất định; quyết định cơ cấu tổ chức và số lượng nhân sự trong mỗi đơn vị.

Nhờ có cách mạng, các đơn vị biểu diễn nghệ thuật được chu cấp kinh phí để dàn dựng, biểu diễn những chương trình, tiết mục, vở diễn. Những chương trình, tiết mục, vở diễn này đều được bao cấp dàn dựng, biểu diễn để thực hiện nhiệm vụ phục vụ chính trị.

Nhờ có cách mạng, các nghệ sĩ không phải lo cạnh tranh bán vé để có doanh thu. Bởi lẽ, người xem được phân phối vé, các nghệ sĩ được bao cấp đêm diễn, nhằm mục đích: biểu diễn để tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước tới đông đảo khán giả là công - nông - binh ở cả hậu phương lẫn tiền tuyến.

Nhờ có cách mạng, các nghệ sĩ được chăm lo học tập nâng cao về chính trị, văn hóa, chuyên môn. Qua đó, các nghệ sĩ có sự chuyển hóa về thế giới quan, nhân sinh quan, được hiểu rõ hơn về con đường cách mạng mà đất nước đang đi, ý thức hơn về trách nhiệm đối với nghề. Không còn biểu diễn và dàn dựng những tác phẩm mang tính chất tự do, tùy tiện, ngẫu hứng, khách rẻ tiền nữa, mà bắt đầu có ý thức khi hướng đến những vở diễn gắn liền với đường lối của Đảng.

4. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã làm thay đổi diện mạo văn nghệ Việt Nam, trở thành nền văn nghệ phục vụ cách mạng, vận động theo nguyên tắc: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa.

Trên tinh thần giữ gìn và tiếp thu tinh hoa văn hóa dân tộc để phục vụ cách mạng, ngay trong thời kỳ kháng chiến còn nhiều khó khăn, với sự ra đời của Hội Văn nghệ Việt Nam, rồi Vụ Nghệ thuật và các Ban nghiên cứu chuyên ngành thuộc các lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, rất nhiều di sản văn nghệ của cha ông, thông qua công tác sưu tầm, khai thác, lưu giữ đã được thực hiện. Nhiều tác phẩm âm nhạc cổ truyền, múa dân gian, sân khấu truyền thống, văn học dân gian... được ghi chép, quay, chụp một cách hệ thống, công phu, toàn diện. Nhiều sáng tác mới được ra đời được dựa trên kế thừa tinh hoa văn hóa, nghệ thuật dân tộc, trở thành những tác phẩm đạt chất lượng nghệ thuật cao.

Phát triển theo hướng khoa học hóa, các văn nghệ sĩ được tạo điều kiện giao lưu, tiếp xúc với các đoàn nghệ thuật nước ngoài, tiếp cận với những cuốn sách về lý luận, kỹ thuật sân khấu, âm nhạc, múa, hội họa, điện ảnh... thế giới một cách công phu, nghiêm túc. Gạt bỏ lối diễn cương, hát cương, nhạc cương..., các nghệ sĩ tạo nên những tác phẩm chuẩn mực, quy củ; xây dựng những hình tượng mới sinh động, chân thực, hấp dẫn, đi vào chiều sâu tâm lý nhân vật. Bên cạnh đó, không ít thành quả của văn học nghệ thuật các nước xã hội chủ nghĩa đã được văn nghệ sĩ tiếp nhận trên nhiều phương diện: kịch bản, đạo diễn, diễn viên, trang trí mỹ thuật, âm nhạc, múa, quay phim... Lần đầu tiên, các nghệ sĩ được biết đến vai trò và công tác đạo diễn, đến tính tổng thể của một vở diễn, bộ phim với sự tham gia của các thành phần sáng tạo một cách khoa học, hệ thống. Quá trình tiếp nhận tinh hoa văn học, nghệ thuật các nước xã hội chủ nghĩa được các văn nghệ sĩ tiến hành kết hợp với việc kế thừa, nâng cao các giá trị văn hóa truyền thống, tạo đà cho sự thành công của nhiều tác phẩm.

Không còn chỉ phục vụ cho một lớp người, văn nghệ đã thực sự hướng về đại chúng. Các văn nghệ sĩ từ chỗ còn lúng túng, đến chỗ hòa nhập “ăn sâu bén rễ” vào thực tiễn cách mạng, xây dựng các tác phẩm đề cao truyền thống đánh giặc hào hùng của dân tộc, khơi dậy lòng yêu nước, căm thù giặc và tinh thần đấu tranh bất khuất, kiên trung; hướng đến những đề tài gắn liền với lao động sản xuất, cải cách ruộng đất, giảm tô, giảm tức, đấu tranh chống thực

dân, đế quốc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng đất nước và môi trường đạo đức xã hội; hướng đến xây dựng hình tượng nhân vật điển hình đại diện cho đông đảo mọi tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thấm đượm chủ nghĩa lạc quan cách mạng khi luôn chói ngời niềm tin chiến thắng vào một ngày mai tươi sáng, như Tố Hữu đã phải thốt lên trong bài thơ *Đường vào*: “Ta đi, làm ánh sao băng giữa đời”... Những sáng tạo mới này đã theo chân các văn nghệ sĩ hành quân đến các làng mạc, xóm thôn, đến với những chiến trường sục sôi đạn lửa, cất cao tiếng hát át tiếng bom, thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh anh dũng trong trái tim mỗi người chiến sĩ, mỗi người dân. Gạt qua những khó khăn, thiếu thốn, các văn nghệ sĩ đã đem tài năng nghệ thuật của mình phục vụ công chúng công - nông - binh và làm cho văn học, nghệ thuật thực sự trở thành vũ khí tư tưởng sắc bén của cách mạng.

**5. Đề cương về văn hóa Việt Nam** năm 1943 cho đến nay vẫn không ngừng được tiếp tục phát triển thông qua đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng qua các kỳ đại hội Đảng và được văn nghệ sĩ không ngừng tiếp nhận, thể hiện qua các tác phẩm sáng tác.

Nhìn lại cả quá trình 80 năm, Đảng ta qua các kỳ đại hội, đã nhấn mạnh “phải xây dựng một nền văn nghệ mới có tính chất dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa phong phú... phải có tính đảng và tính nhân dân rõ rệt”<sup>1</sup>; “khuyến khích mọi tìm tòi, sáng tạo, khuyến khích sự phát triển của phong cách và tài năng nghệ thuật”<sup>2</sup>, “yêu cầu văn nghệ sĩ nắm vững phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, nêu cao tính Đảng và trách nhiệm của người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, tư tưởng”<sup>3</sup>; xây dựng một nền văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; khẳng định vai trò, vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, tạo cơ sở để xây dựng hệ giá trị văn hóa gắn kết chặt chẽ, nhuần nhuyễn với xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.555.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr.106.

Quá trình tiếp tục phát triển *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 nói trên luôn được gắn chặt với đời sống thực tiễn sáng tác của văn nghệ sĩ. Các văn nghệ sĩ đã không ngừng tạo nên những giá trị tinh thần, bồi dưỡng tâm hồn và tình cảm, xây dựng nhân cách và bản lĩnh các thế hệ công dân trong xã hội; không ngừng nêu cao tính tư tưởng và tính nghệ thuật của các tác phẩm, làm cho các tác phẩm trở thành vũ khí sắc bén trong việc xây dựng con người mới về tư tưởng và tình cảm. Nhiều tài năng được tỏa sáng, đa dạng về phong cách. Những cống hiến của họ đã góp phần khẳng định: văn học nghệ thuật thực sự là một bộ phận quan trọng trong nền văn hóa, gắn bó với đời sống nhân dân và sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Cho đến nay, dù như đồng chí Trường Chinh đã nhận xét rằng: Những văn kiện của Đảng về mặt lý luận văn nghệ còn quá ít và không đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới và đã có những quan điểm giản đơn, thiếu cận về vấn đề văn nghệ phục vụ chính trị, nhưng những nội dung, tư tưởng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn vẹn nguyên giá trị thực tiễn đặc biệt lớn lao đối với cách mạng, kháng chiến và các thế hệ văn nghệ sĩ.

## VĂN HÓA CHÍNH TRỊ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

ĐINH HỮU THUẬN\*

### 1. Cơ sở hình thành và phát triển văn hóa chính trị Việt Nam thời hiện đại

Mặc dù khái niệm văn hóa chính trị ở nước ta còn mới mẻ, chưa có sự thống nhất hoàn toàn, tuy nhiên kết hợp giữa khái niệm văn hóa và khái niệm chính trị, chúng ta có thể hiểu văn hóa chính trị là:

*Văn hóa chính trị là một phương diện của văn hóa, bao gồm những giá trị tiêu biểu, phổ quát và ổn định lâu dài cùng với những sắc thái riêng về tư tưởng, đạo đức, nghệ thuật, phương thức hoạt động của tổ chức chính trị, cá nhân tham gia vào hệ thống chính trị. Là những hành vi, thái độ ứng xử, tâm lý, thói quen của cá nhân, tổ chức và cộng đồng biểu hiện trong quan hệ với dân tộc, nhà nước, đảng phái hướng đến cái đẹp, lẽ phải, sự công bằng, tiến bộ nhằm sử dụng quyền lực và phân chia, hưởng thụ lợi ích vật chất.*

Về cơ sở hình thành, phát triển văn hóa chính trị Việt Nam thời kỳ hiện đại: Văn hóa chính trị Việt Nam là một phương diện của nền văn hóa dân tộc Việt Nam được định hình trên cơ sở thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng cùng với thực tiễn đấu tranh cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của hàng triệu cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước.

*Cơ sở lý luận:* Trên cơ sở thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận biện chứng duy vật của học thuyết Mác - Lênin, Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra

---

\* Viện Đào tạo và phát triển nhân lực Đông Nam Á.

đường lối giải phóng dân tộc, tiến hành chiến tranh cách mạng, đưa đất nước tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa. Trong văn hóa chính trị, đã có không ít tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh được viết ra, trong đó có nhiều nội dung, mục đích xây dựng văn hóa cho Đảng, văn hóa chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, trong đó có *Đường Cách mệnh* (1927), *Sửa đổi lối làm việc* (1947), *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* và *Di chúc* của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm rằng, “văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong chính trị”; “phải đưa chính trị vào giữa dân gian”. Trong vai trò lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn chú trọng xây dựng và phát triển đất nước toàn diện, từ chính trị, quân sự, kinh tế đến văn hóa, giáo dục, y tế... Từ ngày đầu thành lập Đảng năm 1930, *Cương lĩnh chính trị* đã xác định ba nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, trong đó về phương diện xã hội là “dân chính được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hóa”<sup>1</sup>, đây là những phác thảo đầu tiên về một xã hội mới, bao hàm cả lĩnh vực văn hóa.

Đến năm 1943, trước yêu cầu cần phải có định hướng mới về tư tưởng, học thuật, nghệ thuật, Đảng đã kịp thời đưa ra bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đề cương văn hóa có ý nghĩa như một Cương lĩnh về văn hóa, mở đường dẫn dắt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân xây dựng một nền văn hóa mới theo nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”. Trong suốt 80 năm qua (1943-2023) kể từ khi Đề cương văn hóa của Đảng ra đời, Đảng đã cụ thể hóa, bổ sung, phát triển những tư tưởng, nguyên tắc về xây dựng một nền văn hóa có tính dân tộc sâu sắc, kết hợp với tính hiện đại và mang tính nhân dân rộng rãi.

Tại Đại hội VII (1991), Đảng chủ trương tiếp tục xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa Việt Nam, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Khuyến khích tự do sáng tạo văn học, nghệ thuật vì sự hoàn thiện con người, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm cao đẹp, đề cao tinh thần tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng năm 2021, Báo cáo tóm tắt về việc “Kế thừa, phát huy truyền thống

---

1. <https://dangcongsan.vn/huong-toi-ky-niem-90-nam-ngay-truyen-thong-nganh-truyen-giao/thong-tin-tu-lieu/cac-cuong-linh-cua-dang-cong-san-viet-nam-551004.html>.

văn hóa dân tộc; xây dựng, phát triển văn hóa sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước; các định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng” đã đề ra nhiều giải pháp trọng tâm, trong đó có “xây dựng văn hóa trong chính trị”, “đặc biệt là văn hóa trong Đảng trở thành tấm gương đạo đức cho xã hội”<sup>1</sup>.

*Cơ sở thực tiễn:* Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng, mẫu mực về văn hóa chính trị, thể hiện ở tư tưởng, đạo đức, lối sống, tác phong trong công tác, sinh hoạt đời thường, đặc biệt là trong ứng xử với vận mệnh dân tộc và với đời sống của nhân dân. Thực tiễn đấu tranh cách mạng cũng đã xuất hiện những chiến sĩ cộng sản ưu tú của dân tộc, với một cốt cách văn hóa chính trị mẫu mực, lan tỏa sâu rộng trong quần chúng nhân dân. “Trong Đảng ta, các đồng chí Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai và nhiều đồng chí khác đã vì dân, vì Đảng mà hy sinh, đã nêu gương chói lọi của đạo đức cách mạng”<sup>2</sup>.

## **2. Về đặc trưng và sức mạnh của văn hóa chính trị Việt Nam thời hiện đại**

*Một là,* tư tưởng nhất nguyên về chính trị, một đảng lãnh đạo trở thành giá trị lớn nhất, bao trùm, chi phối mọi hoạt động chính trị. Mọi cá nhân, tổ chức tham gia vào hoạt động chính trị và mọi công dân sống và làm việc theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải thừa nhận và thống nhất về tư tưởng nền tảng, bản chất và vai trò lãnh đạo của Đảng, làm cơ sở định hướng cho các hoạt động chính trị, thực thi luật pháp của đất nước. Điều 4 Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định: “1- Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội... 3- Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ

---

1. <http://dukeqtw.dcs.vn/hoi-nghi-van-hoa-toan-quoc-trien-khai-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang-duk15401.aspx>.

2. Hồ Chí Minh: *Về đạo đức cách mạng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.62.



Hiến pháp và pháp luật”. Nhất nguyên về chính trị và một Đảng lãnh đạo ở Việt Nam là nguyên tắc chính trị - pháp lý làm cơ sở chỉ đạo cho các hoạt động chính trị ở trong nước và quan hệ quốc tế. Điều này cũng là đặc trưng của văn hóa chính trị Việt Nam, trở thành cội nguồn dẫn dắt cho mọi hoạt động chính trị ở Việt Nam, chi phối đến các hành vi, tâm lý, thói quen và trở thành thước đo cho lòng trung thành, đạo đức cách mạng, lẽ phải, sự đúng đắn, cái đẹp trong phẩm giá của người cách mạng.

*Hai là*, tính giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân định hướng cho tư tưởng và hành vi, thái độ, mục đích hoạt động chính trị. Bản chất của Đảng được tạo nên từ tính giai cấp, tính dân tộc và tính nhân dân, không chỉ ở tính tiên phong, đại biểu trung thành với lợi ích mà trong mối quan hệ với nhân dân thì Điều 4 Hiến pháp 2013 cũng khẳng định: “2- Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình”<sup>1</sup>.

Tính giai cấp, tính dân tộc và tính nhân dân thể hiện sâu sắc trong các yếu tố của kiến trúc thượng tầng, thuộc hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. “*Điều lệ Đảng Cộng sản Liên Xô* thời kỳ M.Goóbachốp làm Tổng Bí thư... lại không thấy nói đến các dân tộc Xôviết”<sup>2</sup>. Đây là một đặc trưng làm nên sự khác biệt của văn hóa chính trị Việt Nam và đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cộng đồng 54 dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam vào hai cuộc kháng chiến trường kỳ, thắng lợi trong thế kỷ XX.

*Ba là*, đề cao đạo đức cách mạng, coi trọng nêu gương, coi trọng tính tập thể, tinh thần đoàn kết và phương châm lớn là “lấy dân làm gốc” trong các ứng xử, hành vi. Đạo đức cách mạng luôn là yếu tố được coi trọng hàng đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng “có tài mà không có đức thì vô dụng”; “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, yêu thương con người, tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung”, đó là những phẩm chất đạo đức cần có của người cách mạng, “thiếu một đức thì không thành người”. Để kết nạp đảng viên, hoặc sắp xếp, bố trí cán bộ vào các vị trí, chức vụ công tác thì Đảng, Nhà nước

---

1. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx>.

2. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/ban-chat-dang-trong-nhan-thuc-moi-832>.

luôn coi trọng yếu tố đạo đức tiến hành xác nhận hạnh kiểm, điều tra lý lịch hoặc yêu cầu kê khai lý lịch, nhằm lựa chọn đúng người; trong thực thi công vụ thì đạo đức công vụ ngày càng được đề cao.

Tư tưởng và yêu cầu về “nêu gương”, nhất là người đứng đầu tổ chức, tập thể thường xuyên được quán triệt trong hoạt động của các tổ chức chính trị, nhằm tạo cảm hứng, động lực cho người khác, cấp dưới noi theo. Đây cũng là điểm tích cực trong văn hóa chính trị Việt Nam.

Một trong những nguyên tắc lãnh đạo của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị đó là “tập thể lãnh đạo” và “cá nhân phụ trách”, các biểu quyết công việc, nhiệm vụ quan trọng theo phương thức “đa số”; “lấy ý kiến tập thể”, “xin ý kiến nhân dân” trong nhiều quyết sách lớn; “phát động phong trào quần chúng”, “kêu gọi thi đua”, “xây dựng mô hình kinh tế hợp tác xã”, coi trọng “thành phần kinh tế tập thể”, định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường.

Tinh thần đoàn kết là một nét văn hóa chính trị tiêu biểu của người Việt Nam, các hoạt động chính trị thường xuyên hướng đến và nhấn mạnh yêu cầu đoàn kết, từ đoàn kết giai cấp, dân tộc cho đến đoàn kết quốc tế, đoàn kết trở thành lẽ sống trong quan hệ với vận mệnh của đất nước, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc “đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết”, “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - thành công, thành công, đại thành công”.

Phương châm “lấy dân làm gốc”, đề cao vai trò, sức mạnh của toàn dân, tập hợp mọi lực lượng và sức mạnh tổng hợp của nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Phương châm lấy dân làm gốc đã chỉ đạo mọi hoạt động chính trị, hướng đến mục tiêu cao nhất là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Tư tưởng và phương châm lấy dân làm gốc không cho phép những hành vi, thái độ đi ngược lại với lợi ích của nhân dân, không cho phép cán bộ, đảng viên coi thường nhân dân, xa dân, quan liêu, hách dịch, những nhiễu nhân dân. Cán bộ, đảng viên được giáo dục trở thành những người lãnh đạo nhưng cũng đồng thời vừa là người “đầy tớ trung thành” của nhân dân. Đây hẳn là tư tưởng độc đáo, là bản sắc của văn hóa chính trị Việt Nam không phải ở đâu trên thế giới cũng có, là quan niệm có sự kế thừa từ truyền thống văn hóa dân tộc hòa quện với chủ nghĩa cộng sản.

*Bốn là*, tự chỉnh đốn, thường xuyên sửa chữa khuyết điểm, tiến hành đổi mới để tồn tại và phát triển. Có thể nói, bất kỳ sự vật, chủ thể nào trong quá trình tồn tại đều chịu sự tác động, ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực từ nhiều yếu tố vừa khách quan, vừa chủ quan. Để tồn tại, vượt qua nghịch cảnh và phát triển thì sự vật trong thế giới hữu cơ thường tự hình thành cơ chế thích ứng, sàng lọc, đào thải cái cũ và tiếp nhận cái mới. Hệ thống chính trị Việt Nam trong quá trình vận động cũng thường xuyên tự chỉnh đốn, sửa chữa khuyết điểm, đổi mới phương thức hoạt động, nguyên tắc đấu tranh tự phê bình và phê bình trở thành vũ khí sắc bén để làm trong sạch, vững mạnh tổ chức. Trong xây dựng tổ chức và thiết lập cơ chế vận hành, có sự phân công, phân tầng, phối hợp, kiểm tra, giám sát, phản biện lẫn nhau giữa các cơ quan trong hệ thống nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động. Đặc trưng này có mặt mạnh và cũng vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

*Năm là*, xu hướng chính trị hóa mọi mặt, lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều này có thể thấy ở khoa học, đặc biệt là khoa học xã hội và nhân văn; trong lực lượng vũ trang, xây dựng lực lượng vũ trang trở thành lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tinh nhuệ, hiện đại; trong kinh tế (một thời kỳ tồn tại cơ chế tập trung, kế hoạch hóa, quan liêu, mệnh lệnh trong nền kinh tế, hiện nay là định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế, phát triển các tổ chức đảng trong doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp tư nhân); trong văn hóa, văn nghệ thì “văn hóa, văn nghệ cũng là một mặt trận - anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”<sup>1</sup>, điều này có nghĩa là văn hóa chính trị Việt Nam có một đặc trưng rất tiêu biểu, đó là tính chuyên chính vô sản, sự ưu việt của tư tưởng vô sản trong mọi mặt của đời sống tinh thần và vật chất của xã hội, đó là một trong những sức mạnh ghê gớm của văn hóa chính trị.

*Sáu là*, đề cao tính tự chủ và tinh thần đoàn kết quốc tế. Từ tư tưởng, tâm lý đến thái độ ứng xử của các tổ chức, cá nhân, chính khách cho đến cơ chế hoạt động của chính trị Việt Nam nổi lên tinh thần tự chủ và tinh thần đoàn kết quốc tế. Tự chủ, tự lực, tự cường về mọi mặt, độc lập chứ không muốn lệ thuộc, đồng thời luôn coi trọng sự giúp đỡ, ủng hộ, sự đoàn kết của những nước cùng ý thức hệ, những lực lượng tiến bộ, yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới. Sẵn sàng giúp đỡ bạn bè quốc tế, coi việc giúp bạn là tự giúp mình.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989, t.8, tr.639.

*Bảy là*, có sự kết hợp khá nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và thời đại, giữa chủ nghĩa dân tộc chân chính với chủ nghĩa cộng sản trong tư tưởng chỉ đạo, nghệ thuật lãnh đạo, hoạch định đường lối chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, giáo dục. Đặc trưng này trở thành nét văn hóa chính trị độc đáo, đặc sắc, trí tuệ của Việt Nam, góp phần tạo thành sức mạnh tổng hợp cả trong chiến tranh và hòa bình.

*Tám là*, cảm tính, hình thức và chủ nghĩa cá nhân: Tổng hợp những quan niệm, cách làm và biểu hiện ứng xử trong nhiều hoạt động chính trị có thể thấy những thứ trọng (thiên, nghiêng) như: trọng huyết thống, trọng quan hệ, trọng hình thức, trọng ngôn, trọng lễ, trọng khẩu hiệu và chủ nghĩa cá nhân. Có thể dễ dàng nhận thấy, trong hoạt động chính trị ở nơi này, nơi khác, lúc này, lúc khác từ Trung ương đến cơ sở có biểu hiện “con vua lại làm vua”, “cả họ làm quan”, “con lãnh đạo làm lãnh đạo”, việc cất nhắc vào các vị trí có quyền, có lợi thì vẫn có sự ưu tiên, ưu ái cho “con, em, cháu đồng chí của mình, trong cơ quan”. Tồn tại ngày càng phổ biến hiện tượng “quan hệ tốt” là một trong những điều kiện để tiến thân, ngồi vào các vị trí có quyền, có lợi. Trọng hình thức khiến người ta tìm mọi cách để làm đẹp từ hồ sơ, bằng cấp, làm giả báo cáo thành tích đến chạy thành tích, chạy khen thưởng, hoặc gán chức danh, chức vụ, học vị vào tên tuổi trong văn bản, giấy tờ, trong lời giới thiệu ở hội nghị, diễn đàn. Trọng ngôn khiến người ta tìm cách nói cho đẹp lòng nhau, đẹp lòng trên, dưới, nói cho hay là chính, còn hành động thì khác hẳn. Cũng vì quá trọng ngôn, sợ lời nói sai quan điểm, sai chủ trương mà văn hóa đọc văn bản trước hội nghị, trong diễn đàn, trước truyền thông ngày càng trở nên phổ biến, làm mất đi sự gần gũi, tính thuyết phục đối với người nghe. Trọng quan hệ khiến người ta tìm mọi cách để tạo mối quan hệ tốt, có thể rút lót tiền của, biếu tặng quà cáp, nịnh nọt... Trọng khẩu hiệu, khiến cho đâu đâu cũng tràn ngập khẩu hiệu, gây lãng phí tiền của. Trọng hình thức và lễ nghĩa khiến cho việc tổ chức các sự kiện trở nên xa hoa, tốn kém, mất thời gian. Chủ nghĩa cá nhân là một căn bệnh đã tồn tại khá lâu, mặc dù Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta thường xuyên nhấn mạnh yêu cầu chống chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, tuy nhiên căn bệnh này không giảm đi mà ngày càng trở nên trầm trọng, đáng báo động. Hậu quả của căn bệnh này đối với đất nước hiện nay là rất lớn, làm giảm uy tín của Đảng, gây nhiều bức xúc trong nhân dân.

Có thể thấy, văn hóa chính trị Việt Nam thời hiện đại có một số đặc trưng nổi bật, thể hiện tính độc đáo, đặc sắc và kể cả hạn chế; có sự phát triển trên nền tảng những giá trị cốt lõi của Đề cương văn hóa năm 1943; có sự kết hợp hài hòa, tương hỗ, bù trừ giữa các đặc trưng. Trong tình hình hội nhập quốc tế sâu rộng và trước sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, việc phát huy mạnh mẽ mặt tích cực của văn hóa chính trị, khắc phục những biểu hiện lệch lạc trong văn hóa chính trị sẽ góp phần làm đẹp thêm cho văn hóa dân tộc, làm cho Đảng, hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn.

Trong tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam, văn hóa chính trị ngày càng chiếm một vị trí quan trọng, có sức ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của đất nước và đời sống tinh thần của nhân dân. Nhờ có sức hút mãnh liệt của văn hóa chính trị trên cả phương diện tư tưởng lý luận và thực tiễn mà mọi thành phần, giai cấp, tôn giáo, dân tộc đều quy tụ, đoàn kết dưới ngọn cờ cách mạng; các nước Đông Dương thắt chặt tình đoàn kết; các nước xã hội chủ nghĩa hết lòng ủng hộ, giúp đỡ; các lực lượng tiến bộ và dân chủ trên thế giới nghiêng về Việt Nam, tất cả đã tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn đưa sự nghiệp cách mạng đi đến thắng lợi vẻ vang.

Dưới ánh sáng của văn hóa vô sản dẫn đường “bản lĩnh Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh thăng hoa thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng... Chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam chính là văn hóa Việt Nam - cội nguồn của chiến thắng của dân tộc Việt Nam trong cuộc đọ đầu lịch sử với đế quốc Mỹ, làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975 lịch sử”<sup>1</sup>. Sức mạnh đó tiếp tục được khẳng định trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc cũng như trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

### **3. Một số kiến nghị về xây dựng văn hóa chính trị Việt Nam hiện nay**

Quan tâm, chú trọng hơn đến xây dựng văn hóa chính trị, cụ thể hóa sâu sắc tư tưởng, nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa trong lý

---

1. <https://tuyengiao.vn/nghien-cuu/phat-huy-chu-nghia-anh-hung-cach-mang-viet-nam-trong-thoi-ky-moi-138723#:~:text=Ch%E1%BB%A7%20ngh%C4%A9a%20anh%20h%C3%B9ng%20c%C3%A1ch%20m%E1%BA%A1ng%20Vi%E1%BB%87t%20Nam%20ch%C3%ADnh%20l%C3%A0,M%C3%B9a%20xu%C3%A2n%201975%20l%E1%BB%8Bch%20s%E1%BB%AD>.

luận và thực tiễn hoạt động chính trị, biến nó trở thành lẽ tất nhiên trong mọi hoạt động chính trị.

Quá trình đổi mới hệ thống chính trị cần coi trọng việc vận dụng, kết hợp với văn hóa chính trị. Phát huy mạnh mẽ hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa trong các hoạt động chính trị.

Tổng kết thực tiễn, xây dựng triết lý về văn hóa chính trị một cách hệ thống, khoa học, thiết thực để trở thành một phương diện đặc trưng ưu việt của văn hóa dân tộc và mang tính thời đại.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục văn hóa chính trị đến cán bộ, đảng viên và các tổ chức tham gia hoạt động trong hệ thống chính trị. Phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên nắm các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị trong xây dựng văn hóa chính trị.

Phát huy vai trò của nhân dân vào việc xây dựng văn hóa chính trị lành mạnh, tiến bộ. Đấu tranh phê phán quyết liệt trước các hành vi, thái độ, lối sống có biểu hiện phi văn hóa, chạy theo văn hóa thấp kém của các cá nhân, tổ chức trong hệ thống chính trị.

Hình thành văn hóa từ chức, đẩy mạnh hơn nữa việc khuyến khích, vận động những cán bộ có chức vụ không đủ năng lực, đạo đức xin thôi các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị.

Khuyến khích thực hành văn hóa phản biện trong các hoạt động chính trị của hệ thống chính trị. Sử dụng sức mạnh của văn hóa để chế ngự những tiêu cực trong văn hóa.

**GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI  
CỦA CÁC NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC HÓA”,  
“ĐẠI CHÚNG HÓA”, “KHOA HỌC HÓA”  
TRONG “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”  
NĂM 1943 QUA THỰC TIỄN XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM**

PGS.TS. ĐỖ THỊ MINH THÚY\*

**T**hực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, từ hoạt động thực tiễn đúc kết thành lý luận và lý luận đúng được chứng minh qua thực tiễn phát triển của xã hội. Sự ra đời các nguyên tắc vận động văn hóa của Đề cương văn hóa 1943 đã đi theo vận trình như vậy. Từ 1943 đến 2023 với khoảng cách gần tròn một thế kỷ, 80 năm qua trước thực tiễn cách mạng Việt Nam và thế giới, các nguyên tắc vận động văn hóa của Đề cương văn hóa 1943 đã là một hàng số phát triển văn hóa không chỉ cho sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam mà còn đạt tới giá trị thời đại tương thích với các mục tiêu phát triển văn hóa của Liên hợp quốc.

Xã hội Việt Nam thời điểm năm 1943 có sự hiện diện, sự va chạm của văn minh phương Đông và phương Tây, được đại diện bởi dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp; có sự tiếp xúc, đấu tranh giữa các luồng tư tưởng tiến bộ và phản động. Trong bối cảnh như vậy, Đề cương văn hóa 1943 đề ra các nguyên tắc vận động văn hóa: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” với nội dung chống lại văn hóa nô dịch của thực dân Pháp, tôn vinh các giá trị dân tộc, xây dựng một nền văn hóa vì toàn dân nhưng ở một nền tảng cao

---

\* Viện Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

hơn mang những giá trị mới được định hình trên cơ sở các thành tựu khoa học tiến bộ của nhân loại, đã phản ánh sự nhạy bén về chính trị, sự am hiểu về văn hóa trong nắm bắt tinh thần thời đại của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Các vấn đề của văn hóa Việt Nam vào thời điểm Đề cương văn hóa ra đời: Vấn đề đề cao văn hóa dân tộc, văn hóa bản địa, bản sắc văn hóa (dân tộc hóa); Vấn đề quyền sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của nhân dân (đại chúng hóa); Vấn đề tiếp thu văn hóa tiến bộ (khoa học hóa), không giới hạn trong khuôn khổ cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam mà thực chất có phạm vi rộng lớn liên quan tới tất cả các dân tộc trên toàn thế giới, trở thành những vấn đề cấp bách trên phạm vi toàn cầu và chỉ thực sự được cộng đồng quốc tế nhận thức vào thập kỷ 70 của thế kỷ XX vì sự phát triển bền vững.

Trong bài viết này đi sâu phân tích sự tương đồng giữa các định hướng lớn trong phát triển hiện nay trên thế giới và các nguyên tắc vận động văn hóa trong Đề cương văn hóa 1943.

### **1. Đại chúng hóa và định hướng phát triển bền vững lấy con người làm trung tâm**

Định hướng phát triển bền vững lấy con người làm trung tâm có nội dung cốt lõi là quyền được tôn trọng, sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của các dân tộc trên thế giới của Liên hợp quốc ở những thập niên cuối thế kỷ XX và Nguyên tắc vận động văn hóa “đại chúng hóa” trong Đề cương văn hóa 1943: “Chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng” có sự trùng khớp về quan điểm phát triển văn hóa tuy khác nhau về mức độ, phạm vi dân tộc và thế giới.

Những năm 70 của thế kỷ XX kể từ cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên sau hơn 300 năm phát triển với những thành tựu vượt bậc, trên thế giới đã xuất hiện các quan điểm cho rằng sự phát triển cũng đã để lại những hậu quả như sự tồn tại bất bình đẳng giữa các nước giàu với các nước nghèo trên thế giới, sự thiếu gắn kết trong lòng mỗi xã hội. Sự cạn kiệt của tài nguyên thiên nhiên và sự mất phương hướng tồn tại của con người nói chung trong xã hội hiện đại, đã dẫn đến nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chính loài người. Nguyên nhân dẫn đến sự phát triển thiếu bền vững đó là xã hội trong một thời gian dài đã phát triển theo hướng đơn cực và nhầm lẫn khi lấy các



phương tiện, công cụ, sản phẩm vốn được tạo ra nhằm phục vụ con người làm trụ cột, mục tiêu phát triển: “Lấy kinh tế (xã hội) làm trụ cột; mục đích (trung tâm) hướng tới là của cải vật chất/hàng hóa; điều kiện cơ bản để phát triển là tài nguyên thiên nhiên; chủ thể quản lý đơn nhất: một chủ thể (nhà nước); quan hệ với tự nhiên: khai thác/cải tạo tự nhiên; tính chất: kinh tế truyền thống; giới: Nam quyền”<sup>1</sup>.

Các nhà khoa học thế giới đã đề xuất quan điểm về phát triển bền vững, các quan điểm này đã được hoàn thiện theo thời gian và được đưa ra trong các văn kiện của Liên hợp quốc tại các thời điểm:

Năm 1987, trong Báo cáo “Tương lai chung của chúng ta”, Ủy ban Quốc tế về Môi trường và Phát triển lần đầu tiên đã đưa ra một định nghĩa tương đối đầy đủ về phát triển bền vững là: “Sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương khả năng của các thế hệ tương lai trong việc thỏa mãn các nhu cầu của chính họ”.

Năm 1992, Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển (UNCED) tại Rio de Janeiro, Brazil đã đưa ra Tuyên bố về phát triển bền vững dựa trên các nguyên tắc cơ bản trong đó đáng chú ý là các nguyên tắc đề cao con người trong phát triển: “Con người là trung tâm của những mối quan tâm về sự phát triển lâu dài. Con người có quyền được hưởng một cuộc sống hữu ích và lành mạnh hài hòa với thiên nhiên” (*Nguyên tắc 1*). Đặc biệt khẳng định vai trò của các chủ thể tham gia phát triển bền vững gắn liền với môi trường sống của họ bao gồm môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa - xã hội và giải pháp cho phát triển bền vững được chỉ ra là từ văn hóa: “Nhân dân bản xứ và những cộng đồng của họ và các cộng đồng khác ở địa phương có vai trò quan trọng trong quản lý và phát triển môi trường vì sự hiểu biết và tập tục truyền thống của họ. Các quốc gia nên công nhận và ủng hộ thích đáng bản sắc văn hóa và những mối quan tâm của họ, khiến họ tham gia có hiệu quả vào việc thực hiện một sự phát triển lâu bền” (*Nguyên tắc 22*).

Cho đến Hội nghị Johannesburg năm 2002, quan điểm của Liên hợp quốc về phát triển bền vững được bổ sung, hoàn chỉnh: “Phát triển bền vững

---

1. Trương Quang Học: “Phát triển bền vững - Chiến lược phát triển toàn cầu thế kỷ XXI”, <http://sis.vnu.edu.vn>, 2011.

là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển. Đó là: phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”. Cụ thể, phát triển bền vững về kinh tế nhằm tạo ra sự thịnh vượng cho toàn xã hội bảo đảm quyền cơ bản của con người như: bình đẳng trong tiếp cận các nguồn tài nguyên, mức sống, dịch vụ y tế và giáo dục; xóa đói, giảm nghèo... Phát triển bền vững về xã hội bao gồm một số nội dung chính: phát triển nông thôn để giảm sức ép di dân vào đô thị; nâng cao học vấn, xóa mù chữ; bảo vệ đa dạng văn hóa; bình đẳng giới, quan tâm tới nhu cầu và lợi ích giới; tăng cường sự tham gia của công chúng vào các quá trình ra quyết định; phát triển bền vững về môi trường. GS.TSKH. Trương Quang Học trong “Phát triển bền vững - chiến lược phát triển toàn cầu thế kỷ XXI” đã tóm lược các tiêu chí cơ bản bảo đảm sự phát triển bền vững đó là: Phát triển bền vững lấy hài hòa kinh tế - xã hội - môi trường làm trụ cột; mục đích (trung tâm) của phát triển bền vững là hướng tới con người; điều kiện cơ bản để phát triển bền vững là tài nguyên con người; chủ thể quản lý trong phát triển bền vững là sự tham dự của nhiều chủ thể; phát triển bền vững thể hiện mối quan hệ với tự nhiên từ khai thác tối đa chuyển hướng tới bảo tồn/sử dụng hợp lý tự nhiên; tính chất của sự phát triển bền vững là nền kinh tế tri thức; sự phát triển bền vững đạt tới sự bình đẳng về giới.

## **2. Dân tộc hóa và định hướng phát triển văn hóa, đề cao bản sắc văn hóa, sự đa dạng văn hóa**

Song song với các nhận thức mới về phát triển lấy con người làm trung tâm là nhận thức mới về vai trò của văn hóa, đề cao bản sắc văn hóa dân tộc, sự đa dạng văn hóa là giải pháp hiệu quả nhất cho phát triển bền vững. Văn hóa trở thành động lực phát triển của xã hội trong định hướng phát triển bền vững của Liên hợp quốc những thập kỷ cuối thế kỷ XX và nguyên tắc vận động văn hóa “dân tộc hóa” đề cao văn hóa dân tộc, văn hóa bản địa trong Đề cương văn hóa 1943: “Chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập” trùng khớp về quan điểm, đồng thời là sự khẳng định cuộc đấu tranh vì sự bình đẳng, tôn trọng quyền dân tộc luôn là một giá trị vĩnh cửu của mọi dân tộc trên thế giới.

Có một sự tương đồng trong bối cảnh ra đời của Đề cương văn hóa năm 1943 với bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa ở những thập kỷ cuối thế kỷ XX, đó là sự va chạm giữa văn minh phương Đông và phương Tây: Ở Việt Nam là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức và thực dân. Trong khi trên thế giới, quá trình toàn cầu hóa nổi cộm vấn đề bất bình đẳng giữa các nước phát triển và kém phát triển. Nhưng đặc biệt hơn đó là sự tương đồng trong biện pháp giải quyết xung đột, mâu thuẫn đều xuất phát từ văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam trước đó và của tổ chức Liên hợp quốc sau này. Để giải quyết bất bình đẳng giữa các nước phát triển và kém phát triển, Liên hợp quốc đã đưa ra một trong các nguyên tắc định hướng phát triển bền vững: “Nhân dân bản xứ và những cộng đồng của họ và các cộng đồng khác ở địa phương có vai trò quan trọng trong quản lý và phát triển môi trường vì sự hiểu biết và tập tục truyền thống của họ. Các quốc gia nên công nhận và ủng hộ thích đáng bản sắc văn hóa và những mối quan tâm của họ, khiến họ tham gia có hiệu quả vào việc thực hiện một sự phát triển lâu bền”. UNESCO phát động Chương trình hành động “Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa” (1988-1997) và Thông qua Công ước quốc tế về Đa dạng văn hóa năm 2006, nhằm đề cao vai trò văn hóa của các dân tộc trên toàn thế giới trong phát triển.

Vấn đề về văn hóa không chỉ nằm trong mối liên hệ giữa các nước phát triển và kém phát triển, nó còn là vấn đề của chính các nước phát triển. Đánh giá những bất ổn tại các nước phát triển nơi đạt được thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế, đời sống vật chất dư thừa, các nhà nghiên cứu văn hóa, các nhà hoạch định chính sách đã tìm thấy nguyên nhân từ sự đứt gãy văn hóa giữa hiện tại và quá khứ trong lòng các xã hội hiện đại: Quá khứ được đặc trưng bởi sự ổn định, với cấu trúc xã hội được nhận biết một cách rõ ràng. Ngược lại, hiện tại được cho là liên tục bị thay đổi, liên tục bị đảo lộn, thiếu an ninh và sự chắc chắn<sup>1</sup>; và “nhiều lý thuyết gia từ nửa cuối thế kỷ XX (Riesman, Lasch, Sennett, Putnam và Furedi) đã đưa ra những mô tả tương tự nhau về sự ảm đạm của tính chất/sự hiện đại, cảnh báo chúng ta về những hậu quả tâm lý thảm khốc của việc mất đi các truyền thống và những điều chắc chắn

---

1. Vanessa May: “*Self, Belonging and Social Change*”, *Sociology* 45, 2011, in trong Mai Văn Hai, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Đức Chiện, Ngô Thị Thanh Quý: *Bản sắc làng Việt trong tiến trình toàn cầu hóa hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013.

xưa cũ; và chuyển chúng ta theo một định hướng khác, tức là thành những con người bị phân mảnh, vô dụng, bị ám ảnh cá nhân, và điều này dẫn đến một cộng đồng, cố kết xã hội và lòng tin bị xói mòn”<sup>1</sup>. Những khủng hoảng của xã hội hiện đại cho thấy khi sự thỏa mãn về nhu cầu vật chất đạt tới giới hạn, đã nảy sinh nhu cầu tìm kiếm ý nghĩa bên trong - những thỏa mãn về tinh thần đòi hỏi giải thích ở mức độ cao hơn về mục đích sống của con người từ văn hóa.

Trong khi đó, tại các nước đang phát triển cũng gặp phải những rào cản kìm hãm sự phát triển khi lãng quên văn hóa, chạy theo phát triển kinh tế thuần túy. Trước thực tiễn nhiều quốc gia, dân tộc, bước vào thế giới hiện đại, thoát được nghèo nàn lạc hậu nhờ tiếp thu văn minh phương Tây. Nhưng cùng với sự hiện đại hóa, công nghiệp hóa theo mẫu mực phương Tây là ảnh hưởng của lối sống phương Tây, dẫn đến những đảo lộn trong xã hội, cái giá phải trả cho phát triển là quá đắt. Việc cắt đứt mối liên hệ với quá khứ, quay lưng lại với văn hóa dân tộc gây nên sốc văn hóa, điều này biểu hiện rất rõ qua việc một cá nhân nào đó chuyển đến sống ở vùng địa lý khác biệt với đất nước của họ và cũng là hiện tượng diễn ra đối với cả một cộng đồng xã hội hay dân tộc. Nhiều vấn đề nan giải đang đặt ra trong xã hội của các nước đang phát triển cho thấy sự áp đặt mô hình xã hội phương Tây đã không phát huy được tác dụng thúc đẩy phát triển xã hội.

Bản sắc văn hóa là một khái niệm nổi lên trong quá trình tìm về các giá trị phát triển vững bền của một dân tộc. Trong hành trình dân tộc hóa (tiếp thu, tiếp biến văn hóa ngoại lai), bản sắc văn hóa là mục tiêu cuối cùng. Văn hóa gắn với các điều kiện kinh tế, xã hội nhất định, sự biến đổi của cơ sở kinh tế kéo theo sự biến đổi của văn hóa, trong khi bản sắc văn hóa dường như vượt lên mọi thời đại, được duy trì lưu giữ trong lòng dân tộc. Trong các nghiên cứu của văn hóa học đã tồn tại hai quan điểm về bản sắc văn hóa: quan điểm thứ nhất coi bản sắc văn hóa là các giá trị văn hóa truyền thống của một chủ thể dân tộc đạt được trong lịch sử phát triển của mình; quan điểm thứ hai coi bản sắc văn hóa là kiểu quan hệ, bản sắc văn

---

1. Nguyễn Anh Tuấn, Annuska Derks: “Cơ sở lý luận trong nghiên cứu toàn cầu hóa và bản sắc Việt Nam” 2013, in trong Mai Văn Hai, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Đức Chiện, Ngô Thị Thanh Quý: *Bản sắc làng Việt trong tiến trình toàn cầu hóa hiện nay*, Sdd.

hóa dân tộc là tổng hòa các khuynh hướng cơ bản trong sáng tạo văn hóa của dân tộc, vốn được hình thành trong mối liên hệ thường xuyên với điều kiện kinh tế, môi trường tự nhiên, các thể chế. Bản sắc văn hóa còn là mối liên hệ thường xuyên, có định hướng của cái riêng (văn hóa khu vực, văn hóa nhân loại)... Hai quan điểm trên bổ sung cho nhau trong một cái nhìn toàn diện về bản sắc văn hóa, vì trong khi quan niệm bản sắc văn hóa là mối liên hệ quan hệ thường xuyên có định hướng của cái riêng đã thừa nhận “giá trị” văn hóa truyền thống được thể hiện ở “cái riêng”. Về giá trị văn hóa cần phải thấy rằng có những giá trị văn hóa nhất thời do điều kiện kinh tế đưa lại, bên cạnh đó là những giá trị văn hóa bền vững gắn với bản chất con người mà một số điểm căn bản của bản chất con người không thay đổi trên cơ sở tộc người.

Như vậy, bản sắc văn hóa là một hệ điều chỉnh nội sinh chỉ khi gắn trực tiếp với chủ thể sáng tạo<sup>1</sup>. Trên phương diện chủ thể văn hóa, bản sắc văn hóa thể hiện thành hệ giá trị văn hóa, như một động lực bên trong quá trình sống tự giác của hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ giữa con người với tự nhiên và giữa con người với con người.

---

1. *Khái niệm bản sắc* (Nguyễn Anh Tuấn, Annuska Derks, 2013: “Trong xã hội học và nhân học xã hội, khái niệm bản sắc được dùng để chỉ sự tương đồng/giống nhau của cá nhân với những người khác, đó là ý thức về việc chia sẻ những đặc điểm nào đó (chẳng hạn một ngôn ngữ, một nền văn hóa, một tổ tiên chung, một không gian chung...) trong một nhóm người. Ý thức này tạo nên bản sắc nhóm (Sokefeld, 1999). Điều này dựa trên quan niệm (của những người theo khuynh hướng bản chất luận) về bản sắc tập thể, nhìn một điều/sự vật cụ thể trong trạng thái cố định và dựa trên các tiêu chuẩn khách quan. Vì vậy, khi được dùng để chỉ sự đồng nhất về bản chất cá nhân hay sự tương đồng/giống nhau với người khác, bản sắc - về cơ bản - được coi là đơn nhất và ổn định (Sokefeld, 1999)”. “Quan niệm như vậy về bản sắc đã bị thay đổi bởi những người theo quan điểm hậu giải cấu trúc hậu cấu trúc (poststructuralist deconstruction). Các nhà khoa học xã hội hiện nay không coi bản sắc mang tính đơn nhất mà coi bản sắc mang tính đa chiều. Họ không tập trung đặc biệt vào sự tương đồng được chia sẻ (shared sameness) mà tập trung vào sự khác biệt, hoặc là những chiều cạnh tương phản của bản sắc; đó là những ranh giới tạo nên ý thức thuộc về một nhóm/một tập thể (belonging), ý thức về bản sắc - thông qua những dấu hiệu giống nhau và khác biệt đối với người khác (Cohen, 1985). Quan trọng là, bản sắc không được coi là thứ cố định, mà có tính kiến tạo về mặt xã hội - như những thứ được khuôn đúc ra, được (tái) thêu dệt nên và được vận động trong các quan hệ xã hội hiện tồn, các hệ thống văn hóa, và các trung tâm quyền lực (Cerulo, 1997)”.

### **3. “Khoa học hóa” - sự tích hợp giữa truyền thống và hiện đại trong mối quan hệ giữa đề cao bản sắc văn hóa dân tộc và hội nhập văn hóa thế giới**

Nguyên tắc vận động văn hóa “khoa học hóa” của Đề cương văn hóa năm 1943 về bản chất là sự thúc đẩy quá trình hiện đại hóa văn hóa: “Chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”<sup>1</sup>. Hiện đại hóa văn hóa có tính tất yếu do ảnh hưởng, tiếp biến văn hóa trong quá trình sự tiếp xúc, giao lưu giữa các nền văn hóa trong thế giới hiện đại.

Hội nhập kinh tế thế giới là xu hướng phát triển chủ đạo của thế giới trong gần suốt thế kỷ XX và vẫn đang tiếp tục cho đến ngày nay. Trên lĩnh vực văn hóa, hội nhập quốc tế là quá trình nhất thể hóa được phản ánh qua ba đặc điểm của thời đại:

- Bản sắc văn hóa mỗi quốc gia - dân tộc sẽ được bồi đắp, không chỉ từ di sản văn hóa mà còn từ quá trình giao lưu văn hóa bởi ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ của các sản phẩm trí tuệ nhân loại, đặc biệt từ các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, tức những sản phẩm của các ngành công nghiệp văn hóa có tính toàn cầu.

- Quá trình toàn cầu hóa đem lại rất nhiều cơ hội lớn qua các giải pháp công nghệ, kinh tế để trao đổi tiếp cận văn hóa thế giới, nhưng quá trình toàn cầu hóa cũng gây ra những mất cân đối về văn hóa, có nguy cơ đồng dạng hóa văn hóa trong “mặt phẳng” toàn cầu. Quy luật thị trường - tức quy luật cạnh tranh và tự do hóa về bản chất không bảo đảm sự cân đối cần thiết cho việc bảo vệ đa dạng văn hóa; gây áp lực lớn đối với quá trình bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển đồng đều của mỗi nền văn hóa.

- Sự mất cân đối trong tiếp cận các phương tiện biểu đạt văn hóa và tiếp cận đa dạng văn hóa diễn ra không chỉ giữa các quốc gia, mà ngay trong lòng mỗi quốc gia. Vị thế văn hóa của mỗi cộng đồng trong mỗi quốc gia cần phải được bảo tồn, phát huy để trở thành nguồn bồi đắp bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm sự đa dạng văn hóa.

Đối trọng với sự nhất thể hóa văn hóa của quá trình toàn cầu hóa là bảo đảm sự đa dạng văn hóa, đã thúc đẩy sự phát triển văn hóa tại mỗi quốc gia diễn ra đồng thời hai xu hướng đề cao bản sắc văn hóa và hiện đại hóa văn

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.24.

hóa. Hội nhập văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa đã đem đến sự phát triển các giá trị văn hóa mới cho văn hóa mỗi dân tộc. Các giá trị văn hóa toàn cầu được tất cả các dân tộc trên thế giới chia sẻ, mặc dù vậy, sự tiếp nhận, tiếp biến thúc đẩy phát triển không giống nhau ở các nền văn hóa là khác nhau. Lý giải sự khác biệt này, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng khuynh hướng phát triển mỗi dân tộc đã được mặc định bởi truyền thống văn hóa dân tộc đó. Thực chất của vấn đề phát triển bền vững tại mỗi quốc gia chính là phải dựa trên nền tảng văn hóa truyền thống. E. Picard cho rằng: “Mối quan tâm lớn của những xã hội đương thời là việc giữ gìn những nét độc đáo trong bản sắc văn hóa của dân tộc mình và ngăn chặn sự xói mòn những giá trị văn hóa do sự biến đổi của thị hiếu và lối sống ảnh hưởng của người nước ngoài...”<sup>1</sup>, mà ở đó bản sắc văn hóa với hệ giá trị đóng vai trò hệ điều chỉnh nội sinh: thể hiện chủ yếu ở tính khuynh hướng, cách thức tiếp nhận và sáng tạo các giá trị văn hóa mới trong quá trình giao lưu quốc tế.

Vấn đề bảo tồn, hội nhập và phát triển văn hóa trong thực tiễn luôn là một bài toán phải có lời giải. Nếu chỉ sống vì quá khứ thì một tộc người, một quốc gia sẽ trở nên lạc hậu, có nguy cơ suy thoái. Nhưng lịch sử cũng như hiện tại cũng cho thấy có những tộc người, quốc gia bị đồng hóa trong tiếp xúc, cưỡng bức văn hóa khi đánh mất bản sắc văn hóa của mình. Đề cao bản sắc văn hóa và hiện đại hóa văn hóa chính là giải pháp bảo đảm sự phát triển bền vững của mỗi dân tộc, quốc gia.

Nói đến văn hóa là nói đến phát triển. Ở đây cần được nhận diện ở hai chiều cạnh: Văn hóa là động lực phát triển xã hội và phát triển là nhu cầu tự thân của văn hóa. Bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa có quan hệ hữu cơ, mật thiết với nhau trong xã hội hiện đại, giữ gìn bản sắc trong mỗi nền văn hóa để hòa nhập mà không hòa tan, bảo lưu mà không bảo thủ lạc hậu để phát triển. Vì vậy, nguyên tắc vận động văn hóa “khoa học hóa” có ý nghĩa thời đại trong mục tiêu tích hợp giữa truyền thống và hiện đại, giải quyết mối quan hệ giữa đề cao bản sắc văn hóa dân tộc và hội nhập văn hóa thế giới.

---

1. E. Picard: “Sự thức tỉnh của các cộng đồng”, Tạp chí *Người đưa tin UNESCO*, tháng 6/1994.

\*  
\*     \*

Đặc điểm thời đại tác động, và ở chừng mực nào đó, nó quy định sự phát triển của văn hóa, văn hóa Việt Nam phát triển không nằm ngoài sự tác động và quy định của thời đại. Trong quá trình phát triển 80 năm qua, từ bản Đề cương văn hóa năm 1943 đến nay Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành nhiều văn kiện về văn hóa, trong đó Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI là những văn kiện định hướng phát triển văn hóa trong bối cảnh đất nước và quốc tế diễn ra các bước ngoặt lịch sử về phát triển. Đây cũng là các văn kiện tiêu biểu tiếp thu, kế thừa các nguyên tắc vận động văn hóa “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” trong phát triển văn hóa. Đây cũng là các văn kiện đã tiếp thu quan điểm tiến bộ của thế giới, lấy mục đích trung tâm của sự phát triển là con người, sử dụng trực tiếp các khái niệm bản sắc văn hóa, phát triển bền vững từ trong các văn kiện do Liên hợp quốc ban hành.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII có thể coi là bản Đề cương văn hóa thứ hai, đáp ứng thực tiễn mới khi đất nước đã hoàn toàn thống nhất, dân tộc có quyền tự quyết, “đổi mới” là nhu cầu cấp thiết của xã hội. Được ban hành năm 1998 sau khi Việt Nam hưởng ứng chương trình hành động “Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa” (1988-1997) do UNESCO phát động, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã tiếp thu những quan điểm phát triển văn hóa tiến bộ của nhân loại, phù hợp với Công ước quốc tế về đa dạng văn hóa của UNESCO được thông qua năm 2006. Những luận điểm quan trọng của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về văn hóa đó là: Khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời xác định các phương châm xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn cầu hóa. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã mang đầy đủ tinh thần của các nguyên tắc vận động văn hóa “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” trong phát triển văn hóa của Đề cương văn hóa năm 1943.

Sau gần 20 năm xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo định hướng Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, sau 7 năm



chính thức trở thành thành viên WTO (2007) trong điều kiện phát triển hội nhập sâu rộng với thế giới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Điểm trọng tâm của Nghị quyết là chú trọng phát triển con người Việt Nam toàn diện. Nghị quyết Trung ương 3 khóa XI cho đến hiện tại tiếp tục là văn kiện chỉ đạo xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam.

Nhân kỷ niệm 80 năm ngày ra đời của Đề cương văn hóa năm 1943, qua thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam, nhìn lại những đóng góp của bản Đề cương trong công cuộc xây dựng phát triển văn hóa nước nhà, trong bối cảnh phát triển văn hóa thế giới, có thể khẳng định các nguyên tắc vận động văn hóa “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” mang một giá trị vững bền đó là giá trị thời đại, luôn tiên phong và là kim chỉ nam trong đường lối xây dựng văn hóa của Đảng.

NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC HÓA”, “ĐẠI CHÚNG HÓA”,  
“KHOA HỌC HÓA” CỦA “ĐỀ CƯƠNG  
VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”  
VÀ SỰ VẬN DỤNG NHẪM PHÁT TRIỂN VĂN HÓA  
THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. LÊ THỊ THÚY\*

**Hoàn cảnh ra đời và nội dung của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

Ở nước ta vào đầu những năm 40 thế kỷ XX, tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội rất phức tạp. Dưới hai tầng áp bức là thực dân Pháp và phát xít Nhật, đời sống nhân dân ta vô cùng cực khổ. Đi đôi với chính sách bóc lột tàn bạo về kinh tế, thực dân Pháp và phát xít Nhật thực hiện mị dân về văn hóa lôi kéo trí thức nhằm phục vụ cho chế độ thống trị của chúng và làm lung lay ý chí chiến đấu của nhân dân ta. Vì vậy vùng dậy đấu tranh, đuổi giặc cứu nước có ý nghĩa sống còn đối với dân tộc. Vấn đề huy động lực lượng cho một cuộc cách mạng làm thay đổi vận mệnh dân tộc trở nên bức thiết hơn bao giờ hết.

Để làm được điều đó, cần thức tỉnh được quần chúng, định hướng được nguồn lực, quy tụ được sức mạnh toàn dân, cần có bước mở đầu về lý luận làm tiên đề, mà đối tượng phù hợp nhất chính là tầng lớp trí thức đương thời. Nhưng tầng lớp này đang bị chia rẽ bởi những khuynh hướng khác nhau, phần lớn trong số họ, do chưa được thức tỉnh về con đường giải phóng dân tộc nên đang mò mẫm tìm đường. Trong bối cảnh ấy, để thức tỉnh được tầng

---

\* Hội đồng Lý luận Trung ương.

lớp trí thức đang bị chia rẽ, qua đó thức tỉnh được quần chúng nhân dân, Đảng cần có một đường lối văn hóa thực sự đúng đắn, khoa học và phù hợp. Đường lối này phải thu phục được tầng lớp trí thức, thống nhất được nhận thức của họ. Nó cũng phải bảo đảm tính lôgic, ngắn gọn để dễ dàng truyền bá tới quần chúng nhân dân và thể hiện rõ nguyên tắc nhằm hiệu triệu toàn dân theo Đảng.

Trong bối cảnh ấy, Đảng ta đã triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng từ ngày 25-28/2/1943 để bàn biện pháp đối phó với tình hình, quyết tâm đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước. Tại Hội nghị này, Đảng khẳng định thái độ của mình đối với vấn đề văn hóa và nó được trình bày trong Đề cương văn hóa 1943 do đồng chí Trường Chinh khởi thảo. Và, chính nó đã trở thành động lực tinh thần to lớn, có tác dụng thức tỉnh các tầng lớp nhân dân; thu hút, lôi cuốn, thuyết phục tầng lớp trí thức, thực hiện thành công Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Bản Đề cương văn hóa đã trở thành ngọn cờ tập hợp, cổ vũ, động viên giới trí thức, khoa học Việt Nam vào cuộc chiến đấu quyết liệt cho sự toàn thắng của cách mạng dân tộc dân chủ, cho sự nghiệp phá vỡ xiềng xích của văn hóa phát xít thực dân, bảo vệ truyền thống văn hóa dân tộc, xây dựng nền văn hóa mới của Việt Nam. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng, với nội dung ngắn gọn súc tích, với tính khoa học và cách mạng... đã trở thành một vũ khí tư tưởng sắc bén trên mặt trận văn hóa.

Nội dung chính của Đề cương văn hóa năm 1943 gồm 5 phần ngắn gọn, là cụ thể hóa quan điểm văn hóa của Đảng; sự gắn bó vai trò văn hóa với ý nghĩa cuộc cách mạng giải phóng; đặt ra mục đích, nguyên tắc, quan hệ của cuộc cách mạng văn hóa với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam; đề ra nhiệm vụ cấp bách của người chiến sĩ văn hóa mác xít như là một trong những điều kiện tiên quyết đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

*Phần I*, trình bày phạm vi vấn đề văn hóa (bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật); quan hệ giữa văn hóa và kinh tế chính trị (hạ tầng cơ sở quyết định kiến trúc thượng tầng); thái độ Đảng Cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn hóa (mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận: kinh tế, chính trị, văn hóa; không chỉ làm cách mạng chính trị mà còn làm cách mạng văn hóa; lãnh

đạo được phong trào văn hóa mới ảnh hưởng được dư luận và tuyên truyền có hiệu quả).

*Phần II*, đề cập đến các giai đoạn lịch sử văn hóa Việt Nam (thời trước Quang Trung: văn hóa Việt Nam nửa phong kiến, nửa nô lệ, phụ thuộc văn hóa Trung Quốc; thời Quang Trung đến khi Pháp xâm chiếm: văn hóa phong kiến xu hướng tiểu tư sản; thời Pháp thuộc: văn hóa nửa phong kiến, nửa tư sản, thuộc địa); tính chất văn hóa Việt Nam là hình thức: thuộc địa, nội dung: tiểu tư sản nhưng đang nảy nở văn hóa tân dân chủ và trào lưu văn hóa mới.

*Phần III*, trình bày những mối nguy đối với văn hóa Việt Nam: Nêu rõ những thủ đoạn phát xít trói buộc và giết chết văn hóa Việt Nam (chính sách văn hóa của Pháp: đàn áp, mua chuộc, hăm dọa các nhà văn hóa cách mạng, ra tài liệu nhồi sọ, kiểm duyệt ngặt nghèo, liên lạc với tôn giáo để ngu dân...; chính sách văn hóa của Nhật: tuyên truyền, giới thiệu, phô trương văn hóa Nhật và chủ nghĩa Đại Đông Á, đàn áp nhà văn chống Nhật...) và hai giả thuyết về tiền đồ văn hóa Việt Nam (khẳng định sự thắng thế của văn hóa Việt Nam trước văn hóa phát xít).

*Phần IV*, vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam. Thể hiện quan niệm người cộng sản về cách mạng văn hóa (hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành cải tạo xã hội, muốn vậy phải hoàn thành cách mạng chính trị và Đảng phải lãnh đạo cách mạng văn hóa); tính chất cách mạng văn hóa (văn hóa xã hội chủ nghĩa); quan hệ cách mạng văn hóa và cách mạng dân tộc giải phóng (cách mạng văn hóa phải dựa vào cách mạng giải phóng mới phát triển được); và ba nguyên tắc vận động văn hóa (dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa); tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam (tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung).

*Phần V*, nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mác xít Đông Dương và nhà văn hóa mác xít Việt Nam. Chống phát xít, phong kiến, nô dịch, ngu dân, phát huy văn hóa tân dân chủ, tranh đấu với những triết học Âu - Á làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng, về văn nghệ, làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng, thống nhất, làm giàu tiếng nói, chữ viết, mẹo văn của ta... bằng chính khả năng có được.

Đề cương cũng làm rõ mục tiêu trước mắt của cuộc vận động văn hóa ở Việt Nam là xây dựng nền văn hóa mới, tuy chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa. Đề cương đã xác định nền văn hóa mới của Việt Nam có hai tính chất dân tộc và dân chủ mới và khẳng định trong giai đoạn này, nó là cách mạng và tiến bộ nhất ở Đông Dương. Đề cương văn hóa đã xác định 3 nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa ở Việt Nam thời kỳ này là:

+ Dân tộc hóa, chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập.

+ Đại chúng hóa, chống lại mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng.

+ Khoa học hóa, chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ.

Ngay sau khi công bố *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, các trí thức yêu nước đã tổ chức xây dựng nền văn hóa mới, đưa vào đời sống ba nguyên tắc “dân tộc hoá”, “đại chúng hoá”, “khoa học hoá” của nền văn hóa Việt Nam. Làm cho phong trào văn hóa mới của Việt Nam xâm nhập ngày càng sâu rộng vào đời sống nhân dân và phong trào cách mạng. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam thời đó, sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là một ngọn đuốc sáng soi đường, chỉ lối và định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động văn hóa cho cuộc đấu tranh cách mạng ở Việt Nam; nó đã lôi cuốn, thuyết phục và tập hợp đông đảo những người dân yêu nước Việt Nam, phát triển nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị cho cách mạng chính trị thành công ở những năm sau.

## **2. Quan điểm “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa” trong bản “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

“Dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” là ba nguyên tắc vận động để xây dựng nền văn hóa mới được đưa ra trong mục 4 của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, Phần Vấn đề cách mạng Việt Nam.

*Thứ nhất*, về nguyên tắc “dân tộc hóa”, Đề cương văn hóa khẳng định phải dân tộc hóa. Vì văn hóa Việt Nam khi đó dưới ách áp bức của phát xít, thực dân đã và đang bị nô dịch và chia rẽ nặng nề, đó là một nền văn hóa

thiếu hẳn tinh thần độc lập, tự do và thống nhất dân tộc. Đề cương đã chỉ rõ tính chất văn hóa Việt Nam hiện tại là văn hóa thuộc địa nô dịch. Trong quá trình cai trị, chính sách văn hóa của Pháp luôn cố sù ý tư tưởng thân Pháp, quên đi gốc rễ dân tộc mình, ngăn cản tư tưởng tiến bộ vào Việt Nam, tuyên truyền chủ nghĩa đầu hàng của chủ nghĩa đế quốc, chính sách văn hóa của Nhật thì tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á... Những thủ đoạn đó sẽ trói buộc và giết chết văn hóa Việt Nam, vì vậy để thoát khỏi tình trạng đó nhất định phải dân tộc hóa nền văn hóa. Dân tộc hóa là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập thoát khỏi sự phụ thuộc của văn hóa phát xít thực dân bằng chủ nghĩa yêu nước và lòng tự tôn dân tộc.

*Thứ hai*, về nguyên tắc “đại chúng hóa”. Đại chúng hóa là một nguyên tắc của vận động văn hóa vì quần chúng là cội nguồn của sức mạnh, là chủ thể đích thực của mọi giá trị văn hóa. Nhưng trên thực tế lúc đó, văn hóa lại đang trở thành, hoặc là thứ xa xỉ mà quần chúng không thể với tới, hoặc là những sản phẩm độc hại, phản giá trị mà quần chúng không thể thụ hưởng. Với mục đích nô dịch dân ta, chủ nghĩa phát xít thực dân chỉ phát triển văn hóa giáo dục nhỏ giọt ở một bộ phận nhỏ của tầng lớp trí thức tinh hoa xã hội làm công cụ tay sai cho chúng. Vì vậy tầng lớp trí thức thời kỳ đó đưa ra phần lớn tác phẩm với nội dung xu nịnh thực dân, xa rời thực tế không phù hợp với quảng đại dân chúng lao động. Ở nông thôn văn hóa vẫn tồn tại chính sách bần cùng hóa và ngu dân hóa. Trong khi đó sức mạnh cách mạng nằm ở quần chúng nhân dân vì vậy phải “đại chúng hóa”, chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa xa rời quần chúng. Quần chúng phải là người thụ hưởng, là cội nguồn cảm hứng cho các sáng tạo về văn hóa.

*Thứ ba*, về nguyên tắc “khoa học hóa”. Đặt nguyên tắc “khoa học hóa” lên vị trí ưu tiên vì một nền văn hóa muốn thực sự mang tính cách mạng, trước hết nó phải có một nền tảng khoa học chắc chắn làm tiền đề. Nếu văn hóa lạc hậu thì khoa học khó mà được ưu tiên phát triển. Xuất phát từ chính sách văn hóa phản động của chủ nghĩa phát xít thực dân những thói hư, tật xấu được nuôi dưỡng như cờ bạc, nghiện rượu, hút thuốc phiện, ma chay bói toán... dẫn đến hầu hết nhân dân ta mù chữ. Trong khi đó một nền văn hóa tiến bộ cần

phải có nền tảng khoa học vững chắc. Vì vậy cần phải khoa học hóa nền văn hóa chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ làm như vậy mới có thể vực lại dạy được sức mạnh của dân tộc theo kịp các nước tiên tiến trên thế giới.

Trong tình thế cấp bách của lịch sử dân tộc để huy động lực lượng trong một cuộc cách mạng có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của đất nước, Đảng đã cho ra đời bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Đề cương văn hóa đã trình bày văn hóa như một hệ thống có liên quan chặt chẽ với nhau: giữa tư tưởng, học thuật và nghệ thuật; giữa văn hóa, kinh tế và chính trị; giữa các nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học; giữa lịch sử, nguy cơ và triển vọng... Đề cương văn hóa đã đặt các yếu tố trên đây trong mối quan hệ qua lại với nhau, qua đó làm nổi bật hệ thống các quy luật chi phối sự vận động và phát triển của văn hóa Việt Nam. Với tư cách là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, văn hóa phải phản ánh hiện thực và do cơ sở kinh tế quyết định. Với phương pháp tiếp cận này, Đề cương văn hóa đã trình bày những vấn đề cốt lõi nhất của văn hóa Việt Nam đương đại: từ lịch sử có tính giai đoạn đến tính chất của từng giai đoạn lịch sử trong tiến trình phát triển văn hóa Việt Nam; từ những nguy cơ hiện hữu đến những nguyên tắc vận động của nó; từ tiền đề đến mục đích trước mắt cũng như những việc cần kíp của những nhà văn hóa,... Đề cương văn hóa đã vạch ra lộ trình của cách mạng văn hóa Việt Nam phù hợp với điều kiện lịch sử.

Dựa vào nguyên tắc lấy hiện thực lịch sử làm tiền đề, Đề cương văn hóa đã xác định “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa” là ba nguyên tắc vận động cho cuộc vận động văn hóa Việt Nam đương đại. Có thể nói, ba nguyên tắc nêu trên là cơ bản nhất, không thể tách rời nhau, phản ánh đúng nhất thực trạng và nhu cầu bức thiết của cuộc vận động văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ. Đồng thời, đây cũng là ba khẩu hiệu hành động, kêu gọi đội ngũ trí thức tập hợp lực lượng, xây dựng một nền văn hóa mới cho tương lai của dân tộc. Tư tưởng xuyên suốt trong bản Đề cương văn hóa là vấn đề về giải phóng văn hóa Việt Nam khỏi xiềng xích của văn hóa trung cổ và nô dịch. Sự dẫn thân của đội ngũ trí thức vào thực tế cuộc sống dân tộc đã góp phần hiệu triệu đông đảo quần chúng vùng lên góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc.

### **3. Vận dụng phát huy tính dân tộc, tính đại chúng, tính khoa học trong phát triển văn hóa theo hướng bền vững ở Việt Nam hiện nay**

Hiện nay bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin... là những vấn đề mang tính toàn cầu nổi lên. Thế giới cũng tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng mất ổn định, xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên, diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh phi truyền thống, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng ngày càng bị các thế lực sử dụng rộng rãi để xâm phạm chủ quyền, an ninh, lợi ích quốc gia. An ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh tài chính, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... đang tiếp tục đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Sự phát triển như vũ bão của Cách mạng 4.0 đang đẩy Việt Nam đối diện với nguy cơ tụt hậu sâu sắc nếu không kịp thời thay đổi chiến lược phát triển nền kinh tế tri thức. Mặt trái của cơ chế thị trường và những tiêu cực nảy sinh trong quá trình hội nhập giao lưu quốc tế đang tác động không nhỏ đến xã hội. Các giá trị văn hóa truyền thống bị thách thức bởi nhân tố bên ngoài như chủ nghĩa hưởng thụ cá nhân, tâm lý sính ngoại đang chiếm ưu thế trong một bộ phận lớp trẻ. Các thế lực thù địch thực hiện “diễn biến hòa bình” nhằm lật đổ công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay so với thời điểm Đề cương văn hóa ra đời có nhiều thay đổi, nhưng với giá trị định hướng soi đường thì những nội dung cốt lõi của Đề cương văn hóa còn nguyên giá trị. Ba nguyên tắc cơ bản của nền văn hóa Việt Nam thời điểm đó vẫn mang tính thời sự, là mục đích phấn đấu để xây dựng nền văn hóa mới hiện nay. Quan điểm dân tộc hóa nền văn hóa chống ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa để phát triển độc lập vẫn còn giá trị sâu sắc trong bối cảnh giao lưu hội nhập mạnh mẽ. Hiện nay việc tiếp thu các nền văn hóa bên ngoài sẽ dẫn đến nguy cơ mất bản sắc dân tộc nếu như chúng ta không có đủ nội lực văn hóa và giữ vững được giá trị lõi của văn hóa Việt Nam. Bên cạnh đó truyền bá văn hóa nước ngoài, tạo dựng quyền lực mềm của các quốc gia cũng không nằm ngoài tham vọng xâm lăng



văn hóa của một số quốc gia trên thế giới. Vì vậy đề cao bản sắc văn hóa dân tộc chính là vũ khí để bảo vệ sự độc lập của nền văn hóa đất nước trước xu thế toàn cầu hóa, cần phát triển văn hóa nhằm thức tỉnh tinh thần và ý chí dân tộc. Đồng thời, cần mở cửa để tiếp thu các tư tưởng văn hóa, khoa học tiến bộ từ bên ngoài để có thể tiến kịp các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Đại hội XIII của Đảng đã đề ra các mục tiêu cụ thể phát triển đất nước trong những năm tới: “*Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp (GDP bình quân đầu người ước đạt 4.700-5.000 USD/năm); *Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao (GDP bình quân đầu người ước đạt khoảng 7.500 USD/năm); *Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao (đến năm đó, tiêu chí sẽ thay đổi, theo tiêu chí hiện nay, GDP bình quân đầu người phải đạt trên 12.535 USD/năm”<sup>1</sup>. Điều này chỉ có thể đạt được nếu chúng ta nâng cao bản ngã con người Việt Nam, giúp Việt Nam thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình. Chính vì vậy nguyên tắc “khoa học hóa” với nội dung chống lại lạc hậu tiến bộ tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để phát triển đất nước chưa bao giờ cũ. Để đạt được mục tiêu đó, Việt Nam cần phải vượt qua bẫy thu nhập trung bình, trong đó tăng năng suất là yếu tố quyết định, được thúc đẩy thông qua phát triển công nghiệp, nâng cấp công nghệ, sáng tạo và thể chế. Để thoát khỏi ngưỡng bẫy thu nhập trung bình thấp, Việt Nam cần tận dụng được cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 để phát huy được tiềm năng tăng trưởng nhanh. Thực tế những năm qua, các doanh nghiệp công nghệ Việt đã giúp gia tăng đáng kể tốc độ phát triển kinh tế. Tại khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đang dần trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Việt Nam có khả năng duy trì một tỷ lệ đầu tư rất cao, khoảng 30% trong ba thập kỷ, giúp nền kinh tế có thể duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối lớn; tầng lớp trung

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.111-112.

lưu ngày càng tăng sẽ giúp gia tăng vốn cho đầu tư cho nền kinh tế; đang có lợi thế trong việc thu hút FDI. Động lực chính tạo bút phá cho tăng trưởng giai đoạn 2021-2030 là tăng năng suất yếu tố tổng hợp (TFP). Nhân tố quyết định để tăng TFP là công nghệ và đổi mới sáng tạo, với kịch bản tăng trưởng cải cách dựa vào đổi mới, sáng tạo, tốc độ tăng trưởng GDP sẽ là 7% trong giai đoạn 2021-2045.

Trong chiến lược vượt bẫy thu nhập trung bình, chính sách phát triển công nghiệp văn hóa có vai trò rất quan trọng, nó sẽ giúp Việt Nam đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng năng suất lao động và thu nhập bình quân đầu người. Các ngành kinh tế sáng tạo, bao gồm công nghiệp văn hóa sáng tạo đã và đang trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế thế giới. Các ngành công nghiệp văn hóa trở thành một trong những lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất ở các quốc gia phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc hay Mỹ. Trong các quốc gia đó, văn hóa tạo ra giá trị cho sáng tạo, công nghiệp văn hóa đã khai thác tiềm năng kinh tế của văn hóa, hình thành nên sức mạnh mềm của quốc gia, góp phần xây dựng thương hiệu quốc gia, tạo nên lợi thế cho quá trình hội nhập quốc tế. Việc khai thác giá trị văn hóa của quốc gia, kết hợp với sử dụng các công nghệ tiên tiến và kỹ năng kinh doanh trở thành chất liệu cho sáng tạo, mang đến những sản phẩm văn hóa vừa tôn vinh văn hóa dân tộc, vừa tạo ra sự khác biệt, giá trị riêng cho các sản phẩm văn hóa.

Việt Nam là một quốc gia có nền văn hóa phong phú và đa dạng với nhiều giá trị truyền thống quý giá. Tất cả những tiềm năng này đều có thể trở thành những sản phẩm văn hóa có giá trị dưới sự sáng tạo của quảng đại quần chúng nhân dân. Lịch sử dân tộc hàng ngàn năm đến nay cho thấy gốc của sức mạnh dân tộc là quần chúng nhân dân. Đảng lãnh đạo mặt trận văn hóa mà nền văn hóa không mang tính đại chúng không xuất phát từ đời sống nhân dân và vì dân phục vụ thì sẽ không tập hợp được sức mạnh to lớn ấy. Chính vì thế trong bối cảnh toàn cầu hóa và thời đại công nghệ thông tin hiện nay công tác văn hóa lại càng quan trọng. Để giữ vững nền văn hóa của mình và tạo động lực cho sự phát triển văn hóa bền vững, thực hiện 3 nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học là một trong những biện pháp quan trọng. Dù tình hình và điều kiện cụ thể của đất nước hiện nay

đã khác trước nhưng cách hiểu về tính dân tộc, đại chúng, khoa học, trong việc xây dựng nền văn hóa mới vẫn giữ nguyên. Đó là nền văn hóa đề cao truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc phản ánh rõ khát vọng vươn lên của dân tộc, một nền văn hóa phục vụ nhân dân mang đậm tính nhân văn và khoa học loại bỏ những yếu tố lạc hậu, phản tiến bộ để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Chúng ta đang đứng trước những thời cơ, vận hội lớn, song cũng đang đối mặt với những khó khăn, thách thức mà toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đặt ra cần phải giải quyết. Để vận dụng tốt 3 nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học trong phát triển văn hóa theo hướng bền vững ở Việt Nam hiện nay cần thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

*Thứ nhất*, cần xác định rõ hoàn thiện chính sách văn hóa, phát triển con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Phát triển văn hóa theo hướng bền vững cần chú trọng tính đặc thù của văn hóa, vừa bảo đảm để văn hóa phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm tự do sáng tạo của cá nhân.

*Thứ hai*, phát triển văn hóa bền vững cần hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

*Thứ ba*, phát triển văn hóa bền vững cần chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và truyền bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Mở rộng giao lưu, hợp tác văn hóa với các nước; đa dạng hóa các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu. Chọn lọc, tiếp thu kinh nghiệm của các nước trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

*Thứ tư*, phát triển văn hóa bền vững cần tăng cường đa dạng hóa các nguồn lực của mọi tầng lớp xã hội cho phát triển văn hóa, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các tầng lớp trong xã

hội. Phát triển thị trường văn hóa, để đáp ứng nhu cầu tiếp nhận, hưởng thụ của người dân trong nước và thị trường ngoài nước. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, góp phần quảng bá thương hiệu Việt Nam, nâng cao giá trị sản phẩm Việt Nam.

\*

\* \*

Phát triển văn hóa theo hướng bền vững với những ưu thế và sức mạnh riêng đang phát huy được những thế mạnh tiềm ẩn có khả năng thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Việc phát triển văn hóa theo hướng bền vững với những đặc trưng dân tộc, đại chúng, khoa học mà Đề cương văn hóa đã vạch ra, cùng chiến lược phát triển văn hóa phù hợp của Đảng, sẽ giúp cho nền văn hóa sẽ phát triển rực rỡ, đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào, trở thành nguồn lực nội sinh quan trọng - một “sức mạnh mềm” trong quá trình phát triển bền vững ở Việt Nam.

VĂN HÓA ĐỌC  
VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM  
THEO NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC HÓA”,  
“ĐẠI CHÚNG HÓA” VÀ “KHOA HỌC HÓA”  
CỦA ĐẢNG TA TRONG XÃ HỘI HÔM NAY

ThS. LÊ THỊ XUÂN THÙY\*

Văn hóa đọc là một trong những giá trị tốt đẹp, tích cực và nhiều ý nghĩa trong đời sống văn hóa - xã hội của mỗi cộng đồng, quốc gia, cần được xây dựng và phát triển. Không phải ngẫu nhiên mà trong lịch sử văn hóa của nhân loại từ cổ chí kim, thư viện - sách là một trong những chủ thể - thiết chế được cả nhân loại đầu tư phát triển. Mức độ phát triển của hệ thống thư viện chính là bộ mặt, là minh chứng cho trình độ phát triển dân trí, khoa học và tính văn minh của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ. Để tôn vinh giá trị của sách cũng như văn hóa đọc và vai trò của sách, các dân tộc trên thế giới đã sáng tạo ra rất nhiều câu danh ngôn, tục ngữ, những lời khuyên dạy “để đời” như: “Để cho con một hòm vàng không bằng dạy cho con một cuốn sách hay”; “Nếu cho tôi quyền thế, tôi sẽ đem sách mà gieo rắc khắp mặt địa cầu như người ta gieo lúa trong luống cày vậy”; “Sau một giờ đọc sách thì nỗi đau khổ nào của tôi cũng biến mất”; “Thích đọc sách tức là biết đánh đổi những giờ phút buồn tẻ không thể tránh được trong cuộc đời lấy những giờ phút lý thú”; “Hiện chúng ta đang ba hoa về sự cô đơn toàn cầu của nhân loại. Làm thế nào để vượt qua điều đó? Chỉ có đọc sách”; “Thư viện là kho tàng chứa tất cả của cải tinh thần của loài người”,...

---

\* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn hóa đọc giúp cho những kiến thức và kinh nghiệm được nhân lên, phổ biến rộng rãi hơn và tiếp tục phát triển trong cuộc sống. Vai trò của văn hóa đọc trước hết là đáp ứng sự hiểu biết, thỏa mãn trí tò mò, khám phá thế giới và khám phá chính bản thân mình. Văn hóa đọc lành mạnh giúp người ta mở rộng tầm nhìn, nhìn ra thế giới và cũng nhìn lại bản thân mình. Một mặt để khỏi trở thành “ếch ngồi đáy giếng”, mặt khác cũng là dịp để chỉnh sửa chính bản thân mỗi con người, xây dựng trong họ một cuộc sống tinh thần lành mạnh, nhân văn và khoan dung hơn. Những kiến thức, nhân vật trong sách giúp người ta so sánh với cuộc sống xung quanh, với những hành vi ứng xử của chính mình mà soi xét, suy ngẫm để giúp họ hoàn thiện hơn, tử tế hơn và trong sáng hơn. Sách là người thầy, cũng là người bạn của mỗi người là như vậy<sup>1</sup>.

Giá trị của văn hóa đọc đã được chứng thực bởi lịch sử phát triển của nhân loại. Với quan điểm nhận thức đó, để thực hiện thành công nguyên tắc “dân tộc hóa”, “khoa học hóa”, “đại chúng hóa” mà Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) đã đưa ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 trong xã hội ngày nay, chúng ta rất cần phát triển văn hóa đọc trong đời sống văn hóa - tinh thần của người dân.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 do đồng chí Trường Chinh khởi thảo và được Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương thông qua tháng 2/1943. Đây được xem như văn kiện chính thức của Đảng về văn hóa. Nói một cách khái quát nhất, *Đề cương văn hóa* đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam. Trong *Đề cương* này, Đảng đã nêu lên 3 quan điểm đối với vấn đề văn hóa là: “a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>2</sup>.

---

1. Lê Hồng Lý: “Vai trò của văn hóa đọc trong sự phát triển nền văn hóa Việt Nam”, Tạp chí *Nhân lực khoa học xã hội*, số 4/2013, tr.47.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12-13.

Đồng thời, trong Đề cương, Đảng cũng xác định những quan niệm về vấn đề cách mạng văn hóa theo tư tưởng triết học vô sản là: “a) Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. b) Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. c) Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công”<sup>1</sup>. Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bây giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau. Đề cương cũng xác định tính chất của nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Đó là mục tiêu mà toàn Đảng, toàn dân ta phải phấn đấu để xây dựng và bảo vệ.

Về nguyên tắc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng chí Trường Chinh đã thay mặt Đảng Cộng sản Đông Dương nêu ra như sau:

- Nguyên tắc “dân tộc hóa” về văn hóa: Nội dung của nguyên tắc này là chủ trương chống những ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Suy rộng ra, Đảng ta muốn tận dụng và khai thác chính sức mạnh vốn có của văn hóa truyền thống mà dân tộc ta đã gây dựng, bảo tồn và phát triển trong suốt hàng nghìn năm lịch sử để chống lại mọi sự “xâm lăng” về văn hóa của nước ngoài. Điều này cũng cho thấy quan điểm của Đảng rằng nếu một dân tộc không có sự độc lập về văn hóa thì tất yếu không có độc lập về chính trị, càng không thể có độc lập, tự do cho mỗi con người. Gần 100 năm thống trị Việt Nam, Pháp đã đưa vào nước ta nhiều nhân tố tiêu cực của văn hóa tư sản, đề cao sự giàu mạnh của thực dân, ca tụng chính sách thuộc địa, gieo rắc vào đầu óc người Việt Nam tinh thần nô lệ như sùng bái văn hóa Pháp,... Những điều đó đã làm nảy sinh tâm lý tự ti dân tộc và miệt thị văn hóa dân tộc. Từ đó, mục đích của nguyên tắc này là “làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có đầy lòng tự hào, dũng cảm đứng lên nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng Tổ quốc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam”<sup>2</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.21.

2. Phạm Duy Đức: *Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Viện Văn hóa và phát triển, Hà Nội, 2013, tr.28.

- Nguyên tắc “đại chúng hóa” văn hóa: Nội dung của nguyên tắc này là Đảng ta chủ trương lãnh đạo nhân dân chống mọi hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng. Đồng chí Trường Chinh đã chỉ rõ: nước ta lúc đó là một nước thuộc địa còn nhiều tàn tích phong kiến, hầu hết nhân dân mù chữ. Văn học, âm nhạc, hội họa và nhiều thể loại văn hóa khác không phục vụ nhân dân lao động, mà chủ yếu phục vụ cho giai cấp thống trị. Nói chung, đa số nhân dân lao động bị gạt ra ngoài đời sống văn hóa. Vì vậy, văn hóa mới phải là văn hóa của nhân dân, phục vụ cho nhân dân, phải làm cho mọi người biết đọc, biết viết, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo văn hóa, dần dần chiếm lĩnh các giá trị tinh thần mà dân tộc và nhân loại tạo ra. Sau năm 1945, trong bối cảnh đất nước phải đối diện với vô vàn khó khăn, với “thù trong giặc ngoài”, thì dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, trên toàn cõi Việt Nam đã phát động phong trào “Bình dân học vụ” với phương châm “Người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ”, “Người học trước dạy cho người học sau”. Đó là một trong những phong trào thể hiện rất rõ quyết tâm thực hiện nguyên tắc “đại chúng hóa” văn hóa mà Đảng đã nêu trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

- Nguyên tắc “khoa học hóa” về văn hóa: Với nguyên tắc này, Đảng ta sẽ lãnh đạo toàn dân chống lại những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Đồng chí Trường Chinh đã phân tích vì sao cần phải thực hiện nguyên tắc này như sau: nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, trì trệ và ảnh hưởng lâu ngày của hệ tư tưởng phong kiến. Những quan điểm thần bí, siêu hình của văn hóa phong kiến, thực dân tồn tại dai dẳng, chi phối tâm lý và hành động của nhân dân. Tính chất bảo thủ, lạc hậu còn in đậm trong nhiều phong tục, tập quán. Pháp lợi dụng những tiêu cực trong đời sống văn hóa đó để thực hiện chính sách ngu dân. Vì vậy, khoa học hóa về văn hóa là lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng chủ đạo để tạo điều kiện cho nền văn hóa dân chủ mới nhanh chóng thoát khỏi sự kìm hãm ấy nhằm phát triển về mọi mặt trên cơ sở khoa học.

Ba nguyên tắc trên không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Một mặt nó chống lại ba căn bệnh trầm trọng của văn hóa lúc bấy giờ là phản dân tộc, phản đại chúng, phản khoa học. Mặt khác, nó cũng định hướng cho việc tạo dựng những đặc trưng bản chất của



văn hóa Việt Nam sau này: vừa có tính dân tộc vừa có tính nhân dân, vừa có tính khoa học. Sau này, trong một văn bản khác, đồng chí Trường Chinh cũng một lần nữa khẳng định, nhấn mạnh mối quan hệ của ba nguyên tắc đó: “Ba nguyên tắc trên đây là ba cái khâu của một sợi dây chuyền. Nó có tính cách liên hoàn. Không thể hoàn thành nhiệm vụ vận động văn hóa mới Việt Nam nếu ta bỏ sót một nguyên tắc nào trong ba nguyên tắc ấy. Cũng không thể chỉ theo một nguyên tắc nọ mà đồng thời chống lại những nguyên tắc kia. Không nhận rõ điều đó thì nhất định không làm tròn được nhiệm vụ xây dựng văn hóa mới cho dân tộc, mà có khi mắc bẫy văn hóa của đế quốc hoặc bị chúng lợi dụng”<sup>1</sup>.

Tác giả cho rằng để thực hiện thành công các nguyên tắc trên của Đảng trong đường hướng phát triển nền văn hóa của dân tộc Việt Nam trong mọi thời đại, việc phát triển văn hóa đọc trong mọi tầng lớp dân cư là một trong những yếu tố vô cùng cần thiết. Bởi những nguyên tắc này đều có điểm chung là con người cần phải có tri thức đầy đủ, đúng đắn, cập nhật, tiến bộ và nhân văn thì mới đủ năng lực hành vi và nền tảng tư duy để thực hiện tốt. Mà để có những điều kiện đó, ngoài thông qua hoạt động đào tạo, thì người dân Việt Nam rất cần phải đọc sách<sup>2</sup>.

Các nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” về văn hóa mà Đảng đã đưa ra cách đây 80 năm đến nay vẫn còn nguyên giá trị chính trị, khoa học và tính thời sự của nó. Bởi nhìn vào thực tiễn nền văn hóa dân tộc trong những năm gần đây chúng ta dễ dàng nhận thấy rất nhiều “mã độc” đã thâm nhập, hiện diện trong hầu hết những khía cạnh của đời sống văn hóa của dân tộc ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, công cuộc xây dựng, bảo tồn, phát huy, phát triển nền văn hóa của dân tộc sau nhiều thập niên đã đạt được những thành tựu rất to lớn. Nhưng chúng ta cũng cần khách quan và tỉnh táo để nhận ra những hạn chế, khiếm khuyết, nhược điểm trong sự nghiệp chung đó. Điều này đã được Đảng ghi nhận như sau: “so với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,

---

1. Phạm Duy Đức: *Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Sđd, tr.30.

2. Dẫn theo Văn Lạc: “Văn hóa đọc và phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng dân cư”, Tạp chí *Thông tin khoa học và công nghệ Quảng Bình*, số 4/2015, tr.79-82.

thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng. Còn ít những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có một số tác phẩm chạy theo thị hiếu tầm thường, chất lượng thấp, thậm chí có hại. Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chưa theo kịp thực tiễn sáng tác. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa hiệu quả chưa cao, nguy cơ mai một chưa được ngăn chặn. Hệ thống thông tin đại chúng phát triển thiếu quy hoạch khoa học, gây lãng phí nguồn lực và quản lý không theo kịp sự phát triển. Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích. Cơ chế, chính sách về kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, về huy động, quản lý các nguồn lực cho văn hóa chưa cụ thể, rõ ràng. Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động văn hóa còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp. Công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn nhiều hạn chế, bất cập. Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ<sup>1</sup>.

Theo Đảng ta, nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém đang tồn tại trong đời sống văn hóa của dân tộc là: “Do nhiều cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ lĩnh vực này; lãnh đạo, chỉ đạo chưa thật quyết liệt. Việc cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của Đảng còn chậm, thiếu đồng bộ và trong một số trường hợp thiếu khả thi. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm được đổi mới, có lúc, có nơi bị xem nhẹ, thậm chí buông lỏng;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.44-46.

kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng và còn dàn trải. Chưa nắm bắt kịp thời những vấn đề mới về văn hóa để đầu tư đúng hướng và có hiệu quả. Chưa quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”<sup>1</sup>.

Theo tác giả, văn hóa đọc trong đời sống xã hội Việt Nam nhiều năm qua tồn tại rất nhiều vấn đề đáng lo ngại cũng là một trong những nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong đời sống văn hóa dân tộc. Điều này được thể hiện qua một số công bố khoa học dưới đây:

- Thực tế hiện nay của văn hóa đọc thật sự là vấn đề cần được báo động và đang có chiều hướng xuống cấp. Ngày nay, không còn cảnh thư viện hết chỗ ngồi nếu không đi sớm như trước đây. Người ta không còn say sưa bàn tán hay tranh luận về một cuốn sách hay. Trong khi đó đa số sinh viên nhiều trường đại học chỉ lên thư viện đối phó để vượt qua các kỳ thi chứ chưa sử dụng thư viện như một cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu.

- Kết quả khảo sát định lượng của Vụ Thư viện - thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sử dụng thời gian rỗi của học sinh, sinh viên và người trưởng thành đã phần nào phản ánh thực trạng văn hóa đọc như sau: Đối với sinh viên, học sinh: chỉ có 31,6% cho biết sử dụng thời gian rỗi để đọc sách. Tỷ lệ này xếp thứ 6 trong 9 hoạt động được khảo sát. Đối với người trưởng thành, chỉ có 24,0% người tham gia khảo sát cho biết đọc sách vào thời gian rỗi. Tỷ lệ này đứng thứ 5 trong tổng số 9 hoạt động được khảo sát<sup>2</sup>.

- Phản ánh thực trạng văn hóa đọc qua phân tích hệ thống thư viện công cộng, nhóm tác giả Nguyễn Trọng Phượng và Nguyễn Ngọc Nam cho biết: Thư viện công cộng hiện chỉ ở trung tâm tỉnh và một số huyện, thị xã trong khi thư viện xã, thôn rất ít. Phần lớn thư viện cơ sở chưa có trụ sở cố định, không có biên chế chính thức, không được cấp kinh phí hoạt động thường xuyên, đầy đủ; vốn tài liệu nghèo nàn, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân; công

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sđd, tr.46.

2. Vũ Dương Thúy Nga: “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng - Một giải pháp quan trọng để xây dựng và phát triển văn hóa, giáo dục và con người Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học Đại học Sài Gòn*, số 12 (37), 2016, tr.24-30.

tác hướng dẫn đọc chưa được thực hiện thường xuyên và có định hướng; đọc sách là lựa chọn ở vị trí thấp trong các ưu tiên hoạt động vào thời gian rỗi của người dân<sup>1</sup>.

- Các hình thức hướng dẫn đọc trong thư viện còn nghèo nàn, chưa được duy trì thường xuyên và hiệu quả giáo dục chưa cao. Đa số giáo viên hướng dẫn các em lựa chọn tài liệu đọc và cách đọc theo kinh nghiệm của bản thân mà chưa có sự trao đổi, định hướng của tổ chức. Đa số phụ huynh của các em chưa được trang bị về phương pháp hướng dẫn đọc. Phần lớn các em mới chỉ đạt mức độ trung bình trong cảm thụ tài liệu và chưa hiểu biết các quy tắc vệ sinh trong quá trình đọc tài liệu. Năng lực cảm thụ nội dung tài liệu và khả năng vận dụng tri thức trong sách báo vào thực tiễn vẫn còn nhiều điều đáng lo ngại và chưa được nhà trường, gia đình của các em và các tổ chức đoàn thể quan tâm đúng mức; chưa có sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các thư viện, gia đình, nhà trường, các đoàn thể, tổ chức<sup>2</sup>.

Để xây dựng và phát triển văn hóa đọc trong đời sống xã hội của người dân Việt Nam, tác giả gợi ý một số đề xuất có tính chất tham khảo như sau:

- Nhà nước cần khôi phục lại đầy đủ hệ thống thư viện công lập từ Trung ương đến địa phương với các hệ phân cấp: Thư viện quốc gia - thư viện tỉnh - thư viện huyện - thư viện/phòng đọc sách xã/phường. Đề xuất này được đưa ra trên cơ sở thực tiễn là hiện nay, hệ thống thư viện cơ sở cấp huyện và xã phần lớn đã bị sáp nhập vào trung tâm văn hóa - thể thao cùng cấp và “giáng cấp” xuống là phòng đọc sách. Điều này vô tình đã góp phần làm suy giảm văn hóa đọc vốn đã “ốm yếu và suy nhược”.

- Nhà nước cần đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế thư viện thật sự như những “thiên đường” của tri thức cả về kiến trúc tòa nhà và quy hoạch không gian tổng thể xung quanh, đặc biệt là thư viện cấp tỉnh, huyện. Đề xuất này được đưa ra bởi hiện nay, rất nhiều nơi xem thư viện chỉ là “kho chứa sách”. Với cách nghĩ đó nên hầu hết các thư viện cấp tỉnh, cấp huyện ở Việt Nam

---

1. Nguyễn Trọng Phượng, Nguyễn Ngọc Nam: “Văn hóa đọc nhìn từ góc độ các thiết chế thư viện công cộng trong công cuộc đổi mới và hội nhập”, Tạp chí *Thông tin và tư liệu*, số 6/2016, tr.18-26.

2. Cao Thanh Phước: “Phát triển văn hóa đọc cho thiếu nhi khu vực Tây Nguyên”, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Thông tin - Thư viện, Đại học Văn hóa Hà Nội, 2017.

chưa thật sự nổi bật, tạo được dấu ấn, cảm xúc thích thú của bạn đọc, công chúng về mặt cảnh quan kiến trúc và bố cục không gian bên trong thư viện.

- Nhà nước cần đưa ra những quy định cụ thể và chế tài mạnh hơn đối với các cơ sở giáo dục từ cấp mầm non đến cấp sau đại học trong việc xây dựng và vận hành, khai thác thư viện trường học. Những quy định này không phân biệt trong hệ thống trường tư hay trường công. Đề xuất này được đưa ra trên cơ sở thực tiễn là hiện nay, nhiều trường học ở Việt Nam chưa dành những nguồn lực đầu tư đủ lớn cho thư viện của trường. Thậm chí, không hiếm cơ sở đào tạo xem thư viện chỉ là một phần rất phụ trong tổng thể hoạt động chung của nhà trường. Với quan điểm đó, những cơ sở này hiển nhiên không đầu tư về mặt con người, cơ sở vật chất, nguồn lực thông tin,... Đó là một trong những lý do các thư viện trường học ở hầu hết các bậc đào tạo ở Việt Nam đều khá vắng bạn đọc.

- Nhà nước cần có những chính sách, chế tài để thúc đẩy các thư viện công lập thay đổi, cải tiến phương thức, phong cách phục vụ bạn đọc theo hướng cung cấp dịch vụ đến bạn đọc. Thực tế là chất lượng dịch vụ tại các thư viện công hiện nay khá thấp. Nhiều nơi cung cấp dịch vụ với thái độ “xin - cho; ban - phát”. Thậm chí nhiều nơi, nhân viên phục vụ còn có thái độ trịch thượng, thờ ơ khi tiếp bạn đọc. Những điều đó đã góp phần giải thích vì sao hệ thống thư viện công dù ở cấp nào cũng thường rất vắng.

- Nhà nước cần có chính sách khuyến khích và chế tài để các thư viện thúc đẩy ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào trong công tác quản trị thư viện, từ vấn đề tạo lập, bảo vệ và lưu trữ nguồn tài liệu, đến việc cung cấp dịch vụ đến công chúng và kết nối vào mạng lưới hệ thống thư viện trong nước và thế giới. Điều này phù hợp với sự thay đổi thói quen đọc sách của công chúng, cũng như xu hướng phát triển giáo dục chia sẻ và mức độ can thiệp của công nghệ thông tin vào đời sống xã hội của con người.

Tóm lại, bài viết này tác giả muốn nhận mạnh các luận điểm cơ bản sau:

*Một là*, các nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” mà Đảng đề cập trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay vẫn còn những giá trị, tính thời sự của nó.

*Hai là*, văn hóa đọc là một trong những giá trị tốt đẹp cần phải được xây dựng, phát huy, phát triển đối với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ.

*Ba là*, trong công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, bên cạnh những thành tựu thì vẫn còn rất nhiều điểm hạn chế cần khắc phục. Một trong số nguyên nhân của những hạn chế đó đến từ vấn đề tồn tại của văn hóa đọc trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay.

*Bốn là*, để góp phần thực hiện thành công các nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” trong xã hội đương đại, tác giả cho rằng cần phải xây dựng và phát triển văn hóa đọc cho người dân Việt Nam thông qua thực hiện có tính hệ thống các giải pháp: khôi phục lại đầy đủ hệ thống thư viện công lập từ Trung ương đến địa phương; xây dựng hệ thống thiết chế thư viện thật sự như những “thiên đường” của tri thức; thúc đẩy các cơ sở giáo dục từ mầm non đến cấp sau đại học xây dựng và vận hành, khai thác thư viện trong trường học; thúc đẩy các thư viện công lập thay đổi, cải tiến phương thức, phong cách phục vụ theo hướng cung cấp dịch vụ đến bạn đọc; có chính sách khuyến khích và chế tài để các thư viện thúc đẩy ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào trong công tác quản trị thư viện.

VĂN HÓA ĐỌC  
VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM  
THEO NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC HÓA”,  
“ĐẠI CHÚNG HÓA” VÀ “KHOA HỌC HÓA”  
CỦA ĐẢNG TA TRONG XÃ HỘI HÔM NAY

ThS. LÊ THỊ XUÂN THÙY\*

Văn hóa đọc là một trong những giá trị tốt đẹp, tích cực và nhiều ý nghĩa trong đời sống văn hóa - xã hội của mỗi cộng đồng, quốc gia, cần được xây dựng và phát triển. Không phải ngẫu nhiên mà trong lịch sử văn hóa của nhân loại từ cổ chí kim, thư viện - sách là một trong những chủ thể - thiết chế được cả nhân loại đầu tư phát triển. Mức độ phát triển của hệ thống thư viện chính là bộ mặt, là minh chứng cho trình độ phát triển dân trí, khoa học và tính văn minh của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ. Để tôn vinh giá trị của sách cũng như văn hóa đọc và vai trò của sách, các dân tộc trên thế giới đã sáng tạo ra rất nhiều câu danh ngôn, tục ngữ, những lời khuyên dạy “để đời” như: “Để cho con một hòm vàng không bằng dạy cho con một cuốn sách hay”; “Nếu cho tôi quyền thế, tôi sẽ đem sách mà gieo rắc khắp mặt địa cầu như người ta gieo lúa trong luống cày vậy”; “Sau một giờ đọc sách thì nỗi đau khổ nào của tôi cũng biến mất”; “Thích đọc sách tức là biết đánh đổi những giờ phút buồn tẻ không thể tránh được trong cuộc đời lấy những giờ phút lý thú”; “Hiện chúng ta đang ba hoa về sự cô đơn toàn cầu của nhân loại. Làm thế nào để vượt qua điều đó? Chỉ có đọc sách”; “Thư viện là kho tàng chứa tất cả của cải tinh thần của loài người”,...

---

\* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn hóa đọc giúp cho những kiến thức và kinh nghiệm được nhân lên, phổ biến rộng rãi hơn và tiếp tục phát triển trong cuộc sống. Vai trò của văn hóa đọc trước hết là đáp ứng sự hiểu biết, thỏa mãn trí tò mò, khám phá thế giới và khám phá chính bản thân mình. Văn hóa đọc lành mạnh giúp người ta mở rộng tầm nhìn, nhìn ra thế giới và cũng nhìn lại bản thân mình. Một mặt để khỏi trở thành “ếch ngồi đáy giếng”, mặt khác cũng là dịp để chỉnh sửa chính bản thân mỗi con người, xây dựng trong họ một cuộc sống tinh thần lành mạnh, nhân văn và khoan dung hơn. Những kiến thức, nhân vật trong sách giúp người ta so sánh với cuộc sống xung quanh, với những hành vi ứng xử của chính mình mà soi xét, suy ngẫm để giúp họ hoàn thiện hơn, tử tế hơn và trong sáng hơn. Sách là người thầy, cũng là người bạn của mỗi người là như vậy<sup>1</sup>.

Giá trị của văn hóa đọc đã được chứng thực bởi lịch sử phát triển của nhân loại. Với quan điểm nhận thức đó, để thực hiện thành công nguyên tắc “dân tộc hóa”, “khoa học hóa”, “đại chúng hóa” mà Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) đã đưa ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 trong xã hội ngày nay, chúng ta rất cần phát triển văn hóa đọc trong đời sống văn hóa - tinh thần của người dân.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 do đồng chí Trường Chinh khởi thảo và được Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương thông qua tháng 2/1943. Đây được xem như văn kiện chính thức của Đảng về văn hóa. Nói một cách khái quát nhất, *Đề cương văn hóa* đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam. Trong *Đề cương* này, Đảng đã nêu lên 3 quan điểm đối với vấn đề văn hóa là: “a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>2</sup>.

---

1. Lê Hồng Lý: “Vai trò của văn hóa đọc trong sự phát triển nền văn hóa Việt Nam”, Tạp chí *Nhân lực khoa học xã hội*, số 4/2013, tr.47.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.12-13.



Đồng thời, trong Đề cương, Đảng cũng xác định những quan niệm về vấn đề cách mạng văn hóa theo tư tưởng triết học vô sản là: “a) Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. b) Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. c) Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công”<sup>1</sup>. Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bây giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau. Đề cương cũng xác định tính chất của nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Đó là mục tiêu mà toàn Đảng, toàn dân ta phải phấn đấu để xây dựng và bảo vệ.

Về nguyên tắc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng chí Trường Chinh đã thay mặt Đảng Cộng sản Đông Dương nêu ra như sau:

- Nguyên tắc “dân tộc hóa” về văn hóa: Nội dung của nguyên tắc này là chủ trương chống những ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Suy rộng ra, Đảng ta muốn tận dụng và khai thác chính sức mạnh vốn có của văn hóa truyền thống mà dân tộc ta đã gây dựng, bảo tồn và phát triển trong suốt hàng nghìn năm lịch sử để chống lại mọi sự “xâm lăng” về văn hóa của nước ngoài. Điều này cũng cho thấy quan điểm của Đảng rằng nếu một dân tộc không có sự độc lập về văn hóa thì tất yếu không có độc lập về chính trị, càng không thể có độc lập, tự do cho mỗi con người. Gần 100 năm thống trị Việt Nam, Pháp đã đưa vào nước ta nhiều nhân tố tiêu cực của văn hóa tư sản, đề cao sự giàu mạnh của thực dân, ca tụng chính sách thuộc địa, gieo rắc vào đầu óc người Việt Nam tinh thần nô lệ như sùng bái văn hóa Pháp,... Những điều đó đã làm nảy sinh tâm lý tự ti dân tộc và miệt thị văn hóa dân tộc. Từ đó, mục đích của nguyên tắc này là “làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có đầy lòng tự hào, dũng cảm đứng lên nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng Tổ quốc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam”<sup>2</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.21.

2. Phạm Duy Đức: *Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Viện Văn hóa và phát triển, Hà Nội, 2013, tr.28.

- Nguyên tắc “đại chúng hóa” văn hóa: Nội dung của nguyên tắc này là Đảng ta chủ trương lãnh đạo nhân dân chống mọi hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng. Đồng chí Trường Chinh đã chỉ rõ: nước ta lúc đó là một nước thuộc địa còn nhiều tàn tích phong kiến, hầu hết nhân dân mù chữ. Văn học, âm nhạc, hội họa và nhiều thể loại văn hóa khác không phục vụ nhân dân lao động, mà chủ yếu phục vụ cho giai cấp thống trị. Nói chung, đa số nhân dân lao động bị gạt ra ngoài đời sống văn hóa. Vì vậy, văn hóa mới phải là văn hóa của nhân dân, phục vụ cho nhân dân, phải làm cho mọi người biết đọc, biết viết, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo văn hóa, dần dần chiếm lĩnh các giá trị tinh thần mà dân tộc và nhân loại tạo ra. Sau năm 1945, trong bối cảnh đất nước phải đối diện với vô vàn khó khăn, với “thù trong giặc ngoài”, thì dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, trên toàn cõi Việt Nam đã phát động phong trào “Bình dân học vụ” với phương châm “Người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ”, “Người học trước dạy cho người học sau”. Đó là một trong những phong trào thể hiện rất rõ quyết tâm thực hiện nguyên tắc “đại chúng hóa” văn hóa mà Đảng đã nêu trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

- Nguyên tắc “khoa học hóa” về văn hóa: Với nguyên tắc này, Đảng ta sẽ lãnh đạo toàn dân chống lại những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Đồng chí Trường Chinh đã phân tích vì sao cần phải thực hiện nguyên tắc này như sau: nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, trì trệ và ảnh hưởng lâu ngày của hệ tư tưởng phong kiến. Những quan điểm thần bí, siêu hình của văn hóa phong kiến, thực dân tồn tại dai dẳng, chi phối tâm lý và hành động của nhân dân. Tính chất bảo thủ, lạc hậu còn in đậm trong nhiều phong tục, tập quán. Pháp lợi dụng những tiêu cực trong đời sống văn hóa đó để thực hiện chính sách ngu dân. Vì vậy, khoa học hóa về văn hóa là lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng chủ đạo để tạo điều kiện cho nền văn hóa dân chủ mới nhanh chóng thoát khỏi sự kìm hãm ấy nhằm phát triển về mọi mặt trên cơ sở khoa học.

Ba nguyên tắc trên không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Một mặt nó chống lại ba căn bệnh trầm trọng của văn hóa lúc bấy giờ là phản dân tộc, phản đại chúng, phản khoa học. Mặt khác, nó cũng định hướng cho việc tạo dựng những đặc trưng bản chất của

văn hóa Việt Nam sau này: vừa có tính dân tộc vừa có tính nhân dân, vừa có tính khoa học. Sau này, trong một văn bản khác, đồng chí Trường Chinh cũng một lần nữa khẳng định, nhấn mạnh mối quan hệ của ba nguyên tắc đó: “Ba nguyên tắc trên đây là ba cái khâu của một sợi dây chuyền. Nó có tính cách liên hoàn. Không thể hoàn thành nhiệm vụ vận động văn hóa mới Việt Nam nếu ta bỏ sót một nguyên tắc nào trong ba nguyên tắc ấy. Cũng không thể chỉ theo một nguyên tắc nọ mà đồng thời chống lại những nguyên tắc kia. Không nhận rõ điều đó thì nhất định không làm tròn được nhiệm vụ xây dựng văn hóa mới cho dân tộc, mà có khi mắc bẫy văn hóa của đế quốc hoặc bị chúng lợi dụng”<sup>1</sup>.

Tác giả cho rằng để thực hiện thành công các nguyên tắc trên của Đảng trong đường hướng phát triển nền văn hóa của dân tộc Việt Nam trong mọi thời đại, việc phát triển văn hóa đọc trong mọi tầng lớp dân cư là một trong những yếu tố vô cùng cần thiết. Bởi những nguyên tắc này đều có điểm chung là con người cần phải có tri thức đầy đủ, đúng đắn, cập nhật, tiến bộ và nhân văn thì mới đủ năng lực hành vi và nền tảng tư duy để thực hiện tốt. Mà để có những điều kiện đó, ngoài thông qua hoạt động đào tạo, thì người dân Việt Nam rất cần phải đọc sách<sup>2</sup>.

Các nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” về văn hóa mà Đảng đã đưa ra cách đây 80 năm đến nay vẫn còn nguyên giá trị chính trị, khoa học và tính thời sự của nó. Bởi nhìn vào thực tiễn nền văn hóa dân tộc trong những năm gần đây chúng ta dễ dàng nhận thấy rất nhiều “mã độc” đã thâm nhập, hiện diện trong hầu hết những khía cạnh của đời sống văn hóa của dân tộc ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, công cuộc xây dựng, bảo tồn, phát huy, phát triển nền văn hóa của dân tộc sau nhiều thập niên đã đạt được những thành tựu rất to lớn. Nhưng chúng ta cũng cần khách quan và tỉnh táo để nhận ra những hạn chế, khiếm khuyết, nhược điểm trong sự nghiệp chung đó. Điều này đã được Đảng ghi nhận như sau: “so với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,

---

1. Phạm Duy Đức: *Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Sđd, tr.30.

2. Dẫn theo Văn Lạc: “Văn hóa đọc và phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng dân cư”, Tạp chí *Thông tin khoa học và công nghệ Quảng Bình*, số 4/2015, tr.79-82.

thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng. Còn ít những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có một số tác phẩm chạy theo thị hiếu tầm thường, chất lượng thấp, thậm chí có hại. Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chưa theo kịp thực tiễn sáng tác. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa hiệu quả chưa cao, nguy cơ mai một chưa được ngăn chặn. Hệ thống thông tin đại chúng phát triển thiếu quy hoạch khoa học, gây lãng phí nguồn lực và quản lý không theo kịp sự phát triển. Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích. Cơ chế, chính sách về kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, về huy động, quản lý các nguồn lực cho văn hóa chưa cụ thể, rõ ràng. Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động văn hóa còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp. Công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn nhiều hạn chế, bất cập. Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ<sup>1</sup>.

Theo Đảng ta, nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém đang tồn tại trong đời sống văn hóa của dân tộc là: “Do nhiều cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ lĩnh vực này; lãnh đạo, chỉ đạo chưa thật quyết liệt. Việc cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của Đảng còn chậm, thiếu đồng bộ và trong một số trường hợp thiếu khả thi. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm được đổi mới, có lúc, có nơi bị xem nhẹ, thậm chí buông lỏng;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.44-46.

kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng và còn dàn trải. Chưa nắm bắt kịp thời những vấn đề mới về văn hóa để đầu tư đúng hướng và có hiệu quả. Chưa quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”<sup>1</sup>.

Theo tác giả, văn hóa đọc trong đời sống xã hội Việt Nam nhiều năm qua tồn tại rất nhiều vấn đề đáng lo ngại cũng là một trong những nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong đời sống văn hóa dân tộc. Điều này được thể hiện qua một số công bố khoa học dưới đây:

- Thực tế hiện nay của văn hóa đọc thật sự là vấn đề cần được báo động và đang có chiều hướng xuống cấp. Ngày nay, không còn cảnh thư viện hết chỗ ngồi nếu không đi sớm như trước đây. Người ta không còn say sưa bàn tán hay tranh luận về một cuốn sách hay. Trong khi đó đa số sinh viên nhiều trường đại học chỉ lên thư viện đối phó để vượt qua các kỳ thi chứ chưa sử dụng thư viện như một cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu.

- Kết quả khảo sát định lượng của Vụ Thư viện - thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sử dụng thời gian rỗi của học sinh, sinh viên và người trưởng thành đã phần nào phản ánh thực trạng văn hóa đọc như sau: Đối với sinh viên, học sinh: chỉ có 31,6% cho biết sử dụng thời gian rỗi để đọc sách. Tỷ lệ này xếp thứ 6 trong 9 hoạt động được khảo sát. Đối với người trưởng thành, chỉ có 24,0% người tham gia khảo sát cho biết đọc sách vào thời gian rỗi. Tỷ lệ này đứng thứ 5 trong tổng số 9 hoạt động được khảo sát<sup>2</sup>.

- Phản ánh thực trạng văn hóa đọc qua phân tích hệ thống thư viện công cộng, nhóm tác giả Nguyễn Trọng Phượng và Nguyễn Ngọc Nam cho biết: Thư viện công cộng hiện chỉ ở trung tâm tỉnh và một số huyện, thị xã trong khi thư viện xã, thôn rất ít. Phần lớn thư viện cơ sở chưa có trụ sở cố định, không có biên chế chính thức, không được cấp kinh phí hoạt động thường xuyên, đầy đủ; vốn tài liệu nghèo nàn, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân; công

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sđd, tr.46.

2. Vũ Dương Thúy Nga: “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng - Một giải pháp quan trọng để xây dựng và phát triển văn hóa, giáo dục và con người Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học Đại học Sài Gòn*, số 12 (37), 2016, tr.24-30.

tác hướng dẫn đọc chưa được thực hiện thường xuyên và có định hướng; đọc sách là lựa chọn ở vị trí thấp trong các ưu tiên hoạt động vào thời gian rỗi của người dân<sup>1</sup>.

- Các hình thức hướng dẫn đọc trong thư viện còn nghèo nàn, chưa được duy trì thường xuyên và hiệu quả giáo dục chưa cao. Đa số giáo viên hướng dẫn các em lựa chọn tài liệu đọc và cách đọc theo kinh nghiệm của bản thân mà chưa có sự trao đổi, định hướng của tổ chức. Đa số phụ huynh của các em chưa được trang bị về phương pháp hướng dẫn đọc. Phần lớn các em mới chỉ đạt mức độ trung bình trong cảm thụ tài liệu và chưa hiểu biết các quy tắc vệ sinh trong quá trình đọc tài liệu. Năng lực cảm thụ nội dung tài liệu và khả năng vận dụng tri thức trong sách báo vào thực tiễn vẫn còn nhiều điều đáng lo ngại và chưa được nhà trường, gia đình của các em và các tổ chức đoàn thể quan tâm đúng mức; chưa có sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các thư viện, gia đình, nhà trường, các đoàn thể, tổ chức<sup>2</sup>.

Để xây dựng và phát triển văn hóa đọc trong đời sống xã hội của người dân Việt Nam, tác giả gợi ý một số đề xuất có tính chất tham khảo như sau:

- Nhà nước cần khôi phục lại đầy đủ hệ thống thư viện công lập từ Trung ương đến địa phương với các hệ phân cấp: Thư viện quốc gia - thư viện tỉnh - thư viện huyện - thư viện/phòng đọc sách xã/phường. Đề xuất này được đưa ra trên cơ sở thực tiễn là hiện nay, hệ thống thư viện cơ sở cấp huyện và xã phần lớn đã bị sáp nhập vào trung tâm văn hóa - thể thao cùng cấp và “giáng cấp” xuống là phòng đọc sách. Điều này vô tình đã góp phần làm suy giảm văn hóa đọc vốn đã “ốm yếu và suy nhược”.

- Nhà nước cần đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế thư viện thật sự như những “thiên đường” của tri thức cả về kiến trúc tòa nhà và quy hoạch không gian tổng thể xung quanh, đặc biệt là thư viện cấp tỉnh, huyện. Đề xuất này được đưa ra bởi hiện nay, rất nhiều nơi xem thư viện chỉ là “kho chứa sách”. Với cách nghĩ đó nên hầu hết các thư viện cấp tỉnh, cấp huyện ở Việt Nam

---

1. Nguyễn Trọng Phượng, Nguyễn Ngọc Nam: “Văn hóa đọc nhìn từ góc độ các thiết chế thư viện công cộng trong công cuộc đổi mới và hội nhập”, Tạp chí *Thông tin và tư liệu*, số 6/2016, tr.18-26.

2. Cao Thanh Phước: “Phát triển văn hóa đọc cho thiếu nhi khu vực Tây Nguyên”, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Thông tin - Thư viện, Đại học Văn hóa Hà Nội, 2017.

chưa thật sự nổi bật, tạo được dấu ấn, cảm xúc thích thú của bạn đọc, công chúng về mặt cảnh quan kiến trúc và bố cục không gian bên trong thư viện.

- Nhà nước cần đưa ra những quy định cụ thể và chế tài mạnh hơn đối với các cơ sở giáo dục từ cấp mầm non đến cấp sau đại học trong việc xây dựng và vận hành, khai thác thư viện trường học. Những quy định này không phân biệt trong hệ thống trường tư hay trường công. Đề xuất này được đưa ra trên cơ sở thực tiễn là hiện nay, nhiều trường học ở Việt Nam chưa dành những nguồn lực đầu tư đủ lớn cho thư viện của trường. Thậm chí, không hiếm cơ sở đào tạo xem thư viện chỉ là một phần rất phụ trong tổng thể hoạt động chung của nhà trường. Với quan điểm đó, những cơ sở này hiển nhiên không đầu tư về mặt con người, cơ sở vật chất, nguồn lực thông tin,... Đó là một trong những lý do các thư viện trường học ở hầu hết các bậc đào tạo ở Việt Nam đều khá vắng bạn đọc.

- Nhà nước cần có những chính sách, chế tài để thúc đẩy các thư viện công lập thay đổi, cải tiến phương thức, phong cách phục vụ bạn đọc theo hướng cung cấp dịch vụ đến bạn đọc. Thực tế là chất lượng dịch vụ tại các thư viện công hiện nay khá thấp. Nhiều nơi cung cấp dịch vụ với thái độ “xin - cho; ban - phát”. Thậm chí nhiều nơi, nhân viên phục vụ còn có thái độ trịch thượng, thờ ơ khi tiếp bạn đọc. Những điều đó đã góp phần giải thích vì sao hệ thống thư viện công dù ở cấp nào cũng thường rất vắng.

- Nhà nước cần có chính sách khuyến khích và chế tài để các thư viện thúc đẩy ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào trong công tác quản trị thư viện, từ vấn đề tạo lập, bảo vệ và lưu trữ nguồn tài liệu, đến việc cung cấp dịch vụ đến công chúng và kết nối vào mạng lưới hệ thống thư viện trong nước và thế giới. Điều này phù hợp với sự thay đổi thói quen đọc sách của công chúng, cũng như xu hướng phát triển giáo dục chia sẻ và mức độ can thiệp của công nghệ thông tin vào đời sống xã hội của con người.

Tóm lại, bài viết này tác giả muốn nhận mạnh các luận điểm cơ bản sau:

*Một là*, các nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” mà Đảng đề cập trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay vẫn còn những giá trị, tính thời sự của nó.

*Hai là*, văn hóa đọc là một trong những giá trị tốt đẹp cần phải được xây dựng, phát huy, phát triển đối với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ.

*Ba là*, trong công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, bên cạnh những thành tựu thì vẫn còn rất nhiều điểm hạn chế cần khắc phục. Một trong số nguyên nhân của những hạn chế đó đến từ vấn đề tồn tại của văn hóa đọc trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay.

*Bốn là*, để góp phần thực hiện thành công các nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” trong xã hội đương đại, tác giả cho rằng cần phải xây dựng và phát triển văn hóa đọc cho người dân Việt Nam thông qua thực hiện có tính hệ thống các giải pháp: khôi phục lại đầy đủ hệ thống thư viện công lập từ Trung ương đến địa phương; xây dựng hệ thống thiết chế thư viện thật sự như những “thiên đường” của tri thức; thúc đẩy các cơ sở giáo dục từ mầm non đến cấp sau đại học xây dựng và vận hành, khai thác thư viện trong trường học; thúc đẩy các thư viện công lập thay đổi, cải tiến phương thức, phong cách phục vụ theo hướng cung cấp dịch vụ đến bạn đọc; có chính sách khuyến khích và chế tài để các thư viện thúc đẩy ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào trong công tác quản trị thư viện.



## ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG LỄ HỘI CÓ NGUỒN GỐC TỪ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM - QUA LĂNG KÍNH CỦA ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM

ThS. TRẦN THỊ BÍCH THỦY\*

**Đ**ề cương văn hóa năm 1943 đã xác định tầm quan trọng của văn hóa và đề ra ba nguyên tắc phát triển văn hóa theo tính “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”. Đây chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, là kim chỉ nam định hướng cho nền văn hóa nước nhà phát triển trong suốt 80 năm qua và vẫn còn nguyên giá trị. Hòa nhập với xu thế toàn cầu hóa hiện nay, Việt Nam tiếp nhận nhiều lễ hội văn hóa từ nước ngoài vừa chủ động và vừa bị động, song, với sự định hướng của Đề cương văn hóa, các lễ hội này đã góp phần làm phong phú thêm nhiều mảng màu cho nền văn hóa Việt Nam, hội nhập và phát triển đất nước. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số vấn đề chưa phù hợp. Dựa vào định hướng cốt lõi của Đề cương văn hóa năm 1943, nhận diện rõ thực trạng quản lý, tổ chức, từ đó tìm ra những giải pháp để phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội từ những tiềm năng của các lễ hội nước ngoài, góp phần phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

### 1. Khái niệm

Trong tiếng Anh, lễ hội (festival) có các nghĩa sau: a) Một sự kiện thiêng liêng; b) Lễ kỷ niệm hàng năm về một nhân vật nổi tiếng trong lịch sử, một sự kiện đặc biệt hay đánh dấu một mùa thu hoạch; c) Một sự kiện văn hóa

---

\* Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

liên quan đến một loạt các hoạt động biểu diễn nghệ thuật; d) một hội chợ; e) Một cuộc vui... (Alessandro Falassi, tr.2). Trong *Time out of time: essays on the festival*, Falassi còn cho rằng “*lễ hội đương đại được tạo ra trong thập niên gần đây thì thường mang bản chất trần tục và thế tục*” (Falassi A, 1987, tr.2). Điều này cho thấy lễ hội dù mang nhiều nghĩa song vẫn là một dạng sự kiện và luôn thay đổi phù hợp với sự phát triển của xã hội.

Theo Nghị định số 110/2018/NĐ-CP, lễ hội du nhập từ nước ngoài: là những hoạt động giới thiệu văn hóa, kinh tế, xã hội của nước ngoài với công chúng Việt Nam. Năm 2018, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã giải thích trong đánh giá tổng kết công tác quản lý và tổ chức lễ hội như sau: lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài là loại lễ hội do tổ chức của Việt Nam hay tổ chức người nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tổ chức nhằm giới thiệu những giá trị đặc trưng văn hóa của nước ngoài tới công chúng người Việt. Song, các văn bản quản lý trên chủ yếu mang tính ngoại giao, chưa thực sự gắn với đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng.

Trong “Giải pháp quản lý lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài ở Việt Nam hiện nay” (2020), đã định nghĩa rằng: lễ hội du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam (còn gọi là lễ hội du nhập, lễ hội phương Tây) là những sự kiện văn hóa với các hoạt động văn hóa lễ hội được du nhập từ nước ngoài và trong quá trình tồn tại đã đáp ứng nhu cầu tinh thần cho đời sống con người, trở thành nét sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật của một cộng đồng. Định nghĩa này đã thể hiện khá đầy đủ, rõ ràng các mặt của lễ hội.

Thống kê của Cục Văn hóa cơ sở (2009), lễ hội du nhập từ nước ngoài gồm có 10 lễ hội, chiếm 0,12%. Dù chiếm tỷ lệ cực kỳ khiêm tốn nhưng những năm gần đây các lễ hội này ngày càng nhiều và được giới trẻ tiếp nhận hào hứng, nồng nhiệt và trở thành một hiện tượng văn hóa - xã hội mang nhiều màu sắc, giá trị mới cho Việt Nam. Đây là một quá trình tất yếu của quá trình hội nhập, toàn cầu hóa của thời đại công nghệ khoa học kỹ thuật hiện đại và trong sự chuyển hóa xã hội.

## **2. Quan niệm, nhận thức của người tiếp nhận và thực trạng**

Khi rào cản giữa các nước trên thế giới dần được xóa bỏ thì sự giao lưu, hòa nhập văn hóa... sẽ diễn ra mạnh mẽ. Tuy nhiên, sự tiếp nhận lại tùy thuộc vào quan điểm và nhận thức của từng cá nhân, từng tổ chức, từng quốc gia.

Các lễ hội du nhập từ nước ngoài mang đến những điều mới lạ, phóng khoáng của văn hóa phương Tây và được người Việt cải mở, tiếp nhận khá chọn lọc, mang tính đại chúng, phù hợp với văn hóa Việt Nam. Điều này không chỉ giúp cho người Việt Nam hiểu biết thêm văn hóa đa dạng của thế giới mà còn làm phong phú thêm đời sống tinh thần của người dân, kích cầu thị trường, tạo sự thân thiện với cộng đồng người nước ngoài đến Việt Nam. Đây cũng là dịp để kết nối tình cảm của mọi người với nhau, giải trí, tạo ra cơ hội kinh doanh cho tất cả mọi người. Việc tổ chức những lễ hội có nguồn gốc nước ngoài trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay là một hoạt động tất yếu, phù hợp với xu thế của thế giới, mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, xã hội, văn hóa, du lịch... Hình ảnh đất nước và con người Việt Nam thân thiện, tích cực, cởi mở sẽ gây ấn tượng tốt với bạn bè quốc tế, đặc biệt là những nét đẹp văn hóa truyền thống của Việt Nam.

Giới trẻ năng động, ưa khám phá và tiếp nhận nhanh chóng các lễ hội này. Nhiều người tham gia lễ hội theo trào lưu, xu thế của thời đại, không phân biệt tôn giáo, lứa tuổi, trình độ... vui chơi, hưởng thụ, cảm nhận phần nào đó không khí lễ hội ấy ngay tại đất nước mình. Song, hiện chưa có cái nhìn và đánh giá những tác động theo hướng tích cực cũng như hướng tiêu cực của các lễ hội này.

*Lễ Giáng sinh:* Đã trở thành một hoạt động thường nhật dịp cuối năm của xã hội, không còn là cái riêng của cộng đồng Kitô giáo, không gian văn hóa đã vượt xa tính chất của một lễ hội của tôn giáo. Số người không phải là tín đồ của Kitô giáo tham gia rất nhiều. Họ tiếp nhận lễ hội này một cách rất tự nhiên, thoải mái, văn minh vì họ xem đây là dịp vui chơi, giải trí, mua sắm. Dần trở thành nét văn hóa độc đáo của lễ hội Giáng sinh, là nơi hoạt động giao lưu văn hóa của nhiều người. Đây còn là dịp hoạt động của các chương trình thiện nguyện của nhiều cá nhân, tổ chức trong và ngoài Kitô giáo. Đó là một nét đẹp, đầy tính nhân văn, ý nghĩa mà lễ hội Giáng sinh đem lại. Chính vì vậy, lễ hội này càng trở nên gần gũi với mọi người, đem lại niềm vui, ấm áp, giúp mọi người gắn bó, hòa đồng với nhau hơn, bước qua ranh giới phân biệt tôn giáo.

*Tết Dương lịch:* Là thời điểm nhìn lại kết quả công việc của một năm đã qua, định hướng công việc cho năm mới và là cơ hội được gắn bó cùng gia đình, họp mặt bạn bè... Nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, vui chơi vào dịp này để đáp ứng nhu cầu giải trí của người dân, còn được gọi là dịp “Lễ hội mùa Đông”.

*Lễ hội Halloween:* Giới trẻ là nhóm người tiếp nhận và tham gia nhiều nhất, chủ yếu là ở thành thị. Ý nghĩa vốn có từ xưa ở phương Tây của lễ hội Halloween đó là xua đuổi ma quỷ về với địa ngục và giáo dục con người hướng thiện, xa rời ma quỷ (cám dỗ). Nhưng khi vào Việt Nam, ý nghĩa của nó dần bị méo mó và giới trẻ chỉ tiếp nhận khía cạnh hóa trang kinh dị, chơi bời. Trước ngày lễ Halloween vài ngày, một số con đường, các trang mạng xã hội chuyên bán trang phục vụ cho lễ hội này quảng cáo, bày bán nhiều sản phẩm với hình ảnh máu me, rùng rợn...; Tệ hại hơn là một số phụ huynh và nhà trường ủng hộ việc hóa trang rùng rợn mà không chọn lọc sao cho phù hợp với văn hóa và lứa tuổi con em mình. Có thể thấy, do tiếp nhận khá nhanh, họ có vẻ chỉ cần một dịp để vui chơi, để chứng tỏ sự sành điệu... mà chưa thực sự hiểu được ý nghĩa của lễ hội.

*Lễ hội Tình nhân:* Được giới trẻ hưởng ứng nồng nhiệt. Đến dịp này, dọc các đường trung tâm thành phố lớn được bày bán rất đẹp mắt các món quà, những đóa hoa... tượng trưng cho tình yêu đẹp, lãng mạn, chân thành, hạnh phúc và vĩnh hằng của đôi lứa. Hiện lễ hội này đang bị thương mại hóa nên có phần thực dụng. Các dịch vụ ăn theo như bán quà tặng, hoa với giá cao so với giá trị thực, bán tràn lan, quán ăn, nhà hàng, rạp phim cũng tăng giá.

*Lễ hội ngày của mẹ, Lễ hội ngày của cha:* Mang tính cá nhân và gia đình, không tổ chức với quy mô cộng đồng như phương Tây. Đến ngày này, chủ yếu là con cái gửi những lời chúc tốt đẹp, món quà ý nghĩa, hoặc tổ chức bữa cơm ấm áp tặng cha, mẹ của mình. Với ý nghĩa tôn vinh các đấng sinh thành, thể hiện tình yêu thương, sự hiếu thảo, biết ơn của con cái dành cho cha mẹ; điều này hoàn toàn phù hợp với đạo lý, văn hóa truyền thống của Việt Nam nên được mọi người tiếp nhận với hướng tích cực.

Các lễ hội trên đều có ý nghĩa tốt đẹp, mang tính đại chúng nên được nhiều người tiếp nhận và tham gia, giúp đời sống văn hóa phong phú, nhiều màu sắc hơn; giao lưu văn hóa và xây dựng mối quan hệ tích cực với các nước bạn, tạo nhiều cơ hội kết nối trong cộng đồng, phát triển kinh tế - xã hội. Với giới trẻ, đây là những dịp họ giải trí, được gặp gỡ nhiều người, học hỏi nhiều điều hay mới lạ, thể hiện bản thân, gắn kết mọi người lại với nhau, góp phần quảng bá đất nước Việt Nam..., cho thấy sự cởi mở, thân thiện và tôn trọng văn hóa lẫn nhau nhưng bản sắc văn hóa và tính dân tộc Việt Nam vẫn vững bền.

Bên cạnh đó, các lễ hội này còn tồn tại nhiều tiêu cực. Một số người tiếp thu nhanh vì sự hiếu kỳ, theo phong trào, bị động, ít chọn lọc, thậm chí lợi dụng để tạo ra những hoạt động không lành mạnh, trái với ý nghĩa tốt đẹp vốn có của lễ hội. Với suy nghĩ và mong muốn thể hiện là người sành điệu - văn minh, ở nước ngoài có thì ở Việt Nam cũng có. Thậm chí cố tình hiểu sai ý nghĩa của lễ hội để “hợp thức hóa” cho những việc làm không phù hợp với giá trị văn hóa như dắt nhau vào nhà nghỉ, khách sạn; ăn nhậu, đua xe mất an ninh trật tự, gây ra những hệ lụy sau này cho xã hội. Âu cũng là bởi do nhận thức sai lệch của một bộ phận người.

### 3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và công tác quản lý

Trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay chưa có văn bản quy định một cách có hệ thống, cụ thể, đầy đủ, rõ ràng cho các hoạt động tổ chức lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài, gây bất cập trong công tác quản lý.

Nghị định số 110/2018/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về quy định về quản lý và tổ chức lễ hội, có nói đến trình tự tiếp nhận đăng ký và thông báo tổ chức các lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài nói chung. Nhưng trên thực tế vì đặc thù, tính chất và quy mô của từng lễ hội khác nhau nên việc áp dụng Nghị định trên và công tác quản lý còn chông chéo, rắc rối. Đối với những lễ hội có quy mô tổ chức lớn, số lượng người tham gia đông, có yếu tố chính trị, tôn giáo, ngoại giao thì công tác tham mưu, xin phép, tổ chức, quản lý được thực hiện theo quy định như Tết Dương lịch, Giáng sinh, lễ hội Hoa Anh Đào. Còn những lễ hội mang tính tự phát, theo trào lưu thị hiếu, nhu cầu như Halloween, lễ Tình Nhân, Ngày của Mẹ, Ngày của Cha... thì chưa có quy định cụ thể, rõ ràng.

Theo thông tin từ Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, từ khi có Nghị định số 110/2018/NĐ-CP cho đến nay, cơ quan này vẫn “chưa nhận được đơn xin cấp phép và chưa bao giờ cấp phép cho các lễ hội này.” (PV. Ông NHH, 2020). Hay “Nếu như các tổ chức xin phép bài bản giống như Nghị định 110 thì lúc đó sẽ xem xét. Nhưng thực tế thì chưa có ai đề cập đến vấn đề này.” (ông TTV, 2020). Các đơn vị tổ chức các sự kiện này chỉ phải xin phép khi có quảng cáo, có bán vé kinh doanh, tổ chức nơi công cộng với quy mô lớn (khoảng từ 500 người trở lên) và nằm trong kế hoạch hoạt động thường niên.

Nếu tổ chức trong nhà, khách sạn, hoặc nội khu của họ thì cơ quan nhà nước cũng không thể có ý kiến, vì họ được phép thực hiện theo Nghị định số 87-CP ngày 12/12/1995. Còn cá nhân người dân tham gia vui chơi giải trí trong các dịp lễ hội là do nhu cầu của họ, tự phát nên không thể ràng buộc họ bằng việc thực hiện xin phép theo thủ tục hành chính. Cho nên rất khó trong việc quản lý bằng văn bản cho những hoạt động văn hóa nghệ thuật nhỏ lẻ trong dịp lễ hội du nhập này.

Trường hợp các hoạt động của các nhà thờ, xóm đạo trong dịp lễ Giáng sinh là hoạt động thường niên của tôn giáo được xin phép theo đúng quy định của nhà nước: Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016, Nghị định số 162/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, đó là quản lý được trong khuôn khổ của nhà thờ và các hoạt động chính, còn phần hội được tổ chức tự phát tại những tuyến đường trung tâm thành phố, những quán ăn nhà hàng, trung tâm thương mại, quán karaoke... thì chưa có quy định cụ thể vì họ thực hiện theo quy định, tiêu chí mà họ đã đăng ký khi thành lập cơ sở như Luật doanh nghiệp... Điều này hiện đang gây rắc rối, chông chéo trong công tác quản lý, nên cần phải xem lại nhưng yếu tố tiên quyết là đảm bảo an ninh trật tự cho người dân cũng như về mặt tinh thần, tự do tôn giáo, tự do vui chơi.

Liên quan đến tôn giáo là vấn đề nhạy cảm nên hầu như các đơn vị xin tổ chức sự kiện đều không đề cập đến. Theo ông NHH: *“Từ đó đến nay, tham gia quản lý chỉ có một sự kiện lễ hội mang tính chất tôn giáo là “Lễ kỷ niệm 100 năm Tin Lành truyền đến Việt Nam” (2011). Về Noel,... mình chỉ tham gia là tăng cường kiểm tra và bảo vệ an ninh trật tự cho người dân”*. Hơn nữa, tôn giáo, tín ngưỡng, giải trí là nhu cầu tinh thần, quan điểm cá nhân của từng cá thể, họ thấy phù hợp với bản thân và tham gia các hoạt động ấy là hoàn toàn tự nguyện (có thể theo trào lưu), nên không thể cấm họ được vì họ không vi phạm pháp luật Việt Nam.

Những lễ hội đã du nhập vào Việt Nam khá lâu, được cộng đồng thẩm định, chấp nhận qua thời gian và người dân tham gia với quy mô lớn thì được các cơ quan chức năng quan tâm và quản lý, hỗ trợ an ninh trật tự, an toàn giao thông. Đặc biệt chỉ có Tết Dương lịch mới được đưa vào danh mục các hoạt động lễ lớn trong năm và được chính quyền sở tại đứng ra tổ chức nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật để phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí và lồng ghép giáo dục giới trẻ, giới thiệu văn hóa Việt Nam ra bạn bè quốc tế như

lễ hội ẩm thực, chương trình bắn pháo hoa và giao lưu văn hóa nghệ thuật đón Giao thừa - chào mừng năm mới, Countdown... Hầu hết các tỉnh thành trong cả nước đều tổ chức chương trình đón chào năm mới Tết Dương lịch. Theo ông NHH, Sở Văn hóa - Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: *“Từ năm 2008 đến nay, chuỗi hoạt động của lễ hội Thành phố Hồ Chí Minh đón chào năm mới có trang trí đường phố, bắn pháo hoa... Có văn bản chỉ đạo của Thành phố, từ phòng tổ chức Lễ và sự kiện của Sở Văn hóa - Thể thao tham mưu”*. Từ khi Tết Dương lịch được đưa vào quản lý thì các hoạt động được thực hiện có hệ thống, bài bản, chặt chẽ từ trung ương đến địa phương và dần trở thành lễ hội của toàn dân.

Đối với những lễ hội chưa được toàn bộ nhân dân hưởng ứng, chưa đi vào khuôn khổ, giám sát của nhà nước thì nó tồn tại nhiều hạn chế, công tác quản lý còn nhiều khó khăn, lỏng lẻo, sợ trách nhiệm như lễ hội Halloween, lễ Tình nhân... Đây cũng chính là điều khó khăn của cơ quan quản lý vì mỗi lĩnh vực, mỗi cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ và tiêu chí hoạt động khác nhau, khó có thể can thiệp sâu vào được. Như trường hợp các trường học tổ chức lễ hội Halloween cho học sinh vui chơi, nếu chương trình hoạt động phù hợp với tiêu chí quản lý của trường, không bán vé, không có bài hát bị cấm... thì các cơ quan khác không thể can thiệp vào.

Như vậy, phải chăng do nhận thức, quan niệm của người tham gia lễ hội cộng với sự thiếu quản lý chặt chẽ, định hướng của Nhà nước (để nó tự phát), trình độ quản lý non kém của những người làm công tác quản lý cơ sở..., nên các lễ hội này tồn tại nhiều tiêu cực. Vì bản thân các lễ hội không chứa đựng ý nghĩa tiêu cực.

#### **4. Tính tự phát**

Các lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài này du nhập vào Việt Nam theo nhiều con đường khác nhau như các cuộc giao lưu văn hóa với các nước do các cơ quan nhà nước tổ chức, thông tin từ truyền thông - internet, những du khách nước ngoài, những người Việt được đi ra nước ngoài...; dần dần được mọi người tiếp nhận và “bước chân” vào đời sống tinh thần của mọi người, đặc biệt là giới trẻ. Tùy vào quan điểm, nhận thức, nhu cầu của từng cá nhân mà họ đến lễ hội với các hình thức, mức độ khác nhau; có người tham gia hầu hết các lễ hội ấy nhưng có người chỉ tham gia một hoặc hai lễ hội. Họ tới lễ hội

thường chỉ để vui chơi, giải trí, hội họp gia đình - bạn bè,... Để đáp ứng những nhu cầu đó, những cá nhân, đơn vị tổ chức các hoạt động mang yếu tố thương mại như quán ăn, cửa hàng buôn bán, cafe, trung tâm thương mại, các tụ điểm vui chơi giải trí... Hầu hết đều tự phát, chưa có sự định hướng, quản lý chặt chẽ của cơ quan nhà nước các cấp.

Theo quan niệm ở Việt Nam thì lễ hội có hai phần “lễ” và “hội”. Song lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài thực chất chỉ là các sự kiện văn hóa, nó giống như phần “hội” trong quan niệm lễ hội của Việt Nam. Duy chỉ có dịp Giáng sinh là có phần “lễ” được thực hiện theo nghi thức tôn giáo, nên chỉ có tín đồ mới được dự và làm Thánh lễ (xung tội, đọc kinh cầu nguyện, làm các bí tích thanh tẩy, ăn bánh thánh...). Chính vì xem đó là các sự kiện để vui chơi, giải trí, mua sắm, kinh doanh... nên hầu như người dân tham gia ít quan tâm đến các ý nghĩa, giá trị văn hóa của các lễ hội này.

Vì mang tính tự phát nên những đơn vị tổ chức cũng lúng túng, mơ hồ trong việc truyền tải thông điệp ý nghĩa văn hóa của các lễ hội này, các chương trình lễ hội cũng chưa được thẩm định, kiểm duyệt, tập huấn. Một số đơn vị tổ chức quan tâm đến ý nghĩa, giá trị văn hóa từ các lễ hội này thì họ lồng ghép vào trong các hoạt động, giao lưu văn hóa có chọn lọc, mang tính giáo dục. Từ đó, người tham gia hiểu, tiếp nhận chọn lọc và thể hiện những ý nghĩa tốt đẹp qua các hành động có văn hóa, văn minh và nhân văn. Ngoài ra, vẫn có một số đơn vị tổ chức chủ yếu vì mục đích thương mại, ít quan tâm đến giá trị văn hóa. Một số tiêu cực xảy ra như: tăng giá các dịch vụ, mất an ninh trật tự, nhiều rác thải từ những vật dụng trang trí, hóa trang phản cảm, lãng phí tiền bạc, là cái cớ để các bạn trẻ đưa nhau vào nhà nghỉ - khách sạn... Đó là tính hai mặt của sự du nhập và phát triển tự phát của các lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài, đặc biệt là khi thiếu sự định hướng của Nhà nước. Vì chưa có sự định hướng, quản lý chặt chẽ của Nhà nước, sự tiếp nhận các lễ hội chưa thật sự đúng tiêu chí, nguyên tắc phát triển văn hóa của Đề cương Văn hóa. Đôi khi làm “mờ” *tính dân tộc* khi quá đề cao, hướng ngoại. Hầu hết các lễ hội du nhập từ nước ngoài đều là tự phát (chỉ có Lễ Giáng sinh được xin phép tổ chức trong phạm vi của Nhà thờ) nên công tác quản lý không thể thực hiện đồng bộ. Hơn nữa, hiện nay mọi người tiếp nhận theo hiệu ứng đám đông, a dua, trào lưu, đua đòi, đặc biệt là một bộ phận giới trẻ. Tâm lý sống “ảo”, thể hiện sành điệu, khoe khoang trên mạng xã hội cũng góp phần làm tăng số

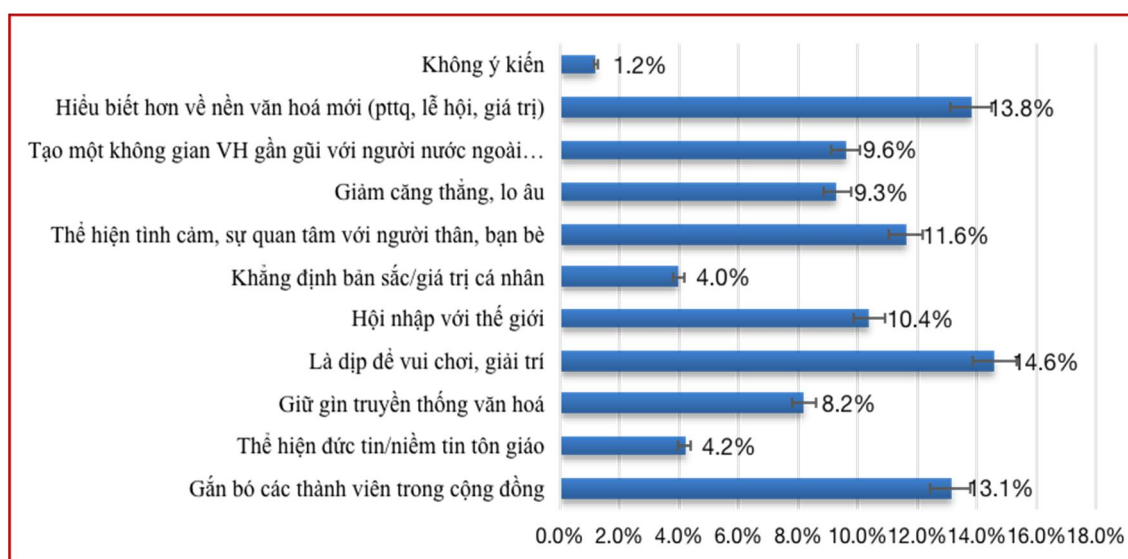


lượng người tham gia các lễ hội này mà không biết được ý nghĩa, giá trị thực sự của nó.

### 5. Ý nghĩa của các lễ hội bị thay đổi, biến dạng

Các lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài có những ý nghĩa nhất định trong đời sống văn hóa, xã hội nước ta khi tiếp nhận nó. Nó giúp đời sống văn hóa người dân ngày càng phong phú, được tiếp xúc với nhiều nét văn hóa mới lạ; tạo nhiều cơ hội cho cộng đồng được kết nối xa, rộng hơn, phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng mối quan hệ tích cực với các nước trên thế giới. Có những hoạt động lễ hội được tổ chức tại các đơn vị, công ty nhỏ lẻ, tạo không khí vui vẻ để nhân viên trong công ty trao đổi, gần gũi với nhau nhiều hơn.

#### ***Biểu đồ 1: Việc tham gia vào các hoạt động lễ hội nước ngoài với ý nghĩa***



Nguồn: Kết quả điều tra xã hội học về “Giải pháp quản lý lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài ở Việt Nam”, 2020.

Qua kết quả điều tra có thể khẳng định, lễ hội du nhập đã trở thành phần văn hóa của đời sống cộng đồng, tồn tại cùng với văn hóa truyền thống và cần thiết, không thể thiếu trong quá trình hội nhập kinh tế, văn hóa với thế giới.

Nhiều lễ hội từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam đã thay đổi ý nghĩa nguyên bản, mang tính đại chúng cao. Người Việt tiếp nhận, tham gia hầu như không quan tâm ý nghĩa thực sự của những lễ hội trên là như thế nào,

chỉ cần thấy vui, thỏa mãn nhu cầu của bản thân là được; thậm chí làm biến đổi để phù hợp với mình. Đôi khi làm méo mó ý nghĩa tốt đẹp, nhân văn vốn có của các lễ hội ấy mà trở thành dịp hưởng thụ, khoe mẽ, sống nhanh, sống vội, lợi dụng dịp này đã thực hiện những hành vi không đúng với thuần phong mỹ tục Việt Nam, đôi khi để lại hậu quả nghiêm trọng cho xã hội.

Với lễ Giáng sinh thì các hoạt động của phần lễ chủ yếu tổ chức trong nhà thờ, xóm đạo; ý nghĩa thực sự thì hầu như chỉ có những tín đồ mới nắm được, còn đại bộ phận giới trẻ là theo trào lưu phong trào, tham gia hoạt động đường phố để hện hò, vui chơi giải trí là phần *hội*. Theo đó, một số nhãn hàng ăn theo, thông qua đó tổ chức các hoạt động, sự kiện để quảng bá sản phẩm, đơn vị của họ. Vì vậy, nếu không khéo thì trong quá trình giao lưu văn hóa tại các sự kiện trên, có thể do không am hiểu được phong tục tập quán và tín ngưỡng, tôn giáo sẽ dễ dẫn đến những vấn đề xung đột về văn hóa.

Những người trẻ tham gia nhiệt tình, hào hứng vì ưa thích những hoạt động lạ nên việc họ tiếp nhận những xu hướng mới là bình thường. Tuy nhiên, khi quá nhiều lễ hội du nhập vào thì làm “*loãng*” không gian văn hóa, khiến các lễ hội truyền thống bị phai nhạt nhiều và ít đón nhận hơn, *tính dân tộc* bị ảnh hưởng. Giới trẻ sẽ hứng thú với những lễ hội du nhập vì được tự do, được thể hiện mình trong khi lễ hội truyền thống có những quy chuẩn nhất định bắt buộc con người ta phải gò ép mình tuân thủ. Việc tiếp nhận các lễ hội nước ngoài rất nhanh vì ý nghĩa mờ nhạt, không đặc trưng nên mức độ thấu hiểu về lễ hội đó rất ít, và nó chỉ dừng lại ở mức “trào lưu”. Vì vậy nên chớ chỉ chọn lọc những lễ hội thật sự có ý nghĩa và quan trọng, phù hợp với người Việt Nam để tổ chức với quy mô lớn như Giáng Sinh, tết Dương lịch. Nên tổ chức định kỳ với những chủ đề cụ thể, có ý nghĩa, có thông điệp cụ thể để mang đến những điều hữu ích cho công chúng.

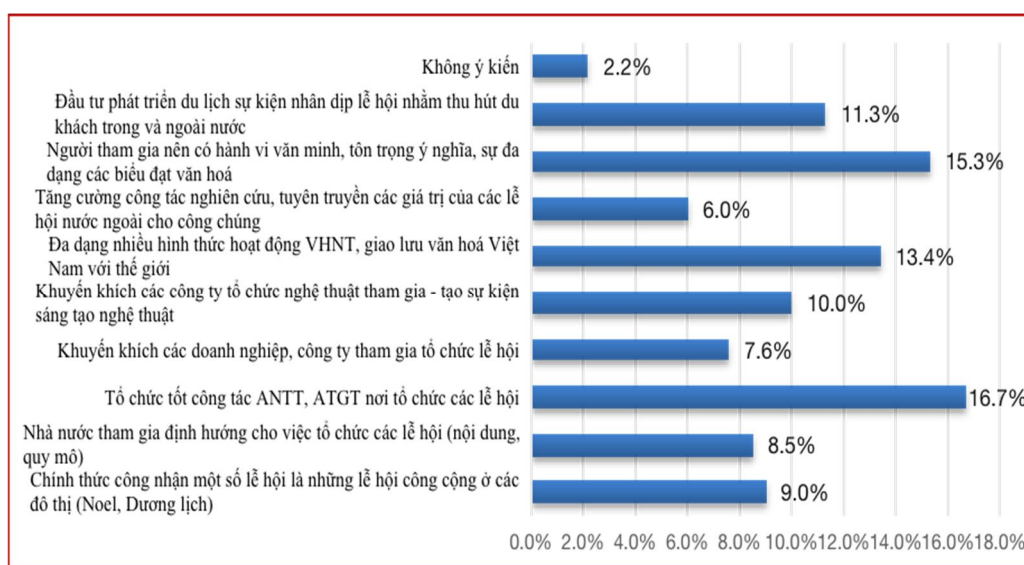
## 6. Một số giải pháp

Dựa vào kết quả khảo sát của đề tài khoa học “*Giải pháp quản lý lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài ở Việt Nam hiện nay*”, chúng tôi đề xuất một số giải pháp.

Chú trọng công tác quản lý của các cấp, thực hiện đúng pháp luật. Rà soát và đề xuất xây dựng văn bản mới để đáp ứng kịp thời công tác quản lý trong

thời kỳ mới. Việc cần có luật hoặc văn bản dưới luật để làm chuẩn cho việc tổ chức và xử lý nếu có sai phạm là quan trọng. Đưa ra một khung quy định chung cho cả nước và để cho tự các địa phương linh hoạt áp dụng phù hợp với thực tế của địa phương mình sao cho có hiệu quả mà không trái pháp luật và thuần phong mỹ tục, văn hóa Việt Nam.

**Biểu đồ 2: Một số giải pháp quản lý và công tác tổ chức các lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài ở Việt Nam**



Nguồn: Kết quả điều tra xã hội học về “Giải pháp quản lý lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài ở Việt Nam”, năm 2020.

Tăng cường phối hợp với các Ban, Bộ, ngành trong việc quản lý, thanh tra, tuyên truyền và tổ chức lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài. Nhưng phải làm sao để việc quản lý không chồng chéo, rườm rà, nặng nề bộ máy, không nên hành chính hóa để thực hiện quản lý phù hợp với xu thế, chủ trương chung của Nhà nước là tinh gọn bộ máy.

Chú ý nâng cao nhận thức cho cộng đồng về ý nghĩa, giá trị của từng lễ hội cũng như thái độ, hành vi khi tham gia lễ hội bằng cách phát huy sự lan tỏa sức mạnh của công nghệ thông tin, mạng xã hội.

Vận động xã hội hóa công tác tổ chức các hoạt động lễ hội dưới sự giám sát của nhà nước và phải lưu ý yếu tố chính trị, tôn giáo, văn hóa... như có thể định hướng đến những đơn vị có liên quan để họ cho công chúng hiểu thêm về

ý nghĩa của những lễ hội này; để tránh tình trạng đồng hóa tự nguyện, kẻ xấu trục lợi hoặc có mưu đồ bất chính khi mà các lễ hội này còn nhiều khe hở.

\*

\*      \*

Các lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam được nhiều người tiếp thu và tham gia nhiệt tình, đặc biệt là giới trẻ. Cũng như các lễ hội khác, các lễ hội này đã và đang định hình vai trò của nó trong đời sống văn hóa của người dân ở các đô thị và đã tác động không nhỏ đến kinh tế (tạo nguồn thu nhập, kích thích mua sắm, tạo việc làm, phát triển kinh tế), văn hóa (tiếp nhận những giá trị văn hóa mới, hòa nhập vào toàn cầu hóa, xác lập bản sắc sống động cho đời sống đô thị) và xã hội (gắn kết cộng đồng và nâng cao chất lượng sống đô thị..) cho cộng đồng trong hơn chục năm gần đây. Phù hợp với mục tiêu của Đề cương Văn hóa đề ra và vận dụng ngày càng mềm dẻo, linh hoạt, khai phóng để phát triển đất nước trong thời đại toàn cầu hóa. Tuy nhiên, còn một số hạn chế khi các lễ hội này du nhập vào nước ta nên cần có sự chung tay của nhà nước cùng với nhân dân để tiếp nhận theo hướng tích cực nhất cho cộng đồng, xã hội; nhằm tạo động lực, phát huy giá trị Đề cương Văn hóa năm 1943 để phát triển văn hóa nước nhà theo hướng bền vững trong bối cảnh hiện nay.

## NHÌN LẠI TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”

TS. TRẦN THỊ THÚY\*

Tháng 2/1943, Ban Thường vụ Trung ương tổ chức hội nghị tại địa điểm thôn Võng La thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên (nay là xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) đã thông qua văn kiện *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo. Đây là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng trình bày khái quát về quan điểm, đường lối thực hiện cách mạng văn hóa và xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam. Sau đó, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được công bố toàn văn công khai trên Tạp chí *Tiên Phong* số 1 ra ngày 10/11/1945 - Cơ quan vận động văn hóa mới thuộc Hội Văn hóa Cứu quốc Việt Nam với chủ trương “Khoa học, đại chúng, dân tộc”.

Trải qua 80 năm, từ khi bản Đề cương ra đời, tư tưởng thực hiện cách mạng văn hóa và xây dựng nền văn hóa Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày vẫn dành được sự quan tâm đặc biệt của các nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa trong nước. Đã có hàng trăm công trình nghiên cứu công bố dưới hình thức sách, bài tạp chí nghiên cứu, tham luận hội thảo khoa học, đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau liên quan đến nội dung của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Hiếm có văn kiện nào của Đảng được tổ chức nhiều cuộc hội thảo bàn luận như *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Chỉ tính từ năm 1983 trở lại đây đã có ít nhất 6 cuộc Hội thảo khoa học quy mô được tổ chức (nhân dịp kỷ niệm 40 năm, 50 năm, 60 năm, 70 năm, 75 năm và 80 năm ngày Đề cương ra đời).

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

Điều này cho thấy rằng, văn kiện *Đề cương về văn hóa Việt Nam* có sức ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực lý luận, quan điểm đường lối của Đảng và sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa của Việt Nam ở các thời kỳ lịch sử.

Qua tìm hiểu nội dung các bài viết, tôi thấy có 5 nhóm vấn đề chính được các nhà nghiên cứu Việt Nam quan tâm.

*Thứ nhất, là vấn đề xác định bối cảnh và nguyên nhân ra đời của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”.*

Một số nhà nghiên cứu, trong đó có tác giả Phan Trọng Thuởng cho rằng văn kiện này chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi tư tưởng lý luận văn nghệ mácxít từ thời kỳ mặt trận dân chủ<sup>1</sup>. Tác giả Phạm Đức Dương cũng có quan điểm tương đồng khi cho rằng Đề cương là một công trình lý luận được đúc rút từ thực tiễn quá trình tiếp xúc giữa văn hóa Việt Nam với chủ nghĩa Mác<sup>2</sup>. Theo nhà nghiên cứu Phạm Mai Hùng, nguyên nhân ra đời của văn kiện Đề cương văn hóa trước hết là nhằm đáp ứng yêu cầu tập hợp đội ngũ trí thức để chống phát xít Nhật và thực dân Pháp; thức tỉnh những trí thức, văn nghệ sĩ đang bị quan, dao động mất phương hướng trước sự chia rẽ quan điểm về đấu tranh cách mạng để họ thấy được vai trò của mình là lực lượng xung kích tham gia vào mặt trận văn hóa - tư tưởng, tập hợp trong Hội Cứu quốc Văn hóa, lên tiếng chống lại quan điểm cực đoan của những người theo phái Trotsky, để rồi tham gia mặt trận chống phát xít, với nhiệm vụ chống lại chính sách văn hóa phát xít của cả Nhật và Pháp<sup>3</sup>. Nguyễn Cương đã có bài viết phân tích làm rõ bối cảnh xung đột quan điểm chống phát xít của những người theo chủ nghĩa Mác và cho biết vấn đề chống lại quan điểm của những người theo Tờrốtkit có ảnh hưởng đến đề cương Văn hóa Việt Nam<sup>4</sup>.

---

1. Xem Phan Trọng Thuởng: “Sự phát triển của tư tưởng lý luận văn nghệ mácxít từ thời kỳ Mặt trận dân chủ đến Đề cương văn hóa Việt Nam (1943)”, Viện Văn học, 1993, tạp chí *Văn học*, số 6 (264).

2. Xem Phạm Đức Dương: “Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 (Tiếp cận góc độ tiếp xúc giữa văn hóa Việt Nam với chủ nghĩa Mác)”, in trong *Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 - Những giá trị tư tưởng - văn hóa*, Viện Văn hóa Thông tin và Văn phòng Bộ Văn hóa - Thông tin, 2003, tr.118-138.

3. Xem Phạm Mai Hùng: “Bối cảnh ra đời và ý nghĩa của Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943”, tạp chí *Di sản văn hóa*, số 4, (2003), tr.6-9.

4. Nguyễn Cương: “Xung quanh vấn đề chống Tờrốtkit trong Đề cương văn hóa Việt Nam”, in trong *Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 - Những giá trị tư tưởng - văn hóa*, *Sđd*, tr.97-107.

Một số tác giả lý giải hoàn cảnh ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* xuất phát từ thực tiễn của văn hóa, văn nghệ Việt Nam lúc bấy giờ, đó là sự xuất hiện những quan điểm đấu tranh về văn hóa, tư tưởng, buộc các văn nghệ sĩ tự thấy phải có sự dấn thân, khẳng định vai trò của mình tham gia vào cuộc cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc.

Trong một bài viết tham luận nhân dịp kỷ niệm 50 năm ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, tác giả Hà Xuân Trường có lưu ý đến một lý do trực tiếp dẫn đến sự ra đời của Đề cương là sau khi Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh được thành lập và Thường vụ Trung ương Đảng họp ngày 25/3/1943 đã ra quyết định cần phải cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, để gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa phát xít Nhật, đặc biệt là tại những đô thị trung tâm văn hóa như Hà Nội, Sài Gòn, Huế... phải gây ra những tổ chức văn hóa cứu quốc và dùng những hình thức công khai đoàn kết các nhà văn hóa, trí thức tham gia<sup>1</sup>. Thời điểm xuất hiện của Đề cương sau Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng họp ngày 25/3/1943 mà tác giả Hà Xuân Trường dẫn chứng có sự mâu thuẫn với một số tài liệu của Đảng khẳng định Đề cương được thông qua là vào tháng 2/1943 tại cuộc họp của Thường vụ Trung ương Đảng ở Võng La, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên<sup>2</sup>.

Theo giải thích của Lê Quang Đạo, có 3 nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* trước hết là do chính quyền phát xít Nhật và thực dân Pháp huy động tất cả các phương tiện thông tin, tổ chức các hoạt động văn hóa để lôi kéo nhân dân Việt Nam tham gia học thuyết “Đại Đông Á” đánh lạc hướng những người yêu nước; tiếp đó là sự bế tắc của văn học, nghệ thuật hợp pháp vào những năm cuối thập niên 30 của thế kỷ XX như các nhóm văn nghệ sĩ của “Tự lực văn đoàn”, “Tiểu thuyết thứ bảy”, “Xuân thu nhã tập” rơi vào chủ nghĩa khoái lạc, trừu tượng bí hiểm; và lý do cuối cùng là sự cảm

---

1. Hà Xuân Trường: “Đề cương văn hóa Việt Nam - năm 1943 trong hành trình văn hóa Việt Nam thế kỷ XX”, in trong *50 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.63-71.

2. Xem *Lịch sử 80 năm ngành Tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2010)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.46.

thấy “ngọt ngào”, “không lối thoát” của các văn nghệ sĩ tiến bộ (như Nguyễn Hồng, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Tô Hoài, Nam Cao...) khi bị chính quyền kiểm duyệt nghiêm ngặt đối với các tác phẩm hiện thực phê phán của họ. Những nguyên nhân này khiến cho các trí thức, văn nghệ sĩ yêu nước muốn tìm lối thoát, cống hiến sức lực của mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc<sup>1</sup>.

Phân tích thêm về tác động tiêu cực của văn hóa phát xít đối với đời sống văn hóa, nghệ thuật Việt Nam ở thời điểm *Đề cương về văn hóa Việt Nam* xuất hiện, Nguyễn Đình Thi đã có bài viết chỉ ra rằng, những kẻ thống trị phát xít đã dùng phương sách tuyên truyền đánh lạc tinh thần quốc gia để người Việt Nam thỏa hiệp, cần đến sự dìu dắt của chính quyền thực dân; đánh lạc những khuynh hướng cấp tiến bằng cách thao túng một số nhà văn, nhà báo trình bày về một chủ nghĩa xã hội sai lạc; đưa lạc văn hóa ra ngoài chính trị với phong trào biên khảo thuần túy để nhân dân quên những vấn đề thực tế và kiểm duyệt những tác phẩm, sáng tác, sách báo phản ánh thực tế<sup>2</sup>.

Trong diễn văn nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của *Đề cương về cách mạng văn hóa Việt Nam*, ngày 27/12/1983, đồng chí Trường Chinh đã có sự giải thích về bối cảnh ra đời của văn kiện do chính tác giả soạn thảo. *Đề cương* ra đời trong hoàn cảnh xuất hiện cơ hội tổng khởi nghĩa giành độc lập dân tộc, nếu Nhật và Pháp nảy sinh xung đột. Để huy động được mọi lực lượng tham gia giải phóng dân tộc lúc đó, Đảng đã thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, thành lập Mặt trận Việt Minh, kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ tham gia cứu quốc. Với *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Đảng vạch rõ nhiệm vụ của giới trí thức, văn nghệ sĩ là phải tham gia cách mạng văn hóa, một bộ phận cấu thành cách mạng dân tộc, dân chủ.

Bên cạnh đó, Đảng cũng nhận thấy chính sách văn hóa của phát xít Nhật, Pháp đối với nhân dân Việt Nam đang tạo ra sự phân hóa trong các tầng lớp

---

1. Lê Quang Đạo: “Nhớ lại truyền đạt bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ở Hà Nội”, in trong *Một chặng đường văn hóa: Hồi ức và tư liệu về việc tiếp nhận Đề cương Văn hóa (1943) của Đảng*, Nxb. Tác phẩm mới - Hội Nhà văn Việt Nam, 1985, tr.37-43.

2. Nguyễn Đình Thi: “Xét qua văn hóa Việt Nam trong sáu năm chiến tranh 1939-1945”, đăng trên Tạp chí *Tiên Phong*, số 1, ngày 10/11/1945, in trong *Một chặng đường văn hóa: Hồi ức và tư liệu về việc tiếp nhận Đề cương Văn hóa (1943) của Đảng*, *Sđđ*, tr.174-187.



trí thức, có một số trí thức đã không nhận ra tiền đồ của đất nước và trách nhiệm của bản thân. Vì vậy, Đảng đưa ra Đề cương là để thức tỉnh những trí thức để hướng họ vào con đường vẻ vang của cách mạng.

Cũng theo tác giả Trường Chinh, Đảng chủ trương đoàn kết đội ngũ những người hoạt động văn hóa là bởi vì nhận thấy văn hóa là lĩnh vực phản ánh toàn bộ đời sống xã hội vào ý thức con người, thể hiện phong phú trên các mặt tư tưởng, học thuật và nghệ thuật, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển xã hội<sup>1</sup>.

Như vậy, có thể thấy rằng bối cảnh ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Các nguyên nhân khách quan là do chính sách “phản động” của chính quyền phát xít Nhật và thực dân Pháp áp đặt lên đời sống văn hóa của nhân dân Việt Nam, trong đó có tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ dẫn đến sự bế tắc của họ về mặt tư tưởng. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác ngày càng thấm dần và lan rộng trong các tầng lớp xã hội Việt Nam, đặc biệt kể từ khi Mặt trận bình dân Pháp lên nắm chính quyền ở Pháp thời kỳ 1936-1938 đã có ảnh hưởng tích cực đến phong trào dân chủ Đông Dương. Về nguyên nhân chủ quan, Đảng đã có sự chuẩn bị tích cực cho phong trào đấu tranh dân tộc, dân chủ; khi dự báo được tình hình, chủ động mở ra mặt trận đấu tranh về văn hóa, tư tưởng (cùng với mặt trận chính trị và mặt trận kinh tế) tập hợp lực lượng trí thức, văn nghệ sĩ tham gia giải phóng dân tộc. Chính vì vậy, sự ra đời của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã đáp ứng được yêu cầu nhận thức và thực tiễn lúc bấy giờ, phát huy được hiệu quả công tác chỉ đạo phong trào, huy động được đông đảo tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ tham gia mặt trận văn hóa cứu quốc.

*Thứ hai, là các nghiên cứu đã phân tích làm rõ được những nội dung chính của bản Đề cương, đặc biệt là các quan điểm, đường lối về cách mạng văn hóa, xây dựng nền văn hóa Việt Nam.*

Trong bài phát biểu nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh đã tổng kết rằng *Đề cương về*

---

1. Trường Chinh: Diễn văn nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của Đề cương về cách mạng văn hóa Việt Nam, ngày 27/12/1983.

*văn hóa Việt Nam* mặc dù có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Trung ương Đảng chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam. Ví dụ, cách mạng tư tưởng đề ra còn quá sơ sài, vấn đề xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa được đề cập tới... Nhưng đề cương đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam<sup>1</sup>. Căn cứ vào nội dung của Đề cương, tác giả Trường Chinh cho rằng nên đặt tên văn kiện này là Đề cương về cách mạng tư tưởng và văn hóa Việt Nam sẽ chính xác hơn.

Một số nhà nghiên cứu, trong đó có tác giả Đặng Xuân Kỳ nhận xét Đề cương giống như một chương trình hay cương lĩnh hành động về văn hóa, vì nó đã chỉ rõ mục tiêu trước mắt, những công việc phải làm, cách vận động giới văn hóa, văn nghệ, các hình thức tổ chức hoạt động và đấu tranh...<sup>2</sup>.

Khi phân tích đánh giá về một số nội dung cơ bản nêu trong bản Đề cương, đa số các nhà nghiên cứu tâm đắc với các nguyên tắc thực hiện cách mạng văn hóa và xây dựng nền văn hóa là “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”. Các tác giả như Nguyễn Hồng Hà<sup>3</sup>, Phạm Quang Long<sup>4</sup> có bài viết bàn về 3 nguyên tắc vận động văn hóa (“dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa”) và việc xây dựng nền văn hóa mới. Tác giả Đặng Việt Bích có bài viết bàn riêng về nguyên tắc “đại chúng hóa”<sup>5</sup>.

Ngoài các nghiên cứu bàn về những nguyên tắc vận động văn hóa, một số tác giả quan tâm đến những khía cạnh nội dung cơ bản của Đề cương như tác giả Học Phi có bài viết đề cập đến vai trò lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa,

---

1. Xem Trường Chinh: *Tlđđ*, tr.12.

2. Đặng Xuân Kỳ: “Đề cương văn hóa Việt Nam” - Cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng”, in trong Đỗ Thị Minh Thúy (chủ biên): *60 năm Đề cương văn hóa với văn hóa và phát triển ở Việt Nam hôm nay*, Viện Văn hóa và Nxb. Văn hóa - Thông tin, 2003, tr.35-46.

3. Xem Nguyễn Hồng Hà: “Ba nguyên tắc vận động văn hóa và việc xây dựng nền văn hóa mới”.

4. Xem Phạm Quang Long: “Những nguyên tắc lớn về một nền văn hóa Việt Nam mới của Đề cương văn hóa 1943”, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học 60 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2003)*, Viện Văn hóa Thông tin, 2004, tr.285-328.

5. Xem Đặng Việt Bích: “Nguyên tắc Đại chúng hóa”, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học “60 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2003)”*, *Sđđ*, tr.79-87.

văn nghệ<sup>1</sup>. Tác giả Vũ Thị Thu Lan phân tích mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng văn hóa với cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tác giả Hồ Sĩ Vịnh chú ý đến mối quan hệ giữa “chống” và “xây” để phát triển văn hóa dân tộc trong Đề cương về văn hóa năm 1943. Hay tác giả Thành Duy có bài viết chứng minh tính dân tộc hiện đại như là một nội dung cốt yếu của văn học nghệ thuật cách mạng, bắt nguồn từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam*<sup>2</sup>...

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu đánh giá cao thế giới quan khoa học, giá trị lý luận và giá trị thực tiễn của Đề cương khi đề ra các quan điểm, đường lối đúng đắn để lãnh đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới (Đỗ Thị Minh Thúy, 2003<sup>3</sup>; Nguyễn Khắc Khanh, 2004...).

*Thứ ba, là các nghiên cứu đã chỉ rõ sự ảnh hưởng mạnh mẽ của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đối với các tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ.*

Thông qua các tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật do những văn nghệ sĩ chịu ảnh hưởng bởi đường lối của Đảng, một nền văn học nghệ thuật mới đã được hình thành.

Các bài viết của các văn nghệ sĩ nổi tiếng đương thời được công bố dưới dạng hồi ký đã thể hiện sự thừa nhận rằng họ chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ và tích cực của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Sự ảnh hưởng đó đã thúc đẩy họ quyết định lựa chọn đi theo con đường cách mạng giải phóng dân tộc, sử dụng vũ khí là ngòi bút để chiến đấu trên mặt trận văn hóa.

Trong cuốn sách *Một chặng đường văn hóa: Hồi ức và tư liệu về việc tiếp nhận Đề cương văn hóa (1943) của Đảng* do Nhà xuất bản Tác phẩm mới - Hội Nhà văn Việt Nam xuất bản năm 1985, nhiều tác giả (như Đặng Thai Mai,

1. Xem Học Phi: “Văn hóa văn nghệ và sự lãnh đạo của Đảng (nhân kỷ niệm 50 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam)”, Báo *Văn nghệ*, số 1726, ngày 30/1/1993, tr.3-42, in trong *50 mươi năm Đề cương Văn hóa Việt Nam*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Hà Nội, 1993.

2. Xem Thành Duy: “Tính dân tộc hiện đại, một nội dung cốt yếu của văn học nghệ thuật cách mạng, bắt nguồn từ Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943”, in trong Đỗ Thị Minh Thúy (chủ biên): *60 năm Đề cương văn hóa với văn hóa và phát triển ở Việt Nam hôm nay*, *Sđd*, tr.371-386.

3. Xem Đỗ Thị Minh Thủy: “Giá trị lịch sử, lý luận và thực tiễn của Đề cương văn hóa Việt Nam (1943)”, in trong *60 năm Đề cương văn hóa với văn hóa và phát triển ở Việt Nam hôm nay*, *Sđd*, tr.25-34.

Nguyễn Đình Thi, Như Phong, Kim Lân, Hoàng Trung Thông, Trần Độ, Văn Cao, Học Phi, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh, Đinh Gia Trinh, Nguyễn Huy Tưởng, Văn Tân, Hồng Linh...) là những nhà nghiên cứu, nhà lý luận phê bình, nhà văn, nhà thơ, nhà sử học,.. đã trình bày suy nghĩ và cảm xúc của mình khi lần đầu tiếp nhận bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng.

Các tác giả cho rằng những quan điểm, đường lối về cách mạng văn hóa Việt Nam trong văn kiện này đã thức tỉnh họ, giúp họ xác định rõ hơn vai trò của mình đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng giành độc lập, tự do cho dân tộc. Họ đã tham gia cổ vũ cho tư tưởng mácxít, phản bác lại các quan điểm có hại cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thúc đẩy xây dựng nền văn học, nghệ thuật cách mạng.

Những văn nghệ sĩ ấy có lập trường kiên định chống lại sự áp bức, bóc lột của chế độ thực dân và phát xít. Họ tham gia nhiệt tình phong trào Mặt trận Việt Minh, Hội Văn hóa cứu quốc, truyền bá quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa được trình bày trong bản *Đề cương* đến các tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là những người trí thức, văn nghệ sĩ, học sinh, sinh viên,...

Nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật nổi tiếng thời kỳ này được coi là biểu tượng cho văn học, nghệ thuật cách mạng đã ra đời do những văn nghệ sĩ yêu nước đi theo đường lối *Đề cương* văn hóa của Đảng sáng tác như “Tiến quân ca” của Văn Cao, “Diệt phát xít” của Nguyễn Đình Thi,...

Trên cơ sở nhận thức từ bản *Đề cương* văn hóa, nhiều nghệ sĩ đã chuyển hóa về tư tưởng, tham gia các bài viết chống lại các quan điểm, tư tưởng sai trái của một số nhà văn (Như Phong, 1945<sup>1</sup>, 1984<sup>2</sup>...); cổ vũ tinh thần những người làm văn nghệ với cuộc chiến đấu hiện thời của dân tộc (Nguyễn Đình Thi, 1945<sup>3</sup>); khẳng định bước tiến mới của văn hóa Việt Nam (Đinh Gia Trinh, 1945<sup>4</sup>); phân tích làm rõ bước tiến chuyển mạnh mẽ của văn học Việt Nam

---

1. Như Phong: “Nhiệm vụ chống của các nhà văn lúc này”, Tạp chí *Tiên phong*, số 1 (tái bản), ngày 10/11/1945.

2. Như Phong: “Chúng tôi tiếp thu bản *Đề cương* Văn hóa Việt Nam”, Tạp chí *Văn học*, số 1, 1984, tr.31-38.

3. Nguyễn Đình Thi: “Văn nghệ với cuộc chiến đấu hiện thời của dân tộc”, Tạp chí *Tiên phong*, số 1 (tái bản), ngày 10/11/1945.

4. Đinh Gia Trinh: “Bước tiến mới của văn hóa Việt Nam”, Báo *Dư luận*, số 1, ngày 18/4/1946.

hiện đại dưới ảnh hưởng của đường lối cách mạng văn hóa (Phan Ngọc, 1945<sup>1</sup>; xác định rõ hơn tính chất của văn hóa Việt Nam (Hoài Thanh, 1946<sup>2</sup>); làm rõ vai trò của văn nghệ sĩ trên chiến trường văn hóa (Văn Tân, 1946<sup>3</sup>); khẳng định tính đúng đắn của nguyên tắc “đại chúng hóa” văn nghệ (Nguyễn Huy Tưởng, 1946<sup>4</sup>).

Theo đánh giá của nhà nghiên cứu Đào Anh San, Đề cương về văn hóa Việt Nam có tác động lớn đến xu hướng lựa chọn sáng tác chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa của một số nhà văn hiện thực phê phán<sup>5</sup>.

Trong bài viết đăng trên Báo Văn nghệ số 2 năm 1984, Hà Minh Đức đã chứng minh Đề cương văn hóa Việt Nam có sức ảnh hưởng đến bước phát triển tư duy sáng tác của các nhà văn đương thời<sup>6</sup>.

Cũng theo đánh giá của Hoàng Sơn Cường, mối quan hệ giữa *Đề cương về văn hóa Việt Nam* với đội ngũ trí thức dân tộc là hết sức rõ ràng. Văn kiện này đã tạo ra động lực để họ thay đổi lập trường tư tưởng<sup>7</sup>.

Đọc bài phân tích rất sâu sắc của tác giả Lê Như Hoa, người ta thấy sự ảnh hưởng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đối với văn nghệ sĩ cùng thời, cũng như tạo ra một nền văn học nghệ thuật mới<sup>8</sup>.

Trong bài viết có tên “Đề cương văn hóa năm 1943 - Một niên biểu văn hiến dân tộc”, tác giả Hồ Sỹ Vịnh đã dẫn ra rất nhiều ví dụ minh chứng cho

1. Phan Ngọc: “Sự tiến chuyển của văn học Việt Nam hiện đại”, Tạp chí *Tiên phong*, số 3, ngày 16/12/1945.

2. Hoài Thanh: “Tính chất của văn hóa Việt Nam”, Tạp chí *Tiên phong*, số 9, ngày 16/4/1946.

3. Văn Tân: “Trên chiến trường văn hóa”, Báo *Cái quốc*, số 411 và 412, ngày 20-21/11/1946.

4. Nguyễn Huy Tưởng: “Vấn đề đại chúng hóa văn nghệ”, Tạp chí *Tiên phong*, số 13, ngày 16/6/1946.

5. Đào Anh San: “Đề cương văn hóa Việt Nam và con đường đi tới chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa của một số nhà văn hiện thực phê phán”, in trong *Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Nxb. Sự Thật, 1985, tr.141-153.

6. Hà Minh Đức: “Đề cương Văn hóa Việt Nam và bước phát triển mới của các nhà văn đương thời”, Báo *Văn nghệ*, số 2 (1053), ngày 7/1/1984, tr.3.

7. Xem Hoàng Sơn Cường: “Đội ngũ trí thức dân tộc và bản Đề cương văn hóa Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn học nghệ thuật*, số 115, 1984, tr. 11.

8. Xem Lê Như Hoa: “Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 và ảnh hưởng của nó đối với văn nghệ sĩ cùng thời”, in trong Kỷ yếu hội thảo khoa học “60 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2003)”, *Sđd*, tr.162-179.

sự ảnh hưởng của Đề cương đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật của văn nghệ sĩ sáng tác và tổ chức tập hợp văn nghệ sĩ lúc bấy giờ là “Hội Văn hóa cứu quốc”<sup>1</sup>.

Theo nhà nghiên cứu Vũ Tuấn Anh, văn kiện *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Trường Chinh soạn thảo không chỉ dừng lại ảnh hưởng đối với các nghệ sĩ đương thời mà còn tiếp tục khẳng định vai trò kiến tạo văn hóa trong lịch sử dân tộc<sup>2</sup>...

*Thứ tư, là các nghiên cứu, bài viết đã phản ánh quá trình kế thừa, vận dụng các quan điểm, đường lối của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” vào thực tiễn xây dựng nền văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.*

Khi nghiên cứu về đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trở lại đây, một số nhà nghiên cứu cho rằng Đảng ta đã kế thừa, vận dụng những luận điểm cơ bản được trình bày trong bản Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943. Lý giải về điều này, tác giả Đặng Việt Bích có đưa ra giải thích là do nội dung Đề cương có giá trị định hướng và mang tính khái quát<sup>3</sup>. Tác giả Tạ Văn Thành cũng có quan điểm tương đồng khi mô tả văn kiện này như là một định hướng chiến lược về phát triển văn hóa của Đảng ta<sup>4</sup>.

Nhận xét đối với các luận điểm nêu trong Đề cương về văn hóa Việt Nam, nhà nghiên cứu Đỗ Khánh Tạng đã thừa nhận chúng là nền tảng vững chắc của đường lối văn hóa của Đảng<sup>5</sup>. Tác giả phân tích và chỉ rõ sự liên hệ các quan điểm cơ bản trong Đề cương về văn hóa Việt Nam với Báo cáo của Đảng

---

1. Xem Hồ Sỹ Vịnh: “Đề cương văn hóa năm 1943 - Một niên biểu văn hiến dân tộc”, in trong *60 năm Đề cương văn hóa với văn hóa và phát triển ở Việt Nam hôm nay*, Sđd, tr.79-87.

2. Xem Vũ Tuấn Anh: “Trường Chinh với vai trò kiến tạo văn hóa trên một chặng đường lịch sử”, Viện Văn học, 2007, đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 3 (421).

3. Xem Đặng Việt Bích: “Giá trị định hướng của Đề cương văn hóa 1943”, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, số 115, 1984, tr.11.

4. Xem Tạ Văn Thành: “Đề cương văn hóa Việt Nam một định hướng chiến lược”, Báo *Văn hóa*, số 89 (601), 1995, tr.4.

5. Xem Đỗ Khánh Tạng: “Đề cương Văn hóa Việt Nam là nền tảng vững chắc trong đường lối văn hóa của Đảng”, in trong *60 năm Đề cương văn hóa với văn hóa và phát triển ở Việt Nam hôm nay*, Sđd, tr.89-102.

về “Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam” tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai; nội dung văn kiện trình bày về đường lối văn hóa, văn nghệ trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc; nội dung văn kiện thể hiện quan điểm, đường lối của Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa sau khi thống nhất đất nước và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ra đời trong thời kỳ đổi mới.

Các tác giả Hà Xuân Trường<sup>1</sup>, Phạm Quang Nghị<sup>2</sup>, trong bài viết của mình đã chỉ ra những luận điểm quan trọng của Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 đã được kế thừa và vận dụng trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tác giả Nguyễn Khoa Điềm có nhận xét rằng từ sau khi công bố *Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943*, trải qua 60 năm, Đảng ta đã có nhiều văn kiện quan trọng về văn hóa văn nghệ, phát triển tư duy khoa học của Đề cương về văn hóa Việt Nam, trên cơ sở tổng kết những vấn đề thực tiễn phong phú, hoàn thiện đường lối quan điểm về văn hóa, văn nghệ. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng đã kế thừa những quan điểm trong Đề cương về văn hóa Việt Nam, phát triển những giá trị lý luận lên một tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Theo tác giả Phùng Hưng, nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc được nêu trong bản Đề cương đã được sử dụng như là những luận điểm cốt lõi trong đường lối phát triển nền văn hóa Việt Nam ở các giai đoạn khác nhau<sup>3</sup>.

Hai tác giả Trần Quốc Vượng và Nguyễn Thị Bảy sau khi tìm hiểu sự ảnh hưởng của Đề cương trong diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam giai đoạn 1943-2003, cho rằng từ thời đổi mới (từ 1986 đến nay), Việt Nam luôn phấn đấu xây dựng một nền văn hóa Việt Nam mới “tân dân chủ” (có định hướng

---

1. Xem Hà Xuân Trường: “Từ Đề cương Văn hóa Việt Nam đến Nghị quyết Trung ương về văn hóa”, Tạp chí *Tác phẩm mới*, số 1, 1999, tr. 82-84.

2. Xem Phạm Quang Nghị: “Đề cương văn hóa Việt Nam và công cuộc xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học “60 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2003)”*, *Sđđ*.

3. Xem Phùng Hưng: “Những chặng đường phát triển nền văn hóa Việt Nam có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc”, Tạp chí *Triết học*, số 1, 1984, tr.101-113.

xã hội chủ nghĩa) và “dân tộc” (“đậm đà bản sắc dân tộc”) như Đề cương 1943 đã phác họa; và cùng diễn trình lịch sử, được “đổi mới” về ngôn từ và phát triển về nội dung (từ “dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung” (Đề cương năm 1943) đến “một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức” (nội dung ghi trong Thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam gửi Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II ngày 20/2/1957); tiếp đến là “xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc” (Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII)<sup>1</sup>.

Theo đánh giá của nhà nghiên cứu Dương Viết Á, định hướng dân tộc đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong những văn kiện của Đảng về văn hóa, văn nghệ. Tuy nhiên, tính dân tộc không phải là “nhất thành”, “bất biến” mà đã được chỉnh lý, bổ sung trong cả tiến trình lịch sử về sau. Ví như luận điểm về “dân tộc hóa”, trong Đề cương viết rằng: Văn hóa Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung. Mười bốn năm sau, trong thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng gửi Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần II, luận điểm đó được trình bày thành cặp phạm trù “xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và hình thức dân tộc”. Mười năm sau đó, về “hình thức dân tộc” lại được đổi thành tính chất dân tộc, nhằm nhấn rõ hơn giá trị nội dung của phạm trù dân tộc trong văn hóa. Sau 48 năm, đến văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991), luận điểm mới nhất về vấn đề này được trình bày là “xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Ở đây không chỉ thay đổi về mặt ngôn từ mà thực chất là kết quả của một quá trình tìm tòi, sự đúc kết thực tiễn và lý luận đi tới chân lý về văn hóa dân tộc<sup>2</sup>.

Tác giả Nguyễn Thị Chiến cũng có nhận xét tương tự như Dương Viết Á thể hiện trong bài viết công bố với tên “Sức sống của Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943” đăng trên Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật số 1 năm 1994.

Ở một khía cạnh tìm hiểu về sự vận dụng đường lối nêu trong Đề cương văn hóa Việt Nam, tác giả Nguyễn Duy Bắc nhận thấy rằng định hướng

---

1. Xem Trần Quốc Vượng - Nguyễn Thị Bửu: “Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 và diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam 60 năm qua (1943-2003)”, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học “60 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2003)”*, *Sđđ*, tr.520-526.

2. Dương Viết Á: “Về tiến trình định hướng văn hóa nghệ thuật của Đảng”, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học “60 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2003)”*, *Sđđ*, tr.48-53.



phát triển nền văn hóa mới Việt Nam theo phương châm “đại chúng hóa” đã được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960), Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (1976), Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (1982)... phát triển thành định hướng xây dựng và phát triển nền văn hóa có tính nhân dân sâu sắc. Và nội dung xây dựng đời sống văn hóa đại chúng ghi trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ X (2006) cũng chính là sự phát triển quan điểm về xây dựng một nền văn hóa đại chúng từ Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943<sup>1</sup>.

Trong một nghiên cứu của mình, tác giả Hoàng Vinh đã chỉ rõ sự vận dụng nguyên tắc “đại chúng hóa” được nêu trong Đề cương văn hóa của Đảng vào đời sống thực tiễn qua các thời kỳ như: xây dựng phong trào hoạt động văn hóa những năm kháng chiến (1945-1975); xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976-1990) và xây dựng đời sống văn hóa cộng đồng trong điều kiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (1990 đến nay). Tác giả cho biết quan điểm xây dựng đời sống văn hóa cộng đồng là bước phát triển từ nguyên tắc đại chúng thể hiện tính chất quần chúng trong sự nghiệp xây dựng văn hóa - một nhiệm vụ chiến lược của Đảng và Nhà nước muốn đưa sản phẩm văn hóa tới tận tay người dân, tạo điều kiện để họ thực hiện quyền làm chủ trên lĩnh vực sáng tạo và hưởng thụ phúc lợi văn hóa<sup>2</sup>.

Qua nghiên cứu *Đề cương về văn hóa Việt Nam* và quá trình thay đổi nhận thức lý luận trong ngành văn hóa thông tin thời gian sau này, tác giả Nguyễn Chí Bên nhận xét rằng Đảng đã không còn sử dụng khái niệm đại chúng hóa mà thay bằng khái niệm nhân dân. Đảng yêu cầu văn học, nghệ thuật, văn hóa phải có tính nhân dân sâu sắc<sup>3</sup>.

---

1. Nguyễn Duy Bắc : Quan điểm của đồng chí Trường Chinh về tính chất đại chúng của nền văn hóa mới và việc xây dựng đời sống văn hóa đại chúng ở nước ta hiện nay, in trong *Nhà văn hóa Trường Chinh (1907-1988)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 34-44.

2. Xem Hoàng Vinh: “Kỷ niệm 60 năm “Đề cương văn hóa”, suy nghĩ về nguyên tắc “đại chúng” trong sự nghiệp văn hóa của Đảng”, in trong *Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 - Những giá trị tư tưởng - văn hóa, Sđd*, tr.328-348.

3. Xem Nguyễn Chí Bên: “Từ Đề cương văn hóa Việt Nam nghĩ về công tác nghiên cứu lý luận trong ngành văn hóa thông tin hiện nay”, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học “60 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2003)”*, Sđd, tr.72-78.

Nhìn chung, có ít công trình, bài viết phê phán những mặt hạn chế của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Tuy nhiên, có một số tác giả, trong đó có nhà nghiên cứu Thành Duy có đưa ra một góc nhìn riêng về những mặt hạn chế của văn kiện này. Trong bài viết “Vấn đề “dân tộc hóa” trong Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943” (in trong cuốn sách *50 năm Đề cương văn hóa Việt Nam* được Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia biên soạn, Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 1995), tác giả Thành Duy cho rằng nếu chỉ dừng lại ở ba nguyên tắc lớn (dân tộc, đại chúng, khoa học) mà Đề cương nêu ra thì có thể nói, trước đây, hiện nay và sau này nữa sẽ không bao giờ sai, không thể phủ nhận được một nguyên tắc nào bởi vì đó là những nguyên tắc lớn mang tính khái quát cao thể hiện đặc trưng và tính chất của bất cứ một nền văn hóa, văn nghệ chân chính nào. Tuy nhiên, nếu đi sâu vào việc nhận thức và vận dụng từng nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học vào thực tiễn của đời sống văn hóa, văn nghệ nước ta thì bản Đề cương có một số hạn chế nhất định. Sau những năm đất nước được hoàn toàn độc lập và thống nhất, nhất là từ sau Đại hội VI của Đảng khi đất nước ta chuyển sang thời kỳ mới với những biến chuyển sâu sắc và toàn diện thì bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* tỏ ra không đáp ứng được yêu cầu phát triển của văn hóa, văn nghệ và sự nghiệp đổi mới nói chung<sup>1</sup>. Đảng ta do đó đã điều chỉnh, bổ sung bằng những lý luận mới, quan điểm mới.

Như vậy, xuất phát từ những góc độ tiếp cận khác nhau, các nhà nghiên cứu đã phân tích chỉ ra những mặt đóng góp tích cực và hạn chế của Đề cương văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa đất nước. Đa số ý kiến đánh giá Đề cương đã để lại những giá trị lý luận quan trọng trong đường lối xây dựng và phát triển văn hóa, văn nghệ của Đảng, nhiều nội dung đã được kế thừa và vận dụng vào thực tiễn đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng một nền văn hóa mới. Cho đến tận ngày nay, một số nội dung của bản Đề cương vẫn tiếp tục được kế thừa và phát triển, tạo thành cơ sở lý luận nền tảng trong đường lối chỉ đạo xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, dân chủ, khoa học và nhân văn.

---

1. Xem Thanh Duy: “Vấn đề “dân tộc hóa” trong Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943”, in trong *50 năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Nxb. Khoa học xã hội, 1995, tr.143-156.

*Thứ năm, xu hướng mà nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến là nghiên cứu vận dụng quan điểm chỉ đạo, đường lối của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” vào thực tiễn công tác cụ thể ngành văn hóa nghệ thuật, khoa học xã hội và nhân văn.*

Nhiều nghiên cứu cho thấy, các tác giả đã vận dụng những nguyên tắc vận động văn hóa cơ bản nêu trong Đề cương để giải quyết những vấn đề thực tiễn như: bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc (Cù Huy Cận, 1994<sup>1</sup>); nghiên cứu đánh giá vai trò của văn hóa nghệ thuật trong xây dựng nền văn hóa mới (Phạm Vũ Dũng, 2004<sup>2</sup>); công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở (Nguyễn Văn Hy, 2003<sup>3</sup>); (Hoàng Thị Miên, 2003<sup>4</sup>); triển khai công tác tôn giáo (Đặng Nghiêm Vạn, 2003<sup>5</sup>); bảo tồn và phát huy tiếng Việt (Hoàng Tuệ, 1995<sup>6</sup>); nghiên cứu bảo tồn âm nhạc dân tộc (Phạm Trọng Toàn, 2004<sup>7</sup>); nghiên cứu những vấn đề quan trọng khác của văn hóa trong thời đại ngày nay (Vũ Khiêu, 2004<sup>8</sup>)...

Những nghiên cứu trên đây đã góp phần khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của Đề cương đối với đường lối lãnh đạo của Đảng về văn hóa.

1. Xem Cù Huy Cận: *Đề cương văn hoá và bản sắc văn hoá dân tộc*, Nxb. Văn hoá Thông tin và Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, Hà Nội, 1994.

2. Xem Phạm Vũ Dũng: “Từ gọi mở của Đề cương văn hóa Việt Nam, nghĩ về tác động của nghiên cứu văn hóa nghệ thuật tới việc xây dựng nền văn hóa mới”, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học “60 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2003)”*, tr.94-105.

3. Xem Nguyễn Văn Hy: “Tu tưởng của Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 và vấn đề xây dựng văn hóa cơ sở”, in trong *60 năm Đề cương văn hóa với văn hóa và phát triển ở Việt Nam hôm nay*, *Sđd*, tr.347-358.

4. Xem Hoàng Thị Miên: ““Đề cương văn hóa Việt Nam” phát huy tinh thần dân tộc trong xây dựng văn hóa dân tộc thiểu số”, in trong *60 năm Đề cương văn hóa với văn hóa và phát triển ở Việt Nam hôm nay*, *Sđd*, tr.477-482.

5. Xem Đặng Nghiêm Vạn: “Nhân dịp 60 năm Đề cương văn hóa Việt Nam định hướng về công tác tôn giáo”, in trong *60 năm Đề cương văn hóa với văn hóa và phát triển ở Việt Nam hôm nay*, *Sđd*, tr.359-370.

6. Xem Hoàng Tuệ: “Vấn đề tiếng Việt trong Đề cương Văn hóa của Đảng”, in trong *50 năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.157-162.

7. Xem Phạm Trọng Toàn: “Từ Đề cương Văn hóa Việt Nam nghĩ về việc nghiên cứu âm nhạc dân tộc”, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học “60 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2003)”*, *Sđd*, tr.422-427.

8. Xem Vũ Khiêu: “Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 và những vấn đề văn hóa của thời đại ngày nay”, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học “60 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2003)”*, *Sđd*, tr.242-246.

Từ kết quả nghiên cứu về văn kiện *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của các tác giả đi trước, chúng ta có thể nhận thấy giá trị đóng góp nhiều mặt và tầm ảnh hưởng rộng lớn của văn kiện đối với đời sống chính trị, văn hóa, xã hội Việt Nam. Đa số các tác giả khẳng định *Đề cương về văn hóa Việt Nam* không chỉ có vai trò lịch sử quan trọng trong giai đoạn đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ Tổ quốc mà còn tạo thành nền tảng của đường lối xây dựng và phát triển văn hóa ở những thời kỳ sau này.

Những giá trị tư tưởng và lý luận khoa học của *Đề cương* đã gợi mở cho nhiều nhà khoa học hướng nghiên cứu mới; giúp văn nghệ sĩ tìm thấy nguồn động lực, định hướng sáng tác và cảm hứng trong các hoạt động sáng tạo văn hóa nghệ thuật của mình. Tất cả những điều này chứng tỏ rằng *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là một công trình có giá trị lịch sử, khoa học, có sức sống lâu bền, tầm ảnh hưởng rộng lớn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

\*

\*      \*

Nội dung của *Đề cương* đã thể hiện được tầm nhìn đúng đắn, trí tuệ, bản lĩnh lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước. Nó cũng minh chứng cho thấy văn hóa có vị trí và vai trò vô cùng quan trọng: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, trong đó tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ đóng vai trò quan trọng. Trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, văn hóa phải được đặt ngang hàng với chính trị và kinh tế. Bởi đây là ba “mặt trận” quan trọng giúp phát triển đất nước trở nên hùng cường và thịnh vượng.

## XÂY DỰNG HỆ GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM THEO ÁNH SÁNG TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943

PGS.TS. PHAN TRỌNG THƯỜNG\*

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 không chỉ được xem là một văn kiện lịch sử quan trọng mà còn là một cương lĩnh hành động đầu tiên về văn hóa, thể hiện vai trò lãnh đạo, tầm nhìn chiến lược của Đảng ta về văn hóa và cách mạng văn hóa, ra đời ngay từ khi cách mạng đang còn trong thời kỳ trứng nước.

Thực tiễn lịch sử 80 năm từ khi Đề cương ra đời đến nay cho thấy, trong những thời kỳ khác nhau, ở những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau, tính đúng đắn và giá trị nhiều mặt của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã được kiểm chứng, khẳng định cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau như: chính trị, lịch sử, văn hóa, văn học - nghệ thuật, v.v..

Do môi trường công tác và chuyên môn nghiên cứu, tôi có dịp được tham dự nhiều hội thảo, tọa đàm khoa học; nhiều sinh hoạt học thuật kỷ niệm 40 năm, 50 năm, 60 năm, 70 năm, và lần này là 80 năm ra đời của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Mỗi lần như vậy là một lần ôn lại, một lần khẳng định lại và một lần làm mới ý nghĩa của bản Đề cương. Tôi nhớ nhất là dịp kỷ niệm 40 năm (1943-1983), khi đó, đất nước mới thống nhất, lại đang trải qua giai đoạn hậu chiến, phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, một nhóm cán bộ trẻ của Ban Lý luận - Viện Văn học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam

---

\* Nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận phê bình văn học nghệ thuật Trung ương.

(nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), trong đó có tôi, được giao nhiệm vụ nghiên cứu, sưu tầm toàn bộ tư liệu về quá trình ra đời của bản Đề cương, về quá trình truyền đạt, phổ biến và tiếp nhận *Đề cương về văn hóa Việt Nam* từ khi ra đời năm 1943 đến những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Sau khi tìm đọc, nghiên cứu tư liệu trên sách, báo ở các thư viện, các kho lưu trữ..., những nhân chứng sống đầu tiên mà chúng tôi xin gặp là các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước như: đồng chí Trường Chinh, đồng chí Hoàng Quốc Việt là những lãnh tụ của Đảng, có vai trò rất lớn trong quá trình khởi thảo, chuẩn bị cho sự ra đời của bản Đề cương. Thứ hai là các nhà nghiên cứu lý luận như: Nguyễn Khánh Toàn, Hà Xuân Trường, Hồng Chương, Trần Độ, Đặng Thai Mai... Và thứ ba là các nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa nổi tiếng từng hoạt động trong phong trào Văn hóa Cứu quốc, trực tiếp tham gia vào quá trình truyền đạt, phổ biến bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng như: Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Như Phong, Học Phi, Trần Huyền Trân, Kim Lân, Vũ Quốc Uy (nhà văn Nguyễn Huy Tưởng mất năm 1960)... Các bác không chỉ nhận lời tiếp, kể cho chúng tôi nghe và ghi chép mà còn cung cấp thêm các chi tiết, các tư liệu từ hoạt động thực tiễn, đồng thời trực tiếp xem lại và cho ý kiến về nội dung các ghi chép. Chúng tôi xem đây là dịp hiếm có, là cơ hội tốt nhất để hiểu đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về hoàn cảnh ra đời, về các tư tưởng lớn của Đề cương... để bổ sung, điều chỉnh các chi tiết về mặt văn bản. Do ra đời trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, có những thành viên Văn hóa Cứu quốc phải gấp nhỏ bản Đề cương để giấu dưới mũ nồi, về tận Hải Phòng, Hồng Quảng để truyền đạt dưới sự theo dõi gắt gao của mật thám. Trong hoàn cảnh như vậy, khó tránh khỏi những chi tiết “tam sao, thất bản”. Rất may là bác Trường Chinh với tư cách là người khởi thảo Đề cương đã phát hiện và chỉ ra những sai sót về văn bản so với văn bản đang lưu hành thời gian đó. Có những chi tiết nhỏ nhưng lại liên quan rất nhiều tới việc lĩnh hội, hiểu và tiếp thu Đề cương. Ví dụ, về tên văn bản, bác Trường Chinh lưu ý: *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (thêm chữ về) chứ không phải *Đề cương văn hóa Việt Nam* như quen dùng. Trong văn bản, câu: “nền văn hóa mà Đảng chủ trương lúc này *chưa phải là* nền văn hóa xã hội chủ nghĩa như Liên Xô hiện nay”, chứ không phải *phải là* như mọi người lầm tưởng. Lý do theo bác là vì

văn hóa theo Đề cương là nền văn hóa trong cách mạng dân tộc dân chủ, chưa phải là hình mẫu văn hóa trong cách mạng xã hội chủ nghĩa như Liên Xô. Điều này làm rõ hơn ý nghĩa lịch sử và nội dung của Đề cương, tránh được những ngộ nhận, hiểu lầm trong quá trình vận động thực tiễn.

Sau đợt sưu tầm này, văn bản chỉnh sửa Đề cương (theo chỉ dẫn của đồng chí Trường Chinh) và toàn bộ tư liệu sưu tầm được xung quanh quá trình truyền đạt, cũng như ảnh hưởng mạnh mẽ của văn kiện này đã được Nhà xuất bản Tác phẩm mới (nay là Nhà xuất bản Hội Nhà văn) công bố trong ấn phẩm *Một chặng đường văn hóa* (Hà Nội, 1983). Nội dung ấn phẩm cho thấy quá trình chuẩn bị sự ra đời của Đề cương và quá trình truyền đạt với vai trò nòng cốt là các thành viên trung kiên của Hội văn hóa cứu quốc. Theo ký ức của các nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà văn hóa này, do ra đời đúng lúc nên Đề cương có sức cảm hóa, lôi cuốn mạnh mẽ đối với trí thức, văn nghệ sĩ thời bấy giờ. Họ nhận thấy từ đây nguồn ánh sáng mới lạ, mở ra những chân trời văn hóa mà họ mới chỉ hình dung ra để dán thân vào. Nhiều người trong số họ đã bị bắt, bị tù đầy do hoạt động tuyên truyền các tư tưởng cách mạng của Đề cương. Trong ba phương châm của Đề cương: *dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa* thì *dân tộc hóa, Đại chúng hóa* lúc đầu có sức lôi cuốn mạnh mẽ hơn vì dễ hiểu, dễ thuyết phục. Còn *Khoa học hóa* thì phải đợi đến năm 1948, sau văn kiện *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* của đồng chí Trường Chinh, mới được làm sáng tỏ.

Từ năm 1983 đến nay, văn bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã được tái bản nhiều lần dưới những hình thức ấn phẩm khác nhau. Nhưng rất tiếc, hình như những sai sót đã được đồng chí Trường Chinh chỉ ra vẫn chưa được khắc phục triệt để, khiến cho tên gọi của văn bản cũng như một vài mệnh đề liên quan đến nội dung Đề cương vẫn còn tồn tại đây đó, gây nên tình trạng thiếu nhất quán.

Cũng như các dịp kỷ niệm trước đây, kỷ niệm 80 năm ra đời bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* lần này, việc khẳng định lại, khẳng định thêm giá trị của văn kiện lịch sử, cũng như tính đúng đắn của cương lĩnh hành động này là rất cần thiết! Nhưng để cho giá trị của văn kiện và ý nghĩa của cương lĩnh hành động này trở nên sống động, tươi mới thì không nên chỉ dừng lại ở việc nghiền ngẫm văn bản giống như nghiền ngẫm các thư tịch, văn bản cổ mà

phải thổi hồn vào đó, tìm trong đó những giá trị mới, ý nghĩa mới khiến cho các khẳng định về giá trị nhiều mặt của Đề cương không còn bị giới hạn ở không gian hội nghị, hội thảo, ở văn bản, câu chữ... mà hóa thân trong các nhiệm vụ chúng ta đang thực hiện. Chỉ như vậy, Đề cương mới thực sự phát huy được vai trò là Cương lĩnh hành động.

Như một quy luật, bản chất đời sống xã hội và thực tiễn lịch sử luôn luôn vận động và biến đổi. Các khái niệm như *dân tộc, khoa học, đại chúng* từng là 3 phương châm lớn của Đề cương, sau 80 năm cũng đương nhiên mang thêm nội hàm mới, ý nghĩa mới, giá trị mới. Các vở khái niệm quen thuộc giờ sẽ thâm thái thêm những luồng chân khí mới từ thế giới hội nhập, từ thời đại 4.0, từ công nghiệp hóa, hiện đại hóa... để tạo nên sức sống mới và đà phát triển mới. Đó sẽ là quá trình tự làm mới, tự nâng tầm của Đề cương. Theo tinh thần đó, việc vận dụng, gắn kết, lồng ghép, quán triệt các tư tưởng của Đề cương với một nhiệm vụ cụ thể mà chúng ta đang tiến hành hiện nay được đặt ra như một yêu cầu khách quan.

Vào thời điểm kỷ niệm 80 năm ra đời Đề cương, giới nghiên cứu lý luận nói chung, nghiên cứu văn hóa, văn học, nghệ thuật nói riêng đang đứng trước nhiệm vụ *Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị chuẩn mực con người và hệ giá trị gia đình Việt Nam* theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và các văn kiện trước đó, đặc biệt là nhiệm vụ *Xây dựng hệ giá trị Việt Nam, hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam* mà Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang chủ trì từ mấy năm nay. Thiết nghĩ, để thực hiện tốt các nhiệm vụ này, việc nghiên cứu quán triệt các phương châm *dân tộc, khoa học, đại chúng* theo tinh thần của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* với yêu cầu mới, nội dung mới, thực tiễn mới... chắc chắn sẽ mang lại những kết quả tương thích với nhiệm vụ xây dựng *Hệ giá trị*. Theo các kết quả nghiên cứu bước đầu thì không chỉ các phạm trù giá trị truyền thống như: *chân, thiện, mỹ* mà ngay cả các giá trị đương đại như *dân tộc, khoa học, đại chúng* cũng cần trở thành hệ tham chiếu mới, được kế thừa, phát triển trong điều kiện lịch sử văn hóa mới. Chắc chắn đó sẽ là các phạm trù, các chuẩn mực giá trị cơ bản về văn hóa, con người và gia đình Việt Nam mà chúng ta đang xây dựng. Cho dù xu thế hội nhập với thế giới đang diễn ra như một tất yếu thì phẩm chất *dân tộc, tính dân tộc* của *hệ giá trị* vẫn phải được xem là



tiêu chí hàng đầu đã được kiểm nghiệm và đúc kết trong *Bảng giá trị chung* của dân tộc. Tương tự như vậy, *khoa học* và *đại chúng* cần trở thành những tiêu chí giá trị mới trong các bảng giá trị tinh thần và vật chất mà chúng ta đang xây dựng.

Như vậy, *hệ giá trị mới* sẽ mang được hơi thở, sức sống của Đề cương; còn Đề cương thì nhờ đó mà được làm mới, được mang thêm giá trị và ý nghĩa để ngày càng phù hợp với xu thế mới, với thực tiễn lịch sử mới.

Nhìn lại quá trình thực hiện các quan điểm lớn, các tư tưởng lớn của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* càng thấy rõ hơn tầm nhìn chiến lược của Đảng ta về văn hóa, nhất là trong bối cảnh hiện nay, khi các nguy cơ về văn hóa đã được cảnh báo từ Đề cương vẫn đang hiện hữu dưới những hình thức khác nhau, mức độ khác nhau gây cản trở bước tiến về văn hóa.

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” ĐỊNH HƯỚNG QUAN TRỌNG TRONG GIÁO DỤC LĨNH VỰC VĂN HÓA NGHỆ THUẬT HIỆN NAY

TS. NGUYỄN ĐẮC TOÀN\*

Những năm gần đây rất nhiều sự biến động, giao lưu tiếp biến văn hóa trong một thế giới phẳng, thời đại của kỷ nguyên kỹ thuật số, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư,... đã tạo nên những cuộc chuyển dịch to lớn giữa các nền văn hóa trong khu vực và trên thế giới. Niềm tin, lý tưởng của một bộ phận không nhỏ người dân có những dao động nhất định và không ít nền văn hóa bị tác động theo chiều hướng tiêu cực, mất phương hướng. Điều này được cụ thể thông qua không ít tin, bài về lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nhưng đây “ám ảnh” bởi lối sống độc hại, buông thả, không theo nguyên tắc của chính những nghệ sĩ, chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hóa, cũng như những giá trị nhân văn của cuộc sống ít được phản ánh trong những tác phẩm có sức ảnh hưởng trong đời sống xã hội. Công chúng nghệ thuật cũng hoang mang với những tác phẩm văn hóa nghệ thuật giả - thật lẫn lộn bởi nhiều tác phẩm thiếu hơi thở cuộc sống, dung tục xuất hiện với mật độ ngày càng nhiều trên các phương tiện truyền thông, nền tảng mạng xã hội, internet,... Chúng tôi muốn đề cập đến mối quan hệ giữa giáo dục và văn hóa nghệ thuật bởi nếu chúng ta có công chúng nghệ thuật thì phải giáo dục. Khi được giáo dục, một thế hệ công chúng đủ mạnh sẽ tác động tích cực đến lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Không một sản phẩm văn hóa hay nghệ thuật dung tục, phản cảm có thể tồn tại trong đời sống xã hội có sức đề kháng mạnh ngay từ phía công

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

chúng. Cũng như, chỉ khi chúng ta có một đời sống văn hóa nghệ thuật nhân văn, tiến bộ thì mới hy vọng có được những sản phẩm, tác phẩm văn hóa nghệ thuật đích thực, có giá trị theo thời gian.

### **1. Về định hướng giáo dục trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật**

Về cơ bản, giáo dục trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật góp phần tạo nên tảng vững chắc cho dân trí, giúp công chúng có đủ năng lực để tri nhận những giá trị tốt đẹp của văn hóa, nghệ thuật và qua đó giúp cho mỗi cá nhân được hình thành nhân cách trọn vẹn. Nhận thức được điều này, kiến thức - năng lực - phẩm chất trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật được quan tâm và cụ thể hóa thông qua các môn học và hoạt động giáo dục từ bậc phổ thông, mang tính đổi mới căn bản và toàn diện. Trong đó, Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; kế thừa và phát triển những ưu điểm của các chương trình giáo dục phổ thông đã có của Việt Nam, đồng thời tiếp thu thành tựu nghiên cứu về khoa học giáo dục và kinh nghiệm xây dựng chương trình theo mô hình phát triển năng lực của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới; gắn với nhu cầu phát triển của đất nước, những tiến bộ của thời đại về khoa học - công nghệ và xã hội; phù hợp với đặc điểm con người, văn hóa Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị chung của nhân loại cũng như các sáng kiến và định hướng phát triển chung của UNESCO về giáo dục; tạo cơ hội bình đẳng về quyền được bảo vệ, chăm sóc, học tập và phát triển, quyền được lắng nghe, tôn trọng và được tham gia của thế hệ trẻ; đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, phát triển bền vững và phồn vinh,... phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi cá nhân. Ở đây, chúng ta thấy ba nguyên tắc vận động (*dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa*) trong Đề cương được phát huy theo tình hình mới. Ở đó, những giá trị truyền thống của dân tộc luôn song hành với những giá trị chung của nhân loại; ưu điểm của các chương trình giáo dục trước đây đồng hành với thành tựu về khoa học giáo dục của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới; học sinh là trung tâm, chủ thể của các hoạt động giáo dục; tôn trọng, kế thừa, tiếp thu những giá trị tốt đẹp của nhân loại,... Điều này được xem là “tấm khiên” vững chắc để nâng cao nhận thức trong lĩnh vực này, giúp thế hệ trẻ

đủ bản lĩnh và trí tuệ tiếp nhận và bài trừ những “sản phẩm văn hóa nghệ thuật” lợi dụng sự sáng tạo đặc thù để tạo nên những thứ độc hại, có nội dung chống chế độ, phủ nhận thành quả của sự nghiệp cách mạng, cũng như thành tựu của chế độ xã hội chủ nghĩa; gây ra sự hoài nghi, mất niềm tin của nhân dân vào Đảng và chế độ; tô đậm mặt trái, tiêu cực của cuộc sống hiện tại, những khiếm khuyết của nền kinh tế thị trường; sự hưởng thụ, bi lụy, mất mát, chia ly trong tình yêu,... gây hoang mang xáo trộn trong nhận thức, tư tưởng, tình cảm của các tầng lớp nhân dân.

## **2. Môn học/hoạt động giáo dục gắn kết trực tiếp với lĩnh vực văn hóa nghệ thuật**

Trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật gồm hai thành phần văn hóa và nghệ thuật. Nếu giáo dục trong lĩnh vực nghệ thuật được xác lập là một nội dung chính thức trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (với hai môn học Âm nhạc và Mỹ thuật), thì giáo dục trong lĩnh vực văn hóa chỉ mang tính tích hợp, lồng ghép thông qua các môn học khác như: Tiếng Việt, Ngữ văn, Đạo đức, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm,... nhưng đây là một nội dung quan trọng nhằm hình thành nên những phẩm chất chủ yếu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 như: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Qua rà soát nội dung giáo dục trong chương trình, chúng tôi thấy chưa nhiều hoạt động giáo dục hướng đến trang bị cho học sinh những kỹ năng cần thiết về giá trị, truyền thống hay khi đón nhận, thưởng thức một sản phẩm văn hóa nghệ thuật trong sự vận động của đời sống xã hội. Do chưa có một tâm thế sẵn sàng nên phần đông học sinh (giới trẻ) dễ bị “sốc văn hóa”, khi có cảm giác lo lắng, ngạc nhiên, mất phương hướng, bối rối,... khi đón nhận hay trải nghiệm trong những sản phẩm văn hóa nghệ thuật mới, tạo nên sự phân vân trong nhận thức cái gì là thích hợp và cái gì không.

Ngày nay, trong bối cảnh đất nước ta chủ động và tích cực hội nhập quốc tế thì lĩnh vực văn học nghệ thuật càng có thêm nhiều điều kiện để mở rộng quan hệ, hợp tác quốc tế. Do đó, việc giáo dục cho thế hệ trẻ tiếp thu tinh hoa văn hóa nghệ thuật của nhân loại để làm phong phú thêm nền văn hóa của nước nhà là điều cần thiết ngay từ khi là học sinh ở các cấp học. Nếu giáo dục có chọn lọc và định hướng theo phương châm *dân tộc hóa, đại chúng hóa*

và *khoa học hóa* thì rõ ràng chúng ta hoàn toàn có thể chủ động trong thực tiễn. Một mặt, trang bị cho thế hệ trẻ kiến thức, kỹ năng cần thiết để nhận thức đúng đắn, nâng cao hơn nữa tính chủ động, trách nhiệm xã hội và ý thức công dân, tạo ra sức tự đề kháng trước những sản phẩm văn hóa nghệ thuật độc hại, từ hình thức đến nội dung, đặc biệt lợi dụng sản phẩm văn hóa nghệ thuật để chống phá Đảng, chế độ, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc,... Như vậy, nếu “văn hóa” chưa trở thành một nội dung giáo dục tương đương với môn học chính thức thì để hình thành nên những phẩm chất cốt lõi này theo hướng tích hợp, lồng ghép, rõ ràng mỗi nhà giáo dục phải có sự am tường nhất định về giá trị văn hóa nghệ thuật của dân tộc và nhân loại để có thể lấy được những cái tiêu biểu, điển hình làm minh chứng, tổ chức hoạt động dạy học hiệu quả giúp học sinh hình thành nên những năng lực, phẩm chất theo mục tiêu đặt ra đúng với quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta và bắt kịp với xu hướng vận động trong thời kỳ mới. Tuy nhiên, điều này không thể đơn giản chỉ là phương hướng, nhiệm vụ mà cần có thời gian, sự đào tạo bài bản, chuyên nghiệp về lĩnh vực văn hóa nghệ thuật ngay từ trong khối các nhà trường sư phạm, nơi đào tạo các thế hệ giáo viên, giảng viên trực tiếp tham gia công tác dạy học. Chúng tôi nêu ra một thực trạng cũng cần có một giải pháp mang tính căn cơ, đồng bộ để thực sự hiệu quả, từ nội dung giáo dục cho đến giáo viên triển khai trong thực tiễn nhà trường. Bởi nếu không, chúng ta sẽ chỉ có thể giải quyết sự vụ bằng cách bổ sung, ban hành, điều chỉnh những chế tài hiện có trước những vấn nạn của đời sống văn hóa nghệ thuật hiện nay.

### **3. Sự cần thiết phát huy giá trị tư tưởng của Đề cương trong lĩnh vực giáo dục văn hóa nghệ thuật hiện nay**

Chúng ta thấy ba nguyên tắc vận động trong Đề cương văn hóa (dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa) vẫn có tính thời sự nhưng có sự thay đổi về nội hàm để phù hợp trong bối cảnh mới.

Dân tộc hóa: Nền văn hóa của chúng ta phải đậm đà bản sắc dân tộc và truyền thống dân tộc cần được bảo vệ thông qua giáo dục. Nội dung giáo dục này phải được xác lập đích đáng trong các chương giáo dục tương đương các cấp học một cách toàn diện, có tính liên bộ (Bộ Giáo dục và Đào tạo -

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Việc giáo dục này phải làm thường xuyên thông qua nhiều hoạt động có tính giáo dục từ gia đình, nhà trường cho đến xã hội. Khi đó, những giá trị văn hóa nghệ thuật của dân tộc cần được thiết kế thông qua hoạt động trải nghiệm cụ thể, có tính thực hành để tạo sự hấp dẫn, có sức sống thực sự đối với sản phẩm tương ứng. Điều này có tính then chốt bởi muốn thế hệ trẻ biết, hiểu, thích và thực hành được nghệ thuật thì phải có kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất định về ngôn ngữ, đặc trưng của loại hình. Hay để thưởng thức, nhận định, yêu thích một ca khúc, vở diễn, bộ phim, bức tranh,... thì đều cần được trang bị những vốn văn hóa, kiến thức nghệ thuật liên quan. Khi đó, mục đích truyền tải giá trị văn hóa nghệ thuật của dân tộc trong chương trình giáo dục các cấp và bậc học phải được chuyển hóa thành phương tiện giáo dục thẩm mỹ hiệu quả.

Đại chúng hóa: Ở phương diện này, những sản phẩm văn hóa nghệ thuật cần hướng đến đông đảo quần chúng, mang hơi thở của thời đại, gắn liền với những giá trị thẩm mỹ, nhân văn của Việt Nam và nhân loại. Đây là những “chất liệu thẩm mỹ” quan trọng, là đối tượng cần được khai thác trong sách, tài liệu sử dụng trong nhà trường, cho những thế hệ học sinh làm quen để hình thành những năng lực cơ bản liên quan. Đây chính là tính định hướng trong giáo dục và kết nối giữa giáo dục với lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Khi được giáo dục, mỗi học sinh sẽ dần là những công chúng nghệ thuật đích thực, là chủ thể của hoạt động giáo dục trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật chứ không còn là những người đứng ngoài nhìn vào, hay biết đến hình thức bên ngoài mà chưa thực sự hiểu bản chất của những loại hình nghệ thuật, giá trị văn hóa mang bản sắc riêng của Việt Nam. Tính đại chúng được xem là yếu tố cốt lõi trong mối quan hệ giữa giáo dục và lĩnh vực văn hóa nghệ thuật ở các cấp học, gắn liền với những phẩm chất quan trọng mà mỗi công dân cần được hình thành trong suốt quá trình học tập. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống,...

Khoa học hóa: Để có được những sản phẩm văn hóa nghệ thuật có tính thời đại, phù hợp với truyền thống dân tộc, cũng như giao lưu, hội nhập quốc tế,

giới văn nghệ sĩ cần nâng cao ý thức, nhận thức hiểu biết và vốn sống thực tiễn về lĩnh vực văn hóa nghệ thuật để sáng tác những sản phẩm/tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật, bám sát thực tiễn của quê hương, đất nước, cũng như khai thác vẻ đẹp trong di sản văn hóa nghệ thuật dân tộc để góp phần truyền bá, cổ vũ, giáo dục con người sống có lý tưởng, niềm tin, hướng tới cái chân, thiện, mỹ, chung sức đấu tranh với những cái xấu, phản động, phi nhân tính, phản dân tộc, cũng như các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Chỉ khi có những sản phẩm/ tác phẩm văn hóa nghệ thuật nhằm mục tiêu vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên thì lúc đó mới trở thành các phương tiện chuyển tải nội dung mang những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Như vậy, việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được xác định là chiến lược phát triển bền vững quốc gia và giáo dục giữ vai trò quan trọng. Chỉ thông qua giáo dục, các giá trị trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật mới được lưu truyền, bảo tồn, phát huy qua các thế hệ. Cho nên mối quan hệ giữa giáo dục với lĩnh vực văn hóa nghệ thuật đóng vai trò quan trọng và định hướng trong Đề cương về văn hóa dù đã 80 năm vẫn được xem như phương châm, có tính điều tiết các thành tố, bảo đảm cho sự phát triển trong các lĩnh vực này. Cho đến ngày nay, ba nguyên tắc vận động phát triển trong Đề cương về văn hóa đã minh chứng được tính đúng đắn và phù hợp với quy luật phát triển.

**TỪ “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943:  
NHẬN DIỆN RÕ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA  
VỀ PHÁT TRIỂN CÁC GIÁ TRỊ CON NGƯỜI -  
VĂN HÓA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA QUÁ TRÌNH  
ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA  
ĐẤT NƯỚC**

PGS.TS. TRẦN QUỐC TOẢN\*

**I- CÁCH TIẾP CẬN**

**1.** Trong Đề cương văn hóa năm 1943 đã đưa ra một luận điểm rất quan trọng, mang tính bản chất xuyên suốt của quá trình phát triển con người - văn hóa, đó là: “Nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội”, quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị cũng nằm trên nền tảng ấy. Điều này có nghĩa *các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội được hình thành một cách khách quan, phụ thuộc một cách quyết định vào thể chế phát triển xã hội hiện thực với lao động - nền sản xuất xã hội - đời sống xã hội hiện thực*; không thể chỉ xem xét sự phát triển của “văn hóa từ văn hóa”, từ tư duy tư biện, mong muốn chủ quan (dù là tốt đẹp), duy ý chí, tách rời với xây dựng nền tảng kinh tế - xã hội. Trong Đề cương văn hóa cũng nêu rõ: “*Hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc*”.

**2.** Trong Đề cương văn hóa nêu ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn đó, là: 1- *Dân tộc hóa* (chống mọi ảnh

---

\* Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.



hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); 2- *Đại chúng hóa* (chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng); 3- *Khoa học hóa* (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước hiện nay, ba nguyên tắc có thể được diễn giải là: Xây dựng một nền văn hóa của chính dân tộc mình, thể hiện đặc trưng bản chất của con người và xã hội Việt Nam trong quá trình hiện đại hóa; xây dựng một “nền văn hóa nhân văn của mọi người, cho mọi người và vì mọi người”; xây dựng một nền văn hóa thúc đẩy phát triển xã hội hiện đại, văn minh hơn. Đồng thời, trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, cần bổ sung thêm nguyên tắc thứ tư là: Xây dựng nền văn hóa hội nhập quốc tế, gắn với những giá trị chung của nhân loại; tạo động lực cho sự phát triển.

**3. Để nhận thức rõ hơn về bản chất của văn hóa trong quá trình vận động và phát triển, cần tiếp cận văn hóa theo nghĩa rộng, như quan niệm của Hồ Chí Minh: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”<sup>1</sup>. Như vậy, văn hóa là toàn bộ những giá trị do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử bằng lao động của mình trên cả hai lĩnh vực sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần. Điều đó cho thấy văn hóa không chỉ đơn thuần là lĩnh vực tinh thần, mà chính là toàn bộ các giá trị do con người tạo nên gắn với toàn bộ quá trình hoạt động của con người, trong đó cốt lõi nhất là quá trình lao động sản xuất và sáng tạo, phát triển từ thấp lên cao, từ thủ công lên công cụ hiện đại, từ cá nhân và gia đình lên xã hội, quốc gia và ngày nay là quốc tế hóa. Như vậy, *văn hóa ra đời và phát triển từ trong bản chất và song hành với quá trình phát triển lao động sản xuất xã hội, và đi liền với đó là sự phát triển các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, sự phát triển của xã hội và các thiết chế xã hội. Không có quá trình lao động sản xuất xã hội thì cũng không có cả kinh tế và văn hóa.* Quan niệm trên của Hồ Chí Minh về văn hóa rất phù hợp với một trong những khái niệm “cổ xưa” nhất về văn hóa, nhưng có thể là khái niệm phản ánh đúng bản chất nhất quá trình hình thành**

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.431.

và phát triển văn hóa là: “*Văn hóa là gieo trồng, sự gieo trồng*” (Trong tiếng Anh từ “culture” (văn hóa) có xuất phát từ tiếng Hy Lạp cổ đại, nghĩa là “gieo trồng”). Khái niệm này thể hiện rõ mối quan hệ giữa con người (xã hội con người) với tự nhiên, với chính quá trình hoạt động của con người (xã hội con người), trước hết là hoạt động sản xuất xã hội, và gắn với đó là toàn bộ các hoạt động khác của mỗi con người, gia đình, cộng đồng dân cư, cộng đồng dân tộc, quốc gia, giữa các quốc gia, *tạo ra bản chất của con người và xã hội loài người, và do đó tạo ra bản chất và nền tảng cốt lõi của văn hóa*. Chính vì vậy, khi lực lượng sản xuất thay đổi, phát triển cao hơn, hiện đại hơn, làm thay đổi quan hệ sản xuất, đặc biệt là thay đổi mô hình và thể chế phát triển kinh tế - xã hội thì sẽ đưa đến (và đặt ra yêu cầu) phải thay đổi các giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội tương ứng.

4. Nhận thức rõ bản chất mối quan hệ biện chứng giữa giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội trong quá trình phát triển. Hiện nay đang có những nhận thức khác nhau về mối quan hệ này. Ở đây xin nêu lên mối quan hệ giữa ba hệ giá trị này theo cách tiếp cận *con người là chủ thể trung tâm của văn hóa và xã hội*. Từ bản chất và đặc trưng của giá trị con người mà hình thành giá trị văn hóa và giá trị xã hội (văn hóa được xét ở đây theo nghĩa rộng như quan niệm của Hồ Chí Minh); chính giá trị con người là hạt nhân cốt lõi của giá trị văn hóa và giá trị xã hội. Giá trị văn hóa, giá trị xã hội cũng là những phương diện biểu hiện (thể hiện) giá trị con người ở những lát cắt khác, bình diện khác. Nhưng điều này không có nghĩa là giá trị văn hóa và giá trị xã hội được quy định đơn nhất và một chiều từ hệ giá trị con người. Khi hệ giá trị văn hóa, đặc biệt là hệ giá trị xã hội, được định hình, sẽ có một vai trò chi phối quan trọng (có thể mang tính quyết định) đối với sự thay đổi và phát triển hệ giá trị con người.

5. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (với nền tảng cốt lõi là trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa, thông tin mạng...) đang và sẽ tác động sâu sắc làm thay đổi rất nhiều vấn đề mang tính bản chất về thể chế và cấu trúc phát triển của thế giới nói chung và mỗi quốc gia nói riêng; đặt ra nhiều vấn đề về giá trị con người, giá trị văn hóa và giá trị xã hội (mà cho đến nay chưa nhận thức hết được). Điều này đòi hỏi phải nghiên cứu, nhận thức và dự báo được đầy đủ, sâu sắc các tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến việc xây dựng và phát triển các giá trị con người - văn hóa - xã hội Việt Nam trong giai đoạn mới.

**6.** Văn hóa không thể chỉ tồn tại ở những tuyên ngôn, triết lý về đạo đức, lối sống..., mà quan trọng nhất là được hiện thực hóa ở những hoạt động, hành động, thể chế, thiết chế hướng tới phát triển những giá trị tốt đẹp trong đời sống hiện thực.

## II- NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA ĐÁP ỨNG VỚI YÊU CẦU VÀ TẠO ĐỘNG LỰC NỘI SINH ĐẨY MẠNH QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

### **1. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải có cách tiếp cận mới về phát triển con người - phát triển văn hóa**

1.1. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế thực chất là một quá trình “phát triển rút ngắn” về rất nhiều phương diện; để thành công phải có cách tiếp cận phù hợp. Đối với phát triển các giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội cũng vậy, hơn thế nữa còn bị chế định bởi chính quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đảng ta đã xác định *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nhanh, bền vững, phát triển bao trùm và hội nhập quốc tế, để “không ai bị bỏ lại phía sau”* là những nội dung cốt lõi của quá trình phát triển trong giai đoạn mới. Điều này đặt ra là *phải chủ động xây dựng và phát triển hệ giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, có nghĩa là, về một số phương diện, cần xây dựng các giá trị mang “tính vượt trước” để không chỉ đáp ứng, mà còn là động lực quan trọng góp phần thúc đẩy mạnh và có hiệu quả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, “phát triển rút ngắn” của đất nước. Nhưng “tính vượt trước” đó không thể duy ý chí; yêu cầu đặt ra là các giá trị này phải, một mặt phát huy được các giá trị truyền thống tích cực thông qua việc đổi mới nội dung thích ứng với đòi hỏi của sự phát triển, đồng thời phát huy cao nhất các giá trị tích cực hiện tại (đang đóng vai trò chủ đạo); mặt khác phải xây dựng và phát triển những giá trị tiên tiến mới để làm nền móng (chủ đạo) cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.2. Xét một cách khái quát, về mặt nhận thức, có thể phân ra làm hai quá trình hình thành và phát triển các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội: *một là*, quá trình “thụ động”, tuần tự, đó là từ nền tảng phát triển nền sản xuất xã hội - đời sống xã hội, từng bước hình thành các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội tương thích; *hai là*, quá trình chủ động, đó là quá trình các chủ thể có ý thức chủ động xây dựng các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội đáp ứng với những yêu cầu phát triển mới (có thể mang tính vượt trước). Các quá trình chủ động thường được thể hiện ở quá trình giáo dục trong các môi trường gia đình, nhà trường, các thiết chế xã hội, và trong xã hội nói chung; được thể hiện ở các giá trị được chế định trong hệ thống luật pháp. Trên thực tế, hai quá trình đó luôn có quan hệ mật thiết với nhau, tương tác với nhau (có thể đồng chiều với nhau, có thể ngược chiều nhau, mâu thuẫn với nhau, nghĩa là có sự mâu thuẫn giữa mong muốn chủ quan và sự phát triển khách quan) để tạo nên *thực trạng hiện thực về các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội*<sup>1</sup>.

Như vậy, khi xây dựng hệ giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội trong giai đoạn mới, thì cần *đặt trọng tâm vào các giá trị có vai trò thúc đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*. Ở đây có vai trò của những giá trị truyền thống (được đổi mới về nội dung, tiêu chí, hình thức thể hiện để đáp ứng với yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chẳng hạn như giá trị cộng đồng

---

1. Ví dụ khá điển hình là trong thể chế kế hoạch hóa quan liêu bao cấp trước đây, với mô hình hợp tác xã tập thể hóa (không còn sở hữu ruộng đất và tư liệu sản xuất riêng của hộ nông dân, hộ nông dân không còn là đơn vị kinh tế tự chủ), chúng ta mong muốn xây dựng được các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội theo tinh thần làm chủ tập thể. Nhưng thực tế đã thất bại, hợp tác xã tập thể hóa biến thành “cha chung không ai khóc”, ruộng đất và tư liệu sản xuất trở thành vô chủ, tinh thần làm chủ tập thể biến mất và co lại ở giá trị phát triển cô đúc trên phần đất 5%; đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng. Từ đó, buộc chúng ta phải phá bỏ mô hình hợp tác xã tập thể hóa, xác lập lại vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ nông dân, và trao cho nông dân quyền làm chủ ruộng đất. Trên thực tế là chúng ta đã xác lập lại nền tảng kinh tế - xã hội để hình thành hệ giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội ở nông thôn phù hợp với bản chất của sự phát triển khách quan. Đây là bài học xương máu để chúng ta có nhận thức đúng, tiếp cận đúng, định hướng đúng khi xây dựng và phát triển hệ giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững đất nước.

truyền thống được đổi mới, phát triển lên thành giá trị liên kết); có vai trò của những giá trị hiện tại do điều kiện khách quan quy định; và vai trò của những giá trị định hướng cho sự phát triển trong giai đoạn mới (mà hiện thời mới đang hình thành chưa đóng vai trò chủ đạo chi phối sự phát triển).

Vì công nghiệp hóa và hiện đại hóa là một quá trình lâu dài (Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định đến năm 2030 mới cơ bản công nghiệp hóa, hiện đại hóa; còn đến năm 2045 mới xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại, tiên tiến), không chỉ là phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, mà còn là phát triển toàn bộ đời sống xã hội theo hướng hiện đại, văn minh. Cho nên, một cách khách quan, đặt ra vấn đề *xây dựng các giá trị tổng quát về giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội đáp ứng yêu cầu cho cả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Đồng thời, quan trọng là phải cụ thể hóa được các giá trị tổng quát đó trong từng giai đoạn cụ thể, nhất là trong giai đoạn hiện nay và sắp tới, đối với từng lĩnh vực, từng chủ thể trong xã hội.

1.3. Để đáp ứng yêu cầu của cả quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hiện nay, có thể nêu lên những yêu cầu cơ bản đối với việc xây dựng giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội như sau: *một là*, các giá trị thúc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; *hai là*, các giá trị thúc đẩy xây dựng xã hội công nghiệp, xã hội thông tin, tiên tiến, dân chủ, văn minh; *ba là*, các giá trị thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế hiệu quả (bao gồm cả hội nhập, hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh), xây dựng giá trị Việt Nam trên trường quốc tế. Sẽ có hai cách tiếp cận cần được tích hợp với nhau là: *xác định rõ những giá trị cần có để đáp ứng ba yêu cầu trên; đồng thời làm rõ những giá trị đang cản trở quá trình thực hiện ba yêu cầu trên. Tích hợp lại chúng ta sẽ có yêu cầu về xây dựng hệ giá trị tổng quát về giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội đáp ứng cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Ở đây chúng tôi không đi vào “thiết kế” các giá trị này, mà từ ba yêu cầu trên, xin gợi ý một số giá trị cơ bản cần xây dựng để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:

*Một là, giá trị sáng tạo* (tri thức khoa học - công nghệ kết nối với các giá trị quyền con người, quyền công dân, tự chủ, trách nhiệm xã hội, tự do sáng tạo...). Có thể coi đây là giá trị trung tâm của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là hiện nay quá trình công nghiệp hóa không thể theo phương thức

và mô hình cổ điển như trước, mà phải đón nhận, ứng dụng và phát triển có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*Hai là, giá trị liên kết - chia sẻ.* Sự phát triển trong mỗi quốc gia cũng như trên toàn thế giới hiện nay, nhất là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, không thể là thành quả và sự nỗ lực của mỗi chủ thể, mỗi đơn vị, mỗi quốc gia đơn lẻ, tách biệt như trước. Giá trị liên kết - chia sẻ thể hiện cả về lợi ích, trách nhiệm, rủi ro... Các chuỗi liên kết trong mỗi quốc gia cũng như trên thế giới, các hiệp định đa phương, song phương, các khối nước, các tổ chức quốc tế, quá trình toàn cầu hóa... đã nói lên điều này.

*Ba là, giá trị pháp quyền.* Đối với Việt Nam, đây là một giá trị then chốt, bởi vì nước ta đi vào xây dựng xã hội mới từ một nước phong kiến nửa thuộc địa, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu; lại trải qua hàng chục năm chiến tranh, hàng chục năm trong thể chế kế hoạch hóa hành chính quan liêu bao cấp nặng nề... Thực tế cho thấy trải qua bao nhiêu năm, cho đến Hiến pháp năm 2013 Nhà nước ta mới chế định tương đối đầy đủ và rõ ràng quyền con người và quyền công dân, nhưng để hiện thực hóa trong cuộc sống thì không thể một sớm một chiều. Do đó, xây dựng nhà nước pháp quyền gắn hữu cơ giữa thượng tôn pháp luật với dân chủ, với trách nhiệm xã hội đối với mọi chủ thể trong xã hội là một giá trị văn hóa cốt lõi.

*Bốn là, giá trị về lòng tự hào - tự tôn dân tộc - đồng thuận dân tộc.* Thực tiễn trên thế giới cho thấy, không có quốc gia nào có thể phát triển mạnh và bền vững nếu thiếu (hoặc yếu) giá trị này. Vì đây là giá trị kết nối ý chí và khát vọng của mọi chủ thể trong xã hội thành giá trị của dân tộc, kết nối các giá trị truyền thống của dân tộc với các giá trị của thời đại, đưa dân tộc vượt qua những khó khăn, thách thức để vươn lên<sup>1</sup>. Việt Nam, với truyền thống lịch sử, đã xây dựng được giá trị dân tộc về chống giặc ngoại xâm và bảo vệ chủ quyền đất nước, được thế giới thừa nhận. Còn trong xây dựng và phát triển đất nước, mặc dù đạt nhiều thành quả lớn, nhưng có thể nói, vẫn có mặt

---

1. Ở những nước có quá trình phát triển rút ngắn thành công như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore... đã cho thấy rõ điều này. Đặc biệt đối với Nhật Bản, thương hiệu “Made in Japan” không chỉ là thương hiệu của sản phẩm hàng hóa, mà đã trở thành giá trị dân tộc, trong đó chứa đựng và kết nối giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội, giá trị gia đình, giá trị doanh nghiệp, giá trị cộng đồng, giá trị của thể chế nhà nước. Mỗi con người, mỗi chủ thể trong xã hội và cả nhà nước đều có trách nhiệm bảo vệ.

chúng ta chưa thực sự thành công trong kết nối xây dựng giá trị dân tộc về phát triển kinh tế - xã hội, nhất là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng xã hội văn minh, hiện đại. Ngoài một số giá trị nêu trên, có thể kể đến các giá trị quan trọng sau: *liêm chính, kiên quyết chống tham nhũng và tiêu cực xã hội; tôn trọng và bảo vệ quyền tài sản chính đáng; lối sống công nghiệp, văn minh, hiện đại; coi trọng hiệu quả; dân chủ, công khai, minh bạch; trung thực, dũng cảm bảo vệ công lý, lẽ phải; công bằng và bình đẳng xã hội...* Đó đều là những giá trị quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Đây là những vấn đề lớn đặt ra trong việc xây dựng con người, văn hóa của Việt Nam trong giai đoạn mới.

1.4. Quá trình đổi mới, xét về phương diện giá trị, là quá trình đổi mới hệ giá trị phát triển phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn khách quan. Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước được Đảng đưa ra tại Đại hội lần thứ VI (1986), xét về phương diện văn hóa, thì vấn đề đầu tiên và cũng là cốt lõi nhất chính là xác định lại hệ giá trị phát triển, trong đó cơ bản nhất là giá trị con người, giá trị xã hội, giá trị lợi ích, giá trị pháp lý, giá trị đạo đức... của tất cả các chủ thể trong xã hội, phù hợp với đòi hỏi khách quan của sự phát triển trong giai đoạn mới. Đó là quá trình chuyển từ giá trị hệ thống chuyên chính vô sản sang hệ thống chính trị; từ nhà nước chuyên chính vô sản sang xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; từ thể chế kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nền kinh tế đa sở hữu, đa thành phần kinh tế; từ con người làm chủ tập thể sang đề cao quyền con người - quyền công dân; từ xã hội làm chủ tập thể sang xã hội pháp quyền, dân chủ,...

Bước đột phá trong quan điểm của Đảng về phát triển văn hóa được nêu trong Văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986), đã khẳng định vị trí quan trọng của văn hóa trong xây dựng nhân cách, xây dựng lối sống cho con người trong công cuộc đổi mới. Nhưng không chỉ trong lĩnh vực văn hóa hiểu theo nghĩa hẹp, mà *chính các giá trị thể hiện trong các nghị quyết đổi mới như Khoán 100, Khoán 10, Luật Đất đai năm 1993, phát triển kinh tế tư nhân, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, dân chủ hóa xã hội... là những giá trị nền móng mới về sự phát triển các giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội,... tạo động lực cho sự phát triển đất nước.* Xét theo góc độ văn hóa, quá trình đổi mới chính là quá

*trình đổi mới căn bản hệ thống giá trị phát triển*, được thể hiện trong những nội dung chính sau:

- Xác lập các giá trị của mô hình và thể chế phát triển mới đối với đất nước; xác lập các giá trị mới của mối quan hệ mới giữa nhà nước, thị trường và xã hội.

- Xác lập cấu trúc (giá trị) đa sở hữu gắn với đó là cấu trúc đa chủ thể (đa thành phần) phát triển kinh tế, cả quốc doanh và ngoài quốc doanh, trong đó có việc xác định hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ.

- Xác lập các giá trị của nền kinh tế thị trường (hiệu quả, cạnh tranh, quy luật giá trị...).

- Xác lập giá trị về quyền tự do - tự chủ sản xuất kinh doanh.

- Xác lập các giá trị con người và công dân trong điều kiện kinh tế thị trường.

- Xác lập các giá trị xã hội, quan hệ xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường.

- Xác lập các giá trị của Việt Nam trong hội nhập quốc tế...

Các giá trị đó được Đảng và Nhà nước thể hiện trong Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, Hiến pháp, pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực của đất nước. Mặt khác, các giá trị con người - văn hóa - xã hội lại được hình thành một cách khách quan (cả tích cực và tiêu cực) dưới tác động tổng hợp của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội và quá trình hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa. Việc hình thành hệ giá trị mới thực sự là một quá trình đấu tranh cam go cả về nhận thức lý luận và thực hiện trong thực tiễn, “*cởi bỏ các giá trị không phù hợp và xác lập các giá trị mới phù hợp với yêu cầu khách quan của sự phát triển*”, để từng bước nhận thức và chế định đúng đắn hơn trong quá trình phát triển. Chính vì xây dựng được các giá trị phát triển phù hợp với đòi hỏi khách quan của thể chế kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, mà đất nước đã ra khỏi cuộc khủng hoảng, có những bước phát triển mạnh mẽ, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Nhưng, hiện nay, đất nước ta đang đứng trước bước ngoặt mới của sự phát triển, đó là phải chuyển từ thể chế *phát triển theo chiều rộng* (gắn liền với đó là hệ các giá trị về con người, văn hóa, xã hội theo chiều rộng), *sang thể chế phát triển theo chiều sâu*, dựa chủ yếu vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Điều đó đòi hỏi phải đổi mới,



“nâng cấp” các giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội lên một nấc thang mới về chất. Đồng thời, Đảng ta xác định xây dựng thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới (Đại hội XIII) đồng bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường sinh thái; phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững mà Liên hợp quốc đưa ra<sup>1</sup>. Thực chất, *phát triển bền vững là một giá trị văn hóa tổng hợp của sự phát triển trong thời đại ngày nay và trở thành một giá trị cốt lõi của nhân loại.*

1.5. Để các giá trị trên được hiện thực hóa trong đời sống xã hội, thì điều quan trọng là *các giá trị đó phải được cụ thể hóa, thể chế hóa phù hợp đối với từng chủ thể theo vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mỗi chủ thể trong xã hội:* cá nhân (trong tư cách con người và công dân), gia đình, doanh nghiệp, các cộng đồng dân cư, nhà trường, tổ chức xã hội, hệ thống của Đảng, hệ thống của Nhà nước... Hệ giá trị của mỗi chủ thể sẽ đóng vai trò điều tiết hoạt động của các chủ thể đó trong xã hội. Ở đây xin nhấn mạnh hệ giá trị của Đảng và hệ giá trị của Nhà nước. Với tư cách là đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, thì về nguyên tắc hệ giá trị của Đảng và Nhà nước phải là sự kết tinh và tiêu biểu cao của các giá trị phát triển xã hội. Tuy nhiên, do chức năng xã hội của Đảng khác với chức năng của Nhà nước, cho nên dù cùng về bản chất, nhưng hệ giá trị của Đảng có những nội dung khác so với hệ giá trị của Nhà nước. Xuất phát từ vai trò, chức năng của đảng cầm quyền, có thể nêu lên các giá trị chủ yếu của Đảng như sau: *Trí tuệ - bản lĩnh tiên phong; đức hy sinh vì lợi ích của dân tộc, của nhân dân; lãnh đạo khoa học - dân chủ - gần bó với dân; đạo đức - văn minh; chịu trách nhiệm trước nhân dân...* Đối với Nhà nước, cán bộ, công chức hầu hết đều là đảng viên, cho nên, một mặt phải thể hiện được các giá trị của Đảng trong mỗi vị trí công tác của mình, đồng thời phải thể hiện được những giá trị đặc trưng của Nhà nước pháp quyền “của dân, do dân, vì dân” (trong cả lập pháp, hành pháp và tư pháp). Xuất phát từ vai trò, chức năng của Nhà nước, từ yêu cầu và điều kiện hiện nay để xây dựng hệ giá trị cần thiết của hệ thống cơ quan nhà nước. Đây là việc cần được nghiên cứu kỹ. Hiện nay, Chính phủ đang hướng tới xây dựng

---

1. Mục tiêu phát triển bền vững (SDG - Sustainable Development Goals) được các quốc gia thành viên Liên hợp quốc đồng ý, với 17 mục tiêu nhằm hướng đến một thế giới tốt đẹp hơn vào năm 2030.

Chính phủ kiến tạo: “*Kỷ cương - Liêm chính - Hành động - Sáng tạo - Hiệu quả - Trách nhiệm*”, có thể coi đây là những giá trị văn hóa - xã hội quan trọng. Đó cũng là những giá trị đặt ra cần xây dựng và thực hành đối với đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay. Điểm chung nhất trong giá trị của cán bộ, đảng viên, công chức là “công bộc - liêm chính”, “nói đi đôi với làm”, “chịu trách nhiệm trước nhân dân”.

## 2. Nhận thức về “Văn hóa là sức mạnh nội sinh của sự phát triển”

Khi đã khẳng định “Văn hóa là sức mạnh nội sinh của sự phát triển” thì cần nhận thức sâu sắc rằng, để trở thành sức mạnh nội sinh, văn hóa phải ở “bên trong”- “nội tại” và là một yếu tố - nội dung mang tính bản chất của sự phát triển con người, kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường sinh thái. Văn hóa không thể nhìn nhận chỉ như những yếu tố “bên ngoài, bên cạnh” tác động qua lại với kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường sinh thái, mặc dù văn hóa được nhìn nhận có tính độc lập tương đối với các lĩnh vực này. Khi đã nhận thức “Văn hóa là sức mạnh nội sinh của sự phát triển” cần xác định rõ văn hóa nằm ở đâu? trong các chủ thể nào? của chủ thể nào? trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường sinh thái. Cần phải thấy rằng văn hóa nằm trong tất cả các chủ thể, các thiết chế, các tổ chức, các đối tượng chịu sự tác động qua lại của các chủ thể với con người và hoạt động của con người trong xã hội. Có thể nêu lên các chủ thể cơ bản của văn hóa là: quốc gia - dân tộc; hệ thống chính trị; Đảng và các tổ chức trong hệ thống của Đảng; Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống quyền lực nhà nước; hệ thống các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp; hệ thống các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác; các gia đình, dòng họ; các cộng đồng, tộc người; các cá nhân. Mỗi loại chủ thể đó có các giá trị văn hóa đặc trưng riêng, dù có những tính chất chung.

Khi xác định “Văn hóa là sức mạnh nội sinh của sự phát triển” thì tất yếu phải làm rõ sức mạnh nội sinh mang tính bản chất cốt lõi của văn hóa trong mỗi chủ thể này trong quá trình vận động và phát triển. Bản chất văn hóa cốt lõi trong các chủ thể đó lại phụ thuộc một cách căn bản vào chức năng và vai trò của xã hội của từng chủ thể. Có chủ thể có chức năng và vai trò là lãnh đạo - quản lý xã hội (như các tổ chức đảng cầm quyền và tổ chức nhà nước), có chủ thể hoạt động theo cơ chế tự chủ trong xã hội trong khuôn

khổ pháp luật, có chủ thể có vị trí là người “bị lãnh đạo - quản lý”... Điều đó cho thấy trong mỗi chủ thể có hai chức năng văn hóa khác nhau: *chức năng văn hóa là sức mạnh nội sinh cho hoạt động và sự phát triển của chính chủ thể đó, và chức năng văn hóa tác động (tương tác) với các chủ thể khác trong xã hội*. Hai chức năng văn hóa này trong mỗi chủ thể liên quan mật thiết và biện chứng với nhau tạo thành bản chất văn hóa của chủ thể; đồng thời, bản chất văn hóa của mỗi chủ thể lại tương tác hữu cơ với bản chất văn hóa của các chủ thể khác nhau trong xã hội theo những phương thức khác nhau; thuận chiều, lệch chiều, ngược chiều, cộng hưởng, thúc đẩy hay kìm hãm, hạn chế, áp đặt,... Quá trình tương tác này tạo thành bản chất văn hóa ở cấp độ hệ thống cao hơn, rộng hơn, lên tới cấp quốc gia - dân tộc, kết nối với quốc tế. Xét trên bình diện quốc gia - dân tộc, bản chất, vị trí, vai trò, chức năng văn hóa của hai chủ thể là đảng cầm quyền và nhà nước có tầm quan trọng “áp đặt” và chi phối mạnh nhất đối với tất cả các chủ thể khác trong xã hội, vì hai chủ thể này có vai trò lãnh đạo và quản lý sự phát triển của xã hội. Hiệu quả lãnh đạo của đảng và quản lý của nhà nước có sự phụ thuộc một cách quyết định vào bản chất và giá trị văn hóa mà đảng cầm quyền và nhà nước “đặt ra” cho xã hội, định hướng phát triển xã hội, phù hợp hay mâu thuẫn với yêu cầu khách quan của sự phát triển, phù hợp hay mâu thuẫn (xung đột) với những giá trị văn hóa của các chủ thể khác trong xã hội, nhất là giá trị văn hóa của con người, của gia đình, các cộng đồng và hệ thống các doanh nghiệp. Khi không có sự phù hợp khách quan, văn hóa không tạo được (và không là) sức mạnh nội sinh của sự phát triển của từng chủ thể, và nhất là không tạo được sức mạnh nội sinh cho sự phát triển của toàn bộ hệ thống phát triển xã hội của quốc gia. Bởi vì, mọi điều áp đặt các giá trị trái quy luật có thể đưa lại sức mạnh nhất thời, nhưng rồi sẽ phải “trả giá” bằng những thất bại, nếu không có sự điều chỉnh kịp thời. Về điều này Ph. Ăngghen đã nói: Một dân tộc đi xâm lược dân tộc khác, bằng bạo lực có thể áp đặt quyền cai trị lên dân tộc đó, nhưng sẽ không đồng hóa được dân tộc đó nếu dân tộc đi xâm lược có trình độ văn hóa thấp hơn, mà ngược lại, sẽ bị dân tộc bị xâm lược đồng hóa ngược lại. Trong lịch sử hơn 1.000 năm Bắc thuộc của dân tộc ta cũng nói lên điều này: Dưới các lũy tre làng của Việt Nam chứa đựng những giá trị văn hóa - sức mạnh nội sinh mà các triều đại phong kiến phương Bắc không thể xóa đi được, không thể đồng hóa được. Đó chính là sức mạnh nội sinh cho

sự đấu tranh, chiến đấu giành lại, giữ gìn, bảo vệ nền độc lập và phát triển trường tồn của dân tộc Việt Nam.

Sức mạnh nội sinh của văn hóa nằm ở những giá trị tạo động lực hành động của mỗi chủ thể; đồng thời, nằm ở sự liên kết (đồng chiều) giữa các giá trị phát triển của các chủ thể ở mỗi cấp độ, liên kết từ thấp đến cao, lên tới tầm quốc gia - dân tộc, tạo thành ý chí, khát vọng và động lực nội sinh của cả dân tộc.

### **3. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển đồng bộ các trụ cột chủ yếu phát triển văn hóa ở mọi cấp độ**

Để văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh của sự phát triển trong mỗi chủ thể và liên kết thành sức mạnh nội sinh phát triển của cả xã hội, cần phải xây dựng và phát triển đồng bộ các trụ cột văn hóa chủ yếu, làm “giá đỡ” cho sự phát triển và phát huy các giá trị đó.

#### *3.1. Phát triển con người với những giá trị đáp ứng với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong giai đoạn mới*

Con người là chủ thể sáng tạo văn hóa, chủ thể của quá trình phát triển; những giá trị cốt lõi về con người cũng là những giá trị mang tính bản chất của văn hóa. Trong công cuộc đổi mới, từ thể chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi (và đã) có bước phát triển đột phá về chất của các giá trị con người. Giờ đây, đang thực hiện bước chuyển quan trọng từ thể chế phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, dựa chủ yếu vào khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao; đặt ra những yêu cầu mới và rất cao về phát triển các giá trị con người với tư cách là chủ thể của quá trình phát triển đất nước. Điều này đặt ra yêu cầu đào tạo, phát triển con người trong giai đoạn mới cần tập trung vào phát triển các giá trị: 1- *Nhân cách, đạo đức, lối sống; trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân, đề cao dân chủ gắn với ý thức thượng tôn pháp luật; ý thức dân tộc, khát vọng cống hiến chấn hưng đất nước;* 2- *Năng lực đổi mới, sáng tạo, tự chủ, làm chủ, vượt qua thách thức;* 3- *Tri thức khoa học, công nghệ hiện đại, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;* 4- *Năng lực thực hành sáng tạo, hiệu quả;* 5- *Kỹ năng sống, năng lực liên kết, hợp tác, hoạt động cộng đồng và hội nhập...* Đó không chỉ là những giá trị cá nhân con người,

mà nó còn là nền tảng và gắn liền với giá trị con người cộng đồng, con người quốc gia - dân tộc. Những giá trị cốt lõi đó cần phải được cụ thể hóa thành các tiêu chí, nội dung, chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp đối với từng chủ thể trong xã hội; bao gồm đồng bộ các loại chủ thể: lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước các cấp; đội ngũ công chức, viên chức; đội ngũ chuyên gia khoa học - công nghệ; đội ngũ doanh nhân; đội ngũ công nhân và nông dân..., đáp ứng với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

### 3.2. *Phát triển đời sống văn hóa, lối sống văn hóa*

Đời sống, lối sống văn hóa vừa là hệ quả, vừa là một phương thức thể hiện của nền sản xuất xã hội, các quan hệ xã hội, vừa là động lực phát triển của nền sản xuất xã hội và các quan hệ xã hội; thể hiện giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội, trình độ phát triển của một xã hội với những đặc điểm dân tộc. Đó không phải chỉ là lối sống sinh hoạt và trong các quan hệ xã hội, mà còn là toàn bộ các giá trị, chuẩn mực, quy tắc trong quan hệ lao động sản xuất xã hội và trong thể chế phát triển xã hội. Đó là những giá trị về quyền con người, quyền công dân, những lợi ích chính đáng của con người được pháp luật thừa nhận và xã hội tôn vinh. Đó còn là những giá trị hiện thực của nhà nước pháp quyền, trong đó Nhà nước tôn trọng, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng và nhân phẩm con người, phát huy những giá trị con người và giá trị công dân; đó còn là những giá trị phi quan phương (tự chủ, tự quản) nhưng đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của con người, gia đình, cộng đồng và xã hội. Tất cả những giá trị trên được hình thành, phát triển, sàng lọc, cô đúc, nảy nở những giá trị mới ở tầm cao hơn cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, phương thức sản xuất, xã hội hóa nền sản xuất và sự phát triển của toàn xã hội. Đời sống, lối sống văn hóa của một xã hội công nghiệp hiện đại đòi hỏi phải xây dựng những giá trị mới tương ứng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có môi trường mạng, tạo động lực cho sự phát triển lành mạnh của xã hội. Tuy nhiên, trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, không phải chỉ chú trọng xây dựng đời sống, lối sống “đuổi theo”, “thích ứng” với nhịp độ của cuộc cách mạng này, mà cũng rất cần quan tâm xây dựng và “neo giữ lại” các giá trị lối sống “tĩnh tâm”, “lắng đọng”, “an nhiên”, “bình yên”, “đùm bọc”, “chia sẻ”.

Có thể nói, *điểm quy tụ cao nhất, sâu nhất, đặc trưng nhất và bền vững nhất của phát triển văn hóa là hình thành được những giá trị con người, giá trị xã hội trở thành lối sống, lễ sống, nhân cách, lý tưởng sống, ý thức lao động, trách nhiệm đối với gia đình, trách nhiệm xã hội, trách nhiệm đối với đất nước... trong đời sống thường nhật và trong lao động sản xuất của mỗi con người, mỗi đơn vị, cũng như toàn xã hội, phù hợp với mỗi bước phát triển của xã hội; đồng thời Nhà nước, với tư cách là một thiết chế xã hội cao nhất, phải là “bà đỡ” cả về mặt pháp lý, cả về mặt thể chế, cả về mặt cơ sở vật chất và trách nhiệm xã hội để bảo đảm cho nền văn hóa đó phát triển trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế và xã hội, mà trung tâm là con người. Chính vì vậy, việc xây dựng, hình thành và phát triển đời sống văn hóa, lối sống văn hóa tốt đẹp trở thành những giá trị phổ quát, bền vững, “chi phối”, “điều chỉnh”, “định hướng” sự phát triển của một dân tộc, của một cộng đồng, của mỗi đơn vị, mỗi gia đình và mỗi con người, là một trong những trụ cột quan trọng nhất của phát triển văn hóa, làm cho văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh của sự phát triển. Một dân tộc, trong những điều kiện cụ thể, khi chưa định hình được những giá trị con người, giá trị văn hóa mang tính phổ biến thể hiện thành đời sống, lối sống văn hóa, thì khi đó văn hóa chưa trở thành động lực mạnh mẽ cho sự phát triển.*

### 3.3. *Phát triển sáng tạo văn hóa*

Đây là trụ cột thể hiện sức sống sinh động của một nền văn hóa trong quá trình phát triển. Điều quan trọng là cần nhận thức rõ bản chất của sự sáng tạo văn hóa. Sự sáng tạo văn hóa nằm sâu từ trong bản chất của sự sáng tạo trong nền sản xuất xã hội, đời sống xã hội, trong chế ngự tự nhiên, trong đấu tranh... và trong thể chế phát triển xã hội, thông qua những hoạt động của con người. C. Mác đã nêu một luận điểm rất đáng lưu ý là: *Đối với mỗi nền sản xuất, điều quan trọng không phải là sản xuất ra cái gì, mà điều quan trọng là sản xuất như thế nào.* Chính “sản xuất như thế nào” nói lên trình độ của nền sản xuất, và đó cũng là trình độ của nền văn hóa (cũng có thể gọi là nền văn minh). Chính sự sáng tạo trong nền sản xuất xã hội và trong mọi mặt đấu tranh và phát triển của đời sống xã hội đã được “cô đúc” lại thành những giá trị văn hóa (cả vật thể và phi vật thể), giá trị con người, giá trị xã hội tương ứng trình độ của nền sản xuất xã hội đó. Do đó, việc phát triển một nền kinh tế tiên tiến, hiện đại với một thể chế kinh tế hiện đại,

nhân văn, bản thân nó đã là sự “cô đúc” những giá trị văn hóa tốt đẹp, tiên tiến; đồng thời nó lại là điều kiện, tiền đề và môi trường để tiếp tục phát triển sáng tạo văn hóa. Cần nói thêm rằng, do nhận thức không đầy đủ về bản chất của văn hóa, bản chất của quá trình sáng tạo văn hóa, nên đã không quan tâm và đề cập đầy đủ, sâu sắc đến sáng tạo văn hóa ngay trong nền sản xuất xã hội, trong các thể chế, thiết chế phát triển xã hội; mà mới thiên về sáng tạo trong các lĩnh vực hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Cần nhận thức đầy đủ rằng, trong quá trình phát triển sáng tạo văn hóa, có sáng tạo văn hóa quần chúng, có sáng tạo văn hóa chuyên nghiệp (ở đây không dùng khái niệm văn hóa “đỉnh cao”, hay “văn hóa bác học” vì trong cả sáng tạo văn hóa quần chúng và sáng tạo văn hóa chuyên nghiệp đều có thể có những giá trị đỉnh cao, đồng thời cũng có cả những giá trị bình thường). Cả hai loại hình sáng tạo văn hóa này không thể coi nhẹ loại hình nào, không thể lấy loại hình này thay thế loại hình kia. Có thể coi đó như là “cặp song sinh” của một nền văn hóa. Nhận thức và sự phát triển thiên lệch một trong hai loại hình sáng tạo đều dẫn đến sự suy yếu sức mạnh và sự liên kết “cộng sinh” của văn hóa. Sáng tạo văn hóa chuyên nghiệp có vai trò rất quan trọng tạo nên những sản phẩm văn hóa “đỉnh cao”, quy mô lớn. Song, nếu chỉ chú trọng phát triển văn hóa chuyên nghiệp, thì văn hóa đó dần sẽ xa rời tuyệt đại đa số những người lao động, “biến” họ thành những người được “thụ hưởng” những giá trị văn hóa do người khác mang lại cho thông qua “đọc, nghe, nhìn, xem”, phần văn hóa trở thành “của họ” trong đó sẽ rất ít và dễ qua đi. Đối với họ văn hóa không phải đơn giản như chiếc vé đi xem biểu diễn mà người ta mang đến biểu, mà nó phải chính là cuộc sống lao động, là miếng cơm manh áo, là những nỗi lo toan thường nhật, là niềm vui, nỗi buồn và hạnh phúc. Sáng tạo văn hóa quần chúng có thể nói đó là văn hóa “của chính họ”, do chính họ là chủ thể sáng tạo từ chính cuộc sống của họ và quay trở lại phục vụ chính họ, nó phản ánh không chỉ hiện thực đời sống mà còn phản ánh ý chí, ước mơ, khát vọng của họ, do đó nó thường tạo nên những giá trị sức sống, đời sống, lối sống lâu bền. Từ ngàn xưa, ở đất nước ta, dưới lũy tre làng đã nảy nở, tồn tại, sáng tạo và phát triển những giá trị văn hóa này, tạo nên sức mạnh trường tồn mà hàng nghìn năm Bắc thuộc không thể đồng hóa và tiêu diệt được. Do đó, cả hai loại hình sáng tạo văn hóa phải phát triển cộng sinh với nhau, tạo thành trụ cột sáng tạo văn hóa vững mạnh. Vì vậy, sáng tạo văn hóa chuyên

nghiệp phải gắn được với đời sống hiện thực, “sống” bằng hơi thở của đời sống hiện thực, không phải chỉ là sản phẩm để mang đến cho người khác (công chúng, nhất là đông đảo những người lao động) “thụ hưởng”, mà điều quan trọng hơn là phải trở thành các giá trị văn hóa “của họ”. Đó cũng là mục đích cao cả của phát triển sáng tạo văn hóa.

#### 3.4. *Phát triển dịch vụ văn hóa, công nghiệp văn hóa và hội nhập quốc tế về văn hóa*

Đây là một trụ cột, bước phát triển mới, quan trọng của văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, đặc biệt trong điều kiện phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ truyền thông đa phương tiện và các mạng xã hội. Theo UNESCO, “công nghiệp văn hóa xuất hiện khi các hàng hóa và dịch vụ văn hóa được sản xuất và tái sản xuất, được lưu trữ và phân phối trên dây chuyền công nghiệp và thương mại, tức là trên quy mô lớn, phù hợp với chiến lược kinh tế hơn là phát triển văn hóa”<sup>1</sup>. Công nghiệp văn hóa sản xuất ra những sản phẩm hữu hình hoặc vô hình mang tính nghệ thuật, sáng tạo và có tiềm năng tạo ra thu nhập, của cải thông qua việc khai thác các tài sản văn hóa, sản xuất hàng hóa, dịch vụ dựa trên tri thức. Các lĩnh vực thuộc công nghiệp văn hóa có điểm chung là đều vận dụng tính sáng tạo, tri thức văn hóa và sở hữu trí tuệ trên nền tảng công nghệ để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ với ý nghĩa văn hóa, xã hội<sup>2</sup>. Như vậy, trong quá trình phát triển, các sản phẩm và dịch vụ văn hóa “đi vào” kinh tế thị trường, trở thành hàng hóa, dịch vụ có giá trị và giá trị sử dụng lưu thông trên thị trường. Sự phát triển dịch vụ văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường sẽ có một phổ rất rộng: từ loại được sản xuất và cung ứng theo cơ chế phi lợi nhuận, đến loại được sản xuất và cung ứng hoàn toàn theo cơ chế vì lợi nhuận; đồng thời, có những dịch vụ, hàng hóa văn hóa được sản xuất và cung ứng theo cơ chế “bán vì lợi nhuận” (theo nghĩa được bao cấp ở những mức độ khác nhau).

Khi đó công nghiệp văn hóa trở thành một ngành kinh tế đặc biệt, việc sản xuất và cung ứng các hàng hóa, dịch vụ văn hóa, một mặt chịu sự chi phối bởi các quy luật của kinh tế thị trường, mặt khác phải được điều chỉnh bởi các

---

1. UNESCO: *Cultural Industries - a challenge for the future of culture*, Paris, 1982.

2. Xem UNESCO: *Statistics on cultural industries: Framework for the Elaboration of National Data Capacity Building Projects*, Bangkok, 2007, tr.11.



giá trị chính trị, tư tưởng, pháp lý, đạo đức, văn hóa xã hội, con người theo những chuẩn mực tốt đẹp của một xã hội, của một dân tộc và những giá trị tốt đẹp chung của nhân loại. Công nghiệp văn hóa đã và đang trở thành một ngành rất quan trọng, vì khi được phát triển đúng đắn, nó sẽ không chỉ đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển kinh tế, mà còn góp phần quan trọng tạo lập và lan tỏa sức mạnh mềm của một đất nước, làm lan tỏa rộng rãi các giá trị tốt đẹp, góp phần quan trọng tạo lập nền tảng tinh thần, nền tảng đạo đức, hệ điều tiết phát triển lành mạnh các giá trị con người, giá trị xã hội - trở thành một nguồn lực nội sinh quan trọng để phát triển đất nước.

Phát triển công nghiệp văn hóa trở thành một nhiệm vụ trọng yếu của nhiều quốc gia. Đảng và Nhà nước ta cũng đã nhận rõ tầm quan trọng của việc phát triển công nghiệp văn hóa. Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2014) đã nêu nhiệm vụ phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đi đôi với việc hoàn thiện thị trường dịch vụ văn hóa. Năm 2016, Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó nêu rõ phát triển công nghiệp văn hóa trong nhiều lĩnh vực<sup>1</sup>. Sự phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam trong những năm gần đây đã có những bước tiến tích cực; song, so với các nước trên thế giới và trong khu vực, chúng ta đang đi chậm hơn nhiều.

Phát triển công nghiệp văn hóa gắn liền với hội nhập và hợp tác quốc tế không chỉ trong lĩnh vực văn hóa, mà cả trong lĩnh vực kinh tế và các lĩnh vực khác mới có được hiệu quả tổng hợp cao. Với tầm quan trọng của phát triển văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, phát triển dịch vụ văn hóa, công nghiệp văn hóa phải trở thành một trụ cột quan trọng trong giai đoạn mới. Đây là một nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp thiết vừa cơ bản lâu dài.

### 3.5. Phát triển đồng bộ các thiết chế văn hóa

Hệ thống thiết chế văn hóa có chức năng cơ bản là tạo điều kiện và “môi trường sống” cho các giá trị văn hóa, cho các hoạt động văn hóa; điều hòa và

---

1. Như quảng cáo, kiến trúc, phần mềm và các trò chơi giải trí, thủ công mỹ nghệ, thiết kế, điện ảnh, xuất bản, thời trang, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, truyền hình và phát thanh, du lịch văn hóa.

phối hợp giữa các chủ thể, các hoạt động văn hóa; giám sát, định hướng, điều chỉnh các hoạt động văn hóa theo những giá trị tốt đẹp, đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cá nhân, đơn vị, cộng đồng và của toàn xã hội. Cùng với những thiết chế văn hóa được xác định hiện nay, xét về bản chất cũng như yêu cầu thực tế, thì *các đơn vị sản xuất kinh doanh, các đơn vị xã hội, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội, gia đình và các thiết chế khác đều cần và phải coi là một thiết chế văn hóa*. Chính ở các “chủ thể” này sẽ nuôi dưỡng và phát triển các giá trị văn hóa chung và các giá trị văn hóa đặc trưng riêng của mình trở thành bản sắc văn hóa tốt đẹp.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, phát triển kinh tế thị trường, bản thân các doanh nghiệp tiên tiến, hiện đại đang chính là các thiết chế văn hóa tạo lập các giá trị văn hóa lao động, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, giá trị con người mới (như tính hiệu quả, tính kỷ luật lao động, tính sáng tạo, tính tự chủ trong sản xuất...) mà nền sản xuất nhỏ không thể có được. Chính vì vậy, có thể coi các thiết chế văn hóa như những “giá mang” cho quá trình phát triển văn hóa, hình thành các giá trị văn hóa, giá trị con người. Có những thiết chế vật chất, có những thiết chế phi vật chất; có những thiết chế quan phương và có những thiết chế phi quan phương. Một hệ thống thiết chế văn hóa phù hợp sẽ tạo được động lực mạnh cho sự phát triển văn hóa lành mạnh và sáng tạo, nhân lên những giá trị tốt đẹp (đó cũng là một động lực nội sinh quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và xã hội). Ngược lại, một hệ thống thiết chế văn hóa không phù hợp sẽ không chỉ là “lực cản” mà còn là “tác nhân” gây nên sự phát triển lệch lạc, kém hiệu quả, “kích hoạt và lan tỏa” những “giá trị tiêu cực” trong kinh tế, trong đạo đức xã hội và trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; “đẩy” những giá trị tốt đẹp vào thế yếu - không được bảo vệ, không được tôn vinh và dần bị băng hoại, trong đó *băng hoại về lòng tin vào những giá trị tốt đẹp là một cảnh báo nghiêm trọng, nó làm giảm đi động lực phát triển trong mỗi con người, mỗi đơn vị xã hội, mỗi cộng đồng, cũng như trong toàn xã hội*.

Chính vì vậy việc xây dựng và phát triển một hệ thống các thiết chế văn hóa đồng bộ, phù hợp và hiệu quả là một trong những trụ cột trọng yếu, vì đó chính là yếu tố tạo nên “mảnh đất” để “gieo trồng” và phát triển sáng tạo văn hóa, nuôi dưỡng và phát triển các giá trị tốt đẹp. Xây dựng các thiết chế phát triển

văn hóa, một mặt, phải xuất phát từ yêu cầu và điều kiện khách quan của quá trình phát triển (hiện thực) của kinh tế, xã hội, nhằm thúc đẩy hình thành các giá trị con người, giá trị xã hội mới đáp ứng với đòi hỏi của giai đoạn phát triển mới; mặt khác, phải tạo được các “rào cản” ngăn chặn, làm suy yếu, triệt tiêu tác động của các “giá trị” cũ không còn phù hợp, các tác động tiêu cực, cản trở..., để các giá trị văn hóa mới thực sự trở thành “nội lực” cơ bản tạo nên *tư cách chủ thể phát triển sáng tạo* của mỗi con người, mỗi đơn vị, mỗi cộng đồng và của cả dân tộc trong quá trình xây dựng, phát triển, bảo vệ Tổ quốc.

Việc quan tâm xây dựng và phát triển đồng bộ 5 trụ cột phát triển văn hóa nêu trên có thể coi là những nội dung chủ yếu trong định hướng phát triển văn hóa, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp nằm trong tổng hòa hình thành các giá trị văn hóa mới đáp ứng với đòi hỏi của giai đoạn phát triển mới.

#### **4. Xây dựng và hoàn thiện thể chế thúc đẩy hình thành, phát triển và hiện thực hóa hệ giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**

Khái niệm thể chế phát triển văn hóa (hay thể chế văn hóa) hiện đang có những cách hiểu khác nhau về nội dung và phạm vi bao quát (nghĩa hẹp và nghĩa rộng). Trên thực tế và trong bản chất, thể chế văn hóa phải bao gồm đồng bộ các thành tố cơ bản sau: 1- Các chủ thể tham gia hoạt động và thụ hưởng văn hóa (gọi tắt là “người chơi”), gồm: Nhà nước (các cơ quan nhà nước); các chủ thể hoạt động văn hóa, hệ thống các thiết chế văn hóa, các chủ thể thụ hưởng văn hóa, chịu tác động của văn hóa. 2- Hệ thống cơ sở pháp lý, cơ chế (khung pháp luật) cho các hoạt động văn hóa (gọi là “luật chơi”. 3- Nội dung và môi trường các hoạt động văn hóa (gọi là “sân chơi”). Văn hóa là một lĩnh vực đặc biệt, thể chế phát triển văn hóa đòi hỏi sự đồng bộ giữa “người chơi”, “luật chơi” và “sân chơi” khác với các lĩnh vực khác; chứa đựng cả những yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, con người. “Sân chơi” trong lĩnh vực văn hóa là một phổ rất rộng, mỗi lĩnh vực có những đặc điểm riêng, mức độ tiếp cận cơ chế thị trường khác nhau; đòi hỏi sự đồng bộ về “người chơi”, “luật chơi” và “sân chơi” trong mỗi lĩnh vực văn hóa. Vai trò của các chủ thể (người chơi) và các quy định pháp lý cho hoạt động văn hóa trong mỗi lĩnh vực văn hóa

cũng có những nội dung khác nhau. Vai trò của Nhà nước có một vị trí đặc biệt quan trọng trong thể chế phát triển văn hóa; tuy nhiên vai trò của Nhà nước cũng có những nội dung khác nhau trong mỗi lĩnh vực văn hóa, hoạt động văn hóa. Văn hóa vừa mang giá trị và lợi ích cá nhân (của từng chủ thể), vừa mang giá trị, lợi ích cộng đồng, cao hơn nữa là mang giá trị và lợi ích của quốc gia - dân tộc. Do đó, thể chế phát triển văn hóa phải tạo cơ sở để vừa tôn trọng, phát triển giá trị, lợi ích của mỗi chủ thể, đồng thời liên kết được các giá trị, lợi ích của các chủ thể thành giá trị và lợi ích chung của quốc gia - dân tộc, tạo động lực cho sự phát triển.

Trong thể chế kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, tất yếu các hoạt động văn hóa sẽ bị chi phối, tác động, cao hơn nữa là tham gia vào cơ chế thị trường ở những mức độ khác nhau (tùy thuộc vào bản chất, tính chất của từng hoạt động, lĩnh vực văn hóa); văn hóa còn trở thành một lĩnh vực kinh tế dịch vụ (như công nghiệp văn hóa...). Tác động của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế về văn hóa có tính hai mặt: tích cực và tiêu cực. Xây dựng thể chế văn hóa phải hướng tới phát huy các mặt tích cực; hạn chế, loại bỏ các tác động tiêu cực. Điều quan trọng trong xây dựng thể chế văn hóa là phải *chép định* được đồng bộ vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, lợi ích và trách nhiệm xã hội của từng chủ thể, phù hợp với từng lĩnh vực văn hóa.

Thể chế phát triển văn hóa có chức năng quan trọng là tạo cơ sở để thúc đẩy phát triển các trụ cột văn hóa; để hiện thực hóa các giá trị con người, giá trị văn hóa trong cuộc sống. Do đó, trong xây dựng thể chế phát triển văn hóa cần thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

*Một là*, trên cơ sở những yêu cầu phát triển đặt ra đối với đất nước trong giai đoạn mới để xây dựng hệ giá trị con người, giá trị văn hóa với định hướng chung, đồng thời *cần phải cụ thể hóa thành hệ giá trị của từng chủ thể* đáp ứng với yêu cầu phát triển hiện nay và trong giai đoạn tới. Từ đó xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí, các tiêu chuẩn, chuẩn mực giá trị đối với từng chủ thể trong cuộc sống và lao động của mọi người, mọi chủ thể trong xã hội, trở thành thước đo giá trị sống trong xã hội.

*Hai là*, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đáp ứng với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, phát triển theo chiều sâu của giai đoạn mới; để làm giá đỡ cho sự hình thành và phát

triển các giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội tích cực, tạo động lực đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời cũng là cơ sở pháp lý để chống lại các giá trị tiêu cực, các thói hư tật xấu; làm cơ sở để hình thành và khẳng định các giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội của một xã hội tiên tiến, văn minh.

Hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp theo tinh thần và các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền: thượng tôn pháp luật, dân chủ và pháp quyền, bảo vệ và phát huy quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của nhân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó cũng là cơ sở để xây dựng và phát triển môi trường sống, môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, trong đó mỗi con người đều được tôn trọng và có điều kiện phát triển toàn diện, mang lại lợi ích cho mình và cho xã hội.

*Ba là*, cần xác định rõ nội dung văn hóa trong phát triển của tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội. Trên cơ sở đó xây dựng cơ chế, chính sách phát triển phù hợp. Đây là cơ sở rất quan trọng để hiện thực hóa và phát triển những giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội trở thành động lực phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

*Bốn là*, cần nhận thức rõ và chế định tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị và trong toàn xã hội phải là những thiết chế văn hóa - xã hội gắn liền với những yêu cầu và tiêu chí về phát triển giá trị con người, giá trị công dân, giá trị công chức, công vụ... Cần đặc biệt coi trọng xây dựng thể chế, thiết chế văn hóa đối với các chủ thể: gia đình, nhà trường, các tổ chức và đơn vị trong hệ thống chính trị, xã hội, doanh nghiệp, các cộng đồng dân cư. Khuyến khích xây dựng và phát triển các thể chế, thiết chế phi chính thức lành mạnh, tích cực, như: hương ước, dòng tộc, cộng đồng dân cư, các giá trị tích cực và lành mạnh của tôn giáo...

*Năm là*, cần rất coi trọng xây dựng các thể chế, thiết chế để liên kết được các giá trị tích cực, kết hợp hài hòa, hiệu quả các giá trị của các chủ thể trong xã hội (giá trị cá nhân, giá trị gia đình, với giá trị từng tổ chức, với giá trị xã hội, quốc gia - dân tộc, với giá trị nhân loại - quốc tế) theo chiều ngang và chiều dọc thành những giá trị chung, tạo nên sự đồng thuận xã hội cao, làm nên biểu tượng và sức mạnh lớn lao của đất nước trong quá trình phát triển.

Cốt lõi xuyên suốt cơ chế liên kết các giá trị này là lợi ích (tinh thần và vật chất, phẩm giá con người và vị thế quốc gia - dân tộc...). Các giá trị này được tích hợp lại với nhau thành một hệ thống và khi hiện thực hóa tạo được động lực phát triển đáp ứng các yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Sáu là, Đảng và Nhà nước phải trở thành nhân tố then chốt, quyết định trong việc hình thành và phát triển hệ giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội, làm động lực nội sinh mạnh mẽ cho việc thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển nhanh và bền vững đất nước. Do đó, Đảng và Nhà nước (và từng tổ chức, từng thành viên) phải xây dựng được hệ giá trị của chính mình, tiêu biểu cho những giá trị phát triển tốt đẹp của dân tộc; phải xây dựng được thể chế và thiết chế để hiện thực hóa các giá trị đó trong thực tiễn lãnh đạo và quản lý phát triển đất nước; tạo lập niềm tin của nhân dân và của xã hội vào tấm gương sự lãnh đạo, quản lý của mình. Đảng và Nhà nước phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện đồng bộ thể chế, cơ chế, chính sách và phương thức lãnh đạo, quản lý xây dựng và phát triển con người, phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới, thông qua hoàn thiện, đồng bộ thể chế, cơ chế, chính sách và phương thức lãnh đạo, quản lý, quản trị phát triển trong tất cả các lĩnh vực của đất nước.

# GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG NGUỒN LỰC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA BỀN VỮNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. VŨ DIỆU TRUNG\*

## I- THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Trong những năm qua, công tác bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa được triển khai trong phạm vi cả nước với nhiều hình thức và cấp độ khác nhau. Vốn đầu tư để tôn tạo, trùng tu các di tích này được lấy từ nhiều nguồn khác nhau như ngân sách nhà nước, xã hội hóa... Những thành tựu đạt được đã góp phần không nhỏ trong việc giáo dục cho thế hệ trẻ về bản sắc văn hóa dân tộc, về tính cố kết cộng đồng của cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam. Thông qua công tác sưu tầm, trưng bày, hệ thống các bảo tàng đã khẳng định được vị thế của mình trong toàn bộ hệ thống thiết chế văn hóa nói chung. Những thành tựu này còn giáo dục truyền thống yêu nước, ý thức giữ gìn, tự hào và tôn vinh bản sắc văn hóa của dân tộc, đáp ứng nhu cầu và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của quần chúng nhân dân. Chương trình Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong hơn 25 năm qua đã tích lũy được một khối lượng dữ liệu khổng lồ<sup>1</sup>, song hành với đó là sự

---

\* Giám đốc Trung tâm Dữ liệu di sản văn hóa, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Lưu trữ tại: 1- Trung tâm Dữ liệu di sản văn hóa, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam; 2- Cục Di sản Văn hóa; 3- Vụ Văn hóa Dân tộc; 4- Cục Văn hóa cơ sở; 5- Viện Âm nhạc, Học Viện Âm nhạc (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

khôi phục, phục dựng được nhiều lễ hội, phong tục tập quán có nguy cơ mai một của 54 dân tộc Việt Nam. Việt Nam đã có 13 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO vinh danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và cần thiết được bảo vệ khẩn cấp: Nhã nhạc - Nhạc Cung đình Việt Nam (2003); Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên (2005); Dân ca Quan họ Bắc Ninh (2009); Ca trù (2009); Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc (2010); Hát Xoan Phú (2011); Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ (2012); Đờn ca tài tử (2013), Dân ca ví dặm (2014), Nghi lễ và trò chơi Kéo co ở Việt Nam trở thành Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2015), Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt (2016), Nghệ thuật Xòe Thái (2021), Nghệ gốm Bàu Trúc của người Chăm tỉnh Ninh Thuận (2022). Di sản văn hóa phi vật thể chủ yếu được lưu truyền cho đời sau bằng hình thức truyền khẩu, vì vậy, nghệ nhân dân gian - chủ thể nắm giữ di sản văn hóa - có một vai trò quan trọng trong sự hồi sinh, phát triển của loại hình văn hóa này. Vai trò của nghệ nhân dân gian còn được UNESCO gọi là “báu vật nhân văn sống” cũng được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Việc tư liệu hóa, phục dựng và lập hồ sơ cấp quốc gia, chế độ đãi ngộ đối với nghệ nhân dân gian trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đã tác động không nhỏ vào quá trình nhận thức của những người làm công tác bảo vệ di sản văn hóa cũng như chủ nhân đích thực của di sản văn hóa, góp phần chuyển hóa về mặt nhận thức, tạo được sự trân trọng của cộng đồng đối với di sản văn hóa, tạo ra nhu cầu hưởng thụ chính những di sản văn hóa đó. Đồng thời, những di sản văn hóa phi vật thể đã mang lại nền tảng vững chắc về mặt tinh thần cho chính những người dân bản địa, làm cho họ tin tưởng vào Nhà nước, tin tưởng những gì thuộc về đời sống tinh thần của họ được Nhà nước bảo vệ. Điều này là vô cùng cần thiết và quan trọng trong chiến lược an ninh quốc gia. Đồng thời di sản văn hóa sẽ được kế tục, duy trì và phát triển.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cũng đã bộc lộ nhiều mặt hạn chế và mặt trái cần khắc phục, đó là: Người dân chưa tự chủ động bảo vệ di sản của chính họ mà có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào những chương trình bảo tồn của Nhà nước. Chúng ta luôn đưa ra khẩu hiệu tôn vinh nghệ nhân nhưng trên thực tế chưa có chế độ hỗ trợ đối với những người bảo vệ di sản văn hóa (chủ nhân của nền văn hóa), chưa tạo



cơ hội nghề nghiệp cho chủ nhân của di sản văn hóa, chưa kết nối được di sản văn hóa với du lịch để tạo thành động lực cho sự phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân. Chương trình mục tiêu về văn hóa đặt ra nhiệm vụ “Nâng cao nhận thức của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành, huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia, đóng góp vào sự nghiệp phát triển văn hóa. Bảo tồn các di sản văn hóa và phục vụ việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao cơ sở, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Xóa các điểm trắng về văn hóa, xây dựng những điểm sáng về văn hóa trên các mặt, trên các lĩnh vực của đời sống tinh thần”<sup>1</sup>. Sau khi tổng kết chương trình, có 7 trong số 20 chỉ tiêu đã không hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Công tác đầu tư, tu bổ, tôn tạo 70% di tích lịch sử và cách mạng, 80% di tích kiến trúc nghệ thuật và danh thắng được công nhận là di tích cấp quốc gia. Tuy nhiên, tổng thể chương trình mới chỉ tu bổ và tôn tạo được 130/3.062 di tích, đạt 4,3%; hỗ trợ chống xuống cấp 921/1.200 di tích<sup>2</sup>; sưu tầm các di sản văn hóa phi vật thể tính đến năm 2010 là 652 dự án, đến năm 2014 là 742 dự án<sup>3</sup>. Trong 15 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đặc biệt là chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà quản lý tuy đã nghiên cứu, bảo tồn di sản với số lượng lên đến 742 dự án nhưng đi sâu nghiên cứu về từng dân tộc còn quá ít, mới chỉ dừng lại ở con số 72/742 dự án, mà đáng lẽ ra đây chính là mục tiêu và nhiệm vụ đầu tiên phải thực hiện xong trong vòng 5 năm đầu tiên của chương trình (tất yếu việc này song hành với công tác bảo tồn những giá trị văn hóa đã bị mai một mang tính khẩn cấp). Cũng chính vì thế mà các nhà quản lý không thể có cái nhìn toàn diện về văn hóa 54 tộc người trên bình diện tổng thể cũng như chi tiết. Do vậy, để tiếp tục

---

1. Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 5/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015.

2. Báo cáo số 211/BC-CP, ngày 17/10/2011 của Chính phủ trình Quốc hội về “Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2006-2010, triển khai kế hoạch 2011 và đề xuất danh mục chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012-2015”.

3. Dữ liệu của Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa được lưu tại Trung tâm Dữ liệu di sản văn hóa, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu phát triển văn hóa trong thời gian tới, chúng ta cần phải nhìn nhận, đánh giá lại chương trình mục tiêu, cần có những giải pháp, hoạch định đối với từng địa phương cụ thể, nghiên cứu lại cách thức quản lý và thực hiện chương trình, giao nhiệm vụ cho các đơn vị/cơ quan đúng với chức năng, nhiệm vụ, phân bổ nguồn kinh phí hợp lý. Đặc biệt là nguồn dữ liệu của chương trình này cần được lưu trữ có tính hệ thống, đồng bộ, tránh chồng chéo, nhằm khai thác hợp lý nguồn tài nguyên số - tài sản vô giá của quốc gia.

## II- GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG NGUỒN LỰC ĐỂ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA

### 1. Phát triển kinh tế song hành với bảo tồn di sản văn hóa

Thực tiễn hoạt động quản lý văn hóa nói chung và công tác bảo tồn di sản văn hóa nói riêng cho thấy phát triển kinh tế chưa đồng bộ với bảo tồn và phát triển văn hóa dẫn đến nhiều hệ lụy về xã hội. Đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng phát triển kinh tế không bền vững. Nhưng mặt khác, văn hóa cũng có tính độc lập tương đối của nó và chúng ta sẽ nhìn thấy rất rõ khi nghiên cứu văn hóa các dân tộc thiểu số<sup>1</sup>. Trước tiên, chúng ta phải khẳng định rằng, đời sống vật chất được bảo đảm thì đời sống tinh thần mới phong phú và đa dạng. Muốn phát triển văn hóa thì đời sống vật chất của đồng bào phải được nâng lên, khắc phục được tình trạng đói nghèo, thu hẹp khoảng cách về mức sống, trình độ phát triển kinh tế... Bởi vậy, cần phải giải quyết tốt những vấn đề về kinh tế như sau: tổ chức tốt công tác định canh định cư; thực hiện tốt chương trình xóa đói, giảm nghèo; chuyển dịch cơ cấu cây trồng; coi trọng phát triển hàng hóa, phát triển các du lịch, dịch vụ... Muốn thực hiện

---

1. *Thứ nhất*, do điều kiện lịch sử, địa lý và tập quán canh tác đã hình thành nên các loại hình di sản văn hóa tiêu biểu cho từng dân tộc. *Thứ hai*, do điều kiện tự nhiên là tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, đồng bào các dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống ở khu vực khó khăn về đường giao thông nên đời sống kinh tế vẫn chủ yếu mang tính tự cung, tự cấp. *Thứ ba*, do sống khép kín trong phạm vi làng bản nên quản lý xã hội mang tính tự quản cao. Đặc thù vùng miền và đặc trưng văn hóa các dân tộc thiểu số chính là nguyên nhân tạo nên sự chưa phát triển về kinh tế - xã hội ở khu vực này.

tốt các vấn đề trên, trước hết cần phải thực hiện tốt chương trình bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể như:

- Chương trình phát triển và chế biến dược liệu, tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển nông thôn mới.

- Chương trình phát triển du lịch phải song hành với công tác bảo tồn tri thức dân gian (bài thuốc dân gian, nghề trồng cây thuốc nam, nghề trồng rừng), các loại hình di sản văn hóa như văn hóa ẩm thực, nghề thủ công truyền thống, diễn xướng dân gian, lễ hội dân gian...

- Công tác bảo tồn di sản văn hóa phải gắn với quảng bá hình ảnh di sản nhằm mục tiêu phát triển du lịch để phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương cụ thể. Ví dụ như: Khôi phục, nâng cấp công nghệ các ngành nghề thủ công truyền thống, mang tính văn hóa của các vùng dân tộc trong tỉnh: dệt lanh, thổ cẩm, may quần áo dân tộc, mây tre đan, trồng và chế biến chè, sản xuất vật liệu xây dựng, rèn, đúc lưỡi cày, cuốc... Tiếp tục đầu tư dạy nghề, phát triển các nghề sản xuất thủ công nghiệp, sử dụng các nguồn nguyên liệu địa phương, tạo nhiều việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông nghiệp, nông thôn. Hình thành các hiệp hội nghề thủ công nghiệp tạo điều kiện để mở rộng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường, nâng cao quy mô và giá trị xuất khẩu các mặt hàng thủ công mỹ nghệ...

## **2. Phát triển nguồn nhân lực**

Đại hội XI của Đảng xác định phát triển nguồn nhân lực là một khâu đột phá chiến lược để bảo đảm đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đây là một nhiệm vụ cơ bản và cấp bách cần được quan tâm thực hiện ở nhiều cấp, ngành khác nhau. Nguyên nhân đầu tiên dẫn đến tình trạng di sản văn hóa phi vật thể bị mai một là do nghề nhân dân gian ở địa phương quá ít và đã cao tuổi, đồng thời lớp kế tục lại không quan tâm nhiều đến văn hóa. Chính sách đãi ngộ của Nhà nước đối với nghề nhân chưa được quan tâm đúng mức nên không thu hút được nhân tài truyền dạy phong tục tập quán, tri thức dân gian cũng như giá trị của di sản văn hóa phi vật thể cho thế hệ kế tiếp. Vì thế, muốn bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa thì trước hết phải quan tâm đến nghề nhân, bởi họ chính là những nhân

tố quan trọng trong việc lưu giữ và bảo tồn di sản. Do vậy, các ban, ngành chức năng cần rà soát số lượng nghệ nhân, trên cơ sở đó đề ra chính sách trọng dụng và tôn vinh những nghệ nhân có đức, có tài, có công xây dựng và phát triển văn hóa tộc người.

*Một là*, xây dựng chương trình định kỳ hằng năm tuyên dương những người tham gia tích cực vào công tác bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa và coi đây là một trong những tiêu chí xét tám gương điển hình, tiêu biểu của địa phương.

*Hai là*, xây dựng các câu lạc bộ, đội văn nghệ tại địa phương - đây chính là hạt nhân cơ bản trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản của tộc người.

*Ba là*, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, huyện và tỉnh, thành phố về những tấm gương nghệ nhân điển hình trong việc gìn giữ, lưu truyền giá trị di sản văn hóa.

*Bốn là*, có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân dân gian nhằm khích lệ tinh thần của người dân trong việc gìn giữ những giá trị văn hóa phi vật thể.

Mặt khác, việc truyền dạy thế hệ trẻ kế tục thực hành các loại hình di sản cũng là một nhiệm vụ quan trọng. Ngoài phát huy phương thức bảo tồn di sản văn hóa truyền thống thông qua sinh hoạt gia đình, dòng họ, cộng đồng, chúng ta cần phải mở các lớp truyền dạy, đào tạo những nhân tố nòng cốt về quản lý di sản văn hóa ở từng địa phương với những kế hoạch cụ thể.

*Thứ nhất*, tập trung phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số. Đầu tư xây dựng hệ thống trường học để bảo đảm con em các dân tộc thiểu số có cơ hội học tập, xóa mù, chống tái mù chữ.

*Thứ hai*, cần thiết phải tăng chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển hệ cử tuyển cho con em là người dân tộc, vùng sâu, vùng xa học các ngành quản lý văn hóa, di sản văn hóa tại các trường cao đẳng, đại học.

*Thứ ba*, xây dựng các nội dung giáo dục về di sản văn hóa các dân tộc thiểu số vào chương trình dạy học ở bậc trung học cơ sở, phổ thông trung học và các trường nội trú của tỉnh. Nội dung giáo dục bao gồm: quá trình hình thành và phát triển các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh; một số đặc điểm tâm, sinh lý tộc người; văn học dân gian các dân tộc; sinh hoạt văn hóa cổ truyền tiêu biểu; vốn tri thức dân gian của các dân tộc... Hoạt động ngoại khóa

là các chương trình liên hoan văn nghệ với các bài hát dân ca, điệu múa cổ truyền, ngành nghề truyền thống, các trò chơi dân gian...

*Thứ tư*, đẩy mạnh việc hướng nghiệp dạy nghề ở vùng dân tộc thiểu số, nhất là trong các trường phổ thông dân tộc nội trú với tỷ lệ ngành nghề phù hợp với thực tế cuộc sống. Từ đó, chúng ta có thể định hướng các em vào các ngành phục vụ phát triển kinh tế ở địa phương, trong đó chú ý các lĩnh vực liên quan tới việc bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống. Để làm tốt công việc này, những nhà quản lý giáo dục, quản lý văn hóa phải căn cứ vào tình hình thực tế của từng dân tộc mà đưa ra những biện pháp khác nhau như: phương pháp truyền nghề, dạy học, lựa chọn đối tượng, nghiên cứu đặc điểm tâm sinh lý của từng tộc người, vai trò của cộng đồng... và xây dựng kế hoạch chi tiết trong từng giai đoạn cụ thể 5 năm, 10 năm và 15 năm.

Phát triển nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa còn phải chú trọng đến việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với các cán bộ đang làm công tác quản lý văn hóa từ cấp xã/phường, huyện, tỉnh.

Để tiếp tục đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, chuyên môn trong giai đoạn mới, các tỉnh, thành trong cả nước đã chú trọng đến công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao và du lịch ở cơ sở, đặc biệt là cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số. Hằng năm ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo ngành văn hóa, thể thao và du lịch cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo đại học và sau đại học thuộc các lĩnh vực chuyên ngành. Đồng thời để kịp thời cập nhật những văn bản mới, cũng như nâng cao trình độ chuyên môn, ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo ngành phối hợp với các trường đại học, các cục, vụ, Viện chức năng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, mở các lớp đào tạo ngắn hạn, các lớp tập huấn về công tác văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình cho đối tượng là công chức văn hóa, xã hội thuộc các xã, phường. Tính đến nay, trình độ chuyên môn của một số cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số đã đạt tiêu chuẩn theo ngạch bậc, nhưng năng lực thực tế phần nào còn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc; chính sách thu hút của các tỉnh tuy được triển khai phổ biến song hiệu quả chưa cao. Trước tình hình đó, chúng ta cần phải đưa ra phương án quy hoạch cán bộ là người dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

### **3. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể phải đáp ứng nhu cầu về văn hóa tâm linh của chủ thể văn hóa**

Thực tế cho thấy, ở địa phương nào làm tốt công tác bảo tồn di sản văn hóa, đáp ứng được nhu cầu về đời sống văn hóa tâm linh của đồng bào thì địa phương đó kinh tế, xã hội phát triển, an ninh - quốc phòng cũng được đảm bảo. Bởi vậy, cần phải quan tâm những vấn đề như sau:

- Nâng cao nhận thức của người dân về ý thức bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa chính là yêu nước, là làm phong phú, đa dạng cho văn hóa Việt Nam. Đồng thời tạo ra sức đề kháng chống lại sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai.

- Củng cố niềm tin, niềm tự hào dân tộc về bản sắc văn hóa tộc người.

- Vận động những người cao tuổi thường xuyên nhắc nhở, khích lệ con cháu mình tham gia giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Tổ chức nghiên cứu, sưu tầm các giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo chương trình, kế hoạch dài hạn. Đặc biệt lưu ý đến các dân tộc thiểu số có dân số dưới 10.000 người. Việc tổ chức lễ hội, phục dựng các loại hình di sản văn hóa có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Điều này thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đối với đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc, góp phần làm cho diện mạo của đời sống văn hóa tộc người thêm phong phú, đa dạng và đây sẽ là nguồn động lực quan trọng của đồng bào các dân tộc trong đời sống đương đại.

- Kinh phí bảo tồn di sản văn hóa giai đoạn trước chủ yếu được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước. Do vậy, sang giai đoạn này, chúng ta cần phải tận dụng kinh phí từ nhiều nguồn khác nhau cho bảo tồn di sản văn hóa như: có những chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, doanh nhân, chủ khách sạn trong và ngoài tỉnh đầu tư tài chính cho việc tổ chức các lễ hội truyền thống để quảng bá hình ảnh di sản văn hóa, đồng thời quảng bá hình ảnh cho chính doanh nghiệp, góp phần xúc tiến thương mại, du lịch<sup>1</sup>... Huy động sức dân cho việc tổ chức phục dựng, bảo tồn di sản văn hóa<sup>2</sup>...

---

1. Để làm tốt công tác xã hội hóa này, chúng ta cũng cần phải tính đến hai mặt của vấn đề để tránh tình trạng các doanh nghiệp chỉ phối quá trình phục dựng, bảo tồn các di sản văn hóa.

2. Do đời sống nhân dân các dân tộc thiểu số còn nghèo nên huy động kinh phí tổ chức, phục dựng di sản văn hóa gặp nhiều khó khăn. Vì thế, chỉ nên huy động công sức và nâng cao nhận thức của người dân đối với việc bảo tồn di sản văn hóa.

\*

\* \*

Trong thời gian tới, để bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, các nhà quản lý văn hóa phải rà soát các văn bản quản lý nhà nước để xây dựng, bổ sung chính sách và có biện pháp đầu tư cụ thể phù hợp với đời sống tâm linh, tín ngưỡng của đồng bào 54 dân tộc, phải tính đến đặc thù vùng, miền. Cần có thái độ cởi mở hơn với các hình thức văn hóa tín ngưỡng dân gian như then, mo, tào, pụt, thầy cúng... Phát huy các mặt tích cực của những người hành nghề tín ngưỡng dân gian nhưng đồng thời vẫn phải bài trừ các hủ tục lạc hậu. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo tồn di sản văn hóa bằng cách vận động các tổ chức, cá nhân tại địa phương hỗ trợ kinh phí, phương tiện, sức lao động, lồng ghép các chương trình trong xây dựng nông thôn mới cho các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa.

**KẾ THỪA, PHÁT HUY TÍNH  
DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG, KHOA HỌC  
CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943  
HƯỚNG ĐẾN PHÁT HUY HIỆU QUẢ HỘI NHẬP  
VĂN HÓA QUỐC TẾ  
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

TS. LÊ ANH TUẤN\*

**T**rong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa đất nước hiện nay, nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống phải gắn với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Trong đó, cùng với việc nhìn lại và khẳng định các giá trị của Đề cương văn hóa năm 1943, cần đặt ra vấn đề kế thừa, phát huy, hướng tới phát triển, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, khẳng định vị thế trong tiến trình hội nhập quốc tế. Đó là vấn đề kế thừa, vận dụng những giá trị cốt lõi “dân tộc, đại chúng, khoa học” của đề cương văn hóa từ vai trò “văn hóa cứu quốc” trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ đến sự nghiệp bảo tồn và phát huy các giá trị di sản dân tộc trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ nhiệm vụ “chống lại văn hóa phát xít phong kiến” trong cách mạng giải phóng dân tộc đến nhiệm vụ “xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Mặt khác, trong hội nhập về văn hóa có nhiều hạn chế, đã được Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII của Đảng chỉ ra: Giao lưu văn hóa với nước ngoài chưa tích cực và chủ động, còn nhiều sơ hở. Số văn hóa phẩm độc hại, phản

---

\* Phân viện Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế.



động xâm nhập vào nước ta còn quá lớn, trong khi đó, số tác phẩm văn hóa có giá trị của ta đưa ra bên ngoài còn quá ít. Lực lượng hoạt động văn hóa - văn nghệ trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hiện nay không nhỏ, đã có những công trình nghiên cứu, tác phẩm văn học, nghệ thuật tốt hướng về Tổ quốc. Song, chúng ta còn thiếu những biện pháp tích cực giúp đồng bào tìm hiểu sâu văn hóa dân tộc, liên hệ mật thiết với quê nhà, góp phần đấu tranh với những hoạt động chống phá đối với Tổ quốc. Những hạn chế, yếu kém cũng được nhắc lại trong Báo cáo chính trị của Đại hội XIII của Đảng: Việc giới thiệu, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài chưa mạnh; tiếp nhận tinh hoa văn hóa nhân loại có nhiều mặt còn hạn chế.

Hiện nay, “hội nhập quốc tế đang trở thành xu thế chủ đạo trong sự phát triển của thế giới ngày nay. Hội nhập quốc tế đã, đang và sẽ chi phối, quyết định toàn bộ các quan hệ quốc tế và làm thay đổi cấu trúc toàn cầu”<sup>1</sup>. Trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, với một dân tộc có bề dày lịch sử truyền thống, có nền văn hóa phong phú và đa dạng, mang tính chất hòa hiếu và nhân văn, di sản văn hóa Việt Nam đã trở thành một nguồn lực, sức mạnh trên mặt trận ngoại giao văn hóa trong công cuộc phát triển và hội nhập. Trong thời kỳ hội nhập toàn cầu, ngoại giao văn hóa được xác định là một trong ba trụ cột trong chính sách ngoại giao (ngoại giao chính trị, kinh tế) của Đảng và Nhà nước ta trong việc xây dựng nền ngoại giao toàn diện của Việt Nam<sup>2</sup>. Trong những năm qua, đối ngoại văn hóa đã và đang ngày càng phát huy vai trò đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia, thực hiện thắng lợi các mục tiêu đối ngoại, khẳng định vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Từ những thực trạng đặt ra, trên cơ sở kế thừa, phát huy “dân tộc, đại chúng, khoa học” của Đề cương về văn hóa năm 1943, chúng tôi đưa ra một số đề xuất, kiến nghị nhằm phát huy hiệu quả hội nhập văn hóa quốc tế trong bối cảnh hiện nay.

---

1. Ban Tuyên giáo Trung ương: Hướng dẫn chi tiết chuyên đề “Hội nhập quốc tế”, Hướng dẫn số 42-HD/BTGTW ngày 1/9/2017.

2. Trong Nghị quyết Đại hội XI của Đảng (1/2011) đã xác định chủ trương “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế”, lần đầu tiên cụm từ “ngoại giao văn hóa” được sử dụng và đặt vị trí ngang hàng với ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế.

### 1. Nhìn lại vai trò, khẳng định những giá trị của Đề cương về văn hóa năm 1943

Để “chống lại văn hóa phát xít phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉ dân” của Nhật - Pháp và tay sai, “chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm,...”, đồng thời “phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương”,... tháng 2/1943, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và thông qua bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo. Đề cương đã tập trung vào 5 nội dung về nhiệm vụ và giải pháp chiến lược đối với văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ.

Bản đề cương ngắn gọn nhưng súc tích, phương pháp tiếp cận khoa học và biện chứng, đã bao quát được các vấn đề cơ bản về khái niệm, phạm trù, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc “xây dựng nền văn hóa mới”, đặc biệt là đã toát lên được tinh thần, sự cần thiết về một cuộc cách mạng văn hóa tư tưởng do Đảng lãnh đạo. Mặc dù ở dạng đề cương, nhưng văn kiện hàm chứa những vấn đề lý luận cơ bản, những thực tiễn cốt yếu của văn hóa Việt Nam, đặt nền móng cho việc xây dựng lý luận văn hóa cách mạng mang tính định hướng các hoạt động trên mặt trận tư tưởng và văn hóa. Đề cương là văn kiện đầu tiên Đảng ta thể hiện rõ quan điểm về văn hóa, về vị trí của văn hóa trong tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, có vai trò định hướng đúng đắn, soi sáng cho con đường phát triển và tất thắng của văn hóa Việt Nam.

Trong bối cảnh đấu tranh cách mạng những năm đầu của thập kỷ 40 của thế kỷ XX, khi cả dân tộc đang rên xiết dưới ách đô hộ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, Đề cương là ngọn cờ tập hợp, đoàn kết, cổ vũ đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ hăng hái tham gia sự nghiệp cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị, Đề cương chỉ rõ, cách mạng chính trị phải giành thắng lợi trước rồi cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa mới có điều kiện thực hiện thắng lợi, và khẳng định cách mạng văn hóa muốn thành công phải do Đảng lãnh đạo.

Trong 80 năm qua, Đảng ta đã kế thừa và không ngừng bổ sung, phát triển Đề cương văn hóa trong nghị quyết các kỳ Đại hội, Cương lĩnh xây dựng đất nước, hình thành chiến lược “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, đáp ứng các mục tiêu, nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; văn hóa là một mặt trận; xây dựng, phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng (Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, 1998).

## **2. Những vấn đề kế thừa, phát huy “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 trong hội nhập quốc tế hiện nay**

Đề cương được xem như “Cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa”, đã đề ra định hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam “dân tộc - đại chúng - khoa học”, trong suốt 80 năm, đi qua hai cuộc kháng chiến, trong thời kỳ đổi mới và hội nhập hiện nay, vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, tính khoa học và thời sự. Đó chính là những cơ sở để chúng ta kế thừa và phát triển, vận dụng sáng tạo vào sự nghiệp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa gắn với mục tiêu phát triển và hội nhập quốc tế hiện nay.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 phản ánh nhận thức đúng đắn của Đảng ta về tầm quan trọng của văn hóa đối với sự nghiệp cách mạng và chiến lược phát triển của đất nước. Giá trị quan trọng của Đề cương là đặt văn hóa ở vị trí hàng đầu, trong đó giá trị cốt lõi thể hiện trong ba nguyên tắc vận động của văn hóa là “dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa”, chính là nền tảng lý luận cho định hướng xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam hiện nay. Với tính chất của một “cương lĩnh hành động” đáp ứng nhiệm vụ “văn hóa cứu quốc”, Đề cương đã đưa ra ba nguyên tắc: Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng); Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

*Về nguyên tắc “dân tộc hóa”:*

Từ yêu cầu của lịch sử, Đề cương đã đặt nguyên tắc “dân tộc” ở vị trí hàng đầu, phản ánh khát vọng lớn nhất là giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, từ đó định hướng quần chúng, các tầng lớp trí thức về nhiệm vụ giải phóng dân tộc, nhiệm vụ “văn hóa cứu quốc”. Từ nhiệm vụ “Xây dựng nền văn hóa mang tính dân tộc” đã đặt ra nghĩa vụ bảo tồn và gìn giữ văn hóa truyền thống dân tộc. Nguyên tắc này không chỉ đặt ra yêu cầu giữ gìn văn hóa truyền thống mà còn đấu tranh chống lại tư tưởng xa rời, lãng quên truyền thống; đồng thời, đấu tranh chống lại các xu hướng, tư tưởng tiếp thu văn hóa nước ngoài một cách máy móc, thiếu chọn lọc. Như vậy, ngay từ trong nhiệm vụ giữ gìn truyền thống đã bao hàm nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa mới mang tính dân tộc. Nền văn hóa mới mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xướng là nền văn hóa không đóng kín, không thu mình trong phạm vi dân tộc mà hướng tới giao lưu và hội nhập với các nước, “phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới”<sup>1</sup>.

Nguyên tắc “dân tộc hóa” một mặt nhằm bảo đảm sự kế thừa truyền thống văn hóa của dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử đất nước, giữ gìn cội rễ, giữ gìn bản sắc riêng, những yếu tố thể hiện tâm hồn, cốt cách của con người Việt Nam, bảo đảm “đậm đà bản sắc dân tộc”; đồng thời, nhằm củng cố, khẳng định các giá trị bản sắc, văn hóa nền tảng để phân biệt với các dân tộc khác, quốc gia khác trong quá trình hội nhập. Suy cho cùng, “dân tộc hóa” là cơ sở để “quốc tế hóa”, tiếp thu văn hóa nhân loại trên nền tảng tinh thần độc lập, tự cường trong lĩnh vực văn hóa, như Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

*Về nguyên tắc “đại chúng hóa”:*

Nguyên tắc “đại chúng hóa” phản ánh nhận thức chủ nghĩa duy vật lịch sử về vai trò và chủ thể văn hóa là quần chúng nhân dân - người sáng tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần, sáng tạo ra văn hóa. Đây là một nguyên tắc quan trọng, bảo đảm xây dựng nền văn hóa Việt Nam “của dân, do dân, vì dân”,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.40.

“xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp toàn dân”. Nguyên tắc “đại chúng hóa” nhằm chống lại mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại hay xa rời quần chúng nhân dân, mà phải hướng vào phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ý chí của nhân dân. Trong cách mạng văn hóa tư tưởng, nguyên tắc “đại chúng hóa” nhằm bảo đảm văn hóa “nghệ thuật vị nhân sinh”, chống lại khuynh hướng tư sản hóa văn hóa “nghệ thuật vị nghệ thuật”, xa rời thực tiễn, thủ tiêu nhiệt tình đấu tranh cách mạng. Xét trong bối cảnh ra đời của Đề cương cho thấy, Đảng ta đề cao vai trò của nhân dân trong việc thực hiện thắng lợi cách mạng, hay đúng hơn, để có thể đoàn kết, tạo ra sức mạnh từ nhân dân, văn hóa là yếu tố then chốt, đó là văn hóa yêu nước.

Nguyên tắc “đại chúng hóa” nhằm bảo đảm xây dựng nền văn hóa dân tộc mang tính đại chúng. Đại chúng ở đây được hiểu là văn hóa được hình thành bởi quần chúng nhân dân, thuộc về đa số nhân dân, vì lợi ích nhân dân và đối với Việt Nam đó là cộng đồng 54 dân tộc. Tính đại chúng trong xây dựng nền văn hóa dân tộc còn thể hiện ở chỗ quần chúng nhân dân còn là những người kiểm nghiệm, đánh giá sản phẩm văn hóa. Vì vậy, nguyên tắc này giúp chúng ta đánh giá, nhìn nhận đúng vai trò chủ thể sáng tạo lịch sử, sáng tạo văn hóa là quần chúng nhân dân, xét cả trên khía cạnh bảo lưu, lưu truyền, thực hành và truyền dạy các giá trị văn hóa.

*Về nguyên tắc “khoa học hóa”:*

“Khoa học hóa” là một trong những nguyên tắc quan trọng đối với sự phát triển văn hóa, phản ánh sự vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Nguyên tắc “khoa học hóa” được đưa vào Đề cương là nhằm chống lại tất cả những gì trái khoa học, phản tiến bộ trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam, chống lại chủ nghĩa duy tâm thần bí, mê tín dị đoan; bài trừ các phong tục tập quán cổ hủ, làm cho nếp sống xã hội mỗi ngày một tiến bộ hơn, hợp với khoa học và văn minh. Trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, nguyên tắc “khoa học hóa” đặt ra sự cần phải thay đổi nhận thức, thói quen, lối sống, hướng đến những giá trị văn minh, từng bước loại bỏ yếu tố lạc hậu trong văn hóa, góp phần hình thành một nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa.

Nguyên tắc “khoa học hóa” nhằm bảo đảm tính chất khoa học của nền văn hóa qua sự kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những giá trị tốt đẹp trong các dòng

chảy văn hóa đông, tây, kim, cổ, hướng đến những giá trị tốt đẹp của thời đại, phù hợp với trào lưu của tư tưởng tiến bộ, hiện đại, hòa bình, độc lập dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Trong tiến trình xây dựng và phát triển, tính khoa học phản ánh quá trình vận động và đổi mới, làm cho văn hóa Việt Nam ngày càng hiện đại, vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Ngày nay, nền văn hóa mang tính khoa học phản ánh tư duy nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống, bài trừ hủ tục lạc hậu, đấu tranh với tư tưởng bảo thủ, trì trệ.

### **3. Từ “dân tộc, đại chúng, khoa học” đến “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”: Chiến lược hội nhập quốc tế trong xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay**

Hội nhập văn hóa quốc tế là quá trình giao lưu, tiếp xúc, liên kết, tương tác giữa các nền văn hóa của các quốc gia, các dân tộc, là quá trình tiếp thu có chọn lọc các giá trị và chuẩn mực phù hợp với văn hóa Việt Nam. Về bản chất, hội nhập quốc tế là hình thức phát triển cao của hợp tác quốc tế nhằm đạt được một mục tiêu hoặc lợi ích chung. “Hội nhập quốc tế là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức, thiết chế, cơ chế, hoạt động hợp tác quốc tế vì mục tiêu phát triển của bản thân mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ đó và nhằm tạo thành sức mạnh tập thể giải quyết những vấn đề chung mà các bên cùng quan tâm”<sup>1</sup>. Trong hội nhập quốc tế nói chung, Đảng và Nhà nước Việt Nam hướng đến mục tiêu củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Hội nhập, giao lưu văn hóa là một chủ trương chiến lược của Việt Nam, phản ánh quy luật tất yếu của quá trình phát triển xã hội hiện đại, luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, đổi mới

---

1. Ban Tuyên giáo Trung ương: Hướng dẫn chi tiết chuyên đề “Hội nhập quốc tế”, *Tlđđ*.

về hình thức, phương pháp,... và có vai trò quan trọng trong chính sách ngoại giao của nước ta. Trong Chiến lược ngoại giao văn hóa của Đảng và Nhà nước ta thể hiện rõ quan điểm: “Ngoại giao văn hóa cùng với ngoại giao kinh tế và ngoại giao chính trị là ba trụ cột của nền ngoại giao toàn diện, hiện đại Việt Nam. Ba trụ cột này gắn bó, tác động lẫn nhau, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Ngoại giao chính trị có vai trò định hướng, ngoại giao kinh tế là nền tảng vật chất và ngoại giao văn hóa là nền tảng tinh thần của hoạt động đối ngoại”<sup>1</sup>. Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ đối với việc “xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế”<sup>2</sup>.

Về nguyên tắc “dân tộc hóa”, nếu trong thời kỳ đấu tranh cách mạng, bản Đề cương được xem là “nguyên tắc hàng đầu”, thì trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay trở thành “nguyên tắc cơ bản và bao trùm”, nhằm bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững trận địa tư tưởng, văn hóa.

Kế thừa và thực hiện nguyên tắc “dân tộc hóa” trong hội nhập quốc tế là thực hiện các chính sách bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc, chính sách quảng bá di sản văn hóa truyền thống ra thế giới. Vận dụng nguyên tắc này nhằm nâng cao giá trị nội sinh, xây dựng củng cố bản sắc, bản lĩnh văn hóa Việt Nam trong hội nhập, giữ vững và không ngừng phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong quảng bá giá trị dân tộc ra thế giới thông qua những tác phẩm âm nhạc, văn học, nghệ thuật có giá trị nổi bật,... cần chú ý công tác dịch thuật để bảo đảm giá trị bản sắc, tính dân tộc trong mỗi tác phẩm, cần có chính sách tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ, trí thức tham dự các hoạt động hợp tác quốc tế, trao đổi chuyên môn, giao lưu nghệ thuật,... Trong tiếp thu các giá trị tinh hoa văn hóa thế giới, cần có chính sách tạo điều kiện thuận lợi để các nước, các tổ

---

1. Quyết định số 208/2011/QĐ-TTg, ngày 14/2/2011, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược ngoại giao đến năm 2020.

2. Quyết định số 1909/QĐ-TTg, ngày 12/11/2021, của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

chức quốc tế, các cơ quan văn hóa - du lịch nước ngoài giới thiệu đất nước, văn hóa, con người của họ với công chúng Việt Nam. Thông qua quá trình hội nhập, giao lưu, trao đổi giữa các quốc gia, các giá trị văn hóa dân tộc sẽ được nhận diện, được khẳng định, được bồi đắp, vừa góp phần làm giàu bản sắc dân tộc (tính dân tộc), vừa hòa chung với các giá trị nhân loại, vừa hội nhập với dòng chảy chung tiến bộ mang tính thời đại (tính quốc tế).

Nguyên tắc “dân tộc hóa” hướng đến chính sách quan tâm cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài - là những người vừa gìn giữ, phát triển văn hóa truyền thống của dân tộc, vừa là cầu nối để truyền bá, lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam đến các nước. Cần vận dụng nguyên tắc “dân tộc hóa” để tác động, khơi gợi lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương, góp phần vào giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, để gắn kết cộng đồng người Việt Nam trên thế giới hướng về Tổ quốc, thúc đẩy việc lan tỏa các giá trị Việt Nam ra thế giới.

Vận dụng nguyên tắc “dân tộc hóa” dựa trên các nguồn lực di sản và giá trị truyền thống, văn hóa được sử dụng như một đối tượng và phương tiện thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ đối ngoại, là chất xúc tác tạo dựng lòng tin và thiện cảm, là cầu nối hướng đến hợp tác trên các lĩnh vực khác, giúp phát triển và mở rộng ảnh hưởng, xây dựng bản sắc “văn hóa ngoại giao”. Trên góc độ này, di sản văn hóa dân tộc chính là “quyền lực mềm” khẳng định vị thế Việt Nam trong quan hệ, hội nhập quốc tế.

Nguyên tắc “dân tộc hóa” có vai trò rất quan trọng trong hội nhập quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh thế giới ngày càng nhiều xung đột, các quốc gia gia tăng cạnh tranh, mâu thuẫn văn hóa, tôn giáo, sắc tộc vẫn phổ biến, sự bùng phát các trào lưu tư tưởng, văn hóa độc hại, cực đoan, dân túy, diễn biến hòa bình, xem nhẹ bản sắc, băng hoại truyền thống,... Hội nhập quốc tế vừa là thời cơ, đồng thời cũng là thách thức, việc vận dụng nguyên tắc này nhằm tạo dựng bản lĩnh, lập trường cho các dân tộc, quốc gia chống lại các giá trị phản văn hóa, phản nhân văn, thúc đẩy sự hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau cùng hợp tác, cùng hướng tới giá trị chung về chân, thiện, mỹ. Việc đề cao nguyên tắc dân tộc trong quá trình hội nhập văn hóa nhằm bảo đảm an ninh tư tưởng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tăng sức đề kháng để



ngăn chặn, tẩy chay các sản phẩm văn hóa, thông tin độc hại từ bên ngoài xâm nhập vào nước ta.

Sự kế thừa và phát huy nguyên tắc “đại chúng hóa” trong hội nhập quốc tế về văn hóa đặt ra cho Việt Nam yêu cầu chủ động, tăng cường hợp tác, mở rộng giao lưu quốc tế về văn hóa với các nước bằng nhiều hình thức đa dạng: tổ chức hội thảo giới thiệu, truyền bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài; tiến hành giao lưu văn học, nghệ thuật, âm nhạc, điêu khắc; tham gia các sự kiện văn hóa nghệ thuật quốc tế (EXPO, Biennale), như thi hoa hậu, thời trang, âm nhạc,...; tổ chức ngày văn hóa, tuần văn hóa, ẩm thực thuần Việt trong và ngoài nước; dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam; xây dựng trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài. Trong đó, cần chú trọng phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài, họ trở thành cầu nối đưa hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam ra thế giới. Ở góc độ này, tính đại chúng được nhìn nhận trên khía cạnh ngoại giao công chúng, ngoại giao nhân dân,...

Nguyên tắc “đại chúng hóa” cũng cần được xem xét gắn với chính sách phát triển công nghiệp văn hóa. Trong hội nhập quốc tế, để các giá trị văn hóa tham gia sâu rộng vào chuỗi sản phẩm, dịch vụ văn hóa toàn cầu, cần tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu, xây dựng và phát triển thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước. Vì vậy, cần ưu tiên phát triển ngành công nghiệp văn hóa, hoàn thiện cơ chế thị trường trong lĩnh vực văn hóa để thúc đẩy phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ công nghiệp văn hóa độc đáo, tiêu biểu. “Đại chúng hóa” trong hội nhập quốc tế thể hiện qua chiến lược định vị sản phẩm văn hóa và sáng tạo dựa trên giá trị dân tộc, thông qua việc thúc đẩy tạo điều kiện cho các thành phố văn hóa, thành phố di sản của Việt Nam như Hà Nội, Huế, Hội An,... tham gia mạng lưới của UNESCO.

Vận dụng nguyên tắc “đại chúng hóa” trong bối cảnh hội nhập hiện nay cần chú ý đến yếu tố truyền thông và vai trò của truyền thông đại chúng trong giao lưu văn hóa. Với sự hỗ trợ của Internet, mạng xã hội và công nghệ, đời sống văn hóa, giá trị văn hóa được truyền bá ngày càng mạnh mẽ, phổ cập liên tục, nhanh chóng, rộng rãi đến công chúng không chỉ trong nước mà cả ngoài nước. Tuy nhiên, cần có hình thức truyền tải phù hợp, bảo đảm chân thực, chính xác hệ giá trị văn hóa chuẩn mực, nét đẹp truyền thống Việt Nam,

để định hướng công chúng trong quá trình giao lưu tiếp nhận các giá trị văn hóa tiến bộ của thế giới một cách chủ động, cũng như tăng sức mạnh đề kháng với văn hóa lai căng, phản giá trị. Tính đại chúng trong hoạt động quảng bá, giới thiệu di sản văn hóa, các danh lam, thắng cảnh Việt Nam ra nước ngoài chính là tính “quốc tế hóa”. Đất nước, con người, văn hóa Việt Nam cần được quảng bá chính thống trên các trang tin điện tử, tạp chí, kênh truyền hình uy tín và nổi tiếng toàn cầu như CNN, Travel and Leisure, National Geographic, Condé Nast Traveler, Agoda, Booking,... để có tính lan tỏa mạnh. Bên cạnh đó, thúc đẩy và hỗ trợ các địa phương tham gia các sự kiện văn hóa quốc tế như liên hoan phim, liên hoan xiếc, liên hoan âm nhạc, sự kiện thể thao khu vực SeaGame, Asiad,... Đồng thời, hỗ trợ các địa phương tổ chức các sự kiện văn hóa quốc tế như Festival Huế, Liên hoan phim quốc tế Hà Nội, Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng, Lễ hội cà phê quốc tế Lâm Đồng, Tuần lễ thiết kế quốc tế Hà Nội,... thu hút đông đảo các vận động viên, nghệ sĩ, các nhà chuyên môn, nhà báo, du khách quốc tế tham gia, góp phần lan tỏa mạnh mẽ các giá trị văn hóa Việt Nam tới bạn bè quốc tế.

Kế thừa nguyên tắc “đại chúng hóa” trong bối cảnh hiện nay chính là thể hiện quan điểm “xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp toàn dân”, thực hiện xã hội hóa trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển cho văn hóa, kể cả các nguồn từ nước ngoài. Hiện nay, nguồn vốn này chưa được phát huy, chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ, vì vậy cần có các chính sách khuyến khích, ưu đãi cho các doanh nghiệp tư nhân tham gia hoạt động giao lưu văn hóa có yếu tố nước ngoài.

Sự kế thừa và vận dụng nguyên tắc “khoa học hóa” trong quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số, sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặt ra yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực, đội ngũ trí thức, chuyên gia nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật đáp ứng yêu cầu hội nhập về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, khả năng giao tiếp, đặc biệt là nhận thức và hiểu biết về văn hóa. Trong thực tiễn, nguồn nhân lực đối ngoại ở các bộ, ngành, địa phương không đồng đều về trình độ, khả năng ngoại ngữ, cũng như sự am hiểu về văn hóa, luật pháp và phong tục, tập quán quốc tế. Cùng với việc xây dựng hệ thống trung tâm văn hóa của Việt Nam ở nước ngoài, cần có chiến lược đào tạo khoa học và bài bản,

hình thành đội ngũ tham tán văn hóa, tùy viên văn hóa tại các cơ quan đại diện ngoại giao.

Sự vận dụng và kế thừa nguyên tắc “khoa học hóa” trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, đòi hỏi phải bảo đảm tính khoa học, tự chủ và linh hoạt trong xây dựng chiến lược ngoại giao văn hóa đáp ứng tình hình mới, hình thành cơ chế điều phối ở cấp quốc gia về các hoạt động giao lưu văn hóa. Tính khoa học thể hiện ở sự chủ động ứng cử tham gia, đóng góp vai trò tích cực tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế về văn hóa, tăng cường sự hiện diện và uy tín của Việt Nam tại các sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch quốc tế. Đề cao nguyên tắc “khoa học hóa”, coi ngoại giao văn hóa là lĩnh vực mở đường trong tiến trình vận động, trao đổi, nhằm tăng cường sự hiểu biết, thân thiện, uy tín, từ đó giúp đẩy mạnh hợp tác đầu tư trên các lĩnh vực khác (thương mại, du lịch, văn hóa - nghệ thuật, kinh tế, giáo dục, môi trường, xã hội,...).

Nguyên tắc “khoa học hóa” còn được thể hiện trong việc nghiên cứu xây dựng ban hành các chủ trương, chính sách thúc đẩy hội nhập quốc tế về văn hóa, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy, các chính sách thúc đẩy ngoại giao văn hóa, điều chỉnh các hoạt động, các đối tượng tham gia giao lưu quốc tế về văn hóa, cũng như củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức và hoạt động của các cơ quan đối ngoại. Tính khoa học thể hiện trong việc hoàn thiện các văn bản pháp lý phù hợp với luật pháp quốc tế, nắm vững các cam kết quốc tế, các thỏa thuận hợp tác quốc tế về văn hóa,... mà Việt Nam tham gia. Tính khoa học thể hiện trong các chiến lược hợp tác quốc tế của các cơ quan, ban, ngành, tổ chức từ trung ương đến địa phương, thông qua đó quảng bá văn hóa dân tộc một cách khoa học, hiệu quả. Trong giai đoạn hiện nay, cần có chính sách đặc thù để phát huy hết giá trị tiềm năng văn hóa của những thành phố, trung tâm lớn như Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội An,... tạo mọi điều kiện để xây dựng thành các trung tâm văn hóa du lịch đặc sắc của khu vực và châu Á, “kinh đô áo dài”, “kinh đô ẩm thực”, “thành phố Festival”, “thành phố văn hóa của Asean”, thành viên của mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO về các lĩnh vực ẩm thực, thiết kế, điện ảnh, văn học,... hướng tới chiến lược quốc tế hóa một cách chuẩn mực và chuyên nghiệp các Festival Huế, Festival biển Nha Trang, Lễ hội hoa Đà Lạt, Lễ hội cà phê Lâm Đồng, Lễ hội pháo hoa Đà Nẵng, Lễ hội Carnival Hải Phòng, Quảng Ninh, Lễ hội hang động quốc tế Phong Nha - Kẻ Bàng...

“Khoa học hóa” trong hội nhập quốc tế về văn hóa còn được đặt ra dưới góc độ hợp tác nghiên cứu khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, hợp tác nghiên cứu khoa học về văn hóa nghệ thuật của các trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu, các trường đại học, triển khai các đề tài, dự án hợp tác quốc tế cũng như thúc đẩy công bố quốc tế các công trình khoa học về văn hóa, nghệ thuật, tư tưởng,...

\*

\* \*

Việc kế thừa và phát huy các giá trị của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* dựa trên tinh thần quán triệt quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa phải được đặt ngang hàng và phát triển hài hòa với kinh tế, chính trị, xã hội; đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, văn hóa phải thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với khoa học công nghệ mới, hiện đại,... Vì vậy, trong xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc, cần phải tích cực chủ động hợp tác và quảng bá các giá trị văn hóa của Việt Nam ra thế giới, góp phần quan trọng nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế, tạo dựng môi trường hòa bình, bảo vệ độc lập dân tộc, bảo đảm sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Việc kế thừa, vận dụng và phát huy các giá trị cốt lõi của *Đề cương* trong hội nhập quốc tế hiện nay góp phần vào thực hiện mục tiêu của chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2030, “sử dụng công cụ văn hóa trong ngoại giao nhằm đưa quan hệ Việt Nam với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động nguồn lực bên ngoài, biến điều kiện thuận lợi, vị thế đất nước thành nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời dùng các biện pháp ngoại giao để tôn vinh các giá trị, vẻ đẹp của văn hóa Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, qua đó khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, tăng cường sức mạnh mềm, nâng cao vị thế đất nước”<sup>1</sup>.

---

1. Quyết định số 2013/QĐ-TTg, ngày 30/11/2021, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

Việc kế thừa và phát huy các giá trị và nguyên tắc “dân tộc, đại chúng, khoa học” nhằm góp phần nâng cao hiệu quả, thúc đẩy mạnh mẽ “ngoại giao văn hóa” của Việt Nam trong thời gian tới, hướng tới cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước đề ra, góp phần nâng tầm và lan tỏa các giá trị Việt Nam đến cộng đồng quốc tế, đó là: Thúc đẩy và làm sâu sắc hơn quan hệ, lòng tin giữa Việt Nam với các quốc gia, khu vực, các tổ chức quốc tế; hội nhập chủ động, sâu rộng trong các lĩnh vực về văn hóa tại các tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế; quảng bá và lan tỏa hình ảnh về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế; vận động, bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa Việt Nam được quốc tế công nhận; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc<sup>1</sup>.

---

1. Xem Quyết định số 2013/QĐ-TTg, ngày 30/11/2021, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

# GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”

ThS. VŨ THANH TÙNG\*

## 1. Nguồn gốc Đề cương văn hóa

### 1.1 Sự ra đời của Đề cương văn hóa

Đề cương văn hóa ra đời cách đây 80 năm, trong bối cảnh cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đang trong tình thế nước sôi lửa bỏng. Lúc bấy giờ Chiến tranh thế giới thứ hai đang lan rộng trên toàn thế giới, khắp nơi chìm trong khói lửa chiến tranh và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Dân tộc ta đang trong tình cảnh vô cùng cực khổ, các đế quốc Nhật, Pháp thi nhau vơ vét, bóc lột nhân dân ta; để bóp nghẹt phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, chúng ra sức đàn áp, khủng bố; riêng về mặt văn hóa, chúng tiến hành những thủ đoạn phát xít để trói buộc và bức tử nền văn hóa Việt Nam, nhằm ngăn chặn giới trí thức, văn nghệ sĩ, học sinh yêu nước chịu ảnh hưởng của Đảng, muốn đi theo cách mạng.

Trước bối cảnh tình hình chính trị và tư tưởng trong xã hội biến chuyển phức tạp, Đảng ta đã quyết định tổ chức Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng từ ngày 25 đến 28/2/1943 ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên, nay thuộc Hà Nội). Tại Hội nghị này, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo đã được thông qua. Bản Đề cương được ví như bản cương lĩnh đầu tiên về văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam, đánh dấu một sự kiện chính trị quan trọng, tạo nền tảng cho sự nghiệp lâu dài xây dựng một nền văn hóa mới mẻ bền vững.

---

\* Đại học Tài chính Marketing.

Ra đời trong bối cảnh đất nước chưa giành được độc lập, tình hình chính trị xã hội rối ren, Đề cương đã đề ra một trong những mục tiêu căn bản là sử dụng văn hóa để trở thành sức mạnh cho dân tộc. Bản Đề cương thể hiện tầm nhìn xa, tư duy lý luận sắc bén, khả năng đúc kết thực tiễn của một Đảng Cộng sản Việt Nam, dẫu tuổi đời lúc ấy còn non trẻ, mới có 12 năm lãnh đạo cách mạng. Cho đến nay, nhiều luận điểm, chủ trương của Đề cương văn hóa vẫn còn nguyên vẹn giá trị, để các thế hệ đi sau có thể kế thừa, phát huy sức mạnh văn hóa trong công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế, chính trị, văn hóa Việt Nam. Trải qua thực tiễn phát triển hàng nghìn năm, văn hóa đã tạo nên sức mạnh nhận thức về lòng yêu nước, giúp nhân dân ta chiến thắng trước mọi kẻ thù xâm lược. Vũ khí lớn nhất của chúng ta trong công cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước chính là lòng yêu nước. Từ những câu ca dao, tục ngữ về lòng yêu nước, những giai thoại gắn bó với các anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... nhân dân ta đã có thể đánh mọi kẻ thù xâm lược, cho dù đó là các đế quốc, thực dân sừng sỏ như Mông Cổ, đế quốc Mỹ, thực dân Pháp, phát xít Nhật...

Kế thừa Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII và Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương khóa XI đã đưa ra những văn kiện quan trọng của Đảng về phát triển văn hóa Việt Nam, làm nền tảng cho công cuộc phát triển nền văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Mới đây nhất, nhằm tiếp tục phát huy giá trị lịch sử, giá trị thực tiễn to lớn của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đồng thời triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng Đề án tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm ra đời Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943-2023). Nội dung của đề án đề cao văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

### **1.2. Vai trò của Đề cương văn hóa**

Theo GS.TS. Đinh Xuân Dũng (2023), nguyên Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận phê bình Văn học nghệ thuật Trung ương, *Đề cương về văn*

*hóa Việt Nam* ra đời vào năm 1943 là sự thể hiện đầy sức thuyết phục về tầm nhìn, bản lĩnh và sự nhiệt huyết của những người cộng sản Việt Nam.

Có thể nói trong lịch sử 80 năm ngành Tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2010), *Đề cương về văn hóa Việt Nam* là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ, phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hóa dưới ách thực dân - đế quốc, vạch ra đường lối văn hóa cách mạng, tiến tới xây dựng nền văn hóa dân tộc, nhân dân.

Đây là văn kiện có giá trị lịch sử to lớn và sâu sắc của Đảng, được coi là Tuyên ngôn của Đảng về một nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng. Đề cương văn hóa Việt Nam ra đời trong bối cảnh rối ren thời đó, đã toả sáng như một ngọn đuốc soi đường, tập hợp những con người yêu nước vào Hội Văn hóa Cứu quốc (thành viên của Mặt trận Việt Minh). Cho đến nay, nhiều luận điểm, nguyên tắc và tinh thần chính của bản Đề cương vẫn là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt các văn kiện của Đảng về văn hóa, văn nghệ, góp phần định hướng công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam. Đề cương đã thể hiện một tầm nhìn xa trông rộng, với lối tư duy lý luận sắc bén, sự đúc kết thực tiễn sâu sắc. Bản Đề cương không chỉ có ý nghĩa thời sự, cấp bách, đáp ứng nhu cầu cách mạng khi đó, mà còn trở thành kim chỉ nam định hướng cho sự phát triển dài lâu của văn hóa Việt Nam.

Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 đã thổi một luồng không khí mới cho văn hóa Việt Nam. Sự khai phóng về tư tưởng văn hóa, đường hướng trở về với dân tộc, nhân dân và góc nhìn sự vật dưới con mắt biện chứng đã đem lại một nguồn cảm hứng mới cho những con người trí thức làm văn hóa, làm cách mạng. Đề cương đã làm thay đổi nhận thức của xã hội trong khâu tập hợp lực lượng, đoàn kết toàn dân, cố kết cộng đồng trong những ngày đầu cách mạng. Từ đó nhiều văn nghệ sĩ, nhân sĩ, các nhà hoạt động văn hóa từ bỏ quan niệm cũ, chấp nhận một thế giới quan và nhân sinh quan mới.

Ra đời trong bối cảnh cam go “độc lập hay là chết”, Đề cương văn hóa đã thể hiện thái độ cách mạng triệt để, không khoan nhượng nhằm huy động tổng lực sức mạnh của toàn dân. Sau này, khi đất nước đã giành được độc lập, cùng với sự phát triển ngày càng đi lên của nhận thức và tư duy khoa học, Đảng ta đã tiến hành điều chỉnh, mở rộng và phát triển thêm nhiều nội dung



trong Đề cương văn hóa. Có thể nói Đề cương đã đặt nền móng lý luận và thực tiễn cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam

## **2. Các giá trị cốt lõi của Đề cương văn hóa**

### ***2.1. Khẳng định vai trò lãnh đạo không thể thay thế của Đảng Cộng sản Việt Nam***

Đề cương văn hóa đã khẳng định vai trò lãnh đạo không thể thay thế của Đảng Cộng sản Việt Nam (thời điểm đó mang tên Đảng Cộng sản Đông Dương) đối với công cuộc giải phóng đất nước và xây dựng nền văn hóa mới: Cách mạng văn hóa ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện phát triển. Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

Tại thời điểm 1943, Việt Nam có nhiều đảng phái cũng như các chí sĩ yêu nước đang tích cực hoạt động nhưng đều không đủ sức tập hợp toàn dân đứng lên đấu tranh và lãnh đạo cách mạng hoạt động. Chỉ duy nhất có Đảng Cộng sản Việt Nam mới có thể đảm đương được sứ mệnh thời đại này. Điều ấy sau này được minh chứng trong cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công năm 1945, cũng như các giai đoạn cách mạng sau đó.

*Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã xác định cách mạng văn hóa muốn thành công thì phải do Đảng lãnh đạo.

Theo TS. Nguyễn Viết Chúc (2023), Đề cương văn hóa đã cho thấy Đảng lãnh đạo toàn diện tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng...; vì vậy, tập trung đầu tư cho văn hóa, xác định lại để quán triệt sâu sắc Đề cương về văn hóa Việt Nam cách đây 80 năm với toàn bộ đường lối, những nghị quyết của Đảng và đem những những đường lối đúng đắn đó vào cuộc sống thì mới có thể loại bỏ những điều không tốt đẹp trong xã hội.

### ***2.2. Đặt nền tảng cho lý luận của văn hóa Việt Nam***

Có thể nói Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 ra đời đã đáp ứng nhu cầu cấp thiết của thời đại cũng như nhu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam khi đó, đồng thời đặt nền móng lý luận căn bản và định hướng lâu dài cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam; từ đó tiến tới thống nhất tư tưởng, nhận thức, định hướng học thuật cho những người làm văn hóa, văn nghệ.

GS.TS. Đinh Xuân Dũng (2023) khẳng định: Trong vị trí lịch sử của nó, Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 hoàn toàn có giá trị như là một Cương lĩnh đầu tiên, là chiến lược đầu tiên về văn hóa của chúng ta. Theo ông, ba luận điểm làm rõ “thái độ của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với văn hóa” được trình bày ngắn gọn, cô đúc trong Đề cương có giá trị khai phá mở đường, khẳng định tính nguyên tắc và trách nhiệm của Đảng đối với sự nghiệp văn hóa đó là: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), ở đó, người cộng sản phải hoạt động”; “Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa” và “Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”.

Nhìn chung, Đề cương văn hóa Việt Nam đã đưa ra và giải quyết những vấn đề căn bản như: quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng; chức năng của văn hóa nghệ thuật; sự đúng đắn của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; nguyên tắc và cách thức đấu tranh cho một nền văn hóa độc lập, tự chủ, khoa học, đại chúng,...

### ***2.3. Xác lập ba nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa Việt Nam***

Giá trị thực tiễn quan trọng của Đề cương văn hóa là đã xác lập chuẩn xác ba nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa Việt Nam là dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Thực tế đã chứng minh, ba nguyên tắc này đã làm chuyển biến nền văn hóa Việt Nam từ chỗ chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa phong kiến, thực dân, nô dịch trở nên độc lập, tự cường, vừa tiên tiến vừa đậm đà bản sắc dân tộc.

“Dân tộc hóa” là chống mọi ảnh hưởng nô dịch, thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. “Đại chúng hóa” là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đại chúng hoặc xa đông đảo quần chúng. Còn “khoa học hóa” là chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ.

#### *Dân tộc hóa*

Cụ thể “dân tộc hóa” nghĩa là chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái hóa, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉnh dân. Xuyên suốt chiều dài lịch sử

dựng nước và giữ nước, Việt Nam đã phải trải qua hơn một nghìn năm Bắc thuộc, tất yếu nên văn hóa nước ta chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Đến thời Pháp, Nhật và sau này là Mỹ, xâm lược Việt Nam, họ đều đề cao văn hóa ngoại lai, hạ thấp văn hóa Việt Nam. Giai đoạn Pháp thuộc, nước ta bị thực dân Pháp thực hiện chính sách văn hóa nô dịch, coi rẻ văn hóa bản xứ; họ tự xem mình là “Mẫu quốc” giúp “khai hóa văn minh” dân tộc An Nam ngu muội, dã man, đồng thời gieo rắc tư tưởng phục Pháp, sùng Pháp. Chưa dừng ở đó, phát xít Nhật còn tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á trên đất nước Việt Nam, tự coi người Nhật là cứu tinh của người da vàng, xem văn hóa Nhật Bản là “chiếu rọi những tia sáng văn minh, tiến bộ cho giống nòi Đại Đông Á”. Bối cảnh và tiến trình lịch sử như thế càng khẳng định nguyên tắc Dân tộc hóa do Đề cương văn hóa khởi xướng là cực kì cần thiết đối với văn hóa Việt Nam khi đó và cả sau này. Bởi nguyên tắc dân tộc hóa đã góp phần xây dựng một nền văn hóa Việt Nam độc lập, tự cường, mang đậm bản sắc dân tộc. Nó thúc đẩy cuộc đấu tranh về tiếng nói, chữ viết, cải cách chữ quốc ngữ, bảo vệ và phát huy tinh hoa di sản văn hóa của cha ông, chống lại sự lai căng, đua đòi theo văn hóa phương Tây. Sau khi Việt Nam giành được độc lập, lãnh thổ hai miền được thống nhất, nguyên tắc dân tộc hóa càng góp phần khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc xây dựng nên văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tạo nên diện mạo mới cho văn hóa Việt Nam; đồng thời lan tỏa nét đẹp văn hóa Việt ra cộng đồng quốc tế. Nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật, nghiên cứu, phê bình... giàu bản sắc dân tộc đã được phổ biến khắp nơi trên toàn thế giới.

#### *Đại chúng hóa*

“Đại chúng hóa” là chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa rời quần chúng. Xuyên suốt tiến trình cách mạng, Đảng ta đã không ngừng hoàn thiện, điều chỉnh và bổ sung nguyên tắc này. Đại chúng ở đây chính là nhân dân, là quảng đại quần chúng; đại chúng còn là tính chất dân chủ của nền văn hóa, khi người dân được trao toàn quyền sáng tạo và hưởng thụ văn hóa.

Tính đến thời điểm đó, “đại chúng hóa” là một nguyên tắc mới hoàn toàn trong lịch sử. Nó cực kì tiến bộ và thể hiện tầm nhìn xa của Đề cương văn hóa Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử văn hóa dân tộc, nhân dân lao động được

xác định vừa là đối tượng vừa là chủ thể của nền văn hóa nước nhà. Đề cương văn hóa Việt Nam đã xác định nền văn hóa nước ta là của dân, do dân và vì dân. Nguyên tắc này đã đưa văn hóa Việt Nam tiến lại hơn với đa số quần chúng, bởi lúc này văn hóa nghệ thuật không còn là đặc quyền của một số ít thành phần, mà trở thành tài sản chung của toàn dân. Điều này rất phù hợp với xu thế thời đại. Sau Cách mạng Tháng Tám, Việt Nam từ một nước có hơn 90% dân số mù chữ đã trở thành một nước có nền văn hóa mới, đạt được những thành tựu lớn chưa từng có trong lịch sử.

#### *Khoa học hóa*

“Khoa học hóa” được định nghĩa là chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Khoa học hóa xem xét mọi vấn đề của văn hóa trên cơ sở khoa học, đề cao tư tưởng, học thuật, phát triển các ngành khoa học. Nguyên tắc này đấu tranh chống lại mọi hình thức lạc hậu, phản khoa học, cản trở sự phát triển của văn hóa hiện đại, tư tưởng hiện đại.

Đây là nguyên tắc rất cần thiết và trong bối cảnh phát triển đất nước, ngày càng mạnh mẽ hơn trong giai đoạn nước ta đã độc lập. Nó góp phần đấu tranh cho nhận thức và tư tưởng khoa học đúng đắn, đả phá những học thuyết sai trái, trang bị cho giới trí thức, công cụ lý luận chống lại văn hóa bảo thủ, triết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, quá trớn, phong kiến phục cổ, tư sản...

#### ***2.4. Dự báo tiền đồ, tương lai của văn hóa Việt Nam***

GS.TS. Đinh Xuân Dũng (2023) nhấn mạnh, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 không chỉ có giá trị gắn với yêu cầu của thời kỳ 1943-1945, mà còn hàm chứa một nội dung rất sâu sắc, chính là những dự báo sáng suốt về tương lai của văn hóa Việt Nam. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 có tác dụng định hướng cả về hướng đi, cách thức xây dựng và hoạt động của cả nền văn hóa nên nó có tác dụng lâu dài với cách mạng Việt Nam nói riêng và quá trình xây dựng, phát triển đất nước nói chung. Các phương châm dân tộc mang tính khoa học và đại chúng, cho đến tận ngày nay vẫn chứng tỏ được tính đúng đắn của chúng. Thời gian đã chứng minh con đường trở về với nhân dân, gắn bó máu thịt với cuộc sống của nhân dân mới là điều kiện tiên quyết

bảo đảm cho văn hóa dân tộc phát triển, dẫn cho xã hội có trải qua bao nhiêu thăng trầm, biến động đi chăng nữa.

Nổi bật trong Đề cương văn hóa là hai “ức thuyết”: một là, nền văn hóa phát xít (văn hóa trung cổ và nô dịch hóa) thắng thì văn hóa Việt Nam nghèo nàn, thấp kém và hai là, văn hóa Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới. Từ đó, Đề cương văn hóa 1943 đã dự báo: Căn cứ vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội hiện nay, cách mạng dân tộc Việt Nam nhất quyết sẽ làm cho ước thuyết thứ hai trở nên sự thực. Đề cương thể hiện khả năng dự báo chính xác khi khẳng định tiền đề của văn hóa Việt Nam: Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới. Hai năm sau đó, điều này đã trở thành hiện thực, Cách mạng Tháng Tám đã khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, độc lập tự do hạnh phúc.

GS.TS. Đinh Xuân Dũng (2023) nhận định: Đến nay, ước thuyết trên đã trở thành hiện thực gần 80 năm qua. Song, đặt ước thuyết đó vào thời điểm chúng ta đang “tay trắng” thì phải thấy rằng, đó là một dự báo tài tình, là kết quả của sự linh cảm, của niềm tin và đồng thời của sự phân tích khoa học thực trạng và sự vận động của lịch sử. Theo ông, dự báo thứ hai của Đề cương còn có ý nghĩa chiến lược sâu sắc hơn, đó là sự khẳng định một quy luật có tính phổ quát của toàn bộ sự nghiệp cách mạng: Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành cuộc cải tạo xã hội.

\*

\* \*

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang đứng trước những thời cơ và vận hội lớn, nhưng những khó khăn, thử thách cũng tạo nên trở ngại lớn cho quá trình phát triển. Hơn bao giờ hết, sức mạnh văn hóa trở thành một cột trụ, động lực lớn giúp nhân dân và đất nước vượt qua muôn ngàn sóng gió. Đề cương văn hóa 1943 đã và đang chứng tỏ vai trò quan trọng của nó trong các hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng

lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung trong gia đình và cộng đồng.

Từ khi Đề cương văn hóa ra đời và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, văn hóa đã trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Văn hóa yêu nước cũng như văn hóa đời sống lành mạnh đã thâm nhập vào từng gia đình và khu phố, từng con người và tổ chức, lan tỏa từ thành thị đến nông thôn. Trong giai đoạn hiện nay, văn hóa là kế thừa các giá trị truyền thống mới của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa mới của nhân loại, trên cơ sở hòa lẫn không hòa tan. Chúng ta cần nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân, tuân thủ theo các nguyên tắc của “nền văn hóa xã hội chủ nghĩa”, “cách mạng nhất và tiến bộ nhất” mà Đề cương văn hóa Việt Nam đã khởi xướng ra từ năm 1943.

## VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC PHÁT HUY NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC HÓA, ĐẠI CHÚNG HÓA, KHOA HỌC HÓA” TRONG “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943

ThS. PHẠM THỊ THANH TUYỀN\*

### 1. Một số thuật ngữ cơ bản

#### *Đời sống văn hóa*

Khi nói đến đời sống văn hóa, người ta thường nhấn mạnh đến một lĩnh vực đặc thù của đời sống xã hội và quá trình sản xuất, tái sản xuất ra các giá trị văn hóa cũng như sự tổng hòa các hoạt động tinh thần của xã hội như: hoạt động tư tưởng, khoa học, giáo dục, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng... Trong cuốn *Giáo trình lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng* của Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh cho rằng: “Đời sống văn hóa là một bộ phận của đời sống của xã hội, mà đời sống xã hội là một phức thể các hoạt động sống của con người, nhằm đáp ứng các nhu cầu vật chất và tinh thần của nó. Nhu cầu vật chất được đáp ứng làm cho con người tồn tại như một sinh thể, còn nhu cầu tinh thần thì giúp cho con người tồn tại như một xã hội, tức là một nhân cách văn hóa. Trong “Báo cáo xây dựng đời sống hóa cơ sở” của Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh ghi: “Đời sống văn hóa nói chung là một tổng hợp những yếu tố vật thể văn hóa nằm trong những cảnh quan văn hóa, những yếu tố hoạt động văn hóa con người, những sự tác động lẫn nhau

---

\* Trung tâm Văn hóa Thể thao Quận 12 - Thành phố Hồ Chí Minh.

trong đời sống xã hội để tạo ra những quan hệ có văn hóa trong cộng đồng người, trực tiếp làm hình thành lối sống của con người trong xã hội”<sup>1</sup>.

Theo tác giả Nguyễn Hữu Thúc “Đời sống văn hóa có thể hiểu đó là tất cả những hoạt động của con người tác động vào đời sống vật chất, đời sống tinh thần, đời sống xã hội để hướng con người vươn lên theo quy luật cái đẹp, của chuẩn mực giá trị chân, thiện, mỹ đào thải những biểu hiện tiêu cực tha hóa con người”<sup>2</sup>. Quan niệm của Nguyễn Hữu Thúc là một bước tiến trong nhận thức về khái niệm đời sống văn hóa. Để đi đến một quan niệm hoàn chỉnh hơn về đời sống văn hóa, chúng ta cần phải tiếp cận thêm về đời sống văn hóa trong toàn bộ đời sống xã hội.

Về phương diện nào đó, đời sống văn hóa cũng chính là môi trường hoạt động sống của con người. Đó là nơi diễn ra mọi hoạt động văn hóa, có sự hoà trộn giữa văn hóa của cá nhân với văn hóa cộng đồng, là tổng thể của những văn hóa vật thể và phi vật thể, chúng có sự tác động lẫn nhau, trực tiếp hình thành phẩm giá và lối sống của con người và xã hội. Không những thế, đời sống văn hóa cũng chính là đời sống của con người, cho nên đời sống văn hóa được biểu hiện ra muôn hình, muôn vẻ như: trong sinh hoạt văn hóa, trong lao động, trong việc tạo dựng môi trường văn hóa xã hội lành mạnh, trong giao tiếp, ứng xử và trong việc góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

Tóm lại, đời sống văn hóa không chỉ bó hẹp trong những hoạt động thường nhật mang tính chủ quan của con người, mà đó là bộ phận đặc biệt, bao trùm mọi lĩnh vực của đời sống con người, từ việc sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần dẫn đến việc giữ gìn, trao đổi và tiêu dùng những sản phẩm đó; từ hoạt động sáng tạo nhằm tạo ra các giá trị tinh thần tới việc hưởng thụ các giá trị tinh thần; từ cảm quan, môi trường xung quanh mà ở đó con người có các hoạt động văn hóa, lao động sáng tạo với mọi mối quan hệ xã hội phức tạp và tinh tế. Đời sống văn hóa là sự hiện diện, tồn tại và phát triển của đời sống tinh thần trong toàn bộ hoạt động thực tiễn xã hội, là một bộ phận của đời sống xã hội, gắn với những giá trị chân - thiện - mỹ. Từ những khái niệm trên, tác giả bài viết vận dụng để bước đầu xác định một số vai trò chính của

---

1. Viện Văn hóa và phát triển, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh: *Báo cáo xây dựng đời sống hóa cơ sở*, Viện Văn hóa và Phát triển, Hà Nội, tr.28.

2. Nguyễn Hữu Thúc: *Một số kinh nghiệm quản lý văn hóa và hoạt động tư tưởng - văn hóa*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr.19.



mạng lưới trung tâm văn hóa trong việc nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở kế thừa và phát huy tinh thần của nguyên tắc “Dân tộc hóa, Đại chúng hóa và Khoa học hóa” về văn hóa của Đảng ta 80 năm trước.

#### *Thiết chế văn hóa*

Ở nghĩa rộng nhất, thiết chế văn hóa là toàn bộ những đơn vị sự nghiệp, cơ quan, tổ chức (công lập và dân lập) tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ người dân như thư viện, bảo tàng, nhà truyền thống; nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, nhà thiếu nhi, nhà văn hóa thanh niên, nhà văn hóa sinh viên, cung văn hóa lao động;... Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ xem xét thiết chế văn hóa là hệ thống các nhà văn hóa, trung tâm văn hóa cấp ấp/khu phố, quận/huyện và cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Xét về tính chất hành chính, thực tế hiện nay, do việc sáp nhập nhiều đơn vị sự nghiệp khác nhau, nên tên gọi các thiết chế văn hóa này ở các cấp khác nhau đã thay đổi so với trước kia. Cụ thể:

*Đối với cấp thôn/ấp/khu phố:* Có nơi gọi là Nhà văn hóa, nhưng nơi khác lại gọi là Nhà Học tập cộng đồng, cũng có nơi ghép hai tên này thành Nhà Văn hóa - học tập cộng đồng. Tuy nhiên, theo Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ngày 8/3/2011 Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn thì tên gọi chính thức được quy định tại khoản 1, điều 2 là: Nhà văn hóa - Khu thể thao + tên thôn.

*Đối với cấp xã/phường/thị trấn:* Một số tên gọi phổ biến như: Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng; Trung tâm Văn hóa - Khu Thể thao; Trung tâm Văn hóa - Thể thao liên xã (dùng cho nhiều xã sử dụng chung); Trung tâm Văn hóa & Học tập cộng đồng; và theo Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ngày 22/12/2010 thì tên gọi chính xác của thiết chế văn hóa cấp xã/phường/thị trấn là Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã.

*Đối với cấp quận/huyện/thành phố thuộc tỉnh:* Các tên gọi thường dùng như Trung tâm Văn hóa huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Thông tin

huyện; Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện. Tuy nhiên, theo điều 1 của Quyết định số 49/2005/QĐ-BVHTT của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) ban hành ngày 13/9/2005 về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thông tin cấp huyện thì tên gọi của thiết chế văn hóa cấp này được quy định như sau:

+ Đối với tên gọi của Trung tâm Văn hóa - Thông tin cấp huyện thống nhất như sau: Trung tâm Văn hóa - Thông tin + tên huyện, quận, thị xã, thành phố.

+ Đối với các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thành lập Trung tâm Văn hóa - Thông tin, nhưng có chức năng, nhiệm vụ về thể thao thì tên gọi như sau: Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao + tên huyện, quận, thị xã, thành phố.

*Đối với tỉnh /thành phố thuộc trung ương:* Có các tên gọi như Trung tâm Văn hóa tỉnh; Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh; Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Điện ảnh tỉnh; Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh; Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh tỉnh;... Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BVHTTDL do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ngày 28/8/2009 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì tên chính thức được dùng là Trung tâm Văn hóa + tỉnh.

Do nhiều cách đặt tên gọi khác nhau, nên thực tế, chức năng nhiệm vụ của các thiết chế văn hóa trên ở từng cấp, từng tên cũng được cơ quan chủ quản cấp tương ứng quy định khác nhau. Đó là lý do vì sao, các thiết chế văn hóa cùng cấp, nhưng chưa hẳn có chức năng, nhiệm vụ như nhau, ở những địa phương khác nhau.

## **2. Vai trò của mạng lưới thiết chế văn hóa góp phần nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### *- Trung tâm Văn hóa thành phố*

Trung tâm Văn hóa thành phố là đơn vị sự nghiệp văn hóa thuộc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố, tọa lạc tại số 97, Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1.

Trên cơ sở những quy định tại điều 1, 2, của Thông tư số 03/2009/TT-BVHTTDL được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ban hành ngày 28/8/2009 *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh xác định những nhiệm vụ của Trung tâm Văn hóa thành phố trong việc tổ chức những hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ người dân trên địa bàn thành phố như sau:

Tổ chức các hoạt động văn hóa, bồi dưỡng năng khiếu văn hóa văn nghệ nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa và giải trí của người dân; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, hoạt động về văn hóa nghệ thuật dân gian truyền thống nhằm giới thiệu các loại hình nghệ thuật này đến đông đảo quần chúng.

Phối hợp hoạt động giữa các nhà văn hóa trong hệ thống nhằm đạt hiệu quả tốt nhất trong việc thỏa mãn các nhu cầu văn hóa của người dân thành phố; Tổ chức các lớp đào tạo theo nhu cầu của xã hội trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ; xây dựng và tổ chức hoạt động các câu lạc bộ về văn hóa nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu của quần chúng.

Tổ chức các hoạt động, các sự kiện văn hóa nghệ thuật quần chúng của Thành phố như các lễ hội; các cuộc liên hoan, hội diễn nghệ thuật quần chúng; tổ chức các sân chơi, các chương trình gameshow... về văn hóa nghệ thuật quần chúng nhằm tuyên truyền, định hướng về chính trị, tư tưởng, thẩm mỹ phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí... của người dân.

Tổ chức biểu diễn các chương trình nghệ thuật quần chúng, đặc biệt là các chương trình nghệ thuật dân gian truyền thống nhằm phục vụ người dân Thành phố, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các phường xã nghèo, các khu công nghiệp, khu chế xuất, trường trại giáo dục, ký túc xá sinh viên...; Tổ chức các cuộc vận động sáng tác về văn hóa nghệ thuật quần chúng nhằm cung cấp các tác phẩm, sản phẩm mới cho xã hội.

Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa phục vụ nhu cầu của người dân Thành phố, các hoạt động giao lưu văn hóa giữa các Nhà văn hóa trong hệ thống của Thành phố; tổ chức các hoạt động dịch vụ và dịch vụ văn hóa bao gồm: biểu diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp và không chuyên, karaoke, khiêu vũ, thời trang, quảng cáo... theo chức năng nhiệm vụ các trung tâm văn hóa;

tham mưu cho Sở Văn hóa và Thể thao trong việc định hướng mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng của thành phố (nguồn [www.svhtt.hochiminhcity.gov.vn](http://www.svhtt.hochiminhcity.gov.vn)).

- *Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân Thành phố Hồ Chí Minh*

Trung tâm Hỗ trợ thanh niên công nhân Thành phố Hồ Chí Minh (tên tiếng Anh là *Young Employee Assistance Center*, viết tắt là YEAC) là đơn vị trực thuộc Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập ngày 15/11/2006 theo Quyết định số 5234/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm Hỗ trợ thanh niên công nhân thành phố xác định tầm nhìn “Trở thành người bạn hữu ích của thanh niên công nhân trên bước đường lập thân lập nghiệp đồng thời sẽ là nơi đáng tin cậy của thành phố trong việc chăm lo cho thanh niên công nhân”, và xác định sứ mệnh của Trung tâm “là chăm lo đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho thanh niên công nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua những chương trình, hoạt động thiết thực”.

Trung tâm Hỗ trợ thanh niên công nhân Thành phố Hồ Chí Minh có các nhiệm vụ chính trong việc góp phần xây dựng đời sống văn hóa của công nhân như sau:

- Tư vấn, giới thiệu việc làm, nhà trọ.
- Tư vấn và trợ giúp pháp lý miễn phí cho thanh niên công nhân.
- Tư vấn sức khỏe, tâm lý, tình yêu, hôn nhân, gia đình.
- Tổ chức tham quan dã ngoại, giao lưu cho thanh niên công nhân.
- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.
- Phối hợp, vận động các đơn vị tổ chức các hoạt động chăm lo cho thanh niên công nhân.

Về bộ máy tổ chức, Trung tâm có 4 phòng chức năng gồm: Phòng Hành chính - tổng hợp; Phòng Hỗ trợ đời sống; Phòng Sự kiện và Du lịch; Phòng Tư vấn - Đào tạo và 4 văn phòng gồm: Văn phòng 1 tại: số 822, đường Hậu Giang, phường 12, quận 6; văn phòng 2 tại: Khu lưu trú Sadeco, đường Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7; văn phòng 3 tại: đường số 13, Khu chế xuất Linh Trung 1, phường Linh Trung, quận Thủ Đức; văn phòng 4 tại khu dân cư Tân Tạo mở rộng, ấp 2, đường số 4, phường Tân Kiên, huyện Bình Chánh. Tất cả các văn phòng đều được bố trí tại những vị trí tập trung nhiều công

nhân sinh sống, nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất của tThành phố để có thể phục vụ công nhân tốt nhất (nguồn: [www.thanhniengcongnhan.vn](http://www.thanhniengcongnhan.vn)).

*- Vai trò của hệ thống Trung tâm Văn hóa quận/huyện*

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa và giáo dục quan trọng tại Việt Nam. Từ ngày 01/01/2021, Thành phố Hồ Chí Minh có 22 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 16 quận, 05 huyện và 01 thành phố và các thiết chế văn hóa cấp quận, huyện này có 02 tên gọi chính: Trung tâm Văn hóa quận/huyện; hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận/huyện. Tuy nhiên, dù có mang tên gọi gì, nhưng với tư cách là đơn vị sự nghiệp văn hóa, thông tin trực thuộc ủy ban nhân dân quận, huyện, mạng lưới thiết chế này vẫn có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ cho người dân trên địa bàn. Trong đó, về cơ bản, những thiết chế văn hóa này có những vị trí, chức năng, nhiệm vụ trong việc đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của nhân dân địa phương như sau:

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ như chiếu phim lưu động, thông tin lưu động, vui chơi giải trí, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu về nghệ thuật, kỹ năng ngành nghề và các loại hình hoạt động khác phù hợp với nhiệm vụ được giao;

Tổ chức liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, lễ hội truyền thống; tổ chức các dịch vụ văn hóa, thông tin phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; tổ chức chương trình giao lưu, trao đổi văn hóa để phục vụ người dân.

*- Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường/xã /thị trấn*

Cũng như Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận/huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao các phường/xã/thị trấn ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng có nhiều các gọi khác nhau. Song, dù cách gọi nào thì đây vẫn là một đơn vị sự nghiệp thuộc ủy ban nhân dân cùng cấp, có trách nhiệm chính trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ nhân dân. Cụ thể như:

Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho mọi tầng lớp nhân dân; bảo tồn, phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân tộc; bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật, thể dục thể thao; nâng cao dân trí và mức hưởng thụ văn hóa, thể thao cho nhân dân; thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho các tầng lớp nhân dân tham gia mọi hoạt động văn hóa, thể thao; phục vụ các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương.

Phối hợp với các ngành, đoàn thể ở xã để tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao trên địa bàn; hướng dẫn, giúp đỡ về chuyên môn nghiệp vụ cho các nhà văn hóa, câu lạc bộ văn hóa, thể dục thể thao ở các khu dân cư ở xã.

Liên kết với các tổ chức, cá nhân để tổ chức các hoạt động dịch vụ văn hóa, thể dục thể thao, vui chơi giải trí trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

*- Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn/ấp/khu phố*

Đây là thiết chế văn hóa cơ sở cấp cuối cùng, có nhiệm vụ thực hiện một số hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ người dân như:

Góp phần tuyên truyền, phổ biến, giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa lành mạnh trên địa bàn thôn.

Tổ chức các hoạt động văn nghệ; thể dục, thể thao quần chúng; các cuộc giao lưu, liên hoan, hội diễn văn nghệ; giao hữu, thi đấu các môn thể thao; duy trì hoạt động các loại hình Câu lạc bộ, nhóm sở thích; phát hiện bồi dưỡng năng khiếu văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em.

Tổ chức các chương trình, lớp học nâng cao dân trí, tiếp nhận thông tin và hoạt động dịch vụ phục vụ nhân dân trên địa bàn thôn.

Tham gia các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới.

Thông qua nêu khái quát về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống các thiết chế văn hóa là Trung tâm Văn hóa các cấp, chúng ta thấy rằng những đơn vị thiết chế này hoàn toàn phù hợp để kế thừa và phát huy hơn nữa những nguyên tắc xây dựng văn hóa Việt Nam theo nguyên tắc “Dân tộc hóa, Đại chúng hóa và Khoa học hóa” đối với lĩnh vực văn hóa của Đảng ta được thể hiện trong Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943.

### **3. Những nhận định bước đầu về hoạt động của mạng lưới các thiết chế văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Từ thực tiễn công tác tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao Quận 12 trong những năm qua, tác giả tham luận bước đầu đưa ra một số nhận định như sau:

*Một là*, thành phố đã xây dựng được một mạng lưới các thiết chế để phục vụ đời sống văn hóa của người dân khá hoàn chỉnh từ cấp thành, đến cấp quận/huyện và thôn/ấp/khu phố. Phần lớn các thiết chế này vẫn đang nhận sự “bao cấp” về kinh phí hoạt động của ngân sách; giữa các thiết chế ở các cấp

đều có sự tương tác, hỗ trợ về mặt chuyên môn, nghiệp vụ. Nhờ đó, công tác tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ người dân của các thiết chế này có nhiều điều kiện thuận lợi. Đặc biệt, hiện nay, mạng lưới các thiết chế văn hóa trên vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu, sáp nhập, cải tổ và sắp xếp lại hoạt động theo hướng tinh gọn và hiệu quả trong hoạt động để đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh xã hội mới.

*Hai là*, mạng lưới các thiết chế này luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan Đảng, chính quyền các cấp về việc xác lập vị trí, vai trò, chức năng, quyền hạn của mình trong đời sống văn hóa của người dân, cũng như trong tổng thể hệ thống cấu trúc các cơ quan - đơn vị sự nghiệp nhà nước. Đặc biệt là sự ra đời của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/2/2015 Quy định về cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập. Điều đó đã tạo động lực về tinh thần mạnh mẽ, tạo ra những cơ hội to lớn để các thiết chế văn hóa này hoàn thành tốt hơn vai trò, sứ mệnh của mình trong tình hình mới.

*Ba là*, hầu hết các thiết chế văn hóa này đều gặp những khó khăn về nguồn lực tổ chức như ngân sách được cấp không đủ, trong khi kêu gọi sự hỗ trợ từ cộng đồng, sự đầu tư của tư nhân vào lĩnh vực văn hóa này còn nhiều khó khăn (nhất là các thiết chế từ cấp xã/phường/thị trấn trở xuống); thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn cao, thiếu các trang thiết bị, cơ sở vật chất chuyên dụng để xây dựng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ theo hướng chất lượng, tiên tiến, đáp ứng nhu cầu hiện đại của công chúng.

*Bốn là*, do thiếu nhiều nguồn lực nên hầu hết các chương trình, hoạt động văn hóa văn nghệ của các thiết chế này chưa cạnh tranh được với các hoạt động vui chơi giải trí của tư nhân tổ chức; chất lượng hoạt động chưa cao nên chưa đáp ứng được nhu cầu của công chúng. Đó là thực trạng nổi bật nhất mà trong những năm gần đây, chính quyền các cấp đã tìm cách để tháo gỡ, tuy nhiên, những hiệu quả mạng lại còn khá hạn chế.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng, hệ thống thiết chế văn hóa các cấp ở Thành phố Hồ Chí Minh có thể đảm đương và hoàn thành tương đối tốt sứ mệnh của mình trong việc cùng gánh vác trách nhiệm hiện thực hóa nguyên tắc “Dân tộc hóa, Đại chúng hóa và Khoa học hóa” về văn hóa của Đảng từ năm 1943. Thế nhưng, so với bối cảnh xã hội của Thành phố hiện nay, cũng như những định hướng phát triển chung của Thành phố Hồ Chí Minh nói

chung, ngành văn hóa của thành phố nói riêng, tác giả cho rằng cơ quan Đảng và chính quyền thành phố rất cần nhanh chóng khắc phục những hạn chế mà tác giả đã nêu trên.

#### **4. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa để tiếp tục kế thừa và phát huy nguyên tắc “Dân tộc hóa, Đại chúng hóa và Khoa học hóa” về văn hóa của Đảng**

Từ cơ sở thực tiễn, cũng như yêu cầu về xây dựng và phát triển tư tưởng chính trị của Đảng đi vào đời sống nhân dân thành phố theo nguyên tắc “Dân tộc hóa, Đại chúng hóa và Khoa học hóa” về văn hóa của Đảng, tác giả kính đề xuất một số khuyến nghị như sau:

*Thứ nhất*, xây dựng và xác định lại vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các thiết chế văn hóa này cho phù hợp hơn với tình hình thực tế hiện nay, khi mà rất nhiều đơn vị đã được giải thể, sáp nhập, đổi tên; trong khi những quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn dành cho nó đã ra đời cách đây cả chục năm. Cần đẩy mạnh hơn nữa việc tái cơ cấu, sắp xếp bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn từ thành phần đơn vị, đến đội ngũ nguồn nhân lực để thúc đẩy hoạt động của các đơn vị này hiệu quả hơn;

*Thứ hai*, cần có nghị định, thông tư hướng dẫn chi tiết để Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 Quy định về cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập chính thức được triển khai thực tế, từ đó sẽ tạo ra được những động lực mới cho sự phát triển của các thiết chế này;

*Thứ ba*, suy cho cùng, những hoạt động văn hóa văn nghệ của các thiết chế này là để phục vụ nhân dân, người lao động - tức họ là đối tượng chính được hưởng lợi trong các hoạt động này. Vì vậy, các đơn vị sự nghiệp văn hóa này cần quan tâm hơn đến việc nắm mong muốn, nhu cầu của những đối tượng này. Lấy đó làm cơ sở chính để xây dựng nội dung, xác định hình thức tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật phục vụ họ.



## XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI BẮC GIANG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam được soạn thảo năm 1943 là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ, phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hóa dưới ách Pháp - Nhật, vạch ra đường lối văn hóa cách mạng và nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hóa dân tộc, nhân dân. Mặc dù ở dạng đề cương, nhưng Đề cương về văn hóa có vai trò rất lớn, định hướng xuyên suốt hoạt động trên mặt trận văn hóa. Đề cương nêu ra ba nguyên tắc của cuộc “vận động văn hóa mới Việt Nam trong giai đoạn này” là *dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa*. Ba nguyên tắc đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới. Với tính chất là một bản “đề cương” ngắn gọn, ra đời trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trải qua 80 năm nhưng những tư tưởng, quan điểm thể hiện trong Đề cương vẫn vẹn nguyên giá trị và mang tính thời sự sâu sắc.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, bên cạnh những chủ trương, đường lối xây dựng hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội, Đảng ta luôn quan tâm và đánh giá cao vai trò, vị trí của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Ngay từ khi ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định ba mặt trận quan trọng của cách mạng nước ta là chính trị, kinh tế và văn hóa. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay, Đảng ta đã khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững”. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII một lần nữa khẳng định về vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đó là: Phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; văn hóa - xã hội là nền tảng; quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên; gắn kết 4 lĩnh vực trên là để đảm bảo phát triển bền vững đất nước. Trong bài phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: Văn hóa là bản sắc của dân tộc, văn hóa còn thì dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất. Điều đó đã nói lên tầm quan trọng và vai trò của văn hóa đối với sự tồn tại và phát triển của một quốc gia, dân tộc.

Sau 36 năm (1986-2022), thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, nước ta thu được những thành tựu ngày càng to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, ngoại giao... Vị thế của Việt Nam ngày càng được khẳng định và nâng cao trên trường quốc tế. Sự nghiệp văn hóa có bước phát triển về nhiều mặt, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu văn hóa tinh thần lành mạnh, đa dạng của nhân dân. Các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được chú trọng bảo tồn và phát huy, các giá trị mới đang hình thành và phát triển. Giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa ngày càng được quan tâm và có nhiều khởi sắc, đất nước ta đã tiếp thu được nhiều thành tựu văn minh của nhân loại, làm phong phú thêm nền văn hóa và đời sống tinh thần dân tộc, đồng thời giới thiệu với bạn bè thế giới những giá trị tốt đẹp, bản sắc độc đáo của văn hóa Việt Nam. Thị hiếu, nhu cầu văn hóa của nhân dân được mở rộng và phát triển...

Tuy nhiên, ở một số nơi, trong tư duy của một số lãnh đạo, quản lý do quá đề cao phát triển kinh tế mà xem nhẹ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa; văn hóa lệ thuộc vào sự phát triển của kinh tế, coi văn hóa như là “phong trào bề nổi”, là những hoạt động “cờ đèn kèn trống” trong đời sống xã hội, phát triển văn hóa chưa mang tính cấp thiết, đầu tư cho văn hóa khó có lợi nhuận... Vì thế, văn hóa không được quan tâm đúng mức, đời sống văn hóa tinh thần của người dân rơi vào nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách về thụ hưởng văn hóa giữa các vùng, miền, giai tầng có sự chênh lệch; mâu thuẫn giữa tình trạng đời sống vật chất được cải thiện nâng cao nhưng chất lượng đời sống văn hóa

tinh thần, tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức xã hội lại có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp...

Để khắc phục những bất cập, hạn chế đó, việc nâng cao nhận thức của toàn xã hội, nhất là đội ngũ cán bộ, lãnh đạo quản lý về vai trò, tầm quan trọng của văn hóa với tính chất là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực của sự phát triển; là nguồn lực nội sinh, sức mạnh mềm quan trọng của quốc gia trong phát triển bền vững sẽ có ý nghĩa quan trọng. Việc nhận thức đúng, đủ về vai trò, vị trí của văn hóa sẽ tạo sự thống nhất trong tư duy, hành động để mọi người cùng trân trọng, bảo tồn cũng như khai thác một cách hợp lý, sáng tạo nguồn lực văn hóa.

Những năm qua, Đảng, Nhà nước và các địa phương đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, dành sự quan tâm đầu tư cho lĩnh vực văn hóa phát triển, nhất là đời sống văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Qua đó, từng bước thu hẹp khoảng cách về mức thụ hưởng văn hóa giữa các vùng, miền; bảo đảm quyền tiếp cận các loại hình và dịch vụ văn hóa ngày càng đa dạng của nhân dân. Cùng với sự phát triển của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, các chương trình, mục tiêu, đề án, chiến lược về phát triển văn hóa Việt Nam, như: Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới... đã tạo được nguồn kinh phí lớn từ sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước và sự đóng góp của cộng đồng các doanh nghiệp, người dân để tu bổ, tôn tạo những di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa; xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa ngày càng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu sáng tạo, thực hành và thụ hưởng văn hóa của đông đảo các tầng lớp nhân dân.

Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tế và những vấn đề đời sống văn hóa đang đặt ra thì mức đầu tư cho văn hóa, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều hạn chế. Một số mục tiêu về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó có tiêu chí tăng mức đầu tư cho văn hóa chưa đạt. Một số địa phương thiếu nguồn lực tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng nhưng đang trong tình trạng xuống cấp; việc đầu tư, xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt, giải trí, hoạt động thể dục thể thao của người dân ở nhiều nơi còn “nửa vời”. Thiếu kinh phí, kinh phí

không được đầu tư tương xứng cũng khiến việc khôi phục, gìn giữ, phát huy và trao truyền các giá trị di sản văn hóa phi vật thể chưa đạt so với mục tiêu, kỳ vọng.

Đối với tỉnh Bắc Giang, sau hơn 25 tái lập tỉnh, từ một trong những tỉnh nghèo, kém phát triển của cả nước, đến nay, tỉnh Bắc Giang đã vươn lên tốp đầu vùng trung du miền núi phía Bắc. Cùng với việc tập trung phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, bảo đảm tốt vấn đề an sinh xã hội, tỉnh Bắc Giang luôn quan tâm, chú trọng đến việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Giang đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước. Quán triệt sâu sắc các quan điểm chỉ đạo của Đảng về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang các nhiệm kỳ 2015-2020, 2020-2025, đều xác định rõ những quan điểm, mục tiêu xây dựng văn hóa, con người Bắc Giang đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Trong đó Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025 tiếp tục khẳng định: “Xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng con người Bắc Giang phát triển toàn diện, quan tâm giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống địa phương. Gắn kết chặt chẽ đồng bộ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa”. Đặc biệt, sau Hội nghị Văn hóa toàn quốc, nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và các tầng lớp nhân dân về văn hóa ngày càng toàn diện, đầy đủ và sâu sắc hơn, nhất là về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa. Nội dung, phương thức lãnh đạo của cấp ủy các cấp tiếp tục được đổi mới; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng cao. Những nét mới trong giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức của người dân từng bước được hình thành và phát huy, hướng tới văn minh, hiện đại, tác phong công nghiệp; tinh thần yêu nước, đoàn kết, năng động, sáng tạo, nghĩa tình và ý chí vươn lên thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu được phát huy mạnh mẽ. Đặc biệt, đức tính nghĩa tình, nhân ái của người dân trong tỉnh ngày càng được thể hiện rõ nét qua đợt bùng phát dịch bệnh Covid-19 lần thứ tư vừa qua trên địa bàn tỉnh; các phong trào, giải pháp bảo đảm an sinh xã hội đã được huy động, nhằm phát huy sức mạnh toàn xã hội trong việc chăm lo đời sống nhân dân, với phương châm “không ai bị bỏ lại phía sau” thể hiện tính nhân

văn sâu sắc, góp phần bồi đắp lý tưởng, nhân cách, phát huy truyền thống tốt đẹp tương thân, tương ái, nghĩa tình của người Bắc Giang.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao phát triển rộng khắp ở cơ sở, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Các thiết chế văn hóa được tăng cường nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Đến nay, nhiều công trình văn hóa trọng điểm của tỉnh được đầu tư, hoàn thiện và đưa vào sử dụng. Tỉnh Bắc Giang hiện có Trung tâm Hội nghị tỉnh, Nhà Văn hóa lao động tỉnh, Nhà Văn hóa công nhân của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, Cung văn hóa Thiếu nhi, Trung tâm Hoạt động thanh, thiếu niên tỉnh Bắc Giang, Nhà thi đấu Thể thao, 10 trung tâm văn hóa - thể thao huyện, thành phố; 206 nhà văn hóa xã, phường, thị trấn và hơn 2.117 nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố. Hiện toàn tỉnh có khoảng 2.437 câu lạc bộ, đội văn nghệ quần chúng, số buổi hoạt động văn nghệ quần chúng trung bình đạt 5.000 buổi/năm. Các hoạt động biểu diễn, giao lưu văn hóa nghệ thuật quần chúng mang tính cộng đồng đã thu hút đông đảo nghệ nhân, diễn viên tham gia, góp phần phục hồi, phát triển các làn điệu dân ca, dân nhạc, dân vũ, khuyến khích và tạo điều kiện cho hội viên câu lạc bộ thể hiện những tiết mục bằng tiếng dân tộc, thi hát dân ca, đặt lời mới cho dân ca, hát những bài hát mới có lời bằng tiếng dân tộc thiểu số.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp. Các chương trình, kế hoạch được ban chỉ đạo các cấp, ngành, đoàn thể, địa phương, cơ quan, đơn vị triển khai với nhiều cách làm linh hoạt, vận dụng phù hợp mang lại hiệu quả thiết thực, các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Phong trào xây dựng các danh hiệu văn hóa được phát động rộng khắp và nhận được sự hưởng ứng tích cực của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội cơ bản đúng quy định. Năm 2022, tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa đạt 91,9%; tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố được công nhận văn hóa đạt 86,5%; hơn 1.000 khu dân cư được công nhận khu dân cư văn hóa “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”, tăng 36,31% so với năm 2021; 149/182 xã được công nhận đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt 82%, tăng 5% so với năm 2021; 25/27 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị.

Thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống, các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu của tỉnh trở thành những sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng, có chất lượng, vừa phục vụ giáo dục truyền thống, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế, nhất là những di sản đã được UNESCO công nhận, những di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 745 di tích được xếp hạng, trong đó có 5 di tích và cụm di tích quốc gia đặc biệt (với 34 điểm), 95 di tích quốc gia, 616 di tích cấp tỉnh. Hệ thống di tích của tỉnh phong phú, đa dạng về loại hình như: di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, khảo cổ học... Nhiều di tích trở thành điểm du lịch hấp dẫn, thu hút khách tham quan trong và ngoài tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tiêu biểu như: Chùa Vĩnh Nghiêm (huyện Yên Dũng), Chùa Bỏ Đà (huyện Việt Yên); Thắng tích Suối Mỡ (huyện Lục Nam), Hệ thống di tích - danh thắng Tây Yên Tử; Di tích Địa điểm Chiến thắng Xương Giang (thành phố Bắc Giang),... Đến nay, qua 3 đợt xét tặng, tỉnh Bắc Giang có 44 lượt cá nhân được phong tặng, truy tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”; 5 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể. Trong đó có 2 nghệ nhân nhân dân, 16 nghệ nhân ưu tú về quan họ. Từ năm 2016 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang tổ chức 3 lần Lễ trao tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”. Năm 2019, tỉnh Bắc Giang đã tổ chức Lễ kỷ niệm 10 năm dân ca quan họ, ca trù được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Toàn tỉnh hiện có 84 câu lạc bộ quan họ và 7 câu lạc bộ ca trù. Hằng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đều tổ chức từ 5-7 lớp truyền dạy dân ca quan họ và hát ca trù tại cơ sở.

Hoạt động văn học nghệ thuật có bước phát triển mới và có tính chuyên nghiệp hơn; hàng nghìn tác phẩm ra đời, với nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao ngày càng thu hút đông đảo các văn nghệ sĩ, các tầng lớp nhân dân tham gia sáng tác góp phần khôi phục và phát triển nhiều phong tục, tập quán tốt đẹp, từng bước đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội trên địa bàn, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, có tác dụng tốt đối với việc hình thành nhân cách, lối sống lành mạnh trong các tầng lớp nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, thời gian qua, các cấp, các ngành, các địa phương đã tập trung thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng, phát triển văn hóa, con người Bắc Giang đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay gắn với phát triển du lịch bền vững địa phương. Trong đó tổ chức các sự kiện văn hóa - du lịch nhằm tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, khơi dậy niềm tự hào dân tộc cho các thế hệ, nhất là các thế hệ trẻ; nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân; giới thiệu hình ảnh về văn hóa, con người Bắc Giang đến bạn bè trong và ngoài nước; khai thác và phát huy các giá trị văn hóa của địa phương để phát triển du lịch. Một trong những hoạt động nổi bật trong thời gian qua, đó là tỉnh Bắc Giang duy trì tổ chức thường xuyên Tuần Văn hóa - Du lịch, để tuyên truyền, quảng bá du lịch Bắc Giang, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030, Bắc Giang không chỉ là điểm đến an toàn, hấp dẫn, văn minh, thân thiện mà còn là nơi du khách được trải nghiệm, khám phá các giá trị khác biệt di sản văn hóa, du lịch nơi đây. Đưa du lịch văn hóa tại Bắc Giang trở thành ngành kinh tế dịch vụ đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, lĩnh vực văn hóa của tỉnh vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: một số cấp ủy, chính quyền nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa, con người đối với sự phát triển của tỉnh, của đất nước nên công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý có lúc, có nơi chưa thường xuyên, liên tục. Còn có cán bộ, đảng viên có biểu hiện tiêu cực, thiếu gương mẫu trong đạo đức, lối sống và trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Mặt trái nền kinh tế thị trường, sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin - truyền thông, hội nhập quốc tế sâu rộng, sản phẩm văn hóa độc hại, dịch bệnh diễn biến phức tạp, lối sống thực dụng tác động mạnh mẽ vào các tầng lớp xã hội, nhất là đối với thanh, thiếu niên.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ là: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; đồng thời, nhấn mạnh yêu cầu phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức

mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Thời gian tới, để tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Giang đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, tỉnh Bắc Giang sẽ triển khai đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

*Một là*, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tiếp tục quán triệt nhằm nâng cao nhận thức đầy đủ hơn về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tiếp tục quán triệt thực hiện tốt quan điểm phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội. Chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội đối với công tác văn hóa.

*Hai là*, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa; rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa, con người của tỉnh phù hợp với thực tiễn địa phương và đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, đất nước. Khuyến khích, nâng cao chất lượng sáng tác và phổ biến các tác phẩm văn học, nghệ thuật; bảo tồn phát huy giá trị tốt đẹp, di sản văn hóa các dân tộc; đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm loại bỏ những hủ tục lạc hậu trong cộng đồng các dân tộc và xây dựng, phát huy giá trị di sản văn hóa của các dân tộc tỉnh Bắc Giang.

*Ba là*, huy động các nguồn lực nhà nước và xã hội hóa nhằm đầu tư xây dựng, phát triển văn hóa, con người Bắc Giang trong giai đoạn mới. Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để nâng cao khả năng dự báo và định hướng phát triển văn hóa, xây dựng con người tại địa phương. Quan tâm đầu tư các thiết chế văn hóa cho nhân dân; duy trì hoạt động hiệu quả của các câu lạc bộ văn hóa, thể dục thể thao; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

*Bốn là*, đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống; tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả chủ trương chuyển đổi số của tỉnh; vận động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện nghiêm Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự



chuyển hóa” trong lĩnh vực văn hóa. Tiếp tục triển khai các biện pháp đồng bộ, chủ động đấu tranh phòng, chống văn hóa độc hại, sự áp đặt văn hóa của các nước lớn, chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; làm tốt công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác kịp thời những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch; đẩy mạnh hoạt động thông tin đối ngoại, tập trung quảng bá tiềm năng, thế mạnh của Bắc Giang nhằm thu hút đầu tư, du lịch, nâng cao vị thế của tỉnh trong quá trình đổi mới, hội nhập và phát triển.

*Năm là*, thường xuyên, phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Chương trình hành động số 75-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, tỉnh nhằm phát hiện các gương người tốt, việc tốt, nhân tố điển hình tiêu biểu và kịp thời, giải quyết khó khăn vướng mắc, vụ việc phức tạp. Đồng thời, tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; nâng cao chất lượng quản lý, phát huy hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

## XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI NINH BÌNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

**D**ề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 là văn kiện lịch sử có giá trị đặc biệt quan trọng đối với cách mạng, kháng chiến, là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa, đặt nền móng cho sự vận động và phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam. Qua 80 năm thực hiện Đề cương, Đảng và Nhà nước ta đã kế thừa, phát triển quan điểm của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* nhằm xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo ba phương châm lớn: dân tộc, khoa học và đại chúng.

Quán triệt tinh thần, quan điểm của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa; tiếp nối và phát huy truyền thống lịch sử, bề dày văn hóa của vùng đất Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã và đang xây dựng, phát triển văn hóa, con người vùng đất cố đô, đáp ứng yêu cầu của thời đại mới, đóng góp vào công cuộc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, và mở rộng giao lưu, hợp tác.

### **1. Kết quả xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững trong những năm qua**

Kế thừa và phát triển quan điểm về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam được thể hiện trong Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu bền vững của đất nước”, các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở ở Ninh Bình đã ban hành các nghị

quyết, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể ngắn hạn và định hướng tầm nhìn dài hạn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 23-CTr/TU, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 26/6/2017 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững. Qua hơn 5 năm thực hiện Nghị quyết, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Ninh Bình đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, làm tiền đề cho công tác xây dựng và phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tới.

***1.1. Xây dựng môi trường nếp sống văn hóa văn minh, hiện đại, giàu bản sắc. Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức và gia đình là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách và lối sống***

Việc xây dựng môi trường văn hóa với trọng tâm là phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trong những năm qua đã được triển khai sâu rộng, ngày càng phát triển, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, khơi dậy tinh thần trách nhiệm, cống hiến của nhân dân, khơi dậy tinh thần đoàn kết, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo và nội lực của nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh.

Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã trở thành hoạt động thường xuyên, hàng ngày của cộng đồng dân cư, tác động tích cực đến từng gia đình, khơi dậy truyền thống tương thân tương ái, uống nước nhớ nguồn, lòng yêu nước, ý thức chấp hành pháp luật... Qua đó, nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp được bảo tồn, phát huy; đạo đức, gia phong của gia đình, dòng họ được gìn giữ, tinh thần đoàn kết cộng đồng được phát huy. Phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa được các cơ quan, đơn vị hưởng ứng tham gia tích cực với nhiều nội dung cụ thể, thiết thực. Cùng với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng cơ quan văn hóa, các cơ quan, đơn vị quan tâm xây dựng môi trường làm việc văn minh, tiến bộ, xây dựng tác phong làm việc dân chủ, kỷ cương, đề cao tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Phong trào xây dựng khu dân cư văn hóa, xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh

đô thị được triển khai sâu rộng, gắn việc thực hiện các tiêu chí văn hóa của khu dân cư với xây dựng thực hiện hương ước, quy ước, quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng văn hóa giao tiếp, ứng xử văn minh; giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông; xây dựng trật tự, mỹ quan đô thị và thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Số lượng, chất lượng các danh hiệu văn hóa được công nhận ngày càng nâng cao. Việc thực hiện nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, lễ hội có nhiều tiến bộ.

### ***1.2. Về xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế***

*Về xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị:* Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh quán triệt và đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nhằm xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, trong đó tập trung các nội dung: đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng môi trường làm việc dân chủ, kỷ cương; đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; xây dựng thực hiện các quy định về văn hóa công sở, văn hóa công vụ. Nội dung học tập và làm theo Bác được đưa vào sinh hoạt thường kỳ và trở thành nhiệm vụ thường xuyên của mỗi cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên. Việc thực hiện các nội dung học tập và làm theo Bác gắn với thực hiện các chủ đề công tác hàng năm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Trong xây dựng môi trường làm việc, quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, xây dựng thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương, trách nhiệm của người đứng đầu và các chuẩn mực đạo đức của cán bộ công chức. Cùng với đó các cơ quan tập trung thực hiện cải cách hành chính, cải tiến quy trình giải quyết công việc, thực hiện đơn giản hóa, rút ngắn giải quyết các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó các cơ quan, đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước và Đề án văn hóa công vụ do Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành. Việc thực hiện đồng bộ các nội dung xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị đã nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh, bền vững.

- *Về xây dựng văn hóa trong hoạt động kinh tế:* Việc xây dựng văn hóa trong hoạt động kinh tế được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức thực hiện,

các doanh nghiệp hưởng ứng tham gia. Các cơ quan nhà nước bên cạnh việc đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh đã tích cực triển khai các hoạt động tuyên truyền vận động doanh nghiệp, các hộ kinh doanh thực hiện nếp sống văn hóa văn minh trong hoạt động thương mại, dịch vụ; tuyên truyền, vận động các đơn vị sản xuất kinh doanh đăng ký xây dựng doanh nghiệp văn hóa theo tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong tỉnh quan tâm xây dựng những giá trị cốt lõi tạo nên văn hóa doanh nghiệp, đó là tuân thủ pháp luật, bảo vệ môi trường, hiệu quả sản xuất kinh doanh gắn liền với đạo đức kinh doanh.

### ***1.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa***

Hoạt động văn học nghệ thuật của tỉnh tiếp tục phát triển cả về bề rộng và chiều sâu, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa đa dạng của các tầng lớp nhân dân và phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; các hoạt động văn học, nghệ thuật diễn ra sôi nổi, có hiệu quả; đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức trong tỉnh đã phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng, nhiều tác phẩm gồm các thể loại khác nhau đã được sáng tác và xuất bản, góp phần tích cực trong sự nghiệp xây dựng, quảng bá và phát triển văn học, nghệ thuật của tỉnh, hướng con người tới vẻ đẹp chân - thiện - mỹ. Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình có 195 hội viên đang sinh hoạt ở 20 chuyên ngành, chi hội, trong đó có 81 hội viên trung ương. Đến nay tỉnh Ninh Bình đã có 1 tác giả đạt giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật, 1 Nghệ sĩ Nhân dân, 10 Nghệ sĩ Ưu tú và 6 Nghệ nhân Ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng diễn ra sôi nổi từ tỉnh tới cơ sở, nhiều liên hoan, hội diễn, chương trình văn nghệ đã thu hút được sự tham gia của đông đảo quần chúng, tạo môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân và bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã tổ chức, đăng cai tổ chức nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật có quy mô quốc gia, quốc tế như Liên hoan Múa quốc tế (2017), Lễ hội văn hóa, thể thao và du lịch quốc gia (năm 2018), Liên hoan múa rối quốc tế (năm 2018), Liên hoan các câu lạc bộ Nghệ thuật hát Xẩm toàn quốc (2019, 2022), Cuộc thi Người đẹp Hoa Lư (năm 2018, 2019, 2022),

Tuần Du lịch Ninh Bình với chủ đề “Sắc vàng Tam Cốc - Tràng An” (năm 2018, 2019, 2022), đăng cai và tổ chức thành công Lễ khai mạc Năm du lịch Quốc gia năm 2021, Festival Tràng An - Kết nối di sản (2022)...

Công tác kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa: Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh, theo đó tính đến năm 2020, toàn tỉnh có 1.821 di tích được kiểm kê thuộc đầy đủ các loại hình. Trên địa bàn tỉnh hiện có 395 di tích được xếp hạng, gồm 1 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (Quần thể danh thắng Tràng An), 81 di tích xếp hạng cấp quốc gia (trong đó có 3 di tích quốc gia đặc biệt là Cố đô Hoa Lư; khu danh thắng Tràng An - Tam Cốc - Bích Động và di tích núi Non Nước); 314 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Có 5 hiện vật được công nhận là Bảo vật quốc gia. Về di sản văn hóa phi vật thể: Theo số liệu kiểm kê năm 2020, Ninh Bình có 4.66 di sản văn hóa phi vật thể gồm đầy đủ các loại hình, trong đó có 4 di sản đã được ghi vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Tỉnh đang triển khai thực hiện kế hoạch kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể giai đoạn 2021-2025, xây dựng hồ sơ cho 5 di sản đề nghị ghi vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và quốc tế.

Việc thực hiện các đề án bảo tồn đối với các loại hình văn hóa, nghệ thuật, lễ hội, nghệ truyền thống tiêu biểu được thực tích cực, đồng bộ. Từ năm 2018 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt 2 Đề án: Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình” và Đề án “Khôi phục, bảo tồn và phát huy nghệ thuật hát Xẩm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2019-2022”.

Công tác xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng, ghi danh các di sản trên địa bàn tỉnh được chú trọng. Từ năm 2018 đến nay, Ninh Bình đã lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận 1 di tích quốc gia đặc biệt (núi Non Nước, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình); 3 bảo vật quốc gia (Long sàng trước nghi môn ngoại và trước Bái đường đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng; bộ Phủ Việt đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng; bộ Phủ Việt đền thờ Vua Lê Đại Hành); đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng 2 di tích cấp quốc gia (Miếu và chùa Lạc Thiện, xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn; đền Như Độ, xã Như Hòa, huyện Kim Sơn); đề nghị đưa vào Danh mục Di sản văn hóa

phi vật thể quốc gia đối với 3 di sản (Nghê đá mỹ nghệ Ninh Vân, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư; Lễ hội báo bản làng Nộn Khê, xã Yên Từ, Yên Mô; Nghệ thuật hát Xẩm ở Ninh Bình).

Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới hỗn hợp đầu tiên và duy nhất ở Đông Nam Á đã được UNESCO ghi danh năm 2014. Trên cơ sở thực hiện kế hoạch quản lý Di sản, kinh nghiệm quản lý Di sản, các giải pháp, hành động cụ thể và việc thực hiện nghiêm túc các khuyến nghị của Ủy ban Di sản Thế giới là cam kết mạnh mẽ của tỉnh Ninh Bình nhằm bảo đảm tính toàn vẹn, tính xác thực và các giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản, góp phần phát triển du lịch một cách bền vững. Sau hơn 8 năm kể từ ngày Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới, công tác quản lý, bảo tồn, khai thác và phát huy các giá trị của Di sản Tràng An theo Công ước di sản Thế giới và các quy định của pháp luật Việt Nam đã thu được những kết quả tích cực: các yêu cầu, khuyến nghị của Ủy ban Di sản Thế giới được thực hiện một cách nghiêm túc, có trách nhiệm; các giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản được tôn trọng và gìn giữ, nhận thức của chính quyền địa phương và cộng đồng về vai trò, tầm quan trọng của Di sản được nâng lên rõ rệt; công tác nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh; công tác xúc tiến, quảng bá, diễn giải các giá trị của Di sản gắn với phát triển du lịch thường xuyên được đổi mới; các khu, điểm du lịch trong khu Di sản đã thực sự đóng vai trò là hạt nhân, thúc đẩy phát triển du lịch Ninh Bình. Đặc biệt vai trò là sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo tồn Di sản, sinh kế của người dân trong vùng di sản được bảo đảm. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang dịch vụ du lịch hướng tới tăng trưởng xanh và bền vững đã phát huy sức sống, tiềm năng và giá trị Di sản để Di sản thực sự là của cộng đồng, do cộng đồng bảo vệ và gìn giữ. Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 50 năm Công ước Di sản thế giới tổ chức tại Ninh Bình ngày 06/9/2022, bà Audrey Azoulay, Tổng Giám đốc UNESCO cho rằng: khu Di sản thế giới Quần thể danh thắng Tràng An đã kết hợp thành công giữa phát triển kinh tế và du lịch bền vững mà vẫn có thể tôn trọng thiên nhiên. Di sản Tràng An là mô hình mẫu mực trong việc coi chính sách văn hóa là đòn bẩy mạnh mẽ cho các hành động của quốc gia, địa phương, đặt văn hóa và di sản đúng tầm quan trọng mà chúng đáng có.

Nhằm tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định và thực hiện các chính sách về văn hóa trên địa bàn tỉnh, trong những năm qua Ninh Bình đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học về lĩnh vực văn hóa. Từ năm 2018 đến nay đã tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc gia “Vai trò của Nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam” (2018); Hội thảo khoa học “Thân thế, sự nghiệp Thiền sư Nguyễn Minh Không” (2019); Hội thảo khoa học quốc tế “Bảo tồn và phát huy nghệ thuật hát Xẩm trong xã hội đương đại” (2021); Hội thảo khoa học “Thực trạng và giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật hát Xẩm ở Ninh Bình” (2022); Hội thảo “Ninh Bình trong tiến trình lịch sử và sự nghiệp đổi mới” (2022); Hội thảo “Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô Hoa Lư” (2022)...; thực hiện nhiều đề tài và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học như: đề tài khoa học cấp tỉnh “Nghiên cứu nhận diện Hành đô Sơn Lai thời kỳ đầu nhà nước Đại Cồ Việt” (2019-2020); nghiên cứu lịch sử vùng đất Gia Thủy từ đầu công nguyên đến thời kỳ nhà nước Đại Cồ Việt; Nghiên cứu lịch sử vùng đất từ ngã ba sông Bôi đến kinh đô Hoa Lư (thuộc các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư) từ đầu Công nguyên đến thời kỳ Nhà nước Đại Cồ Việt; Xây dựng đề án Bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử và văn hóa con người vùng đất Cố đô Hoa Lư giai đoạn 2021-2030...

#### ***1.4. Phát triển và tăng cường sự quản lý nhà nước đối với các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin trên mạng; xây dựng, củng cố và sử dụng hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh tới cơ sở***

Các cơ quan báo chí ở trung ương đã tuyên truyền, quảng bá về Ninh Bình; đồng thời nâng cao chất lượng các ấn phẩm, sách báo giới thiệu về văn hóa, du lịch của tỉnh Ninh Bình bằng nhiều ngôn ngữ với bạn bè quốc tế...

Các cơ quan báo chí của tỉnh đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền, biểu dương gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trong lao động, học tập, đấu tranh, phê phán cái xấu, những biểu hiện tiêu cực trong đời sống, tuyên truyền phản ánh việc triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng phát triển văn hóa, con người Ninh Bình. Bên cạnh đó các cơ quan báo chí trong tỉnh ngoài việc thực hiện giới thiệu về văn hóa, con người Ninh Bình đã phối



hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn báo chí ở trung ương tổ chức tuyên truyền, quảng bá các giá trị về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Ninh Bình đến bạn bè trong nước và quốc tế. Nổi bật nhất là sự phối hợp phản ánh các sự kiện văn hóa, thể thao lớn của tỉnh, quốc gia, quốc tế diễn ra tại tỉnh Ninh Bình.

Hệ thống các thiết chế, công trình văn hóa công cộng đang ngày càng được hoàn thiện nhằm phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Các công trình văn hóa ở tỉnh đã được đầu tư xây dựng: Nhà Văn hóa tỉnh, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh. Nhà thi đấu thể dục thể thao, sân vận động được đầu tư sửa chữa, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị. Các huyện, thành phố đã quan tâm đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp công trình văn hóa thể thao cấp huyện. 4/8 huyện, thành phố đã xây mới nhà văn hóa và các công trình thể thao. Hệ thống công trình thể thao cấp xã và ở khu dân cư phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của người dân. Đến cuối năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 142/143 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa (đạt 99,30%), có 135 xã, phường, thị trấn có khu thể thao (đạt 94,41%), có 1.603/1.679 thôn, xóm, phố có nhà văn hóa (đạt 95,47%); có 1.236/1.679 thôn, xóm, phố có Khu thể thao (đạt 73,62%). Hệ thống sân bãi dành cho hoạt động thể dục thể thao, khu vui chơi cho trẻ em thường xuyên được nâng cấp và xây mới, với 685 sân cầu lông, 212 sân thể thao cơ bản, 450 sân bóng đá, 75 sân quần vợt, 437 sân bóng chuyên, 148 sân bóng rổ, 96 nhà tập luyện và thi đấu thể thao đơn môn, 43 nhà tập luyện và thi đấu thể thao đa năng.

Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở đã tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương; phổ biến kiến thức khoa học - kỹ thuật; giáo dục tư tưởng, đạo đức, nếp sống văn minh cơ sở; tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, bảo tồn và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân tộc; đáp ứng được nhu cầu rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể chất và sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Hoạt động của các đơn vị văn hóa cấp tỉnh từng bước nâng cao chất lượng và đã hướng mạnh về cơ sở trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Nhiều hoạt động văn hóa của tỉnh đã được tổ chức ở cơ sở xã, phường.

### ***1.5. Phát huy các giá trị tốt đẹp trong văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc***

Quán triệt quan điểm, đường lối của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 và các Nghị quyết của Đảng về xây dựng văn hóa Việt Nam, thu hút sự tham gia tích cực của mọi tầng lớp nhân dân vào công cuộc xây dựng đất nước, trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh đã có nhận thức sâu sắc hơn về tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo. Hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản tuân thủ pháp luật. Các cấp ủy Đảng, chính quyền luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi, xem xét giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu hoạt động tôn giáo. Hầu hết các chức sắc các tôn giáo có tư tưởng tiến bộ, hợp tác, đã chủ động, duy trì, tạo dựng mối quan hệ thường xuyên, gắn bó với cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; tích cực động viên người có đạo tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, hoạt động từ thiện nhân đạo, sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát huy truyền thống và bản sắc văn hóa của quê hương. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân được bảo đảm. Số lượng chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo tăng lên. Số cơ sở thờ tự được xây mới, xây dựng lại, nâng cấp, cải tạo mở rộng, tăng cả về số lượng và về quy mô, chất lượng công trình... Nhiều hoạt động tôn giáo có quy mô lớn được tổ chức thuận lợi, trang nghiêm, trọng thể theo lễ nghi tôn giáo và truyền thống của dân tộc, thu hút số lượng lớn tín đồ và nhân dân tham gia.

Bên cạnh đó, công tác bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm chú trọng. Công tác bảo tồn các giá trị di sản, văn nghệ dân gian của đồng bào dân tộc Mường được triển khai có hiệu quả. Việc bảo tồn và giữ gìn tiếng nói của các dân tộc thiểu số được lưu giữ và phát huy. Đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào ngày càng được nâng cao.

### ***1.6. Về xây dựng văn hóa, con người Ninh Bình phát triển toàn diện, có nếp sống văn hóa, văn minh hiện đại gắn với hội nhập, giữ gìn bản sắc văn hóa con người vùng đất Cố đô Hoa Lư***

Trong dòng chảy chung của nền văn hóa Việt Nam phong phú, đa dạng giàu bản sắc, văn hóa Ninh Bình kế thừa đầy đủ các giá trị văn hóa truyền

thống của dân tộc, mang nét đặc trưng riêng có của vùng đất Cố đô Hoa Lư lịch sử. Đó là các giá trị lịch sử, văn hóa được hình thành, tích lũy, bồi đắp qua hàng ngàn năm và trao truyền đến ngày nay hòa quyện với kết quả quá trình lao động sáng tạo, giao lưu, tiếp biến văn hóa thế giới.

Bằng cách truyền tải liên tục, tạo dấu ấn riêng biệt cho đất và người Ninh Bình, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của chốn kinh kỳ xưa đã, đang và sẽ là điểm tựa để Ninh Bình sáng tạo các giá trị vật chất, tinh thần mới, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giao lưu hội nhập quốc tế, xây dựng, phát triển bền vững các mặt đời sống xã hội toàn tỉnh.

Năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ban hành và từng bước triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của con người vùng đất Cố đô” giai đoạn 2021-2030. Đây là đề án có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa con người Ninh Bình góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh, bền vững trong thời kỳ đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

## **2. Những bài học kinh nghiệm và nhiệm vụ trọng tâm nhằm tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình trong thời gian tới**

### ***2.1 Những bài học kinh nghiệm***

Qua việc triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa trên địa bàn tỉnh trong những năm qua, cho phép rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

- Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người; Xử lý tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo tồn, phát triển văn hóa có vai trò quan trọng. Thực tiễn cho thấy nhận thức của một số cơ quan, đơn vị và địa phương về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, lối sống, phong cách văn hóa con người chưa thực sự đầy đủ, coi văn hóa chỉ là hoạt động của ngành văn hóa. Vì vậy, cần thay đổi nhận thức, tư duy của cán bộ, đảng viên, nhất là những người đứng đầu về trách nhiệm trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người.

- Tích cực tuyên truyền, vận động mỗi cá nhân trong cộng đồng tự trau dồi, rèn luyện phẩm chất đạo đức, hướng đến hoàn thiện nhân cách con người, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới, bảo đảm “đức” và “tài”. Trước hết, mỗi cán bộ, đảng viên thật sự gương mẫu, là tấm gương cho quần chúng noi theo.

- Xác định việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là sự nghiệp toàn dân, trong đó xác định rõ nhân dân là chủ thể trong việc phát triển văn hóa và xây dựng con người. Chính vì vậy, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” vừa là nhiệm vụ, vừa là giải pháp để xây dựng môi trường văn hóa, phát triển đời sống văn hóa tinh thần thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội. Chú trọng phát huy vai trò chủ thể, năng lực sáng tạo và sự tham gia tích cực của nhân dân. Quan tâm phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp trong gia đình, cộng đồng dân cư.

## ***2.2. Nhiệm vụ trọng tâm nhằm tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình trong thời gian tới***

- Tiếp tục quán triệt, triển khai các quan điểm, nội dung của Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 trong điều kiện, bối cảnh hiện nay, vận dụng một cách linh hoạt vào điều kiện cụ thể của địa phương. Đồng thời, quán triệt, thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu của Trung ương và địa phương về xây dựng và phát triển văn hóa (Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 16/9/2014 của Tỉnh ủy Ninh Bình, Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/6/2017 của Tỉnh ủy, Quyết định số 2215/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW...), tạo bước chuyển mạnh mẽ trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người, tạo động lực tinh thần góp phần thúc đẩy

kinh tế - xã hội phát triển, đưa Ninh Bình trở thành tỉnh khá trong khu vực Đồng bằng sông Hồng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trong cộng đồng về vị trí, vai trò của văn hóa, con người. Qua đó, tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận cao trong xã hội về thực hiện các phong trào văn hóa. Tiếp tục quan tâm duy trì, thực hiện nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, tập trung củng cố, nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, xã, phường văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Trong đó quan tâm xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, có nề nếp; ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh em đoàn kết, thương yêu nhau. Phát huy và đề cao sự nêu gương của người lớn trong gia đình và xã hội để giáo dục thế hệ trẻ học tập và noi theo. Xây dựng và nhân rộng mô hình gương người tốt việc tốt; mô hình dân vận khéo; phong trào giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo; vận động nhân dân tích cực đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng; ý thức chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện nếp sống văn minh đô thị, nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

- Chú trọng giáo dục, ngăn chặn những suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên trên cơ sở thực hiện nghiêm và có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với tiếp tục đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Xây dựng người cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, đạo đức công vụ trong sáng, có kỷ luật, gương mẫu, năng động, giỏi chuyên môn, làm việc khoa học, hết lòng phục vụ nhân dân. Phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước khi thi hành công vụ.

- Tổ chức phong phú, đa dạng các loại hình hoạt động văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao, nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Tăng cường công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Ưu tiên đầu tư ngân sách cho việc xây dựng các thiết chế văn hóa và các hoạt động văn hóa.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và các hoạt động an sinh xã hội. Chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống, giáo dục truyền thống cách mạng, lịch sử địa phương và ngăn ngừa tệ nạn xã hội, bạo lực học đường xâm nhập vào nhà trường để nâng chất lượng giáo dục toàn diện.

- Quan tâm thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin, nhất là ở các xã, phường, thị trấn. Chú ý phát hiện, bồi dưỡng các tài năng văn hóa, nghệ thuật, thể thao. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động báo chí, thông tin, truyền thanh, văn học, nghệ thuật, tín ngưỡng, tôn giáo phát triển.

- Tiếp tục đầu tư gìn giữ, khôi phục các di sản văn hóa, loại hình thể thao truyền thống; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho nhân dân tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao tại cộng đồng. Thực hiện ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý văn hóa, công tác bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của con người Ninh Bình.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa trên địa bàn, nhất là quản lý các ngành nghề kinh doanh dễ phát sinh những tệ nạn, tiêu cực trong xã hội. Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể và các xã, phường, thị trấn để thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới và đô thị văn minh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển văn hóa; nâng cao chất lượng hoạt động của đội kiểm tra liên ngành các cấp.

\*

\* \*

Qua 80 năm, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, tiếp tục “soi đường cho quốc dân đi” trong công cuộc xây dựng và phát triển một nước Việt Nam “hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng là mục tiêu mà Đảng xác định tại Đại hội XIII - vì một nước Việt Nam “hùng cường, thịnh vượng”... Nhằm tiếp tục xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh

thần dân chủ, khoa học và đại chúng; để văn hóa thực sự “soi đường cho quốc dân đi”, là “nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc” như phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, trong những năm tới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Ninh Bình xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Ninh Bình, vùng đất ngàn năm văn hiến, nơi có Cố đô Hoa Lư lịch sử, với truyền thống văn hóa sâu dày, sẽ là nơi lưu tồn và tỏa sáng những tinh hoa văn hóa của dân tộc, đất nước. Những giá trị văn hóa đã, đang và sẽ làm nên bản sắc và sự độc đáo, kết tinh trong những con người Cố đô Hoa Lư văn minh, thanh lịch, có lòng tự tôn và khát vọng cống hiến, để Ninh Bình phát triển nhanh và bền vững, trở thành một tỉnh khá trong khu vực đồng bằng sông Hồng trong thời gian tới.

## PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA CÁC DÂN TỘC TỈNH ĐẮK NÔNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG HỘI NHẬP

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

**T**rong thời kỳ mới, cần phải nhận thức đúng đắn vai trò và sự tham gia của văn hóa vào trong phát triển, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội và vào từng con người, văn hóa phải trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển bền vững đất nước. Văn hóa là môi trường để hình thành, nuôi dưỡng nhân cách, đồng thời văn hóa cũng có những lĩnh vực hoạt động riêng, đó là những hoạt động sản xuất và sáng tạo ra những giá trị tinh thần nhằm giáo dục con người hướng tới những điều tốt đẹp. Vật chất và tinh thần là hai mặt của đời sống xã hội nói chung và đời sống mỗi con người nói riêng, kinh tế là nền tảng vật chất của xã hội, đáp ứng nhu cầu vật chất, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người và xã hội. Sự phát triển đòi hỏi phải nâng cao vai trò, vị thế của văn hóa trong hoạt động kinh tế, văn hóa khơi dậy mọi tiềm năng sáng tạo của con người, quyết định sự tăng trưởng và phát triển bền vững. Và cũng do vậy, trong xã hội hiện đại, con người được xã hội tạo điều kiện xây dựng yếu tố nền tảng của văn hóa là sự hiểu biết, tri thức, kinh nghiệm, phong cách ứng xử... trong quá trình học tập, lao động để duy trì, phát triển cuộc sống. Các yếu tố này, nếu được khai thác, phát huy sẽ trở thành một động lực to lớn đối với sự phát triển kinh tế.

Với chiều dài lịch sử, bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Đắk Nông có những giá trị mới, được hình thành, bồi tụ trong quá trình hội nhập, tiếp



biến giữa các nền văn hóa. Vì vậy, để văn hóa trở thành nguồn sức mạnh nội sinh quan trọng của sự phát triển trong bối cảnh thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0, cần chú trọng phát huy sự năng động, sáng tạo, sự đổi mới và làm giàu tri thức không ngừng thông qua các chính sách văn hóa cho phù hợp. Xác định văn hóa là tài sản vô giá của các thế hệ cha ông để lại nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống lịch sử văn hóa của dân tộc. Bên cạnh đó, văn hóa của các dân tộc thiểu số còn là phương tiện để giới thiệu về hình ảnh Đắk Nông đến với du khách trong và ngoài nước, tạo tiền đề cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do đó, việc bảo tồn, kế thừa, phát huy văn hóa của các dân tộc tỉnh đã được đặc biệt quan tâm, xem đây là một nội dung quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển nền văn hóa mang đậm bản sắc của tỉnh Đắk Nông.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, cùng sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ban, ngành, tỉnh Đắk Nông đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc. Các thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư xây dựng, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, chiếu phim lưu động, tuyên truyền được tổ chức với nhiều nội dung và hình thức phong phú, tạo không khí sôi nổi; công tác phối hợp tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan, trưng bày, triển lãm... luôn đáp ứng được yêu cầu đặt ra, tạo được bước chuyển biến tích cực trong hoạt động văn hóa; công tác bảo tồn phát huy vốn văn hóa truyền thống được các cấp, các ngành và nhân dân hưởng ứng tham gia tích cực, đã khôi phục lại một số hoạt động văn hóa truyền thống có hiệu quả như: nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa thổ cẩm của các tộc người thiểu số ở tỉnh Đắk Nông; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa lễ hội - hoa văn - công chiêng và nhạc cụ dân gian của các dân tộc tỉnh Đắk Nông; xây dựng lý lịch khoa học: sử thi (Ot N'drong), dân ca và nghề thủ công truyền thống nghề dệt của người M'Nông tỉnh Đắk Nông và đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; xây dựng các hồ sơ xếp hạng di tích cấp quốc gia; khôi phục được gần 50 lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ và đăng cai tổ chức thành công Lễ hội Văn hóa thổ cẩm Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông vào năm 2018 và năm 2020 với những hoạt động văn hóa thổ cẩm đa dạng, đặc sắc của các tỉnh, thành phố trong nước và quốc tế; ngoài ra, tỉnh

Đắk Nông cử đội nghệ nhân dân gian tham gia các nội dung của Triển lãm Thế giới - EXPO 2020 tại Dubai, các Tiểu vương quốc Ảrập Thống nhất; đặc biệt, Công viên địa chất Đắk Nông đã được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu vào tháng 7/2020.

Hiện nay, Đắk Nông đang chuyển mình và phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng. Nhiều dự án phát triển kinh tế - xã hội được đầu tư, các nhà máy, công trình giao thông công cộng, khu dân cư đang làm thay đổi diện mạo của tỉnh. Chính sách phát triển kinh tế - xã hội được các cấp chính quyền quan tâm, triển khai sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, giúp đồng bào dân tộc thiểu số làm quen với phương thức, kiến thức sản xuất mới, tiếp cận với công cụ sản xuất hiện đại hơn, dần xóa bỏ phương thức canh tác lạc hậu, công cụ sản xuất thô sơ, hiệu quả thấp trước kia. Sự phát triển ấy đã giúp cho người dân được hưởng thụ chất lượng cuộc sống tốt hơn, dịch vụ xã hội được đáp ứng ngày càng đầy đủ. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đã và đang làm cho các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đứng trước thách thức, nguy cơ bị mai một. Bên cạnh đó, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc tỉnh Đắk Nông cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức bởi các nguyên nhân sau:

Đắk Nông là tỉnh có mức sống và thu nhập trung bình; địa bàn rộng và chia cắt, khí hậu không thuận lợi. Sự bùng nổ về thông tin truyền thông, cùng với làn sóng giao thoa văn hóa truyền thống với luồng văn hóa mới có mặt tích cực nhưng cũng không ít mặt tiêu cực. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch không ngừng chống phá trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, lợi dụng ưu thế về công nghệ thông tin, toàn cầu hóa về kinh tế để áp đặt các giá trị văn hóa, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” về văn hóa; đồng thời mặt trái của cơ chế thị trường đã ảnh hưởng tiêu cực đến ý thức tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ, cũng như đối với đời sống văn hóa, văn nghệ.

Một số đơn vị, địa phương chưa nhận thức rõ mối quan hệ gắn bó giữa văn hóa với kinh tế; chưa quan tâm gắn phát triển kinh tế, phát triển các ngành, các lĩnh vực đi đôi với xây dựng và phát triển văn hóa; chưa coi phát triển văn hóa là trách nhiệm của toàn xã hội. Kinh phí đầu tư cho văn hóa, thể thao và

du lịch còn hạn chế, chưa đáp ứng với nhu cầu phát triển về văn hóa của nhân dân và tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nên chưa thể phát huy tối đa nguồn lực, chưa tạo tiềm năng trở thành động lực phát triển của văn hóa trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp tỉnh đến cơ sở đã được đầu tư qua thời gian sử dụng đã xuống cấp, thiếu trang thiết bị và kinh phí hoạt động, vì vậy chưa phát huy được chức năng và hiệu quả hoạt động. Cơ chế chính sách, chế độ đãi ngộ đối với diễn viên, tuyên truyền viên, nghệ nhân chưa bảo đảm, chưa động viên, khuyến khích và chưa thu hút được tài năng trong lĩnh vực văn hóa; công tác xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa còn hạn chế; đội ngũ cán bộ, viên chức còn thiếu những người có trình độ nghiệp vụ chuyên sâu về văn hóa, văn học, nghệ thuật (biên đạo múa, biên kịch, sáng tác nhạc...).

Ngày nay, các loại hình văn hóa của các dân tộc tỉnh Đắk Nông vẫn tồn tại và phát triển, nhưng vị trí trong đời sống sinh hoạt đã được chuyển đổi. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, tỉnh Đắk Nông xác định một số giải pháp trọng tâm sau:

*Một là*, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Đồng thời, phân tích cụ thể những tác động của quá trình đô thị hóa, tái định cư, tiếp biến văn hóa... đến với đồng bào các dân tộc thiểu số; xác định rõ những giá trị truyền thống, xử lý các mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, bảo tồn và phát triển, văn hóa và kinh tế... Để từ đó có thể đề ra phương án tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Xây dựng quy hoạch tổng thể bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tiến hành rà soát, kiểm kê các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, đồng thời đăng tải dữ liệu, thông tin lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để phục vụ tốt công tác tra cứu. Xây dựng kế hoạch cụ thể trong công tác khai quật khảo cổ, tôn tạo, xác định giá trị cổ vật, có kế hoạch bảo vệ, bảo tồn và quảng bá, nhất là việc giữ gìn các hiện vật cách mạng, di tích kháng chiến. Chú trọng đầu tư phục dựng các lễ hội đặc trưng, tiêu biểu, bản sắc để trở thành hoạt động văn hóa thường niên, kết hợp với các hoạt động du lịch. Thành lập và phát triển các làng nghề truyền thống bằng nhiều hình thức và đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm.

*Hai là*, xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với việc khai thác các lợi thế của du lịch văn hóa gắn với cộng đồng, ưu tiên lựa chọn, thu hút đầu tư và xây dựng các mô hình du lịch cộng đồng với các điểm di sản của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào. Đây cũng là loại hình để tạo ra thị trường tiêu thụ và quảng bá sản phẩm của người dân ngay tại cộng đồng cư trú. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa. Việc bảo tồn và phát huy văn hóa không chỉ là trách nhiệm của ngành văn hóa mà là trách nhiệm của toàn xã hội. Tạo mọi điều kiện mở rộng nguồn đầu tư trong xã hội tham gia bảo tồn và phát huy văn hóa theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

*Ba là*, tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục pháp luật cho người dân, đề cao vai trò của nhân dân trong việc tham gia quản lý di sản văn hóa; gắn trách nhiệm của chính quyền, các tổ chức đoàn thể và người dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đặc biệt, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về giá trị, ý nghĩa của không gian buôn, bon, bản và văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, làm cho người dân hiểu rằng phải giữ được bản sắc văn hóa đó mới chính là gốc rễ, là vốn quý. Từ đó, biến di sản văn hóa của dân tộc mình thành tài sản để khai thác du lịch, dịch vụ. Khi người dân được hưởng lợi từ di sản thì chính hoạt động du lịch sẽ là nguồn lực bền vững để hỗ trợ cho công tác bảo tồn và phát huy không gian buôn, bon và văn hóa truyền thống của đồng bào thích ứng với đời sống đương đại.

*Bốn là*, chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý, chuyên môn làm nhiệm vụ văn hóa. Mở các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa cơ sở về lĩnh vực bảo tồn và phát huy văn hóa. Đồng thời, đầu tư triển khai các dự án để sưu tầm và xuất bản các ấn phẩm về văn hóa, không chỉ để bảo tồn hay tài liệu tra cứu mà còn là tài liệu tuyên truyền, giảng dạy, quảng bá không chỉ trong cộng đồng các dân tộc giúp đồng bào có thể hiểu được những giá trị văn hóa để họ tham gia bảo tồn, gìn giữ, phát huy trong đời sống xây dựng và phát triển trong đời sống cộng đồng.

*Năm là*, tăng cường hội nhập, giao lưu giới thiệu về văn hóa Đắk Nông thông qua các hoạt động văn hóa, du lịch. Tăng cường hợp tác với các tỉnh, thành phố, các trường đại học, cơ quan Trung ương về tổ chức và tham gia biểu diễn văn hóa nghệ thuật, hợp tác thực hiện các chương trình hội thảo, nghiên cứu khoa học trong công tác bảo tồn và phát huy văn hóa.

Để thực hiện tốt những giải pháp này, tỉnh Đắk Nông cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành Trung ương, đơn vị, các doanh nghiệp và toàn thể cộng đồng dân cư trong tỉnh, nhất là sự hỗ trợ về mọi mặt của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để từng bước đưa các ứng dụng khoa học công nghệ vào cuộc sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, đặc biệt là phát triển du lịch trở thành 1 trong 3 mũi đột phá của tỉnh.

Xin trân trọng cảm ơn!

## “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943 VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI TIỀN GIANG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Văn hóa luôn là một dòng chảy liên tục từ quá khứ - hiện tại đến tương lai và sự thống nhất giữa làm chủ, phát huy giá trị văn hóa truyền thống với tiếp thu, sáng tạo những giá trị văn hóa mới là một phương diện cực kỳ quan trọng, quyết định sự trường tồn của mỗi quốc gia, dân tộc. Trong diễn trình lịch sử, trải qua bao biến đổi, thăng trầm, dân tộc Việt Nam đã tích lũy, tạo dựng nhiều giá trị, bản sắc văn hóa riêng, làm nên “hồn cốt” của dân tộc và đóng góp vào kho tàng văn hóa của nhân loại. Vai trò quan trọng của văn hóa được Đảng ta khẳng định xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Đường lối văn hóa của Đảng định hướng cho sự phát triển văn hóa Việt Nam, đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ qua từng giai đoạn cách mạng; phát huy tác dụng tích cực trong đời sống xã hội và đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vẻ vang của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

### **1. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Ngọn đuốc soi đường, khởi nguồn và động lực phát triển văn hóa Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh**

Cách đây 80 năm, giữa lúc văn hóa Việt Nam đang lâm vào tình trạng hỗn loạn, lai căng, chịu sự ảnh hưởng nặng nề của văn hóa thực dân, phát xít, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng ra đời đã đặt một mốc

son quan trọng trong việc khởi động, định hướng sự phát triển của văn hóa Việt Nam. Đề cương là văn kiện lịch sử có giá trị to lớn và ý nghĩa lý luận sâu sắc, có tính thời sự cấp thiết tại thời điểm lúc bấy giờ và tầm nhìn thời đại của Đảng ta, được coi là Tuyên ngôn của Đảng về một nền văn hóa “dân tộc”, “đại chúng”, “khoa học” mà chúng ta đã và đang xây dựng trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam.

Trên cơ sở lập trường, quan điểm lý luận mácxít, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã thể hiện nhận thức lý luận khoa học của Đảng về văn hóa và các vấn đề về cách mạng văn hóa, nội dung Đề cương được chia thành 5 phần: *Cách đặt vấn đề; Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam; Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp; Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam; Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam.*

Bằng lối diễn đạt, hành văn cô đọng, hàm súc, nhiều ẩn ý sâu xa, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã thể hiện rõ các quan điểm, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc Việt Nam cần hướng đến. Đảng ta đã xác định rõ nội dung, phạm vi, vị trí, vai trò của văn hóa trong hành trình cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thắng lợi cách mạng văn hóa Việt Nam, Đề cương đã yêu cầu những người cộng sản cần nắm vững “ba nguyên tắc vận động” là: “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”. Trong đó, “dân tộc hóa” là phải chú trọng đến bản sắc dân tộc, chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, lai căng, giáo điều, máy móc từ bên ngoài khi tiếp xúc với văn hóa, “khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”. “Đại chúng hóa” là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng. “Khoa học hóa” là chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Và “muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trốn của bọn tởtkít”<sup>1</sup>. Như vậy, ba nguyên tắc

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.24-25.

“dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa” trong xây dựng và phát triển văn hóa là phương án trả lời đúng đắn và kịp thời cho các nhu cầu cấp thiết, nóng bỏng của lịch sử lúc bấy giờ.

Bản Đề cương khẳng định: “Nền văn hóa mà cuộc cách mạng văn hóa Đông Dương phải thực hiện sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa”. Từ Cương lĩnh đầu tiên này, Đảng ta đã phát triển quan điểm lý luận về văn hóa qua các thời kỳ. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chúng ta đã phát triển văn hóa kháng chiến và con người kháng chiến tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc chiến thắng kẻ thù. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khi đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền, ở miền Bắc đã tiến hành công cuộc xây dựng văn hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cuộc sống mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, xây dựng văn hóa chống Mỹ, cứu nước để thực hiện “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta tiếp tục khẳng định phải xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Kết luận số 76-KL/TW, ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh định hướng xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Như vậy, các nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa” trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập



quốc tế đa dạng và phức tạp. Kế thừa và phát triển quan điểm lý luận của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định nhiệm vụ quan trọng của cách mạng nước ta là phải bảo vệ giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc: “Văn hóa là hồn cốt của Dân tộc, nói lên bản sắc của Dân tộc. Văn hóa còn thì Dân tộc còn”<sup>1</sup>.

## **2. “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tiền Giang trong giai đoạn hiện nay**

Đối với tỉnh Tiền Giang, từ “Cội nguồn và động lực phát triển” của Đề cương, trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới và trên cơ sở kế thừa, phát huy truyền thống lịch sử văn hóa của một vùng đất “địa linh nhân kiệt”, trong những năm qua, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự tham gia tích cực của các ngành, các cấp, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở và đặc biệt là sự hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân nên đã đạt được nhiều kết quả đáng trân trọng.

Trong 5 năm qua, các hoạt động văn hóa - thể thao - du lịch - gia đình đã được ngành văn hóa, thể thao và du lịch các cấp trong tỉnh tổ chức thường xuyên, với nhiều nội dung phong phú, hấp dẫn gắn với các ngày lễ, Tết, ngày kỷ niệm, các sự kiện chính trị của quốc gia, của tỉnh đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo, vui chơi, giải trí của các tầng lớp nhân dân, đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân, tạo được không khí sinh hoạt văn hóa vui tươi, phấn khởi, lành mạnh trên địa bàn tỉnh, tạo được hiệu quả xã hội tốt, góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh, phát triển sự nghiệp của ngành. Toàn tỉnh đã tổ chức khoảng trên

---

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.157.

500 hội thi, liên hoan văn nghệ với nhiều nội dung, hình thức phong phú, thu hút hàng ngàn diễn viên không chuyên tham gia biểu diễn, phục vụ hàng vạn lượt công chúng; phối hợp với Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh tổ chức biểu diễn gần 300 buổi đờn ca tài tử, trích đoạn cải lương, chương trình nghệ thuật “Đạ khúc tri âm” tại Rạp hát Thầy Năm Tú; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án, kế hoạch hoạt động chuyên môn của ngành như: đờn ca tài tử; phát triển văn hóa đọc; nâng cao hiệu quả hoạt động trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã; phát triển văn hóa nông thôn... với rất nhiều nội dung hoạt động thiết thực, hữu ích, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân trong tỉnh.

Với quan điểm đưa văn hóa về cơ sở, thời gian qua rất nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ của ngành được tổ chức ở cơ sở, huy động được nhiều tầng lớp nhân dân ở nông thôn tham gia, tạo ra môi trường sinh hoạt văn hóa vui tươi, lành mạnh ở nhiều vùng nông thôn trong tỉnh, tạo được dư luận tốt trong nhân dân, khơi dậy, phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ ở cơ sở, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Đặc biệt, từ năm 2018 đến nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thành công nhiều sự kiện, các lễ hội lớn của tỉnh như Lễ hội Làng cổ Đông Hòa Hiệp, Lễ hội Trương Định, Lễ hội Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Đường hoa Xuân và các hoạt động vui xuân đón Tết cổ truyền của dân tộc đến tận cơ sở... tạo được dấu ấn với công chúng trong và ngoài tỉnh, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Tiền Giang, giúp nhân dân, kiều bào, bạn bè quốc tế hiểu biết về lịch sử, vùng đất, con người và văn hóa Tiền Giang.

Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở được quan tâm đầu tư xây dựng ngày càng hoàn thiện gắn với xây dựng nông thôn mới. Hiện có 11/11 huyện có trung tâm văn hóa - thể thao và truyền thanh, trong đó có 4 trung tâm văn hóa - thể thao và truyền thanh huyện được đầu tư xây dựng đạt chuẩn theo quy định. Đến cuối năm 2022, toàn tỉnh hiện có 139 trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã được xây dựng, trang thiết bị tương đối đầy đủ với một số mô hình hoạt động có hiệu quả như câu lạc bộ đờn ca tài tử, câu lạc bộ dưỡng sinh, câu lạc bộ võ thuật,... thu hút khoảng 90.000 lượt người dân/năm đến sinh hoạt, giao lưu, góp phần từng bước nâng cao đời sống tinh

thần cho nhân dân và đều đạt chuẩn theo quy định; có 392 nhà văn hóa ấp (liên ấp) đạt chuẩn theo quy định. Đến nay toàn tỉnh có 139/142 xã được công nhận đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa, tăng thêm 128 xã so với thời điểm cuối năm 2015.

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh được ngành đặc biệt quan tâm nhằm quảng bá, phát triển du lịch, tạo ra giá trị về vật chất và tinh thần góp phần vào sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có 186 di tích được xếp hạng gồm: 20 di tích cấp quốc gia, 2 di tích cấp quốc gia đặc biệt và 164 di tích cấp tỉnh. Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các cấp và sự nỗ lực của ngành văn hóa, thể thao và du lịch, nhiều di tích được đầu tư trùng tu, tôn tạo gắn với phát triển du lịch nông thôn.

Công tác tuyên truyền cổ động trực quan được ngành chú trọng thực hiện bằng nhiều hình thức như: băng rôn, pano, xe loa cổ động, biểu diễn của đội tuyên truyền lưu động, thực hiện chuyên trang “Đời sống văn hóa” trên Báo Ấp Bắc...

Công tác quản lý nhà nước về gia đình, thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam và các đề án, chương trình về gia đình được chú trọng và từng bước đi vào nền nếp, đạt được nhiều kết quả tốt đã góp phần xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau. Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc hiếu, hỷ, lễ hội. Các cuộc vận động văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng thiết thực, hiệu quả, đã thực sự đi vào cuộc sống, lan tỏa vào từng lĩnh vực trong xã hội, tác động mạnh mẽ đến quá trình xây dựng con người mới ở Tiền Giang với những đức tính tốt đẹp, tư tưởng đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, xây dựng môi trường xã hội văn minh, hạn chế, đẩy lùi tiêu

cực và các tệ nạn xã hội, khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, làm giàu hợp pháp... góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa được tăng cường bằng các quy hoạch, chính sách, quy định, định hướng, giúp cho các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa ngày càng phát triển và đi vào nền nếp. Phần nhiều các hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa được xử lý kịp thời. Ngành đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 3 chỉ thị về quản lý hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa gây tiếng ồn; xử lý quảng cáo, rao vặt sai quy định; quản lý di sản văn hóa...

Có thể khẳng định, với “quyết tâm hành động, khát vọng cống hiến” trong tổ chức triển khai thực hiện, dưới ánh sáng “soi rọi” của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, thời gian qua việc xây dựng, phát triển văn hóa và con người Tiền Giang theo hướng phát triển toàn diện, đạt các giá trị chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo sâu sát, toàn diện, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng bền vững, xây dựng quê hương Tiền Giang ngày càng giàu đẹp.

### **3. Đề xuất giải pháp phát huy giá trị của Đề cương vì mục tiêu phát triển văn hóa theo hướng bền vững**

Kỷ niệm 80 năm ngày ra đời *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 là dịp tốt để chúng ta nhìn lại và khẳng định những giá trị soi đường, tác dụng định hướng của Đề cương; qua đó nhận thức đúng hơn nghĩa vụ và trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể, của mỗi công dân đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay bởi chúng ta đang đứng trước những thời cơ, vận hội lớn, song cũng đang đối mặt với những khó khăn, thách thức mà toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và mặt trái của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đặt ra cần phải giải quyết.

Để khẳng định giá trị trường tồn, vai trò động lực của Đề cương đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam nói chung và sự nghiệp

xây dựng và phát triển văn hóa và con người Tiền Giang nói riêng theo hướng bền vững trong giai đoạn hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xin đề xuất một số giải pháp, cụ thể như sau:

*Một là*, quán triệt sâu sắc, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc. Xác định rõ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa và xây dựng con người với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người và cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

*Hai là*, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, tập trung cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành chương trình, đề án cụ thể phù hợp với thực tiễn. Đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý đối với sự nghiệp phát triển văn hóa sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, giải tỏa những “điểm nghẽn”, khơi thông để “mạch nguồn” văn hóa lưu thông thuận lợi, phát triển bền vững.

*Ba là*, đẩy mạnh và thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa hoạt động văn hóa với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Phát huy đầy đủ và toàn diện các nguồn lực (nguồn lực con người, nguồn lực tài chính, nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn của cộng đồng các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước...) tham gia xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam “dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học”.

Quan tâm khuyến khích các văn nghệ sĩ lao động sáng tạo để có nhiều tác phẩm, công trình có chất lượng tốt, có tiếng vang và tầm ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội, mang tầm vóc thời đại; có biện pháp tối ưu để giữ gìn, phát huy các di sản văn hóa dân tộc. Đồng thời, tiếp tục sáng tạo, bồi đắp, bổ sung những giá trị văn hóa mới, trên cơ sở mở rộng hợp tác, giao lưu văn hóa với các nước; tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tinh hoa văn hóa,

nghệ thuật nước ngoài để bổ sung, làm giàu thêm bản sắc, tâm hồn, cốt cách, nhân cách người Việt Nam hiện đại.

*Bốn là*, xây dựng một trường văn hóa lành mạnh, tích cực đấu tranh bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, phản động, đồi trụy; khắc phục thái độ xem nhẹ vai trò văn hóa và các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Đồng thời, phát huy bản sắc văn hóa, những đức tính tốt đẹp của con người Việt Nam là cội rễ của sức mạnh mềm văn hóa dân tộc, là sức mạnh nội sinh, là nguồn lực và động lực to lớn của đất nước trong phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

*Năm là*, các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội cần tăng cường công tác phối hợp trong tổ chức triển khai thực hiện hệ thống văn bản pháp luật về văn hóa kịp thời, hiệu quả, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, cơ quan, đơn vị... để tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ phát triển, phù hợp với tình hình mới.

Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Mỗi cán bộ, đảng viên nêu cao vai trò gương mẫu, động viên, tổ chức nhân dân thực hiện theo quan điểm: Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

\*

\* \*

Trải qua 80 năm, mặc dù trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số, xã hội số, văn hóa số... đã và đang đem lại những cơ hội, vừa tạo ra thách thức mới nhưng những quan điểm khoa học và nội dung cốt lõi của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, tiếp tục “soi đường cho quốc dân đi” trong công cuộc xây dựng và phát triển một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách

mạng thế giới... nhằm giúp toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, đặc biệt là những người làm công tác văn hóa, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ cả nước thấm nhuần ý nghĩa lịch sử, ý nghĩa thời đại, những giá trị to lớn, sự trường tồn và tầm ảnh hưởng của Đề cương 80 năm qua, qua đó, khẳng định tầm nhìn xa, trông rộng của Đảng ta về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Đồng thời, đây là nền tảng tư tưởng quan trọng để Đảng ta tiếp tục phát triển quan điểm, đường lối xây dựng, chấn hưng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy sức mạnh nội sinh của văn hóa, con người Việt Nam trong hành trình đổi mới, hướng tới sự phát triển nhanh và bền vững vì một nước Việt Nam “hùng cường, thịnh vượng” nói chung và sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tiên Giang nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

## QUỐC HỘI

### VỚI VIỆC THỰC HIỆN TINH THẦN

### “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” NĂM 1943

ỦY BAN VĂN HÓA, GIÁO DỤC CỦA QUỐC HỘI

“**Đ**ề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 là một cương lĩnh xây dựng nền văn hóa mới, văn hóa cách mạng Việt Nam, đã bổ sung cho cương lĩnh chính trị của Đảng, để thể hiện tầm vóc tư duy chính trị sâu sắc, tạo nên bước ngoặt trong nhận thức về vai trò, sứ mệnh của văn hóa đối với đời sống xã hội, vận mệnh đất nước. Những nguyên tắc phát triển văn hóa như dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa; coi văn hóa là một trong ba mặt trận (cùng với chính trị và kinh tế) còn trường tồn với lịch sử phát triển của cách mạng Việt Nam, giúp “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, hình thành nên sức mạnh nội sinh cho dân tộc trong thời kỳ mới.

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với các hoạt động của Nhà nước. Với tầm quan trọng như vậy, Quốc hội luôn quan tâm đặc biệt đối với sự phát triển văn hóa của nước nhà, coi đây là một trong những trọng tâm tạo nên sự phát triển bền vững của đất nước. Những quyết sách quan trọng của Quốc hội về văn hóa, giáo dục chịu ảnh hưởng rất lớn từ những tư tưởng, nguyên tắc của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943.

#### **1. Việc triển khai tinh thần bản “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 trong các hoạt động của Quốc hội**

Văn hóa là lĩnh vực đặc biệt quan trọng của đất nước, là hồn cốt của dân tộc. Văn hóa còn, dân tộc còn. Chính vì vậy, phát triển văn hóa luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Quốc hội. Ý thức sâu sắc về văn hóa



tạo nên sức mạnh đất nước, ngay trong những văn bản quan trọng đầu tiên, Quốc hội nước ta đã xác định văn hóa như một lĩnh vực phải coi trọng để xác định chủ quyền quốc gia, phải được thể hiện trong các văn bản luật. Hiến pháp năm 1946 chính là ví dụ tiêu biểu nhất của việc xác định *biểu tượng chủ quyền quốc gia* thông qua việc hiến định về: Cờ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nền đỏ, giữa có sao vàng năm cánh, Quốc ca là bài *Tiến quân ca*, Thủ đô đặt ở Hà Nội (Điều thứ 3), và *quyền văn hóa* của người dân: Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, *văn hóa* (Điều thứ 6), Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng (Điều thứ 10)...

Quốc hội đã chú trọng xây dựng pháp luật, thực hiện hoạt động giám sát và ban hành những quyết sách lớn để tạo điều kiện cho văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống pháp luật về văn hóa và liên quan đến văn hóa ngày càng hoàn thiện hơn, thể hiện vai trò then chốt của Quốc hội trong việc cụ thể hóa Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013, quan điểm phát triển văn hóa trong các Nghị quyết của Đại hội Đảng, nhất là trong các nhiệm kỳ gần đây như Đại hội Đảng lần thứ XI, XII, XIII, hay các nghị quyết chuyên đề về văn hóa như Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nghị quyết số 33-NQ/TW (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Trong những năm vừa qua, sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng đã tác động rất lớn đến nước ta. Những vấn đề mới đặt ra cả những thách thức và thời cơ cho sự phát triển đất nước nói chung, văn hóa nói riêng. Vì vậy, phát triển văn hóa, con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước hùng cường trở thành một nhiệm vụ trọng tâm, có tính đột phá. Thực hiện sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội với tư cách là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, luôn tập trung xây dựng pháp luật, tăng cường hoạt động giám sát và thông qua các quyết sách quan trọng nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, coi đây là một trong những mục tiêu cao nhất của sự nghiệp đổi mới và xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Văn hóa là nền tảng, có mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội; chịu sự tác động của các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và ảnh hưởng trở lại đối với các lĩnh vực này. Vì thế, Quốc hội luôn xem xét sự phát triển văn hóa trong bối cảnh hoàn thiện đồng bộ môi trường và thể chế chung, theo hướng tạo ra hành lang pháp lý và môi trường thể chế đồng bộ, thuận lợi cho sự phát triển văn hóa. Điều đó có nghĩa rằng, việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các đạo luật, từ Hiến pháp tới các luật chuyên ngành khác đều hướng tới mục tiêu bảo đảm cho sự phát triển văn hóa bền vững. Những điều khoản luật về quyền văn hóa của công dân xuyên suốt trong các bản Hiến pháp các năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 theo hướng ngày càng quy định chi tiết hơn về vấn đề này<sup>1</sup>.

Chúng ta biết rằng, văn hóa chính là nền tảng quan trọng nhất cấu thành nên luật pháp. Không có luật pháp nào không dựa vào cơ sở của một nền văn hóa để tạo ra sự phù hợp với những giá trị, truyền thống của dân tộc ấy. Quốc hội nhận thức sâu sắc rằng, để văn hóa thấm thấu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, việc xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật phải được thực thi trên tinh thần đề cao những giá trị của văn hóa. Thiếu đi những giá trị ấy, các bộ luật chắc chắn không chỉ vừa thiếu đi tính nhân văn, vừa không phù hợp với đất nước và con người Việt Nam, mà còn không thể khả thi. Đó là lý do tại sao Bộ luật Hình sự, Bộ luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, hay bất cứ một bộ luật nào đều chú ý đến sự phù hợp với văn hóa Việt Nam.

---

1 - Hiến pháp năm 1946:

*Điều thứ 6*

Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa.

- Hiến pháp năm 2013:

*Điều 16*

1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

*Điều 60*

1. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

2. Nhà nước, xã hội phát triển văn học, nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân; phát triển các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Nhà nước, xã hội tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân.

Văn hóa là một lĩnh vực rộng lớn vì vậy việc thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng trong việc phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nhiệm vụ hết sức khó khăn, nhưng nhất định phải được thực hiện thành công. Trong nỗ lực thực hiện nhiệm vụ này, Quốc hội đã ban hành 8 luật chuyên ngành văn hóa gồm: Luật điện ảnh, Luật di sản văn hóa, Luật quảng cáo, Luật sở hữu trí tuệ, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật thư viện, Luật du lịch và Luật thể dục, thể thao, cùng 4 nghị định về nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, văn hóa quần chúng, văn hóa dân tộc và tuyên truyền cổ động do Chính phủ ban hành. Hệ thống các văn bản pháp luật này đã từng bước ghi nhận và cụ thể hóa các quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia tích cực vào hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, phát huy vai trò của văn hóa với tư cách vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, Quốc hội cũng ban hành các luật khác có nhiều quy định chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, coi phát triển văn hóa, xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục, thể dục - thể thao là lĩnh vực ưu đãi đầu tư, khuyến khích mọi nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển lĩnh vực này.

Quốc hội luôn xem đầu tư cho văn hóa chính là đầu tư cho sự phát triển con người, cho sự phát triển bền vững đất nước. Vì vậy, Quốc hội đã ban hành nhiều nghị quyết về văn hóa, đặc biệt là thông qua chương trình mục tiêu phát triển văn hóa các giai đoạn 2001-2005, 2006-2010, 2011-2015, 2016-2020. Đây là kết quả của sự cụ thể hóa các chủ trương của Đảng về văn hóa, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Nghị quyết số 33-NQ/TW (khóa XI). Quốc hội cũng tổ chức thường xuyên các hoạt động giám sát, chất vấn xoay quanh những vấn đề lớn, nóng về văn hóa như đầu tư cho phát triển văn hóa, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa cơ sở, văn hóa học đường, sự xuống cấp đạo đức trong một bộ phận xã hội... Kết quả của hoạt động giám sát cũng đã góp phần nâng cao nhận thức và sự quan tâm của toàn xã hội, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thiện pháp luật về văn hóa. Gần đây nhất, Hội thảo văn hóa 2022 của Quốc hội về thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa đã thu được kết quả tích cực, tạo sự quan tâm của toàn xã hội đối với phát triển văn hóa. Kết quả của các chương trình, dự án lớn, giám sát, chất vấn, hội thảo này đã có tác động tích cực, tạo ra những chuyển biến đáng kể trong việc phát triển văn hóa trong

giai đoạn vừa qua, hình thành nên những nền tảng vững chắc cho sự nghiệp phát triển văn hóa trong giai đoạn tới.

## **2. Giải pháp của Quốc hội nhằm tăng cường thực hiện tinh thần bản “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943**

Quốc hội cũng nhận thức được rằng, sự phát triển văn hóa hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn, thách thức như nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự phát triển kinh tế - xã hội chưa đầy đủ, tác động tiêu cực từ mặt trái của nền kinh tế thị trường, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cũng như tác động từ phía các phương tiện truyền thông, đặc biệt là các phương tiện truyền thông mới; sự phát triển văn hóa chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế đã tạo ra những vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp; nhiều vấn đề của văn hóa, đặc biệt là sự xuống cấp đạo đức trong xã hội đang có những biểu hiện đáng lo ngại, dẫn đến những lo ngại của cử tri cả nước về tương lai của sự phát triển văn hóa, xây dựng con người trong những năm sắp tới.

Quốc hội luôn quan niệm văn hóa là nguồn lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư cho văn hóa chính là đầu tư phát triển đất nước. Chính vì thế, những chủ trương lớn của Đảng, xu hướng phát triển lớn của thế giới, những vấn đề bất cập, đang phát sinh trong thực hiện cần được xử lý thông qua việc thể chế hóa, tạo điều kiện cho văn hóa phát triển. Xét trong bối cảnh như vậy, để phát triển văn hóa, Quốc hội nhận thấy có 7 nhóm giải pháp quan trọng cần quan tâm như sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện “Chiến lược xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Trong đó, chú trọng nâng cao nhận thức, năng lực, chất lượng lập pháp của Quốc hội về văn hóa; xem văn hóa là mục tiêu, nguồn lực nội sinh, động lực đột phá của quá trình phát triển.

*Thứ hai*, thể chế hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng, quán triệt và triển khai các ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về lĩnh vực văn hóa về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch,

tính toán đầy đủ yêu cầu hội nhập quốc tế. Chỉ đạo nghiên cứu, tham gia xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị gia đình, hệ giá trị con người Việt Nam; hoàn thiện hệ thống pháp luật để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và văn hóa dân tộc, chống các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và giữ gìn chuẩn mực đạo đức, lối sống của con người Việt Nam; thúc đẩy “xã hội học tập” gắn với trọng dụng người thực đức, thực tài; phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ thật sự là quốc sách hàng đầu; phát huy sức sáng tạo, thúc đẩy phát triển văn hóa, nghệ thuật; quy hoạch, quản lý tốt báo chí - truyền thông; khai thác các lợi thế của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ số để giới thiệu các thành tựu của công cuộc đổi mới và đặc sắc văn hóa Việt Nam ra thế giới; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại; đồng thời ngăn chặn, hạn chế, giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực.

*Thứ ba*, đổi mới và đẩy mạnh công tác giám sát của Quốc hội trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về văn hóa; việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát, gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân có liên quan, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu.

*Thứ tư*, xác định các mục tiêu văn hóa cần đạt được và đánh giá đầy đủ tác động văn hóa trước khi ban hành các chính sách, pháp luật, cũng như quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

*Thứ năm*, phát huy vai trò ngoại giao nghị viện, không ngừng mở rộng hợp tác, giao lưu văn hóa. Xây dựng cơ chế, chính sách để phát triển đối ngoại văn hóa, hỗ trợ quảng bá nghệ thuật quốc gia, xuất khẩu các sản phẩm và dịch vụ văn hóa ra nước ngoài và nhập khẩu có chọn lọc các sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng; phát huy cao nhất tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ Việt Nam ở nước ngoài.

*Thứ sáu*, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các chính sách “phát triển văn hóa trong phát triển kinh tế và kinh tế trong phát triển văn hóa”, để các giá trị văn hóa thấm thấu, chuyển hóa vào toàn bộ quá trình vận động, phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từ lực lượng sản xuất tới quan hệ sản xuất. Đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó có hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội<sup>1</sup>.

---

1. Phát biểu của Chủ tịch Quốc hội tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021.

*Thứ bảy*, tăng cường đầu tư cho văn hóa, đặc biệt là xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa dựa vào 9 nhóm chính sách lớn<sup>1</sup>, quan trọng để tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo sự đột phá cho phát triển văn hóa đã được nêu ra trong Hội thảo văn hóa 2022 về thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa; tập trung phát triển thị trường các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, các ngành công nghiệp văn hóa, thúc đẩy lĩnh vực kinh tế sáng tạo, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa của nhân dân ở các vùng, miền.

\*

\* \*

Văn hóa Việt Nam là kết tinh thành quả lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước của dân tộc. Chính văn hóa đã tạo ra giá trị, bản sắc dân tộc cho sức mạnh đoàn kết, tình yêu nước, chia sẻ, tương thân, tương ái, giúp dân tộc trường tồn, sáng vai với các cường quốc trên thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “*Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi*” như một cách nhấn mạnh về vai trò khai sáng, dẫn dắt của văn hóa đối với sự phát triển đất nước. Phát triển văn hóa, xây dựng con người hiện nay đang ở trong bối cảnh mới, rất phức tạp, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ. Chính vì vậy, thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người đòi hỏi sự nỗ lực, tập trung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, trong đó, Quốc hội giữ vị trí trung tâm trong việc ban hành và hoàn thiện thể chế pháp luật, giám sát và thông qua các quyết sách quan trọng cho phát triển văn hóa. Với sự vào cuộc tập trung và quyết tâm như vậy, chúng ta hoàn toàn có quyền hy vọng rằng, văn hóa sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc như đã được ghi rõ trong Văn kiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

---

1. Gồm: 1- Chính sách phát triển con người Việt Nam toàn diện; 2- Chính sách xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh với các trọng tâm là xây dựng đời sống văn hóa; phát triển và quản lý hệ thống hạ tầng, thiết chế và không gian văn hóa đồng bộ, hiệu quả; 3- Chính sách nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền và giáo dục văn hóa; 4- Chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc; 5- Chính sách thúc đẩy sự phát triển văn học, nghệ thuật; 6- Chính sách phát triển công nghiệp văn hóa; 7- Chính sách đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực văn hóa; 8- Chính sách phát triển nguồn nhân lực văn hóa; 9- Chính sách hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

## NGUYÊN TẮC KHOA HỌC HÓA TRONG “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM” VÀ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN HIỆN NAY

ThS. ĐỖ THỊ XUÂN\*

### 1. Sự vận dụng nguyên tắc “khoa học hóa” trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” vào hoạt động thông tin - thư viện

“Khoa học hóa” là một trong ba nguyên tắc quan trọng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, đã được Đảng và Nhà nước ta từng bước vận dụng một cách sáng tạo trong công tác thư viện suốt 80 năm qua.

Ngay từ những năm 1970, Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 178-CP ngày 16/9/1970 “Về công tác thư viện”, trong đó nêu rõ về phương hướng phát triển sự nghiệp thư viện; tổ chức hệ thống thư viện; và đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý và cán bộ nghiệp vụ thư viện...

Ngày 17/3/1971, Bộ Văn hóa đã ban hành Thông tư số 30-VH/TT nhằm “Hướng dẫn thi hành Quyết định số 178-CP của Hội đồng Chính phủ về công tác thư viện trong đó nêu rõ: Thư viện là một cơ quan văn hóa, giáo dục của Đảng và Nhà nước. Nó là một công cụ trọng yếu ngoài nhà trường để giáo dục tư tưởng, chính trị, nâng cao trình độ kiến thức của nhân dân lao động về mọi mặt, động viên quần chúng thực hiện tốt các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm cho đời sống tinh thần, tình cảm của quần chúng ngày càng thêm phong phú.

Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, đã đề ra phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2005 và năm 2010 đã chỉ rõ: “... Tổ chức hệ thống thông tin

---

\* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

khoa học và công nghệ quốc gia, các thư viện điện tử theo hướng hiện đại. Mở rộng mạng thông tin để đưa tri thức khoa học đến với mọi người...”<sup>1</sup>. Đặc biệt năm 2019, Luật thư viện đã ra đời, trong đó quy định rõ các nguyên tắc hoạt động thư viện gồm: Lấy người sử dụng thư viện làm trung tâm; Tạo lập môi trường thân thiện, bình đẳng; Bảo đảm quyền tiếp cận và sử dụng thư viện tổ chức, cá nhân; Thường xuyên đổi mới sáng tạo về quy trình, sản phẩm, dịch vụ thư viện trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến.

Với chức năng cơ bản vừa là thiết chế văn hóa, giáo dục vừa là cơ quan truyền bá thông tin, phổ biến kiến thức cho mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội của thư viện, việc “khoa học hóa” hoạt động thư viện sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hóa phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

## **2. Những tác động của nguyên tắc “khoa học hóa” đến hoạt động thông tin - thư viện hiện nay**

Hiện nay thế giới đã và đang bước vào nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin. Xu thế này đã liên kết các nước, các thư viện khu vực và thế giới vào một mạng thư viện toàn cầu, nhằm chia sẻ, khai thác thông tin phục vụ cho mọi người dân ở mọi quốc gia, dân tộc. Do vậy, việc xây dựng hoạt động thư viện khoa học, hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dùng thông tin đã trở thành một nhiệm vụ cấp thiết. Một trong những “đòn bẩy” để phát triển hoạt động thông tin - thư viện là sự ra đời của Luật thư viện năm 2019.

Ngày 6/5/2020, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 1227/QĐ-BVHTTDL về việc ban hành kế hoạch xây dựng Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động thư viện ở Việt Nam”, trong đó mục tiêu chính là thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động thư viện, các thư viện thực hiện liên thông, phát triển và đổi mới sản phẩm dịch vụ thông tin thư viện, tích cực truyền bá tri thức, giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm thay đổi cách thức hoạt động của thư viện truyền thống, mở đường cho xu hướng thư viện điện tử, thư viện

---

1. Báo Nhân dân, ngày 22/8/2022, tr.6.



số ở Việt Nam. Từ yêu cầu cung cấp thông tin đến lưu giữ, hoạt động thông tin - thư viện đã chuyển đổi, ứng dụng các giải pháp công nghệ để thể hiện tính ưu việt của khoa học trong hoạt động của mình.

Chuyển đổi số hoạt động thông tin - thư viện ở Việt Nam là xu thế tất yếu, góp phần hình thành mạng lưới thư viện hiện đại, bảo đảm cung ứng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập. Đây là một nhiệm vụ cấp thiết nhằm cải thiện quy trình, giảm thiểu thời gian, công sức làm việc cho người làm thư viện, mang lại sự tiện lợi cho người dùng trong việc tìm kiếm và khai thác nguồn tài nguyên thông tin.

Với tinh thần đó, ngày 11/2/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 206/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó đặt ra mục tiêu: “Ứng dụng mạnh mẽ, toàn diện công nghệ thông tin, nhất là công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các thư viện và hình thành mạng lưới thư viện hiện đại; bảo đảm cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng; thu hút đông đảo người dân quan tâm, sử dụng dịch vụ thư viện, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập”.

Như vậy có thể thấy, khởi nguồn từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 với nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa”, đường lối nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hoạt động thông tin - thư viện từ trước tới nay là: Nhà nước cùng với nhân dân đầu tư xây dựng và phát triển mạng lưới thư viện khoa học, hiện đại, rộng khắp từ Trung ương đến cơ sở, trong khắp các ngành, đáp ứng nhu cầu đọc sách báo của mọi tầng lớp nhân dân, để việc đọc sách trở thành một thói quen của mọi người dân.

Theo số liệu thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đến cuối năm 2020, hệ thống thư viện công cộng cả nước đã có gần 20.000 thư viện, tủ sách, phòng đọc (trong đó có 1 Thư viện Quốc gia, 63 thư viện tỉnh/thành phố; 663 thư viện cấp huyện; 3.257 thư viện cấp xã và hơn 16.000 phòng đọc sách, tủ sách làng, thôn, bản), với gần 40 triệu bản sách. Ngoài ra, hệ thống thư viện chuyên ngành với gần 400 thư viện trường đại học và cao đẳng, khoảng 24.700 thư viện trường phổ thông, gần 80 thư viện các bộ, ngành, các viện, trung tâm nghiên cứu<sup>1</sup>.

---

1. Nguyễn Hữu Giới, Hồng Vân: “Để thư viện Việt Nam phát triển trong xã hội hiện đại”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 458, tháng 4/2021, tr.81.

Việc “khoa học hóa” hoạt động thông tin - thư viện nhằm phát triển ngành thông tin - thư viện, phục vụ mọi tầng lớp nhân dân trong cộng đồng giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy giáo dục, lưu giữ, truyền bá các giá trị của nhân loại. Thông qua hoạt động đọc sách, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, tiếp thu các giá trị hiện đại của loài người trong việc học tập, nghiên cứu, xây dựng một xã hội học tập suốt đời.

\*

\*     \*

Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đối với hoạt động thông tin - thư viện được thể hiện qua nguyên tắc “khoa học hóa” của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 có giá trị hết sức bền vững, góp phần định hướng lâu dài cho hoạt động thông tin - thư viện. Hoạt động thông tin - thư viện phát triển sẽ góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội học tập, hướng tới mọi người dân có thể sử dụng thư viện, bảo đảm quyền hưởng thụ văn hóa và tiếp cận thông tin phục vụ nghiên cứu, học tập, giải trí của mỗi cá nhân trong xã hội.

**NHẬN DIỆN VÀ LÀM RÕ CÁC GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG, HỌC THUẬT  
VÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐỀ CƯƠNG VỀ CÁCH MẠNG VĂN HÓA VIỆT NAM  
NĂM 1943 CỦA ĐẢNG**

TS. CAO VĂN CHÓNG\*,  
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH BÌNH DƯƠNG

Là tên thường gọi của Đề cương về cách mạng văn hóa Việt Nam do Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) soạn thảo từ năm 1943, Đề cương văn hóa Việt Nam đến nay vừa tròn 80 năm. Mặc dù ở dạng đề cương, nhưng Đề cương văn hóa có vai trò rất lớn, định hướng xuyên suốt hoạt động trên mặt trận văn hóa.

**1. Các giá trị cốt lõi của Đề cương Văn hóa năm 1943.**

Đề cương đề cập đến nhiều vấn đề, trong đó đã xác định đúng phạm vi, tính chất, nội hàm của văn hóa. Ngay trong phần đặt vấn đề, Đề cương nhấn mạnh: “Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật”. Cụm từ “bao gồm cả” cho thấy văn hóa là lĩnh vực rộng lớn, trong đó bao chứa những thành tố cơ bản là tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Việc lựa chọn, xác định phạm vi của văn hóa ngay trong phần “Cách đặt vấn đề” của Đề cương cho thấy tầm quan trọng của tư tưởng, học thuật và nghệ thuật đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc; với vận mệnh nước nhà và công cuộc vun đắp nền văn hóa mới phong phú, giàu bản sắc.

Trong phát biểu tại Lễ kỷ niệm 40 năm ra đời Đề cương, Tổng Bí thư Trường Chinh nhấn mạnh: “Đề cương đi thẳng vào vấn đề văn hóa. Đó là lĩnh vực phản ánh toàn bộ đời sống xã hội vào ý thức của con người, thể hiện phong phú trên các mặt: tư tưởng, học thuật và nghệ thuật”<sup>1</sup>. Như vậy, tư tưởng, học thuật, nghệ thuật là ba thành tố cơ bản, thuộc về văn hóa được lựa chọn để nhấn mạnh, bàn thảo trong Đề cương, đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi của tình hình cấp bách lúc bấy giờ. Đến nay, cả ba thành tố mà Đề

---

\* Phó Giám đốc

<sup>1</sup> Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.5, 12.

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

cương nêu ra đều là những yếu tố mang tính hạt nhân, có mối quan hệ, gắn bó, chi phối, bổ sung và thẩm thấu lẫn nhau, cấu thành nền văn hóa dân tộc.

Trong điều kiện đất nước bị thực dân đế quốc đô hộ, những người mác-xít đặt mục tiêu lật đổ giai cấp thống trị và giành chính quyền về tay nhân dân lên hàng đầu. Đấu tranh giành lại nền độc lập dân tộc trở thành giá trị chung của cả dân tộc, điều kiện tiên quyết để nhân dân ta xây dựng nền kinh tế mới và nền văn hóa mới. Đề cương cũng nhấn mạnh rằng, cách mạng dân tộc giải phóng Việt Nam chỉ có thể - trong trường hợp may mắn nhất - đưa văn hóa Việt Nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc, hoàn toàn độc lập, dựng nên một nền văn hóa mới, nhưng đó cũng chưa phải là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, chỉ có thể đạt được trong cách mạng xã hội chủ nghĩa sau này. Văn hóa dân chủ mới là bước quá độ lên văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Nhận rõ văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội, Đảng đề ra Đề cương văn hóa và làm cho nó trở thành một vũ khí tư tưởng sắc bén của các chiến sĩ Việt Nam trên mặt trận văn hóa chống lại những âm mưu văn hóa ngu dân và nô dịch của phát xít, thực dân, đánh bại những khuynh hướng văn hóa sai lầm, tác hại đến việc giành lại độc lập dân tộc và tiến lên xây dựng một nền văn hóa mới Việt Nam. Sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là một sự nghiệp vĩ đại sáng ngời chính nghĩa.

Vào các năm 1941-1942, trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa xuất hiện nhiều khuynh hướng phức tạp và phản động. Phát xít Nhật tích cực tuyên truyền cho các thuyết Đại Đông Á lôi kéo một bộ phận trí thức tham gia vào bộ máy tuyên truyền đề cao Nhật. Thực dân Pháp cũng tích cực hoạt động mua chuộc và lừa bịp giới quan lại, công chức, trí thức, sinh viên thân Pháp hạn chế ảnh hưởng của Nhật, ngăn chặn nhân dân ngã theo cách mạng. Tầng lớp trí thức bị dao động, phân liệt. Một bộ phận lộ rõ bản chất phản động cam tâm làm tay sai cho Nhật, Pháp. Một bộ phận đi theo cách mạng. Một bộ phận lừng chừng đề cao tư tưởng phong kiến phục cổ, mê tín dị đoan, thần bí, cải lương tư sản. Có bộ phận công khai xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nhằm dả thông tư tưởng, “thức tỉnh” người nghệ sĩ, trí thức, vấn đề tư tưởng đã được đặt ra trong Đề cương như một vấn đề trọng tâm, nhằm “tranh đấu về học thuyết, tư tưởng (đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á, có ít nhiều ảnh hưởng tai hại ở ta: triết học Khổng, Mạnh, Descartes, Bergson, Kant, Nietzsche... làm cho thuyết

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thẳng”<sup>2</sup>. Việc xác định rõ lập trường tư tưởng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin - một học thuyết khoa học, cách mạng và nhân văn nhất lúc bấy giờ, phù hợp với quy luật vận động khách quan của tư tưởng và văn hóa nhân loại, có vai trò, ý nghĩa giải quyết được những vấn đề đặt ra của tình hình, thực tiễn phát triển của nền văn hóa dân tộc, là kim chỉ nam cho quá trình vận động, phát triển của đất nước cũng như mục tiêu hướng đến của toàn dân là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, sẽ góp phần “chống lại văn hóa phát xít phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉn dân. Phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương”<sup>3</sup>.

Trong ba yếu tố tư tưởng, học thuật và nghệ thuật, tư tưởng là vấn đề trọng tâm, là hạt nhân của nền văn hóa. Nó liên quan đến thế giới quan, đến nhận thức, tình cảm, thái độ, cách ứng xử của con người trước những vấn đề của tự nhiên, xã hội. Nghị quyết Trung ương năm khóa VIII (1998) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Tư tưởng, đạo đức và lối sống là những lĩnh vực then chốt của văn hoá”<sup>4</sup>. Bàn về những chuyển biến trong đời sống tư tưởng những năm đầu đổi mới, Nghị quyết của Đảng nhận định: Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được vận dụng và phát triển sáng tạo, trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng, bảo đảm cho đời sống tinh thần xã hội phát triển đúng hướng. Đó là ý thức phấn đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tinh thần trách nhiệm và năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ, đảng viên; là những giá trị văn hoá và chuẩn mực đạo đức tốt đẹp; tính năng động và tính tích cực công dân; là tinh thần, ý chí vươn lên lập thân, lập nghiệp, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của thế hệ trẻ; là tâm thức hướng về cội nguồn, về cách mạng và kháng chiến, quý trọng các danh nhân văn hoá, đền ơn đáp nghĩa những người có công, giúp đỡ những người hoạn nạn...

Cùng với tư tưởng, học thuật là một yếu tố được đặc biệt nhấn mạnh. Dưới chính sách cai trị của thực dân, phát xít và phong kiến tay sai, đời sống nhân dân vô cùng khổ cực. Trong tình cảnh đó, đại đa số người dân Việt Nam mù chữ, không được đến trường. Vì không biết chữ dẫn đến ý thức về bốn phận, trách nhiệm của người dân đối với vận mệnh quốc gia, dân tộc còn nhiều hạn chế; việc tuyên truyền, tập hợp, cổ vũ, động viên

<sup>2</sup> Văn kiện của Đảng và Nhà nước về văn hóa, văn nghệ, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.11.

<sup>3</sup> Văn kiện của Đảng và Nhà nước về văn hóa, văn nghệ, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.11.

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, BCH Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.42.

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

tinh thần nhân dân gặp nhiều khó khăn. Do đó vấn đề học thuật, nâng cao trình độ dân trí, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại được đặt ra cấp thiết. Học thuật liên quan trực tiếp đến trình độ học vấn, đến tri thức khoa học, sự hiểu biết và ý thức làm chủ của con người, là điều kiện cần để con người mở những cánh cửa vào tương lai, thể hiện khát vọng, tinh thần không ngừng học tập, nâng cao tri thức, trình độ và năng lực chuyên môn, từ đó có nhiều sáng tạo, phát minh mới, làm phong phú nền văn hóa dân tộc. Nhiệm vụ khai dân trí được đặt lên vai của những người làm cách mạng và là sứ mệnh, trọng trách của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức. Đề cương đề ra những nhiệm vụ cần kíp cần phải được tiến hành ngay lúc bấy giờ, đó là: Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết. Thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói. Ấn định mẹo văn ta. Cải cách chữ quốc ngữ. Tuyên truyền và xuất bản. Chống nạn mù chữ.

Nhận thức sâu sắc vai trò, ý nghĩa quan trọng của vấn đề học thuật, Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức các cuộc vận động, các phong trào xây dựng đời sống mới, thành lập Hội Văn hóa cứu quốc, góp phần nâng cao trình độ nhận thức của nhân dân. Với tinh thần, quyết tâm cao, một tuần lễ sau ngày tuyên bố độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ. Chỉ trong vòng hơn một năm, hai triệu người vốn bị mù chữ đã biết đọc, biết viết.

Bên cạnh yếu tố tư tưởng, học thuật thì nghệ thuật được xác định là bộ phận đặc biệt nhạy cảm, tinh tế của văn hóa. Nếu “học thuật” liên quan trực tiếp đến công tác giáo dục, đào tạo, đến việc trao truyền thi thức, bồi dưỡng thế hệ trẻ, nâng cao dân trí, thì “nghệ thuật” là một biểu hiện sinh động, phong phú của đời sống văn hóa, thể hiện những khát vọng của con người về chân, thiện, mỹ. Những sáng tạo về nghệ thuật rất phong phú, thể hiện ở nhiều loại hình. Trải qua thời gian và những sáng tạo không ngừng nghỉ của các thế hệ người dân Việt Nam đã kết tinh thành những giá trị độc đáo, tạo thành bản sắc văn hóa dân tộc. Sức mạnh của những tác phẩm nghệ thuật có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục, hình thành nhân cách, lối sống tốt đẹp cho con người.

Nghệ thuật là bộ phận sinh động của văn hóa, bao gồm những hoạt động sáng tạo, thực hành, trình diễn phong phú, đa dạng, thuộc nhiều loại hình và phương thức thể hiện, phản ánh đời sống tư tưởng, tình cảm, lối sống, nếp nghĩ của nhân dân. Nghệ thuật có vai trò, sức mạnh vô cùng lớn trong việc đấu tranh, giải phóng dân tộc, ngợi ca cái đẹp, bảo vệ lẽ phải, sự công bằng. Nhấn mạnh đến vai trò to lớn của nghệ thuật và đội ngũ văn nghệ sĩ trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

định: “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”<sup>5</sup>. “Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà, mà anh em văn hoá và trí thức phải làm cũng như là những chiến sĩ anh dũng trong công cuộc kháng chiến để tranh lại quyền thống nhất và độc lập cho Tổ quốc”<sup>6</sup>.

Nhấn mạnh đến 3 thành tố đặc biệt quan trọng của văn hóa là: Tư tưởng, học thuật và nghệ thuật, Đề cương cũng đã đề ra 3 nguyên tắc vận động để xây dựng nền văn hóa mới, đó là: Dân tộc, khoa học và đại chúng. Dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa trở thành ba phương châm mang tính bao trùm của một nền văn hóa mới. Ba phương châm này là định hướng, xác lập nguyên tắc hoạt động chứ chưa phải và không thể là những nội dung cụ thể của một nền văn hóa mới. Đây không phải là những suy diễn thiếu cơ sở mà căn cứ vào cách giải thích khái niệm sẽ nhận thấy đó là một yêu cầu của thực tiễn cách mạng.

Khi cuộc cách mạng giành độc lập dân tộc đang trở thành vấn đề cấp thiết số một thì nguyên tắc Dân tộc hóa là “chống mọi ảnh hưởng nô dịch, thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập”, là đưa văn hóa trở về với đại chúng, là vì đại chúng, phục vụ đại chúng chứ không thể vì một đối tượng nào khác. Đây thực sự là một sự thay đổi tận gốc, là cuộc cách mạng chứ không phải là một xu hướng cải cách mang tính cải lương. Nêu phương châm Dân tộc hóa lên đầu tiên, gắn nó với cuộc cách mạng giành độc lập cho đất nước như là nhiệm vụ hàng đầu của văn hóa chính là đưa văn hóa áp sát đời sống, làm cho nó hữu ích, thiết thực với quảng đại quần chúng. Khoa học hóa văn hóa giai đoạn này chính là đánh đổ mọi nhận thức sai lầm về con đường phát triển của xã hội “chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ”, mà thực chất là chống lại tư tưởng Đại Đông Á của Nhật và tư tưởng nô dịch và những quan niệm duy tâm, siêu hình đang đè nặng lên đời sống tinh thần của nhân dân. Đại chúng hóa là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đại chúng hoặc xa đông đảo quần chúng. Có thể thấy việc luận giải các nguyên tắc này của Đề cương Văn hóa Việt Nam nghiêng về phía chính trị cũng là tất yếu bởi nhiệm vụ cứu quốc được đặt ra hàng đầu. Yêu cầu trở về với dân tộc, nhân dân của văn hóa, vì độc lập dân tộc và hạnh phúc nhân dân, nói như một số nhà hoạt động văn hóa lúc đó, là mệnh lệnh của lương tri.

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh: Về công tác văn hóa văn nghệ, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.19.

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh: Về công tác văn hóa văn nghệ, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.7.

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

Có thể khẳng định, ba nhân tố thành tố và ba nguyên tắc này đều có mối quan hệ biện chứng, thẩm thấu và bổ sung lẫn nhau để tạo nên một nền văn hóa mà tư tưởng thấm đẫm tinh thần dân tộc; học thuật phải mang tính khoa học, chống lại những gì phản tiến bộ, những cái lạc hậu, bảo thủ, đồng thời không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Nghệ thuật phải thấm đẫm tinh thần nhân dân (đại chúng), nghệ thuật thuộc về nhân dân, phản ánh tâm tư, tình cảm và những mong ước, khát vọng của nhân dân.

### **2. Sự kế thừa và bổ sung, phát triển Đề cương văn hóa 1943 của Đảng Cộng sản Việt Nam.**

Kế thừa những quan điểm, định hướng về xây dựng, phát triển nền văn hóa mới Việt Nam được đề cập trong Đề cương, 80 năm qua, Đảng ta đã không ngừng bổ sung, phát triển nhiều quan điểm mới, làm sâu sắc thêm nội hàm, phạm vi các lĩnh vực thuộc văn hóa cũng như vai trò của văn hóa trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tuy nhiên, Đề cương Văn hóa Việt Nam dù mang tầm nhìn chiến lược và cho đến nay vẫn chứng tỏ sức sống của nó, nhưng không phải không có những bất cập ở một số vấn đề như trong xác định phạm vi đối tượng, lĩnh vực hoạt động của văn hóa, những nét đặc thù của khái niệm cũng như trong đánh giá di sản, xác định tính chất hoặc phân kỳ lịch sử hình thành và phát triển của văn hóa dân tộc v.v...

Điều ấy hoàn toàn có thể hiểu được bởi trong những điều kiện hoạt động bất hợp pháp, thiếu thốn tư liệu, mặt bằng lý luận nói chung còn có nhiều hạn chế... đã không cho phép tác giả đi sâu vào những vấn đề chuyên môn. Mặt khác, khi vận dụng quan điểm này vào chỉ đạo thực tiễn không phải không có những bất cập, thậm chí sai lầm. Ngay như nói về hệ giá trị của văn hóa, trong thực tiễn không ít những lệch lạc trong cách hiểu về ba phương châm lớn này khi xây dựng phong trào hay khi tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống, trong hội nhập và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, trong sự tạo ra một môi trường văn hóa bình đẳng, đa dạng của cộng đồng các dân tộc và xây dựng con người. Đó cũng là một thực tế cần phải được nghiên cứu kỹ và giải quyết những vấn đề của chính văn hóa trong quá trình phát triển. Mặt khác lại cũng phải nhận thấy đây là một bản Đề cương Văn hóa Việt Nam, một chương trình, kế hoạch hành động mang tính chất cương lĩnh của một tổ chức chính trị ở một lĩnh vực vốn rộng về phạm vi, phong phú về nội dung, khó có quan điểm thống nhất ngay cả với những nhà chuyên môn, phức tạp về cách tiếp cận và quan điểm đánh giá... Mọi vấn đề không



**80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)**

phải một khi đã xây dựng xong là trở thành nguyên lý nhất thành bất biến mà trước hết và suy cho cùng, nó chỉ là những định hướng để dựa vào đó mà sáng tạo và hành động chứ không nhất nhất lệ thuộc vào nó một cách giáo điều.

Lướt qua những giai đoạn phát triển, đổi thay của 80 năm qua, nhìn lại những quan điểm lớn nhất của Đảng về văn hóa mới thấy hết những minh triết của cách tiếp cận vấn đề, tính thực tiễn và khoa học của những luận điểm được nêu ra trong Đề cương Văn hóa Việt Nam, thấy nó đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử. Bao trùm lên tất cả là tính chất cách mạng, thái độ nhất quán và những nguyên tắc của Đảng về một nền văn hóa mới, được định hướng ngay từ khi nó chưa được xác lập, chưa thật rõ hình hài nhưng những cái mới của nó đã hé lộ, sức sống của nó ngay từ những buổi đầu tiên đã được khẳng định và nó đã đáp ứng được những yêu cầu của cuộc cách mạng xã hội vì dân tộc, vì nhân dân. Chính vì thế mà tương lai của những tư tưởng lớn ấy, những định hướng ấy đã bám rễ vào đời sống và chứng tỏ sự đúng đắn ngay từ những buổi đầu. Những bất cập trong chỉ đạo thực tiễn về xem nhẹ vai trò của tinh hóa văn hóa, những nhận thức chưa đúng về tính đại chúng, văn hóa quần chúng, xu hướng chiều theo nhu cầu giải trí của số đông hay bảo tồn, di sản văn hóa đã từng bước được nhận thức và giải quyết. Vấn đề lớn nhất là nhận thức về bản thể của văn hóa, vấn đề con người cho đến nay vẫn là những điểm “nghẽn” vì quan điểm chỉ đạo vẫn nghiêng về khía cạnh chính trị của vấn đề là điều cần được giải quyết trong thời gian tới.

Nếu coi Đề cương Văn hóa Việt Nam 1943 như là Cương lĩnh thứ nhất của Đảng về văn hóa thì Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và Nghị quyết Trung ương 33 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước như những cương lĩnh mới về văn hóa của Đảng thì không thể không nhận thấy những tiếp nối, phát triển nhiều luận điểm quan trọng của Đề cương Văn hóa Việt Nam 1943.

Về phạm vi, nội hàm của văn hóa, Nghị quyết Trung ương năm khóa VIII, bổ sung thêm các lĩnh vực như: Tư tưởng, đạo đức, lối sống; di sản văn hóa; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn học, nghệ thuật; thông tin đại chúng; giao lưu văn hóa với thế giới; thể chế và thiết chế văn hóa.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương năm khóa VIII, năm 2014, Đảng ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết đã nhấn mạnh đến vai

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

trò đặc biệt quan trọng của chủ thể sáng tạo, xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc là nhân tố con người: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Nghị quyết cũng đã đề ra 6 nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới, đó là: Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Phát biểu tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Văn hoá là một phạm trù rất rộng, có thể được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau với nhiều cách tiếp cận khác nhau... Nhưng chung quy có thể hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Nghĩa rộng: thì văn hoá là trình độ phát triển về tinh thần và vật chất của nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định... Nghĩa hẹp: thì văn hoá là những hoạt động tinh thần của một xã hội, gồm có những lĩnh vực: giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật, đạo đức... Văn hoá cũng bao gồm cả văn hoá vật thể (các di tích lịch sử, các công trình văn hoá, di sản văn hoá, những sản phẩm văn hoá: Kim tự tháp, đình, chùa, miếu thờ,...) và phi vật thể (ca dao, dân ca, hò vè, lễ hội; các phong tục, tập quán của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền, mỗi dân tộc, mỗi địa phương...)... Nhưng dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì khi đã nói đến văn hoá là nói đến những gì là tinh hoa, tinh tuý nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, nhân tình, tiến bộ”<sup>7</sup>.

Như vậy, tùy thuộc vào bối cảnh, tình hình khách quan và thực tiễn phát triển của đất nước, Đảng ta đã không ngừng đổi mới tư duy nhằm hoàn thiện hệ thống lý luận về xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc; khơi dậy và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa truyền thống và sức mạnh con người Việt Nam để hiện thực hóa khát vọng xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

<sup>7</sup> Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.158.

**80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)**

Ra đời trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, khi nước nhà còn chìm trong bóng đêm nô lệ, nhân dân chịu nhiều tầng áp bức, bóc lột, Đảng phải lui về hoạt động bí mật, Đề cương không thể đề cập đến mọi lĩnh vực, mọi vấn đề của văn hóa. Như đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trong lễ kỷ niệm 40 năm ngày ra đời Đề cương đã nhấn mạnh: Đề cương văn hóa Việt Nam không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt Nam... Nhưng Đề cương văn hóa đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện đó của cách mạng Việt Nam.

80 năm qua, dù hiện thực có nhiều đổi thay nhưng những tư tưởng, quan điểm mang tính định hướng được đề cập trong Đề cương về văn hóa Việt Nam vẫn là những tư tưởng nền tảng, soi đường cho sự vận động, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

**Tài liệu tham khảo**

1. Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1985.
- 2, 3. Văn kiện của Đảng và Nhà nước về văn hóa, văn nghệ, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, BCH Trung ương khóa VIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Trung ương 33-NQ/TW, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 09/6/2014.
6. Hồ Chí Minh: Về công tác văn hóa văn nghệ, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1971.
7. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.

## THÀNH PHỐ CẦN THƠ VẬN DỤNG, PHÁT HUY ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TP. CẦN THƠ

V.I.Lênin khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng là phải làm cho văn hóa, văn học, nghệ thuật trở thành một bộ phận quan trọng trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Kế thừa và vận dụng sáng tạo quan điểm mácxít, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đề cao vai trò của văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Năm 1943, giữa lúc Đảng ta phải chống thù trong giặc ngoài, trong tình trạng hơn 90% người Việt mù chữ và những khó khăn chồng chất của giai đoạn đầu làm cách mạng, nhưng Đảng ta vẫn bình tĩnh đưa ra một bản Đề cương về văn hóa. Đảng đã khẳng định: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”<sup>8</sup> và “phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”<sup>9</sup>. Từ đó, Đảng đã tập hợp được đông đảo trí thức, văn nghệ sĩ tham gia thực hiện các mục tiêu văn hóa, nâng cao trình độ dân trí, tạo nên những điều kiện quan trọng có ý nghĩa quyết định tới những thành quả to lớn của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định văn hóa là đời sống tinh thần, thuộc về kiến trúc thượng tầng của xã hội. Văn hóa được đặt ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội, tạo thành bốn vấn đề của xã hội: “Trong công cuộc

---

<sup>8</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2000, t.7, tr.316

<sup>9</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2000, t.7, tr.318

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Nhưng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng”<sup>10</sup>

Bước vào sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (1998) của Đảng đã ban hành Nghị quyết về “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và xác định các lĩnh vực cơ bản của nền văn hóa cần tập trung xây dựng và phát triển là: xây dựng môi trường văn hóa; phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa; củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa;...<sup>11</sup>

Sau hơn 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ban hành Nghị quyết về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Bên cạnh việc kế thừa những lĩnh vực mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII đã nêu, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã bổ sung những lĩnh vực mới mà Đảng cần quan tâm chỉ đạo. Đó là xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế; phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa.

Như vậy, nhận thức về phát triển các lĩnh vực văn hóa của Đảng đã từng bước được hoàn thiện và đặt ra những yêu cầu mới gắn liền với mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử cách mạng, phù hợp với yêu cầu của thời đại. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã xác định: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”<sup>12</sup>.

Định hướng về xây dựng và phát triển văn hóa được khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) là cơ sở tư tưởng để Đảng ta tiếp tục cụ thể hóa thành các chủ trương, chính

<sup>10</sup> Báo cứu quốc, số ra ngày 8-10-1945

<sup>11</sup> Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.1998, t.58-69

<sup>12</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.75-76

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

sách quan trọng nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”<sup>13</sup>

Như vậy, quan điểm Đảng, Nhà nước ta: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa phải được đặt ngang hàng và phát triển hài hòa với kinh tế, chính trị, xã hội; bảo đảm yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các công nghệ mới, hiện đại và biến đổi kinh tế - xã hội, con người do tác động của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng... Xây dựng và phát triển văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa giữ vai trò nòng cốt. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Phát huy mọi nguồn lực phát triển để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc; nhân tố thúc đẩy phát triển con người Việt Nam trở thành trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển. Chủ động hợp tác và quảng bá các giá trị văn hóa của Việt Nam ra thế giới, phát huy sức mạnh mềm văn hóa, góp phần quan trọng vào sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế, tạo dựng môi trường hoà bình, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo đảm sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Với mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những

<sup>13</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.262

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

tác động to lớn với kinh tế, xã hội và con người của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng...xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền, các đối tượng chính sách và yếu thế; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hoàn thiện cơ chế thị trường trong lĩnh vực văn hóa gắn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa có tiềm năng, lợi thế.

Từ đường lối, chủ trương của Đảng qua các kỳ Đại hội, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã xác định văn học, nghệ thuật có sức ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần của Nhân dân, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, kịp thời định hướng dư luận xã hội, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trước âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch trên lĩnh vực văn hóa và những luận điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật. Thời gian qua, hoạt động văn học - nghệ thuật đã được triển khai thực hiện với nhiều hình thức phong phú và đa dạng, góp phần nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của người dân. Đội ngũ văn nghệ sĩ trên địa bàn thành phố đã phát huy tinh thần sáng tạo, trong các hoạt động sáng tác, góp phần tích cực vào công tác quảng bá, giới thiệu về vùng đất, con người Cần Thơ với bạn bè trong và ngoài nước. Chú trọng bảo tồn và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống, đậm bản sắc dân tộc, tiêu biểu là bảo tồn và phát huy loại hình nghệ thuật truyền thống. Đặc biệt, nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ, thường xuyên tổ chức các sân chơi, các chương trình giao lưu, nhằm tuyên truyền, định hướng về chính trị, tư tưởng, thẩm mỹ phù hợp với công nghệ phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí... tạo điều kiện cho mọi tầng lớp xã hội được tham gia hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa.

Thông qua phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giữ vai trò nòng cốt trong việc xây dựng môi trường sống văn hóa, lành mạnh. Xác định đây là việc làm có ý nghĩa thiết thực đối với việc xây dựng con người, tác động đến tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống của cá nhân và cộng đồng, là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống. Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

dựng môi trường học thật sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người. Xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh: nâng cao nhận thức và xây dựng nét văn hóa ứng xử, giao tiếp trong đời sống cộng đồng; đề cao lối sống văn hóa, nếp sống văn minh, quan hệ cộng đồng thân thiện, nhân ái. Phong trào luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát Ban Chỉ đạo phong trào các cấp đã có sự thống nhất trong công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện và phát huy tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp trong công tác chỉ đạo, phối hợp và đẩy mạnh các phong trào ở địa phương gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Qua đó, phong trào đã phát triển sâu rộng và hiệu quả của phong trào đã góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương; đạt được một số kết quả tích cực và huy động được toàn bộ lực lượng của cả hệ thống chính trị tham gia xây dựng và phát triển văn hóa với những nhân tố mới trên lĩnh vực văn hóa xã hội, thể hiện rõ nhất là làm thay đổi diện mạo cả nông thôn, thành thị; đời sống vật chất và tinh thần Nhân dân được nâng cao, an sinh xã hội đảm bảo; quốc phòng an ninh được giữ vững; đời sống văn hóa của Nhân dân ngày càng phong phú và đa dạng. Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao từng bước hoàn thiện; các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp, tình làng nghĩa xóm, tư tưởng đạo đức, lối sống được trân trọng và đề cao ở các gia đình, cá nhân trong cộng đồng nhằm giáo dục thế hệ trẻ xây dựng nhân cách toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phát triển sôi nổi, ngày càng thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

Công tác kiểm tra, công nhận đối với các danh hiệu văn hóa ngày càng được chú trọng; công tác xây dựng người Cần Thơ “Trí tuệ - năng động - nhân ái - hào hiệp - thanh lịch” đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhân cách, đẹp về tâm hồn - khỏe về thể chất, có tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc đáp ứng tốt yêu cầu công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa trên địa bàn. Các loại hình di sản văn hóa phi vật thể được quan tâm bảo tồn và phát huy; nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, di tích lịch sử có giá trị đã phát huy tác dụng trong đời sống xã hội, từng bước gắn kết với phát triển du lịch của thành phố. Hợp tác quốc tế về văn hóa được đẩy mạnh, giao lưu văn hóa với nước ngoài ngày càng được mở rộng, nhiều sự kiện, lễ hội khu vực và quốc tế được tổ chức tại thành phố, góp phần tăng



## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

cường quảng bá văn hóa và con người Cần Thơ ra thế giới. Công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh, góp phần kết nối, chia sẻ, giao lưu, quảng bá, tuyên truyền văn hóa một cách nhanh chóng, hiệu quả. Chủ trương “xã hội hóa” hoạt động văn hóa đã đạt được nhiều kết quả thiết thực, bước đầu huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội tham gia vào sự nghiệp phát triển văn hóa, tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, nâng cao dần mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân.

*Để bảo tồn, phát huy văn hoá trong thời kỳ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thành phố Cần Thơ, đề xuất giải pháp sau:*

*Thứ nhất,* Tiếp tục quán triệt thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về văn hóa, nhất là các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW. Nâng cao vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp và phát huy tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu trong việc xây dựng, phát triển văn hóa và con người Cần Thơ trong giai đoạn hiện nay; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, liên tục của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, góp phần ổn định xã hội, tạo động lực để phát triển.

*Thứ hai,* xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống. Xây dựng môi trường học thật sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người. Xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh: nâng cao nhận thức và xây dựng nét văn hóa ứng xử, giao tiếp trong đời sống cộng đồng; đề cao lối sống văn hóa, nếp sống văn minh, quan hệ cộng đồng thân thiện, nhân ái.

Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường. Thực hiện các giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội. Chủ động đấu tranh, loại trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, lối sống vị kỷ, thực dụng; các hành vi mê tín dị đoan, trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, vi phạm pháp

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

lượt, làm ảnh hưởng xấu đến sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam nói chung và thành phố Cần Thơ nói riêng.

*Thứ ba*, bồi dưỡng, giáo dục những giá trị nhân văn cho con người, thông qua việc tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Phát huy vai trò các loại hình nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người, khơi dậy ở thế hệ trẻ niềm tự hào chính đáng về truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ, quê hương. Nâng cao thể lực, sức khỏe, tuổi thọ cho con người, gắn với việc giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển Thành phố.

*Thứ tư*, nâng chất hệ thống thiết chế văn hóa, tạo sân chơi lành mạnh cho người dân đặc biệt là giới trẻ góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân đồng bộ, hài hòa với phát triển kinh tế và đô thị; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng văn hóa nông thôn mới, văn minh đô thị,... Bảo tồn, phát huy và phát triển giá trị di sản văn hóa vật thể, giá trị văn hóa truyền thống, mang nét đặc trưng, gắn với phát triển du lịch và tạo dựng hình ảnh địa phương.

**GIÁ TRỊ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM VỀ  
“ĐẠI CHÚNG HÓA” TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA,  
CON NGƯỜI ĐIỆN BIÊN ĐẾN NAY**

**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Ra đời trong bối cảnh đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa còn chưa ra đời, Nhân dân chịu nhiều tầng áp bức, bóc lột, Đảng Cộng sản Việt Nam phải hoạt động bí mật, Đề cương Văn hóa Việt Nam tuy không dài nhưng đã thu tóm được những vấn đề cơ bản nhất của văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lê Nin trong điều kiện cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

Đề cương văn hóa Việt Nam được coi như Cương lĩnh đầu tiên về văn hóa, văn kiện lịch sử vô giá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cách mạng, kháng chiến, chỉ ra con đường vận động, phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam. Đó là vị trí, vai trò của văn hóa trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa; cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng lãnh đạo; để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa ở nước ta phải nắm vững “ba nguyên tắc vận động”, đó là: Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa; đặt nền móng và định hướng xây dựng một nền văn hóa cách mạng mới, cần kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn hai nhiệm vụ “xây” và “chống”.

Kế thừa những quan điểm, định hướng về xây dựng, phát triển nền văn hóa mới Việt Nam được đề cập trong Đề cương, 80 năm qua, dù nền văn hóa Việt Nam đã có nhiều đổi thay, phát triển nhưng những tư tưởng, quan điểm mang tính định hướng được đề cập trong Đề cương về văn hóa Việt Nam vẫn là những tư tưởng nền tảng, soi đường cho sự vận động, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tỉnh Điện Biên có một nền văn hóa lâu đời. Kho tàng văn hóa, nghệ thuật của các dân tộc anh em từ bao đời nay để lại đã khẳng định Điện Biên có nền văn hóa phát triển từ rất sớm, độc đáo, phong phú và đa dạng. Các công trình kiến trúc nổi bật mang đậm

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

bản sắc dân tộc còn lại cho đến ngày nay như Tháp Chiềng Sơ, Tháp Mường Luân, Thành Bản Phủ, ... Người Thái có chữ viết riêng, thuộc hệ chữ Phạn, đã ghi chép được nhiều điển biến về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng đất Điện Biên. Họ đã dựa vào truyện kể dân gian của người La Hủ để sáng tác truyện thơ Chàng Lú nàng Ủa (khun Lú nàng Ủa), dựa vào truyền thuyết của người Khơ Mú mà sáng tạo ra trường ca Chương Han. Nhờ có chữ viết mà các tác phẩm có giá trị của người Thái như: Xống trụ xon xao, Tản trụ xiết xương, ... còn lưu truyền lại. Các điệu múa Xòe, múa nón, múa Sạp rộn ràng, duyên dáng của người Thái; cùng các điệu múa ô, múa Khèn của người Mông; múa chuông của người Dao; múa trống, múa tưng Bu của người Khơ Mú hay những bàn tay khéo léo của thiếu nữ các dân tộc ở Điện Biên đã tạo nên những trang phục đẹp đẽ như váy, áo, khăn... đã góp phần làm cho kho tàng văn hóa, nghệ thuật của đồng bào các dân tộc Tây Bắc thêm phong phú, đa dạng, mang bản sắc riêng. Nhân dân các dân tộc Điện Biên có tinh thần đoàn kết, yêu quê hương, núi rừng, bản làng, cần cù, chăm chỉ, biết vươn lên và sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ quê hương.

Thời kỳ Pháp thuộc, thực dân Pháp thành lập “Xứ Thái tự trị”, thực hiện chính sách “Làm cho dân ngu để dễ bề cai trị”, hầu như người dân không được đến trường, khuyến khích phát triển các tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, trồng và hút thuốc phiện (nhất là dân tộc Mông “bị chìm đắm trong khuôn khổ nghiện hút thuốc phiện”), mở sòng bạc tự do, phát triển mại dâm, khuyến khích phụ nữ dân tộc lấy chồng Tây, tuyển thiếu nữ từ 17 đến 20 tuổi là con em dân thường để giải trí cho bọn thổ ty khi có tiệc tùng, khách khứa khiến cho cuộc sống của Nhân dân thêm cực khổ, tăm tối. Mâu thuẫn giữa Nhân dân với Thực dân Pháp và tay sai ngày càng sâu sắc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Ban cán sự Đảng tỉnh Điện Biên được thành lập, lãnh đạo nhiều cuộc khởi nghĩa của Nhân dân. Bộ Chính trị mở chiến dịch Điện Biên Phủ, Nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên đã đoàn kết, đồng lòng góp sức người, sức của cùng với quân và dân cả nước chiến đấu anh dũng, quyết liệt, quyết tâm giành thắng lợi trong chiến dịch quân sự quan trọng này. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954 đã đập tan xiềng xích nô lệ, đưa cuộc sống Nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên bước sang một trang mới, được sống trong độc lập, tự do, phấn khởi tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, một lòng một dạ theo Đảng, thực hiện khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, tiến hành cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh, góp phần vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

thống nhất đất nước ở miền Nam. Khu tự trị Thái - Mèo được thành lập, là một bộ phận của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa nhằm tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc và tạo điều kiện cho các dân tộc ở Tây Bắc tiến bộ mau chóng về mọi mặt và hưởng mọi quyền tự do, dân chủ, đều bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ như các dân tộc khác trong cả nước. Cùng với các vấn đề về y tế, giáo dục, nông nghiệp thì công tác văn hóa văn nghệ đã có những tiến bộ vượt bậc trong việc nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Một số phong tục, tập quán lạc hậu từng bước bị xóa bỏ; những nét văn hóa truyền thống được khôi phục và phát huy; đội chiếu phim lưu động, đội văn nghệ một số xã, bản được thành lập cùng với sự phát triển của phong trào văn nghệ quần chúng và đoàn văn công của khu, quân khu, ... đã góp phần thay đổi đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc miền núi Điện Biên.

Năm 1945, chúng ta đã giành thắng lợi Cách mạng tháng 8, nước Việt nam dân chủ Cộng hòa tuyên bố độc lập. Năm 1954, chúng ta giải phóng miền Bắc đánh đuổi Thực dân Pháp xâm lược sau gần 100 năm. Năm 1975, chúng ta đã giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Năm 1991, khi các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, chúng ta vẫn đứng vững. Cuối thế kỷ XX, chúng ta đã thoát khỏi tình trạng một nước nghèo nàn, kém phát triển và bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thành tựu về chính trị và kinh tế đã góp phần đưa đến những thành tựu về văn hóa, xã hội. Như vậy “tiền đề văn hóa Việt Nam” đã phát triển theo ước thuyết thứ hai “Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới” và ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam đã đúng hướng như đã đề cập trong Đề cương Văn hóa Việt Nam; trong đó nguyên tắc về Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng) đã thực sự mang giá trị thực tiễn cho đến ngày nay.

Từ Đề cương văn hóa Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã phát triển, ban hành nhiều nghị quyết, chính sách lớn về văn hóa như Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (1946), lần thứ hai (1948), lần thứ ba (2021); Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm (Ban chấp hành Trung ương Khóa VIII) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín (Ban chấp hành Trung ương Khóa XI) được xem là những văn kiện quan trọng của Đảng về phát triển văn hóa Việt Nam; Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998, của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị (khóa

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

X) về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới; Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ... Trong sự vận động, phát triển của văn hóa, năm 2014, Đảng đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết đã nhấn mạnh đến vai trò đặc biệt quan trọng của chủ thể sáng tạo, xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc là nhân tố con người: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Theo đó, Tỉnh ủy Điện Biên đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 10/12/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Điện Biên đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh và cho đến nay đã đạt được những thành tựu quan trọng.

Công tác giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử địa phương được các cấp, các ngành, địa phương chú trọng thực hiện. Đến nay, hầu hết các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh đã đưa nội dung văn hóa, lịch sử địa phương vào chương trình giảng dạy, điển hình là việc tổ chức các chương trình trải nghiệm, học tập tại bảo tàng, di tích đã góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử địa phương đối với thế hệ trẻ của tỉnh.

Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật được thường xuyên được tổ chức từ tỉnh đến cơ sở, thu hút đông đảo nhân dân tham gia, tạo sân chơi bổ ích, lành mạnh, góp phần định hướng thị hiếu, thẩm mỹ đúng đắn, để phát triển toàn diện nhân cách, hướng tới sự hoàn thiện của mỗi cá nhân và xã hội. Chương trình giáo dục nghệ thuật được lồng ghép vào giảng dạy trong trường học, tạo điều kiện cho học sinh phát huy năng khiếu, sở trường đồng thời nâng cao khả năng hiểu biết, cảm thụ nghệ thuật. Các địa phương thực hiện tốt các loại hình nghệ thuật quần chúng; hằng năm, tổ chức gần 3.500 buổi diễn văn nghệ quần chúng và nhiều liên hoan, hội thi, hội diễn, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sinh hoạt văn hóa của các tầng lớp Nhân dân.

Hoạt động văn học - nghệ thuật đã được triển khai thực hiện với nhiều hình thức góp phần nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của người dân. Đội ngũ văn nghệ sĩ trên địa bàn tỉnh đã phát huy tinh thần sáng tạo, tích cực trong các hoạt động sáng tác và có nhiều tác phẩm chất lượng, đạt một số giải thưởng cao trong nước, khu vực và quốc tế. Các tác giả, tác phẩm văn học, nghệ thuật đã góp phần tích cực vào công tác quảng bá, giới thiệu về vùng đất, con người Điện Biên với bạn bè trong và ngoài nước. Hội Văn học - Nghệ thuật đã tích cực đổi mới phương thức hoạt động, tạo điều kiện thuận

**80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)**

lợi cho văn nghệ sĩ được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, trại sáng tác, đi thực tế, nâng cao trình độ, năng lực sáng tác do các Hội chuyên ngành Trung ương và Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam tổ chức. Hằng năm tổ chức giới thiệu, quảng bá tác giả, tác phẩm cho hội viên; tổ chức trao giải thưởng Văn học nghệ thuật tỉnh Điện Biên, các cuộc thi sáng tác văn thơ, nhiếp ảnh; tổ chức cho các Hội viên tham gia các cuộc thi khu vực và toàn quốc đạt nhiều giải cao, vừa góp phần quảng bá văn hóa, du lịch Điện Biên, vừa khuyến khích phát triển tài năng, đặc biệt là các tài năng trẻ.

Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật thường xuyên được tổ chức như: Lễ hội Hoa Ban và Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch; sự kiện Hoa Anh Đào - Pá Khoang - Điện Biên, Lễ hội đua thuyền đuôi én, Lễ hội Thành Bản Phủ; Hội diễn nghệ thuật quần chúng; Liên hoan tuyên truyền lưu động toàn tỉnh, ... Thông qua các hoạt động này nhằm tuyên truyền, quảng bá về mảnh đất, con người, nét văn hóa đặc sắc của tỉnh tới du khách trong và ngoài nước, đồng thời góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị di sản văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của tỉnh Điện Biên ngày càng được nâng cao về chất lượng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của nhân dân. Hằng năm xây dựng nhiều chương trình nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị (kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, các dịp tết, sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch của tỉnh...). Ngoài ra còn xây dựng các chương trình nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhân dân vùng cao, vùng xa, biên giới, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân. Các chương trình nghệ thuật với sự kết hợp hài hòa giữa nghệ thuật truyền thống và nghệ thuật đương đại, thể hiện tính sáng tạo, độc đáo; nhiều tác phẩm âm nhạc mới ca ngợi vùng đất, con người, nét đẹp văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh được sáng tác và biểu diễn góp phần giữ gìn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, đồng thời thể hiện sự tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng diễn ra sôi nổi, thu hút đông đảo nhân dân tham gia, tạo sân chơi bổ ích, lành mạnh, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sinh hoạt văn hóa của nhân dân, đây cũng cơ hội để phát hiện và bồi dưỡng các tài năng về nghệ thuật. Đến nay, toàn tỉnh có 1.261 đội văn nghệ quần chúng hoạt động thường xuyên. Các lớp tập huấn nghiệp vụ văn hóa, văn nghệ, các hoạt động tổ chức hướng dẫn cơ sở, dàn dựng các loại hình dân ca, dân vũ, âm nhạc truyền thống cho các thế hệ trẻ, đội văn nghệ các bản văn hóa, các câu lạc bộ thường xuyên được quan tâm tổ chức.

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh đã và đang được đầu tư góp phần giữ gìn, phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc, đồng thời giáo dục lịch sử, ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc, nhất là cho thế hệ trẻ như: Bảo tồn và phát triển dân ca, dân vũ, dân nhạc các dân tộc thiểu số ở tỉnh Điện Biên; nghiên cứu tuyên truyền chiến thắng Điện Biên Phủ bằng hình thức tranh và thơ; nghiên cứu, sưu tầm và bảo tồn nghệ thuật múa dân gian các dân tộc tỉnh Điện Biên phục vụ phát triển du lịch....

Cùng với việc xây dựng và đào tạo con người, vấn đề xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên. Đến năm 2022, toàn tỉnh có 100.769/136.915 hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, đạt tỷ lệ 73,6%; 1.162/1.445 thôn, bản, tổ dân phố toàn tỉnh đạt danh hiệu “Thôn, bản, tổ dân phố văn hóa”, đạt tỷ lệ 80,4%; 1.129/1.188 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ 95%.

Các lễ hội được tổ chức tiết kiệm, phù hợp với điều kiện kinh tế, phong tục tập quán và truyền thống dân tộc. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao trong những năm qua được đẩy mạnh. Nhìn chung hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh đã và đang phát huy công năng sử dụng, góp phần đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho Nhân dân, tạo môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

Việc xây dựng văn hóa trong kinh tế được các cấp, các ngành đẩy mạnh thực hiện, nhất là việc cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân được quan tâm chỉ đạo trên cơ sở ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững, kinh doanh có hiệu quả. Bên cạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; tích cực tham gia các hoạt động xã hội hóa trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch và các hoạt động từ thiện.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn tỉnh được quan tâm. Số lượng di tích được xếp hạng tăng lên đáng kể: Năm 2014, toàn tỉnh có 15 di tích được xếp hạng, trong đó có 01 di tích Quốc gia đặc biệt (di tích lịch sử



80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

Chiến trường Điện Biên Phủ); 08 di tích cấp Quốc gia và 06 di tích cấp tỉnh; đến năm 2022 toàn tỉnh có 31 di tích được xếp hạng, trong đó có 01 di tích Quốc gia đặc biệt; 14 di tích cấp Quốc gia và 16 di tích cấp tỉnh. Công tác trùng tu, tôn tạo di tích đã được chú trọng triển khai. Nhiều di tích cấp quốc gia đã được trùng tu, tôn tạo như di tích tháp Mường Luân, thành Sam Mứn, tháp Chiềng Sơ, hang Mường Tỉnh và động Pa Thơm, khu căn cứ Cách mạng Pú Nhung xã Pú Nhung, các di tích thành phần thuộc Di tích cấp Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ. Đầu tư xây dựng Đền thờ tướng niệm các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Giữ gìn và phát huy văn hoá truyền thống các dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chính trị xã hội to lớn nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ “bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương V khóa VIII đã đề ra, trong những năm qua, công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc đã thu hút sự quan tâm của các ngành, các địa phương và Nhân dân ở cơ sở tích cực tham gia thực hiện và đạt được những thành tựu nhất định. Đến nay tỉnh Điện Biên có 02 di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, 14 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Các di tích lịch sử, di sản văn hóa đã và đang được phát huy giá trị; phục vụ cho du khách tham quan, nghiên cứu, học tập, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử cho các tầng lớp Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; đồng thời quảng bá hình ảnh vùng đất, con người và những nét văn hóa độc đáo của tỉnh đến bạn bè trong và ngoài nước; đây chính là nguồn tài nguyên quý phục vụ cho phát triển du lịch.

Cùng với sự phát triển chung của kinh tế xã hội và tác động của xu thế, bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế, thông qua nhiều giải pháp đồng bộ, toàn diện, Điện Biên đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc xây dựng văn hóa và con người Điện Biên phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, mang bản sắc và đặc trưng riêng của Điện Biên, hòa nhập với văn hóa vùng Tây Bắc và dân tộc Việt Nam. Theo đó, kế thừa và phát triển những giá trị cốt lõi của Đề cương văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập và phát triển, là xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, khơi dậy và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa truyền thống và sức mạnh con người Việt Nam để hiện thực hóa khát vọng xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc mà ở đó tinh thần của Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 nền tảng cơ bản, tiền đề để kiến tạo một nền văn hóa tương lai cho đất nước.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA BẮC NINH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH MỚI

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

### 1. Giá trị nội dung, tư tưởng, lý luận, thực tiễn của Đề cương về văn hoá Việt nam năm 1943

“Đề cương về văn hóa Việt Nam” (năm 1943) là một văn kiện lịch sử quan trọng, thể hiện ý chí nguyện vọng của cả dân tộc trong sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa tiến bộ, nhân văn và dân chủ. Đồng thời, thể hiện sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt với tầm nhìn chiến lược của Đảng đối với sự phát triển của đất nước ngay từ khi cách mạng còn chưa giành được chính quyền về tay nhân dân.

Bản Đề cương văn hoá Việt Nam được trình bày theo cấu trúc 5 phần: **Phần thứ nhất:** “Cách đặt vấn đề”; **Phần thứ hai:** “Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam”; **Phần thứ ba:** “Nguyên cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật, Pháp”; **Phần thứ tư:** “Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam” và **Phần thứ năm:** “Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam”. Tuy ngắn gọn, súc tích nhưng bản Đề cương văn hoá đã thể hiện rõ các quan điểm, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc cần hướng đến. Đề cương khẳng định: “Mặt trận văn hoá là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hoá) ở đó người cộng sản phải hoạt động. Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hoá nữa”. Dựa trên quan điểm mácxít, Đề cương nêu ba nguyên tắc lớn trong cuộc vận động xây dựng nền văn hóa Việt Nam: **dân tộc hóa** (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập), **đại chúng hóa** (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng) và **khoa học hóa** (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Ba nguyên tắc trên luôn thống nhất biện chứng không thể tách rời, phản ánh đúng thực trạng và nhu cầu bức

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

thiết của cuộc vận động văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ. Đề cương văn hoá nhấn mạnh: “Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thẳng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trốn của bọn tởrốtkit”. Như vậy, có thể thấy bản “Đề cương văn hoá Việt Nam” thể hiện rõ tính khoa học và tính cách mạng sâu sắc.

Từ sau bản “Đề cương văn hoá Việt Nam”, tư duy lý luận của Đảng về văn hoá ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh hơn, nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2011) về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Khẳng định văn hoá thực sự là sức mạnh nội sinh quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là kết quả của tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày 24/11, Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021 được tổ chức nhằm đánh giá việc triển khai đường lối, chủ trương của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ thời gian qua; kết quả xây dựng văn hóa, con người Việt Nam sau 35 năm đổi mới đất nước. Đặc biệt, Hội nghị còn đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ...; từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm phát triển văn hóa, văn nghệ giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến 2045 dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Hội nghị tiếp tục khẳng định bản sắc văn hoá của dân tộc thực sự là “*nền tảng tinh thần*”, “*động lực phát triển*”, và “*soi đường cho quốc dân đi*”.

Có thể thấy rằng, 80 năm đã trôi qua (1943-2023), nhưng những tư tưởng của bản Đề cương vẫn còn nguyên giá trị, góp phần định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

## **2. Định hướng phát triển văn hóa Bắc Ninh theo hướng bền vững**

### **2.1. Khái quát đặc điểm, bối cảnh văn hóa Bắc Ninh trong tình hình hiện nay**

Bắc Ninh nằm ở vị trí trung tâm của khu vực Đồng Bằng Sông Hồng do đó có nhiều điểm tương đồng về văn hóa cùng với các địa phương khác trong khu vực. Bên

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

cạnh đó, văn hóa Bắc Ninh cũng mang những nét đặc thù, có bản sắc riêng. Đây là những tiền đề quan trọng và là những điều kiện thuận lợi để thực hiện phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội theo hướng bền vững.

Đây là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, giàu truyền thống lịch sử, văn hoá và cách mạng, nơi phát tích của Vương triều Lý - triều đại khai mở, phát triển nền văn minh Đại Việt. Vốn là tổ đình của Phật giáo, đồng thời là trung tâm Nho học đầu tiên của cả nước, trải qua hàng nghìn năm lịch sử đã hun đúc, kết tinh và hiện hữu trên vùng đất Bắc Ninh - Kinh Bắc một hệ thống di sản văn hóa đa dạng, phong phú và đặc sắc với những danh lam cổ tự, công trình kiến trúc nghệ thuật, các tài liệu, hiện vật, bảo vật rất có giá trị. Bắc Ninh được mệnh danh là xứ sở của lễ hội dân gian truyền thống, cùng với những phong tục, tập quán tốt đẹp, các hình thức diễn xướng dân gian mang sắc thái riêng, độc đáo, tiêu biểu là Dân ca Quan họ Bắc Ninh đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại. Đặc biệt, Bắc Ninh xưa và nay nổi tiếng là vùng đất giàu truyền thống hiếu học, khoa bảng, thời nào cũng có những anh hùng, hào kiệt, những nhân vật xuất chúng. Bắc Ninh cũng là nơi sản sinh, nuôi dưỡng những người con ưu tú, những chiến sĩ cộng sản lỗi lạc, đóng góp quan trọng cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc như: Nguyễn Văn Cừ, Ngô Gia Tự, Hoàng Quốc Việt, Lê Quang Đạo... Lịch sử, truyền thống, chiều sâu của nền tảng văn hóa cùng những phẩm chất đặc trưng con người Bắc Ninh - Kinh Bắc đã góp phần làm rạng rỡ những trang sử vàng dân tộc Việt Nam.

Kế thừa, phát huy giá trị văn hoá, cùng với những phẩm chất tốt đẹp của con người Bắc Ninh, sau 26 năm tái lập tỉnh, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người trên địa bàn tỉnh đã và đang có bước phát triển khá toàn diện, đạt được những kết quả quan trọng. Hệ thống di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được đầu tư bảo tồn, tôn tạo một cách khoa học, từng bước phát huy giá trị, đặc biệt là Dân ca Quan họ Bắc Ninh- di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đã tổ chức thành công nhiều sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch có quy mô lớn cấp quốc gia và quốc tế. Các hoạt động quảng bá hình ảnh Bắc Ninh văn hiến, văn vật, giàu tiềm năng, điểm đến của khách du lịch được đẩy mạnh. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, các điểm vui chơi giải trí, không gian công cộng và tiện ích đô thị từ tỉnh đến cơ sở được từng bước đầu tư xây dựng ngày càng đồng bộ theo hướng hiện đại. Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*” được triển khai sâu rộng, đạt nhiều kết quả rõ nét, nhất là trong việc xây dựng khu dân cư văn hoá, cơ quan, đơn vị văn hoá. Môi trường

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

văn hoá lành mạnh hơn, nếp sống văn hoá có nhiều chuyển biến tích cực. Chỉ số phát triển con người được cải thiện và nâng cao rõ rệt. Dấu ấn về bản sắc đặc trưng của văn hóa, con người Bắc Ninh từng bước được định hình, dần khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong cuộc sống đương đại.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hoá, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hoá, con người Bắc Ninh còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế. Sự phát triển văn hoá, con người chưa đồng bộ, chưa ngang tầm và chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế; chưa phát huy đúng mức lợi thế nguồn lực văn hóa, con người trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc khai thác, phát huy tiềm năng, giá trị các di sản văn hoá vào việc phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp văn hoá và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở thông qua Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*” có nơi còn hình thức, chất lượng chưa bền vững. Môi trường văn hóa ở một số nơi chưa lành mạnh; đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân có biểu hiện suy thoái, xuống cấp; Hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao, khu vui chơi giải trí ở cơ sở và trong các khu công nghiệp chưa hiện đại, hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh còn chậm. Chất lượng hoạt động văn học, nghệ thuật còn hạn chế, chưa có nhiều tác phẩm, công trình có giá trị cao đáp ứng yêu cầu phát triển của thời đại. Chỉ số phát triển con người có nơi chưa cao.

Những tồn tại, hạn chế trên đây chủ yếu là do: Tác động tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hoá đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là trong thế hệ trẻ. Một số cấp uỷ đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc vai trò của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người đối với phát triển bền vững, nên chất lượng quản trị địa phương trong lĩnh vực phát triển văn hóa, con người chưa được nâng cao, chưa theo kịp thực tiễn. Quản lý nhà nước về văn hóa chưa có bước đột phá rõ rệt và mang tính sáng tạo. Công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý và những người trực tiếp làm công tác văn hóa còn bất cập. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người có lúc chưa kịp thời. Cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực cho phát triển văn hoá, con

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

người chưa đồng bộ. Nguồn kinh phí đầu tư cho văn hoá còn thấp, dàn trải, chưa tương xứng với nhiệm vụ việc phát triển văn hoá, con người.

## **2.2. Định hướng phát triển văn hóa Bắc Ninh theo hướng bền vững**

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, bám sát tình hình thực tiễn, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TU ngày 29/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”. Mục tiêu hướng đến của nghị quyết là xây dựng và phát triển văn hoá, con người Bắc Ninh phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, bản sắc quê hương. Tập trung đầu tư nguồn lực để phát triển văn hoá Bắc Ninh, đưa văn hoá Bắc Ninh trở thành mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bền vững, hướng tới mục tiêu đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc trung ương.

Trên cơ sở đánh giá các mặt ưu điểm và tồn tại của văn hóa Bắc Ninh, chúng tôi xin đề xuất định hướng phát triển văn hóa Bắc Ninh trong thời gian tới gồm các nội dung sau:

### *\* Quan điểm về phát triển văn hóa:*

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội là mục tiêu, là động lực phát triển bền vững của tỉnh. Do vậy, văn hóa phải được đặt ngang hàng với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Cần xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. Đề cao vai trò của con người trong phát triển văn hóa, vì con người và văn hóa có mối liên quan chặt chẽ không thể tách rời: con người là chủ thể văn hóa, con người tạo ra văn hóa nhưng đồng thời con người cũng chính là sản phẩm của văn hóa.

### *\* Mục tiêu phát triển văn hóa:*

Xây dựng “thương hiệu” văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc theo hướng gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống cốt lõi làm bản vị, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa bên ngoài làm giàu thêm cho văn hóa tỉnh nhà và phù hợp với sự chuyển biến trong bối cảnh hội nhập. Đưa văn hóa trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng, bảo đảm sự phát triển bền vững kinh tế xã hội và quốc phòng an ninh của địa phương. Tạo sự phát triển đồng bộ môi trường, con người và văn hóa gắn với việc phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa.

### *\* Một số nội dung trọng tâm phát triển văn hóa:*

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

- Về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: Tập trung trọng tâm vào các di sản văn hoá đã và sẽ được ghi danh, nhất là di sản văn hoá thế giới. Đầu tư các phương tiện, trang thiết bị công nghệ, đặc biệt là công nghệ số đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá giá trị của di sản văn hóa đến đông đảo người dân, du khách trong và ngoài nước.

- Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa: Tăng cường đầu tư và ưu tiên huy động các nguồn lực để xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao mang tầm cỡ quốc gia, quốc tế; đồng thời chú trọng đúng mức đầu tư hoàn thiện, nâng cấp các thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở. Đầu tư hoàn thiện, hiện đại hoá về cơ bản hệ thống các thiết chế văn hoá từ tỉnh đến cơ sở; khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hoá, thể thao, tạo điều kiện để nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao cộng đồng; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục về ý thức bảo vệ môi trường; thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tệ nạn xã hội tạo môi trường sống lành mạnh để phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh.

- Về xây dựng môi trường văn hóa: Đẩy mạnh xây dựng môi trường sống, môi trường làm việc văn hóa lành mạnh gồm: văn hóa cộng đồng, văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp, môi trường văn hóa giáo dục... gắn với các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", cuộc vận động "Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", trong đó chú trọng một cách thực chất việc công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa; đẩy mạnh phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Quan tâm đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm, có quy mô lớn và vừa tại trung tâm thành phố, huyện, thị xã, khu công nghiệp.

- Về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa: Phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa theo hướng độc đáo; từng bước xây dựng và phát triển thương hiệu Bắc Ninh có uy tín trên thị trường trong nước và ngoài nước; tăng cường và đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư để phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Về phát triển con người Bắc Ninh: Thực hiện các văn bản Chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh về các vấn đề xây dựng và phát triển con người như: Chỉ thị 05-CT/TW về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; Kết luận số 42-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

NQ/TU ngày 31/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016-2020” giai đoạn 2020-2030.

Tiếp tục triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021 - 2030.

- Về đầu tư phát triển du lịch: Quan tâm đầu tư phát triển du lịch dựa trên thế mạnh tiềm năng sẵn có của địa phương như du lịch tâm linh, du lịch lễ hội, du lịch trải nghiệm làng nghề... Tập trung đầu tư các khu du lịch theo hướng phức hợp (văn hóa, sinh thái, vui chơi và thể thao); các cơ chế, chính sách phát triển du lịch...

*\* Giải pháp phát triển văn hóa:*

- *Thứ nhất*, nâng cao nhận thức về văn hóa, nhìn nhận văn hóa trong sự đa dạng, công bằng, văn hóa có mặt trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nêu cao tinh thần phát triển từ văn hóa, vì mục tiêu văn hóa và đưa tinh thần đó thấm nhuần vào trong các thực hành xã hội và trong các chính sách, vận hành các giá trị văn hóa đó để trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế, chính trị.

- *Thứ hai*, rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, hình thành khung khổ pháp lý, thể chế nhằm phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực, tạo động lực cho văn hóa phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững. Ban hành chính sách, cơ chế khuyến khích, đãi ngộ trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân và những tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nhằm phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn hoá, nghệ thuật, truyền dạy di sản trong cộng đồng, đồng thời phát triển sâu rộng hoạt động văn hoá, nghệ thuật quần chúng.

- *Thứ ba*, chú trọng đến xây dựng môi trường văn hóa. Tạo dựng môi trường văn hóa lành mạnh từ trong gia đình, cộng đồng đến ngoài xã hội, trong đó mỗi cá nhân ý thức được về hành vi của mình luôn nằm trong những ràng buộc về đạo đức, nhân cách và trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Tăng cường sức mạnh của hệ điều tiết này bằng những chuẩn mực xã hội, dư luận cộng đồng do chính người dân xây dựng, duy trì và thực hiện thường xuyên. Một xã hội được điều tiết bởi văn hóa chắc chắn là một xã hội hài hòa và phát triển toàn diện.

- *Thứ tư*, Bắc Ninh là tỉnh có nguồn tài nguyên di sản văn hóa phong phú đa dạng, bao gồm văn hóa vật thể (các di tích lịch sử), văn hóa phi vật thể (lễ hội truyền thống, làng nghề). Cần tập trung tối đa vào nguồn lực này để phát huy hiệu quả giá trị



80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)  
các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế một  
cách bền vững. Đồng thời, thông qua đó để quảng bá hình ảnh văn hóa vùng đất, con  
người Bắc Ninh đến với du khách thập phương và bạn bè quốc tế./

**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**CỦA LÃNH ĐẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TẠI HỘI THẢO “80 NĂM**  
**ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM (1943-2023) - KHỞI NGUỒN**  
**VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN”**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**Nội dung: Nhìn lại và khẳng định giá trị của Đề cương về văn hóa Việt Nam**

Kính thưa: .....

*Được sự phân công của Ban tổ chức Hội thảo tôi xin trình bày tham luận với nội  
dung “Nhìn lại và khẳng định giá trị của Đề cương về văn hóa Việt Nam”.*

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển của  
cách mạng Việt Nam, để đấu tranh với các thủ đoạn thâm độc nhằm thực hiện mưu đồ  
xâm lược, trong bối cảnh xã hội Việt nam thời kỳ trước cách mạng “văn hóa nửa phong  
kiến, nửa tư sản và hoàn toàn có tính cách thuộc địa thống trị” Đề cương văn hóa Việt  
Nam đã ra đời đáp ứng yêu cầu của lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc và trở  
thành ngọn đuốc soi đường chỉ lối và định hướng tư tưởng, phương châm hành động  
về văn hóa, văn nghệ cho cuộc đấu tranh cách mạng Việt Nam.

Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 đã khẳng định quan điểm của Đảng ta về  
văn hóa, văn nghệ và được ví như tuyên ngôn đầu tiên của Đảng về văn hóa, là điểm mở  
đầu cho việc xây dựng một nền văn hóa cách mạng.

Như tên gọi Đề cương về văn hóa Việt Nam được cơ cấu 5 phần ( “ Cách đặt vấn  
đề”; “Lịch sử và tính chất của văn hóa Việt nam”; “Nguy cơ của văn hóa Việt nam dưới  
ách phát xít Nhật, Pháp”; “ vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam” và “ Nhiệm vụ cần kíp  
của những nhà văn hóa mác xít Việt Nam”) mặc dù chỉ ở tính khái quát nhưng đã xác  
định được phạm vi, vị trí, vai trò, nội dung của văn hóa trong cách mạng giải phóng dân  
tộc và xây dựng đất nước. Những nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách thống trị của  
bè lũ xâm lược, âm mưu trói buộc và bức tử văn hóa Việt Nam. Đề cương đã khẳng định

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

“ Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận: Kinh tế- chính trị- văn hóa” và vai trò của lãnh đạo toàn diện của Đảng cộng sản đối với cách mạng trong đó có lãnh đạo trong cuộc cách mạng văn hóa.

Tám thập kỷ đã qua, kể từ khi ra đời, đời sống xã hội đều có nhiều thay đổi, biến thiên thăng trầm nhưng các phương châm hay còn gọi là nguyên tắc “Dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa” được nêu trong Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị đủ để thấy rằng các nhà lãnh đạo tiền bối của các mạng Việt Nam đã có nhận thức hết sức nhạy bén về tình hình và dự báo về tương lai và sức mạnh to lớn của văn hóa đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Dân tộc hóa là cần xây dựng nền văn hóa Việt Nam mang đậm tính dân tộc chống lại ảnh hưởng của văn hóa nô dịch thuộc địa. Để văn hóa Việt Nam phát triển độc lập cần chấn hưng tinh thần dân tộc, chống tư tưởng tự ti và miệt thị văn hóa dân tộc qua đó nâng cao tinh thần yêu nước, khí phách và bản lĩnh con người Việt Nam, tinh thần độc lập tự chủ, lòng dũng cảm, ý chí kiên cường trong đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc, đề cao phẩm chất cao quý, giá trị cốt lõi của con người Việt Nam.

Khoa học hóa để văn hóa Việt Nam luôn vận động và phát triển cùng văn hóa tiến bộ của nhân loại. Bên cạnh việc kế thừa giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc còn cần tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới bởi dân tộc Việt Nam không chỉ chống kẻ thù bằng tinh thần, bằng ý chí quyết tâm mà còn phải bằng trí thông minh, sáng tạo độc đáo Việt Nam và tranh thủ được thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến của thế giới để phục vụ cho công cuộc đấu tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại chúng hóa là một nền văn hóa gần dân nhất, phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân, hướng sáng tạo nghệ thuật và hoạt động văn hóa vào phục vụ nhân dân, vì nhân dân, không ngừng nâng cao nhận thức và đời sống tinh thần cho đông đảo quần chúng nhân dân theo tinh thần “ nghệ thuật vì nhân sinh” chống lại khuynh hướng tư sản hóa nghệ thuật vì nghệ thuật, xa rời thực tiễn mà trước mắt ở giai đoạn đó là mọi người dân đều biết đọc, biết viết tiến tới biết hưởng thụ và sáng tạo nghệ thuật.

Một nền văn hóa lấy dân tộc, nhân dân, đất nước làm điểm tựa chắc chắn đất nước ấy sẽ phát triển bền vững, dân tộc ấy đủ sức đề kháng trước những xu hướng không lành mạnh, có hại trong quá trình hội nhập. Phương châm đó cho đến nay vẫn còn giữ được tính khoa học và thời sự.

Thời gian qua, văn hóa đã khẳng định và phát huy được sức mạnh mềm khi hiệu triệu được toàn dân tộc đoàn kết, đồng lòng, cùng chung ý chí trong các cuộc đấu tranh

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

giành và giữ vững độc lập chủ quyền, đánh đuổi xâm lăng, chống chọi với thiên tai, địch họa và trong công cuộc dựng xây đất nước...; các hoạt động văn hóa nghệ thuật đã góp vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh sinh tử với kẻ thù, làm kẻ thù run sợ, thực hiện sứ mệnh giải phóng dân tộc, động viên cổ vũ phong trào thi đua sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa, củng cố niềm tin và sự tất thắng của cách mạng Việt Nam, xây dựng đất nước phồn vinh, đứng vững và chiến thắng trước nhân tai và thiên tai... để chúng ta có được “cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”.

Phương châm “Dân tộc, khoa học, đại chúng” đã được vận dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn, đan xen trong suốt quá trình phát triển của văn hóa Việt Nam góp phần vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam và là tính chất đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam – một nền văn hóa giàu tính nhân văn, đậm bản sắc Việt Nam.

Trong thời gian qua, chúng ta luôn đề cao và chú trọng bản sắc văn hóa dân tộc, là vấn đề cốt lõi trong quá trình hội nhập với văn hóa thế giới, chúng ta hòa nhập nhưng không hòa tan để văn hóa Việt Nam hòa chung vào dòng chảy của văn hóa nhân loại. Chúng ta đã có những hành động quyết liệt và tích cực để thế giới nhìn nhận, khẳng định và tôn vinh bản sắc văn hóa Việt Nam khi ngày càng có nhiều những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO công nhận và ghi danh vào di sản văn hóa thế giới với đủ cả ba loại hình: di sản thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa thế giới và di sản hỗn hợp văn hóa và thiên nhiên thế giới. Việt Nam cũng là quốc gia có tới 14 di sản văn hoá phi vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, bao gồm: Nhã nhạc - Nhạc Cung đình Triều Nguyễn; Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên; Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Hát Ca Trù; Hội Gióng ở Đền Phù Đổng và Đền Sóc; Hát Xoan Phú Thọ; Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ; Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ; Dân ca Ví, Dặm ở Nghệ Tĩnh; Nghi lễ và trò chơi Kéo co; Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt; Nghệ thuật Bài Chòi ở Trung Bộ; Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái và mới đây nhất là Nghệ thuật Xòe Thái.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (ngày 24-11-1946), vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc, sự phát triển phồn vinh của đất nước đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, tiếp đó Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Nghị quyết số 33-NQ/TW của Đảng khóa XI, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII là những bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu cụ thể của đường hướng được vạch ra từ Đề cương văn hóa và gần đây

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

nhất là chỉ đạo của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 nhằm tiếp tục góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc tạo sức mạnh nội sinh để xây dựng một đất nước Việt Nam phồn vinh hạnh phúc sánh vai các cường quốc năm châu.

“Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” để “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa” chính là sự phát triển của nội dung trong Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 và là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của thành phố Hải Phòng trong quá trình phát triển.

Xác định Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực phát triển đất nước. Văn hóa có vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách con người và bản sắc, cốt cách dân tộc. Văn hóa còn được xác định là một trong những yếu tố có vai trò quyết định sức mạnh và vị thế của mỗi quốc gia, dân tộc trên trường quốc tế. Việc xây dựng văn hóa Việt Nam trước yêu cầu phát triển bền vững đất nước là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Thời gian qua thành phố Hải Phòng đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch để thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hải Phòng tương xứng với vị thế của thành phố đồng thời tổ chức tổng kết đánh giá và ghi nhận những kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế cần khắc phục để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hải Phòng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và thành phố đặc biệt trong bối cảnh hiện nay như:

Để xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện: Thành phố Hải Phòng đã thực hiện tốt và toàn diện các mặt công tác: giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, dân số - gia đình, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, công tác giảm nghèo bền vững, phòng chống các tệ nạn xã hội; Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, chú trọng ông tác giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử. Hoạt động văn học - nghệ thuật góp phần nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của người dân. Đội ngũ văn nghệ sĩ đã phát huy tinh thần sáng tạo, tích cực trong các hoạt động sáng tác và có nhiều tác phẩm chất lượng, đạt nhiều giải thưởng cao trong nước, khu vực và quốc tế. Các loại hình nghệ thuật quần chúng được tổ chức đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sinh

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

hoạt văn hóa của các tầng lớp nhân dân. các lễ hội văn hóa, du lịch được tổ chức thường niên với nội dung và chất lượng ngày càng cao góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. Công tác đấu tranh chống các quan điểm sai trái, hành vi tiêu cực đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, tự hào, tôn vinh truyền thống văn hoá, lịch sử của dân tộc.

Công tác quản lý và tổ chức các hoạt động văn hóa, tạo hành lang pháp lý để đảm bảo phát triển văn hóa đúng định hướng được đổi mới với những giải pháp cụ thể đồng thời phát triển đời sống văn hóa thích ứng với thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hạn chế tối đa mặt trái của cơ chế thị trường và chống lại âm mưu, chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Việc xây dựng môi trường văn hóa và văn hoá trong chính trị và kinh tế được quan tâm chỉ đạo thực hiện xuyên suốt từ thành phố đến cơ sở. Các hoạt động văn hoá luôn gắn với phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và thực sự đã mang lại hiệu quả, đặc biệt là trong các hoạt động ngoại giao. Văn hoá đã trở thành cầu nối trong quan hệ ngoại giao và thực sự là động lực, là mục tiêu của sự phát triển. Các sự kiện văn hóa đã để lại ấn tượng tốt với các bạn về một Hải Phòng năng động và hội nhập. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế được xác định là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh thông qua việc cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân trên cơ sở ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững, kinh doanh có hiệu quả. cân đối hài hòa theo quan điểm phát triển kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, góp phần tạo sức hút đầu tư phát triển kinh tế dịch vụ, tăng thu ngân sách. Đầu tư phát triển văn hóa trên quan điểm đồng bộ, toàn diện và vững chắc; coi trọng nhiệm vụ phát triển văn hóa với nhiệm vụ phát triển kinh tế góp phần làm cho văn hóa ngày càng có vai trò quan trọng và tác động sâu sắc hơn trong đời sống xã hội và mang lại hiệu quả rõ rệt, góp phần đưa kinh tế thành phố phát triển vượt bậc nằm trong tốp đầu của cả nước.

Số lượng, chất lượng các hoạt động văn hoá được nâng cao thể hiện qua việc thực hiện các đề án như: Đề án khôi phục tổ chức hoạt động văn hóa, biểu diễn nghệ thuật tại Nhà Kèn vườn hoa Nguyễn Du được thực hiện từ cuối năm 2017, Đề án Sân khấu truyền hình từ tháng 11 năm 2019.... Với trên 500 di tích được xếp hạng các cấp,

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn thành phố được quan tâm, nhất là việc huy động nguồn lực tham gia của xã hội và đạt được những kết quả to lớn làm thay đổi đáng kể hệ thống di tích lịch sử, văn hóa và góp phần làm sống lại những giá trị nghệ thuật của di tích. Công tác khôi phục và phát triển các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống như Hát đúm, Ca trù, diễn xướng Châu văn, Hát xẩm được bảo tồn và phát huy giá trị. Hoạt động của các cơ quan báo chí trong góp phần phát triển văn hoá, con người Việt nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; giáo dục và hình thành văn hoá ứng xử; tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để con người đặc biệt là thế hệ trẻ Hải phòng phát triển toàn diện về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo.

Với phương châm phát triển các ngành công nghiệp văn hoá trên cơ sở xây dựng nền văn hóa tiên tiến, mang đậm nét văn hóa truyền thống của Hải Phòng, duy trì và phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại trong quá trình toàn cầu hóa, chủ động giao lưu, hội nhập quốc tế thông qua việc tổ chức các hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa, tham gia các liên hoan, cuộc thi trong nước và quốc tế nhằm quảng bá, giới thiệu với bạn bè các nước trên thế giới về những giá trị tốt đẹp, độc đáo, phong phú của văn hoá Hải Phòng nói riêng và Việt Nam nói chung.

Xác định xây dựng và phát triển văn hoá, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hoá là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện tốt những nội dung trong Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 và Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước theo Quyết định số 2215/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Kỷ niệm 80 năm ngày ra đời của Đề cương về văn hóa Việt Nam là dịp để ***Nhìn lại và khẳng định giá trị của Đề cương về văn hóa Việt Nam*** trong việc định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động cho văn hóa cách mạng Việt Nam và đặc biệt

**80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)**

đã tập hợp được đông đảo những người hoạt động văn hóa yêu nước Việt Nam tham gia, góp phần vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Đất nước ta đang đứng trước những thời cơ vận hội lớn song cũng đối mặt với những khó khăn thách thức, việc chấn hưng nền văn hóa Việt Nam khi thực hiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đối mặt với những vấn đề an ninh phi truyền thống, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là vấn đề cấp thiết và minh chứng hùng hồn khẳng định giá trị và sức sống của đường lối văn hóa, văn nghệ đúng đắn được Đảng ta chỉ ra từ Đề cương về văn hóa Việt Nam.

**“BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA  
Ở LONG AN TỪ GÓC NHÌN “DÂN TỘC, ĐẠI CHÚNG, KHOA HỌC”  
CỦA ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Long An là một tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là cửa ngõ nối liền hai miền Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Với vị thế đó nên trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Long An là nơi ngưng đọng, lắng tụ của nhiều “lớp trầm tích” văn hóa đặc sắc và đa dạng.

Kế thừa, phát huy giá trị văn hóa, cùng với những phẩm chất tốt đẹp của người bản địa trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, người dân Long An đã và đang có những bước phát triển khá toàn diện về văn hóa trong mọi mặt của đời sống. Kho báu di sản văn hóa vật thể, phi vật thể không ngừng được bồi đắp, bảo tồn và bước đầu phát huy giá trị; các hoạt động, sản phẩm văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú; môi trường, nếp sống văn hóa có bước phát triển tích cực.

Nhận thức được vị thế vai trò của văn hóa trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, tỉnh Long An đã và đang ra sức nỗ lực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, tạo cơ sở và động lực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

**Thứ nhất, về chủ trương, thực trạng công tác bảo tồn, duy tu, tôn tạo các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh**

Trong suốt chiều dài lịch sử lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định: *“Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội”*. Từ nhận thức rõ tầm quan trọng của văn hóa, trong đó có di sản văn hóa nên Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật thể hiện sự quan tâm đến việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Minh chứng cho điều này là sự ra đời của bản Đề cương văn hóa năm 1943 trong đó nêu rõ quan điểm Dân tộc - Khoa học và Đại chúng trong đường lối văn hóa của Đảng. Và chỉ hơn 2 tháng sau khi Tuyên ngôn độc lập năm 1945, khai sinh Nhà nước Việt Nam Dân



**80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)**

chủ cộng hòa (nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 65/SL năm 1945 về việc bảo tồn cổ tích trên toàn cõi Việt Nam.

Sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 519/TTg ngày 29/10/1957 về việc bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh. Sau khi đất nước thống nhất năm 1975, đến năm 1984 Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã ban hành Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh. Trong quá trình Đảng và Chính phủ thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa, hội nhập, để việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thời kỳ lịch sử mới, năm 1998 Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Bốn năm sau, Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua, Chủ tịch Nước ký lệnh ban hành Luật Di sản văn hóa năm 2001. Luật Di sản văn hóa đã tạo khung pháp lý cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc. Trong đó đề cập quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa, việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể, vật thể, quy định về việc kiểm kê, sưu tầm vốn văn hóa truyền thống của người Việt, bảo tồn các làng nghề truyền thống, các tri thức về y, dược cổ truyền, văn hóa ẩm thực, tôn vinh và trọng đãi những nghệ nhân, nghệ sĩ nắm giữ và có công phổ biến nghệ thuật truyền thống, bí quyết nghề nghiệp có giá trị đặc biệt.

Bên cạnh việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ đã có những quyết sách cụ thể để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa như xếp hạng các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh nhằm tạo cơ sở pháp lý bảo vệ di sản. Năm 1994, Chính phủ cho triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia chống xuống cấp và tôn tạo di tích và thông qua Chương trình này, Chính phủ đã cấp ngân sách chống xuống cấp và tôn tạo hơn 1000 di tích và thực hiện hàng trăm dự án điều tra, sưu tầm, lưu trữ di sản văn hóa phi vật thể với kinh phí đầu tư lên đến hàng trăm tỷ đồng. Năm 2010, Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa. Gần đây nhất là việc ban hành Thông tư số 04/2010/TT- BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

Những sắc lệnh, Nghị quyết, Luật, Pháp lệnh, Nghị định trên thể hiện quan điểm, chính sách, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với công tác giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đây còn là những căn cứ pháp lý quan trọng để tiến hành bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc. Hiện nay, các văn bản đó đã và đang đi dần vào cuộc sống và phát huy hiệu lực, thể hiện nguyện vọng, ý thức chung của toàn dân trong sự nghiệp bảo tồn và phát quy giá trị di sản văn hóa của dân tộc. Nhìn chung, trong những năm qua, các cơ chế, chính sách bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và danh lam thắng cảnh của Nhà nước đã góp phần quan trọng làm thay đổi nhận thức của toàn xã hội về vai trò, giá trị di sản văn hóa, và cũng chính từ những chủ trương đúng đắn này là điều kiện thuận lợi góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc nói chung, mỗi địa phương nói riêng, trong đó, có tỉnh Long An trong việc chung tay với quyền lợi và trách nhiệm cao cả này.

Từ những chính sách bảo tồn di sản văn hóa của Đảng và Nhà nước, sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản Văn hóa. Trong nhiều năm qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Long An đã dành sự quan tâm đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; đã ban hành nhiều công văn, quyết định quan trọng nhằm chỉ đạo, phân công các ngành, các cấp địa phương cùng phối hợp triển khai đồng bộ công tác này trên địa bàn tỉnh. Từ đó, tạo ra sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hữu quan với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thực hiện các đề án sưu tầm, nghiên cứu di sản văn hóa theo đúng kế hoạch đề ra. Kết quả của quá trình ấy được ghi nhận qua các đề tài nghiên cứu khoa học, ấn phẩm, ảnh, phim tư liệu giới thiệu về di sản...và bước đầu đã nhận dạng và nắm biết trữ lượng về các loại hình di sản văn hóa ở Long An. Từ đó có một cái nhìn tương đối toàn diện về thực trạng di sản văn hóa ở địa phương, làm cơ sở để ngành văn hóa, các cơ quan chức năng hoạch định chính sách, giải pháp lâu dài cho việc quản lý và nghiên cứu về sau.

Đối với di sản văn hóa vật thể, hiện nay Long An có 125 di tích lịch sử - văn hóa, trong đó có 21 di tích cấp quốc gia, 104 di tích cấp tỉnh. Việc xếp hạng di tích như nêu trên đã phần nào giúp cho các di tích được bảo vệ an toàn trước những nguy cơ xâm hại trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong những năm qua, nhiều di tích đã được trùng tu, phục hồi, tôn tạo bằng nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia chống xuống cấp di tích của Trung ương và ngân sách của tỉnh như: Khu di tích lịch sử Ngã tư Đức Hòa, Bình Thành, Vàm Nhứt Tảo, đình Vĩnh Phong, Chùa Tôn Thạnh, Lăng Nguyễn Huỳnh Đức, Nhà Trăm Cột, Chùa Phước Lâm, di tích khảo cổ học Bình Tả...Đặc biệt, đối với những di tích đình chùa, qua việc xã hội hóa, Long An đã huy động được

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

kinh phí từ sự đóng góp của nhân dân để thực hiện trùng tu, tôn tạo di tích. Trên cơ sở thực hiện nghiêm túc quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, tôn trọng tính nguyên gốc của di tích, Long An đã gìn giữ, bảo tồn nguyên vẹn và phát huy tốt các giá trị di sản văn hóa mà các thế hệ cha ông để lại.

Bên cạnh với việc trùng tu, tôn tạo các di sản văn hóa vật thể, việc sưu tầm và phục hồi các giá trị di sản văn hóa phi vật thể cũng được tỉnh Long An triển khai thực hiện. Theo số liệu thống kê cho thấy, từ năm 2005 đến năm 2017, trên địa bàn tỉnh Long An có hằng trăm di sản văn hóa phi vật thể, trong đó lựa chọn được 05 di sản văn hóa phi vật thể đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia là: Lễ hội Làm chay (huyện Châu Thành); lễ hội Vía Bà Ngũ Hành Long Thượng (huyện Cần Giuộc); Đại lễ Kỳ yên đình Tân Phước Tây (huyện Tân Trụ); Tục Cúng Việc lễ (ở Long An) và nghề dệt chiếu lác (ở Long An). Đây là việc công nhận, pháp lý hóa những vấn đề liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ di sản của cộng đồng.

Có thể nói, kho tàng di sản văn hóa ở Long An vô cùng phong phú, đây chính là những tài nguyên văn hóa du lịch hấp dẫn cho du khách và thu hút các nhà đầu tư. Vì vậy, bên cạnh công tác đầu tư, khai thác tiềm năng lợi thế, xây dựng các sản phẩm du lịch, loại hình du lịch, dịch vụ du lịch thì phát triển du lịch ở Long An còn gắn với việc khai thác các tài nguyên du lịch từ các di sản văn hóa ở địa phương, và ngược lại thông qua hoạt động du lịch là một phương thức để phát huy các giá trị văn hóa có hiệu quả nhất, từ đó giúp cho bạn bè, du khách trong và ngoài nước và nhất là Nhân dân – những chủ thể văn hóa có khả năng thực hành, kế thừa và phát huy giá trị di sản một cách hiệu quả nhất.

**Thứ hai, đánh giá những khó khăn, hạn chế trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa và xác định phương hướng thực hiện trong thời gian tới.**

Trong gần 80 năm qua, nhiều định hướng quan trọng của Đề cương về văn hóa Việt Nam đã được Đảng ta kế thừa, bổ sung, phát triển, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) là văn kiện tiêu biểu nhất. Nghị quyết thể hiện bước chuyển quan trọng về tư duy lý luận và năng lực đúc kết thực tiễn xây dựng, phát triển văn hóa nước nhà của Đảng trong những năm đầu đổi mới, chứa đựng nhiều giá trị nhân văn và khoa học. Trải qua hơn 25 năm kể từ khi Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) được triển khai thực hiện, Long An đã đạt được nhiều kết quả tích

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

cực trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa còn gặp nhiều trở lực, hạn chế như sau: nhiều nơi vẫn quan niệm rằng bảo tồn và phát huy di sản là nhiệm vụ của nhà nước, còn Nhân dân chỉ là người hưởng thụ, điều này đã gây ra không ít khó khăn trong công tác bảo tồn và phát huy di sản; nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về vị thế, vai trò của di sản văn hóa tuy được nâng cao nhưng chưa thật sự sâu sắc và toàn diện; còn lúng túng trong việc xử lý hài hòa giữa bảo tồn di sản văn hóa với phát triển trong quá trình đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế; công tác xã hội hóa trong hoạt động bảo tồn và phát huy di sản còn thiếu định hướng. Các nguồn vốn do dân đóng góp chưa được quy tụ dưới sự quản lý của cơ quan nhà nước cho nên không được định hướng sử dụng một cách có hiệu quả.

Như chúng ta đã biết, Di sản văn hóa là tài sản đặc biệt, có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa, đồng thời di sản văn hóa còn là phương tiện để giới thiệu hình ảnh địa phương với bạn bè trong nước và quốc tế, tạo tiền đề cho việc phát triển du lịch, từ đó góp phần làm tăng trưởng kinh tế - xã hội, cho nên trong thời gian tới để công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa đạt hiệu quả sâu rộng hơn tỉnh Long An có những hướng đi căn bản sau:

**Một là**, căn cứ Luật Di sản văn hóa và những quy định của Chính phủ, trong điều kiện cho phép, Long An đưa ra những quyết sách riêng để thúc đẩy quá trình bảo tồn và phát huy di sản văn hóa cụ thể như:

(1) Xây dựng quy hoạch tổng thể về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

(2) Trên cơ sở những công trình nghiên cứu khoa học về các loại hình di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương, Long An nhanh chóng xem xét đề xuất đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, để từ đó vừa khuyến khích nâng cao ý thức mọi người trong việc gìn giữ những di sản văn hóa quý báu, đồng thời có thể chế phù hợp để bảo tồn và phát huy di sản đó.

(3) Đối với những “báu vật nhân văn sống” tức là những người giữ gìn hồn cốt của di sản thì cần có chính sách khuyến khích, đãi ngộ về mặt tinh thần cũng như vật chất để họ phát huy hết năng lực của mình trong việc bảo tồn, phát huy di sản.

## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

(4) Tăng cường đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa. Kết hợp giữa đầu tư tôn tạo di tích với khai thác phát triển du lịch

**Hai là**, xem trọng vai trò của Nhân dân.

(1) Nhân dân chính là người sáng tạo, gìn giữ, kế thừa và phát huy ra các giá trị di sản văn hóa qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, thế nên việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tất yếu không thể đứng ngoài sinh hoạt của Nhân dân, hay nói một cách khác muốn bảo tồn một cách lâu dài, bền vững thì phải dựa vào Nhân dân, vì hơn ai hết Nhân dân là người hiểu rõ nhất về bản sắc văn hóa của địa phương, với tư cách vừa là chủ thể sáng tạo văn hóa, vừa là người hưởng thụ văn hóa, Nhân dân có quyền lựa chọn di sản văn hóa nào là cần thiết để bảo tồn. Việc không xem trọng vai trò của Nhân dân, gạt họ ra bên ngoài, dẫn đến gán ghép, làm họ làm thay cho chủ thể văn hóa có thể dẫn đến nhiều hệ quả tiêu cực.

(2) Mở rộng các hình thức xã hội hóa để mọi tầng lớp nhân dân tham gia vào việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa. Bên cạnh đó, các cấp chính quyền sẽ cùng phối hợp nhằm quản lý, định hướng đảm bảo cho hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa được tốt hơn.

(3) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phản biện, cơ quan quản lý văn hóa phải thường xuyên tiến hành thanh tra về việc chấp hành Luật di sản tại các điểm di tích, phát hiện và xử lý nghiêm theo thẩm quyền đối với những hành vi trái luật, trái với thuần phong mỹ tục, bên cạnh đó khuyến khích, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của cộng đồng dân cư, tổ chức xã hội và công dân đối với việc tổ chức, quản lý văn hóa.

**Ba là**, tăng cường hội nhập, giao lưu giới thiệu văn hóa, qua đó tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ từ các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế để hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

Trải qua 80 năm kể từ khi ra đời, Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị lý luận và tính thời đại sâu sắc, tiếp tục soi đường cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa trên con đường hội nhập và phát triển. Để tiếp tục bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, Long An tiếp tục thực hiện tốt các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa, đặc biệt là quan điểm Đại hội lần thứ XIII của Đảng về xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn

80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)  
hóa toàn quốc ngày 24/11/2021; Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030. Với vai trò là nền tảng tinh thần xã hội, việc bảo tồn và phát huy tốt các giá trị di sản văn hóa sẽ có tác dụng to lớn đối với việc xây dựng tinh thần đoàn kết trong cộng đồng dân tộc, giúp tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh nhằm nuôi dưỡng hình thành nhân cách và bản lĩnh con người trong thời đại mới, góp phần vào việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước./.

**PHÁT BIỂU CỦA LÃNH ĐẠO TỈNH PHÚ THỌ  
TẠI HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA “80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ  
VĂN HÓA VIỆT NAM – KHỞI NGUỒN VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

*- Kính thưa đồng chí **Võ Văn Thưởng**, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư!*

*- Kính thưa đồng chí **Nguyễn Xuân Thắng**, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;*

*- Kính thưa Đoàn Chủ tọa Hội thảo!*

*- Kính thưa các đồng chí đại biểu tham dự Hội thảo khoa học cấp quốc gia “80 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam” tại 63 điểm cầu của các tỉnh, thành phố!*

Tại Hội thảo khoa học ngày hôm nay, tỉnh Phú Thọ tham luận nội dung **“Giá trị của Đề cương về Văn hóa Việt Nam trong tiến trình lịch sử Việt Nam”**.

Năm 1943, Đề cương về Văn hóa Việt Nam do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo trên cơ sở vận dụng các quan điểm của Chủ nghĩa Mác và kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc đã được thông qua. Đây là một sự kiện chính trị quan trọng, tạo nền tảng cho sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới. Khẳng định tầm nhìn xa, trông rộng của Đảng về vị trí vai trò, tầm quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Đây là văn kiện có giá trị lịch sử vô cùng to lớn và sâu sắc của Đảng được coi là Tuyên ngôn, là Cương lĩnh được xác định với 3 tính chất đó là nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng. Trong bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội ... và điều kiện cụ thể có nhiều đổi thay, nhưng những nội dung cốt lõi và tinh thần của Đề cương về văn hóa Việt Nam vẫn còn nguyên giá trị vẫn được tiếp tục kế thừa qua các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa, văn nghệ thời kỳ đổi mới, như là Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nghị quyết Hội nghị lần thứ Chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng

**80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)**

yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII góp phần định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

Trải qua 80 năm từ thời điểm ra đời tới nay, nội dung của bản Đề cương về văn hóa Việt Nam có ý nghĩa và giá trị bề dày trong lịch sử cách mạng Việt Nam, lịch sử văn hóa Việt Nam và đã góp phần vào những thắng lợi to lớn của dân tộc. Khẳng định những ý nghĩa và giá trị của văn kiện, chúng tôi nhận thấy:

**Một là**, Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 ra đời trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể và khẳng định được sự cần thiết, tất yếu, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) và sự nghiệp văn hóa là của toàn dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, khẳng định rõ “đảng tiên phong phải lãnh đạo văn hóa tiên phong”.

**Hai là**, giá trị to lớn của Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 là khẳng định nguyên tắc Đảng lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo văn hóa; tính chất “dân tộc”, “khoa học”, “đại chúng” của văn hóa Việt Nam thể hiện quan điểm tiến bộ về văn hóa của Đảng; việc vận dụng, tiếp thu, rút ra bài học kinh nghiệm và bổ sung, hoàn thiện những quan điểm, chủ trương của Đảng trong quá trình 80 năm qua, thể hiện trong các văn kiện của Đảng thể hiện tinh thần nhất quán, logic trong đường lối của Đảng về văn hóa Việt Nam...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản Đề cương về văn hóa Việt Nam đã trở thành kim chỉ nam soi đường cho công cuộc xây dựng và phát triển Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh. Những kế thừa rõ nét nhất đã thể hiện qua các chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa, đặc biệt là quan điểm Đại hội lần thứ XIII của Đảng về xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và bài phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc diễn ra tại Hà Nội ngày 24-11-2021.

**Ba là**, tiếp tục phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời gian tới, để văn hóa thực sự vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước, là nền tảng tinh thần xã hội, góp phần đắc lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo tinh thần của Đảng và các văn bản quy phạm pháp luật đang dần tạo ra hành lang pháp lý, thể chế hóa phù hợp hơn với thực tiễn khách quan... rất cần tiếp tục gạn đục khơi trong,



## 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943 – 2023)

kế thừa và phát huy giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, kế thừa các quan điểm về văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hiện tại và tương lai. Hướng tới phát triển bền vững quốc gia và vì hạnh phúc của người dân là mục tiêu chúng ta đang theo đuổi. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do, số phận dân ta là ở trong tay dân ta “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Đó chính là một trong những yếu tố sẽ góp phần đưa văn hóa Việt Nam sánh vai với các nền văn hóa, văn minh tiến bộ trên thế giới.

*Kính thưa các đồng chí đại biểu, thưa toàn thể Hội nghị!*

Tỉnh Phú Thọ, là mảnh đất phát tích cội nguồn của dân tộc Việt Nam, nơi ghi dấu sự ra đời của nhà nước đầu tiên: Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc. Qua chặng đường hàng nghìn năm phát triển, những giá trị lịch sử, văn hóa được giữ gìn, hình thành, bồi đắp nên nét phong phú, đa dạng và đặc trưng của văn hóa vùng đất Tổ. Phú Thọ có vinh dự và trách nhiệm được thừa kế một nền văn hóa rực rỡ vùng đất cội nguồn dân tộc Việt Nam gắn liền với thời kỳ Hùng Vương dựng nước với những di sản văn hóa vô giá không chỉ đối với dân tộc mà với cả nhân loại. Những năm qua thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở kế thừa, vận dụng và phát triển những giá trị cốt lõi của Đề cương về Văn hóa Việt Nam đã từng bước hoàn thiện tư duy lý luận và nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Phấn đấu đưa tỉnh Phú Thọ trở thành tỉnh phát triển hàng đầu của vùng trung du và miền núi phía Bắc, tiếp tục góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, xứng đáng là mảnh đất địa linh nhân kiệt- cội nguồn của dân tộc Việt Nam.

Trước khi dừng lời, thay mặt Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân các dân tộc tỉnh Phú Thọ, xin kính chúc đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; Đoàn Chủ tọa Hội thảo cùng các đồng chí đại biểu tham dự Hội thảo khoa học cấp quốc gia “80 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam” tại 63 điểm cầu của các tỉnh, thành phố sức khỏe, hạnh phúc, thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!



## THAM LUẬN VAI TRÒ CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TRONG PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM

(Kèm theo công văn số: 201 /THVN-TS ngày 20 tháng 02 năm 2023  
của Đài Truyền hình Việt Nam)

Trải qua 80 năm kể từ khi ra đời, những tư tưởng của Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị, tiếp tục soi đường cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế. Đề cương đã khẳng định đúng đắn vị trí, vai trò của văn hoá, khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa chính trị, kinh tế và văn hóa và đặc biệt đã xác định ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam, đó là: Dân tộc hóa, Đại chúng hóa, Khoa học hóa. Ba nguyên tắc đã trở thành phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới. Ba nguyên tắc ngắn gọn, súc tích, vừa đề cập hiện trạng nền văn hóa dân tộc, vừa chỉ ra đường hướng xây dựng, phát triển nền văn hóa mới. Đó là nền văn hóa được xây dựng từ sức sáng tạo bền bỉ của nhân dân, đó là nền văn hóa thuộc về nhân dân, do nhân dân là chủ thể sáng tạo, trao truyền và gìn giữ, phát huy. Nền văn hóa đó phải bám rễ vào cội nguồn lịch sử, không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để bồi đắp và làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng phong phú, giàu đẹp.

**\*Đài Truyền hình Việt Nam với nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Dân tộc, Đại chúng, Khoa học**

### *Nguyên tắc Dân tộc*

Đề cương văn hóa năm 1943 đặt ra nguyên tắc nền văn hóa Việt Nam cần “Dân tộc hóa” nhằm chấn hưng tinh thần dân tộc, chống tư tưởng tự ti dân tộc và miệt thị văn hóa dân tộc. “Dân tộc hóa” là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Trong cuộc sống đương đại hôm nay tính dân tộc được thể hiện ở tính tự tôn, giá trị văn hóa dân tộc, ý thức dân tộc và bản sắc dân tộc mạnh mẽ. Trong đó chủ nghĩa yêu nước là sự thể hiện cao nhất của ý thức quốc gia. Tự hào với quá khứ hào hùng, truyền thống dân tộc, di sản văn hiến là nền tảng cho tự tin dân tộc và tự tôn dân tộc. Giáo dục ý thức dân tộc cũng phải gắn truyền thống với hiện đại; hiện đại ở đây chính là thành quả âm no, hạnh phúc của người dân Việt Nam đạt được trong những năm qua.

Là cơ quan báo chí, Đài Truyền hình Việt Nam (THVN) nhận thấy rằng: thế hệ trẻ ngày nay rất nhạy bén trong tư duy và cách tiếp cận, luôn khao khát và sẵn sàng đón nhận cái mới, vì vậy cần tránh lối giáo dục một chiều, cứng nhắc, mà cần cụ thể, thiết thực, sinh động. Giáo dục ý thức dân tộc cần thực hiện thông qua những câu chuyện sâu lắng, xúc động, những tấm gương điển hình có sức thuyết phục. Nội dung này được lồng ghép trong rất nhiều chương trình trên các kênh sóng của Đài THVN, điển hình như các chuyên mục: “Câu chuyện văn hóa”, “Tổ quốc trong tim”, “Cát cánh”, “Nhật ký người Việt”...; các chương trình đặc biệt nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng, trong đó có nhiều chương trình được thực hiện công phu với nhiều câu chuyện, nhân vật có sức lan tỏa cao. Những chương trình này đã góp phần khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Để lan tỏa mạnh mẽ bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, Đài THVN đã sản xuất và phát sóng một số lượng lớn chương trình về sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam; về giá trị các di sản văn hóa Việt Nam; phản ánh cái hay, cái đẹp trong các loại hình nghệ thuật Việt Nam; về giữ gìn, phát huy tiếng Việt; về bản sắc văn hóa các dân tộc; ...Những nội dung này được tuyên truyền sâu rộng trong rất nhiều chương trình như: các bản tin, chuyên mục về văn hóa, các chương trình nghệ thuật, phim truyện, các chương trình Gameshow...

Đặc biệt, chuyên mục “Câu chuyện văn hóa” – chuyên mục chuyên sâu về các vấn đề văn hóa luôn chú trọng tôn vinh các giá trị văn hóa dân tộc. Đã có nhiều chương trình tốt, tạo hiệu ứng sâu rộng, lan tỏa tình yêu với văn hóa truyền thống dân tộc như:

- Chương trình có chủ đề “*Đánh thức tinh hoa truyền thống*” (phát sóng ngày 3/3/2022): về những loại hình nghệ thuật truyền thống từ tuồng, chèo, cải lương... đã được các nghệ sĩ trẻ khai thác, đưa vào những sáng tác đương đại, tạo nên sức sống mới cho các loại hình nghệ thuật vốn đang bị mai một.

- Chương trình có chủ đề “*Quảng bá văn hóa qua SEA Games 31*” (phát sóng ngày 5/5/2022): Thông qua một sự kiện thể thao khu vực, chương trình khai thác góc độ văn hóa để làm nổi bật sức hấp dẫn của văn hóa Việt Nam với bạn bè quốc tế.

- Chương trình có chủ đề “*Hệ giá trị gia đình và con người Việt Nam*” (phát sóng ngày 17/11/2022): Chương trình đi sâu phân tích những giá trị cốt lõi trong gia đình, con người Việt Nam được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử. Những giá trị ấy làm nên sức mạnh mềm, giúp dân tộc Việt Nam chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Đó chính chiều sâu của tinh thần dân tộc, là cốt lõi của nền văn hóa mang đậm tính dân tộc như Đề cương văn hóa 1943 đã khơi nguồn .

Bên cạnh những chương trình phục vụ khán giả trong nước, Đài THVN cũng chú trọng sản xuất các chương trình về những nét đặc sắc của văn hóa dân tộc Việt Nam để phát sóng trên kênh truyền hình đối ngoại (VTV4) và các kênh truyền hình nước ngoài. Đặc biệt, nhân dịp SEA Games 31, các trailer quảng bá những nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam được Đài THVN sản xuất, phát sóng và cung cấp cho các đài truyền hình quốc tế đã góp phần giới thiệu, lan tỏa các giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam đến các quốc gia trên thế giới.

***Nguyên tắc Đại chúng***

“Đại chúng hóa” là văn hóa của nhân dân, phục vụ nhân dân, làm cho mọi người biết đọc, biết viết, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo nghệ thuật. Bối cảnh ra đời của Đề cương cho thấy, Đảng ta đã thấy vai trò quan trọng của nhân dân trong việc thực hiện thắng lợi cách mạng. Để có thể đoàn kết, tạo ra sức mạnh từ nhân dân, văn hóa là yếu tố then chốt. Đại chúng ở đây được hiểu là văn hóa được hình thành bởi đa số nhân dân, dành cho đa số nhân dân, vì lợi ích đa số nhân dân.

Tiếp nối tinh thần của Đề cương về văn hóa Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời căn dặn các nhà báo: “Làm báo phải hết sức cẩn thận về hình thức, về nội dung, về cách viết... Muốn tiến bộ, muốn viết hay, thì phải cố gắng học hỏi, ra công rèn luyện. Kinh nghiệm của tôi là thế này: Mỗi khi viết một bài báo, thì tự đặt câu hỏi: Viết cho ai xem? Viết để làm gì? Viết thế nào cho phổ thông dễ hiểu, ngắn gọn dễ đọc”. Lời căn dặn của Bác đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị và vẫn nóng hổi tính thời sự.

Thấm nhuần lời dạy của Bác, các nhà báo Đài THVN luôn rèn luyện để viết tin bài không chỉ bảo đảm tính chính xác, kịp thời mà còn được thể hiện với ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu để công chúng dễ tiếp cận nhất. Tính đại chúng trong các chương trình của Đài THVN còn được thể hiện ở sự thâm nhập thực tế, đi sâu vào đời sống nhân dân của các nhà báo, để có được những tác phẩm mang hơi thở cuộc sống của nhân dân, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân ở mọi vùng miền của đất nước. Bên cạnh đó, các chương trình của Đài THVN luôn phát huy sức mạnh của báo chí trong tuyên truyền để tạo sự đồng thuận của nhân dân trong thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như tuyên truyền góp phần củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tính đại chúng của VTV cũng được thể hiện ở tiêu chí đa dạng của các chương trình, kênh chương trình của Đài THVN dành cho mọi đối tượng khán giả, từ khán giả đại chúng tới khán giả chuyên biệt như: khán giả ở

các vùng miền khác nhau, khán giả ở vùng sâu, vùng xa, khán giả là người dân tộc thiểu số, khán giả trẻ, học sinh, sinh viên, doanh nhân, khán giả là người cao tuổi, khán giả khiếm thính...

### ***Nguyên tắc Khoa học***

Trong Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943, “Khoa học hóa” là chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa thiếu tính khoa học và phản tiến bộ. Khi đất nước ta đang chìm đắm trong một thời kỳ phong kiến và thực dân, nhiều phong tục tập quán lạc hậu, không phù hợp kéo lùi sự phát triển của lịch sử dân tộc; chỉ bằng cách thay đổi những hủ tục lạc hậu, không phù hợp thì mới giúp đất nước phát triển. Từ tư tưởng “Khoa học hóa”, kể từ khi giành được độc lập, văn hóa của đất nước đã hướng tới những giá trị văn minh, từng bước loại bỏ yếu tố lạc hậu trong văn hóa, góp phần hình thành nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, phù hợp với quá trình vận động của lịch sử, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, bền vững.

Từ nhận thức trên, các chương trình của Đài THVN đã nhấn mạnh việc xây dựng hệ giá trị văn hóa cần phải kết hợp giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống với lựa chọn tiếp thu tinh hoa giá trị văn hóa thế giới, phù hợp với bối cảnh phát triển đất nước. Đài THVN cũng đi sâu vào một số giá trị cốt lõi, chỉ ra sự tiếp biến về văn hóa từ xưa tới nay trong nội hàm các giá trị đó: đâu là những biểu hiện cần trân trọng gìn giữ, đâu là biểu hiện đã lỗi thời cần được điều chỉnh, đâu là những biểu hiện mới, mang tính thời đại và phù hợp với xu thế phát triển...

Đài THVN cũng luôn chủ động, kịp thời lên tiếng phê phán những biểu hiện lệch chuẩn về văn hóa cũng như những thói quen xưa cũ đi ngược lại sự tiến bộ. Điển hình là chương trình “Góc nhìn văn hóa” hàng ngày trên kênh VTV1 với các chủ đề tiêu biểu như:



- Chương trình có chủ đề “*Cắm sóng*” (phát sóng ngày 7/1/2023): Nêu vấn đề cần có các giải pháp nghiêm khắc với các nghệ sĩ vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Đây là vật đề tài mà Đài THVN đã theo sát từ năm 2022 và nhận được sự hưởng ứng, đồng tình cao của dư luận, từ đó góp phần lành mạnh hóa đời sống nghệ thuật, định hướng thẩm mỹ đúng đắn cho khán giả, nhất là những khán giả trẻ.

- Chương trình có chủ đề “*Tháng giêng không còn ăn chơi*” (phát sóng ngày 4/2/2023): Từ không khí lao động, sản xuất của các cơ quan hành chính, doanh nghiệp, chương trình gửi đi thông điệp về việc cần loại bỏ tư tưởng ăn chơi kéo dài sau Tết Nguyên đán. Lâu nay với tư tưởng “Tháng giêng là tháng ăn chơi”, đây là thói quen chưa dễ bỏ, nên không ít công chức tự cho mình cái quyền sao nhãng công việc sau Tết, kéo theo nhiều hệ lụy như lãng phí thời gian, trì hoãn, ách tắc trong giải quyết công việc. Chương trình đã lên tiếng mạnh mẽ về việc cần thay đổi triệt để tư tưởng “Tháng giêng là tháng ăn chơi”. Sau khi phát sóng, chương trình đã tạo hiệu ứng tốt với người xem.

- Chương trình có chủ đề “*Cờ bạc đầu năm*” (phát sóng ngày 7/2/2023) đã đề cập: đánh bài, tổ tôm, tam cúc ngày Tết từng là một nét văn hóa dân gian lâu đời, nhưng dần dần bị biến tướng thành các trò cờ bạc, sát phạt đồ đen. Qua ý kiến của các chuyên gia, đặc biệt là sự hối hận của những con bạc vì mê muội đã tán gia bại sản, chương trình đã cảnh tỉnh những ai đang có ý định ham vui cờ bạc dịp thời thay đổi suy nghĩ, hành vi.

Các chương trình của Đài THVN cũng dành thời lượng đáng kể để phân tích, phê phán những biểu hiện lệch chuẩn trên không gian mạng như: tình trạng câu like, câu view bất chấp hậu quả, làm xói mòn các giá trị đạo đức, gióng lên hồi chuông cảnh báo với người dùng mạng xã hội. Loạt chương trình này đã nhận được phản hồi tích cực của khán giả.

Chúng tôi nhận thức rõ đời sống văn hóa đang chịu tác động mạnh mẽ bởi các nền tảng xuyên biên giới, mạng xã hội. Do đó, vai trò của báo chí càng phải được khẳng định một cách mạnh mẽ bằng việc cung cấp kịp thời thông tin chính thống và có tính định hướng cao, trong đó có truyền thông về chuẩn mực văn hóa ứng xử. Trong thời gian qua, nhiều tin, bài, chương trình của Đài THVN đã lan tỏa những hành vi, ứng xử đẹp trong đời sống xã hội, từ đó có tác động tích cực và nhân lên những điều tốt đẹp, đồng thời lên tiếng mạnh mẽ trước những hiện tượng, hành vi thiếu chuẩn mực, góp phần nắn chỉnh hành vi lệch chuẩn văn hóa.

Ngoài ra, Đài THVN cũng không ngừng nâng cao chất lượng các chương trình khoa học - giáo dục để góp phần nâng cao dân trí, bồi dưỡng tri thức để con người Việt Nam đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

**\*Đài Truyền hình Việt Nam với nhiệm vụ tuyên truyền Đề cương về văn hóa Việt Nam**

Bám sát Hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương về tuyên truyền kỷ niệm 80 năm ra đời “Đề cương về Văn hóa Việt Nam”, Đài THVN đã tổ chức tuyên truyền một cách sâu rộng, bài bản về ý nghĩa lịch sử, giá trị lý luận, thực tiễn, sức sống lâu bền và quá trình kế thừa, vận dụng, phát triển những nội dung cốt lõi của Đề cương về Văn hóa Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và công cuộc đổi mới hiện nay. Công tác tuyên truyền được triển khai đồng bộ trên các kênh truyền hình với mũi nhọn là kênh Thời sự - chính luận - tổng hợp VTV1, nhất là trong hệ thống bản tin Thời sự và chuyên mục “Câu chuyện văn hóa”, “Góc nhìn văn hóa” với những chủ đề nổi bật như:





- Ý nghĩa lịch sử của Đề cương về văn hóa Việt Nam 1943 - cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa.
- Nền văn nghệ rực rỡ từ nền tảng Đề cương về văn hóa Việt Nam.
- Kế thừa và phát huy giá trị thời đại của Đề cương về văn hóa Việt Nam qua các kỳ Đại hội Đảng.
- Phát huy tính dân tộc trong nền nghệ thuật đương đại.
- Ánh sáng từ Đề cương về văn hóa Việt Nam.
- Chấn hưng văn hóa từ các giá trị truyền thống.
- Văn hóa - Mặt trận trên lĩnh vực tư tưởng.

Đặc biệt, Đài THVN đã đầu tư rất công phu cho chương trình Tọa đàm “80 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam” phát sóng trên kênh VTV1 vào tối ngày 26/2/2023 với sự tham gia của các nhà quản lý và chuyên gia đầu ngành. Tính chính luận sâu sắc của chương trình được thể hiện ở sự phân tích các nguyên tắc cơ bản của nền văn hóa mới: “Dân tộc”, “Đại chúng”, “Khoa học” trong bối cảnh lịch sử ra đời của Đề cương cũng như trong điều kiện đương đại hôm nay, quá trình kế thừa và phát triển những nội dung cốt lõi của văn kiện. Chương trình Tọa đàm đã đưa khán giả trở lại với cột mốc năm 1943, khi bản Đề cương ra đời, nhấn mạnh ý nghĩa lịch sử của văn kiện này cũng như sức sống của bản Đề cương qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hôm nay. Những nội dung này đã được các khách mời khẳng định một cách thuyết phục qua những ý kiến sâu sắc như:

*“Đề cương về văn hóa Việt Nam là cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa và là ngọn đuốc lý luận soi sáng con đường cách mạng Việt Nam, đặc biệt là cách mạng văn hóa giúp cho đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà văn hóa nhận thức được quan điểm đúng đắn của Đảng ta về văn hóa.... Làm cho toàn thể dân*

tộc ta đoàn kết thành một khối dưới sự lãnh đạo của Đảng để chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám... ”.

“Đề cương về văn hóa ra đời đã mở ra một kỷ nguyên mới cho sự sáng tạo của các văn nghệ sĩ. Trước 1943 cả dân tộc chìm trong bóng tối nô lệ, văn nghệ sĩ sáng tạo trong sự nức nở, sự than thở, sự sợ hãi và tuyệt vọng. Nhưng khi Đề cương về văn hóa mở ra thì họ biết rằng, họ phải bước trên con đường đồng hành cùng dân tộc. Và Đề cương về văn hóa đã mở ra khát vọng và sứ mệnh của mỗi con người trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Những tác phẩm của các văn nghệ sĩ lúc đó đã tác động vào mỗi người dân Việt Nam, đã trở thành tiếng nói của dân tộc cất lên, vượt qua tất cả những thách thức... ”.

“Sau năm 1975 người Mỹ tìm mọi cách để lý giải thất bại của họ ở Việt Nam. Họ nói rằng, họ đã thua trong cuộc chiến tranh này về quân sự, thua về chính trị, ngoại giao, và có một điểm là họ đã phát hiện ra một nền văn hóa mà người Việt Nam đã cất giữ và mang theo trong suốt hành trình của cuộc chiến tranh đầy hy sinh, gian khổ đó. Chiến thắng của Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống Mỹ còn là chiến thắng về tinh thần, và chỉ có văn hóa mới làm ra được tinh thần đó... ”.

“Hơn bao giờ hết ở trong bất cứ thời điểm nào chúng ta cũng phải giữ gìn bản sắc của dân tộc trong giao lưu hội nhập với thế giới. Nếu không giữ được bản sắc của dân tộc thì thật sự dễ trở thành cái bóng mờ của người khác... Muốn hay không thì phải giữ nguyên tắc dân tộc hóa, đồng thời làm giàu bản sắc của dân tộc mình thông qua hoạt động tiếp biến những giá trị tinh hoa của văn hóa nhân loại... ”.

“Thông qua các kỳ Đại hội Đảng, những nội dung về văn hóa Việt Nam đã tiếp tục được hoàn thiện, đồng thời Trung ương cũng tiếp tục có các Nghị quyết

*chuyên đề. Những văn kiện sau lại tiếp tục hoàn thiện những văn kiện mà giai đoạn trước chưa được đề cập, đồng thời bổ sung thêm những luận cứ mới để chúng ta xây dựng văn hóa Việt Nam. Đây là điều kiện để chúng ta chấn hưng, xây dựng văn hóa Việt Nam... ”.*

*“Thế kỷ 21, thế kỷ 25... hoặc lâu dài hơn nữa, cái giá trị của văn hóa, của mỗi cộng đồng, của mỗi dân tộc lớn hay bé trên toàn thế giới luôn luôn là giá trị hàng đầu để xác lập dân tộc đó. Khi ta xác lập được nền văn hóa dân tộc thì ta xác lập được danh tính của chính ta trước thế giới... Ngay cả những người trẻ hiện nay cũng đang bắt đầu kiếm tìm và thấu hiểu những giá trị văn hóa truyền thống để làm hành trang, nền tảng để họ bước đến thế giới... ”.*

Vết tin bài, chương trình của Đài THVN nhân kỷ niệm 80 năm ra đời Đề cương về văn hóa Việt Nam đã góp phần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về ý nghĩa lịch sử, ý nghĩa thời đại, những giá trị to lớn, sự trường tồn và tầm ảnh hưởng của bản Đề cương.

Trong thời gian tới, Đài THVN tiếp tục phát huy vai trò của Đài Truyền hình quốc gia trong thực hiện và tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng về văn hóa – văn nghệ, nhất là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021; tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về việc xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng./.

**Đơn vị tham luận: Ban Thời sự, Đài Truyền hình Việt Nam**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Nền tảng lý luận và động lực phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam	
NGUYỄN VĂN HÙNG	5
<p><b>PHẦN THỨ NHẤT</b>  <b>GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN</b>  <b>CỦA “ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”</b></p>	
	21
- Định hướng “dân tộc, đại chúng, khoa học” và việc phát huy nguồn lực nội sinh của văn hóa trong phát triển bền vững đất nước	
PGS.TS. TRẦN THỊ AN	23
- Một số vấn đề về tính dân tộc, đại chúng, khoa học của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay	
TS. NGUYỄN THỊ MAI ANH	35
- Sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng về văn hóa từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 đến Hội nghị Văn hóa toàn quốc, tháng 11/2021	
GS.TS. HOÀNG CHÍ BẢO	43
- Nguyên tắc dân tộc hóa, quá trình thực hiện và thành tựu	
GS.TS. NGUYỄN CHÍ BỀN	55
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” từ lý luận đến những giá trị thực tiễn	
ThS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	68
- Đề cương về văn hóa Việt Nam” và hệ nguyên tắc vận động, xây dựng, phát triển văn hóa ở nước ta	
ThS. PHẠM VŨ DŨNG	78

- Sự khai phá mở đường cho quá trình xây dựng lý luận văn hóa ở Việt Nam  
GS.TS. ĐINH XUÂN DŨNG 87
- Nhận diện những giá trị cốt lõi của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
ThS. NGUYỄN VĂN DƯƠNG 94
- Tính dân tộc của văn hóa Việt Nam  
PGS.TS. ĐẶNG QUANG ĐỊNH 101
- Giá trị cốt lõi và trường tồn của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 của Đảng  
PGS.TS. PHẠM DUY ĐỨC 109
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Cội nguồn và động lực nhận thức về văn hóa ở Việt Nam 80 năm qua  
PGS.TS. LÊ QUÝ ĐỨC 120
- Từ nguyên tắc dân tộc, khoa học và đại chúng đến khẩu hiệu “văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa” của Đảng  
PGS.TS. NGUYỄN MẠNH HÀ 129
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 khơi nguồn sáng tạo cho nền văn hóa, văn nghệ nhân dân trong thời đại mới  
TS. NGUYỄN ĐỨC HẠNH 136
- Giá trị lý luận và thực tiễn của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
PGS.TS. VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU 147
- Những giá trị nổi bật của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa, định hướng và soi đường cho nền văn hóa Việt Nam phát triển bền vững  
PGS.TS. NGUYỄN CHÍ HIẾU 154
- Mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế và chính trị - Nhìn từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
ThS. LƯƠNG QUỲNH HOA 164

- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943: Ý nghĩa và thực tiễn lý luận về phát triển văn hóa trong mối quan hệ với phát triển kinh tế

ThS. BÙI THỊ HOA 176
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Những giá trị khoa học và thực tiễn

ThS. HOÀNG THỊ THU HOÀI 182
- Dân tộc hóa văn hóa: Những nguyên tắc kế thừa giá trị truyền thống và tiếp thu tinh hoa văn hóa

TS. NGUYỄN THỊ HOÀN 189
- Từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đến xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt Nam

PGS.TS. LÊ THỊ BÍCH HỒNG 197
- Phát huy giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ

PGS.TS. ĐOÀN MINH HUẤN 211
- Quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng về văn hóa - Nhìn từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” những giá trị soi đường

TS. DƯƠNG MINH HUỆ 222
- Từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đến xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

ThS. VĂN THỊ THANH HƯƠNG  
TS. VĂN THỊ THANH MAI 232
- Giá trị quan điểm của Đảng về văn hóa trong phát triển kinh tế từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943

PGS.TS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG 242
- Kế thừa và phát huy những giá trị cốt lõi của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943

ThS. ĐẶNG THU HƯỜNG 253

- Kế thừa và phát triển những giá trị cốt lõi của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
GS.TS. TỪ THỊ LOAN 260
- Vài suy nghĩ về giá trị cốt lõi của tác phẩm “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đối với lịch sử và văn hóa Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh  
LÊ PHẠM HOÀNG LONG  
CHÂU THỊ THÙY TRANG 273
- 80 năm “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943, những vấn đề đặt ra, những vấn đề tiếp tục  
PGS.TS. PHẠM QUANG LONG 281
- Nguyên tắc dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam”: Truyền thống và hiện đại  
GS.TS. LÊ HỒNG LÝ 297
- Nguyên tắc “dân tộc - đại chúng - khoa học” trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 và những giá trị trong thời đại hiện nay  
NGUYỄN THỊ NGỌC MINH 307
- Một số giải pháp nhằm phát huy giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 trong bối cảnh hiện nay  
TS. ĐẶNG THỊ MINH 315
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Cương lĩnh chiến lược văn hóa đầu tiên của Đảng ta  
PGS TS. LÂM BÁ NAM  
PGS.TS. LÂM MINH CHÂU 324
- Những giá trị cốt lõi của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới  
PGS. TS. NGUYỄN THU NGHĨA 333
- Tư tưởng “Dân tộc - Khoa học - Đại chúng” - Những giá trị lý luận trong chiến lược xây dựng văn hóa con người ở Việt Nam hiện nay  
PGS.TS. LÂM NHÂN 341

- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - Khởi nguồn nền tảng tư tưởng văn hóa cho các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam  
ThS. PHẠM THỊ NHUNG 350
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Nền tảng lý luận của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam  
NGUYỄN MINH NHỰT 359
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” và sự nghiệp của nhà văn hóa Trường Chinh  
PGS.TS. PHẠM LAN OANH 369
- Những giá trị mang tầm thời đại của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
TS. NGUYỄN HUY PHÒNG 380
- Quan hệ giữa dân tộc, đại chúng và khoa học trong phát triển văn hóa bền vững  
GS.TS. TRẦN VĂN PHÒNG 390
- Vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững ở Việt Nam nhìn từ quan điểm của Đảng  
TS. LÊ THỊ PHƯỢNG 399
- Bối cảnh ra đời, những giá trị cốt lõi và ý nghĩa lịch sử, thời đại của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - Văn kiện mang tầm vóc cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta về văn hóa  
PGS.TS. ĐÀO DUY QUÁT 407
- 80 năm “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - Những giá trị lịch sử, lý luận và thực tiễn  
ThS. LÊ THỊ HỒNG QUYÊN 420
- Phát huy giá trị đạo đức của tôn giáo theo tinh thần “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong phát triển bền vững hiện nay  
TS. NGUYỄN NGỌC QUỲNH  
TS. NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG 427
- Về nguyên tắc Đảng lãnh đạo văn hóa trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
ThS. MAI THỊ SOA 448



- Nguyên tắc dân tộc hóa của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 trong bối cảnh hiện nay  
PGS.TS. BÙI HOÀI SƠN 458
- Khả năng vận dụng các nguyên tắc “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 trong bù lấp khoảng trống nghiên cứu văn hóa giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX  
PGS.TS. NGUYỄN HỮU SƠN 467
- Đường lối văn hóa của Đảng trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Ngọn cờ tập hợp văn nghệ sĩ, trí thức yêu nước, góp phần đưa Cách mạng Tháng Tám đến thành công  
TS. TRẦN THỊ MAI THANH  
TS. NGUYỄN THỊ HUỆ 475
- 80 năm “Đề cương về văn hóa Việt Nam”: Tính bền vững và sống động của một triết lý văn hóa  
TS. LÊ THỊ MINH THẢO 482
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Ngọn đuốc lý luận cách mạng soi đường cho dân tộc  
PGS.TS. NGUYỄN TOÀN THẮNG 490
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” dưới góc nhìn văn hóa học  
GS.TSKH TRẦN NGỌC THÊM 498
- Từ những nguyên tắc lớn của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 nghĩ về một số vấn đề văn hóa mới của thời đại  
PGS.TS. ĐỖ THỊ THANH THỦY 506
- Vận dụng nguyên tắc dân tộc hóa trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 vào xây dựng đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam  
PGS.TS. NGUYỄN HỮU THỨC 516
- Những giá trị cơ bản của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” và sự vận dụng trong hoạch định đường lối xây dựng văn hóa, phát triển con người Việt Nam thời kỳ đổi mới  
PGS.TS. NGUYỄN DANH TIÊN 523

- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Giá trị không thể xóa nhòa  
ThS. NGUYỄN ĐỨC TIẾN 535
- Giá trị và phát huy giá trị trong tiến trình lịch sử của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
PGS.TS. TRẦN TRÍ TRẮC 543
- Ý nghĩa lịch sử và tầm ảnh hưởng của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - 80 năm nhìn lại  
PGS.TS. PHẠM NGỌC TRUNG 549
- Về các nguyên tắc vận động văn hóa trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam”  
TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG 556
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943: “Dân tộc hóa” với vai trò kiến tạo các giá trị văn hóa Việt Nam đương đại  
TS. VŨ ANH TÚ 564
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 dưới góc độ liên văn hóa  
PGS.TS. NGUYỄN THANH TÚ  
ThS. TRỊNH THỊ HẰNG 575
- Giá trị của tác phẩm “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đối với hoạt động xuất bản ở Việt Nam hiện nay  
ThS. NGUYỄN VĂN TUÂN  
ThS. NGUYỄN CÔNG TÂY 586
- Giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - Tuyên ngôn văn hóa đầu tiên của Đảng sau 80 năm nhìn lại  
PGS.TS. GVCC. TRẦN THỊ MINH TUYẾT 597
- Tầm nhìn chiến lược của Đảng ta về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
PGS.TS. NGUYỄN HỒNG VINH 611
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 đặt nền móng, mở ra thời kỳ phát triển mới cho nền văn hóa cách mạng Việt Nam  
ThS. VŨ THỊ KIM YẾN  
TS. ĐẶNG THỊ MINH PHƯƠNG 618

- Giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - Tiếp cận từ thực tiễn Lâm Đồng  
 ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG 628
  - Báo cáo tham luận tại Hội thảo khoa học quốc gia “80 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943-2023) - Khởi nguồn và động lực phát triển”  
 ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU 633
- PHẦN THỨ HAI**
- VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM - NỀN TẢNG  
 TINH THẦN, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC  
 TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**
- Phẩm tính dân tộc và tinh thần khai phóng của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - Nhìn từ xu hướng hội nhập trong thời kỳ toàn cầu hóa  
 PGS.TS. TRẦN HOÀI ANH 641
  - Chiều kích văn hóa trong phát triển bền vững từ lý thuyết đến thực tiễn  
 ThS. CAO NGUYỄN NGỌC ANH  
 TS. ĐẶNG THỊ KIỀU OANH 647
  - Vấn đề bảo tồn và phát triển bền vững văn hóa các dân tộc tỉnh Ninh Thuận trên nguyên tắc “Dân tộc hóa, Đại chúng hóa, Khoa học hóa” của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”  
 PGS.TS. PHAN QUỐC ANH 661
  - Xây dựng và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam: Yêu cầu và động lực phát triển bền vững  
 TS. TRẦN TUYẾT ÁNH 672
  - Một số yêu cầu phát triển văn hóa theo hướng bền vững trong bối cảnh hiện nay  
 BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG 680
  - “Đề cương về văn hóa Việt Nam” và vấn đề xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ở nước ta hiện nay  
 BAN THƯỜNG TRỰC,  
 ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM 691

- Thế hệ trẻ tham gia bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc dựa trên giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”  
TRUNG ƯƠNG ĐOÀN  
THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH 702
- Từ tư tưởng cứu quốc của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đến nội hàm văn hóa phục vụ mục tiêu vì “lợi ích quốc gia - dân tộc” trong đường lối, chính sách đối ngoại hiện nay  
TS. BÙI NGUYỄN BẢO 714
- Những giá trị đặc sắc của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 và thực tiễn sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam  
GS.TS. TRƯƠNG QUỐC BÌNH 724
- Từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 đến công tác đào tạo cán bộ văn hóa nghệ thuật trong thời kỳ mới  
TS. HOÀNG THỊ BÌNH 733
- Tính tất yếu của hội nhập quốc tế về văn hóa với sự phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc  
NGUYỄN TRUNG BÌNH 751
- Từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943, nghĩ về tính khoa học của văn hóa Việt Nam hiện nay  
PGS.TS. ĐINH THỊ VÂN CHI 760
- Giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong công tác văn hóa đối ngoại, phát huy sức mạnh mềm quốc gia  
TS. NGUYỄN PHƯƠNG HÒA 772
- Vận dụng nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 vào việc xây dựng môi trường văn hóa qua quá trình triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”  
CỤC VĂN HÓA CƠ SỞ,  
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH 781

- Để văn hóa trở thành động lực của phát triển bền vững  
PGS.TS. NGUYỄN VĂN DÂN 792
- Bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa truyền thống của người Việt theo quan điểm “khoa học” của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 từ khía cạnh lý thuyết  
ThS. HUỖNH HỒNG ĐIỂM 802
- Văn hóa và sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên kỹ thuật số  
GS.TS. PHẠM TẮT DONG 814
- Nam Định đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khẳng định giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong tiến trình lịch sử  
TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG 826
- Giá trị văn hóa - Sức mạnh mềm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới  
TS. NGUYỄN TUẤN DŨNG 836
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - Nền móng cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở nước ta trong bối cảnh hiện nay  
ThS. PHAN MẠNH DƯƠNG  
ThS. NGUYỄN THỊ HẢO 844
- Vận dụng nguyên lý cơ bản của Đề cương văn hóa trong sáng tác, xây dựng nghệ thuật công cộng  
PGS.TS. NGUYỄN VĂN DƯƠNG 858
- Những vấn đề đặt ra đối với việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trong giao lưu, hội nhập quốc tế hiện nay  
ThS. DƯƠNG ÁNH ĐÀO 864
- Tính kế thừa của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” và một số yêu cầu đặt ra  
ThS. NGUYỄN HUY ĐIỂM  
ThS. NGUYỄN THỊ THÙY GIANG 874

- Tính dân tộc, khoa học và đại chúng của sách lý luận chính trị theo định hướng của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”  
ThS. NGUYỄN HÀ GIANG  
ThS. NGUYỄN PHƯƠNG THÙY 881
- Để giữ gìn bản sắc và xây dựng nền văn hóa tiên tiến trong bối cảnh hội nhập quốc tế  
ThS. ĐẶNG HOÀNG GIANG 899
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 và sự kế thừa tính đúng đắn trong việc xác định vai trò của văn hóa và các nguyên tắc phát triển mang tính dân tộc, đại chúng và khoa học trong mỹ thuật ứng dụng hiện nay  
TS. NGÔ THỊ HỒNG GIANG 905
- Nguyên tắc “dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa” trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 và sự vận dụng trong công cuộc xây dựng và phát triển văn hóa hiện nay  
TS. VŨ MẠNH HÀ 913
- Kế thừa các nguyên tắc dân tộc, đại chúng, khoa học của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc  
TRẦN THỊ THÁI HÀ 921
- Phát triển các nguyên tắc của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững ở nước ta hiện nay  
TS. LÊ THỊ VIỆT HÀ 931
- Những giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong tiến trình lịch sử dân tộc (1943-2023)  
DƯƠNG NGỌC HẢI 938
- Vận dụng, phát huy giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”, nhìn từ công cuộc phục hưng áo dài - Quốc phục tại cố đô Huế  
TS. PHAN THANH HẢI 946
- Từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đến phát huy giá trị văn hóa quân sự thời kỳ mới  
TS. ĐỖ NGỌC HANH 959

- Nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” với chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước Việt Nam  
TS. NGUYỄN THỊ TÂM HẠNH 969
- Vận dụng nguyên tắc “đại chúng hóa” của Đề cương văn hóa vào công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Việt Nam theo hướng phát triển bền vững  
ThS. NGUYỄN THỊ HẠNH 979
- Nhu cầu cập nhật, hiện thực hóa “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 nhìn từ vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc  
TS. TRẦN ĐÌNH HẰNG 993
- Vận dụng nguyên tắc đại chúng hóa của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” vào phát triển các không gian văn hóa sáng tạo tại thành phố Hà Nội  
ThS. TRẦN THỊ HIỀN  
TS. BÙI VĂN TUẤN 1002
- Dân tộc, đại chúng, khoa học - động lực phát triển văn hóa theo hướng bền vững  
NGUYỄN THỊ HIỀN 1011
- Hoàn thiện chính sách di sản văn hóa để góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước  
PGS.TS. LÊ THỊ THU HIỀN 1018
- Từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 đến vấn đề phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam hiện nay  
TS. ĐỖ THỊ HIỆN 1031
- Văn hóa học đường trong nhà trường - Thực trạng và đề xuất  
ThS. TRẦN TRUNG HIẾU 1041
- Nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” trong ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay  
ThS. TRẦN VĂN HIẾU 1053
- Từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đến nhận thức vấn đề mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ trong thời kỳ đổi mới, hội nhập  
PGS.TS. CAO THỊ HỒNG 1060

- 80 năm “Đề cương về văn hóa Việt Nam” (1943 - 2023): Nhìn từ công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa  
TS. ĐÀO VĨNH HỢP 1069
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 với vấn đề xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc hiện nay  
TS. GIANG THỊ HUYỀN 1079
- Phát huy giá trị “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong xây dựng gia đình văn hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên  
TS. NGUYỄN DUY HÙNG 1086
- Phát triển văn hóa theo hướng bền vững - Tiếp cận dưới góc độ bản sắc và đa dạng văn hóa, tài sản trí tuệ và tài sản trí tuệ địa phương  
TS. PHẠM LAN HƯƠNG 1095
- Từ nguyên tắc dân tộc, đại chúng trong Đề cương văn hóa năm 1943 đến quan điểm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh theo hướng phát triển bền vững giai đoạn hiện nay  
PGS.TS. ĐOÀN THỊ MỸ HƯƠNG 1105
- Vai trò đặt nền móng của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” cho phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam  
TS. VŨ THỊ HƯƠNG 1114
- Dân tộc, đại chúng, khoa học - Những định hướng cơ bản để phát triển văn hóa theo hướng bền vững  
PGS.TS. PHẠM THỊ THU HƯƠNG 1123
- Phát huy giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 với vấn đề phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ trong giai đoạn hiện nay  
TS. MAI THỊ THÙY HƯƠNG 1131
- Nhìn lại những nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong bối cảnh phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay  
BÙI LƯU PHI KHANH 1143



- Phát huy giá trị văn hóa Việt Nam trong xây dựng và phát triển thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình  

PHAN NGUYỄN NHƯ KHUÊ

1157
- Suu tầm, nghiên cứu âm nhạc dân tộc dưới ánh sáng “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 của Đảng Cộng sản Việt Nam  

PGS.TS. NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM

1163
- Vấn đề tập hợp, đào tạo, xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ 80 năm qua  

LIÊN HIỆP CÁC HỘI  
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

1175
- Phát triển các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam đương đại  

TS. LÊ VIỆT LIÊN

1183
- Dấu ấn Đề cương văn hóa trong tư tưởng bảo tồn và phát triển bền vững di sản đô thị Nam Bộ của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát  

TS. PHẠM VĂN LUÂN

1189
- Vận dụng những giá trị cốt lõi của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” vào quá trình xây dựng văn hóa Công an nhân dân trong tình hình mới  

TS. HÀ VĂN LUYẾN  
CN. HÀN ANH TUẤN

1201
- Phương châm “Khoa học hoá” trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 - Giá trị trong thu hút đội ngũ trí thức, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc hiện nay  

TS. NGUYỄN THỊ LUYẾN

1214
- Sự vận dụng và phát huy thành công những giá trị cốt lõi của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong sáng tác hội họa ở miền Bắc giai đoạn 1945-1975  

PGS.TS. BÙI THỊ THANH MAI

1223

- Giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc  

TS. TRẦN THỊ TUYẾT MAI

1233
- Vận dụng nguyên tắc của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” trong xây dựng chính sách, pháp luật và nguồn lực cho phát triển văn hóa  

NGÔ TỰ NAM

1256
- Xây dựng văn hóa công vụ dưới ánh sáng của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”  

ThS. VŨ VĂN NÂM

1264
- Từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đến xây dựng bản sắc văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay  

ThS. VŨ THỊ VIỆT ANH

1273
- Từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 đến Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” - Một góc nhìn lịch đại  

TS. NGUYỄN HỒ PHONG

ThS. ĐOÀN ĐÌNH LÂM

1280
- Dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa và nguyên tắc tối ưu hóa các nguồn lực trong phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam  

PGS.TS. NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

1289
- Vận dụng ba nguyên tắc của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” vào công tác thông tin, thư viện (từ thực tiễn thư viện, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam)  

TS. NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

ThS. PHẠM THỊ DUNG

1298
- Quán triệt, vận dụng các nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” vào thực tiễn phát huy, phát triển văn hóa quân sự Việt Nam thời kỳ mới  

Trung tướng TRỊNH VĂN QUYẾT

1305

- Tiếp tục xây dựng văn hóa theo hướng “dân tộc, đại chúng, khoa học” đáp ứng mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO  
TỈNH BÀ RIJA - VŨNG TÀU

1316
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” - Vẹn nguyên giá trị và tính thời sự sâu sắc  

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TỈNH THANH HÓA

1324
- Giải pháp xây dựng, kiện toàn thể chế nhằm tạo động lực, phát huy giá trị của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” vì mục tiêu phát triển văn hóa theo hướng bền vững  

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1335
- “Một số đề xuất nhiệm vụ, giải pháp nhằm tạo động lực, phát huy giá trị của Đề cương văn hóa vì mục tiêu phát triển văn hóa theo hướng bền vững”  

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TỈNH QUẢNG NGÃI

1346
- Phát triển văn hóa Sơn La, con người Sơn La đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững  

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TỈNH SƠN LA

1357
- Bài tham luận Hội thảo khoa học quốc gia “80 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943-2023) - Khởi nguồn và động lực phát triển”  

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TỈNH TRÀ VINH

1367
- Văn hóa, con người Vĩnh Phúc trong tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam  

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TỈNH VĨNH PHÚC

1378
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 với vấn đề xây dựng kinh tế di sản  

TS. TRẦN HỮU SƠN

1390

- Âm nhạc mới Việt Nam: Dân tộc - Khoa học - Đại chúng  
PGS.TS. KIỀU TRUNG SƠN 1403
- Từ ánh sáng của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đến việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, tạo động lực phát triển văn hóa theo hướng bền vững  
TS. NGUYỄN THANH SƠN 1412
- Từ nguyên tắc dân tộc hóa trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 đến sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của cộng đồng quốc gia đa dân tộc  
GS.TS. BÙI QUANG THANH 1429
- Vận dụng các nguyên tắc dân tộc, đại chúng và khoa học hóa vào phát triển bền vững văn hóa Việt Nam  
TS. NGUYỄN ĐỨC THẮNG 1440
- Giá trị thực tiễn của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 đối với sự phát triển văn học nghệ thuật  
TS. TRẦN THỊ MINH THU 1448
- Văn hóa chính trị Việt Nam hiện đại  
ĐINH HỮU THUẬN 1457
- Giá trị thời đại của các nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 qua thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam  
PGS.TS. ĐỖ THỊ MINH THÚY 1466
- Nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa”, “khoa học hóa” của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” và sự vận dụng nhằm phát triển văn hóa theo hướng bền vững ở Việt Nam hiện nay  
TS. LÊ THỊ THÚY 1477
- Văn hóa đọc và vấn đề xây dựng nền văn hóa Việt Nam theo nguyên tắc “dân tộc hóa”, “đại chúng hóa” và “khoa học hóa” của Đảng ta trong xã hội hôm nay  
ThS. LÊ THỊ XUÂN THÙY 1488
- Đánh giá thực trạng lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài ở Việt Nam - Qua lăng kính của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”  
ThS. TRẦN THỊ BÍCH THỦY 1508

- Nhìn lại tình hình nghiên cứu về “Đề cương về văn hóa Việt Nam”  
TS. TRẦN THỊ THỦY 1520
- Xây dựng hệ giá trị văn hóa, con người và gia đình Việt Nam theo ánh sáng từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
PGS.TS. PHAN TRỌNG THUỞNG 1536
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” định hướng quan trọng trong giáo dục lĩnh vực văn hóa nghệ thuật hiện nay  
TS. NGUYỄN ĐẮC TOÀN 1541
- Từ “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943: Nhận diện rõ những vấn đề đặt ra về phát triển các giá trị con người - văn hóa đáp ứng yêu cầu của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước  
PGS.TS. TRẦN QUỐC TOẢN 1547
- Giải pháp tăng cường nguồn lực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tạo động lực phát triển nền văn hóa bền vững trong giai đoạn hiện nay  
TS. VŨ DIỆU TRUNG 1570
- Kế thừa, phát huy dân tộc, đại chúng, khoa học của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 hướng đến phát huy hiệu quả hội nhập văn hóa quốc tế trong bối cảnh hiện nay  
TS. LÊ ANH TUẤN 1579
- Giá trị cốt lõi của “Đề cương về văn hóa Việt Nam”  
ThS. VŨ THANH TÙNG 1593
- Vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh với việc phát huy nguyên tắc “Dân tộc hóa, Đại chúng hóa, Khoa học hóa” trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
ThS. PHẠM THỊ THANH TUYỀN 1602
- Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Giang trong giai đoạn hiện nay  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG 1612

- Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH 1621
- Phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc tỉnh Đắk Nông và những giải pháp phát triển bền vững trong hội nhập  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG 1635
- “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943 với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tiền Giang trong giai đoạn hiện nay  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG 1641
- Quốc hội với việc thực hiện tinh thần “Đề cương về văn hóa Việt Nam” năm 1943  
ỦY BAN VĂN HÓA, GIÁO DỤC CỦA QUỐC HỘI 1651
- Nguyên tắc khoa học hóa trong “Đề cương về văn hóa Việt Nam” và hoạt động thông tin - thư viện hiện nay  
ThS. ĐỖ THỊ XUÂN 1658

Nhận diện và làm rõ các giá trị tư tưởng, học thuật và nghệ thuật của đề cương về cách mạng văn hóa Việt Nam năm 1943 của Đảng

TS. CAO VĂN CHÓNG,

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH BÌNH DƯƠNG 1662

Thành phố Cần Thơ vận dụng, phát huy đề cương văn hóa Việt Nam theo hướng bền vững

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH 1671

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Giá trị thực tiễn của đề cương văn hóa Việt Nam về “đại chúng hóa” trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Điện Biên đến nay

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐIỆN BIÊN 1678

Định hướng phát triển văn hóa Bắc Ninh theo hướng bền vững trong bối cảnh mới

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH 1685

Báo cáo tham luận của lãnh đạo thành phố Hải Phòng tại hội thảo năm Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943-2023) - Khởi nguồn động lực phát triển”

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG 1692

“Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Long An từ góc nhìn “dân tộc, đại chúng, khoa học” của đề cương về văn hóa Việt Nam”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN 1699

Phát biểu của lãnh đạo tỉnh Phú Thọ tại hội thảo khoa học cấp quốc gia “80 năm đề cương về văn hóa Việt Nam – khởi nguồn và động lực phát triển”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ 1706

Tham luận vai trò của Đài Truyền hình Việt Nam trong phát huy giá trị của Đề cương về văn hóa Việt Nam

ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM 1709